HX
9
.H68B

Tạp chí cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

23; 2

2.1977

Digitized by Google



Digitized by Google

LỜI KÊU GỌI CỦA ĐẠI HỘI

HX
9
.H68B

Cùng đồng bào và chiến sĩ cả nước, kiều bào ở nước ngoài,

ĐẠI hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam họp tại thành phố Hồ-chí-Minh từ ngày 31-1 đến ngày 4-2-1977 là hình ảnh đẹp đẽ nhất của khối đại đoàn kết dân tộc.

Đại hội hoàn toàn nhất trí với đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đã vạch ra.

Đại hội đã thảo luận trong không khí đặc biệt sôi nổi, phấn khởi, những vấn đề quốc kế dân sinh với quyết tâm đưa nước ta tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh việc Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam thống nhất thành một Mặt trận dân tộc duy nhất lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt-nam.

Đại hội đã thông qua Chương trình chính trị, Điều lệ và cử cơ quan lãnh đạo toàn quốc của Mặt trận.

Đại hội đã thành công rực rỡ.

Đồng bào và chiến sĩ thân mến,

HƠN ba mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, Đảng cộng sản Việt-nam và Chủ tịch Hồ-chí-Minh kính mến, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, nhân dân ta thấm nhuần chân lý « Không có gì quý hơn độc lập, tự do », đã không ngừng phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh kiên cường bất khuất, vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, chịu đựng mọi hy sinh, đã liên tiếp đánh thắng phát xít Nhật, thực dân Pháp rồi đến đế quốc Mỹ, kẻ thù hung ác nhất của thời đại, giành thắng lợi trọn vẹn cho Tổ quốc, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, « Kỷ nguyên một nước Việt-nam độc lập, thống nhất hoàn toàn và vĩnh viễn, nước Việt-

Digitized by Google
342AA 013 X

nam xã hội chủ nghĩa đang tiến tới giàu mạnh, văn minh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ở Đông — Nam Á và trên thế giới».

Nhân dân ta rất tự hào với truyền thống đại đoàn kết của dân tộc mình. Từ khi có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, truyền thống ấy càng được phát huy mạnh mẽ và mỗi lần Mặt trận dân tộc thống nhất được mở rộng và củng cố là một lần nhân dân ta lại giành được thắng lợi to lớn mới, cứu quốc thắng lợi, kiến quốc thành công.

Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, đã đoàn kết hãy đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nêu cao ý chí tự lực tự cường, khí phách anh hùng và tinh thần cách mạng tiến công, ra sức thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam và Chương trình chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam! Hãy nỗ lực khắc phục các khó khăn và hậu quả của ba mươi năm chiến tranh xâm lược do chủ nghĩa đế quốc để lại, hăng hái tiến quân vào các mặt trận lao động sản xuất, công tác và học tập, xây dựng đất nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có nền kinh tế công nông nghiệp hiện đại, có quốc phòng vững mạnh, có văn hóa, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có vị trí xứng đáng trên thế giới!

Đồng bào và chiến sĩ cả nước thân mến;

HƠN ba mươi năm qua, với đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng lao động Việt-nam, với lòng yêu nước nồng nàn và sức mạnh vĩ đại của khối đoàn kết toàn dân, nhân dân ta đã viết nên những trang sử huy hoàng nhất cho dân tộc.

Ngày nay, trong hoàn cảnh vô cùng thuận lợi, được Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam soi đường, với sức mạnh vĩ đại của khối đoàn kết toàn dân, với lòng tin tưởng mãnh liệt và nghị lực tràn đầy, nhân dân ta nhất định sẽ xây dựng thành công Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Toàn thể đồng bào và chiến sĩ hãy tăng cường đoàn kết, hăng hái tiến lên!

Nhân dân Việt-nam anh hùng đại đoàn kết muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ-chí-Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Thành phố Hồ-chí-Minh,

Ngày 4 tháng 2 năm 1977

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI

ĐẠI hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam đã họp từ ngày 31-1-1977 đến ngày 4-2-1977 tại thành phố Hồ-chí-Minh.

Đại hội đã hoàn toàn nhất trí:

1 — Hoan nghênh việc Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam thống nhất lại thành một Mặt trận dân tộc duy nhất, lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, nhằm đoàn kết tất cả các chính đảng, các đoàn thể cách mạng, các giai cấp tiến bộ, các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài để cùng nhau phấn đấu xây dựng Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

2 — Thông qua chương trình chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam gồm tám điểm:

1) Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

2) Xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

3) Xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

4) Chăm sóc đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

5) Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

6) Thực hiện dân tộc bình đẳng, nam nữ bình quyền và tôn trọng tự do tín ngưỡng.

7) Tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế.

8) Đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội.

3 — Thông qua Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam dựa trên những nguyên tắc: bảo đảm đoàn kết rộng rãi tất cả các lực lượng yêu nước và tán thành chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam và dựa trên cơ sở liên minh công nông; tăng cường thống nhất hành động trong Mặt trận, phát huy vai trò tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thành phố Hồ-chí-Minh,
ngày 4 tháng 2 năm 1977

Digitized by Google

ĐẠI ĐOÀN KẾT, chúng ta nhất định xây dựng thành công CHỦ NGHĨA XÃ HỘI*

LÊ-DUẨN

Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam

Thưa Đoàn chủ tịch đại hội,
Thưa các vị đại biểu,
Thưa các bạn và các đồng chí,

HÔM nay tôi rất sung sướng được thay mặt Ban chấp hành trung ương và toàn thể đảng viên Đảng cộng sản Việt-nam, thân ái gửi đến Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam lời chào mừng nồng nhiệt và chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Đại hội Mặt trận của chúng ta là sự biểu dương thắng lợi to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn cách mạng đã qua, đồng thời là cái mốc đánh dấu bước phát triển của Mặt trận dân tộc thống nhất trong thời kỳ mới của cách mạng.

Từ trước đến nay, luôn luôn chăm lo đến sự hình thành và phát triển của Mặt trận, Đảng cộng sản Việt-nam vô cùng phấn khởi nhận thấy rằng, mặc dù trải bao gian lao thử thách, rừng cây đoàn kết dân tộc vẫn không ngừng nở hoa kết quả mà đại hội hôm nay là hình ảnh rực rỡ hơn bao giờ hết.

Thưa các vị đại biểu,

Ngót nửa thế kỷ nay, cách mạng Việt-nam đã trải qua những chặng đường đấu tranh cực kỳ gay go gian khổ nhưng, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân Việt-nam, nhân dân anh hùng và quân đội anh hùng của chúng ta đã giành được những thắng lợi rất oanh liệt trong Cách mạng tháng Tám và trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, viết nên những trang huy hoàng nhất trong lịch sử dân tộc.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là thắng lợi

* Bài nói tại Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam ngày 31-1-1977.

Digitized by Google

hoàn toàn và vĩnh viễn của sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất nước nhà, mở ra giai đoạn mới của cách mạng nước ta, giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất, vững bước tiến lên con đường của chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi đó đồng thời góp phần quan trọng tạo ra một biến đổi mới trong so sánh lực lượng trên thế giới, một bước phát triển mới của các trào lưu cách mạng của thời đại chúng ta.

Nhân dân ta tự hào đã làm trọn nhiệm vụ thiêng liêng đối với dân tộc và nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình. Trong sự nghiệp vẻ vang ấy, Mặt trận dân tộc thống nhất đóng một vai trò rất quan trọng và có những cống hiến rất lớn lao.

Một đặc điểm của cách mạng Việt-nam là khi có đảng của giai cấp công nhân và khối liên minh công nông thì Mặt trận dân tộc thống nhất cũng được thành lập. Trải qua quá trình cách mạng lâu dài, tuy tên gọi, cách tổ chức và cương lĩnh chính trị trong mỗi thời kỳ một khác, Mặt trận thống nhất vẫn luôn luôn tồn tại và không ngừng củng cố, phát triển. Bằng những chính sách và khẩu hiệu chính trị đúng đắn, bằng những chương trình hành động thiết thực và cụ thể, Mặt trận ngày càng tập hợp được đông đảo các lực lượng yêu nước chung quanh Đảng lãnh đạo và Hồ Chủ tịch, tiến hành đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Từ năm 1930 đến năm 1945, Hội phản đế đồng minh, Mặt trận dân chủ, Mặt trận thống nhất phản đế Đông dương và Mặt trận Việt minh đã lần lượt ra đời và cùng với Đảng, đã động viên, tổ chức quần chúng đứng lên giành chính quyền làm Cách mạng tháng Tám thành công. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946 — 1954), Mặt trận Việt minh và Mặt trận Liên việt đã đoàn kết nhân dân ta đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng và đưa kháng chiến đến thắng lợi. Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam đã làm tròn nhiệm vụ lịch sử vẻ vang là tăng cường khối đoàn kết toàn dân ở cả hai miền Nam Bắc dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đánh thắng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Quá trình lịch sử ấy khẳng định Mặt trận dân tộc thống nhất là một nhân tố thắng lợi vô cùng quan trọng của cách mạng nước ta, là một vũ khí chính trị sắc bén để nhân dân ta phát huy sức mạnh tổng hợp vĩ đại của mình trong cuộc chiến đấu giành độc lập tự do cho dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thưa các vị đại biểu,

Nhân dân ta có tinh thần yêu nước rất nồng nàn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chủ nghĩa yêu nước càng được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Hồ Chủ tịch, người Việt-nam yêu nước vĩ đại nhất, đã giương cao ngọn cờ cứu nước theo con đường cách mạng vô sản, gắn liền giải phóng dân tộc với giải phóng các giai cấp bị áp bức, gắn liền chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa xã hội. Đó là sức mạnh của cách mạng nước ta, là ngọn cờ thắng lợi của nhân dân ta.

Digitized by Google

Ngày nay, nước ta đã bước vào kỷ nguyên của chủ nghĩa xã hội. Đối với những công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, yêu Tổ quốc và yêu chủ nghĩa xã hội là một, độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội là một. Yêu nước ngày nay là phấn đấu để thực hiện thắng lợi chủ nghĩa xã hội. Cách mạng xã hội chủ nghĩa vừa là con đường giữ vững độc lập, tự do và đưa nhân dân ta đến ấm no, hạnh phúc, vừa là hòn đá thử vàng đối với lòng yêu nước của mỗi người Việt-nam chúng ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đã đề ra đường lối nhằm đưa cả nước ta tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Chương trình chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam trình bày trước Đại hội Mặt trận hôm nay thể hiện sự nhất trí của Mặt trận và của toàn dân đối với đường lối, chính sách của Đảng.

Nhiệm vụ của toàn dân ta trong giai đoạn mới là tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng hơn nữa vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Mặt trận và các tổ chức thành viên cần củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội, phát huy nhiệt tình cách mạng và ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, động viên nhân dân thi đua lao động, sản xuất, tích cực tham gia công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong thời kỳ mới, Mặt trận dân tộc thống nhất là mặt trận đoàn kết dân tộc, mặt trận của những người yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, của những lực lượng đấu tranh cho thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Việc Đại hội Mặt trận lần này đi tới thống nhất các tổ chức mặt trận ở hai miền thành một mặt trận dân tộc duy nhất, chắc chắn sẽ phát huy tác dụng tích cực trong việc củng cố và tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc. Trước sau như một mặt trận chúng ta thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc, những người lầm đường lạc lối, bất kể quá khứ như thế nào, nay thành tâm hối cải, trở về với nhân dân phụng sự Tổ quốc, đều có vị trí trong khối đại đoàn kết toàn dân.

Mặt trận chúng ta và các tổ chức thành viên phải nói tiếng nói của quần chúng, phát huy vai trò của nhân dân xây dựng chế độ làm chủ tập thể và trực tiếp tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý đời sống xã hội. Phải tuyên truyền giáo dục cho công dân Việt-nam ra sức làm tròn mọi nghĩa vụ đối với Tổ quốc, đối với Nhà nước, đối với xã hội, đồng thời đấu tranh ngăn ngừa những hành động vi phạm đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, xâm phạm lợi ích và quyền làm chủ của nhân dân.

Mặt trận và các đoàn thể phải tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng và liên tục của quần chúng, trong công nhân, nông dân, trí thức, trong thanh niên, phụ nữ, quân đội, trong đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, cổ vũ lòng hăng hái, phát huy tính tích cực, sáng tạo, chủ động của quần chúng, chuyển chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến cứu nước thành chủ nghĩa anh hùng trong

Digitized by Google

lao động xây dựng Tổ quốc, làm cho phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa thật sự là ngày hội của quần chúng.

Thưa các vị đại biểu, các bạn và các đồng chí,

Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ lâu dài. Chúng ta quyết phấn đấu hoàn thành về cơ bản việc đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong vòng vài mươi năm. Chúng ta có những thuận lợi rất to lớn, nhưng cũng có nhiều khó khăn phải vượt qua.

Lịch sử những năm kháng chiến đã tỏ rõ lực lượng đoàn kết của nhân dân ta là vô địch. Tổng kết bài học đó, Hồ Chủ tịch đã kêu gọi :

« Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công »

Đại đoàn kết, chúng ta đã đánh thắng thực dân Pháp.

Đại đoàn kết, chúng ta đã đánh thắng đế quốc Mỹ.

Đại đoàn kết, chúng ta nhất định sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Ngọn cờ đại đoàn kết của Hồ Chủ tịch vẫn đang vẫy gọi, cổ vũ chúng ta!

Vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, toàn dân hãy anh dũng tiến lên!

Chúng ta nhất định thắng!

Chủ nghĩa xã hội nhất định thắng!

Digitized by Google

ĐIỀU LỆ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

Do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV thông qua

ĐẢNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG

NGÀY 3 tháng 2 năm 1930, một sự kiện lịch sử đã đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt-nam. Đó là việc thành lập Đảng ta, Đảng cộng sản Đông-dương, được đổi tên là Đảng lao động Việt-nam từ năm 1951, và ngày nay là Đảng cộng sản Việt-nam, đảng quang vinh do Chủ tịch Hồ-chí-Minh, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và của dân tộc, sáng lập, giáo dục và rèn luyện.

Từ đó đến nay, trải qua gần nửa thế kỷ, Đảng đã lãnh đạo nhân dân cả nước đoàn kết chiến đấu, vượt qua muôn vàn thử thách gian lao, đưa cách mạng Việt-nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Cách mạng tháng Tám thành công đã lập nên nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông-Nam Á.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng Điện-biên-phủ oanh liệt, đã giải phóng một nửa đất nước, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.

Thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, kết thúc bằng Chiến dịch Hồ-chí-Minh lịch sử, đã giải phóng hoàn toàn đất

Digitized by Google

nước, thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, đưa nước nhà bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi vĩ đại đó có ảnh hưởng to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, đã nâng dân tộc Việt-nam lên hàng các dân tộc tiên phong trong cuộc đấu tranh vì lý tưởng cao cả của loài người và báo hiệu sự phá sản hoàn toàn không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ đứng đầu.

Những thắng lợi có ý nghĩa quốc tế và có tính chất thời đại trên đây chứng tỏ Đảng ta thật sự là một đảng Mác — Lê-nin vững mạnh, một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM là đảng của giai cấp công nhân Việt-nam, là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt-nam. Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc; đồng thời Đảng làm tròn nghĩa vụ của mình đối với phong trào cộng sản quốc tế.

Đảng gồm những người ưu tú nhất, có giác ngộ cộng sản chủ nghĩa, gương mẫu, dũng cảm và hy sinh nhất trong giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và các tầng lớp lao động khác, tự nguyện đứng trong hàng ngũ Đảng để phấn đấu cho mục đích và lý tưởng của Đảng.

Mục đích của Đảng là thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt-nam.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình. Đảng vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt-nam, coi trọng việc tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc, tiếp thụ những kinh nghiệm tốt của các đảng anh em, những tinh hoa trí tuệ của thời đại, đề ra đường lối, chính sách một cách độc lập, tự chủ để lãnh đạo thắng lợi cách mạng Việt-nam.

Đảng ra sức giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của xã hội và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân.

Đảng không ngừng nâng cao trình độ lý luận và thực tiễn, bồi dưỡng kiến thức khoa học, kỹ thuật và quản lý cho cán bộ, đảng viên.

Đảng bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống mọi khuynh hướng cơ hội hữu và «tả», và khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa giáo điều và bệnh chủ quan một chiều.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM là hạt nhân lãnh đạo nền chuyên chính vô sản ở nước ta. Đảng có nhiệm vụ thống nhất lãnh đạo mọi hoạt động của Nhà nước và của xã hội, tập trung nỗ lực của toàn dân, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong cả nước, bảo vệ độc lập, thống nhất vĩnh viễn của Tổ quốc.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu xây dựng Tổ

Digitized by Google

quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, có công, nông nghiệp hiện đại, quốc phòng vững mạnh, văn hóa và khoa học tiên tiến, có cuộc sống văn minh và hạnh phúc.

Để đạt mục tiêu đó, phải nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM kết hợp một cách đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản.

Đảng chăm lo tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác tương trợ giữa nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, làm hết sức mình để góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất giữa các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới; ra sức ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc chống đế quốc xâm lược, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới; ra sức ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản; xây dựng mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta và các nước khác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền dân tộc, bình đẳng và cùng có lợi.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM liên hệ chặt chẽ với quần chúng, không ngừng chăm lo xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy mọi khả năng sáng tạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản.

Đường lối, chính sách của Đảng phải thể hiện ý chí và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đảng và mỗi đảng viên phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, chăm lo đời sống của nhân dân, đi sâu, đi sát quần chúng, tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng làm tròn nghĩa vụ đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đảng kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chuyên quyền, độc đoán, xa rời thực tế, xa rời quần chúng.

Đảng coi trọng việc tổ chức cho quần chúng góp ý kiến vào đường lối, chính sách của Đảng, tích cực tham gia sinh hoạt chính trị và quản lý Nhà nước, góp phần kiểm tra sự hoạt động của tổ chức Đảng và Nhà nước, kiểm tra tư cách của cán bộ, đảng viên. Đảng khuyến khích và hoan nghênh quần chúng phê bình công việc của Đảng, của Nhà nước, phê bình cán bộ, đảng viên và thành khẩn tiếp thụ ý kiến phê bình đúng đắn của quần chúng.

Digitized by Google

Đảng chăm lo xây dựng và củng cố chính quyền, phát huy một cách có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản, Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, và thông qua chính quyền mà thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội.

Đảng chăm lo xây dựng và củng cố Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội phụ nữ và các đoàn thể cách mạng khác của quần chúng, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công nông; ra sức phát huy tính tích cực và tính chủ động của các đoàn thể và Mặt trận trong việc giáo dục, vận động và tổ chức quần chúng thực hiện đường lối của Đảng, tích cực tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, giải quyết các vấn đề thiết thực về đời sống của quần chúng.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM là một khối thống nhất về ý chí và hành động, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình làm một quy luật phát triển và có kỷ luật nghiêm minh.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Nguyên tắc ấy, một mặt, bảo đảm phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của mọi tổ chức của Đảng và đảng viên trong việc tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; mặt khác, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng.

Đảng luôn luôn giữ vững lãnh đạo tập thể là nguyên tắc lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng thời kết hợp chặt chẽ lãnh đạo tập thể với cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm của cá nhân. Dân chủ và kỷ luật trong Đảng phải được xây dựng thành chế độ chặt chẽ. Đảng chống mọi biểu hiện tập trung quan liêu, độc đoán, dân chủ tập thể hình thức, cũng như chống mọi biểu hiện phân tán, cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, tự do vô kỷ luật, bè phái.

Các tổ chức của Đảng từ trung ương đến cơ sở và mọi đảng viên phải nghiêm chỉnh **tự phê bình và phê bình**; cấp trên phải tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức tốt việc phê bình từ dưới lên. Tự phê bình và phê bình phải thành thật, thẳng thắn, và nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng tổ chức, giúp đỡ nhau tiến bộ. Đảng nghiêm cấm những hành động trấn áp phê bình, trù dập cá nhân, và có thái độ nghiêm khắc đối với bất cứ cán bộ, đảng viên, và tổ chức nào phạm các khuyết điểm ấy.

Đảng coi việc giữ gìn đoàn kết nhất trí trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị và nguyên tắc tập trung dân chủ, là sinh mệnh của Đảng, và kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống mọi biểu hiện chia rẽ, bè phái trong Đảng. Giữa cán bộ, đảng viên phải xây dựng tình thương yêu đồng chí sâu sắc, «Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình» (1).

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM coi việc không ngừng xây dựng và củng cố Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhiệm

(1) Trích Di chúc của Hồ Chủ tịch.

Digitized by Google

nam xã hội chủ nghĩa đang tiến tới giàu mạnh, văn minh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ở Đông — Nam Á và trên thế giới».

Nhân dân ta rất tự hào với truyền thống đại đoàn kết của dân tộc mình. Từ khi có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, truyền thống ấy càng được phát huy mạnh mẽ và mỗi lần Mặt trận dân tộc thống nhất được mở rộng và củng cố là một lần nhân dân ta lại giành được thắng lợi to lớn mới, cứu quốc thắng lợi, kiến quốc thành công.

Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, đã đoàn kết hãy đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nêu cao ý chí tự lực tự cường, khí phách anh hùng và tinh thần cách mạng tiến công, ra sức thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam và Chương trình chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam! Hãy nỗ lực khắc phục các khó khăn và hậu quả của ba mươi năm chiến tranh xâm lược do chủ nghĩa đế quốc để lại, hăng hái tiến quân vào các mặt trận lao động sản xuất, công tác và học tập, xây dựng đất nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có nền kinh tế công nông nghiệp hiện đại, có quốc phòng vững mạnh, có văn hóa, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có vị trí xứng đáng trên thế giới!

Đồng bào và chiến sĩ cả nước thân mến;

HƠN ba mươi năm qua, với đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng lao động Việt-nam, với lòng yêu nước nồng nàn và sức mạnh vĩ đại của khối đoàn kết toàn dân, nhân dân ta đã viết nên những trang sử huy hoàng nhất cho dân tộc.

Ngày nay, trong hoàn cảnh vô cùng thuận lợi, được Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam soi đường, với sức mạnh vĩ đại của khối đoàn kết toàn dân, với lòng tin tưởng mãnh liệt và nghị lực tràn đầy, nhân dân ta nhất định sẽ xây dựng thành công Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Toàn thể đồng bào và chiến sĩ hãy tăng cường đoàn kết, hăng hái tiến lên!

Nhân dân Việt-nam anh hùng đại đoàn kết muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ-chí-Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Thành phố Hồ-chí-Minh,

Ngày 4 tháng 2 năm 1977

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI

ĐẠI hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam đã họp từ ngày 31-1-1977 đến ngày 4-2-1977 tại thành phố Hồ-chí-Minh.

Đại hội đã hoàn toàn nhất trí:

1 — Hoan nghênh việc Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam thống nhất lại thành một Mặt trận dân tộc duy nhất, lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, nhằm đoàn kết tất cả các chính đảng, các đoàn thể cách mạng, các giai cấp tiến bộ, các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài để cùng nhau phấn đấu xây dựng Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

2 — Thông qua chương trình chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam gồm tám điểm:

1) Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

2) Xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

3) Xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

4) Chăm sóc đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

5) Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

6) Thực hiện dân tộc bình đẳng, nam nữ bình quyền và tôn trọng tự do tín ngưỡng.

7) Tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế.

8) Đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội.

3 — Thông qua Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam dựa trên những nguyên tắc: bảo đảm đoàn kết rộng rãi tất cả các lực lượng yêu nước và tán thành chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam và dựa trên cơ sở liên minh công nông; tăng cường thống nhất hành động trong Mặt trận, phát huy vai trò tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thành phố Hồ-chí-Minh,
ngày 4 tháng 2 năm 1977

Digitized by Google

ĐẠI ĐOÀN KẾT, chúng ta nhất định xây dựng thành công CHỦ NGHĨA XÃ HỘI*

LÊ-DUẨN

Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam

Thưa Đoàn chủ tịch đại hội,
Thưa các vị đại biểu,
Thưa các bạn và các đồng chí,

HÔM nay tôi rất sung sướng được thay mặt Ban chấp hành trung ương và toàn thể đảng viên Đảng cộng sản Việt-nam, thân ái gửi đến Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam lời chào mừng nồng nhiệt và chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Đại hội Mặt trận của chúng ta là sự biểu dương thắng lợi to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn cách mạng đã qua, đồng thời là cái mốc đánh dấu bước phát triển của Mặt trận dân tộc thống nhất trong thời kỳ mới của cách mạng.

Từ trước đến nay, luôn luôn chăm lo đến sự hình thành và phát triển của Mặt trận, Đảng cộng sản Việt-nam vô cùng phấn khởi nhận thấy rằng, mặc dù trải bao gian lao thử thách, rừng cây đoàn kết dân tộc vẫn không ngừng nở hoa kết quả mà đại hội hôm nay là hình ảnh rực rỡ hơn bao giờ hết.

Thưa các vị đại biểu,

Ngót nửa thế kỷ nay, cách mạng Việt-nam đã trải qua những chặng đường đấu tranh cực kỳ gay go gian khổ nhưng, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng tiền phong của giai cấp công nhân Việt-nam, nhân dân anh hùng và quân đội anh hùng của chúng ta đã giành được những thắng lợi rất oanh liệt trong Cách mạng tháng Tám và trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, viết nên những trang huy hoàng nhất trong lịch sử dân tộc.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là thắng lợi

* Bài nói tại Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam ngày 31-1-1977.

Digitized by Google

hoàn toàn và vĩnh viễn của sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất nước nhà, mở ra giai đoạn mới của cách mạng nước ta, giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất, vững bước tiến lên con đường của chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi đó đồng thời góp phần quan trọng tạo ra một biến đổi mới trong so sánh lực lượng trên thế giới, một bước phát triển mới của các trào lưu cách mạng của thời đại chúng ta.

Nhân dân ta tự hào đã làm trọn nhiệm vụ thiêng liêng đối với dân tộc và nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình. Trong sự nghiệp vẻ vang ấy, Mặt trận dân tộc thống nhất đóng một vai trò rất quan trọng và có những cống hiến rất lớn lao.

Một đặc điểm của cách mạng Việt-nam là khi có đảng của giai cấp công nhân và khối liên minh công nông thì Mặt trận dân tộc thống nhất cũng được thành lập. Trải qua quá trình cách mạng lâu dài, tuy tên gọi, cách tổ chức và cương lĩnh chính trị trong mỗi thời kỳ một khác, Mặt trận thống nhất vẫn luôn luôn tồn tại và không ngừng củng cố, phát triển. Bằng những chính sách và khẩu hiệu chính trị đúng đắn, bằng những chương trình hành động thiết thực và cụ thể, Mặt trận ngày càng tập hợp được đông đảo các lực lượng yêu nước chung quanh Đảng lãnh đạo và Hồ Chủ tịch, tiến hành đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Từ năm 1930 đến năm 1945, Hội phản đế đồng minh, Mặt trận dân chủ, Mặt trận thống nhất phản đế Đông dương và Mặt trận Việt minh đã lần lượt ra đời và cùng với Đảng, đã động viên, tổ chức quần chúng đứng lên giành chính quyền làm Cách mạng tháng Tám thành công. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946 — 1954), Mặt trận Việt minh và Mặt trận Liên việt đã đoàn kết nhân dân ta đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng và đưa kháng chiến đến thắng lợi. Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam đã làm tròn nhiệm vụ lịch sử vẻ vang là tăng cường khối đoàn kết toàn dân ở cả hai miền Nam Bắc dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đánh thắng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Quá trình lịch sử ấy khẳng định Mặt trận dân tộc thống nhất là một nhân tố thắng lợi vô cùng quan trọng của cách mạng nước ta, là một vũ khí chính trị sắc bén để nhân dân ta phát huy sức mạnh tổng hợp vĩ đại của mình trong cuộc chiến đấu giành độc lập tự do cho dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thưa các vị đại biểu,

Nhân dân ta có tinh thần yêu nước rất nồng nàn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chủ nghĩa yêu nước càng được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Hồ Chủ tịch, người Việt-nam yêu nước vĩ đại nhất, đã giương cao ngọn cờ cứu nước theo con đường cách mạng vô sản, gắn liền giải phóng dân tộc với giải phóng các giai cấp bị áp bức, gắn liền chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa xã hội. Đó là sức mạnh của cách mạng nước ta, là ngọn cờ thắng lợi của nhân dân ta.

Digitized by Google

Ngày nay, nước ta đã bước vào kỷ nguyên của chủ nghĩa xã hội. Đối với những công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, yêu Tổ quốc và yêu chủ nghĩa xã hội là một, độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội là một. Yêu nước ngày nay là phấn đấu để thực hiện thắng lợi chủ nghĩa xã hội. Cách mạng xã hội chủ nghĩa vừa là con đường giữ vững độc lập, tự do và đưa nhân dân ta đến ấm no, hạnh phúc, vừa là hòn đá thử vàng đối với lòng yêu nước của mỗi người Việt-nam chúng ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đã đề ra đường lối nhằm đưa cả nước ta tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Chương trình chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam trình bày trước Đại hội Mặt trận hôm nay thể hiện sự nhất trí của Mặt trận và của toàn dân đối với đường lối, chính sách của Đảng.

Nhiệm vụ của toàn dân ta trong giai đoạn mới là tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng hơn nữa vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Mặt trận và các tổ chức thành viên cần củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội, phát huy nhiệt tình cách mạng và ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, động viên nhân dân thi đua lao động, sản xuất, tích cực tham gia công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong thời kỳ mới, Mặt trận dân tộc thống nhất là mặt trận đoàn kết dân tộc, mặt trận của những người yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, của những lực lượng đấu tranh cho thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Việc Đại hội Mặt trận lần này đi tới thống nhất các tổ chức mặt trận ở hai miền thành một mặt trận dân tộc duy nhất, chắc chắn sẽ phát huy tác dụng tích cực trong việc củng cố và tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc. Trước sau như một mặt trận chúng ta thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc, những người lầm đường lạc lối, bất kể quá khứ như thế nào, nay thành tâm hối cải, trở về với nhân dân phụng sự Tổ quốc, đều có vị trí trong khối đại đoàn kết toàn dân.

Mặt trận chúng ta và các tổ chức thành viên phải nói tiếng nói của quần chúng, phát huy vai trò của nhân dân xây dựng chế độ làm chủ tập thể và trực tiếp tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý đời sống xã hội. Phải tuyên truyền giáo dục cho công dân Việt-nam ra sức làm tròn mọi nghĩa vụ đối với Tổ quốc, đối với Nhà nước, đối với xã hội, đồng thời đấu tranh ngăn ngừa những hành động vi phạm đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, xâm phạm lợi ích và quyền làm chủ của nhân dân.

Mặt trận và các đoàn thể phải tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng và liên tục của quần chúng, trong công nhân, nông dân, trí thức, trong thanh niên, phụ nữ, quân đội, trong đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, có vũ lòng hăng hái, phát huy tính tích cực, sáng tạo, chủ động của quần chúng, chuyển chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến cứu nước thành chủ nghĩa anh hùng trong

Digitized by Google

lao động xây dựng Tổ quốc, làm cho phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa thật sự là ngày hội của quần chúng.

Thưa các vị đại biểu, các bạn và các đồng chí,

Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ lâu dài. Chúng ta quyết phấn đấu hoàn thành về cơ bản việc đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong vòng vài mươi năm. Chúng ta có những thuận lợi rất to lớn, nhưng cũng có nhiều khó khăn phải vượt qua.

Lịch sử những năm kháng chiến đã tỏ rõ lực lượng đoàn kết của nhân dân ta là vô địch. Tổng kết bài học đó, Hồ Chủ tịch đã kêu gọi :

« Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công »

Đại đoàn kết, chúng ta đã đánh thắng thực dân Pháp.

Đại đoàn kết, chúng ta đã đánh thắng đế quốc Mỹ.

Đại đoàn kết, chúng ta nhất định sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Ngọn cờ đại đoàn kết của Hồ Chủ tịch vẫn đang vẫy gọi, cổ vũ chúng ta !

Vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, toàn dân hãy anh dũng tiến lên!

Chúng ta nhất định thắng !

Chủ nghĩa xã hội nhất định thắng !

Digitized by Google

ĐIỀU LỆ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

Do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV thông qua

ĐẢNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG

NGÀY 3 tháng 2 năm 1930, một sự kiện lịch sử đã đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt-nam. Đó là việc thành lập Đảng ta, Đảng cộng sản Đông-dương, được đổi tên là Đảng lao động Việt-nam từ năm 1951, và ngày nay là Đảng cộng sản Việt-nam, dảng quang vinh do Chủ tịch Hồ-chí-Minh, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và của dân tộc, sáng lập, giáo dục và rèn luyện.

Từ đó đến nay, trải qua gần nửa thế kỷ, Đảng đã lãnh đạo nhân dân cả nước đoàn kết chiến đấu, vượt qua muôn vàn thử thách gian lao, đưa cách mạng Việt-nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Cách mạng tháng Tám thành công đã lập nên nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông-Nam Á.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng Điện-biên-phủ oanh liệt, đã giải phóng một nửa đất nước, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.

Thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, kết thúc bằng Chiến dịch Hồ-chí-Minh lịch sử, đã giải phóng hoàn toàn đất

Digitized by Google

nước, thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, đưa nước nhà bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi vĩ đại đó có ảnh hưởng to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, đã nâng dân tộc Việt-nam lên hàng các dân tộc tiên phong trong cuộc đấu tranh vì lý tưởng cao cả của loài người và báo hiệu sự phá sản hoàn toàn không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ đứng đầu.

Những thắng lợi có ý nghĩa quốc tế và có tính chất thời đại trên đây chứng tỏ Đảng ta thật sự là một đảng Mác — Lê-nin vững mạnh, một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM là đảng của giai cấp công nhân Việt-nam, là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt-nam. Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc; đồng thời Đảng làm tròn nghĩa vụ của mình đối với phong trào cộng sản quốc tế.

Đảng gồm những người ưu tú nhất, có giác ngộ cộng sản chủ nghĩa, gương mẫu, dũng cảm và hy sinh nhất trong giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và các tầng lớp lao động khác, tự nguyện đứng trong hàng ngũ Đảng để phấn đấu cho mục đích và lý tưởng của Đảng.

Mục đích của Đảng là thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt-nam.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình. Đảng vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt-nam, coi trọng việc tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc, tiếp thụ những kinh nghiệm tốt của các đảng anh em, những tinh hoa trí tuệ của thời đại, đề ra đường lối, chính sách một cách độc lập, tự chủ để lãnh đạo thắng lợi cách mạng Việt-nam.

Đảng ra sức giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của xã hội và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân.

Đảng không ngừng nâng cao trình độ lý luận và thực tiễn, bồi dưỡng kiến thức khoa học, kỹ thuật và quản lý cho cán bộ, đảng viên.

Đảng bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống mọi khuynh hướng cơ hội hữu và «tả», và khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa giáo điều và bệnh chủ quan một chiều.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM là hạt nhân lãnh đạo nền chuyên chính vô sản ở nước ta. Đảng có nhiệm vụ thống nhất lãnh đạo mọi hoạt động của Nhà nước và của xã hội, tập trung nỗ lực của toàn dân, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong cả nước, bảo vệ độc lập, thống nhất vĩnh viễn của Tổ quốc.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu xây dựng Tổ

Digitized by Google

quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, có công, nông nghiệp hiện đại, quốc phòng vững mạnh, văn hóa và khoa học tiên tiến, có cuộc sống văn minh và hạnh phúc.

Để đạt mục tiêu đó, phải nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM kết hợp một cách đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản.

Đảng chăm lo tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác tương trợ giữa nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, làm hết sức mình để góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất giữa các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới; ra sức ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc chống đế quốc xâm lược, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới; ra sức ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản; xây dựng mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta và các nước khác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền dân tộc, bình đẳng và cùng có lợi.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM liên hệ chặt chẽ với quần chúng, không ngừng chăm lo xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy mọi khả năng sáng tạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản.

Đường lối, chính sách của Đảng phải thể hiện ý chí và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đảng và mỗi đảng viên phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, chăm lo đời sống của nhân dân, đi sâu, đi sát quần chúng, tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng làm tròn nghĩa vụ đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đảng kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chuyên quyền, độc đoán, xa rời thực tế, xa rời quần chúng.

Đảng coi trọng việc tổ chức cho quần chúng góp ý kiến vào đường lối, chính sách của Đảng, tích cực tham gia sinh hoạt chính trị và quản lý Nhà nước, góp phần kiểm tra sự hoạt động của tổ chức Đảng và Nhà nước, kiểm tra tư cách của cán bộ, đảng viên. Đảng khuyến khích và hoan nghênh quần chúng phê bình công việc của Đảng, của Nhà nước, phê bình cán bộ, đảng viên và thành khẩn tiếp thụ ý kiến phê bình đúng đắn của quần chúng.

Digitized by Google

Đảng chăm lo xây dựng và củng cố chính quyền, phát huy một cách có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản, Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, và thông qua chính quyền mà thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội.

Đảng chăm lo xây dựng và củng cố Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội phụ nữ và các đoàn thể cách mạng khác của quần chúng, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công nông; ra sức phát huy tính tích cực và tính chủ động của các đoàn thể và Mặt trận trong việc giáo dục, vận động và tổ chức quần chúng thực hiện đường lối của Đảng, tích cực tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, giải quyết các vấn đề thiết thực về đời sống của quần chúng.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM là một khối thống nhất về ý chí và hành động, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình làm một quy luật phát triển và có kỷ luật nghiêm minh.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Nguyên tắc ấy, một mặt, bảo đảm phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của mọi tổ chức của Đảng và đảng viên trong việc tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; mặt khác, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng.

Đảng luôn luôn giữ vững lãnh đạo tập thể là nguyên tắc lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng thời kết hợp chặt chẽ lãnh đạo tập thể với cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm của cá nhân. Dân chủ và kỷ luật trong Đảng phải được xây dựng thành chế độ chặt chẽ. Đảng chống mọi biểu hiện tập trung quan liêu, độc đoán, dân chủ tập thể hình thức, cũng như chống mọi biểu hiện phân tán, cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, tự do vô kỷ luật, bè phái.

Các tổ chức của Đảng từ trung ương đến cơ sở và mọi đảng viên phải nghiêm chỉnh **tự phê bình và phê bình**; cấp trên phải tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức tốt việc phê bình từ dưới lên. Tự phê bình và phê bình phải thành thật, thẳng thắn, và nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng tổ chức, giúp đỡ nhau tiến bộ. Đảng nghiêm cấm những hành động trấn áp phê bình, trù dập cá nhân, và có thái độ nghiêm khắc đối với bất cứ cán bộ, đảng viên, và tổ chức nào phạm các khuyết điểm ấy.

Đảng coi việc giữ gìn đoàn kết nhất trí trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị và nguyên tắc tập trung dân chủ, là sinh mệnh của Đảng, và kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống mọi biểu hiện chia rẽ, bè phái trong Đảng. Giữa cán bộ, đảng viên phải xây dựng tình thương yêu đồng chí sâu sắc, «Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình» (1).

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM coi việc không ngừng xây dựng và củng cố Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhiệm

(1) Trích Di chúc của Hồ Chủ tịch.

Digitized by Google

vụ quyết định đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Phải ra sức xây dựng Đảng vững mạnh về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác tư tưởng và tổ chức phải kết hợp chặt chẽ với nhau; phải xuất phát từ đường lối và nhiệm vụ chính trị, đồng thời bảo đảm cho đường lối và nhiệm vụ chính trị của Đảng được xác định đúng, được thấu suốt và thực hiện đầy đủ. Phải qua phong trào cách mạng của quần chúng, qua việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể của quần chúng mà tiến hành công tác xây dựng Đảng, tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Coi trọng kiện toàn tổ chức; phải gắn liền việc xây dựng Đảng với việc kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực của Nhà nước và với việc xây dựng, củng cố tổ chức quần chúng. Coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về phẩm chất và năng lực; bố trí sử dụng cán bộ theo yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, quản lý tốt cán bộ, kết hợp chặt chẽ giữa nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên với nâng cao chất lượng của chi bộ, đảng bộ cơ sở, với việc tăng cường cơ quan lãnh đạo và kiện toàn bộ máy tổ chức ở từng cấp, từng ngành. Trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng, đơn thuần; phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng; một mặt, kết nạp những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn; mặt khác, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất và những người không đủ tư cách đảng viên. Cảnh giác đề phòng những phần tử cơ hội và phản động chui vào Đảng.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM nhận rõ sứ mệnh hết sức nặng nề và rất vẻ vang của mình. Trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc, với chủ nghĩa quốc tế vô sản, Đảng được giai cấp công nhân, nhân dân cả nước hết sức yêu mến và tin tưởng, được giai cấp công nhân và nhân dân thế giới hết lòng ủng hộ. Cán bộ, đảng viên không được vì thế mà tự mãn; trái lại phải hết sức khiêm tốn, ra sức trau dồi phẩm chất, đạo đức cách mạng và nâng cao năng lực của mình để thật sự «xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân»(1).

Toàn Đảng phải làm cho Đảng vững vàng trước mọi thử thách, qua mọi thế hệ, mãi mãi là một đảng Mác — Lê-nin chân chính, xứng đáng với đồng chí Hồ-chí-Minh, lãnh tụ thiên tài của Đảng, của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế.

CHƯƠNG I

ĐẢNG VIÊN

Điều 1 — Những công dân Việt-nam từ 18 tuổi trở lên, có lao động, không bóc lột, trải qua rèn luyện trong đấu tranh cách mạng đã chứng tỏ là người ưu tú nhất trong quần chúng, có giác

(1) Di chúc của Hồ Chủ tịch.

Digitized by Google

ngộ, về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, gương mẫu trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập, có liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, nếu thừa nhận và nguyện tích cực phấn đấu để thực hiện đường lối chính trị và Điều lệ của Đảng, nguyện hoạt động trong một tổ chức cơ sở Đảng, phục tùng kỷ luật của Đảng và đóng đảng phí theo quy định, đều có thể được công nhận là đảng viên.

Điều 2 — Đảng viên có các nhiệm vụ như sau:

1 — Suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập và tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Phải phấn đấu với nhiệt tình cách mạng và ý thức trách nhiệm cao nhất để thực hiện đúng và có hiệu quả đường lối, chính sách, các nghị quyết của Đảng và mọi nhiệm vụ Đảng giao cho, góp phần tích cực nhất vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Phải tích cực đấu tranh để thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Ra sức góp phần xây dựng lực lượng vũ trang và nền quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Phải gương mẫu trong sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập; có thái độ lao động đúng, có tinh thần chiến đấu dũng cảm, tìm cách tăng năng suất lao động, tăng hiệu suất công tác, hiệu quả chiến đấu, tích cực bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân, chống lãng phí, tham ô.

2 — Không ngừng học tập và rèn luyện để nâng cao giác ngộ chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực công tác.

Mỗi đảng viên phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đường lối, chính sách của Đảng, học tập văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, đúc kết kinh nghiệm công tác; không ngừng nâng cao năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Phải thường xuyên tự rèn luyện về mọi mặt, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong công tác và về phẩm chất cách mạng; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống thoái hóa về chính trị và đạo đức.

3 — Luôn luôn thắt chặt mối liên hệ với quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, hết lòng, hết sức phục vụ quần chúng, đặt lợi ích của đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

Đảng viên phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, chăm lo đời sống của quần chúng; đoàn kết, học tập, dựa sát quần chúng, lắng nghe ý kiến và tìm hiểu nguyện vọng của quần chúng để phản ánh cho Đảng và kịp thời giải quyết một cách thích đáng.

Phải ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng, thuyết phục, vận động, tổ

Digitized by Google

chức quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước, phát triển ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, chuyên quyền, xa thực tế, xa quần chúng.

Phải ra sức xây dựng chính quyền và các tổ chức quần chúng, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật Nhà nước, kỷ luật của các đoàn thể cách mạng mà mình tham gia.

4 — Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; phục tùng nghiêm chỉnh kỷ luật của Đảng.

Mọi đảng viên phải tham gia đều đặn sinh hoạt Đảng, tích cực góp phần xây dựng đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, bảo vệ và củng cố sự đoàn kết, thống nhất của Đảng; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và bè phái.

Phải chấp hành không điều kiện các nghị quyết và sự phân công của Đảng.

Phải tìm những người thật tốt để bồi dưỡng tư tưởng, nâng cao giác ngộ về Đảng, và giới thiệu để chi bộ giúp đỡ và xét việc kết nạp vào Đảng.

Phải tự phê bình và phê bình, kiên quyết đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động có hại đến lợi ích của Đảng, của cách mạng.

Phải chăm lo bảo vệ Đảng, bảo vệ đường lối, chính sách, bảo vệ tổ chức và uy tín của Đảng, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước, cảnh giác với mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch.

Phải trung thực với Đảng, không giấu giếm, báo cáo sai sự thật và cũng không dung túng cho ai giấu giếm, báo cáo sai sự thật với Đảng.

5 — Nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng.

Đảng viên phải chấp hành đúng đường lối quốc tế của Đảng. Phải thể hiện tinh thần quốc tế vô sản trong việc phấn đấu làm tốt trách nhiệm thường xuyên của mình để góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng.

Tất cả các đảng viên chính thức và đảng viên dự bị đều phải thực hiện những nhiệm vụ nói trên.

Điều 3 — Đảng viên chính thức có quyền:

1 — Thảo luận một cách dân chủ, thẳng thắn các vấn đề về đường lối, chính sách, về lý luận và công tác thực tiễn của Đảng trong các hội nghị của Đảng.

2 — Biểu quyết công việc của Đảng; bầu cử, ứng cử hoặc được đề cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng.

3 — Phê bình, chất vấn về công tác của cán bộ, đảng viên và tổ chức của Đảng trong phạm vi tổ chức. Đối với những vấn đề xét thấy cần, đều có thể báo cáo, đề đạt ý kiến hoặc khiếu nại lên các cơ quan lãnh đạo của Đảng và yêu cầu được trả lời.

4 — Đối với các nghị quyết của Đảng, phải chấp hành không điều kiện, nhưng nếu có điều nào không đồng ý thì vẫn có thể đề đạt ý kiến của mình lên các cơ quan lãnh đạo của Đảng cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc.

5 — Được trình bày ý kiến khi tổ chức của Đảng quyết định kỷ

Digitized by Google

luật đối với mình hay nhận xét đề ra quyết định về hoạt động hoặc đạo đức của mình.

Các đảng viên dự bị được hưởng các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết và quyền bầu cử, ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4 — Việc kết nạp người vào Đảng phải tiến hành từng người một theo đúng các thủ tục sau đây:

1 — Người xin vào Đảng phải hoàn toàn tự nguyện, phải làm đơn xin vào Đảng và phải báo cáo rõ và đúng lý lịch của mình cho chi bộ xét.

2 — Phải được hai đảng viên chính thức có ít nhất hai năm tuổi đảng và đã cùng công tác một năm trở lên bảo đảm là có đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-chí-Minh, nếu được chi đoàn thảo luận và nhận xét là có đủ tiêu chuẩn vào Đảng và được Ban chấp hành của Đoàn ở cơ sở (xí nghiệp, xã, cơ quan, trường học, v.v...) bảo đảm thì chỉ cần một đảng viên chính thức có đủ điều kiện nói trên bảo đảm.

Ở nơi có chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ-chí-Minh, người trong lứa tuổi thanh niên phải là đoàn viên mới được kết nạp vào Đảng.

Người bảo đảm phải báo cáo với Đảng về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người mình bảo đảm và chịu trách nhiệm trước Đảng về những lời bảo đảm của mình. Nếu có điểm chưa rõ thì phải báo cáo để tổ chức Đảng điều tra, xem xét.

Người vào Đảng không được phạm những điều do Trung ương quy định về lịch sử chính trị.

3 — Phải được hội nghị chi bộ xét và quyết định kết nạp vào Đảng từng người một, với sự đồng ý ít nhất của hai phần ba số đảng viên chính thức của chi bộ.

Trước khi chi bộ xét và quyết định kết nạp đảng viên, thì tổ đảng, chi ủy phải xem xét kỹ lý lịch, trình độ giác ngộ, phẩm chất, năng lực và động cơ của người xin vào Đảng, để bảo đảm là người đó có đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

Phải tổ chức lấy ý kiến nhận xét của quần chúng về người định kết nạp vào Đảng, kiểm tra lại công tác tuyên truyền riêng đối với người xin vào Đảng và phải bảo đảm là người đó đã được giải thích kỹ về Điều lệ Đảng, được tuyên truyền, giáo dục kỹ về đường lối, chính sách của Đảng.

Sau khi chi bộ quyết định kết nạp người vào Đảng, phải công bố cho quần chúng biết, trừ trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật.

4 — Nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên phải được đảng ủy cơ sở (nếu có) đồng ý và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở (thị ủy, huyện ủy, v.v...) chuẩn y.

Việc chuẩn y kết nạp đảng viên phải tiến hành trên cơ sở xét từng người một sau khi đã thẩm tra lại kỹ lưỡng các kết luận của chi bộ, ý kiến của quần chúng và việc chấp hành các thủ tục kết nạp đảng viên.

5 — Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua một thời kỳ dự bị. Việc công nhận là đảng viên chính thức phải được ít nhất hai phần ba đảng viên chính thức của chi bộ đồng ý.

Mấy thủ tục đặc biệt:

— Ở những nơi chưa có tổ chức cơ sở Đảng, cơ quan lãnh đạo

Digitized by Google

cấp trên của Đảng có thể trực tiếp kết nạp đảng viên, nhưng vẫn phải theo đúng thủ tục : Người muốn vào Đảng phải tự yêu cầu và làm đơn xin vào Đảng, có đủ điều kiện về người bảo đảm đã quy định, và do cấp ủy có trách nhiệm thẩm tra lại kỹ trước khi quyết định kết nạp vào Đảng và quyết định công nhận là đảng viên chính thức. Người bảo đảm có thể là đảng viên do cấp ủy cử về để thẩm tra, tuyên truyền, giáo dục trước khi đề nghị kết nạp.

— Đối với đảng viên của đảng phái khác, Ban chấp hành trung ương sẽ tùy theo hoàn cảnh mà quyết định chủ trương có kết nạp vào Đảng hay là không. Trong trường hợp được kết nạp thì Ban chấp hành trung ương sẽ quy định các thủ tục riêng.

Điều 5 — Về thời kỳ dự bị quy định như sau:

1 — Thời gian một năm đối với : a) công nhân đã trực tiếp sản xuất từ năm năm trở lên ; b) cán bộ, nhân viên và chiến sĩ hoạt động chuyên nghiệp từ năm năm trở lên trong bộ máy của Đảng, của Nhà nước, của các đoàn thể cách mạng và trong các lực lượng vũ trang nhân dân ; 18 tháng đối với các thành phần và những trường hợp khác.

Đối với một số vùng có những đặc điểm khác nhau về phân hóa giai cấp xã hội, Ban chấp hành trung ương sẽ có những quy định cụ thể xét cần thiết để bảo đảm công tác kết nạp đảng viên được chặt chẽ.

2 — Thời kỳ dự bị tính từ ngày chi bộ tuyên bố kết nạp vào Đảng.

3 — Trong thời kỳ dự bị, chi bộ cần tiếp tục giáo dục, rèn luyện, thử thách để đảng viên dự bị có đủ điều kiện được công nhận là đảng viên chính thức. Người đảng viên dự bị phải được bồi dưỡng thêm những điều cần thiết về lý luận Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, về quan hệ giữa đảng viên và quần chúng, về công tác vận động quần chúng của đảng viên,v.v... ; chi bộ cần phân công đảng viên có uy tín, có năng lực giúp đảng viên đó tiến bộ.

Điều 6 — Khi hết thời kỳ dự bị, người đảng viên dự bị phải được xét kịp thời để được công nhận là đảng viên chính thức. Việc này phải do đảng viên dự bị đề nghị, hội nghị chi bộ thảo luận để xét từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp. Nếu xét thấy không đủ tư cách để được công nhận là đảng viên chính thức thì xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị.

Nghị quyết của chi bộ về việc công nhận là đảng viên chính thức và việc xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị phải được sự chuẩn y của cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y việc kết nạp người vào Đảng.

Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày được chi bộ quyết định công nhận là đảng viên chính thức.

Điều 7 — Việc phát và thu hồi thẻ đảng, quản lý giấy tờ về Đảng của đảng viên do Ban chấp hành trung ương quy định. Đảng viên chuyển đi nơi khác phải được cấp ủy đảng giới thiệu theo đúng thủ tục do Ban chấp hành trung ương quy định để tham gia tổ chức Đảng nơi đến.

Điều 8 — Nếu đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm thì tổ chức Đảng cần kịp thời giáo dục, hoặc thi hành kỷ luật của Đảng. Đối với những người xét không đủ tư cách đảng viên thì phải kịp thời đưa ra

Digitized by Google

khỏi Đảng theo đúng các thủ tục của Đảng.

Nếu đảng viên xin ra khỏi Đảng, thì hội nghị chi bộ xét, quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên và báo cáo lên cấp trên cho đến cấp chuẩn y kết nạp đảng viên để kiểm tra lại.

Điều 9 — Đảng viên nào bỏ sinh hoạt Đảng hoặc không đóng đảng phí trong ba tháng liền mà không có lý do chính đáng thì chi bộ quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến cấp chuẩn y kết nạp đảng viên để kiểm tra lại.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Điều 10 — Đảng cộng sản Việt-nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Những điều căn bản của nguyên tắc ấy là:

1 — Các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng đều do bầu cử dân chủ mà lập ra.

2 — Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc, của các cấp bộ Đảng là Đại hội đại biểu các cấp, của các tổ chức cơ sở Đảng là Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ Đại hội, cơ quan lãnh đạo mỗi cấp là Ban chấp hành do Đại hội cùng cấp bầu ra.

Các ban chấp hành phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội cấp mình, trước cơ quan lãnh đạo cấp trên và đảng bộ cấp dưới.

3 — Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng phải thực hiện đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể. Lãnh đạo tập thể phải đi đôi với cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm cá nhân.

4 — Các công việc của Đảng đều phải tùy theo tính chất quan trọng của từng vấn đề mà do những cơ quan có đủ thẩm quyền của Đảng giải quyết.

Những vấn đề về đường lối, chính sách cơ bản của Đảng, những vấn đề có tầm quan trọng chung đối với toàn quốc đều phải do cơ quan lãnh đạo toàn quốc của Đảng (Đại hội đại biểu toàn quốc, Ban chấp hành trung ương) quyết định. Những vấn đề thuộc trách nhiệm và quyền hạn của địa phương thì các tổ chức Đảng có trách nhiệm ở địa phương phải chủ động giải quyết trong phạm vi không trái với đường lối, chính sách của Đảng và các quyết định của cấp trên.

5 — Nghị quyết của các hội nghị của Đảng đều phải được biểu quyết theo đa số. Trước khi biểu quyết, các đảng viên đều được trình bày hết ý kiến của mình.

6 — Các nghị quyết của Đảng phải được chấp hành không điều kiện. Cá nhân đảng viên phải phục tùng tổ chức và kỷ luật của Đảng, thiểu số phục tùng đa số, tổ chức cấp dưới phục tùng tổ chức có thẩm quyền ở cấp trên; các tổ chức Đảng trong toàn quốc phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban

Digitized by Google

chấp hành trung ương. Trong Đảng, tuyệt đối không được bè phái.

Điều 11 — Tổ chức của Đảng được lập ra theo đơn vị hành chính, đơn vị sản xuất hoặc công tác. Thành lập một đảng bộ mới hoặc bãi bỏ một đảng bộ sẵn có phải do cấp trên trực tiếp quyết định và cấp trên nữa chuẩn y.

Trong những trường hợp đặc biệt, các tổ chức Đảng ở những đơn vị trực thuộc các bộ, ty, sở hoạt động lưu động và phân tán trong phạm vi nhiều địa phương mà không có địa điểm tập kết cố định, hoặc có những hoàn cảnh đặc biệt, cần giữ bí mật mà không thể giao về đảng bộ địa phương được, thì có thể được đặt dưới sự chỉ đạo của một ban cán sự do Ban chấp hành trung ương hoặc cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc chỉ định, hoặc được tổ chức cùng với tổ chức cơ sở Đảng ở cơ quan thành một đảng bộ bộ, ty, sở do đảng ủy bộ, ty, sở trực tiếp lãnh đạo. Trường hợp đảng viên ở các đơn vị ấy có ít thì nhập vào tổ chức cơ sở Đảng ở cơ quan bộ, ty, sở... để hoạt động.

Ban chấp hành trung ương sẽ quy định chặt chẽ điều kiện thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn và các mối quan hệ tùy thuộc của các tổ chức Đảng nói trên, và quy định mối quan hệ giữa các tổ chức đó với cấp ủy địa phương.

Hệ thống chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng ở cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc sẽ do Ban chấp hành trung ương quy định.

Ở những khu vực hoặc đơn vị có tầm quan trọng đặc biệt về kinh tế, chính trị v.v..., Ban chấp hành trung ương có thể lập ra những tổ chức đặc biệt của Đảng và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, các tổ chức của các tổ chức đó.

Trong trường hợp đặc biệt và rất hạn chế, nếu được Ban chấp hành trung ương ra quyết định thì mới được lập tổ chức của Đảng theo hệ thống ngành dọc.

Điều 12 — Quân đội nhân dân Việt-nam đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, về mọi mặt của Đảng. Tổ chức Đảng trong Quân đội nhân dân Việt-nam được tổ chức theo hệ thống ngành dọc từ cơ sở trở lên, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Ban chấp hành trung ương Đảng, hoạt động tuân theo Điều lệ Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Ban chấp hành trung ương.

Ban chấp hành trung ương chỉ định Quân ủy trung ương gồm một số ủy viên trung ương trong và ngoài quân đội. Quân ủy trung ương đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Bộ chính trị và Ban bí thư, có nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác của Đảng trong quân đội, trong phạm vi được Ban chấp hành trung ương ủy nhiệm.

Tổng cục chính trị của Quân đội nhân dân Việt-nam đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội dưới sự lãnh đạo của Quân ủy trung ương. Các ban Tổ chức, Tuyên huấn, Ủy ban kiểm tra trung ương giúp Trung ương hướng dẫn và kiểm tra công tác chính trị và công tác xây dựng Đảng trong quân đội.

Các tổ chức Đảng trong quân đội phải quán triệt và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân đội, lãnh đạo đơn vị thi hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các mệnh lệnh, chỉ thị về chính trị, quân sự, kinh tế và mọi nhiệm vụ cấp trên giao cho đơn

Digitized by Google

vị; lãnh đạo toàn quân đoàn kết chung quanh Trung ương Đảng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân, sẵn sàng hy sinh chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hăng hái lao động xây dựng đất nước, tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết giữa quân đội và nhân dân, đoàn kết quốc tế, củng cố kỷ luật tự giác, nghiêm minh, động viên cán bộ, chiến sĩ ra sức học tập chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, không ngừng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ về mọi mặt, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ

Các tổ chức Đảng trong các đơn vị Quân đội nhân dân đóng ở các địa phương có nhiệm vụ liên hệ chặt chẽ với các cấp ủy Đảng ở địa phương theo quy định của Ban chấp hành trung ương.

Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Quân ủy trung ương và cách tổ chức các cấp ủy Đảng trong quân đội do Ban chấp hành trung ương quy định.

Tổ chức Đảng ở các cơ quan và đơn vị quân sự địa phương, trực thuộc đảng bộ địa phương, và đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy địa phương trong phạm vi do Trung ương quy định. Cơ cấu tổ chức, phạm vi trách nhiệm, quyền hạn, các mối quan hệ nội bộ giữa các tổ chức ấy và với tổ chức Đảng ở cơ quan quân sự cấp trên do Ban chấp hành trung ương quy định.

Điều 13 — Việc bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải bảo đảm đầy đủ tính chất dân chủ và phải được chuẩn bị chu đáo để việc lựa chọn các thành viên được chính xác.

Danh sách những người ứng cử và những người được đề cử phải được những người bầu cử thảo luận, người bầu cử có quyền nhận xét, chất vấn các vấn đề cần thiết về người ứng cử, bầu hay không bầu đối với mỗi người ứng cử, không một cơ quan hay một đảng viên nào được gò ép. Danh sách những người ứng cử và được đề cử phải được Đại hội thông qua.

Việc bầu cử phải được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín. Đoàn chủ tịch Đại hội tổ chức và hướng dẫn việc bầu cử theo đúng các nguyên tắc và thủ tục.

Điều 14 — Các đại biểu đi dự Đại hội đại biểu các cấp đều phải do bầu cử từ dưới lên.

Việc chỉ định một số đại biểu đi dự Đại hội chỉ được tiến hành đối với một số đảng bộ hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở Đại hội đại biểu để tổ chức bầu cử được, theo quy định cụ thể của Ban chấp hành trung ương.

Danh sách các đại biểu đi dự Đại hội đại biểu phải được Đại hội đại biểu thẩm tra và quyết định; cấp ủy không được bác bỏ tư cách đại biểu do cấp dưới cử ra, trừ trường hợp sau khi được trúng cử, người đại biểu đó bị thi hành kỷ luật bằng hình thức lưu lại trong Đảng để giáo dục và xem xét. Những trường hợp được cử không theo đúng các nguyên tắc bầu cử do Trung ương quy định thì phải tổ chức bầu lại.

Phải có quá hai phần ba số đại biểu chính thức được triệu tập đến tham dự, thay mặt cho quá hai phần ba số đảng viên và quá hai phần ba số đảng bộ trực thuộc thì Đại hội đại biểu mới có giá trị.

Digitized by Google

Điều 15 — Đại hội toàn quốc và Đại hội các cấp phải được triệu tập đúng kỳ hạn. Giữa hai kỳ Đại hội đại biểu, trong trường hợp đặc biệt, khi cần quyết định những vấn đề quan trọng hoặc bổ sung một số ủy viên Ban chấp hành thì Ban chấp hành trung ương và các cấp có thể triệu tập Hội nghị đại biểu, (Hội nghị đại biểu toàn quốc, Hội nghị đại biểu tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố, thị xã, huyện, quận hoặc khu phố thuộc thành phố trực thuộc). Hội nghị đại biểu gồm các ủy viên trong cấp ủy đứng ra triệu tập và các đại biểu do cấp ủy cấp dưới cử lên theo quy định chung của Ban chấp hành trung ương.

Nghị quyết của Hội nghị đại biểu phải được cấp ủy đã triệu tập hội nghị và các đảng bộ cấp dưới chấp hành. Nếu tập thể cấp ủy triệu tập Hội nghị đại biểu có điểm chưa nhất trí với nghị quyết về công tác của Hội nghị đại biểu, thì xin ý kiến quyết định của cấp trên. Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc phải được Ban chấp hành trung ương thông qua. Những ủy viên được bầu cử bổ sung vào các cấp ủy địa phương phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Điều 16 — Ban chấp hành các cấp từ huyện trở lên và Ban Chấp hành những tổ chức cơ sở Đảng có trên 500 đảng viên, gồm một số ủy viên chính thức và một số ủy viên dự khuyết. Ban chấp hành của các tổ chức cơ sở khác (đảng ủy cơ sở xí nghiệp, xã, cơ quan, trường học, bệnh viện, v.v...) nếu xét cần, được các cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc đồng ý cũng có thể có ủy viên dự khuyết. Các ủy viên dự khuyết được tham dự và thảo luận ở hội nghị Ban chấp hành, nhưng không có quyền biểu quyết.

Khi ủy viên chính thức của Ban chấp hành các cấp thiếu thì lấy ủy viên dự khuyết lên thay theo thứ tự số phiếu đã được bầu ở Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên. Nếu hết ủy viên dự khuyết mà vẫn thiếu thì Hội nghị đại biểu bầu cử bổ sung hoặc cấp ủy cấp trên chỉ định.

Ban chấp hành cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Ban chấp hành cấp trên, trong trường hợp thật cần thiết có thể điều động hoặc chỉ định một số ủy viên của Ban chấp hành cấp dưới. Số ủy viên này không được quá một phần ba số ủy viên do Đại hội cấp dưới đã cử ra.

Đối với các đảng bộ mới thành lập, nếu chưa thể tiến hành Đại hội ngay được thì Ban chấp hành cấp trên tạm thời chỉ định Ban chấp hành lâm thời các đảng bộ đó và định thời gian chậm nhất trong vòng sáu tháng phải tổ chức Đại hội để bầu cử Ban chấp hành chính thức.

Điều 17 — Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và cán bộ lãnh đạo cấp trên phải thường xuyên lắng nghe ý kiến của tổ chức cấp dưới và đảng viên, tiếp thụ sáng kiến và kinh nghiệm của họ; phải báo cáo và tự phê bình trước cấp dưới, tổ chức cho cấp dưới và đảng viên phê bình, kiểm tra công tác của mình.

Cơ quan lãnh đạo cấp dưới và cán bộ, đảng viên phải tôn trọng sự lãnh đạo tập trung thống nhất của cấp trên; phải chấp hành nghiêm chỉnh, không điều kiện và triệt để các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, của tập thể; nếu có ý kiến khác thì phải đề đạt với cơ

Digitized by Google

quan có thẩm quyền cùng cấp hoặc cấp trên xét và quyết định, nhưng đồng thời vẫn phải tuyệt đối chấp hành. Gặp các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên, của tập thể thì đề xuất ý kiến và phải kịp thời báo cáo, xin chỉ thị. Đồng thời phải hết sức phát huy tính tích cực và tính sáng tạo để giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Mỗi tổ chức và đảng viên phải nghiêm chỉnh thực hiện chế độ dân chủ nội bộ, sử dụng đúng quyền dân chủ trong Đảng, đấu tranh chống mọi biểu hiện vi phạm dân chủ độc đoán, gia trưởng, thẳng thắn phê bình, góp ý kiến với tổ chức và cán bộ lãnh đạo của Đảng. Phải nắm vững nguyên tắc: bộ phận phải phục tùng toàn bộ, không được bản vị, cục bộ, địa phương chủ nghĩa; các địa phương, các ngành, các tổ chức cần phát huy tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa và giúp đỡ nhau trong công tác.

Điều 18 — Các tổ chức của Đảng và đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng, không được giải thích sai lệch theo quan điểm riêng của mình, không được tuyên truyền ý kiến riêng của mình về các vấn đề đường lối, chính sách, chủ trương thuộc quyền quyết định của cơ quan lãnh đạo cấp trên và cấp mình.

Báo chí của Đảng phải tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, các nghị quyết của Trung ương Đảng, của tổ chức cấp trên và của cấp mình.

Trong các hội nghị quần chúng và trên các báo chí, cán bộ, đảng viên khi phát biểu ý kiến, đều phải theo đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng.

Điều 19 — Ban chấp hành các cấp của Đảng, tùy theo sự cần thiết được lập ra các cơ quan (ban hoặc tiểu ban) giúp việc. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và cách làm việc của cơ quan này do cấp ủy lập ra quyết định dựa theo quy định chung của Ban chấp hành trung ương.

Gặp những việc đặc biệt, các cấp ủy có thể lập ra những ban đặc biệt, xong việc rồi thì giải tán.

Các cấp ủy phải xây dựng và sử dụng tốt các ban, làm cho các ban thật sự là cơ quan tham mưu đắc lực của mình.

CHƯƠNG III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CAO NHẤT CỦA ĐẢNG

Điều 20 — Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, do Ban chấp hành trung ương triệu tập, thường lệ năm năm một lần. Khi có tình hình đặc biệt, Ban chấp hành trung ương có thể triệu tập Đại hội sớm hơn hoặc chậm lại một thời gian, không quá một năm. Trong trường hợp phải chậm lại, Ban chấp hành trung ương thảo luận tập thể, thông tri rõ lý do cho các cấp bộ Đảng biết.

Nếu xét thấy cần, hoặc có quá một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu, thì Ban chấp hành trung

Digitized by Google

ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường.

Số đại biểu chính thức và số đại biểu dự khuyết dự Đại hội đại biểu toàn quốc và cách thức ứng cử và bầu cử đều do Ban chấp hành trung ương căn cứ vào tình hình chính trị chung, vào số lượng đảng viên và sự quan trọng của mỗi đảng bộ trực thuộc mà quyết định.

Trước khi họp Đại hội đại biểu toàn quốc, Ban chấp hành trung ương nêu các vấn đề sẽ bàn ở Đại hội cho các cấp bộ Đảng thảo luận.

Điều 21 — Nhiệm vụ của Đại hội đại biểu toàn quốc là: xét và chuẩn y các báo cáo của Ban chấp hành trung ương, định đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng và các vấn đề cơ bản nhất về tình hình và nhiệm vụ của Đảng trong từng thời kỳ; quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Đảng; cử Ban chấp hành trung ương Đảng.

Điều 22 — Giữa hai kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc, Ban chấp hành trung ương là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Nhiệm kỳ của Ban chấp hành trung ương Đảng là năm năm.

Số ủy viên chính thức và số ủy viên dự khuyết của Ban chấp hành trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định.

Điều 23 — Nhiệm vụ của Ban chấp hành trung ương là: lãnh đạo toàn bộ công tác của Đảng trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc; chấp hành các nghị quyết khác của Đại hội đại biểu toàn quốc và Điều lệ của Đảng; quyết định các vấn đề quan trọng về kế hoạch Nhà nước và các chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng; thay mặt Đảng liên lạc với các đảng anh em trên thế giới; thành lập các cơ quan chuyên môn, các ban cán sự của Đảng, thành lập các đảng đoàn trong các cơ quan dân cử của bộ máy Nhà nước và của các đoàn thể nhân dân có tính chất toàn quốc, và lãnh đạo các cơ quan, các đảng đoàn đó hoạt động; quản lý và phân phối cán bộ; định đảng phí, quản lý và phân phối tài chính của Đảng.

Ban chấp hành trung ương thường lệ sáu tháng họp một lần và cứ sáu tháng một lần báo cáo tình hình chung và công việc đã làm cho cấp dưới, đồng thời nêu các vấn đề cần thiết cho cấp dưới thảo luận và góp ý kiến với Trung ương

Điều 24 — Ban chấp hành trung ương họp hội nghị toàn thể cử ra Bộ chính trị, Ban bí thư, đồng thời cử Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương. Số ủy viên Bộ chính trị và Ban bí thư do hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương quyết định. Ngoài số ủy viên chính thức, Bộ chính trị có một số ủy viên dự khuyết.

Bộ chính trị thay mặt Ban chấp hành trung ương lãnh đạo công tác của Đảng giữa hai kỳ hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương trên cơ sở các nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc và của Ban chấp hành trung ương.

Bộ chính trị, thường kỳ và theo yêu cầu của Ban chấp hành trung ương, báo cáo về công việc của mình và của Ban bí thư trước Ban chấp hành trung ương.

Digitized by Google

Ban bí thư giải quyết công việc hằng ngày của Đảng, chỉ đạo công tác của các tổ chức Đảng và chỉ đạo sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản để thi hành các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương và của Bộ chính trị, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng ở các cấp, các ngành.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, HUYỆN, QUẬN HOẶC KHU PHỐ

Điều 25 — Đại hội đại biểu tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là thành phố trực thuộc), và Đại hội đại biểu thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là thành phố), thị xã, huyện, quận hoặc khu phố thuộc thành phố trực thuộc, do Ban chấp hành từng cấp (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc, thành ủy, thị ủy, huyện ủy, quận ủy hoặc đảng ủy khu phố,...) triệu tập thường lệ hai năm một lần. Khi có tình hình đặc biệt, hội nghị toàn thể Ban chấp hành các cấp nói trên có thể triệu tập sớm hơn hoặc chậm lại một thời gian, không quá sáu tháng, nhưng phải thông tri rõ lý do cho các đảng bộ cấp dưới biết để trình bày ý kiến và phải được cấp ủy cấp trên đồng ý. Nếu quá một nửa số cấp ủy trực thuộc thấy vẫn cần thiết và có thể mở Đại hội đại biểu thì hội nghị toàn thể Ban chấp hành phải thảo luận để quyết định triệu tập Đại hội đại biểu.

Các cấp ủy không được vì những khó khăn thông thường mà trì hoãn việc triệu tập Đại hội đại biểu. Nếu xét thấy cần, hoặc quá một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu mà được Ban chấp hành cấp trên đồng ý thì cấp ủy triệu tập Đại hội đại biểu bất thường. Trước khi tiến hành Đại hội, Ban chấp hành phải nêu các vấn đề sẽ bàn ở Đại hội cho các cấp bộ Đảng thảo luận.

Điều 26 — Nhiệm vụ của Đại hội đại biểu các cấp nói trên là: xét và chuẩn y báo cáo của Ban chấp hành; thảo luận và quyết định nhiệm vụ, các chủ trương công tác quan trọng thuộc phạm vi địa phương, thảo luận các vấn đề do Ban chấp hành trung ương hoặc cấp trên đề ra nếu có; cử Ban chấp hành và cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc cấp trên nếu có.

Điều 27 — Nhiệm kỳ của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc, thành ủy, thị ủy, huyện ủy, quận ủy hoặc đảng ủy khu phố thuộc thành phố trực thuộc là hai năm. Số ủy viên chính thức và số ủy viên dự khuyết

Digitized by Google

của cấp ủy do Đại hội đại biểu ấn định dựa theo quy định chung của Ban chấp hành trung ương.

Hội nghị toàn thể Ban chấp hành tỉnh, thành phố trực thuộc do ban thường vụ triệu tập, thường lệ ba tháng một lần. Hội nghị toàn thể Ban chấp hành thành phố, thị xã, huyện, quận hoặc khu phố thuộc thành phố trực thuộc,... thường lệ mỗi tháng họp một lần. Trong trường hợp thật cần thiết có thể được triệu tập bất thường.

Điều 28 — Nhiệm vụ của Ban chấp hành là: chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, các nghị quyết của Đại hội đại biểu đảng bộ, các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, lãnh đạo các tổ chức ở địa phương hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước và mọi nhiệm vụ chính trị của địa phương; không ngừng chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức và phát huy vai trò của chính quyền, của các đoàn thể quần chúng, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân; thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng về mọi mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng ở địa phương; thành lập các ban, các ban cán sự của cấp ủy, các đảng đoàn ở địa phương và lãnh đạo các cơ quan ấy hoạt động; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ ở địa phương; căn cứ vào chế độ do Trung ương quy định, quản lý và phân phối cán bộ, quản lý và phân phối tài chính của Đảng; tham gia vào việc xây dựng và cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng.

Các Ban chấp hành phải báo cáo tình hình chung và công tác của mình lên Ban chấp hành trung ương hoặc cấp ủy cấp trên theo đúng kỳ hạn do Trung ương và cấp ủy cấp trên quy định; và cứ ba tháng một lần, báo cáo tình hình chung và công việc đã làm cho tổ chức Đảng cấp dưới; từng thời gian, ít nhất sáu tháng một lần, nêu các vấn đề cần thiết cho cấp dưới thảo luận để đề đạt ý kiến và phê bình sự lãnh đạo của cấp trên.

Điều 29 — Hội nghị toàn thể tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc, thành ủy, thị ủy, huyện ủy, quận ủy hoặc đảng ủy khu phố thuộc thành phố trực thuộc, v.v... cử ra ban thường vụ, bí thư và các phó bí thư.

Số ủy viên trong ban thường vụ và số phó bí thư do hội nghị toàn thể Ban chấp hành quyết định dựa theo một quy định chung của Ban chấp hành trung ương.

Bí thư tỉnh, thành phố trực thuộc phải có ít nhất mười năm tuổi đảng và phải được Ban chấp hành trung ương chuẩn y. Bí thư thành ủy, thị ủy, huyện ủy, quận ủy hoặc đảng ủy khu phố thuộc thành phố trực thuộc phải có ít nhất năm năm tuổi đảng và phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Ban thường vụ là cơ quan thay mặt Ban chấp hành lãnh đạo mọi công tác của đảng bộ giữa hai kỳ hội nghị toàn thể Ban chấp hành, phải báo cáo tình hình chung và công việc đã làm trước Ban chấp hành theo định kỳ, trong các phiên

Digitized by Google

họp thường lệ của Ban chấp hành và khi xét thấy cần thiết.

Bí thư và các phó bí thư căn cứ vào các nghị quyết của Ban chấp hành, của ban thường vụ, các chỉ thị của cấp trên, giải quyết công việc hằng ngày của Đảng và tổ chức kiểm tra việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị ấy.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA ĐẢNG

Điều 30 — Các tổ chức cơ sở Đảng lập thành nền tảng của Đảng, nối liền Đảng và các cơ quan lãnh đạo cấp trên của Đảng với quần chúng công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác, là nơi giáo dục, rèn luyện, kết nạp và sàng lọc đảng viên, nơi đào tạo cán bộ cho Đảng, nơi xuất phát đề cử ra cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, nơi trực tiếp đưa đường lối, chính sách của Đảng vào quần chúng, và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách ấy.

Trong mỗi đơn vị cơ sở (như xí nghiệp, cửa hàng, hợp tác xã, bệnh viện, trường học, đơn vị cơ sở trong quân đội nhân dân, xã, phường, v.v...) nếu có từ ba đảng viên chính thức trở lên thì thành lập một chi bộ hoặc đảng bộ cơ sở gọi chung là tổ chức cơ sở Đảng.

Nếu không đủ ba đảng viên chính thức thì ghép các đồng chí ấy vào một tổ chức cơ sở gần đó mà sinh hoạt hoặc thành lập một chi bộ dự bị nếu có đủ ba đảng viên chính thức và dự bị. Chi bộ dự bị bàn biện pháp để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên trong đơn vị mình. Chi bộ dự bị không quyết định thi hành kỷ luật đảng viên, không kết nạp đảng viên, mà chỉ đề đạt ý kiến về những công tác đó với cấp ủy cấp trên.

Tổ chức cơ sở Đảng ở xã bao gồm các tổ chức Đảng hoạt động trong phạm vi một xã.

Điều 31 — Hình thức tổ chức của tổ chức cơ sở Đảng, căn cứ vào yêu cầu của công tác lãnh đạo và số lượng đảng viên, được quy định như sau:

a) Tổ chức cơ sở Đảng có thể gồm một hoặc nhiều chi bộ. Chi bộ là tổ chức tế bào cơ bản của Đảng, là hạt nhân lãnh đạo và chiến đấu của Đảng trong quần chúng, là trường học giáo dục, rèn luyện mọi đảng viên, nơi kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật đối với đảng viên, phân công và kiểm tra công tác của đảng viên.

b) Tổ chức cơ sở Đảng có 30 đảng viên trở xuống thì sau khi được cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định, sẽ thành lập một chi bộ và họp Đại hội đảng viên để cử ra Ban chấp hành chi bộ (gọi tắt là chi ủy). Chi bộ có thể được chia ra nhiều tổ đảng.

c) Tổ chức cơ sở Đảng có trên 30 đảng viên, sau khi được cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định có thể họp Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên để cử ra Ban chấp hành của tổ chức cơ sở

Digitized by Google

Đảng (gọi tắt là đảng ủy cơ sở: đảng ủy xí nghiệp, xã, cơ quan, v.v...). Dưới đảng ủy cơ sở thì căn cứ theo đơn vị sản xuất, đơn vị công tác hay nơi ở mà thành lập một số chi bộ. Chi bộ họp Đại hội đảng viên cử ra ban chi ủy.

Trong trường hợp đặc biệt, tổ chức cơ sở Đảng chưa có đủ 30 đảng viên, nhưng do đặc điểm về sản xuất, công tác hoặc do địa điểm phân tán, mà xét phải chia ra làm nhiều chi bộ, thì phải được tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc đồng ý. Ngược lại, tổ chức cơ sở Đảng tuy đông quá 30 đảng viên cho đến 50 đảng viên, nhưng xét không cần phải thành lập đảng ủy cơ sở, nếu được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì có thể chỉ gồm một chi bộ.

d) Ở những đơn vị cơ sở lớn mà trong một bộ phận tổ chức của đơn vị ấy (như phân xưởng ở xí nghiệp, khoa ở trường học, cục ở các bộ, hợp tác xã ở các xã có nhiều hợp tác xã, v.v...) có trên 30 đảng viên, nếu đảng ủy cơ sở xét thấy cần thiết và được cấp trên trực tiếp đồng ý thì tổ chức Đảng ở bộ phận đó (như tổ chức Đảng ở phân xưởng, khoa, cục, hợp tác xã, v.v...) được chia ra làm nhiều chi bộ; tổ chức Đảng ở bộ phận họp Đại hội đảng viên hoặc Đại hội đại biểu để cử ra Ban chấp hành của tổ chức Đảng ở bộ phận (gọi tắt là đảng ủy bộ phận như: đảng ủy phân xưởng, khoa, hợp tác xã, v.v...).

Điều 32 — Đại hội đại biểu hay là Đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở Đảng, của tổ chức Đảng ở các bộ phận và của chi bộ thường lệ mỗi năm họp một lần. Trong trường hợp cần thiết được cấp trên trực tiếp đồng ý hoặc do quá một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu thì đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận triệu tập Đại hội bất thường. Chi bộ thường lệ họp mỗi tháng một lần.

Điều 33 — Đại hội đại biểu hay là Đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở Đảng, của tổ chức Đảng ở bộ phận hay của chi bộ, xét và chuẩn y báo cáo của đảng ủy cơ sở, của đảng ủy bộ phận hoặc của chi ủy; thảo luận và quyết định các vấn đề về chủ trương công tác quan trọng trong đơn vị mình; thảo luận các vấn đề do cấp trên đề ra nếu có; đến kỳ hạn cử đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận hoặc cử chi ủy và cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu cấp trên nếu có.

Điều 34 — Nhiệm kỳ của đảng ủy cơ sở là hai năm, của đảng ủy bộ phận và của chi ủy là một năm. Số lượng ủy viên sẽ do Đại hội đại biểu hay Đại hội đảng viên quyết định, dựa theo quy định chung của Ban chấp hành trung ương và sự hướng dẫn của cấp trên.

Đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận trong đơn vị cơ sở chỉ ủy cử bí thư, phó bí thư. Những đảng ủy cơ sở có từ chín ủy viên chính thức trở lên được cử ra ban thường vụ. Trước khi bầu cử, các đảng ủy, chi ủy, tổ chức cơ sở Đảng cần lấy ý kiến của quần chúng về những người mà quần chúng xét thấy xứng đáng được bầu vào cấp ủy.

Chi bộ dưới bảy đảng viên chính thức chỉ cử một bí thư, nếu cần thì cử thêm một phó bí thư.

Digitized by Google

Bí thư đảng ủy cơ sở, bí thư đảng ủy bộ phận phải có ít nhất ba năm tuổi đảng; bí thư đảng ủy cơ sở, bí thư đảng ủy bộ phận, bí thư chi bộ phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Điều 35 — Những nhiệm vụ cơ bản của tổ chức cơ sở Đảng là:

1 — Theo chức trách lãnh đạo của mình, bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước được thực hiện ở cơ sở.

Các tổ chức cơ sở Đảng nói chung phải đặt trọng tâm sự lãnh đạo của mình vào việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa (nơi chưa tiến hành); tăng cường công tác quản lý, củng cố kỷ luật lao động, tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm tăng năng suất lao động, hiệu suất công tác, hiệu quả chiến đấu, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng.

2 — Bảo đảm quyền làm chủ tập thể của quần chúng, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của quần chúng. Các tổ chức cơ sở Đảng phải chăm lo củng cố tổ chức và phát huy vai trò của chính quyền và của các đoàn thể quần chúng, xây dựng và nắm vững lực lượng vũ trang nhân dân và lực lượng an ninh nhân dân của địa phương, đơn vị; không ngừng nâng cao giác ngộ và trình độ mọi mặt của quần chúng, tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chấp hành pháp luật Nhà nước.

3 — Thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức Đảng về mọi mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, ra sức xây dựng các đảng ủy, các chi bộ thật sự thành hạt nhân lãnh đạo chính trị của Đảng ở cơ sở.

Thường xuyên giáo dục nhằm nâng cao trình độ mọi mặt của đảng viên; tăng cường đoàn kết nội bộ, thực hiện tự phê bình và phê bình; phân công và kiểm tra công tác của đảng viên, quản lý chặt chẽ đảng viên, kết nạp đảng viên mới, thi hành kỷ luật nghiêm minh của Đảng.

4 — Ra sức xây dựng và cùng với cấp trên xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở có phẩm chất, có năng lực, có kiến thức văn hóa, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý tốt đội ngũ cán bộ đó.

5 — Thảo luận và tham gia ý kiến vào việc quyết định các vấn đề thuộc về đường lối, chính sách chung của Đảng; tập hợp ý kiến, kinh nghiệm sáng tạo của cán bộ, đảng viên và quần chúng để phản ánh lên cấp trên.

Các tổ chức cơ sở Đảng phải theo đúng chế độ, báo cáo tình hình chung và công việc đã làm lên cấp trên, thu đảng phí và nộp tài chính lên trên theo quy định.

Digitized by Google

Điều 36 — Các tổ chức cơ sở Đảng ở các đơn vị cơ sở sản xuất, kinh doanh, bệnh viện, trường học, xã, phường, đơn vị cơ sở trong quân đội, v.v... phải lãnh đạo tổ chức chính quyền và tổ chức quần chúng trong đơn vị mình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của tổ chức Đảng và cơ quan Nhà nước cấp trên và những nhiệm vụ khác của đơn vị mình.

Tổ chức Đảng phải theo đúng chức trách và cương vị lãnh đạo của mình mà quyết định nhiệm vụ, các chủ trương, biện pháp chủ yếu và toàn diện, nhằm thúc đẩy các mặt công tác trong đơn vị, và kiểm tra việc thực hiện, nhưng không bao biện làm thay công việc của chính quyền và tổ chức quần chúng. Đối với các vấn đề về phương hướng, nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp thuộc quyền quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên, tổ chức Đảng góp ý kiến với cấp trên và phải bàn biện pháp chấp hành.

Ở những đơn vị thực hiện chế độ thủ trưởng thì tổ chức Đảng phải phát huy đầy đủ chế độ đó. Tổ chức Đảng không quyết định các vấn đề thuộc phạm vi chỉ huy sản xuất, kinh doanh và quản lý công việc hằng ngày của thủ trưởng và của cơ quan quản lý.

Tổ chức cơ sở Đảng ở cơ quan không quyết định chủ trương, biện pháp về công tác chuyên môn của cơ quan, nhưng có trách nhiệm góp ý kiến về việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm và việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong cơ quan, tăng cường kỷ luật công tác, động viên cải tiến công tác của cơ quan, tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu, làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đảng viên và người ngoài Đảng. Phải giám sát tình hình đảng viên trong cơ quan, kể cả người phụ trách, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chấp hành pháp luật Nhà nước, kịp thời phát hiện những việc làm sai trái để góp ý kiến với người phụ trách và báo cáo những vấn đề cần thiết với cơ quan lãnh đạo của Đảng cấp trên. Đảng ủy, chi ủy ở cơ quan có trách nhiệm tham gia ý kiến vào việc lựa chọn, cất nhắc cán bộ trong cơ quan theo quy định của Ban chấp hành trung ương.

Điều 37 — Các đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận, chi ủy có nhiệm vụ thay mặt tổ chức đã cử ra mình để thống nhất lãnh đạo các mặt công tác ở đơn vị theo chức năng quy định cho từng loại tổ chức cơ sở Đảng; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đại biểu, Đại hội và hội nghị đảng viên ở đơn vị mình và các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; lãnh đạo các tổ chức Đảng trực thuộc hoạt động; căn cứ vào chế độ do cấp trên quy định mà quản lý tổ chức, quản lý cán bộ, đảng viên và quản lý tài chính của tổ chức Đảng; thay mặt tổ chức cơ sở Đảng báo cáo lên cấp trên theo quy định.

Đảng ủy các tổ chức cơ sở Đảng có từ 500 đảng viên trở lên, nếu được cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc đồng ý, thì được quyền như huyện ủy đối với việc chuẩn y kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật đảng viên. Những trường hợp đặc biệt khác phải do Trung ương quy định.

Digitized by Google

CHƯƠNG VI

ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 38 — Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc, thành phố, thị xã, huyện, quận hoặc khu phố thuộc thành phố trực thuộc và cấp tương đương cử ra Ủy ban kiểm tra của cấp mình gồm một số ủy viên trong Ban chấp hành và một số ủy viên ngoài Ban chấp hành. Ở các tổ chức cơ sở Đảng có từ 500 đảng viên chính thức và dự bị trở lên, nếu được tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc đồng ý thì đảng ủy cơ sở cũng được cử Ủy ban kiểm tra. Ở các tổ chức cơ sở khác, đảng ủy cơ sở phân công một đảng ủy viên giúp đảng ủy theo dõi vấn đề thi hành kỷ luật đảng viên, giải quyết thư tố cáo và khiếu nại về thi hành kỷ luật đối với đảng viên.

Danh sách Ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên chuẩn y.

Điều 39 — Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm tra các cấp là: kiểm tra những vụ đảng viên (kể cả cấp ủy viên) vi phạm Điều lệ, kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước, kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức Đảng ở cấp dưới, kiểm tra tài chính của Đảng; giải quyết thư tố cáo đối với đảng viên về những vấn đề có quan hệ đến công việc nói trên và thư khiếu nại về thi hành kỷ luật trong Đảng; căn cứ vào quyền hạn quy định ở chương IX mà chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ kỷ luật đối với đảng viên. Ủy ban kiểm tra của các tổ chức cơ sở Đảng (ở nơi được phép thành lập) không được quyền chuẩn y hoặc xóa bỏ kỷ luật đảng viên, mà chỉ kiểm tra, xem xét đề đề xuất ý kiến về những công tác đó với đảng ủy cơ sở và Ủy ban kiểm tra cấp trên.

Điều 40 — Ủy ban kiểm tra các cấp làm việc dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng.

Ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền kiểm tra công việc của Ủy ban kiểm tra cấp dưới chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ quyết định của Ủy ban kiểm tra và của các tổ chức Đảng cấp dưới về các vụ kỷ luật đối với đảng viên theo các quy định ở chương IX của Điều lệ Đảng.

CHƯƠNG VII

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC VÀ TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG

Điều 41 — Đảng lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện bằng đường lối và các chính sách của Đảng, bằng các nghị quyết và chỉ thị của Đảng về mục tiêu phấn đấu, chủ trương, biện pháp chủ yếu

Digitized by Google

trên mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, và về những vấn đề quan trọng nhất trong công tác tổ chức và cán bộ. Đường lối, chính sách của Đảng phải được thể hiện trong Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Đảng kiểm tra sự hoạt động của bộ máy Nhà nước, giáo dục, động viên quần chúng hăng hái xây dựng chính quyền, chấp hành Hiến pháp và pháp luật, thực hiện kế hoạch Nhà nước. Đảng bắt buộc các tổ chức Đảng và đảng viên tôn trọng quyền hạn, trách nhiệm và các chế độ của cơ quan Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và các quyết định của Nhà nước, coi đó là kỷ luật của Đảng.

Điều 42 — Đảng không ngừng củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của mình đối với các đoàn thể và tổ chức quần chúng bằng cách làm cho đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước được quán triệt và biến thành hành động tự giác của quần chúng, thông qua công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động, thuyết phục của cán bộ, đảng viên trong các tổ chức đó. Đảng thường xuyên chỉ rõ cho các tổ chức quần chúng những yêu cầu, nhiệm vụ và những công tác quan trọng cần vận động quần chúng thực hiện trong từng thời gian; không ngừng làm cho các tổ chức Đảng và tổ chức Nhà nước tôn trọng và biết phát huy tính tích cực, tính chủ động và sáng tạo của các tổ chức quần chúng; tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước.

Điều 43 — Trong các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước, của các tổ chức quần chúng, do bầu cử mà lập ra (như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Ban chấp hành các đoàn thể quần chúng, trừ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-chí-Minh), Đảng lập ra các đảng đoàn gồm những đảng viên hoặc một số đảng viên hoạt động trong các tổ chức nói trên.

Nhiệm vụ của đảng đoàn là bằng công tác thuyết phục, vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng, tăng cường ảnh hưởng của Đảng, tăng cường đoàn kết và mối liên hệ chặt chẽ giữa cán bộ, đảng viên và người ngoài Đảng trong các tổ chức mình hoạt động, nghiên cứu đề đề nghị cấp ủy quyết định phương hướng, chủ trương công tác đối với tổ chức ấy và quản lý cán bộ theo quy định của Trung ương.

Đảng đoàn có bí thư và nếu cần có thể có phó bí thư; bí thư và phó bí thư đảng đoàn do cấp ủy chỉ định. Đảng đoàn phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, tập thể ra quyết định và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

Do sự giới thiệu của các cấp ủy, đảng đoàn cấp trên và đảng đoàn cấp dưới có thể liên hệ với nhau để trao đổi ý kiến và kinh nghiệm công tác.

Ở các cơ quan khác của Nhà nước, hoặc ở các lĩnh vực công tác khác trong trường hợp xét thấy cần thiết, Ban chấp hành trung ương hoặc các cấp ủy địa phương có thể lập ra các ban cán sự gồm những cán bộ do Ban chấp hành trung ương hoặc cấp

Digitized by Google

ủy chỉ định để đảm nhiệm những công việc của Đảng do Ban chấp hành trung ương hoặc cấp ủy ủy nhiệm.

Tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ cụ thể của đảng đoàn, ban cán sự sẽ do Ban chấp hành trung ương quy định.

CHƯƠNG VIII

ĐẢNG ĐỐI VỚI ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ-CHÍ-MINH

Điều 44 — Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-chí-Minh là cánh tay đắc lực và đội hậu bị tin cậy của Đảng, là trường học cộng sản của thanh niên.

Đoàn có nhiệm vụ tổ chức thanh niên thành lực lượng xung kích đi đầu trong mọi lĩnh vực hoạt động mới mẻ, khó khăn, phức tạp nhất của cách mạng, góp phần tích cực vào việc tuyên truyền, kiểm tra và đấu tranh để thực hiện đúng đắn, có hiệu quả đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng. Trong khi thực hiện các chính sách và chủ trương của Đảng, tổ chức của Đoàn cần chú ý để đạt ý kiến và kinh nghiệm của mình với tổ chức Đảng.

Đoàn phải giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đường lối, chính sách của Đảng, giáo dục về Đảng cho đoàn viên và tầng lớp trẻ, bồi dưỡng những đoàn viên ưu tú thành đảng viên và đào tạo những cốt cán của Đoàn thành cán bộ để cung cấp cho Đảng, cho các yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Điều 45 — Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-chí-Minh hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng.

Ban chấp hành trung ương và các cấp của Đoàn chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban chấp hành trung ương và của cấp ủy Đảng cùng cấp. Các tổ chức của Đoàn phải báo cáo tình hình chung và công việc của mình với cấp ủy Đảng cùng cấp.

Điều 46 — Tổ chức các cấp của Đảng có nhiệm vụ lãnh đạo tổ chức các cấp của Đoàn về mọi mặt: trong việc giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng cho đoàn viên, trong việc giữ gìn mối liên hệ chặt chẽ giữa Đoàn với đông đảo thanh niên, trong việc xây dựng và củng cố tổ chức, cải tiến hình thức và phương pháp hoạt động của Đoàn, trong việc bồi dưỡng, chọn lọc, cất nhắc cốt cán lãnh đạo của Đoàn...

Trong công tác lãnh đạo của mình, tổ chức Đảng phải nắm vững tính chất, vị trí, vai trò, chức năng của Đoàn, chú ý đầy đủ những đặc điểm của quần chúng thanh niên. Phải tích cực phát huy ý thức làm chủ tập thể của thanh niên và tính chủ động, tính sáng tạo của tổ chức Đoàn.

Điều 47 — Sau khi đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-chí-Minh được kết nạp vào Đảng và được công nhận là đảng viên

Digitized by Google

chính thức, nếu không làm công tác lãnh đạo hoặc công tác chuyên môn trong tổ chức của Đoàn và nếu xét thật cần thiết thì chi bộ mới quyết định cho đảng viên thôi ở tổ chức của Đoàn.

CHƯƠNG IX

VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Điều 48 — Kỷ luật của Đảng là để giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng, tăng cường sức chiến đấu của Đảng. Việc thi hành kỷ luật là để bảo đảm cho kỷ luật của Đảng được nghiêm minh, đồng thời cũng là để giáo dục đảng viên và tổ chức của Đảng đã phạm sai lầm, giáo dục đảng viên, cán bộ khác và giáo dục quần chúng. Mọi biểu hiện buông lỏng kỷ luật của Đảng đều làm yếu Đảng, phá hoại tính chặt chẽ và sự thống nhất về tổ chức của Đảng, làm suy yếu mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng và hiệu lực của hệ thống chuyên chính vô sản. Các tổ chức Đảng và đảng viên phải đấu tranh chống mọi biểu hiện lệch lạc trong việc thi hành kỷ luật của Đảng.

Điều 49 — Tùy theo tình hình cụ thể, mức độ và tính chất các sai lầm của đảng viên và của tổ chức Đảng, tổ chức có thẩm quyền của Đảng sẽ áp dụng các hình thức kỷ luật như sau:

Đối với đảng viên: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, lưu lại trong Đảng một thời gian để giáo dục và xem xét (gọi tắt là lưu Đảng), khai trừ ra khỏi Đảng.

Đối với tổ chức của Đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

Thời gian lưu một đảng viên lại trong Đảng để giáo dục và xem xét là một năm. Trong thời gian đó, đảng viên không được quyền biểu quyết, bầu cử và ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Hết thời gian đó, nếu chi bộ thấy người đảng viên phạm kỷ luật đã thật sự tích cực hoạt động để sửa chữa sai lầm và đã tiến bộ thì khôi phục lại quyền biểu quyết, bầu cử và ứng cử; tuổi đảng vẫn giữ nguyên; trái lại, nếu xét thấy không còn đủ tư cách đảng viên, thì khai trừ ra khỏi Đảng.

Điều 50 — Về thẩm quyền thi hành kỷ luật:

1 — Đối với từng đảng viên:

— Kỷ luật đối với đảng viên phải do hội nghị chi bộ thảo luận và quyết định. Trong trường hợp áp dụng hình thức lưu Đảng thì phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp của chi bộ chuẩn y; nếu dùng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng thì phải được ít nhất hai phần ba tổng số đảng viên chính thức biểu quyết đồng ý và được cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y việc kết nạp đảng viên chuẩn y. Ủy ban kiểm tra của huyện ủy và cấp ủy tương đương được chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ việc thi hành kỷ luật của tổ chức cơ sở Đảng đối với đảng viên, riêng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng thì phải được cấp ủy chuẩn y.

Digitized by Google

— Việc thi hành kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ do cấp ủy cấp trên quản lý, nhưng không phải là ủy viên hoặc ủy viên dự khuyết của Ban chấp hành các cấp của Đảng, phải tùy theo phạm vi sai lầm (theo quy định của Trung ương) mà do chi bộ hoặc cấp ủy quản lý cán bộ đó quyết định.

Trường hợp thuộc phạm vi thi hành kỷ luật của chi bộ thì chi bộ có quyền quyết định các hình thức khiển trách, cảnh cáo, còn đối với các hình thức kỷ luật khác thì đề nghị với cấp ủy quản lý cán bộ. Ủy ban kiểm tra được xét đề chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ do cấp ủy cấp mình quản lý bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo; còn việc áp dụng các hình thức kỷ luật cách chức, lưu Đảng hoặc khai trừ ra khỏi Đảng thì phải do cấp ủy quyết định. Việc cách chức và thi hành kỷ luật bằng các hình thức khác thuộc về kỷ luật hành chính trong công tác chuyên môn đối với đảng viên là cán bộ khác phải do cơ quan quản lý cán bộ đó quyết định.

— Việc thi hành kỷ luật đối với các ủy viên và ủy viên dự khuyết Ban chấp hành các cấp (kể cả ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng) bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo và cách các chức vụ thuộc quyền quyết định của Ban chấp hành phải do hội nghị toàn thể Ban chấp hành quyết định. Nếu xử trí bằng các hình thức cách chức ủy viên chính thức hoặc ủy viên dự khuyết, lưu Đảng, khai trừ ra khỏi Đảng thì phải do Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên quyết định, giữa hai kỳ Đại hội thì do hội nghị toàn thể Ban chấp hành quyết định, với sự đồng ý ít nhất của hai phần ba số ủy viên chính thức và phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y; đến kỳ Đại hội gần nhất cấp ủy phải báo cáo với Đại hội.

Đối với ủy viên hoặc ủy viên dự khuyết của Ban chấp hành các cấp của Đảng, nếu phạm kỷ luật thuộc phạm vi chi bộ thì chi bộ có quyền quyết định hình thức khiển trách, cảnh cáo và báo cáo lên cấp ủy mà ủy viên đó là thành viên, chuẩn y; còn đối với các hình thức kỷ luật khác thì chi bộ có quyền đề nghị.

Việc thi hành kỷ luật một chi ủy viên phải do hội nghị chi bộ quyết định, nhưng đối với hình thức cách chức chi ủy viên, lưu Đảng, thì phải được cấp ủy cấp trên chuẩn y; nếu khai trừ ra khỏi Đảng thì phải được cấp ủy có quyền chuẩn y việc khai trừ đảng viên chuẩn y.

— Trong trường hợp xét thấy cần thiết, sau khi đã yêu cầu chi bộ hoặc cấp ủy cấp dưới xét đề quyết định kỷ luật đối với đảng viên (kể cả cấp ủy viên) mà chi bộ hoặc cấp ủy đó thi hành kỷ luật chưa đúng mức hoặc không thi hành kỷ luật, thì cấp ủy cấp trên sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng, có thể quyết định nâng mức kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật đảng viên, và theo quy định của Trung ương, báo cáo lên cấp ủy hoặc Ủy ban kiểm tra cấp trên chuẩn y đối với các hình thức kỷ luật thuộc quyền chuẩn y của cấp trên.

— Ngoài các quy định trên đây, Ban chấp hành trung ương sẽ

Digitized by Google

quy định cụ thể phạm vi quyền hạn của Ủy ban kiểm tra các cấp trong việc chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ quyết định của tổ chức Đảng cấp dưới về các vụ thi hành kỷ luật đối với đảng viên.

2 — Đối với tổ chức của Đảng:

Việc thi hành kỷ luật một tổ chức của Đảng phải do cơ quan lãnh đạo cấp trên của tổ chức đó quyết định sau khi đã nghe tổ chức đó tự kiểm điểm và trình bày ý kiến về ưu điểm, khuyết điểm của mình.

Việc giải tán một chi bộ hoặc một tổ chức cơ sở Đảng phải do cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc quyết định trên cơ sở đề nghị của thị ủy, huyện ủy, quận ủy hoặc đảng ủy khu phố thuộc thành phố trực thuộc hoặc cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở sau khi đã trực tiếp kiểm tra, xem xét kỹ lưỡng; quyết định đó phải được Ban chấp hành trung ương chuẩn y

Việc thi hành kỷ luật giải tán một cấp ủy phải do hội nghị toàn thể Ban chấp hành cấp trên trực tiếp quyết định, với sự đồng ý ít nhất của hai phần ba số ủy viên chính thức Ban chấp hành và được cấp ủy cấp trên của cấp ủy đã quyết định việc giải tán chuẩn y; đối với tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương thì do Ban chấp hành trung ương quyết định.

Chỉ giải tán một tổ chức Đảng trong các trường hợp sau đây: có từ hai phần ba đảng viên hoặc ủy viên chính thức trở lên phạm sai lầm đến mức cần phải thi hành kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng; tập thể tổ chức đó đã có hành động chống lại đường lối của Đảng một cách có ý thức, hoặc có đủ bằng chứng là không còn đủ tin cậy về mặt chính trị.

Những đảng viên không có khuyết điểm hoặc không phạm sai lầm đến mức phải khai trừ ra khỏi Đảng ở những chi bộ hoặc tổ chức Đảng bị giải tán, được cấp ủy có thẩm quyền quyết định kỷ luật giải tán cho đăng ký lại vào tổ chức mới được thành lập nếu có, hoặc được giới thiệu sinh hoạt ở một chi bộ khác.

Điều 51 — Việc thi hành kỷ luật của Đảng phải được bảo đảm chặt chẽ, kịp thời. Nhưng khi quyết định kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức của Đảng, nhất là khi quyết định khai trừ ra khỏi Đảng hoặc giải tán tổ chức là những hình thức kỷ luật cao nhất của Đảng, các tổ chức có trách nhiệm của Đảng phải hết sức thận trọng; phải điều tra, nghiên cứu kỹ càng, đi sâu tìm hiểu bản chất, tránh chỉ nhìn hiện tượng và phải căn cứ vào những bằng chứng xác thực. Trước khi quyết định kỷ luật, tập thể tổ chức có thẩm quyền phải nghe người phạm kỷ luật hoặc người đại diện cho tổ chức bị thi hành kỷ luật trình bày ý kiến.

Sau khi hình thức kỷ luật đã được chính thức quyết định hoặc chuẩn y, cần giải thích cho người hoặc tổ chức bị thi hành kỷ luật hiểu rõ lý lẽ; nếu người hoặc tổ chức bị thi hành kỷ luật không đồng ý thì trong vòng sáu tháng có quyền yêu cầu tổ chức đã quyết định hoặc chuẩn y kỷ luật đó xét

Digitized by Google

lại và có thể khiếu nại lên cấp ủy hoặc Ủy ban kiểm tra cấp trên của các tổ chức đó. Sau đó nếu xét cần thì có thể khiếu nại cho đến Ban chấp hành trung ương Đảng.

Các cơ quan của Đảng, khi nhận được các thư khiếu nại yêu cầu giải quyết hoặc đề nghị chuyển lên cấp trên, cần kịp thời giải quyết hoặc chuyển đi ngay, không được dìm bỏ. Khi nhận được thư khiếu nại, cơ quan có trách nhiệm phải báo cho người gửi thư biết, và chậm nhất là trong vòng một tháng phải tổ chức điều tra nghiên cứu để xem xét. Cấp ủy Đảng cấp dưới phải theo định kỳ ba tháng một lần, báo cáo lên cấp ủy cấp trên số lượng và tình hình giải quyết thư khiếu nại về kỷ luật của đảng viên và của tổ chức Đảng; cấp ủy cấp trên phải tổ chức kiểm tra việc giải quyết các thư khiếu nại đó của cấp dưới.

Điều 52 — Khi nghị quyết về khai trừ đảng viên ra khỏi Đảng hoặc giải tán một tổ chức Đảng chưa được cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y thì đảng viên đó vẫn được tham gia sinh hoạt, tổ chức đó vẫn được quyền hoạt động. Việc tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng của đảng viên hoặc tạm đình chỉ hoạt động của một tổ chức Đảng chỉ được áp dụng trong trường hợp hết sức đặc biệt và phải được cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y kỷ luật khai trừ đảng viên hoặc kỷ luật giải tán tổ chức ấy đồng ý.

Điều 53 — Những đảng viên vi phạm pháp luật của Nhà nước phải chịu thi hành kỷ luật nghiêm minh của Đảng và Nhà nước, không ai được dung túng, bao che.

Trong trường hợp đảng viên bị truy tố trước tòa án thì tổ chức Đảng có thẩm quyền sẽ kịp thời xét việc thi hành kỷ luật về Đảng, và tội trạng của họ sẽ do các cơ quan hành chính hoặc tư pháp xét xử về mặt Nhà nước. Nếu đảng viên bị xử tù thì tổ chức Đảng phải khai trừ ra khỏi Đảng.

Trong trường hợp đảng viên bị bắt, bị xử trí oan, sau khi đã có đủ bằng chứng để kết luận là bị xử trí sai, tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền phải minh oan và khôi phục mọi quyền chính đáng đã bị tước.

Điều 54 — Một thời gian, sau khi đảng viên bị thi hành kỷ luật, tổ chức Đảng đã quyết định kỷ luật hoặc chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt cần thảo luận về việc sửa chữa khuyết điểm của đảng viên; nếu xét thấy đảng viên thật sự đã sửa chữa và tiến bộ, thì quyết định hoặc đề nghị lên cấp đã quyết định thi hành kỷ luật công nhận đảng viên đã sửa chữa khuyết điểm. Tổ chức Đảng không có định kiến trong việc sử dụng, cất nhắc những đảng viên đó.

CHƯƠNG X

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 55 — Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng và các khoản thunhập khác của Đảng do Ban chấp hành trung ương quy định.

Điều 56 — Ban chấp hành trung ương ra quyết định về chế độ thu đảng phí theo tỷ lệ từng loại thu nhập cơ bản của đảng viên.

Digitized by Google

Điều 57 — Tài chính của Đảng phải thống nhất. Ban chấp hành trung ương lập ra cơ quan tài chính của Đảng và quy định những nguyên tắc thu, chi và quản lý tài chính của Đảng một cách chặt chẽ. Cơ quan tài chính có quyền kiểm tra nghiệp vụ công tác tài chính của tổ chức Đảng ở các cơ quan cùng cấp và của tổ chức Đảng cấp dưới, đồng thời chịu sự kiểm tra tài chính của Ủy ban kiểm tra cùng cấp.

Các cấp bộ của Đảng phải nộp tài chính thu được lên cấp trên theo tỷ lệ do Ban chấp hành trung ương quy định và phải nghiêm chỉnh tuân theo những nguyên tắc và quy định về tài chính của Đảng.

CHƯƠNG XI

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 58 — Mọi đảng viên và tổ chức của Đảng đều phải nghiên cứu kỹ lưỡng và nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng, kịp thời đấu tranh chống mọi hiện tượng vi phạm Điều lệ Đảng.

Điều 59 — Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ này.

Digitized by Google

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI SAU THẮNG LỢI CỦA VIỆT-NAM VÀ THẤT BẠI CỦA MỸ

HOÀNG-TÙNG

LỊCH sử loài người có những thời kỳ phát triển như vũ bão một ngày bằng mấy mươi năm. Chúng ta đang ở một thời điểm mà cả hành tinh bị lôi cuốn vào một cuộc đấu tranh toàn diện để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai thế giới ; tất cả những vấn đề quan hệ đến sự sống còn và phát triển của các dân tộc và cả loài người đang đặt ra và đòi hỏi phải kịp thời giải quyết để thúc đẩy tiến trình của lịch sử.

Kể từ khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thực hiện bước nhảy vọt vĩ đại đầu tiên mở ra thời đại mới, thời đại loài người quá độ lên chủ nghĩa xã hội, rõ ràng là bánh xe lịch sử đã quay rất nhanh và ngày càng nhanh hơn. Chỉ trong vòng hơn nửa thế kỷ, sự nghiệp giải phóng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức đã trải qua ba thời kỳ phát triển lớn.

Thời kỳ thứ nhất mở đầu bằng thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đưa đến sự ra đời của Liên bang các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, tạo ra cái thế : một khâu quan trọng của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới bị chọc thủng, một Nhà nước công nông được thiết lập và trở thành căn cứ địa chung của cách mạng thế giới, điều đó thúc đẩy mạnh mẽ phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, mở đầu cuộc tổng khủng hoảng giãy chết của chủ nghĩa đế quốc.

Liên-xô cùng các lực lượng cách mạng và tiến bộ khác trên thế giới đánh thắng chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật, đã tạo điều kiện khách quan thuận lợi cho sự ra đời của một loạt nước xã hội chủ nghĩa, hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trên một phần tư quả đất và chiếm một phần ba nhân loại. Thắng lợi của cách mạng Trung-quốc năm 1949 làm cho cán cân lực lượng nghiêng hẳn về phía cách mạng. Trong giai đoạn 1945 – 1950, loài người tiến thêm một bước dài lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa đế quốc thì ngập sâu thêm vào

Digitized by Google

cuộc khủng hoảng toàn diện và lần đầu tiên bị đặt vào thế phòng ngự chiến lược.

Sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới — nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người — mở đường cho một thời kỳ phát triển vĩ đại mới của cách mạng thế giới. Hai mươi năm qua, ba trào lưu cách mạng trên thế giới dâng lên thành ba dòng thác kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn, hình thành thế tiến công chiến lược của cách mạng thế giới, liên tiếp đẩy lùi từng vị trí và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc.

Sức mạnh của thời đại chúng ta là sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng, những lực lượng đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của lịch sử phát triển của xã hội loài người, đang thúc đẩy sự quá độ của thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội (1).

Các lực lượng xã hội chủ nghĩa không những phát triển về chính trị và tinh thần, mà còn lớn mạnh về vật chất (kinh tế và quân sự). Liên-xô đã trở thành cường quốc hạng nhất về công nghiệp và quốc phòng. Với nền khoa học và kỹ thuật, văn hóa đứng hàng đầu thế giới, Liên-xô đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội và đang xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản. Liên-xô đã vượt Mỹ về sản lượng thép, than đá, đứng đầu thế giới về sản xuất dầu mỏ, bông. Lực lượng quốc phòng của Liên-xô có nhiều mặt đã mạnh hơn bộ máy chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trung-quốc đang trên đường xây dựng thành công một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp, nông nghiệp và quốc phòng hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến. Tất cả các nước xã hội chủ nghĩa khác đều phát triển không ngừng, tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, nhiều nước đã chuyển sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển. Các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đều phát huy tính ưu việt của chế độ mới, khai thác tốt nhất mọi năng lực sản xuất và tài nguyên của đất nước để phát triển sản xuất với nhịp độ nhanh, đang ở trong tầm đuổi kịp và vượt các nước tư bản chủ nghĩa về sản xuất vật chất, về phát triển khoa học — kỹ thuật, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Không bị xâu xé vì những mâu thuẫn đang đục ruỗng nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển một cách nhịp nhàng, cân đối, với nhịp độ ngày càng cao. Mặc dù năng suất lao động nói chung chưa đuổi kịp một số nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất, các nước xã hội chủ nghĩa đã chiếm hơn một phần ba tổng sản lượng công nghiệp của cả thế giới và không bao lâu nữa sẽ chiếm một nửa.

Với những thành tựu to lớn về mọi mặt, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày nay đã có một sức mạnh tổng hợp hơn hẳn lực lượng của chủ nghĩa đế quốc. « Cuộc sống chứng tỏ rằng *hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người* ». (2) Đó là thành trì kiên cố của cách mạng vô sản thế giới, là chỗ dựa vững chắc của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sau sự hình thành và lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự trỗi dậy của ý thức độc lập dân tộc của hơn hai nghìn triệu người ở khu vực các thuộc địa cũ là sự kiện lớn thứ hai của thời đại. Chủ nghĩa thực dân cũ về cơ bản đã bị xóa bỏ.

(1), (2) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

Hàng loạt nước mới đây còn bị xóa tên khỏi bản đồ thế giới, đã giành lại độc lập dân tộc ở những mức độ khác nhau và đã lần lượt bước lên vũ đài quốc tế. Phong trào độc lập dân tộc đã và đang diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú. Hai mươi mốt năm trước, chiến thắng Điện-biên-phủ thúc đẩy quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ. Nhưng chủ nghĩa đế quốc đã thay đổi hình thức áp bức bóc lột, thi hành chính sách thực dân mới, chủ yếu là của Mỹ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 kết thúc thắng lợi sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân ta, lại thúc đẩy mạnh mẽ quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới. Chủ nghĩa thực dân mới là chủ nghĩa thực dân giấu mặt, trá hình. Đứng đằng sau những chính quyền tay sai « bản xứ » mà chức năng thật sự là làm người giữ nhà cho chúng, các công ty tư bản lũng đoạn và công ty tư bản nhiều nước thi hành chính sách nô dịch kinh tế, chính sách mậu dịch không bình đẳng, mua rẻ nguyên liệu và nhân công, bán đắt hàng công nghiệp, để thu lợi nhuận siêu ngạch, xuất khẩu ô nhiễm, trút tai họa suy thoái kinh tế và lạm phát lên đầu nhân dân các nước bị chúng nô dịch. Được hậu thuẫn bằng những hạm đội thứ sáu, hạm đội thứ bảy..., những hệ thống căn cứ quân sự, những đơn vị lính thủy đánh bộ, những hiệp ước « tương trợ » khu vực, những tổ chức tiền tệ và hệ thống ngân hàng quốc tế, cái « vòi thuộc địa » của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, trước hết là chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước Mỹ, tạo ra một « nền trật tự toàn cầu » của chủ nghĩa thực dân mới, trùm lên hàng loạt nước thuộc thế giới thứ ba, vừa bòn rút tài nguyên và sức lao động của họ, vừa kìm hãm họ trong tình trạng lạc hậu. Vì vậy, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới để hoàn thành và củng cố độc lập về chính trị, còn bao gồm việc quét sạch thế lực của các công ty tư bản lũng đoạn, giành lại tài nguyên, nguyên liệu, giành lại các đòn bẩy kinh tế, tài chính và giá cả bị các nước đế quốc khống chế, để xây dựng nền kinh tế dân tộc độc lập và tự chủ. Cuộc đấu tranh đó còn phải tiếp tục và phải vượt qua nhiều khó khăn. Bọn đế quốc, trước hết là Mỹ, phản kích một cách tàn bạo và thâm độc.

Là vùng trung gian giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh là nơi tập trung những mâu thuẫn chủ yếu của thời đại và còn tiếp tục là nơi sẽ diễn ra những thay đổi to lớn hơn nữa. Do trình độ phát triển không đều của phong trào giải phóng dân tộc, nội dung đấu tranh cũng như nội dung giai cấp của phong trào dân tộc của mỗi nước cũng khác nhau. Nhưng đặc điểm chung của phong trào độc lập dân tộc ngày nay là nó « có xu thế ngày càng gắn liền với chủ nghĩa xã hội đóng vai trò rất quan trọng trong việc đưa thế giới quá độ lên chủ nghĩa xã hội » (3). Cách đây 51 năm, tại Đại hội 3 của Quốc tế cộng sản, Lê-nin đã dự đoán một cách thiên tài rằng « trong những cuộc chiến đấu quyết định nhất định sẽ đến của cách mạng thế giới, rõ ràng là phong trào đấu tranh của đại đa số dân cư trên trái đất lúc ban đầu hướng về giải phóng dân tộc, sẽ quay lại chống chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, và sẽ đóng vai trò cách mạng có lẽ quan trọng hơn là chúng ta nghĩ ». Bài học thắng Mỹ của nhân dân Việt-nam, việc nước Việt-nam độc lập, tự do và thống nhất tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, là sự chứng minh và bổ

(3) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

sung trong thực tiễn xu thế tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc mà Lê-nin đã nêu lên. Các dân tộc Á, Phi, Mỹ la tinh đã thức tỉnh mạnh mẽ, chĩa thẳng nòng súng và quả đấm vào chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ. Họ đang đấu tranh với ý thức liên minh đoàn kết ngày càng cao, với quy mô ngày càng lớn, với hình thức ngày càng phong phú. Điều đó cho thấy những khả năng cách mạng tiềm tàng rất to lớn của phong trào đó trong những năm sắp tới.

Cùng với phong trào giải phóng và độc lập dân tộc ở khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh, phong trào công nhân và phong trào hòa bình, dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa là một mũi tiến công trực tiếp đánh vào chủ nghĩa tư bản thế giới ngay tại sào huyệt của nó. « Giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển đang gánh vác nhiệm vụ vẻ vang trước lịch sử là đánh bại chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước ngay tại dinh lũy cuối cùng của nó, loại trừ vĩnh viễn chủ nghĩa tư bản ra khỏi đời sống xã hội ». (4)

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đi đôi với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật và sự khôi phục kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào công nhân và phong trào dân chủ ở các nước này đã có một bước thụt lùi tạm thời và bị chia rẽ. Từ giữa những năm 1960, nhịp độ cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật chậm lại. Suy thoái kinh tế bắt đầu. Cũng bắt đầu phình lên nạn lạm phát, mà một nguyên nhân chủ yếu là những chỉ tiêu quân sự ngày càng lớn mà ngân sách Mỹ phải bỏ ra do sự can thiệp ồ ạt trực tiếp vào các chiến trường Đông-dương. Trước tình hình đó, phong trào công nhân và phong trào dân chủ lại bùng lên. Cuộc tổng bãi công năm 1968 ở Pháp đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào công nhân. Tiếp đó là những đợt bãi công quy mô lớn chưa từng thấy liên tiếp nổ ra ở hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa. Phong trào ngày càng phát triển với quy mô rộng lớn và tính tổ chức cao, với nội dung phong phú và hình thức linh hoạt, làm nổi bật năng lực cách mạng vô cùng to lớn của giai cấp công nhân và các lực lượng dân chủ. Trong cuộc đấu tranh đó, họ đã từng bước thống nhất hành động trong thực tế, kết hợp ngày càng tốt đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị, đấu tranh quần chúng với đấu tranh ở nghị trường và các cơ quan khác của bộ máy Nhà nước tư sản. Ở một số nước tư bản chủ nghĩa, Đảng cộng sản đã trở thành một lực lượng chính trị lớn mạnh, tập hợp được ngày càng đông các lực lượng dân chủ và tiến bộ, tổ chức và lãnh đạo được những cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn, giành được những thắng lợi quan trọng trong các cuộc bầu cử cơ quan lập pháp và hội đồng địa phương. Ngay dưới những chế độ phát xít như ở Tây-ban-nha, hoặc Bồ-đào-nha trước đây, vẫn duy trì được một phong trào công nhân và phong trào dân chủ mạnh mẽ. Ủng hộ Việt-nam chống Mỹ xâm lược là một phong trào thống nhất hành động rộng lớn lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân hiếm có ở các nước tư bản chủ nghĩa. Để chống lại giai cấp tư bản lũng đoạn nhà nước và các công ty tư bản lũng đoạn nhiều nước, giai cấp công nhân ngày càng tăng cường sự đoàn kết quốc tế, các tổ chức công đoàn các nước ngày càng phối hợp hành động với nhau.

Đồng thời, với việc chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, bằng những thủ đoạn thực dân mới, tìm cách trút hậu quả của cuộc khủng hoảng lên đầu các nước chậm phát triển, đã

(4) Lê-Duẩn : Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

xuất hiện khả năng phối hợp đấu tranh trong một mặt trận chung giữa các dân tộc bị đế quốc áp bức bóc lột và công nhân lao động ở các nước đế quốc chủ nghĩa.

Cả ba dòng thác cách mạng ở ba khu vực của thế giới đều đang phát triển mãnh liệt, hợp thành cao trào cách mạng vĩ đại trên thế giới liên tục tiến công chủ nghĩa đế quốc từ nhiều phía.

Cuộc đấu tranh giai cấp ở quy mô toàn cầu đó diễn ra trên cơ sở sự phát triển như vũ bão của các lực lượng sản xuất được thúc đẩy bởi cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Đây là một sự kiện có ý nghĩa to lớn đối với sự tiến hóa của loài người, một bước nhảy vọt ghê gớm của trí tuệ loài người đi sâu khám phá những bí mật của vũ trụ. Từ đầu những năm 1970, người ta đã tính rằng cứ mười năm thì vốn hiểu biết của loài người lại tăng lên gấp đôi. Nhịp độ phát triển phi thường đó chắc chắn sẽ còn cao hơn nữa. Đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần này là sự phát triển nhịp nhàng của các ngành khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng, những thành tựu của nó nhanh chóng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Nó tạo ra những bước phát triển nhảy vọt về công suất máy móc thiết bị và năng suất lao động, mang lại những nguyên liệu, vật liệu mới, giúp bộ óc con người chỉ đạo, quản lý kinh tế, điều khiển sản xuất, kinh doanh, hướng dẫn hoạt động khoa học. Nó cung cấp thêm cho con người những khả năng to lớn giải quyết những vấn đề do cuộc sống và sự tiến hóa của mình đặt ra. Nó chứng tỏ rằng cái đang kìm hãm con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân không phải là giới hạn của trí tuệ mà là giới hạn của chế độ tư bản chủ nghĩa trong đó một bộ phận của loài người đang sống. Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần này càng chứng minh tính khoa học của thế giới quan và phương pháp luận Mác – Lê-nin. Những lực lượng sản xuất to lớn do nó tạo nên ngày càng phát triển nhanh chóng, phá vỡ cả thị trường đã co lại của thế giới tư bản chủ nghĩa và đòi hỏi cấp thiết phải làm nổ tung các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã quá chật hẹp không còn chứa đựng được nó. Khác với cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản đang ở thế đi lên, cuộc cách mạng kỹ thuật lần này chỉ có tác dụng tích cực rất hạn chế và tạm thời đối với chủ nghĩa tư bản. Trái lại nó mở ra những khả năng rất to lớn cho các nước xã hội chủ nghĩa đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

★

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, để đối phó với phong trào cách mạng thế giới và cứu vãn chế độ tư bản chủ nghĩa đang trong cơn hấp hối, chủ nghĩa tư bản chuyển nhanh thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước. Song trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật, trước sự tiến công của ba dòng thác cách mạng, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước càng khoét sâu thêm những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, đẩy nó lún sâu hơn vào cuộc tổng khủng hoảng. Cuộc

Digitized by Google

tổng khủng hoảng đó đã bước vào thời kỳ thứ ba, thời kỳ khủng hoảng toàn diện, kéo dài, ngày càng trầm trọng và không phương cứu chữa. Suy thoái kinh tế đi đôi với lạm phát kéo dài, khủng hoảng thương mại, khủng hoảng tiền tệ, khủng hoảng năng lượng và nguyên liệu; khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng đồng thời diễn ra gay gắt trong mỗi một nước và trong toàn bộ hệ thống đế quốc chủ nghĩa. Cuộc khủng hoảng đó vừa có tính từng nước vừa có tính quốc tế, làm cho **toàn bộ chủ nghĩa tư bản bị suy yếu nhanh chóng.** Đồng thời mâu thuẫn giữa các nước đế quốc chủ nghĩa ngày càng gay gắt. Các nước Tây Âu và Nhật-bản đã khôi phục và tăng cường sức mạnh, hình thành hai trung tâm công nghiệp, là hai đối thủ cạnh tranh lợi hại của Mỹ. Những cuộc «chiến tranh» tiền tệ, thương mại diễn ra kéo dài giữa Mỹ và các cường quốc tư bản chủ nghĩa khác.

Ở trung tâm cuộc tổng khủng hoảng của thế giới tư bản chủ nghĩa là cuộc tổng khủng hoảng của nước Mỹ đế quốc chủ nghĩa. Cùng với sự lớn mạnh chưa từng thấy của các nước xã hội chủ nghĩa và của cả ba dòng thác cách mạng nói chung, sự suy yếu chưa từng thấy của đế quốc Mỹ là điểm mới trong tình hình thế giới hiện nay. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ ra sức chuẩn bị chiến tranh thế giới mới, tìm mọi cách phản kích phong trào cách mạng hòng giành lại những vị trí đã mất và ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội; thi hành chủ nghĩa thực dân mới bằng nhiều thủ đoạn vừa thô bạo vừa tinh vi. Nhưng chúng đã bị thất bại trong âm mưu thực hiện vai trò sen đầm quốc tế và làm bá chủ thế giới. **Đế quốc Mỹ đã suy yếu nhiều về quân sự, chính trị, kinh tế, tài chính.** Suy thoái kinh tế, lạm phát kéo dài, đồng đô la mất giá, dự trữ vàng giảm sút, khủng hoảng lòng tin, nạn thất nghiệp, tệ nạn xã hội, tổ chức quân đội xộc xệch, nội bộ bọn cầm quyền xâu xé nhau v.v..., đó là bức tranh xám xịt của nước Mỹ ngày nay. Từ chỗ là cường quốc đế quốc chủ nghĩa số một, có sức mạnh áp đảo về kinh tế và quân sự trong «thế giới tự do», Mỹ đã mất một loạt ưu thế tuyệt đối về kinh tế và quân sự, về công nghiệp, về xuất khẩu và về tài chính mà cách đây không lâu nó đã giành được trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa. Mỹ không còn là người chỉ huy được răm rắp tuân theo trong những liên minh quân sự mà Mỹ đã lập ra và trong những tổ chức chính trị, kinh tế mà Mỹ đã từng khống chế gần như tuyệt đối. Khối Đông-Nam Á đã tan rã. Khối Bắc Đại-tây-dương luôn luôn lục đục và đang bị hở sườn. Tổ chức các nước châu Mỹ (OEA) quay ra chống Mỹ kịch liệt. Tại Liên hợp quốc Mỹ thường xuyên bị cô lập.

Sự suy yếu của đế quốc Mỹ là kết quả sự tác động của những mâu thuẫn bên trong của chế độ tư bản chủ nghĩa ở Mỹ, cũng như của cả hệ thống các nước đế quốc chủ nghĩa, và là kết quả những đòn tiến công của cả ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Cuộc chiến đấu lâu dài và thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt-nam đã là một nhân tố quyết định trực tiếp đẩy mạnh đà suy yếu của Mỹ, và qua đó, góp phần thúc đẩy cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới bước sang thời kỳ mới. **Thất bại hoàn toàn của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt-nam đánh dấu một bước ngoặt đi xuống của đế quốc Mỹ.** Ngày nay, những người quan sát và nghiên cứu có cách nhìn ít nhiều khách quan đều thừa nhận rằng còn lâu mới có thể đánh giá hết hậu quả của cuộc chiến tranh Việt-nam đối với đế quốc Mỹ. Có nhà kinh tế học Mỹ đã tính rằng Mỹ đã bị thiệt hại ở Việt-nam mấy trăm tỷ đô la. Nhưng tầm vóc lịch sử một

Digitized by Google

sự kiện như Việt-nam không thể đánh giá hết bằng tiền. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta đã chọc thủng phòng tuyến quân sự phản cách mạng của đế quốc Mỹ ở một nơi xung yếu, làm phá sản một chiến lược toàn cầu xâm lược, làm đảo lộn sự bố trí chiến lược của chúng trên thế giới, và do đó, cũng làm đảo lộn bố trí chiến lược của nhiều nước khác. Chiến trường Việt-nam đã chôn vùi uy tín khoa học quân sự của Mỹ, của quân đội Hoa-kỳ và bọn tướng lĩnh sừng sỏ nhất của chúng. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam như một phòng thí nghiệm mổ xẻ phơi bày toàn bộ bản chất phát xít của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Việt-nam như một tấm gương giúp đông đảo những người dân Mỹ bình thường thấy rõ chân tướng của những thế lực đang thống trị họ, của chế độ trong đó họ đang sống, một chế độ mà họ càng ngày càng hiểu rằng nó không thể vừa là phát xít một trăm phần trăm đối với nhân dân Việt-nam, lại vừa dân chủ và tiến bộ đối với nhân dân trong nước. Một biểu hiện tập trung của tính triệt để, tính thời đại, tính quốc tế của « vấn đề Việt-nam » là tác dụng « phân cực » của nó ngay trong xã hội nước Mỹ. Cuộc chiến đấu chính nghĩa và thắng lợi của nhân dân ta góp phần thức tỉnh nhân dân Mỹ và cách mạng hóa những lực lượng dân chủ, tiến bộ ở Mỹ. Nhà báo tư sản Mỹ có tiếng tăm Oan-tơ Lip-man đã đoán trước rằng nếu người Mỹ không cùng nhau giải thích và nhất trí được với nhau về bài học Việt-nam, thì nước Mỹ sẽ bị « xâu xé ra từng mảnh » Lời tiên đoán đó đã được chứng minh một phần trong vụ Oa-tơ-ghết. Nhưng tên sen đầm quốc tế Mỹ không thể phân tích và rút ra một cách đầy đủ bài học Việt-nam mà không tự nó phủ định nó. Vì vậy mà Hen-ri Kít-xinh-giơ, linh hồn chính sách đối ngoại của Mỹ những năm vừa qua, vẫn cho rằng: « bất kể công chúng đánh giá sự dính líu của Mỹ ở Việt-nam như thế nào không thể coi nước Mỹ là đang rút lui khỏi thế giới », mà chỉ có vấn đề là « điều chỉnh lại vai trò thế giới của Mỹ cho thích hợp với môi trường mới » mà thôi.

Chiến lược của Mỹ trong « môi trường mới » những năm trước mắt là tập hợp các lực lượng đế quốc chủ nghĩa, giữ thế cân bằng ở những khu vực có sự tranh chấp giữa các nước lớn, đẩy lùi phong trào giải phóng ở những khu vực trọng yếu và củng cố hậu phương của chúng trước nguy cơ một cuộc khủng hoảng kinh tế và xã hội mới. Một mặt, chúng ra sức củng cố liên minh đế quốc chủ nghĩa dưới sự chỉ huy của Mỹ, ở Tây Âu bằng « chính sách Đại-tây-dương mới », ở châu Á bằng cách tăng cường vai trò đồng minh của Nhật-bản, buộc Nhật-bản và các nước Tây Âu phải chia bớt với Mỹ gánh nặng chuẩn bị chiến tranh, đồng thời qua đó, kìm hãm sự phát triển kinh tế và sức cạnh tranh của các nước này chống lại Mỹ. Chúng ra sức nắm lại các lực lượng phản động tay sai ở các khu vực, tuyên bố « dính líu một cách có lựa chọn », bắt các chính phủ tay sai phải « chia sẻ nghĩa vụ » với Mỹ, phải tự mình đảm đương việc chống lại các lực lượng cách mạng trong nước với viện trợ vũ khí và tiền của Mỹ. Mặt khác, Mỹ tiếp tục đẩy mạnh chính sách « hòa hoãn », mưu toan sử dụng ưu thế tương đối trên một số mặt nào đó về kinh tế và kỹ thuật để tác động đến chính sách đối nội và đối ngoại của một số nước xã hội chủ nghĩa: ra sức khoét sâu và tận dụng mâu thuẫn giữa các nước để phục vụ lợi ích chiến lược toàn cầu của chúng. Nhưng chính sách cơ bản và lâu dài của Mỹ vẫn là bạo lực. Chúng không từ bỏ, không giảm bớt mà vẫn đẩy mạnh chạy đua chuẩn bị chiến tranh thế giới bằng vũ khí hạt nhân. Tuy nhiên, với tình hình so sánh lực lượng ngày càng bất lợi cho chúng, đế quốc

Digitized by Google

Mỹ không thể không thấy rằng xông thẳng đến một cuộc chiến tranh thế giới lúc này là vô cùng nguy hiểm cho chúng. Ngúy cơ trực tiếp đối với các dân tộc là những cuộc phản kích cục bộ, những cuộc « chiến tranh nhỏ » mà Mỹ sẽ có thể tham gia một nửa và những chính biến phản cách mạng kiểu Chi-lê, Thái-lan do Mỹ tổ chức và thúc đẩy. « Ngân sách quốc phòng », tức là ngân sách chuẩn bị chiến tranh của Mỹ, vẫn tiếp tục tăng, trong năm tài chính hiện nay là trên 100 tỉ đô la. Ngân sách dành cho những hoạt động đen tối của CIA ở nước ngoài lên đến 7 tỉ đô la một năm.

Ở phương Đông, bị đánh bật khỏi đất liền sau thất bại ở Đông-dương, Mỹ đã lập phòng tuyến ngoài khơi, bao gồm một chuỗi căn cứ từ Nam Triều-tiên, Nhật-bản, Đài-loan, Phi-lip-pin.. trên Thái-bình-dương đến tận đảo Đi-ê-gô Gác-xi-a ở Ấn-độ-dương, dựa vào ưu thế tương đối của hải quân và không quân chiến lược, bù cho cái oai danh hão của lục quân Mỹ đã bị vùi sâu chôn chặt trên các đồng ruộng và núi rừng Việt-nam. Kết hợp với chiến lược quân sự là sự tăng cường xâm nhập thế giới thứ ba của các công ty tư bản lũng đoạn Mỹ và công ty nhiều nước do Mỹ khống chế, để tăng cường bóc lột theo lối thực dân mới, cạnh tranh với các nước tư bản chủ nghĩa khác và tranh giành ảnh hưởng với các nước xã hội chủ nghĩa. Bằng việc triển khai chiến lược kinh tế, Mỹ mưu toan đẩy mạnh sự nô dịch về kinh tế, biến các nước « đồng minh » trong khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh thành những nhà nước mà sự sống còn về kinh tế hoàn toàn lệ thuộc vào Mỹ, nhờ đó mà Mỹ nắm chặt được vận mệnh của họ về tất cả các mặt quân sự, chính trị và kinh tế. Vận dụng cùng một lúc chính sách « hòa hoãn », lợi dụng mâu thuẫn, đe dọa dùng vũ lực và mua chuộc bằng kinh tế, Mỹ đã thành công một phần ở Trung Đông, tạm thời chia rẽ được các nước A-rập, lôi kéo một bộ phận giới cầm quyền một số nước A-rập, cắm được người của Mỹ vào bán đảo Xi-nai.

Rõ ràng **đế quốc Mỹ tuy suy yếu nhiều vẫn rất ngoan cố và còn có sức theo đuổi chiến lược toàn cầu phản cách mạng. Nhưng cũng rõ ràng là, « sau Việt-nam », do các lực lượng cách mạng trên thế giới lớn mạnh hẳn lên, đế quốc Mỹ gặp những khó khăn và mâu thuẫn chưa từng có trong việc thực hiện chiến lược đó.** Sau thất bại ở Việt-nam, khả năng lựa chọn về chiến lược của Mỹ không còn nhiều. Khác với những lần thay đổi từ chiến lược ngăn chặn, giáng trả ồ ạt sang chiến lược phản ứng linh hoạt với ba loại chiến tranh, và từ chiến lược phản ứng linh hoạt sang « học thuyết Nich-xơn », sự điều chỉnh chiến lược lần này của Mỹ thực chất chỉ là một bước lùi của « học thuyết Nich-xơn », là « học thuyết Nich-xơn » bị tống cổ từ đất liền Đông-dương ra ngoài khơi đại lục châu Á. Ba cột trụ của « học thuyết Nich-xơn » là chia sẻ trách nhiệm, chính sách hòa hoãn và sức mạnh của Mỹ, nay vẫn là ba cột trụ chống đỡ chiến lược toàn cầu mới của Mỹ, nhưng sau thất bại ở Việt-nam, những cột trụ ấy càng bị lung lay. Với so sánh lực lượng về mọi mặt ngày càng không có lợi cho Mỹ, những chủ bài của Mỹ về quân sự, kinh tế, khoa học – kỹ thuật để thi hành « chính sách hòa hoãn », lợi dụng mâu thuẫn đối với các nước xã hội chủ nghĩa đã không mang lại hiệu quả như chúng mong muốn. Những đồng minh sừng sỏ của Mỹ trước đây đã khó bảo, nay vì Mỹ bị suy yếu thêm, nhất định sẽ càng cứng đầu cứng cổ thêm, họ cũng giành lại quyền độc lập của mình. Sự « khủng hoảng lòng tin » đối với đế quốc Mỹ từ nội bộ nước Mỹ đã lan rộng ra hàng ngũ những chính quyền thân Mỹ, nhất là trong các

Digitized by Google

nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Bằng chứng là khuynh hướng ly tâm xa rời « cực quyền lực » của Mỹ để đi theo con đường trung lập, đang phát triển.

Đế quốc Mỹ muốn sàng lọc lại hàng ngũ tay sai, để quyết định xem những trường hợp nào là « đáng cho Mỹ dính líu » mà không bị phản đối. Nhưng trong khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh ngày nay, không một tập đoàn cầm quyền nào theo Mỹ, trung thành với Mỹ mà lại không chống lại dân tộc, chống lại nhân dân và bị nhân dân chống lại. Cũng khó có thể có một vụ « dính líu » nào của Mỹ ở nước ngoài « sau Việt-nam » mà không bị nhân dân Mỹ phản đối. Nhỏ và chớp nhoáng như vụ tàu May-a-ghết ở Cam-pu-chia được chính quyền Pho – Kit-xinh-giơ ra công quảng cáo ầm ĩ để kích động tinh thần sô vanh của nhân dân Mỹ, mà rốt cuộc vẫn bị lên án kịch liệt ở ngay quốc hội Mỹ.

Cái ám ảnh các nhà vạch chiến lược Mỹ hiện nay khi họ cân nhắc một cuộc « dính líu » ở nước ngoài, là một trận xâu xé lẫn nhau trong nội bộ nước Mỹ như đã xảy ra và kéo dài suốt thời kỳ Mỹ xâm lược Việt-nam. Điều đó có nghĩa là cuộc chiến đấu và chiến thắng của nhân dân Việt-nam đã làm cho mọi chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, từ nay không còn tìm thấy hậu phương an toàn ngay cả trên đất Mỹ.

Những khó khăn và mâu thuẫn của Mỹ trong việc thực hiện chiến lược toàn cầu điều chỉnh là phản ánh đồng thời là sản phẩm thế suy yếu và bị động lúng túng chưa từng thấy của Mỹ trước cuộc tiến công từ nhiều phía của ba dòng thác cách mạng. Song, do bản chất không thay đổi của nó, chủ nghĩa đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ ý đồ làm sen đầm quốc tế. Điều đó đòi hỏi các lực lượng cách mạng phải nâng cao cảnh giác và tiếp tục chiến lược tiến công bằng sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng.

★

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, ba dòng thác cách mạng là hình thái tác động của cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư bản trên quy mô toàn thế giới. Mỗi một dòng thác là một lực lượng cụ thể tiến hành đấu tranh ở một khu vực của thế giới vì những mục tiêu trực tiếp không giống nhau và ở những quá trình phát triển khác nhau. Mỗi lực lượng có vị trí lịch sử riêng trong cuộc đấu tranh chung và quyết định trực tiếp chiều hướng phát triển của từng nước, từng khu vực, đồng thời tham gia quyết định chiều hướng phát triển chung của lịch sử loài người.

Sức mạnh tổng hợp của thời đại chính là kết quả sự kết hợp lực lượng của cả ba dòng thác và sự phối hợp các hình thức đấu tranh. Sức mạnh đó trong hơn nửa thế kỷ qua đã làm thay đổi hẳn cục diện trên trái đất; đẩy lùi chủ nghĩa đế quốc từng bước và buộc chúng phải liên tiếp điều chỉnh chiến lược.

« Ba mươi năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là sau thắng lợi của cách mạng ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, trên thế giới đã xuất hiện một biến đổi mới trong sự so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng, một bước phát triển mới trong cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân

Digitized by Google

Điều 57 — Tài chính của Đảng phải thống nhất. Ban chấp hành trung ương lập ra cơ quan tài chính của Đảng và quy định những nguyên tắc thu, chi và quản lý tài chính của Đảng một cách chặt chẽ. Cơ quan tài chính có quyền kiểm tra nghiệp vụ công tác tài chính của tổ chức Đảng ở các cơ quan cùng cấp và của tổ chức Đảng cấp dưới, đồng thời chịu sự kiểm tra tài chính của Ủy ban kiểm tra cùng cấp.

Các cấp bộ của Đảng phải nộp tài chính thu được lên cấp trên theo tỷ lệ do Ban chấp hành trung ương quy định và phải nghiêm chỉnh tuân theo những nguyên tắc và quy định về tài chính của Đảng.

CHƯƠNG XI

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 58 — Mọi đảng viên và tổ chức của Đảng đều phải nghiên cứu kỹ lưỡng và nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng, kịp thời đấu tranh chống mọi hiện tượng vi phạm Điều lệ Đảng.

Điều 59 — Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ này.

Digitized by Google

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI SAU THẮNG LỢI CỦA VIỆT-NAM VÀ THẤT BẠI CỦA MỸ

HOÀNG-TÙNG

LỊCH sử loài người có những thời kỳ phát triển như vũ bão một ngày bằng mấy mươi năm. Chúng ta đang ở một thời điểm mà cả hành tinh bị lôi cuốn vào một cuộc đấu tranh toàn diện để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai thế giới ; tất cả những vấn đề quan hệ đến sự sống còn và phát triển của các dân tộc và cả loài người đang đặt ra và đòi hỏi phải kịp thời giải quyết để thúc đẩy tiến trình của lịch sử.

Kể từ khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thực hiện bước nhảy vọt vĩ đại đầu tiên mở ra thời đại mới, thời đại loài người quá độ lên chủ nghĩa xã hội, rõ ràng là bánh xe lịch sử đã quay rất nhanh và ngày càng nhanh hơn. Chỉ trong vòng hơn nửa thế kỷ, sự nghiệp giải phóng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức đã trải qua ba thời kỳ phát triển lớn.

Thời kỳ thứ nhất mở đầu bằng thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đưa đến sự ra đời của Liên bang các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, tạo ra cái thế : một khâu quan trọng của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới bị chọc thủng, một Nhà nước công nông được thiết lập và trở thành căn cứ địa chung của cách mạng thế giới, điều đó thúc đẩy mạnh mẽ phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, mở đầu cuộc tổng khủng hoảng giãy chết của chủ nghĩa đế quốc.

Liên-xô cùng các lực lượng cách mạng và tiến bộ khác trên thế giới đánh thắng chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật, đã tạo điều kiện khách quan thuận lợi cho sự ra đời của một loạt nước xã hội chủ nghĩa, hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trên một phần tư quả đất và chiếm một phần ba nhân loại. Thắng lợi của cách mạng Trung-quốc năm 1949 làm cho cán cân lực lượng nghiêng hẳn về phía cách mạng. Trong giai đoạn 1945 — 1950, loài người tiến thêm một bước dài lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa đế quốc thì ngập sâu thêm vào

Digitized by Google

cuộc khủng hoảng toàn diện và lần đầu tiên bị đặt vào thế phòng ngự chiến lược.

Sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới — nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người — mở đường cho một thời kỳ phát triển vĩ đại mới của cách mạng thế giới. Hai mươi năm qua, ba trào lưu cách mạng trên thế giới dâng lên thành ba dòng thác kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn, hình thành thế tiến công chiến lược của cách mạng thế giới, liên tiếp đẩy lùi từng vị trí và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc.

Sức mạnh của thời đại chúng ta là sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng, những lực lượng đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của lịch sử phát triển của xã hội loài người, đang thúc đẩy sự quá độ của thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội (1).

Các lực lượng xã hội chủ nghĩa không những phát triển về chính trị và tinh thần, mà còn lớn mạnh về vật chất (kinh tế và quân sự). Liên-xô đã trở thành cường quốc hạng nhất về công nghiệp và quốc phòng. Với nền khoa học và kỹ thuật, văn hóa đứng hàng đầu thế giới, Liên-xô đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội và đang xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản. Liên-xô đã vượt Mỹ về sản lượng thép, than đá, đứng đầu thế giới về sản xuất dầu mỏ, bông. Lực lượng quốc phòng của Liên-xô có nhiều mặt đã mạnh hơn bộ máy chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trung-quốc đang trên đường xây dựng thành công một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp, nông nghiệp và quốc phòng hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến. Tất cả các nước xã hội chủ nghĩa khác đều phát triển không ngừng, tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, nhiều nước đã chuyển sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển. Các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đều phát huy tính ưu việt của chế độ mới, khai thác tốt nhất mọi năng lực sản xuất và tài nguyên của đất nước để phát triển sản xuất với nhịp độ nhanh, đang ở trong tầm đuổi kịp và vượt các nước tư bản chủ nghĩa về sản xuất vật chất, về phát triển khoa học — kỹ thuật, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Không bị xâu xé vì những mâu thuẫn đang đục ruỗng nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển một cách nhịp nhàng, cân đối, với nhịp độ ngày càng cao. Mặc dù năng suất lao động nói chung chưa đuổi kịp một số nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất, các nước xã hội chủ nghĩa đã chiếm hơn một phần ba tổng sản lượng công nghiệp của cả thế giới và không bao lâu nữa sẽ chiếm một nửa.

Với những thành tựu to lớn về mọi mặt, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày nay đã có một sức mạnh tổng hợp hơn hẳn lực lượng của chủ nghĩa đế quốc. « Cuộc sống chứng tỏ rằng *hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người* ». (2) Đó là thành trì kiên cố của cách mạng vô sản thế giới, là chỗ dựa vững chắc của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sau sự hình thành và lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự trỗi dậy của ý thức độc lập dân tộc của hơn hai nghìn triệu người ở khu vực các thuộc địa cũ là sự kiện lớn thứ hai của thời đại. Chủ nghĩa thực dân cũ về cơ bản đã bị xóa bỏ.

---

(1), (2) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

Hàng loạt nước mới đây còn bị xóa tên khỏi bản đồ thế giới, đã giành lại độc lập dân tộc ở những mức độ khác nhau và đã lần lượt bước lên vũ đài quốc tế. Phong trào độc lập dân tộc đã và đang diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú. Hai mươi mốt năm trước, chiến thắng Điện-biên-phủ thúc đẩy quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ. Nhưng chủ nghĩa đế quốc đã thay đổi hình thức áp bức bóc lột, thi hành chính sách thực dân mới, chủ yếu là của Mỹ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 kết thúc thắng lợi sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân ta, lại thúc đẩy mạnh mẽ quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới. Chủ nghĩa thực dân mới là chủ nghĩa thực dân giấu mặt, trá hình. Đứng đằng sau những chính quyền tay sai « bản xứ » mà chức năng thật sự là làm người giữ nhà cho chúng, các công ty tư bản lũng đoạn và công ty tư bản nhiều nước thi hành chính sách nô dịch kinh tế, chính sách mậu dịch không bình đẳng, mua rẻ nguyên liệu và nhân công, bán đắt hàng công nghiệp, để thu lợi nhuận siêu ngạch, xuất khẩu ô nhiễm, trút tai họa suy thoái kinh tế và lạm phát lên đầu nhân dân các nước bị chúng nô dịch. Được hậu thuẫn bằng những hạm đội thứ sáu, hạm đội thứ bảy..., những hệ thống căn cứ quân sự, những đơn vị lính thủy đánh bộ, những hiệp ước « tương trợ » khu vực, những tổ chức tiền tệ và hệ thống ngân hàng quốc tế, cái « vòi thuộc địa » của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, trước hết là chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước Mỹ, tạo ra một « nền trật tự toàn cầu » của chủ nghĩa thực dân mới, trùm lên hàng loạt nước thuộc thế giới thứ ba, vừa bòn rút tài nguyên và sức lao động của họ, vừa kìm hãm họ trong tình trạng lạc hậu. Vì vậy, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới để hoàn thành và củng cố độc lập về chính trị, còn bao gồm việc quét sạch thế lực của các công ty tư bản lũng đoạn, giành lại tài nguyên, nguyên liệu, giành lại các đòn bẩy kinh tế, tài chính và giá cả bị các nước đế quốc khống chế, để xây dựng nền kinh tế dân tộc độc lập và tự chủ. Cuộc đấu tranh đó còn phải tiếp tục và phải vượt qua nhiều khó khăn. Bọn đế quốc, trước hết là Mỹ, phản kích một cách tàn bạo và thâm độc.

Là vùng trung gian giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh là nơi tập trung những mâu thuẫn chủ yếu của thời đại và còn tiếp tục là nơi sẽ diễn ra những thay đổi to lớn hơn nữa. Do trình độ phát triển không đều của phong trào giải phóng dân tộc, nội dung đấu tranh cũng như nội dung giai cấp của phong trào dân tộc của mỗi nước cũng khác nhau. Nhưng đặc điểm chung của phong trào độc lập dân tộc ngày nay là nó « có xu thế ngày càng gắn liền với chủ nghĩa xã hội đóng vai trò rất quan trọng trong việc đưa thế giới quá độ lên chủ nghĩa xã hội » (3). Cách đây 54 năm, tại Đại hội 3 của Quốc tế cộng sản, Lê-nin đã dự đoán một cách thiên tài rằng « trong những cuộc chiến đấu quyết định nhất định sẽ đến của cách mạng thế giới, rõ ràng là phong trào đấu tranh của đại đa số dân cư trên trái đất lúc ban đầu hướng về giải phóng dân tộc, sẽ quay lại chống chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, và sẽ đóng vai trò cách mạng có lẽ quan trọng hơn là chúng ta nghĩ ». Bài học thắng Mỹ của nhân dân Việt-nam, việc nước Việt-nam độc lập, tự do và thống nhất tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, là sự chứng minh và bổ

(3) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

sung trong thực tiễn xu thế tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc mà Lê-nin đã nêu lên. Các dân tộc Á, Phi, Mỹ la tinh đã thức tỉnh mạnh mẽ, chĩa thẳng nòng súng và quả đấm vào chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ. Họ đang đấu tranh với ý thức liên minh đoàn kết ngày càng cao, với quy mô ngày càng lớn, với hình thức ngày càng phong phú. Điều đó cho thấy những khả năng cách mạng tiềm tàng rất to lớn của phong trào đó trong những năm sắp tới.

Cùng với phong trào giải phóng và độc lập dân tộc ở khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh, phong trào công nhân và phong trào hòa bình, dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa là một mũi tiến công trực tiếp đánh vào chủ nghĩa tư bản thế giới ngay tại sào huyệt của nó. «Giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển đang gánh vác nhiệm vụ vẻ vang trước lịch sử là đánh bại chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước ngay tại dinh lũy cuối cùng của nó, loại trừ vĩnh viễn chủ nghĩa tư bản ra khỏi đời sống xã hội». (4)

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đi đôi với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật và sự khôi phục kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào công nhân và phong trào dân chủ ở các nước này đã có một bước thụt lùi tạm thời và bị chia rẽ. Từ giữa những năm 1960, nhịp độ cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật chậm lại. Suy thoái kinh tế bắt đầu. Cũng bắt đầu phình lên nạn lạm phát, mà một nguyên nhân chủ yếu là những chỉ tiêu quân sự ngày càng lớn mà ngân sách Mỹ phải bỏ ra do sự can thiệp ồ ạt trực tiếp vào các chiến trường Đông-dương. Trước tình hình đó, phong trào công nhân và phong trào dân chủ lại bùng lên. Cuộc tổng bãi công năm 1968 ở Pháp đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào công nhân. Tiếp đó là những đợt bãi công quy mô lớn chưa từng thấy liên tiếp nổ ra ở hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa. Phong trào ngày càng phát triển với quy mô rộng lớn và tính tổ chức cao, với nội dung phong phú và hình thức linh hoạt, làm nổi bật năng lực cách mạng vô cùng to lớn của giai cấp công nhân và các lực lượng dân chủ. Trong cuộc đấu tranh đó, họ đã từng bước thống nhất hành động trong thực tế, kết hợp ngày càng tốt đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị, đấu tranh quần chúng với đấu tranh ở nghị trường và các cơ quan khác của bộ máy Nhà nước tư sản. Ở một số nước tư bản chủ nghĩa, Đảng cộng sản đã trở thành một lực lượng chính trị lớn mạnh, tập hợp được ngày càng đông các lực lượng dân chủ và tiến bộ, tổ chức và lãnh đạo được những cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn, giành được những thắng lợi quan trọng trong các cuộc bầu cử cơ quan lập pháp và hội đồng địa phương. Ngay dưới những chế độ phát xít như ở Tây-ban-nha, hoặc Bồ-đào-nha trước đây, vẫn duy trì được một phong trào công nhân và phong trào dân chủ mạnh mẽ. Ủng hộ Việt-nam chống Mỹ xâm lược là một phong trào thống nhất hành động rộng lớn lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân hiếm có ở các nước tư bản chủ nghĩa. Để chống lại giai cấp tư bản lũng đoạn nhà nước và các công ty tư bản lũng đoạn nhiều nước, giai cấp công nhân ngày càng tăng cường sự đoàn kết quốc tế, các tổ chức công đoàn các nước ngày càng phối hợp hành động với nhau.

Đồng thời, với việc chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, bằng những thủ đoạn thực dân mới, tìm cách trút hậu quả của cuộc khủng hoảng lên đầu các nước chậm phát triển, đã

(4) Lê-Duẩn: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

xuất hiện khả năng phối hợp đấu tranh trong một mặt trận chung giữa các dân tộc bị đế quốc áp bức bóc lột và công nhân lao động ở các nước đế quốc chủ nghĩa.

Cả ba dòng thác cách mạng ở ba khu vực của thế giới đều đang phát triển mãnh liệt, hợp thành cao trào cách mạng vĩ đại trên thế giới liên tục tiến công chủ nghĩa đế quốc từ nhiều phía.

Cuộc đấu tranh giai cấp ở quy mô toàn cầu đó diễn ra trên cơ sở sự phát triển như vũ bão của các lực lượng sản xuất được thúc đẩy bởi cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Đây là một sự kiện có ý nghĩa to lớn đối với sự tiến hóa của loài người, một bước nhảy vọt ghê gớm của trí tuệ loài người đi sâu khám phá những bí mật của vũ trụ. Từ đầu những năm 1970, người ta đã tính rằng cứ mười năm thì vốn hiểu biết của loài người lại tăng lên gấp đôi. Nhịp độ phát triển phi thường đó chắc chắn sẽ còn cao hơn nữa. Đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần này là sự phát triển nhịp nhàng của các ngành khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng, những thành tựu của nó nhanh chóng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Nó tạo ra những bước phát triển nhảy vọt về công suất máy móc thiết bị và năng suất lao động, mang lại những nguyên liệu, vật liệu mới, giúp bộ óc con người chỉ đạo, quản lý kinh tế, điều khiển sản xuất, kinh doanh, hướng dẫn hoạt động khoa học. Nó cung cấp thêm cho con người những khả năng to lớn giải quyết những vấn đề do cuộc sống và sự tiến hóa của mình đặt ra. Nó chứng tỏ rằng cái đang kìm hãm con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân không phải là giới hạn của trí tuệ mà là giới hạn của chế độ tư bản chủ nghĩa trong đó một bộ phận của loài người đang sống. Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần này càng chứng minh tính khoa học của thế giới quan và phương pháp luận Mác – Lê-nin. Những lực lượng sản xuất to lớn do nó tạo nên ngày càng phát triển nhanh chóng, phá vỡ cả thị trường đã co lại của thế giới tư bản chủ nghĩa và đòi hỏi cấp thiết phải làm nổ tung các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã quá chật hẹp không còn chứa đựng được nó. Khác với cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản đang ở thế đi lên, cuộc cách mạng kỹ thuật lần này chỉ có tác dụng tích cực rất hạn chế và tạm thời đối với chủ nghĩa tư bản. Trái lại nó mở ra những khả năng rất to lớn cho các nước xã hội chủ nghĩa đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

★

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, để đối phó với phong trào cách mạng thế giới và cứu vãn chế độ tư bản chủ nghĩa đang trong cơn hấp hối, chủ nghĩa tư bản chuyển nhanh thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước. Song trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật, trước sự tiến công của ba dòng thác cách mạng, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước càng khoét sâu thêm những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, đẩy nó lún sâu hơn vào cuộc tổng khủng hoảng. Cuộc

Digitized by Google

tổng khủng hoảng đó đã bước vào thời kỳ thứ ba, thời kỳ khủng hoảng toàn diện, kéo dài, ngày càng trầm trọng và không phương cứu chữa. Suy thoái kinh tế đi đôi với lạm phát kéo dài, khủng hoảng thương mại, khủng hoảng tiền tệ, khủng hoảng năng lượng và nguyên liệu; khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng đồng thời diễn ra gay gắt trong mỗi một nước và trong toàn bộ hệ thống đế quốc chủ nghĩa. Cuộc khủng hoảng đó vừa có tính từng nước vừa có tính quốc tế, làm cho **toàn bộ chủ nghĩa tư bản bị suy yếu nhanh chóng.** Đồng thời mâu thuẫn giữa các nước đế quốc chủ nghĩa ngày càng gay gắt. Các nước Tây Âu và Nhật-bản đã khôi phục và tăng cường sức mạnh, hình thành hai trung tâm công nghiệp, là hai đối thủ cạnh tranh lợi hại của Mỹ. Những cuộc «chiến tranh» tiền tệ, thương mại diễn ra kéo dài giữa Mỹ và các cường quốc tư bản chủ nghĩa khác.

Ở trung tâm cuộc tổng khủng hoảng của thế giới tư bản chủ nghĩa là cuộc tổng khủng hoảng của nước Mỹ đế quốc chủ nghĩa. Cùng với sự lớn mạnh chưa từng thấy của các nước xã hội chủ nghĩa và của cả ba dòng thác cách mạng nói chung, sự suy yếu chưa từng thấy của đế quốc Mỹ là điểm mới trong tình hình thế giới hiện nay. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ ra sức chuẩn bị chiến tranh thế giới mới, tìm mọi cách phản kích phong trào cách mạng hòng giành lại những vị trí đã mất và ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội; thi hành chủ nghĩa thực dân mới bằng nhiều thủ đoạn vừa thô bạo vừa tinh vi. Nhưng chúng đã bị thất bại trong âm mưu thực hiện vai trò sen đầm quốc tế và làm bá chủ thế giới. **Đế quốc Mỹ đã suy yếu nhiều về quân sự, chính trị, kinh tế, tài chính.** Suy thoái kinh tế, lạm phát kéo dài, đồng đô la mất giá, dự trữ vàng giảm sút, khủng hoảng lòng tin, nạn thất nghiệp, tệ nạn xã hội, tổ chức quân đội xộc xệch, nội bộ bọn cầm quyền xâu xé nhau v.v..., đó là bức tranh xám xịt của nước Mỹ ngày nay. Từ chỗ là cường quốc đế quốc chủ nghĩa số một, có sức mạnh áp đảo về kinh tế và quân sự trong «thế giới tự do», Mỹ đã mất một loạt ưu thế tuyệt đối về kinh tế và quân sự, về công nghiệp, về xuất khẩu và về tài chính mà cách đây không lâu nó đã giành được trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa. Mỹ không còn là người chỉ huy được răm rắp tuân theo trong những liên minh quân sự mà Mỹ đã lập ra và trong những tổ chức chính trị, kinh tế mà Mỹ đã từng khống chế gần như tuyệt đối. Khối Đông—Nam Á đã tan rã. Khối Bắc Đại-tây-dương luôn luôn lục đục và đang bị hở sườn. Tổ chức các nước châu Mỹ (OEA) quay ra chống Mỹ kịch liệt. Tại Liên hợp quốc Mỹ thường xuyên bị cô lập.

Sự suy yếu của đế quốc Mỹ là kết quả sự tác động của những mâu thuẫn bên trong của chế độ tư bản chủ nghĩa ở Mỹ, cũng như của cả hệ thống các nước đế quốc chủ nghĩa, và là kết quả những đòn tiến công của cả ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Cuộc chiến đấu lâu dài và thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt-nam đã là một nhân tố quyết định trực tiếp đẩy mạnh đà suy yếu của Mỹ, và qua đó, góp phần thúc đẩy cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới bước sang thời kỳ mới. **Thất bại hoàn toàn của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt-nam đánh dấu một bước ngoặt đi xuống của đế quốc Mỹ.** Ngày nay, những người quan sát và nghiên cứu có cách nhìn ít nhiều khách quan đều thừa nhận rằng còn lâu mới có thể đánh giá hết hậu quả của cuộc chiến tranh Việt-nam đối với đế quốc Mỹ. Có nhà kinh tế học Mỹ đã tính rằng Mỹ đã bị thiệt hại ở Việt-nam mấy trăm tỷ đô la. Nhưng tầm vóc lịch sử một

Digitized by Google

sự kiện như Việt-nam không thể dánh giá hết bằng tiền. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta đã chọc thủng phòng tuyến quân sự phản cách mạng của đế quốc Mỹ ở một nơi xung yếu, làm phá sản một chiến lược toàn cầu xâm lược, làm đảo lộn sự bố trí chiến lược của chúng trên thế giới, và do đó, cũng làm đảo lộn bố trí chiến lược của nhiều nước khác. Chiến trường Việt-nam đã chôn vùi uy tín khoa học quân sự của Mỹ, của quân đội Hoa-kỳ và bọn tướng lĩnh sừng sỏ nhất của chúng. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam như một phòng thí nghiệm mổ xẻ phơi bày toàn bộ bản chất phát xít của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Việt-nam như một tấm gương giúp đông đảo những người dân Mỹ bình thường thấy rõ chân tướng của những thế lực đang thống trị họ, của chế độ trong đó họ đang sống, một chế độ mà họ càng ngày càng hiểu rằng nó không thể vừa là phát xít một trăm phần trăm đối với nhân dân Việt-nam, lại vừa dân chủ và tiến bộ đối với nhân dân trong nước. Một biểu hiện tập trung của tính triệt để, tính thời đại, tính quốc tế của « vấn đề Việt-nam » là tác dụng « phân cực » của nó ngay trong xã hội nước Mỹ. Cuộc chiến đấu chính nghĩa và thắng lợi của nhân dân ta góp phần thức tỉnh nhân dân Mỹ và cách mạng hóa những lực lượng dân chủ, tiến bộ ở Mỹ. Nhà báo tư sản Mỹ có tiếng tăm Oan-tơ Lip-man đã đoán trước rằng nếu người Mỹ không cùng nhau giải thích và nhất trí được với nhau về bài học Việt-nam, thì nước Mỹ sẽ bị « xâu xé ra từng mảnh ». Lời tiên đoán đó đã được chứng minh một phần trong vụ Oa-tơ-ghết. Nhưng tên sen đầm quốc tế Mỹ không thể phân tích và rút ra một cách đầy đủ bài học Việt-nam mà không tự nó phủ định nó. Vì vậy mà Hen-ri Kít-xinh-giơ, linh hồn chính sách đối ngoại của Mỹ những năm vừa qua, vẫn cho rằng: « bất kể công chúng đánh giá sự dính líu của Mỹ ở Việt-nam như thế nào không thể coi nước Mỹ là đang rút lui khỏi thế giới », mà chỉ có vấn đề là « điều chỉnh lại vai trò thế giới của Mỹ cho thích hợp với môi trường mới » mà thôi.

Chiến lược của Mỹ trong « môi trường mới » những năm trước mắt là tập hợp các lực lượng đế quốc chủ nghĩa, giữ thế cân bằng ở những khu vực có sự tranh chấp giữa các nước lớn, đẩy lùi phong trào giải phóng ở những khu vực trọng yếu và củng cố hậu phương của chúng trước nguy cơ một cuộc khủng hoảng kinh tế và xã hội mới. Một mặt, chúng ra sức củng cố liên minh đế quốc chủ nghĩa dưới sự chỉ huy của Mỹ, ở Tây Âu bằng « chính sách Đại-tây-dương mới », ở châu Á bằng cách tăng cường vai trò đồng minh của Nhật-bản, buộc Nhật-bản và các nước Tây Âu phải chia bớt với Mỹ gánh nặng chuẩn bị chiến tranh, đồng thời qua đó, kìm hãm sự phát triển kinh tế và sức cạnh tranh của các nước này chống lại Mỹ. Chúng ra sức nắm lại các lực lượng phản động tay sai ở các khu vực, tuyên bố « dính líu một cách có lựa chọn », bắt các chính phủ tay sai phải « chia sẻ nghĩa vụ » với Mỹ, phải tự mình đảm đương việc chống lại các lực lượng cách mạng trong nước với viện trợ vũ khí và tiền của Mỹ. Mặt khác, Mỹ tiếp tục đẩy mạnh chính sách « hòa hoãn », mưu toan sử dụng ưu thế tương đối trên một số mặt nào đó về kinh tế và kỹ thuật để tác động đến chính sách đối nội và đối ngoại của một số nước xã hội chủ nghĩa; ra sức khoét sâu và tận dụng mâu thuẫn giữa các nước để phục vụ lợi ích chiến lược toàn cầu của chúng. Nhưng chính sách cơ bản và lâu dài của Mỹ vẫn là bạo lực. Chúng không từ bỏ, không giảm bớt mà vẫn đẩy mạnh chạy đua chuẩn bị chiến tranh thế giới bằng vũ khí hạt nhân. Tuy nhiên, với tình hình so sánh lực lượng ngày càng bất lợi cho chúng, đế quốc

Digitized by Google

Mỹ không thể không thấy rằng xông thẳng đến một cuộc chiến tranh thế giới lúc này là vô cùng nguy hiểm cho chúng. Ngày cơ trực tiếp đối với các dân tộc là những cuộc phản kích cục bộ, những cuộc « chiến tranh nhỏ » mà Mỹ sẽ có thể tham gia một nửa và những chính biến phản cách mạng kiểu Chi-lê, Thái-lan do Mỹ tổ chức và thúc đẩy. « Ngân sách quốc phòng », tức là ngân sách chuẩn bị chiến tranh của Mỹ, vẫn tiếp tục tăng, trong năm tài chính hiện nay là trên 100 tỉ đô la. Ngân sách dành cho những hoạt động đen tối của CIA ở nước ngoài lên đến 7 tỉ đô la một năm.

Ở phương Đông, bị đánh bật khỏi đất liền sau thất bại ở Đông-dương, Mỹ đã lập phòng tuyến ngoài khơi, bao gồm một chuỗi căn cứ từ Nam Triều-tiên, Nhật-bản, Đài-loan, Phi-lip-pin.. trên Thái-bình-dương đến tận đảo Đi-ê-gô Gác-xi-a ở Ấn-độ-dương, dựa vào ưu thế tương đối của hải quân và không quân chiến lược, bù cho cái oai danh hão của lục quân Mỹ đã bị vùi sâu chôn chặt trên các đồng ruộng và núi rừng Việt-nam. Kết hợp với chiến lược quân sự là sự tăng cường xâm nhập thế giới thứ ba của các công ty tư bản lũng đoạn Mỹ và công ty nhiều nước do Mỹ khống chế, để tăng cường bóc lột theo lối thực dân mới, cạnh tranh với các nước tư bản chủ nghĩa khác và tranh giành ảnh hưởng với các nước xã hội chủ nghĩa. Bằng việc triển khai chiến lược kinh tế, Mỹ mưu toan đẩy mạnh sự nô dịch về kinh tế, biến các nước « đồng minh » trong khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh thành những nhà nước mà sự sống còn về kinh tế hoàn toàn lệ thuộc vào Mỹ, nhờ đó mà Mỹ nắm chặt được vận mệnh của họ về tất cả các mặt quân sự, chính trị và kinh tế. Vận dụng cùng một lúc chính sách « hòa hoãn », lợi dụng mâu thuẫn, đe dọa dùng vũ lực và mua chuộc bằng kinh tế, Mỹ đã thành công một phần ở Trung Đông, tạm thời chia rẽ được các nước A-rập, lôi kéo một bộ phận giới cầm quyền một số nước A-rập, cắm được người của Mỹ vào bán đảo Xi-nai.

Rõ ràng **đế quốc Mỹ tuy suy yếu nhiều vẫn rất ngoan cố và còn có sức theo đuổi chiến lược toàn cầu phản cách mạng. Nhưng cũng rõ ràng là, « sau Việt-nam », do các lực lượng cách mạng trên thế giới lớn mạnh hẳn lên, đế quốc Mỹ gặp những khó khăn và mâu thuẫn chưa từng có trong việc thực hiện chiến lược đó.** Sau thất bại ở Việt-nam, khả năng lựa chọn về chiến lược của Mỹ không còn nhiều. Khác với những lần thay đổi từ chiến lược ngăn chặn, giáng trả ồ ạt sang chiến lược phản ứng linh hoạt với ba loại chiến tranh, và từ chiến lược phản ứng linh hoạt sang « học thuyết Nich-xơn », sự điều chỉnh chiến lược lần này của Mỹ thực chất chỉ là một bước lùi của « học thuyết Nich-xơn », là « học thuyết Nich-xơn » bị tống cổ từ đất liền Đông-dương ra ngoài khơi đại lục châu Á. Ba cột trụ của « học thuyết Nich-xơn » là chia sẻ trách nhiệm, chính sách hòa hoãn và sức mạnh của Mỹ, nay vẫn là ba cột trụ chống đỡ chiến lược toàn cầu mới của Mỹ, nhưng sau thất bại ở Việt-nam, những cột trụ ấy càng bị lung lay. Với so sánh lực lượng về mọi mặt ngày càng không có lợi cho Mỹ, những chủ bài của Mỹ về quân sự, kinh tế, khoa học – kỹ thuật để thi hành « chính sách hòa hoãn », lợi dụng mâu thuẫn đối với các nước xã hội chủ nghĩa đã không mang lại hiệu quả như chúng mong muốn. Những đồng minh sừng sỏ của Mỹ trước đây đã khó bảo, nay vì Mỹ bị suy yếu thêm, nhất định sẽ càng cứng đầu cứng cổ thêm, họ cũng giành lại quyền độc lập của mình. Sự « khủng hoảng lòng tin » đối với đế quốc Mỹ từ nội bộ nước Mỹ đã lan rộng ra hàng ngũ những chính quyền thân Mỹ, nhất là trong các

Digitized by Google

nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Bằng chứng là khuynh hướng ly tâm xa rời « cực quyền lực » của Mỹ để đi theo con đường trung lập, đang phát triển.

Đế quốc Mỹ muốn sàng lọc lại hàng ngũ tay sai, để quyết định xem những trường hợp nào là « đáng cho Mỹ dính líu » mà không bị phản đối. Nhưng trong khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh ngày nay, không một tập đoàn cầm quyền nào theo Mỹ, trung thành với Mỹ mà lại không chống lại dân tộc, chống lại nhân dân và bị nhân dân chống lại. Cũng khó có thể có một vụ « dính líu » nào của Mỹ ở nước ngoài « sau Việt-nam » mà không bị nhân dân Mỹ phản đối. Nhỏ và chớp nhoáng như vụ tàu May-a-ghết ở Cam-pu-chia được chính quyền Pho — Kít-xinh-giơ ra công quảng cáo ầm ĩ để kích động tinh thần sô vanh của nhân dân Mỹ, mà rốt cuộc vẫn bị lên án kịch liệt ở ngay quốc hội Mỹ.

Cái ám ảnh các nhà vạch chiến lược Mỹ hiện nay khi họ cân nhắc một cuộc « dính líu » ở nước ngoài, là một trận xâu xé lẫn nhau trong nội bộ nước Mỹ như đã xảy ra và kéo dài suốt thời kỳ Mỹ xâm lược Việt-nam. Điều đó có nghĩa là cuộc chiến đấu và chiến thắng của nhân dân Việt-nam đã làm cho mọi chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, từ nay không còn tìm thấy hậu phương an toàn ngay cả trên đất Mỹ.

Những khó khăn và mâu thuẫn của Mỹ trong việc thực hiện chiến lược toàn cầu điều chỉnh là phản ánh đồng thời là sản phẩm thế suy yếu và bị động lúng túng chưa từng thấy của Mỹ trước cuộc tiến công từ nhiều phía của ba dòng thác cách mạng. Song, do bản chất không thay đổi của nó, chủ nghĩa đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ ý đồ làm sen đầm quốc tế. Điều đó đòi hỏi các lực lượng cách mạng phải nâng cao cảnh giác và tiếp tục chiến lược tiến công bằng sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng.

★

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, ba dòng thác cách mạng là hình thái tác động của cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư bản trên quy mô toàn thế giới. Mỗi một dòng thác là một lực lượng cụ thể tiến hành đấu tranh ở một khu vực của thế giới vì những mục tiêu trực tiếp không giống nhau và ở những quá trình phát triển khác nhau. Mỗi lực lượng có vị trí lịch sử riêng trong cuộc đấu tranh chung và quyết định trực tiếp chiều hướng phát triển của từng nước, từng khu vực, đồng thời tham gia quyết định chiều hướng phát triển chung của lịch sử loài người.

Sức mạnh tổng hợp của thời đại chính là kết quả sự kết hợp lực lượng của cả ba dòng thác và sự phối hợp các hình thức đấu tranh. Sức mạnh đó trong hơn nửa thế kỷ qua đã làm thay đổi hẳn cục diện trên trái đất; đẩy lùi chủ nghĩa đế quốc từng bước và buộc chúng phải liên tiếp điều chỉnh chiến lược.

« Ba mươi năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là sau thắng lợi của cách mạng ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, trên thế giới đã xuất hiện một biến đổi mới trong sự so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng, một bước phát triển mới trong cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân

Digitized by Google

chủ và chủ nghĩa xã hội » (5). Tình hình mới đang tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn bao giờ hết để nhân dân thế giới **đẩy mạnh cuộc tiến công của cả ba dòng thác cách mạng**. Với sự cổ vũ và những kinh nghiệm phong phú của Việt-nam về đánh Mỹ và thắng Mỹ, phong trào độc lập dân tộc đang ở cái thế thừa thắng xông lên. Phong trào công nhân và phong trào dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa đang đứng trước một bước phát triển mới rất quan trọng. Đã và đang xuất hiện những hình thức đấu tranh vô cùng phong phú của quần chúng, dấu hiệu của một cao trào cách mạng trên quy mô thế giới. Đây là lúc nội dung mới tự mở đường xuyên qua những hình thức cũ, và những hình thức cũ có thể chứa đựng một nội dung cách mạng mới. Đây là bằng chứng của một thời kỳ mà cuộc sống của các dân tộc đang trải qua những bước nhảy vọt về chất. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam, với mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam hình thành trong thực tế và hướng mũi nhọn vào bộ phận chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc đã làm dấy lên cả một lực lượng tổng hợp của thời đại, đó là một hình thái tiến công mới về chiến lược, sách lược, về phương pháp đấu tranh, v.v... chưa từng thấy trong thời đại chúng ta.

Phong trào các nước không liên kết từ chỗ là một tổ chức có tính chất trung lập thụ động của giai cấp tư sản dân tộc cầm quyền ở một số nước mới giành được độc lập chính trị, vừa chống đế quốc vừa chống cộng sản, đã phát triển thành một phong trào rộng lớn, đầy tính chủ động sáng tạo của thế giới thứ ba, chịu ảnh hưởng ngày càng lớn của các nước thành viên xã hội chủ nghĩa. Phong trào không liên kết hiện nay mang một nội dung tích cực, nội dung chống chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, ngày càng hướng mũi nhọn vào đế quốc Mỹ, giành độc lập chính trị và độc lập kinh tế. Ở hội nghị Li-ma, tiếp theo hội nghị cấp cao An-giê rồi nghị hội Cô-lôm-bô, một mặt trận quốc tế các nước không liên kết đã đi vào giai đoạn tổ chức, mở một cuộc tiến công toàn cầu vào hệ thống thế giới của chủ nghĩa thực dân mới trong các lĩnh vực năng lượng và nguyên liệu là hai lĩnh vực cốt tử đối với nền kinh tế công nghiệp tư bản phương Tây. Ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa phát triển đã có khả năng tập hợp các lực lượng cánh tả chung quanh một cương lĩnh chính trị cụ thể và đã giành được những thắng lợi đáng kể trong các cuộc vận động bầu cử vào các cơ quan lập pháp của chính quyền tư sản. Phong trào quần chúng phát triển khá mạnh trong những cuộc đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị rộng lớn. Phong trào thanh niên Thái-lan đánh sập chế độ độc tài Tha-nom — Pra-phạt, phong trào quần chúng kết hợp với các lực lượng yêu nước trong quân đội đánh đổ chủ nghĩa phát xít ở Bồ-đào-nha, thắng lợi kỳ diệu của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia... là những hiện tượng « mới ». Chưa bao giờ cuộc đấu tranh của hàng nghìn triệu quần chúng lại sáng tạo ra những hình thức tiến công cách mạng muôn màu nghìn vẻ như những năm gần đây, đòi hỏi các tổ chức tiên phong của giai cấp công nhân phải tổng kết và phát huy. Những lực lượng cách mạng mới xuất hiện ở khắp nơi trong thanh niên, trong tri thức, trong hàng ngũ quân đội của giai cấp thống trị. Chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước đang lâm vào cuộc tổng khủng hoảng toàn diện và sâu sắc chưa từng thấy. Nó hoàn toàn bất lực trước hàng loạt vấn đề sống còn của các dân tộc, của xã hội loài

(5) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

người đòi hỏi phải được giải quyết. Trong lĩnh vực sản xuất vật chất cũng như trong tất cả các lĩnh vực hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, hơn lúc nào hết, đây chính là lúc, như Lê-nin đã nói, « chủ nghĩa xã hội hiện ra ở tất cả các đầu đường của chủ nghĩa tư bản đương thời ». Quần chúng đông đảo ngày càng hướng về các đảng mác-xít – lê-nin-nít vì họ nhận ra : chỉ có chủ nghĩa xã hội khoa học mới giải quyết nổi những vấn đề nóng hổi đang đặt ra trước loài người. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang có những bước tiến rất lớn về mọi mặt trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Trước xã hội tư bản chủ nghĩa chìm sâu vào tổng khủng hoảng, chủ nghĩa xã hội vững vàng và lớn mạnh không ngừng trong thực tiễn đang tự chứng minh là tiền thân của cái mà nhiều học giả tiến bộ ở phương Tây thường gọi là « một nền văn minh toàn cầu » mà loài người đang tìm kiếm và phải tìm cho ra vì sự sống còn và phát triển của mình.

Giai cấp tư sản là giai cấp bóc lột cuối cùng trong lịch sử. Nó đã có một vai trò rất lớn trong lịch sử loài người, đã thay đổi cả bộ mặt trái đất bằng nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Nó đã bành trướng sự thống trị ra khắp năm châu. Nó có một bộ máy thống trị cực kỳ lợi hại của mấy trăm năm chuyên chính tư sản. Nó sẽ cố sức giẫy dụa trước khi chết.

Chủ nghĩa đế quốc Mỹ có ý thức giai cấp đầy đủ về trận chiến đấu cuối cùng này. Tuy đã suy yếu đi rất nhiều, nó vẫn còn thực lực của một tên đế quốc toàn cầu. Sự phản kích của nó sẽ điên cuồng và dai dẳng. Sta-lin đã phán đoán rằng đến khi nào các nước xã hội chủ nghĩa trở thành hệ thống thế giới trở lại bao vây các nước tư bản chủ nghĩa còn lại, thì nhiều vấn đề về chiến lược và sách lược phải được xem xét lại cho phù hợp với tình hình so sánh lực lượng đã biến đổi. Tình hình thế giới hiện nay chưa phát triển đến mức độ đó. Nhưng xu thế đã rõ ràng và không thể đảo ngược. Chiến lược tiến công đã đưa các lực lượng cách mạng thế giới đứng trước những khả năng phát triển thuận lợi hơn trước rất nhiều. Ngày nay **lại càng phải tiếp tục chiến lược tiến công**, để đẩy lên một cao trào cách mạng vĩ đại đẩy lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc, làm thất bại chiến lược toàn cầu mới và những cuộc phản kích của chúng, giữ vững hòa bình và tạo ra những bước phát triển mới.

Trong cuộc tiến công chung của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, bốn mục tiêu của thời đại gắn chặt với nhau.

Cuộc sống ngày càng khẳng định tính hiện thực của **khả năng ngăn ngừa chiến tranh thế giới, giữ gìn hòa bình lâu dài cho các dân tộc**, của chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau. Hòa bình không chỉ là kết quả của phong trào dân chủ chống chiến tranh, mà chủ yếu là kết quả của phong trào đấu tranh cách mạng của tất cả các lực lượng chống đế quốc, của chiến lược tiến công đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc, làm phá sản từng chính sách chiến tranh, làm thất bại bất cứ loại chiến tranh nào do đế quốc gây ra, tiến tới làm thất bại toàn bộ chính sách gây chiến của chúng. Bằng cách nâng cao cảnh giác, kiên trì đấu tranh, tổ chức và rèn luyện quần chúng trong đấu tranh cách mạng, các lực lượng cách mạng có khả năng làm thất bại mọi âm mưu gây chiến và xâm lược của bọn đế quốc.

Độc lập dân tộc là mục tiêu đầu tiên của nhân dân nhiều nước. Bằng chính sách thực dân mới và chiến lược toàn cầu phản cách mạng, đế

Digitized by Google

cuộc khủng hoảng toàn diện và lần đầu tiên bị đặt vào thế phòng ngự chiến lược.

Sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới — nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người — mở đường cho một thời kỳ phát triển vĩ đại mới của cách mạng thế giới. Hai mươi năm qua, ba trào lưu cách mạng trên thế giới dâng lên thành ba dòng thác kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn, hình thành thế tiến công chiến lược của cách mạng thế giới, liên tiếp đẩy lùi từng vị trí và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc.

Sức mạnh của thời đại chúng ta là sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng, những lực lượng đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của lịch sử phát triển của xã hội loài người, đang thúc đẩy sự quá độ của thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội (1).

Các lực lượng xã hội chủ nghĩa không những phát triển về chính trị và tinh thần, mà còn lớn mạnh về vật chất (kinh tế và quân sự). Liên-xô đã trở thành cường quốc hạng nhất về công nghiệp và quốc phòng. Với nền khoa học và kỹ thuật, văn hóa đứng hàng đầu thế giới, Liên-xô đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội và đang xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản. Liên-xô đã vượt Mỹ về sản lượng thép, than đá, đứng đầu thế giới về sản xuất dầu mỏ, bông. Lực lượng quốc phòng của Liên-xô có nhiều mặt đã mạnh hơn bộ máy chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trung-quốc đang trên đường xây dựng thành công một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp, nông nghiệp và quốc phòng hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến. Tất cả các nước xã hội chủ nghĩa khác đều phát triển không ngừng, tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, nhiều nước đã chuyển sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển. Các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đều phát huy tính ưu việt của chế độ mới, khai thác tốt nhất mọi năng lực sản xuất và tài nguyên của đất nước để phát triển sản xuất với nhịp độ nhanh, đang ở trong tầm đuổi kịp và vượt các nước tư bản chủ nghĩa về sản xuất vật chất, về phát triển khoa học - kỹ thuật, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Không bị xâu xé vì những mâu thuẫn đang đục ruỗng nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển một cách nhịp nhàng, cân đối, với nhịp độ ngày càng cao. Mặc dù năng suất lao động nói chung chưa đuổi kịp một số nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất, các nước xã hội chủ nghĩa đã chiếm hơn một phần ba tổng sản lượng công nghiệp của cả thế giới và không bao lâu nữa sẽ chiếm một nửa.

Với những thành tựu to lớn về mọi mặt, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày nay đã có một sức mạnh tổng hợp hơn hẳn lực lượng của chủ nghĩa đế quốc. « Cuộc sống chứng tỏ rằng *hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người* ». (2) Đó là thành trì kiên cố của cách mạng vô sản thế giới, là chỗ dựa vững chắc của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sau sự hình thành và lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự trỗi dậy của ý thức độc lập dân tộc của hơn hai nghìn triệu người ở khu vực các thuộc địa cũ là sự kiện lớn thứ hai của thời đại. Chủ nghĩa thực dân cũ về cơ bản đã bị xóa bỏ.

(1), (2) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

Hàng loạt nước mới đây còn bị xóa tên khỏi bản đồ thế giới, đã giành lại độc lập dân tộc ở những mức độ khác nhau và đã lần lượt bước lên vũ đài quốc tế. Phong trào độc lập dân tộc đã và đang diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú. Hai mươi mốt năm trước, chiến thắng Điện-biên-phủ thúc đẩy quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ. Nhưng chủ nghĩa đế quốc đã thay đổi hình thức áp bức bóc lột, thi hành chính sách thực dân mới, chủ yếu là của Mỹ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 kết thúc thắng lợi sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân ta, lại thúc đẩy mạnh mẽ quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới. Chủ nghĩa thực dân mới là chủ nghĩa thực dân giấu mặt, trá hình. Đứng đằng sau những chính quyền tay sai « bản xứ » mà chức năng thật sự là làm người giữ nhà cho chúng, các công ty tư bản lũng đoạn và công ty tư bản nhiều nước thi hành chính sách nô dịch kinh tế, chính sách mậu dịch không bình đẳng, mua rẻ nguyên liệu và nhân công, bán đắt hàng công nghiệp, để thu lợi nhuận siêu ngạch, xuất khẩu ô nhiễm, trút tai họa suy thoái kinh tế và lạm phát lên đầu nhân dân các nước bị chúng nô dịch. Được hậu thuẫn bằng những hạm đội thứ sáu, hạm đội thứ bảy..., những hệ thống căn cứ quân sự, những đơn vị lính thủy đánh bộ, những hiệp ước « tương trợ » khu vực, những tổ chức tiền tệ và hệ thống ngân hàng quốc tế, cái « vòi thuộc địa » của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, trước hết là chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước Mỹ, tạo ra một « nền trật tự toàn cầu » của chủ nghĩa thực dân mới, trùm lên hàng loạt nước thuộc thế giới thứ ba, vừa bòn rút tài nguyên và sức lao động của họ, vừa kìm hãm họ trong tình trạng lạc hậu. Vì vậy, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới để hoàn thành và củng cố độc lập về chính trị, còn bao gồm việc quét sạch thế lực của các công ty tư bản lũng đoạn, giành lại tài nguyên, nguyên liệu, giành lại các đòn bẩy kinh tế, tài chính và giá cả bị các nước đế quốc khống chế, để xây dựng nền kinh tế dân tộc độc lập và tự chủ. Cuộc đấu tranh đó còn phải tiếp tục và phải vượt qua nhiều khó khăn. Bọn đế quốc, trước hết là Mỹ, phản kích một cách tàn bạo và thâm độc.

Là vùng trung gian giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh là nơi tập trung những mâu thuẫn chủ yếu của thời đại và còn tiếp tục là nơi sẽ diễn ra những thay đổi to lớn hơn nữa. Do trình độ phát triển không đều của phong trào giải phóng dân tộc, nội dung đấu tranh cũng như nội dung giai cấp của phong trào dân tộc của mỗi nước cũng khác nhau. Nhưng đặc điểm chung của phong trào độc lập dân tộc ngày nay là nó « có xu thế ngày càng gắn liền với chủ nghĩa xã hội đóng vai trò rất quan trọng trong việc đưa thế giới quá độ lên chủ nghĩa xã hội » (3). Cách đây 54 năm, tại Đại hội 3 của Quốc tế cộng sản, Lê-nin đã dự đoán một cách thiên tài rằng « trong những cuộc chiến đấu quyết định nhất định sẽ đến của cách mạng thế giới, rõ ràng là phong trào đấu tranh của đại đa số dân cư trên trái đất lúc ban đầu hướng về giải phóng dân tộc, sẽ quay lại chống chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, và sẽ đóng vai trò cách mạng có lẽ quan trọng hơn là chúng ta nghĩ ». Bài học thắng Mỹ của nhân dân Việt-nam, việc nước Việt-nam độc lập, tự do và thống nhất tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, là sự chứng minh và bổ

(3) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

sung trong thực tiễn xu thế tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc mà Lê-nin đã nêu lên. Các dân tộc Á, Phi, Mỹ la tinh đã thức tỉnh mạnh mẽ, chĩa thẳng nòng súng và quả đấm vào chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ. Họ đang đấu tranh với ý thức liên minh đoàn kết ngày càng cao, với quy mô ngày càng lớn, với hình thức ngày càng phong phú. Điều đó cho thấy những khả năng cách mạng tiềm tàng rất to lớn của phong trào đó trong những năm sắp tới.

Cùng với phong trào giải phóng và độc lập dân tộc ở khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh, phong trào công nhân và phong trào hòa bình, dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa là một mũi tiến công trực tiếp đánh vào chủ nghĩa tư bản thế giới ngay tại sào huyệt của nó. « Giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển đang gánh vác nhiệm vụ vẻ vang trước lịch sử là đánh bại chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước ngay tại dinh lũy cuối cùng của nó, loại trừ vĩnh viễn chủ nghĩa tư bản ra khỏi đời sống xã hội ». (4)

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đi đôi với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật và sự khôi phục kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào công nhân và phong trào dân chủ ở các nước này đã có một bước thụt lùi tạm thời và bị chia rẽ. Từ giữa những năm 1960, nhịp độ cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật chậm lại. Suy thoái kinh tế bắt đầu. Cũng bắt đầu phình lên nạn lạm phát, mà một nguyên nhân chủ yếu là những chỉ tiêu quân sự ngày càng lớn mà ngân sách Mỹ phải bỏ ra do sự can thiệp ồ ạt trực tiếp vào các chiến trường Đông-dương. Trước tình hình đó, phong trào công nhân và phong trào dân chủ lại bùng lên. Cuộc tổng bãi công năm 1968 ở Pháp đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào công nhân. Tiếp đó là những đợt bãi công quy mô lớn chưa từng thấy liên tiếp nổ ra ở hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa. Phong trào ngày càng phát triển với quy mô rộng lớn và tính tổ chức cao, với nội dung phong phú và hình thức linh hoạt, làm nổi bật năng lực cách mạng vô cùng to lớn của giai cấp công nhân và các lực lượng dân chủ. Trong cuộc đấu tranh đó, họ đã từng bước thống nhất hành động trong thực tế, kết hợp ngày càng tốt đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị, đấu tranh quần chúng với đấu tranh ở nghị trường và các cơ quan khác của bộ máy Nhà nước tư sản. Ở một số nước tư bản chủ nghĩa, Đảng cộng sản đã trở thành một lực lượng chính trị lớn mạnh, tập hợp được ngày càng đông các lực lượng dân chủ và tiến bộ, tổ chức và lãnh đạo được những cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn, giành được những thắng lợi quan trọng trong các cuộc bầu cử cơ quan lập pháp và hội đồng địa phương. Ngay dưới những chế độ phát xít như ở Tây-ban-nha, hoặc Bồ-đào-nha trước đây, vẫn duy trì được một phong trào công nhân và phong trào dân chủ mạnh mẽ. Ủng hộ Việt-nam chống Mỹ xâm lược là một phong trào thống nhất hành động rộng lớn lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân hiếm có ở các nước tư bản chủ nghĩa. Để chống lại giai cấp tư bản lũng đoạn nhà nước và các công ty tư bản lũng đoạn nhiều nước, giai cấp công nhân ngày càng tăng cường sự đoàn kết quốc tế, các tổ chức công đoàn các nước ngày càng phối hợp hành động với nhau.

Đồng thời, với việc chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, bằng những thủ đoạn thực dân mới, tìm cách trút hậu quả của cuộc khủng hoảng lên đầu các nước chậm phát triển, đã

(4) Lê-Duẩn : Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

xuất hiện khả năng phối hợp đấu tranh trong một mặt trận chung giữa các dân tộc bị đế quốc áp bức bóc lột và công nhân lao động ở các nước đế quốc chủ nghĩa.

Cả ba dòng thác cách mạng ở ba khu vực của thế giới đều đang phát triển mãnh liệt, hợp thành cao trào cách mạng vĩ đại trên thế giới liên tục tiến công chủ nghĩa đế quốc từ nhiều phía.

Cuộc đấu tranh giai cấp ở quy mô toàn cầu đó diễn ra trên cơ sở sự phát triển như vũ bão của các lực lượng sản xuất được thúc đẩy bởi cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Đây là một sự kiện có ý nghĩa to lớn đối với sự tiến hóa của loài người, một bước nhảy vọt ghê gớm của trí tuệ loài người đi sâu khám phá những bí mật của vũ trụ. Từ đầu những năm 1970, người ta đã tính rằng cứ mười năm thì vốn hiểu biết của loài người lại tăng lên gấp đôi. Nhịp độ phát triển phi thường đó chắc chắn sẽ còn cao hơn nữa. Đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần này là sự phát triển nhịp nhàng của các ngành khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng, những thành tựu của nó nhanh chóng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Nó tạo ra những bước phát triển nhảy vọt về công suất máy móc thiết bị và năng suất lao động, mang lại những nguyên liệu, vật liệu mới, giúp bộ óc con người chỉ đạo, quản lý kinh tế, điều khiển sản xuất, kinh doanh, hướng dẫn hoạt động khoa học. Nó cung cấp thêm cho con người những khả năng to lớn giải quyết những vấn đề do cuộc sống và sự tiến hóa của mình đặt ra. Nó chứng tỏ rằng cái đang kìm hãm con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân không phải là giới hạn của trí tuệ mà là giới hạn của chế độ tư bản chủ nghĩa trong đó một bộ phận của loài người đang sống. Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần này càng chứng minh tính khoa học của thế giới quan và phương pháp luận Mác – Lê-nin. Những lực lượng sản xuất to lớn do nó tạo nên ngày càng phát triển nhanh chóng, phá vỡ cả thị trường đã co lại của thế giới tư bản chủ nghĩa và đòi hỏi cấp thiết phải làm nổ tung các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã quá chật hẹp không còn chứa đựng được nó. Khác với cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản đang ở thế đi lên, cuộc cách mạng kỹ thuật lần này chỉ có tác dụng tích cực rất hạn chế và tạm thời đối với chủ nghĩa tư bản. Trái lại nó mở ra những khả năng rất to lớn cho các nước xã hội chủ nghĩa đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

★

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, để đối phó với phong trào cách mạng thế giới và cứu vãn chế độ tư bản chủ nghĩa đang trong cơn hấp hối, chủ nghĩa tư bản chuyển nhanh thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước. Song trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật, trước sự tiến công của ba dòng thác cách mạng, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước càng khoét sâu thêm những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, đẩy nó lún sâu hơn vào cuộc tổng khủng hoảng. Cuộc

Digitized by Google

tổng khủng hoảng đó đã bước vào thời kỳ thứ ba, thời kỳ khủng hoảng toàn diện, kéo dài, ngày càng trầm trọng và không phương cứu chữa. Suy thoái kinh tế đi đôi với lạm phát kéo dài, khủng hoảng thương mại, khủng hoảng tiền tệ, khủng hoảng năng lượng và nguyên liệu; khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng đồng thời diễn ra gay gắt trong mỗi một nước và trong toàn bộ hệ thống đế quốc chủ nghĩa. Cuộc khủng hoảng đó vừa có tính từng nước vừa có tính quốc tế, làm cho **toàn bộ chủ nghĩa tư bản bị suy yếu nhanh chóng.** Đồng thời mâu thuẫn giữa các nước đế quốc chủ nghĩa ngày càng gay gắt. Các nước Tây Âu và Nhật-bản đã khôi phục và tăng cường sức mạnh, hình thành hai trung tâm công nghiệp, là hai đối thủ cạnh tranh lợi hại của Mỹ. Những cuộc «chiến tranh» tiền tệ, thương mại diễn ra kéo dài giữa Mỹ và các cường quốc tư bản chủ nghĩa khác.

Ở trung tâm cuộc tổng khủng hoảng của thế giới tư bản chủ nghĩa là cuộc tổng khủng hoảng của nước Mỹ đế quốc chủ nghĩa. Cùng với sự lớn mạnh chưa từng thấy của các nước xã hội chủ nghĩa và của cả ba dòng thác cách mạng nói chung, sự suy yếu chưa từng thấy của đế quốc Mỹ là điểm mới trong tình hình thế giới hiện nay. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ ra sức chuẩn bị chiến tranh thế giới mới, tìm mọi cách phản kích phong trào cách mạng hòng giành lại những vị trí đã mất và ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội; thi hành chủ nghĩa thực dân mới bằng nhiều thủ đoạn vừa thô bạo vừa tinh vi. Nhưng chúng đã bị thất bại trong âm mưu thực hiện vai trò sen đầm quốc tế và làm bá chủ thế giới. **Đế quốc Mỹ đã suy yếu nhiều về quân sự, chính trị, kinh tế, tài chính.** Suy thoái kinh tế, lạm phát kéo dài, đồng đô la mất giá, dự trữ vàng giảm sút, khủng hoảng lòng tin, nạn thất nghiệp, tệ nạn xã hội, tổ chức quân đội xộc xệch, nội bộ bọn cầm quyền xâu xé nhau v.v.... đó là bức tranh xám xịt của nước Mỹ ngày nay. Từ chỗ là cường quốc đế quốc chủ nghĩa số một, có sức mạnh áp đảo về kinh tế và quân sự trong «thế giới tự do», Mỹ đã mất một loạt ưu thế tuyệt đối về kinh tế và quân sự, về công nghiệp, về xuất khẩu và về tài chính mà cách đây không lâu nó đã giành được trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa. Mỹ không còn là người chỉ huy được răm rắp tuân theo trong những liên minh quân sự mà Mỹ đã lập ra và trong những tổ chức chính trị, kinh tế mà Mỹ đã từng khống chế gần như tuyệt đối. Khối Đông—Nam Á đã tan rã. Khối Bắc Đại-tây-dương luôn luôn lục đục và đang bị hở sườn. Tổ chức các nước châu Mỹ (OEA) quay ra chống Mỹ kịch liệt. Tại Liên hợp quốc Mỹ thường xuyên bị cô lập.

Sự suy yếu của đế quốc Mỹ là kết quả sự tác động của những mâu thuẫn bên trong của chế độ tư bản chủ nghĩa ở Mỹ, cũng như của cả hệ thống các nước đế quốc chủ nghĩa, và là kết quả những đòn tiến công của cả ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Cuộc chiến đấu lâu dài và thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt-nam đã là một nhân tố quyết định trực tiếp đẩy mạnh đà suy yếu của Mỹ, và qua đó, góp phần thúc đẩy cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới bước sang thời kỳ mới. **Thất bại hoàn toàn của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt-nam đánh dấu một bước ngoặt đi xuống của đế quốc Mỹ.** Ngày nay, những người quan sát và nghiên cứu có cách nhìn ít nhiều khách quan đều thừa nhận rằng còn lâu mới có thể đánh giá hết hậu quả của cuộc chiến tranh Việt-nam đối với đế quốc Mỹ. Có nhà kinh tế học Mỹ đã tính rằng Mỹ đã bị thiệt hại ở Việt-nam mấy trăm tỷ đô la. Nhưng tầm vóc lịch sử một

Digitized by Google

sự kiện như Việt-nam không thể đánh giá hết bằng tiền. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta đã chọc thủng phòng tuyến quân sự phản cách mạng của đế quốc Mỹ ở một nơi xung yếu, làm phá sản một chiến lược toàn cầu xâm lược, làm đảo lộn sự bố trí chiến lược của chúng trên thế giới, và do đó, cũng làm đảo lộn bố trí chiến lược của nhiều nước khác. Chiến trường Việt-nam đã chôn vùi uy tín khoa học quân sự của Mỹ, của quân đội Hoa-kỳ và bọn tướng lĩnh sừng sỏ nhất của chúng. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam như một phòng thí nghiệm mổ xẻ phơi bày toàn bộ bản chất phát xít của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Việt-nam như một tấm gương giúp đông đảo những người dân Mỹ bình thường thấy rõ chân tướng của những thế lực đang thống trị họ, của chế độ trong đó họ đang sống, một chế độ mà họ càng ngày càng hiểu rằng nó không thể vừa là phát xít một trăm phần trăm đối với nhân dân Việt-nam, lại vừa dân chủ và tiến bộ đối với nhân dân trong nước. Một biểu hiện tập trung của tính triệt để, tính thời đại, tính quốc tế của « vấn đề Việt-nam » là tác dụng « phân cực » của nó ngay trong xã hội nước Mỹ. Cuộc chiến đấu chính nghĩa và thắng lợi của nhân dân ta góp phần thức tỉnh nhân dân Mỹ và cách mạng hóa những lực lượng dân chủ, tiến bộ ở Mỹ. Nhà báo tư sản Mỹ có tiếng tăm Oan-tơ Lip-man đã đoán trước rằng nếu người Mỹ không cùng nhau giải thích và nhất trí được với nhau về bài học Việt-nam, thì nước Mỹ sẽ bị « xâu xé ra từng mảnh ». Lời tiên đoán đó đã được chứng minh một phần trong vụ Oa-tơ-ghết. Nhưng tên sen đầm quốc tế Mỹ không thể phân tích và rút ra một cách đầy đủ bài học Việt-nam mà không tự nó phủ định nó. Vì vậy mà Hen-ri Kít-xinh-giơ, linh hồn chính sách đối ngoại của Mỹ những năm vừa qua, vẫn cho rằng: « bất kể công chúng đánh giá sự dính líu của Mỹ ở Việt-nam như thế nào không thể coi nước Mỹ là đang rút lui khỏi thế giới », mà chỉ có vấn đề là « điều chỉnh lại vai trò thế giới của Mỹ cho thích hợp với môi trường mới » mà thôi.

Chiến lược của Mỹ trong « môi trường mới » những năm trước mắt là tập hợp các lực lượng đế quốc chủ nghĩa, giữ thế cân bằng ở những khu vực có sự tranh chấp giữa các nước lớn, đẩy lùi phong trào giải phóng ở những khu vực trọng yếu và củng cố hậu phương của chúng trước nguy cơ một cuộc khủng hoảng kinh tế và xã hội mới. Một mặt, chúng ra sức củng cố liên minh đế quốc chủ nghĩa dưới sự chỉ huy của Mỹ, ở Tây Âu bằng « chính sách Đại-tây-dương mới », ở châu Á bằng cách tăng cường vai trò đồng minh của Nhật-bản, buộc Nhật-bản và các nước Tây Âu phải chia bớt với Mỹ gánh nặng chuẩn bị chiến tranh, đồng thời qua đó, kìm hãm sự phát triển kinh tế và sức cạnh tranh của các nước này chống lại Mỹ. Chúng ra sức nắm lại các lực lượng phản động tay sai ở các khu vực, tuyên bố « dính líu một cách có lựa chọn », bắt các chính phủ tay sai phải « chia sẻ nghĩa vụ » với Mỹ, phải tự mình đảm đương việc chống lại các lực lượng cách mạng trong nước với viện trợ vũ khí và tiền của Mỹ. Mặt khác, Mỹ tiếp tục đẩy mạnh chính sách « hòa hoãn », mưu toan sử dụng ưu thế tương đối trên một số mặt nào đó về kinh tế và kỹ thuật để tác động đến chính sách đối nội và đối ngoại của một số nước xã hội chủ nghĩa: ra sức khoét sâu và tận dụng mâu thuẫn giữa các nước để phục vụ lợi ích chiến lược toàn cầu của chúng. Nhưng chính sách cơ bản và lâu dài của Mỹ vẫn là bạo lực. Chúng không từ bỏ, không giảm bớt mà vẫn đẩy mạnh chạy đua chuẩn bị chiến tranh thế giới bằng vũ khí hạt nhân. Tuy nhiên, với tình hình so sánh lực lượng ngày càng bất lợi cho chúng, đế quốc

Digitized by Google

Mỹ không thể không thấy rằng xông thẳng đến một cuộc chiến tranh thế giới lúc này là vô cùng nguy hiểm cho chúng. Ngúy cơ trực tiếp đối với các dân tộc là những cuộc phản kích cục bộ, những cuộc « chiến tranh nhỏ » mà Mỹ sẽ có thể tham gia một nửa và những chính biến phản cách mạng kiểu Chi-lê, Thái-lan do Mỹ tổ chức và thúc đẩy. « Ngân sách quốc phòng », tức là ngân sách chuẩn bị chiến tranh của Mỹ, vẫn tiếp tục tăng, trong năm tài chính hiện nay là trên 100 tỉ đô la. Ngân sách dành cho những hoạt động đen tối của CIA ở nước ngoài lên đến 7 tỉ đô la một năm.

Ở phương Đông, bị đánh bật khỏi đất liền sau thất bại ở Đông-dương, Mỹ đã lập phòng tuyến ngoài khơi, bao gồm một chuỗi căn cứ từ Nam Triều-tiên, Nhật-bản, Đài-loan, Phi-lip-pin.. trên Thái-bình-dương đến tận đảo Đi-ê-gô Gác-xi-a ở Ấn-độ-dương, dựa vào ưu thế tương đối của hải quân và không quân chiến lược, bù cho cái oai danh hão của lục quân Mỹ đã bị vùi sâu chôn chặt trên các đồng ruộng và núi rừng Việt-nam. Kết hợp với chiến lược quân sự là sự tăng cường xâm nhập thế giới thứ ba của các công ty tư bản lũng đoạn Mỹ và công ty nhiều nước do Mỹ khống chế, để tăng cường bóc lột theo lối thực dân mới, cạnh tranh với các nước tư bản chủ nghĩa khác và tranh giành ảnh hưởng với các nước xã hội chủ nghĩa. Bằng việc triển khai chiến lược kinh tế, Mỹ mưu toan đẩy mạnh sự nô dịch về kinh tế, biến các nước « đồng minh » trong khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh thành những nhà nước mà sự sống còn về kinh tế hoàn toàn lệ thuộc vào Mỹ, nhờ đó mà Mỹ nắm chặt được vận mệnh của họ về tất cả các mặt quân sự, chính trị và kinh tế. Vận dụng cùng một lúc chính sách « hòa hoãn », lợi dụng mâu thuẫn, đe dọa dùng vũ lực và mua chuộc bằng kinh tế, Mỹ đã thành công một phần ở Trung Đông, tạm thời chia rẽ được các nước A-rập, lôi kéo một bộ phận giới cầm quyền một số nước A-rập, cắm được người của Mỹ vào bán đảo Xi-nai.

Rõ ràng **đế quốc Mỹ tuy suy yếu nhiều vẫn rất ngoan cố và còn có sức theo đuổi chiến lược toàn cầu phản cách mạng. Nhưng cũng rõ ràng là, « sau Việt-nam », do các lực lượng cách mạng trên thế giới lớn mạnh hẳn lên, đế quốc Mỹ gặp những khó khăn và mâu thuẫn chưa từng có trong việc thực hiện chiến lược đó.** Sau thất bại ở Việt-nam, khả năng lựa chọn về chiến lược của Mỹ không còn nhiều. Khác với những lần thay đổi từ chiến lược ngăn chặn, giáng trả ồ ạt sang chiến lược phản ứng linh hoạt với ba loại chiến tranh, và từ chiến lược phản ứng linh hoạt sang « học thuyết Nich-xơn », sự điều chỉnh chiến lược lần này của Mỹ thực chất chỉ là một bước lùi của « học thuyết Nich-xơn », là « học thuyết Nich-xơn » bị tống cổ từ đất liền Đông-dương ra ngoài khơi đại lục châu Á. Ba cột trụ của « học thuyết Nich-xơn » là chia sẻ trách nhiệm, chính sách hòa hoãn và sức mạnh của Mỹ, nay vẫn là ba cột trụ chống đỡ chiến lược toàn cầu mới của Mỹ, nhưng sau thất bại ở Việt-nam, những cột trụ ấy càng bị lung lay. Với so sánh lực lượng về mọi mặt ngày càng không có lợi cho Mỹ, những chủ bài của Mỹ về quân sự, kinh tế, khoa học – kỹ thuật để thi hành « chính sách hòa hoãn », lợi dụng mâu thuẫn đối với các nước xã hội chủ nghĩa đã không mang lại hiệu quả như chúng mong muốn. Những đồng minh sừng sỏ của Mỹ trước đây đã khó bảo, nay vì Mỹ bị suy yếu thêm, nhất định sẽ càng cứng đầu cứng cổ thêm, họ cũng giành lại quyền độc lập của mình. Sự « khủng hoảng lòng tin » đối với đế quốc Mỹ từ nội bộ nước Mỹ đã lan rộng ra hàng ngũ những chính quyền thân Mỹ, nhất là trong các

Digitized by Google

nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Bằng chứng là khuynh hướng ly tâm xa rời « cực quyền lực » của Mỹ để đi theo con đường trung lập, đang phát triển.

Đế quốc Mỹ muốn sàng lọc lại hàng ngũ tay sai, để quyết định xem những trường hợp nào là « đáng cho Mỹ dính líu » mà không bị phản đối. Nhưng trong khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh ngày nay, không một tập đoàn cầm quyền nào theo Mỹ, trung thành với Mỹ mà lại không chống lại dân tộc, chống lại nhân dân và bị nhân dân chống lại. Cũng khó có thể có một vụ « dính líu » nào của Mỹ ở nước ngoài « sau Việt-nam » mà không bị nhân dân Mỹ phản đối. Nhỏ và chớp nhoáng như vụ tàu May-a-ghết ở Cam-pu-chia được chính quyền Pho — Kít-xinh-giơ ra công quảng cáo ầm ĩ để kích động tinh thần sô vanh của nhân dân Mỹ, mà rốt cuộc vẫn bị lên án kịch liệt ở ngay quốc hội Mỹ.

Cái ám ảnh các nhà vạch chiến lược Mỹ hiện nay khi họ cân nhắc một cuộc « dính líu » ở nước ngoài, là một trận xâu xé lẫn nhau trong nội bộ nước Mỹ như đã xảy ra và kéo dài suốt thời kỳ Mỹ xâm lược Việt-nam. Điều đó có nghĩa là cuộc chiến đấu và chiến thắng của nhân dân Việt-nam đã làm cho mọi chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, từ nay không còn tìm thấy hậu phương an toàn ngay cả trên đất Mỹ.

Những khó khăn và mâu thuẫn của Mỹ trong việc thực hiện chiến lược toàn cầu điều chỉnh là phản ánh đồng thời là sản phẩm thế suy yếu và bị động lúng túng chưa từng thấy của Mỹ trước cuộc tiến công từ nhiều phía của ba dòng thác cách mạng. Song, do bản chất không thay đổi của nó, chủ nghĩa đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ ý đồ làm sen đầm quốc tế. Điều đó đòi hỏi các lực lượng cách mạng phải nâng cao cảnh giác và tiếp tục chiến lược tiến công bằng sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng.

★

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, ba dòng thác cách mạng là hình thái tác động của cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư bản trên quy mô toàn thế giới. Mỗi một dòng thác là một lực lượng cụ thể tiến hành đấu tranh ở một khu vực của thế giới vì những mục tiêu trực tiếp không giống nhau và ở những quá trình phát triển khác nhau. Mỗi lực lượng có vị trí lịch sử riêng trong cuộc đấu tranh chung và quyết định trực tiếp chiều hướng phát triển của từng nước, từng khu vực, đồng thời tham gia quyết định chiều hướng phát triển chung của lịch sử loài người.

Sức mạnh tổng hợp của thời đại chính là kết quả sự kết hợp lực lượng của cả ba dòng thác và sự phối hợp các hình thức đấu tranh. Sức mạnh đó trong hơn nửa thế kỷ qua đã làm thay đổi hẳn cục diện trên trái đất ; đẩy lùi chủ nghĩa đế quốc từng bước và buộc chúng phải liên tiếp điều chỉnh chiến lược.

« Ba mươi năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là sau thắng lợi của cách mạng ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, trên thế giới đã xuất hiện một biến đổi mới trong sự so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng, một bước phát triển mới trong cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân

Digitized by Google

chủ và chủ nghĩa xã hội » (5). Tình hình mới đang tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn bao giờ hết để nhân dân thế giới **đẩy mạnh cuộc tiến công của cả ba dòng thác cách mạng**. Với sự cổ vũ và những kinh nghiệm phong phú của Việt-nam về đánh Mỹ và thắng Mỹ, phong trào độc lập dân tộc đang ở cái thế thừa thắng xông lên. Phong trào công nhân và phong trào dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa đang đứng trước một bước phát triển mới rất quan trọng. Đã và đang xuất hiện những hình thức đấu tranh vô cùng phong phú của quần chúng, dấu hiệu của một cao trào cách mạng trên quy mô thế giới. Đây là lúc nội dung mới tự mở đường xuyên qua những hình thức cũ, và những hình thức cũ có thể chứa đựng một nội dung cách mạng mới. Đây là bằng chứng của một thời kỳ mà cuộc sống của các dân tộc đang trải qua những bước nhảy vọt về chất. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam, với mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam hình thành trong thực tế và hướng mũi nhọn vào bộ phận chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc đã làm dấy lên cả một lực lượng tổng hợp của thời đại, đó là một hình thái tiến công mới về chiến lược, sách lược, về phương pháp đấu tranh, v.v... chưa từng thấy trong thời đại chúng ta.

Phong trào các nước không liên kết từ chỗ là một tổ chức có tính chất trung lập thụ động của giai cấp tư sản dân tộc cầm quyền ở một số nước mới giành được độc lập chính trị, vừa chống đế quốc vừa chống cộng sản, đã phát triển thành một phong trào rộng lớn, đầy tính chủ động sáng tạo của thế giới thứ ba, chịu ảnh hưởng ngày càng lớn của các nước thành viên xã hội chủ nghĩa. Phong trào không liên kết hiện nay mang một nội dung tích cực, nội dung chống chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, ngày càng hướng mũi nhọn vào đế quốc Mỹ, giành độc lập chính trị và độc lập kinh tế. Ở hội nghị Li-ma, tiếp theo hội nghị cấp cao An-giê rồi nghị hội Cô-lông-bô, một mặt trận quốc tế các nước không liên kết đã đi vào giai đoạn tổ chức, mở một cuộc tiến công toàn cầu vào hệ thống thế giới của chủ nghĩa thực dân mới trong các lĩnh vực năng lượng và nguyên liệu là hai lĩnh vực cốt tử đối với nền kinh tế công nghiệp tư bản phương Tây. Ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa phát triển đã có khả năng tập hợp các lực lượng cánh tả chung quanh một cương lĩnh chính trị cụ thể và đã giành được những thắng lợi đáng kể trong các cuộc vận động bầu cử vào các cơ quan lập pháp của chính quyền tư sản. Phong trào quần chúng phát triển khá mạnh trong những cuộc đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị rộng lớn. Phong trào thanh niên Thái-lan đánh sập chế độ độc tài Tha-nom — Pra-phạt, phong trào quần chúng kết hợp với các lực lượng yêu nước trong quân đội đánh đổ chủ nghĩa phát xít ở Bồ-đào-nha, thắng lợi kỳ diệu của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia... là những hiện tượng « mới ». Chưa bao giờ cuộc đấu tranh của hàng nghìn triệu quần chúng lại sáng tạo ra những hình thức tiến công cách mạng muôn màu nghìn vẻ như những năm gần đây, đòi hỏi các tổ chức tiên phong của giai cấp công nhân phải tổng kết và phát huy. Những lực lượng cách mạng mới xuất hiện ở khắp nơi trong thanh niên, trong trí thức, trong hàng ngũ quân đội của giai cấp thống trị. Chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước đang lâm vào cuộc tổng khủng hoảng toàn diện và sâu sắc chưa từng thấy. Nó hoàn toàn bất lực trước hàng loạt vấn đề sống còn của các dân tộc, của xã hội loài

(5) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

người đòi hỏi phải được giải quyết. Trong lĩnh vực sản xuất vật chất cũng như trong tất cả các lĩnh vực hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, hơn lúc nào hết, đây chính là lúc, như Lê-nin đã nói, « chủ nghĩa xã hội hiện ra ở tất cả các đầu đường của chủ nghĩa tư bản đương thời ». Quần chúng đông đảo ngày càng hướng về các đảng mác-xít — lê-nin-nít vì họ nhận ra : chỉ có chủ nghĩa xã hội khoa học mới giải quyết nổi những vấn đề nóng hổi đang đặt ra trước loài người. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang có những bước tiến rất lớn về mọi mặt trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Trước xã hội tư bản chủ nghĩa chìm sâu vào tổng khủng hoảng, chủ nghĩa xã hội vững vàng và lớn mạnh không ngừng trong thực tiễn đang tự chứng minh là tiền thân của cái mà nhiều học giả tiến bộ ở phương Tây thường gọi là « một nền văn minh toàn cầu » mà loài người đang tìm kiếm và phải tìm cho ra vì sự sống còn và phát triển của mình.

Giai cấp tư sản là giai cấp bóc lột cuối cùng trong lịch sử. Nó đã có một vai trò rất lớn trong lịch sử loài người, đã thay đổi cả bộ mặt trái đất bằng nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Nó đã bành trướng sự thống trị ra khắp năm châu. Nó có một bộ máy thống trị cực kỳ lợi hại của mấy trăm năm chuyên chính tư sản. Nó sẽ cố sức giẫy dụa trước khi chết.

Chủ nghĩa đế quốc Mỹ có ý thức giai cấp đầy đủ về trận chiến đấu cuối cùng này. Tuy đã suy yếu đi rất nhiều, nó vẫn còn thực lực của một tên đế quốc toàn cầu. Sự phản kích của nó sẽ điên cuồng và dai dẳng. Sta-lin đã phán đoán rằng đến khi nào các nước xã hội chủ nghĩa trở thành hệ thống thế giới trở lại bao vây các nước tư bản chủ nghĩa còn lại, thì nhiều vấn đề về chiến lược và sách lược phải được xem xét lại cho phù hợp với tình hình so sánh lực lượng đã biến đổi. Tình hình thế giới hiện nay chưa phát triển đến mức độ đó. Nhưng xu thế đã rõ ràng và không thể đảo ngược. Chiến lược tiến công đã đưa các lực lượng cách mạng thế giới đứng trước những khả năng phát triển thuận lợi hơn trước rất nhiều. Ngày nay **lại càng phải tiếp tục chiến lược tiến công**, để đẩy lên một cao trào cách mạng vĩ đại đẩy lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc, làm thất bại chiến lược toàn cầu mới và những cuộc phản kích của chúng, giữ vững hòa bình và tạo ra những bước phát triển mới.

Trong cuộc tiến công chung của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, bốn mục tiêu của thời đại gắn chặt với nhau.

Cuộc sống ngày càng khẳng định tính hiện thực của **khả năng ngăn ngừa chiến tranh thế giới, giữ gìn hòa bình lâu dài cho các dân tộc**, của chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau. Hòa bình không chỉ là kết quả của phong trào dân chủ chống chiến tranh, mà chủ yếu là kết quả của phong trào đấu tranh cách mạng của tất cả các lực lượng chống đế quốc, của chiến lược tiến công đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc, làm phá sản từng chính sách chiến tranh, làm thất bại bất cứ loại chiến tranh nào do đế quốc gây ra, tiến tới làm thất bại toàn bộ chính sách gây chiến của chúng. Bằng cách nâng cao cảnh giác, kiên trì đấu tranh, tổ chức và rèn luyện quần chúng trong đấu tranh cách mạng, các lực lượng cách mạng có khả năng làm thất bại mọi âm mưu gây chiến và xâm lược của bọn đế quốc.

Độc lập dân tộc là mục tiêu đầu tiên của nhân dân nhiều nước. Bằng chính sách thực dân mới và chiến lược toàn cầu phản cách mạng, đế

Digitized by Google

quốc Mỹ vẫn ra sức duy trì những vị trí thực dân của chúng, lôi kéo các nước độc lập dân tộc vào quỹ đạo của chúng, xâm phạm chủ quyền các nước, tìm cách chia rẽ và phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, độc lập dân tộc là một khẩu hiệu cách mạng đáp ứng đúng yêu cầu bức thiết của nhân dân các nước trên thế giới.

Dân chủ là một yêu cầu quan trọng gắn liền với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong các nước đang đấu tranh để vứt bỏ xiềng xích của chủ nghĩa thực dân, dân chủ là một nội dung cơ bản để động viên đông đảo quần chúng đứng lên chống đế quốc và tay sai, vì thế dân chủ trước hết phải là dân chủ của nhân dân lao động, lực lượng chủ yếu đấu tranh giành độc lập dân tộc. Trong các nước tư bản, đế quốc thì dân chủ là một khẩu hiệu đấu tranh cách mạng, là ngọn cờ tập hợp những lực lượng đông đảo trong nhân dân chung quanh giai cấp công nhân để đấu tranh nhằm đẩy lùi từng bước chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, giành thắng lợi bộ phận, tạo tiền đề và điều kiện để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội đã trở thành mục tiêu đấu tranh trực tiếp của tất cả các nước. Mọi phong trào độc lập dân tộc, dân chủ chân chính đều gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đều hướng tới chủ nghĩa xã hội. Con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội là con đường bảo đảm cho các dân tộc có độc lập thật sự, có dân chủ thật sự, có đời sống ấm no, hạnh phúc.

Dựa vào sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng, tiếp tục vận dụng đúng đắn chiến lược tiến công, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu của loài người là đế quốc Mỹ, giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước nhất định sẽ đưa cao trào cách mạng lên một bước mới, giành được những thắng lợi ngày càng to lớn trên con đường đấu tranh cho những mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, đi tới đánh đổ hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc trên thế giới.

Digitized by Google

XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHONG-CHÂU

Mỗi xã hội đều có một chế độ, một nền kinh tế, một nền văn hóa và những con người phù hợp với nó. Ở nước ta, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Cho nên, việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hồ Chủ tịch cũng nói: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa »(1).

I – CÁI « MỚI » CỦA CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Phải ở dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, con người mới có điều kiện để sống như một con người, mới có khả năng để trở thành con người mới thật sự. Cái « mới » của con người mới xã hội chủ nghĩa là một sự nhảy vọt từ tình trạng con người sống chưa hoàn toàn và đầy đủ như là con người sang tình trạng sống hoàn toàn và đầy đủ như là con người, một sự nhảy vọt từ địa hạt con người là con rối, là trò chơi trong tay các quy luật khách quan của tự nhiên, của xã hội sang địa hạt con người chủ động tìm nắm và tác động được vào các quy luật ấy. Cái « mới » của con người mới xã hội chủ nghĩa là ở chỗ *con người vĩnh viễn thoát khỏi giới động vật, thật sự làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.*

Hàng triệu năm, người vượn lang thang kiếm ăn ở trong rừng rậm. Nhờ sự phát triển của bàn tay, bộ óc và với quá trình lao động, vượn trở thành người. Con người ngày càng bỏ xa loài vật ở chỗ không « lợi dụng » giới tự nhiên mà bắt giới tự nhiên phục vụ những mục đích của

(1) Hồ-chí-Minh : *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 125.

Digitized by Google

mình, « thống trị » giới tự nhiên. Con người « in cái dấu của mình » vào giới tự nhiên ở tất cả những nơi mà mình có mặt. Đánh giá những kỳ công đó của con người, F. Ăng-ghen viết : « Chỉ có con người mới đạt được chỗ in cái dấu của mình vào giới tự nhiên, không chỉ bằng cách di chuyển thế giới thực vật và động vật từ chỗ này sang chỗ khác mà còn làm biến đổi cả diện mạo, khí hậu của nơi họ ở, làm biến đổi cả các thú vật và cây cỏ, và làm biến đổi tới một mức độ mà kết quả của hoạt động của họ chỉ có thể biến mất, khi nào toàn bộ trái đất bị tiêu vong ». (2)

Kể từ khi có xã hội loài người, hàng mấy nghìn năm đã trôi qua, con người lao động ở nhiều nơi vẫn chưa được làm chủ xã hội, làm chủ bản thân. Chế độ tư hữu về công cụ và tư liệu sản xuất, sự ra đời của các giai cấp bóc lột đã dẫn đến sự tha hóa con người dưới nhiều dạng vẻ. Dưới chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, con người phải làm việc vô cùng cực nhọc. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, trong điều kiện sản xuất cơ giới, người công nhân trở thành một vật phụ thuộc sống của những thiết bị bằng thép, phải bán sức lao động và là một thứ tư liệu sản xuất, một thứ hàng hóa của bọn chủ tư bản. Chạy theo lợi nhuận tối đa, giành giật thị trường, cướp đoạt nguyên liệu, giai cấp tư bản lũng đoạn không từ bỏ một hành động dã man nào đối với con người. Tự do buôn bán cạnh tranh được khuyến khích, nạn khủng hoảng, nạn lạm phát, nạn thất nghiệp luôn luôn đe dọa cuộc sống của những người lao động. F. Ăng-ghen đã phê phán cái xã hội « cá lớn nuốt cá bé », « người với người là chó sói với nhau » này : « Khi Đác-uyn chứng minh rằng sự tự do cạnh tranh, sự đấu tranh để sinh tồn, — mà các nhà kinh tế học cho là một thành tích vĩ đại nhất của lịch sử, là một trạng thái bình thường của *giới động vật*, thì ông cũng không ngờ rằng như thế là ông đã châm biếm chua chát như thế nào nhân loại, nhất là đồng bào của ông ». Và F. Ăng-ghen nhấn mạnh : « Chỉ có tổ chức nền sản xuất xã hội một cách tự giác — tổ chức sao cho sản xuất và phân phối đều được kế hoạch hóa, — thì mới nâng con người lên trên giới động vật về mặt xã hội, cũng như bản thân sự sản xuất đã nâng con người lên trên giới động vật về mặt chủng loại. » (3)

Lời chỉ dẫn của F. Ăng-ghen mãi đến thế kỷ thứ 20 mới được Đảng của giai cấp vô sản ở hơn mười nước thực hiện thắng lợi. Ước mơ của loài người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa đã thành hiện thực. Lật đổ chính quyền phản động, xây dựng chính quyền chuyên chính vô sản, nhân dân lao động đứng đầu là giai cấp công nhân, từ những giai cấp bị trị trở thành những giai cấp nắm quyền làm chủ xã hội. Với chủ nghĩa xã hội, đúng như F. Ăng-ghen nói : « Một khi xã hội đã nắm quyền sở hữu các tư liệu sản xuất, thì nền sản xuất hàng hóa cũng bị tiêu diệt, và do đó tình trạng sản phẩm chi phối người sản xuất cũng bị tiêu diệt. Tình trạng vô chính phủ trong nội bộ nền sản xuất xã hội được thay thế bằng sự tổ chức có kế hoạch và có ý thức. Cuộc đấu tranh để sống còn của cá nhân chấm dứt. Nói theo một ý nghĩa nào đó, thì như thế là lần đầu tiên con người vĩnh viễn thoát khỏi giới động vật, chuyển từ những điều kiện sinh sống của loài vật lên những điều kiện thật sự là của loài người. Những điều kiện sinh sống chung quanh người ta, từ trước đến nay vẫn chi phối người ta, giờ đây

(2) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 2, trang 85.

(3) C. Mác và F. Ăng-ghen : Sách đã dẫn, trang 87.

Digitized by Google

sẽ do người ta chi phối và kiểm soát; lần đầu tiên con người trở thành người chủ thật sự và có ý thức đối với tự nhiên, bởi vì họ đã trở thành những người chủ cuộc sống của chính mình ở trong xã hội. (...) Đó là bước nhảy vọt của loài người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do». (4) Đồng chí Lê-Duẩn đã đánh giá cao bước nhảy vọt này: «... một bước nhảy vọt vĩ đại nhất từ chế độ người bóc lột người từng tồn tại mấy nghìn năm nay sang chế độ làm chủ tập thể của người lao động. Đó là chế độ làm chủ cao nhất của loài người từ xưa đến nay, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.» (5)

Khái quát hóa toàn bộ lịch sử của loài người, từ khi con người xuất hiện cho đến lúc xã hội không còn có giai cấp bóc lột, là xã hội xã hội chủ nghĩa rồi cộng sản chủ nghĩa, con đường đấu tranh giành lấy quyền sống như một con người rõ ràng cũng là con đường đấu tranh giành lấy cái «mới» cho con người để xây dựng lên những con người mới thật sự, những con người lao động làm chủ tập thể. Con người mới xã hội chủ nghĩa gắn chặt với chủ nghĩa xã hội, với giai cấp công nhân. Chỉ có giai cấp công nhân mới lãnh đạo được nhân dân lao động đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản, xây dựng một xã hội không có người bóc lột người, mới làm được sứ mệnh lịch sử giải phóng loài người, cải tạo thế giới. Giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa là mẫu hình của con người mới.

II — THẾ NÀO LÀ CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM?

«Con người mới xã hội chủ nghĩa là con người Việt-nam mới mà những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản. Đó cũng là sự kết tinh và phát triển những gì cao đẹp nhất trong tâm hồn và cốt cách Việt-nam hun đúc qua bốn nghìn năm lịch sử». (6) Nội dung cụ thể của con người mới, phẩm chất, điều kiện cần phải có của con người mới có thể liệt kê ra rất nhiều, song đi sâu vào những đặc trưng nói trên, chúng ta cũng đủ hình dung và khắc họa lên con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam trước hết là *con người làm chủ tập thể*. Nội dung của làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt: làm chủ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân; làm chủ trong phạm vi cả nước, trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở; kết hợp hữu cơ quyền làm chủ tập thể với quyền tự do chân chính của từng người. Tư tưởng làm chủ tập thể mà chúng ta xây dựng là tư tưởng làm chủ tập thể trên lập trường giai cấp công nhân. Nó không những chống lại ý thức làm chủ cá thể của bọn tư bản và của những người sản xuất nhỏ, mà còn chống lại cả tư tưởng «tập thể» theo lối phường hội,

(4) F. Ăng-ghen: *Chống Đuy-rinh*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 482 — 483.

(5) Lê-Duẩn: *Đảng lao động Việt-nam người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cuộc cách mạng Việt-nam*, tạp chí Học tập, số 2-1975, trang 18.

(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

đem tập thể nhỏ của mình tách rời sự lãnh đạo tập trung của Nhà nước vô sản, đem lợi ích của tập thể này đối lập với lợi ích của tập thể kia. Con người mới làm chủ tập thể là con người biết giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, biết đặt lợi ích của tập thể, lợi ích của xã hội lên trên hết. Đó là con người trung thành vô hạn với sự nghiệp của giai cấp công nhân và dân tộc, sống và làm việc theo tinh thần làm chủ tập thể « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người ». Con người mới làm chủ tập thể kịch liệt phản đối tư tưởng thu vén cho cá nhân, tư tưởng nặng về đòi quyền lợi, nhẹ về mặt nghĩa vụ, nặng về đòi hưởng thụ, nhẹ về mặt cống hiến, tư tưởng kể công với Đảng, với dân, tinh thần vô trách nhiệm trước công việc chung v.v... Chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù không đội trời chung của tư tưởng làm chủ tập thể.

Con người mới làm chủ tập thể là con người có cuộc sống tập thể và cá nhân hài hòa và phong phú nhất. Không phải vì đề lợi ích tập thể lên trên hết mà con người mới không được quyền nghĩ đến cuộc sống cá nhân, gia đình, đến sự phát triển toàn diện cá nhân, phát huy sở trường và năng khiếu cá nhân. Chính trong quá trình phát huy quyền làm chủ tập thể, cá nhân con người được phát triển toàn diện, con người có điều kiện tự do tìm tòi, sáng tạo, phát huy sở trường năng khiếu của mình. Người cộng sản là người nhận thức sâu sắc hơn ai hết chân lý : « Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người. » (7)

Con người mới làm chủ tập thể là con người có tư tưởng và tình cảm cao đẹp, được vũ trang bằng thế giới quan Mác — Lê-nin, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa. Với thế giới quan Mác – Lê-nin, một thế giới quan khoa học tiên tiến nhất của thời đại, một thế giới quan thù địch với mọi thế lực phản động và mê tín, hoàn toàn tin tưởng vào sức mạnh vạn năng của trí tuệ con người, con người mới mở rộng tầm mắt nhìn vũ trụ, nhìn thế giới, nhìn con người, dũng cảm tiến lên phía trước làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Với nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, con người mới hăng say sống và hành động thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, có một tình thương yêu sâu sắc đối với đồng bào, đồng chí đối với nhân dân lao động nước mình, và trên thế giới. Đối với gia đình, con người mới có trách nhiệm đầy đủ và tình yêu chân thật trong quan hệ vợ chồng, có trách nhiệm cao đối với việc xây dựng con cái mình thành những con người mới.

Trách nhiệm làm chủ tập thể rất nặng nề đòi hỏi con người mới phải có tri thức, năng lực làm chủ, có thể lực tốt. Xã hội tiến lên không phải theo chủ quan của con người mà là theo quy luật khách quan. Thiên nhiên, bản thân con người cũng vận động theo quy luật. Muốn làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, con người mới phải *tìm hiểu, nắm vững quy luật* của xã hội, của thiên nhiên, của tư duy... Nắm quy luật chưa đủ, còn phải *nắm thực tiễn ;* thực tiễn rất sinh động, diễn biến thay đổi từng phút, từng giờ. Muốn nắm được quy luật, thực tiễn, *cần có tri thức* về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật. Nếu không có tri thức thì dù có thực tiễn, chúng ta vẫn không nhìn thấy được đúng đắn và sâu sắc, sự vật vận động lặp đi lặp lại hàng ngày trước mắt mà vẫn không tìm ra quy luật. Đối với đảng viên, nắm được quy luật, nắm được thực tiễn, hai mặt đó

(7) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 81.

Digitized by Google

rất cần nhưng chưa đủ, còn phải biết *đề ra nhiệm vụ, chủ trương chính sách đúng*, biết *tổ chức thực hiện*, nghĩa là phải tạo ra phương tiện để thực hiện chủ trương, đường lối đó và làm cho mọi người *có nhiệt tình cách mạng cao*, giáo dục, thuyết phục, vận động quần chúng say sưa làm cách mạng. Để thực hiện những ước mơ, hoài bão, đấu tranh không mệt mỏi cho lý tưởng, con người mới cần có một sức khỏe dồi dào. Muốn làm tốt những điều đó, chúng ta phải đứng vững trên lập trường vô sản, chống chủ nghĩa cá nhân. « Nếu đứng trên lập trường tư sản thì không nắm được quy luật cách mạng xã hội chủ nghĩa, và dù có nắm được kỹ thuật thì cũng là để phục vụ cho giai cấp tư sản; nếu đứng trên lập trường tư sản thì đường lối sẽ khác, việc tổ chức thực hiện cũng sẽ khác và không thể động viên được nhiệt tình cách mạng của quần chúng ». (8)

Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam là *con người yêu lao động*. Lao động bao giờ cũng là nguồn sống của xã hội. Xã hội nô lệ tồn tại chủ yếu trên lao động thặng dư của những người nô lệ, xã hội phong kiến tồn tại chủ yếu trên địa tô do nông dân tạo ra, xã hội tư bản chủ nghĩa trên giá trị thặng dư do vô sản tạo ra. Chủ nghĩa xã hội là sự thay thế lao động làm thuê bằng lao động cho mình, cho xã hội do mình làm chủ. Đó là sự thay đổi cực kỳ lớn lao trong lịch sử loài người. Lao động lại càng có ý nghĩa sâu sắc đối với nước ta, một nước vừa trải qua ba mươi năm chiến tranh ác liệt, từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, lao động là điều kiện để phát triển nhân cách, hình thành và củng cố những phẩm chất cao đẹp của con người mới xã hội chủ nghĩa. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, lao động là một phạm trù đạo đức biểu hiện trên ba mặt : lao động là *phương tiện* hình thành các phẩm chất đạo đức của nhân cách, lao động là *hình thức* biểu hiện của các phẩm chất này, lao động là *tiêu chuẩn* về giá trị đạo đức của nhân cách.

Cho nên, con người mới phải có *quan điểm lao động đúng đắn*. Như trên vừa nói, xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội của những người lao động tự do, trong đó lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội là nhất trí, lợi ích của mỗi người lao động cùng gia đình mình với lợi ích của tập thể sản xuất và lợi ích của Nhà nước là nhất trí. Với tư cách là người làm chủ đất nước, mỗi người không phải làm việc cho mình, cho « bà con thân thuộc » của mình mà cho cả những « bà con xa » nghĩa là cho toàn xã hội. Xã hội giàu có, từng người mới sung túc. Xã hội chăm lo đời sống cho từng người; từng người phải làm việc hết sức mình cho xã hội. Con người mới phải coi lao động vì lợi ích chung của xã hội là *quyền lợi và nghĩa vụ vẻ vang* của mình.

Con người mới còn cần có *thái độ lao động mới*. Đó là thái độ lao động của con người làm chủ tập thể, hết sức trân trọng lao động của người khác, chăm lo sự phát triển toàn diện của mọi người lao động, hết sức quý trọng và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, tự giác lao động với một nhiệt tình cách mạng cao, lao động dũng cảm, sáng tạo, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, có ý thức tập thể và tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, lao động với tinh thần thi đua xã hội chủ nghĩa, có tinh thần không ngừng học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt để có cống hiến ngày càng nhiều cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thái độ lao động mới

(8) Lê-Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập I, trang 482.

Digitized by Google

hoàn toàn xa lạ với tư tưởng làm thuê, tác phong « công chức » sớm dạp xe đi, chiều đạp xe về, công việc dến đâu hay đến đó, nước chảy bèo trôi; nó chống lại mọi biểu hiện tự do vô kỷ luật, vô trách nhiệm trong lao động và trong cuộc sống hàng ngày; nó kịch liệt phản đối tư tưởng con buôn, nói dối làm dối, làm láo báo cáo hay, lừa trên dối dưới và mọi hình thức quan liêu giấy tờ, xa rời sản xuất, xa rời thực tế.

Những quan điểm và thái độ lệch lạc đối với lao động bám rễ ăn sâu vào con người ta, còn tác động một thời gian dài trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Trước mắt, cần « đấu tranh để xóa bỏ tận gốc ý thức làm thuê, đấu tranh chống cái thói cũ nhìn lao động bằng con mắt của người nô lệ, cái thói chỉ biết lo làm sao trút bớt gánh nặng cho mình được chừng nào hay chừng nấy, làm sao lấy được của xã hội, của Nhà nước nhiều chừng nào hay chừng nấy » (9). Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội thường lợi dụng những mặt non kém này của những người lao động để phá hoại chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cần một mặt đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng cho người lao động, một mặt thông qua việc hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cải tạo quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất để mọi người tích cực lao động, làm thêm thật nhiều của cải cho xã hội.

Con người mới xã hội chủ nghĩa là *con người yêu nước xã hội chủ nghĩa*. Từ năm 1930 đến nay, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản, nhân dân ta đã làm cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, đánh bại hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ. Ngày nay, Tổ quốc ta là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Dưới ánh sáng của Đại hội lần thứ IV của Đảng, cả nước đang chuyển mình tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Dân tộc và chủ nghĩa xã hội thống nhất làm một. Đối với người Việt-nam, yêu nước là yêu nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội, đó là lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa biểu hiện ở tinh thần tự hào dân tộc chính đáng: tự hào về Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình ngày nay liền một dải từ Cao-lạng đến Minh-hải, sạch bóng quân thù, có một lịch sử hết sức vẻ vang, có nền móng vững chắc, có tài nguyên phong phú, có tiềm lực dồi dào; tự hào về Đảng quang vinh của mình, một Đảng Mác — Lê-nin vững mạnh, một Đảng trải qua nhiều thử thách, một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế; tự hào về nhân dân anh hùng của mình cần cù lao động, dũng cảm chiến đấu, thông minh sáng tạo, hàng nghìn năm nay đã đổ bao mồ hôi và xương máu để xây dựng và bảo vệ đất nước; tự hào về quân đội bách chiến bách thắng của mình, phát huy truyền thống của Bạch-đằng, Chi-lăng, Đống-đa lập những chiến công oanh liệt từ trận Điện-biên-phủ đến chiến dịch Hồ-chí-Minh, viết lên những bản anh hùng ca kỳ diệu của chiến tranh cách mạng Việt-nam; tự hào có Chủ tịch Hồ-chí-Minh, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, ngày nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, người vun trồng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, lãnh tụ vĩ đại vô cùng kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân ta, của toàn thể dân tộc Việt-nam, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc.

(9) Lê-Duẩn: Sách đã dẫn, tập 2, trang 529.

Digitized by Google

Lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa biểu hiện ở nhận thức sâu sắc và quyết tâm cao xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho nhân dân lao động quyền làm chủ thật sự và đầy đủ nhất. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ước mơ lâu đời của nhân dân lao động là vĩnh viễn thoát khỏi cảnh bị áp bức, bóc lột, đói rét, lầm than để sống một cuộc sống mãi mãi no cơm, ấm áo, một cuộc đời văn minh hạnh phúc. Chỉ có chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc Việt-nam mới có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, để mãi mãi độc lập và mãi mãi phồn vinh. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vô cùng to lớn và khó khăn. Song, con người mới phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động, luôn luôn giữ vững khí thế tiến công, không chùn bước trước bất cứ một khó khăn, trở ngại nào, tin tưởng bằng lao động sáng tạo sẽ rũ sạch mọi tàn tích của cuộc sống ăn bám, cảnh phồn vinh giả tạo, biến nguồn tài nguyên phong phú của đất nước thành nguồn của cải bất tận của nhân dân, đem lại một cuộc sống ngày càng tươi đẹp cho nhân dân.

Lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa biểu hiện bằng hành động « thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ », chiến đấu dũng cảm, ngoan cường bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả lao động của nhân dân, lao động hăng say, đem hết sức lực, trí tuệ và tài năng ra xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Con người mới suốt đời phấn đấu thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam còn là *con người có tinh thần quốc tế vô sản*. Cách mạng nước ta là một bộ phận hữu cơ của phong trào cách mạng thế giới. Mỗi bước thắng lợi của cách mạng nước ta đều gắn liền với quá trình phát triển của các trào lưu cách mạng thế giới, chịu ảnh hưởng trực tiếp của các trào lưu đó và góp phần thúc đẩy các trào lưu đó phát triển. Thắng lợi trọn vẹn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước gắn liền với sự ủng hộ chí tình và sự giúp đỡ to lớn của anh em bầu bạn khắp năm châu. Thắng lợi của nhân dân ta cũng góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của các dân tộc, vào sự lớn mạnh không ngừng của các lực lượng cách mạng trên thế giới. Tinh thần quốc tế vô sản là một phẩm chất không thể thiếu được của con người mới.

Thấm nhuần lời dạy của Hồ Chủ tịch : « Quan sơn muôn dặm một nhà, Bốn phương vô sản đều là anh em », con người mới đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp giải phóng giai cấp, sự nghiệp giải phóng loài người, chống mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa và mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản.

Con người mới nghiêm chỉnh thực hiện Lời Di chúc của Hồ Chủ tịch và lời thề của toàn Đảng, toàn dân khi vĩnh biệt Người: Luôn luôn phát huy tình cảm quốc tế trong sáng của Hồ Chủ tịch, hết lòng góp sức vào việc khôi phục và tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và giữa các Đảng anh em, trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản ; thắt chặt tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc Đông-dương ; ra sức ủng hộ phong trào cách mạng của nhân dân các nước, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Con người mới xã hội chủ nghĩa mang những đặc trưng : làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế vô sản, rõ ràng là sản phẩm của một thời đại mới, thời đại bão táp cách mạng, thời đại thắng lợi của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Mỗi một đặc trưng là một

Digitized by Google

động lực tinh thần thúc đẩy con người vươn tới chân trời cao đẹp. Những đặc trưng này hỗ trợ lẫn nhau, quan hệ hữu cơ với nhau. Con người mới không thể thiếu bất cứ một đặc trưng nào.

Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam sinh ra và lớn lên trong thời đại Hồ-chí-Minh vẻ vang, cùng với đà tiến lên của đất nước, sẽ ngày càng phát triển toàn diện, vừa có nét độc đáo Việt-nam, vừa hấp thu những tinh hoa của nền văn minh nhân loại và ngày càng làm vẻ vang cho thời đại Hồ-chí-Minh.

III — LÀM THẾ NÀO ĐỂ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM ?

« Con người là sản phẩm của các quan hệ xã hội. Phải bằng kết quả tổng hợp của cả ba cuộc cách mạng, phải thông qua hoạt động thực tiễn, thông qua lao động và đấu tranh thì con người mới cải tạo được mình và dần dần trở thành con người mới. Việc tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới phải xuất phát từ yêu cầu xây dựng con người mới, phải nhằm bảo đảm những điều kiện cần thiết để đẩy mạnh việc xây dựng con người mới. » (10)

Luận điểm trên chỉ rõ vị trí, ảnh hưởng, tác động qua lại của ba cuộc cách mạng trong việc hình thành và xây dựng con người mới. Con người mới là người lao động làm chủ tập thể, chỉ có thể sinh ra, tồn tại và phát triển trên cơ sở quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng con người mới gắn liền với việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, gắn liền với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất. Xét đến cùng, việc xây dựng, củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa lại do việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội quyết định. Cho nên, việc xây dựng con người mới cũng gắn liền với cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật. Thay đổi tồn tại xã hội là điều kiện cơ bản để thay đổi ý thức xã hội, nhưng thay đổi ý thức tư tưởng con người, cải tạo con người không phải và không thể là một quá trình tự phát. Do đó, phải tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hóa nhằm thay đổi căn bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hóa của toàn xã hội, của đông đảo quần chúng nhân dân. Việc xây dựng con người mới rõ ràng không thể tách rời với cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa. Xem vậy, ba cuộc cách mạng là cơ sở vật chất và tinh thần của sự ra đời và trưởng thành của con người mới.

Ba cuộc cách mạng chính là cơ sở khách quan, còn con người muốn trở thành con người mới cần có những nỗ lực chủ quan, kiên trì tu dưỡng bản thân, rèn luyện để tự cải tạo mình. Nhân dân Việt-nam vừa trải qua một cuộc thử thách ghê gớm, được tôi luyện trực tiếp trong khói lửa của hai cuộc kháng chiến ròng rã ba mươi năm trời. Trên trận tuyến mặt giáp mặt với quân thù vô cùng tàn bạo, rất xảo quyệt, chúng ta đã tỏ ra là những con người có nhiều phẩm chất cao đẹp, có bản lĩnh kiên cường. Chúng ta đã đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới ở ngay trên đất nước mình. Hai cái « thây ma » ấy đã và đang làm ô nhiễm không ít môi

(10) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

trường sống của nhân dân ta. Thêm vào đó, những tập quán của nền sản xuất nhỏ có từ hàng nghìn năm nay cũng đang đè nặng lên mỗi người lao động. Đảng, Nhà nước, các đoàn thể sẽ giúp chúng ta gột rửa những vết bùn nhơ của chế độ cũ đi, song điều quan trọng là mỗi một người phải kiên quyết rửa sạch những vết bùn và không bao giờ vấy bùn lại. Quá trình tu dưỡng bản thân, tự cải tạo mình là một quá trình đấu tranh tư tưởng gian khổ, lọc sạch những tư tưởng, tình cảm phi vô sản, trái với phẩm chất của con người mới, lắng đọng những tư tưởng, tình cảm tốt đúng với những đặc trưng của con người mới nói trên. Phương pháp tu dưỡng bản thân không phải là đóng cửa, ngồi nhà đọc sách, nghiền ngẫm lẽ xử thế ở đời trên các trang sách mà là lao mình vào các phong trào đấu tranh, lao động, thông qua các hoạt động thực tiễn mà thử thách, rèn luyện mình, khắc phục những thiếu sót sai lầm, củng cố, phát huy những ưu điểm, tích lũy những kinh nghiệm hay xử lý đúng các mối quan hệ trong xã hội. Nói như thế không phải là coi nhẹ khâu học tập ở nhà trường, khâu giáo dục ở gia đình. Song, học tập ở nhà trường, giáo dục ở gia đình cuối cùng cũng vẫn phải thông qua lao động, đấu tranh xã hội mà rèn luyện con người.

Việc xây dựng con người mới không loại trừ một ai. Chúng ta phải xây dựng con người mới ngay từ lúc mới lọt lòng mẹ. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: «Con người mới là sản phẩm của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Song, con người mới phải được đào tạo ngay từ bây giờ, từ những dòng sữa tươi mát đầu tiên, từ những sự chăm sóc đầu tiên của gia đình và xã hội, từ những niềm âu yếm, những lời khuyên bảo dỗ dành v.v... của người mẹ, người cha khi còn tấm bé»(11). Chúng ta phải xây dựng con người mới từ những con người ra đời trong chế độ mới và những con người do chế độ cũ để lại. Xây dựng con người mới là vừa xây dựng cái mới, vừa đấu tranh xóa bỏ cái cũ. Cho nên, già trẻ, lớn bé, ai cũng phải phấn đấu tu dưỡng và được hưởng sự quan tâm giúp đỡ tu dưỡng của xã hội để trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng con người mới là một công việc rất công phu, phải được tiến hành một cách có tổ chức, có kế hoạch trên quy mô toàn xã hội và đối với từng người một. Phải tích cực và từng bước bảo đảm việc xây dựng con người mới trong từng cơ sở sản xuất, trong cơ quan, trong trường học, trong nhà trẻ, lớp mẫu giáo, lớp vỡ lòng, trong cơ quan nghiên cứu khoa học, trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, các tổ chức bảo vệ sức khỏe, trong khu phố, trong thôn xóm, trong gia đình... Quân đội là trường học lớn có khả năng và điều kiện rèn luyện hàng vạn thanh niên trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa, vừa là những chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc kiên cường vừa là những người lao động làm chủ tập thể. Công đoàn là «trường học của chủ nghĩa cộng sản», có vai trò to lớn trong việc xây dựng con người mới đối với giai cấp công nhân. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ-chí-Minh, cánh tay đắc lực và đội hậu bị tin cậy của Đảng thu hút hàng triệu đoàn viên có trách nhiệm lớn rèn luyện thanh niên thành những con người mới... Chúng ta cần khai thác, sử dụng sức mạnh, khả năng của các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản, từ các tổ chức Đảng, Nhà nước đến các tổ chức quần đội, các đoàn thể nhân dân để xây dựng con người mới.

Chúng ta phải có một tập hợp rộng lớn của biện pháp về nhiều mặt: tư

(1) Lê-Duẩn: Sách đã dẫn, tập 2, trang 568.

Digitized by Google

tưởng và tổ chức, giáo dục và hành chính, chính trị và văn hóa, pháp chế và kinh tế... Chúng ta cần đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa: tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng làm cho chủ nghĩa Mác — Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống chính trị và tinh thần của toàn dân, làm cho đường lối, chính sách của Đảng thấu suốt trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, tiến hành đấu tranh chống tư tưởng và văn hóa phản động của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và nói chung của giai cấp bóc lột, xây dựng một nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước, đẩy mạnh sự nghiệp phát triển khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao lên một bước mới...

Việc xây dựng con người mới phải được tiến hành thường xuyên và liên tục, bền bỉ đồng thời phải có các đợt vận động đặc biệt, các phong trào với những mục tiêu cụ thể và thích hợp với từng đối tượng như đẩy lên phong trào thi đua lao động, sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, phong trào làm thủy lợi, phong trào đi xây dựng vùng kinh tế mới v.v...

Cả xã hội Việt-nam phải xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa thì trước hết đảng viên cộng sản phải là con người mới. Hơn một triệu rưỡi đảng viên chúng ta, quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, tiến hành ba cuộc cách mạng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng thì cách mạng nhất định là ngày hội tưng bừng của quần chúng, đảng viên chúng ta và đông đảo quần chúng nhất định trở thành những con người mới xã hội chủ nghĩa thật sự. Cách mạng sẽ chắp cánh cho chúng ta bay và nâng chúng ta lên ngang với tầm cao của thời đại.

Digitized by Google

Đưa công tác quản lý xí nghiệp vào nề nếp và cải tiến một hước

NGUYỄN-THIỆN-CHÍ

Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh là đơn vị cơ sở trực tiếp sản xuất ra sản phẩm, tăng thêm của cải vật chất cho xã hội, đồng thời tham gia tích lũy vốn cho Nhà nước và góp phần tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân, hoạt động theo kế hoạch của Nhà nước và nằm trong sự cân đối chung của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đồng thời xí nghiệp là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế, bảo đảm hiệu quả kinh tế cao. Do đó mỗi xí nghiệp phải xác định được vị trí, trách nhiệm của mình và tích cực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ. Dương nhiên để bảo đảm cho xí nghiệp hoàn thành kế hoạch sản xuất với mức cao nhất, các cơ quan Nhà nước, các ngành, bộ chủ quản phải giúp đỡ tích cực cho xí nghiệp về nhiều mặt, nhất là về những phương tiện vật chất cần thiết.

Hơn 20 năm qua, cùng với việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã từng bước ban hành các chế độ, thể lệ, chính sách quản lý kinh tế nói chung, quản lý công nghiệp và quản lý xí nghiệp nói riêng, đồng thời đã liên tục mở một số cuộc vận động: « phát động quần chúng nâng cao tinh thần làm chủ xí nghiệp » (1957 — 1959); « 3 xây, 3 chống »; và từ năm 1970 lại đây đã tiến hành cải tiến quản lý xí nghiệp ở một số xí nghiệp trọng điểm, nhằm rút ra những kinh nghiệm làm cơ sở cho công tác cải tiến quản lý công nghiệp và xí nghiệp công nghiệp.

Đến nay, những xí nghiệp đã tiến hành cải tiến quản lý nói chung đều có tiến bộ trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như trong việc chấn chỉnh lại tổ chức sản xuất, phát huy năng lực thiết bị, vật tư, sức lao động hiện có và khôi phục lại nề nếp quản lý. Mặt khác chúng ta đã cải tiến công tác quản lý của các cấp trên xí nghiệp. Chính qua việc cải tiến một cách đồng bộ và có hệ thống đó, chúng ta đã thu được một số kết quả bước đầu trong việc tổ chức sản xuất, đưa quản lý xí nghiệp đi vào nề nếp và đã bắt đầu làm thử việc mở rộng có mức độ quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp,

Digitized by Google

tạo điều kiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước những năm 1973, 1974, 1975, 1976.

★

Quản lý có nề nếp là một yêu cầu cấp bách khách quan. Cơ sở của việc quản lý có nề nếp là tiến hành quản lý theo đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đường lối, chủ trương, chính sách ấy phải được thể hiện bằng những sắc lệnh, nghị định, chế độ, thể lệ, định mức... của Nhà nước và những quy định cụ thể của các cơ quan quản lý có trách nhiệm. Những cái đó phải được đề ra một cách toàn diện, có hệ thống, ăn khớp và đồng bộ. Vì vậy quản lý có nề nếp không đơn thuần chỉ là trách nhiệm của xí nghiệp; nó đòi hỏi các cơ quan chính quyền có trách nhiệm từ trung ương đến địa phương phải tùy theo vị trí, chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cơ quan mà soát xét, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh và hệ thống hóa các chế độ, thể lệ, nguyên tắc, quy trình công nghệ, quy phạm kỹ thuật, các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ công tác và lề lối làm việc của bộ máy quản lý và của mỗi thành viên trong bộ máy.

Quản lý có nề nếp còn có nghĩa là quản lý theo hướng kinh doanh có hạch toán của một nền công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa.

Nội dung đầu tiên để đưa mọi hoạt động của xí nghiệp vào nề nếp là **chấn chỉnh tổ chức sản xuất** làm cơ sở cho việc tổ chức lao động, tổ chức quản lý và tổ chức hạch toán kinh tế chặt chẽ, hợp lý trong xí nghiệp. Hiện nay, trong nhiều xí nghiệp, thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất không đồng bộ, không cân đối, lực lượng lao động, vật tư bố trí không ăn khớp với nhiệm vụ kế hoạch. Vì vậy các xí nghiệp phải **sắp xếp lại dây chuyền sản xuất đúng với yêu cầu công nghệ của các sản phẩm chủ yếu, cân đối lại giữa sản xuất chính và sản xuất phụ trợ, đồng thời kết hợp chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả các yếu tố của quá trình sản xuất và làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất.**

Tổ chức sản xuất hợp lý sẽ tận dụng được sức người, thiết bị và có điều kiện tiến hành ghi chép số liệu ban đầu, đi vào hạch toán chi phí sản xuất, từ đó thực hành tiết kiệm trong sản xuất. Chấn chỉnh tổ chức sản xuất là một yêu cầu khách quan vì trong hoàn cảnh chiến tranh trước đây, phải phân tán, sơ tán, lại sản xuất theo yêu cầu của thời chiến, cho nên các xí nghiệp buộc phải thay đổi ít nhiều quy trình công nghệ; mặt khác, có một số xí nghiệp do ta tự xây dựng từ sản xuất nhỏ mà lên, đây chuyền sản xuất chắp vá hoặc quá lạc hậu, cho nên đã mang trong mình nhiều điều bất hợp lý, đáng lẽ phải chấn chỉnh tổ chức sản xuất từ lâu, nhưng vì chiến tranh chưa làm được. Một số xí nghiệp do các nước anh em giúp, được xây dựng tương đối hiện đại, nhưng vì cần mở rộng sản xuất hoặc thay đổi thiết kế sản phẩm, cho nên cũng phải chấn chỉnh tổ chức sản xuất.

Để chấn chỉnh tổ chức sản xuất, Nhà nước cần xác định phương án kinh tế — kỹ thuật, nhất là phương án sản phẩm cho xí nghiệp. Tất nhiên việc này không thể một lúc mà làm được ngay, song do yêu cầu của nền kinh tế quốc dân và sự phân công lại sản xuất, cần từng bước xác định phương án kinh tế — kỹ thuật và phương án sản phẩm cho xí nghiệp, đây cũng là hướng tiến lên trong quá trình tích tụ, tập trung, chuyên môn hóa và hiệp tác hóa sản xuất công nghiệp.

Cùng với việc chấn chỉnh tổ chức sản xuất, các xí nghiệp cần **bố trí lại lao động hợp lý dựa trên việc xây dựng lại các định mức lao động** đối với tất cả các công việc có

Digitized by Google

thể định mức được. Các định mức đó phải mang tính chất tiên tiến, có tác dụng thúc đẩy sản xuất, chứ không thể là những định mức lạc hậu, kìm hãm sự phát triển của sản xuất. Các xí nghiệp cố gắng giao nhiệm vụ rõ ràng cho từng công nhân và kiểm tra kết quả việc thực hiện các nhiệm vụ đó. Kỷ luật lao động, kỷ luật sản xuất phải được tăng cường qua việc kiểm tra thường xuyên để đưa mọi người vào nề nếp. Cùng với việc tổ chức chặt chẽ lao động, việc mở rộng diện trả lương theo sản phẩm trên cơ sở chuẩn bị tốt sản xuất, quy định các định mức lao động hợp lý, có kèm theo các định mức chặt chẽ về vật tư, có kiểm tra chất lượng và nghiệm thu sản phẩm, sẽ thúc đẩy công nhân vượt khó khăn để tăng năng suất lao động, tăng thu nhập một cách chính đáng.

Kinh nghiệm cho thấy chấn chỉnh tổ chức sản xuất ở từng xí nghiệp tạo ra những tiền đề cho việc chấn chỉnh tổ chức sản xuất trong cả một ngành công nghiệp chuyên môn hóa (do nắm chắc được khả năng vật tư, thiết bị, lao động của từng xí nghiệp trong ngành), tiến hành phân công lại sản xuất một cách hợp lý hơn, tận dụng được năng lực sản xuất của toàn ngành, từ đó nâng cao được năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

Cải tiến và tăng cường công tác kế hoạch hóa trên một số khâu quan trọng. Công tác kế hoạch hóa của chúng ta còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm về nội dung cũng như về phương pháp, mà nổi bật nhất hiện nay là chưa tạo điều kiện cho các xí nghiệp hoạt động bình thường, gây ra tình trạng không tận dụng được sức lao động, không khai thác hết năng lực sản xuất của xí nghiệp. Vì vậy một nội dung cơ bản của việc cải tiến công tác kế hoạch hóa là thực hiện một cách đồng bộ các chế độ quy định về kế hoạch hóa ở đơn vị cơ sở, tạo điều kiện tăng thêm quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho cơ sở, để cơ sở nâng cao hơn nữa trách nhiệm của mình trong việc khai thác đến mức cao nhất mọi khả năng tiềm tàng, chủ động xây dựng và tích cực thực hiện kế hoạch, vừa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế quốc dân vừa có lợi cho xí nghiệp. Muốn vậy phải cải tiến hệ thống quản lý và kế hoạch hóa từ trên xuống dưới hướng vào việc thực hiện sự chuyển biến ở cơ sở, phục vụ cho cơ sở tiến hành tốt việc xây dựng và thực hiện kế hoạch. Trước mắt xóa bỏ ngay những thủ tục rườm rà, phiền phức, nhất là lối làm việc quan liêu, giấy tờ, vô trách nhiệm đã cản trở và gây tác hại cho việc xây dựng và cân đối kế hoạch ở cơ sở.

Các xí nghiệp cần tiến hành **kiểm kê thiết bị, vật tư một cách nghiêm ngặt và có biện pháp huy động năng lực sản xuất một cách tốt nhất để có thể đăng ký kế hoạch cao ngay từ đầu.** Qua chiến tranh, những yếu tố cơ bản của sản xuất như vật tư kỹ thuật, sức lao động, tiền vốn đều biến động, thậm chí có mặt bị đảo lộn. Ta nghèo nhưng năng lực sản xuất lại để lãng phí quá lớn. Do không nắm chắc năng lực sản xuất, cho nên không có kế hoạch sử dụng, mặt khác có nơi kiểm kê được nhưng không có biện pháp tích cực đưa vào sử dụng. Kinh nghiệm quản lý xí nghiệp trong những năm qua cho thấy, chỉ qua việc kiểm kê tài sản, chúng ta đã huy động được hàng triệu đồng tài sản vào sản xuất. Hiện nay, ở nhiều xí nghiệp, nguyên liệu, vật liệu còn bị ứ đọng hoặc bỏ quên, mức huy động thiết bị và sử dụng công suất mới đạt khoảng 50%, thậm chí có nơi chỉ đạt 40%... Điều đó nói lên khả năng tiềm tàng của xí nghiệp còn rất lớn. Do đó, muốn phát huy năng lực sản xuất, bản thân các xí nghiệp phải kiểm kê để nắm lại năng lực sản xuất, trên cơ sở đó cân đối

Digitized by Google

lại dây chuyền sản xuất, vạch rõ đâu là những vấn đề xí nghiệp có thể tự lo liệu lấy, đâu là những vấn đề cấp trên phải giải quyết cho xí nghiệp. Như trong việc cân đối vật tư dù rất tích cực, xí nghiệp cũng chỉ có thể nghiên cứu hạ định mức tiêu hao vật tư hoặc dùng vật tư thay thế, còn việc cung ứng vật tư — khâu cơ bản quyết định sản lượng, chất lượng và nhịp điệu sản xuất — là trách nhiệm của cấp trên đối với xí nghiệp. Vì vậy, muốn huy động tốt năng lực sản xuất, không thể chỉ một mình xí nghiệp tích cực mà làm được. Trong thời gian qua, xí nghiệp nào được cơ quan chủ quản và Nhà nước tích cực giúp đỡ giải quyết khó khăn trong việc cung ứng vật tư, thì xí nghiệp đó bảo đảm được sản xuất và tăng sản lượng rõ rệt.

Việc xây dựng kế hoạch phải dựa trên cơ sở các định mức và tiêu chuẩn tiến bộ. Vì vậy việc xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh các định mức kinh tế và các tiêu chuẩn kỹ thuật để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và quản lý là yêu cầu trước mắt, đồng thời là yêu cầu lâu dài đối với xí nghiệp. Đây là một cuộc đấu tranh phức tạp, diễn ra một cách liên tục trong khi giải quyết mối quan hệ giữa các yếu tố vật chất của sản xuất và con người, giữa các xí nghiệp và các cơ quan Nhà nước, giữa tiên tiến và lạc hậu, giữa tích cực và tiêu cực, có liên quan đến các lĩnh vực tư tưởng, tổ chức, kinh tế — kỹ thuật, đòi hỏi sự theo dõi và lãnh đạo thật chặt chẽ của cơ quan lãnh đạo cấp trên (Bộ, Tổng cục, v.v...) và các cơ quan quản lý xí nghiệp cùng các tổ chức Đảng, Công đoàn, Thanh niên trong xí nghiệp để bảo đảm cuộc đấu tranh đi đúng hướng.

Đi đôi với việc phát huy đến mức cao nhất năng lực sản xuất, các xí nghiệp còn phải chủ động gắn sản xuất với tiêu thụ theo yêu cầu cụ thể của từng khách hàng để tạo điều kiện thực tế cho việc cân đối giữa sản xuất và tiêu thụ một cách tích cực và vững chắc.

Về nội dung kế hoạch hóa, từ năm 1971 chúng ta có làm thử chế độ tăng cường trách nhiệm của xí nghiệp. Một trong những nội dung cơ bản của chế độ đó thể hiện ở hệ thống 7 chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh, trong đó 6 chỉ tiêu: giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện; sản lượng sản phẩm chủ yếu tính bằng hiện vật; giá trị hàng hóa xuất khẩu và sản phẩm xuất khẩu chủ yếu; quỹ tiền lương; lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách; vốn đầu tư cơ bản, là thuộc về nhiệm vụ của xí nghiệp đối với Nhà nước; còn chỉ tiêu thứ 7: vật tư thiết bị chủ yếu, là thuộc về nhiệm vụ của cơ quan cung ứng vật tư đối với xí nghiệp. Trong hệ thống chỉ tiêu đó, chỉ tiêu **giá trị hàng hóa thực hiện** thay **chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng** đã thật sự phát huy tác dụng. Trước kia nhà máy chỉ biết làm ra một giá trị tổng sản lượng nhất định theo kế hoạch, còn tiêu thụ được hay không, lợi nhuận nhiều hay ít thì các xí nghiệp ít quan tâm. Theo chế độ tăng cường trách nhiệm của xí nghiệp thì xí nghiệp và giám đốc xí nghiệp phải lấy kế hoạch làm công cụ chủ yếu để quản lý sản xuất kinh doanh, tận dụng máy móc, thiết bị, lao động, vật tư hiện có và khả năng tiềm tàng của xí nghiệp, trên cơ sở đó ký kết hợp đồng với các cơ quan cung ứng vật tư, với cơ quan vận tải, với khách hàng và tiêu thụ cho bằng được sản phẩm, thu được tiền về và có lãi. Trong các chỉ tiêu kế hoạch trên đã có sự kết hợp lợi ích của từng công nhân, viên chức với lợi ích của xí nghiệp và lợi ích của Nhà nước. Thực hiện chế độ này, các xí nghiệp thi điểm cải tiến quản lý đã từng bước gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và hiệu quả kinh doanh; sản phẩm kém phẩm chất, sai quy cách, không đủ tiêu chuẩn giảm dần, sản phẩm ứ đọng ở kho nửa

Digitized by Google

thành phẩm cũng giảm đi rõ rệt. Quan hệ giữa xí nghiệp và các cơ quan cung ứng vật tư, cơ quan vận tải, cơ quan tiêu thụ sản phẩm và ngân sách, tín dụng ngân hàng được tăng cường hơn trước.

Tuy nhiên, kết quả đạt được mới ở một số mặt và còn hạn chế. So sánh với hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh cũ, hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh mới mở rộng quyền chủ động của xí nghiệp trong sản xuất và kinh doanh, song nếu trong hệ thống chỉ tiêu mới vẫn giữ lại hai chỉ tiêu quan trọng là chỉ tiêu năng suất lao động của một công nhân, viên chức sản xuất công nghiệp tính bằng hiện vật và bằng giá trị, và chỉ tiêu mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành của sản phẩm hàng hóa so sánh được thì hệ thống chỉ tiêu mới sẽ còn phát huy tác dụng tích cực hơn. Ngoài việc thực hiện các chỉ tiêu pháp lệnh, xí nghiệp cần được quyền quyết định khối lượng các mặt hàng phụ và các sản phẩm không ở trong danh mục quản lý của cấp trên, căn cứ vào yêu cầu của thị trường, thông qua hợp đồng kinh tế. Đây là một hướng quan trọng để xí nghiệp khai thác tốt hơn nữa khả năng tiềm tàng của mình. Hướng này trong cải tiến quản lý xí nghiệp tuy được đề ra nhưng thiếu biện pháp để thực hiện.

Trong những căn cứ để đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, còn thiếu quy định cụ thể về sự thích ứng giữa số lượng sản phẩm chủ yếu và chất lượng trên cả hai mặt chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật đã được nêu lên trong các phương án sản phẩm của xí nghiệp. Đây là một vấn đề quan trọng và cấp bách đối với chúng ta. Trách nhiệm của Nhà nước đối với xí nghiệp thể hiện trên các chỉ tiêu vốn đầu tư, các thiết bị và vật tư chủ yếu, v.v... mà cấp trên duyệt cho xí nghiệp, nhưng thời gian qua, một số cơ quan cấp trên cũng như các cơ quan có liên quan chưa làm tốt trách nhiệm của mình trong việc ký hợp đồng kinh tế với xí nghiệp cũng như thực hiện hợp đồng, bảo đảm những điều kiện vật chất chủ yếu cho xí nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ đã giao.

Chế độ hạch toán kinh tế đã được đặt ra và nhấn mạnh từ lâu, nhưng chưa được thực hiện bao nhiêu, ở một số xí nghiệp chế độ này có được thực hiện nhưng chưa thật sự phát huy tác dụng giám đốc và thúc đẩy việc tính toán hiệu quả cụ thể. Các đòn bẩy kinh tế chưa được vận dụng tốt cho nên cũng chưa phát huy tác dụng. Ngoài công tác kế hoạch hóa, các điều kiện, tiền đề khác về hạch toán kinh tế cũng chưa được chuẩn bị đầy đủ. Sau khi chấn chỉnh tổ chức sản xuất, chỉnh đốn công tác kế hoạch hóa, bổ sung và hoàn chỉnh một bước các tiêu chuẩn và các định mức kinh tế kỹ thuật, bổ sung một số phương tiện đo lường và tổ chức việc ghi chép các số liệu ban đầu, các xí nghiệp đã từng bước xây dựng được nguồn số liệu thống nhất, hệ thống biểu báo và hệ thống tài khoản thống nhất, nắm chắc các loại vốn của mình. Chấn chỉnh và tạo thêm những điều kiện vật chất cho công tác hạch toán kinh tế như vậy, các xí nghiệp đã có cơ sở để bắt tay vào công tác kế toán và tăng cường chế độ hạch toán kinh tế, giải quyết được tư tưởng cho rằng ta chưa có thể thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, và đồng thời cũng chứng minh bằng thực tế rằng ta đang trong quá trình thực hiện và hoàn chỉnh dần chế độ hạch toán kinh tế ở các xí nghiệp.

Chế độ tự chủ tài chính có mức độ của xí nghiệp được thực hiện thử qua chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập ba quỹ, trên cơ sở kế hoạch Nhà nước được xây dựng theo chỉ tiêu pháp lệnh mới, có dành một phần lợi nhuận để làm nguồn vốn tự có của xí nghiệp và thuộc quyền sử dụng của xí nghiệp, để thay thế chế

Digitized by Google

độ kinh phí chuyên dùng và quỹ xí nghiệp trước đây, chế độ kinh phí và quỹ ấy có nhiều điều không hợp lý như : tách rời tiêu chuẩn hoàn thành kế hoạch Nhà nước, không gắn liền nghĩa vụ với quyền lợi, tạo sự dựa dẫm, ỷ lại vào Nhà nước cho nên không thúc đẩy xí nghiệp đi vào hạch toán kinh doanh.

Qua làm thử, chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập ba quỹ đã có tác dụng khuyến khích về kinh tế và giáo dục tư tưởng, làm cho giám đốc xí nghiệp cũng như cán bộ, công nhân, viên chức hăng hái phấn đấu tăng lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm, tăng sản lượng để tăng mức tổng lãi trên cơ sở giá bán buôn xí nghiệp do Nhà nước ban hành. Xí nghiệp càng phấn đấu tăng lợi nhuận vượt kế hoạch thì tiền trích lập ba quỹ của xí nghiệp càng được tăng lên, từ đó thúc đẩy cán bộ, công nhân, viên chức trong xí nghiệp phấn đấu hoàn thành kế hoạch, quản lý chặt chẽ vật tư, lao động và chi phí để hạ giá thành, tăng lợi nhuận, để làm lợi cho Nhà nước, cho xí nghiệp và cho bản thân mình.

Chế độ này được thực hiện từ năm 1971 đã mang lại kết quả thiết thực, đưa các xí nghiệp vào hướng kinh doanh hạch toán, được mọi người hưởng ứng và có tác dụng thúc đẩy phong trào lao động sản xuất, kết hợp giáo dục tư tưởng với khuyến khích bằng lợi ích vật chất. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn bị hạn chế và chế độ này chưa áp dụng rộng rãi được, vì thiếu những tiền đề, nhất là tình hình sản xuất chưa ổn định, công tác quản lý xí nghiệp chưa đi vào nề nếp, một số định mức dài hạn cho xí nghiệp chưa ổn định v v..

Để cải tiến quản lý xí nghiệp, đưa công tác quản lý vào nề nếp và cải tiến một bước, **không thể coi nhẹ việc quản lý kỹ thuật và đẩy mạnh công tác cải tiến kỹ thuật.** Toàn bộ quy trình công nghệ của các sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ yếu, phải được thường xuyên xem xét lại, bảo đảm đúng quy trình công nghệ đã được kiểm tra và xác định. Công tác phục vụ sửa chữa định kỳ cần được chú ý. Trong việc tăng cường quản lý kỹ thuật, **các xí nghiệp phải đạt được mục đích cuối cùng là bảo đảm và nâng cao dần chất lượng sản phẩm.** Qua cải tiến quản lý xí nghiệp, một mạng lưới kiểm tra chất lượng sản phẩm đã hình thành ở các xí nghiệp và đang phát huy tác dụng. Tuy nhiên đó mới chỉ là bước đầu, nhiều mặt tiêu cực trong vấn đề này còn tồn tại, nhiều sản phẩm đưa ra bán ở thị trường vẫn chưa đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định. Các cơ quan có trách nhiệm chưa làm tốt việc kiểm tra chất lượng sản phẩm. Song song với việc kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm, Nhà nước ổn định từng bước những điều kiện vật chất cho xí nghiệp: nguyên liệu, nhiên liệu, điện, nước, phương tiện đo lường..., thì sẽ giúp cho xí nghiệp có thêm khả năng tăng cường quản lý kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật.

Tổ chức bộ máy quản lý là một vấn đề rất quan trọng để đưa quản lý đi vào nề nếp. Qua chấn chỉnh và cải tiến hệ thống chỉ huy sản xuất và bộ máy quản lý xí nghiệp cho phù hợp với quy mô và tính chất sản xuất của xí nghiệp, theo hướng tập trung sự chỉ đạo của xí nghiệp vào giám đốc, các xí nghiệp đã xây dựng có kết quả hệ thống chỉ huy theo tuyến và hệ thống tham mưu, đồng thời đã phân định rõ bốn lĩnh vực lớn trong xí nghiệp (sản xuất, khoa học kỹ thuật, kinh tế và đời sống) và đã tiến hành phân công phụ trách các lĩnh vực này. Trên cơ sở chấn chỉnh và cải tiến hệ thống chỉ huy sản xuất và bộ máy quản lý, xí nghiệp đã **phân rõ trách nhiệm** trong quản lý xí nghiệp, bước đầu thay đổi được tình trạng lộn xộn và

Digitized by Google

bị động trong sản xuất, tạo một nề nếp trong quản lý kinh doanh.

Tuy nhiên việc phân rõ trách nhiệm trong quản lý xí nghiệp chưa thành một **chế độ** trách nhiệm hoàn chỉnh trong xí nghiệp. Chế độ này phải bao gồm cả chế độ thủ trưởng quản lý xí nghiệp, chế độ trách nhiệm của các bộ môn chức năng, chế độ trách nhiệm và cương vị của người công nhân trong việc quản lý xí nghiệp.

Nếu xây dựng được một chế độ trách nhiệm mà nội dung được thể hiện một cách cụ thể, chi tiết trong một bản nội quy toàn diện của xí nghiệp và đưa bản nội quy đó vào thực hiện một cách thường xuyên, liên tục, thì sẽ tạo ra được **khí thế mới** trong quản lý, làm cho mọi người đều có trách nhiệm, mọi việc đều có người quản lý, công tác có tính toán kế hoạch, thao tác kỹ thuật, được thống nhất... Xây dựng Chế độ trách nhiệm không những là cần thiết để bảo đảm trật tự sản xuất bình thường, mà còn cần thiết để động viên đúng mức tính tích cực và tính sáng tạo của đông đảo quần chúng công nhân, viên chức.

Đây là một việc làm khó khăn và phức tạp, vì một chế độ làm việc mới, theo kiểu sản xuất lớn, đòi hỏi những **người quản lý**, những **công nhân, viên chức** trong xí nghiệp phải **thích ứng với yêu cầu phân công và hiệp tác lao động** trong xí nghiệp, thích ứng cả về **kiến thức, năng lực, đạo đức và tác phong công tác** theo hướng sản xuất công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa, do đó cần phải có một sự chuyển biến cách mạng, thay đổi cách nghĩ, cách làm cũ kỹ, lạc hậu đã thành nếp trong những năm qua, và phải có thời gian kiên trì phấn đấu để xây nên một nếp mới, đồng bộ, ăn khớp từ trên xuống dưới. Làm được việc này sẽ đưa công tác quản lý đi vào nề nếp một cách tích cực và vững chắc, chống được tình trạng mất trật tự, vô kỷ luật, thiếu trách nhiệm, quan liêu, vi phạm dân chủ.

Chủ thể của quản lý không thể chỉ là cơ quan chính quyền, mà là cả bộ máy chuyên chính vô sản, vì vậy người làm công tác quản lý không thể chỉ là giám đốc xí nghiệp, mà phải có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, và sự tham gia quản lý của Công đoàn và Đoàn thanh niên.

Các xí nghiệp của chúng ta đang trong quá trình chuyển biến từ nếp quản lý theo kiểu sản xuất nhỏ sang nếp quản lý theo kiểu công nghiệp lớn, hiện đại, xã hội chủ nghĩa. Tình hình đó đòi hỏi cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, một mặt nắm vững chủ trương, đường lối khôi phục và phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, mặt khác đi sâu đi sát cơ sở để kịp thời phát hiện những khó khăn, những bất hợp lý trong sản xuất. Cho nên, để bảo đảm công tác quản lý xí nghiệp đạt được kết quả tốt một vấn đề có tính chất quyết định hiện nay là cần có sự chuyển biến mạnh mẽ về chỉ đạo, xây dựng phong cách chỉ đạo sâu sát, bài trừ lối làm việc theo kiểu bàn giấy, không xuống cơ sở.

Những năm qua, nhiều bộ chủ quản và cấp trên trực tiếp của xí nghiệp chưa đi sát cơ sở, chưa xuống tận hiện trường để kiểm tra, giúp đỡ xí nghiệp tạo điều kiện và bắt buộc xí nghiệp phải thực hiện việc đưa công tác quản lý vào nề nếp và cải tiến một bước. Nhiều cơ quan tổng hợp, nhiều cán bộ nghiên cứu chế độ, chính sách của Nhà nước chưa bám sát cơ sở, kiên trì đi sâu vào sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp, để khảo sát, điều tra, nghiên cứu, tổng kết, giúp Đảng và Nhà nước đề ra những chế độ, chính sách thích hợp. Cho nên phải tạo được sự chuyển biến đồng bộ và ăn khớp, thông suốt dọc giữa các cấp, thông suốt ngang giữa các ngành, thông suốt từ trên xuống dưới và đến tận quần chúng công nhân, viên chức.

Digitized by Google

TINH THẦN TRÁCH NHIỆM

TRÁCH nhiệm là phần việc mà mỗi người phải làm, là nghĩa vụ mà mỗi người phải gánh vác. Tinh thần trách nhiệm là ý thức của mỗi người đem hết nghị lực, tài năng, tìm mọi biện pháp để hoàn thành nhiệm vụ.

Phàm đã là cán bộ, đảng viên thì ai cũng có trách nhiệm và ai cũng phải lo làm tròn trách nhiệm của mình. Trách nhiệm chung nhất, cao quý nhất của mọi cán bộ, đảng viên là suốt đời hy sinh phấn đấu cho lý tưởng của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân, suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân. Nói một cách cụ thể hơn thì mọi cán bộ, đảng viên đều có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hoàn thành mọi nhiệm vụ được tập thể giao phó. Hồ Chủ tịch đã dạy: «Đảng không bắt buộc ai vào Đảng cả. Vào thì có nhiệm vụ, có trách nhiệm của đảng viên, nếu sợ không phục vụ được nhân dân, phục vụ được cách mạng thì đừng vào hay là khoan hãy vào» (1).

Đó là điều hết sức đơn giản, hiển nhiên, và ai nấy đều biết cả.

Nhưng...

Cho đến nay, bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần phụ trách trước Đảng, trước nhân dân, không sợ khó khăn gian khổ, tận tụy hy sinh, gương mẫu, tích cực, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, được Đảng tin yêu, được dân mến phục, trong Đảng ta vẫn còn không ít cán bộ, đảng viên thiếu tinh thần trách nhiệm. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã nhận định hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ta là «tương đối phổ biến».

Thiếu tinh thần trách nhiệm có rất nhiều biểu hiện khác nhau, dưới nhiều hình thức, màu sắc khác nhau, và có những mức độ không giống nhau ở người này, người khác; ở mặt này, mặt khác; ở cấp này, cấp khác. Nó có thể biểu hiện dưới hình thức rất lộ liễu, công khai, nhưng cũng có thể dưới hình thức ngụy trang, che giấu. Nhưng nhìn chung, người thiếu tinh thần trách nhiệm là người không có ý thức đầy đủ đối với công tác của mình, luôn luôn bàng quan với công việc, làm việc hời hợt cầm chừng, dễ làm khó bỏ, đến đâu hay đó, qua tháng qua ngày, lúc nào cũng lững lờ như bèo dạt mây trôi. Trong suy nghĩ thì không chịu đào sâu, khi nói năng thì vô tổ chức, nói mà không cần biết

(1) Hồ-chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 166 — 167.

Digitized by Google

đến hậu quả những lời nói của mình. Còn trong việc làm thì thiếu chủ động, sáng tạo, đại khái, qua loa, trung bình chủ nghĩa.

Một số người do thiếu tinh thần trách nhiệm mà sinh ra sợ phải chịu trách nhiệm, luôn luôn tìm cách trốn tránh trách nhiệm, hoặc đổ trách nhiệm cho người khác. Họ không dám nghĩ, dám nói, dám làm; không dám chủ trương, không dám quyết đoán. Việc gì họ cũng chỉ « ậm ừ », ỷ lại tập thể, dựa dẫm cấp trên. Lúc nào họ cũng cứ « thận trọng », rụt rè vì lo hỏng việc. Nói cách khác là họ không có dũng khí, không có bản lĩnh của người cán bộ cách mạng.

Một số người chưa có đầy đủ tinh thần phụ trách trước nhân dân, thậm chí có những ý nghĩ và việc làm vô trách nhiệm đối với nhân dân. Họ không lắng nghe ý kiến của dân, không chăm lo đời sống của dân, gây phiền hà, khó khăn cho dân. Dân góp ý xây dựng, họ bỏ ngoài tai, hay có nghe nhưng không sửa chữa. Họ lúc nào cũng kênh kiệu, quan liêu. Họ quên rằng Đảng ta có trách nhiệm nặng nề đối với mọi tầng lớp nhân dân « Đảng vừa lo tính công việc lớn..., đồng thời lại luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân »(2). Ngày nào mà còn một người dân nghèo khổ hay đời sống khó khăn thì « Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ ». « Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: **mình vào Đảng để làm đày tớ cho nhân dân... làm đày tớ nhân dân chứ không phải làm « quan » nhân dân** » (3).

Cũng có một số người, mặc dù trình độ hiểu biết và năng lực công tác còn rất non kém so với yêu cầu cách mạng, nhưng vẫn bằng lòng với những kiến thức và kinh nghiệm ít ỏi của mình, không chịu khó học tập, rèn luyện để có thể phục vụ tốt hơn nữa. Đó cũng là một biểu hiện thiếu tinh thần trách nhiệm.

Nhưng điều nghiêm trọng nhất, đáng phê phán nhất là những hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ, đảng viên **trong việc chấp hành đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng.** Ai cũng biết rằng đường lối, chính sách của Đảng bao giờ cũng là biểu hiện tập trung trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, phản ánh nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Sau khi đã có đường lối, chính sách đúng thì vấn đề chấp hành và tổ chức thực hiện đóng vai trò quyết định, quyết định ngay cả sự thành bại của đường lối, chính sách. Mà cái quyết định sự thành bại của việc tổ chức thực hiện đường lối, chính sách lại không thể là cái gì khác ngoài sự nỗ lực phấn đấu, phấn đấu với tinh thần trách nhiệm rất cao và ý thức tổ chức, kỷ luật rất đầy đủ, của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đường lối, chính sách của Đảng dù có hay, có đúng bao nhiêu, nhưng nếu không có những cán bộ, đảng viên có đầy đủ tinh thần trách nhiệm trong việc chấp hành và tổ chức thực hiện thì đường lối, chính sách dẫu sao vẫn chỉ là trên giấy tờ, không biến thành hiện thực cách mạng được. Vì vậy Đảng ta luôn luôn coi việc vượt mọi khó khăn, gian khổ, phấn đấu hết sức mình, làm tốt việc chấp hành và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá lòng trung thành, tinh thần cách mạng của cán bộ, đảng viên. Hiện nay trong Đảng ta vẫn còn một số cán bộ, đảng viên chưa hiểu rõ điều đó, chưa làm tốt việc đó. Một số đồng chí chưa chịu khó học tập,

---

(2) Hồ-chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 103 — 104.

(3) Hồ-chí-Minh : Sách đã dẫn, trang 167.

Digitized by Google

nghiên cứu để nắm vững các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Một số đồng chí có thái độ tự do tùy tiện. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cái nào phù hợp với ý mình thì tích cực thực hiện, cái nào không phù hợp với ý mình thì làm chiếu lệ hoặc tự ý bỏ qua. Họ viện ra đủ thứ « lý do », đưa ra đủ thứ « đặc điểm », « đặc thù » của cơ sở, của đơn vị mình để từ chối những nhiệm vụ khó khăn hay lẩn tránh những công việc mà họ không thích. Một số đồng chí, trong công tác, thiếu tinh thần tích cực, sáng tạo, thiếu đức tính tận tụy hy sinh, thiếu đôn đốc, thiếu kiểm tra, thờ ơ, tắc trách. Chính vì thế mà ở một số nơi có tình trạng giấy tờ, nghị quyết thì nhiều nhưng rốt cuộc nhiều mặt công tác sản xuất, tổ chức đời sống vẫn bề trễ.

Rõ ràng, việc thiếu ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, đảng viên đã gây trở ngại cho việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, đem lại những hậu quả xấu cho cách mạng. Nếu chúng ta không nhanh chóng khắc phục tình trạng đó thì chúng ta sẽ không thể đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên một cách nhanh chóng và vững chắc được.

Càng tự hào với những thành tích vĩ đại của Đảng ta, chúng ta càng phải nghiêm khắc với những thiếu sót, khuyết điểm mà chúng ta còn mắc phải. Chúng ta quyết tâm xây dựng một đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự gương mẫu, thật sự trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Bởi vì cán bộ, đảng viên của Đảng có tốt thì Đảng mới mạnh. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng có biến thành hiện thực hay không, xét đến cùng, là do chỗ cán bộ, đảng viên của Đảng có làm tròn trách nhiệm của mình hay không. Đảng ta là Đảng lãnh đạo chính quyền ; Đảng có trách nhiệm rất lớn đối với toàn xã hội. Phạm vi lãnh đạo của Đảng rất rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa...). Cách mạng nước ta chuyển mạnh sang giai đoạn mới – giai đoạn cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn mới, công tác của Đảng vô cùng khó khăn, phức tạp. Nếu cán bộ, đảng viên chúng ta không nêu cao tinh thần trách nhiệm thì làm sao có thể đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới ? Vì vậy, hơn bao giờ hết, cần phải phê phán thật mạnh mẽ những hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm, rút ra những bài học cần thiết để góp phần xây dựng một đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh.

Thiếu tinh thần trách nhiệm là một hiện tượng thuộc về ý thức tư tưởng, thuộc về đạo đức, phẩm chất của người cán bộ, đảng viên. Người thiếu tinh thần trách nhiệm có thể là do **nhận thức chưa đúng hoặc chưa đầy đủ về trách nhiệm của mình.** Họ chưa thấy được rằng với cương vị và quyền hạn mà Đảng và nhân dân giao cho họ, họ phải có trách nhiệm gì, trách nhiệm của họ đến đâu, họ phải làm những việc gì, phải có quan hệ với những ai, phải tuân theo những quy định nào, phải học tập để hiểu biết những gì, phải làm thế nào để hoàn thành được trách nhiệm đó ? v.v... Họ hiểu về trách nhiệm của mình còn đại khái, chung chung. Trách nhiệm, đối với họ, dường như là một cái gì trừu tượng, mơ hồ, chứ không phải là phần việc cụ thể mà một người phải làm, nghĩa vụ mà một người phải gánh vác. Nhưng cũng có người thiếu tinh thần trách nhiệm là do họ **kém ý chí phấn đấu vươn lên, giảm sút nhiệt tình cách mạng, ngại khó, ngại khổ, không toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp của cách mạng, vì lợi ích của nhân dân.** Đối với công tác cách mạng, họ không có một tinh thần tận tụy hy sinh, ngày đêm suy nghĩ, đem hết tài trí và sức lực ra thực hiện để đạt được kết quả lớn nhất.

Digitized by Google

Ngoài ra, **về mặt tổ chức**, chúng ta cũng chưa xây dựng được một chế độ trách nhiệm cá nhân nghiêm ngặt, rõ ràng, và nhất là, chưa tổ chức việc thực hiện chế độ trách nhiệm đó một cách nghiêm túc và triệt để. Nhiều khi đề ra chủ trương công tác, nhưng không có sự phân định trách nhiệm cá nhân dứt khoát, rành mạch, không thực hiện chế độ giám sát, kiểm tra đến nơi đến chốn. Người làm tốt, người làm xấu, nhiều khi không được đánh giá rõ ràng; không có thái độ xử lý nghiêm khắc những người vô trách nhiệm. Do đó đã tạo điều kiện cho một số người dựa dẫm lẫn nhau, buông lơi trách nhiệm, tạo điều kiện cho những hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm nảy sinh và phát triển. Nghiêm khắc mà nói, chúng ta đã không triệt để thực hiện nguyên tắc lãnh đạo của Đảng là tập thể lãnh đạo đi liền với cá nhân phụ trách. Chúng ta biết rằng, trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, mặc dù rất tôn trọng chế độ làm việc tập thể, coi làm việc tập thể là một nguyên tắc bất di bất dịch của đảng vô sản, Lê-nin vẫn hết sức đề cao chế độ trách nhiệm cá nhân. Người yêu cầu, bên cạnh việc lãnh đạo tập thể, phải có chế độ trách nhiệm cá nhân, « phải không ngừng phấn đấu làm sao cho trên thực tế bảo đảm được trách nhiệm *cá nhân* của *mỗi người* đối với một công tác hoặc một bộ phận công tác nhất định đã được chỉ định một cách chính xác và nghiêm ngặt » (4). Thậm chí Người đặt vấn đề một cách gay gắt rằng: « Những sự thảo luận tập thể cần phải giảm xuống đến mức tối thiểu cần thiết và không bao giờ được cản trở việc giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng và quả quyết, không được làm lu mờ trách nhiệm của mỗi cán bộ » (5). Hồ Chủ tịch cũng căn dặn: « Mọi việc đều bàn bạc một cách dân chủ và tập thể. Khi đã quyết định rồi, thì phân phối công tác phải rạch ròi, giao cho một hoặc mấy đồng chí phụ trách làm đến nơi đến chốn... Phải gương mẫu. Phải có tinh thần trách nhiệm cao độ » (6). Đó là vì, nếu không làm như thế thì không thể tạo được điều kiện cho mọi cán bộ, đảng viên làm tròn trách nhiệm của mình, không có cái bảo đảm cho sự thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng.

Để nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên lên ngang tầm yêu cầu mới của cách mạng, không có cách nào khác là chúng ta phải tiếp tục giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao hơn nữa nhiệt tình và ý chí phấn đấu cách mạng, tinh thần làm chủ tập thể, tinh tiền phong, gương mẫu, chống tư tưởng hòa bình hưởng lạc, an phận, ngại khó ngại khổ; bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên những kiến thức cần thiết về mọi mặt từ lý luận chủ nghĩa Mác – Lê-nin đến những kiến thức về văn hóa, khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế; đồng thời sớm đề ra và tích cực thực hiện một chế độ trách nhiệm cá nhân đúng đắn và khoa học

NGƯỜI XÂY DỰNG

---

(4), (5) V.Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 30, trang 165.

(6) Hồ-chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 123.

Digitized by Google

lại dây chuyền sản xuất, vạch rõ đâu là những vấn đề xí nghiệp có thể tự lo liệu lấy, đâu là những vấn đề cấp trên phải giải quyết cho xí nghiệp. Như trong việc cân đối vật tư dù rất tích cực, xí nghiệp cũng chỉ có thể nghiên cứu hạ định mức tiêu hao vật tư hoặc dùng vật tư thay thế, còn việc cung ứng vật tư – khâu cơ bản quyết định sản lượng, chất lượng và nhịp điệu sản xuất – là trách nhiệm của cấp trên đối với xí nghiệp. Vì vậy, muốn huy động tốt năng lực sản xuất, không thể chỉ một mình xí nghiệp tích cực mà làm được. Trong thời gian qua, xí nghiệp nào được cơ quan chủ quản và Nhà nước tích cực giúp đỡ giải quyết khó khăn trong việc cung ứng vật tư, thì xí nghiệp đó bảo đảm được sản xuất và tăng sản lượng rõ rệt.

Việc xây dựng kế hoạch phải dựa trên cơ sở các định mức và tiêu chuẩn tiến bộ. Vì vậy việc xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh các định mức kinh tế và các tiêu chuẩn kỹ thuật để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và quản lý là yêu cầu trước mắt, đồng thời là yêu cầu lâu dài đối với xí nghiệp. Đây là một cuộc đấu tranh phức tạp, diễn ra một cách liên tục trong khi giải quyết mối quan hệ giữa các yếu tố vật chất của sản xuất và con người, giữa các xí nghiệp và các cơ quan Nhà nước, giữa tiên tiến và lạc hậu, giữa tích cực và tiêu cực, có liên quan đến các lĩnh vực tư tưởng, tổ chức, kinh tế – kỹ thuật, đòi hỏi sự theo dõi và lãnh đạo thật chặt chẽ của cơ quan lãnh đạo cấp trên (Bộ, Tổng cục, v.v...) và các cơ quan quản lý xí nghiệp cùng các tổ chức Đảng, Công đoàn, Thanh niên trong xí nghiệp để bảo đảm cuộc đấu tranh đi đúng hướng.

Đi đôi với việc phát huy đến mức cao nhất năng lực sản xuất, các xí nghiệp còn phải chủ động gắn sản xuất với tiêu thụ theo yêu cầu cụ thể của từng khách hàng để tạo điều kiện thực tế cho việc cân đối giữa sản xuất và tiêu thụ một cách tích cực và vững chắc.

Về nội dung kế hoạch hóa, từ năm 1971 chúng ta có làm thử chế độ tăng cường trách nhiệm của xí nghiệp. Một trong những nội dung cơ bản của chế độ đó thể hiện ở hệ thống 7 chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh, trong đó 6 chỉ tiêu: giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện; sản lượng sản phẩm chủ yếu tính bằng hiện vật; giá trị hàng hóa xuất khẩu và sản phẩm xuất khẩu chủ yếu; quỹ tiền lương; lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách; vốn đầu tư cơ bản, là thuộc về nhiệm vụ của xí nghiệp đối với Nhà nước; còn chỉ tiêu thứ 7: vật tư thiết bị chủ yếu, là thuộc về nhiệm vụ của cơ quan cung ứng vật tư đối với xí nghiệp. Trong hệ thống chỉ tiêu đó, chỉ tiêu **giá trị hàng hóa thực hiện** thay **chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng** đã thật sự phát huy tác dụng. Trước kia nhà máy chỉ biết làm ra một giá trị tổng sản lượng nhất định theo kế hoạch, còn tiêu thụ được hay không, lợi nhuận nhiều hay ít thì các xí nghiệp ít quan tâm. Theo chế độ tăng cường trách nhiệm của xí nghiệp thì xí nghiệp và giám đốc xí nghiệp phải lấy kế hoạch làm công cụ chủ yếu để quản lý sản xuất kinh doanh, tận dụng máy móc, thiết bị, lao động, vật tư hiện có và khả năng tiềm tàng của xí nghiệp, trên cơ sở đó ký kết hợp đồng với các cơ quan cung ứng vật tư, với cơ quan vận tải, với khách hàng và tiêu thụ cho bằng được sản phẩm, thu được tiền về và có lãi. Trong các chỉ tiêu kế hoạch trên đã có sự kết hợp lợi ích của từng công nhân, viên chức với lợi ích của xí nghiệp và lợi ích của Nhà nước. Thực hiện chế độ này, các xí nghiệp thi điểm cải tiến quản lý đã từng bước gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và hiệu quả kinh doanh; sản phẩm kém phẩm chất, sai quy cách, không đủ tiêu chuẩn giảm dần, sản phẩm ứ đọng ở kho nửa

Digitized by Google

thành phẩm cũng giảm đi rõ rệt. Quan hệ giữa xí nghiệp và các cơ quan cung ứng vật tư, cơ quan vận tải, cơ quan tiêu thụ sản phẩm và ngân sách, tín dụng ngân hàng được tăng cường hơn trước.

Tuy nhiên, kết quả đạt được mới ở một số mặt và còn hạn chế. So sánh với hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh cũ, hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh mới mở rộng quyền chủ động của xí nghiệp trong sản xuất và kinh doanh, song nếu trong hệ thống chỉ tiêu mới vẫn giữ lại hai chỉ tiêu quan trọng là chỉ tiêu năng suất lao động của một công nhân, viên chức sản xuất công nghiệp tính bằng hiện vật và bằng giá trị, và chỉ tiêu mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành của sản phẩm hàng hóa so sánh được thì hệ thống chỉ tiêu mới sẽ còn phát huy tác dụng tích cực hơn. Ngoài việc thực hiện các chỉ tiêu pháp lệnh, xí nghiệp cần được quyền quyết định khối lượng các mặt hàng phụ và các sản phẩm không ở trong danh mục quản lý của cấp trên, căn cứ vào yêu cầu của thị trường, thông qua hợp đồng kinh tế. Đây là một hướng quan trọng để xí nghiệp khai thác tốt hơn nữa khả năng tiềm tàng của mình. Hướng này trong cải tiến quản lý xí nghiệp tuy được đề ra nhưng thiếu biện pháp để thực hiện.

Trong những căn cứ để đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, còn thiếu quy định cụ thể về sự thích ứng giữa số lượng sản phẩm chủ yếu và chất lượng trên cả hai mặt chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật đã được nêu lên trong các phương án sản phẩm của xí nghiệp. Đây là một vấn đề quan trọng và cấp bách đối với chúng ta. Trách nhiệm của Nhà nước đối với xí nghiệp thể hiện trên các chỉ tiêu vốn đầu tư, các thiết bị và vật tư chủ yếu, v.v... mà cấp trên duyệt cho xí nghiệp, nhưng thời gian qua, một số cơ quan cấp trên cũng như các cơ quan có liên quan chưa làm tốt trách nhiệm của mình trong việc ký hợp đồng kinh tế với xí nghiệp cũng như thực hiện hợp đồng, bảo đảm những điều kiện vật chất chủ yếu cho xí nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ đã giao.

Chế độ hạch toán kinh tế đã được đặt ra và nhấn mạnh từ lâu, nhưng chưa được thực hiện bao nhiêu, ở một số xí nghiệp chế độ này có được thực hiện nhưng chưa thật sự phát huy tác dụng giám đốc và thúc đẩy việc tính toán hiệu quả cụ thể. Các đòn bẩy kinh tế chưa được vận dụng tốt cho nên cũng chưa phát huy tác dụng. Ngoài công tác kế hoạch hóa, các điều kiện, tiền đề khác về hạch toán kinh tế cũng chưa được chuẩn bị đầy đủ. Sau khi chấn chỉnh tổ chức sản xuất, chỉnh đốn công tác kế hoạch hóa, bổ sung và hoàn chỉnh một bước các tiêu chuẩn và các định mức kinh tế kỹ thuật, bổ sung một số phương tiện đo lường và tổ chức việc ghi chép các số liệu ban đầu, các xí nghiệp đã từng bước xây dựng được nguồn số liệu thống nhất, hệ thống biểu báo và hệ thống tài khoản thống nhất, nắm chắc các loại vốn của mình. Chấn chỉnh và tạo thêm những điều kiện vật chất cho công tác hạch toán kinh tế như vậy, các xí nghiệp đã có cơ sở để bắt tay vào công tác kế toán và tăng cường chế độ hạch toán kinh tế, giải quyết được tư tưởng cho rằng ta chưa có thể thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, và đồng thời cũng chứng minh bằng thực tế rằng ta đang trong quá trình thực hiện và hoàn chỉnh dần chế độ hạch toán kinh tế ở các xí nghiệp.

Chế độ tự chủ tài chính có mức độ của xí nghiệp được thực hiện thử qua chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập ba quỹ, trên cơ sở kế hoạch Nhà nước được xây dựng theo chỉ tiêu pháp lệnh mới, có dành một phần lợi nhuận để làm nguồn vốn tự có của xí nghiệp và thuộc quyền sử dụng của xí nghiệp, để thay thế chế

Digitized by Google

độ kinh phí chuyên dùng và quỹ xí nghiệp trước đây, chế độ kinh phí và quỹ ấy có nhiều điều không hợp lý như: tách rời tiêu chuẩn hoàn thành kế hoạch Nhà nước, không gắn liền nghĩa vụ với quyền lợi, tạo sự dựa dẫm, ỷ lại vào Nhà nước cho nên không thúc đẩy xí nghiệp đi vào hạch toán kinh doanh.

Qua làm thử, chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập ba quỹ đã có tác dụng khuyến khích về kinh tế và giáo dục tư tưởng, làm cho giám đốc xí nghiệp cũng như cán bộ, công nhân, viên chức hăng hái phấn đấu tăng lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm, tăng sản lượng để tăng mức tổng lãi trên cơ sở giá bán buôn xí nghiệp do Nhà nước ban hành. Xí nghiệp càng phấn đấu tăng lợi nhuận vượt kế hoạch thì tiền trích lập ba quỹ của xí nghiệp càng được tăng lên, từ đó thúc đẩy cán bộ, công nhân, viên chức trong xí nghiệp phấn đấu hoàn thành kế hoạch, quản lý chặt chẽ vật tư, lao động và chi phí để hạ giá thành, tăng lợi nhuận, để làm lợi cho Nhà nước, cho xí nghiệp và cho bản thân mình.

Chế độ này được thực hiện từ năm 1971 đã mang lại kết quả thiết thực, đưa các xí nghiệp vào hướng kinh doanh hạch toán, được mọi người hưởng ứng và có tác dụng thúc đẩy phong trào lao động sản xuất, kết hợp giáo dục tư tưởng với khuyến khích bằng lợi ích vật chất. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn bị hạn chế và chế độ này chưa áp dụng rộng rãi được, vì thiếu những tiền đề, nhất là tình hình sản xuất chưa ổn định, công tác quản lý xí nghiệp chưa đi vào nề nếp, một số định mức dài hạn cho xí nghiệp chưa ổn định v v..

Để cải tiến quản lý xí nghiệp, đưa công tác quản lý vào nề nếp và cải tiến một bước, **không thể coi nhẹ việc quản lý kỹ thuật và đẩy mạnh công tác cải tiến kỹ thuật.** Toàn bộ quy trình công nghệ của các sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ yếu, phải được thường xuyên xem xét lại, bảo đảm đúng quy trình công nghệ đã được kiểm tra và xác định. Công tác phục vụ sửa chữa định kỳ cần được chú ý. Trong việc tăng cường quản lý kỹ thuật, **các xí nghiệp phải đạt được mục đích cuối cùng là bảo đảm và nâng cao dần chất lượng sản phẩm.** Qua cải tiến quản lý xí nghiệp, một mạng lưới kiểm tra chất lượng sản phẩm đã hình thành ở các xí nghiệp và đang phát huy tác dụng. Tuy nhiên đó mới chỉ là bước đầu, nhiều mặt tiêu cực trong vấn đề này còn tồn tại, nhiều sản phẩm đưa ra bán ở thị trường vẫn chưa đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định. Các cơ quan có trách nhiệm chưa làm tốt việc kiểm tra chất lượng sản phẩm. Song song với việc kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm, Nhà nước ổn định từng bước những điều kiện vật chất cho xí nghiệp: nguyên liệu, nhiên liệu, điện, nước, phương tiện đo lường..., thì sẽ giúp cho xí nghiệp có thêm khả năng tăng cường quản lý kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật.

Tổ chức bộ máy quản lý là một vấn đề rất quan trọng để đưa quản lý đi vào nề nếp. Qua chấn chỉnh và cải tiến hệ thống chỉ huy sản xuất và bộ máy quản lý xí nghiệp cho phù hợp với quy mô và tính chất sản xuất của xí nghiệp, theo hướng tập trung sự chỉ đạo của xí nghiệp vào giám đốc, các xí nghiệp đã xây dựng có kết quả hệ thống chỉ huy theo tuyến và hệ thống tham mưu, đồng thời đã phân định rõ bốn lĩnh vực lớn trong xí nghiệp (sản xuất, khoa học kỹ thuật, kinh tế và đời sống) và đã tiến hành phân công phụ trách các lĩnh vực này. Trên cơ sở chấn chỉnh và cải tiến hệ thống chỉ huy sản xuất và bộ máy quản lý, xí nghiệp đã **phân rõ trách nhiệm** trong quản lý xí nghiệp, bước đầu thay đổi được tình trạng lộn xộn và

Digitized by Google

bị động trong sản xuất, tạo một nề nếp trong quản lý kinh doanh.

Tuy nhiên việc phân rõ trách nhiệm trong quản lý xí nghiệp chưa thành một chế độ trách nhiệm hoàn chỉnh trong xí nghiệp. Chế độ này phải bao gồm cả chế độ thủ trưởng quản lý xí nghiệp, chế độ trách nhiệm của các bộ môn chức năng, chế độ trách nhiệm và cương vị của người công nhân trong việc quản lý xí nghiệp.

Nếu xây dựng được một chế độ trách nhiệm mà nội dung được thể hiện một cách cụ thể, chi tiết trong một bản nội quy toàn diện của xí nghiệp và đưa bản nội quy đó vào thực hiện một cách thường xuyên, liên tục, thì sẽ tạo ra được **khí thế mới** trong quản lý, làm cho mọi người đều có trách nhiệm, mọi việc đều có người quản lý, công tác có tính toán kế hoạch, thao tác kỹ thuật, được thống nhất... Xây dựng Chế độ trách nhiệm không những là cần thiết để bảo đảm trật tự sản xuất bình thường, mà còn cần thiết để động viên đúng mức tính tích cực và tính sáng tạo của đông đảo quần chúng công nhân, viên chức.

Đây là một việc làm khó khăn và phức tạp, vì một chế độ làm việc mới, theo kiểu sản xuất lớn, đòi hỏi những **người quản lý**, những **công nhân, viên chức** trong xí nghiệp phải **thích ứng với yêu cầu phân công và hiệp tác lao động** trong xí nghiệp, thích ứng cả về **kiến thức, năng lực, đạo đức và tác phong công tác** theo hướng sản xuất công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa, do đó cần phải có một sự chuyển biến cách mạng, thay đổi cách nghĩ, cách làm cũ kỹ, lạc hậu đã thành nếp trong những năm qua, và phải có thời gian kiên trì phấn đấu để xây nên một nếp mới, đồng bộ, ăn khớp từ trên xuống dưới. Làm được việc này sẽ đưa công tác quản lý đi vào nề nếp một cách tích cực và vững chắc, chống được tình trạng mất trật tự, vô kỷ luật, thiếu trách nhiệm, quan liêu, vi phạm dân chủ.

Chủ thể của quản lý không thể chỉ là cơ quan chính quyền, mà là cả bộ máy chuyên chính vô sản, vì vậy người làm công tác quản lý không thể chỉ là giám đốc xí nghiệp, mà phải có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, và sự tham gia quản lý của Công đoàn và Đoàn thanh niên.

Các xí nghiệp của chúng ta đang trong quá trình chuyển biến từ nếp quản lý theo kiểu sản xuất nhỏ sang nếp quản lý theo kiểu công nghiệp lớn, hiện đại, xã hội chủ nghĩa. Tình hình đó đòi hỏi cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, một mặt nắm vững chủ trương, đường lối khôi phục và phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, mặt khác đi sâu đi sát cơ sở để kịp thời phát hiện những khó khăn, những bất hợp lý trong sản xuất. Cho nên, để bảo đảm công tác quản lý xí nghiệp đạt được kết quả tốt một vấn đề có tính chất quyết định hiện nay là cần có sự chuyển biến mạnh mẽ về chỉ đạo, xây dựng phong cách chỉ đạo sâu sát, bài trừ lối làm việc theo kiểu bàn giấy, không xuống cơ sở.

Những năm qua, nhiều bộ chủ quản và cấp trên trực tiếp của xí nghiệp chưa đi sát cơ sở, chưa xuống tận hiện trường để kiểm tra, giúp đỡ xí nghiệp tạo điều kiện và bắt buộc xí nghiệp phải thực hiện việc đưa công tác quản lý vào nề nếp và cải tiến một bước. Nhiều cơ quan tổng hợp, nhiều cán bộ nghiên cứu chế độ, chính sách của Nhà nước chưa bám sát cơ sở, kiên trì đi sâu vào sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp, để khảo sát, điều tra, nghiên cứu, tổng kết, giúp Đảng và Nhà nước đề ra những chế độ, chính sách thích hợp. Cho nên phải tạo được sự chuyển biến đồng bộ và ăn khớp, thông suốt dọc giữa các cấp, thông suốt ngang giữa các ngành, thông suốt từ trên xuống dưới và đến tận quần chúng công nhân, viên chức.

Digitized by Google

Sinh hoạt Đảng

TINH THẦN TRÁCH NHIỆM

TRÁCH nhiệm là phần việc mà mỗi người phải làm, là nghĩa vụ mà mỗi người phải gánh vác. Tinh thần trách nhiệm là ý thức của mỗi người đem hết nghị lực, tài năng, tìm mọi biện pháp để hoàn thành nhiệm vụ.

Phàm đã là cán bộ, đảng viên thì ai cũng có trách nhiệm và ai cũng phải lo làm tròn trách nhiệm của mình. Trách nhiệm chung nhất, cao quý nhất của mọi cán bộ, đảng viên là suốt đời hy sinh phấn đấu cho lý tưởng của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân, suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân. Nói một cách cụ thể hơn thì mọi cán bộ, đảng viên đều có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hoàn thành mọi nhiệm vụ được tập thể giao phó. Hồ Chủ tịch đã dạy: « Đảng không bắt buộc ai vào Đảng cả. Vào thì có nhiệm vụ, có trách nhiệm của đảng viên, nếu sợ không phục vụ được nhân dân, phục vụ được cách mạng thì đừng vào hay là khoan hãy vào » (1).

Đó là điều hết sức đơn giản, hiển nhiên, và ai nấy đều biết cả.

Nhưng...

Cho đến nay, bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần phụ trách trước Đảng, trước nhân dân, không sợ khó khăn gian khổ, tận tụy hy sinh, gương mẫu, tích cực, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, được Đảng tin yêu, được dân mến phục, trong Đảng ta vẫn còn không ít cán bộ, đảng viên thiếu tinh thần trách nhiệm. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã nhận định hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ta là « tương đối phổ biến ».

Thiếu tinh thần trách nhiệm có rất nhiều biểu hiện khác nhau, dưới nhiều hình thức, màu sắc khác nhau, và có những mức độ không giống nhau ở người này, người khác ; ở mặt này, mặt khác ; ở cấp này, cấp khác. Nó có thể biểu hiện dưới hình thức rất lộ liễu, công khai, nhưng cũng có thể dưới hình thức ngụy trang, che giấu. Nhưng nhìn chung, người thiếu tinh thần trách nhiệm là người không có ý thức đầy đủ đối với công tác của mình, luôn luôn bàng quan với công việc, làm việc hời hợt cầm chừng, dễ làm khó bỏ, đến đâu hay đó, qua tháng qua ngày, lúc nào cũng lững lờ như bèo dạt mây trôi. Trong suy nghĩ thì không chịu đào sâu, khi nói năng thì vô tổ chức, nói mà không cần biết

(1) Hồ-chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 166 — 167.

Digitized by Google

đến hậu quả những lời nói của mình. Còn trong việc làm thì thiếu chủ động, sáng tạo, đại khái, qua loa, trung bình chủ nghĩa.

Một số người do thiếu tinh thần trách nhiệm mà sinh ra sợ phải chịu trách nhiệm, luôn luôn tìm cách trốn tránh trách nhiệm, hoặc đổ trách nhiệm cho người khác. Họ không dám nghĩ, dám nói, dám làm; không dám chủ trương, không dám quyết đoán. Việc gì họ cũng chỉ «ậm ừ», ỷ lại tập thể, dựa dẫm cấp trên. Lúc nào họ cũng cứ «thận trọng», rụt rè vì lo hỏng việc. Nói cách khác là họ không có dũng khí, không có bản lĩnh của người cán bộ cách mạng.

Một số người chưa có đầy đủ tinh thần phụ trách trước nhân dân, thậm chí có những ý nghĩ và việc làm vô trách nhiệm đối với nhân dân. Họ không lắng nghe ý kiến của dân, không chăm lo đời sống của dân, gây phiền hà, khó khăn cho dân. Dân góp ý xây dựng, họ bỏ ngoài tai, hay có nghe nhưng không sửa chữa. Họ lúc nào cũng kênh kiệu, quan liêu. Họ quên rằng Đảng ta có trách nhiệm nặng nề đối với mọi tầng lớp nhân dân «Đảng vừa lo tính công việc lớn..., đồng thời lại luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân»(2). Ngày nào mà còn một người dân nghèo khổ hay đời sống khó khăn thì «Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ». «Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: **mình vào Đảng để làm đầy tớ cho nhân dân... làm đầy tớ nhân dân chứ không phải làm « quan » nhân dân**» (3).

Cũng có một số người, mặc dù trình độ hiểu biết và năng lực công tác còn rất non kém so với yêu cầu cách mạng, nhưng vẫn bằng lòng với những kiến thức và kinh nghiệm ít ỏi của mình, không chịu khó học tập, rèn luyện để có thể phục vụ tốt hơn nữa. Đó cũng là một biểu hiện thiếu tinh thần trách nhiệm.

Nhưng điều nghiêm trọng nhất, đáng phê phán nhất là những hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ, đảng viên **trong việc chấp hành đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng.** Ai cũng biết rằng đường lối, chính sách của Đảng bao giờ cũng là biểu hiện tập trung trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, phản ánh nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Sau khi đã có đường lối, chính sách đúng thì vấn đề chấp hành và tổ chức thực hiện đóng vai trò quyết định, quyết định ngay cả sự thành bại của đường lối, chính sách. Mà cái quyết định sự thành bại của việc tổ chức thực hiện đường lối, chính sách lại không thể là cái gì khác ngoài sự nỗ lực phấn đấu, phấn đấu với tinh thần trách nhiệm rất cao và ý thức tổ chức, kỷ luật rất đầy đủ, của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đường lối, chính sách của Đảng dù có hay, có đúng bao nhiêu, nhưng nếu không có những cán bộ, đảng viên có đầy đủ tinh thần trách nhiệm trong việc chấp hành và tổ chức thực hiện thì đường lối, chính sách dẫu sao vẫn chỉ là trên giấy tờ, không biến thành hiện thực cách mạng được. Vì vậy Đảng ta luôn luôn coi việc vượt mọi khó khăn, gian khổ, phấn đấu hết sức mình, làm tốt việc chấp hành và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá lòng trung thành, tinh thần cách mạng của cán bộ, đảng viên. Hiện nay trong Đảng ta vẫn còn một số cán bộ, đảng viên chưa hiểu rõ điều đó, chưa làm tốt việc đó. Một số đồng chí chưa chịu khó học tập,

---

(2) Hồ-chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 103 — 104.

(3) Hồ-chí-Minh: Sách đã dẫn, trang 167.

Digitized by Google

nghiên cứu để nắm vững các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Một số đồng chí có thái độ tự do tùy tiện. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cái nào phù hợp với ý mình thì tích cực thực hiện, cái nào không phù hợp với ý mình thì làm chiếu lệ hoặc tự ý bỏ qua. Họ viện ra đủ thứ « lý do », đưa ra đủ thứ « đặc điểm », « đặc thù » của cơ sở, của đơn vị mình để từ chối những nhiệm vụ khó khăn hay lẩn tránh những công việc mà họ không thích. Một số đồng chí, trong công tác, thiếu tinh thần tích cực, sáng tạo, thiếu đức tinh tận tụy hy sinh, thiếu đôn đốc, thiếu kiểm tra, thờ ơ, tắc trách. Chính vì thế mà ở một số nơi có tình trạng giấy tờ, nghị quyết thì nhiều nhưng rốt cuộc nhiều mặt công tác sản xuất, tổ chức đời sống vẫn bề trễ.

Rõ ràng, việc thiếu ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, đảng viên đã gây trở ngại cho việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, đem lại những hậu quả xấu cho cách mạng. Nếu chúng ta không nhanh chóng khắc phục tình trạng đó thì chúng ta sẽ không thể đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên một cách nhanh chóng và vững chắc được.

Càng tự hào với những thành tích vĩ đại của Đảng ta, chúng ta càng phải nghiêm khắc với những thiếu sót, khuyết điểm mà chúng ta còn mắc phải. Chúng ta quyết tâm xây dựng một đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự gương mẫu, thật sự trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Bởi vì cán bộ, đảng viên của Đảng có tốt thì Đảng mới mạnh. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng có biến thành hiện thực hay không, xét đến cùng, là do chỗ cán bộ, đảng viên của Đảng có làm tròn trách nhiệm của mình hay không. Đảng ta là Đảng lãnh đạo chính quyền; Đảng có trách nhiệm rất lớn đối với toàn xã hội. Phạm vi lãnh đạo của Đảng rất rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa...). Cách mạng nước ta chuyển mạnh sang giai đoạn mới — giai đoạn cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn mới, công tác của Đảng vô cùng khó khăn, phức tạp. Nếu cán bộ, đảng viên chúng ta không nêu cao tinh thần trách nhiệm thì làm sao có thể đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới? Vì vậy, hơn bao giờ hết, cần phải phê phán thật mạnh mẽ những hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm, rút ra những bài học cần thiết để góp phần xây dựng một đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh.

Thiếu tinh thần trách nhiệm là *một* hiện tượng thuộc về ý thức tư tưởng, thuộc về đạo đức, phẩm chất của người cán bộ, đảng viên. Người thiếu tinh thần trách nhiệm có thể là do **nhận thức chưa đúng hoặc chưa đầy đủ về trách nhiệm của mình.** Họ chưa thấy được rằng với cương vị và quyền hạn mà Đảng và nhân dân giao cho họ, họ phải có trách nhiệm gì, trách nhiệm của họ đến đâu, họ phải làm những việc gì, phải có quan hệ với những ai, phải tuân theo những quy định nào, phải học tập để hiểu biết những gì, phải làm thế nào để hoàn thành được trách nhiệm đó? v.v... Họ hiểu về trách nhiệm của mình còn đại khái, chung chung. Trách nhiệm, đối với họ, dường như là một cái gì trừu tượng, mơ hồ, chứ không phải là phần việc cụ thể mà một người phải làm, nghĩa vụ mà một người phải gánh vác. Nhưng cũng có người thiếu tinh thần trách nhiệm là do họ **kém ý chí phấn đấu vươn lên, giảm sút nhiệt tình cách mạng, ngại khó, ngại khổ, không toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp của cách mạng, vì lợi ích của nhân dân.** Đối với công tác cách mạng, họ không có một tinh thần tận tụy hy sinh, ngày đêm suy nghĩ, đem hết tài trí và sức lực ra thực hiện để đạt được kết quả lớn nhất.

Digitized by Google

Ngoài ra, **về mặt tổ chức**, chúng ta cũng chưa xây dựng được một chế độ trách nhiệm cá nhân nghiêm ngặt, rõ ràng, và nhất là, chưa tổ chức việc thực hiện chế độ trách nhiệm đó một cách nghiêm túc và triệt để. Nhiều khi đề ra chủ trương công tác, nhưng không có sự phân định trách nhiệm cá nhân dứt khoát, rành mạch, không thực hiện chế độ giám sát, kiểm tra đến nơi đến chốn. Người làm tốt, người làm xấu, nhiều khi không được đánh giá rõ ràng ; không có thái độ xử lý nghiêm khắc những người vô trách nhiệm. Do đó đã tạo điều kiện cho một số người dựa dẫm lẫn nhau, buông lơi trách nhiệm, tạo điều kiện cho những hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm nảy sinh và phát triển. Nghiêm khắc mà nói, chúng ta đã không triệt để thực hiện nguyên tắc lãnh đạo của Đảng là tập thể lãnh đạo đi liền với cá nhân phụ trách. Chúng ta biết rằng, trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, mặc dù rất tôn trọng chế độ làm việc tập thể, coi làm việc tập thể là một nguyên tắc bất di bất dịch của đảng vô sản, Lê-nin vẫn hết sức đề cao chế độ trách nhiệm cá nhân. Người yêu cầu, bên cạnh việc lãnh đạo tập thể, phải có chế độ trách nhiệm cá nhân, « phải không ngừng phấn đấu làm sao cho trên thực tế bảo đảm được trách nhiệm *cá nhân* của *mỗi người* đối với một công tác hoặc một bộ phận công tác nhất định đã được chỉ định một cách chính xác và nghiêm ngặt » (4). Thậm chí Người đặt vấn đề một cách gay gắt rằng : « Những sự thảo luận tập thể cần phải giảm xuống đến mức tối thiểu cần thiết và không bao giờ được cản trở việc giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng và quả quyết, không được làm lu mờ trách nhiệm của mỗi cán bộ » (5). Hồ Chủ tịch cũng căn dặn : « Mọi việc đều bàn bạc một cách dân chủ và tập thể. Khi đã quyết định rồi, thì phân phối công tác phải rạch ròi, giao cho một hoặc mấy đồng chí phụ trách làm đến nơi đến chốn... Phải gương mẫu. Phải có tinh thần trách nhiệm cao độ » (6). Đó là vì, nếu không làm như thế thì không thể tạo được điều kiện cho mọi cán bộ, đảng viên làm tròn trách nhiệm của mình, không có cái bảo đảm cho sự thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng.

Để nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên lên ngang tầm yêu cầu mới của cách mạng, không có cách nào khác là chúng ta phải tiếp tục giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao hơn nữa nhiệt tình và ý chí phấn đấu cách mạng, tinh thần làm chủ tập thể, tinh tiền phong, gương mẫu, chống tư tưởng hòa bình hưởng lạc, an phận, ngại khó ngại khổ ; bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên những kiến thức cần thiết về mọi mặt từ lý luận chủ nghĩa Mác – Lê-nin đến những kiến thức về văn hóa, khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế ; đồng thời sớm đề ra và tích cực thực hiện một chế độ trách nhiệm cá nhân đúng đắn và khoa học

NGƯỜI XÂY DỰNG

---

(4), (5) V.Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 30, trang 165.

(6) Hồ-chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 123.

Digitized by Google

Đọc sách

MỘT SỐ Ý KIẾN CỦA LÊ-NIN về vai trò của Đảng, của Nhà nước và của các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản

LÊ-DOÃN-TÁ

SAU khi giai cấp vô sản lật đổ chính quyền Nhà nước của giai cấp tư sản, giành chính quyền Nhà nước về tay mình, thiết lập chuyên chính vô sản, thì một vấn đề cơ bản, quyết định sự thành công của chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa cộng sản là vấn đề xây dựng, phát triển và hoàn thiện **chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản.** Khái niệm làm chủ tập thể của nhân dân lao động có một nội dung vô cùng phong phú. Nó bao gồm tính tất yếu, vai trò, phương thức lãnh đạo của Đảng; tính tất yếu, vai trò, chức năng, phương thức quản lý của Nhà nước; vai trò, nhiệm vụ của các đoàn thể quần chúng; cũng như mối quan hệ chặt chẽ giữa ba yếu tố Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền.

Trong nhiều tác phẩm lý luận, Lê-nin đã bàn về vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước và nhiệm vụ của các đoàn thể quần chúng, đặc biệt là của công đoàn. Trong bài này, chúng tôi chỉ xin giới thiệu một số ý kiến của Lê-nin về những vấn đề nói trên nhân đọc cuốn sách chuyên đề do nhà xuất bản Sự thật vừa xuất bản: *Bàn về vai trò của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản* của Lê-nin.

Lê-nin nói rằng, sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, kẻ thù giai cấp của giai cấp vô sản vẫn còn lực lượng của chúng. Giai cấp bóc lột trong nước tuy bị đánh đổ,

Digitized by Google

nhưng chưa bị tiêu diệt hoàn toàn. Chúng vẫn còn mơ ước khôi phục lại cái « thiên đường » đã mất. Bởi vậy, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể tránh khỏi phải đương đầu với sự phản ứng quyết liệt của các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ. Bọn đế quốc bên ngoài câu kết với các thế lực phản động trong nước chống phá cách mạng. Bởi vậy, không thể chiến thắng và diệt trừ được kẻ thù giai cấp, nếu không thẳng tay trấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột, là bọn mà người ta không thể nào tước hết ngay được tất cả của cải của chúng, những ưu thế của chúng về mặt tổ chức và về mặt hiểu biết, và do đó trong một thời gian khá dài chúng không khỏi có những âm mưu phá hoại chính quyền của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Hơn nữa, « những phần tử hủ bại của xã hội cũ... đều không thể không lộ chân tướng... bằng cách... tăng thêm những tội ác, tăng thêm những hành động lưu manh, hối lộ và đầu cơ, những hành vi **xấu xa**, ti tiện đủ loại. Để trừ bỏ hiện tượng đó, cần phải có thời gian và **phải có một bàn tay sắt** » (1). Cho nên, Lê-nin dạy rằng: « chuyên chính vô sản, nghĩa là việc tổ chức đội tiền phong của những người bị áp bức thành giai cấp thống trị để trấn áp bọn áp bức, thì không thể giản đơn đóng khung trong việc mở rộng chế độ dân chủ được. **Đồng thời** với việc mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ, **lần đầu tiên** thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân chứ không phải cho bọn nhà giàu, chuyên chính vô sản còn thực hành một loạt biện pháp hạn chế quyền tự do đối với bọn áp bức, bọn bóc lột, bọn tư bản. Bọn đó, chúng ta phải trấn áp để giải phóng nhân loại khỏi chế độ nô lệ làm thuê ; phải dùng bạo lực để đập tan sự phản kháng của chúng » (2)

Song, Lê-nin cũng đã dạy rằng, **nhiệm vụ chủ yếu** của chuyên chính vô sản không phải là bạo lực, mà là **nhiệm vụ tổ chức và xây dựng**. « Chuyên chính vô sản không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yếu là bạo lực. Cơ sở kinh tế của bạo lực cách mạng đó, cái bảo đảm sức sống và thắng lợi của nó, chính là việc giai cấp vô sản đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức xã hội về lao động cao hơn, so với chủ nghĩa tư bản. Đấy là điểm chủ yếu của vấn đề. Do đó mà có lực lượng, mà bảo đảm được thắng lợi hoàn toàn và tất nhiên của chủ nghĩa cộng sản » (3).

Những nhiệm vụ tổ chức và xây dựng đó rất vĩ đại, song hết sức khó khăn và phức tạp, vì đây là những nhiệm vụ mới mẻ, có **tính chất sáng tạo**. Để thực hiện được sự nghiệp đó, giai cấp vô sản phải sử dụng cả một hệ thống tổ chức của chuyên chính vô sản, bao gồm Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ và các tổ chức kinh tế của quần chúng lao động. Đảng là hạt nhân lãnh đạo của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ sắc bén nhất để thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, thể hiện sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Nhân dân lao động làm chủ bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhân dân lao động tùy theo ngành nghề, giới tính,

(1) V.I. Lê-nin : *Bàn về vai trò của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 31. Từ đây trở về sau, các đoạn trích của tập sách này, chúng tôi sẽ đánh số trang ngay bên cạnh (L.D.T.).

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 25, trang 532.

(3) V.I. Lê-nin : Sách đã dẫn, 1971, tập 29, trang 477 — 478.

Digitized by Google

lứa tuổi, v.v... được tổ chức thành các đoàn thể quần chúng để phát huy tác dụng của mình trong việc quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước.

★

Đảng trở thành đảng lãnh đạo chính quyền là một bước ngoặt vĩ đại, là một sự chuyển biến mới về chất lượng trong hoạt động của Đảng. Từ đây, Đảng lãnh đạo toàn xã hội, lãnh đạo mọi mặt đời sống của đất nước, «lãnh đạo toàn bộ sự hoạt động chính trị và kinh tế» của Nhà nước (trang 135), **đề ra «đường lối đối nội và đối ngoại» của Nhà nước vô sản, định ra những chính sách và phương pháp chủ yếu để thúc đẩy xã hội phát triển về mọi mặt.** Trong việc định ra đường lối và chính sách, các cơ quan tối cao của Đảng như Đại hội Đảng và Ban chấp hành trung ương có một vị trí đặc biệt quan trọng. Lê-nin nói: «Đảng ta là một đảng cầm quyền và những quyết định do Đại hội của Đảng thông qua, là những điều mà toàn nước Cộng hòa phải tuân theo» (trang 221 — 222), «trong nước Cộng hòa của chúng ta, không có một vấn đề chính trị hay tổ chức quan trọng nào do một cơ quan Nhà nước giải quyết mà lại không có chỉ thị của Ban chấp hành trung ương» (trang 56 — 57). Bởi vậy trong những *Thư gửi Đại hội* viết vào tháng 12 năm 1922, Lê-nin đã nhấn mạnh đến việc tăng số lượng ủy viên của Ban chấp hành trung ương Đảng; việc «lôi cuốn thật nhiều công nhân tham gia Ban chấp hành trung ương sẽ giúp cho công nhân hoàn thiện bộ máy của chúng ta» (4); củng cố và tăng cường bộ máy giúp việc của Trung ương Đảng bao gồm «các chuyên gia có trình độ cao» sẽ giúp đắc lực vào việc nghiên cứu lý luận, vận dụng nguyên lý khoa học của chủ nghĩa Mác, tổng kết kinh nghiệm để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo về đường lối, chính sách của Đảng.

Có đường lối chính sách đúng đắn chưa đủ. Đảng phải «phân bố lực lượng», bủa một mạng lưới đảng viên và cán bộ của Đảng vào trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và của các tổ chức xã hội, sử dụng sức mạnh của các tổ chức Đảng, của đội ngũ cán bộ đảng viên để động viên, lãnh đạo quần chúng thực hiện có hiệu quả mọi đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; «nếu không đề cử cán bộ và điều động cán bộ để thi hành chính sách, thì không thể thực hiện được bất cứ một chính sách nào cả» (trang 181).

Chẳng những thế, theo Lê-nin, Đảng còn phải **thống nhất, phối hợp và kiểm tra hoạt động của các tổ chức Nhà nước và xã hội của nhân dân lao động trong hệ thống chuyên chính vô sản.** Trong báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội IX Đảng cộng sản (b) Nga, Lê-nin đã từ thực tiễn công tác của Bộ chính trị mà rút ra những nhận định như sau: «Trong năm qua, phần lớn công tác của Bộ chính trị chung quy đều nhằm giải quyết các vấn đề thường ngày có quan hệ đến chính trị và liên quan đến việc phối hợp công tác của tất cả các cơ quan của Nhà nước và của Đảng, của tất cả các tổ chức của giai cấp công nhân, giai cấp này phối hợp và cố gắng chỉ đạo toàn bộ công tác của nước Cộng hòa xô viết. Bộ chính trị đã giải quyết tất cả mọi vấn đề chính sách đối ngoại và đối nội» (trang 185 — 186).

Đó là những biểu hiện cụ thể của vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng thực hiện được những nhiệm vụ trọng đại đó vì Đảng là đội tiên phong có tổ

(4) V.I. Lê-nin, *Bàn về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 279.

Digitized by Google

chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, bao gồm những đại biểu giác ngộ nhất, ưu tú nhất của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động; Đảng lấy chủ nghĩa Mác làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động; Đảng gắn bó mật thiết với quần chúng lao động; nhờ vậy, Đảng sử dụng một cách có ý thức các quy luật phát triển của xã hội vào thực tiễn của đất nước, đề ra được đường lối đúng đắn, thống nhất ý chí và hành động; đoàn kết, thống nhất các tầng lớp lao động rộng rãi, đưa họ vào sự nghiệp vĩ đại là xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

★

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ sắc bén nhất để thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; là sự thể hiện quyền lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân. Lê-nin nói: «Chính quyền xô viết không phải là cái gì khác mà chỉ là hình thức tổ chức của chuyên chính vô sản, của nền chuyên chính của giai cấp tiên phong đã phát động được hàng chục và hàng chục triệu người lao động và bị bóc lột thực hiện một nền dân chủ mới và tham gia độc lập vào việc quản lý Nhà nước; những người lao động và bị bóc lột này đã nhờ kinh nghiệm bản thân mà thấy được rằng đội tiền phong có kỷ luật và có ý thức của giai cấp vô sản là người đưa đường dẫn lối chắc chắn nhất của họ» (trang 32–33).

Lê-nin nói: «trong thời kỳ **quá độ** từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, **sự trấn áp vẫn còn tất yếu**, nhưng nó **đã là sự trấn áp của đa số** bị bóc lột đối với thiểu số bóc lột» (5). Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, Nhà nước vô sản lúc này có «một nhiệm vụ trọng yếu hơn tức là tích cực xây dựng chủ nghĩa cộng sản, sáng tạo ra những quan hệ kinh tế mới, sáng tạo ra một xã hội mới» (6).

Dưới chủ nghĩa tư bản, sức sản xuất tuy đã xã hội hóa, nhưng tư liệu sản xuất chủ yếu vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản; chúng nắm sản xuất và chiếm đoạt sản phẩm của lao động. Chủ nghĩa xã hội phải xóa bỏ mâu thuẫn cơ bản đó. Hành động đầu tiên của chính quyền cách mạng chính là «tước đoạt bọn tước đoạt», quốc hữu hóa các cơ sở kinh tế, nắm lấy các mạch máu kinh tế, đẩy mạnh việc xã hội hóa sản xuất. Tình hình và điều kiện đó đòi hỏi Nhà nước vô sản phải làm nhiệm vụ **tổ chức và quản lý nền kinh tế quốc dân,** điều tiết việc sản xuất và phân phối sản phẩm. Chính quyền Nhà nước giờ đây chẳng những là bộ máy cai trị mà «bắt đầu trở thành một tổ chức trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nền kinh tế của đất nước» (7). Nó phải đảm nhiệm một chức năng mới: **chức năng kinh tế—tổ chức và văn hóa—giáo dục của mình.** Theo Lê-nin, những chức năng đó bao gồm các mặt sau đây: thiết lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu; dần dần cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội; nâng cao các lực lượng sản xuất và năng suất lao động; thủ tiêu nạn người bóc lột người và xóa bỏ tận gốc mọi nguyên nhân kinh tế — xã hội đẻ ra nạn đó; lãnh đạo đông đảo quần chúng nhân dân thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa; phát triển khoa học, kỹ thuật, thỏa mãn bằng mọi cách những nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

Trong khi nói đến chức năng kinh tế – tổ chức và văn hóa – giáo dục đó của Nhà nước xã hội chủ nghĩa,

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 25, trang 534.

(6) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, 1971, tập 29, trang 477.

(7) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, nhà xuất bản sách chính trị, Mát-xcơ-va, xuất bản lần thứ 5, 1969, tập 38, trang 442.

Digitized by Google

Lê-nin đặc biệt chú ý đến vấn đề « **xã hội hóa sản xuất trên thực tế** » Đó là việc xây dựng một mạng lưới rất phức tạp những quan hệ kinh tế xã hội chủ nghĩa ; là thiết lập chế độ kiểm kê, kiểm soát của toàn dân ; là bảo đảm một nền sản xuất liên tục được tiến hành theo một kế hoạch thống nhất ; là phân phối đúng đắn trên quy mô toàn quốc những sản phẩm được sản xuất ra. Xã hội hóa trên thực tế có nghĩa là biến các xí nghiệp, công xưởng, nhà máy, ngân hàng, ruộng đất... thành sở hữu toàn dân, nghĩa là của Nhà nước, và có nghĩa là sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các thứ đó. Đây là điều có ý nghĩa số một, bởi vì, ngoài việc tạo ra « một cơ cấu chính trị (chính quyền Nhà nước — L.Đ.T.) cho phép quần chúng bị áp bức nắm lấy tất cả mọi công việc » (trang 193), thì như Lê-nin đã dạy, điều đó mới chỉ « bảo đảm sự thắng lợi về chính trị », « chỉ khi nào Nhà nước vô sản Nga đã thật sự tập trung trong tay mình được tất cả những mạch máu của bộ máy đại công nghiệp, xây dựng trên cơ sở kỹ thuật hiện đại, thì thắng lợi về mặt kinh tế mới coi là bảo đảm » (trang 193).

Lê-nin đặc biệt chú ý đến việc phát triển lực lượng sản xuất và cải tạo nền sản xuất nhỏ cùng những tàn dư của nó. Người nói : « Rõ ràng là muốn hoàn toàn xóa bỏ giai cấp thì chẳng những phải lật đổ bọn bóc lột, bọn địa chủ và bọn tư bản, chẳng những phải xóa bỏ quyền sở hữu của chúng; mà còn phải xóa bỏ **hết thảy** mọi quyền tư hữu về tư liệu sản xuất ; phải xóa bỏ cả sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn cũng như sự khác nhau giữa những người lao động chân tay và lao động trí óc. Đấy là công việc lâu dài. Muốn hoàn thành công việc đó, phải thực hiện một bước tiến vĩ đại trong sự phát triển lực lượng sản xuất, phải chiến thắng sự phản kháng (thường là tiêu cực, đặc biệt dai dẳng và đặc biệt khó khắc phục) của nhiều tàn dư của tiểu sản xuất ; phải chiến thắng sức mạnh to lớn của tập quán và thói thủ cựu gắn liền với những tàn dư đó » (8). Người nhắc nhủ : « Chúng ta sẽ nỗ lực làm cho cơ sở kinh tế của nền tiểu nông trở thành cơ sở kinh tế của đại công nghiệp. Chỉ khi nào nước ta đã điện khí hóa, chỉ khi nào công nghiệp, nông nghiệp, vận tải đã đứng vững trên cơ sở kỹ thuật của đại công nghiệp hiện đại, thì lúc đó, chúng ta mới có thể đạt được thắng lợi hoàn toàn » (9). Người kêu gọi giai cấp vô sản phải « dùng tinh thần anh dũng bất diệt trong cuộc đấu tranh cách mạng của mình chống tư bản, để lôi cuốn tất cả quần chúng lao động và bị bóc lột, lôi cuốn, tổ chức, lãnh đạo họ nhằm đánh đổ giai cấp tư sản và hoàn toàn dẹp mọi sự phản kháng của giai cấp đó » ; phải « làm cho hết thảy quần chúng lao động và bị bóc lột, cùng với tất cả mọi tầng lớp tiểu tư sản, đi theo mình vào con đường kiến thiết kinh tế mới, vào con đường tạo ra những quan hệ xã hội mới, một kỷ luật lao động mới, một tổ chức lao động mới, có khả năng phối hợp những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật tư bản với sự tập hợp đông đảo những người lao động tự giác, những người tạo ra nền đại sản xuất xã hội chủ nghĩa » (10).

Lê-nin cũng đã đề cập đến mối quan hệ tương hỗ giữa chức năng kinh tế — tổ chức và chức năng văn hóa — giáo dục của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Không thể thực hiện nhiệm vụ kinh tế — tổ chức có kết quả khi đại đa số nhân dân còn mù chữ, trình độ

(8) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 29, trang 480.

(9) V. I. Lê-nin : Sách đã dẫn, 1969, tập 31, trang 639.

(10) V. I. Lê-nin : Sách đã dẫn, 1971, tập 29, trang 482.

Digitized by Google

văn hóa còn thấp kém. « Cần phải hiểu và nhớ rằng không thể nào thực hiện điện khí hóa trong khi chúng ta còn có những người mù chữ... Ngoài việc biết đọc, biết viết, những người lao động cần phải có văn hóa, cần phải trở thành những người giác ngộ, thông thái » (11). Mặt khác, công tác văn hóa giáo dục, sự nghiệp phát triển khoa học, kỹ thuật cũng chỉ có thể đạt được thành tựu vững chắc trên một cơ sở kinh tế phát triển. Người nói : « Việc tổ chức công nghiệp trên cơ sở kỹ thuật hiện đại hết sức cao, trên cơ sở điện khí hóa là cái nối liền thành thị và nông thôn, - sẽ chấm dứt tình trạng hoàn toàn khác biệt giữa thành thị và nông thôn, tạo điều kiện cho việc nâng cao trình độ văn hóa ở nông thôn, cho việc chiến thắng tình trạng lạc hậu, tối tăm, nghèo nàn, bệnh tật và sự quẫn bách ở ngay cả những nơi hẻo lánh nhất » (12). Chỉ có căn cứ vào việc cải thiện về kinh tế, mới có thể đánh giá được những kết quả về mặt giáo dục, vì « kết quả của công tác đó phải là việc cải thiện nền kinh tế quốc dân » Lê-nin nhấn mạnh : « Trước đây, chúng ta đã đặt và không thể không đặt trọng tâm công tác vào đấu tranh chính trị, vào cách mạng, vào việc giành lấy chính quyền, v.v... Ngày nay, trọng tâm ấy đã chuyển sang công tác hòa bình tổ chức « văn hóa »... trọng tâm của chúng ta đã chuyển sang hoạt động giáo dục »(13). Người còn nói : « Trong thời kỳ mới, nhiệm vụ của Bộ dân ủy giáo dục là đào tạo ra trong những thời hạn hết sức ngắn những cán bộ chuyên môn trong tất cả mọi lĩnh vực, xuất thân từ nông dân và công nhân... tăng cường hơn nữa mối liên hệ giữa việc giáo dục tại trường và ngoài nhà trường với những nhiệm vụ kinh tế cấp bách, có quan hệ đến toàn bộ nước Cộng hòa, cũng như đến một vùng nhất định, hay một địa phương nhất định » (14).

Để Nhà nước xã hội chủ nghĩa có thể đảm đương được vai trò tổ chức quản lý kinh tế, quản lý xã hội, Lê-nin đã từng đề cập đến việc cải tiến và tăng cường bộ máy Nhà nước. Người nói rằng bộ máy Nhà nước xô viết lúc đầu còn chưa hoàn thiện ; nó còn nhiều khuyết điểm ; tổ chức của nó còn lỏng lẻo. Bởi vậy, trong nhiều công văn và thư từ gửi cho cán bộ, các ngành cũng như trong những chỉ thị, nghị quyết chung, Lê-nin đã đề ra những biện pháp cụ thể nhằm cải thiện bộ máy Nhà nước, giảm nhẹ biên chế và tăng cường tổ chức, thực hiện mối quan hệ chặt chẽ, nhịp nhàng và ăn khớp giữa các cơ quan Nhà nước, giữa trung ương và địa phương, giữa các bộ, các ngành, các cấp, và đặc biệt nhấn mạnh việc **đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa.** Người cũng đã đề ra các quy chế công tác quản lý các cơ quan xô viết, quy định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của các cán bộ xô viết, từ cấp cao nhất là Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng dân ủy, Hội đồng lao động và quốc phòng, đến các nhân viên ở các cấp dưới của bộ máy xô viết. Người còn đề ra biện pháp xây dựng một số cơ quan gương mẫu, điển hình ; lựa chọn cán bộ và đào tạo cán bộ trong quần chúng công nông để tham gia công tác kiểm tra và quản lý Nhà nước.

★

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ; nâng cao vai trò tổ chức quản lý kinh tế, quản lý xã hội

(11) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, tập 31, trang 641.
(12) V. I. Lê-nin : Sách đã dẫn, 1968, tập 30, trang 425.
(13) V.I. Lê-nin : Sách đã dẫn, 1970, tập 33, trang 698.
(14) V.I. Lê-nin : Sách đã dẫn, trang 265—266.

Digitized by Google

của Nhà nước xã hội chủ nghĩa chính là để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đây chính là những vấn đề trọng yếu trong công cuộc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới và những con người mới xã hội chủ nghĩa, và đây cũng phải là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân Lê-nin nói: « chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân » (15), rằng « tính chủ động và sáng tạo của quần chúng, đó là nhân tố cơ bản của xã hội mới » (16), rằng chỉ có những người lao động mới thực hiện thành công nhiệm vụ lịch sử đó vì « họ mang trong bản thân họ những lực lượng tiềm tàng to lớn của cách mạng, của sự phục hưng và của sự đổi mới » (17).

Phân tích một cách toàn diện quy luật về vai trò ngày càng tăng của quần chúng nhân dân trong lịch sử do Mác và Ăng-ghen phát hiện ra, Lê-nin đòi hỏi phải thu hút ngày càng đông đảo quần chúng tham gia vào bộ máy Nhà nước, làm cho nó trở thành bộ máy của chủ nghĩa xã hội. « Cách mạng càng sâu sắc thì càng cần có nhiều chiến sĩ tích cực để đem bộ máy của chủ nghĩa xã hội thay thế cho chủ nghĩa tư bản » (18). Theo Lê-nin, là Đảng lãnh đạo chính quyền phải bảo đảm để quần chúng lao động tham gia ngày càng nhiều vào bộ máy chính quyền Nhà nước; để quần chúng có quyền bãi miễn, thay đổi thành phần các cơ quan Nhà nước theo ý nguyện của mình, để nhân dân có quyền kiểm tra thật sự bộ máy Nhà nước đó, kiểm tra tình hình chấp hành đường lối chính sách, luật pháp của Nhà nước. Thông qua những công việc đó, quần chúng nhân dân có thể học tập công việc quản lý Nhà nước và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm cho chính quyền Nhà nước đó thật sự là « của dân, do dân và vì dân » Lê-nin cho rằng: « trong đời sống, chế độ dân chủ không bao giờ « tách riêng » ra được, mà nó sẽ « đứng chung trong toàn bộ »; nó cũng sẽ ảnh hưởng đến kinh tế, sẽ thúc đẩy sự cải tạo kinh tế; nó sẽ chịu ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế, v.v.. Đó là biện chứng của lịch sử sinh động » (19).

Quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động được biểu hiện qua hoạt động của các đoàn thể quần chúng, các tổ chức quần chúng. Vai trò của các đoàn thể quần chúng chính là **giáo dục, động viên, tổ chức quần chúng thực hiện những nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra, làm chỗ dựa cho Nhà nước xã hội chủ nghĩa,** phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống mới và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Lê-nin coi các đoàn thể quần chúng như một hệ thống « dây chuyền », hệ thống « máy chuyền lực » giữa Đảng và quần chúng. Người nói: « Đây là cả một hệ thống phức tạp những bánh xe răng cưa, chứ không phải là một hệ thống đơn giản, vì chuyên chính vô sản không thể do một tổ chức bao gồm toàn bộ giai cấp vô sản thực hiện được. Không thể thực hiện được chuyên chính, nếu không có vài « sợi dây chuyền » nối liền đội tiền phong với quần chúng của giai cấp tiên tiến và nối liền đội ấy với quần chúng lao động » (trang 71). Lê-nin chú ý nhiều đến tổ chức công đoàn, coi công đoàn là « nguồn dự trữ của chính quyền Nhà nước, là trường học chủ nghĩa cộng sản, là trường học quản lý kinh tế » (trang 122) là « bể chứa của

(15), (16) V.I.Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, trang 327.

(17) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, trang 545.

(18) V.I. Lê-nin Sách đã dẫn, trang 411 — 412.

(19) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, tập 25, trang 523.

Digitized by Google

chính quyền Nhà nước » (trang 69). Người coi Đoàn thanh niên cộng sản là « đội xung kích » trong tất cả mọi lĩnh vực công tác của Đảng và của Nhà nước : Đoàn phải làm cho thế hệ trẻ biết rằng **mục đích cuộc đời họ là xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa** ; Đoàn phải bằng công tác thực tế và sự hoạt động của mình chứng minh cho người khác thấy con đường đúng đắn của Đảng và của Đoàn và « mỗi một đoàn viên của Đoàn thanh niên đều là người có học thức và đồng thời cũng biết lao động », v.v... (trang 148 — 149). Lê-nin cũng đặc biệt chú ý đến phong trào phụ nữ. Người nói : « Bản thân việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa chỉ có thể bắt đầu khi nào chúng ta làm cho phụ nữ được hoàn toàn bình đẳng, khi nào chúng ta bắt tay vào công việc mới cùng với người phụ nữ đã thoát khỏi những công việc vụn vặt không có tính chất sản xuất khiến cho người ta mụ đi » (20). Lê-nin còn nói đến việc các đoàn thể quần chúng phải **đại biểu cho giới mình tham gia vào quản lý Nhà nước ; xây dựng tổ chức của giới mình và có ý thức đầy đủ về sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức của giới mình.**

Người luôn luôn nhắc nhở các đoàn thể « phải biết thích ứng với quần chúng, với trình độ của quần chúng ; mặt khác, công đoàn tuyệt đối không được nuông chiều những thành kiến và tư tưởng lạc hậu của quần chúng » (trang 140) ; phải giáo dục quần chúng, đưa « quần chúng lên một trình độ cao hơn về phương diện văn hóa, kinh tế và chính trị » để mọi tầng lớp nhân dân lao động ngày càng tham gia tích cực với tư cách của người làm chủ vào sự nghiệp quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước xã hội chủ nghĩa

★

Phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước, vai trò giáo dục và thuyết phục của các đoàn thể nhân dân là những vấn đề có ý nghĩa thực tiễn to lớn trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta hiện nay.

Học tập những lời dạy trên của Lê-nin chính là để quán triệt đầy đủ các nghị quyết của Đảng ta nhằm xây dựng thành công một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

---

(20) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 30, trang 43 — 44.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

СЬЕЗД ЕДИНОГО НАЦИОНАЛЬНОГО ФРОНТА ВЬЕТНАМА
Обращение Съезда

Резолюция Съезда

ЛЕ ЗУАН – Тесно сплотясь в единую великую семью, мы непременно успешно построим социализм

★ Устав Коммунистической партии Вьетнам

ХОАНГ ТУНГ – Мировая обстановка после победы Вьетнама и поражения США

ФОНГ ТЯУ – Воспитывать нового, социалистического человека

НГУЕН ТХИЕН ТИ – Упорядочить и до определенной степени усовершенствовать работу по управлению предприятиями

ПАРТИЙНАЯ ЖИЗНЬ – Чувство ответственности

В МИРЕ КНИГ ★ ЛЕ ЗОАН ТА – Некоторые мысли Ленина о роли партии, государства и массовых организаций в системе диктатуры пролетариата

目 录

越南民族统一战线代表大会
——大会号召书

——大会决议

黎 笋：大团结，我们一定建设成功社会主义。
越南共产党章程。

黄 松：越南胜利和美国失败后的国际形势。

丰 珠：培育社会主义新人。

阮善志：使企业管理工作走上轨道，並进一步予以改进。

党的生活·建設者：责任感。

讀书笔記·黎尹佐：列宁关于无产阶级专政系统中党、国家和群众团体的作用的一些意见。

Digitized by Google

SOMMAIRE

Congrès du Front national uni du Viet-nam

Appel

Résolution

LÊ-DUẨN – Largement unis, nous réussirons sans nul doute à édifier le socialisme

★ Statuts du Parti communiste du Viet-nam

HOÀNG-TÙNG – La situation mondiale après la victoire du Viet-nam et l'échec américain

PHONG-CHÂU – La formation de l'homme nouveau, socialiste

NGUYỄN-THIỆN-CHÍ – La gestion des entreprises : en exiger la pratique régulière et amorcer son perfectionnement

La vie du Parti ★ *LE CENSEUR* – Le sens des responsabilités

Revue des livres ★ *LÊ-DOÃN-TÁ* – Quelques opinions de Lénine sur le rôle du Parti, de l'Etat et des organisations de masses dans le système de la dictature du prolétariat

---

CONTENTS

Congress of the National united front of Viet-nam

Appeal

Resolution

LÊ-DUẨN – Closely united, we are bound to build socialism successfully

★ Rules of the Communist Party of Viet-nam

HOÀNG-TÙNG – The situation in the world following the victory of Viet-nam and the defeat of American imperialism

PHONG-CHÂU – Forming the new, socialist, man

NGUYỄN-THIỆN-CHÍ – Putting the management of enterprises in good order and giving it an initial improvement

Party life ★ *CRITIC* – The sense of responsibility

Books ★ *LÊ-DOÃN-TÁ* – Some of Lenin's ideas about the role of the Party, the State and the mass organizations in the system of the dictatorship of the proletariat

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 2
1977
NĂM THỨ XXIII (254)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1, Nguyễn-thượng-Hiền, Hà-nội.
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam

Lời kêu gọi của Đại hội 1

Nghị quyết của Đại hội 3

LÊ-DUẨN — Đại đoàn kết, chúng ta nhất định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội 4

★ Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam 8

HOÀNG-TÙNG — Tình hình thế giới sau thắng lợi của Việt-nam và thất bại của Mỹ 37

PHONG-CHÂU — Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa 49

NGUYỄN-THIỆN-CHÍ — Đưa công tác quản lý xí nghiệp vào nề nếp và cải tiến một bước 59

Sinh hoạt Đảng ★ *NGƯỜI XÂY DỰNG* — Tinh thần trách nhiệm 66

Đọc sách ★ *LÊ-DOÃN-TÁ* — Một số ý kiến của Lê-nin về vai trò của Đảng, của Nhà nước và của các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản 70

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 0đ3

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

23: 3

3.1977

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận

THẤU SUỐT ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, tiến lên thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976—1980)

ĐẠI hội lần thứ IV của Đảng đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980). Đây là kế hoạch mở đầu giai đoạn cách mạng mới: cả nước độc lập, thống nhất, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Kế hoạch này có ý nghĩa và tác động cực kỳ quan trọng đến việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Nước ta bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ hai với những thuận lợi rất cơ bản.

Nền kinh tế nước ta hiện nay là **một nền kinh tế đang trên đà lớn mạnh, bản thân nó có sức tăng trưởng mạnh mẽ, có sức sống mãnh liệt, với những khả năng dồi dào, to lớn, cho phép đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh chóng.** *Chúng ta có đội ngũ 22 triệu người lao động, mỗi năm tăng thêm khoảng 1 triệu người lao động mới, với nửa triệu cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật và 1 triệu công nhân kỹ thuật. Chúng ta có một diện tích đất nông nghiệp có thể mở rộng đến hơn 10 triệu héc-ta và có thể làm nhiều vụ trong năm; 3.200 ki-lô-mét bờ biển và vùng biển rộng lớn; hàng chục triệu héc-ta rừng và đất rừng; nguồn năng lượng đa dạng và nhiều loại khoáng sản đủ để xây dựng một nền công nghiệp hiện đại; đường giao thông thuận lợi cho giao lưu trong nước và với nước ngoài. Chúng ta đã xây dựng được một số cơ sở công nghiệp nặng, một hệ thống công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm; có một khối lượng thiết bị, máy móc, vật tư mà hiện nay chúng ta chưa tận dụng hết khả năng. Chúng ta đã tích lũy được những kinh nghiệm về xây dựng và quản lý nền kinh tế xã hội*

Digitized by Google

chủ nghĩa ở miền Bắc cùng với những kinh nghiệm xây dựng và quản lý kinh tế cả nước kể từ sau ngày chiến thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Chúng ta lại được sự giúp đỡ quý báu và hợp tác to lớn về kinh tế và kỹ thuật của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác.

Khó khăn lớn nhất của ta hiện nay là: cơ sở vật chất — kỹ thuật còn nhỏ bé, năng suất lao động rất thấp, lương thực, thực phẩm cho người, nguyên liệu, nhiên liệu cho công nghiệp còn thiếu, xuất khẩu không đủ để trang trải cho nhập khẩu, những hậu quả do chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới để lại rất nặng nề.

Đáng chú ý nhất là lực lượng lao động dồi dào, tài nguyên phong phú và những cơ sở vật chất — kỹ thuật của nước ta hiện nay phân bố chưa hợp lý, chưa thành một cơ cấu kinh tế cân đối và chưa được quản lý tốt, cho nên nguồn của cải tiềm tàng thì nhiều, nhưng khối lượng của cải tạo ra chưa tương xứng.

Để thể hiện đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta do Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch ra, kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 — 1980 phải **thực hiện một sự bố trí chiến lược đúng đắn**, *nhằm phát huy các lực lượng sản xuất, khai thác các khả năng tiềm tàng, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công — nông nghiệp; tổ chức lại nền sản xuất xã hội, phân bố lại lực lượng sản xuất trên quy mô cả nước, chuẩn bị điều kiện để đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những kế hoạch tiếp theo.*

Những nhiệm vụ cơ bản *của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976—1980) là:*

1 — Tập trung cao độ sức lực của cả nước, của các ngành, các cấp tạo ra một bước phát triển vượt bậc về **nông nghiệp**, *ra sức đẩy mạnh* **lâm nghiệp, ngư nghiệp**; *phát triển* **công nghiệp nhẹ** *và* **công nghiệp thực phẩm** *(bao gồm cả thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp), nhằm giải quyết vững chắc nhu cầu của cả nước về lương thực, thực phẩm và một phần quan trọng hàng tiêu dùng thông thường; cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tạo nguồn tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.*

2 — Phát huy năng lực sẵn có và xây dựng thêm nhiều cơ sở mới về công nghiệp nặng, đặc biệt là cơ khí, nhằm phục vụ trước hết cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ, chuẩn bị cho bước trang bị kỹ thuật trong thời kỳ tiếp theo. Tích cực mở mang **giao thông vận tải**; *tăng nhanh năng lực* **xây dựng cơ bản**; **đẩy mạnh công tác khoa học — kỹ thuật**. *Chuẩn bị về mọi mặt để triển khai xây dựng lớn trong những kế hoạch dài hạn sau này.*

Digitized by Google

3 — Sử dụng hết mọi **lực lượng lao động xã hội**; *tổ chức và quản lý tốt lao động, phân bố lại lao động giữa các vùng và các ngành nhằm tăng rõ rệt năng suất lao động xã hội.* **Hình thành bước đầu cơ cấu kinh tế mới công — nông nghiệp**, *kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân.*

4 — Hoàn thành về cơ bản **cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc**; *cải tiến mạnh mẽ công tác thương nghiệp, giá cả, tài chính, ngân hàng.*

5 — **Tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu**, *trước hết là sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp; mở rộng* **quan hệ kinh tế** *với nước ngoài.*

6 — Ra sức **phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế**, *tiến hành cải cách giáo dục, đẩy mạnh đào tạo cán bộ và công nhân; thanh toán hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới về mặt xã hội.*

7 — Thực hiện một sự **chuyển biến sâu sắc trong tổ chức và quản lý kinh tế**, *xây dựng một hệ thống mới về quản lý kinh tế trong cả nước.*

Những **chỉ tiêu tổng hợp** *của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976—1980) đã được đề ra là: bình quân hằng năm sản phẩm xã hội tăng từ 14 — 15%, thu nhập quốc dân tăng 13 — 14%, giá trị tổng sản lượng nông nghiệp tăng 8 — 10%, giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng 16 — 18%, năng suất lao động xã hội tăng 7,5 — 8%. Một số* **sản phẩm chủ yếu** *năm 1980 sẽ phải đạt là: 21 triệu tấn lương thực quy ra thóc; trên 1 triệu tấn thịt hơi các loại; 3,5 triệu m^3 gỗ; 1 triệu tấn cá biển; 22 — 25 vạn tấn đường và mật; 450 triệu mét vải, lụa; 5 tỷ kwh điện, 10 triệu tấn than; 30 vạn tấn thép; 1,3 triệu tấn phân bón hóa học các loại; 2 triệu tấn xi măng v.v... Về đời sống nhân dân, nếu kể cả các khoản phúc lợi, giảm giá một số mặt hàng tiêu dùng, thì đến năm 1980, thu nhập thực tế của công nhân, viên chức tăng khoảng 30 — 35%, của nông dân tăng 15 — 20% so với năm 1975.*

Nhằm đạt các chỉ tiêu tổng hợp trên đây, kế hoạch 5 năm lần thứ hai đề ra **những nhiệm vụ phát triển các ngành kinh tế và văn hóa** *như sau:*

1 — Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập trung cao độ mọi lực lượng của chúng ta để đưa nông nghiệp phát triển một cách toàn diện,

Digitized by Google

mạnh mẽ và vững chắc, đồng thời đẩy mạnh lâm nghiệp, ngư nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng.

2 — Xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp nặng.

3 — Phát triển giao thông vận tải. Đẩy mạnh xây dựng cơ bản.

4 — Chuyển hướng mạnh công tác lưu thông phân phối, tài chính, ngân hàng theo yêu cầu cải tạo, xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

5 — Mở rộng hơn nữa quan hệ kinh tế với nước ngoài.

6 — Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát huy vai trò then chốt của cách mạng khoa học — kỹ thuật.

7 — Xây dựng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

8 — Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, phát triển công tác văn hóa, xã hội, đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa.

9 — Cải thiện một bước đời sống của nhân dân.

★

Để thực hiện tốt phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980), phải nắm vững những **quan điểm cơ bản** *dưới đây:*

1 — **Phải quán triệt đường lối xây dựng kinh tế của Đảng.** *Mục tiêu phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân ta trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980) có thể nêu tóm tắt là:*

— Giải quyết tốt hơn đời sống nhân dân;

— Xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ với xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa;

— Đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân đông đảo và có chất lượng tốt;

— Tăng nhanh khối lượng hàng xuất khẩu;

— Củng cố quốc phòng.

Để đạt mục tiêu đó, cần tập trung cao độ sức lực của toàn Đảng, toàn dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, làm cho nông nghiệp trở thành cơ sở vững chắc của công nghiệp, đồng thời tích cực triển khai việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ hai này, phải giải quyết về cơ bản vấn đề lương thực và thực phẩm, coi đó là một nhiệm vụ chiến lược phải thực hiện bằng được.

Digitized by Google

Đồng thời, phải rất coi trọng phát huy khả năng tiềm tàng to lớn của khu vực tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp để tăng nhanh sản xuất hàng tiêu dùng nhằm phục vụ đời sống nhân dân trong nước và tăng nguồn hàng xuất khẩu.

2 — **Phải đứng trên địa bàn cả nước, trên thế bố trí chiến lược chung của cả nước mà ra sức động viên, khai thác mọi khả năng tiềm tàng, mọi năng lực hiện có, tổ chức lực lượng lao động cho phù hợp với sự phân bố đất đai và các tài nguyên trong cả nước.**

Chúng ta tận dụng những khả năng về tài nguyên thiên nhiên có tác dụng cơ bản nhất và cấp bách nhất như đất đai, rừng, biển, khoáng sản... và những khả năng to lớn về sức lao động chính là nhằm đáp ứng những yêu cầu bức thiết của nền kinh tế quốc dân và của đời sống nhân dân, đồng thời cũng là tạo tiền đề cho việc phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong kế hoạch 5 năm sau.

Vì vậy, trong 5 năm 1976 — 1980, phải phát huy thế mạnh của mỗi vùng, mỗi địa phương, tận dụng mọi tài nguyên, vật tư, thiết bị, nguyên liệu trong cả nước, sử dụng tốt lao động và đất đai, kết hợp tốt kế hoạch của ngành và của địa phương để đẩy nhanh tốc độ sản xuất và xây dựng. Đây chính là sự bố trí chiến lược về lực lượng sản xuất (trong đó có đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật) có tầm quan trọng cơ bản trước mắt và lâu dài, nhằm sử dụng một cách hợp lý nhất « hai nguồn làm nảy sinh mọi của cải: đất và người lao động », như Các Mác đã nói. Đây cũng là sự kết hợp ngay từ đầu nông nghiệp với công nghiệp, hình thành cơ cấu công — nông nghiệp, củng cố liên minh công nông.

3 — **Hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Bắc.**

Phải kết hợp chặt chẽ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phải sớm tạo ra một sự chuyển biến mạnh trong công tác quản lý kinh tế, nhanh chóng và thật sự thống nhất quản lý trong cả nước.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phải gắn liền với việc tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất. Phải đặt các việc đó trong quy hoạch tổ chức lại sản xuất theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Các tỉnh miền Nam có điều kiện đi nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc thực hiện thủy lợi hóa và cơ giới hóa sẽ tạo thêm điều kiện tốt để đưa nông dân vào con đường hợp tác hóa và đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt chú trọng phát triển nhanh, mạnh lực lượng kinh tế quốc doanh trong tất cả các ngành. Trong nông nghiệp, cùng với việc đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp, phải phát triển mạnh các nông trường quốc doanh trồng lúa và cây công nghiệp; trong ngành hải sản, việc phát triển nhanh, mạnh khu vực quốc doanh đánh cá có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng.

4 — Kế hoạch phải thể hiện rõ tinh thần tích cực và vững chắc. *Phải tích cực, nhưng không phiêu lưu; vững chắc, nhưng không bảo thủ, và phải luôn luôn tìm biện pháp tiến lên nhanh. Phải động viên mọi tiềm lực của nền kinh tế quốc dân và khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân trong cả nước, nhằm đạt nhịp độ phát triển cao của các ngành kinh tế. Đồng thời, phải bảo đảm tính hiện thực, vững chắc của kế hoạch. Do đó, phải bảo đảm cân đối giữa mục tiêu kế hoạch và biện pháp thực hiện, bảo đảm cân đối các yếu tố của sản xuất và xây dựng (nhất là về vật tư, vận tải, v.v...).*

Phải rất coi trọng phong trào cách mạng của quần chúng, coi trọng sáng kiến của quần chúng, cũng như việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Phải đặc biệt chăm lo giải quyết các vấn đề về đời sống của nhân dân, quan tâm giải quyết tốt hơn nữa bữa ăn của công nhân, cán bộ, viên chức để tạo điều kiện đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất của quần chúng.

5 — **Trong khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980), phải đồng thời tích cực chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho việc phát triển sản xuất và đẩy mạnh xây dựng trên quy mô lớn hơn trong các năm sau.** *Phải coi trọng công tác đào tạo cán bộ và công nhân, xúc tiến công tác điều tra cơ bản, công tác phân vùng, quy hoạch, khảo sát, thiết kế, dự đoán kinh tế dài hạn,... đặc biệt là ở các tỉnh miền Nam.*

★

Điều kiện quyết định để thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980) là phải không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng. **Phải thực hiện một sự chuyển biến rất mạnh mẽ trong công tác quản lý kinh tế, tổ chức bộ máy Nhà nước, phát**

Digitized by Google

động phong trào quần chúng sôi nổi, rộng khắp, *nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước.*

Chúng ta phải **xúc tiến việc phân bố lại lực lượng sản xuất trong phạm vi cả nước, tổ chức lại nền sản xuất xã hội.** *Muốn vậy, phải nghiên cứu các dự án phát triển kinh tế dài hạn, lập các kế hoạch và chính sách phát triển các ngành kinh tế chủ yếu, dự kiến phân vùng kinh tế cơ bản, lập sơ đồ chung về phân bố lực lượng sản xuất trên từng vùng và trong cả nước, từ đó mà có kế hoạch dài hạn về phát triển kinh tế, văn hóa cho từng tỉnh, huyện và cơ sở. Đi đôi với phân bố lại lực lượng sản xuất trong phạm vi cả nước, cần tổ chức lại các ngành sản xuất phù hợp với bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tổ chức lại sản xuất theo hướng đó, chúng ta sẽ xây dựng và tăng cường sức mạnh của các ngành kinh tế; đồng thời chủ động thúc đẩy sự hình thành trên địa bàn tỉnh một cơ cấu kinh tế kết hợp công nghiệp và nông nghiệp, kết hợp kinh tế trung ương và kinh tế địa phương; chủ động thúc đẩy quá trình tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, làm cho huyện trở thành một cấp kế hoạch và ngân sách. Huyện sẽ là đơn vị kinh tế kết hợp nông nghiệp và công nghiệp, phân bố và sử dụng lực lượng lao động, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, đồng thời cũng là nơi thực hiện mối quan hệ mật thiết giữa sản xuất và lưu thông phân phối.*

Về cải tiến phương thức quản lý, *trước hết phải cải tiến mạnh mẽ* **công tác kế hoạch hóa,** *thực hiện một sự cải tiến đồng bộ, từ việc xây dựng các quy hoạch phát triển kinh tế, xác định nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch đến phương pháp, trình tự kế hoạch hóa, từ việc xây dựng kế hoạch đến việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Trong các kế hoạch, phải quán triệt tốt hơn nữa đường lối của Đảng, thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ. Kế hoạch phải được cân đối tích cực và vững chắc, khai thác đến mức cao nhất mọi khả năng tiềm tàng của các ngành, các địa phương và đơn vị.*

Phải vận dụng đúng đắn nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Phải sớm xác định nội dung quản lý kinh tế ở cấp huyện. Chuyển biến mạnh mẽ công tác kế hoạch hóa ở đơn vị cơ sở.

Vận dụng đúng đắn các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, quan hệ thị trường vào việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch.

Phấn đấu để thực hiện chế độ hạch toán kinh tế thật sự trong các đơn vị kinh tế cơ sở và trong mọi tổ chức sản xuất, kinh doanh của Nhà nước cũng như của tập thể.

Soát xét lại toàn bộ hệ thống các **chính sách kinh tế,** *làm cho các chính sách đó quán triệt đường lối của Đảng và phù hợp với các quy*

Digitized by Google

luật kinh tế; trước mắt cần cải tiến chính sách giá cả, chính sách tiền lương và thu nhập.

Việc thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980) đòi hỏi gấp rút **tăng cường hiệu lực của bộ máy Nhà nước** *về mọi mặt, nhất là về mặt tổ chức và quản lý kinh tế.*

Cần kết hợp tốt quản lý hành chính — kinh tế với quản lý sản xuất — kinh doanh. Đồng thời, đề cao kỷ luật Nhà nước, đề cao trách nhiệm cá nhân trong tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, gắn liền với việc thực hiện chế độ thủ trưởng.

Phải đẩy mạnh việc bồi dưỡng, đào tạo, sắp xếp, điều chỉnh đội ngũ cán bộ của cả nước, đi đôi với đổi mới tác phong và lề lối làm việc của cán bộ các ngành, các cấp.

Cuối cùng, việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980) đòi hỏi phải **phát động một phong trào quần chúng sôi nổi thi đua lao động, sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội,** *tiến hành dưới khẩu hiệu «* **Tất cả cho sản xuất, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân»**, *phải động viên và tổ chức quần chúng tiến lên với tinh thần phấn khởi và khí thế cách mạng tiến công, hưởng ứng và hăng hái thực hiện việc phân bố lại lực lượng sản xuất, tổ chức lại nền sản xuất xã hội, thực hiện tốt ba cuộc cách mạng để hoàn thành và hoàn thành vượt mức những nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch.*

Để đảm bảo phong trào thi đua của quần chúng đạt hiệu quả cao, các cơ quan có trách nhiệm phải chuẩn bị chu đáo công cụ lao động, nguyên liệu, vật liệu, v.v... Đồng thời, thi hành đúng và kịp thời các chính sách động viên, khuyến khích, nhằm khen thưởng kịp thời những người làm giỏi, những đơn vị làm giỏi; chăm lo đầy đủ đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

Dưới ánh sáng các Nghị quyết lịch sử của Đại hội lần thứ IV của Đảng, lại được cổ vũ bởi thắng lợi rực rỡ của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và những thành tựu to lớn trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế trên phạm vi cả nước gần hai năm qua, nhân dân ta nhất định tiến lên thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980) với ý thức làm chủ sâu sắc, với tinh thần cách mạng tiến công hào hùng.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy anh dũng tiến vào cuộc chiến đấu mới, lập những thành tích mới, tạo ra bước phát triển mới, to lớn của chủ nghĩa xã hội trên Tổ quốc yêu quý của chúng ta

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG, TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ NGHIÊN CỨU *

TRƯỜNG-CHINH

Thưa các đồng chí,

Hôm nay chúng ta kỷ niệm lần thứ 15 ngày thành lập Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trong không khí tràn đầy phấn khởi sau thắng lợi của việc hoàn thành giải phóng dân tộc, thực hiện thống nhất nước nhà và thắng lợi của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng ta.

Từ ngày thành lập đến nay, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương đã trải qua 15 năm công tác. Các Ban địa phương ở miền Bắc phần lớn đã hoạt động được trên 10 năm. Ở miền Nam, các Ban địa phương gần đây mới thành lập.

Mười lăm năm qua là những năm phấn đấu khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trong điều kiện có chiến tranh, cán bộ nghiên cứu bị hạn chế về chất lượng và thiếu về số lượng. Trong thời gian đó, mấy công tác lớn phải làm là sưu tầm, xác minh những tư liệu cần thiết cho việc nghiên cứu lịch sử Đảng, xây dựng một đội ngũ cán bộ khoa học có khả năng nghiên cứu và tổng kết những kinh nghiệm lịch sử, và biên soạn một số văn kiện để đáp ứng yêu cầu trước mắt và chuẩn bị cho việc nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng một cách lâu dài.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, chúng ta đã ra sức phấn đấu, khắc phục khó khăn, hoàn thành những nhiệm vụ chủ yếu được Trung ương giao cho.

Những chuyên đề nghiên cứu về các thời kỳ, những công trình giới thiệu tóm tắt về lịch sử Đảng, về tiểu sử và sự nghiệp Chủ tịch

* Bài nói tại Hội nghị cán bộ ngành nhân dịp kỷ niệm lần thứ 15 ngày thành lập Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương, ngày 7-2-1977.

Digitized by Google

Hồ-chí-Minh, về những sự kiện lớn trong lịch sử cách mạng nước ta từ khi có Đảng đã được Ban ta biên soạn. Trong quá trình nghiên cứu và biên soạn các công trình đó, một bộ máy và một đội ngũ cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng đã hình thành từ trung ương đến các địa phương.

Thiếu sót của chúng ta có nhiều, nhưng chủ yếu là đến nay vẫn chưa biên soạn được bộ lịch sử chính thức của Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời giới thiệu kỹ hơn về Đảng ta với nhân dân thế giới, và chưa xây dựng được một đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học tương xứng với tầm vóc, tính chất và đòi hỏi của khoa học lịch sử Đảng.

Nhiệm vụ trước mắt của chúng ta vô cùng nặng nề. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ phương hướng công tác tư tưởng và công tác lý luận của toàn Đảng hiện nay là: « *đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận nhằm làm sáng tỏ hơn nữa những vấn đề về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng thời tổng kết những kinh nghiệm phong phú của cách mạng Việt-nam* »(1).

Để hoàn thành nhiệm vụ nặng nề của giai đoạn mới, tiến tới biên soạn cho được một bộ lịch sử Đảng, việc rút kinh nghiệm đã qua nhằm đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng là rất cần thiết.

Góp phần vào công việc đó, hôm nay tôi xin phát biểu về hai vấn đề:

1 — Phải thật sự thấu suốt tính đảng và tính khoa học trong công tác nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng.

2 — Để nghiên cứu khoa học lịch sử Đảng, phải có tổ chức và cán bộ khoa học tương xứng.

I

PHẢI THẬT SỰ THẤU SUỐT TÍNH ĐẢNG VÀ TÍNH KHOA HỌC TRONG CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ BIÊN SOẠN LỊCH SỬ ĐẢNG

Các đồng chí thân mến,

Từ khi chủ nghĩa Mác ra đời, việc nghiên cứu lịch sử xã hội trở thành một khoa học. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, công tác nghiên cứu lịch sử đã được giải phóng khỏi những thành kiến duy tâm, những nhận thức trái khoa học, những quan điểm cho rằng viết lịch sử chỉ là ghi chép các hiện tượng xã hội

(1) Xem *Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.*

Digitized by Google

như một chuỗi những sự việc ngẫu nhiên, rời rạc, không liên quan gì với nhau, một chuỗi sự kiện diễn ra theo ý muốn của một số nhân vật lịch sử, và diễn biến lịch sử hầu như không chịu sự chi phối nào của những điều kiện xã hội, những quy luật khách quan.

Bằng cách phân tích những hiện tượng của đời sống xã hội dựa trên cơ sở những quy luật khách quan, chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã đưa môn lịch sử từ trong bóng tối của chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa duy tâm tinh thần ra ánh sáng khoa học, làm cho *lịch sử trở thành một khoa học thật sự.*

Lê-nin nói:

« Mác.. đã vạch ra con đường nghiên cứu lịch sử một cách khoa học, mà lịch sử thì được quan niệm như một quá trình duy nhất do những quy luật chi phối, mặc dù nó rất phức tạp và có rất nhiều mâu thuẫn » (2).

Thật vậy, chủ nghĩa Mác — Lê-nin coi khoa học lịch sử xã hội là một khoa học chính xác. Những hiện tượng xã hội đều liên hệ với nhau, ràng buộc lẫn nhau. Chúng không diễn biến một cách ngẫu nhiên mà theo những quy luật phát triển tất yếu của xã hội. Mọi hoạt động thực tiễn của Đảng ta phải dựa vào những quy luật ấy. Sự hiểu biết và vận dụng đúng đắn những quy luật ấy là một điều kiện hết sức cần thiết để Đảng ta lãnh đạo thắng lợi cách mạng Việt-nam.

Nói tóm lại, *lịch sử xã hội là một khoa học : nhiệm vụ của khoa học lịch sử là làm sáng tỏ những quy luật phát triển của xã hội ; lịch sử đảng của giai cấp công nhân là lịch sử lãnh đạo cách mạng nhằm giải phóng giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân khỏi mọi áp bức, bóc lột, dựa trên những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội.*

Lịch sử Đảng cộng sản Việt-nam là lịch sử phát triển của phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. *Nghiên cứu lịch sử Đảng cộng sản Việt-nam là nghiên cứu việc Đảng ta đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt-nam để định ra đường lối, chính sách đúng đắn đưa cách mạng Việt-nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, và thực chất là nghiên cứu lịch sử tìm tòi, nắm vững và vận dụng các quy luật khách quan của xã hội vào việc lãnh đạo cách mạng Việt-nam qua các giai đoạn cách mạng và các thời kỳ lịch sử của Đảng.*

Làm sáng tỏ những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt-nam là nhiệm vụ của tất cả các ngành khoa học xã hội. Nhiệm vụ đó đã được ghi trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III và trong Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam (3).

(2) V. Lê-nin: *Các Mác — Ăng-ghen và chủ nghĩa Mác*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, trang 20.

(3) Xem phần VII, mục tăng cường công tác tư tưởng trong Đảng.

Digitized by Google

Khoa học lịch sử Đảng ta phải làm sáng tỏ những vấn đề quy luật của cách mạng Việt-nam như thế nào? Khoa học lịch sử Đảng làm sáng tỏ những quy luật ấy khác với triết học, chính trị kinh tế học và chủ nghĩa xã hội khoa học như thế nào?

Với kinh nghiệm của Bau ta trong 15 năm qua, chúng ta có thể nêu lên một số khái niệm về vấn đề đó.

Trong những bài phát biểu ở các cuộc hội nghị bàn về công tác nghiên cứu lịch sử Đảng năm 1966 và 1973, tôi đã nhấn mạnh vấn đề *tính đảng và tính khoa học của công tác nghiên cứu lịch sử Đảng*. Nay dựa trên kinh nghiệm thực tế của 15 năm tiến hành công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, chúng ta cần hiểu sâu thêm tính đảng và tính khoa học trong các khâu nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng.

Nước ta là một nước vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, cho nên nhân dân ta phải tiến hành hai cuộc cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng trước chuyển thành cách mạng sau, cách mạng sau tiếp liền cách mạng trước. Mỗi cuộc cách mạng ấy có mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ chiến lược, đối tượng cách mạng, lực lượng và động lực cách mạng, phương châm, phương pháp của nó. Nhưng cả hai cuộc cách mạng *đều do giai cấp công nhân lãnh đạo dựa trên cơ sở liên minh công nông*.

Như thế là *nói chung* cách mạng nước ta phải trải qua hai giai đoạn chiến lược: giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi giai đoạn chiến lược, nếu hàng ngũ kẻ thù và bạn đồng minh có chỗ thay đổi, thì giai đoạn đó có thể chia ra nhiều thời kỳ. Trong những thời kỳ của một giai đoạn, nhiệm vụ chiến lược cơ bản không thay đổi, nhưng chiến lược và sách lược cụ thể có thể thay đổi. Đảng lãnh đạo phải xuất phát từ tình hình thực tế mà thay đổi chủ trương, chính sách, chuyển hướng chiến lược và sách lược như thế nào cho đúng. Vấn đề này, tôi đã có dịp trình bày trong bài « Phương châm chiến lược của Đảng ta » (4).

Khoa học lịch sử Đảng phải làm sáng tỏ việc Đảng nắm vững và vận dụng các quy luật của sự phát triển xã hội vào việc định ra đường lối, chính sách, phương châm, phương pháp để lãnh đạo cách mạng nước ta trong từng giai đoạn và trong từng thời kỳ của một giai đoạn để đưa cách mạng đến thắng lợi. Chúng ta phải làm sáng tỏ vấn đề đó bằng cách trình bày lịch sử Đảng trên các mặt sau đây:

a) trình bày một cách khoa học đường lối, chính sách của Đảng qua các giai đoạn và các thời kỳ

(4) Xem *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt-nam*, Tập II, trang 403.

Digitized by Google

của cuộc vận động cách mạng ở nước ta ;

b) trình bày một cách khoa học phong trào cách mạng của quần chúng nhằm thực hiện đường lối, chính sách đó ;

c) trình bày các chủ trương và biện pháp xây dựng Đảng, nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối chính trị và nhiệm vụ cách mạng của Đảng qua các giai đoạn và các thời kỳ ;

d) trình bày những kinh nghiệm của Đảng lãnh đạo cách mạng trong từng giai đoạn, từng thời kỳ và kinh nghiệm cách mạng chung của Đảng, đi đến những kết luận có tính chất lý luận.

1 — Trình bày đường lối, chính sách của Đảng qua các giai đoạn và các thời kỳ.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, tháng 12-1976, đã nhấn mạnh tính cách mạng và tính khoa học trong đường lối của Đảng như sau :

« Đảng ta lãnh đạo nhân dân làm nên sự nghiệp cách mạng vĩ đại, trước hết là nhờ nắm vững chủ nghĩa Mác — Lê-nin ; Đảng ta luôn luôn thấu suốt thực chất *cách mạng* và *khoa học* của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong đường lối và phương pháp cách mạng, trong toàn bộ cuộc đấu tranh của Đảng ở tất cả các thời kỳ ».

Tính cách mạng và tính khoa học là một thể thống nhất. Một đường lối chính trị đúng đắn phải có đầy đủ tính cách mạng và tính khoa học.

Tính cách mạng của đường lối chính trị là ở chỗ đường lối ấy phản ánh nhu cầu phát triển của xã hội, phản ánh đòi hỏi lật đổ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, biến đường lối chính trị của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng, biến những khả năng khách quan thành hiện thực khách quan. *Tính khoa học* của đường lối của Đảng là ở chỗ đường lối đó phản ánh những quy luật phát triển khách quan của xã hội, phản ánh thực tế khách quan và nhu cầu chín muồi của cách mạng. Đường lối không thể xuất phát từ tình cảm, nguyện vọng, ý muốn chủ quan của một số người, mà xét đến cùng xuất phát từ những điều kiện khách quan của xã hội.

Đường lối đúng đắn là đường lối dựa trên cơ sở những *điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội nhất định*. Vì vậy, làm rõ những điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội ấy khi trình bày đường lối là làm rõ cơ sở khoa học của đường lối.

Khi đề ra đường lối cách mạng, Đảng ta bao giờ cũng xuất phát từ chỗ phân tích kỹ tình hình mọi mặt của xã hội Việt-nam, tình hình ta, địch, tình hình đối sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trong nước và trên thế giới trong một thời gian nhất định.

Phân tích, đánh giá tình hình đúng đắn thì mới có thể đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn.

Digitized by Google

Kinh nghiệm thực tế của Đảng ta cũng như của các Đảng anh em cho thấy rằng không bao giờ ngay một lúc có thể đánh giá chính xác và đầy đủ toàn bộ tình hình; giỏi lắm là nắm được chiều hướng phát triển cơ bản của nó. Trong thực tế, nhiều khi chỉ cần cơ quan lãnh đạo nắm chắc được chiều hướng phát triển *cơ bản*, một số nhân tố và điều kiện *cơ bản* và dám hạ quyết tâm, dám phát động quần chúng hành động táo bạo là giành được thắng lợi. Trong khi làm, phong trào sẽ bộc lộ cho ta thấy đầy đủ các khả năng và chiều hướng phát triển của nó; đồng thời, sức sáng tạo vô tận của quần chúng, những người làm nên lịch sử, sẽ giúp ta phương hướng và cách thức giải quyết tất cả mọi vấn đề. Hội nghị Thường vụ Trung ương mở rộng (từ ngày 9 đến ngày 12 tháng 3 năm 1945) và Chỉ thị « Nhật — Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta » là một ví dụ điển hình.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng có nêu: « Trên cơ sở phương hướng chiến lược đúng đắn, hãy làm đi rồi thực tiễn sẽ cho phép ta hiểu rõ sự vật hơn nữa... Hiểu địch, hiểu ta là quá trình nhận thức ngày càng sâu hơn, sát hơn, rõ ràng hơn, chắc chắn hơn, thông qua thực tế chiến đấu và những diễn biến cụ thể của cuộc đọ sức trên chiến trường ».

Thực tế cho thấy rằng không thể đòi hỏi các điều kiện khách quan phải xuất hiện đầy đủ rồi mới đề ra đường lối. Quan niệm đường lối đúng đắn phải xuất phát từ những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội thật đầy đủ là quan niệm của chủ nghĩa duy vật máy móc, của khuynh hướng bị động chờ thời. Ví dụ, chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp do Đảng ta đề ra trong điều kiện nông nghiệp nước ta chưa cơ giới hóa, nhưng đã có những điều kiện khác cho phép ta có thể và cần phải cải tạo quan hệ sản xuất trước khi cơ giới hóa sản xuất.

Quá trình hình thành những điều kiện khách quan của cách mạng không phải là quá trình tự phát. Như ta đã biết, quy luật xã hội được thực hiện khác với quy luật tự nhiên ở chỗ *thông qua hành động có ý thức của con người*. Cho nên, muốn biến khả năng khách quan thành hiện thực khách quan phải có tác động tích cực của con người, của quần chúng. Con người không bị động ngồi chờ những điều kiện khách quan hình thành tự phát thật đầy đủ, mà trong thực tiễn chỉ cần những nhân tố khách quan cần thiết nào đó, rồi hoạt động cách mạng của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sẽ thúc đẩy điều kiện khách quan mau phát triển. Thông qua quá trình hoạt động cách mạng của quần chúng, lực lượng đối sánh giữa ta và địch sẽ chuyển hóa, khiến cho

Digitized by Google

những điều kiện khách quan mau chín muồi.

Trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, những điều kiện khách quan của khởi nghĩa vũ trang do thắt bại của phát xít Nhật — Pháp trong chiến tranh thế giới thứ hai tạo ra ; nhưng mặt khác, phong trào cách mạng của nhân dân do Đảng ta lãnh đạo đã thúc đẩy những điều kiện khách quan đó chín muồi nhanh chóng. Lực lượng cách mạng càng lớn mạnh thì tác dụng thúc đẩy điều kiện khách quan phát triển càng mau.

Nhân tố chủ quan rất quan trọng. Dựa vào những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội để định ra đường lối, chủ trương, phương châm, phương pháp đúng đắn và dùng những hành động kiên cường, dũng cảm, táo bạo của quần chúng để thực hiện. Đó là điều có tính chất quyết định. Trái lại, có khi điều kiện vật chất sẵn sàng, khả năng đầy đủ, nhưng không có đường lối và phương pháp đúng đắn, lại thiếu sáng suốt để hiểu rõ thời cuộc, thiếu dũng cảm để hành động, hoặc mất đoàn kết nội bộ, thì có thể bị tê liệt, bỏ lỡ thời cơ, thậm chí đưa cách mạng đến thất bại. Trong hoàn cảnh gần giống nhau, nhưng kết quả đạt được khác nhau rất xa, do khả năng vận dụng quy luật khách quan khác nhau. Ví dụ : Việt-nam, Mã-lai, In-đô-nê-xi-a năm 1945...

Làm rõ tính khoa học của đường lối còn ở chỗ làm rõ đường lối ấy đã được kiểm nghiệm trong phong trào quần chúng, được thực tiễn của phong trào quần chúng bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh như thế nào. Cuộc sống luôn luôn vận động và phát triển. Những hiện tượng có tính bản chất của xã hội ít khi xuất hiện đầy đủ ngay từ đầu. Trình độ hiểu biết của con người thường bị hạn chế trước sự phát triển nhanh chóng của thực tế. Nhiều khi nhận thức của người ta chậm hơn sự biến chuyển của thực tế khách quan. Cho nên, việc *cụ thể hóa, phát triển, bổ sung và hoàn chỉnh đường lối, chính sách* là công việc tất yếu của bất cứ một đảng mác-xít lê-ni-nít nào. Trình bày đường lối, chính sách của Đảng trong từng giai đoạn và từng thời kỳ một cách khoa học, không có nghĩa là chỉ trình bày những cái đó căn cứ vào một nghị quyết là xong, mà phải trình bày từ lúc Đảng đề ra lần đầu đến lúc thực hiện và bổ sung lần mới nhất.

Chúng ta còn nhớ chủ trương giải phóng dân tộc của Đảng không chỉ được đề ra tại các cuộc hội nghị Trung ương trong những năm 1939, 1940 và 1941, mà đã được đề ra ngay từ Hội nghị hợp nhất tháng 2-1930, Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 và được cụ thể hóa, phát triển và bổ sung trong các cuộc Hội nghị Thường vụ Trung ương tháng 2-1943, tháng 3-1945, trong

Digitized by Google

Hội nghị toàn quốc tháng 8-1945 và trong các cuộc hội nghị khác nữa.

Làm rõ tính khoa học của đường lối của Đảng là chỉ rõ đường lối đó thấm nhuần những nguyên lý chủ nghĩa Mác — Lê-nin, xuất phát từ những đặc điểm Việt-nam, vận dụng những kinh nghiệm lâu đời của cách mạng nước ta, đồng thời tiếp thụ có chọn lọc những kinh nghiệm của cách mạng thế giới. Cho nên, đường lối đó được đề ra một cách *độc lập, tự chủ và sáng tạo.*

2 — Trình bày phong trào cách mạng của quần chúng do Đảng ta lãnh đạo.

Học thuyết Mác không những giải thích thế giới mà còn cải tạo thế giới. Chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác khác hẳn chủ nghĩa duy vật cũ là vì đã coi trọng hành động cách mạng của quần chúng, nhận rõ cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng có thể biến khả năng khách quan thành hiện thực khách quan, dưới sự lãnh đạo của tư tưởng tiên phong. Đảng ta vận dụng những quy luật phổ biến của sự phát triển lịch sử vào điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta trong từng giai đoạn và từng thời kỳ để định ra đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn. Đó là bước đầu của quá trình cải tạo xã hội, bước đầu biến khả năng khách quan thành hiện thực khách quan. Từ chỗ đề ra đường lối, chủ trương đến chỗ biến đường lối, chủ trương đó thành phong trào cách mạng của quần chúng còn một khoảng cách, đòi hỏi Đảng phải triển khai *công tác tổ chức thực hiện* rất công phu và gian khổ.

Vì lẽ đó, khoa học lịch sử Đảng không phải chỉ dừng lại ở chỗ nghiên cứu và trình bày đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, mà còn phải trình bày phong trào cách mạng của quần chúng thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách đó.

Trình bày phong trào cách mạng của quần chúng như thế nào ?

Trong học thuyết của mình, Mác đã nêu những quy luật vận động chung của tự nhiên, xã hội và tư duy. Phong trào cách mạng của quần chúng là sự kiện lịch sử quan trọng, là động lực của sự phát triển xã hội. Ở nước ta, trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, phong trào cách mạng của quần chúng đều vận động theo những quy luật do chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã đề ra.

Lịch sử phong trào cách mạng nước ta trong gần nửa thế kỷ nay là lịch sử phong trào đấu tranh giai cấp kết hợp với đấu tranh dân tộc của hàng triệu quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân ; là lịch sử của những cao trào cách mạng nối tiếp nhau, của những cuộc khởi nghĩa vũ trang, những

Digitized by Google

cuộc chiến tranh cách mạng, lịch sử của quá trình cải tạo xã hội và xây dựng xã hội mới trong hoàn cảnh vừa có chiến tranh, vừa có hòa bình. Đảng ta là người lãnh đạo, là tổng tư lệnh trên chiến trường, đồng thời là nhạc trưởng trong cuộc đại hợp xướng cách mạng đó. Người biên soạn lịch sử Đảng phải trình bày phong trào cách mạng sao cho phù hợp với *tính nhiều vẻ, phong phú, sôi nổi* trong mọi tầng lớp nhân dân, chủ yếu là công nhân và nông dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Trong khi trình bày phong trào cách mạng nước ta, phải làm rõ *tính toàn diện và tính tổng hợp của nó*. Sẽ đơn điệu và tẻ nhạt nếu chỉ trình bày phong trào cách mạng riêng về đường lối, chính sách hoặc phân tích phong trào một cách chung chung, thiếu diễn biến cụ thể, khô khan, kém sinh động.

Phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng là phong trào nói chung đi từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ một vài địa phương đến cao trào cả nước, phong trào nọ nối tiếp phong trào kia theo chiều hướng phát triển đi lên. Nhưng trong điều kiện cụ thể nhất định, phong trào đang phát triển bình thường bỗng nhiên bột phát, và trái lại, cũng có lúc cách mạng tạm thời thất bại hoặc đi vào thoái trào. Thời kỳ thoái trào 1932 — 1935, thời kỳ giữ gìn lực lượng 1954 — 1959 ở miền Nam nước ta là những ví dụ cụ thể. Người biên soạn lịch sử Đảng phải chứng minh được nguyên nhân của bước thoái trào hoặc thất bại tạm thời đó, đồng thời làm rõ chỗ non yếu của cách mạng lúc thoái trào và làm rõ nghệ thuật của Đảng trong việc lãnh đạo đưa phong trào mau hồi phục và lên cao.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng đầy hy sinh, gian khổ, *những nhân tố mới, những con người mới* luôn luôn nảy nở, lớn lên và chiến thắng. Những thế lực phản động, những nhân tố lạc hậu, những sức cản bước tiến của phong trào bị đánh bại và diệt vong. Vì vậy, khi trình bày lịch sử phong trào cách mạng, phải hết sức coi trọng và biểu dương những nhân tố mới, đồng thời phải lên án mạnh mẽ những thế lực phản độngvà cơ hội chủ nghĩa.

Quá trình phát triển của phong trào cách mạng là quá trình phát triển biện chứng đi từ *tuần tự đến nhảy vọt*. Gần nửa thế kỷ nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong phong trào cách mạng nước ta đã xuất hiện hàng loạt bước nhảy vọt lịch sử. Trong lịch sử dân tộc ta chưa bao giờ lại diễn ra nhiều biến đổi sâu sắc với tầm vóc to lớn và nhịp độ dồn dập như những năm vừa qua. Chúng ta đang sống những giờ phút vĩ đại của lịch sử dân tộc. Là người trong cuộc, hình như chúng ta không cảm thấy có gì đặc biệt lắm. Nhưng các thế hệ người Việt-nam mai sau sẽ rất ngạc nhiên và rất tự

Digitized by Google

hào về những thắng lợi đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong sự nghiệp thống nhất nước nhà, cũng như trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta ngày nay.

Nhiệm vụ của người biên soạn lịch sử Đảng là nói lên được tính chất vĩ đại của các bước nhảy vọt, bước ngoặt lịch sử nói trên, chứng minh được rằng đó chính là kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh gian khổ và lâu dài của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các bước nhảy vọt ấy đến nhanh hay chậm, có quy mô rộng hay hẹp, thắng lợi lớn hay nhỏ đều phụ thuộc vào *những điều kiện khách quan và chủ quan* của cách mạng nước ta.

Mỗi phong trào cách mạng đều có những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội cụ thể của nó, đều gắn liền với hoàn cảnh bên trong và bên ngoài. Vì vậy, người biên soạn lịch sử Đảng phải đứng trên *quan điểm lịch sử* mà nhận xét và đánh giá các sự kiện lịch sử. Phong trào cách mạng nào cũng có ưu điểm, đồng thời cũng có khuyết điểm hay là nhược điểm. Trình bày một cách đúng đắn, khách quan sự kiện lịch sử, dương nhiên không thể ca ngợi một chiều thắng lợi hoặc nhấn mạnh một chiều khuyết điểm. Không thể đem nhận thức chủ quan hiện nay mà chụp vào sự kiện trước kia một cách phi lịch sử, tách rời những sự kiện đó với hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ.

3 — Trình bày các chủ trương và biện pháp xây dựng và phát triển Đảng qua các giai đoạn và các thời kỳ.

Một nội dung quan trọng của việc biên soạn lịch sử Đảng là trình bày những chủ trương và biện pháp xây dựng và phát triển Đảng để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, từng thời kỳ. Những chủ trương, biện pháp ấy là nhân tố không thể thiếu được góp phần tạo thành thắng lợi của từng giai đoạn, từng thời kỳ và của toàn bộ lịch sử Đảng.

Làm rõ tính khoa học của công tác xây dựng Đảng căn bản là làm rõ nhiệm vụ cụ thể của từng giai đoạn và từng thời kỳ đã đòi hỏi *công tác xây dựng Đảng về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức* được đề ra và giải quyết như thế nào để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ ? Đồng thời, phải làm rõ những nhiệm vụ cụ thể về xây dựng Đảng đã phản ánh những nguyên lý chung về xây dựng Đảng và phản ánh điều kiện cụ thể của công tác xây dựng Đảng ta trong từng giai đoạn và từng thời kỳ.

Hãy lấy vài ví dụ.

Nhiệm vụ chuẩn bị khởi nghĩa, đánh đổ đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân đặt ra yêu cầu đối với cán bộ, đảng viên là phải am hiểu nghệ thuật khởi nghĩa ; vừa chống khuynh hướng manh động, vừa

Digitized by Google

chống tư tưởng do dự, lừng chừng khi thời cơ đã đến và điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi; phải có thái độ dũng cảm, kiên cường; phải biết tổ chức, phát động và lãnh đạo quần chúng đấu tranh; kịp thời nâng những khẩu hiệu tuyên truyền, cổ động, dùng những hình thức tổ chức và đấu tranh quá độ (về chính trị, kinh tế và quân sự) đưa quần chúng tiến lên; sử dụng cả lực lượng vũ trang nhân dân và lực lượng chính trị quần chúng thực hiện khởi nghĩa từng phần, phát động cao trào tiền khởi nghĩa và tổng khởi nghĩa vũ trang trong cả nước.

Nhiệm vụ chính trị xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong hòa bình, khi cách mạng đã thành công, đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải am hiểu khoa học, kỹ thuật, am hiểu công tác quản lý kinh tế, phải rèn luyện ý chí tự lực tự cường, chịu đựng gian khổ, tiến công thắng lợi vào nghèo nàn, lạc hậu và dốt nát.

Nhiệm vụ chính trị của các giai đoạn và thời kỳ khác nhau đòi hỏi công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức cũng có chỗ khác nhau.

Trong và ngay sau thời kỳ thực hiện cải cách ruộng đất, ngoài việc kết nạp vào Đảng những người ưu tú trong giai cấp công nhân, phải chú trọng kết nạp những người ưu tú trong bần nông và trung nông dưới, như thế là cần thiết để giữ vững và phát huy thắng lợi của cải cách ruộng đất. Nhưng khi đã căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp (về mặt quan hệ sản xuất) rồi, phương hướng chủ yếu phát triển Đảng là kết nạp những người ưu tú trong công nhân và nông dân tập thể.

Nếu đem những nguyên lý chung về xây dựng Đảng lắp vào bất cứ thời kỳ nào, thì như thế là không khoa học, là tách rời biện pháp xây dựng Đảng với nhiệm vụ cụ thể của Đảng trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng.

4 — Trình bày những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng qua các giai đoạn và các thời kỳ.

Để nhấn mạnh những bài học lớn có tính quy luật trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng, trong mỗi giai đoạn cách mạng, mỗi thời kỳ lịch sử cần rút ra một số kinh nghiệm cụ thể. Những kinh nghiệm đó chưa hẳn có tính chất phổ biến. Nhưng nếu chúng diễn ra một cách lặp đi, lặp lại nhiều lần trong những điều kiện nhất định, thì tính quy luật của chúng đã rõ ràng.

Cuộc khởi nghĩa Bắc-sơn năm 1940 tạo cho Đảng ta một cơ sở để kết luận về khả năng tiến hành « khởi nghĩa từng phần ». Sau này, khi có thêm kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa từng phần trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, sau cuộc đảo chính của Nhật (9-3-1945), Đảng ta rút ra kết luận

Digitized by Google

từ khởi nghĩa từng phần (chủ yếu là ở nông thôn) tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Đó là một quy luật của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt-nam.

Từ luận điểm « khởi nghĩa từng phần », Đảng ta nhìn vào thực tế của cách mạng thế giới trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa suy nhược, ba dòng thác cách mạng đang ở thế tiến công, rồi đi đến chủ trương : « đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến tới đánh đổ hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc ». Đó cũng là một quy luật của cách mạng thế giới.

Những kinh nghiệm của từng giai đoạn và từng thời kỳ cách mạng luôn luôn được bổ sung và hoàn chỉnh không ngừng ; nhận thức của Đảng về một vấn đề cũng mỗi ngày một sâu thêm. Nói về những yếu tố của phép biện chứng, Lê-nin đã chỉ rõ : « ...nhận thức đi từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất ít sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn » (5).

Những kinh nghiệm của cách mạng Việt-nam do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng tháng 2-1951 tổng kết đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng tháng 9-1960 phát triển và bổ sung ; những kinh nghiệm ấy lại được hoàn chỉnh và phát triển cao hơn trong các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng vừa qua.

Vì lẽ đó, những anh chị em làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng có nhiệm vụ góp phần cùng toàn Đảng luôn luôn hoàn chỉnh những kinh nghiệm đã được tổng kết, không ngừng nâng cao tính khoa học của những kinh nghiệm ấy, dưới ánh sáng của những bài học lịch sử mới và trên cơ sở trình độ nhận thức mới. Làm như thế cũng chính là *nâng cao tính đảng và tính khoa học của công tác nghiên cứu lịch sử Đảng.*

II

ĐỂ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG, PHẢI CÓ TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ KHOA HỌC TƯƠNG XỨNG

Các đồng chí thân mến,

Xây dựng bộ lịch sử Đảng là công việc của toàn Đảng, song cũng cần có tổ chức và cán bộ chuyên môn nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng.

Muốn giải quyết đúng đắn vấn đề tổ chức và cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng, phải căn cứ vào nhiệm vụ và nội dung của công tác nghiên cứu và biên soạn đó.

Nghị quyết của Bộ chính trị số 225 về công tác cán bộ trong giai đoạn mới (1973) đã cụ thể hóa

(5) Lê-nin : *Bút ký triết học*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, trang 246.

Digitized by Google

mối quan hệ giữa nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức như sau:

« Việc xây dựng đội ngũ cán bộ phải xuất phát từ đường lối chính trị và tổ chức của Đảng trong từng thời kỳ nhất định. Đường lối chính trị quy định nhiệm vụ tổ chức, trong đó công tác cán bộ có vị trí rất quan trọng (*). Có đường lối chính trị và nhiệm vụ tổ chức đúng thì mới có phương hướng và nội dung đúng để xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh. Ngược lại, đội ngũ cán bộ có chất lượng cao bảo đảm cho tổ chức Đảng và Nhà nước phát huy được hiệu lực và đường lối chính trị của Đảng được thực hiện thắng lợi ».

Đường lối chính trị đúng sản sinh ra cán bộ tốt. Ngược lại, cán bộ tốt bảo đảm cho đường lối chính trị được thực hiện thắng lợi!

Như vậy, nhiệm vụ nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng đòi hỏi phải có một bộ máy tổ chức và một đội ngũ cán bộ chuyên môn như thế nào để có thể hoàn thành thuận lợi? Mười lăm năm qua, chúng ta đã cố gắng giải quyết vấn đề đó và đã thu được một số kết quả, nhưng chúng ta cũng có những khuyết điểm cần ra sức khắc phục. Qua những việc đã làm và những việc chưa làm được, chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm có ích để hiểu sâu sắc mối quan hệ giữa nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức và cán bộ.

Muốn xây dựng một bộ máy tổ chức và một đội ngũ cán bộ tương xứng với nhiệm vụ nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng, trước hết phải am hiểu sâu sắc nội dung cụ thể của công tác nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng; từ đó xem nhiệm vụ ấy đòi hỏi bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng phải như thế nào. Kinh nghiệm thực tế những năm qua chỉ rõ bộ máy nghiên cứu lịch sử Đảng phải bao gồm những cơ cấu và cán bộ có khả năng nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng với yêu cầu trình bày, phân tích một cách khoa học đường lối, chính sách của Đảng, phong trào cách mạng của quần chúng do Đảng lãnh đạo và chủ trương, biện pháp xây dựng Đảng qua các giai đoạn và các thời kỳ, rút ra những bài học kinh nghiệm có tính khái quát. Bộ máy đó phải bảo đảm cho từng cán bộ và cho toàn thể cơ quan nghiên cứu tập trung khả năng và sức lực vào công việc chính là nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng. Một cơ quan nghiên cứu khoa học không thể dành nhiều thời gian, nhiều người vào những công việc hành chính, sự vụ. Đành rằng những công việc như hành chính, nhân sự, tổ chức đời sống v.v... là cần thiết, nhưng không thể tập trung quá nhiều người và thời gian vào những công việc ấy. Hơn nữa, bộ máy tổ chức *phải có chế độ và lề lối làm việc rõ ràng* để bảo đảm hoàn thành kế hoạch nghiên cứu

(*) Tôi gạch dưới — T.C.

Digitized by Google

và nâng cao chất lượng công trình nghiên cứu. Một bộ máy không bảo đảm được những yêu cầu trên thì không thể gọi là bộ máy khoa học, và vì thế không tương xứng với nhiệm vụ chính trị, thậm chí còn gây trở ngại cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mười lăm năm qua, chúng ta đã có nhiều cố gắng để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, nhưng chúng ta vẫn còn những mặt yếu, mà yếu nhất hiện nay là cơ quan nghiên cứu lịch sử Đảng ở trung ương và địa phương chưa có đầy đủ tính chất một bộ máy nghiên cứu khoa học, trình độ của cán bộ nghiên cứu và biên soạn chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao.

Xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng như thế nào cho phù hợp với nhiệm vụ là một vấn đề còn phải giải quyết trong nhiều năm nữa. Điều quan trọng là xác định *tiêu chuẩn người cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng* và vận dụng đúng đắn các tiêu chuẩn đó vào hoàn cảnh thực tế của ta.

Trung ương đã chỉ rõ những tiêu chuẩn của người làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng là: « *phải vững về chính trị, nhất trí với quan điểm, đường lối của Đảng; có trình độ hiểu biết cơ bản về lý luận Mác — Lê-nin, hiểu biết sâu sắc về lịch sử Đảng ta và lịch sử dân tộc, hiểu biết cần thiết về lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; có trình độ văn hóa và khả năng nghiên cứu, có phương pháp nghiên cứu đúng đắn, có năng lực tổng kết kinh nghiệm; có phẩm chất, đạo đức cách mạng tốt và phải có quá trình công tác thực tiễn nhất định* » (6).

Vì sao người làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng phải có những tiêu chuẩn trên đây?

Như trên tôi đã nói, đường lối của Đảng ta là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta; nó thể hiện lập trường của giai cấp công nhân, phản ánh các quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử. Người làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng không thể không hiểu rõ và nhất trí với quan điểm, đường lối của Đảng.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin là khoa học cách mạng của giai cấp công nhân, là hệ thống tri thức về những quy luật phổ biến của tự nhiên và xã hội. Thiếu hiểu biết về chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì không thể làm rõ cơ sở khoa học của đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, không thể phân tích các hiện tượng phức tạp của xã hội, nhận xét những sự kiện lịch sử một cách khách quan, tìm ra bản chất của vấn đề; không lẫn lộn đúng sai, không lầm hiện tượng với bản chất, biết xuyên qua hiện tượng để tìm ra bản chất, lấy bản chất giải thích hiện tượng, và không sa vào chủ nghĩa dã sử (anecdotisme)...

(6) Thông tri 309 TT/TW của Ban bí thư trung ương Đảng ngày 9-12-1974.

Digitized by Google

Lịch sử Đảng ta là lịch sử vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt-nam để định ra đường lối, chủ trương, chính sách và phương pháp, lãnh đạo nhân dân Việt-nam đấu tranh chống đế quốc, phong kiến và tư sản, giành chính quyền, xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Lịch sử Đảng ta là lịch sử đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt-nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, lịch sử kết hợp truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc với tinh hoa, trí tuệ của thời đại. Người làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng không những phải hiểu biết sâu sắc lịch sử Đảng mà còn phải hiểu biết sâu sắc lịch sử dân tộc.

Cách mạng Việt-nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Đường lối của Đảng xuất phát từ điều kiện cụ thể trong nước và trên thế giới. Do đó, người làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng phải có những hiểu biết nhất định về lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và lịch sử thế giới nói chung, nhất là lịch sử thế giới cận đại và hiện đại.

Người làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, nếu được Trung ương cho phép, thì có thể nghiên cứu những chỉ thị, nghị quyết mật nào đó của Đảng, biết được những chủ trương, quan điểm đúng sai trong Đảng qua mỗi thời kỳ. Vì vậy càng phải có phẩm chất và đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức và kỷ luật cao; phải nắm vững tính đảng và tính khoa học, có thái độ trung thực trong công tác nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng.

Đường lối, chính sách của Đảng xuất phát từ thực tiễn cách mạng của quần chúng và được thực tiễn kiểm nghiệm và phát triển. Người làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng không kinh qua công tác thực tiễn nhất định trong phong trào quần chúng thì khó mà hiểu được sâu sắc tính cách mạng và tính khoa học của đường lối, chính sách của Đảng, và do đó dễ sinh ra chủ quan, giáo điều trong công tác nghiên cứu.

Tóm lại, những tiêu chuẩn nói trên là một thể thống nhất, không tách rời nhau. Người làm nhiệm vụ nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng không thể thiếu được một trong những tiêu chuẩn cơ bản đó. *Việc lựa chọn, sử dụng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng* phải nhằm vào các tiêu chuẩn nói trên mà tiến hành. Người có trách nhiệm và quyền hạn giải quyết vấn đề tổ chức và cán bộ phải hiểu rõ nội dung và tính chất nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng, nắm vững tiêu chuẩn cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng thì mới có phương hướng giải quyết đúng đắn vấn đề tổ chức và cán bộ.

Do chưa nhận thức đầy đủ nội dung và tính chất công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, do chậm xác định tiêu chuẩn cán bộ nghiên

Digitized by Google

cứu lịch sử Đảng, cho nên việc sắp xếp bộ máy tổ chức và sử dụng cán bộ có những trường hợp chưa thỏa đáng, lựa chọn cán bộ không xét kỹ về phẩm chất, đạo đức, về khả năng nghiên cứu và biên soạn.

Những tiêu chuẩn nói trên không thể có sẵn và đầy đủ ngay một lúc ở một cán bộ, mà phải được bồi dưỡng trong quá trình cán bộ làm công tác nghiên cứu và biên soạn, học tập và rèn luyện. Nhưng ta vẫn phải căn cứ vào những tiêu chuẩn đó để lựa chọn cán bộ cho ngành và tăng cường cán bộ cho cơ quan. Muốn cho cơ quan phình ra bằng cách vơ cán bộ cho nhanh, cho nhiều, trọng số lượng, coi nhẹ chất lượng là sai lầm nghiêm trọng về tổ chức!

Đối với cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải *ra sức phấn đấu, học tập và rèn luyện, để trau dồi phẩm chất cách mạng và năng lực công tác.*

Người làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng phải có thói quen đào sâu suy nghĩ và khả năng phân tích những vấn đề lịch sử Đảng, tổng kết kinh nghiệm, góp phần xây dựng lý luận cách mạng Việt-nam. Phải đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin mà tiến công vào khoa học lịch sử Đảng; không sợ khó khăn, gian khổ, không ngại viết đi, viết lại nhiều lần một chuyên đề; phải quyết tâm phấn đấu để đạt tới đỉnh cao của khoa học lịch sử Đảng.

Mác nói:

« Đối với khoa học, không có con đường bằng phẳng, thênh thang nào cả và chỉ có những người không sợ gian khổ vượt qua những chặng đường gập ghềnh của nó mới có may mắn đạt tới những đỉnh cao xán lạn của khoa học mà thôi » (7).

Muốn đạt tới « đỉnh cao xán lạn của khoa học », phải có phương hướng đúng, có tổ chức, có kế hoạch, có phương pháp thích hợp, có quyết tâm cao...

Quá trình rèn luyện cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng để giúp các anh chị em đó đạt được những tiêu chuẩn đã quy định là quá trình kết hợp hai mặt cố gắng: một mặt, cơ quan có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng lâu dài cho cán bộ; mặt khác, bản thân cán bộ có quyết tâm tự bồi dưỡng cho mình. Hai mặt đó liên quan chặt chẽ với nhau, nhưng vấn đề có tính chất quyết định nhất là *vấn đề phấn đấu của bản thân người cán bộ.*

Tôi mong rằng mỗi cán bộ nghiên cứu chúng ta có thể đặt cho mình một mục tiêu phấn đấu: trong vòng trên dưới 10 năm mình sẽ trở thành người cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng có trình độ chuyên sâu về một số thời kỳ

(7) Các-Mác: *Tư bản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, quyển I, tập II, trang 47.

Digitized by Google

hoặc một số chuyên đề lịch sử Đảng, có khả năng giúp Ban khái quát hóa những kinh nghiệm đi đến những kết luận có tính chất lý luận. Đối với những đồng chí có trình độ chính trị và lý luận khá, có tích lũy kinh nghiệm nhất định thì thời gian phấn đấu có thể ngắn hơn.

Muốn đạt mục tiêu trên đây, cán bộ ngành chúng ta phải ra sức phấn đấu và công tác, kiên trì học tập và rèn luyện.

Người cán bộ làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng càng không bao giờ được chủ quan, thỏa mãn với công việc của mình. Quyết không chịu nghèo nàn về kiến thức, hời hợt, qua loa trong nghiên cứu. Quyết không chịu lạc hậu trước sự phát triển của lý luận và của thực tiễn cách mạng. Phải « học tập, học tập nữa, học tập mãi ». Biết bao đồng chí chúng ta hoạt động trong điều kiện vô cùng khó khăn đã biến nhà tù thành trường học! Chúng ta không nên để sau này phải hối tiếc vì đã lười học tập, rèn luyện trong điều kiện thuận lợi như ngày nay.

Vấn đề phương pháp học tập như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất cũng rất quan trọng. Không những học qua sách vở, báo chí mà còn học ngay trong công tác hàng ngày, thông qua việc vừa nghiên cứu chuyên đề và thời kỳ lịch sử mà từng bước nâng cao trình độ của mình lên. Không ngại tranh luận, không ngại nghe những ý kiến trái với ý kiến của mình. Phải tập khái quát hóa vấn đề và suy nghĩ trừu tượng.

Trong việc rèn luyện phẩm chất, có một vấn đề quan trọng hàng đầu là *nâng cao tính tổ chức và tính kỷ luật*. Đây là đức tính quan trọng thể hiện lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân đối lập với chủ nghĩa cá nhân tiểu tư sản và chủ nghĩa tự do tư sản. Người cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng mà chia rẽ, bè phái, vô tổ chức, vô kỷ luật, sinh hoạt bừa bãi, nói năng vô trách nhiệm thì đương nhiên không thể nghiên cứu tốt được.

Để giúp cho cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng phấn đấu và rèn luyện, đạt mục tiêu nói trên, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng phải có kế hoạch thật tốt nhằm bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, kết hợp chặt chẽ và nhịp nhàng việc học tập tại trường chuyên khoa lịch sử Đảng và tại các lớp ngắn hạn, các lớp tại chức, với công tác nghiên cứu hàng ngày, sinh hoạt chính trị và khoa học, tự phê bình và phê bình.

Việc bố trí cán bộ đúng việc, đúng chỗ, việc sử dụng hợp lý khả năng và trình độ cán bộ và tạo điều kiện cho cán bộ phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm cũng là cách đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có hiệu quả.

★

Các đồng chí thân mến,

Một kỷ nguyên mới của dân tộc Việt-nam ta đã bắt đầu: *kỷ*

Digitized by Google

nguyên độc lập, tự do, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp vĩ đại của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đòi hỏi ngành nghiên cứu lịch sử Đảng chúng ta phải ghi lại thành những trang sử Đảng sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng và thấm nhuần sâu sắc tư tưởng bách chiến bách thắng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Hoàn thành những trang sử ấy có chất lượng cao hay không, điều đó phụ thuộc một phần lớn vào tổ chức khoa học và những cố gắng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu chúng ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Chúng ta hãy ra sức công tác, học tập và rèn luyện để hoàn thành cuốn *Sơ thảo lịch sử Đảng*, bổ sung và hoàn chỉnh cuốn *Chủ tịch Hồ-chí-Minh, tiểu sử và sự nghiệp*, tiến tới biên soạn bộ *Lịch sử Đảng cộng sản Việt-nam*; hoàn thành tổng kết những chuyên đề mà Bộ chính trị đã giao cho Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương: *Xô viết Nghệ — Tĩnh, Cách mạng tháng Tám* và *Cải cách ruộng đất*; nhắc nhở và giúp đỡ những ngành đã nhận trách nhiệm tổng kết những vấn đề như: *mặt trận dân tộc thống nhất, chiến tranh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, Nhà nước chuyên chính vô sản, vấn đề xây dựng Đảng.*

Đồng thời, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương phải *quan tâm giúp đỡ các Ban địa phương, đặc biệt là các Ban ở miền Nam*, bởi vì các Ban này mới thành lập, chưa được kiện toàn và còn thiếu nhiều kinh nghiệm.

Các Ban nghiên cứu lịch sử Đảng ở các địa phương hãy tùy theo khả năng của mình mà vừa xây dựng và tăng cường lực lượng, vừa nghiên cứu và biên soạn một số chuyên đề cách mạng để tiến tới biên soạn cuốn lịch sử Đảng bộ địa phương và tích cực góp phần vào việc xây dựng lịch sử chung của Đảng ta. *Các cấp ủy Đảng cần lãnh đạo chặt chẽ và quan tâm giúp đỡ các Ban nghiên cứu lịch sử Đảng về mọi mặt, tạo điều kiện thuận lợi cho các Ban đó hoàn thành tốt nhiệm vụ.*

Chúc các đồng chí mạnh khỏe và thu được nhiều thắng lợi trong công tác.

Digitized by Google

QUÁN TRIỆT VÀ CHẤP HÀNH ĐÚNG ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã thông qua Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam. Đây là một văn kiện trọng yếu của Đảng ta, là bộ luật chung của toàn Đảng. Tất cả các đảng viên và các tổ chức Đảng ở các cấp, các ngành có trách nhiệm nghiên cứu để quán triệt và chấp hành một cách đầy đủ Điều lệ Đảng.

★

Trong lịch sử Đảng ta, mỗi lần Đại hội toàn quốc của Đảng là mỗi lần có những quyết định về Điều lệ Đảng và cũng là mỗi lần Đảng trưởng thành và vững mạnh hơn trước, cách mạng Việt-nam tiến lên giành những thắng lợi mới.

Điều lệ đầu tiên của Đảng được xây dựng trong hoàn cảnh đất nước ta là một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Đại hội toàn quốc lần thứ II họp trong hoàn cảnh Đảng đã lãnh đạo chính quyền nhưng đất nước bị xâm lăng, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang ở thời kỳ quyết liệt; Điều lệ Đảng do Đại hội thông qua lúc bấy giờ đáp ứng những yêu cầu về xây dựng Đảng nhằm giành toàn thắng cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Đại hội toàn quốc lần thứ III họp trong hoàn cảnh đất nước tạm thời bị chia cắt, miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng và tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam vẫn còn dưới ách thống trị của đế quốc; Điều lệ Đảng lúc đó nhằm đáp ứng yêu cầu về xây dựng Đảng để bảo đảm cho Đảng đủ sức lãnh đạo thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV đánh dấu một giai đoạn mới hoàn toàn khác trước; Đảng đã lãnh đạo nhân dân hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, cả nước ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

Điều lệ Đảng lần này nhằm mục tiêu xây dựng Đảng có đủ sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo nhân dân ta tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở nước ta.

Cũng như mỗi lần trước đây, việc sửa đổi Điều lệ Đảng không có nghĩa là sửa đổi những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác — Lê-nin về xây dựng Đảng. Song trên những nguyên lý ấy, để phù hợp với sự biến đổi

Digitized by Google

sâu sắc và toàn diện của nhiệm vụ chiến lược cách mạng, Đảng ta phải xuất phát từ đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, từ tình hình thực tế của Đảng, để rút ra những kết luận cần thiết về lý luận và thực tiễn nhằm vận dụng, phát triển những nguyên lý ấy và cụ thể hóa nó thành những nguyên tắc và quy định cụ thể phù hợp với những yêu cầu về xây dựng Đảng trong điều kiện mới của cách mạng.

Để Điều lệ Đảng thật sự phù hợp với giai đoạn mới, Đảng chẳng những xuất phát từ đường lối và nhiệm vụ chính trị của Đảng để vận dụng học thuyết Mác — Lê-nin về xây dựng Đảng vào điều kiện cụ thể của Đảng ta và cách mạng nước ta, mà còn phải tổng kết những bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng trong thời gian qua, nghiên cứu những kinh nghiệm của các đảng anh em để từ đó có những bổ sung và sửa đổi cần thiết làm cho Điều lệ Đảng vừa có tính tổng kết sâu sắc, vừa có tính cụ thể thiết thực. Những bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng của Đảng ta vô cùng phong phú. Đó là những bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng của một Đảng, « mặc dù sinh ra và lớn lên ở một nước nông nghiệp lạc hậu vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, giai cấp công nhân nhỏ bé, đã giữ vững tính chất tiền phong cách mạng của chính đảng của giai cấp công nhân và đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên những sự nghiệp cách mạng vĩ đại ». Đảng ta rút ra từ những bài học kinh nghiệm ấy những vấn đề có tính quy luật để bổ sung vào Điều lệ Đảng.

★

Trước hết cần nhận rõ, yêu cầu bao trùm nhất, cơ bản nhất trong toàn bộ *Điều lệ Đảng* là nâng cao tính chất giai cấp công nhân và chất lượng lãnh đạo toàn diện của Đảng. Tính chất giai cấp công nhân của Đảng phải thể hiện một cách sinh động và toàn diện trên các mặt xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải được phát triển và nâng cao không ngừng cho phù hợp với vai trò và sứ mệnh lịch sử của Đảng trong từng giai đoạn cách mạng. Trước hết tính chất đó phải thể hiện về mặt chính trị và tư tưởng ở chỗ phải *ra sức nâng cao chất lượng lãnh đạo chính trị của Đảng, bảo đảm cho Đảng ta tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có đường lối chính trị độc lập, tự chủ, luôn luôn đúng đắn, sáng tạo và làm cho đường lối ấy được thực hiện thắng lợi.*

Đảng ta sở dĩ đã động viên được rộng rãi mọi lực lượng của giai cấp và của dân tộc, kết hợp chặt chẽ sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trước hết là ở chỗ đường lối của Đảng thể hiện lợi ích của giai cấp công nhân gắn liền với lợi ích của dân tộc, thể hiện lợi ích của dân tộc kết hợp một cách đúng đắn với lợi ích của phong trào cách mạng thế giới.

Bài học kinh nghiệm lịch sử của Đảng và của phong trào cộng sản quốc tế cho phép khẳng định rằng đảng của giai cấp công nhân chỉ thật sự là đảng chân chính của giai cấp khi Đảng đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân để giải quyết một cách đúng đắn lợi ích của giai cấp, của dân tộc và lợi ích của phong trào cách mạng thế giới.

Điều lệ Đảng, trong phần nói về *Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng*, đã khẳng định : « Đảng cộng sản Việt-nam là đảng của giai cấp công nhân Việt-nam, là đội tiền phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt-nam. Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp

Digitized by Google

công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc, đồng thời Đảng làm tròn nghĩa vụ của mình đối với phong trào cộng sản quốc tế ».

Tiếp đó, trong các đoạn nói về nền tảng tư tưởng của Đảng, về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và nghĩa vụ quốc tế, Điều lệ Đảng đều khẳng định lòng trung thành của Đảng đối với chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, bảo đảm cho Đảng vừa « xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong cả nước, bảo vệ độc lập, thống nhất vĩnh viễn của Tổ quốc » vừa « góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ». Điều lệ Đảng nhấn mạnh Đảng « kết hợp một cách đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản ».

Điều lệ Đảng chỉ rõ đảng viên phải « suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập và tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản », đồng thời phải « nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng ».

Lòng trung thành của Đảng đối với chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đối với chủ nghĩa quốc tế vô sản không phải chỉ là những lời tuyên bố, cũng không phải là sự sao chép những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào các văn kiện của Đảng ; mà trước hết là ở chỗ « Đảng vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt-nam, coi trọng việc tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc, tiếp thụ những kinh nghiệm tốt của các đảng anh em, những tinh hoa trí tuệ của thời đại, đề ra đường lối, chính sách một cách độc lập, tự chủ để lãnh đạo thắng lợi cách mạng Việt-nam » như Điều lệ Đảng đã chỉ rõ.

Thực tiễn của cách mạng Việt-nam trong gần nửa thế kỷ qua đã chứng minh sở dĩ Đảng ta là một đảng Mác — Lê-nin chân chính, chính là vì Đảng có đường lối đúng và Đảng đã tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối ấy. Đường lối của Đảng chính là lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin được vận dụng vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt-nam một cách nhuần nhuyễn. Bằng lời nói và việc làm, Đảng đã tỏ rõ lòng trung thành tuyệt đối của mình đối với chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng càng phải thấu suốt hơn nữa thực chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng và trong toàn bộ cuộc đấu tranh của Đảng. Đó là cơ sở lý luận và thực tiễn bảo đảm cho Đảng ta chẳng những làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn trước mắt mà còn để bảo đảm cho Đảng « vững vàng trước mọi thử thách, qua mọi thế hệ, mãi mãi là một đảng Mác — Lê-nin chân chính, xứng đáng với đồng chí Hồ-chí-Minh, lãnh tụ thiên tài của Đảng, của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế » (trích Điều lệ).

Để có đường lối đúng, sáng tạo và Đảng có thể vững vàng trước mọi thử thách, qua mọi thế hệ, Điều lệ Đảng đã chỉ ra một biện pháp cơ bản là phải « ra sức giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của xã hội và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân ».

Quá trình giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối chính sách của Đảng đồng thời cũng là quá trình Đảng phải đấu tranh để « nâng cao

Digitized by Google

trình độ lý luận và thực tiễn, bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật và quản lý cho cán bộ, đảng viên », và để « bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, chống mọi khuynh hướng cơ hội hữu và « tả », khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa giáo điều và bệnh chủ quan một chiều ». Điều lệ Đảng đã ghi lại điều đó với tinh thần như một quy luật phát triển của Đảng bởi vì, ngày nay, khi nước nhà đã hoàn toàn độc lập và thống nhất, những vấn đề về xây dựng chủ nghĩa xã hội đặt ra với tất cả chiều sâu, tầm cỡ rộng lớn và tính cụ thể của nó. Đảng không thể thỏa mãn với thắng lợi đã đạt được, không thể bằng lòng với trình độ của cán bộ đảng viên dù là ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác. Đi đôi với việc vận dụng những kinh nghiệm đã tổng kết của chính mình, Đảng phải tiếp thụ được kinh nghiệm tốt của các đảng anh em, những tinh hoa trí tuệ của thời đại cả ở lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên.

Nếu như về ý thức tư tưởng và lập trường giai cấp, những khuynh hướng cơ hội hữu và « tả » phá hoại sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì về phương pháp lãnh đạo và phương pháp tư tưởng, chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa giáo điều và bệnh chủ quan một chiều là một trở ngại nghiêm trọng cho việc xây dựng đường lối chính sách của Đảng, cho việc phát triển lý luận của Đảng và làm cho đường lối chính sách ấy bị hiểu sai lệch, hoặc không phù hợp với những quy luật khách quan và như vậy cũng không thể làm cho Đảng thật sự trung thành với chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Bởi vậy, đi đôi với chống mọi khuynh hướng cơ hội hữu và « tả », Đảng phải chống chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa giáo điều mà nguyên nhân sâu xa của nó là do trình độ lý luận thấp, bệnh sự vụ trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo, hoặc do phương pháp tư tưởng phiến diện, chủ quan trái với phương pháp tư tưởng Mác — Lê-nin.

★

Trong điều kiện lãnh đạo chính quyền, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng trở thành hạt nhân lãnh đạo của nền chuyên chính vô sản. *Mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng đòi hỏi phải được bảo đảm bằng cơ cấu tổ chức, bằng chế độ tổ chức.* Một yêu cầu quan trọng của công tác xây dựng Đảng là phải « xây dựng bằng được cơ cấu tổ chức bảo đảm chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa » (1). Đó là vì mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng đã có thay đổi mới về nội dung và về phương pháp khác với khi Đảng chưa lãnh đạo Nhà nước. Mối liên hệ ấy không chỉ dừng lại ở chỗ Đảng đề ra đường lối chính sách, tập hợp giáo dục, động viên quần chúng trong các đoàn thể và Mặt trận và nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ đảng viên mà còn phải được bảo đảm bằng cơ cấu tổ chức của cả xã hội. Ngày nay trong cơ cấu tổ chức chung của cả xã hội, Đảng, Nhà nước và nhân dân là một tổng thể thống nhất, trong đó Đảng là người lãnh đạo, nhân dân lao động là người làm chủ tập thể, Nhà nước là người quản lý.

Việc xác lập chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Đảng phải xây dựng bằng được một hệ thống các mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, phải xây dựng bằng được mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với quần chúng, đấu tranh chống tệ quan liêu trong bộ máy của Đảng và Nhà

(1) Báo cáo tổng kết xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng.

Digitized by Google

nước, chẳng những bằng công tác tư tưởng mà điều rất quan trọng là bằng biện pháp tổ chức, bằng cơ cấu và chế độ tổ chức, chế độ quản lý. Đồng thời nó đòi hỏi phải giải quyết một loạt vấn đề về các mối quan hệ giữa Trung ương với địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, giữa địa phương, đơn vị, tập thể này với địa phương, đơn vị, tập thể khác, giữa cá nhân và tập thể, giữa gia đình và xã hội trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội

Trên những quan điểm cơ bản trên đây, Điều lệ Đảng đã đề cập một cách toàn diện hơn trước về mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng.

Trong phần nói về *Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng*, Điều lệ Đảng chỉ rõ: « Đảng cộng sản Việt-nam liên hệ chặt chẽ với quần chúng, không ngừng chăm lo xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy mọi khả năng sáng tạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản », chứ không chỉ đề cập mối liên hệ ấy dưới khía cạnh « đi đường lối quần chúng trong mọi hoạt động của mình » như đã nói trong phần Cương lĩnh chung của Điều lệ cũ.

Điều lệ Đảng đã đề cập những vấn đề cơ bản về mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng bằng đường lối chính sách của Đảng, bằng đề cao trách nhiệm của tổ chức Đảng và của đảng viên đối với việc tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, chăm lo đời sống của nhân dân và đối với công tác vận động quần chúng. Điều lệ Đảng yêu cầu mọi tổ chức và cán bộ, đảng viên của Đảng phải « kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chuyên quyền, độc đoán, xa rời thực tế, xa rời quần chúng » và nhấn mạnh việc tổ chức cho quần chúng đóng góp ý kiến vào đường lối chính sách của Đảng, tích cực tham gia sinh hoạt chính trị và quản lý Nhà nước, góp phần kiểm tra sự hoạt động của tổ chức Đảng và Nhà nước, kiểm tra tư cách cán bộ, đảng viên... Điều lệ Đảng đã đề cập những nét cơ bản về xây dựng và củng cố chính quyền, xây dựng và củng cố Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội phụ nữ và các đoàn thể cách mạng khác của quần chúng, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công nông và việc phát huy một cách có hiệu quả các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản.

Điều lệ Đảng đã dành riêng một chương nói về sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức Nhà nước và tổ chức quần chúng. Trong các chương nói về đảng viên về các cấp ủy Đảng, các tổ chức cơ sở Đảng, trách nhiệm của các tổ chức Đảng và đảng viên đối với việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được quy định cụ thể. Điều lệ Đảng cũng đã ghi rõ những việc phải làm trong công tác kết nạp đảng viên, trong việc kiện toàn các đảng ủy, chi ủy, trong việc thi hành kỷ luật của Đảng để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, nâng cao trách nhiệm của quần chúng trong việc xây dựng Đảng.

★

Đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng chỉ có thể được xây dựng đúng và được tổ chức thực hiện thắng lợi, mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng chỉ có thể được tăng cường, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chỉ có thể được phát huy đầy đủ với điều kiện tổ chức Đảng thật sự được củng cố vững chắc. Một yêu cầu trọng yếu của công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn mới là: *« Xây dựng tổ chức Đảng trong toàn cơ thể của Đảng từ cơ quan lãnh đạo cấp trên đến tế bào cơ sở thật sự vững mạnh về tư tưởng và về tổ chức »*. Theo

Digitized by Google

yêu cầu ấy. Điều lệ Đảng đã có những quy định bổ sung và sửa đổi những vấn đề thuộc về nguyên tắc tổ chức, về hệ thống tổ chức và bộ máy của Đảng từ trung ương đến cơ sở.

Vấn đề quan trọng hàng đầu về tư tưởng và tổ chức để làm cho Đảng thật sự vững mạnh là phải không ngừng củng cố và tăng cường đoàn kết thống nhất của Đảng.

Trong phần nói về *Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng*, Điều lệ Đảng nhấn mạnh: « Đảng cộng sản Việt-nam là một khối thống nhất về ý chí và hành động, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình làm một quy luật phát triển và có kỷ luật nghiêm minh ».

Đoàn kết thống nhất nội bộ vốn là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng ta. Khối đoàn kết thống nhất của Đảng đã được thử thách và tôi luyện trong quá trình chiến đấu lâu dài trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin thể hiện ở đường lối, chính sách của Đảng và trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Đảng coi việc chia rẽ bè phái trong Đảng là một trong những tội ác nặng nhất.

Những bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng và về giữ gìn đoàn kết thống nhất của Đảng đã cho phép Đảng ta rút ra những vấn đề có tính nguyên tắc nhằm phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất của Đảng, giữ gìn dân chủ và kỷ luật trong Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình nội bộ phù hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Về nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, Điều lệ Đảng nhấn mạnh cả hai mặt tập trung và dân chủ: « *Tập trung dân chủ* là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Nguyên tắc ấy, một mặt, bảo đảm phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của mọi tổ chức của Đảng và đảng viên trong việc tham gia xây dựng và thực hiện đường lối chính sách của Đảng; mặt khác, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng ». Điều lệ Đảng nhấn mạnh phải giữ vững lãnh đạo tập thể, kết hợp lãnh đạo tập thể với cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm của cá nhân. Một mặt « Đảng chống mọi biểu hiện tập trung quan liêu, độc đoán, dân chủ tập thể hình thức » là những biểu hiện hạn chế tính tích cực, tính chủ động và sáng tạo của tổ chức Đảng và đảng viên; mặt khác Đảng « chống mọi biểu hiện phân tán cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, tự do vô kỷ luật, bè phái » là những biểu hiện khá phổ biến sản sinh ra từ ý thức tư tưởng cá nhân chủ nghĩa và phương pháp tư tưởng hẹp hòi cục bộ của những người sản xuất nhỏ.

Về tự phê bình và phê bình, Điều lệ Đảng chỉ rõ: « Các tổ chức của Đảng từ trung ương đến cơ sở và mọi đảng viên phải nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình*; cấp trên phải tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức tốt việc phê bình từ dưới lên. Tự phê bình và phê bình phải thành thật, thẳng thắn, và nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng tổ chức, giúp đỡ nhau tiến bộ ». Điều lệ Đảng nhấn mạnh: « Đảng nghiêm cấm những hành động trấn áp phê bình, trù dập cá nhân, và có thái độ nghiêm khắc đối với bất cứ cán bộ, đảng viên và tổ chức nào phạm các khuyết điểm ấy ».

Điều lệ Đảng còn chỉ rõ: « Đảng coi việc giữ gìn *đoàn kết, nhất trí* trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị và nguyên tắc tập trung dân chủ là sinh mệnh của Đảng và kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống mọi biểu hiện chia rẽ bè phái trong Đảng. Giữa cán bộ, đảng viên phải xây dựng tình thương yêu đồng chí sâu sắc ». Điều lệ Đảng ghi lại lời Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch: « Các đồng chí từ Trung ương đến

Digitized by Google

các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình».

Để thực hiện một cách đúng đắn những vấn đề về nguyên tắc nói trên, Điều lệ Đảng nhấn mạnh: «Dân chủ và kỷ luật trong Đảng phải được xây dựng thành chế độ chặt chẽ». Điều nhấn mạnh ấy là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu về củng cố tổ chức của Đảng, với quan điểm xây dựng cơ cấu tổ chức trong giai đoạn mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Trên tinh thần đó, Điều lệ Đảng ở các chương, điều, đã có những quy định cụ thể, chặt chẽ hơn trước nhằm bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và đoàn kết thống nhất của Đảng.

Điều lệ Đảng chỉ rõ việc triệu tập Đại hội các cấp phải theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Khi gặp trường hợp đặc biệt phải chậm lại một thời gian thì phải tập thể Ban chấp hành thảo luận và thông báo rõ lý do cho cấp dưới biết, thời hạn chậm lại đối với Đại hội toàn quốc không được quá 1 năm; đối với Đại hội cấp tỉnh, huyện và tương đương thì việc chậm lại không được quá 6 tháng, phải được cấp trên đồng ý, và nếu quá nửa số cấp ủy trực thuộc xét cần và có thể triệu tập Đại hội đúng kỳ hạn thì cấp ủy phải triệu tập Đại hội.

Điều lệ Đảng quy định thời gian cho Ban chấp hành trung ương và các cấp phải báo cáo tình hình chung và công việc đã làm cho cấp dưới và thời gian phải nêu các vấn đề cho cấp dưới thảo luận để đóng góp ý kiến hoặc phê bình sự lãnh đạo của cấp trên, quy định chế độ báo cáo của Bộ chính trị với Ban chấp hành trung ương và chế độ báo cáo của các Ban thường vụ với Ban chấp hành đồng cấp.

Điều lệ Đảng nhấn mạnh cơ quan lãnh đạo cấp dưới và cán bộ, đảng viên «phải chấp hành nghiêm chỉnh, không điều kiện và triệt để các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, của tập thể,...»; «các tổ chức của Đảng và đảng viên phải nói và làm theo Nghị quyết của Đảng»; «phải nghiêm chỉnh thực hiện chế độ dân chủ nội bộ, sử dụng đúng quyền dân chủ trong Đảng, đấu tranh chống mọi biểu hiện vi phạm dân chủ, độc đoán, gia trưởng, thẳng thắn phê bình, góp ý kiến với tổ chức và cán bộ lãnh đạo của Đảng».

Những quy định của Điều lệ Đảng nói lên một tinh thần mới: sự cần thiết phải xây dựng các nguyên tắc về tổ chức và xây dựng Đảng thành quy chế tổ chức, điều mà trong thời gian tới chúng ta phải thực hiện bằng được để làm cho các nguyên tắc ấy không dừng lại ở nhận thức tư tưởng mà phải được biến thành biện pháp tổ chức mà mọi tổ chức và đảng viên phải thực hiện bằng hành động gương mẫu của mình.

Trong cơ cấu tổ chức của Đảng, việc giải quyết một cách đúng đắn hệ thống tổ chức, xác định đúng trách nhiệm của tổ chức cũng như sửa đổi các hình thức tổ chức không còn phù hợp nữa có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Trong khi khẳng định nguyên tắc «Tổ chức của Đảng được lập ra theo đơn vị hành chính, đơn vị sản xuất hoặc công tác», Điều lệ Đảng cho phép tổ chức Đảng trong Quân đội nhân dân Việt-nam được tổ chức theo hệ thống ngành dọc từ cơ sở lên và trong những trường hợp đặc biệt và rất hạn chế như thế phải được Ban chấp hành trung ương ra quyết định. Điều lệ Đảng cho phép trong những trường hợp đặc biệt, các tổ chức Đảng ở những đơn vị trực thuộc các bộ, ty, sở hoạt động lưu động và phân tán trong phạm vi nhiều địa phương mà không có địa điểm tập kết cố định hoặc có những hoàn cảnh đặc biệt, cần giữ bí mật không thể giao về đảng bộ địa phương được thì có thể được

Digitized by Google

đặt dưới sự lãnh đạo của một ban cán sự do Ban chấp hành trung ương hoặc cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định hoặc được tổ chức cùng với tổ chức cơ sở Đảng ở cơ quan thành một đảng bộ bộ, ty, sở... Trong những trường hợp ấy, các tổ chức Đảng nói trên vẫn phải quan hệ với cấp ủy địa phương theo quy định của Ban chấp hành trung ương.

Điều lệ Đảng quy định chỉ thành lập các Đảng đoàn trong các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và của các tổ chức quần chúng do bầu cử mà lập ra (trừ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-chí-Minh) và cho phép thành lập các ban cán sự ở các cơ quan khác của Nhà nước, hoặc ở các lĩnh vực công tác khác trong trường hợp xét thấy cần thiết theo quy định của Ban chấp hành trung ương.

Điều lệ Đảng xác định rõ hơn trước trách nhiệm, quyền hạn của Ban bí thư, và quy định lại nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp.

Đối với các cấp ủy Đảng và các tổ chức cơ sở Đảng, Điều lệ Đảng xác định rõ ràng, cụ thể và hợp lý hơn nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện đối với các mặt công tác, về lãnh đạo chính trị cũng như về lãnh đạo tổ chức và xác định trách nhiệm của các tổ chức Đảng đối với việc tham gia xây dựng đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng.

Điều lệ Đảng xác định rõ hơn trách nhiệm của các tổ chức cơ sở Đảng ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh, sự nghiệp được tổ chức theo chế độ thủ trưởng và nâng trách nhiệm của các đảng bộ cơ quan trong việc góp ý kiến xây dựng kế hoạch công tác hàng năm, giám sát tình hình đảng viên trong cơ quan, kể cả đối với người phụ trách, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chấp hành pháp luật Nhà nước và tham gia ý kiến vào công tác lựa chọn, cất nhắc cán bộ trong cơ quan.

Về hình thức tổ chức của tổ chức cơ sở Đảng, Điều lệ Đảng cũng có những bổ sung, sửa đổi thích hợp với tình hình mới.

Những điều bổ sung và sửa đổi trên đây sẽ có tác dụng tích cực nhằm nâng cao chất lượng của tổ chức Đảng, làm cho tổ chức Đảng có tính năng động hơn, vừa đề cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng trong phạm vi mỗi địa phương, đơn vị cơ sở, vừa phát huy tính tích cực và tính chủ động của các tổ chức đó đối với công việc chung của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản, sức mạnh tổng hợp của cả nước theo những yêu cầu mới về xây dựng cơ cấu tổ chức bảo đảm chế độ làm chủ tập thể.

★

Nâng cao tư cách đảng viên, bảo đảm chất lượng đội ngũ của Đảng, là một yêu cầu và là một nội dung quan trọng để củng cố Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Điều lệ Đảng đặc biệt chú trọng yêu cầu đó và có nhiều điều bổ sung, sửa đổi so với trước nhằm khắc phục những lệch lạc khi hữu khi «tả» trong công tác đảng viên, và đưa chất lượng đảng viên lên ngang tầm của nhiệm vụ mới.

Điều lệ Đảng trước hết bổ sung những quy định về điều kiện được công nhận là đảng viên ghi trong điều I. Điều bổ sung ấy yêu cầu người được công nhận là đảng viên phải là người «trải qua rèn luyện trong đấu tranh cách mạng đã chứng tỏ là người ưu tú nhất trong quần chúng, có giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, gương mẫu trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập, có liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được quần chúng

Digitized by Google

tin nhiệm... ». Điều bổ sung đó chẳng những đáp ứng yêu cầu nâng cao tư cách đảng viên mà còn là một điều kiện cần thiết để ngăn chặn những phần tử cơ hội, những người mưu cầu địa vị, quyền lợi riêng tư tìm cách chui vào Đảng, nhất là trong hoàn cảnh Đảng lãnh đạo chính quyền đi vào xây dựng trong hòa bình. Cũng trên những yêu cầu mới về tư cách đảng viên, Điều lệ Đảng đã bổ sung, nâng cao và sắp xếp lại các nhiệm vụ đảng viên thành 5 nhiệm vụ mà nội dung khái quát là :

« 1 — *Suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập và tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

2 — *Không ngừng học tập và rèn luyện để nâng cao giác ngộ chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực công tác.*

3 — *Luôn luôn thắt chặt mối liên hệ với quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ quần chúng, đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.*

4 — *Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ; phục tùng nghiêm chỉnh kỷ luật của Đảng.*

5 — *Nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng* ».

Những nhiệm vụ ấy phản ánh những yêu cầu rất cao của Đảng đối với đảng viên, chỉ ra cho mỗi đồng chí chúng ta những việc phải làm để xác định rõ nghĩa vụ của đảng viên đối với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng, đối với bản thân mình để hoàn thành nhiệm vụ, đối với quần chúng, đối với công tác xây dựng Đảng và đối với nghĩa vụ quốc tế. Đó cũng là sự phản ánh và phân tích một cách khoa học những việc đảng viên phải làm để thật sự có đủ tư cách là người chiến sĩ cộng sản.

Điều lệ Đảng đã quy định các nguyên tắc, thủ tục kết nạp đảng viên một cách chặt chẽ để bảo đảm chất lượng đảng viên, bảo đảm sự trong sạch của đội ngũ của Đảng và củng cố Đảng, đồng thời có những quy định rất chặt chẽ về giáo dục và th hành kỷ luật đối với đảng viên nhằm tăng cường kỷ luật của Đảng, kịp thời đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Điều lệ Đảng nhấn mạnh người xin vào Đảng phải hoàn toàn tự nguyện, phải làm đơn xin vào Đảng, phải báo cáo rõ và đúng lý lịch của mình cho chi bộ xét, và không được phạm những điều do Trung ương quy định về lịch sử chính trị. Những quy định về người « bảo đảm » thay cho người « giới thiệu », về cách bảo đảm, về việc xem xét trình độ giác ngộ, phẩm chất, năng lực và động cơ của người xin vào Đảng, về việc lấy ý kiến của quần chúng trước khi quyết định kết nạp và việc công bố quyết định ấy trước khi đưa lên cấp trên chuẩn y, về nội dung cần giáo dục đảng viên dự bị, về thủ tục biểu quyết của chi bộ khi kết nạp người vào Đảng và khi xét để công nhận đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức, v.v... đã nói lên sự quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Điều lệ Đảng nhằm nâng cao tư cách đảng viên.

Trong phần nói về *Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng*, Điều lệ Đảng nhấn mạnh : « Coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về phẩm chất và năng lực..., kết hợp chặt chẽ giữa nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên với nâng cao chất lượng của chi bộ, đảng bộ cơ sở, với việc tăng cường cơ quan lãnh đạo và kiện toàn bộ máy tổ chức ở từng cấp, từng ngành. Trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, chống chạy theo số lượng đơn thuần, phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng ; một mặt kết nạp những người ưu tú, đủ tiêu

Digitized by Google

chuẩn; mặt khác, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất và những người không đủ tư cách đảng viên. Cảnh giác để phòng những phần tử cơ hội và phản động chui vào Đảng».

Những tư tưởng chỉ đạo cơ bản có tính quy luật ấy về xây dựng đội ngũ đảng viên trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền đã được thể hiện trong những quy định cụ thể về công tác kết nạp người vào Đảng, giáo dục đảng viên, xác định nhiệm vụ và quyền của đảng viên và cả trong việc đề cao kỷ luật của Đảng.

Điều lệ Đảng quy định: «Nếu đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm thì tổ chức Đảng cần kịp thời giáo dục hoặc thi hành kỷ luật của Đảng. Đối với những người xét không đủ tư cách đảng viên thì phải kịp thời đưa ra khỏi Đảng theo đúng các thủ tục của Đảng». «Nếu đảng viên xin ra khỏi Đảng, thì hội nghị chi bộ xét, quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên và báo cáo lên cấp trên cho đến cấp chuẩn y kết nạp đảng viên để kiểm tra lại». Đương nhiên, nếu xảy ra những trường hợp lợi dụng điều khoản đó mà đưa những đảng viên tốt ra khỏi Đảng bằng cách gò ép buộc họ phải xin ra khỏi Đảng thì cấp trên sử dụng quyền hạn của mình để sửa lại quyết định của chi bộ và có thái độ đúng mức đối với những người làm sai trái. Những đảng viên nào bỏ sinh hoạt Đảng hoặc không đóng đảng phí 3 tháng liền mà không có lý do chính đáng thì chi bộ nơi công tác sẽ áp dụng các thủ tục xóa tên như trong trường hợp đảng viên xin ra khỏi Đảng.

Trong khi bảo đảm chặt chẽ kỷ luật của Đảng đối với đảng viên, Đảng quan tâm đến quyền của đảng viên, coi trọng công tác giáo dục đảng viên ngay cả trong trường hợp buộc phải thi hành kỷ luật. Chính vì lý do đó, Điều lệ Đảng đã quy định cụ thể những thủ tục chặt chẽ về thi hành kỷ luật trong Đảng để bảo đảm sự chính xác, tính dân chủ trong công tác này. Đảng quan tâm xem xét thư khiếu nại về thi hành kỷ luật của đảng viên, định cho các cấp ủy đúng thời hạn phải xem xét để giải quyết thư khiếu nại đó, yêu cầu «cấp ủy Đảng cấp dưới phải theo định kỳ 3 tháng một lần báo cáo lên cấp ủy cấp trên số lượng và tình hình giải quyết thư khiếu nại». Đối với những trường hợp đảng viên bị bắt, bị xử trí oan, Điều lệ Đảng quy định tổ chức đã quyết định kỷ luật phải minh oan và phục hồi mọi quyền chính đáng đã bị tước. Đối với những đảng viên đã bị thi hành kỷ luật mà đã thật sự sửa chữa khuyết điểm và tiến bộ thì chi bộ nơi đảng viên ấy sinh hoạt phải thảo luận để quyết định hoặc đề nghị lên cấp trên đã quyết định thi hành kỷ luật công nhận đảng viên đã sửa chữa khuyết điểm, không được định kiến trong việc sử dụng cất nhắc.

★

Điều lệ Đảng do toàn Đảng xây dựng lên là bộ luật chung của toàn Đảng. Điều lệ Đảng khẳng định rất cao vị trí của toàn bộ và của từng mặt công tác xây dựng Đảng, đồng thời chỉ rõ những tư tưởng chỉ đạo về phương châm xây dựng Đảng, coi đó là một trong những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng. Việc quán triệt điều lệ Đảng không thể chỉ giải quyết bằng những lời hứa hoặc những lời giải thích mà điều rất quan trọng là phải bằng việc làm, bằng việc nghiên cứu kỹ lưỡng và chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng, bằng sự liên hệ sâu sắc những nguyên tắc, những quy định, những ý tứ cụ thể của từng quy định với hoạt động thực tiễn của toàn Đảng, của mỗi đảng bộ, chi bộ và mỗi cán bộ, đảng viên và sự chỉ đạo đối với công tác xây dựng Đảng.

Làm như vậy, chúng ta sẽ góp phần vào việc phát triển lý luận về xây dựng Đảng.

Digitized by Google

Phát huy mạnh mẽ bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta

ĐÀO - DUY - TÙNG

I

ĐẢNG ta đã trải qua một chặng đường đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ nhưng rất vẻ vang. Đảng đã lớn lên cùng với quá trình đi lên của cách mạng Việt-nam. Từ một nhóm nhỏ khi mới thành lập, hoạt động trong điều kiện bất hợp pháp, đến nay Đảng đã trở thành một tổ chức rộng lớn bao gồm hơn một triệu rưỡi đảng viên, một Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước. Được tôi luyện trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống kẻ thù giai cấp và dân tộc để giành chính quyền và bảo vệ chính quyền, để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, Đảng ta đã trở thành *« một Đảng Mác — Lê-nin vững mạnh*, một Đảng trải qua nhiều thử thách, một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế » (1).

Chúng ta rất phấn khởi và tự hào là : « Đảng quang vinh của chúng ta đi tới Đại hội lần thứ IV của mình, tràn đầy phấn khởi và nghị lực cách mạng, trưởng thành vượt bậc trong bản lĩnh chính trị và năng lực sáng tạo, đoàn kết nhất trí hơn bao giờ hết, gắn bó hơn bao giờ hết với giai cấp và dân tộc, với đạo quân quốc tế vĩ đại những người cộng sản, với những chiến sĩ đấu tranh cho độc lập, tự do và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới » (2).

Sức mạnh của Đảng là sức mạnh tổng hợp của nhiều nhân tố : Đảng nắm chắc ngọn cờ bách chiến bách thắng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và vận dụng sáng tạo nó vào hoàn cảnh cụ thể của Việt-nam, đề ra đường lối đúng đắn và sáng tạo ; đại biểu trung thành cho lợi ích sống còn và nguyện vọng chân chính của giai cấp công nhân và nhân dân ta, có mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng ; xây dựng được Nhà nước xã hội chủ

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 40.

Digitized by Google

nghĩa vững mạnh, công cụ quan trọng nhất để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra : có năng lực tổ chức, động viên được những lực lượng to lớn của giai cấp và của dân tộc ; có hệ thống tổ chức vững chắc trong toàn quốc với các tổ chức cơ sở của Đảng ăn sâu bắt rễ vào các tế bào của xã hội, có đội ngũ cán bộ, đảng viên dã được rèn luyện, thử thách, tận tụy hy sinh, có nhiều kinh nghiệm về cách mạng dân tộc dân chủ và chiến tranh nhân dân, bước đầu có sự hiểu biết và kinh nghiệm về cách mạng xã hội chủ nghĩa ; được sự tín nhiệm và giúp đỡ của phong trào cộng sản quốc tế.

Nét tiêu biểu của Đảng ta là « ngay từ đầu, Đảng ta đã mang trong mình bản chất **cách mạng và khoa học**, thuộc tính căn bản nhất của một đảng Mác — Lê-nin » (3). Bản chất ấy được củng cố và nâng cao cùng với cuộc đấu tranh bền bỉ và rất dỗi anh hùng của giai cấp công nhân và nhân dân ta, thể hiện sinh động ở tinh thần cách mạng tiến công, chiến đấu kiên cường, hy sinh anh dũng, tận tụy trung thành và năng lực hoạt động thực tiễn của các tổ chức của Đảng, của cán bộ, đảng viên, ở việc Đảng ta giải quyết một cách khoa học, chính xác các vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Việt-nam, ở việc Đảng ta tuân thủ và vận dụng một cách nghiêm túc những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào công tác xây dựng Đảng.

Là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân ta trong thời đại cách mạng vô sản, Đảng ta đã sớm tiếp thu được chân lý của thời đại, luôn luôn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, **lãnh đạo nhân dân ta tiến hành một trong những cuộc cách mạng sâu sắc nhất, triệt để nhất, quyết liệt nhất trong thời đại chúng ta.** Từ Xô viết Nghệ-tĩnh, đến thời kỳ Mặt trận dân chủ, đến Nam-kỳ khởi nghĩa, đến Cách mạng tháng Tám thắng lợi, đến cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp, Đảng ta bất chấp muôn vàn gian khổ, hiểm nghèo, vượt lên mọi hy sinh, tổn thất, kiên quyết giương cao ngọn cờ lãnh đạo, đưa nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, thắng lợi sau càng rực rỡ hơn thắng lợi trước. Đặc biệt là trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta phải lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong hoàn cảnh lực lượng so sánh giữa ta và địch chênh lệch rất lớn, trong tình hình quốc tế có nhiều thuận lợi nhưng cũng có nhiều khó khăn, phức tạp ; mỗi bước tiến lên của cách mạng Việt-nam đều vấp phải sự chống đối quyết liệt của kẻ thù. Chính trong khó khăn, Đảng ta càng nâng cao gấp bội ý chí chiến đấu, nghị lực và dũng khí cách mạng, giữ vững chiến lược tiến công, từng bước dẫn dắt nhân dân ta vượt qua khó khăn, tiến lên giành thắng lợi.

Bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta còn thể hiện rõ nét ở chỗ, suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng, **Đảng ta đã giải quyết một cách đúng đắn các vấn đề về đường lối và phương pháp cách mạng nước ta.** Kể riêng từ Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng đến nay, Đảng không ngừng đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, học tập có chọn lọc kinh nghiệm cách mạng của các Đảng anh em, tổng kết sâu sắc kinh nghiệm cách mạng nước ta, xuất phát đầy đủ từ hiện thực sinh động của xã hội Việt-nam, tiếp tục giải

(3) Lê-Duẩn : " Đảng lao động Việt-nam, người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt-nam ", *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản *Sự thật*, Hà-nội, 1976, tập II, trang 646.

Digitized by Google

quyết một cách độc lập và sáng tạo những vấn đề về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về chống Mỹ, cứu nước, về chiến tranh cách mạng, về chính sách đối ngoại. Có thể nói toàn bộ chiến lược, sách lược, mọi nghị quyết và hoạt động của Đảng đều dựa trên sự hiểu biết một cách đúng đắn những quy luật cơ bản của sự phát triển xã hội và sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh thực tiễn của nước ta. Thắng lợi của cách mạng Việt-nam trong những năm qua là thắng lợi chói lọi của chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở một nước vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, thắng lợi của khoa học cách mạng của giai cấp vô sản đối với lý luận chính trị, quân sự của giai cấp tư sản. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, đế quốc Mỹ không những đã huy động đến mức rất cao các lực lượng vật chất mà còn động viên cả những lực lượng tiêu biểu cho trí tuệ của giai cấp tư sản Mỹ : những nhà chiến lược có nhiều kinh nghiệm nhất, những tướng lĩnh tài giỏi nhất, những nhà ngoại giao lão luyện nhất, sử dụng hàng trăm trung tâm khoa học để nghiên cứu chiến lược, sách lược và những thủ đoạn chiến tranh xâm lược nhằm dè bẹp cuộc chiến đấu của nhân dân ta. Nhưng kết quả là tất cả những lý luận chính trị, quân sự của đế quốc Mỹ phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam không địch nổi trí tuệ của nhân dân ta, được sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta nhân lên gấp bội.

Bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta còn thể hiện cụ thể ở chỗ **Đảng ta luôn luôn tuân thủ và vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân**. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta không ngừng xây dựng Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản, phát huy cao độ quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Đảng ta không ngừng tăng cường công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức nhằm tăng cường tính chất giai cấp công nhân của Đảng, bám sát yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của Đảng. Trong sinh hoạt Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ không ngừng được đề cao, được vận dụng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và đặc điểm hoàn cảnh hoạt động của Đảng trong từng thời kỳ khác nhau. Những biểu hiện quan liêu độc đoán cũng như những biểu hiện lỏng lẻo kỷ luật đều bị phê phán. Đảng ta đã không ngừng chăm lo giữ gìn phẩm chất cách mạng đồng thời ra sức nâng cao kiến thức, năng lực của cán bộ, đảng viên, đáp ứng kịp thời đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng, v.v...

Toàn bộ những cố gắng trên đây của Đảng đã làm cho Đảng ta không ngừng lớn mạnh, luôn luôn là một cơ thể sống, có tính năng động, có cơ cấu tổ chức phù hợp, có đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng trước mọi thử thách. Có thể nói « Lịch sử xây dựng Đảng ta là lịch sử xây dựng thành công một chính đảng Mác — Lê-nin trong điều kiện một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, mặc dù phải trải qua biết bao thử thách hiểm nghèo, phải chống trả dữ loại thù trong giặc ngoài, phong kiến và đế quốc, thực dân cũ và thực dân mới, nhưng vẫn không ngừng phát triển lớn mạnh và đưa cách mạng Việt-nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác » (4).

Nguyên nhân có ý nghĩa quyết định đối với bản chất cách mạng và khoa học của Đảng là ở chỗ Đảng luôn luôn **trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nắm vững chủ nghĩa Mác — Lê-nin.** « Đảng nắm chủ nghĩa Mác — Lê-nin không

(4) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

phải trên câu chữ mà từ trong thực chất **cách mạng và khoa học** vốn là hai đặc tính căn bản kết hợp làm một trong bản thân chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đảng biết quán triệt đặc tính căn bản ấy của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong hoạt động chính trị, tư tưởng và tổ chức của mình, trong đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng, trong toàn bộ cuộc đấu tranh của Đảng ở tất cả các thời kỳ » (5).

Chúng ta biết rằng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, khoa học cách mạng của giai cấp vô sản, nền tảng tư tưởng của Đảng, là cơ sở xác định chiến lược, sách lược, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Nhưng lý luận Mác — Lê-nin với vai trò cải tạo thế giới chỉ phát huy tác dụng khi các chính đảng cách mạng của giai cấp vô sản ở từng nước có khả năng nắm được thực chất của nó và vận dụng nó một cách độc lập và sáng tạo vào điều kiện nước mình. Sự kết hợp ấy thuộc về trách nhiệm của chính đảng vô sản ở mỗi nước. Bởi vì không ai hiểu sâu sắc và đầy đủ tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và quá trình lịch sử của một nước bằng đảng cộng sản ở nước ấy. Vì vậy, mỗi đảng phải nghiên cứu, nắm vững những cái gì là đặc trưng dân tộc để vận dụng đúng đắn những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tìm ra được những giải pháp cách mạng cụ thể, phù hợp với điều kiện nước mình. Quán triệt tinh thần ấy, « Đảng ta bao giờ cũng lấy thực tiễn của cách mạng Việt-nam, lấy hiện thực sinh động của xã hội Việt-nam làm điểm xuất phát trong việc vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Chính nhờ có đường lối và phương pháp cách mạng được đề ra một cách **độc lập và sáng tạo**, mà cách mạng Việt-nam mới thu được thắng lợi to lớn như ngày nay » (6).

Bản chất cách mạng và khoa học của Đảng còn **bắt nguồn sâu xa từ thực tiễn vô cùng phong phú của cách mạng Việt-nam**. « Lịch sử nước ta trong nửa thế kỷ nay là thời kỳ của những cao trào cách mạng nối tiếp nhau, của những cuộc khởi nghĩa, những cuộc chiến tranh cách mạng, của những quá trình cải tạo và xây dựng trong hoàn cảnh vừa có chiến tranh, vừa có hòa bình. Vài chục năm lại đây, Việt-nam là một trong những tiêu điểm của sự kết hợp các trào lưu cách mạng của thời đại chúng ta » (7). Trong thời gian ấy, Đảng phải lãnh đạo 3 cao trào cách mạng, tiến tới Cách mạng tháng Tám, tổ chức hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, cùng một lúc phải lãnh đạo hai cuộc cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo nhân dân ta vừa làm nhiệm vụ dân tộc, vừa làm nghĩa vụ quốc tế. Chúng ta phải chống lại nhiều loại kẻ thù trong nước và ngoài nước, chủ nghĩa thực dân cũ, chủ nghĩa thực dân mới, kể cả những lực lượng phản động lớn nhất thời đại, phải đối phó với đủ các chiến lược, chiến thuật về chính trị, quân sự, tư tưởng rất xảo quyệt của kẻ thù, phải giải quyết nhiều vấn đề mới rất phức tạp. Đảng đã tìm tòi, sáng tạo, sử dụng có hiệu quả các phương pháp và hình thức đấu tranh cách mạng rất phong phú và linh hoạt: công khai và bí mật, bất hợp pháp và hợp pháp, quân sự và chính trị, ngoại giao, tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, bạo lực và xây dựng v.v... Chính những kinh nghiệm phong phú nảy sinh trong cuộc đấu tranh nhiều màu nhiều vẻ ấy của nhân dân ta được Đảng ta tổng kết là nguồn vô tận để bồi dưỡng bản chất cách mạng và khoa học của Đảng.

---

(5), (6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 109.

(7) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, tạp chí *Học tập*, số tháng 12-1976, trang 108.

Digitized by Google

Bản chất cách mạng và khoa học của Đảng còn có **mối quan hệ hữu cơ với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.** Dân tộc Việt-nam là một dân tộc có lịch sử lâu đời, có nền văn minh xuất hiện rất sớm, lại có truyền thống chống ngoại xâm rất oanh liệt. Trong nhiều thế kỷ, dân tộc ta phải sống dưới ách thống trị vô cùng tàn bạo của những kẻ xâm lược bên ngoài, phải luôn luôn lựa chọn giữa cái sống và cái chết, giữa độc lập và mất nước. Cuộc đấu tranh liên tục và quyết liệt để giành quyền sống độc lập, tự do đã tạo cho nhân dân ta truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất kiên cường, sự thông minh chính trị, sự điêu luyện về nghệ thuật quân sự. Rạ đời trên mảnh đất ấy, giữa cao trào yêu nước của giai cấp công nhân và nhân dân ta trong những năm 20 của thế kỷ này, Đảng ta đã sớm tiếp thu được truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời phát huy và đem lại cho truyền thống ấy một chất lượng mới, cao hơn.

II

Cùng với thắng lợi trọn vẹn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta trở thành Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước. Nhân dân ta, từ Bắc chí Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, đang bắt đầu một cuộc tiến quân vĩ đại vào thời kỳ hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta sẽ biến đất nước ta, từng bị tàn phá nặng nề qua hai cuộc chiến tranh, thành một nước có công – nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có cuộc sống văn minh, hạnh phúc. Chúng ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như Hồ Chủ tịch hằng mong muốn.

Việc phát huy bản chất cách mạng và khoa học của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng là nhằm đáp ứng những yêu cầu khách quan của sự phát triển của xã hội ta. Chúng ta biết rằng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới không thể hình thành tự phát. Nó là sản phẩm của hoạt động tự giác, cách mạng, có tổ chức, có kế hoạch của hàng chục triệu con người. Trong điều kiện từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa như ở nước ta, việc tìm ra những quy luật khách quan chi phối con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của nước ta, để hướng dẫn mọi lực lượng hoạt động tự giác và có tổ chức theo những quy luật ấy càng có ý nghĩa quan trọng. Nhiệm vụ quan trọng trước hết đặt ra đối với Đảng ta là "vạch ra được một cương lĩnh, một chương trình hành động có đủ căn cứ khoa học, phù hợp với tình hình nước ta. Nhiệm vụ này không đơn giản. Đảng ta, hơn hai mươi năm qua, nhất là từ Đại hội lần thứ III đến nay, đã có những cố gắng lớn về mặt này. Ngày nay, khi nước nhà đã hoàn toàn độc lập và thống nhất, những vấn đề về xây dựng chủ nghĩa xã hội đặt ra với tất cả chiều sâu, tầm cỡ rộng lớn và tính cụ thể của nó. Điều đó đòi hỏi Đảng phải có sự nỗ lực đặc biệt trong công tác lý luận. Những nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ IV này của Đảng thể hiện sự cố gắng đó của toàn Đảng, đem lại những giải đáp căn bản cho các vấn đề đặt ra trên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước" (8).

Song Đảng ta không cho thế là đủ. Cuộc sống của xã hội ta luôn luôn phát triển. Hiện nay xã hội ta đang ở bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ, những nhân tố của chế độ mới đang hình thành, công cuộc cách mạng

(8) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 109 – 110.

Digitized by Google

xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội bắt đầu được mở rộng trong phạm vi cả nước thì nhiều vấn đề mới nảy sinh càng đòi hỏi phải có những câu trả lời cụ thể, kịp thời. Tình hình đó đặt ra cho Đảng ta nhiệm vụ đi sâu hơn nữa vào mọi mặt của cuộc sống, từ trong cuộc sống phân tích những việc làm được và chưa làm được, tổng kết kinh nghiệm, **tiếp tục và kịp thời bổ sung, phát triển và cụ thể hóa đường lối của Đảng, làm cho đường lối của Đảng ngày càng sinh động, càng mang đầy đủ tính khoa học và do đó càng có hiệu lực với cuộc sống.** Đó là đòi hỏi rất khách quan của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời là nhiệm vụ quan trọng nhất để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ đó, Đảng ta đang tích cực nâng cao bản chất cách mạng và khoa học của mình. Đi đôi với việc không ngừng bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, Đảng ta đang tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết những bài học kinh nghiệm cách mạng của nhân dân ta, học tập kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước anh em, kịp thời tiếp thu những thành quả của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới... Đó là điều kiện không thể thiếu được để Đảng có thể nâng cao năng lực lãnh đạo của mình.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng là một tổ chức được cấu tạo rất cân đối, hoàn chỉnh, tinh vi và hợp lý; đó là một xã hội có tổ chức cao nhất trong lịch sử. Chủ nghĩa xã hội là sản phẩm tổng hợp của ba cuộc cách mạng, sản phẩm của công tác tổ chức lâu dài, kiên nhẫn với quy mô rộng lớn. Thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội phụ thuộc một phần quan trọng vào năng lực tổ chức của Đảng và Nhà nước chuyên chính vô sản. Trong điều kiện từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa của nước ta, vai trò của tổ chức càng quan trọng. Bởi vì chúng ta phải tổ chức và xây dựng từ đầu, tổ chức và xây dựng hoàn toàn mới những yếu tố của chủ nghĩa xã hội, từ cơ sở đến thượng tầng, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ chế độ đến con người. Nhiệm vụ vĩ đại ấy của cách mạng đòi hỏi Đảng ta, người tổ chức mọi thắng lợi của nhân dân ta, không những phải nâng cao năng lực lãnh đạo chính trị, tiếp tục phát triển và cụ thể hóa đường lối chung mà còn phải «có năng lực mới trong lĩnh vực tổ chức thực tiễn của cách mạng xã hội chủ nghĩa, lĩnh vực mà hiện nay Đảng ta còn nhiều nhược điểm» (9). Đảng phải làm chủ được các quá trình phát triển của xã hội, lãnh đạo nhân dân ta tổ chức các lĩnh vực của cuộc sống theo nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Đảng phải đem lại tính tổ chức, tính kế hoạch, tính cân đối, tính năng động cho toàn bộ hoạt động của các tổ chức trong xã hội ta. Nhiệm vụ lãnh đạo tổ chức của Đảng rất nặng nề bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống; trong đó nhiệm vụ cơ bản và cấp bách là «phải xây dựng ở các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở, bao trùm tất cả mọi hoạt động, mọi mặt của đời sống xã hội, một hệ thống các quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân» (10). Đó phải là hệ thống quan hệ tốt nhất bảo đảm vững chắc vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

(9) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 110.

(10) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 56.

Digitized by Google

Đó cũng là hệ thống quan hệ xây dựng như một cơ chế tổng hợp, một động lực to lớn, hùng mạnh nhằm thúc đẩy quá trình hình thành chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới. Nhiệm vụ ấy đòi hỏi Đảng ta phải theo sát các quá trình biến đổi kinh tế, xã hội trong lúc nền sản xuất nước ta đang chuyển nhanh từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, đòi hỏi Đảng ta đi sâu hơn nữa vào công tác tổ chức, nghiên cứu khoa học tổ chức, gian khổ suy nghĩ tìm tòi, thậm chí làm đi làm lại nhiều lần để có thể tìm ra và xây dựng những hình thức, cơ cấu tổ chức thích hợp, vừa nhằm thúc đẩy những nhiệm vụ đang làm, vừa nhằm xây dựng và củng cố cơ chế hoàn chỉnh và vững mạnh của xã hội ta.

Tóm lại, những yêu cầu mới của cách mạng trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước đòi hỏi Đảng ta phải nâng cao bản chất cách mạng và khoa học của mình.

Phát huy bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, về thực chất mà nói, là **nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng.** « Tính chất giai cấp công nhân của Đảng được thể hiện một cách sinh động trên mọi lĩnh vực chính trị, tư tưởng và tổ chức, được phát triển và nâng cao không ngừng, phù hợp với vai trò và sứ mệnh mà Đảng phải gánh vác trong từng giai đoạn của cách mạng nước ta » (11).

Để nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, trong giai đoạn mới của cách mạng, chúng ta phải nắm vững: « **Nhiệm vụ chung** của công tác xây dựng Đảng ta trong giai đoạn hiện nay là **phải nắm vững hơn nữa học thuyết Mác — Lê-nin về xây dựng Đảng và thực tiễn xây dựng Đảng ta, quán triệt sâu sắc đường lối, nhiệm vụ chính trị do Đại hội đã vạch ra, vận dụng và phát triển những bài học kinh nghiệm đã tổng kết được, làm cho công tác xây dựng Đảng vừa bám chắc hơn nữa những nhiệm vụ chính trị trước mắt của Đảng, vừa sẵn sàng đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ lâu dài; ra sức nâng cao tính chất giai cấp và chất lượng lãnh đạo toàn diện của Đảng, kết hợp tính cách mạng và tính khoa học, bảo đảm cho đường lối của Đảng luôn luôn đúng đắn sáng tạo và được tổ chức thực hiện thắng lợi, bảo đảm cho Đảng thật sự vững mạnh, luôn luôn đoàn kết nhất trí, gắn bó chặt chẽ với quần chúng để trong bất cứ tình huống nào Đảng cũng có thể làm tròn nhiệm vụ lịch sử của mình** » (12).

Theo nhiệm vụ, phương hướng đó, như báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi điều lệ Đảng đã chỉ rõ, chúng ta phải nâng cao chất lượng lãnh đạo chính trị của Đảng cả về xây dựng đường lối, chính sách và về tổ chức thực hiện đường lối; xây dựng bằng được cơ cấu tổ chức bảo đảm chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; xây dựng tổ chức Đảng trong toàn cơ thể từ cơ quan lãnh đạo cấp trên đến tế bào cơ sở được vững mạnh về tư tưởng và tổ chức; gắn với việc kiện toàn cơ sở Đảng, ra sức nâng cao tư cách đảng viên và chất lượng đội ngũ đảng viên, loại trừ những phần tử đã thoái hóa biến chất, những bọn đầu cơ và những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, bằng cách phát động phong trào cách mạng của quần chúng và thông qua các phong trào cách mạng của quần chúng và bằng công tác nội bộ Đảng; khẩn trương tăng cường công tác cán bộ về mọi mặt, đáp ứng

(11) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng.

(12) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

kịp thời những nhiệm vụ công tác rộng lớn của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

Để thực hiện được những nhiệm vụ trên, chúng ta cần cải tiến và nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng, nâng cao tính cách mạng và tính khoa học trong công tác xây dựng Đảng. Chúng ta quan niệm công tác xây dựng Đảng là một khoa học, khoa học về quy luật trưởng thành và phát triển của Đảng, quy luật về nâng cao sức chiến đấu của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Chủ nghĩa kinh nghiệm, những quan niệm cũ kỹ về xây dựng Đảng và về công tác lãnh đạo của Đảng đang gây trở ngại cho việc nâng cao sức chiến đấu của Đảng cần được khắc phục một cách tích cực. Những bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng đã được Đại hội Đảng lần thứ IV tổng kết cần được vận dụng thích hợp vào điều kiện mới, đặc biệt là những bài học sau đây về phương châm xây dựng Đảng:

Thứ nhất, phải xây dựng Đảng vững mạnh về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, theo đúng nguyên tắc của Lê-nin về chính đảng vô sản kiểu mới. Ba mặt ấy gắn liền với nhau, quyết định lẫn nhau. Xây dựng Đảng về tư tưởng và về tổ chức phải kết hợp chặt chẽ với nhau và xuất phát từ đường lối và nhiệm vụ chính trị, đồng thời bảo đảm cho đường lối và nhiệm vụ chính trị được xác định đúng đắn, được thấu suốt và thực hiện đầy đủ.

Thứ hai, Đảng chỉ có thể mạnh trong phong trào cách mạng của quần chúng. Việc xây dựng Đảng, tăng cường sức chiến đấu của Đảng chỉ có thể tiến hành trong phong trào quần chúng phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra. Tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp phần kiểm tra sự hoạt động của Đảng, kiểm tra công tác và phẩm chất của cán bộ, đảng viên.

Thứ ba, khi đã lãnh đạo chính quyền Nhà nước thì sức mạnh của Đảng nằm trong sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản. Việc xây dựng Đảng, tăng cường sức chiến đấu của Đảng vì vậy phải gắn liền với việc kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực của Nhà nước, gắn liền với việc xây dựng, củng cố các tổ chức quần chúng.

Thứ tư, trong việc nâng cao chất lượng đảng viên phải kết hợp với việc nâng cao chất lượng của chi bộ và đảng bộ cơ sở; việc nâng cao chất lượng cán bộ phải kết hợp với việc tăng cường cơ quan lãnh đạo từng cấp, từng ngành. Tổ chức mạnh là điều kiện để cho từng người mạnh, từng người mạnh lại là điều kiện để tổ chức mạnh.

Thứ năm, trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, tránh chạy theo số lượng đơn thuần, phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng. Một mặt, kết nạp những người thật sự ưu tú đủ tiêu chuẩn, mặt khác, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất. Cảnh giác để phòng những phần tử xấu, xu thời, vụ lợi chui vào Đảng.

Những nhiệm vụ chung, phương hướng chung và những phương châm chỉ đạo công tác xây dựng Đảng đều nhằm mục đích tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chung, phương hướng chung và những phương châm đó, chính là giữ gìn và phát huy hơn nữa bản chất cách mạng và khoa học, tính chất giai cấp công nhân của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng. Đó cũng là chấp hành nghiêm chỉnh lời dặn thiêng liêng của Hồ Chủ tịch « Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân » (13).

(13) Hồ-chí-Minh: Di chúc.

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG phục vụ nhân dân và tăng nguồn hàng xuất khẩu

VŨ - TUẤN

NHÂN dân cả nước ta vui mừng phấn khởi chào đón Nghị quyết lịch sử của Đại hội lần thứ IV của Đảng và đang dấy lên phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa nhằm biến Nghị quyết của Đại hội thành hiện thực. Nghị quyết của Đại hội là kim chỉ nam hướng dẫn nhân dân ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, có kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc.

Nước ta có điều kiện rất thuận lợi để phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc của toàn dân. Tài nguyên nước ta khá phong phú, điều kiện đất đai và khi hậu rất thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp toàn diện. Nguồn lao động nước ta khá dồi dào. Nhân dân ta lại cần cù, dũng cảm, thông minh và sáng tạo trong lao động sản xuất. Ngày nay, Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập và thống nhất, nhân dân ta từ nay có thể tập trung toàn lực vào nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa nhằm thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền khoa học kỹ thuật hiện đại.

Song bên cạnh thuận lợi cơ bản kể trên, chúng ta còn những khó khăn to lớn cần phải khắc phục. Đó là nền kinh tế còn trong tình trạng sản xuất nhỏ, đang trong quá trình tổ chức lại để tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, do hậu quả nặng nề của chiến tranh xâm lược và phá hoại của đế quốc Mỹ đối với cả nước, và do hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới đối với miền Nam, nên kinh tế còn nhiều mặt chưa cân đối, phải có thời gian mới khắc phục được.

Digitized by Google

Con đường để khắc phục những khó khăn đó và đưa nhân dân ta tiến lên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc là thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, vì chỉ có làm như vậy mới xây dựng được cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nước ta từ sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tạo ra một năng suất lao động cao và một khối lượng sản phẩm xã hội ngày càng lớn để thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta là: «Thực hiện từng bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp hiện đại; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp xây dựng lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tranh thủ mở rộng quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt-nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công – nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc».

Song để tạo điều kiện thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, một nước vốn có nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ là chủ yếu, lại bị chiến tranh xâm lược và phá hoại của đế quốc Mỹ tàn phá nặng nề, chúng ta trước hết phải bắt đầu từ nông nghiệp, phát triển nông nghiệp toàn diện để có điều kiện giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng của nhân dân và tăng nguồn hàng xuất khẩu. Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phát triển mạnh mẽ không những bảo đảm nhu cầu lương thực, thực phẩm của nhân dân mà còn bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm. Các ngành nông – lâm – ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ phát triển sẽ thu hút được số lớn lao động tham gia sản xuất, làm tăng thêm của cải vật chất cho xã hội, nâng cao thu nhập quốc dân, tăng thêm tích lũy, tạo cơ sở để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Kế hoạch 5 năm hiện nay chính là bước chuẩn bị cần thiết cho sự phát triển mạnh mẽ nền kinh tế quốc dân trong kế hoạch dài hạn. Vì thế, Nghị quyết Đại hội đã chỉ rõ, trong kế hoạch 5 năm (1976 – 1980) phải «tập trung cao độ sức lực của cả nước tạo ra một bước phát triển vượt bậc của nông nghiệp, cả trồng trọt và chăn nuôi, đẩy mạnh nghề cá, làm tốt nghề rừng, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm, kể cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đồng thời cải tạo và mở rộng các cơ sở sẵn có và hết sức cố gắng khởi công xây dựng sớm một số công trình mới về công nghiệp nặng, đặc biệt là cơ khí».

Vấn đề sản xuất hàng tiêu dùng trong giai đoạn mới của cách mạng có ý nghĩa rất quan trọng vì không những nó đáp ứng nhu cầu của nhân dân mà còn góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng tích lũy xã hội chủ nghĩa, góp phần vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, do đó mà củng cố khối liên minh công nông, nền

Digitized by Google

tăng của Nhà nước chuyên chính vô sản.

Trong đề cương báo cáo về sách lược của Đảng cộng sản Nga tại Đại hội lần thứ III của Quốc tế cộng sản, Lê-nin đã nói: « Chỉ khi nào ngành vận tải và đại công nghiệp đã hoàn toàn khôi phục được rồi, khiến giai cấp vô sản có thể cung cấp cho nông dân, để đổi lấy sản phẩm nông nghiệp, tất cả những vật phẩm công nghiệp mà nông dân cần dùng cho bản thân họ và cho sự cải thiện công việc canh tác của họ, thì khi đó, đứng về phương diện xã hội chủ nghĩa mà nói, sự liên minh của những người tiểu nông với giai cấp vô sản mới trở nên hoàn toàn bình thường và vững chắc được » (1).

Nhiệm vụ cơ bản của ngành công nghiệp nhẹ, như Nghị quyết Đại hội đã chỉ rõ, là sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ tốt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; bảo đảm và nâng cao thu nhập thực tế của người lao động; tạo điều kiện cho Nhà nước mở rộng việc sử dụng lao động, đẩy mạnh phân công lao động xã hội; tạo ra một nguồn xuất khẩu quan trọng.

Trong kế hoạch 5 năm (1976 – 1980) ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trong cả nước phải phát triển với tốc độ tăng 20% bình quân mỗi năm mới đáp ứng được nhu cầu hàng tiêu dùng thiết yếu thông thường của nhân dân về mặc, học tập, bảo vệ sức khỏe, phương tiện đi lại, đồ chơi trẻ em, đồ dùng gia đình và các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao..., và đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh xuất khẩu.

Để bảo đảm cho nhân dân ta mặc lành và ấm, học sinh có quần áo đồng phục, đồng bào các giới và các dân tộc có quần áo hợp thị hiếu, đến năm 1980 phải sản xuất 450 triệu mét vải, bình quân đầu người 8 mét vải, lụa các loại, không kể quần áo dệt kim, vải màn và các loại vải công nghiệp. Do đó, phải tăng thêm nhanh chóng năng lực kéo sợi, mở rộng sản xuất các mặt hàng dệt thoi, dệt kim, sản xuất nhiều vải, lụa bằng xơ, sợi hóa học và tổng hợp, phát triển các mặt hàng thông dụng như khăn mặt, khăn tay, khăn quàng, bít tất, giày dép bằng da hoặc bằng nhựa dẻo, mũ, nón, áo mưa và ô che mưa, v.v... Đặc biệt chú ý sản xuất nhiều vải hoa, lụa các màu cho trẻ em và phụ nữ, và sản xuất các loại vải dày và các dụng cụ bảo hộ lao động cho các ngành nghề (giày ủng, giày vải, găng tay, kính râm, dây an toàn, v.v...).

Ngành may quần áo cần được phát triển ở khắp các tỉnh bảo đảm may đẹp, bền, kiểu cách lành mạnh để nhân dân đỡ mất thời giờ chờ đợi may quần áo, đồng thời phát triển gia công hợp tác với nước ngoài, thu hút thêm người lao động vào sản xuất.

Để bảo đảm nhu cầu học tập của nhân dân, ngành sản xuất giấy, bìa, các tông, đồ dùng học tập và đồ dùng giảng dạy cần được phát triển ở tất cả các tỉnh và thành phố. Đến năm 1980, phải sản xuất ít nhất 13 vạn tấn giấy; các trường học có đủ bàn ghế, bảng đen, các đồ dùng học tập và giảng dạy cần thiết.

Đối với các gia đình, phải bảo đảm có đủ những đồ dùng thông thường như bàn, ghế, giường, tủ bằng gỗ hoặc mây, tre, song, có đủ bát, đĩa, ấm, chén, tách bằng sứ và thủy tinh, đồ dùng bằng sành như lu, chum, vại, hũ và đồ dùng nhà bếp từ nồi, chảo, soong, ấm cho đến phích nước, lồng bàn, thớt, rế, dũa, v.v...

Đối với các lớp mẫu giáo, vườn trẻ, phải bảo đảm có đủ những đồ chơi tập thể như đu quay, cầu trượt, ngựa gỗ, ô tô, máy bay, xe đạp, v.v... và những đồ chơi nhỏ bằng nhựa dẻo, gỗ hoặc kim loại, có động cơ và không

(1) V. Lê-nin: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, trang 529.

Digitized by Google

có động cơ, để góp phần giáo dục và phát huy năng khiếu của các cháu.

Để phục vụ các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao của nhân dân, cần phát triển sản xuất các loại văn hóa phẩm, dụng cụ âm nhạc thông thường và đồ dùng cho thể dục thể thao như bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, bóng bàn, cầu lông, các loại xà, tạ, vợt, phao bơi, v.v...

Các mặt hàng thủ công mỹ nghệ như thảm len, thảm đay, thêu ren, đan len, và các mặt hàng thủ công làm bằng song, mây, tre, cói và hàng mỹ nghệ như sơn mài, chạm ngà voi, làm đồi mồi, khắc đá, chạm gỗ, đồ sừng, đồ mỹ nghệ bằng sứ, thủy tinh, v.v.. cần được phát triển mạnh mẽ vừa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, vừa phục vụ xuất khẩu.

Những mặt hàng cần thiết khác như đồng hồ, quạt điện, bàn là, xe đạp, máy khâu, máy thu thanh và máy thu hình, cũng cần mở rộng sản xuất để cung cấp cho nhân dân.

Nhu cầu về hàng tiêu dùng ngày càng phong phú và đa dạng và bao gồm hàng nghìn loại với hàng chục nghìn mặt hàng. Do đó, cần có sự phân công hợp lý giữa công nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp. Hầu hết các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu thông thường sẽ do công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp sản xuất bằng nguyên liệu địa phương là chủ yếu để phục vụ nhân dân. Dương nhiên, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp cũng có trách nhiệm sản xuất những mặt hàng để điều hòa chung trong cả nước hoặc xuất khẩu, song mục tiêu chính của nó vẫn là thỏa mãn nhu cầu trong địa phương.

Công nghiệp trung ương đảm nhiệm sản xuất những mặt hàng có khối lượng lớn thuộc nhu cầu của nhân dân cả nước và kỹ thuật phức tạp, hoặc những mặt hàng chủ yếu phục vụ xuất khẩu. Do đó đi đôi với việc xây dựng và phát triển công nghiệp quốc doanh trung ương, việc phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp trong kế hoạch 5 năm này là một nhiệm vụ rất quan trọng.

Để phát triển sản xuất hàng tiêu dùng, cần giải quyết mấy vấn đề: nguyên liệu, thiết bị, lao động và tổ chức quản lý.

Về nguyên liệu: Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng muốn phát triển vững chắc, trước hết phải được Nhà nước quan tâm: có kế hoạch và biện pháp phát triển nguồn nguyên liệu trong nước từ nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp nặng. Nước ta có điều kiện đất đai và khí hậu thuận lợi để phát triển các loại cây công nghiệp làm nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ như cây có xơ, sợi: bông, đay, gai, dâu tằm, lanh, cói, đó, v.v... và cây đặc sản như cao su, sơn, các loại cây thực phẩm và có dầu như chè, cà phê, mía, quế, dừa, các loại cây có quả và thuốc lá, v.v..., các cây hương liệu, cây thuốc và các loại gỗ thông, phi lao, bồ đề, mỡ, vên vên, tràm, đước, song, mây, tre, v.v... Những loại cây kể trên tuy nhiều nơi đã có trồng nhưng diện tích và sản lượng chưa nhiều, cho nên trong kế hoạch 5 năm này cần được phát triển mạnh hơn nữa; có thể đưa tỷ lệ cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày lên một cách thích đáng tùy theo điều kiện khí hậu và đất đai từng địa phương để bảo đảm nguồn nguyên liệu phát triển công nghiệp nhẹ. Đồng thời, cần đẩy mạnh khai thác gỗ, tre, nứa, rơm, bã mía và các loại cây công nghiệp hiện có cung cấp đủ và kịp thời cho công nghiệp và thủ công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. Ví dụ, riêng gỗ cành, ngọn, nếu tổ chức thu nhặt hết thì hằng năm cũng có thêm hàng chục vạn mét khối gỗ làm hàng tiêu dùng.

Đi đôi với đẩy mạnh trồng cây công nghiệp và trồng rừng, các ngành công

Digitized by Google

nghiệp nặng như cơ khí, luyện kim, hóa chất cũng cần quan tâm phát triển sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ như các loại gang, thép, đất chịu lửa, than cốc và các loại sản phẩm hóa học cần thiết mà trong nước có thể sản xuất được như vít-cô, xút cốt-tích, a-xít sun-phua-rích, các-bô-nát nát-ri, cô-lô-rát ka-li, các-bô-nát can-xi, phèn đơn, phèn kép, v.v...

Chúng ta cố gắng khai thác nguồn nguyên liệu trong nước để sản xuất hàng tiêu dùng như vậy mới chủ động và chỉ nên nhập khẩu những nguyên liệu, vật tư mà trong nước không có nguồn hoặc chưa sản xuất được.

Mặt khác phải triệt để tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu và tận dụng phế liệu, phế phẩm của ngành mình và của các ngành khác để làm ra hàng tiêu dùng.

Về thiết bị: Với lực lượng thiết bị hiện có, chúng ta cần phấn đấu nâng hệ số sử dụng công suất thiết bị lên khoảng 85 — 90% thì sẽ làm tăng thêm một khối lượng sản phẩm đáng kể mà chưa cần tăng thêm thiết bị. Song để sử dụng được công suất thiết bị với mức cao, cần đẩy mạnh sản xuất phụ tùng và làm tốt công tác bảo dưỡng thiết bị, thực hiện nghiêm ngặt chu kỳ và lịch xích tu sửa thiết bị. Những loại phụ tùng tinh vi, phức tạp mà ta chưa sản xuất được, cần phải nhập khẩu kịp thời để bảo đảm máy chạy được liên tục. Một số thiết bị chưa đồng bộ, cần được bổ sung và hoàn chỉnh để phát huy tối đa công suất của máy móc.

Đối với những thiết bị lẻ và thiết bị toàn bộ mà trong nước có khả năng sản xuất như máy dệt tự động, máy ươm tơ, nồi nấu bột và máy xeo giấy, thiết bị làm đồ sứ 5 triệu cái/năm, thiết bị nấu thủy tinh từ 500 đến 1000 tấn/năm, máy gia công đồ gỗ, tre, mây, song, máy chế biến khoai sắn, ép dầu, và những máy công cụ thông dụng, v.v... cần phát triển mạnh để trang bị cho các cơ sở công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp.

Chúng ta chỉ nên nhập khẩu những máy móc, thiết bị hiện đại mà trong nước chưa sản xuất được, còn hướng chủ yếu là phải tự sản xuất lấy thiết bị để trang bị cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Trong việc sản xuất thiết bị và phụ tùng, ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phải vươn lên chủ động trong các khâu thiết kế, tổ chức sản xuất và hợp tác chặt chẽ với các ngành khác, nhất là ngành cơ khí để trang bị cho công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp, khắc phục tư tưởng ỷ lại, muốn nhập khẩu cả những thứ mà ta có khả năng sản xuất được. Đương nhiên, thiết bị và phụ tùng do ta sản xuất lúc đầu có thể chưa tốt bằng của nước ngoài, song với tinh thần tự lực tự cường, chúng ta vừa làm, vừa rút kinh nghiệm và nâng cao dần chất lượng, nhất định sẽ đạt tới trình độ quốc tế.

Về lao động: Muốn đạt năng suất cao, chất lượng tốt, giá thành hạ chúng ta phải đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng người lao động thành người có giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, có trình độ chuyên môn kỹ thuật giỏi, có tay nghề thành thạo.

Các Liên hiệp xí nghiệp, công ty và xí nghiệp cần mở trường, lớp đào tạo công nhân cho các cơ sở công nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, bảo đảm mọi người lao động khi vào nghề đều phải qua đào tạo có hệ thống. Đối với số công nhân đang làm việc cũng cần tổ chức bồi dưỡng, giáo dục thường xuyên để nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và nâng cao tay nghề hằng năm. Nên có hình thức bồi dưỡng, giáo dục thích hợp, không nên gò bó và tránh hội họp quá nhiều. Theo kinh nghiệm của một số xí

Digitized by Google

nghiệp, trước hết phải bồi dưỡng, giáo dục kỹ tổ trưởng sản xuất, làm cho người tổ trưởng có giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, có tay nghề giỏi và trở thành người thầy gần gũi và thích hợp nhất để bồi dưỡng, giáo dục công nhân hằng ngày.

Ngoài ra, nên dùng những hình thức nhẹ nhàng như qua hội ý binh công, bảo công hằng ngày của tổ, nhóm sản xuất hoặc qua các buổi biểu diễn văn nghệ của nhà máy mà giáo dục, biểu dương người tốt, việc tốt, phê phán những việc làm sai trái của công nhân. Đồng thời, cần soạn những tài liệu ngắn gọn để công nhân tự học nhằm nâng cao trình độ chính trị và kỹ thuật.

Về tổ chức và quản lý: Để thực hiện nguyên tắc quản lý sản xuất kinh doanh theo chế độ hạch toán kinh tế, xóa bỏ chế độ bao cấp hành chính, cần thực hiện tốt điều lệ quản lý xí nghiệp và các chế độ thể lệ mà Chính phủ đã ban hành, bảo đảm tăng thêm quyền hạn và trách nhiệm của xí nghiệp. Các cơ quan Nhà nước và cấp trên phải tạo mọi điều kiện thuận lợi và phục vụ tốt cơ sở sản xuất hoạt động.

Các tổ chức quản lý chuyên ngành (Liên hiệp xí nghiệp, Công ty) cần phát triển các hình thức nhóm sản phẩm để thực hiện sự phân công hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, kinh doanh giữa xí nghiệp quốc doanh trung ương với các xí nghiệp địa phương và hợp tác xã thủ công nghiệp.

Nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân tại thành phố Hồ-chí-Minh và các tỉnh miền Nam đang được khẩn trương tiến hành, tạo điều kiện sắp xếp, tổ chức lại các ngành, nghề một cách hợp lý theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm phát triển sản xuất theo những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội.

Để thuận tiện cho việc quản lý sản xuất kinh doanh chuyên ngành, nên tổ chức thống nhất các cơ sở khai thác nguyên liệu nông sản với cơ sở chế biến công nghiệp theo chu kỳ khép kín để bảo đảm sản xuất ổn định và có sự giúp đỡ lẫn nhau.

Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng cần có quy hoạch và kế hoạch thống nhất nhằm kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại: vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất... Do đó, trong kế hoạch 5 năm này, trên cơ sở phát triển nông nghiệp, ngành công nghiệp nhẹ trung ương nên tập trung xây dựng thêm một số nhà máy sợi, dệt, giấy, quy mô tương đối lớn, các nhà máy thủy tinh bao bì quy mô lớn, thủy tinh quang học và các nhà máy cơ khí để bảo đảm sản xuất phụ tùng và thiết bị chuyên dùng, hoàn thành những công trình khôi phục, cải tạo và mở rộng các cơ sở hiện có, bổ sung thiết bị cần thiết, hoàn chỉnh các dây chuyền công nghệ để tận dụng công suất của máy móc thiết bị. Đồng thời, cần ra sức phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, tập trung vào các ngành nghề mà các địa phương có nguyên liệu và lao động hoặc có truyền thống. Thủ đô Hà-nội, thành phố Hồ-chí-Minh và thành phố Hải-phòng, chủ yếu là giải quyết tốt vấn đề nguyên liệu để phát triển sản xuất trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, đầu tư theo chiều sâu và bổ sung hoàn chỉnh hệ thống công nghiệp địa phương. Các tỉnh khác, trên cơ sở phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, mỗi tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình mà có kế hoạch xây dựng một hệ thống công nghiệp địa phương gồm những ngành nghề như sau:

Digitized by Google

– Công nghiệp nặng: xây dựng các cơ sở thủy điện nhỏ ở những nơi có điều kiện, cơ sở điện đi-ê-den, các trạm biến thế, đường dây phục vụ nông nghiệp và công nghiệp địa phương; nấu gang, luyện thép cỡ nhỏ bằng các lò điện; sản xuất phụ tùng, thiết bị lẻ và máy móc, nông cụ phục vụ nông nghiệp và vận tải; khai thác than, quặng ở những nơi có điều kiện; sản xuất các hóa chất thông thường mà địa phương có nguyên liệu.

– Công nghiệp gỗ và vật liệu xây dựng: khai thác gỗ, xẻ gỗ, xây dựng các cơ sở sản xuất vôi, gạch, ngói, cát, đá sỏi, và sản xuất xi măng cỡ nhỏ nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng của địa phương.

– Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm: xây dựng các cơ sở xay xát gạo, ép dầu (dầu dừa, dầu lạc, dầu cao su, dầu cám, v.v...) chế biến hoa màu như ngô, khoai, sắn, làm đường, bánh kẹo, làm rượu và nước giải khát bằng các thứ quả, đồng thời tận dụng phế liệu của các nhà máy thực phẩm để chế biến thức ăn cho gia súc. Chế biến chè, cà phê, thuốc lá hoặc sơ chế các loại nguyên liệu đó trước khi đưa về xí nghiệp lớn chế biến để xuất khẩu.

– Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: xây dựng các cơ sở dệt lụa, dệt đũi, v.v..., sơ chế da, thuộc da và chế biến đồ dùng bằng da, sản xuất đồ sành sứ và thủy tinh dân dụng, sản xuất giấy, bìa và các tông bằng tre, rơm, bã mía hoặc giấy cũ, sản xuất giường, ghế, bàn, tủ bằng gỗ, tre, mây, song, sản xuất đồ dùng gia đình bằng kim khí, cao su hoặc nhựa dẻo, sản xuất đồ dùng học tập và giảng dạy, đồ chơi trẻ em, dụng cụ y tế, dụng cụ âm nhạc thông thường và dụng cụ thể dục thể thao, v.v...

Đồng thời, tại các thành phố, thị trấn và những nơi có truyền thống, phát triển các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ như chiếu, nón, thảm dạ, thảm bẹ ngô, thảm bẹ dừa, hàng len đan, hàng thêu, ren, các sản phẩm đan bằng mây, tre, song, các hàng mỹ nghệ truyền thống như sơn mài, khảm xà cừ, sản phẩm bằng ngà voi, đồi mồi, sừng, gỗ quý, đá quý v.v... vừa giải quyết việc làm cho gia đình công nhân, viên chức ở các đô thị và sử dụng thời giờ nhàn rỗi của nông dân, vừa tăng thêm thu nhập của nhân dân và có thêm mặt hàng xuất khẩu.

Ngành công nghiệp nhẹ trung ương và các ngành công nghiệp khác có liên quan có trách nhiệm giúp đỡ đắc lực công nghiệp địa phương phát triển về các mặt quy hoạch, kế hoạch, kỹ thuật, đào tạo cán bộ kinh tế, kỹ thuật và công nhân, kỹ thuật và về kinh nghiệm quản lý. Đồng thời, căn cứ vào đường lối của Đảng mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã thông qua, Nhà nước nghiên cứu cải tiến hoặc bổ sung những chính sách cần thiết như chính sách khuyến khích trồng cây công nghiệp, chính sách khuyến khích trồng rừng và giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, chính sách nguyên liệu, chính sách giá cả, tín dụng, chính sách khuyến khích làm hàng xuất khẩu, v.v... để thúc đẩy phát triển sản xuất hàng tiêu dùng.

Tóm lại, chúng ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế nói chung, và phát triển sản xuất hàng tiêu dùng nói riêng. Song những khó khăn, trở ngại trước mắt cần được chú ý giải quyết sớm để mở đường cho sản xuất phát triển.

Dưới ánh sáng Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng, toàn thể cán bộ, công nhân ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng sẽ ra sức phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ và mục tiêu mà Đại hội đã đề ra, làm nhiều hàng tiêu dùng có chất lượng tốt, giá thành hạ để đáp ứng nhu cầu của nhân dân và phục vụ xuất khẩu, cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân và góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Digitized by Google

PHÂN BỐ LẠI LAO ĐỘNG VÀ DÂN CƯ,

phát huy sức lao động dồi dào của nhân dân ta vào công cuộc xây dựng đất nước

CHẾ - VIẾT - TẤN

QUÁ trình xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta là quá trình tổ chức lại nền sản xuất xã hội, thay đổi cơ cấu nền kinh tế quốc dân, tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công — nông nghiệp, đồng thời cũng là quá trình phân công lại lao động xã hội, tổ chức lao động theo một phương thức cao hơn.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng nêu rõ: «Phải tổ chức và phân công lại lao động trong phạm vi cả nước, trong từng ngành, từng địa phương và từng cơ sở». Chúng tôi trình bày một số ý kiến về phân công mới lao động ở nước ta, chủ yếu là về vấn đề phân bố lại lao động và dân cư, nhằm góp một phần nhỏ vào việc nghiên cứu và giải quyết một vấn đề rất quan trọng đã được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA SỰ PHÂN CÔNG MỚI LAO ĐỘNG XÃ HỘI NƯỚC TA

Dân tộc ta là một dân tộc có sức sống rất mãnh liệt. Trong vòng nửa thế kỷ qua, mặc dù có trên 30 năm chiến tranh ác liệt, số dân nước ta vẫn tăng lên gấp 3 lần.

Mấy chục năm qua, do tình hình đấu tranh cách mạng ở nước ta cho nên phân công lao động xã hội ở hai miền có những đặc điểm khác nhau.

Ở miền Bắc, qua 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, mặc dù có chiến tranh lâu dài, ác liệt, cơ cấu lao động xã hội vẫn từng bước thay đổi theo đà phát triển của sản xuất và theo các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa: người lao động đã thoát khỏi bóc lột; sức lao động đã được tổ chức vào khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa đến 90% và đã được kế hoạch hóa; lao động công nghiệp và xây dựng từ chỗ mới chiếm 8% đã lên đến 18%, lao động nông nghiệp từ 80% giảm xuống còn 56% trong tổng số lao động xã hội (tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm nhanh có phần do một lực lượng lớn từ năm

Digitized by Google

1964 được điều vào quân đội và các công tác phục vụ quốc phòng).

Trong 20 năm qua, trên 1 triệu người đã từ các vùng đông dân chuyển đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Tính đến cuối năm 1975, vẫn còn khoảng trên 60% số dân các tỉnh miền Bắc sống tập trung ở vùng đồng bằng Bắc-bộ và đồng bằng Thanh — Nghệ — Tĩnh cũ. Mật độ dân vùng đồng bằng Bắc-bộ năm 1955 là 488 người/km^2, năm 1975 là 868 người. Diện tích canh tác bình quân đầu người ở các vùng này sụt xuống nhanh chóng: năm 1955 là 1.190m^2/người; năm 1975 chỉ còn 670m^2/người.

Ở miền Nam, trừ vùng giải phóng, nền kinh tế nói chung mấy chục năm qua hoạt động trong điều kiện chủ nghĩa thực dân cũ rồi chủ nghĩa thực dân mới và phục vụ cho chiến tranh xâm lược, cho nên cơ cấu lao động xã hội đã hình thành và phát triển theo các quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa. Số lao động chuyên sản xuất nông nghiệp năm 1964 có 5,7 triệu người, năm 1975 chỉ còn 4 triệu người; nhiều vùng bị chiến tranh tàn phá nặng nề và thiếu nhân lực, khiến cho 1 triệu héc ta đất nông nghiệp bị bỏ hoang hóa. Lao động công nghiệp và xây dựng có lúc lên đến 90 vạn người, nhưng đến đầu năm 1975 chỉ còn 80 vạn người, chiếm khoảng 8,2% lực lượng lao động xã hội. Ngược lại, số lao động dịch vụ chiếm tới 25% tổng số lao động xã hội; riêng số tiểu thương tới hơn 1 triệu người. Ở các thành phố, thị xã, sò dân đông tới 8 triệu người, chiếm 34% số dân toàn miền, trong khi sản xuất công nghiệp chỉ chiếm 10% giá trị tổng sản phẩm xã hội. Ở các thành phố, chỉ 58% số người trong độ tuổi lao động có việc làm, phần lớn là binh lính và công chức. Ở nông thôn, khoảng 34% nông dân không có ruộng đất, phải làm thuê, cấy rẽ. Số người thất nghiệp thường xuyên trong toàn miền Nam từ 1,5 triệu đến 2 triệu người (chiếm 22% lao động xã hội), đến khi miền Nam được giải phóng, đã lên đến trên 3 triệu người (do có thêm 1 triệu quân ngụy tan rã).

Ngày nay, nước nhà đã thống nhất, **cả nước ta có nguồn lao động rất dồi dào**: năm 1976 có gần 22 triệu lao động, năm 1980 sẽ có trên 25 triệu, mỗi năm tăng thêm gần 1 triệu lao động. **Nhân dân ta có truyền thống lao động cần cù, thông minh, khéo tay, được tổ chức và sử dụng tốt sẽ là một lực lượng mạnh mẽ thúc đẩy nền kinh tế phát triển.**

Lực lượng lao động kỹ thuật của cả nước ta đến năm 1976 có khoảng hơn 1,5 triệu người, gồm 3.000 người có trình độ trên đại học, 16 vạn người có trình độ đại học, 34 vạn người có trình độ trung học và gần 1 triệu công nhân kỹ thuật. Đây là một lực lượng quan trọng, có kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý kinh tế; lực lượng này nói chung có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và là một cái vốn rất quý cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mặt yếu cơ bản của cơ cấu phân công lao động xã hội của ta hiện nay là **trong cả nước chưa có sự đồng nhất về quan hệ sản xuất, và nhìn chung sự phân công lao động xã hội vẫn còn ở dạng sản xuất nhỏ.** Lao động nông nghiệp còn chiếm đến 51% lao động xã hội; trong lao động nông nghiệp, lao động trồng trọt chiếm trên 87% (trong đó 80% là lao động trồng cây lương thực), lao động chăn nuôi mới có khoảng 4%; lao động ngành nghề chậm phát triển. Lao động thủ công còn chiếm 90%. Số lao động thất nghiệp do chiến tranh và chế độ cũ để lại hoặc chưa được sử dụng tốt trong cả nước chiếm gần 20% lực lượng lao động xã hội. Mức sử dụng lao động của ta còn thấp: một người lao động nông nghiệp 1 năm mới lao động khoảng 200 ngày.

Digitized by Google

Lực lượng lao động kỹ thuật tuy có hơn 1,5 triệu người, nhưng mới chiếm 7% trong tổng số lao động xã hội (riêng cán bộ tốt nghiệp đại học và trung học mới chiếm 2,5% lao động xã hội). Ta đang thiếu nhiều công nhân lành nghề, cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ thiết kế về xây dựng và công nghiệp; khả năng thiết kế trong xây dựng còn thấp; quy mô đào tạo công nhân kỹ thuật còn nhỏ bé.

Năng suất lao động xã hội của ta hiện nay rất thấp.

Đáng chú ý là số dân nước ta hiện đang tăng quá nhanh: bình quân hằng năm là 3%, mỗi năm tăng thêm 1,5 triệu người; nếu tốc độ đó không giảm bớt thì cứ khoảng 23 năm dân số nước ta lại tăng gấp đôi và đến năm 2000 sẽ có 100 triệu dân. Tốc độ tăng như vậy sẽ gây ra nhiều khó khăn cho việc tích lũy vốn để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, cũng như cho việc phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Vì vậy, trong thời gian tới, phải tích cực áp dụng các biện pháp sinh đẻ có kế hoạch nhằm đạt tỷ lệ hợp lý về phát triển số dân.

Với nguồn lao động dồi dào, lại tăng khá nhanh như đã nói trên, một yêu cầu rất lớn đặt ra cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của nước ta hiện nay là **phân bố lại sức lao động xã hội trên quy mô cả nước, tạo ra cơ cấu lao động mới phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.** Có thể nói, phân công mới lao động xã hội là một tất yếu kinh tế của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nó có ý nghĩa rất lớn đối với việc tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đảng đề ra.

Nước ta tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa với những đặc điểm lớn mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra. Dựa vào những thuận lợi trong nước và ngoài nước, trong quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nước ta sẽ không đi theo trình tự của các nước thực hiện công nghiệp hóa trước đây (các nước này có được một thời kỳ từ 50 đến 70 năm phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, phân bổ lại sức lao động để chuẩn bị các điều kiện tiến lên phát triển mạnh các ngành công nghiệp nặng). Nước ta cũng không chờ hoàn thành xong cơ khí hóa rồi mới tiến lên tự động hóa, mà cố gắng mở rộng quan hệ quốc tế, tiếp thu những tiến bộ kỹ thuật của thế giới để giải quyết xen kẽ các nhiệm vụ của các giai đoạn cơ khí hóa và tự động hóa. Điều mà các nước trước đây phải trải qua hàng trăm năm mới thực hiện được, nước ta cố gắng thực hiện trong khoảng thời gian ngắn, như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu ra: "Phấn đấu hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng hai mươi năm".

Sự phân công mới lao động xã hội ở nước ta trong thời kỳ tới **vừa mang tính quy luật của một nước nông nghiệp sản xuất nhỏ đi vào công nghiệp hóa ở thời kỳ cơ khí hóa, vừa mang tính quy luật của thời kỳ công nghiệp đi lên tự động hóa sau khi có cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai, quá trình phân công mới lao động xã hội cũng là quá trình kết hợp xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng.**

Quá trình phân công mới lao động xã hội theo các tính quy luật nói trên sẽ diễn ra với những nội dung chủ yếu sau đây:

- Phân bổ lại lao động trong nội bộ nông nghiệp, giữa các vùng, trong nội bộ trồng trọt, giữa trồng trọt và

Digitized by Google

chăn nuôi theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

– Chuyển một phần quan trọng người lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, đồng thời tăng số người lao động trong các ngành phục vụ theo yêu cầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

– Đào tạo lao động kỹ thuật với cơ cấu ngành nghề phù hợp với yêu cầu của cơ khí hóa xen kẽ với tự động hóa.

– Mở rộng sự phân công hợp tác lao động với các nước, nhất là với các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

– Một yêu cầu đặc biệt quan trọng hiện nay là phải **sử dụng tốt nguồn lao động dồi dào hiện có và hàng năm tăng thêm, tạo ra việc làm cho nhiều người, tăng nhanh sản phẩm xã hội.** Muốn vậy, cần chú trọng kết hợp giữa quy mô nhỏ, vừa và lớn, kết hợp dùng lao động thủ công, nửa cơ giới và cơ giới, kết hợp nửa hiện đại với hiện đại, vừa chuyên môn hóa sức lao động nhằm tận dụng tài năng và cống hiến của mọi người, vừa chú trọng kinh doanh tổng hợp trên mỗi khu vực, mỗi đơn vị để tận dụng mọi nguồn lao động tại chỗ.

Ở nước ta hiện nay, phân công lại lao động xã hội gắn liền với tổ chức lại sản xuất xã hội, phân bố lại lực lượng sản xuất trong cả nước kết hợp chặt chẽ công nghiệp với nông nghiệp trên quy mô toàn xã hội.

Từ một nền kinh tế về cơ bản vẫn còn là sản xuất nhỏ, tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tất yếu phải tổ chức lại nền sản xuất xã hội (trong cả nước cũng như trong từng ngành, từng vùng, từng cơ sở). Các ngành sản xuất phải được tổ chức lại theo hướng tích tụ, chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp sản xuất trong một ngành và giữa các ngành với nhau trong phạm vi cả nước cũng như ở từng địa phương, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, giữa kinh tế và quốc phòng, giữa yêu cầu xây dựng kinh tế trong nước với việc tăng cường quan hệ kinh tế với nước ngoài, giữa kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, giữa các ngành sản xuất với các tổ chức cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm...

Tổ chức lại sản xuất xã hội ở ta hiện nay chủ yếu là tổ chức lại nông nghiệp và công nghiệp, kết hợp nông nghiệp và công nghiệp cả nước thành một cơ cấu công nông nghiệp hiện đại, vì vậy phân công lại lao động xã hội phải nhằm **mục tiêu chủ yếu là phân công lại lao động nông nghiệp và lao động công nghiệp,** hình thành một cơ cấu lao động xã hội hợp lý, bảo đảm thực hiện đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đảng đề ra.

Trong điều kiện nước ta, **tổ chức lao động trên địa bàn tỉnh, thành phố có ý nghĩa rất quan trọng.** Kinh tế trên địa bàn tỉnh, thành phố là một bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân; tỉnh là địa bàn thích hợp để kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, là khuôn khổ cơ bản để kết hợp kinh tế do trung ương trực tiếp quản lý với kinh tế do địa phương trực tiếp quản lý. Mỗi tỉnh (thành phố) nói chung đã có hoặc sẽ có một trung tâm công nghiệp tương đối lớn có ý nghĩa đối với toàn quốc hoặc đối với một vùng rộng lớn; cơ cấu kinh tế kết hợp công nghiệp với nông nghiệp của từng tỉnh phải phù hợp với quy hoạch thống nhất của cả nước và phù hợp với đặc điểm tự nhiên của tỉnh. Lao động trên địa bàn tỉnh, thành phố phải được tổ chức một cách thích hợp, bảo đảm kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, phục vụ tốt các hoạt động kinh tế trong tỉnh, tác động mạnh mẽ đến việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên và các năng lực sản xuất trong

Digitized by Google

tỉnh, thúc đẩy quá trình tổ chức lại sản xuất, tích tụ, chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh; đồng thời việc tổ chức lao động trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy hoạch phân bố toàn bộ lao động xã hội và kết hợp với tổ chức lao động trên địa bàn các huyện trong tỉnh.

Cũng **phải tổ chức tốt lao động trên địa bàn huyện.** Huyện là địa bàn kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể. Chúng ta sẽ xây dựng các huyện trong cả nước thành những đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Lao động trên địa bàn huyện phải được tổ chức lại sao cho có thể cân đối một bước nông nghiệp với công nghiệp (ở một số huyện thì cân đối cả nông, lâm, ngư nghiệp với công nghiệp), khai thác tốt nhất đất đai, các tài nguyên và năng lực sản xuất khác trong huyện.

Phân bố lại lao động theo hướng trên đây là nhằm tận dụng mọi khả năng lao động dồi dào của cả nước, để làm ra của cải vật chất, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và cải thiện đời sống của nhân dân. Việc phân bố lại lao động giữa các ngành trong từng địa phương từng cơ sở (tỉnh, thành phố, huyện, hợp tác xã) và trên phạm vi cả nước gắn liền với việc quy hoạch các vùng nông nghiệp, lâm nghiệp trong quy hoạch tổng thể của cả nước. Đó chính là **sự bố trí chiến lược lực lượng lao động nói riêng và lực lượng sản xuất nói chung trên địa bàn cả nước theo cơ cấu kinh tế thống nhất.** Đó cũng là phương hướng đưa nền sản xuất nhỏ, phân tán tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách nhanh nhất. Bố trí lao động nói riêng và lực lượng sản xuất nói chung theo hướng nói trên sẽ tạo điều kiện gắn liền công nghiệp với nông nghiệp, lâm nghiệp và nghề cá, từ đó hình thành những vùng công—nông—lâm nghiệp hoặc công — nông—ngư nghiệp,v.v... tạo nên sự phồn vinh, đa dạng của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, bảo đảm đời sống hạnh phúc cho toàn dân ta.

VẤN ĐỀ PHÂN BỐ LẠI LAO ĐỘNG VÀ DÂN CƯ CẢ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

Hiện nay, dân số nước ta có 50 triệu người. Trong vòng 25 năm tới, dân số nước ta sẽ lên khoảng 75 triệu người (tính theo tốc độ kế hoạch). Từ Bình-trị-thiên trở ra Bắc sẽ có 38 triệu người, từ Quảng-nam — Đà-nẵng vào Nam sẽ có 37 triệu người. Khả năng mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp hiện nay rất thấp: chỉ có khoảng hơn 5 triệu héc ta (15% diện tích cả nước); trong tương lai có thể lên đến hơn 10 triệu héc ta (30% diện tích cả nước), phân bố từ Bình-trị-thiên trở ra Bắc sẽ có trên 3 triệu héc ta, từ Quảng-nam — Đà-nẵng vào Nam khoảng gần 7 triệu héc ta. Nếu không phân bố lại lao động và dân cư thì ở miền Bắc, sẽ có bình quân 13 người trên 1 héc ta, ở miền Nam bình quân chỉ có 5 người trên 1 héc ta. Theo dự kiến của các quy hoạch phân bố các khu công nghiệp, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thì cần phải phân bố lại 10 triệu người ở đồng bằng sông Hồng miền Bắc, đồng bằng các tỉnh miền Trung hiện quá đông, một phần sẽ lên cao nguyên miền Trung, miền núi Bắc-bộ, còn phần lớn sẽ vào đồng bằng sông Cửu-long và các đảo ngoài biển. Sau khi phân bố lại dân cư theo

Digitized by Google

hướng này, từ Bình-trị-thiên ra Bắc sẽ có 28 triệu người, với 3 triệu héc ta, bình quân 9 người trên 1 héc ta; từ Quảng-nam — Đà-nẵng vào Nam sẽ có 47 triệu người, với 7 triệu héc ta, bình quân gần 7 người trên 1 héc ta.

Việc phân bố lại 10 triệu người giữa các vùng trong cả nước là nhằm mở rộng thêm 5 triệu héc ta đất canh tác nông nghiệp, thâm canh và tăng vụ ở đồng bằng sông Cửu-long, trồng hơn 7 triệu héc ta rừng, và đáp ứng yêu cầu nhân lực cho các khu công nghiệp sẽ hình thành ở miền Nam đất nước. Đó cũng là nhằm đáp ứng yêu cầu bố trí lại nhân lực theo hướng kết hợp giữa kinh tế và quốc phòng.

Nhằm hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải sắp xếp lại khoảng mười sáu vạn điểm dân cư nhỏ ở nông thôn hiện nay (một điểm dân cư ở đồng bằng Bắc-bộ bình quân có khoảng 250 dân, ở Nam-bộ bình quân có khoảng 400 dân) thành các điểm dân cư lớn hơn (mỗi điểm dân cư bình quân có khoảng từ 3 — 4 vạn dân) gom lại còn khoảng một vạn rưỡi đến hai vạn điểm dân cư, từ đó dôi ra được khoảng tám mươi vạn héc ta đất canh tác ở đồng bằng miền Trung và miền Bắc. Nếu mỗi héc ta sản xuất được 5 tấn thóc, thì bằng biện pháp này hằng năm sẽ có thêm bốn triệu tấn lương thực.

Chúng ta sẽ bố trí các điểm dân cư lên các đồi núi hoặc ở dọc đường giao thông lớn, để có thể điện khí hóa nông thôn, cơ giới hóa vận chuyển, dành đất đồng bằng để canh tác, sử dụng tốt hơn nữa diện tích nước ta trong tình hình đất hẹp, người đông.

Đồng thời, chúng ta sẽ định canh định cư khoảng một triệu rưỡi người hiện còn du canh, du cư ở miền núi, hướng họ vào việc trồng rừng và chăn nuôi.

Đó là những nhiệm vụ rất lớn, những công việc rất quan trọng về phân bố lại lao động và dân cư phải tiến hành trong **vòng hai mươi năm tới**. Cần kiên quyết làm những công việc đó và phải làm có quy hoạch, có chính sách, có kế hoạch, có tổ chức tốt. Trong thời gian kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, dự kiến sẽ phân bố lại gần 4 triệu người lao động.

Trong toàn bộ vấn đề phân bố lại lao động và dân cư, việc chuyển dân vùng đồng bằng sông Hồng đất ít, người quá đông vào đồng bằng sông Cửu-long để mở thêm hàng triệu héc ta đất trồng cây lương thực và đi lên miền núi Bắc-bộ để trồng rừng và phát triển chăn nuôi là một công tác rất lớn, cần được tiến hành liên tục trong hàng chục năm tới.

Nông thôn đồng bằng sông Hồng hiện có 67 huyện, năm 1975 có khoảng 8 triệu 26 vạn dân, ước tính đến năm 1980 sẽ có gần 10 triệu dân; diện tích canh tác bình quân đầu người sẽ từ 780 m^2 tụt xuống còn 670m^2 (khoảng 2 sào Bắc-bộ). Hiện nay, bình quân một lao động mới làm 0.5 héc ta gieo trồng, mỗi lao động cũng mới chỉ làm khoảng 180 — 200 ngày trong một năm, tính ra số ngày lao động chưa được sử dụng tương đương với gần một triệu người lao động. Dự tính đến năm 1980, nông thôn đồng bằng sông Hồng sẽ có thêm một triệu người lao động. Với các biện pháp cải tiến kỹ thuật canh tác như nâng mức cơ giới hóa khâu làm đất từ 12% lên 50 — 55%, hoàn chỉnh thủy nông, sử dụng công cụ cải tiến và nâng số ngày công thực tế của một lao động từ 200 lên khoảng 240 — 250, chúng ta sẽ có thể thực hiện được mục tiêu một lao động làm trên một héc ta gieo trồng (trong khi diện tích gieo trồng cũng được mở rộng thêm). Như vậy, số lao động trồng trọt sẽ dôi ra và cần được phân bố lại.

Có thể tiến hành phân bố lại lao động vùng đồng bằng sông Hồng những năm tới theo hai hướng: chuyển đi nơi khác và tạo thêm việc

Digitized by Google

làm tại chỗ, trong đó phần lớn là phải chuyển đi nơi khác.

Về lâu dài chủ yếu là phải đưa số lao động dôi ra đi phát triển công nghiệp hoặc đưa công nghiệp vào nông thôn đồng bằng sông Hồng để sử dụng tốt mọi người lao động và tận dụng thời gian rỗi rãi của người lao động. Những năm trước mắt, muốn sử dụng hết lực lượng lao động dôi ra, trong đó phần lớn là lao động nữ, cần tạo ra các công việc tại chỗ như: phát triển trồng cây, chăn nuôi tập thể và chăn nuôi gia đình xã viên, đẩy mạnh công tác xây dựng, mở mang các ngành, nghề thủ công (chủ yếu là sản xuất vật liệu xây dựng để bảo đảm tăng thêm nhà kho, sân phơi, công trình công cộng cho hợp tác xã) hoặc chế biến day, cói, mây tre đan xuất khẩu, tổ chức các lò rèn thủ công để sản xuất một số đồ dùng hằng ngày, nông cụ thường và nông cụ cải tiến v.v... Ở các huyện ven biển, có thể phát triển các nghề đánh cá, làm muối, chế biến hải sản,... Hiện nay, tính bình quân, mỗi hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng mới có khoảng 35 lao động thủ công nghiệp; với các hướng trên đây, số này đến năm 1980 có thể lên 100 — 120 người.

Đi đôi với việc tổ chức lại sản xuất và xây dựng nông thôn mới, số lao động ở các khâu phục vụ trong xã và hợp tác xã cũng có thể tăng nhiều: hệ thống y tế, nhà trẻ, mẫu giáo, giữ trẻ, ăn uống, cắt tóc, may mặc, sửa chữa xe đạp, v.v... Chúng ta phấn đấu để trong những năm tới, mỗi hợp tác xã có một y xá, số cháu gửi ở các nhà trẻ từ 20% hiện nay sẽ tăng lên đến 70%, số cháu vào các lớp mẫu giáo từ 20% lên 50%. Đây là một hướng quan trọng để lực lượng lao động nữ có điều kiện tập trung sức vào sản xuất.

Việc chuyển lao động từ đồng bằng sông Hồng đi nơi khác (bình quân mỗi năm tới có thể từ 30 vạn đến 50 vạn người) được thực hiện theo các hình thức sau đây: tuyển sinh đào tạo cho các ngành của Nhà nước, tuyển lao động cho các ngành công nghiệp và xây dựng, cho các nông trường, lâm trường quốc doanh tại các vùng kinh tế mới (ở đồng bằng sông Cửu-long, miền Đông Nam-bộ, cao nguyên miền Trung, miền núi Bắc-bộ), tuyển người làm nghĩa vụ quân sự, đưa đi xây dựng vùng kinh tế mới theo hình thức tập thể... Về lâu dài, việc chuyển hàng chục vạn dân khỏi các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng hằng năm sẽ được thực hiện một cách đơn giản trên cơ sở sự di chuyển theo yêu cầu tuyển dụng nhân lực cho công nghiệp sẽ phát triển mạnh mẽ.

Những năm tới, việc vợi dân vùng đồng bằng sông Hồng theo hình thức tập thể đi xây dựng vùng kinh tế mới cần được tiến hành với quy mô lớn, trên cơ sở quy hoạch lại các điểm dân cư, tạo địa bàn tổ chức lại sản xuất, mở thêm diện tích canh tác tại chỗ, tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Phân bố lại dân cư giữa các vùng trên quy mô lớn, sử dụng lực lượng quân đội hiện có và được bổ sung theo chế độ nghĩa vụ quân sự vào xây dựng kinh tế theo hướng mở mang vùng kinh tế mới và củng cố quốc phòng là một cuộc bố trí lại lao động và dân cư rất lớn, chưa từng có ở nước ta từ trước đến nay.

Những năm tới sẽ có hàng chục vạn lao động từ vùng đồng bằng sông Hồng đi xây dựng các vùng kinh tế mới nông, lâm nghiệp ở đồng bằng sông Cửu-long, miền Đông Nam-bộ, ở trung du và miền núi Bắc-bộ, ở cao nguyên miền Trung.

Hàng chục vạn lao động với hàng chục vạn nhân khẩu ở các huyện đồng bằng Thanh, Nghệ-tĩnh, Bình-trị-thiên sẽ đi lên các huyện miền Tây những tỉnh ấy và vào cao nguyên miền Trung.

Digitized by Google

Cũng có hàng chục vạn lao động với hàng chục vạn nhân khẩu ở các huyện đồng bằng và thành phố từ Quảng-nam — Đà-nẵng đến Nghĩa-bình lên các huyện miền núi các tỉnh ấy và cao nguyên miền Trung.

Đối với thành phố Hồ-chí-Minh, việc vợi bớt số dân tập trung quá đông ở đây là một nhiệm vụ rất quan trọng. Chúng ta có thể giải quyết bằng cách vận động dân hồi hương lập nghiệp và tổ chức đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Một số người sẽ ra nông thôn ngoại thành làm các nghề hợp với sở trường nghề nghiệp của họ; một số sẽ đi khai hoang, sản xuất nông nghiệp, tạo ra vành đai thực phẩm phục vụ cho thành phố; một số khác sẽ ra các tỉnh miền Đông Nam-bộ, về nông thôn đồng bằng sông Cửu-long, đến các vùng nông thôn còn nhiều đất hoang hóa, thiếu sức lao động.

Phân bố lại hàng triệu dân cư giữa các vùng là một sự nghiệp to lớn đòi hỏi sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng và Nhà nước, sự tổ chức thực hiện thật chu đáo của các cơ quan có trách nhiệm; nhất là phải giải quyết thật tốt những điều kiện sinh hoạt như trừ bệnh sốt rét ở cao nguyên miền Trung, vấn đề nước uống, nước canh tác v.v... ở các vùng kinh tế mới. Đặc biệt, phải giải quyết tốt các vấn đề có liên quan đến việc tổ chức đưa người đi và nhận người đến các vùng kinh tế mới. Trong vấn đề này các chính sách cho vay và trợ cấp cần được nghiên cứu giải quyết tốt.

Để nhanh chóng ổn định đời sống của nhân dân trên các vùng kinh tế mới, việc đầu tư để phát triển đồng bộ các công trình phục vụ sản xuất và phục vụ đời sống, nhanh chóng tạo ra một kết cấu kinh tế — xã hội hạ tầng ở các vùng này có ý nghĩa rất quan trọng. Cấp bách nhất là các vấn đề: làm nhà ở, đào giếng nước, xây dựng đường giao thông, làm thủy lợi, xây dựng các công trình công cộng, như trường học, bệnh viện, cửa hàng, v.v... Chỉ có như vậy, mới có thể nhanh chóng ổn định đời sống của những người đi xây dựng vùng kinh tế mới, tạo điều kiện cho họ sớm bắt tay vào sản xuất, sớm làm ra sản phẩm hàng hóa, yên tâm ở lại lâu dài nơi đất mới và mới giảm dần được sự giúp đỡ của Nhà nước.

★

Một trong những nhiệm vụ kinh tế chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980 là **sắp xếp việc làm cho khoảng 8 triệu lao động** gồm số người đến tuổi lao động, số người không có việc làm do chế độ cũ để lại, số lao động nông nghiệp dôi ra do cơ giới hóa, tăng năng suất lao động nông nghiệp và quân nhân xuất ngũ. Thực hiện nhiệm vụ này cũng tức là bảo đảm sử dụng tốt lực lượng lao động dồi dào của cả nước ta (ước tính năm 1980 sẽ lên đến trên 25 triệu lao động), thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu ra về vấn đề này: « mở mang sản xuất để thanh toán nạn thất nghiệp ở các vùng mới giải phóng, bảo đảm cho mọi người đến tuổi lao động đều có việc làm. Chủ động dùng mọi hình thức tổ chức mọi phương pháp lao động để sử dụng hết các nguồn lao động ».

Xuất phát từ tình hình cụ thể nước ta, trong những năm trước mắt, số lao động chưa có việc làm sẽ được sử dụng vào việc phát triển nông nghiệp, nghề rừng, nghề cá, thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản và các ngành phục vụ đời sống. Đó là những lĩnh vực có nhu cầu lao động lớn, có khả năng thu hút nhiều nhân lực, đòi hỏi tương đối ít vốn đầu tư và trang bị kỹ thuật, trong khi công nghiệp chưa phát triển, chưa đòi hỏi nhiều lao động.

Ngành kinh tế sẽ thu hút một phần quan trọng trong số 8 triệu lao động

Digitized by Google

đó, chính là nông nghiệp. Nông nghiệp của ta phải được phát triển mạnh mẽ và toàn diện theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa: phát triển cả trồng trọt, chăn nuôi, nghề cá, nghề rừng; đẩy mạnh sản xuất lương thực, đồng thời phát triển cây công nghiệp. Chúng ta sẽ đẩy mạnh phân vùng, quy hoạch sản xuất, phát triển đồng đều các vùng, phát huy thế mạnh của mỗi vùng, hình thành những khu vực lớn sản xuất tập trung, chuyên canh... Như vậy, việc phân bố lại lao động trong các vùng và giữa các vùng của đất nước là rất cần thiết. Cả ngành trồng trọt, chăn nuôi, cũng như các ngành kinh tế phụ đều cần tăng thêm lao động. Ước tính, với diện tích gieo trồng tăng lên và giả định năng suất lao động vẫn như hiện nay, thì số lao động trồng trọt cần tăng thêm khá nhiều. Nhưng, trong 5 năm tới, cùng với việc hoàn chỉnh thủy nông, tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất sẽ tăng thêm, mức trang bị cơ khí nhỏ và công cụ cải tiến cũng như ngày công làm việc thực tế đều sẽ tăng lên, v.v... Đến năm 1980, bình quân một lao động nông nghiệp có thể làm 1 héc ta gieo trồng, (ở những vùng cơ giới hóa cao một lao động nông nghiệp bình quân có thể làm trên 1 ha đến 1,5 ha gieo trồng) làm giảm bớt số lao động yêu cầu tăng thêm cho sản xuất nông nghiệp nhưng vẫn bảo đảm thâm canh trên diện tích hiện có và sẽ được mở rộng. Đương nhiên, tỷ trọng lao động nông nghiệp trong toàn bộ lao động xã hội sẽ giảm xuống (năm 1975 là 51%, đến năm 1980 có thể chỉ còn 48%).

Các ngành công nghiệp và thủ công nghiệp tiếp tục phát triển cũng sẽ thu hút một phần lao động. Đặc biệt, chúng ta sẽ phát triển mạnh các ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp và đời sống nhân dân. Những ngành sẽ thu hút thêm nhiều lao động là đánh cá biển, dệt, da, may, nhuộm, vật liệu xây dựng, mây tre đan, khai thác gỗ, làm sản, ngành cơ khí, kim khí, v.v...

Để đáp ứng yêu cầu to lớn về xây dựng cơ bản trong giai đoạn mới, đội quân xây dựng gồm các lực lượng của trung ương, của địa phương và của nhân dân ở cơ sở sẽ lớn lên nhanh chóng. Phần xây dựng của nhân dân sẽ thu hút thêm một số lao động quan trọng: sẽ có mấy triệu lao động làm thủy lợi và xây dựng đồng ruộng, khai hoang, xây dựng nhà ở nông thôn... Ngoài việc xây dựng ở nông thôn, hằng năm Nhà nước sẽ huy động, dưới hình thức hợp đồng, hàng chục vạn lao động ngoài thời vụ, đi làm công việc cần nhiều lao động như: san nền, làm đường, v.v...

Trên đây, chúng ta đã phác qua việc bố trí lao động và sắp xếp việc làm cho khoảng gần 8 triệu lao động trong kế hoạch 5 năm 1976 – 1980. Trong số đó, việc **sắp xếp việc làm cho số lao động ở nông thôn** chiếm một phần quan trọng.

Việc sắp xếp, sử dụng lao động ở nông thôn sẽ được tiến hành trên 2 mặt:

— Một là, cung cấp lao động cho các nhu cầu của Nhà nước (tuyển sinh cho đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, tuyển quân, tuyển lao động) và điều lao động các vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng các tỉnh miền Trung đi khai hoang, trồng rừng, xây dựng vùng kinh tế mới ở đồng bằng sông Cửu-long, miền Đông Nam-bộ, cao nguyên miền Trung và vùng núi miền Bắc.

— Hai là, tạo công việc làm tại chỗ trong từng hợp tác xã, từng huyện để thu hút sức lao động, nhất là người lớn tuổi, lao động nữ. Ngoài việc bảo đảm lao động cho thâm canh, phát triển nông nghiệp tại chỗ, có thể huy động lao động vào các khâu: làm thủy lợi, xây dựng đồng ruộng, làm đường nông thôn, sản xuất vật liệu xây dựng (vôi, gạch, ngói, đá, cát,

Digitized by Google

sỏi), xây dựng nhà ở và công trình công cộng, trồng cây, phát triển nghề thủ công và các nghề phục vụ, v.v... Đó là những công việc có nhu cầu lao động lớn, đòi hỏi tương đối ít vốn đầu tư và ít trang bị kỹ thuật.

Cũng trong những năm tới, chúng ta **sắp xếp tốt hơn nữa công việc làm cho số lao động ở các thành phố, thị xã** hiện chưa có việc làm ổn định, trong đó có những người lao động ở các thành phố, thị xã ở miền Nam, số thanh niên học sinh thôi học, số người lớn tuổi, sức yếu và lao động nữ ở các thành phố, thị xã ở miền Bắc.

Tại các tỉnh, thành phố miền Nam, ước tính sau chiến tranh có đến hàng triệu người lao động chưa có việc làm; riêng ở thành phố Hồ-chí-Minh, mặc dù ta đã tích cực vận động được nhiều người đi xây dựng các vùng kinh tế mới, đến nay vẫn còn hàng chục vạn người lao động chưa có việc làm. Hướng chủ yếu là tiếp tục vận động họ đi về nông thôn làm những nghề thích hợp với sở trường nghề nghiệp của họ và đi xây dựng các vùng kinh tế mới nông, lâm nghiệp, coi đây cũng đồng thời là một hướng quan trọng để góp phần ổn định trật tự xã hội, ổn định đời sống nhân dân các thành phố, thị xã. Số lao động còn ở lại sẽ được sử dụng bằng nhiều cách như: thu hút họ vào các ngành thủ công nghiệp, tuyển sinh để đào tạo công nhân, cán bộ kỹ thuật, động viên thanh niên đi xây dựng đường sá, làm thủy lợi trên các vùng kinh tế mới, v.v... Đối với lao động nữ, trước kia vốn làm nội trợ gia đình, thường là vào loại trung niên và lớn tuổi, ta vẫn duy trì một phần làm nội trợ; số trẻ tuổi có thể được đào tạo để phát triển các nhà trẻ, lớp mẫu giáo đường phố.

Đối với số lao động chưa có việc làm ở các thành phố, thị xã ở miền Bắc, chúng ta sẽ tuyển lao động thanh niên vào các trường đại học và trung học chuyên nghiệp; tuyển vào quân đội vừa làm nghĩa vụ quân sự, vừa tham gia xây dựng kinh tế để đào tạo thành công nhân kỹ thuật, khi hết hạn nghĩa vụ quân sự, có thể chuyển phần lớn sang các xí nghiệp công nghiệp, xây dựng ở các thành phố, khu công nghiệp. Có thể mở các trường, lớp dạy nghề (một số nơi như Hà-nội, Hải-phòng... có thể mở trường dạy nghề chính quy) đào tạo công nhân chuyên nghiệp cho công nghiệp, thủ công nghiệp, các nghề gia công xuất khẩu, sửa chữa hàng tiêu dùng phục vụ đời sống nhân dân thành phố. Đối với số lao động nữ lớn tuổi, sức yếu ở các tỉnh, thành phố miền Bắc, chủ yếu là sẽ thu hút họ vào các ngành phục vụ (tỷ lệ lao động phục vụ ở các thành phố miền Bắc hiện nay còn thấp, mới chiếm khoảng 10%; ở các nước công nghiệp phát triển, tỷ lệ này thường là 35 — 40%). Có thể phát triển các tổ chức sửa chữa nhà cửa, công trình công cộng trong thành phố, bảo đảm khối lượng xây dựng, sửa chữa nhỏ, sửa chữa thường xuyên nhà cửa trong thành phố. Bên cạnh hệ thống mậu dịch quốc doanh, có thể phát triển mạng lưới kinh tiêu, đại lý, tổ phục vụ, làm việc cung ứng hàng tiêu dùng, lương thực, thực phẩm đến tay người tiêu dùng, phục vụ ăn uống công cộng, phục vụ tốt bữa ăn trưa giữa giờ làm việc và phục vụ khách vãng lai trong thành phố. Việc phát triển các tổ chức giữ trẻ ở đường phố cũng cần thêm một số lao động đáng kể, bảo đảm nâng tỷ lệ trẻ em gửi vào nhà giữ trẻ hiện nay từ 45% lên đến 60 — 70% trong những năm tới.

Sắp xếp công việc làm cho quân nhân xuất ngũ là một công tác vừa có ý nghĩa kinh tế — xã hội, vừa có ý nghĩa chính trị quan trọng. Quân nhân xuất ngũ là những anh chị em có giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, có ý thức tổ chức kỷ luật chặt chẽ,

Digitized by Google

đồng thời lại có một số tri thức khoa học kỹ thuật nhất định. Đó là một lực lượng lao động có chất lượng tốt để bổ sung cho các ngành kinh tế, văn hóa. Trước hết, chúng ta chọn một số cán bộ, chiến sĩ, tập trung huấn luyện, bồi dưỡng kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, nghiệp vụ quản lý hợp tác xã, đưa về làm đội trưởng, đội phó sản xuất, ủy viên ban quản trị hợp tác xã, coi đó là một hướng quan trọng để tăng cường cốt cán lãnh đạo cho các hợp tác xã nông nghiệp. Số lớn tuổi, gia đình neo đơn cần được trả về cho những gia đình thiếu lao động nam. Đối với số quân nhân trẻ, có trình độ văn hóa, có thể chọn đưa vào học tại các trường đại học, trung học và đào tạo công nhân kỹ thuật. Số người là cán bộ, công nhân, viên chức đi bộ đội và phần lớn là ở thành phố, sẽ đưa trở về đơn vị công tác cũ và chuyển vào các ngành Nhà nước.

★

Để sử dụng ưu thế về nguồn lao động dồi dào của nước ta, trong thời gian tới **một mặt phải phân bố, sử dụng tốt sức lao động, mặt khác, tích cực đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng của đội ngũ lao động.** Phải có một đội ngũ cán bộ đông bộ thật sự là chuyên gia của giai cấp công nhân cầm quyền, có nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, có thế giới quan khoa học, trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, có kiến thức khoa học vững vàng, đủ sức vươn tới những đỉnh cao của khoa học kỹ thuật thế giới và một **lực lượng lao động kỹ thuật thông thạo nghề nghiệp** có năng suất lao động cao, đủ sức giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong nước, và có thể đảm nhận việc gia công xuất khẩu với nhiều nước, tạo ra một nguồn tích lũy cần thiết cho công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Hiện nay, cả nước ta đã có một lực lượng lao động khoa học kỹ thuật khá đông đảo, nhưng một số ngành vẫn thiếu cán bộ và công nhân kỹ thuật như: nông nghiệp (đặc biệt ở các hợp tác xã), xây dựng (đặc biệt là xây dựng công nghiệp và dân dụng), giáo dục (cả giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp, nhất là ở các địa phương miền Nam). Chúng ta cũng thiếu những cán bộ làm công tác điều tra cơ bản, địa chất công trình, nước ngầm, khoan sâu, đo đạc công trình; thiếu cán bộ nghiên cứu về biển, rừng; thiếu cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế (kế toán, kế hoạch v.v...).

Trong thời gian tới, cần mở rộng quy mô và tăng nhanh tốc độ đào tạo mới nhằm đáp ứng yêu cầu nhân lực lành nghề cho các ngành kinh tế quốc dân. Cần đặc biệt coi trọng đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ trung học chuyên nghiệp (nhất là cho khu vực kinh tế tập thể: hợp tác xã nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp). Cùng với việc mở rộng quy mô và tăng nhanh tốc độ đào tạo mới, phải coi trọng chất lượng toàn diện của học sinh tốt nghiệp và xây dựng dần **chế độ giáo dục thường xuyên** để tiếp tục đào tạo sau khi ra trường. Việc đào tạo cán bộ đại học và trên đại học phải đi theo diện rộng kết hợp với bồi dưỡng trong thực tế để đi chuyên sâu vào nghề. Đặc biệt quan trọng là phải nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Cần tiến hành cải cách toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân, thống nhất hệ thống giáo dục cả nước và chuẩn bị đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật ngay trong nội dung cải cách giáo dục phổ thông. Dự kiến trong 5 năm 1976 — 1980, sẽ tuyển mới để đào tạo 1 triệu 20 vạn công nhân kỹ thuật, mở rộng và tăng thêm việc tuyển học

(Xem tiếp trang 77)

Digitized by Google

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH SAU NGÀY GIẢI PHÓNG

TRẦN-THÀNH

SAU thủ đô Hà-nội, thành phố Hồ-chí-Minh ngày nay giữ vị trí rất quan trọng về các mặt đối với cả nước.

Chúng ta biết rằng, chủ nghĩa thực dân mới và chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã để lại những hậu quả và di hại rất nghiêm trọng cho thành phố này. Hơn nửa triệu ngụy quân và ngụy quyền tan rã tại chỗ. Sau ngày giải phóng, bọn ác ôn ngoan cố vẫn lẩn trốn không chịu ra trình diện với chính quyền cách mạng; các tổ chức tình báo của địch còn lại khá nhiều trong thành phố. Nền kinh tế bị tàn phá, nông nghiệp suy đồi, công nghiệp đình đốn, tiền tệ mất giá, gần nửa triệu người thất nghiệp. Những tư tưởng chính trị phản động của địch cùng nền văn hóa đồi trụy thối nát đã để lại nọc độc trong nhân dân. Xã hội cũ cũng đã để lại cho thành phố 100.000 gái mãi dâm và 200.000 lưu manh; hàng chục vạn gia đình binh sĩ ngụy không có công ăn việc làm.

Từ ngày giải phóng, nhân dân thành phố Hồ-chí-Minh, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và thành ủy, đã ra sức khôi phục kinh tế, ổn định đời sống, khắc phục từng bước những hậu quả do chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới để lại, và đã đạt được những thành tích quan trọng.

Một là, *truy quét bọn tàn quân địch, trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn an ninh và trật tự xã hội.*

Do bản chất phản động của chúng, sau ngày giải phóng, bọn tay sai của đế quốc Mỹ và các thế lực phản cách mạng đã liên tục hoạt động chống phá chính quyền cách mạng về mọi mặt.

Trong thời gian đầu, ở một vài khu vực vùng ven, bọn tàn quân địch lẩn vào rừng để chống lại cách mạng; song chúng đã bị truy quét và tiêu diệt. Bọn lẩn trốn trong thành phố, đặc biệt là bọn tình báo, an ninh đã lợi dụng tình hình lộn xộn ban đầu chui vào chính quyền cơ sở của ta để hoạt động phá hoại và khống chế quần chúng, nhưng nhân dân đã kịp thời phát hiện ra chúng. Chúng còn cấu kết với bọn tư sản mại bản và bọn đầu cơ tích trữ lũng đoạn thị trường, cấu kết với bọn phản động đội lốt tôn giáo và các thế lực chính trị phản động, liên tục chống phá chính quyền cách mạng. Song những âm mưu và hoạt động xấu xa đó đã sớm bị vạch trần và đập tan, khi thế cách mạng của quần chúng cùng với chính sách đúng đắn của chính quyền cách mạng đã tác động vào hàng ngũ chúng, thúc đẩy chúng phân hóa; lực lượng chúng ngày càng bị tiêu hao và

Digitized by Google

cô lập. Tuy vậy, chúng vẫn rất ngoan cố, tiếp tục hoạt động phá hoại; chúng lợi dụng những khó khăn tạm thời về đời sống của quần chúng và những sơ hở thiếu sót của cán bộ ta để kích động quần chúng, gieo rắc tâm lý bất mãn đối với chính quyền cách mạng. Qua vụ Vinh-sơn, đông đảo quần chúng, kể cả quần chúng theo đạo Thiên chúa đã biết rõ chân tướng phản cách mạng của chúng.

Bọn phản động nhận thấy rằng chống đối trắng trợn thì dễ tiêu hao lực lượng và có nguy cơ bị tiêu diệt, do đó chúng chuyển sang dùng những hình thức chống đối khéo léo, tinh vi hơn, dùng chiến thuật « diễn biến hòa bình » và « thích nghi thời đại » để hòng bảo toàn lực lượng của chúng và làm chậm bước tiến của cách mạng. Đó là những âm mưu thủ đoạn mới của bọn phản cách mạng, và cũng là bước thụt lùi phản ánh sự suy yếu của chúng. Sở dĩ chúng ta đạt thắng lợi là nhờ có chính sách đúng đắn, sách lược mềm dẻo, thái độ kiên quyết của chính quyền cách mạng và hoạt động tích cực của đông đảo quần chúng.

Đối với sĩ quan, binh lính và nhân viên ngụy quyền, chính quyền cách mạng có sự đối xử khác nhau tùy theo thái độ chính trị của họ. Chính quyền cách mạng đã đánh đúng vào một số ổ đầu não phản động làm cho chúng mất đi một số cơ sở quan trọng để gây bạo loạn vũ trang và biến động chính trị. Chính quyền cách mạng đã vận dụng chính sách đúng đắn, có phân biệt, trong công tác trấn áp bọn phản cách mạng, nghiêm trị bọn đầu sỏ, ngoan cố, kiên trì giáo dục số người bị mua chuộc làm dưỡng, khoan hồng đối với số người thật tâm hối cải. Chính sách đúng đắn và thái độ nhân đạo của ta đã dập tan những luận điệu dối trá mà kẻ thù tung ra bấy lâu nay về cái gọi là « biển máu », là sự « trả thù » của cách mạng v.v...

Để bảo đảm an ninh trật tự, chính quyền cách mạng còn tập trung những tên lưu manh chuyên nghiệp, trộm cướp và chủ chứa, nhờ đó tỷ lệ các vụ trộm cướp, tống tiền giảm xuống, tình hình an ninh trật tự tốt hơn.

Hai là, *xây dựng chính quyền cách mạng của nhân dân.*

Trong thời kỳ đầu sau giải phóng, bộ máy chính quyền cơ sở của ta rất phức tạp: có nơi do người hoạt động tại chỗ của ta lập ra, có nơi do quần chúng tự động thành lập, có nơi do một số phần tử phản động mạo danh nghĩa cách mạng đứng ra thành lập; nhiều nơi trong một khóm, một phường có đến hai hoặc ba ủy ban nhân dân, thực giả lẫn lộn.

Trước tình hình đó, thành ủy đã chủ trương tập trung việc xây dựng chính quyền địa phương về một mối là cấp quận, huyện, thanh lọc những phần tử xấu chui vào bộ máy chính quyền các cấp, đồng thời tăng cường cán bộ cho phường, khóm để xây dựng nhanh bộ máy chính quyền cơ sở.

Thông qua các đợt củng cố bộ máy chính quyền, một số « ủy ban nhân dân » khóm không đủ tiêu chuẩn đã bị giải tán; nhiều phần tử xấu, và một số tên ác ôn có nợ máu bị loại ra khỏi chính quyền. Dưới sự hướng dẫn của cấp trên, chính quyền cơ sở của ta đã kiểm điểm công tác của mình trước quần chúng. Sau hơn một năm xây dựng, bộ máy chính quyền các cấp của ta đã tương đối hoàn chỉnh và có những tiến bộ rõ rệt về phương pháp công tác và quan điểm phục vụ nhân dân. Ở nhiều nơi, nhân dân đã trực tiếp giới thiệu người mà họ tin cậy vào chính quyền và góp ý xây dựng chính quyền.

Song, sự tiến bộ trên chỉ là bước đầu. Nhược điểm chủ yếu hiện nay của bộ máy chính quyền là chưa làm tốt việc tổ chức và quản lý kinh tế, chưa phát huy được quyền làm chủ

Digitized by Google

tập thể của nhân dân. Cần kiên quyết khắc phục những thiếu sót trên để xây dựng chính quyền ngày càng vững mạnh, thật sự trở thành một chính quyền do dân, của dân và vì dân.

Ba là, *phục hồi, phát triển sản xuất, quản lý thị trường, chăm lo đời sống nhân dân.*

Sau giải phóng, để khẩn trương ổn định kinh tế và đời sống nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết những vấn đề khác trong thành phố, thành ủy đã tập trung chỉ đạo thực hiện một số công tác chủ yếu về kinh tế như: bố trí lại sức lao động, vận động quần chúng đi xây dựng vùng kinh tế mới và trở về quê hương sản xuất; ra sức khôi phục và phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp; đấu tranh chống đầu cơ tích trữ, quản lý thị trường.

Bố trí lại sức lao động, vận động quần chúng đi xây dựng vùng kinh tế mới và trở về quê hương sản xuất là một vấn đề có tầm quan trọng chiến lược.

Trong lúc số người thất nghiệp ở thành phố quá đông, việc tìm công ăn việc làm gặp nhiều khó khăn thì con đường giải quyết tốt nhất là vận động quần chúng đi xây dựng vùng kinh tế mới và về quê sản xuất. Hơn một năm qua, với sự tổ chức của chính quyền cách mạng, hơn nửa triệu người trong thành phố đã hăng hái đi xây dựng vùng kinh tế mới và về quê sản xuất.

Do hiểu rõ ý nghĩa của việc đi xây dựng vùng kinh tế mới là để xây dựng đất nước, số người đăng ký xin đi ngày càng đông. Tuy nhiên vẫn còn một số người chần chừ, do dự. Mặt khác công tác chuẩn bị tư tưởng và điều kiện vật chất cho nhân dân đi vùng kinh tế mới ở một số nơi làm chưa tốt. Trước tình hình ấy, thành ủy chủ trương phải tăng cường cán bộ, bổ sung những chính sách cụ thể, đồng thời chỉ đạo chặt chẽ công tác to lớn này để đến cuối năm 1977 có thể hoàn thành được chỉ tiêu đưa 1.500.000 người đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Thành phố Hồ-chí-Minh có nhiều cơ sở **sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp.** Do tiếp quản trọn vẹn thành phố cho nên các cơ sở này hầu như còn nguyên vẹn. Công nghiệp của thành phố gồm các xí nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất và các xí nghiệp sản xuất tư liệu tiêu dùng, nhưng đáng chú ý là công nghiệp nhẹ, nhất là công nghiệp chế biến thực phẩm và hàng tiêu dùng có năng lực sản xuất lớn, thiết bị khá hiện đại, mặt hàng phong phú, đa dạng, chất lượng một số mặt hàng khá tốt. Theo tài liệu cũ, giá trị sản lượng công nghiệp khu vực Sài-gòn — Gia-định — Biên-hòa chiếm khoảng 80% giá trị tổng sản lượng công nghiệp toàn miền Nam. Ở đây có trên 300 xí nghiệp vào loại lớn và vừa, ngoài ra có mạng lưới tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp rộng khắp bao gồm trên 18.000 cơ sở với 60.000 lao động. Đại bộ phận lao động có kỹ thuật, nhiều công nhân có tay nghề giỏi, đội ngũ chuyên viên kinh tế và kỹ thuật có kinh nghiệm về nghề nghiệp.

Khi giải phóng, một số chủ xí nghiệp là tư sản mại bản bỏ chạy, nhiều xí nghiệp ngừng hoạt động, nhiều cơ sở tiểu thủ công nghiệp sản xuất cầm chừng. Với sự nỗ lực của thành phố được Trung ương Đảng chỉ đạo, các cơ sở công nghiệp lớn và nhỏ dần dần được phục hồi. Trong những tháng đầu, các xí nghiệp hoạt động dựa trên cơ sở nguyên liệu, vật liệu còn lại, sau đó nhờ có nguyên liệu từ miền Bắc đưa vào, nhiều xí nghiệp tiếp tục hoạt động liên tục, nhưng có một số xí nghiệp vì thiếu nguyên liệu và quản lý chưa tốt cho nên chưa tận dụng được công suất máy móc. Công nghiệp địa phương đã phục hồi và phát triển trên 60 xí

Digitized by Google

nghiệp quốc doanh và trên 11.000 cơ sở tiểu, thủ công nghiệp. Nhờ vậy, công nghiệp thành phố, bao gồm cả xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương, đã cung cấp một khối lượng lớn hàng hóa cho đời sống nhân dân và cho xuất khẩu. Bằng cách tận dụng các phế liệu, phế phẩm, hoặc làm gia công để thu hút thêm lao động vào sản xuất, thành phố đã phát triển thêm một số ngành nghề như: cao su, cói, mây, tre, kim khí, nhựa, đan len, dệt thảm v.v...

Nhìn chung, khó khăn chính hiện nay là thiếu nguyên liệu, vật liệu và nhiên liệu, do đó công suất của nhiều xí nghiệp chưa được sử dụng đúng mức, mặc dù khả năng sản xuất của công nghiệp địa phương còn nhiều. Tiểu, thủ công nghiệp có nhiều tiềm năng, nhưng việc quản lý chưa tốt. Sớm khắc phục được những tồn tại đó thì nhất định ngành công nghiệp thành phố sẽ phát huy đầy đủ năng lực để phục vụ tốt cho sản xuất, đời sống của nhân dân, và xuất khẩu.

Về sản xuất nông nghiệp, đất đai ngoại thành tương đối rộng, bao gồm 90.000 ha, trong đó còn 25.000 ha hoang hóa đang được khai thác. Ruộng đất ở đây tốt, có năng suất khá cao, nếu được khai thác tốt, có thể giúp cho nhân dân ngoại thành tự túc được lương thực và biến ngoại thành trở thành vành đai thực phẩm của thành phố. Việc cơ giới hóa nông nghiệp đã được thực hiện trên 20% diện tích gieo trồng. Nghề chăn nuôi phát đạt, một số lớn heo, gà được chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp. Trước đây, ngoại thành có gần 300 trại nuôi heo (trại lớn nhất có lúc lên đến trên 5.000 con) và 250 trại gà. Về thức ăn gia súc, có 17 cơ sở chế biến với công suất 20.000 tấn/năm.

Sau ngày giải phóng, nông dân lao động đã nhanh chóng trở về quê cũ, phục hóa khai hoang được 5.000 ha. Vụ mùa năm 1975 thu hoạch khá với diện tích gieo trồng 65.000 ha và năng suất bình quân 2,4 tấn/ha. Do đặc điểm của tình hình địa phương, thành phố vừa chú ý sản xuất lương thực, vừa coi trọng đúng mức sản xuất thực phẩm. Để giải quyết vấn đề thủy lợi, đầu năm 1976 thành phố đã đào đắp được trên 2.000.000m^3 đất. Trong vụ xuân hè năm 1976, nông dân đã cấy được 8.650 ha, tăng gấp đôi so với năm ngoái. Trong năm 1976, diện tích gieo trồng là trên 80.000 ha lúa.* Đến hết năm 1978,[1] nhân dân ngoại thành có thể tự túc được về lương thực. Về lâu dài, thành phố cần coi trọng chăn nuôi và trồng rau để cung cấp nhiều thực phẩm cho nhân dân.

Hiện nay, thành phố đang ra sức khắc phục những khó khăn về sức kéo, phân bón và thuốc bệnh cho gia súc v.v... phát huy những thuận lợi sẵn có, quyết tâm phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 1977.

Hơn một năm qua công tác *quản lý thị trường* là một công tác rất phức tạp, thể hiện tính chất đấu tranh giai cấp rất gay gắt. Thành phố này vốn là một thị trường tiêu thụ tập trung lớn nhất, đồng thời là một trung tâm phát nguồn hàng cho toàn miền Nam. Có thể nói đinh lũy của thế lực kinh doanh tư bản chủ nghĩa, đứng đầu là bọn tư sản mại bản, đều tập trung chủ yếu ở đây.

Trước đây bộ mặt của thị trường này thể hiện như «một tủ kính của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ». Sau ngày giải phóng, thị trường này đã được đặt dưới sự quản lý bước đầu của chính quyền cách mạng, nhưng toàn bộ cơ chế của nó lúc đầu do giai cấp tư sản chi phối và hoạt động theo những quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Bằng lực lượng hàng hóa và tiền tệ tập trung trong tay cùng với hệ thống đại lý chằng chịt từ trên xuống dưới và hệ thống thông tin nhạy bén, với những thủ

Digitized by Google

đoạn và kinh nghiệm hoạt động đầu cơ, giai cấp tư sản có điều kiện chi phối thị trường ở mức độ rất lớn.

Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, ngay khi vào thành phố, chúng ta nắm được những vật tư chiến lược như: lương thực, xăng dầu, phân bón v.v... đồng thời, chúng ta kịp thời chiếm giữ các mạch máu kinh tế bao gồm các xí nghiệp công nghiệp lớn, ngân hàng, ngoại thương, giao thông vận tải. Nhờ đó, trong thời gian đầu, giá cả một số mặt hàng chính được tương đối ổn định.

Nhưng từ tháng 7-1975, trên thị trường bắt đầu có sự đột biến về giá cả một số hàng như: bột ngọt, thuốc lá, vải và tiếp theo là giá cả một số nông sản, thực phẩm, nhất là thịt heo tăng lên mạnh. Lợi dụng một số khó khăn tạm thời về kinh tế của chúng ta, nhiều nhà tư sản, nhất là bọn gian thương, đã liên tục gây khó khăn về đời sống cho nhân dân trong những tháng cuối năm 1975 và đầu năm 1976. Họ đã sử dụng tất cả những thủ đoạn để bóc lột và làm giàu trên sự đau khổ của nhân dân như: nâng cao giá hàng, làm hàng giả, trốn thuế, lậu thuế phân tán tài sản, mua chuộc cán bộ, đánh cắp bí mật kinh tế của Nhà nước v.v...

Chúng ta bước đầu đánh đổ tư sản mại bản và tiến hành đấu tranh chống bọn đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường, quản lý tài sản vắng chủ, kiểm kê và giải quyết các kho hàng « thế chấp ». Sau đổi tiền, giá cả thị trường nhất thời có hạ, gây được khí thế phấn khởi trong nhân dân. Nhưng chẳng bao lâu, được sự hà hơi tiếp sức của bọn tư sản mại bản còn lại, và lợi dụng một số sơ hở về quản lý kinh tế của ta, một số nhà tư sản đã dùng mọi thủ đoạn để nâng giá hàng và tăng cường bóc lột quần chúng lao động.

Qua thực tiễn cuộc sống, chúng ta thể nghiệm được rằng trong điều kiện của một nền kinh tế nhiều thành phần, thị trường là một trận địa nóng bỏng, ở đó hàng ngày, hàng giờ diễn ra cuộc đấu tranh giữa lợi ích của quần chúng lao động và lợi ích của giai cấp tư sản. Để ổn định sản xuất và đời sống nhân dân, chính quyền cách mạng phải nhanh chóng xây dựng và phát triển kinh tế quốc doanh, tăng cường quản lý thị trường, chống đầu cơ tích trữ. Hơn một năm qua, lực lượng thương nghiệp quốc doanh đã được xây dựng và đang ngày càng phát triển. Các hợp tác xã tiêu thụ ở nội thành và hợp tác xã mua bán ở ngoại thành cũng bước đầu được hình thành. Nhân dân chẳng những thực hiện quyền làm chủ trong sản xuất mà còn làm chủ trong phân phối hàng hóa. Trong lúc đầu, ở những nơi mà mạng lưới thương nghiệp quốc doanh hoặc thương nghiệp hợp tác xã chưa phát triển, chính quyền dựa vào đoàn thể phụ nữ, tổ chức các tổ phục vụ làm nhiệm vụ phân phối nhu yếu phẩm cho nhân dân. Hoạt động của thương nghiệp đã hướng vào phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ. Từ đầu năm 1976 đến nay, việc đấu tranh quản lý thị trường được tiếp tục đẩy mạnh, đã tạo được sự chuyển biến tốt bước đầu trên những mặt hàng như: lương thực, bánh mì, thịt heo, cá, rau, thuốc tây v.v...

Bốn là, *đấu tranh trên mặt trận tư tưởng và văn hóa.*

Những hậu quả về tư tưởng và văn hóa của địch để lại rất nghiêm trọng. Ngoài hệ tư tưởng chính trị phản động, chúng đã tạo ra một tâm lý hoài nghi, bi quan, một nếp sống chạy theo vật chất, ăn chơi sa đọa, trụy lạc theo kiểu « xã hội tiêu thụ » của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Cuộc đấu tranh chống hệ tư tưởng chính trị phản động, xóa bỏ văn hóa phản động và đồi trụy đã được tiến hành thường xuyên kết hợp với

Digitized by Google

những đợt tập trung. Sách báo, tài liệu, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật của cách mạng đã phát triển nhanh chóng và nền văn hóa nghệ thuật cách mạng đã chiếm lĩnh trận địa sân khấu, rạp chiếu bóng, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình. Đồng thời, chính quyền thành phố tiến hành việc truy quét văn hóa phản động và đồi trụy ngày càng mạnh mẽ. Các đợt học tập chủ trương chính sách của cách mạng, các cuộc biểu dương lực lượng trong những ngày lễ lớn, đặc biệt cuộc vận động bầu cử Quốc hội chung cả nước và phong trào lao động sản xuất đã có tác dụng nâng cao một bước trình độ tư tưởng và chính trị của nhân dân thành phố. Những hoạt động thông tin tuyên truyền, huấn luyện, văn hóa nghệ thuật, khoa học, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, kết hợp với việc truy quét bọn phản động và bọn phá hoại hiện hành đã đổi mới bộ mặt văn hóa của thành phố.

Thành phố đã tập trung chữa bệnh và cải tạo được nhiều người mắc tệ nạn xã hội cũ, chặn đứng được hai lần chớm nở bệnh dịch, mở rộng mạng lưới y tế xuống tận phường, xã, thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng bệnh. Ngành giáo dục phổ thông đã khai giảng đúng kỳ hạn với gần 1.000.000 học sinh, các trường đại học đã hoạt động tốt, phong trào bổ túc văn hóa đang phát triển mạnh. Đến cuối tháng 4-1976, các lớp học bình dân đã giúp cho trên 80.000 người trong thành phố thoát nạn mù chữ; 560 nhà trẻ gồm 164.000 cháu đã được tổ chức.

Các mặt hoạt động trên đã góp phần củng cố lòng tin tưởng của nhân dân vào chính quyền cách mạng, mặc dù quần chúng còn có khó khăn về đời sống vật chất. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa còn phải tiếp tục lâu dài hơn nữa mới giành được thắng lợi vững chắc.

★

Hơn một năm qua, trải qua cuộc đấu tranh gay go, phức tạp, đảng bộ và nhân dân thành phố đã đạt được những thành tựu quan trọng như trên đã nói. Được như vậy là do nhiều nguyên nhân:

Trước hết là *nhờ có đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và nhờ thành phố được Trung ương Đảng lãnh đạo chặt chẽ, được cả nước giúp đỡ, động viên và cổ vũ.*

Từ sau ngày giải phóng, thành phố Hồ-chí-Minh cùng với các địa phương khác bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Những tư tưởng của Nghị quyết hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ 24 (khóa III) là bó đuốc soi đường cho đảng bộ và nhân dân thành phố. Dưới ánh sáng của Nghị quyết này và các chỉ thị, nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng, đảng bộ thành phố đã tập trung chỉ đạo hoàn thành tốt những công tác cấp bách, đồng thời bắt đầu tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình thực hiện đường lối của Đảng, hễ lúc nào và ở đâu mà cán bộ, đảng viên vận dụng tốt đường lối chính sách của Đảng thì đều đạt được kết quả tốt đẹp. Chẳng hạn như, để cải tạo các ngành cá và rau, chính quyền cách mạng đã sử dụng các cơ sở kinh doanh cá và rau của tư nhân, từng bước sắp xếp cải tạo họ, đồng thời tích cực xây dựng các cơ sở kinh doanh của Nhà nước để quản lý tận gốc, bán trực tiếp cho quần chúng tiêu dùng, xóa bỏ các khâu trung gian; nhờ vậy mà giá cả những hàng hóa này tương đối ổn định, góp phần cải thiện đời sống hằng ngày, được nhân dân thành phố hoan nghênh. Qua thực tế đó, cán bộ, đảng viên thành phố thấy rõ rằng, có cải tạo thành phần kinh tế tư nhân thì mới xây dựng được tốt thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng

Digitized by Google

thời có xây dựng thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa vững mạnh thì mới bảo đảm được thắng lợi của sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, *nắm quan điểm quần chúng trong việc tổ chức và thực hiện các công tác.*

Sau giải phóng, trong công tác trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn an ninh trật tự xã hội cũng như trong các công tác khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, phân phối lương thực và nhu yếu phẩm cho nhân dân, v.v... chính quyền cách mạng đều dựa vào quần chúng, nhờ đó mà đã thu được những kết quả khá tốt.

Nhân dân thành phố Hồ-chí-Minh, nhất là công nhân và nhân dân lao động vốn có truyền thống cách mạng kiên cường. Mặc dù bị địch kìm kẹp bưng bít lâu ngày và chịu ảnh hưởng ít nhiều bởi những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của chúng, nhân dân thành phố nói chung vẫn hướng theo cách mạng và giữ niềm tin đối với Đảng. Họ nhạy bén với cái mới. Từ sau ngày giải phóng, được sự giáo dục của Đảng và chính quyền cách mạng, họ thấy rõ ranh giới giữa địch và ta, phân biệt được cách mạng và phản cách mạng. Lòng tin của họ đối với cách mạng ngày càng được củng cố. Nhân dân thành phố đã nêu cao ý thức xây dựng chính quyền cách mạng, thông cảm với những khó khăn chung, hăng hái chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Thực tiễn vừa qua cho thấy rằng, bất cứ việc gì dù khó khăn đến mấy, nếu cán bộ cách mạng biết giáo dục quần chúng, cùng thảo luận với quần chúng, vận động và tổ chức quần chúng thực hiện thì đều vượt qua được khó khăn và giành được kết quả tốt.

Song có những lúc, do chưa phát huy được quyền làm chủ tập thể của công nhân tại chỗ để quản lý những xí nghiệp đã tước đoạt được của bọn tư sản mại bản, cho nên cán bộ ta đã gặp một số khó khăn trong việc quản lý những xí nghiệp ấy.

Thứ ba, *đội ngũ cán bộ và đảng viên của đảng bộ thành phố đoàn kết, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ.*

Trước yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng ở thành phố, nhiều đồng chí được điều động từ các nơi đến đây công tác khiến cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thành phố được tăng cường nhanh chóng. Thành ủy đánh giá đúng và tin tưởng ở đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được Đảng giáo dục và rèn luyện, mạnh dạn giao việc cho họ và chăm lo giữ gìn đoàn kết nội bộ. Nhờ đó đã tạo ra được sức mạnh của toàn đảng bộ, để bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Với sức mạnh đoàn kết ấy, đảng bộ thành phố đã chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, dám nghĩ dám làm, vừa làm vừa học, trải qua các phong trào cách mạng của nhân dân mà càng được rèn luyện và có kinh nghiệm hơn trước.

Bên cạnh tuyệt đại bộ phận cán bộ chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, thực hiện lời dạy của Bác Hồ « Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong », một số ít cán bộ đã giảm sút phẩm chất cách mạng, mang nặng chủ nghĩa cá nhân, mắc các tệ tham ô, quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, xâm phạm lợi ích của nhân dân. Cần kịp thời phê phán và khắc phục những khuyết điểm ấy, không ngừng giáo dục và rèn luyện cán bộ, đảng viên về quan điểm quần chúng, về phẩm chất đạo đức cách mạng để họ làm tròn nhiệm vụ người đầy tớ trung thành của nhân dân. Đối với những người mắc khuyết điểm nặng, xâm phạm nghiêm trọng lợi ích của nhân dân, của cách mạng, phải xử lý nghiêm khắc.

Thứ tư, *nắm khâu công tác trung tâm, có sự phối hợp và kết hợp chặt*

Digitized by Google

chẽ giữa các ngành và các địa phương trong quá trình tổ chức chỉ đạo.

Sau ngày giải phóng, công việc rất bề bộn và phức tạp, cùng một lúc, có nhiều việc đặt ra đòi hỏi cơ quan lãnh đạo phải giải quyết một cách khẩn trương Trong từng thời kỳ nhất định, căn cứ vào đặc điểm tình hình của thành phố, thành ủy đã nắm khâu công tác trung tâm, tập trung chỉ đạo giải quyết những vấn đề mấu chốt, từ đó mà thúc đẩy các mặt công tác khác tiến lên.

Dưới sự lãnh đạo tập trung của thành ủy, các ngành và các địa phương trong thành phố có sự phối hợp và kết hợp để hoàn thành các công tác. Đảng bộ thành phố vừa làm, vừa rút kinh nghiệm và đã chỉ đạo áp dụng những biện pháp tích cực để đưa phong trào tiến lên.

Tuy nhiên, thời gian vừa qua, một khuyết điểm nổi bật trong quản lý kinh tế của ta là vẫn còn thiếu sự phối hợp và kết hợp chặt chẽ giữa các ngành và các cấp để giải quyết các vấn đề kinh tế của thành phố.

Công tác đổi tiền có làm cho bọn tư sản mại bản và bọn đầu cơ tích trữ lũng đoạn thị trường choáng váng nhưng vì không kết hợp đổi tiền với việc kiểm kê hàng hóa, cho nên sau đó chúng hồi sức nhanh bằng cách bán hàng tồn kho với giá cao vọt để thu về nhiều tiền.

Chúng ta cố gắng đẩy mạnh thu mua nắm nguồn hàng, nhưng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh lại quá yếu, có tiền nhưng lại thiếu hàng hóa, vật tư, hoặc có hàng hóa vật tư nhưng khâu lưu thông phân phối lại làm chưa tốt. Kinh nghiệm vừa qua đã chỉ cho ta thấy rằng tiền tệ, hàng hóa, giá cả, tín dụng v.v... chỉ phát huy tác dụng tích cực khi chúng được kết hợp sử dụng theo những chính sách đúng đắn. Vì vậy, khi vận dụng chúng cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tài chính, ngân hàng, vật tư, thương nghiệp, nhằm đạt được mục tiêu thống nhất của Nhà nước.

Tình hình kinh tế khách quan có nhiều mối quan hệ chằng chịt, phức tạp; để giải quyết các vấn đề kinh tế, chúng ta không thể chỉ áp dụng một biện pháp đơn độc, mà phải kết hợp thực hiện nhiều biện pháp thì mới đạt được kết quả mong muốn.

★

Nhân dân thành phố Hồ-chí-Minh, với tinh thần cách mạng và tài năng sáng tạo của mình, với khí thế phấn khởi sau thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, và tiếp đó là thắng lợi của sự nghiệp hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước, với lòng tràn ngập vui mừng sau thành công tốt đẹp của Đại hội lần thứ IV của Đảng, đang ra sức đẩy mạnh sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng, dưới ánh sáng của nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban chấp hành trung ương Đảng, đảng bộ và nhân dân thành phố phát huy khí thế chiến thắng, biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh chống Mỹ thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động sản xuất, nhất định sẽ xây dựng được thành phố này thành một thành phố xã hội chủ nghĩa ấm no và hạnh phúc, xứng đáng là thành phố mang tên Bác Hồ vĩ đại.

Digitized by Google

Phấn đấu xây dựng văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa Việt-nam

HỒNG-CHƯƠNG

ĐẠI hội lần thứ IV của Đảng đã mở ra chân trời mới cho văn học nghệ thuật chúng ta. Nghị quyết của Đại hội là ngọn đèn pha chiếu sáng con đường phát triển của văn nghệ ta. Nghiên cứu để nắm vững đường lối cách mạng nói chung, đường lối văn nghệ cách mạng nói riêng, mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra là điều kiện tiên quyết để phát triển đúng hướng nền văn nghệ của chúng ta, làm cho văn nghệ ta phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn mới.

KHẲNG ĐỊNH NHỮNG THÀNH TỰU TO LỚN CỦA VĂN NGHỆ TA

Đảng ta rất coi trọng văn nghệ, vì đó là một bộ phận không thể thiếu được của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, văn nghệ ta đã đạt được những thành tích to lớn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của nhân dân ta.

Đánh giá những thành tựu về văn nghệ của nhân dân ta, *Báo cáo chính trị* của Ban chấp hành trung ương Đảng do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ : « Mấy chục năm qua, về cơ bản chúng ta đã xây dựng được một nền **văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa** bao gồm các ngành : văn học, sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, âm nhạc, múa, xiếc, kiến trúc, v.v... mang bản sắc dân tộc khá phong phú, tác động khá sâu sắc vào đời sống tinh thần và tình cảm của nhân dân. Với những thành tựu đã đạt được chủ yếu trong việc phản ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, văn học, nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay ».

Digitized by Google

. Những thành tựu về văn nghệ của chúng ta được Đảng đánh giá cao. Đảng khẳng định rằng chúng ta đã xây dựng được một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa. Đảng cũng khẳng định rằng nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa của chúng ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiền phong của những nền văn nghệ chống đế quốc trên thế giới. Sự đánh giá đó là hoàn toàn đúng. Sự đánh giá đó đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân ta và giới văn học nghệ thuật chúng ta.

Sự đánh giá đó của Đảng đối với những thành tựu văn nghệ của ta đồng thời cũng là sự khẳng định đường lối văn nghệ đúng đắn của Đảng ta và bản chất tốt đẹp của nền văn nghệ ta. Đó là sự tỏ rõ thái độ kiên quyết bảo vệ nền văn nghệ ta chống lại sự công kích, xuyên tạc của kẻ thù, kiên quyết đấu tranh nhằm xóa bỏ những tàn dư của thứ «văn nghệ» nô dịch, lai căng, mất gốc, do Mỹ ngụy xây dựng nên trong vùng bị chiếm ở miền Nam trước đây. Được cổ vũ trước sự đánh giá cao của Đảng đối với những thành tựu văn nghệ đã đạt được, anh chị em làm công tác văn nghệ chúng ta phấn khởi, tin tưởng, hăng hái tiến lên, gánh vác nhiệm vụ vẻ vang trong giai đoạn cách mạng mới.

GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI VÀ NHIỆM VỤ CỦA VĂN NGHỆ TA

Với thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng Việt-nam chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chuyển sang giai đoạn mới, cách mạng Việt-nam đang đặt ra những vấn đề mới. Cuộc sống của nhân dân ta trong giai đoạn mới cũng có những đòi hỏi mới đối với văn nghệ. Nhiệm vụ của văn nghệ ta trong giai đoạn mới là, bằng những hình tượng nghệ thuật sinh động, phản ánh cuộc đấu tranh của nhân dân ta vì thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội trong cả nước ta. Cả nước Việt-nam đang tiến lên chủ nghĩa xã hội với khí thế hào hùng; đó là hiện thực vĩ đại trước mắt của anh chị em làm công tác văn học nghệ thuật chúng ta. Chúng ta hãy phản ánh hiện thực vĩ đại đó trong văn học, nghệ thuật.

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: «**Nền văn học, nghệ thuật xã hội chủ nghĩa** cần ra sức sáng tạo những hình tượng nghệ thuật cao đẹp, phong phú về xã hội mới và về con người mới trong sản xuất, chiến đấu, công tác và học tập, phản ánh cuộc đấu tranh vì thắng lợi hoàn toàn của công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Miêu tả những tập thể và cá nhân tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc ta trong hai cuộc kháng chiến, miêu tả những tập thể và cá nhân lao động ưu tú, những đơn vị anh hùng, chiến sĩ thi đua. Phải khẳng định mạnh mẽ trật tự mới, lối sống mới, đạo đức mới, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc».

Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, các cán bộ và chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân, đó là những người làm chủ đất nước ta, làm chủ xã hội ta. Đó cũng là những người làm chủ nền văn học nghệ thuật chúng ta. Văn học nghệ thuật phải lấy đó làm đối tượng miêu tả, đối tượng phục vụ. Có phản ánh chủ nghĩa anh hùng cách mạng và phẩm chất cao quý của nhân dân ta, văn học nghệ thuật mới có được những tác phẩm xứng đáng với dân tộc ta. Đảng kêu gọi anh chị em văn nghệ hãy phấn đấu để có được những công

Digitized by Google

trình và tác phẩm nghệ thuật có tầm vóc lớn, có trình độ khái quát cao về chiến công và kỳ tích của những con người Việt-nam đánh thắng bọn đế quốc Pháp, Mỹ, làm nổi bật sức mạnh phi thường của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, nhằm cổ vũ, thúc đẩy công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mãi mãi nêu gương cho thế hệ mai sau. Đảng cũng kêu gọi anh chị em văn nghệ đặc biệt coi trọng việc miêu tả những tập thể và cá nhân lao động ưu tú đang nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất, quyết tâm phấn đấu đưa nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, quyết tâm chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Đảng kêu gọi anh chị em văn nghệ chúng ta hãy dành vị trí xứng đáng trong văn học, nghệ thuật cho các bà mẹ Việt-nam, cho chị em phụ nữ trung hậu, đảm đang; cho anh chị em thanh niên, lực lượng xung kích trên mặt trận xây dựng và bảo vệ đất nước; cho các em thiếu niên và nhi đồng, những mầm non của dân tộc; cho đồng bào các dân tộc ít người chung sức chung lòng cùng đồng bào cả nước đánh giặc và xây dựng Tổ quốc.

Văn nghệ ta không chỉ ca ngợi con người mới, xã hội mới, mà còn phê phán và đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong đời sống, những tàn dư của xã hội cũ, những di hại của văn hóa văn nghệ tư sản, phong kiến, thực dân cũ và mới. Phê phán mặt tiêu cực là nhằm gạt bỏ những trở ngại, dọn sạch những rác rưởi trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Văn nghệ ta phê phán những gì trái với chủ nghĩa xã hội để khẳng định chủ nghĩa xã hội, để thúc đẩy xã hội ta tiến lên mạnh mẽ trên con đường xã hội chủ nghĩa. Vì vậy trong lúc phê phán những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, văn nghệ ta cần phải, như Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ, « đứng trên lập trường cách mạng và bằng phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, vạch đúng nguồn gốc của cái xấu, bồi đắp lòng tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa xã hội. »

Nhân dân ta, với tư cách là người làm chủ đất nước, làm chủ văn nghệ, không cho phép những phần tử thù địch lợi dụng việc phê phán những hiện tượng tiêu cực trong xã hội ta để chống phá sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, nhân dân ta không thể tha thứ những kẻ gọi là « văn nghệ sĩ » đứng trên lập trường giai cấp thù địch, dùng phương pháp « chủ nghĩa hiện thực phê phán » của giai cấp tư sản, để « phủ định » chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp của chúng ta.

Văn học nghệ thuật của ta là một vũ khí sắc bén của Đảng trên mặt trận tư tưởng. Nó phải theo đúng phương hướng công tác tư tưởng trong xã hội mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra là « giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng và văn hóa thực dân mới ở miền Nam ». Nó phải tích cực góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm của cách mạng tư tưởng và văn hóa là xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, tuyên truyền, giáo dục sâu rộng chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối chính sách của Đảng, đấu tranh chống tư tưởng và văn hóa phản động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác văn học nghệ thuật phải nhằm phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nền văn nghệ mới xã hội chủ nghĩa của chúng ta kế thừa có chọn lọc, có phê phán và có sáng tạo những giá trị tinh thần và văn hóa của dân tộc ta cũng như của cả loài người.

Digitized by Google

NỘI DUNG VÀ TÍNH CHẤT CỦA VĂN NGHỆ TA

Văn học, nghệ thuật của chúng ta là một bộ phận của nền văn hóa mới mà nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, ra sức xây dựng. Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ: « Nền văn hóa mới là nền văn hóa có **nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc**. Đó là nền văn hóa có tính Đảng và tính nhân dân sâu sắc. Nền văn hóa ấy được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, vừa kết tinh truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa hấp thụ có chọn lọc những thành quả của văn minh loài người. » Là một bộ phận cấu thành của nền văn hóa mới, văn học nghệ thuật của chúng ta có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân.

Nội dung xã hội chủ nghĩa của văn học, nghệ thuật của chúng ta một mặt thể hiện ở chỗ nó lấy chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác và Lê-nin làm cơ sở tư tưởng, mặt khác thể hiện ở chỗ nó phản ánh hiện thực của đất nước ta đang tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tính chất dân tộc của văn học nghệ thuật của chúng ta thể hiện ở chỗ nó đấu tranh cho độc lập dân tộc, chống « văn nghệ » nô dịch, mất gốc, lai căng: ở chỗ nó nêu cao lòng tự hào dân tộc, chống đầu óc nô lệ nước ngoài; ở chỗ nó phản ánh đúng tâm hồn của con người Việt-nam; ở chỗ nó sử dụng những hình thức, phương tiện nghệ thuật quen thuộc với người Việt-nam và được người Việt-nam ưa thích. Tính dân tộc thể hiện ở chỗ văn học nghệ thuật ta kế tục và phát huy cái hay, cái đẹp trong văn học nghệ thuật cổ truyền của dân tộc ta. Có phản ánh chân thật đời sống của dân tộc, văn học nghệ thuật mới có được tính chất dân tộc. Ngày nay, dân tộc Việt-nam là dân tộc xã hội chủ nghĩa. Do đó, ngày nay, phản ánh được đúng đời sống của dân tộc thì văn học nghệ thuật vừa có được nội dung xã hội chủ nghĩa, vừa có được tính chất dân tộc.

Tính đảng của văn học nghệ thuật thể hiện ở chỗ văn học nghệ thuật theo sự lãnh đạo của Đảng; văn học nghệ thuật thấu suốt đường lối cách mạng và đường lối văn nghệ của Đảng; người làm công tác văn nghệ đứng vững trên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân và của Đảng mà quan sát, đánh giá, phản ánh hiện thực của đời sống xã hội.

Tính nhân dân của văn học nghệ thuật thể hiện ở chỗ văn học nghệ thuật ta là của nhân dân, do nhân dân xây dựng nên, vì nhân dân mà phục vụ. Nhân dân là người làm chủ tập thể văn học nghệ thuật. Chúng ta ra sức làm cho văn học nghệ thuật trở thành của cải tinh thần của nhân dân, đem cái đẹp vào trong đời sống hằng ngày của nhân dân.

Nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, tính đảng và tính nhân dân của văn học nghệ thuật thể hiện tập trung trong hình tượng nghệ thuật của con người mới, xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Miêu tả được con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam thì văn học nghệ thuật có được nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân. Nhiệm vụ trung tâm của văn học nghệ thuật là miêu tả con người mới xã hội chủ nghĩa, để góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Chế độ xã hội mới đòi hỏi phải có những con người mới. Hồ Chủ tịch nói: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa ». Con người mới xã hội chủ nghĩa là tổng hòa các quan

Digitized by Google

hệ xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Con người mới xã hội chủ nghĩa là con người tiến hành ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt) đồng thời là sản phẩm của ba cuộc cách mạng đó. Trong quá trình tiến hành ba cuộc cách mạng, con người mới là « nhân » đồng thời là « quả ». Con người mới là con người xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, có xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, có xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa mới có con người mới xã hội chủ nghĩa. Chúng ta không chờ đến sau khi đã có sự phát triển cao của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa mới xây dựng con người mới. Hoàn cảnh nước ta đòi hỏi và cho phép xây dựng sớm, xây dựng từng bước, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam có những nét đặc trưng gì? Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam có những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản ».

Làm chủ tập thể là đặc trưng hàng đầu của con người mới xã hội chủ nghĩa. Con người mới không những có ý thức làm chủ mà còn có năng lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

Lao động là đặc trưng rất quan trọng của con người mới xã hội chủ nghĩa. Con người mới là con người lao động tự giác, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo và đạt năng suất cao. Đó là con người quý trọng và bảo vệ của công.

Con người mới là con người có tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa rất cao và có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Con người mới xã hội chủ nghĩa là con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cá nhân hài hòa, phong phú.

Văn học nghệ thuật phải làm nổi bật những đặc trưng trên đây của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Bằng những hình tượng nghệ thuật sinh động, văn học nghệ thuật phản ánh con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam để góp phần xây dựng, bồi dưỡng, nâng cao con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VĂN NGHỆ

Muốn xây dựng và phát triển nền văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa, cần phải có lực lượng văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa đông đảo. Đảng ta chủ trương một mặt phát triển mạnh mẽ phong trào văn nghệ quần chúng; mặt khác xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ những người làm công tác văn học nghệ thuật chuyên nghiệp và nửa chuyên nghiệp.

Phong trào văn nghệ quần chúng là cơ sở của nền văn nghệ mới. Trách nhiệm và vinh dự của những người làm công tác văn nghệ chuyên nghiệp là quan tâm chăm sóc phong trào văn nghệ quần chúng, tích cực nâng cao năng lực sáng tạo và trình độ thưởng thức nghệ thuật, khiếu thẩm mỹ của nhân dân lao động, nâng cao chất lượng hoạt động văn nghệ của quần

Digitized by Google

chúng. Các tổ chức Đảng và Nhà nước tìm mọi cách để bảo đảm cho nhu cầu về thưởng thức văn nghệ của quần chúng nhân dân được đáp ứng ngày càng đầy đủ. Có tạo ra được một công chúng có khiếu thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật đúng đắn theo quan điểm văn nghệ của Đảng thì mới có được miếng đất màu mỡ cho văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa phát triển. Năng lực sáng tạo văn nghệ vô tận của quần chúng được khơi dậy thì từ đó sẽ xuất hiện những tài năng văn nghệ mới đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn nghệ muôn màu muôn vẻ của nhân dân.

Nước ta từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Văn nghệ dân gian nước ta khá phong phú trong lúc đội ngũ văn nghệ chuyên nghiệp tương đối ít, các viện nghiên cứu văn nghệ chỉ mới bắt đầu xây dựng. Chúng ta có nhiều thuận lợi trong việc phát triển phong trào văn nghệ quần chúng để làm cơ sở cho nền văn nghệ mới, xã hội chủ nghĩa.

Phong trào văn nghệ quần chúng có phát triển mạnh mẽ đến đâu cũng không thể thay thế được đội ngũ những người làm công tác văn nghệ chuyên nghiệp. Vì vậy việc xây dựng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ những người làm văn nghệ chuyên nghiệp có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa. Đảng chủ trương bồi dưỡng cho đội ngũ văn nghệ sĩ về thế giới quan của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảng khuyến khích và tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ đi sâu vào đời sống nhân dân lao động, giúp cho văn nghệ sĩ gắn bó với nhân dân lao động và thực tiễn cách mạng. Đảng chủ trương mở rộng đội ngũ văn nghệ sĩ bằng cách không ngừng thu hút những lực lượng trẻ. Đối với anh chị em văn nghệ sĩ vùng mới giải phóng ở các tỉnh miền Nam, Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng nêu rõ: «Giúp đỡ văn nghệ sĩ vùng mới giải phóng tiến bộ về chính trị và tư tưởng, gắn bó với cách mạng, đem tài năng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân»

Chủ trương của Đảng là khuyến khích các nhà văn và nhà nghệ thuật tìm tòi, khám phá, sáng tạo cái mới, đồng thời đòi hỏi anh chị em có ý thức đầy đủ về sứ mệnh cao cả của mình. Đảng đòi hỏi anh chị em phải kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa trong sáng tạo nghệ thuật, trong cuộc đấu tranh bảo vệ đường lối văn nghệ cách mạng, chống mọi khuynh hướng văn nghệ phản động, lạc hậu, sai lầm.

Đảng chủ trương đẩy mạnh công tác phê bình, nghiên cứu văn nghệ, để giúp cho văn nghệ phát triển tốt đẹp và vững vàng. Đội ngũ những người làm công tác phê bình, nghiên cứu văn nghệ là một bộ phận không thể thiếu của lực lượng văn nghệ ta. Xây dựng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ phê bình, nghiên cứu văn nghệ xã hội chủ nghĩa là một biện pháp quan trọng để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực văn nghệ, bảo đảm cho văn nghệ ta phát triển đúng đường lối văn nghệ của Đảng.

Chủ trương của Đảng ta là vừa phát triển mạnh mẽ phong trào văn nghệ quần chúng, vừa xây dựng, bồi dưỡng và mở rộng đội ngũ văn nghệ chuyên nghiệp trung thành với nhân dân, với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, vừa phát triển lực lượng sáng tác và biểu diễn văn nghệ, vừa phát triển lực lượng phê bình, nghiên cứu văn nghệ. Có như thế chúng ta mới có thể xây dựng và phát triển nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

★

Digitized by Google

Trong mấy chục năm qua, tiến theo ngọn cờ vẻ vang của Đảng, văn nghệ ta đã lập được những thành tích to lớn, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Ngày nay đất nước ta đã được hoàn toàn giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng văn nghệ xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn mới. Nắm vững đường lối văn nghệ của Đảng trong giai đoạn mới mà Đại hội đã vạch ra, chúng ta ra sức phấn đấu, nhất định sẽ xây dựng thành công nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Phân bố lại lao động và dân cư...

(Tiếp theo trang 62)

sinh đại học và học sinh trung học chuyên nghiệp.

Trong việc đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, phải vừa chú trọng các ngành, nghề trực tiếp phục vụ cho kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, vừa chú trọng các ngành, nghề phục vụ cho các ngành sẽ phát triển mạnh trong những kế hoạch năm sau.

★

Sự nghiệp cách mạng nước ta đã chuyển sang một giai đoạn mới. Trong những năm trước mắt, việc tổ chức và phân bố lại lực lượng lao động và dân cư trong các ngành, các địa phương và cơ sở sẽ góp phần thúc đẩy phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, sử dụng tốt nguồn lao động dồi dào, làm cho tất cả mọi người có khả năng lao động trong xã hội đều làm việc, tăng nhanh năng suất lao động xã hội. Đó là một mục tiêu cực kỳ trọng yếu, cũng là một biện pháp hàng đầu để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và nâng cao tích lũy, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, chắc chắn công cuộc phân công lại lao động xã hội ở nước ta sẽ được đẩy mạnh trong những năm tới và sẽ góp phần tích cực vào việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng từng bước nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ - Глубоко усвоив линию партии, вперед, к успешному выполнению второго пятилетнего плана (1976 - 1980 Г.Г.)

ЧЫОНГ ТИНЬ – Активизировать изучение истории партии, усилить организационную работу и повысить квалификацию исследовательских кадров

★ ★ ★ – Досконально усвоить и неускоснительно выполнять устав партии.

ДАО ЗУИ ТУНГ – Всемерно развивать революционую и научную нашей партии

ВУ ТУАН – Развивать производство потребительских товаров в целях удовлетворения нужд народа и увеличения экспортных ресурсов.

ТЕ ВЬЕТ ТАН – Переразместить трудовые силы и население, увеличить отдачу от богатых трудовых ресурсов страны в целях национального строительства.

ЧАН ТХАНЬ – Город Хошимин после освобождения

ХОНГ ТЬЫОНГ – Бороться за формирование вьетнамской социалистической литературы и искусства.

目 录

社 論：贯彻党的路线，进而胜利地实现第二个五年计划（一九七六——一九八〇年）。

长 征：促进党史研究工作，加强研究组织和培养研究干部。

★ ★ ★ 贯彻和正确地执行党章。

陶维松：高度发挥我党的革命和科学的本质。

武 遵：发展消费品生产，为人民服务和增加出口商品供给源

制曰晉：调整劳动力和居民的分布，在建设事业中充分利用我国人民充沛的劳动力。

陈 成：解放后的胡志明市。

鸿 章：尽力建设越南的社会主义文学艺术。

Digitized by Google

SOMMAIRE

Editorial — Assimiler la ligne du Parti et s'efforcer d'accomplir avec succès le second plan quinquennal (1976 — 1980)

TRƯỜNG-CHINH — Activer l'étude de l'histoire du Parti, renforcer l'organisation et le perfectionnement des cadres affectés à la recherche

★ ★ ★ — Connaitre à fond les Statuts du Parti et les appliquer correctement

ĐÀO-DUY-TÙNG — Faire jouer à plein la nature révolutionnaire et scientifique de notre Parti

VŨ-TUÂN — Développer la production des articles de consommation pour le peuple et accroitre les sources de produits d'exportation

CHÊ-VIẾT-TẤN — Procéder à une nouvelle répartition des forces de travail et de la population, tirer le meilleur parti des forces de travail abondantes de notre peuple pour l'édification du pays

TRẦN-THÀNH — Hồ-chí-Minh — ville après la libération

HỒNG-CHƯƠNG — S'efforcer d'édifier les lettres et les arts socialistes vietnamiens

---

CONTENTS

Editorial — Thoroughly grasping the line of the Party, let us march forward to carry out the second five — year plan (1976 — 1980) successfully

TRƯỜNG-CHINH — Push forward research work on the history of the Party, strengthen organization and foster research cadres

★ ★ ★ — Thoroughly grasp and strictly observe the Rules of the Party

ĐÀO-DUY-TÙNG — Strongly develop the revolutionary and scientific character of our Party

VŨ-TUÂN — Step up production of consumer goods to serve the people and increase exports

CHÊ-VIẾT-TẤN — Redistribute labour and population, turn to full account the abundant work force of our people in national construction

TRẦN-THÀNH — Hồ-chí-Minh City after liberation

HỒNG-CHƯƠNG — Strive to build a Vietnamese socialist literature and art

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 3
1977
NĂM THỨ XXIII (255)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1, Nguyễn-thượng-Hiền, Hà-nội.
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

Xã luận — Thấu suốt đường lối của Đảng, tiến lên thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980) 1

TRƯỜNG-CHINH — Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, tăng cường tổ chức và bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu 9

★ ★ ★ — Quán triệt và chấp hành đúng Điều lệ Đảng 27

ĐÀO-DUY-TÙNG — Phát huy mạnh mẽ bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta 37

VŨ-TUÂN — Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhân dân và tăng nguồn hàng xuất khẩu 45

CHÉ-VIẾT-TẤN — Phân bố lại lao động và dân cư, phát huy sức lao động dồi dào của nhân dân ta vào công cuộc xây dựng đất nước 52

TRẦN-THÀNH — Thành phố Hồ-chí-Minh sau ngày giải phóng 63

HỒNG-CHƯƠNG — Phấn đấu xây dựng văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa Việt-nam 71

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 0đ3

Digitized by Google

HX
9
468B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

23: 4

4-1977

Digitized by Google


Digitized by Google

Xã luận

Thấu suốt tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng trong việc quyết định nhiệm vụ, công tác cụ thể của các đảng bộ địa phương

HIỆN nay, các đảng bộ địa phương (tỉnh, thành, huyện, quận) đang chuẩn bị và tiến hành Đại hội đại biểu (vòng hai) để quyết định nhiệm vụ của đảng bộ và bầu Ban chấp hành mới của đảng bộ. Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương đã họp vòng một hồi cuối năm ngoái để thảo luận và góp ý kiến vào Đề cương Báo cáo chính trị và dự thảo Điều lệ Đảng do Ban chấp hành trung ương chuẩn bị, lựa chọn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc. Sự tham gia tích cực đó đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Lần này, Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương họp vòng hai để thấu suốt Nghị quyết của Đại hội toàn quốc, bàn việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc ở địa phương mình.

Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương cần nắm vững nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 — 1980), đồng thời xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương mình mà định ra chủ trương, biện pháp tăng cường chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, để giải quyết một cách thiết thực, khẩn trương và có hiệu quả những vấn đề cấp bách về kinh tế, văn hóa, đời sống, an ninh, công tác quần chúng, kiện toàn tổ chức và xây dựng Đảng. Về kinh tế, Đại hội đại

Digitized by Google

biểu các địa phương thảo luận và quyết định nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu cụ thể trong hai năm 1977 — 1978 và chỉ tiêu, biện pháp chủ yếu năm 1977.

Để bảo đảm thành công, Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương cần được chuẩn bị chu đáo. Trước khi họp Đại hội vòng hai, các Ban chấp hành các đảng bộ địa phương cần đẩy mạnh việc truyền đạt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV. Cần tổ chức tốt việc nghiên cứu các văn kiện của Đại hội toàn quốc trong cán bộ, đảng viên, nhất là trong các ủy viên Ban chấp hành đảng bộ và các cán bộ chủ chốt ở các ngành. Ngoài việc nắm vững nội dung của Nghị quyết Đại hội toàn quốc và Báo cáo chính trị, cán bộ các ngành cần đi sâu nghiên cứu các văn kiện Đại hội nói về ngành mình để nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và cụ thể hóa đường lối, chính sách đó thành chủ trương và biện pháp thực hiện tại địa phương.

Các Ban chấp hành cần tập trung sức chuẩn bị bản báo cáo tại Đại hội đảng bộ, công bố bản dự thảo báo cáo đó để các cấp, các ngành và nhân dân thảo luận, tham gia ý kiến. Cần tổ chức tốt việc thu thập ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân để bổ sung bản dự thảo báo cáo. Các Ban chấp hành cần nghiên cứu kỹ để nắm vững tình hình cụ thể của địa phương, những thuận lợi và khó khăn, phân tích những ưu điểm và khuyết điểm về lãnh đạo và chỉ đạo trong thời gian qua, để đề ra những chủ trương, biện pháp đúng đắn nhằm thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội tại địa phương. Các địa phương miền Bắc cần có chủ trương và biện pháp thiết thực để làm tốt nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Các địa phương miền Nam cần có chủ trương và biện pháp đúng đắn để thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa kết hợp với xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nắm vững tính cách mạng và tính khoa học của Đảng, Đại hội đảng bộ địa phương cần đề ra những mục tiêu phấn đấu vừa tích cực vừa vững chắc. Đại hội đại biểu các địa phương cần đặc biệt coi trọng việc thảo luận và quyết định biện pháp phát động quần chúng ra sức thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu đã đề ra. Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương phải có những biện pháp thiết thực động viên quần chúng nhân dân xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Về tổ chức, Đại hội đại biểu của các đảng bộ địa phương cần nắm vững quan điểm của Đại hội toàn quốc lần thứ IV về xây dựng Đảng và về cấu tạo của các Ban chấp hành đảng bộ các cấp, nhận rõ vị trí của từng cấp và yêu cầu lãnh đạo của từng địa phương ở từng vùng để

Digitized by Google

quyết định cơ cấu Ban chấp hành đảng bộ cho phù hợp. Việc lựa chọn để bầu người vào Ban chấp hành đảng bộ cần phải theo nguyên tắc nắm vững tiêu chuẩn ủy viên Ban chấp hành đảng bộ là chính, kết hợp với cấu tạo Ban chấp hành đảng bộ một cách hợp lý, bảo đảm cho Ban chấp hành đảng bộ có đủ năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng ở địa phương, đồng thời bảo đảm tính kế thừa trong Ban chấp hành đảng bộ.

Về tiêu chuẩn ủy viên Ban chấp hành đảng bộ, cần coi trọng cả phẩm chất và năng lực để các đồng chí ủy viên Ban chấp hành đảng bộ có thể tham gia có hiệu quả vào sự lãnh đạo tập thể của Ban chấp hành đảng bộ, đồng thời có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ khi được phân công phụ trách ngành, địa phương hoặc cơ sở.

Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương (vòng hai) được chuẩn bị và tiến hành trong tình hình sản xuất khẩn trương. Các Ban chấp hành đảng bộ cần sắp xếp thì giờ hợp lý, kết hợp tốt các mặt công tác, để vừa chuẩn bị và tiến hành Đại hội được tốt, vừa bảo đảm sản xuất và các công tác khác. Phải nhân dịp Đại hội mà phát huy khí thế cách mạng của đảng bộ và nhân dân địa phương, đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, công tác và học tập, hoàn thành tốt nhiệm vụ cách mạng của địa phương.

Sau Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương, cần có kế hoạch tổ chức việc truyền đạt và nghiên cứu nghị quyết của Đại hội đảng bộ, biến nghị quyết đó thành hành động cách mạng của quần chúng nhân dân.

Đảng ta là một đảng có tính quần chúng. Đại hội đại biểu đảng bộ không những là một sự kiện quan trọng trong đảng bộ mà còn là một sự kiện chính trị quan trọng ở địa phương, được nhân dân địa phương quan tâm theo dõi. Mỗi lần chuẩn bị và tiến hành Đại hội là một dịp để thắt chặt hơn nữa quan hệ giữa Đảng và quần chúng.

Đảng ta là Đảng lãnh đạo cách mạng. Mỗi lần tiến hành Đại hội đại biểu đảng bộ là một bước trưởng thành của đảng bộ, đồng thời là một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở địa phương. Có ý thức rõ rệt về tầm quan trọng của mình, các đảng bộ địa phương cần chuẩn bị chu đáo và tiến hành tốt Đại hội đại biểu của mình, đề ra được những chủ trương công tác đúng đắn, nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, thiết thực góp phần đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng trong cả nước.

Digitized by Google

Lời phát biểu của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tại phiên họp thứ 7 Đại hội lần thứ nhất Quốc tế nông dân(*)

Nguyễn-Ái-Quốc:

Nếu so sánh nông dân Nga với nông dân Việt-nam, thì người nông dân Nga giống như một người ngồi đàng hoàng trong ghế bành, còn người nông dân Việt-nam thì bị trói vào cọc, đầu ngược xuống đất.

Mỗi năm, chính phủ Đông-dương bán hơn 400 triệu đô-la thuốc phiện để đầu độc 20 triệu dân bản xứ. Tính ra cứ 10 trường học thì có một nghìn đại lý rượu và thuốc phiện.

Không phải chỉ có bọn thực dân đuổi người Việt-nam ra khỏi đất ruộng của họ. Trong cuộc xâm lược, các giáo sĩ hội truyền giáo nước ngoài đạo thiên chúa đã mở đường cho kẻ đến chiếm đóng, đã hướng dẫn các đội xung kích. Về sau, chúng cướp đoạt văn tự khế ước sở hữu của dân bản xứ. Ở Nam-kỳ, các giáo sĩ chiếm hơn một phần tư đất trồng trọt. Ở Cao-miên, hơn một phần ba. Ở Bắc-kỳ, chúng có

(*) Tháng 6 năm 1923, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc từ Pa-ri (Pháp) đi Mát-scơ-va (Liên-xô). Trong khi chờ họp Đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản, lấy tư cách là đại biểu nông dân của các nước thuộc địa, Người tham dự Đại hội lần thứ nhất của Quốc tế nông dân, họp từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 10 năm 1923 tại Mát-scơ-va.

Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng đã sưu tầm được bản ghi lời phát biểu bằng tiếng Pháp của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tại phiên họp lần thứ 7 của Đại hội này.

Chúng tôi xin đăng bản dịch ra tiếng Việt lời phát biểu đó của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc.

Digitized by Google

nhiều đất đai bao la ngay cả trong thủ đô Hà-nội.

Lợi dụng thiên tai: lụt, bão, mất mùa, chúng ứng tiền cho nông dân vay nặng lãi để sau đó chiếm lấy đất ruộng đã cầm nợ

Đối với người bản xứ, Nhà nước cũng là một tai họa không kém. Mùa màng dù xấu đến đâu, nông dân vẫn phải đóng thuế. Họ phải bán đứng lúa non, ước lượng bằng mắt, cho bọn đầu cơ mua với giá rất hạ, bọn này sẽ bán lại rất đắt sau khi thu hoạch.

Về pháp lý, người bản xứ là dân nô lệ. Họ không có quyền xuất bản báo, không có quyền hội họp quá bốn, năm người mà không có giấy phép đặc biệt của quan cai trị. Thậm chí họ không được quyền đi lại nếu không có giấy thông hành.

Trong chiến tranh, nước Pháp đã đưa gần một triệu lính từ các thuộc địa sang. Trong hai năm, 1916 — 1917, nước Pháp thu hàng triệu tấn ngũ cốc của các thuộc địa, trong khi đó thì dân bản xứ châu Phi và Đông-dương bị chết đói.

Chỉ khi nào nông dân phương Đông, nhất là nông dân các thuộc địa, là những người bị bóc lột nhất và bị áp bức nhất, tham gia Quốc tế thì Quốc tế của chúng ta mới sẽ là Quốc tế chân chính.

Bút tích của Hồ Chủ tịch về Lê-nin

Tháng 7-1955, theo lời mời của Chính phủ Liên-xô, Đoàn đại biểu Chính phủ ta do Hồ Chủ tịch dẫn đầu đã sang thăm Liên-xô.

Ngày 13-7-1955, Hồ Chủ tịch và Đoàn đại biểu Chính phủ ta đã đến thăm nơi làm việc của Lê-nin trong điện Cơ-rem-lanh. Tại đây, Hồ Chủ tịch đã viết mấy dòng ghi cảm tưởng của Người trong sổ vàng lưu niệm.

Sau đây là ảnh chụp bút tích của Hồ Chủ tịch.

(Ảnh do Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương cung cấp)

Digitized by Google

Lênin, người thầy vĩ đại của cách mệnh vô sản. Công ơn vĩ đạo đức rất cao, ta phải thực hiện cần, kiệm, liêm chính.

Đó là điều Lênin muốn đối bạn ta.

Hồ Chí Minh

13.7.55.

«Ленин — великий учитель пролетарской революции. Он — самый высокой морали, который учит нас ... ...

thời có xây dựng thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa vững mạnh thì mới bảo đảm được thắng lợi của sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, *nắm quan điểm quần chúng trong việc tổ chức và thực hiện các công tác.*

Sau giải phóng, trong công tác trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn an ninh trật tự xã hội cũng như trong các công tác khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, phân phối lương thực và nhu yếu phẩm cho nhân dân, v.v... chính quyền cách mạng đều dựa vào quần chúng, nhờ đó mà đã thu được những kết quả khá tốt.

Nhân dân thành phố Hồ-chí-Minh, nhất là công nhân và nhân dân lao động vốn có truyền thống cách mạng kiên cường. Mặc dù bị địch kìm kẹp bưng bít lâu ngày và chịu ảnh hưởng ít nhiều bởi những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của chúng, nhân dân thành phố nói chung vẫn hướng theo cách mạng và giữ niềm tin đối với Đảng. Họ nhạy bén với cái mới. Từ sau ngày giải phóng, được sự giáo dục của Đảng và chính quyền cách mạng, họ thấy rõ ranh giới giữa địch và ta, phân biệt được cách mạng và phản cách mạng. Lòng tin của họ đối với cách mạng ngày càng được củng cố. Nhân dân thành phố đã nêu cao ý thức xây dựng chính quyền cách mạng, thông cảm với những khó khăn chung, hăng hái chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Thực tiễn vừa qua cho thấy rằng, bất cứ việc gì dù khó khăn đến mấy, nếu cán bộ cách mạng biết giáo dục quần chúng, cùng thảo luận với quần chúng, vận động và tổ chức quần chúng thực hiện thì đều vượt qua được khó khăn và giành được kết quả tốt.

Song có những lúc, do chưa phát huy được quyền làm chủ tập thể của công nhân tại chỗ để quản lý những xí nghiệp đã tước đoạt được của bọn tư sản mại bản, cho nên cán bộ ta đã gặp một số khó khăn trong việc quản lý những xí nghiệp ấy.

Thứ ba, *đội ngũ cán bộ và đảng viên của đảng bộ thành phố đoàn kết, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ.*

Trước yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng ở thành phố, nhiều đồng chí được điều động từ các nơi đến đây công tác khiến cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thành phố được tăng cường nhanh chóng. Thành ủy đánh giá đúng và tin tưởng ở đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được Đảng giáo dục và rèn luyện, mạnh dạn giao việc cho họ và chăm lo giữ gìn đoàn kết nội bộ. Nhờ đó đã tạo ra được sức mạnh của toàn đảng bộ, để bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Với sức mạnh đoàn kết ấy, đảng bộ thành phố đã chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, dám nghĩ dám làm, vừa làm vừa học, trải qua các phong trào cách mạng của nhân dân mà càng được rèn luyện và có kinh nghiệm hơn trước.

Bên cạnh tuyệt đại bộ phận cán bộ chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, thực hiện lời dạy của Bác Hồ « Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong », một số ít cán bộ đã giảm sút phẩm chất cách mạng, mang nặng chủ nghĩa cá nhân, mắc các tệ tham ô, quan liệu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, xâm phạm lợi ích của nhân dân. Cần kịp thời phê phán và khắc phục những khuyết điểm ấy, không ngừng giáo dục và rèn luyện cán bộ, đảng viên về quan điểm quần chúng, về phẩm chất đạo đức cách mạng để họ làm trọn nhiệm vụ người đầy tớ trung thành của nhân dân. Đối với những người mắc khuyết điểm nặng, xâm phạm nghiêm trọng lợi ích của nhân dân, của cách mạng, phải xử lý nghiêm khắc.

Thứ tư, *nắm khâu công tác trung tâm, có sự phối hợp và kết hợp chặt*

Digitized by Google

chẽ giữa các ngành và các địa phương trong quá trình tổ chức chỉ đạo.

Sau ngày giải phóng, công việc rất bề bộn và phức tạp, cùng một lúc, có nhiều việc đặt ra đòi hỏi cơ quan lãnh đạo phải giải quyết một cách khẩn trương. Trong từng thời kỳ nhất định, căn cứ vào đặc điểm tình hình của thành phố, thành ủy đã nắm khâu công tác trung tâm, tập trung chỉ đạo giải quyết những vấn đề mấu chốt, từ đó mà thúc đẩy các mặt công tác khác tiến lên.

Dưới sự lãnh đạo tập trung của thành ủy, các ngành và các địa phương trong thành phố có sự phối hợp và kết hợp để hoàn thành các công tác. Đảng bộ thành phố vừa làm, vừa rút kinh nghiệm và đã chỉ đạo áp dụng những biện pháp tích cực để đưa phong trào tiến lên.

Tuy nhiên, thời gian vừa qua, một khuyết điểm nổi bật trong quản lý kinh tế của ta là vẫn còn thiếu sự phối hợp và kết hợp chặt chẽ giữa các ngành và các cấp để giải quyết các vấn đề kinh tế của thành phố.

Công tác đổi tiền có làm cho bọn tư sản mại bản và bọn đầu cơ tích trữ lũng đoạn thị trường choáng váng nhưng vì không kết hợp đổi tiền với việc kiểm kê hàng hóa, cho nên sau đó chúng hồi sức nhanh bằng cách bán hàng tồn kho với giá cao vọt để thu về nhiều tiền.

Chúng ta cố gắng đẩy mạnh thu mua nắm nguồn hàng, nhưng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh lại quá yếu, có tiền nhưng lại thiếu hàng hóa, vật tư, hoặc có hàng hóa vật tư nhưng khâu lưu thông phân phối lại làm chưa tốt. Kinh nghiệm vừa qua đã chỉ cho ta thấy rằng tiền tệ, hàng hóa, giá cả, tín dụng v.v... chỉ phát huy tác dụng tích cực khi chúng được kết hợp sử dụng theo những chính sách đúng đắn. Vì vậy, khi vận dụng chúng cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tài chính, ngân hàng, vật tư, thương nghiệp, nhằm đạt được mục tiêu thống nhất của Nhà nước.

Tình hình kinh tế khách quan có nhiều mối quan hệ chằng chịt, phức tạp; để giải quyết các vấn đề kinh tế, chúng ta không thể chỉ áp dụng một biện pháp đơn độc, mà phải kết hợp thực hiện nhiều biện pháp thì mới đạt được kết quả mong muốn.

★

Nhân dân thành phố Hồ-chí-Minh, với tinh thần cách mạng và tài năng sáng tạo của mình, với khí thế phấn khởi sau thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, và tiếp đó là thắng lợi của sự nghiệp hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước, với lòng tràn ngập vui mừng sau thành công tốt đẹp của Đại hội lần thứ IV của Đảng, đang ra sức đẩy mạnh sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng, dưới ánh sáng của nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban chấp hành trung ương Đảng, đảng bộ và nhân dân thành phố phát huy khí thế chiến thắng, biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh chống Mỹ thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động sản xuất, nhất định sẽ xây dựng được thành phố này thành một thành phố xã hội chủ nghĩa ấm no và hạnh phúc, xứng đáng là thành phố mang tên Bác Hồ vĩ đại.

Digitized by Google

Phấn đấu xây dựng văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa Việt-nam

HỒNG-CHƯƠNG

ĐẠI hội lần thứ IV của Đảng đã mở ra chân trời mới cho văn học nghệ thuật chúng ta. Nghị quyết của Đại hội là ngọn đèn pha chiếu sáng con đường phát triển của văn nghệ ta. Nghiên cứu để nắm vững đường lối cách mạng nói chung, đường lối văn nghệ cách mạng nói riêng, mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra là điều kiện tiên quyết để phát triển đúng hướng nền văn nghệ của chúng ta, làm cho văn nghệ ta phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn mới.

KHẲNG ĐỊNH NHỮNG THÀNH TỰU TO LỚN CỦA VĂN NGHỆ TA

Đảng ta rất coi trọng văn nghệ, vì đó là một bộ phận không thể thiếu được của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, văn nghệ ta đã đạt được những thành tích to lớn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của nhân dân ta.

Đánh giá những thành tựu về văn nghệ của nhân dân ta, *Báo cáo chính trị* của Ban chấp hành trung ương Đảng do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ : « Mấy chục năm qua, về cơ bản chúng ta đã xây dựng được một nền **văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa** bao gồm các ngành : văn học, sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, âm nhạc, múa, xiếc, kiến trúc, v.v... mang bản sắc dân tộc khá phong phú, tác động khá sâu sắc vào đời sống tinh thần và tình cảm của nhân dân. Với những thành tựu đã đạt được chủ yếu trong việc phản ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, văn học, nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay ».

Digitized by Google

Những thành tựu về văn nghệ của chúng ta được Đảng đánh giá cao. Đảng khẳng định rằng chúng ta đã xây dựng được một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa. Đảng cũng khẳng định rằng nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa của chúng ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiền phong của những nền văn nghệ chống đế quốc trên thế giới. Sự đánh giá đó là hoàn toàn đúng. Sự đánh giá đó đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân ta và giới văn học nghệ thuật chúng ta.

Sự đánh giá đó của Đảng đối với những thành tựu văn nghệ của ta đồng thời cũng là sự khẳng định đường lối văn nghệ đúng đắn của Đảng ta và bản chất tốt đẹp của nền văn nghệ ta. Đó là sự tỏ rõ thái độ kiên quyết bảo vệ nền văn nghệ ta chống lại sự công kích, xuyên tạc của kẻ thù, kiên quyết đấu tranh nhằm xóa bỏ những tàn dư của thứ « văn nghệ » nô dịch, lai căng, mất gốc, do Mỹ ngụy xây dựng nên trong vùng bị chiếm ở miền Nam trước đây. Được cổ vũ trước sự đánh giá cao của Đảng đối với những thành tựu văn nghệ đã đạt được, anh chị em làm công tác văn nghệ chúng ta phấn khởi, tin tưởng, hăng hái tiến lên, gánh vác nhiệm vụ vẻ vang trong giai đoạn cách mạng mới.

GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI VÀ NHIỆM VỤ CỦA VĂN NGHỆ TA

Với thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng Việt-nam chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chuyển sang giai đoạn mới, cách mạng Việt-nam đang đặt ra những vấn đề mới. Cuộc sống của nhân dân ta trong giai đoạn mới cũng có những đòi hỏi mới đối với văn nghệ. Nhiệm vụ của văn nghệ ta trong giai đoạn mới là, bằng những hình tượng nghệ thuật sinh động, phản ánh cuộc đấu tranh của nhân dân ta vì thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội trong cả nước ta. Cả nước Việt-nam đang tiến lên chủ nghĩa xã hội với khí thế hào hùng; đó là hiện thực vĩ đại trước mắt của anh chị em làm công tác văn học nghệ thuật chúng ta. Chúng ta hãy phản ánh hiện thực vĩ đại đó trong văn học, nghệ thuật.

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « **Nền văn học, nghệ thuật xã hội chủ nghĩa** cần ra sức sáng tạo những hình tượng nghệ thuật cao đẹp, phong phú về xã hội mới và về con người mới trong sản xuất, chiến đấu, công tác và học tập, phản ánh cuộc đấu tranh vì thắng lợi hoàn toàn của công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Miêu tả những tập thể và cá nhân tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc ta trong hai cuộc kháng chiến, miêu tả những tập thể và cá nhân lao động ưu tú, những đơn vị anh hùng, chiến sĩ thi đua. Phải khẳng định mạnh mẽ trật tự mới, lối sống mới, đạo đức mới, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ».

Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, các cán bộ và chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân, đó là những người làm chủ đất nước ta, làm chủ xã hội ta. Đó cũng là những người làm chủ nền văn học nghệ thuật chúng ta. Văn học nghệ thuật phải lấy đó làm đối tượng miêu tả, đối tượng phục vụ. Có phản ánh chủ nghĩa anh hùng cách mạng và phẩm chất cao quý của nhân dân ta, văn học nghệ thuật mới có được những tác phẩm xứng đáng với dân tộc ta. Đảng kêu gọi anh chị em văn nghệ hãy phấn đấu để có được những công

Digitized by Google

trình và tác phẩm nghệ thuật có tầm vóc lớn, có trình độ khái quát cao về chiến công và kỳ tích của những con người Việt-nam đánh thắng bọn đế quốc Pháp, Mỹ, làm nổi bật sức mạnh phi thường của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, nhằm cổ vũ, thúc đẩy công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mãi mãi nêu gương cho thế hệ mai sau. Đảng cũng kêu gọi anh chị em văn nghệ đặc biệt coi trọng việc miêu tả những tập thể và cá nhân lao động ưu tú đang nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất, quyết tâm phấn đấu đưa nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, quyết tâm chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Đảng kêu gọi anh chị em văn nghệ chúng ta hãy dành vị trí xứng đáng trong văn học, nghệ thuật cho các bà mẹ Việt-nam, cho chị em phụ nữ trung hậu, đảm đang; cho anh chị em thanh niên, lực lượng xung kích trên mặt trận xây dựng và bảo vệ đất nước; cho các em thiếu niên và nhi đồng, những mầm non của dân tộc; cho đồng bào các dân tộc ít người chung sức chung lòng cùng đồng bào cả nước đánh giặc và xây dựng Tổ quốc.

Văn nghệ ta không chỉ ca ngợi con người mới, xã hội mới, mà còn phê phán và đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong đời sống, những tàn dư của xã hội cũ, những di hại của văn hóa văn nghệ tư sản, phong kiến, thực dân cũ và mới. Phê phán mặt tiêu cực là nhằm gạt bỏ những trở ngại, dọn sạch những rác rưởi trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Văn nghệ ta phê phán những gì trái với chủ nghĩa xã hội để khẳng định chủ nghĩa xã hội, để thúc đẩy xã hội ta tiến lên mạnh mẽ trên con đường xã hội chủ nghĩa. Vì vậy trong lúc phê phán những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, văn nghệ ta cần phải, như Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ, « đứng trên lập trường cách mạng và bằng phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, vạch đúng nguồn gốc của cái xấu, bồi đắp lòng tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa xã hội. »

Nhân dân ta, với tư cách là người làm chủ đất nước, làm chủ văn nghệ, không cho phép những phần tử thù địch lợi dụng việc phê phán những hiện tượng tiêu cực trong xã hội ta để chống phá sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, nhân dân ta không thể tha thứ những kẻ gọi là « văn nghệ sĩ » đứng trên lập trường giai cấp thù địch, dùng phương pháp « chủ nghĩa hiện thực phê phán » của giai cấp tư sản, để « phủ định » chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp của chúng ta.

Văn học nghệ thuật của ta là một vũ khí sắc bén của Đảng trên mặt trận tư tưởng. Nó phải theo đúng phương hướng công tác tư tưởng trong xã hội mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra là « giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng và văn hóa thực dân mới ở miền Nam ». Nó phải tích cực góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm của cách mạng tư tưởng và văn hóa là xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, tuyên truyền, giáo dục sâu rộng chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối chính sách của Đảng, đấu tranh chống tư tưởng và văn hóa phản động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác văn học nghệ thuật phải nhằm phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nền văn nghệ mới xã hội chủ nghĩa của chúng ta kế thừa có chọn lọc, có phê phán và có sáng tạo những giá trị tinh thần và văn hóa của dân tộc ta cũng như của cả loài người.

Digitized by Google

NỘI DUNG VÀ TÍNH CHẤT CỦA VĂN NGHỆ TA

Văn học, nghệ thuật của chúng ta là một bộ phận của nền văn hóa mới mà nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, ra sức xây dựng. Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ: « Nền văn hóa mới là nền văn hóa có **nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.** Đó là nền văn hóa có tính Đảng và tính nhân dân sâu sắc. Nền văn hóa ấy được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, vừa kết tinh truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa hấp thụ có chọn lọc những thành quả của văn minh loài người. » Là một bộ phận cấu thành của nền văn hóa mới, văn học nghệ thuật của chúng ta có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân.

Nội dung xã hội chủ nghĩa của văn học, nghệ thuật của chúng ta một mặt thể hiện ở chỗ nó lấy chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác và Lê-nin làm cơ sở tư tưởng, mặt khác thể hiện ở chỗ nó phản ánh hiện thực của đất nước ta đang tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tính chất dân tộc của văn học nghệ thuật của chúng ta thể hiện ở chỗ nó đấu tranh cho độc lập dân tộc, chống « văn nghệ » nô dịch, mất gốc, lai căng; ở chỗ nó nêu cao lòng tự hào dân tộc, chống đầu óc nô lệ nước ngoài; ở chỗ nó phản ánh đúng tâm hồn của con người Việt-nam; ở chỗ nó sử dụng những hình thức, phương tiện nghệ thuật quen thuộc với người Việt-nam và được người Việt-nam ưa thích. Tính dân tộc thể hiện ở chỗ văn học nghệ thuật ta kế tục và phát huy cái hay, cái đẹp trong văn học nghệ thuật cổ truyền của dân tộc ta. Có phản ánh chân thật đời sống của dân tộc, văn học nghệ thuật mới có được tính chất dân tộc. Ngày nay, dân tộc Việt-nam là dân tộc xã hội chủ nghĩa. Do đó, ngày nay, phản ánh được đúng đời sống của dân tộc thì văn học nghệ thuật vừa có được nội dung xã hội chủ nghĩa, vừa có được tính chất dân tộc.

Tính đảng của văn học nghệ thuật thể hiện ở chỗ văn học nghệ thuật theo sự lãnh đạo của Đảng; văn học nghệ thuật thấu suốt đường lối cách mạng và đường lối văn nghệ của Đảng; người làm công tác văn nghệ đứng vững trên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân và của Đảng mà quan sát, đánh giá, phản ánh hiện thực của đời sống xã hội.

Tính nhân dân của văn học nghệ thuật thể hiện ở chỗ văn học nghệ thuật ta là của nhân dân, do nhân dân xây dựng nên, vì nhân dân mà phục vụ. Nhân dân là người làm chủ tập thể văn học nghệ thuật. Chúng ta ra sức làm cho văn học nghệ thuật trở thành của cải tinh thần của nhân dân, đem cái đẹp vào trong đời sống hằng ngày của nhân dân.

Nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, tính đảng và tính nhân dân của văn học nghệ thuật thể hiện tập trung trong hình tượng nghệ thuật của con người mới, xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Miêu tả được con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam thì văn học nghệ thuật có được nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân. Nhiệm vụ trung tâm của văn học nghệ thuật là miêu tả con người mới xã hội chủ nghĩa, để góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Chế độ xã hội mới đòi hỏi phải có những con người mới. Hồ Chủ tịch nói: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa ». Con người mới xã hội chủ nghĩa là tổng hòa các quan

Digitized by Google

hệ xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Con người mới xã hội chủ nghĩa là con người tiến hành ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt) đồng thời là sản phẩm của ba cuộc cách mạng đó. Trong quá trình tiến hành ba cuộc cách mạng, con người mới là « nhân » đồng thời là « quả ». Con người mới là con người xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, có xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, có xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa mới có con người mới xã hội chủ nghĩa. Chúng ta không chờ đến sau khi đã có sự phát triển cao của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa mới xây dựng con người mới. Hoàn cảnh nước ta đòi hỏi và cho phép xây dựng sớm, xây dựng từng bước, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam có những nét đặc trưng gì? Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam có những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản ».

Làm chủ tập thể là đặc trưng hàng đầu của con người mới xã hội chủ nghĩa. Con người mới không những có ý thức làm chủ mà còn có năng lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

Lao động là đặc trưng rất quan trọng của con người mới xã hội chủ nghĩa. Con người mới là con người lao động tự giác, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo và đạt năng suất cao. Đó là con người quý trọng và bảo vệ của công.

Con người mới là con người có tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa rất cao và có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Con người mới xã hội chủ nghĩa là con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cá nhân hài hòa, phong phú.

Văn học nghệ thuật phải làm nổi bật những đặc trưng trên đây của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Bằng những hình tượng nghệ thuật sinh động, văn học nghệ thuật phản ánh con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam để góp phần xây dựng, bồi dưỡng, nâng cao con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VĂN NGHỆ

Muốn xây dựng và phát triển nền văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa, cần phải có lực lượng văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa đông đảo. Đảng ta chủ trương một mặt phát triển mạnh mẽ phong trào văn nghệ quần chúng; mặt khác xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ những người làm công tác văn học nghệ thuật chuyên nghiệp và nửa chuyên nghiệp.

Phong trào văn nghệ quần chúng là cơ sở của nền văn nghệ mới. Trách nhiệm và vinh dự của những người làm công tác văn nghệ chuyên nghiệp là quan tâm chăm sóc phong trào văn nghệ quần chúng, tích cực nâng cao năng lực sáng tạo và trình độ thưởng thức nghệ thuật, khiếu thẩm mỹ của nhân dân lao động, nâng cao chất lượng hoạt động văn nghệ của quần

Digitized by Google

chúng. Các tổ chức Đảng và Nhà nước tìm mọi cách để bảo đảm cho nhu cầu về thưởng thức văn nghệ của quần chúng nhân dân được đáp ứng ngày càng đầy đủ. Có tạo ra được một công chúng có khiếu thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật đúng đắn theo quan điểm văn nghệ của Đảng thì mới có được miếng đất màu mỡ cho văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa phát triển. Năng lực sáng tạo văn nghệ vô tận của quần chúng được khơi dậy thì từ đó sẽ xuất hiện những tài năng văn nghệ mới đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn nghệ muôn màu muôn vẻ của nhân dân.

Nước ta từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Văn nghệ dân gian nước ta khá phong phú trong lúc đội ngũ văn nghệ chuyên nghiệp tương đối ít, các viện nghiên cứu văn nghệ chỉ mới bắt đầu xây dựng. Chúng ta có nhiều thuận lợi trong việc phát triển phong trào văn nghệ quần chúng để làm cơ sở cho nền văn nghệ mới, xã hội chủ nghĩa.

Phong trào văn nghệ quần chúng có phát triển mạnh mẽ đến đâu cũng không thể thay thế được đội ngũ những người làm công tác văn nghệ chuyên nghiệp. Vì vậy việc xây dựng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ những người làm văn nghệ chuyên nghiệp có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa. Đảng chủ trương bồi dưỡng cho đội ngũ văn nghệ sĩ về thế giới quan của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảng khuyến khích và tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ đi sâu vào đời sống nhân dân lao động, giúp cho văn nghệ sĩ gắn bó với nhân dân lao động và thực tiễn cách mạng. Đảng chủ trương mở rộng đội ngũ văn nghệ sĩ bằng cách không ngừng thu hút những lực lượng trẻ. Đối với anh chị em văn nghệ sĩ vùng mới giải phóng ở các tỉnh miền Nam, Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng nêu rõ: «Giúp đỡ văn nghệ sĩ vùng mới giải phóng tiến bộ về chính trị và tư tưởng, gắn bó với cách mạng, đem tài năng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân».

Chủ trương của Đảng là khuyến khích các nhà văn và nhà nghệ thuật tìm tòi, khám phá, sáng tạo cái mới, đồng thời đòi hỏi anh chị em có ý thức đầy đủ về sứ mệnh cao cả của mình. Đảng đòi hỏi anh chị em phải kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa trong sáng tạo nghệ thuật, trong cuộc đấu tranh bảo vệ đường lối văn nghệ cách mạng, chống mọi khuynh hướng văn nghệ phản động, lạc hậu, sai lầm.

Đảng chủ trương đẩy mạnh công tác phê bình, nghiên cứu văn nghệ, để giúp cho văn nghệ phát triển tốt đẹp và vững vàng. Đội ngũ những người làm công tác phê bình, nghiên cứu văn nghệ là một bộ phận không thể thiếu của lực lượng văn nghệ ta. Xây dựng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ phê bình, nghiên cứu văn nghệ xã hội chủ nghĩa là một biện pháp quan trọng để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực văn nghệ, bảo đảm cho văn nghệ ta phát triển đúng đường lối văn nghệ của Đảng.

Chủ trương của Đảng ta là vừa phát triển mạnh mẽ phong trào văn nghệ quần chúng, vừa xây dựng, bồi dưỡng và mở rộng đội ngũ văn nghệ chuyên nghiệp trung thành với nhân dân, với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, vừa phát triển lực lượng sáng tác và biểu diễn văn nghệ, vừa phát triển lực lượng phê bình, nghiên cứu văn nghệ. Có như thế chúng ta mới có thể xây dựng và phát triển nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

★

Digitized by Google

Trong mấy chục năm qua, tiến theo ngọn cờ vẻ vang của Đảng, văn nghệ ta đã lập được những thành tích to lớn, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Ngày nay đất nước ta đã được hoàn toàn giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng văn nghệ xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn mới. Nắm vững đường lối văn nghệ của Đảng trong giai đoạn mới mà Đại hội đã vạch ra, chúng ta ra sức phấn đấu, nhất định sẽ xây dựng thành công nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Phân bố lại lao động và dân cư...

(Tiếp theo trang 62)

sinh đại học và học sinh trung học chuyên nghiệp.

Trong việc đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, phải vừa chú trọng các ngành, nghề trực tiếp phục vụ cho kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, vừa chú trọng các ngành, nghề phục vụ cho các ngành sẽ phát triển mạnh trong những kế hoạch năm sau

★

Sự nghiệp cách mạng nước ta đã chuyển sang một giai đoạn mới. Trong những năm trước mắt, việc tổ chức và phân bố lại lực lượng lao động và dân cư trong các ngành, các địa phương và cơ sở sẽ góp phần thúc đẩy phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, sử dụng tốt nguồn lao động dồi dào, làm cho tất cả mọi người có khả năng lao động trong xã hội đều làm việc, tăng nhanh năng suất lao động xã hội. Đó là một mục tiêu cực kỳ trọng yếu, cũng là một biện pháp hàng đầu để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và nâng cao tích lũy, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, chắc chắn công cuộc phân công lại lao động xã hội ở nước ta sẽ được đẩy mạnh trong những năm tới và sẽ góp phần tích cực vào việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng từng bước nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Digitized by Google

sản phong phú. Đó là những vốn quý đầu tiên để từ đó chúng ta đi lên. Vấn đề đặt ra là phải biết tổ chức tốt lực lượng lao động đó và sử dụng tốt các phương tiện vật chất — kỹ thuật hiện có để tác động có hiệu quả vào các đối tượng lao động.

Cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có tuy còn nhỏ yếu nhưng chưa được sử dụng đầy đủ và có hiệu quả để đẩy mạnh sản xuất. Công suất của nhiều nhà máy, của thiết bị, máy móc chỉ mới được sử dụng với mức thấp, tài nguyên đất đai, rừng, biển và nguồn lao động dồi dào chưa được sử dụng tốt. Sở dĩ có tình hình đó là do nhiều nguyên nhân, như dây chuyền sản xuất chưa được trang bị đồng bộ, việc phân công chuyên môn hóa và hiệp tác hóa trong sản xuất chưa tốt, công tác tổ chức và quản lý sản xuất ở từng cơ sở, trong mỗi địa phương, mỗi ngành và trên phạm vi cả nước còn nhiều mặt yếu, việc cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và phục vụ sản xuất chưa tốt, v.v...

Trong năm 1977 và các năm tiếp theo, chúng ta phải cố gắng tổ chức lại sản xuất trong cả nước, thực hiện sự phân công và hiệp tác một cách hợp lý và chặt chẽ giữa các cơ sở sản xuất, giữa các địa phương, giữa các ngành để phát huy ưu thế của mỗi cơ sở, mỗi địa phương, mỗi ngành. Phải tổ chức quản lý chặt chẽ và phục vụ tốt các cơ sở hiện có và sẽ được xây dựng thêm. Trong bố trí kế hoạch và tổ chức sản xuất, mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở sản xuất phải tính toán chặt chẽ, bảo đảm không để một tấc đất bị bỏ hoang, một thiết bị ngừng hoạt động, một lao động không có việc làm.

Phải hết sức coi trọng đầu tư theo chiều sâu, cải tiến và tăng cường trang bị để đồng bộ hóa hoặc cải tiến dây chuyền sản xuất. Đó là hướng đầu tư mang lại hiệu quả nhanh. Cần nghiên cứu cải tiến thủ tục đầu tư để tạo điều kiện dễ dàng cho việc tăng đầu tư theo hướng này. Đương nhiên trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta sẽ phải triển khai trên quy mô ngày càng lớn việc xây dựng các cơ sở vật chất — kỹ thuật mới.

Chúng ta phải có chuyển biến mạnh trong việc tạo ra nguồn nguyên liệu trong nước và tổ chức tốt việc cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất. Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phải vươn lên bảo đảm ngày càng tốt hơn nguyên liệu cho sản xuất và xây dựng, đồng thời phải có kế hoạch tốt bảo đảm nguyên liệu nhập khẩu.

Lực lượng lao động của nước ta hiện nay chưa được sử dụng hết, năng suất lao động xã hội còn thấp. Thêm nữa, đất nước ta không rộng, dân đông, lại phân bố không đồng đều giữa các vùng: trong khi dân số bình quân trên 1km^2 ở vùng đồng bằng Bắc-bộ lên tới 660 người, (riêng tỉnh Thái-bình lên tới 1070 người) thì ở các tỉnh miền núi Bắc-bộ chỉ 50 người, các tỉnh khu IV cũ 129 người, các tỉnh khu V cũ 121 người, vùng Tây-nguyên chỉ 26 người, các tỉnh Đông Nam-bộ 95 người và các tỉnh đồng bằng sông Cửu-long 258 người. Tình hình đó rất không hợp lý và cũng là một khó khăn trong sự phát triển kinh tế nước ta hiện nay.

Do đó, chúng ta phải tích cực thực hiện sự phân bố lao động xã hội với quy mô lớn hơn, tổ chức tốt cho trên 50 vạn lao động (1,2 triệu nhân khẩu) từ các tỉnh đồng bằng Bắc-bộ, các thành phố miền Nam, nhất là thành phố Hồ-Chí-Minh và các huyện đồng bằng của các tỉnh khu IV, khu V cũ đi xây dựng các vùng kinh tế mới nhằm đẩy mạnh khai thác đất đai ở vùng đồng bằng sông Cửu-long, Đông Nam-bộ, Tây nguyên và các tỉnh vùng

Digitized by Google

núi miền Bắc, các vùng phía tây của các tỉnh thuộc khu IV và khu V cũ.

Đi đôi với phân bố lại lao động giữa các vùng và các ngành, phải chấn chỉnh tổ chức lao động và tăng cường công tác quản lý lao động trong các ngành, các đơn vị cơ sở, tăng cường bồi dưỡng, kèm cặp, nâng cao tay nghề, giải quyết tốt bữa ăn, nhà ở, coi trọng công tác bảo hộ lao động, tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, tăng cường kỷ luật lao động, phục vụ tốt phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa nhằm khai thác tốt mọi khả năng tiềm tàng, năng lực sản xuất hiện có, tăng năng suất lao động và từ đó tăng nhanh của cải vật chất cho xã hội. Năm 1977, các ngành, các cấp phải tăng cường quản lý, bảo đảm cho năng suất lao động của một công nhân viên sản xuất trong ngành công nghiệp tăng 9% so với năm 1976, trong ngành xây dựng tăng 6%, trong ngành vận tải tăng 20%....

Phân bố hợp lý lao động trên quy mô cả nước và tăng cường tổ chức quản lý lao động là công tác quan trọng nhất trong việc tổ chức lại sản xuất xã hội. Đó là quan điểm toàn cục trong sự bố trí lực lượng sản xuất cho phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển của nền kinh tế nước ta hiện nay.

Với sự phân bố lại hàng triệu người lao động giữa các vùng và các ngành trong cả nước, năm 1977 và những năm sau, chúng ta quyết thực hiện thắng lợi mục tiêu 21 triệu tấn lương thực, khai hoang 1 triệu ha, trồng rừng 1,2 triệu ha, khai thác cá biển 1 triệu tấn và các mục tiêu khác của nền kinh tế trong kế hoạch 5 năm 1976 — 1980 và tạo nên những khu kinh tế mới, những huyện mới, những khu công nghiệp, những khu dân cư mới trên đất nước ta. Những mục tiêu đó là những nhiệm vụ lớn lao mà bình thường trước đây phải mất hàng thế kỷ cũng chưa thực hiện được. Chỉ có khi thế cách mạng hào hùng của tập thể nhân dân làm chủ đất nước dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và đảng tiên phong của nó và dưới sức mạnh tổ chức quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản mới có thể làm được điều đó.

3 — *Xúc tiến việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam để hoàn thành nhiệm vụ này trong thời kỳ kế hoạch 5 năm; đồng thời tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.*

Đây là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch Nhà nước năm 1977.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phải gắn liền với việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất và phải đặt chung các việc này trong quy hoạch tổ chức lại sản xuất xã hội theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc thực hiện các nhiệm vụ này là nhằm làm cho hai miền của đất nước sớm đi đến đồng nhất về chế độ kinh tế trên một cơ sở cao hơn, vững chắc hơn.

Đối với các tỉnh miền Nam, phải vừa cải tạo xã hội chủ nghĩa, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường nhanh chóng lực lượng kinh tế quốc doanh ở tất cả các ngành, đồng thời đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và phải bảo đảm sản xuất không ngừng phát triển.

Vấn đề cấp bách là phải xúc tiến cải tạo xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực lưu thông phân phối. Nhà nước phải nắm được nguồn hàng, quản lý và chi phối được thị trường, trước hết là đối với các hàng hóa, vật tư thuộc nhu cầu thiết yếu cho sản xuất và đời sống. Công việc này phải được tiến hành khẩn trương, gọn và tốt, để góp phần tích cực tổ chức lại sản xuất, phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Digitized by Google

Trong nông nghiệp, phải đẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa kết hợp với hợp tác hóa nông nghiệp để đưa nhanh nông dân đi vào con đường sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong năm 1977, phải tiến hành khẩn trương việc thí điểm xây dựng một số hợp tác xã, một số huyện, việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý để mở rộng và hoàn thành sớm trong những năm sau. Việc tổ chức nhân dân khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới phải tiến hành đồng thời với việc xây dựng ngay các cơ sở sản xuất xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh các nông trường quốc doanh mới và củng cố các nông trường quốc doanh hiện có.

Phải xúc tiến cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nghề đánh cá biển. Đồng thời, từ năm 1977, phải phát triển nhanh, mạnh lực lượng đánh cá quốc doanh trong cả nước. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng.

Thực hiện các nhiệm vụ trên là tiến hành cuộc đấu tranh gay go, phức tạp để giải quyết vấn đề « ai thắng ai» giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Đó cũng là quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đó cần nắm vững quan điểm « kết hợp cải tạo với xây dựng, chính trị với kinh tế, hòa bình với bạo lực, thuyết phục với cưỡng bách, giáo dục với hành chính.... » (2). Để bảo đảm giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh đó, phải tập trung sức củng cố tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, phối hợp tốt công tác của các ngành, chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải đặc biệt coi trọng việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và năng lực quản lý của Nhà nước, phát huy ý thức làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân; củng cố lập trường giai cấp công nhân của mỗi cán bộ, đảng viên, đồng thời bồi dưỡng kiến thức và năng lực quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa cho cán bộ các cấp.

Trong năm 1977, chúng ta phải tiến hành một bước việc xây dựng cấp huyện. Cần tập trung làm một số huyện để rút kinh nghiệm, chuẩn bị điều kiện triển khai mạnh trong các năm sau để từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp, tạo thế vững chắc đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng kế hoạch của mỗi tỉnh, mỗi ngành phải đi từ sự cân đối ở mỗi huyện.

4 – Phải thể hiện rõ tinh thần tích cực, vững chắc và sinh động trong kế hoạch Nhà nước năm 1977.

Công tác kế hoạch hóa có nhiệm vụ phải từng bước giảm dần những mất cân đối lớn của nền kinh tế, tạo cho nền kinh tế có cơ cấu hợp lý, có nhịp độ phát triển nhanh, đủ sức đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng của sản xuất và đời sống nhân dân. Quá trình phát triển kinh tế, làm giảm dần, đi đến khắc phục những mất cân đối lớn của nền kinh tế nước ta hiện nay phải là quá trình liên tục phấn đấu với tinh thần cách mạng tiến công trong nhiều năm nữa.

Trong tình hình sản xuất chưa bảo đảm tiêu dùng, xuất khẩu còn thấp nhiều so với nhập khẩu, thu chưa đủ chi như hiện nay, nếu làm kế hoạch mà đòi hỏi « cân đối thật vững chắc ngay từ đầu », « nắm chắc các yếu tố của sản xuất và xây dựng trong tay rồi mới ghi vào kế hoạch », v.v.. thì có nghĩa là hạ thấp các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và xây dựng

(2) Xem "Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng" do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, đăng trên tạp chí *Học tập* số tháng 12-1976, trang 63.

Digitized by Google

xuống, hạ thấp mức đáp ứng các nhu cầu về đời sống nhân dân xuống,... Và như vậy thì nhiều nhà máy sẽ phải ngừng sản xuất, số người lao động không có việc làm tăng thêm, nhiều mặt hoạt động kinh tế lâm vào cảnh đình trệ, đời sống nhân dân sẽ khó khăn thêm, hậu quả sẽ vô cùng nghiêm trọng.

Kế hoạch Nhà nước phải xuất phát từ nhu cầu và khả năng của nền kinh tế, của mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở sản xuất mà định ra. Nhưng nhu cầu thì thường dễ thấy rõ hơn là khả năng. Do đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, phải tính toán, cân nhắc kỹ các nhu cầu và khả năng, luôn luôn chủ động tạo ra thế cân đối, cố gắng tìm mọi biện pháp (về kinh tế, về kỹ thuật, về tổ chức, về chính sách, v.v...) để tạo ra và khai thác các tiềm năng vật chất và trí tuệ, tạo ra khả năng mới cho cân đối kế hoạch; phải nắm chắc đường lối và những nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất để bố trí kế hoạch với những cân đối tốt nhất. Nhưng phải thấy rằng, đó mới chỉ là bước đầu. Trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch, phải tiếp tục và không ngừng tạo ra khả năng cân đối mới nhằm bảo đảm thực hiện tốt nhất những nhiệm vụ, chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước. Phải phát huy khí thế cách mạng của phong trào quần chúng, sáng kiến và khả năng cống hiến của đội ngũ công nhân và cán bộ khoa học – kỹ thuật, cán bộ quản lý,v.v... Đó là những khả năng dự trữ rất lớn mà chúng ta cần chú trọng khai thác trong khi xây dựng và thực hiện kế hoạch. Hồ Chủ tịch đã nói: « Đặt ra kế hoạch thật tốt, thật sát là rất cần; nhưng đó chỉ là bước đầu. Kế hoạch 10 phần thì biện pháp cụ thể phải 20 phần, chỉ đạo thực hiện sát sao phải 30 phần, có như thế mới chắc chắn hoàn thành tốt kế hoạch » (3). Cần thấy rằng, với các chỉ tiêu sản xuất và xây dựng đã xác định trong kế hoạch Nhà nước năm 1977, công suất của các nhà máy, của các thiết bị cũng như nguồn vốn lao động mới được huy động ở mức thấp, các chỉ tiêu xuất khẩu còn thấp so với khả năng sản xuất nguồn hàng xuất khẩu, v.v... Chúng ta phải ra sức khai thác tốt các khả năng tiềm tàng đó.

Tính cân đối của kế hoạch phải được thực hiện một cách sinh động, không cứng nhắc. Chúng ta phản đối cách cân đối tiêu cực, bảo thủ, nhưng cũng không tán thành cách cân đối phiêu lưu, thiếu căn cứ thực tế. Những chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1977 không chỉ xuất phát từ nhu cầu mà cũng xuất phát từ những khả năng thực tế đã có tính toán. Nhưng nói khả năng thực tế cũng phải hiểu với tinh thần tích cực: có những khả năng đã sẵn có khi xây dựng kế hoạch, cũng có những khả năng phải tạo ra trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Kế hoạch Nhà nước năm 1977 đã tính toán cân đối các vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc,v.v... và đã đề ra các biện pháp tích cực bảo đảm cho các chỉ tiêu sản xuất và xây dựng, v.v... được thực hiện. Nhưng trong thực hiện kế hoạch, việc cung cấp vật tư kỹ thuật thường đạt mức thấp so với yêu cầu cân đối của kế hoạch, gây ra nhiều khó khăn cho sản xuất và xây dựng. Ngược lại, cũng có hiện tượng phổ biến là mức tiêu hao vật tư trên mỗi đơn vị sản phẩm thường quá cao, gây lãng phí không ít. Cần phải kiên quyết khắc phục các hiện tượng đó.

Trong điều kiện hiện nay, chúng ta còn phải nhập khẩu nhiều loại vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng với khối lượng lớn, trong khi quan hệ xuất nhập khẩu còn chênh lệch lớn. Bởi vậy, việc ra sức khai thác

(3) Bài nói tại Hội nghị phổ biến kế hoạch Nhà nước năm 1965; báo *Nhân dân*, số ra ngày 20-1-1965.

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 0

Digitized by Google

còn lại về sản xuất, xây dựng và về đời sống nhân dân trong 3 năm tới còn rất lớn. Riêng về nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản mà nói, nhiều công trình xây dựng lớn, có tính chất then chốt của nền kinh tế quốc dân sẽ phải triển khai vào mấy năm tới.

Bởi vậy, cùng với việc tập trung sức phấn đấu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1977, việc tích cực chuẩn bị các điều kiện cho kế hoạch sản xuất, xây dựng, v.v... trong các năm tới được triển khai thuận lợi và mạnh mẽ cũng là nhiệm vụ quan trọng cấp thiết.

Hiện nay, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1977 của mỗi ngành, mỗi địa phương và đơn vị cơ sở đều rất nặng. Trong sản xuất, xây dựng và đời sống nhân dân lại có những khó khăn cụ thể đòi hỏi phải giải quyết kịp thời. Trong khi đó, khối lượng công tác chuẩn bị cho các năm sau rất lớn. Trước mắt, chúng ta phải khẩn trương chuẩn bị về kỹ thuật, vật tư, về chính sách, tổ chức và về bồi dưỡng, đào tạo cán bộ và công nhân, v.v... Trong đầu tư xây dựng cơ bản, phải đặc biệt coi trọng xúc tiến các thủ tục đầu tư là khâu rất yếu đang gây trở ngại lớn cho việc triển khai mạnh công tác này. Chúng ta phải xúc tiến một số công tác lớn để không những chuẩn bị cho các năm tiếp theo của kế hoạch 5 năm 1976 – 1980, mà còn chuẩn bị một bước cho việc xây dựng quy hoạch và kế hoạch dài hạn, như đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên, hoàn chỉnh công tác phân vùng kinh tế, xây dựng quy hoạch cụ thể của từng ngành, từng vùng kinh tế cơ bản, tiến hành dự đoán kinh tế, nghiên cứu khoa học – kỹ thuật. Những nhiệm vụ trên đòi hỏi công tác tổ chức chỉ đạo và quản lý, một mặt phải tập trung sức thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trước mắt của kế hoạch Nhà nước năm 1977; mặt khác phải tổ chức chỉ đạo chặt chẽ và bố trí lực lượng thích đáng để tiến hành khẩn trương, nhanh gọn, đồng bộ các công tác chuẩn bị cho các năm sau.

III. TẠO RA MỘT SỰ CHUYỂN BIẾN MẠNH TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ

Trong lĩnh vực quản lý, chúng ta đã làm được nhiều việc và đã có những kinh nghiệm tốt. Nhiều nghị quyết, chính sách, chế độ về quản lý kinh tế, quản lý xã hội mà Đảng và Nhà nước đã ban hành đang phát huy tác dụng tích cực.

Song phải thừa nhận rằng, chúng ta còn nhiều khuyết điểm, trình độ chỉ đạo và quản lý còn nhiều mặt yếu kém, không theo kịp yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Chúng ta đã phát hiện từ lâu những khuyết điểm và yếu kém về mặt này, nhưng việc cải tiến, sửa chữa tiến bộ chậm. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng và nước nhà thống nhất, nhiệm vụ quản lý đã mở rộng phạm vi ra cả nước và chúng ta phải thực hiện thống nhất quản lý trong cả nước. Trong khi đó, bước đi của cách mạng, tổ chức kinh tế, trình độ quản lý giữa hai miền không đồng nhất; một số chính sách, chế độ quản lý, định mức, tiêu chuẩn kinh tế và kỹ thuật không còn phù hợp với tình hình hiện nay; trong các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở còn tồn tại các hiện tượng quan liêu, mệnh lệnh, thiếu dân chủ, buông lỏng, phân tán.... trong quản lý, thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu ý thức tổ chức và kỷ luật, tùy tiện trong việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các luật pháp, chính sách, chế độ của Nhà nước, v.v... Các hiện tượng đó đã

Digitized by Google

Nam,...); vấn đề lương thực có khó khăn, nguồn vật tư nhập khẩu chậm, v.v... Nhưng phải thấy rằng, nền kinh tế nước ta là một nền kinh tế đang trên đà lớn mạnh, có sức sống mãnh liệt với những điều kiện thuận lợi cơ bản và những khả năng tiềm tàng to lớn.

I — NẮM VỮNG CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ CÁC TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO CỦA KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1977

Sau Đại hội lần thứ IV của Đảng, Quốc hội khóa thứ VI họp kỳ thứ hai đã nhất trí thông qua kiến nghị của Chính phủ về kế hoạch Nhà nước năm 1977 với các *phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu như sau*:

1 — Tập trung sức đẩy mạnh *sản xuất nông nghiệp*, trong đó ưu tiên cho thủy lợi là biện pháp hàng đầu; ra sức phát triển *lâm nghiệp, ngư nghiệp*; tăng nhanh sản xuất *hàng công nghiệp tiêu dùng* (bao gồm cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp) nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách về đời sống của nhân dân, tăng nhanh hàng xuất khẩu, tạo cơ sở cho việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp.

2 — Tận dụng năng lực sản xuất hiện có, hết sức đẩy mạnh xây dựng và sản xuất *của ngành cơ khí*, hướng mạnh các ngành công nghiệp nặng vào phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng. Đẩy mạnh *sản xuất vật liệu xây dựng*, tăng nhanh năng lực *xây dựng cơ bản*. Tăng năng lực đi đôi với tổ chức lực lượng *vận tải* để phục vụ tốt sản xuất, xây dựng và đời sống nhân dân.

3 — Thực hiện một bước tích cực việc *phân bố lại lao động xã hội* giữa các vùng, các ngành, đưa một phần lao động ở các vùng đông bằng Bắc-bộ, khu IV, khu V cũ và các thành phố lớn ở miền Nam đi xây dựng các vùng kinh tế mới, *giải quyết công việc làm cho người lao động ở thành phố*, phát triển ngành nghề tăng thêm việc làm tại chỗ cho người lao động ở nông thôn. Đẩy mạnh *việc đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật*.

4 — *Tăng nhanh khối lượng và mặt hàng xuất khẩu*, trước hết là sản phẩm nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp nhẹ, hàng mỹ nghệ và các mặt hàng gia công chế biến; xây dựng các cơ sở bảo đảm nguồn hàng xuất khẩu vững chắc và phát triển nhanh.

5 — Đẩy mạnh công tác *nghiên cứu, ứng dụng khoa học — kỹ thuật, công tác quản lý kỹ thuật, công tác điều tra cơ bản*, nhằm tích cực phục vụ những mục tiêu quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân trong năm 1977 và các năm sau của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 — 1980, trước hết là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và cơ khí, đồng thời tiến hành những nhiệm vụ nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, điều tra cơ bản phục vụ lâu dài.

6 — *Chấn chỉnh và cải tiến công tác thương nghiệp, tài chính tiền tệ, giá cả, cung ứng vật tư*, ... phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân, góp phần tích cực vào nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và thống nhất quản lý kinh tế trong cả nước.

7 — *Ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động*. Ra sức phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế, xã hội, tiến hành cải cách giáo dục. Thực hiện một bước việc cải tiến chính sách tiền lương đối với cán bộ, công nhân, viên chức.

Digitized by Google

Xã luận

Thấu suốt tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng trong việc quyết định nhiệm vụ, công tác cụ thể của các đảng bộ địa phương

HIỆN nay, các đảng bộ địa phương (tỉnh, thành, huyện, quận) đang chuẩn bị và tiến hành Đại hội đại biểu (vòng hai) để quyết định nhiệm vụ của đảng bộ và bầu Ban chấp hành mới của đảng bộ. Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương đã họp vòng một hồi cuối năm ngoái để thảo luận và góp ý kiến vào Đề cương Báo cáo chính trị và dự thảo Điều lệ Đảng do Ban chấp hành trung ương chuẩn bị, lựa chọn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc. Sự tham gia tích cực đó đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Lần này, Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương họp vòng hai để thấu suốt Nghị quyết của Đại hội toàn quốc, bàn việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc ở địa phương mình.

Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương cần nắm vững nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 — 1980), đồng thời xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương mình mà định ra chủ trương, biện pháp tăng cường chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, để giải quyết một cách thiết thực, khẩn trương và có hiệu quả những vấn đề cấp bách về kinh tế, văn hóa, đời sống, an ninh, công tác quần chúng, kiện toàn tổ chức và xây dựng Đảng. Về kinh tế, Đại hội đại

Digitized by Google

biểu các địa phương thảo luận và quyết định nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu cụ thể trong hai năm 1977 — 1978 và chỉ tiêu, biện pháp chủ yếu năm 1977.

Để bảo đảm thành công, Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương cần được chuẩn bị chu đáo. Trước khi họp Đại hội vòng hai, các Ban chấp hành các đảng bộ địa phương cần đẩy mạnh việc truyền đạt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV. Cần tổ chức tốt việc nghiên cứu các văn kiện của Đại hội toàn quốc trong cán bộ, đảng viên, nhất là trong các ủy viên Ban chấp hành đảng bộ và các cán bộ chủ chốt ở các ngành. Ngoài việc nắm vững nội dung của Nghị quyết Đại hội toàn quốc và Báo cáo chính trị, cán bộ các ngành cần đi sâu nghiên cứu các văn kiện Đại hội nói về ngành mình để nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và cụ thể hóa đường lối, chính sách đó thành chủ trương và biện pháp thực hiện tại địa phương.

Các Ban chấp hành cần tập trung sức chuẩn bị bản báo cáo tại Đại hội đảng bộ, công bố bản dự thảo báo cáo đó để các cấp, các ngành và nhân dân thảo luận, tham gia ý kiến. Cần tổ chức tốt việc thu thập ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân để bổ sung bản dự thảo báo cáo. Các Ban chấp hành cần nghiên cứu kỹ để nắm vững tình hình cụ thể của địa phương, những thuận lợi và khó khăn, phân tích những ưu điểm và khuyết điểm về lãnh đạo và chỉ đạo trong thời gian qua, để đề ra những chủ trương, biện pháp đúng đắn nhằm thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội tại địa phương. Các địa phương miền Bắc cần có chủ trương và biện pháp thiết thực để làm tốt nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Các địa phương miền Nam cần có chủ trương và biện pháp đúng đắn để thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa kết hợp với xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nắm vững tính cách mạng và tính khoa học của Đảng, Đại hội đảng bộ địa phương cần đề ra những mục tiêu phấn đấu vừa tích cực vừa vững chắc. Đại hội đại biểu các địa phương cần đặc biệt coi trọng việc thảo luận và quyết định biện pháp phát động quần chúng ra sức thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu đã đề ra. Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương phải có những biện pháp thiết thực động viên quần chúng nhân dân xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Về tổ chức, Đại hội đại biểu của các đảng bộ địa phương cần nắm vững quan điểm của Đại hội toàn quốc lần thứ IV về xây dựng Đảng và về cấu tạo của các Ban chấp hành đảng bộ các cấp, nhận rõ vị trí của từng cấp và yêu cầu lãnh đạo của từng địa phương ở từng vùng để

Digitized by Google

quyết định cơ cấu Ban chấp hành đảng bộ cho phù hợp. Việc lựa chọn để bầu người vào Ban chấp hành đảng bộ cần phải theo nguyên tắc nắm vững tiêu chuẩn ủy viên Ban chấp hành đảng bộ là chính, kết hợp với cấu tạo Ban chấp hành đảng bộ một cách hợp lý, bảo đảm cho Ban chấp hành đảng bộ có đủ năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng ở địa phương, đồng thời bảo đảm tính kế thừa trong Ban chấp hành đảng bộ.

Về tiêu chuẩn ủy viên Ban chấp hành đảng bộ, cần coi trọng cả phẩm chất và năng lực để các đồng chí ủy viên Ban chấp hành đảng bộ có thể tham gia có hiệu quả vào sự lãnh đạo tập thể của Ban chấp hành đảng bộ, đồng thời có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ khi được phân công phụ trách ngành, địa phương hoặc cơ sở.

Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương (vòng hai) được chuẩn bị và tiến hành trong tình hình sản xuất khẩn trương. Các Ban chấp hành đảng bộ cần sắp xếp thì giờ hợp lý, kết hợp tốt các mặt công tác, để vừa chuẩn bị và tiến hành Đại hội được tốt, vừa bảo đảm sản xuất và các công tác khác. Phải nhân dịp Đại hội mà phát huy khí thế cách mạng của đảng bộ và nhân dân địa phương, đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, công tác và học tập, hoàn thành tốt nhiệm vụ cách mạng của địa phương.

Sau Đại hội đại biểu các đảng bộ địa phương, cần có kế hoạch tổ chức việc truyền đạt và nghiên cứu nghị quyết của Đại hội đảng bộ, biến nghị quyết đó thành hành động cách mạng của quần chúng nhân dân.

Đảng ta là một đảng có tính quần chúng. Đại hội đại biểu đảng bộ không những là một sự kiện quan trọng trong đảng bộ mà còn là một sự kiện chính trị quan trọng ở địa phương, được nhân dân địa phương quan tâm theo dõi. Mỗi lần chuẩn bị và tiến hành Đại hội là một dịp để thắt chặt hơn nữa quan hệ giữa Đảng và quần chúng.

Đảng ta là Đảng lãnh đạo cách mạng. Mỗi lần tiến hành Đại hội đại biểu đảng bộ là một bước trưởng thành của đảng bộ, đồng thời là một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở địa phương. Có ý thức rõ rệt về tầm quan trọng của mình, các đảng bộ địa phương cần chuẩn bị chu đáo và tiến hành tốt Đại hội đại biểu của mình, đề ra được những chủ trương công tác đúng đắn, nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, thiết thực góp phần đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng trong cả nước.

Digitized by Google

sản phong phú. Đó là những vốn quý đầu tiên để từ đó chúng ta đi lên. Vấn đề đặt ra là phải biết tổ chức tốt lực lượng lao động đó và sử dụng tốt các phương tiện vật chất - kỹ thuật hiện có để tác động có hiệu quả vào các đối tượng lao động.

Cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có tuy còn nhỏ yếu nhưng chưa được sử dụng đầy đủ và có hiệu quả để đẩy mạnh sản xuất. Công suất của nhiều nhà máy, của thiết bị, máy móc chỉ mới được sử dụng với mức thấp, tài nguyên đất đai, rừng, biển và nguồn lao động dồi dào chưa được sử dụng tốt. Sở dĩ có tình hình đó là do nhiều nguyên nhân, như dây chuyền sản xuất chưa được trang bị đồng bộ, việc phân công chuyên môn hóa và hiệp tác hóa trong sản xuất chưa tốt, công tác tổ chức và quản lý sản xuất ở từng cơ sở, trong mỗi địa phương, mỗi ngành và trên phạm vi cả nước còn nhiều mặt yếu, việc cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và phục vụ sản xuất chưa tốt, v.v...

Trong năm 1977 và các năm tiếp theo, chúng ta phải cố gắng tổ chức lại sản xuất trong cả nước, thực hiện sự phân công và hiệp tác một cách hợp lý và chặt chẽ giữa các cơ sở sản xuất, giữa các địa phương, giữa các ngành để phát huy ưu thế của mỗi cơ sở, mỗi địa phương, mỗi ngành. Phải tổ chức quản lý chặt chẽ và phục vụ tốt các cơ sở hiện có và sẽ được xây dựng thêm. Trong bố trí kế hoạch và tổ chức sản xuất, mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở sản xuất phải tính toán chặt chẽ, bảo đảm không để một tấc đất bị bỏ hoang, một thiết bị ngừng hoạt động, một lao động không có việc làm.

Phải hết sức coi trọng đầu tư theo chiều sâu, cải tiến và tăng cường trang bị để đồng bộ hóa hoặc cải tiến dây chuyền sản xuất. Đó là hướng đầu tư mang lại hiệu quả nhanh. Cần nghiên cứu cải tiến thủ tục đầu tư để tạo điều kiện dễ dàng cho việc tăng đầu tư theo hướng này. Đương nhiên trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta sẽ phải triển khai trên quy mô ngày càng lớn việc xây dựng các cơ sở vật chất — kỹ thuật mới.

Chúng ta phải có chuyển biến mạnh trong việc tạo ra nguồn nguyên liệu trong nước và tổ chức tốt việc cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất. Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phải vươn lên bảo đảm ngày càng tốt hơn nguyên liệu cho sản xuất và xây dựng, đồng thời phải có kế hoạch tốt bảo đảm nguyên liệu nhập khẩu.

Lực lượng lao động của nước ta hiện nay chưa được sử dụng hết, năng suất lao động xã hội còn thấp. Thêm nữa, đất nước ta không rộng, dân đông, lại phân bố không đồng đều giữa các vùng: trong khi dân số bình quân trên 1km^2 ở vùng đồng bằng Bắc-bộ lên tới 660 người, (riêng tỉnh Thái-bình lên tới 1070 người) thì ở các tỉnh miền núi Bắc-bộ chỉ 50 người, các tỉnh khu IV cũ 129 người, các tỉnh khu V cũ 121 người, vùng Tây-nguyên chỉ 26 người, các tỉnh Đông Nam-bộ 95 người và các tỉnh đồng bằng sông Cửu-long 258 người. Tình hình đó rất không hợp lý và cũng là một khó khăn trong sự phát triển kinh tế nước ta hiện nay.

Do đó, chúng ta phải tích cực thực hiện sự phân bố lao động xã hội với quy mô lớn hơn, tổ chức tốt cho trên 50 vạn lao động (1,2 triệu nhân khẩu) từ các tỉnh đồng bằng Bắc-bộ, các thành phố miền Nam, nhất là thành phố Hồ-Chí-Minh và các huyện đồng bằng của các tỉnh khu IV, khu V cũ đi xây dựng các vùng kinh tế mới nhằm đẩy mạnh khai thác đất đai ở vùng đồng bằng sông Cửu-long, Đông Nam-bộ, Tây nguyên và các tỉnh vùng

Digitized by Google

núi miền Bắc, các vùng phía tây của các tỉnh thuộc khu IV và khu V cũ.

Đi đôi với phân bố lại lao động giữa các vùng và các ngành, phải chấn chỉnh tổ chức lao động và tăng cường công tác quản lý lao động trong các ngành, các đơn vị cơ sở, tăng cường bồi dưỡng, kèm cặp, nâng cao tay nghề, giải quyết tốt bữa ăn, nhà ở, coi trọng công tác bảo hộ lao động, tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, tăng cường kỷ luật lao động, phục vụ tốt phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa nhằm khai thác tốt mọi khả năng tiềm tàng, năng lực sản xuất hiện có, tăng năng suất lao động và từ đó tăng nhanh của cải vật chất cho xã hội. Năm 1977, các ngành, các cấp phải tăng cường quản lý, bảo đảm cho năng suất lao động của một công nhân viên sản xuất trong ngành công nghiệp tăng 9% so với năm 1976, trong ngành xây dựng tăng 6%, trong ngành vận tải tăng 20%....

Phân bố hợp lý lao động trên quy mô cả nước và tăng cường tổ chức quản lý lao động là công tác quan trọng nhất trong việc tổ chức lại sản xuất xã hội. Đó là quan điểm toàn cục trong sự bố trí lực lượng sản xuất cho phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển của nền kinh tế nước ta hiện nay.

Với sự phân bố lại hàng triệu người lao động giữa các vùng và các ngành trong cả nước, năm 1977 và những năm sau, chúng ta quyết thực hiện thắng lợi mục tiêu 21 triệu tấn lương thực, khai hoang 1 triệu ha, trồng rừng 1.2 triệu ha, khai thác cá biển 1 triệu tấn và các mục tiêu khác của nền kinh tế trong kế hoạch 5 năm 1976 — 1980 và tạo nên những khu kinh tế mới, những huyện mới, những khu công nghiệp, những khu dân cư mới trên đất nước ta. Những mục tiêu đó là những nhiệm vụ lớn lao mà bình thường trước đây phải mất hàng thế kỷ cũng chưa thực hiện được. Chỉ có khi thế cách mạng hào hùng của tập thể nhân dân làm chủ đất nước dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và đảng tiền phong của nó và dưới sức mạnh tổ chức quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản mới có thể làm được điều đó.

3 — *Xúc tiến việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam để hoàn thành nhiệm vụ này trong thời kỳ kế hoạch 5 năm; đồng thời tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.*

Đây là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch Nhà nước năm 1977.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phải gắn liền với việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất và phải đặt chung các việc này trong quy hoạch tổ chức lại sản xuất xã hội theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc thực hiện các nhiệm vụ này là nhằm làm cho hai miền của đất nước sớm đi đến đồng nhất về chế độ kinh tế trên một cơ sở cao hơn, vững chắc hơn.

Đối với các tỉnh miền Nam, phải vừa cải tạo xã hội chủ nghĩa, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường nhanh chóng lực lượng kinh tế quốc doanh ở tất cả các ngành, đồng thời đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và phải bảo đảm sản xuất không ngừng phát triển.

Vấn đề cấp bách là phải xúc tiến cải tạo xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực lưu thông phân phối. Nhà nước phải nắm được nguồn hàng, quản lý và chi phối được thị trường, trước hết là đối với các hàng hóa, vật tư thuộc nhu cầu thiết yếu cho sản xuất và đời sống. Công việc này phải được tiến hành khẩn trương, gọn và tốt, để góp phần tích cực tổ chức lại sản xuất, phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Digitized by Google

Trong nông nghiệp, phải dẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa kết hợp với hợp tác hóa nông nghiệp để đưa nhanh nông dân đi vào con đường sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong năm 1977, phải tiến hành khẩn trương việc thí điểm xây dựng một số hợp tác xã, một số huyện, việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý để mở rộng và hoàn thành sớm trong những năm sau. Việc tổ chức nhân dân khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới phải tiến hành đồng thời với việc xây dựng ngay các cơ sở sản xuất xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh các nông trường quốc doanh mới và củng cố các nông trường quốc doanh hiện có.

Phải xúc tiến cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nghề đánh cá biển. Đồng thời, từ năm 1977, phải phát triển nhanh, mạnh lực lượng đánh cá quốc doanh trong cả nước. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng.

Thực hiện các nhiệm vụ trên là tiến hành cuộc đấu tranh gay go, phức tạp để giải quyết vấn đề « ai thắng ai» giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Đó cũng là quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đó cần nắm vững quan điểm « kết hợp cải tạo với xây dựng, chính trị với kinh tế, hòa bình với bạo lực, thuyết phục với cưỡng bách, giáo dục với hành chính,... » (2). Để bảo đảm giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh đó, phải tập trung sức củng cố tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, phối hợp tốt công tác của các ngành, chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải đặc biệt coi trọng việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và năng lực quản lý của Nhà nước, phát huy ý thức làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân; củng cố lập trường giai cấp công nhân của mỗi cán bộ, đảng viên, đồng thời bồi dưỡng kiến thức và năng lực quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa cho cán bộ các cấp.

Trong năm 1977, chúng ta phải tiến hành một bước việc xây dựng cấp huyện. Cần tập trung làm một số huyện để rút kinh nghiệm, chuẩn bị điều kiện triển khai mạnh trong các năm sau để từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp, tạo thế vững chắc đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng kế hoạch của mỗi tỉnh, mỗi ngành phải đi từ sự cân đối ở mỗi huyện.

4 – *Phải thể hiện rõ tinh thần tích cực, vững chắc và sinh động trong kế hoạch Nhà nước năm 1977.*

Công tác kế hoạch hóa có nhiệm vụ phải từng bước giảm dần những mất cân đối lớn của nền kinh tế, tạo cho nền kinh tế có cơ cấu hợp lý, có nhịp độ phát triển nhanh, đủ sức đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng của sản xuất và đời sống nhân dân. Quá trình phát triển kinh tế, làm giảm dần, đi đến khắc phục những mất cân đối lớn của nền kinh tế nước ta hiện nay phải là quá trình liên tục phấn đấu với tinh thần cách mạng tiến công trong nhiều năm nữa.

Trong tình hình sản xuất chưa bảo đảm tiêu dùng, xuất khẩu còn thấp nhiều so với nhập khẩu, thu chưa đủ chi như hiện nay, nếu làm kế hoạch mà đòi hỏi « cân đối thật vững chắc ngay từ đầu », « nắm chắc các yếu tố của sản xuất và xây dựng trong tay rồi mới ghi vào kế hoạch », v.v.. thì có nghĩa là hạ thấp các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và xây dựng

(2) Xem "Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng" do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, đăng trên tạp chí *Học tập* số tháng 12-1976, trang 63.

Digitized by Google

xuống, hạ thấp mức đáp ứng các nhu cầu về đời sống nhân dân xuống,... Và như vậy thì nhiều nhà máy sẽ phải ngừng sản xuất, số người lao động không có việc làm tăng thêm, nhiều mặt hoạt động kinh tế lâm vào cảnh đình trệ, đời sống nhân dân sẽ khó khăn thêm, hậu quả sẽ vô cùng nghiêm trọng.

Kế hoạch Nhà nước phải xuất phát từ nhu cầu và khả năng của nền kinh tế, của mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở sản xuất mà định ra. Nhưng nhu cầu thì thường dễ thấy rõ hơn là khả năng. Do đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, phải tính toán, cân nhắc kỹ các nhu cầu và khả năng, luôn luôn chủ động tạo ra thế cân đối, cố gắng tìm mọi biện pháp (về kinh tế, về kỹ thuật, về tổ chức, về chính sách, v.v...) để tạo ra và khai thác các tiềm năng vật chất và trí tuệ, tạo ra khả năng mới cho cân đối kế hoạch; phải nắm chắc đường lối và những nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất để bố trí kế hoạch với những cân đối tốt nhất. Nhưng phải thấy rằng, đó mới chỉ là bước đầu. Trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch, phải tiếp tục và không ngừng tạo ra khả năng cân đối mới nhằm bảo đảm thực hiện tốt nhất những nhiệm vụ, chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước. Phải phát huy khí thế cách mạng của phong trào quần chúng, sáng kiến và khả năng cống hiến của đội ngũ công nhân và cán bộ khoa học – kỹ thuật, cán bộ quản lý,v.v... Đó là những khả năng dự trữ rất lớn mà chúng ta cần chú trọng khai thác trong khi xây dựng và thực hiện kế hoạch. Hồ Chủ tịch đã nói: « Đặt ra kế hoạch thật tốt, thật sát là rất cần; nhưng đó chỉ là bước đầu. Kế hoạch 10 phần thì biện pháp cụ thể phải 20 phần, chỉ đạo thực hiện sát sao phải 30 phần, có như thế mới chắc chắn hoàn thành tốt kế hoạch » (3). Cần thấy rằng, với các chỉ tiêu sản xuất và xây dựng đã xác định trong kế hoạch Nhà nước năm 1977, công suất của các nhà máy, của các thiết bị cũng như nguồn vốn lao động mới được huy động ở mức thấp, các chỉ tiêu xuất khẩu còn thấp so với khả năng sản xuất nguồn hàng xuất khẩu, v.v... Chúng ta phải ra sức khai thác tốt các khả năng tiềm tàng đó.

Tính cân đối của kế hoạch phải được thực hiện một cách sinh động, không cứng nhắc. Chúng ta phản đối cách cân đối tiêu cực, bảo thủ, nhưng cũng không tán thành cách cân đối phiêu lưu, thiếu căn cứ thực tế. Những chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1977 không chỉ xuất phát từ nhu cầu mà cũng xuất phát từ những khả năng thực tế đã có tính toán. Nhưng nói khả năng thực tế cũng phải hiểu với tinh thần tích cực: có những khả năng đã sẵn có khi xây dựng kế hoạch, cũng có những khả năng phải tạo ra trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Kế hoạch Nhà nước năm 1977 đã tính toán cân đối các vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc,v.v... và đã đề ra các biện pháp tích cực bảo đảm cho các chỉ tiêu sản xuất và xây dựng, v.v... được thực hiện. Nhưng trong thực hiện kế hoạch, việc cung cấp vật tư kỹ thuật thường đạt mức thấp so với yêu cầu cân đối của kế hoạch, gây ra nhiều khó khăn cho sản xuất và xây dựng. Ngược lại, cũng có hiện tượng phổ biến là mức tiêu hao vật tư trên mỗi đơn vị sản phẩm thường quá cao, gây lãng phí không ít. Cần phải kiên quyết khắc phục các hiện tượng đó.

Trong điều kiện hiện nay, chúng ta còn phải nhập khẩu nhiều loại vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng với khối lượng lớn, trong khi quan hệ xuất nhập khẩu còn chênh lệch lớn. Bởi vậy, việc ra sức khai thác

(3) Bài nói tại Hội nghị phổ biến kế hoạch Nhà nước năm 1965; báo *Nhân dân*, số ra ngày 20-1-1965.

Digitized by Google

đựng, v.v...; nhân dân ta giàu nhiệt tình cách mạng, có truyền thống anh hùng trong đấu tranh cách mạng, anh dũng, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất. Chúng ta có lực lượng lao động dồi dào 22 triệu người, có hơn một triệu công nhân, hơn 50 vạn cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý từ trình độ trung cấp trở lên, trong đó 16 vạn người có trình độ đại học, trên 3.000 người có trình độ trên đại học. Chúng ta có miền Bắc đi trước một bước trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, đã đạt được những thành tựu lớn và có những kinh nghiệm về xây dựng chủ nghĩa xã hội và quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có Nhà nước chuyên chính vô sản vững mạnh đang làm nhiệm vụ tổ chức thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Ngày nay nước ta có điều kiện thuận lợi để mở rộng quan hệ hợp tác, tương trợ về kinh tế, khoa học, kỹ thuật và văn hóa với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên thế giới.

Những điều kiện thuận lợi lớn trên đây khác nhiều so với miền Bắc trong 20 năm qua xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đất nước bị chia cắt và chiến tranh.

Tuy nhiên, cần nhận rõ rằng có những thuận lợi và khả năng tiềm tàng có thể phát huy ngay được; lại có những thuận lợi và khả năng tiềm tàng tuy lớn, nhưng phải có thời gian và những nỗ lực lớn để tạo ra những điều kiện vật chất — kỹ thuật nhất định thì mới khai thác được.

Hiện nay, trong khi có những thuận lợi và khả năng tiềm tàng chưa phát huy được nhiều, hoặc chưa có điều kiện phát huy được, thì những khó khăn, những mặt mất cân đối lớn tồn tại ngay trong cơ thể của nền kinh tế đang hàng ngày, hàng giờ tác động trực tiếp đến mọi mặt hoạt động kinh tế, xã hội và đời sống của nhân dân ta.

Vậy bản chất của những khó khăn, mất cân đối trong nền kinh tế nước ta hiện nay là gì? Nguồn gốc những khó khăn, mất cân đối ấy là ở đâu?

Bất kỳ nước nào vừa ra khỏi chiến tranh và vừa thoát khỏi chủ nghĩa thực dân cũ hoặc mới đều gặp những khó khăn lớn về kinh tế và xã hội.

Cuộc chiến tranh giữa nhân dân ta và đế quốc Mỹ xâm lược là cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất, lâu dài nhất và khốc liệt nhất từ sau đại chiến thế giới thứ hai. Trong cuộc chiến tranh này, tên đế quốc hùng mạnh nhất, hung ác nhất thế giới là Mỹ đã thất bại thảm hại trong âm mưu tiêu diệt lực lượng cách mạng miền Nam và « đẩy lùi miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá ». Nhân dân ta đã chiến thắng vẻ vang. Nhưng hậu quả của sự tàn phá, những đảo lộn trong đời sống kinh tế xã hội, sự đình trệ của nền kinh tế thì đất nước ta đã và đang phải chịu đựng và đang khẩn trương khắc phục.

Miền Bắc có 6 thành phố thì cả 6 thành phố đều bị đánh phá, trong đó 3 thành phố (Vinh, Việt-trì, Thái-nguyên) bị đánh phá có tính chất hủy diệt; có 30 thị xã thì 28 thị xã bị đánh phá trong đó 12 thị xã bị đánh phá hủy diệt; có 116 thị trấn thì 96 thị trấn bị đánh phá, trong đó 51 thị trấn bị hủy diệt; có 5.788 xã thì 4.000 xã bị đánh phá, trong đó 300 xã bị hủy diệt, 350 bệnh viện bị đánh phá, trong đó 10 bệnh viện bị san bằng, trên 1.500 bệnh xá và nhà hộ sinh bị phá hủy. Gần 3.000 trường học các cấp bị đánh phá, trong đó có 15 trường đại học, 2.900 trường phổ thông. Nhiều nhà thờ, chủng viện, đền chùa, di tích lịch sử có tiếng... cũng bị đánh phá. Hơn 12 triệu mét vuông nhà ở bằng gạch, ngói bị phá hủy (trong đó có 5 triệu mét vuông nhà ở của Nhà nước và 7 triệu mét vuông nhà ở của nhân

Digitized by Google

còn lại về sản xuất, xây dựng và về đời sống nhân dân trong 3 năm tới còn rất lớn. Riêng về nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản mà nói, nhiều công trình xây dựng lớn, có tính chất then chốt của nền kinh tế quốc dân sẽ phải triển khai vào mấy năm tới.

Bởi vậy, cùng với việc tập trung sức phấn đấu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1977, việc tích cực chuẩn bị các điều kiện cho kế hoạch sản xuất, xây dựng, v.v... trong các năm tới được triển khai thuận lợi và mạnh mẽ cũng là nhiệm vụ quan trọng cấp thiết.

Hiện nay, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1977 của mỗi ngành, mỗi địa phương và đơn vị cơ sở đều rất nặng. Trong sản xuất, xây dựng và đời sống nhân dân lại có những khó khăn cụ thể đòi hỏi phải giải quyết kịp thời. Trong khi đó, khối lượng công tác chuẩn bị cho các năm sau rất lớn. Trước mắt, chúng ta phải khẩn trương chuẩn bị về kỹ thuật, vật tư, về chính sách, tổ chức và về bồi dưỡng, đào tạo cán bộ và công nhân, v.v... Trong đầu tư xây dựng cơ bản, phải đặc biệt coi trọng xúc tiến các thủ tục đầu tư là khâu rất yếu đang gây trở ngại lớn cho việc triển khai mạnh công tác này. Chúng ta phải xúc tiến một số công tác lớn để không những chuẩn bị cho các năm tiếp theo của kế hoạch 5 năm 1976 – 1980, mà còn chuẩn bị một bước cho việc xây dựng quy hoạch và kế hoạch dài hạn, như đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên, hoàn chỉnh công tác phân vùng kinh tế, xây dựng quy hoạch cụ thể của từng ngành, từng vùng kinh tế cơ bản, tiến hành dự đoán kinh tế, nghiên cứu khoa học – kỹ thuật. Những nhiệm vụ trên đòi hỏi công tác tổ chức chỉ đạo và quản lý, một mặt phải tập trung sức thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trước mắt của kế hoạch Nhà nước năm 1977; mặt khác phải tổ chức chỉ đạo chặt chẽ và bố trí lực lượng thích đáng để tiến hành khẩn trương, nhanh gọn, đồng bộ các công tác chuẩn bị cho các năm sau.

III. TẠO RA MỘT SỰ CHUYỂN BIẾN MẠNH TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ

Trong lĩnh vực quản lý, chúng ta đã làm được nhiều việc và đã có những kinh nghiệm tốt. Nhiều nghị quyết, chính sách, chế độ về quản lý kinh tế, quản lý xã hội mà Đảng và Nhà nước đã ban hành đang phát huy tác dụng tích cực.

Song phải thừa nhận rằng, chúng ta còn nhiều khuyết điểm, trình độ chỉ đạo và quản lý còn nhiều mặt yếu kém, không theo kịp yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Chúng ta đã phát hiện từ lâu những khuyết điểm và yếu kém về mặt này, nhưng việc cải tiến, sửa chữa tiến bộ chậm. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng và nước nhà thống nhất, nhiệm vụ quản lý đã mở rộng phạm vi ra cả nước và chúng ta phải thực hiện thống nhất quản lý trong cả nước. Trong khi đó, bước đi của cách mạng, tổ chức kinh tế, trình độ quản lý giữa hai miền không đồng nhất; một số chính sách, chế độ quản lý, định mức, tiêu chuẩn kinh tế và kỹ thuật không còn phù hợp với tình hình hiện nay; trong các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở còn tồn tại các hiện tượng quan liêu, mệnh lệnh, thiếu dân chủ, buông lỏng, phân tán,... trong quản lý, thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu ý thức tổ chức và kỷ luật, tùy tiện trong việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các luật pháp, chính sách, chế độ của Nhà nước, v.v... Các hiện tượng đó đã

Digitized by Google

gây trở ngại cho việc động viên mọi khả năng tiềm tàng của nền kinh tế, phát huy tinh thần làm chủ tập thể và khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân, thậm chí đưa đến những ảnh hưởng xấu trong nhân dân. Không kiên quyết khắc phục các hiện tượng đó sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện kế hoạch.

Cho nên, tạo ra sự chuyển biến mạnh về hiệu lực chỉ đạo và quản lý kinh tế là một nhiệm vụ có quan hệ trực tiếp đến thắng lợi của việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1977 và các năm tiếp theo của kế hoạch 5 năm.

Trong báo cáo của đồng chí Phạm-Văn-Đồng, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ trước Đại hội lần thứ IV của Đảng và báo cáo của đồng chí Lê-Thanh-Nghị, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Phó thủ tướng Chính phủ về kế hoạch Nhà nước năm 1977 trước Quốc hội khóa thứ VI, kỳ họp thứ hai đã nêu đầy đủ những biện pháp lớn về tăng cường và cải tiến công tác tổ chức chỉ đạo và quản lý để thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976—1980 và năm 1977. Đó là những văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước mà chúng ta phải nghiên cứu, nắm vững và thực hiện nghiêm túc. Ở đây, chúng tôi nhấn mạnh những việc cấp bách năm 1977 phải làm là :

— *Thực hiện nhanh chóng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý nền kinh tế cả nước* nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và sự quản lý thống nhất của Chính phủ. Phải tăng cường chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện đường lối, các chính sách, nguyên tắc, chế độ của Đảng và Nhà nước, các mục tiêu của kế hoạch Nhà nước, làm cho hoạt động của bộ máy Nhà nước trong cả nước sớm đi vào nền nếp, phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân.

Xúc tiến thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và lãnh thổ. Phát huy tác dụng chỉ đạo và quản lý kinh tế và kỹ thuật, quản lý kế hoạch của các ngành trung ương trong cả nước. Ngành phải nắm chắc, chỉ đạo, quản lý một cách chủ động và chịu trách nhiệm về công tác của ngành ở các địa phương trong cả nước. Đồng thời phải phát huy tinh chủ động sáng tạo, bảo đảm quyền hạn và đề cao trách nhiệm của các địa phương trong quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch Nhà nước ở địa phương và lãnh thổ theo sự phân công, phân cấp cụ thể của Đảng và Nhà nước.

Coi trọng việc củng cố các đơn vị cơ sở (nhất là ở các tỉnh miền Nam), tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở, làm cho cơ sở sớm có thể chủ động và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất và kinh doanh, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Nhà nước.

Thật sự bắt tay vào xây dựng cấp huyện sớm thành một cấp kế hoạch và quản lý kinh tế, thành một đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Cần xác định cụ thể nội dung nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo của cấp huyện, phân cấp quản lý cụ thể cho cấp huyện, tăng cường cán bộ và phương tiện cho cấp huyện.

— Trong năm 1977, chúng ta phải *kiên quyết thực hiện nghiêm chỉnh và cải tiến các chế độ quản lý*, coi đó là khâu *quan trọng bảo đảm thực hiện kế hoạch Nhà nước*.

Các ngành, các cấp phải chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các luật pháp, chế độ, thể lệ đã có của Nhà nước. Đồng thời, phải xúc tiến nghiên cứu, sớm sửa đổi những điều hiện nay không còn phù hợp nữa ; ban hành những quy định, những chế độ, thể lệ quản lý mới, hoặc bổ sung những

Digitized by Google

điều đã có cho sát với điều kiện và nhiệm vụ của giai đoạn mới trong cả nước. Chúng ta phải tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và Chính phủ về quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước như Nghị định 172CP, Nghị định 19CP, 21CP, 61CP, v.v... Trên cơ sở những chính sách, chế độ quản lý chung của Nhà nước, mỗi ngành, địa phương và cơ sở tùy theo chức năng và đặc điểm riêng của mình mà nghiên cứu ban hành những quy định nội bộ thành chế độ công tác thống nhất trong ngành, địa phương và cơ sở.

Trong hoàn cảnh đất nước mới thống nhất, cách mạng tiến triển không đều giữa hai miền, quan hệ sản xuất và trình độ kinh tế chưa đồng nhất, việc nghiên cứu quy định những chế độ quản lý kinh tế phù hợp với tình hình đó là việc không giản đơn. Do đó một mặt phải tổ chức tốt công tác điều tra, nghiên cứu; mặt khác không nên vì cầu toàn mà để chậm trễ công việc. Chúng ta phải ban hành và nghiêm chỉnh thi hành các chế độ quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, lấy đó làm cơ sở cho hoạt động quản lý thống nhất. Sau đó, thông qua thực tiễn, chúng ta sẽ rút kinh nghiệm, sửa đổi và bổ sung thêm.

Qua việc nghiêm túc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, các nguyên tắc, chế độ quản lý của Nhà nước, cho đến việc thi hành những quy định nội bộ và chế độ công tác của mỗi ngành, địa phương và cơ sở, chúng ta bảo đảm cho toàn bộ hoạt động chỉ đạo, quản lý đi vào nền nếp, thống nhất, có quy củ, bảo đảm phát huy tốt chức năng và hiệu lực của hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh.

– *Phải kiên quyết tổ chức, tăng cường cơ quan điều độ và chấn chỉnh công tác thông tin kinh tế* để giúp cho cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nắm được tình hình một cách nhanh chóng, chính xác và điều hành công việc kịp thời, sắc bén và có hiệu quả.

Các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương và cơ sở phải tổ chức tốt công tác điều hành các hoạt động kinh tế, hoạt động sản xuất thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. Phải tăng cường những đồng chí lãnh đạo có đủ năng lực làm công tác này. Hiện nay, ở nhiều xí nghiệp đã có bộ máy điều độ hoạt động tốt, giúp giám đốc quản lý một cách có hiệu quả việc sản xuất kinh doanh và thực hiện kế hoạch. Nhưng nhiều xí nghiệp còn chưa coi trọng và còn lúng túng trong việc chỉ huy, điều hành công việc hàng ngày. Ở nhiều cơ quan lãnh đạo, quản lý cấp trên, tuy bộ máy quản lý hành chính đông người, nhưng bộ phận điều độ rất yếu về nghiệp vụ và tổ chức điều hành nên không phục vụ được đắc lực cho lãnh đạo. Ngược lại, có cơ quan lãnh đạo lại giao phó cho cơ quan điều độ nhiều việc, nhiều quyền không đúng chức năng của nó, vô tình làm yếu sự chỉ đạo, quản lý tập trung của người thật sự có quyền hạn và trách nhiệm chỉ đạo, quản lý.

Chúng ta phải xác định rõ chức năng và tăng cường năng lực hoạt động của cơ quan điều độ, làm cho cơ quan điều độ thành khâu trung tâm giúp lãnh đạo huy động cả bộ máy quản lý hướng về cơ sở, phục vụ phong trào quần chúng lao động sản xuất. Đồng thời phải tổ chức việc kiểm tra, đôn đốc cơ sở, đòi hỏi cơ sở quản lý sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm hoàn thành thắng lợi kế hoạch.

– *Cần tăng cường công tác kiểm tra và thanh tra*, kịp thời phát hiện, kết luận và phổ biến những kinh nghiệm tốt, khen thưởng đích đáng những người tốt, việc tốt, không để một người nào, đơn vị nào có nhiều sáng kiến, có nhiều cống hiến mà không được biểu dương, cổ vũ. Đồng thời, phải xử lý nghiêm minh và kịp thời đối với những người, những việc làm

Digitized by Google

sai trái. Không để bất kỳ người nào, dù ở cương vị nào, nói trái, làm trái đường lối, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước, không làm tròn nhiệm vụ mà không bị phê phán, thi hành kỷ luật... Các cơ quan kiểm tra, thanh tra của Đảng và Nhà nước cần hướng công tác kiểm tra vào các mặt hoạt động kinh tế, vào việc thực hiện kế hoạch Nhà nước. Tổ chức tốt sự kết hợp công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chuyên trách của Nhà nước, của Đảng với việc kiểm tra của các tổ chức quần chúng ở xí nghiệp, hợp tác xã, cửa hàng, khu phố, làm cho công tác thanh tra, kiểm tra nói chung thật sự trở thành một công cụ đắc lực của Nhà nước chuyên chính vô sản, một phương tiện phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

— *Phát triển sâu rộng hơn nữa phong trào thi đua lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, đạt năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, tiết kiệm nhiều.*

Trong phong trào thi đua, phải tổ chức và động viên tốt mọi người thảo luận và thực hiện khẩu hiệu hành động của toàn dân trong năm 1977 « *là lao động, tiết kiệm, làm đủ ăn và có tích lũy* », đồng thời phải gây một dư luận rộng rãi chống thói trì trệ, bảo thủ, chống tệ quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà cho nhân dân, chống các hiện tượng lãng phí, tham ô, chống thói lười biếng, làm ẩu, làm dối, báo cáo sai sự thật, v.v...

Trước mắt, chúng ta cần thông qua việc phổ biến Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng mà nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể và ý chí phấn đấu cách mạng của quần chúng nhân dân trên mặt trận lao động sản xuất, trong công tác quản lý và phân phối, đồng thời phải nhanh chóng thực hiện tốt các biện pháp tăng cường và cải tiến công tác chỉ đạo và quản lý, bảo đảm các điều kiện vật chất — kỹ thuật trong sản xuất và xây dựng, chăm lo giải quyết các vấn đề về đời sống, về bảo hộ lao động,... cho người lao động.

★

Kế hoạch Nhà nước năm 1977 có ý nghĩa rất quan trọng. Việc thực hiện thắng lợi kế hoạch này sẽ làm cho tình hình kinh tế nước ta được cải thiện một bước, các mặt mất cân đối lớn của nền kinh tế được thu hẹp một phần, đời sống nhân dân có cơ sở để ổn định và cải thiện một bước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 — 1980.

Then chốt quyết định thắng lợi của kế hoạch Nhà nước là phải *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng*, phát huy *quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản.*

Chúng ta đều biết rằng kế hoạch Nhà nước là cương lĩnh thứ hai của Đảng, là pháp lệnh của Nhà nước, đồng thời nó thể hiện lợi ích và ý chí phấn đấu cách mạng của nhân dân. Kế hoạch Nhà nước năm 1977 là chương trình hành động cách mạng cụ thể của toàn Đảng, toàn dân ta triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng. Tất cả cán bộ, đảng viên ở các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở phải nêu cao quyết tâm và tinh thần trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và nhân dân, tiếp tục động viên và giữ vững khí thế cách mạng của phong trào quần chúng nhân dân đang trên đà phát triển, bảo đảm thực hiện thắng lợi và vượt mức các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1977.

Digitized by Google

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa

NGUYỄN-VỊNH

XÂY dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, là nhằm xây dựng chế độ mới (chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa), nền kinh tế mới (nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa), nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Chế độ làm chủ tập thể quán xuyến tất cả mọi mặt của đời sống xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhận thức đúng đắn về chế độ làm chủ tập thể có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất lớn. Nó giúp chúng ta nâng cao tính tự giác trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho nhân dân lao động làm chủ thật sự, làm chủ đầy đủ nhất. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thể hiện một cách tập trung trong sự *làm chủ của nhân dân lao động bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của đảng tiền phong của giai cấp công nhân* » (1).

Xã hội — bất cứ dưới hình thái nào — là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa người và người, tức là sản phẩm của những quan hệ xã hội về mọi mặt giữa người và người. Chế độ xã hội là kiểu tổ chức xã hội thể hiện toàn bộ những quan hệ xã hội đó. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một kiểu tổ chức xã hội trong đó toàn bộ các quan hệ xã hội (kinh tế, chính trị, văn hóa...) được xây dựng thành quy chế, tổ chức, tiêu chuẩn, thành tập quán và lối sống nhằm bảo đảm quan hệ cơ bản nhất là: « người làm chủ là nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo » (2).

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Nội dung làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm

---

(1) Lê-Duẩn: « Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt-nam thống nhất xã hội chủ nghĩa » tạp chí *Học tập*, số 7-1976, trang 36.

(2) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

nhiều mặt : làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ; làm chủ xã hội ; làm chủ thiên nhiên ; làm chủ bản thân ; và trên cơ sở phục tùng quyền làm chủ trong phạm vi cả nước, mà làm chủ trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở. Quyền làm chủ của tập thể bao gồm quyền tự do chân chính của cá nhân ».

Làm chủ tập thể về chính trị là tiền đề, là điều kiện tiên quyết của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Từ địa vị nô lệ, bị áp bức dưới chế độ cũ, muốn trở thành người làm chủ, nhân dân lao động tất yếu phải lật đổ chính quyền của các giai cấp thống trị, giành lấy chính quyền về tay mình. Hàng nghìn năm nay, trải qua các chế độ khác nhau của xã hội có giai cấp, nhân dân lao động đã nhiều phen đứng dậy mưu lật đổ ách thống trị của bọn bóc lột. Nhưng các cuộc khởi nghĩa của họ đều dẫn tới sự thống trị của một triều đại, hoặc một giai cấp bóc lột khác, rốt cuộc họ vẫn phải sống trở lại cuộc đời nô lệ. Chỉ với sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, một giai cấp không có lợi ích riêng biệt đối lập với các giai cấp bị áp bức khác, một giai cấp chỉ có thể giải phóng cho mình nếu đồng thời giải phóng cho tất cả các giai cấp bị áp bức, bóc lột khác. Tiêu biểu cho quyền làm chủ về chính trị là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, xây dựng trên cơ sở liên minh công nông, do giai cấp công nhân và đảng Mác — Lê-nin lãnh đạo. Nắm chính quyền Nhà nước, nhân dân lao động mới có thể thực hiện được quyền lực chính trị của mình, bảo vệ được quyền làm chủ của mình chống lại những kẻ thù giai cấp đã bị đánh đổ, nhưng vẫn âm mưu ngóc đầu dậy giành lại địa vị thống trị của chúng. Mặt khác, nhờ có chính quyền Nhà nước của mình, nhân dân lao động mới có thể xây dựng, củng cố và hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa mà cơ sở là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, « Xây dựng *chế độ làm chủ tập thể về chính trị* là thiết lập quyền lực của nhân dân lao động lấy liên minh công nông làm nòng cốt và do giai cấp công nhân lãnh đạo, là xây dựng các mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân để bảo đảm cho nhân dân lao động thật sự làm chủ xã hội, hiểu rõ và biết sử dụng quyền lực chính trị của mình » (3).

Nếu làm chủ tập thể về chính trị là tiền đề để thực hiện làm chủ về các mặt khác thì làm chủ tập thể về kinh tế lại là cơ sở của quyền làm chủ về mọi mặt.

« *Làm chủ tập thể về kinh tế* bao gồm làm chủ tập thể những tư liệu sản xuất chủ yếu, làm chủ tập thể lực lượng lao động, làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất và trong lĩnh vực phân phối » (4).

Làm chủ tập thể về tư liệu sản xuất đòi hỏi phải xóa bỏ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và cải tạo chế độ sở hữu cá thể của nông dân và những người sản xuất nhỏ khác, xác lập chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức : sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể.

Một khi chế độ công hữu đã được xác lập, xã hội tất yếu phải làm chủ tập thể lực lượng lao động, làm cho lực lượng lao động của xã hội có đầy đủ tính chất của lao động xã hội trực tiếp phù hợp với tính chất xã hội của tư liệu sản xuất đã công hữu hóa. Làm chủ tập thể lực lượng lao động là nắm chắc lực lượng lao động trong phạm vi cả nước, từng địa phương, từng cơ sở để phân bố và sử dụng lực lượng lao động ấy một cách hợp lý nhằm

(3) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

(4) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

tạo ra ngày càng nhiều của cải cho xã hội. Làm chủ tập thể lực lượng lao động là để có thể kết hợp một cách có hiệu quả nhất sức lao động với tư liệu sản xuất; khai thác một cách có hiệu quả nhất tài nguyên phong phú của đất nước.

Làm chủ tập thể tư liệu sản xuất và làm chủ tập thể lực lượng lao động là điều kiện quyết định để có thể làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất. Ngược lại làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất là điều kiện để sử dụng một cách có hiệu quả nhất mọi lực lượng sản xuất của xã hội, làm cho nền sản xuất xã hội phát triển một cách cân đối, nhịp nhàng, với năng suất lao động cao và nhịp độ phát triển nhanh. Làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất trước hết là phải đứng trên quan điểm toàn cục mà bố trí và sử dụng hợp lý mọi năng lực sản xuất của cả nước theo một kế hoạch thống nhất, đồng thời cũng phải phát huy cao độ tính chủ động và sáng tạo của mỗi địa phương, đơn vị kinh tế, cũng như mỗi người lao động để khai thác mọi tiềm lực kinh tế phục vụ cho kế hoạch chung. Làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất còn có nghĩa là phải vận dụng đúng đắn quy luật kinh tế khách quan để xây dựng được một hệ thống tổ chức và quản lý có hiệu quả, đề ra được những chế độ, chính sách đúng đắn có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển nhanh chóng.

Làm chủ tập thể trong lĩnh vực phân phối đòi hỏi phải xây dựng một chế độ phân phối công bằng, hợp lý, có tổ chức, có kế hoạch, nhằm thỏa mãn ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và văn hóa của toàn xã hội tùy theo trình độ phát triển của sản xuất. Chế độ phân phối ấy trước hết phải bảo đảm nền sản xuất xã hội không ngừng mở rộng và phát triển. Chế độ phân phối ấy phải kết hợp đúng đắn nguyên tắc « phân phối theo lao động: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, có sức lao động mà không làm thì không được hưởng » với việc tăng dần phúc lợi xã hội, và việc Nhà nước cùng tập thể chăm sóc những người mất sức lao động, những người tàn tật, già cả, nuôi dạy trẻ em, v.v... Làm chủ tập thể trong lĩnh vực phân phối xét đến cùng là mục đích của làm chủ tập thể tư liệu sản xuất, làm chủ tập thể lực lượng sản xuất, làm chủ tập thể trong tổ chức và quản lý sản xuất. Nếu nhân dân lao động không làm chủ thật sự trong lĩnh vực phân phối thì quyền làm chủ tập thể về kinh tế của họ trở nên vô nghĩa.

Một khi nhân dân lao động đã làm chủ về chính trị và kinh tế thì tất nhiên họ sẽ có điều kiện để làm chủ về văn hóa. « Xây dựng *chế độ làm chủ tập thể về văn hóa* là tạo cho mọi người một cuộc sống tinh thần phong phú; là biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân và tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp sáng tạo ra các giá trị văn hóa; là làm cho các quan hệ đối xử giữa người và người thể hiện lẽ sống tốt đẹp: « Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người » (5) Quyền làm chủ về chính trị cho phép nhân dân lao động giành lại quyền làm chủ những tài sản văn hóa vốn là thành quả lao động của loài người, trước đây bị các giai cấp thống trị độc chiếm: nhà trường, câu lạc bộ, viện bảo tàng, nhà hát, sân vận động, nhà in, báo chí, nhà xuất bản, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, điện ảnh, v.v... Chế độ làm chủ về kinh tế bảo đảm cho người lao động một đời sống vật chất ngày càng cao, đồng thời cũng do đó tạo cho họ có điều kiện để tổ chức

(5) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

cuộc sống văn hóa và tinh thần ngày càng phong phú. Nền văn hóa dưới chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa, có tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân, một nền văn hóa được xây dựng trên cơ sở thế giới quan của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Con người từ trước đến nay luôn luôn đấu tranh trên hai mặt: đấu tranh với tự nhiên và đấu tranh trong xã hội để tiến tới làm chủ. Hai mặt đấu tranh đó quan hệ mật thiết với nhau. Làm chủ tập thể về mặt xã hội là điều kiện để «con người trở thành những người chủ thật sự và có ý thức đối với tự nhiên» (6). Trong quá trình lao động sản xuất, đấu tranh với tự nhiên, con người đã từng bước khám phá ra các quy luật của tự nhiên. Việc nhận thức được những quy luật đó cho phép con người chinh phục lĩnh vực này đến lĩnh vực khác của giới tự nhiên để phục vụ cho lợi ích của mình. Nhận thức của con người về giới tự nhiên không ngừng mở rộng và cũng không ngừng đi vào chiều sâu thì uy lực của con người đối với giới tự nhiên cũng không ngừng tăng lên. Khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật đã cho phép con người đạt tới trình độ lý giải và chế ngự được nhiều bí ẩn của thiên nhiên cả trong lĩnh vực vi mô và lĩnh vực vĩ mô. Những thành tựu lớn lao đó của trí tuệ con người là sản phẩm của tập thể loài người từ thế hệ này đến thế hệ khác. Nhưng qua các thời đại, các giai cấp thống trị đã chiếm những thành tựu đó làm của riêng để phục vụ cho lợi ích giai cấp ích kỷ, hẹp hòi của chúng.

Dưới chế độ cũ, sự làm chủ cá thể của các giai cấp bóc lột đã hạn chế tác dụng của tri thức khoa học của con người về hai phương diện: một là nó biến tri thức khoa học thành độc quyền của một số rất ít người và kìm hãm hàng triệu triệu người lao động trong vòng ngu dốt, tối tăm. Mặt khác nó chỉ vận dụng những tri thức đó vào mục đích vụ lợi: bóp nặn được nhiều giá trị thặng dư của nhân dân lao động để làm giàu cho cá nhân chúng. Bằng cách đó sự làm chủ cá thể dưới chế độ cũ đã kìm hãm sự phát triển của khoa học, làm cho sự phát triển của khoa học trở thành què quặt, phiến diện, và do đó hạn chế khả năng con người chinh phục tự nhiên, thậm chí vì lợi ích kỷ mà có khi nó còn làm cho việc chinh phục tự nhiên quay trở lại làm hại đến chính ngay sự sinh tồn của con người.

Cuối cùng đấu tranh xã hội dẫn đến thắng lợi vĩnh viễn của nhân dân lao động từ nay trở thành người làm chủ tập thể xã hội thì những hạn chế do sự làm chủ cá thể dưới chế độ cũ gây ra đối với việc con người làm chủ thiên nhiên cũng được xóa bỏ. Với chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, khoa học trở thành tài sản chung của mọi người, được phổ cập cho mọi người và được sử dụng vào việc phục vụ sản xuất xã hội một cách có kế hoạch, có ý thức. Từ nay việc chinh phục thiên nhiên trở thành công việc chung của cả cộng đồng xã hội. Sức mạnh của tập thể đem lại hai kết quả: một là, trí tuệ tập thể của nhân dân lao động tự giác chinh phục thiên nhiên cho phép mở rộng nhanh chóng phạm vi hiểu biết của con người cả về bề rộng và bề sâu. Hai là, với những hiểu biết đó, sức lao động sáng tạo của cộng đồng xã hội có khả năng cải tạo giới tự nhiên theo những kế hoạch rộng lớn, táo bạo chưa từng thấy. Con người có điều kiện phát huy quyền làm chủ thiên nhiên bởi vì cùng với chế độ làm chủ tập thể, họ đã thật sự làm chủ xã hội.

(6) F. Ăng-ghen: *Chống Đuy-rinh*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 476.

Digitized by Google

Làm chủ tự nhiên và làm chủ xã hội sẽ dẫn tới làm chủ bản thân. Dưới chế độ cũ, với sự làm chủ cá thể, mỗi người có lợi ích riêng, có nguyện vọng riêng và hành động theo nguyện vọng riêng nhằm đạt tới lợi ích riêng. Nhưng thường thường họ không đạt được kết quả mong muốn, bởi vì trong xã hội còn giai cấp đối kháng, nguyện vọng và lợi ích của các giai cấp rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, chống đối nhau. Dưới chế độ cũ, với sự làm chủ cá thể, ngẫu nhiên chi phối vận mệnh của mỗi người riêng biệt, khiến con người không thể làm chủ được vận mệnh của bản thân mình và thường nhân dân lao động đành phải phó thác mình cho « số phận ». Dưới chế độ làm chủ tập thể, con người làm chủ được xã hội, làm chủ được thiên nhiên, cũng tức là có điều kiện hành động một cách tự giác. Với sự hiểu biết đúng đắn về quy luật của xã hội và của thiên nhiên, do đó người ta cũng hiểu rõ mình phải làm gì để đạt kết quả gì và phải làm như thế nào để đạt kết quả đó. Cả tập thể xã hội hành động với tính tự giác cao và từng người cũng hành động với tinh tự giác cao. Con người thật sự làm chủ được bản thân, làm chủ được vận mệnh của chính mình.

Dưới chủ nghĩa xã hội, trong thời gian dài vẫn tồn tại từng quốc gia dân tộc riêng biệt với tính cách là những đơn vị độc lập. Làm chủ tập thể trong trường hợp đó trước hết là làm chủ tập thể trong phạm vi từng nước. Một nước lại bao gồm nhiều địa phương và đơn vị cơ sở. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm *làm chủ trong cả nước, từng địa phương, từng cơ sở*. Chủ nghĩa xã hội được xây dựng theo một kế hoạch thống nhất trong cả nước, và cả nước được tổ chức thành một công trường, có những yêu cầu chỉ huy tập trung rất cao nhằm bảo đảm đời sống và lợi ích của toàn xã hội. Trong quan hệ giữa làm chủ trong cả nước, làm chủ trong từng địa phương và từng cơ sở thì làm chủ trong cả nước là cơ bản, giữ vị trí chủ đạo. Bởi vì mỗi địa phương là một bộ phận không thể tách rời của cả nước, mỗi cơ sở là một tế bào của cả nước và của địa phương. Làm chủ trong cả nước là thông qua bộ máy điều khiển của Nhà nước, mà chỉ đạo toàn cục của cả nước, chăm lo lợi ích chung và công việc chung của cả nước. Có làm chủ trong cả nước thì mới hoàn toàn làm chủ từng địa phương và từng cơ sở được. Làm chủ từng địa phương là nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và tận dụng tốt nhất mọi khả năng tiềm tàng của địa phương để vừa đóng góp tích cực vào sự nghiệp chung của Tổ quốc, vừa bảo đảm những nhu cầu hợp lý của địa phương. Có làm chủ từng địa phương được tốt mới có điều kiện thuận lợi phát huy quyền làm chủ trong cả nước.

Làm chủ trong từng cơ sở, từng xí nghiệp, hợp tác xã, cơ quan,... là phát huy tinh năng động của tập thể đơn vị cơ sở và của từng người, tận dụng mọi khả năng tiềm tàng, làm cho hoạt động của từng đơn vị cơ sở đưa lại hiệu quả tốt nhất, thúc đẩy cơ sở phát triển về mọi mặt, phục vụ tốt yêu cầu chung của xã hội, đồng thời cũng đem lại những phúc lợi tập thể đáp ứng những yêu cầu chính đáng của đời sống đơn vị. Làm chủ từng địa phương, từng cơ sở gắn chặt với làm chủ trong cả nước. Bởi vì làm chủ tập thể là cả khối cộng đồng những người lao động làm chủ do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Nó hoàn toàn khác làm chủ kiểu tập đoàn nhỏ, kiểu phường hội. Nó không dung thứ những tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, đem đối lập lợi ích của địa phương, của cơ sở với lợi ích chung của Nhà nước, của xã hội.

★

Digitized by Google

mọi khả năng để tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, phấn đấu vượt chỉ tiêu xuất khẩu để có thêm khả năng bảo đảm yêu cầu nhập khẩu là có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, chúng ta phải chỉ đạo chặt chẽ, nắm chắc tình hình, tìm mọi cách bảo đảm kế hoạch nhập khẩu, điều động và vận chuyển hàng nhập khẩu về đủ và kịp thời, đồng thời phải kịp thời điều hòa giữa nơi thừa sang nơi thiếu, đáp ứng tốt yêu cầu của cơ sở. Hiện nay có hiện tượng các loại vật tư như sắt thép, xi măng, hóa chất công nghệ, lương thực, thực phẩm, v.v... rất căng thẳng, nhưng hàng sản xuất ra hoặc nhập về thì nằm đọng ở cảng, ở ga, ở kho và ở cả xí nghiệp sản xuất. Cần phải kết hợp tốt hơn nữa việc quản lý, điều hành sản xuất, điều hành vận chuyển hàng ngày với việc cân đối kế hoạch.

Chúng ta cũng phải cải tiến công tác kế hoạch, thực hiện xây dựng kế hoạch và cân đối từ dưới lên. Năm 1977, trong xây dựng kế hoạch, chúng ta chưa làm được đầy đủ việc cân đối từ dưới lên. Do đó, trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch, chúng ta phải tiếp tục cân đối bổ sung.

5 — *Nêu cao tinh thần cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

Trong toàn bộ quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chúng ta phải nêu cao tinh thần cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, coi đó là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta. Quán triệt quan điểm tiết kiệm trong đời sống kinh tế xã hội sẽ thường xuyên tạo ra khả năng tiềm tàng to lớn để đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất và xây dựng. Đó cũng là thể hiện sự nhận thức sâu sắc tình hình kinh tế của đất nước, thể hiện ý thức tự lực tự cường trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự chuyển biến mạnh mẽ về mặt này phải được thể hiện cụ thể trong hành động thực tế của mỗi người. Phải giáo dục và tổ chức cho mọi người lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, đạt năng suất cao, thực hành tiết kiệm, nhằm phát triển mạnh mẽ sản xuất với mức hao phí vật tư nguyên liệu ít nhất, giá thành hạ, chất lượng sản phẩm tốt, coi đó là trách nhiệm, là đạo đức, là tình cảm cách mạng của người làm chủ tập thể đối với xã hội; đồng thời cũng phải quy định thành các chế độ của Nhà nước buộc mọi người phải thực hiện chúng. Phải thực hiện các biện pháp mạnh mẽ về tổ chức và quản lý nhằm tăng nhanh năng suất lao động, có biện pháp thực hành tiết kiệm triệt để vật tư, nguyên liệu, nhất là các thứ phải nhập khẩu, giữ gìn và bảo quản tốt máy móc, vật tư, tài sản của Nhà nước và tập thể. Coi trọng việc thu hồi và tận dụng các phế liệu, phế phẩm để phát triển sản xuất. Đẩy mạnh việc nghiên cứu và sử dụng vật tư, nguyên liệu thay thế, tự chế tạo vật tư và thiết bị để giảm nhập khẩu, kiên quyết khắc phục mọi hiện tượng lãng phí vật tư, lao động và chống tệ tham ô vật tư, tài sản của Nhà nước và của tập thể.

« Lao động, tiết kiệm, làm dủ ăn, có tích lũy » phải trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và kế hoạch Nhà nước. Các đoàn thể quần chúng phải coi đó là phương hướng chủ yếu trong công tác vận động quần chúng của mình.

6 — *Tích cực chuẩn bị các điều kiện cho các năm sau của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980.*

Như trên đã trình bày, các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 — 1980 về sản xuất, xây dựng, v.v... đều được bố trí với nhịp độ phát triển khá cao. Phần nhiệm vụ đã thực hiện trong năm 1976 và đang thực hiện trong năm 1977 mới chỉ là phần nhỏ của các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm. Phần nhiệm vụ

Digitized by Google

còn lại về sản xuất, xây dựng và về đời sống nhân dân trong 3 năm tới còn rất lớn. Riêng về nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản mà nói, nhiều công trình xây dựng lớn, có tính chất then chốt của nền kinh tế quốc dân sẽ phải triển khai vào mấy năm tới.

Bởi vậy, cùng với việc tập trung sức phấn đấu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1977, việc tích cực chuẩn bị các điều kiện cho kế hoạch sản xuất, xây dựng, v.v... trong các năm tới được triển khai thuận lợi và mạnh mẽ cũng là nhiệm vụ quan trọng cấp thiết.

Hiện nay, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1977 của mỗi ngành, mỗi địa phương và đơn vị cơ sở đều rất nặng. Trong sản xuất, xây dựng và đời sống nhân dân lại có những khó khăn cụ thể đòi hỏi phải giải quyết kịp thời. Trong khi đó, khối lượng công tác chuẩn bị cho các năm sau rất lớn. Trước mắt, chúng ta phải khẩn trương chuẩn bị về kỹ thuật, vật tư, về chính sách, tổ chức và về bồi dưỡng, đào tạo cán bộ và công nhân, v.v... Trong đầu tư xây dựng cơ bản, phải đặc biệt coi trọng xúc tiến các thủ tục đầu tư là khâu rất yếu đang gây trở ngại lớn cho việc triển khai mạnh công tác này. Chúng ta phải xúc tiến một số công tác lớn để không những chuẩn bị cho các năm tiếp theo của kế hoạch 5 năm 1976 – 1980, mà còn chuẩn bị một bước cho việc xây dựng quy hoạch và kế hoạch dài hạn, như đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên, hoàn chỉnh công tác phân vùng kinh tế, xây dựng quy hoạch cụ thể của từng ngành, từng vùng kinh tế cơ bản, tiến hành dự đoán kinh tế, nghiên cứu khoa học – kỹ thuật. Những nhiệm vụ trên đòi hỏi công tác tổ chức chỉ đạo và quản lý, một mặt phải tập trung sức thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trước mắt của kế hoạch Nhà nước năm 1977; mặt khác phải tổ chức chỉ đạo chặt chẽ và bố trí lực lượng thích đáng để tiến hành khẩn trương, nhanh gọn, đồng bộ các công tác chuẩn bị cho các năm sau.

III. TẠO RA MỘT SỰ CHUYỂN BIẾN MẠNH TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ

Trong lĩnh vực quản lý, chúng ta đã làm được nhiều việc và đã có những kinh nghiệm tốt. Nhiều nghị quyết, chính sách, chế độ về quản lý kinh tế, quản lý xã hội mà Đảng và Nhà nước đã ban hành đang phát huy tác dụng tích cực.

Song phải thừa nhận rằng, chúng ta còn nhiều khuyết điểm, trình độ chỉ đạo và quản lý còn nhiều mặt yếu kém, không theo kịp yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Chúng ta đã phát hiện từ lâu những khuyết điểm và yếu kém về mặt này, nhưng việc cải tiến, sửa chữa tiến bộ chậm. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng và nước nhà thống nhất, nhiệm vụ quản lý đã mở rộng phạm vi ra cả nước và chúng ta phải thực hiện thống nhất quản lý trong cả nước. Trong khi đó, bước đi của cách mạng, tổ chức kinh tế, trình độ quản lý giữa hai miền không đồng nhất; một số chính sách, chế độ quản lý, định mức, tiêu chuẩn kinh tế và kỹ thuật không còn phù hợp với tình hình hiện nay; trong các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở còn tồn tại các hiện tượng quan liêu, mệnh lệnh, thiếu dân chủ, buông lỏng, phân tán,... trong quản lý, thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu ý thức tổ chức và kỷ luật, tùy tiện trong việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các luật pháp, chính sách, chế độ của Nhà nước, v.v... Các hiện tượng đó đã

Digitized by Google

gây trở ngại cho việc động viên mọi khả năng tiềm tàng của nền kinh tế, phát huy tinh thần làm chủ tập thể và khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân, thậm chí đưa đến những ảnh hưởng xấu trong nhân dân. Không kiên quyết khắc phục các hiện tượng đó sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện kế hoạch.

Cho nên, tạo ra sự chuyển biến mạnh về hiệu lực chỉ đạo và quản lý kinh tế là một nhiệm vụ có quan hệ trực tiếp đến thắng lợi của việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1977 và các năm tiếp theo của kế hoạch 5 năm.

Trong báo cáo của đồng chí Phạm-Văn-Đồng, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ trước Đại hội lần thứ IV của Đảng và báo cáo của đồng chí Lê-Thanh-Nghị, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Phó thủ tướng Chính phủ về kế hoạch Nhà nước năm 1977 trước Quốc hội khóa thứ VI, kỳ họp thứ hai đã nêu đầy đủ những biện pháp lớn về tăng cường và cải tiến công tác tổ chức chỉ đạo và quản lý để thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976—1980 và năm 1977. Đó là những văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước mà chúng ta phải nghiên cứu, nắm vững và thực hiện nghiêm túc. Ở đây, chúng tôi nhấn mạnh những việc cấp bách năm 1977 phải làm là :

— *Thực hiện nhanh chóng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý nền kinh tế cả nước* nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và sự quản lý thống nhất của Chính phủ. Phải tăng cường chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện đường lối, các chính sách, nguyên tắc, chế độ của Đảng và Nhà nước, các mục tiêu của kế hoạch Nhà nước, làm cho hoạt động của bộ máy Nhà nước trong cả nước sớm đi vào nền nếp, phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân.

Xúc tiến thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và lãnh thổ. Phát huy tác dụng chỉ đạo và quản lý kinh tế và kỹ thuật, quản lý kế hoạch của các ngành trung ương trong cả nước. Ngành phải nắm chắc, chỉ đạo, quản lý một cách chủ động và chịu trách nhiệm về công tác của ngành ở các địa phương trong cả nước. Đồng thời phải phát huy tinh chủ động sáng tạo, bảo đảm quyền hạn và đề cao trách nhiệm của các địa phương trong quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch Nhà nước ở địa phương và lãnh thổ theo sự phân công, phân cấp cụ thể của Đảng và Nhà nước.

Coi trọng việc củng cố các đơn vị cơ sở (nhất là ở các tỉnh miền Nam), tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở, làm cho cơ sở sớm có thể chủ động và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất và kinh doanh, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Nhà nước.

Thật sự bắt tay vào xây dựng cấp huyện sớm thành một cấp kế hoạch và quản lý kinh tế, thành một đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Cần xác định cụ thể nội dung nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo của cấp huyện, phân cấp quản lý cụ thể cho cấp huyện, tăng cường cán bộ và phương tiện cho cấp huyện.

— Trong năm 1977, chúng ta phải *kiên quyết thực hiện nghiêm chỉnh và cải tiến các chế độ quản lý*, coi đó là khâu *quan trọng bảo đảm thực hiện kế hoạch Nhà nước*.

Các ngành, các cấp phải chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các luật pháp, chế độ, thể lệ đã có của Nhà nước. Đồng thời, phải xúc tiến nghiên cứu, sớm sửa đổi những điều hiện nay không còn phù hợp nữa ; ban hành những quy định, những chế độ, thể lệ quản lý mới, hoặc bổ sung những

Digitized by Google

điều đã có cho sát với điều kiện và nhiệm vụ của giai đoạn mới trong cả nước. Chúng ta phải tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và Chính phủ về quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước như Nghị định 172CP, Nghị định 19CP, 21CP, 61CP, v.v... Trên cơ sở những chính sách, chế độ quản lý chung của Nhà nước, mỗi ngành, địa phương và cơ sở tùy theo chức năng và đặc điểm riêng của mình mà nghiên cứu ban hành những quy định nội bộ thành chế độ công tác thống nhất trong ngành, địa phương và cơ sở.

Trong hoàn cảnh đất nước mới thống nhất, cách mạng tiến triển không đều giữa hai miền, quan hệ sản xuất và trình độ kinh tế chưa đồng nhất, việc nghiên cứu quy định những chế độ quản lý kinh tế phù hợp với tình hình đó là việc không giản đơn. Do đó một mặt phải tổ chức tốt công tác điều tra, nghiên cứu; mặt khác không nên vì cầu toàn mà để chậm trễ công việc. Chúng ta phải ban hành và nghiêm chỉnh thi hành các chế độ quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, lấy đó làm cơ sở cho hoạt động quản lý thống nhất. Sau đó, thông qua thực tiễn, chúng ta sẽ rút kinh nghiệm, sửa đổi và bổ sung thêm.

Qua việc nghiêm túc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, các nguyên tắc, chế độ quản lý của Nhà nước, cho đến việc thi hành những quy định nội bộ và chế độ công tác của mỗi ngành, địa phương và cơ sở, chúng ta bảo đảm cho toàn bộ hoạt động chỉ đạo, quản lý đi vào nền nếp, thống nhất, có quy củ, bảo đảm phát huy tốt chức năng và hiệu lực của hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh.

— *Phải kiên quyết tổ chức, tăng cường cơ quan điều độ và chấn chỉnh công tác thông tin kinh tế* để giúp cho cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nắm được tình hình một cách nhanh chóng, chính xác và điều hành công việc kịp thời, sắc bén và có hiệu quả.

Các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương và cơ sở phải tổ chức tốt công tác điều hành các hoạt động kinh tế, hoạt động sản xuất thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. Phải tăng cường những đồng chí lãnh đạo có đủ năng lực làm công tác này. Hiện nay, ở nhiều xí nghiệp đã có bộ máy điều độ hoạt động tốt, giúp giám đốc quản lý một cách có hiệu quả việc sản xuất kinh doanh và thực hiện kế hoạch. Nhưng nhiều xí nghiệp còn chưa coi trọng và còn lúng túng trong việc chỉ huy, điều hành công việc hàng ngày. Ở nhiều cơ quan lãnh đạo, quản lý cấp trên, tuy bộ máy quản lý hành chính đông người, nhưng bộ phận điều độ rất yếu về nghiệp vụ và tổ chức điều hành nên không phục vụ được đắc lực cho lãnh đạo. Ngược lại, có cơ quan lãnh đạo lại giao phó cho cơ quan điều độ nhiều việc, nhiều quyền không đúng chức năng của nó, vô tình làm yếu sự chỉ đạo, quản lý tập trung của người thật sự có quyền hạn và trách nhiệm chỉ đạo, quản lý.

Chúng ta phải xác định rõ chức năng và tăng cường năng lực hoạt động của cơ quan điều độ, làm cho cơ quan điều độ thành khâu trung tâm giúp lãnh đạo huy động cả bộ máy quản lý hướng về cơ sở, phục vụ phong trào quần chúng lao động sản xuất. Đồng thời phải tổ chức việc kiểm tra, đôn đốc cơ sở, đòi hỏi cơ sở quản lý sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm hoàn thành thắng lợi kế hoạch.

— *Cần tăng cường công tác kiểm tra và thanh tra*, kịp thời phát hiện, kết luận và phổ biến những kinh nghiệm tốt, khen thưởng đích đáng những người tốt, việc tốt, không để một người nào, đơn vị nào có nhiều sáng kiến, có nhiều cống hiến mà không được biểu dương, cổ vũ. Đồng thời, phải xử lý nghiêm minh và kịp thời đối với những người, những việc làm

Digitized by Google

sai trái. Không để bất kỳ người nào, dù ở cương vị nào, nói trái, làm trái đường lối, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước, không làm tròn nhiệm vụ mà không bị phê phán, thi hành kỷ luật... Các cơ quan kiểm tra, thanh tra của Đảng và Nhà nước cần hướng công tác kiểm tra vào các mặt hoạt động kinh tế, vào việc thực hiện kế hoạch Nhà nước. Tổ chức tốt sự kết hợp công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chuyên trách của Nhà nước, của Đảng với việc kiểm tra của các tổ chức quần chúng ở xí nghiệp, hợp tác xã, cửa hàng, khu phố, làm cho công tác thanh tra, kiểm tra nói chung thật sự trở thành một công cụ đắc lực của Nhà nước chuyên chính vô sản, một phương tiện phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

– *Phát triển sâu rộng hơn nữa phong trào thi đua lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, đạt năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, tiết kiệm nhiều.*

Trong phong trào thi đua, phải tổ chức và động viên tốt mọi người thảo luận và thực hiện khẩu hiệu hành động của toàn dân trong năm 1977 « *là lao động, tiết kiệm, làm đủ ăn và có tích lũy* », đồng thời phải gây một dư luận rộng rãi chống thói trì trệ, bảo thủ, chống tệ quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà cho nhân dân, chống các hiện tượng lãng phí, tham ô, chống thói lười biếng, làm ẩu, làm dối, báo cáo sai sự thật, v.v...

Trước mắt, chúng ta cần thông qua việc phổ biến Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng mà nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể và ý chí phấn đấu cách mạng của quần chúng nhân dân trên mặt trận lao động sản xuất, trong công tác quản lý và phân phối, đồng thời phải nhanh chóng thực hiện tốt các biện pháp tăng cường và cải tiến công tác chỉ đạo và quản lý, bảo đảm các điều kiện vật chất – kỹ thuật trong sản xuất và xây dựng, chăm lo giải quyết các vấn đề về đời sống, về bảo hộ lao động,... cho người lao động.

★

Kế hoạch Nhà nước năm 1977 có ý nghĩa rất quan trọng. Việc thực hiện thắng lợi kế hoạch này sẽ làm cho tình hình kinh tế nước ta được cải thiện một bước, các mặt mất cân đối lớn của nền kinh tế được thu hẹp một phần, đời sống nhân dân có cơ sở để ổn định và cải thiện một bước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980.

Then chốt quyết định thắng lợi của kế hoạch Nhà nước là phải *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng*, phát huy *quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản.*

Chúng ta đều biết rằng kế hoạch Nhà nước là cương lĩnh thứ hai của Đảng, là pháp lệnh của Nhà nước, đồng thời nó thể hiện lợi ích và ý chí phấn đấu cách mạng của nhân dân. Kế hoạch Nhà nước năm 1977 là chương trình hành động cách mạng cụ thể của toàn Đảng, toàn dân ta triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng. Tất cả cán bộ, đảng viên ở các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở phải nêu cao quyết tâm và tinh thần trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và nhân dân, tiếp tục động viên và giữ vững khí thế cách mạng của phong trào quần chúng nhân dân đang trên đà phát triển, bảo đảm thực hiện thắng lợi và vượt mức các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1977.

Digitized by Google

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa

NGUYỄN-VINH

XÂY dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, là nhằm xây dựng chế độ mới (chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa), nền kinh tế mới (nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa), nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Chế độ làm chủ tập thể quán xuyến tất cả mọi mặt của đời sống xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhận thức đúng đắn về chế độ làm chủ tập thể có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất lớn. Nó giúp chúng ta nâng cao tính tự giác trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho nhân dân lao động làm chủ thật sự, làm chủ đầy đủ nhất. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thể hiện một cách tập trung trong sự *làm chủ của nhân dân lao động bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của đảng tiền phong của giai cấp công nhân* » (1).

Xã hội — bất cứ dưới hình thái nào — là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa người và người, tức là sản phẩm của những quan hệ xã hội về mọi mặt giữa người và người. Chế độ xã hội là kiểu tổ chức xã hội thể hiện toàn bộ những quan hệ xã hội đó. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một kiểu tổ chức xã hội trong đó toàn bộ các quan hệ xã hội (kinh tế, chính trị, văn hóa...) được xây dựng thành quy chế, tổ chức, tiêu chuẩn, thành tập quán và lối sống nhằm bảo đảm quan hệ cơ bản nhất là: « người làm chủ là nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo » (2).

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Nội dung làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm

---

(1) Lê-Duẩn: « Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt-nam thống nhất xã hội chủ nghĩa » tạp chí *Học tập*, số 7-1976, trang 36.

(2) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

nhiều mặt : làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ; làm chủ xã hội ; làm chủ thiên nhiên ; làm chủ bản thân ; và trên cơ sở phục tùng quyền làm chủ trong phạm vi cả nước, mà làm chủ trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở. Quyền làm chủ của tập thể bao gồm quyền tự do chân chính của cá nhân ».

Làm chủ tập thể về chính trị là tiền đề, là điều kiện tiên quyết của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Từ địa vị nô lệ, bị áp bức dưới chế độ cũ, muốn trở thành người làm chủ, nhân dân lao động tất yếu phải lật đổ chính quyền của các giai cấp thống trị, giành lấy chính quyền về tay mình. Hàng nghìn năm nay, trải qua các chế độ khác nhau của xã hội có giai cấp, nhân dân lao động đã nhiều phen đứng dậy mưu lật đổ ách thống trị của bọn bóc lột. Nhưng các cuộc khởi nghĩa của họ đều dẫn tới sự thống trị của một triều đại, hoặc một giai cấp bóc lột khác, rốt cuộc họ vẫn phải sống trở lại cuộc đời nô lệ. Chỉ với sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, một giai cấp không có lợi ích riêng biệt đối lập với các giai cấp bị áp bức khác, một giai cấp chỉ có thể giải phóng cho mình nếu đồng thời giải phóng cho tất cả các giai cấp bị áp bức, bóc lột khác. Tiêu biểu cho quyền làm chủ về chính trị là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, xây dựng trên cơ sở liên minh công nông, do giai cấp công nhân và đảng Mác – Lê-nin lãnh đạo. Nắm chính quyền Nhà nước, nhân dân lao động mới có thể thực hiện được quyền lực chính trị của mình, bảo vệ được quyền làm chủ của mình chống lại những kẻ thù giai cấp đã bị đánh đổ, nhưng vẫn âm mưu ngóc đầu dậy giành lại địa vị thống trị của chúng. Mặt khác, nhờ có chính quyền Nhà nước của mình, nhân dân lao động mới có thể xây dựng, củng cố và hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa mà cơ sở là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, « Xây dựng *chế độ làm chủ tập thể về chính trị* là thiết lập quyền lực của nhân dân lao động lấy liên minh công nông làm nòng cốt và do giai cấp công nhân lãnh đạo, là xây dựng các mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân để bảo đảm cho nhân dân lao động thật sự làm chủ xã hội, hiểu rõ và biết sử dụng quyền lực chính trị của mình » (3).

Nếu làm chủ tập thể về chính trị là tiền đề để thực hiện làm chủ về các mặt khác thì làm chủ tập thể về kinh tế lại là cơ sở của quyền làm chủ về mọi mặt.

« *Làm chủ tập thể về kinh tế* bao gồm làm chủ tập thể những tư liệu sản xuất chủ yếu, làm chủ tập thể lực lượng lao động, làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất và trong lĩnh vực phân phối » (4).

Làm chủ tập thể về tư liệu sản xuất đòi hỏi phải xóa bỏ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và cải tạo chế độ sở hữu cá thể của nông dân và những người sản xuất nhỏ khác, xác lập chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức : sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể.

Một khi chế độ công hữu đã được xác lập, xã hội tất yếu phải làm chủ tập thể lực lượng lao động, làm cho lực lượng lao động của xã hội có đầy đủ tính chất của lao động xã hội trực tiếp phù hợp với tính chất xã hội của tư liệu sản xuất đã công hữu hóa. Làm chủ tập thể lực lượng lao động là nắm chắc lực lượng lao động trong phạm vi cả nước, từng địa phương, từng cơ sở để phân bố và sử dụng lực lượng lao động ấy một cách hợp lý nhằm

(3) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

(4) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

tạo ra ngày càng nhiều của cải cho xã hội. Làm chủ tập thể lực lượng lao động là để có thể kết hợp một cách có hiệu quả nhất sức lao động với tư liệu sản xuất; khai thác một cách có hiệu quả nhất tài nguyên phong phú của đất nước.

Làm chủ tập thể tư liệu sản xuất và làm chủ tập thể lực lượng lao động là điều kiện quyết định để có thể làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất. Ngược lại làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất là điều kiện để sử dụng một cách có hiệu quả nhất mọi lực lượng sản xuất của xã hội, làm cho nền sản xuất xã hội phát triển một cách cân đối, nhịp nhàng, với năng suất lao động cao và nhịp độ phát triển nhanh. Làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất trước hết là phải đứng trên quan điểm toàn cục mà bố trí và sử dụng hợp lý mọi năng lực sản xuất của cả nước theo một kế hoạch thống nhất, đồng thời cũng phải phát huy cao độ tính chủ động và sáng tạo của mỗi địa phương, đơn vị kinh tế, cũng như mỗi người lao động để khai thác mọi tiềm lực kinh tế phục vụ cho kế hoạch chung. Làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất còn có nghĩa là phải vận dụng đúng đắn quy luật kinh tế khách quan để xây dựng được một hệ thống tổ chức và quản lý có hiệu quả, đề ra được những chế độ, chính sách đúng đắn có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển nhanh chóng.

Làm chủ tập thể trong lĩnh vực phân phối đòi hỏi phải xây dựng một chế độ phân phối công bằng, hợp lý, có tổ chức, có kế hoạch, nhằm thỏa mãn ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và văn hóa của toàn xã hội tùy theo trình độ phát triển của sản xuất. Chế độ phân phối ấy trước hết phải bảo đảm nền sản xuất xã hội không ngừng mở rộng và phát triển. Chế độ phân phối ấy phải kết hợp đúng đắn nguyên tắc « phân phối theo lao động: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, có sức lao động mà không làm thì không được hưởng » với việc tăng dần phúc lợi xã hội, và việc Nhà nước cùng tập thể chăm sóc những người mất sức lao động, những người tàn tật, già cả, nuôi dạy trẻ em, v.v... Làm chủ tập thể trong lĩnh vực phân phối xét đến cùng là mục đích của làm chủ tập thể tư liệu sản xuất, làm chủ tập thể lực lượng sản xuất, làm chủ tập thể trong tổ chức và quản lý sản xuất. Nếu nhân dân lao động không làm chủ thật sự trong lĩnh vực phân phối thì quyền làm chủ tập thể về kinh tế của họ trở nên vô nghĩa.

Một khi nhân dân lao động đã làm chủ về chính trị và kinh tế thì tất nhiên họ sẽ có điều kiện để làm chủ về văn hóa. « Xây dựng *chế độ làm chủ tập thể về văn hóa* là tạo cho mọi người một cuộc sống tinh thần phong phú; là biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân và tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp sáng tạo ra các giá trị văn hóa; là làm cho các quan hệ đối xử giữa người và người thể hiện lẽ sống tốt đẹp: « Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người » (5) Quyền làm chủ về chính trị cho phép nhân dân lao động giành lại quyền làm chủ những tài sản văn hóa vốn là thành quả lao động của loài người, trước đây bị các giai cấp thống trị độc chiếm: nhà trường, câu lạc bộ, viện bảo tàng, nhà hát, sân vận động, nhà in, báo chí, nhà xuất bản, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, điện ảnh, v.v... Chế độ làm chủ về kinh tế bảo đảm cho người lao động một đời sống vật chất ngày càng cao, đồng thời cũng do đó tạo cho họ có điều kiện để tổ chức

(5) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

Trong nông nghiệp, phải dẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa kết hợp với hợp tác hóa nông nghiệp để đưa nhanh nông dân đi vào con đường sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong năm 1977, phải tiến hành khẩn trương việc thí điểm xây dựng một số hợp tác xã, một số huyện, việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý để mở rộng và hoàn thành sớm trong những năm sau. Việc tổ chức nhân dân khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới phải tiến hành đồng thời với việc xây dựng ngay các cơ sở sản xuất xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh các nông trường quốc doanh mới và củng cố các nông trường quốc doanh hiện có.

Phải xúc tiến cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nghề đánh cá biển. Đồng thời, từ năm 1977, phải phát triển nhanh, mạnh lực lượng đánh cá quốc doanh trong cả nước. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng.

Thực hiện các nhiệm vụ trên là tiến hành cuộc đấu tranh gay go, phức tạp để giải quyết vấn đề « ai thắng ai» giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Đó cũng là quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đó cần nắm vững quan điểm « kết hợp cải tạo với xây dựng, chính trị với kinh tế, hòa bình với bạo lực, thuyết phục với cưỡng bách, giáo dục với hành chính.... » (2). Để bảo đảm giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh đó, phải tập trung sức củng cố tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, phối hợp tốt công tác của các ngành, chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải đặc biệt coi trọng việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và năng lực quản lý của Nhà nước, phát huy ý thức làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân; củng cố lập trường giai cấp công nhân của mỗi cán bộ, đảng viên, đồng thời bồi dưỡng kiến thức và năng lực quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa cho cán bộ các cấp.

Trong năm 1977, chúng ta phải tiến hành một bước việc xây dựng cấp huyện. Cần tập trung làm một số huyện để rút kinh nghiệm, chuẩn bị điều kiện triển khai mạnh trong các năm sau để từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp, tạo thế vững chắc đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng kế hoạch của mỗi tỉnh, mỗi ngành phải đi từ sự cân đối ở mỗi huyện.

4 – *Phải thể hiện rõ tinh thần tích cực, vững chắc và sinh động trong kế hoạch Nhà nước năm 1977.*

Công tác kế hoạch hóa có nhiệm vụ phải từng bước giảm dần những mất cân đối lớn của nền kinh tế, tạo cho nền kinh tế có cơ cấu hợp lý, có nhịp độ phát triển nhanh, đủ sức đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng của sản xuất và đời sống nhân dân. Quá trình phát triển kinh tế, làm giảm dần, đi đến khắc phục những mất cân đối lớn của nền kinh tế nước ta hiện nay phải là quá trình liên tục phấn đấu với tinh thần cách mạng tiến công trong nhiều năm nữa.

Trong tình hình sản xuất chưa bảo đảm tiêu dùng, xuất khẩu còn thấp nhiều so với nhập khẩu, thu chưa đủ chi như hiện nay, nếu làm kế hoạch mà đòi hỏi « cân đối thật vững chắc ngay từ đầu », « nắm chắc các yếu tố của sản xuất và xây dựng trong tay rồi mới ghi vào kế hoạch », v.v.. thì có nghĩa là hạ thấp các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và xây dựng

(2) Xem "Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng" do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, đăng trên tạp chí *Học tập* số tháng 12-1976, trang 63.

Digitized by Google

xuống, hạ thấp mức đáp ứng các nhu cầu về đời sống nhân dân xuống,... Và như vậy thì nhiều nhà máy sẽ phải ngừng sản xuất, số người lao động không có việc làm tăng thêm, nhiều mặt hoạt động kinh tế lâm vào cảnh đình trệ, đời sống nhân dân sẽ khó khăn thêm, hậu quả sẽ vô cùng nghiêm trọng.

Kế hoạch Nhà nước phải xuất phát từ nhu cầu và khả năng của nền kinh tế, của mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở sản xuất mà định ra. Nhưng nhu cầu thì thường dễ thấy rõ hơn là khả năng. Do đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, phải tính toán, cân nhắc kỹ các nhu cầu và khả năng, luôn luôn chủ động tạo ra thế cân đối, cố gắng tìm mọi biện pháp (về kinh tế, về kỹ thuật, về tổ chức, về chính sách, v.v...) để tạo ra và khai thác các tiềm năng vật chất và trí tuệ, tạo ra khả năng mới cho cân đối kế hoạch; phải nắm chắc đường lối và những nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất để bố trí kế hoạch với những cân đối tốt nhất. Nhưng phải thấy rằng, đó mới chỉ là bước đầu. Trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch, phải tiếp tục và không ngừng tạo ra khả năng cân đối mới nhằm bảo đảm thực hiện tốt nhất những nhiệm vụ, chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước. Phải phát huy khí thế cách mạng của phong trào quần chúng, sáng kiến và khả năng cống hiến của đội ngũ công nhân và cán bộ khoa học — kỹ thuật, cán bộ quản lý,v.v... Đó là những khả năng dự trữ rất lớn mà chúng ta cần chú trọng khai thác trong khi xây dựng và thực hiện kế hoạch. Hồ Chủ tịch đã nói: « Đặt ra kế hoạch thật tốt, thật sát là rất cần; nhưng đó chỉ là bước đầu. Kế hoạch 10 phần thì biện pháp cụ thể phải 20 phần, chỉ đạo thực hiện sát sao phải 30 phần, có như thế mới chắc chắn hoàn thành tốt kế hoạch » (3). Cần thấy rằng, với các chỉ tiêu sản xuất và xây dựng đã xác định trong kế hoạch Nhà nước năm 1977, công suất của các nhà máy, của các thiết bị cũng như nguồn vốn lao động mới được huy động ở mức thấp, các chỉ tiêu xuất khẩu còn thấp so với khả năng sản xuất nguồn hàng xuất khẩu, v.v... Chúng ta phải ra sức khai thác tốt các khả năng tiềm tàng đó.

Tính cân đối của kế hoạch phải được thực hiện một cách sinh động, không cứng nhắc. Chúng ta phản đối cách cân đối tiêu cực, bảo thủ, nhưng cũng không tán thành cách cân đối phiêu lưu, thiếu căn cứ thực tế. Những chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1977 không chỉ xuất phát từ nhu cầu mà cũng xuất phát từ những khả năng thực tế đã có tính toán. Nhưng nói khả năng thực tế cũng phải hiểu với tinh thần tích cực: có những khả năng đã sẵn có khi xây dựng kế hoạch, cũng có những khả năng phải tạo ra trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Kế hoạch Nhà nước năm 1977 đã tính toán cân đối các vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc,v.v... và đã đề ra các biện pháp tích cực bảo đảm cho các chỉ tiêu sản xuất và xây dựng, v.v... được thực hiện. Nhưng trong thực hiện kế hoạch, việc cung cấp vật tư kỹ thuật thường đạt mức thấp so với yêu cầu cân đối của kế hoạch, gây ra nhiều khó khăn cho sản xuất và xây dựng. Ngược lại, cũng có hiện tượng phổ biến là mức tiêu hao vật tư trên mỗi đơn vị sản phẩm thường quá cao, gây lãng phí không ít. Cần phải kiên quyết khắc phục các hiện tượng đó.

Trong điều kiện hiện nay, chúng ta còn phải nhập khẩu nhiều loại vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng với khối lượng lớn, trong khi quan hệ xuất nhập khẩu còn chênh lệch lớn. Bởi vậy, việc ra sức khai thác

(3) Bài nói tại Hội nghị phổ biến kế hoạch Nhà nước năm 1965; báo *Nhân dân*, số ra ngày 20-1-1965.

Digitized by Google

mọi khả năng để tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, phấn đấu vượt chỉ tiêu xuất khẩu để có thêm khả năng bảo đảm yêu cầu nhập khẩu là có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, chúng ta phải chỉ đạo chặt chẽ, nắm chắc tình hình, tìm mọi cách bảo đảm kế hoạch nhập khẩu, điều động và vận chuyển hàng nhập khẩu về đủ và kịp thời, đồng thời phải kịp thời điều hòa giữa nơi thừa sang nơi thiếu, đáp ứng tốt yêu cầu của cơ sở. Hiện nay có hiện tượng các loại vật tư như sắt thép, xi măng, hóa chất công nghệ, lương thực, thực phẩm, v.v... rất căng thẳng, nhưng hàng sản xuất ra hoặc nhập về thì nằm đọng ở cảng, ở ga, ở kho và ở cả xí nghiệp sản xuất. Cần phải kết hợp tốt hơn nữa việc quản lý, điều hành sản xuất, điều hành vận chuyển hàng ngày với việc cân đối kế hoạch.

Chúng ta cũng phải cải tiến công tác kế hoạch, thực hiện xây dựng kế hoạch và cân đối từ dưới lên. Năm 1977, trong xây dựng kế hoạch, chúng ta chưa làm được đầy đủ việc cân đối từ dưới lên. Do đó, trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch, chúng ta phải tiếp tục cân đối bổ sung.

5 — *Nêu cao tinh thần cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

Trong toàn bộ quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chúng ta phải nêu cao tinh thần cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, coi đó là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta. Quán triệt quan điểm tiết kiệm trong đời sống kinh tế xã hội sẽ thường xuyên tạo ra khả năng tiềm tàng to lớn để đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất và xây dựng. Đó cũng là thể hiện sự nhận thức sâu sắc tình hình kinh tế của đất nước, thể hiện ý thức tự lực tự cường trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự chuyển biến mạnh mẽ về mặt này phải được thể hiện cụ thể trong hành động thực tế của mỗi người. Phải giáo dục và tổ chức cho mọi người lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, đạt năng suất cao, thực hành tiết kiệm, nhằm phát triển mạnh mẽ sản xuất với mức hao phí vật tư nguyên liệu ít nhất, giá thành hạ, chất lượng sản phẩm tốt, coi đó là trách nhiệm, là đạo đức, là tình cảm cách mạng của người làm chủ tập thể đối với xã hội; đồng thời cũng phải quy định thành các chế độ của Nhà nước buộc mọi người phải thực hiện chúng. Phải thực hiện các biện pháp mạnh mẽ về tổ chức và quản lý nhằm tăng nhanh năng suất lao động, có biện pháp thực hành tiết kiệm triệt để vật tư, nguyên liệu, nhất là các thứ phải nhập khẩu, giữ gìn và bảo quản tốt máy móc, vật tư, tài sản của Nhà nước và tập thể. Coi trọng việc thu hồi và tận dụng các phế liệu, phế phẩm để phát triển sản xuất. Đẩy mạnh việc nghiên cứu và sử dụng vật tư, nguyên liệu thay thế, tự chế tạo vật tư và thiết bị để giảm nhập khẩu, kiên quyết khắc phục mọi hiện tượng lãng phí vật tư, lao động và chống tệ tham ô vật tư, tài sản của Nhà nước và của tập thể.

« Lao động, tiết kiệm, làm dủ ăn, có tích lũy » phải trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và kế hoạch Nhà nước. Các đoàn thể quần chúng phải coi đó là phương hướng chủ yếu trong công tác vận động quần chúng của mình.

6 — *Tích cực chuẩn bị các điều kiện cho các năm sau của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980.*

Như trên đã trình bày, các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 — 1980 về sản xuất, xây dựng, v.v... đều được bố trí với nhịp độ phát triển khá cao. Phần nhiệm vụ đã thực hiện trong năm 1976 và đang thực hiện trong năm 1977 mới chỉ là phần nhỏ của các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm. Phần nhiệm vụ

Digitized by Google

còn lại về sản xuất, xây dựng và về đời sống nhân dân trong 3 năm tới còn rất lớn. Riêng về nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản mà nói, nhiều công trình xây dựng lớn, có tính chất then chốt của nền kinh tế quốc dân sẽ phải triển khai vào mấy năm tới.

Bởi vậy, cùng với việc tập trung sức phấn đấu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1977, việc tích cực chuẩn bị các điều kiện cho kế hoạch sản xuất, xây dựng, v.v... trong các năm tới được triển khai thuận lợi và mạnh mẽ cũng là nhiệm vụ quan trọng cấp thiết.

Hiện nay, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1977 của mỗi ngành, mỗi địa phương và đơn vị cơ sở đều rất nặng. Trong sản xuất, xây dựng và đời sống nhân dân lại có những khó khăn cụ thể đòi hỏi phải giải quyết kịp thời. Trong khi đó, khối lượng công tác chuẩn bị cho các năm sau rất lớn. Trước mắt, chúng ta phải khẩn trương chuẩn bị về kỹ thuật, vật tư, về chính sách, tổ chức và về bồi dưỡng, đào tạo cán bộ và công nhân, v.v... Trong đầu tư xây dựng cơ bản, phải đặc biệt coi trọng xúc tiến các thủ tục đầu tư là khâu rất yếu đang gây trở ngại lớn cho việc triển khai mạnh công tác này. Chúng ta phải xúc tiến một số công tác lớn để không những chuẩn bị cho các năm tiếp theo của kế hoạch 5 năm 1976 – 1980, mà còn chuẩn bị một bước cho việc xây dựng quy hoạch và kế hoạch dài hạn, như đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên, hoàn chỉnh công tác phân vùng kinh tế, xây dựng quy hoạch cụ thể của từng ngành, từng vùng kinh tế cơ bản, tiến hành dự đoán kinh tế, nghiên cứu khoa học – kỹ thuật. Những nhiệm vụ trên đòi hỏi công tác tổ chức chỉ đạo và quản lý, một mặt phải tập trung sức thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trước mắt của kế hoạch Nhà nước năm 1977; mặt khác phải tổ chức chỉ đạo chặt chẽ và bố trí lực lượng thích đáng để tiến hành khẩn trương, nhanh gọn, đồng bộ các công tác chuẩn bị cho các năm sau.

III. TẠO RA MỘT SỰ CHUYỂN BIẾN MẠNH TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ

Trong lĩnh vực quản lý, chúng ta đã làm được nhiều việc và đã có những kinh nghiệm tốt. Nhiều nghị quyết, chính sách, chế độ về quản lý kinh tế, quản lý xã hội mà Đảng và Nhà nước đã ban hành đang phát huy tác dụng tích cực.

Song phải thừa nhận rằng, chúng ta còn nhiều khuyết điểm, trình độ chỉ đạo và quản lý còn nhiều mặt yếu kém, không theo kịp yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Chúng ta đã phát hiện từ lâu những khuyết điểm và yếu kém về mặt này, nhưng việc cải tiến, sửa chữa tiến bộ chậm. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng và nước nhà thống nhất, nhiệm vụ quản lý đã mở rộng phạm vi ra cả nước và chúng ta phải thực hiện thống nhất quản lý trong cả nước. Trong khi đó, bước đi của cách mạng, tổ chức kinh tế, trình độ quản lý giữa hai miền không đồng nhất; một số chính sách, chế độ quản lý, định mức, tiêu chuẩn kinh tế và kỹ thuật không còn phù hợp với tình hình hiện nay; trong các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở còn tồn tại các hiện tượng quan liêu, mệnh lệnh, thiếu dân chủ, buông lỏng, phân tán,... trong quản lý, thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu ý thức tổ chức và kỷ luật, tùy tiện trong việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các luật pháp, chính sách, chế độ của Nhà nước, v.v... Các hiện tượng đó đã

Digitized by Google

gây trở ngại cho việc động viên mọi khả năng tiềm tàng của nền kinh tế, phát huy tinh thần làm chủ tập thể và khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân, thậm chí đưa đến những ảnh hưởng xấu trong nhân dân. Không kiên quyết khắc phục các hiện tượng đó sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện kế hoạch.

Cho nên, tạo ra sự chuyển biến mạnh về hiệu lực chỉ đạo và quản lý kinh tế là một nhiệm vụ có quan hệ trực tiếp đến thắng lợi của việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1977 và các năm tiếp theo của kế hoạch 5 năm.

Trong báo cáo của đồng chí Phạm-Văn-Đồng, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ trước Đại hội lần thứ IV của Đảng và báo cáo của đồng chí Lê-Thanh-Nghị, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Phó thủ tướng Chính phủ về kế hoạch Nhà nước năm 1977 trước Quốc hội khóa thứ VI, kỳ họp thứ hai đã nêu đầy đủ những biện pháp lớn về tăng cường và cải tiến công tác tổ chức chỉ đạo và quản lý để thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976—1980 và năm 1977. Đó là những văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước mà chúng ta phải nghiên cứu, nắm vững và thực hiện nghiêm túc. Ở đây, chúng tôi nhấn mạnh những việc cấp bách năm 1977 phải làm là :

— *Thực hiện nhanh chóng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý nền kinh tế cả nước* nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và sự quản lý thống nhất của Chính phủ. Phải tăng cường chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện đường lối, các chính sách, nguyên tắc, chế độ của Đảng và Nhà nước, các mục tiêu của kế hoạch Nhà nước, làm cho hoạt động của bộ máy Nhà nước trong cả nước sớm đi vào nền nếp, phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân.

Xúc tiến thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và lãnh thổ. Phát huy tác dụng chỉ đạo và quản lý kinh tế và kỹ thuật, quản lý kế hoạch của các ngành trung ương trong cả nước. Ngành phải nắm chắc, chỉ đạo, quản lý một cách chủ động và chịu trách nhiệm về công tác của ngành ở các địa phương trong cả nước. Đồng thời phải phát huy tính chủ động sáng tạo, bảo đảm quyền hạn và đề cao trách nhiệm của các địa phương trong quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch Nhà nước ở địa phương và lãnh thổ theo sự phân công, phân cấp cụ thể của Đảng và Nhà nước.

Coi trọng việc củng cố các đơn vị cơ sở (nhất là ở các tỉnh miền Nam), tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở, làm cho cơ sở sớm có thể chủ động và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất và kinh doanh, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Nhà nước.

Thật sự bắt tay vào xây dựng cấp huyện sớm thành một cấp kế hoạch và quản lý kinh tế, thành một đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Cần xác định cụ thể nội dung nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo của cấp huyện, phân cấp quản lý cụ thể cho cấp huyện, tăng cường cán bộ và phương tiện cho cấp huyện.

— Trong năm 1977, chúng ta phải *kiên quyết thực hiện nghiêm chỉnh và cải tiến các chế độ quản lý*, coi đó là khâu *quan trọng bảo đảm thực hiện kế hoạch Nhà nước*.

Các ngành, các cấp phải chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các luật pháp, chế độ, thể lệ đã có của Nhà nước. Đồng thời, phải xúc tiến nghiên cứu, sớm sửa đổi những điều hiện nay không còn phù hợp nữa ; ban hành những quy định, những chế độ, thể lệ quản lý mới, hoặc bổ sung những

Digitized by Google

điều đã có cho sát với điều kiện và nhiệm vụ của giai đoạn mới trong cả nước. Chúng ta phải tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và Chính phủ về quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước như Nghị định 172CP, Nghị định 19CP, 21CP, 61CP, v.v... Trên cơ sở những chính sách, chế độ quản lý chung của Nhà nước, mỗi ngành, địa phương và cơ sở tùy theo chức năng và đặc điểm riêng của mình mà nghiên cứu ban hành những quy định nội bộ thành chế độ công tác thống nhất trong ngành, địa phương và cơ sở.

Trong hoàn cảnh đất nước mới thống nhất, cách mạng tiến triển không đều giữa hai miền, quan hệ sản xuất và trình độ kinh tế chưa đồng nhất, việc nghiên cứu quy định những chế độ quản lý kinh tế phù hợp với tình hình đó là việc không giản đơn. Do đó một mặt phải tổ chức tốt công tác điều tra, nghiên cứu; mặt khác không nên vì cầu toàn mà để chậm trễ công việc. Chúng ta phải ban hành và nghiêm chỉnh thi hành các chế độ quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, lấy đó làm cơ sở cho hoạt động quản lý thống nhất. Sau đó, thông qua thực tiễn, chúng ta sẽ rút kinh nghiệm, sửa đổi và bổ sung thêm.

Qua việc nghiêm túc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, các nguyên tắc, chế độ quản lý của Nhà nước, cho đến việc thi hành những quy định nội bộ và chế độ công tác của mỗi ngành, địa phương và cơ sở, chúng ta bảo đảm cho toàn bộ hoạt động chỉ đạo, quản lý đi vào nền nếp, thống nhất, có quy củ, bảo đảm phát huy tốt chức năng và hiệu lực của hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh.

– *Phải kiên quyết tổ chức, tăng cường cơ quan điều độ và chấn chỉnh công tác thông tin kinh tế* để giúp cho cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nắm được tình hình một cách nhanh chóng, chính xác và điều hành công việc kịp thời, sắc bén và có hiệu quả.

Các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương và cơ sở phải tổ chức tốt công tác điều hành các hoạt động kinh tế, hoạt động sản xuất thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. Phải tăng cường những đồng chí lãnh đạo có đủ năng lực làm công tác này. Hiện nay, ở nhiều xí nghiệp đã có bộ máy điều độ hoạt động tốt, giúp giám đốc quản lý một cách có hiệu quả việc sản xuất kinh doanh và thực hiện kế hoạch. Nhưng nhiều xí nghiệp còn chưa coi trọng và còn lúng túng trong việc chỉ huy, điều hành công việc hàng ngày. Ở nhiều cơ quan lãnh đạo, quản lý cấp trên, tuy bộ máy quản lý hành chính đông người, nhưng bộ phận điều độ rất yếu về nghiệp vụ và tổ chức điều hành nên không phục vụ được đắc lực cho lãnh đạo. Ngược lại, có cơ quan lãnh đạo lại giao phó cho cơ quan điều độ nhiều việc, nhiều quyền không đúng chức năng của nó, vô tình làm yếu sự chỉ đạo, quản lý tập trung của người thật sự có quyền hạn và trách nhiệm chỉ đạo, quản lý.

Chúng ta phải xác định rõ chức năng và tăng cường năng lực hoạt động của cơ quan điều độ, làm cho cơ quan điều độ thành khâu trung tâm giúp lãnh đạo huy động cả bộ máy quản lý hướng về cơ sở, phục vụ phong trào quần chúng lao động sản xuất. Đồng thời phải tổ chức việc kiểm tra, đôn đốc cơ sở, đòi hỏi cơ sở quản lý sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm hoàn thành thắng lợi kế hoạch.

– *Cần tăng cường công tác kiểm tra và thanh tra*, kịp thời phát hiện, kết luận và phổ biến những kinh nghiệm tốt, khen thưởng dích đáng những người tốt, việc tốt, không để một người nào, đơn vị nào có nhiều sáng kiến, có nhiều cống hiến mà không được biểu dương, cổ vũ. Đồng thời, phải xử lý nghiêm minh và kịp thời đối với những người, những việc làm

Digitized by Google

sai trái. Không để bất kỳ người nào, dù ở cương vị nào, nói trái, làm trái đường lối, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước, không làm tròn nhiệm vụ mà không bị phê phán, thi hành kỷ luật... Các cơ quan kiểm tra, thanh tra của Đảng và Nhà nước cần hướng công tác kiểm tra vào các mặt hoạt động kinh tế, vào việc thực hiện kế hoạch Nhà nước. Tổ chức tốt sự kết hợp công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chuyên trách của Nhà nước, của Đảng với việc kiểm tra của các tổ chức quần chúng ở xí nghiệp, hợp tác xã, cửa hàng, khu phố, làm cho công tác thanh tra, kiểm tra nói chung thật sự trở thành một công cụ đắc lực của Nhà nước chuyên chính vô sản, một phương tiện phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

– *Phát triển sâu rộng hơn nữa phong trào thi đua lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, đạt năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, tiết kiệm nhiều.*

Trong phong trào thi đua, phải tổ chức và động viên tốt mọi người thảo luận và thực hiện khẩu hiệu hành động của toàn dân trong năm 1977 «*là lao động, tiết kiệm, làm dủ ăn và có tích lũy*», đồng thời phải gây một dư luận rộng rãi chống thói tri trệ, bảo thủ, chống tệ quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà cho nhân dân, chống các hiện tượng lãng phí, tham ô, chống thói lười biếng, làm ẩu, làm dối, báo cáo sai sự thật,v.v...

Trước mắt, chúng ta cần thông qua việc phổ biến Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng mà nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể và ý chí phấn đấu cách mạng của quần chúng nhân dân trên mặt trận lao động sản xuất, trong công tác quản lý và phân phối, đồng thời phải nhanh chóng thực hiện tốt các biện pháp tăng cường và cải tiến công tác chỉ đạo và quản lý, bảo đảm các điều kiện vật chất – kỹ thuật trong sản xuất và xây dựng, chăm lo giải quyết các vấn đề về đời sống, về bảo hộ lao động.... cho người lao động.

★

Kế hoạch Nhà nước năm 1977 có ý nghĩa rất quan trọng. Việc thực hiện thắng lợi kế hoạch này sẽ làm cho tình hình kinh tế nước ta được cải thiện một bước, các mặt mất cân đối lớn của nền kinh tế được thu hẹp một phần, đời sống nhân dân có cơ sở để ổn định và cải thiện một bước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980.

Then chốt quyết định thắng lợi của kế hoạch Nhà nước là phải *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng*, phát huy *quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản.*

Chúng ta đều biết rằng kế hoạch Nhà nước là cương lĩnh thứ hai của Đảng, là pháp lệnh của Nhà nước, đồng thời nó thể hiện lợi ích và ý chí phấn đấu cách mạng của nhân dân. Kế hoạch Nhà nước năm 1977 là chương trình hành động cách mạng cụ thể của toàn Đảng, toàn dân ta triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng. Tất cả cán bộ, đảng viên ở các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở phải nêu cao quyết tâm và tinh thần trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và nhân dân, tiếp tục động viên và giữ vững khí thế cách mạng của phong trào quần chúng nhân dân đang trên đà phát triển, bảo đảm thực hiện thắng lợi và vượt mức các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước năm 1977.

Digitized by Google

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa

NGUYỄN-VỊNH

XÂY dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, là nhằm xây dựng chế độ mới (chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa), nền kinh tế mới (nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa), nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Chế độ làm chủ tập thể quán xuyến tất cả mọi mặt của đời sống xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhận thức đúng đắn về chế độ làm chủ tập thể có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất lớn. Nó giúp chúng ta nâng cao tính tự giác trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho nhân dân lao động làm chủ thật sự, làm chủ đầy đủ nhất. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thể hiện một cách tập trung trong sự *làm chủ của nhân dân lao động bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của đảng tiền phong của giai cấp công nhân* » (1).

Xã hội — bất cứ dưới hình thái nào — là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa người và người, tức là sản phẩm của những quan hệ xã hội về mọi mặt giữa người và người. Chế độ xã hội là kiểu tổ chức xã hội thể hiện toàn bộ những quan hệ xã hội đó. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một kiểu tổ chức xã hội trong đó toàn bộ các quan hệ xã hội (kinh tế, chính trị, văn hóa...) được xây dựng thành quy chế, tổ chức, tiêu chuẩn, thành tập quán và lối sống nhằm bảo đảm quan hệ cơ bản nhất là: « người làm chủ là nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo » (2).

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Nội dung làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm

---

(1) Lê-Duẩn: « Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt-nam thống nhất xã hội chủ nghĩa » tạp chí *Học tập*, số 7-1976, trang 36.

(2) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

nhiều mặt : làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ; làm chủ xã hội ; làm chủ thiên nhiên ; làm chủ bản thân : và trên cơ sở phục tùng quyền làm chủ trong phạm vi cả nước, mà làm chủ trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở. Quyền làm chủ của tập thể bao gồm quyền tự do chân chính của cá nhân ».

Làm chủ tập thể về chính trị là tiền đề, là điều kiện tiên quyết của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Từ địa vị nô lệ, bị áp bức dưới chế độ cũ, muốn trở thành người làm chủ, nhân dân lao động tất yếu phải lật đổ chính quyền của các giai cấp thống trị, giành lấy chính quyền về tay mình. Hàng nghìn năm nay, trải qua các chế độ khác nhau của xã hội có giai cấp, nhân dân lao động đã nhiều phen đứng dậy mưu lật đổ ách thống trị của bọn bóc lột. Nhưng các cuộc khởi nghĩa của họ đều dẫn tới sự thống trị của một triều đại, hoặc một giai cấp bóc lột khác, rốt cuộc họ vẫn phải sống trở lại cuộc đời nô lệ. Chỉ với sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, một giai cấp không có lợi ích riêng biệt đối lập với các giai cấp bị áp bức khác, một giai cấp chỉ có thể giải phóng cho mình nếu đồng thời giải phóng cho tất cả các giai cấp bị áp bức, bóc lột khác. Tiêu biểu cho quyền làm chủ về chính trị là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, xây dựng trên cơ sở liên minh công nông, do giai cấp công nhân và đảng Mác – Lê-nin lãnh đạo. Nắm chính quyền Nhà nước, nhân dân lao động mới có thể thực hiện được quyền lực chính trị của mình, bảo vệ được quyền làm chủ của mình chống lại những kẻ thù giai cấp đã bị đánh đổ, nhưng vẫn âm mưu ngóc dậy giành lại địa vị thống trị của chúng. Mặt khác, nhờ có chính quyền Nhà nước của mình, nhân dân lao động mới có thể xây dựng, củng cố và hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa mà cơ sở là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, « Xây dựng *chế độ làm chủ tập thể về chính trị* là thiết lập quyền lực của nhân dân lao động lấy liên minh công nông làm nòng cốt và do giai cấp công nhân lãnh đạo, là xây dựng các mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân để bảo đảm cho nhân dân lao động thật sự làm chủ xã hội, hiểu rõ và biết sử dụng quyền lực chính trị của mình » (3).

Nếu làm chủ tập thể về chính trị là tiền đề để thực hiện làm chủ về các mặt khác thì làm chủ tập thể về kinh tế lại là cơ sở của quyền làm chủ về mọi mặt.

« *Làm chủ tập thể về kinh tế* bao gồm làm chủ tập thể những tư liệu sản xuất chủ yếu, làm chủ tập thể lực lượng lao động, làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất và trong lĩnh vực phân phối » (4).

Làm chủ tập thể về tư liệu sản xuất đòi hỏi phải xóa bỏ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và cải tạo chế độ sở hữu cá thể của nông dân và những người sản xuất nhỏ khác, xác lập chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức : sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể.

Một khi chế độ công hữu đã được xác lập, xã hội tất yếu phải làm chủ tập thể lực lượng lao động, làm cho lực lượng lao động của xã hội có đầy đủ tính chất của lao động xã hội trực tiếp phù hợp với tính chất xã hội của tư liệu sản xuất đã công hữu hóa. Làm chủ tập thể lực lượng lao động là nắm chắc lực lượng lao động trong phạm vi cả nước, từng địa phương, từng cơ sở để phân bố và sử dụng lực lượng lao động ấy một cách hợp lý nhằm

(3) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

(4) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

tạo ra ngày càng nhiều của cải cho xã hội. Làm chủ tập thể lực lượng lao động là để có thể kết hợp một cách có hiệu quả nhất sức lao động với tư liệu sản xuất; khai thác một cách có hiệu quả nhất tài nguyên phong phú của đất nước.

Làm chủ tập thể tư liệu sản xuất và làm chủ tập thể lực lượng lao động là điều kiện quyết định để có thể làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất. Ngược lại làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất là điều kiện để sử dụng một cách có hiệu quả nhất mọi lực lượng sản xuất của xã hội, làm cho nền sản xuất xã hội phát triển một cách cân đối, nhịp nhàng, với năng suất lao động cao và nhịp độ phát triển nhanh. Làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất trước hết là phải đứng trên quan điểm toàn cục mà bố trí và sử dụng hợp lý mọi năng lực sản xuất của cả nước theo một kế hoạch thống nhất, đồng thời cũng phải phát huy cao độ tính chủ động và sáng tạo của mỗi địa phương, đơn vị kinh tế, cũng như mỗi người lao động để khai thác mọi tiềm lực kinh tế phục vụ cho kế hoạch chung. Làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất còn có nghĩa là phải vận dụng đúng đắn quy luật kinh tế khách quan để xây dựng được một hệ thống tổ chức và quản lý có hiệu quả, đề ra được những chế độ, chính sách đúng đắn có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển nhanh chóng.

Làm chủ tập thể trong lĩnh vực phân phối đòi hỏi phải xây dựng một chế độ phân phối công bằng, hợp lý, có tổ chức, có kế hoạch, nhằm thỏa mãn ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và văn hóa của toàn xã hội tùy theo trình độ phát triển của sản xuất. Chế độ phân phối ấy trước hết phải bảo đảm nền sản xuất xã hội không ngừng mở rộng và phát triển. Chế độ phân phối ấy phải kết hợp đúng đắn nguyên tắc « phân phối theo lao động: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, có sức lao động mà không làm thì không được hưởng » với việc tăng dần phúc lợi xã hội, và việc Nhà nước cùng tập thể chăm sóc những người mất sức lao động, những người tàn tật, già cả, nuôi dạy trẻ em, v.v... Làm chủ tập thể trong lĩnh vực phân phối xét đến cùng là mục đích của làm chủ tập thể tư liệu sản xuất, làm chủ tập thể lực lượng sản xuất, làm chủ tập thể trong tổ chức và quản lý sản xuất. Nếu nhân dân lao động không làm chủ thật sự trong lĩnh vực phân phối thì quyền làm chủ tập thể về kinh tế của họ trở nên vô nghĩa.

Một khi nhân dân lao động đã làm chủ về chính trị và kinh tế thì tất nhiên họ sẽ có điều kiện để làm chủ về văn hóa. « Xây dựng *chế độ làm chủ tập thể về văn hóa* là tạo cho mọi người một cuộc sống tinh thần phong phú; là biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân và tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp sáng tạo ra các giá trị văn hóa; là làm cho các quan hệ đối xử giữa người và người thể hiện lẽ sống tốt đẹp: « Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người » (5) Quyền làm chủ về chính trị cho phép nhân dân lao động giành lại quyền làm chủ những tài sản văn hóa vốn là thành quả lao động của loài người, trước đây bị các giai cấp thống trị độc chiếm: nhà trường, câu lạc bộ, viện bảo tàng, nhà hát, sân vận động, nhà in, báo chí, nhà xuất bản, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, điện ảnh, v.v... Chế độ làm chủ về kinh tế bảo đảm cho người lao động một đời sống vật chất ngày càng cao, đồng thời cũng do đó tạo cho họ có điều kiện để tổ chức

(5) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

cuộc sống văn hóa và tinh thần ngày càng phong phú. Nền văn hóa dưới chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa, có tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân, một nền văn hóa được xây dựng trên cơ sở thế giới quan của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Con người từ trước đến nay luôn luôn đấu tranh trên hai mặt: đấu tranh với tự nhiên và đấu tranh trong xã hội để tiến tới làm chủ. Hai mặt đấu tranh đó quan hệ mật thiết với nhau. Làm chủ tập thể về mặt xã hội là điều kiện để «con người trở thành những người chủ thật sự và có ý thức đối với tự nhiên» (6). Trong quá trình lao động sản xuất, đấu tranh với tự nhiên, con người đã từng bước khám phá ra các quy luật của tự nhiên. Việc nhận thức được những quy luật đó cho phép con người chinh phục lĩnh vực này đến lĩnh vực khác của giới tự nhiên để phục vụ cho lợi ích của mình. Nhận thức của con người về giới tự nhiên không ngừng mở rộng và cũng không ngừng đi vào chiều sâu thì uy lực của con người đối với giới tự nhiên cũng không ngừng tăng lên. Khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật đã cho phép con người đạt tới trình độ lý giải và chế ngự được nhiều bí ẩn của thiên nhiên cả trong lĩnh vực vi mô và lĩnh vực vĩ mô. Những thành tựu lớn lao đó của trí tuệ con người là sản phẩm của tập thể loài người từ thế hệ này đến thế hệ khác. Nhưng qua các thời đại, các giai cấp thống trị đã chiếm những thành tựu đó làm của riêng để phục vụ cho lợi ích giai cấp ích kỷ, hẹp hòi của chúng.

Dưới chế độ cũ, sự làm chủ cá thể của các giai cấp bóc lột đã hạn chế tác dụng của tri thức khoa học của con người về hai phương diện: một là nó biến tri thức khoa học thành độc quyền của một số rất ít người và kìm hãm hàng triệu triệu người lao động trong vòng ngu dốt, tối tăm. Mặt khác nó chỉ vận dụng những tri thức đó vào mục đích vụ lợi: bóp nặn được nhiều giá trị thặng dư của nhân dân lao động để làm giàu cho cá nhân chúng. Bằng cách đó sự làm chủ cá thể dưới chế độ cũ đã kìm hãm sự phát triển của khoa học, làm cho sự phát triển của khoa học trở thành què quặt, phiến diện, và do đó hạn chế khả năng con người chinh phục tự nhiên, thậm chí vì lợi ích ích kỷ mà có khi nó còn làm cho việc chinh phục tự nhiên quay trở lại làm hại đến chính ngay sự sinh tồn của con người.

Cuối cùng đấu tranh xã hội dẫn đến thắng lợi vĩnh viễn của nhân dân lao động từ nay trở thành người làm chủ tập thể xã hội thì những hạn chế do sự làm chủ cá thể dưới chế độ cũ gây ra đối với việc con người làm chủ thiên nhiên cũng được xóa bỏ. Với chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, khoa học trở thành tài sản chung của mọi người, được phổ cập cho mọi người và được sử dụng vào việc phục vụ sản xuất xã hội một cách có kế hoạch, có ý thức. Từ nay việc chinh phục thiên nhiên trở thành công việc chung của cả cộng đồng xã hội. Sức mạnh của tập thể đem lại hai kết quả: một là, trí tuệ tập thể của nhân dân lao động tự giác chinh phục thiên nhiên cho phép mở rộng nhanh chóng phạm vi hiểu biết của con người cả về bề rộng và bề sâu. Hai là, với những hiểu biết đó, sức lao động sáng tạo của cộng đồng xã hội có khả năng cải tạo giới tự nhiên theo những kế hoạch rộng lớn, táo bạo chưa từng thấy. Con người có điều kiện phát huy quyền làm chủ thiên nhiên bởi vì cùng với chế độ làm chủ tập thể, họ đã thật sự làm chủ xã hội.

(6) F. Ăng-ghen: *Chống Đuy-rinh*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 476.

Digitized by Google

Làm chủ tự nhiên và làm chủ xã hội sẽ dẫn tới làm chủ bản thân. Dưới chế độ cũ, với sự làm chủ cá thể, mỗi người có lợi ích riêng, có nguyện vọng riêng và hành động theo nguyện vọng riêng nhằm đạt tới lợi ích riêng. Nhưng thường thường họ không đạt được kết quả mong muốn, bởi vì trong xã hội còn giai cấp đối kháng, nguyện vọng và lợi ích của các giai cấp rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, chống đối nhau. Dưới chế độ cũ, với sự làm chủ cá thể, ngẫu nhiên chi phối vận mệnh của mỗi người riêng biệt, khiến con người không thể làm chủ được vận mệnh của bản thân mình và thường nhân dân lao động đành phải phó thác mình cho «số phận». Dưới chế độ làm chủ tập thể, con người làm chủ được xã hội, làm chủ được thiên nhiên, cũng tức là có điều kiện hành động một cách tự giác. Với sự hiểu biết đúng đắn về quy luật của xã hội và của thiên nhiên, do đó người ta cũng hiểu rõ mình phải làm gì để đạt kết quả gì và phải làm như thế nào để đạt kết quả đó. Cả tập thể xã hội hành động với tính tự giác cao và từng người cũng hành động với tính tự giác cao. Con người thật sự làm chủ được bản thân, làm chủ được vận mệnh của chính mình.

Dưới chủ nghĩa xã hội, trong thời gian dài vẫn tồn tại từng quốc gia dân tộc riêng biệt với tính cách là những đơn vị độc lập. Làm chủ tập thể trong trường hợp đó trước hết là làm chủ tập thể trong phạm vi từng nước. Một nước lại bao gồm nhiều địa phương và đơn vị cơ sở. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm *làm chủ trong cả nước, từng địa phương, từng cơ sở*. Chủ nghĩa xã hội được xây dựng theo một kế hoạch thống nhất trong cả nước, và cả nước được tổ chức thành một công trường, có những yêu cầu chỉ huy tập trung rất cao nhằm bảo đảm đời sống và lợi ích của toàn xã hội. Trong quan hệ giữa làm chủ trong cả nước, làm chủ trong từng địa phương và từng cơ sở thì làm chủ trong cả nước là cơ bản, giữ vị trí chủ đạo. Bởi vì mỗi địa phương là một bộ phận không thể tách rời của cả nước, mỗi cơ sở là một tế bào của cả nước và của địa phương. Làm chủ trong cả nước là thông qua bộ máy điều khiển của Nhà nước, mà chỉ đạo toàn cục của cả nước, chăm lo lợi ích chung và công việc chung của cả nước. Có làm chủ trong cả nước thì mới hoàn toàn làm chủ từng địa phương và từng cơ sở được. Làm chủ từng địa phương là nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và tận dụng tốt nhất mọi khả năng tiềm tàng của địa phương để vừa đóng góp tích cực vào sự nghiệp chung của Tổ quốc, vừa bảo đảm những nhu cầu hợp lý của địa phương. Có làm chủ từng địa phương được tốt mới có điều kiện thuận lợi phát huy quyền làm chủ trong cả nước.

Làm chủ trong từng cơ sở, từng xí nghiệp, hợp tác xã, cơ quan,... là phát huy tính năng động của tập thể đơn vị cơ sở và của từng người, tận dụng mọi khả năng tiềm tàng, làm cho hoạt động của từng đơn vị cơ sở đưa lại hiệu quả tốt nhất, thúc đẩy cơ sở phát triển về mọi mặt, phục vụ tốt yêu cầu chung của xã hội, đồng thời cũng đem lại những phúc lợi tập thể đáp ứng những yêu cầu chính đáng của đời sống đơn vị. Làm chủ từng địa phương, từng cơ sở gắn chặt với làm chủ trong cả nước. Bởi vì làm chủ tập thể là cả khối cộng đồng những người lao động làm chủ do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Nó hoàn toàn khác làm chủ kiểu tập đoàn nhỏ, kiểu phường hội. Nó không dung thứ những tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, đem đối lập lợi ích của địa phương, của cơ sở với lợi ích chung của Nhà nước, của xã hội.

★

Digitized by Google

Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ra đời không thể hoàn bị ngay một lúc sau khi nhân dân lao động giành được chính quyền từ tay giai cấp bóc lột. « Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một quá trình phát triển không ngừng từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện » (7). Quá trình xây dựng chế độ làm chủ là quá trình tiến hành ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Nghị quyết Đại hội lần thứ 4 của Đảng đã chỉ rõ: « Việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể đòi hỏi, trước hết phải xây dựng một hệ thống các quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ». Trong hệ thống các quan hệ đó, Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước làm công tác quản lý, nhân dân lao động là người làm chủ thật sự và tối cao của xã hội.

Đảng cộng sản là người lãnh đạo, Đảng chịu trách nhiệm trước giai cấp công nhân và nhân dân lao động về mọi mặt của đời sống xã hội. Đảng phải lo mọi việc. Song điều đó không có nghĩa là Đảng tự mình làm mọi việc. Người làm chủ xã hội là nhân dân lao động thì mọi công việc trong xã hội phải do nhân dân đảm nhiệm với tư cách là người làm chủ. Đảng lãnh đạo có nghĩa là Đảng phải đề ra đường lối, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đường lối và kiểm tra sự thực hiện đường lối. Đảng không làm thay và không thể làm thay nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới.

Đảng lãnh đạo là Đảng phải đề ra được đường lối đúng đắn phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội và thể hiện được đúng lợi ích và nguyện vọng của nhân dân lao động. Nhưng có đường lối đúng chưa đủ. Đảng còn phải biến đường lối ấy thành ý chí của nhân dân, giáo dục, thuyết phục quần chúng nhân dân để trên cơ sở đó tổ chức quần chúng nhân dân hành động theo đường lối ấy. Muốn làm được như vậy, Đảng phải liên hệ mật thiết với quần chúng, chăm lo xây dựng, củng cố mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền nguy cơ lớn mà Đảng phải hết sức tránh là chủ nghĩa quan liêu làm cho Đảng xa rời quần chúng. Vì vậy Đảng phải kiên quyết đấu tranh chống tệ quan liêu nảy sinh bất cứ ở cấp bộ nào, ở bất cứ đảng viên nào của Đảng, đặc biệt là ở những đảng viên có trách nhiệm trong Đảng và trong cơ quan Nhà nước. Những biện pháp có hiệu lực nhất để thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng là: tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng, như lấy ý kiến quần chúng trong việc xây dựng đường lối chính sách của Đảng, kết nạp người vào Đảng, phê bình đảng viên, v.v... Bởi vì dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lao động làm chủ tập thể chủ yếu bằng Nhà nước đồng thời cũng làm chủ tập thể bằng các đoàn thể quần chúng, cho nên Đảng phải chăm lo xây dựng các tổ chức quần chúng thật vững mạnh, thông qua các tổ chức quần chúng để giáo dục và động viên quần chúng thực hiện đường lối chính sách của Đảng, đồng thời tổ chức quần chúng với tư cách người làm chủ, quản lý công việc của Nhà nước với tư cách người làm chủ.

Trong việc tổ chức thực hiện đường lối chính sách, Đảng không trực tiếp ra lệnh cho quần chúng. Sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội chủ yếu là thông qua Nhà nước. Bởi vì Nhà nước là cơ quan đại biểu chính thức của toàn thể nhân dân lao động có trách nhiệm tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Có thông qua Nhà nước, Đảng mới phát huy được

(7) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động để xây dựng chế độ mới. Trong quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, cần tránh hai khuynh hướng: làm thay và khoán trắng. Đảng làm thay Nhà nước về thực chất là xâm phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đồng thời cũng là hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng. Khoán trắng mọi việc cho Nhà nước là bỏ rơi vai trò lãnh đạo của Đảng, do đó cũng không tránh khỏi gây thiệt hại cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Nói về vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « Đảng tiên phong của giai cấp công nhân là lực lượng xã hội tiêu biểu cho chế độ mới, là người nắm chủ nghĩa Mác – Lê-nin, vận dụng phương pháp của chủ nghĩa Mác – Lê-nin để phát hiện quy luật của cách mạng Việt-nam quy luật phát triển của xã hội Việt-nam... Phải có sự lãnh đạo của Đảng thì hoạt động của Nhà nước và của nhân dân mới mang tính khoa học sâu sắc, mới phù hợp với quy luật phát triển của xã hội Việt-nam, do đó mới đạt được kết quả đúng với dự liệu. Phải có sự lãnh đạo của Đảng thì hoạt động của nhân dân và của Nhà nước mới mang tính cách mạng thật sôi nổi, trí sáng tạo của nhân dân lao động mới được phát huy đầy đủ hơn » (8).

Nếu Đảng là yếu tố lãnh đạo, thì Nhà nước lại là cơ quan quyền lực thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là Nhà nước chuyên chính vô sản nhưng không phải là Nhà nước chỉ phục vụ lợi ích của riêng giai cấp công nhân. Đó là chính quyền của đông đảo nhân dân lao động xây dựng trên cơ sở liên minh công nông do giai cấp công nhân và Đảng của nó lãnh đạo. Lê-nin đã từng chỉ rõ chuyên chính vô sản có nghĩa là « chỉ có một giai cấp nhất định, – tức là công nhân thành thị, và nói chung là công nhân nhà máy, công nhân công nghiệp, – mới có khả năng lãnh đạo được toàn thể quần chúng lao động và những người bị bóc lột trong cuộc đấu tranh để lật đổ ách của tư bản, ngay cả trong quá trình lật đổ ách đó nữa, trong cuộc đấu tranh để duy trì và củng cố thắng lợi, trong sự nghiệp sáng tạo ra một trật tự xã hội mới, trật tự xã hội chủ nghĩa, trong toàn bộ cuộc đấu tranh để hoàn toàn xóa bỏ giai cấp » (9). Vì vậy điều bảo đảm cơ bản nhất của chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân đứng đầu là Đảng cộng sản. Hiệu lực của chuyên chính vô sản, sức mạnh cải biến cách mạng của nó, hiệu lực sáng tạo cách mạng của nó là ở chỗ nó thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nhà nước chuyên chính vô sản thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là Nhà nước « dân chủ gấp triệu lần » so với bất cứ Nhà nước dân chủ tư sản nào. Đó là bản thân nhân dân lao động được tổ chức lại một cách tinh vi và rộng lớn thành một cơ cấu bảo đảm quyền làm chủ tập thể của mình dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của nó.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là một công cụ bạo lực, một tổ chức hành chính, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế, văn hóa. Về cả hai phương diện đó, Nhà nước đều thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nhà nước phải là công cụ có hiệu lực, để trấn áp các thế lực thù địch âm mưu phản cách mạng, âm mưu chống phá chủ nghĩa xã hội

(8) Lê-Duẩn: „ Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt-nam thống nhất xã hội chủ nghĩa ". Tạp chí *Học tập*, số 7-1976, trang 36.

(9) V. Lê-nin: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển 2, phần 2, trang 206.

Digitized by Google

và bảo vệ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Bảo vệ *an ninh chính trị và trật tự xã hội* là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của Nhà nước ». Nhà nước ta phải « chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của bọn đế quốc, tư bản và bè lũ tay sai; kịp thời và kiên quyết trấn áp bọn phá hoại hiện hành; đập tan mọi mưu mô ngóc đầu dậy của các giai cấp bóc lột và của bọn phản động; ra sức đấu tranh chống các tội phạm khác; tích cực bài trừ các tệ nạn xã hội; ngăn ngừa và làm giảm tới *mức thấp nhất* các tệ nạn xã hội ». Song Nhà nước đồng thời lại là tổ chức quản lý kinh tế và văn hóa. Nhân dân lao động tự tổ chức thành Nhà nước là để xây dựng những quan hệ kinh tế mới, những quan hệ xã hội mới, để xây dựng chủ nghĩa xã hội và không ngừng củng cố và hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể của mình. Chức năng đặc thù của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là quản lý. Nhà nước phải vận dụng mọi phương tiện hành chính và kinh tế, giáo dục và pháp chế, cưỡng bức và thuyết phục, tổ chức và tư tưởng để quản lý kinh tế, quản lý xã hội về mọi mặt. Pháp chế là công cụ quan trọng để quản lý. Vì vậy Nhà nước phải xây dựng một hệ thống pháp luật để điều khiển mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội và buộc mọi người phải tuân theo.

Để xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, việc tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quyết định. Phải xây dựng Nhà nước thành một tổ chức thật sự của dân, do dân và vì dân, một tổ chức có hiệu lực để giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo đảm quốc phòng, một tổ chức đủ năng lực xây dựng và quản lý kinh tế và văn hóa, bảo vệ quyền lợi của nhân dân. Đặc biệt phải chú ý nâng cao năng lực của Nhà nước về mặt hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế, bởi vì đây là mặt hoạt động có tính quyết định nhất nhưng lại là mặt hoạt động mới mẻ và khó khăn.

Đi đôi với việc tăng cường Nhà nước, phải thi hành những biện pháp nhằm bảo đảm Nhà nước luôn luôn là Nhà nước của dân: các cơ quan dân cử phải được lập ra một cách thật sự dân chủ; phải đề cao vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực quyết định những vấn đề liên quan đến đời sống mọi mặt của nhân dân, giám sát toàn bộ hoạt động của bộ máy hành chính các cấp; phải quy định chế độ làm việc của các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, tạo điều kiện cho họ được thường xuyên tiếp xúc với nhân dân để thu thập và phản ánh ý kiến của nhân dân với các cơ quan Nhà nước, và theo dõi cách giải quyết của các cơ quan đó; tổ chức việc kiểm tra chặt chẽ và nghiêm túc hoạt động của các cơ quan Nhà nước thông qua hệ thống tự kiểm tra của Nhà nước và kiểm tra của các đoàn thể nhân dân; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm pháp luật được nghiêm minh, làm cho mọi hoạt động của xã hội đi vào nề nếp chặt chẽ; giáo dục nhân viên Nhà nước tinh thần phục vụ nhân dân, kiên quyết đấu tranh khắc phục tệ quan liêu, cửa quyền của cán bộ, nhân viên Nhà nước; bảo đảm cho nhân dân có thể sử dụng quyền của mình theo Hiến pháp để đấu tranh chống những hành vi sai trái của cán bộ các cơ quan Nhà nước, buộc họ phải thực hiện đúng đắn quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Điều kiện quyết định để tăng cường sức mạnh và hiệu lực của Nhà nước là phải bảo đảm tốt sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng phải làm cho đường lối chủ trương của mình thấu suốt trong mọi

Digitized by Google

hoạt động của Nhà nước, phải xây dựng lực lượng cán bộ Đảng có năng lực và có phẩm chất làm nòng cốt cho đội ngũ cán bộ, viên chức Nhà nước, đủ sức đảm nhiệm những trọng trách được Đảng giao cho trong các cơ quan Nhà nước. Các tổ chức Đảng trong cơ quan Nhà nước có trách nhiệm biến đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng thành nhiệm vụ, chủ trương, pháp luật, chính sách cụ thể của Nhà nước. Đảng phải theo dõi kiểm tra hoạt động của các cơ quan Nhà nước; các tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và quyết định của Nhà nước, coi đó là kỷ luật của Đảng.

Sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước phải không ngừng phát huy vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động, làm cho họ tự mình tổ chức lấy cuộc sống của mình. Lê-nin đã chỉ rõ rằng Đảng và Nhà nước phải làm hết sức mình, để giáo dục quần chúng hiểu « quyền lực là ở chúng ta. Người chủ của công nghiệp, của lúa mì, của tất cả các sản phẩm trong nước là chúng ta » (10), đồng thời phải tìm những hình thức tổ chức thích hợp để lôi cuốn, thu hút đông đảo quần chúng vào việc quản lý xã hội, quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước. Cần tổ chức để quần chúng được tham gia hết sức rộng rãi ở các cơ sở: thôn, xã, khu phố, thảo luận các vấn đề về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, bàn bạc những công việc phải làm ở cơ sở; cần tổ chức để quần chúng có thể kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước; thu hút quần chúng tham gia quản lý xí nghiệp, v.v...

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ là một thể thống nhất trong đó mỗi yếu tố có vai trò nhất định. Với cơ chế đó, chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một động lực mạnh mẽ để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « Thực hiện được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng thì nhất định sẽ phát huy cao độ vai trò chủ động và trí sáng tạo không bờ bến của nhân dân lao động, làm cho phong trào cách mạng nối tiếp phong trào cách mạng, làm cho hoạt động của nhân dân lao động biến thành hoạt động có tổ chức cao trên quy mô toàn xã hội và phù hợp với những quy luật khách quan, do đó mà thống nhất được tính cách mạng và tính khoa học, tạo nên một sức mạnh dời non lấp biển, khắc phục mọi khó khăn, đạp bằng mọi trở ngại, từng phút, từng giây, ở mọi nơi, mọi mặt của đời sống, phá bỏ cái cũ, tạo ra cái mới, làm cho lịch sử phát triển với nhịp điệu xưa nay chưa từng thấy ở nước ta » (11). Vì vậy xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng là mối quan tâm hàng đầu của Đảng ta trong việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

★

Chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nó được xây dựng, củng cố và hoàn thiện dần trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để xây dựng thành công chế độ mới, phải nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm

(Xem tiếp trang 70)

(10) V. Lê-nin: *Bàn về vai trò của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 157 — 158.

(11) Lê-Duẩn: *« Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt-nam thống nhất xã hội chủ nghĩa »*, tạp chí *Học tập*, số 7-1976, trang 36 — 37.

Digitized by Google

LÀM TỐT CUỘC BẦU CỬ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

NĂM ngoái nhân dân ta đã thực hiện thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước. Năm nay nhân dân ta bầu Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Đây là một dịp để nhân dân ta sử dụng quyền làm chủ tập thể của mình. Cuộc bầu cử này nhằm tăng cường chính quyền cách mạng ở các địa phương, đồng thời thống nhất chính quyền cách mạng trong cả nước theo hình thức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Được tiến hành sau Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, cuộc bầu cử này là hành động thiết thực của nhân dân ta thực hiện Nghị quyết của Đại hội, góp phần xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

★

Hiện nay cả nước ta đang ở vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, « đó là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, sâu sắc và triệt để. Đó là quá trình kết hợp cải tạo với xây dựng, mà xây dựng là chủ yếu. Đó là quá trình xóa bỏ cái lạc hậu, phát huy cái tiến bộ, cải tạo cái cũ, xây dựng cái mới. Phải xây dựng cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới ; xây dựng cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới, xây dựng cả đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần và văn hóa mới. Đó là quá trình đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp và lâu dài giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Đó là quá trình nắm vững

Digitized by Google

chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động đẩy mạnh *ba cuộc cách mạng*: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Đó là quá trình hình thành từng bước chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa » (1).

Để giành được thắng lợi cho cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhân dân ta phải ra sức xây dựng một Nhà nước kiểu mới, « Nhà nước chuyên chính vô sản, một tổ chức thực hiện quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, một tổ chức thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với tiến trình phát triển của xã hội » (2). Nhà nước ấy phải đủ sức tổ chức và quản lý mọi mặt của đời sống xã hội: giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, củng cố quốc phòng; tổ chức xây dựng và quản lý kinh tế, văn hóa, bảo vệ quyền lợi của nhân dân.

Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là hệ thống tổ chức quyền lực của nhân dân. Quốc hội quyết định những vấn đề quan trọng của cả nước. Hội đồng nhân dân có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất thuộc phạm vi địa phương. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân phải được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp phải thể hiện đầy đủ tính chất của Nhà nước chuyên chính vô sản trong giai đoạn hiện nay; phải thật sự tiêu biểu cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh địa phương; phải thể hiện khối đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông do Đảng ta lãnh đạo. Hội đồng nhân dân phải phản ánh được sức mạnh của nhân dân địa phương đang phấn đấu thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa kết hợp với xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các tỉnh miền Nam, và nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Bắc. Ủy ban nhân dân phải thật sự là tổ chức quản lý Nhà nước có hiệu lực, có tín nhiệm với quần chúng.

Để có thể bầu cử được Hội đồng nhân dân theo đúng tính chất và nhiệm vụ của chính quyền Nhà nước như trên đã nói, chúng ta cần phải xác định tiêu

---

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.

Digitized by Google

chuẩn đại biểu và lựa chọn đại biểu một cách thận trọng.

Đại biểu Hội đồng nhân dân phải là người trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, gương mẫu chấp hành và có khả năng vận động quần chúng thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tích cực hoạt động phục vụ nhân dân, gần gũi nhân dân, được nhân dân tín nhiệm, nắm vững nguyện vọng của nhân dân, cùng nhân dân giải quyết những khó khăn trong sản xuất và đời sống. Việc bầu cử người vào Ủy ban nhân dân các cấp phải chặt chẽ hơn. Những đại biểu được cử vào Ủy ban nhân dân phải là những người nắm vững đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có năng lực quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, có tinh thần trách nhiệm, có tín nhiệm cao với nhân dân, có năng lực và trình độ tương xứng với nhiệm vụ sẽ phụ trách.

Ngoài việc nắm vững tiêu chuẩn đại biểu là chính, việc lựa chọn đại biểu cần phải bảo đảm cho Hội đồng nhân dân có cơ cấu hợp lý phù hợp với tình hình từng địa phương. Có như thế Hội đồng nhân dân mới thật sự đại biểu quyền lợi của các tầng lớp nhân dân, tập trung được trí tuệ của nhân dân để quyết định một cách đúng đắn những công việc lớn của địa phương. Có như thế Hội đồng nhân dân mới nắm được yêu cầu nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân và những đặc điểm của từng vùng trong địa phương.

Cơ cấu thành phần hợp lý trong các Hội đồng nhân dân là tùy theo đặc điểm của mỗi địa phương. Như ở các thành phố và khu công nghiệp tập trung thành phần công nhân trong Hội đồng nhân dân phải được tăng cường, đồng thời có tỷ lệ thích đáng những đại biểu nông dân, anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến trong các ngành sản xuất, lưu thông phân phối, giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật và những cán bộ quản lý phụ trách các ngành kinh tế quan trọng.

Ở những nơi đã tập thể hóa nông nghiệp thì đương nhiên đại biểu nông dân phải được lựa chọn trong nông dân tập thể. Ở những nơi chưa tập thể hóa nông nghiệp đại biểu nông dân phải được lựa chọn trong những nông dân lao động đang hăng hái thực hiện phương hướng sản xuất của Đảng và Nhà nước.

Ở những nơi có đồng bào dân tộc thiểu số, Hội đồng nhân dân phải bao gồm đại biểu các dân tộc thiểu số; nơi có nhiều đồng bào theo các tôn giáo cần có đại biểu của dân có tôn giáo; vùng ven biển nên có đại biểu của dân đánh cá, làm muối... Ở một số thành phố nên có đại biểu công thương tiến bộ, đại biểu các đảng phái dân chủ và đại biểu của kiều

Digitized by Google

bào về nước. Cần có tỷ lệ thích đáng giữa số đại biểu thuộc nam giới, đại biểu thuộc nữ giới, giữa đại biểu thanh niên và người nhiều tuổi, giữa đại biểu là người trực tiếp sản xuất và người không trực tiếp sản xuất v.v...

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức Nhà nước, trong Hội đồng nhân dân các cấp cần có một số đại biểu là đảng viên. Song tỷ lệ đảng viên so với người ngoài Đảng không nên quá nhiều để khỏi ảnh hưởng tới tính chất quần chúng của các Hội đồng nhân dân. Đảng tăng cường lãnh đạo Nhà nước để giữ vững bản chất cách mạng của chính quyền ; mặt khác Đảng coi trọng việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, làm « cho *toàn thể* nhân dân đều thật sự học tập được công tác quản lý và bắt đầu đảm nhận lấy công tác quản lý » (3).

★

Để cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp được tiến hành thật sự dân chủ và đúng pháp luật Nhà nước, các cấp ủy Đảng cần tăng cường lãnh đạo đối với việc tổ chức bầu cử. Hiện nay việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đang được triển khai ở các địa phương. Nhiều mặt công tác đang được đồng thời thực hiện. Việc lãnh đạo sản xuất cũng rất khẩn trương. Trong tình hình đó cần có sự lãnh đạo thật chặt chẽ của các cấp ủy Đảng thì cuộc bầu cử mới thu được kết quả thật tốt đẹp.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có vai trò quan trọng trong cuộc bầu cử. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân động viên giáo dục quần chúng tham gia bầu cử, giới thiệu người ra ứng cử, tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng tham gia ý kiến vào việc lựa chọn đề cử người ra ứng cử. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần có kế hoạch tổ chức vận động bầu cử tốt, đồng thời vận động quần chúng hăng hái thực hiện những nhiệm vụ cách mạng ở địa phương tạo thành phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa mạnh mẽ.

Bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp là một khâu công tác quan trọng để xây dựng chính quyền Nhà nước vững mạnh. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn

(3) V. Lê-nin : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần I, trang 434.

Digitized by Google

của nhân dân ta nhằm thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình. Đây cũng là một dịp để tổ chức, giáo dục, phát động quần chúng, tăng cường đoàn kết toàn dân để đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy các đảng bộ các địa phương trong cả nước cần tập trung sức làm tốt cuộc bầu cử, coi đó là một trọng tâm công tác trong thời gian trước mắt. Trong quá trình chuẩn bị và vận động bầu cử, cần tăng cường giáo dục, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, gây không khí phấn khởi, tin tưởng trong nhân dân; trên cơ sở đó động viên nhân dân tham gia bầu cử đông đảo và ra sức thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, hoàn thành kế hoạch Nhà nước, tích cực góp phần xây dựng Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Một tác phẩm lý luận quan trọng về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam

PHAN-TIẾN-TÍCH

NHÀ xuất bản Sự thật vừa xuất bản tập I và tập II bộ sách quý: « CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT-NAM ». Đây là một bộ sách lớn, gồm những bài nói và bài viết chọn lọc của đồng chí Lê-Duẩn từ năm 1958 đến nay.

Vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào đặc điểm của nước ta, đồng chí Lê-Duẩn đã trình bày một cách sâu sắc những vấn đề về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam.

★

Vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là vấn đề căn bản của chủ nghĩa Mác « Học thuyết Mác là nó đã soi sáng vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là kẻ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa » (1) Bởi vậy, để hiểu đúng, hiểu đầy đủ và sâu sắc những vấn đề của chủ nghĩa xã hội tất yếu phải nghiên cứu, hiểu rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản. Nói về ý nghĩa quan trọng của vấn đề này, đồng chí Lê-Duẩn viết: « Sứ mệnh lịch sử vô cùng to lớn đó đòi hỏi chúng ta, mỗi người công nhân Việt-nam phải hiểu rõ vai trò lịch sử của giai cấp mình đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta và đối với sự phát triển của cách mạng thế giới. Nếu không hiểu rõ điều ấy thì dù là công nhân thật sự, chúng ta cũng chưa hẳn đã là những công nhân giác ngộ cách mạng, dù là đảng viên đi nữa, chúng ta cũng chưa hẳn đã là người cộng sản chân chính ». (Tập I, tr. 540).

Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới nói chung và của giai cấp công nhân Việt-nam nói riêng, đồng chí Lê-Duẩn phân tích: Giai cấp công nhân không phải chỉ là giai cấp nghèo khổ, giai cấp bị bóc lột nói chung. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không những đem

(1) V.I. Lê-nin: *Mác — Ăng-ghen — Chủ nghĩa Mác*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, trang 75.

Digitized by Google

lại cho giai cấp công nhân một quyền lực ngày càng lớn đối với thiên nhiên, mà còn biến giai cấp công nhân thành một lực lượng xã hội có tổ chức, đủ sức lật đổ chế độ cũ, thiết lập chế độ mới trên cơ sở nhận thức được các quy luật phát triển khách quan của lịch sử. Trong thời đại ngày nay, chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo cách mạng, và trên thực tế đang đóng vai trò lãnh đạo cách mạng, chính là vì giai cấp công nhân có những điều kiện kinh tế, xã hội, lịch sử phù hợp với sự phát triển khách quan của xã hội. Do đó, nó là giai cấp đại diện cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, cho tương lai của xã hội loài người. (Xem Tập I, tr. 620, 621).

Đồng chí Lê-Duẩn đã phân tích những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt-nam mặc dù còn non trẻ so với giai cấp công nhân quốc tế, ra đời trong một nước thuộc địa, nửa phong kiến, song nó vẫn có đầy đủ những phẩm chất chung của giai cấp công nhân quốc tế, nó là giai cấp kiên quyết cách mạng nhất, có ý thức tổ chức và kỷ luật cao nhất và chỉ có nó là giai cấp duy nhất có thể gánh vác được sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt-nam. « Nói giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng Việt-nam có nghĩa là đường lối cách mạng Việt-nam là đường lối chính trị của giai cấp công nhân, chứ không phải của một giai cấp nào khác. Từ khi có Đảng ta, giai cấp công nhân nước ta đã thực hiện quyền lãnh đạo cách mạng thông qua đảng tiên phong của mình. Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng tiên phong rõ ràng không phải chỉ là về mặt tổ chức mà điều quyết định là đường lối chính trị của Đảng phải là đường lối cách mạng của giai cấp công nhân, thể hiện đúng lập trường và quan điểm của giai cấp công nhân. Nếu Đảng đi trệch khỏi lập trường chính trị, quan điểm của giai cấp công nhân thì cách mạng nhất định sẽ thất bại ». (Tập I, tr. 555).

Nói về lập trường của giai cấp công nhân, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ phải hiểu nó trên quan điểm lịch sử cụ thể. Lập trường đó trước kia là đấu tranh đánh đổ nền thống trị của đế quốc và các thế lực phản động tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân. Lập trường đó hiện nay là lập trường của giai cấp công nhân làm chủ Nhà nước, làm chủ xã hội để đấu tranh xóa bỏ cảnh nghèo nàn, lạc hậu, dốt nát, bệnh tật, sáng tạo ra một nền công nghiệp hiện đại, một nền nông nghiệp hiện đại, một nền văn hóa và khoa học tiên tiến, bảo đảm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động, bảo đảm xây dựng một Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, độc lập, tự do và giàu đẹp. (Xem tập II, tr. 413, 414).

★

Trong tác phẩm này, khi trình bày, phân tích về sự đúng đắn trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội do Đảng ta đề ra, đồng chí Lê-Duẩn đã quán triệt học thuyết đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản của Mác, chỉ rõ mục đích, nội dung, hình thức và phương pháp đấu tranh giai cấp trong giai đoạn mới của cách mạng nước ta. Đồng chí Lê-Duẩn viết : « Đấu tranh giai cấp không phải là vấn đề mới trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ; điều quan trọng là phải tìm ra nội dung, hình thức và phương pháp đấu tranh giai cấp sao cho phù hợp với từng giai đoạn cách mạng ». (Tập I, tr. 604).

Ở nước ta, sau khi kết thúc thắng lợi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chính quyền cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo chuyển sang làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên

Digitized by Google

chính vô sản, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng chí Lê-Duẩn coi đó là sự tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới những hình thức khác. Đồng chí viết: «Chuyên chính vô sản là tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới những hình thức khác. Hiện nay, chúng ta đang củng cố chế độ chuyên chính vô sản tức là chúng ta đang tiếp tục đấu tranh giai cấp. Chúng ta đang củng cố Nhà nước, củng cố chuyên chính vô sản cũng tức là đang tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới hình thức mới trong điều kiện giai cấp vô sản đã nắm chính quyền». (Tập I, tr. 493 — 494).

Phân tích sự khác nhau về hình thức đấu tranh giai cấp ở nước ta với những nước đã qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đồng chí Lê-Duẩn nói: «Ở những nước đã qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa thì sau khi thiết lập chuyên chính vô sản, cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra dưới hình thức một cuộc đấu tranh trực diện rất quyết liệt giữa một bên là giai cấp công nhân đã chiến thắng và chủ nghĩa xã hội đã hình thành nhưng chưa được củng cố, với một bên khác là giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hoàn toàn. Còn ở nước ta, trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, cuộc đấu tranh giai cấp chủ yếu lại diễn ra bằng một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt, nhằm đưa nước ta từ một nền sản xuất nhỏ, cá thể, rời rạc, lạc hậu lên một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có cơ cấu cân đối và hiện đại, dưới hai hình thức sở hữu: sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể». (Tập I, tr 612—613).

Đồng chí Lê-Duẩn còn chỉ rõ, không phải chỉ đấu tố mới là đấu tranh giai cấp, mà trong việc làm hằng ngày của chúng ta cũng có nội dung đấu tranh giai cấp. Trong nhà trường, chúng ta giáo dục con em yêu chủ nghĩa xã hội, căm thù chủ nghĩa tư bản, đó là đấu tranh giai cấp trên mặt trận tư tưởng, văn hóa. Hiện nay, chúng ta đang tiến hành ba cuộc cách mạng, ba cuộc cách mạng đó đều có nội dung đấu tranh giai cấp và đấu tranh giai cấp đang diễn ra trên mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đó là cuộc đấu tranh giữa hai con đường: con đường tập thể và con đường cá thể, đi theo con đường xã hội chủ nghĩa và ngăn chặn con đường tư bản chủ nghĩa. Đó là hình thức đấu tranh giai cấp của một đảng đang lãnh đạo chính quyền; còn trong lúc nào đó, chỗ nào đó có bọn phá hoại thì chúng ta phải trừng trị. Cuộc đấu tranh giai cấp đó nhằm xây dựng một xã hội mới, phá bỏ những cái gì không lành mạnh, tiêu cực. (Xem tập I, tr. 494—495).

★

Trong tác phẩm này, đồng chí Lê-Duẩn cũng đã trình bày hết sức sáng tỏ học thuyết Mác — Lê-nin về chuyên chính vô sản, đồng thời nêu lên những vấn đề lý luận và thực tiễn rất sinh động về chuyên chính vô sản ở nước ta. Đồng chí viết: «Chuyên chính vô sản là *chế độ làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản*, là chuyên chính của số đông những người bị áp bức, bị bóc lột chống lại số ít người trước kia áp bức, bóc lột họ, là Nhà nước kiểu mới, một Nhà nước quá độ không còn là Nhà nước theo nguyên nghĩa của nó nữa» (Tập I, tr. 598). «Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, mà nòng cốt là liên minh công nông, thực hiện bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng tiền phong của giai cấp công nhân, đó là chuyên chính vô sản. Nhà nước ta, vì vậy, là Nhà nước chuyên chính vô sản» (Tập II, tr. 725).

Về sự ra đời và vị trí của chuyên chính vô sản ở nước ta, đồng chí Lê-

Digitized by Google

Duẩn phân tích: « Ở nước ta, chuyên chính vô sản ra đời trong tình hình lực lượng sản xuất hết sức lạc hậu, những tiền đề vật chất cần thiết cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội còn rất yếu. Bản thân nền sản xuất xã hội đứng giữa ngã ba đường: hoặc đi lên chủ nghĩa xã hội, hoặc đi lên chủ nghĩa tư bản, thậm chí có thể dừng lại trong một thời gian ở trong tình trạng sản xuất nhỏ. Muốn có chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải xây dựng từ đầu lực lượng sản xuất mới, cũng như quan hệ sản xuất mới, cơ sở kinh tế mới cũng như kiến trúc thượng tầng mới. Trong tình hình đó, tính *chủ động* của chuyên chính vô sản, vai trò xây dựng và tổ chức của nó cùng tính *tự giác* của quần chúng lao động trong việc sáng tạo xã hội mới càng vô cùng quan trọng ». (Tập II, tr. 12).

Chuyên chính vô sản có hai chức năng cơ bản, đó là chức năng bạo lực và chức năng tổ chức và quản lý. Đồng chí Lê-Duẩn viết: « Trong những thời kỳ khác nhau, chuyên chính vô sản có những nội dung, hình thức và phương pháp công tác khác nhau. Trong thời kỳ đấu tranh chống sự can thiệp vũ trang hoặc sự xâm lược của bọn đế quốc bên ngoài câu kết với các thế lực phản động trong nước, thì bạo lực là phương diện nổi bật của chuyên chính vô sản, nhưng tuyệt nhiên không phải là trong thời kỳ này không tiến hành công tác xây dựng nào. Trái lại, trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội thì công tác cải tạo và phát triển kinh tế, công tác văn hóa, công tác tổ chức, công tác pháp chế của nền chuyên chính vô sản là những công tác nổi bật lên. Cố nhiên, trong thời kỳ này không phải là bạo lực không còn nữa. Điều cần nhận rõ là chúng ta không thể đạt được mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản chỉ bằng việc đánh đổ giai cấp bóc lột, mà trong suốt cả thời kỳ quá độ phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng mới toàn bộ nền kinh tế quốc dân trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, đổi mới mọi mặt sinh hoạt tinh thần và vật chất của xã hội » (Tập I, tr. 605). Đồng chí Lê-Duẩn còn chỉ rõ: « Mất cảnh giác đối với các giai cấp bóc lột và các lực lượng phản cách mạng khác... là một sai lầm hữu khuynh nguy hiểm, là một tội ác đối với cách mạng ». (Tập II, trang 15).

Chuyên chính vô sản, có những nhiệm vụ cụ thể về kinh tế, chính trị, quân sự, giáo dục tư tưởng, văn hóa; có nhiệm vụ cải tạo cái cũ, xây dựng cái mới; có nhiệm vụ trong nước và nhiệm vụ quốc tế. Về nhiệm vụ trong nước của chuyên chính vô sản ở nước ta, đồng chí Lê-Duẩn nêu rõ, ở nước ta « sản xuất nhỏ chiếm ưu thế, thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa vốn rất nhỏ bé, chỉ riêng việc tước đoạt các giai cấp bóc lột chưa thể tạo ra được cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, chỉ riêng việc trấn áp các lực lượng phản cách mạng chưa đủ để bảo đảm thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội. Vấn đề cơ bản ở đây là phải cải tạo *sản xuất nhỏ, cá thể thành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, (do tôi gạch dưới. P.T.T.) là xây dựng mới gần như toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng của xã hội xã hội chủ nghĩa thông qua việc thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa. Bằng cách đó, chủ yếu bằng cách đó, mới ngăn chặn được sản xuất nhỏ tự phát đi lên chủ nghĩa tư bản, mới vĩnh viễn xóa bỏ được những điều kiện kinh tế xã hội làm nảy sinh và phục hồi chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, mới bảo đảm được thắng lợi hoàn toàn và triệt để cho chủ nghĩa xã hội ». (Tập II, tr. 14, 15).

Phân tích về mối quan hệ giữa tổ chức Đảng, tổ chức Nhà nước và tổ

Digitized by Google

chức quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản, đồng chí Lê-Duẩn viết : « Đảng không thể nào lãnh đạo xã hội, lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mà không có Nhà nước, không thông qua nhà nước. Nhân dân lao động không thể nào làm chủ xã hội và tiến hành có kết quả sự nghiệp của mình nếu không có sự lãnh đạo của Đảng — người đại biểu cho tư tưởng và đường lối làm chủ tập thể đúng đắn nhất, phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử xã hội. Nhân dân làm chủ xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng thông qua Nhà nước, một Nhà nước do chính nhân dân lập ra và tự mình quản lý lấy. Sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân thể hiện tập trung ở Nhà nước và hoạt động của Nhà nước, được thực hiện và chỉ có thể thực hiện được thông qua Nhà nước. Nhà nước sẽ không phải là Nhà nước vô sản nếu nó không biểu hiện là quyền lực của nhân dân lao động, nếu hoạt động của nó không dựa trên đường lối mác xít — lê nin nít của chính đảng của giai cấp công nhân » (Tập II, tr 442 — 443).

Để thực hiện chuyên chính vô sản, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ phải xây dựng những lực lượng chính trị mới, đồng thời trấn áp và cải tạo những lực lượng phản động, mà muốn xây dựng và củng cố lực lượng chính trị mới, trước hết phải có một đảng cộng sản vững mạnh, vì chuyên chính vô sản không thể nào thực hiện được nếu không có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, chính quyền Nhà nước không thể nào giữ vững được nếu không có một đảng kiên quyết cách mạng trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc, được sự tín nhiệm và ủng hộ đầy đủ của quần chúng nhân dân, một đảng có năng lực làm tham mưu cho giai cấp công nhân, có năng lực dìu dắt tất cả những người lao động đi vào cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột giai cấp, xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Hai là, phải xây dựng và củng cố khối liên minh công nông vững chắc, sự liên minh ấy thể hiện trước hết ở việc thiết lập nhà nước công nông. Nội dung chính của liên minh công nông trong cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự hỗ trợ lẫn nhau giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân tập thể trong công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa. Để củng cố khối liên minh công nông, phải tiến hành hai sự nghiệp lớn là hợp tác hoa nông nghiệp và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Ba là, phải tăng cường xây dựng và củng cố các tổ chức công đoàn, các hợp tác xã, hội đồng nhân dân, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ, vì các tổ chức này là những « dây chuyền » nối liền Đảng với quần chúng lao động, cùng với Đảng hợp thành cơ cấu của hệ thống chuyên chính vô sản. (Xem Tập II, tr. 622 — 631).

★

Xuất phát từ đặc điểm của nước ta từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đồng chí Lê-Duẩn đã trình bày quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam là một quá trình biến đổi cách mạng liên tục, toàn diện, vô cùng sâu sắc, triệt để. Nội dung cơ bản của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước ta là : « Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học—kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt), đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng nền sản xuất

Digitized by Google

lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu; không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, kịp thời đập tan mọi mưu mô ngóc đầu dậy của chúng; sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm lược và phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai, đoàn kết toàn dân, phấn đấu xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, quốc phòng vững mạnh, văn hóa và khoa học tiên tiến, có cuộc sống văn minh và hạnh phúc ». (Tập II, tr. 732).

Đồng chí Lê-Duẩn viết: « Nắm vững chuyên chính vô sản có nghĩa là nắm vững quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân, biểu hiện trước hết ở chỗ đường lối cách mạng phải là đường lối của giai cấp công nhân; có nghĩa là ra sức xây dựng một Nhà nước công nông vững mạnh bao gồm các cơ quan quản lý xã hội, quản lý kinh tế, văn hóa và các công cụ bạo lực sắc bén; có nghĩa là nắm vững việc xây dựng và củng cố chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động ». (Tập II, tr. 306).

Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng là thông qua ba cuộc cách mạng ấy mà từng bước hình thành chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và con người mới xã hội chủ nghĩa. Ba cuộc cách mạng ấy không tách rời nhau, không diễn ra một cách riêng rẽ, trái lại chúng diễn ra và phải được tiến hành đồng thời, gắn bó với nhau; cũng như chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và con người mới xã hội chủ nghĩa có mối quan hệ rất khăng khít và có sự tác động lẫn nhau rất sâu sắc. Sự kết hợp chặt chẽ giữa ba cuộc cách mạng cho phép chúng ta tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua cả một giai đoạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản. (Xem tập II, tr. 707).

Tất cả những việc làm trên đây, cải tạo và xây dựng kinh tế, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa là để xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. « Xây dựng chế độ làm chủ tập thể là xây dựng nước ta thành một xã hội trong đó người chủ chân chính, tối cao là cộng đồng xã hội, là tập thể nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông. Nội dung của làm chủ tập thể là làm chủ toàn diện, là làm chủ về chính trị, kinh tế văn hóa xã hội; là làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân; là làm chủ trong cả nước, trong từng địa phương và từng cơ sở: là trên cơ sở làm chủ đầy đủ của tập thể, của cộng đồng xã hội mà bảo đảm tự do cũng đầy đủ cho mọi người; và ngược lại « sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người ». Đó là sự làm chủ thật sự, làm chủ đầy đủ nhất. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thể hiện một cách tập trung trong sự *làm chủ của nhân dân lao động bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân* ». (Tập II, tr. 722 — 723).

Nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một hệ thống sản xuất xã hội xây dựng trên cơ sở chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất tồn tại dưới hai hình thức toàn dân và tập thể, lấy đại công nghiệp làm nền tảng; đó là một nền sản xuất bao gồm nhiều ngành, nhiều khu vực, nhiều đơn vị kinh tế khác nhau được tổ chức theo nguyên tắc chuyên môn hóa và hợp tác hóa, giữa các bộ phận có sự phát triển cân đối nhịp nhàng, hình thành một chỉnh thể

Digitized by Google

hữu cơ của nền kinh tế quốc dân dưới sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của Nhà nước chuyên chính vô sản. Trong nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ sản xuất, lưu thông đến phân phối, dù là phân phối cho từng người, dù là kinh doanh của một cơ sở thủ công nghiệp, thậm chí dù là kinh tế phụ gia đình, tất cả đều nằm trong guồng máy chung của sự phân công lao động xã hội, đều là những bộ phận hợp thành của nền kinh tế quốc dân. Trong toàn bộ hoạt động kinh tế, lao động của mỗi người không còn là lao động tư nhân tách rời và đối lập với lao động xã hội, mà là lao động có tính chất xã hội trực tiếp nhằm đáp ứng trước hết những nhu cầu chung của xã hội cũng như của từng người, từng gia đình, từng tập thể (Xem tập II, tr. 512).

Quá trình đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta là quá trình cải biến quan hệ sản xuất đi đôi với tiến hành cách mạng kỹ thuật, biến lao động thủ công thành lao động cơ khí; là quá trình phân công lại lao động xã hội, phát triển các ngành nghề mới với quy mô lớn, vừa đi sâu vào chuyên môn hóa, vừa tăng cường hợp tác hóa, là quá trình xây dựng một nền kinh tế dân tộc, tự chủ đồng thời mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài, trước hết với các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. (Xem tập II, tr. 515).

Để xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đưa nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh phải ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại; vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, kết hợp kinh tế với quốc phòng, tranh thủ mở rộng quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi.

Đi đôi với việc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đề ra phải tích cực *đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa, ra sức xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.*

Phân tích về cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa ở nước ta, đồng chí Lê-Duẩn viết: « Mục đích của chúng ta là xây dựng một *xã hội văn hóa cao.* Nền văn hóa trong xã hội ấy là *một nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.* Nó phải được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tư tưởng làm chủ tập thể, phải hấp thụ có chọn lọc những thành quả của văn minh nhân loại và những thành tựu văn hóa, khoa học hiện đại. Đồng thời nó phải là sự kết tinh và *nâng lên một tầm cao mới những gì đẹp nhất trong truyền thống bốn ngàn năm của tâm hồn Việt-nam, của văn hóa Việt-nam.* Đó là truyền thống yêu nước, bất khuất, kiên cường và mưu trí; là tình thương giữa những người lao động; là đức tính cần cù, tinh thần lạc quan yêu đời. Nền văn hóa ấy là sự kết hợp hài hòa những nền văn hóa có phong cách riêng của các dân tộc anh em sống trong Tổ quốc chung giống như những bông hoa thơm đẹp nở rộ trong rừng hoa muôn sắc ngàn hương của dân tộc. Trong xã hội văn hóa cao ấy, các quan hệ xử sự giữa người và người thể hiện lẽ sống cao cả: « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », « gia đình được hạnh phúc trong xã hội hạnh phúc ». (Tập II, tr 717 — 718)

Phát triển tư tưởng của Hồ Chủ tịch: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người

Digitized by Google

xã hội chủ nghĩa »; đồng chí Lê-Duẩn viết : « *Con người mới xã hội chủ nghĩa* là con người lao động Việt-nam làm chủ tập thể. Đó là những con người kết tinh và phát triển những gì cao đẹp nhất trong truyền thống văn hóa Việt-nam; nhưng đó là những con người Việt-nam mới, xã hội chủ nghĩa, phù hợp với chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng. Đó là con người có tư tưởng đúng, có tình cảm cao đẹp, có đủ tri thức và năng lực để làm người lao động làm chủ tập thể : làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân mình. Đó là con người có tinh thần tự giác cao, có đầy đủ quyết tâm và nghị lực để vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ. Là con người lao động thật thà, ghét lối sống ăn bám, làm dối, nói dối. Là con người lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, yêu lao động, quý trọng và bảo vệ của công, tôn trọng các quy tắc của đời sống công cộng. Là con người có tình thương yêu sâu sắc đối với nhân dân lao động đang cùng mình xây dựng cuộc đời mới. Con người mới có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa nồng nàn, đồng thời có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Con người mới là con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cá nhân hài hòa và phong phú » (Tập II, tr. 720, 721)

★

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta là nhân tố cơ bản đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt-nam. Trong tác phẩm lớn này trong rất nhiều bài nói và bài viết, đồng chí Lê-Duẩn đều đề cập tới vấn đề Đảng. Đồng chí nêu lên những trang sử vẻ vang nhất của Đảng ta, khẳng định những thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được trong gần nửa thế kỷ qua gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Đảng ta. *một đảng vô sản kiểu mới nắm chắc ngọn cờ bách chiến bách thắng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, một đảng vô sản đại biểu trung thành và đầy đủ lợi ích sống còn và nguyện vọng chân chính của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc; một đảng mác xít – lê nin nít có tổ chức chặt chẽ, có truyền thống đoàn kết nhất trí và gắn bó mật thiết với quần chúng.* Đặc biệt đồng chí Lê-Duẩn đã nêu lên những tư tưởng đúng đắn của Đảng ta về tính chất Đảng của giai cấp công nhân, và về vai trò, vị trí, nhiệm vụ của một đảng lãnh đạo chính quyền.

Nhận định về sự lãnh đạo của Đảng ta, đồng chí Lê-Duẩn viết : « Là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước sôi nổi của nhân dân ta trong những năm 20 của thế kỷ này, ngay từ đầu, Đảng ta đã mang trong mình bản chất *cách mạng và khoa học*, thuộc tính căn bản nhất của một đảng Mác – Lê-nin. Bản chất đó ngày càng phát triển cùng với cuộc sống chiến đấu sôi nổi, phong phú và không ngừng đi lên của giai cấp công nhân và dân tộc ta, được thể hiện cụ thể và sinh động trong mỗi chặng đường cách mạng. Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, kể cả những bước ngoặt rất phức tạp, Đảng ta đã luôn luôn nêu cao tinh thần chiến đấu kiên cường và bất khuất, hy sinh anh dũng, tận tụy và trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp và của dân tộc, đồng thời đã giải quyết phù hợp với quy luật khách quan các vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Việt-nam. Được như vậy chính là vì Đảng ta rất trung thành với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, suy nghĩ độc lập, vận dụng sáng tạo lập trường, phương pháp của chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào tình hình cụ thể luôn luôn phát triển và đổi mới của nước ta, học tập có chọn lọc kinh nghiệm cách mạng quốc tế, quan tâm

Digitized by Google

tổng kết những bài học đấu tranh cách mạng vô cùng phong phú của nhân dân ta» (Tập II, tr. 646).

Đồng chí Lê-Duẩn còn trình bày, phân tích rất sâu sắc đường lối, quan điểm đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta trong việc tăng cường công tác xây dựng Đảng, bảo đảm cho Đảng ta luôn luôn nắm vững và vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong điều kiện của cách mạng nước ta, có đường lối chính sách đúng, có tư tưởng cách mạng triệt để, có tổ chức vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện đầy đủ, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Về tính chất giai cấp của Đảng, đồng chí Lê-Duẩn nêu rõ, Đảng ta là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt-nam. Tính chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện cụ thể và sinh động trong toàn bộ hoạt động và sinh hoạt của Đảng, thể hiện ở hệ tư tưởng, ở đường lối chính trị, ở các nguyên tắc tổ chức của Đảng. Đảng không những đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân mà cũng là đại biểu trung thành lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt-nam, là một bộ phận của phong trào cộng sản quốc tế.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ Đảng phải có sự hiểu biết sâu sắc và vận dụng đúng đắn những quy luật phát triển của xã hội nói chung, những quy luật phát sinh và phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa, từ một nước sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Cần phải có những cố gắng lớn lao trong việc tìm tòi và sáng tạo lý luận, trên cơ sở đó phát triển, hoàn chỉnh và cụ thể hóa hơn nữa đường lối chính trị của Đảng. Có đường lối đúng là điều quan trọng có tính chất quyết định, nhưng chưa đủ. Còn cần phải có công tác tổ chức rộng lớn để huy động và tận dụng mọi lực lượng xã hội, mọi khả năng vật chất cũng như tinh thần hướng vào giải quyết các nhiệm vụ cụ thể. Đồng chí Lê-Duẩn viết: «Nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng và của bộ máy Nhà nước là vấn đề cấp bách và mấu chốt hiện nay trong việc tăng cường sức chiến đấu của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội». (Tập II, tr. 87, 88).

Nói nâng cao năng lực tổ chức của Đảng, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ, trước hết là nâng cao năng lực của Đảng trong việc lãnh đạo và sử dụng bộ máy Nhà nước với tất cả các cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật của nó vào việc điều khiển sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hóa phục vụ đời sống nhân dân đúng theo đường lối chính sách của Đảng. Sức mạnh của một Đảng cầm quyền và sức chiến đấu của nó biểu hiện chính là ở hiệu lực và sức mạnh của bộ máy Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. (Xem tập II, tr. 95). Đảng lãnh đạo Nhà nước có nghĩa là mọi đường lối, chính sách của Đảng phải được biến thành chủ trương, kế hoạch, quyết định của Nhà nước và được biểu hiện và thực hiện dưới hình thức Nhà nước, bằng những phương tiện tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước; tóm lại, phải biến thành công việc Nhà nước. (Xem tập II, tr. 444—445).

Sau khi Đảng đã có đường lối chính trị đúng đắn thì công tác tổ chức, công tác cán bộ là nhân tố quyết định sự thành công của nhiệm vụ cách mạng.

Đảng ta là Đảng lãnh đạo chính quyền. Trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, quyền lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội của Nhà nước và quyền làm

Digitized by Google

chủ tập thể của quần chúng. Đảng phải thường xuyên chăm lo tăng cường các tổ chức Đảng, tổ chức Nhà nước, tổ chức quần chúng, xây dựng hệ thống lãnh đạo và quản lý mạnh mẽ từ trung ương đến cơ sở. Vấn đề cán bộ và tổ chức đặt ra trong điều kiện như vậy là đặc biệt khó khăn và phức tạp, đòi hỏi chúng ta trước hết phải có nhận thức đúng, quan điểm đúng, phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của tình hình mới, nhiệm vụ mới của cách mạng hiện nay.

Trong tác phẩm lớn này, đồng chí Lê-Duẩn nêu lên những vấn đề lý luận và quan điểm rất đúng của Đảng ta về công tác cán bộ và tổ chức như những vấn đề : quan hệ giữa cán bộ với đường lối và nhiệm vụ chính trị ; quan hệ giữa cán bộ với tổ chức ; mối quan hệ giữa tư tưởng và tổ chức ; vấn đề đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, v.v...

Nói về việc xây dựng đội ngũ cán bộ phải xuất phát từ đường lối và nhiệm vụ chính trị, đồng chí Lê-Duẩn nêu rõ : « Lòng trung thành vô hạn với lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc, với đường lối chính trị của Đảng, tính tổ chức và tính kỷ luật nghiêm ngặt nhất ; sự gắn bó mật thiết với quần chúng ; khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao ; đó là những đòi hỏi cơ bản, **không thay đổi**, về mặt phẩm chất người cán bộ, dù ở bất cứ thời kỳ nào. Song, từ giai đoạn dân tộc dân chủ chuyển sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa, rõ ràng cách mạng có sự **thay đổi căn bản** về tính chất và nhiệm vụ, do đó, khi đề cập vấn đề cán bộ, không thể chỉ dừng lại ở những nguyên tắc chung.

Muốn có quan điểm đúng về vấn đề cán bộ trong giai đoạn mới, cần quán triệt lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung, lý luận về Đảng trong điều kiện Đảng nắm chính quyền, lý luận về Nhà nước, về quản lý kinh tế và quản lý xã hội, về chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, về con người mới của chủ nghĩa xã hội, v.v... Không những phải có đầy đủ lý luận về đường lối, về phương châm, chính sách, mà còn phải có lý luận về tổ chức, một địa hạt mới mẻ nhất, phức tạp nhất trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chỉ có như thế mới có thể hiểu một cách sâu sắc và cụ thể thực chất, nội dung và những yêu cầu của nhiệm vụ chính trị đặt ra trong giai đoạn này để từ đó xem xét và giải quyết đúng đắn vấn đề cán bộ ». (Tập II, tr. 401, 402).

Đồng chí Lê-Duẩn viết tiếp : « Xem xét và giải quyết vấn đề cán bộ gắn liền với nhiệm vụ chính trị, điều đó đòi hỏi phải đặt vấn đề trên quan điểm sau đây : có mối quan hệ qua lại hết sức chặt chẽ, biện chứng giữa cán bộ với đường lối chính trị, giữa cán bộ với tổ chức, giữa cán bộ với phong trào cách mạng của quần chúng. Cuộc sống người cán bộ là ở trong mối tương quan nhiều mặt đó. Cán bộ sở dĩ là cán bộ chính do sự tồn tại của những mối quan hệ như vậy. Trong những mối quan hệ đó, cán bộ vừa là nhân vừa là quả, vừa là quả lại vừa là nhân ». (Tập II, tr. 403).

★

Là một tác phẩm lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam, ngoài những vấn đề cơ bản trên đây, trong nội dung tác phẩm, đồng chí Lê-Duẩn còn trình bày, phân tích sâu sắc và khoa học một loạt vấn đề cơ bản do thực tiễn cách mạng Việt-nam đặt ra và đã được thực tiễn cách mạng Việt-nam chứng minh là đúng, như những vấn đề đường lối phát triển kinh tế trong bước đi ban đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; vấn đề quản lý kinh tế trong điều kiện một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản

Digitized by Google

xuất lớn xã hội chủ nghĩa ; vấn đề dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ; vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và vấn đề làm chủ tập thể của nhân dân lao động ; vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ; vấn đề giải phóng phụ nữ ; vấn đề gia đình và xã hội ; vấn đề rèn luyện đạo đức và phẩm chất của người đảng viên cộng sản ; vấn đề giáo dục và công tác tư tưởng v.v...

Ngày nay, cách mạng nước ta bước sang giai đoạn mới, giai đoạn đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang nhưng rất nặng nề đó, Đảng đòi hỏi toàn thể cán bộ và đảng viên chúng ta phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng. Đồng chí Lê-Duẩn nói : « Thiếu hiểu biết sâu sắc về lý luận Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng thì không thể nắm được các quy luật xã hội và kinh tế, những quy luật này là cơ sở cho hoạt động lãnh đạo và quản lý. Sẽ không có khả năng phân tích sự vật đúng theo quan điểm giai cấp, quan điểm khoa học, không thể lần ra cái bản chất, cái chủ yếu xuyên qua vô số các sự kiện, sự biến, vô số biểu hiện khác nhau rất phức tạp của đời sống kinh tế và xã hội. Sẽ không thể xác định đúng nhiệm vụ phải tập trung giải quyết trong từng lúc một, và không thể tìm thấy con đường cho phép giải quyết một cách đúng đắn và có kết quả các nhiệm vụ kinh tế và chính trị. Tóm lại, thiếu những hiểu biết vững chắc về khoa học Mác — Lê-nin (nhất là về phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và về khoa học kinh tế), không thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng, thì sẽ sa vào tình trạng mò mẫm, dễ mất phương hướng chính trị, thiếu nhìn xa trông rộng, thiếu chủ động và sáng tạo trong công tác ». (Tập II, tr. 454 — 455).

Tác phẩm lớn này của đồng chí Lê-Duẩn sẽ đáp ứng yêu cầu của chúng ta trong việc nghiên cứu, học tập và vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin phù hợp với tình hình đặc điểm của Việt-nam, đồng thời giúp chúng ta quán triệt và thực hiện đầy đủ hơn nữa các nghị quyết của Đảng.

Cùng với các nghị quyết của Đảng và các tác phẩm của Hồ Chủ tịch, tác phẩm lớn này của đồng chí Lê-Duẩn sẽ soi đường chỉ lối cho cán bộ và nhân dân ta từng bước tiến lên giành những thắng lợi ngày càng rực rỡ hơn nữa trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

NGHIÊN CỨU

VỀ VẤN ĐỀ QUY LUẬT CỦA CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT

LÊ-VĂN-GIẠNG

VIỆC nghiên cứu những quy luật phổ biến của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới cũng như những quy luật đặc thù của cuộc cách mạng đó ở nước ta có một ý nghĩa thực tiễn rất lớn đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội mà nội dung, như Đảng ta đã chỉ rõ, là thực hiện ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt.

Trước hết cần xét xem những thuật ngữ cách mạng khoa học, cách mạng công nghiệp, cách mạng kỹ thuật, cách mạng khoa học – kỹ thuật phản ánh những phạm trù giống nhau hay khác nhau, và khác nhau đến đâu. Sau đó, xác định những quy luật của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật là những quy luật gì và những cơ sở khách quan nào quyết định việc xuất hiện và phát huy tác dụng của các quy luật đó. Đây là những vấn đề mà hiện nay trên thế giới đang có nhiều cách giải đáp khác nhau.

I

Cách mạng khoa học là một sự thay đổi nhảy vọt về chất trong lịch sử phát triển của khoa học. Sự thay đổi đó được thể hiện ở những lý thuyết khoa học mới, những cách giải thích mới về các hiện tượng tự nhiên hoặc xã hội, dựa trên cơ sở (hoặc dựa đến) những thế giới quan và phương pháp luận mới trong khoa học.

Đại thể trong lịch sử khoa học đã có ba cuộc cách mạng khoa học. Cuộc cách mạng khoa học đầu tiên xảy ra vào khoảng các thế kỷ 6 – 3 trước Công nguyên trên đất nước Hy-lạp, được đánh dấu bằng việc chuyển các kiến thức khoa học tản mạn, cảm tính và kinh nghiệm chủ nghĩa mà loài người đã tích lũy trước đó thành những *kiến thức lý tính có hệ thống*.

Cuộc cách mạng khoa học thứ hai xuất hiện ở các nước Tây Âu vào thế kỷ 16, thế kỷ 17 và phát triển đến đầu thế kỷ 19. Nó chống lại phương pháp kinh viện của thời kỳ Trung cổ. Cơ sở của nó là triết học duy vật cơ giới và phương pháp luận thực nghiệm mà những nhà triết học và khoa học của thời đại đó, như Cô-péc-nic, Bê-cơn, Ga-li-lê, Đê-ca-tơ, Niu-tơn đã đặt nền móng. Với cuộc cách mạng này, đã hình thành cái mà người ta gọi là nền *khoa học cổ điển*.

Cuộc cách mạng khoa học thứ ba bắt đầu từ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ

Digitized by Google

20 và hiện nay đang phát triển với một nhịp độ rất cao. Cuối thế kỷ 19, các nhà khoa học khám phá ra một số hiện tượng dẫn đến sự khủng hoảng của nền khoa học cổ điển; qua đó, nhiều nhà triết học duy tâm đã vội nói tới sự phá sản của khoa học và tuyên truyền cho những tư tưởng thần bí. Lê-nin đã phê phán sâu sắc những luận điểm phản động này trong quyển « *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* ». Đúng như Lê-nin đã dự đoán, khoa học tiếp tục phát triển, vượt qua cuộc « khủng hoảng » của nền khoa học cổ điển. Đầu thế kỷ 20, lần lượt xuất hiện và phát triển những lý thuyết mới trong vật lý học như *lý thuyết tương đối, lý thuyết lượng tử* qua đó đã vẽ nên, như người ta thường nói, một bức tranh về vũ trụ khác hẳn bức tranh của khoa học thế kỷ 19. *Toán học hiện đại* với những phương pháp luận hoàn toàn mới cũng được coi như chính thức hình thành vào thời gian này. Vào khoảng giữa thế kỷ 20, *sinh vật học* cũng có một bước phát triển nhảy vọt. Một số ngành khoa học mới xuất hiện, như *điều khiển học*,... có tính chất liên ngành và là một trong những đặc điểm của khoa học thế kỷ 20.

Về khoa học xã hội, nếu muốn tìm ra một sự thay đổi nhảy vọt về chất, một cuộc cách mạng, phải nói đến sự hình thành của *triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử* mà các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đã xây dựng nên vào nửa sau của thế kỷ 19, tức là vào đêm trước cuộc khủng hoảng của nền khoa học cổ điển.

Sự xuất hiện của chủ nghĩa Mác như một khoa học, xét về mặt thời gian và về tính chất của nó, có thể xem như nằm trong cuộc cách mạng khoa học thứ ba nói trên của loài người, một cuộc cách mạng đang trong thời kỳ mới bắt đầu và đang phát triển như vũ bão

Không những chủ nghĩa Mác thay đổi hoàn toàn bộ mặt của các ngành khoa học xã hội mà nó còn là cơ sở triết học duy nhất đúng đắn để giải quyết những khó khăn về thế giới quan và phương pháp luận mà các ngành khoa học tự nhiên hiện đại đang vấp phải. Những khó khăn này xuất hiện trong quá trình cuộc cách mạng khoa học hiện đại phủ định thế giới quan và phương pháp luận của nền khoa học cổ điển thế kỷ trước nhưng lại chưa khẳng định được cho mình một thế giới quan và phương pháp luận mới có thể giải thích và hướng dẫn một cách thỏa đáng sự phát triển của khoa học hiện đại.

Những điều đã nhắc đến trên đây nói rằng cách mạng khoa học *trước hết là cách mạng trong thế giới quan và phương pháp luận của khoa học*. Sự thay đổi nhảy vọt đó gắn liền với một sự nở rộ các lý thuyết mới trong khoa học, sự khám phá ra những hiện tượng mới, làm cho con người hiểu biết sâu sắc hơn tự nhiên và xã hội.

Sự phát triển của khoa học ở thế kỷ 20 này đã đưa đến một kết quả quan trọng là biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Có thể nói đó là một đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học thứ ba này không? Thật ra khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp là kết quả tổng hợp của sự phát triển khoa học, của sự phát triển sản xuất kinh tế và của nhiều điều kiện xã hội, chính trị khác nữa. Nếu nói nó là đặc trưng của cách mạng khoa học thì sẽ dẫn đến nhận thức lẫn lộn giữa cách mạng khoa học và cách mạng khoa học – kỹ thuật. Cũng vì vậy mà người ta còn gọi cách mạng khoa học là cách mạng *trong* khoa học để phân biệt với cách mạng khoa học – kỹ thuật là cách mạng *do* khoa học.

Cách mạng công nghiệp là cách mạng sản xuất. Nó xảy ra chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp như ở Tây Âu

Digitized by Google

vào thế kỷ 18, 19. Nó cũng xảy ra trong toàn bộ lĩnh vực sản xuất như ở các nước làm cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Công nghiệp hóa là cuộc cách mạng công nghiệp trong giai đoạn một số nước chuyển từ chưa có hay có rất ít cơ sở công nghiệp sang xây dựng một nền sản xuất lấy công nghiệp làm chủ đạo, công nghiệp nặng làm nền tảng.

Cách mạng kỹ thuật là sự thay đổi nhảy vọt về chất, trong cơ cấu kỹ thuật của một nền sản xuất, chủ yếu là trong các công cụ lao động và các quy trình, quy phạm mà xã hội loài người đã xây dựng nên để sử dụng các công cụ đó. Kỹ thuật là sản phẩm trực tiếp của kinh nghiệm lao động của con người, hoặc là kết quả của việc vận dụng những hiểu biết về khoa học vào thực tiễn. Cách mạng kỹ thuật là một sự thay đổi về cơ sở vật chất và kỹ thuật của xã hội trên cả hai mặt tính chất và trình độ. Khởi điểm của cách mạng kỹ thuật là lúc người ta tìm ra một hay nhiều kỹ thuật mới có tác dụng thay đổi lớn sức mạnh của con người. Nhưng cuộc cách mạng đó chỉ thật sự diễn ra khi những phát minh nói trên được ứng dụng rộng rãi vào thực tiễn.

Vào thế kỷ 18, 19, ở Tây Âu, nền sản xuất, chủ yếu trong công nghiệp, đã chuyển từ thủ công sang cơ giới hóa: người ta quen gọi sự kiện này là cuộc cách mạng kỹ thuật thứ nhất, hoặc có khi chỉ gọi vắn tắt là cuộc cách mạng kỹ thuật. Nhưng thực ra, trước đó lịch sử loài người đã trải qua nhiều cuộc cách mạng kỹ thuật. Sự « phát minh » và sử dụng rộng rãi lửa cách đây khoảng một triệu năm, kỹ thuật sử dụng đồ đá, đặc biệt là vào thời kỳ đồ đá mới cách đây hàng vạn năm, sự phát minh ra kỹ thuật sử dụng đồ đồng, thau rồi sắt... đều là những cuộc cách mạng kỹ thuật lớn trong lịch sử loài người.

Vào khoảng giữa thế kỷ 20 này, lực lượng sản xuất của các nước phát triển lại bắt đầu đi vào một sự nhảy vọt mới: từ cơ giới chuyển sang tự động hóa, đồng thời năng lượng, nguyên liệu, v.v... cũng có những sự thay đổi rất lớn. Có người gọi đây là cuộc cách mạng kỹ thuật thứ hai (nếu gọi cuộc cách mạng kỹ thuật vào thế kỷ 18, 19 là cách mạng kỹ thuật thứ nhất). Nhiều người khác gọi đây là cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật. Có người cho hai thuật ngữ đó là đồng nghĩa, có người không đồng ý như vậy

Thuật ngữ *cách mạng khoa học — kỹ thuật* là một thuật ngữ mới, xuất hiện cách đây khoảng 20 năm. Mười năm gần đây, người ta đã tranh luận nhiều để xác định nội dung và đặc điểm của nó. Và cho tới nay vẫn còn những cách hiểu khác nhau về vấn đề này.

Có cách hiểu đơn giản coi cách mạng khoa học — kỹ thuật là cách mạng khoa học *và* cách mạng kỹ thuật; từ đó cho rằng, đã có một cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật thứ nhất (tức là cuộc cách mạng khoa học thế kỷ 17, 18, cộng với cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18, 19) cũng như hiện nay đang có cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật thứ hai. Cho rằng có một cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trong các thế kỷ 17, 18 và 19 tức là đã đem gắn liền làm một hai sự kiện cách mạng khoa học và cách mạng kỹ thuật vốn tương đối độc lập với nhau, không những về thời gian xuất hiện mà nhất là về mối tác động lẫn nhau của chúng trong các thế kỷ đó. Còn trong thế kỷ 20 đúng là có một mối tương quan rất mật thiết giữa cách mạng khoa học và cách mạng kỹ thuật, và đó là một đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật đang diễn ra ở thời đại này. Nhưng nếu từ đó mà cho rằng cách mạng khoa học và cách mạng kỹ thuật đã hòa vào nhau thành một thì cũng không đúng, bởi vì hai cuộc cách mạng đó vẫn có nhiệm vụ

Digitized by Google

nội dung và quy luật khác nhau, ngay trong thời đại hiện nay khi mối quan hệ giữa chúng đã trở nên rất mật thiết.

Khi phân tích cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật, hầu hết các ý kiến khác nhau đều thống nhất với nhau trên hai điểm. Một là, coi hiện tượng khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp là một đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Hai là, coi việc phát hiện và sử dụng các dạng năng lượng mới, các nguyên liệu, vật liệu và nhất là việc tự động hóa như là nội dung chủ yếu của cách mạng khoa học – kỹ thuật.

Điều phù hợp nhất với thực tế là coi cách mạng khoa học – kỹ thuật cũng như cách mạng kỹ thuật đều thuộc phạm trù cách mạng về lực lượng sản xuất. Sự khác nhau giữa cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học – kỹ thuật là cuộc cách mạng sau được tiến hành trong điều kiện khoa học đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Như vậy, cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật đang diễn ra trên thế giới là cuộc *cách mạng khoa học – kỹ thuật đầu tiên trong lịch sử loài người*. Đối với các nước phát triển trên thế giới, cách mạng khoa học – kỹ thuật hay là cách mạng kỹ thuật thứ hai (nếu xem cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18, 19 là thứ nhất) là đồng nghĩa, nhưng thuật ngữ cách mạng khoa học – kỹ thuật được dùng nhiều hơn vì nó phản ánh chính xác hơn nội dung và tính chất của cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất hiện nay (do khoa học có một tác dụng rất lớn trong cuộc cách mạng này).

Nhận thức rằng *cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật là một kiểu cách mạng về lực lượng sản xuất* là phù hợp với quan điểm của Đảng ta. Đồng chí Võ-nguyên-Giáp đã nói tại Hội nghị cán bộ khoa học và kỹ thuật, đại ý: Mục tiêu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật ở nước ta rõ ràng là từng bước tiến lên xây dựng thành công cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong vòng 15 – 20 năm tới và trước mắt trong vòng 5 năm, góp phần quan trọng thực hiện những nhu cầu vật chất và văn hóa đã được đề ra..... Chúng ta phải trước hết coi trọng vấn đề tiến hành cách mạng trong tư liệu sản xuất..... Phải giải quyết tốt vấn đề năng lượng..... Phải coi trọng giải quyết vấn đề vật liệu (1).

Trong điều kiện nước ta hiện nay, so với cuộc cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa thì cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt. Đó là sự khẳng định vị trí then chốt của việc xây dựng lực lượng sản xuất ở nước ta trong tình hình hiện nay.

II

Một quy luật nào đó về khoa học – kỹ thuật được ứng dụng vào sản xuất thường là một quy luật tự nhiên. Quy luật của cách mạng kỹ thuật hay cách mạng khoa học – kỹ thuật lại là quy luật xã hội. Các quy luật xã hội *chỉ* tồn tại và *chỉ* phát huy tác dụng thông qua hành động thực tiễn của con người. Có hay không có xã hội loài người, các quy luật tự nhiên vẫn tồn tại. Nhưng quy luật xã hội chỉ tồn tại với sự tồn tại của xã hội loài người.

Có thể chia các quy luật của cách mạng kỹ thuật hay cách mạng khoa học – kỹ thuật thành hai nhóm.

Nhóm quy luật thứ nhất bao gồm những quy luật phản ánh tính tất yếu của một cuộc cách mạng kỹ thuật hay cách mạng khoa học – kỹ thuật, xét về mặt *nội dung* và *nhiệm vụ lịch sử* của nó.

---

(1) Xem báo *Nhân dân* ngày 15-11-1976.

Digitized by Google

Nhóm quy luật thứ hai bao gồm những quy luật phản ánh tính tất yếu của một cuộc cách mạng kỹ thuật hay cách mạng khoa học – kỹ thuật, xét về những *động lực và phương thức tiến hành* của cuộc cách mạng đó.

Bởi vì cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học – kỹ thuật đều thuộc một phạm trù chung là cách mạng về lực lượng sản xuất, cho nên tất cả các cuộc cách mạng đó đều có những quy luật chung, *phổ biến*. Nhưng giữa các cuộc cách mạng kỹ thuật và giữa cách mạng kỹ thuật với cách mạng khoa học – kỹ thuật, lại có những sự khác nhau. *Một là*, nhiệm vụ lịch sử của chúng khác nhau : mỗi cuộc cách mạng làm thay đổi những yếu tố gì, những mặt nào trong lực lượng sản xuất của xã hội? *Hai là*, động lực và phương thức của cuộc cách mạng này khác với động lực và phương thức của cuộc cách mạng kia như thế nào? Những sự khác nhau đó là cơ sở khách quan cho sự vận động của các quy luật *đặc thù* của từng cuộc cách mạng.

Về mặt nhiệm vụ lịch sử của các cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học – kỹ thuật, chúng ta thấy rằng ngày càng mở rộng phạm vi những yếu tố về lực lượng sản xuất mà các cuộc cách mạng đó tác động đến. Cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18 đã mở rộng phạm vi công cụ thủ công sang phạm vi công cụ cơ giới ; cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện nay mở rộng phạm vi công cụ cơ giới sang phạm vi phương tiện tự động hóa ; cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện nay còn mở rộng lĩnh vực công cụ và nguyên liệu sang lĩnh vực năng lượng, mở rộng lĩnh vực chủ yếu là công nghiệp (của cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18) sang lĩnh vực nông nghiệp, mở rộng lĩnh vực các yếu tố vật chất, kỹ thuật sang lĩnh vực các yếu tố về tổ chức, về quản lý có tính chất lực lượng sản xuất như vấn đề xử lý thông tin, phương pháp tìm phương án tối ưu, ứng dụng quy luật điều khiển học trong quản lý, v.v...

Tuy nhiên trong xu thế mở rộng về nội dung các cuộc cách mạng kỹ thuật hoặc cách mạng khoa học – kỹ thuật, người ta nhận thấy có hai phương hướng phát triển cơ bản. Đó là *phương hướng đề cao vị trí trung tâm của các yếu tố công cụ, nguyên liệu, năng lượng (đặc biệt là công cụ)* và *phương hướng chuyển từ thủ công lên cơ giới rồi sang tự động hóa*. Tính chất cơ bản của hai phương hướng đó cũng dễ hiểu nếu ta xét nó theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Theo quan điểm này, mọi yếu tố của lực lượng sản xuất chỉ phát huy được tác dụng của nó thông qua lao động của con người. Hiệu suất của lao động này lại phụ thuộc vào công cụ lao động (và nguyên liệu, vật liệu để chế tạo công cụ đó cùng với năng lượng để làm cho công cụ đó hoạt động). Lao động của con người lại gồm lao động chân tay (được nhân lên nhờ có phương tiện nửa cơ giới hóa và cơ giới hóa hoàn toàn) và lao động trí óc (được giải phóng khỏi khía cạnh sự vụ phiền toái, máy móc và được nhân lên nhờ có tự động hóa).

Cần lưu ý đến hai phương hướng có tính chất quy luật phổ biến nói trên để hiểu vị trí của vấn đề tự động hóa trong cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật đang diễn ra trên thế giới và vị trí của vấn đề cơ giới hóa xen kẽ những yếu tố của tự động hóa trong cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật ở nước ta trong thời gian 15 – 20 năm trước mắt. Lẽ tất nhiên, việc vận dụng một quy luật phổ biến vào thực tiễn của một đất nước như đất nước ta không thể là một sự sao chép máy móc những gì đã diễn ra trong lịch sử cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới. Cần phải tìm ra những hình thức

Digitized by Google

và bước đi phù hợp, nhưng có thể khẳng định là, nhìn chung, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta không thể đi ra ngoài các quy luật phổ biến đã nói trên. Điều đó cũng đã được Trung ương Đảng ta nhấn mạnh nhiều lần khi nói đến vị trí của vấn đề cơ giới hóa trong cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta.

Về mặt các động lực và phương thức tiến hành của các cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật, cần phải nêu lên vai trò của những kinh nghiệm thực tiễn của loài người, vai trò của khoa học và vai trò của quan hệ sản xuất, quan hệ xã hội, và cuối cùng là tính kế thừa giữa các cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây và cách mạng khoa học — kỹ thuật ngày nay.

Từ cuộc cách mạng kỹ thuật đồ đá đến cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18, chưa có hoặc có rất ít vai trò của khoa học như là một động lực của sự thay đổi về kỹ thuật. Động lực này chỉ là (hoặc chủ yếu là) sự tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, kinh nghiệm sản xuất của người lao động. Sự tích lũy đó có tính chất tự phát cho nên đã phải đòi hỏi một thời gian hàng vạn năm mới hình thành công cụ thủ công như ở thời kỳ đồ đá; hoặc đã có tính chất tự giác cho nên đã rút ngắn được rất nhiều thời gian trong việc tìm tòi các phát minh kỹ thuật như ở thế kỷ 18. Trong các thời kỳ lịch sử này, khoa học chủ yếu là kết quả, là sự khái quát hóa các phát minh kỹ thuật, chứ chưa phải chủ yếu là nguồn gốc của các phát minh đó. Thí dụ môn nhiệt động học lý thuyết cổ điển là kết quả của các phát minh về nhiệt kỹ thuật.

Phải đợi đến cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật đang diễn ra ngày nay trên thế giới, bắt đầu vào khoảng những năm 40 của thế kỷ này thì vai trò của khoa học — hệ thống những kiến thức lý tính phản ánh những quy luật của sự vật — mới càng ngày càng trở thành một động lực lớn trong việc thay đổi lực lượng sản xuất của xã hội. Chính sự kiện lịch sử này — khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp — là nguyên nhân làm cho cuộc cách mạng kỹ thuật thứ hai (nếu coi cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18 là thứ nhất) trở thành cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật.

Nửa sau thế kỷ 19, Mác đã phân tích mối quan hệ giữa khoa học và kỹ thuật và đã dự đoán rằng sẽ đến lúc khoa học tất yếu trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Nhưng Mác chưa nói rõ nội dung cụ thể của khái niệm đó là thế nào. Với sự phát triển của cách mạng khoa học — kỹ thuật từ những năm 40 của thế kỷ 20, các nhà lý luận mác-xít đã sử dụng công thức đó của Mác, coi như nó phản ánh một hiện tượng đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật. Từ đó đến nay, đã có nhiều cuộc tranh luận để xác định nội dung chính xác của hiện tượng đó và cho tới gần đây vẫn chưa có một cách hiểu thống nhất.

Việc khoa học được ứng dụng vào thực tiễn, vào sản xuất không phải là một hiện tượng mới: nó có từ khi có khoa học. *Vấn đề mới ở đây là cách thức khoa học được ứng dụng vào thực tiễn, vào sản xuất, và chính cái cách thức mới đó đã và đang làm cho khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.* Cách thức mới đó chỉ có thể xuất hiện, một mặt, trên cơ sở khoa học đã phát triển đến một trình độ nhất định nào đó, mặt khác, trên cơ sở có những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội thích hợp.

Cách thức mới đó là gì? Có người cho đó là việc khoa học được ứng dụng trực tiếp vào thực tiễn không thông qua kỹ thuật. Họ đưa ra dẫn chứng việc sinh vật học hiện đại phục vụ nông nghiệp bằng các giống mới trong «cách mạng xanh», hoặc việc

Digitized by Google

các ngành nghiên cứu khoa học mới phục vụ cho việc thay đổi tổ chức và quản lý sản xuất. Luận điểm này chưa thật chính xác vì không nên hiểu kỹ thuật theo nghĩa quá hẹp là chỉ gồm những công cụ lao động, mặc dù đó là yếu tố rất trọng yếu. Các biện pháp, quy trình, quy phạm kỹ thuật cũng nằm trong khái niệm kỹ thuật. Không có gì khác nhau về nguyên tắc giữa việc sinh vật học hiện đại đặt cơ sở cho việc tìm ra các giống mới có ích cho sản xuất kèm theo các biện pháp, quy trình, quy phạm để đưa giống mới đó vào sản xuất với việc, chẳng hạn, vật lý học hiện đại đặt cơ sở cho việc tìm ra chất bán dẫn và các biện pháp, quy trình, quy phạm để sử dụng rộng rãi chất đó trong đời sống.

Về tổ chức và quản lý sản xuất, cần lưu ý là vấn đề này chủ yếu thuộc phạm trù quan hệ sản xuất chứ không phải chủ yếu thuộc phạm trù lực lượng sản xuất. Tác dụng của tổ chức và quản lý sản xuất đối với việc mở rộng sản xuất là tác dụng vốn có của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất, và đây là quy luật chung của các cuộc cách mạng kỹ thuật chứ không phải chỉ chờ đến cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật xuất hiện mới có. Tổ chức và quản lý sản xuất bản thân nó cũng có những nhân tố được xem như lực lượng sản xuất; những thành tựu của các ngành khoa học hiện đại như lý thuyết thông tin, toán vận trù, điều khiển học đã và sẽ được ứng dụng rất có hiệu quả để tăng cường hiệu lực của các nhân tố đó. Nhưng xem đó là những sự ứng dụng trực tiếp của khoa học, có một sự phân biệt về nguyên tắc với các kiểu ứng dụng khác thì không đúng; vả lại cũng không thể lấy những hiện tượng có tính chất bộ phận này làm đặc trưng cho sự kiện khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, một sự kiện mà phạm vi lại rộng hơn và tác dụng lại quan trọng hơn rất nhiều.

Có một cách hiểu khác đem gắn hai đặc trưng của cách mạng khoa học – kỹ thuật là khoa học trở thành lực lượng sản xuất và tự động hóa vào làm một. Theo cách hiểu này, khi khoa học được ứng dụng vào sản xuất thì trở thành một lực lượng sản xuất (đây là hiện tượng đã có từ lâu), nhưng khoa học chỉ trở thành lực lượng sản xuất *trực tiếp* khi có tự động hóa; vì có tự động hóa, con người được giải phóng ra khỏi quá trình trực tiếp sản xuất, do đó khoa học trở thành nhân tố trực tiếp làm tăng lực lượng sản xuất. Cách hiểu này cố gắng tìm ra cái đặc thù của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật nhưng không khỏi có tính chất gượng ép.

Cách hiểu giản dị và tự nhiên nhất, phù hợp với thực tế nhất, là cho rằng khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp *vì nó được ứng dụng trên tất cả các lĩnh vực của sản xuất, của đời sống, với một quy mô rộng lớn và tốc độ ngày càng tăng và chưa từng có trước đây*. Ví dụ về tốc độ, người ta thường nói đến thời gian được rút ngắn rất nhiều từ lúc tìm ra một quy luật mới đến lúc ứng dụng quy luật đó vào thực tiễn. Như vậy là không có sự khác nhau về nguyên tắc trong việc ứng dụng khoa học nhưng do lĩnh vực, quy mô, tốc độ ứng dụng tăng lên rất nhiều *về số* cho nên đã và sẽ tiếp tục tạo ra một hiệu quả khác hẳn *về chất* so với trước đây. Cũng chính vì ý nghĩa và khả năng to lớn đó của việc ứng dụng khoa học vào đời sống cho nên phương hướng chung của việc nghiên cứu khoa học hiện nay trên thế giới là: song song với việc đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản để mở rộng sự hiểu biết của loài người và tạo lực lượng dự trữ chiến lược cho việc ứng dụng, các nước đều dầu tư rất nhiều sức người, sức của vào lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai. Đó là một động lực của cách mạng khoa học –

Digitized by Google

kỹ thuật và phương thức tác động của động lực đó.

Một động lực khác rất quan trọng của các cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật là các quan hệ sản xuất nói riêng và các yếu tố lịch sử, xã hội nói chung. Đây là mối quan hệ qua lại giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, một vấn đề đã được lý luận duy vật biện chứng chỉ ra một cách rất sâu sắc và rõ ràng. Ở đây chỉ lưu ý rằng phải nắm vững mối quan hệ này khi muốn phân tích vị trí lịch sử của các cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây hay của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện nay, khi muốn xác định phương hướng phát triển của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện nay trong chế độ tư bản chủ nghĩa hay trong chế độ xã hội chủ nghĩa, khi muốn hiểu rõ chủ trương của Đảng ta phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

III

Các văn kiện của Đảng ta cũng như nhiều bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta đã chỉ ra những phương hướng cơ bản để tiến hành cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta và để tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ các quy luật cụ thể của cuộc cách mạng ấy.

Nói tới cách mạng khoa học kỹ thuật ở nước ta, đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh «Để cải biến nền kinh tế của ta từ sản xuất nhỏ thành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải nắm vững nhiệm vụ trung tâm là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật, biến nền sản xuất dựa phần lớn trên lao động thủ công, phân tán, phân công lao động chưa phát triển, năng suất, hiệu quả và chất lượng thấp thành một nền sản xuất cơ khí hóa, tự động hóa, điện khí hóa và hóa học hóa, một nền sản xuất tập trung hóa, chuyên môn hóa, liên hiệp hóa và hợp tác hóa cao, tổ chức lại lao động theo quy mô lớn, áp dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến, phát huy và sử dụng hợp lý lao động và tài nguyên của đất nước» (2).

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ IV của Đảng nói rõ: «Trong cách mạng khoa học — kỹ thuật, cần nắm vững khâu trung tâm là cơ khí hóa; kết hợp tốt cơ khí, nửa cơ khí với thủ công; kết hợp quy mô to với quy mô vừa và quy mô nhỏ theo hướng tích cực xây dựng quy mô to và lấy quy mô to làm nòng cốt» (3).

Trong các chỉ dẫn nói trên, chúng ta tìm thấy sự vận dụng các quy luật phổ biến của các cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật trên thế giới, kết hợp với thực tiễn nước ta.

Chúng ta thấy rõ, qua nội dung đó, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta về thực chất là một cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất. Trên cơ sở đó, chúng ta dễ hiểu tại sao Đảng ta lại chủ trương cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

Qua đó, chúng ta cũng hiểu tại sao cuộc cách mạng lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay lại là cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật chứ không phải là cách mạng kỹ thuật. Cơ giới hóa, một nhiệm vụ lịch sử của cách mạng kỹ thuật (thứ nhất) cũng là một

---

(2) Lê-Duẩn: "Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt-nam thống nhất xã hội chủ nghĩa", tạp chí *Học tập*, số 7-1976, trang 32.

(3) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV.

Digitized by Google

chủ tập thể của quần chúng. Đảng phải thường xuyên chăm lo tăng cường các tổ chức Đảng, tổ chức Nhà nước, tổ chức quần chúng, xây dựng hệ thống lãnh đạo và quản lý mạnh mẽ từ trung ương đến cơ sở. Vấn đề cán bộ và tổ chức đặt ra trong điều kiện như vậy là đặc biệt khó khăn và phức tạp, đòi hỏi chúng ta trước hết phải có nhận thức đúng, quan điểm đúng, phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của tình hình mới, nhiệm vụ mới của cách mạng hiện nay.

Trong tác phẩm lớn này, đồng chí Lê-Duẩn nêu lên những vấn đề lý luận và quan điểm rất đúng của Đảng ta về công tác cán bộ và tổ chức như những vấn đề: quan hệ giữa cán bộ với đường lối và nhiệm vụ chính trị; quan hệ giữa cán bộ với tổ chức; mối quan hệ giữa tư tưởng và tổ chức; vấn đề đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, v.v...

Nói về việc xây dựng đội ngũ cán bộ phải xuất phát từ đường lối và nhiệm vụ chính trị, đồng chí Lê-Duẩn nêu rõ: «Lòng trung thành vô hạn với lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc, với đường lối chính trị của Đảng, tinh tổ chức và tinh kỷ luật nghiêm ngặt nhất; sự gắn bó mật thiết với quần chúng; khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao; đó là những đòi hỏi cơ bản, **không thay đổi**, về mặt phẩm chất người cán bộ, dù ở bất cứ thời kỳ nào. Song, từ giai đoạn dân tộc dân chủ chuyển sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa, rõ ràng cách mạng có sự **thay đổi căn bản** về tính chất và nhiệm vụ, do đó, khi đề cập vấn đề cán bộ, không thể chỉ dừng lại ở những nguyên tắc chung.

Muốn có quan điểm đúng về vấn đề cán bộ trong giai đoạn mới, cần quán triệt lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung, lý luận về Đảng trong điều kiện Đảng nắm chính quyền, lý luận về Nhà nước, về quản lý kinh tế và quản lý xã hội, về chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, về con người mới của chủ nghĩa xã hội, v.v... Không những phải có đầy đủ lý luận về đường lối, về phương châm, chính sách, mà còn phải có lý luận về tổ chức, một địa hạt mới mẻ nhất, phức tạp nhất trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chỉ có như thế mới có thể hiểu một cách sâu sắc và cụ thể thực chất, nội dung và những yêu cầu của nhiệm vụ chính trị đặt ra trong giai đoạn này để từ đó xem xét và giải quyết đúng đắn vấn đề cán bộ». (Tập II, tr. 401, 402).

Đồng chí Lê-Duẩn viết tiếp: «Xem xét và giải quyết vấn đề cán bộ gắn liền với nhiệm vụ chính trị, điều đó đòi hỏi phải đặt vấn đề trên quan điểm sau đây: có mối quan hệ qua lại hết sức chặt chẽ, biện chứng giữa cán bộ với đường lối chính trị, giữa cán bộ với tổ chức, giữa cán bộ với phong trào cách mạng của quần chúng. Cuộc sống người cán bộ là ở trong mối tương quan nhiều mặt đó. Cán bộ sở dĩ là cán bộ chính do sự tồn tại của những mối quan hệ như vậy. Trong những mối quan hệ đó, cán bộ vừa là nhân vừa là quả, vừa là quả lại vừa là nhân». (Tập II, tr. 403).

★

Là một tác phẩm lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam, ngoài những vấn đề cơ bản trên đây, trong nội dung tác phẩm, đồng chí Lê-Duẩn còn trình bày, phân tích sâu sắc và khoa học một loạt vấn đề cơ bản do thực tiễn cách mạng Việt-nam đặt ra và đã được thực tiễn cách mạng Việt-nam chứng minh là đúng, như những vấn đề đường lối phát triển kinh tế trong bước đi ban đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; vấn đề quản lý kinh tế trong điều kiện một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản

Digitized by Google

xuất lớn xã hội chủ nghĩa ; vấn đề dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ; vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và vấn đề làm chủ tập thể của nhân dân lao động ; vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ; vấn đề giải phóng phụ nữ ; vấn đề gia đình và xã hội ; vấn đề rèn luyện đạo đức và phẩm chất của người đảng viên cộng sản ; vấn đề giáo dục và công tác tư tưởng v.v...

Ngày nay, cách mạng nước ta bước sang giai đoạn mới, giai đoạn đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang nhưng rất nặng nề đó, Đảng đòi hỏi toàn thể cán bộ và đảng viên chúng ta phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng. Đồng chí Lê-Duẩn nói : « Thiếu hiểu biết sâu sắc về lý luận Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng thì không thể nắm được các quy luật xã hội và kinh tế, những quy luật này là cơ sở cho hoạt động lãnh đạo và quản lý. Sẽ không có khả năng phân tích sự vật đúng theo quan điểm giai cấp, quan điểm khoa học, không thể lần ra cái bản chất, cái chủ yếu xuyên qua vô số các sự kiện, sự biến, vô số biểu hiện khác nhau rất phức tạp của đời sống kinh tế và xã hội. Sẽ không thể xác định đúng nhiệm vụ phải tập trung giải quyết trong từng lúc một, và không thể tìm thấy con đường cho phép giải quyết một cách đúng đắn và có kết quả các nhiệm vụ kinh tế và chính trị. Tóm lại, thiếu những hiểu biết vững chắc về khoa học Mác — Lê-nin (nhất là về phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và về khoa học kinh tế), không thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng, thì sẽ sa vào tình trạng mò mẫm, dễ mất phương hướng chính trị, thiếu nhìn xa trông rộng, thiếu chủ động và sáng tạo trong công tác ». (Tập II, tr. 454 — 455).

Tác phẩm lớn này của đồng chí Lê-Duẩn sẽ đáp ứng yêu cầu của chúng ta trong việc nghiên cứu, học tập và vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin phù hợp với tình hình đặc điểm của Việt-nam, đồng thời giúp chúng ta quán triệt và thực hiện đầy đủ hơn nữa các nghị quyết của Đảng.

Cùng với các nghị quyết của Đảng và các tác phẩm của Hồ Chủ tịch, tác phẩm lớn này của đồng chí Lê-Duẩn sẽ soi đường chỉ lối cho cán bộ và nhân dân ta từng bước tiến lên giành những thắng lợi ngày càng rực rỡ hơn nữa trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

NGHIÊN CỨU

VỀ VẤN ĐỀ QUY LUẬT CỦA CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT

LÊ-VĂN-GIẠNG

VIỆC nghiên cứu những quy luật phổ biến của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới cũng như những quy luật đặc thù của cuộc cách mạng đó ở nước ta có một ý nghĩa thực tiễn rất lớn đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội mà nội dung, như Đảng ta đã chỉ rõ, là thực hiện ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt.

Trước hết cần xét xem những thuật ngữ cách mạng khoa học, cách mạng công nghiệp, cách mạng kỹ thuật, cách mạng khoa học – kỹ thuật phản ánh những phạm trù giống nhau hay khác nhau, và khác nhau đến đâu. Sau đó, xác định những quy luật của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật là những quy luật gì và những cơ sở khách quan nào quyết định việc xuất hiện và phát huy tác dụng của các quy luật đó. Đây là những vấn đề mà hiện nay trên thế giới đang có nhiều cách giải đáp khác nhau

I

Cách mạng khoa học là một sự thay đổi nhảy vọt về chất trong lịch sử phát triển của khoa học. Sự thay đổi đó được thể hiện ở những lý thuyết khoa học mới, những cách giải thích mới về các hiện tượng tự nhiên hoặc xã hội, dựa trên cơ sở (hoặc dựa đến) những thế giới quan và phương pháp luận mới trong khoa học.

Đại thể trong lịch sử khoa học đã có ba cuộc cách mạng khoa học. Cuộc cách mạng khoa học đầu tiên xảy ra vào khoảng các thế kỷ 6 – 3 trước Công nguyên trên đất nước Hy-lạp, được đánh dấu bằng việc chuyển các kiến thức khoa học tản mạn, cảm tính và kinh nghiệm chủ nghĩa mà loài người đã tích lũy trước đó thành những *kiến thức lý tính có hệ thống.*

Cuộc cách mạng khoa học thứ hai xuất hiện ở các nước Tây Âu vào thế kỷ 16, thế kỷ 17 và phát triển đến đầu thế kỷ 19. Nó chống lại phương pháp kinh viện của thời kỳ Trung cổ. Cơ sở của nó là triết học duy vật cơ giới và phương pháp luận thực nghiệm mà những nhà triết học và khoa học của thời đại đó, như Cô-péc-nic, Bê-cơn, Ga-li-lê, Đê-ca-tơ, Niu-tơn đã đặt nền móng. Với cuộc cách mạng này, đã hình thành cái mà người ta gọi là nền *khoa học cổ điển.*

Cuộc cách mạng khoa học thứ ba bắt đầu từ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ

Digitized by Google

20 và hiện nay đang phát triển với một nhịp độ rất cao. Cuối thế kỷ 19, các nhà khoa học khám phá ra một số hiện tượng dẫn đến sự khủng hoảng của nền khoa học cổ điển; qua đó, nhiều nhà triết học duy tâm đã vội nói tới sự phá sản của khoa học và tuyên truyền cho những tư tưởng thần bí. Lê-nin đã phê phán sâu sắc những luận điểm phản động này trong quyển « *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* ». Đúng như Lê-nin đã dự đoán, khoa học tiếp tục phát triển, vượt qua cuộc « khủng hoảng » của nền khoa học cổ điển. Đầu thế kỷ 20, lần lượt xuất hiện và phát triển những lý thuyết mới trong vật lý học như *lý thuyết tương đối, lý thuyết lượng tử* qua đó đã vẽ nên, như người ta thường nói, một bức tranh về vũ trụ khác hẳn bức tranh của khoa học thế kỷ 19. *Toán học hiện đại* với những phương pháp luận hoàn toàn mới cũng được coi như chính thức hình thành vào thời gian này. Vào khoảng giữa thế kỷ 20, *sinh vật học* cũng có một bước phát triển nhảy vọt. Một số ngành khoa học mới xuất hiện, như *điều khiển học*,... có tính chất liên ngành và là một trong những đặc điểm của khoa học thế kỷ 20.

Về khoa học xã hội, nếu muốn tìm ra một sự thay đổi nhảy vọt về chất, một cuộc cách mạng, phải nói đến sự hình thành của *triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử* mà các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đã xây dựng nên vào nửa sau của thế kỷ 19, tức là vào đêm trước cuộc khủng hoảng của nền khoa học cổ điển.

Sự xuất hiện của chủ nghĩa Mác như một khoa học, xét về mặt thời gian và về tính chất của nó, có thể xem như nằm trong cuộc cách mạng khoa học thứ ba nói trên của loài người, một cuộc cách mạng đang trong thời kỳ mới bắt đầu và đang phát triển như vũ bão.

Không những chủ nghĩa Mác thay đổi hoàn toàn bộ mặt của các ngành khoa học xã hội mà nó còn là cơ sở triết học duy nhất đúng đắn để giải quyết những khó khăn về thế giới quan và phương pháp luận mà các ngành khoa học tự nhiên hiện đại đang vấp phải. Những khó khăn này xuất hiện trong quá trình cuộc cách mạng khoa học hiện đại phủ định thế giới quan và phương pháp luận của nền khoa học cổ điển thế kỷ trước nhưng lại chưa khẳng định được cho mình một thế giới quan và phương pháp luận mới có thể giải thích và hướng dẫn một cách thỏa đáng sự phát triển của khoa học hiện đại.

Những điều đã nhắc đến trên đây nói rằng cách mạng khoa học *trước hết là cách mạng trong thế giới quan và phương pháp luận của khoa học*. Sự thay đổi nhảy vọt đó gắn liền với một sự nở rộ các lý thuyết mới trong khoa học, sự khám phá ra những hiện tượng mới, làm cho con người hiểu biết sâu sắc hơn tự nhiên và xã hội.

Sự phát triển của khoa học ở thế kỷ 20 này đã đưa đến một kết quả quan trọng là biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Có thể nói đó là một đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học thứ ba này không? Thật ra khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp là kết quả tổng hợp của sự phát triển khoa học, của sự phát triển sản xuất kinh tế và của nhiều điều kiện xã hội, chính trị khác nữa. Nếu nói nó là đặc trưng của cách mạng khoa học thì sẽ dẫn đến nhận thức lẫn lộn giữa cách mạng khoa học và cách mạng khoa học – kỹ thuật. Cũng vì vậy mà người ta còn gọi cách mạng khoa học là cách mạng *trong* khoa học để phân biệt với cách mạng khoa học – kỹ thuật là cách mạng *do* khoa học.

Cách mạng công nghiệp là cách mạng sản xuất. Nó xảy ra chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp như ở Tây Âu

Digitized by Google

vào thế kỷ 18, 19. Nó cũng xảy ra trong toàn bộ lĩnh vực sản xuất như ở các nước làm cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Công nghiệp hóa là cuộc cách mạng công nghiệp trong giai đoạn một số nước chuyển từ chưa có hay có rất ít cơ sở công nghiệp sang xây dựng một nền sản xuất lấy công nghiệp làm chủ đạo, công nghiệp nặng làm nền tảng.

Cách mạng kỹ thuật là sự thay đổi nhảy vọt về chất, trong cơ cấu kỹ thuật của một nền sản xuất, chủ yếu là trong các công cụ lao động và các quy trình, quy phạm mà xã hội loài người đã xây dựng nên để sử dụng các công cụ đó. Kỹ thuật là sản phẩm trực tiếp của kinh nghiệm lao động của con người, hoặc là kết quả của việc vận dụng những hiểu biết về khoa học vào thực tiễn. Cách mạng kỹ thuật là một sự thay đổi về cơ sở vật chất và kỹ thuật của xã hội trên cả hai mặt tính chất và trình độ. Khởi điểm của cách mạng kỹ thuật là lúc người ta tìm ra một hay nhiều kỹ thuật mới có tác dụng thay đổi lớn sức mạnh của con người. Nhưng cuộc cách mạng đó chỉ thật sự diễn ra khi những phát minh nói trên được ứng dụng rộng rãi vào thực tiễn.

Vào thế kỷ 18, 19, ở Tây Âu, nền sản xuất, chủ yếu trong công nghiệp, đã chuyển từ thủ công sang cơ giới hóa: người ta quen gọi sự kiện này là cuộc cách mạng kỹ thuật thứ nhất, hoặc có khi chỉ gọi vắn tắt là cuộc cách mạng kỹ thuật. Nhưng thực ra, trước đó lịch sử loài người đã trải qua nhiều cuộc cách mạng kỹ thuật. Sự « phát minh » và sử dụng rộng rãi lửa cách đây khoảng một triệu năm, kỹ thuật sử dụng đồ đá, đặc biệt là vào thời kỳ đồ đá mới cách đây hàng vạn năm, sự phát minh ra kỹ thuật sử dụng đồ đồng, thau rồi sắt... đều là những cuộc cách mạng kỹ thuật lớn trong lịch sử loài người.

Vào khoảng giữa thế kỷ 20 này, lực lượng sản xuất của các nước phát triển lại bắt đầu đi vào một sự nhảy vọt mới: từ cơ giới chuyển sang tự động hóa, đồng thời năng lượng, nguyên liệu, v.v... cũng có những sự thay đổi rất lớn. Có người gọi đây là cuộc cách mạng kỹ thuật thứ hai (nếu gọi cuộc cách mạng kỹ thuật vào thế kỷ 18, 19 là cách mạng kỹ thuật thứ nhất). Nhiều người khác gọi đây là cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật. Có người cho hai thuật ngữ đó là đồng nghĩa, có người không đồng ý như vậy

Thuật ngữ *cách mạng khoa học — kỹ thuật* là một thuật ngữ mới, xuất hiện cách đây khoảng 20 năm. Mười năm gần đây, người ta đã tranh luận nhiều để xác định nội dung và đặc điểm của nó. Và cho tới nay vẫn còn những cách hiểu khác nhau về vấn đề này.

Có cách hiểu đơn giản coi cách mạng khoa học — kỹ thuật là cách mạng khoa học *và* cách mạng kỹ thuật; từ đó cho rằng, đã có một cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật thứ nhất (tức là cuộc cách mạng khoa học thế kỷ 17, 18, cộng với cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18, 19) cũng như hiện nay đang có cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật thứ hai. Cho rằng có một cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trong các thế kỷ 17, 18 và 19 tức là đã đem gắn liền làm một hai sự kiện cách mạng khoa học và cách mạng kỹ thuật vốn tương đối độc lập với nhau, không những về thời gian xuất hiện mà nhất là về mối tác động lẫn nhau của chúng trong các thế kỷ đó. Còn trong thế kỷ 20 đúng là có một mối tương quan rất mật thiết giữa cách mạng khoa học và cách mạng kỹ thuật, và đó là một đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật đang diễn ra ở thời đại này. Nhưng nếu từ đó mà cho rằng cách mạng khoa học và cách mạng kỹ thuật đã hòa vào nhau thành một thì cũng không đúng, bởi vì hai cuộc cách mạng đó vẫn có nhiệm vụ

Digitized by Google

nội dung và quy luật khác nhau, ngay trong thời đại hiện nay khi mối quan hệ giữa chúng đã trở nên rất mật thiết.

Khi phân tích cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật, hầu hết các ý kiến khác nhau đều thống nhất với nhau trên hai điểm. Một là, coi hiện tượng khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp là một đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Hai là, coi việc phát hiện và sử dụng các dạng năng lượng mới, các nguyên liệu, vật liệu và nhất là việc tự động hóa như là nội dung chủ yếu của cách mạng khoa học – kỹ thuật.

Điều phù hợp nhất với thực tế là coi cách mạng khoa học – kỹ thuật cũng như cách mạng kỹ thuật đều thuộc phạm trù cách mạng về lực lượng sản xuất. Sự khác nhau giữa cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học – kỹ thuật là cuộc cách mạng sau được tiến hành trong điều kiện khoa học đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Như vậy, cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật đang diễn ra trên thế giới là cuộc *cách mạng khoa học – kỹ thuật đầu tiên trong lịch sử loài người*. Đối với các nước phát triển trên thế giới, cách mạng khoa học – kỹ thuật hay là cách mạng kỹ thuật thứ hai (nếu xem cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18, 19 là thứ nhất) là đồng nghĩa, nhưng thuật ngữ cách mạng khoa học – kỹ thuật được dùng nhiều hơn vì nó phản ánh chính xác hơn nội dung và tính chất của cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất hiện nay (do khoa học có một tác dụng rất lớn trong cuộc cách mạng này).

Nhận thức rằng *cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật là một kiểu cách mạng về lực lượng sản xuất* là phù hợp với quan điểm của Đảng ta. Đồng chí Võ-nguyên-Giáp đã nói tại Hội nghị cán bộ khoa học và kỹ thuật, đại ý: Mục tiêu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật ở nước ta rõ ràng là từng bước tiến lên xây dựng thành công cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong vòng 15 – 20 năm tới và trước mắt trong vòng 5 năm, góp phần quan trọng thực hiện những nhu cầu vật chất và văn hóa đã được đề ra..... Chúng ta phải trước hết coi trọng vấn đề tiến hành cách mạng trong tư liệu sản xuất..... Phải giải quyết tốt vấn đề năng lượng..... Phải coi trọng giải quyết vấn đề vật liệu (1).

Trong điều kiện nước ta hiện nay, so với cuộc cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa thì cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt. Đó là sự khẳng định vị trí then chốt của việc xây dựng lực lượng sản xuất ở nước ta trong tình hình hiện nay.

II

Một quy luật nào đó về khoa học – kỹ thuật được ứng dụng vào sản xuất thường là một quy luật tự nhiên. Quy luật của cách mạng kỹ thuật hay cách mạng khoa học – kỹ thuật lại là quy luật xã hội. Các quy luật xã hội *chỉ* tồn tại và *chỉ* phát huy tác dụng thông qua hành động thực tiễn của con người. Có hay không có xã hội loài người, các quy luật tự nhiên vẫn tồn tại. Nhưng quy luật xã hội chỉ tồn tại với sự tồn tại của xã hội loài người.

Có thể chia các quy luật của cách mạng kỹ thuật hay cách mạng khoa học – kỹ thuật thành hai nhóm.

Nhóm quy luật thứ nhất bao gồm những quy luật phản ánh tính tất yếu của một cuộc cách mạng kỹ thuật hay cách mạng khoa học – kỹ thuật, xét về mặt *nội dung* và *nhiệm vụ lịch sử* của nó.

---

(1) Xem báo *Nhân dân* ngày 15-11-1976.

Digitized by Google

Nhóm quy luật thứ hai bao gồm những quy luật phản ánh tính tất yếu của một cuộc cách mạng kỹ thuật hay cách mạng khoa học – kỹ thuật, xét về những *động lực và phương thức tiến hành* của cuộc cách mạng đó.

Bởi vì cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học – kỹ thuật đều thuộc một phạm trù chung là cách mạng về lực lượng sản xuất, cho nên tất cả các cuộc cách mạng đó đều có những quy luật chung, *phổ biến*. Nhưng giữa các cuộc cách mạng kỹ thuật và giữa cách mạng kỹ thuật với cách mạng khoa học – kỹ thuật, lại có những sự khác nhau. *Một là*, nhiệm vụ lịch sử của chúng khác nhau : mỗi cuộc cách mạng làm thay đổi những yếu tố gì, những mặt nào trong lực lượng sản xuất của xã hội? *Hai là*, động lực và phương thức của cuộc cách mạng này khác với động lực và phương thức của cuộc cách mạng kia như thế nào ? Những sự khác nhau đó là cơ sở khách quan cho sự vận động của các quy luật *đặc thù* của từng cuộc cách mạng.

Về mặt nhiệm vụ lịch sử của các cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học – kỹ thuật, chúng ta thấy rằng ngày càng mở rộng phạm vi những yếu tố về lực lượng sản xuất mà các cuộc cách mạng đó tác động đến. Cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18 đã mở rộng phạm vi công cụ thủ công sang phạm vi công cụ cơ giới ; cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện nay mở rộng phạm vi công cụ cơ giới sang phạm vi phương tiện tự động hóa ; cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện nay còn mở rộng lĩnh vực công cụ và nguyên liệu sang lĩnh vực năng lượng, mở rộng lĩnh vực chủ yếu là công nghiệp (của cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18) sang lĩnh vực nông nghiệp, mở rộng lĩnh vực các yếu tố vật chất, kỹ thuật sang lĩnh vực các yếu tố về tổ chức, về quản lý có tính chất lực lượng sản xuất như vấn đề xử lý thông tin, phương pháp tìm phương án tối ưu, ứng dụng quy luật điều khiển học trong quản lý, v.v...

Tuy nhiên trong xu thế mở rộng về nội dung các cuộc cách mạng kỹ thuật hoặc cách mạng khoa học – kỹ thuật, người ta nhận thấy có hai phương hướng phát triển cơ bản. Đó là *phương hướng đề cao vị trí trung tâm của các yếu tố công cụ, nguyên liệu, năng lượng (đặc biệt là công cụ)* và *phương hướng chuyển từ thủ công lên cơ giới rồi sang tự động hóa*. Tính chất cơ bản của hai phương hướng đó cũng dễ hiểu nếu ta xét nó theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Theo quan điểm này, mọi yếu tố của lực lượng sản xuất chỉ phát huy được tác dụng của nó thông qua lao động của con người. Hiệu suất của lao động này lại phụ thuộc vào công cụ lao động (và nguyên liệu, vật liệu để chế tạo công cụ đó cùng với năng lượng để làm cho công cụ đó hoạt động). Lao động của con người lại gồm lao động chân tay (được nhân lên nhờ có phương tiện nửa cơ giới hóa và cơ giới hóa hoàn toàn) và lao động trí óc (được giải phóng khỏi khía cạnh sự vụ phiền toái, máy móc và được nhân lên nhờ có tự động hóa).

Cần lưu ý đến hai phương hướng có tính chất quy luật phổ biến nói trên để hiểu vị trí của vấn đề tự động hóa trong cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật đang diễn ra trên thế giới và vị trí của vấn đề cơ giới hóa xen kẽ những yếu tố của tự động hóa trong cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật ở nước ta trong thời gian 15 – 20 năm trước mắt. Lẽ tất nhiên, việc vận dụng một quy luật phổ biến vào thực tiễn của một đất nước như đất nước ta không thể là một sự sao chép máy móc những gì đã diễn ra trong lịch sử cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới. Cần phải tìm ra những hình thức

Digitized by Google

và bước đi phù hợp, nhưng có thể khẳng định là, nhìn chung, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta không thể đi ra ngoài các quy luật phổ biến đã nói trên. Điều đó cũng đã được Trung ương Đảng ta nhấn mạnh nhiều lần khi nói đến vị trí của vấn đề cơ giới hóa trong cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta.

Về mặt các động lực và phương thức tiến hành của các cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật, cần phải nêu lên vai trò của những kinh nghiệm thực tiễn của loài người, vai trò của khoa học và vai trò của quan hệ sản xuất, quan hệ xã hội, và cuối cùng là tính kế thừa giữa các cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây và cách mạng khoa học — kỹ thuật ngày nay.

Từ cuộc cách mạng kỹ thuật đồ đá đến cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18, chưa có hoặc có rất ít vai trò của khoa học như là một động lực của sự thay đổi về kỹ thuật. Động lực này chỉ là (hoặc chủ yếu là) sự tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, kinh nghiệm sản xuất của người lao động. Sự tích lũy đó có tính chất tự phát cho nên đã phải đòi hỏi một thời gian hàng vạn năm mới hình thành công cụ thủ công như ở thời kỳ đồ đá; hoặc đã có tính chất tự giác cho nên đã rút ngắn được rất nhiều thời gian trong việc tìm tòi các phát minh kỹ thuật như ở thế kỷ 18. Trong các thời kỳ lịch sử này, khoa học chủ yếu là kết quả, là sự khái quát hóa các phát minh kỹ thuật, chứ chưa phải chủ yếu là nguồn gốc của các phát minh đó. Thí dụ môn nhiệt động học lý thuyết cổ điển là kết quả của các phát minh về nhiệt kỹ thuật.

Phải đợi đến cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật đang diễn ra ngày nay trên thế giới, bắt đầu vào khoảng những năm 40 của thế kỷ này thì vai trò của khoa học — hệ thống những kiến thức lý tính phản ánh những quy luật của sự vật — mới càng ngày càng trở thành một động lực lớn trong việc thay đổi lực lượng sản xuất của xã hội. Chính sự kiện lịch sử này — khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp — là nguyên nhân làm cho cuộc cách mạng kỹ thuật thứ hai (nếu coi cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18 là thứ nhất) trở thành cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật.

Nửa sau thế kỷ 19, Mác đã phân tích mối quan hệ giữa khoa học và kỹ thuật và đã dự đoán rằng sẽ đến lúc khoa học tất yếu trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Nhưng Mác chưa nói rõ nội dung cụ thể của khái niệm đó là thế nào. Với sự phát triển của cách mạng khoa học — kỹ thuật từ những năm 40 của thế kỷ 20, các nhà lý luận mác-xít đã sử dụng công thức đó của Mác, coi như nó phản ánh một hiện tượng đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật. Từ đó đến nay, đã có nhiều cuộc tranh luận để xác định nội dung chính xác của hiện tượng đó và cho tới gần đây vẫn chưa có một cách hiểu thống nhất.

Việc khoa học được ứng dụng vào thực tiễn, vào sản xuất không phải là một hiện tượng mới: nó có từ khi có khoa học. *Vấn đề mới ở đây là cách thức khoa học được ứng dụng vào thực tiễn, vào sản xuất, và chính cái cách thức mới đó đã và đang làm cho khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.* Cách thức mới đó chỉ có thể xuất hiện, một mặt, trên cơ sở khoa học đã phát triển đến một trình độ nhất định nào đó, mặt khác, trên cơ sở có những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội thích hợp.

Cách thức mới đó là gì? Có người cho đó là việc khoa học được ứng dụng trực tiếp vào thực tiễn không thông qua kỹ thuật. Họ đưa ra dẫn chứng việc sinh vật học hiện đại phục vụ nông nghiệp bằng các giống mới trong «cách mạng xanh», hoặc việc

Digitized by Google

các ngành nghiên cứu khoa học mới phục vụ cho việc thay đổi tổ chức và quản lý sản xuất. Luận điểm này chưa thật chính xác vì không nên hiểu kỹ thuật theo nghĩa quá hẹp là chỉ gồm những công cụ lao động, mặc dù đó là yếu tố rất trọng yếu. Các biện pháp, quy trình, quy phạm kỹ thuật cũng nằm trong khái niệm kỹ thuật. Không có gì khác nhau về nguyên tắc giữa việc sinh vật học hiện đại đặt cơ sở cho việc tìm ra các giống mới có ích cho sản xuất kèm theo các biện pháp, quy trình, quy phạm để đưa giống mới đó vào sản xuất với việc, chẳng hạn, vật lý học hiện đại đặt cơ sở cho việc tìm ra chất bán dẫn và các biện pháp, quy trình, quy phạm để sử dụng rộng rãi chất đó trong đời sống.

Về tổ chức và quản lý sản xuất, cần lưu ý là vấn đề này chủ yếu thuộc phạm trù quan hệ sản xuất chứ không phải chủ yếu thuộc phạm trù lực lượng sản xuất. Tác dụng của tổ chức và quản lý sản xuất đối với việc mở rộng sản xuất là tác dụng vốn có của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất, và đây là quy luật chung của các cuộc cách mạng kỹ thuật chứ không phải chỉ chờ đến cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật xuất hiện mới có. Tổ chức và quản lý sản xuất bản thân nó cũng có những nhân tố được xem như lực lượng sản xuất; những thành tựu của các ngành khoa học hiện đại như lý thuyết thông tin, toán vận trù, điều khiển học đã và sẽ được ứng dụng rất có hiệu quả để tăng cường hiệu lực của các nhân tố đó. Nhưng xem đó là những sự ứng dụng trực tiếp của khoa học, có một sự phân biệt về nguyên tắc với các kiểu ứng dụng khác thì không đúng; vả lại cũng không thể lấy những hiện tượng có tính chất bộ phận này làm đặc trưng cho sự kiện khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, một sự kiện mà phạm vi lại rộng hơn và tác dụng lại quan trọng hơn rất nhiều.

Có một cách hiểu khác đem gắn hai đặc trưng của cách mạng khoa học – kỹ thuật là khoa học trở thành lực lượng sản xuất và tự động hóa vào làm một. Theo cách hiểu này, khi khoa học được ứng dụng vào sản xuất thì trở thành một lực lượng sản xuất (đây là hiện tượng đã có từ lâu), nhưng khoa học chỉ trở thành lực lượng sản xuất *trực tiếp* khi có tự động hóa; vì có tự động hóa, con người được giải phóng ra khỏi quá trình trực tiếp sản xuất, do đó khoa học trở thành nhân tố trực tiếp làm tăng lực lượng sản xuất. Cách hiểu này cố gắng tìm ra cái đặc thù của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật nhưng không khỏi có tính chất gượng ép.

Cách hiểu giản dị và tự nhiên nhất, phù hợp với thực tế nhất, là cho rằng khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp *vì nó được ứng dụng trên tất cả các lĩnh vực của sản xuất, của đời sống, với một quy mô rộng lớn và tốc độ ngày càng tăng và chưa từng có trước đây*. Ví dụ về tốc độ, người ta thường nói đến thời gian được rút ngắn rất nhiều từ lúc tìm ra một quy luật mới đến lúc ứng dụng quy luật đó vào thực tiễn. Như vậy là không có sự khác nhau về nguyên tắc trong việc ứng dụng khoa học nhưng do lĩnh vực, quy mô, tốc độ ứng dụng tăng lên rất nhiều *về số* cho nên đã và sẽ tiếp tục tạo ra một hiệu quả khác hẳn *về chất* so với trước đây. Cũng chính vì ý nghĩa và khả năng to lớn đó của việc ứng dụng khoa học vào đời sống cho nên phương hướng chung của việc nghiên cứu khoa học hiện nay trên thế giới là: song song với việc đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản, để mở rộng sự hiểu biết của loài người và tạo lực lượng dự trữ chiến lược cho việc ứng dụng, các nước đều đầu tư rất nhiều sức người, sức của vào lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai. Đó là một động lực của cách mạng khoa học –

Digitized by Google

kỹ thuật và phương thức tác động của động lực đó.

Một động lực khác rất quan trọng của các cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật là các quan hệ sản xuất nói riêng và các yếu tố lịch sử, xã hội nói chung. Đây là mối quan hệ qua lại giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, một vấn đề đã được lý luận duy vật biện chứng chỉ ra một cách rất sâu sắc và rõ ràng. Ở đây chỉ lưu ý rằng phải nắm vững mối quan hệ này khi muốn phân tích vị trí lịch sử của các cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây hay của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện nay, khi muốn xác định phương hướng phát triển của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện nay trong chế độ tư bản chủ nghĩa hay trong chế độ xã hội chủ nghĩa, khi muốn hiểu rõ chủ trương của Đảng ta phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

III

Các văn kiện của Đảng ta cũng như nhiều bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta đã chỉ ra những phương hướng cơ bản để tiến hành cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta và để tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ các quy luật cụ thể của cuộc cách mạng ấy.

Nói tới cách mạng khoa học kỹ thuật ở nước ta, đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh «Để cải biến nền kinh tế của ta từ sản xuất nhỏ thành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải nắm vững nhiệm vụ trung tâm là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật, biến nền sản xuất dựa phần lớn trên lao động thủ công, phân tán, phân công lao động chưa phát triển, năng suất, hiệu quả và chất lượng thấp thành một nền sản xuất cơ khí hóa, tự động hóa, điện khí hóa và hóa học hóa, một nền sản xuất tập trung hóa, chuyên môn hóa, liên hiệp hóa và hợp tác hóa cao, tổ chức lại lao động theo quy mô lớn, áp dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến, phát huy và sử dụng hợp lý lao động và tài nguyên của đất nước» (2).

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ IV của Đảng nói rõ: «Trong cách mạng khoa học — kỹ thuật, cần nắm vững khâu trung tâm là cơ khí hóa; kết hợp tốt cơ khí, nửa cơ khí với thủ công; kết hợp quy mô to với quy mô vừa và quy mô nhỏ theo hướng tích cực xây dựng quy mô to và lấy quy mô to làm nòng cốt» (3).

Trong các chỉ dẫn nói trên, chúng ta tìm thấy sự vận dụng các quy luật phổ biến của các cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật trên thế giới, kết hợp với thực tiễn nước ta.

Chúng ta thấy rõ, qua nội dung đó, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta về thực chất là một cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất. Trên cơ sở đó, chúng ta dễ hiểu tại sao Đảng ta lại chủ trương cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

Qua đó, chúng ta cũng hiểu tại sao cuộc cách mạng lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay lại là cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật chứ không phải là cách mạng kỹ thuật. Cơ giới hóa, một nhiệm vụ lịch sử của cách mạng kỹ thuật (thứ nhất) cũng là một

---

(2) Lê-Duẩn: "Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt-nam thống nhất xã hội chủ nghĩa", tạp chí *Học tập*, số 7-1976, trang 32.

(3) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV.

Digitized by Google

nhiệm vụ chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật của ta hiện nay, nhưng đó không phải là nhiệm vụ duy nhất. Xen kẽ vào đó là những yếu tố về nhiệm vụ lịch sử của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện nay trên thế giới; những yếu tố này sẽ càng tăng lên như tự động hóa, hóa học hóa, v.v... Mặt khác, động lực và phương thức tiến hành cuộc cách mạng đó ở nước ta không phải chủ yếu là động lực và phương thức của cuộc cách mạng kỹ thuật (thứ nhất) mà đã có nhiều khả năng hiện thực của cách mạng khoa học — kỹ thuật (như khả năng biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp). Vì vậy, xét về nội dung và tính chất *hiện nay* của nó, cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất ở nước ta là một hình thức trung gian giữa cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật, có chứa đựng xen kẽ những yếu tố của cả hai cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật, trong đó các yếu tố của cách mạng khoa học — kỹ thuật càng ngày càng tăng để về *lâu dài* chuyển hóa nó sang hẳn phạm trù của cách mạng khoa học — kỹ thuật. Việc tập trung sức làm cách mạng trong lực lượng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp như cơ giới hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa, cách mạng xanh..., việc tổ chức lại sản xuất cả về mặt quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, việc phân bố lại sức lao động đều là những nội dung rất quan trọng và là những nét đặc thù của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta.

Để thực sự biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp ở nước ta, sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học kỹ thuật có một vị trí rất lớn. Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được ở hai lĩnh vực này, việc thực hiện một cuộc cải cách giáo dục cũng như việc xác định những phương hướng và cách tổ chức nghiên cứu khoa học cho thích hợp với tình hình nước ta đều là những yêu cầu cấp bách để phục vụ cho ba cuộc cách mạng nói chung và cho cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật nói riêng. Đại hội thứ IV của Đảng ta đã có những nghị quyết quan trọng về các vấn đề đó.

Như Đảng ta đã chỉ rõ, một đặc điểm cơ bản của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Lẽ tất nhiên đặc điểm cơ bản đó cũng chi phối những quy luật vận động của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta.

Từ đặc điểm đó mà có quy luật ba cuộc cách mạng — cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa phải tiến hành đồng thời với nhau, vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của nhau.

Cũng từ đặc điểm đó mà cách mạng khoa học—kỹ thuật — thực chất là một cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất như các phần trên đã nói — ở ta hiện nay có vị trí then chốt.

Cũng từ đặc điểm đó mà có quy luật cách mạng khoa học-kỹ thuật phải tiến hành đồng thời cả trong công nghiệp và nông nghiệp, cả trong kinh tế trung ương và kinh tế địa phương; cách mạng khoa học kỹ thuật trong công nghiệp nặng phải nhằm phục vụ cho cách mạng khoa học — kỹ thuật trong công nghiệp nhẹ và trong nông nghiệp.

Một quy luật riêng của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trong các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là ở nước ta, là tính chất tự giác của nó. Vì cách mạng kỹ thuật hay cách mạng khoa học — kỹ thuật là một cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất nên nó chỉ thực hiện được thông qua hoạt động của đông đảo quần chúng nhân dân, đặc biệt là của nhân dân lao động, trong đó các nhà

Digitized by Google

khoa học, các nhà kỹ thuật là một bộ phận có vị trí ngày càng quan trọng. Trong các cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây, mỗi một cá nhân người lao động bình thường hay người kỹ sư có thể có ý thức tự giác về hành động riêng lẻ của mình hay của tập thể mình, nhưng họ hoàn toàn không có ý thức gì về toàn bộ cuộc cách mạng kỹ thuật mà họ đang tham gia thực hiện bằng hành động của họ. Do đó, các cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây diễn ra một cách *tự phát*, theo những quy luật mù quáng của nó. Trong cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở các nước tư bản chủ nghĩa, ý thức tự giác bị hạn chế vì điều kiện chính trị xã hội của chế độ tư bản chủ nghĩa. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ, nội dung, phương thức của toàn bộ cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật được phản ánh trong đường lối, chính sách, kế hoạch của Đảng và Nhà nước. Đó là điều kiện cho mỗi người trong xã hội có ý thức về toàn cục và thấy rõ được vị trí, hành động của mình trong cái chung; cuộc cách mạng này trở thành *tự giác* và tạo ra một sự chuyển biến về chất trong vai trò của quần chúng nhân dân. Tính chất tự giác đó sẽ cao nhất nếu các hành động của con người đều phù hợp với quy luật của sự vật. Nắm được quy luật và đề ra phương pháp hành động phù hợp với quy luật là con đường làm chủ cao nhất và cũng là con đường đưa cách mạng nước ta mau đến thắng lợi. Ở nước ta, nhân tố tự giác vừa là một đòi hỏi vừa là một thuận lợi của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật. Chỉ có thông qua vô số những hành động tự giác và sáng tạo của đông đảo nhân dân có ý thức hướng vào một mục đích chung của cả xã hội, thì ba cuộc cách mạng ở nước ta nói chung, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật nói riêng mới mau chóng đưa đến việc xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

NÓI VÀ LÀM

TỤC ngữ ta có câu: « Ăn rỗng cuốn, nói rỗng leo, làm mèo mửa » để ám chỉ và phê phán những người ăn giỏi, nói hay, nhưng làm thì... rất dở. Giờ đây, trong chúng ta, có những người không gương mẫu trong hành động thực tế, lời nói không đi đôi với việc làm.

Ai cũng biết, lời nói là phương tiện thông tin, là công cụ giao tế trực tiếp rất cần thiết trong đời sống hằng ngày của con người. Không có lời nói thì không có xã hội loài người. Chính trình độ phát triển của lời nói phản ánh trình độ văn minh của xã hội. Lời nói hay, lời nói đúng soi sáng và hướng dẫn hành động thực tế của con người, góp phần nâng cao tư tưởng, tình cảm, trí tuệ, đạo đức của con người, vạch phương hướng và tương lai cho con người vươn tới, là tiếng kèn giục giã con người dũng cảm tiến lên. Đối với người cách mạng, lời nói còn là vũ khí chiến đấu rất sắc bén, là một lực lượng vật chất rất lợi hại. Một lời nói khôn ngoan có khi đánh lui được cả hàng chục nghìn quân giặc. Một lời kêu gọi thống thiết có thể làm bùng lên khí thế ngút trời của quần chúng nhân dân. Nhưng dù sao, lời nói chỉ có tác dụng mạnh mẽ một khi nó được quán triệt trong hành động thực tế, bằng những việc làm cụ thể của con người, lý luận chỉ trở thành lực lượng vật chất khi nó được thâm nhập vào quần chúng. Chính vì thế mà cuộc sống nghiêm khắc đòi hỏi, bên cạnh lời nói, con người còn cần phải làm việc nữa. Chỉ có làm việc, làm việc thật sự, làm việc hết sức cần mẫn, siêng năng và không ngừng sáng tạo, người ta mới có thể sản xuất ra được lúa gạo, ngô khoai, vải vóc, của cải vật chất để nuôi sống con người.

Có làm thì mới có ăn
Không dưng ai dễ mang phần đến cho.

Chỉ có làm việc, con người mới tồn tại và mới thúc đẩy xã hội ngày càng tiến tới. Và cũng chính thông qua làm việc, thông qua lao động mà lời nói của con người dần dần được bổ sung và giàu có thêm lên.

★

Sự nghiệp cách mạng của chúng ta là một sự nghiệp rất vĩ đại, mới mẻ và có nhiều khó khăn. Nó đòi hỏi Đảng ta chẳng những phải đề ra được đường lối, chủ trương đúng mà còn phải có khả năng tổ chức thực tiễn rất giỏi. Chỉ có tổ chức thực tiễn giỏi, Đảng ta mới có thể biến những chủ trương đường lối của mình thành hiện thực được. Tổ chức, tổ chức và tổ chức rất giỏi, đó là cái bảo đảm

Digitized by Google

cho chúng ta thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng ta. Vì như Mác đã khẳng định: « Mỗi bước tiến của cuộc vận động thực sự còn quan trọng hơn là cả một tá cương lĩnh » (1). Muốn tổ chức thực tiễn giỏi thì mọi cán bộ, đảng viên của Đảng chẳng những phải là người lãnh đạo quần chúng, có khả năng tuyên truyền, vận động quần chúng bằng lời nói rất giỏi mà còn phải là người linh xung kích, người chiến sĩ rất gương mẫu, tiên phong trong hành động thực tế. Nếu chỉ nói mà không làm, lời nói không đi đôi với việc làm, thì không thể nào động viên tổ chức được quần chúng thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng. Lời nói ấy sẽ là lời nói « rỗng leo », lời nói suông, trống rỗng. Và chăng, ngay trong công tác tuyên truyền, người cán bộ, đảng viên muốn tuyên truyền tốt thì chính mình phải làm gương mẫu trước quần chúng. Tuyên truyền, giáo dục quần chúng không phải chỉ bằng những lý thuyết chung chung, những khẩu hiệu trừu tượng, những lời nói khô khan, không có linh hồn, mà cái chính là phải bằng hành động thực tế, bằng khả năng hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ thực tế, bằng sự gương mẫu đến mực thước của chính bản thân những người cán bộ, đảng viên. Chỉ có bằng những việc làm thực tế, những hành động gương mẫu của chính mình, người ta mới có thể làm cho lời nói của mình có nội dung sắc bén, có sức thuyết phục mạnh.

Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta là một tấm gương vô cùng trong sáng về đạo đức, tác phong cũng như toàn bộ phẩm chất của một chiến sĩ cách mạng. Người luôn luôn có tác phong lời nói đi đôi với việc làm. Tất cả những câu nói của Người, ngoài sức thuyết phục của tinh khoa học, tính cách mạng, tính luận lý còn có sức thuyết phục vô cùng mạnh mẽ của chính bản thân những việc làm gương mẫu của Người. Chính vì thế mà Người nói lời nào cũng là chân lý, dạy điều gì cũng được hàng triệu người tuân theo, hàng triệu người kính nể. Lời nói của Người có một linh hồn, một sức sống hết sức mãnh liệt. Còn gì xúc động và đáng vâng lời hơn khi một vị Chủ tịch nước kêu gọi quốc dân đồng bào hãy ra sức tiết kiệm để cứu giúp những người tạm thời bị đói thì chính mình đã gương mẫu trước tiên, cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa để lấy gạo cứu dân! Còn gì cao cả và đáng khâm phục hơn đối với một vị lãnh tụ vĩ đại, đã cống hiến trọn vẹn cả cuộc đời mình cho dân, cho Đảng, đã chịu bao nhiêu cực khổ, gian lao đến khi làm Chủ tịch nước sống giữa Thủ đô, Người vẫn giữ một cuộc sống hoàn toàn thanh đạm, khiêm tốn, giản dị, chan hòa gần gũi với nhân dân! Người thường nói: « Người ta ai cũng muốn ăn ngon mặc đẹp nhưng muốn phải cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon, mặc đẹp như vậy là không có đạo đức ».(2)

Được sự giáo dục của Đảng và của Hồ Chủ tịch, đại đa số cán bộ, đảng viên ta đã luôn luôn cố gắng rèn luyện, giữ đúng phẩm chất cao quý của người đảng viên, có được tác phong miệng nói, tay làm, gương mẫu trong công tác thực tế. Chính nhờ thế mà Đảng ta có đủ khả năng và sức mạnh lãnh đạo và tổ chức nhân dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, giành thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tuy vậy, trong Đảng ta, không phải không có những đồng chí do còn có tư tưởng ngại khó, ngại khổ, thích an nhàn, mà chưa có được tác phong lời nói đi đôi

(1) C. Mác — F. Ăng-ghen: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập II trang 11.

(2) *Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân*, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà-nội 1962, trang 195.

Digitized by Google

với việc làm, hoặc có khi nói một đường làm một nẻo, không giữ được vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên. Chẳng hạn có một số đồng chí khi thảo luận công tác trong hội nghị thì tỏ ra rất quyết tâm, nhưng khi bắt tay vào thực hiện thì lại không như vậy. Một số đồng chí, khi nói về đường lối, chính sách của Đảng thì nói đúng, nói hay, nhưng trong việc chấp hành thì lại tự do, tùy tiện, làm được đến đâu hay đến đó, có khi viện lý do này lý do nọ để thoái thác, hoặc tự ý bỏ qua. Có đồng chí nói rất hay về giữ gìn và bảo vệ của công, chống tham ô lãng phí, nhưng trong việc làm thì lại lãng phí tiền bạc, của cải của Nhà nước, thậm chí có khi còn tham ô, bớt xén của công. Có đồng chí, trong nhận thức thì đã thấy được vai trò to lớn của quần chúng nhân dân, nói mọi người phải kính trọng nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, nhưng trong hành động thì lại có những thái độ quan liêu, cửa quyền, hống hách với dân. Cũng có đồng chí, trên lời nói thì tỏ ra rất đề cao tính tổ chức, tính kỷ luật, nhưng trong cuộc sống thực tế thì lại không nghiêm khắc với bản thân mình, không tôn trọng tập thể, không tôn trọng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, và có khi còn đặt mình trên tổ chức, ngoài kỷ luật. Hoặc có đồng chí, khi nói về phê bình, tự phê bình thì rất hay, nào phê bình, tự phê bình là vũ khí sắc bén của Đảng, là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng..., nhưng bản thân đồng chí đó lại chỉ thích những lời khen, không thích người khác phê bình mình, không thích người khác nói tới những sai lầm, khuyết điểm của mình, hoặc cũng có khi nhận khuyết điểm, sai lầm nhưng không chịu sửa chữa, v.v... và v.v...

Chúng ta biết rằng, Đảng ta là Đảng lãnh đạo cách mạng, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, Đảng mang trong mình những đức tính tốt đẹp của giai cấp công nhân. Tiên phong, gương mẫu trong hành động thực tế là một vấn đề thuộc về bản chất của Đảng, là lý do tồn tại của Đảng. Mọi đảng viên vào Đảng là để hy sinh, chiến đấu cho lý tưởng của Đảng, mang lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Nếu không lao vào chiến đấu trong công tác thực tế, không gương mẫu trong việc làm thực tế thì làm sao người đảng viên có thể vận động, thuyết phục quần chúng thực hiện thắng lợi lý tưởng của Đảng? Làm sao giữ trọn được danh hiệu cao quý của người đảng viên? Vì vậy, nói và làm theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, gương mẫu trong hành động thực tế, hoàn thành xuất sắc những công tác thực tế, đó là yêu cầu nghiêm ngặt đối với người đảng viên, là tư cách, đạo đức của người đảng viên, là thước đo lòng trung thành của người đảng viên đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng. Không thể quan niệm một cán bộ, đảng viên tốt lại chỉ nói mà không làm, hoặc nói một đường làm một nẻo. Loại đảng viên này thì có cũng như không. Đó là loại đảng viên « hữu danh vô thực ». Lê-nin nói: « Những đảng viên hữu danh vô thực thì cho không chúng ta cũng không cần... Chúng ta cần có những đảng viên mới không phải để quảng cáo mà là để làm việc thật sự » (3). Người đã phê phán rất nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên nói nhiều mà làm ít, không gương mẫu trong việc làm thực tế, lời nói không đi đôi với việc làm. Người gọi những đảng viên không có khả năng công tác thực tế, không thành thạo nghiệp vụ của mình là « những người thợ thủ, công đáng thương hại », là những đảng viên « có hại ». Và Người sẵn sàng đổi hàng tá những đảng viên như thế để lấy một chuyên gia tư sản thành thạo và

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 30, trang 69 — 70.

Digitized by Google

nghiêm túc với công việc của mình. Theo Lê-nin, một chuyên gia thành thạo công việc, dù là chuyên gia tư sản đi nữa, còn « 10 lần quý hơn người đảng viên cộng sản huênh hoang », không chịu bắt tay vào những công việc thực tế. Người luôn luôn nhắc nhở : « Hãy bớt những lời hoa mỹ đi, và hãy làm thêm công việc giản dị, *thường ngày* đi, hãy quan tâm thêm chút nữa đến pút lùa mì và pút than ! » (4).

Chúng ta đang bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đó là một cuộc cách mạng rất sâu sắc và rất vĩ đại nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một tổ quốc xã hội chủ nghĩa hùng cường, có công nông nghiệp hiện đại, quốc phòng vững mạnh, văn hóa và khoa học tiên tiến. Một chân trời mới chứa chan hao hy vọng đang mở ra trước mắt chúng ta. Nhưng muốn có được cơ đồ vẻ vang đó, không có cách nào khác, là chúng ta phải dũng cảm lao vào công tác thực tiễn, làm việc thật sự, làm việc với một nghị lực phi thường, một nhiệt tình cháy bỏng, một quyết tâm lấp biển dời non, lay trời chuyển đất, một tinh thần tiến công quyết liệt, tiến công liên tục vào lạc hậu và nghèo nàn, bất chấp mọi khó khăn và gian khổ. Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã vạch ra cho nhân dân ta đường lối vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giờ đây, nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta là tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó, nhất là đường lối xây dựng và phát triển kinh tế, một nhiệm vụ hết sức khó khăn và phức tạp, « một cuộc tiến quân một triệu lần gay go hơn cuộc tiến quân gay go nhất ». Chỉ có hăng hái và dũng cảm lao vào công tác thực tế với tinh thần « tất cả cho sản xuất, tất cả cho chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân » thì chúng ta mới có thể thực hiện được mục đích, lý tưởng của Đảng ta.

Đương nhiên, phấn đấu để làm việc một cách có kết quả, hoàn thành cho được những nhiệm vụ cụ thể của người đảng viên, là một việc làm hoàn toàn không đơn giản. Trái lại, nó rất khó khăn, đòi hỏi người đảng viên chẳng những phải luôn luôn cháy sáng một ngọn lửa nhiệt tình cách mạng, trung thành vô hạn với lý tưởng của Đảng, một lòng một dạ vì hạnh phúc của nhân dân, có nghị lực, có quyết tâm, có lòng say mê, dũng cảm, không sợ gian khổ, khó khăn, nhẫn nại kiên trì, luôn luôn sâu sát, cụ thể, và có phương pháp công tác đúng, mà còn phải luôn luôn cố gắng học tập và rèn luyện để trang bị cho mình những kiến thức cần thiết về mọi mặt ; đồng thời lại phải biết dựa vào quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng, học tập kinh nghiệm của quần chúng, phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

NGƯỜI XÂY DỰNG

(4) V.I. Lê-nin : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, trang 214.

Digitized by Google

Sáu mươi năm lớn mạnh không ngừng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên

VŨ-TOÀN

NĂM 1977, nhân dân Liên-xô kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười với niềm tự hào vô hạn trước những thành tựu rực rỡ đã giành được, với niềm lạc quan cách mạng trước tương lai huy hoàng của Tổ quốc.

« Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế » (1). Ngày 7 tháng 11 năm 1917 mãi mãi là cái mốc vĩ đại, đánh dấu bước ngoặt cơ bản trong biên niên sử của loài người, « *mở đầu* một thời đại mới trong lịch sử thế giới, thời đại thống trị của một giai cấp *mới*, giai cấp bị áp bức trong tất cả các nước tư bản và ở khắp nơi đều đang tiến tới một cuộc đời mới, tới chỗ chiến thắng giai cấp tư sản, tới chỗ thành lập chuyên chính vô sản, tới chỗ giải phóng nhân loại khỏi ách tư bản, khỏi những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa » (2).

Nhân dịp này, những người cộng sản Việt-nam, nhân dân Việt-nam bày tỏ lòng khâm phục đối với những kỳ tích của nhân dân Liên-xô, đồng thời ôn lại những chặng đường lịch sử và những kinh nghiệm quý báu của Liên-xô, lấy đó làm nguồn động viên mạnh mẽ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình.

Đi tiên phong trong cách mạng vô sản, trong gần ba chục năm, Nhà nước xô-viết như một hòn đảo giữa biển khơi mênh mông của chủ nghĩa tư bản chịu đựng biết bao sóng to gió lớn, đương đầu với những cuộc tiến công điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc. Với lòng dũng cảm phi thường và tài năng sáng tạo tuyệt vời, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản quang vinh, nhân dân Liên-xô đã vượt qua muôn vàn gian lao thử thách, đầu tiên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, biến đất nước mình thành một căn cứ địa vững mạnh của cách mạng thế giới.

Để thấy rõ hơn những bước tiến kỳ diệu của Liên-xô trong những năm

(1) Hồ-chí-Minh : « Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc », tạp chí *Học tập*, số 11-1967, trang 10.

(2) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 33, trang 67—68.

Digitized by Google

xây dựng chủ nghĩa xã hội, ta hãy nhìn lại bức tranh nước Nga trước cách mạng. Tuy là một đế quốc, song nước Nga dưới thời Xa hoàng là một « khâu yếu » trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Nước Nga đã bước vào thời kỳ tư bản chủ nghĩa cuối thế kỷ 19 và đi vào thời kỳ đế quốc chủ nghĩa đầu thế kỷ 20, nhưng quan hệ sản xuất còn mang nhiều tính chất phong kiến. Trong cơ cấu kinh tế, sản lượng nông nghiệp chiếm tới 50% ; trong tổng sản lượng công nghiệp thì sản lượng nhóm « B » chiếm gần 65%. Năm 1913 là năm phát triển nhất của chế độ Xa hoàng thì sản lượng công nghiệp của nước Nga cũng chỉ chiếm có 4% tổng sản lượng công nghiệp thế giới ; năm 1917 tỷ lệ đó còn có 3% và năm 1921 chỉ còn 1%. Do tình trạng yếu kém đó, nền kinh tế của nước Nga Xa hoàng lệ thuộc nặng nề vào nước ngoài : nhập khẩu tới 85% máy cái ; 50% tài sản cố định của nền công nghiệp trong nước là của tư bản nước ngoài ; tiền nợ nước ngoài trên dưới 15 tỷ rúp vàng.

Tiếp thu một di sản như vậy, nhân dân Liên-xô lại phải tiến hành chiến tranh cách mạng rất ác liệt đầy lùi các cuộc phản kích điên cuồng của các giai cấp thống trị đã bị lật đổ và cuộc xâm lược vũ trang hung bạo của 14 nước tư bản chủ nghĩa. Đó là một cuộc chiến tranh cực kỳ ác liệt, tàn phá tới 1/4 tài sản quốc gia ; sản lượng công nghiệp năm 1920 chỉ bằng 13,8% năm 1913.

Từ nền kinh tế đó, nhân dân Liên-xô tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách nắm vững chuyên chính vô sản, vừa sử dụng chức năng trấn áp của nó đối với các thế lực phản cách mạng, vừa phát huy vai trò « đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức xã hội về lao động cao hơn, so với chủ nghĩa tư bản » (3). « Kiểu tổ chức xã hội về lao động cao hơn » đó dựa trên cơ sở khối liên minh vững chắc của giai cấp công nhân và nông dân lao động, những người từ địa vị nô lệ trở thành người *chủ tập thể của đất nước*, làm việc quên mình theo tinh thần lao động cộng sản chủ nghĩa, phát triển kinh tế một cách có kế hoạch, tiến hành đồng thời *ba cuộc vận động lớn* : công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tập thể hóa nông nghiệp và cách mạng văn hóa tư tưởng.

Nhờ vậy, chỉ qua một kế hoạch 5 năm (1929 — 1933), nhân dân Liên-xô đã hoàn thành về căn bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, biến Tổ quốc mình từ một nước nông — công nghiệp lệ thuộc nhiều về kinh tế vào nước ngoài thành một nước công — nông nghiệp có nền kinh tế độc lập. Chỉ sau hai kế hoạch 5 năm, tức là năm 1936, đồng chí Sta-lin đã có thể tuyên bố : *« Xã hội xô-viết của chúng ta đã thực hiện được chủ nghĩa xã hội về căn bản »* (4). Điều đó có nghĩa là chủ nghĩa xã hội đã giành được thắng lợi quyết định trong cuộc đấu tranh « ai thắng ai » : 99,8% sản lượng công nghiệp, 98,5% sản lượng nông nghiệp và 100% chu chuyển hàng hóa bán lẻ đã thuộc khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa ; trong cơ cấu công—nông nghiệp, sản lượng công nghiệp đã chiếm 77,4%, trong đó công nghiệp nặng luôn luôn được ưu tiên phát triển với nhịp độ cao, làm cơ sở cho sự phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng.

Như vậy, nhân dân Liên-xô đã hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu được đặt ra trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là bảo vệ và củng cố chính quyền xô-viết, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa nhằm xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ

(3) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 29, trang 478.

(4) J. V. Sta-lin : *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, trang 771.

Digitized by Google

các ngành nghiên cứu khoa học mới phục vụ cho việc thay đổi tổ chức và quản lý sản xuất. Luận điểm này chưa thật chính xác vì không nên hiểu kỹ thuật theo nghĩa quá hẹp là chỉ gồm những công cụ lao động, mặc dù đó là yếu tố rất trọng yếu. Các biện pháp, quy trình, quy phạm kỹ thuật cũng nằm trong khái niệm kỹ thuật. Không có gì khác nhau về nguyên tắc giữa việc sinh vật học hiện đại đặt cơ sở cho việc tìm ra các giống mới có ích cho sản xuất kèm theo các biện pháp, quy trình, quy phạm để đưa giống mới đó vào sản xuất với việc, chẳng hạn, vật lý học hiện đại đặt cơ sở cho việc tìm ra chất bán dẫn và các biện pháp, quy trình, quy phạm để sử dụng rộng rãi chất đó trong đời sống.

Về tổ chức và quản lý sản xuất, cần lưu ý là vấn đề này chủ yếu thuộc phạm trù quan hệ sản xuất chứ không phải chủ yếu thuộc phạm trù lực lượng sản xuất. Tác dụng của tổ chức và quản lý sản xuất đối với việc mở rộng sản xuất là tác dụng vốn có của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất, và đây là quy luật chung của các cuộc cách mạng kỹ thuật chứ không phải chỉ chờ đến cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật xuất hiện mới có. Tổ chức và quản lý sản xuất bản thân nó cũng có những nhân tố được xem như lực lượng sản xuất; những thành tựu của các ngành khoa học hiện đại như lý thuyết thông tin, toán vận trù, điều khiển học đã và sẽ được ứng dụng rất có hiệu quả để tăng cường hiệu lực của các nhân tố đó. Nhưng xem đó là những sự ứng dụng trực tiếp của khoa học, có một sự phân biệt về nguyên tắc với các kiểu ứng dụng khác thì không đúng; vả lại cũng không thể lấy những hiện tượng có tính chất bộ phận này làm đặc trưng cho sự kiện khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, một sự kiện mà phạm vi lại rộng hơn và tác dụng lại quan trọng hơn rất nhiều.

Có một cách hiểu khác đem gắn hai đặc trưng của cách mạng khoa học – kỹ thuật là khoa học trở thành lực lượng sản xuất và tự động hóa vào làm một. Theo cách hiểu này, khi khoa học được ứng dụng vào sản xuất thì trở thành một lực lượng sản xuất (đây là hiện tượng đã có từ lâu), nhưng khoa học chỉ trở thành lực lượng sản xuất *trực tiếp* khi có tự động hóa; vì có tự động hóa, con người được giải phóng ra khỏi quá trình trực tiếp sản xuất, do đó khoa học trở thành nhân tố trực tiếp làm tăng lực lượng sản xuất. Cách hiểu này cố gắng tìm ra cái đặc thù của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật nhưng không khỏi có tính chất gượng ép.

Cách hiểu giản dị và tự nhiên nhất, phù hợp với thực tế nhất, là cho rằng khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp *vì nó được ứng dụng trên tất cả các lĩnh vực của sản xuất, của đời sống, với một quy mô rộng lớn và tốc độ ngày càng tăng và chưa từng có trước đây.* Ví dụ về tốc độ, người ta thường nói đến thời gian được rút ngắn rất nhiều từ lúc tìm ra một quy luật mới đến lúc ứng dụng quy luật đó vào thực tiễn. Như vậy là không có sự khác nhau về nguyên tắc trong việc ứng dụng khoa học nhưng do lĩnh vực, quy mô, tốc độ ứng dụng tăng lên rất nhiều *về số* cho nên đã và sẽ tiếp tục tạo ra một hiệu quả khác hẳn *về chất* so với trước đây. Cũng chính vì ý nghĩa và khả năng to lớn đó của việc ứng dụng khoa học vào đời sống cho nên phương hướng chung của việc nghiên cứu khoa học hiện nay trên thế giới là: song song với việc đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản để mở rộng sự hiểu biết của loài người và tạo lực lượng dự trữ chiến lược cho việc ứng dụng, các nước đều dầu tư rất nhiều sức người, sức của vào lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai. Đó là một động lực của cách mạng khoa học –

Digitized by Google

kỹ thuật và phương thức tác động của động lực đó.

Một động lực khác rất quan trọng của các cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật là các quan hệ sản xuất nói riêng và các yếu tố lịch sử, xã hội nói chung. Đây là mối quan hệ qua lại giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, một vấn đề đã được lý luận duy vật biện chứng chỉ ra một cách rất sâu sắc và rõ ràng. Ở đây chỉ lưu ý rằng phải nắm vững mối quan hệ này khi muốn phân tích vị trí lịch sử của các cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây hay của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện nay, khi muốn xác định phương hướng phát triển của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện nay trong chế độ tư bản chủ nghĩa hay trong chế độ xã hội chủ nghĩa, khi muốn hiểu rõ chủ trương của Đảng ta phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

III

Các văn kiện của Đảng ta cũng như nhiều bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta đã chỉ ra những phương hướng cơ bản để tiến hành cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta và để tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ các quy luật cụ thể của cuộc cách mạng ấy.

Nói tới cách mạng khoa học kỹ thuật ở nước ta, đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh «Để cải biến nền kinh tế của ta từ sản xuất nhỏ thành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải nắm vững nhiệm vụ trung tâm là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật, biến nền sản xuất dựa phần lớn trên lao động thủ công, phân tán, phân công lao động chưa phát triển, năng suất, hiệu quả và chất lượng thấp thành một nền sản xuất cơ khí hóa, tự động hóa, điện khí hóa và hóa học hóa, một nền sản xuất tập trung hóa, chuyên môn hóa, liên hiệp hóa và hợp tác hóa cao, tổ chức lại lao động theo quy mô lớn, áp dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến, phát huy và sử dụng hợp lý lao động và tài nguyên của đất nước» (2).

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ IV của Đảng nói rõ: «Trong cách mạng khoa học — kỹ thuật, cần nắm vững khâu trung tâm là cơ khí hóa; kết hợp tốt cơ khí, nửa cơ khí với thủ công; kết hợp quy mô to với quy mô vừa và quy mô nhỏ theo hướng tích cực xây dựng quy mô to và lấy quy mô to làm nòng cốt» (3).

Trong các chỉ dẫn nói trên, chúng ta tìm thấy sự vận dụng các quy luật phổ biến của các cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật trên thế giới, kết hợp với thực tiễn nước ta.

Chúng ta thấy rõ, qua nội dung đó, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta về thực chất là một cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất. Trên cơ sở đó, chúng ta dễ hiểu tại sao Đảng ta lại chủ trương cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

Qua đó, chúng ta cũng hiểu tại sao cuộc cách mạng lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay lại là cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật chứ không phải là cách mạng kỹ thuật. Cơ giới hóa, một nhiệm vụ lịch sử của cách mạng kỹ thuật (thứ nhất) cũng là một

---

(2) Lê-Duẩn: "Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt-nam thống nhất xã hội chủ nghĩa", tạp chí *Học tập*, số 7-1976, trang 32.

(3) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV.

Digitized by Google

nhiệm vụ chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật của ta hiện nay, nhưng đó không phải là nhiệm vụ duy nhất. Xen kẽ vào đó là những yếu tố về nhiệm vụ lịch sử của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện nay trên thế giới; những yếu tố này sẽ càng tăng lên như tự động hóa, hóa học hóa, v.v... Mặt khác, động lực và phương thức tiến hành cuộc cách mạng đó ở nước ta không phải chủ yếu là động lực và phương thức của cuộc cách mạng kỹ thuật (thứ nhất) mà đã có nhiều khả năng hiện thực của cách mạng khoa học — kỹ thuật (như khả năng biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp). Vì vậy, xét về nội dung và tính chất *hiện nay* của nó, cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất ở nước ta là một hình thức trung gian giữa cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật, có chứa đựng xen kẽ những yếu tố của cả hai cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng khoa học — kỹ thuật, trong đó các yếu tố của cách mạng khoa học — kỹ thuật càng ngày càng tăng để về *lâu dài* chuyển hóa nó sang hẳn phạm trù của cách mạng khoa học — kỹ thuật. Việc tập trung sức làm cách mạng trong lực lượng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp như cơ giới hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa, cách mạng xanh..., việc tổ chức lại sản xuất cả về mặt quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, việc phân bố lại sức lao động đều là những nội dung rất quan trọng và là những nét đặc thù của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta.

Để thực sự biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp ở nước ta, sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học kỹ thuật có một vị trí rất lớn. Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được ở hai lĩnh vực này, việc thực hiện một cuộc cải cách giáo dục cũng như việc xác định những phương hướng và cách tổ chức nghiên cứu khoa học cho thích hợp với tình hình nước ta đều là những yêu cầu cấp bách để phục vụ cho ba cuộc cách mạng nói chung và cho cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật nói riêng. Đại hội thứ IV của Đảng ta đã có những nghị quyết quan trọng về các vấn đề đó.

Như Đảng ta đã chỉ rõ, một đặc điểm cơ bản của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Lẽ tất nhiên đặc điểm cơ bản đó cũng chi phối những quy luật vận động của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta.

Từ đặc điểm đó mà có quy luật ba cuộc cách mạng — cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa phải tiến hành đồng thời với nhau, vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của nhau.

Cũng từ đặc điểm đó mà cách mạng khoa học—kỹ thuật — thực chất là một cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất như các phần trên đã nói — ở ta hiện nay có vị trí then chốt.

Cũng từ đặc điểm đó mà có quy luật cách mạng khoa học-kỹ thuật phải tiến hành đồng thời cả trong công nghiệp và nông nghiệp, cả trong kinh tế trung ương và kinh tế địa phương; cách mạng khoa học kỹ thuật trong công nghiệp nặng phải nhằm phục vụ cho cách mạng khoa học — kỹ thuật trong công nghiệp nhẹ và trong nông nghiệp.

Một quy luật riêng của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trong các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là ở nước ta, là tính chất tự giác của nó. Vì cách mạng kỹ thuật hay cách mạng khoa học — kỹ thuật là một cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất nên nó chỉ thực hiện được thông qua hoạt động của đông đảo quần chúng nhân dân, đặc biệt là của nhân dân lao động, trong đó các nhà

Digitized by Google

khoa học, các nhà kỹ thuật là một bộ phận có vị trí ngày càng quan trọng. Trong các cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây, mỗi một cá nhân người lao động bình thường hay người kỹ sư có thể có ý thức tự giác về hành động riêng lẻ của mình hay của tập thể mình, nhưng họ hoàn toàn không có ý thức gì về toàn bộ cuộc cách mạng kỹ thuật mà họ đang tham gia thực hiện bằng hành động của họ. Do đó, các cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây diễn ra một cách *tự phát*, theo những quy luật mù quáng của nó. Trong cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật ở các nước tư bản chủ nghĩa, ý thức tự giác bị hạn chế vì điều kiện chính trị xã hội của chế độ tư bản chủ nghĩa. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ, nội dung, phương thức của toàn bộ cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật được phản ánh trong đường lối, chính sách, kế hoạch của Đảng và Nhà nước. Đó là điều kiện cho mỗi người trong xã hội có ý thức về toàn cục và thấy rõ được vị trí, hành động của mình trong cái chung; cuộc cách mạng này trở thành *tự giác* và tạo ra một sự chuyển biến về chất trong vai trò của quần chúng nhân dân. Tính chất tự giác đó sẽ cao nhất nếu các hành động của con người đều phù hợp với quy luật của sự vật. Nắm được quy luật và đề ra phương pháp hành động phù hợp với quy luật là con đường làm chủ cao nhất và cũng là con đường đưa cách mạng nước ta mau đến thắng lợi. Ở nước ta, nhân tố tự giác vừa là một đòi hỏi vừa là một thuận lợi của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Chỉ có thông qua vô số những hành động tự giác và sáng tạo của đông đảo nhân dân có ý thức hướng vào một mục đích chung của cả xã hội, thì ba cuộc cách mạng ở nước ta nói chung, cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật nói riêng mới mau chóng đưa đến việc xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

NÓI VÀ LÀM

TỤC ngữ ta có câu: "Ăn rỗng cuốn, nói rỗng leo, làm mèo mửa" để ám chỉ và phê phán những người ăn giỏi, nói hay, nhưng làm thì... rất dở. Giờ đây, trong chúng ta, có những người không gương mẫu trong hành động thực tế, lời nói không đi đôi với việc làm.

Ai cũng biết, lời nói là phương tiện thông tin, là công cụ giao tế trực tiếp rất cần thiết trong đời sống hằng ngày của con người. Không có lời nói thì không có xã hội loài người. Chính trình độ phát triển của lời nói phản ánh trình độ văn minh của xã hội. Lời nói hay, lời nói đúng soi sáng và hướng dẫn hành động thực tế của con người, góp phần nâng cao tư tưởng, tình cảm, trí tuệ, đạo đức của con người, vạch phương hướng và tương lai cho con người vươn tới, là tiếng kèn giục giã con người dũng cảm tiến lên. Đối với người cách mạng, lời nói còn là vũ khí chiến đấu rất sắc bén, là một lực lượng vật chất rất lợi hại. Một lời nói khôn ngoan có khi đánh lui được cả hàng chục nghìn quân giặc. Một lời kêu gọi thống thiết có thể làm bùng lên khí thế ngút trời của quần chúng nhân dân. Nhưng dù sao, lời nói chỉ có tác dụng mạnh mẽ một khi nó được quán triệt trong hành động thực tế, bằng những việc làm cụ thể của con người, lý luận chỉ trở thành lực lượng vật chất khi nó được thâm nhập vào quần chúng. Chính vì thế mà cuộc sống nghiêm khắc đòi hỏi, bên cạnh lời nói, con người còn cần phải làm việc nữa. Chỉ có làm việc, làm việc thật sự, làm việc hết sức cần mẫn, siêng năng và không ngừng sáng tạo, người ta mới có thể sản xuất ra được lúa gạo, ngô khoai, vải vóc, của cải vật chất để nuôi sống con người.

Có làm thì mới có ăn
Không dưng ai dễ mang phần đến cho.

Chỉ có làm việc, con người mới tồn tại và mới thúc đẩy xã hội ngày càng tiến tới. Và cũng chính thông qua làm việc, thông qua lao động mà lời nói của con người dần dần được bổ sung và giàu có thêm lên.

★

Sự nghiệp cách mạng của chúng ta là một sự nghiệp rất vĩ đại, mới mẻ và có nhiều khó khăn. Nó đòi hỏi Đảng ta chẳng những phải đề ra được đường lối, chủ trương đúng mà còn phải có khả năng tổ chức thực hiện rất giỏi. Chỉ có tổ chức thực hiện giỏi, Đảng ta mới có thể biến những chủ trương đường lối của mình thành hiện thực được. Tổ chức, tổ chức và tổ chức rất giỏi, đó là cái bảo đảm

Digitized by Google

cho chúng ta thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng ta. Vì như Mác đã khẳng định: « Mỗi bước tiến của cuộc vận động thực sự còn quan trọng hơn là cả một tá cương lĩnh » (1). Muốn tổ chức thực tiễn giỏi thì mọi cán bộ, đảng viên của Đảng chẳng những phải là người lãnh đạo quần chúng, có khả năng tuyên truyền, vận động quần chúng bằng lời nói rất giỏi mà còn phải là người linh xung kích, người chiến sĩ rất gương mẫu, tiên phong trong hành động thực tế. Nếu chỉ nói mà không làm, lời nói không đi đôi với việc làm, thì không thể nào động viên tổ chức được quần chúng thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng. Lời nói ấy sẽ là lời nói « rỗng leo », lời nói suông, trống rỗng. Và chăng, ngay trong công tác tuyên truyền, người cán bộ, đảng viên muốn tuyên truyền tốt thì chính mình phải làm gương mẫu trước quần chúng. Tuyên truyền, giáo dục quần chúng không phải chỉ bằng những lý thuyết chung chung, những khẩu hiệu trừu tượng, những lời nói khô khan, không có linh hồn, mà cái chính là phải bằng hành động thực tế, bằng khả năng hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ thực tế, bằng sự gương mẫu đến mực thước của chính bản thân những người cán bộ, đảng viên. Chỉ có bằng những việc làm thực tế, những hành động gương mẫu của chính mình, người ta mới có thể làm cho lời nói của mình có nội dung sắc bén, có sức thuyết phục mạnh.

Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta là một tấm gương vô cùng trong sáng về đạo đức, tác phong cũng như toàn bộ phẩm chất của một chiến sĩ cách mạng. Người luôn luôn có tác phong lời nói đi đôi với việc làm. Tất cả những câu nói của Người, ngoài sức thuyết phục của tính khoa học, tính cách mạng, tính luận lý còn có sức thuyết phục vô cùng mạnh mẽ của chính bản thân những việc làm gương mẫu của Người. Chính vì thế mà Người nói lời nào cũng là chân lý, dạy điều gì cũng được hàng triệu người tuân theo, hàng triệu người kính nể. Lời nói của Người có một linh hồn, một sức sống hết sức mãnh liệt. Còn gì xúc động và đáng vâng lời hơn khi một vị Chủ tịch nước kêu gọi quốc dân đồng bào hãy ra sức tiết kiệm để cứu giúp những người tạm thời bị đói thì chính mình đã gương mẫu trước tiên, cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa để lấy gạo cứu dân! Còn gì cao cả và đáng khâm phục hơn đối với một vị lãnh tụ vĩ đại, đã cống hiến trọn vẹn cả cuộc đời mình cho dân, cho Đảng, đã chịu bao nhiêu cực khổ, gian lao đến khi làm Chủ tịch nước sống giữa Thủ đô, Người vẫn giữ một cuộc sống hoàn toàn thanh đạm, khiêm tốn, giản dị, chan hòa gần gũi với nhân dân! Người thường nói: « Người ta ai cũng muốn ăn ngon mặc đẹp nhưng muốn phải cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon, mặc đẹp như vậy là không có đạo đức ».(2)

Được sự giáo dục của Đảng và của Hồ Chủ tịch, đại đa số cán bộ, đảng viên ta đã luôn luôn cố gắng rèn luyện, giữ đúng phẩm chất cao quý của người đảng viên, có được tác phong miệng nói, tay làm, gương mẫu trong công tác thực tế. Chính nhờ thế mà Đảng ta có đủ khả năng và sức mạnh lãnh đạo và tổ chức nhân dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, giành thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tuy vậy, trong Đảng ta, không phải không có những đồng chí do còn có tư tưởng ngại khó, ngại khổ, thích an nhàn, mà chưa có được tác phong lời nói đi đôi

(1) C. Mác — F. Ăng-ghen: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập II trang 11.

(2) *Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân*, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà-nội 1962, trang 195.

Digitized by Google

với việc làm, hoặc có khi nói một đường làm một nẻo, không giữ được vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên. Chẳng hạn có một số đồng chí khi thảo luận công tác trong hội nghị thì tỏ ra rất quyết tâm, nhưng khi bắt tay vào thực hiện thì lại không như vậy. Một số đồng chí, khi nói về đường lối, chính sách của Đảng thì nói đúng, nói hay, nhưng trong việc chấp hành thì lại tự do, tùy tiện, làm được đến đâu hay đến đó, có khi viện lý do này lý do nọ để thoái thác, hoặc tự ý bỏ qua. Có đồng chí nói rất hay về giữ gìn và bảo vệ của công, chống tham ô lãng phí, nhưng trong việc làm thì lại lãng phí tiền bạc, của cải của Nhà nước, thậm chí có khi còn tham ô, bớt xén của công. Có đồng chí, trong nhận thức thì đã thấy được vai trò to lớn của quần chúng nhân dân, nói mọi người phải kính trọng nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, nhưng trong hành động thì lại có những thái độ quan liêu, cửa quyền, hống hách với dân. Cũng có đồng chí, trên lời nói thì tỏ ra rất đề cao tính tổ chức, tính kỷ luật, nhưng trong cuộc sống thực tế thì lại không nghiêm khắc với bản thân mình, không tôn trọng tập thể, không tôn trọng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, và có khi còn đặt mình trên tổ chức, ngoài kỷ luật. Hoặc có đồng chí, khi nói về phê bình, tự phê bình thì rất hay, nào phê bình, tự phê bình là vũ khí sắc bén của Đảng, là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng..., nhưng bản thân đồng chí đó lại chỉ thích những lời khen, không thích người khác phê bình mình, không thích người khác nói tới những sai lầm, khuyết điểm của mình, hoặc cũng có khi nhận khuyết điểm, sai lầm nhưng không chịu sửa chữa, v.v... và v.v...

Chúng ta biết rằng, Đảng ta là Đảng lãnh đạo cách mạng, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, Đảng mang trong mình những đức tính tốt đẹp của giai cấp công nhân. Tiên phong, gương mẫu trong hành động thực tế là một vấn đề thuộc về bản chất của Đảng, là lý do tồn tại của Đảng. Mọi đảng viên vào Đảng là để hy sinh, chiến đấu cho lý tưởng của Đảng, mang lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Nếu không lao vào chiến đấu trong công tác thực tế, không gương mẫu trong việc làm thực tế thì làm sao người đảng viên có thể vận động, thuyết phục quần chúng thực hiện thắng lợi lý tưởng của Đảng? Làm sao giữ trọn được danh hiệu cao quý của người đảng viên? Vì vậy, nói và làm theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, gương mẫu trong hành động thực tế, hoàn thành xuất sắc những công tác thực tế, đó là yêu cầu nghiêm ngặt đối với người đảng viên, là tư cách, đạo đức của người đảng viên, là thước đo lòng trung thành của người đảng viên đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng. Không thể quan niệm một cán bộ, đảng viên tốt lại chỉ nói mà không làm, hoặc nói một đường làm một nẻo. Loại đảng viên này thì có cũng như không. Đó là loại đảng viên « hữu danh vô thực ». Lê-nin nói: « Những đảng viên hữu danh vô thực thì cho không chúng ta cũng không cần... Chúng ta cần có những đảng viên mới không phải để quảng cáo mà là để làm việc thật sự » (3). Người đã phê phán rất nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên nói nhiều mà làm ít, không gương mẫu trong việc làm thực tế, lời nói không đi đôi với việc làm. Người gọi những đảng viên không có khả năng công tác thực tế, không thành thạo nghiệp vụ của mình là « những người thợ thủ, công đáng thương hại », là những đảng viên « có hại ». Và Người sẵn sàng đổi hàng tá những đảng viên như thế để lấy một chuyên gia tư sản thành thạo và

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 30, trang 69 — 70.

Digitized by Google

nghiêm túc với công việc của mình. Theo Lê-nin, một chuyên gia thành thạo công việc, dù là chuyên gia tư sản đi nữa, còn « 10 lần quý hơn người đảng viên cộng sản huênh hoang », không chịu bắt tay vào những công việc thực tế. Người luôn luôn nhắc nhở : « Hãy bớt những lời hoa mỹ đi, và hãy làm thêm công việc giản dị, *thường ngày* đi, hãy quan tâm thêm chút nữa đến pút lúa mì và pút than ! » (4).

Chúng ta đang bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đó là một cuộc cách mạng rất sâu sắc và rất vĩ đại nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một tổ quốc xã hội chủ nghĩa hùng cường, có công nông nghiệp hiện đại, quốc phòng vững mạnh, văn hóa và khoa học tiên tiến. Một chân trời mới chứa chan bao hy vọng đang mở ra trước mắt chúng ta. Nhưng muốn có được cơ đồ vẻ vang đó, không có cách nào khác, là chúng ta phải dũng cảm lao vào công tác thực tiễn, làm việc thật sự, làm việc với một nghị lực phi thường, một nhiệt tình cháy bỏng, một quyết tâm lấp biển dời non, lay trời chuyển đất, một tinh thần tiến công quyết liệt, tiến công liên tục vào lạc hậu và nghèo nàn, bất chấp mọi khó khăn và gian khổ. Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã vạch ra cho nhân dân ta đường lối vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giờ đây, nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta là tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó, nhất là đường lối xây dựng và phát triển kinh tế, một nhiệm vụ hết sức khó khăn và phức tạp, « một cuộc tiến quân một triệu lần gay go hơn cuộc tiến quân gay go nhất ». Chỉ có hăng hái và dũng cảm lao vào công tác thực tế với tinh thần « tất cả cho sản xuất, tất cả cho chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân » thì chúng ta mới có thể thực hiện được mục đích, lý tưởng của Đảng ta.

Đương nhiên, phấn đấu để làm việc một cách có kết quả, hoàn thành cho được những nhiệm vụ cụ thể của người đảng viên, là một việc làm hoàn toàn không đơn giản. Trái lại, nó rất khó khăn, đòi hỏi người đảng viên chẳng những phải luôn luôn cháy sáng một ngọn lửa nhiệt tình cách mạng, trung thành vô hạn với lý tưởng của Đảng, một lòng một dạ vì hạnh phúc của nhân dân, có nghị lực, có quyết tâm, có lòng say mê, dũng cảm, không sợ gian khổ, khó khăn, nhẫn nại kiên trì, luôn luôn sâu sát, cụ thể, và có phương pháp công tác đúng, mà còn phải luôn luôn cố gắng học tập và rèn luyện để trang bị cho mình những kiến thức cần thiết về mọi mặt ; đồng thời lại phải biết dựa vào quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng, học tập kinh nghiệm của quần chúng, phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

NGƯỜI XÂY DỰNG

(4) V.I. Lê-nin : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, trang 214.

Digitized by Google

Sáu mươi năm lớn mạnh không ngừng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên

VŨ-TOÀN

NĂM 1977, nhân dân Liên-xô kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười với niềm tự hào vô hạn trước những thành tựu rực rỡ đã giành được, với niềm lạc quan cách mạng trước tương lai huy hoàng của Tổ quốc.

« Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế » (1). Ngày 7 tháng 11 năm 1917 mãi mãi là cái mốc vĩ đại, đánh dấu bước ngoặt cơ bản trong biên niên sử của loài người, « *mở đầu* một thời đại mới trong lịch sử thế giới, thời đại thống trị của một giai cấp *mới*, giai cấp bị áp bức trong tất cả các nước tư bản và ở khắp nơi đều đang tiến tới một cuộc đời mới, tới chỗ chiến thắng giai cấp tư sản, tới chỗ thành lập chuyên chính vô sản, tới chỗ giải phóng nhân loại khỏi ách tư bản, khỏi những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa » (2).

Nhân dịp này, những người cộng sản Việt-nam, nhân dân Việt-nam bày tỏ lòng khâm phục đối với những kỳ tích của nhân dân Liên-xô, đồng thời ôn lại những chặng đường lịch sử và những kinh nghiệm quý báu của Liên-xô, lấy đó làm nguồn động viên mạnh mẽ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình.

Đi tiên phong trong cách mạng vô sản, trong gần ba chục năm, Nhà nước xô-viết như một hòn đảo giữa biển khơi mênh mông của chủ nghĩa tư bản chịu đựng biết bao sóng to gió lớn, đương đầu với những cuộc tiến công điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc. Với lòng dũng cảm phi thường và tài năng sáng tạo tuyệt vời, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản quang vinh, nhân dân Liên-xô đã vượt qua muôn vàn gian lao thử thách, đầu tiên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, biến đất nước mình thành một căn cứ địa vững mạnh của cách mạng thế giới.

Để thấy rõ hơn những bước tiến kỳ diệu của Liên-xô trong những năm

(1) Hồ-chí-Minh : " Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc ", tạp chí *Học tập*, số 11-1967, trang 10.

(2) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 33, trang 67—68.

Digitized by Google

xây dựng chủ nghĩa xã hội, ta hãy nhìn lại bức tranh nước Nga trước cách mạng. Tuy là một đế quốc, song nước Nga dưới thời Xa hoàng là một « khâu yếu » trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Nước Nga đã bước vào thời kỳ tư bản chủ nghĩa cuối thế kỷ 19 và đi vào thời kỳ đế quốc chủ nghĩa đầu thế kỷ 20, nhưng quan hệ sản xuất còn mang nhiều tính chất phong kiến. Trong cơ cấu kinh tế, sản lượng nông nghiệp chiếm tới 50%; trong tổng sản lượng công nghiệp thì sản lượng nhóm « B » chiếm gần 65%. Năm 1913 là năm phát triển nhất của chế độ Xa hoàng thì sản lượng công nghiệp của nước Nga cũng chỉ chiếm có 4% tổng sản lượng công nghiệp thế giới; năm 1917 tỷ lệ đó còn có 3% và năm 1921 chỉ còn 1%. Do tình trạng yếu kém đó, nền kinh tế của nước Nga Xa hoàng lệ thuộc nặng nề vào nước ngoài: nhập khẩu tới 85% máy cái; 50% tài sản cố định của nền công nghiệp trong nước là của tư bản nước ngoài; tiền nợ nước ngoài trên dưới 15 tỷ rúp vàng.

Tiếp thu một di sản như vậy, nhân dân Liên-xô lại phải tiến hành chiến tranh cách mạng rất ác liệt đẩy lùi các cuộc phản kích điên cuồng của các giai cấp thống trị đã bị lật đổ và cuộc xâm lược vũ trang hung bạo của 14 nước tư bản chủ nghĩa. Đó là một cuộc chiến tranh cực kỳ ác liệt, tàn phá tới 1/4 tài sản quốc gia; sản lượng công nghiệp năm 1920 chỉ bằng 13,8% năm 1913.

Từ nền kinh tế đó, nhân dân Liên-xô tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách nắm vững chuyên chính vô sản, vừa sử dụng chức năng trấn áp của nó đối với các thế lực phản cách mạng, vừa phát huy vai trò « đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức xã hội về lao động cao hơn, so với chủ nghĩa tư bản » (3). « Kiểu tổ chức xã hội về lao động cao hơn » đó dựa trên cơ sở khối liên minh vững chắc của giai cấp công nhân và nông dân lao động, những người từ địa vị nô lệ trở thành người *chủ tập thể của đất nước*, làm việc quên mình theo tinh thần lao động cộng sản chủ nghĩa, phát triển kinh tế một cách có kế hoạch, tiến hành đồng thời *ba cuộc vận động lớn*: công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tập thể hóa nông nghiệp và cách mạng văn hóa tư tưởng.

Nhờ vậy, chỉ qua một kế hoạch 5 năm (1929 — 1933), nhân dân Liên-xô đã hoàn thành về căn bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, biến Tổ quốc mình từ một nước nông — công nghiệp lệ thuộc nhiều về kinh tế vào nước ngoài thành một nước công — nông nghiệp có nền kinh tế độc lập. Chỉ sau hai kế hoạch 5 năm, tức là năm 1936, đồng chí Sta-lin đã có thể tuyên bố: *« Xã hội xô-viết của chúng ta đã thực hiện được chủ nghĩa xã hội về căn bản »* (4). Điều đó có nghĩa là chủ nghĩa xã hội đã giành được thắng lợi quyết định trong cuộc đấu tranh « ai thắng ai »: 99,8% sản lượng công nghiệp, 98,5% sản lượng nông nghiệp và 100% chu chuyển hàng hóa bán lẻ đã thuộc khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa; trong cơ cấu công — nông nghiệp, sản lượng công nghiệp đã chiếm 77,4%, trong đó công nghiệp nặng luôn luôn được ưu tiên phát triển với nhịp độ cao, làm cơ sở cho sự phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng.

Như vậy, nhân dân Liên-xô đã hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu được đặt ra trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là bảo vệ và củng cố chính quyền xô-viết, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa nhằm xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ

(3) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 29, trang 478.

(4) J. V. Sta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, trang 771.

Digitized by Google

nghĩa và tàn tích của quan hệ sản xuất phong kiến; tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nhằm trang bị lại toàn bộ nền kinh tế quốc dân và xây dựng quốc phòng, chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh không thể tránh khỏi; đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trên cơ sở tập thể hóa, đồng thời tiến hành cách mạng văn hóa và tư tưởng nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Cũng cần thấy rằng, trong điều kiện cụ thể của Liên-xô khi đó, nhân dân Liên-xô đã phải thắt lưng buộc bụng, dốc sức xây dựng công nghiệp nặng, để phát triển các ngành công nghiệp, cơ giới hóa nông nghiệp và xây dựng quốc phòng.

Như vậy là, bằng sức lao động cần cù đầy sáng tạo của mình, nhân dân Liên-xô đã biến lời tiên đoán của Lê-nin năm 1921, rằng « 10 — 20 năm » Liên-xô sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, thành thực tế sinh động trên 1/6 diện tích trái đất. Nhờ những bước nhảy vọt kỳ diệu đó, năm 1937 Liên-xô đã tiến lên hàng đầu ở châu Âu, hàng thứ hai trên thế giới về tổng sản lượng công nghiệp, và sản lượng công nghiệp của Liên-xô đã chiếm 10% sản lượng công nghiệp thế giới.

Chiến tranh thế giới thứ hai là một thử thách cực kỳ nghiêm trọng đối với chế độ xô-viết. Thắng lợi huy hoàng của Liên-xô trong chiến tranh giữ nước vĩ đại đã làm nổi bật tính hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội, chứng tỏ hùng hồn sức mạnh không gì lay chuyển nổi của chế độ mới đã được xây dựng và củng cố trong những năm chính quyền xô-viết.

Tiếng súng vừa chấm dứt, nhân dân Liên-xô bắt tay ngay vào sự nghiệp xây dựng đất nước với tinh thần dũng cảm như trong chiến đấu, chỉ trong một kế hoạch 5 năm đã khôi phục xong kinh tế về căn bản, đưa sản lượng lên bằng mức trước chiến tranh. Khoảng 10 năm sau đó, *năm 1959*, Đảng cộng sản Liên-xô đã nhận định rằng: *« Chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi hoàn toàn và triệt để ở Liên-xô »* (5). Thời kỳ này Liên-xô đã xây dựng được một nền công nghiệp và nông nghiệp rất mạnh. Lao động thủ công được thay thế rộng rãi bằng lao động cơ giới hóa. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã chiếm vị trí chủ đạo tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân. So với năm 1913 tổng sản lượng công nghiệp tăng 36 lần, trong đó sản lượng nhóm « A » tăng tới 83 lần, năng suất lao động tăng gấp 10 lần. Như vậy là nguy cơ phục hồi chủ nghĩa tư bản từ bên trong đã bị thủ tiêu, khả năng chủ nghĩa đế quốc dùng lực lượng quân sự để phục hồi chủ nghĩa tư bản ở Liên-xô cũng không còn nữa. Bước vào thời kỳ mới, nhân dân Liên-xô củng cố và phát triển những thành quả đã đạt được trong thời kỳ thứ nhất, thời kỳ tích lũy những biến đổi về số lượng để chuẩn bị bước vào thời kỳ phát triển mới về chất.

Lấy chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi hoàn toàn và triệt để làm bệ phóng, Liên-xô nhanh chóng tiến lên chiếm lĩnh những đỉnh cao mới trong sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. *Năm 1967*, trong diễn văn đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 50 Cách mạng tháng Mười, đồng chí Bơ-rê-giơ-nép, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, đã nhấn mạnh: *« Xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đã được xây dựng ở nước chúng ta... »* (6).

Ngay từ đầu năm 1918, Lê-nin đã nói đến « xã hội xã hội chủ nghĩa phát

(5) *Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương*, nhà xuất bản Chính trị, Mạc-tư-khoa, 1971, tập 7, trang 387.

(6) L. I. Bơ-rê-giơ-nép: *Đi theo con đường của Lê-nin*, nhà xuất bản Chính trị, Mạc-tư-khoa, tập 2, trang 92.

Digitized by Google

triển» (7), một xã hội ở vào thời kỳ trước khi đi tới «chủ nghĩa cộng sản phát triển một cách đầy đủ, được củng cố và hình thành hoàn toàn, được triển khai triệt để và chín muồi» (8). Ngày nay, nhân dân Liên-xô đã biến thành hiện thực điều tiên đoán đó của Lê-nin, dựng lên ở Tổ quốc mình, một xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đầu tiên trên thế giới.

Thời kỳ phát triển này của Liên-xô có một số đặc điểm như: cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được hiện đại hóa trên cơ sở nền sản xuất đã được công hữu hóa; các phương thức và quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm vị trí bao trùm trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, trong sản xuất cũng như trong phân phối của toàn xã hội; việc đẩy mạnh sản xuất theo chiều sâu nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho phép giải quyết nhiệm vụ bảo đảm sự phát triển toàn diện của con người; trình độ văn hóa cao của nhân dân đáp ứng được yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật; sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay được dần dần xóa bỏ.

Tại Đại hội lần thứ 24 Đảng cộng sản Liên-xô năm 1971, đồng chí Bơ-rê-giơ-nép khẳng định: «... Xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển mà Lê-nin nói đến năm 1918 coi như tương lai của đất nước ta, đã được xây dựng bằng lao động quên mình của những người xô-viết... Điều đó cho phép chúng ta bắt tay vào việc giải quyết cụ thể nhiệm vụ vĩ đại mà Cương lĩnh và các đại hội gần đây của Đảng đề ra là *xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản...*».

Rõ ràng là, nhân dân Liên-xô đã từng đi đầu trong cách mạng vô sản, trong sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, trong việc giành thắng lợi «hoàn toàn và triệt để» cho chủ nghĩa xã hội, và trong sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, nay lại gánh vác sứ mệnh lịch sử khai phá con đường đi lên chủ nghĩa cộng sản cho toàn thể loài người.

Trong nghị quyết ngày 31-1-1977 vừa qua về việc kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô nêu rõ, trong giai đoạn mới, chủ nghĩa xã hội «phát triển ngay trên nền tảng của chính bản thân nó» và có đặc điểm là «kết hợp những thành tựu của cách mạng khoa học—kỹ thuật với tính ưu việt của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, chuyển hướng mạnh mẽ sang những phương pháp phát triển kinh tế theo chiều sâu, *nền sản xuất có trình độ và quy mô mới về chất cho phép trực tiếp giải quyết những nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản*, bảo đảm tăng không ngừng phúc lợi của nhân dân lao động, giành những thắng lợi quan trọng trong cuộc thi đua kinh tế với chủ nghĩa tư bản».

Ở Liên-xô hiện nay, quan hệ sản xuất về căn bản vẫn là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng trong các giai đoạn trước, song nay đã được nâng lên một bước mới, cao hơn; hình thức sở hữu toàn dân ngày càng chiếm ưu thế. Nếu năm 1939 hình thức này bao gồm trên 50% số dân thì nay bao gồm trên 80% số dân; nếu năm 1940 các nông trường quốc doanh mới bảo đảm 12% sản phẩm hàng hóa thì nay đã bảo đảm trên 40%. Thông qua các tổ hợp nông—công nghiệp đang phát triển mạnh mẽ ở Liên-xô, hình thức sở hữu tập thể gắn chặt với hình thức sở hữu

(7) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, tập 36, trang 139

(8) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, tập 41, trang 33.

Digitized by Google

toàn dân, nông thôn tiến gần với thành thị, phương thức sản xuất đại công nghiệp ngày càng thâm nhập nông nghiệp. Nguyên tắc phân phối vẫn là « làm theo năng lực, hưởng theo lao động », song trình độ phát triển đã cho phép vận dụng đầy đủ hơn nguyên tắc này bằng cách không ngừng tăng phúc lợi công cộng và phúc lợi cá nhân.

Về lực lượng sản xuất, nền kinh tế Liên-xô ngày nay có quy mô cực kỳ to lớn, không ngừng phát triển với nhịp độ cao trên cơ sở tiến bộ khoa học — kỹ thuật. Trong 60 năm chính quyền xô-viết, sản lượng công nghiệp đã tăng 203 lần ; ngày nay sản lượng công nghiệp trong 2,5 ngày bằng sản lượng cả năm 1913 dưới chế độ Xa hoàng. Như Lê-nin đã từng nhấn mạnh : « Xét đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, căn bản nhất cho thắng lợi của trật tự xã hội mới » (9). Là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên có nền kinh tế hùng mạnh, Liên-xô đang phát huy thế mạnh của chế độ và tiềm năng của mình, dẫn đầu thế giới về hàng loạt ngành khoa học — kỹ thuật quan trọng, biến những thành tựu khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp, từ đó không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và mọi mặt công tác. Riêng năm 1976, 80% mức tăng thu nhập quốc dân là nhờ vào tăng năng suất lao động xã hội.

Ở Liên-xô đã diễn ra những biến đổi sâu sắc cả về cơ cấu xã hội. Giai cấp công nhân, lực lượng chính trị chủ đạo, lực lượng lao động chủ yếu của chủ nghĩa xã hội, tăng nhanh không ngừng cả về số lượng lẫn về chất lượng, về trình độ tư tưởng, văn hóa và chuyên môn. Ở nông thôn, công nhân nông nghiệp chiếm tỷ lệ ngày càng cao, trình độ văn hóa, khoa học — kỹ thuật của họ ngày càng phát triển. Ngày nay Liên-xô đứng hàng đầu thế [illegible] về trình độ văn hóa của nhân dân, với 3/4 số dân có trình độ đại học và trung học, 36 triệu người làm việc trí óc.

Trong thời kỳ mới, vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên-xô càng được nâng cao. Nhà nước xô-viết tiếp tục « sứ mệnh sáng tạo vĩ đại của Nhà nước chuyên chính vô sản », như Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười đã chỉ rõ.

Nhờ những thành tựu tuyệt vời về kinh tế, khoa học, kỹ thuật, Liên-xô không ngừng củng cố vị trí quốc tế của mình, góp phần quan trọng làm nổi bật tính ưu việt hẳn của chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục duy trì nhịp độ phát triển cao mà mức tăng sản lượng công nghiệp bình quân hằng năm từ 1961 đến 1975 là 8,2% so với 3,7% của Mỹ, Liên-xô ngày nay đã bảo đảm trên 1/5 sản lượng công nghiệp thế giới, đứng đầu thế giới về sản lượng dầu lửa, than, thép, phân bón, xi-măng, v.v... Liên-xô ngày nay là bức tranh tương phản hoàn toàn so với Mỹ ngày càng suy yếu, ngập sâu trong cuộc khủng hoảng triền miên về mọi mặt, lao nhanh xuống dốc không gì cưỡng lại được.

Đại hội lần thứ 25 Đảng cộng sản Liên-xô họp hồi đầu năm 1976 đã thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ 10, một kế hoạch to lớn, đánh dấu bước phát triển mới của Liên-xô trên con đường đi tới chủ nghĩa cộng sản. Đại hội đồng thời đã vạch ra một chiến lược kinh tế mà « mục tiêu cao nhất là không ngừng nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân ». Những biện pháp để thực hiện chiến lược đó là « phát triển mạnh mẽ và cân đối nền sản xuất xã hội, nâng cao hiệu quả, đẩy mạnh sự tiến bộ khoa học — kỹ thuật, tăng năng suất lao động, ra sức cải tiến chất lượng trong tất cả

(9) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 29, trang 487.

Digitized by Google

các khâu của nền kinh tế quốc dân». Cái lõi của chiến lược kinh tế đó là «tăng cường hơn nữa sức mạnh kinh tế của đất nước, *mở rộng và đổi mới về căn bản tài sản cố định*, bảo đảm sự *phát triển vững chắc và cân đối của nền công nghiệp nặng — cơ sở của nền kinh tế*» (10).

Theo chiến lược đó, trong 15 năm tới, nguồn dự trữ vật chất và tài chính của Liên-xô sẽ gấp đôi 15 năm qua. Đấy là bước tiến khổng lồ, nếu ta nhớ lại rằng tiềm năng kinh tế của Liên-xô trong 10 năm qua là bằng cả tiềm năng xây dựng trong 50 năm trước đó của chính quyền xô-viết! Cũng cần chú ý, sự phát triển vượt bậc đó là dựa trên cơ sở nâng cao hiệu quả sản xuất, năng suất lao động và chất lượng công tác là những nhân tố bảo đảm cho sự phát triển theo chiều sâu. Riêng trong 5 năm tới, 90% mức tăng sản lượng công nghiệp và 100% mức tăng sản lượng nông nghiệp và thi công là dựa vào tăng năng suất lao động. Từ đó ta có thể hiểu rằng, tại sao cái lõi chiến lược kinh tế của Liên-xô là việc đổi mới thiết bị, tiếp tục phát triển công nghiệp nặng. Việc phát triển công nghiệp nặng ở Liên-xô trong giai đoạn mới có đặc điểm là xây dựng những chương trình đồng bộ dài hạn nhằm giải quyết những vấn đề mấu chốt, như nguyên liệu, năng lượng, luyện kim, cơ khí. Đó là những chương trình gắn bó chặt chẽ với nhau, có tính đến sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đến xây dựng những tổ hợp kinh tế rất lớn, đến việc phân bố một cách hợp lý lực lượng sản xuất trên quy mô cả nước.

Song song với việc đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, Liên-xô rất chú trọng đến việc tăng cường sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết hai nhiệm vụ gắn bó chặt chẽ với nhau, như Đại hội lần thứ 25 của Đảng cộng sản Liên-xô đã nêu rõ. Đó là nhiệm vụ «bảo đảm cung cấp vững chắc lương thực và nguyên liệu nông nghiệp, thường xuyên có dự trữ đầy đủ» và nhiệm vụ «tiến lên hơn nữa trên con đường làm cho điều kiện sinh hoạt vật chất và văn hóa của thành thị và nông thôn gần lại nhau» (11). Không phải ngẫu nhiên mà trong số 320 tỷ rúp đầu tư cho nông nghiệp trong 60 năm qua, thì riêng vốn đầu tư cho nông nghiệp trong 10 năm gần đây đã là 213 tỷ rúp; còn trong 5 năm tới số vốn đó sẽ là 172 tỷ rúp. Phần lớn những khoản đầu tư khổng lồ đó đều dành cho việc tăng cường những nhân tố bảo đảm cho việc thâm canh, như cơ giới hóa, hóa học hóa, thủy lợi hóa... Trước đây Lê-nin ước sao có thể cung cấp cho nông thôn Liên-xô 10 vạn máy kéo, ngày nay trên những cánh đồng bao la của Liên-xô đã có tới 2,3 triệu máy kéo, 68 vạn máy gặt đập liên hợp.

Việc thực hiện thắng lợi những kế hoạch hùng vĩ đó mở ra trước nhân dân Liên-xô những chân trời xán lạn, sẽ là một đóng góp mới, xuất sắc cho các lực lượng cách mạng của thời đại.

Với những chiến công lừng lẫy có một không hai trong lịch sử, với những kỳ tích vẻ vang trong lao động, nhân dân Liên-xô thật sự đã có những cống hiến cực kỳ to lớn cho loài người. «Nhân dân Việt-nam tin chắc rằng nhân dân Liên-xô, vốn giàu tài năng sáng tạo và nghị lực phi thường, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên-xô, nhất định sẽ tiến lên không ngừng, mãi mãi giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và Cách mạng tháng Mười, góp phần xuất sắc

(10) *Văn kiện Đại hội lần thứ 25 Đảng cộng sản Liên-xô*, nhà xuất bản Chính trị, Mạc-tư-khoa, 1976, trang 42.

(11) *Văn kiện Đại hội lần thứ 25 Đảng cộng sản Liên-xô*, nhà xuất bản Chính trị, Mạc-tư-khoa, 1976, trang 49.

Digitized by Google

vào cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới» (12). Những lời nói tâm huyết đó của đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng ta, thể hiện đầy đủ những tình cảm chân thành của những người cộng sản và nhân dân Việt-nam đối với Liên-xô vĩ đại — quê hương của Lê-nin và của Cách mạng tháng Mười. Nhân kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười sắp tới, chúng ta một lần nữa bày tỏ với nhân dân Liên-xô anh em những tình cảm thắm thiết trước sau như một đó.

(12) Lê-Duẩn: Phát biểu tại nhà máy sản xuất dây chuyền tự động ở Mạc-tư-khoa, ngày 29-10-1975, báo *Nhân dân*, ngày 31-10-1975.

Xây dựng chế độ làm chủ...

(Tiếp theo trang 33)

chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng.

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể là một quá trình từ thấp đến cao, từ chưa hoàn chỉnh đến hoàn chỉnh. Đó là kết quả hoạt động tự giác của tất cả các cấp, các ngành, các đơn vị và mọi người dân, là kết quả của những hoạt động sáng tạo có tính quần chúng rộng lớn bên dưới và sự chỉ đạo tập trung ở trên. Xây dựng chế độ mới là sáng tạo ra những quan hệ xã hội mới mẻ trên mọi mặt, mọi lĩnh vực của đời sống. Vì vậy mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị phải từ trên thực tế những mâu thuẫn nảy sinh trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội mà tìm ra những hình thức thích hợp nhất, thể hiện những quan hệ xã hội chủ nghĩa mới mẻ, thể hiện chế độ làm chủ tập thể cụ thể và sinh động trong cuộc sống. Những quan hệ đó được hoàn chỉnh dần từng bước, ngày càng bao trùm nhiều mặt, được xây dựng thành hệ thống, thành một kiểu tổ chức xã hội mới, một lối sống của xã hội mới, thành chế độ mới.

Digitized by Google

Đọc sách

VẾT THƯƠNG SỌ NÃO*

THÀNH-TÍN

GIM-MY CA-TƠ, tổng thống thứ 39 của nước Mỹ, khi vào Nhà trắng cố lên giọng khoe rằng: « Từ hơn 10 năm nay, đây là lần đầu tiên tổng thống Hoa-kỳ bắt đầu nhiệm kỳ mới khi đất nước chúng ta không còn có một cuộc chiến tranh ở nước ngoài ». Giê-rôn Pho trước đây cũng nhiều lần mong mỏi: « Chúng ta hãy nhanh chóng quên hẳn cuộc chiến tranh (xâm lược Việt-nam) từng chia rẽ sâu sắc chúng ta ». Kit-xinh-giơ xảo quyệt cũng uốn lưỡi rằng: « Nước Mỹ hãy lật sang trang lịch sử mới, hướng ra phía trước ».

Thật ra một cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài qua bốn đời tổng thống, từ Ken-nơ-đi qua Giôn-xơn đến Nich-xơn rồi kết thúc bằng thất bại triệt để của Mỹ dưới chính quyền Pho, chẳng dễ gì lùi nhanh vào quá khứ. Tác động của thất bại ở Việt-nam còn ngấm sâu, ngấm lâu trong cơ thể của nước Mỹ đế quốc. Nhiều nhà bình luận phương Tây nhận định rằng: thương tích Việt-nam là thương tích nặng nề nhất trong suốt lịch sử 200 năm của Hợp chúng quốc Hoa-kỳ, rằng cuộc chiến tranh ấy làm rung chuyển những nền tảng của nước Mỹ, và hậu quả đối với Mỹ còn có thể kéo dài sang tận thế kỷ thứ 21.

Nhiều nhà trí thức, nhà khoa học, nhà hoạt động xã hội, nhà báo Mỹ vẫn đang còn nghiên cứu tác động của cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đối với đời sống về mọi mặt của nước Mỹ. Đây là đề tài của nhiều công trình nghiên cứu, nhiều bài báo, cuốn sách, cuộc tranh luận... ở nước Mỹ.

Chỉ riêng về chi phí của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đã có nhiều công trình nghiên cứu mới. Như chúng ta đều biết, ở Mỹ trước đây thường công bố những con số 180 tỷ, hoặc 240 tỷ đô-la; giáo sư Mỹ Ro-bớt Li-ca-sơ-man đưa ra con số 400 tỷ đô-la trong một tập nghiên cứu hồi 1974; chuyên gia kinh tế Mỹ Tom Ri-đen đề xuất con số 676 tỷ đô-la trong một công trình nghiên cứu và thống kê cuối năm 1975. Gần đây giáo sư kinh tế nổi tiếng Mỹ Ro-bớt

* Bài viết sau khi đọc cuốn sách « *Họ là những người tài giỏi và xuất sắc nhất* » của nhà báo Mỹ Đe-vít Han-bơ-xtem.

Digitized by Google

Xti-vơn đưa ra con số 900 tỷ đô-la, một con số kinh khủng đối với nước Mỹ và cho rằng chính chi phí ấy đã giáng đòn quyết định vào đồng đô-la vốn đã suy yếu.

Chúng ta tin chắc rằng về chủ đề chi phí cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, « quẳng tiền bạc, tài nguyên, mồ hôi của người lao động và tiền của người dân đóng thuế Mỹ vào cái thùng không đáy để mua lấy tai họa cho cả nước Mỹ » hẳn là sẽ còn nhiều công trình nghiên cứu lý thú của các nhà kinh tế, thống kê, tài chính Mỹ nữa.

Gần đây, trên thị trường sách báo thế giới xuất hiện một cuốn sách mới: *« Những người tài giỏi và xuất sắc nhất »* của nhà báo Mỹ Đe-vít Han-bơ-xtem. Cuốn sách khá đồ sộ: khổ lớn, 688 trang; được độc giả rất chú ý, được dịch ngay ra nhiều thứ tiếng. Chủ đề cuốn sách là « tổn thất của Mỹ không thể chỉ đo bằng con số, mà còn kinh khủng gấp bội; đó là cuộc *khủng hoảng về lãnh đạo chính trị* của nước Mỹ do cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam ». Cuốn sách này là một công trình sưu tầm, nghiên cứu, trong đó tác giả cố giải đáp một câu hỏi bị ám ảnh từ lâu: Tại sao Mỹ hùng cường nhất (phe đế quốc) lại thất bại? Tại sao nước Mỹ có những người cầm quyền tài giỏi, xuất sắc đến thế lại thua trận? Tại sao cả một lớp người lãnh đạo có tài năng nhất của nước Mỹ, được tuyển lựa săn tìm rất chu đáo, thế mà lại bị « chết đuối » hằng loạt trong một cuộc chiến tranh trên một đất nước nhỏ bé chỉ bằng một bang của nước Mỹ?

Nếu như các nhà kinh tế chính trị Li-ca-sơ-man Ri-đen, Xti-vơn... nghiên cứu về vết thương khủng khiếp của nước Mỹ ở hạ tầng cơ sở thì Han-bơ-xtem nghiên cứu vết thương của nước Mỹ ở thượng tầng kiến trúc, ở bộ máy lãnh đạo, ở trung tâm thần kinh của chế độ chính trị Mỹ. Đây là vết thương sọ não cực kỳ nguy hiểm.

Đe-vít Han-bơ-xtem năm nay 42 tuổi là một nhà báo Mỹ bước vào nghề làm báo từ hồi 21 tuổi: khá nổi tiếng do tính xông xáo. Đe-vít Han-bơ-xtem bám « vấn đề Việt-nam » khá sớm, từ đầu năm 1962 cho đến nay. Ngay từ hồi 1964 nhà báo Mỹ này đã viết cuốn sách: Sự hình thành một bãi lầy (The making of a quagmire) chỉ rõ rằng vấn đề Việt-nam sẽ là tai họa cho Mỹ, tăng cường can thiệp vào Việt-nam là con đường thảm họa của Mỹ, vì hai lý do chính: một là, bộ máy chiến tranh rất lớn của Pháp đã thua, Mỹ thay chân Pháp chỉ làm cho chiến tranh ác liệt nhưng vẫn sẽ thất bại; hai là, lẽ phải, tính chính nghĩa và được lòng dân là thuộc về phía những người cộng sản Việt-nam, còn cái gọi là chính phủ Cộng hòa Việt-nam được Mỹ ủng hộ vốn là tay sai của Pháp, không được lòng dân, thối nát và nhất định thất bại. Đe-vít Han-bơ-xtem làm việc nghiêm túc; ông ta đã bỏ ra hơn 5 năm để viết cuốn sách này. Trong « Lời tác giả », ông ta cho biết: thoạt đầu ông ta chỉ định viết về nhân vật xuất sắc nhất của ê-kíp Ken-nơ-đi là Mác Giooc-giơ Bân-đi, thế nhưng khi lấy tài liệu anh ta bị lôi cuốn dần đến chủ đề: Việt-nam đã làm chìm nghỉm cả một loạt người lãnh đạo Mỹ. Một câu hỏi xuất hiện trong đầu óc: tại sao những người tài giỏi nhất của nước Mỹ lại phạm phải sai lầm to lớn, kéo dài, kinh khủng đến như vậy? Để làm cho rõ ngọn nguồn Đe-vít Han-bơ-xtem đã cật công đi phỏng vấn, sưu tầm tài liệu ở khoảng 500 nhân vật, nhân chứng của nước Mỹ, từ tổng thống, cố vấn, bộ trưởng, nghị sĩ, tướng tá đến đại sứ, tổng tư lệnh, chuyên viên Mỹ ở Việt-nam qua các triều đại của Ken-nơ-đi, Giôn-xơn và một phần của Nich-xơn. Có người, Đe-vít Han-bơ-xtem đã gặp đi gặp lại đến mười lần. Đe-vít Han-bơ-xtem đã gõ cửa hầu như tất cả những nhân vật tạo nên « tầng lớp lãnh đạo cao

Digitized by Google

nhất » của nước Mỹ trong thời kỳ hiện đại, sưu tầm hằng đống hồ sơ, báo cáo, nhật ký, thư tín, công trình nghiên cứu liên quan đến cuộc chiến tranh Việt-nam, ghi lại trên 2.000 trang đánh máy làm tư liệu riêng. Đe-vit Han-bơ-xtem đã dựng lại qua thực tế lịch sử quá trình hình thành hằng loạt quyết định của Mỹ ở Việt-nam. Đe-vit Han-bơ-xtem kết luận rằng: « Việt-nam chẳng những đã định đoạt số phận cuộc đời chính trị của nhiều lớp nhân vật lãnh đạo nước Mỹ mà còn kiềm soát cả tương lai nước Mỹ ».

Chính vì những nội dung xác thực, phong phú như trên mà cuốn sách của Đe-vit Han-bơ-xtem có sức lôi cuốn người đọc. Đối với người Việt-nam đã toàn thắng, cuốn sách đó giúp chúng ta nhìn rõ hơn chiều sâu thất bại của đế quốc Mỹ và khẳng định thêm tầm cao của chiến thắng vĩ đại của chúng ta, một kỳ công lịch sử trong thế kỷ 20 này.

★

Đe-vit Han-bơ-xtem điểm mặt các nhân vật được coi là kiệt xuất nhất trong chính quyền Mỹ. Trước hết đó là ê-kíp xuất sắc của Ken-nơ-đi, tổng thống trẻ trung, tài hoa, với chủ trương « biên giới mới » nổi tiếng một thời. Họ kéo đến Oa-sinh-tơn cuối năm 1960, gây nên một làn gió mới, quét sạch những con người cũ của Tru-man và Ai-xen-hao.

Đó là *Mác Giooc-giơ Bân-đi*, nhà trí thức sắc sảo nhất của cả một thế hệ trí thức đương thời, « ngôi sao chói sáng nhất trong chùm sao bao quanh tổng thống », « có sự uyên bác của nhà toán học kết hợp với trí tuệ xuất chúng của nhà chính trị kinh tế học xuất thân từ trường đại học Ha-vớt »...Bân-đi là trợ thủ thân cận nhất, được tin dùng nhất của Ken-nơ-đi, được giao chức cố vấn đặc biệt về an ninh quốc gia của tổng thống khi mới 41 tuổi. Bân-đi, được coi là « nhân vật vô giá, không thể thay thế được của chính quyền Ken-nơ-đi », có biệt tài ghi cho tổng thống những ý kiến sắc sảo nhất và súc tích nhất, tìm ra những hướng chính xác đối với các cuộc khủng hoảng.

Đó là *Mắc Na-ma-ra*, giám đốc công ty ô tô Pho lớn nhất nước Mỹ, người « có tài quản lý công nghiệp bậc nhất nước Mỹ, có trí nhớ kỳ lạ như có máy tính điện tử trong đầu óc để có thể kể ra hàng nghìn con số giá cả mà không mảy may lầm lẫn »; đó là người như đã « được Thượng đế cử xuống » để cầm đầu bộ máy chiến tranh đồ sộ nhất thế giới (tư bản), cầm đầu chương trình chi tiêu khổng lồ gần 100 tỷ đô-la ngân sách quân sự, cầm đầu bộ máy phức tạp của Lầu năm góc có ba vạn hai nghìn tướng tá, chuyên viên lành nghề; một con người chuyên tính toán chi ly công thức « chi phí — hiệu quả » và trong kinh doanh không hề biết thất bại là gì. Mắc Na-ma-ra có nhiều phương án cực lớn để xây dựng lực lượng chiến lược Mỹ thành lực lượng có ưu thế tuyệt đối trên thế giới. Thế nhưng « bộ não điện tử sống » ấy đã bị hỏng hóc, tê liệt nặng ở Việt-nam, để lại một cái hàng rào mang tên Mắc Na-ma-ra tốn kém mà hiệu quả chỉ bằng con số không, một cuộc « kinh doanh » lớn lao chưa từng có đã phá sản.

Rồi đến *Mác-xoen Tay-lo*, viên tướng kiều Ken-nơ-đi, « một anh hùng chiến tranh có văn hóa cao », « có hiểu biết uyên thâm về ngôn ngữ học, nói giỏi hằng chục thứ tiếng châu Âu và châu Á », « luôn luôn bảnh bao, lịch sự, đi đứng kiểu vận động viên », được Ken-nơ-đi luôn gọi một cách thân mật và tin yêu : Mắc ! Mắc !... », « một nhà chiến lược thực sự đề xuất ra chiến lược phản ứng linh hoạt, ngang tầm với Clao-dơ-vit ».

Và *Giooc-giơ Bôn*, thứ trưởng bộ ngoại giao đặc trách về các vấn đề

Digitized by Google

kinh tế thế giới và về châu Âu, « có hiểu biết sâu sắc về các vấn đề quốc tế », « luôn luôn có những ý kiến độc lập và độc đáo ».

Còn một lô nhân vật « ưu tú » khác : như Uy-liem Bân-đi, Rô-xtâu, Mác-côn Ha-kin, Mắc Nâu-tơn, Ca-đen-bét, Oét-mo-len, Lốt, Ha-ri-man... mỗi người một vẻ, nhưng đều « có văn hóa cao, có kinh nghiệm nhiều, có quá trình nổi bật về từng lĩnh vực », « là tinh hoa của nước Mỹ trên từng mặt chính trị, tình báo, ngoại giao, quân sự... »

Đe-vít Han-bơ-xtem viết nhiều chương về Ken-nơ-đi, vị tổng thống « có sức quyến rũ, thu hút mạnh người xung quanh », « luôn luôn ăn mặc đúng mốt », « cử chỉ đẹp mắt », « có trí thông minh xuất chúng, ngốn từng trang sách lớn trong vài chục giây, nhìn trúng ngay vào điểm chốt trên cả một trang bút ký », « một con người siêu đẳng ».

Theo Đe-vít Han-bơ-xtem, cơn ác mộng thực sự của Mỹ ở Việt-nam bắt đầu từ năm 1961, một năm đầy biến cố của chính quyền Ken-nơ-đi : tháng 4 Mỹ bị thất bại ê chề ở vịnh Con-lợn Cu-ba, sau đó bị thất bại trong cuộc can thiệp ở Công-gô, lại còn bị cuộc chạm trán với phe xã hội chủ nghĩa ở Viên và ở Béc-lanh làm cho choáng váng. Ken-nơ-đi liền coi việc mở rộng can thiệp ở Việt-nam là cơ hội khôi phục lại uy tín của Mỹ trên thế giới và nói với nhà báo Giêm Re-xtơn : « Chúng ta cần làm cho sức mạnh của chúng ta đạt được hiệu quả và từ đó khôi phục lòng tin. Việt-nam là địa điểm cần thiết cho việc ấy ». Tháng 10-1961, Tay-lo và Rô-xtâu đi nghiên cứu ở Việt-nam về cũng kiến nghị với Ken-nơ-đi : « Việt-nam là địa điểm chính xác để Mỹ hành động có hiệu quả ».

Chính Ken-nơ-đi là kẻ chủ trương chui đầu vào con đường hầm mù mịt, với cái quyết định lịch sử tháng 11-1961 cấp tốc tăng 8.000 quân Mỹ và chuẩn bị cho hơn 2 vạn quân nữa vào chiến trường. « Con người nổi tiếng thông minh, chuyên xử sự bằng lý trí sáng suốt ấy đã có một quyết định phi lý nhất, trong cuộc đời chính trị sôi nổi ». Sau khi bị ám sát cuối năm 1963, « Ken-nơ-đi để lại cái gia tài ngày càng trở nên bi đát : một cuộc chiến tranh xấu, ở một thời điểm xấu, trong một không gian xấu, được điều hành một cách tồi tệ ».

Đe-vít Han-bơ xtem đã khắc họa *Giôn-xơn* khá nổi : một con người phức tạp, « chứa đựng nhiều mâu thuẫn trong nội tâm », « tham quyền hành và ánh hào quang, lại thường tỏ ra nhỏ nhen, bần tiện, phi đạo đức », « có những ý muốn cao thượng xây dựng « xã hội vĩ đại » nhưng lại tàn bạo một cách mù quáng ». Một con người luôn luôn lo sợ, hoài nghi, hốt hoảng về triển vọng xấu của cuộc chiến tranh nhưng lại không dám quay trở lại vì sĩ diện, vì sợ thất bại, để rồi cuối cùng mất luôn cả cuộc chiến tranh lẫn cái « xã hội vĩ đại », mất luôn cả danh vọng và uy tín cá nhân...

Rồi đến triều đại *Ních-xơn* thì có thể nói chẳng còn có một ê-kíp đông đảo những nhân vật kiệt xuất nữa. Hầu như chỉ còn có hai người, một thầy, một bộ hạ : *Ních-xơn* và *Kít-xinh-giơ*. Nay đã rõ : Nich-xơn được đặt tên là tổng thống Oa-tơ-ghét có tư cách cá nhân thối nát, chuyên lừa dối, lường gạt ; Kit-xinh-giơ thì « xảo quyệt như Mét-téc-nich », « tàn bạo như một tên hồng y giáo chủ thời trung cổ », dám làm điều bất nhân đê tiện nhất với phương châm biện pháp gì cũng được hết, chỉ cốt giành được thắng lợi. Và quả thật hai kẻ gian hùng này làm mọi thứ đê tiện nhất ở Việt-nam và Đông-dương, « dám » dùng B.52 tàn sát thường dân, « dám » đánh sang Lào, Cam-pu-chia, « dám » phản bội mọi điều cam kết... làm tất cả mọi thứ, thế nhưng vẫn không sao mò ra thắng lợi.

Digitized by Google

Đe-vit Han-bơ-xtem tả rất lý thú thái độ kiêu kỳ của Kit-xinh-giơ khi được Nich-xơn tuyển dụng. Khi có người chất vấn rằng chính quyền Nich-xơn có lặp lại những sai lầm của Giôn-xơn ở Việt-nam không, Kit vênh mặt lên cười rồi trả lời một cách kiêu ngạo: « Tất nhiên là không; chúng tôi không lặp lại sai lầm của họ. Chúng tôi không đưa sang đó nửa triệu quân Mỹ. Chúng tôi sẽ phạm những sai lầm, nhưng đó sẽ là những sai lầm của riêng chúng tôi thôi! » Kit-xinh-giơ cười rất lâu, tưởng rằng đó là một câu trả lời hóm hỉnh, thâm trầm, rằng hắn không thể phạm sai lầm. Kit-xinh-giơ còn ngạo mạn nói: « nước Mỹ chúng ta mạnh đến mức mà trong vấn đề Việt-nam danh từ thất bại không bao giờ có thể thuộc về chúng ta được! » Thế rồi Nich-xơn và Kit-xinh-giơ phạm hằng loạt sai lầm chiến lược và tội ác mới, vượt lên tất cả những nhân vật cũ trên sân khấu chính trị Mỹ, và quả thật chúng chuốc lấy thất bại cùng với nhục nhã của riêng chúng.

★

Cuốn sách của Đe-vit Han-bơ-xtem được Giăng Rô-den-tan dịch sang tiếng Pháp và nhà xuất bản La-phông-tơ và Ha-sét in ngay hằng chục vạn cuốn. Đầu đề cuốn sách được Rô-den-tan dịch rõ ý thêm là: « Thế mà người ta cho rằng họ là những người tài giỏi và thông minh nhất »; một nét mỉa mai được nhấn mạnh.

Thật vậy, những người tài giỏi và thông minh nhất của giai cấp thống trị Mỹ ấy đã tỏ ra hoàn toàn kém cỏi và hèn kém trong vấn đề Việt-nam. Chỉ có một mình Giooc-giơ Bôn, thứ trưởng ngoại giao Mỹ là tỏ thái độ hoài nghi ngay từ đầu năm 1961. Khi nhận được kiến nghị của Tay-lo gửi cho Giôn-xơn xin cấp tốc tăng 8.000 quân Mỹ vào Việt-nam, Bôn phát hoảng lên và nói ngay rằng « nếu thực hiện bước đầu này thì sẽ phải đi tiếp những bước tiếp theo, để rồi Mỹ sẽ phải đưa vào đến 30 vạn quân sau 5 năm ». Bôn đã từng công tác ở Pa-ri hồi 1952—1954 và có dịp hiểu rõ Pháp đã sa lầy, bất lực và thất bại như thế nào. Thế nhưng cái « thông minh » của Bôn chỉ dừng lại ở đó, Bôn không dám chống lại vì sợ làm mất lòng Ken-nơ-đi, Giôn-xơn và Ra-xcơ. Cho đến giữa năm 1966 khi Bôn nhìn rõ rằng Mỹ đã sa lầy thực sự rồi và cố thuyết học một lần cuối và một cách vô ích Giôn-xơn, Bôn mới rút chân ra, xin từ chức ngày 30 tháng 9 năm 1966.

Còn « ngôi sao sáng chói nhất của chòm sao Ken-nơ-đi » là Mác Giooc-giơ Bân-đi thì phải qua 3 lần sang xem xét tình hình ở Việt-nam, đến tận cuối năm 1965 mới nhìn ra thất bại; từ đó « Bân-đi không còn là người được Giôn-xơn hỏi ý kiến cuối cùng trước khi có một quyết định hệ trọng nữa ». Đau khổ vì công danh tiêu ma, chán ngán trước sự mù quáng của Giôn-xơn khi thất bại đã hiển nhiên, Bân-đi bèn xin từ chức từ tháng 3-1966 để sang làm giám đốc công ty Pho. Ngôi sao sáng chói này thực sự đã tắt ngấm trên đồng ruộng Việt-nam.

Còn cái « thông minh » được truyền tụng khá nhiều của Mắc Na-ma-ra? Theo Đe-vit Han-bơ-xtem công bằng mà nói, Mắc Na-ma-ra hoài nghi ghê gớm tác dụng của quân chiến đấu Mỹ ngay từ đầu năm 1965 và nhất là hiệu quả của việc ném bom từ cuối năm 1965, nhưng Mắc Na-ma-ra vẫn cứ muốn thực nghiệm, tự nghĩ rằng: cứ thử xem sao, nếu thử xem sao đã, rồi sẽ ngừng lại tìm biện pháp khác. Đến đầu năm 1966, Mắc Na-ma-ra thực sự thất vọng trong thâm tâm, nhưng lại cố tỏ ra cứng rắn trong các cuộc họp của hội đồng an ninh quốc gia Mỹ để tránh xúc phạm Giôn-xơn. Đe-vit Han-bơ-xtem cho biết Mắc Na-ma-ra mất hết hy vọng vào thắng lợi là

Digitized by Google

vào tháng 6 năm 1966, khi máy bay Mỹ leo thang ném bom vào các bề dầu ở Hà-nội và Hải-phòng mà vẫn không xoay chuyển được tình thế bi đát của Mỹ. Trong tâm trạng rất đau buồn, từ đầu năm 1967 Mắc Na-ma-ra đề ra một cuộc sưu tầm tài liệu lớn để xét duyệt lại chính sách của Mỹ ở Việt-nam, sau này được gọi là « tài liệu mật của Lầu năm góc ». Và tháng 11-1967 Giôn-xơn đã thải hồi Mắc Na-ma-ra vì tâm trạng thất bại chủ nghĩa, để thay bằng Clác Clip-phớt, về mọi mặt đều kém hơn Mắc Na-ma-ra.

Đe-vit Han-bơ-xtem nhận xét rằng điều nguy hiểm chết người đối với hàng loạt nhân vật lãnh đạo của nước Mỹ là « họ cứ tưởng rằng cứ tỏ rõ thêm quyết tâm của Mỹ bằng sức mạnh là có thể buộc đối phương phải lùi », « cứ thêm sức mạnh nữa là có thể nhìn thấy lối thoát »; sự thực là đối phương đã trả lời bằng hành động đối với đủ mọi thách thức của phía Mỹ, và lại còn ngày càng tỏ ra quyết tâm vững chắc hơn

★

Cuốn sách của Đe-vit Hạn-bơ-xtem có nhiều đoạn khá hấp dẫn. Qua các cuộc phỏng vấn, sưu tầm, đối chiếu, so sánh, Đe-vit Han-bơ-xtem dựng lại nhiều cuộc họp, đối thoại của các nhân vật lãnh đạo Mỹ.

Ví dụ như cảnh tổng thống Lin-đơn Giôn-xơn gặp viên tướng Ha-rôn Giôn-xơn, tham mưu trưởng lục quân Mỹ, ở ngay tại Lầu năm góc. Sau khi nghe kiến nghị của viên tướng này, Giôn-xơn nổi khùng và mắng nhiếc ngay trước mặt đông đảo cán bộ tham mưu: « Ném bom, ném bom, ném bom. Đó là tất cả những điều mà các ngươi hiểu biết. Ta muốn biết các ngươi có ý kiến gì khác nữa không. Các ngươi là những kẻ được nuôi dạy bằng tiền của dân đóng thuế, thế mà các ngươi chẳng đề xuất được một ý kiến nào, một giải pháp nào cho vấn đề cái nước nhỏ bé ấy. Ta không cần đến dù là 10 viên tướng cứ đến kiến nghị với ta hàng mười lần là ném bom. Điều ta muốn là những giải pháp, những câu trả lời! » Đe-vit Han-bơ-xtem cũng dựng lại tỉ mỉ màn kịch Tay-lo chửi bới bọn tướng ngụy hồi tháng giêng năm 1965. Tay-lo sang Sài-gòn để truyền đạt cho bọn này lời cảnh cáo của Giôn-xơn: « Tổng thống Mỹ đã chán ngấy những cuộc đảo chính liên tiếp rồi. Phải chấm dứt để tạo nên sự ổn định về chính trị ». Tay-lo triệu tập bọn Khánh, Thiệu, Kỳ, Khiêm, Viên, Lộc, Thi... đến sứ quán Mỹ. Tay-lo ngồi trước một bàn giấy lớn. Bọn tướng ngụy xếp hàng ngang trước mặt. Tay-lo như phát điên lên vì tức. Cả đến lúc vài viên tướng ngụy xin ngồi, Tay-lo cũng không cho. Tay-lo dằn từng chữ: « Các ngươi có hiểu tiếng Anh cả không, hả ? Trong bữa ăn do tướng Oét-mo-len mời, ta đã giải thích rõ cho các ngươi rằng, chúng ta, người Mỹ, chúng ta đã chán ngấy với những cuộc đảo chính của các ngươi. Xem ra ta đã lãng phí nước bọt. Ta đã giải thích rõ ràng rằng những kế hoạch quân sự mà ta biết các ngươi đang mong đợi thực hiện (ý nói việc Mỹ đổ quân chiến đấu Mỹ vào Việt-nam và ném bom miền Bắc) tùy thuộc vào sự ổn định của chính phủ các ngươi. Vậy mà các ngươi làm hỏng tất cả. Chúng ta không thể ủng hộ mãi các ngươi nếu các ngươi cứ hành động dại dột như thế! ». Sau này Kỳ phải thốt lên: đến bố tôi cũng chưa hề chửi tôi đến như vậy!

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân dân miền Nam hồi tết Mậu thân, Giôn-xơn triệu tập cuộc họp các cố vấn về tình hình Việt-nam trong 2 ngày liền. Toàn những nhân vật cỡ chóp bu của nước Mỹ. Cánh quân sự báo cáo (láo) tại phiên họp rằng: đối phương đã bị chết 4 vạn rưỡi người trong cuộc tổng tiến công này. A-tơ Gôn-bơc liền hỏi: tỷ lệ bị

Digitized by Google

thương và chết của họ là bao nhiêu? Viên tướng trả lời: cứ 1 người chết thì có 3,5 người bị thương. Gôn-bước lại hỏi: vậy họ có bao nhiêu quân? Cánh quân sự: «báo cáo, từ 16 vạn đến 17 vạn rưỡi.» Gôn-bước lập tức nói lớn: «Thế là rõ. Đối phương không còn lực lượng tại chiến trường nữa!» Cả cuộc họp im lặng nặng nề kéo dài, và đơn xin thêm 20 vạn 5 nghìn quân Mỹ của cánh quân sự rơi tõm trong khoảng không.

Đe-vit Han-bơ-xtem cũng đã đề công sưu tầm rồi dựng lại một số sự kiện lịch sử quan trọng. Mỹ bắt đầu phạm sai lầm ở Việt-nam từ bao giờ? Theo nhà báo Mỹ đó là vào tháng 5 năm 1950. Hồi đó Mỹ đang thực hiện kế hoạch Mác-san ở châu Âu. Có một cuộc mặc cả quan trọng: Mỹ muốn cho Tây Đức bắt tay khôi phục một số ngành công nghiệp nặng lớn là ngành thép và ngành than, điều mà Pháp tỏ ra dè dặt. Pháp lại đang mong được Mỹ ủng hộ vũ khí và tiền của để ném vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đang thất bại. Thế là đã có sự cò kè trả giá giữa Su-man thay mặt chính phủ Pháp và A-ki-sơn bộ trưởng ngoại giao Mỹ. Ngày 7-5-1950 A-ki-sơn trả lời cho Pháp rằng Mỹ đồng ý đáp ứng yêu cầu viện trợ quân sự cho cuộc chiến tranh Đông-dương để đáp lại việc Pháp đồng ý để Tây Đức khôi phục nhanh hai ngành công nghiệp thép và than. Mỹ khởi đầu một cuộc chinh phục thuộc địa từ đó, và A-ki-sơn chính là kiến trúc sư mở đầu con đường hầm mù mịt và bất hạnh của nước Mỹ.

★

Trong cuốn sách của ông, Đe-vit Han-bơ-xtem đã cung cấp những tư liệu khá phong phú về vai trò của những nhà cầm quyền Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt-nam. Tuy vậy, do hạn chế về mặt giai cấp, ông ta vẫn không thể trả lời được cho câu hỏi mà ông tự đặt ra cho mình: tại sao Mỹ bị thua trận ở Việt-nam?

Chiến tranh là cuộc đụng đầu giữa hai nước, giữa hai chế độ xã hội. Mỹ thua là vì Việt-nam đã đánh thắng Mỹ. Việt-nam đánh thắng được Mỹ là vì quân và dân Việt-nam anh hùng, Đảng cộng sản Việt-nam lãnh đạo tài giỏi. Nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa ra đời và lớn lên nhanh chóng đã đánh thắng nước Mỹ tư bản chủ nghĩa già cỗi. Mỹ thua là vì thế. Đó là một điều rất đơn giản nhưng Đe-vit Han-bơ-xtem không nhìn thấy hoặc không muốn nhìn thấy.

Bị cầm tù trong quan điểm tư sản về cá nhân làm ra lịch sử, đi tìm nguyên nhân thất bại của Mỹ ở Việt-nam, ông ta chỉ quanh quẩn trong những cá nhân cầm quyền ở nước Mỹ; mà đáng lý ra thì phải tìm những nguyên nhân đó trong chế độ chính trị xã hội của nước Mỹ.

Chủ nghĩa tư bản ở Mỹ đã thối nát đến cực độ. Phản động, hiếu chiến và xâm lược là bản chất của đế quốc Mỹ. Chừng nào đế quốc Mỹ còn theo đuổi chính sách phản động, hiếu chiến và xâm lược thì nó còn thất bại. Muốn tránh khỏi thất bại thì Mỹ phải từ bỏ chính sách phản động, hiếu chiến và xâm lược.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ – Последовательно руководствоваться духом Резолюции IV съезда партии в деле определения конкретных задач и мероприятий местных парторганизаций.

ИСТОРИЧЕСКИЙ ДОКУМЕНТ – Выступление тов. Нгуен Ай Куока на седьмом заседании I конгресса Крестьянского Интернационала.

НГУЕН ХЫУ МАЙ – Всемерно бороться за успешное выполнение государственного плана на 1977 г.

НГУЕН ВИНЬ – За строительство режима социалистического коллективного хозяина

★ ★ ★ – Как следует провести выборы в Народные советы и Народные комитеты различных ступеней.

ФАН ТИЕН ТИК – Важный теоретический труд о социалистической революции во Вьетнаме.

ЛЕ ВАН ЗАНГ – К вопросу о закономерностях научно – технлческой революции.

ПАРТИЙНАЯ ЖИЗНЬ ★ Слово и дело.

ВУ ТОАН – Шестьдесят лет непрерывного роста и укрепления первого в мире социалистического государства.

В МИРЕ КНИГ ★ ТХАНЬ ТИН – «Мозговые раны»

目 录

社 論：在决定各地方党部的任务和具体工作中，充分貫彻党的第四次全国代表大会决议的精神。

历史資料：阮爱国同志在农民国际首届大会第七次会议上的发言。

阮友梅：为胜利实现一九七七年国家计划而努力奋斗。

阮 詠：建立社会主义集体作主制度。

☆☆☆：作好各级人民议会和人民委员会的选举工作。

潘进錫：一部关于越南社会主义革命的重要理论著作。

黎文祥：关于科学技术革命的規律問題。

党的生活☆建設者：言和行。

武 全：第一个社会主义国家不断壮大的六十年。

讀书笔記☆成信：《脑颅伤》。

Digitized by Google

SOMMAIRE

Editorial — Bien assimiler l'esprit des Résolutions du IVe Congrès national du Parti pour fixer les tâches et le travail concret des organisations locales du Parti

Document historique — Intervention du Camarade Nguyễn-Ái-Quốc à la 7e séance du Ier Congrès de l' Internationale paysanne

NGUYỄN-HỮU-MAI — S'employer à accomplir avec succès le plan d'Etat pour 1977

NGUYỄN-VỊNH — Promouvoir le régime de maitre collectif socialiste

★ ★ ★ — Bien organiser les élections aux Conseils populaires et aux Comités populaires aux divers échelons

PHAN-TIỄN-TÍCH — Un important ouvrage théorique sur la révolution socialiste au Viet Nam

LÊ-VĂN-GIẠNG — A propos des lois de la révolution scientifique et technique

La vie du Parti — Le censeur — Des paroles aux actes

VŨ-TOÀN — Soixante ans de croissance continue du premier Etat socialiste dans le monde

Revue des livres ★ *THÀNH-TÍN* — « Traumatisme crânien »

CONTENTS

Editorial — Thoroughly grasp the spirit of the Resolution of the Party's Fourth National Congress in fixing the concrete tasks and assignments of local Party branches

Historical document — Comrade Nguyễn-Ái-Quốc's speech at the 7th session of the First Congress of the Peasants' International

NGUYỄN-HỮU-MAI — To strive to fulfil the 1977 State plan successfully

NGUYỄN-VỊNH — To build the regime of socialist collective mastery

★ ★ ★ — To carry out well the elections to the People's Councils and People's Committees at all levels

PHAN-TIỄN-TÍCH — An important theoretical work on socialist revolution in Viet Nam

LÊ-VĂN-GIẠNG — On the laws of the scientific and technological revolution

Party life ★ Critic — Words and deeds

VŨ-TOÀN — Sixty years of unceasing growth of the first socialist State in history

Books ★ *THÀNH-TÍN* — Brain injuries

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 4
1977
NĂM THỨ XXIII (256)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

Xã luận — Thấu suốt tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng trong việc quyết định nhiệm vụ, công tác cụ thể của các đảng bộ địa phương 1

Tư liệu lịch sử — Lời phát biểu của Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tại phiên họp thứ 7 Đại hội lần thứ nhất Quốc tế nông dân 4

NGUYỄN-HỮU-MAI — Ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1977 7

NGUYỄN-VỊNH — Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa 25

★ ★ ★ — Làm tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp 34

PHAN-TIẾN-TÍCH — Một tác phẩm lý luận quan trọng về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam 39

LÊ-VĂN-GIẠNG — Về vấn đề quy luật của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật 50

Sinh hoạt Đảng ★ *NGƯỜI XÂY DỰNG* — Nói và làm 60

VŨ-TOÀN — Sáu mươi năm lớn mạnh không ngừng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên 64

Đọc sách ★ *THÀNH-TÍN* — Vết thương sọ não 71

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá:

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

23. 5

5-1977

Digitized by Google

Digitized by Google

LỜI HỒ CHỦ TỊCH

«TÔI chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.»

(1946)

«*ĐOÀN kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.»

(Di chúc)

«ĐẢNG cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân.*"

(Di chúc)

Digitized by Google

« *MUỐN cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.*»

(1959)

« CHỈ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.»

(1960)

« MUỐN xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa.*»

(1961)

Digitized by Google

Digitized by Google



Digitized by Google

Tăng cường xây dựng và quản lý nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới

TRẦN-QUỐC-HOÀN

MỖI chế độ xã hội khác nhau trong lịch sử đều có một «kiểu» trật tự xã hội riêng biệt và cách quản lý xã hội riêng của nó. «Bản thân quy củ và trật tự ấy là một nhân tố không thể thiếu được đối với mỗi một phương thức sản xuất, nếu phương thức sản xuất đó muốn có được một trạng thái xã hội vững chắc» (1).

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhân dân ta đang xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Tương ứng với các mặt xây dựng ấy, là hệ thống các mối quan hệ giữa con người với con người trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... được xây dựng thành tổ chức và quy định thành thể chế vừa cách mạng vừa khoa học, nhằm bảo đảm cho toàn xã hội phát triển không ngừng theo quy luật của chủ nghĩa xã hội, và mọi thành viên trong xã hội đều có cuộc sống tự do và hạnh phúc. Đó là nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa.

Nền trật tự xã hội ấy bao gồm nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Bài này chỉ bàn vấn đề *tăng cường bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.*

An ninh chính trị là sự yên ổn và vững mạnh về chính trị của một chế độ xã hội, của một quốc gia; bảo vệ an ninh chính trị là bảo vệ vững chắc nền độc lập,

(1) C. Mác: *Tư bản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, quyển 3, tập 3, trang 247.

Digitized by Google

chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ an toàn nội bộ của các cơ quan Đảng và Nhà nước, của các tổ chức cách mạng của nhân dân, bảo vệ sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân ; là tích cực phòng ngừa và sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng. An ninh chính trị có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt. Nó gắn liền với sự vững mạnh của Đảng ta, của chính quyền ta, của chế độ ta, của đất nước ta.

Trật tự, an toàn xã hội là sự ổn định về trật tự trong xã hội. Nó gắn chặt với cuộc sống lao động bình thường, yên vui, lành mạnh và hạnh phúc của mọi người công dân. Bảo vệ trật tự, an toàn xã hội là bảo vệ trật tự, an toàn trong đời sống và lao động của nhân dân, chủ động phòng ngừa và tích cực đấu tranh chống các tội phạm, tích cực bài trừ tệ nạn xã hội và phòng ngừa tai nạn, bảo vệ hoạt động bình thường của các cơ quan Nhà nước, của các tổ chức xã hội hợp pháp và của nhân dân.

Từ trước tới nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã ra sức tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội và đã giành được thắng lợi vẻ vang. Sau Cách mạng tháng Tám thành công, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, mặc dù phải đương đầu với muôn vàn khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua được, nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng và Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã đánh bại được mọi kẻ thù, giữ vững được chính quyền cách mạng, bảo vệ được nền trật tự xã hội mới, xây dựng và củng cố được lực lượng cách mạng, cuối cùng giành được thắng lợi to lớn : giải phóng hoàn toàn miền Bắc nước ta. Trong thời kỳ này, Đảng ta đã không ngừng giáo dục, tổ chức nhân dân đấu tranh đánh bại chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, chiến tranh phá hoại của địch và đập tan mọi âm mưu nổi dậy của các thế lực phản động, củng cố hậu phương vững mạnh, tạo cơ sở cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Khi miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, đế quốc Mỹ đã không ngừng tiến hành chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý với nhiều thủ đoạn thâm độc, nhiều phương tiện kỹ thuật tinh vi, nhiều vũ khí phá hoại hiện đại nhằm kích động bọn phản động nổi dậy chống lại chính quyền cách mạng, hòng cản trở công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm giảm sút khí thế cách mạng của nhân dân ta, cản trở sự chi viện của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Bên cạnh những hoạt động gián điệp và chiến tranh tâm lý, chúng đã tiến hành hai cuộc chiến tranh phá hoại vô cùng ác liệt hòng đè bẹp ý chí chiến đấu của nhân dân ta, phá hoại hậu phương ta. Phù họa với bọn đế quốc bên ngoài, bọn

Digitized by Google

phản động trong nước cũng tìm mọi cách câu kết với bọn gián điệp đế quốc để hoạt động chống phá cách mạng. Lợi dụng tình hình phức tạp của chiến tranh, bọn phạm tội hình sự cũng gây ra những vụ cướp của, giết người, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân; một số tệ nạn xã hội lại trỗi dậy và gây rối trật tự xã hội; các tai nạn xã hội, nhất là tai nạn giao thông cũng tăng lên, làm ảnh hưởng đến an toàn xã hội.

Trong thời kỳ này, Đảng ta đã giáo dục, động viên đông đảo cán bộ và nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác và khí thế cách mạng, đẩy mạnh cuộc đấu tranh bảo vệ trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhờ được phát động một cách sâu rộng, quần chúng đã truy lùng và bắt gọn nhiều toán gián điệp biệt kích, phát hiện bọn gián điệp ẩn nấp, trấn áp các hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng và kịp thời đập tan các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch. Quần chúng đã đấu tranh chống các tội phạm khác, bài trừ các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn giao thông, xây dựng đạo đức mới, nếp sống mới. Trong các cơ quan và xí nghiệp, cán bộ và công nhân, viên chức đã nâng cao tinh thần cảnh giác, giữ gìn bí mật Nhà nước, bảo vệ cơ quan, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Công tác bảo vệ nội bộ ngày càng được tăng cường. Các phong trào quần chúng trong và ngoài cơ quan, xí nghiệp kết hợp với nhau, đã tạo thành một thế chiến lược vững chắc, liên tục và mạnh mẽ tiến công bọn phản cách mạng và các bọn phạm tội khác, đấu tranh giáo dục, cải tạo, cảm hóa những phần tử mà kẻ địch có thể lợi dụng.

Ở miền Nam, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã xây dựng một bộ máy chiến tranh với quy mô rất lớn cùng với một mạng lưới gián điệp, tình báo, mật vụ dày đặc, một bộ máy cảnh sát cực kỳ dã man, tàn bạo để điều tra, đàn áp, khủng bố, phá hoại, hòng tiêu diệt phong trào cách mạng. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã cùng với Quân giải phóng, lực lượng an ninh nhân dân, nêu cao chí khí kiên cường, bất khuất, đấu tranh chống « bình định », « chiêu hồi », chống chiến tranh tâm lý, chống gián điệp, tình báo, đề phòng và phát hiện nội gián, trừ gian, diệt ác, phá kìm ở các vùng địch tạm chiếm. Nhân dân ta đã làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động của địch, giành được thắng lợi to lớn trong việc bảo vệ Đảng, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não chỉ đạo kháng chiến, bảo vệ các cơ sở cách mạng, các căn cứ địa kháng chiến và vùng giải phóng.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tình hình nhiều mặt ở miền Nam hết sức phức tạp. Hàng triệu ngụy quân, toàn bộ hệ thống ngụy quyền, cảnh sát, tình báo, mật vụ của địch tan rã tại chỗ; nhiều tên vẫn còn tìm cách chống phá cách mạng bằng

Digitized by Google

nhiều hình thức. Bọn lưu manh chuyên nghiệp, bọn côn đồ hung hãn, bọn tàn binh ngụy đã bị lưu manh hóa hoạt động gây án ở nhiều nơi, đặc biệt nghiêm trọng là chúng gây ra nhiều vụ giết người, cướp của, tống tiền. Nạn cao bồi, xì ke, ma túy, gái mãi dâm... rất nặng nề. Tai nạn giao thông, tai nạn do vũ khí địch gài lại... cũng xảy ra khá nhiều.

Nhưng với khí thế thừa thắng xông lên, nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi to lớn trong việc thiết lập trật tự cách mạng, quản lý các vùng mới giải phóng, trong công tác xây dựng, bảo vệ Đảng và chính quyền cách mạng, bảo đảm an toàn cho những hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Phong trào quần chúng, nhất là phong trào của công nhân, nông dân, thanh niên, học sinh đã được phát động ở nhiều nơi ; nhân dân tích cực đấu tranh trấn áp bọn phản cách mạng, truy quét bọn côn đồ gian ác xưa nay ; bài trừ văn hóa nô dịch phản động đồi trụy, bài trừ các tệ nạn xã hội. Trên cơ sở quần chúng được phát động, một số biện pháp quản lý như quản lý hộ khẩu, quản lý vũ khí, chất nổ, quản lý đặc doanh... đã được triển khai và bước đầu đạt kết quả tốt. Nhờ vậy, tình hình trật tự an ninh ở những vùng mới giải phóng ngày càng ổn định.

Đúng như báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nhận định : « Trong thời gian qua, trên lĩnh vực *an ninh chính trị và trật tự xã hội*, chúng ta đã đạt được những thành tích to lớn chống lại những âm mưu thâm độc của bọn đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, chống lại những hoạt động phá hoại của các loại gián điệp và phần tử phản cách mạng khác » (2).

Những thắng lợi to lớn trên đây bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng, từ tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, từ tinh thần cảnh giác cách mạng và truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân, từ sự cố gắng của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên trong các lực lượng vũ trang và ngành chuyên chính khác đã quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, chú ý phát động quần chúng bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Tuy nhiên, thời gian qua, trong đời sống xã hội, chúng ta còn gặp nhiều khó khăn do hậu quả nặng nề của chiến tranh ác liệt kéo dài, do tàn dư độc hại của chính sách thực dân mới của đế quốc Mỹ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội gây ra. Những khó khăn đó đã tác động đến trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, một số cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức Nhà nước và một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc nội

(2) Xem tạp chí *Học tập*, số 12 — 1976, trang 93.

Digitized by Google

dung của đường lối, chính sách và nhiệm vụ xây dựng và củng cố trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa. Do đó có lúc, có nơi chưa kết hợp giải quyết các mặt công tác khác của Đảng và Nhà nước với việc giáo dục tinh cảnh giác cách mạng và tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân. Phong trào quần chúng chưa được phát động mạnh mẽ, đồng đều và liên tục; nhiều nơi chưa chú ý công tác phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và những hiện tượng tiêu cực có thể xảy ra. Đáng chú ý là có lúc, có nơi chưa chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước. Đó là những nhược điểm, thiếu sót cần phải nỗ lực khắc phục trong thời gian tới.

★

Ngày nay, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhân dân ta đang ra sức tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Nhưng bọn đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ và các thế lực phản cách mạng trong nước chưa phải đã từ bỏ ý đồ chống lại nhân dân ta.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương tại Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ: «Chừng nào còn chủ nghĩa đế quốc thì nhân dân ta còn phải cảnh giác, phải sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại và xâm lược của bất cứ kẻ thù nào» (3).

Đế quốc Mỹ đã thất bại thảm hại trong chiến tranh xâm lược nước ta, nhưng bản chất hiếu chiến và xâm lược của chúng không hề thay đổi. Chúng đang điều chỉnh chiến lược toàn cầu phản cách mạng, hòng tiếp tục thực hiện âm mưu lắm bá chủ thế giới. Đối với khu vực Đông — Nam Á, chúng đang xây dựng lại vòng đai chống cách mạng, nhằm bao vây, phá hoại cách mạng của ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, ngăn chặn phong trào dân tộc dân chủ ở vùng này. Việc Mỹ vừa gây ra cuộc đảo chính phản cách mạng ở Thái-lan, đưa bọn phát xít lên cầm quyền, chính là một bước để thực hiện âm mưu thâm độc đó.

Đế quốc Mỹ cũng đang tiến hành nhiều mưu đồ phá hoại cách mạng nước ta. Chúng đang tăng cường chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý hòng thực hiện âm mưu bao vây, phá hoại, ngăn cản sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, chia rẽ nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác, hạn chế

(3) Xem tạp chí *Học tập*, số 12 — 1976, trang 56.

Digitized by Google

ảnh hưởng của cách mạng Việt-nam ở Đông – Nam Á và trên thế giới. Chúng đang kích động bọn phản cách mạng chống đối, phá hoại ta bằng nhiều cách. Bọn gián điệp đế quốc đang tập hợp bọn phản động trong số người di tản vào những tổ chức phản động ở Mỹ và ở một số nước khác để chống lại ta. Những tổ chức di tản phản động này đã ra những báo chí để tuyên truyền kích động bọn phản cách mạng trong nước ta nổi dậy hòng gây bạo loạn chống lại chính quyền cách mạng. Chúng mưu đồ chọn những phần tử phản cách mạng ngoan cố trong số người di tản ra nước ngoài đào tạo thành gián điệp ẩn nấp, gián điệp biệt kích để tung về nước ta bằng nhiều đường khác nhau, nhất là đường biên giới, đường biển, thậm chí đường không và từ nhiều địa bàn khác nhau thâm nhập nội địa ta, tiến hành móc nối lại cơ sở cũ, xây dựng cơ sở mới, thu thập tình báo, kích động chiến tranh tâm lý dưới nhiều hình thức khác nhau hòng chia rẽ nhân dân ta với Đảng và Chính phủ, chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, và nếu nơi nào, lúc nào ta mất cảnh giác, sơ hở, thì chúng có thể kích động những phần tử lạc hậu gây rối, thậm chí gây bạo loạn. Vì vậy, *đế quốc Mỹ, trước kia và hiện nay, vẫn là kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân ta*, bọn gián điệp Mỹ vẫn là đối tượng nguy hiểm nhất của nền an ninh trật tự của nước ta.

Nhiều nước đế quốc, tư bản khác cũng tìm mọi cách hoạt động gián điệp ở nước ta để thu thập tình báo phục vụ cho yêu cầu chính trị, kinh tế, quân sự của chúng và cho cả đế quốc Mỹ.

Bọn phản cách mạng, tuy số lượng không nhiều so với lực lượng rất to lớn của nhân dân ta và tuy đã bị trấn áp mạnh, bị phân hóa, nhưng do ý thức giai cấp chống đối sâu sắc, lại bị bọn đế quốc nhồi sọ về tư tưởng chống cộng trong nhiều năm, cho nên có nhiều tên vẫn còn ngoan cố tìm cách câu kết với đế quốc bên ngoài, móc nối với nhau, tập hợp lực lượng để chống phá cách mạng, gây rối an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, nhất là ở các vùng mới giải phóng. Đúng như Lê-nin đã nói « Thế lực phản cách mạng, sau khi bị cách mạng đánh bại, sẽ không biến mất đi, mà trái lại, nó nhất định sẽ bắt đầu một cuộc đấu tranh mới, còn ác liệt hơn » (4).

Trong thời gian tới, tình hình trật tự, an toàn xã hội có thể có lúc còn phức tạp hơn, nhất là trước những khó khăn tạm thời về đời sống kinh tế của nhân dân ta. Bọn phản cách mạng và các bọn phạm tội khác còn những cơ sở có thể lợi dụng để tiếp tục hoạt động phá hoại. Về tính chất độc hại, dai dẳng của những tàn dư của

(4) V. Lê-nin: *Hai sách lược của Đảng dân chủ — xã hội trong cách mạng dân chủ*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 40.

Digitized by Google

xã hội cũ, Lê-nin đã từng nói: «Cái xác chết của xã hội tư sản, ta không thể bỏ vào áo quan mà đem chôn nó đi được. Cái xác chủ nghĩa tư bản thối ra, tan rã giữa chúng ta, làm nhơ bẩn bầu không khí chung quanh chúng ta, đầu độc cuộc sống của chúng ta; bằng hàng nghìn sợi dây, cái cũ, cái thối nát, cái đã chết bám lấy cái mới, cái tươi tốt, cái trẻ trung, cái có sinh khí» (5).

Song chúng ta có nền chuyên chính vô sản vững mạnh đã qua thử thách, có khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông vững chắc. Nếu toàn dân ta phát huy ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, các cơ quan chuyên chính được tăng cường và hoạt động mạnh mẽ, thì dù kẻ địch có âm mưu to lớn, thâm độc đến đâu, dù bọn phạm tội nguy hiểm có ý đồ thế nào, nhất định chúng cũng bị thất bại và bị trừng phạt đích đáng. Nhưng nếu ở đâu và lúc nào đó, ta lơ là cảnh giác, để xảy ra nhiều thiếu sót trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước thì kẻ địch và bọn phạm tội khác có thể lợi dụng gây ra những tổn thất, có khi nghiêm trọng cho cách mạng. Vì vậy, *bọn gián điệp đế quốc, bọn phản động trong nước và bọn phạm tội khác có thể thực hiện được mưu đồ của chúng đến mức nào, điều đó tùy thuộc vào chúng ta ít, mà tùy thuộc vào ta thì nhiều.*

Nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng có những *yêu cầu cơ bản và lâu dài* là: an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được củng cố vững chắc; sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân ngày càng được tăng cường; nếp sống văn minh, trật tự, yên vui, lành mạnh được xây dựng và ngày càng củng cố; các tội phạm dần dần bị loại trừ khỏi đời sống xã hội; các luật lệ được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh; các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội bị nhân dân phê phán và tích cực khắc phục; các tệ nạn xã hội bị bài trừ tận gốc; mọi tai nạn xã hội đều được tích cực phòng ngừa và làm giảm đến mức thấp nhất.

Trong tình hình hiện nay, công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội vẫn là *«nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của Nhà nước, là một trong những công tác lớn ở vùng mới giải phóng miền Nam»* (6). Phương hướng của nhiệm vụ này là phải *«chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu hoạt động của bọn gián điệp đế quốc, tư bản; kịp thời và kiên quyết trấn áp bọn phá hoại hiện hành; đập tan mọi mưu mô ngóc*

(5) V. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 28, trang 83.

(6) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 131. (Do tôi gạch dưới — T.Q.H.)

Digitized by Google

đầu dậy của các giai cấp bóc lột và của bọn phản động: ra sức đấu tranh chống các tội phạm khác; tích cực bài trừ các tệ nạn xã hội» (7).

Thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ nói trên là nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ hạnh phúc của nhân dân, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không nhất thiết phải ngồi chờ kết quả xây dựng kinh tế, phải chờ đợi có một nền sản xuất đại công nghiệp mới xây dựng và củng cố được nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa, mà ngay từ đầu nhờ tính năng động chủ quan của con người có giác ngộ xã hội chủ nghĩa của toàn thể nhân dân, một số mặt, một số bộ phận của nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa có thể được xây dựng và phát triển nhanh hơn, có thể đi trước một bước.

Để xây dựng nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần nghiên cứu và quán triệt những tư tưởng cơ bản của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, trước hết là phải nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, quán triệt đường lối cơ bản của Đảng trong công cuộc bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đó là đường lối: *Đảng lãnh đạo, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, kết hợp tinh tích cực cách mạng của nhân dân với công tác của các cơ quan chuyên môn.*

Đảng lãnh đạo là quy luật khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo của Đảng là nguồn gốc, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng bảo đảm cho cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội luôn luôn đi đúng đường lối, chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước, tránh được mọi lệch lạc có hại cho cách mạng, động viên được sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, động viên được toàn dân tích cực xây dựng và quản lý nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa.

Sự lãnh đạo của Đảng thể hiện từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm sự lãnh đạo của các cấp ủy, của các chi bộ Đảng. Nội dung sự lãnh đạo của Đảng về mặt này là: theo dõi chặt chẽ tình hình, định kỳ nghe báo cáo tình hình công tác đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, đề ra các chủ trương, các biện pháp cụ thể, thích hợp, lãnh đạo bộ máy chính quyền và các tổ chức quần chúng, nhất là các lực lượng chuyên chính, và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt những chủ trương, biện pháp đó; luôn luôn kiểm tra, đôn

(7) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 131.

Digitized by Google

đốc, uốn nắn lệch lạc, kịp thời tổng kết, rút kinh nghiệm để không ngừng đưa công tác xây dựng và quản lý nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa tiến lên những bước cao hơn và giành được thắng lợi to lớn hơn.

Chúng ta phải ra sức củng cố và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong sự nghiệp xây dựng và quản lý nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa.

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên lĩnh vực này không phải chỉ là một bộ phận của quyền làm chủ về chính trị, mà còn là một bộ phận của quyền làm chủ về kinh tế, của quyền làm chủ về văn hóa, của quyền làm chủ về xã hội.

Các tổ chức Đảng, các tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ, nông dân, các cơ quan tuyên truyền giáo dục, văn hóa, văn học nghệ thuật, các trường học cần làm cho mọi người hiểu rõ nội dung, ý nghĩa xây dựng và quản lý nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa, thấy rằng chính mình là người chủ thật sự của xã hội mới, người có trách nhiệm xây dựng và quản lý nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa; đồng thời cần nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, thấy rõ âm mưu, thủ đoạn hoạt động của bọn phản cách mạng và các tội phạm khác, thấy rõ nguy hại của các tệ nạn, các tai nạn xã hội. Từ đó, tổ chức và tạo điều kiện cho mọi người chủ động, tự giác phát hiện, tố giác những hoạt động phản cách mạng và tội phạm khác, lên án và phê phán những hành động vi phạm pháp luật, những việc làm sai chủ trương, chính sách của Đảng và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội; tự giác và nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tự mình tổ chức và xây dựng cuộc sống văn minh, trật tự, yên vui, lành mạnh, và từng bước đảm nhiệm công tác an ninh trật tự.

Muốn làm được như vậy, chúng ta phải phát động mạnh mẽ và duy trì thường xuyên một phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và trật tự, an toàn xã hội. Phát động quần chúng làm công tác này là một biện pháp chiến lược, một hình thức thích hợp nhất, phổ biến nhất của Đảng ta để vận động, giáo dục, tổ chức quần chúng xây dựng và bảo vệ nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa. Vì thế, chúng ta cần có chương trình, kế hoạch phát động, nuôi dưỡng, duy trì phong trào tiến lên từng bước vững chắc, phấn đấu xây dựng từng cơ quan, từng xí nghiệp, từng đơn vị lực lượng vũ trang, từng hợp tác xã, từng xã, từng khối phố... thành những thành trì kiên cố bảo vệ vững chắc an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Để duy trì phong trào quần chúng một cách thường xuyên, liên tục, cần kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc và trật tự, an toàn xã hội với việc

Digitized by Google

thực hiện các công tác lớn của Đảng và Nhà nước, và phải tùy tình hình từng nơi, từng lúc mà kịp thời đưa ra mục tiêu sát hợp, nội dung cụ thể và khẩu hiệu hành động đúng đắn, thiết thực, qua đó mà lựa chọn, bồi dưỡng những người tích cực, củng cố các tổ chức nòng cốt, như các tổ chức bảo vệ chuyên trách và nửa chuyên trách ở các cơ quan, xí nghiệp, các ban bảo vệ dân phố, các đội dân phòng ở các thành phố, thị xã, thị trấn, các ban Công an xã, dân quân du kích xã; cần tiếp tục sáng tạo và phát triển những hình thức nhân dân tự quản lý trật tự, an toàn xã hội, như các đội thanh niên cờ đỏ, đội thiếu niên sao đỏ, các tổ chức hòa giải nhân dân, các ban thanh tra nhân dân... Khi nói về nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô viết, Lê-nin đã từng chỉ ra rằng: «Mục đích của chúng ta là làm cho *mỗi* người lao động, một khi đã kết thúc «thời hạn» tám tiếng đồng hồ sản xuất rồi, còn đảm nhiệm *không công* những nghĩa vụ Nhà nước; thực hiện được chế độ ấy thì đặc biệt khó khăn, nhưng chỉ có làm được như thế mới bảo đảm hoàn toàn củng cố được chủ nghĩa xã hội»(8).

Muốn phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tất cả các cán bộ Đảng và Nhà nước, nhất là những ngành có quan hệ trực tiếp với nhân dân, cần nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân vô điều kiện, kiên quyết đấu tranh chống mọi hành vi vi phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân, khắc phục mọi thái độ quan liêu, cửa quyền, hách dịch, gây phiền hà cho nhân dân. Cần tổ chức để nhân dân định kỳ góp ý kiến phê bình xây dựng các cơ quan Nhà nước. Cán bộ, nhân viên Nhà nước phải chân thành tiếp thu những lời phê bình của nhân dân và thật sự sửa chữa những thiếu sót đã mắc phải. Kiên quyết chống mọi thái độ và hành động trù ép, trả thù những người phê bình, tố giác những hành động vi phạm các quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Chúng ta phải tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đó là một mặt trọng yếu trong đường lối của Đảng ta về lĩnh vực này.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, làm cho pháp luật của Nhà nước được tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh là điều kiện rất quan trọng để xây dựng và bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Muốn vậy, cần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, xây dựng một loạt các chế độ, quy định, thể lệ quản lý an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; sửa đổi những thể lệ, quy định cũ không phù hợp với tình hình mới, làm cho pháp luật thật sự trở thành vũ

(8) V. Lê-nin: *Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô viết*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, trang 110.

Digitized by Google

khi sắc bén để nhân dân ta đấu tranh chống phản cách mạng và các tội phạm khác, chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Đi đôi với việc đó, cần tăng cường đôn đốc, kiểm tra thường xuyên và chặt chẽ việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; đồng thời giáo dục, vận động quần chúng nhân dân xây dựng và thực hiện những quy phạm đạo đức mới và nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, làm cho mỗi người công dân đều hiểu rõ và thực hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể và nghĩa vụ của mình. Đối với những người không chịu chấp hành pháp luật thì phải cưỡng bức và bất cứ ai vi phạm pháp luật đều phải xử lý nghiêm minh. Lê-nin đã chỉ rõ : « Đối với những hiện tượng hơi mất trật tự, hơi sai trái việc chấp hành nghiêm chỉnh những luật lệ của chính quyền xô-viết, ta đều phải chú ý... Hễ hơi làm trái luật pháp, hơi làm mất trật tự xô-viết một chút, thế là đã có một *lỗ hổng* cho bọn thù địch của người lao động lợi dụng ngay » (9).

Cần phát huy vai trò và tác dụng của Hội đồng nhân dân và của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc ban hành và đôn đốc thực hiện các quy định về quản lý an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

Ra sức xây dựng, củng cố, tăng cường và phối hợp chặt chẽ các cơ quan chuyên trách của Nhà nước, nhất là Công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân là những cơ quan tham mưu đắc lực, những lực lượng nòng cốt, xung kích của Đảng và Nhà nước, là những người đầy tớ tận tụy và trung thành của nhân dân trong lĩnh vực này.

Đặc biệt cần tiếp tục xây dựng ngành Công an nhân dân thành lực lượng vũ trang sắc bén, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, có lực lượng chuyên trách chính quy, hiện đại, vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, có trình độ khoa học, kỹ thuật khá, được trang bị những phương tiện chuyên môn cần thiết, có lực lượng nửa chuyên trách vững mạnh, có cơ sở quần chúng rộng khắp.

Nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa tuy là sản phẩm, là kết quả của các mặt hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, nhưng nó có tác động trở lại các mặt hoạt động đó. Vì vậy, tất cả các ngành kinh tế, nội chính, quốc phòng, ngoại giao, tuyên huấn, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật... cần phối hợp chặt chẽ với nhau để bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc và trật tự, an toàn xã hội. Mỗi ngành, mỗi đơn vị làm tốt công tác này trong ngành mình, đơn vị mình thì không những tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của ngành

(9) V. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 29, trang 645.

Digitized by Google

mình, đơn vị mình, mà còn góp phần tích cực vào việc bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội chung của cả nước.

Vì tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh, kẻ địch thường dùng nhiều thủ đoạn và nhiều phương tiện tinh vi, cho nên, chỉ có kết hợp công tác đấu tranh tích cực của quần chúng với công tác của các cơ quan chuyên môn thì mới phát hiện đúng kẻ địch, mới đánh mạnh, đánh đúng đối tượng, mới bảo đảm cho cuộc đấu tranh giành thắng lợi hoàn toàn. Nếu chỉ chú ý vận động quần chúng mà coi nhẹ công tác của các cơ quan chuyên môn, hoặc chỉ coi trọng công tác của các cơ quan chuyên môn mà không chú ý vận động quần chúng thì đều dẫn đến lệch lạc, sai lầm.

★

Trong quá trình xây dựng và quản lý nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa, cần *nắm vững hơn nữa những phương châm, phương pháp đấu tranh* đã được đúc kết từ thực tiễn để vận dụng tốt hơn trong giai đoạn cách mạng mới. Những phương châm, phương pháp đấu tranh đó là:

1 — *Kết hợp chặt chẽ chức năng bạo lực trấn áp với chức năng tổ chức và xây dựng của chuyên chính vô sản.*

Mục đích cuối cùng của Đảng ta là xóa bỏ tận gốc nạn người bóc lột người, tổ chức và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, xã hội cộng sản chủ nghĩa, trong đó mọi người đều được sống ấm no, tự do, hạnh phúc và phát triển toàn diện. Ở nước ta, kẻ thù lớn nhất của nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa là bọn đế quốc xâm lược đứng đầu là đế quốc Mỹ và bọn ngụy quyền tay sai. Tuy đã bị thất bại, nhưng bọn chúng vẫn còn nhiều âm mưu, và hành động chống phá ta. Cho nên, chúng ta còn phải trấn áp bọn này để bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nhưng chúng ta xác định rằng trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, công tác trấn áp bọn phản cách mạng và các bọn phạm tội khác chỉ là một công tác cần thiết vào những lúc cần thiết và ở những nơi cần thiết, còn công tác tổ chức xây dựng trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa mới là một công tác thường xuyên và lâu dài. Nó phải tiến hành từ đầu và song song với việc trấn áp phản cách mạng và các tội phạm khác. Chức năng chủ yếu của chuyên chính vô sản là chức năng tổ chức và xây dựng. Chỉ có tổ chức và xây dựng tốt xã hội mới, mới bảo đảm cho cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi hoàn toàn và triệt để, mới tạo ra những

Digitized by Google

điều kiện làm cho các giai cấp bóc lột đã bị đánh đổ không thể nào phục hồi được. Và cũng chỉ có trên cơ sở đó mới có thể dần dần xóa bỏ được mọi điều kiện làm nảy sinh tội phạm, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Như Lê-nin đã phân tích, muốn chiến thắng, muốn thiết lập và củng cố chủ nghĩa xã hội, giai cấp vô sản phải hoàn thành hai nhiệm vụ nhưng chỉ là một: một là phải đánh đổ giai cấp tư sản và hoàn toàn đè bẹp mọi sự phản kháng của giai cấp đó; hai là phải lãnh đạo toàn thể nhân dân đi theo mình vào con đường xây dựng kinh tế mới, tạo ra những quan hệ xã hội mới, một kỷ luật lao động mới, một tổ chức lao động mới, có khả năng sử dụng những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật tư bản. Lê-nin cho nhiệm vụ thứ hai khó khăn và quan trọng hơn nhiệm vụ thứ nhất, vì xét cho cùng thì nguồn lực lượng to lớn nhất để chiến thắng giai cấp tư sản và cái bảo đảm duy nhất cho những thắng lợi đó được bền vững và không gì phá vỡ nổi chỉ có thể là một phương thức sản xuất xã hội mới, cao hơn, chỉ có thể là việc đem nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thay thế nền sản xuất tư bản và tiểu tư sản.

Tuy nhiên, thực tế lịch sử cũng cho thấy rằng, các giai cấp bóc lột đã bị đánh đổ và chủ nghĩa đế quốc tư bản thường luôn luôn tìm mọi cách chống phá cách mạng. Vì vậy, xây dựng chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải đồng thời bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Chúng ta phải kịp thời dùng bạo lực, kiên quyết trấn áp mọi hoạt động phản cách mạng và trừng trị các tội phạm khác, dập tan mọi âm mưu và kế hoạch của chủ nghĩa đế quốc phá hoại cách mạng nước ta, kiên quyết bảo vệ sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chúng ta coi bạo lực không phải là mục đích, mà chỉ là phương pháp, hơn nữa là một phương pháp chỉ dùng khi cần thiết, chứ không phải là phương pháp chủ yếu hoặc duy nhất để đạt tới mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Bạo lực chỉ là phương pháp nhưng khi cần thiết thì phải sử dụng một cách kiên quyết, thích đáng, không rụt rè, do dự. Bạo lực đối với bọn phản cách mạng không phải chỉ là bắt, trừng trị, trấn áp, mà còn là sử dụng nhiều hình thức, biện pháp cưỡng bức khác. Tất nhiên, việc dùng bạo lực bằng hình thức nào, nhiều hay ít là tùy thuộc vào hình thức và mức độ chống đối của bọn phản cách mạng. Như Lê-nin đã nói: « Chuyên chính vô sản là một cuộc đấu tranh kiên trì, có đổ máu và không đổ máu, có bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và kinh tế, bằng giáo dục và hành chính, chống những thế lực và tập tục của xã hội cũ » (10).

---

(10) V. Lê-nin: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần 2, trang 339.

Digitized by Google

2 — *Giữ vững bên trong, tích cực phòng ngừa, bảo-vệ an toàn cách mạng, chủ động, liên tục tiến công tiêu diệt, làm tan rã bọn phản cách mạng ; chủ động phòng ngừa, liên tục đấu tranh loại trừ tận gốc các tội phạm, các tệ nạn xã hội, và làm giảm đến mức thấp nhất các tai nạn xã hội.*

Muốn làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động của bọn phản cách mạng và các bọn phạm tội khác, nhất là bọn gián điệp xâm nhập vào nội bộ ta, trước hết ta phải bảo vệ tốt nội bộ, củng cố vững chắc nội địa và biên giới của Tổ quốc. Nếu chúng ta củng cố được khối đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công nông thật vững chắc và phát huy cao độ tinh cảnh giác cách mạng và tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo thành một mạng lưới rộng khắp bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ; nếu nội bộ Đảng, chính quyền, các đoàn thể cách mạng được trong sạch, vững mạnh... thì chúng ta vừa tạo được thế phòng ngừa vững chắc, vừa tạo được thế chủ động tiến công liên tục bọn phản cách mạng và bọn tội phạm khác, làm cho chúng luôn luôn bị động đối phó, không có thì giờ nghỉ ngơi, rảnh tay để chống phá cách mạng. Chúng ta phải tích cực phòng ngừa trong các mặt công tác bảo vệ, và phải chủ động trong công tác đấu tranh chống tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, hạn chế tai nạn xã hội, phải ngăn trước ngừa sau, không để có sơ hở khiến cho bọn phạm tội có thể lợi dụng gây tổn thất cho cách mạng. Mọi biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh, rụt rè, phòng ngự đơn thuần, tiêu cực, bị động đều là những sơ hở để cho kẻ địch lợi dụng hoạt động chống phá cách mạng. Bằng nhiều hình thức, nhiều biện pháp, sử dụng phối hợp nhiều lực lượng khác nhau, chúng ta sẽ tạo thành một thế trận liên hoàn vững chắc, một sức mạnh tổng hợp để phòng ngừa nghiêm ngặt và tiến công có hiệu quả bọn phản cách mạng và bọn phạm tội khác. Giữ vững bên trong, tích cực phòng ngừa còn thể hiện ở chỗ tích cực làm tốt công tác cải tạo xóa bỏ những nhân tố tiêu cực, lạc hậu trong xã hội, làm cho những nhân tố đó không gây được tác hại. Đồng thời, phải ra sức xây dựng, phát huy những nhân tố tích cực, tiến bộ, làm cho những nhân tố đó ngày càng chiếm ưu thế trong xã hội và ắt được mọi nhân tố tiêu cực có thể nảy sinh.

3 — *Quán triệt tinh thần kiên quyết và thận trọng* trong công tác đấu tranh chống bọn phản cách mạng và các tội phạm khác. Bọn phạm tội, nhất là bọn phản cách mạng thường hoạt động hết sức tinh vi, xảo quyệt, và các loại màu thuẫn trong xã hội thường xen kẽ nhau hết sức phức tạp. Cho nên, trong công tác trấn áp, trừng trị phải nắm vững tinh thần kiên quyết không để lọt bất cứ kẻ phạm tội nào,

Digitized by Google

đồng thời lại phải thận trọng, không đánh lầm vào người vô tội. Phải kết hợp chặt chẽ hai mặt đó, không được nhẹ mặt này, nặng mặt kia hoặc ngược lại, vì lệch về mặt nào cũng sẽ gây tổn thất cho cách mạng, cho nhân dân.

4 — *Kết hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị với cuộc đấu tranh bảo vệ trật tự, an toàn xã hội.*

An ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội có mối quan hệ chặt chẽ và tác động lẫn nhau. An ninh chính trị được bảo vệ vững chắc sẽ tạo điều kiện thuận lợi để bảo vệ tốt trật tự, an toàn xã hội. Ngược lại, bảo vệ tốt trật tự, an toàn xã hội sẽ tạo điều kiện thuận lợi để bảo vệ tốt an ninh chính trị.

Thực tiễn đấu tranh đã cho ta thấy, bọn phản cách mạng thường lợi dụng những khó khăn tạm thời, những thiếu sót trong việc thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước để kích động những phần tử xấu gây rối trật tự, an toàn xã hội, từ đó phá hoại an ninh chính trị. Ngay vấn đề trật tự, an toàn xã hội, nếu bị vi phạm nghiêm trọng, hoặc nếu giải quyết không khéo thì sẽ gây ảnh hưởng xấu, thậm chí có khi làm cho nó chuyển thành vấn đề an ninh chính trị. Cho nên từ việc đánh giá tình hình đến việc giải quyết những vấn đề thuộc về an ninh chính trị hoặc thuộc về trật tự, an toàn xã hội, chúng ta đều phải luôn luôn tỉnh táo, suy tính đến mối liên quan chặt chẽ giữa hai mặt đó mà đề ra những chủ trương, biện pháp thích hợp nhằm giải quyết tốt mặt này, đồng thời hỗ trợ tốt cho mặt kia, không để xảy ra những sơ hở ở mặt này khiến cho kẻ địch có thể lợi dụng phá ta về mặt kia.

Chúng ta cũng phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, không để cho bọn phản cách mạng có thể lợi dụng, lôi kéo bọn phạm tội hình sự hoạt động tình báo, chiến tranh tâm lý, phá hoại; không để chúng kích động các phần tử xấu, khoét sâu các hiện tượng tiêu cực và sơ hở của ta để gây rối trật tự xã hội, từ đó phá hoại an ninh chính trị, và cũng không để cho những vi phạm về trật tự xã hội phát triển thành những vấn đề về an ninh chính trị.

5 — *Kết hợp chặt chẽ chính sách đấu tranh chống phản cách mạng và các tội phạm khác với các chính sách khác của Đảng và Nhà nước.*

Để bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, chúng ta phải đấu tranh chống những kẻ phạm tội thuộc nhiều tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo khác nhau, trên nhiều lĩnh vực và ở nhiều địa bàn khác nhau. Vai trò, tính chất, động cơ, mục đích phạm tội của từng kẻ phạm tội cũng khác nhau, cho nên chúng ta phải có chính sách, sách lược khôn khéo nhằm phân hóa cao độ bọn phản cách mạng, triệt để cô lập và đánh mạnh vào bọn chủ mưu, thủ ác,

Digitized by Google

bọn ngoan cố chống phá cách mạng đến cùng, và giáo dục, khoan hồng đối với những người bị ép buộc, bị lừa phỉnh, bị lầm đường và những kẻ thật thà hối cải. Chúng ta phải trừng trị thật nghiêm khắc bọn lưu manh chuyên nghiệp, bọn côn đồ hung hãn, bọn gây rối nghiêm trọng, và giáo dục, cảm hóa những kẻ lầm lỗi, phạm pháp nhất thời. *Đó là chính sách nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trấn áp kết hợp với giáo dục cải tạo.* Do chỗ ta có chính nghĩa, có lòng nhân đạo cách mạng, có chính quyền nhân dân vững mạnh, có nhân dân rất tốt, có khí thế cách mạng mạnh mẽ của quần chúng nhân dân, cho nên ngoài biện pháp trấn áp, trừng trị, chúng ta có thể coi trọng và nhấn mạnh công tác giáo dục, cải tạo, cảm hóa những kẻ phạm tội, nhất là đối với những kẻ do bị dụ dỗ, lừa bịp hoặc bị cưỡng bức mà làm tay sai cho địch; chúng ta thực hiện chính sách khoan hồng đối với những người có tội mà biết ăn năn, hối lỗi. Hồ Chủ tịch đã dạy: « Không được báo thù báo oán. Đối với những kẻ đi lầm đường lạc lối, đồng bào ta cần phải dùng chính sách khoan hồng. Lấy lời khôn lẽ phải mà bày cho họ... Nói lẽ phải chắc họ sẽ nghe » (11). Chúng ta phải kết hợp chặt chẽ chính sách đấu tranh chống phản cách mạng và tội phạm khác với các chính sách khác, nhất là chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách đối ngoại, chính sách kinh tế... để phục vụ đắc lực cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ở từng lĩnh vực, từng địa bàn và từng thời gian, từng hoàn cảnh khác nhau.

Trong bất kể tình hình nào của cách mạng, thuận lợi cũng như khó khăn, chúng ta cũng phải biết kết hợp tính cứng rắn về nguyên tắc với tính linh hoạt về sách lược, vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng vừa bảo đảm yêu cầu của cuộc đấu tranh.

★

Tóm lại, vấn đề tăng cường bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, nhằm củng cố trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn mới của cách mạng là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, là trách nhiệm của đảng bộ và chính quyền nhân dân các cấp, và của tất cả các ngành, các giới. Các cơ quan chuyên trách phải làm tham mưu đắc lực giúp cấp ủy và chính quyền cấp mình lãnh đạo và tổ chức thực hiện thật tốt những chủ trương chính sách về bảo vệ

(11) Hồ-chí-Minh : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 245.

Digitized by Google

an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội của Tổ quốc.

Phải làm cho mọi cán bộ, đảng viên trong các ngành, từ trung ương đến các địa phương, hiểu sâu sắc tình hình và nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội đã nêu rõ trong Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng, đề cao trách nhiệm của mỗi người trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng.

Các ngành, các cơ quan, xí nghiệp cần đánh giá toàn bộ tình hình và công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong thời gian qua ở ngành mình, đơn vị mình, đánh giá đúng thành tích và tồn tại, rút kinh nghiệm để có kế hoạch và biện pháp đẩy mạnh công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong ngành mình, đơn vị mình. Cần nhận thức rõ mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó với nhau giữa các mặt hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội với công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội để các ngành phối hợp với nhau một cách chặt chẽ, đồng bộ và gắn chặt nhiệm vụ công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội với các nhiệm vụ, công tác của ngành mình, đơn vị mình.

Cần tăng cường mọi mặt cho các cơ quan chuyên trách (Công an nhân dân, Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân) để các cơ quan này có thể làm tròn chức năng, nhiệm vụ, xứng đáng là những cơ quan tham mưu đắc lực, những lực lượng nòng cốt, xung kích của Đảng và Nhà nước trên mặt trận này.

Cần phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, dấy lên trong quần chúng nhân dân khí thế thi đua sôi nổi làm công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Thông qua phong trào quần chúng mà củng cố lực lượng nòng cốt để duy trì và đẩy mạnh phong trào thường xuyên, liên tục với chất lượng không ngừng được nâng cao, làm cho nhân dân ta có đầy đủ điều kiện thực hiện quyền làm chủ tập thể và nghĩa vụ của mình.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, được sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, và phát huy sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, toàn Đảng, toàn dân ta nhất định sẽ xây dựng và quản lý được một nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa hết sức tốt đẹp trên đất nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta.

Digitized by Google

Tổ chức lại nền sản xuất xã hội theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa

ĐOÀN-TRỌNG-TRUYẾN

I

BÁO cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương do đồng chí Lê-Duẩn trình bày trước Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ : tổ chức lại nền sản xuất xã hội là một trong những vấn đề quan trọng nhất mà việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quản lý kinh tế phải nhằm vào.

Trong hơn 20 năm qua, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã đem lại những thay đổi sâu sắc trong tổ chức nền sản xuất xã hội; một số nhân tố sản xuất lớn đã xuất hiện và phát huy tác dụng; nền kinh tế không còn nguyên vẹn là một nền kinh tế sản xuất nhỏ tự cung tự cấp. Tuy nhiên tổ chức nền sản xuất xã hội vẫn còn mang những nhược điểm của một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ còn phổ biến : trên quy mô toàn xã hội, cũng như trong từng ngành và ở từng vùng, chưa kết hợp có hiệu quả nhất giữa sức lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động; cơ cấu kinh tế quốc dân, nhất là cơ cấu các ngành và trên các vùng lãnh thổ chưa cân đối; chưa kết hợp tốt giữa phát triển lực lượng sản xuất với củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, cũng như chưa kết hợp tốt giữa các thành phần kinh tế, nhất là giữa quốc doanh và hợp tác xã ; các quan hệ kinh tế và kỹ thuật (hợp tác, liên hiệp...) kém phát triển, gò bó theo kiểu « hành chính » ; quá trình tái sản xuất xã hội (sản xuất — phân phối — lưu thông — tiêu dùng) chưa được tổ chức thật thông suốt.

Tổ chức lại nền sản xuất xã hội ở miền Nam lại là một yêu cầu bức thiết sau khi nước nhà được thống nhất. Tuy có một số nhân tố sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa (trong đó tổ chức sản xuất có những mặt tích cực nhất định), nhưng nhìn chung đó vẫn là một nền kinh tế sản xuất nhỏ phổ biến. Nó còn mang nặng vết tích của nền kinh tế thuộc địa kiểu mới, chịu tác động mạnh mẽ của quy luật thị trường, phát triển tự phát, cơ cấu hết sức không cân đối và hoàn toàn lệ thuộc vào thị trường thế giới tư bản chủ nghĩa.

Rõ ràng trong giai đoạn mới, tổ chức lại nền sản xuất xã hội trong

Digitized by Google

phạm vi cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội là một *yêu cầu khách quan*, một *nhiệm vụ cơ bản* của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980 và là một *biện pháp có tính chất chiến lược* để thực hiện kế hoạch.

Tổ chức nền sản xuất xã hội là *tổng thể các yếu tố của sản xuất (sức lao động, đối tượng lao động, công cụ lao động) được phân bố, tổ chức và hoạt động trong mối quan hệ ít nhiều ổn định và kết hợp chặt chẽ với nhau; tổng thể các đơn vị sản xuất, các ngành kinh tế được phân bố, tổ chức và hoạt động trên phạm vi cả nước, cũng như trong các địa phương, trên các vùng lãnh thổ theo một cơ cấu thích hợp trên cơ sở các quy tắc kỹ thuật và công nghệ ngày càng tiến bộ, và theo những mối quan hệ kinh tế — xã hội xã hội chủ nghĩa ngày càng được hoàn thiện; tổng thể các yếu tố, các đơn vị, các ngành ấy hợp thành một hệ thống hoạt động như là một chỉnh thể không ngừng phát triển, nhằm mục đích bảo đảm quá trình tái sản xuất* (sản xuất — phân phối — trao đổi — tiêu dùng) *của nền kinh tế quốc dân, của từng ngành, từng đơn vị được tiến hành có hiệu quả nhất.*

Tổ chức lại sản xuất trên quy mô toàn xã hội, trong một ngành, một địa phương, trên một vùng lãnh thổ, hay trong một đơn vị sản xuất, đại thể bao gồm những nội dung chính sau đây:

— Tạo ra cơ cấu sản xuất hợp lý của các ngành sản xuất (chuyên môn hóa và tổng hợp);

— Xác định quy mô thích hợp;

— Tổ chức quá trình sản xuất gồm các hệ thống thiết bị và kỹ thuật, hệ thống công nghệ, hệ thống tổ chức lao động, hệ thống kinh tế,

— Tổ chức sự hợp tác, liên hiệp sản xuất giữa các đơn vị trong ngành, liên ngành, trên vùng lãnh thổ và địa phương;

— Tổ chức tốt kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội;

— Tổ chức thông suốt quá trình tái sản xuất xã hội từ sản xuất đến phân phối, lưu thông, tiêu dùng cả về mặt hiện vật và giá trị;

— Tổ chức bộ máy trực tiếp quản lý sản xuất — kinh doanh (đồng thời tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế thích ứng).

Tổ chức sản xuất là một bộ phận của khoa học tổ chức và quản lý kinh tế. Cùng với sự xuất hiện của nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, tổ chức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thoát ra khỏi tình trạng kinh nghiệm chủ nghĩa, và dần dần hình thành một «khoa học tổ chức sản xuất». F.W. Tay-lo được coi là một trong những người đi đầu xây dựng khoa học quản lý và tổ chức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

V.I. Lê-nin đã vạch trần bản chất bóc lột dã man của phương pháp Tay-lo: «cũng như tất cả mọi tiến bộ của chủ nghĩa tư bản, đã kết hợp tinh chất tàn bạo tinh vi của sự bóc lột kiểu tư sản với những thành tựu khoa học phong phú nhất về các mặt: phân tích những động tác cơ giới trong lao động, trừ bỏ những động tác thừa và vụng về, xây dựng những phương pháp làm việc hợp lý nhất, áp dụng những chế độ hạch toán và kiểm soát hoàn thiện nhất...» (1).

Trong khi vạch rõ bản chất của khoa học quản lý và tổ chức sản xuất tư sản, Lê-nin cũng xác định: phải tổ chức và nghiên cứu phương pháp Tay-lo, phải «kết hợp chính quyền xô viết và chế độ quản lý xô viết với những tiến bộ mới nhất của chủ nghĩa tư bản» (2).

(1) V. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 27, trang 325.
(2) V. Lê-nin: Sách đã dẫn, trang 325.

Digitized by Google

Tổ chức sản xuất xã hội chủ nghĩa một cách khoa học khác về bản chất với tổ chức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Tổ chức sản xuất xã hội chủ nghĩa vận dụng ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, các khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội, cũng như các khoa học chuyên ngành khác như: điều khiển học, tâm lý học, xã hội học, v.v...

Trong điều kiện nước ta, tổ chức sản xuất phải biết vận dụng sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, của ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, với nội dung hết sức phong phú của nó; phải áp dụng những thành quả mới nhất của khoa học — kỹ thuật vào sản xuất, vào tổ chức và quản lý sản xuất. Tổ chức sản xuất phải kết hợp chặt chẽ khoa học với sản xuất, đưa khoa học phục vụ sản xuất.

Tổ chức lại nền sản xuất xã hội (hay tổ chức sản xuất một ngành, một xí nghiệp) là một nội dung của *công tác quản lý kinh tế*, nó không nằm ngoài quản lý kinh tế. Muốn xây dựng được hệ thống quản lý mới, xã hội chủ nghĩa, muốn vận dụng những phương pháp quản lý xã hội chủ nghĩa, trước hết phải tổ chức nền sản xuất theo những nguyên tắc tổ chức khoa học, xã hội chủ nghĩa. Nhưng tổ chức sản xuất được coi là tổng thể các yếu tố, các đơn vị của nền sản xuất, lại là *đối tượng của quản lý*, là cái nền để vận dụng và hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, để đẩy mạnh tiến bộ khoa học — kỹ thuật. Không thể cải tiến quản lý kinh tế thoát ly hay vượt quá tổ chức sản xuất hiện tồn tại. Hai mặt đó có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Trong công cuộc xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải đồng thời *tổ chức lại nền sản xuất xã hội, xây dựng phương thức quản lý mới* xã hội chủ nghĩa, *và tổ chức bộ máy quản lý*. Ba việc đó quyện chặt với nhau và thúc đẩy lẫn nhau, *hợp thành hệ thống quản lý nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa.*

II

Quá trình phát triển của tổ chức nền sản xuất xã hội nước ta đi theo đường lối xây dựng kinh tế của Đảng và gắn với đặc điểm lớn nhất trong khi tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đường lối đó và đặc điểm đó chi phối toàn bộ quá trình tổ chức lại nền sản xuất xã hội ở nước ta.

1 — Quán triệt đường lối kinh tế của Đảng, tổ chức lại nền sản xuất xã hội phải thể hiện những mối quan hệ lớn, và theo những phương hướng của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, tìm ra những giải pháp có hiệu quả nhất để thực hiện những mục tiêu to lớn đã được đề ra.

a) Tổ chức nền sản xuất xã hội phải thể hiện sự *kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp*. Cơ cấu kinh tế quốc dân là tổng thể những bộ phận, những lĩnh vực hợp thành theo những tỷ lệ cân đối nhất định, tạo thành sức mạnh kinh tế và thế đi lên của nền sản xuất xã hội; nó bao gồm nhiều mặt: cơ cấu các ngành sản xuất và các lĩnh vực khác nhau của tái sản xuất, cơ cấu vật chất và kỹ thuật của xã hội, cơ cấu lao động và dân cư, cơ cấu các thành phần kinh tế, v.v... Trong cơ cấu đó, cơ cấu các ngành sản xuất vật chất là cơ sở, trong đó cơ cấu công — nông nghiệp là *cái cột sống* của cả cơ thể.

Theo đường lối của Đảng, tổ chức nền sản xuất xã hội trước tiên phải

Digitized by Google

nhằm xây dựng cơ cấu kinh tế mới trong đó phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp. Sự kết hợp ấy phải diễn ra trên quy mô cả nước, trên những vùng rộng lớn, trong từng tỉnh, từng huyện và ngay trong từng đơn vị, ở những tầm khác nhau với những nội dung khác nhau.

b) Tổ chức nền sản xuất xã hội phải thể hiện *sự kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.*

Để thực hiện tốt đường lối vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, tổ chức nền sản xuất xã hội phải nhằm phát huy triệt để mọi khả năng của đất nước về tài nguyên, sức lao động, thúc đẩy nhanh sự phân công lao động xã hội và làm cho nền kinh tế quốc dân sinh sôi nảy nở từ mọi bộ phận của cơ thể, trên phạm vi cả nước cũng như trong từng địa phương, từng đơn vị. Phải tổ chức tốt sản xuất trên địa bàn từng tỉnh, thành phố phù hợp với quy hoạch chung của cả nước và điều kiện cụ thể của mỗi địa phương ; lấy đó làm nơi thể hiện cụ thể sự kết hợp kinh tế trung ương và kinh tế địa phương (hay gọi là tổng thể kinh tế lãnh thổ).

c) Tổ chức lại nền sản xuất xã hội phải bảo đảm *kết hợp giữa xây dựng lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới.*

Thực tiễn cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội hơn 20 năm qua ở miền Bắc cũng như thực tiễn gần hai năm qua ở miền Nam được giải phóng chỉ rõ rằng, cần quán triệt quan điểm kết hợp chặt chẽ hai mặt nói trên trong mọi công tác, cụ thể là trong tổ chức sản xuất.

Phải nắm vững và thể hiện một cách linh hoạt sự thống nhất biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ; không thể có hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tách rời với việc phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cũng như ngược lại. Sự kết hợp ấy thể hiện trong cuộc sống thành *một cơ thể kinh tế thống nhất*, một cơ cấu tổ chức sản xuất nhất định, hoạt động trong một chế độ kinh tế — xã hội nhất định.

d) Tổ chức nền sản xuất xã hội phải bảo đảm *kết hợp kinh tế với quốc phòng.*

Xuất phát từ những đặc điểm về địa thế, địa hình, đặc điểm kinh tế — xã hội của đất nước, xuất phát từ những yêu cầu của một cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc có thể xảy ra trong tương lai để kết hợp tốt hơn xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, phải tổ chức sự phân bố lực lượng sản xuất, sức lao động theo những quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế của cả nước, và từng ngành và từng vùng không chỉ đơn thuần theo những yêu cầu về kinh tế mà còn tính tới cả những yêu cầu về quốc phòng. Đó là một tổ chức sản xuất có tính đến những đặc điểm và yêu cầu của cuộc chiến tranh nhân dân trên phạm vi cả nước, trên những vùng chiến lược, cũng như trong từng địa phương.

e) Tổ chức lại sản xuất trong nước cũng gắn bó với chủ trương *tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em*, thực hiện sự phân công, hợp tác tương trợ trên tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, *đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác* trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi.

Mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài là tiếp nối quá trình tái sản xuất độc lập, tự chủ trong nước với kinh tế của nước ngoài, qua đó mà tác động một cách có lợi tới quá trình tái sản xuất của nền kinh tế

Digitized by Google

quốc dân, của từng ngành, từng xí nghiệp. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải tổ chức các mối quan hệ xuất — nhập, hợp tác sản xuất, hợp tác khoa học — kỹ thuật... của những ngành, những đơn vị sản xuất trong nước với nước ngoài; mặt khác phải làm sao cho cơ cấu sản xuất của một số ngành trong nước cũng như tổ chức sản xuất — lưu thông — tiêu thụ của nó, thích ứng với yêu cầu mở rộng quan hệ với thị trường thế giới một cách nhạy bén.

2 — Để tiến hành tốt tổ chức lại nền sản xuất xã hội ở nước ta, để quán triệt đường lối của Đảng, từ những đặc điểm cơ bản của nền kinh tế quốc dân, chúng ta phải tìm ra những *đặc điểm của quá trình tổ chức lại nền sản xuất xã hội* (tiến tới tìm ra những quy luật nội tại) chuyển từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; đó là một công việc phức tạp, khó khăn và phải là kết quả của một sự nghiên cứu kỹ lưỡng về lý luận được thể nghiệm trong thực tiễn.

a) Tổ chức lại nền sản xuất xã hội phải vận dụng *sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động của hệ thống chuyên chính vô sản, của ba cuộc cách mạng* (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa) trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

Chúng ta đã xây dựng được một chế độ kinh tế — xã hội ưu việt, một nền chuyên chính vô sản vững mạnh trên cơ sở một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ còn phổ biến, lực lượng sản xuất chưa phát triển, cơ sở vật chất và kỹ thuật còn yếu. Vì vậy, chúng ta phải dựa vào chế độ xã hội tiên tiến, dựa vào sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động của nền chuyên chính vô sản, mà cải tạo ngay những quan hệ sản xuất cũ, phát huy tác dụng mở đường của quan hệ sản xuất mới, trên cơ sở đó và cùng với một bộ phận sản xuất lớn đã hình thành mà tổ chức lại nền sản xuất xã hội.

Cũng vì vậy mà ở miền Nam, ngay trong khi mới bắt đầu tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, Nhà nước chuyên chính vô sản đã có thể tiến hành những bước đầu tổ chức lại sản xuất, như quy hoạch, phân vùng, tổ chức lại các xí nghiệp của bọn tư sản mại bản, quan liêu quân phiệt bị quốc hữu hóa, liên kết kinh tế của nông dân và thợ thủ công với kinh tế quốc doanh.

b) Tổ chức lại nền sản xuất xã hội ở nước ta trước hết phải dựa trên thế mạnh của đất nước là *tài nguyên thiên nhiên phong phú và sức lao động xã hội dồi dào*, biến nó thành sức mạnh trực tiếp và xem nó là đối tượng quan trọng nhất của tổ chức sản xuất. Tổ chức lại nền sản xuất xã hội phải bắt đầu từ sự phân bố lại lực lượng sản xuất, chủ yếu là lực lượng lao động xã hội xem như một sự bố trí chiến lược mới, bằng cách đưa những người lao động ở những vùng đồng bằng và những thành phố quá đông người, đến kết hợp với đối tượng lao động, tức là đến những vùng đất đai nông nghiệp hiện nay chưa được khai thác (như đồng bằng sông Cửu-long, miền Tây-nguyên, vùng trung du và miền núi phía Bắc), đi trồng và khai thác rừng, khai thác hải sản, đến những khu công nghiệp mới, khai thác khoáng sản v.v.. Trong sự bố trí chiến lược ấy, trọng tâm là phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp là những ngành có khả năng thu hút nhiều sức lao động, đầu tư mang lại hiệu quả tương đối nhanh. Cho nên tổ chức lại nền sản xuất xã hội phải nhằm trọng tâm trước mắt là nông nghiệp, và cùng với nó là lâm nghiệp ngư nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, kể cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, và kết hợp ngay nông nghiệp với công nghiệp.

c) Hoàn cảnh cụ thể của đất nước ta và điều kiện lịch sử hiện nay — sự

Digitized by Google

tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới với một tiềm lực kinh tế ngày càng tăng, sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới — cho phép và đòi hỏi ta phải vừa *tuần tự* tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vừa *nhảy vọt* đi ngay vào sản xuất lớn hiện đại, không qua những bước trung gian; tức là *vừa có kỹ thuật hiện đại, nửa cơ giới, và thô sơ cải tiến, vừa có quy mô to, vừa, nhỏ* kết hợp với nhau. Những cách thức phát triển khác nhau đó không loại trừ lẫn nhau, trái lại chúng có thể kết hợp hài hòa với nhau nếu được vận dụng đúng lúc, đúng chỗ trong tổ chức sản xuất. Ví dụ: trong công nghiệp cơ khí, bên cạnh việc xây dựng những xí nghiệp cơ khí liên hợp cỡ lớn, có dây chuyền công nghệ hiện đại, tổ chức sản xuất và tổ chức lao động tiên tiến, chúng ta vẫn cần sử dụng lực lượng cơ khí hiện có, bao gồm cả những lực lượng nửa cơ khí, thậm chí cả thủ công, tổ chức lại theo những nhóm sản phẩm, chuyên môn hóa và hợp tác với nhau. Trong các ngành công nghiệp nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm, trạng thái phát triển xen kẽ như vậy càng phổ biến, thậm chí có thể sử dụng cả những xưởng nhỏ trong gia đình. Nhưng trong công nghiệp dầu lửa và khí đốt chẳng hạn, từ chỗ không có gì, chúng ta sẽ phải tiến ngay lên sản xuất lớn hiện đại mà không đi tuần tự.

Trong nông nghiệp, quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa càng vô cùng phong phú, đa dạng, kết hợp các trình độ trang bị kỹ thuật, các loại quy mô, vừa tiến lên hình thức công xưởng, vừa còn tính chất của công trường thủ công. Một khuôn sao nào cứng nhắc, một mô hình nào được coi là hoàn hảo nhất không thể thâu tóm được muôn hình muôn vẻ của thực tế và sẽ chỉ có hại. Phân tích những kinh nghiệm của các hợp tác xã tiên tiến của chúng ta với những loại hình khác nhau như Bình-đà, Mỹ-thọ, Quảng-nạp... những kết quả bước đầu ở các huyện Đông-hưng, Nam-ninh, Quỳnh-lưu... chúng ta thấy rằng tổ chức sản xuất nông nghiệp của chúng ta không đi theo con đường tuần tự của lịch sử từ hợp tác giản đơn tiến lên công trường thủ công rồi phải dừng lại một thời gian ở trạng thái công trường thủ công để tích tụ và phát triển mới tiến lên hình thức công xưởng cơ khí (một xí nghiệp nông nghiệp cơ giới hóa), mà, bằng những hình thức khác nhau, ở những mức độ khác nhau, ở những thời điểm khác nhau, các tổ chức sản xuất đó đã tiến nhanh bỏ qua giai đoạn hợp tác giản đơn, và trong khi nhiều bộ phận còn có tính chất công trường thủ công thì có những khâu, những nhân tố của một công xưởng cơ giới đã xuất hiện do sử dụng máy móc, như nguyên tắc về « sự liên tục không gián đoạn của những quá trình » trong sản xuất, sự phân công lao động trong hợp tác xã bắt đầu « không theo nguyên tắc chủ quan nữa mà theo nguyên tắc khách quan ».

d) Tổ chức lại nền sản xuất xã hội ở nước ta phải *phát huy và kết hợp mọi lực lượng kinh tế và xã hội*: kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, công tư hợp doanh, kinh tế cá thể, kể cả tư bản tư doanh trong một chừng mực nhất định ở miền Nam; huy động mọi lực lượng của Nhà nước, của tập thể, của từng người, tổ chức thành ba thứ quân: lực lượng của Nhà nước trung ương, lực lượng của địa phương, lực lượng của nhân dân tự tổ chức.

e) Tổ chức sản xuất phải *kết hợp đầu tư và xây dựng những cơ sở sản xuất mới, tạo ra những công suất mới, với đầu tư hoàn chỉnh và đồng bộ hóa để tận dụng và phát huy những công suất hiện có*. Ngay nay, chúng ta bắt đầu đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không phải với hai bàn tay trắng. Ở miền Bắc, chúng ta đã xây

Digitized by Google

dựng được một tiềm lực nhất định về công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, một hệ thống đồng ruộng được cải tạo và thủy lợi hóa. Ở miền Nam chúng ta tiếp thu được một số cơ sở công nghiệp nhẹ, một hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối phát triển.

Bên cạnh việc đầu tư xây dựng những cơ sở sản xuất mới, những ngành, những vùng kinh tế mới, những công suất sản xuất mới để từng bước tạo ra cơ cấu kinh tế mới hiện đại, chúng ta cần hết sức coi trọng việc tận dụng các năng lực sản xuất hiện có, và dành một tỷ trọng thích đáng vốn đầu tư để hoàn chỉnh, cân đối, đồng bộ hóa hoặc cải tiến nó. Đó là một mặt rất quan trọng của vấn đề tổ chức lại sản xuất, nhất là trong công nghiệp. Những đầu tư bổ sung như vậy mang lại hiệu quả lớn và phát huy tác dụng nhanh. Thật là thiếu sót nếu chúng ta chỉ chú trọng xây dựng thêm nhà máy mới trong khi ta chưa sử dụng hết công suất của các nhà máy hiện có, hoặc chỉ thích xây dựng xí nghiệp quốc doanh mới trong khi năng lực sản xuất của hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp chưa dùng hết.

Ở đây, cần nói thêm về khái niệm đầu tư « theo chiều rộng » và đầu tư « theo chiều sâu » Mác phân biệt « tái sản xuất mở rộng là theo chiều rộng khi phạm vi sản xuất được mở mang thêm, và theo chiều sâu nếu làm cho tư liệu sản xuất tăng thêm hiệu suất » (3). Tái sản xuất và theo đó là một tổ chức sản xuất theo chiều rộng khi ta sử dụng thêm sức lao động, thiết bị, nguyên liệu, đất đai và tài nguyên thiên nhiên.. và tổ chức thêm các ngành, các đơn vị sản xuất mới để tăng sản lượng. Tái sản xuất và theo đó tổ chức sản xuất theo chiều sâu khi ta sử dụng những thành tựu khoa học — kỹ thuật, cải tiến kỹ thuật, thay đổi công nghệ học, tiết kiệm nguyên liệu, nâng cao trình độ lành nghề của công nhân, và tổ chức lại sản xuất của những đơn vị sẵn có để nâng cao sản lượng với số lao động và thiết bị không tăng hoặc tăng không đáng kể. Trong mọi giai đoạn phát triển của ta, đầu tư theo chiều sâu, hiểu đúng nghĩa, khi nào cũng cần thiết ; nhưng không nên nhầm lẫn nó với đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh, đồng bộ hóa thiết bị do bị đánh phá, bị hư hỏng, hay do có thiếu sót trong thiết kế, trong xây lắp trước đây. Trong giai đoạn phát triển hiện nay của nền kinh tế quốc dân nước ta khi mà sức lao động và tài nguyên chưa sử dụng còn nhiều, thì tái sản xuất mở rộng theo chiều rộng chiếm địa vị hết sức quan trọng, nhưng ta cần luôn luôn hết sức xem trọng và tận dụng những nhân tố theo chiều sâu ; hai mặt đó luôn luôn kết hợp với nhau, để không ngừng tận dụng những năng lực sản xuất xã hội, tăng năng suất lao động của từng đơn vị, cho đến năng suất lao động xã hội.

3 — Tổ chức lại nền sản xuất xã hội tuân theo *quá trình tích tụ, chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp sản xuất.* Bốn mặt đó có nội dung kinh tế-kỹ thuật nhất định, có liên hệ chặt chẽ với nhau và tác động lẫn nhau. Quá trình *tích tụ sản xuất* thể hiện qua quy mô của đơn vị sản xuất, có thể được tiến hành qua đầu tư có trọng điểm của Nhà nước, xây dựng những đơn vị sản xuất lớn, hay qua hình thức liên kết các đơn vị sản xuất nhỏ thành một đơn vị sản xuất lớn. Tích tụ sản xuất (và cùng với nó là tích tụ dân cư) có những cơ sở khách quan : trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhất là thiết bị, trình độ khoa học — kỹ thuật, trình độ và năng lực quản lý. Có tích tụ đến một quy mô nhất định nào đó mới có thể sử dụng được những công nghệ học tiến bộ và đẩy mạnh tiến bộ kỹ thuật, mới có năng suất lao động cao

(3) C. Mác : *Tư bản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, quyển II, tập I trang 225 — 226.

Digitized by Google

Một yếu tố quan trọng trong tích tụ ngày nay là *tích tụ năng lực khoa học — kỹ thuật*, cho phép đưa nhanh những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, áp dụng những công nghệ tiên tiến, đạt được những chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật lớn hơn.

Tích tụ phải đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt và phải được chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt kinh tế — kỹ thuật, về mặt tổ chức và quản lý, không thể chủ quan, nóng vội ; mặt khác cũng phải chống tư tưởng bảo thủ, ngại khó dừng lại ở hình thức tổ chức sản xuất nhỏ, phân tán, chậm đi lên sản xuất lớn.

Việc tiến hành hợp nhất vội vã nhiều hợp tác xã nhỏ thành một hợp tác xã quá lớn mà thiếu chuẩn bị chu đáo sẽ đem lại những kết quả không tốt, gây ra những tổn thất, những khó khăn mới trong quản lý, hiệu quả kinh tế giảm sút.

Chuyên môn hóa là quá trình phân công lao động, dẫn đến sự hình thành các ngành kinh tế — kỹ thuật, trong một ngành có một số tối thiểu các xí nghiệp (có thể dưới những hình thức sở hữu khác nhau : quốc doanh hay hợp tác xã) cùng sản xuất những loại sản phẩm như nhau. Chuyên môn hóa đòi hỏi phải thực hiện quản lý theo ngành, bảo đảm các quan hệ hợp tác ổn định trong ngành và với ngành khác ; khắc phục tình trạng ngành hay xí nghiệp « khép kín » một cách máy móc, như một xí nghiệp dệt cũng phải đúc gang, phải sản xuất nhiều mặt hàng cơ khí, gạch, phi-bơ-rô..., hoặc một xí nghiệp chế tạo máy phải có một đội sản xuất đi đào đất sét..., hoặc một công ty xây dựng phải đảm nhận từ xây lắp xí nghiệp cơ khí, trạm chăn nuôi, đến bệnh viện, trường học, nhà ở..., trên một địa bàn rộng hàng nghìn ki-lô-mét vuông mà không có chuyên môn hóa xây dựng, không tiêu chuẩn hóa, định hình hóa thiết kế.

Do điều kiện và tính năng của sản xuất, *chuyên môn hóa trong nông nghiệp* như Lê-nin đã chỉ rõ, khác với trong công nghiệp là hình thành những ngành không tách biệt hẳn nhau, vẫn cứ gắn bó nhau và phát triển một cách tổng hợp trong một vùng nhất định ; cho nên trong vấn đề phân vùng chuyên canh, mỗi vùng cũng như mỗi đơn vị sản xuất có hướng chuyên canh, đồng thời phát triển tổng hợp một cách kinh tế là vấn đề hết sức trọng yếu trong tổ chức sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, đã và đang hình thành những vùng chuyên canh lớn, có những nông sản hàng hóa tiêu biểu, sản xuất trên quy mô lớn như vùng lúa, vùng chè, vùng bông, vùng lạc, vùng cao su... Chuyên môn hóa là điều kiện không thể thiếu được để kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, tăng sản lượng hàng hóa và sản phẩm xuất khẩu. Trên cơ sở chuyên canh theo vùng, mỗi huyện (được điều chỉnh lại địa bàn cho hợp lý hơn) có thể xem như một vùng nhỏ kinh tế nông nghiệp, trong đó có một tổ chức sản xuất lớn kết hợp nông nghiệp với công nghiệp.

Chuyên môn hóa phải gắn liền với *hợp tác*. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tạo ra khả năng hợp tác phong phú, hợp tác theo ngành, hợp tác trên lãnh thổ, hợp tác giữa công nghiệp và nông nghiệp, hợp tác giữa các hình thức sở hữu khác nhau v.v... Mức độ và hình thức hợp tác rất phong phú : có thể hợp tác từng khâu, từng việc, có thể hợp tác nhiều mặt ; cũng có thể hợp tác ổn định hay lâm thời, từng thời vụ, cả năm, từng thời kỳ. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp hiện nay chưa cần phải hợp nhất thành một hợp tác xã quá lớn mà nên phát triển các quan hệ hợp tác từng mặt, hay tổ chức hình thức liên doanh về canh tác, về chăn nuôi, về thủy lợi, trong khi vẫn giữ vững tính chất độc lập của từng hợp tác xã.

Digitized by Google

Trên cơ sở tích tụ của từng đơn vị, chuyên môn hóa và hợp tác, *liên hiệp sản xuất* dẫn đến một mức độ tích tụ sản xuất cao hơn. Nó có thể tiến hành theo *chiều dọc*, tức là liên hiệp các đơn vị sản xuất theo các giai đoạn công nghệ để sản xuất ra một hay một vài loại sản phẩm cuối cùng (như từ khai thác quặng, chế biến, đến làm ra thành phẩm gang, thép; hoặc từ trồng trọt qua chế biến như chè, đường...); hoặc liên hiệp theo *chiều ngang*, tức là liên hiệp những đơn vị sản xuất theo cùng một mức độ chế biến hay cùng một sản phẩm (ví dụ như sản xuất các loại máy công cụ, các loại máy động lực...). Liên hiệp sản xuất cũng có thể tiến hành trong sản xuất, trong cung ứng vật tư, hay tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, hiện nay đã xuất hiện những liên hiệp công — nông nghiệp, liên hiệp khoa học — sản xuất v.v... Trong chủ nghĩa xã hội, liên hiệp sản xuất được tiến hành trên cơ sở những nguyên tắc kinh tế — kỹ thuật, khác hẳn với phương thức liên hiệp chạy theo lợi nhuận của chủ nghĩa tư bản đã in dấu vết trong tổ chức sản xuất và những công ty kinh doanh ở miền Nam dưới thời Mỹ — ngụy.

Liên hiệp sản xuất có thể tiến hành theo nhiều hình thức khác nhau. Hình thức tờ-rớt là liên hiệp các xí nghiệp có các sản phẩm đồng loại, hay cùng một nhiệm vụ, những xí nghiệp có chu trình sản xuất hoàn chỉnh. Hiện nay, một số *công ty hay liên hiệp các xí nghiệp* ở nước ta cũng tổ chức theo nguyên tắc tương tự: nó vừa là cơ quan quản lý kinh tế ngành, vừa là tổ chức kinh doanh. Trong liên hiệp các xí nghiệp, công tác quản lý được tập trung phần lớn lên công ty, các xí nghiệp trực thuộc vẫn giữ tư cách pháp nhân và hạch toán kinh tế độc lập, như liên hiệp các xí nghiệp dệt, liên hiệp xí nghiệp chè... *Xí nghiệp liên hợp* (Côm-bi-nát) là một đơn vị kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, quá trình tái sản xuất được quản lý thống nhất để bảo đảm hiệu quả cao trong sản xuất; nó bao gồm những xí nghiệp thuộc các ngành sản xuất khác nhau, kết hợp với nhau theo chiều dọc để cùng sản xuất ra một loại hay một số loại sản phẩm cuối cùng, như Công ty gang thép Thái-nguyên bao gồm những xí nghiệp khai thác quặng sắt, tuyển quặng, xí nghiệp cung cấp đá vôi, đến toàn bộ dây chuyền công nghệ sản xuất gang, xí nghiệp luyện thép, và các xí nghiệp phù trợ, phục vụ...; hoặc như Công ty than Quảng-ninh bao gồm nhiều mỏ than, nhiều nhà máy sàng, bến bãi, xí nghiệp cơ khí sửa chữa v.v... Những xí nghiệp trong xí nghiệp liên hợp không còn tư cách pháp nhân hoàn toàn và hạch toán kinh tế độc lập; chúng hoạt động ăn khớp với nhau qua những quá trình hợp tác, trao đổi sản phẩm, dịch vụ được tiến hành theo những quan hệ nội bộ, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn là từng xí nghiệp riêng lẻ.

III

Việc tổ chức lại nền sản xuất xã hội nước ta nhằm theo những mục tiêu và những hướng cơ bản mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ ra trong đường lối xây dựng kinh tế và phương hướng phát triển kinh tế của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980.

1 — Tổ chức lại nền sản xuất xã hội, trước hết phải tiến hành *quy hoạch, phân bố lực lượng sản xuất và tổ chức sản xuất* trên phạm vi *cả nước*, từng *ngành*, từng *vùng lãnh thổ và địa phương*. Bước vào giai đoạn mới hiện nay của cách mạng xã hội

Digitized by Google

chủ nghĩa ở nước ta sau khi thống nhất nước nhà, một nhiệm vụ chính trị cực kỳ quan trọng là bố trí chiến lược nền kinh tế quốc dân, là phân bố lực lượng sản xuất nhằm giải quyết những nhu cầu cấp bách của nền kinh tế quốc dân và xây dựng bước đầu cơ cấu kinh tế thích hợp trong giai đoạn mới. Đó là nhiệm vụ tổ chức kinh tế lớn nhất hiện nay

Trước hết, phải đứng trên quan điểm *một nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa thống nhất* để xác định nội dung, phương hướng tổ chức lại sản xuất trong *cả nước*. Nền sản xuất xã hội, được tổ chức đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa từ *hai phía* kết hợp và thống nhất với nhau: một là, từ sự phân bố các lực lượng sản xuất trên quy mô toàn bộ nền kinh tế quốc dân dẫn đến sự hình thành và phát triển tổ chức sản xuất của các ngành, các vùng; hai là, từ sự tích tụ và chuyên môn hóa diễn ra trong mỗi đơn vị, dẫn đến sự hợp tác và liên hiệp sản xuất, và sự phát triển của các ngành, các vùng. Đó cũng là sự vận động thống nhất của phân công trên ba mức khác nhau mà Mác gọi là phân công chung, phân công đặc thù và phân công cá biệt, hoặc ở hai phạm vi khác nhau mà Mác gọi là phân công xã hội và phân công công trường thủ công. Chính trên quan điểm toàn cục đúng đắn mà xác định những phương hướng và bước đi thích hợp nhất để tạo ra một cơ thể kinh tế thống nhất, thông suốt trong cả nước, từ đó mà phân bố các ngành và phát huy đầy đủ nhất thế mạnh của từng vùng, các vùng bổ sung cho nhau, hỗ trợ nhau, kết hợp với nhau; cũng từ đó mà xác định nhiệm vụ tổ chức sản xuất của các đơn vị. Nhiệm vụ trước mắt là phải xúc tiến công tác *quy hoạch*: phân bố lực lượng sản xuất trên cả nước, xây dựng quy hoạch ngành, quy hoạch vùng (trước hết là vùng cơ bản), quy hoạch lãnh thổ trên từng địa phương (tỉnh, huyện), tạo ra một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất có tính năng động và có hiệu quả cao. Phải tiếp tục hoàn chỉnh, chính xác hóa kết quả phân vùng và quy hoạch đã đạt được trên cơ sở những điều tra thiên nhiên (đất đai, rừng, biển, khoáng sản, khí hậu...), kinh tế và xã hội đầy đủ hơn. Kế hoạch dài hạn (15 – 20 năm) và kế hoạch 5 năm của ta thực chất là một kế hoạch tổ chức lại nền sản xuất xã hội, xây dựng một cơ cấu kinh tế theo một kế hoạch thống nhất. Lê-nin nói: « ...Phải biến toàn bộ cơ cấu kinh tế Nhà nước thành *một guồng máy lớn duy nhất*, thành một cơ thể kinh tế, làm việc sao cho hàng trăm triệu người hướng theo *một kế hoạch thống nhất* – đó là nhiệm vụ *tổ chức* lịch sử to lớn đặt lên vai chúng ta »(4).

2 – Tổ chức sản xuất *các ngành* trên quy mô xã hội, *theo nguyên tắc kết hợp ngành với địa phương và vùng lãnh thổ*.

Tổ chức sản xuất theo *ngành* và thực hiện quản lý theo ngành là theo những đặc điểm kinh tế – kỹ thuật, bảo đảm sự phát triển cân đối và hợp lý toàn ngành trong cả nước, thực hiện một chính sách kinh tế và kỹ thuật thống nhất, nhằm tận dụng năng lực sản xuất và lực lượng khoa học – kỹ thuật trong cả nước, tránh sự trùng lắp, chồng chéo trong sản xuất, nghiên cứu, đào tạo... Hiệu quả của tổ chức sản xuất và quản lý theo ngành không thể đo bằng hiệu quả của từng xí nghiệp riêng lẻ, mà phải xem xét hiệu quả của toàn ngành, tác dụng của toàn ngành đối với nền kinh tế quốc dân.

Một ngành kinh tế – kỹ thuật, xét về nội dung mà không xét về hình thức tổ chức, bao gồm cả những xí nghiệp quốc doanh trung ương và xí nghiệp quốc doanh địa phương, các xí nghiệp công tư hợp doanh, các hợp

(4) V. Lê-nin: *Toàn tập*, tập 27, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 106.

Digitized by Google

tác xã và những xí nghiệp tư nhân cùng ngành. Các cơ sở nghiên cứu kinh tế, khoa học – kỹ thuật phục vụ cho ngành là một bộ phận không tách rời của ngành. Tùy từng trường hợp, tổ chức sản xuất ngành có thể gồm cả một số bộ phận cung ứng vật tư hay tiêu thụ sản phẩm. Cần nhanh chóng tổ chức sản xuất các ngành theo quy hoạch kinh tế và theo một chính sách kỹ thuật thống nhất, cân đối hợp lý các năng lực sản xuất với nhu cầu tiêu thụ của cả nước. Đương nhiên ngành phải được phân bố cụ thể theo từng vùng lãnh thổ, và có phân chia thành kinh tế trung ương và kinh tế địa phương; tổ chức sự hợp tác, liên hợp sản xuất theo những hình thức khác nhau giữa các đơn vị sản xuất trong toàn ngành trong cả nước, cùng nhau phát huy thế mạnh của ngành, tập trung sức giải quyết những vấn đề cấp bách của ngành.

Theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ đã ban hành trong năm 1976, những đề án tổ chức ngành đã được chuẩn bị và đang được tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nhằm tổ chức lại sản xuất các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, cung ứng vật tư, thương nghiệp hàng tiêu dùng v.v... theo đặc điểm kinh tế – kỹ thuật của mỗi ngành. Hiện nay dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu các đề án đó, điều chỉnh, bổ sung, thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ và có trọng điểm trong phạm vi cả nước; thúc đẩy sự hình thành và phát triển những ngành trọng yếu theo những phương hướng chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 – 1980. Trên cơ sở đó, cần ra sức *củng cố và phát triển các tổ chức liên hiệp* sản xuất ngành như liên hiệp các xí nghiệp công ty, xí nghiệp liên hợp... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh, đề phòng và chống khuynh hướng hình thức chủ nghĩa.

Cần cải tổ các hình thức tổ chức liên hiệp do chế độ cũ để lại ở các tỉnh miền Nam trên cơ sở các nguyên tắc tổ chức sản xuất xã hội chủ nghĩa và tính toán có căn cứ vững chắc việc thống nhất các tổ chức liên hiệp toàn ngành trong cả nước để phát huy hiệu quả cao nhất trong sản xuất.

3 – Tổ chức sản xuất trên *lãnh thổ và địa phương*: tổ chức sản xuất ngành không thể tách rời với tổ chức sản xuất trên lãnh thổ; phải luôn quán triệt nguyên tắc kết hợp ngành với lãnh thổ, vì bất cứ ngành nào cũng đều cắm trên các đơn vị lãnh thổ, trên các địa bàn tỉnh, thành phố; không có ngành nào nằm ngoài các đơn vị lãnh thổ, thoát ly các địa phương.

Một xí nghiệp chịu sự quản lý của cấp trung ương (Bộ) lại có quan hệ mật thiết nhiều mặt với các xí nghiệp và tổ chức kinh tế khác và với cơ quan chính quyền địa phương trên lãnh thổ. Các quan hệ đó có thể là quan hệ về kinh tế – xã hội, về hành chính – pháp chế, về đời sống vật chất và tinh thần... Có thể kể những mặt quan hệ chủ yếu của xí nghiệp trên lãnh thổ như: sự hình thành đầu tư xây dựng mới hay mở rộng một xí nghiệp bất cứ là của trung ương hay của địa phương đều liên quan đến nhiều mặt kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, trị an... ở địa phương; hoạt động của xí nghiệp phụ thuộc vào hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở địa phương; tùy từng loại xí nghiệp, hoạt động sản xuất của xí nghiệp phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu khai thác tại chỗ như khoáng sản, nông – lâm – hải sản và vào nguồn cung cấp nhân lực; xí nghiệp có trách nhiệm bảo vệ môi trường ở địa phương như lọc bụi, lọc nước, xả khói lên khi quyển; công nhân và cán bộ của xí nghiệp sống tại địa phương, các vấn

Digitized by Google

đề nhà ở, y tế, văn hóa, giáo dục, trật tự an ninh, sinh hoạt đoàn thể, đều được giải quyết ở địa phương. Tóm lại các xí nghiệp ngày càng có nhiều quan hệ kinh tế, quan hệ hợp tác về sản xuất, kỹ thuật, cung ứng, tiêu thụ... với các xí nghiệp bạn trong địa phương. Hoạt động hàng ngày của xí nghiệp gắn rất chặt với đời sống kinh tế – xã hội trên lãnh thổ ở địa phương. Do những mối quan hệ trên tổ chức sản xuất không chỉ đơn thuần theo nguyên tắc ngành mà còn theo nguyên tắc lãnh thổ.

Trên cơ sở quy hoạch vùng cơ bản, cần xây dựng quy hoạch phân bố lực lượng sản xuất và tổ chức sản xuất trong *tỉnh*, phát huy các thế mạnh về tài nguyên và sức lao động của tỉnh, từ quy hoạch công – nông – lâm nghiệp mà xây dựng quy hoạch toàn diện về kết cấu hạ tầng, giao thông vận tải, phát triển đô thị, xây dựng nông thôn... Đây là một công tác kinh tế – kỹ thuật tổng hợp phức tạp, phải kết hợp chặt chẽ kinh tế với văn hóa xã hội, quốc phòng. Trong điều kiện nước ta, mỗi tỉnh có thể xem như là một đơn vị kinh tế lớn trên một địa bàn có ý nghĩa chiến lược, đã có hoặc sẽ có một trung tâm công nghiệp, có một hoặc vài ngành sản xuất chuyên môn hóa, có quy mô tích tụ tương đối lớn, có ý nghĩa kinh tế toàn quốc hay cho một vùng tương đối lớn, vừa có nghĩa vụ đóng góp cho cả nước, vừa thỏa mãn những nhu cầu của nhân dân địa phương.

Theo quy tắc tổng thể (chủ yếu là quy hoạch công – nông nghiệp), tổ chức sản xuất trên địa bàn tỉnh phải kết hợp công nghiệp với nông nghiệp (ở các tỉnh có rừng là công – nông – lâm nghiệp), kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, sao cho công – nông – lâm nghiệp trong từng tỉnh vừa là một bộ phận cấu thành và phục vụ đắc lực cho nền kinh tế quốc dân cả nước, vừa phục vụ đắc lực nhất cho sản xuất và đời sống trong tỉnh; và ngược lại nông – lâm nghiệp trong tỉnh phải vừa là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế quốc dân cả nước, làm cơ sở cho nền công nghiệp chung, vừa là một bộ phận của cơ cấu kinh tế trong tỉnh, phục vụ đắc lực cho sự phát triển công nghiệp trong tỉnh.

Tổ chức sản xuất trên địa bàn *huyện* là sự kết hợp các đơn vị kinh tế nông nghiệp, chủ yếu là nông nghiệp tập thể được tổ chức lại với các cơ sở kinh tế Nhà nước bố trí trên địa bàn huyện để phục vụ các hợp tác xã, để tổ chức sự viện trợ vật chất, kỹ thuật, tài chính của Nhà nước và của công nghiệp quốc doanh đối với nông nghiệp tập thể. Đó cũng là tổ chức lại sự phân công lao động và sự phân bố sức lao động một cách thiết thực trên địa bàn từng huyện, vừa góp phần vào sự cân đối chung cả nước, vừa giải quyết cụ thể sự cân đối ở mỗi địa phương.

Chúng ta ngày càng nhận thức đầy đủ hơn vị trí quan trọng của việc tổ chức sản xuất và đời sống trên địa bàn huyện, xây dựng trên mỗi huyện một tổ chức sản xuất nông – công nghiệp, kết hợp chặt chẽ nông nghiệp (hoặc nông – lâm nghiệp) với công nghiệp theo một quy hoạch và kế hoạch kinh tế – xã hội thống nhất của huyện, phù hợp với quy hoạch của trung ương và của tỉnh. Trên cơ sở tổ chức lại sản xuất của các hợp tác xã theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, và xuất phát từ những yêu cầu mới của các hợp tác xã, phải bố trí một cách hợp lý các trạm, trại nông nghiệp, các cơ sở công nghiệp phục vụ nông nghiệp, các cơ sở trang bị kỹ thuật, các tổ chức cung ứng vật tư – kỹ thuật cho sản xuất, các tổ chức thu mua và cơ sở công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, các chi điếm ngân hàng v.v... Như vậy, một tổ chức sản xuất có tính chất liên hiệp giữa công nghiệp với nông – lâm nghiệp, liên hiệp giữa các hình

Digitized by Google

thức sở hữu Nhà nước và hợp tác xã ra đời và phát triển. Tổ chức sản xuất đó đòi hỏi phải chuyển cấp huyện từ một cấp Nhà nước quản lý hành chính đơn thuần và có tính chất trung gian sang một cấp quản lý kinh tế toàn diện mà điểm mấu chốt là *làm chủ được quá trình tái sản xuất trong huyện về mặt vật chất, kỹ thuật, tài chính, nhất là sản xuất nông — lâm nghiệp, điều hành được quá trình sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu dùng trong huyện*; phân bố lại và huy động được tất cả sức lao động trong huyện vào mục đích phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, cũng như cải thiện đời sống vật chất và văn hóa trong huyện. Hiện nay có tình hình trên một số vùng có khi trùm lên mấy huyện, hình thành một cơ cấu tổ chức sản xuất lớn (nông trường cao su, cà phê..., lâm trường, công nghiệp chế biến,...) và đi theo đó là một kết cấu hạ tầng lớn. Ở đây có thể sớm hình thành *tổ chức liên hiệp nông — công nghiệp*, khác với hình thức kết hợp giữa hợp tác xã với các cơ sở kinh tế quốc doanh của Nhà nước và của huyện. Cơ sở hạ tầng (cơ sở kinh tế) quyết định kiến trúc thượng tầng (bộ máy Nhà nước). Chính quyền cấp huyện là một tổ chức quản lý kinh tế, nó không còn đơn thuần là tổ chức hành chính, nó thực hiện một chức năng tổ chức và quản lý phong phú và vô cùng quan trọng. Song không phải vì thế mà ủy ban nhân dân huyện trở thành một tổ chức kinh doanh nông nghiệp, một liên hiệp sản xuất nông—công nghiệp. Ủy ban nhân dân huyện là một cấp chính quyền Nhà nước thực hiện chức năng tổ chức — quản lý của Nhà nước ở huyện, trong đó có quản lý hành chính Nhà nước và quản lý kinh doanh, mà tổ chức sản xuất và quản lý kinh doanh là quan trọng nhất

Trong một tỉnh cũng như trong một huyện, cần tổ chức sự hợp tác, liên hợp sản xuất dưới những hình thức khác nhau giữa các xí nghiệp trung ương, xí nghiệp địa phương, xí nghiệp công tư hợp doanh, hợp tác xã kể cả tư nhân v.v... tạo nên một cơ thể sống, trong đó các thành viên gắn bó, ăn khớp với nhau và bổ sung nhau, thống nhất thành một tổng thể kinh tế — xã hội có khả năng khai thác đến mức cao nhất mọi năng lực sản xuất trong tỉnh; tóm lại là một tổ chức kinh tế có hiệu quả xét theo ngành dọc cũng như xét theo từng địa bàn

4. *Tổ chức sản xuất trong từng đơn vị sản xuất cơ sở (xí nghiệp, hợp tác xã).*

Có hai loại nguyên nhân đòi hỏi phải tiến hành tổ chức lại sản xuất trong các đơn vị cơ sở ở nước ta hiện nay. Trước hết đó là những nguyên nhân có tính quy luật của sự phát triển, của quá trình trưởng thành của bản thân xí nghiệp xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển của quy luật tích tụ, của quá trình tái sản xuất mở rộng, tiến bộ khoa học — kỹ thuật diễn ra rất nhanh chóng trong sản xuất, nó đòi hỏi cải tiến và đổi mới sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến kỹ thuật sản xuất, cải tiến quá trình công nghệ, hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, thực hiện chuyên môn hóa, hợp tác và liên hợp sản xuất, thay đổi thiết bị, tăng thêm công suất. Nếu như những cải biến nhỏ trong dây chuyền sản xuất đã định hình của xí nghiệp có thể đáp ứng một số yêu cầu trong một khoảng thời gian nhất định thì những cải tiến lớn thường dẫn đến thay đổi cơ bản quy trình công nghệ, thiết bị, mặt bằng sản xuất; đó là một tất yếu để xí nghiệp đáp ứng được những yêu cầu mới. Hơn thế nữa, những yêu cầu về tiến bộ khoa học — kỹ thuật của ngành, những quan hệ nhiều mặt trên lãnh thổ cũng đòi hỏi phải tổ chức lại sản xuất một cách thích hợp. Tổ chức lại sản xuất của xí nghiệp cơ

Digitized by Google

sở, trước hết là một yêu cầu của tiến bộ, của sự phát triển của xí nghiệp, mà bình thường sau một khoảng thời gian nhất định xí nghiệp phải tiến hành.

Với những xí nghiệp ở miền Bắc, tổ chức lại sản xuất còn là một nhiệm vụ cấp bách do trong chiến tranh nhiều xí nghiệp đã bị đánh phá hay đã đi sơ tán nay trở về địa điểm cũ, mặt bằng, dây chuyền công nghiệp, thiết bị kỹ thuật, những quan hệ cung ứng vật tư – kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm... có một số xáo trộn, cần được ổn định lại, tổ chức lại theo những điều kiện mới, có cải tiến một bước. Tổ chức sản xuất ở xí nghiệp cũng cần được cải tiến do yêu cầu tổ chức lại ngành, phân bố lại lực lượng sản xuất trên các vùng, các địa phương. Trong nông nghiệp, yêu cầu tổ chức lại sản xuất trong quy mô hợp tác xã xuất phát từ yêu cầu cải tiến kỹ thuật, tăng cường quá trình phân công lao động trong nội bộ hợp tác xã, phát huy hết năng lực lao động, đất đai canh tác, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, với lâm nghiệp, với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, v.v... tạo thành một cơ cấu kinh tế công – nông – lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng như trên địa bàn huyện.

Các xí nghiệp ở miền Nam cũng phải tổ chức lại sản xuất do phải bổ sung, thay đổi một bộ phận ngày nay trở nên bất hợp lý do thay đổi những quan hệ tư bản chủ nghĩa và thực dân kiểu mới trước đây bằng những quan hệ kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, mỗi một đơn vị kinh tế là một tế bào của một cơ thể chung, tổ chức sản xuất của xí nghiệp cân đối, thông suốt, hoạt động có hiệu quả làm cho quá trình tái sản xuất xã hội cân đối, thông suốt và có hiệu quả, và ngược lại. Tổ chức sản xuất xã hội không tách rời khỏi tổ chức sản xuất xí nghiệp. Nội dung đại thể của tổ chức lại sản xuất ở đơn vị cơ sở là :

– Trên cơ sở quy hoạch ngành và quy hoạch vùng lãnh thổ, xác định phương hướng và nhiệm vụ sản xuất chuyên môn hóa, lựa chọn phương án sản phẩm đáp ứng nhu cầu của xã hội, của nền kinh tế quốc dân, đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Nhiệm vụ xác định *phương hướng sản xuất* lâu dài phải xuất phát từ dự đoán tiến bộ khoa học – kỹ thuật, từ dự đoán phát triển của xã hội và nhu cầu của xã hội, kể cả nhu cầu trong nước và nhu cầu xuất khẩu. Đó là một yêu cầu cao mà chúng ta phải làm và từng bước tiến lên.

– Xác định *quy mô* hợp lý của đơn vị, xét về mặt tài sản cố định, vốn sản xuất, lực lượng lao động, sản lượng, diện tích v.v. trên những căn cứ khoa học – kỹ thuật và kinh tế.

– Tổ chức *hệ thống thiết bị kỹ thuật và công nghệ* của xí nghiệp, sắp xếp hợp lý *dây chuyền sản xuất* theo quy trình công nghệ tiên bộ, bố trí thiết bị, máy móc, các công đoạn, các phân xưởng, các đội sản xuất liên tục và ăn khớp nhau và điều chỉnh các lực lượng để kết hợp một cách kinh tế nhất giữa sức lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động.

Tổ chức lao động theo dây chuyền sản xuất đã xác định, phân công lao động theo yêu cầu và khả năng thực tế chuyên môn hóa kết hợp chặt chẽ các khâu, nhằm đạt năng suất lao động cao nhất của từng khâu trong công đoạn và cuối cùng là năng suất lao động cao nhất của toàn xí nghiệp và hợp tác xã.

– Tổ chức các khâu *cung – tiêu* kết hợp chặt chẽ với quá trình sản xuất, chế biến, bảo đảm quá trình sản xuất và tái sản xuất được đều đặn, liên tục, thông suốt.

– Tổ chức *hệ thống kinh tế* trong xí nghiệp và hợp tác xã, trên cơ sở quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, và trong mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Digitized by Google

– Thiết lập các mối *quan hệ kinh tế* đúng đắn với các đơn vị kinh tế có liên quan trong ngành và trên lãnh thổ, tiến hành chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp sản xuất, bảo đảm quá trình tái sản xuất của cơ sở được liên tục, năng suất lao động ngày càng cao.

Ngoài ra còn phải xác định mối *quan hệ trực thuộc* với cấp trên : về mặt quản lý kinh doanh của đơn vị cơ sở với tổ chức quản lý cấp trên (liên hợp các xí nghiệp – công ty – xí nghiệp liên hợp), và về mặt quản lý hành chính Nhà nước với cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên, trên nguyên tắc áp dụng chế độ tự chịu trách nhiệm của xí nghiệp (cũng như tôn trọng quyền tự chủ của hợp tác xã và quyền làm chủ tập thể của xã viên). Sau khi điều lệ của hợp tác sản xuất nông nghiệp bậc cao đã ra đời, điều lệ của xí nghiệp quốc doanh đang được tổ chức áp dụng thí điểm để rút kinh nghiệm, tiến tới hoàn chỉnh thành bản điều lệ chính thức. Thực chất của quá trình thực hiện điều lệ xí nghiệp quốc doanh là tiến hành một loạt những thay đổi cơ bản trong chế độ quản lý xí nghiệp, thực hiện chế độ tự chủ tài chính và hạch toán kinh tế, vận dụng chế độ thủ trưởng, xác lập quyền tự chịu trách nhiệm và tư cách pháp nhân của xí nghiệp, nâng cao trình độ tổ chức và quản lý của các xí nghiệp.

5 – *Tổ chức các ngành lưu thông phân phối*

Tổ chức sản xuất xã hội phải thông suốt trong toàn bộ quá trình tái sản xuất. Tổ chức thông suốt quá trình tái sản xuất xã hội là bảo đảm những mối liên kết ổn định, liên tục giữa các mặt sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng.

Sản xuất chỉ có thể được thực hiện với tiền đề là khâu phân phối – lưu thông tạo cho nó những điều kiện về sức lao động, vật tư, vốn... ; sản xuất quyết định phân phối, lưu thông và tiêu dùng ; nhưng sản xuất chỉ có thể xem như thật sự hoàn thành khi sản phẩm được tiêu thụ ; phân phối – lưu thông tác động tích cực trở lại sản xuất, có thể thúc đẩy mà cũng có thể cản trở sản xuất. Vấn đề mấu chốt là phải tổ chức khâu phân phối và lưu thông gắn bó và phục vụ tốt sản xuất, và tổ chức sản xuất phải gắn bó với thị trường để quá trình tái sản xuất được thông suốt. Không thể có tái sản xuất thông suốt về mặt hiện vật nếu không có sự chu chuyển thông suốt tương ứng của vốn tiền tệ, không có sự vận động đều đặn của dòng tiền tệ qua hệ thống tài chính và ngân hàng.

Ở nước ta sau khi thống nhất nước nhà, lại phải sớm tổ chức quá trình tái sản xuất thật sự thông suốt về mặt hiện vật và giá trị trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, từ Bắc chí Nam, và qua đó chúng ta càng có điều kiện phát huy đầy đủ những mặt mạnh của nền kinh tế quốc dân thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

Việc gắn các khâu cung – tiêu với sản xuất về mặt tổ chức sản xuất có thể diễn ra với những mức độ khác nhau, dưới những hình thức khác nhau. Đó là tổ chức *hệ thống cung ứng vật tư, hệ thống thương nghiệp bán buôn và thương nghiệp bán lẻ* sao cho thật gắn với sản xuất, phục vụ tốt nhất các ngành, các đơn vị sản xuất và phục vụ tốt nhất người tiêu dùng.

Hệ thống cung – tiêu hiện nay mang những nhược điểm lớn : cách bức, nhiều trung gian, rập theo hệ thống hành chính, các quan hệ kinh tế trực tiếp bị hạn chế đến mức tối thiểu và biến thành những quan hệ hành chính.

Phải cải tổ lại hệ thống ấy, làm cho hoạt động cung – tiêu được tiến hành theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa và theo chế độ hạch toán kinh tế, dưới hình thức quan hệ kinh tế trực tiếp, quan hệ hợp đồng trên cơ sở kế hoạch Nhà nước.

Digitized by Google

Các ngành cung ứng vật tư phải *cải tổ lại hệ thống các công ty* (chuyên doanh, hay tổng hợp) với hệ thống các chi nhánh khu vực, hình thành một mạng lưới kho, cửa hàng... bảo đảm cung ứng vật tư đến cho đơn vị sản xuất.

Phải giảm bớt đến mức tối thiểu các cơ quan cung ứng vật tư trung gian của các Bộ, và chỉ tổ chức những bộ phận phụ trách kinh doanh vật tư của liên hiệp xí nghiệp, công ty, xí nghiệp), liên hợp khi cần thiết; phát triển mối quan hệ kinh tế trực tiếp giữa xí nghiệp sản xuất vật tư và xí nghiệp tiêu dùng vật tư (về vật tư công nghiệp), và giữa xí nghiệp chế biến với nông trường và hợp tác xã (về nguyên liệu nông—lâm—hải sản)không cần qua bất kỳ một khâu trung gian thương nghiệp nào. Trong điều kiện có lợi, tổ chức liên hiệp sản xuất có thể thu hút (liên hiệp) luôn cả khâu kinh doanh vật tư và nguyên liệu vào tổ chức của mình, hoặc tổ chức thành liên hiệp nông — công nghiệp. Trong trường hợp nhất định, các ngành sản xuất lớn trong nước có thể mở rộng tổ chức kinh doanh vật tư ra đến khâu liên hệ với thị trường nước ngoài để nhập khẩu những thiết bị chuyên dùng, thông qua sự quản lý thống nhất của Bộ ngoại thương về mặt Nhà nước theo nguyên tắc Nhà nước nắm độc quyền ngoại thương, và kế hoạch Nhà nước. Hệ thống tiêu thụ sản phẩm của các tổ chức sản xuất hiện nay cũng có nhiều nhược điểm tương tự. Phải cải tổ hệ thống các công ty bán buôn, bán lẻ, cửa hàng... theo hướng làm cho khâu sản xuất nhích gần lại với thị trường tiêu thụ, và trong những điều kiện có lợi, liên hiệp sản xuất có thể thu hút (liên hiệp) luôn cả khâu kinh doanh tiêu thụ (chủ yếu là bán buôn) vào tổ chức của mình. Cũng như trên, trong trường hợp nhất định, các ngành sản xuất lớn có thể mở rộng kinh doanh tiêu thụ ra đến thị trường nước ngoài, còn các Công ty ngoại thương thì chuyên lo kinh doanh xuất — nhập khẩu và không tổ chức kinh doanh trong nội địa. Cần hình thành lực lượng cung ứng vật tư — kỹ thuật và thương nghiệp trong tiêu dùng một cách hợp lý, bao gồm hệ thống kho công ty, cửa hàng, giảm chi phí vận chuyển đến mức thấp nhất từ nơi sản xuất hay nhập khẩu đến nơi sử dụng, khắc phục việc hàng hóa chạy vòng quanh, qua nhiều kho trung gian, nhiều khâu hành chính không cần thiết. Trên yêu cầu phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống của nhân dân, phải tổ chức công tác tiêu thụ sản phẩm một cách hợp lý nhất, làm cho quãng đường của hàng hóa từ khâu nguyên liệu, qua chế biến, đến nơi tiêu thụ cuối cùng là ngắn nhất.

Để cho hoạt động cung — tiêu được thông suốt, vấn đề tổ chức sản xuất trong ngành *vận tải* là rất quan trọng. Hướng tổ chức lại sản xuất ở đây là quy hoạch lại các tuyến vận tải trên các khu vực kinh tế khác nhau và về các loại vận tải khác nhau (đường sắt, đường bộ, đường sông, đường biển, hàng không...); phân công hợp lý giữa các công ty và xí nghiệp vận tải trung ương và địa phương (phân công theo vùng và lãnh thổ), giữa các tổ chức vận tải của ngành giao thông vận tải và các tổ chức vận tải của các Bộ, các địa phương, các đơn vị kinh tế...; tổ chức các công ty kinh doanh vận tải theo nguyên tắc hạch toán kinh tế, và phát triển hình thức tổ chức liên vận.

Một hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (thu mua sản phẩm, cung ứng tư liệu sản xuất) kết hợp với hệ thống tài chính và tín dụng xã hội chủ nghĩa hoạt động tốt, hợp với quy luật, đáp ứng nhanh nhạy các yêu cầu của các đơn vị, các ngành sản xuất, có ý nghĩa và vai trò cực kỳ quan trọng trong tổ chức lại nền sản xuất xã hội. Đó cũng là những công cụ sắc bén để liên kết các tổ chức sản xuất nhỏ lại thành một hệ thống sản xuất

Digitized by Google

lớn. Những đơn vị sản xuất tuy vốn có quy mô nhỏ nhưng không còn hoạt động riêng lẻ, độc lập, mà liên kết với nhau và liên kết với các tổ chức sản xuất kinh doanh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa thành một hệ thống sản xuất — lưu thông rộng lớn, được tổ chức theo những nguyên tắc sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Điều đó rất có ý nghĩa hiện nay ở miền Nam, nếu hệ thống cung ứng vật tư, thương nghiệp, ngân hàng của ta hoạt động tốt trong các quan hệ với nông dân thì tuy nông nghiệp miền Nam chưa hợp tác hóa nhưng không còn là kiểu sản xuất nhỏ cá thể hoàn toàn như xưa, và ta có khả năng dắt dẫn nhanh chóng nông dân đi lên con đường hợp tác hóa và sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Việc vận dụng một hệ thống tiền tệ, tài chính, ngân hàng, giá, lương thống nhất về cơ bản trong cả nước là cực kỳ quan trọng, là một mặt hữu cơ, không tách rời của một quá trình tái sản xuất xã hội thống nhất. Không thể có một nền sản xuất, một thị trường thống nhất trong xã hội về mặt hiện vật nếu không có sự thống nhất về mặt giá trị, hoặc ngược lại: những khác biệt về tiền lương, giá, tiền tệ sẽ được nhanh chóng khắc phục, xóa bỏ tận gốc những khả năng biến động kinh tế ngoài kế hoạch, vượt khỏi sự điều tiết của Nhà nước.

★

Tổ chức nền sản xuất xã hội là một nhiệm vụ lớn trong việc thực hiện đường lối của Đảng; nó có nội dung vừa *cách mạng* vừa *khoa học*, là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và thực tiễn xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Dưới ánh sáng của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra, cần tiếp tục xác định nội dung, bước đi của tổ chức sản xuất, vận dụng vào thực tế, tiến hành cụ thể trong từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị, và từ thực tế mà hoàn chỉnh, bổ sung thêm nội dung và cơ sở lý luận của tổ chức sản xuất.

Digitized by Google

HỒ CHỦ TỊCH NÓI VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG

PHẠM-THÀNH

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và qua hoạt động thực tiễn cách mạng, ngay từ những năm 20 của thế kỷ này, Hồ Chủ tịch đã nhận rõ sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân quốc tế, và sứ mệnh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp của giai cấp công nhân Việt-nam. Người đã khẳng định sự tất yếu phải thành lập một Đảng của giai cấp công nhân để lãnh đạo cách mạng nước ta, bởi vì: « Để giành lấy thắng lợi, cách mạng nhất định phải *do giai cấp công nhân lãnh đạo*. Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất, và tổ chức chặt chẽ nhất. Mà đảng vô sản là bộ tham mưu của giai cấp công nhân » (1). Trong cuốn *Đường cách mệnh*, Hồ Chủ tịch viết: « Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết, phải có Đảng cách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy » (2).

Với nhận thức sâu sắc đó, Hồ Chủ tịch đã vượt mọi khó khăn, trở ngại, và đã tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng ta vào ngày 3 tháng 2 năm 1930. Việc thành lập Đảng đánh dấu bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng nước ta.

Từ khi có Đảng ta và Hồ Chủ tịch lãnh đạo, cách mạng nước ta đã vượt qua bao thử thách, khó khăn và đã giành được những thắng lợi vĩ đại, đưa dân tộc ta từ một dân tộc ít được ai biết đến lên ngang hàng các dân tộc tiên phong của thời đại. Thực tiễn cách mạng nước ta gần một nửa thế kỷ qua đã chứng minh Đảng là nhân tố cơ bản quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Trong tác phẩm *Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc*, Hồ Chủ tịch đã khẳng định: « Cần có sự lãnh đạo của một *đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân*. Chỉ có sự lãnh đạo của một đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào điều kiện cụ

(1), (2) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 68, 11.

Digitized by Google

thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công » (3). Do vai trò cực kỳ quan trọng của Đảng, cho nên trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chủ tịch đã coi việc xây dựng Đảng là công tác hàng đầu và phải tiến hành thường xuyên.

Trong việc xây dựng Đảng, điều quan trọng trước hết là phải xác định tính chất của Đảng. Đây là vấn đề cốt tử của Đảng. Nó quy định đảng của giai cấp nào và phục vụ quyền lợi của ai? Ngay từ khi thành lập Đảng ta, trong *Sách lược vắn tắt của Đảng*, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: « Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng » (4). Hồ Chủ tịch còn chỉ rõ mối quan hệ giữa Đảng và giai cấp công nhân: « Giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được, Đảng mà không có giai cấp công nhân cũng không làm được gì » (5). Nhưng Đảng không phải là toàn bộ giai cấp, không thể hòa Đảng vào giai cấp. Cho nên, phải tổ chức toàn bộ công tác của Đảng theo tinh thần giáo dục và rèn luyện quần chúng mà không được hạ thấp Đảng ngang hàng quần chúng. Khẳng định tính chất giai cấp công nhân của Đảng không phải là tách biệt Đảng và giai cấp công nhân khỏi quần chúng nhân dân, đối lập lợi ích của giai cấp công nhân với lợi ích của nhân dân lao động, của dân tộc. Hồ Chủ tịch nói: « Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc » (6). « Ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác » (7).

Mục đích cuối cùng của Đảng ta là thực hiện chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở Việt-nam và đấu tranh giành thắng lợi cho chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới. Do điều kiện cụ thể của nước ta, một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, muốn đưa nước ta lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản thì trước hết Đảng ta phải làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc để tạo điều kiện giải phóng giai cấp. Ngay từ khi Đảng ta mới ra đời, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ cách mạng Việt-nam phải trải qua hai giai đoạn: trước hết làm cách mạng dân tộc dân chủ thực hiện độc lập dân tộc, người cày có ruộng, rồi tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của Đảng ta, nhưng đó chưa phải là mục đích cuối cùng của Đảng. Hồ Chủ tịch thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên: « Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới » (8).

Giai cấp công nhân mang tính chất quốc tế. Sứ mệnh lịch sử của Đảng của giai cấp công nhân không phải chỉ trong phạm vi nước mình mà còn góp phần vào cuộc đấu tranh chung nhằm giải phóng toàn thể nhân loại và xây dựng một xã hội không có người bóc lột người trên toàn thế giới. Đảng ta là một bộ phận của phong trào cộng sản quốc tế, có trách

(3) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 301 — 302.

(4) *Văn kiện Đảng* 27-10-1929 — 7-4-1935, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, trang 14.

(5), (6) Hồ-Chí-Minh: *Những lời kêu gọi*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập IV, trang 43.

(7) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 766.

(8) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 138.

Digitized by Google

nhiệm đối với sự nghiệp cách mạng thế giới

Do xác định tính chất của Đảng một cách đúng đắn, cho nên từ khi ra đời tới nay, Đảng ta dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch đã luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc. Đồng thời Đảng ta kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, tích cực góp phần củng cố và phát triển phong trào cách mạng thế giới.

★

Đảng cộng sản là sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào công nhân. Ở Việt-nam, Đảng ta ra đời là sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Ngay từ khi thành lập Đảng, Hồ Chủ tịch đã lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Người chỉ rõ: «Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin» (9).

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Hồ Chủ tịch lại nêu rõ: *Về lý luận*, Đảng lao động Việt-nam theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin» (10).

Trong quá trình xây dựng Đảng và lãnh đạo cách mạng, Hồ Chủ tịch và Đảng ta rất coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong Đảng, coi đó là một điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng. Từ thực tiễn cách mạng Việt-nam, Hồ Chủ tịch đã khẳng định một đảng chân chính của giai cấp công nhân lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng phải biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh thực tế nước mình. Người thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên: «Học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn» (11). Người thường phê phán cách học thuộc lòng một số sách Mác — Lê-nin mà không học tinh thần, thực chất cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, học để trang sức chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng. Hồ Chủ tịch còn dạy phải biết khéo kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với những truyền thống quý báu và những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của dân tộc; đồng thời phải khiêm tốn học tập và vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm cách mạng của các đảng anh em vào hoàn cảnh Việt-nam; kiên quyết bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống mọi khuynh hướng cơ hội sai trái, mọi biểu hiện của chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa giáo điều.

Được xây dựng theo tinh thần đó, Đảng ta đã vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin phù hợp với thực tế cách mạng nước ta, kế thừa được những truyền thống và kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của dân tộc, và tiếp thụ được những kinh nghiệm tốt của các đảng anh em. Chính vì vậy đường lối, chủ trương của Đảng ta luôn luôn đúng đắn,

(9), (10), (11) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 11, 59, 79.

Digitized by Google

sáng tạo, và đó cũng là nguồn gốc tạo nên mọi thắng lợi của cách mạng nước ta.

★

Nguồn sức mạnh to lớn của Đảng là sự đoàn kết thống nhất nội bộ. Đó là điều kiện tất yếu bảo đảm cho Đảng ta, cho giai cấp công nhân giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh vô cùng gay go, ác liệt giành và giữ chính quyền cách mạng cũng như trong cuộc đấu tranh cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới — xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Hồ Chủ tịch thường nhấn mạnh: « Sức mạnh của Đảng *ở sự đoàn kết nhất trí* » (12). Trong Di chúc thiêng liêng của Người, Hồ Chủ tịch căn dặn : « *Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình (13). Người thường nhắc nhở, đoàn kết nhất trí trước hết phải dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng. Đoàn kết nhất trí không phải chỉ trong lời nói, trong tổ chức mà trong cả tư tưởng và hành động. Bởi vì : « Đoàn thể là đạo quân tiên phong. Nếu lúc xung phong mà người nói thế này, kẻ nói thế kia, kèn thổi ngược, trống đánh xuôi, thì còn mong gì thắng trận. Chẳng những Đoàn thể ta phải nhất trí mà quân, dân, chính cũng phải nhất trí » (14).

Sự đoàn kết nhất trí của Đảng dựa trên cơ sở mở rộng dân chủ nội bộ và tăng cường kỷ luật của Đảng, thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình. Sự đoàn kết nhất trí còn dựa trên việc xây dựng tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, luôn luôn ngăn chặn mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, địa phương, cục bộ, bè phái, hẹp hòi..., làm tổn hại đến khối thống nhất trong Đảng, tổn hại đến lợi ích của cách mạng. Hồ Chủ tịch dạy: « Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau » (15).

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Nguyên tắc này bảo đảm cho mọi tổ chức của Đảng và đảng viên phát huy tính tích cực trong việc tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng ; bảo đảm cho sự thống nhất ý chí và hành động trong Đảng được thực hiện bằng kỷ luật tự giác và nghiêm minh theo đúng các nguyên tắc sinh hoạt Đảng. Dân chủ phải đi đôi với tập trung. Hồ Chủ tịch nói: « Phải kiên quyết thực hành kỷ luật, tức là cá nhân phải tuyệt đối phục tùng tổ chức, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương » (16). Trong lãnh đạo, các cấp bộ Đảng phải thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách: « Mọi việc đều bàn bạc một cách dân chủ và tập thể. Khi đã quyết định rồi, thì phân phối công tác phải rạch ròi, giao cho một hoặc mấy đồng chí làm đến nơi đến chốn » (17).

Tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng. Hồ Chủ tịch nói: « Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và đảng viên » (18). Hồ Chủ tịch còn chỉ rõ : « Trong bao nhiêu năm hoạt động bí mật, dù bị

(12), (13) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, trang 126, 176.

(14) Hồ-Chí-Minh : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 263.

(15), (16), (17), (18) Hồ-Chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 176, 23, 123, 21.

Digitized by Google

bọn thực dân khủng bố gắt gao, và Đảng ta gặp rất nhiều khó khăn, nguy hiểm, nhưng Đảng ta ngày càng phát triển, càng mạnh mẽ, và đã lãnh đạo nhân dân làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi. Đó là vì Đảng ta khéo dùng cái vũ khí sắc bén *phê bình và tự phê bình* » (19).

Tự phê bình và phê bình phải đi đôi với nhau nhằm mục đích giúp đỡ nhau cùng tiến bộ và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hồ Chủ tịch nói : « Phải đòi hỏi mỗi đảng viên, trước hết là mỗi cán bộ phải thật thà *tự phê bình*, tự sửa chữa những khuyết điểm của mình. Đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết » (20). Người nghiêm khắc phê phán những cán bộ, đảng viên do bị chủ nghĩa cá nhân trói buộc mà trở nên kiêu ngạo, công thần, tự cao tự đại, chỉ phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình mình ; không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không thật thà nghiêm chỉnh, sợ tự phê bình thì mất thể diện, mất uy tín ; không lắng nghe ý kiến của quần chúng, xem khinh những người ngoài Đảng. Hồ Chủ tịch nhấn mạnh . « Không chịu nghe phê bình và tự phê bình thì nhất định lạc hậu, thoái bộ. Lạc hậu và thoái bộ thì sẽ bị quần chúng bỏ rơi. Đó là kết quả tất nhiên của chủ nghĩa cá nhân » (21).

Một đảng có tổ chức chặt chẽ phải là một đảng có kỷ luật nghiêm minh đồng thời là kỷ luật tự giác, cán bộ đảng viên phải có tinh thần kỷ luật, ý thức tổ chức. Đó cũng là sức mạnh của Đảng. Hồ Chủ tịch nói : « Sức mạnh vô địch của Đảng là ở *tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức* nghiêm chỉnh của cán bộ và đảng viên »,(22)Bởi vì : « Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật. Kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác » (23) Đề cao kỷ luật là để bảo đảm sự nhất trí về tư tưởng và hành động trong Đảng ; bảo đảm cho việc thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa tự do, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật. Đề cao kỷ luật là nhằm bảo vệ nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Hồ Chủ tịch chỉ rõ kỷ luật của Đảng phải được thực hiện nghiêm minh từ trên xuống dưới. Cán bộ, đảng viên chẳng những phải đề cao kỷ luật ở trong Đảng, mà còn phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của các đoàn thể quần chúng, không ai có thể đặt mình cao hơn tổ chức, tự cho phép mình đứng ngoài kỷ luật của Đảng. Phải xử lý kịp thời và thích đáng những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng. Người nghiêm khắc phê phán những trường hợp thực hiện kỷ luật chưa nghiêm minh ở trong Đảng : « Nhiều nơi có đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này, đi nơi khác lại ở nguyên cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ làm việc. Có đồng chí đáng phải trừng phạt nặng nề, nhưng vì cảm tình nể nang, chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí có nơi che đậy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy, làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa, nếu kỷ luật của đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại đoàn thể ta » (24).

★

Xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, xuất

(19), (20), (21), (22) Hồ-Chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, trang 76, 23, 77, 115.

(23) Hồ-Chí-Minh : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 302.

(24) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 17.

Digitized by Google

phát từ mối quan hệ hữu cơ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quần chúng trong cách mạng. Hồ Chủ tịch chỉ rõ: « Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi. Đồng thời, Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng thì cách mạng mới thành công » (25). Người còn nói tất cả những thắng lợi của cách mạng không phải là công lao riêng của Đảng mà « Đó là công lao chung của toàn thể đồng bào ta trong cả nước. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin» (26).

Đảng phải liên hệ mật thiết với quần chúng trước hết là vì: « Đảng ta đại biểu cho *lợi ích chung* của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu *lợi ích riêng* của một nhóm người nào, của cá nhân nào » (27). Vì vậy, mọi đường lối, chính sách của Đảng phải thể hiện ý chí và nguyện vọng chính đáng của quần chúng, phải luôn luôn từ thực tiễn đấu tranh và sản xuất của quần chúng mà kiểm tra lại đường lối, chính sách của Đảng. Liên hệ mật thiết với quần chúng là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Bằng lời nói và việc làm, cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu; đoàn kết quần chúng chung quanh Đảng, phát huy mọi khả năng sáng tạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để xây dựng chủ nghĩa xã hội, « vì chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người » (28) Liên hệ mật thiết với quần chúng là phải ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; giác ngộ quần chúng, nâng cao trình độ kiến thức ngày càng cao cho quần chúng, bảo đảm cho quần chúng có đủ điều kiện thực hiện quyền làm chủ ngày càng đầy đủ trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị và xã hội. Hồ Chủ tịch nhấn mạnh: « Cán bộ và đảng viên càng *phải* nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. *Phải* yêu kính nhân dân. *Phải* thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt « quan cách mạng » ra lệnh ra oai. *Phải* nắm vững quan điểm giai cấp, đi đúng đường lối quần chúng, thành tâm học hỏi quần chúng, kiên quyết dựa vào quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng tiến hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và của Nhà nước. *Phải* thật thà, ngay thẳng; không được giấu dốt, giấu khuyết điểm, sai lầm. *Phải* khiêm tốn, gần gũi quần chúng, không được kiêu ngạo; *phải* thực sự cầu thị, không được chủ quan. *Phải* luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. Phải « *chí công vô tư* », và có tinh thần « *lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ* ». Đó là đạo đức của người cộng sản » (29).

Cùng với việc chỉ ra nội dung rất phong phú, rất sâu sắc và cũng rất thiết thực của mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng, Hồ Chủ tịch đã thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải ngăn ngừa và khắc phục bệnh quan liêu, mệnh lệnh, xa

(25) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 185.

(26),(27) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 108, 75.

(28) Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập*: nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 637.

(29) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 114.

Digitized by Google

rời thực tế, xa rời quần chúng. Người chỉ rõ: « Hiện nay, *chủ nghĩa cá nhân* đang ám ảnh một số đồng chí. Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ ngại làm việc tổ chức, tuyên truyền và giáo dục quần chúng. Họ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung quy là họ không làm nên trò trống gì » (30).

★

Xây dựng Đảng là một quá trình thống nhất giữa các mặt xây dựng chính trị, tư tưởng và tổ chức. Hồ Chủ tịch luôn luôn nhấn mạnh sự thống nhất ba mặt đó trong việc xây dựng Đảng ta. Đó là ba mặt có mối liên hệ mật thiết với nhau, tạo thành sức mạnh tổng hợp của Đảng. Trước hết, Đảng phải có đường lối đúng. Xây dựng Đảng về chính trị là yếu tố quan trọng đầu tiên. Nhưng xây dựng Đảng về chính trị phải gắn liền với xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức, không lúc nào coi nhẹ hoặc buông lỏng mặt nào mà phải luôn luôn kết hợp chặt chẽ ba mặt đó với nhau. Có đường lối chính trị đúng nhưng không có công tác tư tưởng và tổ chức phù hợp thì không thể thực hiện thắng lợi đường lối đó. Trong từng giai đoạn cách mạng, Hồ Chủ tịch luôn luôn xác định đường lối, chính sách, nhiệm vụ, mục tiêu một cách chính xác, và Người đã căn cứ vào nhiệm vụ chính trị đó để xây dựng Đảng về mặt tư tưởng và mặt tổ chức, bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, sau khi xác định nhiệm vụ trung tâm của Đảng là đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi, Hồ Chủ tịch đã vạch rõ những công việc cần kíp của Đảng là « *học tập chủ nghĩa, đúc rèn tư tưởng, nâng cao lý luận, chỉnh đốn tổ chức* ». (31). Để thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, Hồ Chủ tịch chỉ rõ, Đảng ta phải: « Tăng cường về mặt tư tưởng và kiện toàn về mặt tổ chức. Đảng phải *phát triển tổ chức* của mình một cách thận trọng, vững chắc và rộng rãi trong quần chúng, chủ yếu là trong quần chúng công nhân, để tăng cường thành phần vô sản trong Đảng » (32). Đồng thời, Người chỉ rõ mọi đảng viên đều phải ra sức « *học tập chủ nghĩa Mác – Lênin* », « luôn luôn *nâng cao đạo đức cách mạng* », kiên quyết đấu tranh *chống chủ nghĩa cá nhân*, bồi dưỡng *chủ nghĩa tập thể* của giai cấp vô sản », « cố gắng *học tập văn hóa, học tập khoa học và kỹ thuật* »; « phải *tăng cường sự lãnh đạo* của Đảng trên mọi lĩnh vực » (33).

Hồ Chủ tịch còn nhấn mạnh tác dụng của công tác kiểm tra trong việc củng cố Đảng về mặt tư tưởng và tổ chức: « Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó mà góp phần vào việc củng cố Đảng về tư tưởng, về tổ chức » (34).

★

Hồ Chủ tịch coi việc củng cố và phát triển Đảng là nhiệm vụ phải tiến hành thường xuyên. Củng cố và phát triển phải luôn luôn đi đôi với nhau. Có củng cố Đảng vững mạnh thì việc phát triển Đảng mới tiến hành tốt. Có làm tốt việc phát triển Đảng thì mới làm cho Đảng được củng cố vững mạnh. Đảng ta, thông qua phong trào

---

(30) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 77.

(31), (32), (33), (34) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 57, 98, 98 — 99, 133.

Digitized by Google

cách mạng của quần chúng để lựa chọn, bồi dưỡng những người ưu tú, kết nạp vào Đảng, đồng thời loại trừ ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, những người không đủ tư cách đảng viên để làm cho Đảng luôn luôn trong sạch. Công tác phát triển Đảng phải trọng chất lượng hơn số lượng. Giữa số lượng và chất lượng đảng viên có mối quan hệ biện chứng. Số lượng đảng viên phát triển đến mức độ nào đó mới tạo thành sức mạnh và lực lượng chiến đấu của Đảng, nhưng phải trên cơ sở bảo đảm những yêu cầu về chất lượng đảng viên thì số lượng mới có ý nghĩa, nếu không như vậy sẽ dẫn tới những hậu quả không tốt. Vì vậy, trong công tác kết nạp đảng viên mới trước hết phải coi trọng chất lượng, tuyệt đối không chạy theo số lượng. Hồ Chủ tịch nói: « Cần phải xem công tác củng cố và phát triển Đảng là một công tác quan trọng và thường xuyên. Và phải nắm vững phương châm phát triển Đảng là trọng chất hơn lượng (35). « Phải chọn lọc đảng viên mới một cách hết sức cẩn thận » (36).

Khi Đảng đã trở thành Đảng lãnh đạo chính quyền, thành người lãnh đạo thực tế toàn xã hội thì mối liên hệ giữa Đảng với mọi mặt đời sống xã hội càng gắn bó chặt chẽ với nhau hơn, toàn diện hơn. Giành được chính quyền, xây dựng được bộ máy Nhà nước là sự đánh dấu một bước trưởng thành đặc biệt của Đảng, của cách mạng. Đó là những công cụ quan trọng của Đảng để tổ chức thực hiện mọi đường lối, chính sách của Đảng. Cho nên, gắn chặt việc xây dựng tổ chức Đảng với việc nâng cao năng lực quản lý, kiện toàn tổ chức Nhà nước và xây dựng, củng cố các tổ chức quần chúng, là một trong những phương châm xây dựng Đảng được Hồ Chủ tịch thực hiện rất sớm và rất thấu triệt. Sau Cách mạng tháng Tám, bên cạnh việc củng cố Đảng ta, Hồ Chủ tịch rất quan tâm xây dựng Nhà nước non trẻ của ta thành một Nhà nước dân chủ thật sự của dân, do dân, vì dân. Người thường nói: « Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan của Chính phủ, từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh » (37).

Khi miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước dân chủ nhân dân chuyển sang làm chức năng của chuyên chính vô sản. Vai trò của Đảng lúc này gắn bó khăng khít với sự tồn tại và vững mạnh của hệ thống chuyên chính vô sản nói chung và chính quyền Nhà nước nói riêng. Trong hệ thống chuyên chính vô sản, Đảng là hạt nhân lãnh đạo. Cho nên tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng là điều hết sức quan trọng. Hồ Chủ tịch nói: « Để bảo đảm thắng lợi của cách mạng, vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải nâng cao hơn nữa sức chiến đấu của toàn Đảng ta, phát huy hơn nữa tác dụng lãnh đạo của Đảng ta trên mọi mặt công tác » (38).

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trước hết là nâng cao năng lực của Đảng trong việc xây dựng, kiện toàn, sử dụng và phát huy quyền lực và hiệu lực quản lý của Nhà nước. Nhà nước mạnh là dấu hiệu nói lên trình độ và năng lực tổ chức của Đảng. Cho nên, cùng với

(35), (36) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 131, 122.

(37), (38) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 58, 237.

Digitized by Google

việc tăng cường công tác xây dựng Đảng. Hồ Chủ tịch luôn luôn chú trọng củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước chuyên chính vô sản.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, cùng với việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chủ yếu bằng Nhà nước, phải thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bằng các đoàn thể quần chúng. Cho nên các đoàn thể quần chúng giữ một vị trí quan trọng trong hệ thống chuyên chính vô sản. Việc xây dựng và củng cố các đoàn thể quần chúng là một vấn đề được Hồ Chủ tịch đặc biệt chú ý và Người thường xuyên nhắc nhở các cấp ủy Đảng phải thực hiện. Trong quá trình thực hiện phương châm này, Hồ Chủ tịch và Đảng ta chống mọi khuynh hướng hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chuyên chính vô sản, đồng thời chống mọi biểu hiện Đảng bao biện, làm thay công việc của bộ máy chính quyền và các tổ chức quần chúng.

★

Muốn tăng cường sức chiến đấu của Đảng còn phải nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên, kết hợp chặt chẽ với việc nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở Đảng. Vấn đề này cũng được Hồ Chủ tịch rất quan tâm trong quá trình xây dựng và rèn luyện Đảng ta. Giữa tổ chức và cán bộ, đảng viên có mối quan hệ quyết định và phụ thuộc nhau. Tổ chức như thế nào thì cán bộ, đảng viên chịu ảnh hưởng như thế ấy. Và ngược lại, cán bộ, đảng viên ảnh hưởng quyết định đến tổ chức. Do đó, không thể tách rời mà phải kết hợp chặt chẽ hai mặt đó với nhau. Không thể chỉ làm việc này mà buông lỏng việc kia, nhấn mạnh việc này coi nhẹ việc kia, và cũng không thể làm hai việc đó một cách tách rời nhau. Hồ Chủ tịch nói: «Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do chi bộ tốt, chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt» (39). Đồng thời, Người lại nói: «Đối với Đảng ta, xây dựng chi bộ cho tốt, cho vững mạnh là một việc vô cùng quan trọng» (40). «Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt» (41).

Nâng cao chất lượng, sức chiến đấu của chi bộ và đảng bộ cơ sở là phải làm cho: «Mỗi *chi bộ* của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở, đoàn kết chặt chẽ, liên hệ mật thiết với quần chúng, phát huy được trí tuệ và lực lượng vĩ đại của quần chúng. Mỗi *cấp bộ* của Đảng phải là một cơ quan lãnh đạo vững chắc ở địa phương, theo đúng đường lối, chính sách của Trung ương» (42).

Thực hiện phương châm kết hợp việc nâng cao chất lượng đảng viên với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, ngoài việc tổ chức học tập và giáo dục đảng viên, sinh hoạt tư tưởng trong Đảng, cần phải lấy các hoạt động hàng ngày của tổ chức cơ sở Đảng nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ khác của Đảng làm trung tâm rèn luyện, nâng cao chất lượng đối với tổ chức Đảng và đảng viên. Hồ Chủ tịch đã nêu những tiêu chuẩn cho các chi bộ và đảng bộ cơ sở như sau: «Đảng viên gương mẫu trong mọi công việc, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nội bộ thật sự đoàn kết; chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, lãnh đạo tốt sản xuất và chiến đấu; một lòng một dạ phục vụ nhân dân, thiết thực chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đối với Đảng thì củng cố tốt và phát triển tốt» (43).

---

(39), (40), (41), (42), (43) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1970, trang 149, 142, 158, 126, 142.

Digitized by Google

Hồ Chủ tịch nghiêm khắc phê phán những chi bộ kém và Người đã vạch ra biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh việc xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở: « Để tránh tình trạng có đảng viên kém, có chi bộ kém, từ nay các huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy cần phải đi sâu đi sát đến các chi bộ, cần phải giúp đỡ các chi bộ một cách thiết thực và thường xuyên » (44).

Trong việc rèn luyện nâng cao chất lượng đảng viên, Hồ Chủ tịch luôn luôn coi trọng các mặt: giáo dục đường lối chính sách, bồi dưỡng phẩm chất và đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ lý luận Mác – Lê-nin, trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên.

Để việc nâng cao chất lượng đảng viên có kết quả, Hồ Chủ tịch đã kết hợp các biện pháp giáo dục và tổ chức, kết hợp tự phê bình và phê bình trong Đảng với việc quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên. Người chỉ rõ: « Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng, Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên ». (45)

★

Được sự giáo dục, lãnh đạo và rèn luyện của Hồ Chủ tịch, lại được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng gian khổ, lâu dài, cho nên mặc dù sinh ra và lớn lên trong một nước nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân nhỏ bé, Đảng ta vẫn giữ vững được tính chất tiên phong cách mạng của đảng của giai cấp công nhân và đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên những sự nghiệp cách mạng vĩ đại. Thành công của Đảng ta trong công tác xây dựng Đảng đã chứng tỏ những quan điểm về xây dựng Đảng của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn. Đó là sự vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý về xây dựng Đảng kiểu mới của Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt-nam. Trong từng giai đoạn cách mạng, Hồ Chủ tịch luôn luôn nhạy cảm với những chuyển biến của cuộc đấu tranh cách mạng, Người đã kịp thời tìm ra được những khâu chủ yếu trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Những quan điểm về xây dựng Đảng của Hồ Chủ tịch luôn luôn sinh động, luôn luôn gắn với sự phát triển của phong trào cách mạng và nhằm hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Những quan điểm về xây dựng Đảng của Hồ Chủ tịch là nền tảng của lý luận xây dựng Đảng của giai cấp công nhân ở nước ta và góp phần làm phong phú lý luận xây dựng đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

---

(44) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 144.

(45) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 223.

Digitized by Google

Nâng cao tính khoa học và tính cách mạng trong công tác xây dựng Đảng

ĐÀO-DUY-CẬN

I

TÍNH khoa học và tính cách mạng là đặc trưng cơ bản nhất của học thuyết Mác — Lê-nin. Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn luôn nắm vững và quán triệt đặc trưng đó trong toàn bộ hoạt động của mình, đặc biệt là trên lĩnh vực xây dựng Đảng.

Ngày nay, cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới: giai đoạn cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đảng ta đã trở thành Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước, trở thành người lãnh đạo thực tế toàn xã hội. Trách nhiệm của Đảng đối với giai cấp công nhân, với nhân dân, dân tộc và phong trào cộng sản quốc tế càng nặng nề hơn trước. Nội dung xây dựng Đảng, quy luật trưởng thành và phát triển của Đảng, phương thức, biện pháp xây dựng Đảng, mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng đã khác trước rất nhiều. Việc xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức cũng như việc bồi dưỡng và nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực công tác và phẩm chất, đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng có những đòi hỏi cao hơn.

Hơn nữa, xây dựng Đảng lại là một môn khoa học — khoa học về các quy luật trưởng thành và phát triển của Đảng, quy luật về tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, về các nguyên tắc, phương thức, phương pháp xây dựng nội bộ, lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo các đoàn thể quần chúng.

Là một môn khoa học, nó đòi hỏi phải được đối xử như một khoa học. Có nghĩa là nó đòi hỏi người làm công tác xây dựng Đảng phải có lý luận, có thái độ khoa học, thấm nhuần tính khoa học trong khi xem xét và giải quyết các vấn đề về xây dựng Đảng, chứ không thể làm một cách tùy tiện theo ý muốn chủ quan, bất chấp quy luật, nguyên tắc, đường lối xây dựng Đảng.

Không những thế, công tác xây dựng Đảng lại có những đặc điểm riêng mà bất cứ người cán bộ, đảng

Digitized by Google

viên nào cũng phải nắm chắc để trên cơ sở đó suy nghĩ và tìm biện pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng. Đó là:

— *Nội dung xây dựng Đảng* không chỉ bó hẹp trên một lĩnh vực, mà cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từng mặt muốn làm tốt đã không đơn giản. Muốn khỏi phạm sai lầm trên cả ba mặt lại càng khó. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức đúng hay sai đều ảnh hưởng trực tiếp, rất lớn đến tiến trình cách mạng, đến vận mệnh của Tổ quốc, đến đời sống của hàng chục triệu quần chúng, đến uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng.

— *Phạm vi công tác xây dựng Đảng* rất rộng. Từ vùng rừng núi, biên giới hẻo lánh đến các hải đảo xa xôi, ở đâu có quần chúng đều đòi hỏi có tổ chức Đảng, có sự lãnh đạo của Đảng. Trong bộ máy Nhà nước có bao nhiêu ngành và tổ chức hoạt động đều đòi hỏi phải có đường lối, quan điểm của Đảng để chỉ đạo các ngành, các tổ chức đó đi đúng hướng, phát huy được vai trò đối với sự nghiệp cách mạng chung.

— *Đối tượng công tác xây dựng Đảng* là tổ chức và con người. Tổ chức rất cách mạng đồng thời cũng rất bảo thủ. Tổ chức có quy luật riêng của nó, song xây dựng Đảng về tổ chức lại tùy thuộc vào đường lối, nhiệm vụ chính trị và nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị chứ không thể tiến hành công tác tổ chức một cách đơn thuần. Tổ chức do con người hợp thành. Con người là nhân tố cơ bản của tổ chức. Người đảng viên là chiến sĩ tiên phong của giai cấp công nhân, có tính năng động cao song lại thoát thai từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, không khỏi chịu ảnh hưởng của những tàn dư xấu, tiêu cực của xã hội cũ để lại. Không thể xây dựng Đảng tốt nếu không nắm vững khoa học về tổ chức, những quy luật về công tác tổ chức, không hiểu về tâm lý học, về truyền thống dân tộc, về đặc điểm của người Việt-nam nói chung và của người cán bộ, đảng viên nói riêng.

— *Kết quả công tác xây dựng Đảng* nhiều hay ít, tốt hay xấu không những ảnh hưởng tới nhiều mặt ở trong nước mà, tùy theo địa vị, vai trò của Đảng, còn có ảnh hưởng tới phong trào cách mạng, phong trào cộng sản trên thế giới. Do đó, muốn làm tốt công tác xây dựng Đảng phải có kiến thức về nhiều mặt, đồng thời phải có ý thức và tinh thần trách nhiệm cao.

II

Nâng cao tính khoa học và tính cách mạng trong công tác xây dựng Đảng là một yêu cầu bức thiết hiện nay. Đây không phải là một công việc nhất thời, chỉ có ý nghĩa trước mắt. Trái lại, nó phải được quán triệt trên mọi lĩnh vực xây dựng Đảng, từ những vấn đề cơ bản nhất đến các công tác cụ thể hàng ngày.

1 — Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc nâng cao tính khoa học và tính cách mạng trong công tác xây dựng Đảng là phải bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên *những kiến thức về Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo Nhà nước.*

Bồi dưỡng lý luận về Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo Nhà nước tức là trang bị cho cán bộ, đảng viên những nguyên lý về Đảng một cách có hệ thống, có cơ sở lý luận, làm cho mỗi người nhận thức sâu sắc rằng:

— Đảng ta *là Đảng của giai cấp công nhân*, giai cấp đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến nhất, là giai cấp trung tâm của thời đại, giai cấp có sứ mệnh lịch sử vĩ đại và có đủ khả năng dẫn dắt nhân dân ta tiến lên đỉnh cao của sự phát triển của xã hội loài người. Trong điều kiện xã hội còn phân chia thành giai cấp, các giai cấp chưa bị xóa bỏ, cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta còn diễn

Digitized by Google

ra gay go, phức tạp nhằm giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa và cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi toàn thế giới còn diễn ra sâu sắc và ác liệt thì tuyệt đối không được mơ hồ về tính chất giai cấp của Đảng, không được coi Đảng là của nhiều giai cấp, lẫn lộn Đảng với giai cấp, hạ thấp trình độ Đảng xuống trình độ giai cấp, dẫn tới phủ nhận tính chất giai cấp của Đảng. Song, cần thấy rằng Đảng ta không chỉ đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà đồng thời cũng đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc; hơn nữa Đảng có trách nhiệm làm tròn nghĩa vụ của mình đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

— Đảng *lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình*, vì chủ nghĩa Mác — Lê-nin là môn khoa học có khả năng cải tạo thế giới, cải tạo xã hội và cải tạo con người. Nó đã được thực tiễn của phong trào công nhân và phong trào cách mạng thế giới hơn 100 năm qua chứng minh là một vũ khí sắc bén nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh nhằm lật đổ ách thống trị của các giai cấp bóc lột và xây dựng xã hội mới. Đảng xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin, bảo vệ sự trong sáng của nó, chống những mưu toan xuyên tạc hay phủ nhận nó, đồng thời Đảng ra sức phát triển và góp phần làm phong phú chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Mặt khác, Đảng coi trọng việc tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc, tiếp thu những kinh nghiệm tốt của các đảng anh em, những tinh hoa trí tuệ của thời đại, đề ra đường lối, chính sách một cách độc lập tự chủ, đúng đắn và sáng tạo.

— Đảng xây dựng theo *nguyên tắc tập trung dân chủ* là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Đảng hết sức coi trọng sự lãnh đạo tập trung thống nhất, tăng cường kỷ luật và mở rộng dân chủ nội bộ phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ mới.

— Đảng *củng cố khối đoàn kết thống nhất nội bộ* trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối chính sách của Đảng, trên cơ sở những nguyên tắc tổ chức của Đảng và trên tình thương yêu sâu sắc giữa những người cộng sản. Đảng coi việc bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như bảo vệ con ngươi của mắt, kiên quyết đấu tranh chống những hành động chia rẽ, bè phái làm giảm sức chiến đấu của Đảng.

— Đảng *lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật phát triển của Đảng*, kiên quyết khắc phục những lệch lạc: giấu giếm sai lầm, bao che khuyết điểm, hoặc cản trở, hạn chế phê bình, trù dập người phê bình...

— Đảng *củng cố mối liên hệ vững chắc với quần chúng*, thường xuyên lắng nghe ý kiến quần chúng, vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng và quan tâm đến đời sống của quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, coi đó là động lực thúc đẩy toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng. Đồng thời Đảng kiên quyết đấu tranh ngăn chặn tệ quan liêu, xa rời quần chúng, độc đoán, chuyên quyền, đặc quyền đặc lợi, không tôn trọng quyền làm chủ của quần chúng.

— Đảng *là hạt nhân lãnh đạo nền chuyên chính vô sản*, có khả năng quy tụ và lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta.

— Đảng *kết hợp một cách đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản*, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản.

2 — Nâng cao tính khoa học và tính cách mạng trong công tác xây

Digitized by Google

dựng Đảng phải được thể hiện sâu sắc trong việc *xác định đúng nhiệm vụ chính trị của mỗi địa phương, mỗi cấp, mỗi ngành.* Đây là một vấn đề rất quan trọng vì như chúng ta đều biết, nhiệm vụ chính trị được xác định đúng đắn là ngọn cờ hướng dẫn hành động của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong mỗi đảng bộ; là cơ sở chính trị, tư tưởng của sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng; là căn cứ, cơ sở để tiến hành công tác tư tưởng và công tác tổ chức đúng đắn; là tiêu chuẩn để phân biệt đúng, sai khi tiến hành tự phê bình và phê bình và là nguồn gốc của mọi thắng lợi.

Nhiệm vụ chính trị đúng phải thể hiện trong bản thân nó những yêu cầu cơ bản của đường lối, chính sách và nhiệm vụ chính trị chung của toàn Đảng được cụ thể hóa vào một địa phương, một ngành, đáp ứng những đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ nơi đó, phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng cơ bản của quần chúng.

Rõ ràng, nhiệm vụ chính trị đúng không thể xuất phát từ lòng mong muốn chủ quan, từ chủ nghĩa kinh nghiệm và lối làm việc sự vụ. Trái lại, nó phải là kết quả của sự vận dụng đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng vào tình hình cụ thể của địa phương, của ngành, là kết quả của trí tuệ tập thể của toàn đảng bộ, và của lối làm việc khoa học kết hợp với tinh thần trách nhiệm cao. Do đó, nó đòi hỏi mỗi đảng bộ đặc biệt quan tâm điều tra, nghiên cứu và tổ chức tốt việc nắm tình hình. Cần sử dụng tốt cơ quan tổng hợp và nghiên cứu tình hình của cấp ủy và của cả cơ quan Nhà nước để làm tốt việc này. Trên cơ sở đó mà phân tích và đánh giá tình hình một cách khách quan, toàn diện, thấy rõ thuận lợi và khó khăn, rút ra được những vấn đề thuộc về bản chất, nắm chắc chiều hướng phát triển cơ bản của tình hình và những trở ngại chủ yếu đang cản trở sự phát triển của cách mạng. Có nắm chắc tình hình mới có cơ sở để đề ra nhiệm vụ đúng đắn. Cần khắc phục lối nắm tình hình một cách hời hợt, một chiều, hoặc không dựa trên cơ sở tình hình khách quan để nghiên cứu và xác định nhiệm vụ chính trị.

Đi đôi với việc nắm tình hình, cần nắm chắc đường lối, chính sách của Đảng, nhất là những vấn đề về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ ra. Cần có kiến thức về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, về kinh tế, về khoa học, kỹ thuật. Mặt khác, cần có tinh thần cách mạng tiến công, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước quần chúng; không lùi bước trước khó khăn, trở ngại, không thỏa mãn với thành tích đã đạt được thì mới có thể đề ra nhiệm vụ chính trị đúng.

Xác định nhiệm vụ chính trị đúng tuy có khó khăn nhưng chỉ là bước đầu. Phấn đấu để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị còn khó khăn hơn. Làm tốt vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng vì đó mới là cái thể hiện rõ nét năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, vấn đề quan trọng là phải làm cho đảng bộ nhất trí cao và có quyết tâm phấn đấu thực hiện nhiệm vụ đã đề ra. Đấu tranh khắc phục những quan điểm, tư tưởng sai trái đi chệch đường lối chung và nhiệm vụ chính trị của Đảng. Kịp thời ngăn ngừa và phê phán những tư tưởng không đúng như: ngại khó, ngại khổ, thiếu tin tưởng, ý thức trách nhiệm kém, không dám đấu tranh với những người làm sai nghị quyết, đường lối, chính sách của Đảng. Phân công trách nhiệm rõ ràng, bố trí những đảng viên, cán bộ có năng lực phụ trách những công tác trọng tâm, huy động

Digitized by Google

toàn thể đảng viên phấn đấu thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của đảng bộ. Sử dụng và phát huy tốt bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Khắc phục lối lãnh đạo bao biện, làm thay, không biết sử dụng tổ chức. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, phát hiện kịp thời những lệch lạc, sai lầm để uốn nắn, những điểm chưa phù hợp để bổ sung, sửa chữa. Coi trọng sơ kết, tổng kết công tác để rút ra những bài học bổ ích nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng lãnh đạo...

3 – Tính khoa học và tính cách mạng trên lĩnh vực *xây dựng Đảng về tư tưởng*.

Nâng cao tính khoa học và tính cách mạng trong công tác tư tưởng có nghĩa là trước hết chúng ta phải biết kết hợp chặt chẽ giữa ba mặt : nâng cao trình độ lý luận Mác – Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng ; nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức kinh tế, khoa học kỹ thuật ; nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Mỗi mặt đều có vị trí quan trọng và giữa ba mặt đó có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không xem nhẹ mặt nào và không tách rời nhau.

Cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cốt cán của Đảng có nắm vững những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng ; có trình độ văn hóa, kiến thức về khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế ; có phẩm chất, đạo đức cách mạng thì mới có thể hoạt động tự giác và có hiệu quả, mới có thể giải quyết một cách đúng đắn những vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra, góp phần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

Vì vậy, một mặt phải coi trọng việc giáo dục, bồi dưỡng ; mặt khác, phải kiên quyết phê phán tư tưởng chủ quan, thỏa mãn, coi thường việc học tập, coi thường lý luận, hoặc học tập theo lối giáo điều, sách vở. Khắc phục lối làm việc vô trách nhiệm, tùy tiện, được chăng hay chớ, làm việc theo kiểu « công chức cũ ». Chống tệ quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, coi thường quần chúng, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Chống tư tưởng nghỉ ngơi, mỏi mệt, tư tưởng công thần, tự cao tự đại, thái độ thụ động, ỷ lại, sợ khó, sợ trách nhiệm, coi thường tổ chức, chấp hành không nghiêm chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chống dối trá, báo cáo sai sự thật, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, luồn cúi, nịnh hót hoặc thích được nịnh hót, tâng bốc chứ không thích, thậm chí còn thành kiến, tìm cách trả thù những người dám đấu tranh, dám nói sự thật. Chống hành động chia rẽ, bè phái, dấu óc cục bộ, địa phương, xuề xoa, nể nang hoặc đấu tranh vô nguyên tắc. Chống tư tưởng đặc quyền đặc lợi, vun vén cho cá nhân, lợi dụng và xâm phạm của công, tham ô hủ hóa, móc ngoặc, sống không phải bằng lao động chân chính của bản thân và gia đình mình mà bằng những nguồn bất chính, v.v...

Tính khoa học và tính cách mạng trong công tác tư tưởng còn thể hiện ở chỗ : biết kết hợp chặt chẽ việc giáo dục sâu sắc tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa với việc đấu tranh khắc phục tư tưởng tiểu tư sản, chống mọi ảnh hưởng của tư tưởng tư sản và những tàn dư tư tưởng phong kiến trong cán bộ, đảng viên.

Công tác tư tưởng cần luôn luôn xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị. Nếu không, nó sẽ kém tính chiến đấu và dễ rơi vào chủ nghĩa duy tâm, siêu hình, không có tác dụng tích cực.

Kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức. Vì bất kỳ một lý luận đúng đắn, một tư tưởng tiên tiến nào cũng chỉ có thể phát huy tác dụng trong một tổ chức vững mạnh.

Digitized by Google

Chỉ có trong một tổ chức tốt thì tư tưởng tiên tiến mới biến thành hiện thực, tư tưởng tiêu cực mới bị hạn chế.

Trên lĩnh vực tư tưởng, nâng cao tính khoa học và tính cách mạng còn có nghĩa là chúng ta phải tiến hành tốt việc tự phê bình và phê bình trong Đảng. Cần làm cho tự phê bình và phê bình thật sự là một biện pháp quan trọng để nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, nâng cao năng lực công tác và phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng, tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, hạn chế và khắc phục kịp thời những khuyết điểm, sai lầm của cán bộ, đảng viên.

4 — Nâng cao tính khoa học và tính cách mạng trên lĩnh vực *xây dựng Đảng về tổ chức* cũng là nội dung mà chúng ta cần hết sức quan tâm. Làm tốt công tác này sẽ góp phần quan trọng làm cho Đảng ta thật sự là một tổ chức cách mạng chiến đấu, trong sạch và vững mạnh, đủ sức lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân ta hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề mà lịch sử giao phó.

Vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu là phải nghiêm chỉnh chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh mới như Điều lệ Đảng đã quy định. Trước hết, cần bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương Đảng, của các cấp ủy Đảng. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, không được viện vào bất kỳ lý do nào để trì hoãn việc thực hiện hay làm sai đường lối, chính sách của Đảng. Không được tự tiện đề ra những chủ trương, chính sách, chế độ trái với những quy định chung. Kiện toàn hệ thống thông tin từ trên xuống dưới, bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng được phổ biến một cách nhanh chóng trong toàn Đảng, toàn dân. Nghiêm chỉnh chấp hành chế độ báo cáo, thỉnh thị; báo cáo phải trung thực, kịp thời để Trung ương Đảng và các cấp ủy Đảng nắm chắc tình hình các ngành, các địa phương.

Mở rộng dân chủ nội bộ, tạo mọi điều kiện cho mỗi cán bộ, đảng viên tham gia tích cực vào việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và đề xuất những ý kiến nhằm thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng. Tập trung trí tuệ, óc sáng tạo và kinh nghiệm của các đảng bộ, của từng cán bộ, đảng viên cũng như của quần chúng để góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện hạn chế dân chủ hoặc dân chủ hình thức.

Tăng cường lãnh đạo tập thể kết hợp với phân công cá nhân phụ trách rõ ràng, cụ thể. Khắc phục tư tưởng cá nhân độc đoán, chuyên quyền, coi thường tập thể; đồng thời chống lối dựa dẫm, ỷ lại vào tập thể, không dám chịu trách nhiệm, không dám quyết đoán trong phạm vi trách nhiệm được giao.

Đi đôi với mở rộng dân chủ, cần tăng cường kỷ luật của Đảng. Nâng cao ý thức tự giác chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, các quy tắc sinh hoạt nội bộ và sự phân công của tổ chức. Nghiêm chỉnh giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước. Kiên quyết khắc phục những biểu hiện tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật. Phê phán nghiêm khắc và có biện pháp xử trí thích đáng, kịp thời đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước theo đúng Điều lệ Đảng đã quy định.

Ra sức củng cố và tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Kiên quyết khắc phục chủ nghĩa cá nhân hiện đang là một trong những nguyên nhân quan trọng gây ra mất đoàn kết ở một số nơi.

Digitized by Google

Ra sức kiện toàn các cấp ủy Đảng theo đúng tiêu chuẩn đã đề ra. Kết hợp tốt giữa cán bộ cũ và mới, trẻ và già, cán bộ chính trị và cán bộ chuyên môn, kỹ thuật, để vừa bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vừa giữ vững và phát huy tốt tính kế thừa và tính liên tục trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo

Quán triệt đường lối giai cấp trong công tác cán bộ trong từng cấp, từng ngành. Xuất phát từ đường lối, nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ của tổ chức để làm tốt toàn bộ công tác cán bộ từ việc lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đến việc bố trí, sử dụng và đề bạt cán bộ. Quán triệt hơn nữa tiêu chuẩn cán bộ vào từng cấp, từng ngành, từng cương vị công tác phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ mới. Khắc phục quan điểm lệch lạc đối lập giữa phẩm chất và năng lực, hoặc nhấn mạnh một chiều phẩm chất hoặc năng lực, làm trở ngại tới việc đánh giá, bố trí và sử dụng cán bộ. Chuyển hướng mạnh mẽ hơn nữa trong việc sử dụng, đề bạt cán bộ trẻ có đủ khả năng đảm đương nhiệm vụ ở các cấp, các ngành đi đôi với việc sử dụng tốt đội ngũ cán bộ cũ còn có khả năng gánh vác nhiệm vụ.

Xây dựng một đội ngũ đảng viên vững mạnh vừa có phẩm chất tốt, vừa có năng lực hoàn thành những nhiệm vụ Đảng giao cho là một vấn đề hết sức trọng yếu trong công tác xây dựng Đảng về tổ chức hiện nay. Cần giải quyết tốt cả ba mặt: tích cực bồi dưỡng số đảng viên hiện có, kết nạp những người đủ tiêu chuẩn vào Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Đồng thời đấu tranh khắc phục những quan điểm sai trái trong công tác phát triển Đảng như: chạy theo số lượng, không bảo đảm chất lượng, sợ trách nhiệm, không dám phát triển những người đủ tiêu chuẩn vào Đảng, phát triển không đi đôi với củng cố, không thường xuyên bồi dưỡng những đảng viên mới để họ sớm đủ điều kiện trở thành chiến sĩ tiên phong của giai cấp công nhân. Chống tư tưởng hữu khuynh không kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; không tích cực bồi dưỡng giáo dục để đưa số đảng viên « trung bình » trở thành những đảng viên tích cực; mất cảnh giác đối với những phần tử cơ hội, những phần tử xấu chui vào Đảng.

5 — Tính khoa học và tính cách mạng trong công tác xây dựng Đảng còn thể hiện ở *phương thức làm việc* của mỗi cấp, mỗi cán bộ, đảng viên. Cần làm cho mỗi cấp, mỗi cán bộ, đảng viên có chương trình kế hoạch công tác, có trọng tâm công tác từng thời gian; luôn luôn chú ý đi sâu, đi sát thực tế, cơ sở, sát quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng. Đối với những vấn đề quan trọng, cần làm thử trước ở một vài nơi để lấy kinh nghiệm chỉ đạo chung. Cần sử dụng tốt các tổ chức, không bao biện làm thay, nhất là đối với các cơ quan chính quyền, các đoàn thể quần chúng. Trong phạm vi trách nhiệm được giao, cần có tinh thần phụ trách cao, dám chịu trách nhiệm, dám quyết đoán. Có khuyết điểm, sai lầm thì mạnh dạn tự phê bình và thẳng thắn phê bình người khác. Kiên quyết chống tác phong thủ công nghiệp: làm việc không có chương trình kế hoạch, gặp đâu làm đó, không nắm trọng tâm, không giải quyết dứt điểm công việc; thiếu nhìn xa trông rộng, sự vụ, quan liêu, không điều tra nghiên cứu, không sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

Digitized by Google

BÀN VỀ CÔNG TÁC THỦY LỢI Ở MIỀN NAM VIỆT-NAM

HOÀNG-TIẾN

Những khả năng và hạn chế hiện nay của thiên nhiên đối với sản xuất nông nghiệp ở miền Nam.

TÙY theo sự cấu tạo về địa hình và thủy chế, miền Nam Việt-nam chia thành nhiều vùng, mỗi vùng có những nét đặc trưng khác nhau. Nói chung thời tiết, khí hậu ở miền Nam điều hòa, điều kiện nhiệt độ và ánh sáng cho phép sản xuất nông nghiệp làm được quanh năm. Ngoài mấy tỉnh miền Trung, còn các vùng khác không bị gió nóng, ít bị sương muối, lại ít chịu ảnh hưởng của bão. Trừ một vài nơi ít mưa như vùng Phan-rang, Phan-ri, khắp nơi đều có lượng mưa từ 1.800mm đến 2.000 mm một năm. Nhưng mùa khô lượng mưa rất ít, kéo dài 5 tháng liền vào những tháng cuối năm trước tới đầu năm sau. Đó là đặc điểm lớn nhất chi phối toàn bộ hoạt động sản xuất nông nghiệp của miền Nam.

Vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu-long là một trong những vùng lúa lớn. So với châu thổ sông Hồng, diện tích tự nhiên ở đây lớn gấp hơn 3 lần (gần 4 triệu ha), trong đo ruộng đất có khả năng canh tác nông nghiệp khoảng 3 triệu ha. Đất ở đây, hầu hết là đất phù sa do sông Cửu-long bồi đắp, khá phì nhiêu và bằng phẳng.

Thời tiết ở đây quanh năm ấm đều, khí hậu thay đổi không lớn cho nên ít ảnh hưởng đến thời vụ. Lượng mưa bình quân 1.800mm nhưng rải đều, cường độ mưa không lớn, vì vậy không có hiện tượng úng do mưa, chỉ có úng do lũ.

Bờ biển khá dài, bao quanh từ đông sang tây, cho nên ảnh hưởng thủy triều ở đây khá mạnh, có lợi cho việc dẫn nước và tháo nước nếu có công trình chủ động. Sông Cửu-long chảy qua đồng bằng sông Cửu-long theo hai nhánh chính là sông Tiền và sông Hậu. Tổng lượng nước chảy qua lên tới 500 tỷ m^3 gấp 4 lần sông Hồng. Tuy hàm lượng phù sa so với sông Hồng kém nhiều, nhưng tổng lượng bồi đắp vẫn rất lớn. Mùa lũ, (nước lũ cao ảnh hưởng đến sản xuất từ 15-9 — 15-11) nước lên từ từ có quy luật, lưu lượng lũ năm lớn nhất trên 7 vạn m^3/giây. Mùa khô, nắng hạn kéo dài, lưu lượng nước sông trung bình

Digitized by Google

khoảng 2.000m^3/giây, nước kiệt nhất có năm chỉ có trên 1.000m^3/giây (vào tháng 4).

Cho tới nay, tình hình sản xuất nông nghiệp ở đây chủ yếu vẫn lệ thuộc vào tình hình mưa ẩm, lũ lụt tự nhiên ở vùng châu thổ.

Những công trình thủy lợi đáng chú ý ở đây là hệ thống kênh rạch dày đặc dài 3.000 đến 4.000km để phục vụ vận tải thủy. Còn những công trình thủy nông chủ động tưới, tiêu nước chưa có mấy. Kênh rạch lớn nhỏ đều thông nối nhau chằng chịt, nhưng chưa có công trình đầu mối khống chế, lại bị bồi lắng nghiêm trọng, mấy chục năm nay chưa được nạo vét. Hệ thống bờ vùng ngăn lũ, đê ngăn nước mặn chưa được vững chắc và khép kín. Do đó diện tích bị ảnh hưởng chua và mặn có tới hàng triệu ha, trong đó có 600.000 ha chua phèn nặng không trồng cấy được. Về mùa lũ, nước sông Cửu-long tràn ngập với mức độ khác nhau và chiếm quá nửa số diện tích trong vùng. Trong đó có khoảng 1 triệu ha bị ngập sâu phải bỏ hóa ở vùng Đồng-tháp-mười, tứ giác Long-xuyên và U-minh.

Chính vì vậy mà ở đây trước ngày giải phóng, diện tích gieo cấy được mới đạt khoảng 2 triệu ha; chủ yếu cấy bằng giống lúa địa phương và chỉ cấy một vụ về mùa mưa, năng suất rất thấp. Ruộng hai vụ chỉ có 10% và tập trung nhiều ở Mỹ-tho, Trà-vinh, là hai vùng ít mặn nhiều kênh rạch. Do chưa giải quyết được nạn lụt, chua, mặn, hạn hán cho nên sản xuất nông nghiệp của đồng bằng Cửu-long trì trệ và bấp bênh.

Miền đông Nam-bộ và hai tỉnh Lâm-đồng, Thuận-hải nằm về phía nam dãy Trường-sơn. Do địa hình thay đổi nhiều cho nên tình hình thời tiết và khí hậu có khác nhau ở các tiểu vùng. Vùng tây nam và ven biển mang tính chất xích đạo thì nắng, ẩm quanh năm. Vùng Lâm-đồng mang tính chất ôn đới. Đặc biệt vùng Thuận-hải thì lượng mưa thấp nhất toàn quốc; bình quân chỉ có khoảng 800 mm đến 1.000mm/năm; do đó ở đây hạn hán kéo dài và nghiêm trọng nhất. Toàn khu vực ít bị bão và gió to. Diện tích đất có khả năng trồng trọt ở vùng này tới hàng triệu ha. Cây trồng thích hợp nhất là cây lương thực và cây công nghiệp, có điều kiện hình thành những vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn như: mía, bông, cao su.

Các sông Đồng-nai, sông Bé, sông Sài-gòn, sông La-ngà v.v... chảy qua các tỉnh trong khu vực có tổng lượng nước khá phong phú. Nhưng mùa nước kiệt lưu lượng cơ bản cũng rất nhỏ. Vùng trung lưu và thượng lưu các dòng sông mực nước ở sâu cho nên việc đưa nước đến mặt đất canh tác rất phức tạp và tốn kém. Vùng hạ du và ven biển thì nước mặn uy hiếp nghiêm trọng. Công trình thủy lợi chủ động về tưới và ngăn nước mặn chưa có. Vì vậy trước giải phóng vùng này mới gieo trồng được khoảng 30 vạn ha, trong đó gieo trồng hai vụ mới có 10%.

Miền đông Nam-bộ và khu VI cũ có điều kiện xây dựng nhiều kho chứa nước đủ các loại, có trữ năng thủy điện tương đối lớn với công suất khai thác tới hàng triệu ki-lô-oát điện. Một số vùng còn có nước ngầm phong phú như Tây-ninh, Thủ-dầu-một, vùng ven biển Bình-thuận, Ninh-thuận, Bình-tuy v.v... hiện đã đào một số giếng lẻ tẻ để lấy nước tưới và phục vụ sinh hoạt.

Các tỉnh ven biển miền Trung từ Trị-thiên đến Phú-khánh và hai tỉnh Tây-nguyên cũng có những mặt khác biệt nhau về thời tiết khí hậu. Mùa khô ở Tây-nguyên bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 11. Tây-nguyên không bị ảnh hưởng về bão. Các tỉnh ven biển thì mùa mưa bắt đầu từ

Digitized by Google

tháng 8 và kết thúc tháng 12, tháng 1, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc, bão thường xuyên xuất hiện vào tháng 9 đến tháng 11, chịu ảnh hưởng mạnh gió Nam về mùa khô.

Các sông lớn như sông Bồ, sông Hương, sông Thu-bồn, sông Trà-khúc, sông Ba v.v... thì ngắn và dốc. Biên độ chênh lệch giữa mùa kiệt và mùa lũ gấp hàng trăm lần. Rừng đầu nguồn bị chặt độc hóa học làm tàn lụi và khai thác bừa bãi. Mùa mưa thường xuất hiện lũ quét và lũ đột ngột, gây nên xói lở, bạc màu ở vùng núi và trung du, ngập lụt vùng đồng bằng ven biển. Đặc điểm chung của toàn khu vực là hạn hán kéo dài và nghiêm trọng trong mùa khô. Đặc biệt là trên cao nguyên thượng nguồn của các sông về mùa khô hạn thiếu nước nghiêm trọng; nhiều vùng thiếu cả nước uống cho người và gia súc. Chính vì những điều kiện thiên nhiên ác nghiệt ấy, cho nên các tỉnh miền Trung Trung-bộ tuy có đất đai rộng lớn hàng mấy triệu ha, nhưng đất đai đã khai thác đưa vào trồng trọt chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, khoảng dưới 10%. Đặc biệt vùng trung du các tỉnh ven biển và Tây-nguyên diện tích canh tác thấp, sản xuất bấp bênh, năng suất rất thấp. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Công trình thủy lợi đã có rất ít. Ở Tây-nguyên mới có một số công trình thủy lợi vừa, nhỏ như công trình Lạc-thiện, công trình Phước-an... phần lớn là công trình tạm có khả năng tưới khoảng 6.000 ha. Thủy điện cũng mới chỉ có 3 trạm nhỏ là Bàu-cạn, Za-nao, và Drây-linh tổng công suất 900kw. Vùng ven biển miền Trung cũng chỉ có số ít công trình lớn như đập Au-trạch, đập Đồng-cam, đập Vĩnh-trinh và gần chục công trình loại vừa với năng lực thiết kế tưới khoảng 42.000 ha. Ngoài ra còn có một số công trình nhỏ và máy bơm tưới 54.000 ha, đê ngăn mặn được khoảng 52.000 ha. Nhưng phần lớn các công trình không bảo đảm năng lực tưới, một số lại bị hư hỏng nặng, và thường là loại đập dâng nên không có tác dụng điều tiết nước.

Điều kiện địa hình và thủy chế ở miền Trung cho phép có thể xây dựng được nhiều hồ chứa, đập dâng với quy mô khác nhau. Đặc biệt nguồn thủy năng tương đối lớn; theo tính toán sơ bộ thì ở khu vực này có thể xây dựng các công trình thủy điện với công suất phát điện khoảng 3 triệu ki-lô-oát với điện lượng hàng năm hàng chục tỷ kw/giờ, chiếm hơn 60% thủy điện toàn miền Nam.

Tóm lại, đặc điểm tự nhiên, thời tiết và khí hậu miền Nam có nhiều thuận lợi cơ bản cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên do ta chưa có các hệ thống công trình thủy lợi chủ động điều tiết, phân phối và khống chế dòng chảy phục vụ theo yêu cầu sản xuất, cho nên sản xuất nông nghiệp vẫn ở tình trạng bấp bênh, bị động với điều kiện thiên nhiên.

Quá trình thủy lợi hóa phải gắn liền với công cuộc hợp tác hóa ở nông thôn miền Nam.

Cũng như ở miền Bắc trước đây, chống hạn, chống úng, chống chua mặn nhằm tăng vụ, mở rộng diện tích, thâm canh tăng năng suất cây trồng là một yêu cầu cấp bách của sản xuất nông nghiệp ở miền Nam hiện nay. Đây là cuộc đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên ở một vùng có khí hậu nhiệt đới. Các biện pháp thủy lợi đề ra ở miền Nam phải giải quyết trên một diện tích rộng lớn, phấn đấu trong từng thời gian nhất định có đủ nước và dần dần chủ động được nước bảo đảm yêu cầu của phát triển sản xuất nông nghiệp. Kết hợp chặt chẽ nước với đất, với thời tiết khí hậu và với cây trồng... Như vậy mới có thể tạo ra được một sự chuyển biến căn bản về năng suất và sản lượng cây trồng. Trong cách mạng kỹ thuật nông nghiệp mà bước phát triển cao-

Digitized by Google

hiện nay là cuộc cách mạng xanh, công tác thủy nông phải tiến lên chủ động sử dụng nguồn nước để cải tạo đất, điều hòa thời tiết và khí hậu, đáp ứng yêu cầu sinh lý của cây trồng, bảo đảm phục vụ có hiệu quả cho nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, toàn diện và vững chắc, đúng với vị trí *« Nước là biện pháp kỹ thuật hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp »*.

Đương nhiên, quá trình thực hiện thủy lợi hóa phải gắn liền với công cuộc cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Hai mặt này có mối quan hệ gắn bó khăng khít với nhau, dựa vào nhau, hỗ trợ cho nhau và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Mối quan hệ hữu cơ đó được khái quát trong đường lối hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa và cơ giới hóa của Đảng.

Hiện nay, phong trào làm thủy lợi ở miền Nam đang trở thành một phong trào quần chúng có tính cách mạng rộng khắp thúc đẩy các công tác khác, tác động rõ rệt đối với sản xuất nông nghiệp. Có đồng chí cho rằng: ở miền Nam, việc hợp tác hóa nông nghiệp có thể chưa phải là bức thiết đối với sự nghiệp phát triển của công tác thủy lợi. Thực ra, yêu cầu bức thiết của phát triển sản xuất nông nghiệp hiện nay ở miền Nam đòi hỏi phải đẩy nhanh công tác thủy lợi, đồng thời cũng đòi hỏi phải tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp. Và, như kinh nghiệm của miền Bắc đã cho thấy, chỉ có thực hiện hợp tác hóa mới có đủ điều kiện thực hiện thủy lợi hóa đồng ruộng với quy mô ngày càng lớn, nhịp độ xây dựng ngày càng nhanh.

Công tác thủy lợi ở miền Nam không phải chỉ làm theo lối « tiểu nông », đào một vài con kênh tưới nước hoặc tiêu nước cho một vài mảnh ruộng manh mún của từng hộ nông dân cá thể. Công tác thủy lợi ở đây, phải tạo tiền đề cho nông nghiệp miền Nam đi vào sản xuất lớn; đặc biệt đòi hỏi thủy lợi phải lợi dụng tổng hợp các nguồn nước vào việc trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, cấp nước và thảo nước cho các khu công nghiệp và thành phố, vận tải thủy, phát điện, phòng tránh lũ lụt, làm sạch môi trường sống... nhằm *« điều hòa đất và nước »* biến thủy hại thành thủy lợi, tạo nên một tình thế mới thay đổi hẳn bộ mặt của đồng ruộng miền Nam.

Do đòi hỏi đó, trong một thời gian không lâu, chúng ta phải xây dựng ở các vùng những hệ thống công trình thủy lợi rộng lớn và hoàn chỉnh có thể tưới nước, tiêu nước cho hàng triệu ha, với mạng lưới công trình và kênh mương các loại thông suốt từ đầu mối tới khoảnh ruộng. Hơn nữa, hệ thống thủy lợi lại là một công trình khoa học kỹ thuật có những yêu cầu nhất định về kỹ thuật xây dựng, về nguyên tắc vận hành bảo vệ như một xí nghiệp công nghiệp. Yêu cầu quan trọng nhất là công trình thủy lợi phải đảm bảo tính hệ thống, tính đồng bộ từ đầu mối qua kênh mương tới mặt ruộng, phù hợp với quy luật dòng chảy trong lưu vực, không phân biệt địa giới hành chính. Khối lượng làm thủy lợi rất lớn, tính riêng ở đồng bằng sông Cửu-long, khối lượng đào đắp đất làm cho hoàn chỉnh có thể tới 800 — 900 triệu m^3 đất, hàng triệu m^3 bê tông. Rõ ràng chỉ có trên cơ sở hợp tác hóa nông nghiệp thì mới có thể phát triển được thủy lợi nhanh, nhiều, đúng hướng và hoàn chỉnh ở mức độ cao, không phải đào đi đắp lại, đem lại hiệu quả lớn. Hợp tác hóa sẽ tạo ra sự phân công lao động mới, dành ra hàng chục vạn lao động thường xuyên làm thủy lợi ngay cả ngày mùa bận rộn, tự túc làm kênh mương loại nhỏ trên các hệ thống đưa nước tưới vào đồng ruộng và tiêu nước từ mặt ruộng ra; dành hàng vạn ha ruộng đất dùng vào việc xây dựng các hệ thống kênh mương. Các hợp tác xã cũng tổ chức ra các đội quản lý thủy nông để quản lý, tu bổ, bảo vệ công trình và tưới

Digitized by Google

nước tiêu nước trên đồng ruộng của hợp tác xã.

Mặt khác, việc cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới tức là tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp miền Nam trong điều kiện công nghiệp tác động vào nông nghiệp chưa nhiều, lao động trong nông nghiệp phần lớn còn làm bằng thủ công, lại càng phải đẩy mạnh làm thủy lợi để tạo ra sức bật mới, phát triển lực lượng sản xuất, tạo ra năng suất và thu nhập cho hợp tác xã cao hơn cá thể. Thông qua việc bảo đảm vững chắc về nước, hợp tác xã có thể thực hiện có kết quả việc tăng vụ gieo trồng, dùng các giống mới, cải tạo đất, thực hiện từng bước cơ giới hóa v.v... Do đó, thủy lợi là cơ sở kinh tế kỹ thuật hàng đầu để bảo đảm đưa nền sản xuất nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và có quan hệ đến sự vững vàng của chế độ sở hữu tập thể trong nông nghiệp.

Những mục tiêu trước mắt của sự nghiệp thủy lợi hóa ở miền Nam.

Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ở miền Nam là nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt đối với cả nước. Do đó sự phát triển công tác thủy lợi ở miền Nam nước ta hiện nay và trong một số kế hoạch dài hạn sau này có khối lượng rất lớn với nội dung khá phong phú, bao gồm nhiều mặt. Trong đó việc xây dựng mạng lưới thủy nông phục vụ sản xuất nông nghiệp được coi là *nội dung quan trọng nhất và có yêu cầu cấp bách nhất*. Đó cũng là nguyện vọng thiết tha của nhân dân miền Nam. Trong điều kiện hòa bình cả nước cùng làm chung một nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, lại có kinh nghiệm của miền Bắc qua một thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc xây dựng thủy lợi ở miền Nam ngày nay có thuận lợi có thể phát triển với nhịp độ cao hơn so với miền Bắc trước đây. Trên cơ sở quy hoạch toàn diện của vùng hoặc lưu vực trong xây dựng, chúng ta sẽ tránh được mâu thuẫn giữa trước mắt với lâu dài, giữa cục bộ với toàn cục. Trước mắt trên cơ sở phương hướng quy hoạch vùng đề ra, tiến hành phục hồi khai thác hết các công trình thủy lợi đã có, tiến hành mạnh mẽ việc làm thủy lợi vừa và nhỏ ở những nơi có điều kiện. Nhưng để phát triển nông nghiệp toàn diện và vững chắc, nhất thiết phải triển khai công tác thủy lợi trên quy mô lớn, có những hệ thống công trình lớn tạo thành mạng lưới công trình hoàn chỉnh và đồng bộ trên đồng ruộng, lợi dụng, bảo vệ và không gây rối loạn điều kiện tốt sẵn có của tự nhiên (như lấy phù sa, thủy sản v.v...). Trọng tâm là khai thác nước trên mặt, đồng thời sử dụng nước ngầm ở những nơi khó có điều kiện khai thác nước mặt, nhằm phục vụ yêu cầu cấp bách của sản xuất, phục vụ nước sinh hoạt cho các vùng kinh tế mới v.v...

Nhưng do việc cân đối giữa yêu cầu cấp bách trước mắt với khả năng có hạn ban đầu; giữa khả năng phát triển chung của cả nước và khả năng của miền Nam, giữa việc đầu tư xây dựng vùng trọng điểm sản xuất với các vùng khác trên toàn lãnh thổ, chúng ta cần nghiên cứu, giải quyết thỏa đáng các mối quan hệ đó đối với các vùng theo hướng sau đây:

1 — *Vùng đồng bằng sông Cửu-long*:

Trong khoảng 5, 10 năm trước mắt ta chưa có điều kiện giải quyết triệt để nạn ngập lụt do lũ sông Cửu-long gây ra cho nên phương hướng chủ yếu là: *hạn chế thời gian ngập, phạm vi ngập lụt*, khoanh vùng và đắp hệ thống bờ vùng vững chắc để bảo vệ các vùng ngập nông và vùng không đáng chịu ngập trước đây thành vùng sản xuất ổn định từ 2 đến 3 vụ trong năm. Làm bờ vùng chống được mực nước lũ tháng 8 để gặt hè thu, và tạo điều kiện rút nước sớm để cấy đông

Digitized by Google

xuân cho vùng chưa có khả năng chống được lũ tháng 10.

Vấn đề hạn, chua và mặn ở đây có liên quan chặt chẽ với nhau. Phải giải quyết đồng thời cả 3 mặt và phải quán triệt phương châm tưới, tiêu tách rời thì mới có tác dụng thiết thực. Muốn giải quyết tốt vấn đề tưới, tiêu, xổ phèn đối với đồng bằng sông Cửu-long, điều quan trọng là phải làm thông suốt các kênh rạch và có sự phân công sắp xếp lại nhiệm vụ của nó, xây dựng hàng loạt các công trình trên kênh để điều tiết và chủ động tưới, tiêu có phối hợp chặt chẽ với giao thông vận tải thủy. Phải lợi dụng triệt để ảnh hưởng của thủy triều để tưới tiêu tự chảy, xây dựng các trạm bơm (cố định hoặc lưu động) và dùng công cụ khác để tưới, tiêu ở những vùng và những thời kỳ không thực hiện được tưới, tiêu tự chảy.

Do nguồn nước cung cấp có hạn và thiếu nghiêm trọng trong mùa khô, cho nên biện pháp thủy lợi phải kết hợp chặt chẽ với việc chọn thời vụ gieo trồng thích hợp cho từng vùng, và có sự phân phối nước giữa các vùng để sử dụng hợp lý nguồn nước đó. Theo nguyên tắc chung là vùng chịu ngập 3 tháng mùa lũ (9, 10, 11) và vùng có điều kiện sản xuất 3 vụ trong năm thì ưu tiên dùng nước trong mùa kiệt để tưới cho vụ hè thu. Các vùng khác cần phát triển vụ đông xuân và vụ mùa, trồng hoa màu và cây chịu hạn trong mùa khô. Ngay trong mỗi vụ cũng cần xê dịch thời gian gieo trồng giữa các vùng trong một hệ thống, để với nguồn nước có hạn ta có thể phục vụ cho toàn bộ diện tích sản xuất được 2 vụ và một số vùng lên 3 vụ. Với các vùng trũng, bị chua nặng, xa nguồn nước ngọt, trước mắt chưa có điều kiện xổ phèn và cung cấp nước ngọt một cách triệt để, thì chủ yếu là đi vào trồng các loại cây chịu chua như: dứa, sắn, hoặc phát triển cây tràm để lấy gỗ, củi và có tác dụng khử chua.

Về ngăn mặn trước mắt cần hình thành vững chắc hệ thống đê biển để bảo vệ các vùng sản xuất, bỏ ngỏ các cửa sông tiêu lớn như: Trần-đề, Định-an, Cung-hầu, Cổ-chiên, Hàm-luông v.v... Trước mắt xây dựng các cống tiêu và đê ngăn mặn loại vừa và nhỏ. Vùng chưa có điều kiện ngăn mặn thì chuyển hướng sản xuất sang nuôi tôm cá nước lợ, trồng đước v.v... như một số vùng ở Cà-mau.

Sau này, nếu có các công trình thượng nguồn hạn chế lũ và cấp thêm nước mới có thể nâng cao tiêu chuẩn về tưới và chống lũ, chủ động hơn về thủy lợi.

2 – *Đối với các vùng khác:*

Khác với đồng bằng sông Cửu-long, trong những năm trước mắt, vấn đề tạo nguồn nước đối với các vùng này là rất quan trọng.

Vì vậy phương hướng chung phát triển thủy lợi đối với toàn vùng là tập trung xây dựng các hồ chứa (nhỏ, vừa và lớn) vừa để tạo nguồn nước, tích nước mùa mưa, sử dụng cho mùa khô, vừa để phát điện, giảm lũ cho hạ du, giao thông vận tải thủy, nuôi cá v.v... Ở đây có điều kiện và cần thiết phải triệt để lợi dụng tổng hợp. Mặt khác tận dụng nguồn nước sẵn có làm các đập dâng, đặt trạm bơm.

Chúng ta sẽ tập trung nghiên cứu sử dụng các dòng sông Bồ, sông Hương, sông Tam-kỳ, sông Trà-khúc, sông Côn, sông La-ngà, sông Đồng-nai, sông Bé, sông Sài-gòn và một số nhánh chính trên sông Xê-xan, Xê-rê-pốc và sông Ba. Để thích hợp với địa hình phức tạp, chúng ta nghiên cứu dùng các biện pháp dẫn và tưới nước như: dẫn nước bằng đường ống, tưới phun, tưới ẩm v.v..., dùng bơm cao áp tưới vùng cao. Những vùng thiếu nước phải nghiên cứu chuyển nguồn nước từ lưu vực này sang cung cấp cho lưu vực khác như đưa nước từ sông La-ngà sang vùng Thuận-hải; chuyển nước thượng nguồn sông Ba về phục

Digitized by Google

vụ cho Nghĩa-bình v.v.. Một số vùng miền đông Nam-bộ có nguồn nước ngầm dồi dào sẽ tranh thủ sử dụng nguồn nước tại chỗ. Đặc biệt là đối với các tỉnh ven biển miền Trung thường hay có lũ lụt rất ác liệt. Do đặc điểm lưu vực tập trung nước lớn, độ dốc lòng sông lớn, cho nên lũ về nhanh gây đe dọa lớn. Phương hướng chung trước mắt vẫn là : *phòng tránh lũ chính vụ là chính*, làm bờ vùng chống lũ sớm tháng 8 để bảo vệ các vùng sản xuất lớn thu hoạch được vụ tám (hè thu).

Vấn đề giải quyết mặn và tiêu úng cũng theo phương hướng chung như ở đồng bằng sông Cửu-long là bổ ngỏ các dòng sông lớn đang là những cửa tiêu chính hiện nay vì chưa có điều kiện tác động vào. Xây dựng các công trình ngăn mặn trên các dòng sông vừa và nhỏ ; xây dựng vững chắc hệ thống đê biển và đê sông ; xây dựng cống và các trạm bơm tiêu cho các vùng úng cục bộ.

Đây là những vùng có thời tiết, khí hậu không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, lại bị tàn phá ác liệt nhất trong kháng chiến, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy cần phát triển mạnh thủy lợi với nhịp độ cao hơn để trong thời gian ngắn có thể đưa toàn bộ diện tích canh tác vùng ven biển, vùng đất bằng các tỉnh Tây-nguyên lên 2 vụ, một số vùng lên 3 vụ, phục vụ cho công tác định canh, định cư, xây dựng các vùng kinh tế mới.

Tóm lại, công tác thủy lợi ở miền Nam cần phải thực hiện trong từng giai đoạn, tập trung ngăn nước mặn, cung cấp nước tưới và kết hợp cải tạo đất, chú trọng phục vụ cho vùng thâm canh tăng vụ và mở rộng diện tích. Trước mắt chủ yếu phục vụ tưới cho cây lương thực, cây công nghiệp, đồng cỏ ở những nơi thuận tiện. Việc chống úng, chống lũ nói chung cũng phải làm dần ở giai đoạn sau. Về lâu dài, ta tích cực chuẩn bị các công trình mấu chốt, lợi dụng tổng hợp khai thác và trị thủy các dòng sông lớn như Đồng-nai, Thu-bồn, sông Ba, sông Trà-khúc sông Xê-xan, Xê-rê-pốc...

Theo phương hướng trên, để đáp ứng yêu cầu cấp bách của sản xuất và đời sống nhân dân, đặc biệt là đối với mặt trận sản xuất nông nghiệp (phấn đấu trong kế hoạch 5 năm 1976 — 1980 giải quyết được vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, có nhiều nông sản xuất khẩu), mục tiêu phấn đấu của công tác thủy lợi cần thực hiện những điểm chủ yếu sau:

— Phát triển công tác thủy nông, đẩy mạnh việc khôi phục xây dựng các loại công trình, nhất là loại nhỏ và loại vừa ở các vùng. Sản xuất thêm nhiều máy bơm điện, bơm dầu, guồng, gầu, bảo đảm có nguồn nước ngọt tưới, rửa chua rửa mặn, chống lũ và sớm đưa diện tích gieo cấy 2 vụ từ 30 vạn ha năm 1975 lên 1,2 triệu ha đến 1,4 triệu ha năm 1980. Trong đó phần lớn diện tích có thể cấy giống lúa mới cho năng suất cao.

— Bảo đảm có công trình tưới tiêu nước cho một số vùng cây công nghiệp tập trung quy mô lớn như vùng bông ở Thuận-hải, Phú-khánh ; vùng mía ở vùng đông Nam-bộ, Tây-nguyên...

— Phục vụ kế hoạch khai hoang bằng biện pháp thủy lợi ở vùng đồng bằng sông Cửu-long khoảng 30 — 40 vạn ha ; đồng thời giải quyết nước sinh hoạt cho hàng triệu người tham gia xây dựng các khu kinh tế mới ở miền Đông, Tây-nguyên và đồng bằng ven biển

— Khôi phục và phát triển một bước công trình thủy điện, khai thác nguồn thủy năng tiềm tàng và phong phú sẵn có ở miền Nam. Khôi phục và mở rộng công trình thủy điện Đa-nhim, Đờ-ray-linh, phát triển các trạm thủy điện nhỏ ở miền núi.

— Tích cực chuẩn bị để xây dựng một số công trình có quy mô tương

Digitized by Google

đối lớn trên sông Thạch-hãn, sông Hương, sông Trà-khúc, sông Đồng-nai, sông Sài-gòn, sông Bé v.v...

Thực hiện được các mục tiêu trên sẽ tạo ra những biến đổi sâu sắc bộ mặt đồng ruộng ở các địa phương miền Nam. Có cơ sở để thực hiện thâm canh, chuyên canh sản xuất quy mô lớn, gieo trồng từ một vụ thành 2—3 vụ trong năm, tăng diện tích gieo trồng trong kế hoạch 5 năm lên hàng triệu ha. Sản lượng lương thực và các sản phẩm khác, đặc biệt là lúa, bông, mía, đường, cao su, cà phê... cũng sẽ tăng thêm hàng vạn và hàng triệu tấn, bảo đảm nhu cầu lương thực trong nước; bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp trong nước, bảo đảm nông sản xuất khẩu để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

Tăng cường sự chỉ đạo đối với công tác thủy lợi ở miền Nam.

Khối lượng công việc phải làm để thực hiện thủy lợi hóa rất to lớn. Qua 30 năm đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để giành độc lập tự do, đất nước đã bị tàn phá hết sức nặng nề, hậu quả của chiến tranh để lại cho nhân dân ta những khó khăn rất nghiêm trọng về nhiều mặt. Riêng đối với thủy lợi số công trình đã có ít, hầu hết lại bị phá hoại trong chiến tranh. Lực lượng và cơ sở kỹ thuật của chính quyền cũ để lại hầu như không đáng kể. Có thể nói mọi việc phải làm để thực hiện thủy lợi hóa ở miền Nam ngày nay là mới bắt đầu. Mặt khác, thủy lợi là công tác khoa học kỹ thuật nhưng cũng mang tính chất chính trị và quần chúng rất cao, do đó đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta ở tất cả các cấp phải được tăng cường và tập trung cao độ. Trong công tác chỉ đạo phải chấp hành đầy đủ nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, chính quyền phụ trách, ngành thủy lợi làm tham mưu cho Đảng và chính quyền, kết hợp với việc phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng làm thủy lợi; thực hiện nguyên tắc tập trung thống nhất, quản lý theo ngành, kết hợp với quản lý theo lãnh thổ phù hợp với điều kiện miền Nam mới giải phóng. Chúng ta chủ trương các phương án công trình phải quán triệt tinh thần tự lực cánh sinh, 4 cấp cùng làm, toàn dân cùng làm, chỉ có như vậy mới có thể thực hiện được nhanh và chủ động yêu cầu phát triển bức thiết của nông nghiệp, tạo cơ sở thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm. Qua kinh nghiệm đã thu được ở miền Bắc, ở miền Nam chúng ta cũng phải nắm vững phương châm « 3 kết hợp » trong xây dựng và quản lý các công trình thủy lợi. Kết hợp chặt chẽ giữa công trình lớn, vừa, nhỏ, giữa đầu mối kênh mương và công trình trên kênh trong một quy hoạch chung, thống nhất cả vùng và bảo đảm xây dựng đồng bộ dứt điểm, nhanh chóng huy động công trình vào phục vụ sản xuất bảo đảm tính hệ thống của cả công trình. Kết hợp chặt chẽ giữa giữ nước, dẫn nước và tháo nước theo yêu cầu bảo đảm tưới, tiêu nước để thâm canh tăng năng suất cây trồng và cải tạo, bồi dưỡng đất. Kết hợp chặt chẽ giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm với việc nhân dân tự làm công trình, bảo đảm thực hiện tốt liên minh công nông về mặt kinh tế.

Muốn đẩy mạnh công tác thủy lợi hiện nay ở các vùng vấn đề đầu tiên ta phải giải quyết là khâu điều tra cơ bản và quy hoạch. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã triển khai mạnh và kịp thời công tác điều tra cơ bản và quy hoạch, xây dựng thêm hàng chục trạm thủy văn trên các sông. Bộ thủy lợi đã tổ chức các đoàn quy hoạch đi nghiên cứu các vùng: đồng bằng sông Cửu-long, lưu vực sông Đồng-nai thuộc miền đông Nam-bộ và hai tỉnh Thuận-hải, Lâm-đồng; vùng ven biển miền Trung Trung-bộ; vùng Tây-nguyên, vùng

Digitized by Google

Trị-thiên. Đến nay, về cơ bản đã kết thúc giai đoạn nghiên cứu xác định phương hướng quy hoạch, sẽ triển khai giai đoạn 2 nghiên cứu và tính toán quy hoạch cụ thể cho từng công trình, từng vùng nhỏ. Việc xây dựng và đào tạo đội ngũ những người làm công tác khoa học kỹ thuật và quản lý cần khẩn trương để đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của sự phát triển với quy mô lớn nhịp độ nhanh của ngành. Từ sau ngày giải phóng số kỹ sư và trung cấp kỹ thuật ở miền Bắc đã được điều động vào phục vụ ở miền Nam lên gần 1.000 người. Nhưng để có đủ lực lượng đảm bảo cho sự nghiệp thủy lợi hóa về lâu dài, vẫn phải đào tạo cấp tốc lực lượng kỹ thuật và quản lý tại chỗ; xây dựng nhanh chóng tổ chức ngành thủy lợi. Xây dựng lực lượng quốc doanh đồng thời xây dựng tổ chức quần chúng đông đảo làm thủy lợi, đào tạo công nhân các loại bổ sung cho đội ngũ công nhân trong ngành. Xây dựng và củng cố tổ chức các ty thủy lợi và phòng thủy lợi huyện để mau chóng trở thành cơ quan tham mưu đắc lực cho cấp ủy Đảng và chính quyền. Các cơ sở sản xuất trực tiếp làm thủy lợi hoặc phục vụ cho công tác thủy lợi như đội thi công, đội máy bơm, công ty thủy nông, xưởng cơ khí thủy lợi, trường đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật phải sớm hình thành; cần tận dụng những máy bơm, tàu cuốc, tàu hút bùn cũ còn lại để tăng cường trang bị cho lực lượng cơ giới.

Xây dựng và phát triển nhanh chóng các lực lượng làm công tác khảo sát thiết kế, thi công, quản lý, khai thác các công trình đã và sẽ xây dựng ở các địa phương. Để phát huy sức mạnh to lớn của quần chúng trong phong trào làm thủy lợi, chúng ta hết sức tránh huy động ồ ạt. Ra quân là phải chuẩn bị mọi mặt, nhất là có đầy đủ dụng cụ. Chú trọng huy động quần chúng cả trong xây dựng lẫn quản lý khai thác, bảo vệ công trình. Phải rất coi trọng bảo đảm chất lượng công trình, quản lý chặt chẽ về mặt kinh tế, chống tư tưởng làm bừa làm ẩu, làm bất cứ giá nào, lãng phí tiền của và công sức của quần chúng.

Cần nghiên cứu ban hành gấp một số chế độ, chính sách đối với lực lượng lao động quần chúng làm thủy lợi. Trong việc xây dựng các công trình thủy lợi cần kiên quyết thực hiện nguyên tắc xây dựng đồng bộ dứt điểm, làm đến đâu phát huy hiệu ích công trình đến đó. Và song song với việc xây dựng phải tổ chức tốt việc quản lý, bảo vệ và vận hành công trình, bảo đảm phát huy được nhiều nhất hiệu ích của công trình để tưới nước, tiêu nước, phục vụ yêu cầu thâm canh với giá thành hạ.

Công tác thủy lợi là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, cho nên cần có sự hỗ trợ, hợp tác chặt chẽ của các ngành các cấp đối với ngành thủy lợi. Quan trọng nhất là sự kết hợp chặt chẽ giữa hai ngành thủy lợi và nông nghiệp trong việc tiến hành quy hoạch thủy lợi gắn liền với quy hoạch sản xuất nông nghiệp, phân vùng kinh tế. Như vậy mới tạo được một phương án tốt nhất trong tổ chức sản xuất nông nghiệp, trong đó cả nông nghiệp và thủy lợi đều phát huy được nhiều nhất tác dụng của mình. Một loạt các vấn đề khác như vật tư, thiết bị, lao động, tiền vốn, trang thiết bị, công cụ v.v... cần được giải quyết tốt. Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với việc tăng cường quản lý của Nhà nước và sự cố gắng của toàn dân, sự nghiệp thủy lợi hóa ở miền Nam nhất định sẽ được đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả tốt đẹp.

Digitized by Google

Một số vấn đề khoa học – kỹ thuật trong ngành xây dựng ở nước ta

PHẠM-VĂN-TRÌNH

NGÀNH xây dựng là một ngành công nghiệp lớn, sự phát triển của ngành xây dựng có quan hệ mật thiết đến công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật ở nước ta đòi hỏi phải có ngành xây dựng lớn mạnh. Ngược lại, sự phát triển của một số ngành và môn khoa học như toán, lý, hóa, điện, cơ khí... có tác dụng rất lớn đến sự phát triển của ngành xây dựng nói chung, của khoa học – kỹ thuật trong ngành xây dựng nói riêng.

Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trong ngành xây dựng có tính chất tổng hợp, đồng thời lại có những đặc điểm riêng vì công nghiệp xây dựng có những đặc điểm không giống các ngành công nghiệp khác:

– Sản xuất công nghiệp xây dựng mang nhiều tính chất lưu động và chỉ được coi là hoàn thành kế hoạch sau khi công trình được xây dựng xong, trong lúc sản xuất của các ngành công nghiệp khác là ổn định tại nhà máy.

– Trong công nghiệp xây dựng nổi bật lên tính chất sản xuất đơn chiếc, dù có áp dụng thiết kế điển hình và sản xuất cấu kiện hàng loạt, vẫn còn nhiều công việc kỹ thuật riêng lẻ như xử lý nền móng theo điều kiện địa chất từng nơi, công tác hoàn thiện v.v.... trong lúc các ngành công nghiệp khác nói chung là sản xuất hàng loạt sản phẩm.

– Sản phẩm của công nghiệp xây dựng tức là công trình xây dựng đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời hạn sử dụng lâu, khó sửa chữa, nếu sửa chữa thì rất tốn kém, có khi gần bằng vốn xây dựng mới, trong lúc sản phẩm của các ngành công nghiệp khác như giày dép, áo quần cho đến công cụ, v.v..., vốn đầu tư ít hơn, thời hạn sử dụng ngắn, dễ sửa chữa, nếu có sửa chữa thì có thể thay thế từng phần hay toàn bộ.

Do đó, ngành xây dựng đòi hỏi phải tiến hành công nghiệp hóa cao, toàn diện và giám định nghiêm khắc về mặt chất lượng. Phương hướng và biện pháp tiến hành công nghiệp hóa

Digitized by Google

ngành xây dựng là đưa sản xuất sản phẩm đúc sẵn chế tạo hàng loạt với tỷ lệ ngày càng tăng, kích thước ngày càng lớn, trọng lượng ngày càng nhẹ, mức độ cơ giới hóa và thi công lắp ghép ngày càng cao.

Nội dung của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trong ngành xây dựng phải nhằm giải quyết bốn vấn đề sau đây:

1 – Cải tiến thiết kế bao gồm cả thiết kế điển hình hóa, tiêu chuẩn hóa, nghiên cứu những giải pháp tiên tiến về quy hoạch, kiến trúc và kết cấu.

2 – Hướng vào những đối tượng lao động mới như tăng tỷ lệ cấu kiện lắp ghép, ứng dụng vật liệu mới và hóa học hóa xây dựng.

3 – Tăng cường công cụ lao động mới như đưa vào sử dụng máy móc công cụ mới có năng suất cao, công cụ điện khí hóa, cơ giới hóa các khâu bốc dỡ và đề hàng như vận chuyển cấu kiện vật liệu thi công, chữa và vận chuyển xi măng rời v.v...

4 – Áp dụng tổ chức và công nghệ sản xuất mới như công nghệ lắp ghép, công nghệ hoàn thiện, quản lý tự động hóa và tổ chức lao động khoa học.

Ở mỗi nước, tùy theo trình độ phát triển công nghiệp, sức lao động, nguồn tài nguyên thiên nhiên và cơ sở vật chất kỹ thuật mà định ra những bước đi thích hợp cho cách mạng khoa học – kỹ thuật trong công nghiệp xây dựng. Ở nước ta, chúng ta cần vận dụng tốt những kinh nghiệm tiên tiến của thế giới vào hoàn cảnh cụ thể của mình để đề ra nội dung cụ thể cho cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trong ngành công nghiệp xây dựng của chúng ta

Chúng ta xây dựng đất nước trong điều kiện kinh tế, kỹ thuật thấp kém. Chúng ta cần phải tiến với nhịp độ cao. Ngành xây dựng Việt-nam phải vừa học tập và áp dụng những tri thức và kinh nghiệm khoa học – kỹ thuật tiên tiến của thế giới, vừa khai thác mọi khả năng tiềm tàng trong nước, ra sức phấn đấu đi trước được một bước trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Ngành xây dựng giữ vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có đẩy mạnh cách mạng khoa học – kỹ thuật trong ngành xây dựng thì công nghiệp xây dựng mới bảo đảm được yêu cầu về số lượng và chất lượng của các công trình xây dựng và nhịp độ phát triển của nền kinh tế quốc dân. Vì vậy chúng ta phải biết kết hợp trước mắt và lâu dài, kết hợp thủ công, nửa cơ giới và cơ giới hóa, áp dụng những tiến bộ khoa học – kỹ thuật hiện đại có thể áp dụng ngay được hoặc chuẩn bị tích cực cho việc đưa vào áp dụng trong những kế hoạch sau.

Để đạt được các mục tiêu và yêu cầu cơ bản nói trên, chúng ta phải ra sức phấn đấu thực hiện có kết quả mấy nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. *Tổng kết và phổ biến sáng kiến, kinh nghiệm hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật đồng thời bước đầu cải tiến quản lý sản xuất xây dựng theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.* Đây là nội dung của bước đi trước mắt, trong kế hoạch 5 năm 1976 – 1980. Mục tiêu chính của nhiệm vụ này là nhằm tận dụng công suất máy móc (hiện nay mới sử dụng khoảng 30%), tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật liệu (nhất là xi măng và sắt thép), bảo đảm chất lượng công trình xây dựng.

Ngành xây dựng 16 năm qua đã có nhiều sáng kiến và kinh nghiệm có giá trị về mặt khoa học – kỹ thuật và kinh tế. Nhiều thành tựu khoa học – kỹ thuật tiên tiến đã được ứng dụng, như kỹ thuật bê tông ứng suất trước, hàn cao áp ở điều kiện nhiệt độ 550°C và 100 atm, áp dụng thi công ván

Digitized by Google

khuôn trượt, cải tiến cần cẩu 25 tấn để cẩu được 54 tấn ...Đã sử dụng các thiết bị siêu âm, tử... để kiểm tra chất lượng công trình có kết cấu phức tạp. Những tiến bộ kỹ thuật mới được nâng cao thêm trong quá trình sản xuất. Mối liên hệ mật thiết giữa khoa học – kỹ thuật và sản xuất đã thúc đẩy cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật phát triển không ngừng. Muốn có một cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật thật sự phải ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, phải phát động phong trào quần chúng đông đảo làm cách mạng khoa học – kỹ thuật.

Muốn cải tiến quản lý không có con đường nào khác là phải tổ chức lại sản xuất xây dựng, thực hiện phương pháp quản lý khoa học và kế hoạch hóa.

Tính ưu việt của tiến bộ khoa học kỹ thuật là, trên cơ sở tài sản cố định tăng lên không đáng kể, giảm chi phí lao động sống nhưng thu nhập quốc dân tăng lên không ngừng. Điều đó nói lên sự gắn rất chặt giữa sản xuất, kỹ thuật và khoa học quản lý.

2. *Tăng cường công cụ cải tiến và cơ giới nhỏ.*

Hiện nay trong ngành xây dựng đã sử dụng cơ giới 70 – 85% các khâu đào đất, san nền, cẩu lắp v.v... Cần bổ sung thế nào cho đồng bộ và tổ chức sử dụng hợp lý. Song còn rất nhiều công việc khác như lắp điện nước, hoàn thiện công trình v.v... hầu như hoàn toàn làm bằng thủ công. Điều đó có ảnh hưởng rất lớn đến thời gian hoàn thành kế hoạch, công trình chậm đưa vào sử dụng, sự làm việc vất vả nặng nhọc của công nhân không được giảm bớt.

Vì vậy tiến hành trang bị công cụ cải tiến có năng suất cao hơn, nghiên cứu ứng dụng cơ khí nhỏ và công cụ cơ giới hóa để khắc phục tình trạng nói trên có ý nghĩa rất lớn. Ở một nước như nước ta kết hợp tốt lao động sáng tạo của con người và công cụ cơ giới hóa tạo ra năng suất lao động cao hơn là điều rất có ý nghĩa

3. *Phát triển sản phẩm vật liệu xây lắp.*

Sản phẩm vật liệu xây lắp là vấn đề rất cơ bản trong công nghiệp hóa xây dựng. Tùy theo phương hướng và phương pháp xây dựng, nguồn tài nguyên và khả năng trang bị có được mà đặt ra cơ sở sản xuất cho thích hợp.

Trong kế hoạch 5 năm này chúng ta cần nghiên cứu nâng cao chất lượng và sử dụng hợp lý gạch nung. Mặt khác cần đưa vào sản xuất sử dụng gạch không nung làm bằng các phế liệu công nghiệp, xỉ than nhiệt điện, cát mịn v.v... là nguồn nguyên liệu rất phong phú của nước ta, để thay thế cho gạch nung để xây dựng nhà 1 – 2 tầng và 4 – 5 tầng, với kích thước viên gạch mở rộng và không cần trát. Để sản xuất gạch không nung chúng ta cần đẩy mạnh sản xuất các loại chất kết dính như vôi pu-rơ-lan, vôi thủy, đô-lô-mit thủy lực và xi măng lò đứng 1 vạn đến 5 vạn tấn/năm mà trang bị chúng ta có thể hoàn toàn chế tạo trong nước, xây dựng nhanh, nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách về xây dựng nhà ở.

Đồng thời chúng ta đẩy mạnh công tác nghiên cứu các loại vật liệu nhẹ, lắp ghép tấm lớn bằng cấu kiện bê tông cốt thép nhẹ để xây dựng nhà trong các kế hoạch sau.

Như vậy, chúng ta sẽ bước ngay vào kỹ thuật hiện đại, giảm dần sử dụng cấu kiện lắp ghép bằng bê tông cốt thép nặng thông thường. Về phương pháp tổ chức sản xuất đúc sẵn trong hoàn cảnh trước mắt của nước ta do điều kiện giao thông cũng như phương tiện vận chuyển nên tổ chức các pê-li-gôn gần nơi xây dựng. Cấu kiện đúc sẵn trọng lượng trên dưới 1 tấn, thích hợp với phương tiện cẩu lắp cỡ nhỏ và trung

Digitized by Google

bình, trừ các công trình cao tầng (9 – 11 tầng) và các công trình công nghiệp.

4. *Đẩy mạnh việc xây dựng tiêu chuẩn quy phạm và thiết kế điển hình.*

Chúng ta đã xây dựng xong kế hoạch 5 năm (1976 – 1980) về tiêu chuẩn quy phạm xây dựng và thiết kế điển hình. Thực hiện được kế hoạch này trong 5 năm chúng ta sẽ có được một bộ tiêu chuẩn quy phạm xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Đi đôi với tiêu chuẩn quy phạm chúng ta cần xây dựng các văn bản về pháp chế khác để đưa công tác xây dựng vào nề nếp. Công tác thiết kế điển hình cần tập trung vào khâu nhà ở, trường học, bệnh viện, nhà trẻ...

Đối với các loại cấu kiện chủ yếu của công trình công nghiệp cũng cần đưa vào thiết kế điển hình hóa và sản xuất ở công xưởng.

Ý nghĩa quan trọng của công tác tiêu chuẩn quy phạm và thiết kế điển hình là nó thể hiện một cách tổng hợp và cụ thể chính sách của Đảng và Nhà nước, là biện pháp thống nhất quản lý ngành xây dựng có hiệu quả và cũng là con đường tốt nhất để thực hiện kế hoạch hóa và công nghiệp hóa ngành xây dựng, nội dung cơ bản của cách mạng kỹ thuật trong ngành xây dựng.

5. *Tập trung công tác nghiên cứu khoa học giải quyết những vấn đề trọng điểm.*

Trong hoàn cảnh nước ta còn nghèo, trang bị và thiết bị cho công tác nghiên cứu còn ít, chúng ta phải biết tổ chức công tác nghiên cứu cho tốt, tập trung vào hướng giải quyết những vấn đề trọng điểm.

– Nghiên cứu thiên nhiên và tài nguyên, phân vùng địa chất công trình, khí hậu xây dựng và vật liệu xây dựng đáp ứng yêu cầu của các mặt công tác điều tra cơ bản, khảo sát thiết kế và khai thác sử dụng vật liệu xây dựng v.v...

– Nghiên cứu đặc điểm nhiệt đới ở nước ta trong các vấn đề vi khí hậu nhà ở, bảo vệ chống ăn mòn và tăng tính bền vững của công trình xây dựng v.v... vừa có tính chất cơ bản vừa có tính chất cấp bách và trên nhiều lĩnh vực chúng ta có thể đóng góp vào nền khoa học của thế giới.

– Hai vấn đề nghiên cứu có tính chất xung yếu là xử lý nền móng và giải quyết mái nhà các công trình dân dụng và công nghiệp sao cho phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu. Phải tiết kiệm được vật liệu sắt thép và bê tông, thi công công nghiệp hóa, nền móng thi công được cả mùa mưa, mái phải giảm nhẹ trọng lượng, cách nhiệt và chống dột v.v...

– Nghiên cứu để đưa vào ứng dụng các loại vật liệu mới, vật liệu nhẹ dựa trên cơ sở nguồn nguyên liệu và vật liệu trong nước chẳng những là yêu cầu trước mắt mà phải tiến hành lâu dài để đáp ứng yêu cầu về số lượng và phát triển kỹ thuật mới của ngành xây dựng.

Digitized by Google

TRUNG-QUỐC TÍCH CỰC HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP

DƯƠNG-QUỐC-TÂN

TRONG những ngày cuối năm 1976 đầu năm 1977, khắp đất nước Trung-quốc dấy lên một phong trào sản xuất mới. Nhiệm vụ thực hiện toàn diện công cuộc hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật từ nay đến cuối thế kỷ 20, nhằm đưa nền kinh tế quốc dân Trung-quốc tiến lên hàng đầu thế giới, đang được nhân dân Trung-quốc hưởng ứng sôi nổi. Trong 4 tháng qua, nhiều hội nghị về công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, đã lần lượt được triệu tập, trong đó có hai hội nghị tiêu biểu là Hội nghị nông nghiệp toàn quốc học Đại-trại lần thứ hai và Hội nghị trù bị công nghiệp toàn quốc học Đại-khánh.

Hội nghị nông nghiệp đã xác định những chỉ tiêu then chốt của ngành: đến năm 1980, về cơ bản, Trung-quốc sẽ thực hiện xong nhiệm vụ cơ khí hóa nông nghiệp; trên 1 phần 3 số huyện (trong số 2.000 huyện trong cả nước) đạt tiêu chuẩn huyện Đại-trại; mỗi nhân khẩu nông nghiệp sẽ có một mẫu Trung-quốc (1) đất canh tác đạt sản lượng cao và ổn định (tổng số khoảng trên 46 triệu héc-ta). Sau hội nghị này, các huyện, thành phố, tỉnh, khu tự trị lần lượt mở các hội nghị địa phương để bàn biện pháp cụ thể thực hiện các nhiệm vụ nói trên.

Qua hơn 20 năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp Trung-quốc đã có những bước tiến vững chắc và toàn diện. Sản lượng lương thực năm 1974 so với năm 1949 tăng 140% (từ 108 triệu tấn lên gần 260 triệu tấn), sản lượng bông tăng 570%. Giải quyết vấn đề ăn và mặc của nhân dân trong một nước có hơn 800 triệu người là một nhiệm vụ vô cùng to lớn. Trong quá trình giải quyết vấn đề lương thực, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, nhân dân Trung-quốc đã không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đồng thời rất chú trọng phát triển sức sản xuất trong nông nghiệp.

Coi thủy lợi là «mạch sống của nông nghiệp», trong mấy chục năm qua, giai cấp nông dân tập thể Trung-quốc được giai cấp công nhân chi

(1) Một mẫu Trung-quốc bằng 1 phần 15 héc-ta.

Digitized by Google

viện, đã bỏ nhiều công sức vào những công trình trị thủy lớn trên sông Hoàng, sông Hoài, sông Hải, v.v...

Ở khắp nơi, đâu đâu cũng có phong trào làm thủy lợi và xây dựng đồng ruộng. Những hệ thống mương máng tưới tiêu lớn, nhỏ, thẳng tắp trên những cánh đồng màu mỡ hoặc vươn dài qua những núi cao đồi trọc, có sự hỗ trợ của các trạm bơm, đã và đang phát huy tác dụng to lớn trong việc nâng cao sản lượng cây trồng. Nhờ vậy, những vùng nông nghiệp có sản lượng cao và ổn định đã được hình thành và ngày càng mở rộng. Đến năm 1980, khi thực hiện được mục tiêu mỗi nhân khẩu nông nghiệp có một mẫu Trung-quốc có sản lượng cao và ổn định — khoảng 46 triệu héc-ta trong cả nước — thì trên diện tích đó (chỉ bằng khoảng 43% diện tích đất trồng trọt cả nước) đã có thể thu hoạch mỗi năm trên 200 triệu tấn lương thực, gần bằng tổng số lương thực hiện nay, và điều đó mở ra những triển vọng mới cho việc phát triển nông nghiệp toàn diện.

Cơ khí hóa là vấn đề quan trọng trong nông nghiệp, được Đảng cộng sản Trung-quốc quan tâm ngay từ khi mở rộng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Đảng đã tiến hành nhiều biện pháp tổ chức và giáo dục tỉ mỉ và gian khổ, nhờ vậy việc cơ khí hóa nông nghiệp đã thu được nhiều thành tựu. Trước ngày giải phóng, Trung-quốc không sản xuất được máy kéo. Ngày nay ở Trung-quốc đã hình thành một hệ thống cơ khí nông nghiệp từ trung ương tới địa phương. Trong thời gian hơn hai năm (1973—1975), khu tự trị Choang (Quảng-tây) đã sản xuất được trên 5.000 máy kéo bốn bánh và 18.000 máy kéo loại nhỏ. Năm 1974, tỉnh Hà-bắc đã sản xuất được trên 170.000 động cơ đi-ê-den, trung bình mỗi đội sản xuất trong tỉnh có 1,5 động cơ. Ở địa khu Yên-đài (Sơn-đông), mỗi đội sản xuất trung bình có 102 mã lực máy các loại. Sản lượng máy kéo năm 1974 của Trung-quốc so với năm 1964 tăng 620%. Đi đôi với việc tăng cường cung cấp máy móc thiết bị cho nông nghiệp, mạng lưới cơ khí sửa chữa đã được hình thành khắp nơi. Chỉ trong năm 1975 cả nước đã xây dựng được hơn 800.000 xí nghiệp phục vụ nông nghiệp. Hội nghị nông nghiệp toàn quốc học Đại-trại lần thứ nhất (9-1975) đã kết luận: thành tựu phát triển cơ khí hóa nông nghiệp trong 4 năm gần đây (1971 — 1975) lớn hơn 11 năm trước, hội nghị còn tỏ quyết tâm trong 5 năm tới sẽ phấn đấu vượt hơn 20 năm qua, về cơ bản sẽ hoàn thành nhiệm vụ cơ khí hóa nông nghiệp vào năm 1980.

Trong mấy năm gần đây, việc sản xuất phân hóa học của Trung-quốc cũng được đẩy mạnh. Từ năm 1964 đến năm 1974, sản lượng phân hóa học tăng 430%, trong đó sản lượng phân do các xí nghiệp địa phương sản xuất có bước tăng vọt, chiếm trên 50% tổng sản lượng toàn quốc. Ngày nay, phần lớn các huyện ở Trung-quốc đều có nhà máy sản xuất phân bón. Đến năm 1975 tỉnh Hà-bắc đã có 80 xí nghiệp sản xuất phân đạm và 30 xí nghiệp sản xuất phân lân của địa phương. Trong các năm 1973, 1974, Trung-quốc đã mua của nước ngoài khá nhiều thiết bị cỡ lớn sản xuất phân đạm. Nhiều nhà máy đang được khẩn trương xây dựng và lần lượt đưa vào sản xuất, trong vài năm tới có thể cung cấp thêm cho nông nghiệp mỗi năm hàng chục triệu tấn phân. Ngày 28-12-1976 nhà máy phân đạm Đại-khánh đã bước vào sản xuất toàn bộ, có công suất một triệu tấn/năm. Trong quá trình thực hiện thủy lợi hóa, cơ khí hóa và hóa học hóa nông nghiệp, Trung-quốc rất chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, áp dụng những thành tựu mới của khoa học hiện đại vào sản xuất nông nghiệp. Công tác cải tạo giống cũ, tạo giống mới thích hợp với khí hậu từng vùng.

Digitized by Google

từng địa phương, được chú trọng. Hiện nay Trung-quốc đã có nhiều giống cây trồng, giống gia súc có năng suất cao.

Ngoài việc bảo đảm vấn đề ăn mặc cho nhân dân, nông nghiệp đã và đang giữ vai trò quan trọng trong xuất khẩu. Có nhiều khu vực chuyên sản xuất hàng xuất khẩu. Sản phẩm nông nghiệp của Trung-quốc với tính chất đa dạng, với mặt hàng phong phú, có chất lượng tốt, được thị trường nước ngoài ưa thích, từ trước tới nay vẫn được coi là nguồn xuất khẩu chủ lực, góp phần đáng kể vào việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật liệu cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

★

Cùng với những thành tựu to lớn trong nông nghiệp, nhân dân Trung-quốc cũng giành được nhiều thành tích trong công nghiệp. Trong 10 năm từ 1964 đến 1974, giá trị tổng sản lượng công nghiệp đã tăng 290%, trong đó thép tăng 220%, than tăng 91%, dầu mỏ tăng 750%, điện tăng 300%, sợi tổng hợp tăng 430%. Ngày nay Trung-quốc đã có một nền công nghiệp lớn bao gồm các ngành then chốt và mũi nhọn.

Từ một nước phải nhập khẩu nhiều dầu mỏ, sau gần 20 năm phấn đấu, ngày nay Trung-quốc đã đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng tăng về dầu mỏ ở trong nước và còn có dư để xuất khẩu. Sản lượng dầu thô đã tăng từ 122.000 tấn năm 1949 lên 20 triệu tấn năm 1970 và hơn 60 triệu tấn năm 1975. Qua thực tế thăm dò và khảo sát, Trung-quốc đã xác định có trữ lượng lớn về dầu mỏ. Ngoài mỏ dầu mỏ Đại-khánh, Trung-quốc đã tìm thêm được một số mỏ mới. Khối lượng dầu xuất khẩu chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng kim ngạch xuất khẩu ngoại thương: năm 1974 vào khoảng 7% và năm 1975 vào khoảng 8%. Ngành hóa dầu đã có sự phát triển bước đầu. Ngoài các cơ sở cũ, trong hai năm 1973 — 1974, Trung-quốc đã nhập khẩu một số công trình hóa dầu cỡ lớn, chủ yếu là để chế tạo các loại sợi hóa học và một số sản phẩm trung gian quan trọng khác. Những nhà máy này khi đi vào sản xuất, có thể cung cấp mỗi năm hàng chục vạn tấn sợi và nhiều sản phẩm quý khác. Mỏ dầu Đại-khánh từ năm 1964 đã trở thành ngọn cờ đầu của các ngành công nghiệp trong nước. Tại một vùng thảo nguyên rộng lớn, khí hậu hết sức khắc nghiệt, trong điều kiện ăn ở, đi lại rất khó khăn, cán bộ và công nhân không sợ hy sinh gian khổ, chỉ trong một thời gian ngắn đã xây dựng Đại-khánh thành mỏ dầu lớn nhất của Trung-quốc. Với nhịp độ tăng sản lượng trung bình hàng năm là 28%, một Đại-khánh bây giờ đã bằng 6 Đại-khánh những năm trước. Trong mười mấy năm qua, mỏ dầu Đại-khánh đã quản lý tốt xí nghiệp, ra sức tiến hành cách mạng kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật, sáng tạo và vận dụng quy trình công nghệ kỹ thuật mới về khai thác mỏ dầu, đạt trình độ tiên tiến trên thế giới.

Sản lượng điện của Trung-quốc năm 1949 mới có 4,3 tỷ kw/h, tới nay đã đạt trên 120 tỷ kw/h. Trung-quốc đã tự chế tạo được tổ máy phát điện có công suất 300.000Mw, xây dựng đường dây cáp cao áp 330kV. Cùng với việc xây dựng các nhà máy điện cỡ lớn, như nhà máy thủy điện Lưu-Gia-Hiệp vừa hoàn thành năm 1975, có công suất 1,2 triệu kw (khoảng 5,7 tỷ kw/h/năm), Trung-quốc cũng đã xây dựng được nhiều trạm thủy điện vừa và nhỏ. Công nghiệp gang thép cung cấp nhiều nguyên liệu, vật liệu thiết yếu cho nền kinh tế quốc dân với hơn 1.000 chủng loại, trong đó có những loại hợp kim cao cấp mà trước đây phải nhập khẩu. Với trữ lượng quặng sắt và nguồn than phong phú, ngành luyện thép Trung-quốc đang phấn đấu vượt qua cửa ải 30 triệu tấn/năm, tạo điều kiện thuận lợi cho

Digitized by Google

các ngành kinh tế có liên quan phát triển mạnh thêm. Công nghiệp cơ khí giữ một vai trò quan trọng trong việc trang bị lại nền kinh tế quốc dân. Trung-quốc đã tự thiết kế và chế tạo được nhiều loại nhà máy toàn bộ như nhà máy sản xuất phân đạm 10 vạn tấn/năm, nhà máy điện, nhà máy dệt, v.v... Trung-quốc cũng đã chế tạo được nhiều loại máy công cụ như máy ép bằng sức nước trên 1 vạn tấn, và nhiều loại máy chính xác khác.

Ngành công nghiệp điện tử Trung-quốc phát triển nhanh chóng. Trung-quốc đã chế tạo được kính hiển vi điện tử có độ phóng đại 400.000 lần, sản xuất được máy tính điện tử thuộc hệ thứ ba, mỗi giây làm được 100.000 phép tính. Việc sử dụng máy tính điện tử đang dần dần vượt ra ngoài khuôn khổ các cơ quan nghiên cứu khoa học và quân sự. Số nhà máy, hầm mỏ, cửa hàng dùng máy tính điện tử vào sản xuất, quản lý, kinh doanh ngày càng nhiều. Ngày 26-11-1975 lần đầu tiên Trung-quốc đã thu hồi được vệ tinh nhân tạo về trái đất theo kế hoạch đã định.

Sau ngày giải phóng, nhân dân Trung-quốc đã nhanh chóng khôi phục và phát triển toàn diện ngành giao thông vận tải. Con đường ô tô nổi tiếng lên cao nguyên Khang-tạng, hoặc con đường sắt Thành-đô – Côn-minh vượt qua bao đèo cao, ngầm sâu, là những công trình lao động đáng khâm phục. Trung-quốc đã tự chế tạo được ô tô, máy bay, đầu máy xe lửa và động cơ đi-ê-den cho tàu biển có công suất 10.000 sức ngựa. Gần đây, đã khánh thành đoạn đường sắt chạy bằng điện đầu tiên Bảo-kê – Thành-đô, dài trên 600km, và đường ống dẫn dầu cỡ lớn từ Đại-khánh về Tần-hoàng-đảo và Bắc-kinh dài trên 1.000 km. Đội tàu viễn dương của Trung-quốc không ngừng phát triển trong đó có nhiều tàu chở hàng cỡ 10.000 tấn và tàu chở dầu cỡ 50.000 tấn do Trung-quốc đóng lấy.

Ngành xây dựng cơ bản gần đây mặc dù gặp nhiều khó khăn, đã nêu kỷ lục mới trong công tác xây lắp. Với thời gian 2 năm 8 tháng, công nhân xây dựng Bắc-kinh đã đưa một công trình công nghiệp lớn và phức tạp: nhà máy ê-ty-len, công suất 300.000 tấn/năm đi vào sản xuất một cách nhanh gọn. Công nhân xây lắp, trong một năm, đã lắp đặt xong 2 tổ máy phát điện của một nhà máy nhiệt điện ở Sơn-đông, mỗi tổ có công suất 200.000Mw.

★

Trong hơn hai mươi năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp và công nghiệp của Trung-quốc đã có sự phát triển đáng kể. Nhịp độ tăng trung bình hằng năm của công nghiệp ở những thời kỳ ổn định thường đạt mức 10% hoặc cao hơn. Nhìn chung, tỷ lệ tăng về lương thực cao hơn tỷ lệ tăng về số dân (từ 1949 đến 1971 số dân tăng 60%, sản lượng lương thực tăng 140%).

Trong 24 năm còn lại của thế kỷ này, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, nhân dân Trung-quốc nỗ lực thực hiện nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang: thực hiện 4 hiện đại hóa, làm cho Trung-quốc trở thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Một số quy hoạch dài hạn đã được vạch ra, kế hoạch 5 năm lần thứ năm (1976 – 1980) đang được khẩn trương triển khai. Theo phương hướng «ra sức phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa là một trong những nhiệm vụ cơ bản của chuyên chính vô sản», nhân dân Trung-quốc đang đi lên với một khí thế mới. Công tác quản lý sản xuất theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, vấn đề phát triển khoa học kỹ thuật, vấn đề quan tâm đến đời sống của quần chúng, v.v... được coi trọng. Trước mắt, nhân dân Trung-quốc tích cực phấn đấu quyết biến năm 1977 thành một năm ổn định, đoàn kết.

Digitized by Google

THUYẾT HỘI TỤ,
học thuyết lừa bịp mới của chủ nghĩa đế quốc

PHONG-HIỀN

CUỘC cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đang làm biến đổi sâu sắc các yếu tố của lực lượng sản xuất. Dựa trên cơ sở đó, các nhà tư tưởng tư sản đang cố thổi phồng vai trò của nó, biến nó thành cái nền xây dựng những hệ tư tưởng mới ; thuyết hội tụ nằm trong số các hệ tư tưởng này, có chức năng tuyên truyền cho sự « hội tụ » giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Thuyết hội tụ ra đời nhằm tô hồng cho chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, xóa mờ ranh giới giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Trước hết, các nhà hội tụ thống nhất với nhau ở một điểm : *họ tuyệt đối hóa vai trò của cách mạng khoa học kỹ thuật*, coi nó như là một yếu tố độc lập, quyết định sự phát triển của lịch sử hiện đại. Không những họ cho rằng các nhà khoa học đang tự tay thực hiện hành động của Pơ-rô-mê-tê, làm bùng lên những kỹ thuật mới để cởi cho loài người cái xiềng nghèo đói, nọ còn cố làm cho người ta tin rằng cách mạng khoa học kỹ thuật có thể giúp cho chủ nghĩa tư bản tiếp tục tồn tại và phát triển mà không còn « Chủ nghĩa tư bản giãy chết » nữa. Thậm chí, họ còn khẳng định rằng chỉ cần cách mạng khoa học kỹ thuật, không cần đấu tranh giai cấp, chỉ cần cách mạng lực lượng sản xuất, không cần cách mạng xã hội lật đổ ách thống trị của bọn tư bản. Chẳng thế mà có nhà tư tưởng tư sản đã ra bản « tuyên ngôn không cộng sản » và tuyên bố rằng chủ nghĩa Mác « đã lỗi thời », « chủ nghĩa Mác chỉ đúng với một chủ nghĩa tư bản ở thế kỷ XIX », không còn đúng với một « chủ nghĩa tư bản kỹ thuật ».

Không thể xem xét sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật một cách tách rời với các quan hệ sản xuất và sự tiến hóa xã hội như vậy. Khi nghiên cứu sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật ở thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX, Mác luôn luôn gắn nó với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhờ có những sự tiến bộ đó, phương thức sản xuất này mới có được cơ sở vật chất là nền đại sản xuất cơ khí. Và Mác nhấn mạnh rằng cách mạng công nghiệp không phải chỉ giới hạn ở phạm vi cách mạng kỹ thuật, mà bao hàm cả cách mạng trong các quan hệ sản xuất, đưa đến thắng lợi vĩnh viễn của chủ nghĩa tư bản đối với chủ nghĩa phong kiến. Và Lê-nin, khi nghiên cứu những hiện tượng mới của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đầu thế kỷ XX, cũng gắn sự tiến bộ kỹ thuật với phương thức sản xuất

Digitized by Google

tư bản chủ nghĩa, với sự ra đời của các công ty độc quyền và sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang lũng đoạn.

Đó là vì khoa học cũng như sản xuất, không phát triển một cách tự thân, mà phát triển trong khuôn khổ của các quan hệ sản xuất, dưới áp lực của những mâu thuẫn bên trong của các quan hệ sản xuất này. Lợi ích của giai cấp thống trị, thông qua các quan hệ sản xuất quyết định hậu quả xã hội của các thành tựu khoa học. Chính vì luôn luôn nhìn khoa học — kỹ thuật trong mối liên hệ hữu cơ với các hậu quả xã hội này, mà những người mác xít là những người đầu tiên trong những năm 50 gọi bước nhảy vọt trong nhận thức khoa học hiện đại và sự ứng dụng của nó vào sản xuất là *cách mạng khoa học kỹ thuật*, và hiểu nó trong sự thống nhất với cách mạng xã hội, trong khi các nhà xã hội học tư sản lúc ấy chỉ gọi nó là cách mạng công nghiệp lần thứ hai. Vì khái niệm cách mạng khoa học kỹ thuật là đúng với hiện thực, cho nên nó đã trở thành một khái niệm khoa học và đã được sử dụng một cách phổ biến.

Các nhà hội tụ không chỉ thổi phồng vai trò của khoa học và kỹ thuật đối với sự tiến hóa của xã hội. Họ còn thống nhất với nhau ở một điểm thứ hai: *lấy kỹ thuật làm « tiêu chuẩn » chung cho mọi nền sản xuất*, chứ không phải lấy chế độ sở hữu về các tư liệu sản xuất, vốn quyết định quan hệ giữa người và người trong một nền sản xuất nhất định, làm tiêu chuẩn khách quan để phân loại các kiểu xã hội. Vì vậy, để thay cho các khái niệm quen thuộc là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, họ chọn một khái niệm được coi là phản ánh một cái gì chung cho cả hai xã hội khác nhau nói trên: đó là khái niệm « xã hội công nghiệp ». Như nhà xã hội học Pháp Ray-mông A-rông đã viết: « Đúng lẽ lấy khái niệm lịch sử chủ yếu, khái niệm chủ nghĩa tư bản, thì chúng tôi chọn khái niệm xã hội công nghiệp (1), và « vấn đề là tránh sự đối lập giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội ở ngay điểm xuất phát, và xem xét chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội như là hai dạng thức của cùng một loại là xã hội công nghiệp » (2).

Cái nhìn ấy là chung cho tất cả những người theo thuyết « hội tụ », bất kể xu hướng của họ là như thế nào.

Chẳng hạn, nhà kinh tế học Mỹ Rô-stao trong cuốn *Các giai đoạn phát triển kinh tế*, đã lấy *tiến trình phát triển khách quan của sản xuất xã hội* làm tiêu chuẩn để phác họa một sơ đồ tiến hóa xã hội, bao gồm năm « trình độ »: 1 — xã hội cổ truyền; 2 — những điều kiện tiên quyết của sự nhảy vọt; 3 — giai đoạn « nhảy vọt »; 4 — giai đoạn « chín muồi » công nghiệp; 5 — giai đoạn tiêu dùng quần chúng cao. Đối chiếu với một tiêu chuẩn như vậy, các nước hiện có trên thế giới chỉ khác nhau về « trình độ phát triển sản xuất » chứ không phải về chế độ sở hữu và chế độ chính trị — xã hội bắt nguồn từ đó. Tất nhiên nước Mỹ được ông ta đặt lên chót vót ở thượng đỉnh của quá trình tiến hóa ấy, và chỉ còn có việc chờ đợi các nước khác đuổi theo nó, để rồi tan biến vào cái mẫu chung được gọi là « xã hội hậu công nghiệp » mà nó là kẻ đại diện tiêu biểu.

Một nhà kinh tế học Mỹ khác, ông Gan-brét, cũng cho rằng sự phát triển xã hội được quyết định bởi *sự tiến bộ của kỹ thuật*. Ông viết: « Chính các yêu cầu của kỹ thuật và của tổ chức, chứ không phải những hình ảnh của hệ tư tưởng, đã quyết định bộ mặt

(1) Ray-mông A-rông: *Xã hội công nghiệp, ý thức hệ, triết học*; tạp chí *Bằng chứng*; quý I-1965.

(2) Ray-mông A-rông: *Mười tám bài học về xã hội công nghiệp*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1968, trang 18.

Digitized by Google

của xã hội kinh tế » (3). Dựa trên tiêu chuẩn ấy, theo ông, có « một sự hội tụ rất lớn giữa các hệ thống công nghiệp »; chủ nghĩa tư bản phát triển và chủ nghĩa xã hội phát triển sẽ trở thành những biến tướng khác nhau của cái gọi là « Nhà nước công nghiệp mới ».

Một cái nhìn như thế đã bắt nguồn từ một tiền đề phương pháp luận như thế nào? Một mặt, nó đã đồng nhất kỹ thuật và lực lượng sản xuất, và hạ thấp vai trò của người lao động trong sản xuất — cũng như hạ thấp vai trò của quần chúng lao động trong lịch sử. Trong khi đó thì con người với kinh nghiệm và hiểu biết của họ mới là yếu tố chính của lực lượng sản xuất; kỹ thuật chỉ là lao động được kết tinh, và trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản còn là phương tiện để bóc lột và tha hóa lao động sống.

Mặt khác, nó đã xem xét sự phát triển của các lực lượng sản xuất *ở bên ngoài* các quan hệ sản xuất và cơ cấu giai cấp của các xã hội cụ thể. Như thế, nó quy lịch sử phát triển của xã hội loài người chỉ còn là lịch sử của kỹ thuật sản xuất. Và khi đồng nhất tính chất của kỹ thuật sản xuất với tính chất của xã hội, nó biến mâu thuẫn giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới thành mâu thuẫn có tính chất kỹ thuật hoặc địa dư giữa « các nước chậm tiến » hoặc « đang phát triển » với các nước « tiên tiến », giữa « phương Tây công nghiệp » và « phương Đông nông nghiệp ». Dựa vào đó, nó mưu đồ bác bỏ tính quy luật của việc chuyển chủ nghĩa tư bản sang mặt đối lập của nó là chủ nghĩa xã hội để thay bằng « sự tiến hóa » của kỹ thuật. Nó mưu đồ bác bỏ các cuộc cách mạng xã hội để thay bằng « cách mạng công nghiệp ».

Rõ ràng một cái nhìn như thế là trái *với hiện thực* vì hiển nhiên đang có hai hệ thống đối lập nhau, có hai giai cấp đối kháng nhau cũng như đang có ba dòng thác cách mạng chống lại chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Cái nhìn ấy *phản khoa học*, vì nó không vạch ra được bản chất của một hình thái kinh tế — xã hội, không giải thích được lịch sử tiến hóa dích thực của xã hội loài người. Nó còn phản ánh tính chất hành tiến Mỹ khi lấy « tiêu dùng vật chất » chứ không phải lấy quan hệ giữa người và người, truyền thống văn hóa và các giá trị tinh thần của một dân tộc, làm thước đo cho tính ưu việt của một chế độ.

Khái niệm « xã hội công nghiệp » chính là con đẻ của một cái nhìn phản khoa học như thế, nó được dùng làm điểm xuất phát, và cũng là đầu mối gây mơ hồ của thuyết hội tụ. « Xã hội công nghiệp » là gì? Theo Ray-mông A-rông đó là « xã hội mà trong đấy, công nghiệp, nền đại công nghiệp sẽ là hình thức sản xuất đặc trưng nhất » (4). Phân tích sâu hơn, ông nêu lên năm tính chất của xã hội công nghiệp: nhà máy tách khỏi gia đình; có một sự phân công có tính chất kỹ thuật của lao động ở bên trong xí nghiệp; có một sự tích lũy tư bản cao; có sự tính toán kinh tế chặt chẽ; có sự tập trung công nhân, và ông kết luận: « Năm tính chất này đều có trong nền kinh tế xô viết cũng như trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. » (5)

Khái niệm « xã hội công nghiệp » còn được hình thành trên cơ sở thỏi phồng một số nét giống nhau về lượng trong trình độ kỹ thuật của sản xuất, như việc áp dụng toán học để giải quyết các vấn đề kinh tế, việc sử dụng các máy công cụ và dây chuyền sản xuất cơ khí hoặc tự động, việc quản

(3) J. K. Gan-brét: *Nhà nước công nghiệp mới*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1971, trang 7.

(4) Ray-mông A-rông: *Mười tám bài học về xã hội công nghiệp*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1968, trang 97.

(5) *Như trên*, trang 110.

Digitized by Google

ngành xây dựng là đưa sản xuất sản phẩm đúc sẵn chế tạo hàng loạt với tỷ lệ ngày càng tăng, kích thước ngày càng lớn, trọng lượng ngày càng nhẹ, mức độ cơ giới hóa và thi công lắp ghép ngày càng cao.

Nội dung của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trong ngành xây dựng phải nhằm giải quyết bốn vấn đề sau đây:

1 – Cải tiến thiết kế bao gồm cả thiết kế điển hình hóa, tiêu chuẩn hóa, nghiên cứu những giải pháp tiên tiến về quy hoạch, kiến trúc và kết cấu.

2 – Hướng vào những đối tượng lao động mới như tăng tỷ lệ cấu kiện lắp ghép, ứng dụng vật liệu mới và hóa học hóa xây dựng.

3 – Tăng cường công cụ lao động mới như đưa vào sử dụng máy móc công cụ mới có năng suất cao, công cụ điện khí hóa, cơ giới hóa các khâu bốc dỡ và đề hàng như vận chuyển cấu kiện vật liệu thi công, chữa và vận chuyển xi măng rời v.v...

4 – Áp dụng tổ chức và công nghệ sản xuất mới như công nghệ lắp ghép, công nghệ hoàn thiện, quản lý tự động hóa và tổ chức lao động khoa học.

Ở mỗi nước, tùy theo trình độ phát triển công nghiệp, sức lao động, nguồn tài nguyên thiên nhiên và cơ sở vật chất kỹ thuật mà định ra những bước đi thích hợp cho cách mạng khoa học – kỹ thuật trong công nghiệp xây dựng. Ở nước ta, chúng ta cần vận dụng tốt những kinh nghiệm tiên tiến của thế giới vào hoàn cảnh cụ thể của mình để đề ra nội dung cụ thể cho cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trong ngành công nghiệp xây dựng của chúng ta.

Chúng ta xây dựng đất nước trong điều kiện kinh tế, kỹ thuật thấp kém. Chúng ta cần phải tiến với nhịp độ cao. Ngành xây dựng Việt-nam phải vừa học tập và áp dụng những tri thức và kinh nghiệm khoa học – kỹ thuật tiên tiến của thế giới, vừa khai thác mọi khả năng tiềm tàng trong nước, ra sức phấn đấu đi trước được một bước trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Ngành xây dựng giữ vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có đẩy mạnh cách mạng khoa học – kỹ thuật trong ngành xây dựng thì công nghiệp xây dựng mới bảo đảm được yêu cầu về số lượng và chất lượng của các công trình xây dựng và nhịp độ phát triển của nền kinh tế quốc dân. Vì vậy chúng ta phải biết kết hợp trước mắt và lâu dài, kết hợp thủ công, nửa cơ giới và cơ giới hóa, áp dụng những tiến bộ khoa học – kỹ thuật hiện đại có thể áp dụng ngay được hoặc chuẩn bị tích cực cho việc đưa vào áp dụng trong những kế hoạch sau.

Để đạt được các mục tiêu và yêu cầu cơ bản nói trên, chúng ta phải ra sức phấn đấu thực hiện có kết quả mấy nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. *Tổng kết và phổ biến sáng kiến, kinh nghiệm hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật đồng thời bước đầu cải tiến quản lý sản xuất xây dựng theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.* Đây là nội dung của bước đi trước mắt, trong kế hoạch 5 năm 1976 – 1980. Mục tiêu chính của nhiệm vụ này là nhằm tận dụng công suất máy móc (hiện nay mới sử dụng khoảng 30%), tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật liệu (nhất là xi măng và sắt thép), bảo đảm chất lượng công trình xây dựng.

Ngành xây dựng 16 năm qua đã có nhiều sáng kiến và kinh nghiệm có giá trị về mặt khoa học – kỹ thuật và kinh tế. Nhiều thành tựu khoa học – kỹ thuật tiên tiến đã được ứng dụng, như kỹ thuật bê tông ứng suất trước, hàn cao áp ở điều kiện nhiệt độ 550°C và 100 atm, áp dụng thi công vàn

Digitized by Google

khuôn trượt, cải tiến cần cẩu 25 tấn để cẩu được 54 tấn ...Đã sử dụng các thiết bị siêu âm, từ... để kiểm tra chất lượng công trình có kết cấu phức tạp. Những tiến bộ kỹ thuật mới được nâng cao thêm trong quá trình sản xuất. Mối liên hệ mật thiết giữa khoa học — kỹ thuật và sản xuất đã thúc đẩy cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật phát triển không ngừng. Muốn có một cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật thật sự phải ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học — kỹ thuật vào sản xuất, phải phát động phong trào quần chúng đông đảo làm cách mạng khoa học — kỹ thuật.

Muốn cải tiến quản lý không có con đường nào khác là phải tổ chức lại sản xuất xây dựng, thực hiện phương pháp quản lý khoa học và kế hoạch hóa.

Tính ưu việt của tiến bộ khoa học kỹ thuật là, trên cơ sở tài sản cố định tăng lên không đáng kể, giảm chi phí lao động sống nhưng thu nhập quốc dân tăng lên không ngừng. Điều đó nói lên sự gắn rất chặt giữa sản xuất, kỹ thuật và khoa học quản lý.

2. *Tăng cường công cụ cải tiến và cơ giới nhỏ.*

Hiện nay trong ngành xây dựng đã sử dụng cơ giới 70 — 85% các khâu đào đất, san nền, cẩu lắp v.v... Cần bổ sung thế nào cho đồng bộ và tổ chức sử dụng hợp lý. Song còn rất nhiều công việc khác như lắp điện nước, hoàn thiện công trình v.v... hầu như hoàn toàn làm bằng thủ công. Điều đó có ảnh hưởng rất lớn đến thời gian hoàn thành kế hoạch, công trình chậm đưa vào sử dụng, sự làm việc vất vả nặng nhọc của công nhân không được giảm bớt.

Vì vậy tiến hành trang bị công cụ cải tiến có năng suất cao hơn, nghiên cứu ứng dụng cơ khí nhỏ và công cụ cơ giới hóa để khắc phục tình trạng nói trên có ý nghĩa rất lớn. Ở một nước như nước ta kết hợp tốt lao động sáng tạo của con người và công cụ cơ giới hóa tạo ra năng suất lao động cao hơn là điều rất có ý nghĩa

3. *Phát triển sản phẩm vật liệu xây lắp.*

Sản phẩm vật liệu xây lắp là vấn đề rất cơ bản trong công nghiệp hóa xây dựng. Tùy theo phương hướng và phương pháp xây dựng, nguồn tài nguyên và khả năng trang bị có được mà đặt ra cơ sở sản xuất cho thích hợp.

Trong kế hoạch 5 năm này chúng ta cần nghiên cứu nâng cao chất lượng và sử dụng hợp lý gạch nung. Mặt khác cần đưa vào sản xuất sử dụng gạch không nung làm bằng các phế liệu công nghiệp, xỉ than nhiệt điện, cát mịn v.v... là nguồn nguyên liệu rất phong phú của nước ta, để thay thế cho gạch nung để xây dựng nhà 1 — 2 tầng và 4 — 5 tầng, với kích thước viên gạch mở rộng và không cần trát. Để sản xuất gạch không nung chúng ta cần đẩy mạnh sản xuất các loại chất kết dính như vôi pu-rơ-lan, vôi thủy, đô-lô-mit thủy lực và xi măng lò đứng 1 vạn đến 5 vạn tấn/năm mà trang bị chúng ta có thể hoàn toàn chế tạo trong nước, xây dựng nhanh, nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách về xây dựng nhà ở.

Đồng thời chúng ta đẩy mạnh công tác nghiên cứu các loại vật liệu nhẹ, lắp ghép tấm lớn bằng cấu kiện bê tông cốt thép nhẹ để xây dựng nhà trong các kế hoạch sau.

Như vậy, chúng ta sẽ bước ngay vào kỹ thuật hiện đại, giảm dần sử dụng cấu kiện lắp ghép bằng bê tông cốt thép nặng thông thường. Về phương pháp tổ chức sản xuất đúc sẵn trong hoàn cảnh trước mắt của nước ta do điều kiện giao thông cũng như phương tiện vận chuyển nên tổ chức các pê-li-gôn gần nơi xây dựng. Cấu kiện đúc sẵn trọng lượng trên dưới 1 tấn, thích hợp với phương tiện cẩu lắp cỡ nhỏ và trung

Digitized by Google

bình, trừ các công trình cao tầng (9 – 11 tầng) và các công trình công nghiệp.

4. *Đẩy mạnh việc xây dựng tiêu chuẩn quy phạm và thiết kế điển hình.*

Chúng ta đã xây dựng xong kế hoạch 5 năm (1976 – 1980) về tiêu chuẩn quy phạm xây dựng và thiết kế điển hình. Thực hiện được kế hoạch này trong 5 năm chúng ta sẽ có được một bộ tiêu chuẩn quy phạm xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Đi đôi với tiêu chuẩn quy phạm chúng ta cần xây dựng các văn bản về pháp chế khác để đưa công tác xây dựng vào nề nếp. Công tác thiết kế điển hình cần tập trung vào khâu nhà ở, trường học, bệnh viện, nhà trẻ...

Đối với các loại cấu kiện chủ yếu của công trình công nghiệp cũng cần đưa vào thiết kế điển hình hóa và sản xuất ở công xưởng.

Ý nghĩa quan trọng của công tác tiêu chuẩn quy phạm và thiết kế điển hình là nó thể hiện một cách tổng hợp và cụ thể chính sách của Đảng và Nhà nước, là biện pháp thống nhất quản lý ngành xây dựng có hiệu quả và cũng là con đường tốt nhất để thực hiện kế hoạch hóa và công nghiệp hóa ngành xây dựng, nội dung cơ bản của cách mạng kỹ thuật trong ngành xây dựng.

5. *Tập trung công tác nghiên cứu khoa học giải quyết những vấn đề trọng điểm.*

Trong hoàn cảnh nước ta còn nghèo, trang bị và thiết bị cho công tác nghiên cứu còn ít, chúng ta phải biết tổ chức công tác nghiên cứu cho tốt, tập trung vào hướng giải quyết những vấn đề trọng điểm.

– Nghiên cứu thiên nhiên và tài nguyên, phân vùng địa chất công trình, khí hậu xây dựng và vật liệu xây dựng đáp ứng yêu cầu của các mặt công tác điều tra cơ bản, khảo sát thiết kế và khai thác sử dụng vật liệu xây dựng v.v...

– Nghiên cứu đặc điểm nhiệt đới ở nước ta trong các vấn đề vi khí hậu nhà ở, bảo vệ chống ăn mòn và tăng tính bền vững của công trình xây dựng v.v... vừa có tính chất cơ bản vừa có tính chất cấp bách và trên nhiều lĩnh vực chúng ta có thể đóng góp vào nền khoa học của thế giới.

– Hai vấn đề nghiên cứu có tính chất xung yếu là xử lý nền móng và giải quyết mái nhà các công trình dân dụng và công nghiệp sao cho phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu. Phải tiết kiệm được vật liệu sắt thép và bê tông, thi công công nghiệp hóa, nền móng thi công được cả mùa mưa, mái phải giảm nhẹ trọng lượng, cách nhiệt và chống dột v.v...

– Nghiên cứu để đưa vào ứng dụng các loại vật liệu mới, vật liệu nhẹ dựa trên cơ sở nguồn nguyên liệu và vật liệu trong nước chẳng những là yêu cầu trước mắt mà phải tiến hành lâu dài để đáp ứng yêu cầu về số lượng và phát triển kỹ thuật mới của ngành xây dựng.

Digitized by Google

TRUNG-QUỐC TÍCH CỰC HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP

DƯƠNG-QUỐC-TÂN

TRONG những ngày cuối năm 1976 đầu năm 1977, khắp đất nước Trung-quốc dấy lên một phong trào sản xuất mới. Nhiệm vụ thực hiện toàn diện công cuộc hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật từ nay đến cuối thế kỷ 20, nhằm đưa nền kinh tế quốc dân Trung-quốc tiến lên hàng đầu thế giới, đang được nhân dân Trung-quốc hưởng ứng sôi nổi. Trong 4 tháng qua, nhiều hội nghị về công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, đã lần lượt được triệu tập, trong đó có hai hội nghị tiêu biểu là Hội nghị nông nghiệp toàn quốc học Đại-trại lần thứ hai và Hội nghị trù bị công nghiệp toàn quốc học Đại-khánh.

Hội nghị nông nghiệp đã xác định những chỉ tiêu then chốt của ngành: đến năm 1980, về cơ bản, Trung-quốc sẽ thực hiện xong nhiệm vụ cơ khí hóa nông nghiệp; trên 1 phần 3 số huyện (trong số 2.000 huyện trong cả nước) đạt tiêu chuẩn huyện Đại-trại; mỗi nhân khẩu nông nghiệp sẽ có một mẫu Trung-quốc (1) đất canh tác đạt sản lượng cao và ổn định (tổng số khoảng trên 46 triệu héc-ta). Sau hội nghị này, các huyện, thành phố, tỉnh, khu tự trị lần lượt mở các hội nghị địa phương để bàn biện pháp cụ thể thực hiện các nhiệm vụ nói trên.

Qua hơn 20 năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp Trung-quốc đã có những bước tiến vững chắc và toàn diện. Sản lượng lương thực năm 1974 so với năm 1949 tăng 140% (từ 108 triệu tấn lên gần 260 triệu tấn), sản lượng bông tăng 570%. Giải quyết vấn đề ăn và mặc của nhân dân trong một nước có hơn 800 triệu người là một nhiệm vụ vô cùng to lớn. Trong quá trình giải quyết vấn đề lương thực, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, nhân dân Trung-quốc đã không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đồng thời rất chú trọng phát triển sức sản xuất trong nông nghiệp.

Coi thủy lợi là «mạch sống của nông nghiệp», trong mấy chục năm qua, giai cấp nông dân tập thể Trung-quốc được giai cấp công nhân chi

(1) Một mẫu Trung-quốc bằng 1 phần 15 héc-ta.

Digitized by Google

viện, đã bỏ nhiều công sức vào những công trình trị thủy lớn trên sông Hoàng, sông Hoài, sông Hải, v.v...

Ở khắp nơi, dân đào cũng có phong trào làm thủy lợi và xây dựng đồng ruộng. Những hệ thống mương máng tưới tiêu lớn, nhỏ, thẳng tắp trên những cánh đồng màu mỡ hoặc vươn dài qua những núi cao đồi trọc, có sự hỗ trợ của các trạm bơm, đã và đang phát huy tác dụng to lớn trong việc nâng cao sản lượng cây trồng. Nhờ vậy, những vùng nông nghiệp có sản lượng cao và ổn định đã được hình thành và ngày càng mở rộng. Đến năm 1980, khi thực hiện được mục tiêu mỗi nhân khẩu nông nghiệp có một mẫu Trung-quốc có sản lượng cao và ổn định — khoảng 46 triệu héc-ta trong cả nước — thì trên diện tích đó (chỉ bằng khoảng 43% diện tích đất trồng trọt cả nước) đã có thể thu hoạch mỗi năm trên 200 triệu tấn lương thực, gần bằng tổng số lương thực hiện nay, và điều đó mở ra những triển vọng mới cho việc phát triển nông nghiệp toàn diện.

Cơ khí hóa là vấn đề quan trọng trong nông nghiệp, được Đảng cộng sản Trung-quốc quan tâm ngay từ khi mở rộng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Đảng đã tiến hành nhiều biện pháp tổ chức và giáo dục tỉ mỉ và gian khổ, nhờ vậy việc cơ khí hóa nông nghiệp đã thu được nhiều thành tựu. Trước ngày giải phóng, Trung-quốc không sản xuất được máy kéo. Ngày nay ở Trung-quốc đã hình thành một hệ thống cơ khí nông nghiệp từ trung ương tới địa phương. Trong thời gian hơn hai năm (1973—1975), khu tự trị Choang (Quảng-tây) đã sản xuất được trên 5.000 máy kéo bốn bánh và 18.000 máy kéo loại nhỏ. Năm 1974, tỉnh Hà-bắc đã sản xuất được trên 170.000 động cơ đi-ê-den, trung bình mỗi đội sản xuất trong tỉnh có 1,5 động cơ. Ở địa khu Yên-đài (Sơn-đông), mỗi đội sản xuất trung bình có 102 mã lực máy các loại. Sản lượng máy kéo năm 1974 của Trung-quốc so với năm 1964 tăng 620%. Đi đôi với việc tăng cường cung cấp máy móc thiết bị cho nông nghiệp, mạng lưới cơ khí sửa chữa đã được hình thành khắp nơi. Chỉ trong năm 1975 cả nước đã xây dựng được hơn 800.000 xí nghiệp phục vụ nông nghiệp. Hội nghị nông nghiệp toàn quốc học Đại-trại lần thứ nhất (9-1975) đã kết luận: thành tựu phát triển cơ khí hóa nông nghiệp trong 4 năm gần đây (1971 — 1975) lớn hơn 11 năm trước, hội nghị còn tỏ quyết tâm trong 5 năm tới sẽ phấn đấu vượt hơn 20 năm qua, về cơ bản sẽ hoàn thành nhiệm vụ cơ khí hóa nông nghiệp vào năm 1980.

Trong mấy năm gần đây, việc sản xuất phân hóa học của Trung-quốc cũng được đẩy mạnh. Từ năm 1964 đến năm 1974, sản lượng phân hóa học tăng 430%, trong đó sản lượng phân do các xí nghiệp địa phương sản xuất có bước tăng vọt, chiếm trên 50% tổng sản lượng toàn quốc. Ngày nay, phần lớn các huyện ở Trung-quốc đều có nhà máy sản xuất phân bón. Đến năm 1975 tỉnh Hà-bắc đã có 80 xí nghiệp sản xuất phân đạm và 30 xí nghiệp sản xuất phân lân của địa phương. Trong các năm 1973, 1974, Trung-quốc đã mua của nước ngoài khá nhiều thiết bị cỡ lớn sản xuất phân đạm. Nhiều nhà máy đang được khẩn trương xây dựng và lần lượt đưa vào sản xuất, trong vài năm tới có thể cung cấp thêm cho nông nghiệp mỗi năm hàng chục triệu tấn phân. Ngày 28-12-1976 nhà máy phân đạm Đại-khánh đã bước vào sản xuất toàn bộ, có công suất một triệu tấn/năm. Trong quá trình thực hiện thủy lợi hóa, cơ khí hóa và hóa học hóa nông nghiệp, Trung-quốc rất chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, áp dụng những thành tựu mới của khoa học hiện đại vào sản xuất nông nghiệp. Công tác cải tạo giống cũ, tạo giống mới thích hợp với khí hậu từng vùng,

Digitized by Google

từng địa phương, được chú trọng. Hiện nay Trung-quốc đã có nhiều giống cây trồng, giống gia súc có năng suất cao.

Ngoài việc bảo đảm vấn đề ăn mặc cho nhân dân, nông nghiệp đã và đang giữ vai trò quan trọng trong xuất khẩu. Có nhiều khu vực chuyên sản xuất hàng xuất khẩu. Sản phẩm nông nghiệp của Trung-quốc với tính chất đa dạng, với mặt hàng phong phú, có chất lượng tốt, được thị trường nước ngoài ưa thích, từ trước tới nay vẫn được coi là nguồn xuất khẩu chủ lực, góp phần đáng kể vào việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật liệu cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

★

Cùng với những thành tựu to lớn trong nông nghiệp, nhân dân Trung-quốc cũng giành được nhiều thành tích trong công nghiệp. Trong 10 năm từ 1964 đến 1974, giá trị tổng sản lượng công nghiệp đã tăng 290%, trong đó thép tăng 220%, than tăng 91%, dầu mỏ tăng 750%, điện tăng 300%, sợi tổng hợp tăng 430%. Ngày nay Trung-quốc đã có một nền công nghiệp lớn bao gồm các ngành then chốt và mũi nhọn.

Từ một nước phải nhập khẩu nhiều dầu mỏ, sau gần 20 năm phấn đấu, ngày nay Trung-quốc đã đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng tăng về dầu mỏ ở trong nước và còn có dư để xuất khẩu. Sản lượng dầu thô đã tăng từ 122.000 tấn năm 1949 lên 20 triệu tấn năm 1970 và hơn 60 triệu tấn năm 1975. Qua thực tế thăm dò và khảo sát, Trung-quốc đã xác định có trữ lượng lớn về dầu mỏ. Ngoài mỏ dầu mỏ Đại-khánh, Trung-quốc đã tìm thêm được một số mỏ mới. Khối lượng dầu xuất khẩu chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng kim ngạch xuất khẩu ngoại thương: năm 1974 vào khoảng 7% và năm 1975 vào khoảng 8%. Ngành hóa dầu đã có sự phát triển bước đầu. Ngoài các cơ sở cũ, trong hai năm 1973 — 1974, Trung-quốc đã nhập khẩu một số công trình hóa dầu cỡ lớn, chủ yếu là để chế tạo các loại sợi hóa học và một số sản phẩm trung gian quan trọng khác. Những nhà máy này khi đi vào sản xuất, có thể cung cấp mỗi năm hàng chục vạn tấn sợi và nhiều sản phẩm quý khác. Mỏ dầu Đại-khánh từ năm 1964 đã trở thành ngọn cờ đầu của các ngành công nghiệp trong nước. Tại một vùng thảo nguyên rộng lớn, khí hậu hết sức khắc nghiệt, trong điều kiện ăn ở, đi lại rất khó khăn, cán bộ và công nhân không sợ hy sinh gian khổ, chỉ trong một thời gian ngắn đã xây dựng Đại-khánh thành mỏ dầu lớn nhất của Trung-quốc. Với nhịp độ tăng sản lượng trung bình hàng năm là 28%, một Đại-khánh bây giờ đã bằng 6 Đại-khánh những năm trước. Trong mười mấy năm qua, mỏ dầu Đại-khánh đã quản lý tốt xí nghiệp, ra sức tiến hành cách mạng kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật, sáng tạo và vận dụng quy trình công nghệ kỹ thuật mới về khai thác mỏ dầu, đạt trình độ tiên tiến trên thế giới.

Sản lượng điện của Trung-quốc năm 1919 mới có 4,3 tỷ kw/h, tới nay đã đạt trên 120 tỷ kw/h. Trung-quốc đã tự chế tạo được tổ máy phát điện có công suất 300.000Mw, xây dựng đường dây cáp cao áp 330kV. Cùng với việc xây dựng các nhà máy điện cỡ lớn, như nhà máy thủy điện Lưu-Gia-Hiệp vừa hoàn thành năm 1975, có công suất 1,2 triệu kw (khoảng 5,7 tỷ kw/h/năm), Trung-quốc cũng đã xây dựng được nhiều trạm thủy điện vừa và nhỏ. Công nghiệp gang thép cung cấp nhiều nguyên liệu, vật liệu thiết yếu cho nền kinh tế quốc dân với hơn 1.000 chủng loại, trong đó có những loại hợp kim cao cấp mà trước đây phải nhập khẩu. Với trữ lượng quặng sắt và nguồn than phong phú, ngành luyện thép Trung-quốc đang phấn đấu vượt qua cửa ải 30 triệu tấn/năm, tạo điều kiện thuận lợi cho

Digitized by Google

các ngành kinh tế có liên quan phát triển mạnh thêm. Công nghiệp cơ khí giữ một vai trò quan trọng trong việc trang bị lại nền kinh tế quốc dân. Trung-quốc đã tự thiết kế và chế tạo được nhiều loại nhà máy toàn bộ như nhà máy sản xuất phân đạm 10 vạn tấn/năm, nhà máy điện, nhà máy dệt, v.v... Trung-quốc cũng đã chế tạo được nhiều loại máy công cụ như máy ép bằng sức nước trên 1 vạn tấn, và nhiều loại máy chính xác khác.

Ngành công nghiệp điện tử Trung-quốc phát triển nhanh chóng. Trung-quốc đã chế tạo được kính hiển vi điện tử có độ phóng đại 400.000 lần, sản xuất được máy tính điện tử thuộc hệ thứ ba, mỗi giây làm được 100.000 phép tính. Việc sử dụng máy tính điện tử đang dần dần vượt ra ngoài khuôn khổ các cơ quan nghiên cứu khoa học và quân sự. Số nhà máy, hầm mỏ, cửa hàng dùng máy tính điện tử vào sản xuất, quản lý, kinh doanh ngày càng nhiều. Ngày 26-11-1975 lần đầu tiên Trung-quốc đã thu hồi được vệ tinh nhân tạo về trái đất theo kế hoạch đã định.

Sau ngày giải phóng, nhân dân Trung-quốc đã nhanh chóng khôi phục và phát triển toàn diện ngành giao thông vận tải. Con đường ô tô nổi tiếng lên cao nguyên Khang-tạng, hoặc con đường sắt Thành-đô – Côn-minh vượt qua bao đèo cao, ngầm sâu, là những công trình lao động đáng khâm phục. Trung-quốc đã tự chế tạo được ô tô, máy bay, đầu máy xe lửa và động cơ đi-ê-den cho tàu biển có công suất 10.000 sức ngựa. Gần đây, đã khánh thành đoạn đường sắt chạy bằng điện đầu tiên Bảo-kê – Thành-đô, dài trên 600km, và đường ống dẫn dầu cỡ lớn từ Đại-khánh về Tần-hoàng-đảo và Bắc-kinh dài trên 1.000 km. Đội tàu viễn dương của Trung-quốc không ngừng phát triển trong đó có nhiều tàu chở hàng cỡ 10.000 tấn và tàu chở dầu cỡ 50.000 tấn do Trung-quốc đóng lấy.

Ngành xây dựng cơ bản gần đây mặc dù gặp nhiều khó khăn, đã nêu kỷ lục mới trong công tác xây lắp. Với thời gian 2 năm 8 tháng, công nhân xây dựng Bắc-kinh đã đưa một công trình công nghiệp lớn và phức tạp: nhà máy ê-ty-len, công suất 300.000 tấn/năm đi vào sản xuất một cách nhanh gọn. Công nhân xây lắp, trong một năm, đã lắp đặt xong 2 tổ máy phát điện của một nhà máy nhiệt điện ở Sơn-đông, mỗi tổ có công suất 200.000Mw.

★

Trong hơn hai mươi năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp và công nghiệp của Trung-quốc đã có sự phát triển đáng kể. Nhịp độ tăng trung bình hằng năm của công nghiệp ở những thời kỳ ổn định thường đạt mức 10% hoặc cao hơn. Nhìn chung, tỷ lệ tăng về lương thực cao hơn tỷ lệ tăng về số dân (từ 1949 đến 1974 số dân tăng 60%, sản lượng lương thực tăng 140%).

Trong 24 năm còn lại của thế kỷ này, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, nhân dân Trung-quốc nỗ lực thực hiện nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang: thực hiện 4 hiện đại hóa, làm cho Trung-quốc trở thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Một số quy hoạch dài hạn đã được vạch ra, kế hoạch 5 năm lần thứ năm (1976 – 1980) đang được khẩn trương triển khai. Theo phương hướng «ra sức phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa là một trong những nhiệm vụ cơ bản của chuyên chính vô sản», nhân dân Trung-quốc đang đi lên với một khí thế mới. Công tác quản lý sản xuất theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, vấn đề phát triển khoa học kỹ thuật, vấn đề quan tâm đến đời sống của quần chúng, v.v... được coi trọng. Trước mắt, nhân dân Trung-quốc tích cực phấn đấu quyết biến năm 1977 thành một năm ổn định, đoàn kết.

Digitized by Google

THUYẾT HỘI TỤ,
học thuyết lừa bịp mới của chủ nghĩa đế quốc

PHONG-HIỀN

CUỘC cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đang làm biến đổi sâu sắc các yếu tố của lực lượng sản xuất. Dựa trên cơ sở đó, các nhà tư tưởng tư sản đang cố thổi phồng vai trò của nó, biến nó thành cái nền xây dựng những hệ tư tưởng mới ; thuyết hội tụ nằm trong số các hệ tư tưởng này, có chức năng tuyên truyền cho sự « hội tụ » giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Thuyết hội tụ ra đời nhằm tô hồng cho chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, xóa mờ ranh giới giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Trước hết, các nhà hội tụ thống nhất với nhau ở một điểm : *họ tuyệt đối hóa vai trò của cách mạng khoa học kỹ thuật*, coi nó như là một yếu tố độc lập, quyết định sự phát triển của lịch sử hiện đại. Không những họ cho rằng các nhà khoa học đang tự tay thực hiện hành động của Pơ-rô-mê-tê, làm bùng lên những kỹ thuật mới để cởi cho loài người cái xiềng nghèo đói, họ còn cố làm cho người ta tin rằng cách mạng khoa học kỹ thuật có thể giúp cho chủ nghĩa tư bản tiếp tục tồn tại và phát triển mà không còn « Chủ nghĩa tư bản giãy chết » nữa. Thậm chí, họ còn khẳng định rằng chỉ cần cách mạng khoa học kỹ thuật, không cần đấu tranh giai cấp, chỉ cần cách mạng lực lượng sản xuất, không cần cách mạng xã hội lật đổ ách thống trị của bọn tư bản. Chẳng thế mà có nhà tư tưởng tư sản đã ra bản « tuyên ngôn không cộng sản » và tuyên bố rằng chủ nghĩa Mác « đã lỗi thời », « chủ nghĩa Mác chỉ đúng với một chủ nghĩa tư bản ở thế kỷ XIX », không còn đúng với một « chủ nghĩa tư bản kỹ thuật ».

Không thể xem xét sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật một cách tách rời với các quan hệ sản xuất và sự tiến hóa xã hội như vậy. Khi nghiên cứu sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật ở thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX, Mác luôn luôn gắn nó với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhờ có những sự tiến bộ đó, phương thức sản xuất này mới có được cơ sở vật chất là nền đại sản xuất cơ khí. Và Mác nhấn mạnh rằng cách mạng công nghiệp không phải chỉ giới hạn ở phạm vi cách mạng kỹ thuật, mà bao hàm cả cách mạng trong các quan hệ sản xuất, đưa đến thắng lợi vĩnh viễn của chủ nghĩa tư bản đối với chủ nghĩa phong kiến. Và Lê-nin, khi nghiên cứu những hiện tượng mới của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đầu thế kỷ XX, cũng gắn sự tiến bộ kỹ thuật với phương thức sản xuất

Digitized by Google

tư bản chủ nghĩa, với sự ra đời của các công ty độc quyền và sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang lũng đoạn.

Đó là vì khoa học cũng như sản xuất, không phát triển một cách tự thân, mà phát triển trong khuôn khổ của các quan hệ sản xuất, dưới áp lực của những mâu thuẫn bên trong của các quan hệ sản xuất này. Lợi ích của giai cấp thống trị, thông qua các quan hệ sản xuất quyết định hậu quả xã hội của các thành tựu khoa học. Chính vì luôn luôn nhìn khoa học — kỹ thuật trong mối liên hệ hữu cơ với các hậu quả xã hội này, mà những người mác xít là những người đầu tiên trong những năm 50 gọi bước nhảy vọt trong nhận thức khoa học hiện đại và sự ứng dụng của nó vào sản xuất là *cách mạng khoa học kỹ thuật*, và hiểu nó trong sự thống nhất với cách mạng xã hội, trong khi các nhà xã hội học tư sản lúc ấy chỉ gọi nó là cách mạng công nghiệp lần thứ hai. Vì khái niệm cách mạng khoa học kỹ thuật là đúng với hiện thực, cho nên nó đã trở thành một khái niệm khoa học và đã được sử dụng một cách phổ biến.

Các nhà hội tụ không chỉ thôi phồng vai trò của khoa học và kỹ thuật đối với sự tiến hóa của xã hội. Họ còn thống nhất với nhau ở một điểm thứ hai: *lấy kỹ thuật làm « tiêu chuẩn » chung cho mọi nền sản xuất*, chứ không phải lấy chế độ sở hữu về các tư liệu sản xuất, vốn quyết định quan hệ giữa người và người trong một nền sản xuất nhất định, làm tiêu chuẩn khách quan để phân loại các kiểu xã hội. Vì vậy, để thay cho các khái niệm quen thuộc là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, họ chọn một khái niệm được coi là phản ánh một cái gì chung cho cả hai xã hội khác nhau nói trên: đó là khái niệm « xã hội công nghiệp ». Như nhà xã hội học Pháp Ray-mông A-rông đã viết: « Đúng lẽ lấy khái niệm lịch sử chủ yếu, khái niệm chủ nghĩa tư bản, thì chúng tôi chọn khái niệm xã hội công nghiệp (1), và « vấn đề là tránh sự đối lập giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội ở ngay điểm xuất phát, và xem xét chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội như là hai dạng thức của cùng một loại là xã hội công nghiệp » (2).

Cái nhìn ấy là chung cho tất cả những người theo thuyết « hội tụ », bất kể xu hướng của họ là như thế nào.

Chẳng hạn, nhà kinh tế học Mỹ Rô-stao trong cuốn *Các giai đoạn phát triển kinh tế*, đã lấy *tiến trình phát triển khách quan của sản xuất xã hội* làm tiêu chuẩn để phác họa một sơ đồ tiến hóa xã hội, bao gồm năm « trình độ »: 1 — xã hội cổ truyền; 2 — những điều kiện tiên quyết của sự nhảy vọt; 3 — giai đoạn « nhảy vọt »; 4 — giai đoạn « chín muồi » công nghiệp; 5 — giai đoạn tiêu dùng quần chúng cao. Đối chiếu với một tiêu chuẩn như vậy, các nước hiện có trên thế giới chỉ khác nhau về « trình độ phát triển sản xuất » chứ không phải về chế độ sở hữu và chế độ chính trị — xã hội bắt nguồn từ đó. Tất nhiên nước Mỹ được ông ta đặt lên chót vót ở thượng đỉnh của quá trình tiến hóa ấy, và chỉ còn có việc chờ đợi các nước khác đuổi theo nó, để rồi tan biến vào cái mẫu chung được gọi là « xã hội hậu công nghiệp » mà nó là kẻ đại diện tiêu biểu.

Một nhà kinh tế học Mỹ khác, ông Gan-brét, cũng cho rằng sự phát triển xã hội được quyết định bởi *sự tiến bộ của kỹ thuật*. Ông viết: « Chính các yêu cầu của kỹ thuật và của tổ chức, chứ không phải những hình ảnh của hệ tư tưởng, đã quyết định bộ mặt

(1) Ray-mông A-rông: *Xã hội công nghiệp, ý thức hệ, triết học*; tạp chí *Bằng chứng*; quý I-1965.

(2) Ray-mông A-rông: *Mười tám bài học về xã hội công nghiệp*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1968, trang 18.

Digitized by Google

của xã hội kinh tế » (3). Dựa trên tiêu chuẩn ấy, theo ông, có « một sự hội tụ rất lớn giữa các hệ thống công nghiệp » ; chủ nghĩa tư bản phát triển và chủ nghĩa xã hội phát triển sẽ trở thành những biến tướng khác nhau của cái gọi là « Nhà nước công nghiệp mới ».

Một cái nhìn như thế đã bắt nguồn từ một tiền đề phương pháp luận như thế nào ? Một mặt, nó đã đồng nhất kỹ thuật và lực lượng sản xuất, và hạ thấp vai trò của người lao động trong sản xuất – cũng như hạ thấp vai trò của quần chúng lao động trong lịch sử. Trong khi đó thì con người với kinh nghiệm và hiểu biết của họ mới là yếu tố chính của lực lượng sản xuất ; kỹ thuật chỉ là lao động được kết tinh, và trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản còn là phương tiện để bóc lột và tha hóa lao động sống.

Mặt khác, nó đã xem xét sự phát triển của các lực lượng sản xuất *ở bên ngoài* các quan hệ sản xuất và cơ cấu giai cấp của các xã hội cụ thể. Như thế, nó quy lịch sử phát triển của xã hội loài người chỉ còn là lịch sử của kỹ thuật sản xuất. Và khi đồng nhất tính chất của kỹ thuật sản xuất với tính chất của xã hội, nó biến mâu thuẫn giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới thành mâu thuẫn có tính chất kỹ thuật hoặc địa dư giữa « các nước chậm tiến » hoặc « đang phát triển » với các nước « tiên tiến », giữa « phương Tây công nghiệp » và « phương Đông nông nghiệp ». Dựa vào đó, nó mưu đồ bác bỏ tính quy luật của việc chuyển chủ nghĩa tư bản sang mặt đối lập của nó là chủ nghĩa xã hội để thay bằng « sự tiến hóa » của kỹ thuật. Nó mưu đồ bác bỏ các cuộc cách mạng xã hội để thay bằng « cách mạng công nghiệp ».

Rõ ràng một cái nhìn như thế là trái *với hiện thực* vì hiển nhiên đang có hai hệ thống đối lập nhau, có hai giai cấp đối kháng nhau cũng như đang có ba dòng thác cách mạng chống lại chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Cái nhìn ấy *phản khoa học*, vì nó không vạch ra được bản chất của một hình thái kinh tế – xã hội, không giải thích được lịch sử tiến hóa dích thực của xã hội loài người. Nó còn phản ánh tính chất hãnh tiến Mỹ khi lấy « tiêu dùng vật chất » chứ không phải lấy quan hệ giữa người và người, truyền thống văn hóa và các giá trị tinh thần của một dân tộc, làm thước đo cho tính ưu việt của một chế độ.

Khái niệm « xã hội công nghiệp » chính là con đẻ của một cái nhìn phản khoa học như thế, nó được dùng làm điểm xuất phát, và cũng là đầu mối gây mơ hồ của thuyết hội tụ. « Xã hội công nghiệp » là gì ? Theo Ray-mông A-rông đó là « xã hội mà trong đấy, công nghiệp, nền đại công nghiệp sẽ là hình thức sản xuất đặc trưng nhất » (4). Phân tích sâu hơn, ông nêu lên năm tính chất của xã hội công nghiệp : nhà máy tách khỏi gia đình ; có một sự phân công có tính chất kỹ thuật của lao động ở bên trong xí nghiệp ; có một sự tích lũy tư bản cao ; có sự tính toán kinh tế chặt chẽ ; có sự tập trung công nhân, và ông kết luận : « Năm tính chất này đều có trong nền kinh tế xô viết cũng như trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. » (5)

Khái niệm « xã hội công nghiệp » còn được hình thành trên cơ sở thổi phồng một số nét giống nhau về lượng trong trình độ kỹ thuật của sản xuất, như việc áp dụng toán học để giải quyết các vấn đề kinh tế, việc sử dụng các máy công cụ và dây chuyền sản xuất cơ khí hoặc tự động, việc quản

(3) J. K. Gan-brét : *Nhà nước công nghiệp mới*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1971, trang 7.

(4) Ray-mông A-rông : *Mười tám bài học về xã hội công nghiệp*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1968, trang 97.

(5) *Như trên*, trang 110.

Digitized by Google

lý sản xuất bằng máy tính điện tử, việc áp dụng chương trình tuyến tính và sự cân đối giữa các khu vực, việc đề ra một số vấn đề nghiên cứu giống nhau nhằm phục vụ cho sản xuất trực tiếp, v.v... Sự thổi phồng ấy lại được dùng làm cơ sở để cho các nhà hội tụ khẳng định rằng hai hệ thống xã hội đối lập là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội có thể « nhích lại gần nhau » trong một hệ thống duy nhất, một cái mẫu xã hội phổ biến. Cái mẫu này không còn là ước mơ không tưởng về con đường thứ ba, *phi tư bản, phi xã hội chủ nghĩa* của những năm 50, mà là một cái mẫu chung, *vừa tư bản, vừa xã hội chủ nghĩa*, nghĩa là thể hiện được những đặc điểm của hệ thống này và hệ thống kia, được hình thành nhờ cách mạng khoa học kỹ thuật chứ không phải thông qua cách mạng vô sản. Đây cũng là luận điểm chung của các nhà hội tụ tuy họ có thể diễn đạt một cách khác nhau như là « ghép », « tổng hợp » tinh hiệu quả tư bản chủ nghĩa và sự công bằng xã hội chủ nghĩa để tạo nên một chế độ « tối ưu », mà không làm thay đổi quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chính điều này bộc lộ lập trường giai cấp của các nhà hội tụ, với tư cách là những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản, nhưng nó cũng bộc lộ sự phiến diện của họ. Bởi vì nói đến một xã hội, không thể chỉ nhấn mạnh một chiều đến mặt kỹ thuật của sản xuất, mà còn phải nói đến một tổng hợp các quan hệ giữa người với người, dựa vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra đời sống vật chất của họ. Chính quan hệ sản xuất mới là cái quyết định các quan hệ xã hội khác, đồng thời tạo thành một xã hội ở một trình độ phát triển lịch sử nhất định, có tính chất khác biệt.

Có một hiện tượng khác gắn liền với sự phát triển sản xuất, đó là sự tiêu dùng vật chất trong các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến và các nước xã hội chủ nghĩa phát triển. Nếu các nhà hội tụ thổi phồng mặt *kỹ thuật* của sản xuất để hình thành nên khái niệm « *xã hội công nghiệp* », thì ở đây, họ thổi phồng mặt *phân phối* và tạo nên khái niệm « *xã hội tiêu dùng* ». Đây cũng là một khái niệm gây mơ hồ. Bởi vì nhìn riêng trong xã hội tư bản chủ nghĩa, không phải chỉ có giai cấp tư sản tiêu dùng, mà giai cấp công nhân cũng tiêu dùng. Và khi bộ máy tuyên truyền tư sản nói rằng người công nhân và chủ của họ đều sử dụng một thứ máy vô tuyến truyền hình giống nhau, rằng cô thư ký cũng ăn mặc sang như con gái ông chủ, thì rõ ràng một khái niệm « tiêu dùng » như vậy có thể giảm nhẹ nội dung tư sản của nó, qua đó mà xóa mờ ý nghĩa giai cấp của việc phân phối nói trên. Còn nhìn chung cả hai hệ thống, thì các nhà hội tụ đồng nhất sự tiêu dùng trong các nước tư bản với sự tiêu dùng trong các nước xã hội chủ nghĩa và coi « xã hội tiêu dùng » là một cái gì bổ sung cho « xã hội công nghiệp » (6).

Nhìn vào hiện thực, quả thật cùng với sự phát triển của sản xuất, đang có sự mở rộng tiêu dùng ở một số nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Xét về nội dung tiêu dùng thì lĩnh vực các nhu cầu cũng được mở rộng, từ ăn, mặc, ở đến phương tiện đi lại và dụng cụ gia đình. Sự mở rộng tiêu dùng trong một số người ở đây đã được khuếch đại lên như là cho tất cả mọi người để mệnh danh một số xã hội tư sản là xã hội « dồi dào ». Nhưng quần chúng nhân dân đông đảo trong cái « xã hội tiêu dùng dồi dào » ấy thì ra sao? Số người thất nghiệp ở Mỹ cũng như ở các nước tư bản chủ nghĩa khác ngày

(6) Xét về *mức sống* (niveau de vie) có thể so sánh một số chỉ tiêu nào đấy giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Nhưng về *lối sống* (mode de vie) thì có sự khác nhau về chất, và không thể có thước đo chung.

Digitized by Google

càng tăng, sức mua của họ tất yếu phải giảm sút. Tại các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, những cảnh bất công đói rét, bệnh tật lại càng phát triển. Trên tờ « Nhân đạo » số ra ngày 5-2-1976 đồng chí Gioóc-dơ Mác-se đã nêu : « Trong 5 năm (1970 — 1975) thu nhập quốc dân ở Pháp tăng 65%, sản xuất công nghiệp tăng 73%, nhưng sức mua của người lao động thì chững lại và giảm đi. Trong khi những kẻ bóc lột phung phí tiền của trong các hộp đêm, trên các bãi biển và sòng bạc, vào những đồ trang sức và những quần áo đắt tiền thì 16 triệu người lao động vẫn sống trong cảnh nghèo nàn... ».

Không phải chỉ có thế. Giai cấp tư sản có ý thức biến sự tiêu dùng ấy thành một miếng mồi hấp dẫn có hiệu quả nhất để mua chuộc nhân dân lao động. Nó muốn biến giai cấp công nhân từ chỗ « căm thù áp bức, bóc lột » trở thành « thỏa mãn », coi ách thống trị tư sản là có thể chịu đựng được. Nó khoe khoang rằng lần đầu tiên trong lịch sử, nhờ có sự « sung túc » do cách mạng khoa học kỹ thuật đem lại, giai cấp tư sản đã chuyển được sự cưỡng bức *bên ngoài* đối với giai cấp công nhân thành sự chấp nhận *bên trong*, một sự chấp nhận được mua bằng các quyền lợi vật chất và được trả bằng sự đồng tình với chế độ tư bản, đã biến giai cấp công nhân, từ chỗ là « kẻ đào huyệt », nay thành « chiếc gối » của trật tự tư sản. Vì vậy, nhà hội tụ Mỹ Noóc-mân Boóc-bôm cho rằng giai cấp công nhân đã « từ bỏ lối sống, niềm hy vọng và tinh chiến đấu chính trị của các tiền bối của mình », rằng giai cấp ấy đã bị « xã hội công nghiệp hấp thụ » (7).

Thực tiễn đã phủ định những niềm hy vọng mong manh đó. Chỉ nhìn vào nước Anh, một trong những nước tư bản chủ nghĩa đang có « lối sống tiêu dùng » ấy, ta đã thấy rằng số ngày lao động bị mất đi vì đình công năm 1969 là 6,8 triệu, năm 1970 là 10,3 triệu, và 1971 là 13,6 triệu.

Tiến lên một bước nữa, nhà nghiên cứu Mỹ Héc-man Kan nói đến sự hội tụ của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội không phải dưới hình thức một cái « mẫu công nghiệp » duy nhất, mà là trong một lối sống đô thị duy nhất của các nước công nghiệp tiên tiến, tư bản chủ nghĩa cũng như xã hội chủ nghĩa, một lối sống được ông mô tả rằng « nhân dân ở phần nửa thế giới này sẽ có những phong cách sống tư sản giống nhau. Họ sẽ sử dụng những của cải tiêu dùng và những sự nhàn vui như nhau, sẽ nhìn, nghe và đọc những thứ như nhau, nhờ có các phương tiện thông tin thống nhất... Nói cách khác, một phần lớn nhân dân các nước công nghiệp (và hậu công nghiệp) tự coi... giống như là giai cấp đại tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ trong thời kỳ huy hoàng trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất » (8). Còn nhà kinh tế học Mỹ Rô-stao thì viết một cách thẳng thừng, không úp mở : « Chúng ta có đầy đủ căn cứ để hy vọng thay đổi được bản chất của xã hội xô viết trong thời gian những năm và những chục năm gần đây ». Và « Chủ nghĩa cộng sản chắc chắn có thể được coi như là một xã hội từ giai đoạn nhảy vọt sang giai đoạn chín muồi công nghiệp. Nhưng trong bản chất của nó, chủ nghĩa cộng sản chắc chắn là cái sẽ tiêu vong ở giai đoạn tiêu dùng quần chúng » (9).

Đến đây, thuyết hội tụ đã quá lộ liễu tuyên truyền cho sự thay thế đấu tranh giai cấp bằng sự « diễn biến hòa bình » của các nước xã hội chủ nghĩa sang chủ nghĩa tư bản.

---

(7) N. Boóc-bôm : *Khủng hoảng của xã hội công nghiệp*, nhà xuất bản An-trô-pô-xơ, Pa-ri, 1972, trang 20.

(8) H. Kan. *Nghĩ về những năm 70 và 80*, Nữu-ước, 1972, trang 44.

(9) H.W. Rô-stao : *Các giai đoạn phát triển kinh tế*, Kem-bờ-rít-giơ, 1969, trang 162 và 191.

Digitized by Google

bình, trừ các công trình cao tầng (9 – 11 tầng) và các công trình công nghiệp.

4. *Đẩy mạnh việc xây dựng tiêu chuẩn quy phạm và thiết kế điển hình.*

Chúng ta đã xây dựng xong kế hoạch 5 năm (1976 – 1980) về tiêu chuẩn quy phạm xây dựng và thiết kế điển hình. Thực hiện được kế hoạch này trong 5 năm chúng ta sẽ có được một bộ tiêu chuẩn quy phạm xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Đi đôi với tiêu chuẩn quy phạm chúng ta cần xây dựng các văn bản về pháp chế khác để đưa công tác xây dựng vào nề nếp. Công tác thiết kế điển hình cần tập trung vào khâu nhà ở, trường học, bệnh viện, nhà trẻ...

Đối với các loại cấu kiện chủ yếu của công trình công nghiệp cũng cần đưa vào thiết kế điển hình hóa và sản xuất ở công xưởng.

Ý nghĩa quan trọng của công tác tiêu chuẩn quy phạm và thiết kế điển hình là nó thể hiện một cách tổng hợp và cụ thể chính sách của Đảng và Nhà nước, là biện pháp thống nhất quản lý ngành xây dựng có hiệu quả và cũng là con đường tốt nhất để thực hiện kế hoạch hóa và công nghiệp hóa ngành xây dựng, nội dung cơ bản của cách mạng kỹ thuật trong ngành xây dựng.

5. *Tập trung công tác nghiên cứu khoa học giải quyết những vấn đề trọng điểm.*

Trong hoàn cảnh nước ta còn nghèo, trang bị và thiết bị cho công tác nghiên cứu còn ít, chúng ta phải biết tổ chức công tác nghiên cứu cho tốt, tập trung vào hướng giải quyết những vấn đề trọng điểm.

– Nghiên cứu thiên nhiên và tài nguyên, phân vùng địa chất công trình, khí hậu xây dựng và vật liệu xây dựng đáp ứng yêu cầu của các mặt công tác điều tra cơ bản, khảo sát thiết kế và khai thác sử dụng vật liệu xây dựng v.v...

– Nghiên cứu đặc điểm nhiệt đới ở nước ta trong các vấn đề vi khí hậu nhà ở, bảo vệ chống ăn mòn và tăng tính bền vững của công trình xây dựng v.v... vừa có tính chất cơ bản vừa có tính chất cấp bách và trên nhiều lĩnh vực chúng ta có thể đóng góp vào nền khoa học của thế giới.

– Hai vấn đề nghiên cứu có tính chất xung yếu là xử lý nền móng và giải quyết mái nhà các công trình dân dụng và công nghiệp sao cho phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu. Phải tiết kiệm được vật liệu sắt thép và bê tông, thi công công nghiệp hóa, nền móng thi công được cả mùa mưa, mái phải giảm nhẹ trọng lượng, cách nhiệt và chống dột v.v...

– Nghiên cứu để đưa vào ứng dụng các loại vật liệu mới, vật liệu nhẹ dựa trên cơ sở nguồn nguyên liệu và vật liệu trong nước chẳng những là yêu cầu trước mắt mà phải tiến hành lâu dài để đáp ứng yêu cầu về số lượng và phát triển kỹ thuật mới của ngành xây dựng.

Digitized by Google

TRUNG-QUỐC TÍCH CỰC HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP

DƯƠNG-QUỐC-TÂN

TRONG những ngày cuối năm 1976 đầu năm 1977, khắp đất nước Trung-quốc dấy lên một phong trào sản xuất mới. Nhiệm vụ thực hiện toàn diện công cuộc hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật từ nay đến cuối thế kỷ 20, nhằm đưa nền kinh tế quốc dân Trung-quốc tiến lên hàng đầu thế giới, đang được nhân dân Trung-quốc hưởng ứng sôi nổi. Trong 4 tháng qua, nhiều hội nghị về công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, đã lần lượt được triệu tập, trong đó có hai hội nghị tiêu biểu là Hội nghị nông nghiệp toàn quốc học Đại-trại lần thứ hai và Hội nghị trù bị công nghiệp toàn quốc học Đại-khánh.

Hội nghị nông nghiệp đã xác định những chỉ tiêu then chốt của ngành: đến năm 1980, về cơ bản, Trung-quốc sẽ thực hiện xong nhiệm vụ cơ khí hóa nông nghiệp; trên 1 phần 3 số huyện (trong số 2.000 huyện trong cả nước) đạt tiêu chuẩn huyện Đại-trại; mỗi nhân khẩu nông nghiệp sẽ có một mẫu Trung-quốc (1) đất canh tác đạt sản lượng cao và ổn định (tổng số khoảng trên 46 triệu héc-ta). Sau hội nghị này, các huyện, thành phố, tỉnh, khu tự trị lần lượt mở các hội nghị địa phương để bàn biện pháp cụ thể thực hiện các nhiệm vụ nói trên.

Qua hơn 20 năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp Trung-quốc đã có những bước tiến vững chắc và toàn diện. Sản lượng lương thực năm 1974 so với năm 1949 tăng 140% (từ 108 triệu tấn lên gần 260 triệu tấn), sản lượng bông tăng 570%. Giải quyết vấn đề ăn và mặc của nhân dân trong một nước có hơn 800 triệu người là một nhiệm vụ vô cùng to lớn. Trong quá trình giải quyết vấn đề lương thực, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, nhân dân Trung-quốc đã không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đồng thời rất chú trọng phát triển sức sản xuất trong nông nghiệp.

Coi thủy lợi là «mạch sống của nông nghiệp», trong mấy chục năm qua, giai cấp nông dân tập thể Trung-quốc được giai cấp công nhân chi

(1) Một mẫu Trung-quốc bằng 1 phần 15 héc-ta.

Digitized by Google

viện, đã bỏ nhiều công sức vào những công trình trị thủy lớn trên sông Hoàng, sông Hoài, sông Hải, v.v...

Ở khắp nơi, đâu đâu cũng có phong trào làm thủy lợi và xây dựng đồng ruộng. Những hệ thống mương máng tưới tiêu lớn, nhỏ, thẳng tắp trên những cánh đồng màu mỡ hoặc vươn dài qua những núi cao đồi trọc, có sự hỗ trợ của các trạm bơm, đã và đang phát huy tác dụng to lớn trong việc nâng cao sản lượng cây trồng. Nhờ vậy, những vùng nông nghiệp có sản lượng cao và ổn định đã được hình thành và ngày càng mở rộng. Đến năm 1980, khi thực hiện được mục tiêu mỗi nhân khẩu nông nghiệp có một mẫu Trung-quốc có sản lượng cao và ổn định — khoảng 46 triệu héc-ta trong cả nước — thì trên diện tích đó (chỉ bằng khoảng 43% diện tích đất trồng trọt cả nước) đã có thể thu hoạch mỗi năm trên 200 triệu tấn lương thực, gần bằng tổng số lương thực hiện nay, và điều đó mở ra những triển vọng mới cho việc phát triển nông nghiệp toàn diện.

Cơ khí hóa là vấn đề quan trọng trong nông nghiệp, được Đảng cộng sản Trung-quốc quan tâm ngay từ khi mở rộng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Đảng đã tiến hành nhiều biện pháp tổ chức và giáo dục tỉ mỉ và gian khổ, nhờ vậy việc cơ khí hóa nông nghiệp đã thu được nhiều thành tựu. Trước ngày giải phóng, Trung-quốc không sản xuất được máy kéo. Ngày nay ở Trung-quốc đã hình thành một hệ thống cơ khí nông nghiệp từ trung ương tới địa phương. Trong thời gian hơn hai năm (1973—1975), khu tự trị Choang (Quảng-tây) đã sản xuất được trên 5.000 máy kéo bốn bánh và 18.000 máy kéo loại nhỏ. Năm 1974, tỉnh Hà-bắc đã sản xuất được trên 170.000 động cơ đi-ê-den, trung bình mỗi đội sản xuất trong tỉnh có 1,5 động cơ. Ở địa khu Yên-đài (Sơn-đông), mỗi đội sản xuất trung bình có 102 mã lực máy các loại. Sản lượng máy kéo năm 1974 của Trung-quốc so với năm 1964 tăng 620%. Đi đôi với việc tăng cường cung cấp máy móc thiết bị cho nông nghiệp, mạng lưới cơ khí sửa chữa đã được hình thành khắp nơi. Chỉ trong năm 1975 cả nước đã xây dựng được hơn 800.000 xí nghiệp phục vụ nông nghiệp. Hội nghị nông nghiệp toàn quốc học Đại-trại lần thứ nhất (9-1975) đã kết luận: thành tựu phát triển cơ khí hóa nông nghiệp trong 4 năm gần đây (1971 — 1975) lớn hơn 11 năm trước, hội nghị còn tỏ quyết tâm trong 5 năm tới sẽ phấn đấu vượt hơn 20 năm qua, về cơ bản sẽ hoàn thành nhiệm vụ cơ khí hóa nông nghiệp vào năm 1980.

Trong mấy năm gần đây, việc sản xuất phân hóa học của Trung-quốc cũng được đẩy mạnh. Từ năm 1964 đến năm 1974, sản lượng phân hóa học tăng 430%, trong đó sản lượng phân do các xí nghiệp địa phương sản xuất có bước tăng vọt, chiếm trên 50% tổng sản lượng toàn quốc. Ngày nay, phần lớn các huyện ở Trung-quốc đều có nhà máy sản xuất phân bón. Đến năm 1975 tỉnh Hà-bắc đã có 80 xí nghiệp sản xuất phân đạm và 30 xí nghiệp sản xuất phân lân của địa phương. Trong các năm 1973, 1974, Trung-quốc đã mua của nước ngoài khá nhiều thiết bị cỡ lớn sản xuất phân đạm. Nhiều nhà máy đang được khẩn trương xây dựng và lần lượt đưa vào sản xuất, trong vài năm tới có thể cung cấp thêm cho nông nghiệp mỗi năm hàng chục triệu tấn phân. Ngày 28-12-1976 nhà máy phân đạm Đại-khánh đã bước vào sản xuất toàn bộ, có công suất một triệu tấn/năm. Trong quá trình thực hiện thủy lợi hóa, cơ khí hóa và hóa học hóa nông nghiệp, Trung-quốc rất chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, áp dụng những thành tựu mới của khoa học hiện đại vào sản xuất nông nghiệp. Công tác cải tạo giống cũ, tạo giống mới thích hợp với khí hậu từng vùng.

Digitized by Google

từng địa phương, được chú trọng. Hiện nay Trung-quốc đã có nhiều giống cây trồng, giống gia súc có năng suất cao.

Ngoài việc bảo đảm vấn đề ăn mặc cho nhân dân, nông nghiệp đã và đang giữ vai trò quan trọng trong xuất khẩu. Có nhiều khu vực chuyên sản xuất hàng xuất khẩu. Sản phẩm nông nghiệp của Trung-quốc với tính chất đa dạng, với mặt hàng phong phú, có chất lượng tốt, được thị trường nước ngoài ưa thích, từ trước tới nay vẫn được coi là nguồn xuất khẩu chủ lực, góp phần đáng kể vào việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật liệu cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

★

Cùng với những thành tựu to lớn trong nông nghiệp, nhân dân Trung-quốc cũng giành được nhiều thành tích trong công nghiệp. Trong 10 năm từ 1964 đến 1974, giá trị tổng sản lượng công nghiệp đã tăng 290%, trong đó thép tăng 220%, than tăng 91%, dầu mỏ tăng 750%, điện tăng 300%, sợi tổng hợp tăng 430%. Ngày nay Trung-quốc đã có một nền công nghiệp lớn bao gồm các ngành then chốt và mũi nhọn.

Từ một nước phải nhập khẩu nhiều dầu mỏ, sau gần 20 năm phấn đấu, ngày nay Trung-quốc đã đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng tăng về dầu mỏ ở trong nước và còn có dư để xuất khẩu. Sản lượng dầu thô đã tăng từ 122.000 tấn năm 1949 lên 20 triệu tấn năm 1970 và hơn 60 triệu tấn năm 1975. Qua thực tế thăm dò và khảo sát, Trung-quốc đã xác định có trữ lượng lớn về dầu mỏ. Ngoài mỏ dầu mỏ Đại-khánh, Trung-quốc đã tìm thêm được một số mỏ mới. Khối lượng dầu xuất khẩu chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng kim ngạch xuất khẩu ngoại thương: năm 1974 vào khoảng 7% và năm 1975 vào khoảng 8%. Ngành hóa dầu đã có sự phát triển bước đầu. Ngoài các cơ sở cũ, trong hai năm 1973 — 1974, Trung-quốc đã nhập khẩu một số công trình hóa dầu cỡ lớn, chủ yếu là để chế tạo các loại sợi hóa học và một số sản phẩm trung gian quan trọng khác. Những nhà máy này khi đi vào sản xuất, có thể cung cấp mỗi năm hàng chục vạn tấn sợi và nhiều sản phẩm quý khác. Mỏ dầu Đại-khánh từ năm 1964 đã trở thành ngọn cờ đầu của các ngành công nghiệp trong nước. Tại một vùng thảo nguyên rộng lớn, khí hậu hết sức khắc nghiệt, trong điều kiện ăn ở, đi lại rất khó khăn, cán bộ và công nhân không sợ hy sinh gian khổ, chỉ trong một thời gian ngắn đã xây dựng Đại-khánh thành mỏ dầu lớn nhất của Trung-quốc. Với nhịp độ tăng sản lượng trung bình hàng năm là 28%, một Đại-khánh bây giờ đã bằng 6 Đại-khánh những năm trước. Trong mười mấy năm qua, mỏ dầu Đại-khánh đã quản lý tốt xí nghiệp, ra sức tiến hành cách mạng kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật, sáng tạo và vận dụng quy trình công nghệ kỹ thuật mới về khai thác mỏ dầu, đạt trình độ tiên tiến trên thế giới.

Sản lượng điện của Trung-quốc năm 1949 mới có 4,3 tỷ kw/h, tới nay đã đạt trên 120 tỷ kw/h. Trung-quốc đã tự chế tạo được tổ máy phát điện có công suất 300.000Mw, xây dựng đường dây cáp cao áp 330kV. Cùng với việc xây dựng các nhà máy điện cỡ lớn, như nhà máy thủy điện Lưu-Gia-Hiệp vừa hoàn thành năm 1975, có công suất 1.2 triệu kw (khoảng 5,7 tỷ kw/h/năm), Trung-quốc cũng đã xây dựng được nhiều trạm thủy điện vừa và nhỏ. Công nghiệp gang thép cung cấp nhiều nguyên liệu, vật liệu thiết yếu cho nền kinh tế quốc dân với hơn 1.000 chủng loại, trong đó có những loại hợp kim cao cấp mà trước đây phải nhập khẩu. Với trữ lượng quặng sắt và nguồn than phong phú, ngành luyện thép Trung-quốc đang phấn đấu vượt qua cửa ải 30 triệu tấn/năm, tạo điều kiện thuận lợi cho

Digitized by Google

các ngành kinh tế có liên quan phát triển mạnh thêm. Công nghiệp cơ khí giữ một vai trò quan trọng trong việc trang bị lại nền kinh tế quốc dân. Trung-quốc đã tự thiết kế và chế tạo được nhiều loại nhà máy toàn bộ như nhà máy sản xuất phân đạm 10 vạn tấn/năm, nhà máy điện, nhà máy dệt, v.v... Trung-quốc cũng đã chế tạo được nhiều loại máy công cụ như máy ép bằng sức nước trên 1 vạn tấn, và nhiều loại máy chính xác khác.

Ngành công nghiệp điện tử Trung-quốc phát triển nhanh chóng. Trung-quốc đã chế tạo được kính hiển vi điện tử có độ phóng đại 400.000 lần, sản xuất được máy tính điện tử thuộc hệ thứ ba, mỗi giây làm được 100.000 phép tính. Việc sử dụng máy tính điện tử đang dần dần vượt ra ngoài khuôn khổ các cơ quan nghiên cứu khoa học và quân sự. Số nhà máy, hầm mỏ, cửa hàng dùng máy tính điện tử vào sản xuất, quản lý, kinh doanh ngày càng nhiều. Ngày 26-11-1975 lần đầu tiên Trung-quốc đã thu hồi được vệ tinh nhân tạo về trái đất theo kế hoạch đã định.

Sau ngày giải phóng, nhân dân Trung-quốc đã nhanh chóng khôi phục và phát triển toàn diện ngành giao thông vận tải. Con đường ô tô nổi tiếng lên cao nguyên Khang-tạng, hoặc con đường sắt Thành-đô – Côn-minh vượt qua bao đèo cao, ngầm sâu, là những công trình lao động đáng khâm phục. Trung-quốc đã tự chế tạo được ô tô, máy bay, đầu máy xe lửa và động cơ đi-ê-den cho tàu biển có công suất 10.000 sức ngựa. Gần đây, đã khánh thành đoạn đường sắt chạy bằng điện đầu tiên Bảo-kê – Thành-đô, dài trên 600km, và đường ống dẫn dầu cỡ lớn từ Đại-khánh về Tần-hoàng-đảo và Bắc-kinh dài trên 1.000 km. Đội tàu viễn dương của Trung-quốc không ngừng phát triển trong đó có nhiều tàu chở hàng cỡ 10.000 tấn và tàu chở dầu cỡ 50.000 tấn do Trung-quốc đóng lấy.

Ngành xây dựng cơ bản gần đây mặc dù gặp nhiều khó khăn, đã nêu kỷ lục mới trong công tác xây lắp. Với thời gian 2 năm 8 tháng, công nhân xây dựng Bắc-kinh đã đưa một công trình công nghiệp lớn và phức tạp: nhà máy ê-ty-len, công suất 300.000 tấn/năm đi vào sản xuất một cách nhanh gọn. Công nhân xây lắp, trong một năm, đã lắp đặt xong 2 tổ máy phát điện của một nhà máy nhiệt điện ở Sơn-đông, mỗi tổ có công suất 200.000Mw.

★

Trong hơn hai mươi năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp và công nghiệp của Trung-quốc đã có sự phát triển đáng kể. Nhịp độ tăng trung bình hằng năm của công nghiệp ở những thời kỳ ổn định thường đạt mức 10% hoặc cao hơn. Nhìn chung, tỷ lệ tăng về lương thực cao hơn tỷ lệ tăng về số dân (từ 1949 đến 1974 số dân tăng 60%, sản lượng lương thực tăng 140%).

Trong 24 năm còn lại của thế kỷ này, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, nhân dân Trung-quốc nỗ lực thực hiện nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang: thực hiện 4 hiện đại hóa, làm cho Trung-quốc trở thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Một số quy hoạch dài hạn đã được vạch ra, kế hoạch 5 năm lần thứ năm (1976 – 1980) đang được khẩn trương triển khai. Theo phương hướng «ra sức phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa là một trong những nhiệm vụ cơ bản của chuyên chính vô sản», nhân dân Trung-quốc đang đi lên với một khí thế mới. Công tác quản lý sản xuất theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, vấn đề phát triển khoa học kỹ thuật, vấn đề quan tâm đến đời sống của quần chúng, v.v... được coi trọng. Trước mắt, nhân dân Trung-quốc tích cực phấn đấu quyết biến năm 1977 thành một năm ổn định, đoàn kết.

Digitized by Google

THUYẾT HỘI TỤ, *học thuyết lừa bịp mới của chủ nghĩa đế quốc*

PHONG-HIỀN

CUỘC cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đang làm biến đổi sâu sắc các yếu tố của lực lượng sản xuất. Dựa trên cơ sở đó, các nhà tư tưởng tư sản đang cố thổi phồng vai trò của nó, biến nó thành cái nền xây dựng những hệ tư tưởng mới ; thuyết hội tụ nằm trong số các hệ tư tưởng này, có chức năng tuyên truyền cho sự « hội tụ » giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Thuyết hội tụ ra đời nhằm tô hồng cho chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, xóa mờ ranh giới giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Trước hết, các nhà hội tụ thống nhất với nhau ở một điểm : *họ tuyệt đối hóa vai trò của cách mạng khoa học kỹ thuật*, coi nó như là một yếu tố độc lập, quyết định sự phát triển của lịch sử hiện đại. Không những họ cho rằng các nhà khoa học đang tự tay thực hiện hành động của Pơ-rô-mê-tê, làm bùng lên những kỹ thuật mới đề cởi cho loài người cái xiềng nghèo đói, nọ còn cố làm cho người ta tin rằng cách mạng khoa học kỹ thuật có thể giúp cho chủ nghĩa tư bản tiếp tục tồn tại và phát triển mà không còn « Chủ nghĩa tư bản giãy chết » nữa. Thậm chí, họ còn khẳng định rằng chỉ cần cách mạng khoa học kỹ thuật, không cần đấu tranh giai cấp, chỉ cần cách mạng lực lượng sản xuất, không cần cách mạng xã hội lật đổ ách thống trị của bọn tư bản. Chẳng thế mà có nhà tư tưởng tư sản đã ra bản « tuyên ngôn không cộng sản » và tuyên bố rằng chủ nghĩa Mác « đã lỗi thời », « chủ nghĩa Mác chỉ đúng với một chủ nghĩa tư bản ở thế kỷ XIX », không còn đúng với một « chủ nghĩa tư bản kỹ thuật ».

Không thể xem xét sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật một cách tách rời với các quan hệ sản xuất và sự tiến hóa xã hội như vậy. Khi nghiên cứu sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật ở thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX, Mác luôn luôn gắn nó với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhờ có những sự tiến bộ đó, phương thức sản xuất này mới có được cơ sở vật chất là nền đại sản xuất cơ khí. Và Mác nhấn mạnh rằng cách mạng công nghiệp không phải chỉ giới hạn ở phạm vi cách mạng kỹ thuật, mà bao hàm cả cách mạng trong các quan hệ sản xuất, đưa đến thắng lợi vĩnh viễn của chủ nghĩa tư bản đối với chủ nghĩa phong kiến. Và Lê-nin, khi nghiên cứu những hiện tượng mới của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đầu thế kỷ XX, cũng gắn sự tiến bộ kỹ thuật với phương thức sản xuất

Digitized by Google

tư bản chủ nghĩa, với sự ra đời của các công ty độc quyền và sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang lũng đoạn.

Đó là vì khoa học cũng như sản xuất, không phát triển một cách tự thân, mà phát triển trong khuôn khổ của các quan hệ sản xuất, dưới áp lực của những mâu thuẫn bên trong của các quan hệ sản xuất này. Lợi ích của giai cấp thống trị, thông qua các quan hệ sản xuất quyết định hậu quả xã hội của các thành tựu khoa học. Chính vì luôn luôn nhìn khoa học — kỹ thuật trong mối liên hệ hữu cơ với các hậu quả xã hội này, mà những người mác xít là những người đầu tiên trong những năm 50 gọi bước nhảy vọt trong nhận thức khoa học hiện đại và sự ứng dụng của nó vào sản xuất là *cách mạng khoa học kỹ thuật*, và hiểu nó trong sự thống nhất với cách mạng xã hội, trong khi các nhà xã hội học tư sản lúc ấy chỉ gọi nó là cách mạng công nghiệp lần thứ hai. Vì khái niệm cách mạng khoa học kỹ thuật là đúng với hiện thực, cho nên nó đã trở thành một khái niệm khoa học và đã được sử dụng một cách phổ biến.

Các nhà hội tụ không chỉ thổi phồng vai trò của khoa học và kỹ thuật đối với sự tiến hóa của xã hội. Họ còn thống nhất với nhau ở một điểm thứ hai: *lấy kỹ thuật làm « tiêu chuẩn » chung cho mọi nền sản xuất*, chứ không phải lấy chế độ sở hữu về các tư liệu sản xuất, vốn quyết định quan hệ giữa người và người trong một nền sản xuất nhất định, làm tiêu chuẩn khách quan để phân loại các kiểu xã hội. Vì vậy, để thay cho các khái niệm quen thuộc là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, họ chọn một khái niệm được coi là phản ánh một cái gì chung cho cả hai xã hội khác nhau nói trên: đó là khái niệm « xã hội công nghiệp ». Như nhà xã hội học Pháp Ray-mông A-rông đã viết: « Đúng lẽ lấy khái niệm lịch sử chủ yếu, khái niệm chủ nghĩa tư bản, thì chúng tôi chọn khái niệm xã hội công nghiệp (1), và « vấn đề là tránh sự đối lập giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội ở ngay điểm xuất phát, và xem xét chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội như là hai dạng thức của cùng một loại là xã hội công nghiệp » (2).

Cái nhìn ấy là chung cho tất cả những người theo thuyết « hội tụ », bất kể xu hướng của họ là như thế nào.

Chẳng hạn, nhà kinh tế học Mỹ Rô-stao trong cuốn *Các giai đoạn phát triển kinh tế*, đã lấy *tiến trình phát triển khách quan của sản xuất xã hội* làm tiêu chuẩn để phác họa một sơ đồ tiến hóa xã hội, bao gồm năm « trình độ »: 1 — xã hội cổ truyền; 2 — những điều kiện tiên quyết của sự nhảy vọt: 3 — giai đoạn « nhảy vọt »; 4 — giai đoạn « chín muồi » công nghiệp; 5 — giai đoạn tiêu dùng quần chúng cao. Đối chiếu với một tiêu chuẩn như vậy, các nước hiện có trên thế giới chỉ khác nhau về « trình độ phát triển sản xuất » chứ không phải về chế độ sở hữu và chế độ chính trị — xã hội bắt nguồn từ đó. Tất nhiên nước Mỹ được ông ta đặt lên chót vót ở thượng đỉnh của quá trình tiến hóa ấy, và chỉ còn có việc chờ đợi các nước khác đuổi theo nó, để rồi tan biến vào cái mẫu chung được gọi là « xã hội hậu công nghiệp » mà nó là kẻ đại diện tiêu biểu.

Một nhà kinh tế học Mỹ khác, ông Gan-brét, cũng cho rằng sự phát triển xã hội được quyết định bởi *sự tiến bộ của kỹ thuật*. Ông viết: « Chính các yêu cầu của kỹ thuật và của tổ chức, chứ không phải những hình ảnh của hệ tư tưởng, đã quyết định bộ mặt

(1) Ray-mông A-rông: *Xã hội công nghiệp, ý thức hệ, triết học*; tạp chí *Bằng chứng*; quý I-1965.

(2) Ray-mông A-rông: *Mười tám bài học về xã hội công nghiệp*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1968, trang 18.

Digitized by Google

của xã hội kinh tế» (3). Dựa trên tiêu chuẩn ấy, theo ông, có «một sự hội tụ rất lớn giữa các hệ thống công nghiệp»; chủ nghĩa tư bản phát triển và chủ nghĩa xã hội phát triển sẽ trở thành những biến tướng khác nhau của cái gọi là «Nhà nước công nghiệp mới».

Một cái nhìn như thế đã bắt nguồn từ một tiền đề phương pháp luận như thế nào? Một mặt, nó đã đồng nhất kỹ thuật và lực lượng sản xuất, và hạ thấp vai trò của người lao động trong sản xuất – cũng như hạ thấp vai trò của quần chúng lao động trong lịch sử. Trong khi đó thì con người với kinh nghiệm và hiểu biết của họ mới là yếu tố chính của lực lượng sản xuất; kỹ thuật chỉ là lao động được kết tinh, và trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản còn là phương tiện để bóc lột và tha hóa lao động sống.

Mặt khác, nó đã xem xét sự phát triển của các lực lượng sản xuất *ở bên ngoài* các quan hệ sản xuất và cơ cấu giai cấp của các xã hội cụ thể. Như thế, nó quy lịch sử phát triển của xã hội loài người chỉ còn là lịch sử của kỹ thuật sản xuất. Và khi đồng nhất tính chất của kỹ thuật sản xuất với tính chất của xã hội, nó biến mâu thuẫn giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới thành mâu thuẫn có tính chất kỹ thuật hoặc địa dư giữa «các nước chậm tiến» hoặc «đang phát triển» với các nước «tiên tiến», giữa «phương Tây công nghiệp» và «phương Đông nông nghiệp». Dựa vào đó, nó mưu đồ bác bỏ tính quy luật của việc chuyển chủ nghĩa tư bản sang mặt đối lập của nó là chủ nghĩa xã hội để thay bằng «sự tiến hóa» của kỹ thuật. Nó mưu đồ bác bỏ các cuộc cách mạng xã hội để thay bằng «cách mạng công nghiệp».

Rõ ràng một cái nhìn như thế là trái *với hiện thực* vì hiển nhiên đang có hai hệ thống đối lập nhau, có hai giai cấp đối kháng nhau cũng như đang có ba dòng thác cách mạng chống lại chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Cái nhìn ấy *phản khoa học*, vì nó không vạch ra được bản chất của một hình thái kinh tế – xã hội, không giải thích được lịch sử tiến hóa đích thực của xã hội loài người. Nó còn phản ánh tính chất hãnh tiến Mỹ khi lấy «tiêu dùng vật chất» chứ không phải lấy quan hệ giữa người và người, truyền thống văn hóa và các giá trị tinh thần của một dân tộc, làm thước đo cho tính ưu việt của một chế độ.

Khái niệm «xã hội công nghiệp» chính là con đẻ của một cái nhìn phản khoa học như thế, nó được dùng làm điểm xuất phát, và cũng là đầu mối gây mơ hồ của thuyết hội tụ. «Xã hội công nghiệp» là gì? Theo Ray-mông A-rông đó là «xã hội mà trong đấy, công nghiệp, nền đại công nghiệp sẽ là hình thức sản xuất đặc trưng nhất» (4). Phân tích sâu hơn, ông nêu lên năm tính chất của xã hội công nghiệp: nhà máy tách khỏi gia đình; có một sự phân công có tính chất kỹ thuật của lao động ở bên trong xí nghiệp; có một sự tích lũy tư bản cao; có sự tính toán kinh tế chặt chẽ; có sự tập trung công nhân, và ông kết luận: «Năm tính chất này đều có trong nền kinh tế xô viết cũng như trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.» (5)

Khái niệm «xã hội công nghiệp» còn được hình thành trên cơ sở thổi phồng một số nét giống nhau về lượng trong trình độ kỹ thuật của sản xuất, như việc áp dụng toán học để giải quyết các vấn đề kinh tế, việc sử dụng các máy công cụ và dây chuyền sản xuất cơ khí hoặc tự động, việc quản

(3) J. K. Gan-brét: *Nhà nước công nghiệp mới*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1971, trang 7.

(4) Ray-mông A-rông: *Mười tám bài học về xã hội công nghiệp*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1968, trang 97.

(5) *Như trên*, trang 110.

Digitized by Google

lý sản xuất bằng máy tính điện tử, việc áp dụng chương trình tuyến tính và sự cân đối giữa các khu vực, việc đề ra một số vấn đề nghiên cứu giống nhau nhằm phục vụ cho sản xuất trực tiếp, v.v... Sự thổi phồng ấy lại được dùng làm cơ sở để cho các nhà hội tụ khẳng định rằng hai hệ thống xã hội đối lập là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội có thể « nhích lại gần nhau » trong một hệ thống duy nhất, một cái mẫu xã hội phổ biến. Cái mẫu này không còn là ước mơ không tưởng về con đường thứ ba, *phi tư bản, phi xã hội chủ nghĩa* của những năm 50, mà là một cái mẫu chung, *vừa tư bản, vừa xã hội chủ nghĩa*, nghĩa là thể hiện được những đặc điểm của hệ thống này và hệ thống kia, được hình thành nhờ cách mạng khoa học kỹ thuật chứ không phải thông qua cách mạng vô sản. Đây cũng là luận điểm chung của các nhà hội tụ tuy họ có thể diễn đạt một cách khác nhau như là « ghép », « tổng hợp » tính hiệu quả tư bản chủ nghĩa và sự công bằng xã hội chủ nghĩa để tạo nên một chế độ « tối ưu », mà không làm thay đổi quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chính điều này bộc lộ lập trường giai cấp của các nhà hội tụ, với tư cách là những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản, nhưng nó cũng bộc lộ sự phiến diện của họ. Bởi vì nói đến một xã hội, không thể chỉ nhấn mạnh một chiều đến mặt kỹ thuật của sản xuất, mà còn phải nói đến một tổng hợp các quan hệ giữa người và người, dựa vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra đời sống vật chất của họ. Chính quan hệ sản xuất mới là cái quyết định các quan hệ xã hội khác, đồng thời tạo thành một xã hội ở một trình độ phát triển lịch sử nhất định, có tính chất khác biệt.

Có một hiện tượng khác gắn liền với sự phát triển sản xuất, đó là sự tiêu dùng vật chất trong các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến và các nước xã hội chủ nghĩa phát triển. Nếu các nhà hội tụ thổi phồng mặt *kỹ thuật* của sản xuất để hình thành nên khái niệm « *xã hội công nghiệp* », thì ở đây, họ thổi phồng mặt *phân phối* và tạo nên khái niệm « *xã hội tiêu dùng* ». Đây cũng là một khái niệm gây mơ hồ. Bởi vì nhìn riêng trong xã hội tư bản chủ nghĩa, không phải chỉ có giai cấp tư sản tiêu dùng, mà giai cấp công nhân cũng tiêu dùng. Và khi bộ máy tuyên truyền tư sản nói rằng người công nhân và chủ của họ đều sử dụng một thứ máy vô tuyến truyền hình giống nhau, rằng cô thư ký cũng ăn mặc sang như con gái ông chủ, thì rõ ràng một khái niệm « tiêu dùng » như vậy có thể giảm nhẹ nội dung tư sản của nó, qua đó mà xóa mờ ý nghĩa giai cấp của việc phân phối nói trên. Còn nhìn chung cả hai hệ thống, thì các nhà hội tụ đồng nhất sự tiêu dùng trong các nước tư bản với sự tiêu dùng trong các nước xã hội chủ nghĩa và coi « xã hội tiêu dùng » là một cái gì bổ sung cho « xã hội công nghiệp » (6).

Nhìn vào hiện thực, quả thật cùng với sự phát triển của sản xuất, đang có sự mở rộng tiêu dùng ở một số nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Xét về nội dung tiêu dùng thì lĩnh vực các nhu cầu cũng được *mở rộng*, từ ăn, mặc, ở đến phương tiện đi lại và dụng cụ gia đình. Sự mở rộng tiêu dùng trong một số người ở đây đã được khuếch đại lên như là cho tất cả mọi người để mệnh danh một số xã hội tư sản là xã hội « dồi dào ». Nhưng quần chúng nhân dân đông đảo trong cái « xã hội tiêu dùng dồi dào » ấy thì ra sao? Số người thất nghiệp ở Mỹ cũng như ở các nước tư bản chủ nghĩa khác ngày

(6) Xét về *mức sống* (niveau de vie) có thể so sánh một số chỉ tiêu nào đấy giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Nhưng về *lối sống* (mode de vie) thì có sự khác nhau về chất, và không thể có thước đo chung.

Digitized by Google

càng tăng, sức mua của họ tất yếu phải giảm sút. Tại các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, những cảnh bất công đói rét, bệnh tật lại càng phát triển. Trên tờ « Nhân đạo » số ra ngày 5-2-1976 đồng chí Gioóc-đơ Mác-se đã nêu : « Trong 5 năm (1970 — 1975) thu nhập quốc dân ở Pháp tăng 65%, sản xuất công nghiệp tăng 73%, nhưng sức mua của người lao động thì chững lại và giảm đi. Trong khi những kẻ bóc lột phung phí tiền của trong các hộp đêm, trên các bãi biển và sòng bạc, vào những đồ trang sức và những quần áo đắt tiền thì 16 triệu người lao động vẫn sống trong cảnh nghèo nàn... ».

Không phải chỉ có thế. Giai cấp tư sản có ý thức biến sự tiêu dùng ấy thành một miếng mồi hấp dẫn có hiệu quả nhất để mua chuộc nhân dân lao động. Nó muốn biến giai cấp công nhân từ chỗ « căm thù áp bức, bóc lột » trở thành « thỏa mãn », coi ách thống trị tư sản là có thể chịu đựng được. Nó khoe khoang rằng lần đầu tiên trong lịch sử, nhờ có sự « sung túc » do cách mạng khoa học kỹ thuật đem lại, giai cấp tư sản đã chuyển được sự cưỡng bức *bên ngoài* đối với giai cấp công nhân thành sự chấp nhận *bên trong*, một sự chấp nhận được mua bằng các quyền lợi vật chất và được trả bằng sự đồng tình với chế độ tư bản, đã biến giai cấp công nhân, từ chỗ là « kẻ đào huyệt », nay thành « chiếc gối » của trật tự tư sản. Vì vậy, nhà hội tụ Mỹ Noóc-man Boóc-bôm cho rằng giai cấp công nhân đã « từ bỏ lối sống, niềm hy vọng và tinh chiến đấu chính trị của các tiền bối của mình », rằng giai cấp ấy đã bị « xã hội công nghiệp hấp thụ » (7).

Thực tiễn đã phủ định những niềm hy vọng mong manh đó. Chỉ nhìn vào nước Anh, một trong những nước tư bản chủ nghĩa đang có « lối sống tiêu dùng » ấy, ta đã thấy rằng số ngày lao động bị mất đi vì đình công năm 1969 là 6,8 triệu, năm 1970 là 10,3 triệu, và 1971 là 13,6 triệu.

Tiến lên một bước nữa, nhà nghiên cứu Mỹ Héc-man Kan nói đến sự hội tụ của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội không phải dưới hình thức một cái « mẫu công nghiệp » duy nhất, mà là trong một lối sống đô thị duy nhất của các nước công nghiệp tiên tiến, tư bản chủ nghĩa cũng như xã hội chủ nghĩa, một lối sống được ông mô tả rằng « nhân dân ở phần nửa thế giới này sẽ có những phong cách sống tư sản giống nhau. Họ sẽ sử dụng những của cải tiêu dùng và những sự nhàn vui như nhau, sẽ nhìn, nghe và đọc những thứ như nhau, nhờ có các phương tiện thông tin thống nhất... Nói cách khác, một phần lớn nhân dân các nước công nghiệp (và hậu công nghiệp) tự coi... giống như là giai cấp đại tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ trong thời kỳ huy hoàng trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất » (8). Còn nhà kinh tế học Mỹ Rô-stao thì viết một cách thẳng thừng, không úp mở : « Chúng ta có đầy đủ căn cứ để hy vọng thay đổi được bản chất của xã hội xô viết trong thời gian những năm và những chục năm gần đây ». Và « Chủ nghĩa cộng sản chắc chắn có thể được coi như là một xã hội từ giai đoạn nhảy vọt sang giai đoạn chín muồi công nghiệp. Nhưng trong bản chất của nó, chủ nghĩa cộng sản chắc chắn là cái sẽ tiêu vong ở giai đoạn tiêu dùng quần chúng » (9).

Đến đây, thuyết hội tụ đã quá lộ liễu tuyên truyền cho sự thay thế đấu tranh giai cấp bằng sự « diễn biến hòa bình » của các nước xã hội chủ nghĩa sang chủ nghĩa tư bản.

---

(7) N. Boóc-bôm : *Khủng hoảng của xã hội công nghiệp*, nhà xuất bản An-trô-pô-xơ, Pa-ri, 1972, trang 20.

(8) H. Kan. *Nghĩ về những năm 70 và 80*, Nữu-ước, 1972, trang 44.

(9) H.W. Rô-stao : *Các giai đoạn phát triển kinh tế*, Kem-bờ-rít-giơ, 1969, trang 162 và 191.

Digitized by Google

« Hội tụ » chỉ là cái tên gọi khác của sự « hòa nhập hệ thống xã hội chủ nghĩa vào hệ thống tư bản chủ nghĩa ». Lừa bịp thật trắng trợn!

Xuất phát từ những khái niệm « xã hội công nghiệp », « xã hội tiêu dùng » gây mơ hồ như thế, các nhà hội tụ còn vạch ra sự « nhích lại gần nhau », sự « hợp nhất » giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội diễn ra như thế nào? Theo họ, đó là con đường thông qua *những biến đổi bên trong* của mỗi chế độ, do sự phát triển lực lượng sản xuất mà cách mạng khoa học kỹ thuật đem lại, khiến cho chủ nghĩa tư bản sẽ « dân chủ hóa », « xã hội hóa », còn chủ nghĩa xã hội sẽ « tự do hóa », « nhân đạo hóa ».

Các nhà hội tụ cũng hiểu rằng quan điểm thuần túy « sản xuất công nghiệp » là không đầy đủ, vì trong cái gọi là « xã hội công nghiệp » ấy vẫn tồn tại những dạng sở hữu khác nhau về các tư liệu sản xuất. Chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa vẫn mang những nét đặc trưng cho sự bóc lột. Vì vậy, họ cố đem lại những sự biện hộ mới cho chế độ sở hữu đó.

Một mặt, các nhà hội tụ chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản ngày nay không còn được tập trung vào những cá nhân, những gia đình hoặc dòng họ như trước kia, mà đã được chia nhỏ thành nhiều cổ phần. Từ đấy, A-rông suy diễn: « Xét về chính trị và hệ tư tưởng, việc các cổ phần đó được phân tán trong nhiều chủ nhân, theo một nghĩa khác, lại là một sự nảy nở của chủ nghĩa tư bản, một sự *dân chủ hóa tư bản* » (10).

Mặt khác, các nhà hội tụ ấy thuyết phục người ta rằng vấn đề sở hữu đã « mất hết ý nghĩa », đã « không còn tính chất quyết định » và quyền hành thật sự trong xí nghiệp cũng như trong cuộc sống dường như không còn nằm trong tay các chủ nhân, mà nằm trong tay những người quản lý (?). Gan-brét viết: « Từ ba mươi năm nay, người ta đã chứng kiến một sự chuyển giao mới của quyền hành ở trong lòng xí nghiệp công nghiệp, lần này *từ tư bản sang tri thức có tổ chức*. Và người ta cũng có thể chờ đợi rằng sự chuyển giao ấy được phản ánh trong cơ cấu quyền hành của xã hội chúng ta (11).

Một chủ nghĩa tư bản được khoác cái vỏ « dân chủ hóa » như vậy, cũng được trình bày như là một chủ nghĩa tư bản đã « quốc hữu hóa » một số xí nghiệp, đã « kế hoạch hóa » một số ngành sản xuất, đã thi hành một số biện pháp mỵ dân khác như chuyển xí nghiệp tư nhân thành xí nghiệp vô danh, tăng quỹ bảo hiểm, quỹ hưu bổng, v.v... Và các nhà hội tụ đã trình bày những sự thay đổi về hình thức của quyền sở hữu tư bản chủ nghĩa mà không vượt ra ngoài khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản thành những sự thay đổi về thực chất, và cho rằng chủ nghĩa tư bản đã « xã hội hóa », do đó có thể dần dần « hội tụ » được với chủ nghĩa xã hội. Cái gọi là « chủ nghĩa tư bản nhân dân » và « quốc hữu hóa » ấy thật ra là trút sang Nhà nước tư sản cái gánh nặng của một số ngành công nghiệp không còn sinh lợi. Ở nước Pháp giai cấp công nhân Pháp và đảng của nó đã thấy rõ cái chủ nghĩa tư bản được « dân chủ hóa » này là như thế nào. Đồng chí Gioóc-đơ Mác-se, trong bản báo cáo tại Đại hội lần thứ XXII của Đảng cộng sản Pháp, đã cho thấy bức tranh về những chủ nhân của đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa trong nước Pháp hiện nay: « không phải là sự thống trị của « hai trăm gia đình » như cách đây 40 năm, mà là của 25 nhóm tài chính và công nghiệp, bao gồm chưa tới 250 người.

(10) R. A-rông: *Mười tám bài học về xã hội công nghiệp*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1968, trang 227.

(11) J. Gan-brét: *Nhà nước công nghiệp mới*, nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1971, trang 68.

Digitized by Google

trong đó có khoảng 30 người có thế lực nhất... Trong cái chủ nghĩa tư bản được gọi là «dân chủ hóa» ấy, 50 triệu nhân dân Pháp vẫn phải lao động «cho các ông vua, ông chúa của đại tư bản» (12).

Dựa trên việc phân tích cụ thể sự tiến hóa của ý thức hệ tư sản trong điều kiện đấu tranh chính trị và tư tưởng giữa hai hệ thống, thuyết «hội tụ» phản ánh sự suy yếu của chủ nghĩa tư bản, sự phá sản của các ý thức hệ chống cộng cũ. Vì vậy, giai cấp tư sản ra sức sử dụng thuyết «hội tụ» như một vũ khí chính trị lợi hại vừa để chống lại các lực lượng cách mạng, vừa để thuyết phục quần chúng rằng cách mạng là không cần thiết, vừa để thu hút những người mà một chủ nghĩa chống cộng lộ liễu đã không lôi kéo được. Đi đôi với điều đó, nó còn tuyên truyền về sự «giải trừ mọi hệ tư tưởng», về sự hòa tan tư tưởng vào khoa học, hòa tan chính trị vào kỹ thuật, nhằm tước bỏ hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, củng cố xu hướng «hòa nhập». Nó căng lên trước họ bức màn kỹ thuật để che giấu sự nô dịch và bất công mà họ là nạn nhân.

Nhưng những sự tính toán đó chỉ là ảo tưởng. Thuyết hội tụ đã tỏ rõ không phát huy được chức năng lừa bịp của nó. Sự suy thoái có tính chất chu kỳ của hệ thống tư bản chủ nghĩa và sự lớn mạnh không ngừng của hệ thống xã hội chủ nghĩa là những bằng chứng hùng hồn đập nát những luận điểm phản động của các nhà hội tụ tư sản.

(12) Báo Nhân đạo ngày 6-2-1976, trang 7 và 8.

ĐÍNH CHÍNH

Trong *Tạp chí Cộng sản* số 3-1977,

— Ở trang 46, cột 1, từ dòng 18 đến dòng 45, xin đọc: «*Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công — nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt-nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc.*»

— Ở trang 46, cột 2, từ dòng 28 đến dòng 40, xin đọc: «Tập trung cao độ lực lượng của cả nước, của các ngành, các cấp, tạo ra một bước phát triển vượt bậc về *nông nghiệp*; ra sức đẩy mạnh *làm nghiệp, ngư nghiệp*; phát triển *công nghiệp nhẹ* và *công nghiệp thực phẩm* (bao gồm cả thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp), nhằm giải quyết vững chắc nhu cầu của cả nước về lương thực, thực phẩm và một phần quan trọng hàng tiêu dùng thông thường; cải thiện một bước *đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân*, tạo *tích lũy* cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.»

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Выдержки из произведений Хо Ши Мина

ЧАН КУОК ХОАН — Активизировать работу по созданию и управлению социалистического порядка на новом этапе

ДОАН ЧОНГ ЧУЕН — Реорганизовать общественное производство в направлении создания крупного социалистического производства

ФАМ ТХАНЬ — Хо Ши Мин о партийном строительстве

ДАО ЗЮИ КАН — Повышать научность и революционность в партийном строительстве

ХОАНГ ТИЕН — О гидромелиорации в Южном Вьетнаме

Трибуна ученых + ФАМ ВАН ЧИНЬ — Некоторые научно-технические проблемы строительства в нашей стране

ЗЫОНГ КУОК ТАН — Китай активно борется за модернизацию сельского хозяйства и промышленности

ФОНГ ХИЕН — Теория «конвергенции» — новое лживое учение империализма

Фотоприложение: Президент Хо Ши Мин и товарищи Ле Зуан и Чыонг Тинь с детьми

目 录

胡主席語录

陈国环：加紧建立和管理新阶段的社会主义社会秩序

段仲专：按社会主义大生产方向重新组织社会生产

范　成：胡主席论党的建设

陶维近：提高建党工作的科学性和革命性

黄　进：关于南越水利工作的商榷

科学家论坛　**范文程**：我国建筑业的一些科学技术问题

杨国新：中国积极实现农工业现代化

丰　贤：帝国主义新的骗人学说——“会聚”论

附　图：胡主席、黎笋同志、长征同志和儿童们在一起

Digitized by Google

SOMMAIRE

Une citation du Président Hồ-Chí-Minh

TRẦN-QUỐC-HOÀN — Apporter plus d'attention à l'établissement et au naintien de l'ordre social socialiste dans la nouvelle étape

ĐOÀN-TRỌNG-TRUYẾN — Réorganiser la production sociale dans le sens de la grande production socialiste

PHẠM-THÀNH — Ce qu'a dit le Président Hồ-Chí-Minh au sujet de l'édification du Parti

ĐÀO-DUY-CẬN — Renforcer le caractère scientifique et révolutionnaire du travail d'édification du Parti

HOÀNG-TIẾN — A propos de l'hydraulique au Sud Việt-nam

Tribune des scientifiques — *PHẠM-VĂN-TRÌNH* — Quelques problèmes scientifiques et techniques dans l'industrie du bâtiment de notre pays

DƯƠNG-QUỐC-TÂN — La Chine s'emploie à moderniser l'agriculture et l'industrie

PHONG-HIỀN — La théorie de la convergence, une nouvelle pseudo-doctrine de l'impérialisme

Hors-texte : Le Président Hồ-Chí-Minh, les camarades Lê-Duẩn et Trường-Chinh entourés d'enfants

---

CONTENTS

President Hồ-Chí-Minh's teachings

TRẦN-QUỐC-HOÀN — To step up the building and management of the socialist social order in the new stage

ĐOÀN-TRỌNG-TRUYẾN — To re-organize social production in the direction of large-scale socialist production

PHẠM-THÀNH — President Hồ's recommendations concerning Party building work

ĐÀO-DUY-CẬN — To raise to a higher level the scientific and revolutionary characters of Party building work

HOÀNG-TIẾN — On water conservation work in southern Việt-nam

Scientists' forum — *PHẠM-VĂN-TRÌNH* — Some scientific and technical problems in civil engineering in our country

DƯƠNG-QUỐC-TÂN — China strives to modernize her agriculture and industry

PHONG-HIỀN — The « convergence » theory, a new deceit of imperialism

Plate : President Hồ-Chí-Minh, Comrade Lê-Duẩn and Comrade Trường-Chinh with the children

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 5
1977
NĂM THỨ XXIII (257)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1. Nguyễn-thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

Lời Hồ Chủ tịch 1

TRẦN-QUỐC-HOÀN — Tăng cường xây dựng và quản lý nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới 3

ĐOÀN-TRỌNG-TRUYẾN – Tổ chức lại nền sản xuất xã hội theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa 20

PHẠM-THÀNH — Hồ Chủ tịch nói về xây dựng Đảng 37

ĐÀO-DUY-CẨN – Nâng cao tính khoa học và tính cách mạng trong công tác xây dựng Đảng 47

HOÀNG-TIẾN – Bàn về công tác thủy lợi ở miền Nam Việt-nam 54

Diễn đàn của các nhà khoa học ★ *PHẠM-VĂN-TRÌNH* – Một số vấn đề khoa học kỹ thuật trong ngành xây dựng ở nước ta 63

DƯƠNG-QUỐC-TÂN – Trung-quốc tích cực hiện đại hóa nông nghiệp và công nghiệp 67

PHONG-HIỀN – Thuyết « Hội tụ », học thuyết lừa bịp mới của chủ nghĩa đế quốc 71

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 0

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

23: 6

6-1977

Digitized by Google

Digitized by Google

NHÂN DÂN LAO ĐỘNG LÀM CHỦ TẬP THỂ LÀ SỨC MẠNH, LÀ LỰC ĐẨY CỦA CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN *

LÊ-DUẨN

SUY nghĩ về đặc điểm của Thanh - hóa, tôi thấy đây là một tỉnh đông dân, hơn ba mươi năm nay sống trong độc lập, tự do. Trái lại, hầu hết các tỉnh đồng bằng Bắc-bộ bị giặc Pháp chiếm đóng trong chín năm kháng chiến trước ; còn các tỉnh miền nam thì bị hết Pháp đến Mỹ xâm lược hơn một trăm năm, nay mới được hoàn toàn giải phóng. Từ tháng Tám năm 1945 đến nay, nhân dân Thanh-hóa đã làm chủ cuộc đời mình. Đó là một thuận lợi đặc biệt. Các đồng chí có thấy điều đặc biệt đó không và đã suy nghĩ làm thế nào tạo được sự phát triển mạnh mẽ cho tỉnh Thanh-hóa hay chưa?

Tôi muốn nói rằng có những vấn đề tưởng như đơn giản nhưng nếu không suy nghĩ thì không thấy được. Phải chịu khó và đòi hỏi đầu óc mình tìm tòi, suy nghĩ và phải có hoàn cảnh nào đó mới nắm được vấn đề và tìm ra cách giải quyết. Xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng vậy. Là người cộng sản, chúng ta ai cũng muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nhưng làm sao để có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở nước ta thì rõ ràng là việc không đơn giản, dễ dàng. Chính phải trải qua thực tiễn và một quá trình suy nghĩ lâu dài, Đảng ta mới tìm ra và làm rõ được con đường đưa nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta.

VẤN đề tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa đã được Lê-nin nói tới. Lê-nin nói các

* Bài nói trong dịp về thăm tỉnh Thanh-hóa từ 1 đến 3-4-1977.

Digitized by Google

nước chậm tiến, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà muốn tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội thì phải dựa vào sự giúp đỡ của các nước đã xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Qua thực tiễn, Đảng ta thấy rằng sự giúp đỡ của bên ngoài là một điều cần thiết, là rất quý báu, song đó không phải là yếu tố quyết định. Điều quan trọng trước tiên là sự phát triển bên trong của bản thân nền kinh tế của ta, là tự nước ta phải đi lên như thế nào cho đúng đắn và vững chắc. Phải xuất phát từ tình hình đặc thù của nền kinh tế nước ta mà tìm ra quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác. Trong khi ta kháng chiến chống Mỹ, các nước anh em giúp ta vũ khí, lương thực. Đó là vì lợi ích chung, vì sự sống còn của chủ nghĩa xã hội mà làm nghĩa vụ quốc tế. Còn trong thời kỳ xây dựng, thì giúp đỡ chỉ phần nào thôi, chủ yếu là hợp tác trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Hơn nữa, có cố gắng phát triển kinh tế dựa vào tiềm năng của mình thì mới hợp tác tốt với nước ngoài được. Vì vậy, không thể trông chờ, ỷ lại vào bên ngoài, mà phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường, và có trên cơ sở độc lập tự chủ mà tăng cường quan hệ hợp tác với các nước, thì ta mới đi nhanh và vững chắc được.

Nói về chủ nghĩa xã hội, trước đây Các Mác cho rằng chỉ có những nước tư bản chủ nghĩa phát triển có sẵn nền đại công nghiệp rồi thì mới làm cách mạng xã hội chủ nghĩa được, và muốn có chủ nghĩa xã hội thì điều quan trọng là phải lật đổ giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền Nhà nước, thiết lập sự thống trị của giai cấp công nhân. Sau Các Mác, xuất phát từ hoàn cảnh nước Nga, Lê-nin nêu lên luận điểm: « chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô-viết cộng với điện khí hóa toàn quốc ». Như thế, theo Lê-nin, cần hai yếu tố: chính quyền xô-viết, một hình thức Nhà nước của công nông và nền đại công nghiệp cơ khí thì có chủ nghĩa xã hội. Trong đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng nêu rõ: « Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ... ». Ta nêu như vậy vẫn bảo đảm quan điểm cơ bản của Lê-nin là phải có Nhà nước vô sản và đại công nghiệp, đồng thời nói sát hợp, cụ thể hơn với điều kiện và hoàn cảnh của nước ta. Ta không những nói chuyên chính vô sản mà còn nhấn mạnh vai trò làm chủ tập thể của

Digitized by Google

nhân dân lao động, như thế để **làm rõ mục đích và động lực của chuyên chính vô sản**: bởi vì mục đích của chuyên chính vô sản là xóa bỏ giai cấp tư sản, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, và việc nhân dân lao động làm chủ tập thể xã hội là sức mạnh, là lực đẩy của chuyên chính vô sản. Cũng cần phân biệt là không phải ta xác lập quyền làm chủ tập thể của toàn dân chung chung, mà là của **nhân dân lao động**, của những người trước đây bị áp bức, bóc lột, của những người lao động mà công nông là nòng cốt. Hơn nữa, đây là làm chủ **tập thể** dựa trên một quan hệ sản xuất mới, trên một nền sản xuất có tổ chức, trên một cơ cấu chính trị, một cơ cấu kinh tế, một hệ thống văn hóa nhất định; như thế là làm chủ tập thể bằng một cộng đồng xã hội có tổ chức, chứ không phải là từng người làm chủ rồi cộng lại, và đó mới là làm chủ thật sự. Ta nói phải làm ba cuộc cách mạng đồng thời thì mới có chủ nghĩa xã hội. Phải làm cách mạng về quan hệ sản xuất mới xác lập được cái nền của làm chủ tập thể, và phải không ngừng củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất, củng cố và hoàn thiện chế độ sở hữu, chế độ quản lý và chế độ phân phối. Nhưng từ sản xuất nhỏ đi lên, cho nên phải coi cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt; có như vậy thì mới có sản xuất lớn, có đại công nghiệp. Và phải cải tạo con người, xây dựng con người mới, nền văn hóa mới; bởi vì sự tự giác, chủ động của con người là một điều kiện cực kỳ quan trọng để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

TRONG thực tiễn cách mạng và đời sống, làm chủ tập thể là vấn đề lớn lắm. Ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh chưa có công nghiệp hiện đại, chưa có sản xuất lớn, vì vậy mà khó khăn, phức tạp hơn các nước xã hội chủ nghĩa anh em rất nhiều. Liên-xô và các nước Đông Âu khi bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa đều đã có một nền công nghiệp tương đối phát triển. Trung-quốc cũng có đại công nghiệp, có sắt thép từ trước, sau giải phóng là có thể sản xuất được máy kéo, ô-tô v.v... Triều-tiên cũng có công nghiệp lớn hơn ta nhiều. Ta hoàn toàn không có đại công nghiệp gì đáng kể. Có thể coi ta mới ở trình độ công trường thủ công mà đi lên chủ nghĩa xã hội; như Thanh-hóa, sau hai mươi năm đi vào chủ nghĩa xã hội, chỉ mới có 13% cơ giới hóa. Vậy ta đi từ đâu? **Cái vốn quan trọng nhất của ta là đất đai, rừng, biển, tài nguyên thiên nhiên chưa khai thác và một lực lượng lao động khá dồi dào chưa phân công lại và chưa sử dụng hết.** Ta phải nắm lấy cái vốn đó mà xây dựng, mà đi lên; bước đầu tiên là phải khai thác những tiềm lực đó để tạo ra cơ sở vật chất — kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội cả trong nông nghiệp và công nghiệp, từ quy mô

Digitized by Google

nhỏ tiến dần lên quy mô lớn. Và dựa vào đâu để khai thác những tiềm năng ấy? Một trong những chỗ dựa cơ bản nhất, quan trọng nhất của ta là **quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động** đã được xác lập sau khi chính quyền nhân dân chuyển sang làm chức năng lịch sử của chuyên chính vô sản. Đây là một động lực rất lớn. Tôi vừa thăm mấy gia đình ở xã Nông-trường, huyện Triệu-sơn. Gia đình nào cũng có một, hai con đi bộ đội đánh giặc trong nam; có gia đình chỉ còn hai ông bà già. Cả tỉnh Thanh-hóa đã đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Mỹ 20 vạn bộ đội. 20 vạn chiến sĩ đó đã lập được những thành tích chiến đấu anh hùng, đã nêu biết bao tấm gương hy sinh dũng cảm. Họ làm được như vậy là do có tinh thần yêu nước, đồng thời ở nhà đã có hợp tác xã lo toan cho gia đình họ. Làm chủ tập thể có một sức mạnh rất lớn giúp cho kháng chiến chống Mỹ thành công. Và đến nay, như các đồng chí vừa báo cáo, thì tuyệt đại bộ phận nông dân Thanh-hóa đều gắn bó với hợp tác xã, đều tha thiết muốn tìm cách xây dựng hợp tác xã vững mạnh. Như vậy, ta phải biết phát huy tinh thần làm chủ tập thể và quyền làm chủ tập thể ấy như thế nào để sử dụng, khai thác những tiềm năng mà ta có trong tỉnh. Đó là một vấn đề mấu chốt và rất cấp thiết.

Làm chủ tập thể thể hiện trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong đường lối kinh tế. Nó vừa là mục đích của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vừa là phương tiện để làm cách mạng. Phải đứng trên quan điểm làm chủ tập thể mà làm kinh tế, mà bố trí cơ cấu kinh tế, kế hoạch kinh tế, mà điều hành việc xây dựng và quản lý kinh tế. Làm chủ tập thể là làm chủ về chính trị, về kinh tế, về văn hóa, về xã hội. Nó phải kết hợp hài hòa giữa làm chủ trong cả nước với làm chủ ở mỗi địa phương, mỗi cơ sở. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa có cơ sở là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; cho nên phải bố trí một cơ cấu kinh tế thích hợp để bảo đảm cho quyền làm chủ tập thể được thực hiện một cách đúng đắn, vững chắc.

Đi từ sản xuất nhỏ mà tiến lên chủ nghĩa xã hội, ta phải coi trọng cả kinh tế trung ương lẫn kinh tế địa phương. Kinh tế trung ương có ưu thế là có thể tập trung sức người, sức của để xây dựng những cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên quy mô lớn. Nhưng trong hoàn cảnh của ta thì kinh tế địa phương cũng có vị trí rất quan trọng, và có thể coi đó là một điểm đặc thù của một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì sao vậy? Trên kia, tôi đã nói tiềm lực của ta là ở đất đai, rừng, biển, tài nguyên thiên nhiên và lực lượng lao động dồi dào. Trong khi công nghiệp chưa có bao nhiêu thì kinh tế trung ương không làm sao thu hút, sử dụng được hết lực lượng lao động hiện có để phát triển kinh

Digitized by Google

tế lên nhanh được. Song các địa phương, nhất là huyện, nếu có hướng đi đúng, cách làm đúng, biết kết hợp sức của Nhà nước và sức của nhân dân, thì có thể khai thác đất đai, rừng, biển trong địa phương mình, xây dựng được cơ sở vật chất — kỹ thuật, mở rộng sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân. Đã có những huyện làm theo hướng ấy. Như huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-Tĩnh đã bước đầu phát huy quyền làm chủ tập thể để điều hành lực lượng lao động trong phạm vi huyện; phân công lại lao động trong phạm vi huyện theo hướng phát triển nông nghiệp kết hợp với công nghiệp, và đã làm được nhiều việc như làm thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng, khai hoang, mở rộng diện tích ở vùng đồi núi và vùng ven biển, đưa một số kỹ thuật canh tác mới vào đồng ruộng, xây dựng được nhiều công trình phúc lợi chung về văn hóa, y tế, v.v... Ở Thanh-hóa, thắng lợi của huyện Triệu-sơn trong việc hoàn chỉnh thủy nông cũng nói lên vai trò làm chủ tập thể của quần chúng và chỉ rõ khả năng tổ chức lao động trong phạm vi huyện để làm được nhiều việc khác. Quân đội làm chủ lực trong một số công trường xây dựng cũng có những thành công về mặt tổ chức lao động như thế.

Để xác lập quyền làm chủ tập thể về kinh tế, phải công hữu hóa tư liệu sản xuất; nhưng còn phải biết **làm chủ lực lượng lao động.** Với công cụ thủ công cộng thêm công cụ nửa cơ giới và cơ giới đến mức nào, nếu biết tổ chức lao động tốt thì có thể làm được những công trình thủy lợi lớn, những công trình xây dựng quy mô lớn. Cơ giới hóa là một mục tiêu phấn đấu của ta. Nhưng không nên ỷ lại vào máy móc. Càng không nên chờ có máy rồi mới thực hiện và củng cố quyền làm chủ tập thể. Đảng ta đã nêu ra vấn đề hợp tác hóa gắn với thủy lợi hóa, chứ không phải chờ có cơ giới rồi mới hợp tác hóa. Có hợp tác xã, có thủy lợi, năng suất cây trồng sẽ tăng lên, sản xuất nông nghiệp đi vào thế ổn định thì làm chủ tập thể thêm vững chắc. Song, cũng phải thấy rằng không thể dừng lại với quy mô nhỏ và trình độ hiệp tác giản đơn của hợp tác xã hiện nay mà phải nhanh chóng tổ chức lại sản xuất trên quy mô lớn hơn, trên địa bàn huyện, với một cơ cấu kinh tế hợp lý thì mới đưa trình độ làm chủ tập thể lên một mức cao hơn.

VẤN đề **xây dựng huyện và cấp huyện** là vấn đề mới đã được ghi vào nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng. Huyện là địa bàn tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, là địa bàn tổ chức và phân công lại lao động để khai thác khả năng tiềm tàng ở địa phương, là đơn vị kết hợp nông nghiệp với công nghiệp. Huyện có vai trò quan trọng trong việc tổ chức đời sống ở nông thôn và xây dựng nông thôn mới, tổ chức sản xuất

Digitized by Google

và phân phối, kinh tế và văn hóa, kinh tế và quốc phòng, giải quyết việc ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh, đi lại, vui chơi, giải trí của khoảng từ 10 đến 20 vạn dân. Cố nhiên, giải quyết vấn đề ăn, mặc, ở, học hành v.v... là công việc của cả nước, và phải có sự tham gia của tất cả các ngành kinh tế, văn hóa từ trung ương xuống thì mới giải quyết được. Ngành và địa phương có quan hệ với nhau và có trách nhiệm chung về vấn đề sản xuất, đời sống của nhân dân. Nhưng giữa ngành và địa phương có khác nhau. Kinh tế càng phát triển nhất là công nghiệp càng lớn lên, thì ngành càng được chuyên môn hóa theo yêu cầu của kinh tế kỹ thuật và đề đi sâu vào việc quản lý kinh tế kỹ thuật. (Hiện nay, ở các nước xã hội chủ nghĩa phát triển, để phục vụ cho nông nghiệp, có đến hơn một trăm ngành công nghiệp, trong đó khoảng năm mươi ngành sản xuất công cụ lao động cho nông nghiệp; khoảng năm mươi ngành chuyên chế biến sản phẩm nông nghiệp. Rõ ràng công nghiệp ngày càng phải chuyên môn hóa, có thế thì mới đi sâu vào kinh tế kỹ thuật được; và càng chuyên môn hóa thì các ngành càng phải hiệp tác chặt chẽ với nhau). Còn địa phương, tức là tỉnh, huyện và các cấp tương đương, là nơi gắn liền sản xuất với phân phối, là nơi tổ chức đời sống của nhân dân đến từng gia đình một, vì chế độ ta lo thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân chứ không phải là sản xuất hàng hóa ra để bán như trong xã hội tư bản. Từng người dân ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh ra sao, ta phải lo. Cả nước lo, Trung ương lo, nhưng phải lấy tỉnh, huyện, nhất là huyện, **làm đơn vị để tổ chức đời sống của nhân dân**. Phục vụ sản xuất thì tất cả các ngành phải làm, còn gắn sản xuất với phân phối, tổ chức đời sống cho nhân dân thì lấy địa phương, lấy huyện mà làm. Nói như vậy không có nghĩa là nói ngành không cần quan tâm đến đời sống của công nhân, viên chức trong ngành mình, và cũng không có nghĩa là địa phương không cần chăm lo vấn đề sản xuất. Ngành phải có trách nhiệm cùng với địa phương giải quyết những vấn đề thuộc về phúc lợi, về tổ chức đời sống cho công nhân, viên chức ngành mình trong từng địa phương. Ngược lại, địa phương phải sử dụng các ngành, phối hợp các ngành để thúc đẩy sản xuất và tổ chức tốt việc phân phối đặng cải thiện từng bước đời sống cho tất cả mọi công dân trong địa phương mình. Mối quan hệ giữa ngành và địa phương phải được giải quyết toàn diện thông qua việc cải tiến tổ chức quản lý kinh tế và có chế độ, chính sách bảo đảm. Thí dụ như trong việc quan hệ với hợp tác xã, với nông dân để mua nông sản, cần phải chấn chỉnh tình trạng một mặt hàng nhưng nhiều cơ quan thu mua, ngoại thương mua riêng, nội thương mua riêng, mỗi

Digitized by Google

ngành mua theo một giá, làm khó khăn cho việc quản lý thị trường.

Việc xây dựng cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp cũng là một nội dung mới rất quan trọng trong đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cả nước ta, về đại thể, sẽ có ba thành phố và các khu công nghiệp lớn, 35 tỉnh công — nông nghiệp với khoảng 500 huyện sẽ được xây dựng thành những đơn vị kinh tế nông—công nghiệp. Chúng ta chủ trương làm cho công nghiệp và nông nghiệp gắn liền với nhau ngay từ đầu và trong cả quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, không để cho hai ngành đó càng phát triển càng tách xa nhau như hai cánh kéo, khiến cho nông thôn và thành thị cách biệt nhau và đối lập với nhau như dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Liên-xô và một số nước Đông Âu hiện đang thực hiện những hình thức mới về tổ chức và quản lý kinh tế nông thôn, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp trong những xí nghiệp liên hiệp hoặc những tổ hợp nông công nghiệp. Hướng của ta là kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu, coi huyện là một đơn vị kinh tế cơ bản để làm việc đó. Bằng cách này ta có thể đi nhanh trong việc cải tạo và xây dựng nông thôn mới.

Từ nay đến năm 1980 và trong các kế hoạch tiếp theo vấn đề xây dựng huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện phải làm mạnh với những biện pháp tích cực. Cần kiện toàn cấp huyện về cán bộ, về cơ sở vật chất, về tổ chức bộ máy quản lý kinh tế ; và để làm được việc đó, Trung ương chủ trương chọn một số lớn cán bộ quân đội, mở lớp đào tạo đặc biệt rồi bổ sung và tăng cường cho huyện. Trong việc phát triển kinh tế, trước hết, tỉnh, huyện phải nắm thật sát thật chắc đất đai bao gồm cả rừng, biển và tài nguyên thiên nhiên ; và lực lượng lao động bao gồm tất cả các ngành nghề trong địa phương mình, ai có tay nghề chuyên môn thì đều phải biết rõ. Làm chủ tập thể trước hết là làm chủ đất đai, tư liệu sản xuất và lực lượng lao động. Làm ăn kinh tế trước hết phải nắm hai nguồn đó, phải đặt vấn đề khai thác đất đai và phân bố lại lao động như thế nào để mở mang kinh tế. Khi vào khu V, tôi có nêu ý kiến là mỗi tỉnh phải phân bố khoảng một nửa hay bốn mươi đến năm mươi phần trăm lực lượng lao động ở đồng bằng, khoảng ba mươi phần trăm lên rừng núi, khoảng hai mươi phần trăm ra biển và vùng ven biển. Trong tổng số lao động xã hội, ít nhất cũng phải một nửa làm công nghiệp, một nửa làm nông nghiệp, và tiến lên hạ dần tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống bằng cách nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, thì dụ như một người phải làm được bốn, năm héc-ta gieo trồng. Những con số nói trên là ước lượng, nhưng hướng chiến lược phải như vậy. Tôi nghĩ rằng các tỉnh khu IV cũ, các tỉnh có đồng

Digitized by Google

bằng, có biển, có rừng đều phải theo hướng đó. Khai thác thật tốt đồng bằng, là rất quan trọng; nhưng còn phải làm chủ lấy rừng, lấy biển của mình, phải lên rừng, ra biển mà sống. Đất nước ta hẹp, đồng bằng ít thế này không lên rừng, ra biển thì làm sao giàu có được? Thanh-hóa có 80 vạn héc-ta rừng và đồi núi. Phải xem đó là một nguồn giàu có, một thuận lợi; phải có kế hoạch khai thác đúng và khai thác tốt. Và ta có biển với hải phận rộng mênh mông; ta phải ra biển đánh bắt cá, tôm, làm muối, nuôi và chế biến hải sản; phải khai thác vùng ven biển sao cho kinh tế nhất và sau này tiến lên khai thác cả đáy biển nữa. Nghề biển ở Thanh-hóa phải phát triển mạnh. Cả tỉnh phải có năm vạn, mười vạn người làm nghề biển; phải hợp tác với cơ khí trung ương để đóng tàu, thuyền đánh cá; phải đi xa vào vùng biển phía nam để đánh cá thì mới tăng nhanh được năng suất và sản lượng. Nguồn lợi có đó mà không biết làm chủ, không biết khai thác là sai lắm đấy.

NƯỚC ta có năm mươi triệu người và chẳng bao lâu sẽ lên tới sáu mươi, bảy mươi triệu, nhất định phải có hàng chục triệu tấn sắt thép, than đá, dầu mỏ, hàng chục tỷ ki-lô-oát giờ điện, hàng chục triệu tấn xi-măng, v.v... Để làm được như thế, phải có hợp tác quốc tế, phải thông qua con đường ngoại thương để có thiết bị toàn bộ, để nhập máy móc, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật mà trong nước ta chưa sản xuất được. Vì vậy, đẩy mạnh xuất khẩu trở thành một vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong sự nghiệp xây dựng kinh tế. Ta có ưu thế là có lực lượng lao động khá dồi dào và là một nước nhiệt đới. Trong giai đoạn đầu, khi kinh tế trong nước chưa phát triển, lực lượng lao động của ta còn thừa, ta phải biết sử dụng để **sản xuất hàng xuất khẩu**. Đó là một cách tích lũy để công nghiệp hóa đất nước, đồng thời nâng cao năng suất lao động xã hội, tạo thêm việc làm cho người lao động ở thành thị và nông thôn, và tăng thu nhập cho họ. Tất cả các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp đều phải tích cực tham gia vào việc đẩy mạnh xuất khẩu. Hướng phấn đấu của chúng ta là mỗi người lao động nông nghiệp và thủ công nghiệp phải làm 300 ngày công mỗi năm, trong đó dành 100 ngày công phục vụ xuất khẩu. Cái gì làm được để xuất khẩu thì phải cố gắng làm. Ngành nghề gì làm được hàng xuất khẩu thì phải phát triển: làm hàng chiếu cói, mây tre, hàng thủ công mỹ nghệ, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây làm thuốc, nuôi tôm, cá, hải sản, gia cầm, gia súc, v.v... Phải coi trọng làm hàng gia công cho nước ngoài, nhập nguyên liệu, dùng lao động trong nước để chế biến rồi xuất trở lại như may mặc, thêu ren. Nhiều ngành nghề, nhiều công việc có thể làm để

Digitized by Google

phục vụ cho xuất khẩu. Thí dụ như một tỉnh có đất trồng màu ở trung du có thể quy vùng trồng tập trung một vài vạn héc-ta sắn, chế biến thành bột để xuất khẩu. Hoặc trồng dâu nuôi tằm xuất tơ để đổi bông, ở Thanh-hóa có thể làm được; nên vận động các gia đình và hợp tác xã trồng dâu nuôi tằm, còn ươm tơ thì tỉnh hay huyện phụ trách. Tóm lại, trong lúc nước nhà còn nghèo, ta phải tìm mọi cách xuất khẩu; phải tiết kiệm tiêu dùng một số mặt hàng hoặc dành hàng tốt để xuất. Trong vòng 10 — 15 năm tới, ta phải làm như thế, và trước mắt, phải phấn đấu rất cao về xuất khẩu để mở ra một thế mới về ngoại thương. Khả năng có nhiều. Vấn đề quan trọng là các cấp tỉnh, huyện phải coi xuất khẩu là một con đường để đi lên của kinh tế nước ta, đặc biệt là của kinh tế địa phương và dám động viên, tổ chức quần chúng làm.

TA coi công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa không chỉ là phát triển đại công nghiệp, mà còn là hiện đại hóa nông nghiệp. Trong các kế hoạch kinh tế, công nghiệp được chú trọng phát triển và chiếm một tỷ trọng đầu tư lớn. Nhưng trong giai đoạn đầu, khi công nghiệp nhất là công nghiệp nặng chưa phát triển, ta phải đầu tư đúng mức cho nông nghiệp, nhằm đưa nông nghiệp phát triển lên một bước thật mạnh mẽ. Đó là mục tiêu hàng đầu của chúng ta trong thời gian trước mắt, trước hết là trong kế hoạch năm năm thứ hai. Phải làm như thế để giải quyết một cách vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm là vấn đề bức thiết nhất đối với nhân dân ta sau chiến tranh. Đồng thời đó còn là nhằm khai thác khả năng tiềm tàng sẵn có của ta là đất đai và lực lượng lao động để từ đó mà đi lên. Và làm như thế cũng là để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đầu tư cho nông nghiệp là đầu tư vào tất cả các khâu: nước, phân bón, giống, công cụ, nhưng hướng đầu tư chủ yếu hiện nay là thủy lợi và cơ giới hóa để tăng vụ và khai hoang. Nước là biện pháp hàng đầu, cho nên phải cố gắng làm hết khả năng. Còn cơ giới hóa thì nhằm vào một số khâu và một số vùng trọng điểm; trước hết là khâu tưới, tiêu nước, khâu làm đất, và đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu-long là hai vựa thóc lớn của cả nước. Ở đồng bằng sông Hồng, đưa cơ giới vào để tranh thủ thời vụ làm thêm vụ đông trên diện tích rộng, tạo ra cái thế mới trên mặt trận sản xuất lương thực, thực phẩm ở các tỉnh phía bắc. Ở đồng bằng sông Cửu-long, để tăng vụ lúa và khai phá thêm đất mới, do đó, tăng thêm một diện tích gieo trồng đáng kể, đưa sản lượng lương thực và sản lượng nông nghiệp lên nhanh. Hướng đó là

Digitized by Google

Digitized by Google

NHÂN DÂN LAO ĐỘNG LÀM CHỦ TẬP THỂ LÀ SỨC MẠNH, LÀ LỰC ĐẨY CỦA CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN *

LÊ-DUẨN

SUY nghĩ về đặc điểm của Thanh - hóa, tôi thấy đây là một tỉnh đông dân, hơn ba mươi năm nay sống trong độc lập, tự do. Trái lại, hầu hết các tỉnh đồng bằng Bắc-bộ bị giặc Pháp chiếm đóng trong chín năm kháng chiến trước ; còn các tỉnh miền nam thì bị hết Pháp đến Mỹ xâm lược hơn một trăm năm, nay mới được hoàn toàn giải phóng. Từ tháng Tám năm 1945 đến nay, nhân dân Thanh-hóa đã làm chủ cuộc đời mình. Đó là một thuận lợi đặc biệt. Các đồng chí có thấy điều đặc biệt đó không và đã suy nghĩ làm thế nào tạo được sự phát triển mạnh mẽ cho tỉnh Thanh-hóa hay chưa?

Tôi muốn nói rằng có những vấn đề tưởng như đơn giản nhưng nếu không suy nghĩ thì không thấy được. Phải chịu khó và đòi hỏi đầu óc mình tìm tòi, suy nghĩ và phải có hoàn cảnh nào đó mới nắm được vấn đề và tìm ra cách giải quyết. Xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng vậy. Là người cộng sản, chúng ta ai cũng muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nhưng làm sao để có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở nước ta thì rõ ràng là việc không đơn giản, dễ dàng. Chính phải trải qua thực tiễn và một quá trình suy nghĩ lâu dài, Đảng ta mới tìm ra và làm rõ được con đường đưa nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta.

VẤN đề tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa đã được Lê-nin nói tới. Lê-nin nói các

* Bài nói trong dịp về thăm tỉnh Thanh-hóa từ 1 đến 3-4-1977.

Digitized by Google

nước chậm tiến, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà muốn tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội thì phải dựa vào sự giúp đỡ của các nước đã xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Qua thực tiễn, Đảng ta thấy rằng sự giúp đỡ của bên ngoài là một điều cần thiết, là rất quý báu, song đó không phải là yếu tố quyết định. Điều quan trọng trước tiên là sự phát triển bên trong của bản thân nền kinh tế của ta, là tự nước ta phải đi lên như thế nào cho đúng đắn và vững chắc. Phải xuất phát từ tình hình đặc thù của nền kinh tế nước ta mà tìm ra quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác. Trong khi ta kháng chiến chống Mỹ, các nước anh em giúp ta vũ khí, lương thực. Đó là vì lợi ích chung, vì sự sống còn của chủ nghĩa xã hội mà làm nghĩa vụ quốc tế. Còn trong thời kỳ xây dựng, thì giúp đỡ chỉ phần nào thôi, chủ yếu là hợp tác trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Hơn nữa, có cố gắng phát triển kinh tế dựa vào tiềm năng của mình thì mới hợp tác tốt với nước ngoài được. Vì vậy, không thể trông chờ, ỷ lại vào bên ngoài, mà phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường, và có trên cơ sở độc lập tự chủ mà tăng cường quan hệ hợp tác với các nước, thì ta mới đi nhanh và vững chắc được.

Nói về chủ nghĩa xã hội, trước đây Các Mác cho rằng chỉ có những nước tư bản chủ nghĩa phát triển có sẵn nền đại công nghiệp rồi thì mới làm cách mạng xã hội chủ nghĩa được, và muốn có chủ nghĩa xã hội thì điều quan trọng là phải lật đổ giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền Nhà nước, thiết lập sự thống trị của giai cấp công nhân. Sau Các Mác, xuất phát từ hoàn cảnh nước Nga, Lê-nin nêu lên luận điểm: « chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô-viết cộng với điện khí hóa toàn quốc ». Như thế, theo Lê-nin, cần hai yếu tố: chính quyền xô-viết, một hình thức Nhà nước của công nông và nền đại công nghiệp cơ khí thì có chủ nghĩa xã hội. Trong đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng nêu rõ: « Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ... ». Ta nêu như vậy vẫn bảo đảm quan điểm cơ bản của Lê-nin là phải có Nhà nước vô sản và đại công nghiệp, đồng thời nói sát hợp, cụ thể hơn với điều kiện và hoàn cảnh của nước ta. Ta không những nói chuyên chính vô sản mà còn nhấn mạnh vai trò làm chủ tập thể của

Digitized by Google

nhân dân lao động, như thế để **làm rõ mục đích và động lực của chuyên chính vô sản**: bởi vì mục đích của chuyên chính vô sản là xóa bỏ giai cấp tư sản, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, và việc nhân dân lao động làm chủ tập thể xã hội là sức mạnh, là lực đẩy của chuyên chính vô sản. Cũng cần phân biệt là không phải ta xác lập quyền làm chủ tập thể của toàn dân chung chung, mà là của **nhân dân lao động**, của những người trước đây bị áp bức, bóc lột, của những người lao động mà công nông là nòng cốt. Hơn nữa, đây là làm chủ **tập thể** dựa trên một quan hệ sản xuất mới, trên một nền sản xuất có tổ chức, trên một cơ cấu chính trị, một cơ cấu kinh tế, một hệ thống văn hóa nhất định; như thế là làm chủ tập thể bằng một cộng đồng xã hội có tổ chức, chứ không phải là từng người làm chủ rồi cộng lại, và đó mới là làm chủ thật sự. Ta nói phải làm ba cuộc cách mạng đồng thời thì mới có chủ nghĩa xã hội. Phải làm cách mạng về quan hệ sản xuất mới xác lập được cái nền của làm chủ tập thể, và phải không ngừng củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất, củng cố và hoàn thiện chế độ sở hữu, chế độ quản lý và chế độ phân phối. Nhưng từ sản xuất nhỏ đi lên, cho nên phải coi cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt; có như vậy thì mới có sản xuất lớn, có đại công nghiệp. Và phải cải tạo con người, xây dựng con người mới, nền văn hóa mới; bởi vì sự tự giác, chủ động của con người là một điều kiện cực kỳ quan trọng để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

TRONG thực tiễn cách mạng và đời sống, làm chủ tập thể là vấn đề lớn lắm. Ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh chưa có công nghiệp hiện đại, chưa có sản xuất lớn, vì vậy mà khó khăn, phức tạp hơn các nước xã hội chủ nghĩa anh em rất nhiều. Liên-xô và các nước Đông Âu khi bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa đều đã có một nền công nghiệp tương đối phát triển. Trung-quốc cũng có đại công nghiệp, có sắt thép từ trước, sau giải phóng là có thể sản xuất được máy kéo, ô-tô v.v... Triều-tiên cũng có công nghiệp lớn hơn ta nhiều. Ta hoàn toàn không có đại công nghiệp gì đáng kể. Có thể coi ta mới ở trình độ công trường thủ công mà đi lên chủ nghĩa xã hội; như Thanh-hóa, sau hai mươi năm đi vào chủ nghĩa xã hội, chỉ mới có 13% cơ giới hóa. Vậy ta đi từ đâu? **Cái vốn quan trọng nhất của ta là đất đai, rừng, biển, tài nguyên thiên nhiên chưa khai thác và một lực lượng lao động khá dồi dào chưa phân công lại và chưa sử dụng hết.** Ta phải nắm lấy cái vốn đó mà xây dựng, mà đi lên; bước đầu tiên là phải khai thác những tiềm lực đó để tạo ra cơ sở vật chất — kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội cả trong nông nghiệp và công nghiệp, từ quy mô

Digitized by Google

nhỏ tiến dần lên quy mô lớn. Và dựa vào đâu để khai thác những tiềm năng ấy? Một trong những chỗ dựa cơ bản nhất, quan trọng nhất của ta là **quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động** đã được xác lập sau khi chính quyền nhân dân chuyển sang làm chức năng lịch sử của chuyên chính vô sản. Đây là một động lực rất lớn. Tôi vừa thăm mấy gia đình ở xã Nông-trường, huyện Triệu-sơn. Gia đình nào cũng có một, hai con đi bộ đội đánh giặc trong nam; có gia đình chỉ còn hai ông bà già. Cả tỉnh Thanh-hóa đã đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Mỹ 20 vạn bộ đội. 20 vạn chiến sĩ đó đã lập được những thành tích chiến đấu anh hùng, đã nêu biết bao tấm gương hy sinh dũng cảm. Họ làm được như vậy là do có tinh thần yêu nước, đồng thời ở nhà đã có hợp tác xã lo toan cho gia đình họ. Làm chủ tập thể có một sức mạnh rất lớn giúp cho kháng chiến chống Mỹ thành công. Và đến nay, như các đồng chí vừa báo cáo, thì tuyệt đại bộ phận nông dân Thanh-hóa đều gắn bó với hợp tác xã, đều tha thiết muốn tìm cách xây dựng hợp tác xã vững mạnh. Như vậy, ta phải biết phát huy tinh thần làm chủ tập thể và quyền làm chủ tập thể ấy như thế nào để sử dụng, khai thác những tiềm năng mà ta có trong tỉnh. Đó là một vấn đề mấu chốt và rất cấp thiết.

Làm chủ tập thể thể hiện trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong đường lối kinh tế. Nó vừa là mục đích của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vừa là phương tiện để làm cách mạng. Phải đứng trên quan điểm làm chủ tập thể mà làm kinh tế, mà bố trí cơ cấu kinh tế, kế hoạch kinh tế, mà điều hành việc xây dựng và quản lý kinh tế. Làm chủ tập thể là làm chủ về chính trị, về kinh tế, về văn hóa, về xã hội. Nó phải kết hợp hài hòa giữa làm chủ trong cả nước với làm chủ ở mỗi địa phương, mỗi cơ sở. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa có cơ sở là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; cho nên phải bố trí một cơ cấu kinh tế thích hợp để bảo đảm cho quyền làm chủ tập thể được thực hiện một cách đúng đắn, vững chắc.

Đi từ sản xuất nhỏ mà tiến lên chủ nghĩa xã hội, ta phải coi trọng cả kinh tế trung ương lẫn kinh tế địa phương. Kinh tế trung ương có ưu thế là có thể tập trung sức người, sức của để xây dựng những cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên quy mô lớn. Nhưng trong hoàn cảnh của ta thì kinh tế địa phương cũng có vị trí rất quan trọng, và có thể coi đó là một điểm đặc thù của một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì sao vậy? Trên kia, tôi đã nói tiềm lực của ta là ở đất đai, rừng, biển, tài nguyên thiên nhiên và lực lượng lao động dồi dào. Trong khi công nghiệp chưa có bao nhiêu thì kinh tế trung ương không làm sao thu hút, sử dụng được hết lực lượng lao động hiện có để phát triển kinh

Digitized by Google

tế lên nhanh được. Song các địa phương, nhất là huyện, nếu có hướng đi đúng, cách làm đúng, biết kết hợp sức của Nhà nước và sức của nhân dân, thì có thể khai thác đất đai, rừng, biển trong địa phương mình, xây dựng được cơ sở vật chất — kỹ thuật, mở rộng sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân. Đã có những huyện làm theo hướng ấy. Như huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-Tĩnh đã bước đầu phát huy quyền làm chủ tập thể để điều hành lực lượng lao động trong phạm vi huyện; phân công lại lao động trong phạm vi huyện theo hướng phát triển nông nghiệp kết hợp với công nghiệp, và đã làm được nhiều việc như làm thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng, khai hoang, mở rộng diện tích ở vùng đồi núi và vùng ven biển, đưa một số kỹ thuật canh tác mới vào đồng ruộng, xây dựng được nhiều công trình phúc lợi chung về văn hóa, y tế, v.v... Ở Thanh-hóa, thắng lợi của huyện Triệu-sơn trong việc hoàn chỉnh thủy nông cũng nói lên vai trò làm chủ tập thể của quần chúng và chỉ rõ khả năng tổ chức lao động trong phạm vi huyện để làm được nhiều việc khác. Quân đội làm chủ lực trong một số công trường xây dựng cũng có những thành công về mặt tổ chức lao động như thế.

Để xác lập quyền làm chủ tập thể về kinh tế, phải công hữu hóa tư liệu sản xuất; nhưng còn phải biết **làm chủ lực lượng lao động.** Với công cụ thủ công cộng thêm công cụ nửa cơ giới và cơ giới đến mức nào, nếu biết tổ chức lao động tốt thì có thể làm được những công trình thủy lợi lớn, những công trình xây dựng quy mô lớn. Cơ giới hóa là một mục tiêu phấn đấu của ta. Nhưng không nên ỷ lại vào máy móc. Càng không nên chờ có máy rồi mới thực hiện và củng cố quyền làm chủ tập thể. Đảng ta đã nêu ra vấn đề hợp tác hóa gắn với thủy lợi hóa, chứ không phải chờ có cơ giới rồi mới hợp tác hóa. Có hợp tác xã, có thủy lợi, năng suất cây trồng sẽ tăng lên, sản xuất nông nghiệp đi vào thế ổn định thì làm chủ tập thể thêm vững chắc. Song, cũng phải thấy rằng không thể dừng lại với quy mô nhỏ và trình độ hiệp tác giản đơn của hợp tác xã hiện nay mà phải nhanh chóng tổ chức lại sản xuất trên quy mô lớn hơn, trên địa bàn huyện, với một cơ cấu kinh tế hợp lý thì mới đưa trình độ làm chủ tập thể lên một mức cao hơn.

VẤN đề **xây dựng huyện và cấp huyện** là vấn đề mới đã được ghi vào nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng. Huyện là địa bàn tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, là địa bàn tổ chức và phân công lại lao động để khai thác khả năng tiềm tàng ở địa phương, là đơn vị kết hợp nông nghiệp với công nghiệp. Huyện có vai trò quan trọng trong việc tổ chức đời sống ở nông thôn và xây dựng nông thôn mới, tổ chức sản xuất

Digitized by Google

và phân phối, kinh tế và văn hóa, kinh tế và quốc phòng, giải quyết việc ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh, đi lại, vui chơi, giải trí của khoảng từ 10 đến 20 vạn dân. Cố nhiên, giải quyết vấn đề ăn, mặc, ở, học hành v.v... là công việc của cả nước, và phải có sự tham gia của tất cả các ngành kinh tế, văn hóa từ trung ương xuống thì mới giải quyết được. Ngành và địa phương có quan hệ với nhau và có trách nhiệm chung về vấn đề sản xuất, đời sống của nhân dân. Nhưng giữa ngành và địa phương có khác nhau. Kinh tế càng phát triển nhất là công nghiệp càng lớn lên, thì ngành càng được chuyên môn hóa theo yêu cầu của kinh tế kỹ thuật và để đi sâu vào việc quản lý kinh tế kỹ thuật. (Hiện nay, ở các nước xã hội chủ nghĩa phát triển, để phục vụ cho nông nghiệp, có đến hơn một trăm ngành công nghiệp, trong đó khoảng năm mươi ngành sản xuất công cụ lao động cho nông nghiệp; khoảng năm mươi ngành chuyên chế biến sản phẩm nông nghiệp. Rõ ràng công nghiệp ngày càng phải chuyên môn hóa, có thế thì mới đi sâu vào kinh tế kỹ thuật được; và càng chuyên môn hóa thì các ngành càng phải hiệp tác chặt chẽ với nhau). Còn địa phương, tức là tỉnh, huyện và các cấp tương đương, là nơi gắn liền sản xuất với phân phối, là nơi tổ chức đời sống của nhân dân đến từng gia đình một, vì chế độ ta lo thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân chứ không phải là sản xuất hàng hóa ra để bán như trong xã hội tư bản. Từng người dân ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh ra sao, ta phải lo. Cả nước lo, Trung ương lo, nhưng phải lấy tỉnh, huyện, nhất là huyện, **làm đơn vị để tổ chức đời sống của nhân dân.** Phục vụ sản xuất thì tất cả các ngành phải làm, còn gắn sản xuất với phân phối, tổ chức đời sống cho nhân dân thì lấy địa phương, lấy huyện mà làm. Nói như vậy không có nghĩa là nói ngành không cần quan tâm đến đời sống của công nhân, viên chức trong ngành mình, và cũng không có nghĩa là địa phương không cần chăm lo vấn đề sản xuất. Ngành phải có trách nhiệm cùng với địa phương giải quyết những vấn đề thuộc về phúc lợi, về tổ chức đời sống cho công nhân, viên chức ngành mình trong từng địa phương. Ngược lại, địa phương phải sử dụng các ngành, phối hợp các ngành để thúc đẩy sản xuất và tổ chức tốt việc phân phối đặng cải thiện từng bước đời sống cho tất cả mọi công dân trong địa phương mình. Mối quan hệ giữa ngành và địa phương phải được giải quyết toàn diện thông qua việc cải tiến tổ chức quản lý kinh tế và có chế độ, chính sách bảo đảm. Thí dụ như trong việc quan hệ với hợp tác xã, với nông dân để mua nông sản, cần phải chấn chỉnh tình trạng một mặt hàng nhưng nhiều cơ quan thu mua, ngoại thương mua riêng, nội thương mua riêng, mỗi

Digitized by Google

ngành mua theo một giá, làm khó khăn cho việc quản lý thị trường.

Việc xây dựng cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp cũng là một nội dung mới rất quan trọng trong đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cả nước ta, về đại thể, sẽ có ba thành phố và các khu công nghiệp lớn, 35 tỉnh công — nông nghiệp với khoảng 500 huyện sẽ được xây dựng thành những đơn vị kinh tế nông—công nghiệp. Chúng ta chủ trương làm cho công nghiệp và nông nghiệp gắn liền với nhau ngay từ đầu và trong cả quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, không để cho hai ngành đó càng phát triển càng tách xa nhau như hai cánh kéo, khiến cho nông thôn và thành thị cách biệt nhau và đối lập với nhau như dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Liên-xô và một số nước Đông Âu hiện đang thực hiện những hình thức mới về tổ chức và quản lý kinh tế nông thôn, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp trong những xí nghiệp liên hiệp hoặc những tổ hợp nông công nghiệp. Hướng của ta là kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu, coi huyện là một đơn vị kinh tế cơ bản để làm việc đó. Bằng cách này ta có thể đi nhanh trong việc cải tạo và xây dựng nông thôn mới.

Từ nay đến năm 1980 và trong các kế hoạch tiếp theo vấn đề xây dựng huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện phải làm mạnh với những biện pháp tích cực. Cần kiện toàn cấp huyện về cán bộ, về cơ sở vật chất, về tổ chức bộ máy quản lý kinh tế ; và để làm được việc đó, Trung ương chủ trương chọn một số lớn cán bộ quân đội, mở lớp đào tạo đặc biệt rồi bổ sung và tăng cường cho huyện. Trong việc phát triển kinh tế, trước hết, tỉnh, huyện phải nắm thật sát thật chắc đất đai bao gồm cả rừng, biển và tài nguyên thiên nhiên ; và lực lượng lao động bao gồm tất cả các ngành nghề trong địa phương mình, ai có tay nghề chuyên môn thì đều phải biết rõ. Làm chủ tập thể trước hết là làm chủ đất đai, tư liệu sản xuất và lực lượng lao động. Làm ăn kinh tế trước hết phải nắm hai nguồn đó, phải đặt vấn đề khai thác đất đai và phân bố lại lao động như thế nào để mở mang kinh tế. Khi vào khu V, tôi có nêu ý kiến là mỗi tỉnh phải phân bố khoảng một nửa hay bốn mươi đến năm mươi phần trăm lực lượng lao động ở đồng bằng, khoảng ba mươi phần trăm lên rừng núi, khoảng hai mươi phần trăm ra biển và vùng ven biển. Trong tổng số lao động xã hội, ít nhất cũng phải một nửa làm công nghiệp, một nửa làm nông nghiệp, và tiến lên hạ dần tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống bằng cách nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, thí dụ như một người phải làm được bốn, năm héc-ta gieo trồng. Những con số nói trên là ước lượng, nhưng hướng chiến lược phải như vậy. Tôi nghĩ rằng các tỉnh khu IV cũ, các tỉnh có đồng

Digitized by Google

bằng, có biển, có rừng đều phải theo hướng đó. Khai thác thật tốt đồng bằng, là rất quan trọng; nhưng còn phải làm chủ lấy rừng, lấy biển của mình, phải lên rừng, ra biển mà sống. Đất nước ta hẹp, đồng bằng ít thế này không lên rừng, ra biển thì làm sao giàu có được? Thanh-hóa có 80 vạn héc-ta rừng và đồi núi. Phải xem đó là một nguồn giàu có, một thuận lợi; phải có kế hoạch khai thác đúng và khai thác tốt. Và ta có biển với hải phận rộng mênh mông; ta phải ra biển đánh bắt cá, tôm, làm muối, nuôi và chế biến hải sản; phải khai thác vùng ven biển sao cho kinh tế nhất và sau này tiến lên khai thác cả đáy biển nữa. Nghề biển ở Thanh-hóa phải phát triển mạnh. Cả tỉnh phải có năm vạn, mười vạn người làm nghề biển; phải hợp tác với cơ khí trung ương để đóng tàu, thuyền đánh cá; phải đi xa vào vùng biển phía nam để đánh cá thì mới tăng nhanh được năng suất và sản lượng. Nguồn lợi có đó mà không biết làm chủ, không biết khai thác là sai lắm đấy.

NƯỚC ta có năm mươi triệu người và chẳng bao lâu sẽ lên tới sáu mươi, bảy mươi triệu, nhất định phải có hàng chục triệu tấn sắt thép, than đá, dầu mỏ, hàng chục tỷ ki-lô-oát giờ điện, hàng chục triệu tấn xi-măng, v.v... Để làm được như thế, phải có hợp tác quốc tế, phải thông qua con đường ngoại thương để có thiết bị toàn bộ, để nhập máy móc, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật mà trong nước ta chưa sản xuất được. Vì vậy, đẩy mạnh xuất khẩu trở thành một vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong sự nghiệp xây dựng kinh tế. Ta có ưu thế là có lực lượng lao động khá dồi dào và là một nước nhiệt đới. Trong giai đoạn đầu, khi kinh tế trong nước chưa phát triển, lực lượng lao động của ta còn thừa, ta phải biết sử dụng để **sản xuất hàng xuất khẩu**. Đó là một cách tích lũy để công nghiệp hóa đất nước, đồng thời nâng cao năng suất lao động xã hội, tạo thêm việc làm cho người lao động ở thành thị và nông thôn, và tăng thu nhập cho họ. Tất cả các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp đều phải tích cực tham gia vào việc đẩy mạnh xuất khẩu. Hướng phấn đấu của chúng ta là mỗi người lao động nông nghiệp và thủ công nghiệp phải làm 300 ngày công mỗi năm, trong đó dành 100 ngày công phục vụ xuất khẩu. Cái gì làm được để xuất khẩu thì phải cố gắng làm. Ngành nghề gì làm được hàng xuất khẩu thì phải phát triển: làm hàng chiếu cói, mây tre, hàng thủ công mỹ nghệ, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây làm thuốc, nuôi tôm, cá, hải sản, gia cầm, gia súc, v.v... Phải coi trọng làm hàng gia công cho nước ngoài, nhập nguyên liệu, dùng lao động trong nước để chế biến rồi xuất trở lại như may mặc, thêu ren. Nhiều ngành nghề, nhiều công việc có thể làm để

Digitized by Google

phục vụ cho xuất khẩu. Thí dụ như một tỉnh có đất trồng màu ở trung du có thể quy vùng trồng tập trung một vài vạn héc-ta sắn, chế biến thành bột để xuất khẩu. Hoặc trồng dâu nuôi tằm xuất tơ để đổi bông, ở Thanh-hóa có thể làm được; nên vận động các gia đình và hợp tác xã trồng dâu nuôi tằm, còn ươm tơ thì tỉnh hay huyện phụ trách. Tóm lại, trong lúc nước nhà còn nghèo, ta phải tìm mọi cách xuất khẩu; phải tiết kiệm tiêu dùng một số mặt hàng hoặc dành hàng tốt để xuất. Trong vòng 10 — 15 năm tới, ta phải làm như thế, và trước mắt, phải phấn đấu rất cao về xuất khẩu để mở ra một thế mới về ngoại thương. Khả năng có nhiều. Vấn đề quan trọng là các cấp tỉnh, huyện phải coi xuất khẩu là một con đường để đi lên của kinh tế nước ta, đặc biệt là của kinh tế địa phương và dám động viên, tổ chức quần chúng làm.

TA coi công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa không chỉ là phát triển đại công nghiệp, mà còn là hiện đại hóa nông nghiệp. Trong các kế hoạch kinh tế, công nghiệp được chú trọng phát triển và chiếm một tỷ trọng đầu tư lớn. Nhưng trong giai đoạn đầu, khi công nghiệp nhất là công nghiệp nặng chưa phát triển, ta phải đầu tư đúng mức cho nông nghiệp, nhằm đưa nông nghiệp phát triển lên một bước thật mạnh mẽ. Đó là mục tiêu hàng đầu của chúng ta trong thời gian trước mắt, trước hết là trong kế hoạch năm năm thứ hai. Phải làm như thế để giải quyết một cách vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm là vấn đề bức thiết nhất đối với nhân dân ta sau chiến tranh. Đồng thời đó còn là nhằm khai thác khả năng tiềm tàng sẵn có của ta là đất đai và lực lượng lao động để từ đó mà đi lên. Và làm như thế cũng là để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đầu tư cho nông nghiệp là đầu tư vào tất cả các khâu: nước, phân bón, giống, công cụ, nhưng hướng đầu tư chủ yếu hiện nay là thủy lợi và cơ giới hóa để tăng vụ và khai hoang. Nước là biện pháp hàng đầu, cho nên phải cố gắng làm hết khả năng. Còn cơ giới hóa thì nhằm vào một số khâu và một số vùng trọng điểm; trước hết là khâu tưới, tiêu nước, khâu làm đất, và đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu-long là hai vựa thóc lớn của cả nước. Ở đồng bằng sông Hồng, đưa cơ giới vào để tranh thủ thời vụ làm thêm vụ đông trên diện tích rộng, tạo ra cái thế mới trên mặt trận sản xuất lương thực, thực phẩm ở các tỉnh phía bắc. Ở đồng bằng sông Cửu-long, để tăng vụ lúa và khai phá thêm đất mới, do đó, tăng thêm một diện tích gieo trồng đáng kể, đưa sản lượng lương thực và sản lượng nông nghiệp lên nhanh. Hướng đó là

Digitized by Google

đúng, ta đang phấn đấu làm cho được bằng cách đẩy mạnh phong trào thủy lợi, cố gắng sản xuất và nhập thêm máy kéo.

Ở huyện, sản xuất nông nghiệp, nghề rừng, nghề biển, đều phải làm có quy hoạch; trồng gì, nuôi gì, phải làm trên quy mô lớn, gắn liền sản xuất của quốc doanh, của hợp tác xã và gia đình. Đi liền với nông nghiệp phải có công nghiệp chế biến, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp vật liệu xây dựng, thủ công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu. Việc phát triển ngành, nghề, phân công lao động phải sát đến từng hợp tác xã, từng gia đình, ai làm ngành gì, nghề gì đều phải có sắp xếp, có tổ chức. Trong một huyện, sẽ có bao nhiêu người làm ruộng, làm rừng, làm biển, bao nhiêu người làm nông nghiệp, làm công nghiệp, thủ công nghiệp, làm giao thông vận tải, sản xuất vật liệu xây dựng và làm nghề xây dựng; trong nông nghiệp thì bao nhiêu người làm trồng trọt, bao nhiêu làm chăn nuôi, làm thủy lợi, làm phân bón, làm giống, v.v... Tất cả sự phân công lao động đó phải có tính toán theo phương hướng và quy hoạch sản xuất chung của huyện và sẽ hình thành trong quá trình tổ chức lại sản xuất trong huyện. Nói kinh tế trong tỉnh, trong huyện thì trước hết phải nói từ nông nghiệp mà đi lên, từ đất mà đi lên. Đất phải biết khai thác đồng thời biết cải tạo cho ngày càng tốt lên. Muốn cải tạo đất phải có thủy lợi, có phân bón, phải có chế độ trồng trọt, đặc biệt là chế độ luân canh. Ở Thanh-hóa đã có phong trào thủy lợi. Phải tiếp tục đẩy mạnh hoàn chỉnh thủy nông, làm tốt việc rút kinh nghiệm về tổ chức, quản lý lao động trên các công trường để đưa năng suất lên cao. Phải chú ý làm thủy lợi ở trung du và miền núi, đắp nhiều hồ chứa để giải quyết vấn đề nước tại chỗ, đồng thời để giữ nước, phòng lũ và bảo vệ các công trình thủy nông ở đồng bằng. Còn nghèo, còn thiếu, chúng ta còn phải làm thủy lợi mạnh hơn nữa, làm nhiều, làm lâu dài cho đến khi hoàn thành thủy lợi hóa nông nghiệp. Cả xã, cả huyện, cả tỉnh, hợp tác xã và nhân dân bỏ sức, bỏ công ra làm, không phải chỉ 8 giờ một ngày, mà có lúc, có nơi phải làm 10 giờ, 12 giờ, thi đua với thời tiết, tranh thủ thời gian làm nhanh, làm gọn từng công trình để sớm đưa vào phục vụ sản xuất.

Phải làm nhiều phân bón: phải đẩy chăn nuôi lên để thêm phân chuồng; trồng điền thanh, làm bèo hoa dâu phải thành phong trào quần chúng, phong trào cách mạng. Muốn thâm canh, phải có chuyên canh, đồng thời phải biết luân canh. Luân canh phải thành chế độ, nhất là đối với đất trồng cây ngắn ngày. Ở các tỉnh phía bắc có một số vùng đã tổng kết phương hướng sản xuất thành công thức: lúa, lang, lạc, lợn. Đó cũng là một công thức luân canh

Digitized by Google

mà Thanh-hóa có thể áp dụng. Để có năng suất cao nhất, đạt hiệu quả kinh tế lớn nhất thì phải nắm sát đất đai trong huyện, phải có bản đồ thổ nhưỡng để quyết định chế độ thâm canh, luân canh đối với từng loại đất khác nhau. Với phong trào thủy lợi hiện nay, Thanh-hóa đã có một cái thế mới để vươn lên. Không có lý do gì Thanh-hóa lại thua các nơi khác về năng suất cây trồng và năng suất lao động. Ở xã Nông-trường, huyện Triệu-sơn, nhờ thủy lợi và chủ động được nước đã đạt bảy tấn, tám tấn một héc-ta. Các xã khác, huyện khác sao lại không vượt được cái cửa năm tấn? Ngô cũng vậy, đã có chỗ làm được bốn tấn, năm tấn một héc-ta; có thủy lợi, Thanh-hóa cũng phải tiến dần lên đạt đến năng suất đó. Muốn đạt năng suất cao, phải đưa khoa học, kỹ thuật vào hợp tác xã. Huyện và hợp tác xã phải có đội ngũ cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, am hiểu việc trồng trọt, chăn nuôi, am hiểu nước, phân, giống, am hiểu từng cây trồng, từng con gia súc. Cán bộ lãnh đạo cấp huyện, cán bộ quản lý nông nghiệp đều phải biết kỹ thuật nông nghiệp mới làm được việc. Huyện cũng phải có những trạm, trại giống cây trồng, giống gia súc. Lại còn phải biết bảo vệ môi trường, chống nạn phá rừng, chống ô nhiễm nước và không khí trong khi dùng thuốc trừ sâu và các hóa dược khác. Ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, chống ô nhiễm là một vấn đề gay go lắm. Ở nước ta, tuy mới bắt đầu phát triển công nghiệp, nhưng ta không thể coi thường được.

Nói nông nghiệp, phải nói **chăn nuôi.** Trên thế giới, chăn nuôi ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong sản lượng nông nghiệp; người ta giải quyết vấn đề ăn bằng cả hai con đường trồng trọt và chăn nuôi. Hơn nữa, người ta đã đưa khoa học, kỹ thuật và công nghiệp vào chăn nuôi. Ta cũng phải làm như vậy. Phải nghĩ đến bữa ăn của nhân dân, tìm cách thay đổi thành phần chất dinh dưỡng trong bữa ăn, làm sao bớt chất bột đường, tăng thêm đạm và mỡ. Thí dụ như bớt gạo, tăng ngô, khoai, nhưng cố gắng có thêm cá, trứng, thịt, hoa quả. Phải phát triển chăn nuôi trâu, bò lấy sữa. Chúng ta phải nghĩ đến, phải thiết tha với việc sản xuất sữa; nhiều nước trên thế giới coi sữa là món ăn hằng ngày và giá sữa rất rẻ, trong khi đó ta phải nhập sữa mà vẫn không đủ cho trẻ con, người bệnh. Tôi thiết tha mong rằng tỉnh và mỗi huyện phải có một cơ sở chăn nuôi trâu, bò sữa, phải nuôi gà theo lối công nghiệp, trước hết để có sữa, có trứng cho trẻ em, cho người già, và trong vòng 10 — 15 năm tới, phải tiến lên có sữa, có trứng cho những người lao động nữa. Bây giờ ta đã có giống bò, giống trâu, giống gà, sao không có thể làm được? và nếu bây giờ không bắt đầu thì bao giờ ta mới có? Tất cả những

Digitized by Google

nước chậm tiến, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà muốn tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội thì phải dựa vào sự giúp đỡ của các nước đã xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Qua thực tiễn, Đảng ta thấy rằng sự giúp đỡ của bên ngoài là một điều cần thiết, là rất quý báu, song đó không phải là yếu tố quyết định. Điều quan trọng trước tiên là sự phát triển bên trong của bản thân nền kinh tế của ta, là tự nước ta phải đi lên như thế nào cho đúng đắn và vững chắc. Phải xuất phát từ tình hình đặc thù của nền kinh tế nước ta mà tìm ra quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác. Trong khi ta kháng chiến chống Mỹ, các nước anh em giúp ta vũ khí, lương thực. Đó là vì lợi ích chung, vì sự sống còn của chủ nghĩa xã hội mà làm nghĩa vụ quốc tế. Còn trong thời kỳ xây dựng, thì giúp đỡ chỉ phần nào thôi, chủ yếu là hợp tác trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Hơn nữa, có cố gắng phát triển kinh tế dựa vào tiềm năng của mình thì mới hợp tác tốt với nước ngoài được. Vì vậy, không thể trông chờ, ỷ lại vào bên ngoài, mà phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường, và có trên cơ sở độc lập tự chủ mà tăng cường quan hệ hợp tác với các nước, thì ta mới đi nhanh và vững chắc được.

Nói về chủ nghĩa xã hội, trước đây Các Mác cho rằng chỉ có những nước tư bản chủ nghĩa phát triển có sẵn nền đại công nghiệp rồi thì mới làm cách mạng xã hội chủ nghĩa được, và muốn có chủ nghĩa xã hội thì điều quan trọng là phải lật đổ giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền Nhà nước, thiết lập sự thống trị của giai cấp công nhân. Sau Các Mác, xuất phát từ hoàn cảnh nước Nga, Lê-nin nêu lên luận điểm: « chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô-viết cộng với điện khí hóa toàn quốc ». Như thế, theo Lê-nin, cần hai yếu tố: chính quyền xô-viết, một hình thức Nhà nước của công nông và nền đại công nghiệp cơ khí thì có chủ nghĩa xã hội. Trong đường lối chung vì cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng nêu rõ: « Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ... ». Ta nêu như vậy vẫn bảo đảm quan điểm cơ bản của Lê-nin là phải có Nhà nước vô sản và đại công nghiệp, đồng thời nói sát hợp, cụ thể hơn với điều kiện và hoàn cảnh của nước ta. Ta không những nói chuyên chính vô sản mà còn nhấn mạnh vai trò làm chủ tập thể của

Digitized by Google

nhân dân lao động, như thế để **làm rõ mục đích và động lực của chuyên chính vô sản**: bởi vì mục đích của chuyên chính vô sản là xóa bỏ giai cấp tư sản, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, và việc nhân dân lao động làm chủ tập thể xã hội là sức mạnh, là lực đẩy của chuyên chính vô sản. Cũng cần phân biệt là không phải ta xác lập quyền làm chủ tập thể của toàn dân chung chung, mà là của **nhân dân lao động**, của những người trước đây bị áp bức, bóc lột, của những người lao động mà công nông là nòng cốt. Hơn nữa, đây là làm chủ **tập thể** dựa trên một quan hệ sản xuất mới, trên một nền sản xuất có tổ chức, trên một cơ cấu chính trị, một cơ cấu kinh tế, một hệ thống văn hóa nhất định; như thế là làm chủ tập thể bằng một cộng đồng xã hội có tổ chức, chứ không phải là từng người làm chủ rồi cộng lại, và đó mới là làm chủ thật sự. Ta nói phải làm ba cuộc cách mạng đồng thời thì mới có chủ nghĩa xã hội. Phải làm cách mạng về quan hệ sản xuất mới xác lập được cái nền của làm chủ tập thể, và phải không ngừng củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất, củng cố và hoàn thiện chế độ sở hữu, chế độ quản lý và chế độ phân phối. Nhưng từ sản xuất nhỏ đi lên, cho nên phải coi cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt; có như vậy thì mới có sản xuất lớn, có đại công nghiệp. Và phải cải tạo con người, xây dựng con người mới, nền văn hóa mới; bởi vì sự tự giác, chủ động của con người là một điều kiện cực kỳ quan trọng để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

TRONG thực tiễn cách mạng và đời sống, làm chủ tập thể là vấn đề lớn lắm. Ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh chưa có công nghiệp hiện đại, chưa có sản xuất lớn, vì vậy mà khó khăn, phức tạp hơn các nước xã hội chủ nghĩa anh em rất nhiều. Liên-xô và các nước Đông Âu khi bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa đều đã có một nền công nghiệp tương đối phát triển. Trung-quốc cũng có đại công nghiệp, có sắt thép từ trước, sau giải phóng là có thể sản xuất được máy kéo, ô-tô v.v... Triều-tiên cũng có công nghiệp lớn hơn ta nhiều. Ta hoàn toàn không có đại công nghiệp gì đáng kể. Có thể coi ta mới ở trình độ công trường thủ công mà đi lên chủ nghĩa xã hội; như Thanh-hóa, sau hai mươi năm đi vào chủ nghĩa xã hội, chỉ mới có 13% cơ giới hóa. Vậy ta đi từ đâu? **Cái vốn quan trọng nhất của ta là đất đai, rừng, biển, tài nguyên thiên nhiên chưa khai thác và một lực lượng lao động khá dồi dào chưa phân công lại và chưa sử dụng hết.** Ta phải nắm lấy cái vốn đó mà xây dựng, mà đi lên; bước đầu tiên là phải khai thác những tiềm lực đó để tạo ra cơ sở vật chất — kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội cả trong nông nghiệp và công nghiệp, từ quy mô

Digitized by Google

nhỏ tiến dần lên quy mô lớn. Và dựa vào đâu để khai thác những tiềm năng ấy? Một trong những chỗ dựa cơ bản nhất, quan trọng nhất của ta là **quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động** đã được xác lập sau khi chính quyền nhân dân chuyển sang làm chức năng lịch sử của chuyên chính vô sản. Đây là một động lực rất lớn. Tôi vừa thăm mấy gia đình ở xã Nông-trường, huyện Triệu-sơn. Gia đình nào cũng có một, hai con đi bộ đội đánh giặc trong nam; có gia đình chỉ còn hai ông bà già. Cả tỉnh Thanh-hóa đã đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Mỹ 20 vạn bộ đội. 20 vạn chiến sĩ đó đã lập được những thành tích chiến đấu anh hùng, đã nêu biết bao tấm gương hy sinh dũng cảm. Họ làm được như vậy là do có tinh thần yêu nước, đồng thời ở nhà đã có hợp tác xã lo toan cho gia đình họ. Làm chủ tập thể có một sức mạnh rất lớn giúp cho kháng chiến chống Mỹ thành công. Và đến nay, như các đồng chí vừa báo cáo, thì tuyệt đại bộ phận nông dân Thanh-hóa đều gắn bó với hợp tác xã, đều tha thiết muốn tìm cách xây dựng hợp tác xã vững mạnh. Như vậy, ta phải biết phát huy tinh thần làm chủ tập thể và quyền làm chủ tập thể ấy như thế nào để sử dụng, khai thác những tiềm năng mà ta có trong tỉnh. Đó là một vấn đề mấu chốt và rất cấp thiết.

Làm chủ tập thể thể hiện trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong đường lối kinh tế. Nó vừa là mục đích của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vừa là phương tiện để làm cách mạng. Phải đứng trên quan điểm làm chủ tập thể mà làm kinh tế, mà bố trí cơ cấu kinh tế, kế hoạch kinh tế, mà điều hành việc xây dựng và quản lý kinh tế. Làm chủ tập thể là làm chủ về chính trị, về kinh tế, về văn hóa, về xã hội. Nó phải kết hợp hài hòa giữa làm chủ trong cả nước với làm chủ ở mỗi địa phương, mỗi cơ sở. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa có cơ sở là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; cho nên phải bố trí một cơ cấu kinh tế thích hợp để bảo đảm cho quyền làm chủ tập thể được thực hiện một cách đúng đắn, vững chắc.

Đi từ sản xuất nhỏ mà tiến lên chủ nghĩa xã hội, ta phải coi trọng cả kinh tế trung ương lẫn kinh tế địa phương. Kinh tế trung ương có ưu thế là có thể tập trung sức người, sức của để xây dựng những cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên quy mô lớn. Nhưng trong hoàn cảnh của ta thì kinh tế địa phương cũng có vị trí rất quan trọng, và có thể coi đó là một điểm đặc thù của một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì sao vậy? Trên kia, tôi đã nói tiềm lực của ta là ở đất đai, rừng, biển, tài nguyên thiên nhiên và lực lượng lao động dồi dào. Trong khi công nghiệp chưa có bao nhiêu thì kinh tế trung ương không làm sao thu hút, sử dụng được hết lực lượng lao động hiện có để phát triển kinh

Digitized by Google

tế lên nhanh được. Song các địa phương, nhất là huyện, nếu có hướng đi đúng, cách làm đúng, biết kết hợp sức của Nhà nước và sức của nhân dân, thì có thể khai thác đất đai, rừng, biển trong địa phương mình, xây dựng được cơ sở vật chất — kỹ thuật, mở rộng sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân. Đã có những huyện làm theo hướng ấy. Như huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-Tĩnh đã bước đầu phát huy quyền làm chủ tập thể để điều hành lực lượng lao động trong phạm vi huyện; phân công lại lao động trong phạm vi huyện theo hướng phát triển nông nghiệp kết hợp với công nghiệp, và đã làm được nhiều việc như làm thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng, khai hoang, mở rộng diện tích ở vùng đồi núi và vùng ven biển, đưa một số kỹ thuật canh tác mới vào đồng ruộng, xây dựng được nhiều công trình phúc lợi chung về văn hóa, y tế, v.v... Ở Thanh-hóa, thắng lợi của huyện Triệu-sơn trong việc hoàn chỉnh thủy nông cũng nói lên vai trò làm chủ tập thể của quần chúng và chỉ rõ khả năng tổ chức lao động trong phạm vi huyện để làm được nhiều việc khác. Quân đội làm chủ lực trong một số công trường xây dựng cũng có những thành công về mặt tổ chức lao động như thế.

Để xác lập quyền làm chủ tập thể về kinh tế, phải công hữu hóa tư liệu sản xuất; nhưng còn phải biết **làm chủ lực lượng lao động.** Với công cụ thủ công cộng thêm công cụ nửa cơ giới và cơ giới đến mức nào, nếu biết tổ chức lao động tốt thì có thể làm được những công trình thủy lợi lớn, những công trình xây dựng quy mô lớn. Cơ giới hóa là một mục tiêu phấn đấu của ta. Nhưng không nên ỷ lại vào máy móc. Càng không nên chờ có máy rồi mới thực hiện và củng cố quyền làm chủ tập thể. Đảng ta đã nêu ra vấn đề hợp tác hóa gắn với thủy lợi hóa, chứ không phải chờ có cơ giới rồi mới hợp tác hóa. Có hợp tác xã, có thủy lợi, năng suất cây trồng sẽ tăng lên, sản xuất nông nghiệp đi vào thế ổn định thì làm chủ tập thể thêm vững chắc. Song, cũng phải thấy rằng không thể dừng lại với quy mô nhỏ và trình độ hiệp tác giản đơn của hợp tác xã hiện nay mà phải nhanh chóng tổ chức lại sản xuất trên quy mô lớn hơn, trên địa bàn huyện, với một cơ cấu kinh tế hợp lý thì mới đưa trình độ làm chủ tập thể lên một mức cao hơn.

VẤN đề **xây dựng huyện và cấp huyện** là vấn đề mới đã được ghi vào nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng. Huyện là địa bàn tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, là địa bàn tổ chức và phân công lại lao động để khai thác khả năng tiềm tàng ở địa phương, là đơn vị kết hợp nông nghiệp với công nghiệp. Huyện có vai trò quan trọng trong việc tổ chức đời sống ở nông thôn và xây dựng nông thôn mới, tổ chức sản xuất

Digitized by Google

và phân phối, kinh tế và văn hóa, kinh tế và quốc phòng, giải quyết việc ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh, đi lại, vui chơi, giải trí của khoảng từ 10 đến 20 vạn dân. Có nhiên, giải quyết vấn đề ăn, mặc, ở, học hành v.v... là công việc của cả nước, và phải có sự tham gia của tất cả các ngành kinh tế, văn hóa từ trung ương xuống thì mới giải quyết được. Ngành và địa phương có quan hệ với nhau và có trách nhiệm chung về vấn đề sản xuất, đời sống của nhân dân. Nhưng giữa ngành và địa phương có khác nhau. Kinh tế càng phát triển nhất là công nghiệp càng lớn lên, thì ngành càng được chuyên môn hóa theo yêu cầu của kinh tế kỹ thuật và để đi sâu vào việc quản lý kinh tế kỹ thuật. (Hiện nay, ở các nước xã hội chủ nghĩa phát triển, để phục vụ cho nông nghiệp, có đến hơn một trăm ngành công nghiệp, trong đó khoảng năm mươi ngành sản xuất công cụ lao động cho nông nghiệp; khoảng năm mươi ngành chuyên chế biến sản phẩm nông nghiệp. Rõ ràng công nghiệp ngày càng phải chuyên môn hóa, có thế thì mới đi sâu vào kinh tế kỹ thuật được; và càng chuyên môn hóa thì các ngành càng phải hiệp tác chặt chẽ với nhau). Còn địa phương, tức là tỉnh, huyện và các cấp tương đương, là nơi gắn liền sản xuất với phân phối, là nơi tổ chức đời sống của nhân dân đến từng gia đình một, vì chế độ ta lo thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân chứ không phải là sản xuất hàng hóa ra để bán như trong xã hội tư bản. Từng người dân ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh ra sao, ta phải lo. Cả nước lo, Trung ương lo, nhưng phải lấy tỉnh, huyện, nhất là huyện, **làm đơn vị để tổ chức đời sống của nhân dân**. Phục vụ sản xuất thì tất cả các ngành phải làm, còn gắn sản xuất với phân phối, tổ chức đời sống cho nhân dân thì lấy địa phương, lấy huyện mà làm. Nói như vậy không có nghĩa là nói ngành không cần quan tâm đến đời sống của công nhân, viên chức trong ngành mình, và cũng không có nghĩa là địa phương không cần chăm lo vấn đề sản xuất. Ngành phải có trách nhiệm cùng với địa phương giải quyết những vấn đề thuộc về phúc lợi, về tổ chức đời sống cho công nhân, viên chức ngành mình trong từng địa phương. Ngược lại, địa phương phải sử dụng các ngành, phối hợp các ngành để thúc đẩy sản xuất và tổ chức tốt việc phân phối đặng cải thiện từng bước đời sống cho tất cả mọi công dân trong địa phương mình. Mối quan hệ giữa ngành và địa phương phải được giải quyết toàn diện thông qua việc cải tiến tổ chức quản lý kinh tế và có chế độ, chính sách bảo đảm. Thí dụ như trong việc quan hệ với hợp tác xã, với nông dân để mua nông sản, cần phải chấn chỉnh tình trạng một mặt hàng nhưng nhiều cơ quan thu mua, ngoại thương mua riêng, nội thương mua riêng, mỗi

Digitized by Google

ngành mua theo một giá, làm khó khăn cho việc quản lý thị trường.

Việc xây dựng cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp cũng là một nội dung mới rất quan trọng trong đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cả nước ta, về đại thể, sẽ có ba thành phố và các khu công nghiệp lớn, 35 tỉnh công — nông nghiệp với khoảng 500 huyện sẽ được xây dựng thành những đơn vị kinh tế nông—công nghiệp. Chúng ta chủ trương làm cho công nghiệp và nông nghiệp gắn liền với nhau ngay từ đầu và trong cả quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, không để cho hai ngành đó càng phát triển càng tách xa nhau như hai cánh kéo, khiến cho nông thôn và thành thị cách biệt nhau và đối lập với nhau như dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Liên-xô và một số nước Đông Âu hiện đang thực hiện những hình thức mới về tổ chức và quản lý kinh tế nông thôn, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp trong những xí nghiệp liên hiệp hoặc những tổ hợp nông công nghiệp. Hướng của ta là kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu, coi huyện là một đơn vị kinh tế cơ bản để làm việc đó. Bằng cách này ta có thể đi nhanh trong việc cải tạo và xây dựng nông thôn mới.

Từ nay đến năm 1980 và trong các kế hoạch tiếp theo vấn đề xây dựng huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện phải làm mạnh với những biện pháp tích cực. Cần kiện toàn cấp huyện về cán bộ, về cơ sở vật chất, về tổ chức bộ máy quản lý kinh tế ; và để làm được việc đó, Trung ương chủ trương chọn một số lớn cán bộ quân đội, mở lớp đào tạo đặc biệt rồi bổ sung và tăng cường cho huyện. Trong việc phát triển kinh tế, trước hết, tỉnh, huyện phải nắm thật sát thật chắc đất đai bao gồm cả rừng, biển và tài nguyên thiên nhiên ; và lực lượng lao động bao gồm tất cả các ngành nghề trong địa phương mình, ai có tay nghề chuyên môn thì đều phải biết rõ. Làm chủ tập thể trước hết là làm chủ đất đai, tư liệu sản xuất và lực lượng lao động. Làm ăn kinh tế trước hết phải nắm hai nguồn đó, phải đặt vấn đề khai thác đất đai và phân bố lại lao động như thế nào để mở mang kinh tế. Khi vào khu V, tôi có nêu ý kiến là mỗi tỉnh phải phân bố khoảng một nửa hay bốn mươi đến năm mươi phần trăm lực lượng lao động ở đồng bằng, khoảng ba mươi phần trăm lên rừng núi, khoảng hai mươi phần trăm ra biển và vùng ven biển. Trong tổng số lao động xã hội, ít nhất cũng phải một nửa làm công nghiệp, một nửa làm nông nghiệp, và tiến lên hạ dần tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống bằng cách nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, thí dụ như một người phải làm được bốn, năm héc-ta gieo trồng. Những con số nói trên là ước lượng, nhưng hướng chiến lược phải như vậy. Tôi nghĩ rằng các tỉnh khu IV cũ, các tỉnh có đồng

Digitized by Google

bằng, có biển, có rừng đều phải theo hướng đó. Khai thác thật tốt đồng bằng, là rất quan trọng; nhưng còn phải làm chủ lấy rừng, lấy biển của mình, phải lên rừng, ra biển mà sống. Đất nước ta hẹp, đồng bằng ít thế này không lên rừng, ra biển thì làm sao giàu có được? Thanh-hóa có 80 vạn héc-ta rừng và đồi núi. Phải xem đó là một nguồn giàu có, một thuận lợi; phải có kế hoạch khai thác đúng và khai thác tốt. Và ta có biển với hải phận rộng mênh mông; ta phải ra biển đánh bắt cá, tôm, làm muối, nuôi và chế biến hải sản; phải khai thác vùng ven biển sao cho kinh tế nhất và sau này tiến lên khai thác cả đáy biển nữa. Nghề biển ở Thanh-hóa phải phát triển mạnh. Cả tỉnh phải có năm vạn, mười vạn người làm nghề biển; phải hợp tác với cơ khí trung ương để đóng tàu, thuyền đánh cá; phải đi xa vào vùng biển phía nam để đánh cá thì mới tăng nhanh được năng suất và sản lượng. Nguồn lợi có đó mà không biết làm chủ, không biết khai thác là sai lắm đấy.

NƯỚC ta có năm mươi triệu người và chẳng bao lâu sẽ lên tới sáu mươi, bảy mươi triệu, nhất định phải có hàng chục triệu tấn sắt thép, than đá, dầu mỏ, hàng chục tỷ ki-lô-oát giờ điện, hàng chục triệu tấn xi-măng, v.v... Để làm được như thế, phải có hợp tác quốc tế, phải thông qua con đường ngoại thương để có thiết bị toàn bộ, để nhập máy móc, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật mà trong nước ta chưa sản xuất được. Vì vậy, đẩy mạnh xuất khẩu trở thành một vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong sự nghiệp xây dựng kinh tế. Ta có ưu thế là có lực lượng lao động khá dồi dào và là một nước nhiệt đới. Trong giai đoạn đầu, khi kinh tế trong nước chưa phát triển, lực lượng lao động của ta còn thừa, ta phải biết sử dụng để **sản xuất hàng xuất khẩu**. Đó là một cách tích lũy để công nghiệp hóa đất nước, đồng thời nâng cao năng suất lao động xã hội, tạo thêm việc làm cho người lao động ở thành thị và nông thôn, và tăng thu nhập cho họ. Tất cả các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp đều phải tích cực tham gia vào việc đẩy mạnh xuất khẩu. Hướng phấn đấu của chúng ta là mỗi người lao động nông nghiệp và thủ công nghiệp phải làm 300 ngày công mỗi năm, trong đó dành 100 ngày công phục vụ xuất khẩu. Cái gì làm được để xuất khẩu thì phải cố gắng làm. Ngành nghề gì làm được hàng xuất khẩu thì phải phát triển: làm hàng chiếu cói, mây tre, hàng thủ công mỹ nghệ, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây làm thuốc, nuôi tôm, cá, hải sản, gia cầm, gia súc, v.v... Phải coi trọng làm hàng gia công cho nước ngoài, nhập nguyên liệu, dùng lao động trong nước để chế biến rồi xuất trở lại như may mặc, thêu ren. Nhiều ngành nghề, nhiều công việc có thể làm để

Digitized by Google

phục vụ cho xuất khẩu. Thí dụ như một tỉnh có đất trồng màu ở trung du có thể quy vùng trồng tập trung một vài vạn héc-ta sắn, chế biến thành bột để xuất khẩu. Hoặc trồng dâu nuôi tằm xuất tơ để đổi bông, ở Thanh-hóa có thể làm được; nên vận động các gia đình và hợp tác xã trồng dâu nuôi tằm, còn ươm tơ thì tỉnh hay huyện phụ trách. Tóm lại, trong lúc nước nhà còn nghèo, ta phải tìm mọi cách xuất khẩu; phải tiết kiệm tiêu dùng một số mặt hàng hoặc dành hàng tốt để xuất. Trong vòng 10 — 15 năm tới, ta phải làm như thế, và trước mắt, phải phấn đấu rất cao về xuất khẩu để mở ra một thế mới về ngoại thương. Khả năng có nhiều. Vấn đề quan trọng là các cấp tỉnh, huyện phải coi xuất khẩu là một con đường để đi lên của kinh tế nước ta, đặc biệt là của kinh tế địa phương và dám động viên, tổ chức quần chúng làm.

TA coi công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa không chỉ là phát triển đại công nghiệp, mà còn là hiện đại hóa nông nghiệp. Trong các kế hoạch kinh tế, công nghiệp được chú trọng phát triển và chiếm một tỷ trọng đầu tư lớn. Nhưng trong giai đoạn đầu, khi công nghiệp nhất là công nghiệp nặng chưa phát triển, ta phải đầu tư đúng mức cho nông nghiệp, nhằm đưa nông nghiệp phát triển lên một bước thật mạnh mẽ. Đó là mục tiêu hàng đầu của chúng ta trong thời gian trước mắt, trước hết là trong kế hoạch năm năm thứ hai. Phải làm như thế để giải quyết một cách vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm là vấn đề bức thiết nhất đối với nhân dân ta sau chiến tranh. Đồng thời đó còn là nhằm khai thác khả năng tiềm tàng sẵn có của ta là đất đai và lực lượng lao động để từ đó mà đi lên. Và làm như thế cũng là để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đầu tư cho nông nghiệp là đầu tư vào tất cả các khâu: nước, phân bón, giống, công cụ, nhưng hướng đầu tư chủ yếu hiện nay là thủy lợi và cơ giới hóa để tăng vụ và khai hoang. Nước là biện pháp hàng đầu, cho nên phải cố gắng làm hết khả năng. Còn cơ giới hóa thì nhằm vào một số khâu và một số vùng trọng điểm; trước hết là khâu tưới, tiêu nước, khâu làm đất, và đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu-long là hai vựa thóc lớn của cả nước. Ở đồng bằng sông Hồng, đưa cơ giới vào để tranh thủ thời vụ làm thêm vụ đông trên diện tích rộng, tạo ra cái thế mới trên mặt trận sản xuất lương thực, thực phẩm ở các tỉnh phía bắc. Ở đồng bằng sông Cửu-long, để tăng vụ lúa và khai phá thêm đất mới, do đó, tăng thêm một diện tích gieo trồng đáng kể, đưa sản lượng lương thực và sản lượng nông nghiệp lên nhanh. Hướng đó là

Digitized by Google

đúng, ta đang phấn đấu làm cho được bằng cách đẩy mạnh phong trào thủy lợi, cố gắng sản xuất và nhập thêm máy kéo.

Ở huyện, sản xuất nông nghiệp, nghề rừng, nghề biển, đều phải làm có quy hoạch ; trồng gì, nuôi gì, phải làm trên quy mô lớn, gắn liền sản xuất của quốc doanh, của hợp tác xã và gia đình. Đi liền với nông nghiệp phải có công nghiệp chế biến, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp vật liệu xây dựng, thủ công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu. Việc phát triển ngành, nghề, phân công lao động phải sát đến từng hợp tác xã, từng gia đình, ai làm ngành gì, nghề gì đều phải có sắp xếp, có tổ chức. Trong một huyện, sẽ có bao nhiêu người làm ruộng, làm rừng, làm biển, bao nhiêu người làm nông nghiệp, làm công nghiệp, thủ công nghiệp, làm giao thông vận tải, sản xuất vật liệu xây dựng và làm nghề xây dựng; trong nông nghiệp thì bao nhiêu người làm trồng trọt, bao nhiêu làm chăn nuôi, làm thủy lợi, làm phân bón, làm giống, v.v... Tất cả sự phân công lao động đó phải có tính toán theo phương hướng và quy hoạch sản xuất chung của huyện và sẽ hình thành trong quá trình tổ chức lại sản xuất trong huyện. Nói kinh tế trong tỉnh, trong huyện thì trước hết phải nói từ nông nghiệp mà đi lên, từ đất mà đi lên. Đất phải biết khai thác đồng thời biết cải tạo cho ngày càng tốt lên. Muốn cải tạo đất phải có thủy lợi, có phân bón, phải có chế độ trồng trọt, đặc biệt là chế độ luân canh. Ở Thanh-hóa đã có phong trào thủy lợi. Phải tiếp tục đẩy mạnh hoàn chỉnh thủy nông, làm tốt việc rút kinh nghiệm về tổ chức, quản lý lao động trên các công trường để đưa năng suất lên cao. Phải chú ý làm thủy lợi ở trung du và miền núi, đắp nhiều hồ chứa để giải quyết vấn đề nước tại chỗ, đồng thời để giữ nước, phòng lũ và bảo vệ các công trình thủy nông ở đồng bằng. Còn nghèo, còn thiếu, chúng ta còn phải làm thủy lợi mạnh hơn nữa, làm nhiều, làm lâu dài cho đến khi hoàn thành thủy lợi hóa nông nghiệp. Cả xã, cả huyện, cả tỉnh, hợp tác xã và nhân dân bỏ sức, bỏ công ra làm, không phải chỉ 8 giờ một ngày, mà có lúc, có nơi phải làm 10 giờ, 12 giờ, thi đua với thời tiết, tranh thủ thời gian làm nhanh, làm gọn từng công trình để sớm đưa vào phục vụ sản xuất.

Phải làm nhiều phân bón: phải đẩy chăn nuôi lên để thêm phân chuồng ; trồng điền thanh, làm bèo hoa dâu phải thành phong trào quần chúng, phong trào cách mạng. Muốn thâm canh, phải có chuyên canh, đồng thời phải biết luân canh. Luân canh phải thành chế độ, nhất là đối với đất trồng cây ngắn ngày. Ở các tỉnh phía bắc có một số vùng đã tổng kết phương hướng sản xuất thành công thức : lúa, lang, lạc, lợn. Đó cũng là một công thức luân canh

Digitized by Google

mà Thanh-hóa có thể áp dụng. Để có năng suất cao nhất, đạt hiệu quả kinh tế lớn nhất thì phải nắm sát đất đai trong huyện, phải có bản đồ thổ nhưỡng để quyết định chế độ thâm canh, luân canh đối với từng loại đất khác nhau. Với phong trào thủy lợi hiện nay, Thanh-hóa đã có một cái thế mới để vươn lên. Không có lý do gì Thanh-hóa lại thua các nơi khác về năng suất cây trồng và năng suất lao động. Ở xã Nông-trường, huyện Triệu-sơn, nhờ thủy lợi và chủ động được nước đã đạt bảy tấn, tám tấn một héc-ta. Các xã khác, huyện khác sao lại không vượt được cái cửa năm tấn? Ngô cũng vậy, đã có chỗ làm được bốn tấn, năm tấn một héc-ta; có thủy lợi, Thanh-hóa cũng phải tiến dần lên đạt đến năng suất đó. Muốn đạt năng suất cao, phải đưa khoa học, kỹ thuật vào hợp tác xã. Huyện và hợp tác xã phải có đội ngũ cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, am hiểu việc trồng trọt, chăn nuôi, am hiểu nước, phân, giống, am hiểu từng cây trồng, từng con gia súc. Cán bộ lãnh đạo cấp huyện, cán bộ quản lý nông nghiệp đều phải biết kỹ thuật nông nghiệp mới làm được việc. Huyện cũng phải có những trạm, trại giống cây trồng, giống gia súc. Lại còn phải biết bảo vệ môi trường, chống nạn phá rừng, chống ô nhiễm nước và không khí trong khi dùng thuốc trừ sâu và các hóa dược khác. Ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, chống ô nhiễm là một vấn đề gay go lắm. Ở nước ta, tuy mới bắt đầu phát triển công nghiệp, nhưng ta không thể coi thường được.

Nói nông nghiệp, phải nói **chăn nuôi.** Trên thế giới, chăn nuôi ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong sản lượng nông nghiệp; người ta giải quyết vấn đề ăn bằng cả hai con đường trồng trọt và chăn nuôi. Hơn nữa, người ta đã đưa khoa học, kỹ thuật và công nghiệp vào chăn nuôi. Ta cũng phải làm như vậy. Phải nghĩ đến bữa ăn của nhân dân, tìm cách thay đổi thành phần chất dinh dưỡng trong bữa ăn, làm sao bớt chất bột đường, tăng thêm đạm và mỡ. Thí dụ như bớt gạo, tăng ngô, khoai, nhưng cố gắng có thêm cá, trứng, thịt, hoa quả. Phải phát triển chăn nuôi trâu, bò lấy sữa. Chúng ta phải nghĩ đến, phải thiết tha với việc sản xuất sữa; nhiều nước trên thế giới coi sữa là món ăn hằng ngày và giá sữa rất rẻ, trong khi đó ta phải nhập sữa mà vẫn không đủ cho trẻ con, người bệnh. Tôi thiết tha mong rằng tỉnh và mỗi huyện phải có một cơ sở chăn nuôi trâu, bò sữa, phải nuôi gà theo lối công nghiệp, trước hết để có sữa, có trứng cho trẻ em, cho người già, và trong vòng 10 — 15 năm tới, phải tiến lên có sữa, có trứng cho những người lao động nữa. Bây giờ ta đã có giống bò, giống trâu, giống gà, sao không có thể làm được? và nếu bây giờ không bắt đầu thì bao giờ ta mới có? Tất cả những

Digitized by Google

việc đó không phải là xa xôi, viển vông đâu. Sản xuất để mà ăn, nghiên cứu vấn đề ăn, cải tiến bữa ăn để sản xuất cho tốt, cho đúng, sao lại là viển vông? Chăn nuôi, từ trâu, bò, lợn, gà vịt, đến cá, ong, v.v... đóng một vai trò vô cùng to lớn trong nông nghiệp, trong đời sống nhân dân, trong bữa ăn hằng ngày. Phải phát triển chăn nuôi mạnh hơn nữa; phải có chỉ tiêu, biện pháp, có kỹ thuật; phải chỉ đạo và giải quyết tốt từng khâu một, giống, thức ăn, thú y, chuồng trại, v.v... thì mới đưa chăn nuôi lên thành ngành chính được.

Về cây trồng, phải chú ý **cây công nghiệp**. Sản phẩm cây công nghiệp cần cho trong nước, đồng thời là những hàng xuất khẩu có giá trị rất cao. Ở Thanh-hóa, ngoài dừa, dứa, mía, cần và có thể trồng cây gì nữa? Các đồi núi trọc hoặc rừng tái sinh nên trồng cây công nghiệp. Vườn ở trong này khá rộng, nên trồng gì? Nếu nhà nào cũng trồng một vài loại cây công nghiệp thì sản lượng không ít. Thí dụ: mỗi nhà đều trồng cây có dầu như sở chẳng hạn, hoặc trồng dâu nuôi tằm như tôi đã nói ở trên. Hoặc như cây bương, một thứ cây rất cần để làm vật liệu xây dựng và có thể xuất khẩu, cho nên phải tính trồng hàng vạn héc-ta.

NÓI kinh tế phải nói đến năng suất lao động. Đó là thước đo trình độ sản xuất, trình độ quản lý kinh tế. Năng suất lao động là chỉ tiêu tổng hợp. Cuối cùng phải tính một người lao động làm ra bao nhiêu lương thực, bao nhiêu sản phẩm chăn nuôi, tính thành tiền là bao nhiêu; giá thành một tạ thóc là bao nhiêu công, bao nhiêu tiền, v.v... Làm ăn kinh tế thì phải hạch toán để biết năng suất lao động; biết để tổ chức và quản lý lao động, quản lý kinh tế cho tốt hơn, chứ không phải để tính đắt rẻ một chiều rồi không dám làm. Tôi nghe báo cáo có nơi làm một héc-ta lúa từ 500 đến 600 công, sản xuất ra một tạ thóc mất 17 công, 18 công. Như vậy thì năng suất lao động thấp quá, năng suất lúa cũng thấp quá. Không thể chấp nhận mãi một tình hình như vậy được. Phải phấn đấu nâng cao năng suất lao động, năng suất cây trồng và chăn nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế của một héc-ta đất trong cả năm. Ta không sợ thừa lao động. Thừa trong trồng trọt thì đầu tư vào chăn nuôi, vào mở mang ngành nghề mới, đầu tư vào xây dựng cơ bản để tạo thêm cơ sở vật chất — kỹ thuật; vào việc làm hàng xuất khẩu, v.v...

Đi đôi với xây dựng kinh tế, phải quan tâm **phát triển văn hóa**. Muốn tiến nhanh về mặt kinh tế, về mặt khoa học, kỹ thuật thì phải nhanh chóng nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Phải phấn đấu trong một số năm nữa, bảo đảm cho tất cả mọi người trong độ tuổi lao động đạt được bậc phổ thông cơ sở, riêng thanh

Digitized by Google

niên phải sớm đạt trình độ phổ thông trung học.

Về mặt văn hóa, ta phải đi nhanh hơn nữa. Thanh niên ta sau khi học xong bậc trung học, phải học thông một nghề chuyên môn hoặc về công nghiệp hoặc về nông nghiệp. Cán bộ tỉnh, huyện cũng phải học hết chương trình lớp 10 và sau đó, phải học về kinh tế, kỹ thuật, chủ yếu là học về kinh tế, kỹ thuật nông nghiệp. Như vậy ở tỉnh, huyện phải có trường, lớp bổ túc văn hóa và trường lớp bồi dưỡng về kinh tế, kỹ thuật cho cán bộ. Phải xây dựng nếp sống văn hóa cho từng thôn xóm, từng gia đình, tạo nên một không khí hoạt động văn hóa vui tươi, lành mạnh, một nếp sống vệ sinh, văn minh và đẹp đẽ từ việc ăn, ở trong từng gia đình đến cuộc sống công cộng ngoài xã hội. Phải chú trọng phát triển phong trào vệ sinh phòng bệnh, phong trào thể dục thể thao để thu hút đông đảo thanh niên vào việc rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe.

Tôi nói những điều trên đây không phải là nói chính trị chung chung. Đó là những vấn đề thiết thực đối với sản xuất và đối với đời sống của nhân dân. Đó cũng là mục đích và bản chất của chế độ ta. Trong xã hội ta, nhân dân lao động là người làm chủ. Mỗi người có trách nhiệm đối với toàn xã hội ; xã hội có trách nhiệm đối với từng người, từng gia đình. Cả đến trẻ em từ lúc lọt lòng cũng được xã hội chăm sóc, chữa bệnh, nuôi dạy, chứ không chỉ có bố mẹ chúng lo toan cho chúng mà thôi. Sau này lớn lên, các em có trách nhiệm làm tròn nghĩa vụ xây dựng xã hội. Bởi thế, trong khi thi hành nhất quán chế độ phân phối theo lao động, chúng ta đồng thời chú trọng tăng dần phúc lợi xã hội, phúc lợi tập thể, từng bước mở rộng việc xã hội đảm nhận nuôi dạy trẻ em để cho trẻ em dần dần được hưởng sự chăm sóc của xã hội một cách bình đẳng. Chế độ ta cũng phải chăm lo đầy đủ đến đời sống của phụ nữ, lo cho phụ nữ trước rồi mới đến đàn ông ; vì phụ nữ ta vất vả lắm, vừa sinh con, nuôi con, vừa sản xuất và đảm đang việc gia đình, sức khỏe yếu mà đời sống và phương tiện sinh hoạt còn nhiều thiếu thốn. Chăm lo đến đời sống, đến hạnh phúc của nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu của các đảng bộ, tỉnh, huyện, của chi bộ, đảng bộ cơ sở và của các ngành trong tỉnh, trong huyện. Đó là mối quan tâm số một của tất cả cán bộ, đảng viên. Các đồng chí trong tỉnh ủy, huyện ủy phải nhận thức một cách sâu sắc rằng toàn bộ công tác của mình gắn bó với việc ăn ở, đói no của nhân dân.

Các cấp bộ đảng và chính quyền phải phân công cán bộ chuyên lo về đời sống của quần chúng ; chi bộ và đảng bộ cơ sở phải có những chi ủy viên, đảng ủy viên trực tiếp phụ trách vấn đề đó. Phải chủ động và kịp thời giúp đỡ những nơi và những

Digitized by Google

người gặp khó khăn, không để xảy ra những trường hợp thiếu thốn, ốm đau mà không ai lo, ai biết. Cán bộ, đảng viên phải có tinh thần phụ trách đầy đủ. Mặt khác, nhân dân cũng phải hiểu rằng trong tình hình hiện nay, sản xuất nông nghiệp của ta còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết; thời tiết không thuận thì không tránh khỏi những khó khăn căng thẳng trong đời sống. Nhân dân phải hiểu như vậy để cùng với Đảng và Nhà nước ra sức khắc phục khó khăn, giải quyết tốt mọi vấn đề về sản xuất và đời sống đang đặt ra trước chúng ta.

TRONG đại hội đảng bộ tỉnh vòng hai sắp tới, ngoài việc làm thấu suốt đường lối của Đại hội lần thứ IV của Đảng, các đồng chí phải bàn phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và biện pháp phát triển kinh tế, văn hóa trong tỉnh, nhất là mục tiêu, biện pháp **đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp**; phải bàn việc tổ chức lại **sản xuất trên địa bàn huyện, xây dựng huyện theo hướng trở thành một đơn vị kinh tế nông — công nghiệp** và tổ chức, kiện toàn cấp huyện thành một cấp kế hoạch, một cấp quản lý kinh tế nông nghiệp và công nghiệp, quản lý sản xuất, phân phối, và tổ chức đời sống của nhân dân ta ở nông thôn. Cần phải bàn việc **phát động, tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng.** Chủ nghĩa xã hội là sản phẩm của khoa học và cách mạng. Chủ nghĩa xã hội mà ta xây dựng là chủ nghĩa xã hội khoa học chứ không phải là không tưởng. Nhưng có phong trào cách mạng của quần chúng thì nó mới thực hiện được. Muốn phát triển sản xuất cũng phải có phong trào cách mạng. Sản xuất và tiêu dùng là một thói quen, thí dụ như nơi này nuôi lợn rất giỏi nhưng nơi khác lại không biết nuôi; có nơi trong vườn chỗ nào cũng trồng chuối, đu đủ, nhưng có nơi có đất mà không biết trồng. Đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một sự đảo lộn về nếp nghĩ, về cách làm ăn, về thói quen trong sản xuất và đời sống, là phá bỏ cái cũ, xây dựng cái mới. Không có phong trào cách mạng thì không làm nổi. Phong trào thủy lợi ở Thanh-hóa là một phong trào cách mạng, nó làm thay đổi bộ mặt nông thôn và cả nếp nghĩ cũ của nhân dân. Đó là một bài học lớn. Cần tiếp tục duy trì, phát triển phong trào thủy lợi, đồng thời phải từ kinh nghiệm làm thủy lợi mà phát động, tổ chức nuôi dưỡng phong trào cách mạng của quần chúng về các công tác khác, các khâu khác trong sản xuất, nhất là về các biện pháp kỹ thuật mới trong trồng trọt, chăn nuôi.

Phải **gắn liền phong trào cách mạng với xây dựng con người mới** và mọi phong trào cách mạng phải đạt được yêu cầu xây dựng con người mới. Phải có phong trào cách mạng liên tục,

Digitized by Google

hết phong trào này đến phong trào khác, thì cái tốt, cái đúng mới được khẳng định, được bồi dưỡng, được phát huy ; cái xấu, cái sai sẽ bị phủ định, bị xóa bỏ, bị lên án ; cứ thế cái mới sẽ đọng lại, con người mới sẽ nảy nở dần từng bước. Qua phong trào, chúng ta xây dựng tinh thần làm chủ tập thể, phát huy cái hay của nhân dân ta là biết coi trọng cái chung, luôn luôn xem làng với nước, nước với nhà là một. Phải đề cao nghĩa vụ lao động, rèn luyện ý thức lao động tự giác, kỷ luật lao động và tác phong lao động mới ; đấu tranh chống bệnh lười biếng, làm cho những người không lao động, những kẻ chây lười cảm thấy áy náy, hổ thẹn, tội lỗi là đã sống bám và ăn cắp của xã hội. Qua phong trào, phải rèn luyện cho người lao động có tình cảm cách mạng, có đạo đức cách mạng, biết thương yêu, đoàn kết, đùm bọc, giúp đỡ nhau, không ghen ghét, ganh tị, thù oán, làm hại lẫn nhau.

Đại hội Đảng bộ tỉnh cần thảo luận kỹ vấn đề **tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiện toàn các cơ quan chính quyền và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.** Cơ chế của chế độ ta là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đảng lãnh đạo tức là giai cấp công nhân lãnh đạo, nhưng người làm chủ tập thể chế độ ta là toàn thể nhân dân lao động mà hiện nay nòng cốt là công nông. Đảng lãnh đạo nhưng không làm thay nhân dân và không làm mất quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Đảng lãnh đạo thông qua Nhà nước chứ không thay thế Nhà nước. Và chính quyền Nhà nước vừa thể hiện sự lãnh đạo của Đảng vừa thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Nhân dân làm chủ bằng Nhà nước, tức là thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, qua các cơ quan chính quyền do nhân dân bầu ra. Nhân dân còn làm chủ bằng các đoàn thể quần chúng và các tổ chức dân cử khác. Nhân dân làm chủ tập thể được là do có sự lãnh đạo của Đảng. Không có sự lãnh đạo của Đảng, không theo sự lãnh đạo của Đảng thì không thể có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nhưng ngược lại, làm mất quyền làm chủ của nhân dân cũng sai lầm. Hiện nay ở một số nơi, có tình trạng một số cán bộ, đảng viên chuyên quyền, độc đoán. Phải sửa chữa, phải chấm dứt tình hình đó. Cần phải làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên hiểu rằng Đảng không phải là một tổ chức đặc quyền ; rằng Đảng là bộ tham mưu, người dẫn đường, là người đầy tớ của dân chứ Đảng không có quyền gì hết. Công việc của Đảng là đề ra đường lối, chủ trương, thông qua chính quyền Nhà nước để biến đường lối, chủ trương thành nguyện vọng, ý chí của quần chúng và trực tiếp vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương bằng hành động cách mạng của họ. Công việc của

Digitized by Google

Đảng, sau khi có đường lối, chủ trương rồi, chủ yếu là giáo dục, thuyết phục, là tổ chức, kiểm tra, là lôi cuốn quần chúng bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Nếu thay thế giáo dục, thuyết phục bằng mệnh lệnh, quyền hành, thay thế việc tổ chức, kiểm tra bằng nói suông và khoán trắng, nếu cán bộ, đảng viên không đi trước và không gương mẫu trong công tác thì làm sao dân tin, dân yêu được? Trong Đảng, trong cấp ủy có chức vụ, có trách nhiệm, và chức vụ, trách nhiệm là để phục vụ nhân dân. Nếu lẫn lộn trách nhiệm với quyền hành, rồi cái gì cũng nắm hết, cũng vơ vào cho mình, không coi trọng nhân dân, không coi trọng tập thể thì dễ phạm phải sai lầm. Tất cả những sự hư hỏng đó thường là từ đầu óc tư lợi, cá nhân chủ nghĩa mà ra; và trong quá trình phát triển Đảng, có những người cơ hội chủ nghĩa chui vào Đảng và có nơi kéo họ hàng, bè cánh vào Đảng để lợi dụng. Muốn Đảng mạnh, chi bộ, đảng bộ cơ sở mạnh, phải đưa số xấu, số cơ hội chủ nghĩa ra khỏi Đảng; đồng thời phải luôn luôn giáo dục, nâng cao ý chí chiến đấu, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, nghiêm khắc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đầu óc bè phái.

Phải làm cho nhân dân hiểu quyền làm chủ của họ và tự giác đóng vai người làm chủ trong việc xây dựng kinh tế và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, trong việc xây dựng chính quyền và bảo vệ chính quyền, trong việc làm tròn nghĩa vụ và được bảo đảm quyền lợi. Nhiệm vụ của cấp ủy Đảng, ngoài việc đề ra chủ trương, là lo công việc chung, công việc tuyên truyền, giáo dục, tổ chức, kiểm tra, lãnh đạo các đoàn thể quần chúng. Còn tất cả những việc về tổ chức thực hiện và quản lý kinh tế, văn hóa, về sản xuất, phân phối, và tổ chức đời sống, v.v... đều thông qua cơ quan chính quyền mà làm. Phải làm cho nhân dân tin vào sự lãnh đạo của Đảng đồng thời hiểu chính quyền là của họ và quen với việc sử dụng chính quyền để thực hiện quyền làm chủ tập thể đối với xã hội. Việc nhân dân lao động giác ngộ sâu sắc vai trò và quyền làm chủ tập thể của mình, và việc củng cố, hoàn thiện cơ chế làm chủ tập thể là một trong những bảo đảm quan trọng cho sự vững mạnh của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đảng phải thật sự chăm lo xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và không ngừng nâng cao trình độ làm chủ của nhân dân. Các đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ cũng phải làm việc ấy. Đó là một việc phải làm lâu dài, gắn với việc phát động phong trào cách mạng xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, với việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

CHÚNG ta vừa làm xong nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, giải

Digitized by Google

phóng miền Nam. Nước ta trước kia đã trải qua một thời kỳ đau khổ do Trịnh Nguyễn phân tranh, rồi Gia-Long rước thực dân Pháp sang xâm lược. Pháp đã thi hành một chính sách thâm độc, chia nước ta làm ba kỳ để dễ bề cai trị. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ta thực hiện thống nhất chưa được một tháng, lại bị đế quốc xâm lược và chia cắt. Đến bây giờ mới độc lập, thống nhất thật sự, hoàn toàn và vững chắc. Hoàn thành giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước là thành quả vĩ đại của Đảng ta, nhân dân ta. Hiện nay, nước ta tuy còn nghèo, nhưng đã đứng vào hàng các nước có chế độ xã hội tiến bộ nhất, và có khả năng trở thành một nước giàu mạnh.

Chúng ta cần hiểu rõ ta đang ở vào một giai đoạn, một kỷ nguyên hoàn toàn mới trong lịch sử của đất nước. Cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, đang cải tạo và phát triển kinh tế có kế hoạch. Sau chiến tranh, ta đã làm được nhiều việc, song cũng còn nhiều khó khăn. Nhưng nước nhà thống nhất có tiềm lực lớn về nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và tài nguyên thiên nhiên khác. Tất nhiên, cần có thời gian, cần nỗ lực rất lớn mới biến tiềm năng thành lực lượng vật chất được, nhưng dù sao đã hết gánh nặng chiến tranh, ta có thể tập trung sức vào nhiệm vụ kinh tế. Rõ ràng nước ta có điều kiện tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội. Phải tranh thủ thời gian mà làm, không được do dự, trì trệ nữa. Phải làm việc với khí thế cách mạng tiến công, phải chống tư tưởng bảo thủ, ngại khó.

Thanh-hóa là quê hương của Bà Triệu, vị nữ tướng lừng danh đã nêu một tấm gương sáng ngời cho phụ nữ nước ta. Thanh-hóa còn có vị anh hùng dân tộc Lê-Lợi có công giải phóng đất nước, từ tay không mà vùng dậy, gian khổ mười năm, có lúc chỉ còn vài trăm quân mà vẫn bền gan chiến đấu cho đến khi toàn thắng. Đời Trần đánh giặc rất giỏi nhưng có nước có vua; còn Lê-Lợi đánh giặc thì chỉ có dân thôi. Đó là những truyền thống hết sức quý báu của Thanh-hóa. Vậy trong khi làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là làm cách mạng tư tưởng và văn hóa, Thanh-hóa phải biết kết tinh, bồi dưỡng và nâng cao những cái hay, cái đẹp của dân tộc ta và cả cái hay, cái đẹp ngay trong địa phương mình, đồng thời phải đấu tranh xóa bỏ những cái xấu, cái hư, cái lạc hậu, lỗi thời đang cản trở bước tiến của chúng ta.

Mục tiêu của chúng ta là xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Cả nước ta nhất định sẽ thực hiện được mục tiêu đó. Thanh-hóa cũng sẽ thực hiện được mục tiêu đó. Trước kia còn chiến tranh, ta chưa nói chắc được, nhưng bây giờ thì hoàn toàn có thể khẳng định như vậy.

Từ thắng lợi trong phong trào thủy lợi hiện nay, Thanh-hóa hãy ra sức khắc phục khó khăn, nhanh chóng vươn lên mạnh mẽ hơn nữa.

Digitized by Google

Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo và độc lập, tự chủ

TRẦN-ĐỘ

I

ĐỘC lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo gắn chặt với nhau. — Có lịch sử hơn một thế kỷ, phong trào cách mạng vô sản quốc tế là một kho tàng kinh nghiệm vô giá đối với mỗi nước. Nhưng cách mạng mỗi nước lại chỉ có thể hấp thu những kinh nghiệm phù hợp với tình hình thực tế của nước mình, và từ đó mỗi đảng lại sáng tạo thêm kinh nghiệm góp vào kho tàng kinh nghiệm chung của thế giới. Việc đó đòi hỏi phải có đảng mác xít — lê ni nít có tinh thần độc lập, tự chủ.

Tuy nhiên, nếu một đảng gắn liền với đất nước, dân tộc mình, thì mỗi nước, mỗi đảng nói riêng và tất cả các nước, các đảng nói chung đều không tách khỏi thời đại mà nội dung cơ bản là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên quy mô toàn thế giới. Các đảng cộng sản và công nhân đều có chung một hệ tư tưởng là chủ nghĩa Mác — Lê-nin, một mục tiêu là đấu tranh cho sự toàn thắng của chủ nghĩa cộng sản, và đều đang phấn đấu cho những mục tiêu lớn của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Vì lẽ đó, sự phối hợp đấu tranh giữa các đảng là tất yếu; sự học hỏi kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhau là cần thiết; sự đóng góp ý kiến với nhau là có cơ sở khách quan để thực hiện.

Đảng ta do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, từ lâu đã xác định: con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản. Đó chính là tinh thần độc lập, tự chủ vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phân tích tình hình thực tế nước ta, sáng tạo ra đường lối, phương pháp cách mạng Việt-nam. Với đường lối và phương pháp cách mạng đó, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh ngoan cường, tạo ra được sức mạnh to lớn, bao gồm sức mạnh đoàn kết của toàn dân, sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất, sức mạnh truyền thống và sức mạnh hiện tại, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của đồng chí, bầu bạn trên thế giới, làm thất bại mọi âm mưu nham hiểm, đánh bại mọi hành động chiến tranh tàn bạo và trên quy mô lớn của kẻ thù.

Vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, Đảng ta phải sáng tạo, nghĩa là phải tìm ra và giải

Digitized by Google

quyết những vấn đề riêng của mình mà chưa có sẵn ở đâu cả. Có sáng tạo thì cách mạng mới thành công; cách mạng thành công chứng tỏ đường lối và phương pháp cách mạng là đúng đắn. Như vậy, đúng đắn và sáng tạo gắn liền với nhau. Sáng tạo không phải ở câu chữ mà ở đường lối, phương pháp, sách lược, thời cơ, ở không gian, thời gian phát động và hoàn thành cuộc cách mạng. Vận dụng đúng đắn và sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin để giải quyết các vấn đề của riêng nước ta, điều đó chứng tỏ rằng Đảng ta có tinh thần độc lập, tự chủ rất cao. Chỉ có độc lập, tự chủ thì mới có sáng tạo, mà có sáng tạo thì mới có thể đúng đắn được.

II

Yêu cầu cách mạng và quyết tâm chiến lược. — Sau hiệp-nghị Giơ-ne-vơ, cách mạng Việt-nam phát triển theo con đường nào?

Cách mạng Việt-nam phải tiếp tục tiến lên, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc chưa hoàn thành. Dừng lại thì không những dung dưỡng họa chia cắt, mà còn duy trì họa ngoại xâm thường xuyên trên đất nước ta. Chính lẽ sống, niềm mơ ước, và cả sự sinh tồn của dân tộc Việt-nam đòi hỏi cách mạng phải tiếp tục tiến lên. Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng cộng sản Việt-nam nêu rõ: miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam trực tiếp đấu tranh chống Mỹ — ngụy, cả nước một lòng giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà, bảo vệ hòa bình ở Đông-dương, Đông Nam châu Á và thế giới.

Cách mạng Việt-nam tiếp tục tiến lên cũng là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta. Đồng thời đó cũng là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội và hòa bình trên thế giới. Vì thế, chấp nhận sự thách thức của đế quốc Mỹ, chẳng những là yêu cầu của bản thân cách mạng Việt-nam, mà cũng là vấn đề lương tâm thời đại, vấn đề danh dự, uy tín của cả phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội — cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. — Trong khi miền Nam của Tổ quốc còn bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thống trị, thì kiên quyết đấu tranh giành độc lập hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc là nhiệm vụ cao hơn tất cả, bao trùm tất cả. Dù phải hy sinh gian khổ đến mấy, nhân dân ta cũng phải hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Nước Việt-nam là một. Dân tộc Việt-nam là một dân tộc thống nhất. Không thể có độc lập dân tộc, khi một nửa nước còn nằm dưới sự thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Không thể có thống nhất nước nhà khi dân tộc chưa được độc lập. Độc lập, thống nhất là sự nghiệp thiêng liêng của mọi người Việt-nam yêu nước. Nhưng muốn có độc lập và thống nhất thật sự thì phải đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc trở thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước. Nhân dân cả nước phải chung lòng, tiếp tục tiến lên cho đến ngày toàn thắng.

Tiêu biểu cho quyết tâm đó là đường lối *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* của Đảng ta. Một đảng thống nhất lãnh đạo nhân dân cả nước cùng một lúc làm hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, nhưng nhằm một mục tiêu chung: hoàn thành cách mạng dân tộc — dân chủ nhân dân trong cả nước. Miền Bắc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, làm nhiệm vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, giữ vai trò quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước. Miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ

Digitized by Google

chiến lược được tiến hành đồng thời, lồng vào nhau, phối hợp với nhau. Đây là một nét độc đáo của cách mạng Việt-nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Tình hình như trên chưa xảy ra ở đâu cả. Tự Đảng ta phải xác định nhiệm vụ cho dân tộc ta và tự Đảng ta cũng phải xác định cho mình phương hướng lãnh đạo nhân dân để hoàn thành những nhiệm vụ đề ra.

Đề ra mục tiêu cho cách mạng cả nước đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, thể hiện sự nhạy cảm đối với yêu cầu độc lập dân tộc. Song, ngọn cờ xã hội chủ nghĩa cũng được giương lên cao hơn. Như thế là vừa tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, vừa đẩy sự nghiệp cách mạng tiến lên thuận với trào lưu thời đại. Trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta, hai mục tiêu lớn của thời đại: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội xoắn xuýt với nhau và được tiến hành đồng thời. Đó là sự tất yếu của cách mạng Việt-nam. Đó cũng là tư tưởng trung tâm chỉ đạo sự suy nghĩ, tình cảm, hành động của mỗi người Việt-nam yêu nước. Sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã tạo ra sức mạnh vật chất to lớn bảo đảm cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước giành được thắng lợi rực rỡ.

Quan điểm sáng tỏ về kẻ thù của cách mạng. — Ngay từ khi còn đang trứng nước, chính quyền cách mạng đã phải đương đầu với những âm mưu quỷ quyệt của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Cách mạng Việt-nam càng tiến lên, càng phải đương đầu trực diện với đế quốc Mỹ. Từ đầu những năm 50, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã nhận định đế quốc Mỹ là kẻ thù chung của nhân dân thế giới, đồng thời cũng là kẻ thù của nhân dân ta. Sau Hiệp nghị Giơ-ne-vơ (1954). Đảng ta và Hồ Chủ tịch lại nhận định thêm: đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù chính của nhân dân Việt-nam, của cách mạng Việt-nam. Nhận định đó rất sáng suốt, kịp thời.

Nhận định đó của Đảng ta đã vạch trần những âm mưu xâm lược thâm độc, những thủ đoạn đàn áp tàn bạo của đế quốc Mỹ chống độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình; bóc trần lớp sơn hào nhoáng của Mỹ tự tô vẽ nó như là một kẻ «hào hiệp», có sứ mệnh đứng ra bảo vệ «thế giới tự do», «bảo vệ dân chủ», «duy trì hòa bình» v v..

Tổ chức lực lượng đương đầu với kẻ thù. — Đảng ta nhận định: tuy đế quốc Mỹ đông quân, lắm của nhiều vũ khí tối tân, có lòng tham không đáy nhưng vì nó là tên sen đầm quốc tế, là kẻ thù chung của nhân loại, cho nên sức mạnh của nó có hạn; còn nhân dân ta được sự chỉ đạo của một đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối đối ngoại đúng đắn, thì hoàn toàn có thể đánh thắng được đế quốc Mỹ. Nhận định khoa học đó là cơ sở cho hoạt động rộng lớn của Đảng ta tổ chức lực lượng đánh thắng giặc Mỹ. Đánh giá địch một cách khoa học, thấy được chỗ mạnh tạm thời, chỗ yếu cơ bản của địch, biết cách khai thác mặt yếu, hạn chế mặt mạnh của địch, ngược lại thấy được và biết cách phát huy mặt mạnh cơ bản của ta, giảm dần mặt yếu của ta, đó là mối quan tâm thường xuyên của Trung ương Đảng ta.

Để đánh thắng giặc Mỹ, Đảng ta đã ra sức động viên và tổ chức lực lượng của nhân dân cả nước tiến hành cuộc chiến đấu lâu dài, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng. Công tác tổ chức lực lượng gắn liền với đường lối, nhiệm vụ chính trị. Đường lối, nhiệm vụ chính trị đúng đắn là nguồn vô tận tạo ra lực lượng cách mạng; định ra được đường lối chính trị đúng đắn là đã giải quyết được một nửa nhiệm vụ tổ chức.

Digitized by Google

Lực lượng cách mạng Việt-nam trong cuộc chống Mỹ, cứu nước là lực lượng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa. Cho nên việc tổ chức vừa phải huy động lực lượng mỗi miền làm nhiệm vụ cụ thể của mình, lại vừa phải hướng lực lượng cả nước phục vụ thật tốt cho nhiệm vụ chung. Việc tổ chức lực lượng tham gia chiến đấu phải xuất phát từ chiến lược tiến công của cuộc chiến tranh nhân dân. Lực lượng chiến đấu bao gồm cả lực lượng quân sự, lực lượng chính trị, lực lượng nửa quân sự, các tổ chức không hợp pháp, nửa hợp pháp và hợp pháp, các tổ chức bí mật và công khai. Việc tổ chức lấy tập hợp quần chúng cơ bản làm lực lượng quyết định, trên cơ sở đó ra sức tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ. Điều nổi bật của việc tổ chức ở miền Nam là tổ chức để chiến đấu, tổ chức gắn liền với công tác tư tưởng, phát huy tinh thần yêu nước, căm thù đế quốc Mỹ làm động cơ thúc đẩy cuộc chiến đấu. Công tác tổ chức ở miền Nam phải tạo điều kiện tiếp nhận sự chi viện của miền Bắc, phối hợp với lực lượng miền Bắc mà chiến đấu.

Ở miền Bắc, một công tác tổ chức rộng lớn, nhiều mặt đã được thực hiện, đáp ứng được mọi yêu cầu của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, chi viện hết sức cho miền Nam. Duy trì hàng mấy chục năm trời một nếp sống sản xuất và chiến đấu cho đến ngày toàn thắng, là một thành công kỳ diệu của Đảng và Chính phủ ta.

Cuộc chiến đấu của nhân dân ta không tiến hành lẻ loi. Cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ ở Việt-nam, cũng như ở Lào và Cam-pu-chia được tiến hành một cách có tổ chức có kế hoạch chính là xuất phát từ nhận định đúng đắn của Đảng ta về âm mưu của đế quốc Mỹ. Điều đó không phải nằm ngoài dự kiến về mọi mặt của Đảng ta. Như Đảng ta đã dự kiến cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ còn triển khai trên toàn bộ hành tinh chúng ta, ở ngay cả trong nước Mỹ. *Đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng ta* đã phát huy tác dụng tổ chức, được tiến hành có trọng tâm trong từng thời điểm của cuộc chiến tranh, nhằm ngăn ngừa, phá tan kế hoạch chiến lược và chiến thuật của đế quốc Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh ở Việt-nam, đế quốc Mỹ bị vây hãm trong « ba tầng mặt trận » của nhân dân ta, của nhân dân ba nước Đông-dương, của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ ở chính ngay nước Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh nhân dân Việt-nam, toàn dân đánh giặc được thực hiện đúng ý nghĩa toàn vẹn của danh từ đó. Cả lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị quần chúng đều tham gia đánh giặc. Mỗi cánh quân, ngoài nhiệm vụ phối hợp chiến đấu chung, đều đủ sức độc lập tác chiến, đều có chiến trường, đối tượng tác chiến của mình được phân công.

Đội quân chính trị quần chúng vừa là lực lượng đấu tranh chính trị chống Mỹ và tay sai, vừa là lực lượng giải phóng và bảo vệ quê hương. Nó là lực lượng chủ công to lớn phá các mưu đồ chính trị gian dối, độc lập giả hiệu của Mỹ — ngụy. Nó còn là trợ lực của lực lượng vũ trang chính quy trong chuẩn bị và chiến đấu.

Với lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù địch sâu sắc, lại được rèn luyện trong đấu tranh, quần chúng cách mạng sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa. Trong cuộc cách mạng ở nước ta, chúng ta có khả năng to lớn kết hợp khởi nghĩa quần chúng với chiến tranh cách mạng. Quần chúng nhân dân tham gia chiến đấu, chứ không phải chỉ chuẩn bị chiến trường, phục vụ chiến trường theo nghĩa hẹp. Trong điều kiện Việt-nam, chiến tranh du kích có tầm quan trọng chiến lược. Nó là hình thức khởi nghĩa của quần

Digitized by Google

chúng. Quần chúng, bằng chiến tranh du kích, khởi nghĩa tiêu diệt sinh lực địch, giành quyền làm chủ, giải phóng đất, lập chính quyền, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng của mình. Từ khởi nghĩa quần chúng phát triển thành chiến tranh cách mạng. Chiến tranh cách mạng thúc đẩy cao trào khởi nghĩa của quần chúng. Khởi nghĩa quần chúng và chiến tranh cách mạng kết hợp với nhau. Nhờ vậy, chiến tranh chống Mỹ, cứu nước kết hợp được chặt chẽ lực lượng chính trị của quần chúng với sức mạnh của lực lượng quân sự, nhân sức mạnh của nhân dân ta và quân đội ta lên gấp bội. Đường lối quân sự đó của Đảng ta nâng chiến tranh nhân dân Việt-nam lên đỉnh cao nhất. Đường lối đó huy động được toàn thể nhân dân, sử dụng được tất cả mọi khả năng của nhân dân để chiến thắng.

Đường lối quân sự của Đảng ta đã kết hợp được truyền thống dân tộc với chiến tranh hiện đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta không chỉ sử dụng, phát huy cái cổ truyền là sở trường của mình mà còn nắm được cái mới trên cơ sở thành thạo cái cổ truyền, sử dụng đồng thời cả cái mới và cái cổ truyền. Chúng ta không những từ đánh nhỏ phát triển thành đánh to, từ đánh du kích phát triển thành chiến tranh chính quy, từ đấu tranh chính trị phát triển thành đấu tranh vũ trang, mà hơn nữa, ở bất cứ nơi nào và lúc nào, chúng ta cũng đều coi trọng cả đánh nhỏ, coi trọng cả chiến tranh du kích, coi trọng cả đấu tranh chính trị, kết hợp mọi quy mô, mọi hình thức và phương thức đấu tranh, làm cho hiệu quả đấu tranh ngày càng cao, thu hút được toàn dân tham gia đấu tranh.

Đường lối quân sự của Đảng ta là cơ sở để phát huy *nghệ thuật quân sự* của Đảng. Nó phát huy đến mức cao nhất năng lực tiến hành chiến tranh của toàn dân và toàn quân ta. Đương đầu với nhân dân Việt-nam, đế quốc Mỹ vấp phải cuộc đồng khởi chống Mỹ — ngụy của dân tộc ta. Quần chúng tiến hành đấu tranh chính trị phối hợp với đấu tranh vũ trang và tiếp tục sứ mệnh lịch sử của mình trong đánh địch ở khắp mọi nơi, bằng mọi hình thức, với mọi thứ vũ khí có trong tay. Để chiến thắng địch, lực lượng vũ trang chủ lực tập trung giáng cho địch những đòn lớn nghiền nát sức đề kháng từng lúc của địch, và từng bước đè bẹp âm mưu xâm lược của địch. Trong khi đó, quần chúng bằng đấu tranh chính trị vẫn liên tiếp tiến công địch, không để cho địch nghỉ ngơi, củng cố đội ngũ và bồi dưỡng sức chiến đấu. Đấu tranh chính trị của quần chúng, do đó, có tác dụng rất lớn trong tất cả các thời kỳ phát triển của cách mạng miền Nam. Nó được tiến hành song song với đấu tranh vũ trang, tăng sức cho đấu tranh vũ trang, kết hợp với đấu tranh vũ trang. Chính sức mạnh tổng hợp của đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị ở nước ta đã quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy ; kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ thì phát huy được mọi khả năng của đường lối toàn dân đánh giặc. Theo đường lối toàn dân đánh giặc, Đảng ta vừa chăm lo giáo dục, động viên và tổ chức cho đông đảo quần chúng đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, vừa không ngừng chăm lo rèn luyện quân đội và trang bị cho quân đội vũ khí ngày càng hiện đại. Chiến sĩ có trình độ giác ngộ chính trị cao, có bản lĩnh chiến đấu, lại nắm được vũ khí hiện đại, thì càng đạt được hiệu suất chiến đấu cao. Sử dụng kỹ thuật hiện đại đồng thời sử dụng kỹ thuật thô sơ thì càng tăng cường khả năng chiến đấu của quân và dân ta trong cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại. Và chẳng đối với bất kỳ một kỹ thuật mới nào được sáng tạo ra, người ta

Digitized by Google

đều có khả năng làm cho nó mất hiệu lực, hoặc giảm hiệu lực, có khi chỉ bằng những phương pháp thông thường. Phát huy đến mức cao nhất mọi loại vũ khí là cách tốt nhất để thực hiện đường lối toàn dân đánh giặc.

Tất cả các vấn đề nghệ thuật quân sự ấy gắn bó chặt chẽ với nhau. Đó là một sáng tạo đặc sắc trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh Việt-nam, nó làm cho nghệ thuật quân sự Việt-nam hết sức linh hoạt, sắc bén và cũng hết sức độc đáo. Đó cũng là một mặt chỉ đạo đầy tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng ta.

Cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, phát triển đến một lúc nào đó thì Đảng ta quyết định mở *mặt trận đấu tranh ngoại giao*. Mặt trận đấu tranh này góp phần tập hợp lực lượng quốc tế chống Mỹ ủng hộ Việt-nam. Nó làm cho lập trường cuộc đấu tranh chính nghĩa của ta ngày càng sáng tỏ trên thế giới. Nó góp phần hình thành trong thực tế mặt trận nhân dân thế giới đấu tranh chống đế quốc Mỹ, ủng hộ Việt-nam. Nó làm cho đế quốc Mỹ bị cô lập hơn nữa trên thế giới, phá tan âm mưu chia rẽ, ly gián của đế quốc Mỹ đối với cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Mặt trận này đã đánh bại nhiều âm mưu câu kết của đế quốc Mỹ và những đế quốc khác nhằm chống cách mạng Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia.

Mặt trận đấu tranh ngoại giao tất nhiên là một bộ phận cuộc đấu tranh chung, không tách rời hai mặt trận đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị của nhân dân ta trên chiến trường. Nó không thể thay thế hai mặt trận kia, song kết quả của nó cũng không hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của hai mặt trận kia. Vì thế mặt trận đấu tranh ngoại giao không thụ động, trái lại nó chủ động phát huy tác dụng thúc đẩy hai mặt trận kia. Mỗi thắng lợi của mặt trận ngoại giao tạo một đà thúc đẩy mới đối với cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự của quần chúng cách mạng. Sự phát triển của mỗi mặt trận không hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi kết quả của mặt trận kia. Một mặt trận phát triển càng tạo điều kiện cho mặt trận kia phát triển, và ngược lại. Mặt trận này tạo điều kiện cho mặt trận kia vượt khó khăn để vươn tới, và ngược lại.

Cho nên, mặt trận ngoại giao góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng chung, làm cho địch ngày càng bị cô lập trên thế giới, làm cho thế giới ngày càng ủng hộ ta một cách mạnh mẽ, tác động có hiệu quả đến các mặt trận khác, khiến cho địch ngày càng bị động. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ngày càng phát triển vững vàng, quyền chủ động của ta càng được phát huy hơn nữa.

Sự kết hợp nhiều mặt trận đấu tranh, và xác định rõ vai trò, tác dụng từng mặt trận một cách thích đáng, cũng là một nét sáng tạo và độc lập, tự chủ trong sự lãnh đạo của Đảng ta.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước lâu dài, ác liệt và gian khổ, Đảng ta đã giải quyết thành công *vấn đề hậu phương* của chiến tranh cách mạng. Đó là kết quả vận dụng đúng đắn luận điểm sau đây của Đại hội Đảng lần thứ III: «miền Bắc có tác dụng quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước».

Việc xây dựng hậu phương lớn của cả nước gắn liền với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Với đường lối đúng đắn, miền Bắc ngày càng phát triển lớn mạnh bảo đảm đời sống của nhân dân về mọi mặt, củng cố và bảo vệ mình, đồng thời hết lòng đóng góp cho tiền tuyến lớn về các mặt vật chất và tinh thần. Miền Bắc, nhờ vậy, đã bảo đảm đầy đủ nhất về các mặt vật chất - kỹ thuật cho một cuộc chiến tranh hiện

Digitized by Google

việc đó không phải là xa xôi, viển vông đâu. Sản xuất để mà ăn, nghiên cứu vấn đề ăn, cải tiến bữa ăn để sản xuất cho tốt, cho đúng, sao lại là viển vông? Chăn nuôi, từ trâu, bò, lợn, gà vịt, đến cá, ong, v.v... đóng một vai trò vô cùng to lớn trong nông nghiệp, trong đời sống nhân dân, trong bữa ăn hằng ngày. Phải phát triển chăn nuôi mạnh hơn nữa; phải có chỉ tiêu, biện pháp, có kỹ thuật; phải chỉ đạo và giải quyết tốt từng khâu một, giống, thức ăn, thú y, chuồng trại, v.v... thì mới đưa chăn nuôi lên thành ngành chính được.

Về cây trồng, phải chú ý **cây công nghiệp**. Sản phẩm cây công nghiệp cần cho trong nước, đồng thời là những hàng xuất khẩu có giá trị rất cao. Ở Thanh-hóa, ngoài dừa, dứa, mía, cần và có thể trồng cây gì nữa? Các đồi núi trọc hoặc rừng tái sinh nên trồng cây công nghiệp. Vườn ở trong này khá rộng, nên trồng gì? Nếu nhà nào cũng trồng một vài loại cây công nghiệp thì sản lượng không ít. Thí dụ: mỗi nhà đều trồng cây có dầu như sở chẳng hạn, hoặc trồng dâu nuôi tằm như tôi đã nói ở trên. Hoặc như cây bương, một thứ cây rất cần để làm vật liệu xây dựng và có thể xuất khẩu, cho nên phải tính trồng hàng vạn héc-ta.

NÓI kinh tế phải nói đến năng suất lao động. Đó là thước đo trình độ sản xuất, trình độ quản lý kinh tế. Năng suất lao động là chỉ tiêu tổng hợp. Cuối cùng phải tính một người lao động làm ra bao nhiêu lương thực, bao nhiêu sản phẩm chăn nuôi, tính thành tiền là bao nhiêu; giá thành một tạ thóc là bao nhiêu công, bao nhiêu tiền, v.v... Làm ăn kinh tế thì phải hạch toán để biết năng suất lao động; biết để tổ chức và quản lý lao động, quản lý kinh tế cho tốt hơn, chứ không phải để tính đắt rẻ một chiều rồi không dám làm. Tôi nghe báo cáo có nơi làm một héc-ta lúa từ 500 đến 600 công, sản xuất ra một tạ thóc mất 17 công, 18 công. Như vậy thì năng suất lao động thấp quá, năng suất lúa cũng thấp quá. Không thể chấp nhận mãi một tình hình như vậy được. Phải phấn đấu nâng cao năng suất lao động, năng suất cây trồng và chăn nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế của một héc-ta đất trong cả năm. Ta không sợ thừa lao động. Thừa trong trồng trọt thì đầu tư vào chăn nuôi, vào mở mang ngành nghề mới, đầu tư vào xây dựng cơ bản để tạo thêm cơ sở vật chất — kỹ thuật; vào việc làm hàng xuất khẩu, v.v...

Đi đôi với xây dựng kinh tế, phải quan tâm **phát triển văn hóa**. Muốn tiến nhanh về mặt kinh tế, về mặt khoa học, kỹ thuật thì phải nhanh chóng nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Phải phấn đấu trong một số năm nữa, bảo đảm cho tất cả mọi người trong độ tuổi lao động đạt được bậc phổ thông cơ sở, riêng thanh

Digitized by Google

niên phải sớm đạt trình độ phổ thông trung học.

Về mặt văn hóa, ta phải đi nhanh hơn nữa. Thanh niên ta sau khi học xong bậc trung học, phải học thông một nghề chuyên môn hoặc về công nghiệp hoặc về nông nghiệp. Cán bộ tỉnh, huyện cũng phải học hết chương trình lớp 10 và sau đó, phải học về kinh tế, kỹ thuật, chủ yếu là học về kinh tế, kỹ thuật nông nghiệp. Như vậy ở tỉnh, huyện phải có trường, lớp bổ túc văn hóa và trường lớp bồi dưỡng về kinh tế, kỹ thuật cho cán bộ. Phải xây dựng nếp sống văn hóa cho từng thôn xóm, từng gia đình, tạo nên một không khí hoạt động văn hóa vui tươi, lành mạnh, một nếp sống vệ sinh, văn minh và đẹp đẽ từ việc ăn, ở trong từng gia đình đến cuộc sống công cộng ngoài xã hội. Phải chú trọng phát triển phong trào vệ sinh phòng bệnh, phong trào thể dục thể thao để thu hút đông đảo thanh niên vào việc rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe.

Tôi nói những điều trên đây không phải là nói chính trị chung chung. Đó là những vấn đề thiết thực đối với sản xuất và đối với đời sống của nhân dân. Đó cũng là mục đích và bản chất của chế độ ta. Trong xã hội ta, nhân dân lao động là người làm chủ. Mỗi người có trách nhiệm đối với toàn xã hội ; xã hội có trách nhiệm đối với từng người, từng gia đình. Cả đến trẻ em từ lúc lọt lòng cũng được xã hội chăm sóc, chữa bệnh, nuôi dạy, chứ không chỉ có bố mẹ chúng lo toan cho chúng mà thôi. Sau này lớn lên, các em có trách nhiệm làm tròn nghĩa vụ xây dựng xã hội. Bởi thế, trong khi thi hành nhất quán chế độ phân phối theo lao động, chúng ta đồng thời chú trọng tăng dần phúc lợi xã hội, phúc lợi tập thể, từng bước mở rộng việc xã hội đảm nhận nuôi dạy trẻ em để cho trẻ em dần dần được hưởng sự chăm sóc của xã hội một cách bình đẳng. Chế độ ta cũng phải chăm lo đầy đủ đến đời sống của phụ nữ, lo cho phụ nữ trước rồi mới đến đàn ông ; vì phụ nữ ta vất vả lắm, vừa sinh con, nuôi con, vừa sản xuất và đảm đang việc gia đình, sức khỏe yếu mà đời sống và phương tiện sinh hoạt còn nhiều thiếu thốn. Chăm lo đến đời sống, đến hạnh phúc của nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu của các đảng bộ, tỉnh, huyện, của chi bộ, đảng bộ cơ sở và của các ngành trong tỉnh, trong huyện. Đó là mối quan tâm số một của tất cả cán bộ, đảng viên. Các đồng chí trong tỉnh ủy, huyện ủy phải nhận thức một cách sâu sắc rằng toàn bộ công tác của mình gắn bó với việc ăn, ở, đói no của nhân dân.

Các cấp bộ đảng và chính quyền phải phân công cán bộ chuyên lo về đời sống của quần chúng ; chi bộ và đảng bộ cơ sở phải có những chi ủy viên, đảng ủy viên trực tiếp phụ trách vấn đề đó. Phải chủ động và kịp thời giúp đỡ những nơi và những

Digitized by Google

người gặp khó khăn, không để xảy ra những trường hợp thiếu thốn, ốm đau mà không ai lo, ai biết. Cán bộ, đảng viên phải có tinh thần phụ trách đầy đủ. Mặt khác, nhân dân cũng phải hiểu rằng trong tình hình hiện nay, sản xuất nông nghiệp của ta còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết; thời tiết không thuận thì không tránh khỏi những khó khăn căng thẳng trong đời sống. Nhân dân phải hiểu như vậy để cùng với Đảng và Nhà nước ra sức khắc phục khó khăn, giải quyết tốt mọi vấn đề về sản xuất và đời sống đang đặt ra trước chúng ta.

TRONG đại hội đảng bộ tỉnh vòng hai sắp tới, ngoài việc làm thấu suốt đường lối của Đại hội lần thứ IV của Đảng, các đồng chí phải bàn phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và biện pháp phát triển kinh tế, văn hóa trong tỉnh, nhất là mục tiêu, biện pháp **đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp**; phải bàn việc tổ chức lại **sản xuất trên địa bàn huyện, xây dựng huyện theo hướng trở thành một đơn vị kinh tế nông — công nghiệp** và tổ chức, kiện toàn cấp huyện thành một cấp kế hoạch, một cấp quản lý kinh tế nông nghiệp và công nghiệp, quản lý sản xuất, phân phối, và tổ chức đời sống của nhân dân ta ở nông thôn. Cần phải bàn việc **phát động, tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng.** Chủ nghĩa xã hội là sản phẩm của khoa học và cách mạng. Chủ nghĩa xã hội mà ta xây dựng là chủ nghĩa xã hội khoa học chứ không phải là không tưởng. Nhưng có phong trào cách mạng của quần chúng thì nó mới thực hiện được. Muốn phát triển sản xuất cũng phải có phong trào cách mạng. Sản xuất và tiêu dùng là một thói quen, thí dụ như nơi này nuôi lợn rất giỏi nhưng nơi khác lại không biết nuôi; có nơi trong vườn chỗ nào cũng trồng chuối, đu đủ, nhưng có nơi có đất mà không biết trồng. Đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một sự đảo lộn về nếp nghĩ, về cách làm ăn, về thói quen trong sản xuất và đời sống, là phá bỏ cái cũ, xây dựng cái mới. Không có phong trào cách mạng thì không làm nổi. Phong trào thủy lợi ở Thanh-hóa là một phong trào cách mạng, nó làm thay đổi bộ mặt nông thôn và cả nếp nghĩ cũ của nhân dân. Đó là một bài học lớn. Cần tiếp tục duy trì, phát triển phong trào thủy lợi, đồng thời phải từ kinh nghiệm làm thủy lợi mà phát động, tổ chức nuôi dưỡng phong trào cách mạng của quần chúng về các công tác khác, các khâu khác trong sản xuất, nhất là về các biện pháp kỹ thuật mới trong trồng trọt, chăn nuôi.

Phải **gắn liền phong trào cách mạng với xây dựng con người mới** và mọi phong trào cách mạng phải đạt được yêu cầu xây dựng con người mới. Phải có phong trào cách mạng liên tục.

Digitized by Google

hết phong trào này đến phong trào khác, thì cái tốt, cái đúng mới được khẳng định, được bồi dưỡng, được phát huy ; cái xấu, cái sai sẽ bị phủ định, bị xóa bỏ, bị lên án ; cứ thế cái mới sẽ đọng lại, con người mới sẽ nảy nở dần từng bước. Qua phong trào, chúng ta xây dựng tinh thần làm chủ tập thể, phát huy cái hay của nhân dân ta là biết coi trọng cái chung, luôn luôn xem làng với nước, nước với nhà là một. Phải đề cao nghĩa vụ lao động, rèn luyện ý thức lao động tự giác, kỷ luật lao động và tác phong lao động mới ; đấu tranh chống bệnh lười biếng, làm cho những người không lao động, những kẻ chây lười cảm thấy áy náy, hổ thẹn, tội lỗi là đã sống bám và ăn cắp của xã hội. Qua phong trào, phải rèn luyện cho người lao động có tinh cảm cách mạng, có đạo đức cách mạng, biết thương yêu, đoàn kết, đùm bọc, giúp đỡ nhau, không ghen ghét, ganh tị, thù oán, làm hại lẫn nhau.

Đại hội Đảng bộ tỉnh cần thảo luận kỹ vấn đề **tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiện toàn các cơ quan chính quyền và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.** Cơ chế của chế độ ta là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đảng lãnh đạo tức là giai cấp công nhân lãnh đạo, nhưng người làm chủ tập thể chế độ ta là toàn thể nhân dân lao động mà hiện nay nòng cốt là công nông. Đảng lãnh đạo nhưng không làm thay nhân dân và không làm mất quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Đảng lãnh đạo thông qua Nhà nước chứ không thay thế Nhà nước. Và chính quyền Nhà nước vừa thể hiện sự lãnh đạo của Đảng vừa thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Nhân dân làm chủ bằng Nhà nước, tức là thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, qua các cơ quan chính quyền do nhân dân bầu ra. Nhân dân còn làm chủ bằng các đoàn thể quần chúng và các tổ chức dân cử khác. Nhân dân làm chủ tập thể được là do có sự lãnh đạo của Đảng. Không có sự lãnh đạo của Đảng, không theo sự lãnh đạo của Đảng thì không thể có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nhưng ngược lại, làm mất quyền làm chủ của nhân dân cũng sai lầm. Hiện nay ở một số nơi, có tình trạng một số cán bộ, đảng viên chuyên quyền, độc đoán. Phải sửa chữa, phải chấm dứt tình hình đó. Cần phải làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên hiểu rằng Đảng không phải là một tổ chức đặc quyền ; rằng Đảng là bộ tham mưu, người dẫn đường, là người đầy tớ của dân chứ Đảng không có quyền gì hết. Công việc của Đảng là đề ra đường lối, chủ trương, thông qua chính quyền Nhà nước để biến đường lối, chủ trương thành nguyện vọng, ý chí của quần chúng và trực tiếp vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương bằng hành động cách mạng của họ. Công việc của

Digitized by Google

Đảng, sau khi có đường lối, chủ trương rồi, chủ yếu là giáo dục, thuyết phục, là tổ chức, kiểm tra, là lôi cuốn quần chúng bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Nếu thay thế giáo dục, thuyết phục bằng mệnh lệnh, quyền hành, thay thế việc tổ chức, kiểm tra bằng nói suông và khoán trắng, nếu cán bộ, đảng viên không đi trước và không gương mẫu trong công tác thì làm sao dân tin, dân yêu được? Trong Đảng, trong cấp ủy có chức vụ, có trách nhiệm, và chức vụ, trách nhiệm là để phục vụ nhân dân. Nếu lẫn lộn trách nhiệm với quyền hành, rồi cái gì cũng nắm hết, cũng vơ vào cho mình, không coi trọng nhân dân, không coi trọng tập thể thì dễ phạm phải sai lầm. Tất cả những sự hư hỏng đó thường là từ đầu óc tư lợi, cá nhân chủ nghĩa mà ra; và trong quá trình phát triển Đảng, có những người cơ hội chủ nghĩa chui vào Đảng và có nơi kéo họ hàng, bè cánh vào Đảng để lợi dụng. Muốn Đảng mạnh, chi bộ, đảng bộ cơ sở mạnh, phải đưa số xấu, số cơ hội chủ nghĩa ra khỏi Đảng; đồng thời phải luôn luôn giáo dục, nâng cao ý chí chiến đấu, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, nghiêm khắc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đầu óc bè phái.

Phải làm cho nhân dân hiểu quyền làm chủ của họ và tự giác đóng vai người làm chủ trong việc xây dựng kinh tế và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, trong việc xây dựng chính quyền và bảo vệ chính quyền, trong việc làm tròn nghĩa vụ và được bảo đảm quyền lợi. Nhiệm vụ của cấp ủy Đảng, ngoài việc đề ra chủ trương, là lo công việc chung, công việc tuyên truyền, giáo dục, tổ chức, kiểm tra, lãnh đạo các đoàn thể quần chúng. Còn tất cả những việc về tổ chức thực hiện và quản lý kinh tế, văn hóa, về sản xuất, phân phối, và tổ chức đời sống, v.v... đều thông qua cơ quan chính quyền mà làm. Phải làm cho nhân dân tin vào sự lãnh đạo của Đảng đồng thời hiểu chính quyền là của họ và quen với việc sử dụng chính quyền để thực hiện quyền làm chủ tập thể đối với xã hội. Việc nhân dân lao động giác ngộ sâu sắc vai trò và quyền làm chủ tập thể của mình, và việc củng cố, hoàn thiện cơ chế làm chủ tập thể là một trong những bảo đảm quan trọng cho sự vững mạnh của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đảng phải thật sự chăm lo xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và không ngừng nâng cao trình độ làm chủ của nhân dân. Các đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ cũng phải làm việc ấy. Đó là một việc phải làm lâu dài, gắn với việc phát động phong trào cách mạng xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, với việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

CHÚNG ta vừa làm xong nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, giải

Digitized by Google

phóng miền Nam. Nước ta trước kia đã trải qua một thời kỳ đau khổ do Trịnh Nguyễn phân tranh, rồi Gia-Long rước thực dân Pháp sang xâm lược. Pháp đã thi hành một chính sách thâm độc, chia nước ta làm ba kỳ để dễ bề cai trị. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ta thực hiện thống nhất chưa được một tháng, lại bị đế quốc xâm lược và chia cắt. Đến bây giờ mới độc lập, thống nhất thật sự, hoàn toàn và vững chắc. Hoàn thành giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước là thành quả vĩ đại của Đảng ta, nhân dân ta. Hiện nay, nước ta tuy còn nghèo, nhưng đã đứng vào hàng các nước có chế độ xã hội tiến bộ nhất, và có khả năng trở thành một nước giàu mạnh.

Chúng ta cần hiểu rõ ta đang ở vào một giai đoạn, một kỷ nguyên hoàn toàn mới trong lịch sử của đất nước. Cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, đang cải tạo và phát triển kinh tế có kế hoạch. Sau chiến tranh, ta đã làm được nhiều việc, song cũng còn nhiều khó khăn. Nhưng nước nhà thống nhất có tiềm lực lớn về nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và tài nguyên thiên nhiên khác. Tất nhiên, cần có thời gian, cần nỗ lực rất lớn mới biến tiềm năng thành lực lượng vật chất được, nhưng dù sao đã hết gánh nặng chiến tranh, ta có thể tập trung sức vào nhiệm vụ kinh tế. Rõ ràng nước ta có điều kiện tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội. Phải tranh thủ thời gian mà làm, không được do dự, trì trệ nữa. Phải làm việc với khí thế cách mạng tiến công, phải chống tư tưởng bảo thủ, ngại khó.

Thanh-hóa là quê hương của Bà Triệu, vị nữ tướng lừng danh đã nêu một tấm gương sáng ngời cho phụ nữ nước ta. Thanh-hóa còn có vị anh hùng dân tộc Lê-Lợi có công giải phóng đất nước, từ tay không mà vùng dậy, gian khổ mười năm, có lúc chỉ còn vài trăm quân mà vẫn bền gan chiến đấu cho đến khi toàn thắng. Đời Trần đánh giặc rất giỏi nhưng có nước có vua; còn Lê-Lợi đánh giặc thì chỉ có dân thôi. Đó là những truyền thống hết sức quý báu của Thanh-hóa. Vậy trong khi làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là làm cách mạng tư tưởng và văn hóa, Thanh-hóa phải biết kết tinh, bồi dưỡng và nâng cao những cái hay, cái đẹp của dân tộc ta và cả cái hay, cái đẹp ngay trong địa phương mình, đồng thời phải đấu tranh xóa bỏ những cái xấu, cái hư, cái lạc hậu, lỗi thời đang cản trở bước tiến của chúng ta.

Mục tiêu của chúng ta là xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Cả nước ta nhất định sẽ thực hiện được mục tiêu đó. Thanh-hóa cũng sẽ thực hiện được mục tiêu đó. Trước kia còn chiến tranh, ta chưa nói chắc được, nhưng bây giờ thì hoàn toàn có thể khẳng định như vậy.

Từ thắng lợi trong phong trào thủy lợi hiện nay, Thanh-hóa hãy ra sức khắc phục khó khăn, nhanh chóng vươn lên mạnh mẽ hơn nữa.

Digitized by Google

bằng, có biển, có rừng đều phải theo hướng đó. Khai thác thật tốt đồng bằng, là rất quan trọng; nhưng còn phải làm chủ lấy rừng, lấy biển của mình, phải lên rừng, ra biển mà sống. Đất nước ta hẹp, đồng bằng ít thế này không lên rừng, ra biển thì làm sao giàu có được? Thanh-hóa có 80 vạn héc-ta rừng và đồi núi. Phải xem đó là một nguồn giàu có, một thuận lợi; phải có kế hoạch khai thác đúng và khai thác tốt. Và ta có biển với hải phận rộng mênh mông; ta phải ra biển đánh bắt cá, tôm, làm muối, nuôi và chế biến hải sản; phải khai thác vùng ven biển sao cho kinh tế nhất và sau này tiến lên khai thác cả đáy biển nữa. Nghề biển ở Thanh-hóa phải phát triển mạnh. Cả tỉnh phải có năm vạn, mười vạn người làm nghề biển; phải hợp tác với cơ khí trung ương để đóng tàu, thuyền đánh cá; phải đi xa vào vùng biển phía nam để đánh cá thì mới tăng nhanh được năng suất và sản lượng. Nguồn lợi có đó mà không biết làm chủ, không biết khai thác là sai lắm đấy.

NƯỚC ta có năm mươi triệu người và chẳng bao lâu sẽ lên tới sáu mươi, bảy mươi triệu, nhất định phải có hàng chục triệu tấn sắt thép, than đá, dầu mỏ, hàng chục tỷ ki-lô-oát giờ điện, hàng chục triệu tấn xi-măng, v.v... Để làm được như thế, phải có hợp tác quốc tế, phải thông qua con đường ngoại thương để có thiết bị toàn bộ, để nhập máy móc, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật mà trong nước ta chưa sản xuất được. Vì vậy, đẩy mạnh xuất khẩu trở thành một vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong sự nghiệp xây dựng kinh tế. Ta có ưu thế là có lực lượng lao động khá dồi dào và là một nước nhiệt đới. Trong giai đoạn đầu, khi kinh tế trong nước chưa phát triển, lực lượng lao động của ta còn thừa, ta phải biết sử dụng để **sản xuất hàng xuất khẩu**. Đó là một cách tích lũy để công nghiệp hóa đất nước, đồng thời nâng cao năng suất lao động xã hội, tạo thêm việc làm cho người lao động ở thành thị và nông thôn, và tăng thu nhập cho họ. Tất cả các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp đều phải tích cực tham gia vào việc đẩy mạnh xuất khẩu. Hướng phấn đấu của chúng ta là mỗi người lao động nông nghiệp và thủ công nghiệp phải làm 300 ngày công mỗi năm, trong đó dành 100 ngày công phục vụ xuất khẩu. Cái gì làm được để xuất khẩu thì phải cố gắng làm. Ngành nghề gì làm được hàng xuất khẩu thì phải phát triển: làm hàng chiếu cói, mây tre, hàng thủ công mỹ nghệ, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây làm thuốc, nuôi tôm, cá, hải sản, gia cầm, gia súc, v.v... Phải coi trọng làm hàng gia công cho nước ngoài, nhập nguyên liệu, dùng lao động trong nước để chế biến rồi xuất trở lại như may mặc, thêu ren. Nhiều ngành nghề, nhiều công việc có thể làm để

Digitized by Google

phục vụ cho xuất khẩu. Thí dụ như một tỉnh có đất trồng màu ở trung du có thể quy vùng trồng tập trung một vài vạn héc-ta sắn, chế biến thành bột để xuất khẩu. Hoặc trồng dâu nuôi tằm xuất tơ để đổi bông, ở Thanh-hóa có thể làm được; nên vận động các gia đình và hợp tác xã trồng dâu nuôi tằm, còn ươm tơ thì tỉnh hay huyện phụ trách. Tóm lại, trong lúc nước nhà còn nghèo, ta phải tìm mọi cách xuất khẩu; phải tiết kiệm tiêu dùng một số mặt hàng hoặc dành hàng tốt để xuất. Trong vòng 10 — 15 năm tới, ta phải làm như thế, và trước mắt, phải phấn đấu rất cao về xuất khẩu để mở ra một thế mới về ngoại thương. Khả năng có nhiều. Vấn đề quan trọng là các cấp tỉnh, huyện phải coi xuất khẩu là một con đường để đi lên của kinh tế nước ta, đặc biệt là của kinh tế địa phương và dám động viên, tổ chức quần chúng làm.

TA coi công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa không chỉ là phát triển đại công nghiệp, mà còn là hiện đại hóa nông nghiệp. Trong các kế hoạch kinh tế, công nghiệp được chú trọng phát triển và chiếm một tỷ trọng đầu tư lớn. Nhưng trong giai đoạn đầu, khi công nghiệp nhất là công nghiệp nặng chưa phát triển, ta phải đầu tư đúng mức cho nông nghiệp, nhằm đưa nông nghiệp phát triển lên một bước thật mạnh mẽ. Đó là mục tiêu hàng đầu của chúng ta trong thời gian trước mắt, trước hết là trong kế hoạch năm năm thứ hai. Phải làm như thế để giải quyết một cách vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm là vấn đề bức thiết nhất đối với nhân dân ta sau chiến tranh. Đồng thời đó còn là nhằm khai thác khả năng tiềm tàng sẵn có của ta là đất đai và lực lượng lao động để từ đó mà đi lên. Và làm như thế cũng là để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đầu tư cho nông nghiệp là đầu tư vào tất cả các khâu: nước, phân bón, giống, công cụ, nhưng hướng đầu tư chủ yếu hiện nay là thủy lợi và cơ giới hóa để tăng vụ và khai hoang. Nước là biện pháp hàng đầu, cho nên phải cố gắng làm hết khả năng. Còn cơ giới hóa thì nhằm vào một số khâu và một số vùng trọng điểm; trước hết là khâu tưới, tiêu nước, khâu làm đất, và đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu-long là hai vựa thóc lớn của cả nước. Ở đồng bằng sông Hồng, đưa cơ giới vào để tranh thủ thời vụ làm thêm vụ đông trên diện tích rộng, tạo ra cái thế mới trên mặt trận sản xuất lương thực, thực phẩm ở các tỉnh phía bắc. Ở đồng bằng sông Cửu-long, để tăng vụ lúa và khai phá thêm đất mới, do đó, tăng thêm một diện tích gieo trồng đáng kể, đưa sản lượng lương thực và sản lượng nông nghiệp lên nhanh. Hướng đó là

Digitized by Google

đúng, ta đang phấn đấu làm cho được bằng cách đẩy mạnh phong trào thủy lợi, cố gắng sản xuất và nhập thêm máy kéo.

Ở huyện, sản xuất nông nghiệp, nghề rừng, nghề biển, đều phải làm có quy hoạch; trồng gì, nuôi gì, phải làm trên quy mô lớn, gắn liền sản xuất của quốc doanh, của hợp tác xã và gia đình. Đi liền với nông nghiệp phải có công nghiệp chế biến, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp vật liệu xây dựng, thủ công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu. Việc phát triển ngành, nghề, phân công lao động phải sát đến từng hợp tác xã, từng gia đình, ai làm ngành gì, nghề gì đều phải có sắp xếp, có tổ chức. Trong một huyện, sẽ có bao nhiêu người làm ruộng, làm rừng, làm biển, bao nhiêu người làm nông nghiệp, làm công nghiệp, thủ công nghiệp, làm giao thông vận tải, sản xuất vật liệu xây dựng và làm nghề xây dựng; trong nông nghiệp thì bao nhiêu người làm trồng trọt, bao nhiêu làm chăn nuôi, làm thủy lợi, làm phân bón, làm giống, v.v... Tất cả sự phân công lao động đó phải có tính toán theo phương hướng và quy hoạch sản xuất chung của huyện và sẽ hình thành trong quá trình tổ chức lại sản xuất trong huyện. Nói kinh tế trong tỉnh, trong huyện thì trước hết phải nói từ nông nghiệp mà đi lên, từ đất mà đi lên. Đất phải biết khai thác đồng thời biết cải tạo cho ngày càng tốt lên. Muốn cải tạo đất phải có thủy lợi, có phân bón, phải có chế độ trồng trọt, đặc biệt là chế độ luân canh. Ở Thanh-hóa đã có phong trào thủy lợi. Phải tiếp tục đẩy mạnh hoàn chỉnh thủy nông, làm tốt việc rút kinh nghiệm về tổ chức, quản lý lao động trên các công trường để đưa năng suất lên cao. Phải chú ý làm thủy lợi ở trung du và miền núi, đắp nhiều hồ chứa để giải quyết vấn đề nước tại chỗ, đồng thời để giữ nước, phòng lũ và bảo vệ các công trình thủy nông ở đồng bằng. Còn nghèo, còn thiếu, chúng ta còn phải làm thủy lợi mạnh hơn nữa, làm nhiều, làm lâu dài cho đến khi hoàn thành thủy lợi hóa nông nghiệp. Cả xã, cả huyện, cả tỉnh, hợp tác xã và nhân dân bỏ sức, bỏ công ra làm, không phải chỉ 8 giờ một ngày, mà có lúc, có nơi phải làm 10 giờ, 12 giờ, thi đua với thời tiết, tranh thủ thời gian làm nhanh, làm gọn từng công trình để sớm đưa vào phục vụ sản xuất.

Phải làm nhiều phân bón: phải dẫy chăn nuôi lên để thêm phân chuồng; trồng điền thanh, làm bèo hoa dâu phải thành phong trào quần chúng, phong trào cách mạng. Muốn thâm canh, phải có chuyên canh, đồng thời phải biết luân canh. Luân canh phải thành chế độ, nhất là đối với đất trồng cây ngắn ngày. Ở các tỉnh phía bắc có một số vùng đã tổng kết phương hướng sản xuất thành công thức: lúa, lang, lạc, lợn. Đó cũng là một công thức luân canh

Digitized by Google

mà Thanh-hóa có thể áp dụng. Để có năng suất cao nhất, đạt hiệu quả kinh tế lớn nhất thì phải nắm sát đất đai trong huyện, phải có bản đồ thổ nhưỡng để quyết định chế độ thâm canh, luân canh đối với từng loại đất khác nhau. Với phong trào thủy lợi hiện nay, Thanh-hóa đã có một cái thế mới để vươn lên. Không có lý do gì Thanh-hóa lại thua các nơi khác về năng suất cây trồng và năng suất lao động. Ở xã Nông-trường, huyện Triệu-sơn, nhờ thủy lợi và chủ động được nước đã đạt bảy tấn, tám tấn một héc-ta. Các xã khác, huyện khác sao lại không vượt được cái cửa năm tấn? Ngô cũng vậy, đã có chỗ làm được bốn tấn, năm tấn một héc-ta; có thủy lợi, Thanh-hóa cũng phải tiến dần lên đạt đến năng suất đó. Muốn đạt năng suất cao, phải đưa khoa học, kỹ thuật vào hợp tác xã. Huyện và hợp tác xã phải có đội ngũ cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, am hiểu việc trồng trọt, chăn nuôi, am hiểu nước, phân, giống, am hiểu từng cây trồng, từng con gia súc. Cán bộ lãnh đạo cấp huyện, cán bộ quản lý nông nghiệp đều phải biết kỹ thuật nông nghiệp mới làm được việc. Huyện cũng phải có những trạm, trại giống cây trồng, giống gia súc. Lại còn phải biết bảo vệ môi trường, chống nạn phá rừng, chống ô nhiễm nước và không khí trong khi dùng thuốc trừ sâu và các hóa dược khác. Ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, chống ô nhiễm là một vấn đề gay go lắm. Ở nước ta, tuy mới bắt đầu phát triển công nghiệp, nhưng ta không thể coi thường được.

Nói nông nghiệp, phải nói **chăn nuôi.** Trên thế giới, chăn nuôi ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong sản lượng nông nghiệp; người ta giải quyết vấn đề ăn bằng cả hai con đường trồng trọt và chăn nuôi. Hơn nữa, người ta đã đưa khoa học, kỹ thuật và công nghiệp vào chăn nuôi. Ta cũng phải làm như vậy. Phải nghĩ đến bữa ăn của nhân dân, tìm cách thay đổi thành phần chất dinh dưỡng trong bữa ăn, làm sao bớt chất bột đường, tăng thêm đạm và mỡ. Thí dụ như bớt gạo, tăng ngô, khoai, nhưng cố gắng có thêm cá, trứng, thịt, hoa quả. Phải phát triển chăn nuôi trâu, bò lấy sữa. Chúng ta phải nghĩ đến, phải thiết tha với việc sản xuất sữa; nhiều nước trên thế giới coi sữa là món ăn hằng ngày và giá sữa rất rẻ, trong khi đó ta phải nhập sữa mà vẫn không đủ cho trẻ con, người bệnh. Tôi thiết tha mong rằng tỉnh và mỗi huyện phải có một cơ sở chăn nuôi trâu, bò sữa, phải nuôi gà theo lối công nghiệp, trước hết để có sữa, có trứng cho trẻ em, cho người già, và trong vòng 10 — 15 năm tới, phải tiến lên có sữa, có trứng cho những người lao động nữa. Bây giờ ta đã có giống bò, giống trâu, giống gà, sao không có thể làm được? và nếu hày giờ không bắt đầu thì bao giờ ta mới có? Tất cả những

Digitized by Google

việc đó không phải là xa xôi, viển vông đâu. Sản xuất để mà ăn, nghiên cứu vấn đề ăn, cải tiến bữa ăn để sản xuất cho tốt, cho đúng, sao lại là viển vông? Chăn nuôi, từ trâu, bò, lợn, gà vịt, đến cá, ong, v.v... đóng một vai trò vô cùng to lớn trong nông nghiệp, trong đời sống nhân dân, trong bữa ăn hằng ngày. Phải phát triển chăn nuôi mạnh hơn nữa; phải có chỉ tiêu, biện pháp, có kỹ thuật; phải chỉ đạo và giải quyết tốt từng khâu một, giống, thức ăn, thú y, chuồng trại, v.v... thì mới đưa chăn nuôi lên thành ngành chính được.

Về cây trồng, phải chú ý **cây công nghiệp**. Sản phẩm cây công nghiệp cần cho trong nước, đồng thời là những hàng xuất khẩu có giá trị rất cao. Ở Thanh-hóa, ngoài dừa, dứa, mía, cầu và có thể trồng cây gì nữa? Các đồi núi trọc hoặc rừng tái sinh nên trồng cây công nghiệp. Vườn ở trong này khá rộng, nên trồng gì? Nếu nhà nào cũng trồng một vài loại cây công nghiệp thì sản lượng không ít. Thí dụ: mỗi nhà đều trồng cây có dầu như sở chẳng hạn, hoặc trồng dâu nuôi tằm như tôi đã nói ở trên. Hoặc như cây bương, một thứ cây rất cần để làm vật liệu xây dựng và có thể xuất khẩu, cho nên phải tính trồng hàng vạn héc-ta.

NÓI kinh tế phải nói đến năng suất lao động. Đó là thước đo trình độ sản xuất, trình độ quản lý kinh tế. Năng suất lao động là chỉ tiêu tổng hợp. Cuối cùng phải tính một người lao động làm ra bao nhiêu lương thực, bao nhiêu sản phẩm chăn nuôi, tính thành tiền là bao nhiêu; giá thành một tạ thóc là bao nhiêu công, bao nhiêu tiền, v.v... Làm ăn kinh tế thì phải hạch toán để biết năng suất lao động; biết để tổ chức và quản lý lao động, quản lý kinh tế cho tốt hơn, chứ không phải để tính đắt rẻ một chiều rồi không dám làm. Tôi nghe báo cáo có nơi làm một héc-ta lúa từ 500 đến 600 công, sản xuất ra một tạ thóc mất 17 công, 18 công. Như vậy thì năng suất lao động thấp quá, năng suất lúa cũng thấp quá. Không thể chấp nhận mãi một tình hình như vậy được. Phải phấn đấu nâng cao năng suất lao động, năng suất cây trồng và chăn nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế của một héc-ta đất trong cả năm. Ta không sợ thừa lao động. Thừa trong trồng trọt thì đầu tư vào chăn nuôi, vào mở mang ngành nghề mới, đầu tư vào xây dựng cơ bản để tạo thêm cơ sở vật chất — kỹ thuật; vào việc làm hàng xuất khẩu, v.v...

Đi đôi với xây dựng kinh tế, phải quan tâm **phát triển văn hóa**. Muốn tiến nhanh về mặt kinh tế, về mặt khoa học, kỹ thuật thì phải nhanh chóng nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Phải phấn đấu trong một số năm nữa, bảo đảm cho tất cả mọi người trong độ tuổi lao động đạt được bậc phổ thông cơ sở, riêng thanh

Digitized by Google

niên phải sớm đạt trình độ phổ thông trung học.

Về mặt văn hóa, ta phải đi nhanh hơn nữa. Thanh niên ta sau khi học xong bậc trung học, phải học thông một nghề chuyên môn hoặc về công nghiệp hoặc về nông nghiệp. Cán bộ tỉnh, huyện cũng phải học hết chương trình lớp 10 và sau đó, phải học về kinh tế, kỹ thuật, chủ yếu là học về kinh tế, kỹ thuật nông nghiệp. Như vậy ở tỉnh, huyện phải có trường, lớp bổ túc văn hóa và trường lớp bồi dưỡng về kinh tế, kỹ thuật cho cán bộ. Phải xây dựng nếp sống văn hóa cho từng thôn xóm, từng gia đình, tạo nên một không khí hoạt động văn hóa vui tươi, lành mạnh, một nếp sống vệ sinh, văn minh và đẹp đẽ từ việc ăn, ở trong từng gia đình đến cuộc sống công cộng ngoài xã hội. Phải chú trọng phát triển phong trào vệ sinh phòng bệnh, phong trào thể dục thể thao để thu hút đông đảo thanh niên vào việc rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe.

Tôi nói những điều trên đây không phải là nói chính trị chung chung. Đó là những vấn đề thiết thực đối với sản xuất và đối với đời sống của nhân dân. Đó cũng là mục đích và bản chất của chế độ ta. Trong xã hội ta, nhân dân lao động là người làm chủ. Mỗi người có trách nhiệm đối với toàn xã hội ; xã hội có trách nhiệm đối với từng người, từng gia đình. Cả đến trẻ em từ lúc lọt lòng cũng được xã hội chăm sóc, chữa bệnh, nuôi dạy, chứ không chỉ có bố mẹ chúng lo toan cho chúng mà thôi. Sau này lớn lên, các em có trách nhiệm làm tròn nghĩa vụ xây dựng xã hội. Bởi thế, trong khi thi hành nhất quán chế độ phân phối theo lao động, chúng ta đồng thời chú trọng tăng dần phúc lợi xã hội, phúc lợi tập thể, từng bước mở rộng việc xã hội đảm nhận nuôi dạy trẻ em để cho trẻ em dần dần được hưởng sự chăm sóc của xã hội một cách bình đẳng. Chế độ ta cũng phải chăm lo đầy đủ đến đời sống của phụ nữ, lo cho phụ nữ trước rồi mới đến đàn ông ; vì phụ nữ ta vất vả lắm, vừa sinh con, nuôi con, vừa sản xuất và đảm đang việc gia đình, sức khỏe yếu mà đời sống và phương tiện sinh hoạt còn nhiều thiếu thốn. Chăm lo đến đời sống, đến hạnh phúc của nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu của các đảng bộ, tỉnh, huyện, của chi bộ, đảng bộ cơ sở và của các ngành trong tỉnh, trong huyện. Đó là mối quan tâm số một của tất cả cán bộ, đảng viên. Các đồng chí trong tỉnh ủy, huyện ủy phải nhận thức một cách sâu sắc rằng toàn bộ công tác của mình gắn bó với việc ăn, ở, đói no của nhân dân.

Các cấp bộ đảng và chính quyền phải phân công cán bộ chuyên lo về đời sống của quần chúng ; chi bộ và đảng bộ cơ sở phải có những chi ủy viên, đảng ủy viên trực tiếp phụ trách vấn đề đó. Phải chủ động và kịp thời giúp đỡ những nơi và những

Digitized by Google

người gặp khó khăn, không để xảy ra những trường hợp thiếu thốn, ốm đau mà không ai lo, ai biết. Cán bộ, đảng viên phải có tinh thần phụ trách đầy đủ. Mặt khác, nhân dân cũng phải hiểu rằng trong tình hình hiện nay, sản xuất nông nghiệp của ta còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết; thời tiết không thuận thì không tránh khỏi những khó khăn căng thẳng trong đời sống. Nhân dân phải hiểu như vậy để cùng với Đảng và Nhà nước ra sức khắc phục khó khăn, giải quyết tốt mọi vấn đề về sản xuất và đời sống đang đặt ra trước chúng ta.

TRONG đại hội đảng bộ tỉnh vòng hai sắp tới, ngoài việc làm thấu suốt đường lối của Đại hội lần thứ IV của Đảng, các đồng chí phải bàn phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và biện pháp phát triển kinh tế, văn hóa trong tỉnh, nhất là mục tiêu, biện pháp **đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp**; phải bàn việc tổ chức lại **sản xuất trên địa bàn huyện, xây dựng huyện theo hướng trở thành một đơn vị kinh tế nông — công nghiệp** và tổ chức, kiện toàn cấp huyện thành một cấp kế hoạch, một cấp quản lý kinh tế nông nghiệp và công nghiệp, quản lý sản xuất, phân phối, và tổ chức đời sống của nhân dân ta ở nông thôn. Cần phải bàn việc **phát động, tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng.** Chủ nghĩa xã hội là sản phẩm của khoa học và cách mạng. Chủ nghĩa xã hội mà ta xây dựng là chủ nghĩa xã hội khoa học chứ không phải là không tưởng. Nhưng có phong trào cách mạng của quần chúng thì nó mới thực hiện được. Muốn phát triển sản xuất cũng phải có phong trào cách mạng. Sản xuất và tiêu dùng là một thói quen, thí dụ như nơi này nuôi lợn rất giỏi nhưng nơi khác lại không biết nuôi; có nơi trong vườn chỗ nào cũng trồng chuối, đu đủ, nhưng có nơi có đất mà không biết trồng. Đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một sự đảo lộn về nếp nghĩ, về cách làm ăn, về thói quen trong sản xuất và đời sống, là phá bỏ cái cũ, xây dựng cái mới. Không có phong trào cách mạng thì không làm nổi. Phong trào thủy lợi ở Thanh-hóa là một phong trào cách mạng, nó làm thay đổi bộ mặt nông thôn và cả nếp nghĩ cũ của nhân dân. Đó là một bài học lớn. Cần tiếp tục duy trì, phát triển phong trào thủy lợi, đồng thời phải từ kinh nghiệm làm thủy lợi mà phát động, tổ chức nuôi dưỡng phong trào cách mạng của quần chúng về các công tác khác, các khâu khác trong sản xuất, nhất là về các biện pháp kỹ thuật mới trong trồng trọt, chăn nuôi.

Phải **gắn liền phong trào cách mạng với xây dựng con người mới** và mọi phong trào cách mạng phải đạt được yêu cầu xây dựng con người mới. Phải có phong trào cách mạng liên tục,

Digitized by Google

hết phong trào này đến phong trào khác, thì cái tốt, cái đúng mới được khẳng định, được bồi dưỡng, được phát huy ; cái xấu, cái sai sẽ bị phủ định, bị xóa bỏ, bị lên án ; cứ thế cái mới sẽ đọng lại, con người mới sẽ nảy nở dần từng bước. Qua phong trào, chúng ta xây dựng tinh thần làm chủ tập thể, phát huy cái hay của nhân dân ta là biết coi trọng cái chung, luôn luôn xem làng với nước, nước với nhà là một. Phải đề cao nghĩa vụ lao động, rèn luyện ý thức lao động tự giác, kỷ luật lao động và tác phong lao động mới ; đấu tranh chống bệnh lười biếng, làm cho những người không lao động, những kẻ chây lười cảm thấy áy náy, hổ thẹn, tội lỗi là đã sống bám và ăn cắp của xã hội. Qua phong trào, phải rèn luyện cho người lao động có tình cảm cách mạng, có đạo đức cách mạng, biết thương yêu, đoàn kết, đùm bọc, giúp đỡ nhau, không ghen ghét, ganh tị, thù oán, làm hại lẫn nhau.

Đại hội Đảng bộ tỉnh cần thảo luận kỹ vấn đề **tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiện toàn các cơ quan chính quyền và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.** Cơ chế của chế độ ta là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đảng lãnh đạo tức là giai cấp công nhân lãnh đạo, nhưng người làm chủ tập thể chế độ ta là toàn thể nhân dân lao động mà hiện nay nòng cốt là công nông. Đảng lãnh đạo nhưng không làm thay nhân dân và không làm mất quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Đảng lãnh đạo thông qua Nhà nước chứ không thay thế Nhà nước. Và chính quyền Nhà nước vừa thể hiện sự lãnh đạo của Đảng vừa thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Nhân dân làm chủ bằng Nhà nước, tức là thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, qua các cơ quan chính quyền do nhân dân bầu ra. Nhân dân còn làm chủ bằng các đoàn thể quần chúng và các tổ chức dân cử khác. Nhân dân làm chủ tập thể được là do có sự lãnh đạo của Đảng. Không có sự lãnh đạo của Đảng, không theo sự lãnh đạo của Đảng thì không thể có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nhưng ngược lại, làm mất quyền làm chủ của nhân dân cũng sai lầm. Hiện nay ở một số nơi, có tình trạng một số cán bộ, đảng viên chuyên quyền, độc đoán. Phải sửa chữa, phải chấm dứt tình hình đó. Cần phải làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên hiểu rằng Đảng không phải là một tổ chức đặc quyền ; rằng Đảng là bộ tham mưu, người dẫn đường, là người đầy tớ của dân chứ Đảng không có quyền gì hết. Công việc của Đảng là đề ra đường lối, chủ trương, thông qua chính quyền Nhà nước để biến đường lối, chủ trương thành nguyện vọng, ý chí của quần chúng và trực tiếp vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương bằng hành động cách mạng của họ. Công việc của

Digitized by Google

Đảng, sau khi có đường lối, chủ trương rồi, chủ yếu là giáo dục, thuyết phục, là tổ chức, kiểm tra, là lôi cuốn quần chúng bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Nếu thay thế giáo dục, thuyết phục bằng mệnh lệnh, quyền hành, thay thế việc tổ chức, kiểm tra bằng nói suông và khoán trắng, nếu cán bộ, đảng viên không đi trước và không gương mẫu trong công tác thì làm sao dân tin, dân yêu được? Trong Đảng, trong cấp ủy có chức vụ, có trách nhiệm, và chức vụ, trách nhiệm là để phục vụ nhân dân. Nếu lẫn lộn trách nhiệm với quyền hành, rồi cái gì cũng nắm hết, cũng vơ vào cho mình, không coi trọng nhân dân, không coi trọng tập thể thì dễ phạm phải sai lầm. Tất cả những sự hư hỏng đó thường là từ đầu óc tư lợi, cá nhân chủ nghĩa mà ra; và trong quá trình phát triển Đảng, có những người cơ hội chủ nghĩa chui vào Đảng và có nơi kéo họ hàng, bè cánh vào Đảng để lợi dụng. Muốn Đảng mạnh, chi bộ, đảng bộ cơ sở mạnh, phải đưa số xấu, số cơ hội chủ nghĩa ra khỏi Đảng; đồng thời phải luôn luôn giáo dục, nâng cao ý chí chiến đấu, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, nghiêm khắc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đầu óc bè phái.

Phải làm cho nhân dân hiểu quyền làm chủ của họ và tự giác đóng vai người làm chủ trong việc xây dựng kinh tế và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, trong việc xây dựng chính quyền và bảo vệ chính quyền, trong việc làm tròn nghĩa vụ và được bảo đảm quyền lợi. Nhiệm vụ của cấp ủy Đảng, ngoài việc đề ra chủ trương, là lo công việc chung, công việc tuyên truyền, giáo dục, tổ chức, kiểm tra, lãnh đạo các đoàn thể quần chúng. Còn tất cả những việc về tổ chức thực hiện và quản lý kinh tế, văn hóa, về sản xuất, phân phối, và tổ chức đời sống, v.v... đều thông qua cơ quan chính quyền mà làm. Phải làm cho nhân dân tin vào sự lãnh đạo của Đảng đồng thời hiểu chính quyền là của họ và quen với việc sử dụng chính quyền để thực hiện quyền làm chủ tập thể đối với xã hội. Việc nhân dân lao động giác ngộ sâu sắc vai trò và quyền làm chủ tập thể của mình, và việc củng cố, hoàn thiện cơ chế làm chủ tập thể là một trong những bảo đảm quan trọng cho sự vững mạnh của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đảng phải thật sự chăm lo xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và không ngừng nâng cao trình độ làm chủ của nhân dân. Các đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ cũng phải làm việc ấy. Đó là một việc phải làm lâu dài, gắn với việc phát động phong trào cách mạng xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, với việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

CHÚNG ta vừa làm xong nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, giải

Digitized by Google

phóng miền Nam. Nước ta trước kia đã trải qua một thời kỳ đau khổ do Trịnh Nguyễn phân tranh, rồi Gia-Long rước thực dân Pháp sang xâm lược. Pháp đã thi hành một chính sách thâm độc, chia nước ta làm ba kỳ để dễ bề cai trị. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ta thực hiện thống nhất chưa được một tháng, lại bị đế quốc xâm lược và chia cắt. Đến bây giờ mới độc lập, thống nhất thật sự, hoàn toàn và vững chắc. Hoàn thành giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước là thành quả vĩ đại của Đảng ta, nhân dân ta. Hiện nay, nước ta tuy còn nghèo, nhưng đã đứng vào hàng các nước có chế độ xã hội tiến bộ nhất, và có khả năng trở thành một nước giàu mạnh.

Chúng ta cần hiểu rõ ta đang ở vào một giai đoạn, một kỷ nguyên hoàn toàn mới trong lịch sử của đất nước. Cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, đang cải tạo và phát triển kinh tế có kế hoạch. Sau chiến tranh, ta đã làm được nhiều việc, song cũng còn nhiều khó khăn. Nhưng nước nhà thống nhất có tiềm lực lớn về nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và tài nguyên thiên nhiên khác. Tất nhiên, cần có thời gian, cần nỗ lực rất lớn mới biến tiềm năng thành lực lượng vật chất được, nhưng dù sao đã hết gánh nặng chiến tranh, ta có thể tập trung sức vào nhiệm vụ kinh tế. Rõ ràng nước ta có điều kiện tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội. Phải tranh thủ thời gian mà làm, không được do dự, trì trệ nữa. Phải làm việc với khí thế cách mạng tiến công, phải chống tư tưởng bảo thủ, ngại khó.

Thanh-hóa là quê hương của Bà Triệu, vị nữ tướng lừng danh đã nêu một tấm gương sáng ngời cho phụ nữ nước ta. Thanh-hóa còn có vị anh hùng dân tộc Lê-Lợi có công giải phóng đất nước, từ tay không mà vùng dậy, gian khổ mười năm, có lúc chỉ còn vài trăm quân mà vẫn bền gan chiến đấu cho đến khi toàn thắng. Đời Trần đánh giặc rất giỏi nhưng có nước có vua; còn Lê-Lợi đánh giặc thì chỉ có dân thôi. Đó là những truyền thống hết sức quý báu của Thanh-hóa. Vậy trong khi làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là làm cách mạng tư tưởng và văn hóa, Thanh-hóa phải biết kết tinh, bồi dưỡng và nâng cao những cái hay, cái đẹp của dân tộc ta và cả cái hay, cái đẹp ngay trong địa phương mình, đồng thời phải đấu tranh xóa bỏ những cái xấu, cái hư, cái lạc hậu, lỗi thời đang cản trở bước tiến của chúng ta.

Mục tiêu của chúng ta là xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Cả nước ta nhất định sẽ thực hiện được mục tiêu đó. Thanh-hóa cũng sẽ thực hiện được mục tiêu đó. Trước kia còn chiến tranh, ta chưa nói chắc được, nhưng bây giờ thì hoàn toàn có thể khẳng định như vậy.

Từ thắng lợi trong phong trào thủy lợi hiện nay, Thanh-hóa hãy ra sức khắc phục khó khăn, nhanh chóng vươn lên mạnh mẽ hơn nữa.

Digitized by Google

Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo và độc lập, tự chủ

TRẦN-ĐỘ

I

ĐỘC lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo gắn chặt với nhau. — Có lịch sử hơn một thế kỷ, phong trào cách mạng vô sản quốc tế là một kho tàng kinh nghiệm vô giá đối với mỗi nước. Nhưng cách mạng mỗi nước lại chỉ có thể hấp thu những kinh nghiệm phù hợp với tình hình thực tế của nước mình, và từ đó mỗi đảng lại sáng tạo thêm kinh nghiệm góp vào kho tàng kinh nghiệm chung của thế giới. Việc đó đòi hỏi phải có đảng mác xít — lê ni nít có tinh thần độc lập, tự chủ.

Tuy nhiên, nếu một đảng gắn liền với đất nước, dân tộc mình, thì mỗi nước, mỗi đảng nói riêng và tất cả các nước, các đảng nói chung đều không tách khỏi thời đại mà nội dung cơ bản là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên quy mô toàn thế giới. Các đảng cộng sản và công nhân đều có chung một hệ tư tưởng là chủ nghĩa Mác — Lê-nin, một mục tiêu là đấu tranh cho sự toàn thắng của chủ nghĩa cộng sản, và đều đang phấn đấu cho những mục tiêu lớn của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Vì lẽ đó, sự phối hợp đấu tranh giữa các đảng là tất yếu; sự học hỏi kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhau là cần thiết; sự đóng góp ý kiến với nhau là có cơ sở khách quan để thực hiện.

Đảng ta do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, từ lâu đã xác định: con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản. Đó chính là tinh thần độc lập, tự chủ vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phân tích tình hình thực tế nước ta, sáng tạo ra đường lối, phương pháp cách mạng Việt-nam. Với đường lối và phương pháp cách mạng đó, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh ngoan cường, tạo ra được sức mạnh to lớn, bao gồm sức mạnh đoàn kết của toàn dân, sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất, sức mạnh truyền thống và sức mạnh hiện tại, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của đồng chí, bầu bạn trên thế giới, làm thất bại mọi âm mưu nham hiểm, đánh bại mọi hành động chiến tranh tàn bạo và trên quy mô lớn của kẻ thù.

Vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, Đảng ta phải sáng tạo, nghĩa là phải tìm ra và giải

Digitized by Google

quyết những vấn đề riêng của mình mà chưa có sẵn ở đâu cả. Có sáng tạo thì cách mạng mới thành công; cách mạng thành công chứng tỏ đường lối và phương pháp cách mạng là đúng đắn. Như vậy, đúng đắn và sáng tạo gắn liền với nhau. Sáng tạo không phải ở câu chữ mà ở đường lối, phương pháp, sách lược, thời cơ, ở không gian, thời gian phát động và hoàn thành cuộc cách mạng. Vận dụng đúng đắn và sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin để giải quyết các vấn đề của riêng nước ta, điều đó chứng tỏ rằng Đảng ta có tinh thần độc lập, tự chủ rất cao. Chỉ có độc lập, tự chủ thì mới có sáng tạo, mà có sáng tạo thì mới có thể đúng đắn được.

II

Yêu cầu cách mạng và quyết tâm chiến lược. – Sau hiệp-nghị Giơ-ne-vơ, cách mạng Việt-nam phát triển theo con đường nào?

Cách mạng Việt-nam phải tiếp tục tiến lên, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc chưa hoàn thành. Dừng lại thì không những dung dưỡng họa chia cắt, mà còn duy trì họa ngoại xâm thường xuyên trên đất nước ta. Chính lẽ sống, niềm mơ ước, và cả sự sinh tồn của dân tộc Việt-nam đòi hỏi cách mạng phải tiếp tục tiến lên. Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng cộng sản Việt-nam nêu rõ: miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam trực tiếp đấu tranh chống Mỹ – ngụy, cả nước một lòng giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà, bảo vệ hòa bình ở Đông-dương, Đông Nam châu Á và thế giới.

Cách mạng Việt-nam tiếp tục tiến lên cũng là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta. Đồng thời đó cũng là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội và hòa bình trên thế giới. Vì thế, chấp nhận sự thách thức của đế quốc Mỹ, chẳng những là yêu cầu của bản thân cách mạng Việt-nam, mà cũng là vấn đề lương tâm thời đại, vấn đề danh dự, uy tín của cả phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội – cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. – Trong khi miền Nam của Tổ quốc còn bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thống trị, thì kiên quyết đấu tranh giành độc lập hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc là nhiệm vụ cao hơn tất cả, bao trùm tất cả. Dù phải hy sinh gian khổ đến mấy, nhân dân ta cũng phải hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Nước Việt-nam là một. Dân tộc Việt-nam là một dân tộc thống nhất. Không thể có độc lập dân tộc, khi một nửa nước còn nằm dưới sự thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Không thể có thống nhất nước nhà khi dân tộc chưa được độc lập. Độc lập, thống nhất là sự nghiệp thiêng liêng của mọi người Việt-nam yêu nước. Nhưng muốn có độc lập và thống nhất thật sự thì phải đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc trở thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước. Nhân dân cả nước phải chung lòng, tiếp tục tiến lên cho đến ngày toàn thắng.

Tiêu biểu cho quyết tâm đó là đường lối *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* của Đảng ta. Một đảng thống nhất lãnh đạo nhân dân cả nước cùng một lúc làm hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, nhưng nhằm một mục tiêu chung: hoàn thành cách mạng dân tộc – dân chủ nhân dân trong cả nước. Miền Bắc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, làm nhiệm vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, giữ vai trò quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước. Miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ

Digitized by Google

Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo và độc lập, tự chủ

TRẦN-ĐỘ

I

Độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo gắn chặt với nhau. — Có lịch sử hơn một thế kỷ, phong trào cách mạng vô sản quốc tế là một kho tàng kinh nghiệm vô giá đối với mỗi nước. Nhưng cách mạng mỗi nước lại chỉ có thể hấp thu những kinh nghiệm phù hợp với tình hình thực tế của nước mình, và từ đó mỗi đảng lại sáng tạo thêm kinh nghiệm góp vào kho tàng kinh nghiệm chung của thế giới. Việc đó đòi hỏi phải có đảng mác xít — lê ni nít có tinh thần độc lập, tự chủ.

Tuy nhiên, nếu một đảng gắn liền với đất nước, dân tộc mình, thì mỗi nước, mỗi đảng nói riêng và tất cả các nước, các đảng nói chung đều không tách khỏi thời đại mà nội dung cơ bản là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên quy mô toàn thế giới. Các đảng cộng sản và công nhân đều có chung một hệ tư tưởng là chủ nghĩa Mác — Lê-nin, một mục tiêu là đấu tranh cho sự toàn thắng của chủ nghĩa cộng sản, và đều đang phấn đấu cho những mục tiêu lớn của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Vì lẽ đó, sự phối hợp đấu tranh giữa các đảng là tất yếu; sự học hỏi kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhau là cần thiết; sự đóng góp ý kiến với nhau là có cơ sở khách quan để thực hiện.

Đảng ta do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, từ lâu đã xác định: con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản. Đó chính là tinh thần độc lập, tự chủ vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phân tích tình hình thực tế nước ta, sáng tạo ra đường lối, phương pháp cách mạng Việt-nam. Với đường lối và phương pháp cách mạng đó, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh ngoan cường, tạo ra được sức mạnh to lớn, bao gồm sức mạnh đoàn kết của toàn dân, sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất, sức mạnh truyền thống và sức mạnh hiện tại, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của đồng chí, bầu bạn trên thế giới, làm thất bại mọi âm mưu nham hiểm, đánh bại mọi hành động chiến tranh tàn bạo và trên quy mô lớn của kẻ thù.

Vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, Đảng ta phải sáng tạo, nghĩa là phải tìm ra và giải

Digitized by Google

quyết những vấn đề riêng của mình mà chưa có sẵn ở đâu cả. Có sáng tạo thì cách mạng mới thành công; cách mạng thành công chứng tỏ đường lối và phương pháp cách mạng là đúng đắn. Như vậy, đúng đắn và sáng tạo gắn liền với nhau. Sáng tạo không phải ở câu chữ mà ở đường lối, phương pháp, sách lược, thời cơ, ở không gian, thời gian phát động và hoàn thành cuộc cách mạng. Vận dụng đúng đắn và sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin để giải quyết các vấn đề của riêng nước ta, điều đó chứng tỏ rằng Đảng ta có tinh thần độc lập, tự chủ rất cao. Chỉ có độc lập, tự chủ thì mới có sáng tạo, mà có sáng tạo thì mới có thể đúng đắn được.

II

Yêu cầu cách mạng và quyết tâm chiến lược. — Sau hiệp-nghị Giơ-ne-vơ, cách mạng Việt-nam phát triển theo con đường nào?

Cách mạng Việt-nam phải tiếp tục tiến lên, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc chưa hoàn thành. Dừng lại thì không những dung dưỡng họa chia cắt, mà còn duy trì họa ngoại xâm thường xuyên trên đất nước ta. Chính lẽ sống, niềm mơ ước, và cả sự sinh tồn của dân tộc Việt-nam đòi hỏi cách mạng phải tiếp tục tiến lên. Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng cộng sản Việt-nam nêu rõ: miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam trực tiếp đấu tranh chống Mỹ — ngụy, cả nước một lòng giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà, bảo vệ hòa bình ở Đông-dương, Đông Nam châu Á và thế giới.

Cách mạng Việt-nam tiếp tục tiến lên cũng là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta. Đồng thời đó cũng là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội và hòa bình trên thế giới. Vì thế, chấp nhận sự thách thức của đế quốc Mỹ, chẳng những là yêu cầu của bản thân cách mạng Việt-nam, mà cũng là vấn đề lương tâm thời đại, vấn đề danh dự, uy tín của cả phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội — cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. — Trong khi miền Nam của Tổ quốc còn bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thống trị, thì kiên quyết đấu tranh giành độc lập hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc là nhiệm vụ cao hơn tất cả, bao trùm tất cả. Dù phải hy sinh gian khổ đến mấy, nhân dân ta cũng phải hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Nước Việt-nam là một. Dân tộc Việt-nam là một dân tộc thống nhất. Không thể có độc lập dân tộc, khi một nửa nước còn nằm dưới sự thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Không thể có thống nhất nước nhà khi dân tộc chưa được độc lập. Độc lập, thống nhất là sự nghiệp thiêng liêng của mọi người Việt-nam yêu nước. Nhưng muốn có độc lập và thống nhất thật sự thì phải đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc trở thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước. Nhân dân cả nước phải chung lòng, tiếp tục tiến lên cho đến ngày toàn thắng.

Tiêu biểu cho quyết tâm đó là đường lối *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* của Đảng ta. Một đảng thống nhất lãnh đạo nhân dân cả nước cùng một lúc làm hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, nhưng nhằm một mục tiêu chung: hoàn thành cách mạng dân tộc — dân chủ nhân dân trong cả nước. Miền Bắc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, làm nhiệm vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, giữ vai trò quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước. Miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ

Digitized by Google

chiến lược được tiến hành đồng thời, lồng vào nhau, phối hợp với nhau. Đây là một nét độc đáo của cách mạng Việt-nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Tình hình như trên chưa xảy ra ở đâu cả. Tự Đảng ta phải xác định nhiệm vụ cho dân tộc ta và tự Đảng ta cũng phải xác định cho mình phương hướng lãnh đạo nhân dân để hoàn thành những nhiệm vụ đề ra.

Đề ra mục tiêu cho cách mạng cả nước đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, thể hiện sự nhạy cảm đối với yêu cầu độc lập dân tộc. Song, ngọn cờ xã hội chủ nghĩa cũng được giương lên cao hơn. Như thế là vừa tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, vừa đẩy sự nghiệp cách mạng tiến lên thuận với trào lưu thời đại. Trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta, hai mục tiêu lớn của thời đại: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội xoắn xuýt với nhau và được tiến hành đồng thời. Đó là sự tất yếu của cách mạng Việt-nam. Đó cũng là tư tưởng trung tâm chỉ đạo sự suy nghĩ, tình cảm, hành động của mỗi người Việt-nam yêu nước. Sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã tạo ra sức mạnh vật chất to lớn bảo đảm cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước giành được thắng lợi rực rỡ.

Quan điểm sáng tỏ về kẻ thù của cách mạng. — Ngay từ khi còn đang trứng nước, chính quyền cách mạng đã phải đương đầu với những âm mưu quỷ quyệt của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Cách mạng Việt-nam càng tiến lên, càng phải đương đầu trực diện với đế quốc Mỹ. Từ đầu những năm 50, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã nhận định đế quốc Mỹ là kẻ thù chung của nhân dân thế giới, đồng thời cũng là kẻ thù của nhân dân ta. Sau Hiệp nghị Giơ-ne-vơ (1954), Đảng ta và Hồ Chủ tịch lại nhận định thêm: đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù chính của nhân dân Việt-nam, của cách mạng Việt-nam. Nhận định đó rất sáng suốt, kịp thời.

Nhận định đó của Đảng ta đã vạch trần những âm mưu xâm lược thâm độc, những thủ đoạn đàn áp tàn bạo của đế quốc Mỹ chống độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình; bóc trần lớp sơn hào nhoáng của Mỹ tự tô vẽ nó như là một kẻ «hào hiệp», có sứ mệnh đứng ra bảo vệ «thế giới tự do», «bảo vệ dân chủ», «duy trì hòa bình» v v..

Tổ chức lực lượng đương đầu với kẻ thù. — Đảng ta nhận định: tuy đế quốc Mỹ đông quân, lắm của nhiều vũ khí tối tân, có lòng tham không đáy nhưng vì nó là tên sen đầm quốc tế, là kẻ thù chung của nhân loại, cho nên sức mạnh của nó có hạn; còn nhân dân ta được sự chỉ đạo của một đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối đối ngoại đúng đắn, thì hoàn toàn có thể đánh thắng được đế quốc Mỹ. Nhận định khoa học đó là cơ sở cho hoạt động rộng lớn của Đảng ta tổ chức lực lượng đánh thắng giặc Mỹ. Đánh giá địch một cách khoa học, thấy được chỗ mạnh tạm thời, chỗ yếu cơ bản của địch, biết cách khai thác mặt yếu, hạn chế mặt mạnh của địch, ngược lại thấy được và biết cách phát huy mặt mạnh cơ bản của ta, giảm dần mặt yếu của ta, đó là mối quan tâm thường xuyên của Trung ương Đảng ta.

Để đánh thắng giặc Mỹ, Đảng ta đã ra sức động viên và tổ chức lực lượng của nhân dân cả nước tiến hành cuộc chiến đấu lâu dài, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng. Công tác tổ chức lực lượng gắn liền với đường lối, nhiệm vụ chính trị. Đường lối, nhiệm vụ chính trị đúng đắn là nguồn vô tận tạo ra lực lượng cách mạng; định ra được đường lối chính trị đúng đắn là đã giải quyết được một nửa nhiệm vụ tổ chức.

Digitized by Google

Lực lượng cách mạng Việt-nam trong cuộc chống Mỹ, cứu nước là lực lượng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa. Cho nên việc tổ chức vừa phải huy động lực lượng mỗi miền làm nhiệm vụ cụ thể của mình, lại vừa phải hướng lực lượng cả nước phục vụ thật tốt cho nhiệm vụ chung. Việc tổ chức lực lượng tham gia chiến đấu phải xuất phát từ chiến lược tiến công của cuộc chiến tranh nhân dân. Lực lượng chiến đấu bao gồm cả lực lượng quân sự, lực lượng chính trị, lực lượng nửa quân sự, các tổ chức không hợp pháp, nửa hợp pháp và hợp pháp, các tổ chức bí mật và công khai. Việc tổ chức lấy tập hợp quần chúng cơ bản làm lực lượng quyết định, trên cơ sở đó ra sức tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ. Điều nổi bật của việc tổ chức ở miền Nam là tổ chức để chiến đấu, tổ chức gắn liền với công tác tư tưởng, phát huy tinh thần yêu nước, căm thù đế quốc Mỹ làm động cơ thúc đẩy cuộc chiến đấu. Công tác tổ chức ở miền Nam phải tạo điều kiện tiếp nhận sự chi viện của miền Bắc, phối hợp với lực lượng miền Bắc mà chiến đấu.

Ở miền Bắc, một công tác tổ chức rộng lớn, nhiều mặt đã được thực hiện, đáp ứng được mọi yêu cầu của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, chi viện hết sức cho miền Nam. Duy trì hàng mấy chục năm trời một nếp sống sản xuất và chiến đấu cho đến ngày toàn thắng, là một thành công kỳ diệu của Đảng và Chính phủ ta.

Cuộc chiến đấu của nhân dân ta không tiến hành lẻ loi. Cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ ở Việt-nam, cũng như ở Lào và Cam-pu-chia được tiến hành một cách có tổ chức có kế hoạch chính là xuất phát từ nhận định đúng đắn của Đảng ta về âm mưu của đế quốc Mỹ. Điều đó không phải nằm ngoài dự kiến về mọi mặt của Đảng ta. Như Đảng ta đã dự kiến cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ còn triển khai trên toàn bộ hành tinh chúng ta, ở ngay cả trong nước Mỹ. *Đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng ta* đã phát huy tác dụng tổ chức, được tiến hành có trọng tâm trong từng thời điểm của cuộc chiến tranh, nhằm ngăn ngừa, phá tan kế hoạch chiến lược và chiến thuật của đế quốc Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh ở Việt-nam, đế quốc Mỹ bị vây hãm trong « ba tầng mặt trận » của nhân dân ta, của nhân dân ba nước Đông-dương, của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ ở chính ngay nước Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh nhân dân Việt-nam, toàn dân đánh giặc được thực hiện đúng ý nghĩa toàn vẹn của danh từ đó. Cả lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị quần chúng đều tham gia đánh giặc. Mỗi cánh quân, ngoài nhiệm vụ phối hợp chiến đấu chung, đều đủ sức độc lập tác chiến, đều có chiến trường, đối tượng tác chiến của mình được phân công.

Đội quân chính trị quần chúng vừa là lực lượng đấu tranh chính trị chống Mỹ và tay sai, vừa là lực lượng giải phóng và bảo vệ quê hương. Nó là lực lượng chủ công to lớn phá các mưu đồ chính trị gian dối, độc lập giả hiệu của Mỹ — ngụy. Nó còn là trợ lực của lực lượng vũ trang chính quy trong chuẩn bị và chiến đấu.

Với lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù địch sâu sắc, lại được rèn luyện trong đấu tranh, quần chúng cách mạng sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa. Trong cuộc cách mạng ở nước ta, chúng ta có khả năng to lớn kết hợp khởi nghĩa quần chúng với chiến tranh cách mạng. Quần chúng nhân dân tham gia chiến đấu, chứ không phải chỉ chuẩn bị chiến trường, phục vụ chiến trường theo nghĩa hẹp. Trong điều kiện Việt-nam, chiến tranh du kích có tầm quan trọng chiến lược. Nó là hình thức khởi nghĩa của quần

Digitized by Google

chúng. Quần chúng, bằng chiến tranh du kích, khởi nghĩa tiêu diệt sinh lực địch, giành quyền làm chủ, giải phóng đất, lập chính quyền, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng của mình. Từ khởi nghĩa quần chúng phát triển thành chiến tranh cách mạng. Chiến tranh cách mạng thúc đẩy cao trào khởi nghĩa của quần chúng. Khởi nghĩa quần chúng và chiến tranh cách mạng kết hợp với nhau. Nhờ vậy, chiến tranh chống Mỹ, cứu nước kết hợp được chặt chẽ lực lượng chính trị của quần chúng với sức mạnh của lực lượng quân sự, nhân sức mạnh của nhân dân ta và quân đội ta lên gấp bội. Đường lối quân sự đó của Đảng ta nâng chiến tranh nhân dân Việt-nam lên đỉnh cao nhất. Đường lối đó huy động được toàn thể nhân dân, sử dụng được tất cả mọi khả năng của nhân dân để chiến thắng.

Đường lối quân sự của Đảng ta đã kết hợp được truyền thống dân tộc với chiến tranh hiện đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta không chỉ sử dụng, phát huy cái cổ truyền là sở trường của mình mà còn nắm được cái mới trên cơ sở thành thạo cái cổ truyền, sử dụng đồng thời cả cái mới và cái cổ truyền. Chúng ta không những từ đánh nhỏ phát triển thành đánh to, từ đánh du kích phát triển thành chiến tranh chính quy, từ đấu tranh chính trị phát triển thành đấu tranh vũ trang, mà hơn nữa, ở bất cứ nơi nào và lúc nào, chúng ta cũng đều coi trọng cả đánh nhỏ, coi trọng cả chiến tranh du kích, coi trọng cả đấu tranh chính trị, kết hợp mọi quy mô, mọi hình thức và phương thức đấu tranh, làm cho hiệu quả đấu tranh ngày càng cao, thu hút được toàn dân tham gia đấu tranh.

Đường lối quân sự của Đảng ta là cơ sở để phát huy *nghệ thuật quân sự* của Đảng. Nó phát huy đến mức cao nhất năng lực tiến hành chiến tranh của toàn dân và toàn quân ta. Đương đầu với nhân dân Việt-nam, đế quốc Mỹ vấp phải cuộc đồng khởi chống Mỹ — ngụy của dân tộc ta. Quần chúng tiến hành đấu tranh chính trị phối hợp với đấu tranh vũ trang và tiếp tục sứ mệnh lịch sử của mình trong đánh địch ở khắp mọi nơi, bằng mọi hình thức, với mọi thứ vũ khí có trong tay. Để chiến thắng địch, lực lượng vũ trang chủ lực tập trung giáng cho địch những đòn lớn nghiền nát sức đề kháng từng lúc của địch, và từng bước đè bẹp âm mưu xâm lược của địch. Trong khi đó, quần chúng bằng đấu tranh chính trị vẫn liên tiếp tiến công địch, không để cho địch nghỉ ngơi, củng cố đội ngũ và bồi dưỡng sức chiến đấu. Đấu tranh chính trị của quần chúng, do đó, có tác dụng rất lớn trong tất cả các thời kỳ phát triển của cách mạng *miền* Nam. Nó được tiến hành song song với đấu tranh vũ trang, tăng sức cho đấu tranh vũ trang, kết hợp với đấu tranh vũ trang. Chính sức mạnh tổng hợp của đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị ở nước ta đã quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy ; kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ thì phát huy được mọi khả năng của đường lối toàn dân đánh giặc. Theo đường lối toàn dân đánh giặc, Đảng ta vừa chăm lo giáo dục, động viên và tổ chức cho đông đảo quần chúng đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, vừa không ngừng chăm lo rèn luyện quân đội và trang bị cho quân đội vũ khí ngày càng hiện đại. Chiến sĩ có trình độ giác ngộ chính trị cao, có bản lĩnh chiến đấu, lại nắm được vũ khí hiện đại, thì càng đạt được hiệu suất chiến đấu cao. Sử dụng kỹ thuật hiện đại đồng thời sử dụng kỹ thuật thô sơ thì càng tăng cường khả năng chiến đấu của quân và dân ta trong cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại. Và chăng đối với bất kỳ một kỹ thuật mới nào được sáng tạo ra, người ta

Digitized by Google

đều có khả năng làm cho nó mất hiệu lực, hoặc giảm hiệu lực, có khi chỉ bằng những phương pháp thông thường. Phát huy đến mức cao nhất mọi loại vũ khí là cách tốt nhất để thực hiện đường lối toàn dân đánh giặc.

Tất cả các vấn đề nghệ thuật quân sự ấy gắn bó chặt chẽ với nhau. Đó là một sáng tạo đặc sắc trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh Việt-nam, nó làm cho nghệ thuật quân sự Việt-nam hết sức linh hoạt, sắc bén và cũng hết sức độc đáo. Đó cũng là một mặt chỉ đạo đầy tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng ta.

Cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, phát triển đến một lúc nào đó thì Đảng ta quyết định mở *mặt trận đấu tranh ngoại giao*. Mặt trận đấu tranh này góp phần tập hợp lực lượng quốc tế chống Mỹ ủng hộ Việt-nam. Nó làm cho lập trường cuộc đấu tranh chính nghĩa của ta ngày càng sáng tỏ trên thế giới. Nó góp phần hình thành trong thực tế mặt trận nhân dân thế giới đấu tranh chống đế quốc Mỹ, ủng hộ Việt-nam. Nó làm cho đế quốc Mỹ bị cô lập hơn nữa trên thế giới, phá tan âm mưu chia rẽ, ly gián của đế quốc Mỹ đối với cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Mặt trận này đã đánh bại nhiều âm mưu câu kết của đế quốc Mỹ và những đế quốc khác nhằm chống cách mạng Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia.

Mặt trận đấu tranh ngoại giao tất nhiên là một bộ phận cuộc đấu tranh chung, không tách rời hai mặt trận đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị của nhân dân ta trên chiến trường. Nó không thể thay thế hai mặt trận kia, song kết quả của nó cũng không hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của hai mặt trận kia. Vì thế mặt trận đấu tranh ngoại giao không thụ động, trái lại nó chủ động phát huy tác dụng thúc đẩy hai mặt trận kia. Mỗi thắng lợi của mặt trận ngoại giao tạo một đà thúc đẩy mới đối với cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự của quần chúng cách mạng. Sự phát triển của mỗi mặt trận không hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi kết quả của mặt trận kia. Một mặt trận phát triển càng tạo điều kiện cho mặt trận kia phát triển, và ngược lại. Mặt trận này tạo điều kiện cho mặt trận kia vượt khó khăn để vươn tới, và ngược lại.

Cho nên, mặt trận ngoại giao góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng chung, làm cho địch ngày càng bị cô lập trên thế giới, làm cho thế giới ngày càng ủng hộ ta một cách mạnh mẽ, tác động có hiệu quả đến các mặt trận khác, khiến cho địch ngày càng bị động. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ngày càng phát triển vững vàng, quyền chủ động của ta càng được phát huy hơn nữa.

Sự kết hợp nhiều mặt trận đấu tranh, và xác định rõ vai trò, tác dụng từng mặt trận một cách thích đáng, cũng là một nét sáng tạo và độc lập, tự chủ trong sự lãnh đạo của Đảng ta.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước lâu dài, ác liệt và gian khổ, Đảng ta đã giải quyết thành công *vấn đề hậu phương* của chiến tranh cách mạng. Đó là kết quả vận dụng đúng đắn luận điểm sau đây của Đại hội Đảng lần thứ III: «miền Bắc có tác dụng quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước».

Việc xây dựng hậu phương lớn của cả nước gắn liền với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Với đường lối đúng đắn, miền Bắc ngày càng phát triển lớn mạnh, bảo đảm đời sống của nhân dân về mọi mặt, củng cố và bảo vệ mình, đồng thời hết lòng đóng góp cho tiền tuyến lớn về các mặt vật chất và tinh thần. Miền Bắc, nhờ vậy, đã bảo đảm đầy đủ nhất về các mặt vật chất - kỹ thuật cho một cuộc chiến tranh hiện

Digitized by Google

đại. Điều đặc biệt quan trọng là với sự giúp đỡ của các nước anh em, miền Bắc xã hội chủ nghĩa có đủ sức để giải quyết những vấn đề của cuộc chiến tranh hiện đại.

Nếu hậu phương lớn miền Bắc là cái bảo đảm lớn nhất cho chiến thắng vĩ đại của dân tộc, thì hậu phương tại chỗ ở miền Nam đóng vai trò bảo đảm trực tiếp cho thắng lợi ấy. Nó chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đón nhận và phát huy sự chi viện của hậu phương lớn; nó còn là bàn đạp trực tiếp để tiến công vào đồn bốt, căn cứ quân sự địch, bảo vệ quyền làm chủ vừa giành được.

Với đường lối đúng đắn, Đảng ta đã giải quyết tốt một loạt vấn đề cụ thể để củng cố, phát triển, bảo vệ hậu phương cho cuộc kháng chiến.

III

Tính độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo trong đường lối của Đảng ta không phải tự nhiên mà có. Đó là sản phẩm của cách mạng Việt nam trong thời đại mới.

Cách mạng Việt-nam có một lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại là *Chủ tịch Hồ-Chí-Minh*. Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta vừa là lãnh tụ của dân tộc vừa là lãnh tụ của giai cấp công nhân Việt-nam.

Hồ Chủ tịch thiết tha yêu nước, thiết tha với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nhưng giải phóng dân tộc bằng con đường nào? Người đã khẳng định là chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức. Hồ Chủ tịch đã đem nhiệt tình yêu nước, kết hợp với lý luận khoa học cách mạng nhất của thời đại là chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Ở Người, tinh thần cách mạng triệt để gắn làm một với quan điểm khoa học thật sự; đạo đức cách mạng, phẩm chất cách mạng gắn liền với phương pháp cách mạng khoa học. Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chủ tịch chính là sự nghiệp cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt-nam; hoạt động cách mạng của Người thấm đượm lòng yêu nước sâu sắc và tinh thần quốc tế vô sản cao cả.

Hồ Chủ tịch đã sáng lập, giáo dục và rèn luyện Đảng ta, bảo đảm cho cách mạng Việt-nam có một đường lối trăm trận trăm thắng, đã vun trồng những nhân tố thắng lợi cơ bản của cách mạng Việt-nam.

Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta phải độc lập, tự chủ, vì sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta *được tiến hành trước hết vì lợi ích sống còn của dân tộc Việt-nam*, đồng thời cũng vì lợi ích của nhân dân các nước. Do cuộc đấu tranh vì sự sống còn của dân tộc ta đồng thời là cuộc đụng đầu lịch sử có ý nghĩa quốc tế to lớn, cho nên nó không những đề cao trách nhiệm nặng nề của Đảng ta trước nhân dân Việt-nam mà còn đề cao trách nhiệm của Đảng ta trước nhân dân toàn thế giới. Dưới sự lãnh đạo kiên quyết của Đảng, cả dân tộc ta lớp lớp lên đường, vượt qua muôn vàn khó khăn, chịu đựng mọi hy sinh tổn thất, quyết tâm giành cho kỳ được độc lập, tự do.

Ý chí, quyết tâm của Đảng ta trong cuộc chống Mỹ, cứu nước dựa trên những mục tiêu đã được Đảng ta và Bác Hồ lựa chọn. Đó là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt-nam kiên trì giữ vững hai mục tiêu cơ bản đó trong suốt cả quá trình từ khi Đảng ta ra đời. Nhằm những mục tiêu cơ bản đó, Đảng ta trong từng bước phát triển của tình hình cách mạng đã đề ra những khẩu hiệu chiến lược đúng đắn như: « Độc lập dân tộc », « người cày có ruộng », « hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh », « không có gì quý hơn

Digitized by Google

độc lập tự do!» «đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào», v.v... Điều đó chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng là sáng tạo, sinh động. Do sự giáo dục của Đảng, những mục tiêu cơ bản nói trên đã ăn sâu vào tâm trí của từng người dân, trở thành ý chí không gì lay chuyển nổi của toàn thể nhân dân ta. Nó biến thành sức mạnh tiến công của cách mạng Việt-nam.

Với ý chí và quyết tâm đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vững vàng vươn lên, đạp bằng mọi khó khăn gian khổ mà xốc tới. Kết quả là trong cuộc đọ sức thi gan này, chiến lược xâm lược của đế quốc Mỹ đã thua chiến lược độc lập, tự chủ, sáng tạo, đúng đắn của Đảng ta.

Một ưu điểm nổi bật của Đảng ta là luôn luôn *nhìn rõ kẻ thù của cách mạng*. Đây là một yếu tố cơ bản bảo đảm tính đúng đắn của mọi đường lối, chiến lược cách mạng.

Việc Đảng ta ngay từ rất sớm đã xác định đế quốc Mỹ là kẻ thù trực tiếp, chủ yếu của cách mạng Việt-nam, là kết quả tất nhiên của bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta. Từ nhận thức đó, Đảng ta càng nêu cao quyết tâm lãnh đạo nhân dân ta tiến hành đến cùng cuộc chống Mỹ, cứu nước vĩ đại. Quyết tâm đó là sản phẩm của lòng yêu nước nồng nàn kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Thực tiễn cách mạng của dân tộc ta đã chứng minh đường lối cách mạng của Đảng ta là đúng đắn. Đồng thời nó giúp Đảng ta phát triển và hoàn chỉnh hơn nữa đường lối cách mạng đó.

Chính vì xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt-nam, mà đường lối cách mạng của Đảng ta được định ra chính xác, đứng vững trước mọi thử thách, và không một phút nào đi chệch mục tiêu đã lựa chọn. Nhờ tổng kết thực tiễn cách mạng trước đó, Đảng ta đã lãnh đạo thành công cuộc đồng khởi ở miền Nam trong những năm 1959 – 1960. Chính cuộc đồng khởi này đã dẫn tới kết quả là đánh đổ bộ máy chính quyền phát xít Ngô-Đình-Diệm được Mỹ nuôi dưỡng giữa lúc nó được nhiều người coi là một «chính quyền mạnh» của «thế giới tự do».

Việc theo dõi sát sao thực tiễn của phong trào cách mạng cho phép Đảng ta tìm thấy phương sách, lực lượng, biện pháp để bảo đảm sự thành công và phát hiện những sáng tạo của nhân dân về các phương thức và hình thức đấu tranh cách mạng, từ đó tổng kết thành phương châm, nguyên tắc, thành đường lối. Những phương châm nguyên tắc đó lại ăn sâu trong quần chúng, trở thành bản lĩnh của quần chúng. Chiến đấu chống một tên đế quốc đầu sỏ, Đảng ta luôn luôn ý thức được tính chất phức tạp, vô cùng gay go của cuộc đọ sức, đấu trí này. Đặc biệt là trong những bước ngoặt của tình hình, việc chú ý đầy đủ đến thực tiễn cách mạng của quần chúng là nhân tố cực kỳ quan trọng đem lại sức sáng tạo vĩ đại cho sự lãnh đạo của Đảng ta. Chiến thắng Ấp-bắc... cổ vũ quân và dân ta xông lên đánh thắng hoàn toàn chiến tranh «đặc biệt» của Mỹ – ngụy. Những cuộc khởi nghĩa liên tiếp của nông dân, và sự nổi dậy rộng lớn vào năm 1968 ở nhiều thành phố... – tất cả những cái đó chứng minh khả năng huy động toàn dân vào cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai. Việc đánh bại hành động chiến tranh của Mỹ – ngụy ở đường 9 – Nam Lào, và việc phá tan sự bao vây đối với miền Bắc nước ta nói lên thực tiễn anh hùng của quân và dân ta trên mọi mặt trận, ở tiền tuyến và hậu phương, làm cơ sở vững chắc cho sự thành công của một đường lối cách mạng triệt để. Nó chứng tỏ Đảng ta có đầy đủ sức mạnh để xây dựng và thực hành một đường lối độc lập, tự chủ.

Digitized by Google

Nhân dân ta không kể là ở tiền tuyến hay ở hậu phương, đã lao động sáng tạo và chiến đấu anh dũng, mưu trí, vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả. Hành động của họ là sự thể hiện sinh động đường lối cách mạng của Đảng ta.

Nhân dân ta sáng tạo ra lịch sử của mình một cách có ý thức. Vì lợi ích sâu xa của dân tộc, vì những lý tưởng cao đẹp, họ sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách, hy sinh. Điều đó không hề có gì giống với sự cam chịu. Thực tiễn chứng tỏ rằng dân tộc ta có một nghị lực sáng tạo phi thường, có ý thức tự lực tự cường, tự sáng tạo ra lịch sử của mình bằng máu đào và trí tuệ của mình. *Ý Đảng, lòng dân* là nhân tố thường xuyên quyết định tính chất độc lập, tự chủ trong đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta.

Trong cuộc đấu tranh lâu dài, phức tạp, *sự đoàn kết nhất trí trong Đảng* được giữ vững và tăng cường, là niềm tự hào to lớn của Đảng ta. Được Bác Hồ và Trung ương Đảng chăm lo xây dựng, sự đoàn kết nhất trí ấy, bảo đảm cho đường lối của Đảng được thực hiện thắng lợi. Đảng ta đoàn kết cả trên tư tưởng, ý chí và trong hành động. Đảng ta đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở đường lối độc lập, tự chủ, đúng đắn ; mặt khác sự đoàn kết nhất trí trong Đảng cũng thấm đượm tình đồng chí sâu sắc.

Đảng ta không phải không có sai lầm, khuyết điểm. Nhưng mỗi khi có sai lầm, thì Đảng ta với dũng khí cách mạng triệt để, vì dân vì nước, với tinh thần khoa học phân tích những sai lầm khuyết điểm đó, tìm ra cách đúng đắn khắc phục chúng để đưa sự nghiệp cách mạng đi tới. Điều đó cũng tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, càng đề cao sự tin cậy của nhân dân đối với Đảng. Toàn Đảng qua thử thách, càng già dặn hơn, càng đoàn kết nhất trí. Toàn dân, vì thế, gắn bó với Đảng. Đảng ta nhìn thấy những hạn chế của một bộ phận đảng viên là một điều khó tránh khỏi trong quá trình phát triển của cách mạng. Trong quá trình phấn đấu thực hiện nghị quyết của Đảng, Đảng ta luôn luôn đề phòng và đấu tranh chống các lệch lạc hữu và « tả » khuynh, qua đó bảo đảm cho mục tiêu cách mạng được sáng tỏ hơn nữa và đường lối cách mạng của Đảng được thực hiện đầy đủ.

Như vậy, *Đảng ta đã có đường lối đúng đắn* là vì Đảng ta luôn luôn vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phân tích tình hình chung của thời đại, tình thế cách mạng của nước ta, xác định rõ kẻ thù, kiên định ý chí đấu tranh cách mạng, kiên trì mục tiêu cách mạng, phân tích rõ các lực lượng cách mạng, bố trí sắp xếp và đoàn kết lực lượng cách mạng trong nước và trên thế giới. Đảng ta luôn luôn nắm sát thực tế cách mạng, tin tưởng vào quần chúng cách mạng, phát hiện những sáng tạo trong phong trào cách mạng của quần chúng, tổng kết lại thành phương châm nguyên tắc, bổ sung cho đường lối cách mạng ngày càng đúng đắn, sự chỉ đạo chiến lược ngày càng sắc bén, linh hoạt. Đảng ta luôn luôn chú trọng đề phòng và chống các khuynh hướng « tả » hoặc hữu (mà chủ yếu là chống và khắc phục các lệch lạc hữu khuynh). Đảng ta đoàn kết nhất trí thành một khối vững chắc, không dung thứ những hiện tượng bè phái, chia rẽ.

Đảng ta cũng tham khảo một cách nghiêm chỉnh những kinh nghiệm cách mạng các nước và vận dụng có chọn lọc vào hoàn cảnh của nước ta.

Trong giai đoạn mới, trước nhiệm vụ cách mạng hết sức nặng nề, mới mẻ, Đảng ta vẫn tiếp tục nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào

(Xem tiếp trang 42)

Digitized by Google

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

HÀ - THỊ - QUẾ

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhân dân ta phấn khởi, sôi nổi tiến hành ba cuộc cách mạng, nhằm xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Đây là quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục sâu sắc, triệt để của cả xã hội.

Gia đình là một đơn vị tổ chức nhỏ nhất của xã hội, nhất định phải biến chuyển cùng với xã hội. Giữa gia đình với xã hội, có mối quan hệ gắn bó khăng khít với nhau.

Gia đình là tế bào tự nhiên của xã hội, là hình thức tồn tại của đời sống con người. Gia đình là một sản phẩm xã hội và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Những điều kiện kinh tế — xã hội trong một giai đoạn nhất định của lịch sử quyết định tính chất và kết cấu của gia đình. « Chế độ gia đình hoàn toàn bị quan hệ sở hữu chi phối » (1). Ngược lại, gia đình là một yếu tố có tác động quan trọng đối với xã hội. Nhà nước của giai cấp thống trị trong mỗi thời đại đặt ra những luật pháp, những nguyên tắc đạo đức, luân lý, làm chuẩn mực cho mọi gia đình tuân theo, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp mình và củng cố trật tự xã hội đương thời. Những luật pháp, đạo đức, luân lý đó được nhân dân thực hiện, dần dần trở thành nề nếp của gia đình và phong tục, tập quán của xã hội.

Tính chất, nhiệm vụ, chức năng của gia đình, quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội trong những chế độ xã hội khác nhau thì không giống nhau.

Trong xã hội có chế độ tư hữu, có giai cấp bóc lột, gia đình là một đơn vị kinh tế cá thể và có mục đích bảo vệ quyền tư hữu tài sản và quyền thừa kế tài sản. Gia đình được xây dựng trên lợi ích kinh tế, lợi ích giai cấp, và do lợi ích kinh tế, lợi ích giai cấp quyết định. Người đàn ông gia trưởng nắm quyền sở hữu những tài sản cho nên giữ địa vị độc tôn trong gia đình. Thuyết « tam tòng », nguyên tắc « phu xướng phụ tùy »

(1) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập II, trang 203.

Digitized by Google

Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo và độc lập, tự chủ

TRẦN-ĐỘ

I

ĐỘC lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo gắn chặt với nhau. — Có lịch sử hơn một thế kỷ, phong trào cách mạng vô sản quốc tế là một kho tàng kinh nghiệm vô giá đối với mỗi nước. Nhưng cách mạng mỗi nước lại chỉ có thể hấp thu những kinh nghiệm phù hợp với tình hình thực tế của nước mình, và từ đó mỗi đảng lại sáng tạo thêm kinh nghiệm góp vào kho tàng kinh nghiệm chung của thế giới. Việc đó đòi hỏi phải có đảng mác xít — lê ni nít có tinh thần độc lập, tự chủ.

Tuy nhiên, nếu một đảng gắn liền với đất nước, dân tộc mình, thì mỗi nước, mỗi đảng nói riêng và tất cả các nước, các đảng nói chung đều không tách khỏi thời đại mà nội dung cơ bản là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên quy mô toàn thế giới. Các đảng cộng sản và công nhân đều có chung một hệ tư tưởng là chủ nghĩa Mác — Lê-nin, một mục tiêu là đấu tranh cho sự toàn thắng của chủ nghĩa cộng sản, và đều đang phấn đấu cho những mục tiêu lớn của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Vì lẽ đó, sự phối hợp đấu tranh giữa các đảng là tất yếu; sự học hỏi kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhau là cần thiết; sự đóng góp ý kiến với nhau là có cơ sở khách quan để thực hiện.

Đảng ta do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, từ lâu đã xác định: con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản. Đó chính là tinh thần độc lập, tự chủ vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phân tích tình hình thực tế nước ta, sáng tạo ra đường lối, phương pháp cách mạng Việt-nam. Với đường lối và phương pháp cách mạng đó, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh ngoan cường, tạo ra được sức mạnh to lớn, bao gồm sức mạnh đoàn kết của toàn dân, sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất, sức mạnh truyền thống và sức mạnh hiện tại, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của đồng chí, bầu bạn trên thế giới, làm thất bại mọi âm mưu nham hiểm, đánh bại mọi hành động chiến tranh tàn bạo và trên quy mô lớn của kẻ thù.

Vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, Đảng ta phải sáng tạo, nghĩa là phải tìm ra và giải

Digitized by Google

quyết những vấn đề riêng của mình mà chưa có sẵn ở đâu cả. Có sáng tạo thì cách mạng mới thành công: cách mạng thành công chứng tỏ đường lối và phương pháp cách mạng là đúng đắn. Như vậy, đúng đắn và sáng tạo gắn liền với nhau. Sáng tạo không phải ở câu chữ mà ở đường lối, phương pháp, sách lược, thời cơ, ở không gian, thời gian phát động và hoàn thành cuộc cách mạng. Vận dụng đúng đắn và sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin để giải quyết các vấn đề của riêng nước ta, điều đó chứng tỏ rằng Đảng ta có tinh thần độc lập, tự chủ rất cao. Chỉ có độc lập, tự chủ thì mới có sáng tạo, mà có sáng tạo thì mới có thể đúng đắn được.

II

Yêu cầu cách mạng và quyết tâm chiến lược. – Sau hiệp nghị Giơ-ne-vơ, cách mạng Việt-nam phát triển theo con đường nào?

Cách mạng Việt-nam phải tiếp tục tiến lên, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc chưa hoàn thành. Dừng lại thì không những dung dưỡng họa chia cắt, mà còn duy trì họa ngoại xâm thường xuyên trên đất nước ta. Chính lẽ sống, niềm mơ ước, và cả sự sinh tồn của dân tộc Việt-nam đòi hỏi cách mạng phải tiếp tục tiến lên. Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng cộng sản Việt-nam nêu rõ: miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam trực tiếp đấu tranh chống Mỹ – ngụy, cả nước một lòng giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà, bảo vệ hòa bình ở Đông-dương, Đông Nam châu Á và thế giới.

Cách mạng Việt-nam tiếp tục tiến lên cũng là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta. Đồng thời đó cũng là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội và hòa bình trên thế giới. Vì thế, chấp nhận sự thách thức của đế quốc Mỹ, chẳng những là yêu cầu của bản thân cách mạng Việt-nam, mà cũng là vấn đề lương tâm thời đại, vấn đề danh dự, uy tín của cả phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội – cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. – Trong khi miền Nam của Tổ quốc còn bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thống trị, thì kiên quyết đấu tranh giành độc lập hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc là nhiệm vụ cao hơn tất cả, bao trùm tất cả. Dù phải hy sinh gian khổ đến mấy, nhân dân ta cũng phải hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Nước Việt-nam là một. Dân tộc Việt-nam là một dân tộc thống nhất. Không thể có độc lập dân tộc, khi một nửa nước còn nằm dưới sự thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Không thể có thống nhất nước nhà khi dân tộc chưa được độc lập. Độc lập, thống nhất là sự nghiệp thiêng liêng của mọi người Việt-nam yêu nước. Nhưng muốn có độc lập và thống nhất thật sự thì phải đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc trở thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước. Nhân dân cả nước phải chung lòng, tiếp tục tiến lên cho đến ngày toàn thắng.

Tiêu biểu cho quyết tâm đó là đường lối *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* của Đảng ta. Một đảng thống nhất lãnh đạo nhân dân cả nước cùng một lúc làm hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, nhưng nhằm một mục tiêu chung: hoàn thành cách mạng dân tộc – dân chủ nhân dân trong cả nước. Miền Bắc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, làm nhiệm vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, giữ vai trò quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước. Miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ

Digitized by Google

chiến lược được tiến hành đồng thời, lồng vào nhau, phối hợp với nhau. Đây là một nét độc đáo của cách mạng Việt-nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Tình hình như trên chưa xảy ra ở đâu cả. Tự Đảng ta phải xác định nhiệm vụ cho dân tộc ta và tự Đảng ta cũng phải xác định cho mình phương hướng lãnh đạo nhân dân để hoàn thành những nhiệm vụ đề ra.

Đề ra mục tiêu cho cách mạng cả nước đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, thể hiện sự nhạy cảm đối với yêu cầu độc lập dân tộc. Song, ngọn cờ xã hội chủ nghĩa cũng được giương lên cao hơn. Như thế là vừa tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, vừa đẩy sự nghiệp cách mạng tiến lên thuận với trào lưu thời đại. Trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta, hai mục tiêu lớn của thời đại: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội xoắn xuýt với nhau và được tiến hành đồng thời. Đó là sự tất yếu của cách mạng Việt-nam. Đó cũng là tư tưởng trung tâm chỉ đạo sự suy nghĩ, tình cảm, hành động của mỗi người Việt-nam yêu nước. Sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã tạo ra sức mạnh vật chất to lớn bảo đảm cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước giành được thắng lợi rực rỡ.

Quan điểm sáng tỏ về kẻ thù của cách mạng. — Ngay từ khi còn đang trứng nước, chính quyền cách mạng đã phải đương đầu với những âm mưu quỷ quyệt của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Cách mạng Việt-nam càng tiến lên, càng phải đương đầu trực diện với đế quốc Mỹ. Từ đầu những năm 50, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã nhận định đế quốc Mỹ là kẻ thù chung của nhân dân thế giới, đồng thời cũng là kẻ thù của nhân dân ta. Sau Hiệp nghị Giơ-ne-vơ (1954), Đảng ta và Hồ Chủ tịch lại nhận định thêm: đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù chính của nhân dân Việt-nam, của cách mạng Việt-nam. Nhận định đó rất sáng suốt, kịp thời.

Nhận định đó của Đảng ta đã vạch trần những âm mưu xâm lược thâm độc, những thủ đoạn đàn áp tàn bạo của đế quốc Mỹ chống độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình; bóc trần lớp sơn hào nhoáng của Mỹ tự tô vẽ nó như là một kẻ «hào hiệp», có sứ mệnh đứng ra bảo vệ «thế giới tự do», «bảo vệ dân chủ», «duy trì hòa bình» v v..

Tổ chức lực lượng đương đầu với kẻ thù. — Đảng ta nhận định: tuy đế quốc Mỹ đông quân, lắm của nhiều vũ khí tối tân, có lòng tham không đáy nhưng vì nó là tên sen đầm quốc tế, là kẻ thù chung của nhân loại, cho nên sức mạnh của nó có hạn; còn nhân dân ta được sự chỉ đạo của một đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối đối ngoại đúng đắn, thì hoàn toàn có thể đánh thắng được đế quốc Mỹ. Nhận định khoa học đó là cơ sở cho hoạt động rộng lớn của Đảng ta tổ chức lực lượng đánh thắng giặc Mỹ. Đánh giá địch một cách khoa học, thấy được chỗ mạnh tạm thời, chỗ yếu cơ bản của địch, biết cách khai thác mặt yếu, hạn chế mặt mạnh của địch, ngược lại thấy được và biết cách phát huy mặt mạnh cơ bản của ta, giảm dần mặt yếu của ta, đó là mối quan tâm thường xuyên của Trung ương Đảng ta.

Để đánh thắng giặc Mỹ, Đảng ta đã ra sức động viên và tổ chức lực lượng của nhân dân cả nước tiến hành cuộc chiến đấu lâu dài, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng. Công tác tổ chức lực lượng gắn liền với đường lối, nhiệm vụ chính trị. Đường lối, nhiệm vụ chính trị đúng đắn là nguồn vô tận tạo ra lực lượng cách mạng; định ra được đường lối chính trị đúng đắn là đã giải quyết được một nửa nhiệm vụ tổ chức.

Digitized by Google

Lực lượng cách mạng Việt-nam trong cuộc chống Mỹ, cứu nước là lực lượng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa. Cho nên việc tổ chức vừa phải huy động lực lượng mỗi miền làm nhiệm vụ cụ thể của mình, lại vừa phải hướng lực lượng cả nước phục vụ thật tốt cho nhiệm vụ chung. Việc tổ chức lực lượng tham gia chiến đấu phải xuất phát từ chiến lược tiến công của cuộc chiến tranh nhân dân. Lực lượng chiến đấu bao gồm cả lực lượng quân sự, lực lượng chính trị, lực lượng nửa quân sự, các tổ chức không hợp pháp, nửa hợp pháp và hợp pháp, các tổ chức bí mật và công khai. Việc tổ chức lấy tập hợp quần chúng cơ bản làm lực lượng quyết định, trên cơ sở đó ra sức tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ. Điều nổi bật của việc tổ chức ở miền Nam là tổ chức để chiến đấu, tổ chức gắn liền với công tác tư tưởng, phát huy tinh thần yêu nước, căm thù đế quốc Mỹ làm động cơ thúc đẩy cuộc chiến đấu. Công tác tổ chức ở miền Nam phải tạo điều kiện tiếp nhận sự chi viện của miền Bắc, phối hợp với lực lượng miền Bắc mà chiến đấu.

Ở miền Bắc, một công tác tổ chức rộng lớn, nhiều mặt đã được thực hiện, đáp ứng được mọi yêu cầu của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, chi viện hết sức cho miền Nam. Duy trì hàng mấy chục năm trời một nếp sống sản xuất và chiến đấu cho đến ngày toàn thắng, là một thành công kỳ diệu của Đảng và Chính phủ ta.

Cuộc chiến đấu của nhân dân ta không tiến hành lẻ loi. Cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ ở Việt-nam, cũng như ở Lào và Cam-pu-chia được tiến hành một cách có tổ chức có kế hoạch chính là xuất phát từ nhận định đúng đắn của Đảng ta về âm mưu của đế quốc Mỹ. Điều đó không phải nằm ngoài dự kiến về mọi mặt của Đảng ta. Như Đảng ta đã dự kiến cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ còn triển khai trên toàn bộ hành tinh chúng ta, ở ngay cả trong nước Mỹ. *Đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng ta* đã phát huy tác dụng tổ chức, được tiến hành có trọng tâm trong từng thời điểm của cuộc chiến tranh, nhằm ngăn ngừa, phá tan kế hoạch chiến lược và chiến thuật của đế quốc Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh ở Việt-nam, đế quốc Mỹ bị vây hãm trong « ba tầng mặt trận » của nhân dân ta, của nhân dân ba nước Đông-dương, của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ ở chính ngay nước Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh nhân dân Việt-nam, toàn dân đánh giặc được thực hiện đúng ý nghĩa toàn vẹn của danh từ đó. Cả lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị quần chúng đều tham gia đánh giặc. Mỗi cánh quân, ngoài nhiệm vụ phối hợp chiến đấu chung, đều đủ sức độc lập tác chiến, đều có chiến trường, đối tượng tác chiến của mình được phân công.

Đội quân chính trị quần chúng vừa là lực lượng đấu tranh chính trị chống Mỹ và tay sai, vừa là lực lượng giải phóng và bảo vệ quê hương. Nó là lực lượng chủ công to lớn phá các mưu đồ chính trị gian dối, độc lập giả hiệu của Mỹ — ngụy. Nó còn là trợ lực của lực lượng vũ trang chính quy trong chuẩn bị và chiến đấu.

Với lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù địch sâu sắc, lại được rèn luyện trong đấu tranh, quần chúng cách mạng sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa. Trong cuộc cách mạng ở nước ta, chúng ta có khả năng to lớn kết hợp khởi nghĩa quần chúng với chiến tranh cách mạng. Quần chúng nhân dân tham gia chiến đấu, chứ không phải chỉ chuẩn bị chiến trường, phục vụ chiến trường theo nghĩa hẹp. Trong điều kiện Việt-nam, chiến tranh du kích có tầm quan trọng chiến lược. Nó là hình thức khởi nghĩa của quần

Digitized by Google

chiến lược được tiến hành đồng thời, lồng vào nhau, phối hợp với nhau. Đây là một nét độc đáo của cách mạng Việt-nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Tình hình như trên chưa xảy ra ở đâu cả. Tự Đảng ta phải xác định nhiệm vụ cho dân tộc ta và tự Đảng ta cũng phải xác định cho mình phương hướng lãnh đạo nhân dân để hoàn thành những nhiệm vụ đề ra.

Đề ra mục tiêu cho cách mạng cả nước đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, thể hiện sự nhạy cảm đối với yêu cầu độc lập dân tộc. Song, ngọn cờ xã hội chủ nghĩa cũng được giương lên cao hơn. Như thế là vừa tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, vừa đẩy sự nghiệp cách mạng tiến lên thuận với trào lưu thời đại. Trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta, hai mục tiêu lớn của thời đại: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội xoắn xuýt với nhau và được tiến hành đồng thời. Đó là sự tất yếu của cách mạng Việt-nam. Đó cũng là tư tưởng trung tâm chỉ đạo sự suy nghĩ, tình cảm, hành động của mỗi người Việt-nam yêu nước. Sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã tạo ra sức mạnh vật chất to lớn bảo đảm cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước giành được thắng lợi rực rỡ.

Quan điểm sáng tỏ về kẻ thù của cách mạng. — Ngay từ khi còn đang trứng nước, chính quyền cách mạng đã phải đương đầu với những âm mưu quỷ quyệt của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Cách mạng Việt-nam càng tiến lên, càng phải đương đầu trực diện với đế quốc Mỹ. Từ đầu những năm 50, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã nhận định đế quốc Mỹ là kẻ thù chung của nhân dân thế giới, đồng thời cũng là kẻ thù của nhân dân ta. Sau Hiệp nghị Giơ-ne-vơ (1954), Đảng ta và Hồ Chủ tịch lại nhận định thêm: đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù chính của nhân dân Việt-nam, của cách mạng Việt-nam. Nhận định đó rất sáng suốt, kịp thời.

Nhận định đó của Đảng ta đã vạch trần những âm mưu xâm lược thâm độc, những thủ đoạn đàn áp tàn bạo của đế quốc Mỹ chống độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình; bóc trần lớp sơn hào nhoáng của Mỹ tự tô vẽ nó như là một kẻ «hào hiệp», có sứ mệnh đứng ra bảo vệ «thế giới tự do», «bảo vệ dân chủ», «duy trì hòa bình» v v..

Tổ chức lực lượng đương đầu với kẻ thù. — Đảng ta nhận định: tuy đế quốc Mỹ đông quân, lắm của nhiều vũ khí tối tân, có lòng tham không đáy nhưng vì nó là tên sen đầm quốc tế, là kẻ thù chung của nhân loại, cho nên sức mạnh của nó có hạn; còn nhân dân ta được sự chỉ đạo của một đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối đối ngoại đúng đắn, thì hoàn toàn có thể đánh thắng được đế quốc Mỹ. Nhận định khoa học đó là cơ sở cho hoạt động rộng lớn của Đảng ta tổ chức lực lượng đánh thắng giặc Mỹ. Đánh giá địch một cách khoa học, thấy được chỗ mạnh tạm thời, chỗ yếu cơ bản của địch, biết cách khai thác mặt yếu, hạn chế mặt mạnh của địch, ngược lại thấy được và biết cách phát huy mặt mạnh cơ bản của ta, giảm dần mặt yếu của ta, đó là mối quan tâm thường xuyên của Trung ương Đảng ta.

Để đánh thắng giặc Mỹ, Đảng ta đã ra sức động viên và tổ chức lực lượng của nhân dân cả nước tiến hành cuộc chiến đấu lâu dài, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng. Công tác tổ chức lực lượng gắn liền với đường lối, nhiệm vụ chính trị. Đường lối, nhiệm vụ chính trị đúng đắn là nguồn vô tận tạo ra lực lượng cách mạng; định ra được đường lối chính trị đúng đắn là đã giải quyết được một nửa nhiệm vụ tổ chức.

Digitized by Google

Lực lượng cách mạng Việt-nam trong cuộc chống Mỹ, cứu nước là lực lượng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa. Cho nên việc tổ chức vừa phải huy động lực lượng mỗi miền làm nhiệm vụ cụ thể của mình, lại vừa phải hướng lực lượng cả nước phục vụ thật tốt cho nhiệm vụ chung. Việc tổ chức lực lượng tham gia chiến đấu phải xuất phát từ chiến lược tiến công của cuộc chiến tranh nhân dân. Lực lượng chiến đấu bao gồm cả lực lượng quân sự, lực lượng chính trị, lực lượng nửa quân sự, các tổ chức không hợp pháp, nửa hợp pháp và hợp pháp, các tổ chức bí mật và công khai. Việc tổ chức lấy tập hợp quần chúng cơ bản làm lực lượng quyết định, trên cơ sở đó ra sức tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ. Điều nổi bật của việc tổ chức ở miền Nam là tổ chức để chiến đấu, tổ chức gắn liền với công tác tư tưởng, phát huy tinh thần yêu nước, căm thù đế quốc Mỹ làm động cơ thúc đẩy cuộc chiến đấu. Công tác tổ chức ở miền Nam phải tạo điều kiện tiếp nhận sự chi viện của miền Bắc, phối hợp với lực lượng miền Bắc mà chiến đấu.

Ở miền Bắc, một công tác tổ chức rộng lớn, nhiều mặt đã được thực hiện, đáp ứng được mọi yêu cầu của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, chi viện hết sức cho miền Nam. Duy trì hàng mấy chục năm trời một nếp sống sản xuất và chiến đấu cho đến ngày toàn thắng, là một thành công kỳ diệu của Đảng và Chính phủ ta.

Cuộc chiến đấu của nhân dân ta không tiến hành lẻ loi. Cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ ở Việt-nam, cũng như ở Lào và Cam-pu-chia được tiến hành một cách có tổ chức có kế hoạch chính là xuất phát từ nhận định đúng đắn của Đảng ta về âm mưu của đế quốc Mỹ. Điều đó không phải nằm ngoài dự kiến về mọi mặt của Đảng ta. Như Đảng ta đã dự kiến cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ còn triển khai trên toàn bộ hành tinh chúng ta, ở ngay cả trong nước Mỹ. *Đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng ta* đã phát huy tác dụng tổ chức, được tiến hành có trọng tâm trong từng thời điểm của cuộc chiến tranh, nhằm ngăn ngừa, phá tan kế hoạch chiến lược và chiến thuật của đế quốc Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh ở Việt-nam, đế quốc Mỹ bị vây hãm trong « ba tầng mặt trận » của nhân dân ta, của nhân dân ba nước Đông-dương, của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ ở chính ngay nước Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh nhân dân Việt-nam, toàn dân đánh giặc được thực hiện đúng ý nghĩa toàn vẹn của danh từ đó. Cả lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị quần chúng đều tham gia đánh giặc. Mỗi cánh quân, ngoài nhiệm vụ phối hợp chiến đấu chung, đều đủ sức độc lập tác chiến, đều có chiến trường, đối tượng tác chiến của mình được phân công.

Đội quân chính trị quần chúng vừa là lực lượng đấu tranh chính trị chống Mỹ và tay sai, vừa là lực lượng giải phóng và bảo vệ quê hương. Nó là lực lượng chủ công to lớn phá các mưu đồ chính trị gian dối, độc lập giả hiệu của Mỹ — ngụy. Nó còn là trợ lực của lực lượng vũ trang chính quy trong chuẩn bị và chiến đấu.

Với lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù địch sâu sắc, lại được rèn luyện trong đấu tranh, quần chúng cách mạng sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa. Trong cuộc cách mạng ở nước ta, chúng ta có khả năng to lớn kết hợp khởi nghĩa quần chúng với chiến tranh cách mạng. Quần chúng nhân dân tham gia chiến đấu, chứ không phải chỉ chuẩn bị chiến trường, phục vụ chiến trường theo nghĩa hẹp. Trong điều kiện Việt-nam, chiến tranh du kích có tầm quan trọng chiến lược. Nó là hình thức khởi nghĩa của quần

Digitized by Google

chúng. Quần chúng, bằng chiến tranh du kích, khởi nghĩa tiêu diệt sinh lực địch, giành quyền làm chủ, giải phóng đất, lập chính quyền, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng của mình. Từ khởi nghĩa quần chúng phát triển thành chiến tranh cách mạng. Chiến tranh cách mạng thúc đẩy cao trào khởi nghĩa của quần chúng. Khởi nghĩa quần chúng và chiến tranh cách mạng kết hợp với nhau. Nhờ vậy, chiến tranh chống Mỹ, cứu nước kết hợp được chặt chẽ lực lượng chính trị của quần chúng với sức mạnh của lực lượng quân sự, nhân sức mạnh của nhân dân ta và quân đội ta lên gấp bội. Đường lối quân sự đó của Đảng ta nâng chiến tranh nhân dân Việt-nam lên đỉnh cao nhất. Đường lối đó huy động được toàn thể nhân dân, sử dụng được tất cả mọi khả năng của nhân dân để chiến thắng.

Đường lối quân sự của Đảng ta đã kết hợp được truyền thống dân tộc với chiến tranh hiện đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta không chỉ sử dụng, phát huy cái cổ truyền là sở trường của mình mà còn nắm được cái mới trên cơ sở thành thạo cái cổ truyền, sử dụng đồng thời cả cái mới và cái cổ truyền. Chúng ta không những từ đánh nhỏ phát triển thành đánh to, từ đánh du kích phát triển thành chiến tranh chính quy, từ đấu tranh chính trị phát triển thành đấu tranh vũ trang, mà hơn nữa, ở bất cứ nơi nào và lúc nào, chúng ta cũng đều coi trọng cả đánh nhỏ, coi trọng cả chiến tranh du kích, coi trọng cả đấu tranh chính trị, kết hợp mọi quy mô, mọi hình thức và phương thức đấu tranh, làm cho hiệu quả đấu tranh ngày càng cao, thu hút được toàn dân tham gia đấu tranh.

Đường lối quân sự của Đảng ta là cơ sở để phát huy *nghệ thuật quân sự* của Đảng. Nó phát huy đến mức cao nhất năng lực tiến hành chiến tranh của toàn dân và toàn quân ta. Đương đầu với nhân dân Việt-nam, đế quốc Mỹ vấp phải cuộc đồng khởi chống Mỹ — ngụy của dân tộc ta. Quần chúng tiến hành đấu tranh chính trị phối hợp với đấu tranh vũ trang và tiếp tục sứ mệnh lịch sử của mình trong đánh địch ở khắp mọi nơi, bằng mọi hình thức, với mọi thứ vũ khí có trong tay. Để chiến thắng địch, lực lượng vũ trang chủ lực tập trung giáng cho địch những đòn lớn nghiền nát sức đề kháng từng lúc của địch, và từng bước đè bẹp âm mưu xâm lược của địch. Trong khi đó, quần chúng bằng đấu tranh chính trị vẫn liên tiếp tiến công địch, không để cho địch nghỉ ngơi, củng cố đội ngũ và bồi dưỡng sức chiến đấu. Đấu tranh chính trị của quần chúng, do đó, có tác dụng rất lớn trong tất cả các thời kỳ phát triển của cách mạng miền Nam. Nó được tiến hành song song với đấu tranh vũ trang, tăng sức cho đấu tranh vũ trang, kết hợp với đấu tranh vũ trang. Chính sức mạnh tổng hợp của đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị ở nước ta đã quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy ; kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ thì phát huy được mọi khả năng của đường lối toàn dân đánh giặc. Theo đường lối toàn dân đánh giặc, Đảng ta vừa chăm lo giáo dục, động viên và tổ chức cho đông đảo quần chúng đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, vừa không ngừng chăm lo rèn luyện quân đội và trang bị cho quân đội vũ khí ngày càng hiện đại. Chiến sĩ có trình độ giác ngộ chính trị cao, có bản lĩnh chiến đấu, lại nắm được vũ khí hiện đại, thì càng đạt được hiệu suất chiến đấu cao. Sử dụng kỹ thuật hiện đại đồng thời sử dụng kỹ thuật thô sơ thì càng tăng cường khả năng chiến đấu của quân và dân ta trong cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại. Và chẳng đối với bất kỳ một kỹ thuật mới nào được sáng tạo ra, người ta

Digitized by Google

đều có khả năng làm cho nó mất hiệu lực, hoặc giảm hiệu lực, có khi chỉ bằng những phương pháp thông thường. Phát huy đến mức cao nhất mọi loại vũ khí là cách tốt nhất để thực hiện đường lối toàn dân đánh giặc.

Tất cả các vấn đề nghệ thuật quân sự ấy gắn bó chặt chẽ với nhau. Đó là một sáng tạo đặc sắc trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh Việt-nam, nó làm cho nghệ thuật quân sự Việt-nam hết sức linh hoạt, sắc bén và cũng hết sức độc đáo. Đó cũng là một mặt chỉ đạo đầy tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng ta.

Cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, phát triển đến một lúc nào đó thì Đảng ta quyết định mở *mặt trận đấu tranh ngoại giao*. Mặt trận đấu tranh này góp phần tập hợp lực lượng quốc tế chống Mỹ ủng hộ Việt-nam. Nó làm cho lập trường cuộc đấu tranh chính nghĩa của ta ngày càng sáng tỏ trên thế giới. Nó góp phần hình thành trong thực tế mặt trận nhân dân thế giới đấu tranh chống đế quốc Mỹ, ủng hộ Việt-nam. Nó làm cho đế quốc Mỹ bị cô lập hơn nữa trên thế giới, phá tan âm mưu chia rẽ, ly gián của đế quốc Mỹ đối với cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Mặt trận này đã đánh bại nhiều âm mưu câu kết của đế quốc Mỹ và những đế quốc khác nhằm chống cách mạng Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia.

Mặt trận đấu tranh ngoại giao tất nhiên là một bộ phận cuộc đấu tranh chung, không tách rời hai mặt trận đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị của nhân dân ta trên chiến trường. Nó không thể thay thế hai mặt trận kia, song kết quả của nó cũng không hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của hai mặt trận kia. Vì thế mặt trận đấu tranh ngoại giao không thụ động, trái lại nó chủ động phát huy tác dụng thúc đẩy hai mặt trận kia. Mỗi thắng lợi của mặt trận ngoại giao tạo một đà thúc đẩy mới đối với cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự của quần chúng cách mạng. Sự phát triển của mỗi mặt trận không hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi kết quả của mặt trận kia. Một mặt trận phát triển càng tạo điều kiện cho mặt trận kia phát triển, và ngược lại. Mặt trận này tạo điều kiện cho mặt trận kia vượt khó khăn để vươn tới, và ngược lại.

Cho nên, mặt trận ngoại giao góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng chung, làm cho địch ngày càng bị cô lập trên thế giới, làm cho thế giới ngày càng ủng hộ ta một cách mạnh mẽ, tác động có hiệu quả đến các mặt trận khác, khiến cho địch ngày càng bị động. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ngày càng phát triển vững vàng, quyền chủ động của ta càng được phát huy hơn nữa.

Sự kết hợp nhiều mặt trận đấu tranh, và xác định rõ vai trò, tác dụng từng mặt trận một cách thích đáng, cũng là một nét sáng tạo và độc lập, tự chủ trong sự lãnh đạo của Đảng ta.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước lâu dài, ác liệt và gian khổ, Đảng ta đã giải quyết thành công *vấn đề hậu phương* của chiến tranh cách mạng. Đó là kết quả vận dụng đúng đắn luận điểm sau đây của Đại hội Đảng lần thứ III: «miền Bắc có tác dụng quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước».

Việc xây dựng hậu phương lớn của cả nước gắn liền với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Với đường lối đúng đắn, miền Bắc ngày càng phát triển lớn mạnh, bảo đảm đời sống của nhân dân về mọi mặt, củng cố và bảo vệ mình, đồng thời hết lòng đóng góp cho tiền tuyến lớn về các mặt vật chất và tinh thần. Miền Bắc, nhờ vậy, đã bảo đảm đầy đủ nhất về các mặt vật chất - kỹ thuật cho một cuộc chiến tranh hiện

Digitized by Google

đại. Điều đặc biệt quan trọng là với sự giúp đỡ của các nước anh em, miền Bắc xã hội chủ nghĩa có đủ sức để giải quyết những vấn đề của cuộc chiến tranh hiện đại.

Nếu hậu phương lớn miền Bắc là cái bảo đảm lớn nhất cho chiến thắng vĩ đại của dân tộc, thì hậu phương tại chỗ ở miền Nam đóng vai trò bảo đảm trực tiếp cho thắng lợi ấy. Nó chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đón nhận và phát huy sự chi viện của hậu phương lớn; nó còn là bàn đạp trực tiếp để tiến công vào đồn bốt, căn cứ quân sự địch, bảo vệ quyền làm chủ vừa giành được.

Với đường lối đúng đắn, Đảng ta đã giải quyết tốt một loạt vấn đề cụ thể để củng cố, phát triển, bảo vệ hậu phương cho cuộc kháng chiến.

III

Tính độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo trong đường lối của Đảng ta không phải tự nhiên mà có. Đó là sản phẩm của cách mạng Việt nam trong thời đại mới.

Cách mạng Việt-nam có một lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại là *Chủ tịch Hồ-Chí-Minh*. Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta vừa là lãnh tụ của dân tộc vừa là lãnh tụ của giai cấp công nhân Việt-nam.

Hồ Chủ tịch thiết tha yêu nước, thiết tha với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nhưng giải phóng dân tộc bằng con đường nào? Người đã khẳng định là chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức. Hồ Chủ tịch đã đem nhiệt tình yêu nước, kết hợp với lý luận khoa học cách mạng nhất của thời đại là chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Ở Người, tinh thần cách mạng triệt để gắn làm một với quan điểm khoa học thật sự; đạo đức cách mạng, phẩm chất cách mạng gắn liền với phương pháp cách mạng khoa học. Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chủ tịch chính là sự nghiệp cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt-nam; hoạt động cách mạng của Người thấm đượm lòng yêu nước sâu sắc và tinh thần quốc tế vô sản cao cả.

Hồ Chủ tịch đã sáng lập, giáo dục và rèn luyện Đảng ta, bảo đảm cho cách mạng Việt-nam có một đường lối trăm trận trăm thắng, đã vun trồng những nhân tố thắng lợi cơ bản của cách mạng Việt-nam.

Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta phải độc lập, tự chủ, vì sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta *được tiến hành trước hết vì lợi ích sống còn của dân tộc Việt-nam*, đồng thời cũng vì lợi ích của nhân dân các nước. Do cuộc đấu tranh vì sự sống còn của dân tộc ta đồng thời là cuộc đụng đầu lịch sử có ý nghĩa quốc tế to lớn, cho nên nó không những đề cao trách nhiệm nặng nề của Đảng ta trước nhân dân Việt-nam mà còn đề cao trách nhiệm của Đảng ta trước nhân dân toàn thế giới. Dưới sự lãnh đạo kiên quyết của Đảng, cả dân tộc ta lớp lớp lên đường, vượt qua muôn vàn khó khăn, chịu đựng mọi hy sinh tổn thất, quyết tâm giành cho kỳ được độc lập, tự do.

Ý chí, quyết tâm của Đảng ta trong cuộc chống Mỹ, cứu nước dựa trên những mục tiêu đã được Đảng ta và Bác Hồ lựa chọn. Đó là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt-nam kiên trì giữ vững hai mục tiêu cơ bản đó trong suốt cả quá trình từ khi Đảng ta ra đời. Nhằm những mục tiêu cơ bản đó, Đảng ta trong từng bước phát triển của tình hình cách mạng đã đề ra những khẩu hiệu chiến lược đúng đắn như: « Độc lập dân tộc », « người cày có ruộng », « hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh », « không có gì quý hơn

Digitized by Google

độc lập tự do!» «đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào», v.v... Điều đó chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng là sáng tạo, sinh động. Do sự giáo dục của Đảng, những mục tiêu cơ bản nói trên đã ăn sâu vào tâm trí của từng người dân, trở thành ý chí không gì lay chuyển nổi của toàn thể nhân dân ta. Nó biến thành sức mạnh tiến công của cách mạng Việt-nam.

Với ý chí và quyết tâm đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vững vàng vươn lên, dạp bằng mọi khó khăn gian khổ mà xốc tới. Kết quả là trong cuộc đọ sức thi gan này, chiến lược xâm lược của đế quốc Mỹ đã thua chiến lược độc lập, tự chủ, sáng tạo, đúng đắn của Đảng ta.

Một ưu điểm nổi bật của Đảng ta là luôn luôn *nhìn rõ kẻ thù của cách mạng*. Đây là một yếu tố cơ bản bảo đảm tính đúng đắn của mọi đường lối, chiến lược cách mạng.

Việc Đảng ta ngay từ rất sớm đã xác định đế quốc Mỹ là kẻ thù trực tiếp, chủ yếu của cách mạng Việt-nam, là kết quả tất nhiên của bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta. Từ nhận thức đó, Đảng ta càng nêu cao quyết tâm lãnh đạo nhân dân ta tiến hành đến cùng cuộc chống Mỹ, cứu nước vĩ đại. Quyết tâm đó là sản phẩm của lòng yêu nước nồng nàn kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Thực tiễn cách mạng của dân tộc ta đã chứng minh đường lối cách mạng của Đảng ta là đúng đắn. Đồng thời nó giúp Đảng ta phát triển và hoàn chỉnh hơn nữa đường lối cách mạng đó.

Chính vì xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt-nam, mà đường lối cách mạng của Đảng ta được định ra chính xác, đứng vững trước mọi thử thách, và không một phút nào đi chệch mục tiêu đã lựa chọn. Nhờ tổng kết thực tiễn cách mạng trước đó, Đảng ta đã lãnh đạo thành công cuộc đồng khởi ở miền Nam trong những năm 1959 – 1960. Chính cuộc đồng khởi này đã dẫn tới kết quả là đánh đổ bộ máy chính quyền phát xít Ngô-Đình-Diệm được Mỹ nuôi dưỡng giữa lúc nó được nhiều người coi là một «chính quyền mạnh» của «thế giới tự do».

Việc theo dõi sát sao thực tiễn của phong trào cách mạng cho phép Đảng ta tìm thấy phương sách, lực lượng, biện pháp để bảo đảm sự thành công và phát hiện những sáng tạo của nhân dân về các phương thức và hình thức đấu tranh cách mạng, từ đó tổng kết thành phương châm, nguyên tắc, thành đường lối. Những phương châm nguyên tắc đó lại ăn sâu trong quần chúng, trở thành bản lĩnh của quần chúng. Chiến đấu chống một tên đế quốc đầu sỏ, Đảng ta luôn luôn ý thức được tính chất phức tạp, vô cùng gay go của cuộc đọ sức, đấu trí này. Đặc biệt là trong những bước ngoặt của tình hình, việc chú ý đầy đủ đến thực tiễn cách mạng của quần chúng là nhân tố cực kỳ quan trọng đem lại sức sáng tạo vĩ đại cho sự lãnh đạo của Đảng ta. Chiến thắng Ấp-bắc... cổ vũ quần và dân ta xông lên đánh thắng hoàn toàn chiến tranh «đặc biệt» của Mỹ – ngụy. Những cuộc khởi nghĩa liên tiếp của nông dân, và sự nổi dậy rộng lớn vào năm 1968 ở nhiều thành phố... – tất cả những cái đó chứng minh khả năng huy động toàn dân vào cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai. Việc đánh bại hành động chiến tranh của Mỹ – ngụy ở đường 9 – Nam Lào, và việc phá tan sự bao vây đối với miền Bắc nước ta nói lên thực tiễn anh hùng của quân và dân ta trên mọi mặt trận, ở tiền tuyến và hậu phương, làm cơ sở vững chắc cho sự thành công của một đường lối cách mạng triệt để. Nó chứng tỏ Đảng ta có đầy đủ sức mạnh để xây dựng và thực hành một đường lối độc lập, tự chủ.

Digitized by Google

Nhân dân ta không kể là ở tiền tuyến hay ở hậu phương, đã lao động sáng tạo và chiến đấu anh dũng, mưu trí, vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả. Hành động của họ là sự thể hiện sinh động đường lối cách mạng của Đảng ta.

Nhân dân ta sáng tạo ra lịch sử của mình một cách có ý thức. Vì lợi ích sâu xa của dân tộc, vì những lý tưởng cao đẹp, họ sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách, hy sinh. Điều đó không hề có gì giống với sự cam chịu. Thực tiễn chứng tỏ rằng dân tộc ta có một nghị lực sáng tạo phi thường, có ý thức tự lực tự cường, tự sáng tạo ra lịch sử của mình bằng máu đào và trí tuệ của mình. *Ý Đảng, lòng dân* là nhân tố thường xuyên quyết định tính chất độc lập, tự chủ trong đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta.

Trong cuộc đấu tranh lâu dài, phức tạp, *sự đoàn kết nhất trí trong Đảng* được giữ vững và tăng cường, là niềm tự hào to lớn của Đảng ta. Được Bác Hồ và Trung ương Đảng chăm lo xây dựng, sự đoàn kết nhất trí ấy, bảo đảm cho đường lối của Đảng được thực hiện thắng lợi. Đảng ta đoàn kết cả trên tư tưởng, ý chí và trong hành động. Đảng ta đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở đường lối độc lập, tự chủ, đúng đắn ; mặt khác sự đoàn kết nhất trí trong Đảng cũng thấm đượm tình đồng chí sâu sắc.

Đảng ta không phải không có sai lầm, khuyết điểm. Nhưng mỗi khi có sai lầm, thì Đảng ta với dũng khí cách mạng triệt để, vì dân vì nước, với tinh thần khoa học phân tích những sai lầm khuyết điểm đó, tìm ra cách đúng đắn khắc phục chúng để đưa sự nghiệp cách mạng đi tới. Điều đó cũng tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, càng đề cao sự tin cậy của nhân dân đối với Đảng. Toàn Đảng qua thử thách, càng già dặn hơn, càng đoàn kết nhất trí. Toàn dân, vì thế, gắn bó với Đảng. Đảng ta nhìn thấy những hạn chế của một bộ phận đảng viên là một điều khó tránh khỏi trong quá trình phát triển của cách mạng. Trong quá trình phấn đấu thực hiện nghị quyết của Đảng, Đảng ta luôn luôn đề phòng và đấu tranh chống các lệch lạc hữu và « tả » khuynh, qua đó bảo đảm cho mục tiêu cách mạng được sáng tỏ hơn nữa và đường lối cách mạng của Đảng được thực hiện đầy đủ.

Như vậy, *Đảng ta đã có đường lối đúng đắn* là vì Đảng ta luôn luôn vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phân tích tình hình chung của thời đại, tình thế cách mạng của nước ta, xác định rõ kẻ thù, kiên định ý chí đấu tranh cách mạng, kiên trì mục tiêu cách mạng, phân tích rõ các lực lượng cách mạng, bố trí sắp xếp và đoàn kết lực lượng cách mạng trong nước và trên thế giới. Đảng ta luôn luôn nắm sát thực tế cách mạng, tin tưởng vào quần chúng cách mạng, phát hiện những sáng tạo trong phong trào cách mạng của quần chúng, tổng kết lại thành phương châm nguyên tắc, bổ sung cho đường lối cách mạng ngày càng đúng đắn, sự chỉ đạo chiến lược ngày càng sắc bén, linh hoạt. Đảng ta luôn luôn chú trọng đề phòng và chống các khuynh hướng « tả » hoặc hữu (mà chủ yếu là chống và khắc phục các lệch lạc hữu khuynh). Đảng ta đoàn kết nhất trí thành một khối vững chắc, không dung thứ những hiện tượng bè phái, chia rẽ.

Đảng ta cũng tham khảo một cách nghiêm chỉnh những kinh nghiệm cách mạng các nước và vận dụng có chọn lọc vào hoàn cảnh của nước ta.

Trong giai đoạn mới, trước nhiệm vụ cách mạng hết sức nặng nề, mới mẻ, Đảng ta vẫn tiếp tục nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào

(Xem tiếp trang 42)

Digitized by Google

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

HÀ - THỊ - QUẾ

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhân dân ta phấn khởi, sôi nổi tiến hành ba cuộc cách mạng, nhằm xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Đây là quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục sâu sắc, triệt để của cả xã hội.

Gia đình là một đơn vị tổ chức nhỏ nhất của xã hội, nhất định phải biến chuyển cùng với xã hội. Giữa gia đình với xã hội, có mối quan hệ gắn bó khăng khít với nhau.

Gia đình là tế bào tự nhiên của xã hội, là hình thức tồn tại của đời sống con người. Gia đình là một sản phẩm xã hội và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Những điều kiện kinh tế — xã hội trong một giai đoạn nhất định của lịch sử quyết định tính chất và kết cấu của gia đình. « Chế độ gia đình hoàn toàn bị quan hệ sở hữu chi phối » (1). Ngược lại, gia đình là một yếu tố có tác động quan trọng đối với xã hội. Nhà nước của giai cấp thống trị trong mỗi thời đại đặt ra những luật pháp, những nguyên tắc đạo đức, luân lý, làm chuẩn mực cho mọi gia đình tuân theo, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp mình và củng cố trật tự xã hội đương thời. Những luật pháp, đạo đức, luân lý đó được nhân dân thực hiện, dần dần trở thành nề nếp của gia đình và phong tục, tập quán của xã hội.

Tính chất, nhiệm vụ, chức năng của gia đình, quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội trong những chế độ xã hội khác nhau thì không giống nhau.

Trong xã hội có chế độ tư hữu, có giai cấp bóc lột, gia đình là một đơn vị kinh tế cá thể và có mục đích bảo vệ quyền tư hữu tài sản và quyền thừa kế tài sản. Gia đình được xây dựng trên lợi ích kinh tế, lợi ích giai cấp, và do lợi ích kinh tế, lợi ích giai cấp quyết định. Người đàn ông gia trưởng nắm quyền sở hữu những tài sản cho nên giữ địa vị độc tôn trong gia đình. Thuyết « tam tòng », nguyên tắc « phu xướng phụ tùy »

(1) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập II, trang 203.

Digitized by Google

Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo và độc lập, tự chủ

TRẦN-ĐỘ

I

ĐỘC lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo gắn chặt với nhau. — Có lịch sử hơn một thế kỷ, phong trào cách mạng vô sản quốc tế là một kho tàng kinh nghiệm vô giá đối với mỗi nước. Nhưng cách mạng mỗi nước lại chỉ có thể hấp thu những kinh nghiệm phù hợp với tình hình thực tế của nước mình, và từ đó mỗi đảng lại sáng tạo thêm kinh nghiệm góp vào kho tàng kinh nghiệm chung của thế giới. Việc đó đòi hỏi phải có đảng mác xít — lê nin nít có tinh thần độc lập, tự chủ.

Tuy nhiên, nếu một đảng gắn liền với đất nước, dân tộc mình, thì mỗi nước, mỗi đảng nói riêng và tất cả các nước, các đảng nói chung đều không tách khỏi thời đại mà nội dung cơ bản là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên quy mô toàn thế giới. Các đảng cộng sản và công nhân đều có chung một hệ tư tưởng là chủ nghĩa Mác — Lê-nin, một mục tiêu là đấu tranh cho sự toàn thắng của chủ nghĩa cộng sản, và đều đang phấn đấu cho những mục tiêu lớn của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Vì lẽ đó, sự phối hợp đấu tranh giữa các đảng là tất yếu; sự học hỏi kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhau là cần thiết; sự đóng góp ý kiến với nhau là có cơ sở khách quan để thực hiện.

Đảng ta do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, từ lâu đã xác định: con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản. Đó chính là tinh thần độc lập, tự chủ vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phân tích tình hình thực tế nước ta, sáng tạo ra đường lối, phương pháp cách mạng Việt-nam. Với đường lối và phương pháp cách mạng đó, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh ngoan cường, tạo ra được sức mạnh to lớn, bao gồm sức mạnh đoàn kết của toàn dân, sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất, sức mạnh truyền thống và sức mạnh hiện tại, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của đồng chí, bầu bạn trên thế giới, làm thất bại mọi âm mưu nham hiểm, đánh bại mọi hành động chiến tranh tàn bạo và trên quy mô lớn của kẻ thù.

Vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, Đảng ta phải sáng tạo, nghĩa là phải tìm ra và giải

Digitized by Google

quyết những vấn đề riêng của mình mà chưa có sẵn ở đâu cả. Có sáng tạo thì cách mạng mới thành công; cách mạng thành công chứng tỏ đường lối và phương pháp cách mạng là đúng đắn. Như vậy, đúng đắn và sáng tạo gắn liền với nhau. Sáng tạo không phải ở câu chữ mà ở đường lối, phương pháp, sách lược, thời cơ, ở không gian, thời gian phát động và hoàn thành cuộc cách mạng. Vận dụng đúng đắn và sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin để giải quyết các vấn đề của riêng nước ta, điều đó chứng tỏ rằng Đảng ta có tinh thần độc lập, tự chủ rất cao. Chỉ có độc lập, tự chủ thì mới có sáng tạo, mà có sáng tạo thì mới có thể đúng đắn được.

II

Yêu cầu cách mạng và quyết tâm chiến lược. – Sau hiệp nghị Giơ-ne-vơ, cách mạng Việt-nam phát triển theo con đường nào?

Cách mạng Việt-nam phải tiếp tục tiến lên, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc chưa hoàn thành. Dừng lại thì không những dung dưỡng họa chia cắt, mà còn duy trì họa ngoại xâm thường xuyên trên đất nước ta. Chính lẽ sống, niềm mơ ước, và cả sự sinh tồn của dân tộc Việt-nam đòi hỏi cách mạng phải tiếp tục tiến lên. Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng cộng sản Việt-nam nêu rõ: miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam trực tiếp đấu tranh chống Mỹ – ngụy, cả nước một lòng giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà, bảo vệ hòa bình ở Đông-dương, Đông Nam châu Á và thế giới.

Cách mạng Việt-nam tiếp tục tiến lên cũng là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta. Đồng thời đó cũng là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội và hòa bình trên thế giới. Vì thế, chấp nhận sự thách thức của đế quốc Mỹ, chẳng những là yêu cầu của bản thân cách mạng Việt-nam, mà cũng là vấn đề lương tâm thời đại, vấn đề danh dự, uy tín của cả phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội – cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. – Trong khi miền Nam của Tổ quốc còn bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thống trị, thì kiên quyết đấu tranh giành độc lập hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc là nhiệm vụ cao hơn tất cả, bao trùm tất cả. Dù phải hy sinh gian khổ đến mấy, nhân dân ta cũng phải hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Nước Việt-nam là một. Dân tộc Việt-nam là một dân tộc thống nhất. Không thể có độc lập dân tộc, khi một nửa nước còn nằm dưới sự thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Không thể có thống nhất nước nhà khi dân tộc chưa được độc lập. Độc lập, thống nhất là sự nghiệp thiêng liêng của mọi người Việt-nam yêu nước. Nhưng muốn có độc lập và thống nhất thật sự thì phải đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc trở thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước. Nhân dân cả nước phải chung lòng, tiếp tục tiến lên cho đến ngày toàn thắng.

Tiêu biểu cho quyết tâm đó là đường lối *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* của Đảng ta. Một đảng thống nhất lãnh đạo nhân dân cả nước cùng một lúc làm hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, nhưng nhằm một mục tiêu chung: hoàn thành cách mạng dân tộc – dân chủ nhân dân trong cả nước. Miền Bắc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, làm nhiệm vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, giữ vai trò quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước. Miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ

Digitized by Google

chiến lược được tiến hành đồng thời, lồng vào nhau, phối hợp với nhau. Đây là một nét độc đáo của cách mạng Việt-nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Tình hình như trên chưa xảy ra ở đâu cả. Tự Đảng ta phải xác định nhiệm vụ cho dân tộc ta và tự Đảng ta cũng phải xác định cho mình phương hướng lãnh đạo nhân dân để hoàn thành những nhiệm vụ đề ra.

Đề ra mục tiêu cho cách mạng cả nước đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, thể hiện sự nhạy cảm đối với yêu cầu độc lập dân tộc. Song, ngọn cờ xã hội chủ nghĩa cũng được giương lên cao hơn. Như thế là vừa tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, vừa đẩy sự nghiệp cách mạng tiến lên thuận với trào lưu thời đại. Trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta, hai mục tiêu lớn của thời đại: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội xoắn xuýt với nhau và được tiến hành đồng thời. Đó là sự tất yếu của cách mạng Việt-nam. Đó cũng là tư tưởng trung tâm chỉ đạo sự suy nghĩ, tình cảm, hành động của mỗi người Việt-nam yêu nước. Sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã tạo ra sức mạnh vật chất to lớn bảo đảm cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước giành được thắng lợi rực rỡ.

Quan điểm sáng tỏ về kẻ thù của cách mạng. — Ngay từ khi còn đang trứng nước, chính quyền cách mạng đã phải đương đầu với những âm mưu quỷ quyệt của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Cách mạng Việt-nam càng tiến lên, càng phải đương đầu trực diện với đế quốc Mỹ. Từ đầu những năm 50, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã nhận định đế quốc Mỹ là kẻ thù chung của nhân dân thế giới, đồng thời cũng là kẻ thù của nhân dân ta. Sau Hiệp nghị Giơ-ne-vơ (1954), Đảng ta và Hồ Chủ tịch lại nhận định thêm: đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù chính của nhân dân Việt-nam, của cách mạng Việt-nam. Nhận định đó rất sáng suốt, kịp thời.

Nhận định đó của Đảng ta đã vạch trần những âm mưu xâm lược thâm độc, những thủ đoạn đàn áp tàn bạo của đế quốc Mỹ chống độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình; bóc trần lớp sơn hào nhoáng của Mỹ tự tô vẽ nó như là một kẻ «hào hiệp», có sứ mệnh đứng ra bảo vệ «thế giới tự do», «bảo vệ dân chủ», «duy trì hòa bình» v v..

Tổ chức lực lượng đương đầu với kẻ thù. — Đảng ta nhận định: tuy đế quốc Mỹ đông quân, lắm của nhiều vũ khí tối tân, có lòng tham không đáy nhưng vì nó là tên sen đầm quốc tế, là kẻ thù chung của nhân loại, cho nên sức mạnh của nó có hạn; còn nhân dân ta được sự chỉ đạo của một đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối đối ngoại đúng đắn, thì hoàn toàn có thể đánh thắng được đế quốc Mỹ. Nhận định khoa học đó là cơ sở cho hoạt động rộng lớn của Đảng ta tổ chức lực lượng đánh thắng giặc Mỹ. Đánh giá địch một cách khoa học, thấy được chỗ mạnh tạm thời, chỗ yếu cơ bản của địch, biết cách khai thác mặt yếu, hạn chế mặt mạnh của địch, ngược lại thấy được và biết cách phát huy mặt mạnh cơ bản của ta, giảm dần mặt yếu của ta, đó là mối quan tâm thường xuyên của Trung ương Đảng ta.

Để đánh thắng giặc Mỹ, Đảng ta đã ra sức động viên và tổ chức lực lượng của nhân dân cả nước tiến hành cuộc chiến đấu lâu dài, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng. Công tác tổ chức lực lượng gắn liền với đường lối, nhiệm vụ chính trị. Đường lối, nhiệm vụ chính trị đúng đắn là nguồn vô tận tạo ra lực lượng cách mạng; định ra được đường lối chính trị đúng đắn là đã giải quyết được một nửa nhiệm vụ tổ chức.

Digitized by Google

Lực lượng cách mạng Việt-nam trong cuộc chống Mỹ, cứu nước là lực lượng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa. Cho nên việc tổ chức vừa phải huy động lực lượng mỗi miền làm nhiệm vụ cụ thể của mình, lại vừa phải hướng lực lượng cả nước phục vụ thật tốt cho nhiệm vụ chung. Việc tổ chức lực lượng tham gia chiến đấu phải xuất phát từ chiến lược tiến công của cuộc chiến tranh nhân dân. Lực lượng chiến đấu bao gồm cả lực lượng quân sự, lực lượng chính trị, lực lượng nửa quân sự, các tổ chức không hợp pháp, nửa hợp pháp và hợp pháp, các tổ chức bí mật và công khai. Việc tổ chức lấy tập hợp quần chúng cơ bản làm lực lượng quyết định, trên cơ sở đó ra sức tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ. Điều nổi bật của việc tổ chức ở miền Nam là tổ chức để chiến đấu, tổ chức gắn liền với công tác tư tưởng, phát huy tinh thần yêu nước, căm thù đế quốc Mỹ làm động cơ thúc đẩy cuộc chiến đấu. Công tác tổ chức ở miền Nam phải tạo điều kiện tiếp nhận sự chi viện của miền Bắc, phối hợp với lực lượng miền Bắc mà chiến đấu.

Ở miền Bắc, một công tác tổ chức rộng lớn, nhiều mặt đã được thực hiện, đáp ứng được mọi yêu cầu của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, chi viện hết sức cho miền Nam. Duy trì hàng mấy chục năm trời một nếp sống sản xuất và chiến đấu cho đến ngày toàn thắng, là một thành công kỳ diệu của Đảng và Chính phủ ta.

Cuộc chiến đấu của nhân dân ta không tiến hành lẻ loi. Cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ ở Việt-nam, cũng như ở Lào và Cam-pu-chia được tiến hành một cách có tổ chức có kế hoạch chính là xuất phát từ nhận định đúng đắn của Đảng ta về âm mưu của đế quốc Mỹ. Điều đó không phải nằm ngoài dự kiến về mọi mặt của Đảng ta. Như Đảng ta đã dự kiến cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ còn triển khai trên toàn bộ hành tinh chúng ta, ở ngay cả trong nước Mỹ. *Đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng ta* đã phát huy tác dụng tổ chức, được tiến hành có trọng tâm trong từng thời điểm của cuộc chiến tranh, nhằm ngăn ngừa, phá tan kế hoạch chiến lược và chiến thuật của đế quốc Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh ở Việt-nam, đế quốc Mỹ bị vây hãm trong « ba tầng mặt trận » của nhân dân ta, của nhân dân ba nước Đông-dương, của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ ở chính ngay nước Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh nhân dân Việt-nam, toàn dân đánh giặc được thực hiện đúng ý nghĩa toàn vẹn của danh từ đó. Cả lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị quần chúng đều tham gia đánh giặc. Mỗi cánh quân, ngoài nhiệm vụ phối hợp chiến đấu chung, đều đủ sức độc lập tác chiến, đều có chiến trường, đối tượng tác chiến của mình được phân công.

Đội quân chính trị quần chúng vừa là lực lượng đấu tranh chính trị chống Mỹ và tay sai, vừa là lực lượng giải phóng và bảo vệ quê hương. Nó là lực lượng chủ công to lớn phá các mưu đồ chính trị gian dối, độc lập giả hiệu của Mỹ — ngụy. Nó còn là trợ lực của lực lượng vũ trang chính quy trong chuẩn bị và chiến đấu.

Với lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù địch sâu sắc, lại được rèn luyện trong đấu tranh, quần chúng cách mạng sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa. Trong cuộc cách mạng ở nước ta, chúng ta có khả năng to lớn kết hợp khởi nghĩa quần chúng với chiến tranh cách mạng. Quần chúng nhân dân tham gia chiến đấu, chứ không phải chỉ chuẩn bị chiến trường, phục vụ chiến trường theo nghĩa hẹp. Trong điều kiện Việt-nam, chiến tranh du kích có tầm quan trọng chiến lược. Nó là hình thức khởi nghĩa của quần

Digitized by Google

chúng. Quần chúng, bằng chiến tranh du kích, khởi nghĩa tiêu diệt sinh lực địch, giành quyền làm chủ, giải phóng đất, lập chính quyền, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng của mình. Từ khởi nghĩa quần chúng phát triển thành chiến tranh cách mạng. Chiến tranh cách mạng thúc đẩy cao trào khởi nghĩa của quần chúng. Khởi nghĩa quần chúng và chiến tranh cách mạng kết hợp với nhau. Nhờ vậy, chiến tranh chống Mỹ, cứu nước kết hợp được chặt chẽ lực lượng chính trị của quần chúng với sức mạnh của lực lượng quân sự, nhân sức mạnh của nhân dân ta và quân đội ta lên gấp bội. Đường lối quân sự đó của Đảng ta nâng chiến tranh nhân dân Việt-nam lên đỉnh cao nhất. Đường lối đó huy động được toàn thể nhân dân, sử dụng được tất cả mọi khả năng của nhân dân để chiến thắng.

Đường lối quân sự của Đảng ta đã kết hợp được truyền thống dân tộc với chiến tranh hiện đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta không chỉ sử dụng, phát huy cái cổ truyền là sở trường của mình mà còn nắm được cái mới trên cơ sở thành thạo cái cổ truyền, sử dụng đồng thời cả cái mới và cái cổ truyền. Chúng ta không những từ đánh nhỏ phát triển thành đánh to, từ đánh du kích phát triển thành chiến tranh chính quy, từ đấu tranh chính trị phát triển thành đấu tranh vũ trang, mà hơn nữa, ở bất cứ nơi nào và lúc nào, chúng ta cũng đều coi trọng cả đánh nhỏ, coi trọng cả chiến tranh du kích, coi trọng cả đấu tranh chính trị, kết hợp mọi quy mô, mọi hình thức và phương thức đấu tranh, làm cho hiệu quả đấu tranh ngày càng cao, thu hút được toàn dân tham gia đấu tranh.

Đường lối quân sự của Đảng ta là cơ sở để phát huy *nghệ thuật quân sự* của Đảng. Nó phát huy đến mức cao nhất năng lực tiến hành chiến tranh của toàn dân và toàn quân ta. Đương đầu với nhân dân Việt-nam, đế quốc Mỹ vấp phải cuộc đồng khởi chống Mỹ — ngụy của dân tộc ta. Quần chúng tiến hành đấu tranh chính trị phối hợp với đấu tranh vũ trang và tiếp tục sứ mệnh lịch sử của mình trong đánh địch ở khắp mọi nơi, bằng mọi hình thức, với mọi thứ vũ khí có trong tay. Để chiến thắng địch, lực lượng vũ trang chủ lực tập trung giáng cho địch những đòn lớn nghiền nát sức đề kháng từng lúc của địch, và từng bước đè bẹp âm mưu xâm lược của địch. Trong khi đó, quần chúng bằng đấu tranh chính trị vẫn liên tiếp tiến công địch, không để cho địch nghỉ ngơi, củng cố đội ngũ và bồi dưỡng sức chiến đấu. Đấu tranh chính trị của quần chúng, do đó, có tác dụng rất lớn trong tất cả các thời kỳ phát triển của cách mạng miền Nam. Nó được tiến hành song song với đấu tranh vũ trang, tăng sức cho đấu tranh vũ trang, kết hợp với đấu tranh vũ trang. Chính sức mạnh tổng hợp của đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị ở nước ta đã quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy ; kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ thì phát huy được mọi khả năng của đường lối toàn dân đánh giặc. Theo đường lối toàn dân đánh giặc, Đảng ta vừa chăm lo giáo dục, động viên và tổ chức cho đông đảo quần chúng đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, vừa không ngừng chăm lo rèn luyện quân đội và trang bị cho quân đội vũ khí ngày càng hiện đại. Chiến sĩ có trình độ giác ngộ chính trị cao, có bản lĩnh chiến đấu, lại nắm được vũ khí hiện đại, thì càng đạt được hiệu suất chiến đấu cao. Sử dụng kỹ thuật hiện đại đồng thời sử dụng kỹ thuật thô sơ thì càng tăng cường khả năng chiến đấu của quân và dân ta trong cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại. Và chăng đối với bất kỳ một kỹ thuật mới nào được sáng tạo ra, người ta

Digitized by Google

đều có khả năng làm cho nó mất hiệu lực, hoặc giảm hiệu lực, có khi chỉ bằng những phương pháp thông thường. Phát huy đến mức cao nhất mọi loại vũ khí là cách tốt nhất để thực hiện đường lối toàn dân đánh giặc.

Tất cả các vấn đề nghệ thuật quân sự ấy gắn bó chặt chẽ với nhau. Đó là một sáng tạo đặc sắc trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh Việt-nam, nó làm cho nghệ thuật quân sự Việt-nam hết sức linh hoạt, sắc bén và cũng hết sức độc đáo. Đó cũng là một mặt chỉ đạo đầy tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng ta.

Cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, phát triển đến một lúc nào đó thì Đảng ta quyết định mở *mặt trận đấu tranh ngoại giao*. Mặt trận đấu tranh này góp phần tập hợp lực lượng quốc tế chống Mỹ ủng hộ Việt-nam. Nó làm cho lập trường cuộc đấu tranh chính nghĩa của ta ngày càng sáng tỏ trên thế giới. Nó góp phần hình thành trong thực tế mặt trận nhân dân thế giới đấu tranh chống đế quốc Mỹ, ủng hộ Việt-nam. Nó làm cho đế quốc Mỹ bị cô lập hơn nữa trên thế giới, phá tan âm mưu chia rẽ, ly gián của đế quốc Mỹ đối với cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Mặt trận này đã đánh bại nhiều âm mưu câu kết của đế quốc Mỹ và những đế quốc khác nhằm chống cách mạng Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia.

Mặt trận đấu tranh ngoại giao tất nhiên là một bộ phận cuộc đấu tranh chung, không tách rời hai mặt trận đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị của nhân dân ta trên chiến trường. Nó không thể thay thế hai mặt trận kia, song kết quả của nó cũng không hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của hai mặt trận kia. Vì thế mặt trận đấu tranh ngoại giao không thụ động, trái lại nó chủ động phát huy tác dụng thúc đẩy hai mặt trận kia. Mỗi thắng lợi của mặt trận ngoại giao tạo một đà thúc đẩy mới đối với cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự của quần chúng cách mạng. Sự phát triển của mỗi mặt trận không hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi kết quả của mặt trận kia. Một mặt trận phát triển càng tạo điều kiện cho mặt trận kia phát triển, và ngược lại. Mặt trận này tạo điều kiện cho mặt trận kia vượt khó khăn để vươn tới, và ngược lại.

Cho nên, mặt trận ngoại giao góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng chung, làm cho địch ngày càng bị cô lập trên thế giới, làm cho thế giới ngày càng ủng hộ ta một cách mạnh mẽ, tác động có hiệu quả đến các mặt trận khác, khiến cho địch ngày càng bị động. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ngày càng phát triển vững vàng, quyền chủ động của ta càng được phát huy hơn nữa.

Sự kết hợp nhiều mặt trận đấu tranh, và xác định rõ vai trò, tác dụng từng mặt trận một cách thích đáng, cũng là một nét sáng tạo và độc lập, tự chủ trong sự lãnh đạo của Đảng ta.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước lâu dài, ác liệt và gian khổ, Đảng ta đã giải quyết thành công *vấn đề hậu phương* của chiến tranh cách mạng. Đó là kết quả vận dụng đúng đắn luận điểm sau đây của Đại hội Đảng lần thứ III: «miền Bắc có tác dụng quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước».

Việc xây dựng hậu phương lớn của cả nước gắn liền với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Với đường lối đúng đắn, miền Bắc ngày càng phát triển lớn mạnh bảo đảm đời sống của nhân dân về mọi mặt, củng cố và bảo vệ mình, đồng thời hết lòng đóng góp cho tiền tuyến lớn về các mặt vật chất và tinh thần. Miền Bắc, nhờ vậy, đã bảo đảm đầy đủ nhất về các mặt vật chất - kỹ thuật cho một cuộc chiến tranh hiện

Digitized by Google

đại. Điều đặc biệt quan trọng là với sự giúp đỡ của các nước anh em, miền Bắc xã hội chủ nghĩa có đủ sức để giải quyết những vấn đề của cuộc chiến tranh hiện đại.

Nếu hậu phương lớn miền Bắc là cái bảo đảm lớn nhất cho chiến thắng vĩ đại của dân tộc, thì hậu phương tại chỗ ở miền Nam đóng vai trò bảo đảm trực tiếp cho thắng lợi ấy. Nó chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đón nhận và phát huy sự chi viện của hậu phương lớn; nó còn là bàn đạp trực tiếp để tiến công vào đồn bốt, căn cứ quân sự địch, bảo vệ quyền làm chủ vừa giành được.

Với đường lối đúng đắn, Đảng ta đã giải quyết tốt một loạt vấn đề cụ thể để củng cố, phát triển, bảo vệ hậu phương cho cuộc kháng chiến.

III

Tính độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo trong đường lối của Đảng ta không phải tự nhiên mà có. Đó là sản phẩm của cách mạng Việt nam trong thời đại mới.

Cách mạng Việt-nam có một lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại là *Chủ tịch Hồ-Chí-Minh*. Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta vừa là lãnh tụ của dân tộc vừa là lãnh tụ của giai cấp công nhân Việt-nam.

Hồ Chủ tịch thiết tha yêu nước, thiết tha với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nhưng giải phóng dân tộc bằng con đường nào? Người đã khẳng định là chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức. Hồ Chủ tịch đã đem nhiệt tình yêu nước, kết hợp với lý luận khoa học cách mạng nhất của thời đại là chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Ở Người, tinh thần cách mạng triệt để gắn làm một với quan điểm khoa học thật sự; đạo đức cách mạng, phẩm chất cách mạng gắn liền với phương pháp cách mạng khoa học. Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chủ tịch chính là sự nghiệp cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt-nam; hoạt động cách mạng của Người thấm đượm lòng yêu nước sâu sắc và tinh thần quốc tế vô sản cao cả.

Hồ Chủ tịch đã sáng lập, giáo dục và rèn luyện Đảng ta, bảo đảm cho cách mạng Việt-nam có một đường lối trăm trận trăm thắng, đã vun trồng những nhân tố thắng lợi cơ bản của cách mạng Việt-nam.

Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta phải độc lập, tự chủ, vì sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta *được tiến hành trước hết vì lợi ích sống còn của dân tộc Việt-nam*, đồng thời cũng vì lợi ích của nhân dân các nước. Do cuộc đấu tranh vì sự sống còn của dân tộc ta đồng thời là cuộc đụng đầu lịch sử có ý nghĩa quốc tế to lớn, cho nên nó không những đề cao trách nhiệm nặng nề của Đảng ta trước nhân dân Việt-nam mà còn đề cao trách nhiệm của Đảng ta trước nhân dân toàn thế giới. Dưới sự lãnh đạo kiên quyết của Đảng, cả dân tộc ta lớp lớp lên đường, vượt qua muôn vàn khó khăn, chịu đựng mọi hy sinh tổn thất, quyết tâm giành cho kỳ được độc lập, tự do.

Ý chí, quyết tâm của Đảng ta trong cuộc chống Mỹ, cứu nước dựa trên những mục tiêu đã được Đảng ta và Bác Hồ lựa chọn. Đó là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt-nam kiên trì giữ vững hai mục tiêu cơ bản đó trong suốt cả quá trình từ khi Đảng ta ra đời. Nhằm những mục tiêu cơ bản đó, Đảng ta trong từng bước phát triển của tình hình cách mạng đã đề ra những khẩu hiệu chiến lược đúng đắn như: « Độc lập dân tộc », « người cày có ruộng », « hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh », « không có gì quý hơn

Digitized by Google

độc lập tự do!» «đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào», v.v... Điều đó chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng là sáng tạo, sinh động. Do sự giáo dục của Đảng, những mục tiêu cơ bản nói trên đã ăn sâu vào tâm trí của từng người dân, trở thành ý chí không gì lay chuyển nổi của toàn thể nhân dân ta. Nó biến thành sức mạnh tiến công của cách mạng Việt-nam.

Với ý chí và quyết tâm đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vững vàng vươn lên, dạp bằng mọi khó khăn gian khổ mà xốc tới. Kết quả là trong cuộc đọ sức thi gan này, chiến lược xâm lược của đế quốc Mỹ đã thua chiến lược độc lập, tự chủ, sáng tạo, đúng đắn của Đảng ta.

Một ưu điểm nổi bật của Đảng ta là luôn luôn *nhìn rõ kẻ thù của cách mạng*. Đây là một yếu tố cơ bản bảo đảm tính đúng đắn của mọi đường lối, chiến lược cách mạng.

Việc Đảng ta ngay từ rất sớm đã xác định đế quốc Mỹ là kẻ thù trực tiếp, chủ yếu của cách mạng Việt-nam, là kết quả tất nhiên của bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta. Từ nhận thức đó, Đảng ta càng nêu cao quyết tâm lãnh đạo nhân dân ta tiến hành đến cùng cuộc chống Mỹ, cứu nước vĩ đại. Quyết tâm đó là sản phẩm của lòng yêu nước nồng nàn kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Thực tiễn cách mạng của dân tộc ta đã chứng minh đường lối cách mạng của Đảng ta là đúng đắn. Đồng thời nó giúp Đảng ta phát triển và hoàn chỉnh hơn nữa đường lối cách mạng đó.

Chính vì xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt-nam, mà đường lối cách mạng của Đảng ta được định ra chính xác, đứng vững trước mọi thử thách, và không một phút nào đi chệch mục tiêu đã lựa chọn. Nhờ tổng kết thực tiễn cách mạng trước đó, Đảng ta đã lãnh đạo thành công cuộc đồng khởi ở miền Nam trong những năm 1959 – 1960. Chính cuộc đồng khởi này đã dẫn tới kết quả là đánh đổ bộ máy chính quyền phát xít Ngô-Đình-Diệm được Mỹ nuôi dưỡng giữa lúc nó được nhiều người coi là một «chính quyền mạnh» của «thế giới tự do».

Việc theo dõi sát sao thực tiễn của phong trào cách mạng cho phép Đảng ta tìm thấy phương sách, lực lượng, biện pháp để bảo đảm sự thành công và phát hiện những sáng tạo của nhân dân về các phương thức và hình thức đấu tranh cách mạng, từ đó tổng kết thành phương châm, nguyên tắc, thành đường lối. Những phương châm nguyên tắc đó lại ăn sâu trong quần chúng, trở thành bản lĩnh của quần chúng. Chiến đấu chống một tên đế quốc đầu sỏ, Đảng ta luôn luôn ý thức được tính chất phức tạp, vô cùng gay go của cuộc đọ sức, đấu trí này. Đặc biệt là trong những bước ngoặt của tình hình, việc chú ý đầy đủ đến thực tiễn cách mạng của quần chúng là nhân tố cực kỳ quan trọng đem lại sức sáng tạo vĩ đại cho sự lãnh đạo của Đảng ta. Chiến thắng Ấp-bắc... cổ vũ quân và dân ta xông lên đánh thắng hoàn toàn chiến tranh «đặc biệt» của Mỹ – ngụy. Những cuộc khởi nghĩa liên tiếp của nông dân, và sự nổi dậy rộng lớn vào năm 1968 ở nhiều thành phố... – tất cả những cái đó chứng minh khả năng huy động toàn dân vào cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai. Việc đánh bại hành động chiến tranh của Mỹ – ngụy ở đường 9 – Nam Lào, và việc phá tan sự bao vây đối với miền Bắc nước ta nói lên thực tiễn anh hùng của quân và dân ta trên mọi mặt trận, ở tiền tuyến và hậu phương, làm cơ sở vững chắc cho sự thành công của một đường lối cách mạng triệt để. Nó chứng tỏ Đảng ta có đầy đủ sức mạnh để xây dựng và thực hành một đường lối độc lập, tự chủ.

Digitized by Google

Nhân dân ta không kể là ở tiền tuyến hay ở hậu phương, đã lao động sáng tạo và chiến đấu anh dũng, mưu trí, vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả. Hành động của họ là sự thể hiện sinh động đường lối cách mạng của Đảng ta.

Nhân dân ta sáng tạo ra lịch sử của mình một cách có ý thức. Vì lợi ích sâu xa của dân tộc, vì những lý tưởng cao đẹp, họ sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách, hy sinh. Điều đó không hề có gì giống với sự cam chịu. Thực tiễn chứng tỏ rằng dân tộc ta có một nghị lực sáng tạo phi thường, có ý thức tự lực tự cường, tự sáng tạo ra lịch sử của mình bằng máu đào và trí tuệ của mình. *Ý Đảng, lòng dân* là nhân tố thường xuyên quyết định tính chất độc lập, tự chủ trong đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta.

Trong cuộc đấu tranh lâu dài, phức tạp, *sự đoàn kết nhất trí trong Đảng* được giữ vững và tăng cường, là niềm tự hào to lớn của Đảng ta. Được Bác Hồ và Trung ương Đảng chăm lo xây dựng, sự đoàn kết nhất trí ấy, bảo đảm cho đường lối của Đảng được thực hiện thắng lợi. Đảng ta đoàn kết cả trên tư tưởng, ý chí và trong hành động. Đảng ta đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở đường lối độc lập, tự chủ, đúng đắn ; mặt khác sự đoàn kết nhất trí trong Đảng cũng thấm đượm tình đồng chí sâu sắc.

Đảng ta không phải không có sai lầm, khuyết điểm. Nhưng mỗi khi có sai lầm, thì Đảng ta với dũng khí cách mạng triệt để, vì dân vì nước, với tinh thần khoa học phân tích những sai lầm khuyết điểm đó, tìm ra cách đúng đắn khắc phục chúng để đưa sự nghiệp cách mạng đi tới. Điều đó cũng tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, càng đề cao sự tin cậy của nhân dân đối với Đảng. Toàn Đảng qua thử thách, càng già dặn hơn, càng đoàn kết nhất trí. Toàn dân, vì thế, gắn bó với Đảng. Đảng ta nhìn thấy những hạn chế của một bộ phận đảng viên là một điều khó tránh khỏi trong quá trình phát triển của cách mạng. Trong quá trình phấn đấu thực hiện nghị quyết của Đảng, Đảng ta luôn luôn đề phòng và đấu tranh chống các lệch lạc hữu và « tả » khuynh, qua đó bảo đảm cho mục tiêu cách mạng được sáng tỏ hơn nữa và đường lối cách mạng của Đảng được thực hiện đầy đủ.

Như vậy, *Đảng ta đã có đường lối đúng đắn* là vì Đảng ta luôn luôn vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phân tích tình hình chung của thời đại, tình thế cách mạng của nước ta, xác định rõ kẻ thù, kiên định ý chí đấu tranh cách mạng, kiên trì mục tiêu cách mạng, phân tích rõ các lực lượng cách mạng, bố trí sắp xếp và đoàn kết lực lượng cách mạng trong nước và trên thế giới. Đảng ta luôn luôn nắm sát thực tế cách mạng, tin tưởng vào quần chúng cách mạng, phát hiện những sáng tạo trong phong trào cách mạng của quần chúng, tổng kết lại thành phương châm nguyên tắc, bổ sung cho đường lối cách mạng ngày càng đúng đắn, sự chỉ đạo chiến lược ngày càng sắc bén, linh hoạt. Đảng ta luôn luôn chú trọng đề phòng và chống các khuynh hướng « tả » hoặc hữu (mà chủ yếu là chống và khắc phục các lệch lạc hữu khuynh). Đảng ta đoàn kết nhất trí thành một khối vững chắc, không dung thứ những hiện tượng bè phái, chia rẽ.

Đảng ta cũng tham khảo một cách nghiêm chỉnh những kinh nghiệm cách mạng các nước và vận dụng có chọn lọc vào hoàn cảnh của nước ta.

Trong giai đoạn mới, trước nhiệm vụ cách mạng hết sức nặng nề, mới mẻ, Đảng ta vẫn tiếp tục nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào

(Xem tiếp trang 42)

Digitized by Google

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

HÀ - THỊ - QUẾ

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhân dân ta phấn khởi, sôi nổi tiến hành ba cuộc cách mạng, nhằm xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Đây là quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục sâu sắc, triệt để của cả xã hội.

Gia đình là một đơn vị tổ chức nhỏ nhất của xã hội, nhất định phải biến chuyển cùng với xã hội. Giữa gia đình với xã hội, có mối quan hệ gắn bó khăng khít với nhau.

Gia đình là tế bào tự nhiên của xã hội, là hình thức tồn tại của đời sống con người. Gia đình là một sản phẩm xã hội và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Những điều kiện kinh tế — xã hội trong một giai đoạn nhất định của lịch sử quyết định tính chất và kết cấu của gia đình. « Chế độ gia đình hoàn toàn bị quan hệ sở hữu chi phối » (1). Ngược lại, gia đình là một yếu tố có tác động quan trọng đối với xã hội. Nhà nước của giai cấp thống trị trong mỗi thời đại đặt ra những luật pháp, những nguyên tắc đạo đức, luân lý, làm chuẩn mực cho mọi gia đình tuân theo, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp mình và củng cố trật tự xã hội đương thời. Những luật pháp, đạo đức, luân lý đó được nhân dân thực hiện, dần dần trở thành nề nếp của gia đình và phong tục, tập quán của xã hội.

Tính chất, nhiệm vụ, chức năng của gia đình, quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội trong những chế độ xã hội khác nhau thì không giống nhau.

Trong xã hội có chế độ tư hữu, có giai cấp bóc lột, gia đình là một đơn vị kinh tế cá thể và có mục đích bảo vệ quyền tư hữu tài sản và quyền thừa kế tài sản. Gia đình được xây dựng trên lợi ích kinh tế, lợi ích giai cấp, và do lợi ích kinh tế, lợi ích giai cấp quyết định. Người đàn ông gia trưởng nắm quyền sở hữu những tài sản cho nên giữ địa vị độc tôn trong gia đình. Thuyết « tam tòng », nguyên tắc « phu xướng phụ tùy »

(1) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập II, trang 203.

Digitized by Google

của đạo lý phong kiến phản ánh địa vị phụ thuộc về kinh tế của người đàn bà trong xã hội phong kiến. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa mọi quan hệ trong gia đình đều dựa trên tiền của. Hôn nhân là một cuộc mua bán: « có tiền mua tiên cũng được ». Vì xã hội có giai cấp đối kháng, cho nên lợi ích cá nhân, gia đình và xã hội không nhất trí với nhau. Trong gia đình, dưới uy quyền tuyệt đối của người chồng, người cha, phẩm giá, lợi ích của người vợ, người mẹ, người con không được tôn trọng. Ngoài xã hội, dưới sự thống trị của giai cấp bóc lột, quyền lợi cá nhân chính đáng và lợi ích gia đình của nhân dân lao động bị chà đạp. Trên cơ sở chế độ tư hữu, mỗi gia đình đều bắt buộc tìm cách duy trì, phát triển nền kinh tế riêng của mình bằng cách chèn ép, cạnh tranh với những gia đình khác, từ đó nảy sinh tư tưởng tư lợi, ích kỷ: « cá lớn nuốt cá bé », « cháy nhà hàng xóm bình chân như vại »...

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, mọi của cải của xã hội đều thuộc quyền sở hữu của tập thể những người lao động, cho nên gia đình không còn là một đơn vị kinh tế cá thể nữa. Mọi thành viên trong gia đình đều là những người lao động làm chủ tập thể, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi ngoài xã hội, đồng thời cũng bình đẳng về mọi mặt trong gia đình. « Gia đình dưới chế độ mới ngày nay là một lĩnh vực biểu hiện rất quan trọng của những quan hệ tình cảm, đạo đức xã hội chủ nghĩa và thực hiện những chức năng không thể thiếu được đối với đời sống và sự phát triển của xã hội mới.» (2). Gia đình là nơi sinh đẻ ra con người và nuôi dạy con người từ nhỏ đến lớn để duy trì và phát triển nòi giống, cung cấp nhân lực mới cho xã hội, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng là nơi tái tạo sức lao động cho những thành viên của mình để tiếp tục quá trình sản xuất.

Trên cơ sở nền kinh tế tập thể, gia đình là một thể thống nhất hữu cơ với xã hội. « Lợi ích và hạnh phúc của gia đình hoàn toàn gắn liền với lợi ích và hạnh phúc của xã hội; còn hạnh phúc của xã hội được biểu hiện qua hạnh phúc của từng thành viên trong xã hội, từng gia đình » (3). Không thể nào có hạnh phúc gia đình nếu đất nước chưa được độc lập tự do, nhân dân còn bị áp bức bóc lột, xã hội còn đầy dẫy những bất công. Chỉ có xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, mọi gia đình mới có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Mặt khác, « tổ chức tốt cuộc sống gia đình hợp với những tiêu chuẩn cuộc sống mới là một điều kiện quan trọng để xây dựng xã hội mới, để bảo đảm cho sự tiến bộ xã hội về mọi mặt kinh tế, văn hóa và đạo đức » (4).

Chính vì vị trí, chức năng quan trọng của gia đình trong chế độ xã hội chủ nghĩa và mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình với xã hội, mà trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng đến vấn đề gia đình. Hồ Chủ tịch kính yêu đã dạy: « Xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt » (5). Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã xác định rõ vai trò quan trọng của gia đình trong việc xây dựng con người mới, xã hội mới.

Gia đình Việt-nam được hình thành trong những điều kiện lịch sử của dân

---

(2) Lê-Duẩn: *Vai trò và nhiệm vụ của phụ nữ Việt-nam trong giai đoạn mới của cách mạng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 24.

(3), (4) Lê-Duẩn: *sách đã dẫn*, trang 24, 25.

(5) Hồ-Chí-Minh: "Trích lời nói chuyện tại hội nghị cán bộ thảo luận dự thảo luật hôn nhân và gia đình", *Những lời kêu gọi*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tập V, trang 281.

Digitized by Google

tộc Việt-nam, một dân tộc có truyền thống lao động cần cù, đoàn kết thương yêu nhau, đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm, trọng đạo lý, trọng tình nghĩa. Đương nhiên, trải qua mấy nghìn năm dưới chế độ phong kiến, gần 100 năm dưới chế độ thực dân, gia đình Việt-nam không tránh khỏi mang những tính chất của gia đình phong kiến với chế độ gia trưởng và nguyên tắc trọng nam khinh nữ bất công, với bao nhiêu tập tục, lễ thói ràng buộc người lao động, hạ thấp nhân phẩm của phụ nữ, dày xéo lên quyền lợi chính đáng của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

Từ sau khi Cách mạng tháng Tám thành công đến nay, thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta đã tác động sâu sắc đến gia đình. Nhất là từ sau khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã được hoàn thành về căn bản, chúng ta đã có những điều kiện để xây dựng gia đình kiểu mới, gia đình xã hội chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập, nền chuyên chính vô sản ngày càng được củng cố, người phụ nữ được giải phóng, được tham gia mọi mặt công tác xã hội: đó là những điều kiện để hình thành chế độ hôn nhân gia đình mới. Luật hôn nhân và gia đình được ban hành năm 1960, dựa trên nguyên tắc: hôn nhân tự do và tiến bộ, một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và con cái. Những mối quan hệ kiểu mới giữa vợ chồng, cha mẹ, con cái đang được hình thành, đó là quan hệ bình đẳng, tôn trọng, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Đời sống vật chất và tinh thần của gia đình ngày càng được nâng cao.

Trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt và chiến tranh ác liệt kéo dài, chúng ta chưa có điều kiện nghiên cứu, hướng dẫn việc xây dựng gia đình một cách toàn diện, chưa xây dựng được những quy tắc cụ thể chỉ đạo quan hệ đối xử trong gia đình theo tinh thần đạo đức xã hội chủ nghĩa. Những tàn dư tư tưởng phong kiến, những thói quen lâu đời của nền sản xuất nhỏ và ảnh hưởng của nền văn hóa tư sản ăn sâu trong nhiều quan niệm về đạo đức, về hạnh phúc, về cuộc sống, về quan hệ giữa người và người... Vì vậy, bên cạnh những nhân tố mới, trong nhiều gia đình còn có những hiện tượng thiếu lành mạnh, làm cho nhiều người chưa thật yên tâm, phấn khởi, ảnh hưởng không tốt đến việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, trong điều kiện đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội, vấn đề xây dựng gia đình mới, tốt đẹp trở thành một yêu cầu cấp bách của sự nghiệp cách mạng, một nguyện vọng thiết thân của mọi người, một đòi hỏi thực tế của cuộc sống. Chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc đã để lại nhiều hậu quả nặng nề đối với đời sống tinh thần và vật chất trong các gia đình Việt-nam ta. Những tệ nạn xã hội do chủ nghĩa thực dân mới để lại cũng tác động đến vấn đề xây dựng con người mới, gia đình mới xã hội chủ nghĩa. Những sự biến đổi to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học, kỹ thuật, như việc tổ chức lại sản xuất, phân vùng sản xuất, sắp xếp lại các điểm dân cư, xây dựng vùng kinh tế mới, cơ giới hóa nông nghiệp, phân bố lại lực lượng lao động xã hội, v.v... sẽ đặt ra rất nhiều vấn đề mới về con người và cuộc sống. Cuộc sống vật chất và tinh thần, cuộc sống riêng và chung của mỗi người, quan hệ giữa người và người trong gia đình và ngoài xã hội sẽ có những đòi hỏi mới mà gia đình phải đáp ứng kịp thời. Trong điều kiện của xã hội ta đang thay cũ đổi mới từ gốc đến ngọn để trở thành một nước có kinh tế hiện đại, có văn hóa khoa học tiên tiến, phải xây dựng gia đình như thế nào

Digitized by Google

đây để gia đình góp phần cùng với xã hội làm cho mỗi người từ lớn đến nhỏ đều có tư tưởng đúng, tình cảm đẹp, có sức khỏe, có điều kiện học hành, nghỉ ngơi, có năng suất lao động cao, có cuộc sống văn minh hạnh phúc? Đây cũng là một lĩnh vực quan trọng trong việc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Củng cố và tăng cường trận địa xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực gia đình sẽ có tác dụng góp phần thúc đẩy ba cuộc cách mạng.

Theo đường lối của Đảng, dựa vào pháp luật của Nhà nước và căn cứ vào tình hình thực tế của nước ta, vận dụng những kinh nghiệm đã có, các cơ quan có trách nhiệm cần đề ra phương hướng phấn đấu đúng đắn và biện pháp thích hợp hướng dẫn giúp đỡ các gia đình phát huy truyền thống tốt, khắc phục mặt yếu, xây dựng những tư tưởng, tình cảm, cách sống phù hợp với xã hội mới.

★

Từ mối quan hệ hữu cơ giữa gia đình với xã hội và sự nhất trí giữa lợi ích gia đình với lợi ích xã hội, một kết luận có thể rút ra là *việc xây dựng gia đình phải gắn liền với việc xây dựng xã hội mới, với ba cuộc cách mạng hiện nay*

Phải xuất phát từ yêu cầu và điều kiện thực tế của xã hội mà đề ra mục tiêu, phương hướng xây dựng gia đình. Nguyên tắc giải quyết mối quan hệ giữa gia đình và xã hội là *lợi ích của gia đình phải phục tùng lợi ích của xã hội*. Trước mắt, trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, khó khăn còn nhiều, mọi gia đình còn phải chịu đựng, hy sinh, đóng góp hết sức mình cho việc xây dựng xã hội từ một nền kinh tế nghèo nàn bị chiến tranh tàn phá nặng nề đi lên chủ nghĩa xã hội. Nếu không có sự đóng góp, hy sinh của mọi người, mọi gia đình, thì tương lai không thể nào có nền kinh tế độc lập, tự chủ, phồn vinh, và nếu đất nước nghèo nàn, phụ thuộc, thì gia đình cũng không có ấm no, hạnh phúc.

Việc xây dựng nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, việc đấu tranh quét sạch những tàn dư tư tưởng và văn hóa của chế độ cũ, việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa phải được tiến hành liên tục, nhất quán từ ngoài xã hội cho đến trong gia đình. Có đi sâu vào những quan niệm về đạo đức, luân lý, tình yêu, hôn nhân, nuôi dạy con, những phong tục, tập quán, nếp sống trong gia đình, thì việc xây dựng tư tưởng và văn hóa xã hội chủ nghĩa mới hoàn chỉnh và triệt để.

Mặt khác, cũng chỉ có trên cơ sở những thắng lợi của ba cuộc cách mạng, việc xây dựng gia đình mới có điều kiện tiến hành thuận lợi. Vì vậy, việc xây dựng gia đình không thể theo ý muốn chủ quan mà phải được đẩy lên từng bước một cách kiên trì theo đà tiến triển của ba cuộc cách mạng. Như vậy, không có nghĩa là cứ tiến hành ba cuộc cách mạng ngoài xã hội thì tự nhiên gia đình sẽ chuyển biến theo. Trong gia đình cũng như ngoài xã hội, cái cũ không tự nhiên mất đi, cái mới không tự nhiên hình thành. Hơn nữa, gia đình thuộc lĩnh vực cuộc sống riêng của con người, cái cũ có sức bám rất dai dẳng, và cái mới lại phải có một thời gian dài mới hình thành vững chắc. Vì vậy, việc thay cũ đổi mới trong gia đình càng phải được tiến hành kiên trì, liên tục, thường xuyên mới đạt kết quả mong muốn.

Nếu như về phía gia đình phải phục tùng lợi ích của xã hội thì ngược lại, về phía *xã hội cũng phải chăm lo đến gia đình*. Đồng chí Lê-Duẩn nói: «Đảng, Nhà nước và các đoàn thể phải chăm lo đến đời sống từng gia đình, chăm lo mọi mặt ăn, mặc, ở, học hành, nuôi dạy con cái của mỗi gia đình. Khi giải quyết các vấn đề

Digitized by Google

liên quan đến đời sống nhân dân, chúng ta phải chú ý đến đơn vị gia đình với những nhu cầu nhiều vẻ của nó, phải cố gắng làm sao phục vụ tốt, lợi nhất cho sinh hoạt gia đình. Làm gì cho một gia đình, cho những nhu cầu của đời sống một gia đình? Đó là câu hỏi nhất thiết phải được đặt ra khi suy nghĩ các vấn đề về kinh tế, sản xuất và đời sống; phải đặt ra đối với hợp tác xã, đối với cấp huyện, cấp tỉnh và đối với kế hoạch Nhà nước nói chung» (6). Vì vậy, đi đôi với việc động viên các gia đình thực hiện nghĩa vụ đối với xã hội, cần quan tâm đúng mức đến những vấn đề thiết thực như cải tiến việc tổ chức phân phối lương thực, thực phẩm cho thuận tiện, hợp lý, tăng cường các công trình y tế, vệ sinh và phục vụ công cộng, mở rộng và nâng cao các công trình phúc lợi tập thể, các hình thức chăm sóc giáo dục thiếu niên nhi đồng. Thực tiễn ở nhiều nơi cho thấy rằng: biết tổ chức và phát huy khả năng vô tận của quần chúng và có sự giúp đỡ của các cơ quan Nhà nước, nhất là của chính quyền cơ sở, chúng ta có thể giải quyết tốt hơn các vấn đề trên đây trong điều kiện hiện nay cho phép.

Đi đôi với việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa gia đình với xã hội, chúng ta phải quan tâm đầy đủ đến *việc xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa người với người trong gia đình* để có cuộc sống thật sự văn minh, hạnh phúc. Những quan hệ tốt đẹp ấy không phải tự nhiên hình thành mà chỉ có thể là kết quả của một quá trình đấu tranh cải tạo những tư tưởng, tình cảm, thói quen lâu đời nay đã lỗi thời và phấn đấu xây dựng những tư tưởng, tình cảm, quan hệ mới tốt đẹp phù hợp với chế độ mới.

Quan hệ giữa người với người trong gia đình không phải là vấn đề riêng tư thuần túy, mà bao hàm ý nghĩa xã hội sâu sắc. Quan hệ giữa vợ với chồng, cha mẹ với con cái, anh chị em với nhau, vừa là quan hệ ruột thịt vừa là quan hệ giữa người với người trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Rõ ràng không thể tự phát theo nếp quen của xã hội cũ, mà phải xây dựng những mối quan hệ mới, quán triệt tư tưởng «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người», thể hiện tinh thần bình đẳng, dân chủ, thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Đây là sự đòi hỏi của xã hội, đồng thời cũng là lợi ích, hạnh phúc của mỗi người. Chỉ có trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng nhau mới thật sự thương yêu nhau và mới có hạnh phúc.

Đây là một trong những đặc trưng của con người mới xã hội chủ nghĩa. «Con người mới là con người biết xây dựng gia đình hạnh phúc trên cơ sở của một xã hội hạnh phúc, có trách nhiệm đầy đủ và tình thương yêu chân thật trong quan hệ vợ chồng, có trách nhiệm cao đối với việc xây dựng con cái thành những con người mới» (7)

Mối quan hệ trong gia đình không phải là việc riêng của từng người. Nó tác động đến đời sống vật chất, tinh thần, đến trật tự an ninh xã hội. Vì vậy, quan hệ trong gia đình không chỉ là vấn đề đạo đức, tình cảm, mà còn mang tính chất pháp lý. Nhà nước ta đã ban hành và đang nghiên cứu bổ sung Luật hôn nhân và gia đình, và sẽ nghiên cứu xây dựng thêm những luật khác có quan hệ đến vấn đề này (như Luật bảo vệ thiếu nhi, v v...) chính là để quy định trách nhiệm pháp lý của những người trong gia đình và thể hiện việc Nhà nước công nhận và bảo hộ hôn nhân và gia đình theo tinh thần Hiến pháp xã hội chủ nghĩa.

---

(6) Lê-Duẩn: *Vai trò và nhiệm vụ của phụ nữ Việt-nam trong giai đoạn mới của cách mạng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 26.

(7) Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

Lâu nay, nhiều nam nữ thanh niên, khi bước vào cuộc đời làm vợ, làm chồng, làm mẹ, làm cha, chưa được bồi dưỡng những quan điểm và kiến thức cần thiết để có thể làm tốt những chức trách quan trọng này. Phải chăng đó là một trong những nguyên nhân gây nên những thảm kịch gia đình lẽ ra không đáng có trong chế độ xã hội tốt đẹp của chúng ta?

Trong gia đình có hai mối quan hệ chủ yếu: giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái.

Quan hệ vợ chồng xây dựng trên cơ sở tình yêu nam nữ và trên ý thức trách nhiệm đối với nhau, đối với con và đối với xã hội. Mối quan hệ này tác động rất lớn đến sức khỏe, đời sống, tâm tư, tình cảm và ảnh hưởng cả đến tiền đồ sự nghiệp của mỗi người. Nếu không nhận thức được những biến đổi cách mạng vĩ đại của xã hội, không có quan niệm cách mạng về cuộc sống, về hạnh phúc thì không dễ gì thoát khỏi những quan điểm phong kiến, tư sản, tiểu tư sản trong vấn đề rất phức tạp và tế nhị này. Phải làm cho mọi người, (cả nam nữ thanh niên và các bậc cha mẹ có con đến tuổi trưởng thành) có quan niệm đúng đắn về vấn đề tình yêu và hôn nhân. Phải xóa bỏ những tàn tích phong kiến như tảo hôn, ép hôn, thách cưới, lấy lẽ..., giảm bớt những hiện tượng thiếu lành mạnh như yêu đương bất chính, vợ chồng rủng bỏ nhau. . Cơ quan luật pháp và dư luận xã hội phải lên án nghiêm khắc những hành động dã man như ngược đãi, đánh đập vợ con. Cần hướng dẫn giúp đỡ nam nữ thanh niên thực hiện đúng đắn nguyên tắc hôn nhân tự do và tiến bộ trên cơ sở tình yêu chân chính. Sau khi kết hôn, đôi vợ chồng phải xây dựng gia đình với tinh thần trách nhiệm đối với nhau, đối với con cái và đối với xã hội. Vợ chồng phải thương yêu tôn trọng nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, cùng nhau bàn bạc và gánh vác công việc gia đình. Phải biết nhân nhượng nhau, thận trọng và kiên trì thuyết phục nhau, giải quyết ngay từ đầu những mâu thuẫn mới nảy sinh. Điều đáng lưu ý là những mâu thuẫn trong vấn đề tình yêu, hôn nhân gia đình, nếu không giải quyết sớm, để đến khi đã quá sâu sắc thì có thể đưa đến những hành động mù quáng gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Việc xây dựng hạnh phúc gia đình là trách nhiệm của vợ, của chồng. Riêng người phụ nữ càng phải thấy đây là quyền lợi và trách nhiệm của mình. Phấn đấu để có vị trí xứng đáng trong xã hội, có cuộc sống tự lập bằng sức lao động của mình, không ỷ lại vào chồng, ra sức nâng cao trình độ mọi mặt, biết cách ăn ở, đối xử, biết tự tôn tự trọng, đó là cơ sở để chọn được người yêu xứng đáng và có cuộc sống gia đình hạnh phúc. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, người phụ nữ cũng phải đề cao tinh thần tự lực, tự cường, chủ động xây dựng cuộc đời, biết dựa vào pháp luật và tập thể để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình và con cái, hết sức tránh an phận, tiêu cực.

Gia đình trong bất cứ một chế độ nào cũng có chức năng sinh đẻ con cái để duy trì và phát triển nòi giống. Sinh đẻ không phải là việc riêng của vợ chồng mà có liên quan trực tiếp đến vấn đề cân đối giữa số dân và kinh tế, giữa sản xuất và tiêu dùng. Tỷ lệ tăng số dân hằng năm của nước ta hiện nay là khoảng 3%, một tỷ lệ vào loại cao trên thế giới! Trong điều kiện nền kinh tế của ta còn thấp, việc sinh đẻ quá nhiều như vậy đã gây thêm khó khăn cho gia đình và xã hội. Vì vậy, để xã hội phát triển cân đối, tương lai nòi giống lành mạnh, để bảo đảm sức khỏe và sự tiến bộ của bà mẹ và trẻ em, bảo vệ hạnh phúc gia đình, việc sinh đẻ không thể tự phát như dưới chế độ cũ mà phải là một việc làm tự giác, tế nhị, có sự bàn bạc nhất trí giữa vợ và chồng.

Digitized by Google

thể hiện sự quan tâm tôn trọng lẫn nhau của hai người. Đây là nếp sống văn minh khoa học, thể hiện một khía cạnh của trình độ con người làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

Sinh đẻ, nuôi, dạy con đáp ứng yêu cầu của xã hội là *chức năng cao quý của người làm cha mẹ*, là hạnh phúc, niềm vui của gia đình. Con người mới xã hội chủ nghĩa là sản phẩm của các quan hệ xã hội, là kết quả của cả ba cuộc cách mạng, song con người sinh ra và lớn lên trong gia đình. Dù tự giác hay không, gia đình vẫn là trường học đầu tiên của trẻ, cha mẹ vẫn là người thầy giáo, cô giáo đầu tiên của con mình. Gia đình là nơi trẻ sống phần lớn thời gian từ khi sinh ra cho đến tuổi thiếu niên, là thời kỳ hình thành mọi mầm mống của tình tình và năng khiếu. Mọi ảnh hưởng của gia đình sẽ để lại những ấn tượng sâu sắc mà trẻ giữ mãi suốt cuộc đời. Giáo dục xã hội có vai trò chủ đạo, nhưng không thay thế giáo dục gia đình, đặc biệt trong việc giáo dục tình cảm, đạo đức là lĩnh vực mà gia đình có sức cảm hóa sâu sắc. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Phải xây dựng con người mới từ lúc mới lọt lòng và ở mọi lứa tuổi, trong tất cả các tổ chức quần chúng, các cơ sở kinh tế, văn hóa, các hoạt động xã hội, ở mọi ngành, mọi cấp, trong từng khu phố, thôn xóm và gia đình ». Gia đình phải cùng với nhà trường và xã hội đào tạo nên thế hệ những con người xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Là một môi trường giáo dục rất quan trọng, gia đình phải thống nhất với nhà trường và xã hội về mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục. Có như vậy thì chủ trương cải cách giáo dục mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra mới có thể thực hiện được toàn vẹn.

Sự chưa nhất trí giữa các môi trường giáo dục ảnh hưởng tai hại đến nhận thức và niềm tin của trẻ. Hiện nay, công cuộc xây dựng đất nước đòi hỏi số đông thanh niên đi vào trực tiếp lao động sản xuất trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, v.v... Trong tương lai, với đà phát triển của cách mạng khoa học – kỹ thuật, đại bộ phận người lao động sẽ thông qua con đường học tại chức tiến lên có trình độ đại học. Nhưng do chưa nhận rõ yêu cầu và xu hướng phát triển của xã hội như vậy, cho nên nhiều gia đình nghĩ rằng thanh niên chỉ có một con đường tiến bộ duy nhất là vào trường đại học. Nhận thức lệch lạc ấy làm cho một số thanh niên khi được bố trí lao động ở hợp tác xã, công trường, xí nghiệp, thiếu nhiệt tình cần thiết đáng có ở tuổi thanh niên, hoặc mang tâm lý thất vọng rất nguy hại ngay khi bước vào đời.

Nội dung giáo dục gia đình có nhiều mặt, song điều quan trọng và khó khăn nhất là xây dựng tâm hồn, tình cảm, đạo đức tốt đẹp cho con. Nhiều bậc cha mẹ chỉ mới chú ý cho con ăn, học, mà chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề này. Xây dựng đạo đức, tâm hồn cho con không phải bằng những lời thuyết lý dài dòng hoặc bằng roi vọt, mà phải bằng cả cuộc đời lao động, đấu tranh dũng cảm, bằng tấm gương trong sáng của bố mẹ. Đồng thời phải hiểu những đặc điểm phát triển tâm lý, sinh lý của thiếu nhi, thanh niên trong thời đại mới, hiểu tinh nết từng đứa trẻ, tiến hành một quá trình giáo dục rất tỉ mỉ, công phu. Nếu chủ quan, đơn giản cho rằng « trăng đến rằm trăng tròn », hoặc ỷ lại vào nhà trường « trăm sự nhờ thầy, cô », hoặc đổ cho khách quan « cha mẹ sinh con, trời sinh tính » mà không chú ý từ đầu, đến khi con hư mới giật mình tỉnh ngộ thì có khi quá muộn. Dạy con là cả một khoa học, một nghệ thuật, phải học hỏi, phải suy nghĩ vận dụng

Digitized by Google

suốt cả cuộc đời làm cha mẹ. Cho đến khi con đã có nghề nghiệp, lập gia đình, cha mẹ vẫn phải tiếp tục hướng dẫn con trên một số mặt của cuộc sống.

Cũng như những mối quan hệ khác trong gia đình, mối *quan hệ giữa con cái với cha mẹ* dưới chế độ xã hội chủ nghĩa cũng có nội dung khác trước.

Tinh thần xã hội chủ nghĩa « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người » không cho phép chúng ta thờ ơ đối với bất cứ ai, huống hồ đối với cha mẹ là người sinh đẻ, nuôi dạy mình từ tấm bé. Con người xã hội chủ nghĩa ăn ở tình nghĩa, thủy chung. Nếu không kính cha yêu mẹ, làm sao có thể thương yêu nhân dân lao động, quý trọng bạn bè và tập thể? Thái độ đối với cha mẹ không chỉ thể hiện lòng biết ơn đối với người đã có công sinh đẻ, nuôi dạy mình, mà còn thể hiện sự biết ơn của thế hệ sau đối với thế hệ trước đã từng lao động và đấu tranh gian khổ để góp phần xây dựng và bảo vệ non sông đất nước. Khi cha mẹ già yếu, ốm đau, ngoài nghĩa vụ đương nhiên là nuôi nấng chăm sóc, con phải có thái độ thật sự ân cần, tôn trọng, để tuổi già của cha mẹ yên vui.

Trong gia đình, ngoài những mối quan hệ chủ yếu trên đây, còn nhiều mối quan hệ khác như giữa anh chị em, giữa mẹ chồng nàng dâu, chị dâu em chồng, con chung, con riêng, ông bà với cháu, v.v... Có thể nói gia đình là một xã hội thu nhỏ. Gia đình gồm những người của nhiều thế hệ khác nhau, do đó cũng khác nhau về quan niệm, trình độ, tình tình, sở thích, cách sống, v.v... Trong cuộc sống chung, nếu không xây dựng được tinh thần làm chủ tập thể, tình thương yêu, tôn trọng, nhân nhượng lẫn nhau, mà mỗi người chỉ thấy cá nhân mình, thì nhất định không tránh khỏi va chạm, và cuộc sống gia đình như vậy chỉ là một quá trình chịu đựng, ảnh hưởng không tốt đến tinh thần công tác, lao động sản xuất của mỗi người trong gia đình. Trái lại, nếu mỗi người đều thấy trách nhiệm của mình, thương yêu nhường nhịn giúp đỡ nhau thì gia đình sẽ là một tập thể đầm ấm có sức mạnh động viên mỗi người vượt mọi khó khăn, làm tốt nhiệm vụ đối với xã hội, có cuộc sống tập thể và cá nhân hài hòa, phong phú.

Quan hệ giữa mọi người trong gia đình cần được thể hiện, tăng cường và củng cố bằng việc *tổ chức cuộc sống gia đình*. Việc tổ chức cuộc sống gia đình không những tác động đến đời sống, tình cảm hạnh phúc của con người, mà còn ảnh hưởng đến việc tái sản xuất sức lao động hao phí hằng ngày, đến việc tiêu dùng của xã hội, đến việc tạo nên những thói quen và phong cách con người mới xã hội chủ nghĩa.

Việc tổ chức cuộc sống gia đình bao gồm hàng loạt vấn đề phức tạp, cụ thể, rất khác nhau tùy theo sở thích, hoàn cảnh mỗi gia đình, tùy theo điều kiện của từng miền và của đất nước. Tuy vậy, vẫn phải xác định một số phương hướng chung. Hiện nay, rõ ràng là cuộc sống gia đình phải xóa bỏ những tệ nạn mê tín dị đoan, những phong tục, tập quán lạc hậu trong việc cưới, tang, giỗ, tết, v.v... Yêu cầu xây dựng nếp sống khoa học, vệ sinh trong việc ăn, mặc, ở, chữa bệnh, sinh đẻ, nuôi con... là cấp bách. Những gia đình có điều kiện nên hết sức cố gắng nuôi gà, lợn, trồng rau, cây ăn quả, có vại dưa, vại cà, hũ tương, hũ mắm để tự mình góp phần giảm bớt khó khăn trong việc cung ứng của xã hội. Đồng thời, tùy hoàn cảnh thực tế, nên cố gắng nâng cao sinh hoạt văn hóa trong gia đình (sách, báo, đài, vui chơi, giải trí...) để cuộc sống thêm phong phú tươi vui. Trên cơ sở sự phát triển của nền kinh tế, tận dụng những điều kiện về phúc lợi vật chất, tinh thần và văn hóa của xã hội, mỗi gia đình cố gắng tự tổ

Digitized by Google

chức đời sống của mình một cách tốt nhất trong hoàn cảnh cho phép. Nếu biết phát huy khả năng của mọi người trong gia đình, có sự phân công hợp lý, biết chi tiêu có kế hoạch thì dù còn nhiều khó khăn, chúng ta vẫn có thể làm cho cuộc sống dễ chịu, thoải mái hơn.

★

Từ những quan điểm, nhận thức trên đây, và từ những kinh nghiệm của các cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa mới đã được thực hiện ở các địa phương, bước đầu chúng ta có thể đề ra tiêu chuẩn gia đình văn hóa mới như sau:

Một là: Xây dựng gia đình làm chủ tập thể, bình đẳng, hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ.

– Vợ chồng thương yêu tôn trọng nhau, cùng nhau bàn bạc chăm lo việc gia đình; sinh đẻ có kế hoạch, cha mẹ nuôi con khỏe, dạy con ngoan theo 5 điều Bác Hồ dạy; con cái kính yêu, chăm sóc, giúp đỡ cha mẹ.

– Tổ chức tốt đời sống gia đình, phân công hợp lý, chi tiêu có kế hoạch, ăn ở gọn gàng, sạch sẽ, giữ gìn sức khỏe.

– Mọi người giúp nhau học tập, rèn luyện tiến bộ, không mê tín dị đoan.

Hai là: Hăng hái tham gia lao động và thực hành tiết kiệm.

– Thực hành đúng chế độ lao động thuộc chức trách mỗi cá nhân, hăng hái phấn đấu tiến bộ trong lao động, công tác, học tập.

– Thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đời sống, trong việc cưới, tang, giỗ, tết.

Ba là: Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

– Hăng hái đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

– Gương mẫu chấp hành mọi điều luật về bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, về quản lý kinh tế, quản lý thị trường.

– Gương mẫu chấp hành mọi thể lệ, quy ước về nếp sống mới.

Với ý nghĩa cách mạng và nội dung toàn diện, *việc xây dựng gia đình văn hóa mới là trách nhiệm của toàn dân, của cả xã hội, và gắn liền với các cuộc vận động khác.* Đây là quá trình thay cũ đổi mới về tư tưởng, tình cảm, thói quen của hàng chục triệu con người, cho nên biện pháp hàng đầu là *làm tốt việc giáo dục, nâng cao nhận thức, tư tưởng, tình cảm.* Phải có hàng loạt biện pháp giáo dục sâu, rộng, thường xuyên đi vào từng người. Nếu chỉ vận động ồ ạt thì kết quả chỉ nhất thời và nếp cũ sẽ phục hồi nhanh chóng. Vì vậy, việc xây dựng gia đình văn hóa mới chỉ có thể trở thành phong trào quần chúng nếu có sự hưởng ứng và phối hợp hoạt động của các ngành, nhất là các ngành tuyên huấn, văn hóa, giáo dục.

Đi đôi với việc phát động tư tưởng, nâng cao trình độ hiểu biết về việc xây dựng gia đình, tổ chức cuộc sống, nuôi dạy con, cần hết sức quan tâm đến việc *tổ chức hướng dẫn thực hiện* việc xây dựng gia đình văn hóa mới, tạo những điều kiện vật chất tối thiểu, xây dựng những luật lệ, chế độ, chính sách, quy tắc, điều lệ cụ thể, v.v... Đó là những biện pháp không thể thiếu để cuộc vận động có hiệu quả cụ thể. Tất nhiên, chúng ta sẽ đẩy mạnh các mặt hoạt động này trước hết là bằng cách phát huy khả năng tiềm tàng trong nhân dân, đi đôi với sự giúp đỡ rất quan trọng của các cơ quan có trách nhiệm.

Việc *vận động xây dựng gia đình văn hóa mới* gắn liền với việc xây dựng nếp sống mới của toàn xã hội là một cuộc vận động lâu dài phát triển từ thấp lên cao, từ điểm ra diện.

(Xem tiếp trang 59)

Digitized by Google

Nhân dân ta không kể là ở tiền tuyến hay ở hậu phương, đã lao động sáng tạo và chiến đấu anh dũng, mưu trí, vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả. Hành động của họ là sự thể hiện sinh động đường lối cách mạng của Đảng ta.

Nhân dân ta sáng tạo ra lịch sử của mình một cách có ý thức. Vì lợi ích sâu xa của dân tộc, vì những lý tưởng cao đẹp, họ sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách, hy sinh. Điều đó không hề có gì giống với sự cam chịu. Thực tiễn chứng tỏ rằng dân tộc ta có một nghị lực sáng tạo phi thường, có ý thức tự lực tự cường, tự sáng tạo ra lịch sử của mình bằng máu đào và trí tuệ của mình. *Ý Đảng, lòng dân* là nhân tố thường xuyên quyết định tính chất độc lập, tự chủ trong đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta.

Trong cuộc đấu tranh lâu dài, phức tạp, *sự đoàn kết nhất trí trong Đảng* được giữ vững và tăng cường, là niềm tự hào to lớn của Đảng ta. Được Bác Hồ và Trung ương Đảng chăm lo xây dựng, sự đoàn kết nhất trí ấy, bảo đảm cho đường lối của Đảng được thực hiện thắng lợi. Đảng ta đoàn kết cả trên tư tưởng, ý chí và trong hành động. Đảng ta đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở đường lối độc lập, tự chủ, đúng đắn ; mặt khác sự đoàn kết nhất trí trong Đảng cũng thấm đượm tình đồng chí sâu sắc.

Đảng ta không phải không có sai lầm, khuyết điểm. Nhưng mỗi khi có sai lầm, thì Đảng ta với dũng khí cách mạng triệt để, vì dân vì nước, với tinh thần khoa học phân tích những sai lầm khuyết điểm đó, tìm ra cách đúng đắn khắc phục chúng để đưa sự nghiệp cách mạng đi tới. Điều đó cũng tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, càng đề cao sự tin cậy của nhân dân đối với Đảng. Toàn Đảng qua thử thách, càng già dặn hơn, càng đoàn kết nhất trí. Toàn dân, vì thế, gắn bó với Đảng. Đảng ta nhìn thấy những hạn chế của một bộ phận đảng viên là một điều khó tránh khỏi trong quá trình phát triển của cách mạng. Trong quá trình phấn đấu thực hiện nghị quyết của Đảng, Đảng ta luôn luôn đề phòng và đấu tranh chống các lệch lạc hữu và « tả » khuynh, qua đó bảo đảm cho mục tiêu cách mạng được sáng tỏ hơn nữa và đường lối cách mạng của Đảng được thực hiện đầy đủ.

Như vậy, *Đảng ta đã có đường lối đúng đắn* là vì Đảng ta luôn luôn vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phân tích tình hình chung của thời đại, tình thế cách mạng của nước ta, xác định rõ kẻ thù, kiên định ý chí đấu tranh cách mạng, kiên trì mục tiêu cách mạng, phân tích rõ các lực lượng cách mạng, bố trí sắp xếp và đoàn kết lực lượng cách mạng trong nước và trên thế giới. Đảng ta luôn luôn nắm sát thực tế cách mạng, tin tưởng vào quần chúng cách mạng, phát hiện những sáng tạo trong phong trào cách mạng của quần chúng, tổng kết lại thành phương châm nguyên tắc, bổ sung cho đường lối cách mạng ngày càng đúng đắn, sự chỉ đạo chiến lược ngày càng sắc bén, linh hoạt. Đảng ta luôn luôn chú trọng đề phòng và chống các khuynh hướng « tả » hoặc hữu (mà chủ yếu là chống và khắc phục các lệch lạc hữu khuynh). Đảng ta đoàn kết nhất trí thành một khối vững chắc, không dung thứ những hiện tượng bè phái, chia rẽ.

Đảng ta cũng tham khảo một cách nghiêm chỉnh những kinh nghiệm cách mạng các nước và vận dụng có chọn lọc vào hoàn cảnh của nước ta.

Trong giai đoạn mới, trước nhiệm vụ cách mạng hết sức nặng nề, mới mẻ, Đảng ta vẫn tiếp tục nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào

(Xem tiếp trang 42)

Digitized by Google

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

HÀ - THỊ - QUẾ

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhân dân ta phấn khởi, sôi nổi tiến hành ba cuộc cách mạng, nhằm xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Đây là quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục sâu sắc, triệt để của cả xã hội.

Gia đình là một đơn vị tổ chức nhỏ nhất của xã hội, nhất định phải biến chuyển cùng với xã hội. Giữa gia đình với xã hội, có mối quan hệ gắn bó khăng khít với nhau.

Gia đình là tế bào tự nhiên của xã hội, là hình thức tồn tại của đời sống con người. Gia đình là một sản phẩm xã hội và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Những điều kiện kinh tế — xã hội trong một giai đoạn nhất định của lịch sử quyết định tính chất và kết cấu của gia đình. « Chế độ gia đình hoàn toàn bị quan hệ sở hữu chi phối » (1). Ngược lại, gia đình là một yếu tố có tác động quan trọng đối với xã hội. Nhà nước của giai cấp thống trị trong mỗi thời đại đặt ra những luật pháp, những nguyên tắc đạo đức, luân lý, làm chuẩn mực cho mọi gia đình tuân theo, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp mình và củng cố trật tự xã hội đương thời. Những luật pháp, đạo đức, luân lý đó được nhân dân thực hiện, dần dần trở thành nề nếp của gia đình và phong tục, tập quán của xã hội.

Tính chất, nhiệm vụ, chức năng của gia đình, quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội trong những chế độ xã hội khác nhau thì không giống nhau.

Trong xã hội có chế độ tư hữu, có giai cấp bóc lột, gia đình là một đơn vị kinh tế cá thể và có mục đích bảo vệ quyền tư hữu tài sản và quyền thừa kế tài sản. Gia đình được xây dựng trên lợi ích kinh tế, lợi ích giai cấp, và do lợi ích kinh tế, lợi ích giai cấp quyết định. Người đàn ông gia trưởng nắm quyền sở hữu những tài sản cho nên giữ địa vị độc tôn trong gia đình. Thuyết « tam tòng », nguyên tắc « phu xướng phụ tùy »

(1) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập II, trang 203.

Digitized by Google

của đạo lý phong kiến phản ánh địa vị phụ thuộc về kinh tế của người đàn bà trong xã hội phong kiến. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa mọi quan hệ trong gia đình đều dựa trên tiền của. Hôn nhân là một cuộc mua bán : « có tiền mua tiên cũng được ». Vì xã hội có giai cấp đối kháng, cho nên lợi ích cá nhân, gia đình và xã hội không nhất trí với nhau. Trong gia đình, dưới uy quyền tuyệt đối của người chồng, người cha, phẩm giá, lợi ích của người vợ, người mẹ, người con không được tôn trọng. Ngoài xã hội, dưới sự thống trị của giai cấp bóc lột, quyền lợi cá nhân chính đáng và lợi ích gia đình của nhân dân lao động bị chà đạp. Trên cơ sở chế độ tư hữu, mỗi gia đình đều bắt buộc tìm cách duy trì, phát triển nền kinh tế riêng của mình bằng cách chèn ép, cạnh tranh với những gia đình khác, từ đó nảy sinh tư tưởng tư lợi, ích kỷ : « cá lớn nuốt cá bé », « cháy nhà hàng xóm bình chân như vại »...

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, mọi của cải của xã hội đều thuộc quyền sở hữu của tập thể những người lao động, cho nên gia đình không còn là một đơn vị kinh tế cá thể nữa. Mọi thành viên trong gia đình đều là những người lao động làm chủ tập thể, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi ngoài xã hội, đồng thời cũng bình đẳng về mọi mặt trong gia đình. « Gia đình dưới chế độ mới ngày nay là một lĩnh vực biểu hiện rất quan trọng của những quan hệ tình cảm, đạo đức xã hội chủ nghĩa và thực hiện những chức năng không thể thiếu được đối với đời sống và sự phát triển của xã hội mới » (2). Gia đình là nơi sinh đẻ ra con người và nuôi dạy con người từ nhỏ đến lớn để duy trì và phát triển nòi giống, cung cấp nhân lực mới cho xã hội, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng là nơi tái tạo sức lao động cho những thành viên của mình để tiếp tục quá trình sản xuất.

Trên cơ sở nền kinh tế tập thể, gia đình là một thể thống nhất hữu cơ với xã hội. « Lợi ích và hạnh phúc của gia đình hoàn toàn gắn liền với lợi ích và hạnh phúc của xã hội ; còn hạnh phúc của xã hội được biểu hiện qua hạnh phúc của từng thành viên trong xã hội, từng gia đình » (3). Không thể nào có hạnh phúc gia đình nếu đất nước chưa được độc lập tự do, nhân dân còn bị áp bức bóc lột, xã hội còn đầy dẫy những bất công. Chỉ có xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, mọi gia đình mới có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Mặt khác, « tổ chức tốt cuộc sống gia đình hợp với những tiêu chuẩn cuộc sống mới là một điều kiện quan trọng để xây dựng xã hội mới, để bảo đảm cho sự tiến bộ xã hội về mọi mặt kinh tế, văn hóa và đạo đức » (4).

Chính vì vị trí, chức năng quan trọng của gia đình trong chế độ xã hội chủ nghĩa và mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình với xã hội, mà trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng đến vấn đề gia đình. Hồ Chủ tịch kính yêu đã dạy : « Xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt » (5). Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã xác định rõ vai trò quan trọng của gia đình trong việc xây dựng con người mới, xã hội mới.

Gia đình Việt-nam được hình thành trong những điều kiện lịch sử của dân

(2) Lê-Duẩn : *Vai trò và nhiệm vụ của phụ nữ Việt-nam trong giai đoạn mới của cách mạng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 24.

(3), (4) Lê-Duẩn : *sách đã dẫn*, trang 24, 25.

(5) Hồ-Chí-Minh : « Trích lời nói chuyện tại hội nghị cán bộ thảo luận dự thảo luật hôn nhân và gia đình », *Những lời kêu gọi*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tập V, trang 281.

Digitized by Google

tộc Việt-nam, một dân tộc có truyền thống lao động cần cù, đoàn kết thương yêu nhau, đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm, trọng đạo lý, trọng tình nghĩa. Đương nhiên, trải qua mấy nghìn năm dưới chế độ phong kiến, gần 100 năm dưới chế độ thực dân, gia đình Việt-nam không tránh khỏi mang những tính chất của gia đình phong kiến với chế độ gia trưởng và nguyên tắc trọng nam khinh nữ bất công, với bao nhiêu tập tục, lề thói ràng buộc người lao động, hạ thấp nhân phẩm của phụ nữ, dày xéo lên quyền lợi chính đáng của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

Từ sau khi Cách mạng tháng Tám thành công đến nay, thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta đã tác động sâu sắc đến gia đình. Nhất là từ sau khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã được hoàn thành về căn bản, chúng ta đã có những điều kiện để xây dựng gia đình kiểu mới, gia đình xã hội chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập, nền chuyên chính vô sản ngày càng được củng cố, người phụ nữ được giải phóng, được tham gia mọi mặt công tác xã hội: đó là những điều kiện để hình thành chế độ hôn nhân gia đình mới. Luật hôn nhân và gia đình được ban hành năm 1960, dựa trên nguyên tắc: hôn nhân tự do và tiến bộ, một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và con cái. Những mối quan hệ kiểu mới giữa vợ chồng, cha mẹ, con cái đang được hình thành, đó là quan hệ bình đẳng, tôn trọng, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Đời sống vật chất và tinh thần của gia đình ngày càng được nâng cao.

Trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt và chiến tranh ác liệt kéo dài, chúng ta chưa có điều kiện nghiên cứu, hướng dẫn việc xây dựng gia đình một cách toàn diện, chưa xây dựng được những quy tắc cụ thể chỉ đạo quan hệ đối xử trong gia đình theo tinh thần đạo đức xã hội chủ nghĩa. Những tàn dư tư tưởng phong kiến, những thói quen lâu đời của nền sản xuất nhỏ và ảnh hưởng của nền văn hóa tư sản ăn sâu trong nhiều quan niệm về đạo đức, về hạnh phúc, về cuộc sống, về quan hệ giữa người và người... Vì vậy, bên cạnh những nhân tố mới, trong nhiều gia đình còn có những hiện tượng thiếu lành mạnh, làm cho nhiều người chưa thật yên tâm, phấn khởi, ảnh hưởng không tốt đến việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, trong điều kiện đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội, vấn đề xây dựng gia đình mới, tốt đẹp trở thành một yêu cầu cấp bách của sự nghiệp cách mạng, một nguyện vọng thiết thân của mọi người, một đòi hỏi thực tế của cuộc sống. Chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc đã để lại nhiều hậu quả nặng nề đối với đời sống tinh thần và vật chất trong các gia đình Việt-nam ta. Những tệ nạn xã hội do chủ nghĩa thực dân mới để lại cũng tác động đến vấn đề xây dựng con người mới, gia đình mới xã hội chủ nghĩa. Những sự biến đổi to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học, kỹ thuật, như việc tổ chức lại sản xuất, phân vùng sản xuất, sắp xếp lại các điểm dân cư, xây dựng vùng kinh tế mới, cơ giới hóa nông nghiệp, phân bố lại lực lượng lao động xã hội, v.v... sẽ đặt ra rất nhiều vấn đề mới về con người và cuộc sống. Cuộc sống vật chất và tinh thần, cuộc sống riêng và chung của mỗi người, quan hệ giữa người và người trong gia đình và ngoài xã hội sẽ có những đòi hỏi mới mà gia đình phải đáp ứng kịp thời. Trong điều kiện của xã hội ta đang thay cũ đổi mới từ gốc đến ngọn để trở thành một nước có kinh tế hiện đại, có văn hóa khoa học tiên tiến, phải xây dựng gia đình như thế nào

Digitized by Google

đây để gia đình góp phần cùng với xã hội làm cho mỗi người từ lớn đến nhỏ đều có tư tưởng đúng, tình cảm đẹp, có sức khỏe, có điều kiện học hành, nghỉ ngơi, có năng suất lao động cao, có cuộc sống văn minh hạnh phúc? Đây cũng là một lĩnh vực quan trọng trong việc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Củng cố và tăng cường trận địa xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực gia đình sẽ có tác dụng góp phần thúc đẩy ba cuộc cách mạng.

Theo đường lối của Đảng, dựa vào pháp luật của Nhà nước và căn cứ vào tình hình thực tế của nước ta, vận dụng những kinh nghiệm đã có, các cơ quan có trách nhiệm cần đề ra phương hướng phấn đấu đúng đắn và biện pháp thích hợp hướng dẫn giúp đỡ các gia đình phát huy truyền thống tốt, khắc phục mặt yếu, xây dựng những tư tưởng, tình cảm, cách sống phù hợp với xã hội mới.

★

Từ mối quan hệ hữu cơ giữa gia đình với xã hội và sự nhất trí giữa lợi ích gia đình với lợi ích xã hội, một kết luận có thể rút ra là *việc xây dựng gia đình phải gắn liền với việc xây dựng xã hội mới, với ba cuộc cách mạng hiện nay*

Phải xuất phát từ yêu cầu và điều kiện thực tế của xã hội mà đề ra mục tiêu, phương hướng xây dựng gia đình. Nguyên tắc giải quyết mối quan hệ giữa gia đình và xã hội là *lợi ích của gia đình phải phục tùng lợi ích của xã hội*. Trước mắt, trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, khó khăn còn nhiều, mọi gia đình còn phải chịu đựng, hy sinh, đóng góp hết sức mình cho việc xây dựng xã hội từ một nền kinh tế nghèo nàn bị chiến tranh tàn phá nặng nề đi lên chủ nghĩa xã hội. Nếu không có sự đóng góp, hy sinh của mọi người, mọi gia đình, thì tương lai không thể nào có nền kinh tế độc lập, tự chủ, phồn vinh, và nếu đất nước nghèo nàn, phụ thuộc, thì gia đình cũng không có ấm no, hạnh phúc.

Việc xây dựng nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, việc đấu tranh quét sạch những tàn dư tư tưởng và văn hóa của chế độ cũ, việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa phải được tiến hành liên tục, nhất quán từ ngoài xã hội cho đến trong gia đình. Có đi sâu vào những quan niệm về đạo đức, luân lý, tình yêu, hôn nhân, nuôi dạy con, những phong tục, tập quán, nếp sống trong gia đình, thì việc xây dựng tư tưởng và văn hóa xã hội chủ nghĩa mới hoàn chỉnh và triệt để.

Mặt khác, cũng chỉ có trên cơ sở những thắng lợi của ba cuộc cách mạng, việc xây dựng gia đình mới có điều kiện tiến hành thuận lợi. Vì vậy, việc xây dựng gia đình không thể theo ý muốn chủ quan mà phải được đẩy lên từng bước một cách kiên trì theo đà tiến triển của ba cuộc cách mạng. Như vậy, không có nghĩa là cứ tiến hành ba cuộc cách mạng ngoài xã hội thì tự nhiên gia đình sẽ chuyển biến theo. Trong gia đình cũng như ngoài xã hội, cái cũ không tự nhiên mất đi, cái mới không tự nhiên hình thành. Hơn nữa, gia đình thuộc lĩnh vực cuộc sống riêng của con người, cái cũ có sức bám rất dai dẳng, và cái mới lại phải có một thời gian dài mới hình thành vững chắc. Vì vậy, việc thay cũ đổi mới trong gia đình càng phải được tiến hành kiên trì, liên tục, thường xuyên mới đạt kết quả mong muốn.

Nếu như về phía gia đình phải phục tùng lợi ích của xã hội thì ngược lại, về phía *xã hội cũng phải chăm lo đến gia đình*. Đồng chí Lê-Duẩn nói: «Đảng, Nhà nước và các đoàn thể phải chăm lo đến đời sống từng gia đình, chăm lo mọi mặt ăn, mặc, ở, học hành, nuôi dạy con cái của mỗi gia đình. Khi giải quyết các vấn đề

Digitized by Google

liên quan đến đời sống nhân dân, chúng ta phải chú ý đến đơn vị gia đình với những nhu cầu nhiều về của nó, phải cố gắng làm sao phục vụ tốt, tiện lợi nhất cho sinh hoạt gia đình. Làm gì cho một gia đình, cho những nhu cầu của đời sống một gia đình? Đó là câu hỏi nhất thiết phải được đặt ra khi suy nghĩ các vấn đề về kinh tế, sản xuất và đời sống; phải đặt ra đối với hợp tác xã, đối với cấp huyện, cấp tỉnh và đối với kế hoạch Nhà nước nói chung » (6). Vì vậy, đi đôi với việc động viên các gia đình thực hiện nghĩa vụ đối với xã hội, cần quan tâm đúng mức đến những vấn đề thiết thực như cải tiến việc tổ chức phân phối lương thực, thực phẩm cho thuận tiện, hợp lý, tăng cường các công trình y tế, vệ sinh và phục vụ công cộng, mở rộng và nâng cao các công trình phúc lợi tập thể, các hình thức chăm sóc giáo dục thiếu niên nhi đồng. Thực tiễn ở nhiều nơi cho thấy rằng: biết tổ chức và phát huy khả năng vô tận của quần chúng và có sự giúp đỡ của các cơ quan Nhà nước, nhất là của chính quyền cơ sở, chúng ta có thể giải quyết tốt hơn các vấn đề trên đây trong điều kiện hiện nay cho phép.

Đi đôi với việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa gia đình với xã hội, chúng ta phải quan tâm đầy đủ đến *việc xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa người với người trong gia đình* để có cuộc sống thật sự văn minh, hạnh phúc. Những quan hệ tốt đẹp ấy không phải tự nhiên hình thành mà chỉ có thể là kết quả của một quá trình đấu tranh cải tạo những tư tưởng, tình cảm, thói quen lâu đời nay đã lỗi thời và phấn đấu xây dựng những tư tưởng, tình cảm, quan hệ mới tốt đẹp phù hợp với chế độ mới.

Quan hệ giữa người với người trong gia đình không phải là vấn đề riêng tư thuần túy, mà bao hàm ý nghĩa xã hội sâu sắc. Quan hệ giữa vợ với chồng, cha mẹ với con cái, anh chị em với nhau, vừa là quan hệ ruột thịt vừa là quan hệ giữa người với người trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Rõ ràng không thể tự phát theo nếp quen của xã hội cũ, mà phải xây dựng những mối quan hệ mới, quán triệt tư tưởng « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », thể hiện tinh thần bình đẳng, dân chủ, thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Đây là sự đòi hỏi của xã hội, đồng thời cũng là lợi ích, hạnh phúc của mỗi người. Chỉ có trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng nhau mới thật sự thương yêu nhau và mới có hạnh phúc.

Đây là một trong những đặc trưng của con người mới xã hội chủ nghĩa. « Con người mới là con người biết xây dựng gia đình hạnh phúc trên cơ sở của một xã hội hạnh phúc, có trách nhiệm đầy đủ và tình thương yêu chân thật trong quan hệ vợ chồng, có trách nhiệm cao đối với việc xây dựng con cái thành những con người mới » (7)

Mối quan hệ trong gia đình không phải là việc riêng của từng người. Nó tác động đến đời sống vật chất, tinh thần, đến trật tự an ninh xã hội. Vì vậy, quan hệ trong gia đình không chỉ là vấn đề đạo đức, tình cảm, mà còn mang tính chất pháp lý. Nhà nước ta đã ban hành và đang nghiên cứu bổ sung Luật hôn nhân và gia đình, và sẽ nghiên cứu xây dựng thêm những luật khác có quan hệ đến vấn đề này (như Luật bảo vệ thiếu nhi, v v...) chính là để quy định trách nhiệm pháp lý của những người trong gia đình và thể hiện việc Nhà nước công nhận và bảo hộ hôn nhân và gia đình theo tinh thần Hiến pháp xã hội chủ nghĩa.

---

(6) Lê-Duẩn: *Vai trò và nhiệm vụ của phụ nữ Việt-nam trong giai đoạn mới của cách mạng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 26.

(7) Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

Lâu nay, nhiều nam nữ thanh niên, khi bước vào cuộc đời làm vợ, làm chồng, làm mẹ, làm cha, chưa được bồi dưỡng những quan điểm và kiến thức cần thiết để có thể làm tốt những chức trách quan trọng này. Phải chăng đó là một trong những nguyên nhân gây nên những thảm kịch gia đình lẽ ra không đáng có trong chế độ xã hội tốt đẹp của chúng ta?

Trong gia đình có hai mối quan hệ chủ yếu: giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái.

Quan hệ vợ chồng xây dựng trên cơ sở tình yêu nam nữ và trên ý thức trách nhiệm đối với nhau, đối với con và đối với xã hội. Mối quan hệ này tác động rất lớn đến sức khỏe, đời sống, tâm tư, tình cảm và ảnh hưởng cả đến tiền đồ sự nghiệp của mỗi người. Nếu không nhận thức được những biến đổi cách mạng vĩ đại của xã hội, không có quan niệm cách mạng về cuộc sống, về hạnh phúc thì không dễ gì thoát khỏi những quan điểm phong kiến, tư sản, tiểu tư sản trong vấn đề rất phức tạp và tế nhị này. Phải làm cho mọi người, (cả nam nữ thanh niên và các bậc cha mẹ có con đến tuổi trưởng thành) có quan niệm đúng đắn về vấn đề tình yêu và hôn nhân. Phải xóa bỏ những tàn tích phong kiến như tảo hôn, ép hôn, thách cưới, lấy lẽ..., giảm bớt những hiện tượng thiếu lành mạnh như yêu đương bất chính, vợ chồng ruồng bỏ nhau... Cơ quan luật pháp và dư luận xã hội phải lên án nghiêm khắc những hành động dã man như ngược đãi, đánh đập vợ con. Cần hướng dẫn giúp đỡ nam nữ thanh niên thực hiện đúng đắn nguyên tắc hôn nhân tự do và tiến bộ trên cơ sở tình yêu chân chính. Sau khi kết hôn, đôi vợ chồng phải xây dựng gia đình với tinh thần trách nhiệm đối với nhau, đối với con cái và đối với xã hội. Vợ chồng phải thương yêu tôn trọng nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, cùng nhau bàn bạc và gánh vác công việc gia đình. Phải biết nhân nhượng nhau, thận trọng và kiên trì thuyết phục nhau, giải quyết ngay từ đầu những mâu thuẫn mới nảy sinh. Điều đáng lưu ý là những mâu thuẫn trong vấn đề tình yêu, hôn nhân gia đình, nếu không giải quyết sớm, để đến khi đã quá sâu sắc thì có thể đưa đến những hành động mù quáng gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Việc xây dựng hạnh phúc gia đình là trách nhiệm của vợ, của chồng. Riêng người phụ nữ càng phải thấy đây là quyền lợi và trách nhiệm của mình. Phấn đấu để có vị trí xứng đáng trong xã hội, có cuộc sống tự lập bằng sức lao động của mình, không ỷ lại vào chồng, ra sức nâng cao trình độ mọi mặt, biết cách ăn ở, đối xử, biết tự tôn tự trọng, đó là cơ sở để chọn được người yêu xứng đáng và có cuộc sống gia đình hạnh phúc. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, người phụ nữ cũng phải đề cao tinh thần tự lực, tự cường, chủ động xây dựng cuộc đời, biết dựa vào pháp luật và tập thể để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình và con cái, hết sức tránh an phận, tiêu cực.

Gia đình trong bất cứ một chế độ nào cũng có chức năng sinh đẻ con cái để duy trì và phát triển nòi giống. Sinh đẻ không phải là việc riêng của vợ chồng mà có liên quan trực tiếp đến vấn đề cân đối giữa số dân và kinh tế, giữa sản xuất và tiêu dùng. Tỷ lệ tăng số dân hằng năm của nước ta hiện nay là khoảng 3%, một tỷ lệ vào loại cao trên thế giới! Trong điều kiện nền kinh tế của ta còn thấp, việc sinh đẻ quá nhiều như vậy đã gây thêm khó khăn cho gia đình và xã hội. Vì vậy, để xã hội phát triển cân đối, tương lai nòi giống lành mạnh, để bảo đảm sức khỏe và sự tiến bộ của bà mẹ và trẻ em, bảo vệ hạnh phúc gia đình, việc sinh đẻ không thể tự phát như dưới chế độ cũ mà phải là một việc làm tự giác, tế nhị, có sự bàn bạc nhất trí giữa vợ và chồng.

Digitized by Google

thể hiện sự quan tâm tôn trọng lẫn nhau của hai người. Đây là nếp sống văn minh khoa học, thể hiện một khía cạnh của trình độ con người làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

Sinh đẻ, nuôi, dạy con đáp ứng yêu cầu của xã hội là *chức năng cao quý của người làm cha mẹ*, là hạnh phúc, niềm vui của gia đình. Con người mới xã hội chủ nghĩa là sản phẩm của các quan hệ xã hội, là kết quả của cả ba cuộc cách mạng, song con người sinh ra và lớn lên trong gia đình. Dù tự giác hay không, gia đình vẫn là trường học đầu tiên của trẻ, cha mẹ vẫn là người thầy giáo, cô giáo đầu tiên của con mình. Gia đình là nơi trẻ sống phần lớn thời gian từ khi sinh ra cho đến tuổi thiếu niên, là thời kỳ hình thành mọi mầm mống của tình tình và năng khiếu. Mọi ảnh hưởng của gia đình sẽ để lại những ấn tượng sâu sắc mà trẻ giữ mãi suốt cuộc đời. Giáo dục xã hội có vai trò chủ đạo, nhưng không thay thế giáo dục gia đình, đặc biệt trong việc giáo dục tình cảm, đạo đức là lĩnh vực mà gia đình có sức cảm hóa sâu sắc. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Phải xây dựng con người mới từ lúc mới lọt lòng và ở mọi lứa tuổi, trong tất cả các tổ chức quần chúng, các cơ sở kinh tế, văn hóa, các hoạt động xã hội, ở mọi ngành, mọi cấp, trong từng khu phố, thôn xóm và gia đình ». Gia đình phải cùng với nhà trường và xã hội đào tạo nên thế hệ những con người xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Là một môi trường giáo dục rất quan trọng, gia đình phải thống nhất với nhà trường và xã hội về mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục. Có như vậy thì chủ trương cải cách giáo dục mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra mới có thể thực hiện được toàn vẹn.

Sự chưa nhất trí giữa các môi trường giáo dục ảnh hưởng tai hại đến nhận thức và niềm tin của trẻ. Hiện nay, công cuộc xây dựng đất nước đòi hỏi số đông thanh niên đi vào trực tiếp lao động sản xuất trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, v.v... Trong tương lai, với đà phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật, đại bộ phận người lao động sẽ thông qua con đường học tại chức tiến lên có trình độ đại học. Nhưng do chưa nhận rõ yêu cầu và xu hướng phát triển của xã hội như vậy, cho nên nhiều gia đình nghĩ rằng thanh niên chỉ có một con đường tiến bộ duy nhất là vào trường đại học. Nhận thức lệch lạc ấy làm cho một số thanh niên khi được bố trí lao động ở hợp tác xã, công trường, xí nghiệp, thiếu nhiệt tình cần thiết đáng có ở tuổi thanh niên, hoặc mang tâm lý thất vọng rất nguy hại ngay khi bước vào đời.

Nội dung giáo dục gia đình có nhiều mặt, song điều quan trọng và khó khăn nhất là xây dựng tâm hồn, tình cảm, đạo đức tốt đẹp cho con. Nhiều bậc cha mẹ chỉ mới chú ý cho con ăn, học, mà chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề này. Xây dựng đạo đức, tâm hồn cho con không phải bằng những lời thuyết lý dài dòng hoặc bằng roi vọt, mà phải bằng cả cuộc đời lao động, đấu tranh dũng cảm, bằng tấm gương trong sáng của bố mẹ. Đồng thời phải hiểu những đặc điểm phát triển tâm lý, sinh lý của thiếu nhi, thanh niên trong thời đại mới, hiểu tỉnh nết từng đứa trẻ, tiến hành một quá trình giáo dục rất tỉ mỉ, công phu. Nếu chủ quan, đơn giản cho rằng « trăng đến rằm trăng tròn », hoặc ỷ lại vào nhà trường « trăm sự nhờ thầy, cô », hoặc đổ cho khách quan « cha mẹ sinh con, trời sinh tính » mà không chú ý từ đầu, đến khi con hư mới giật mình tỉnh ngộ thì có khi quá muộn. Dạy con là cả một khoa học, một nghệ thuật, phải học hỏi, phải suy nghĩ vận dụng

Digitized by Google

suốt cả cuộc đời làm cha mẹ. Cho đến khi con đã có nghề nghiệp, lập gia đình, cha mẹ vẫn phải tiếp tục hướng dẫn con trên một số mặt của cuộc sống.

Cũng như những mối quan hệ khác trong gia đình, mối *quan hệ giữa con cái với cha mẹ* dưới chế độ xã hội chủ nghĩa cũng có nội dung khác trước.

Tinh thần xã hội chủ nghĩa "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người" không cho phép chúng ta thờ ơ đối với bất cứ ai, huống hồ đối với cha mẹ là người sinh đẻ, nuôi dạy mình từ tấm bé. Con người xã hội chủ nghĩa ăn ở tình nghĩa, thủy chung. Nếu không kính cha yêu mẹ, làm sao có thể thương yêu nhân dân lao động, quý trọng bạn bè và tập thể? Thái độ đối với cha mẹ không chỉ thể hiện lòng biết ơn đối với người đã có công ơn sinh đẻ, nuôi dạy mình, mà còn thể hiện sự biết ơn của thế hệ sau đối với thế hệ trước đã từng lao động và đấu tranh gian khổ để góp phần xây dựng và bảo vệ non sông đất nước. Khi cha mẹ già yếu, ốm đau, ngoài nghĩa vụ đương nhiên là nuôi nấng chăm sóc, con phải có thái độ thật sự ân cần, tôn trọng, để tuổi già của cha mẹ yên vui.

Trong gia đình, ngoài những mối quan hệ chủ yếu trên đây, còn nhiều mối quan hệ khác như giữa anh chị em, giữa mẹ chồng nàng dâu, chị dâu em chồng, con chung, con riêng, ông bà với cháu, v.v... Có thể nói gia đình là một xã hội thu nhỏ. Gia đình gồm những người của nhiều thế hệ khác nhau, do đó cũng khác nhau về quan niệm, trình độ, tình tình, sở thích, cách sống, v.v... Trong cuộc sống chung, nếu không xây dựng được tinh thần làm chủ tập thể, tình thương yêu, tôn trọng, nhân nhượng lẫn nhau, mà mỗi người chỉ thấy cá nhân mình, thì nhất định không tránh khỏi va chạm, và cuộc sống gia đình như vậy chỉ là một quá trình chịu đựng, ảnh hưởng không tốt đến tinh thần công tác, lao động sản xuất của mỗi người trong gia đình. Trái lại, nếu mỗi người đều thấy trách nhiệm của mình, thương yêu nhường nhịn giúp đỡ nhau thì gia đình sẽ là một tập thể đầm ấm có sức mạnh động viên mỗi người vượt mọi khó khăn, làm tốt nhiệm vụ đối với xã hội, có cuộc sống tập thể và cá nhân hài hòa, phong phú.

Quan hệ giữa mọi người trong gia đình cần được thể hiện, tăng cường và củng cố bằng việc *tổ chức cuộc sống gia đình*. Việc tổ chức cuộc sống gia đình không những tác động đến đời sống, tình cảm hạnh phúc của con người, mà còn ảnh hưởng đến việc tái sản xuất sức lao động hao phí hằng ngày, đến việc tiêu dùng của xã hội, đến việc tạo nên những thói quen và phong cách con người mới xã hội chủ nghĩa.

Việc tổ chức cuộc sống gia đình bao gồm hàng loạt vấn đề phức tạp, cụ thể, rất khác nhau tùy theo sở thích, hoàn cảnh mỗi gia đình, tùy theo điều kiện của từng miền và của đất nước. Tuy vậy, vẫn phải xác định một số phương hướng chung. Hiện nay, rõ ràng là cuộc sống gia đình phải xóa bỏ những tệ nạn mê tín dị đoan, những phong tục, tập quán lạc hậu trong việc cưới, tang, giỗ, tết, v.v... Yêu cầu xây dựng nếp sống khoa học, vệ sinh trong việc ăn, mặc, ở, chữa bệnh, sinh đẻ, nuôi con... là cấp bách. Những gia đình có điều kiện nên hết sức cố gắng nuôi gà, lợn, trồng rau, cây ăn quả, có vại dưa, vại cà, hũ tương, hũ mắm để tự mình góp phần giảm bớt khó khăn trong việc cung ứng của xã hội. Đồng thời, tùy hoàn cảnh thực tế, nên cố gắng nâng cao sinh hoạt văn hóa trong gia đình (sách, báo, đài, vui chơi, giải trí...) để cuộc sống thêm phong phú tươi vui. Trên cơ sở sự phát triển của nền kinh tế, tận dụng những điều kiện về phúc lợi vật chất, tinh thần và văn hóa của xã hội, mỗi gia đình cố gắng tự tổ

Digitized by Google

chức đời sống của mình một cách tốt nhất trong hoàn cảnh cho phép. Nếu biết phát huy khả năng của mọi người trong gia đình, có sự phân công hợp lý, biết chi tiêu có kế hoạch thì dù còn nhiều khó khăn, chúng ta vẫn có thể làm cho cuộc sống dễ chịu, thoải mái hơn.

★

Từ những quan điểm, nhận thức trên đây, và từ những kinh nghiệm của các cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa mới đã được thực hiện ở các địa phương, bước đầu chúng ta có thể đề ra tiêu chuẩn gia đình văn hóa mới như sau:

Một là: Xây dựng gia đình làm chủ tập thể, bình đẳng, hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ.

— Vợ chồng thương yêu tôn trọng nhau, cùng nhau bàn bạc chăm lo việc gia đình; sinh đẻ có kế hoạch, cha mẹ nuôi con khỏe, dạy con ngoan theo 5 điều Bác Hồ dạy; con cái kính yêu, chăm sóc, giúp đỡ cha mẹ.

— Tổ chức tốt đời sống gia đình, phân công hợp lý, chi tiêu có kế hoạch, ăn ở gọn gàng, sạch sẽ, giữ gìn sức khỏe.

— Mọi người giúp nhau học tập, rèn luyện tiến bộ, không mê tín dị đoan.

Hai là: Hăng hái tham gia lao động và thực hành tiết kiệm.

— Thực hành đúng chế độ lao động thuộc chức trách mỗi cá nhân, hăng hái phấn đấu tiến bộ trong lao động, công tác, học tập.

— Thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đời sống, trong việc cưới, tang, giỗ, tết.

Ba là: Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

— Hăng hái đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

— Gương mẫu chấp hành mọi điều luật về bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, về quản lý kinh tế, quản lý thị trường.

— Gương mẫu chấp hành mọi thể lệ, quy ước về nếp sống mới.

Với ý nghĩa cách mạng và nội dung toàn diện, *việc xây dựng gia đình văn hóa mới là trách nhiệm của toàn dân, của cả xã hội, và gắn liền với các cuộc vận động khác.* Đây là quá trình thay cũ đổi mới về tư tưởng, tình cảm, thói quen của hàng chục triệu con người, cho nên biện pháp hàng đầu là *làm tốt việc giáo dục, nâng cao nhận thức, tư tưởng, tình cảm.* Phải có hàng loạt biện pháp giáo dục sâu, rộng, thường xuyên đi vào từng người. Nếu chỉ vận động ồ ạt thì kết quả chỉ nhất thời và nếp cũ sẽ phục hồi nhanh chóng. Vì vậy, việc xây dựng gia đình văn hóa mới chỉ có thể trở thành phong trào quần chúng nếu có sự hưởng ứng và phối hợp hoạt động của các ngành, nhất là các ngành tuyên huấn, văn hóa, giáo dục.

Đi đôi với việc phát động tư tưởng, nâng cao trình độ hiểu biết về việc xây dựng gia đình, tổ chức cuộc sống, nuôi dạy con, cần hết sức quan tâm đến việc *tổ chức hướng dẫn thực hiện* việc xây dựng gia đình văn hóa mới, tạo những điều kiện vật chất tối thiểu, xây dựng những luật lệ, chế độ, chính sách, quy tắc, điều lệ cụ thể, v.v... Đó là những biện pháp không thể thiếu để cuộc vận động có hiệu quả cụ thể. Tất nhiên, chúng ta sẽ đẩy mạnh các mặt hoạt động này trước hết là bằng cách phát huy khả năng tiềm tàng trong nhân dân, đi đôi với sự giúp đỡ rất quan trọng của các cơ quan có trách nhiệm.

Việc *vận động xây dựng gia đình văn hóa mới* gắn liền với việc xây dựng nếp sống mới của toàn xã hội là một cuộc vận động lâu dài phát triển từ thấp lên cao, từ điểm ra diện,

(Xem tiếp trang 59)

Digitized by Google

NHỮNG BƯỚC ĐI LÊN CỦA NGHĨA-BÌNH

VÕ-VĂN-ĐỈNH
Bí thư tỉnh ủy Nghĩa-bình

TRONG suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nghĩa-bình giữ một vị trí quan trọng trên chiến trường miền Nam và là nơi có phong trào đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang mạnh mẽ, liên tục. Với các cuộc đồng khởi Vĩnh-thạnh (4-1959), Trà-bồng (8-1959), với chiến thắng An-lão, Đèo Nhông, Ba-gia... trong giai đoạn chống "chiến tranh đặc biệt", chiến thắng Vạn-tường, Bắc Bồng-sơn... trong giai đoạn chống "chiến tranh cục bộ", nhiều tên núi, tên sông, tên làng của Nghĩa-bình đã đi vào lịch sử của đất nước và trở thành niềm tự hào chung của dân tộc. Mùa xuân năm 1975, hòa nhịp với cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trên toàn miền Nam, trong vòng 18 ngày đêm liên tục, phối hợp giữa công kích và khởi nghĩa, giữa tiến công bằng cả ba thứ quân và nổi dậy của quần chúng, trên cả ba vùng, quân và dân Nghĩa-bình đã giải phóng hoàn toàn Quảng-ngãi ngày 24-3-1975 và Bình-định ngày 1-4-1975.

Sau ngày giải phóng, Nghĩa-bình bước sang giai đoạn mới của cách mạng. Thuận lợi có nhiều, song khó khăn phức tạp do hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới để lại cũng lắm. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương, toàn đảng bộ, quân và dân tỉnh Nghĩa-bình đã vươn lên phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, tích cực giải quyết hậu quả của chiến tranh và vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

TỪ CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CÁCH MẠNG TRONG CHIẾN ĐẤU CHUYỂN SANG CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CÁCH MẠNG TRONG LAO ĐỘNG, XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG

Phát huy khí thế cách mạng tiến công, tinh thần tự lực tự cường, Nghĩa-bình đã nỗ lực khai hoang, vỡ hóa, làm thủy lợi, khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp; từ chỗ thiếu ăn đã tự trang trải được lương thực cho 1 triệu 80 vạn dân trong tỉnh, làm một phần nghĩa vụ đối với Nhà nước, ổn định và cải thiện một bước đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa của nhân dân.

Ngày nay, khẩu hiệu *Đoàn kết, tự lực tự cường, khắc phục khó khăn* từng được thực hiện trong hơn hai

Digitized by Google

mươi năm kháng chiến chống Mỹ vẫn còn nguyên giá trị. Là một tỉnh bị chiến tranh tàn phá nặng nề (189/251 xã bị tàn phá, hủy diệt, 37.000 héc-ta ruộng đất bị hoang hóa, bom mìn, dây thép gai của địch chăng dày đặc, trên 60 vạn người bị dồn vào thành thị, trên 6 vạn trâu bò bị giết...), Nghĩa-bình đã phát động một phong trào quần chúng rộng rãi ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, tích cực tiến công vào thiên nhiên, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu. 26.000 héc-ta được vỡ hóa, khai hoang, đưa diện tích gieo trồng năm 1976 tăng hơn năm 1975 35%. Toàn tỉnh làm trên 5.000 đập bồi, 200 bờ xe nước, đào gần 2 vạn ao, giếng, nạo vét hàng nghìn ki-lô-mét mương, kênh, làm mới 150 ki-lô-mét kênh, khôi phục và xây dựng hàng chục công trình thủy lợi vừa và lớn như đê Khu-đông, đập Quảng-mỹ, đập Hoa-khê, hồ Thạch-khê... Hồi bị hạn nghiêm trọng vào giữa năm 1976, có ngày toàn tỉnh huy động tới 50.000 người ra đồng chống hạn.

Đầu năm 1976, vụ lúa tháng ba cấy được 87.000 héc-ta nhưng bị mất trắng 2.000 héc-ta. Tỉnh ủy đã kịp thời phát động nhân dân trồng rau màu và tranh thủ làm vụ hè thu. Bài hát quen thuộc của Khu V cũ: « Lúa khoai ta gắng trồng, từ sườn non đến bờ sông... » lại vang vọng nơi nơi, minh họa một phong trào trồng khoai, sắn, ngô sôi nổi khắp đó đây. Vùng ngô ven sông Trà trồng bốn vụ trong một năm. Trên hàng ngàn héc-ta được vỡ hoang, sắn mọc xanh núi, xanh đồi ở phía tây thị xã Quảng-nghĩa. Bà con thị xã Quảng-nghĩa thiếu dây khoai lang, đã dùng các chậu trồng hoa để gây và chăm sóc dây khoai. Vừa chuẩn bị thu hoạch vụ hè thu, tỉnh vừa phát động làm thêm một vụ ba để phòng đói. Nhận thấy ở một số nơi, bà con ngần ngại vì hiểu lầm về thuế khóa, tỉnh kịp thời giải thích chính sách, làm cho mọi người thấy rõ chính quyền không thu thuế vụ ba, mức thuế chỉ căn cứ vào sản lượng bằng năm chứ không căn cứ vào sản lượng do làm tăng vụ mà có. Hiểu rõ, bà con làm thêm 5.000 héc-ta vụ ba. Năng suất lúa bình quân đạt 22 tạ/ha, có nơi đạt 30 tạ/ha. Việc làm phân bón, dùng giống lúa mới có năng suất cao như các giống lúa Nông nghiệp 8, Nông nghiệp 26, 73/2, v.v... và áp dụng các biện pháp kỹ thuật về cấy trồng, chăm bón, trừ sâu, diệt chuột, v.v... được các nơi chú trọng. Nhờ vậy, riêng năm 1976, diện tích gieo trồng trong tỉnh lên đến 168.832 héc-ta; năng suất lúa đạt 4,5 tấn/ha. Có 5 huyện, thị (An-nhơn, Phước-vân, Mộ-đức, Quảng-nghĩa, Quy-nhơn) đạt từ 5,6 tấn đến 6,2 tấn/ha. Tổng sản lượng lúa là 377.710 tấn (mầu chiếm 18%), mức ăn bình quân đầu người cả năm lên 250 ki lô gam lương thực. Trong năm 1976, đàn trâu bò có 270.250 con, tăng hơn năm 1975 11,4%, đàn lợn 325.152 con, tăng hơn năm 1975 32%. Bằng nhiều biện pháp kết hợp, tích cực giáo dục, nâng cao lòng yêu nước, phát huy quyền làm chủ tập thể, tỉnh đã vận động bà con nông dân làm nghĩa vụ được gần 50.000 tấn thóc. Về mặt cải tạo quan hệ sản xuất, tỉnh đã giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, căn bản hoàn thành việc xóa bỏ tàn dư của chế độ bóc lột phong kiến, củng cố và phát triển thêm một bước các tổ đổi công (trên 6.000 tổ) và đang làm thử hợp tác hóa nông nghiệp ở một số xã. Ngoài thế mạnh về nông nghiệp, Nghĩa-bình còn có thế mạnh về lâm nghiệp và nghề cá, nghề muối. Năm 1976, đã trồng được 6.000 héc-ta với 18 triệu cây các loại (trong đó có 100.000 cây dừa, 1.500.000 cây quế), khai thác được gần 30.000 mét khối gỗ. Với hơn 8 vạn ngư dân, trên 6.500 thuyền (có 4.500 thuyền máy), năm 1976, đã đánh bắt được trên 5 vạn tấn cá, đạt 85% kế hoạch. Nghề muối

Digitized by Google

được phục hồi với diện tích gần 400 héc-ta năm 1976 thu hoạch trên 40 nghìn tấn.

Công nghiệp, bao gồm cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, được khôi phục và phát triển, sản xuất nhiều mặt hàng phục vụ cho sản xuất, cho tiêu dùng, xuất khẩu và thu hút được hàng vạn người lao động.

Tuy còn nhiều khó khăn, song đời sống kinh tế của nhân dân Nghĩa-bình nói chung bước đầu ổn định và có chiều hướng đi lên.

Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, vừa kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng vừa thực hiện đúng đắn chính sách khoan hồng nhân đạo là một bài học quan trọng cần được rút ra qua quá trình đấu tranh để làm cho tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội ngày càng ổn định. Qua cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 của quân và dân ta, địch bị sụp đổ hoàn toàn, đại bộ phận tan rã, đầu hàng tại chỗ; sau thời gian hoảng loạn, một số phản động ngoan cố dần dần ngóc đầu dậy, móc nối hoạt động, gây rối và phá hoại cách mạng dưới nhiều hình thức. Song, chính quyền cách mạng, được nhanh chóng xây dựng đều khắp và ngày càng củng cố vững mạnh, với sự giúp đỡ tích cực của quần chúng, đã kịp thời chặn tay chúng lại. Quần chúng, bằng thư hoặc trực tiếp đến gặp các cơ quan có trách nhiệm, phát hiện những phần tử xấu chui vào nội bộ ta và chỉ ra những sai sót của cán bộ, của các cơ quan Nhà nước. Qua các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, khu phố, nhiều phần tử xấu chui vào chính quyền cách mạng đã bị loại ra. Dựa vào quần chúng cơ bản, sử dụng các công cụ chuyên chính (an ninh, quân đội, tòa án...), tỉnh chúng tôi đã liên tục truy quét tàn quân địch và bọn phản động còn lẩn trốn, kịp thời theo dõi, phát hiện, ngăn chặn và trấn áp các tổ chức phản động vừa nhen nhóm cùng các hành động phá hoại của chúng. Tỉnh chúng tôi cũng đã tiến hành giáo dục, cải tạo tại chỗ và tập trung hàng vạn ngụy quân và nhân viên ngụy quyền cũ. Hàng chục nghìn người cải tạo tiến bộ đã được phóng thích, trong số đó có 95% người đã được hưởng quyền công dân. Ngoài ra, tỉnh chúng tôi còn mở đường làm ăn chính đáng cho hàng nghìn lưu manh, cao bồi, đĩ điếm, giải quyết được phần lớn những tệ nạn do xã hội cũ để lại. Do đó, những tội phạm hình sự ngày càng giảm đi, an ninh trật tự ngày càng tốt hơn. Không khí yên vui, lành mạnh, tiến bộ tỏa khắp các địa phương.

Vừa xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, vừa đấu tranh xóa bỏ văn hóa phản động, đồi trụy, nếp sống cũ lạc hậu, cải tạo con người cũ là một cuộc đấu tranh không kém quan trọng để làm thay đổi bộ mặt xã hội, góp phần đẩy mạnh sản xuất, và nêu bật tính ưu việt của chế độ mới. Chúng tôi đã tiếp quản và kịp thời sử dụng có hiệu quả các đài phát thanh, truyền thanh, truyền hình của địch, tăng cường các hoạt động báo chí, xuất bản, củng cố và phát triển các tổ chức văn nghệ, điện ảnh và đẩy mạnh phong trào văn nghệ quần chúng. Những hoạt động trên đã tạo nên một không khí vui tươi, phấn khởi từ thành thị đến nông thôn, góp phần tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, phát huy thắng lợi, giáo dục và giác ngộ cách mạng cho nhân dân. Tỉnh chúng tôi đã vận động thanh niên, học sinh nộp và thiêu hủy những sách báo, tranh ảnh, băng nhạc phản động, đồi trụy. Ngoài những trường được xây dựng bằng quỹ công, nhiều trường ngói mới đỏ tươi mọc lên, do sự đóng góp của nhân dân. Hằng ngày, 43 vạn học sinh trong tỉnh cắp sách đến trường. Phong trào bình dân học vụ

Digitized by Google

và bổ túc văn hóa phát triển mạnh. 11 huyện, thị (gồm 193 xã) đã xóa nạn mù chữ cho trên 80,5% số người mù chữ. 6.000 cán bộ, công nhân, viên chức đang học ở các trường văn hóa tập trung và hàng nghìn người khác đang theo học các lớp bổ túc văn hóa tại chức. Mạng lưới y tế được mở rộng từ tỉnh đến cơ sở; cứ 1 vạn dân thì có 3, 4 thầy thuốc. Công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch, khám bệnh, chữa bệnh được đẩy mạnh. Hoạt động thể dục thể thao cũng có bước phát triển mới và đang thành phong trào quần chúng ở một số nơi.

Từ thực tiễn nóng hổi của Nghĩa-bình, chúng tôi thấy *chỉ có phát động phong trào quần chúng thi đua rộng rãi, sôi nổi mới giải quyết được những nhiệm vụ khó khăn trong một thời gian tương đối ngắn.* Từng huyện, từng xã đã mở nhiều chiến dịch khai hoang, phục hóa, mở rộng sản xuất với những tên gọi khác nhau: chiến dịch « tiến công đồng cỏ », « lấn nước lấn biển », « phá xiềng hai sào ». Phong trào trồng rau màu, thật sôi nổi ở các thị xã Quảng-nghĩa, Quy-nhơn. Hàng nghìn thanh niên ở các khu phố, hàng vạn học sinh đã đi vỡ hoang trồng sắn. Vừa mới được giải phóng, tỉnh chúng tôi đã nhanh chóng phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi. Đê Khu-đông bị địch đánh phá, hàng nghìn héc-ta ruộng mong nước. Học sinh, thanh niên thị xã Quy-nhơn, trong vòng 10 ngày, đắp xong 7 ki-lô-mét đê. Nhân dân các huyện Bình-sơn, Sơn-tịnh, Mộ-đức, Hoài-nhơn, Phù-mỹ sôi nổi đào ao, vét giếng, lấy nước tưới cây. Những cần vọt múc nước được dựng lên tua tủa ở ngoài đồng, bà con gọi đùa là « dàn cao xạ pháo thủy lợi ». Một hệ thống bờ xe nước ở dọc các sông Trà-khúc, sông Vệ, sông Lại ngày đêm hoạt động đưa nước vào đồng. Cần nhanh chóng khôi phục 150 ki-lô-mét đường xe lửa chạy xuyên qua Nghĩa-bình, tỉnh chúng tôi nêu khẩu hiệu: « Một thanh tà-vẹt để thống nhất đất nước ». « Một gánh đất để thống nhất đất nước », kêu gọi mọi người mang những tà-vẹt và đường ray cũ trước đây đã lấy về đúng nộp cho Nhà nước, và tích cực tham gia lao động đắp nền đường. Nhân dân các xã đã trả nộp cả thảy 20 ki-lô-mét đường ray và gỗ tà-vẹt đủ đặt 100 ki-lô-mét đường sắt. Nông dân, bộ đội, học sinh, công nhân, viên chức làm hàng triệu ngày công góp phần hoàn thành đoạn đường sắt qua tỉnh trước thời hạn 1 tháng. Nghĩa-bình đã được vinh dự đón hai lẵng hoa Bác Tôn tặng đầu năm 1977: một lẵng hoa về thành tích thủy lợi, một lẵng hoa về thành tích làm đường sắt và được Chính phủ tặng bằng khen về công tác lương thực.

Bên cạnh những thành tích nói trên, chúng tôi còn có những khuyết điểm, thiếu sót như:

— Về lãnh đạo và quản lý kinh tế: chúng tôi chưa quán triệt đầy đủ đường lối, chủ trương của Trung ương về khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế, cũng như chưa nắm vững thực tiễn của nền kinh tế nhiều thành phần ở miền Nam, cho nên, lúc đầu gặp nhiều lúng túng; kết hợp chưa chặt chẽ cải tạo với xây dựng, chưa chú trọng đúng mức ngư nghiệp, lâm nghiệp là hai thế mạnh của tỉnh. Trong sản xuất nông nghiệp, chưa đặt đúng mức vấn đề chăn nuôi và trồng, chế biến, sử dụng màu. Tiềm lực của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chưa được phát huy tốt. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể phát triển chậm. Việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, quản lý thị trường còn nhiều sơ hở. Quản lý tài sản, vật tư của Nhà nước còn lỏng lẻo. Tình trạng cục bộ, địa phương, bản vị, cửa quyền, đã làm trở ngại việc tập trung, thống nhất quản lý, sử dụng tài sản vật tư của Nhà nước vào sản xuất, xây dựng. Những thủ tục giấy tờ rườm rà, máy móc đã

Digitized by Google

gây chậm trễ, phiền hà trong mối quan hệ giữa các ngành, các cấp, giữa cơ quan Nhà nước với nhân dân.

— Trong công tác tư tưởng văn hóa, chúng tôi chưa tuyên truyền giáo dục được sâu rộng đường lối, chủ trương chính sách của Đảng trong quần chúng. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn nghệ ở cơ sở, nhất là ở miền núi còn yếu, còn nặng về phục vụ cho các nhiệm vụ trước mắt, chưa chú ý đầy đủ đến việc tuyên truyền giáo dục về chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Việc chống các luận điệu chiến tranh tâm lý và tuyên truyền xuyên tạc của địch chưa nhạy bén, kịp thời.

— Bộ máy các cấp, các ngành tuy có được kiện toàn nhưng chưa đồng bộ, một số cơ quan cồng kềnh, chức năng, nhiệm vụ chưa được quy định rành mạch. Cấp huyện, cấp xã còn yếu và chậm được kiện toàn. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý, nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách chưa được thực hiện đầy đủ. Việc tổ chức quần chúng thực hiện các chủ trương công tác ở nhiều nơi còn mệnh lệnh, gò ép. Lề lối làm việc còn sự vụ, hội họp và giấy tờ nhiều, ít đi sát cơ sở để kiểm tra, uốn nắn những sai sót. Sự hiệp đồng giữa các ngành, các cấp chưa thật ăn khớp với nhau...

QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ IV CỦA ĐẢNG, RA SỨC PHẤN ĐẤU ĐƯA TỈNH NHÀ TIẾN NHANH, TIẾN MẠNH, TIẾN VỮNG CHẮC LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Nằm trong những đặc điểm chung của cả nước, Nghĩa-bình có những đặc điểm cụ thể sau đây:

— Kinh tế vẫn còn trong tình trạng sản xuất nhỏ, cả thể, thủ công là chính, các quan hệ sản xuất về cơ bản chưa được cải tạo, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa có mấy, số dân phân bố không đều giữa các vùng, đất đai canh tác bình quân đầu người chưa đầy 2 sào Trung-bộ và đại bộ phận không được tốt. Chiến tranh hủy diệt và chính sách thực dân mới của đế quốc Mỹ để lại những hậu quả nặng nề về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, cần phải có thời gian và nhiều công sức mới khắc phục được.

— Tỉnh Nghĩa-bình đông dân (1 triệu 80 vạn dân) có nguồn lao động dồi dào (80 vạn), có tài nguyên thiên nhiên phong phú, có nhiều tiềm năng về nông, lâm, ngư nghiệp, về khoáng sản để xây dựng thành một đơn vị kinh tế địa phương công — nông nghiệp, sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đảng bộ và quân, dân tỉnh Nghĩa-bình có truyền thống cách mạng, có khả năng dồi dào không những trong chiến đấu trước đây mà cả trong sản xuất, xây dựng hiện nay. Đội ngũ cán bộ trong tỉnh ngày nay tương đối lớn, cán bộ quản lý, khoa học, kỹ thuật khá đông, đã được rèn luyện thử thách trong cách mạng dân tộc dân chủ và có kiến thức nhất định về cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Những đặc điểm trên nói lên những thuận lợi rất cơ bản và những khó khăn to lớn trước mắt và lâu dài trong quá trình tiến lên của Nghĩa-bình. Cho nên, chúng tôi chủ trương trong 5 năm (1976 — 1980) cần: ra sức động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, tập trung sức cao độ tạo nên một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp, ra sức đẩy mạnh lâm nghiệp, ngư nghiệp, phát triển mạnh công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm, kể cả tiểu công nghiệp và

Digitized by Google

thủ công nghiệp, cố gắng xây dựng một số xí nghiệp cơ khí, điện lực, tích cực mở mang giao thông vận tải, tăng nhanh xây dựng cơ bản, mở rộng lưu thông phân phối. Chúng tôi sẽ phấn đấu đến năm 1980 đạt được những chỉ tiêu sau: 800 nghìn tấn lương thực, 8 vạn tấn cá biển, 5 vạn tấn muối, 4 triệu cây dừa, 10 nghìn héc-ta quế (cả mới và cũ), 5 vạn mét khối gỗ, 300.000 con bò, 600.000 con lợn, giá trị sản lượng cơ khí tăng 3 lần, công suất điện tăng 3 lần, nhà ở cho dân ở trong đó có 40 — 50% bằng gạch ngói. Phát triển trồng màu (sắn, ngô) với tỷ lệ 25% tổng sản lượng lương thực, tổ chức tốt việc chế biến, tiêu thụ và đưa màu vào bữa ăn chính. Xây dựng các vùng chuyên sản xuất rau cho các thị xã, thị trấn, khu công nghiệp, cho xuất khẩu (tỏi, ớt) và các vùng chuyên sản xuất mía, lạc, đậu nành, chè.

Để bảo đảm nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp nói trên, một mặt tỉnh chúng tôi tích cực tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, mặt khác ra sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Để có thể tưới tiêu chủ động cho 40 — 50% diện tích lúa, cần phải phát động phong trào quần chúng làm thủy lợi nhỏ, khẩn trương xây dựng một số công trình thủy lợi vừa và lớn, tổ chức quản lý tốt những máy móc nông nghiệp nhỏ. Năm 1977, chúng tôi tập trung vào công tác chuẩn bị và làm thử việc hợp tác hóa. Năm 1978, sẽ tiến hành hợp tác hóa ở 40 — 50% số xã và đến năm 1979, sẽ căn bản hoàn thành hợp tác hóa ở cả đồng bằng và miền núi.

Đi đôi với cải tạo xã hội chủ nghĩa, việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý kinh tế là yêu cầu hết sức cấp bách, chúng tôi sẽ sớm vạch ra phương án toàn diện để tổ chức lại nền kinh tế trong tỉnh theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từng bước đưa các ngành, các địa phương đi vào sản xuất tập trung chuyên môn hóa và cân đối. Cùng với tổ chức lại sản xuất, phải tổ chức lại thị trường, bảo đảm cân đối giữa sản xuất với lưu thông phân phối. Phương thức quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa sẽ thay thế phương thức quản lý theo lối hành chính, bao cấp. Tích cực cải tiến việc lập kế hoạch và quản lý kế hoạch, làm cho kế hoạch thật sự trở thành pháp lệnh của Nhà nước.

Trong hai năm tới hoàn thành việc xóa bỏ thành phần tư bản tư doanh trong thương nghiệp và các ngành kinh doanh văn hóa, y tế; cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh bằng các hình thức tư bản Nhà nước thích hợp; cải tạo tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đưa phần lớn những người làm các nghề này đi vào làm ăn tập thể; tích cực cải tạo thương nghiệp nhỏ, bằng cách chuyển dần người buôn bán nhỏ sang sản xuất, số còn lại thì sắp xếp đưa vào làm ăn có tổ chức, có quản lý chặt chẽ. Chúng tôi cố gắng tiến hành việc cải tạo một cách tích cực và vững chắc, bảo đảm yêu cầu thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng tốt quan hệ sản xuất mới.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa cách mạng tư tưởng và văn hóa mà nhiệm vụ trung tâm là xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi có kế hoạch tích cực tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, đấu tranh chống tư tưởng và văn hóa phản động, lạc hậu của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân mới và của các giai cấp bóc lột. Trước mắt, phổ biến sâu rộng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất của đảng bộ tỉnh Nghĩa-bình; giáo dục kỹ về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, về nền sản

Digitized by Google

xuất lớn xã hội chủ nghĩa, về nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa; phê phán khắc phục những tư tưởng không phù hợp với chủ nghĩa xã hội; làm dấy lên cao trào thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước của tỉnh, đồng thời tích cực chống những luận điệu chiến tranh tâm lý và tuyên truyền xuyên tạc của địch. Các mặt công tác văn hóa, thông tin tuyên truyền, giáo dục, y tế, bảo vệ bà mẹ trẻ em, thể dục thể thao cũng sẽ được đẩy mạnh lên một bước...

Để hoàn thành những nhiệm vụ to lớn nói trên, chúng tôi tích cực xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho công tác xây dựng Đảng luôn luôn gắn chặt với nhiệm vụ chính trị trước mắt và sẵn sàng đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ chính trị lâu dài; không ngừng nâng cao tính chất giai cấp công nhân và chất lượng lãnh đạo toàn diện của đảng bộ; quán triệt và vận dụng đường lối, chính sách của Đảng vào tình hình thực tế của tỉnh một cách đúng đắn, sáng tạo, luôn luôn giữ vững đoàn kết nhất trí, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo sáng suốt và tài tình của Trung ương Đảng và Chính phủ, toàn Đảng bộ và toàn dân Nghĩa-bình phấn khởi và quyết tâm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, và mục tiêu đã đề ra, cùng cả nước tiến lên, xây dựng thành công Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Đường lối chống Mỹ...

(Tiếp theo trang 26)

hoàn cảnh cụ thể của nước ta, chăm chú tham khảo rộng rãi và nghiêm chỉnh kinh nghiệm của các Đảng anh em, chăm chú phát huy sức sáng tạo to lớn trong phong trào cách mạng của quần chúng; tăng cường khối đoàn kết vững chắc trong Đảng và trong cả nước, tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn để tiến hành thắng lợi sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Những kinh nghiệm đã tổng kết được trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là những vũ khí sắc bén giúp chúng ta thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng nặng nề và vẻ vang đó.

Digitized by Google

HỢP TÁC XÃ ĐỊNH-CÔNG trên đà tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa

LÊ-THẾ-SƠN

I – PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG, LÀM TỐT NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Ở xã Định-công cũng như ở tỉnh Thanh-hóa nói chung, việc hợp tác hóa nông nghiệp đã tiến hành trong điều kiện lực lượng sản xuất ở nông thôn hết sức nhỏ bé. Việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ và xây dựng quan hệ sản xuất mới vì vậy phải chủ động thúc đẩy sự ra đời của lực lượng sản xuất mới, phát triển nông nghiệp theo con đường tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Kiên trì phấn đấu theo con đường đó từ năm 1970 trở lại đây, hợp tác xã Định-công đã tạo ra được một bước phát triển mới. Năm 1976, tổng thu nhập của Định-công đạt 1.516.027 đồng tăng 271% so với năm 1970. Bình quân mỗi lao động trong năm làm ra 1.320 đồng. Giá trị sản phẩm hàng hóa so với giá trị tổng sản lượng từ 28,9% năm 1970 tăng lên 50% năm 1976. Riêng số thóc bán cho Nhà nước từ 290 tấn năm 1970 tăng lên 720 tấn năm 1976. Thịt lợn hơi bán cho Nhà nước từ 20 tấn năm 1970 tăng lên 64 tấn năm 1976. Phần tích lũy cho hợp tác xã trong năm 1976 được 193.132 đồng, tăng 11 lần so với năm 1970.

Sản xuất phát triển, thu nhập ngày càng tăng, điều đó cho phép hợp tác xã Định-công tăng tích lũy vốn và tái sản xuất mở rộng, đi đôi với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của xã viên.

Đời sống của xã viên ở đây mỗi năm một tăng. Năm 1976, bình quân một lao động ở Định-công có thu nhập từ kinh tế tập thể là 585 đồng (năm 1970 : 305đ) ; hàng tháng mỗi lao động có mức thu nhập bình quân bằng tiền là 48,70đ và mỗi nhân khẩu được 14,56đ. Nếu tính cả thu nhập về kinh tế phụ gia đình thì còn nhiều hơn nữa. Mọi người đều bảo đảm có lương thực ăn no đủ, bình quân đầu người hàng tháng 23 – 24kg

Digitized by Google

lương thực, đã có một phần ba số gia đình trong hợp tác xã có lương thực dự trữ. Hiện nay, bình quân đầu người ở hợp tác xã Định-công đã có 41 đồng số dư tiết kiệm. Tất cả các hộ gia đình xã viên đều có nhà ngói, sàn gạch.

Bên cạnh việc phân phối theo lao động, đời sống thực tế của xã viên còn được cải thiện và nâng cao hơn nữa bằng con đường phúc lợi công cộng. Hiện nay, hợp tác xã đã dành ra 7% tổng giá trị sản phẩm để làm quỹ phúc lợi công cộng (trước đây chỉ trên 4%). Bình quân đầu người ở hợp tác xã Định-công có gần 30 đồng về giá trị tài sản các cơ sở phúc lợi công cộng (bao gồm trường học, nhà trẻ, y xá, câu lạc bộ, thư viện, nơi hội họp, hệ thống truyền thanh, v.v...). Năm 1976, hợp tác xã đã trích ra 160 tạ thóc của quỹ phúc lợi công cộng để nuôi người già (nam từ 80 tuổi, nữ từ 75 tuổi trở lên), các cụ không phải bỏ tiền mua. Đời sống người già được hợp tác xã lo toan và bảo đảm, tuy chưa thật đầy đủ, điều này có tác dụng động viên những người trong tuổi lao động hăng say sản xuất, xây dựng hợp tác để ngày mai về già được hưởng phúc lợi nhiều hơn.

Tất cả các cháu đi học cấp I và cấp II đều được hợp tác xã trích quỹ phúc lợi (năm 1976 trích 16.000 đồng) may cho mỗi học sinh một bộ quần áo đồng phục. Các cháu gửi nhà trẻ của hợp tác xã, cha mẹ không phải trả công điểm và được ăn bữa trưa do quỹ phúc lợi của hợp tác xã đài thọ.

Hợp tác xã có y xá 20 giường bệnh. Mọi chi phí ở y xá phục vụ người bệnh đều dùng quỹ phúc lợi đài thọ. Xã viên đến điều trị ở y xá của hợp tác xã không phải trả tiền về các thứ thuốc chữa bệnh thông thường. Hợp tác xã còn sản xuất cao «ích mẫu» phát không cho chị em trong lứa tuổi sinh đẻ nhằm bồi dưỡng sức khỏe bà mẹ.

Hợp tác xã có hệ thống loa truyền thanh mắc đến từng gia đình xã viên, làm cho nhà nhà đều được nghe tin tức thời sự, ca nhạc, theo dõi thời tiết và biết kế hoạch lao động hàng ngày để sắp xếp công việc làm ăn. Hợp tác xã có tủ sách trên 1.000 cuốn mỗi tuần 2 lần mở cửa phục vụ xã viên.

Đời sống không ngừng được cải thiện như vậy là nhờ thành quả lao động của xã viên. Vì vậy, xã viên ở đây ngày càng coi lợi ích của hợp tác xã và của Nhà nước như lợi ích của chính bản thân; họ quan tâm đến việc sản xuất của tập thể, nâng cao năng suất lao động và phát triển sản xuất của hợp tác xã.

II – TỔ CHỨC LAO ĐỘNG HIỆP TÁC VÀ PHÂN CÔNG

Muốn thực hiện được phương thức lao động hiệp tác và phân công, hợp tác xã phải có một quy mô nhất định. Với quy mô nhỏ bé trước đây, hợp tác xã không đủ điều kiện cần thiết về đất đai, vốn liếng, vật tư và lao động để thực hiện một phương hướng phân công lao động mới; lại gặp nhiều mâu thuẫn và khó khăn trong sử dụng lao động và kinh doanh sản xuất. Lúc đó hợp tác xã chỉ độc canh lúa, không mở mang được các ngành nghề khác, xã viên không đủ việc làm, sản xuất của hợp tác xã dẫm chân tại chỗ trong nhiều năm.

Từ năm 1970, các hợp tác xã nhỏ ở các thôn Cầm-trướng và Phù-ninh đã được hợp nhất thành hợp tác xã Định-công có quy mô toàn xã với diện tích canh tác 417 héc ta. Hợp tác xã có 1.034 người trong độ tuổi lao động. Kể cả lao động phụ, hàng năm Định-công có khoảng 550.000 ngày công tiêu chuẩn. Căn cứ vào yêu cầu lao động cho thâm canh lúa, màu, phát triển đàn lợn tập thể, làm

Digitized by Google

gạch, ngói, nung vôi và các yêu cầu phục vụ khác trong hợp tác xã cũng như làm nghĩa vụ cho Nhà nước, hợp tác xã Định-công đã phân bố và sử dụng hết số người lao động và số lượng ngày công hàng năm của mình vào các ngành và các khâu công việc trong các dây chuyền sản xuất của hợp tác xã. Số người chuyên về trồng lúa, màu chiếm 64% tổng số lao động của hợp tác xã (năm 1970 chiếm 78%). Số người chuyên nuôi lợn tập thể, nuôi cá và ủ phân của trại đã chiếm 10% (năm 1970 chỉ chiếm 3,4%). Số người chuyên làm gạch, ngói, nung vôi, thợ nề, thợ mộc chiếm 14% (năm 1970 mới 10,4%).

Tổ chức lao động trong từng ngành nghề được bố trí lại hợp lý hơn, theo hướng chuyên môn hóa từng khâu công việc. Ngành trồng trọt, trước kia có 19 đội sản xuất, nay bố trí làm 9 đội ; bình quân mỗi đội có 34 héc ta đất canh tác và 50 người lao động. Trong ngành trồng trọt có các đội chuyên khâu như : làm giống, thủy nông, làm phân, làm đất, vận tải... Trong chăn nuôi chia ra các tổ chuyên môn như nuôi cá, nuôi lợn đực giống, nuôi lợn nái đẻ, nuôi lợn thịt... Trong các ngành nghề, có đội vận tải đường sông, đội chuyên xây dựng cơ bản, đội chuyên làm thủy lợi cho địa phương và cho Nhà nước, đội chuyên vận hành cơ khí nhỏ. Đội làm gạch ngói và vôi lại chia ra các bộ phận : chuyên làm đất, chuyên dập gạch ngói, chuyên đốt lò... Khi phân bố lao động vào các ngành sản xuất và những khâu công việc chuyên môn, hợp tác xã coi trọng cả số lượng và chất lượng lao động. Ví dụ : Trong chăn nuôi lợn tập thể, đã chọn những người lao động có sức khỏe, trẻ và có trình độ hiểu biết về kỹ thuật chăn nuôi... Số người lao động được phân công vào ngành nào, thì ngành đó quản lý, bố trí và sử dụng theo yêu cầu của dây chuyền sản xuất và quy trình kỹ thuật của ngành đó.

Việc phân công chuyên môn hóa lao động theo từng ngành, từng khâu như vậy đã góp phần làm cho năng suất lao động của Định-công tăng lên rõ rệt : một lao động trồng trọt làm được 1,03 héc ta gieo trồng (với năng suất 8,4 tấn thóc một héc ta làm 2 vụ lúa), trong một năm đã làm ra 1.803 đồng về giá trị sản phẩm (năm 1970 chỉ được 480 đồng), riêng thóc đã sản xuất được 4.016kg. Một lao động làm chăn nuôi bình quân một năm nuôi được 141 con lợn (năm 1970 chỉ nuôi được 105 con) và đã làm ra được 1.654 đồng về giá trị sản phẩm, riêng thịt lợn hơi đã sản xuất được 600kg. Một người làm gạch ngói, năm 1976 sản xuất được 25.813 viên, với giá trị sản phẩm làm ra được 3.009 đồng (năm 1970 chỉ được hơn 900 đồng).

Do năng suất lao động của từng người làm công việc bộ phận ở các dây chuyền sản xuất đều tăng, cho nên năng suất lao động chung của hợp tác xã đã tăng lên, rút ngắn được thời gian lao động sản xuất và tạo ra nhiều sản phẩm hơn trước. Năm 1970, một vụ cấy, hợp tác xã phải làm 12 ngày mới xong, nay chỉ hết 20 ngày. Năm 1970, một vụ gặt kéo dài 2 tháng, nay chỉ hết 18 ngày là xong. Trước đây phải 30 người dập lúa và mỗi ngày chỉ làm được 1,5 tấn thóc hạt, bây giờ chỉ 20 người và mỗi ngày dập được 7 — 8 tấn thóc...

Năng suất lao động của từng người và của cả hợp tác xã tăng lên là nguyên nhân làm cho mức chi phí lao động trên đơn vị sản phẩm giảm xuống. Năm 1970, làm ra một tạ thóc hợp tác xã phải tốn mất 16 công, bây giờ chỉ hết 14,7 công. Năm 1976, sản xuất 1.000 viên ngói hết 20,4 công, rút được 13,5% so với kế hoạch ; sản xuất 1.000 viên gạch hết 9,8 công, rút được 8,3% so với kế hoạch.

Digitized by Google

Để quản lý tốt lao động, hợp tác xã Định-công đã tiến hành giao nghĩa vụ ngày công từng vụ và hàng năm cho xã viên. Người lao động khỏe một năm phải làm cho hợp tác xã 300 ngày công; người lao động trung bình phải làm 280 ngày công; người lao động yếu làm 250 ngày công. Xã viên tham gia lao động sản xuất phải tuân theo sự phân công và điều hành của tập thể; nghỉ ngơi phải tuân theo chế độ thống nhất của hợp tác xã. Về tiêu chuẩn lao động, hợp tác xã đã tiến hành định mức lao động (có tất cả hơn 500 định mức), xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công trong cả trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề. Từng khâu công việc, từng loại ruộng đất, từng loại con gia súc, đều có định mức hao phí lao động cụ thể. Căn cứ vào các tiêu chuẩn đó, hợp tác xã thực hiện 3 khoán cho đội theo nguyên tắc giao kèo giữa các đội và hợp tác xã. Hợp tác xã thực hiện chế độ khoán nhóm, khoán việc trong các khâu công việc của ngành trồng trọt và trong các tổ đội chuyên khâu. Riêng trong chăn nuôi và ngành nghề thực hiện chế độ khoán sản phẩm.

Do lao động có chế độ, có tổ chức và có kỷ luật chặt chẽ, cho nên ngày nay mọi hoạt động sản xuất của hợp tác xã Định-công đều được tiến hành ăn khớp, nhanh, gọn, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng công việc. Bây giờ, hợp tác xã đã có thể cấy xong lúa chiêm xuân gọn trong tháng 2, và lúa mùa trong tháng 7 là những thời vụ tốt nhất. Hợp tác xã có thể bố trí cho xã viên đủ công việc làm lúc thời vụ khẩn trương cũng như những tháng nông nhàn. Sức lao động trong hợp tác xã do đó được điều hòa. Xã viên có việc làm đủ ngày, đủ tháng, bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ ngày công được giao. Các mục tiêu sản xuất của hợp tác xã đều được thực hiện có kết quả.

Lao động trong các ngành sản xuất hiện nay của Định-công phần lớn còn làm bằng thủ công. Trong điều kiện như vậy, hợp tác xã Định-công đã đề ra nhiều biện pháp cải thiện điều kiện lao động của xã viên. Hợp tác xã chú ý chăm lo việc giữ trẻ (cha mẹ không phải trả công điểm và tiền ăn bữa trưa của các cháu) nhằm tạo điều kiện cho xã viên yên tâm sản xuất. Những lúc thời vụ khẩn trương, lao động căng thẳng, hợp tác xã tổ chức cho xã viên làm đồng ăn bữa trưa (do hợp tác xã cung cấp gạo và thực phẩm, xã viên chỉ phải trả vài ba hào) nhằm làm cho người lao động tăng được thời gian lao động trong ngày, và có đủ sức làm việc suốt ngày với năng suất cao. Những người làm công việc độc hại đều có dụng cụ phòng hộ. Làm việc ở trại chăn nuôi và làm gạch ngói được trang bị áo vệ sinh, làm việc ở ruộng nước được trang bị xà cạp quấn chân. Hợp tác xã có chế độ khen thưởng bằng hiện vật cho những người có sáng kiến và đạt năng suất cao... Tất cả những biện pháp đó đều có tác dụng tạo điều kiện cho xã viên hăng hái lao động sản xuất, làm hết sức mình, lao động đủ buổi, đủ ngày, lao động một cách tự giác, có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật và năng suất cao.

III — XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT MỚI

Đi đôi với việc tiến hành tổ chức và phân công lao động, hợp tác xã Định-công đã tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, coi đó là khâu then chốt có tác dụng quyết định đối với việc tăng năng suất lao động. Một mặt, hợp tác xã Định-công dựa vào ưu thế của quan hệ sản xuất mới và lao động hiệp tác có phân công để tiến hành cách mạng kỹ thuật. Mặt khác, hợp tác xã Định-công còn dựa vào sự tác động của công nghiệp đối với nông nghiệp để trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật mới, tức là tạo ra năng lực sản xuất mới, làm cho lao động hiệp tác

Digitized by Google

có phân công nhanh chóng trở thành một tất yếu kỹ thuật.

Điểm bắt đầu đi lên của Định-công là từ sản xuất độc canh cây lúa, lại ở trong điều kiện hầu như hoàn toàn lệ thuộc vào thiên nhiên, vì vậy, vấn đề mấu chốt trước tiên phải giải quyết là vấn đề « nước ». Ở đây không có nguồn tưới tiêu nước tự chảy, do đó việc chống úng, chống hạn cho lúa và hoa màu phải dùng máy bơm. Hợp tác xã bỏ tiền ra mua 7 máy bơm kèm theo một máy phát động có công suất 84kw để chạy hệ thống máy bơm và một phần nhỏ phục vụ chăn nuôi, xay xát, tuốt lúa và thắp sáng. Bình quân mỗi máy bơm nước ở đây phụ trách tưới nước và tiêu úng cho khoảng trên 50 héc-ta. Làm thủy lợi kết hợp với giao thông nông thôn, hợp tác xã Định-công đã phải bỏ ra 20 vạn ngày công (bình quân mỗi người lao động làm 171 công) đào đắp 26 vạn mét khối đất (bình quân mỗi người lao động làm 230 mét khối), xây dựng 1 hệ thống mương cấp một nối liền với 4 trạm bơm của hợp tác xã. Đi theo đó, có mạng lưới mương máng cấp 2 và cấp 3 dài trên 15 ki-lô-mét (với 679 cầu cống lớn nhỏ) để đưa nước tưới và tiêu cho từng chân ruộng, bảo đảm chủ động nước cho sản xuất.

Chủ động được nước, Định-công có điều kiện đưa giống mới có năng suất cao vào cấy 100% diện tích ruộng đất của hợp tác xã. Dùng giống mới lại đòi hỏi những đổi mới trong kỹ thuật và chế độ canh tác. Vấn đề sức kéo để làm đất kỹ và kịp thời vụ gieo cấy các giống lúa mới được đặt ra khẩn cấp, vì Định-công từ lâu vốn đã thiếu sức kéo nghiêm trọng. Trước đây, Định-công dùng bò, nhưng vì bò yếu cho nên năng suất cày kéo thấp và làm đất không kỹ. Hợp tác xã đã thay dần bò bằng trâu, nhờ đó năng suất cày kéo cao hơn, làm đất được kỹ hơn và cũng có nhiều phân hơn. Đến nay, Định-công đã tậu được một đàn trâu cày kéo gần 300 con đưa tổng số trâu bò cày kéo của hợp tác xã lên 420 con, bình quân mỗi con cày kéo chưa đầy 1 héc ta canh tác mỗi năm. Hợp tác xã cũng sắm thêm 4 máy kéo loại nhỏ để phay đất và vận tải.

Hợp tác xã còn chú ý sản xuất, chế biến nhiều phân bón để thực hiện thâm canh lúa và hoa màu. Bình quân mỗi héc ta gieo trồng ở Định-công đã có 13,4 mét vuông nhà ủ và chế biến phân. Trong năm 1976, hợp tác xã đã bón cho mỗi héc ta gieo trồng mỗi vụ 12 tấn phân (trong đó phần lớn là phân chuồng do hợp tác xã sản xuất).

Các cơ sở vật chất kỹ thuật khác phục vụ trồng trọt cũng được tăng cường : 40 xe trâu kéo, 500 xe cải tiến, 8 thuyền, 1.250 mét vuông nhà kho và 22.345 mét vuông sân phơi...

Số vốn bỏ vào xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành trồng trọt ở Định-công tính đến năm 1975 trị giá trên 40 vạn đồng, bình quân mỗi héc-ta canh tác được trang bị trên 1.000 đồng về giá trị tài sản cố định.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành trồng trọt ở Định-công được đổi mới và tăng cường đã tạo tiền đề vật chất cốt yếu cho hợp tác xã tiến hành thâm canh có kết quả. Năng suất lao động trong ngành trồng lúa và sản lượng thóc thu được hàng năm tăng lên rõ rệt. Lương thực năm 1976 thu được 2.300 tấn, gần gấp đôi năm 1970, từ đó ngành trồng trọt tạo ra nhiều sản phẩm thặng dư và dôi được nhiều nhân lực, cho phép hợp tác xã Định-công đẩy mạnh phân công lại lao động hơn nữa để phát triển các ngành chăn nuôi tập thể và làm gạch ngói...

Tổ chức một trại chăn nuôi lợn tập thể có 1.300 lợn như hiện nay không đơn giản, mà đòi hỏi đầu tư nhiều. Hợp tác xã Định-công đã phải xây dựng tất cả 202 gian chuồng bằng gạch ngói, trang bị máy nghiền, máy trộn thức ăn cho gia súc và nhiều dụng cụ

Digitized by Google

phục vụ chăn nuôi khác. Cơ sở vật chất kỹ thuật của trại chăn nuôi Định-công trị giá gần 15 vạn đồng. Bình quân một người làm chăn nuôi tập thể ở đây được trang bị 1.373 đồng về giá trị tài sản cố định. Cơ sở vật chất đó tạo điều kiện cho hợp tác xã Định-công phát triển chăn nuôi có kết quả. Năm 1976 ngành chăn nuôi lợn tập thể đã đóng góp cho hợp tác xã 183.534 đồng; hơn nữa, nó còn cung cấp mỗi năm từ 1.500 đến 1.700 tấn phân chuồng để phục vụ cho việc thâm canh tăng năng suất cây trồng.

Nghề làm gạch ngói ở hợp tác xã Định-công mấy năm nay được phát triển mạnh không phải chỉ vì Định-công có nhiều tay nghề thành thạo làm gạch ngói được tổ chức lại, mà còn do ngành này cũng được trang bị tương đối khá về công cụ và phương tiện lao động. Những máy ép, máy dập, và các tài sản cố định khác dùng trong nghề làm gạch ngói ở đây trị giá trên 11 vạn đồng. Bình quân mỗi lao động làm gạch ngói được trang bị trên 900 đồng về tài sản cố định. Nhờ đó, năm 1976 nghề làm gạch ngói của Định-công đã sản xuất được 2.116.000 viên gạch ngói, đem lại cho hợp tác xã 273.898 đồng thu nhập. Đây là một nguồn vốn tự tạo rất quan trọng để tích lũy cho tái sản xuất mở rộng của hợp tác xã. Ở đây, Định-công đã thực hiện có kết quả chu trình tái sản xuất mở rộng: từ lao động tạo ra hàng hóa gạch ngói, rồi biến thành vốn sản xuất, tăng nhanh đầu tư trang bị kỹ thuật mới cho hợp tác xã, để tạo ra năng suất lao động cao trong trồng trọt và chăn nuôi; sự phát triển mới của trồng trọt và chăn nuôi lại tạo thêm tiền để về lương thực, thực phẩm và sức lao động để phát triển thêm một bước nghề làm gạch ngói, để rồi lại tạo thêm vốn mới.

Bằng con đường ấy, tức là bằng lao động sống mà tạo ra cơ đồ làm ăn mới (gần 82% số vốn dùng cho xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của Định-công là do hợp tác xã tự làm ra, chỉ phải đi vay trên 18%), ngày nay hợp tác xã Định-công đã tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật trị giá 1.600.000 đồng, *tạo ra năng lực sản xuất mới* cho phép tiến hành tái sản xuất mở rộng không ngừng trên cơ sở kỹ thuật ngày càng tiến bộ, nhằm đạt hiệu quả kinh tế và năng suất lao động ngày càng cao trong mọi ngành sản xuất của hợp tác xã.

Tạo ra được một cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối lớn, trong đó có nhiều tư liệu sản xuất và vật tư kỹ thuật do công nghiệp cung cấp, đó là một thành công lớn của hợp tác xã Định-công. Song, một thắng lợi không kém phần quan trọng đối với Định-công, là khi đưa vật tư kỹ thuật mới vào đồng ruộng, thì đòi được nhiều sức lao động, nhưng lại không biến thành lao động « thừa » như nhiều hợp tác xã đang vấp phải. Số người lao động dôi ra một phần được đưa đi phát triển kinh tế mới ở miền núi, còn phần lớn được đem phân bố và sử dụng hợp lý trong hợp tác xã để phát triển chăn nuôi, sản xuất gạch ngói, xây dựng các công trình dùng cho sản xuất và các công trình phúc lợi công cộng.

• Việc sử dụng vật tư kỹ thuật mới ở Định-công đã góp phần đáng kể làm cho năng suất trong các ngành nghề và các khâu công việc tăng lên rõ rệt, do đó làm tăng nhanh thu nhập của hợp tác xã. Tuy nhiên hiệu quả kinh tế chưa phải đã đạt được mức mong muốn. Hiệu quả đồng vốn ở đây có xu hướng dừng lại hoặc giảm sút một phần quan trọng — nếu không nói là quyết định, là do nhịp độ tăng chi phí vật tư kỹ thuật cao hơn nhiều so với nhịp độ tăng giá trị tổng sản phẩm làm ra hàng năm. Tổng chi phí cả năm 1970 là 195.355 đồng, đến năm 1976 tăng lên 589.548 đồng tức là tăng gấp 3 lần; còn tổng thu nhập của năm 1970 là 559.000 đồng, đến năm

Digitized by Google

1976 tăng lên 1.516.027 đồng, tức là mới tăng 2,7 lần.

Giải quyết vấn đề này không phải bằng cách từ bỏ con đường trang bị và sử dụng ngày càng nhiều vật tư kỹ thuật mới do công nghiệp cung cấp để trở về làm việc bằng kỹ thuật thủ công.

Trong quá trình đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đương nhiên các tư liệu sản xuất và vật tư kỹ thuật do công nghiệp cung cấp cho nông nghiệp sẽ ngày càng chiếm phần quan trọng trong chi phí sản xuất của hợp tác xã. Như vậy, việc tăng sản lượng và hạ giá thành sản phẩm nông nghiệp phụ thuộc không ít vào giá thành các tư liệu sản xuất và vật tư kỹ thuật do công nghiệp cung cấp cho nông nghiệp. Những vật tư kỹ thuật do công nghiệp cung cấp cho nông nghiệp ở Định-công, lâu nay thường giá đắt, chất lượng xấu, cho nên đã có phần làm tăng một cách giả tạo chi phí sản xuất của hợp tác xã. Vì vậy muốn cho chi phí sản xuất (chủ yếu là chi phí về vật tư kỹ thuật gốc công nghiệp) giảm, do đó hạ giá thành sản phẩm nông nghiệp, cần có sự đóng góp của các ngành sản xuất công nghiệp bằng cách cải tiến tổ chức sản xuất và tăng năng suất lao động trong ngành mình để cung cấp cho nông nghiệp những máy móc, thiết bị vật tư kỹ thuật có chất lượng tốt và giá rẻ.

Trong cơ cấu chi phí sản xuất của hợp tác xã Định-công, phần chi phí tăng nhiều nhất là ở các khâu: chi về máy móc và xăng dầu cho việc tưới tiêu nước, chi về khấu hao cơ bản, chi về phân bón (gồm phân hữu cơ và vô cơ), chi về thức ăn gia súc. Đó là những chi phí không thể thiếu được đối với việc thâm canh ở hợp tác xã Định-công. Nhưng hợp tác xã Định-công cũng cần xem xét kỹ việc trang bị và sử dụng vật tư kỹ thuật còn có chỗ nào chưa hợp lý dẫn đến khấu hao lớn mà hiệu ích sử dụng lại chưa cao. Việc trang bị kỹ thuật chưa đồng bộ cho các khâu sản xuất trên đồng ruộng và trong chuồng trại, cũng có phần làm cho hiệu quả thâm canh chưa tương xứng với đầu tư kỹ thuật. Tình hình đó làm cho tốc độ tăng giá trị sản phẩm không bằng tốc độ tăng vốn và chi phí sản xuất, do đó dẫn đến giá thành sản phẩm cao. Vì vậy hợp tác xã Định-công cần tính toán kỹ việc trang bị vật tư kỹ thuật mới và sử dụng tốt những vật tư kỹ thuật ấy, không để hư hao lãng phí và đặc biệt cần nghiêm túc thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh trong trồng trọt, chăn nuôi và tích cực mở rộng ngành nghề, nhằm tăng hiệu quả sản xuất và giảm giá thành sản phẩm. Như vậy, việc trang bị ngày càng nhiều những tư liệu sản xuất và vật tư kỹ thuật do công nghiệp cung cấp sẽ được thực hiện một cách thuận lợi và mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo điều kiện xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật vững chắc để đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách thắng lợi.

IV — BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÓ HIỆU LỰC VÀ PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA XÃ VIÊN

Hiện nay ở hợp tác xã Định-công, hàng ngày trên đồng ruộng, trong trại chăn nuôi, xưởng gạch ngói, trong buồng máy phát điện và cơ khí nhỏ, trên đoàn thuyền vận tải đường sông hoặc đoàn xe vận chuyển đường bộ, đâu đâu người ta cũng thấy người nào việc ấy, lao động thật sự, có tổ chức, có kỷ luật và có kỹ thuật để hoàn thành tốt các khâu công việc. Guồng máy hoạt động sản xuất của Định-công hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp và đạt hiệu quả tốt như ngày nay là nhờ có sự điều hành thống nhất và có hiệu lực của ban quản trị hợp tác xã.

Digitized by Google

Ban quản trị hợp tác xã Định-công được kiện toàn và tăng cường từ mấy năm nay. Trước đây, ban quản trị hợp tác xã có 19 người, nay chỉ bố trí 7 người có năng lực và được xã viên rất tín nhiệm. Chủ nhiệm hợp tác xã phụ trách chung, làm chủ tài khoản, trực tiếp chỉ đạo công tác kế hoạch và tài vụ. Một phó chủ nhiệm phụ trách trồng trọt; một phó chủ nhiệm phụ trách lao động. Một ủy viên quản trị phụ trách chăn nuôi; một ủy viên phụ trách cơ khí nhỏ; một ủy viên phụ trách thủy lợi, một ủy viên phụ trách văn hóa và đời sống.

Các bộ môn giúp việc gồm có: bộ môn hạch toán thống nhất (gồm có tài vụ, kế toán, thống kê) chuyên làm thống kê tình hình hoạt động sản xuất và đời sống và làm kế toán chung của hợp tác xã, kế toán trong chăn nuôi, kế toán trong ngành nghề, kế toán ghi chép công điểm của xã viên ở các đội sản xuất; bộ môn kế hoạch và ruộng đất chuyên lo xây dựng kế hoạch và quản lý ruộng đất của hợp tác xã; bộ môn kỹ thuật chuyên lo điều hành sản xuất theo tiêu chuẩn và quy trình kỹ thuật; bộ môn lao động chuyên lo xây dựng các định mức và quản lý lao động.

Đội ngũ cán bộ của hợp tác xã Định-công được ổn định và đã làm việc liên tục nhiều năm cho hợp tác xã. Nhiều cán bộ có kinh nghiệm điều hành công việc của hợp tác xã. Họ có tinh thần tiến công liên tục, không ỷ lại ngồi chờ hoặc thỏa mãn với thành tích đã đạt được. Trong công tác chỉ đạo sản xuất và kinh doanh của hợp tác xã, đội ngũ cán bộ ở đây có tinh thần khắc phục khó khăn và biết tính toán cụ thể, làm việc này lo tính đến việc khác. Làm thủy lợi tính đến kết hợp giao thông nông thôn, giải quyết vấn đề lương thực tính đến phát triển chăn nuôi, đẩy mạnh sản xuất lo đến phúc lợi công cộng và bồi dưỡng sức lao động...

Đội ngũ cán bộ ấy đã phát huy được vai trò làm chủ tập thể của quần chúng xã viên, cho nên đã tăng thêm được hiệu lực của công tác chỉ đạo và quản lý hợp tác xã. Việc điều hành các hoạt động sản xuất và chăm lo đời sống trong hợp tác xã đều tập trung vào sự chỉ đạo thống nhất của ban quản trị. Các bộ môn chuyên môn đã giúp việc đắc lực cho ban quản trị hợp tác xã bảo đảm chỉ đạo công việc cụ thể từ trên xuống dưới, phát huy tốt chế độ, chức trách của từng loại cán bộ và nâng cao được hiệu lực của bộ máy điều hành, làm cho các khâu công tác, các mặt hoạt động sản xuất và đời sống trong hợp tác xã được tiến hành theo quy trình, quy phạm và hoàn thành theo kế hoạch một cách có kết quả.

Hợp tác xã Định-công đã thực hiện tốt quyền làm chủ tập thể của xã viên. Những việc chung của hợp tác xã do Đại hội xã viên bàn bạc quyết định. Ở các đội lao động chuyên ngành, chuyên khâu, xã viên thường họp bàn cách thực hiện công việc do đội mình phụ trách, nên người lao động nào cũng hiểu việc mình làm, khối lượng và chất lượng công việc phải hoàn thành và mức phân phối được hưởng. Do đó họ hăng hái phát triển sản xuất và xây dựng cuộc sống mới. Ở Định-công, làm việc gì cũng có định mức và theo quy trình kỹ thuật. Tinh pháp chế trong quản lý sản xuất được thể hiện nghiêm túc, do đó đã khắc phục được thói tùy tiện trong lao động sản xuất, làm tăng thêm nhiều người tích cực lao động, cải tạo có kết quả những người lười biếng, hạn chế và đi đến đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất, tạo ra phong trào lao động sản xuất hăng say trong quần chúng. Làm việc có định mức và theo quy trình kỹ thuật là cơ sở bảo đảm quyền lợi của người lao động, vì việc phân phối theo lao động được thể hiện

(Xem tiếp trang 53)

Digitized by Google

SUY NGHĨ VỀ NGƯỜI TRÍ THỨC VÀ CÁCH MẠNG

(Bài viết trong dịp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam)

NGUYỄN-TẤN-GI-TRỌNG

TÔI ĐÃ ĐƯỢC GIẢI PHÓNG

Là một người thầy thuốc theo Đảng làm cách mạng từ những buổi đầu của cuộc Cách mạng tháng Tám nhưng trước đây tôi chưa hiểu nhiều về Đảng. Ngày ấy tôi theo Đảng với một tấm lòng yêu nước chân thành nhưng khá trừu tượng, tôi chưa thấy sức mạnh vĩ đại của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động. Tôi nghĩ một cách đơn giản rằng tham gia cách mạng, mình sẽ đem hết nhiệt tình yêu nước và khả năng chuyên môn để đóng góp cho cách mạng, và càng có nhiều người trí thức khoa học kỹ thuật tham gia cách mạng thì lực lượng cách mạng sẽ lớn mạnh và sự nghiệp giải phóng dân tộc sẽ chóng hoàn thành. Lúc bấy giờ có một số thầy thuốc không tham gia cách mạng. Họ viện lý lẽ rằng nghề thuốc là một nghề nhân đạo, cho nên dù ở bên này hay ở bên kia trận tuyến họ cũng đều giúp ích cho đồng bào. Nhưng thực tế cho thấy không đi theo cách mạng, họ không những không giúp ích được cho đồng bào mà trái lại, dù muốn hay không muốn, họ đã góp sức vào lực lượng chống lại lợi ích nhân dân, lợi ích của Tổ quốc.

Đến nay, sau 32 năm hoạt động cách mạng, được Bác và Đảng dìu dắt, giáo dục, được nhân dân tin yêu giúp đỡ, phân tích những kinh nghiệm bản thân và quan sát kinh nghiệm của nhiều anh chị em trí thức khoa học kỹ thuật cùng tham gia cách mạng, tôi đã nhận thức được nhờ có cách mạng chúng tôi đã xác định chỗ đứng của mình và từng bước xây dựng cách nhìn sự vật, nếp suy nghĩ, tác phong hành động của người trí thức xã hội chủ nghĩa; những kiến thức về khoa học kỹ thuật của chúng tôi cũng như con người chúng tôi đã được giải

Digitized by Google

phóng khỏi sự ràng buộc của những quan niệm sai lạc lỗi thời. Chúng tôi đã đi đúng hướng phục vụ nhân dân, ngày càng phát huy được tác dụng tích cực của mình trong sự nghiệp chung giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Kiến thức khoa học kỹ thuật của chúng tôi đã gặp được đất phát triển và đã bắt rễ vững chắc trong dòng dảo nhân dân lao động. Tôi đã nhận được của cách mạng nhiều hơn là tôi cống hiến cho cách mạng.

CÁCH MẠNG LÀ KHOA HỌC

Một hạnh phúc lớn lao của tôi là từ khi đeo ba lô lên vai theo Đảng đi kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi đã bước vào một trường học lớn, tôi đã nhập vào dòng thác lớn của nhân dân ta đang làm cuộc cách mạng lở đất long trời, có tiếng vang trên thế giới và trong lịch sử loài người. Trong quá trình tham gia cách mạng, tôi đã được giao nhiều nhiệm vụ khác nhau, như thông tin tuyên truyền, quân y, Quốc hội, Mặt trận dân tộc thống nhất, trông nom sức khỏe cán bộ và học sinh khu học xá trung ương, công nhân đường sắt, và tham gia đào tạo cán bộ y tế. Công tác đa dạng đó đã đưa tôi vào cuộc sống muôn hình muôn vẻ, vô cùng sinh động và đầy sáng tạo của nhân dân. Tôi cũng đã có nhiều dịp đi tìm hiểu tình hình sức khỏe, nghiên cứu điều kiện lao động của công nhân, nông dân trong nhiều môi trường lao động khác nhau như hợp tác xã nông nghiệp, mỏ than, lò cao, nhà máy dệt, v.v... để tìm cách cải thiện điều kiện lao động, và quan sát những đặc điểm của cơ thể người Việt-nam thuộc mọi lứa tuổi. Những việc đó là những việc mà ít có người thầy thuốc nào trong những chế độ xã hội khác lại muốn làm vì nó chỉ đem lại lợi ích cho người lao động, không đem lại lợi ích cho cá nhân người thầy thuốc.

Đi vào môi trường lao động, sống giữa nhân dân lao động, tận mắt thấy những biểu hiện của trí tuệ tập thể của Đảng và nhân dân trong khi giải quyết mọi vấn đề khó khăn phức tạp và khẩn trương của công cuộc kháng chiến chống xâm lăng và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước nghèo nàn lạc hậu, tôi hiểu sâu sắc cách mạng là khoa học. Mặt khác, những kiến thức khoa học kỹ thuật của chúng tôi khi đi vào quần chúng lao động đã biến thành những chủ trương đường lối cải tiến điều kiện lao động và bồi dưỡng sức lao động của công nhân, nông dân. Khoa học kỹ thuật gắn với lợi ích quần chúng và trở thành một bộ phận của cách mạng.

MỘT ĐẠO LÝ VIỆT-NAM

Tháng 2 năm 1955 trong một bức thư gửi cho hội nghị cán bộ y tế, Hồ Chủ tịch đã dạy chúng tôi « lương y phải như từ mẫu ». Lúc ấy một số anh chị em cán bộ y tế nghĩ rằng Bác nhắc nhở chúng tôi đề cao một đức tính của người thầy thuốc, chăm sóc người bệnh như mẹ chăm sóc con, nhưng sau này càng suy nghĩ, càng liên hệ công tác của mình với lời dạy của Bác, chúng tôi mới thấy rõ rằng Bác đã nêu lên một chân lý, một đạo lý đặc biệt Việt-nam. Muốn chăm sóc tốt bệnh nhân, người thầy thuốc phải là « lương y » tức là thầy thuốc giỏi. Người thầy thuốc giỏi phải như « mẹ hiền », tức là phải có tình cảm thắm thiết đậm đà như mẹ với con, coi người bệnh đau đớn cũng như mình đau đớn. Giữa những người không phải là ruột thịt mà muốn xây dựng mối quan hệ như thế thì nhất thiết phải có tình thương đồng bào, tình cảm giai cấp. Trong câu « lương y phải như từ mẫu » Bác đã dạy chúng tôi phải không ngừng trau dồi nghiệp vụ, nâng cao kiến thức chuyên môn, xây dựng tình cảm giai cấp. Trong

Digitized by Google

câu đó Bác dạy chúng tôi vừa phải nắm vững khoa học lại vừa phải có tình cảm cách mạng. Đây là những lời dạy bảo sâu sắc, một đạo lý cao cả, gói ghém trong những lời giản dị, rất Việt-nam!

★

Giờ đây nhân dân ta đang tranh thủ thời gian xây dựng khẩn trương cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Nhiệm vụ của mỗi người còn nặng nề, khó khăn và phức tạp; nhưng Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta, đề ra chủ trương và quyết định kế hoạch xây dựng đất nước, mở ra chân trời rộng lớn cho sự nảy nở và phát huy trí tuệ, tài năng của mọi người Việt-nam ta nói chung và của những người cán bộ khoa học kỹ thuật nói riêng. Với lòng tin vững chắc ở sự lãnh đạo của Đảng, với những cố gắng của mỗi người chúng tôi trong đội ngũ trí thức khoa học kỹ thuật, chúng tôi quyết đem hết nghị lực và khả năng, quyết đem những kinh nghiệm, những điều đã thu hoạch được trong quá trình tham gia cách mạng, góp phần tích cực nhất của mình vào sự nghiệp chung, góp sức mình vào sức mạnh tổng hợp của lực lượng khoa học kỹ thuật cả nước, đưa cuộc cách mạng khoa học—kỹ thuật tiến lên, quyết xứng đáng là một chiến sĩ trong đội ngũ chiến sĩ khoa học kỹ thuật của nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Hợp tác xã Định-công...

(Tiếp theo trang 50)

ngay từ khi người xã viên bắt tay vào lao động có định mức và theo quy trình. Chế độ lao động lại luôn luôn được điều chỉnh trong quá trình tiến hành sản xuất trên cơ sở điều kiện sản xuất thay đổi; do đó chế độ phân phối cũng được cải tiến, bảo đảm sự hưởng thụ của xã viên được công bằng và hợp lý. Điều đó đã khuyến khích xã viên hăng hái lao động sản xuất cho tập thể. Ngoài phần phân phối trực tiếp theo lao động cống hiến cho tập thể, xã viên còn được hưởng phúc lợi công cộng với mức cao; điều này càng làm cho xã viên ở đây hăng hái tham gia và gắn bó với sản xuất tập thể của hợp tác xã.

Mặt khác, quy trình lao động hiệp tác có phân công trong các khâu, các ngành sản xuất làm cho các xã viên hợp tác xã Định-công gắn bó với nhau trong dây chuyền sản xuất, thúc đẩy nhau cùng ra sức làm tốt và nhanh mọi nhiệm vụ sản xuất, nâng cao trình độ làm chủ tập thể của mình.

Đối với cán bộ lãnh đạo của Đảng ủy, chính quyền xã, ban quản trị hợp tác xã và các cán bộ, đảng viên khác, ở đây đều quy định rõ những chế độ công tác được xã viên góp ý xây dựng, để vừa thực hiện quyền quản lý tập trung, vừa ngăn ngừa những sự vi phạm vào quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Nhờ vậy, giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng xã viên có mối quan hệ gắn bó, sự đoàn kết nhất trí trong hợp tác xã được tăng cường, cả hai mặt tập trung và dân chủ được bảo đảm tốt, quyền làm chủ tập thể của xã viên trong quản lý kinh tế và xã hội được phát huy. Đó là động lực lớn đưa hợp tác xã Định-công từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách vững chắc.

Digitized by Google

Khen thưởng nhằm động viên, giáo dục, nêu gương

TÔ - CÔNG

TRONG phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, ở nhiều nơi đã xuất hiện những điển hình tốt. Để động viên và thúc đẩy phong trào tiến lên mạnh mẽ và đều khắp, ngoài việc chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng, quan tâm khuyến khích bằng lợi ích vật chất, chúng ta cần coi trọng việc động viên tinh thần biểu dương, khen thưởng kịp thời và đúng mức những [illegible] của phong trào.

[illegible] người tốt, việc tốt là Người chỉ thị ngay cho các cơ quan có trách nhiệm đi kiểm tra, xác minh lại thành tích và báo cáo để Người xét khen thưởng.

Hồ Chủ tịch thường nói: «Thưởng phạt phải nghiêm minh. Có công thì thưởng, có lỗi thì phạt. Khen thưởng phải có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương». Chúng ta phải làm thế nào để thực hiện nghiêm chỉnh lời dạy đó của Người, vì hiện nay không phải ai cũng hiểu đúng và ai cũng làm đúng.

Tác dụng động viên, tác dụng giáo dục và tác dụng nêu gương có mối [illegible] với nhau, cho nên khi bàn về tác dụng này không thể không nói đến tác dụng kia, và việc [illegible] tác dụng không có [illegible]

Tác dụng động viên:

[illegible]

Digitized by Google

nghĩa xã hội. Đặc biệt là việc biểu dương, khen thưởng kịp thời thành tích chiến đấu và xây dựng của các lực lượng vũ trang nhân dân đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ cán bộ và chiến sĩ ra sức thi đua giết giặc lập công, cùng toàn dân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Nhưng hiểu cho đầy đủ tác dụng động viên của khen thưởng và nhất là làm cho đúng thì cũng không phải mọi nơi, mọi lúc đều hiểu và làm đúng cả. Có người cho là càng khen nhiều càng động viên được rộng rãi; khen thưởng về tinh thần thì Nhà nước chẳng tốn kém gì; do đó dẫn đến chỗ châm chước hoặc hạ thấp tiêu chuẩn và khen thưởng tràn lan. Khen thưởng tràn lan thì tác dụng động viên bị hạn chế. Người có nhiều thành tích không phấn khởi lắm, người ít thành tích không cố gắng vươn lên. Đã khen thưởng tràn lan thường hay dẫn đến chỗ khen sai, gây thắc mắc, mất đoàn kết, ảnh hưởng không tốt đến phong trào. Vì vậy *muốn động viên thúc đẩy phong trào không phải là khen nhiều mà là khen trúng*, nghĩa là khen đúng người, đúng việc, đúng lúc và phải biết phát huy tác dụng của việc khen thưởng.

Cũng có người cho là khen cũng được không khen cũng chẳng sao, khen lúc nào hay lúc đó, cho nên không khen thưởng hoặc khen thưởng chậm. Ở một số ngành và địa phương, nhất là ở miền núi, có nhiều đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc mà chưa được khen thưởng thích đáng. Việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Pháp và việc khen thưởng gia đình quân nhân chống Mỹ, cứu nước ở các tỉnh miền Bắc, đến nay vẫn chưa làm xong; việc khen thưởng theo kỳ hạn, nhất là việc khen thưởng gia đình có người thân đi hoạt động cách mạng ở các tỉnh miền Nam, nhiều nơi mới làm được một ít.

Không thực hiện khen thưởng chứng tỏ lãnh đạo thiếu quan tâm đến phong trào cách mạng của quần chúng, hoặc chỉ đạo thiếu chặt chẽ, không quản lý được công tác, không quản lý được phong trào (cho nên không dám khen và cũng không dám chê). Thấy cái tốt mà không biểu dương, thấy cái xấu mà không phê phán thì không phát huy được cái tích cực, không hạn chế được cái tiêu cực, không động viên thúc đẩy được phong trào.

Khen thưởng chậm thể hiện sự thiếu nhậy bén với phong trào và tác phong công tác lề mề. Khen thưởng chậm thì tác dụng động viên bị hạn chế, không kịp thời phát huy những nhân tố mới của phong trào để đưa phong trào sớm lên đều khắp. Khác với khen thưởng mang tính chất ban ơn, mua chuộc, mị dân, phục vụ lợi ích của giai cấp bóc lột thống trị dưới chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa, khen thưởng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng những con người mới, con người xã hội chủ nghĩa, phục vụ lợi ích của quần chúng nhân dân lao động. Công tác khen thưởng của Nhà nước ta không phải chỉ là biểu dương thành tích của cấp dưới, của cán bộ và nhân dân, mà còn nhằm động viên, thúc đẩy phong trào; mặt khác khen thưởng còn là để tỏ lòng biết ơn của Đảng và Nhà nước đối với những người đã có những cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Vì vậy khen thưởng không chỉ là quyền hạn, mà còn là một nhiệm vụ của các cơ quan Nhà nước, là trách nhiệm của các cấp lãnh đạo đối với công lao, thành tích của nhân dân và đối với phong trào cách mạng của quần chúng.

Tác dụng giáo dục:

Biểu dương những cái hay, phê phán những cái dở, cũng như thưởng, phạt đều nhằm giáo dục con người. Việc đề ra những tiêu chuẩn khen

Digitized by Google

Để quản lý tốt lao động, hợp tác xã Định-công đã tiến hành giao nghĩa vụ ngày công từng vụ và hàng năm cho xã viên. Người lao động khỏe một năm phải làm cho hợp tác xã 300 ngày công; người lao động trung bình phải làm 280 ngày công; người lao động yếu làm 250 ngày công. Xã viên tham gia lao động sản xuất phải tuân theo sự phân công và điều hành của tập thể; nghỉ ngơi phải tuân theo chế độ thống nhất của hợp tác xã. Về tiêu chuẩn lao động, hợp tác xã đã tiến hành định mức lao động (có tất cả hơn 500 định mức), xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công trong cả trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề. Từng khâu công việc, từng loại ruộng đất, từng loại con gia súc, đều có định mức hao phí lao động cụ thể. Căn cứ vào các tiêu chuẩn đó, hợp tác xã thực hiện 3 khoán cho đội theo nguyên tắc giao kèo giữa các đội và hợp tác xã. Hợp tác xã thực hiện chế độ khoán nhóm, khoán việc trong các khâu công việc của ngành trồng trọt và trong các tổ đội chuyên khâu. Riêng trong chăn nuôi và ngành nghề thực hiện chế độ khoán sản phẩm.

Do lao động có chế độ, có tổ chức và có kỷ luật chặt chẽ, cho nên ngày nay mọi hoạt động sản xuất của hợp tác xã Định-công đều được tiến hành ăn khớp, nhanh, gọn, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng công việc. Bây giờ, hợp tác xã đã có thể cấy xong lúa chiêm xuân gọn trong tháng 2, và lúa mùa trong tháng 7 là những thời vụ tốt nhất. Hợp tác xã có thể bố trí cho xã viên đủ công việc làm lúc thời vụ khẩn trương cũng như những tháng nông nhàn. Sức lao động trong hợp tác xã do đó được điều hòa. Xã viên có việc làm đủ ngày, đủ tháng, bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ ngày công được giao. Các mục tiêu sản xuất của hợp tác xã đều được thực hiện có kết quả.

Lao động trong các ngành sản xuất hiện nay của Định-công phần lớn còn làm bằng thủ công. Trong điều kiện như vậy, hợp tác xã Định-công đã đề ra nhiều biện pháp cải thiện điều kiện lao động của xã viên. Hợp tác xã chú ý chăm lo việc giữ trẻ (cha mẹ không phải trả công điểm và tiền ăn bữa trưa của các cháu) nhằm tạo điều kiện cho xã viên yên tâm sản xuất. Những lúc thời vụ khẩn trương, lao động căng thẳng, hợp tác xã tổ chức cho xã viên làm đồng ăn bữa trưa (do hợp tác xã cung cấp gạo và thực phẩm, xã viên chỉ phải trả vài ba hào) nhằm làm cho người lao động tăng được thời gian lao động trong ngày, và có đủ sức làm việc suốt ngày với năng suất cao. Những người làm công việc độc hại đều có dụng cụ phòng hộ. Làm việc ở trại chăn nuôi và làm gạch ngói được trang bị áo vệ sinh, làm việc ở ruộng nước được trang bị xà cạp quấn chân. Hợp tác xã có chế độ khen thưởng bằng hiện vật cho những người có sáng kiến và đạt năng suất cao... Tất cả những biện pháp đó đều có tác dụng tạo điều kiện cho xã viên hăng hái lao động sản xuất, làm hết sức mình, lao động đủ buổi, đủ ngày, lao động một cách tự giác, có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật và năng suất cao.

III — XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT MỚI

Đi đôi với việc tiến hành tổ chức và phân công lao động, hợp tác xã Định-công đã tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, coi đó là khâu then chốt có tác dụng quyết định đối với việc tăng năng suất lao động. Một mặt, hợp tác xã Định-công dựa vào ưu thế của quan hệ sản xuất mới và lao động hiệp tác có phân công để tiến hành cách mạng kỹ thuật. Mặt khác, hợp tác xã Định-công còn dựa vào sự tác động của công nghiệp đối với nông nghiệp để trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật mới, tức là tạo ra năng lực sản xuất mới, làm cho lao động hiệp tác

Digitized by Google

có phân công nhanh chóng trở thành một tất yếu kỹ thuật.

Điểm bắt đầu đi lên của Định-công là từ sản xuất độc canh cây lúa, lại ở trong điều kiện hầu như hoàn toàn lệ thuộc vào thiên nhiên, vì vậy, vấn đề mấu chốt trước tiên phải giải quyết là vấn đề « nước ». Ở đây không có nguồn tưới tiêu nước tự chảy, do đó việc chống úng, chống hạn cho lúa và hoa màu phải dùng máy bơm. Hợp tác xã bỏ tiền ra mua 7 máy bơm kèm theo một máy phát động có công suất 84kw để chạy hệ thống máy bơm và một phần nhỏ phục vụ chăn nuôi, xay xát, tuốt lúa và thắp sáng. Bình quân mỗi máy bơm nước ở đây phụ trách tưới nước và tiêu úng cho khoảng trên 50 héc-ta. Làm thủy lợi kết hợp với giao thông nông thôn, hợp tác xã Định-công đã phải bỏ ra 20 vạn ngày công (bình quân mỗi người lao động làm 171 công) đào đắp 26 vạn mét khối đất (bình quân mỗi người lao động làm 230 mét khối), xây dựng 4 hệ thống mương cấp một nối liền với 4 trạm bơm của hợp tác xã. Đi theo đó, có mạng lưới mương máng cấp 2 và cấp 3 dài trên 15 ki-lô-mét (với 679 cầu cống lớn nhỏ) để đưa nước tưới và tiêu cho từng chân ruộng, bảo đảm chủ động nước cho sản xuất.

Chủ động được nước, Định-công có điều kiện đưa giống mới có năng suất cao vào cấy 100% diện tích ruộng đất của hợp tác xã. Dùng giống mới lại đòi hỏi những đổi mới trong kỹ thuật và chế độ canh tác. Vấn đề sức kéo để làm đất kỹ và kịp thời vụ gieo cấy các giống lúa mới được đặt ra khẩn cấp, vì Định-công từ lâu vốn đã thiếu sức kéo nghiêm trọng. Trước đây, Định-công dùng bò, nhưng vì bò yếu cho nên năng suất cày kéo thấp và làm đất không kỹ. Hợp tác xã đã thay dần bò bằng trâu, nhờ đó năng suất cày kéo cao hơn, làm đất được kỹ hơn và cũng có nhiều phân hơn. Đến nay, Định-công đã tậu được một đàn trâu cày kéo gần 300 con đưa tổng số trâu bò cày kéo của hợp tác xã lên 420 con, bình quân mỗi con cày kéo chưa đầy 1 héc ta canh tác mỗi năm. Hợp tác xã cũng sắm thêm 4 máy kéo loại nhỏ để phay đất và vận tải.

Hợp tác xã còn chú ý sản xuất, chế biến nhiều phân bón để thực hiện thâm canh lúa và hoa màu. Bình quân mỗi héc ta gieo trồng ở Định-công đã có 13,4 mét vuông nhà ủ và chế biến phân. Trong năm 1976, hợp tác xã đã bón cho mỗi héc ta gieo trồng mỗi vụ 12 tấn phân (trong đó phần lớn là phân chuồng do hợp tác xã sản xuất).

Các cơ sở vật chất kỹ thuật khác phục vụ trồng trọt cũng được tăng cường : 40 xe trâu kéo, 500 xe cải tiến, 8 thuyền, 1.250 mét vuông nhà kho và 22.345 mét vuông sân phơi...

Số vốn bỏ vào xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành trồng trọt ở Định-công tính đến năm 1975 trị giá trên 40 vạn đồng, bình quân mỗi héc-ta canh tác được trang bị trên 1.000 đồng về giá trị tài sản cố định.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành trồng trọt ở Định-công được đổi mới và tăng cường đã tạo tiền đề vật chất cốt yếu cho hợp tác xã tiến hành thâm canh có kết quả. Năng suất lao động trong ngành trồng lúa và sản lượng thóc thu được hàng năm tăng lên rõ rệt. Lương thực năm 1976 thu được 2.300 tấn, gần gấp đôi năm 1970, từ đó ngành trồng trọt tạo ra nhiều sản phẩm thặng dư và dôi được nhiều nhân lực, cho phép hợp tác xã Định-công đẩy mạnh phân công lại lao động hơn nữa để phát triển các ngành chăn nuôi tập thể và làm gạch ngói...

Tổ chức một trại chăn nuôi lợn tập thể có 1.300 lợn như hiện nay không đơn giản, mà đòi hỏi đầu tư nhiều. Hợp tác xã Định-công đã phải xây dựng tất cả 202 gian chuồng bằng gạch ngói, trang bị máy nghiền, máy trộn thức ăn cho gia súc và nhiều dụng cụ

Digitized by Google

phục vụ chăn nuôi khác. Cơ sở vật chất kỹ thuật của trại chăn nuôi Định-công trị giá gần 15 vạn đồng. Bình quân một người làm chăn nuôi tập thể ở đây được trang bị 1.373 đồng về giá trị tài sản cố định. Cơ sở vật chất đó tạo điều kiện cho hợp tác xã Định-công phát triển chăn nuôi có kết quả. Năm 1976 ngành chăn nuôi lợn tập thể đã đóng góp cho hợp tác xã 183.534 đồng; hơn nữa, nó còn cung cấp mỗi năm từ 1.500 đến 1.700 tấn phân chuồng để phục vụ cho việc thâm canh tăng năng suất cây trồng.

Nghề làm gạch ngói ở hợp tác xã Định-công mấy năm nay được phát triển mạnh không phải chỉ vì Định-công có nhiều tay nghề thành thạo làm gạch ngói được tổ chức lại, mà còn do ngành này cũng được trang bị tương đối khá về công cụ và phương tiện lao động. Những máy ép, máy dập, và các tài sản cố định khác dùng trong nghề làm gạch ngói ở đây trị giá trên 11 vạn đồng. Bình quân mỗi lao động làm gạch ngói được trang bị trên 900 đồng về tài sản cố định. Nhờ đó, năm 1976 nghề làm gạch ngói của Định-công đã sản xuất được 2.116.000 viên gạch ngói, đem lại cho hợp tác xã 273.898 đồng thu nhập. Đây là một nguồn vốn tự tạo rất quan trọng để tích lũy cho tái sản xuất mở rộng của hợp tác xã. Ở đây, Định-công đã thực hiện có kết quả chu trình tái sản xuất mở rộng: từ lao động tạo ra hàng hóa gạch ngói, rồi biến thành vốn sản xuất, tăng nhanh đầu tư trang bị kỹ thuật mới cho hợp tác xã, để tạo ra năng suất lao động cao trong trồng trọt và chăn nuôi; sự phát triển mới của trồng trọt và chăn nuôi lại tạo thêm tiền đề về lương thực, thực phẩm và sức lao động để phát triển thêm một bước nghề làm gạch ngói, để rồi lại tạo thêm vốn mới.

Bằng con đường ấy, tức là bằng lao động sống mà tạo ra cơ đồ làm ăn mới (gần 82% số vốn dùng cho xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của Định-công là do hợp tác xã tự làm ra, chỉ phải đi vay trên 18%), ngày nay hợp tác xã Định-công đã tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật trị giá 1.600.000 đồng, *tạo ra năng lực sản xuất mới* cho phép tiến hành tái sản xuất mở rộng không ngừng trên cơ sở kỹ thuật ngày càng tiến bộ, nhằm đạt hiệu quả kinh tế và năng suất lao động ngày càng cao trong mọi ngành sản xuất của hợp tác xã.

Tạo ra được một cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối lớn, trong đó có nhiều tư liệu sản xuất và vật tư kỹ thuật do công nghiệp cung cấp, đó là một thành công lớn của hợp tác xã Định-công. Song, một thắng lợi không kém phần quan trọng đối với Định-công, là khi đưa vật tư kỹ thuật *mới* vào đồng ruộng, thì đòi được nhiều sức lao động, nhưng lại không biến thành lao động « thừa » như nhiều hợp tác xã đang vấp phải. Số người lao động dôi ra một phần được đưa đi phát triển kinh tế mới ở miền núi, còn phần lớn được đem phân bố và sử dụng hợp lý trong hợp tác xã để phát triển chăn nuôi, sản xuất gạch ngói, xây dựng các công trình dùng cho sản xuất và các công trình phúc lợi công cộng.

Việc sử dụng vật tư kỹ thuật mới ở Định-công đã góp phần đáng kể làm cho năng suất trong các ngành nghề và các khâu công việc tăng lên rõ rệt, do đó làm tăng nhanh thu nhập của hợp tác xã. Tuy nhiên hiệu quả kinh tế chưa phải đã đạt được mức mong muốn. Hiệu quả đồng vốn ở đây có xu hướng dừng lại hoặc giảm sút một phần quan trọng — nếu không nói là quyết định, là do nhịp độ tăng chi phí vật tư kỹ thuật cao hơn nhiều so với nhịp độ tăng giá trị tổng sản phẩm làm ra hàng năm. Tổng chi phí cả năm 1970 là 195.355 đồng, đến năm 1976 tăng lên 589.548 đồng tức là tăng gấp 3 lần; còn tổng thu nhập của năm 1970 là 559.000 đồng, đến năm

Digitized by Google

1976 tăng lên 1.516.027 đồng, tức là mới tăng 2,7 lần.

Giải quyết vấn đề này không phải bằng cách từ bỏ con đường trang bị và sử dụng ngày càng nhiều vật tư kỹ thuật mới do công nghiệp cung cấp để trở về làm việc bằng kỹ thuật thủ công.

Trong quá trình đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đương nhiên các tư liệu sản xuất và vật tư kỹ thuật do công nghiệp cung cấp cho nông nghiệp sẽ ngày càng chiếm phần quan trọng trong chi phí sản xuất của hợp tác xã. Như vậy, việc tăng sản lượng và hạ giá thành sản phẩm nông nghiệp phụ thuộc không ít vào giá thành các tư liệu sản xuất và vật tư kỹ thuật do công nghiệp cung cấp cho nông nghiệp. Những vật tư kỹ thuật do công nghiệp cung cấp cho nông nghiệp ở Định-công, lâu nay thường giá đắt, chất lượng xấu, cho nên đã có phần làm tăng một cách giả tạo chi phí sản xuất của hợp tác xã. Vì vậy muốn cho chi phí sản xuất (chủ yếu là chi phí về vật tư kỹ thuật gốc công nghiệp) giảm, do đó hạ giá thành sản phẩm nông nghiệp, cần có sự đóng góp của các ngành sản xuất công nghiệp bằng cách cải tiến tổ chức sản xuất và tăng năng suất lao động trong ngành mình để cung cấp cho nông nghiệp những máy móc, thiết bị vật tư kỹ thuật có chất lượng tốt và giá rẻ.

Trong cơ cấu chi phí sản xuất của hợp tác xã Định-công, phần chi phí tăng nhiều nhất là ở các khâu: chi về máy móc và xăng dầu cho việc tưới tiêu nước, chi về khấu hao cơ bản, chi về phân bón (gồm phân hữu cơ và vô cơ), chi về thức ăn gia súc. Đó là những chi phí không thể thiếu được đối với việc thâm canh ở hợp tác xã Định-công. Nhưng hợp tác xã Định-công cũng cần xem xét kỹ việc trang bị và sử dụng vật tư kỹ thuật còn có chỗ nào chưa hợp lý dẫn đến khấu hao lớn mà hiệu ích sử dụng lại chưa cao. Việc trang bị kỹ thuật chưa đồng bộ cho các khâu sản xuất trên đồng ruộng và trong chuồng trại, cũng có phần làm cho hiệu quả thâm canh chưa tương xứng với đầu tư kỹ thuật. Tình hình đó làm cho tốc độ tăng giá trị sản phẩm không bằng tốc độ tăng vốn và chi phí sản xuất, do đó dẫn đến giá thành sản phẩm cao. Vì vậy hợp tác xã Định-công cần tính toán kỹ việc trang bị vật tư kỹ thuật mới và sử dụng tốt những vật tư kỹ thuật ấy, không để hư hao lãng phí và đặc biệt cần nghiêm túc thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh trong trồng trọt, chăn nuôi và tích cực mở rộng ngành nghề, nhằm tăng hiệu quả sản xuất và giảm giá thành sản phẩm. Như vậy, việc trang bị ngày càng nhiều những tư liệu sản xuất và vật tư kỹ thuật do công nghiệp cung cấp sẽ được thực hiện một cách thuận lợi và mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo điều kiện xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật vững chắc để đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách thắng lợi.

IV — BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÓ HIỆU LỰC VÀ PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA XÃ VIÊN

Hiện nay ở hợp tác xã Định-công, hàng ngày trên đồng ruộng, trong trại chăn nuôi, xưởng gạch ngói, trong buồng máy phát điện và cơ khí nhỏ, trên đoàn thuyền vận tải đường sông hoặc đoàn xe vận chuyển đường bộ, đâu đâu người ta cũng thấy người nào việc ấy, lao động thật sự, có tổ chức, có kỷ luật và có kỹ thuật để hoàn thành tốt các khâu công việc. Guồng máy hoạt động sản xuất của Định-công hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp và đạt hiệu quả tốt như ngày nay là nhờ có sự điều hành thống nhất và có hiệu lực của ban quản trị hợp tác xã.

Digitized by Google

Ban quản trị hợp tác xã Định-công được kiện toàn và tăng cường từ mấy năm nay. Trước đây, ban quản trị hợp tác xã có 19 người, nay chỉ bố trí 7 người có năng lực và được xã viên rất tin nhiệm. Chủ nhiệm hợp tác xã phụ trách chung, làm chủ tài khoản, trực tiếp chỉ đạo công tác kế hoạch và tài vụ. Một phó chủ nhiệm phụ trách trồng trọt; một phó chủ nhiệm phụ trách lao động. Một ủy viên quản trị phụ trách chăn nuôi; một ủy viên phụ trách cơ khí nhỏ; một ủy viên phụ trách thủy lợi, một ủy viên phụ trách văn hóa và đời sống.

Các bộ môn giúp việc gồm có: bộ môn hạch toán thống nhất (gồm có tài vụ, kế toán, thống kê) chuyên làm thống kê tình hình hoạt động sản xuất và đời sống và làm kế toán chung của hợp tác xã, kế toán trong chăn nuôi, kế toán trong ngành nghề, kế toán ghi chép công điểm của xã viên ở các đội sản xuất; bộ môn kế hoạch và ruộng đất chuyên lo xây dựng kế hoạch và quản lý ruộng đất của hợp tác xã; bộ môn kỹ thuật chuyên lo điều hành sản xuất theo tiêu chuẩn và quy trình kỹ thuật; bộ môn lao động chuyên lo xây dựng các định mức và quản lý lao động.

Đội ngũ cán bộ của hợp tác xã Định-công được ổn định và đã làm việc liên tục nhiều năm cho hợp tác xã. Nhiều cán bộ có kinh nghiệm điều hành công việc của hợp tác xã. Họ có tinh thần tiến công liên tục, không ỷ lại ngồi chờ hoặc thỏa mãn với thành tích đã đạt được. Trong công tác chỉ đạo sản xuất và kinh doanh của hợp tác xã, đội ngũ cán bộ ở đây có tinh thần khắc phục khó khăn và biết tính toán cụ thể, làm việc này lo tính đến việc khác. Làm thủy lợi tính đến kết hợp giao thông nông thôn, giải quyết vấn đề lương thực tính đến phát triển chăn nuôi, đẩy mạnh sản xuất lo đến phúc lợi công cộng và bồi dưỡng sức lao động...

Đội ngũ cán bộ ấy đã phát huy được vai trò làm chủ tập thể của quần chúng xã viên, cho nên đã tăng thêm được hiệu lực của công tác chỉ đạo và quản lý hợp tác xã. Việc điều hành các hoạt động sản xuất và chăm lo đời sống trong hợp tác xã đều tập trung vào sự chỉ đạo thống nhất của ban quản trị. Các bộ môn chuyên môn đã giúp việc đắc lực cho ban quản trị hợp tác xã bảo đảm chỉ đạo công việc cụ thể từ trên xuống dưới, phát huy tốt chế độ, chức trách của từng loại cán bộ và nâng cao được hiệu lực của bộ máy điều hành, làm cho các khâu công tác, các mặt hoạt động sản xuất và đời sống trong hợp tác xã được tiến hành theo quy trình, quy phạm và hoàn thành theo kế hoạch một cách có kết quả.

Hợp tác xã Định-công đã thực hiện tốt quyền làm chủ tập thể của xã viên. Những việc chung của hợp tác xã do Đại hội xã viên bàn bạc quyết định. Ở các đội lao động chuyên ngành, chuyên khâu, xã viên thường họp bàn cách thực hiện công việc do đội mình phụ trách, nên người lao động nào cũng hiểu việc mình làm, khối lượng và chất lượng công việc phải hoàn thành và mức phân phối được hưởng. Do đó họ hăng hái phát triển sản xuất và xây dựng cuộc sống mới. Ở Định-công, làm việc gì cũng có định mức và theo quy trình kỹ thuật. Tinh pháp chế trong quản lý sản xuất được thể hiện nghiêm túc, do đó đã khắc phục được thói tùy tiện trong lao động sản xuất, làm tăng thêm nhiều người tích cực lao động, cải tạo có kết quả những người lười biếng, hạn chế và đi đến đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất, tạo ra phong trào lao động sản xuất hăng say trong quần chúng. Làm việc có định mức và theo quy trình kỹ thuật là cơ sở bảo đảm quyền lợi của người lao động, vì việc phân phối theo lao động được thể hiện

(Xem tiếp trang 53)

Digitized by Google

SUY NGHĨ VỀ NGƯỜI TRÍ THỨC VÀ CÁCH MẠNG

(Bài viết trong dịp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam)

NGUYỄN-TẤN-GI-TRỌNG

TÔI ĐÃ ĐƯỢC GIẢI PHÓNG

LÀ một người thầy thuốc theo Đảng làm cách mạng từ những buổi đầu của cuộc Cách mạng tháng Tám nhưng trước đây tôi chưa hiểu nhiều về Đảng. Ngày ấy tôi theo Đảng với một tấm lòng yêu nước chân thành nhưng khá trừu tượng, tôi chưa thấy sức mạnh vĩ đại của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động. Tôi nghĩ một cách đơn giản rằng tham gia cách mạng, mình sẽ đem hết nhiệt tình yêu nước và khả năng chuyên môn để đóng góp cho cách mạng, và càng có nhiều người trí thức khoa học kỹ thuật tham gia cách mạng thì lực lượng cách mạng sẽ lớn mạnh và sự nghiệp giải phóng dân tộc sẽ chóng hoàn thành. Lúc bấy giờ có một số thầy thuốc không tham gia cách mạng. Họ viện lý lẽ rằng nghề thuốc là một nghề nhân đạo, cho nên dù ở bên này hay ở bên kia trận tuyến họ cũng đều giúp ích cho đồng bào. Nhưng thực tế cho thấy không đi theo cách mạng, họ không những không giúp ích được cho đồng bào mà trái lại, dù muốn hay không muốn, họ đã góp sức vào lực lượng chống lại lợi ích nhân dân, lợi ích của Tổ quốc.

Đến nay, sau 32 năm hoạt động cách mạng, được Bác và Đảng dìu dắt, giáo dục, được nhân dân tin yêu giúp đỡ, phân tích những kinh nghiệm bản thân và quan sát kinh nghiệm của nhiều anh chị em trí thức khoa học kỹ thuật cùng tham gia cách mạng, tôi đã nhận thức được nhờ có cách mạng chúng tôi đã xác định chỗ đứng của mình và từng bước xây dựng cách nhìn sự vật, nếp suy nghĩ, tác phong hành động của người trí thức xã hội chủ nghĩa ; những kiến thức về khoa học kỹ thuật của chúng tôi cũng như con người chúng tôi đã được giải

Digitized by Google

phóng khỏi sự ràng buộc của những quan niệm sai lạc lỗi thời. Chúng tôi đã đi đúng hướng phục vụ nhân dân, ngày càng phát huy được tác dụng tích cực của mình trong sự nghiệp chung giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Kiến thức khoa học kỹ thuật của chúng tôi đã gặp được đất phát triển và đã bắt rễ vững chắc trong dòng đảo nhân dân lao động. Tôi đã nhận được của cách mạng nhiều hơn là tôi cống hiến cho cách mạng.

CÁCH MẠNG LÀ KHOA HỌC

Một hạnh phúc lớn lao của tôi là từ khi deo ba lô lên vai theo Đảng đi kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi đã bước vào một trường học lớn, tôi đã nhập vào dòng thác lớn của nhân dân ta đang làm cuộc cách mạng lở đất long trời, có tiếng vang trên thế giới và trong lịch sử loài người. Trong quá trình tham gia cách mạng, tôi đã được giao nhiều nhiệm vụ khác nhau, như thông tin tuyên truyền, quân y, Quốc hội, Mặt trận dân tộc thống nhất, trông nom sức khỏe cán bộ và học sinh khu học xá trung ương, công nhân đường sắt, và tham gia đào tạo cán bộ y tế. Công tác đa dạng đó đã đưa tôi vào cuộc sống muôn hình muôn vẻ, vô cùng sinh động và đầy sáng tạo của nhân dân. Tôi cũng đã có nhiều dịp đi tìm hiểu tình hình sức khỏe, nghiên cứu điều kiện lao động của công nhân, nông dân trong nhiều môi trường lao động khác nhau như hợp tác xã nông nghiệp, mỏ than, lò cao, nhà máy dệt, v.v... để tìm cách cải thiện điều kiện lao động, và quan sát những đặc điểm của cơ thể người Việt-nam thuộc mọi lứa tuổi. Những việc đó là những việc mà ít có người thầy thuốc nào trong những chế độ xã hội khác lại muốn làm vì nó chỉ đem lại lợi ích cho người lao động, không đem lại lợi ích cho cá nhân người thầy thuốc.

Đi vào môi trường lao động, sống giữa nhân dân lao động, tận mắt thấy những biểu hiện của trí tuệ tập thể của Đảng và nhân dân trong khi giải quyết mọi vấn đề khó khăn phức tạp và khẩn trương của công cuộc kháng chiến chống xâm lăng và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước nghèo nàn lạc hậu, tôi hiểu sâu sắc cách mạng là khoa học. Mặt khác, những kiến thức khoa học kỹ thuật của chúng tôi khi đi vào quần chúng lao động đã biến thành những chủ trương đường lối cải tiến điều kiện lao động và bồi dưỡng sức lao động của công nhân, nông dân. Khoa học kỹ thuật gắn với lợi ích quần chúng và trở thành một bộ phận của cách mạng.

MỘT ĐẠO LÝ VIỆT-NAM

Tháng 2 năm 1955 trong một bức thư gửi cho hội nghị cán bộ y tế, Hồ Chủ tịch đã dạy chúng tôi « lương y phải như từ mẫu ». Lúc ấy một số anh chị em cán bộ y tế nghĩ rằng Bác nhắc nhở chúng tôi đề cao một đức tính của người thầy thuốc, chăm sóc người bệnh như mẹ chăm sóc con, nhưng sau này càng suy nghĩ, càng liên hệ công tác của mình với lời dạy của Bác, chúng tôi mới thấy rõ rằng Bác đã nêu lên một chân lý, một đạo lý đặc biệt Việt-nam. Muốn chăm sóc tốt bệnh nhân, người thầy thuốc phải là « lương y » tức là thầy thuốc giỏi. Người thầy thuốc giỏi phải như « mẹ hiền », tức là phải có tình cảm thắm thiết đậm đà như mẹ với con, coi người bệnh đau đớn cũng như mình đau đớn. Giữa những người không phải là ruột thịt mà muốn xây dựng mối quan hệ như thế thì nhất thiết phải có tình thương đồng bào, tình cảm giai cấp. Trong câu « lương y phải như từ mẫu » Bác đã dạy chúng tôi phải không ngừng trau dồi nghiệp vụ, nâng cao kiến thức chuyên môn, xây dựng tình cảm giai cấp. Trong

Digitized by Google

câu đó Bác dạy chúng tôi vừa phải nắm vững khoa học lại vừa phải có tinh cảm cách mạng. Đây là những lời dạy bảo sâu sắc, một đạo lý cao cả, gói ghém trong những lời giản dị, rất Việt-nam!

★

Giờ đây nhân dân ta đang tranh thủ thời gian xây dựng khẩn trương cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Nhiệm vụ của mỗi người còn nặng nề, khó khăn và phức tạp; nhưng Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta, đề ra chủ trương và quyết định kế hoạch xây dựng đất nước, mở ra chân trời rộng lớn cho sự nảy nở và phát huy trí tuệ, tài năng của mọi người Việt-nam ta nói chung và của những người cán bộ khoa học kỹ thuật nói riêng. Với lòng tin vững chắc ở sự lãnh đạo của Đảng, với những cố gắng của mỗi người chúng tôi trong đội ngũ trí thức khoa học kỹ thuật, chúng tôi quyết đem hết nghị lực và khả năng, quyết đem những kinh nghiệm, những điều đã thu hoạch được trong quá trình tham gia cách mạng, góp phần tích cực nhất của mình vào sự nghiệp chung, góp sức mình vào sức mạnh tổng hợp của lực lượng khoa học kỹ thuật cả nước, đưa cuộc cách mạng khoa học—kỹ thuật tiến lên, quyết xứng đáng là một chiến sĩ trong đội ngũ chiến sĩ khoa học kỹ thuật của nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Hợp tác xã Định-công...

(Tiếp theo trang 50)

ngay từ khi người xã viên bắt tay vào lao động có định mức và theo quy trình. Chế độ lao động lại luôn luôn được điều chỉnh trong quá trình tiến hành sản xuất trên cơ sở điều kiện sản xuất thay đổi; do đó chế độ phân phối cũng được cải tiến, bảo đảm sự hưởng thụ của xã viên được công bằng và hợp lý. Điều đó đã khuyến khích xã viên hăng hái lao động sản xuất cho tập thể. Ngoài phần phân phối trực tiếp theo lao động cống hiến cho tập thể, xã viên còn được hưởng phúc lợi công cộng với mức cao; điều này càng làm cho xã viên ở đây hăng hái tham gia và gắn bó với sản xuất tập thể của hợp tác xã.

Mặt khác, quy trình lao động hiệp tác có phân công trong các khâu, các ngành sản xuất làm cho các xã viên hợp tác xã Định-công gắn bó với nhau trong dây chuyền sản xuất, thúc đẩy nhau cùng ra sức làm tốt và nhanh mọi nhiệm vụ sản xuất, nâng cao trình độ làm chủ tập thể của mình.

Đối với cán bộ lãnh đạo của Đảng ủy, chính quyền xã, ban quản trị hợp tác xã và các cán bộ, đảng viên khác, ở đây đều quy định rõ những chế độ công tác được xã viên góp ý xây dựng, để vừa thực hiện quyền quản lý tập trung, vừa ngăn ngừa những sự vi phạm vào quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Nhờ vậy, giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng xã viên có mối quan hệ gắn bó, sự đoàn kết nhất trí trong hợp tác xã được tăng cường, cả hai mặt tập trung và dân chủ được bảo đảm tốt, quyền làm chủ tập thể của xã viên trong quản lý kinh tế và xã hội được phát huy. Đó là động lực lớn đưa hợp tác xã Định-công từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách vững chắc.

Digitized by Google

Khen thưởng nhằm động viên, giáo dục, nêu gương

TÔ - CÔNG

TRONG phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, ở nhiều nơi đã xuất hiện những điển hình tốt. Để động viên và thúc đẩy phong trào tiến lên mạnh mẽ và đều khắp, ngoài việc chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng, quan tâm khuyến khích bằng lợi ích vật chất, chúng ta cần coi trọng việc động viên tinh thần, biểu dương, khen thưởng kịp thời và đúng mức những nhân tố mới của phong trào.

Khen thưởng là một công việc có tác dụng động viên chính trị, giáo dục tư tưởng, xây dựng con người mới và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Khen thưởng thể hiện quan điểm quần chúng của Đảng và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước đối với công lao, thành tích của nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, và đối với những cống hiến của mọi người cho sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, công tác khen thưởng từ trước đến nay được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm. Lúc sinh thời Hồ Chủ tịch rất chú ý công tác này. Mỗi khi nghe báo cáo hoặc xem báo, nghe đài, thấy có người tốt, việc tốt là Người chỉ thị ngay cho các cơ quan có trách nhiệm đi kiểm tra, xác minh lại thành tích và báo cáo để Người xét khen thưởng.

Hồ Chủ tịch thường nói: «Thưởng phạt phải nghiêm minh. Có công thì thưởng, có lỗi thì phạt. Khen thưởng phải có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương». Chúng ta phải làm thế nào để thực hiện nghiêm chỉnh lời dạy đó của Người, vì hiện nay không phải ai cũng hiểu đúng và ai cũng làm đúng.

Tác dụng động viên, tác dụng giáo dục và tác dụng nêu gương có mối liên quan hữu cơ với nhau, cho nên khi bàn về tác dụng này không thể không nói đến tác dụng kia, và việc phân tích từng tác dụng không có nghĩa là đem tách rời nó ra mà là để đi sâu vào các khía cạnh của nó.

Tác dụng động viên:

Trong những năm qua, nói chung các ngành, các cấp đã coi trọng công tác khen thưởng, cho nên đã động viên được mọi người hăng hái thi đua sản xuất, chiến đấu và công tác, góp phần vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội. Đặc biệt là việc biểu dương, khen thưởng kịp thời thành tích chiến đấu và xây dựng của các lực lượng vũ trang nhân dân đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ cán bộ và chiến sĩ ra sức thi đua giết giặc lập công, cùng toàn dân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Nhưng hiểu cho đầy đủ tác dụng động viên của khen thưởng và nhất là làm cho đúng thì cũng không phải mọi nơi, mọi lúc đều hiểu và làm đúng cả. Có người cho là càng khen nhiều càng động viên được rộng rãi; khen thưởng về tinh thần thì Nhà nước chẳng tốn kém gì; do đó dẫn đến chỗ châm chước hoặc hạ thấp tiêu chuẩn và khen thưởng tràn lan. Khen thưởng tràn lan thì tác dụng động viên bị hạn chế. Người có nhiều thành tích không phấn khởi lắm, người ít thành tích không cố gắng vươn lên. Đã khen thưởng tràn lan thường hay dẫn đến chỗ khen sai, gây thắc mắc, mất đoàn kết, ảnh hưởng không tốt đến phong trào. Vì vậy *muốn động viên thúc đẩy phong trào không phải là khen nhiều mà là khen trúng*, nghĩa là khen đúng người, đúng việc, đúng lúc và phải biết phát huy tác dụng của việc khen thưởng.

Cũng có người cho là khen cũng được không khen cũng chẳng sao, khen lúc nào hay lúc đó, cho nên không khen thưởng hoặc khen thưởng chậm. Ở một số ngành và địa phương, nhất là ở miền núi, có nhiều đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc mà chưa được khen thưởng thích đáng. Việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Pháp và việc khen thưởng gia đình quân nhân chống Mỹ, cứu nước ở các tỉnh miền Bắc, đến nay vẫn chưa làm xong; việc khen thưởng theo kỳ hạn, nhất là việc khen thưởng gia đình có người thân đi hoạt động cách mạng ở các tỉnh miền Nam, nhiều nơi mới làm được một ít.

Không thực hiện khen thưởng chứng tỏ lãnh đạo thiếu quan tâm đến phong trào cách mạng của quần chúng, hoặc chỉ đạo thiếu chặt chẽ, không quản lý được công tác, không quản lý được phong trào (cho nên không dám khen và cũng không dám chê). Thấy cái tốt mà không biểu dương, thấy cái xấu mà không phê phán thì không phát huy được cái tích cực, không hạn chế được cái tiêu cực, không động viên thúc đẩy được phong trào.

Khen thưởng chậm thể hiện sự thiếu nhậy bén với phong trào và tác phong công tác lề mề. Khen thưởng chậm thì tác dụng động viên bị hạn chế, không kịp thời phát huy những nhân tố mới của phong trào để đưa phong trào sớm lên đều khắp. Khác với khen thưởng mang tính chất ban ơn, mua chuộc, mị dân, phục vụ lợi ích của giai cấp bóc lột thống trị dưới chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa, khen thưởng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng những con người mới, con người xã hội chủ nghĩa, phục vụ lợi ích của quần chúng nhân dân lao động. Công tác khen thưởng của Nhà nước ta không phải chỉ là biểu dương thành tích của cấp dưới, của cán bộ và nhân dân, mà còn nhằm động viên, thúc đẩy phong trào; mặt khác khen thưởng còn là để tỏ lòng biết ơn của Đảng và Nhà nước đối với những người đã có những cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Vì vậy khen thưởng không chỉ là quyền hạn, mà còn là một nhiệm vụ của các cơ quan Nhà nước, là trách nhiệm của các cấp lãnh đạo đối với công lao, thành tích của nhân dân và đối với phong trào cách mạng của quần chúng.

Tác dụng giáo dục:

Biểu dương những cái hay, phê phán những cái dở, cũng như thưởng, phạt đều nhằm giáo dục con người. Việc đề ra những tiêu chuẩn khen

Digitized by Google

thưởng đúng đắn để mọi người lấy đó làm mục tiêu, phương hướng phấn đấu cũng đã có tác dụng giáo dục và động viên. Nhưng nếu tiêu chuẩn khen thưởng đề ra thấp, dễ dàng đạt được thì tác dụng giáo dục ít; ngược lại nếu tiêu chuẩn khen thưởng đề ra cao quá, khó đạt được thì lại không có tác dụng động viên. Đến khi xét khen thưởng, phải xét cả mặt ưu điểm và mặt khuyết điểm để định mức khen thưởng cho đúng. Nếu chỉ xét mặt thành tích, không xét mặt thiếu sót hoặc chỉ xét mặt công tác, không xét mặt phẩm chất, đạo đức cách mạng thì không thấy hết chỗ mạnh để phát huy, không thấy hết chỗ yếu để giúp đỡ khắc phục; không thấy được toàn diện và thực chất của phong trào, của cán bộ, do đó không đánh giá được đúng phong trào, được đúng cán bộ.

Chúng ta không thể tưởng tượng được là có đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước, nhưng lại có tham ô, lãng phí nghiêm trọng hoặc chủ quan để xảy ra tai nạn lao động chết người, hay có cán bộ được khen thưởng về thành tích sản xuất, công tác, nhưng phạm sai lầm lớn về mặt chấp hành chính sách hoặc về mặt phẩm chất, đạo đức cách mạng (không kể việc thưởng bằng vật chất như thưởng sáng kiến, thưởng năng suất...). Đối với trường hợp vừa có thành tích, vừa có thiếu sót thì cần kết hợp đúng đắn giữa thưởng và phạt theo cách: luận tội bình công, nghĩa là tùy theo thành tích nhiều hay ít, thiếu sót lớn hay nhỏ mà quyết định không khen thưởng hoặc khen thưởng mức thấp hơn, để việc khen thưởng được nghiêm minh, vừa có tác dụng động viên, vừa có tác dụng giáo dục.

Tác dụng nêu gương:

Khen thưởng là biểu dương những cái hay, cái tốt, cho nên bản thân việc khen thưởng tự nó đã mang ý nghĩa nêu gương và dù là khen thưởng cao hay là khen thưởng thấp cũng đều có tác dụng nêu gương, đều phải được coi trọng. Khen thưởng cao thì có tác dụng trong phạm vi rộng; khen thưởng thấp thì có tác dụng trong phạm vi hẹp. Vì vậy khen thưởng cao hay thấp đều phải làm đúng. Nếu khen thưởng tràn lan thì tác dụng nêu gương bị hạn chế, mà nếu khen thưởng sai thì lại là gây phản tác dụng.

Dưới chế độ xã hội tốt đẹp của chúng ta có rất nhiều người tốt, việc tốt đáng biểu dương. Nhưng nếu muốn hướng dẫn phong trào, nêu những tấm gương sáng cho mọi người học tập thì phải biết chọn điển hình xuất sắc tiêu biểu, biết phát hiện những nhân tố tích cực, những nhân tố mới của phong trào để biểu dương, khen thưởng, nêu gương. Cho nên cùng đạt kết quả như nhau, ở vùng này thì đáng khen vì nó là cái cá biệt, nhưng ở vùng khác thì lại không đáng khen vì nó đã trở thành cái phổ biến; hoặc mấy năm trước thì được khen cao vì nó có tác dụng dẫn đầu, nhưng mấy năm sau thì chỉ được khen thấp vì đã có nhiều đơn vị, nhiều cá nhân khác đạt được.

Chọn đúng điển hình để khen thưởng, biểu dương, nêu gương không phải là việc đơn giản. Không những phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững phương hướng và tiêu chuẩn khen thưởng, nắm vững phong trào, mà còn phải thật khách quan, vô tư, phải có cách nhìn toàn diện và nhạy cảm với cái mới. Có lần Hồ Chủ tịch cho đi kiểm tra một hợp tác xã nông nghiệp được coi là lá cờ đầu của địa phương, thấy sản xuất có khá, nhưng kinh tế phụ gia đình chiếm trên 60%, lấn át kinh tế tập thể. Người dạy: thành tích thì cũng có, nhưng khuyết điểm thì nghiêm trọng, nếu khen thưởng thì giáo dục gì cho địa phương, nêu gương gì cho các nơi khác học tập. Sau việc này, huyện ủy, tỉnh ủy

Digitized by Google

đã tổ chức kiểm điểm lại việc chấp hành đường lối công tác nông thôn của Đảng ở địa phương và đề ra biện pháp sửa chữa.

Như vậy, công tác khen thưởng không chỉ có tác dụng nêu gương, mà rõ ràng còn có tác dụng giáo dục rất sâu sắc, và không chỉ là động viên phong trào, mà còn là hướng dẫn phong trào, uốn nắn phong trào nếu đi không đúng hướng.

★

Muốn việc khen thưởng có tác dụng động viên, giáo dục và nêu gương, hay nói cách khác là có tác dụng thúc đẩy phong trào, uốn nắn phong trào và hướng dẫn phong trào thì trước hết chúng ta phải thực hiện đúng đắn và đầy đủ phương châm chung của công tác khen thưởng là: *chủ động, chính xác, kịp thời.*

Khen thưởng chủ động là khi đề ra một nhiệm vụ công tác hoặc khi phát động một đợt thi đua, thì có chủ trương, kế hoạch khen thưởng rõ ràng, có tiêu chuẩn khen thưởng cụ thể và thường xuyên theo dõi sát phong trào, kịp thời phát hiện những nhân tố tích cực mới xuất hiện để biểu dương khen thưởng. Khen thưởng là đánh giá phong trào; cho nên khen thưởng chủ động còn là căn cứ vào tình hình phong trào mà đề ra dự kiến khen thưởng, hướng dẫn cho cấp dưới để việc khen thưởng phản ánh đúng tình hình phong trào của các ngành, các địa phương. Kịp thời uốn nắn những khuynh hướng khen thưởng tràn lan hoặc khe khắt, để tránh tình trạng nơi có thành tích nhiều nhưng lại đề nghị khen thưởng ít, nơi có thành tích ít lại đề nghị khen thưởng nhiều.

Chủ động tìm thành tích mà xét khen thưởng, chủ động đề ra dự kiến khen thưởng sát đúng, là thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo đối với người tốt, việc tốt, đối với phong trào thi đua của quần chúng, là thể hiện sự chỉ đạo cụ thể và sít sao, sự quản lý công tác chặt chẽ của các cấp chính quyền.

Khen thưởng chính xác là khen thưởng đúng phương hướng, đúng đối tượng, đúng thành tích, đúng tiêu chuẩn, chính sách. Khen thưởng chính xác là yêu cầu cao nhất, vì khen thưởng là đánh giá phong trào, đánh giá con người, mà đánh giá con người thì không đơn giản. Khen thưởng đúng thì có tác dụng động viên, thúc đẩy phong trào; nếu khen thưởng sai thì có hại về nhiều mặt: hại đến đoàn kết nội bộ, đến phong trào của ngành đó, của địa phương đó và hại ngay cả cho bản thân đơn vị hoặc cá nhân được khen thưởng. Nó còn làm giảm uy tín của các cơ quan Nhà nước. Nếu *khen thưởng sai thì mức khen càng cao, tác hại càng lớn.*

Muốn khen thưởng chính xác, điều quan trọng là phải giáo dục tính trung thực cho mỗi người khi báo cáo thành tích, phải đề cao tinh thần trách nhiệm và phải có sự kiểm tra chu đáo ở các cấp. Vì thiếu kiểm tra kỹ, cho nên đã có trường hợp báo cáo sai, bịa đặt hoặc thổi phồng thành tích, che giấu khuyết điểm (như tham ô, lãng phí hoặc có nhiều sản phẩm chất lượng xấu) mà vẫn được khen thưởng. Như vậy là vô hình trung đã dung túng tư tưởng không trung thực và khuyến khích tệ tham nhũng, thói làm bừa, làm ẩu. Tai hại hơn là trong việc khen thưởng gia đình có công với kháng chiến, đã có nơi khen nhầm người có tội với cách mạng. Do đó, có thể nói, khen thưởng sai khác nào che cho người ta tấm bình phong để làm bậy.

Khen thưởng kịp thời là có thành tích đến mức nào thì khen thưởng ngay đến mức đó, để kịp thời khuyến khích đơn vị và cá nhân đó phấn khởi vươn lên lập thành tích mới xuất sắc hơn. Khen thưởng kịp thời

Digitized by Google

còn là biết phát hiện và biểu dương đúng lúc những nhân tố tích cực mới xuất hiện trong phong trào, để ủng hộ cái mới, khuyến khích cái mới, nêu gương cái mới cho mọi người học tập, sớm đưa thành phong trào chung.

Khen thưởng chủ động, khen thưởng chính xác và khen thưởng kịp thời có mối liên quan chặt chẽ với nhau. Có chủ động và thường xuyên theo dõi sát phong trào trong việc khen thưởng thì mới khen thưởng chính xác và kịp thời. Chính xác và kịp thời lại phải luôn luôn đi đôi với nhau thì mới có đầy đủ ý nghĩa động viên, giáo dục, nêu gương. Không nên đem đối lập chính xác với kịp thời, chẳng hạn vì muốn khen thưởng kịp thời mà không kiểm tra chu đáo thành tích, không xét duyệt tập thể, dẫn đến chỗ khen sai, làm mất tác dụng giáo dục, nêu gương; hoặc vin vào việc phải khen thưởng chính xác mà làm việc thiếu khẩn trương, lề mề, chậm chạp, làm mất tác dụng động viên kịp thời.

Muốn phát huy đầy đủ tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương của công tác khen thưởng, ngoài việc khen thưởng chủ động, chính xác và kịp thời, chúng ta còn phải biết cách khen thưởng, nghĩa là có nhiều cách khen thưởng thích hợp, linh hoạt để bổ sung cho nhau như:

— Khen thưởng tổng kết thành tích trong một kế hoạch Nhà nước dài hạn hoặc một giai đoạn cách mạng. Cách khen thưởng này nhằm khuyến khích tinh thần phấn đấu bền bỉ liên tục, kiên trì cố gắng, và nói chung là chắc chắn, vì đã qua một thời gian thử thách lâu dài, nhưng cũng có nhược điểm là không động viên được kịp thời.

— Khen thưởng thường xuyên thành tích thực hiện kế hoạch Nhà nước hằng năm, hằng quý, thành tích từng đợt công tác, từng vụ sản xuất, từng trận chiến đấu..., và những thành tích xuất hiện trong quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước và các nhiệm vụ công tác khác. Cách khen thưởng này động viên được kịp thời tinh thần chiến đấu dũng cảm của bộ đội và tính tích cực, sáng tạo trong lao động của cán bộ và nhân dân. Nó thúc đẩy phong trào thi đua phát triển thường xuyên và liên tục, đồng thời nó đánh dấu từng bước tiến của từng đơn vị, cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khen thưởng tổng kết về sau. Nhưng nếu không kiểm tra chu đáo, không xét duyệt thận trọng thì cũng dễ dẫn đến chỗ khen thưởng tràn lan hoặc thiếu chính xác.

— Khen thưởng thành tích toàn diện nhằm động viên và giáo dục ý thức phấn đấu hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, mọi nhiệm vụ công tác được giao, và phấn đấu xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng đơn vị giỏi toàn diện.

— Khen thưởng thành tích từng mặt công tác (với điều kiện là các mặt công tác khác, nhất là công tác chính không thuộc loại kém), nhằm phát huy mặt tích cực, mặt ưu điểm, khắc phục mặt tiêu cực, mặt khuyết điểm, nhược điểm và làm tiền đề cho việc khen thưởng toàn diện.

Khen thưởng một đơn vị hay một cá nhân không phải chỉ là biểu dương thành tích của đơn vị hay cá nhân đó, mà còn nhằm khuyến khích đơn vị, cá nhân đó phấn khởi vươn lên lập thành tích mới xuất sắc hơn, đồng thời còn nhằm động viên phong trào tiến lên mạnh mẽ và đều khắp. Vì vậy công tác khen thưởng không chỉ dừng ở chỗ cấp bằng khen, giấy khen hoặc các hình thức khen thưởng khác, mà còn phải biết phát huy tác dụng của việc khen thưởng, nghĩa là *làm thế nào để khen một người tác động đến nhiều người, khen bộ phận tác động đến toàn cục*. Muốn vậy, trước hết cần tổ chức tốt việc trao tặng các phần

Digitized by Google

thưởng, vì trao tặng là dịp tốt để biểu dương thành tích, động viên, cổ vũ phong trào và giáo dục quần chúng một cách sâu rộng; đồng thời cần nêu những gương tốt trên các bản tin, trên báo chí, trên đài cho mọi người, mọi ngành, mọi địa phương học tập; cần phát động phong trào thi đua học tập điển hình, đuổi kịp và vượt điển hình. Việc giáo dục, bồi dưỡng đơn vị, cá nhân được khen thưởng cũng rất quan trọng để những đơn vị và cá nhân này khiêm tốn học hỏi, không ngừng phấn đấu vươn lên, giữ vững và phát huy thành tích, tác dụng của những điển hình tiên tiến và luôn luôn xứng đáng với những phần thưởng Nhà nước đã dành cho mình.

★

Để thực hiện nghiêm chỉnh lời dạy của Hồ Chủ tịch như đã nói trên, trước hết, chúng ta phải làm cho cán bộ và nhân dân nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tác dụng của công tác khen thưởng và phải kiện toàn tổ chức làm công tác này ở các ngành, các cấp. Khi xét duyệt khen thưởng phải làm tập thể trong cấp lãnh đạo, phải có sự kiểm tra chu đáo, kết hợp nhận xét của lãnh đạo với ý kiến của quần chúng, và lấy được ý kiến đầy đủ của các cơ quan, đoàn thể có liên quan. Quan trọng nhất là làm cho cấp cơ sở nắm vững và biết vận dụng đúng đắn phương hướng, phương châm, tiêu chuẩn, chính sách khen thưởng, biết làm đúng các nguyên tắc về thủ tục xét duyệt và đề nghị khen thưởng, nghĩa là làm thế nào để *mọi việc đều phải quán triệt đến tận cơ sở, mọi việc đều được làm tốt ngay từ cơ sở.*

Vấn đề gia đình...

(Tiếp theo trang 35)

từ một mặt lên toàn diện, từ chiều rộng đi dần vào chiều sâu, tiến đến xây dựng được những phong tục, tập quán tốt đẹp của xã hội mới. Qua thực tế, phải nghiên cứu, và sau từng thời gian phải sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để đề ra nội dung và biện pháp thích hợp.

Với nội dung rộng lớn như vậy, vấn đề xây dựng gia đình văn hóa mới không thể là việc riêng của bất cứ ngành nào. *Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, tất cả các cơ quan chính quyền, các đoàn thể quần chúng đều có trách nhiệm thực hiện.* Cơ quan chính quyền mỗi địa phương sẽ tùy tình hình thực tế mà đề ra những trọng tâm công tác trong từng thời gian, chủ trì việc phối hợp giữa các ngành, huy động các ngành tập trung lực lượng cùng nhau giải quyết những việc cấp bách. Mọi ngành đều chủ động, phát huy chức năng của mình, chủ động phối hợp với nhau, cùng nhau nghiên cứu bàn bạc cách giải quyết từng việc. Chỉ bằng một sự cố gắng về nhiều mặt của toàn Đảng, toàn dân trong thời gian dài, chúng ta mới có thể đưa việc xây dựng gia đình tiến lên đồng bộ với những bước chuyển biến của xã hội trong quá trình tiến hành ba cuộc cách mạng, tạo điều kiện hỗ trợ cho ba cuộc cách mạng phát triển mạnh mẽ, vững chắc

Digitized by Google

Ban quản trị hợp tác xã Định-công được kiện toàn và tăng cường từ mấy năm nay. Trước đây, ban quản trị hợp tác xã có 19 người, nay chỉ bố trí 7 người có năng lực và được xã viên rất tín nhiệm. Chủ nhiệm hợp tác xã phụ trách chung, làm chủ tài khoản, trực tiếp chỉ đạo công tác kế hoạch và tài vụ. Một phó chủ nhiệm phụ trách trồng trọt; một phó chủ nhiệm phụ trách lao động. Một ủy viên quản trị phụ trách chăn nuôi; một ủy viên phụ trách cơ khí nhỏ; một ủy viên phụ trách thủy lợi, một ủy viên phụ trách văn hóa và đời sống.

Các bộ môn giúp việc gồm có: bộ môn hạch toán thống nhất (gồm có tài vụ, kế toán, thống kê) chuyên làm thống kê tình hình hoạt động sản xuất và đời sống và làm kế toán chung của hợp tác xã, kế toán trong chăn nuôi, kế toán trong ngành nghề, kế toán ghi chép công điểm của xã viên ở các đội sản xuất; bộ môn kế hoạch và ruộng đất chuyên lo xây dựng kế hoạch và quản lý ruộng đất của hợp tác xã; bộ môn kỹ thuật chuyên lo điều hành sản xuất theo tiêu chuẩn và quy trình kỹ thuật; bộ môn lao động chuyên lo xây dựng các định mức và quản lý lao động.

Đội ngũ cán bộ của hợp tác xã Định-công được ổn định và đã làm việc liên tục nhiều năm cho hợp tác xã. Nhiều cán bộ có kinh nghiệm điều hành công việc của hợp tác xã. Họ có tinh thần tiến công liên tục, không ỷ lại ngồi chờ hoặc thỏa mãn với thành tích đã đạt được. Trong công tác chỉ đạo sản xuất và kinh doanh của hợp tác xã, đội ngũ cán bộ ở đây có tinh thần khắc phục khó khăn và biết tính toán cụ thể, làm việc này lo tính đến việc khác. Làm thủy lợi tính đến kết hợp giao thông nông thôn, giải quyết vấn đề lương thực tính đến phát triển chăn nuôi, đẩy mạnh sản xuất lo đến phúc lợi công cộng và bồi dưỡng sức lao động...

Đội ngũ cán bộ ấy đã phát huy được vai trò làm chủ tập thể của quần chúng xã viên, cho nên đã tăng thêm được hiệu lực của công tác chỉ đạo và quản lý hợp tác xã. Việc điều hành các hoạt động sản xuất và chăm lo đời sống trong hợp tác xã đều tập trung vào sự chỉ đạo thống nhất của ban quản trị. Các bộ môn chuyên môn đã giúp việc đắc lực cho ban quản trị hợp tác xã bảo đảm chỉ đạo công việc cụ thể từ trên xuống dưới, phát huy tốt chế độ, chức trách của từng loại cán bộ và nâng cao được hiệu lực của bộ máy điều hành, làm cho các khâu công tác, các mặt hoạt động sản xuất và đời sống trong hợp tác xã được tiến hành theo quy trình, quy phạm và hoàn thành theo kế hoạch một cách có kết quả.

Hợp tác xã Định-công đã thực hiện tốt quyền làm chủ tập thể của xã viên. Những việc chung của hợp tác xã do Đại hội xã viên bàn bạc quyết định. Ở các đội lao động chuyên ngành, chuyên khâu, xã viên thường họp bàn cách thực hiện công việc do đội mình phụ trách, nên người lao động nào cũng hiểu việc mình làm, khối lượng và chất lượng công việc phải hoàn thành và mức phân phối được hưởng. Do đó họ hăng hái phát triển sản xuất và xây dựng cuộc sống mới. Ở Định-công, làm việc gì cũng có định mức và theo quy trình kỹ thuật. Tinh pháp chế trong quản lý sản xuất được thể hiện nghiêm túc, do đó đã khắc phục được thói tùy tiện trong lao động sản xuất, làm tăng thêm nhiều người tích cực lao động, cải tạo có kết quả những người lười biếng, hạn chế và đi đến đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất, tạo ra phong trào lao động sản xuất hăng say trong quần chúng. Làm việc có định mức và theo quy trình kỹ thuật là cơ sở bảo đảm quyền lợi của người lao động, vì việc phân phối theo lao động được thể hiện

(Xem tiếp trang 53)

Digitized by Google

SUY NGHĨ VỀ NGƯỜI TRÍ THỨC VÀ CÁCH MẠNG

(Bài viết trong dịp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam)

NGUYỄN-TẤN-GI-TRỌNG

TÔI ĐÃ ĐƯỢC GIẢI PHÓNG

Là một người thầy thuốc theo Đảng làm cách mạng từ những buổi đầu của cuộc Cách mạng tháng Tám nhưng trước đây tôi chưa hiểu nhiều về Đảng. Ngày ấy tôi theo Đảng với một tấm lòng yêu nước chân thành nhưng khá trừu tượng, tôi chưa thấy sức mạnh vĩ đại của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động. Tôi nghĩ một cách đơn giản rằng tham gia cách mạng, mình sẽ đem hết nhiệt tình yêu nước và khả năng chuyên môn để đóng góp cho cách mạng, và càng có nhiều người trí thức khoa học kỹ thuật tham gia cách mạng thì lực lượng cách mạng sẽ lớn mạnh và sự nghiệp giải phóng dân tộc sẽ chóng hoàn thành. Lúc bấy giờ có một số thầy thuốc không tham gia cách mạng. Họ viện lý lẽ rằng nghề thuốc là một nghề nhân đạo, cho nên dù ở bên này hay ở bên kia trận tuyến họ cũng đều giúp ích cho đồng bào. Nhưng thực tế cho thấy không đi theo cách mạng, họ không những không giúp ích được cho đồng bào mà trái lại, dù muốn hay không muốn, họ đã góp sức vào lực lượng chống lại lợi ích nhân dân, lợi ích của Tổ quốc.

Đến nay, sau 32 năm hoạt động cách mạng, được Bác và Đảng dìu dắt, giáo dục, được nhân dân tin yêu giúp đỡ, phân tích những kinh nghiệm bản thân và quan sát kinh nghiệm của nhiều anh chị em trí thức khoa học kỹ thuật cùng tham gia cách mạng, tôi đã nhận thức được nhờ có cách mạng chúng tôi đã xác định chỗ đứng của mình và từng bước xây dựng cách nhìn sự vật, nếp suy nghĩ, tác phong hành động của người trí thức xã hội chủ nghĩa; những kiến thức về khoa học kỹ thuật của chúng tôi cũng như con người chúng tôi đã được giải

Digitized by Google

phóng khỏi sự ràng buộc của những quan niệm sai lạc lỗi thời. Chúng tôi đã đi đúng hướng phục vụ nhân dân, ngày càng phát huy được tác dụng tích cực của mình trong sự nghiệp chung giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Kiến thức khoa học kỹ thuật của chúng tôi đã gặp được đất phát triển và đã bắt rễ vững chắc trong dông đảo nhân dân lao động. Tôi đã nhận được của cách mạng nhiều hơn là tôi cống hiến cho cách mạng.

CÁCH MẠNG LÀ KHOA HỌC

Một hạnh phúc lớn lao của tôi là từ khi đeo ba lô lên vai theo Đảng đi kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi đã bước vào một trường học lớn, tôi đã nhập vào dòng thác lớn của nhân dân ta đang làm cuộc cách mạng lở đất long trời, có tiếng vang trên thế giới và trong lịch sử loài người. Trong quá trình tham gia cách mạng, tôi đã được giao nhiều nhiệm vụ khác nhau, như thông tin tuyên truyền, quân y, Quốc hội, Mặt trận dân tộc thống nhất, trông nom sức khỏe cán bộ và học sinh khu học xá trung ương, công nhân đường sắt, và tham gia đào tạo cán bộ y tế. Công tác đa dạng đó đã đưa tôi vào cuộc sống muôn hình muôn vẻ, vô cùng sinh động và đầy sáng tạo của nhân dân. Tôi cũng đã có nhiều dịp đi tìm hiểu tình hình sức khỏe, nghiên cứu điều kiện lao động của công nhân, nông dân trong nhiều môi trường lao động khác nhau như hợp tác xã nông nghiệp, mỏ than, lò cao, nhà máy dệt, v.v... để tìm cách cải thiện điều kiện lao động, và quan sát những đặc điểm của cơ thể người Việt-nam thuộc mọi lứa tuổi. Những việc đó là những việc mà ít có người thầy thuốc nào trong những chế độ xã hội khác lại muốn làm vì nó chỉ đem lại lợi ích cho người lao động, không đem lại lợi ích cho cá nhân người thầy thuốc.

Đi vào môi trường lao động, sống giữa nhân dân lao động, tận mắt thấy những biểu hiện của trí tuệ tập thể của Đảng và nhân dân trong khi giải quyết mọi vấn đề khó khăn phức tạp và khẩn trương của công cuộc kháng chiến chống xâm lăng và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước nghèo nàn lạc hậu, tôi hiểu sâu sắc cách mạng là khoa học. Mặt khác, những kiến thức khoa học kỹ thuật của chúng tôi khi đi vào quần chúng lao động đã biến thành những chủ trương đường lối cải tiến điều kiện lao động và bồi dưỡng sức lao động của công nhân, nông dân. Khoa học kỹ thuật gắn với lợi ích quần chúng và trở thành một bộ phận của cách mạng.

MỘT ĐẠO LÝ VIỆT-NAM

Tháng 2 năm 1955 trong một bức thư gửi cho hội nghị cán bộ y tế, Hồ Chủ tịch đã dạy chúng tôi « lương y phải như từ mẫu ». Lúc ấy một số anh chị em cán bộ y tế nghĩ rằng Bác nhắc nhở chúng tôi đề cao một đức tính của người thầy thuốc, chăm sóc người bệnh như mẹ chăm sóc con, nhưng sau này càng suy nghĩ, càng liên hệ công tác của mình với lời dạy của Bác, chúng tôi mới thấy rõ rằng Bác đã nêu lên một chân lý, một đạo lý đặc biệt Việt-nam. Muốn chăm sóc tốt bệnh nhân, người thầy thuốc phải là « lương y » tức là thầy thuốc giỏi. Người thầy thuốc giỏi phải như « mẹ hiền », tức là phải có tình cảm thắm thiết đậm đà như mẹ với con, coi người bệnh đau đớn cũng như mình đau đớn. Giữa những người không phải là ruột thịt mà muốn xây dựng mối quan hệ như thế thì nhất thiết phải có tình thương đồng bào, tình cảm giai cấp. Trong câu « lương y phải như từ mẫu » Bác đã dạy chúng tôi phải không ngừng trau dồi nghiệp vụ, nâng cao kiến thức chuyên môn, xây dựng tình cảm giai cấp. Trong

Digitized by Google

câu đó Bác dạy chúng tôi vừa phải nắm vững khoa học lại vừa phải có tình cảm cách mạng. Đây là những lời dạy bảo sâu sắc, một đạo lý cao cả, gói ghém trong những lời giản dị, rất Việt-nam!

★

Giờ đây nhân dân ta đang tranh thủ thời gian xây dựng khẩn trương cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Nhiệm vụ của mỗi người còn nặng nề, khó khăn và phức tạp; nhưng Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta, đề ra chủ trương và quyết định kế hoạch xây dựng đất nước, mở ra chân trời rộng lớn cho sự nảy nở và phát huy trí tuệ, tài năng của mọi người Việt-nam ta nói chung và của những người cán bộ khoa học kỹ thuật nói riêng. Với lòng tin vững chắc ở sự lãnh đạo của Đảng, với những cố gắng của mỗi người chúng tôi trong đội ngũ trí thức khoa học kỹ thuật, chúng tôi quyết đem hết nghị lực và khả năng, quyết đem những kinh nghiệm, những điều đã thu hoạch được trong quá trình tham gia cách mạng, góp phần tích cực nhất của mình vào sự nghiệp chung, góp sức mình vào sức mạnh tổng hợp của lực lượng khoa học kỹ thuật cả nước, đưa cuộc cách mạng khoa học—kỹ thuật tiến lên, quyết xứng đáng là một chiến sĩ trong đội ngũ chiến sĩ khoa học kỹ thuật của nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Hợp tác xã Định-công...

(Tiếp theo trang 50)

ngay từ khi người xã viên bắt tay vào lao động có định mức và theo quy trình. Chế độ lao động lại luôn luôn được điều chỉnh trong quá trình tiến hành sản xuất trên cơ sở điều kiện sản xuất thay đổi; do đó chế độ phân phối cũng được cải tiến, bảo đảm sự hưởng thụ của xã viên được công bằng và hợp lý. Điều đó đã khuyến khích xã viên hăng hái lao động sản xuất cho tập thể. Ngoài phần phân phối trực tiếp theo lao động cống hiến cho tập thể, xã viên còn được hưởng phúc lợi công cộng với mức cao; điều này càng làm cho xã viên ở đây hăng hái tham gia và gắn bó với sản xuất tập thể của hợp tác xã.

Mặt khác, quy trình lao động hiệp tác có phân công trong các khâu, các ngành sản xuất làm cho các xã viên hợp tác xã Định-công gắn bó với nhau trong dây chuyền sản xuất, thúc đẩy nhau cùng ra sức làm tốt và nhanh mọi nhiệm vụ sản xuất, nâng cao trình độ làm chủ tập thể của mình.

Đối với cán bộ lãnh đạo của Đảng ủy, chính quyền xã, ban quản trị hợp tác xã và các cán bộ, đảng viên khác, ở đây đều quy định rõ những chế độ công tác được xã viên góp ý xây dựng, để vừa thực hiện quyền quản lý tập trung, vừa ngăn ngừa những sự vi phạm vào quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Nhờ vậy, giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng xã viên có mối quan hệ gắn bó, sự đoàn kết nhất trí trong hợp tác xã được tăng cường, cả hai mặt tập trung và dân chủ được bảo đảm tốt, quyền làm chủ tập thể của xã viên trong quản lý kinh tế và xã hội được phát huy. Đó là động lực lớn đưa hợp tác xã Định-công từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách vững chắc.

Digitized by Google

Khen thưởng nhằm động viên, giáo dục, nêu gương

TÔ - CÔNG

TRONG phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, ở nhiều nơi đã xuất hiện những điển hình tốt. Để động viên và thúc đẩy phong trào tiến lên mạnh mẽ và đều khắp, ngoài việc chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng, quan tâm khuyến khích bằng lợi ích vật chất, chúng ta cần coi trọng việc động viên tinh thần, biểu dương, khen thưởng kịp thời và đúng mức những nhân tố mới của phong trào.

Khen thưởng là một công việc có tác dụng động viên chính trị, giáo dục tư tưởng, xây dựng con người mới và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Khen thưởng thể hiện quan điểm quần chúng của Đảng và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước đối với công lao, thành tích của nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, và đối với những cống hiến của mọi người cho sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, công tác khen thưởng từ trước đến nay được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm. Lúc sinh thời Hồ Chủ tịch rất chú ý công tác này. Mỗi khi nghe báo cáo hoặc xem báo, nghe đài, thấy có người tốt, việc tốt là Người chỉ thị ngay cho các cơ quan có trách nhiệm đi kiểm tra, xác minh lại thành tích và báo cáo để Người xét khen thưởng.

Hồ Chủ tịch thường nói: «Thưởng phạt phải nghiêm minh. Có công thì thưởng, có lỗi thì phạt. Khen thưởng phải có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương». Chúng ta phải làm thế nào để thực hiện nghiêm chỉnh lời dạy đó của Người, vì hiện nay không phải ai cũng hiểu đúng và ai cũng làm đúng.

Tác dụng động viên, tác dụng giáo dục và tác dụng nêu gương có mối liên quan hữu cơ với nhau, cho nên khi bàn về tác dụng này không thể không nói đến tác dụng kia, và việc phân tích từng tác dụng không có nghĩa là đem tách rời nó ra mà là để đi sâu vào các khía cạnh của nó.

Tác dụng động viên:

Trong những năm qua, nói chung các ngành, các cấp đã coi trọng công tác khen thưởng, cho nên đã động viên được mọi người hăng hái thi đua sản xuất, chiến đấu và công tác, góp phần vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội. Đặc biệt là việc biểu dương, khen thưởng kịp thời thành tích chiến đấu và xây dựng của các lực lượng vũ trang nhân dân đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ cán bộ và chiến sĩ ra sức thi đua giết giặc lập công, cùng toàn dân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Nhưng hiểu cho đầy đủ tác dụng động viên của khen thưởng và nhất là làm cho đúng thì cũng không phải mọi nơi, mọi lúc đều hiểu và làm đúng cả. Có người cho là càng khen nhiều càng động viên được rộng rãi; khen thưởng về tinh thần thì Nhà nước chẳng tốn kém gì; do đó dẫn đến chỗ châm chước hoặc hạ thấp tiêu chuẩn và khen thưởng tràn lan. Khen thưởng tràn lan thì tác dụng động viên bị hạn chế. Người có nhiều thành tích không phấn khởi lắm, người ít thành tích không cố gắng vươn lên. Đã khen thưởng tràn lan thường hay dẫn đến chỗ khen sai, gây thắc mắc, mất đoàn kết, ảnh hưởng không tốt đến phong trào. Vì vậy *muốn động viên thúc đẩy phong trào không phải là khen nhiều mà là khen trúng*, nghĩa là khen đúng người, đúng việc, đúng lúc và phải biết phát huy tác dụng của việc khen thưởng.

Cũng có người cho là khen cũng được không khen cũng chẳng sao, khen lúc nào hay lúc đó, cho nên không khen thưởng hoặc khen thưởng chậm. Ở một số ngành và địa phương, nhất là ở miền núi, có nhiều đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc mà chưa được khen thưởng thích đáng. Việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Pháp và việc khen thưởng gia đình quân nhân chống Mỹ, cứu nước ở các tỉnh miền Bắc, đến nay vẫn chưa làm xong; việc khen thưởng theo kỳ hạn, nhất là việc khen thưởng gia đình có người thân đi hoạt động cách mạng ở các tỉnh miền Nam, nhiều nơi mới làm được một ít.

Không thực hiện khen thưởng chứng tỏ lãnh đạo thiếu quan tâm đến phong trào cách mạng của quần chúng, hoặc chỉ đạo thiếu chặt chẽ, không quản lý được công tác, không quản lý được phong trào (cho nên không dám khen và cũng không dám chê). Thấy cái tốt mà không biểu dương, thấy cái xấu mà không phê phán thì không phát huy được cái tích cực, không hạn chế được cái tiêu cực, không động viên thúc đẩy được phong trào.

Khen thưởng chậm thể hiện sự thiếu nhậy bén với phong trào và tác phong công tác lề mề. Khen thưởng chậm thì tác dụng động viên bị hạn chế, không kịp thời phát huy những nhân tố mới của phong trào để đưa phong trào sớm lên đều khắp. Khác với khen thưởng mang tính chất ban ơn, mua chuộc, mị dân, phục vụ lợi ích của giai cấp bóc lột thống trị dưới chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa, khen thưởng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng những con người mới, con người xã hội chủ nghĩa, phục vụ lợi ích của quần chúng nhân dân lao động. Công tác khen thưởng của Nhà nước ta không phải chỉ là biểu dương thành tích của cấp dưới, của cán bộ và nhân dân, mà còn nhằm động viên, thúc đẩy phong trào; mặt khác khen thưởng còn là để tỏ lòng biết ơn của Đảng và Nhà nước đối với những người đã có những cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Vì vậy khen thưởng không chỉ là quyền hạn, mà còn là một nhiệm vụ của các cơ quan Nhà nước, là trách nhiệm của các cấp lãnh đạo đối với công lao, thành tích của nhân dân và đối với phong trào cách mạng của quần chúng.

Tác dụng giáo dục:

Biểu dương những cái hay, phê phán những cái dở, cũng như thưởng, phạt đều nhằm giáo dục con người. Việc đề ra những tiêu chuẩn khen

Digitized by Google

thưởng đúng đắn để mọi người lấy đó làm mục tiêu, phương hướng phấn đấu cũng đã có tác dụng giáo dục và động viên. Nhưng nếu tiêu chuẩn khen thưởng đề ra thấp, dễ dàng đạt được thì tác dụng giáo dục ít; ngược lại nếu tiêu chuẩn khen thưởng đề ra cao quá, khó đạt được thì lại không có tác dụng động viên. Đến khi xét khen thưởng, phải xét cả mặt ưu điểm và mặt khuyết điểm để định mức khen thưởng cho đúng. Nếu chỉ xét mặt thành tích, không xét mặt thiếu sót hoặc chỉ xét mặt công tác, không xét mặt phẩm chất, đạo đức cách mạng thì không thấy hết chỗ mạnh để phát huy, không thấy hết chỗ yếu để giúp đỡ khắc phục; không thấy được toàn diện và thực chất của phong trào, của cán bộ, do đó không đánh giá được đúng phong trào, được đúng cán bộ.

Chúng ta không thể tưởng tượng được là có đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước, nhưng lại có tham ô, lãng phí nghiêm trọng hoặc chủ quan để xảy ra tai nạn lao động chết người, hay có cán bộ được khen thưởng về thành tích sản xuất, công tác, nhưng phạm sai lầm lớn về mặt chấp hành chính sách hoặc về mặt phẩm chất, đạo đức cách mạng (không kể việc thưởng bằng vật chất như thưởng sáng kiến, thưởng năng suất...). Đối với trường hợp vừa có thành tích, vừa có thiếu sót thì cần kết hợp đúng đắn giữa thưởng và phạt theo cách: luận tội bình công, nghĩa là tùy theo thành tích nhiều hay ít, thiếu sót lớn hay nhỏ mà quyết định không khen thưởng hoặc khen thưởng mức thấp hơn, để việc khen thưởng được nghiêm minh, vừa có tác dụng động viên, vừa có tác dụng giáo dục.

Tác dụng nêu gương:

Khen thưởng là biểu dương những cái hay, cái tốt, cho nên bản thân việc khen thưởng tự nó đã mang ý nghĩa nêu gương và dù là khen thưởng cao hay là khen thưởng thấp cũng đều có tác dụng nêu gương, đều phải được coi trọng. Khen thưởng cao thì có tác dụng trong phạm vi rộng; khen thưởng thấp thì có tác dụng trong phạm vi hẹp. Vì vậy khen thưởng cao hay thấp đều phải làm đúng. Nếu khen thưởng tràn lan thì tác dụng nêu gương bị hạn chế, mà nếu khen thưởng sai thì lại là gây phản tác dụng.

Dưới chế độ xã hội tốt đẹp của chúng ta có rất nhiều người tốt, việc tốt đáng biểu dương. Nhưng nếu muốn hướng dẫn phong trào, nêu những tấm gương sáng cho mọi người học tập thì phải biết chọn điển hình xuất sắc tiêu biểu, biết phát hiện những nhân tố tích cực, những nhân tố mới của phong trào để biểu dương, khen thưởng, nêu gương. Cho nên cùng đạt kết quả như nhau, ở vùng này thì đáng khen vì nó là cái cá biệt, nhưng ở vùng khác thì lại không đáng khen vì nó đã trở thành cái phổ biến; hoặc mấy năm trước thì được khen cao vì nó có tác dụng dẫn đầu, nhưng mấy năm sau thì chỉ được khen thấp vì đã có nhiều đơn vị, nhiều cá nhân khác đạt được.

Chọn đúng điển hình để khen thưởng, biểu dương, nêu gương không phải là việc đơn giản. Không những phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững phương hướng và tiêu chuẩn khen thưởng, nắm vững phong trào, mà còn phải thật khách quan, vô tư, phải có cách nhìn toàn diện và nhạy cảm với cái mới. Có lần Hồ Chủ tịch cho đi kiểm tra một hợp tác xã nông nghiệp được coi là lá cờ đầu của địa phương, thấy sản xuất có khá, nhưng kinh tế phụ gia đình chiếm trên 60%, lấn át kinh tế tập thể. Người dạy: thành tích thì cũng có, nhưng khuyết điểm thì nghiêm trọng, nếu khen thưởng thì giáo dục gì cho địa phương, nêu gương gì cho các nơi khác học tập. Sau việc này, huyện ủy, tỉnh ủy

Digitized by Google

đã tổ chức kiểm điểm lại việc chấp hành đường lối công tác nông thôn của Đảng ở địa phương và đề ra biện pháp sửa chữa.

Như vậy, công tác khen thưởng không chỉ có tác dụng nêu gương, mà rõ ràng còn có tác dụng giáo dục rất sâu sắc, và không chỉ là động viên phong trào, mà còn là hướng dẫn phong trào, uốn nắn phong trào nếu đi không đúng hướng.

★

Muốn việc khen thưởng có tác dụng động viên, giáo dục và nêu gương, hay nói cách khác là có tác dụng thúc đẩy phong trào, uốn nắn phong trào và hướng dẫn phong trào thì trước hết chúng ta phải thực hiện đúng đắn và đầy đủ phương châm chung của công tác khen thưởng là: *chủ động, chính xác, kịp thời.*

Khen thưởng chủ động là khi đề ra một nhiệm vụ công tác hoặc khi phát động một đợt thi đua, thì có chủ trương, kế hoạch khen thưởng rõ ràng, có tiêu chuẩn khen thưởng cụ thể và thường xuyên theo dõi sát phong trào, kịp thời phát hiện những nhân tố tích cực mới xuất hiện để biểu dương khen thưởng. Khen thưởng là đánh giá phong trào; cho nên khen thưởng chủ động còn là căn cứ vào tình hình phong trào mà đề ra dự kiến khen thưởng, hướng dẫn cho cấp dưới để việc khen thưởng phản ánh đúng tình hình phong trào của các ngành, các địa phương. Kịp thời uốn nắn những khuynh hướng khen thưởng tràn lan hoặc khe khắt, để tránh tình trạng nơi có thành tích nhiều nhưng lại đề nghị khen thưởng ít, nơi có thành tích ít lại đề nghị khen thưởng nhiều.

Chủ động tìm thành tích mà xét khen thưởng, chủ động đề ra dự kiến khen thưởng sát đúng, là thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo đối với người tốt, việc tốt, đối với phong trào thi đua của quần chúng, là thể hiện sự chỉ đạo cụ thể và sít sao, sự quản lý công tác chặt chẽ của các cấp chính quyền.

Khen thưởng chính xác là khen thưởng đúng phương hướng, đúng đối tượng, đúng thành tích, đúng tiêu chuẩn, chính sách. Khen thưởng chính xác là yêu cầu cao nhất, vì khen thưởng là đánh giá phong trào, đánh giá con người, mà đánh giá con người thì không đơn giản. Khen thưởng đúng thì có tác dụng động viên, thúc đẩy phong trào; nếu khen thưởng sai thì có hại về nhiều mặt: hại đến đoàn kết nội bộ, đến phong trào của ngành đó, của địa phương đó và hại ngay cả cho bản thân đơn vị hoặc cá nhân được khen thưởng. Nó còn làm giảm uy tín của các cơ quan Nhà nước. Nếu *khen thưởng sai thì mức khen càng cao, tác hại càng lớn.*

Muốn khen thưởng chính xác, điều quan trọng là phải giáo dục tinh trung thực cho mỗi người khi báo cáo thành tích, phải đề cao tinh thần trách nhiệm và phải có sự kiểm tra chu đáo ở các cấp. Vì thiếu kiểm tra kỹ, cho nên đã có trường hợp báo cáo sai, bịa đặt hoặc thổi phồng thành tích, che giấu khuyết điểm (như tham ô, lãng phí hoặc có nhiều sản phẩm chất lượng xấu) mà vẫn được khen thưởng. Như vậy là vô hình trung đã dung túng tư tưởng không trung thực và khuyến khích tệ tham nhũng, thói làm bừa, làm ẩu. Tai hại hơn là trong việc khen thưởng gia đình có công với kháng chiến, đã có nơi khen nhầm người có tội với cách mạng. Do đó, có thể nói, khen thưởng sai khác nào che cho người ta tắm bình phong để làm bậy.

Khen thưởng kịp thời là có thành tích đến mức nào thì khen thưởng ngay đến mức đó, để kịp thời khuyến khích đơn vị và cá nhân đó phấn khởi vươn lên lập thành tích mới xuất sắc hơn. Khen thưởng kịp thời

Digitized by Google

còn là biết phát hiện và biểu dương đúng lúc những nhân tố tích cực mới xuất hiện trong phong trào, để ủng hộ cái mới, khuyến khích cái mới, nêu gương cái mới cho mọi người học tập, sớm đưa thành phong trào chung.

Khen thưởng chủ động, khen thưởng chính xác và khen thưởng kịp thời có mối liên quan chặt chẽ với nhau. Có chủ động và thường xuyên theo dõi sát phong trào trong việc khen thưởng thì mới khen thưởng chính xác và kịp thời. Chính xác và kịp thời lại phải luôn luôn đi đôi với nhau thì mới có đầy đủ ý nghĩa động viên, giáo dục, nêu gương. Không nên đem đối lập chính xác với kịp thời, chẳng hạn vì muốn khen thưởng kịp thời mà không kiểm tra chu đáo thành tích, không xét duyệt tập thể, dẫn đến chỗ khen sai, làm mất tác dụng giáo dục, nêu gương; hoặc vin vào việc phải khen thưởng chính xác mà làm việc thiếu khẩn trương, lề mề, chậm chạp, làm mất tác dụng động viên kịp thời.

Muốn phát huy đầy đủ tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương của công tác khen thưởng, ngoài việc khen thưởng chủ động, chính xác và kịp thời, chúng ta còn phải biết cách khen thưởng, nghĩa là có nhiều cách khen thưởng thích hợp, linh hoạt để bổ sung cho nhau như:

— Khen thưởng tổng kết thành tích trong một kế hoạch Nhà nước dài hạn hoặc một giai đoạn cách mạng. Cách khen thưởng này nhằm khuyến khích tinh thần phấn đấu bền bỉ liên tục, kiên trì cố gắng, và nói chung là chắc chắn, vì đã qua một thời gian thử thách lâu dài, nhưng cũng có nhược điểm là không động viên được kịp thời.

— Khen thưởng thường xuyên thành tích thực hiện kế hoạch Nhà nước hằng năm, hằng quý, thành tích từng đợt công tác, từng vụ sản xuất, từng trận chiến đấu.... và những thành tích xuất hiện trong quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước và các nhiệm vụ công tác khác. Cách khen thưởng này động viên được kịp thời tinh thần chiến đấu dũng cảm của bộ đội và tính tích cực, sáng tạo trong lao động của cán bộ và nhân dân. Nó thúc đẩy phong trào thi đua phát triển thường xuyên và liên tục, đồng thời nó đánh dấu từng bước tiến của từng đơn vị, cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khen thưởng tổng kết về sau. Nhưng nếu không kiểm tra chu đáo, không xét duyệt thận trọng thì cũng dễ dẫn đến chỗ khen thưởng tràn lan hoặc thiếu chính xác.

— Khen thưởng thành tích toàn diện nhằm động viên và giáo dục ý thức phấn đấu hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, mọi nhiệm vụ công tác được giao, và phấn đấu xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng đơn vị giỏi toàn diện.

— Khen thưởng thành tích từng mặt công tác (với điều kiện là các mặt công tác khác, nhất là công tác chính không thuộc loại kém), nhằm phát huy mặt tích cực, mặt ưu điểm, khắc phục mặt tiêu cực, mặt khuyết điểm, nhược điểm và làm tiền đề cho việc khen thưởng toàn diện.

Khen thưởng một đơn vị hay một cá nhân không phải chỉ là biểu dương thành tích của đơn vị hay cá nhân đó, mà còn nhằm khuyến khích đơn vị, cá nhân đó phấn khởi vươn lên lập thành tích mới xuất sắc hơn, đồng thời còn nhằm động viên phong trào tiến lên mạnh mẽ và đều khắp. Vì vậy công tác khen thưởng không chỉ dừng ở chỗ cấp bằng khen, giấy khen hoặc các hình thức khen thưởng khác, mà còn phải biết phát huy tác dụng của việc khen thưởng, nghĩa là *làm thế nào để khen một người tác động đến nhiều người, khen bộ phận tác động đến toàn cục*. Muốn vậy, trước hết cần tổ chức tốt việc trao tặng các phần

Digitized by Google

thưởng, vì trao tặng là dịp tốt để biểu dương thành tích, động viên, cổ vũ phong trào và giáo dục quần chúng một cách sâu rộng; đồng thời cần nêu những gương tốt trên các bản tin, trên báo chí, trên đài cho mọi người, mọi ngành, mọi địa phương học tập; cần phát động phong trào thi đua học tập điển hình, đuổi kịp và vượt điển hình. Việc giáo dục, bồi dưỡng đơn vị, cá nhân được khen thưởng cũng rất quan trọng để những đơn vị và cá nhân này khiêm tốn học hỏi, không ngừng phấn đấu vươn lên, giữ vững và phát huy thành tích, tác dụng của những điển hình tiên tiến và luôn luôn xứng đáng với những phần thưởng Nhà nước đã dành cho mình.

★

Để thực hiện nghiêm chỉnh lời dạy của Hồ Chủ tịch như đã nói trên, trước hết, chúng ta phải làm cho cán bộ và nhân dân nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tác dụng của công tác khen thưởng và phải kiện toàn tổ chức làm công tác này ở các ngành, các cấp. Khi xét duyệt khen thưởng phải làm tập thể trong cấp lãnh đạo, phải có sự kiểm tra chu đáo, kết hợp nhận xét của lãnh đạo với ý kiến của quần chúng, và lấy được ý kiến đầy đủ của các cơ quan, đoàn thể có liên quan. Quan trọng nhất là làm cho cấp cơ sở nắm vững và biết vận dụng đúng đắn phương hướng, phương châm, tiêu chuẩn, chính sách khen thưởng, biết làm đúng các nguyên tắc về thủ tục xét duyệt và đề nghị khen thưởng, nghĩa là làm thế nào để *mọi việc đều phải quán triệt đến tận cơ sở, mọi việc đều được làm tốt ngay từ cơ sở.*

Vấn đề gia đình...

(Tiếp theo trang 35)

từ một mặt lên toàn diện, từ chiều rộng đi dần vào chiều sâu, tiến đến xây dựng được những phong tục, tập quán tốt đẹp của xã hội mới. Qua thực tế, phải nghiên cứu, và sau từng thời gian phải sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để đề ra nội dung và biện pháp thích hợp.

Với nội dung rộng lớn như vậy, vấn đề xây dựng gia đình văn hóa mới không thể là việc riêng của bất cứ ngành nào. *Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, tất cả các cơ quan chính quyền, các đoàn thể quần chúng đều có trách nhiệm thực hiện.* Cơ quan chính quyền mỗi địa phương sẽ tùy tình hình thực tế mà đề ra những trọng tâm công tác trong từng thời gian, chủ trì việc phối hợp giữa các ngành, huy động các ngành tập trung lực lượng cùng nhau giải quyết những việc cấp bách. Mọi ngành đều chủ động, phát huy chức năng của mình, chủ động phối hợp với nhau, cùng nhau nghiên cứu bàn bạc cách giải quyết từng việc. Chỉ bằng một sự cố gắng về nhiều mặt của toàn Đảng, toàn dân trong thời gian dài, chúng ta mới có thể đưa việc xây dựng gia đình tiến lên đồng bộ với những bước chuyển biến của xã hội trong quá trình tiến hành ba cuộc cách mạng, tạo điều kiện hỗ trợ cho ba cuộc cách mạng phát triển mạnh mẽ, vững chắc

Digitized by Google

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG

TRẦN-HỮU-TIẾN

VẤN đề tôn giáo không những là vấn đề tư tưởng mà còn là một vấn đề chính trị — xã hội phức tạp. Có giải quyết tốt vấn đề phức tạp này thì mới có thể góp phần đưa cách mạng đến thắng lợi. Đảng ta có chính sách đúng đắn đối với các tôn giáo ở nước ta. Nhờ đó, Đảng đã giải quyết tốt vấn đề tôn giáo, phát huy được nhiệt tình yêu nước của đồng bào các tôn giáo trong cả nước, góp phần đưa cách mạng nước ta đến thắng lợi trọn vẹn như ngày nay. Có được chính sách đúng đắn đối với tôn giáo là do Đảng ta nắm vững các quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về tôn giáo, và vận dụng sáng tạo các quan điểm đó vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

★

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội. Thứ hình thái ý thức xã hội này có nguồn gốc sâu xa trong đời sống hiện thực của con người.

Nguồn gốc đầu tiên của tôn giáo là sự bất lực và sợ hãi của con người trước những lực lượng tự phát của tự nhiên. Tôn giáo là sự phản ánh hoang đường những mối quan hệ giữa con người với nhau, giữa con người và giới tự nhiên vào ý thức xã hội. Trong xã hội nguyên thủy cũng như trong xã hội có giai cấp, con người đều bị những lực lượng bên ngoài mà họ không thể sai khiến và kiểm soát được chi phối. Ăng-ghen viết: « Bất cứ tôn giáo nào cũng đều chỉ là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc người ta những sức mạnh ở bên ngoài chi phối cuộc sống hằng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh mà trong đó những sức mạnh ở thế gian đã mang hình thức sức mạnh siêu thế gian » (1). Trong xã hội nguyên thủy, công cụ sản xuất còn quá thô sơ, những quy luật tự phát của tự nhiên tác động trực tiếp vào cuộc sống của con người, những tai họa của thiên nhiên luôn đe dọa họ. Sự bất lực trước những tai họa ấy tạo cho người ta tâm lý sợ hãi và khuất phục. Bằng trí tưởng tượng, người nguyên thủy đã thần thánh hóa các lực lượng tự nhiên, gán cho các lực lượng đó một sức mạnh siêu tự nhiên. Những biểu tượng về thần linh, sản phẩm của trí tưởng tượng của con người ngày càng trở

(1) F. Ăng-ghen : *Chống Đuy-rinh*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 537.

Digitized by Google

thành những lực lượng «độc lập» đối với con người, trở lại thống trị con người và chi phối cuộc sống tinh thần của họ. Tôn giáo còn có nguồn gốc xã hội của nó nữa. Khi xã hội đã phân chia thành giai cấp, thì ngoài những lực lượng tự nhiên, con người còn bị chi phối bởi những lực lượng xã hội thường xuyên đè nặng lên cuộc sống của họ. Đó là sự áp bức giai cấp. Đói rét, đau khổ, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế, chiến tranh tàn phá, v.v... tất cả những tai họa xã hội đó trong xã hội có giai cấp bóc lột diễn ra thường xuyên và khủng khiếp hơn cả những tai họa do thiên nhiên gây ra. Xã hội tư bản chủ nghĩa càng không xóa bỏ được nguồn gốc của những tai họa xã hội ấy mà trái lại còn làm cho nó sâu sắc hơn. Chủ nghĩa tư bản hằng ngày hằng giờ gây cho nhân dân những đau khổ nghìn lần rùng rợn, những dày vò nghìn lần man rợ hơn những đau khổ và dày vò của bất cứ một tai biến thiên nhiên nào. Con người khi chưa hiểu được nguồn gốc của những tai họa ấy, cảm thấy bất lực trước những lực lượng xã hội đã trở thành «xa lạ» ấy, càng hy vọng ở một sự giải thoát của một đấng siêu nhiên nào đó. Lê-nin viết: «Sự bất lực của các giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên đẻ ra lòng tin vào một cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia, cũng giống y như sự bất lực của người dã man trong cuộc đấu tranh chống thiên nhiên đẻ ra lòng tin vào thần thánh, ma quỷ, vào những phép mầu, v.v...» (2). Cho nên, trong xã hội có áp bức giai cấp thì nguồn gốc chủ yếu của tôn giáo là nguồn gốc xã hội. Đến xã hội có giai cấp, tôn giáo không còn chỉ là vấn đề tư tưởng mà đã trở thành vấn đề chính trị. Đối với quần chúng bị áp bức bóc lột, xét về mặt nào đó, tôn giáo cũng là sự phản kháng của quần chúng trước hiện thực đen tối, song đó chỉ là sự phản kháng hoàn toàn tiêu cực. «Sự khổ ải *tôn giáo* vừa là *biểu hiện* của sự khổ ải hiện thực, lại vừa là *sự phản kháng* lại sự khổ ải hiện thực đó. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức» (3). Và trong hoàn cảnh bế tắc, chán chường, đau khổ, người ta cầu khẩn thần linh để mong được phù hộ, độ trì cho nên tôn giáo cũng là «hạnh phúc *hư ảo* của nhân dân» (4).

Nhưng đối với giai cấp bóc lột thống trị, tôn giáo thường bị chúng lợi dụng để mê hoặc quần chúng nhân dân, làm tê liệt tinh thần đấu tranh của họ để họ nhẫn nhục chịu đựng chính sách áp bức bóc lột của chúng và tin rằng cái trật tự xã hội trong đó có giàu, nghèo, sang, hèn là do Thượng đế đã sắp xếp. Ai ở địa vị xã hội nào hãy cam phận để đẹp lòng Thượng đế. Hãy cầu xin Thượng đế phù hộ, ban phúc lành cho mình. Ai chống lại trật tự xã hội đó là chống lại Thượng đế vậy, v.v... Tóm lại, các giai cấp bóc lột thống trị luôn luôn ra sức lợi dụng và phát triển bản chất tiêu cực của tín ngưỡng tôn giáo, đồng thời gắn vào đó một nội dung chính trị phản động nhằm tô điểm và thần thánh hóa chế độ thống trị của chúng. Mỗi giai cấp bóc lột thống trị thường sử dụng một số hình thức tôn giáo thích hợp nhất với lợi ích của nó hoặc uốn nắn các tôn giáo cho phù hợp với lợi ích giai cấp của nó. Ăng-ghen viết: Tôn giáo «ngày càng trở thành vật sở hữu độc quyền của các giai cấp thống trị, các giai cấp này chỉ dùng nó làm công cụ cai trị nhằm mục đích giữ các giai cấp hạ tầng dưới ách áp bức...» (5).

---

(2) V. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1964, tập 10, trang 89.

(3), (4) C. Mác: *Lời nói đầu của «Phê phán triết học pháp luật của Hê-ghen»*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, trang 6.

(5) C. Mác, F. Ăng-ghen: «Lút-vích Phơ bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức», *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, trang 651.

Digitized by Google

Để thực hiện âm mưu đen tối nói trên, các giai cấp bóc lột thống trị hết sức chú ý đến hàng giáo sĩ (nhất là hàng giáo sĩ cao cấp), cho họ hưởng nhiều quyền lợi để họ trở thành người phục vụ đắc lực cho chúng. Đặc biệt ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, bọn đế quốc âm mưu nắm các giáo sĩ để thông qua lớp người này làm tê liệt tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh cho độc lập, tự do, hạnh phúc của quần chúng tín đồ, đẩy tín đồ vào con đường chống lại Tổ quốc và dân tộc. Đối với chủ nghĩa cộng sản, chúng ra sức xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản, tuyên truyền rằng người cộng sản quyết tiêu diệt tôn giáo cho nên tôn giáo không thể đội trời chung với cộng sản được. Mưu mô thâm độc của bọn đế quốc là làm cho tín đồ các tôn giáo sợ Đảng tiên phong của giai cấp công nhân, xa lìa cách mạng và cúi đầu theo chúng chống lại cách mạng. Vì vậy, nếu có những giáo sĩ hoặc tổ chức tôn giáo nào hô hét chống cộng sản, chống lại phong trào giải phóng dân tộc, chống lại các nước xã hội chủ nghĩa thì đó không phải là vấn đề tín ngưỡng mà là vấn đề *chính trị*.

Việc báo chí trên thế giới gần đây tố cáo những thủ đoạn lợi dụng tôn giáo của cơ quan tình báo trung ương của Mỹ (CIA) và những hành động lợi dụng tôn giáo của bọn đế quốc ở nước ta là những bằng chứng về tính chất chính trị phức tạp của vấn đề tôn giáo.

★

Đảng ta nhận rõ rằng tôn giáo là một sự kiện xã hội, một vấn đề quần chúng. Vì vậy, Đảng ta đã có chính sách đúng đắn và lâu dài đối với tôn giáo.

Đảng ta là người mưu lợi ích cho nhân dân. Đảng ra sức phát huy sự nhất trí và giải quyết thỏa đáng sự không nhất trí giữa các tầng lớp nhân dân, giữa đồng bào không tôn giáo và đồng bào có tôn giáo, giữa đồng bào theo tôn giáo này và đồng bào theo tôn giáo khác, nhằm đoàn kết toàn dân đấu tranh chống bọn đế quốc và tay sai, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Tuyệt đại đa số tín đồ các tôn giáo đều thuộc các thành phần cơ bản. Giữa đồng bào các tôn giáo và những người cộng sản *có sự nhất trí cao về lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc*, nhưng lại có sự không nhất trí về tư tưởng: những người cộng sản không tin thần linh, không theo bất cứ một tôn giáo nào, nhưng đồng bào các tôn giáo lại tôn thờ thần linh tha thiết. Tuy vậy, *sự nhất trí giữa tín đồ các tôn giáo và những người cộng sản là cơ bản*. Còn sự không nhất trí không phải là cơ bản. Giữa người có tín ngưỡng tôn giáo và người không có tín ngưỡng tôn giáo cũng không có gì mâu thuẫn lớn đến nỗi không đội trời chung với nhau được như bọn đế quốc và tay sai thường rêu rao. Giữa họ với nhau là tình nghĩa đồng bào ruột thịt. Đảng ta luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các tôn giáo, giáo dục, giúp đỡ đồng bào đi theo con đường đấu tranh cho độc lập dân tộc, cho chủ nghĩa xã hội, xây dựng hạnh phúc chung. *Đó là nhằm phát huy mặt nhất trí* giữa các tầng lớp nhân dân ta để phấn đấu xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, độc lập, thống nhất và giàu mạnh.

Đảng ta thành thật tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của quần chúng nhân dân. Chừng nào còn có người có tín ngưỡng tôn giáo thì Đảng ta còn tạo điều kiện dễ dàng cho đồng bào các tôn giáo thờ cúng, lễ bái chứ tuyệt nhiên không hề chủ trương xóa bỏ tôn giáo. Vì Đảng ta coi đó là một trong những quyền tự do dân chủ của quần chúng. Nhà nước ta không cho phép ai xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng của quần chúng và

Digitized by Google

cũng không cho phép ai cưỡng ép quần chúng phải lễ bái, tôn thờ thần thánh mà thâm tâm họ không muốn, hoặc lợi dụng tôn giáo để ngụy trang những hành động phản cách mạng, chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân. *Đó là cách giải quyết thỏa đáng mặt không nhất trí.*

Bọn đế quốc đã ra sức lợi dụng tôn giáo để thực hiện chính sách xâm lược nước ta, thống trị nhân dân ta, chống lại sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Cho nên Đảng ta kiên quyết vạch trần và chống những âm mưu của bọn đế quốc lợi dụng tôn giáo, « kiên quyết đập tan những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của bọn đế quốc và bọn phản động núp trong tôn giáo » (6). Để làm việc này, Đảng ta dựa vào đông đảo quần chúng và lấy biện pháp ngăn ngừa là chính. Có lúc nào đó, bọn phản động đội lốt tôn giáo hoạt động chống phá cách mạng điên cuồng thì Nhà nước ta buộc phải xử lý bằng pháp luật. Điều đó không hề có nghĩa là khủng bố tôn giáo như bọn đế quốc và tay sai của chúng đã xuyên tạc.

Vì có một số giáo hội đã bị bọn đế quốc lợi dụng cho nên Đảng và Chính phủ ta chủ trương làm cho các tổ chức tôn giáo thoát khỏi ách của bọn đế quốc, trở lại với nhân dân, gắn bó với Tổ quốc và dân tộc ; làm cho đông đảo giáo sĩ thành những người mến dân yêu nước, ủng hộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta. Nội dung chính sách của Đảng ta đối với tôn giáo có thể tóm tắt như sau.

1 — Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng.

2 — Chăm lo đời sống quần chúng tín đồ, giáo dục, giúp đỡ quần chúng, vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Đảng đã đề ra.

3 — Chống âm mưu của bọn đế quốc và bọn phản động lợi dụng tôn giáo phá hoại Tổ quốc, dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

4 — Giúp các giáo hội thoát khỏi ách của bọn đế quốc, trở lại với nhân dân, gắn bó với Tổ quốc và dân tộc, làm cho đông đảo giáo sĩ trở thành những người mến dân yêu nước, ủng hộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chính sách đó đã được thể hiện qua nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước ta, đã được Quốc hội khóa I thông qua ngày 20-3-1955, và trở thành sắc lệnh do Hồ Chủ tịch ký ngày 14-6-1955. Thật vậy, « chính sách của Đảng về vấn đề *tôn giáo* từ trước đến nay là tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, tôn trọng quyền theo đạo hoặc không theo đạo của mọi công dân, đối xử bình đẳng về mặt pháp luật với các tôn giáo, đoàn kết tất cả những người yêu nước và tiến bộ trong các tôn giáo để cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước, chống những hoạt động lợi dụng tôn giáo để làm hại đến lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội » (7).

Chính nhờ có chính sách đó mà đồng bào các tôn giáo ở miền Bắc trong hàng chục năm qua đã yên tâm giữ đạo và góp phần tích cực vào công cuộc chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đạt được nhiều thành tích rực rỡ. Chính sách đó cũng đã có tác dụng tích cực trong việc đoàn kết các tầng lớp đồng bào miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Âm mưu lợi dụng tôn giáo của bọn đế quốc và tay sai đã bị thất bại thảm hại. Các giáo hội đều có những chuyển biến tích cực. Đông đảo giáo sĩ đều tuân theo pháp luật, chấp hành chính sách

(Xem tiếp trang 68)

(6), (7) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.

Digitized by Google

Nâng cao ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật

NGUYỄN-NGỌC-MINH

CÔNG cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước ta đang đặt ra nhiều vấn đề mới trong công tác quản lý của Nhà nước. Muốn làm tốt công tác quản lý về kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân, Nhà nước ta phải làm cho mọi người nghiêm chỉnh tôn trọng pháp luật. Đó là một điều rất quan trọng. Trong hoàn cảnh xã hội và điều kiện kinh tế của nước ta với những hậu quả của hàng chục năm chiến tranh, vấn đề nâng cao ý thức nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật Nhà nước cho mọi người nhằm bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, là một vấn đề có ý nghĩa to lớn.

Trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế, trong cán bộ và nhân dân ta, có nhiều biểu hiện tốt về việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật. Nhờ vậy, trong thời gian qua chúng ta mới đạt được những thành tích to lớn. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tốt đó, vẫn còn không ít những hiện tượng vi phạm pháp luật trên nhiều mặt, có khi nghiêm trọng, kéo dài, gây tác hại lớn, có ảnh hưởng xấu trong nhân dân. Tình trạng tham ô, móc ngoặc, ăn dút lót, bớt xén, làm việc tùy tiện, làm trái các chế độ, thể lệ, quy định của Nhà nước, vô trách nhiệm đối với công việc, khống chế, đe dọa, trả thù những người bảo vệ chân lý, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng... còn xảy ra ở nhiều nơi.

Những hiện tượng vi phạm pháp luật trong xã hội ta có nhiều nguyên nhân. Có việc là do thiếu hiểu biết pháp luật. Có vụ là do cố tình vi phạm pháp luật.

Song nhìn chung, chúng ta thấy nổi lên một điều là sự hiểu biết của cán bộ, nhân dân ta về bản chất và vai trò của pháp luật ta còn thấp.

Chủ nghĩa Mác cho rằng trong chế độ xã hội nào cũng vậy, pháp luật là ý chí, là công cụ của giai cấp thống trị. Dưới chế độ cũ, pháp luật là công cụ của bọn phong kiến, tư sản để đàn áp, bóc lột nhân dân lao động. Do sống lâu năm trong chế độ thực dân, phong kiến, chịu sự khống chế của pháp luật cũ, nhiều người dân đến nay vẫn còn tâm lý ác cảm đối với những người có trách nhiệm thi hành pháp luật và

Digitized by Google

có những quan niệm không đúng về vai trò và tác dụng của pháp luật mới. Khác hẳn với pháp luật của giai cấp bóc lột, pháp luật của ta là ý chí của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động, là công cụ của Nhà nước ta để thực hiện chuyên chính với bọn phản cách mạng, bọn phá hoại, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Nó còn là một đòn bẩy quan trọng để tổ chức và xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và mọi mặt đời sống. Pháp luật của ta bảo vệ quyền lợi của người dân, đồng thời quy định nghĩa vụ của họ đối với Tổ quốc. Nó thúc đẩy mọi người nâng cao trách nhiệm trong lao động sản xuất, trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, ngăn chặn những hành động tiêu cực. Pháp luật của ta phản ánh nội dung đạo đức xã hội chủ nghĩa, góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Chính nó thể hiện và cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng để mọi người chấp hành.

Nhà nước ta quản lý xã hội, quản lý kinh tế bằng pháp chế xã hội chủ nghĩa, nghĩa là bằng hệ thống luật lệ kinh tế và toàn bộ hệ thống pháp luật Nhà nước. Và như vậy, đường lối, chính sách và những nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước đề ra mới đi vào cuộc sống xã hội và được thực hiện đầy đủ. Vì hệ thống pháp luật của Nhà nước chính là công cụ quản lý hùng mạnh, đầy hiệu lực của Nhà nước ta.

Chỉ có thông qua Nhà nước, biến đường lối, chính sách của Đảng thành một hệ thống các nguyên tắc, chế độ, thể lệ với những quy định rõ ràng, cụ thể trong các lĩnh vực, mới có thể buộc mọi cơ quan Nhà nước và mọi công dân nghiêm chỉnh chấp hành, mới có thể tổ chức được hàng chục triệu quần chúng hoạt động chung trong một guồng máy kinh tế phức tạp để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy, nắm chắc và sử dụng thành thạo công cụ quản lý này chính là tự giác tuân theo những quy luật phát triển của xã hội ta. Sau khi giành được chính quyền và tình hình đã ổn định, Nhà nước chuyên chính vô sản phải đi vào quản lý kinh tế, quản lý xã hội bằng pháp chế. Có như vậy mới bảo đảm quy củ và cung cách quản lý của Nhà nước, xây dựng được nề nếp quản lý mới xã hội chủ nghĩa, « làm cho mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước đi vào quy chế chặt chẽ, thật sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể và bảo đảm quyền lợi của nhân dân, đồng thời đòi hỏi mọi công dân làm tròn nghĩa vụ và tuân theo pháp luật » (1).

Ảnh hưởng lâu đời của cách làm việc theo lối sản xuất nhỏ, tùy tiện, thiếu tổ chức, thiếu khoa học, cùng ảnh hưởng của tình trạng buông lỏng quản lý trong những năm chiến tranh đã tác động xấu đến ý thức tôn trọng pháp luật của nhiều người. Lối sản xuất kinh doanh với bất cứ giá nào, không tính toán đến hiệu quả kinh tế, lối làm việc tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, cục bộ, bản vị cũng thể hiện tư tưởng coi thường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Sở dĩ có hiện tượng vi phạm pháp luật một phần là do Nhà nước chưa có những quy định bổ sung cụ thể, đầy đủ đối với một số luật lệ để mọi người có chỗ dựa chấp hành nghiêm chỉnh, nhưng phần chủ yếu là do vô tình hay cố ý, người ta đã không tôn trọng những luật lệ, chế độ, thể lệ Nhà nước đã ban hành. Đáng chú ý là không ít người vì động cơ và mục đích sai trái đã cố tình không chấp hành hoặc chấp hành pháp luật một cách rất tùy tiện ; trong khi đó các cơ

(1) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, tạp chí *Học tập* số 12-1976, trang 132.

Digitized by Google

quan có trách nhiệm lại không xử lý thích đáng những vụ vi phạm pháp luật. Chúng ta cũng chưa tạo ra được một dư luận xã hội rộng rãi, nghiêm khắc lên án việc vi phạm pháp luật xã hội chủ nghĩa. Tình trạng đó đã làm giảm tác dụng của pháp luật, và phần nào gây ra tâm lý coi thường pháp luật.

Vì vậy, giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật cho mọi người là một trong những biện pháp cơ bản để củng cố và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

★

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, mọi người công dân đều bình đẳng trước pháp luật, đều phải tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, nghĩa là mọi cơ quan Nhà nước, mọi tổ chức xã hội, mọi cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước, mọi người dân đều phải tuân theo pháp luật và nếu vi phạm đều bị xử lý. Đó là một nguyên tắc cơ bản của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc này không cho phép bất cứ người nào có đặc quyền đặc lợi không tuân theo pháp luật và không bị xử lý khi vi phạm pháp luật, và cũng không tha thứ việc bao che những hành động phạm pháp. Có pháp luật mà pháp luật không được chấp hành thì cũng như không có pháp luật, và còn gây ra tâm lý tai hại là coi thường pháp luật Nhà nước. Lê-nin đã từng căn dặn mọi người: «Phải tuân theo từng ly từng tí những luật lệ và mệnh lệnh của chính quyền xô viết và đôn đốc mọi người tuân theo» (2); «đối với những hiện tượng hơi mất trật tự, hơi sai trái việc chấp hành nghiêm chỉnh những luật lệ của chính quyền xô viết, ta đều phải chú ý» (3), và những hiện tượng đó là «một lỗ hổng cho bọn thù địch của người lao động lợi dụng ngay» (4).

Vì vậy, muốn nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của mọi người, điều quan trọng trước hết là *làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, hướng dẫn thi hành pháp luật.* «Chúng ta không nên tưởng rằng có bộ máy Nhà nước trong tay, có pháp luật thì chỉ cần ra lệnh cho quần chúng tuân theo là mọi việc đều xong xuôi cả. Tưởng như thế là quan liêu, mệnh lệnh. Bất cứ chủ trương, chính sách gì, kể cả hiến pháp và pháp luật, quy chế và điều lệ, nếu không đem tuyên truyền phổ biến trong quần chúng nhân dân, kiên nhẫn giải thích, thuyết phục và giáo dục cho quần chúng hiểu và tự nguyện thi hành thì những cái đó cũng chỉ nằm trên tờ giấy» (5). Cho nên phải đưa pháp luật vào quần chúng để nâng cao tri thức và ý thức pháp chế xã hội chủ nghĩa của họ. Tuyên truyền, giáo dục tri thức và ý thức về mặt này là tuyên truyền, giáo dục quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về vị trí, vai trò của Nhà nước và pháp luật, về sự khác biệt giữa pháp luật xã hội chủ nghĩa và pháp luật tư sản, phong kiến và tác dụng to lớn của pháp luật xã hội chủ nghĩa trong việc quản lý kinh tế và xã hội của Nhà nước; về tinh thần tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, về thái độ đấu tranh không khoan nhượng chống những hành động vi phạm pháp luật. Đồng thời tuyên truyền phổ biến cả những nội dung cụ thể của các luật lệ, nhất là làm cho mỗi người dù ở cương vị nào cũng đều nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

Việc xuất bản rộng rãi những cuốn sách nhỏ, viết dễ hiểu về pháp luật, việc nói chuyện pháp luật trong những cuộc họp hoặc trên đài phát thanh, đài truyền hình, trên báo, việc phổ biến các chính sách, chế độ, thể

(2) (3), (4) V. Lê-nin: *Bàn về pháp chế xã hội chủ nghĩa*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 169 — 170.

(5) Trường-Chinh: *Về công tác mặt trận hiện nay*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1972, trang 56.

Digitized by Google

lệ, quy định của Nhà nước trong các cơ quan, xí nghiệp..., việc in và phát hành rộng rãi những văn bản pháp luật hiện hành trong các tầng lớp nhân dân, việc giảng dạy pháp luật trong các trường Đảng, trường hành chính, trường đại học, trường trung học chuyên nghiệp và trường phổ thông, v.v... đều có tác dụng thiết thực nâng cao hiểu biết và ý thức của mọi người đối với pháp luật. Về mặt này, chúng ta còn thấy những phiên tòa xét xử công khai trước đông đảo quần chúng vừa có tác dụng trực tiếp tuyên truyền giáo dục pháp luật trong đông đảo quần chúng một cách sinh động, vừa tạo nên dư luận quần chúng lên án những hành động vi phạm pháp luật. Khi quần chúng đã hiểu biết và có ý thức tôn trọng và bảo vệ pháp luật, thì sẽ có dư luận xã hội rộng rãi ủng hộ những hành động tuân thủ pháp luật, phê phán mạnh mẽ những hành động vi phạm pháp luật. Dư luận xã hội, sự đấu tranh tích cực của quần chúng có khi còn mạnh hơn cả sự cưỡng chế của Nhà nước.

Đương nhiên, việc tuyên truyền giáo dục pháp luật cần có nội dung và hình thức thích hợp, sinh động, phù hợp với từng đối tượng và yêu cầu của từng nơi, từng lúc, và làm một cách có hệ thống, thường xuyên, rộng khắp.

Việc tuyên truyền giáo dục pháp luật chỉ có hiệu quả khi *bản thân các cơ quan Nhà nước, các cán bộ, đảng viên gương mẫu tôn trọng và chấp hành pháp luật*. Đây là chỗ dựa để nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của mọi người. Thực tế cho thấy nơi nào cơ quan Nhà nước, cán bộ, đảng viên gương mẫu chấp hành pháp luật, thì nơi đó quần chúng cũng chấp hành tốt pháp luật; nơi nào làm ngược lại, thì nơi đó quần chúng thường vi phạm pháp luật, công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật không có kết quả. Quần chúng luôn luôn trông vào hành động của cơ quan Nhà nước, của cán bộ, đảng viên. Những vụ vi phạm pháp luật trong các cơ quan Nhà nước, trong các cán bộ, đảng viên có ảnh hưởng xấu về nhiều mặt, nhất là làm giảm sút ý thức tôn trọng pháp luật của mọi người. Cơ quan Nhà nước chính là nơi đề ra các chế độ, thể lệ, quy định mà lại vi phạm những cái đó thì còn có thể buộc ai thi hành được nữa. Cán bộ, đảng viên là người lãnh đạo quần chúng mà lại vi phạm pháp luật thì làm sao có thể hướng dẫn quần chúng nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Trong hoàn cảnh Đảng lãnh đạo chính quyền, được nhân dân hết lòng ủng hộ và tin tưởng, một yêu cầu rất cao được đặt ra là người cán bộ, đảng viên dù ở cương vị nào cũng phải chịu sự ràng buộc của pháp luật và phải gương mẫu tuân theo pháp luật. Có thế, kỷ luật của Đảng, kỷ cương của Nhà nước mới được giữ vững, Đảng và Nhà nước ta mới được nhân dân tin yêu.

Một điều rất quan trọng và có tác dụng rất thiết thực hiện nay để nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật là *hễ có vi phạm dù nhỏ hay lớn đều phải được xử lý nghiêm minh, không bỏ qua, không bao che*. Vi phạm pháp luật mà không bị xử lý thì pháp luật không còn hiệu lực nữa.

Xử lý không phải chỉ là tù tội. Có nhiều hình thức xử lý, tùy tính chất sai phạm và mức độ tác hại mà dùng kỷ luật đoàn thể, kỷ luật hành chính hoặc pháp luật, và khi xử lý, cần có thái độ nghiêm minh, hợp tình hợp lý. Song điều cần nhấn mạnh ở đây là dù động cơ, tính chất phạm tội và tác hại như thế nào, dù người vi phạm ấy là ai thì cũng phải *nghiêm*, phải *đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa*. *Nghiêm* là ở thái độ xử trí của tổ chức, của cơ quan có trách nhiệm, không bàng quan, dửng dưng, không xuê xoa, nể nang, bỏ qua; là ở thái độ xử lý công minh của pháp luật; là ở

Digitized by Google

thái độ lên án của quần chúng, của tập thể. Nghiêm không phải là đối với bất cứ sai phạm nào cũng truy tố, bỏ tù. Vì pháp luật của ta không chỉ có mục đích trấn áp, trừng trị, mà còn nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa. Việc đưa ra xét xử một trường hợp phạm tội nào đó cũng không phải chỉ nhằm mục đích duy nhất là trừng trị kẻ phạm tội đó, mà còn nhằm một mục đích cao hơn, lớn hơn là nâng cao sự hiểu biết pháp luật và ý thức tôn trọng và bảo vệ pháp luật của mọi người, răn đe, ngăn ngừa những trường hợp phạm pháp khác có thể xảy ra. Nghiêm là ở chỗ xử lý đúng mức, kịp thời và có hiệu lực. Có nghiêm thì mới có kỷ luật, có ý thức pháp chế. Không nghiêm đối với những vụ vi phạm pháp luật sẽ gây ảnh hưởng xấu đến ý thức và lòng tin của quần chúng đối với pháp luật Nhà nước.

Để nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của mọi người, việc *đẩy mạnh công tác xây dựng và bổ sung, sửa đổi những luật lệ, chế độ, quy định của Nhà nước* cũng rất cần thiết. Vì có như thế, mọi người mới có hướng hành động, biết được cái gì là hợp pháp, cái gì không hợp pháp, cái gì cần ủng hộ, bảo vệ, cái gì phải lên án. Có những luật lệ, quy định đầy đủ và đúng đắn thì sẽ làm cho bất cứ ai được đặt trong những điều kiện nhất định cũng không thể làm khác được; và điều đó góp phần xây dựng ý thức tự giác chấp hành pháp luật.

Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật được tiến hành một cách chặt chẽ và thường xuyên chắc chắn sẽ tác động mạnh đến ý thức pháp chế của mọi người. Bằng nhiều hình thức kiểm tra và giám sát thích hợp do Nhà nước, tập thể hoặc nhân dân tiến hành có thể vạch ra kịp thời ai là người tôn trọng pháp luật, ai là người vi phạm pháp luật, ngăn ngừa những hiện tượng xấu có thể xảy ra, và xử lý nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm pháp luật.

★

Nâng cao ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của mọi người là một công tác giáo dục và tổ chức về nhiều mặt. Nó vừa có tính chất cấp bách trước mắt, vừa có tính chất lâu dài. Nếu các cấp ủy Đảng quan tâm lãnh đạo, các cơ quan Nhà nước tích cực thực hiện, và quần chúng nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể của mình tích cực hưởng ứng, thì công tác này chắc chắn đạt kết quả tốt.

Cách mạng xã hội...

(Tiếp theo trang 63)

của Đảng, Chính phủ và góp phần vào sự nghiệp chung của dân tộc.

★

Chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước ta không phải là một chính sách nhất thời mà là lâu dài. Nó xuất phát từ bản chất tốt đẹp của chế độ ta, và xuất phát từ nhận thức khoa học của Đảng ta đối với quan hệ giữa tồn tại và ý thức xã hội. Chính sách đó đã có tác dụng tích cực to lớn đoàn kết tín đồ các tôn giáo trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Đồng bào các tôn giáo ngày càng yên tâm và phấn khởi, ngày càng gắn bó với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa, ngày càng hăng hái thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, ra sức xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới. Đồng bào có tín ngưỡng ngày càng hiểu rõ rằng trong chế độ xã hội chủ nghĩa mới thật sự kết hợp được việc đời và việc đạo, chẳng những người có đạo được tự do tín ngưỡng mà đời sống trần thế của họ cũng được bảo đảm và ngày càng được nâng cao.

Digitized by Google

Những thành tựu xuất sắc của Cộng hòa dân chủ Đức trong giai đoạn đầu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển

YẾN - VÂN

TRONG khung cảnh phát triển chung về kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa, những thành tựu rực rỡ của nước Cộng hòa dân chủ Đức, tiền đồn phía Tây của hệ thống xã hội chủ nghĩa, đang làm cho nhân dân Việt-nam hết sức phấn khởi và tự hào.

Từ cảnh hoang tàn sau chiến tranh, với những thương tích trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nước Cộng hòa dân chủ Đức đã vươn lên, lớn mạnh nhanh chóng, nêu một tấm gương sáng về xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Ngày nay, mặc dù chỉ có 17 triệu dân, Cộng hòa dân chủ Đức là một trong 10 cường quốc công nghiệp trên thế giới. Đó là một thực tế sinh động chứng minh học thuyết thiên tài của Mác — Ăng-ghen về chủ nghĩa xã hội khoa học ngay trên đất nước của các ông. Nó chứng minh sức sống mãnh liệt của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Đức, thể hiện tính ưu việt hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa so với chế độ tư bản chủ nghĩa luôn luôn bị khủng hoảng và bị những cuộc xung đột xã hội làm rung chuyển. Trước đây, bọn đế quốc đã không cam chịu chấp nhận sự tồn tại của Nhà nước Đức xã hội chủ nghĩa. Chúng luôn phỏng đoán về sự sụp đổ của Nhà nước đó, dùng mọi cách để phá rối, luôn tìm cách thôn tính và đưa nước Cộng hòa dân chủ Đức vào phạm vi thống trị của chủ nghĩa đế quốc. Nhưng, âm mưu của chủ nghĩa đế quốc đã thất bại. Bức tường phong tỏa về ngoại giao, chiến tranh kinh tế, và cả những hành động đe dọa về quân sự cũng không ngăn cản nổi nước Cộng hòa dân chủ Đức trở thành một Nhà nước xã hội chủ nghĩa lớn mạnh.

Từ Đại hội lần thứ 8 của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức (6-1971) đến nay, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước Cộng hòa dân chủ Đức, bằng lao động sáng tạo và cần cù, đã đạt được những thành tựu rực rỡ chưa từng thấy. Những mục tiêu đề ra trong kế hoạch 5 năm

Digitized by Google

(1971 — 1975) đã được thực hiện và trên những lĩnh vực quan trọng đã được thực hiện vượt mức. Có thể nói thời gian vừa qua là thời kỳ phát triển toàn diện, cân đối, mạnh mẽ của nước Cộng hòa dân chủ Đức.

Lần đầu tiên, thu nhập quốc dân của Cộng hòa dân chủ Đức lên tới 141 tỷ mác, tăng 30,1% so với năm 1970, vượt chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 10,2 tỷ mác. Sản lượng công nghiệp năm 1975 đạt tới 235,4 tỷ mác, tăng 6,5% so với năm 1970, vượt chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 14,5 tỷ. Điều đặc biệt là mức tăng do tăng năng suất lao động chiếm tới 98% trong tổng số tăng của thu nhập quốc dân và chiếm 86% trong tổng số tăng về sản lượng công nghiệp. Chưa ở đâu và chưa bao giờ việc tăng năng suất lao động lại đem lại kết quả lớn như ở Cộng hòa dân chủ Đức trong 5 năm qua. Kết quả do tăng năng suất lao động đem lại tương đương với kết quả lao động của 1.900.000 người làm việc ăn lương. Nếu năm 1949, Cộng hòa dân chủ Đức cần có 30 người làm việc mới tạo ra được 100.000 mác thu nhập quốc dân thì năm 1975 chỉ cần 5 người. Năm 1949, một công nhân chỉ tạo ra được 14.000 mác về sản lượng công nghiệp xây dựng, năm 1975 tạo ra được 75.000 mác.

Sản xuất nông nghiệp đã thỏa mãn nhu cầu lương thực cơ bản của cả nước, nhất là về thực phẩm. Hiện nay bình quân đầu người đạt 77,8 kg thịt, 102 lít sữa, 268 quả trứng trong một năm.

Số tiền đầu tư trong kế hoạch 5 năm 1971 — 1975 lên tới 183 tỷ mác, bằng tổng số vốn đã bỏ ra trong 15 năm từ 1950 đến 1965, tăng 30% so với kế hoạch trước, chủ yếu dành cho việc phát triển cơ sở năng lượng, nguyên liệu và các ngành then chốt như: cơ khí, hóa chất, điện tử, kỹ thuật điện.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối. Trong công nghiệp, hình thức công tư hợp doanh không còn, sở hữu Nhà nước chiếm tới 99,4%, thành phần hợp tác xã còn 5%, thành phần tư nhân còn 1%.

Những thành tựu xuất sắc về kinh tế tạo điều kiện thực hiện một chương trình rộng lớn về phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân: 4 triệu người lao động (hơn 50% tổng số lao động) được tăng lương, 3 triệu người về hưu được tăng phụ cấp từ 30 đến 40%. Thu nhập thực tế bằng tiền của nhân dân tăng trung bình hằng năm 4,8% (kế hoạch đề ra là 4%). Thực phẩm và hàng tiêu dùng tăng 22%, giá cả ổn định. Hơn 60 vạn căn nhà được xây mới và hiện đại hóa.

★

Có nhiều nhân tố tạo nên thắng lợi, trong đó đường lối phát triển kinh tế do Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đề ra đóng vai trò hết sức quan trọng.

Sau khi tiến hành thắng lợi hai quá trình cách mạng: xóa bỏ hậu quả chiến tranh và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, ở Cộng hòa dân chủ Đức đã có những tiền đề kinh tế và xã hội cho việc mở ra một giai đoạn mới trên con đường tiến tới chủ nghĩa cộng sản. Đại hội lần thứ 8 của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đã xác định giai đoạn mới đó là giai đoạn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển và đề ra những nhiệm vụ cơ bản phải được giải quyết trong quá trình xây dựng xã hội đó.

Theo cương lĩnh của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển là tạo ra những điều kiện cơ bản cho bước quá độ dần dần lên chủ nghĩa cộng sản. Đó là quá trình biến đổi sâu sắc về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và tinh thần. Nhiệm vụ

Digitized by Google

chủ yếu phải thực hiện trong quá trình đó là : tiếp tục nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân trên cơ sở phát triển với nhịp độ cao nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh tiến bộ khoa học kỹ thuật và tăng năng suất lao động.

Để đạt mục tiêu đó, Cộng hòa dân chủ Đức tập trung **xây dựng một cơ sở vật chất kỹ thuật cao, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển vững chắc.** Không thể có xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển nếu không có cơ sở vật chất kỹ thuật có khả năng tạo ra một năng suất cao, nếu không có các khu vực kinh tế phát triển cao và ổn định, nhất là không có hiệu suất lao động cao.

Từ sau Đại hội lần thứ 8 của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, 40% thiết bị công nghiệp đã được đổi mới, trong đó, có một nửa là thiết bị tự động hoàn toàn hoặc bộ phận. Gần 40% thiết bị hiện nay của nền kinh tế được sản xuất trong 5 năm qua. Vốn cố định đạt tới con số chưa từng có ở Cộng hòa dân chủ Đức : 577 tỷ mác, tăng 110 tỷ so với năm 1970.

Công nghiệp góp phần quyết định vào sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Cộng hòa dân chủ Đức chú trọng tận dụng mọi vốn sản xuất, cải tạo một cách sâu rộng cơ sở kỹ thuật của công nghiệp, tăng cường tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất công nghiệp, đồng thời hiện đại hóa các phương tiện sản xuất nhằm nâng cao khả năng hoạt động và lực lượng sức sản xuất của ngành công nghiệp.

Ngày nay, Cộng hòa dân chủ Đức có một nền công nghiệp hiện đại, có lực lượng sản xuất lớn. Ngày nay, chỉ trong vòng gần 7 tuần, ngành công nghiệp tạo ra được một khối lượng sản phẩm bằng cả năm 1949. Sản lượng tăng từ 25 tỷ mác năm 1948 lên 235,4 tỷ mác năm 1975. Đến năm 1975, trong một giờ, công nghiệp Đức sản xuất ra được một giá trị sản lượng bằng 100 triệu mác.

Cơ sở năng lượng và nguyên liệu được mở rộng, bảo đảm việc cung cấp nguyên liệu, vật liệu và năng lượng cho các ngành sản xuất, đồng thời cho phép sử dụng năng lượng và nguyên liệu một cách có hiệu quả nhất. Ngày nay, cứ trong 100 mác do công nghiệp tạo ra thì 30 mác là của ngành công nghiệp nguyên liệu cơ bản, 35 mác là của công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm.

Sản lượng ngành chế tạo máy tăng 137% so với năm 1970. Mặc dù Cộng hòa dân chủ Đức hầu như thiếu hẳn cơ sở của ngành công nghiệp luyện kim, nhiều loại máy công cụ dùng trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp đã được tăng cường, bổ sung vào sản xuất.

Với việc khôi phục và đưa vào sản xuất các thiết bị mới, ngành hóa chất đã tăng sản lượng hàng hóa lên 148%. Một số hóa chất cơ bản đã đạt được mức tăng cao. Việc sử dụng chất rắn còn lại của dầu mỏ để sản xuất sợi tổng hợp và chế biến các loại hàng hóa chất khác được thực hiện vượt mức.

Ngành kỹ thuật điện và điện tử đạt nhịp độ phát triển cao nhất trong các ngành công nghiệp, năm 1975 tăng 155% so với năm 1970.

Tại Đại hội lần thứ 8, Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức nêu lên một vấn đề mới, được xem là tư tưởng cơ bản để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Đại hội đã **xác lập sự gắn bó hữu cơ giữa chính sách kinh tế và chính sách phúc lợi xã hội.** Muốn từng bước cải thiện mức sống của người lao động, con đường tất yếu là phải phát triển nền sản xuất xã hội chủ nghĩa với nhịp độ cao, trên cơ sở đẩy mạnh tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng năng suất và nâng cao hiệu suất lao động. Như vậy,

Digitized by Google

trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, chính sách kinh tế và chính sách phúc lợi xã hội phải được thực hiện trong một thể thống nhất, có mối liên hệ hữu cơ và tác động lẫn nhau: Muốn tiêu dùng nhiều hơn phải sản xuất nhiều hơn! và: Chỉ hưởng những gì chúng ta làm ra chứ không thể hưởng nhiều hơn cái chúng ta có.

Tư tưởng này được quán triệt đến tận người lao động. Trong cuộc sống, nhân dân ngày càng thấy sâu sắc rằng những thành tựu trong sản xuất tăng cường sức mạnh của đất nước, đồng thời cũng đem lại lợi ích thiết thực cho mỗi người dân. Sự thống nhất giữa lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân đã trở thành **động lực quyết định** đối với sản xuất.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn đó, phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa được dấy mạnh, thể hiện tri sáng tạo, nhiệt tình và sức mạnh to lớn của quần chúng. Một mặt, Đảng thực hiện triệt để nguyên tắc «làm theo khả năng, hưởng theo năng suất», tạo ra những động lực mới trong xây dựng và phát triển kinh tế, mặt khác, củng cố quan điểm lao động xã hội chủ nghĩa, khuyến khích tinh thần hăng say lao động và ý thức trách nhiệm đối với xã hội, nhằm làm cho lao động xã hội chủ nghĩa trở thành một nhu cầu trong cuộc sống.

Nét đặc trưng trong tình hình xây dựng kinh tế ở đây là phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất rất rầm rộ, đưa lại hiệu quả to lớn. Hiện nay cứ 4 người dân thì có một người tham gia đội ngũ những người sáng tạo này. Từ năm 1971 đến nay, những sáng kiến phong phú của họ đã làm lợi cho xã hội 16 tỷ mác. Năm 1973, những cải tiến của họ tiết kiệm được 100 triệu giờ công.

Để khuyến khích tinh thần sẵn sàng lao động, tri sáng tạo của công nhân, Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức chú trọng tạo ra những điều kiện làm việc tốt, bảo đảm cho công nhân sản xuất một cách trật tự, an toàn và có kỷ luật. Việc phát triển và tận dụng hợp lý khả năng từng người lao động được chú trọng. Mỗi người đều được sử dụng phù hợp với trình độ kiến thức và khả năng tay nghề. Việc tổ chức lao động một cách khoa học cũng như việc phân loại và định mức lao động chính xác đã tạo điều kiện tăng năng suất lao động, đồng thời giảm nhẹ lao động cho công nhân. Tận dụng thời gian lao động, tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu là những nhiệm vụ phải được thực hiện, có pháp luật quy định.

Điều kiện tiên quyết để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển là sự thống trị không chia sẻ của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Trong 5 năm qua, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở Cộng hòa dân chủ Đức tiếp tục phát triển và củng cố. Việc đó đã gây nên không khí phấn khởi, góp phần căn bản vào việc tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhân tố đó ngày càng phát triển, là cơ sở tạo nên những bước tiến trong xây dựng kinh tế, và cũng sẽ tạo nên những thắng lợi nhảy vọt trong tương lai.

Tăng năng suất lao động và tăng hiệu suất kinh tế thông qua việc phát triển theo chiều sâu ở tất cả các ngành trong nền kinh tế trở thành điểm mấu chốt để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Với sức lao động không nhiều, Cộng hòa dân chủ Đức xem tăng năng suất lao động là nguồn động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế, tăng thu nhập quốc dân, và nâng cao mức sống của mọi người.

Việc tăng cường sản xuất xã hội theo chiều sâu đòi hỏi phải hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện cơ cấu sản xuất, nâng cao từng bước việc sử dụng các máy móc thiết bị tổng hợp, cơ khí, nửa tự động và tự động.

Digitized by Google

Sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật là nhân tố chủ yếu, có tác dụng quyết định đối với việc phát triển sản xuất theo chiều sâu. Kinh nghiệm cho thấy mọi sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế đều được quyết định bởi những tiến bộ của khoa học kỹ thuật và việc áp dụng nhanh chóng và thật có lợi những tiến bộ đó trong sản xuất. Vì vậy Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đặc biệt chú ý tăng cường công tác khoa học kỹ thuật, bảo đảm bước đi trước của khoa học, chú trọng công tác nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng nhằm đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất một cách nhanh chóng và trên một phạm vi rộng lớn. Hoạt động khoa học kỹ thuật ngày càng hướng vào những đòi hỏi của việc tăng cường phát triển theo chiều sâu. Sự hợp tác giữa các xí nghiệp liên hợp, các cơ sở công nghiệp, các xí nghiệp với Viện hàn lâm khoa học, các trường đại học và cao đẳng được đẩy mạnh. Giai cấp công nhân Đức nêu cao vai trò tiên phong, góp phần xứng đáng vào công tác phát triển khoa học kỹ thuật, giữ vai trò quyết định trong việc áp dụng vào sản xuất những thành tựu mới của khoa học kỹ thuật. Tinh thần cộng tác xã hội chủ nghĩa giữa công nhân, kỹ sư và các nhà khoa học đã đem lại những thành tựu to lớn. Nhờ áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại, 22.000 sản phẩm, phương pháp công nghệ mới hoặc cải tiến đã được đưa vào sản xuất.

Một nền công nghiệp hiện đại phải được bổ sung bằng một nền nông nghiệp lớn mạnh. Đại hội lần thứ 8 của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đề ra việc đẩy mạnh **thâm canh và áp dụng phương pháp sản xuất công nghiệp vào nông nghiệp** nhằm làm cho trình độ sản xuất, năng suất lao động, và hiệu quả sản xuất của nông nghiệp phù hợp với đặc điểm của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Đó là đường lối cơ bản và cũng là đặc điểm nổi bật nhất trong sản xuất nông nghiệp ở Cộng hòa dân chủ Đức.

Việc cung cấp đầy đủ lương thực và thực phẩm có chất lượng cao cho nhân dân cũng như cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp đòi hỏi nông nghiệp phải thành lập những đơn vị sản xuất lớn mà nét tiêu biểu là chuyên môn hóa và tập trung hóa theo ngành và theo lãnh thổ ở trình độ cao. Nhiều hình thức hợp tác giữa các hợp tác xã với nhau hoặc giữa các hợp tác xã với nông trường quốc doanh được khuyến khích mở rộng. Các liên doanh trồng trọt được thành lập, mở ra cho nông dân tập thể nhiều khả năng tạo ra những xí nghiệp chuyên canh. Nhiều kiến thức khoa học được áp dụng, những kỹ thuật có công suất cao được tận dụng, ảnh hưởng không thuận lợi của thời tiết được hạn chế dần.

Liên doanh mở ra khả năng hoạt động rộng lớn cho người nông dân và công nhân nông nghiệp. Không những người nông dân cá thể với nền sản xuất riêng lẻ không còn nữa mà ngay cả ranh giới của một làng cũng không còn ý nghĩa đối với nền sản xuất. Người xã viên làm việc trong các liên doanh với những quan niệm hoàn toàn khác trước. Sở hữu tập thể về ruộng đất, súc vật và kỹ thuật là cơ sở của nếp suy nghĩ và hành động của họ. Họ tập trung lại trong các đội của liên doanh, trở thành một tập thể phụ trách một hệ thống máy móc chịu trách nhiệm trong những lĩnh vực công tác mới, được tổ chức một cách hợp lý. Vấn đề mà họ phấn đấu là đạt năng suất lao động cao, sản lượng cao, giá thành hạ, sử dụng ruộng đất một cách có hiệu quả nhất.

Giữa liên doanh trồng trọt và những xí nghiệp kỹ thuật, những trung tâm hóa học nông nghiệp có sự hợp tác chặt chẽ với nhau. Đó là điểm

Digitized by Google

nựa của giai cấp công nhân ở nông thôn vì sự hợp tác này tạo điều kiện cho thâm canh và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Những công nhân làm việc trong các xí nghiệp kỹ thuật nông nghiệp cũng như trong các trung tâm hóa học nông nghiệp cũng có trách nhiệm phấn đấu để liên doanh có năng suất cao và ổn định.

Vấn đề được coi là then chốt, ảnh hưởng quyết định đến sản xuất nông nghiệp là vấn đề tập trung vốn vào việc tạo ra những hệ thống máy móc có khả năng cải tạo đất trên diện tích lớn, những máy sấy, máy nghiền thức ăn gia súc, những thiết bị trồng cây mùa đông, nhà kho... cải thiện điều kiện làm việc và sinh hoạt của xã viên và công nhân.

Vấn đề đào tạo và bồi dưỡng kỹ thuật cho xã viên được xem là một yêu cầu hàng đầu. Việc chuyển sang sản xuất theo phương pháp công nghiệp đòi hỏi mỗi người xã viên phải được đào tạo về kỹ thuật hiện đại của máy kéo, xe vận tải, máy gặt đập, máy thu hoạch củ cải đường, thu hoạch khoai tây, v.v... Nó cũng đòi hỏi người làm nông nghiệp phải biết nhiều nghề hơn, như cả việc sửa chữa máy kéo và các máy công cụ khác. Hiện nay, ở Cộng hòa dân chủ Đức có khoảng một nửa số người lao động trong nông nghiệp đã được đào tạo để làm việc với kỹ thuật mới. Trình độ chính trị, văn hóa cũng như trình độ nghiệp vụ chuyên môn được nâng cao. Công tác nghiên cứu khoa học nông nghiệp được tăng cường. Cộng hòa dân chủ Đức có Viện hàn lâm khoa học nông nghiệp đặt tại Bécлin, 240 viện nghiên cứu, hàng trăm trạm thí nghiệm với một đội ngũ đông đảo cán bộ chuyên môn lành nghề ở rải rác khắp nơi trong nước. Nhiều cán bộ chuyên môn cao cấp cũng về làm việc ở các cơ sở sản xuất. Trong quá trình cách mạng, thông qua những biện pháp phong phú về nâng cao trình độ sản xuất và xóa bỏ lao động chân tay nặng nhọc, sự cách biệt giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa nông dân và công nhân, giữa nông thôn và thành thị dần dần được thu hẹp.

★

Thắng lợi của Cộng hòa dân chủ Đức trong 5 năm qua là một trong những thắng lợi điển hình của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở những thắng lợi đó, Đại hội lần thứ 9 của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức (6-1976) đã đề ra kế hoạch 5 năm mới (1976 – 1980) nhằm tiếp tục đưa công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển lên những đỉnh cao mới.

Dự kiến đến năm 1980 thu nhập quốc dân tăng 27 – 30% so với năm 1975. Cũng trong thời gian đó, sản lượng công nghiệp tăng 34 – 36%, sản lượng cây trồng tăng 20%, thịt và sữa tăng 9%, hàng tiêu dùng tăng 21 – 23%.

Đại hội lần thứ 9 của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đã đề cập đến vấn đề hoàn thiện xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển và chuyển dần sang chủ nghĩa cộng sản. Tất cả các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, phương thức sản xuất và ý thức xã hội mới đang hình thành, tạo điều kiện cơ bản cho bước quá độ đó. Những năm 1976 – 1980 được xem là thời kỳ quan trọng trong giai đoạn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở Cộng hòa dân chủ Đức. Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản đang nằm trong mục tiêu phấn đấu của nhân dân Cộng hòa dân chủ Đức anh em. Chúng ta tin chắc rằng nhân dân Cộng hòa dân chủ Đức sẽ tiến nhanh, tiến mạnh đến mục tiêu đó.

Digitized by Google

CÁCH MẠNG MÔ-DĂM-BÍCH ĐANG VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN

LÊ-TỊNH

NƯỚC Cộng hòa nhân dân Mô-dăm-bích ở phía Đông Nam châu Phi, rộng hơn 784.000km^2, có khoảng 10 triệu dân. Mô-dăm-bích là một nước nông nghiệp, có nhiều loại nông sản, trong đó, sản xuất cùi dừa khô đứng hàng thứ nhất và chè đứng hàng thứ ba ở châu Phi. Rừng có nhiều gỗ quý. Khoáng sản phần lớn chưa khai thác. Nguồn thủy năng rất lớn. Nhà máy thủy điện Ca-bô-ra Bát-xa khi hoạt động sẽ có sản lượng 17 tỷ ki-lô-oát/giờ/năm, và là một trong những công trình thủy điện lớn nhất châu Phi. Bờ biển Mô-dăm-bích nhìn ra Ấn-độ-dương, dài 2.795km, là bờ biển đẹp vào loại nhất trên thế giới, có nhiều hải cảng quan trọng và là nơi thông ra biển cho nhiều nước giáp với Mô-dăm-bích ở phía tây như Rô-đê-di-a, Xoa-di-len, Ma-la-uy Dăm-bi-a.

Trước kia, Mô-dăm-bích, là một vương quốc giàu có, có nền văn minh tương đối cao. Nhưng trong hơn 5 thế kỷ thống trị, bọn thực dân Bồ-đào-nha đã duy trì ở Mô-dăm-bích một chế độ bóc lột thuộc địa rất dã man và chính sách phân biệt chủng tộc tàn bạo, đã kìm hãm nhân dân Mô-dăm-bích trong cảnh lầm than cực nhục suốt mấy trăm năm. Cuộc chiến tranh đàn áp thuộc địa do bọn thực dân Bồ-đào-nha tiến hành trong hơn 10 năm ở Mô-dăm-bích càng làm cho tình hình xã hội và kinh tế nước này thêm tồi tệ.

Nhưng trong suốt quá trình bị đô hộ, nhân dân Mô-dăm-bích luôn luôn anh dũng vùng dậy đấu tranh chống lại bọn thống trị thực dân. Từ những năm 30 của thế kỷ này, các cuộc đấu tranh đó ngày càng mạnh mẽ. Cuối những năm 50 và đầu những năm 60, nhiều tổ chức đấu tranh giải phóng dân tộc được thành lập trong số những người Mô-dăm-bích sinh sống ở các nước chung quanh, và từ đó, đi đến sự thành lập Mặt trận giải phóng Mô-dăm-bích, gọi tắt là Phơ-rê-li-mô, vào tháng 6 năm 1962. Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Mô-dăm-bích. Từ đó, nhân dân Mô-dăm-bích có một tổ chức cách mạng thống nhất và vững mạnh lãnh đạo. Cũng từ đó, dưới sự lãnh đạo của Phơ-rê-li-mô, nhân dân Mô-dăm-bích đã tiến hành cuộc đấu tranh anh dũng nhất trong lịch sử của mình, và đã giành được độc lập trong tay thực dân Bồ-đào-nha từ ngày 25-6-1975.

Ngày nay, nhân dân Mô-dăm-bích hoàn toàn làm chủ đất nước mình. Bọn thực dân Bồ-đào-nha đã để lại di sản nặng nề: trên 98% nhân dân trong tình trạng mù chữ. Nhưng chỉ 2 năm sau ngày độc lập, hàng triệu người lớn đã biết đọc biết viết. Chính quyền nhân dân đã quốc hữu hóa ngành công nghiệp của bọn thực dân và tư sản mại bản, bãi bỏ hệ thống trường học tư nhân, phân phối nhà ở cho những gia đình nghèo, chia ruộng đất cho nông dân thiếu ruộng và từng bước tổ chức nông dân theo con đường làm ăn tập thể...

Một nét nổi bật của cách mạng Mô-

Digitized by Google

dăm-bích là quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc vừa là quá trình chiến đấu đánh đuổi bọn thực dân, vừa là quá trình đoàn kết và thống nhất các bộ tộc trong nước. Trước đây, bọn thực dân đã lợi dụng và khơi sâu sự cách biệt giữa các bộ tộc, làm cho họ không thể đoàn kết với nhau để chống lại ách thống trị nước ngoài. Quá trình đấu tranh vũ trang ác liệt để giải phóng dân tộc đã có tác dụng đoàn kết và thống nhất các bộ tộc, xác lập ý thức dân tộc, củng cố và nâng cao lòng yêu nước; đó là quá trình chống lại những tàn dư của tư tưởng bộ tộc, của chủ nghĩa bộ lạc, phân tán, bè phái. Tàn dư tư tưởng đó có lúc đã biểu hiện thành xu hướng bè phái chính trị phản động trong nội bộ ban lãnh đạo Phơ-rê-li-mô và đã bị lực lượng cách mạng đứng đầu là Chủ tịch S. Ma-sen đập tan.

Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, Phơ-rê-li-mô luôn luôn xác định đúng đối tượng của cách mạng, cũng như động lực và lực lượng cách mạng. Kẻ thù cụ thể của nhân dân lúc đó rõ ràng là bọn thực dân Bồ-đào-nha có sự giúp sức của chủ nghĩa đế quốc trên thế giới do đế quốc Mỹ đứng đầu, kể cả sự tiếp tay độc ác của bọn phân biệt chủng tộc ở Nam Phi và Rô-đê-di-a, cùng bọn tay sai phản động bản xứ. Trong giai đoạn hiện nay, kẻ thù cụ thể của cách mạng Mô-dăm-bích là các giai cấp và thế lực phản động trong nước đang muốn duy trì ở Mô-dăm-bích ách đô hộ về chính trị và kinh tế của chủ nghĩa thực dân mới, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, là kẻ thù của nhân dân toàn thế giới và của nhân dân Mô-dăm-bích. Chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi và Rô-đê-di-a là kẻ thù thường trực bên ngoài của cách mạng Mô-dăm-bích. Phơ-rê-li-mô xác định nhiệm vụ của nhân dân Mô-dăm-bích trong giai đoạn cách mạng hiện nay là: tiếp tục nâng cao cảnh giác, kiên quyết chống trả những cuộc tập kích từ bên ngoài của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, củng cố nền an ninh đất nước; đồng thời tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân, xây dựng chính quyền công nông, thiết lập quyền làm chủ của nhân dân lao động, xây dựng cơ sở chính trị, tư tưởng và vật chất kỹ thuật cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sau này, tiến lên xây dựng một xã hội mới, không có người bóc lột người, một xã hội theo chủ nghĩa xã hội khoa học như Chủ tịch S. Ma-sen đã nói.

Phơ-rê-li-mô xác định giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng Mô-dăm-bích. Mặc dù ở Mô-dăm-bích, giai cấp công nhân số lượng còn ít, trình độ tổ chức chưa cao, còn chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa bộ lạc, phân tán, song với tính cách là một giai cấp, giai cấp công nhân Mô-dăm-bích có những tính chất của một giai cấp tiên tiến nhất, vì vậy đó là giai cấp cách mạng nhất. Trong xã hội Mô-dăm-bích, đồng minh gần gũi nhất của giai cấp công nhân là nông dân. Nông dân Mô-dăm-bích là lực lượng đông đảo nhất, là bộ phận nòng cốt của dân tộc, là lực lượng chủ yếu của quá trình cách mạng trước đây và hiện nay của Mô-dăm-bích. Khối đoàn kết công nhân và nông dân là cơ sở chính trị của Phơ-rê-li-mô trong thời gian qua và từ nay về sau.

Việc xác định quan hệ giai cấp trong nước cũng là tiền đề để xác định vị trí của cách mạng Mô-dăm-bích trong phạm vi quốc tế. Đại hội lần thứ III của Phơ-rê-li-mô họp tháng 2-1977 tuyên bố rằng «cách mạng Mô-dăm-bích là bộ phận hợp thành của cách mạng vô sản thế giới»; rằng «chúng ta đang sống trong một thời kỳ lịch sử, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội» trên phạm vi toàn thế giới; rằng «hệ thống xã hội chủ nghĩa thế

Digitized by Google

giới hùng mạnh là yếu tố khách quan có tính chất quyết định đối với sự tiến triển và thắng lợi tiếp theo của cách mạng Mô-dăm-bích». Nhân dân thế giới nhận thức rõ rằng thắng lợi của cách mạng Mô-dăm-bích, cùng với thắng lợi của cách mạng Ăng-gô-la, Ghi-nê Bít-xao... là sự cổ vũ to lớn đối với phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở miền Nam châu Phi cũng như đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, một đóng góp quan trọng đối với cách mạng thế giới. Chính bọn phân biệt chủng tộc cũng thấy được nguy cơ lớn đối với chúng, cho nên từ tháng 2-1976, tập đoàn phản động thiểu số cầm quyền ở Rô-đê-di-a đã ngang nhiên tiến công nhiều lần vào Mô-dăm-bích. Mặc dù nền kinh tế Mô-dăm-bích, do hậu quả của chính sách thực dân Bồ-đào-nha, còn lệ thuộc khá nhiều vào kinh tế của chủ nghĩa đế quốc, vào Nam Phi và Rô-đê-di-a, nhưng trước những hoạt động phản kích của kẻ thù, Mô-dăm-bích đã kiên quyết đóng cửa biên giới với Rô-đê-di-a, cắt đứt liên hệ với bọn phân biệt chủng tộc Rô-đê-di-a và tịch thu tài sản của chúng trên đất Mô-dăm-bích. Việc làm đó có gây thiệt hại cho Mô-dăm-bích: hằng năm thất thu 52 đến 100 triệu đô-la. Nhưng vì lợi ích của cách mạng Mô-dăm-bích, của cách mạng châu Phi, nhân dân Mô-dăm-bích đã tạm thời chịu đựng những hy sinh đó. Cái giá về kinh tế mà bọn phân biệt chủng tộc Rô-đê-di-a phải trả cũng không phải nhỏ. Hằng năm, 40% hàng xuất khẩu của Rô-đê-di-a phải qua cảng của Mô-dăm-bích, nay bế tắc. Hiện nay, Mô-dăm-bích đang xem xét lại quan hệ biên giới với bọn phân biệt chủng tộc Nam Phi trên cơ sở lợi ích cách mạng của nhân dân Mô-dăm-bích

Đại hội lần thứ III của Phơ-rê-li-mô vừa qua đã quyết định chuyển Phơ-rê-li-mô thành chính đảng của giai cấp công nhân, và lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin là cơ sở lý luận và tư tưởng của Đảng. Đại hội vạch rõ rằng «Phơ-rê-li-mô là đảng tiên phong của khối liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Phơ-rê-li-mô tập hợp công nhân, nông dân, binh sĩ, trí thức cách mạng và những người lao động đã được thử thách, tôi luyện trong đấu tranh chống áp bức bóc lột, vì lợi ích của nhân dân, trong một tổ chức chiến đấu và hoàn toàn tự giác», «tất cả mọi công dân Mô-dăm-bích tuyệt đối trung thành với sự nghiệp của Đảng, của Tổ quốc, của nhân dân Mô-dăm-bích, và của chủ nghĩa xã hội, có lao động, không tham gia các tổ chức phản cách mạng, có đạo đức, tác phong tốt và từ 18 tuổi trở lên đều có thể trở thành đảng viên của Đảng nếu thừa nhận cương lĩnh và điều lệ của Đảng»; Đại hội còn vạch rõ rằng «Đảng bảo vệ và áp dụng chủ nghĩa quốc tế vô sản như một trong những nguyên tắc bất di bất dịch của mình». Đảng lấy bài ca của Phơ-rê-li-mô và Quốc tế ca làm đảng ca của mình.

Nhân dân Việt-nam sớm có vinh dự được đón tiếp Chủ tịch S. Ma-sen hồi tháng 9-1971, khi nhân dân hai nước còn đang chiến đấu ác liệt chống kẻ thù chung là bọn đế quốc thực dân. Tháng 12-1976, chúng ta lại được đón tiếp Đoàn đại biểu của Phơ-rê-li-mô sang dự Đại hội lần thứ IV của Đảng ta. Trong quá trình chiến đấu trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng xã hội mới hiện nay, nhân dân hai nước Việt-nam và Mô-dăm-bích luôn luôn ủng hộ lẫn nhau với tình cảm anh em thắm thiết. Chúng ta hết sức biết ơn nhân dân Mô-dăm-bích và Chủ tịch S. Ma-sen đã luôn luôn dành cho chúng ta những tình cảm tốt đẹp. Chúc nhân dân Mô-dăm-bích, dưới sự lãnh đạo của Đảng Phơ-rê-li-mô, giành được những thắng lợi ngày càng to lớn trong sự nghiệp cách mạng vẻ vang của mình.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ ЗУАН — Трудовой народ в роли коллективного хозяина — движущая сила диктатуры пролетариата

ЧАН ДО — Линия нашей партии в борьбе иротив США, за спасение Родины — правильная, творческая, иезависимая и самостоятельная

ХА ТХИ КУЕ — Проблема семьи в строительстве социализма

ВО ВАН ДИНЬ — Шаги вперёд провинции Нгиабинь

ЛЕ ТХЕ ШОН — Кооператив «Диньконг» на пути к крупному социалистическому производству

ТРИБУНА УНЕНЫХ ★ НГУЕН ТАН ЗИ ЧОНГ — Размышления об интеллигенции и революции

ТО КОНГ — Осуществлять вознаграждение и вручение поощрительных грамот в целях мобилизации, воспитания и показания примера

ЧАН ХЫУ ТИЕН — Социалистическая революция и свобода вероисповедания

НГУЕН НГОК МИНЬ — Повышать дух уважения и строгого соблюдения законов

ИЕН ВАН — Выдающиеся успехи ГДР на начальном этапе строительства развитого социализма

ЛЕ ТИНЬ — Революция в Мозамбике твердой поступью идет вперед.

目 录

黎 笋：劳动人民集体作主是无产阶级专政的威力和动力

陈 度：我党的抗美救国路线是正确、富有创造性和独立、自主的

何氏桂：社会主义建设事业中的家庭问题

武文丁：义平省在前进

黎世山：定公合作社在走向社会主义大生产的道路上

科学家论坛会**阮智弥仲**：关于知识分子与革命的几点意见

苏 公：奖赏是为了鼓励、教育和树立榜样

陈友进：社会主义革命与自由信仰

阮玉明：提高尊重和严格执行法律的观念

燕 雪：德意志民主共和国在建设发达社会主义的最初阶段的优异成就

辛 並：莫桑比克革命稳步前进

Digitized by Google

SOMMAIRE

LÊ-DUẨN — Les travailleurs maitres collectifs constituent la force et le moteur de la dictature du prolétariat

TRẦN-ĐỘ — La ligne de notre Parti quant à la résistance à l'agression américaine est juste, créatrice et indépendante

HÀ-THỊ-QUẾ — Le problème de la famille dans l'édification du socialisme

VÕ-VĂN-ĐINH — La marche en avant de la province de Nghĩa-bình

LÊ-THẾ-SƠN — La coopérative agricole de Định-công en marche vers la grande production socialiste

Tribune des scientifiques + *NGUYỄN-TẤN-GI-TRỌNG* — Réflexions sur les intellectuels et la révolution

TÔ-CÔNG — Citations et primes en vue de stimuler les travailleurs, de les éduquer et de les proposer en exemples

TRẦN-HỮU-TIẾN — La révolution socialiste et la liberté de croyance

NGUYỄN-NGỌC-MINH — Elever la conscience quant au respect des lois et à leur stricte exécution

YẾN-VÂN — Les réalisations éclatantes de la République Démocratique Allemande dans la première étape de l'édification du socialisme développé

LÊ-TỊNH — La révolution au Mozambique va de l'avant à pas assurés

---

CONTENTS

LÊ-DUẨN — The working people as collective masters are the strength, the motive force of the dictatorship of the proletariat

TRẦN-ĐỘ — Our Party's line of struggle against U.S. aggression, for national salvation, is judicious, creative as well as independent and sovereign

HÀ-THỊ-QUẾ — The question of the family in the building of socialism

VÕ-VĂN-ĐINH — The steps forward of Nghĩa-bình

LÊ-THẾ-SƠN — The Định-công cooperative in its advance toward large-scale socialist production

Scientists' forum — *NGUYỄN-TẤN-GI-TRỌNG* — Reflections on the intellectuals and the revolution

TÔ-CÔNG — Praise and rewards aimed at mobilizing, educating and setting good examples for the masses

TRẦN-HỮU-TIẾN — The socialist revolution and freedom of religion

NGUYỄN-NGỌC-MINH — Enhance respect for and serious implementation of the law

YẾN-VÂN — The brilliant achievements of the German Democratic Republic in the initial stage of building a developed socialist society

LÊ-TỊNH — The steady advance of the revolution in Mozambique

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 6
1977
NĂM THỨ XXIII (258)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

LÊ-DUẨN — Nhân dân lao động làm chủ tập thể là sức mạnh, là lực đẩy của chuyên chính vô sản 1

TRẦN-ĐỘ - Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo và độc lập, tự chủ 18

HÀ-THỊ-QUẾ — Vấn đề gia đình trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội 27

VÕ-VĂN-ĐỊNH — Những bước đi lên của Nghĩa-bình 36

LÊ-THẾ-SƠN — Hợp tác xã Định-công trên đà tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa 43

Diễn đàn của các nhà khoa học ★ *NGUYỄN-TẤN-GI-TRỌNG* — Suy nghĩ về người trí thức và cách mạng 51

TÔ-CÔNG — Khen thưởng nhằm động viên, giáo dục, nêu gương 54

TRẦN-HỮU-TIẾN — Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền tự do tín ngưỡng 60

NGUYỄN-NGỌC-MINH — Nâng cao ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật 64

YẾN-VÂN — Những thành tựu xuất sắc của Cộng hòa dân chủ Đức trong giai đoạn đầu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển 69

LÊ-TỊNH — Cách mạng Mô-dăm-bích đang vững bước tiến lên 75

ĐÍNH CHÍNH

Trong Tạp chí Cộng sản số 5-1977,

— Ở trang 69, cột 2, dòng 18 từ dưới lên, xin đọc : 300.000kW,

— Ở trang 70, cột 2, dòng 13, xin đọc : 200.000kW

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá: 0

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

The University of Michigan Periodical Reading Room

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

OCT 10 1977

PR

H-1980

7

7-1977

Digitized by Google

Digitized by Google

Ra sức đẩy mạnh phong trào thi đua hai tốt theo gương các đơn vị tiên tiến về giáo dục *

TÔ - HỮU

NHỮNG THÀNH TỰU TO LỚN CỦA SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

Thưa các đồng chí,

Tôi rất phấn khởi được gặp các đồng chí ở hội nghị này, một hội nghị rất bổ ích không những cho năm nay mà cho cả nhiều năm sau.

Cách đây 6 năm, vào mùa hè năm 1971, chúng ta đã mở một hội nghị toàn miền Bắc để tổng kết những điển hình tiên tiến của ngành giáo dục phổ thông, những bông hoa đầu mùa của phong trào thi đua Hai tốt mà Bác Hồ đã đề ra từ năm 1961. Tại cuộc hội nghị quan trọng đó, đồng chí Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đã phát động toàn ngành giáo dục « Học tập và làm theo các điển hình tiên tiến ». Đó là Trường phổ thông cấp II Bắc-lý, Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa-bình, và xã Cẩm-bình, ba ngọn cờ của ngành giáo dục phổ thông tiêu biểu cho sự cố gắng vận dụng sáng tạo nguyên lý giáo dục của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đường lối, phương pháp giáo dục của Đảng. Đến hội nghị tổng kết này, chúng ta lại rất vui mừng được biết thêm nhiều kinh nghiệm mới, nhiều bông hoa mới.

Trước khi nói đến giá trị lý luận và thực tiễn của những điển hình tiên tiến ấy, tôi muốn nêu lên ở đây những thành tựu to lớn của chúng ta trong công tác giáo dục. Ai cũng biết, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của

(*) Lược ghi bài nói của đồng chí Tô-Hữu, ủy viên dự khuyết Bộ chính trị Trung ương Đảng cộng sản Việt-nam tại Hội nghị tổng kết 5 năm phong trào thi đua Hai tốt của ngành giáo dục ngày 26-4-1977 — Tên bài và những tiểu mục do Ban biên tập tạp chí đặt.

Digitized by Google

nhân dân ta đã trải qua 20 năm vô cùng gian khổ, ác liệt. Riêng miền Bắc vừa từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa kiên quyết đánh trả các cuộc chiến tranh phá hoại của địch, vừa dồn sức chi viện miền Nam cho đến ngày toàn thắng. Có sống trong hoàn cảnh gian khổ ấy mới thấy hết sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sức phấn đấu dũng cảm và thông minh của ngành giáo dục, của các cô giáo, thầy giáo, của con em chúng ta trong các trường học và sự đóng góp to lớn của nhân dân ta đối với sự nghiệp giáo dục ở khắp các địa phương. Trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, chúng ta vẫn quyết tâm vượt qua bom đạn và khắc phục mọi thiếu thốn, chẳng những giữ vững mà còn tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục, bảo đảm cho sáu triệu con em ta và hàng chục vạn cán bộ, công nhân, nông dân được học.

Hơn thế, chúng ta vẫn không ngừng cố gắng suy nghĩ, sáng tạo, phấn đấu đạt một chất lượng mới trong hoạt động giáo dục, theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối của Đảng. Và thật là dáng phấn khởi, trong hoàn cảnh đó, phong trào thi đua Hai tốt theo gương các đơn vị tiên tiến vẫn ngày càng mở rộng, tuy chưa đồng đều, song rõ ràng có một sức sống không gì ngăn cản nổi. Trong phong trào đó, đã và đang nảy nở thêm nhiều bông hoa mới của các ngành học, các cấp học, và ở các vùng khác nhau, từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền núi.

Hôm nay, trong cuộc họp đông đủ anh chị em trong cả nước, chúng ta có thể nói lên lòng tự hào chung của chế độ ta, của nhân dân ta, của Đảng ta đối với sự nghiệp giáo dục của chúng ta trong suốt mấy chục năm qua ở miền Bắc và trong cả nước sau 2 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam. Khó mà tưởng tượng được một dân tộc, một đất nước phải đương đầu với một cuộc chiến tranh ác liệt như thế, chẳng những có thể tồn tại vững vàng, mà còn có thể lớn lên nhiều mặt, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và cuối cùng đã giành được toàn thắng. Lịch sử nhân loại sẽ ghi nhớ mãi mãi chiến công vĩ đại của nhân dân ta đã đánh thắng một kẻ địch hung bạo nhất là đế quốc Mỹ. Đó không chỉ là chiến thắng về mặt quân sự và chính trị, mà còn là chiến thắng trên mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Như Bác Hồ đã nói: « Mặc dù giặc Mỹ điên cuồng đánh phá miền Bắc ác liệt, chúng không những đã thất bại thảm hại trên mặt trận chính trị, quân sự, **mà ta đã thắng chúng cả trên mặt trận giáo dục và đào tạo cán bộ** » (1).

(1) Hồ-Chí-Minh : *Bàn về công tác giáo dục*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1972, trang 102.

Digitized by Google

Chúng ta có thể tự hào mà nói rằng các chiến sĩ trên mặt trận giáo dục đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngành giáo dục đã đóng vai trò to lớn trong việc đào tạo hàng triệu thanh niên biết yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội và biết sống và chiến đấu vì tư tưởng vĩ đại của Hồ Chủ tịch « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ». Đúng vậy! Con em chúng ta ở miền Bắc hầu hết đều được giáo dục ở nhà trường xã hội chủ nghĩa, lớn lên đều sẵn sàng cầm súng đánh giặc, xung phong ra tiền tuyến, và tỏ rõ phẩm chất tốt đẹp trên mặt trận lao động sản xuất và mọi mặt hoạt động. Dĩ nhiên, thế hệ thanh niên dũng cảm và thông minh ấy không chỉ là kết quả giáo dục của nhà trường mà còn là của cả xã hội. Nhưng rõ ràng, nhà trường ta là cái vườn ươm, là nơi nuôi dưỡng lý tưởng cách mạng, khí phách anh hùng và truyền thụ tri thức khoa học cho tuổi trẻ.

Chúng ta càng rất vui mừng khi thấy sau bao nhiêu năm chiến đấu gian khổ và chỉ mới sau 2 năm giải phóng hoàn toàn đất nước, chúng ta đã có một hệ thống giáo dục rộng lớn, thu hút hơn 10 triệu con em ta đi học, với một đội ngũ giáo viên hùng hậu hơn 33 vạn người. Qua thực tế, càng thấy rõ con em ta ở đâu cũng đều là những bông hoa, những tâm hồn trong trắng. Và chẳng những các đồng chí giáo viên kháng chiến đã tỏ rõ phẩm chất cao quý của những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, mà các cô giáo, thầy giáo ở miền Nam, tuy sống nhiều năm dưới chế độ của địch, tuyệt đại bộ phận đều là những anh chị em thương nước, thương dân, yêu trẻ, yêu nghề. Trong hội nghị lớn này, chúng ta gửi lời hoan nghênh những anh chị em mới được giải phóng đã góp sức cùng toàn ngành, vượt qua nhiều khó khăn, hoạt động trong 2 năm qua cho hàng triệu con em ta được đến trường học tập. Chính hoạt động giáo dục này cùng những hoạt động xã hội khác phục vụ cách mạng phục vụ nhân dân đang tạo điều kiện cho anh chị em tiến bộ nhanh chóng hơn. Và đó cũng là một thuận lợi lớn cho chúng ta phát triển sự nghiệp giáo dục trong thời gian tới.

YÊU CẦU CỦA CÁCH MẠNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC

Nhân dân ta đã đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giành được hòa bình, độc lập, thống nhất của Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự nghiệp cách mạng trong 20 năm qua là rất vĩ đại. Sự nghiệp cách mạng trong 20 — 30 năm tới cũng

Digitized by Google

rất vĩ đại. Nhân dân ta có nhiệm vụ lịch sử xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Đại hội lần thứ IV của Đảng ta vừa qua đã xác định quyết tâm đó của toàn Đảng, toàn dân ta.

Chúng ta muốn có một xã hội nhiều lần tốt đẹp hơn, muốn nhân dân ta được sống một cuộc sống mà trong đó con người thật sự được hoàn toàn giải phóng, thật sự được phát triển toàn diện, sống một cuộc sống đầy đủ hạnh phúc đúng với nghĩa chân chính của nó, chẳng những về vật chất mà cả về tinh thần và văn hóa trong điều kiện mới của thời đại.

Khi Đảng ta nói chúng ta phải « xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa », điều đó có nghĩa là chúng ta muốn xây dựng một cộng đồng xã hội của những người lao động có ý thức và năng lực làm chủ tập thể, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Làm chủ tập thể, đó không những là nghĩa vụ và quyền lợi, là nguyện vọng và quyết tâm, mà còn là trình độ và năng lực nữa. Sống giữa thiên nhiên, sống trong xã hội, sống với bản thân, mọi người đều cần nhận thức được sự vật, hiểu được lẽ phải, và biết giải quyết vấn đề thế nào cho đúng. Con người làm chủ tập thể là con người vừa có ý chí cách mạng mạnh mẽ, vừa có đủ tri thức và năng lực để lao động sáng tạo, cống hiến nhiều nhất cho Tổ quốc, cho chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta có thể tạo cho nhân dân ta một cuộc sống tốt đẹp về vật chất và tinh thần không? Hoàn toàn có thể. Chúng ta hoàn toàn có thể nắm vững chủ nghĩa Mác — Lê-nin, vươn tới nắm vững những tri thức khoa học của thời đại, và cả những tinh hoa hàng nghìn năm của dân tộc ta để lại để cải tạo và xây dựng đất nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, văn minh. Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học -- kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Đó là đường lối chung đã được vạch ra ở Đại hội lần thứ IV của Đảng, đường lối xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa và con người mới xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho chúng ta tạo ra một xã hội mới, một cuộc sống mới vô cùng tươi sáng, thích hợp với đất nước ta, dân tộc ta.

Bác Hồ nói: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa ». Đó là vấn đề có tính quyết định. Rõ ràng chúng ta đang đứng trước một trách nhiệm rất lớn lao đối với lịch sử, đối với dân tộc là phải góp sức xây dựng, rèn luyện con người mới, con người Việt-nam xã hội chủ nghĩa thế nào, từ bé đến lớn, để cho cả tập thể năm chục triệu người hôm

Digitized by Google

nay và hơn thế mai sau, và từng cá nhân trong tập thể vĩ đại ấy, có thể phát triển toàn diện và ngày càng hoàn thiện vì hạnh phúc của nhân dân ta và cả loài người tiến bộ.

Chính vì thế, Đảng ta đặc biệt coi trọng sự nghiệp giáo dục, rèn luyện, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Trong sự nghiệp rất vẻ vang và cũng rất khó khăn đó, ngành giáo dục chúng ta, trước hết là ngành giáo dục phổ thông, đóng vai trò hết sức quan trọng. Chúng ta là đội ngũ phụ trách giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng và tri thức khoa học cho hàng chục triệu nhi đồng, thiếu niên và thanh niên, nghĩa là hơn 1/3 dân tộc. Đó là chưa kể hàng chục triệu người lớn tuổi, đang lao động sản xuất và bảo vệ Tổ quốc, gánh vác hằng ngày sự nghiệp cách mạng đang rất cần được học hành, và đó cũng là đối tượng phục vụ của ngành giáo dục, kể cả phổ thông và chuyên nghiệp.

Chúng ta phải làm sao giáo dục thế hệ trẻ thành những **con người phát triển toàn diện, có lý tưởng và đạo đức xã hội chủ nghĩa, có hiểu biết về khoa học, có kỹ năng lao động, có óc thẩm mỹ và có sức khỏe, để từ đó đào tạo thành những người lao động tốt, những chiến sĩ tốt, những công dân tốt, những cán bộ tốt.**

Ngay từ buổi đầu thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, Bác Hồ đã từng mong đào tạo những con người như thế: « Non sông Việt-nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt-nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu » (2).

Chúng ta phải ra sức xây dựng những con người mới mà những đặc trưng đã được vạch rõ trong Đại hội lần thứ IV: làm chủ tập thể, có ý thức và năng lực lao động, có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, có tình thương yêu, đoàn kết, trung thực, dũng cảm, v.v... Đó là những yêu cầu cơ bản đặt ra đối với ngành giáo dục, không những phải làm tốt trong bộ môn chính trị và đạo đức, mà còn phải thể hiện trong toàn bộ chương trình và phương pháp giáo dục, trong từng cuốn sách giáo khoa, trong từng bài giảng, trong mỗi hoạt động của nhà trường, của giáo viên, của các đoàn thể. Làm sao cho con em ta và cho mỗi người học, ngày càng trưởng thành trong ý chí và lý tưởng cách mạng, trong hiểu biết khoa học và kỹ năng lao động, năng lực hành động, dần dần trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa thật sự trong cuộc sống xã hội. Đó là vấn đề lớn nhất, trách nhiệm lớn nhất, đó cũng là lẽ sống cao nhất của chúng ta, tất cả cán bộ giáo dục trong giai đoạn mới của cách mạng.

(2) *Hồ Chủ tịch bàn về giáo dục*, nhà xuất bản Giáo dục, Hà-nội, 1962, trang 24.

Digitized by Google

Những yêu cầu mà giai đoạn mới của cách mạng đặt ra cho công tác giáo dục rất cao, nhưng chúng ta hoàn toàn tin tưởng sẽ thực hiện được. Chúng ta đã trông thấy những khả năng đó không ở đâu xa, mà ở ngay trong những thành tựu chúng ta đã đạt được cho đến ngày hôm nay, nhất là ở những đơn vị tiên tiến của ngành giáo dục.

Mặc dầu thời kỳ phát triển đã qua có rất nhiều khó khăn, song bên cạnh những lá cờ đầu vẫn đứng vững, hôm nay chúng ta lại có thêm nhiều bông hoa mới. Đó là các lớp mẫu giáo ở Phục-lễ, Trường phổ thông cấp I Thọ-hải, Trường phổ thông cấp II Nghĩa-đồng, Trường phổ thông cấp III Đoàn-kết, Trường phổ thông cấp III Cao-Bá-Quát, Trường vừa học vừa làm Sông Con và nhiều đơn vị khác nữa. Ở miền núi, cũng xuất hiện những đơn vị tiên tiến đáng chú ý như xã Ngổ-luông, Trường thanh niên dân tộc Phù-yên, Trường sư phạm Nghĩa-lộ, v.v...

Các trường học tiên tiến có rất nhiều hình, nhiều vẻ vì đã hình thành trong những điều kiện khác nhau. Những thành tựu của các trường học tiên tiến một lần nữa cho phép chúng ta khẳng định những khả năng thực tế để giải quyết hai vấn đề quan trọng nhất trong công tác giáo dục ở nước ta. Đó là **hai vấn đề cơ bản** mà chúng ta đã nêu ra tại hội nghị tổng kết năm 1971 :

Một là, làm thế nào đào tạo được những lớp người lao động mới, làm chủ tập thể và ngày càng phát triển toàn diện.

Hai là, làm thế nào phát triển sự nghiệp giáo dục trên quy mô lớn, với tốc độ nhanh, trong hoàn cảnh nền kinh tế còn thấp.

Các đơn vị tiên tiến về giáo dục, thuộc tất cả các cấp học, từ mẫu giáo đến cấp III phổ thông hay bổ túc văn hóa, ở bất cứ hoàn cảnh nào, nông thôn hay thành thị, miền núi hay miền xuôi, đã chứng minh có thể phổ cập cấp học của mình đối với đối tượng cần học và ngày càng nâng cao được chất lượng giáo dục toàn diện về văn hóa và đạo đức, về lý thuyết và thực hành.

Xã Phục-lễ (Hải-phòng) đã phổ cập được nhà trẻ và mẫu giáo, biết chăm sóc một cách khoa học sức khỏe và tinh thần của các cháu. *Trường cấp I Thọ-hải* (Thanh-hóa) đã tạo ra được những điều kiện cần thiết để tiến hành giáo dục lao động phù hợp với lứa tuổi cấp I, đồng thời biết cải tiến giảng dạy và học tập. Ở đây, nhà trường hướng dẫn cho học sinh trồng hàng chục mẫu bí đỏ, việc đó vừa có ý nghĩa sư phạm lại vừa có giá trị kinh tế thiết thực. *Trường cấp II Nghĩa-đồng* (Nghệ-tĩnh) cũng là một gương sáng về sự thực hiện

Digitized by Google

nguyên lý giáo dục kết hợp với lao động sản xuất ; ngay trong thời kỳ chiến tranh ác liệt, cũng không xa rời nguyên lý giáo dục. Trường đã trồng lúa, nuôi lợn đạt sản lượng cao, tự làm gạch để xây dựng phòng học, và biết cách cải tiến việc học văn hóa. *Trường cấp III Đoàn-kết* (Hải-phòng) đã kiên trì kết hợp học với hành, tạo ra những thiết bị công nghiệp để tiến hành giáo dục lao động kỹ thuật, chuẩn bị cho học sinh cấp III khả năng nhanh chóng đi vào đào tạo nghề nghiệp.

Trong phong trào bổ túc văn hóa, có những xã như Hải-cường (Hà-nam-ninh), An-thanh (Hải-hưng), v.v... đã thực hiện được việc dạy khoa học cho cán bộ và nhân dân lao động, thu hút số đông người lao động lớn tuổi đi học, mở ra loại *trường vừa làm vừa học* cho thanh niên nông thôn, kết hợp khoa học với sản xuất, làm cho bổ túc văn hóa có tác dụng thiết thực đối với ba cuộc cách mạng ở xã. Đặc biệt ở miền núi, có *xã Ngổ-luông* (Hà-sơn-bình), như nhiều người đã nghe tiếng, một xã ở vùng cao, phải mất một ngày đường leo núi mới tới nơi, nhưng chính ở đó, đường lối giáo dục của Đảng đã được phát triển một cách tốt đẹp. Trong vòng 10 năm, nhân dân Ngổ-luông đã từ mù chữ tiến lên phổ cập giáo dục mẫu giáo, vỡ lòng, cấp I và cấp II. Sự phát triển mạnh mẽ của giáo dục trong mối quan hệ chặt chẽ với toàn bộ sự nghiệp cách mạng ở địa phương rõ ràng đã có tác dụng thay đổi bộ mặt văn hóa và kinh tế của địa phương theo hướng chủ nghĩa xã hội.

Trong 6 năm qua, một loại hình trường học mới đã phát triển nhanh hơn trước và ở hầu khắp các địa bàn : đó là *trường phổ thông vừa học vừa làm*. Đến nay ta đã có hơn 40 trường theo kiểu Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa-bình, không chỉ ở miền núi mà cả ở thành thị và đồng bằng. Có trường có cơ sở sản xuất riêng ; cũng có nhiều trường gắn với nông trường và nhà máy hay khu kinh tế mới. Do biết cách cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy, biết cân đối và kết hợp học tập với lao động sản xuất, biết tổ chức nội trú, nên nhiều trường đã đạt được những thành tích cao về văn hóa, về sản xuất và đương nhiên về đạo đức. *Trường thanh niên dân tộc Phù-yên* (Sơn-la) vẫn phát huy được những kinh nghiệm và truyền thống tốt trong việc giáo dục con em các dân tộc. *Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Sông Con* (Nghệ-tĩnh) mới thành lập được vài ba năm nay, noi gương Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa-bình, từ hai bàn tay trắng, đã khai phá được hàng trăm héc ta đất, trồng 30 héc ta cam và dứa, xây dựng nên một khu trường sở khang trang, khiến cho hàng trăm thanh niên đáng lẽ thất học, nay được học hành có chất lượng tốt.

Digitized by Google

Các trường học tiên tiến kể trên cùng hàng trăm trường học tiên tiến khác mới xuất hiện trong mấy năm qua, sở dĩ đạt được nhiều thành tích và sáng tạo được nhiều kinh nghiệm cụ thể mới là do đã kiên trì thực hiện những bài học lớn mà chúng ta đã tổng kết năm 1971. Đó là **tinh thần phấn đấu gian khổ, tự lực cánh sinh**, đó là **ý chí vững vàng, quyết tâm vận dụng một cách sáng tạo nguyên lý giáo dục**: « học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội ». Đó là **sự vận dụng quy luật hình thành con người mới vào công tác giáo dục.** Xuất phát từ luận điểm của chủ nghĩa Mác về con người: « Con người vừa là sản phẩm của xã hội, vừa là chủ thể có ý thức của xã hội », đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư của Đảng ta, đã phát biểu quy luật hình thành con người mới như sau: « Phải bằng kết quả tổng hợp của cả ba cuộc cách mạng, phải thông qua hoạt động thực tiễn, thông qua lao động và đấu tranh thì những thành viên trong xã hội mới cải tạo được mình và dần dần trở thành con người mới » (3).

Công tác giáo dục cũng phải đi theo quy luật đó, song vì giáo dục là một hoạt động có tổ chức, có chỉ đạo nhằm hình thành ở đối tượng được giáo dục những phẩm chất và năng lực mà ta mong muốn, cho nên trong khi kết hợp với thực tiễn cách mạng, cần trang bị cho học sinh những tri thức, tư tưởng, tình cảm và kỹ năng cần thiết, cũng như việc tổ chức những hoạt động thực tiễn phải được tiến hành chu đáo, phù hợp với lứa tuổi, nhằm đạt hiệu quả giáo dục tốt nhất, và không cho phép làm ẩu, tự phát, gây tác hại đến tâm hồn, trí tuệ hay sức khỏe của trẻ. Cần phải hiểu nguyên lý giáo dục một cách toàn vẹn, song lại phải nắm nhân tố cách mạng nhất là **sự kết hợp giáo dục với lao động sản xuất**, bởi lẽ lao động sản xuất là hoạt động thực tiễn cơ bản nhất của con người trong xã hội mới.

Tại hội nghị giáo dục năm 1971, tôi đã có dịp nói rõ những lý do vì sao vấn đề này đã được đề cập với một tầm quan trọng đặc biệt trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Chúng ta đã từng thảo luận về luận điểm của Mác viết trong bộ *Tư bản*: « Nền giáo dục sẽ kết hợp lao động sản xuất với giáo dục và thể dục, đối với hết thảy các trẻ em trên một tuổi nhất định nào đó, và làm như vậy không những chỉ là phương pháp tăng thêm sản xuất xã hội, mà còn là phương pháp độc nhất và duy nhất để đào tạo ra những con người toàn diện » (4). Sau này, Lê-nin lại nhấn mạnh luận điểm ấy những khi bàn về công tác

(3) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 65.

(4) C. Mác – F. Ăng-ghen – V. I. Lê-nin – J. Sta-lin: *Bàn về giáo dục*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 42.

Digitized by Google

giáo dục thế hệ trẻ. Lê-nin đã viết trong tác phẩm « Những điển hình về kế hoạch không tưởng của phái dân túy » như sau: « Người ta không thể hình dung được lý tưởng của xã hội tương lai, mà trong đó nền giáo dục lại sẽ không kết hợp với lao động sản xuất của thế hệ trẻ: giáo dục và giảng dạy nếu thoát ly lao động sản xuất, hoặc lao động sản xuất không đồng thời có sự giáo dục và giảng dạy thích hợp, thì đều không thể đạt tới đỉnh cao theo sự đòi hỏi của trình độ phát triển hiện đại của kỹ thuật và của những tri thức khoa học » (5).

Ở nước ta, Hồ Chủ tịch cũng nhiều lần nhắc nhủ các trường học phải tiến hành giáo dục lao động, coi đó là một biện pháp quyết định trong việc khắc phục những tàn dư của cái « sai lầm cổ truyền » (6) là coi khinh lao động sản xuất và lao động chân tay. Chính tại địa điểm này, năm 1958, Bác Hồ đã đến thăm thầy trò trường Chu-Văn-An, và đã định nghĩa nhà trường xã hội chủ nghĩa như sau: « Nhà trường xã hội chủ nghĩa là nhà trường:

— Học đi với lao động.

— Lý luận đi với thực hành.

— Cần cù đi với tiết kiệm » (7).

Sau đó, trong một bài báo nhan đề « học hay, cày giỏi ». Bác đã trích dẫn một kết luận của hội nghị giáo dục toàn miền Bắc họp tháng 9 năm 1961, và khen là « Rất đúng »; kết luận đó viết: « Đẩy mạnh hơn nữa việc giáo dục lao động trong nhà trường là một khâu chủ yếu trong toàn bộ sự nghiệp giáo dục xã hội chủ nghĩa nhằm đào tạo thế hệ trẻ đã có những kiến thức khoa học lại có những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, những thói quen lao động, sẵn sàng bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội » (8).

Rõ ràng là các trường học tiên tiến đã từng đạt được những thành tích cao về chất lượng giáo dục toàn diện, chính là nhờ biết kết hợp tương đối tốt học với hành, giáo dục với lao động, nhà trường với xã hội. **Chất lượng giáo dục toàn diện đó là gì?** Báo cáo chính trị của Trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV đã chỉ rõ: « Đào tạo có chất lượng những người lao động mới có ý thức và đạo đức xã hội chủ nghĩa, có trình độ văn hóa phổ thông và hiểu biết kỹ thuật, có kỹ năng lao động cần thiết, có óc thẩm mỹ, có sức khỏe tốt » (9). Nếu thiên về một mặt nào cũng đều là không đúng. Đó là cơ sở

---

(5) Sách đã dẫn, trang 111.

(6) Hồ-Chí-Minh: *Bàn về công tác giáo dục*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1972, trang 79.

(7) *Hồ Chủ tịch bàn về giáo dục*, nhà xuất bản Giáo dục, Hà-nội, 1962, trang 212.

(8) Hồ-chí-Minh: *Bàn về công tác giáo dục*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1972, trang 79.

(9) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1977, trang 116.

Digitized by Google

của con người mới mà trường phổ thông cần gây dựng cho mọi học sinh.

Chính vì nhằm một chất lượng giáo dục toàn diện như thế nên chúng ta phải kiên quyết thực hiện nguyên lý giáo dục, **làm cho nguyên lý được thấu suốt trong mọi hoạt động giáo dục**, như Đại hội Đảng ta đã quyết định. Lâu nay, hình như có sự lẫn lộn giữa nguyên lý giáo dục, tức là cái chi phối tất cả các hoạt động giáo dục với từng hoạt động giáo dục riêng lẻ. Hiện nay còn nhiều anh chị em nghĩ rằng, trong nhà trường, học văn hóa là chủ yếu, không gắn gì với lao động sản xuất và hoạt động xã hội, do đó vẫn tiếp tục lối giảng dạy nhồi sọ. Ngược lại, cũng có người nghĩ lầm rằng, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất có nghĩa là chỉ tiến hành lao động sản xuất, tách rời với học tập văn hóa và hoạt động xã hội, chỉ cốt làm ra của cải vật chất. Cả hai cách nghĩ và làm đó đều lệch lạc và không đưa đến một chất lượng giáo dục như ta mong muốn.

Một lần nữa, chúng ta cần nắm vững ý nghĩa và nội dung của nguyên lý giáo dục, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đường lối quan điểm giáo dục của Đảng ta. **Chức năng của nhà trường là đào tạo và rèn luyện con người**, vì thế khi vận dụng nguyên lý giáo dục vào mọi hoạt động của nhà trường, phải nắm vững mục đích cuối cùng là **nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện**, chứ không phải chỉ cốt có những hiểu biết khoa học là đủ, cũng không phải chủ yếu là để làm ra của cải vật chất, dẫu rằng việc làm ra các sản phẩm tốt, có ích cho xã hội cũng có ý nghĩa giáo dục và kinh tế quan trọng.

Về nội dung và phương pháp giáo dục, chúng ta phải luôn luôn ôn lại những lời dạy quý báu của Lê-nin, đặc biệt là bài diễn văn của Người tại Đại hội lần thứ III của Đoàn thanh niên cộng sản Nga năm 1920. Lê-nin đã nêu cho thanh niên nhiệm vụ «có thể tóm lại bằng một từ là: học» (10). Đồng thời Lê-nin đặt hai câu hỏi: « Học gì và học như thế nào? ». Lê-nin đã kịch liệt phê phán khuynh hướng hư vô chủ nghĩa trong việc xây dựng nền văn hóa mới, và khẳng định rằng: « Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản sau khi đã làm giàu trí nhớ của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra » (11). Nhưng liền đó, Lê-nin phê phán ngay lối học nhồi sọ, nó làm cho trí óc « chất đầy một mớ hỗn lốn vô ích » (12). Thậm chí Lê-nin đã gọi « người cộng sản nào cậy mình hiểu biết chủ nghĩa cộng sản vì đã học thuộc lòng những kết luận sẵn có mà không hề tốn nhiều công phu

(10) C. Mác — F. Ăng-ghen — V. Lê-nin – J. Sta-lin: *Bàn về giáo dục*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 165.

(11), (12): Sách đã dẫn, trang 171, 172.

Digitized by Google

nghiêm chỉnh để nghiền ngẫm những kết luận đó và không hề vận dụng nó để phân tích tìm hiểu những sự việc mà anh ta cần xem xét với tinh thần phê phán » là một người cộng sản « đáng buồn » (13).

Lê-nin đã khuyên chúng ta nên học tập như thế nào?

Phải « làm giàu trí óc bằng sự am hiểu mọi sự việc thực tế » (14). Đồng thời, phải « làm cho toàn bộ sự nghiệp giáo dục, huấn luyện, học tập cho thanh niên ngày nay phát triển được đạo đức cộng sản trong thanh niên » (15). Phải « làm cho thanh niên, trong khi còn đang học tập trong nhà trường, trở thành những người tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng những người bị bóc lột » (16). Phải « cùng lao động với công nhân và nông dân, người ta mới trở nên một người cộng sản chân chính được » (17).

Đó là một số ý lớn của Lê-nin về giáo dục thanh niên, mà lâu nay chúng ta đã cố gắng thực hiện, và cũng đã có ít nhiều kinh nghiệm tốt, nhất là ở các đơn vị tiên tiến.

Nói đến những hoạt động giáo dục của nhà trường, chúng ta cần thấy rõ có **ba hoạt động chính**: học tập văn hóa, lao động sản xuất và hoạt động xã hội. Những hoạt động rèn luyện thể lực và trau dồi nghệ thuật có hệ thống cũng nằm trong hoạt động học tập văn hóa.

Học tập văn hóa là một hoạt động giáo dục rất quan trọng trong trường học, nó chiếm nhiều thời gian nhất của đời học sinh. Không có một sự truyền đạt và sự tiếp thụ hợp lý làm cho kiến thức đi vào đầu óc của học sinh một cách sáng sủa và vững chắc thì sau này trí tuệ và tài năng của học sinh không thể phát triển nhanh được. Ngày nay, cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật phát triển mạnh như vũ bão, buộc con người phải luôn luôn nâng cao vốn hiểu biết của mình, thì lại càng cần chuẩn bị tốt về tư duy khoa học và về phương pháp tự học cho học sinh ngay từ lúc còn nhỏ tuổi. Một trong những mục tiêu cải cách về nội dung giáo dục mà Đại hội Đảng đề ra là: hiện đại hóa chương trình học tập khoa học và kỹ thuật. Một nhiệm vụ quan trọng của chúng ta là phải tìm ra những biện pháp đúng đắn nhằm cải tiến việc học tập văn hóa theo đúng tinh thần ấy.

Những tri thức khoa học về thiên nhiên, về xã hội và về con người được truyền thụ một cách có hệ thống cuối cùng phải hình thành trong con người học sinh thế giới quan khoa học, giúp cho họ giải thích được sự vật đúng với chân lý đồng thời xác định ngay thái độ của họ đối với sự vật, đối với hiện tượng đang học, và tùy theo yêu cầu của chương

(13), (14): Sách đã dẫn, trang 172.

(15), (16), (17): Sách đã dẫn, trang 177, 184, 189.

Digitized by Google

trình mà rèn luyện cho họ biết cách tác động đến sự vật, đến hiện tượng ấy. Làm sao cho mỗi giờ học thêm « sáng mắt, sáng lòng » học sinh đối với thế giới và những chân lý được học phải trở thành niềm tin có sức chỉ đạo hành động và lối sống của các em. Theo tinh thần ấy, Trường Bắc-lý khi dạy học sinh về cây mía, đã hướng dẫn học sinh tìm hiểu các giống mía và cách trồng mía trên cánh đồng quê hương đạt năng suất cao, do đó đã làm cho tri thức về sinh học của học sinh thêm vững chắc. Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa-bình cũng đã đào tạo ra những thanh niên biết trồng cây sắn với những quy trình kỹ thuật hợp lý để đạt được năng suất 20 tấn. Đó là những ví dụ tốt về sự vận dụng nguyên lý giáo dục trong công tác giảng dạy khoa học.

Trong trường phổ thông, chúng ta không được chút nào coi nhẹ việc giảng dạy văn hóa. Ở hội nghị thi đua Hai tốt lần trước, trong 9 bài học lớn mà chúng ta đã rút ra được, ít ra cũng có hai bài học trực tiếp nói về vấn đề này : đó là bài học về nội dung giáo dục và bài học về phương pháp dạy và học. Nhưng chúng ta cũng kiên quyết phê phán lối dạy nhồi sọ, tách rời học với hành, tách rời giáo dục với lao động sản xuất, tách rời nhà trường với xã hội. « Học kết hợp với hành », điều đó phải được thấu suốt trong từng bài giảng trên lớp và trong mọi hoạt động của nhà trường. Cha ông ta đã nghĩ ra những từ « học hành » và « học tập », thật là hay ! Họp nhau ở đây, tại trường học mang tên Chu-Văn-An, chúng ta lại nhớ đến nhà mô phạm lớn ấy, dẫu ngày xưa chịu sự hạn chế của lịch sử, nhưng cũng đáng cho chúng ta học tập về mặt này. Trong thời kỳ đạo lý sách vở của thánh hiền còn là mẫu mực, Chu-Văn-An đã chống lại lối học « từ chương », và chủ trương học để làm người, học cốt để giúp ích cho đời.

Trong nhà trường tư sản, cũng có thực hành, nhưng là thực hành trong phòng thí nghiệm hay trên mảnh đất cỏn con của vườn thực nghiệm. Còn đối với chúng ta, thực hành có nghĩa là gắn bó với sự nghiệp cách mạng, với cuộc sống sinh động của nhân dân lao động, có quan hệ mật thiết với tự nhiên và xã hội mới. Và như thế là người học sinh, ở bất cứ lứa tuổi nào, cũng có thể tham gia ngay vào sự nghiệp cách mạng chung, như Bác Hồ dạy : « Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình ».

Hoạt động lao động sản xuất trong nhà trường cũng phải mang tính giáo dục cao theo nguyên lý giáo dục của Đảng. Không nên nghĩ đơn giản rằng, cứ lao động sản xuất, bất cứ làm như thế nào, cũng là thực hiện nguyên lý giáo dục. Lao động sản xuất ở trong trường học phải là một **biện pháp giáo dục**, và đòi

Digitized by Google

hỏi **phải được tổ chức như là một hoạt động giáo dục**, nghĩa là có ý nghĩa chính trị, gắn với khoa học — kỹ thuật và phù hợp với lứa tuổi. Các trường học tiên tiến đều có bài soạn đầy đủ đối với buổi lao động, nói rõ yêu cầu, nội dung công việc, cách tổ chức, cách kiểm tra, v.v... Đó là những giờ học nghiêm túc, có những tiêu chuẩn chặt chẽ về sư phạm. Lao động sản xuất của học sinh trước hết phải đem lại cho học sinh những tri thức về khoa học, về kỹ thuật, về kinh tế, và kỹ năng thực hành; nó mở ra cho học sinh một cái nhìn mới mẻ về sinh giới và về xã hội, phát triển tư duy kỹ thuật và hứng thú lao động. Nếu không đạt được yêu cầu đó thì lao động sẽ gây nên một cảm giác mệt nhọc cho học sinh hay thuần túy là một biện pháp vụ lợi thiển cận. Cần nhớ rằng, trong trường học, cách tiến hành lao động sản xuất quan trọng hơn sản phẩm làm ra. Ở đây phương châm « Thà ít mà tốt » của Lê-nin càng có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng.

Cần nhấn mạnh thêm ý nghĩa giáo dục to lớn của lao động sản xuất. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta có rất nhiều khó khăn do xuất phát từ một nền kinh tế quá thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Chúng ta muốn rèn luyện con em chúng ta từ trong gian khổ đó trở thành con người lao động, có tinh thần làm chủ tập thể, có khí phách anh hùng, có ý chí tự lực tự cường, không lùi bước trước khó khăn, từ tay không làm nên tất cả. Đó là một phẩm chất không thể thiếu của con người Việt-nam mới, của người cộng sản.

Thế hệ chúng ta hôm nay, những người đã kinh qua cách mạng và kháng chiến, đã giành lại được đất nước độc lập tự do, giỏi lắm cũng chỉ xây dựng được nền móng của chủ nghĩa xã hội. Trách nhiệm hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa cộng sản thuộc về thế hệ trẻ, thuộc về những cháu hiện nay còn lẫm chẫm bước đi. « Con hơn cha là nhà có phúc ». Chúng ta muốn con em ta có thể làm chủ đất nước tương lai tốt hơn cha anh, với một ý chí mạnh mẽ, một sức sáng tạo, một vốn tri thức phong phú gấp bội. Bởi vậy, không thể kéo dài tình trạng dạy và học như bây giờ, mà phải kiên quyết cải cách giáo dục theo nguyên lý giáo dục mới. Chúng ta có thể ví việc giáo dục và rèn luyện học sinh cũng giống như việc dạy người bơi lội; có đưa ra tập luyện ngoài sông nước thì mới dễ quen với sóng to gió lớn. Hiện nay, trẻ em ta nhất là ở nông thôn, không phải chỉ có ngồi học mà đã sớm phải tham gia lao động để giúp đỡ gia đình, giúp đỡ hợp tác xã. Song đó là thứ lao động chưa được hướng dẫn tốt, chưa có tính khoa học và tính sư phạm. Các trường học ở nông thôn nên học tập kinh nghiệm của Bắc-lý

Digitized by Google

quản lý phần lao động ở nhà và ở hợp tác xã của học sinh, biến nó thành một phương tiện giáo dục quan trọng. Mỗi trường học phải trở thành một trung tâm nhỏ để làm ra giống mới và thực nghiệm khoa học, gắn với cơ sở sản xuất của địa phương. Như vậy chắc chắn chúng ta có thể đào tạo các em thành những người lao động mới, đến 15 — 16 tuổi bước đầu có ý thức và đạo đức xã hội chủ nghĩa, và một vốn tri thức phổ thông vững chắc, sẵn sàng tham gia lao động có ích cho xã hội. Hơn nữa, trong hoàn cảnh đất nước còn nghèo, thông qua lao động sản xuất, hàng triệu học sinh có thể làm ra nhiều của cải vật chất, giảm gánh nặng cho Nhà nước và gia đình ; đó cũng là một đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển nhanh chóng sự nghiệp giáo dục.

Cũng nhằm mục đích xây dựng con người mới, chúng ta **phải coi trọng những hoạt động xã hội của học sinh và của giáo viên.** Nhà trường có trách nhiệm phải tham gia vào công cuộc xây dựng xã hội mới theo đường lối và chính sách của Đảng. Trong khi tham gia phong trào vệ sinh, giữ gìn trật tự xã hội, chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ, xây dựng nếp sống mới, v.v... giáo viên và học sinh thực hiện vai trò làm chủ tập thể của mình trong xã hội, học sinh sẽ nhanh chóng trưởng thành về ý thức công dân. Lực lượng giáo viên và học sinh là một lực lượng xã hội đông đảo, từ khi được Đảng lãnh đạo và giáo dục, luôn luôn là một ngọn lửa của phong trào cách mạng của quần chúng công nông. Từ nay về sau phải phát huy truyền thống tốt đẹp đó trong các cuộc vận động cách mạng nhằm xây dựng xã hội mới. Hồ Chủ tịch thường gọi nhà trường là « một pháo đài của chủ nghĩa xã hội » ; điều đó có nghĩa là trong các trường học, phải dạy những tư tưởng tiến bộ nhất, những tri thức khoa học nhất, đồng thời phải đấu tranh cho sự truyền bá và sự thực hiện những tư tưởng và tri thức đó, kiên quyết chống lại những tư tưởng và thành kiến lạc hậu, góp phần tích cực cải tạo xã hội. Chính vì thế mà các đơn vị tiên tiến về giáo dục thường góp phần làm cho địa phương trở thành tiên tiến về nhiều mặt khác.

Tóm lại, hội nghị tổng kết lần này một lần nữa khẳng định sự cần thiết phải thấu suốt nguyên lý giáo dục của Đảng trong toàn bộ công tác giáo dục, trong các hoạt động giáo dục của trường học. Thực tiễn đã giúp chúng ta sáng tỏ thêm cơ sở khoa học và khả năng thực hiện của nguyên lý đó. Tôi muốn nhắc lại rằng, có xuất phát từ những yêu cầu cao của cách mạng đối với sự nghiệp giáo dục, cả về chất lượng và số lượng, thì chúng ta mới thấy rõ hơn vị trí và ý nghĩa của nguyên lý giáo dục của Đảng. Đề nghị các đồng chí suy nghĩ thêm

Digitized by Google

về những kinh nghiệm sáng tạo của các điển hình tiên tiến, để vận dụng tốt nguyên lý giáo dục ở địa phương, cho mỗi cấp học, mỗi loại trường.

Trước mắt chúng ta, mở ra một triển vọng rất tươi sáng. Chúng ta sống trong thời đại cách mạng và khoa học phát triển vô cùng mạnh mẽ. Chúng ta phải có quyết tâm đưa Tổ quốc ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, văn minh, trong vài mươi năm nữa. Chúng ta phải vượt thời gian như chúng ta đã từng vượt thời gian, sáng tạo những bước nhảy vọt lớn. Đảng ta có lòng tin mãnh liệt ở nhân dân ta, một dân tộc anh hùng, thông minh, sáng tạo, đầy sức sống. Đất nước ta giàu tài nguyên, chúng ta hoàn toàn có đủ điều kiện để xây dựng cho nhân dân ta một cuộc sống hạnh phúc về vật chất và tinh thần. Để góp sức xây dựng con người mới, chúng ta phải làm tốt ngay từ nhà trường phổ thông. Đó là công việc rất nặng nề nhưng rất vẻ vang. Chúng ta phải phát huy vai trò làm chủ tập thể, nâng cao ý thức trách nhiệm; từng cán bộ, từng cô giáo, thầy giáo, vì Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, vì con em, vì tương lai mà suy nghĩ và làm việc, sáng tạo, đưa sự nghiệp giáo dục tiến lên những bước mới.

TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO PHONG TRÀO THI ĐUA HAI TỐT THEO GƯƠNG CÁC ĐƠN VỊ TIÊN TIẾN

Trong những năm tới, chúng ta sẽ tiếp tục phát động phong trào thi đua Hai tốt theo gương các đơn vị tiên tiến, bảo đảm cho phong trào được mở rộng nhanh chóng và vững chắc. Phấn đấu trong vài năm tới **tất cả** các trường học đều đi theo hướng này, và trong tiến bộ chung đó, **ở mỗi tỉnh, mỗi huyện** đều có những điển hình tốt của tỉnh mình, huyện mình.

Muốn làm được như thế, phải có biện pháp. Trước hết là **phải có tổ chức, có cán bộ phụ trách.** Từ Bộ đến các cấp quản lý giáo dục, cho đến mỗi trường học, cần có tổ chức để bảo đảm thực hiện, phải chọn cử vào đây những cán bộ có nhiệt tình, có tri thức thì mới làm tốt.

Điều mà các đồng chí nói nhiều, điều có tính quyết định là **đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý.** Hội nghị tổng kết lần trước cũng đặt vấn đề này lên hàng đầu. Các đồng chí cố gắng giải quyết tốt vấn đề này. Muốn có cán bộ tốt cũng phải thông qua phong trào cách mạng học tập và làm theo các đơn vị tiên tiến.

Một vấn đề nữa là **chế độ, chính sách.** Đối với vấn đề này, Trung ương Đảng, Chính phủ và

Digitized by Google

Bộ giáo dục rất quan tâm và sẽ tìm cách giải quyết tốt hơn. Song ở từng địa phương, từng trường học, các đồng chí cũng cần cố gắng. Đặc biệt, cần chăm lo đến sức khỏe của các cô giáo, trước hết là tổ chức tốt nhà trẻ nuôi dạy các cháu nhỏ của chị em.

Đối với việc **xây dựng trường sở**, ta nên rõ điểm này: trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay, Nhà nước chỉ lo được phần nào thôi, chúng ta phải dựa vào nhân dân, huy động nhân dân làm. Tôi đề nghị Đoàn thanh niên xem có thể đứng ra làm chủ công việc xây dựng trường cho các em học, cho thanh niên học được không? Có thể phát động một phong trào nhân dân xây dựng trường học như huyện Quỳnh-lưu được không? Các đồng chí Quỳnh-lưu làm công tác tư tưởng, công tác tổ chức rất tốt. Huyện ủy mời các xã tới nói rõ yêu cầu mục đích của việc xây dựng trường sở để các xã thảo luận thông suốt, và sau hội nghị, chỉ trong vài tháng, Quỳnh-lưu đã xây dựng được 3 trường cấp III. Hiện nay nhiều xã, nhiều huyện đã có phong trào nhân dân xây dựng trường học với tinh thần cách mạng tiến công như thế. Cách mạng trên bất cứ lĩnh vực nào luôn luôn là sự nghiệp của quần chúng. « Dễ trăm lần không dân cũng chịu; khó vạn lần dân liệu cũng xong! » có phải thế không, các đồng chí?

Đề nghị các đồng chí từ nay đến hè chuẩn bị kế hoạch cụ thể để bước vào năm học mới có thể phát động được ngay phong trào thi đua, và bảo đảm phong trào đi đúng hướng, mạnh mẽ, vững chắc, có hiệu quả lớn, có sức thuyết phục. Và được như thế, thì có thể nói: công cuộc cải cách giáo dục cũng đã được thực hiện một phần quan trọng.

Với lòng tin lớn đó, tôi xin chúc hội nghị chúng ta thành công tốt đẹp.

Digitized by Google

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA PHÁT TRIỂN

HOÀNG-QUỐC-VIỆT

MỘT MŨI TIẾN CÔNG QUAN TRỌNG CỦA CÁCH MẠNG THẾ GIỚI

Thế giới ngày nay đang chứng kiến những biến chuyển hết sức to lớn ngày càng có lợi cho các lực lượng cách mạng, không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản cách mạng đứng đầu là đế quốc Mỹ. Ba dòng thác cách mạng hợp thành sức mạnh tổng hợp của thời đại đang ở thế liên tục tiến công từ nhiều phía, giáng những đòn quyết liệt vào chủ nghĩa tư bản thế giới đang trong cơn khủng hoảng trầm trọng. Thắng lợi có ý nghĩa thời đại của nhân dân Việt-nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đã mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội, làm yếu hệ thống chủ nghĩa đế quốc, tăng cường sức mạnh tiến công của các lực lượng cách mạng trên thế giới.

Phong trào đấu tranh của công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển với quy mô rộng lớn đang cùng các lực lượng hòa bình, dân chủ khác tạo thành một mũi tiến công trực tiếp đánh vào chủ nghĩa đế quốc thế giới ngay tại sào huyệt của chúng. Đúng như đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng đã nói: «Đứng trên quan điểm chiến lược của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội mà xét, thì cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước đế quốc có ý nghĩa quyết định đối với việc «chôn vùi chủ nghĩa tư bản»... loại trừ chủ nghĩa tư bản đã từng thống trị hàng mấy trăm năm ra khỏi đời sống xã hội loài người» (1).

Những năm qua, do những nguyên nhân khách quan như sự lớn mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa và của cao trào giải phóng dân tộc, sự khủng hoảng và suy yếu của chủ nghĩa đế quốc, và do những nguyên nhân chủ quan như chính sách tăng cường áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước và sự giác ngộ

(1) Lê-Duẩn: *Hăng hái tiến lên dưới ngọn cờ vĩ đại của Cách mạng tháng Mười*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1967, trang 25.

Digitized by Google

chính trị không ngừng được nâng cao của chính bản thân giai cấp công nhân, mà phong trào công nhân đã có bước phát triển mới sâu rộng hơn, và có cơ sở vững chắc hơn. Nếu như vào đầu thế kỷ 20, giai cấp công nhân trên thế giới chỉ chiếm khoảng 30 triệu người, thì ngày nay do sự phát triển nhanh chóng của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ riêng ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đội ngũ giai cấp công nhân đã lên tới mấy trăm triệu người. Nếu kể cả đội quân lao động làm thuê thì riêng ở những nước đó, tỷ lệ trung bình của đội ngũ này đã lên tới 80% số dân tự lập; riêng ở Anh lên tới 93%. Được cổ vũ bởi những thắng lợi của giai cấp công nhân các nước xã hội chủ nghĩa, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa không ngừng phát triển và mở rộng, thu hút hàng chục triệu người thuộc đủ các tầng lớp tham gia. Đó là lực lượng đấu tranh « mặt đối mặt » với kẻ thù giai cấp. Cuộc đấu tranh ấy diễn ra sôi nổi, liên tục hằng ngày, hằng giờ trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội. Khẩu hiệu đấu tranh của họ không chỉ bó hẹp trong phạm vi kinh tế, mà đi từ yêu sách kinh tế đến những yêu sách chính trị, chống khuynh hướng phát-xít hóa, quân phiệt hóa của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước. Đồng thời, giai cấp công nhân không ngừng tăng cường tình đoàn kết và sự ủng hộ đối với phong trào giải phóng dân tộc và các lực lượng tiến bộ khác trên thế giới.

Thông qua cuộc đấu tranh của công nhân và lao động, ngày nay đã hình thành một mặt trận rộng rãi bao gồm các đảng phái tiến bộ, các tầng lớp quần chúng với nhiều nghề nghiệp, chính kiến khác nhau, song cùng chĩa mũi nhọn đấu tranh vào các thế lực tư bản lũng đoạn vì những mục tiêu hòa bình, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Vai trò dẫn đầu của giai cấp vô sản trong mặt trận đó ngày càng nổi rõ. Vai trò ấy được quyết định bởi chính những quy luật phát triển của lịch sử. Chính giai cấp vô sản, sản phẩm tất yếu của nền đại sản xuất công nghiệp, là lực lượng nòng cốt, kiên quyết chống tư bản lũng đoạn. Bằng những hành động đấu tranh quyết liệt của mình, giai cấp vô sản đang ngăn chặn chủ nghĩa tư bản lũng đoạn mưu mô hạn chế và thủ tiêu các quyền tự do dân chủ, lao vào con đường phát-xít hóa. Trong quá trình đấu tranh, giai cấp vô sản nắm chắc những yêu sách cơ bản, những yêu sách thể hiện nguyện vọng chính đáng, những quyền lợi sống còn không phải chỉ riêng của giai cấp mình mà của tất cả các tầng lớp bị bóc lột đang kiên quyết chống chế độ tư bản lũng đoạn Nhà nước. Thông qua sự phối hợp đấu tranh với giai cấp công nhân và được giai cấp công nhân lãnh đạo, các tầng lớp lao động khác đã liên tiếp giành được thắng lợi, nhiều yêu sách của họ đã được đáp ứng. Hiện nay quy mô và mức độ đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản chủ nghĩa ngày thêm rộng lớn và gay gắt càng chứng tỏ rằng giai cấp công nhân có vai trò quyết định trong việc tập hợp, đoàn kết toàn thể những người lao động.

Là những người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất và nuôi sống toàn bộ xã hội, giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển có ảnh hưởng quyết định đối với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Họ đấu tranh nhằm xóa bỏ những mâu thuẫn tồn tại hàng thế kỷ nay trong xã hội tư bản chủ nghĩa và cuối cùng là để thực hiện sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình là « người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản ». Cuộc đấu tranh của họ do đó làm cho chủ nghĩa tư bản lung lay đến tận gốc, khiến nó phải bị động đối phó ngay tại sào huyệt của nó. Đó là một sự ủng hộ to lớn đối với hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, đối với phong trào giải phóng

Digitized by Google

dân tộc. Ngược lại vai trò và sức mạnh của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, những thắng lợi to lớn của phong trào giải phóng dân tộc là nguồn cổ vũ to lớn phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa. Chưa bao giờ mối quan hệ biện chứng giữa ba dòng thác cách mạng của thời đại lại thể hiện rõ như ngày nay. Chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện như là mục tiêu đấu tranh trực tiếp của tất cả các nước. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Nó có sức sống dồi dào, sức động viên to lớn đối với tất cả các dân tộc, ảnh hưởng trực tiếp đến sự giác ngộ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ, thu hẹp phạm vi thống trị của bọn đế quốc, làm cho chúng ngày càng suy yếu, đã góp phần tạo điều kiện cho phong trào công nhân các nước tư bản chủ nghĩa tiến lên. Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam đánh bại đế quốc Pháp, mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trước đây, và đặc biệt đánh bại hoàn toàn đế quốc đầu sỏ Mỹ, mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới hiện nay, đã và đang có ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa cũng như ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Phong trào ủng hộ Việt-nam chống Mỹ ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa đã thu hút được nhiều lực lượng chính trị xã hội đứng về phía các đảng cộng sản. Sự kiện Bồ-đào-nha — việc lật đổ chế độ phát xít ở chính quốc và việc giải phóng các thuộc địa của Bồ-đào-nha — là một biểu hiện sinh động về tác động qua lại giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc chủ nghĩa và phong trào giải phóng thuộc địa trong cuộc đấu tranh đánh đổ kẻ thù chung và thiết lập chế độ mới cả ở «chính quốc» và thuộc địa, như Lê-nin đã từng nói. Nước Ăng-gô-la dân chủ nhân dân vừa mới ra đời và trở thành bó đuốc cách mạng ở châu Phi cũng là kết quả rõ rệt về sự tác động của ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Trước tình hình đối sánh lực lượng trên thế giới hiện nay đang biến chuyển ngày càng có lợi cho cách mạng thế giới, trước sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc do đế quốc Mỹ đã bị thất bại nhục nhã ở Việt-nam và Đông-dương cầm đầu, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa đã có điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết, và giai cấp công nhân càng có khả năng thực hiện «nhiệm vụ vẻ vang trước lịch sử là đánh bại chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước ngay tại dinh lũy cuối cùng của nó, loại trừ vĩnh viễn chủ nghĩa tư bản ra khỏi đời sống xã hội» (2)

CUỘC KHỦNG HOẢNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN VÀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Chúng ta đều biết muốn tiến hành sản xuất một cách thuận lợi nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao thì giữa các ngành sản xuất xã hội phải có những tỷ lệ cân đối nhất định. Nhưng trong nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, một nền sản xuất hàng hóa dựa trên cơ sở đại công nghiệp có năng suất lao động cao, do sản xuất vô chính phủ, do mâu thuẫn giữa tính chất nền

(2) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 104.

Digitized by Google

sản xuất đã xã hội hóa cao và quan hệ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng tập trung, cho nên khủng hoảng trở thành « định mệnh », thành « bạn đường » của chủ nghĩa tư bản.

Trình độ xã hội hóa sản xuất cao chưa từng thấy trong chế độ tư bản chủ nghĩa là sự « chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất » để chuyển sang chủ nghĩa xã hội, như Lê-nin từng nói. Song, trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, tính chất xã hội hóa cao của sản xuất không xóa bỏ hình thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất và sản phẩm, mà trái lại càng mâu thuẫn gay gắt với hình thức chiếm hữu đó. Mác đã nói : « Sản xuất tư bản chủ nghĩa về thực chất là sản xuất tư nhân, cả trong trường hợp nếu nhà tư bản liên hiệp thay thế nhà tư bản riêng rẽ » (3). Kẻ chỉ huy và làm chủ những của cải vật chất khổng lồ là một bộ phận tư sản ngày càng hẹp, tức tư bản lũng đoạn. Mâu thuẫn giữa số ít bọn chiếm hữu tư liệu sản xuất và số đông những người sản xuất bị bóc lột là giai cấp công nhân ngày càng tăng.

Để đối phó với phong trào cách mạng thế giới và cứu vãn chế độ tư bản chủ nghĩa trong cơn hấp hối, chủ nghĩa tư bản ở các nước đế quốc chủ nghĩa đã chuyển nhanh và ồ ạt sang chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, đồng thời phát triển mạnh mẽ sự liên hợp quốc tế của chủ nghĩa tư bản và lập nhiều công ty độc quyền ở trong nước và trên thế giới. Tình hình đó nói lên những khó khăn của chủ nghĩa tư bản đến mức không có sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước vào đời sống kinh tế thì nó không thể tồn tại được. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn ra sức mở rộng quyền lực của chúng, kết hợp quyền lực đó với quyền lực của Nhà nước thành một quyền lực thống nhất để tăng cường đàn áp, bóc lột công nhân, dùng Nhà nước làm công cụ điều tiết sản xuất và phân phối, phục vụ đắc lực lợi ích của bọn tư bản lũng đoạn.

Thực tiễn 10 năm lại đây chứng tỏ rằng chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước đã không thể cứu vãn chế độ vô nhân đạo của chúng được. Nó chỉ có thể tạm thời hòa hoãn một số mâu thuẫn nào đó của chủ nghĩa tư bản, song nó lại càng làm cho những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản càng ngày càng trầm trọng thêm, đồng thời mâu thuẫn giữa giai cấp tư bản thống trị và giai cấp công nhân bị áp bức và bóc lột ngày càng gay gắt thêm, phạm vi chế ngự của nó càng rộng thì lực lượng chống đối nó càng lớn và càng mạnh ; nó không có khả năng bảo đảm cho sản xuất phát triển ổn định và cân đối, trái lại, đã làm cho nguy cơ khủng hoảng tích lại và đến kỳ sẽ bùng nổ mãnh liệt hơn.

Đặc điểm của cuộc khủng hoảng hiện nay trong các nước tư bản chủ nghĩa là :

Một là, cuộc khủng hoảng này diễn ra trên khắp các lĩnh vực : kinh tế, tài chính, quân sự, chính trị, tư tưởng, đạo đức, văn hóa, xã hội một cách trầm trọng, kéo dài và không phương cứu chữa.

Hai là, lạm phát đi đôi với suy thoái, điều này kìm hãm và phá hoại quá trình thanh toán tư bản bị đọng lại trong hàng hóa không bán được, mà quá trình này lại không thể thiếu được để phục hồi kinh tế bình thường theo chu kỳ.

Ba là, tất cả các nước tư bản chủ nghĩa kể cả đế quốc đầu sỏ đều bị khủng hoảng trong khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không ngừng lớn mạnh về mọi mặt và sản xuất ra một khối lượng sản phẩm bằng 40% tổng sản phẩm thế giới làm cho thị trường tư bản chủ nghĩa bị thu hẹp

(3) C. Mác — F. Ăng-ghen : *Toàn tập*, bản tiếng Nga, nhà xuất bản chính trị văn học của Nhà nước, Mát-xcơ-va, 1961, tập 24, trang 275.

Digitized by Google

lại. Tình hình đó rõ ràng không giống như trước kia : khi nước tư bản này khủng hoảng thì nước tư bản kia phồn vinh, nước tư bản mạnh thì trút gánh nặng cho các nước tư bản yếu, các nước thuộc địa và phụ thuộc, hoặc gây ra chiến tranh để chiếm thị trường thế giới.

Bốn là, các nước đang phát triển đấu tranh mạnh mẽ để bảo đảm chủ quyền của họ, để tăng cường kiểm soát và cố gắng thu hồi tài nguyên thiên nhiên do bọn đế quốc bòn rút bấy lâu nay, kiên trì đấu tranh đòi xây dựng một trật tự kinh tế mới, đòi quy định một cách công bằng giá cả nguyên liệu và hàng hóa trên thế giới. Điều này giáng một đòn mạnh mẽ vào sự thống trị của các công ty quốc tế do Mỹ khống chế, làm lay chuyển tận gốc cơ cấu thực dân mới.

Tại các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, chẳng những nổ ra các cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ ngày càng nghiêm trọng, mà còn bùng lên những cuộc khủng hoảng cục bộ, như khủng hoảng tiền tệ, khủng hoảng năng lượng và nguyên liệu, v.v... Điều đó chứng tỏ không những quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa bình thường đang bị hỗn loạn, mà ngay cả cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản cũng đang thường xuyên không ổn định. Không phải ngẫu nhiên mà tháng 8-1974, giám đốc Quỹ tiền tệ quốc tế Uýt-tơ-vin đã phải nói : « nền kinh tế thế giới (tức kinh tế tư bản chủ nghĩa) đang như con thuyền nhỏ bồng bềnh giữa xoáy nước lớn của nạn suy thoái và vách đá không lồ của nạn lạm phát giữa nơi biển lạ ».

Hiện nay, trong lúc người ta đang loay hoay có tìm xem đã có dấu hiệu thật chưa về tình hình phục hồi của kinh tế tư bản chủ nghĩa thì tình hình thực tế vẫn là cay đắng đối với công nhân và lao động, những người chịu hậu quả trực tiếp của khủng hoảng do bọn tư bản lũng đoạn trút vào đầu họ. Tháng 3-1976, Ủy ban kinh tế châu Âu của Liên hợp quốc đã tổng kết năm 1975 như sau : tại 13 nước Tây Âu, sản xuất giảm 10% (ở Mỹ gần 9%). Nạn thất nghiệp tăng gấp đôi so với năm 1973. Lạm phát tiếp tục phát triển, có nước như Ý lạm phát lên tới 20%. Giá hàng tiêu dùng tăng bình quân 11%. Năm 1976 cũng chẳng có gì gọi là an ủi. Ở Mỹ, nước tư bản chủ nghĩa giàu nhất, theo nhận định của chính Ca-tơ, cho đến quý 4-1976, nhịp độ phát triển của tổng sản lượng quốc dân Mỹ cũng không tài nào vượt được con số 4%, nhịp độ phát triển của sản xuất công nghiệp giảm rõ rệt; ngân sách Mỹ trong năm tài chính 1976 bị hụt tới 65,6 tỷ đô-la, chỉ tính đến giữa năm 1976, tổng số nợ của chính phủ Mỹ lên tới 6,6 tỷ, do đó nạn lạm phát càng thêm trầm trọng; theo con số Mỹ đã công bố, số người thất nghiệp lên tới gần 8 triệu, bằng 8,1% lực lượng lao động, chưa kể số người nửa thất nghiệp. Tình hình ở các nước tư bản chủ nghĩa khác càng tồi tệ hơn. Tại Nhật, cuộc khủng hoảng vẫn chưa có lối thoát. Kết quả điều tra ở 187 công ty lớn nhất cho thấy : các ngành kinh tế chủ chốt như dầu lửa, đóng tàu, luyện kim sa sút nghiêm trọng, chỉ sử dụng được 70% công suất máy và dự kiến trong 2 — 3 năm tới chỉ còn sử dụng một nửa.

Bước sang năm 1977 chưa thấy tia sáng nào lóe lên trước bức tranh ảm đạm của kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa.

Giai cấp công nhân là những người chịu khổ cực nhất vì cơ chế sản xuất tư bản chủ nghĩa, vì khủng hoảng. Vì mục đích siêu lợi nhuận, bọn tư bản lũng đoạn sử dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật như những phương tiện bóc lột lao động chân tay và lao động trí óc một cách thâm hiểm hơn trước. Tự động hóa trong sản xuất vốn là một thành tựu xuất sắc của khoa học kỹ thuật phục vụ cho lợi ích của toàn thể loài người,

Digitized by Google

nhưng trong điều kiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, nó đã có tác dụng tăng cường độ lao động của công nhân, bóc lột giá trị thặng dư nhiều hơn. Hơn nữa nó còn đưa tới giảm bớt số người làm trong lĩnh vực sản xuất, tăng số người không sản xuất, tạo ra nạn thất nghiệp tiềm tàng, mà giới hạn của thất nghiệp cũng mở rộng, không những công nhân không lành nghề mà cả công nhân chuyên nghiệp, không những công nhân trong các xí nghiệp, hầm mỏ mà cả công nhân các ngành phục vụ thương nghiệp, giao thông vận tải... cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, bác sĩ, bác học và những người mới tốt nghiệp các trường đại học cũng bị thất nghiệp.

Chính sách quân sự hóa kinh tế, chạy đua vũ trang của nhà nước tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là số tiền mà Mỹ đã đổ vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam trong mấy chục năm qua làm cho ngân sách chi tiêu phình ra, tạo ra nạn lạm phát nghiêm trọng, làm cho thuế khóa ngày càng cao, giá cả tăng vọt. Điều đó đánh thẳng vào đời sống của công nhân, lao động và nhiều tầng lớp xã hội khác ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Hiện nay, chỉ riêng ở các nước «thị trường chung» đã có tới 5.7 triệu người thất nghiệp (theo con số đã công bố ở 24 nước công nghiệp phát triển trên thế giới, con số đó là 18 triệu người).

Đội quân thất nghiệp trong chế độ tư bản chủ nghĩa ngày càng tăng. Người ta huênh hoang về «dân chủ», về «nhân quyền», nhưng thử hỏi không có cái quyền cơ bản nhất là quyền có công ăn việc làm, đời sống được bảo đảm, có một mức sống tương xứng với sức lao động đã bỏ ra thì cái «dân chủ» ấy, «nhân quyền» ấy có nghĩa lý gì? Trước tình hình thực tế ở các nước tư bản chủ nghĩa kể cả ở Mỹ, tất cả những lý thuyết của giai cấp tư sản về «chủ nghĩa tư bản nhân dân» (công nhân tham dự lợi nhuận chung), «chủ nghĩa tư bản không có khủng hoảng», về «hòa đồng, hội tụ», (xóa bỏ ranh giới giữa chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ tư bản chủ nghĩa), về «xã hội sau công nghiệp» (một xã hội vừa xóa bỏ các tai họa của chủ nghĩa tư bản vừa thực hiện ưu điểm của chủ nghĩa xã hội), v.v... nhằm mị dân và xoa dịu đấu tranh giai cấp đều bị phá sản thảm hại.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

Thông thường trước kia, khi khủng hoảng kinh tế và thất nghiệp hàng loạt lan tràn thì phong trào đấu tranh của công nhân suy thoái, vì nỗi lo sợ mất việc của những công nhân chưa giác ngộ làm cho họ «có kỷ luật hơn», buộc họ phải chịu đựng những điều kiện lao động sút kém và tiền lương hạ thấp. Thời phồng hiện tượng nhất thời ấy lên, có nhà kinh tế học Anh còn đưa ra một tỷ lệ nghịch là nếu thất nghiệp tăng 1% thì số lượng bãi công sẽ giảm một cách tương ứng 8%. Ngày nay, tình hình thực tế đã bác bỏ cái «tính quy luật» ấy. Do ý thức giác ngộ của công nhân được nâng cao và công nhân được tập hợp trong các tổ chức công đoàn, được các đội tiền phong lãnh đạo ngày càng mạnh, lại được sự cổ vũ của giai cấp công nhân các nước xã hội chủ nghĩa, cho nên phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa ngày một phát triển sôi nổi trên quy mô rộng lớn và cuối cùng nhất định giành được thắng lợi hoàn toàn.

Đặc điểm đầu tiên của phong trào đó là **cơ sở xã hội của nó được**

Digitized by Google

mở rộng rất nhiều. Đó là do chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước ngày càng đối lập về lợi ích căn bản với cả dân tộc mà nó thống trị. Mâu thuẫn giữa vô sản và tư bản đã trở thành mâu thuẫn giữa tuyệt đại đa số nhân dân với một dúm tư bản lũng đoạn. Tiêu biểu cho lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động bị bọn tư bản lũng đoạn Nhà nước áp bức và bóc lột, với tinh chiến đấu, thế tiến công và năng lực cách mạng tiềm tàng vô cùng to lớn của mình, giai cấp công nhân có khả năng tập hợp đông đảo quần chúng lao động bị áp bức và các tầng lớp dân chủ và tiến bộ khác. Trong phong trào hiện nay, ngoài công nhân là lực lượng nòng cốt ra, đã xuất hiện nhiều lực lượng mới. Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và vai trò của khoa học kỹ thuật trong sản xuất ngày càng tăng, phần đông những người trí thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Một số lớn những người trí thức trở thành đối tượng bóc lột của tư bản, cũng nếm đủ mùi cay đắng của kẻ đi làm thuê cho nên không còn gắn bó với giai cấp tư sản như trước. Nhiều nhà khoa học, bác học có danh tiếng đã tham gia các cuộc vận động tiến bộ. Thanh niên, sinh viên « bất mãn » với xã hội đương thời tham gia đấu tranh rất nhiệt tình, dũng cảm, sáng tạo, đòi cải thiện tình cảnh của mình, đòi cải cách cơ bản trong chế độ giáo dục. Nông dân nhiều nước, nhất là các nước thuộc cộng đồng kinh tế châu Âu, đang đấu tranh mạnh mẽ. Họ phản đối chính sách làm phá sản nông dân, phản đối chính sách ruộng đất chỉ có lợi cho bọn tư bản lớn. Cả những nhà kinh doanh nhỏ và vừa, bị chèn ép nặng nề bởi bọn tư bản lũng đoạn, trước nguy cơ bị phá sản cũng tham gia đấu tranh chống tư bản lũng đoạn.

Nội bộ các chính đảng tư sản, tiểu tư sản, các nhà hoạt động tôn giáo có sự phân hóa, một bộ phận chống tư bản lũng đoạn. Tất cả các lực lượng ấy, với công nhân làm nòng cốt, đang hợp thành một mặt trận rộng rãi chống tư bản lũng đoạn không chỉ trong từng nước mà cả trên phạm vi thế giới. Các lực lượng cánh tả, các công đoàn ngày càng có xu hướng thống nhất đã đề ra chương trình phối hợp hành động chung, đưa đến một phong trào đình công, bãi công rầm rộ, to lớn chưa từng thấy ở hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

Rõ ràng là giai cấp công nhân có rất nhiều điều kiện để tập hợp lực lượng nhằm đánh bại bọn tư bản lũng đoạn.

Phong trào bãi công của công nhân, lao động đang phát triển ngày càng mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, với những nội dung phong phú và những hình thức rất linh hoạt. Nếu từ 1945 đến 1960 số người tham gia bãi công là 150 triệu thì từ 1960 đến 1970 con số đó đã lên 380 triệu, nhất là vào những năm 70 này, giai cấp công nhân đã biểu dương sức mạnh chiến đấu của mình một cách rộng lớn, rầm rộ, hiếm thấy trong vòng 1/2 thế kỷ nay. Những cuộc bãi công kéo dài hàng tuần, hàng tháng với quy mô toàn ngành, từ ngành này lan sang ngành khác của các cơ quan Nhà nước đến quy mô toàn quốc với hàng triệu, thậm chí hàng chục triệu người tham gia, đã trở thành phổ biến, liên tục ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

Chất lượng các cuộc bãi công được nâng lên. Những yêu sách trong các cuộc đấu tranh được nêu lên từ thấp đến cao, chĩa thẳng vào Nhà nước tư bản lũng đoạn. Những yêu sách về kinh tế được kết hợp chặt chẽ với các yêu sách về chính trị, văn hóa. Cuộc đấu tranh chống tình trạng giá cả tăng vì lạm phát, đòi công ăn việc làm, chống sa thải hàng loạt hòa làm một với cuộc đấu tranh vì dân chủ, chống chế độ độc tài, đòi khôi phục

Digitized by Google

và mở rộng các quyền tự do dân chủ, đòi thả tù chính trị, chống khủng bố đàn áp .. Bảo vệ hòa bình cũng là một nội dung đấu tranh quan trọng. Nhiều tổ chức công đoàn các nước tư bản chủ nghĩa đã phối hợp hành động với những người lao động trí óc, với các lực lượng dân chủ và hòa bình đấu tranh đòi giảm ngân sách quân sự, chống chạy đua vũ trang, bảo đảm hòa bình và an ninh trên thế giới. Ở Mỹ và Nhật có những cuộc đi bộ kéo dài hằng tháng chống vũ khí hạt nhân.

Hình thức đấu tranh của công nhân, lao động rất phong phú: đấu tranh quần chúng kết hợp chặt chẽ với đấu tranh ở nghị trường và các cơ quan của bộ máy Nhà nước, biểu tình, đi bộ phản kháng, «ngày hành động thống nhất», chiến dịch «tiến công mùa xuân», lãn công, bãi công, tổng bãi công nhà máy, đình công chiếm xưởng, v.v...

Cuộc đấu tranh của công nhân, lao động **đòi dân sinh dân chủ, bảo vệ hòa bình được kết hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền dân tộc.** Giai cấp cầm quyền nhiều nước tư bản chủ nghĩa cấu kết với các bọn đế quốc khác, nhất là đế quốc Mỹ, lập các liên minh quân sự và kinh tế để đối phó với hệ thống xã hội chủ nghĩa, chống đỡ với phong trào giải phóng dân tộc đang sôi sục. Chúng bán rẻ cả chủ quyền dân tộc, thực hiện một chính sách đối nội và đối ngoại phụ thuộc vào đế quốc Mỹ. Do đó, kẻ thù của nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa không chỉ có tư bản lũng đoạn trong nước, mà còn có bọn tư bản lũng đoạn nước ngoài đứng đầu là đế quốc Mỹ. Cương lĩnh của Đảng cộng sản Nhật nói rõ: kẻ thù chiến lược của nhân dân Nhật là chủ nghĩa đế quốc Mỹ và tư bản lũng đoạn Nhật. Ở các nước trong khối «thị trường chung» nhiều tổ chức «siêu quốc gia» thực tế đứng ngoài sự kiểm soát của bản thân các dân tộc. Tư bản lũng đoạn Mỹ là kẻ chi phối các tổ chức ấy, là ông chủ thật sự của nhiều nước (4), chúng bắt các «đồng minh» phải phụ thuộc vào chúng về kinh tế, trắng trợn can thiệp vào công việc nội bộ các nước đó. Ở đây chúng cũng dựa vào các phần tử phản động cực đoan, khuyến khích mọi hoạt động phản dân chủ. Chúng là lực lượng phản dân chủ chủ yếu trong toàn bộ thế giới tư bản chủ nghĩa. Còn bọn tư bản lũng đoạn từng nước thì như kinh nghiệm lịch sử đã chỉ ra, khi phong trào cách mạng lên cao, chúng sẵn sàng vứt bỏ chủ quyền dân tộc để thực hiện sự «liên minh quốc tế» hòng bóp chết lực lượng cách mạng, duy trì sự thống trị của chúng. Cho nên, phong trào công nhân các nước tư bản chủ nghĩa đã gắn chặt cuộc đấu tranh chống tư bản lũng đoạn trong nước với cuộc đấu tranh chống tư bản lũng đoạn quốc tế, đòi thi hành một chính sách độc lập dân tộc và hợp tác giữa các nước trên nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi.

Đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, bảo vệ hòa bình còn là một khẩu hiệu để tập hợp quần chúng đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh đó không chỉ nhằm chống Nhà nước tư bản lũng đoạn đang hạn chế và xóa bỏ dần các quyền tự do dân chủ mà còn chống cả cái chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa đã lỗi thời. Tính chất chính trị của các cuộc đấu tranh thể hiện rõ ở chỗ đòi phải có những cải cách sâu rộng về mọi mặt, thay đổi triệt để phương hướng chính trị, tổ chức lại một cách căn bản cơ cấu kinh tế – xã hội, tạo tiền đề để tiến lên chủ

(4) Ở các nước trong «thị trường chung châu Âu» số vốn đầu tư của Mỹ tăng vùn vụt: 1960, gần 7 tỷ đô-la, 1972, 30 tỷ, hầu hết các ngành kinh tế ở Tây Âu đều nằm trong tay các ông chủ bên kia đại dương. Tư bản lũng đoạn Mỹ kiểm soát 80% sản xuất máy tính điện tử, 50% chất bán dẫn, 30% ô-tô.

Digitized by Google

nghĩa xã hội. Ngày nay, do thực tế cuộc sống cay đắng của công nhân và lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa, do sức hấp dẫn về cuộc sống tươi đẹp của công nhân và lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa, do trình độ giác ngộ chính trị và giác ngộ giai cấp ngày càng được nâng cao, giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác ở các nước tư bản chủ nghĩa không còn bị các luận điệu lừa bịp của bọn tư bản mê hoặc nữa, họ cũng không còn tin tưởng chủ nghĩa xã hội — dân chủ và chính sách « cải lương », họ đòi phải có một lối thoát mới và lối thoát đó không ngoài xu thế tất yếu của thời đại là chủ nghĩa xã hội.

Trong cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân đã thu được những thắng lợi lớn. Từ giai cấp công nhân cho đến các thành phần lao động khác trong xã hội, qua cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là tư bản lũng đoạn Nhà nước, đều đã nâng cao được giác ngộ chính trị. Giai cấp tư sản nhiều nước đã phải nhượng bộ trước những yêu sách của công nhân. Uy tín của các nghị viện tư sản, ảnh hưởng của các đảng tư sản cổ truyền nắm chính quyền hàng chục năm nay đã bị suy sụp thảm hại. « Chế độ Phơ-răng-cô không có Phơ-răng-cô » ở Tây-ban-nha đang vấp phải sự phản kháng ngày càng tăng của tất cả các lực lượng dân chủ và tiến bộ.

Các đảng tư sản cầm quyền ở Ý và Nhật lần đầu tiên sau mấy chục năm đã mất đa số ghế ở Quốc hội. Ở những nước khác như Anh, Pháp, giai cấp tư sản và chính quyền của nó cũng đang lúng túng trước phong trào đấu tranh của quần chúng. Trong khi đó thì ảnh hưởng của các đảng cộng sản và các lực lượng cánh tả nói chung ngày càng tăng. Ở một số nước, các đảng cộng sản đã giành được những thắng lợi quan trọng, giữ vị trí trọng yếu trong đời sống chính trị của đất nước, đang giương cao ngọn cờ dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, thực hiện liên minh rộng rãi chống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước trong nước và trên thế giới. Mặc dù bị các thế lực phản động trong và ngoài nước tập trung chống lại, ảnh hưởng của Đảng cộng sản Bồ-đào-nha vẫn ăn sâu trong quần chúng lao động đông đảo; trong hoàn cảnh bị o ép mạnh, Đảng cộng sản Tây-ban-nha vẫn nhanh chóng phát triển lực lượng và ảnh hưởng của mình trong quần chúng. Ở những nước như Ý, Pháp, quần chúng nhân dân đã nhìn thấy sự liên minh các lực lượng tả đang là một lực lượng trỗi dậy, có nhiều khả năng thay đổi thời cuộc. Hiện nay, ở Ý cứ 3 cử tri thì một người bỏ phiếu cho ứng cử viên của Đảng cộng sản. Trong cuộc bầu cử hàng tổng năm ngoái ở Pháp, lần đầu tiên trong lịch sử từ sau chiến tranh, phái tả giành được đa số phiếu tuyệt đối. Đảng cộng sản Nhật ngày càng lớn mạnh, đang thúc đẩy phong trào đấu tranh ngày càng lên cao.

Ở một số nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, giữa các lực lượng cánh tả có sự thống nhất hành động trên một số mặt trong cuộc đấu tranh chống tư bản lũng đoạn. Sự hợp tác giữa Đảng cộng sản, Đảng xã hội và các lực lượng cánh tả khác chống tư bản lũng đoạn Nhà nước trở thành hiện thực trong đời sống chính trị ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

THẮNG LỢI CUỐI CÙNG THUỘC VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Trước mắt, phong trào công nhân các nước tư bản chủ nghĩa phát triển còn có những khó khăn, vì phải chống lại cuộc tiến công và phản công của giai cấp tư sản từ nhiều phía và về mọi mặt trong cơn khủng hoảng

Digitized by Google

ngày càng trầm trọng và bế tắc của chúng, chống lại chính sách tăng cường áp bức bóc lột trực tiếp và bộ máy đàn áp khổng lồ của giai cấp thống trị, chống lại chính sách chia rẽ, mua chuộc ngày càng thâm độc của chúng. Kẻ thù của giai cấp công nhân ở những dinh lũy cuối cùng của chủ nghĩa tư bản rất xảo quyệt, nham hiểm, tàn bạo, lại có kinh nghiệm lâu đời. Bộ phận phản động nhất trong giai cấp tư sản đang mưu mô thoát ra khỏi khủng hoảng bằng cách thiết lập một chế độ độc tài dưới hình thức này hay hình thức khác. Những cuộc đàn áp, bắt bớ, giam cầm diễn ra hằng ngày. Một khi phong trào của một nước nào đó lên cao thì bọn phản động trong nước không ngần ngại câu kết với các lực lượng đế quốc và phản động bên ngoài để phá hoại, như trường hợp Bồ-đào-nha.

Đáng chú ý nhất là chính sách chia rẽ thâm độc của giai cấp tư sản. Chúng chia rẽ các đảng cộng sản các nước, chia rẽ phong trào công nhân trong mỗi nước, chia rẽ, phá hoại các liên minh cánh tả, v.v... Những « vi trùng của chủ nghĩa cơ hội » cũng đang là những nhân tố chia rẽ, phá hoại, phải có chất miễn dịch chống lại để bảo đảm cho phong trào công nhân vững mạnh tiến lên.

Bên cạnh những khó khăn nhất thời trên đây, đang có những điều kiện rất thuận lợi để phong trào công nhân tiếp tục tiến lên những bước cao hơn nữa. Đối sánh lực lượng trên thế giới đã biến đổi ngày càng có lợi cho các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới còn tiếp diễn, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn vốn có của xã hội tư sản. Đó là điều kiện thuận lợi để giai cấp công nhân có thể tập hợp lực lượng quần chúng đánh thắng vào tư bản lũng đoạn Nhà nước, đòi quyền dân sinh, dân chủ, tiến tới chủ nghĩa xã hội. Với những hình thức và nội dung đấu tranh thích hợp nhằm tập hợp được đông đảo hơn nữa các tầng lớp nhân dân để chống lại bọn tư bản lũng đoạn, chống lại những phần tử cơ hội, bọn chia rẽ, biết phối hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh trong nước với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân ở các nước thuộc địa, phụ thuộc, phong trào công nhân các nước tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ giành được thắng lợi ngày càng to lớn, xứng đáng là một mũi tiến công sắc bén cùng với hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc tạo thành một sức mạnh tổng hợp của thời đại, liên tục tiến công chủ nghĩa đế quốc do đế quốc Mỹ cầm đầu.

Đảng cộng sản Việt-nam [e hoàn toàn ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa đang ra sức xây dựng mặt trận thống nhất rộng rãi, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào bọn tư bản lũng đoạn trong nước và nước ngoài, giành quyền dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội, bảo vệ độc lập dân tộc và bảo vệ hòa bình thế giới, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội » (5).

(5) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 108.

Digitized by Google

VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

NGUYỄN-VỊNH

ĐẢNG ta luôn luôn coi công tác cán bộ là một trong những công tác có tầm quan trọng quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng. Hồ Chủ tịch đã nói: « Cán bộ là cái gốc của mọi công việc », « công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém », « vấn đề cán bộ là một vấn đề rất trọng yếu, rất cần kíp », « huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng » (1). Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã từng bước chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, cố gắng đào tạo và phân bố lực lượng cán bộ sao cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị ở mỗi thời kỳ. Chính nhờ đó Đảng đã phát động được quần chúng, tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng. Cho đến nay, đội ngũ cán bộ của Đảng rất đông đảo, và vững mạnh. Đó là một vốn quý của Đảng ta. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng, Đảng ta không thể không quan tâm tăng cường hơn nữa đội ngũ cán bộ của Đảng, ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng một đội ngũ cán bộ hoàn chỉnh, đồng bộ, vững vàng, có đủ khả năng lãnh đạo và tổ chức nhân dân ta thực hiện thắng lợi mọi chỉ thị, nghị quyết của Đảng, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, đội ngũ cán bộ của Đảng bao gồm ba loại: cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và cán bộ khoa học kỹ thuật, hoạt động ở khắp các ngành, các cấp, trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, khoa học kỹ thuật và văn hóa xã hội. Ba loại cán bộ đó có vai trò, vị trí khác nhau, hoạt động theo những phương thức khác nhau, có những tính chất và đặc điểm khác nhau, nhưng tựu trung đều là những bộ phận hữu cơ của cùng một cơ cấu hoàn chỉnh, thống nhất, cùng phục vụ cho một mục tiêu chung là lãnh đạo và tổ chức nhân dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta.

Bài này chỉ đề cập tới vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý, và chủ yếu cũng chỉ

(1) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 24 — 25.

Digitized by Google

đề cập đến việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý chủ chốt

I

Cán bộ lãnh đạo là những cán bộ ở các cấp ủy Đảng, đã được rèn luyện và thử thách, có trách nhiệm phải nắm vững và vận dụng đúng đắn, sáng tạo mọi đường lối, chính sách của Đảng, có đủ sức lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa. Cán bộ lãnh đạo, do đó là những cốt cán trung kiên của Đảng, là lõi cốt của phong trào. Cán bộ quản lý là cán bộ có trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, v.v... Năng lực và phẩm chất của cán bộ quản lý có ảnh hưởng rất lớn, nếu không nói là quyết định, đối với việc cải tiến và tăng cường quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

Tuy có vai trò và đặc điểm khác nhau nhưng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý đều là những người giữ các vị trí quan trọng trong các hoạt động của xã hội, giữ các cương vị chủ chốt trong Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, đều là những người có trách nhiệm cụ thể hóa đường lối chính trị của Đảng, trực tiếp bảo đảm cho đường lối chính trị của Đảng được thực hiện thắng lợi.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí quan trọng của đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý, coi việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý là một trong những nhiệm vụ rất trọng yếu của Đảng. Đảng đã bước đầu xây dựng được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý tương đối đông đảo và ngày càng trưởng thành. Nói chung, đội ngũ này đã « nắm vững đường lối cách mạng của Đảng, hy sinh tận tụy, vững vàng trước các biến chuyển trong nước và trên thế giới, có truyền thống đoàn kết, và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Trung ương, có nhiều kinh nghiệm về cách mạng dân tộc dân chủ, về xây dựng lực lượng cách mạng và lãnh đạo đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang. Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều đồng chí đã cố gắng vừa làm, vừa học, tích lũy được một số hiểu biết và kinh nghiệm tốt » (2).

Tuy nhiên, do hoàn cảnh đất nước có chiến tranh kéo dài, và do nhận thức, quan niệm của chúng ta về công tác cán bộ chưa đầy đủ, chưa phù hợp với tình hình Đảng đã lãnh đạo chính quyền, cho nên công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tiến hành còn chậm, còn chắp vá, thiếu quy hoạch, kế hoạch toàn diện. Cán bộ quản lý kinh tế còn thiếu nhiều. Năng lực lãnh đạo, năng lực quản lý kinh tế, trình độ lý luận của số đông cán bộ còn thấp, kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật cũng chậm được nâng cao.

Từ sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cách mạng nước ta đã bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn Đảng lãnh đạo chính quyền trên phạm vi cả nước, và cả nước làm một nhiệm vụ chiến lược : tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Đó là một sự nghiệp rất vĩ đại và vẻ vang, nhưng cũng rất khó khăn và phức tạp, đòi hỏi Đảng ta phải làm tốt hơn nữa công tác cán bộ, đặc biệt là phải quan tâm làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý. Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định : việc

(2) Nghị quyết của Bộ chính trị về công tác cán bộ trong giai đoạn mới, tạp chí *Học tập*, số 3 — 1973, trang 2.

Digitized by Google

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý là « một nhiệm vụ cấp bách và trọng yếu của công tác cán bộ trong thời gian tới » (3).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong thời gian tới cần được tiến hành theo phương hướng sau đây:

– Tiếp tục đẩy mạnh việc bồi dưỡng cho đại bộ phận cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý đương chức, theo cách ai yếu mặt nào thì được bồi dưỡng cơ bản về mặt ấy, giúp cho số đồng chí này từng bước đạt được những tiêu chuẩn cơ bản mà Nghị quyết của Bộ chính trị về công tác cán bộ đã đề ra.

– Đối với những cán bộ trẻ tuổi mới được đề bạt hoặc có triển vọng được đề bạt cần đào tạo một cách cơ bản, có hệ thống, chính quy.

– Bổ túc thường kỳ cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý những vấn đề mới về lý luận, đường lối, chính sách, kinh nghiệm quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, v.v...

Tóm lại, cần khẩn trương bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có, đồng thời tích cực đào tạo cán bộ cho lâu dài. Hiện nay, trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý chủ chốt, có nhiều đồng chí tuy rất vững vàng về chính trị, có nhiều kinh nghiệm trong công tác, nhưng vì tuổi đã cao, sức khỏe có hạn, trình độ hiểu biết về văn hóa, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế... không đáp ứng được yêu cầu. Do đó, một mặt, tích cực bồi dưỡng cho số đồng chí này, mặt khác, gấp rút đào tạo, bổ sung các cán bộ mới, cán bộ trẻ, thực hiện tốt việc kết hợp cán bộ cũ với cán bộ mới, cán bộ già với cán bộ trẻ, bảo đảm được tính kế thừa, tính liên tục của các cơ quan lãnh đạo và quản lý. Trong công tác đào tạo, bổ sung, cần chú ý đến những người xuất thân từ công nhân, nông dân lao động và trí thức cách mạng, chú ý tăng thêm thành phần công nhân và tỷ lệ nữ, chú ý đến cán bộ các dân tộc thiểu số. Kiên quyết khắc phục thái độ hẹp hòi, bảo thủ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, cả nước đã hòa bình, thống nhất, so với trước kia, chúng ta có rất nhiều điều kiện thuận lợi để động viên sự cố gắng chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn hệ thống chuyên chính vô sản làm tốt công tác đó.

II

Một biện pháp hết sức quan trọng, bảo đảm cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đi vào nề nếp chính quy, chủ động, có nhìn xa, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, **là xây dựng quy hoạch cán bộ**. Bởi vì hình thành một đội ngũ cán bộ có chất lượng tốt, có sức mạnh không phải là vấn đề ngày một ngày hai, ngẫu nhiên, tự phát, mà là kết quả của cả một quá trình đào tạo, bồi dưỡng lâu dài, có ý thức, có kế hoạch. Tình trạng mất cân đối, thiếu đồng bộ trong cơ cấu đội ngũ cán bộ trong thời gian qua chính là do việc đào tạo, bồi dưỡng còn chắp vá, thiếu quy hoạch, hay có quy hoạch mà làm không đến nơi đến chốn.

Công tác xây dựng quy hoạch cán bộ đòi hỏi phải xuất phát đầy đủ từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ tổ chức, và căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ hiện có mà nêu lên phương hướng, mục tiêu lâu dài của công tác cán bộ, định rõ nhu cầu, số lượng cán bộ, xác định tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại cán bộ, trên cơ sở đó vạch ra nội dung chương trình và phương thức, biện pháp bồi dưỡng. Có như vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng mới gắn với yêu cầu của nhiệm vụ

(3) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, trang 174.

Digitized by Google

chính trị và phù hợp với đặc điểm của từng loại cán bộ.

Như trên đã nói, cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý là những cốt cán, giữ những vị trí quan trọng trong các tổ chức Đảng, trong các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. « Vì vậy trên những tiêu chuẩn chung về phẩm chất và năng lực của người cán bộ, các cán bộ này phải là những đồng chí vừa nhạy bén về chính trị, tỉnh táo và kiên quyết đấu tranh với những khuynh hướng, quan điểm sai trái với đường lối, chính sách của Đảng, vừa có năng lực tổ chức và kiến thức quản lý, biết phát huy sức mạnh của tập thể, phát huy tính tích cực và chủ động của cấp dưới, tập trung được kiến thức và trí tuệ của cán bộ và quần chúng. Phải là những đồng chí có **nhiệt tình**, có tinh chủ động, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, **dám chịu trách nhiệm** trước cấp trên và trước quần chúng để chủ động giải quyết một cách cụ thể, thiết thực những vấn đề đặt ra trong quá trình lãnh đạo và quản lý » (4). Đồng chí Lê Duẩn cũng đã chỉ rõ, do vai trò của những người lãnh đạo, người cầm đầu các tổ chức, rất lớn, có tính quyết định đối với sức mạnh của cả một tổ chức, cho nên « họ phải đạt tới những yêu cầu hết sức cao » Họ phải « tiêu biểu cho đức tính trung thành và tận tụy trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, phải có năng lực đầy đủ và quyết tâm đầy đủ để thực hiện đường lối, chủ trương. Đó là người có kiến thức, giàu kinh nghiệm, biết nhìn xa, nhạy cảm với cái mới, có đầu óc sáng kiến, tính chủ động cao, kết hợp được tính tập thể trong lãnh đạo với khả năng quyết đoán sáng suốt trên cơ sở hiểu tường tận công việc và nắm chắc tình hình. Quyết đạt kỳ được mục tiêu đã xác định, người lãnh đạo là người có khả năng tổ chức và lôi cuốn tập thể những người cộng sự và quần chúng đi theo. Có tinh thần trách nhiệm nghiêm túc, tinh kiên quyết, tính nguyên tắc trong khi giải quyết các vấn đề; biết chú ý và thật sự tôn trọng những ý kiến của người khác, bình tĩnh lắng nghe ý kiến của quần chúng, ngay cả khi mình không tán thành; có thái độ rộng lượng đối với con người, có tinh thần tự phê bình cao, dám nhận sai lầm và quyết tâm sửa chữa » (5).

Đương nhiên, để đạt được những yêu cầu cần thiết đó, không có cách nào khác là người cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý phải ra sức và bền bỉ tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất cách mạng của mình trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, trong phong trào cách mạng của quần chúng, đồng thời phải nỗ lực học tập để không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết của mình về mọi mặt. Phải nắm cho được **phương pháp luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin**, nắm được quan điểm, phương pháp phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội, từ đó có cách xem xét, phân tích và giải quyết các vấn đề của cách mạng Việt-nam một cách khoa học. Phải nắm được **những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội**, quy luật phát sinh và phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa, nhất là quy luật phát triển từ một nền sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Phải nắm được **lý luận về đấu tranh giai cấp** trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo chính quyền, hiểu nội dung cụ thể của đấu tranh giai cấp ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Từ những cơ sở đó, họ phải tiến đến nắm vững **đường lối, chính sách của Đảng**, hiểu rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của các

---

(4) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, trang 173.

(5) Lê-Duẩn: *Mấy vấn đề về cán bộ cả rè tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, tạp chí *Học tập*, số 3-1973, trang 24.

Digitized by Google

đường lối, chính sách đó để có sáng kiến thực hiện các quyết định của Đảng và có khả năng truyền đạt, vận dụng, và phát triển đường lối, chính sách đó. Là những người tổ chức hoạt động thực tiễn, cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý còn phải được nâng cao **trình độ về khoa học và nghệ thuật lãnh đạo và quản lý,** và thường xuyên được bổ sung vốn hiểu biết bằng việc tổng kết kinh nghiệm từ những điển hình tốt và sáng tạo trong phong trào cách mạng của quần chúng. Phải có những hiểu biết cần thiết về các **nguyên lý xây dựng Đảng,** lý luận về Đảng cầm quyền, những bài học xây dựng Đảng của Đảng ta, và những phương thức, chế độ công tác. Ngoài ra, ai hoạt động ở lĩnh vực nào, lại phải nắm được đến mức thành thạo **những kiến thức, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đó.** Phải tinh thông công việc, am hiểu các vấn đề về khoa học kỹ thuật, phương pháp tổ chức và quản lý trong lĩnh vực đó.

Không có những kiến thức và khả năng như thế thì người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý không thể có được những đức tính và điều kiện nói trên, không thể chủ động góp sức vào việc xây dựng và phát triển đường lối, chính sách của Đảng, không có khả năng lãnh đạo và quản lý một cách có hiệu quả được.

Nhưng muốn có khả năng nhận thức được những vấn đề ấy, người cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý lại phải có một **trình độ văn hóa** nhất định. Trình độ văn hóa là cửa ngõ để đi vào bất cứ lĩnh vực lãnh đạo, quản lý, hoặc nghiên cứu khoa học nào. Lê-nin đã nói: « người ta sẽ mắc sai lầm khi nghĩ rằng chỉ cần thấm nhuần những khẩu hiệu cộng sản, những kết luận của khoa học cộng sản, chứ không cần phải thấm nhuần tổng số những kiến thức mà chính bản thân chủ nghĩa cộng sản cũng chỉ là kết quả... Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản sau khi đã làm giàu trí nhớ của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra » (6).

Để đào tạo được những cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý theo yêu cầu và phương hướng nói trên, chúng ta phải sử dụng cả hai phương thức cơ bản: đào tạo, rèn luyện qua thực tiễn công tác, và huấn luyện, bồi dưỡng một cách cơ bản, có hệ thống, ở các trường, lớp chính quy.

Đào tạo, rèn luyện qua thực tiễn công tác, qua các hoạt động cách mạng là một nguyên tắc giáo dục cơ bản của Đảng, là một bài học kinh nghiệm lớn của Đảng. Mọi cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý nhất thiết phải được rèn luyện và trưởng thành từ trong phong trào cách mạng của quần chúng, từ trong hoạt động thực tiễn, trong quá trình đấu tranh thực hiện đường lối của Đảng. Các cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý dù được đào tạo, bồi dưỡng trong trường chu đáo và kỹ lưỡng đến đâu, cuối cùng cũng phải được khảo sát trong thực tiễn đấu tranh cách mạng. Sta-lin đã khẳng định: « Không phải bằng sách vở mà đào tạo được những cán bộ lãnh đạo. Sách vở giúp cho người ta tiến bộ; nhưng bản thân nó không đào tạo được cán bộ lãnh đạo. Những cán bộ lãnh đạo chỉ trưởng thành trong quá trình công tác » (7).

Tuy nhiên, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý qua thực tiễn công tác vẫn không thể thay thế được việc đào tạo bồi dưỡng **có hệ thống ở các trường, lớp chính quy.** Hơn nữa, trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, « con đường đào tạo cán bộ theo lối

(6) Lê-nin: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, trang 440 — 411

(7) J. Sta-lin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 5, trang 230.

Digitized by Google

chính quy, quy mô, cơ bản và có hệ thống có tầm quan trọng hết sức quyết định» (8). Bởi vì, việc tiếp nhận một cách có hệ thống những vấn đề lý luận chủ nghĩa Mác – Lê-nin, những cơ sở lý luận của đường lối, chính sách của Đảng, những kiến thức khoa học kỹ thuật, khoa học lãnh đạo và quản lý... khó có thể thực hiện được trong quá trình công tác thực tiễn, mặc dù thực tiễn công tác góp một phần rất quan trọng vào việc nâng cao nhận thức về các vấn đề lý luận và khoa học.

Từ trước đến nay, Đảng ta vẫn thường kết hợp cả hai phương thức cơ bản đó trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Trong điều kiện hiện nay, chúng ta cần tiếp tục kết hợp chặt chẽ hơn nữa hai phương thức đào tạo đó.

Để tăng thêm hiệu quả của công tác đào tạo cán bộ, phải sắp xếp, điều chỉnh lại các mạng lưới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Chẳng hạn như, việc đào tạo các cán bộ quản lý kinh tế, nói chung nên giao cho các trường quản lý kinh tế của Nhà nước (bao gồm cả Viện quản lý kinh tế và các khoa quản lý kinh tế ở các trường đại học). Phải sớm hình thành và củng cố vững chắc các hệ thống trường quản lý kinh tế. Phải xây dựng được một chương trình học quản lý kinh tế ổn định, dựa trên những nguyên tắc tổ chức và quản lý thích hợp với điều kiện nước ta. Đó là mấu chốt để có thể mở rộng diện đào tạo cán bộ quản lý, và tạo điều kiện thống nhất quan điểm trong hệ thống quản lý.

Một vấn đề quan trọng khác của công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý là phải nghiêm túc giải quyết mối quan hệ **giữa đào tạo, bồi dưỡng với tuyển lựa và sử dụng.** Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không chỉ do công tác giáo dục quyết định, mà một phần quan trọng là do việc tuyển lựa cán bộ đưa đi đào tạo, bồi dưỡng. Nếu chọn cán bộ đúng tiêu chuẩn thì công tác giáo dục sẽ có hiệu quả. Nếu chọn không đúng tiêu chuẩn thì có khi đào tạo không thành công, cán bộ đi học xong lại phải chuyển đi làm công tác khác. Mặt khác, mục đích đào tạo, bồi dưỡng là để bố trí, sử dụng. Nếu bố trí sử dụng tốt thì sẽ phát huy được hiệu quả bồi dưỡng. Trái lại, nếu bố trí sử dụng không đúng thì sự bồi dưỡng thành lãng phí, mất tác dụng thiết thực. Do đó, khi làm quy hoạch, chẳng những phải nắm vững yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ tổ chức, mà còn phải nắm chắc tình hình đội ngũ cán bộ, và nhất thiết phải gắn việc đào tạo, bồi dưỡng với việc tuyển lựa và bố trí, sử dụng.

Gắn việc đào tạo, bồi dưỡng với việc tuyển lựa và bố trí, sử dụng còn là hướng cơ bản để **chuyên môn hóa** cán bộ, một yêu cầu rất quan trọng của công tác cán bộ trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chuyên môn hóa cũng là một bước để đi đến **tiêu chuẩn hóa** cán bộ. Tiêu chuẩn hóa cán bộ không chỉ là vạch ra những tiêu chuẩn cụ thể cho một loại cán bộ nào đó, mà điều quan trọng hơn, khó khăn hơn là tạo ra cho được một đội ngũ cán bộ như tiêu chuẩn đã dự kiến.

Trong thời gian qua, chúng ta đã có nhiều cố gắng làm theo phương hướng trên đây, nhưng do yêu cầu và tiêu chuẩn còn chưa được định rõ, kế hoạch còn tùy tiện, không có cơ sở vững chắc, cho nên kết quả còn rất hạn chế. Tình trạng sử dụng, bố trí cán bộ không đúng chỗ, để bạt không có bồi dưỡng, đào tạo theo hướng này lại dùng theo hướng khác còn khá nhiều, do đó việc thực hiện chuyên môn hóa cán bộ, tiêu chuẩn

(8) Lê-Duẩn: *Mấy vấn đề về cán bộ và về tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, tạp chí *Học tập*, số 3-1973, trang 32.

Digitized by Google

hóa cán bộ cũng không đạt hiệu quả mong muốn.

III

Để đáp ứng những yêu cầu của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý như đã nói trên, phải **cải tiến hơn nữa công tác trường Đảng**. Bởi vì trường Đảng là một trong những trung tâm quan trọng để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về trình độ cơ bản và có hệ thống lý luận chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đường lối, chính sách của Đảng và những kiến thức cần thiết khác.

Hiện nay, có hai hệ trường Đảng: trường Đảng tập trung và trường Đảng tại chức. Trường Đảng tập trung có nhiệm vụ bồi dưỡng các cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt đương chức, và đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ dự bị. Đối tượng chiêu sinh của trường Đảng tập trung thường là các đồng chí trong cấp ủy Đảng, những cán bộ lãnh đạo của Đảng và cán bộ quản lý chủ chốt của Nhà nước ở các ngành, các cấp. Trường Đảng tại chức có nhiệm vụ bồi dưỡng cho đông đảo cán bộ.

Vấn đề cơ bản để cải tiến công tác trường Đảng là cải tiến **nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy và học tập.**

Nói chung chương trình giáo dục của các trường Đảng hiện nay gồm có: *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đường lối chính sách của Đảng, và những kiến thức cần thiết về quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, về xây dựng Đảng...* Kinh nghiệm thực tế cho biết rằng nội dung chương trình của các trường Đảng như vậy là tương đối hợp lý, đáp ứng đúng yêu cầu và thích hợp với trình độ của cán bộ. Nó bảo đảm được tính **cơ bản**, tính **hệ thống**, kết hợp được việc giáo dục chủ nghĩa Mác – Lê-nin với việc giáo dục các quan điểm cơ bản của Đảng, vũ trang cho cán bộ những kiến thức cần thiết về lý luận Mác – Lê-nin, đường lối, chính sách của Đảng và phương pháp tổ chức, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xây dựng Đảng, v.v... Nội dung giáo dục đó có thể giúp cho cán bộ nắm được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phương pháp xem xét và giải quyết các vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt-nam, một yêu cầu hết sức quan trọng đối với người cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý.

Hiện nay, nhiệm vụ mới của cách mạng đang đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên không những phải nâng cao kiến thức mà còn phải nâng cao hơn nữa tinh thần cách mạng tiến công, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức và kỷ luật trong việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chống tư tưởng bảo thủ, thụt lùi; nâng cao ý thức một lòng một dạ phục vụ nhân dân, quý trọng và bảo vệ của công, chống đầu óc đặc quyền đặc lợi, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa; rèn luyện đức tính trung thực, thật thà, ý thức bảo vệ chân lý, bảo vệ đường lối, quan điểm và nguyên tắc sinh hoạt trong Đảng; rèn luyện tác phong đại công nghiệp: khẩn trương, cụ thể, thiết thực, khoa học; nâng cao tinh thần ham học, trau dồi kiến thức mới, chống thói lười suy nghĩ, lười học tập. Vì vậy, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phải hết sức chú ý **«gắn liền làm một yêu cầu nâng cao nhận thức, kiến thức, với nâng cao đạo đức cộng sản»** (9). Trường Đảng phải làm thế nào để tất cả những kiến thức mà học viên thu lượm được giúp vào việc hình thành, củng cố và nâng cao hệ tư tưởng vô sản, thế giới quan chủ nghĩa Mác – Lê-nin và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa. Những hiểu biết về triết học, chính trị kinh tế học, về chủ nghĩa

(9) Lê-Duẩn: *Mấy vấn đề về cán bộ và về tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, tạp chí *Học tập*, số 3-1973, trang 37.

Digitized by Google

xã hội khoa học phải hun đúc lý tưởng trong sáng và cao cả của người cộng sản, trở thành niềm tin vững chắc và động cơ mạnh mẽ thúc đẩy mọi cán bộ, đảng viên cố gắng vươn lên trong từng việc làm cụ thể hằng ngày.

Trong chương trình giáo dục của các trường Đảng, việc bồi dưỡng kiến thức tất nhiên phải đạt tới yêu cầu nâng cao năng lực công tác, nhất là **năng lực lãnh đạo**. Lãnh đạo là một khoa học, một nghệ thuật. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, phạm vi lãnh đạo của Đảng rất rộng, chẳng những lãnh đạo chính trị, lãnh đạo quân sự mà còn lãnh đạo kinh tế, lãnh đạo khoa học, văn học, nghệ thuật. Đó là những lĩnh vực rất mới mẻ mà cán bộ ta chưa có nhiều kinh nghiệm. Nhưng phải nhận rằng trong chương trình giảng dạy của các trường Đảng, khoa học và nghệ thuật lãnh đạo chưa được xây dựng thành một môn học đúng với vị trí của nó. Sắp tới, cần sớm tổng kết những kinh nghiệm về công tác lãnh đạo của Đảng ta và tổ chức nghiên cứu, tham khảo các bộ môn có liên quan tới khoa học và nghệ thuật lãnh đạo để có thể sớm xây dựng được giáo trình về môn học này.

Mặt khác, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận để trong nội dung các môn học có thể đề cập kịp thời các vấn đề lý luận mới nảy sinh, đặc biệt là các luận điểm trong các nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng trên các mặt triết học, chính trị kinh tế học, chủ nghĩa xã hội khoa học, xây dựng Đảng, lãnh đạo văn hóa, giáo dục, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, v.v...

Trong công tác giáo dục của trường Đảng, cần nâng cao hơn nữa tính chiến đấu. Muốn vậy, toàn bộ nội dung công tác đào tạo, bồi dưỡng trong trường Đảng cần quán triệt phương hướng tư tưởng: giáo dục sâu sắc tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo; nắm vững tính khoa học và tính cách mạng của đường lối, chính sách của Đảng, phân rõ ranh giới giữa tư tưởng vô sản, tư tưởng xã hội chủ nghĩa với các thứ tư tưởng phi vô sản. Kịp thời ngăn chặn và phê phán những biểu hiện của tư tưởng phi vô sản, những suy nghĩ và việc làm trái với quan điểm và đường lối, chính sách của Đảng. Phải kiên quyết khắc phục tư tưởng tiểu tư sản mà biểu hiện phổ biến về mặt chính trị là sự dao động hữu khuynh và "tả" khuynh (hữu khuynh là chủ yếu), về mặt ý thức là chủ nghĩa cá nhân dưới nhiều màu sắc, và về mặt phương pháp tư tưởng là chủ nghĩa chủ quan một chiều. Đồng thời phải kiên quyết đấu tranh chống mọi ảnh hưởng của tư tưởng tư sản và những tàn dư tư tưởng phong kiến.

Về mặt phương pháp học tập, nhà trường cần hết sức cố gắng làm cho cán bộ, qua việc nghiên cứu các nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nắm được phương pháp luận mác-xít, biết phân tích và giải quyết các vấn đề theo quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nắm vững các vấn đề lý luận của cách mạng Việt-nam, hiểu rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách của Đảng. Nâng cao khả năng độc lập suy nghĩ cho cán bộ, làm cho cán bộ biết phân biệt đúng, sai trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, biết tổng kết những kinh nghiệm công tác và kinh nghiệm của những điển hình tiên tiến trong phong trào cách mạng của quần chúng. Tóm lại, phải quán triệt sâu sắc phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn, học tập phải nhằm giải quyết thiết thực những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt-nam.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo và bồi dưỡng của trường Đảng, trong công tác cải tiến trường

(Xem tiếp trang 49)

Digitized by Google

Bình-trị-thiên quyết tâm vươn lên thành tỉnh giàu mạnh

BÙI - SAN

Ủy viên Trung ương Đảng
Bí thư tỉnh ủy Bình-trị-thiên

Với đại thắng mùa xuân năm 1975, dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Trong niềm vui chung, đảng bộ và quân, dân Bình-trị-thiên vô cùng phấn khởi, tự hào. Sau nhiều năm chiến đấu cực kỳ gian khổ, ác liệt trong sự cổ vũ và chi viện tận tình của cả nước, qua nhiều thử thách, hy sinh, từ đây nhân dân Bình-trị-thiên cùng với nhân dân cả nước thật sự bước vào cuộc sống hòa bình xây dựng để tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội.

Trên con đường tiến lên, Bình-trị-thiên đứng trước những khó khăn cực kỳ to lớn do hậu quả chiến tranh : 3 thị xã, 15 thị trấn, 3/4 số làng bản bị san bằng, 230.000 héc ta rừng bị tàn phá, 70% đê đập bị phá hỏng, hàng triệu quả bom, mìn chưa được phá gỡ, hàng chục vạn héc-ta đất bị hoang hóa, 760.000 người bị Mỹ ngụy thúc ép di tản, nay hồi cư thiếu nhà ở, thiếu lương ăn, hàng chục vạn người không có việc làm, 10 vạn ngụy quân và nhân viên ngụy quyền chưa được cải tạo... Kèm theo đó là những khó khăn do thời tiết khắc nghiệt, do thiên tai gây ra. Trong hoàn cảnh đó, các đảng bộ và quân, dân trong tỉnh đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, biến niềm vui thắng lợi thành hành động cách mạng, ra sức khắc phục mọi khó khăn, sớm ổn định được tình hình.

Tháng 4-1976, Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên — Huế và khu vực Vĩnh-linh được Trung ương Đảng và Chính phủ cho hợp nhất thành một tỉnh. Từ ngày hợp tỉnh đảng bộ và quân, dân tỉnh Bình-trị-thiên chúng tôi càng đoàn kết nhất trí, nỗ lực phấn đấu, đã giành được những thắng lợi bước đầu về các mặt :

Về sản xuất nông nghiệp : mặc dù thời tiết hết sức khắc nghiệt, rét kéo dài, hạn hán chưa từng có từ mấy chục năm nay, diện tích gieo trồng vẫn được mở rộng, năng suất các loại cây trồng tăng. Năm 1976, tổng sản lượng lương thực của tỉnh đạt 350.000

Digitized by Google

tấn, tăng 110.000 tấn so với năm 1975. Vụ đông xuân 1976 – 1977 đã thu hoạch xong, đạt sản lượng khá.

Đối với tỉnh chúng tôi, đây là một thắng lợi lớn, vì nhờ đó, chúng tôi đẩy lùi được nạn đói đã từng đe dọa, ổn định được đời sống nhân dân, giữ vững trật tự, an ninh, đồng thời có điều kiện để phát triển các mặt công tác khác.

Để phục vụ sản xuất nông nghiệp, 200 công trình thủy lợi vừa và nhỏ đã được xây dựng, đưa nước tưới cho 13.000 héc-ta đất, trong đó hai công trình **Nam sông Hương** và **Tiên lang** trước định làm trong 2 năm, nay đã được cơ bản hoàn thành trong khoảng 4 tháng. Quân và dân trong tỉnh cũng đã khai hoang được khoảng 20.000 héc-ta đất, phá gỡ trên 6 triệu quả bom, mìn, giải phóng được trên 300 km^2 đất đai để trồng trọt, xây dựng 13 vùng kinh tế mới trên 8 vạn dân.

Về công nghiệp, sản lượng điện tăng 20%, sản lượng gỗ tăng 6%. Nhiều cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đã được phục hồi, đã sản xuất thêm mặt hàng mới với nguyên liệu địa phương, đưa sản lượng hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần so với năm 1975.

Về giao thông vận tải, đã khẩn trương sửa chữa và xây dựng các cầu phà, phục hồi, nâng cấp đường số 1A và một số tuyến đường lên miền núi trong tỉnh.

Công tác giáo dục đang trên đà phát triển tốt. Các huyện đồng bằng phía nam của tỉnh và 10 xã trong tổng số 57 xã miền núi đã xóa xong nạn mù chữ. Năm học 1976 – 1977, số học sinh phổ thông tăng 50.000 em so với năm trước. Công tác bổ túc văn hóa được đẩy mạnh, toàn tỉnh hiện có 30 trường bổ túc văn hóa vừa học, vừa làm. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, tuyên truyền, y tế, thể dục thể thao đang từng bước trở thành phong trào quần chúng hướng vào phục vụ sản xuất và đời sống.

Về mặt cải tạo quan hệ sản xuất cũ, các huyện phía nam của tỉnh, nơi trước đây sống trong vòng kìm kẹp của Mỹ ngụy, đã cơ bản hoàn thành xóa bỏ tàn dư chế độ chiếm hữu phong kiến về ruộng đất, tập hợp được gần 80% số hộ nông dân vào các tổ chức sản xuất tập thể; đã tập thể hóa phần lớn tư liệu sản xuất chủ yếu và đang xây dựng một số hợp tác xã.

Ở Huế, Đông-hà và các thị trấn phía nam của tỉnh đang tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân: 10.000 thợ thủ công và người buôn bán nhỏ đã chuyển sang sản xuất tập thể. 12.500 người đã tình nguyện đi xây dựng các vùng kinh tế mới.

Những thành tích trên, cộng với những kết quả trên các mặt công tác khác đã làm cho đời sống nhân dân trong tỉnh được ổn định từng bước, và có những mặt được nâng cao. Đặc biệt, nhân dân các vùng mới được giải phóng ngày càng thấy rõ ánh sáng và công ơn của cách mạng, ngày càng tin tưởng ở Đảng ta, ở chế độ mới, đang cố gắng góp phần tích cực của mình vào phong trào lao động sản xuất trong tỉnh để vừa cống hiến cho sự nghiệp chung, vừa cải tạo mình thành những con người mới.

Những thắng lợi đã thu được tuy chỉ là bước đầu, đã biểu hiện được phần nào khi thế và sức mạnh tổng hợp của Bình-trị-thiên sau khi hợp nhất.

★

Những thắng lợi đó trước hết bắt nguồn từ đường lối đúng đắn của Đảng ta, từ sự lãnh đạo và chỉ đạo sáng suốt của Trung ương Đảng. Xét riêng mặt cố gắng của đảng bộ tỉnh chúng tôi thì có được những thắng lợi đó là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Digitized by Google

Một là, **dưới ánh sáng của các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, căn cứ vào đặc điểm tình hình của địa phương, đảng bộ Bình-trị-thiên đã sớm xác định nhiệm vụ chính trị và có quyết tâm, có ý chí cách mạng tiến công trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị đó.**

Bình-trị-thiên có diện tích lớn, số dân đông, lại có nhiều thuận lợi cơ bản và khả năng to lớn. Đất đai rộng (trong đó đất nông nghiệp chiếm khoảng 500.000 héc-ta, đất lâm nghiệp 730.000 héc-ta với 350.000 héc-ta rừng gỗ, hằng năm có thể khai thác 450.000 m^3 gỗ); bờ biển dài, thềm lục địa rộng, khả năng đánh bắt cá hằng năm khoảng 200.000 tấn cá, đầm phá nước lợ, nước ngọt có nhiều, với diện tích trên 40.000 héc-ta; khoáng sản phong phú, riêng núi đá vôi trải rộng trên 230.000 héc-ta; đường giao thông thuận tiện...

Mặt khác, bên cạnh những khó khăn to lớn do hậu quả của chiến tranh, Bình-trị-thiên còn bị nạn đói do lụt lớn gây ra, đe dọa nghiêm trọng.

Tuy nhiên, những khó khăn về nhiều mặt đó không làm cho đảng bộ chúng tôi chùn bước. Phân tích kỹ thuận lợi và khả năng của tỉnh nhà, đảng bộ chúng tôi tin chắc rằng nếu biết cách làm ăn, nhân dân trong tỉnh sẽ sớm hàn gắn được vết thương chiến tranh để nhanh chóng vươn lên. Căn cứ vào 4 thế mạnh của tỉnh là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, vật liệu xây dựng, vận dụng nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, chúng tôi đã nhất trí với nhau là phải sử dụng tốt nguồn nhân lực dồi dào và mọi năng lực sản xuất xã hội hiện có, kể cả sử dụng tốt lực lượng quân đội, **triển khai cùng một lúc mọi mặt sản xuất** nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, lưu thông phân phối... để có đủ công ăn việc làm cho nhân dân, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, đưa sản xuất và đời sống của nhân dân trở lại bình thường và từng bước xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của kinh tế địa phương. Trong lúc triển khai mọi mặt sản xuất, chúng tôi vẫn coi sản xuất nông nghiệp là **nhiệm vụ quan trọng bậc nhất, là nhiệm vụ trung tâm** để khắc phục có hiệu quả nạn đói đang đe dọa, ổn định đời sống nhân dân và tạo điều kiện để đẩy mạnh các mặt hoạt động khác. Trong sản xuất nông nghiệp, chúng tôi coi trọng cả 2 mặt **thâm canh tăng năng suất** và **gấp rút mở rộng diện tích gieo trồng** bằng khai hoang, phục hóa, và coi việc mở mang nhanh **thủy lợi** là biện pháp hàng đầu.

Căn cứ vào điều kiện đất đai tỉnh nhà, **chúng tôi vừa coi trọng việc trồng lúa, vừa đặc biệt coi trọng việc trồng màu, nhất là sắn.** Từ tháng 5-1976 tỉnh ủy chúng tôi đã chỉ thị cho các cấp phải huy động mọi lực lượng, mọi khả năng có thể huy động để trồng màu.

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển sản xuất nói trên đã đáp ứng đòi hỏi của tình hình khách quan, cho nên đã được sự hưởng ứng tích cực của nhân dân toàn tỉnh.

Sau khi hợp tỉnh, Bình-trị-thiên có hai vùng chênh lệch nhau về trình độ giác ngộ chính trị. Vùng phía bắc đã qua nhiều năm cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa, vùng phía nam vừa thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới, ở đó những di hại mà Mỹ ngụy để lại trong mọi mặt hoạt động của xã hội còn nặng nề. Một vấn đề được đặt ra là: có thể làm cho các vùng trong tỉnh nhanh chóng tiến lên đồng đều được không?

Nhìn lại quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước, chúng tôi thấy nhân dân Bình-trị-thiên có truyền thống đoàn kết tốt đẹp, luôn luôn kề vai nhau phấn đấu, lại có chung phong

Digitized by Google

tục, tập quán từ lâu đời. Trong những năm chống Mỹ, cứu nước, bên cạnh Quảng-bình « chiến đấu giỏi, sản xuất cũng giỏi », bên cạnh Vĩnh-linh « lũy thép anh hùng », nhân dân ở các vùng tạm bị Mỹ ngụy chiếm đóng, ròng rã suốt mấy chục năm trời, bất chấp mọi âm mưu, thủ đoạn tàn bạo, thâm độc của địch, đã bền bỉ chiến đấu, liên tục tiến công và nổi dậy, liên tiếp giành nhiều thắng lợi vang dội làm nức lòng cả nước, xứng đáng với 8 chữ vàng « tiến công, nổi dậy, anh dũng, kiên cường » mà Đảng và nhân dân cả nước đã tuyên dương. Mặt khác, phân tích tình hình vùng mới giải phóng, chúng tôi thấy ruộng đất ở đó phần lớn là ruộng đất công hoặc vắng chủ, bị bỏ hoang, hóa nhiều trong chiến tranh, phần lớn các hộ nông dân ở đây đều có con em hoặc tập kết ra Bắc, hoặc trực tiếp tham gia hoạt động cách mạng tại chỗ. Căn cứ vào tình hình các mặt đó, và căn cứ vào lực lượng cán bộ, đảng viên trong tỉnh, chúng tôi cho rằng nếu biết khơi dậy trong lòng bà con vùng mới giải phóng lòng yêu nước và yêu chế độ mới, biết phát huy sức mạnh tổng hợp của tỉnh, biết tổ chức tốt thì vẫn có thể đưa vùng mới giải phóng sớm đi vào quỹ đạo của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, đối với vùng phía nam của tỉnh, cùng với việc đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chúng tôi tiến hành một cách **kịp thời** việc **cải tạo** quan hệ sản xuất cũ, nếp sống cũ, xóa bỏ các tàn tích của nền văn hóa nô dịch, thực dân mới, và từng bước xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Đến nay, thực tế của tình hình trong tỉnh cho thấy rằng việc tiến hành thận trọng và khẩn trương chủ trương đó đã góp phần thúc đẩy nhanh chóng phong trào cách mạng trong tỉnh, nhất là ở vùng mới giải phóng.

Sau khi đã thảo luận, bàn bạc một cách tập thể, dân chủ, đã xác định được phương hướng, nhiệm vụ, đảng bộ chúng tôi đã cùng nhân dân trong tỉnh bắt tay vào hành động. Chúng tôi nhất trí với nhau rằng đã thấy đúng, thấy cần thì quyết tâm làm, không do dự, không chần chừ, không bàn lùi, khó khăn đến mấy cũng chung trí, chung sức, chung lòng vượt cho kỳ được. Thiếu cán bộ, chúng tôi gấp rút đào tạo, bổ sung cán bộ từ ngay trong công tác thực tế; thiếu lương thực, thiếu phương tiện, chúng tôi động viên nhân dân các vùng trong tỉnh phát huy tinh thần « nơi có giúp nơi thiếu » ra sức tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, không trông chờ, không ỷ lại vào Nhà nước và cấp trên. Trước những gian lao vất vả, nguy hiểm, cán bộ, đảng viên tỉnh chúng tôi thường cố gắng vươn lên hàng đầu, giữ vai trò xung kích, nêu gương cho quần chúng, và nhân dân tỉnh chúng tôi đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý thức tự lực tự cường, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, dấy lên phong trào lao động sản xuất sôi nổi khắp nơi.

Từng bước, những kết quả cụ thể của phong trào lại có tác dụng tập hợp, huy động được những năng lực mới, củng cố thêm khối đoàn kết nhất trí và giành thêm những thắng lợi mới.

Hai là, **đảng bộ Bình-trị-thiên đã bước đầu biết phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong tỉnh.**

Thực tế trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã dạy cho cán bộ, đảng viên tỉnh chúng tôi rằng :

« Dễ trăm lần, không dân cũng chịu,
Khó vạn lần dân liệu cũng xong ».

Bước vào giai đoạn mới của cách mạng, Đảng ta đã kịp thời giáo dục cho cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng, về ý nghĩa và nội dung của việc phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Đối với nhân dân lao động trong tỉnh, chúng tôi đã có

Digitized by Google

gắng khơi dậy trong lòng mỗi người niềm tự hào về truyền thống anh hùng của các địa phương trong tỉnh, trong đó có sự đóng góp của chính bản thân họ, động viên họ biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động sản xuất. Mặt khác, chúng tôi coi trọng việc giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cho đông đảo nhân dân, và giúp họ hiểu rõ chủ trương của đảng bộ để họ tự giác thực hiện. Trong các mặt công tác, đảng bộ tỉnh chúng tôi thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải biết tin quần chúng, biết dựa vào quần chúng, biết phát huy sức mạnh to lớn và tinh thần cách mạng sáng tạo của quần chúng.

Tỉnh chúng tôi cũng đã coi trọng việc xây dựng, củng cố các tổ chức chính quyền và đoàn thể quần chúng, phát huy chức năng của các tổ chức đó. Các cơ quan, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiến hành đấu tranh chống các biểu hiện của tệ quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, ức hiếp, gây phiền hà cho quần chúng, đã xử lý một số cán bộ phạm sai lầm, đồng thời bước đầu cải tiến lề lối làm việc nhằm bảo đảm tốt nguyên tắc tập trung dân chủ.

Để việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động có nội dung thiết thực, cụ thể, dựa vào kinh nghiệm của nhiều tỉnh anh em, chúng tôi đã xác định những yêu cầu chủ yếu đối với mỗi tầng lớp. Chẳng hạn, đối với công nhân, đảng bộ chúng tôi cố gắng động viên, tổ chức để anh chị em phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, đồng thời tham gia quản lý xí nghiệp, góp phần tích cực xây dựng kế hoạch sản xuất và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất, mở rộng và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức công đoàn. Đối với nông dân, chúng tôi cố gắng động viên và tạo điều kiện cho anh chị em tham gia tích cực vào việc quản lý hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, xây dựng kế hoạch sản xuất, đặc biệt là tham gia kiểm tra việc chi tiêu và việc phân phối sản phẩm trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Đối với trí thức, chúng tôi thường đề nghị anh chị em góp ý kiến về hoạt động của các cấp, các ngành, các cơ quan trong tỉnh và tạo điều kiện để anh chị em phát huy được tốt vốn hiểu biết và tài năng, cống hiến được nhiều cho sự nghiệp chung.

Riêng đối với vùng mới giải phóng, đảng bộ tỉnh chúng tôi thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm túc các chính sách, chế độ, thể lệ của Đảng và Nhà nước đã ban hành, hết sức tránh những việc làm không đúng, không tốt, ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng. Đảng bộ cũng đã bước đầu hướng dẫn, giúp đỡ các đoàn thể quần chúng mở rộng các hoạt động nhằm tập hợp, lôi cuốn ngày càng đông đảo quần chúng tham gia các hoạt động cách mạng. Chúng tôi cho rằng việc phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng phải biểu hiện trước hết trong lao động. Vì vậy, ở vùng mới giải phóng, chúng tôi chủ trương phải mạnh dạn tổ chức, lôi cuốn quần chúng vào các hoạt động lao động, xây dựng tập thể, vì lợi ích chung, để qua đó tập dượt bà con, rèn luyện cho bà con ý thức tập thể. Mặc dù vùng phía Nam của tỉnh vẫn còn chịu sự ràng buộc của chế độ chiếm hữu tư nhân về ruộng đất và của quan hệ sản xuất cá thể, chúng tôi vẫn tổ chức **điều hành lực lượng lao động trên địa bàn huyện và liên huyện**, động viên hàng vạn người đi phá gỡ bom, mìn, xây dựng các cơ sở khai hoang tập thể, các công trình thủy lợi chung. Nhân dân nhiều huyện vùng mới giải phóng đã hăng hái hưởng ứng chủ trương đó, đã tự túc lương thực, dụng cụ và phương tiện, đã lao động với nhiệt tình cao vì lợi ích chung.

Digitized by Google

Riêng trên công trình thủy lợi Nam sông Hương, nhân dân đã đóng góp trên 70 vạn ngày công, đào đắp được trên 30 vạn mét khối đất. Qua lao động tập thể, bà con càng thấy rõ sức mạnh của lối làm ăn tập thể cho nên càng đồng tình với việc nhanh chóng cải tạo quan hệ sản xuất cũ.

Những cố gắng của đảng bộ chúng tôi trong việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động tuy chưa đồng đều và chúng tôi còn phải phấn đấu mạnh hơn nữa, nhưng bước đầu đã góp phần tạo nên một số thành tích cụ thể: hàng triệu quả bom, mìn được phá gỡ xong trong thời gian ngắn; nạn đói bị đẩy lùi chủ yếu do sự nỗ lực sản xuất và sự hợp tác tương trợ của nhân dân trong tỉnh; các công trình thủy lợi Nam sông Hương và Tiên lang chỉ với một phần năm thời gian dự định đã được hoàn thành về cơ bản; xưởng Long-thọ, trước chỉ chuyên sản xuất vôi, đã ra mẻ xi măng đầu tiên đúng vào ngày 1-5-1977, khẳng định khả năng sản xuất xi măng của công nghiệp địa phương tỉnh nhà. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở tỉnh chúng tôi nhìn chung được giữ vững, ngay cả ở vùng mới giải phóng.

Rõ ràng khi quần chúng đã nhận thức đúng về quyền làm chủ tập thể, chẳng những họ càng tin tưởng ở Đảng, sẵn sàng hành động cách mạng theo lời kêu gọi của Đảng, mà còn kiên quyết bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, kịp thời vạch trần mọi âm mưu, hoạt động đen tối của các lực lượng phản động còn sót lại.

Ba là, **đảng bộ Bình-trị-thiên đã có những cố gắng trong công tác xây dựng Đảng.**

Ở trong lòng nhân dân Bình-trị-thiên, đảng bộ Bình-trị-thiên có truyền thống đoàn kết nhất trí, anh dũng kiên cường trong chiến đấu và sản xuất. Trước ngày hợp nhất tỉnh, các đảng bộ trong tỉnh, do nắm được đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng, kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết, chiến đấu trong hai cuộc kháng chiến, đã có những cố gắng trong việc lãnh đạo nhân dân ổn định tình hình sau chiến tranh.

Tuy nhiên, trước những chuyển biến nhanh chóng của cách mạng, trước những yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, trong đảng bộ đã bộc lộ một số khuyết điểm, nhược điểm. Đường lối, nhiệm vụ chính trị mới chưa được quán triệt sâu sắc và đều khắp trong đảng bộ; nhận thức của một số cán bộ, đảng viên chưa chuyển biến kịp với tình hình cho nên tinh thần cách mạng tiến công, tự lực tự cường, chủ động, sáng tạo, tư tưởng tập thể, ý thức tổ chức, kỷ luật chưa cao. Tư tưởng bảo thủ, ỷ lại, những biểu hiện tự do, tản mạn, cục bộ, bản vị, quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền... còn phổ biến. Một số cán bộ, đảng viên mang nặng tư tưởng tiêu cực, cá nhân chủ nghĩa, giảm sút ý chí chiến đấu.

Bộ máy tổ chức của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng chưa được tăng cường đầy đủ; cấp huyện chưa được xây dựng đúng theo yêu cầu. Đội ngũ cán bộ thiếu đồng bộ và phân bố không đều, trình độ năng lực nói chung còn bị hạn chế, nhất là về mặt quản lý kinh tế và chuyên môn kỹ thuật.

Do đó, sau khi hợp nhất tỉnh, đảng bộ Bình-trị-thiên đã có những cố gắng trong công tác xây dựng Đảng.

Trước hết, chúng tôi ra sức **giữ gìn và xây dựng khối đoàn kết vững chắc** trong đảng bộ. Nhận thức rằng đoàn kết trong Đảngta là sự đoàn kết có nguyên tắc, đoàn kết trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng, và qua thực hiện nhiệm vụ mà tăng cường đoàn kết, chúng tôi đã phát huy sức mạnh của toàn đảng bộ xác định rõ nhiệm vụ chính trị và động viên mọi

Digitized by Google

người quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị đó. Trong hoàn cảnh một tỉnh mới hợp nhất, chúng tôi cố gắng làm tốt việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, chống biểu hiện tư tưởng cục bộ, địa phương, giữ nề nếp tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, trong các tổ chức Đảng. Để ngày càng tăng cường đoàn kết nhất trí, việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên được chú trọng. Các cấp ủy, các trường Đảng trong tỉnh đã tổ chức các đợt giáo dục cho cán bộ, đảng viên về tình hình và nhiệm vụ mới, về đường lối, chính sách của Đảng, nhằm nâng cao nhận thức và phẩm chất, đạo đức cho cán bộ, đảng viên, tạo nên sự nhất trí cao đối với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các đợt thảo luận góp ý kiến về dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng và về dự thảo Điều lệ Đảng đã được tiến hành nghiêm túc.

Công tác củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng đã được chú ý. Tỉnh chúng tôi đã bước đầu thực hiện việc phân bố lại đảng viên ở các vùng cho hợp lý, tổ chức thêm những chi bộ mới ở những nơi chưa có cơ sở Đảng, đồng thời cải tiến một bước nội dung sinh hoạt của các chi bộ nhằm bảo đảm tốt hơn chất lượng lãnh đạo. Nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở trong tỉnh đã kiện toàn tổ chức, chú trọng công tác quản lý đảng viên, chăm lo rèn luyện đảng viên qua thực tế đấu tranh, qua công tác vận động quần chúng. Một số đảng viên thoái hóa, biến chất, không còn đủ tư cách đã bị đưa ra khỏi Đảng.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, tỉnh chúng tôi cũng đã coi trọng việc tăng cường cấp huyện, đã tiến hành hợp nhất một số huyện nhằm từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp.

Cùng với việc củng cố tổ chức cơ sở của Đảng, xây dựng cấp huyện, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới cũng đã bước đầu được triển khai. Tỉnh chúng tôi đã mở một số lớp đào tạo cán bộ cho xã, hợp tác xã, đã bổ sung cán bộ cho các huyện, đã cử nhiều cán bộ trẻ, đã qua rèn luyện thử thách, theo học các trường, lớp chính trị, các trường dạy văn hóa và khoa học, kỹ thuật ở trung ương và địa phương. Qua các kỳ đại hội của các cấp, một số cán bộ trẻ có phẩm chất, có năng lực đã được cử vào các cấp ủy. Các huyện phía nam tỉnh đã cử mỗi huyện hàng trăm cán bộ ra các huyện mạnh thuộc các tỉnh Thái-bình, Hà-nam-ninh, Nghệ-tĩnh... học tập kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp để chuẩn bị cho việc tiến hành hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp trong huyện.

Những hoạt động kể trên về mặt xây dựng Đảng đã tăng thêm sức sống mới, niềm phấn khởi mới trong đảng bộ và cả trong quần chúng. Khi phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên được nâng lên, khi các tổ chức của Đảng được củng cố, thì sự lãnh đạo của đảng bộ càng sâu sát và có hiệu lực hơn, lòng tin của quần chúng đối với đảng bộ càng được nâng cao, năng lực cách mạng của quần chúng càng được phát huy mạnh mẽ.

★

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã có những nghị quyết quan trọng soi sáng con đường đi lên của cách mạng Việt-nam. Cùng với cả nước đang phấn khởi, quyết tâm thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, đảng bộ chúng tôi, vận dụng nghị quyết đó vào tình hình địa phương, đã nhất trí xác định phương hướng nhiệm vụ của Bình-trị-thiên từ nay đến năm 1980.

Digitized by Google

Đảng bộ chúng tôi đã đề ra một số mục tiêu phấn đấu chủ yếu của Bình-trị-thiên là đến năm 1980 có 800.000 tấn đến 850.000 tấn lương thực (trong đó có 50% là màu), 800.000 đến 850.000 con lợn, 80.000 đến 100.000 tấn cá, 150.000 đến 180.000m^3 gỗ, 200.000 tấn vôi, 90.000 tấn đến 100.000 tấn xi măng; từ năm 1977 đến năm 1980 trồng 160.000 héc ta rừng; có trên 50% nhà dân ở nông thôn là nhà ngói...

Riêng trong 2 năm 1977 — 1978, tích cực tranh thủ thời gian, phát huy khí thế cách mạng sẵn có, nỗ lực vươn lên nhanh chóng tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, và đưa các huyện trong toàn tỉnh tiến lên đồng đều trong việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện; trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm để đến năm 1978 tự giải quyết vấn đề lương thực, tích cực sản xuất nhiều hàng hóa để tiêu dùng và xuất khẩu.

Đảng bộ chúng tôi cũng đã thảo luận kỹ và nhất trí về những nhiệm vụ chung của tỉnh, mà chủ yếu là:

— Tập trung cao độ mọi lực lượng, mọi khả năng **đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp** toàn diện, đồng thời đẩy mạnh lâm nghiệp, ngư nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực, thực phẩm. Nâng cao nhanh chóng tỷ trọng màu trong tổng sản lượng lương thực.

— **Công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp** phải phục vụ đắc lực cho việc phát huy 4 thế mạnh: nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, vật liệu xây dựng; coi trọng hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục **phân bố lao động** hợp lý giữa các vùng và các ngành kinh tế, làm cho mọi người có việc làm và tăng năng suất lao động xã hội; thực hiện kế hoạch mỗi năm đưa 100.000 người đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Tổ chức, quản lý tốt lao động.

— Tăng nhanh nguồn hàng **xuất khẩu**, trước mắt chú ý các mặt hàng nông nghiệp, ngư nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ và một vài mặt hàng công nghiệp.

— Hoàn thành **cải tạo xã hội chủ nghĩa** đối với công thương nghiệp tư nhân. Hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, ngư nghiệp ở các huyện phía nam; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở các huyện phía bắc, tích cực tổ chức lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật trên địa bàn huyện trong toàn tỉnh.

— Cải tiến công tác **thương nghiệp, vật tư, giá cả, tài chính, ngân hàng.**

— Phát triển mạnh mẽ công tác khoa học, kỹ thuật, đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa. Tiến hành một bước cải cách giáo dục, hoàn thành xóa nạn mù chữ, đẩy mạnh các hoạt động y tế, thể dục, thể thao, vận động sinh đẻ có kế hoạch.

— Đề cao cảnh giác cách mạng, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội.

— Từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp mạnh (ở miền núi là làm — nông — công nghiệp), thành đơn vị chỉ đạo toàn diện.

— Xây dựng đảng bộ vững mạnh, đoàn kết nhất trí, lãnh đạo tốt các cơ quan Nhà nước, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Đảng bộ chúng tôi cũng đã thảo luận kỹ và nhất trí về những biện pháp lớn, về những nhiệm vụ cụ thể và biện pháp cụ thể bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chính, những nhiệm vụ chính kể trên.

Digitized by Google

Chúng tôi biết rằng phấn đấu để thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu nói trên là cả một quá trình khó khăn, gian khổ. Muốn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đã đề ra, trước hết chúng tôi phải ra sức khắc phục những khuyết điểm và nhược điểm của chúng tôi. Nhìn lại phong trào mọi mặt của tỉnh nhà, chúng tôi thấy bên cạnh những ưu điểm, những thắng lợi, chúng tôi còn có những hạn chế về nhiều mặt, chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của một tỉnh hợp nhất, chưa sử dụng tốt nguồn nhân lực dồi dào và mọi năng lực sản xuất sẵn có để triển khai cùng một lúc các mặt sản xuất, công tác. Năng suất lao động xã hội và hiệu suất của thiết bị máy móc còn thấp. Tốc độ phát triển sản xuất, xây dựng còn chậm. Sản xuất lương thực năm 1976 mới đạt bình quân 200 kg/đầu người, chăn nuôi chưa cân đối với trồng trọt. Công tác lưu thông phân phối có nhiều khâu làm chưa tốt. Mức nghĩa vụ đối với Nhà nước cả trong nông nghiệp, ngư nghiệp, công thương nghiệp chưa tương xứng với kết quả sản xuất kinh doanh. Đời sống nhân dân và cán bộ, công nhân còn khó khăn. Di hại của chủ nghĩa thực dân mới còn khá nặng ở nhiều nơi. Công tác cải tạo công thương nghiệp tư nhân chưa được chỉ đạo thật khẩn trương, chặt chẽ... Có khắc phục được những mặt hạn chế, những khuyết điểm và nhược điểm của mình, chúng tôi mới có thể vươn lên mạnh mẽ được.

Được nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng soi sáng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và được sự giúp đỡ chí tình của các Ban, các ngành ở Trung ương và của các tỉnh anh em, với những truyền thống tốt đẹp sẵn có, đảng bộ và quân, dân Bình-trị-thiên ra sức khắc phục nhược điểm, khuyết điểm, quyết tâm vươn lên, giành thắng lợi vượt bậc, nhanh chóng xây dựng Bình-trị-thiên thành một tỉnh giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng, đẹp về văn hóa, góp phần xứng đáng cùng cả nước xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Digitized by Google

SỬ DỤNG HỢP LÝ VÀ BỒI DƯỠNG LAO ĐỘNG PHỤ NỮ TRONG PHONG TRÀO LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

LÊ-CHÂN-PHƯƠNG

TRONG thắng lợi vĩ đại của dân tộc, phụ nữ Việt-nam trên cả hai miền đã có phần đóng góp to lớn rất đáng tự hào. Phụ nữ miền Nam « Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang» đã lập được chiến công xuất sắc trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Từ sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng đến nay, chị em đã phát huy khí phách anh hùng, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống và hiện đang hăng hái tham gia công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phụ nữ miền Bắc, trong kháng chiến chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã được rèn luyện và trưởng thành về nhiều mặt. Trong sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp, lao động nữ chiếm 60%, giữ vai trò trọng yếu trong sản xuất, trong xây dựng hợp tác xã, xây dựng nông thôn mới, v.v... Trong khu vực Nhà nước, lực lượng lao động nữ chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số công nhân viên chức. Đặc biệt *lực lượng nữ công nhân trực tiếp sản xuất tăng lên nhanh chóng làm biến đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng của đội ngũ lao động phụ nữ hiện nay.* Chỉ tính đến tháng 12 năm 1975: lao động nữ trong khu vực sản xuất vật chất đã chiếm 42,07%; trong khu vực không sản xuất chiếm 45,30%.

Nhìn chung, trong một thời gian tương đối ngắn, lực lượng lao động nữ đã được phân bố toàn diện trên nhiều mặt, nhiều ngành. Tính đến tháng 12 năm 1975 tỷ lệ lao động nữ trong ngành công nghiệp nhẹ chiếm 59,12%; trong ngành lương thực và thực phẩm chiếm 58,7%; trong ngành thương nghiệp, thu mua, ăn uống công cộng chiếm 59%; ngành xây dựng cơ bản 33,1%; ngành giao thông vận tải 27,45%, v.v... Từ năm 1967 đến năm 1975, tỷ lệ lao động nữ trong ngành y tế từ 52,7% tăng lên 62,24%; trong ngành giáo dục từ 26% tăng lên 58,4%; trong hai ngành điện lực và cơ khí là

Digitized by Google

những ngành kinh tế kỹ thuật khá phức tạp, lao động nữ cũng chiếm tỷ lệ đáng kể : điện lực—36,8%, cơ khí — 35,93% (1975).

Sự tiến bộ của lực lượng lao động nữ không phải chỉ thể hiện ở sự tham gia đông đảo trên nhiều lĩnh vực mà còn thể hiện ở trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ... ngày càng được nâng cao. Theo số liệu thống kê của Nhà nước tính đến ngày 31-12-1974, so với tổng số (cả nam và nữ), thì tỷ lệ nữ trong công nhân là : 31,41% ; cán bộ khoa học kỹ thuật trên đại học : 5,32% ; đại học : 21,62% ; trung học : 43,41% ; công nhân kỹ thuật : 32,47%.

Thực tiễn trên đây chứng tỏ « lực lượng và khả năng của phụ nữ được Đảng ta, Nhà nước ta, chế độ tốt đẹp của chúng ta động viên, bồi dưỡng và phát huy, đã trở thành một nguồn sức mạnh to lớn, một bảo đảm vô cùng quan trọng để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng » (1).

★

Trong giai đoạn mới, toàn Đảng, toàn dân ta tập trung sức thực hiện nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ; hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước ; cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, tổ chức, phân bố lại lực lượng lao động xã hội trong cả nước, trong đó có việc mở rộng phân công và tích cực sử dụng, bồi dưỡng lực lượng lao động nữ — một lực lượng lao động lớn trong xã hội — là một vấn đề cấp bách.

Trong điều kiện nền kinh tế kém phát triển lại có lực lượng lao động khá dồi dào, chúng ta phải căn cứ vào nhiệm vụ tổ chức lại nền kinh tế xã hội và phương hướng phát triển sản xuất ở từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở mà khai thác tốt nhất khả năng tiềm tàng về sức lao động, về tài nguyên thiên nhiên..., tạo ra công việc làm và những hình thức tổ chức lao động thích hợp. Hiện nay có hàng chục vạn người ở tuổi lao động trong các thành phố, thị xã, vùng ven biển, vùng đồng bằng đông dân chưa có việc làm, trong đó có nhiều chị em phụ nữ. Đó là chưa kể số nữ sinh đã học hết lớp 7, lớp 10 và số chị em tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp hằng năm có tới mấy chục vạn... Vì vậy, vấn đề quan trọng là phải tổ chức, sắp xếp việc làm cho lực lượng lao động nói trên. Một yêu cầu cấp bách hiện nay để góp phần làm tốt việc phân bố, sử dụng lao động và cải thiện đời sống của đông đảo phụ nữ là phát triển mạnh các nghề thủ công, tổ chức làm hàng gia công, tổ chức tốt việc phục vụ sinh hoạt cho công nhân, viên chức ở các khu phố và các khu nhà tập thể lớn, các bệnh viện, v.v... Ở nông thôn, căn cứ vào nhiệm vụ tổ chức lại sản xuất ở cơ sở, xây dựng cấp huyện và xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, thâm canh, chuyên canh... phải giải quyết tốt việc phân công lao động trước hết trong nội bộ nông nghiệp, phát triển nghề chế biến nông sản và từng bước sử dụng cơ khí nhỏ, thực hiện sự phân công lao động tại chỗ. Việc đưa lao động từ những vùng đông dân tới những vùng thưa dân để mở thêm đất canh tác, xây dựng vùng kinh tế mới là một phương hướng lớn trong sự phân công lao động gắn liền với việc phân bố dân cư trong thời gian tới.

(1) Lê-Duẩn : « Bảo đảm cho phụ nữ tham gia làm chủ tập thể một cách đầy đủ nhất », tạp chí *Học tập*, số 3 — 1974, trang 14.

Digitized by Google

Kinh nghiệm của phong trào ba đảm đang ở các địa phương, các xí nghiệp, công trường, nông trường, v.v... trong những năm qua cho thấy chúng ta có nhiều điều kiện để sử dụng khả năng lao động của phụ nữ; ở nơi nào có sự lãnh đạo sát sao của cấp ủy Đảng và có sự kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền và các đoàn thể quần chúng thì ở nơi đó lực lượng lao động nữ được sử dụng tốt.

Trong vùng mới giải phóng miền Nam, trước hết là ở các thành phố, yêu cầu cấp bách là xóa bỏ nạn thất nghiệp do Mỹ — Thiệu để lại đối với hàng triệu phụ nữ; kết hợp với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa chuyển phần đông những chị em trước đây là tiểu thương, làm dịch vụ, v.v... sang lao động sản xuất. Đất đai, khí hậu và tài nguyên thiên nhiên miền Nam phong phú, nhiều vùng lại có nghề thủ công cổ truyền, nếu biết động viên và tổ chức thì chúng ta có khả năng giải quyết việc làm cho phần lớn chị em.

Tiến hành từng bước việc tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý ở cơ sở và các ngành là điều kiện hết sức quan trọng để khắc phục dần tình trạng phân bố và sử dụng không hợp lý lao động nữ. Hiện nay công tác phân vùng kinh tế, quy hoạch sản xuất, phân bố lực lượng sản xuất và phân bố lao động đang được tiến hành trong phạm vi cả nước. Do đó việc phân bố hợp lý và kết cấu hợp lý lao động nam, nữ trên từng vùng, từng ngành kinh tế cũng phải đặt ra. Đồng thời, cần có biện pháp tích cực khắc phục tình trạng phân bố và sử dụng lao động nữ vào những khâu công việc quá nặng nhọc, quá độc hại, trái với đặc điểm sinh lý của phụ nữ. Việc tập trung một lực lượng lớn lao động nữ vào một số ngành nghề nặng nhọc, đưa đến một số vùng xa xôi hẻo lánh mà không chú ý phân bố hợp lý lực lượng sản xuất, không kết hợp yêu cầu sản xuất với yêu cầu xây dựng vùng dân cư và cuộc sống riêng tư của người lao động, đã gây cho chị em những khó khăn trở ngại, và làm cho chị em ít gắn bó lâu dài với ngành nghề và quê hương mới. Do đó, trong việc tuyển dụng phụ nữ vào các nông trường, lâm trường hoặc các đội lao động đi trước sắp tới, chúng ta phải lựa chọn những chị em có sức khỏe, son rồi,... hoặc những đôi vợ chồng còn son. Đồng thời, các cơ quan lãnh đạo ngay từ đầu cần chú ý đến kết cấu lao động nam nữ trên từng vùng kinh tế để tránh hiện tượng tổ chức lao động ở những vùng đó chỉ gồm toàn phụ nữ hoặc quá ít phụ nữ, không ổn định được lao động và cũng không ổn định được đời sống lâu dài.

Vấn đề rất đáng quan tâm hiện nay là điều kiện làm việc và thực hiện vệ sinh công nghiệp, nhất là ở những môi trường làm việc độc hại, nặng nhọc, hoặc phải lưu động nhiều. Ở những nơi này, cần có sự quan tâm đúng mức của cơ quan quản lý trong việc bảo hộ lao động đặc biệt là đối với lao động nữ. Chú ý từ những cải tiến nhỏ, trong việc sử dụng công cụ, thiết bị, trang bị thêm quạt, thêm ánh sáng, thêm ghế ngồi, dùng xe đẩy, băng chuyền, tời... (là những việc trong thực tế có thể làm được) để giảm bớt nặng nhọc, tăng năng suất lao động, bồi dưỡng và bảo vệ sức khỏe cho người lao động. Chú trọng hơn đến việc bảo hộ lao động, nhất là trong công việc khai phá đất hoang, đào đắp trên các công trường, gánh đội đường xa với khối lượng lớn. Ngăn cấm không để phụ nữ đang có thai hoặc nuôi con bú sử dụng hóa chất, phun thuốc trừ sâu và làm việc thường xuyên ngâm mình dưới nước. Khắc phục điều kiện lao động quá xấu, bảo đảm chế độ vệ sinh lao động tối thiểu, bảo đảm trang bị bảo hộ lao động và an toàn lao động, nhất là ở những nơi có nhiều bụi độc, chất độc. Thực hiện

Digitized by Google

tốt những vấn đề này, không những hạn chế được những tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp mà còn giữ gìn được sức dẻo dai cho người lao động — yếu tố quan trọng để tăng năng suất lao động. Đặc biệt đối với lao động nữ, có đặc điểm cơ thể và sinh lý riêng, chúng ta cần hết sức chăm lo đến công tác bảo hộ lao động để vừa bảo đảm sản xuất, vừa làm tốt công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

Vấn đề này trước hết phải được làm tốt từ khâu kế hoạch, phải được ghi vào trong kế hoạch để cân đối vật tư cho trang bị bảo hộ lao động. Chú ý cung cấp trang bị bảo hộ lao động phù hợp với tầm vóc của phụ nữ. Đồng thời giáo dục cho người lao động những kiến thức phòng tránh tai nạn lao động, ý thức sử dụng tốt các trang bị bảo hộ lao động. Công tác bảo hộ lao động cần phải được Nhà nước và nhân dân cùng làm, nhất là trong nông nghiệp.

Muốn thực hiện việc phân bố hợp lý lao động nữ, cần gắn liền việc sử dụng với việc bồi dưỡng, đào tạo. Phương hướng đào tạo lao động nữ được đề ra trên cơ sở kế hoạch Nhà nước và tiêu chuẩn chung đã được quy định, đồng thời có kết hợp vận dụng chính sách đối với phụ nữ một cách đúng đắn để khuyến khích chị em hăng hái học tập. Vấn đề trước mắt hiện nay là làm thế nào nhanh chóng thanh toán nạn mù chữ cho một số chị em ở vùng mới giải phóng, và bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa của phụ nữ nói chung để chị em có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật, nâng cao tay nghề, kỹ năng lao động, nhằm đáp ứng yêu cầu tăng năng suất lao động, nhanh chóng nâng tỷ trọng lao động nữ có kỹ thuật trong lực lượng lao động nói chung.

Trong điều kiện hiện nay, muốn động viên hàng triệu phụ nữ trực tiếp tham gia sản xuất, hăng hái học tập nâng cao kiến thức văn hóa, nâng cao tay nghề, chúng ta không thể chỉ hô hào chung chung mà không có hành động thiết thực. Căn bản là phải đặt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng trong quy hoạch, kế hoạch đào tạo chung, có chỉ tiêu, các biện pháp chính sách, có *danh mục những nghề dành cho phụ nữ* để có căn cứ tuyển dụng; dần dần thực hiện phân công phụ nữ trên cơ sở chủ yếu là họ đã qua đào tạo. Đồng thời cần giáo dục động viên phụ nữ phát huy tinh thần phấn đấu vươn lên, kiên trì đi vào khoa học kỹ thuật; quản lý tốt việc sử dụng phụ nữ sau khi ra trường để tránh tình trạng sử dụng tùy tiện và tránh cả tư tưởng ngại khó của một số chị em.

Giải quyết những vấn đề cần thiết để tạo điều kiện giải phóng phụ nữ như: bảo đảm việc giữ trẻ thông tầm, theo ca, quản lý các cháu ở tuổi mẫu giáo, tổ chức phân phối hợp lý thực phẩm, tổ chức tốt bữa ăn chính và bữa ăn giữa ca, nơi nghỉ, phương tiện đi về ca đêm, v.v.. Tất cả những cái đó đều liên quan trực tiếp đến tài sản xuất sức lao động, đến việc chấp hành kỷ luật lao động và bảo đảm năng suất lao động của người phụ nữ. Những năm qua, những hợp tác xã đạt sản lượng và năng suất cao, những xí nghiệp, công trường, nông trường, v.v... có đông phụ nữ đã hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước thường là những điển hình tốt về việc gắn liền công tác tổ chức sản xuất và tổ chức đời sống.

Vấn đề sinh đẻ có kế hoạch có ý nghĩa sâu sắc đối với việc bảo đảm sức khỏe, bảo đảm năng suất lao động và kế hoạch thời gian lao động của phụ nữ. Đó là vấn đề xã hội rất lớn cần được mọi người nhận thức sâu sắc, đó cũng là một vấn đề thiết thực gắn liền với cuộc sống của từng gia đình. Chúng ta phải làm sao cho từng đôi vợ chồng trong lứa tuổi sinh đẻ tự giác thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, các ngành, các địa phương coi đó là

Digitized by Google

một biện pháp quan trọng không thể thiếu được để bảo đảm kế hoạch cân đối lao động, nhất là nơi có đông phụ nữ.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ « Việc động viên phong trào phụ nữ, giải quyết những khó khăn và các vấn đề về quyền lợi của chị em phải do các cơ quan Nhà nước phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể nhân dân, mà nòng cốt là Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam, để cùng làm dưới sự lãnh đạo của Đảng ». Các cơ quan của Đảng và Nhà nước, các đoàn thể quần chúng cần quán triệt những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về giải phóng phụ nữ, cùng phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc nghiên cứu, thi hành chính sách cũng như trong việc hướng dẫn thực hiện.

Trong thời kỳ mới, thực hiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là phải thông qua hoạt động của Nhà nước và của các đoàn thể quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng mà phát huy vai trò chủ động và óc sáng tạo của quần chúng; mọi quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phải nằm trong quy chế của Nhà nước. Vì vậy, sắp tới chúng ta phải giải quyết hàng loạt vấn đề về quản lý của Nhà nước có liên quan đến việc thực hiện quyền lao động và nghĩa vụ lao động của người phụ nữ (tiêu chuẩn, chính sách, chế độ, luật lệ về lao động, tiền lương; các chính sách về phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động v.v...). Hội liên hiệp phụ nữ và ban nữ công của Công đoàn cơ sở cần thu thập ý kiến rộng rãi của đông đảo công nhân và các chị em tích cực trong lao động sản xuất — đóng góp vào việc xây dựng các chính sách chế độ, và cần phát huy vai trò của mình trong việc giám sát việc thực hiện chính sách.

Trong điều kiện nước ta từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, lao động xã hội nói chung, lao động phụ nữ nói riêng phần lớn là lao động thủ công, chịu ảnh hưởng sâu sắc nếp làm ăn của nền sản xuất nhỏ phân tán, bị hạn chế bởi tập quán phân công phong kiến, bó hẹp người phụ nữ trong việc bếp núc gia đình. Mặt khác, cuộc chiến tranh kéo dài đã để lại nhiều hậu quả nặng nề trên đất nước ta, trong đó người phụ nữ phải chịu hy sinh rất nhiều. Nay cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, trong độc lập, thống nhất và hòa bình. Chúng ta cần xuất phát từ tình hình thực tế đó và đứng trên quan điểm giai cấp của Đảng mà giải quyết vấn đề phụ nữ. Cần quán triệt tinh thần nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng: chú ý tăng cường các cơ sở phúc lợi tập thể; thực hiện xã hội hóa lao động nội trợ để tạo điều kiện tốt cho việc động viên phụ nữ, tập trung sức lao động của phụ nữ vào mặt trận sản xuất, đem trí tuệ của lao động nữ vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nội dung của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giải phóng phụ nữ trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội đã được đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: *« Giải phóng phụ nữ, về thực chất là bảo đảm cho phụ nữ tham gia làm chủ tập thể một cách đầy đủ nhất, về cả ba phương diện: làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân mình »* (2). Cho nên, cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ gắn liền với cuộc đấu tranh chống tình trạng nghèo nàn về kinh tế, chống những quan niệm, nhận thức lạc hậu, coi khinh phụ nữ. Phải giải quyết việc làm hợp lý cho phụ nữ, lôi cuốn mọi người tham gia lao động làm ra của cải vật chất cho xã hội; giảm nhẹ gánh nặng gia đình bằng cách tổ chức đời sống hợp lý hơn, đồng thời tích cực nâng cao trình độ

(2) Lê-Duẩn: "Bảo đảm cho phụ nữ tham gia làm chủ tập thể một cách đầy đủ nhất", tạp chí *Học tập*, số 3-1974, trang 15.

Digitized by Google

chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật cho phụ nữ. Muốn làm được như vậy, phải bằng hành động thực tế, việc làm cụ thể, khắc phục sự bất hợp lý đối với lao động nữ. Mọi biểu hiện nôn nóng trước những khó khăn tạm thời, ngại sử dụng lao động nữ, không tin vào khả năng của chị em trong sản xuất, trong nghiệp vụ quản lý, trong khoa học kỹ thuật, không tích cực chủ động bồi dưỡng và phân công, không chú ý đến đặc điểm cơ thể và sinh lý của phụ nữ đi đến sử dụng tùy tiện ; bình quân chủ nghĩa trong việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với người lao động, coi chính sách đối với phụ nữ là « sự chiếu cố phi kinh tế », v.v... đều trái với quan điểm của Đảng. Các cơ quan, đoàn thể có liên quan cần kết hợp chặt chẽ với nhau thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với lao động nữ, giúp chị em giảm bớt những khó khăn trong đời sống hàng ngày, dành sức cho sản xuất, công tác và học tập. Đó là những việc làm rất thiết thực, để tiếp tục phát huy vai trò của phụ nữ trong giai đoạn mới. Vốn có đức tính cần cù, đảm đang, trung hậu, dũng cảm, chị em phụ nữ ta nhất định sẽ phát huy vai trò tích cực của mình trong phong trào lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của toàn dân ta

---

Về công tác đào tạo...

(Tiếp theo trang 34)

Đảng, phải **ra sức nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên**, gấp rút đào tạo một đội ngũ giảng viên có trình độ và khả năng tương xứng với yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Hiện nay, tuy đội ngũ giảng viên của các trường Đảng đã có nhiều tiến bộ cả về số lượng và chất lượng, và đã cố gắng đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận chủ nghĩa Mác – Lê-nin và thực tiễn cách mạng nước ta để truyền đạt một cách trung thực những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, nhưng so với yêu cầu của công tác giáo dục của Đảng, đội ngũ đó vẫn còn yếu và quá mỏng. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên là một khâu quan trọng hàng đầu để thật sự nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Ngoài ra, còn phải tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho các trường Đảng, trang bị cho trường Đảng những phương tiện cần thiết phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Digitized by Google

MỞ RỘNG PHƯƠNG PHÁP ĐẦU TƯ TÍN DỤNG

NGUYỄN-NGỌC-MINH

CÔNG cuộc phát triển kinh tế của nước ta đòi hỏi Nhà nước phải huy động tới mức cao nhất mọi nguồn vốn cho sản xuất. Công tác tín dụng ngân hàng có khả năng huy động và tập trung mọi nguồn vốn tạm thời chưa sử dụng để đầu tư cho sản xuất. Sự cần thiết của tín dụng trong chủ nghĩa xã hội còn do tính quy luật của chu chuyển vốn trong nền kinh tế quyết định. Mối mâu thuẫn giữa chu kỳ sản xuất và thời gian chu chuyển vốn của từng xí nghiệp riêng lẻ đã sinh ra sự thừa, thiếu vốn của từng xí nghiệp, chỉ có tín dụng mới giải quyết được mâu thuẫn ấy.

Trong những điều kiện của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, nguyên nhân tích cực dẫn tới sự xuất hiện mối quan hệ tín dụng là sự quan tâm đến việc sử dụng quỹ tín dụng của những người tham gia vào quá trình tái sản xuất. Người cho vay cũng như người đi vay quan tâm tới tín dụng, bởi vì chính tín dụng cho phép họ giải quyết hàng loạt nhiệm vụ.

Sự cần thiết của tín dụng còn do tác động của quy luật giá trị quy định. Việc thỏa mãn vốn bổ sung cho nhu cầu tái sản xuất được tiến hành dưới hình thức tiền tệ, trong đó có hình thức tín dụng; tín dụng trở thành nhân tố cần thiết của sự vận động của giá trị, bởi vì, trong nhiều trường hợp nhờ có tín dụng tạo ra phương tiện thanh toán cần thiết mà giá trị có thể thực hiện được chu chuyển của mình.

Sự cần thiết của tín dụng cũng còn do quy luật tiết kiệm thời gian lao động quy định. Nguồn tiền tệ không được sử dụng hay để «nằm chết» là trái với bản chất và nội dung của quy luật ấy. Tín dụng đã loại trừ được tình trạng «nằm chết» ấy, làm cho chu chuyển vốn tiền tệ của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có hiệu quả và linh hoạt hơn.

Vì tín dụng có vai trò quan trọng như vậy, cho nên Nhà nước ta đã sử dụng tín dụng như là một công cụ kinh tế quan trọng góp phần thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hóa, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống nhân dân, phù hợp với đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ vừa chống Mỹ, cứu nước vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội

★

Trong thời gian tới, do yêu cầu khôi phục và phát triển kinh tế với nhịp độ cao, do yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư

Digitized by Google

trong kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ hai (1976 — 1980) Nhà nước ta phải **kết hợp tốt phương pháp cấp phát tài chính và phương pháp đầu tư tín dụng, mở rộng tới mức cao nhất phạm vi sử dụng tín dụng trong các ngành sản xuất của nền kinh tế quốc dân.** Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam có ghi rõ: « Phát triển mạnh tín dụng bảo đảm vốn sản xuất kinh doanh đối với khu vực kinh tế quốc doanh; mở rộng thích đáng việc cho vay đối với khu vực kinh tế tập thể để phát triển sản xuất theo kế hoạch Nhà nước ».

Cấp phát tài chính và đầu tư tín dụng là hai phương pháp đầu tư vốn trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mỗi phương pháp có đặc điểm riêng và vai trò nhất định trong nền kinh tế. Quan điểm đúng đắn là kết hợp tốt hai phương pháp đầu tư này, nhằm đẩy nhanh quá trình tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình hiện nay, Đảng và Nhà nước ta chủ trương **mở rộng phương pháp đầu tư tín dụng, hạn chế việc cấp phát tài chính,** « nghiên cứu để chuyển một phần chế độ cấp phát tài chính không hoàn lại hiện nay sang chế độ cấp phát dưới hình thức tín dụng, nhằm nâng cao trách nhiệm của các ngành, các đơn vị sản xuất đối với việc sử dụng có hiệu quả tiền vốn » (1).

Việc hoàn thiện không ngừng hệ thống chỉ đạo nền kinh tế và các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa trên cơ sở sử dụng thích đáng các phạm trù giá trị, vận dụng các nguyên tắc của chế độ hạch toán kinh tế, đã làm tăng tỷ lệ vốn tín dụng trong các nguồn vốn hình thành vốn cố định và vốn lưu động. Do đó, tỷ lệ vốn cấp phát từ ngân sách cũng giảm đi một cách tương ứng. Sở dĩ như vậy, vì phương pháp đầu tư tín dụng có một số ưu điểm so với phương pháp cấp phát ngân sách.

Thứ nhất: đối với việc cấp phát vốn lưu động cho các xí nghiệp và tổ chức kinh tế, Nhà nước thường căn cứ vào định mức vốn lưu động. Khi định mức vốn lưu động tăng, ngân sách cũng phải tăng vốn cấp phát theo một tỷ lệ nhất định, không cần tính toán hiệu quả kinh tế của việc sử dụng vốn trong các xí nghiệp. Các xí nghiệp cũng không thật sự quan tâm đến việc sử dụng vốn có hiệu quả nhất, hoặc không quan tâm tới việc tăng phần lợi nhuận có thể trích được để bổ sung cho nhu cầu về vốn lưu động đó. Những điều nói trên là trở ngại đáng kể đối với việc bảo đảm sử dụng tốt nhất vốn lưu động.

Phương pháp đầu tư tín dụng phù hợp với các yêu cầu của chế độ hạch toán kinh tế, đề cao được trách nhiệm của xí nghiệp đối với kết quả sản xuất và kinh doanh. Một trong những nguyên tắc cơ bản của tín dụng xã hội chủ nghĩa là người vay phải trả cả vốn lẫn lãi trong một thời gian nhất định. Điều đó bắt buộc các đơn vị kinh tế phải tính toán thật kỹ các nhu cầu vay vốn, phải sử dụng tiết kiệm nhất, hợp lý nhất vốn tự có cũng như vốn vay, để mang lại hiệu quả kinh tế lớn nhất. Chỉ có như vậy, các đơn vị kinh tế mới có khả năng trả vốn vay đúng thời gian quy định. Tín dụng có mối quan hệ mật thiết với việc bù đắp các chi phí sản xuất và doanh lợi của xí nghiệp; nó không thể tồn tại với lối làm ăn không kinh tế, « thua lỗ », vi phạm chế độ tiết kiệm và những yêu cầu của chế độ hạch toán kinh tế. Nguyên tắc trên đây của tín dụng có tác dụng hạn chế

(1) Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng về " phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai ".

Digitized by Google

việc sử dụng lãng phí vốn của xã hội nói chung, vốn tín dụng nói riêng, nâng cao hiệu quả của sản xuất xã hội.

Thứ hai: phương pháp cấp phát ngân sách thường mang tính chất cố định, phải theo một kế hoạch và chỉ tiêu nhất định. Những nhu cầu đột biến xảy ra trong quá trình thực hiện kế hoạch không được ngân sách giải quyết. Điều đó sẽ gây trở ngại cho xí nghiệp, nhất là đối với những nhu cầu về áp dụng tiến bộ kỹ thuật, sử dụng kịp thời những tài sản cố định và năng lực sản xuất.

Tính chất mềm dẻo và linh hoạt của tín dụng giúp các xí nghiệp, tổ chức kinh tế giải quyết tốt những nhu cầu đột biến ấy của quá trình tái sản xuất xã hội, cũng như tái sản xuất tài sản cố định. Sự đột biến ấy có thể nảy ra trong quá trình hoàn thành kế hoạch, hoặc do yêu cầu cấp bách phải đưa những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tín dụng có tác dụng kịp thời giải quyết những khó khăn về vốn do yêu cầu của quá trình tái sản xuất xã hội đề ra, tạo điều kiện thuận lợi để quá trình tái sản xuất xã hội không bị ngừng trệ hoặc gián đoạn.

Thứ ba: đối tượng của đầu tư tín dụng, đặc biệt trong xây dựng cơ bản, thường là những công trình phát huy hiệu quả thiết thực, tăng năng lực sản xuất, tăng số lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành. Hiệu quả kinh tế là cơ sở quan trọng để bảo đảm trả vốn tín dụng. Ngân hàng chỉ đầu tư tín dụng vào những đối tượng tăng năng lực sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, đứng về mặt xã hội mà xét, việc đầu tư tín dụng có tác dụng làm tăng tài sản cố định, thay đổi cơ cấu kỹ thuật của tài sản cố định trong nền kinh tế quốc dân. Đây là một đặc điểm rất quan trọng của đầu tư tín dụng. Nó loại trừ những chi phí không có hiệu quả kinh tế, gây lãng phí vốn cho Nhà nước, không tăng năng lực sản xuất.

Cuối cùng: ưu điểm của phương pháp đầu tư tín dụng là việc thực hiện kiểm soát bằng đồng tiền đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong quá trình tái sản xuất tài sản cố định, việc kiểm soát trong cấp phát ngân sách được kết thúc khi công trình đã đưa vào sử dụng. Ngược lại, trong phương pháp đầu tư tín dụng, việc kiểm soát được tiến hành toàn diện, thường xuyên và liên tục, nó bắt đầu từ khi nảy sinh quan hệ tín dụng, tức là khi đơn vị có nhu cầu về vốn, và chỉ kết thúc khi xí nghiệp, đơn vị vay vốn ấy đã trả hết nợ. Ở đây, tác động kiểm soát bằng đồng tiền bao trùm cả giai đoạn sản xuất.

Những ưu điểm đó của phương pháp đầu tư tín dụng cho phép các xí nghiệp và tổ chức kinh tế giải quyết được hàng loạt vấn đề quan trọng liên quan tới việc củng cố chế độ hạch toán kinh tế, nâng cao doanh lợi của xí nghiệp và tổ chức kinh tế. Vì vậy, để nâng cao trách nhiệm của các ngành, các đơn vị kinh tế đối với việc sử dụng có hiệu quả tiền vốn, Nhà nước phải mở rộng phương pháp đầu tư tín dụng, đồng thời kết hợp tốt nhất phương pháp cấp phát tài chính và phương pháp đầu tư tín dụng, phát huy những mặt tích cực của mỗi phương pháp trong việc hình thành vốn lưu động, cũng như vốn cố định của các xí nghiệp, các tổ chức kinh tế trong nền kinh tế quốc dân, sử dụng mỗi phương pháp trong những phạm vi thích hợp nhất, phù hợp với những đặc điểm, tính chất kinh tế của quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Để tăng cường vai trò đòn bẩy kinh tế của tín dụng, Nhà nước có thể mở rộng quan hệ tín dụng theo ba hướng chủ yếu sau đây:

1 – Mở rộng đối tượng đầu tư tín dụng trong các ngành sản xuất.

2 – Tăng thời hạn của tín dụng.

Digitized by Google

3 — Tăng mức đầu tư cho từng đối tượng

Trong giai đoạn cách mạng mới, muốn mở rộng đầu tư tín dụng, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư để tăng tài sản cố định, công tác tín dụng phải có tác động tích cực trong việc huy động khả năng lao động dồi dào vào sản xuất, khai thác tiềm năng kinh tế bao gồm vật tư và tiền vốn, để phát triển sản xuất, kinh doanh, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ hai (1976 – 1980). Hiện nay, nền sản xuất của ta còn ở trình độ thấp, sản xuất và lưu thông hàng hóa chưa phát triển mạnh. Trong khi đó ta có nguồn lao động dồi dào, nguồn tài nguyên phong phú nhưng chưa được khai thác và sử dụng hợp lý. Số lao động chưa có việc làm ấy phải được sử dụng vào những việc có ích. Tài nguyên ấy phải được khai thác và sử dụng đầy đủ vào sản xuất. Do đó, vai trò của tín dụng ngân hàng phải được phát huy một cách tốt nhất, nhằm khắc phục tình trạng tách rời giữa sức lao động và đối tượng lao động như hiện nay.

Trong thời gian tới, mức đầu tư tín dụng sẽ lớn, tỷ lệ vốn tín dụng tham gia vào việc hình thành vốn lưu động và vốn cố định sẽ tăng. Trong những năm qua, phương pháp đầu tư tín dụng vào tài sản cố định trong khu vực kinh tế quốc doanh còn bị hạn chế, vì phần lớn nhu cầu cho tài sản xuất tài sản cố định là dựa vào vốn ngân sách. Trong những năm của kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 – 1980), tín dụng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các công trình xây dựng cơ bản có tính chất sản xuất.

Trước hết, để thực hiện nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập trung cao độ mọi lực lượng để phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, công tác tín dụng phải phục vụ cho việc phát triển trồng trọt, chăn nuôi, để giải quyết nhu cầu về lương thực và thực phẩm trong nước; tăng nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và tăng hàng xuất khẩu. Tín dụng ngân hàng phải giúp các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, các nông trường quốc doanh có vốn để tăng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, trước hết, chú ý phục vụ cho các yêu cầu về thủy lợi, bởi vì thủy lợi là biện pháp hàng đầu để mở rộng diện tích, thâm canh, tăng vụ và cải tạo đất. Trên cơ sở đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, từng bước thực hiện cơ khí hóa nông nghiệp, tín dụng ngân hàng sẽ góp phần nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, thúc đẩy quá trình đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cùng với việc tăng cường đầu tư tín dụng trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, cần mở rộng hoạt động tín dụng đối với những ngành, những xí nghiệp phục vụ cho nông nghiệp như cơ khí, hóa chất v.v...

Đối với các ngành kinh tế khác như công nghiệp, vận tải, thương nghiệp, một mặt Nhà nước vẫn tiếp tục đẩy mạnh đầu tư tín dụng theo chiều sâu vào việc cải tiến kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới, mở rộng sản xuất... để đưa nhanh những thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất; mặt khác, thực hiện đầu tư tín dụng cho xây dựng cơ bản mới đối với những công trình sản xuất để tăng năng lực sản xuất. Đây là một hướng quan trọng để tăng phạm vi tác động của phương pháp đầu tư tín dụng: vừa mở rộng đối tượng của tín dụng ngân hàng trong lĩnh vực tài sản cố định, vừa tăng thêm thời hạn của tín dụng, vừa tăng vốn đầu tư. Vấn đề này có ý nghĩa rất lớn trong việc củng cố từng bước chế độ hạch toán kinh tế.

Trước đây, trong các nguồn vốn hình thành vốn cố định của các đơn vị kinh tế, vốn tín dụng ngân hàng chỉ mới chiếm phần chủ yếu trong

Digitized by Google

SỬ DỤNG HỢP LÝ VÀ BỒI DƯỠNG LAO ĐỘNG PHỤ NỮ TRONG PHONG TRÀO LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

LÊ-CHÂN-PHƯƠNG

TRONG thắng lợi vĩ đại của dân tộc, phụ nữ Việt-nam trên cả hai miền đã có phần đóng góp to lớn rất đáng tự hào. Phụ nữ miền Nam « Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang» đã lập được chiến công xuất sắc trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Từ sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng đến nay, chị em đã phát huy khí phách anh hùng, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống và hiện đang hăng hái tham gia công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phụ nữ miền Bắc, trong kháng chiến chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã được rèn luyện và trưởng thành về nhiều mặt. Trong sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp, lao động nữ chiếm 60%, giữ vai trò trọng yếu trong sản xuất, trong xây dựng hợp tác xã, xây dựng nông thôn mới, v.v... Trong khu vực Nhà nước, lực lượng lao động nữ chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số công nhân viên chức. Đặc biệt *lực lượng nữ công nhân trực tiếp sản xuất tăng lên nhanh chóng làm biến đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng của đội ngũ lao động phụ nữ hiện nay.* Chỉ tính đến tháng 12 năm 1975: lao động nữ trong khu vực sản xuất vật chất đã chiếm 42,07%; trong khu vực không sản xuất chiếm 45,30%.

Nhìn chung, trong một thời gian tương đối ngắn, lực lượng lao động nữ đã được phân bố toàn diện trên nhiều mặt, nhiều ngành. Tính đến tháng 12 năm 1975 tỷ lệ lao động nữ trong ngành công nghiệp nhẹ chiếm 59,12%; trong ngành lương thực và thực phẩm chiếm 58,7%; trong ngành thương nghiệp, thu mua, ăn uống công cộng chiếm 59%; ngành xây dựng cơ bản 33,1%; ngành giao thông vận tải 27,45%, v.v... Từ năm 1967 đến năm 1975, tỷ lệ lao động nữ trong ngành y tế từ 52,7% tăng lên 62,24%; trong ngành giáo dục từ 26% tăng lên 58,4%; trong hai ngành điện lực và cơ khí là

Digitized by Google

những ngành kinh tế kỹ thuật khá phức tạp, lao động nữ cũng chiếm tỷ lệ đáng kể : điện lực—36,8%, cơ khí — 35,93% (1975).

Sự tiến bộ của lực lượng lao động nữ không phải chỉ thể hiện ở sự tham gia đông đảo trên nhiều lĩnh vực mà còn thể hiện ở trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ... ngày càng được nâng cao. Theo số liệu thống kê của Nhà nước tính đến ngày 31-12-1974, so với tổng số (cả nam và nữ), thì tỷ lệ nữ trong công nhân là : 31,11% ; cán bộ khoa học kỹ thuật trên đại học : 5,32% ; đại học : 21,62% ; trung học : 43,41% ; công nhân kỹ thuật : 32,47%.

Thực tiễn trên đây chứng tỏ « lực lượng và khả năng của phụ nữ được Đảng ta, Nhà nước ta, chế độ tốt đẹp của chúng ta động viên, bồi dưỡng và phát huy, đã trở thành một nguồn sức mạnh to lớn, một bảo đảm vô cùng quan trọng để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng » (1).

★

Trong giai đoạn mới, toàn Đảng, toàn dân ta tập trung sức thực hiện nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ; hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước ; cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, tổ chức, phân bố lại lực lượng lao động xã hội trong cả nước, trong đó có việc mở rộng phân công và tích cực sử dụng, bồi dưỡng lực lượng lao động nữ — một lực lượng lao động lớn trong xã hội — là một vấn đề cấp bách.

Trong điều kiện nền kinh tế kém phát triển lại có lực lượng lao động khá dồi dào, chúng ta phải căn cứ vào nhiệm vụ tổ chức lại nền kinh tế xã hội và phương hướng phát triển sản xuất ở từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở mà khai thác tốt nhất khả năng tiềm tàng về sức lao động, về tài nguyên thiên nhiên..., tạo ra công việc làm và những hình thức tổ chức lao động thích hợp. Hiện nay có hàng chục vạn người ở tuổi lao động trong các thành phố, thị xã, vùng ven biển, vùng đồng bằng đông dân chưa có việc làm, trong đó có nhiều chị em phụ nữ. Đó là chưa kể số nữ sinh đã học hết lớp 7, lớp 10 và số chị em tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp hằng năm có tới mấy chục vạn... Vì vậy, vấn đề quan trọng là phải tổ chức, sắp xếp việc làm cho lực lượng lao động nói trên. Một yêu cầu cấp bách hiện nay để góp phần làm tốt việc phân bố, sử dụng lao động và cải thiện đời sống của đông đảo phụ nữ là phát triển mạnh các nghề thủ công, tổ chức làm hàng gia công, tổ chức tốt việc phục vụ sinh hoạt cho công nhân, viên chức ở các khu phố và các khu nhà tập thể lớn, các bệnh viện, v.v... Ở nông thôn, căn cứ vào nhiệm vụ tổ chức lại sản xuất ở cơ sở, xây dựng cấp huyện và xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, thâm canh, chuyên canh... phải giải quyết tốt việc phân công lao động trước hết trong nội bộ nông nghiệp, phát triển nghề chế biến nông sản và từng bước sử dụng cơ khí nhỏ, thực hiện sự phân công lao động tại chỗ. Việc đưa lao động từ những vùng đông dân tới những vùng thưa dân để mở thêm đất canh tác, xây dựng vùng kinh tế mới là một phương hướng lớn trong sự phân công lao động gắn liền với việc phân bố dân cư trong thời gian tới.

---

(1) Lê-Duẩn : « Bảo đảm cho phụ nữ tham gia làm chủ tập thể một cách đầy đủ nhất », tạp chí *Học tập*, số 3 — 1974, trang 14.

Digitized by Google

Kinh nghiệm của phong trào ba đảm đang ở các địa phương, các xí nghiệp, công trường, nông trường, v.v... trong những năm qua cho thấy chúng ta có nhiều điều kiện để sử dụng khả năng lao động của phụ nữ; ở nơi nào có sự lãnh đạo sát sao của cấp ủy Đảng và có sự kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền và các đoàn thể quần chúng thì ở nơi đó lực lượng lao động nữ được sử dụng tốt.

Trong vùng mới giải phóng miền Nam, trước hết là ở các thành phố, yêu cầu cấp bách là xóa bỏ nạn thất nghiệp do Mỹ — Thiệu để lại đối với hàng triệu phụ nữ; kết hợp với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa chuyển phần đông những chị em trước đây là tiểu thương, làm dịch vụ, v.v... sang lao động sản xuất. Đất đai, khí hậu và tài nguyên thiên nhiên miền Nam phong phú, nhiều vùng lại có nghề thủ công cổ truyền, nếu biết động viên và tổ chức thì chúng ta có khả năng giải quyết việc làm cho phần lớn chị em.

Tiến hành từng bước việc tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý ở cơ sở và các ngành là điều kiện hết sức quan trọng để khắc phục dần tình trạng phân bố và sử dụng không hợp lý lao động nữ. Hiện nay công tác phân vùng kinh tế, quy hoạch sản xuất, phân bố lực lượng sản xuất và phân bố lao động đang được tiến hành trong phạm vi cả nước. Do đó việc phân bố hợp lý và kết cấu hợp lý lao động nam, nữ trên từng vùng, từng ngành kinh tế cũng phải đặt ra. Đồng thời, cần có biện pháp tích cực khắc phục tình trạng phân bố và sử dụng lao động nữ vào những khâu công việc quá nặng nhọc, quá độc hại, trái với đặc điểm sinh lý của phụ nữ. Việc tập trung một lực lượng lớn lao động nữ vào một số ngành nghề nặng nhọc, đưa đến một số vùng xa xôi hẻo lánh mà không chú ý phân bố hợp lý lực lượng sản xuất, không kết hợp yêu cầu sản xuất với yêu cầu xây dựng vùng dân cư và cuộc sống riêng tư của người lao động, đã gây cho chị em những khó khăn trở ngại, và làm cho chị em ít gắn bó lâu dài với ngành nghề và quê hương mới. Do đó, trong việc tuyển dụng phụ nữ vào các nông trường, lâm trường hoặc các đội lao động đi trước sắp tới, chúng ta phải lựa chọn những chị em có sức khỏe, son rỏi,... hoặc những đôi vợ chồng còn son. Đồng thời, các cơ quan lãnh đạo ngay từ đầu cần chú ý đến kết cấu lao động nam nữ trên từng vùng kinh tế để tránh hiện tượng tổ chức lao động ở những vùng đó chỉ gồm toàn phụ nữ hoặc quá ít phụ nữ, không ổn định được lao động và cũng không ổn định được đời sống lâu dài.

Vấn đề rất đáng quan tâm hiện nay là điều kiện làm việc và thực hiện vệ sinh công nghiệp, nhất là ở những môi trường làm việc độc hại, nặng nhọc, hoặc phải lưu động nhiều. Ở những nơi này, cần có sự quan tâm đúng mức của cơ quan quản lý trong việc bảo hộ lao động đặc biệt là đối với lao động nữ. Chú ý từ những cải tiến nhỏ, trong việc sử dụng công cụ, thiết bị, trang bị thêm quạt, thêm ánh sáng, thêm ghế ngồi, dùng xe đẩy, băng chuyền, tời... (là những việc trong thực tế có thể làm được) để giảm bớt nặng nhọc, tăng năng suất lao động, bồi dưỡng và bảo vệ sức khỏe cho người lao động. Chú trọng hơn đến việc bảo hộ lao động, nhất là trong công việc khai phá đất hoang, đào đắp trên các công trường, gánh đội đường xa với khối lượng lớn. Ngăn cấm không để phụ nữ đang có thai hoặc nuôi con bú sử dụng hóa chất, phun thuốc trừ sâu và làm việc thường xuyên ngâm mình dưới nước. Khắc phục điều kiện lao động quá xấu, bảo đảm chế độ vệ sinh lao động tối thiểu, bảo đảm trang bị bảo hộ lao động và an toàn lao động, nhất là ở những nơi có nhiều bụi độc, chất độc. Thực hiện

Digitized by Google

tốt những vấn đề này, không những hạn chế được những tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp mà còn giữ gìn được sức dẻo dai cho người lao động — yếu tố quan trọng để tăng năng suất lao động. Đặc biệt đối với lao động nữ, có đặc điểm cơ thể và sinh lý riêng, chúng ta cần hết sức chăm lo đến công tác bảo hộ lao động để vừa bảo đảm sản xuất, vừa làm tốt công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

Vấn đề này trước hết phải được làm tốt từ khâu kế hoạch, phải được ghi vào trong kế hoạch để cân đối vật tư cho trang bị bảo hộ lao động. Chú ý cung cấp trang bị bảo hộ lao động phù hợp với tầm vóc của phụ nữ. Đồng thời giáo dục cho người lao động những kiến thức phòng tránh tai nạn lao động, ý thức sử dụng tốt các trang bị bảo hộ lao động. Công tác bảo hộ lao động cần phải được Nhà nước và nhân dân cùng làm, nhất là trong nông nghiệp.

Muốn thực hiện việc phân bố hợp lý lao động nữ, cần gắn liền việc sử dụng với việc bồi dưỡng, đào tạo. Phương hướng đào tạo lao động nữ được đề ra trên cơ sở kế hoạch Nhà nước và tiêu chuẩn chung đã được quy định, đồng thời có kết hợp vận dụng chính sách đối với phụ nữ một cách đúng đắn để khuyến khích chị em hăng hái học tập. Vấn đề trước mắt hiện nay là làm thế nào nhanh chóng thanh toán nạn mù chữ cho một số chị em ở vùng mới giải phóng, và bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa của phụ nữ nói chung để chị em có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật, nâng cao tay nghề, kỹ năng lao động, nhằm đáp ứng yêu cầu tăng năng suất lao động, nhanh chóng nâng tỷ trọng lao động nữ có kỹ thuật trong lực lượng lao động nói chung.

Trong điều kiện hiện nay, muốn động viên hàng triệu phụ nữ trực tiếp tham gia sản xuất, hăng hái học tập nâng cao kiến thức văn hóa, nâng cao tay nghề, chúng ta không thể chỉ hô hào chung chung mà không có hành động thiết thực. Căn bản là phải đặt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng trong quy hoạch, kế hoạch đào tạo chung, có chỉ tiêu, các biện pháp chính sách, có *danh mục những nghề dành cho phụ nữ* để có căn cứ tuyển dụng; dần dần thực hiện phân công phụ nữ trên cơ sở chủ yếu là họ đã qua đào tạo. Đồng thời cần giáo dục động viên phụ nữ phát huy tinh thần phấn đấu vươn lên, kiên trì đi vào khoa học kỹ thuật; quản lý tốt việc sử dụng phụ nữ sau khi ra trường để tránh tình trạng sử dụng tùy tiện và tránh cả tư tưởng ngại khó của một số chị em.

Giải quyết những vấn đề cần thiết để tạo điều kiện giải phóng phụ nữ như: bảo đảm việc giữ trẻ thông tầm, theo ca, quản lý các cháu ở tuổi mẫu giáo, tổ chức phân phối hợp lý thực phẩm, tổ chức tốt bữa ăn chính và bữa ăn giữa ca, nơi nghỉ, phương tiện đi về ca đêm, v.v.. Tất cả những cái đó đều liên quan trực tiếp đến tái sản xuất sức lao động, đến việc chấp hành kỷ luật lao động và bảo đảm năng suất lao động của người phụ nữ. Những năm qua, những hợp tác xã đạt sản lượng và năng suất cao, những xí nghiệp, công trường, nông trường, v.v... có đông phụ nữ đã hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước thường là những điển hình tốt về việc gắn liền công tác tổ chức sản xuất và tổ chức đời sống.

Vấn đề sinh đẻ có kế hoạch có ý nghĩa sâu sắc đối với việc bảo đảm sức khỏe, bảo đảm năng suất lao động và kế hoạch thời gian lao động của phụ nữ. Đó là vấn đề xã hội rất lớn cần được mọi người nhận thức sâu sắc, đó cũng là một vấn đề thiết thực gắn liền với cuộc sống của từng gia đình. Chúng ta phải làm sao cho từng đôi vợ chồng trong lứa tuổi sinh đẻ tự giác thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, các ngành, các địa phương coi đó là

Digitized by Google

một biện pháp quan trọng không thể thiếu được để bảo đảm kế hoạch cân đối lao động, nhất là nơi có đông phụ nữ.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ « Việc động viên phong trào phụ nữ, giải quyết những khó khăn và các vấn đề về quyền lợi của chị em phải do các cơ quan Nhà nước phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể nhân dân, mà nòng cốt là Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam, để cùng làm dưới sự lãnh đạo của Đảng ». Các cơ quan của Đảng và Nhà nước, các đoàn thể quần chúng cần quán triệt những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về giải phóng phụ nữ, cùng phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc nghiên cứu, thi hành chính sách cũng như trong việc hướng dẫn thực hiện.

Trong thời kỳ mới, thực hiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là phải thông qua hoạt động của Nhà nước và của các đoàn thể quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng mà phát huy vai trò chủ động và óc sáng tạo của quần chúng; mọi quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phải nằm trong quy chế của Nhà nước. Vì vậy, sắp tới chúng ta phải giải quyết hàng loạt vấn đề về quản lý của Nhà nước có liên quan đến việc thực hiện quyền lao động và nghĩa vụ lao động của người phụ nữ (tiêu chuẩn, chính sách, chế độ, luật lệ về lao động, tiền lương; các chính sách về phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động v.v...). Hội liên hiệp phụ nữ và ban nữ công của Công đoàn cơ sở cần thu thập ý kiến rộng rãi của đông đảo công nhân và các chị em tích cực trong lao động sản xuất — đóng góp vào việc xây dựng các chính sách chế độ, và cần phát huy vai trò của mình trong việc giám sát việc thực hiện chính sách.

Trong điều kiện nước ta từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, lao động xã hội nói chung, lao động phụ nữ nói riêng phần lớn là lao động thủ công, chịu ảnh hưởng sâu sắc nếp làm ăn của nền sản xuất nhỏ phân tán, bị hạn chế bởi tập quán phân công phong kiến, bó hẹp người phụ nữ trong việc bếp núc gia đình. Mặt khác, cuộc chiến tranh kéo dài đã để lại nhiều hậu quả nặng nề trên đất nước ta, trong đó người phụ nữ phải chịu hy sinh rất nhiều. Nay cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, trong độc lập, thống nhất và hòa bình. Chúng ta cần xuất phát từ tình hình thực tế đó và đứng trên quan điểm giai cấp của Đảng mà giải quyết vấn đề phụ nữ. Cần quán triệt tinh thần nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng: chú ý tăng cường các cơ sở phúc lợi tập thể; thực hiện xã hội hóa lao động nội trợ để tạo điều kiện tốt cho việc động viên phụ nữ, tập trung sức lao động của phụ nữ vào mặt trận sản xuất, đem trí tuệ của lao động nữ vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nội dung của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giải phóng phụ nữ trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội đã được đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: « *Giải phóng phụ nữ, về thực chất là bảo đảm cho phụ nữ tham gia làm chủ tập thể một cách đầy đủ nhất, về cả ba phương diện: làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân mình* » (2). Cho nên, cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ gắn liền với cuộc đấu tranh chống tình trạng nghèo nàn về kinh tế, chống những quan niệm, nhận thức lạc hậu, coi khinh phụ nữ. Phải giải quyết việc làm hợp lý cho phụ nữ, lôi cuốn mọi người tham gia lao động làm ra của cải vật chất cho xã hội; giảm nhẹ gánh nặng gia đình bằng cách tổ chức đời sống hợp lý hơn, đồng thời tích cực nâng cao trình độ

(2) Lê-Duẩn: "Bảo đảm cho phụ nữ tham gia làm chủ tập thể một cách đầy đủ nhất", tạp chí *Học tập*, số 3-1974, trang 15.

Digitized by Google

chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật cho phụ nữ. Muốn làm được như vậy, phải bằng hành động thực tế, việc làm cụ thể, khắc phục sự bất hợp lý đối với lao động nữ. Mọi biểu hiện nôn nóng trước những khó khăn tạm thời, ngại sử dụng lao động nữ, không tin vào khả năng của chị em trong sản xuất, trong nghiệp vụ quản lý, trong khoa học kỹ thuật, không tích cực chủ động bồi dưỡng và phân công, không chú ý đến đặc điểm cơ thể và sinh lý của phụ nữ đi đến sử dụng tùy tiện ; bình quân chủ nghĩa trong việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với người lao động, coi chính sách đối với phụ nữ là « sự chiếu cố phi kinh tế », v.v... đều trái với quan điểm của Đảng. Các cơ quan, đoàn thể có liên quan cần kết hợp chặt chẽ với nhau thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với lao động nữ, giúp chị em giảm bớt những khó khăn trong đời sống hàng ngày, dành sức cho sản xuất, công tác và học tập. Đó là những việc làm rất thiết thực, để tiếp tục phát huy vai trò của phụ nữ trong giai đoạn mới. Vốn có đức tính cần cù, đảm đang, trung hậu, dũng cảm, chị em phụ nữ ta nhất định sẽ phát huy vai trò tích cực của mình trong phong trào lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của toàn dân ta

---

Về công tác đào tạo...

(Tiếp theo trang 34)

Đảng, phải **ra sức nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên**, gấp rút đào tạo một đội ngũ giảng viên có trình độ và khả năng tương xứng với yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Hiện nay, tuy đội ngũ giảng viên của các trường Đảng đã có nhiều tiến bộ cả về số lượng và chất lượng, và đã cố gắng đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận chủ nghĩa Mác – Lê-nin và thực tiễn cách mạng nước ta để truyền đạt một cách trung thực những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, nhưng so với yêu cầu của công tác giáo dục của Đảng, đội ngũ đó vẫn còn yếu và quá mỏng. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên là một khâu quan trọng hàng đầu để thật sự nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Ngoài ra, còn phải tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho các trường Đảng, trang bị cho trường Đảng những phương tiện cần thiết phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Digitized by Google

MỞ RỘNG PHƯƠNG PHÁP ĐẦU TƯ TÍN DỤNG

NGUYỄN-NGỌC-MINH

CÔNG cuộc phát triển kinh tế của nước ta đòi hỏi Nhà nước phải huy động tới mức cao nhất mọi nguồn vốn cho sản xuất. Công tác tín dụng ngân hàng có khả năng huy động và tập trung mọi nguồn vốn tạm thời chưa sử dụng để đầu tư cho sản xuất. Sự cần thiết của tín dụng trong chủ nghĩa xã hội còn do tính quy luật của chu chuyển vốn trong nền kinh tế quyết định. Mối mâu thuẫn giữa chu kỳ sản xuất và thời gian chu chuyển vốn của từng xí nghiệp riêng lẻ đã sinh ra sự thừa, thiếu vốn của từng xí nghiệp, chỉ có tín dụng mới giải quyết được mâu thuẫn ấy.

Trong những điều kiện của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, nguyên nhân tích cực dẫn tới sự xuất hiện mối quan hệ tín dụng là sự quan tâm đến việc sử dụng quỹ tín dụng của những người tham gia vào quá trình tái sản xuất. Người cho vay cũng như người đi vay quan tâm tới tín dụng, bởi vì chính tín dụng cho phép họ giải quyết hàng loạt nhiệm vụ.

Sự cần thiết của tín dụng còn do tác động của quy luật giá trị quy định. Việc thỏa mãn vốn bổ sung cho nhu cầu tái sản xuất được tiến hành dưới hình thức tiền tệ, trong đó có hình thức tín dụng; tín dụng trở thành nhân tố cần thiết của sự vận động của giá trị, bởi vì, trong nhiều trường hợp nhờ có tín dụng tạo ra phương tiện thanh toán cần thiết mà giá trị có thể thực hiện được chu chuyển của mình.

Sự cần thiết của tín dụng cũng còn do quy luật tiết kiệm thời gian lao động quy định. Nguồn tiền tệ không được sử dụng hay để « nằm chết » là trái với bản chất và nội dung của quy luật ấy. Tín dụng đã loại trừ được tình trạng « nằm chết » ấy, làm cho chu chuyển vốn tiền tệ của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có hiệu quả và linh hoạt hơn.

Vì tín dụng có vai trò quan trọng như vậy, cho nên Nhà nước ta đã sử dụng tín dụng như là một công cụ kinh tế quan trọng góp phần thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hóa, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống nhân dân, phù hợp với đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ vừa chống Mỹ, cứu nước vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội

★

Trong thời gian tới, do yêu cầu khôi phục và phát triển kinh tế với nhịp độ cao, do yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư

Digitized by Google

trong kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ hai (1976 — 1980) Nhà nước ta phải **kết hợp tốt phương pháp cấp phát tài chính và phương pháp đầu tư tín dụng, mở rộng tới mức cao nhất phạm vi sử dụng tín dụng trong các ngành sản xuất của nền kinh tế quốc dân.** Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam có ghi rõ: « Phát triển mạnh tín dụng bảo đảm vốn sản xuất kinh doanh đối với khu vực kinh tế quốc doanh; mở rộng thích đáng việc cho vay đối với khu vực kinh tế tập thể để phát triển sản xuất theo kế hoạch Nhà nước ».

Cấp phát tài chính và đầu tư tín dụng là hai phương pháp đầu tư vốn trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mỗi phương pháp có đặc điểm riêng và vai trò nhất định trong nền kinh tế. Quan điểm đúng đắn là kết hợp tốt hai phương pháp đầu tư này, nhằm đẩy nhanh quá trình tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình hiện nay, Đảng và Nhà nước ta chủ trương **mở rộng phương pháp đầu tư tín dụng, hạn chế việc cấp phát tài chính,** « nghiên cứu để chuyển một phần chế độ cấp phát tài chính không hoàn lại hiện nay sang chế độ cấp phát dưới hình thức tín dụng, nhằm nâng cao trách nhiệm của các ngành, các đơn vị sản xuất đối với việc sử dụng có hiệu quả tiền vốn » (1).

Việc hoàn thiện không ngừng hệ thống chỉ đạo nền kinh tế và các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa trên cơ sở sử dụng thích đáng các phạm trù giá trị, vận dụng các nguyên tắc của chế độ hạch toán kinh tế, đã làm tăng tỷ lệ vốn tín dụng trong các nguồn vốn hình thành vốn cố định và vốn lưu động. Do đó, tỷ lệ vốn cấp phát từ ngân sách cũng giảm đi một cách tương ứng. Sở dĩ như vậy, vì phương pháp đầu tư tín dụng có một số ưu điểm so với phương pháp cấp phát ngân sách.

Thứ nhất: đối với việc cấp phát vốn lưu động cho các xí nghiệp và tổ chức kinh tế, Nhà nước thường căn cứ vào định mức vốn lưu động. Khi định mức vốn lưu động tăng, ngân sách cũng phải tăng vốn cấp phát theo một tỷ lệ nhất định, không cần tính toán hiệu quả kinh tế của việc sử dụng vốn trong các xí nghiệp. Các xí nghiệp cũng không thật sự quan tâm đến việc sử dụng vốn có hiệu quả nhất, hoặc không quan tâm tới việc tăng phần lợi nhuận có thể trích được để bổ sung cho nhu cầu về vốn lưu động đó. Những điều nói trên là trở ngại đáng kể đối với việc bảo đảm sử dụng tốt nhất vốn lưu động.

Phương pháp đầu tư tín dụng phù hợp với các yêu cầu của chế độ hạch toán kinh tế, đề cao được trách nhiệm của xí nghiệp đối với kết quả sản xuất và kinh doanh. Một trong những nguyên tắc cơ bản của tín dụng xã hội chủ nghĩa là người vay phải trả cả vốn lẫn lãi trong một thời gian nhất định. Điều đó bắt buộc các đơn vị kinh tế phải tính toán thật kỹ các nhu cầu vay vốn, phải sử dụng tiết kiệm nhất, hợp lý nhất vốn tự có cũng như vốn vay, để mang lại hiệu quả kinh tế lớn nhất. Chỉ có như vậy, các đơn vị kinh tế mới có khả năng trả vốn vay đúng thời gian quy định. Tín dụng có mối quan hệ mật thiết với việc bù đắp các chi phí sản xuất và doanh lợi của xí nghiệp; nó không thể tồn tại với lối làm ăn không kinh tế, « thua lỗ », vi phạm chế độ tiết kiệm và những yêu cầu của chế độ hạch toán kinh tế. Nguyên tắc trên đây của tín dụng có tác dụng hạn chế

(1) Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng về " phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai ".

Digitized by Google

việc sử dụng lãng phí vốn của xã hội nói chung, vốn tín dụng nói riêng, nâng cao hiệu quả của sản xuất xã hội.

Thứ hai: phương pháp cấp phát ngân sách thường mang tính chất cố định, phải theo một kế hoạch và chỉ tiêu nhất định. Những nhu cầu đột biến xảy ra trong quá trình thực hiện kế hoạch không được ngân sách giải quyết. Điều đó sẽ gây trở ngại cho xí nghiệp, nhất là đối với những nhu cầu về áp dụng tiến bộ kỹ thuật, sử dụng kịp thời những tài sản cố định và năng lực sản xuất.

Tính chất mềm dẻo và linh hoạt của tín dụng giúp các xí nghiệp, tổ chức kinh tế giải quyết tốt những nhu cầu đột biến ấy của quá trình tái sản xuất xã hội, cũng như tái sản xuất tài sản cố định. Sự đột biến ấy có thể nảy ra trong quá trình hoàn thành kế hoạch, hoặc do yêu cầu cấp bách phải đưa những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tín dụng có tác dụng kịp thời giải quyết những khó khăn về vốn do yêu cầu của quá trình tái sản xuất xã hội đề ra, tạo điều kiện thuận lợi để quá trình tái sản xuất xã hội không bị ngừng trệ hoặc gián đoạn.

Thứ ba: đối tượng của đầu tư tín dụng, đặc biệt trong xây dựng cơ bản, thường là những công trình phát huy hiệu quả thiết thực, tăng năng lực sản xuất, tăng số lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành. Hiệu quả kinh tế là cơ sở quan trọng để bảo đảm trả vốn tín dụng. Ngân hàng chỉ đầu tư tín dụng vào những đối tượng tăng năng lực sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, đứng về mặt xã hội mà xét, việc đầu tư tín dụng có tác dụng làm tăng tài sản cố định, thay đổi cơ cấu kỹ thuật của tài sản cố định trong nền kinh tế quốc dân. Đây là một đặc điểm rất quan trọng của đầu tư tín dụng. Nó loại trừ những chi phí không có hiệu quả kinh tế, gây lãng phí vốn cho Nhà nước, không tăng năng lực sản xuất.

Cuối cùng: ưu điểm của phương pháp đầu tư tín dụng là việc thực hiện kiểm soát bằng đồng tiền đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong quá trình tái sản xuất tài sản cố định, việc kiểm soát trong cấp phát ngân sách được kết thúc khi công trình đã đưa vào sử dụng. Ngược lại, trong phương pháp đầu tư tín dụng, việc kiểm soát được tiến hành toàn diện, thường xuyên và liên tục, nó bắt đầu từ khi nảy sinh quan hệ tín dụng, tức là khi đơn vị có nhu cầu về vốn, và chỉ kết thúc khi xí nghiệp, đơn vị vay vốn ấy đã trả hết nợ. Ở đây, tác động kiểm soát bằng đồng tiền bao trùm cả giai đoạn sản xuất.

Những ưu điểm đó của phương pháp đầu tư tín dụng cho phép các xí nghiệp và tổ chức kinh tế giải quyết được hàng loạt vấn đề quan trọng liên quan tới việc củng cố chế độ hạch toán kinh tế, nâng cao doanh lợi của xí nghiệp và tổ chức kinh tế. Vì vậy, để nâng cao trách nhiệm của các ngành, các đơn vị kinh tế đối với việc sử dụng có hiệu quả tiền vốn, Nhà nước phải mở rộng phương pháp đầu tư tín dụng, đồng thời kết hợp tốt nhất phương pháp cấp phát tài chính và phương pháp đầu tư tín dụng, phát huy những mặt tích cực của mỗi phương pháp trong việc hình thành vốn lưu động, cũng như vốn cố định của các xí nghiệp, các tổ chức kinh tế trong nền kinh tế quốc dân, sử dụng mỗi phương pháp trong những phạm vi thích hợp nhất, phù hợp với những đặc điểm, tính chất kinh tế của quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Để tăng cường vai trò đòn bẩy kinh tế của tín dụng, Nhà nước có thể mở rộng quan hệ tín dụng theo ba hướng chủ yếu sau đây:

1 – Mở rộng đối tượng đầu tư tín dụng trong các ngành sản xuất.

2 – Tăng thời hạn của tín dụng.

Digitized by Google

3 — Tăng mức đầu tư cho từng đối tượng

Trong giai đoạn cách mạng mới, muốn mở rộng đầu tư tín dụng, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư để tăng tài sản cố định, công tác tín dụng phải có tác động tích cực trong việc huy động khả năng lao động dồi dào vào sản xuất, khai thác tiềm năng kinh tế bao gồm vật tư và tiền vốn, để phát triển sản xuất, kinh doanh, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ hai (1976 — 1980). Hiện nay, nền sản xuất của ta còn ở trình độ thấp, sản xuất và lưu thông hàng hóa chưa phát triển mạnh. Trong khi đó ta có nguồn lao động dồi dào, nguồn tài nguyên phong phú nhưng chưa được khai thác và sử dụng hợp lý. Số lao động chưa có việc làm ấy phải được sử dụng vào những việc có ích. Tài nguyên ấy phải được khai thác và sử dụng đầy đủ vào sản xuất. Do đó, vai trò của tín dụng ngân hàng phải được phát huy một cách tốt nhất, nhằm khắc phục tình trạng tách rời giữa sức lao động và đối tượng lao động như hiện nay.

Trong thời gian tới, mức đầu tư tín dụng sẽ lớn, tỷ lệ vốn tín dụng tham gia vào việc hình thành vốn lưu động và vốn cố định sẽ tăng. Trong những năm qua, phương pháp đầu tư tín dụng vào tài sản cố định trong khu vực kinh tế quốc doanh còn bị hạn chế, vì phần lớn nhu cầu cho tài sản xuất tài sản cố định là dựa vào vốn ngân sách. Trong những năm của kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 — 1980), tín dụng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các công trình xây dựng cơ bản có tính chất sản xuất.

Trước hết, để thực hiện nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập trung cao độ mọi lực lượng để phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, công tác tín dụng phải phục vụ cho việc phát triển trồng trọt, chăn nuôi, để giải quyết nhu cầu về lương thực và thực phẩm trong nước; tăng nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và tăng hàng xuất khẩu. Tín dụng ngân hàng phải giúp các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, các nông trường quốc doanh có vốn để tăng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, trước hết, chú ý phục vụ cho các yêu cầu về thủy lợi, bởi vì thủy lợi là biện pháp hàng đầu để mở rộng diện tích, thâm canh, tăng vụ và cải tạo đất. Trên cơ sở đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, từng bước thực hiện cơ khí hóa nông nghiệp, tín dụng ngân hàng sẽ góp phần nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, thúc đẩy quá trình đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cùng với việc tăng cường đầu tư tín dụng trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, cần mở rộng hoạt động tín dụng đối với những ngành, những xí nghiệp phục vụ cho nông nghiệp như cơ khí, hóa chất v.v...

Đối với các ngành kinh tế khác như công nghiệp, vận tải, thương nghiệp, một mặt Nhà nước vẫn tiếp tục đẩy mạnh đầu tư tín dụng theo chiều sâu vào việc cải tiến kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới, mở rộng sản xuất... để đưa nhanh những thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất; mặt khác, thực hiện đầu tư tín dụng cho xây dựng cơ bản mới đối với những công trình sản xuất để tăng năng lực sản xuất. Đây là một hướng quan trọng để tăng phạm vi tác động của phương pháp đầu tư tín dụng: vừa mở rộng đối tượng của tín dụng ngân hàng trong lĩnh vực tài sản cố định, vừa tăng thêm thời hạn của tín dụng, vừa tăng vốn đầu tư. Vấn đề này có ý nghĩa rất lớn trong việc củng cố từng bước chế độ hạch toán kinh tế.

Trước đây, trong các nguồn vốn hình thành vốn cố định của các đơn vị kinh tế, vốn tín dụng ngân hàng chỉ mới chiếm phần chủ yếu trong

Digitized by Google

nguồn vốn cố định của khu vực kinh tế tập thể. Trong khu vực kinh tế quốc doanh, tín dụng ngân hàng chỉ mới đầu tư vào một số công trình và chỉ mới tập trung vào việc mở rộng sản xuất, áp dụng kỹ thuật mới, cải tiến kỹ thuật, v.v... Hiện nay, vốn tín dụng ngân hàng là nguồn vốn đặc biệt quan trọng đối với việc xây dựng cơ bản mới các công trình có tính chất sản xuất.

Việc thay thế một phần phương pháp cấp phát tài chính bằng đầu tư tín dụng trong xây dựng cơ bản không phải là sự thay đổi hình thức, mà là sự thay đổi về chất, về nội dung của phương thức quản lý trong quá trình tái sản xuất xã hội, và thực chất đó là một cuộc cải cách tín dụng. Mối quan hệ tín dụng được nâng lên một bước mới cao hơn, nó không chỉ thay đổi nội dung kinh tế của nguồn vốn — từ vốn ngân sách cấp phát không hoàn lại chuyển sang vốn tín dụng có hoàn lại, mà còn thay đổi cả việc tính toán chi phí của các xí nghiệp trong quá trình tái sản xuất tài sản cố định.

Việc tham gia của tín dụng vào việc hình thành vốn tài sản cố định trong lĩnh vực sản xuất đánh dấu việc chuyển sang một giai đoạn mới của sự phát triển các quan hệ tín dụng. Như vậy, trong quá trình tái sản xuất xã hội, tín dụng tham gia vào việc tạo ra năng lực sản xuất mới ngay từ khi xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và trong suốt quá trình sản xuất và lưu thông.

Cùng với việc mở rộng quan hệ tín dụng theo ba hướng trên, Nhà nước có thể mở rộng hình thức đầu tư tín dụng cho một công trình hoàn chỉnh, theo một đề án đầy đủ và cụ thể của từng vùng kinh tế, từng đơn vị kinh tế.

Một vấn đề đáng chú ý trong tình hình hiện nay là sử dụng nguồn vốn huy động từ nước ngoài để phục vụ cho việc phát triển kinh tế trong nước. Trên cơ sở mở rộng quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác, chúng ta có thể dùng vốn tín dụng của các nước đó để nhập vật tư, thiết bị, kỹ thuật. Vốn tín dụng quốc tế ấy có thể dùng vào việc đầu tư xây dựng những xí nghiệp, những cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, nhằm tăng năng lực xuất khẩu, tăng thu ngoại tệ. Đây cũng là một nhiệm vụ rất quan trọng của công tác tín dụng trong thời gian tới, góp phần thực hiện tốt phương hướng phát triển quan hệ kinh tế với nước ngoài mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra.

Tín dụng gắn với lợi tức. Không thể nâng cao vai trò đòn bẩy kinh tế của tín dụng nếu không đề cao đúng mức tác dụng đòn bẩy của lợi tức. Lợi tức tín dụng là một phạm trù kinh tế, nó ra đời, tồn tại và phát triển trong nền kinh tế hàng hoá. Việc sử dụng phạm trù lợi tức là nhằm mục đích kích thích các đơn vị kinh tế, xí nghiệp... sử dụng vốn tiết kiệm nhất, có hiệu quả nhất. Tất nhiên, muốn phát huy được vai trò đòn bẩy của tín dụng và lợi tức, phải sử dụng đồng bộ hệ thống đòn bẩy kinh tế như: giá cả, lợi nhuận, tín dụng, lợi tức, v.v... Mức lợi tức phải có tác dụng kích thích xí nghiệp sử dụng vốn vay một cách tiết kiệm nhất, có hiệu quả nhất. Nhà nước thực hiện chế độ lãi suất có phân biệt, có thưởng, phạt, để khuyến khích các tổ chức kinh tế quốc doanh và hợp tác xã quay vòng vốn nhanh và thanh toán đúng thời hạn. Để thật sự nâng cao tác dụng đòn bẩy của lợi tức, cần thực hiện rộng rãi chế độ trích lập ba quỹ ở các xí nghiệp, cải tiến chế độ hạch toán lợi tức để nâng cao trách nhiệm của các xí nghiệp ấy trong việc sử dụng vốn.

Cần nghiên cứu ban hành chế độ thu thuế vốn sản xuất đối với các xí nghiệp quốc doanh theo một tỷ lệ nhất định (đối với vốn lưu động cũng như vốn cố định). Thu thuế vốn sản xuất sẽ là một biện pháp quan trọng để

Digitized by Google

góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế của vốn xã hội nói chung. Cùng với tín dụng và lợi tức tín dụng, chính sách thuế này sẽ góp phần đề cao trách nhiệm của các ngành trong việc sử dụng tốt hơn nữa vốn của toàn xã hội.

Trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, nếu không đánh giá đúng mức vai trò của phương pháp tự đầu tư thì chưa thể phát huy hết năng lực kinh tế tiềm tàng trong bản thân các xí nghiệp, các tổ chức kinh tế. Phải có một chế độ nhằm khuyến khích các đơn vị cơ sở ấy huy động mọi nguồn vốn của mình để đầu tư cho quá trình tái sản xuất. Phải có chế độ trích nộp khấu hao, trích nộp lợi nhuận, v.v... sao cho thích hợp, tạo khả năng cho xí nghiệp tự mình tăng thêm năng lực sản xuất của mình, và khuyến khích bằng lợi ích vật chất thích đáng cho những xí nghiệp và tổ chức kinh tế ấy. Vì vậy, việc đầu tư tín dụng cũng phải kích thích việc sử dụng tốt nhất năng lực của bản thân các đơn vị kinh tế ấy, phát huy cao nhất nguồn vốn tự có của họ.

Trong giai đoạn xây dựng kinh tế hiện nay, việc phát huy và sử dụng đầy đủ các phương pháp đầu tư (ngân sách, tín dụng, tự đầu tư) có tác dụng rất lớn đẩy nhanh quá trình tái sản xuất xã hội.

★

Lĩnh vực tác động của tín dụng và hệ thống tín dụng bao gồm nhiều mặt: sử dụng tốt hơn vốn lưu động, vốn cố định và đầu tư xây dựng cơ bản, tăng lợi nhuận và góp phần nâng cao mức doanh lợi. Mục đích của các mối quan hệ kinh tế trong chủ nghĩa xã hội quyết định nội dung, tính chất của các quan hệ tín dụng. Vì vậy, người cho vay cũng như người đi vay đều có mục đích thống nhất là sử dụng số vốn ấy phải đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực. Hiệu quả kinh tế biểu hiện mối quan hệ giữa hiệu quả và chi phí của lao động và nói đến hiệu quả kinh tế có nghĩa là so sánh giá trị sử dụng với hao phí lao động (lao động sống và lao động vật hóa). Hiệu quả kinh tế lớn có nghĩa là với một khối lượng lao động hao phí nhất định, sản xuất ra được giá trị sử dụng nhiều nhất, tốt nhất, thỏa mãn ngày càng nhiều nhu cầu của xã hội. Hiệu quả chi phí lao động xã hội lại do trình độ kỹ thuật của tư liệu sản xuất và trình độ lành nghề của người lao động quyết định. Ngoài ra, mức độ và tốc độ thay đổi hiệu quả kinh tế của chi phí lao động xã hội còn phụ thuộc vào cơ cấu, hình thức của các quan hệ sản xuất trong quá trình sản xuất.

Vì vậy, phải xem xét hiệu quả của tín dụng một cách tổng hợp trên hai loại vấn đề:

Thứ nhất, phải xem xét nó như hiệu quả của tư liệu sản xuất do vốn tín dụng tạo nên, nghĩa là, những tác động của vốn do vốn đi vay hình thành trong quá trình tái sản xuất.

Thứ hai, phải xem xét nó như hình thức kinh tế của các quan hệ sản xuất.

Mỗi loại vấn đề nói trên có ý nghĩa độc lập trong việc xác định ảnh hưởng của từng nhân tố đối với sự thay đổi hiệu quả kinh tế của tín dụng.

Trong giai đoạn hiện nay, khi vai trò của tín dụng trong tái sản xuất xã hội được nâng cao, các quan hệ tín dụng được mở rộng trong hoạt động của từng xí nghiệp, tổ chức kinh tế, thì yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư tín dụng càng có ý nghĩa quan trọng.

Trong những năm qua, công tác tín dụng đã có tác dụng tích cực đối với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, mối quan hệ tín dụng [illegible] cũng như chất lượng. Số vốn đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật còn ít, quan hệ tín dụng chưa được

Digitized by Google

mở rộng đến các ngành và các đơn vị sản xuất, hiệu quả vốn đầu tư chưa cao, thậm chí có những trường hợp vốn đầu tư chưa phát huy được hiệu quả của nó. Biểu hiện cụ thể nhất của tình hình đó là tình trạng nợ dây dưa và nợ khê đọng trong nền kinh tế hiện nay. Việc phá hủy các nguyên tắc của tín dụng xã hội chủ nghĩa như : vốn vay không được sử dụng đúng mục đích, không trả hoặc trả không đúng hạn, thiếu vật tư bảo đảm, v.v..., đã gây khó khăn cho quá trình tái sản xuất xã hội, hạ thấp hiệu quả kinh tế của sản xuất xã hội nói chung, và của tín dụng nói riêng. Những biểu hiện không lành mạnh đó trong mối quan hệ tín dụng đã phá vỡ các nguyên tắc tín dụng xã hội chủ nghĩa, vi phạm mục đích và làm suy yếu vai trò của tín dụng trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Sở dĩ có tình hình trên, xét về mặt chủ quan mà nói, một phần là do các ngành, các cấp có những sai sót, yếu kém trong công tác chỉ đạo và phục vụ ; phần khác là do các hợp tác xã, các xí nghiệp, các đơn vị kinh tế còn non kém trong công tác quản lý sản xuất, kinh doanh. Những điểm phân tích trên mới chỉ nói lên những thiếu sót của một phía trong quan hệ tín dụng (những người đi vay), về phía người cho vay, ngân hàng có những thiếu sót quan trọng.

Thiếu sót của ngân hàng biểu hiện ở một số mặt cụ thể sau đây :

— Thiếu đi sâu đi sát cơ sở kinh tế, không nắm được tình hình sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế, do đó không hiểu được nhu cầu về vốn trong quá trình sản xuất ; không chủ động đề ra những phương án giúp đơn vị kinh tế giải quyết khó khăn về vốn trong quá trình sản xuất, kinh [illegible] những trường hợp đầu tư không đúng đối tượng, không thật sự cần thiết cho sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

— Trình độ nghiệp vụ, hiểu biết về kinh tế, kỹ thuật của cán bộ còn thấp ; do đó, trong khi nghiên cứu và giải quyết vốn cho vay, chưa thấy được khâu nào trong quá trình sản xuất của đơn vị kinh tế cần đầu tư vốn, chưa thấy khâu nào đầu tư vốn sẽ mang lại hiệu quả kinh tế nhanh nhất, nhiều nhất.

— Tác dụng kiểm soát bằng đồng tiền qua công tác tín dụng còn bị hạn chế. Cán bộ ngân hàng chưa phát hiện kịp thời những sai phạm của các xí nghiệp, tổ chức kinh tế trong sản xuất, kinh doanh. Một số chế độ, thể lệ tín dụng đề ra chưa sát với hoạt động kinh tế của các cơ sở, thủ tục còn rườm rà, gây khó khăn cho việc sử dụng vốn tín dụng ngân hàng.

Muốn nâng cao hiệu quả của vốn tín dụng, các xí nghiệp, tổ chức kinh tế phải tôn trọng các nguyên tắc tín dụng xã hội chủ nghĩa. Các nguyên tắc của tín dụng biểu hiện rõ ràng các quá trình vận động của vốn tín dụng. Nếu sự vận động của tín dụng là phù hợp với các nguyên tắc tín dụng, thì điều đó chứng minh là người vay vốn đã sử dụng vốn có hiệu quả.

Các nguyên tắc của tín dụng là những tiền đề cần thiết buộc các đơn vị vay vốn phải sử dụng đúng đắn, tiết kiệm và có hiệu quả vốn đó ; đồng thời cũng buộc các tổ chức ngân hàng phải biết chọn đúng hướng, đúng đối tượng và những phương án đầu tư có hiệu quả nhất. Bản thân từng xí nghiệp, hợp tác xã phải tính toán đầy đủ những nhu cầu vốn cần thiết cho quá trình sản xuất của mình, phải huy động tới mức cao nhất các khả năng vốn tự có, và chỉ có trên cơ sở đó mới sử dụng tốt vốn vay ngân hàng. Sự tính toán đầy đủ của bản thân các xí nghiệp, hợp tác xã là điều kiện quan trọng đối với việc sử dụng vốn có hiệu quả.

Đồng thời, các tổ chức ngân hàng phải thật sự bám sát cơ sở, phải nắm

Digitized by Google

tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng đơn vị kinh tế một cách đầy đủ, thường xuyên, để làm sao khi có nhu cầu vốn là ngân hàng biết giải quyết đúng lúc, đúng chỗ và kịp thời, không cần chờ đợi các đơn vị cơ sở ấy đến xin vay mới nghiên cứu giải quyết.

Việc mở rộng phương pháp đầu tư tín dụng, giảm cấp phát ngân sách nhằm từng bước xóa bỏ tính chất bao cấp trong quản lý kinh tế, chuyển sang chế độ hạch toán kinh tế, thúc đẩy các xí nghiệp, tổ chức kinh tế phải tính toán kỹ lưỡng những nhu cầu về vốn, sử dụng đúng đắn và có hiệu quả nhất vốn ngân sách cấp phát và vốn vay ngân hàng. Vốn tín dụng không thể đầu tư vào những đề án, những đối tượng không có hiệu quả kinh tế. Muốn được vay, xí nghiệp, tổ chức kinh tế phải chứng minh được cơ sở của việc sử dụng vốn vay có hiệu quả kinh tế; và đó cũng là điều kiện quan trọng để ngân hàng có thể đầu tư tín dụng.

Từ đó, các cơ sở kinh tế, các xí nghiệp sẽ tăng nhanh chu chuyển vốn, mở rộng và tăng thêm năng lực sản xuất, tăng tích lũy. Một đồng vốn bỏ ra phải tạo được một số lượng sản phẩm có giá trị lớn hơn đồng vốn ấy. Đó là cơ sở cho việc tăng tích lũy xã hội.

Trong giai đoạn cách mạng mới — giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, việc mở rộng phương pháp đầu tư tín dụng là cần thiết và phù hợp với đặc điểm kinh tế của nước ta. Làm tốt điều đó là tạo điều kiện tốt cho việc củng cố chế độ hạch toán kinh tế, tăng tích lũy, nâng cao không ngừng hiệu quả kinh tế của sản xuất xã hội, thúc đẩy quá trình tái sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

ĐỌC SÁCH

Một tác phẩm quan trọng về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta

PHAN-TIẾN-TÍCH

CÁCH mạng Việt-nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Những sự việc xảy ra trên thế giới đều có ảnh hưởng tới cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Bởi vậy, mỗi khi định ra đường lối và phương pháp cách mạng Việt-nam, Đảng ta xuất phát từ tình hình cụ thể về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của nước ta, căn cứ vào những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và căn cứ vào sự phân tích tình hình thế giới, phân tích những nhiệm vụ của phong trào cộng sản quốc tế. Những thắng lợi rực rỡ mà Đảng ta đã giành được trong mấy chục năm qua chứng minh một cách hùng hồn đường lối cách mạng Việt-nam do Đảng ta định ra là đúng; Đảng ta không những có khả năng hiểu đúng tình hình cụ thể và sự phát triển của nước ta, mà còn nắm được khoa học Mác – Lê-nin, phân tích đúng tình hình cụ thể và sự phát triển của thế giới, hiểu đúng các vấn đề của phong trào cộng sản quốc tế và kẻ thù của cách mạng thế giới.

Cuốn sách: *« Tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta »* do nhà xuất bản Sự thật xuất bản, gồm một số bài phát biểu của đồng chí Lê-Duẩn trong những năm gần đây, là một tác phẩm lớn đã trình bày và phân tích một cách khoa học những đặc điểm cơ bản của tình hình thế giới ngày nay; những nội dung, tính chất của cuộc đấu tranh quyết liệt đang diễn ra trong thời đại chúng ta, đồng thời nêu lên những ý kiến của Đảng ta về đường lối chiến lược, sách lược của phong trào cộng sản quốc tế, và về những nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta. Tác phẩm lớn này của đồng chí Lê-Duẩn sẽ rất bổ ích đối với mỗi

Digitized by Google

cán bộ, đảng viên chúng ta trong việc học tập, nghiên cứu để hiểu sâu đường lối chính sách của Đảng, nắm vững các Nghị quyết và quan điểm của Đảng ta về tình hình và nhiệm vụ quốc tế.

★

Để có nhận thức đúng về tình hình thế giới, về đường lối chiến lược, sách lược của phong trào cộng sản quốc tế, và định ra một cách chính xác nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta, trong tác phẩm này, đồng chí Lê-Duẩn đã trình bày một cách khái quát và sáng tỏ học thuyết Mác — Lê-nin về giai cấp, đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản, đó là cái kim chỉ nam để tìm ra những quy luật trong tình trạng rối ren và hỗn độn bề ngoài của các sự kiện quốc tế. Đồng chí Lê-Duẩn nói:

«Xưa nay, trong phong trào cộng sản quốc tế, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội «tả» khuynh, chủ nghĩa giáo điều, v.v... đều xảy ra chung quanh vấn đề đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản. Vì vậy, bất kỳ trong tình hình nào, điều quan trọng nhất đối với mỗi người mác-xít — lê-ni-nít vẫn là phải nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác về đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản.

Quan điểm đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác đòi hỏi những người cộng sản, khi định ra chiến lược và sách lược đấu tranh của mình, phải luôn luôn đứng vững trên lợi ích căn bản của giai cấp vô sản, đồng thời phân tích đầy đủ toàn bộ mối quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội và chú ý đầy đủ đến mọi sự thay đổi của mối quan hệ đó trong từng lúc; phải vạch ranh giới một cách rõ ràng giữa ta, bạn và địch; phải kiên quyết tập trung mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù giai cấp, phải kết hợp đầy đủ nhiệt tình cách mạng với tri thức khoa học cách mạng, kết hợp sự chặt chẽ về nguyên tắc với sự linh hoạt về sách lược. Nắm vững quan điểm đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác, những người cộng sản sẽ tìm ra được con đường đúng đắn trong mọi tình hình rối ren, phức tạp, đưa sự nghiệp giải phóng của giai cấp vô sản và toàn thể loài người đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác»* (trang 72 — 73).

Trước hết, trên cơ sở nắm vững quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có quán triệt được khái niệm *Thời đại*, chúng ta mới có thể định ra đúng đắn sách lược của chúng ta và chỉ có hiểu biết những đặc điểm cơ sở của một thời đại chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước kia. Đồng chí Lê-Duẩn nói: «Thời đại là một sự thật khách quan, không thể quy định một cách tùy tiện. Từ khi có lịch sử, loài người đã trải qua nhiều thời đại và ngày nay đã bước vào một thời đại mới mở ra bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại và kéo dài cho đến khi chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thắng lợi trên toàn thế giới» (trang 252 — 253) và «Lê-nin đã mở ra *thời đại ngày nay* cho những người cộng sản, giai cấp công nhân và toàn thể loài người tiến bộ» (trang 251).

Nắm chắc học thuyết đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nhận định về tình hình thế giới hiện nay, đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ ra cho toàn thể cán bộ và nhân dân ta thấy rõ những đặc điểm cơ bản của thế giới trong giai đoạn hiện tại, mà những đặc điểm đó là sự thể hiện của cuộc đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt đang diễn ra trong thời đại chúng ta.

(*) Các câu trong ngoặc kép, có ghi số trang bên cạnh là trích trong tác phẩm của đồng chí Lê-Duẩn: *Tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975.

Digitized by Google

Những đặc điểm đó, trước hết là, *chủ nghĩa xã hội* ngày nay đã trở thành hệ thống thế giới, hệ thống đó đã mạnh hơn phe đế quốc chủ nghĩa và đang trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Sức mạnh đó là kết quả chung của sự phát triển toàn diện và không ngừng của các nước xã hội chủ nghĩa về kinh tế, chính trị, quân sự và khoa học kỹ thuật. Song, nhân tố làm cho các nước xã hội chủ nghĩa có sức mạnh và gây tác dụng quyết định đối với sự phát triển của xã hội loài người, chủ yếu là đường lối chính trị, đường lối cách mạng, đường lối xây dựng một hình thái kinh tế – xã hội mới mà các nước xã hội chủ nghĩa là tiêu biểu, và bằng đường lối chính trị đó của mình, bằng cách ra sức làm cho đường lối chính trị đó thâm nhập và kết hợp chặt chẽ với hàng nghìn triệu quần chúng đông đảo trong các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa, phát huy sức sáng tạo cách mạng vĩ đại của hàng nghìn triệu quần chúng ấy mà hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa tiến công phe tư bản và đế quốc, thúc đẩy nhanh hơn quá trình sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, hợp với quy luật phát triển của lịch sử và do đó mà phát huy tác dụng quyết định đối với sự phát triển của xã hội loài người.

Hai là, *sự vùng dậy không gì ngăn cản nổi của nghìn triệu nhân dân ở những nước thuộc địa và phụ thuộc ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh*, đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân với khí thế cách mạng như vũ bão. Tại các nước này, những khẩu hiệu độc lập dân tộc, người cày có ruộng, tự do dân chủ đã trở thành những yêu cầu bức thiết nhất; lý tưởng dân tộc, dân chủ và ý thức làm chủ vận mệnh của mình đã động viên và tập hợp được hầu hết các tầng lớp nhân dân, bao gồm tuyệt đại đa số người trong dân tộc, từ nông dân, công nhân, tiểu tư sản trí thức đến tư sản dân tộc và những nhân sĩ yêu nước và dân chủ thành một lực lượng cách mạng hùng hậu, trong đó đặc biệt nông dân là lực lượng đông đảo nhất. Ngày nay, tại nhiều nước Á – Phi và Mỹ – la tinh, bên cạnh những mâu thuẫn dân tộc vốn đã sâu sắc, những mâu thuẫn giai cấp ngày càng trở nên gay gắt, do đó trong phong trào giải phóng dân tộc hiện nay, cuộc đấu tranh dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc không tách rời cuộc đấu tranh giai cấp trong nội bộ dân tộc, nghĩa là cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc triệt để gắn liền một cách hữu cơ với cuộc đấu tranh chống các thế lực phong kiến và tư sản, các thế lực phản động làm tay sai cho đế quốc, giành dân chủ và cuộc đấu tranh giữa hai con đường: con đường phát triển tư bản chủ nghĩa và con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa.

Nhìn chung lại thì vùng Á, Phi và Mỹ la tinh là nơi tập trung nhiều mâu thuẫn trên thế giới. Ở đây có mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức và bọn đế quốc thực dân cũ và mới, mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ phong kiến, mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản, mâu thuẫn giữa bọn đế quốc với nhau, mâu thuẫn giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc chủ nghĩa. Ở đây, chủ nghĩa đế quốc đã và đang bị đả kích mạnh nhất, lực lượng cách mạng hùng hậu đã trỗi dậy với một khí thế hùng dũng như bão táp, và ở đây bộ máy thống trị phản động lại tương đối yếu. Rõ ràng vùng Á, Phi và Mỹ la tinh là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, là nơi dễ chọc thủng nhất trong mặt trận của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc.

Ba là, *phe đế quốc chủ nghĩa do Mỹ cầm đầu tiếp tục quá trình suy yếu và sụp đổ nghiêm trọng*. Ngày nay, hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới đã bước vào giai đoạn thứ ba của cuộc tổng khủng hoảng. Mâu thuẫn cơ bản

Digitized by Google

của chủ nghĩa tư bản — mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và sự chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa — đã sâu sắc đến cực độ. Sự chuyển nhanh và phổ biến sang chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước ở tất cả các nước đế quốc chủ nghĩa, chỉ càng làm cho quan hệ sản xuất của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn trở nên chật hẹp hơn đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nền kinh tế của các nước đế quốc chủ nghĩa là một nền kinh tế ốm yếu kinh niên, biểu hiện ở chỗ: khả năng mở rộng tiêu thụ bị hạn chế và lạc hậu so với khả năng mở rộng sản xuất, suy thoái kinh tế kéo dài, các giai đoạn của chu kỳ khủng hoảng ở các nước đế quốc chủ nghĩa, đặc biệt là Mỹ ngày càng rút ngắn, nạn khủng hoảng cục bộ đối với một số ngành kinh tế tồn tại liên miên ở nhiều nước, đội quân thất nghiệp thường xuyên ở nhiều nước rất lớn, số người ăn bám trong xã hội ngày càng tăng lên. Chi phí vào những ngành không phục vụ sản xuất ngày càng lớn, ngân sách Nhà nước luôn luôn bị thiếu hụt, nạn lạm phát ngày càng trầm trọng, các đồng tiền có thế lực ngày càng mất giá, và nổi bật lên trên những đặc điểm ấy là việc quân sự hóa cao độ nền kinh tế. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước là sự thống trị tàn bạo của bọn tư bản lũng đoạn. Giai cấp công nhân ngày càng bị bóc lột nặng nề, nông dân, những người sản xuất nhỏ khác và cả những người tư sản hạng vừa ngày càng bị phá sản; các quyền tự do dân chủ ngày càng bị hạn chế và thủ tiêu, bộ máy Nhà nước tư sản quan liêu hóa và quân phiệt hóa đến cao độ. Tình hình đó đang làm gay gắt thêm mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và các tầng lớp trung gian với bọn tư bản lũng đoạn. Nó sẽ giúp đánh tan những xu hướng thỏa hiệp giai cấp, cải lương chủ nghĩa mà bọn đế quốc và bọn lãnh tụ cánh hữu của các đảng xã hội – dân chủ đã gieo rắc trong một bộ phận của giai cấp công nhân. Nó đang thúc đẩy phong trào công nhân và tạo ra những khả năng khách quan thuận lợi cho việc tập hợp một mặt trận rộng rãi chống lại sự thống trị của tư bản lũng đoạn. Trong lịch sử các nước tư bản chủ nghĩa, chưa bao giờ có như hiện nay một phong trào đấu tranh rộng lớn của hàng chục triệu công nhân, những phong trào quần chúng chống chiến tranh, đòi hòa bình, đòi dân chủ và cải thiện dân sinh bao gồm hàng chục triệu người đủ các tầng lớp. Những lực lượng đó đang trực tiếp đánh vào chủ nghĩa đế quốc ở ngay gốc của nó.

Dựa trên sự phân tích những đặc điểm cơ bản của thế giới trên đây, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ sự phát triển của tình hình quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay chứng tỏ trên thế giới đang diễn ra những cuộc đấu tranh giai cấp rộng lớn và quyết liệt chưa từng thấy trong lịch sử giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác đứng đầu là đế quốc Mỹ và một bên là các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân quốc tế, các dân tộc bị áp bức và nhân dân các nước, đứng lên đấu tranh giành hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, lực lượng của các nước xã hội chủ nghĩa và của nhân dân các nước đã mạnh hơn lực lượng của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác. Ba dòng thác cách mạng lớn. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong các nước xã hội chủ nghĩa; phong trào đấu tranh giành giải phóng dân tộc và con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa trong các nước dân tộc chủ nghĩa, cách mạng xã hội chủ nghĩa trong nước tư bản, đế quốc tuy có nội dung và vai trò khác nhau,

Digitized by Google

nhưng là ba dòng thác vĩ đại, tạo nên cao trào cách mạng xã hội chủ nghĩa của thời đại chúng ta, lôi cuốn loài người thoát khỏi quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc để đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Lịch sử chưa bao giờ chứng kiến những dòng thác cách mạng khổng lồ của nhân dân các nước vùng lên chống chủ nghĩa đế quốc với ý thức, quyết tâm, khí thế và tính tổ chức cao như ngày nay, với chỗ dựa vững chắc là các nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, với lực lượng lãnh đạo nòng cốt to lớn là các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới.

Đồng chí Lê-Duẩn kết luận: « Nhìn tổng quát tình hình thế giới, phân tích những đặc điểm và những quy luật phát triển của ba vùng, chúng ta thấy rằng lực lượng của cách mạng, lực lượng của chủ nghĩa xã hội và của hòa bình hơn hẳn lực lượng của đế quốc phản động và chiến tranh. Chúng ta mạnh hơn địch. Vì vậy, cách mạng không phải ở thế phòng ngự, chiến lược cách mạng không nên là chiến lược phòng ngự; mà *cách mạng đang ở thế tiến công, chiến lược cách mạng nên là chiến lược tiến công, phải từng bước phân hóa, đi đến phá tan toàn bộ kế hoạch gây chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu, nhằm đánh lùi từng bước và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc, đi đến thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc* » *(trang 165 – 166)*.

Trước sự tiến công mãnh liệt của ba dòng thác lớn của cách mạng vô sản trong thời đại ngày nay và trước những thất bại nặng nề và phá sản thảm hại của chủ nghĩa thực dân cũ, bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ buộc phải chuyển sang thi hành chính sách thực dân mới, chính sách thực dân giấu mặt, trá hình. Cả nghìn triệu người đang bị chủ nghĩa thực dân mới áp bức bóc lột rất tinh vi và xảo quyệt. Ngày nay, nguy cơ của chủ nghĩa thực dân mới ngày càng nghiêm trọng, một số nước trên thế giới vừa thoát khỏi sự thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ lại bị sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân mới. Đế quốc Mỹ đã là thành lũy chính của chủ nghĩa thực dân mới hiện nay.

Trên cơ sở phân tích những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc và bối cảnh lịch sử của chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn hiện nay, đồng chí Lê-Duẩn đã bóc trần thực chất của chủ nghĩa thực dân mới, đồng chí nói:

« *Chủ nghĩa thực dân mới không phải là sản phẩm của thế mạnh mà là sản phẩm của thế yếu của chủ nghĩa đế quốc nhằm chống lại thế tiến công của các lực lượng cách mạng, nhằm duy trì địa vị của chủ nghĩa đế quốc trên thế giới* » (trang 195).

« *Chủ nghĩa thực dân mới là chính sách của chủ nghĩa đế quốc nhằm cứu vãn chủ nghĩa thực dân đang sụp đổ, ngăn cản các nước dân tộc chủ nghĩa tiến lên thực hiện nền độc lập dân tộc thật sự, ngăn cản phong trào giải phóng dân tộc, kìm hãm xu hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội của công nông trong các nước đó* » (trang 196).

« *Chủ nghĩa thực dân mới là chính sách của chủ nghĩa đế quốc nhằm chống lại ảnh hưởng to lớn của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đối với phong trào giải phóng dân tộc, kìm giữ nhân dân các nước trong quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản thế giới* » (trang 197).

« *Chủ nghĩa thực dân mới là chính sách của chủ nghĩa đế quốc nhằm giành giật thị trường và nguồn nguyên liệu của nhau trong điều kiện lực lượng so sánh đã nghiêng hẳn về phía cách mạng, là một chính sách cơ bản của đế quốc Mỹ nhằm thực hiện chức năng sen đầm quốc tế và âm mưu làm bá chủ thế giới* » (trang 199).

Tóm lại, chủ nghĩa thực dân mới là một sản phẩm lịch sử tất yếu, đẻ ra từ những điều kiện chính trị và

Digitized by Google

kinh tế chung của thế giới, từ sự tác động của các mâu thuẫn cơ bản trong thời đại ngày nay, từ tình hình so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng, mũi nhọn của nó nhằm chĩa vào phong trào giải phóng dân tộc, các lực lượng xã hội chủ nghĩa và hòa bình trên thế giới. Có thể dự đoán rằng chủ nghĩa thực dân mới là hình thức cơ bản cuối cùng trong cơn hấp hối của chủ nghĩa tư bản giãy chết. Trong giai đoạn hiện nay, nội dung của việc chống chủ nghĩa đế quốc chủ yếu là chống chủ nghĩa thực dân mới.

Để thực hành chiến lược tiến công, phát huy sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng và của phong trào hòa bình, tạo nên sức mạnh to lớn của các lực lượng cách mạng, đánh thắng lực lượng phản cách mạng và lực lượng chiến tranh đứng đầu là chủ nghĩa thực dân mới Mỹ, những người cộng sản và nhân dân cách mạng các nước trước hết phải đề ra được mục tiêu cách mạng đúng đắn phù hợp với những hoàn cảnh lịch sử và xã hội cụ thể. Đây là một vấn đề cực kỳ quan trọng đã được đồng chí Lê-Duẩn trình bày trong tác phẩm. Đồng chí nói:

« Vấn đề *cơ bản* của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống là vấn đề giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới; vấn đề *nóng hổi* trước mắt hiện nay là vấn đề bảo vệ và củng cố hòa bình. Vì vậy, *mục tiêu đấu tranh hiện nay của nhân dân thế giới là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Các mục tiêu ấy liên hệ chặt chẽ với nhau. Cuộc đấu tranh nhằm đạt các mục tiêu ấy là một cuộc đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc* » (trang 22—23).

« *Cuộc đấu tranh chống chiến tranh xâm lược để giành hòa bình gắn liền với cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột để giành độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*, và cả hai cuộc đấu tranh ấy đều nhằm vào kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc, và trước mắt phải tập trung mũi nhọn vào kẻ thù nguy hiểm nhất là bọn đế quốc hiếu chiến Mỹ » (trang 24). « Tuy nhiên, bản thân việc chống chiến tranh xâm lược và bảo vệ hòa bình thế giới chưa phải là đã thủ tiêu được chủ nghĩa đế quốc. Muốn tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc, còn phải có phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước.

Hiện nay, hơn bao giờ hết, những người cộng sản chúng ta không được phút nào xem nhẹ cuộc đấu tranh giành hòa bình và cùng tồn tại hòa bình » (trang 26—27). Nhưng nếu « chỉ nhấn mạnh một chiều vấn đề bảo vệ hòa bình và giành cùng tồn tại hòa bình, mà không quan tâm đến việc đẩy mạnh phong trào cách mạng ở các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa, hoặc là vì muốn bảo vệ hòa bình và giành cùng tồn tại hòa bình mà hạn chế phong trào cách mạng, thì sẽ gây thiệt hại không nhỏ cho quần chúng, và cũng sẽ dẫn đến nguy cơ xa lìa quần chúng đang căm ghét chủ nghĩa đế quốc, đang thiết tha mong muốn thoát khỏi ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, và rốt cuộc cũng không có lợi cho sự nghiệp hòa bình » (trang 27).

Về mối quan hệ giữa các mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đồng chí Lê-Duẩn nói: « Trong thời đại hiện nay, *phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh cho dân chủ liên hệ chặt chẽ với nhau, và đều không thể không nhằm tiến tới cách mạng xã hội chủ nghĩa* » (trang 27 — 28). « Ngày nay, trong các nước tư bản chủ nghĩa, mọi quyền binh đều nằm trong tay bọn tư bản lũng đoạn có khuynh hướng phát xít, cho nên chẳng những công nông bị áp bức, bóc lột mà ngay cả đến các tầng lớp trung sản và tiểu tư sản thành thị cũng bị thiệt hại về quyền lợi. Những người cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa cần phải thấy nhiệm vụ

Digitized by Google

chủ yếu hiện nay của cách mạng là tập trung mũi nhọn chĩa vào bọn tư bản lũng đoạn trong nước câu kết với bọn tư bản lũng đoạn nước ngoài, nhằm thực hiện dân chủ hóa toàn bộ đời sống chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, bảo vệ độc lập dân tộc và tiến tới chủ nghĩa xã hội » (trang 28). « Vì vậy, cuộc đấu tranh cho dân chủ là một bộ phận khăng khít của cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình đấu tranh, cần phải suy nghĩ đến những bước quá độ thích hợp để chuyển từ những cải tạo dân chủ lên những cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Nhưng mặt khác, nếu... cho rằng chủ nghĩa xã hội là kết quả tất nhiên của sự mở rộng dần dần những cải cách dân chủ dưới chính quyền tư sản, mà không thấy rằng điều kiện không thể thiếu được để tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa là phải làm cách **mạng xã hội chủ nghĩa, thiết lập** chuyên chính vô sản, thì tức là xa lìa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về Nhà nước và cách mạng » (trang 28 — 29).

« Phong trào giải phóng dân tộc là phong trào cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, cho nên về căn bản cũng là một phong trào đấu tranh chống bọn tư bản lũng đoạn » (trang 29). « Phong trào giải phóng dân tộc tự nó cũng thông qua việc hoàn thành nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ dân chủ mà tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đó là phương hướng phát triển tất nhiên của nó » (trang 29 — 30). Vậy « nhiệm vụ của những người cộng sản là phải tích cực hướng dẫn phong trào giải phóng dân tộc tiến lên theo phương hướng phát triển tất nhiên của nó, chứ không phải là giẫm chân tại chỗ. Điều quyết định để thực hiện nhiệm vụ trên đây là giành quyền lãnh đạo cách mạng về tay giai cấp công nhân, mà muốn vậy thì nhất thiết phải nắm vững lực lượng to lớn của nông dân, thực hiện khối liên minh công nông vững chắc do giai cấp công nhân lãnh đạo, khối liên minh đó là cơ sở của mặt trận dân tộc thống nhất. Các đảng cộng sản phải nắm chắc và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình, không để cho giai cấp tư sản dùng ngọn cờ đó để lừa bịp quần chúng, phải tiến hành đến cùng cách mạng dân tộc dân chủ chống đế quốc và phong kiến, do đó mà tạo điều kiện để bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa » (trang 30).

Để thực hiện những mục tiêu của cách mạng thế giới trên đây còn đòi hỏi những người cộng sản và nhân dân cách mạng các nước đề ra được phương pháp cách mạng thích hợp. Đồng chí Lê-Duẩn cho đây là một vấn đề nóng hổi và quan trọng bậc nhất của phong trào cách mạng thế giới hiện nay. Nó đòi hỏi người cách mạng phải phát huy tri sáng tạo của mình nhiều nhất và nhanh nhất, vừa phải hết sức vững chắc về nguyên tắc, vừa phải hết sức linh hoạt về hình thức và quả quyết về chủ trương hành động cụ thể. Ở đây ngoài lòng dũng cảm, còn phải có sự khôn ngoan; đây không phải chỉ là khoa học mà còn là nghệ thuật nữa.

Trong cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và tư sản, giữa các lực lượng cách mạng và lực lượng phản cách mạng thì giai cấp vô sản và các lực lượng cách mạng phải tiến hành cuộc đấu tranh trên cả ba mặt: kinh tế, chính trị, tư tưởng. Đồng chí Lê-Duẩn nêu rõ: « Mục tiêu đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là làm cho toàn bộ giai cấp mình và các tầng lớp nhân dân lao động khác thoát khỏi ách áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản. Để thực hiện mục tiêu đó điều quyết định là giai cấp vô sản phải lật đổ sự thống trị về chính trị của giai cấp tư sản và thiết lập sự thống trị về chính trị của giai cấp vô sản. Vì vậy, đấu tranh chính trị là chủ yếu và có ý nghĩa quyết định. Đấu tranh kinh tế và tư tưởng phải phục

Digitized by Google

vụ cho đấu tranh chính trị thu được thắng lợi » (trang 100 — 101).

Về phương thức đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc hiện nay, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ rằng mặc dù chủ nghĩa đế quốc đang không ngừng suy yếu và tan rã, song chúng vẫn còn thống trị trên một bộ phận quan trọng của quả đất; tuy chúng không còn có thể tùy tiện làm mưa làm gió trên thế giới nữa, nhưng không phải là chúng đã bớt nguy hiểm hoặc hoàn toàn bất lực, vậy khi thực hành chiến lược tiến công phải rất thận trọng, phải tiến từng bước, phải có mức độ thích hợp với tình hình cụ thể mỗi nước, tức là phải áp dụng phương thức đấu tranh đẩy lùi từng bước và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc. Cần phải giữ vững nguyên tắc cứng rắn là không thỏa hiệp về nguyên tắc với chủ nghĩa đế quốc, đồng thời phải có sách lược linh hoạt để có thể lợi dụng triệt để những mâu thuẫn trong nội bộ phe đế quốc chủ nghĩa, phân hóa cao độ hàng ngũ bọn đế quốc, cô lập cao độ kẻ thù nguy hiểm nhất là đế quốc Mỹ, do đó mà làm cho chủ nghĩa đế quốc bị đẩy lùi từng bước và bị đánh đổ từng bộ phận.

Về vấn đề phương thức giành chính quyền về tay giai cấp vô sản trong điều kiện hiện nay, sau khi phân tích những đặc điểm thuận lợi của các lực lượng cách mạng thế giới hiện nay và tình hình chủ nghĩa đế quốc đã được quan liêu hóa và quân sự hóa đến cao độ, giai cấp bóc lột có những bộ máy bạo lực khổng lồ; trong các nước tư bản chủ nghĩa, kể cả một số nước dân tộc chủ nghĩa, xu hướng phát xít hóa về chính trị, hạn chế thủ tiêu các quyền tự do dân chủ, thực hiện chế độ độc tài quân sự, v.v... ngày càng phát triển mạnh, đồng chí Lê-Duẩn nói: « Nếu không đập tan được bộ máy bạo lực của giai cấp tư sản thì không có cách nào để giành được chính quyền Nhà nước về tay giai cấp công nhân. Mà muốn đập tan bộ máy bạo lực đó thì nhất thiết phải dùng bạo lực cách mạng của quần chúng. Một điều rất dễ hiểu là chỉ có khi nào bạo lực cách mạng của quần chúng mạnh hơn bạo lực phản cách mạng của giai cấp thống trị thì mới phá tan được bộ máy bạo lực của nó. Cho nên, giai cấp công nhân và các đảng mác-xít — lê-ni-nít, trong khi mong muốn đi con đường ít đau khổ nhất, con đường cách mạng hòa bình, thì phải tích cực chuẩn bị *giành chính quyền bằng bạo lực* » (trang 113).

Về hình thức của bạo lực cách mạng thì « có thể là lực lượng vũ trang, có thể là lực lượng chính trị hiểu theo nghĩa hẹp, có thể là lực lượng vũ trang kết hợp với lực lượng chính trị. Dùng hình thức bạo lực nào là thích hợp nhất, điều đó phải do giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó ở bản thân mỗi nước quyết định. Nhưng dù lực lượng chính trị hay lực lượng vũ trang, hay dùng lực lượng chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang, thì điều kiện cần thiết để tạo ra những lực lượng ấy là phải có một phong trào quần chúng thật mạnh mẽ, thật rộng rãi, bản thân đội tiên phong phải có đầy đủ quyết tâm, và phải làm cho quần chúng — không phải chỉ quần chúng tiên tiến mà cả quần chúng lừng chừng — có đầy đủ quyết tâm chiến thắng kẻ địch, không sợ hy sinh, sẵn sàng dùng bất cứ hình thức đấu tranh nào để chiến thắng kẻ địch » (trang 113 — 114).

Cách mạng không thể xuất cảng và nhập cảng; cách mạng nổ ra và thắng lợi ở nước nào đó là do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, không thể tùy ý muốn cho cách mạng nổ ra lúc nào cũng được. Giải thích nguyên lý đó của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đồng chí Lê-Duẩn nói: « Cách mạng đến sớm hay muộn, thành công hay thất bại, ngoài những nguyên nhân khách quan không phụ thuộc vào ý muốn của đảng lãnh đạo, còn do

Digitized by Google

nguyên nhân chủ quan có quan hệ đến sự lãnh đạo của đảng cách mạng. Nếu đảng lãnh đạo cách mạng có đường lối đúng đắn thì có thể làm cho quần chúng vùng dậy tham gia tích cực hơn vào việc tạo ra tình thế cách mạng. Khi có tình thế cách mạng, nếu đảng lãnh đạo không có đường lối đúng đắn thì chưa chắc đã có phong trào cách mạng; khi đã có phong trào cách mạng và thời cơ, nếu đảng lãnh đạo cách mạng không có đường lối đúng đắn thì cũng sẽ không giành được thắng lợi. Ngược lại, mặc dù lúc đầu chưa có tình thế cách mạng nhưng nếu đảng lãnh đạo cách mạng có đường lối đúng đắn thì có thể vận động quần chúng đấu tranh từ hình thức thấp lên hình thức cao và trong những điều kiện nhất định của các nhân tố khách quan và chủ quan có thể chuyển biến được tình hình» (trang 172 – 173).

Tăng cường lực lượng của các nước xã hội chủ nghĩa và tăng cường đoàn kết quốc tế là một nhiệm vụ có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với sự phát triển của cách mạng thế giới ngày nay. Hồ Chủ tịch luôn luôn dạy nhân dân ta rằng đoàn kết quốc tế là một nhân tố thắng lợi không thể thiếu được của cách mạng Việt-nam. Trong tác phẩm này, đồng chí Lê-Duẩn còn trình bày quan điểm của Đảng ta trên vấn đề quan trọng này, đồng chí nói rằng sự đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa thành một khối thống nhất, sự nhất trí ngày càng tăng cường và sức mạnh ngày càng phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa là một bảo đảm vững chắc cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội trong toàn hệ thống.

Để tăng cường lực lượng của các nước xã hội chủ nghĩa, phải ra sức thắt chặt quan hệ giữa các nước anh em. Trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, các nước đều bình đẳng và tự chủ, đồng thời có nghĩa vụ đoàn kết với nhau trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa có nhiệm vụ không ngừng giáo dục cho nhân dân nước mình thấm nhuần những tư tưởng của chủ nghĩa quốc tế vô sản kết hợp với chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa chân chính, kiên quyết chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa xô vanh.

Ngày nay hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành trụ cột của phong trào cộng sản quốc tế. Sự đoàn kết giữa các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa là nền tảng của sự đoàn kết trong phong trào cộng sản quốc tế. Các nước xã hội chủ nghĩa là một thể thống nhất, cùng có chung nghĩa vụ quốc tế đối với phong trào cách mạng thế giới, đồng thời lại bao gồm nhiều nước có truyền thống và kinh nghiệm cách mạng và vị trí dân tộc khác nhau. Tình hình đó có ảnh hưởng nhất định đến thái độ và quan điểm của mỗi nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa khi xem xét các vấn đề quốc tế. Để bảo đảm sự nhất trí về quan điểm, điều quan trọng hơn hết là mỗi nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa phải luôn luôn chú trọng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của phong trào cách mạng quốc tế.

Để bảo vệ sự đoàn kết của phong trào cộng sản quốc tế, các đảng anh em trên thế giới ngày nay phải bảo vệ toàn bộ các nước xã hội chủ nghĩa, phải không ngừng tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phong trào cộng sản quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, phải tiếp tục đấu tranh chống mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa và mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản.

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta do Đảng ta và Hồ Chủ tịch lãnh đạo, trước nay đều gắn liền với sự

Digitized by Google

nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới, chống chủ nghĩa đế quốc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt-nam, Đảng ta chẳng những khéo vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, khéo kết hợp yêu cầu của cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới với tình hình cụ thể của nước ta và yêu cầu của cuộc đấu tranh của nhân dân ta đề ra đường lối đúng đắn của cách mạng Việt-nam, mà còn vạch rõ những nhiệm vụ quốc tế cao cả mà nhân dân ta phải làm tròn. Nói về nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ:

Cách mạng Việt-nam là một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam là một đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng và giữ gìn hòa bình thế giới. Chúng ta kiên quyết tiếp tục chung sức đấu tranh chống lại chính sách xâm lược và gây chiến của bọn đế quốc hiếu chiến đứng đầu là đế quốc Mỹ, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Từ khi mới ra đời Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ đoàn kết với giai cấp vô sản quốc tế, với cách mạng của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, coi đó là một nhiệm vụ rất quan trọng, có ý nghĩa về nguyên tắc, là một trong những nhân tố quyết định thành công của cách mạng nước ta.

Tuân theo lời dạy của Hồ Chủ tịch, từ trước tới nay và từ nay về sau, Đảng ta luôn luôn hết lòng góp sức vào việc khôi phục và bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và giữa các đảng anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chúng ta tiếp tục củng cố và thắt chặt tình hữu nghị không gì lay chuyển nổi giữa nước ta với các nước trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, tăng cường quan hệ hợp tác tương trợ về mọi mặt với các nước anh em.

Đồng chí Lê-Duẩn đã nêu lên những ý kiến có tính chất khái quát nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta là:

«Giữ vững chủ nghĩa Mác — Lê-nin cách mạng, nói rõ phải trái, kiên trì đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, giữ vững đoàn kết quốc tế, đặc biệt là đoàn kết với Liên-xô và Trung-quốc, ra sức làm tốt nhiệm vụ cách mạng của mình, đó là cách góp phần tốt của Đảng và nhân dân ta vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu, vì hòa bình, giải phóng dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội» (trang 182).

Ngày nay, cách mạng nước ta đã bước sang giai đoạn mới trong tình hình quốc tế có nhiều thuận lợi: Cách mạng Lào và cách mạng Cam-pu-chia đã giành được thắng lợi, hệ thống thế giới của chủ nghĩa xã hội và các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình trên thế giới ngày càng lớn mạnh, ba dòng thác cách mạng của thời đại ngày càng phát triển, uy tín và vị trí chính trị của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao, chủ nghĩa đế quốc ngày càng khủng hoảng và suy yếu.

Để tranh thủ và phát huy những thuận lợi quốc tế đối với cách mạng nước ta, đồng thời để tăng cường hơn nữa sự đóng góp tích cực của nhân dân ta vào sự nghiệp cách mạng vô sản thế giới, cán bộ và nhân dân ta phải quán triệt hơn nữa đường lối quốc tế của Đảng trong tình hình hiện nay. Tác phẩm «*Tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta*» của đồng chí Lê-Duẩn chắc chắn sẽ giúp chúng ta cơ sở lý luận và thực tiễn để quán triệt và thực hiện đúng đắn đường lối quốc tế của Đảng ta.

Digitized by Google

VỀ CÁI GỌI LÀ «XÃ HỘI SAU CÔNG NGHIỆP»

TRẦN-QUỐC-TÚ

GIỮA lúc chủ nghĩa tư bản thế giới ngày càng lún sâu vào cuộc tổng khủng hoảng không lối thoát, các học giả của giai cấp tư sản phương Tây cố gắng moi óc nặn ra những viễn cảnh tốt đẹp của xã hội tư bản chủ nghĩa. Làm như thế, họ tìm cách củng cố lòng tin đối với «sự vững chắc» của chế độ tư bản chủ nghĩa; mặt khác họ tìm cách chứng minh «tính ưu việt» của chủ nghĩa tư bản so với chủ nghĩa xã hội. Các lý thuyết của họ về mặt này có khá nhiều; nhưng lý thuyết nổi tiếng được nhiều người nhắc đến là lý thuyết về cái gọi là «xã hội sau công nghiệp».

«Xã hội sau công nghiệp» là gì? Theo những người khởi xướng lên nó, đó là **«một xã hội dồi dào đối với tất cả mọi người»**. Xã hội đó dựa trên sự phát triển của các công trình phục vụ, của Nhà nước phúc lợi chung, của khoa học và kỹ thuật, v.v... Nhiều học giả tư sản phương Tây, đặc biệt là ở Mỹ, đã viết nhiều cuốn sách trình bày những nét đặc trưng của cái «xã hội sau công nghiệp» đó (1)

Điểm qua các tác phẩm của các học giả phương Tây nói về «xã hội sau công nghiệp» thì xã hội này có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

Trước hết, «xã hội sau công nghiệp» là một xã hội có của cải dồi dào. Thu nhập bình quân đầu người trong xã hội đó cao hơn gấp 50 lần so với thu nhập bình quân đầu người trong «xã hội trước công nghiệp» (theo luận điểm của H. Can). Mọi người đều có thu nhập cao. Tình trạng nghèo khổ không còn nữa.

Trong «xã hội sau công nghiệp», nền kinh tế chủ yếu là khu vực phục vụ mà họ gọi là «khu vực thứ ba». Hơn 70% sức lao động xã hội làm việc trong khu vực này. Khu vực này bao gồm: giao thông, vận tải và lợi ích

(1) Có thể kể ra đây một số tác phẩm về loại này:

— A-lanh Tu-ren: *«xã hội sau công nghiệp»*, Pa-ri, 1969.

— Héc-man Can và A-na-tô-li Vi-ne: *«Năm 2000»*, 1967.

— Đa-ni-en Ben: *«Sự tiến đến của xã hội sau công nghiệp»*, Niu-oóc, 1973.

— E-mơ-ri và Tờ-ri-xtờ: «Tiến tới xã hội sinh thái học», Luân-đôn, 1973.

— Bờ-rờ-dờ-dinh-xki: *«Cách mạng kỹ thuật»* 1971.

Digitized by Google

công cộng; tài chính ngân hàng; y tế giáo dục và các cơ quan nghiên cứu.

Một nét nổi bật của « xã hội sau công nghiệp » là việc « đô thị hóa ». Hơn 90% số dân trong nước cư trú và làm việc tại các thành thị, nhất là ở thủ đô và các thành phố lớn.

Trong « xã hội sau công nghiệp », Nhà nước sẽ can thiệp ngày càng nhiều vào việc điều chỉnh nền kinh tế và việc hướng dẫn khoa học kỹ thuật nhằm tránh những hậu quả tai hại của sự tự phát. Điều đó dẫn đến tình trạng tệ quan liêu ngày càng tăng, nhưng tình trạng này được khắc phục dần vì đi đôi với việc phát triển hệ thống thông tin, công dân trong nước tham gia ngày càng nhiều vào việc quyết định những công việc quan trọng của đất nước.

Trong « xã hội sau công nghiệp » xuất hiện một tầng lớp trí thức mới. Đó là tầng lớp chuyên môn và kỹ thuật. Tầng lớp trí thức này hợp tác chặt chẽ với các nhà lãnh đạo chính trị. Vai trò tầng lớp trí thức này ngày càng quan trọng. Theo Đa-ni-en Ben thì một phần có ý nghĩa quyền lực và ảnh hưởng của các nhà doanh nghiệp và công nghiệp sẽ mất đi và chuyển vào tay tầng lớp trí thức này.

Trên đây là những nét chính của cái « xã hội sau công nghiệp » theo sơ đồ mà các nhà « tương lai học » đã phác họa ra nó.

Theo các học giả tư sản phương Tây, « xã hội sau công nghiệp » là giai đoạn phát triển cao của xã hội loài người. Trong cuốn sách nhan đề « *Các giai đoạn phát triển kinh tế* », Rô-stâu cho rằng xã hội loài người đã trải qua các giai đoạn sau đây:

1—xã hội cổ truyền:
2—xã hội quá độ;
3—xã hội mở mày;
4—xã hội chín muồi về kinh tế;
5—xã hội tiêu thụ quần chúng.

« Xã hội sau công nghiệp » là giai đoạn tiếp theo các giai đoạn trên đây. Đó là sự kéo dài hợp lô gích của các giai đoạn ấy. Theo các học giả tư sản Mỹ, các giai đoạn phát triển kinh tế trên đây là những giai đoạn mà nền kinh tế Mỹ đã và đang trải qua. Con đường phát triển của nền kinh tế Mỹ là mẫu mực của sự phát triển kinh tế cho tất cả các nước trên thế giới!

« Xã hội sau công nghiệp » là xã hội hoàn toàn tốt đẹp! Trong cuốn sách nhan đề « *sự cáo chung của hệ tư tưởng* », xuất bản năm 1967, học giả Mỹ Đa-ni-en Ben quả quyết rằng xã hội đó bảo đảm hòa bình và trật tự trong sự dồi dào cho tất cả mọi người theo « con đường Mỹ về lối sống ». Trong xã hội đó những cuộc tranh cãi về chính trị sẽ tập trung vào các vấn đề cải thiện điều kiện sống của con người trong các lĩnh vực giáo dục, bảo vệ sức khỏe, nhà ở, v.v Trong xã hội đó không còn có mâu thuẫn giữa các giai cấp! ý nghĩ về giai cấp rốt cuộc cũng sẽ không còn nữa!

Theo các học giả tư sản đã đề xướng ra nó, « xã hội sau công nghiệp » sẽ đưa đến kết quả là « sự cáo chung của hệ tư tưởng » khi mà tất cả các cá nhân và tập đoàn trong xã hội đều thấm nhuần « sau công nghiệp ». Chính vì vậy khái niệm « xã hội sau công nghiệp » được coi là sản phẩm hoàn chỉnh của một thứ xã hội học và một khoa học chính trị tự cho mình là « phi tư tưởng » và « phi chính trị »!

Những người đề xướng « xã hội sau công nghiệp » quả quyết rằng, do sự phát triển của khoa học kỹ thuật, xã hội đó sẽ được điều khiển một cách máy móc theo điều khiển học, mà không một thứ gì, ngay cả hệ tư tưởng, có thể làm đảo lộn tính hợp lý hóa. Trong xã hội đó, chính trị đồng nghĩa với yêu cầu giữ vững sự ổn định của chế độ Xã hội đó có thể tự động giải quyết các mâu thuẫn, tháo ngòi nổ của mọi cuộc xung đột, khiến cho sự ổn định của nó không

Digitized by Google

VỀ CÁI GỌI LÀ «XÃ HỘI SAU CÔNG NGHIỆP»

TRẦN-QUỐC-TÚ

GIỮA lúc chủ nghĩa tư bản thế giới ngày càng lún sâu vào cuộc tổng khủng hoảng không lối thoát, các học giả của giai cấp tư sản phương Tây cố gắng moi óc nặn ra những viễn cảnh tốt đẹp của xã hội tư bản chủ nghĩa. Làm như thế, họ tìm cách củng cố lòng tin đối với «sự vững chắc» của chế độ tư bản chủ nghĩa; mặt khác họ tìm cách chứng minh «tính ưu việt» của chủ nghĩa tư bản so với chủ nghĩa xã hội. Các lý thuyết của họ về mặt này có khá nhiều; nhưng lý thuyết nổi tiếng được nhiều người nhắc đến là lý thuyết về cái gọi là «xã hội sau công nghiệp».

«Xã hội sau công nghiệp» là gì? Theo những người khởi xướng lên nó, đó là **«một xã hội dồi dào đối với tất cả mọi người»**. Xã hội đó dựa trên sự phát triển của các công trình phục vụ, của Nhà nước phúc lợi chung, của khoa học và kỹ thuật, v.v... Nhiều học giả tư sản phương Tây, đặc biệt là ở Mỹ, đã viết nhiều cuốn sách trình bày những nét đặc trưng của cái «xã hội sau công nghiệp» đó (1)

Điểm qua các tác phẩm của các học giả phương Tây nói về «xã hội sau công nghiệp» thì xã hội này có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

Trước hết, «xã hội sau công nghiệp» là một xã hội có của cải dồi dào. Thu nhập bình quân đầu người trong xã hội đó cao hơn gấp 50 lần so với thu nhập bình quân đầu người trong «xã hội trước công nghiệp» (theo luận điểm của H. Can). Mọi người đều có thu nhập cao. Tình trạng nghèo khổ không còn nữa.

Trong «xã hội sau công nghiệp», nền kinh tế chủ yếu là khu vực phục vụ mà họ gọi là «khu vực thứ ba». Hơn 70% sức lao động xã hội làm việc trong khu vực này. Khu vực này bao gồm: giao thông, vận tải và lợi ích

(1) Có thể kể ra đây một số tác phẩm về loại này:
— A-lanh Tu-ren: *«xã hội sau công nghiệp»*, Pa-ri, 1969.
— Héc-man Can và A-na-tô-li Vi-ne: *«Năm 2000»*, 1967.
— Đa-ni-en Ben: *«Sự tiến đến của xã hội sau công nghiệp»*, Niu-oóc, 1973.
— E-mơ-ri và Tờ-ri-stờ: «Tiến tới xã hội sinh thái học», Luân-đôn, 1973.
— Bờ-rờ-dờ-dinh-ski: *«Cách mạng kỹ thuật»* 1971.

Digitized by Google

công cộng; tài chính ngân hàng; y tế giáo dục và các cơ quan nghiên cứu.

Một nét nổi bật của «xã hội sau công nghiệp» là việc «đô thị hóa». Hơn 90% số dân trong nước cư trú và làm việc tại các thành thị, nhất là ở thủ đô và các thành phố lớn.

Trong «xã hội sau công nghiệp», Nhà nước sẽ can thiệp ngày càng nhiều vào việc điều chỉnh nền kinh tế và việc hướng dẫn khoa học kỹ thuật nhằm tránh những hậu quả tai hại của sự tự phát. Điều đó dẫn đến tình trạng tệ quan liêu ngày càng tăng, nhưng tình trạng này được khắc phục dần vì đi đôi với việc phát triển hệ thống thông tin, công dân trong nước tham gia ngày càng nhiều vào việc quyết định những công việc quan trọng của đất nước.

Trong «xã hội sau công nghiệp» xuất hiện một tầng lớp trí thức mới. Đó là tầng lớp chuyên môn và kỹ thuật. Tầng lớp trí thức này hợp tác chặt chẽ với các nhà lãnh đạo chính trị. Vai trò tầng lớp trí thức này ngày càng quan trọng. Theo Đa-ni-en Ben thì một phần có ý nghĩa quyền lực và ảnh hưởng của các nhà doanh nghiệp và công nghiệp sẽ mất đi và chuyển vào tay tầng lớp trí thức này.

Trên đây là những nét chính của cái «xã hội sau công nghiệp» theo sơ đồ mà các nhà «tương lai học» đã phác họa ra nó.

Theo các học giả tư sản phương Tây, «xã hội sau công nghiệp» là giai đoạn phát triển cao của xã hội loài người. Trong cuốn sách nhan đề *«Các giai đoạn phát triển kinh tế»*, Rô-stâu cho rằng xã hội loài người đã trải qua các giai đoạn sau đây:

1—xã hội cổ truyền;
2—xã hội quá độ;
3—xã hội mở máy;
4—xã hội chín muồi về kinh tế;
5—xã hội tiêu thụ quần chúng.

«Xã hội sau công nghiệp» là giai đoạn tiếp theo các giai đoạn trên đây. Đó là sự kéo dài hợp lô gích của các giai đoạn ấy. Theo các học giả tư sản Mỹ, các giai đoạn phát triển kinh tế trên đây là những giai đoạn mà nền kinh tế Mỹ đã và đang trải qua. Con đường phát triển của nền kinh tế Mỹ là mẫu mực của sự phát triển kinh tế cho tất cả các nước trên thế giới!

«Xã hội sau công nghiệp» là xã hội hoàn toàn tốt đẹp! Trong cuốn sách nhan đề *«sự cáo chung của hệ tư tưởng»*, xuất bản năm 1967, học giả Mỹ Đa-ni-en Ben quả quyết rằng xã hội đó bảo đảm hòa bình và trật tự trong sự dồi dào cho tất cả mọi người theo «con đường Mỹ về lối sống». Trong xã hội đó những cuộc tranh cãi về chính trị sẽ tập trung vào các vấn đề cải thiện điều kiện sống của con người trong các lĩnh vực giáo dục, bảo vệ sức khỏe, nhà ở, v.v Trong xã hội đó không còn có mâu thuẫn giữa các giai cấp! ý nghĩ về giai cấp rốt cuộc cũng sẽ không còn nữa!

Theo các học giả tư sản đã đề xướng ra nó, «xã hội sau công nghiệp» sẽ đưa đến kết quả là «sự cáo chung của hệ tư tưởng» khi mà tất cả các cá nhân và tập đoàn trong xã hội đều thấm nhuần «sau công nghiệp». Chính vì vậy khái niệm «xã hội sau công nghiệp» được coi là sản phẩm hoàn chỉnh của một thứ xã hội học và một khoa học chính trị tự cho mình là «phi tư tưởng» và «phi chính trị»!

Những người đề xướng «xã hội sau công nghiệp» quả quyết rằng, do sự phát triển của khoa học kỹ thuật, xã hội đó sẽ được điều khiển một cách máy móc theo điều khiển học, mà không một thứ gì, ngay cả hệ tư tưởng, có thể làm đảo lộn tính hợp lý hóa. Trong xã hội đó, chính trị đồng nghĩa với yêu cầu giữ vững sự ổn định của chế độ Xã hội đó có thể tự động giải quyết các mâu thuẫn, tháo ngòi nổ của mọi cuộc xung đột, khiến cho sự ổn định của nó không

Digitized by Google

bao giờ được đặt thành vấn đề cả. Do khả năng vô tận về tự điều chỉnh của nó, xã hội đó có thể « tiêu hóa » những đối kháng của nó và biến chúng thành những động lực phát triển.

Các học giả tư sản phương Tây cho rằng, sự phát triển của khoa học kỹ thuật sẽ đưa đến kết quả cuối cùng là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội sẽ « hội tụ » trong « xã hội sau công nghiệp ». Theo họ thì các từ « chủ nghĩa tư bản » và « chủ nghĩa xã hội » đều là những sản phẩm của lối tư duy cũ kỹ và lỗi thời của « thời đại công nghiệp ». Đến « thời đại sau công nghiệp » lối tư duy cũ kỹ và lỗi thời đó sẽ không còn nữa. Chính vì vậy, họ đưa ra những lời tiên đoán về « sự cáo chung của các hệ tư tưởng » trong « xã hội sau công nghiệp ».

Tung ra luận điệu « xã hội sau công nghiệp » các học giả tư sản phương Tây muốn làm cho người ta tin rằng giai đoạn lịch sử tiếp theo sau chủ nghĩa tư bản không phải là chủ nghĩa xã hội mà là một thứ chủ nghĩa tư bản « khác », một thứ chủ nghĩa tư bản có thể tự giải quyết được những mâu thuẫn cực kỳ sâu sắc của nó. Các học giả này muốn xua tan sự ám ảnh của những dào lộn cách mạng bằng cách gieo rắc ảo tưởng về một cuộc tiến hóa từ từ sang « xã hội sau công nghiệp ». Xã hội này đứng ngoài các hệ tư tưởng và các cuộc đấu tranh chính trị.

Viện dẫn những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện nay trên thế giới với dụng ý riêng, các học giả tư sản phương Tây tìm cách gieo rắc ảo tưởng về một xã hội tự động điều khiển như một cái máy tự động, một xã hội tự động điều chỉnh có thể tự giải quyết được mọi mâu thuẫn và đối kháng của nó, một xã hội hợp lý hóa theo lối điều khiển học.

Khái niệm về « xã hội sau công nghiệp » chẳng qua là một mưu toan của các học giả tư sản phương Tây nhằm tạo ra một « bộ mặt mới » cho chủ nghĩa tư bản thối nát hiện nay dưới nhãn hiệu một « xã hội mới ».

Những người đề xướng thuyết « xã hội sau công nghiệp » đã đưa ra một quan điểm phản khoa học về sự phát triển của xã hội loài người. Họ không lấy chế độ sở hữu về các tư liệu sản xuất làm tiêu chuẩn khách quan để phân loại các kiểu xã hội. Họ cho rằng nghiên cứu xã hội loài người phải theo « quan điểm kỹ thuật ». Theo quan điểm đó họ chọn khái niệm « xã hội công nghiệp », tức là « một xã hội trong đó nền công nghiệp, nền đại công nghiệp là hình thức đặc trưng nhất » (2). Và từ đó họ gọi xã hội trước đó là « xã hội trước công nghiệp », gọi xã hội sau đó là « xã hội sau công nghiệp ».

Có học giả tư sản phương Tây lấy chỉ số « thu nhập quốc dân tính theo đầu người » làm căn cứ để phân chia các kiểu xã hội. Có người khác thì lại căn cứ vào chỉ số của cái gọi là « chất lượng của đời sống »... Các học giả tư sản phương Tây có thể có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng tất cả đều nhất trí với nhau ở một điểm là không căn cứ vào phương thức sản xuất, vào quan hệ sản xuất, vào chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất để phân chia các kiểu xã hội.

Bỏ qua bản chất xã hội của các quan hệ kinh tế, các học giả tư sản phương Tây đã tìm cách che đậy tính chất tàn bạo của sự bóc lột của các giai cấp thống trị trong các xã hội có phân chia giai cấp và tìm cách duy trì mãi mãi sự bóc lột đó.

Như mọi người đều biết, xã hội loài người là một cơ cấu đặc biệt của xã hội mà nền tảng là những mối liên hệ sản xuất vật chất, những quan hệ kinh tế giữa người với người. Mác

(2) Ray-mông A-rông : « *Mười tám bài học về xã hội công nghiệp* », nhà xuất bản Ga-li-ma, Pa-ri, 1968, trang 97.

Digitized by Google

đã viết « **Quan hệ sản xuất tổng hợp lại thì thành** cái gọi là **quan hệ xã hội, là xã hội,** hơn nữa thành một xã hội nằm trong **một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định,** một xã hội với tính chất đặc thù riêng biệt. Xã hội cổ đại, xã hội phong kiến, xã hội tư sản là những tổng hợp quan hệ sản xuất, trong đó mỗi tổng hợp lại đồng thời đánh dấu một giai đoạn đặc biệt trong sự phát triển lịch sử của loài người ». (3) Một hình thái kinh tế xã hội là một kiểu chế độ xã hội nhất định với phương thức sản xuất vốn có của nó. Mỗi hình thái kinh tế xã hội là một giai đoạn nhất định trong sự phát triển tiến lên của loài người. Lịch sử của loài người là lịch sử phát triển và thay thế của các hình thái kinh tế xã hội: hình thái **chiếm hữu nô lệ** đã thay thế cho hình thái **công cộng nguyên thủy**; chế độ **phong kiến** đã thay thế cho hình thái chiếm hữu nô lệ; chế độ phong kiến phải nhường chỗ cho chế độ **tư bản chủ nghĩa**; và chế độ tư bản chủ nghĩa ngày nay đang được chế độ **xã hội chủ nghĩa** thay thế ở nhiều nước. chế độ xã hội chủ nghĩa là giai đoạn đầu tiên của **hình thái cộng sản chủ nghĩa.**

Cấu tạo bên trong của mỗi hình thái kinh tế xã hội phụ thuộc vào phương thức sản xuất. Lịch sử chứng tỏ rằng chế độ sinh hoạt xã hội, thành phần giai cấp của xã hội, những quan điểm chính trị, pháp quyền, mỹ học với những quan điểm khác cùng những thể chế phù hợp với những quan điểm ấy, xét đến cùng là do phương thức sản xuất quyết định. So sánh các hình thái kinh tế xã hội khác nhau chúng ta thấy rằng sự phân chia xã hội thành giai cấp, chế độ người bóc lột người, sự áp bức về chính trị và tình trạng quần chúng không có quyền, đều được quyết định bởi những phương thức sản xuất nhất định trong lịch sử, dựa trên quyền tư hữu về tư liệu sản xuất.

Phân chia lịch sử phát triển của xã hội loài người thành các xã hội « trước công nghiệp » « công nghiệp », « sau công nghiệp », v.v... các học giả tư sản phương Tây không căn cứ vào phương thức sản xuất, nhất là quan hệ sản xuất, mà căn cứ vào cái mà họ gọi là « trục sản xuất thuần túy ». Bằng thủ đoạn đó họ tìm cách che đậy bản chất giai cấp của xã hội tư bản chủ nghĩa, che đậy mâu thuẫn cơ bản của xã hội đó là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và phương thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa.

Thổi phồng tầm quan trọng của khu vực phục vụ mà họ gọi là khu vực kinh tế « thứ ba », hạ thấp vai trò của các khu vực sản xuất vật chất là công nghiệp và nông nghiệp, các học giả tư sản phương Tây tìm cách hạ thấp vai trò của những người lao động trực tiếp sản xuất làm ra của cải vật chất để nuôi sống cả xã hội là công nhân và nông dân.

Các học giả tư sản tuyên truyền cho quan điểm siêu giai cấp về Nhà nước. Họ nói rằng trong «xã hội sau công nghiệp », Nhà nước sẽ là « Nhà nước phúc lợi chung ». Nhà nước đó có khả năng điều tiết mọi hoạt động trong xã hội. Sự thật thì như thế nào ? Trong lúc chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất vẫn tồn tại thì Nhà nước vẫn là công cụ của giai cấp tư sản để áp bức bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, sản xuất là vô chính phủ. Nhà nước tư sản không thể thực hiện được việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân như Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Ở một số nước tư bản chủ nghĩa, Nhà nước tư sản có lập ra một thứ « kế hoạch » nào đó về kinh tế và văn hóa. Cái gọi là « kế hoạch hóa » đó là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước. Nó phản ánh

(3) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, 1957, tập 6, trang 442.

Digitized by Google

những mâu thuẫn không thể điều hòa của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn giãy chết. Nó hoàn toàn không phải là việc kế hoạch hóa thật sự việc này chỉ có thể được thực hiện dưới chủ nghĩa xã hội. Trong xã hội có giai cấp, thông tin báo chí là công cụ của giai cấp thống trị để đè nén nhân dân. Nhân dân không thể sử dụng các phương tiện thông tin và báo chí để tham gia quản lý đất nước như các học giả tư sản khẳng định.

Khoa học kỹ thuật càng phát triển thì khả năng của con người chinh phục thiên nhiên nâng cao đời sống của mình càng tăng thêm. Nhưng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản sử dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật để tăng cường bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Khoa học và kỹ thuật ngày càng phát triển thì đội ngũ trí thức ngày càng đông. Nhưng chừng nào trong xã hội còn có phân chia giai cấp thì những người trí thức không phải là một giới thuần nhất mà gồm nhiều tầng lớp gắn liền với các giai cấp trong xã hội. Chừng nào quyền sở hữu về tư liệu sản xuất còn nằm trong tay giai cấp tư sản thì mọi quyền lực trong xã hội đều nằm trong tay giai cấp tư sản (kể cả những người trí thức của nó). Còn công nhân, nông dân, và những người lao động trí óc làm thuê cho tư bản đều là những đối tượng bóc lột của bọn tư bản. Tuyên truyền cho quan điểm siêu giai cấp về trí thức là sai lầm. Cho rằng trong xã hội sau này phần lớn quyền lực sẽ chuyển từ tay các ông chủ tư bản sang tay giới trí thức nói chung lại càng sai lầm hơn nữa.

Các học giả tư sản phương Tây nói rằng « xã hội sau công nghiệp » là một xã hội « dồi dào của cải » đối với mọi người ; trong xã hội đó mọi người đều no đủ sung sướng. Bằng những con số về thu nhập quốc dân tính theo đầu người họ muốn làm cho người ta tưởng lầm rằng trong xã hội đó mọi người đều có quyền bình đẳng trong việc phân phối các sản phẩm của xã hội. Đây là một luận điệu lừa bịp. Trong cái mà họ gọi là « xã hội sau công nghiệp », chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất không có gì thay đổi. Quy luật chạy theo lợi nhuận tối đa của chủ nghĩa tư bản vẫn chi phối toàn bộ xã hội. Xã hội vẫn phân hóa theo hai đầu : một đầu của cải tập trung vào trong tay một nhóm nhỏ các nhà tư bản giàu sụ, còn đầu kia nghèo khổ tập trung trong hàng triệu gia đình những người lao động. Trong xã hội đó vẫn còn có giai cấp, người giàu kẻ nghèo. Việc phân phối là không bình đẳng. Bọn tư bản vơ vét hàng tỉ đô la lợi nhuận, trong lúc đó hàng triệu người lao động vẫn sống trong cảnh nghèo khổ. Ở nước Mỹ là nước « giàu nhất » trong phe tư bản chủ nghĩa, các tổng thống Mỹ kế tiếp nhau cầm quyền đều thừa nhận rằng có hơn một phần tư gia đình có thu nhập dưới mức tối thiểu mà Nhà nước đã quy định. Cũng chính ở nước Mỹ liên tiếp mấy năm nay thường xuyên có trên 8 triệu người thất nghiệp. Cuối năm 1975 số người thất nghiệp ở Mỹ chiếm 8,3% tổng số người lao động. Năm 1976 tỷ lệ đó là 8,9%. Chính ở Mỹ 24 triệu người da đen là nạn nhân của tệ phân biệt chủng tộc. Họ không được hưởng các quyền cơ bản của con người. Họ chịu mọi nỗi bất công. Số người thất nghiệp trong dân da đen ở Mỹ lên tới 25,4%. Thu nhập của một gia đình người da đen chỉ bằng 57% thu nhập của một gia đình người da trắng.

Thất nghiệp là hiện tượng phổ biến ở các nước tư bản chủ nghĩa. Hiện nay số người không có việc làm ở nước Anh là 2,5 triệu, ở Tây Đức là 1 triệu. Đối với những người thất nghiệp và gia đình họ, thử hỏi làm gì có chuyện « dồi dào » ? Đó là chưa kể những hạng người nghèo khổ khác ở

Digitized by Google

trong các nước tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, câu chuyện về cái gọi là « xã hội dồi dào đối với tất cả mọi người » chỉ là một câu chuyện bịa đặt.

Vì sao giai cấp tư sản các nước phương Tây bỏ tiền của, in sách báo để tuyên truyền cho cái thuyết « xã hội sau công nghiệp » ? Nó nhằm mục đích gì? Theo ý chúng tôi, không ngoài những mục đích sau đây :

Một là, làm cho người ta tin rằng xã hội tư bản chủ nghĩa hiện nay sẽ tuần tự tiến lên một « xã hội mới » tốt đẹp hơn, trong đó mọi người đều sung sướng, không cần làm **cách mạng bạo lực** để chôn vùi chủ nghĩa tư bản và đưa loài người lên chủ nghĩa xã hội; tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải là con đường phát triển tất yếu của xã hội loài người.

Hai là, làm cho mọi người công nhận con đường nước Mỹ, xã hội nước Mỹ là mẫu mực cho tất cả các nước trên thế giới ; các dân tộc trên thế giới phải noi gương nước Mỹ, thừa nhận sự lãnh đạo của nước Mỹ

Ba là, làm cho người ta tin rằng chủ nghĩa xã hội sẽ « hòa nhập » vào chủ nghĩa tư bản ; các nước xã hội chủ nghĩa sẽ « diễn biến hòa bình » thành nước tư bản chủ nghĩa.

Rõ ràng đó là những mơ tưởng hoang đường.

Huyền thoại về « xã hội sau công nghiệp » tan vỡ như bọt xà phòng khi đụng chạm với thực tế của đời sống.

Giai cấp tư sản các nước phương Tây huy động những nhà tư tưởng xuất sắc nhất của nó ra sức xây dựng một nền lý luận về tương lai của chủ nghĩa tư bản hòng đối chọi với lý luận đầy sức thuyết phục về chủ nghĩa xã hội khoa học của những người cộng sản. Các học giả tư sản phương Tây tự xưng là các nhà « tương lai học » đua nhau phác họa mô hình của xã hội tư bản chủ nghĩa trong tương lai. Nhưng chủ nghĩa tư bản làm gì có tương lai? Người ta không thể nói về tương lai của một chế độ xã hội không có tương lai, một chế độ xã hội đã bị lịch sử kết án. Cái gọi là « xã hội sau công nghiệp » chẳng qua chỉ là một loại « sấm truyền » của các nhà « tiên tri » tư sản. Nó chỉ có trên những trang sách của các học giả tư sản ; nó không thể có trong đời sống thực tế của xã hội loài người.

Digitized by Google

Tình đoàn kết quốc tế trong sáng CU-BA – VIỆT-NAM

ĐOÀN - VĂN

Từ cuối thế kỷ XIX, nhà yêu nước và nhà tư tưởng vĩ đại của Cu-ba Hô-xê Mác-ti (1853 – 1895) chỉ qua những điều nghe thấy ở Pa-ri, đã viết về Việt-nam với những tình cảm cao quý: «... Hết làng này đến xã nọ, những người An-nam nghèo khổ đã chiến đấu chống Pháp, lúc thì tạm lánh đi, khi thì dũng mãnh xông lên... đánh tan quân đội thực dân». Mang trong mình tâm huyết của một dân tộc đang tiến hành cuộc chiến tranh 30 năm chống ách thống trị thực dân Tây-ban-nha, Hô-xê Mác-ti biết gạt đi tất cả những luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp bôi nhọ «xứ An-nam nhược tiểu» và khẳng định rằng: «Họ đã chiến đấu như những người dũng cảm nhất, và nhất định họ lại sẽ tiếp tục chiến đấu!».

Cách đây gần 100 năm, trong thời kỳ đen tối dưới chế độ thực dân, đối với dân tộc Việt-nam ta thật quý báu biết bao những lời như thế! Ngay lúc đó, người thầy của nền độc lập Cu-ba đã gieo hạt giống đầu tiên cho tình hữu nghị giữa hai dân tộc Cu-ba và Việt-nam. Nhưng hạt giống quý ấy, cũng như bao tư tưởng cao đẹp khác của Hô-xê Mác-ti đã bị các thế lực phản động vùi dập. Nó chỉ lại hồi sinh, nảy mầm và ra hoa kết quả với bước đi lên thắng lợi của cách mạng hai nước, từ khi nhân dân hai nước, dưới sự lãnh đạo của đảng Mác — Lê-nin và lãnh tụ kiệt xuất của mình là Hồ-Chi-Minh và Phi-đen Ca-stơ-rô, cùng viết bản anh hùng ca của thời đại, bản anh hùng ca của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Từ đây, mối cảm tình vốn có giữa hai dân tộc cùng cảnh ngộ đã trở thành tình hữu nghị chiến đấu giữa những người đồng chí cùng lý tưởng. Mối quan hệ đó đã vượt qua mọi thử thách và ngày càng phát triển tốt đẹp, góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh của hai dân tộc và cổ vũ mạnh mẽ sự nghiệp cách mạng thế giới.

Các đồng chí Cu-ba **khẳng định tính chất chính nghĩa của cuộc chiến đấu của nhân dân ta**, vì đó là cuộc chiến đấu của một dân tộc bị áp bức, chống lại một cường quốc đế quốc chủ nghĩa đi xâm lược, đặc biệt đó là đế quốc Mỹ, tên sen đầm quốc tế, kẻ thù số một của loài người hiện nay. Hơn nữa tên đế quốc đầu sỏ ấy

Digitized by Google

lại ở ngay sát nách Cu-ba, đã gây bao tai họa cho nhân dân Cu-ba, thường xuyên đe dọa sự sống còn của dân tộc Cu-ba. Căn cứ Gu-an-ta-na-mô của Mỹ trên lãnh thổ Cu-ba là một chiếc gai nhọn, hằng ngày hằng giờ làm nhức nhối con tim Cu-ba. Đế quốc Mỹ là trụ cột của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới. **Đế quốc Mỹ** là trở ngại chủ yếu của xã hội loài người trên con đường giải phóng và tiến bộ xã hội. Vì vậy, giáng trả lại đế quốc Mỹ, làm suy yếu đế quốc Mỹ, ở bất cứ đâu, bằng bất cứ hình thức gì, đều là chính nghĩa, đều là thúc đẩy lịch sử phát triển.

Các đồng chí Cu-ba **khẳng định rằng nhân dân Việt-nam nhất định chiến thắng đế quốc Mỹ.** Cu-ba biết rõ giữa Việt-nam và Mỹ chênh lệch nhau một trời một vực về các phương tiện kỹ thuật và sự giàu có. Nhưng là những người duy vật biện chứng nắm vững quy luật của lịch sử, các đồng chí Cu-ba biết rằng nhân dân Việt-nam có trong tay các nhân tố cơ bản của thắng lợi. Việt-nam có sự lãnh đạo của đảng mác-xít — lê-nin-nít chân chính, có lãnh tụ thiên tài, có đường lối đúng đắn, có nhân dân anh hùng, có sự giúp đỡ to lớn của cách mạng thế giới. Về đường lối chống Mỹ, cứu nước độc lập tự chủ của ta, các đồng chí Cu-ba nói: « Tấm gương cao cả nhất của thời đại hiện nay là những người Việt-nam, chiến lược của họ, sự thông thái của họ trong việc vận dụng sách lược phù hợp với chiến lược, trong việc tập hợp và đoàn kết tất cả các yếu tố cần thiết phục vụ cho cuộc đấu tranh chủ yếu » (lời của đồng chí Phi-đen Ca-stơ-rô ngày 23-11-1971 trong dịp đi thăm Chi-lê). Về Hồ Chủ tịch, vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc ta, các đồng chí Cu-ba nói: « Chúng tôi nghĩ rằng, tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới sẽ tìm thấy trong cuộc đời của đồng chí Hồ-Chí-Minh, trong tư tưởng chính trị của Người, một nguồn tri thức vô cùng phong phú để giải quyết những vấn đề của bản thân mình. Đồng chí Hồ-Chí-Minh đã biết vận dụng một cách thiên tài vào hoàn cảnh cụ thể của Việt-nam những nguyên lý bất hủ của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và lịch sử đã chứng minh sự đúng đắn của Người » (lời đồng chí Phi-đen Ca-stơ-rô nói ngày 12-9-1973 ở Việt-nam).

Các đồng chí Cu-ba **khẳng định rằng cách mạng Việt-nam và cách mạng Cu-ba đều là bộ phận của cách mạng vô sản thế giới,** vì vậy phải ủng hộ lẫn nhau. Hơn nữa, Cu-ba cho rằng cách mạng Việt-nam là một trong những bộ phận quan trọng nhất của cách mạng vô sản thế giới, vì cách mạng Việt-nam mang ý nghĩa quốc tế sâu sắc nhất. Theo các đồng chí Cu-ba, ý nghĩa quốc tế của cách mạng Việt-nam thể hiện ở chỗ, nó góp phần quyết định làm suy yếu kẻ thù chủ yếu của các dân tộc; nó được toàn thể loài người tiến bộ đồng tình và ủng hộ; nó nêu một tấm gương và bài học kinh nghiệm quý giá cho tất cả các dân tộc; do đó, nó góp phần tích cực nhất vào việc thúc đẩy sự thức tỉnh của nhân dân các dân tộc, thúc đẩy sự phát triển của lịch sử, như đồng chí Phi-đen Ca-stơ-rô đã từng nói, cách mạng Việt-nam đã làm cho lịch sử loài người tiến nhanh hơn nhiều năm.

Từ những quan điểm nói trên, Cu-ba dành cho Việt-nam sự giúp đỡ hết sức mình về tinh thần và vật chất. Vì Việt-nam, **Cu-ba đã hoạt động trên lĩnh vực chính trị và ngoại giao một cách mạnh mẽ và kiên quyết**, bất chấp mọi sự đe dọa của chủ nghĩa đế quốc và mọi tình huống éo le phức tạp trong quan hệ quốc tế mà Cu-ba phải đương đầu, do đó **đã góp phần to lớn vào việc thúc đẩy phong trào thế giới đoàn kết với Việt-nam phát triển mạnh mẽ, liên tục.**

Digitized by Google

Trong quá trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt-nam, Đảng, Chính phủ và nhân dân Cu-ba đã đáp ứng nhanh chóng và có hiệu lực những yêu cầu giúp đỡ của Việt-nam. Không một hành động tội ác nào của đế quốc Mỹ đối với Việt-nam thoát khỏi sự lên án kịch liệt của những người anh em Cu-ba.

Cách mạng Việt-nam cần sự ủng hộ quốc tế đối với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam, thì Cu-ba là nước đầu tiên trên thế giới chính thức công nhận Mặt trận (12-1961). Việt-nam cần có một mặt trận nhân dân thế giới rộng lớn ủng hộ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của mình, thì Cu-ba là nước đầu tiên trên thế giới thành lập Ủy ban toàn quốc đoàn kết với miền Nam Việt-nam (9-1963). Ủy ban đó do một người con ưu tú của nhân dân Cu-ba, nữ anh hùng Môn-ca-đa là Men-ba Héc-năng-đê làm Chủ tịch, đã có hàng loạt hoạt động phong phú trong suốt mười mấy năm qua để cổ vũ, ủng hộ nhân dân ta, vận động nhân dân thế giới đoàn kết với sự nghiệp chính nghĩa của ta. Với một hệ thống tổ chức hoàn chỉnh từ trung ương đến địa phương gồm 25.000 đơn vị cơ sở là các tổ nghiên cứu về Việt-nam, Ủy ban này đã góp phần tích cực vào việc truyền bá trong mọi tầng lớp nhân dân Cu-ba những hiểu biết về lịch sử và cách mạng Việt-nam, tiếp thêm cho họ niềm tin và sức mạnh trong sự nghiệp chính nghĩa của mình.

Khi đế quốc Mỹ phát động chiến tranh phá hoại chống miền Bắc nước ta, Cu-ba cảm thấy bị xúc phạm hơn ai hết và đã lớn tiếng phản đối kiên quyết, kịp thời. « Vì Việt-nam, Cu-ba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình ! » (Phi-đen Ca-stơ-rô, 2-1-1966). Theo tinh thần đó, khắp Cu-ba dấy lên một phong trào quần chúng mạnh mẽ tình nguyện đi Việt-nam chiến đấu. Năm 1967 được đặt tên là « Năm Việt-nam anh hùng » để đẩy mạnh hơn nữa sự ủng hộ đối với Việt-nam trong cuộc đụng đầu trực diện với quân viễn chinh Mỹ.

Những năm tháng tiếp theo, trên các diễn đàn trong nước và quốc tế, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Chính phủ Cu-ba, các đại diện của nhân dân Cu-ba anh em luôn lên tiếng ủng hộ và bảo vệ lập trường của cách mạng Việt-nam, vạch trần mọi sự lật lọng và âm mưu nham hiểm của đế quốc Mỹ, kêu gọi các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới ủng hộ sự nghiệp của nhân dân Việt-nam.

Tháng 5 năm 1972, đế quốc Mỹ trở lại ném bom miền Bắc, bắn phá cả đê điều, phong tỏa các hải cảng, hòng bắt nhân dân ta phải quỳ gối. Ngay lập tức, Đảng, Chính phủ và nhân dân Cu-ba anh em khẳng định tình đoàn kết chiến đấu đối với sự nghiệp của nhân dân ta : « Tình đoàn kết của chúng ta, sự ủng hộ của chúng ta, niềm tin tưởng của chúng ta đối với nhân dân Việt-nam và ban lãnh đạo của họ là vô điều kiện và tuyệt đối » (Phi-đen Ca-stơ-rô, 1-5-1972). Và chúng ta mãi mãi ghi nhớ những hoạt động quý báu của đồng chí Phi-đen trong những ngày tháng quyết liệt đó của dân tộc ta. Trong cuộc đi thăm 10 nước châu Phi và châu Âu đúng vào thời gian ấy, vị lãnh tụ tối cao của cách mạng Cu-ba đã lên án kịch liệt những hành động tội ác mới của đế quốc Mỹ, và kêu gọi các nước xã hội chủ nghĩa và toàn thể nhân loại tiến bộ hãy dành cho Việt-nam sự ủng hộ cao nhất, bởi vì « Việt-nam đang chiến đấu không chỉ vì Việt-nam mà là vì toàn thế giới. Ở Việt-nam đang diễn ra một trận chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng của tất cả các dân tộc » (nói tại An-giê-ri, ngày 17-5-1972) ; và vì « Ngày nay, Việt-nam là biểu hiện cao nhất của chủ nghĩa quốc tế vô sản : ngày nay, Việt-nam là biểu hiện cao nhất của nguyên tắc

Digitized by Google

mác-xít - lê-ni-nít » (nói tại Ba-lan, ngày 6-6-1972).

Bản thân nước Cu-ba vẫn còn khá nhiều khó khăn, vì đã phải tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối lạc hậu, một cơ cấu kinh tế què quặt, giữa vòng phong tỏa độc ác về kinh tế của đế quốc Mỹ. Mặc dù vậy, **nhân dân Cu-ba đã không ngần ngại chia sẻ sức người sức của cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.** Trong quá trình cách mạng của mình, nhân dân Việt-nam nhận được sự giúp đỡ vật chất to lớn của Liên-xô, Trung-quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, trong đó có nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa anh em. Nhưng điều đáng chú ý là mặc dù khả năng có hạn, Cu-ba đã giúp cho Việt-nam những thứ mà ở Cu-ba được coi là vào loại nhất, từ những giống gia súc mới nhất cho đến những kỹ thuật hiện đại nhất. Cu-ba còn gửi những chuyên gia và công nhân ưu tú sang giúp Việt-nam xây dựng lại đất nước, đúng như đồng chí Phi-đen Ca-stơ-rô đã nói : nếu trước đây chúng tôi đã sẵn sàng đổ máu vì Việt-nam thì ngày nay chúng tôi cũng sẵn sàng đổ mồ hôi để « giúp đỡ xây dựng lại Việt-nam mười lần to đẹp hơn như Chủ tịch Hồ-Chí-Minh mong muốn » (nói ngày 24-3-1974 tại La Ha-ba-na).

Giờ đây, sự nghiệp cách mạng của hai nước đã bước vào thời kỳ mới. Ở Cu-ba, dưới ánh sáng các nghị quyết của Đại hội lần thứ I Đảng cộng sản Cu-ba, nhân dân Cu-ba đang hăng hái bước vào giai đoạn mới với nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhưng vẫn không lơ là cảnh giác trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và hoàn thành nghĩa vụ quốc tế của mình. Ở Việt-nam, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, chúng ta đang đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, góp phần xứng đáng vào phong trào cách mạng thế giới. Các Đại hội vừa qua của Đảng cộng sản Cu-ba và Đảng cộng sản Việt-nam đã mở ra những trang sử mới cho cách mạng Cu-ba và cách mạng Việt-nam. Tình hữu nghị trân đầy chủ nghĩa quốc tế vô sản giữa Cu-ba và Việt-nam được hun đúc trong quá trình của cuộc đấu tranh chống Mỹ oanh liệt nhất, chắc chắn sẽ được tiếp tục duy trì và phát triển trong điều kiện mới, dưới những hình thức mới, để phục vụ cho sự nghiệp của nhân dân hai nước và nhân dân thế giới. Trong khi đưa cách mạng Việt-nam sang một giai đoạn mới, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đối với nhân dân Cu-ba anh em, đối với đồng chí Phi-đen Ca-stơ-rô, một trong những người có công lớn nhất xây đắp nên mối tình hữu nghị vĩ đại đó. « Chúng ta nguyện làm hết sức mình để bảo vệ mối tình hữu nghị đó như bảo vệ con ngươi của mắt mình » (lời Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng nói ngày 30-3-1974 tại Cu-ba).

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ТО ХЫУ – Всемерно усилить движение « два хорошо » по примеру передовых коллективов в области народного образования

ХОАНГ КУОК ВЬЕТ – Рабочее движение в развитых капиталистических странах

НГУЕН ВИНЬ – О подготовке руководящих и управленческих кадров и повышении их квалификации.

БУЙ ШАН – Биньчитхиену быть богатой и сильной провинпией

ЛЕ ТЯН ФЫОНГ – Рационально использовать женские трудовые силы и повышать их квалификапию в ходе движения за подьем производства

НГУЕН НГОК МИНЬ – Шире применять метод кредитования в сфере капиталовложений

В МИРЕ КНИГ ☆ ФАН ТИЕН ТИКЬ – Важный труд о мировой обстановке и международных задачах нашей партии.

КРИТИКА БУРЖУАЗНОЙ ИДЕОЛОГИИ ☆ ЧАН КУОК ТУ – О так называемом « постиндустриальном обществе ».

ДОАН ВАН – Светлая кубино–вьетнамская дружба

目 录

秦 友：学习先进教育单位，大力推进二好竞赛运动

黄国越：发达资本主义国家的工人运动

阮 跃：关于造就、培养领导干部和管理干部的工作

黎 瑞：“平治天”决心成为建成富强的省而奋斗

管遵方：在生产劳动运动中，合理使用和培养妇女劳动力

阮玉明：扩大信用投资的方法

[illegible]·潘进锦：关于国际形势和我党国际主义义务的重要著作

批判资产阶级思想·陈国秀：所谓“工业化之后的社会”

诗 文：古巴－越南纯洁的团结情谊

Digitized by Google

SOMMAIRE

TỐ-HỮU — Donner une impulsion vigoureuse au mouvement d'émulation des « deux bien » (bien enseigner, bien étudier) dans les écoles à l'exemple des établissements d'avant — garde

HOÀNG-QUỐC-VIỆT — Le mouvement ouvrier dans les pays capitalistes développés

NGUYỄN-VỊNH — A propos de la formation et du perfectionnement des cadres dirigeants et des cadres gestionnaires

BÙI-SAN — Binh-trị-thiên est déterminée à allerde l'avant pour devenir une province riche et prospère

LÊ-CHÂN-PHƯƠNG — L'emploi rationnel et le perfectionnement de la force de travail féminine dans la production

NGUYỄN-NGỌC-MINH — Elargir les investissements créditeurs

Revue des livres + *PHAN-TIẾN-TÍCH* — Une oeuvre importante sur la situation mondiale et les tâches internationales de notre Parti

Critique de la pensée capitaliste — *TRẦN-QUỐC-TÚ* — A propos de la soi-disant « société post-industrielle »

ĐOÀN-VĂN — La solidarité d'une grande pureté Cuba — Việt-nam

CONTENTS

TỐ-HỮU — Give a great impulse to the "two-good" emulation movement following the example of vanguard units in education.

HOÀNG-QUỐC-VIỆT — The workers' movement in developed capitalist countries

NGUYỄN-VỊNH — The training and fostering of leading cadres and managerial cadres

BÙI-SAN — The determination of Binh-trị-thiên province to advance to wealth and prosperity

LÊ-CHÂN-PHƯƠNG — The rational use and fostering of women workers in the movement of productive labour

NGUYỄN-NGỌC-MINH — Extend the method of credit investment

BOOKS — *PHAN-TIẾN-TÍCH* — An important book on the world situation and our Party's internationalist duty

Criticism of bourgeois ideology — *TRẦN-QUỐC-TÚ* — On the so-called "post-industrial society".

ĐOÀN-VĂN — The limpid Cuban — Vietnamese solidarity

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 7
1977
NĂM THỨ XXIII (259)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

TỐ HỮU — Ra sức đẩy mạnh phong trào thi đua hai tốt theo gương các đơn vị tiên tiến về giáo dục 1

HOÀNG-QUỐC-VIỆT — Phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển 17

NGUYỄN-VỊNH - Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý 27

BÙI-SAN Bình-trị-thiên quyết tâm vươn lên thành tỉnh giàu mạnh 35

LÊ CHÂN-PHƯƠNG — Sử dụng hợp lý và bồi dưỡng lao động phụ nữ trong phong trào lao động sản xuất 44

NGUYỄN-NGỌC-MINH — Mở rộng phương pháp đầu tư tín dụng 50

Đọc sách ★ *PHAN-TIẾN-TÍCH* — Một tác phẩm quan trọng về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta 58

Phê phán tư tưởng tư sản ★ *TRẦN-QUỐC-TÚ* — Về cái gọi là « xã hội xã công nghiệp » 68

SƠN VĂN Tình đoàn kết trong sáng Cu-ba — Việt-nam 74

Digitized by Google

SỬA LẠI

— Trang 10, cột 1, dòng 21–22, xin đọc :
Ngược lại, cũng không nên nghĩ rằng...

— Trang 11, cột 1, dòng 9 từ dưới lên, xin đọc :
Nói đến những hoạt động giáo dục của nhà trường, chúng ta cần coi trọng học tập văn hóa, lao động sản xuất, hoạt động xã hội và hoạt động đoàn thể.

— Trang 14, cột 2, sau dòng 25, xin đọc thêm :
Trong trường học, những *hoạt động đoàn thể* của học sinh, thông qua Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Đội thiếu niên tiền phong Hồ-Chí-Minh và Đội nhi đồng Hồ-Chí-Minh, có tác dụng to lớn đối với việc phát huy quyền làm chủ tập thể của học sinh trong mọi hoạt động của nhà trường và trong việc rèn luyện bản thân. Lâu nay, những hoạt động đoàn thể của học sinh ít nhiều còn mang tính chất hình thức chủ nghĩa. Sắp tới, ngành giáo dục phải cùng Đoàn thanh niên chấn chỉnh tốt mặt hoạt động này.
Tóm lại...

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá: 0đ30

Digitized by Google

HX
9
.H68B

The University of Michigan Periodical Reading Room
DEC 6 1977

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

8

8-1977

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

NẮM VỮNG TÍNH CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

TÍNH chất giai cấp của Đảng là vấn đề có ý nghĩa quyết định nhất trong công tác xây dựng Đảng.

«Trong suốt quá trình xây dựng Đảng từ ngày thành lập đến nay, **Đảng ta luôn luôn xác định Đảng là đảng của giai cấp công nhân Việt-nam và phấn đấu không ngừng nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng»** (1). *Chính được xây dựng theo tinh thần ấy, Đảng ta mặc dù sinh ra và lớn lên ở một nước nông nghiệp lạc hậu, vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, giai cấp công nhân nhỏ bé, đã giữ vững được tính chất tiên phong cách mạng của chính đảng của giai cấp công nhân, đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên những sự nghiệp cách mạng vĩ đại, và đã trở thành «một Đảng Mác — Lê-nin vững mạnh, một đảng trải qua nhiều thử thách, một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế»* (2).

Tính chất giai cấp công nhân của Đảng được thể hiện một cách sinh động trên mọi lĩnh vực chính trị, tư tưởng và tổ chức của công tác xây dựng Đảng, được phát triển và nâng cao không ngừng cho phù hợp với vai trò và sứ mệnh mà Đảng phải gánh vác trong từng giai đoạn của cách mạng.

Hiện nay Đảng ta đang đứng trước nhiệm vụ lịch sử mới hết sức nặng nề là lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa

---

(1) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 26.

(2) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ТО ХЫУ – Всемерно усилить движение «два хорошо» по примеру передовых коллективов в области народного образования

ХОАНГ КУОК ВЬЕТ – Рабочее движение в развитых капиталистических странах

НГУЕН ВИНЬ – О подготовке руководящих и управленческих кадров и повышении их квалификации.

БУЙ ШАН – Биньчитхиену быть богатой и сильной провинпией

ЛЕ ТЯН ФЫОНГ – Рационально использовать женские трудовые силы и повышать их квалификапию в ходе движения за подъем производства

НГУЕН НГОК МИНЬ – Шире применять метод кредитования в сфере капиталовложений

В МИРЕ КНИГ ☆ ФАН ТИЕН ТИКЬ – Важный труд о мировой обстановке и международных задачах нашей партии.

КРИТИКА БУРЖУАЗНОЙ ИДЕОЛОГИИ ☆ ЧАН КУОК ТУ – О так называемом «постиндустриальном обществе».

ДОАН ВАН – Светлая кубино–вьетнамская дружба

目　录

秦　友：学习先进教育单位，大力推进二好竞赛运动

黄国越：发达资本主义国家的工人运动

阮　跃：关于造就、培养领导干部和管理干部的工作

娶　瑞：“平治天”决心成为建成富强的省而奋斗

黎廣方：在生产劳动运动中，合理使用和培养妇女劳动力

阮玉明：扩大信用投资的方法

读书笔记·**潘进錫**：关于国际形势和我党国际主义义务的重要著作

批判资产阶级思想·**陈国秀**：所谓“工业化之后的社会”

段　文：古巴—越南纯洁的团结情谊

Digitized by Google

SOMMAIRE

TỐ-HỮU — Donner une impulsion vigoureuse au mouvement d'émulation des « deux bien » (bien enseigner, bien étudier) dans les écoles à l'exemple des établissements d'avant — garde

HOÀNG-QUỐC-VIỆT — Le mouvement ouvrier dans les pays capitalistes développés

NGUYỄN-VỊNH — A propos de la formation et du perfectionnement des cadres dirigeants et des cadres gestionnaires

BÙI-SAN — Binh-trị-thiên est déterminée à allerde l'avant pour devenir une province riche et prospère

LÊ-CHÂN-PHƯƠNG — L'emploi rationnel et le perfectionnement de la force de travail féminine dans la production

NGUYỄN-NGỌC-MINH — Elargir les investissements créditeurs

Revue des livres + *PHAN-TIẾN-TÍCH* — Une oeuvre importante sur la situation mondiale et les tâches internationales de notre Parti

Critique de la pensée capitaliste — *TRẦN-QUỐC-TÚ* — A propos de la soi-disant « société post-industrielle »

ĐOÀN-VĂN — La solidarité d'une grande pureté Cuba — Việt-nam

CONTENTS

TỐ-HỮU — Give a great impulse to the « two-good » emulation movement following the example of vanguard units in education.

HOÀNG-QUỐC-VIỆT — The workers' movement in developed capitalist countries

NGUYỄN-VỊNH — The training and fostering of leading cadres and managerial cadres

BÙI-SAN — The determination of Binh-trị-thiên province to advance to wealth and prosperity

LÊ-CHÂN-PHƯƠNG — The rational use and fostering of women workers in the movement of productive labour

NGUYỄN-NGỌC-MINH — Extend the method of credit investment

BOOKS — *PHAN-TIẾN-TÍCH* — An important book on the world situation and our Party's internationalist duty

Criticism of bourgeois ideology — *TRẦN-QUỐC-TÚ* — On the so-called « post-industrial society ».

ĐOÀN-VĂN — The limpid Cuban — Vietnamese solidarity

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

SỐ 7
1977
NĂM THỨ XXIII (259)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

TỐ-HỮU – Ra sức đẩy mạnh phong trào thi đua hai tốt theo gương các đơn vị tiên tiến về giáo dục 1

HOÀNG-QUỐC-VIỆT – Phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển 17

NGUYỄN-VỊNH – Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý 27

BÙI-SAN – Bình-trị-thiên quyết tâm vươn lên thành tỉnh giàu mạnh 35

LÊ-CHÂN-PHƯƠNG – Sử dụng hợp lý và bồi dưỡng lao động phụ nữ trong phong trào lao động sản xuất 44

NGUYỄN-NGỌC-MINH – Mở rộng phương pháp đầu tư tín dụng 50

Đọc sách ★ *PHAN-TIẾN-TÍCH* – Một tác phẩm quan trọng về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta 58

Phê phán tư tưởng tư sản ★ *TRẦN-QUỐC-TÚ* – Về cái gọi là « xã hội sau công nghiệp » 68

ĐOÀN-VĂN Tình đoàn kết trong sáng Cu-ba – Việt-nam 74

Digitized by Google

SỬA LẠI

— **Trang 10**, cột 1, dòng 21—22, xin đọc :
Ngược lại, cũng không nên nghĩ rằng...

— **Trang 11**, cột 1. dòng 9 từ dưới lên, xin đọc :
Nói đến những hoạt động giáo dục của nhà trường, chúng ta cần coi trọng học tập văn hóa, lao động sản xuất, hoạt động xã hội và hoạt động đoàn thể.

— **Trang 14**, cột 2, sau dòng 25, xin đọc thêm :
Trong trường học, những *hoạt động đoàn thể* của học sinh, thông qua Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Đội thiếu niên tiền phong Hồ-Chí-Minh và Đội nhi đồng Hồ-Chí-Minh, có tác dụng to lớn đối với việc phát huy quyền làm chủ tập thể của học sinh trong mọi hoạt động của nhà trường và trong việc rèn luyện bản thân. Lâu nay, những hoạt động đoàn thể của học sinh ít nhiều còn mang tính chất hình thức chủ nghĩa. Sắp tới, ngành giáo dục phải cùng Đoàn thanh niên chấn chỉnh tốt mặt hoạt động này.
Tóm lại...

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá: 0đ3

Digitized by Google

HX
9
.H68B

The University of Michigan
DEC 6 19
Periodical Reading Room

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

8

8-1977

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

NẮM VỮNG TÍNH CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

TÍNH chất giai cấp của Đảng là vấn đề có ý nghĩa quyết định nhất trong công tác xây dựng Đảng.

«Trong suốt quá trình xây dựng Đảng từ ngày thành lập đến nay, **Đảng ta luôn luôn xác định Đảng là đảng của giai cấp công nhân Việt-nam và phấn đấu không ngừng nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng»** (1). *Chính được xây dựng theo tinh thần ấy, Đảng ta mặc dù sinh ra và lớn lên ở một nước nông nghiệp lạc hậu, vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, giai cấp công nhân nhỏ bé, đã giữ vững được tính chất tiên phong cách mạng của chính đảng của giai cấp công nhân, đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên những sự nghiệp cách mạng vĩ đại, và đã trở thành* **«một Đảng Mác — Lê-nin vững mạnh,** *một đảng trải qua nhiều thử thách, một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế»* (2).

Tính chất giai cấp công nhân của Đảng được thể hiện một cách sinh động trên mọi lĩnh vực chính trị, tư tưởng và tổ chức của công tác xây dựng Đảng, được phát triển và nâng cao không ngừng cho phù hợp với vai trò và sứ mệnh mà Đảng phải gánh vác trong từng giai đoạn của cách mạng.

Hiện nay Đảng ta đang đứng trước nhiệm vụ lịch sử mới hết sức nặng nề là lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa

---

(1) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 26.

(2) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Digitized by Google

trong cả nước. Để thực hiện nhiệm vụ ấy, Đảng ta phải có những cố gắng vượt bậc trên nhiều mặt, đặc biệt là phải tăng cường hơn nữa tính chất giai cấp công nhân của Đảng.

★

TRƯỚC hết, mỗi cán bộ, đảng viên cần có nhận thức sâu sắc về Đảng ta: « Đảng cộng sản Việt-nam là đảng của giai cấp công nhân Việt-nam, là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt-nam. Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc; đồng thời Đảng làm tròn nghĩa vụ của mình đối với phong trào cộng sản quốc tế » (3).

Đó là định nghĩa một cách khái quát nhất về tính chất giai cấp của Đảng ta. Khẳng định Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân có nghĩa là khẳng định lập trường của Đảng ta là lập trường của giai cấp công nhân, giai cấp tiên tiến nhất, gắn liền với nền đại sản xuất công nghiệp, tiêu biểu cho xu thế phát triển của thời đại, có hệ tư tưởng cách mạng và khoa học là chủ nghĩa Mác – Lê-nin, và cũng là giai cấp tiêu biểu cho những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc ta.

Khẳng định tính chất giai cấp công nhân của Đảng còn để phân biệt ranh giới dứt khoát lập trường của Đảng ta với lập trường của các giai cấp tư sản và tiểu tư sản. Không nên hiểu khẳng định tính chất giai cấp công nhân của Đảng là Đảng chỉ lựa chọn cán bộ, đảng viên xuất thân từ thành phần giai cấp công nhân, mặc dù đó là một yếu tố quan trọng về mặt tổ chức để bảo đảm tính chất giai cấp của Đảng.

Khẳng định tính chất giai cấp của Đảng là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với việc rèn luyện lập trường, quan điểm của cán bộ, đảng viên. Mỗi đảng viên dù xuất thân từ thành phần giai cấp nào, dù ở cương vị công tác nào, đều phải từ bỏ lập trường giai cấp cũ của mình và rèn luyện theo lập trường của giai cấp công nhân, đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân để xem xét và giải quyết mọi vấn đề của cách mạng. Ngay những đảng viên xuất thân từ thành phần công nhân cũng phải gột rửa những ảnh hưởng tư tưởng của các giai cấp khác, bồi dưỡng phẩm chất tốt đẹp của giai cấp công nhân để xứng đáng là những đại biểu ưu tú nhất của giai cấp công nhân.

---

(3) Điều lệ Đảng cộng sản Việt nam.

Digitized by Google

Đảng ta là đảng của giai cấp công nhân, nhưng không phải giai cấp công nhân là Đảng, không phải tất cả mọi người trong giai cấp công nhân đều là đảng viên cả. Đảng là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng thông qua Đảng. Vai trò tiên phong của Đảng thể hiện một cách toàn diện ở lý luận tiên phong, ở đường lối đúng đắn, ở năng lực lãnh đạo quần chúng cũng như ở tinh thần tận tụy, gương mẫu, hy sinh của các tổ chức Đảng, của đội ngũ đảng viên. Về mặt tổ chức, Đảng phải rất chặt chẽ, chỉ gồm những người ưu tú nhất, có giác ngộ cộng sản chủ nghĩa trong giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác, có đủ tiêu chuẩn đảng viên; tự nguyện đứng trong hàng ngũ Đảng để phấn đấu cho mục đích và lý tưởng của Đảng.

Khẳng định tính chất giai cấp của Đảng cũng không phải là tách biệt Đảng và giai cấp với nhân dân, với dân tộc. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã nêu cao mục tiêu đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Trong ngót nửa thế kỷ qua, Đảng ta đã dốc hết sức mình vào cuộc chiến đấu cho những lợi ích sống còn của nhân dân, của dân tộc để đất nước ta được độc lập, tự do và thống nhất như ngày nay. Lịch sử cách mạng Việt-nam đã chứng minh và sẽ mãi mãi chứng minh rằng Đảng ta, những người cộng sản chúng ta là những người có lòng yêu nước, thương dân hơn ai hết và đã chiến đấu một cách kiên quyết nhất, triệt để nhất cho lợi ích của dân tộc. Những nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng cũng là sự thể hiện tinh thần trách nhiệm cao nhất của Đảng ta trong việc xây dựng Tổ quốc ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, có cuộc sống văn minh và hạnh phúc.

Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam và là một bộ phận của phong trào cộng sản quốc tế. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta không những đã kiên quyết chiến đấu cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc ta, mà Đảng ta còn kết hợp một cách đúng đắn lợi ích của giai cấp, của dân tộc với lợi ích của phong trào cách mạng thế giới, kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nhờ vậy, Đảng ta đã động viên được những lực lượng tiềm tàng to lớn của dân tộc, đồng thời kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn của cách mạng nước ta, bảo đảm cho Đảng ta vừa hoàn thành nhiệm vụ dân tộc vừa góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Đó cũng là một kinh nghiệm lịch sử của Đảng ta, một nội dung của tính chất giai cấp của Đảng.

Digitized by Google

Trong khi nhấn mạnh tính chất giai cấp công nhân của Đảng, cần đấu tranh khắc phục những lệch lạc như: nói tính chất giai cấp của Đảng theo quan niệm biệt phái, hẹp hòi, thành phần chủ nghĩa, tách rời giai cấp công nhân với nhân dân và dân tộc; và ngược lại, mơ hồ về tính chất giai cấp của Đảng, lẫn lộn Đảng với giai cấp và quần chúng nhân dân nói chung. Đồng thời, phải chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản, không kết hợp giải quyết đúng đắn lợi ích của dân tộc với lợi ích của cách mạng thế giới.

★

TÍNH chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện trước hết ở đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng — sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt-nam. Nét độc đáo của Đảng ta trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng là Đảng ta tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có đường lối chính trị độc lập, tự chủ, luôn luôn đúng đắn và sáng tạo. Đó chính là nhân tố quyết định nhất đối với mọi thắng lợi của cách mạng nước ta trong mấy chục năm nay.

Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề có ý nghĩa quyết định nhất vẫn là bảo đảm cho Đảng ta luôn luôn nắm vững và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta, có đường lối, chính sách đúng, có năng lực lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện đầy đủ. Những nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng thể hiện sự cố gắng đó của Đảng ta; và đó chính là biểu hiện quan trọng nhất của việc nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay.

Để thấu suốt tinh thần nghị quyết của Đại hội, cần đặc biệt coi trọng việc giáo dục lý luận Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên. Nắm vững đường lối, chính sách là phải hiểu rõ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin được Đảng ta vận dụng một cách sinh động vào hoàn cảnh Việt-nam, và nắm vững những nguyên lý chủ nghĩa Mác — Lê-nin lại là cơ sở để thấu suốt sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng. « Cần phê phán nghiêm khắc tình trạng một số cán bộ, đảng viên coi nhẹ nghiên cứu đường lối, chính sách, nghiên cứu lý luận, là một biểu hiện tệ hại nhất của chủ nghĩa kinh nghiệm » (4). Đồng thời, cần khắc phục việc học tập lý luận một cách giáo điều, sách

(4) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 58.

Digitized by Google

vở, không nắm vững phương châm lý luận liên hệ với thực tế trong học tập, không nắm vững thực chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Mỗi cán bộ, đảng viên dù công tác ở ngành nào cũng phải hiểu rõ nội dung các vấn đề nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, nội dung xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới, để từ đó mà vận dụng đường lối chung vào công tác thực tế của mình. Ngoài những vấn đề về đường lối chung, cán bộ, đảng viên công tác ở lĩnh vực nào cũng phải hiểu rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, quan điểm của Đảng về lĩnh vực mà mình hoạt động. Không những chúng ta phải nâng cao trình độ lý luận, nắm vững đường lối của Đảng mà còn phải cố gắng vươn lên nắm cho được những kiến thức ngày càng cao về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và những kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Mặt khác, phải rất coi trọng việc nắm vững tình hình thực tế đang chuyển biến mau lẹ cùng với quá trình chuyển biến của cách mạng hiện nay.

★

ĐẢNG là hạt nhân lãnh đạo nền chuyên chính vô sản ở nước ta. Nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng hiện nay là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chuyên chính vô sản.

Đảng lãnh đạo chính quyền có nghĩa là Đảng trở thành người lãnh đạo thực tế mọi mặt của đời sống xã hội. Trách nhiệm của Đảng rất lớn. Đảng đứng trước hàng loạt vấn đề mới mẻ, phức tạp của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Không có một lĩnh vực nào trong đời sống, không có một tổ chức nào trong hệ thống chuyên chính vô sản không đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng là hạt nhân lãnh đạo nền chuyên chính vô sản, nhưng chuyên chính vô sản không thể thực hiện được chỉ bằng lực lượng của bản thân Đảng mà phải bằng lực lượng của toàn thể các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản. Trong giai đoạn hiện nay, sức mạnh của Đảng cũng không chỉ ở bản thân Đảng mà là sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản. Do đó, Đảng có trách nhiệm lãnh đạo, kiện toàn tất cả các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản, không trừ một tổ chức nào, để các tổ chức ấy đều vững mạnh, đều phát huy được vai trò và hiệu lực của mình. Trong hệ thống chuyên chính vô sản, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng là những tổ chức thể hiện quyền làm

Digitized by Google

chủ tập thể của nhân dân lao động. Đảng cần chăm lo xây dựng, kiện toàn Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, gắn liền công tác xây dựng Đảng với việc xây dựng, kiện toàn Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Đồng thời, cần xác định rõ mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể quần chúng theo phương hướng vừa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò và hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước, vừa đề cao vai trò đoàn kết, giáo dục, thuyết phục quần chúng nhân dân của các đoàn thể quần chúng. Đặc biệt cần làm rõ mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Trong hệ thống chuyên chính vô sản, Nhà nước có vị trí quan trọng đặc biệt. « Sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân thể hiện tập trung ở Nhà nước, được thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động của Nhà nước » (5). Nhà nước nối liền Đảng với quần chúng đông đảo trên mọi lĩnh vực quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý mọi mặt đời sống xã hội, là vũ khí mạnh mẽ thực hiện những nhiệm vụ của chuyên chính vô sản. Điều kiện quyết định để tăng cường Nhà nước, nâng cao hiệu lực của Nhà nước là bảo đảm tốt sự lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng, kiện toàn, sử dụng và phát huy Nhà nước như là một công cụ sắc bén nhất để tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước được nâng cao là dấu hiệu quan trọng nhất nói lên trình độ và năng lực tổ chức của Đảng. Đó cũng là một yêu cầu mới về nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Chúng ta cần nắm vững quan điểm cơ bản ấy để vận dụng vào công tác của mình.

Trong sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước hiện nay, cần khắc phục tình trạng lẫn lộn công việc Đảng với công việc Nhà nước, tình trạng tổ chức Đảng ở một số địa phương bao biện công việc của Nhà nước, làm giảm hiệu lực của bộ máy Nhà nước và thực tế là hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, cũng cần chống khuynh hướng coi nhẹ trách nhiệm lãnh đạo của tổ chức Đảng đối với cơ quan Nhà nước, chống quan niệm phân công máy móc, tách rời hoạt động của tổ chức Đảng với hoạt động của cơ quan Nhà nước.

★

NGUỒN sức mạnh vô địch của Đảng ta là ở mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Liên hệ chặt chẽ với quần chúng là một biểu hiện, một yêu cầu của tính chất giai cấp công nhân của Đảng. Nếu xa rời

---

(5) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 148.

Digitized by Google

quần chúng, không liên hệ chặt chẽ với quần chúng, thì Đảng không còn là đảng của giai cấp công nhân nữa.

Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt-nam trong mấy chục năm nay là thắng lợi của đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đồng thời cũng là thắng lợi của mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng ta với quần chúng, trước hết là với quần chúng công nông. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng đã khẳng định: «Trong những chặng đường cách mạng vừa qua, Đảng ta và nhân dân ta đã kết thành một khối bằng những mối dây liên hệ máu thịt vô cùng bền chặt. Đảng ta hiểu rõ và hoàn toàn tin tưởng sức mạnh dời non lấp biển của nhân dân ta... Nhân dân ta cũng hiểu rõ Đảng ta và gửi gấm tất cả lòng tin vào Đảng» (6).

Đứng trước nhiệm vụ lịch sử nặng nề của giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng ta càng phải tăng cường hơn nữa mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Cần nhận rõ rằng, trong giai đoạn mới ngày nay, mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng có những yêu cầu cao hơn trước. Đặc điểm nổi bật của giai đoạn hiện nay là Đảng ta đã lãnh đạo chính quyền trong cả nước, nhân dân lao động cả nước ta đã trở thành người làm chủ thật sự của nước Việt-nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Nội dung chủ yếu của mối liên hệ giữa Đảng ta với quần chúng ngày nay là không ngừng chăm lo xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, lấy đó làm động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy toàn bộ công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; là quan tâm đến lợi ích của quần chúng chăm lo đến đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; là luôn luôn giáo dục quần chúng, làm cho quần chúng tự giác đi theo đường lối, chính sách của Đảng và đấu tranh cho đường lối, chính sách đó được thực hiện.

Sự lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước, vai trò giáo dục, động viên quần chúng của các đoàn thể quần chúng, cuối cùng đều nhằm đạt tới yêu cầu ấy. Yêu cầu ấy không những phải được thấu suốt sâu sắc trong nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên, không những phải được tiến hành bằng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thường xuyên, liên tục, mà điều quan trọng hơn nữa là phải được thực hiện bằng cơ cấu tổ chức và chế độ tổ chức. Mỗi tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền và tổ chức quần chúng cần có những chế độ, những quy định cụ thể bảo đảm cho quần chúng thực hiện đầy đủ quyền làm chủ

---

(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 211.

Digitized by Google

tập thể của mình, nói lên ý kiến của mình trên tất cả các vấn đề thuộc về lợi ích chung của cách mạng, về đời sống của mình, trong công tác xây dựng chính quyền, xây dựng các tổ chức quần chúng và xây dựng Đảng. Cần khắc phục tình trạng khá phổ biến hiện nay là nhiều cán bộ, đảng viên chỉ thiên về sử dụng các biện pháp hành chính để thực hiện đường lối, chính sách, không coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng · làm việc lối hình thức chủ nghĩa, tuy cũng tổ chức lấy ý kiến của quần chúng, nhưng thực tế là không coi trọng ý kiến của quần chúng.

Để giữ vững mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của quần chúng, phải « kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chuyên quyền, độc đoán, xa rời thực tế, xa rời quần chúng » (7). Đó không chỉ là những khuyết điểm về phương pháp hoặc tác phong công tác mà trước hết là những sai lầm thuộc về lập trường, quan điểm, xuất phát từ tư tưởng coi khinh quần chúng và chính nó là một nguyên nhân trực tiếp phá hoại mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Mỗi cán bộ, đảng viên cần thấy hết trách nhiệm của mình trước Đảng, trước quần chúng, thấy hết tác hại của bệnh nguy hiểm ấy mà kiên quyết đấu tranh khắc phục.

Phải khắc phục bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chuyên quyền, độc đoán, xa thực tế, xa quần chúng, không chỉ bằng công tác tư tưởng, mà điều rất quan trọng là bằng biện pháp tổ chức, bằng cơ cấu tổ chức và chế độ tổ chức, chế độ quản lý.

★

ĐẢNG ta là « một khối thống nhất về ý chí và hành động, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình làm một quy luật phát triển và có kỷ luật nghiêm minh » (8). Đó là tính chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện trên mặt xây dựng Đảng về tổ chức.

Sức mạnh của Đảng trước hết là ở sự đoàn kết, thống nhất nội bộ. Về mặt tư tưởng, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin thể hiện ở đường lối chính trị được toàn Đảng vạch ra, trên cơ sở sự giác ngộ của toàn thể đảng viên về lý tưởng, mục đích và những nhiệm vụ của Đảng. Sự thống nhất về tư tưởng được bảo đảm bằng sự thống nhất về tổ chức.

---

(7), (8) Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

Trong giai đoạn mới của cách mạng, hơn bao giờ hết Đảng ta cần phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng, bảo đảm cho Đảng không có bè phái, không chia rẽ. Cần luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Hồ Chủ tịch : « **Đoàn kết** *là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình* » (9). « *Đảng coi sự chia rẽ bè phái trong Đảng là một trong những tội ác nặng nhất đối với cách mạng* » (10).

Trước hết, phải bảo đảm trong bất cứ tình huống nào cũng giữ vững sự thống nhất về đường lối của Đảng. Không những phải xây dựng sự nhất trí cao về đường lối chung, mà còn phải không ngừng tăng cường thống nhất trên những vấn đề về đường lối, quan điểm thuộc từng lĩnh vực công tác.

Sự đoàn kết nhất trí về mặt đường lối phải được bảo đảm bằng sự thống nhất về mặt tổ chức trên cơ sở tuân thủ một cách nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Trong giai đoạn hiện nay, nguyên tắc tập trung dân chủ có những yêu cầu mới cao hơn trước, mà nội dung chủ yếu của nó là xây dựng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, làm cho Đảng vững mạnh trong toàn cơ thể, cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Những quy định trong **Điều lệ Đảng** *chính là sự thể hiện yêu cầu mới ấy của Đảng ta.*

Để tăng cường đoàn kết, thống nhất, thấu suốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt và hoạt động của Đảng, phải không ngừng mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của mọi tổ chức Đảng và đảng viên trong việc tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, nhất là đối với những yêu cầu mới về lãnh đạo kinh tế, văn hóa, đời sống, quốc phòng, trị an... Song dân chủ phải dưới sự chỉ đạo tập trung, cùng với việc mở rộng dân chủ, phải coi trọng việc tăng cường tập trung nhằm bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng.

Để tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng, còn phải thường xuyên làm tốt việc tự phê bình và phê bình. Các tổ chức Đảng từ trung ương đến cơ sở và mọi đảng viên phải nghiêm chỉnh tự phê bình và

---

(9) Di chúc của Hồ Chủ tịch.

(10) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 201.

Digitized by Google

phê bình ; cấp trên phải tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức tốt việc phê bình từ dưới lên. Cần phê phán và khắc phục tình trạng có những cán bộ, đảng viên chỉ thích nghe những lời tâng bốc, khen ngợi, không thích ai nói đến thiếu sót, khuyết điểm của mình ; hoặc chỉ nhận thiếu sót, khuyết điểm cho qua chuyện, nhưng không chịu sửa chữa, cũng như những hiện tượng phê bình chỉ xuất phát từ động cơ cá nhân, không nhằm giúp đỡ nhau tiến bộ. Đặc biệt cần có thái độ nghiêm khắc đối với bất kỳ cán bộ, đảng viên nào, bất kỳ tổ chức nào có những hành động trấn áp phê bình.

Cần coi trọng việc xây dựng tình đồng chí với tinh thần thương yêu sâu sắc, lòng tin cậy và tôn trọng lẫn nhau giữa những người cộng sản. Nghiêm khắc phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân đang là nguyên nhân chủ yếu gây ra tình trạng mất đoàn kết, thậm chí có khi nghiêm trọng ở một số nơi.

★

ĐỂ nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng, còn phải coi trọng việc giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên, bảo đảm cho đội ngũ đảng viên có đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Bởi vì « năng lực lãnh đạo của Đảng, sức chiến đấu của Đảng, phụ thuộc một cách quyết định vào chất lượng đội ngũ đảng viên » (11).

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ những yêu cầu về tư cách đảng viên như sau :

« Đảng viên phải là người có giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, tuyệt đối trung thành với cách mạng, tự nguyện suốt đời hy sinh, phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

« Đảng viên phải có hiểu biết nhất định về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nắm được đường lối, chính sách của Đảng, có năng lực đảm nhiệm công việc được giao, có năng lực lãnh đạo quần chúng và góp phần vào công tác lãnh đạo của tổ chức Đảng. Vì vậy, đảng viên phải không ngừng học tập và tích cực rèn luyện về mọi mặt.

« Đảng viên phải tôn trọng và ra sức góp phần xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức quần chúng.

---

(11) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 193.

Digitized by Google

« Đảng viên phải chăm lo xây dựng Đảng, có ý thức tổ chức và kỷ luật, có tinh thần tự phê bình và phê bình, bảo vệ Đảng, bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất của Đảng.

« Đảng viên phải nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng » (12).

Mỗi đảng viên cần nắm vững và tích cực phấn đấu, rèn luyện theo những yêu cầu nói trên để xứng đáng là chiến sĩ tiên phong của giai cấp công nhân, là người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân dân như Hồ Chủ tịch thường căn dặn.

Để nâng cao chất lượng đảng viên, các cấp ủy Đảng, các tổ chức Đảng cần có kế hoạch, biện pháp cụ thể để giáo dục, bồi dưỡng đảng viên cả về kiến thức, năng lực hoạt động và phẩm chất cách mạng. Thiếu một mặt nào, người đảng viên cũng không thể hoàn thành tốt được nhiệm vụ. Đồng thời, cần kết hợp chặt chẽ việc nâng cao chất lượng đảng viên với việc nâng cao chất lượng của tổ chức cơ sở Đảng. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở có làm tốt các việc phân công, quản lý, kiểm tra công tác và tư cách đảng viên, nâng cao chất lượng sinh hoạt của chi bộ, của tổ Đảng, làm tốt việc tự phê bình và phê bình thì mới nâng cao chất lượng đảng viên được.

Chất lượng người đảng viên phụ thuộc một phần quan trọng ngay từ khâu lựa chọn và chuẩn bị kết nạp người đó vào Đảng. Vì vậy, cần chỉ đạo chặt chẽ công tác phát triển Đảng theo đúng những quy định của **Điều lệ Đảng**. *Trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng, dẫn tới hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên. Người được kết nạp vào Đảng phải là người ưu tú nhất trong quần chúng, có giác ngộ cộng sản chủ nghĩa, gương mẫu, dũng cảm và hy sinh nhất trong quần chúng. Phát triển Đảng phải luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng. Một mặt, kết nạp vào Đảng những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn; mặt khác, cần kiên quyết và kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất và những người không đủ tư cách đảng viên. Đồng thời cần tỉnh táo, cảnh giác, đề phòng những phần tử cơ hội và những phần tử phản cách mạng chui vào Đảng.*

Đảng ta là đảng cách mạng của giai cấp công nhân. Nước nhà đang trên quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng Đảng lúc này **càng phải** *chú trọng tăng thành phần công nhân*

---

(12) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 87 — 88.

Digitized by Google

công nghiệp trong Đảng. Trong các xí nghiệp công nghiệp đều phải xây dựng chi bộ hoặc đảng bộ thật vững mạnh. Những chi bộ và đảng bộ xã ở miền Bắc phải bao gồm những phần tử thật sự ưu tú nhất trong nông dân tập thể, và ở miền Nam phải bao gồm trước hết những bần cố nông và trung nông dưới chẳng những hăng hái tăng gia sản xuất và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, mà còn thật sự tán thành hợp tác hóa nông nghiệp. Việc phát triển Đảng ở các cơ quan của Đảng và Nhà nước cần phải nhằm kết nạp những người tự giác, tự nguyện theo đường lối, chính sách của Đảng, có phẩm chất và đạo đức tốt và có kiến thức chuyên môn. Nhất thiết phải loại trừ tình cảm cá nhân và gia đình ra khỏi công tác xây dựng và phát triển Đảng.

★

NẮM vững tính chất giai cấp công nhân của Đảng trong giai đoạn hiện nay là phải nắm vững và làm tốt những vấn đề cơ bản nói trên. Nói một cách khác, làm tốt những vấn đề cơ bản nói trên chính là để giữ vững và nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng, nhằm nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới.

Digitized by Google

HỆ THỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THẾ GIỚI, NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI

XUÂN-THỦY

QUÁ trình phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, những mâu thuẫn không thể giải quyết của phương thức sản xuất đó và cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội tư bản chủ nghĩa tất nhiên đưa đến kết quả là chủ nghĩa xã hội dùng phương pháp cách mạng để thay thế chủ nghĩa tư bản. Việc chủ nghĩa tư bản tất yếu bị chủ nghĩa xã hội thay thế là điều đã được Mác và Ăng-ghen, hai nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, khẳng định và chứng minh một cách không gì bác bỏ nổi trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Lê-nin cũng đã khẳng định sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản. Người viết: « Chỉ có những kẻ nhắm mắt để khỏi trông thấy và bịt tai để khỏi phải nghe thấy, mới có thể không nhận thấy rằng, trên toàn thế giới, xã hội tư bản chủ nghĩa mang thai chủ nghĩa xã hội, đã bắt đầu đau đẻ rồi... Chúng ta có tất cả căn cứ để nhìn vào tương lai, lòng đầy quyết tâm và tin tưởng tuyệt đối, nhìn vào tương lai đang chuẩn bị cho chúng ta những bạn đồng minh mới, những thắng lợi mới của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tại nhiều nước tiên tiến hơn. Chúng ta có quyền tự hào và sung sướng đã là những người đầu tiên hạ thủ, trên một địa điểm của quả đất, con thú dữ ấy là chủ nghĩa tư bản, nó đã dìm thế giới trong máu, khiến loài người làm vào tình cảnh đói rét và dã man, nhưng dù trong cơn giãy chết nó có hung hãn quái ác và tàn bạo đến đâu đi nữa, thì cuối cùng nó cũng nhất định sẽ bị tiêu diệt... » (1)

Tuy vậy, như Lê-nin đã vạch rõ, « chuyên chính vô sản trong phạm vi quốc gia » (tức chuyên chính vô sản mới tồn tại ở một nước duy nhất) « không có khả năng quyết định được chính trị thế giới ». Chỉ có « chuyên chính vô sản trên quy mô quốc tế » (tức chuyên chính vô sản ít nhất cũng ở một số nước) mới « có khả năng tác

(1) V.I. Lê-nin : « Những lời tiên tri », *Toàn tập*, tập 27, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 641 — 642.

Digitized by Google

động quyết định đến toàn bộ chính trị thế giới » (2). Cho nên, trước khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới hình thành, khả năng tác động của chủ nghĩa xã hội thắng lợi trong một nước đối với tình hình quốc tế còn bị hạn chế.

Sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời, chuyên chính vô sản hình thành trên quy mô quốc tế, tình hình đã đổi khác. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã viết : « Phe xã hội chủ nghĩa được thành lập và ngày càng lớn mạnh. Đó là nhân tố quyết định sự phát triển của cách mạng thế giới và tương lai tươi sáng của loài người »(3). Tại Đại hội lần thứ IV, Đảng ta đã nhấn mạnh : « Cuộc sống ngày càng chứng tỏ sức mạnh của chủ nghĩa xã hội là vô địch và **hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người.** » (4)

HỆ THỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VẠCH RA CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN TẤT YẾU CỦA XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI

Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là thành quả của phong trào cộng sản quốc tế, là con đẻ chủ yếu của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp đứng ở trung tâm của thời đại hiện nay, thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga.

Với số dân trên 1.300 triệu bằng khoảng một phần ba loài người, sống trên một diện tích bằng khoảng một phần tư trái đất, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới bao gồm các nước rất khác nhau về trình độ phát triển kinh tế và xã hội, về mầu da và tiếng nói, về lịch sử và văn hóa, về truyền thống chiến đấu và xây dựng. Riêng về trình độ phát triển kinh tế và xã hội, có những nước đã trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ở những mức độ khác nhau như nước Nga và một số nước ở Đông Âu ; có những nước nguyên là những nước nửa thuộc địa và phụ thuộc như Trung-quốc, Cu-ba ; có những nước trước kia là thuộc địa và nửa phong kiến với kinh tế nông nghiệp lạc hậu như Việt-nam, Triều-tiên ; lại có nước nguyên từ các bộ lạc du mục đi lên chủ nghĩa xã hội như Mông-cổ. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới thật sự « tiêu biểu cho xu thế đi lên của giai cấp công nhân, nhân dân các nước và các dân tộc trên khắp 5 châu đoàn kết lại », thật sự « tiêu biểu cho những phương pháp và hình thức phát triển khác nhau dẫn tới một tiền đồ tươi đẹp, một mục đích chung là chủ nghĩa xã hội » (5).

Tính ưu việt của hệ thống xã hội chủ nghĩa thể hiện trước hết ở chỗ **xóa bỏ chế độ người bóc lột người.** Đây là vấn đề đã được đặt ra trước loài người từ lâu. Chủ nghĩa tư bản không những không giải quyết

(2) V.I. Lê-nin : « Sơ thảo đầu tiên của Đề cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa », *Toàn tập*, tập 31, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, trang 179 — 180.

(3) Hồ-Chí-Minh : « Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc », *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 300.

(4) Lê-Duẩn : *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.*

(5) Lê-Duẩn : *Chủ nghĩa Lê-nin soi sáng mục tiêu cách mạng của thời đại*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 20.

Digitized by Google

được vấn đề đó mà trái lại, còn làm cho nó trầm trọng tới tột độ. Việc thiết lập Nhà nước chuyên chính vô sản ở các nước xã hội chủ nghĩa, ngay từ đầu đã cho phép xóa bỏ nguồn gốc đẻ ra chế độ người bóc lột người là chế độ tư hữu. Hiện nay, chế độ bóc lột và cùng với nó, các giai cấp bóc lột, đã căn bản bị xóa bỏ ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa. Đó là điều nổi bật khiến cho hệ thống xã hội chủ nghĩa thu hút được sự chú ý của những ai căm ghét và muốn xóa bỏ chế độ người bóc lột người.

Cùng với việc xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xã hội xã hội chủ nghĩa cũng đã giải quyết được điều mà loài người bao đời nay mơ ước là: với tư cách là người sáng tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần, sáng tạo ra bản thân xã hội loài người, **nhân dân lao động** – trước hết là công nhân và nông dân – **phải là người quyết định và giải quyết mọi việc trong xã hội.** Thật vậy, bằng việc xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về các tư liệu sản xuất chủ yếu, Nhà nước chuyên chính vô sản đã thật sự bảo đảm cho công nhân, nông dân và những người lao động khác quyền làm chủ tập thể xã hội mới. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và đội tiền phong của nó là đảng cộng sản, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa đang xây dựng thành công một xã hội trong đó, thay cho quan hệ thù địch, tranh giành giữa các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, là quan hệ hợp tác, tương trợ giữa người và người; thay cho những quan hệ bất bình đẳng, những đặc quyền đặc lợi, là quan hệ bình đẳng giữa những người lao động, giữa nam và nữ, giữa các dân tộc trong nước, là quyền của mọi người được lao động, học tập, nghỉ ngơi, được chăm sóc lúc ốm đau và lúc tuổi già; thay cho chủ nghĩa cá nhân, nguyên tắc «lợi mình, hại người», là chủ nghĩa tập thể, nguyên tắc «mình vì mọi người, mọi người vì mình»; thay cho chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi là sự kết hợp chặt chẽ giữa lòng yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản. Nếu đặc điểm của xã hội tư bản chủ nghĩa là sự đối kháng giữa bộ phận này và bộ phận khác trong xã hội, thì trái lại, **đặc điểm của xã hội xã hội chủ nghĩa là sự nhất trí về chính trị và tinh thần giữa các thành viên trong xã hội, sự cố kết của họ chung quanh đảng cộng sản, đội tiền phong của giai cấp công nhân.**

Xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội trong đó không có người bóc lột người, không có nạn thất nghiệp, đói rét và khủng hoảng, một xã hội trong đó con người được phát triển toàn diện; trong một xã hội tốt đẹp như vậy thì tất nhiên ngày càng nổi bật lên **con người mới xã hội chủ nghĩa,** tốt đẹp hơn con người của xã hội cũ. Đó là con người có lý tưởng cao đẹp, luôn luôn đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng, luôn luôn có tinh thần tương trợ, hợp tác, có kiến thức phong phú về tự nhiên và xã hội, luôn luôn biết nâng cao trình độ và năng lực của mình về mọi mặt để có thể thúc đẩy xã hội loài người tiến lên.

Như vậy, ngay từ khi mới hình thành, với quan hệ sản xuất mới, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tỏ ra hơn hẳn hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Quan hệ sản xuất mới đã **mở đường cho lực lượng sản xuất ở các nước xã hội chủ nghĩa phát triển với những nhịp độ cao hơn hẳn** so với thế giới tư bản chủ nghĩa. Chẳng hạn, sản lượng của Liên-xô năm 1922 chỉ bằng 3% sản lượng của Mỹ, đến năm 1974 đã bằng 75%. Bun-ga-ri, một nước nông nghiệp lạc hậu bậc nhất châu Âu trước đây, chỉ trong vòng mấy chục năm, đã trở thành một nước công – nông nghiệp tiên

Digitized by Google

tiến. Triều-tiên vốn là một nước thuộc địa và nửa phong kiến, chỉ trên dưới 20 năm đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.. Hiện nay các nước xã hội chủ nghĩa đã cung cấp khoảng 42% sản lượng công nghiệp thế giới (cách đây 30 năm chỉ 14%). Với diện tích bằng 26% lãnh thổ thế giới và số dân bằng khoảng 33% số dân thế giới mà cung cấp tới khoảng 42% sản lượng công nghiệp thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa rõ ràng đã vượt hệ thống tư bản chủ nghĩa về sản lượng công nghiệp tính theo đầu người.

Chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó, bảo đảm cho các nước xã hội chủ nghĩa có thể huy động đều đặn và nhanh chóng mọi sức người, sức của, những thành tựu của cách mạng khoa học — kỹ thuật vào công cuộc xây dựng xã hội mới. **Nhịp độ tăng năng suất lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa nói chung cao hơn ở các nước tư bản chủ nghĩa.** Từ năm 1950 đến năm 1972, trong khi năng suất lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa như Anh chỉ tăng 1,8 lần, Mỹ — 2,1 lần, Cộng hòa liên bang Đức — 2,7 lần, Pháp — 3,1 lần, thì năng suất lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa đã tăng lên như sau: Tiệp-khắc — 3,5 lần, Liên-xô — 3,8 lần, Ba-lan — 4,1 lần, Cộng hòa dân chủ Đức — 4,1 lần, Bun-ga-ri — 4,2 lần, Ru-ma-ni — 5 lần, v.v... Năng suất lao động, như Lê-nin đã nói, là « cái quan trọng nhất, căn bản nhất cho thắng lợi của trật tự xã hội mới » (6). Qua thực tế trên chúng ta càng thấy rõ tính hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản.

Tính hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội không chỉ biểu hiện ở từng nước, mà còn biểu hiện cả **trong phạm vi toàn hệ thống.** Do quy luật lợi nhuận và cạnh tranh chi phối, các nước tư bản chủ nghĩa tuy cùng nằm trong một hệ thống, nhưng luôn luôn giành giật nhau, thậm chí chém giết nhau như hai cuộc chiến tranh thế giới đã chứng tỏ. Trái lại, các nước xã hội chủ nghĩa « hợp thành một khối liên minh thống nhất, vì họ cùng đi chung một con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì chế độ xã hội và kinh tế và chính quyền Nhà nước của họ cùng có chung một tính chất giai cấp, vì họ cùng thấy cần phải ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau, vì họ cùng có chung những lợi ích và mục đích trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc để giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, vì tất cả họ đều cùng chung một hệ tư tưởng: chủ nghĩa Mác — Lê-nin » (7). Chính vì vậy, sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa không chỉ là con số cộng sức mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa. Sự thống nhất khách quan của các nước xã hội chủ nghĩa trong một hệ thống chung đã tạo nên một sức mạnh tổng hợp thật sự to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng không những đối với sự phát triển nhanh chóng của mỗi nước xã hội chủ nghĩa, mà còn đối với toàn bộ phong trào cách mạng thế giới. Chính là dựa vào sức mạnh chung của cả hệ thống, dựa vào sự hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau của các nước anh em trong cùng hệ thống, mà mỗi nước xã hội chủ nghĩa đã có thể sử dụng hợp lý hơn sức người, sức của của mình trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa

---

(6) V.I. Lê-nin: « Sáng kiến vĩ đại », *Toàn tập*, tập 29, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 487.

(7) *Tuyên bố của Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân họp ở Mát-xcơ-va từ ngày 14 đến ngày 16 tháng Một 1957*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, trang 18.

Digitized by Google

cộng sản; mà mỗi nước xã hội chủ nghĩa đều có điều kiện để đánh bại sự can thiệp của bất cứ tên đế quốc nào.

Như vậy, bằng sự tồn tại khách quan của mình, bằng những ưu thế của mình, bằng hình ảnh cụ thể sinh động của hơn 1.300 triệu người đang sống trong các nước xã hội chủ nghĩa có trình độ phát triển khác nhau, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới rõ ràng đang chỉ ra cho nhân dân thế giới con đường để xây dựng thành công một xã hội tốt đẹp theo đúng quy luật phát triển của lịch sử. Nói cách khác, nó đang tác động như một lực lượng vật chất khổng lồ, **vạch ra con đường phát triển tất yếu của xã hội loài người**, chỉ cho mọi người thấy rõ đặc điểm của thời đại hiện nay là « thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới » (8).

HỆ THỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO CÁCH MẠNG CÁC NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Tác dụng của hệ thống xã hội chủ nghĩa là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người còn thể hiện ở chỗ: nó **tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng các nước đi lên chủ nghĩa xã hội.**

Cách mạng không phải là cái có thể nhập khẩu từ nước khác. Cách mạng bao giờ cũng bắt nguồn từ những điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của mỗi nước. Để bảo đảm cho cách mạng giành thắng lợi thì, như kinh nghiệm lịch sử cho thấy, phải có đường lối cách mạng đúng đắn thể hiện sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào điều kiện cụ thể của mỗi nước, phải có phương pháp cách mạng đúng đắn, biết vận dụng linh hoạt các hình thức và phương pháp đấu tranh thích hợp. Việc nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa tìm ra đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng đa dạng để giành chính quyền và đi lên chủ nghĩa xã hội đã cung cấp cho các dân tộc trong bộ phận còn lại của thế giới, từ các nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao như ở Tây Âu, Bắc Mỹ, cho tới những nước kinh tế còn thấp kém ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh, những tấm gương, những kinh nghiệm quý báu để tiến hành cách mạng, thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa.

Như vậy, **tác động chủ yếu và quan trọng nhất của hệ thống xã hội chủ nghĩa** đối với cách mạng các nước trong hệ thống tư bản chủ nghĩa là việc **cung cấp cho cách mạng các nước đó vũ khí sắc bén để tự giải phóng là những kiểu mẫu về đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng đã qua thử thách.** Mặt khác, nhân dân các nước đó còn **có thể dựa vào sự ủng hộ và giúp đỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa để đánh bại hành động can thiệp của chủ nghĩa đế quốc** chống lại cách mạng các nước đó.

---

(8) *Văn kiện Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân tại Mát-scơ-va tháng Mười 1960*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, trang 18.

Digitized by Google

Thực tế mấy chục năm qua cho thấy sự ủng hộ và giúp đỡ về các mặt của hệ thống xã hội chủ nghĩa là một nhân tố quan trọng giúp cho một loạt dân tộc bị áp bức ở khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh, đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều nước khác ở khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh giành được độc lập về chính trị và từng bước đấu tranh giành chủ quyền về kinh tế. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân ở Tây Âu và Bắc Mỹ, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn vì phải hoạt động ngay tại sào huyệt của chủ nghĩa đế quốc, cũng đã tiến hành có kết quả cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, giành dân sinh, dân chủ, chuẩn bị điều kiện để tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và thiết lập chuyên chính vô sản.

Luôn luôn giương cao ngọn cờ bảo vệ hòa bình thế giới, kiên quyết chống mọi âm mưu và hành động gây chiến của chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu, hệ thống xã hội chủ nghĩa còn **là chỗ dựa vững chắc của phong trào đấu tranh nhằm bảo vệ hòa bình thế giới** và **tạo điều kiện cho phong trào đó ngày càng thu hút được đông đảo nhân dân thế giới tham gia.** Nhờ vậy, phong trào hòa bình hiện nay thật sự đã có khả năng làm thất bại từng chính sách chiến tranh, đi đến làm thất bại toàn bộ kế hoạch gây chiến của chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho cách mạng thế giới phát triển theo hướng của chủ nghĩa xã hội.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời và lớn mạnh, cùng với phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân thế giới, đã **làm cho lực lượng đối sánh** giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa hòa bình và chiến tranh trong phạm vi thế giới cũng như trong phạm vi từng nước, **ngày càng thay đổi có lợi cho các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.** Ngày nay, chủ nghĩa tư bản không những không còn là một hệ thống bao trùm thế giới như xưa, mà còn đang bị đẩy dần tới chỗ sụp đổ hoàn toàn không sao tránh khỏi. Phạm vi thống trị của nó ngày càng bị thu hẹp; từng nước tư bản chủ nghĩa cũng như toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc và triền miên; chủ nghĩa đế quốc bị xâu xé bởi những mâu thuẫn ngày càng sâu sắc. Trước sự tồn tại và ngày càng lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa, trước sức tiến công của ba dòng thác cách mạng của thời đại, chủ nghĩa đế quốc đã vĩnh viễn mất thế chủ động lịch sử. Khả năng đối phó và xoay xở của nó ngày càng bị hạn chế. Nó cũng không còn có thể dễ dàng dùng chiến tranh để giải quyết các mâu thuẫn như xưa. Chủ nghĩa đế quốc thế giới không còn có thể tự do hành động như hồi nửa đầu thế kỷ này. Ngày nay, dù là kẻ cực kỳ ngoan cố và hiếu chiến như đế quốc Mỹ, một khi muốn thực hiện một mưu toan phản cách mạng nào, ở bất kỳ đâu trên thế giới, cũng phải tính tới sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa, sức mạnh không gì chiến thắng nổi và ảnh hưởng ngày càng to lớn của nó trên thế giới.

Cuộc chiến đấu gian khổ và anh dũng của nhân dân Việt-nam trong hơn 30 năm qua đã góp phần quan trọng vào sự chuyển biến to lớn đó trong tình hình thế giới. Bằng đường lối chính trị và phương pháp cách mạng đúng đắn, phát huy cao độ sức mạnh của bản thân và sức mạnh của

Digitized by Google

cả hệ thống xã hội chủ nghĩa và toàn thể loài người tiến bộ và yêu chuộng hòa bình, cách mạng Việt-nam đã tạo ra một sức mạnh tổng hợp đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược.

Chiến thắng lịch sử của nhân dân Việt-nam đối với đế quốc Mỹ, tên sen đầm quốc tế, đã góp phần to lớn làm thay đổi lực lượng đối sánh trên thế giới có lợi cho cách mạng thế giới. Sự xuất hiện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam với 50 triệu dân góp phần to lớn tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, góp phần phát huy mạnh mẽ tác dụng của nó là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người.

Sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa là một điều kiện khách quan thuận lợi cho cách mạng các nước. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói : « Trong thời đại ngày nay, khi chủ nghĩa tư bản đã tỏ ra lỗi thời và ngày càng khủng hoảng trầm trọng không phương cứu chữa, khi chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới và lớn mạnh không ngừng, thì vấn đề tiến lên chủ nghĩa xã hội được đặt ra như một tất yếu lịch sử đối với tất cả các nước, kể cả các nước chậm phát triển. Được đảng tiên phong của giai cấp công nhân vũ trang bằng chủ nghĩa Mác — Lê-nin lãnh đạo, tất cả mọi dân tộc, bất luận trình độ phát triển kinh tế như thế nào, đều có khả năng thực hiện bước nhảy vọt vĩ đại từ một xã hội bị thực dân phong kiến áp bức, bóc lột, sang xã hội xã hội chủ nghĩa, lý tưởng cao đẹp nhất của loài người. » (9)

Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới **một mặt** vạch ra con đường phát triển tất yếu của xã hội loài người, **mặt khác**, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng các nước đi lên chủ nghĩa xã hội, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người. Chính vì thế, hệ thống xã hội chủ nghĩa là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người.

---

(9) Lê-Duẩn : Bài phát biểu trong buổi chiêu đãi của Đảng và Chính phủ Lào tại Viêng-chăn ngày 15-7-1977.

Digitized by Google

Tiến lên xây dựng tỉnh Đồng-nai thành một tỉnh công — nông nghiệp giàu mạnh

NGUYỄN-NHƯ-Ý
Ủy viên Trung ương Đảng
Bí thư tỉnh ủy Đồng-nai

TỈNH Đồng-nai được thành lập từ tháng 1 năm 1976 do hợp nhất 4 tỉnh cũ Biên-hòa, Tân-phú, Bà-rịa, Long-khánh và hai thành phố Biên-hòa, Vũng-tàu, với diện tích rộng 8.360 km^2 và số dân 1.261.596 người. Từ sau ngày giải phóng, cùng với cả nước, đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng-nai bước vào trận chiến đấu mới, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, đảng bộ tỉnh Đồng-nai đã tiến hành Đại hội (tháng 4/1977) quyết định phương hướng và nhiệm vụ chung của tỉnh trong giai đoạn mới trong đó vấn đề cơ bản là vạch ra phương hướng phát triển kinh tế của tỉnh Đồng-nai theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

TRÊN CƠ SỞ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN, PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP VÀ NGƯ NGHIỆP, TỪNG BƯỚC KHẨN TRƯƠNG XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG-NAI THÀNH MỘT TỈNH CÔNG — NÔNG NGHIỆP GIÀU MẠNH

Đồng-nai là một tỉnh có tiềm lực kinh tế rất lớn và toàn diện. Đất nông nghiệp khá phì nhiêu, có khả năng mở rộng diện tích và trồng nhiều loại cây: cây lương thực (lúa, màu) cây thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả. Một số vùng tập trung chuyên canh đã hình thành như vùng cao-su, vùng đỗ tương, chuối v.v... Rừng có nhiều gỗ quý và nhiều lâm sản dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp. Vùng biển Đồng-nai chạy dài 140 km, có nguồn hải sản phong phú với trữ lượng lớn, rồi đây sẽ trở thành một trong những trung tâm

Digitized by Google

ngư nghiệp lớn của nước ta. Vũng-tàu là một hải cảng lớn, một cơ sở du lịch tốt.

Về công nghiệp, Đồng-nai có khu công nghiệp tập trung Biên-hòa với nhiều nhà máy tương đối hiện đại, có nhiều cơ sở công nghiệp nhỏ và thủ công nghiệp thuộc các ngành, nghề khác nhau sản xuất nhiều mặt hàng phong phú. Đồng-nai có nguồn thủy điện dồi dào, nguồn vật liệu xây dựng (đá, cát, vôi...) phong phú, có nhiều khoáng sản với trữ lượng lớn, và trong tương lai nơi đây sẽ là một trong những trung tâm khai thác dầu khí của nước ta. Hệ thống đường giao thông, đường bộ, đường sông, đường biển rất thuận lợi.

Đồng-nai có đội ngũ lao động gần 55 vạn người, bước đầu có sự phân công lớn trong lao động xã hội, hình thành các ngành, các vùng sản xuất chuyên môn hóa với một lực lượng công nhân có tay nghề giỏi.

Với nguồn tài nguyên phong phú, lực lượng lao động đông đảo và có kỹ thuật, tỉnh Đồng-nai có khả năng nhanh chóng tiến lên xây dựng thành một tỉnh công — nông nghiệp phát triển toàn diện.

Trước đây, dưới chế độ cũ, kinh tế Đồng-nai đã có sự biến đổi một bước theo hướng sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa. Những cơ sở công nghiệp lớn tập trung và một số vùng chuyên canh đã được xây dựng. Tuy nhiên, nền kinh tế của tỉnh Đồng-nai về cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, mất cân đối nghiêm trọng do hậu quả của chiến tranh và chính sách thực dân mới để lại. Công nghiệp lệ thuộc vào nước ngoài, dân cư phi nông nghiệp quá đông (chiếm tới 45% số dân) số người không sản xuất quá lớn. Sản xuất nông nghiệp quẻ quặt, lệ thuộc vào thị trường tư bản chủ nghĩa, rừng bị tàn phá nặng nề, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp không cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp. Đặc biệt là diện tích trồng cây lương thực, nhất là trồng lúa, quá hẹp (4 vạn ha ruộng nước); sản lượng lương thực quá ít chỉ bảo đảm 1/3 nhu cầu lương thực cho người. Chăn nuôi kém phát triển, đàn gia súc rất ít. Đó là những chỗ yếu cơ bản trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Đồng-nai.

Với quy mô sản xuất nhỏ hẹp, trình độ sản xuất thấp kém, quan hệ sản xuất cá thể và tự phát tư bản chủ nghĩa, nông nghiệp không phát huy được hết tiềm năng, không đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của đời sống nhân dân và tạo ra được tiền đề cho sự phát triển của công nghiệp. Vì vậy, mặc dù kinh tế của Đồng-nai bước đầu đã có sự phân công lớn giữa công nghiệp và nông nghiệp, song muốn tạo ra thế đi lên của nền kinh tế thì vấn đề quan trọng hàng đầu là phải tập trung sức phát triển nông nghiệp.

Xuất phát từ đặc điểm trên đây, được Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng soi sáng, Đại hội lần thứ nhất đảng bộ tỉnh chúng tôi quyết định phương hướng cơ bản của tỉnh Đồng-nai trong giai đoạn mới là: **«trên cơ sở phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp và ngư nghiệp, từng bước khẩn trương xây dựng tỉnh Đồng-nai thành một tỉnh công — nông nghiệp giàu mạnh».**

Theo phương hướng trên đây, trong thời gian **trước mắt, nhiệm vụ hàng đầu của Đồng-nai là tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, trong đó sản xuất lương thực là bức thiết nhất,** đồng thời **đẩy mạnh sản xuất lâm nghiệp, ngư nghiệp,** phát triển mạnh **công nghiệp địa phương,** trước hết là **công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp và chế biến lương thực.** Đó là bước đi tất yếu nhằm nhanh chóng giải quyết một cách

Digitized by Google

cơ bản vấn đề lương thực, thực phẩm và một số hàng tiêu dùng thiết yếu để cải thiện đời sống của nhân dân, đồng thời tạo ra những điều kiện cần thiết làm cơ sở cho sự phát triển lớn mạnh của kinh tế địa phương, từng bước tăng nhanh khối lượng hàng hóa cung cấp cho trung ương và xuất khẩu để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, phát triển sản xuất nông nghiệp trở thành **công tác trọng tâm** của tỉnh, công nghiệp và tất cả các ngành trong tỉnh phải tập trung sức hướng vào phục vụ tích cực cho việc phát triển nông nghiệp.

Lấy nông nghiệp làm trung tâm, tập trung sức vào việc phát triển nông nghiệp, không có nghĩa là coi nhẹ phát triển công nghiệp. Đồng-nai có nhiều điều kiện để trở thành một trung tâm công nghiệp lớn trong đó có cả công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương. Do đó mục tiêu phát triển kinh tế của Đồng-nai là từng bước khẩn trương xây dựng thành tỉnh công — nông nghiệp giàu mạnh. Muốn vậy, vấn đề cơ bản là phải đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra, dựa vào sức mạnh của công nghiệp nặng do sự phát triển của kinh tế trung ương mà nhanh chóng phát triển công nghiệp địa phương, và thông qua sự tác động của công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương mà trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp và các ngành khác, từng bước tạo ra cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại.

Trước mắt, làm thế nào để nhanh chóng tạo ra những tiền đề cho công nghiệp phát triển, đồng thời nhanh chóng cải thiện từng bước đời sống của nhân dân sau chiến tranh? Không có cách nào khác là phải tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp và ngư nghiệp. Đó là con đường đúng nhất để phát huy các thế mạnh về kinh tế của Đồng-nai, nhằm đáp ứng những nhu cầu cơ bản nhất và cấp bách nhất. Bởi vì, sự phát triển lớn mạnh của công nghiệp, cả công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương đòi hỏi phải nhanh chóng tạo ra nguồn **nguyên liệu** dồi dào, trước mắt là khắc phục tình trạng thiếu nguyên liệu. Phát triển công nghiệp địa phương nhất thiết phải dựa trên cơ sở nguyên liệu địa phương. Tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp và ngư nghiệp là phương hướng khai thác tài nguyên trước mắt, từng bước tạo ra nguồn nguyên liệu làm cơ sở cho công nghiệp phát triển.

Với điều kiện đất đai, khí hậu của mình, Đồng-nai có khả năng rất lớn về phát triển cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày. Trên cơ sở vùng chuyên canh trồng cây **cao-su** hiện có với 13 nông trường, Đồng-nai có khả năng mở rộng thêm diện tích, sản xuất hàng chục vạn tấn cao-su cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp hóa chất; trước mắt sẽ tăng thêm 15.000 ha cao-su trồng mới, đưa sản lượng cao su từ 15.000 tấn lên 27.800 tấn (năm 1980).

Về cây có **dầu**, Đồng-nai có khả năng mở rộng diện tích trồng đỗ tương, cọ dầu, dừa, đậu phụng (lạc) trên quy mô lớn làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến dầu thực vật và các sản phẩm khác. Trên cơ sở quy hoạch vùng sản xuất chuyên canh, diện tích trồng đỗ tương (kết hợp với luân canh trồng ngô) có thể mở rộng tới hàng chục vạn héc-ta và sản xuất ra hàng chục vạn tấn đỗ tương; trước mắt Đồng-nai phấn đấu đưa sản lượng đỗ tương từ 4.300 tấn lên 22.000 tấn (năm 1980). Đồng-nai sẽ trồng cây **cọ dầu** trên quy mô lớn, hàng vạn héc-ta.

Về cây ăn quả, Đồng-nai có thể sản xuất nhiều loại hoa quả làm

Digitized by Google

nguyên liệu cho công nghiệp chế biến hoa quả và xuất khẩu, nhất là phát triển trồng chuối trên quy mô lớn, có thể sản xuất hàng chục vạn tấn chuối.

Về chăn nuôi, Đồng-nai có khả năng phát triển chăn nuôi toàn diện bao gồm bò, trâu, lợn, gia cầm và nuôi cá. Phát triển chăn nuôi theo lối công nghiệp, có thể sản xuất hàng vạn tấn thịt, hàng vạn tấn sữa, hàng trăm triệu quả trứng, cung cấp **thịt, sữa, da, lông** cho công nghiệp chế biến thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng.

Về lâm nghiệp, có thể khai thác hàng triệu mét khối gỗ làm nguyên liệu cho công nghiệp xây dựng, công nghiệp chế biến gỗ, sản xuất hàng tiêu dùng, và nhiều **tre nứa** cho nhà máy giấy, **mây, lá buông**... để sản xuất hàng thủ công và xuất khẩu.

Về hải sản, trước mắt Đồng-nai có khả năng tăng nhanh sản lượng **cá** dự kiến năm 1977 7 vạn tấn, năm 1978 13 vạn tấn, khai thác **tôm** (hàng nghìn tấn) và nhiều loại hải sản khác, tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp chế biến nước mắm, chế biến bột cá và công nghiệp tôm cá đông lạnh, tận dụng các nguồn phụ phẩm của hải sản, tận dụng vỏ sò, ốc làm thức ăn cho gia súc.

Bên cạnh cây lúa, Đồng-nai chú ý phát triển sản xuất **hoa màu** trên quy mô lớn nhằm giải quyết vấn đề lương thực, đồng thời tạo ra nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lương thực.

Như vậy, bằng cách đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp và ngư nghiệp nhằm khai thác nguồn tài nguyên của đất, rừng, biển, Đồng-nai có thể nhanh chóng tạo ra cơ sở nguyên liệu phong phú cho các ngành **công nghiệp chế biến và xuất khẩu**. Mặt khác cũng thông qua xuất, nhập khẩu và sự chi viện của công nghiệp trung ương mà có thêm những nguyên liệu mới, bổ sung những nguyên liệu, vật tư đang thiếu mà trong nước và địa phương chưa sản xuất được. Như vậy, công nghiệp sẽ được xây dựng và phát triển trên cơ sở nguồn nguyên liệu vững chắc của địa phương, trên cơ sở phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, và việc sản xuất nguyên liệu sẽ gắn chặt với công nghiệp chế biến.

Sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp gắn liền với công nghiệp chế biến đòi hỏi phải gấp rút phát triển các ngành **công nghiệp chế tạo tư liệu sản xuất**, nhằm cung cấp nhiều máy móc, công cụ, vật tư cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến mới.

Công nghiệp địa phương Đồng-nai với 53 xí nghiệp và hàng nghìn cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, có sự kết hợp và hỗ trợ của 58 xí nghiệp lớn do trung ương quản lý, có khả năng vươn lên đáp ứng nhu cầu đó. Ngành **cơ khí địa phương** với 13 xí nghiệp sẵn có sẽ được tăng cường thêm thiết bị và phát triển thành mạng lưới rộng khắp trong tỉnh, có khả năng sản xuất một số máy công cụ trang bị cho cơ khí huyện và xã, sản xuất các loại máy chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất phụ tùng thay thế, sửa chữa lớn, vừa và nhỏ, sản xuất các loại công cụ cầm tay. Công nghiệp Đồng-nai sẽ đẩy mạnh sản xuất các loại vật tư phục vụ nông nghiệp và các ngành khác, như khai thác và xay đá vôi bón ruộng, sản xuất phân hóa học, thuốc trừ sâu, sản xuất ống nước cho máy bơm, đắp vỏ xe cho máy kéo và ô-tô vận tải.

Công nghiệp địa phương Đồng-nai sẽ vươn lên sản xuất các **thiết bị, máy móc cho các cơ sở chế biến**, phát triển các xưởng **tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp** để chế biến với quy mô to, nhỏ khác nhau,

Digitized by Google

với trình độ kỹ thuật cao, thấp khác nhau, nhằm chế biến các loại nguyên liệu khác nhau (xay xát gạo chế biến bắp(ngô), mì (sắn), chế biến sản phẩm chăn nuôi, cá, sản phẩm cây công nghiệp và cây ăn quả, chế biến đồ gỗ, làm hàng thủ công xuất khẩu, làm đồ nhôm, sành, sứ...), trước hết là tập trung sức phát triển ngành công nghiệp **chế biến lương thực.**

Để xây dựng các cơ sở công nghiệp trên đây và phục vụ cho việc xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, Đồng-nai sẽ phát triển mạnh công nghiệp sản xuất **vật liệu xây dựng**, đẩy mạnh khai thác cát, đá pô-đơ-nan, sản xuất gạch, ngói, xi-măng và các loại vật liệu khác, gắn liền với sự phát triển của ngành **công nghiệp xây dựng.**

Như vậy là công nghiệp địa phương không thụ động chờ nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp phát triển để tạo ra cơ sở cho mình. Phát huy năng lực sẵn có, công nghiệp địa phương tác động vào nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp theo hướng: vừa cung cấp nhiều tư liệu sản xuất để khai thác tài nguyên đất, rừng, biển tạo ra cơ sở nguyên liệu, vừa nắm lấy nguồn nguyên liệu đó để phát triển các ngành công nghiệp chế biến. Có sự tác động này của công nghiệp thì sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp mới được đẩy mạnh. Và cũng chính từ sự tác động đó mà công nghiệp địa phương, bao gồm các ngành công nghiệp chế tạo tư liệu sản xuất và các ngành sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, sẽ phát triển nhanh chóng, gắn liền với nông, lâm, ngư nghiệp trong một cơ cấu kinh tế địa phương hợp lý.

Việc khai thác tài nguyên đất, rừng, biển và tiến lên khai thác tài nguyên dưới lòng đất và dưới đáy biển (các khoáng sản kim loại và không kim loại, dầu mỏ) trong phạm vi Đồng-nai đòi hỏi phải vừa xây dựng các cơ sở công nghiệp lớn của trung ương vừa phát triển công nghiệp địa phương, **kết hợp kinh tế trung ương và kinh tế địa phương** trong một cơ cấu kinh tế thống nhất. Chỉ dựa vào công nghiệp địa phương thì không đủ sức để khai thác các nguồn tài nguyên to lớn. Song nếu không ra sức đẩy mạnh công nghiệp địa phương thì công nghiệp trung ương sẽ không thể khai thác được hết các nguồn tài nguyên đa dạng và thiếu những điều kiện kết hợp và hỗ trợ cần thiết để phát triển. Vì vậy phải kết hợp chặt chẽ công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trong một hệ thống kế hoạch hóa và quản lý theo ngành kết hợp với kế hoạch hóa và quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Có như vậy, kinh tế địa phương Đồng-nai mới có điều kiện phát triển mạnh mẽ, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển của kinh tế trung ương. Cũng chính vì vậy mà trong khi đặt vấn đề phát triển kinh tế địa phương, chúng tôi nghĩ ngay đến các cơ sở kinh tế trung ương trên lãnh thổ Đồng-nai, coi việc tích cực góp phần vào xây dựng các cơ sở kinh tế do trung ương quản lý là trách nhiệm của mình.

TẬP TRUNG SỨC ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC ĐI ĐÔI VỚI PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN, PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP VÀ NGƯ NGHIỆP

Nhiệm vụ trọng tâm trước mắt của Đồng-nai là tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp và ngư nghiệp, trong đó sản xuất lương thực là bức thiết nhất. Trong tình hình hiện nay, vấn

Digitized by Google

để sản xuất lương thực ở Đồng-nai có vị trí đặc biệt quan trọng và nổi lên hàng đầu. Bởi vì đó là nhu cầu bức thiết nhất của đời sống và cũng là một điều kiện cơ bản để phát triển sản xuất, mở mang các thế mạnh của kinh tế Đồng-nai. Muốn giải quyết vấn đề lương thực, không có cách nào khác là phải dựa vào chính nguồn tài nguyên và lực lượng lao động của địa phương.

Diện tích ruộng nước của Đồng-nai có hạn, nhiều nhất là 6 vạn héc-ta, trong đó chỉ khoảng 4 vạn héc-ta có khả năng cấy lúa 2 vụ. Nếu tận dụng diện tích cấy lúa và ra sức thâm canh thì sản lượng thóc cũng chỉ đáp ứng được nửa số nhu cầu về lương thực cho người. Trong khi đó Đồng-nai lại có khả năng rất lớn về mở rộng diện tích trồng hoa màu, nhất là đất đỏ ở Đồng-nai tương đối bằng và có nhiều màu mỡ. Vì vậy, một mặt chúng tôi tích cực khai hoang, tăng vụ, mở rộng diện tích trồng lúa đi đôi với thâm canh tăng năng suất lúa, mặt khác, chúng tôi ra sức mở rộng diện tích hoa màu nhất là trồng ngô, sắn, tổ chức sản xuất tập trung chuyên canh quy mô lớn để sớm tạo ra khối lượng lớn hoa màu với tỷ trọng khoảng 2/3 tổng sản lượng lương thực. Như vậy, ở Đồng-nai hoa màu có vị trí hết sức quan trọng, **có đẩy mạnh sản xuất hoa màu thì mới giải quyết được vấn đề lương thực.**

Việc phát triển sản xuất hoa màu đòi hỏi phải đẩy mạnh **chế biến hoa màu** dưới nhiều hình thức như phơi khô, sấy khô, chế biến thành tinh bột, sợi và chế biến tổng hợp, biến hoa màu thành thức ăn ngon, phù hợp với bữa ăn công nghiệp, đồng thời tạo ra nguồn thức ăn cho gia súc. Ra sức phát triển sản xuất hoa màu đi đôi với tăng sản lượng lúa theo hướng thâm canh là phương hướng chủ yếu để giải quyết vấn đề lương thực ở Đồng-nai. Đó cũng là một hướng phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp toàn diện.

Sự phát triển của ngành trồng trọt nhất là trồng cây lương thực đòi hỏi phải gấp rút phát triển **chăn nuôi**, phải nhanh chóng đưa chăn nuôi lên thành ngành chính, cân đối với trồng trọt. Tuy nhiên, quy mô phát triển chăn nuôi lại bị giới hạn bởi khối lượng lương thực dành cho gia súc. Nếu chờ giải quyết xong lương thực cho người rồi mới phát triển chăn nuôi thì trước mắt không thể đẩy chăn nuôi lên được, do đó không tăng được nguồn thực phẩm và tạo ra nguồn phân bón để thâm canh cây trồng. Bởi vậy, chúng tôi chủ trương cùng một lúc vừa giải quyết vấn đề lương thực cho người, vừa giải quyết vấn đề thức ăn cho gia súc, vừa phát triển trồng trọt vừa phát triển chăn nuôi. Trên cơ sở phấn đấu tăng nhanh sản lượng hoa màu và đẩy mạnh chế biến hoa màu, kết hợp với tận dụng và chế biến các phụ phẩm của ngành trồng trọt và hải sản, kể cả phụ phẩm công nghiệp để chế biến thành thức ăn công nghiệp cho gia súc, chúng tôi sẽ áp dụng rộng rãi phương thức chăn nuôi theo lối công nghiệp. Chúng tôi cũng sẽ quy hoạch vùng trồng cỏ, kết hợp với trồng rừng và cây công nghiệp dài ngày, tạo ra các đồng cỏ để phát triển chăn nuôi trâu bò. Việc phát triển nuôi cá, tôm nước ngọt nhất là trên sông Đồng-nai sẽ được chú trọng. Với cơ sở thức ăn cho gia súc như đã nói trên, Đồng-nai có khả năng phát triển chăn nuôi toàn diện, kể cả gia súc lớn, gia súc nhỏ, gia cầm, cá hồ ao, song song với phát triển trồng trọt, nhanh chóng đưa chăn nuôi lên thành ngành chính.

Nhấn mạnh vấn đề sản xuất lương thực trước mắt với sức cố gắng cao nhất không có nghĩa là rút hẹp diện tích trồng cây công nghiệp, hoặc khai phá bừa bãi đất rừng làm cho tài nguyên rừng khô kiệt. Trong điều

Digitized by Google

kiện của Đồng-nai, không thể không cố gắng hết sức để giải quyết cơ bản vấn đề lương thực, không giải quyết được nhu cầu bức thiết nhất của đời sống thì không thể tiến lên được. song nếu không triển khai ngay các thế mạnh vốn có về cây công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp thì cũng không tạo ra được thế đi lên của nền kinh tế. Trên cơ sở đất đai vừa có tính nhiều màu mỡ, vừa có tính nhiều về, có khả năng mở rộng diện tích trồng trọt, chúng tôi sẽ ra sức khai thác những thuận lợi đó, vừa cố gắng hết sức phát triển sản xuất lương thực, vừa tranh thủ hết mức phát triển cây công nghiệp, đặc biệt là những cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao, sản xuất tập trung quy mô lớn (cao-su, cọ dầu, đỗ tương...) Chúng tôi sẽ ra sức phấn đấu để trong 5 năm tới không những **tự giải quyết được cơ bản vấn đề lương thực, mà còn có thế mạnh về cây công nghiệp với khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn.**

Việc phát triển trồng cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày đòi hỏi mở rộng diện tích với quy mô lớn, song không phải là khai phá đất đai vô hạn độ, dẫn tới chỗ làm mất thế mạnh vốn có về lâm nghiệp của Đồng-nai. Căn cứ vào yêu cầu phát triển nông nghiệp và ngư nghiệp, bảo vệ môi trường sống và xây dựng quốc phòng, chúng tôi chủ trương quy hoạch đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp theo một tỷ lệ thích đáng bảo đảm cho **sự phát triển lớn mạnh của cả nông nghiệp và lâm nghiệp.** (Theo dự kiến quy hoạch, đất lâm nghiệp chiếm 30% diện tích đất tự nhiên). Đương nhiên việc khai hoang mở rộng diện tích đất nông nghiệp với mức độ hợp lý phải đi đôi với thâm canh tăng năng suất trên toàn bộ diện tích, cả diện tích cũ và diện tích mới, hết sức tiết kiệm đất và sử dụng đất với hiệu quả cao nhất. Đất rừng tuy rộng nhưng không phải nhiều lắm và phần lớn rừng đã bị tàn phá nặng nề. Vì vậy đi đôi với việc khai hoang mở rộng diện tích đất nông nghiệp một cách hợp lý, phải khẩn trương tu bổ rừng, trồng rừng mới, cân đối giữa khai thác và tu bổ, trồng thêm để bảo đảm khai thác liên tục với hiệu quả kinh tế cao.

Hải sản là một thế mạnh của Đồng-nai. Có thể khai thác nhanh các nguồn lợi về hải sản bằng tăng cường nuôi và đánh bắt tôm cá nước lợ, để tăng nguồn thực phẩm cho người, cho gia súc và xuất khẩu. Đi đôi với phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp, chúng tôi sẽ phát triển mạnh nghề cá biển, phát triển công nghiệp phục vụ khai thác và chế biến hải sản.

Sự phát triển của cây công nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, ngư nghiệp ngay từ đầu và trong từng bước, gắn chặt với phát triển sản xuất lương thực, tạo điều kiện tăng nhanh sản lượng lương thực. Ngược lại qua mỗi vụ, có thêm lương thực, phải biết sử dụng lương thực để mở rộng phân công lao động, phát huy các thế mạnh của Đồng-nai. Sản xuất lương thực cũng phải toàn diện và đặt trong sự phát triển kinh tế toàn diện. Không những tăng sản lượng lương thực trong phạm vi diện tích trồng cây lương thực mà còn kết hợp với cây công nghiệp dài ngày trên diện tích mới trồng, tranh thủ trồng xen hoa màu trong vài ba năm. Kết hợp trồng cây lương thực với cây công nghiệp ngắn ngày bằng một chế độ luân canh, xen canh hợp lý, nhất là thâm canh tăng năng suất cả cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày, để đạt được sản lượng cao nhất của mỗi loại cây trồng trong từng vụ sản xuất. Như vậy, vừa tiết kiệm đất trồng cây hằng năm, hạn chế việc khai phá đất rừng, vừa bảo vệ và tăng độ màu mỡ của đất. Kết hợp chặt chẽ việc trồng cây lương thực với các loại cây thực phẩm, cây ăn quả, các loại rau đậu và tăng

Digitized by Google

nhanh sản phẩm gia súc, cả để tăng nhanh sản lượng thực phẩm nhằm cải tạo cơ cấu bữa ăn, tăng dần chất đạm, chất béo, giảm dần tỷ lệ chất bột, đường, góp phần giải quyết nhanh chóng vấn đề lương thực.

Tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp và ngư nghiệp, trong đó sản xuất lương thực là bức thiết nhất, theo phương hướng trên đây, cho phép cùng một lúc giải quyết cả hai vấn đề cơ bản là sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp và sản xuất lương thực. Phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp và ngư nghiệp, đi vào sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh, hình thành cơ cấu của nền nông nghiệp lớn kết hợp chặt chẽ với công nghiệp và trở thành cơ sở vững chắc để phát triển công nghiệp và cải thiện đời sống nhân dân. Đó là cách khắc phục có hiệu quả tình trạng cánh kéo, mất cân đối nghiêm trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp do chế độ cũ để lại, gắn chặt công nghiệp với nông nghiệp – lâm nghiệp – ngư nghiệp ngay từ đầu, hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý.

Theo phương hướng xây dựng cơ cấu kinh tế trên đây, chúng tôi sẽ tiến hành việc tổ chức lại nền sản xuất, phân công lại lao động trong tỉnh. Trước mắt, chúng tôi sẽ giải quyết việc làm cho số người lao động chưa có việc làm, chuyển phần lớn số người phi sản xuất không cần thiết sang sản xuất, chủ yếu là đi xây dựng vùng kinh tế mới trong tỉnh. Việc khai hoang, xây dựng các vùng kinh tế mới trong tỉnh chủ yếu là dưới hình thức các nông trường trồng cây công nghiệp, các nông trường trồng cây lương thực... của tỉnh, của huyện và các nông trường quân đội, ăn khớp với việc xây dựng cơ cấu nông – công nghiệp hoặc nông–lâm–công nghiệp, nông – ngư – công nghiệp trên địa bàn huyện. Việc xây dựng các vùng kinh tế mới của địa phương dựa vào hai lực lượng nòng cốt là bộ đội và thanh niên xung phong, kết hợp với lực lượng lao động và dân cư mới chuyển tới. Quá trình tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động gắn chặt với việc đẩy mạnh cải tạo công thương nghiệp tư doanh, cải tạo nông nghiệp và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật.

★

Xây dựng cơ cấu kinh tế địa phương hợp lý theo phương hướng trên đây là nhằm phát huy các thế mạnh toàn diện của Đồng-nai, tạo thành sức mạnh tổng hợp phát triển kinh tế địa phương và góp phần xây dựng kinh tế trung ương. Bằng cách đó, Đồng-nai sẽ phát huy được ưu thế về lực lượng lao động dồi dào và nhiều lao động có tay nghề giỏi, thu hút mọi nguồn lao động nhằm sáng tạo ra nhiều của cải cho xã hội, từ đó có thể vươn lên đáp ứng những yêu cầu rất cơ bản và cấp bách về cải thiện đời sống của nhân dân và tạo ra nguồn tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đó là phương hướng tiến lên xây dựng cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp của tỉnh Đồng-nai, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Chúng tôi nghĩ rằng quán triệt đường lối của Đảng vào thực tiễn của địa phương là một quá trình phấn đấu gian khổ. Chúng tôi cũng biết rằng từ việc đề ra phương hướng, bước đi đến việc biến khả năng thành hiện thực là một khoảng cách và đòi hỏi phải có sự cố gắng rất lớn về mặt tổ chức thực tiễn. Để thực hiện phương hướng trên đây, trước mắt chúng tôi sẽ đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại nền sản xuất, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, tập

(Xem tiếp trang 70)

Digitized by Google

Quảng-ninh tích cực phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế trung ương tại địa phương

NGUYỄN-ĐỨC-TÂM
Ủy viên Trung ương Đảng
Bí thư tỉnh ủy Quảng-ninh

QUẢNG-NINH là một tỉnh có khu công nghiệp tập trung lớn của Trung ương, trước hết là công nghiệp khai thác than, công nghiệp điện, công nghiệp cơ khí, rồi đến công nghiệp đóng tàu, công nghiệp du lịch và một số cơ sở công nghiệp khác. Khu công nghiệp này ngày một phát triển với quy mô lớn, nhịp độ nhanh. Còn nền kinh tế địa phương của chúng tôi tương đối phong phú và đa dạng. Có nền nông nghiệp trung du, miền núi khá toàn diện, có tài nguyên về rừng và đất rừng tương đối lớn, có nguồn hải sản dồi dào, có khả năng phát triển khá lớn các ngành vật liệu xây dựng, sành, sứ. Đó là những thế mạnh về kinh tế của tỉnh chúng tôi cần được khai thác tốt hơn. Song mặt khác tỉnh chung tôi lại có địa lý phức tạp, đất nông nghiệp rất ít (hơn 4 vạn héc ta), phần lớn là đất chân núi, bạc màu và chua mặn, lại ở phân tán mỗi nơi một ít, trình độ kỹ thuật canh tác chưa cao, mang nặng tính chất sản xuất nhỏ, tự cấp tự túc của miền núi. Trong hoàn cảnh như vậy, tỉnh chúng tôi vẫn phải bảo đảm yêu cầu cung cấp sản phẩm nông nghiệp, chủ yếu là thực phẩm và một phần lương thực cho trên mười vạn công nhân, cán bộ các xí nghiệp trung ương và địa phương cùng với mấy chục vạn người trong gia đình họ, phần lớn công nhân ở Quảng-ninh thuộc các ngành công nghiệp nặng nhọc, độc hại, tiêu chuẩn thực phẩm cao hơn nhiều so với tiêu chuẩn của người lao động bình thường. Ngoài ra, còn phải bảo đảm yêu cầu ngày càng nhiều về cung cấp gỗ chống lò, gỗ xây dựng cơ bản, vật liệu xây

Digitized by Google

dựng, nước và lao động cho công nghiệp trung ương, hàng tiêu dùng, nước cho sinh hoạt, nhà ở, các cơ sở phục vụ công cộng, vui chơi giải trí, đi lại, chữa bệnh, học hành cho công nhân và gia đình công nhân.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, từ sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 của Ban chấp hành trung ương Đảng, nhất là sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh (vòng hai) vừa rồi, Tỉnh ủy chúng tôi đã nhận thức sâu sắc hơn công tác quản lý và phát triển kinh tế địa phương để ngày càng phục vụ tốt cho việc xây dựng các cơ sở kinh tế trung ương tại địa phương, đặc biệt là các xí nghiệp sản xuất than, một trong những ngành công nghiệp then chốt của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Trong những năm 1971, 1972, 1973, chúng tôi đã củng cố hợp tác xã nông nghiệp, làm thử việc xây dựng vành đai thực phẩm, xây dựng các hợp tác xã chuyên sản xuất rau, làm thử việc cơ khí hóa nghề đánh cá tại một số hợp tác xã nghề cá, đẩy mạnh phát triển nghề rừng, v.v... Sau khi làm thử, Tỉnh ủy chúng tôi đã ra một số nghị quyết chuyên đề về phát triển nghề cá và cơ khí hóa nghề đánh cá; về phát triển nghề rừng, bảo đảm gỗ chống lò cho công nghiệp mỏ; về củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm; về phát triển sản xuất vật liệu xây dựng...; đồng thời đặt vấn đề với các ngành công nghiệp trung ương giúp đỡ kinh tế địa phương phát triển, nhất là giúp đào tạo công nhân, sửa chữa thiết bị, v.v...

Mấy năm nay, Tỉnh ủy chúng tôi đã xây dựng và phát triển kinh tế theo phương hướng: dựa theo yêu cầu phát triển và phục vụ các ngành kinh tế trung ương, kết hợp chặt chẽ với việc phát huy ngày càng tốt hơn những thế mạnh của kinh tế địa phương mà đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế địa phương, tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm hàng hóa để bảo đảm nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, phục vụ tốt hơn nữa các ngành kinh tế trung ương tại địa phương, phục vụ xuất khẩu, du lịch, phục vụ đời sống nhân dân.

Thực tế trong những năm qua tuy còn có những thiếu sót, khuyết điểm, Đảng bộ và nhân dân tỉnh chúng tôi đã có những đóng góp nhất định trong việc phát triển kinh tế địa phương để phục vụ sự nghiệp xây dựng các cơ sở kinh tế trung ương tại địa phương. Về sản xuất lương thực, thực phẩm, nghề rừng, nghề cá đều đạt được tương đối khá. Giá trị sản lượng nông nghiệp hằng năm tăng bình quân 8,9%, tỷ suất hàng hóa từ 21% năm 1973 lên hơn 25% năm 1976. Công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp được khôi phục và mở rộng, nên số lượng thực phẩm, hàng hóa, vật tư cung cấp cho các ngành kinh tế trung ương tại địa phương hằng năm đều đạt kế hoạch và có tăng thêm. Về thực phẩm chính như: thịt, cá, nước mắm đều cơ bản bảo đảm được tiêu chuẩn quy định của Nhà nước, thực phẩm bình quân

Digitized by Google

hằng năm tăng 21,5%. Rau xanh từ chỗ trước đây có rất ít, nay đã bảo đảm về cơ bản nhu cầu cho công nhân và nhân dân các thị xã. Tỷ lệ thịt lợn do địa phương nuôi để cung cấp cho khu mỏ từ 49,4% năm 1973 lên 61,9% năm 1976. Trứng tăng nhiều do phát triển đàn vịt đẻ và bước đầu phát triển nuôi gà công nghiệp. Bò sữa cũng đã được nuôi thử để lấy sữa phục vụ công nhân. Nghề rừng hằng năm đạt và vượt kế hoạch về mặt trồng rừng, tu bổ rừng, khai thác gỗ, cung cấp gỗ cho công nghiệp mỏ. Việc cung cấp gạch, ngói, vật liệu xây dựng cho các cơ sở công nghiệp trung ương hằng năm đều bảo đảm chỉ tiêu kế hoạch. Nghề cá phát triển tương đối mạnh, trình độ cơ khí hóa ngày càng cao, đến nay có tổng số 88 tàu, thuyền máy với 6.500 sức ngựa. Việc trang bị cơ khí cho nghề đánh cá tương đối đồng bộ, gồm trang bị máy để tăng khả năng cơ động, bám sát đàn cá, máy thăm dò cá, phương tiện thông tin liên lạc, v.v... cho nên sản lượng cá ăn, nhất là cá tươi ngày một tăng, bảo đảm được kế hoạch cung cấp nước mắm của công nhân, nông dân địa phương và giao nộp một phần chượp và nước mắm cho Trung ương. Các mặt giáo dục, y tế, văn hóa đều phát triển để đáp ứng yêu cầu học tập, chữa bệnh và một phần vui chơi, giải trí cho công nhân và gia đình. Công tác lưu thông phân phối và giao thông đi lại ngày một phục vụ tốt hơn đời sống cán bộ, công nhân và nhân dân.

★

Hiện nay, để thực hiện chủ trương «vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất» như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra, Đảng bộ tỉnh chúng tôi đã ghi rõ trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn tỉnh lần thứ 5 (vòng 2) của mình như sau: «Phải nhằm nhiệm vụ phục vụ các ngành kinh tế trung ương để phát triển kinh tế địa phương, đồng thời phát huy tác dụng tích cực của công nghiệp trung ương để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển; làm cho kinh tế trung ương và kinh tế địa phương gắn chặt với nhau trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất ngay trên địa bàn Quảng-ninh. Đó cũng chính là góp phần thực hiện từng bước làm cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ trở thành cơ sở cho công nghiệp nặng phát triển trong phạm vi một địa phương».

Với cách đặt vấn đề như trên, chúng tôi tập trung cao độ lực lượng của cả tỉnh, của các cấp, các ngành, và đã bàn với các ngành kinh tế trung ương (các Bộ chủ quản), tạo mọi điều kiện để phát huy tiềm lực kinh tế trên địa bàn tỉnh mình. Trước hết, tập trung sức tạo ra một bước phát triển vượt bậc của nông nghiệp, cả về lương thực và thực phẩm, coi nông nghiệp là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Chúng tôi đã đề ra những biện pháp tích cực nhất để phát triển lúa và màu, đưa tỷ lệ màu trong lương thực lên 30% trong năm 1978

Digitized by Google

và lên khoảng 40% trong năm 1980. Màu ở Quảng-ninh có vị trí rất quan trọng và có khả năng phát triển lớn, nhất là khoai lang, sắn, khoai tây, dong riềng. Chúng tôi sẽ tập trung phát triển những loại cây này trong từng vùng để không những tiện cho chỉ đạo các mặt nhằm tăng năng suất cây trồng, tập trung được sản phẩm, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc chế biến, tăng thêm giá trị sản phẩm, cải tiến cơ cấu bữa ăn cho nhân dân và cũng tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất lương thực, sẽ dành phần đất đai thích hợp cho phát triển rau, đậu tương, lạc và cho phát triển đàn lợn. Chúng tôi đã quy thành một số vùng tập trung và có những biện pháp tích cực để bảo đảm vững chắc rau xanh cho công nhân và nhân dân thành thị, phát triển nhanh đàn lợn, gia cầm, gia súc lớn để ngày càng nâng cao tỷ lệ thịt sản xuất tại địa phương cung cấp cho khu mỏ. Đồng thời chúng tôi cũng phát triển mạnh nghề rừng, nghề cá; đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương, phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp theo hướng phát triển thật nhanh vật liệu xây dựng, sành, sứ và các mặt hàng tiêu dùng khác mà địa phương có khả năng sản xuất để đáp ứng nhu cầu cấp bách về đời sống của công nhân và nhân dân trong tỉnh. Mặt khác đưa một số mặt hàng mà địa phương có thế mạnh, có khả năng sản xuất được nhiều như vật liệu xây dựng, sành, sứ, v.v... qua các tỉnh bạn để đổi lấy những thứ hàng cần thiết về phục vụ công nhân và nhân dân Quảng-ninh.

Để thực hiện yêu cầu phục vụ các ngành kinh tế trung ương, đồng thời phát triển nhanh những ngành kinh tế có thế mạnh ở địa phương, chúng tôi đẩy mạnh việc phân công lại lao động. Trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh công tác thủy lợi, hoàn chỉnh thủy nông cho một số vùng, trang bị đủ công cụ cầm tay và công cụ cải tiến, chúng tôi sẽ rút ra một số lao động trong nông nghiệp (chủ yếu ở khâu trồng lương thực) để phân bố vào khâu phát triển sản xuất thực phẩm, nghề rừng, nghề cá và công nghiệp chế biến thực phẩm, lương thực. Hiện nay, chúng tôi đang xây dựng một số vùng kinh tế mới, trong đó Công trình khai hoang sông Khoai với diện tích trên 1.300 ha đang được gấp rút hoàn thành. Công trình đại thủy nông Yên-lập cũng đang được tập trung thi công

Chúng tôi sẽ dành lao động thích đáng vào việc thực hiện quy hoạch phát triển sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng nhà ở. Ở Quảng-ninh, yêu cầu xây dựng lớn và cấp bách. Nguồn nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng ở Quảng-ninh rất nhiều. Trữ lượng đất sét rất lớn, được phân bố trên từng khu vực dọc theo chiều dài hàng trăm ki-lô-mét từ Đông-triều đến Móng-cái, lại có những mỏ đất sét chất lượng tốt tập trung ở một số nơi thuộc huyện Hoành-bồ. Cho nên rất thuận lợi cho việc sản xuất gạch ngói, và các vật liệu khác. Đá vôi, cát xây dựng, cát thủy tinh cũng có trữ lượng rất lớn, chất lượng tốt. Ngoài ra, một số nơi trong tỉnh còn có đá hoa cương, đá hoa dùng làm vật

Digitized by Google

liệu lát các công trình văn hóa, du lịch. Chúng tôi đang xây dựng và mở rộng một số xí nghiệp gạch ngói quốc doanh, hình thành một số khu vực sản xuất gạch ngói tập trung trong những năm sắp tới. Trước mắt, chúng tôi sẽ hoàn chỉnh một số cụm sản xuất gạch ngói với công suất 20 triệu viên/năm, đồng thời đầu tư giúp các hợp tác xã kiêm doanh sản xuất gạch ngói với sản lượng 3 triệu viên/năm, coi đây là lực lượng quan trọng để đưa mức sản lượng gạch ngói của tỉnh đến năm 1980 tăng gấp 3 lần 1977. Mặt khác, chúng tôi hoàn chỉnh sớm cơ sở sản xuất vật liệu tấm lớn lắp ghép hiện có và đưa vào hoạt động trong những năm tới để đẩy mạnh nhịp độ xây dựng. Về xây dựng, chúng tôi đã quy hoạch một số thị trấn công nghiệp, khu phố công nhân tập trung có các nhà nhiều tầng, các cơ sở phục vụ như các cửa hàng ăn uống, thực phẩm, bách hóa, các chỗ vui chơi, giải trí, v.v... Hiện nay chúng tôi đang xây dựng một số nhà nhiều tầng và những khu nhà một tầng ở các khu vực này, nhằm giải quyết dứt điểm từng bước vấn đề nhà ở cho các khu vực tập trung công nhân. Đi đôi với xây dựng nhà ở, chúng tôi đang gấp rút hoàn chỉnh một số công trình phúc lợi công cộng như nhà hát và khu triển lãm ở Hồng-gai, một số cơ sở phục vụ của ngành thương nghiệp cũng như một số cơ sở văn hóa ở các thị xã, thị trấn công nghiệp.

Nước ở vùng công nghiệp là vấn đề rất quan trọng và có yêu cầu rất lớn, nhất là ở những nơi gần biển. Chúng tôi không những phải lo nước cho sinh hoạt, mà còn phải lo rất nhiều nước cho công nghiệp, cho du lịch, tàu biển... Mấy năm nay chúng tôi đã giải quyết được một phần đáng kể vấn đề cung cấp nước bằng cách khôi phục lại các đường ống nước bị đánh phá trong chiến tranh, xây dựng thêm một số giếng bơm nước, một số đường ống mới đưa nước từ các vùng phụ cận về. Chúng tôi đã lập riêng một công ty nước để chuyên lo việc này.

Vấn đề đi lại, học tập, chữa bệnh, vui chơi giải trí ở địa phương cũng đã được cải thiện một phần. Chúng tôi đang từng bước thực hiện việc thống nhất các hệ thống tổ chức chữa bệnh, ăn uống, phục vụ, v.v... để nắm chắc được toàn bộ lực lượng, có kế hoạch phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công nhân và nhân dân trong việc học hành, chữa bệnh, đi lại và vui chơi giải trí. Chúng tôi đã bàn với các bộ chủ quản có những cơ sở xí nghiệp ở địa phương để thống nhất việc quy hoạch xây dựng các nhà máy, xí nghiệp, nhất là các mỏ than, các nhà máy điện, cơ khí, v.v... tại địa phương. Dựa vào đó, chúng tôi quy hoạch xây dựng các khu nhà ở cho công nhân, các công trình phục vụ và phúc lợi công cộng, các vùng sản xuất rau, các bến tàu xe, bến cảng dân dụng, v v... nhằm phục vụ các cơ sở sản xuất đó.

Một điều rất đáng mừng là trong những năm gần đây, chúng tôi đã xây dựng được mối quan hệ tốt giữa các ngành kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Hai bên cùng có trách nhiệm, cùng lo chung, tạo điều kiện hỗ trợ nhau để cùng phát triển. Kinh

Digitized by Google

tế địa phương và các ngành công tác của tỉnh chúng tôi lo làm sao góp phần tích cực nhất vào việc thực hiện các mục tiêu 10 triệu tấn than sạch, 5 tỷ kw/giờ điện trong kế hoạch 5 năm của cả nước. Đồng thời cùng với các ngành kinh tế trung ương đề ra kế hoạch và biện pháp sử dụng triệt để năng lực của các ngành kinh tế trung ương như cán bộ, thiết bị về điều tra, khảo sát, sản xuất và sửa chữa các công cụ, thiết bị, sản xuất phụ tùng thay thế, xây dựng đường dây dẫn điện, san gạt mặt bằng, xây dựng cơ bản, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, cung cấp phế liệu, phế phẩm cho các xí nghiệp địa phương, v.v... để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.

★

Để làm tốt những nhiệm vụ nói trên, Tỉnh ủy chúng tôi chú ý cải tiến công tác lãnh đạo của Đảng bộ, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Mấy năm nay, ngoài việc chăm lo xây dựng hệ thống thông tin kinh tế từ cơ sở lên tỉnh nhằm cung cấp những tin tức chính xác và kịp thời về kinh tế cho các cơ quan lãnh đạo, bảo đảm sự lãnh đạo có cơ sở khoa học, chúng tôi tập trung giải quyết ba khâu chính : củng cố tổ chức cơ sở Đảng và hệ thống tổ chức của chuyên chính vô sản từ cơ sở nâng cao chất lương đảng viên và phát đông phong trào quần chúng, nêu cao vai trò làm chủ tập thể của quần chúng trong quản lý kinh tế· quản lý xã hội.

Trong nông nghiệp, việc củng cố cơ sở Đảng gắn liền việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp theo nghị quyết 07 của tỉnh ủy và tiếp đó trong việc vận động tổ chức lại sản xuất tăng cường một bước quản lý nông nghiệp từ cơ sở theo chỉ thị 208 của Ban bí thư Trung ương Đảng. Trong việc kiện toàn các cấp ủy và các tổ chức chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, có việc xác định rõ chức trách của bí thư đảng ủy, chủ nhiệm hợp tác xã, chủ tịch xã, và mạnh dạn đề bạt, sắp xếp lại chỗ, điều động một số cán bộ từ các ngành ở huyện, tỉnh trở về làm cốt cán lãnh đạo cơ sở. Trong các cơ sở công nghiệp, chúng tôi cũng tiến hành củng cố cơ sở Đảng một cách thường xuyên, gắn với việc tăng cường tổ chức quản lý và củng cố các đoàn thể quần chúng. Thực hiện các nghị quyết 195 và 23 của Trung ương Đảng, các cấp ủy Đảng chúng tôi đã tập trung chỉ đạo rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đảng viên, chống những biểu hiện của nếp nghĩ, cách làm của người sản xuất nhỏ, bảo thủ, rụt rè, tư lợi, cục bộ, sản xuất theo lối tự cấp, tự túc, ngại khó, thiếu trách nhiệm, ỷ lại, tránh né, không dám đấu tranh với những sai trái, báo cáo sai sự thật... Đồng thời chống phương pháp tư tưởng phiến diện như không hoàn thành kế hoạch thì nặng về đổ lỗi cho khách quan, không thấy rõ trách nhiệm của đơn vị, của từng người ; nặng về yếu tố vật chất, kỹ thuật, lợi ích vật chất, nhẹ về tư tưởng con người ; không gắn công tác tư tưởng với công tác tổ chức, quản lý dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của các đảng bộ... Đến nay,

Digitized by Google

nhìn chung các tổ chức cơ sở trong đảng bộ chúng tôi đã vững hơn về chính trị; số cơ sở khá ngày càng tăng, số cơ sở và đảng viên trung bình giảm bớt nhiều; 50% số cơ sở kém đã có nhiều tiến bộ.

Đối với các xí nghiệp kinh tế trung ương, đặc biệt là các xí nghiệp thuộc ngành than, Ban thường vụ tỉnh ủy chúng tôi trực tiếp chỉ đạo công tác chính trị tư tưởng, công tác xây dựng Đảng. Thông qua công tác chính trị tư tưởng, công tác vận động quần chúng, công tác kiểm tra của Đảng, công tác thanh tra và giám đốc dựa vào chức năng quản lý theo địa phương của các cơ quan Nhà nước ở địa phương như lao động, ngân hàng Nhà nước, tài chính... mà phát hiện những vấn đề cần giải quyết trong quản lý kinh tế, xây dựng và thực hiện kế hoạch giúp các đảng ủy và giám đốc các xí nghiệp trung ương tăng cường và cải tiến lãnh đạo về mặt này. Cũng thông qua đây mà chúng tôi nắm thêm tình hình, góp ý kiến với các Bộ chủ quản về xây dựng, quản lý các cơ sở kinh tế của mình, v.v...

Mấy năm nay, nhờ áp dụng thường xuyên phương thức lãnh đạo nói trên, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chúng tôi đã phát hiện và có biện pháp giúp đảng ủy và ban giám đốc Công ty than Hồng-gai và các xí nghiệp trung ương ở địa phương từng bước ngăn chặn tình trạng vi phạm kỷ luật lao động, kỷ luật về an toàn lao động và bảo vệ tài sản của Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước của tỉnh còn kiểm tra việc sử dụng các quỹ và thể lệ chi tiêu tài chính của một số xí nghiệp, phát hiện một số trường hợp làm sai chính sách khen thưởng trong xí nghiệp, sử dụng vốn không đúng, v.v... Đồng thời chúng tôi còn dùng tờ báo của Đảng bộ và đài phát thanh của tỉnh thường xuyên cổ vũ mặt tốt, đấu tranh những biểu hiện tiêu cực trong sản xuất, quản lý các mặt và tổ chức đời sống. Những việc làm trên đã góp phần cùng với các ngành chủ quản khắc phục những khó khăn, khuyết điểm, đẩy mạnh sản xuất.

Đi đôi với việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ, chúng tôi rất quan tâm đến việc kiện toàn bộ máy Nhà nước của tỉnh từ bộ phận thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh đến các ty, các ngành chủ yếu. Các đồng chí trưởng phó ty và các cơ quan ngang ty đã qua học tập tại trường, tại chức. Kể cả số vừa được đề bạt, thì hơn 80% các đồng chí đó có trình độ đại học về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trình độ lý luận chính trị trung cấp và cao cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành được quy chế công tác, xác định rõ trách nhiệm của Ủy ban, của các ngành, các địa phương và quy định lề lối làm việc giữa Ủy ban với các ngành, quan hệ giải quyết công việc giữa các ngành, các địa phương với nhau. Do đó trách nhiệm của các ngành, các địa phương được nâng cao hơn. Các ngành chủ động phối hợp với nhau giải quyết được nhiều công việc cụ thể, giảm bớt được công việc sự vụ để Ủy ban đi vào tập trung chỉ đạo những công tác trọng tâm, những việc lớn, dành được thời gian đi kiểm tra và giải quyết công việc ở cơ sở. Nhiều ty,

Digitized by Google

ngành đã bố trí, sắp xếp lại tổ chức biên chế, xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng phòng, ban, từng cán bộ, công nhân, nhân viên. Chế độ thủ trưởng được xác định và thực hiện tốt hơn. Một số ty đã phân cấp một số loại công việc giao cho cơ sở làm mà trước đây ty còn bao biện, làm cho bộ máy của ty bớt được sự vụ. Đồng thời Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã chuyển một số nhiệm vụ từ ngành này sang ngành khác cho đúng với chức năng, thành lập một số đơn vị sản xuất, kinh doanh, quản lý cho phù hợp với hệ thống dọc từ trung ương đến địa phương, bảo đảm sự quản lý theo ngành và theo địa phương. Nhờ đó, một số ty hoạt động khá tăng thêm, số ty kém giảm nhiều.

Ngoài ra, chúng tôi còn chú trọng công tác vận động quần chúng, phát huy vai trò chủ động và óc sáng tạo của các đoàn thể quần chúng trong việc tổ chức, động viên giáo dục quần chúng bằng nhiều hình thức nhằm thúc đẩy phong trào thi đua lao động sản xuất và tổ chức đời sống. Chúng tôi đã có nghị quyết chuyên đề về vấn đề này, phân tích rõ nguyên nhân vì sao chưa có phong trào quần chúng và đề ra một loạt biện pháp để phát động phong trào quần chúng như: xây dựng tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, nền nếp quản lý, xây dựng điển hình, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ tập thể của quần chúng, tôn trọng ý kiến quần chúng, quan tâm giải quyết những yêu cầu bức thiết của đời sống quần chúng về phân phối thực phẩm, lương thực, đi lại, học hành, v v. Nhờ vậy, các đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ đã cùng với các cơ quan chính quyền đi vào tổ chức, giáo dục, động viên quần chúng thi đua lao động sản xuất và tổ chức đời sống với nhiều hình thức phong phú: hàng nghìn tổ kiểm tra nhân dân của công nhân viên chức do công đoàn cùng với chính quyền tổ chức ra để kiểm tra khâu phân phối thực phẩm, công nghệ phẩm; 651 đội thanh niên kiểm tra với 6.330 đội viên phối hợp với công an và công đoàn hoạt động rộng rãi trên các lĩnh vực bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ trật tự an ninh, kiểm tra nếp sống văn minh, phong cách và kỷ luật lao động; các hội nghị sáng kiến, các hội đồng kỹ thuật trẻ; phong trào phụ nữ xây dựng gia đình văn hóa mới, v.v... Những hình thức tổ chức đó đã góp phần phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng trong sản xuất và tổ chức đời sống, tiến quân vào khoa học kỹ thuật để xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, Đảng bộ chúng tôi đang tiếp tục rút kinh nghiệm để làm tốt các mặt công tác nói trên. Được nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng soi sáng và có Nghị quyết cụ thể của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh vừa rồi, chúng tôi quyết tâm phấn đấu góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu 10 triệu tấn than sạch, 5 tỷ kí lô oát/giờ điện và một số mục tiêu khác mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra, xây dựng Quảng-ninh thành một tỉnh có kinh tế địa phương phát triển phục vụ đắc lực kinh tế trung ương tại địa phương.

Digitized by Google

NHỮNG CHUYỂN BIẾN QUAN TRỌNG CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở CÁC TỈNH MIỀN NAM

NGUYỄN-HỮU-DỤNG

MỘT trong những lĩnh vực sớm được sự chỉ đạo của Đảng sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng là công tác giáo dục. Trải qua hai năm dưới chế độ mới, hệ thống giáo dục phổ thông ở miền Nam đã tiến được một bước dài, và đang có những chuyển biến quan trọng.

Nền giáo dục phản động của Mỹ — ngụy đã bị xóa bỏ, chế độ giáo dục mới được thiết lập.

Nền giáo dục phổ thông mà đế quốc Mỹ xây dựng ở miền Nam nước ta là một bộ phận của nền văn hóa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam. Nội dung dạy và học hết sức phản động và lạc hậu: truyền bá chủ nghĩa quốc gia dân tộc giả hiệu, truyền bá thế giới quan phản khoa học, duy tâm siêu hình hoặc duy vật máy móc và nhân sinh quan tư sản, đề cao chủ nghĩa cá nhân, chống chủ nghĩa cộng sản, chống chủ nghĩa xã hội, xuyên tạc lịch sử dân tộc, phục vụ chiến tranh xâm lược và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Hệ thống trường lớp tuy có phát triển song phần lớn tập trung ở các thành thị và ven đường cái lớn. Số trường tư chiếm tới 1 phần 4 tổng số trường học và thường bị các đảng phái phản động và bọn phản động trong các tôn giáo lũng đoạn. Số lượng học sinh khoảng 4 triệu nhưng 75% là cấp I; một số lớn học sinh trong cấp này cũng không đủ điều kiện học hết cấp, phải bỏ học dở dang. Nhân dân lao động còn mù chữ khá đông, cả miền Nam có khoảng 4 triệu người mù chữ, tập trung nhiều nhất ở nông thôn và ở vùng các dân tộc thiểu số. Giáo viên có hơn 10 vạn người nhưng thành phần rất phức tạp, lại không được đào tạo và bồi dưỡng đầy đủ về nghiệp vụ dạy học. Cán bộ quản lý của ngành giáo dục phần lớn gồm những tay chân của ngụy quyền, của các đảng phái phản động. Ngoài ra, ngụy quyền còn cử sang ngành giáo dục một số sĩ quan và mật vụ, hòng kìm kẹp giáo viên.

Ngay từ những ngày đầu giải phóng, chính quyền nhân dân đã nắm lấy bộ máy quản lý của ngành giáo dục và các trường học, một mặt, gạt ngay những tên ác ôn, tay sai đắc lực của ngụy quyền, của đế quốc Mỹ ra khỏi ngành giáo dục, mặt khác kêu gọi tuyệt đại đa số giáo viên mau chóng khôi phục lại trường học để góp phần bình thường hóa sinh hoạt của nhân dân và của thế hệ trẻ. Chính quyền nhân dân cử cán bộ nắm lấy các cơ quan Sở và Ty, tiếp quản các trường

Digitized by Google

học lớn, kết hợp với quần chúng cử ban điều hành của các trường học. Mùa hè năm 1975 giáo viên đã được tổ chức học tập tình hình và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng ở miền Nam Tháng 10 năm 1975 năm học đầu tiên của nhà trường cách mạng đã khai giảng với số học sinh đông hơn trước. Hàng nghìn cán bộ, giáo viên ở miền Bắc đã được kịp thời cử vào để cùng với những giáo viên kháng chiến của miền Nam và những giáo viên mới được giải phóng tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục.

Một thành tựu đặc sắc là ngay trong năm học đầu tiên, các trường phổ thông ở miền Nam đã chuyển sang dạy và học theo chương trình và sách giáo khoa mới. Tuy vẫn giữ hệ thống 12 năm, cho tiện việc chuyển tiếp và thuận với hệ thống cải cách, nhưng nội dung đã hoàn toàn đổi mới. Cấu tạo của chương trình bao gồm cả lao động sản xuất và những hoạt động có ích cho xã hội. Những kiến thức khoa học (tự nhiên và xã hội) được xây dựng trên cơ sở thế giới quan của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và cố gắng phản ánh thực tiễn của Việt-nam. Tất cả những kế hoạch giảng dạy, chương trình học tập, và sách giáo khoa đã được chuẩn bị từ mấy năm trước ở miền Bắc và đã được in bằng giấy tốt, trình bày có mỹ thuật.

Chương trình mới, đối với giáo viên của chế độ cũ, có nhiều điểm về tư tưởng cũng như về khoa học khó thực hiện. Nhưng ngay từ mùa hè năm 1975, toàn thể giáo viên đã được bồi dưỡng về quan điểm giáo dục và nghiệp vụ, lại thêm có 3.000 giáo viên kháng chiến do Bộ cử vào trong năm học đầu tiên giúp đỡ.

Theo một nguyên tắc của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa « nhà trường là của Nhà nước xã hội chủ nghĩa », ngay từ năm đầu đại bộ phận các trường tư đã được quốc lập hóa. Các tôn giáo không được chi phối trường học. Các giáo viên trường tư được Nhà nước xem xét, sử dụng theo đúng tiêu chuẩn đã định và được đối xử bình đẳng với các giáo viên trường quốc lập Chế độ học phí được xóa bỏ. Nhân dân lao động rất hoan nghênh chủ trương này.

Trên cơ sở những thay đổi cơ bản đó, các trường học đã có nhiều cố gắng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất và hoạt động xã hội. Các trường đã tăng cường giáo dục chính trị và đạo đức cách mạng cho học sinh qua giờ dạy về chính trị và đạo đức, qua những hoạt động xã hội và Đoàn, đội, qua các đợt sinh hoạt chính trị đầu năm học, hoặc gắn với những cuộc vận động chính trị trong xã hội như bầu cử Quốc hội, chuẩn bị Đại hội lần thứ IV của Đảng, đánh đổ tư sản mại bản, cải tạo công thương nghiệp, v v... Nhiều trường kể cả ở thành phố đã tổ chức cho học sinh tham gia lao động sản xuất, xây dựng các vùng kinh tế mới, làm thủy lợi, làm vệ sinh nơi công cộng. Một số trường còn có xưởng trường, vườn trường, thật sự sản xuất ra của cải vật chất. Một vài tỉnh đã mở hoặc đang chuẩn bị mở những trường vừa học vừa làm. Công tác giảng dạy kiến thức khoa học ở trên lớp cũng được cải tiến bước đầu, các giáo viên đã biết soạn bài tập thể, chuẩn bị bài giảng một cách chu đáo, cố gắng liên hệ kiến thức sách vở với thực tế đời sống, làm và sử dụng nhiều đồ dùng giảng dạy. Các cuộc triển lãm nhỏ về đồ dùng giảng dạy mở ở các thành phố Hồ-Chí-Minh, Đà-nẵng, Cần-thơ vào mùa hè 1976 và ở một số tỉnh đầu năm 1977 đã chứng minh khả năng chế tạo đồ dùng dạy học của giáo viên các tỉnh miền Nam rất dồi dào. Nhiều giáo viên và học sinh còn tham gia các công tác xã hội như: xóa mù chữ, dạy bổ túc văn hóa, tuyên truyền cho

Digitized by Google

Đại hội Đảng, bài trừ văn hóa thực dân mới, v v..

Tuy những tàn tích phản động và lạc hậu còn tồn tại khá nặng nề, nhất là ở những trường mà bọn phản động đội lốt tôn giáo còn lén lút hoạt động, nhưng xu hướng chung của các trường học ở miền Nam là vươn tới chủ nghĩa xã hội, vươn tới sự khôi phục và phát huy những giá trị văn hóa tiến bộ của dân tộc, và vươn tới tính chất ngày càng đồng nhất với các trường học ở miền Bắc

★

Công tác giáo dục đang phục vụ nhân dân lao động, góp phần thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Chỉ mới có hai năm nhưng xu hướng phục vụ nhân dân lao động của sự nghiệp giáo dục ở miền Nam đã biểu lộ rõ rệt trong phương hướng phát triển, trong quy mô phát triển và cả trong tính chất của phong trào giáo dục. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến triển mạnh mẽ qua các phong trào quần chúng đánh đổ giai cấp tư sản mại bản, xóa bỏ giai cấp địa chủ, cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, nâng cao vai trò làm chủ của nhân dân lao động trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và đời sống. Cuộc cách mạng ấy đã mở đường cho công tác giáo dục phát triển mạnh mẽ theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Chỉ thị số 221 của Ban bí thư Trung ương Đảng đã coi việc tích cực xóa nạn mù chữ và đẩy mạnh bổ túc văn hóa cho nhân dân lao động là « một nhiệm vụ cấp thiết số một ». Yêu cầu của phong trào là: « phải xóa ngay nạn mù chữ trong cán bộ và thanh niên và tiếp tục bổ túc văn hóa cho họ, đồng thời phát động phong trào sôi nổi trong quần chúng nhằm mau chóng xóa nạn mù chữ trong nhân dân lao động. Theo tinh thần của chỉ thị trên, nhiều địa phương ở miền Nam đã nhanh chóng tiến hành điều tra và mở lớp xóa nạn mù chữ. Các tỉnh, thành đã thành lập các Ban chỉ đạo cuộc vận động xóa nạn mù chữ, đã huy động những đội xung kích thanh niên đi đến các vùng có khó khăn, đã thu hút hàng triệu lượt người gồm giáo viên, học sinh đại học, học sinh phổ thông, thanh niên mở nhiều chiến dịch liên tục, phấn đấu hoàn thành xóa nạn mù chữ ở đồng bằng trong năm 1977. Cho đến đầu năm 1977 đã có gần 80 vạn người thoát nạn mù chữ; đã có 1400 xã, phường, 80 huyện, quận và các tỉnh Long-an, Tiền-giang, Bến-tre và thành phố Hồ-Chí-Minh đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ xóa nạn mù chữ. Nghĩa-bình và vài tỉnh khác ở khu 5 cũ đã hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ ở các huyện miền xuôi, đang dồn lực lượng xóa nạn mù chữ ở các huyện miền núi. Trong phong trào, đã xuất hiện những gương sáng về học cũng như về dạy, và cán bộ đã biết mạnh dạn phát động quần chúng

Công tác bổ túc văn hóa cũng được chú ý. Một mặt, một mạng lưới các trường bổ túc văn hóa tập trung đã được thành lập nhằm nhanh chóng nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và chiến sĩ; rất nhiều tỉnh đã mở lớp tập trung đến tận huyện; số lượng học sinh các trường tập trung là ba vạn người. Mặt khác, nhiều lớp học tại chức được mở trước hết thu hút những người vừa mới thoát nạn mù chữ tiếp tục học lên lớp 2 để củng cố năng lực đọc và viết. Khoảng 60 vạn người đã theo học các lớp này Các lớp bổ túc văn hóa này đang được củng cố với 2.000 giáo viên chuyên trách và hơn 3 vạn giáo viên không chuyên.

Các trường lớp mẫu giáo, lâu nay chỉ dành riêng cho các gia đình khá giả, nay đã phát triển ở nhiều nơi và thu hút nhiều con em cán bộ, công

Digitized by Google

nhân, viên chức và bà con lao động. Lớp mẫu giáo đang trở thành công cụ giáo dục nhân cách xã hội chủ nghĩa và là một biện pháp giải phóng lao động của chị em. Trẻ mẫu giáo từ vài ba vạn hồi miền Nam mới được giải phóng đến cuối năm 1976 đã lên tới 20 vạn em

Các trường phổ thông các cấp tiếp tục phát triển với nhịp độ cao. Mạng lưới các trường được phân bố lại theo hướng: ghép cấp I vào cấp II để tiện việc phổ cập cấp I và cấp II cho thiếu niên, mở thêm trường ở những vùng đông dân lao động, những vùng nông thôn bị tàn phá, những vùng căn cứ, vùng giải phóng cũ và những vùng dân tộc thiểu số. Sau ngày giải phóng, những khu kinh tế mới dần dần hình thành và ở đó các trường lớp phổ thông đang được mở ra. Số học sinh cấp I năm nay tăng 13% so với năm ngoái và đã thỏa mãn được một phần quan trọng yêu cầu học tập của thiếu niên. Số học sinh cấp II cũng tăng 15%, số học sinh học hết cấp I được lên cấp II chiếm tỷ lệ 62%. Sự phân bố lại các trường cấp III đi đôi với những biện pháp tuyển chọn thích hợp đã cho phép con em nhân dân lao động học lên cấp III được nhiều hơn; điều đó phù hợp với tinh thần chỉ thị số 221 ngày 17-6-1975 của Ban bí thư Trung ương Đảng là « cải biến thành phần xã hội trong học sinh, nhất là ở các cấp học trên ở vùng mới giải phóng. »

Theo phương hướng phát triển đó, nhiều địa phương đã thay đổi hẳn mạng lưới trường phổ thông. Các huyện Phước-bình (Sông-bé), Tân-biên, Dương-Minh-Châu (Tây-ninh) Trần-Văn-Thời, Ngọc-Hiển (Minh-hải), Cai-lậy (Mỹ-tho)... đã mở nhiều trường lớp ở vùng giải phóng cũ. Trong 100 xã kinh tế mới thuộc miền Đông Nam-bộ có gần 4 vạn học sinh. Ở Gia-lai Công-tum, số học sinh người dân tộc thiểu số có trên 33.000 trong tổng số 75.700 học sinh, chiếm tỷ lệ 43,5%. Thành phố Hồ-Chí-Minh và một số thành phố khác đã bố trí lại các trường học, đưa học sinh quận nào trở về học ở trường thuộc quận ấy, tránh tình trạng học sinh tập trung vào một số trường lớn trước đây chỉ mở ở trung tâm, trong khi đó ở những khu vực cư trú của nhân dân lao động lại không có trường học.

Sự phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông ở các tỉnh miền Nam trong hai năm qua đã góp phần nâng cao ý thức và năng lực làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Trong tình hình đang có nhiều khó khăn, quần chúng lao động đã tổ chức việc học, bảo quản trường sở, thiết bị, tương trợ nhau về dầu đèn, giấy bút; các giáo viên và những học sinh tiến bộ đã phấn đấu duy trì việc học; một vài nơi còn phải đấu tranh chống bọn phá hoại

★

Đội ngũ giáo viên và bộ máy quản lý giáo dục đã hình thành. Khi chính quyền cách mạng tiếp quản các trường học và các cơ quan giáo dục thì hầu hết giáo viên và nhân viên của ngụy quyền đều ở lại và sẵn sàng làm việc với chế độ mới. Ở nhiều nơi, anh chị em đã bảo vệ trường sở, thiết bị, hồ sơ tài liệu và nhanh chóng bàn giao cho cán bộ tiếp quản. Tình hình đó rất phù hợp với nhận định và chủ trương của Ban bí thư Trung ương Đảng đối với đội ngũ giáo viên mới giải phóng. Chỉ thị số 221 viết: « Đối với đội ngũ giáo chức của Mỹ — ngụy đã đăng ký và xin làm việc với chính quyền cách mạng, nói chung đều được thu nhận, giáo dục và sử dụng, trừ những phần tử phản động mà cơ quan an ninh xác nhận không nên cho tiếp tục dạy, những phần tử có sinh hoạt đồi trụy bị học sinh và nhân dân phản đối. »

Căn cứ vào chủ trương đó và những tiêu chuẩn cụ thể mà Trung

Digitized by Google

ương Cục vạch ra, đại bộ phận giáo viên của ngụy quyền đã được sử dụng. Gần đây, thực hiện quyết định số 87 của Chính phủ về tuyển dụng giáo viên phổ thông các cấp, các địa phương đã tuyển dụng chính thức và tạm tuyển trên 95% số giáo viên đang công tác. Thực tế hai năm qua cho thấy rằng, đại bộ phận anh chị em là những người lao động làm thuê, bị bóc lột, bị chèn ép, cho nên trừ một số rất ít làm tay sai cho đế quốc Mỹ và các bọn phản động khác, còn nói chung, tuy ít nhiều có chịu ảnh hưởng của tư tưởng và nhân sinh quan tư sản, quan điểm chính trị của chủ nghĩa thực dân mới, nhưng anh chị em đều có tinh thần dân tộc, có lòng yêu nước, đều ghét Mỹ khinh ngụy, trong lòng vốn có cảm tình với cách mạng và hướng về cách mạng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, một số ít đã hoạt động cách mạng bí mật trong Hội nhà giáo yêu nước và các đoàn thể khác của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam; một số khá đông đã tham gia các cuộc đấu tranh đòi dân sinh dân chủ. Một số ít đã ra vùng giải phóng trực tiếp kháng chiến.

Mùa hè năm 1975, các giáo viên đã được học tập về sự nghiệp kháng chiến giành độc lập, thống nhất, nhất là về công cuộc chống Mỹ, cứu nước, về ý nghĩa của đại thắng mùa xuân, cùng nhau trao đổi ý kiến về tội ác của Mỹ — ngụy đối với dân tộc ta, nghiên cứu chương trình học mới và tính chất của nền giáo dục mới. Mùa hè năm 1976, các giáo viên đã nghiên cứu 5 vấn đề: truyền thống 4000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt-nam; lịch sử đấu tranh của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng; tình hình và nhiệm vụ của cách mạng Việt-nam; một số vấn đề về nhà trường xã hội chủ nghĩa; trách nhiệm của người giáo viên nhân dân.

Những đợt học tập chính trị đó đã giúp cho giáo viên hiểu đúng hơn lịch sử của dân tộc, nhất là từ năm 1930 lại đây, thêm tự hào về dân tộc và về Đảng lãnh đạo; thấy rõ âm mưu và tội ác của đế quốc Mỹ; bước đầu tìm hiểu chủ nghĩa xã hội và nhà trường xã hội chủ nghĩa. Anh chị em đang được bồi dưỡng về lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội. Họ ngày càng tin tưởng vào tiền đồ của dân tộc, tự hào về vị trí của mình trong chế độ mới và khắc phục mặc cảm tự ti. Trên cơ sở đó, đông đảo anh chị em giáo viên vùng mới giải phóng đã có nhiều cố gắng vươn lên làm nhiệm vụ và đã góp phần vào những thành tích tốt đẹp của công tác giáo dục ở các tỉnh miền Nam trong hai năm qua.

Bên cạnh đội ngũ giáo viên vùng mới giải phóng, có hơn 7.000 giáo viên kháng chiến đã chiến đấu tại chỗ hoặc do Bộ giáo dục cử vào. Tuy một số ít người còn yếu về chuyên môn và khả năng quản lý, nhưng đại bộ phận anh chị em đã được giáo dục và rèn luyện trong chế độ xã hội chủ nghĩa hoặc trong cuộc đấu tranh gian khổ, cho nên đã mau chóng phát huy vai trò nòng cốt trong việc cải tạo nhà trường cũ, xây dựng nhà trường mới. Ở những nơi có nhiều giáo viên từ miền Bắc vào, rõ ràng những kinh nghiệm của nhà trường xã hội chủ nghĩa sớm được áp dụng đã tạo ra những bước tiến nhảy vọt.

Để kịp thời đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục và ổn định sinh hoạt của trường học, nhiều địa phương đã tuyển chọn con em gia đình cách mạng hoặc những thanh niên học sinh tiến bộ để đào tạo cấp tốc thành giáo viên. Số giáo viên này chiếm khoảng 20%, tuy còn non yếu về chuyên môn song rất tích cực, hăng hái làm theo cái mới.

Các tỉnh miền Nam đã nhanh chóng thành lập một hệ thống trường sư phạm gồm có 3 trường đại học, 6 trường cao đẳng cùng với 9 cơ sở khác, 18 trường trung học. Các

Digitized by Google

trường trung học sư phạm đã đào tạo được 7.500 giáo viên cấp I. Các trường cao đẳng sư phạm đã đào tạo được 3.500 giáo viên cấp II. Trường đại học sư phạm thành phố Hồ-Chí-Minh đã làm lễ tốt nghiệp cho 640 người. Ngành mẫu giáo cũng đã đào tạo được gần 2.000 cô nuôi dạy trẻ. Nhiều trường sư phạm đã được mở ra trong những điều kiện khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất cũng như về giáo viên. Bộ giáo dục đã điều động hàng trăm giáo viên có kinh nghiệm tăng cường cho hệ thống sư phạm, ngoài ra hằng năm vẫn phải cử những giáo viên có trình độ khoa học cao vào các tỉnh miền Nam giảng bài.

Trong các trường, bộ máy quản lý bắt đầu hình thành. Phần lớn các trường cấp III đã có hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng chính thức. Các trường cấp I và cấp II đại bộ phận mới chỉ có ban phụ trách hoặc ban điều hành do quần chúng đề cử kết hợp với cấp trên quyết định. Ngoài ra, lực lượng cốt cán còn bao gồm các tổ trưởng bộ môn, giáo viên chính trị, ngày càng được tăng cường. Tuy nhiên, nhìn chung cán bộ quản lý các trường còn yếu về chính trị và về năng lực quản lý.

Ở cấp tỉnh, thành đã thành lập xong bộ máy với đủ phòng, ban cần thiết và đã có cán bộ cấp trưởng, phó chính thức, trừ vài ba tỉnh sẽ hoàn thành vào cuối năm học 1976 – 1977. Cán bộ quản lý các Sở, Ty bao gồm cả lực lượng chiến đấu tại chỗ hoặc trên chiến trường miền Nam và lực lượng đã công tác có kinh nghiệm ở miền Bắc. Tuy tổ chức bộ máy quản lý giáo dục ở cấp huyện chưa được ổn định và trong thực tế chưa bảo đảm được số lượng và chức năng như Bộ giáo dục hướng dẫn, do còn thiếu nhiều cán bộ của ngành giáo dục, nhưng ở đâu cũng đã có cán bộ hoạt động giúp cho cấp tỉnh, thành quản lý trường học

Sau ngày giải phóng, Hội nhà giáo yêu nước tiếp tục phát triển và thu hút khoảng trên một vạn hội viên. Công đoàn giáo dục Việt-nam lần lượt được thành lập ở cấp tỉnh, thành và ở một số trường lớn. Trong nhiều trường học lớn đã thành lập Đội thiếu niên tiền phong Hồ-Chí-Minh và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh làm nòng cốt trong phong trào học sinh xây dựng nhà trường cách mạng. Các đoàn thể quần chúng phát triển chưa mạnh, song đã động viên được giáo viên và học sinh làm chủ trường học, trong lúc bộ phận quản lý của nhiều trường còn yếu và thiếu. Trong năm nay, Hội nhà giáo yêu nước sẽ kết thúc nhiệm vụ lịch sử của mình. Đội ngũ giáo viên trong cả nước sẽ tập hợp trong một tổ chức duy nhất là Công đoàn giáo dục Việt-nam.

★

Việc xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, tiến tới đồng nhất với các trường học ở các tỉnh miền Bắc đòi hỏi các trường phổ thông và toàn bộ hệ thống giáo dục ở miền Nam phải ra sức khắc phục một số mặt yếu cơ bản sau đây :

Trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của giáo viên thể hiện qua thái độ chính trị cũng như sự hiểu biết và vận dụng đường lối và quan điểm giáo dục của Đảng còn nhiều hạn chế. Các giáo viên và cán bộ quản lý trường học cần phải học tập lý luận chủ nghĩa Mác – Lê nin và đường lối chính sách của Đảng gắn liền với thực tiễn của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các giáo viên, nhất là giáo viên giảng dạy các bộ môn khoa học xã hội, còn có nhiều quan điểm lệch lạc chưa được phân tích và phê phán. Các trường học đã cố gắng một bước tổ

Digitized by Google

chức lao động sản xuất và hoạt động xã hội, bước đầu thực hiện nguyên lý giáo dục kết hợp lao động sản xuất. Song vấn đề này còn rất mới đối với ngành giáo dục ở miền Nam, nhất là vùng mới giải phóng, cần phải tiếp tục đi sâu giải quyết nhiều khâu và nhiều bước nữa mới có thể làm cho các trường và đội ngũ giáo viên nhận thức đúng đắn và thực hiện tốt nguyên lý giáo dục đó của Đảng. Sự tiến bộ của giáo viên và của học sinh chưa đồng đều, một bộ phận nhỏ còn mơ hồ về chính trị hoặc còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của lối sống cũ. Các đoàn thể quần chúng trong trường học phát triển còn yếu.

Trình độ phát triển và phổ cập giáo dục phổ thông trong thế hệ trẻ cũng như trong nhân dân lao động còn thấp. Nạn mù chữ ở đồng bằng phải đến cuối năm nay mới được xóa bỏ về cơ bản. Việc nâng trình độ văn hóa của nhân dân lao động lên trình độ cấp I một cách phổ biến đòi hỏi phải phấn đấu rất tích cực. Cán bộ và thanh niên công nông cần được giúp đỡ nhiều trong học tập để có trình độ văn hóa cấp I, cấp II theo yêu cầu của sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trước mắt. Còn khá nhiều thiếu niên chưa được học hết cấp I, cấp II. Việc phát triển cấp II đòi hỏi phải tăng đội ngũ giáo viên lên gấp bội.

Trình độ tổ chức và quản lý của ngành giáo dục cũng còn thấp. Các cấp Sở, Ty giáo dục tuy đã được thành lập nhưng về tổ chức và nhân sự còn chưa ổn định. Ở tất cả các cấp, cán bộ quản lý cần được bồi dưỡng về chính trị và nghiệp vụ để bảo đảm trách nhiệm mới, có khả năng gắn chặt công tác giáo dục với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng kinh tế trong những năm tới.

★

Xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam theo phương hướng mới là một nhiệm vụ nặng nề. Nó đòi hỏi sự cố gắng không chỉ của các tỉnh miền Nam mà còn đòi hỏi sự cố gắng và quan tâm giúp đỡ của các cấp Đảng, chính quyền và các ngành có liên quan, đặc biệt là ngành giáo dục. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, sự nghiệp giáo dục phổ thông ở các tỉnh miền Nam nhất định sẽ có những tiến bộ mới và sẽ phát triển mạnh mẽ hơn nữa, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam và trong cả nước.

Digitized by Google

NGHIÊN CỨU

NHỮNG NỌC ĐỘC VĂN NGHỆ THỰC DÂN MỚI Ở MIỀN NAM

THẠCH-PHƯƠNG — TRẦN-HỮU-TÁ

VIỆC dùng văn nghệ làm vũ khí để chống lại phong trào giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội không phải là điều gì mới mẻ. Dưới thời thống trị của thực dân Pháp, âm mưu đó đã được quán triệt trong chính sách cai trị của An-be Xa-rô trong những năm 20, của Pa-ski-ê trong những năm 30 và của Ca-tơ-ru trong những năm 40 của thế kỷ này.

Trong thời gian thực dân Pháp tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta (1945 — 1954), âm mưu này của chúng không chỉ giới hạn trong việc đầu độc đồng bào ta trong các đô thị bị chúng chiếm đóng mà nó còn vươn ra hòng tác động vào hàng ngũ cán bộ, bộ đội kháng chiến như một công cụ chiến tranh tâm lý.

Nhưng nếu đem so sánh âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân cũ trong việc dùng văn học nghệ thuật làm công cụ đầu độc và nô dịch quần chúng với âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, trong vùng bị Mỹ — ngụy chiếm đóng trước đây thì sự khác nhau rất lớn: khác về *quy mô tổ chức, về đội ngũ*, về *phương thức biểu hiện* và cả về *phương tiện truyền bá, cách đi sâu vào tim óc con người*.

Sau ngày Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông-dương được ký kết, đế quốc Mỹ đã bỏ tiền ra cho thực dân Pháp tổ chức việc « tập kết » vào miền Nam bộ máy ngụy quân, ngụy quyền do Pháp lập ra ở miền Bắc trước đây, trong đó có bộ máy « tác động tinh thần » và bọn bồi bút, văn nghệ sĩ phản động mà tờ báo Pháp *Thế giới* (số ra ngày 29-11-1954) gọi là « những tay chân cuồng tín nhất » để sử dụng về lâu dài. Bọn bồi bút từ miền Bắc di cư vào miền Nam đã đóng vai trò những tên lính xung kích và những tên gác cửa trung thành nhất trên trận địa tư tưởng của Mỹ — ngụy. Với mối hận thù giai cấp sâu sắc, bọn này bán mình cho giặc nước ngoài để chống lại dân tộc. Cùng với bọn bồi bút do Mỹ — ngụy tuyển mộ ở miền Nam, bọn này ra sức thực hiện chính sách văn hóa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.

Digitized by Google

Để chỉ đạo công việc xâm lược nước ta về mặt văn hóa văn nghệ, bọn cầm đầu Nhà trắng đã phái qua miền Nam Việt-nam những chuyên gia có nhiều kinh nghiệm như Mensphin. Lên-sđen bên cạnh các đoàn «cố vấn» về quân sự (M.A.A.G), chính trị (M.S.U), kinh tế (U.S.O.M). Nhiều tổ chức văn hóa, giáo dục của Mỹ đã thành lập chi nhánh tại miền Nam để chỉ đạo công việc này ngay từ những năm đầu của chế độ Diệm: Phái đoàn đại học Mi-si-gơn, Phủ luân hội, Cơ quan viện trợ Á-đông, Hội văn hóa Á châu, Liên cơ quan công cộng sự vụ Mỹ, Phòng thông tin Hoa-kỳ...

Các tổ chức trên tuy mang nhiều danh nghĩa khác nhau, nhưng đều có chung một nhiệm vụ là điều tra nghiên cứu các đặc điểm tâm lý, xã hội, tình cảm, lịch sử, phong tục, tập quán và những nhu cầu cấp thiết của xã hội Việt-nam. Trên cơ sở đó, chúng hoạch định các hoạt động về thông tin, văn hóa, giáo dục, truyền thanh và truyền hình, v.v... Mặt khác, chúng tung đô-la và nhiều mánh khóe để mua chuộc lôi kéo trí thức, văn nghệ sĩ, tạo điều kiện nắm chặt thanh niên và sinh viên, từng bước chi phối tâm hồn họ, lái họ vào quỹ đạo chính trị vạch sẵn của Mỹ.

Một số cơ quan như J.U.S.P.A.O, Hội những người bạn Mỹ, C.I.A và D.I.A còn có trách nhiệm theo dõi, điều tra lý lịch, chọn người để đưa đi tu nghiệp ở Mỹ hoặc ở các nước phương Tây khác nhằm đào tạo những tên tay sai đắc lực để thực hiện chính sách văn hóa thực dân mới của Mỹ.

Bên cạnh những tổ chức văn hóa của người Mỹ ở miền Nam, còn có một loạt tổ chức văn hóa mang tên những hội đoàn người Việt. Đáng chú ý là những tổ chức mọc lên sau cái gọi là «Đại hội văn hóa toàn quốc» tại Sài-gòn (7-2-1957), như *Hội văn hóa Việt-nam* (do Ngô-Đình-Nhu làm cố vấn và Lê-Khải-Thạch, chủ tịch «Hội đồng tổ cộng trung ương» làm chủ tịch), *Hội nghiên cứu văn hóa Á châu* (do Nguyễn-Đăng-Thục làm chủ tịch), *Mặt trận bảo vệ văn hóa tự do* (do Lý-Trung-Dung làm chủ tịch), một liên minh gồm nhiều tổ chức: *Hội Khổng học, Hội văn hóa bình dân, Liên đoàn văn nghệ sĩ, Hội cổ học, Hội văn hữu, Tinh Việt văn đoàn, nhóm Văn hóa ngày nay*... Một số tổ chức khác mang tinh thần phục thù giai cấp sâu sắc, tập hợp những tên làm văn, làm báo phản động ngoan cố nhất, xuất thân từ các gia đình địa chủ, tư sản mại bản có oán thù với cách mạng như *Tập đoàn Tin Bắc, Cơ sở xuất bản tự do, Hội ký giả di cư, Hội nạn nhân cộng sản*...

Tất cả những cơ quan, những tổ chức trên đây tồn tại và hoạt động bằng đô-la do Mỹ cung cấp trực tiếp, hoặc gián tiếp, thông qua cái gọi là Bộ công dân vụ, Bộ thông tin, Nha chiến tranh tâm lý (thời Diệm), hoặc Bộ chiêu hồi, Tổng cục chiến tranh chính trị, Sở phối hợp nghệ thuật (thời Thiệu).

Cho tới ngày nay, bức màn bí mật chưa được vén lên toàn bộ, nhưng chúng ta cũng đã thấy rõ bàn tay lông lá của đế quốc Mỹ trong việc điều khiển các tổ chức này và đám bồi bút gắn chặt với các tổ chức đó. Một vài dẫn chứng: Nguyễn-Mạnh-Côn đã nhận tiền của Trần-Kim-Tuyến, cố vấn chính trị của Diệm (thực chất là trùm «mật vụ») để ra tờ báo *Chỉ đạo*. Ý đã có lần thú nhận: «Tôi được một cơ quan nghiên cứu chính trị, xã hội trợ cấp mỗi tháng mười nghìn đồng để viết văn chống cộng. Tôi không hề thấy phải sáng tác vì yêu văn nghệ mà vì nhu cầu kiếm sống» (1). Đó là chưa kể khoản «đếm chữ lấy tiền» — cũng theo lời y — về chuyên mục chống cộng mà y nhận viết thường xuyên cho đài V.O.A. (Tiếng nói Hoa-kỳ),

(1) Tạp chí *Bách khoa* số 127, ngày 1-2-1962.

Digitized by Google

Nguyễn-Vĩ đã nhận tiền của tên phó tổng thống Nguyễn-Ngọc-Thơ để ra hai tờ báo chống cộng cùng một lúc, tờ *Bông lúa* và tờ *Phổ thông*. Nguyễn-Đăng-Thục ra tờ *Văn hóa Á châu* để trang điểm chút màu sắc Đông phương cho chế độ Diệm bằng tiền « tài trợ » đều kỳ của Cơ quan viện trợ Á đông (Asian Foundation). Huỳnh-Văn-Lang, người cầm đầu nhóm trí thức trẻ đầu tiên từ Mỹ về, vừa trực tiếp điều hành tạp chí *Bách khoa*, vừa kiêm tổng giám đốc Nha hối đoái, nghĩa là nắm tay hòm chìa khóa của két bạc nhà Ngô (2)...

Không phải vì lòng hào hiệp muốn « khai hóa » dân tộc ta, mà để quốc Mỹ đã trút vào mảnh đất miền Nam nghèo đói xác xơ vì bom đạn, vì thuốc khai quang, hàng triệu dầu sách mỗi năm, từ tài liệu giáo khoa vỡ lòng đến sách dạy trong trường đại học, từ sách tôn giáo đến sách chính trị, văn nghệ của bọn phản động quốc tế, từ những tiểu thuyết tình, tiểu thuyết kiếm hiệp, gián điệp « toát mồ hôi lạnh », tử vi, bói toán đến những tạp chí khiêu dâm hạ cấp, v.v... Đó là chưa kể đến những thứ « văn hóa phẩm đóng hộp » nhập khẩu một cách bừa bãi : băng nhạc giật gân, phim « dục tình — bạo động »... Chẳng phải ngẫu nhiên mà một thành phố như Sài-gòn có đến ngót một nghìn nhà in lớn nhỏ, 49 hãng phim, 150 nhà xuất bản (ở thời kỳ cao điểm nhất)

Tất cả những phương tiện, công cụ kể trên cùng với những tổ chức, những con người do Mỹ dựng lên và nuôi dưỡng đều nằm trong quỹ đạo của một âm mưu thâm độc : nô dịch nhân dân ta về mặt văn hóa và tư tưởng, nhằm biến con người thành thú vật, nhằm lai tạo người Việt-nam ở miền Nam thành một giống người mới — một thứ « Mỹ da vàng » ở trên chính xứ sở của chúng ta Đó là một chính sách nô dịch có tính chất toàn diện.

★

Sau khi được chủ Mỹ bê lên ghế thủ tướng bù nhìn, Diệm tuyên bố ngay rằng : « Chống cộng là sự sống còn của chúng ta ». Tờ *Cách mạng quốc gia*, cơ quan chính thức của ngụy quyền, đã điên cuồng hô hét : « Không được xem cộng sản là người, phải ra sức giết, giết không run tay » (C.M.Q.G. số 14-9-1955). Những chiến dịch tố cộng, diệt cộng thực chất là những cuộc đàn áp, khủng bố khốc liệt trên một quy mô rộng lớn nhằm vào tất cả những lực lượng yêu nước, những ai không cùng tư tưởng với chúng. « Hãy đạp lên oán thù mà tiến » — câu nói của Ngô-Đình-Nhu là tiếng gào thét cuồng loạn của một tên bạo chúa thời trung cổ. Trên lĩnh vực văn nghệ, trong thời kỳ này, Mỹ — ngụy chủ trương :

— Tâng bốc Diệm và tô vẽ cho cái chế độ bán nước buôn dân của Diệm

— Bôi đen người cộng sản, xuyên tạc ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Pháp vừa qua, nói xấu người kháng chiến chống Pháp.

— Vu khống, xuyên tạc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, thổi phồng và ca ngợi cuộc « di cư » do Mỹ tổ chức, dấy lên tinh thần phục thù giai cấp, phục vụ cho mưu đồ « Bắc tiến ».

Ngô-Đình-Diệm, tên độc tài khát máu số một trong đám tay sai, được bọn bồi bút tâng bốc thành một « lãnh tụ anh minh », một « anh hùng dân tộc ». Hàng chục tập sách, hàng trăm bài thơ, bản nhạc được in ra để thêu dệt những huyền thoại nhằm « tri ân Ngô chí sĩ ».

Tuy nhiên, cái phần chủ yếu nhất, tập trung nhất của văn nghệ chống

(2) Theo Mặc-Thu, Huỳnh-Văn-Lang là con rể của Đốc Âm, một tỉ phú ở Sài-gòn. Lang đã bỏ tiền ra mua cho vợ một khách sạn cả 100 buồng ở Pháp. Đây là hình ảnh điển hình cho sự cấu kết giữa trí thức thân Mỹ và giai cấp tư sản mại bản, giữa kinh tế và văn hóa (Xem *Đảng cần lao*, Mặc-Thu, nhà xuất bản Đồng-nai, Sài-gòn, 1972, tập I, trang 291).

Digitized by Google

cộng là chĩa mũi nhọn vào người cộng sản, người cán bộ kháng chiến. Cái khẩu hiệu « đả thực, bài phong », mà Diệm – Nhu nêu ra chỉ là bịp bợm.

Điểm lại những « tác phẩm » của những cây bút phản động thời kỳ này, ta thấy chúng sáng tác đâu phải vì lý tưởng nghệ thuật. Từ tiểu thuyết *Tìm về sinh lộ* (3), *Hai thiếng liêng* (Nguyễn-Vỹ) *Siu cô nương* (Mặc-Đỗ) đến những vở kịch như *Trái cây đau khổ* (Doãn-Quốc-Sĩ), *Con vật phi lý* (Ngô-Xuân-Phụng), hay những tập truyện *Mưa đêm cuối năm, Giã từ* (Võ-Phiến), *Kỳ hoa tử* (Nguyễn-Mạnh-Côn); *Bầy Tấu* (Phan-Du), v.v... đều xoay quanh một chủ đề trung tâm là đả kích người cộng sản, xuyên tạc ý nghĩa cao cả của cuộc kháng chiến anh hùng của dân tộc.

Bên cạnh những phương thức chống cộng thô bạo, vu khống trơ trẽn kể trên, một số tên cầm bút phản động khác đã tỏ ra hiểm độc hơn, sâu sắc hơn. Đó là lối sử dụng biểu tượng hai mặt: khi thì dùng những điển tích xưa, khi thì lấy những đề tài thần thánh, hoang đường, trộn lẫn thực với mộng, để đả kích bóng gió, xỏ xiên chủ nghĩa cộng sản; khi thì thông qua hình thức đối thoại, hoặc dưới dạng tiểu thuyết luận đề, huyền thoại, hoặc sử dụng nghệ thuật biểu hiện của văn học dân gian, để che giấu nội dung phản động. Việc đả kích cách mạng ở đây được ngụy trang bằng những lớp khói sương hư ảo về triết lý « thân phận con người », về « người trí thức trước gọng kìm tư bản – vô sản », hoặc có khi cụ thể hơn như trực tiếp bàn về một khái niệm mà bọn chống cộng trên thế giới thường nhai đi, nhai lại « cùng đích biện minh cho phương tiện », « cứu cánh biện minh cho thủ đoạn » v.v...

Không ít thơ văn của bọn bồi bút của Mỹ ngụy lúc bấy giờ phục vụ cho mưu đồ « Bắc tiến »: « Tiến về Hà-nội, có ta đi hàng đầu trong đoàn hùng binh ». Trong *Bài ca giải phóng*. Cao-Tiêu, trung tá phụ trách Nha chiến tranh tâm lý đã vẽ lên cảnh đoàn quân ngụy « Bắc tiến » với « cờ bay rộng hướng, quân đi ngập đường». Lý-Quốc-Sinh, một cây bút chống cộng khác hô hào « kéo quân về đòi lại Thăng-long », đập hết tượng, xé hết cờ và được chém giết thỏa thuê, « lưỡi lê no máu rửa Tây hồ ».

Văn nghệ chống cộng ở miền Nam trong thời kỳ này đã xuyên tạc, vu khống những người cộng sản một cách quá trắng trợn, cho nên tác dụng lừa bịp của nó rất bị hạn chế. Sau này, khi nhìn lại, Nguyễn-Mạnh-Côn đã phải thừa nhận đó là cái « thời kỳ chống cộng ấu trĩ » của hắn và đồng bọn. Đó là thời kỳ « nhắm mắt mà đánh, không cần biết luật lệ phải trái ». *(Về giá trị của học thuyết Mác xít và của chủ nghĩa cách mạng vô sản;* Tập san Quốc phòng số 17, tháng 11-1971). Đó là lời thú nhận khá thành thật của một tên bồi bút (!).

Chế độ độc tài gia đình trị họ Ngô bị lật đổ, kéo theo sau một cuộc khủng hoảng dây chuyền mà kẻ đạo diễn tấn tuồng "thay ngựa giữa dòng » cũng không lường hết được. Trong vòng không đầy 3 năm, hơn 10 cuộc đảo chính, phản đảo chính và « chỉnh lý » nổ ra, đẩy bọn tay sai mới vào vũng lầy bế tắc.

Trong lúc đó, cuộc đồng khởi của hàng triệu đồng bào ta khắp miền Nam báo hiệu cách mạng miền Nam đang chuyển sang thế tiến công. Mặt trận dân tộc giải phóng ra đời. Những chiến thắng liên tiếp của Quân giải phóng có tiếng vang lớn, cổ vũ làn sóng đấu tranh của đồng bào các đô thị. Chính quyền tay sai Mỹ ở miền Nam gặp những khó khăn chồng chất. Tình thế đó buộc bọn đầu sỏ ở Nhà trắng phải xé toang cái màn ngụy

(3) Tiểu thuyết của Kỳ-Văn-Nguyên được giải nhất, 1957, với 30.000 đồng tiền thưởng của Diệm.

Digitized by Google

trang « đồng minh hào hiệp », đưa quân Mỹ trực tiếp tham chiến, để cứu nguy cho bọn tay sai.

Những sư đoàn của đội « thập tự quân chống cộng » này, với chính sách diệt sinh, diệt chủng, diệt môi trường sống, vô cùng man rợ của nó, đã gây nên căm phẫn cao độ trong đồng bào miền Nam. Xã hội thành thị và quanh những vùng căn cứ Mỹ nhanh chóng biến dạng và tràn ngập những ổ buôn lậu, nhà chứa đĩ. Nạn cần sa, ma túy lan tràn, du đãng, cao bồi, phát triển như nấm mọc. Tội ác lan tràn khắp mọi nẻo. Mọi giá trị tinh thần suy vi, sụp đổ. Nói như một người trí thức ở Sài-gòn, « Quê hương rách nát như áo ăn mày, những cánh đồng loang lổ vì bom đạn, xơ xác vì thuốc khai quang, những thành phố tanh ói mùi tinh trùng Mỹ, cứt đái Mỹ, rác rến Mỹ, đô-la Mỹ,.. » *(Bọt biển và sóng ngầm*, trang 45).

Đội ngũ cầm bút phản động được bổ sung thêm một lực lượng mới do Mỹ – ngụy đào tạo từ các trường học bản xứ (trong đó có trường Cao đẳng quốc phòng, Đại học chiến tranh chính trị) và được gửi đi tu nghiệp ở nước ngoài về. Mỹ – ngụy lại dùng nhiều thủ đoạn khuyến khích người cầm bút chống cách mạng như đặt giải thưởng lớn, tạo điều kiện xuất bản dễ dàng đối với những tác phẩm chống cộng, trả nhuận bút cao, giúp đỡ phương tiện để đi ra chiến trường, vào các trại giam chiến sĩ giải phóng để khai thác, lấy tài liệu, v v... Nếu trước đây những tác phẩm chống cộng thường lấy Cách mạng tháng Tám, cuộc kháng chiến chống Pháp, hoặc cuộc « di cư » 1954 làm bối cảnh, thì bây giờ bối cảnh làm nền cho tác phẩm là cuộc sống trước mắt. Có thể đó là cuộc chiến tranh đang diễn ra, là một trại tù binh, một « mật khu của Việt cộng », cũng có thể là cảnh sống của một « quân trường » ngụy, một câu chuyện trên đường phố, v.v... Nói chung, ở những tác phẩm thuộc giai đoạn này, ta thấy nội dung được gắn liền với các vấn đề thời sự nóng hổi mà cuộc sống đang đặt ra.

Thuốc độc của văn nghệ thực dân mới được bọc đường, mang nhiều nhãn hiệu khác nhau.

Trước hết là sự xuất hiện cái gọi là *văn nghệ tình thương*. Lai lịch của thứ văn nghệ này gắn liền với chính sách « cái gậy và củ cà rốt » của Giôn-xơn, với những luận điệu ve vãn « hòa bình thương lượng », « chiến dịch chống nghèo đói bệnh tật », v.v... được phát đi từ một bài diễn văn đọc ở bên kia bờ Thái-bình-dương, mùa hè 1965. Lối chào hàng mới này ra đúng lúc chiến tranh đang leo thang ác liệt. Cái tình thương của nhà Phật và chúa Ki-tô đã trở thành chiếc áo khoác che đậy một mưu đồ bịp bợm. Những kẻ khởi xướng thứ văn nghệ này thường đưa ra rất nhiều « nhân danh »: « nhân danh tình thương để xóa bỏ hận thù », « nhân danh mẹ Việt-nam » để khuyên « hai bên hãy ngồi lại gần nhau » trong cái « cộng đồng huynh đệ », bởi vì súng đạn – theo họ – « không phải là tiếng nói ». Họ còn « nhân danh » thứ « ngôn ngữ khóc cười theo mệnh nước nổi trôi » để lên án cái mà họ gọi là « cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn », v.v... và v.v... Tiêu biểu cho khuynh hướng văn nghệ này là Nhất-Hạnh và Phạm-Duy với tập thơ *Chắp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện* và tập nhạc « 10 bài tâm ca » (4). Những hình ảnh « vườn cây héo lá », « miếu thờ ngã gục », « những giọt nước mắt mẹ già lã chã dầm dìa trên xác con lạnh giá », « những nấm mồ hoang », « những bãi sa trường, khăn xô màu trắng »... đã trở thành những biểu tượng « tố cáo chiến tranh »,

(4) Một số bài thơ của Thích-Nhất-Hạnh trong tập *Chắp tay nguyện cầu*... đã được Phạm-Duy phổ nhạc thành « tâm ca ».

Digitized by Google

mà thực chất là phản đối chiến tranh cách mạng. Phi nghĩa và chính nghĩa bị đánh lộn sòng. Chưa bao giờ những danh từ « máu xương », « nước mắt », « hòa bình », « thương lượng », được dùng một cách xa xỉ như lúc này.

Cái nguy hại của loại văn nghệ này là bằng những hình thức ủy mị, bằng những giọt nước mắt cá sấu, bằng biểu tượng hai mặt, lập lờ nó nhằm làm nhụt nhuệ khí đấu tranh của quần chúng. Nó là một thứ « mìn định hướng » không phải để nổ về phía Mỹ ngụy mà nhằm vào các chiến sĩ đang cầm vũ khí chiến đấu chống Mỹ ngụy. « Văn nghệ tình thương » là thứ văn nghệ « tâm lý chiến » khoác một áo choàng mới.

Một biểu hiện khác : nấp dưới chiêu bài « khách quan không thiên vị » để làm một thứ « trọng tài thánh thiện »... Ngòi bút những người lãnh « sứ mạng» này nhiều lúc đả kích bọn Mỹ và tay sai khá ồn ào, gay gắt. Lời lẽ của họ đôi khi còn hùng hồn hơn cả những người có tinh thần dân tộc, yêu nước, yêu dân thật sự. Đối với bọn đang cầm quyền, họ không tiếc lời đả kích, nào là « những tên phù thủy chính quyền », « chính khửa xôi thịt », « bọn mọc hầu bao của dân », « đám gái ăn sương đã về già », v.v. Họ vạch ra khá nhiều tội lỗi, sai lầm của Mỹ và ngụy. Những sai lầm đó đã « biến đất nước ngày hôm nay thành một căn nhà trống, thiếu vắng mọi bề », « một quốc gia không còn thể thống », « một dân tộc bị chặt hết mọi ngả đường đi đến tương lai » v.v... và v.v...

Đối với người cộng sản và Mặt trận dân tộc giải phóng, tuy quan điểm của họ là chống đến cùng, nhưng thái độ thì tỏ ra khá « lịch sự », « khách quan ». Họ không giấu giếm lòng khâm phục đối với những người cách mạng. Mà không khâm phục sao được. Ngay như tên bồi bút nhẫn mặt Nguyễn-Mạnh-Côn, cũng đã có lần buộc phải viết: « Sự thật là tôi luôn luôn xác nhận các lãnh tụ cộng sản (mà tôi được biết) là những người trong sạch và tài giỏi » *(Về giá trị của học thuyết Mác xít và của chủ nghĩa cách mạng vô sản*, Tập san Quốc phòng, số 11-1971). Họ thừa nhận người cộng sản có tinh thần yêu nước, dũng cảm, có lý tưởng, dám hy sinh. Họ ca ngợi sự bền gan chiến đấu của những chiến sĩ « Việt cộng »

Nhưng vấn đề quan trọng không phải là ở sự ca ngợi chung chung đó, mà là cái ẩn đằng sau, là những động cơ lắt léo, quanh co, cái trong những điều khen chê tưởng như « khách quan » ấy. Và đặc biệt là ở những luận điểm nửa vời, những giải pháp mơ hồ mà họ ném ra để làm một thứ hỏa mù che đậy sự thật. Thật ra, những điều mà họ đả kích Mỹ — ngụy chỉ là những vấn đề râu ria mà ai cũng đã thấy, đã biết cả rồi, là những hiện tượng chứ không phải là bản chất. Trong lúc đó, những điều họ phủ nhận, hoặc tập trung đả kích là những vấn đề trọng đại, những vấn đề thuộc về bản chất của « những người thuộc phái bên kia » — nói theo ngôn từ của họ — mà họ đã cắt xén, bóp méo với một dụng ý đen tối.

Vốn quen trò buôn hàng giả, bọn tâm lý chiến tìm cách « mượn màu dân tộc, đánh lừa nhân dân ». Chúng dấy lên phong trào « văn nghệ về nguồn », « văn nghệ dân tộc », « phục hồi đức tin truyền thống » nhưng thực chất là *ngụy dân tộc*. Không phải đến bây giờ, bọn bán nước mới đính thêm trên lá cờ chống cộng đã rách nướp của chúng cái khẩu hiệu lừa bịp : « dân tộc », « truyền thống ». Thời mồ ma Diệm — Nhu, cái chiêu bài « quốc gia, dân tộc » giả hiệu đã từng được quảng cáo rùm beng để lôi kéo những người cả tin, nhẹ dạ.

Thoạt nhìn về mặt hình thức, thứ văn nghệ khoác áo « dân tộc » ấy dường như cũng được « khởi lên từ lòng đất mẹ », bởi vì nó cũng đề cập đến vấn đề « truyền thống », cũng nói

Digitized by Google

về « cỗi nguồn dân tộc với bốn nghìn năm văn hiến », về « mẹ Việt-nam », « nghĩa đồng bào » và « dân con đất nước ». Nhưng thật ra nó là một thứ hàng giả, nhằm đưa người đọc, người nghe đến một bến bờ khác — bến bờ đối lập với dân tộc, đối lập với chủ nghĩa yêu nước chân chính. Nó được bộ máy tác động tinh thần của ngụy quyền thổi phồng lên, quảng cáo rùm beng cùng với chủ trương xây dựng những phật đài đồ sộ, với việc dựng tượng các anh hùng dân tộc ở nhiều nơi, tổ chức giỗ tổ Hùng vương và kỷ niệm một số nhân vật như nhà thơ Nguyễn-Đình-Chiểu, chí sĩ Phan-Chu-Trinh, v.v.. Thậm chí bọn bán nước còn lợi dụng tên tuổi của các anh hùng dân tộc để mê hoặc, kích thích lòng hăng say mù quáng của binh sĩ ngụy như suy tôn Trần-Hưng-Đạo là Thánh tổ binh chủng Hải quân, Nguyễn-Trãi — Thánh tổ Chiến tranh tâm lý, Lê-Lợi — Thánh tổ Địa phương quân, Trần-Nguyên-Hãn — Thánh tổ binh chủng Vận tải.

Một cải tiến khác của bọn văn nghệ sĩ chống cộng là tìm cách pha trộn hai thứ thuốc độc *phản động và đồi trụy* trong cùng một tác phẩm. Nếu đem lồng nội dung phản động vào trong những tác phẩm đồi trụy với một liều lượng nào đấy sẽ có nhiều điều lợi. Nó hai lần nguy hiểm, vì một lúc đầu độc cả tư tưởng lẫn tình cảm, tâm hồn, hay nói một cách khác vừa phản động hóa đối tượng bị đầu độc, vừa thú vật hóa họ về mặt tâm hồn, lối sống.

Một kiểu khác khá nổi bật trong thời kỳ chiến tranh ác liệt là việc dùng những tên đầu hàng để chống lại cách mạng. Cái gọi là « văn nghệ chiêu hồi » ra đời cùng với việc thành lập Bộ dân vận — chiêu hồi của ngụy quyền Sài-gòn do Hồ-Văn-Châm, sau đó là Hoàng-Đức-Nhã điều khiển. Đó cũng là một thứ *văn nghệ tâm lý chiến*. Một trong những thủ đoạn nham hiểm của nó là sử dụng những tên đầu hàng phản bội để chống phá cách mạng. Điểm qua « tác phẩm » của những tên đầu hàng như *Đường đi không đến, Đến mà không đến, Xương trắng Trường-sơn, Đồng bằng gai góc* (Xuân-Vũ), *Trời phương Bắc* (Nam-Hải), *Hà-nội hôm nay* (Trần-Quốc-Mỹ), *Bóng tối đi qua* (Vũ-Hùng — Kim-Nhật), *Hành trình trí thức* (Phạm-Thành-Tài), *120 ngày trên đường mòn Hồ-Chí-Minh* (Nguyễn-Anh-Tuấn), v v .. chúng ta thấy gì? Xuyên tạc cuộc sống miền Bắc, xuyên tạc mặt gian khổ hy sinh ở chiến trường là hai chủ đề lớn thường thấy trong « tác phẩm » của chúng. Đây cũng là thủ đoạn nham hiểm nhằm đánh vào lòng ngưỡng mộ của lớp người trẻ ở thành thị đang khát khao lý tưởng, muốn vỗ cánh bay cao, bay xa về phía chân trời lý tưởng, để khỏi chết dần chết mòn cả thể xác lẫn tâm hồn trong cái ao tù ngột ngạt đầy dây kẽm gai với lựu đạn cay, trong các thành phố bị địch chiếm.

Để bù vào chỗ yếu của chúng, bọn bồi bút của Mỹ — ngụy một mặt ra sức cầu viện những kinh nghiệm, thủ thuật của bọn chống cộng hiện đại trên thế giới, mặt khác nhập khẩu những tác phẩm phản động của các nước phương Tây bao gồm sách báo (sáng tác và lý luận thuộc các ngành văn học, triết học, xã hội học...), phim ảnh, v v... Chúng lập nên những tổ chức, nhà xuất bản chuyên dịch và in những tác phẩm của bọn chống cộng, bọn xét lại và bọn « mác-xít học » (Marxologue). Những tác phẩm như *Số không và vô tận* (của A. Cơ-slơ), *Bác sĩ Gi-va-gô* (của B. Pa-xtéc-nác), *Giờ thứ 25* (Ghê-oóc-ghiu). *Tôi chọn tự do* (Cơ-rap-chen-kô) được in đi, in lại nhiều lần. Phim *Bác sĩ Gi-va-gô* (do Mỹ dàn dựng, quy mô đồ sộ) được chiếu rộng rãi trong các đô thị miền Nam cùng với những phim chống cộng của Tây Đức, Nhật, Đài-loan. Phụ họa với chiến dịch chống Liên-xô đo bọn chống cộng quốc tế

Digitized by Google

phát động, bọn bồi bút ở miền Nam đã làm rùm beng về vụ Xôn-giơ-nhit-xưn. Tờ *Văn học* ra « đặc san » ca tụng tên này là « nhà văn chống cộng lớn nhất của thời đại » Nhiều tờ báo hằng ngày dịch đăng *Quần đảo Gu-lắc* của Xôn-giơ-nhit-xưn. Chỉ trong một thời gian ngắn, những *Tầng địa ngục thứ nhất, Khu ung thư, Một ngày của I-van Đơ-ni-xô-vich, Ngôi nhà của Ma-tơ-ri-ô-na*... được dịch và tung ra thị trường. Bọn bồi bút của Mỹ — ngụy đã truyền bá ở miền Nam các trào lưu triết học, văn học phản động và suy đồi của phương Tây tư sản. Có thời kỳ như những năm đầu thập kỷ 70, sách *dịch đã lên đến 80, 85% toàn bộ sách xuất bản ở miền Nam.* Đến nỗi có người đã kêu lên hốt hoảng: « sách dịch đã khuynh loát thị trường chữ nghĩa ở đây » *(Bách khoa*, số xuân 1974).

★

Trong hơn hai mươi năm thống trị miền Nam, Mỹ — ngụy đã rất coi trọng việc sử dụng văn hóa, văn nghệ để nô dịch quần chúng Chúng đã có những cố gắng to lớn để xây dựng một bộ máy khổng lồ nhằm đầu độc nhân dân. Ròng rã hàng chục năm liền bọn bồi bút ăn tiền thuê của Mỹ — ngụy đã nói xấu cách mạng, xuyên tạc sự thật, bẻ cong chân lý, biến trái thành phải, đổi đen thành trắng. Bên cạnh bạo lực của sắt thép, nhà tù, hàng rào kẽm gai, ấp chiến lược để đàn áp và kìm kẹp nhân dân, là một hệ thống những phương tiện ngu dân hiện đại bao gồm triết học, văn nghệ nô dịch cực kỳ phản động, cùng những hủ tục mê tín dị đoan, lối sống hưởng thụ, chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, cực đoan.. Tất cả những thứ đó đều được huy động, nhằm đánh vào ý chí cách mạng của nhân dân ta, gieo rắc những tư tưởng hoài nghi, tâm lý sợ cộng sản, phá hoại những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

Sống trong vòng vây của bộ máy tác động tinh thần của kẻ địch, phần đông đồng bào ta vẫn sáng suốt nhận rõ được bản chất của Mỹ — ngụy. Đồng bào ta đã kiên quyết đấu tranh chống lại thứ văn hóa văn nghệ nô dịch của chủ nghĩa thực dân mới, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng, trước những thủ đoạn tinh vi, thâm độc của Mỹ — ngụy, một bộ phận đồng bào ta, nhất là đồng bào ở các thành thị bị địch chiếm lâu ngày, đã nhiễm phải nọc độc văn hóa thực dân mới của Mỹ.

Từ ngày đất nước hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược, cùng với những thay đổi lớn lao trong đời sống, nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã có nhiều cố gắng để tẩy rửa những nọc độc ấy. Đây là một công tác khó khăn và phức tạp, không thể hoàn thành dễ dàng trong một sớm, một chiều. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « Công việc này cần được tiếp tục một cách kiên trì, tích cực và triệt để. Chúng ta phải lấy ánh sáng của nền văn hóa mới để xua tan bóng đêm của quá khứ, cứu vớt những tâm hồn sa đọa, đưa họ trở về trong tâm hồn của dân tộc, cùng toàn dân vươn lên một đời sống văn hóa Việt-nam và xã hội chủ nghĩa huy hoàng » (5).

(5) Lê-Duẩn : « Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt-nam thống nhất xã hội chủ nghĩa », tạp chí *Học tập*, số 7-1976, trang 34.

Digitized by Google

Sinh hoạt Đảng

THÀNH KIẾN

Sự vận động của vạn vật là tuyệt đối. Sự vật luôn luôn biến hóa thì con người cũng phải có cách nhìn, cách xem xét, nhận thức sự vật cho phù hợp với thực tế khách quan đã thay đổi. Thế nhưng bên cạnh những người có con mắt tinh đời, có cái nhìn nhanh nhạy, vẫn còn không ít người không biết nhìn sự vật theo phương pháp biện chứng ấy. Có nhiều người nhìn sự vật bằng đôi mắt **«thành kiến»** tức là nhìn sự vật theo cách **đóng đinh vào một ấn tượng chủ quan của mình, không căn cứ vào quá trình vận động phát triển của thế giới khách quan.**

Có những người khi xem xét, đánh giá đồng chí của mình chỉ xuất phát từ những ấn tượng chủ quan có sẵn của mình, chỉ căn cứ vào những khuyết điểm nào đó đã mắc từ rất lâu của đồng chí mình, rồi từ đó ghét bỏ đồng chí mình. Có những người chỉ nhìn thấy một mặt nhược điểm của phụ nữ, rồi có ấn tượng xấu đối với phụ nữ, không tích cực đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc cán bộ nữ. Thậm chí có những người giữ mãi một ấn tượng xấu đối với một địa phương, chỉ nhìn thấy mặt nhược điểm, khuyết điểm của địa phương đó, không kịp thời thay đổi ý kiến của mình khi tình hình địa phương đó đã thay đổi...

Trong công tác và đời sống hằng ngày, ta gặp không ít những người có cách nhìn thành kiến như thế: thành kiến trong việc nhận định một tập thể, kết luận một tình hình, đánh giá một đơn vị, nhận xét một địa phương; thành kiến trong việc xem xét công tác, kết luận vấn đề; và đặc biệt là thành kiến trong việc xem xét, đánh giá cán bộ.

Nói chung, người thành kiến là người nhìn sự vật xuất phát từ một nhận thức chủ quan có sẵn, phiến diện một chiều, không căn cứ vào sự vận động của sự vật. Khi đã có một ấn tượng nào đó rồi thì khư khư giữ mãi ấn tượng đó, không kể là trong thực tế khách quan, sự vật đã thay đổi như thế nào. Dưới con mắt của người thành kiến, người nào đã phạm sai lầm thì cứ bị coi là sai lầm mãi mãi; quá khứ, hiện tại, tương lai của một người dường như không bao giờ khác nhau; tư tưởng, tình cảm, phẩm chất, năng lực của một người dường như không bao giờ biến đổi (!).

Chủ nghĩa duy vật biện chứng đã dạy rằng mọi vật liên quan với nhau và vận động không ngừng. Ngay trong một sự vật riêng rẽ cũng có sự đấu

Digitized by Google

tranh giữa các mặt đối lập, và sự vật đó luôn luôn vận động, phát triển. Vận động, phát triển là quy luật tuyệt đối của thế giới khách quan. Chính vì thế, khi xem xét sự vật, chúng ta phải phân tích các mối quan hệ của sự vật một cách cụ thể, và phải đặt sự vật trong quá trình vận động không ngừng của nó. Ăng-ghen nói: «Khi chúng ta nghiên cứu giới tự nhiên, lịch sử loài người hay sự hoạt động tinh thần của bản thân chúng ta, thì trước hết trước mắt chúng ta hiện ra một bức tranh chằng chịt vô tận những mối liên hệ và những tác động qua lại lẫn nhau trong đó không có cái gì là không vận động và không thay đổi mà tất cả đều vận động, biến hóa, xuất hiện và biến đi» (1). Phép biện chứng đòi hỏi chúng ta không được đem cách nhìn cứng nhắc, trừu tượng, giản đơn, một chiều vào việc xem xét, đánh giá sự vật. Phép biện chứng không chấp nhận cách nhìn thành kiến.

Những điều sơ đẳng đó của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhiều cán bộ, đảng viên chúng ta không phải không biết, bởi vì chúng ta đều đã ít nhiều được học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đã ít nhiều hiểu biết phép biện chứng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Nhưng một số đông chỉ vẫn thành kiến. Điều đó có thể là do trong lòng chưa thật trong sáng, vô tư, nhiều khi để cho cảm tính lấn át lý tính, mặt khác do **chưa nắm chắc phương pháp luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.**

Bệnh thành kiến chi phối rất nhiều tư tưởng, tình cảm, ý thức và hành động của con người, dễ làm cho người ta mắc sai lầm.

Chẳng hạn như thành kiến làm cho người ta cố chấp, bảo thủ, lúc nào cũng khăng khăng giữ ý kiến cũ kỹ, sai lầm của mình, không chịu nhìn thẳng vào thực tại Vương vấn với những nhận thức chủ quan có sẵn của mình, người thành kiến không chịu quan sát những đổi thay của sự vật, tự mình bịt mắt, bưng tai, do đó không thấy rộng, nhìn xa, không nhạy bén, không đủ sáng suốt để nhận ra cái mới, tích cực ủng hộ và xây dựng cái mới. Người thành kiến nhìn người, nhìn vật chỉ thấy quá khứ mà không thấy hiện tại, không dự đoán được chiều hướng phát triển trong tương lai. Họ thích đi theo đường mòn, vết cũ, kém mạnh dạn, kém sáng tạo. Vì vậy người thành kiến thường nhận thức không đúng bản chất của sự vật, và nếu là cán bộ lãnh đạo thì thường đánh giá sai phong trào, kết luận sai tình hình, nhận định sai cán bộ, và rốt cuộc định ra chủ trương, biện pháp công tác kém chính xác, kém hiệu lực.

Người thành kiến cũng là người khe khắt, hẹp hòi, đối xử với người chung quanh kém khoan dung, nhân ái. Họ hay đem một khuôn mẫu chật hẹp nhất định theo cách nhìn, cách nghĩ của họ lắp cho tất cả mọi người có hoàn cảnh, đặc điểm, cá tính khác nhau. Ai khác tính mình, ai trái ý mình thì không ưa, không muốn gần gũi. Trái lại, ai hợp với mình, ai đã để cho mình một ấn tượng ban đầu tốt đẹp nào đó thì luôn luôn cho người đó là tốt, là giỏi, tìm mọi cách chở che, bênh vực, không cần biết trong thực tế người đó đã thay đổi thế nào, có phạm khuyết điểm gì không. Trong công tác, người thành kiến không thích cộng sự với những người trái ý mình, không hợp «khẩu vị» của mình, và có khi chỉ nhằm vào những nhược điểm, khuyết điểm của người đó để bới lông tìm vết. Chính vì thế mà nhiều khi có cán bộ rất tốt, rất thạo việc, được quần chúng tin yêu, nhưng không được cất nhắc sử dụng.

(1) F. Ăng-ghen: *Chống Đuy-rinh*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 32.

Digitized by Google

Điều đó cắt nghĩa vì sao người thành kiến hay bị lẻ loi, cô lập, không đoàn kết được rộng rãi mọi người, không tập hợp được đông đảo quần chúng, không phát huy được đến mức cao nhất mọi khả năng, sở trường của cán bộ ; do đó gây trở ngại cho việc xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong đơn vị mà người đó công tác.

Hồ Chủ tịch đã dạy : « Chúng ta phải nhớ rằng : người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở. Ta phải dùng chỗ hay của người và giúp người chữa chỗ dở. Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được » (2). Riêng trong việc xem xét cán bộ, Hồ Chủ tịch ân cần nhắc nhủ : « Trong thế giới, cái gì cũng biến hóa. Tư tưởng của người cũng biến hóa. Vì vậy cách xem xét cán bộ, quyết không nên chấp nhất, vì nó cũng phải biến hóa... Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm ? Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau (3). Hồ Chủ tịch phê phán rất nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên hẹp hòi, thành kiến. Người phân tích : « Tư tưởng hẹp hòi, thì hành động cũng hẹp hòi, hành động hẹp hòi thì nhiều thù ít bạn... Người mà hẹp hòi thì ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi thì không thể phát triển » (4). Người yêu cầu : « Giữa đảng viên và cán bộ với nhau, phải kiên quyết bỏ hết thành kiến. Thành kiến là một thói xấu, có hại. Do thành kiến mà sinh ra dè dặt với nhau, đối phó với nhau, kèn cựa lẫn nhau. Nó làm cho trống đánh xuôi kèn thổi ngược, nó làm cho công tác bị tê liệt, hư hỏng » (5).

Thành kiến là một thói xấu, có hại. Muốn khắc phục bệnh thành kiến, bên cạnh việc học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng, gột rửa chủ nghĩa cá nhân, xây dựng tình thương yêu đồng chí và đồng đội, một biện pháp hết sức quan trọng là phải **ra sức học tập nâng cao trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhất là phải không ngừng rèn luyện, trau dồi để nắm vững và ứng dụng có kết quả phương pháp luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin,** phương pháp xem xét và giải quyết các vấn đề một cách khoa học, biện chứng.

NGƯỜI XÂY DỰNG

---

(2) Hồ-Chí-Minh : *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1970, trang 16.

(3) X. Y. Z : *Sửa đổi lối làm việc*, nhà xuất bản Sự thật, 1954, trang 61 — 62.

(4) Hồ-Chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 15.

(5) Hồ-Chí-Minh : Sách đã dẫn, trang 130

Digitized by Google

Xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa tập thể và cá nhân trong chế độ xã hội chủ nghĩa

LÊ-THI

MỐI quan hệ giữa tập thể và cá nhân là một vấn đề quan trọng được đặt ra trong quá trình xây dựng chế độ mới. Có giải quyết đúng đắn vấn đề này thì mới đẩy mạnh được sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ: «Xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa tập thể và cá nhân là một nội dung rất quan trọng của việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể ở nước ta».

Mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân, hay nói một cách khác, giữa xã hội và cá nhân từ trước tới nay luôn luôn là một trong những vấn đề gắn liền với tiến trình lịch sử của xã hội loài người. Tính chất, nội dung của mối quan hệ đó biến đổi tùy theo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, và hình thái kinh tế – xã hội.

Trước đây các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản đã cố gắng giải thích mối quan hệ đó, nhưng bị hạn chế bởi lập trường quan điểm của giai cấp bóc lột, họ không thể chỉ ra bản chất của vấn đề quan hệ giữa cá nhân với tập thể, xã hội. Chỉ từ khi chủ nghĩa Mác ra đời mới có được sự lý giải đúng đắn, khoa học đối với vấn đề này.

Chủ nghĩa Mác, đi từ sự mổ xẻ toàn bộ, phân tích sâu sắc xã hội tư bản chủ nghĩa cùng các xã hội trước đó, chỉ ra rằng sự đối lập giữa cá nhân với xã hội bắt nguồn ở chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và tất nhiên theo đó là chế độ người bóc lột người. Nét đặc trưng chung của các chế độ xã hội nô lệ, phong kiến và tư bản chủ nghĩa là ở chỗ dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất, dựa trên nền chuyên chính của thiểu số là giai cấp bóc lột đối với số đông là nhân dân lao động. Trong các chế độ đó chỉ có một số cá nhân nào đó được tự do phát triển thông qua việc áp bức, tước đoạt, chà đạp quyền lợi và xóa bỏ tự do, cá tính của số đông người trong xã hội. Vì

Digitized by Google

vậy mối quan hệ giữa cá nhân người lao động và xã hội thống trị luôn luôn phát sinh những mâu thuẫn đối lập nhau.

Cho nên muốn xóa bỏ sự đối lập giữa cá nhân và xã hội trước hết phải lật đổ nền thống trị của các giai cấp bóc lột, thiết lập chuyên chính vô sản, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trong thời đại ngày nay, khi thế giới tư bản chủ nghĩa ngày càng lún sâu vào cuộc lồng khủng hoảng trên khắp các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng, văn hóa, v.v... những mâu thuẫn trong nội bộ xã hội tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc, mâu thuẫn giữa cá nhân và tập thể, cá nhân và xã hội trong xã hội đó lại càng gay gắt. Trái hẳn với tình trạng này, chế độ xã hội chủ nghĩa trên thế giới tuy chỉ mới ra đời từ năm 1917 nhưng đã tỏ rõ sức sống mãnh liệt của nó trong lịch sử phát triển của xã hội. Chỉ trong mấy chục năm, nó giải quyết được hàng loạt vấn đề cơ bản mà ba, bốn trăm năm qua chủ nghĩa tư bản đã không thể giải quyết nổi. Nó đã xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nạn thất nghiệp, tạo mọi điều kiện cho nhân dân lao động được hưởng các lợi ích vật chất và tinh thần, văn hóa, phát triển khả năng toàn diện và qua đó, chủ nghĩa xã hội đã thiết lập được mối quan hệ đúng đắn giữa cá nhân và tập thể, giữa cá nhân và xã hội.

Thực tiễn sinh động đã chứng minh lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về quan hệ giữa xã hội và cá nhân là hoàn toàn đúng đắn.

Quyền lực chính trị do chủ nghĩa xã hội thiết lập là chính quyền của nhân dân lao động do giai cấp công nhân lãnh đạo. Tước đoạt tài sản của bọn bóc lột, công hữu hóa các tư liệu sản xuất chủ yếu dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, thực hiện quản lý và phân phối theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội đem lại cho nhân dân lao động quyền làm chủ về kinh tế. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, song song với những biến đổi to lớn về chính trị và kinh tế, dần dần tạo mọi điều kiện cho nhân dân lao động hưởng các lợi ích vật chất và tinh thần — văn hóa, và phát triển toàn diện nhân cách. Tất cả những cái đó là nhằm xóa bỏ triệt để, hoàn toàn, vĩnh viễn sự đối lập giữa cá nhân và xã hội do xã hội cũ để lại. Những thành tựu toàn diện của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa có tác dụng củng cố chủ nghĩa xã hội, vừa đem lại hạnh phúc cho nhân dân lao động. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, không có gì có lợi cho tập thể, cho xã hội mà không phù hợp với lợi ích căn bản của người lao động.

Với ý nghĩa đó, việc xã hội, tập thể hết sức quan tâm và bảo đảm các quyền và lợi ích của cá nhân, khuyến khích giúp đỡ cá nhân phát triển tài năng, là có lợi cho xã hội và còn là tiền đề cho sự phát triển của xã hội. Nếu như các xã hội có giai cấp đối kháng chỉ có thể phát triển nhất thời bằng cách xóa bỏ tự do, tước đoạt quyền lợi của đông đảo nhân dân lao động, thì chế độ xã hội chủ nghĩa có thể phát triển vững vàng và vĩnh viễn trên cơ sở bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thỏa mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần của tất cả các thành viên của xã hội, phát huy khả năng, sở trường, phát triển quyền tự do chân chính của con người lao động.

Là một thành viên của xã hội, con người lao động làm việc có nhiệt tình, sáng tạo, có năng suất cao vì lợi ích của xã hội cũng đồng thời vì lợi ích của chính mình. Việc họ chăm lo rèn luyện bản thân, nâng cao trình độ hiểu biết và tay nghề, là nhằm cải thiện đời sống của mình, đồng thời

Digitized by Google

là tạo điều kiện phục vụ xã hội tốt hơn. Cá nhân làm tròn nghĩa vụ của mình đối với xã hội cũng chính là vì lợi ích của mình. Con người xã hội chủ nghĩa quan tâm phục vụ xã hội, lấy việc phục vụ xã hội làm mục đích, lý tưởng của mình; đó là con người tự do chân chính. Mỗi người có làm như vậy thì xã hội mới phát triển và mới có điều kiện chăm lo đến sự phát triển toàn diện của mỗi người. Thế là, sự phát triển của xã hội và sự phát triển của cá nhân người lao động là hai mặt không thể tách rời của một chỉnh thể trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong chế độ xã hội chủ nghĩa, giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, khi mà sức sản xuất của xã hội chưa được phát triển đến trình độ thật cao, còn có sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay, thì điều kiện phát triển của mỗi người được tạo ra từng bước thông qua sự cải tạo toàn diện và sự tiến bộ không ngừng của xã hội. Chỉ đến khi đã tiến lên giai đoạn cao, giai đoạn chủ nghĩa cộng sản, khi lực lượng sản xuất phát triển thật mạnh mẽ, ranh giới giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay đã được xóa bỏ, khi nguyên tắc phân phối «làm tùy sức, hưởng theo lao động» được thay thế bằng nguyên tắc «làm tùy sức, hưởng theo nhu cầu», thì lúc đó xã hội thỏa mãn toàn diện những nhu cầu vật chất và tinh thần của con người, kết hợp hài hòa lợi ích của cá nhân và của xã hội ở mức cao. Đến lúc đó sẽ thể hiện đầy đủ trong thực tế chân lý «sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người» (1).

★

Ở nước ta, mối quan hệ giữa xã hội và cá nhân đã trải qua một quá trình lịch sử phát triển phong phú, phức tạp và độc đáo.

Dân tộc ta được hình thành tương đối sớm trong quá trình giữ nước và dựng nước. Do điều kiện lịch sử của dân tộc ta phải luôn luôn chiến đấu để giữ nước, cho nên trong xã hội Việt-nam đã hình thành và giữ được lâu đời tình đoàn kết, thương yêu nhau, và điều đó đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Điều đó được thể hiện trên hai mặt: trách nhiệm của mỗi người dân đối với vận mệnh của dân tộc trước nạn ngoại xâm, tức là tinh thần yêu nước, và mối quan hệ giữa các thành viên trong nước với nhau, tức là tinh thần đoàn kết, tương trợ. Lúc đó, tai họa của dân tộc cũng đồng thời là tai họa của mỗi người Việt-nam yêu nước. Ý thức đó ăn sâu vào nhân dân, trở thành ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước quật cường bất khuất của mỗi người Việt-nam chân chính. «Nước mất nhà tan». «Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh». «Tổ quốc cao hơn tất cả». Từ trước đến nay, con người Việt-nam yêu nước hiểu như vậy, làm như vậy. Ý thức dân tộc của con người Việt-nam bao hàm ý thức bảo vệ trước hết lợi ích chung, tối cao là lợi ích của Tổ quốc, đó là ý thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với Tổ quốc. Con người Việt-nam yêu nước tìm thấy lợi ích của mình trong lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc. Tuy nhiên mối quan hệ đó trước kia bị chế độ phong kiến kìm hãm. Chỉ khi nào lợi ích của toàn thể dân tộc, kể cả lợi ích của bọn thống trị bị giặc ngoài uy hiếp thì bọn thống trị mới bắt buộc phải đề cao sự đoàn kết, tương trợ, hợp tác của nhân dân. Còn bản chất của chúng

(1) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 61.

Digitized by Google

là luôn luôn gây ra sự chia rẽ và đối lập trong nội bộ dân tộc.

Quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong gần nửa thế kỷ qua, để giải phóng dân tộc, giải phóng con người lao động cũng là quá trình phát huy truyền thống đoàn kết, tương trợ trong dân tộc, gắn lợi ích của mỗi người yêu nước thương nòi với lợi ích chung của tập thể, dân tộc.

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, Nhà nước dân chủ nhân dân ra đời đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội. Từ đó trở đi, lợi ích cơ bản của mỗi người lao động gắn chặt với vận mệnh và sự phát triển của chế độ dân chủ nhân dân.

Việc xóa bỏ chế độ chiếm hữu phong kiến đã được từng bước thực hiện ngay trong kháng chiến chống Pháp, cũng hoàn thành mau chóng khi cách mạng dân tộc dân chủ giành được thắng lợi hoàn toàn. Nhưng việc xóa bỏ chế độ thực dân, chế độ phong kiến, chỉ mới loại trừ những cơ sở chính trị, cơ sở kinh tế của sự đối lập giữa cá nhân và xã hội, loại trừ những trở ngại cho sự tiến bộ xã hội. Sự nghiệp xây dựng quan hệ đúng đắn giữa cá nhân và xã hội chỉ có thể thực hiện từng bước trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Kể từ 1954, sau khi được hoàn toàn giải phóng, miền Bắc đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nếu việc thiết lập Nhà nước chuyên chính vô sản thể hiện địa vị làm chủ của nhân dân lao động trên mặt chính trị, thì việc cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế, xác lập chế độ công hữu đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu đã đưa nhân dân làm chủ trên mặt kinh tế. Và dựa trên cơ sở đó, lợi ích của xã hội và lợi ích căn bản của cá nhân trở nên nhất trí. Ở miền Bắc, cùng với việc xóa bỏ chế độ người bóc lột người, nạn thất nghiệp, nạn đói kinh niên đã được thanh toán. Dưới chính thể mới, mọi người lao động đều được hưởng các quyền lao động, nghỉ ngơi, học tập, đi đôi với các quyền chính trị, xã hội khác, đều có điều kiện để phát huy khả năng của mình, cống hiến cho chủ nghĩa xã hội.

Chế độ xã hội chủ nghĩa không những đã xóa bỏ cơ sở kinh tế, chính trị của sự đối kháng giữa cá nhân và xã hội, và qua đó xóa bỏ bản thân sự đối kháng, mà lại còn kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta: lòng yêu nước, lòng thương người, tinh thần đoàn kết hợp tác, lên những đỉnh cao trên những cơ sở kinh tế, chính trị hoàn toàn mới. Nếu như trước đây mặt nhất trí bị mặt không nhất trí lấn át, đẩy lùi, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc bị bản thân cơ sở kinh tế, chính trị hạn chế, thì trong chế độ xã hội chủ nghĩa, cơ sở kinh tế, chính trị góp phần củng cố và nâng cao truyền thống tốt đẹp của dân tộc, làm cho mặt nhất trí ngày càng hoàn thiện và vững chắc.

Trong khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc ngày càng phát huy tính hơn hẳn của mình thì xã hội miền Nam trong 20 năm qua lại vận động theo một chiều hướng ngược lại. Xã hội miền Nam trở thành một thuộc địa kiểu mới và một căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ, bị ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Xã hội tạm bị chiếm miền Nam phát triển trong một môi trường cạnh tranh, bon chen, lừa lọc, cướp đoạt, mạnh ai nấy sống, miễn là giành được nhiều lợi nhất cho bản thân. Chủ nghĩa cá nhân vị kỷ của giai cấp tư sản đã được phát triển ở miền Nam với tất cả những khía cạnh lạc hậu, đồi trụy, phản động nhất. Trong xã hội thực dân mới đó lợi ích cá nhân chân chính của nhân dân lao động hoàn toàn bị xã hội thực dân mới chà đạp.

Digitized by Google

Đại thắng mùa xuân năm 1975 của quân và dân ta đã đặt miền Nam vào cùng một quỹ đạo với miền Bắc : tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Ở miền Nam đang diễn ra một cuộc đấu tranh quyết liệt, toàn diện nhằm xác lập và tăng cường chuyên chính vô sản, xác lập và tăng cường quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, loại trừ mọi mưu mô ngóc đầu dậy, phá hoại của bọn phản động tay sai đế quốc, xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản tay sai đế quốc và các giai cấp bóc lột khác, cải tạo những người bóc lột, quét sạch mọi tàn dư tư tưởng phản động, lạc hậu, mọi nọc độc văn hóa của chủ nghĩa thực dân mới, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi áp bức bóc lột. Đồng thời, chuẩn bị tiến hành việc cải tạo những người sản xuất nhỏ, biến họ thành những thành viên bình đẳng của xã hội mới. Đó là con đường quyết định loại bỏ những trở ngại và xây dựng quan hệ đúng đắn, tạo ra sự nhất trí ngày càng cao giữa tập thể và cá nhân.

★

Mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa là nhằm phục vụ lợi ích của công dân, thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của công dân, là nhằm tạo điều kiện cho công dân phát triển được toàn diện nhân cách. Ngược lại, trách nhiệm của mỗi công dân đối với xã hội, lẽ sống, mục đích của mỗi công dân là phải làm hết sức mình thúc đẩy xã hội phát triển.

Quan hệ giữa tập thể và cá nhân trong xã hội xã hội chủ nghĩa trước hết là quan hệ về mặt lợi ích. Hồ Chủ tịch nói : « Lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn » (2).

Kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể là một việc không đơn giản. Sự kết hợp đó không chỉ thực hiện trên mặt chính trị, mà cả trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, không chỉ thực hiện trong phạm vi công việc hằng ngày mà cả trong phương hướng lâu dài, không chỉ trên những vấn đề cụ thể, mà cả trong lĩnh vực lập kế hoạch dài hạn. Nó đòi hỏi xã hội phải có những quy định cụ thể, thành văn bản pháp luật, thành tập quán, nếp sống, trong đó phân rõ trách nhiệm của Nhà nước, của các tổ chức xã hội đối với cá nhân cũng như quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của từng người dân. Vì những lẽ đã nói ở trên, những quy định này có thể và phải được xây dựng từng bước, phải ghi nhận những thành tựu đã đạt được, nhưng không vì thế mà trở nên cứng nhắc, trái lại phải không ngừng được bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh cùng với những bước tiến lên của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy sự kết hợp hài hòa đó trong giai đoạn cách mạng hiện nay ở cả nước ta chỉ có thể là thành quả của quá trình củng cố và tăng cường nền chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

(2) Hồ-Chí-Minh : *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, trang 18.

Digitized by Google

Báo cáo chính trị của Trung ương tại Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ: «Trên cơ sở những đòi hỏi tất yếu của cuộc sống cộng đồng, của quyền làm chủ tập thể, phải tôn trọng và bảo đảm các quyền của công dân, bảo đảm sự phát triển phong phú của nhân cách, bồi dưỡng và phát huy sở trường và năng khiếu cá nhân, tạo điều kiện cho mọi người tự do tìm tòi và sáng tạo trên các lĩnh vực sản xuất, hoạt động khoa học, kỹ thuật, văn hóa, văn học, nghệ thuật...». Nguyên tắc căn bản đó là chỗ dựa của chúng ta trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tập thể, xã hội và cá nhân. Trong quá trình thực hiện sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích của toàn xã hội và lợi ích của từng cá nhân, phải đề phòng lệch lạc, hoặc chỉ nhìn thấy lợi ích của Nhà nước nói chung mà quên hay không coi trọng đúng mức lợi ích của cá nhân, hoặc ngược lại. Điều này cần được chú ý ở những địa phương chưa tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, là những nơi chưa tạo được điều kiện kinh tế xã hội căn bản xóa bỏ sự đối lập giữa lợi ích cá nhân của một số ít người nào đó và lợi ích xã hội.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, một yêu cầu quan trọng bảo đảm sự nhất trí giữa tập thể và cá nhân là kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những mâu thuẫn giữa tập thể và cá nhân có thể nảy sinh. Đó là vì nhiều lý do: hoặc do ý thức tư tưởng con người lạc hậu so với sự phát triển của cách mạng, không nhận rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình là phải hăng say lao động, lao động quên mình trên công trường, đồng ruộng, trong nhà máy, phòng thí nghiệm..., vì sự giàu mạnh của Tổ quốc và vì hạnh phúc của chính bản thân, họ vẫn giữ những thói hư tật xấu của xã hội cũ như lười biếng, chủ nghĩa cá nhân, tinh ích kỷ, thói tham lam, v.v... điều đó dẫn tới những hành vi trái ngược với lợi ích của xã hội; hoặc do trình độ sức sản xuất còn thấp kém chưa đủ để thỏa mãn ngay các yêu cầu và nguyện vọng bức thiết của cá nhân; hoặc do cán bộ các ngành, các cấp khi thực hiện đường lối chính sách của Đảng không nói rõ cho quần chúng thấy khó khăn và cùng quần chúng tìm ra biện pháp khắc phục, hoặc có cán bộ không tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng, xâm phạm lợi ích của quần chúng, quan liêu, gây phiền hà cho quần chúng, v.v... Vì vậy, phải thường xuyên quan tâm phát hiện và tùy theo tính chất cụ thể mà giải quyết kịp thời những mâu thuẫn nảy sinh ra theo phương hướng vừa củng cố chế độ làm chủ tập thể của cộng đồng xã hội vừa tạo điều kiện cho cá nhân được hưởng các quyền lợi chính đáng và có điều kiện phát triển sở trường và năng khiếu của mình.

Sự nhất trí giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân còn bao hàm sự nhất trí giữa nghĩa vụ và quyền lợi. Tất nhiên, Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh là bảo đảm chắc chắn nhất hạnh phúc của mọi người lao động. Đảng ta và Nhà nước ta không có mối quan tâm nào lớn hơn mối quan tâm đến lợi ích của quần chúng lao động, chăm lo việc ăn, ở, học tập, chữa bệnh, đi lại... của họ. Để Nhà nước ta có điều kiện chăm sóc tốt mọi thành viên trong xã hội, đáp ứng được các nhu cầu của nhân dân, mỗi người công dân, mỗi cá nhân phải làm đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với xã hội, đối với tập thể, phải hăng hái làm nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tích cực đóng góp sức người, sức của, cống hiến tài năng cho Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối và mọi chính sách của Đảng và Chính phủ. Đó vừa là nghĩa vụ vừa là quyền lợi thiêng liêng của mỗi người.

Xã hội xã hội chủ nghĩa chỉ có thể là kết quả của hoạt động tự giác của toàn thể nhân dân lao động theo

Digitized by Google

một kế hoạch thống nhất của toàn xã hội.

Những cá nhân trong chủ nghĩa xã hội là một kiểu người mới, là những chủ thể tích cực chủ động cải tạo xã hội cũ, sáng tạo xã hội mới, họ thật sự là những chiến sĩ, chứ không còn chỉ là những kẻ thừa hành thụ động chỉ biết làm việc chiếu lệ, như những cá nhân trong xã hội cũ. Cho nên quan hệ giữa cá nhân và tập thể trong xã hội xã hội chủ nghĩa được đặt trên một cơ sở tư tưởng hoàn toàn mới, đó là ý thức rõ ràng của người lao động về vai trò của họ là chủ nhân của đất nước, ý thức mà Hồ Chủ tịch đã nêu rõ: « chăm lo việc nước như chăm lo việc nhà... chăm lo việc tập thể như chăm lo việc gia đình » (3).

Là người chủ xã hội, con người xã hội chủ nghĩa có ý thức giác ngộ cao về các mặt nghĩa vụ, « nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội, nghĩa vụ bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, nghĩa vụ tôn trọng và thi hành pháp luật của Nhà nước, các quy tắc của đời sống tập thể, v.v...»(4). Đó vừa là đòi hỏi của đời sống cộng đồng, vừa là bảo đảm quyền lợi của mỗi thành viên trong cộng đồng. Có giác ngộ cao về nghĩa vụ, con người mới, xã hội chủ nghĩa luôn luôn cố gắng bồi dưỡng năng lực để có thể hoàn thành các nghĩa vụ một cách xuất sắc nhất và họ được xã hội tạo cho mọi điều kiện thuận lợi để làm việc đó.

Ý thức về nghĩa vụ không còn là do sự cưỡng bức, mà chính là dựa trên cơ sở tự giác và tự nguyện. Vì vậy, việc xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa tập thể và cá nhân là một nội dung quan trọng của ba cuộc cách mạng, nhất là cuộc cách mạng về tư tưởng và văn hóa để xác lập tư tưởng xã hội chủ nghĩa, trước hết là tư tưởng của chủ nghĩa tập thể. Chủ nghĩa tập thể đòi hỏi mỗi người không ngừng tự cải tạo mình, luôn luôn đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân. Và đó cũng chính là vấn đề cơ bản nhất của đạo đức trong chế độ xã hội chủ nghĩa, đúng như đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Đạo đức lớn nhất của chúng ta bây giờ là gì? Là xây dựng chủ nghĩa tập thể, là chống chủ nghĩa cá nhân... đó là vấn đề cơ bản nhất của đạo đức mới trong xã hội hiện nay » (5).

Chủ nghĩa tập thể là sản phẩm tất yếu của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện cụ thể về lịch sử và xã hội của nước ta, việc bồi dưỡng tư tưởng chủ nghĩa tập thể có nhiều thuận lợi. Đó là vì nhân dân ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, lại được Đảng thường xuyên giáo dục bồi dưỡng tư tưởng của giai cấp công nhân.

Muốn xây dựng chủ nghĩa tập thể, thì tất nhiên phải thanh toán chủ nghĩa cá nhân. Hồ Chủ tịch dạy: « *Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân* » (6). Chủ nghĩa cá nhân là sản phẩm tất yếu của chế độ chiếm hữu tư nhân đối với các tư liệu sản xuất. Chế độ chiếm hữu phong kiến đẻ ra chủ nghĩa cá nhân phong kiến. Chế độ chiếm hữu của giai cấp tư sản đẻ ra chủ nghĩa cá nhân tư sản vị kỷ hại người. Nhưng nền kinh tế sản xuất nhỏ lại cũng đẻ ra tư tưởng tự tư tự lợi không quan tâm đến lợi ích chung. Vì vậy trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

---

(3) Hồ-Chí-Minh: *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, trang 27 — 28.

(4) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 22.

(5) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập I, trang 465.

(6) Hồ-Chí-Minh: *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, trang 18.

Digitized by Google

chúng ta không những phải quét sạch mọi thứ chủ nghĩa cá nhân của các giai cấp bóc lột, mà cũng phải bền bỉ, nhẫn nại cải tạo tâm lý tiểu tư hữu của những người sản xuất nhỏ.

Nhưng đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không có nghĩa là xóa bỏ lợi ích cá nhân. Vì mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình. Chế độ xã hội chủ nghĩa nhất định phải chăm sóc đến những lợi ích cá nhân chính đáng, không trái với lợi ích của tập thể. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không bao giờ chủ trương xóa bỏ quyền lợi cá nhân, mà chỉ làm sao cho quyền lợi cá nhân và quyền lợi tập thể được nhất trí » (7).

★

Việc xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa tập thể và cá nhân là một vấn đề mới trong lịch sử nước ta. Được chủ nghĩa Mác — Lê-nin soi sáng, được đường lối của Đảng chỉ đường, chúng ta đã tìm ra phương hướng đúng đắn để xây dựng và ngày càng hoàn thiện mối quan hệ đó. Chỉ cần chúng ta luôn luôn có ý thức và nghiêm chỉnh thực hiện, rút kinh nghiệm trong thực tế, từng bước bổ sung và hoàn chỉnh, thì nhất định mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân trong điều kiện kinh tế — xã hội ngày nay của nước ta sẽ ngày càng tốt đẹp.

(7) Lê-Duẩn: *Tạo một chuyển biến mạnh mẽ về công tác tư tưởng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, trang 36.

Digitized by Google

BƯỚC CHUYỂN BIẾN MỚI CỦA PHONG TRÀO LAO ĐỘNG Ở CÔNG TY XÂY DỰNG NAM HÀ-NỘI

TRẦN-XUÂN-DIỆU

SAU nhiều năm ở trong tình trạng quản lý lỏng lẻo, sản xuất trì trệ, không hoàn thành kế hoạch, kinh doanh thua lỗ, từ đầu năm 1976 đến nay, thực hiện nghị quyết 19/CP của Hội đồng Chính phủ về việc chấn chỉnh tổ chức, đưa quản lý kinh tế vào nề nếp, công ty xây dựng Nam Hà-nội đã có bước chuyển biến mới. Công ty đã được vinh dự nhận lẵng hoa của Chủ tịch Tôn-Đức-Thắng và cờ thưởng luân lưu « Đơn vị dẫn đầu thi đua ngành xây dựng » của Hội đồng Chính phủ.

Tổ chức lại lao động, thực hiện cải tiến quản lý một bước.

Vấn đề được đặt ra ở công ty xây dựng Nam Hà-nội là phải tổ chức lao động phù hợp với quy trình sản xuất và tổ chức sản xuất. Trước đây công ty xây dựng Nam Hà-nội tổ chức các đội sản xuất theo các hình thức đội chuyên nghiệp, đội hỗn hợp, đội công trình. Đội chuyên nghiệp là đơn vị tổ chức lao động chuyên một nghề cho nên có điều kiện tập trung, làm nhanh, làm gọn một công việc, song vì chỉ bao gồm những người làm cùng nghề và chỉ biết một nghề cho nên không thể làm việc khác trái tay nghề, và vì vậy khi hết việc công nhân buộc phải nghỉ việc hưởng 70% lương. Với hình thức tổ chức như vậy, khi các công trình phân tán xa, diện quản lý rộng, tổ sản xuất rải ra ở các công trình thì các đội chuyên nghiệp không quản lý được lao động, trong lúc đó vẫn phải bảo đảm đủ lương theo chế độ cho công nhân. Do đội chuyên nghiệp mang những điểm không hợp lý như vậy, hình thức tổ chức đội hỗn hợp đã ra đời, đội này bao gồm các loại thợ: mộc, nề, sắt, sơn, vôi, v.v... tham gia thi công những công trình nhỏ. Đội này có thể chấm công, theo dõi việc sử dụng lao động, song không quản lý được chất lượng thi công vì có nhiều đội cùng thi công một công trình. Đến lượt đội công trình ra đời. Đội này chịu trách nhiệm chính thi công xây lắp một hạng mục công trình hoặc một công trình nhỏ (các đội chuyên môn khác là thầu phụ (B')), đã làm được việc chấm công, ghi nhận khối lượng giao khoán, lên khối lượng thanh toán, quyết toán... song kết quả công việc tốt hay xấu, nhanh hay chậm thì không có cơ sở kinh tế — kỹ thuật để đánh giá, và vì nó chỉ lo hoàn thành công trình và không chú ý thu hồi vốn cho nên hầu hết các công trình đều vượt dự toán hoặc ứ đọng vốn, nợ nần dây

Digitized by Google

đưa v.v... Như vậy là do có nhiều nhược điểm về cơ cấu tổ chức, về chức năng, nhiệm vụ, các đội chuyên nghiệp, hỗn hợp, công trình đã không quản lý được lao động, vật tư, tiền vốn. Điều bất hợp lý nhất là mỗi người công nhân chỉ biết và chỉ làm một việc, mỗi đội lao động chỉ làm một phần việc và chỉ có tính nghề nghiệp đơn thuần, một công trình xây dựng gồm có nhiều đội tham gia nhưng không đội nào quan tâm đến kết quả chung. Để khắc phục tình trạng tổ chức phân tán, quản lý kém và tạo điều kiện thực hiện chế độ quản lý kinh doanh trong các công trường xây dựng, công ty xây dựng Nam Hà-nội quyết định tổ chức đơn vị cơ sở là *đội xây dựng*. Mỗi đội chịu trách nhiệm thi công hoàn chỉnh một công trình hay hạng mục công trình. Yêu cầu này bắt buộc mỗi đội và mỗi cá nhân trong đội phải quan tâm đến hiệu quả công việc của mình. Trước khi thi công, công ty đã mở hội nghị thảo luận và ký kết hợp đồng với các đội xây dựng nhằm làm cho mỗi cán bộ, công nhân trong đội nắm được kế hoạch sản xuất, tiến độ thi công, chi phí vật tư và cả mức thu nhập sau khi hoàn thành khối lương công việc theo hợp đồng. Vì vậy, cán bộ và công nhân ở các đội đều tích cực lao động, chủ động khắc phục khó khăn, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, hoàn thành vượt mức kế hoạch. Cách tổ chức trên đây đã tạo điều kiện cho người lao động thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể trong sản xuất. Với hình thức tổ chức này, đội xây dựng *có chức năng quản lý kinh tế và quản lý kỹ thuật* nhằm bảo đảm hoàn thành việc xây dựng từng công trình. Tổ chức chỉ huy của đội gồm có đội trưởng, đốc công, cán bộ kinh tế, cán bộ vật tư và cán bộ kỹ thuật. Đội là một đơn vị hạch toán kinh tế. Công ty có 35 đội xây dựng gồm mỗi đội từ 60 người đến 180 người. Số người lao động trong mỗi đội có thể thay đổi nhưng các đội thì cố định. Công ty đã chú ý bồi dưỡng cho cán bộ chỉ huy đội về kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý sản xuất, bồi dưỡng cho cán bộ chuyên môn về nghiệp vụ và kỹ thuật, bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho công nhân bằng các hình thức mở trường lớp chính quy và đào tạo, kèm cặp tại chỗ. Do tổ chức của đội xây dựng trong quá trình thi công từng công trình được ổn định cho nên nơi ăn ở của công nhân cũng được ổn định. Khi đội tham gia xây dựng một công trình, con của công nhân có thể học hết một năm học tại địa điểm đó, không còn tình trạng nay đây mai đó, việc học hành của con cái bị dở dang. Đối với công nhân trẻ, việc ổn định tổ chức tạo điều kiện cho họ học tập nâng cao tay nghề và rèn luyện trong sinh hoạt tập thể. Công nhân ở các đội xây dựng thật sự gắn bó với tập thể của mình, yên tâm và phấn khởi lao động sản xuất.

Cùng với việc tổ chức lại các đội sản xuất, công ty đã chú trọng *cải tiến một bước công tác quản lý kinh tế*. Các đội, các công trường và công ty đã tiến hành phân tích hoạt động kinh tế từng tháng, từng quý và cả năm. Ở các đội và các công trường, việc phân tích kinh tế phổ cập đến tận người công nhân, vì vậy đã giúp cho mỗi người và mỗi đơn vị thấy rõ mặt mạnh, mặt yếu trong công tác quản lý sản xuất và kinh doanh để có biện pháp khắc phục kịp thời. Trong khâu hạch toán ban đầu, cùng với việc đưa cán bộ kinh tế xuống đội sản xuất để thực hiện hạch toán giá thành của từng công trình và hạng mục công trình, công ty đã nghiên cứu biểu mẫu, sổ ghi chép trung gian của từng loại cán bộ (tổ trưởng, đội trưởng, v.v...) để ghi chép các báo biểu thông tin kinh tế được kịp thời và chính xác, sửa chữa những thiếu sót trong khâu hạch toán

Digitized by Google

giá thành. Mặt khác, công ty đã tiến hành phân cấp và mở rộng quyền hạch toán của các công trường và xí nghiệp trực thuộc trên các mặt: kế hoạch, tiền vốn, tư cách pháp nhân và chế độ khen thưởng, v.v... và lấy công trường làm đơn vị tổng hợp.

Chủ động khắc phục khó khăn về vật tư, bảo đảm tiến độ và khối lượng thi công.

Thiếu nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu hoặc nguyên liệu, vật liệu cung cấp không đúng quy cách, phẩm chất là khó khăn chung, lớn nhất đối với các công trường, xí nghiệp trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay. Đây cũng là nguyên nhân chính khiến cho các công trường của công ty xây dựng Nam Hà-nội không hoàn thành kế hoạch sản xuất trong những năm trước đây. Ngày nay, nếu vẫn cứ bó tay ngồi chờ cấp trên như những năm trước, thì dù có tổ chức lao động khoa học, công ty cũng không tránh khỏi « không hoàn thành kế hoạch do khó khăn về vật tư ». Để tạo điều kiện cho tổ chức lao động mới phát huy tác dụng, công ty đã cải tiến công tác quản lý vật tư để có thể chủ động trong sản xuất. Công ty cùng với các bên giao thầu bàn bạc, soát lại các điều kiện về mặt bằng, thiết kế dự toán, tình hình vật tư và thống nhất tiến độ thi công của từng công trình. Công nhân được biết trước năm ngày kế hoạch hằng tháng, biết trước hai ngày kế hoạch mười ngày, kế hoạch tiến độ mười ngày và giao ban hằng ngày nhằm bảo đảm sự chỉ đạo chặt chẽ của công ty đối với các công trường và đội sản xuất. Công ty đã có biện pháp chủ động thực hiện kế hoạch và giải quyết những khó khăn về vật tư là tổ chức chỉ đạo thi công theo phương pháp tập trung, nhanh gọn, có trọng điểm. Trong tháng 1-1977, theo kế hoạch, công ty phải triển khai lực lượng ở 34 công trình và hạng mục công trình, nhưng khi thấy khó khăn tạm thời về nguyên liệu và vật liệu, công ty dồn nguyên liệu và vật liệu vào 16 công trình và hạng mục công trình. Thiếu gỗ làm cốp-pha, công ty đã tạm thời cho tổ mộc ở các công trường chuyển sang làm việc khác, dồn gỗ cho xưởng gia công cốp-pha sản xuất tập trung, tận dụng các loại gỗ, trước hết làm cốp-pha ở những công trình trọng điểm, không để tình trạng gỗ mỗi nơi một ít, nơi nào cũng làm dở dang, không mang lại hiệu quả cụ thể, công ty tập trung cho các công trình trọng điểm không chỉ nguyên liệu, vật liệu mà cả người lao động, thợ kỹ thuật bậc cao. Vì vậy các công trình mở rộng hội trường Ba-đình, sửa chữa ga Hà-nội,... đã được hoàn thành dứt điểm. Đi đôi với việc tập trung thi công vào trọng điểm, công ty tích cực chuẩn bị việc thi công ở những công trình đất, công trình viện trợ thiết bị toàn bộ và khi có đủ nguyên liệu, vật liệu thì đẩy mạnh tiến độ thi công trên toàn bộ các công trình. Với cách chỉ đạo đó, trong năm 1976, ngoài 17 công trình đã ghi trong kế hoạch được đưa vào bàn giao, công ty còn hoàn thành và bàn giao 5 công trình và 11 hạng mục công trình nữa. Sự phối hợp nhịp nhàng trong thi công giữa các công trình điểm và các công trình diện cũng như giữa các phần công trình đã tạo điều kiện điều hành lao động ăn khớp với công việc, bảo đảm tiến độ thi công đều đặn và liên tục. Công ty còn quản lý vật tư một cách chặt chẽ, tiến hành kiểm kê hàng quý, tạo điều kiện cho quần chúng cùng tham gia quản lý vật tư, làm rõ trách nhiệm của cán bộ vật tư trong đội xây dựng. Trong quá trình các đội, các công trường thi công các công trình, công ty đã chú ý triệt để sử dụng vật tư tồn kho, huy động kịp thời vật tư từ nơi thừa sang nơi thiếu, từ nơi chưa cần dùng đến nơi cần dùng ngay, tận dụng và sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu một cách tiết kiệm nhất. Công

Digitized by Google

ty đã sử dụng hợp lý và tận dụng năng lực xe máy và phương tiện vận tải thô sơ, phát huy sáng kiến làm cốp-pha định hình, dầm nhiều khẩu độ, cột co rút, cốp-pha tôn để có thể dùng vật liệu dưới nhiều dạng nhiều lần, sử dụng luân chuyển sắt thép của các công trình viện trợ thiết bị toàn bộ, góp phần chủ động tạo nên những cân đối mới từ những mất cân đối đang diễn ra.

Do cải tiến quản lý lao động và vật tư, cho nên công ngừng việc đã giảm từ 22.688 công năm 1975 xuống còn 8.078 công năm 1976, đặc biệt công ngừng việc do thiếu nguyên liệu và do thời tiết không thuận đã giảm từ 10.828 công trong quý 3-1975 xuống 1.806 công trong quý 3-1976. Công ngừng việc hưởng 70% lương giảm rõ rệt đã bảo đảm được thu nhập cho công nhân, đồng thời hạn chế được những hiện tượng tiêu cực của công nhân trong thời gian nghỉ việc. Do tận dụng vật liệu cũ của các công trình phá dỡ để làm lại mới như gạch, đá hộc, sắt thép và dùng cốp-pha tre thay cốp pha gỗ, công ty đã tiết kiệm cho Nhà nước 575.806 đồng, riêng việc tổ chức khai thác vật liệu địa phương và thu mua vật liệu địa phương đã tiết kiệm 68.090 đồng về chi phí vận chuyển.

Phát động phong trào quần chúng, bồi dưỡng những người lao động mới.

Hiểu rõ vai trò quyết định của người lao động trong sản xuất, đảng ủy và ban giám đốc công ty chú trọng phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên bồi dưỡng chính trị cho người lao động, phát động phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa trên khắp các công trình xây dựng. Từ nhận thức sai lầm, cho rằng « nghề xây dựng là nghề vôi vữa, là nghề không cần văn hóa », « là nghề của người thất học, nghề tạm bợ », đến nay công nhân xây dựng của công ty đã có những nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của người thợ xây dựng, của ngành xây dựng, từ đó mà bắt đầu yêu ngành, yêu nghề, và có lòng tự hào về nghề nghiệp của mình. Mọi người đã bước đầu làm chủ bản thân và làm chủ sản xuất; không khí lao động trên các công trường sôi nổi, mọi người đều tự giác làm việc và tìm việc mà làm, họ gắn bó với nhau trong lao động và đều quan tâm đến kết quả sản xuất. Phong trào lao động ở các công trình khách sạn Thắng-lợi, mở rộng hội trường Ba-đình, sửa chữa ga Hà-nội, nhà 1B Hoàng-Văn-Thụ, v.v.. của tập thể công nhân và cán bộ các công trường 302, 304, 308, v v.. đã thể hiện nội dung: « bảo đảm chất lượng công trình, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành công trình, đưa nhanh công trình vào sử dụng ».

Công ty Nam Hà-nội còn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động cống hiến tốt cho xã hội bằng việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động qua phương pháp trả lương theo sản phẩm. Việc trả lương theo sản phẩm ngày càng được thực hiện tốt hơn, tỷ lệ người lao động và công việc được trả lương theo sản phẩm ngày càng tăng. Để phù hợp với hình thức tổ chức lao động và tổ chức sản xuất mới, công ty xây dựng Nam Hà-nội đã thực hiện chế độ trả lương theo sản phẩm dưới hình thức khoán tổng hợp cho các đội xây dựng. Phương pháp này đã kích thích sản xuất, làm cho năng suất lao động tăng lên, tiến độ thi công các công trình được rút ngắn, chất lượng không những bảo đảm mà còn được nâng lên. Tại công trình 66A, nơi có phong trào thi đua sôi nổi khẩn trương, một số đơn vị của các công trường 301, 302, 304, 308, công trường viện nhi và đội bê-tông luôn giành những năng suất cao nhất trong đào đất và phá đầu cọc bê-tông. Với 1240 công lao động, các đơn vị này đã đào được 2.357m^3, tăng 1.352m^3 so với kế hoạch, định mức mỗi ngày đào 0,91m^3

Digitized by Google

các đơn vị này đã thực hiện 1,60m³, năng suất tăng 80%. Công trường viện nhi thao diễn đổ bê-tông đợt 1, kế hoạch 12 ca, công nhân làm 9 ca, rút bớt được 3 ca.

Thu nhập của người công nhân cũng được tăng lên. Đội xây dựng số 2 của công trường 304 tham gia thi công công trình nhà ở Viện dược liệu đã hoàn thành nhiệm vụ sản xuất của đội, trong quý 4-1976 đã tiết kiệm được quỹ lương và tăng thu nhập của công nhân như sau:

Tháng	Kế hoạch quỹ lương	Thực hiện	Tiết kiệm	Thu nhập bình quân đầu người/ngày
10	6.290đ	6.010đ	280đ	2,27đ
11	7.256đ	6.820đ	436đ	2,30đ
12	4.300đ	4.100đ	200đ	3,05đ

Đặc biệt có tổ trong công trường này đã đạt được lương bình quân 198 đồng 1 tháng do tăng năng suất lao động gấp 5 lần. Năm 1976, mỗi đội, mỗi công trường đều cố gắng nâng cao thu nhập cho công nhân và góp phần tiết kiệm quỹ tiền lương, vì vậy thu nhập của công nhân trong toàn công ty qua quá trình thực hiện lương sản phẩm đã tăng hơn so với khi thực hiện lương cấp bậc: thợ mộc tăng 16%, thợ nề tăng 11%, thợ sắt tăng 17%, thợ sơn — vôi tăng 21%, lao động phổ thông tăng 8%, v.v... trong lúc đó quỹ tiền lương thực hiện so với kế hoạch chỉ bằng 96,4%, tiết kiệm cho Nhà nước 3,6% quỹ tiền lương kế hoạch.

Do kết hợp tốt giữa giáo dục chính trị tư tưởng với khuyến khích bằng lợi ích vật chất, công ty xây dựng Nam Hà-nội đã tạo được không khí lao động sôi nổi và sáng tạo, có năng suất cao trên các công trình xây dựng: công trình sửa chữa và mở rộng hội trường Ba-đình đã được công trường 308 hoàn thành xuất sắc trong 55 ngày đêm với chất lượng tốt, kịp thời phục vụ kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI và Đại hội lần thứ IV của Đảng. Phát huy tinh thần làm chủ trong sản xuất, một tổ nữ công nhân ở công trình 273 đã tìm được nguồn cát vàng tại chỗ để kịp thi công, chẳng những giảm bớt được khó khăn về vật liệu mà còn hạ giá thành mỗi mét khối cát xuống 10 lần so với cát vận chuyển từ nơi khác về. Công trường 308 cũng đã hoàn thành vượt mức công trình xây dựng ga Hà-nội, khu bệnh viện Bạch-mai, xí nghiệp đồ dùng dạy học, v.v... Riêng công trình ga Hà-nội có 5.800m² cột, tường phải trát gờ-ra-ni-tin. Công việc này đòi hỏi kỹ thuật cao, vì vậy trước đây thường phải thuê thợ ngoài với giá 12 đồng/m². Lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng, công trường đã tổ chức cho công nhân học và làm lấy, kết quả tường được trát đẹp, tốt. Từ đơn giá 5 đồng/m², theo đề nghị của công nhân, đơn giá hạ xuống còn 4,5đ/m² mà lương vẫn tăng thêm từ 0,30đ đến 0,50đ một công, mỗi công nhân bình quân thu nhập gần 200 đồng/tháng, đồng thời tiết kiệm cho công trường hàng vạn đồng. Công trình này đã được hoàn thành trước thời hạn 8 ngày.

Được quan tâm giúp đỡ, nhiều người chậm tiến trước đây đã tiến bộ, một số người có chuyển biến rõ rệt và trở thành người lao động xuất sắc. Công ty cũng đã có nhiều cố gắng ổn định và cải thiện một bước đời sống của cán bộ, công nhân, giải quyết tốt việc phân phối lương thực, thực phẩm và chất đốt cho gần 2.000 công

Digitized by Google

nhàn lưu động. Các nhà ăn tập thể được củng cố tốt hơn trước. Các nhà gửi trẻ ở các công trường bắt đầu làm việc theo ca sản xuất. Công ty đã dùng xe ca đưa đón công nhân đi về và chở gạo, thực phẩm cho các đơn vị ở xa Hà-nội. Trong những ngày nghỉ Tết Đinh Tỵ, một bộ phận công nhân và cán bộ ở lại làm theo yêu cầu thi công của những công trình trọng điểm, hoặc để chuẩn bị cho các công trường hoạt động ngay sau khi nghỉ Tết, đã được công ty tổ chức cho ăn Tết ngay tại công trường; những người về các địa phương ăn Tết cũng được Công đoàn giúp đỡ chuẩn bị trước vé tàu xe, quà Tết...

Sau nhiều năm không hoàn thành kế hoạch, năm 1976 công ty xây dựng Nam Hà-nội đã vươn lên hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch Nhà nước: giá trị sản lượng đạt 108,9% mức kế hoạch và tăng 31,4% so với 1975; năng suất lao động một ngày công xây lắp đạt 121,5% mức kế hoạch và tăng 14,5% so với 1975, trong đó năng suất lao động của một công nhân xây lắp đạt 107,3% so với kế hoạch và tăng 19,3% so với 1975; kinh doanh lãi 225 triệu đồng (năm 1975 lỗ 200 triệu đồng); tổng quỹ lương thực chi 96,4% so với kế hoạch. Quý I năm 1977, công ty đã hoàn thành kế hoạch trước 10 ngày và vượt 10% so với kế hoạch. Phong trào lao động sản xuất ở công ty xây dựng Nam Hà-nội thể hiện rõ rệt giác ngộ của người lao động về quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Họ đã tỏ rõ là có ý thức làm chủ tập thể như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu ra: «quyền làm chủ tập thể của nhân dân phải được thể hiện ở thái độ của mỗi công dân biết chăm lo đến công việc chung của tập thể, của xã hội, luôn luôn làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, đối với Tổ quốc».

Tuy nhiên, ở công ty xây dựng Nam Hà-nội cũng còn những vấn đề mà Công ty đã nhìn thấy và đang tập trung giải quyết để có những chuyển biến tốt hơn. Đó là việc xác định dự toán thi công cho các công trình và hạng mục công trình, làm cơ sở cho hạch toán giá thầu và đánh giá hiệu quả kinh tế của các đơn vị thi công; bên cạnh đấy là việc đào tạo, bồi dưỡng người lao động, làm cho mỗi người «giỏi một nghề, biết nhiều nghề», tổ trưởng sản xuất có kiến thức quản lý sản xuất, đội trưởng đội xây dựng có trình độ quản lý kỹ thuật, quản lý kinh tế, v.v...

Trong điều kiện khó khăn giống như các đơn vị sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản khác, từ tình trạng bê bối trì trệ nhiều năm, công ty xây dựng Nam Hà-nội đã vươn lên trong phong trào đồng khởi thi đua lao động xã hội chủ nghĩa. Bước chuyển biến này thể hiện một sự đổi mới về nếp nghĩ và cách làm trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn ở công ty xây dựng Nam Hà-nội chỉ ra những khả năng mới, những nhân tố mới trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

HUNG-GA-RI

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI PHÁT TRIỂN

ĐINH-HOÀNG

SAU ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng (4-4-1945), với sự giúp đỡ của Liên-xô, giai cấp công nhân và nhân dân Hung-ga-ri đã thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân và xây dựng xã hội mới ở Hung-ga-ri. Dựa vào Liên minh cánh tả — tức Mặt trận dân tộc độc lập Hung-ga-ri lúc đó — giai cấp công nhân Hung-ga-ri đã đi hàng đầu trong việc thủ tiêu hoàn toàn chế độ đại địa chủ quý tộc, biến những nhà máy, công xưởng và ngân hàng thành sở hữu của Nhà nước, đè bẹp sự phản kháng của các giai cấp bóc lột, xóa bỏ những tàn tích văn hóa phản động. Nhà nước dân chủ nhân dân được củng cố với sự hợp nhất Đảng cộng sản và Đảng xã hội — dân chủ thành Đảng lao động Hung-ga-ri vào tháng 6-1948 chuyển sang làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản. Sự chia rẽ trong phong trào công nhân Hung-ga-ri từ đây chấm dứt, Mặt trận dân tộc thống nhất mà nòng cốt là liên minh công nông được củng cố và mở rộng, thu hút toàn thể nhân dân vào công cuộc xây dựng xã hội mới, bảo đảm cho thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Hung-ga-ri.

Cùng với việc Nhà nước chuyên chính vô sản được củng cố, giai cấp công nhân Hung-ga-ri đã thật sự trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Hung-ga-ri. Ngay từ năm 1948, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp đã bắt đầu được tiến hành. Từ năm 1950, sau khi hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, Hung-ga-ri đã bước vào thực hiện công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Chỉ trong một thời gian không lâu sau đó, với việc thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế 5 năm lần thứ nhất (1950 — 1954), Hung-ga-ri đã từ một nước nông — công nghiệp trở thành một nước công — nông nghiệp. Sản lượng công nghiệp năm 1954 đã tăng gấp 3 lần so với năm 1938 là năm trước chiến tranh.

Tuy nhiên, kẻ thù của giai cấp công nhân Hung-ga-ri chưa cam chịu thất bại. Lợi dụng những khó khăn tạm thời và một số sai lầm trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng đã trắng trợn gây ra vụ bạo động phản cách mạng tháng 10-1956. Thắng lợi trong việc đập tan cuộc

Digitized by Google

phản cách mạng này đã chỉ rõ: giai cấp công nhân Hung-ga-ri, đoàn kết với giai cấp công nhân Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, hoàn toàn có thể bảo vệ được nền độc lập, tự do và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của mình, hoàn toàn có thể đánh bại mọi hành động can thiệp của chủ nghĩa đế quốc, không để chúng lấn dù chỉ là một tấc đất của chủ nghĩa xã hội.

Sau sự kiện năm 1956, dựa vào tinh thần lao động quên mình và với sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, giai cấp công nhân Hung-ga-ri liên minh chặt chẽ với nông dân tập thể và trí thức cách mạng, đã nhanh chóng ổn định tình hình kinh tế và chính trị trong nước, đưa Hung-ga-ri tiến mạnh hơn nữa trên con đường xã hội chủ nghĩa. Đầu năm 1961, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp đã hoàn thành về căn bản; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã chiếm địa vị thống trị cả trong công nghiệp lẫn trong nông nghiệp Hung-ga-ri. Với việc hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1961 — 1965), Hung-ga-ri đã có thể tuyên bố kết thúc giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và bước sang giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở trình độ cao. Sau khi thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1966 — 1970) và kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1971 — 1975), giai cấp công nhân và nhân dân Hung-ga-ri đưa Tổ quốc mình từ một nước trung bình lên hàng các nước phát triển về kinh tế. Năm 1976, sản lượng công nghiệp của Hung-ga-ri đã tăng gấp 10 lần so với năm 1938; sản lượng nông nghiệp đã tăng gấp 1,5 lần, tuy diện tích canh tác thu hẹp và số người làm nông nghiệp giảm đi một nửa; thu nhập quốc dân đã tăng gấp gần 5 lần. Tổ quốc của các chiến sĩ xô-viết năm 1919 đã trở thành một nước có nền đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa, nền nông nghiệp sản xuất theo quy mô lớn, cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ngày càng được mở rộng, của cải xã hội ngày càng dồi dào, mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân ngày càng được nâng cao.

Hiện nay, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Hung-ga-ri đang ra sức thực hiện các nghị quyết của Đại hội lần thứ 11 của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri và những chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ năm (1976 — 1980) nhằm đưa công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở Hung-ga-ri đến thắng lợi hoàn toàn.

Ngày nay giai cấp công nhân Hung-ga-ri không chỉ là lực lượng lãnh đạo toàn xã hội mà còn là đội quân chủ lực trong công cuộc lao động sáng tạo, là lực lượng đóng góp phần chủ yếu vào thu nhập quốc dân Hung-ga-ri. Năm 1976, tỷ trọng công nhân công nghiệp trong tổng số công nhân, viên chức đã là 58% so với 38,8% năm 1949.

Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội lần thứ 11 của Đảng, đồng chí Ca-đa I-a-nốt, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri nêu rõ: « Những điều kiện trong nước và quốc tế hiện nay là thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta có một Đảng được tôi luyện trong đấu tranh, một giai cấp công nhân tự giác, một giai cấp nông dân cần cù, một đội ngũ trí thức đầy năng lực. Và điều quan trọng hơn hết là tại đây, trên lưu vực của hai dòng sông Đa-nuýp và Ti-xa có một dân tộc đang sống và quyết tâm xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trên Tổ quốc mình. Quyết tâm và ý thức đó đang truyền cho chúng ta một sức mạnh vô song, một sức mạnh không thể thiếu được đối với sự phát triển đi lên của đất nước. »

Digitized by Google

Không nghi ngờ gì nữa, nước Cộng hòa nhân dân Hung-ga-ri ngày nay đang tiến mạnh trên con đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, là thành quả vĩ đại trước hết của giai cấp công nhân Hung-ga-ri, giai cấp mà từ khi ra đời, bằng hành động thực tiễn, luôn luôn tỏ rõ quyết tâm hoàn thành sứ mệnh vẻ vang mà lịch sử đã giao phó: biến mục tiêu cách mạng của mình thành mục tiêu chung của toàn thể cộng đồng dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước mình, tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của toàn thể loài người vì hòa bình, tiến bộ và tương lai tốt đẹp

★

Trước đây cũng như hiện nay, giai cấp công nhân và nhân dân Hung-ga-ri đã dành cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam sự ủng hộ kiên quyết và sự giúp đỡ chí tình. Giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam quyết cùng giai cấp công nhân và nhân dân Hung-ga-ri luôn luôn vui mừng, hoạn nạn có nhau, hết lòng cổ vũ và giúp đỡ lẫn nhau, vì lợi ích cách mạng của mỗi nước và vì lợi ích của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tiến lên xây dựng...

(Tiếp theo trang 27)

trung sức phát triển lực lượng sản xuất dưới tiền đề nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Chúng tôi sẽ tiến hành việc tuyên truyền giáo dục sâu rộng về Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và phương hướng nhiệm vụ trên đây trong đảng bộ và các tầng lớp nhân dân. Từ đó động viên mọi lực lượng cán bộ, đảng viên và quần chúng, đẩy lên một phong trào cách mạng trên mặt trận lao động sản xuất. Việc thực hiện có kết quả phương hướng trên đây sẽ đem lại cho Đồng-nai những bước phát triển mới, tạo điều kiện cho Đồng-nai tiến nhanh trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành một tỉnh công – nông nghiệp giàu mạnh có đời sống văn minh, hạnh phúc, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Digitized by Google

Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men trên con đường tiến bộ xã hội

ĐÀO-VŨ

CỘNG hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men (trước kia gọi là Nam Y-ê-men) nằm ở phía Nam bán đảo Ả-rập, rộng khoảng 33 vạn km^2, có 1,6 triệu dân. Đây là một nước có lịch sử lâu đời. Thành phố A-đen từ hồi cổ đại và trung cổ đã là một trung tâm thương mại lớn trên đường giao thông giữa châu Á và châu Âu. Trong thời cận đại, A-đen là hải cảng quan trọng trên cửa ngõ phía Đông của Hồng-hải và kênh Xuy-ê. Từ thế kỷ 16, toàn bộ vùng Y-ê-men bị đế quốc Thổ thống trị. Năm 1839, đế quốc Anh đánh chiếm A-đen. Ít lâu sau, Anh chiếm toàn bộ Y-ê-men. Để thực hiện chính sách chia để trị, đế quốc Anh đã chia Y-ê-men làm hai khu vực Bắc và Nam.

Nhân dân Nam Y-ê-men có lịch sử đấu tranh lâu dài chống bọn đế quốc thống trị. Trong thời kỳ thuộc Anh, nhân dân nhiều nơi đã nổi dậy, lập căn cứ chống chính quyền thực dân. Giữa những năm 50, khi phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Ả-rập Trung Đông lên cao, thì ở Nam Y-ê-men, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân chống chính quyền thực dân và phong kiến phát triển mạnh mẽ. Hồi này, các công đoàn được thành lập trên cơ sở sự phát triển của phong trào công nhân, tạo điều kiện hình thành các tổ chức chính trị yêu nước tiến bộ như Đảng tiền phong nhân dân (1952), Liên minh dân chủ nhân dân (1961), Mặt trận giải phóng dân tộc (1963).

Ngay từ khi ra đời, Mặt trận giải phóng dân tộc, với sự ủng hộ và phối hợp chiến đấu của các tổ chức chính trị yêu nước, đã lãnh đạo quần chúng lao động bao gồm công nhân, nông dân, trí thức tiểu tư sản, tiểu tư sản thành thị và nông thôn.... tiến hành đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa giành quyền làm chủ ở từng vùng, cuối cùng, giải phóng hầu hết lãnh thổ Nam Y-ê-men, buộc đế quốc Anh phải thương lượng với Mặt trận giải phóng dân tộc và thừa nhận nền độc lập của Nam Y-ê-men (30-11-1967). Ngày 30-11-1970, Cộng hòa nhân dân Nam Y-ê-men đổi tên thành nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men.

Trải qua 10 năm kể từ khi giành được độc lập, Mặt trận giải phóng dân tộc đã lãnh đạo nhân dân tiến

Digitized by Google

hành đấu tranh gian khổ nhằm xây dựng chính quyền nhân dân vững mạnh, củng cố nền độc lập dân tộc, phát triển kinh tế, văn hóa và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men đã quốc hữu hóa hầu hết các xí nghiệp tư bản nước ngoài, cải tạo các xí nghiệp tư bản trong nước; đồng thời tiến hành cải cách ruộng đất theo phương pháp động viên quần chúng nông dân nghèo khổ đứng lên giành lại ruộng đất dưới sự lãnh đạo của Mặt trận giải phóng dân tộc. Hiện nay, để đưa cách mạng tiến lên giai đoạn mới, các nhà lãnh đạo cách mạng Y-ê-men đang xúc tiến việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân lấy chủ nghĩa xã hội khoa học làm nền tảng. Tiền thân của chính đảng này là « Tổ chức chính trị thống nhất của Mặt trận dân tộc », một tổ chức thống nhất bao gồm Mặt trận giải phóng dân tộc, Liên minh dân chủ nhân dân, Đảng tiền phong nhân dân, được thành lập trong đại hội thống nhất của ba tổ chức này hồi tháng 10-1975. « Tổ chức chính trị thống nhất của Mặt trận dân tộc », thực chất là chính đảng lãnh đạo chính quyền ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men do ông A.P. I-smai làm Tổng thư ký (đồng thời là Chủ tịch Quốc hội) và ông X.R. A-li làm Phó tổng thư ký (đồng thời là Chủ tịch Hội đồng tổng thống). Trong Chính phủ, phần lớn các thành viên là người của Mặt trận, của Liên minh dân chủ nhân dân và của Đảng tiền phong nhân dân.

Thắng lợi của cách mạng Nam Y-ê-men là thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ dưới sự lãnh đạo của Mặt trận giải phóng dân tộc. Cách mạng đã thủ tiêu ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, đã xóa bỏ chế độ phong kiến tiểu vương cát cứ, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản quan liêu mại bản, và đang xóa bỏ những tàn tích phản động và lạc hậu của xã hội thuộc địa, phong kiến và tư trưởng tôn giáo. Ngày nay, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men đang từng bước tiến lên hàng ngũ những nước dân chủ nhân dân trên cơ sở liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Đặc điểm và là nhân tố thắng lợi cơ bản đầu tiên của cách mạng Y-ê-men là Mặt trận giải phóng dân tộc do những người tiên tiến nhất trong công nhân, nông dân và tri thức tiểu tư sản lãnh đạo, xuất phát từ lập trường yêu nước chân chính, tiếp thu ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, kiên quyết đứng hẳn về phía nhân dân, đoàn kết với các tổ chức yêu nước đã tồn tại từ trước ở trong nước, do đó, đoàn kết được nhân dân lao động, các tầng lớp yêu nước, cô lập kẻ thù, trải qua đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang gian khổ, cuối cùng giành thắng lợi, lập nên Nhà nước mang tính chất công nông đầu tiên ở khu vực Trung Đông.

Y-ê-men tuyên bố đi con đường không tư bản chủ nghĩa, và thừa nhận rằng cách mạng Y-ê-men là một bộ phận của cách mạng thế giới, coi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là lực lượng quyết định chiều hướng phát triển của xã hội loài người, là đồng minh đáng tin cậy nhất của nhân dân Y-ê-men trong quá trình cách mạng dân tộc dân chủ và xây dựng xã hội từ nay về sau. Con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa của Y-ê-men không phải là con đường trung gian. Y-ê-men đã khẳng định rằng « không có con đường trung gian, con đường lơ lửng ở nơi nào đó giữa sự phát triển tư bản chủ nghĩa và sự phát triển không tư bản chủ nghĩa » (lời của ông A.P. I-smai), rằng cách mạng Y-ê-men cần vận dụng những kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là của những nước đã trải qua cách mạng dân chủ tiến lên

Digitized by Google

chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Cách mạng Y-ê-men vừa thể hiện tinh triệt để trong đấu tranh chống đế quốc, vừa thể hiện tinh triệt để trong đấu tranh chống phong kiến, giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, một bộ phận quan trọng của dân tộc. Nhờ đó, đã thủ tiêu được chế độ phong kiến cát cứ là chế độ kìm hãm sự phát triển của xã hội Nam Y-ê-men. Sau khi cải cách ruộng đất (1971 — 1973), chính quyền nhân dân đã kịp thời hướng dẫn nông dân tiến lên con đường làm ăn tập thể dưới hình thức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp và bậc cao, vì vậy đến cuối 1975, đã có 50% nông hộ tham gia hợp tác xã. Nông trường quốc doanh hiện chiếm 8% ruộng đất cả nước. Nền kinh tế Y-ê-men hiện còn 4 thành phần : quốc doanh, công tư hợp doanh, hợp tác xã và cá thể. Dự kiến đến cuối kế hoạch 5 năm 1974 — 1979, tỷ trọng kinh tế quốc doanh và hợp tác xã sẽ tăng lên mạnh mẽ.

Một đặc điểm của cách mạng Nam Y-ê-men là chính đảng lãnh đạo cách mạng hết sức chú trọng đẩy mạnh việc giáo dục văn hóa và tư tưởng, thể hiện trong việc tổ chức giáo dục có hệ thống về lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học trong cán bộ các cấp, tuyên truyền tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong quần chúng. Đồng thời phát huy có chọn lọc nền văn hóa dân tộc, đẩy mạnh giáo dục phổ thông, từng bước xóa bỏ nạn mù chữ. Ở Nam Y-ê-men trước cách mạng, 95% nhân dân mù chữ, cả nước chỉ có một trường cấp III. Phụ nữ đi ra đường phải mang vải che mặt và không được quyền bình đẳng với nam giới, 10% số dân sống theo kiểu du mục. Nay cả nước đã có trên 20 vạn học sinh các cấp. Dự kiến năm 1979 sẽ xóa nạn mù chữ, năm 1981 sẽ thi hành chế độ giáo dục bắt buộc cấp I phổ thông trong toàn dân. Hiến pháp mới đã bãi bỏ chế độ đa thê, thực hiện chế độ một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng. Rất nhiều phụ nữ Y-ê-men tham gia hoạt động xã hội như đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, làm thẩm phán tòa án nhân dân. Đó là một trong những biểu hiện sinh động của một nước A-rập Hồi giáo tiến lên một chế độ xã hội tiến bộ thật sự. Đúng như chủ tịch X.R. A-li đã từng nói, « Nền độc lập dân tộc nếu không chứa đựng nội dung dân chủ và tiến bộ, thì nó sẽ chỉ là chiếc cầu phục vụ lợi ích của chủ nghĩa thực dân mới, và tước bỏ quyền chính đáng của nhân dân được sống trong hạnh phúc và tiến bộ ».

Nhân dân Việt-nam kiên quyết ủng hộ nhân dân Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men trong cuộc đấu tranh để củng cố hơn nữa nền độc lập dân tộc và tiến lên con đường tiến bộ xã hội. Nhân dân ta mãi mãi ghi nhớ sự đồng tình và ủng hộ của Mặt trận, chính phủ và nhân dân Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men đối với cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước trước đây và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay của nhân dân ta.

Digitized by Google

CUỘC ĐẤU TRANH CỦA CÁC LỰC LƯỢNG TIẾN BỘ TRÊN THẾ GIỚI VỀ LUẬT BIỂN QUỐC TẾ

BÁ - SƠN

BIỂN chiếm 71% bề mặt trái đất, là con đường giao thông quốc tế, là nguồn thực phẩm to lớn, là kho báu chứa biết bao tài nguyên khoáng sản chưa được khai thác. Biển đóng một vai trò quan trọng đối với đời sống con người và có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế, quân sự đối với tất cả các dân tộc trên thế giới. Trong nhiều thế kỷ qua giữa các nước (chủ yếu là các nước tư bản chủ nghĩa) đã diễn ra những cuộc tranh chấp vô cùng gay gắt về biển.

Để củng cố địa vị bá quyền trên biển nhằm thực hiện âm mưu bành trướng và xâm lược, từ trước chiến tranh thế giới thứ hai, các nước đế quốc chủ nghĩa (đặc biệt là Anh và Mỹ) đã nhiều lần cố gắng xây dựng luật biển quốc tế có lợi cho chúng, nhưng do những mâu thuẫn gay gắt về quyền lợi nên các cố gắng này đều thất bại.

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, với sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa và các nước dân tộc chủ nghĩa mới giành được độc lập, cuộc đấu tranh để xây dựng luật biển quốc tế đã thay đổi tính chất, nó không còn là việc phân chia quyền lợi giữa các nước đế quốc mà trở thành cuộc đấu tranh giữa xu hướng tiến bộ của các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa vì độc lập, chủ quyền quốc gia, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của các nước và cộng đồng quốc tế chống lại các thế lực đế quốc phản động âm mưu xâm phạm độc lập, chủ quyền, đe dọa an ninh các nước khác, cướp đoạt các tài nguyên thiên nhiên ở biển và đại dương.

Từ năm 1958 đến nay đã có ba cuộc hội nghị quốc tế về luật biển do Liên hợp quốc tổ chức. Các hội nghị này được hầu hết các nước trên thế giới tham dự. Đây là ba trong số những hội nghị quốc tế lớn và quan trọng của nửa sau thế kỷ 20.

Hội nghị lần thứ nhất của Liên hợp quốc về luật biển họp năm 1958 tại Giơ-ne-vơ (Thụy-sĩ) có 86 nước tham dự. Do so sánh lực lượng lúc bấy giờ chưa hoàn toàn nghiêng hẳn về phía các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa (cuộc đấu tranh của các nước dân tộc chủ nghĩa lúc bấy giờ chủ yếu là chống lại chủ nghĩa thực

Digitized by Google

dân cũ giành độc lập về chính trị) cho nên kết quả của hội nghị này còn nhiều hạn chế. Hội nghị thông qua được bốn Công ước: Công ước về lãnh hải và vùng tiếp giáp; Công ước về biển khơi (biển quốc tế); Công ước về thềm lục địa; Công ước về đánh cá và bảo vệ tài nguyên sinh vật của biển khơi. Tuy hội nghị này có những hạn chế nhất định, nhưng tại hội nghị đó các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa đã giành được thắng lợi trong việc gạt bỏ âm mưu các nước đế quốc chủ nghĩa muốn quy định chiều rộng tối đa của lãnh hải trong 3 hải lý (theo tầm bắn của đạn đại bác đầu thế kỷ 18), cũng như khẳng định được chủ quyền của quốc gia ven biển đối với lãnh hải và thềm lục địa (tuy còn hạn chế về bề rộng). Tại hội nghị này nhiều vấn đề quan trọng chưa được giải quyết như: vấn đề chiều rộng lãnh hải, vấn đề vùng đánh cá...

Để giải quyết những vấn đề chưa thỏa thuận được ở hội nghị luật biển lần thứ nhất, năm 1960 cũng tại Giơ-ne-vơ Liên hợp quốc lại triệu tập hội nghị thứ hai về luật biển. Lần này có 88 nước tham dự. Hội nghị này đã kết thúc mà không đem lại một kết quả cụ thể nào.

Có hai yếu tố cơ bản thúc đẩy việc triệu tập Hội nghị thứ ba của Liên hợp quốc về luật biển. Thứ nhất là cuộc đấu tranh chống đế quốc của các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa, đặc biệt là cuộc đấu tranh của các nước dân tộc chủ nghĩa chống chủ nghĩa thực dân mới, giành độc lập về kinh tế nhằm xây dựng một trật tự kinh tế thế giới mới, các nước này ngày càng đoàn kết và trở thành lực lượng áp đảo tại Liên hợp quốc cũng như tại các diễn đàn quốc tế khác. Yếu tố thứ hai là do cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay con người đã có khả năng thực tế thăm dò, khai thác các tài nguyên sinh vật và khoáng sản không những chỉ ở các vùng biển gần bờ mà ngay cả ở đáy biển và lòng đất đáy biển sâu hàng nghìn mét.

Đứng trước nguy cơ bị các nước đế quốc chủ nghĩa phát triển và các công ty tư bản độc quyền (có tiền vốn và kỹ thuật) vơ vét hết tài nguyên thiên nhiên trong các vùng biển và thềm lục địa của mình, cũng như tiến tới độc chiếm các tài nguyên thiên nhiên ở đáy biển khơi, các nước dân tộc chủ nghĩa đã dùng đa số áp đảo thông qua tại khóa 25 (1970) Đại hội đồng Liên hợp quốc «Nghị quyết về việc triệu tập Hội nghị thứ ba của Liên hợp quốc về luật biển».

Hội nghị thứ ba của Liên hợp quốc về luật biển đến nay đã họp được 5 khóa: khóa 1 (trù bị) năm 1973 tại Nữu-ước (Mỹ), khóa 2 (khai mạc chính thức) năm 1974 tại Ca-ra-cát (Vê-nê-du-ê-la), khóa 3 năm 1975 tại Giơ-ne-vơ, khóa 4 và 5 năm 1976 lại tại Nữu-ước. Phải còn nhiều khóa nữa thì các nước tham dự Hội nghị mới đi đến thống nhất được về các Công ước quốc tế mới về luật biển. Với số lượng gần 150 nước, gồm đủ các nhóm nước: nhóm các nước xã hội chủ nghĩa, nhóm các nước đang phát triển (còn gọi là nhóm 77), nhóm các nước tư bản phát triển, nhóm các nước không có biển và bị bất lợi về địa lý (còn gọi là nhóm 52), nhóm các nước có biển và các nhóm khu vực khác (nhóm châu Phi, châu Á, châu Mỹ la tinh)... tham dự, Hội nghị đã trải qua 5 khóa đấu tranh vô cùng gay go và phức tạp để xóa bỏ những khái niệm pháp lý quốc tế tư sản đã lỗi thời.

Suốt quá trình Hội nghị, mặc dù cũng có một số mâu thuẫn nhỏ khác, nhưng xu hướng chung, cơ bản và nhất quán vẫn là sự đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa chống các nước đế quốc chủ nghĩa (Mỹ, Tây Đức, Nhật-bản, Anh...). Chẳng những vậy các lực lượng tiến bộ còn tranh thủ được sự

Digitized by Google

ủng hộ của một số nước tư bản chủ nghĩa loại vừa và nhỏ lâu nay bị các nước đế quốc chủ nghĩa lớn chèn ép.

Hai Dự thảo Công ước của Hội nghị (lần thứ nhất được đem ra thảo luận trong khóa 4, sau đó sửa đổi lại thảo luận ở khóa 5) với hơn 500 điều khoản về các vấn đề luật biển có thể cho chúng ta thấy những thắng lợi cơ bản mà các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa đã đạt được trong 5 khóa họp vừa qua.

Về lãnh hải trong Hội nghị thứ nhất (1958) các nước không thống nhất được quy định chiều rộng vì các nước đế quốc chủ nghĩa khăng khăng đòi hạn chế tối đa là 3 hải lý, nhưng tại Hội nghị luật biển lần này các lực lượng tiến bộ đã buộc chúng chấp nhận chiều rộng lãnh hải 12 hải lý kể từ đường cơ sở (Dự thảo Công ước).

Các lực lượng tiến bộ đã đấu tranh thắng lợi trong việc đòi mở rộng vùng tiếp giáp của lãnh hải từ 12 hải lý (Công ước 1958) lên đến 24 hải lý kể từ đường cơ sở (Dự thảo Công ước).

Về thềm lục địa tại Hội nghị năm 1958 các lực lượng tiến bộ tuy buộc được các nước đế quốc chủ nghĩa phải công nhận chủ quyền của quốc gia ven biển, nhưng bề rộng còn bị hạn chế đến độ sâu 200 mét cách mặt biển hoặc đến độ sâu có thể khai thác được (quy định này chỉ có lợi cho các nước đế quốc chủ nghĩa). Do cuộc đấu tranh của các lực lượng tiến bộ, Dự thảo Công ước lần này đã không lấy độ sâu để giới hạn thềm lục địa mà quy định rằng thềm lục địa sẽ kéo dài đến tận bờ ngoài của rìa lục địa, và nếu chỗ nào bờ ngoài của rìa lục địa cách đường cơ sở không đến 200 hải lý thì thềm lục địa nơi ấy mở rộng ra đến 200 hải lý.

Trong các vùng biển và thềm lục địa nói trên Dự thảo Công ước đã khẳng định được chủ quyền của các nước ven biển, ngăn chặn được các hành động đe dọa an ninh, vi phạm chủ quyền và bảo vệ các quyền lợi chính đáng của nước ven biển, cũng như có tính đến lợi ích chính đáng của cộng đồng quốc tế.

Nhưng ý nghĩa tiến bộ của Hội nghị luật biển thứ ba không phải chỉ ở chỗ mở rộng lãnh hải, vùng tiếp giáp và thềm lục địa, vì nếu chỉ có như vậy thì chưa đủ để một số luật gia tiến bộ trên thế giới nhận định đây là «cuộc cách mạng trong luật quốc tế», và ngay cả Kít-xinh-giơ (cựu Bộ trưởng ngoại giao Mỹ) cũng phải công nhận «hội nghị này là cái mốc đánh dấu sự nỗ lực của con người đấu tranh đối với những ràng buộc của luật pháp quốc tế». Ý nghĩa cách mạng của Hội nghị, lý do làm cho các nước đế quốc chủ nghĩa ngoan cố chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa ở hội nghị này được thể hiện trong Dự thảo Công ước qua hai khái niệm luật pháp quốc tế hoàn toàn mới và tiến bộ: khái niệm về vùng đáy biển quốc tế là tài sản chung của tất cả loài người, và khái niệm vùng đặc quyền về kinh tế (la zone économique exclusive).

Trước kia mọi người chú ý đến biển quốc tế chỉ đơn thuần trong các vấn đề giao thông, đánh cá, nghiên cứu khoa học... Nhưng ngày nay nhờ có cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật người ta được biết tại đáy biển chứa 40% dầu lửa của trái đất, đồng trong khu vực này có thể đáp ứng nhu cầu của thế giới trong 6.000 năm, cô-ban trong 200.000 năm, măng-gan trong 600.000 năm... thì vấn đề quản lý và khai thác những tài nguyên đó được đặt ra. Nếu để cho tự do khai thác thì trong thời gian trước mắt các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các công ty của chúng sẽ chiếm đoạt hết các tài nguyên này làm của riêng củng cố thêm địa vị đặc quyền hiện nay của chúng trên thị trường thế giới và làm cho các nước đang phát triển càng phải lệ thuộc vào chúng.

Digitized by Google

Cho nên để tiến tới Hội nghị luật biển thứ ba, tại Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 25 (1970) các nước dân tộc chủ nghĩa đã thông qua được nghị quyết «Tuyên bố về những nguyên tắc quản lý đáy biển và đại dương», coi vùng này là «tài sản chung của tất cả loài người» và «chỉ sử dụng vào các mục đích hòa bình... vì lợi ích của tất cả loài người», không cho phép bất kỳ một quốc gia, một tư nhân hoặc một công ty nào chiếm đoạt vùng này. Hiện nay vấn đề quản lý và khai thác vùng đáy biển quốc tế đang được tranh cãi gay gắt nhất và là vấn đề then chốt của Hội nghị. Mặc dù các nước đế quốc chủ nghĩa phải chấp nhận những nguyên tắc và bộ máy quản lý do các lực lượng tiến bộ đưa ra, nhưng chúng vẫn dùng mọi thủ đoạn để tìm cách ghi được vào Công ước mới những điều khoản đem lại cho chúng lợi thế trong việc khai thác những tài nguyên thiên nhiên của vùng đáy biển quốc tế. Nhưng âm mưu này của các nước đế quốc chủ nghĩa khó có thể thành công trước cuộc đấu tranh ngày càng đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa tại Hội nghị luật biển thứ ba.

Vùng kinh tế đặc quyền là một khái niệm hoàn toàn mới của luật biển, được các nước đang phát triển coi là hạt nhân của luật biển hiện đại, và cũng là một vấn đề đang đấu tranh gay gắt ở Hội nghị giữa các lực lượng tiến bộ và các nước đế quốc chủ nghĩa. Các lực lượng tiến bộ đã buộc các nước đế quốc chủ nghĩa chấp nhận bề rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở và chủ quyền của nước ven biển đối với các tài nguyên thiên nhiên ở vùng nước, ở đáy biển và trong lòng đất dưới đáy biển của vùng đặc quyền về kinh tế, chống lại việc lâu nay chúng vẫn lợi dụng các ưu thế về tài chính và kỹ thuật để vơ vét, cướp đoạt những tài nguyên sinh vật và khoáng sản của các nước khác.

Bên cạnh những vấn đề quan trọng nói trên, hơn 500 điều khoản trong Dự thảo Công ước còn đề cập đến nhiều vấn đề khác đang được đem ra thảo luận tại Hội nghị thứ ba của Liên hợp quốc về luật biển.

Ngày 23-5-1977 vừa qua khóa 6 của Hội nghị luật biển thứ ba đã khai mạc tại Nữu-ước. Việc lần đầu tiên đoàn đại biểu của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam tham dự hội nghị và việc vừa qua Chính phủ ta ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam được các nước xã hội chủ nghĩa, dân tộc chủ nghĩa chú ý hoan nghênh và cho rằng sẽ làm tăng thêm sức mạnh cho cuộc đấu tranh xây dựng luật biển quốc tế tiến bộ nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, an ninh và các quyền lợi chính đáng của các nước cũng như của cộng đồng quốc tế ở biển.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ — Твердо придерживаться характера партии как партии рабочего класса на новом этапе

СУАН ТХЮИ — Мировая социалистическая система — решающий фактор развития человеческого общества

НГУЕН НЫЫ И — Превратить Донгнай в процветающую промышленно—аграрную провинцию

НГУЕН ДЫК ТАМ — Провинция Куангнинь активно содействует строительству и развитию экономических объектов общенационального значения, размещаемых на ее территории

НГУЕН ХЫУ ЗУНГ — Важные сдвиги в системе общего образования на Юге

ИССЛЕДОВАНИЯ ☆ ТХАТЬ ФЫОНГ И ЧАН ХЫУ ТА — Яд неоколониалистской литературы и искусства в Южном Вьетнаме

ПАРТИЙНАЯ ЖИЗНЬ ☆ СТРОИТЕЛЬ — О предубеждениях

ЛЕ ТХИ — Установить правильные взаимоотношения между коллективом и личностью в социалистическом обществе

ЧАН СУАН ЗИЕУ — Новое в движении труда в Южновьетнамском строительном объединении

ДИНЬ ХОАНГ — Строительство развитого социализма в Венгрии

ДАО ВУ — Народная Демократическая Республика Йемен на пути социального прогресса

БА ШОН — Борьба прогрессивных сил мира за международное морское право

目 录

社　論：掌握新阶段里党的工人阶级性质

春　水：世界社会主义体系——人类社会发展的决定因素

阮如意：奋力把同奈建成富强的工农业省

阮德心：广宁省积极为在本地的中央经济建设和发展服务

阮友用：南方各省普通教育系统的重要转变

研　究☆石芳　阮友佐：在南方的新殖民主义文艺毒素

党的生活☆建设者：**成見**

婺　詩：建立社会主义制度下集体与个人的正确关系

陈春妙：河内南区建筑公司劳动运动的新动向

丁　黃：匈牙利建设发达的社会主义

陶　武：也门民主人民共和国在社会进步的道路上

伯　山：世界进步力量关于国际海洋法的斗争

Digitized by Google

SOMMAIRE

Editorial — Se pénétrer du caractère de classe ouvrière du Parti dans la nouvelle étape

XUÂN-THỦY — Le système socialiste, facteur déterminant du développement de la société humaine

NGUYỄN-NHƯ-Ý — Faire de Dông-nai une province riche et prospère

NGUYỄN-ĐỨC-TÂM — Le Quang-ninh se met au service de l'édification et du développement de l'économie relevant de l'administration centrale dans la province

NGUYỄN-HỮU-DỤNG — Les transformations importantes du système d'enseignement général dans les provinces méridionales

Etudes ★ *THẠCH-PHƯƠNG — TRẦN-HỮU-TÁ* — Les poisons des lettres et des arts néocolonialistes dans le Sud

La vie du Parti ★ **Le censeur** — Des idées préconçues

LÊ-THI — Etablir des rapports corrects entre la collectivité et l'individu dans le régime socialiste

TRẦN-XUÂN-DIỆU — Un nouveau pas du mouvement du travail dans la Compagnie des Constructions du Sud de Hanoi

ĐINH-HOÀNG — L'édification du socialisme développé en Hongrie

ĐÀO-VŨ — La République démocratique populaire de Yémen sur la voie du progrès social

BÁ-SƠN — La lutte des forces de progrès dans le monde concernant le droit international de la mer

---

CONTENTS

Editorial — Firmly grasp the working class character of the Party in the new stage

XUÂN-THỦY — The world socialist system, the decisive factor in the development of human society

NGUYỄN-NHƯ-Ý — March forward and build Dong-nai into a prosperous industrial — agricultural province

NGUYỄN-ĐỨC-TÂM — Quang-ninh actively serves the building and development of the centrally — run industry in the region

NGUYỄN-HỮU-DỤNG — Important changes in the general — education system in the southern provinces

Studies ★ *THẠCH-PHƯƠNG — TRẦN-HỮU-TÁ* — The poisons of neo — colonialist literature and art in the South

Party life ★ **Critic** — Prejudice

LÊ-THI — Build a correct relationship between the collective and the individual in the socialist regime

TRẦN-XUÂN-DIỆU — A new development in the work drive at the Building Company of southern Hanoi

ĐINH-HOÀNG — Hungary builds developed socialism

ĐÀO-VŨ — The People's Democratic Republic of Yemen on the road of social progress

BÁ-SƠN — The struggle of the world's progressive forces about the law of the sea

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 8
1977
NĂM THỨ XXIII (260)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

Xã luận — Nắm vững tính chất giai cấp công nhân của Đảng trong giai đoạn mới 1

XUÂN-THỦY — Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người 13

NGUYỄN-NHƯ-Ý — Tiến lên xây dựng tỉnh Đồng-nai thành một tỉnh công — nông nghiệp giàu mạnh 20

NGUYỄN-ĐỨC-TÂM — Quảng-ninh tích cực phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế trung ương tại địa phương 28

NGUYỄN-HỮU-DỤNG — Những chuyển biến quan trọng của hệ thống giáo dục phổ thông ở các tỉnh miền Nam 36

Nghiên cứu ★ *THẠCH-PHƯƠNG - TRẦN-HỮU-TÁ* — Những nọc độc văn nghệ thực dân mới ở miền Nam 43

Sinh hoạt Đảng ★ *NGƯỜI XÂY DỰNG* — Thành kiến 51

LÊ-THI — Xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa tập thể và cá nhân trong chế độ xã hội chủ nghĩa 54

TRẦN-XUÂN-DIỆU — Bước chuyển biến mới của phong trào lao động ở Công ty xây dựng Nam Hà-nội 62

ĐINH-HOÀNG — Hung-ga-ri xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển 68

ĐÀO-VŨ — Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men trên con đường tiến bộ xã hội 71

BÁ-SƠN — Cuộc đấu tranh của các lực lượng tiến bộ trên thế giới về luật biển quốc tế 74

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá: 0đ

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

PRR

H-1980

The University of Michigan Periodical Reading Room

SEP 8

9

9-1977

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

Phải có phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng mới thực hiện được thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng

ĐẠI hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ ra cho nhân dân ta con đường đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu trực tiếp của cách mạng Việt-nam. Đó cũng là con đường phát triển tất yếu của xã hội Việt-nam, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ước mơ lâu đời của nhân dân lao động nước ta là vĩnh viễn thoát cảnh bị áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, để sống cuộc đời no cơm, ấm áo, hạnh phúc, văn minh.

Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho nhân dân lao động nước ta quyền làm chủ tập thể đầy đủ, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân.

Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới làm cho Tổ quốc ta có kinh tế hiện đại, văn hóa, khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, do đó bảo đảm cho đất nước ta vĩnh viễn độc lập, tự do và ngày càng phát triển phồn vinh.

Digitized by Google

Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới làm cho Tổ quốc ta thống nhất ở trình độ cao nhất và đầy đủ nhất, thống nhất về lãnh thổ, về chính trị và tinh thần, về kinh tế, văn hóa, xã hội, thống nhất về quyền lợi và nghĩa vụ, mọi người đoàn kết, thương yêu nhau một cách chân thành và thắm thiết.

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, với sức lao động dồi dào của một dân tộc trên 50 triệu người bừng bừng khí thế chiến thắng, lại có sự lãnh đạo sáng suốt của một đảng Mác — Lê-nin vĩ đại, chúng ta có nhiều thuận lợi rất cơ bản để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Nhưng trước mắt chúng ta cũng còn rất nhiều khó khăn do trình độ thấp kém của nền kinh tế, do hậu quả của mấy chục năm chiến tranh và của chủ nghĩa thực dân mới gây ra. Nước ta lại từ sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Vì vậy « cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, vô cùng sâu sắc và triệt để. Đó là quá trình kết hợp cải tạo với xây dựng, cải tạo để xây dựng, xây dựng để cải tạo, trong cải tạo có xây dựng, trong xây dựng có cải tạo, mà xây dựng là chủ yếu. Đó là quá trình vừa xóa bỏ cái cũ, vừa xây dựng cái mới từ gốc đến ngọn. Phải tạo ra cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới; tạo ra cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới; tạo ra cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần và văn hóa mới. Đó là quá trình đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp giữa hai giai cấp tư sản và vô sản, giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Quá trình đó là quá trình **thực hiện ba cuộc cách mạng**: *cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt »* (1). *Đây cũng là quá trình hình thành từng bước chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.*

Tất cả sự nghiệp cải tạo xã hội lớn lao và phức tạp này do ai làm? Lê-nin, lãnh tụ thiên tài của cách mạng vô sản, đã sớm khẳng định: « Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ không phải là việc riêng của Đảng cộng sản — Đảng chỉ là một giọt nước trong đại dương — mà là việc của tất cả quần chúng lao động » (2). *Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta cũng đã nói « Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với*

---

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.

(2) Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 33, trang 422.

Digitized by Google

sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người » (3). *Đó là những lời dạy đầy ý nghĩa trong lúc nhân dân ta bắt đầu cuộc tiến quân vĩ đại xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

Cách mạng là sự nghiệp đông thời là ngày hội của quần chúng. Chỉ có quần chúng đông đảo tự giác lao động sáng tạo với tư thế người làm chủ tập thể và với khí thế dời non lấp biển, thì cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta lãnh đạo mới giành được thắng lợi triệt để.

★

Sức mạnh của quần chúng là vô địch, song sức mạnh đó chỉ phát huy mạnh mẽ khi quần chúng giác ngộ về mục đích cách mạng, lý tưởng cách mạng và được tổ chức chặt chẽ, được chỉ đạo đúng đắn. Nói cách khác, sức mạnh đó chỉ thể hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng, *dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Thắng lợi huy hoàng của cách mạng và của chiến tranh cách mạng nước ta gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng. Cao trào cách mạng những năm 1930 – 1931, 1936 — 1939, 1940 — 1945, Cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đều là những phong trào cách mạng của quần chúng do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước — một sự nghiệp rất vẻ vang nhưng cũng rất khó khăn – công tác vận động quần chúng càng phải được thường xuyên coi trọng để liên tục tạo ra phong trào cách mạng của quần chúng trong nhiều lĩnh vực, nhiều ngành, nhiều địa phương. Khuynh hướng coi nhẹ công tác vận động quần chúng, cho rằng có chính quyền rồi thì chỉ cần sử dụng biện pháp hành chính, và bệnh quan liêu, mệnh lệnh là những trở ngại đối với việc tạo ra phong trào cách mạng của quần chúng. Chúng ta phải thấy rằng : « sự cải tạo mà chúng ta muốn tiến hành càng sâu sắc, thì càng cần phải có hứng thú và thái độ tự giác đối với sự cải tạo đó, càng phải thuyết phục được thêm hàng triệu và hàng chục triệu người tin tưởng vào sự cần thiết đó » (4).

Chúng ta đều biết rằng khi một công tác cách mạng được đông đảo quần chúng tham gia một cách tự giác, hồ hởi, có tổ chức, có kế

---

(3) Hồ-Chí-Minh : *Về quan điểm quần chúng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 69.

(4) Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, tập 31, trang 616.

Digitized by Google

hoạch, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của các tổ chức Đảng, chính quyền hoặc các đoàn thể quần chúng, và được tiến hành một cách sâu rộng, liên tục, đạt hiệu quả thiết thực thì mới có **phong trào cách mạng** *của quần chúng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua, đã dấy lên phong trào thi đua chiến đấu và phục vụ chiến đấu với khí thế quyết thắng trong quân đội, phong trào « ba sẵn sàng » trong thanh niên, phong trào « ba đảm đang » trong phụ nữ... Đó là những phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng.*

Bước vào thời kỳ hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều phong trào quần chúng diễn ra sôi nổi ở khắp nước ta. Phong trào hoàn chỉnh thủy nông, lao động sản xuất của nông dân tập thể miền Bắc và phong trào làm thủy lợi, phá gỡ hàng triệu quả bom, mìn của giặc, tăng vụ, thâm canh, khai hoang của nông dân lao động miền Nam v.v... là những điển hình nổi bật về phong trào cách mạng của quần chúng. Chúng ta đã nhanh chóng hoàn thành công trình đường sắt thống nhất với 660 km đường và 425 cầu gần như mới xây dựng hoàn toàn. Đó là bài ca lao động hùng tráng của nhân dân ta. Trong công nghiệp, tiêu biểu là ngành dệt, phong trào thi đua sôi nổi dưới hình thức « luyện tay nghề, thi thợ giỏi » đã làm xuất hiện nhiều điển hình tập thể và cá nhân tiên tiến với nhiều kỷ lục lao động. Những người thợ giỏi ấy là những tấm gương sáng về tinh thần làm chủ tập thể có tác dụng động viên lôi cuốn đông đảo công nhân noi theo. Phong trào « kế hoạch nhỏ » của thiếu niên, nhi đồng với mục tiêu thu nhặt 4 triệu ki-lô-gam giấy vụn trong kế hoạch 5 năm thứ hai này có sức hấp dẫn ngay từ đầu, đã có tác dụng lớn trong việc giáo dục tinh thần yêu lao động, tinh tiết kiệm và phát huy tinh thần làm chủ tập thể của những người chủ tương lai. Phong trào « toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ » phát triển sâu rộng không những có tác dụng động viên các thương binh, gia đình liệt sĩ, mà còn có tác dụng giáo dục sâu sắc đối với nhân dân ta, cổ vũ mọi người làm tròn nghĩa vụ bảo vệ và xây dựng đất nước. Ở nhiều địa phương, việc cải tiến quản lý, tổ chức lại sản xuất cũng bắt đầu trở thành phong trào cách mạng của quần chúng. Nhân dân huyện Quỳnh-lưu cũng như nhân dân cả tỉnh Nghệ-tĩnh, với tinh thần vượt khó mà đi lên, đang ra sức phấn đấu thực hiện cùng một lúc hai mục tiêu cơ bản và cấp bách mà Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra là: xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Không khí hăng say lao động của quần chúng với quy mô cả huyện là một công trường đã giải quyết nhanh chóng và tốt đẹp nhiều việc của địa phương mà trước chưa thể nghĩ tới. Phong trào lao động sôi nổi mang tinh cách mạng và khoa học ấy của nhân dân Quỳnh-lưu như luồng gió mát thu hút nhiều địa phương

Digitized by Google

đến nghiên cứu, rút kinh nghiệm. Còn biết bao nhiêu phong trào cách mạng cụ thể khác của quần chúng ở một số địa phương như phong trào tiếp thụ giống cây mới, giống gia súc mới; phong trào thi đua «hai tốt» theo gương các trường học tiên tiến trong ngành giáo dục; phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới; phong trào sinh đẻ có kế hoạch; phong trào tập thể dục, bơi lội, v.v... Tất cả những phong trào cách mạng cụ thể ấy của quần chúng nếu được phát triển sâu rộng trong các ngành, các địa phương giống như những giòng suối nhỏ cộng lại thành con sông lớn, sẽ tạo nên cao trào thi đua chung của cả nước nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Trước kia, bằng phong trào cách mạng của quần chúng, chúng ta đã đánh đuổi được đế quốc và tay sai, giành được độc lập, tự do cho Tổ quốc, thì ngày nay, trong giai đoạn mới của cách mạng, cũng chỉ có qua phong trào cách mạng của quần chúng, chúng ta mới có thể vượt qua mọi trở ngại, đạt đến mục tiêu xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới. Ngoài con đường phát động phong trào cách mạng của quần chúng, không có con đường nào khác.

Phát động phong trào cách mạng của quần chúng còn là phương pháp căn bản nhất để quần chúng giáo dục quần chúng. Qua phong trào quần chúng mới có thể phát huy những mặt tốt đẹp, xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực của đời sống xã hội, mở rộng được đội ngũ những người tiên tiến, nâng dần số người trung bình lên tiên tiến và thu hẹp từng bước diện số người lạc hậu, làm cho những nhân tố tích cực trong xã hội tăng lên không ngừng.

Qua phong trào cách mạng của quần chúng, chúng ta mới có thể tăng cường sức mạnh của Đảng, của Nhà nước và các tổ chức quần chúng. Thật vậy, chỉ qua thực tiễn của phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng, Nhà nước và các tổ chức quần chúng mới hoàn thiện được đường lối, chính sách của mình, và mới thu hút được những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn vào tổ chức, đồng thời loại trừ được những phần tử không đủ tiêu chuẩn ra khỏi tổ chức.

Từ những nhận xét trên về tác dụng to lớn của phong trào cách mạng của quần chúng, chúng ta có thể đi đến kết luận: phong trào quần chúng mạnh hay yếu, liên tục hay không liên tục, là thước đo trình độ lãnh đạo, năng lực quản lý của mỗi cấp Đảng và chính quyền, đồng thời là thước đo năng lực vận động quần chúng của mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta, vì tạo ra phong trào cách mạng của quần chúng, như Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ: «Không phải là tạo ra những hình thức bồng bột nhất thời, tách rời quá trình sản xuất và đấu tranh của quần chúng, mà là nắm vững khoa học và nghệ thuật (Chúng tôi gạch dưới—

Digitized by Google

T.C.C.S.) phát động quần chúng, tổ chức, lãnh đạo một cách có kế hoạch, **tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng và liên tục,** *biến nó thành những phong trào sôi nổi thường xuyên của quần chúng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cụ thể hằng ngày ».*

★

ĐỂ tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng và liên tục của quần chúng trước hết cần **xác định được đúng mục tiêu, nội dung kế hoạch** *của phong trào. Trên cơ sở xác định được đúng mục tiêu, kế hoạch của phong trào, việc quan trọng hàng đầu là phải thuyết phục quần chúng, làm cho tinh thần cơ bản của Nghị quyết Đảng thấm sâu vào quần chúng, biến thành hành động tự giác của quần chúng trong sản xuất, xây dựng, quản lý, trong cải tạo quan hệ sản xuất, v.v... Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng tiến hành mọi công việc với tư thế của người làm chủ xã hội. Họ hăng say làm việc với một nghị lực phi thường vì họ hiểu rằng chủ nghĩa xã hội vĩnh viễn giải phóng họ khỏi mọi áp bức, bóc lột. Hiệu quả của công việc họ đang làm đem lại sự giàu mạnh cho Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đem lại hạnh phúc cho họ và con cháu họ chứ không phải cho bọn bóc lột như trong chế độ xã hội cũ.*

Khi phát động phong trào cách mạng của quần chúng, các cấp Đảng, chính quyền và đoàn thể phải có những biện pháp cụ thể, xây dựng những **điển hình** *để có kinh nghiệm thực tế chỉ đạo phong trào chung. Phải có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên, liên tục, tránh tình trạng phong trào chỉ rầm rộ lúc đầu, công sức của quần chúng bỏ ra nhiều, mà hiệu quả mang lại không tương xứng.*

Mỗi phong trào cách mạng của quần chúng là kết quả sự cố gắng chung của cả hệ thống chuyên chính vô sản. Các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và các tổ chức kinh tế, xã hội khác đều phải hướng mọi cố gắng của mình vào việc thúc đẩy phong trào chung, hết sức tránh tình trạng mỗi tổ chức chủ trương một khác, làm phân tán lực lượng của quần chúng. Mỗi phong trào quần chúng muốn đạt hiệu quả tốt, phải vừa có tính cách mạng, vừa có tính khoa học. Vì vậy Đảng lãnh đạo phải thực hiện cho được sự **phối hợp hành động chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản** *cùng thực hiện cho được mục tiêu, nội dung, kế hoạch đã định. Làm được như vậy phong trào mới phát triển được liên tục, phong trào này kế tiếp phong trào kia, phong trào trước tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào sau, làm cho cách mạng xã hội chủ nghĩa thật sự là ngày hội của quần chúng.*

Muốn tạo được phong trào quần chúng mạnh mẽ, ngoài việc phải xác định đúng mục tiêu, nội dung, kế hoạch của phong trào, chúng ta

Digitized by Google

còn phải **biết kết hợp một cách khéo léo các biện pháp** *tư tưởng và tổ chức, giáo dục và hành chính, kinh tế và chính trị, làm sao cho mỗi biện pháp phát huy được tốt nhất tác dụng của nó.*

Chúng ta có nhiều kinh nghiệm thực hiện biện pháp giáo dục, thuyết phục trong công tác vận động quần chúng. Nhưng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, bệnh quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng rất dễ phát sinh và phát triển. Đó là một nguy cơ mà chúng ta phải hết sức chú ý đề phòng, khắc phục. Đi liền với biện pháp giáo dục, thuyết phục, chúng ta phải rất coi trọng và học cách sử dụng cho thành thạo biện pháp kinh tế, hành chính. Đó là điểm mới của công tác vận động quần chúng so với lúc chưa có chính quyền. Cần thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc phân phối theo lao động: người làm nhiều hưởng nhiều, người làm ít hưởng ít, người có sức lao động mà không chịu làm thì không được hưởng. Cần sử dụng đúng mức những biện pháp khuyến khích bằng lợi ích vật chất như khen thưởng những người lao động tiên tiến, đơn vị tiên tiến có nhiều sáng kiến, đạt năng suất lao động và hiệu suất công tác cao, vượt mức kế hoạch. Mặt khác, trong tình hình hiện nay tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quy mô lớn, cần đặc biệt coi trọng các biện pháp bảo đảm kỷ luật lao động, buộc người lao động tôn trọng nghiêm ngặt các chế độ, quy trình sản xuất đã xác định, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý.

Để có thể tạo ra, duy trì và phát triển phong trào cách mạng của quần chúng, nhất là đối với phong trào thi đua trong sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, các tổ chức, nhất là các cơ quan Nhà nước phải **chuẩn bị tốt điều kiện vật chất, tích cực tạo ra điều kiện vật chất trong quá trình đưa phong trào tiến lên.**

Trong quá trình phát triển phong trào cách mạng của quần chúng, đến một lúc nào đó, khi phong trào có những bước nhảy vọt, những cân đối ban đầu giữa các chỉ tiêu trong kế hoạch thường dễ bị phá vỡ. Các cơ quan có trách nhiệm khắc phục tới mức cao nhất mọi khó khăn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào thi đua của quần chúng phát triển lên nữa. Từ cân đối, đi đến phá vỡ cân đối cũ, để tiến lên cân đối mới, cao hơn, tích cực hơn. Đó là hiện tượng thường diễn ra khi phong trào cách mạng của quần chúng đã phát triển đều khắp. Cân đối ban đầu bị phá vỡ theo hướng tiến lên không phải là khuyết điểm của cơ quan đặt kế hoạch. Nhưng khi phong trào đã phát triển mà còn bảo thủ, vẫn khư khư giữ cân đối cũ, không tích cực tạo điều kiện để lập cân đối mới, thì đó là điều đáng phê phán. Người lãnh đạo giỏi phải biết nắm lấy yếu tố mới mà tích cực tạo điều kiện vật chất đưa phong trào quần chúng tiếp tục tiến lên. Ở đây cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa trung ương và địa phương, giữa Nhà nước và quần chúng, cái gì các cơ quan trung ương phải lo cung cấp cho địa phương, cái gì

Digitized by Google

chính quyền và nhân dân ở từng địa phương có thể chủ động giải quyết, không ỷ lại, trông chờ ở trung ương. Chúng ta kiên quyết chống tinh thần vô trách nhiệm của một số người làm ăn theo lối hành chính, quan liêu, xa rời thực tế của phong trào quần chúng ; nhưng cũng kiên quyết phê phán tư tưởng ỷ lại, thụ động chỉ ngồi chờ cấp trên, không phát huy tinh thần sáng tạo của quần chúng để giải quyết khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Để làm tốt hơn nữa công tác vận động quần chúng, đẩy tới các phong trào cách mạng của quần chúng, vấn đề bao trùm, có ý nghĩa quyết định là phải phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, làm cho nhân dân thấy rõ mình là người chủ thật sự của đất nước, có nghĩa vụ đầy đủ đối với tất cả mọi mặt của đời sống xã hội, tự giác góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh và văn minh.

Bây giờ nước ta còn nghèo, nhưng chúng ta có cái vốn quý nhất là con người lao động có ý thức làm chủ đất nước. Trong hoàn cảnh trình độ cơ khí hóa còn thấp, nếu phát huy được quyền làm chủ tập thể của quần chúng, tổ chức và phân công lại lao động dồi dào sẵn có trong phạm vi từng huyện, từng tỉnh, trong cả nước, để khai thác tài nguyên của Tổ quốc một cách nhanh nhất, hợp lý nhất thì vẫn có thể làm được nhiều việc lớn. Những kết quả đáng phấn khởi của phong trào làm thủy lợi kết hợp thi công cơ giới với lực lượng lao động thủ công ở các công trường Sông Lý (Thanh-hóa), Kẻ Gỗ (Nghệ-tĩnh), v.v... là những điển hình đẹp về phát huy quyền làm chủ của quần chúng, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng.

Muốn có phong trào cách mạng của quần chúng thì cán bộ, đảng viên phải xung phong gương mẫu tiến lên hàng đầu. Đảng viên đi trước làng nước theo sau, đó là kinh nghiệm quý báu của Đảng ta và của cách mạng nước ta. Khi chưa có phong trào thì cán bộ, đảng viên phải chuẩn bị, nhen nhóm và phát động phong trào. Khi có phong trào rồi thì cán bộ, đảng viên phải bám sát, lãnh đạo phong trào đi đúng hướng, nhằm đạt hiệu quả cao nhất, và có biện pháp nuôi dưỡng phong trào, khiến cho phong trào được liên tục. Sau mỗi đợt hoặc mỗi phong trào, cán bộ, đảng viên phải sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để làm tốt đợt khác hoặc phong trào tiếp theo. Có như thế cán bộ, đảng viên mới thật sự là đầu tàu trong phong trào cách mạng của quần chúng.

Nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng, chuyển chủ nghĩa anh hùng trong chiến đấu cứu nước thành chủ nghĩa anh hùng trong lao động sáng tạo xây dựng Tổ quốc, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra.

Digitized by Google

TẬP TRUNG CAO ĐỘ LỰC LƯỢNG CẢ NƯỚC THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

(NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ II CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA IV) HỌP TỪ NGÀY 21 THÁNG 6 ĐẾN NGÀY 4 THÁNG 7 NĂM 1977)

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ SỰ LÃNH ĐẠO NÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN QUA

I - HAI mươi năm qua, một trong những thắng lợi cơ bản và to lớn của cách mạng nước ta là miền Bắc *đã sớm thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp*; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn được xác lập và ngày càng củng cố, giai cấp nông dân tập thể ra đời, sự thống nhất về chính trị và tinh thần ở nông thôn và liên minh công nông được tăng cường với chất lượng mới; nguồn gốc sinh ra đối kháng giai cấp ở nông thôn vĩnh viễn bị xóa bỏ. Công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp đã thúc đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi, cải tạo đất, sử dụng giống mới, áp dụng kỹ thuật thâm canh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật trong nông nghiệp. Đến nay, ở miền Bắc, đã xây dựng được một số *cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu cho nông nghiệp, giải quyết được một số vấn đề khoa học – kỹ thuật nông nghiệp.*

Dựa vào ưu thế của quan hệ sản xuất mới, của cơ sở vật chất – kỹ thuật đã có, miền Bắc đã giữ vững và phát triển được sản xuất nông nghiệp trong điều kiện cả nước có chiến tranh, đưa vụ đông xuân trở thành vụ sản xuất chính, đưa năng suất, sản lượng lúa và đàn lợn lên khá, hình thành một số vùng chuyên canh, phát triển một số ngành, nghề ở nông thôn, thực hiện việc phân phối tương đối công bằng

Digitized by Google

và hợp lý trong thời chiến. Tuy thường gặp thiên tai nặng, số dân tăng gần gấp đôi, lương thực còn phải nhập một phần, nhưng đời sống nhân dân về cơ bản được bảo đảm và có những mặt được cải thiện. Trình độ chính trị, tư tưởng, văn hóa, kỹ thuật của nông dân, nhất là của nam, nữ thanh niên, được nâng cao rõ rệt ; nông thôn mới đang được xây dựng ngày càng vững mạnh. *Nền nông nghiệp hợp tác hóa và nông thôn mới đã góp phần trọng yếu củng cố hậu phương, tăng cường lực lượng quốc phòng, bảo đảm cho miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến, thật sự là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.*

Gần đây, việc bước đầu tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và cải tiến quản lý nông nghiệp từ cơ sở, kết hợp với thủy lợi hóa và từng bước cơ giới hóa, đã mở ra cách làm mới để sử dụng hợp lý đất đai và lao động, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Hơn hai năm qua, từ sau khi được hoàn toàn giải phóng, *nông thôn miền Nam đã có những biến đổi quan trọng.* Tàn tích thực dân và phong kiến về ruộng đất được xóa bỏ triệt để ; phần lớn nông dân đã có ruộng. Ở nhiều nơi nông dân đang tập hợp lại dưới nhiều hình thức lao động tập thể ở trình độ đơn giản. Phong trào quần chúng làm thủy lợi, phục hóa, tăng vụ, thâm canh, khai hoang đang có khí thế sôi nổi. Công tác chuyển dân ở một số thành phố, thị xã về nông thôn và đi xây dựng các vùng kinh tế mới được đẩy mạnh. Công tác điều tra cơ bản, quy hoạch và phân vùng kinh tế được xúc tiến. Một số cơ sở kinh tế quốc doanh đã được xây dựng. Nhà nước đã và đang điều động nhiều cán bộ kinh tế, kỹ thuật, cung cấp thêm máy kéo, máy bơm và vật tư kỹ thuật khác cho các tỉnh phía nam.

Có những thành tựu to lớn trên đây, trước hết là do *Đảng ta có đường lối đúng.* Sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất ở miền Bắc, Đảng đã *kịp thời lãnh đạo nông dân tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp* trong điều kiện công nghiệp chưa phát triển, *gắn liền hợp tác hóa với thủy lợi hóa,* thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh, đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư bản tư doanh ở thành thị, xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Đường lối « ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ », các chủ trương « đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa », « đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính », và « tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện » là hoàn toàn đúng.

Nông dân lao động nước ta rất cách mạng ; Đảng ta có cơ sở rộng lớn ở nông thôn ; cán bộ, đảng viên và các cấp ủy đảng gắn bó chặt chẽ với nhân dân ; nhiều nơi đã tạo ra được phong trào sôi nổi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp.

II — Chúng ta khẳng định thành tích to lớn, đồng thời cũng thấy rõ khuyết điểm và nhược điểm. *Ở miền Bắc,* sản xuất nông nghiệp phát triển chậm. Lao động chưa được sử dụng

Digitized by Google

tốt; năng suất lao động trong các cơ sở kinh tế tập thể và quốc doanh đều thấp.

Ở miền Nam, nông nghiệp còn là sản xuất cá thể, công thương nghiệp tư bản tư doanh chưa được cải tạo, gây trở ngại rất lớn cho việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đưa sản xuất vào quy hoạch, kế hoạch và đưa khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp.

Nhìn chung, nền nông nghiệp nước ta chưa bảo đảm được nhu cầu về lương thực, thực phẩm của nhân dân, thức ăn cho chăn nuôi, nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản xuất khẩu, chưa thật sự thành cơ sở để phát triển công nghiệp.

Tình trạng trên đây là do nền kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất – kỹ thuật còn yếu kém, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề; do trong thời gian qua Đảng và Nhà nước phải tập trung sức vào chỉ đạo chiến tranh Song *về lãnh đạo, nhất là về chỉ đạo và tổ chức thực hiện, chúng ta có những khuyết điểm lớn.*

1 — VỀ ĐƯỜNG LỐI

Chúng ta chưa nhận thức sâu sắc, nhất là trong chỉ đạo thực tế chưa quán triệt đầy đủ vị trí hàng đầu của nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; từ trung ương đến địa phương chưa thật tập trung sức để phát triển nông nghiệp

Chúng ta cũng *chậm thấy những bước đi cụ thể của nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.* Trong một thời gian khá dài, không nhận rõ hợp tác hóa nông nghiệp là để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa trước hết là để củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chưa kết hợp ngay từ đầu công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, phần nào đã *tách rời phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp*; không nhận rõ sự gắn bó chặt chẽ giữa cải tạo quan hệ sản xuất với phát triển lực lượng sản xuất, giữa thay đổi chế độ sở hữu với xây dựng chế độ quản lý mới, chế độ phân phối mới; không nhận rõ phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn để tạo ra nền nông nghiệp mới, nông thôn mới và con người mới.

Chậm xác định mối quan hệ giữa trung ương, địa phương và cơ sở, nhất là *vai trò của cấp tỉnh và cấp huyện* trong sản xuất nông nghiệp. Chậm thấy huyện là đơn vị thích hợp để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tổ chức lại sản xuất, tổ chức lại lao động, tổ chức lại đời sống, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, kết hợp kinh tế tập thể với kinh tế toàn dân trong quá trình đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, đã duy trì quá lâu tình trạng sản xuất phân tán với năng suất lao động và hiệu quả kinh tế rất thấp trong từng hợp tác xã, trong từng đội sản xuất.

2 – VỀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Chỉ đạo giải quyết vấn đề *lương thực* thiếu toàn diện Nhất là *xem nhẹ các loại màu trong cơ cấu lương thực.*

Digitized by Google

Thiếu những chủ trương, biện pháp tích cực để thực hiện thâm canh, tăng vụ, mở thêm diện tích, phát huy ưu thế của nông nghiệp nhiệt đới.

Giải quyết chậm các vấn đề cụ thể về giống, thức ăn, phòng trừ dịch bệnh, kéo dài tình trạng mất cân đối nghiêm trọng giữa *chăn nuôi* và trồng trọt.

Về cây công nghiệp, không tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, không giải quyết đồng bộ các khâu quy hoạch phân vùng sản xuất, kỹ thuật, tổ chức và chính sách.

Không coi trọng đúng mức việc phát triển các ngành nghề *thủ công, tiểu công nghiệp* ở nông thôn.

Kết hợp không chặt *lâm nghiệp* với nông nghiệp, bảo vệ, tu bổ, cải tạo, trồng rừng với khai thác rừng, phát triển nghề rừng với phát triển chăn nuôi; thiếu những biện pháp có hiệu quả để ngăn chặn đốt phá rừng.

Chưa đẩy mạnh *sản xuất để xuất khẩu* nhằm nhập khẩu máy móc trang bị nhanh cho nông nghiệp. Thiếu phương hướng cụ thể và biện pháp tích cực để phát triển mạnh nguồn hàng nông sản xuất khẩu.

3 — VỀ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT — KỸ THUẬT TRONG NÔNG NGHIỆP

Công tác *thủy lợi* thiếu quy hoạch chặt chẽ khớp với quy hoạch sản xuất; chậm xây dựng thành hệ thống hoàn chỉnh từ đầu mối đến đồng ruộng; chưa làm tốt việc quản lý, sử dụng công trình.

Thiếu biện pháp tích cực để tăng nhanh các loại *phân bón*.

Đầu tư không đúng mức cho khâu *giống* và chậm trễ trong việc xây dựng hệ thống giống quốc gia về các cây, con chính.

Để kéo dài tình trạng thiếu *công cụ sản xuất*, nhất là các loại công cụ thường và công cụ cải tiến. Số máy kéo hiện có không được sử dụng tốt.

Việc nghiên cứu và ứng dụng *khoa học kỹ thuật* trong nông nghiệp tiến hành chậm, chỉ đạo không tập trung, không chặt chẽ.

4 — VỀ TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA

Ba cuộc cách mạng chưa được tiến hành một cách đồng bộ để xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, phát triển mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Công tác tư tưởng, văn hóa thiếu nội dung sát hợp, thiếu những hình thức và phương pháp có hiệu quả để nâng cao ý thức và quyền làm chủ tập thể của nông dân xã viên trong lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, để nâng cao trình độ hiểu biết về kỹ thuật và quản lý cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, để thực hiện nếp sống mới xã hội chủ nghĩa.

5 — VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Không phát huy đầy đủ hiệu lực chỉ đạo tập trung của chính phủ, năng lực và trách nhiệm của các ngành ở trung ương, cũng không phát huy được quyền chủ động và tinh thần sáng tạo của các địa phương và các đơn vị sản xuất. Tình trạng vừa tập trung quan liêu, vừa phân tán,

Digitized by Google

tản mạn, tình trạng kém trách nhiệm, cục bộ, bản vị trong quản lý làm cho sự chỉ đạo nông nghiệp kém hiệu lực và công việc tiến hành rất chậm trễ.

Bộ máy trực tiếp chỉ đạo và quản lý nông nghiệp không theo kịp yêu cầu chỉ đạo, quản lý, kinh doanh nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chậm thực hiện chủ trương phân cấp quản lý và tạo điều kiện vật chất cho tỉnh, huyện để tỉnh, huyện chủ động hơn trong việc chỉ đạo phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp địa phương.

Thiếu kế hoạch và biện pháp tích cực để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế nông nghiệp, nhất là chủ nhiệm và trưởng kế toán hợp tác xã. Cán bộ kỹ thuật nông nghiệp đã được đào tạo khá nhiều nhưng yếu về khả năng thực hành, chưa được sử dụng và bồi dưỡng tốt, bố trí về cơ sở sản xuất còn ít.

Chỉ đạo chính sách không kịp thời. Chính sách giá cả, thu mua nông sản, đầu tư, tín dụng, cung ứng vật tư cho nông nghiệp, nhiều chế độ và chính sách trong hợp tác xã chưa có tác dụng thúc đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, khuyến khích các đơn vị thực hiện đúng chế độ kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Cả nước đã giành được độc lập, thống nhất, hòa bình và đi lên chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp phát triển nông nghiệp có những thuận lợi rất cơ bản.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội rất đúng đắn và sáng tạo. Đội ngũ cán bộ ta trưởng thành trong 20 năm qua, đã có những tri thức và kinh nghiệm cần thiết để cải tạo và xây dựng nền nông nghiệp mới của cả nước theo đường lối của đại hội. Điều kiện thiên nhiên của nước ta cho phép phát triển nông, lâm, ngư nghiệp với tốc độ nhanh và sản phẩm phong phú. Nước ta có nhiều tiềm năng về đất đai, có nguồn nhân lực dồi dào, nhân dân ta rất cách mạng và cần cù lao động. Ngày nay ta đã có điều kiện để phân bố lại lao động, bố trí lại sản xuất trên quy mô lớn trong phạm vi cả nước, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên phong phú và nguồn nhân lực dồi dào nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân và xây dựng Tổ quốc giàu mạnh. Ta có điều kiện mở rộng quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác dưới nhiều hình thức, có thể phát huy ưu thế của nền nông, lâm, ngư nghiệp

Digitized by Google

nhiệt đới để đẩy mạnh xuất khẩu đổi lấy thiết bị, vật tư nhằm trang bị cho nông, lâm, ngư nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Mặt khác, phải ra sức khắc phục nhiều khó khăn. Diện tích đất nông nghiệp và diện tích rừng kinh doanh còn ít, từ Nghĩa-bình trở ra phía bắc thường bị bão, lũ, hạn, rét, khả năng chống thiên tai còn hạn chế, hậu quả chiến tranh nặng nề, cơ sở vật chất — kỹ thuật còn ở trình độ thấp. Ở miền Nam, nông nghiệp chưa được cải tạo và công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở thành thị mới bắt đầu, cuộc đấu tranh chống các thế lực phản động còn diễn ra phức tạp, trong khi đó, cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở nhiều xã, ấp còn yếu; ở miền Bắc, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp chưa được củng cố và tăng cường, trình độ quản lý kinh tế còn thấp, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chưa được phát huy tốt.

Quán triệt đường lối chung về xây dựng chủ nghĩa xã hội và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước đối với nông nghiệp, tích cực xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng — cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt — nhằm đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ nguồn gốc sinh ra bóc lột, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng nông thôn mới, xây dựng con người mới, xã hội chủ nghĩa. Tích cực phân bố lại lao động giữa các vùng và trên từng địa bàn, kết hợp tổ chức và sử dụng hợp lý lao động với việc tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật cho nông nghiệp để tăng nhanh năng suất lao động trong nông nghiệp. Đẩy mạnh thủy lợi hóa, từng bước thực hiện cơ khí hóa và điện khí hóa, đẩy mạnh việc áp dụng khoa học — kỹ thuật mới vào sản xuất; thực hiện chuyên canh trên từng vùng tập trung; thâm canh trên toàn bộ diện tích và mở rộng diện tích canh tác; cân đối trồng trọt với chăn nuôi; kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp, ngư nghiệp; kết hợp nông nghiệp với công nghiệp; kết hợp cải tạo với xây dựng, xác lập với hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cả nước; kết hợp Nhà nước với nhân dân, trung ương với địa phương, kinh tế và quốc phòng; xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp.

Trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế phải nắm vững *nhiệm vụ hàng đầu* là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, *giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm*, tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi để thực hiện cùng một lúc *hai yêu cầu cơ bản và cấp bách* là xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Digitized by Google

Trong cả nước, phải dấy lên *cao trào lao động sản xuất* nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp nhằm ba mục tiêu :

1 — **Bảo đảm lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội** (bao gồm cả thức ăn cho chăn nuôi) và có *lương thực dự trữ*.

2 — **Cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp,** trước hết là nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, công nghiệp dệt và giấy, công nghiệp chế biến cao su, chế biến gỗ và công nghiệp sản xuất một số hàng tiêu dùng thiết yếu.

3 — **Tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu,** để đổi lấy thiết bị, vật tư nhằm trang bị kỹ thuật mới cho nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển công nghiệp.

Ra sức phấn đấu để, trong vòng vài kế hoạch năm năm, tạo ra được sự chuyển biến cơ bản trong nền nông nghiệp nước ta theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với trình độ tập trung hóa, chuyên môn hóa, hiệp tác hóa ngày càng cao, với cơ sở vật chất — kỹ thuật ngày càng hiện đại, với năng suất lao động và trình độ thâm canh ngày càng tiến bộ, chất lượng sản phẩm ngày càng tốt, giá thành ngày càng hạ, để đáp ứng được yêu cầu về lương thực, thực phẩm và nông sản của toàn xã hội, của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và nâng cao không ngừng đời sống nhân dân.

Đến năm 1980, phải đạt và vượt những chỉ tiêu sau đây :

— 21 triệu tấn lương thực.

— 16,5 triệu con lợn, 1 triệu tấn thịt hơi, trên 1 triệu tấn cá, 3,5 tỷ quả trứng, 22 — 25 vạn tấn đường.

— 98 vạn héc-ta cây công nghiệp và cây ăn quả.

— 50 vạn héc-ta chuyên sản xuất để xuất khẩu.

— Khai hoang 1 triệu héc-ta, phục hóa 50 vạn héc-ta.

— Trồng mới 1,2 triệu héc-ta rừng, khai thác 3,5 triệu mét khối gỗ.

— Đưa 1,8 triệu lao động đi mở mang vùng kinh tế mới.

— Đầu tư khoảng 5 tỷ đồng cho thủy lợi.

— 50% diện tích gieo trồng được cày bừa bằng máy.

— Một lao động làm từ 1 đến 2 héc-ta gieo trồng ; tiến tới đạt bình quân 3 tấn thóc và 3 — 4 con lợn/1 héc-ta gieo trồng.

VỀ PHƯƠNG HƯỚNG BỐ TRÍ SẢN XUẤT TRONG NĂM NĂM TRƯỚC MẮT :

Đẩy mạnh sản xuất *lương thực và thực phẩm* đi đôi với cải tiến từng bước cơ cấu bữa ăn theo hướng giảm dần tiêu dùng của chất bột, tăng dần các loại thức ăn giàu dinh dưỡng, tăng dần các loại thức ăn chế biến sẵn. Ra sức thâm canh tăng năng suất, tăng vụ và mở rộng diện tích lúa ở những nơi có điều kiện. Tập trung chỉ đạo để tăng nhanh *diện tích, năng suất và sản lượng màu ở tất cả các vùng, tổ chức tốt việc chế biến màu, đưa màu vào cơ cấu lương thực chính*

Digitized by Google

của người, tăng nguồn thức ăn cho chăn nuôi.

Hình thành những vùng chuyên canh màu trong từng huyện, từng tỉnh và những vùng chuyên canh màu tập trung quy mô lớn của cả nước. Chú trọng phát triển ngô, cao lương, sắn, khoai lang, khoai tây, và tận dụng đất để phát triển các loại cây có bột khác. Phát triển mạnh các loại *rau, đậu*. Hình thành nhanh các vành đai thực phẩm chung quanh thành thị và khu công nghiệp. Phát triển *các loại cây cho chất đạm và chất dầu*: tăng nhanh diện tích đậu tương; mở rộng diện tích lạc, vừng, dừa; phát triển sở, cọ dầu. Tăng nhanh diện tích mía: hình thành những vùng mía mới gắn liền với xây dựng các nhà máy đường lớn; ở những tỉnh có đất đồi, có thể phát triển các vùng mía nhỏ khoảng một vài nghìn héc-ta để đáp ứng nhu cầu cho địa phương. Phát triển *dứa, chuối* và các loại cây ăn quả khác theo từng vùng chuyên canh và trồng phổ biến.

Về các loại cây công nghiệp, xây dựng nhanh các vùng trồng *bông*, mở nhanh diện tích *dâu tằm, đay, cói*.

Tăng nhanh diện tích trồng *cao-su, cà-phê, chè, thuốc lá, hồ tiêu, ca-cao*. Phát triển mạnh *các loại cây làm thuốc* để bảo đảm nhu cầu trong nước và tiến tới có một số mặt hàng xuất khẩu có giá trị. *Phát triển các loại cây cho tinh dầu và hương liệu* như hồi, sả, bạc hà, hương nhu, v.v...

Về chăn nuôi, tận dụng mọi khả năng để phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn. Phải căn cứ vào việc bố trí cơ cấu cây trồng ở từng nơi mà đưa chăn nuôi lên cân đối với trồng trọt ngay trên địa bàn từng huyện, từng vùng và từng tỉnh. Phát triển chăn nuôi ở cả ba khu vực: quốc doanh, tập thể và gia đình; nâng cao dần tỷ trọng chăn nuôi quốc doanh và tập thể. Tăng nhanh đàn lợn cả về số lượng và trọng lượng đầu con; phát triển đàn trâu bò để cày kéo và lấy thịt; xây dựng các vùng chăn nuôi bò sữa, tích cực chuẩn bị điều kiện để phát triển đàn trâu sữa. Phát triển mạnh chăn nuôi gà tập trung, nhất là ở các vùng chung quanh thành phố, khu công nghiệp, phát triển đàn vịt ở các vùng đồng bằng và ven biển. Phát triển dê, thỏ, ngựa, ong ở những nơi có điều kiện. Phát triển mạnh nghề nuôi cá, tôm trên các mặt nước ở cả đồng bằng, trung du, miền núi và ven biển.

Về lâm nghiệp, kết hợp chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp và công nghiệp chế biến ngay trong từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường, trên từng huyện, từng vùng ở miền núi, trung du và bờ biển. Xây dựng lâm nghiệp thành một ngành kinh tế quan trọng, trực tiếp góp phần giải quyết những nhu cầu về xây dựng cơ bản, về ăn, mặc, hàng tiêu dùng của nhân dân và tăng sản phẩm hàng hóa xuất khẩu. Phải kinh doanh rừng một cách tổng hợp, coi trọng cả ba khâu: bảo vệ và tu bổ rừng, trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản.

Phủ kín nhanh các đồi núi trọc và các bãi cát ven biển. Trồng những khu rừng tập trung cho nhu cầu công nghiệp và rừng cây đặc sản theo hướng chuyên môn hóa và thâm canh. *Phát*

Digitized by Google

động sâu rộng, liên tục phong trào trồng cây gây rừng và bảo vệ rừng. Thông qua việc tổ chức lại sản xuất mà làm tốt cuộc vận động định canh, định cư. Thực hiện nhanh chủ trương giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch, chính sách của Nhà nước; phát triển lực lượng lao động làm nghề rừng, xây dựng thêm lâm trường quốc doanh, giải quyết tốt vấn đề lương thực cho những nơi thiếu ăn, nhanh chóng chấm dứt tình trạng phá rừng làm rẫy.

Phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể để phát triển rất mạnh sản xuất cho xuất khẩu. Trong việc bố trí sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp, phải tạo ra những *vùng chuyên sản xuất để xuất khẩu* của cả nước, của từng tỉnh, từng huyện. Phải đầu tư kỹ thuật và áp dụng khoa học – kỹ thuật tiên tiến để phát triển sản xuất và chế biến sản phẩm xuất khẩu với chất lượng cao. Có chính sách thỏa đáng về đầu tư, về giá cả. Cho phép các tỉnh, các huyện sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, được xuất khẩu một số loại sản phẩm để đổi lấy thiết bị, vật tư trang bị cho kinh tế của địa phương.

PHẦN THỨ BA
NHỮNG CHỦ TRƯƠNG VÀ BIỆN PHÁP LỚN

I — HOÀN THÀNH CÔNG TÁC QUY HOẠCH VÙNG NÔNG, LÂM NGHIỆP

Hoàn thành nhanh công tác quy hoạch tổng thể và cụ thể trên địa bàn từng huyện; xác định rõ địa bàn và phương hướng nhiệm vụ của từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường để triển khai việc bố trí lại sản xuất.

Tăng cường công tác quản lý ruộng đất và quản lý rừng. Ban hành pháp lệnh về quản lý ruộng đất, chấn chỉnh công tác quản lý ruộng đất và quản lý rừng từ trên xuống dưới, bảo đảm cho đất đai được sử dụng đúng quy hoạch với hiệu quả cao, chấm dứt tình trạng lãng phí đất, sử dụng đất một cách tùy tiện và chấm dứt tệ nạn đốt phá rừng.

II — ĐẨY MẠNH THÂM CANH TĂNG VỤ TRÊN TOÀN BỘ DIỆN TÍCH CANH TÁC

Đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, áp dụng những thành tựu mới về «cách mạng sinh học», đi vào chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp trên từng vùng; thâm canh, tăng vụ và bảo vệ, bồi dưỡng, cải tạo đất trên toàn bộ diện tích canh tác.

Tổng kết và phổ biến kịp thời những kinh nghiệm thâm canh của

Digitized by Google

các điển hình tiên tiến hiện có trên các vùng, xác định các công thức thâm canh, luân canh, tăng vụ cho từng vùng, nhằm đạt năng suất cao về các loại cây, con; phấn đấu đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 2 và trên 2, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi.

III — MỞ THÊM DIỆN TÍCH CANH TÁC MỚI

Trong việc mở thêm diện tích mới, phải chú trọng đầy đủ việc bảo vệ môi trường. Khai hoang phải đi liền với bảo vệ và cải tạo đất, xây dựng đồng ruộng; khai hoang đến đâu, đưa vào sản xuất đến đấy theo hướng chuyên canh và thâm canh phù hợp với điều kiện đất, nước, khí hậu ở từng vùng. Sử dụng lao động thủ công đi đôi với tận dụng khả năng cơ giới, chọn nơi dễ làm trước, nơi khó làm sau; phát động cho được phong trào cách mạng của quần chúng đi mở vùng kinh tế mới. Có kế hoạch triển khai công việc một cách tích cực và vững chắc.

IV — PHÂN BỐ LẠI LAO ĐỘNG VÀ TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Phân bố lại lao động trong phạm vi cả nước theo yêu cầu tổ chức lại và phát triển sản xuất nông nghiệp. Phân bố lại lao động và tổ chức tốt lao động trong từng hợp tác xã và trên địa bàn huyện để thâm canh, tăng vụ, phát triển toàn diện trồng trọt, chăn nuôi, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, mở mang thủy lợi, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, xây dựng nông thôn mới.

Ở vùng bình quân ruộng đất thấp, *phải khẩn trương đưa lao động đi mở các vùng kinh tế mới.*

Cùng với việc phân bố lại lao động, phải *làm tốt công tác định canh định cư.*

Quân đội có nhiệm vụ tham gia xây dựng cơ bản (làm thủy lợi, làm đường, khai hoang, xây dựng đồng ruộng, nhà ở...), chuẩn bị địa bàn cho nhân dân mở mang sản xuất nông, lâm nghiệp chuẩn bị địa bàn cho việc định canh, định cư; đồng thời trực tiếp xây dựng một số nông trường, lâm trường quốc doanh ở một số vùng cần mở nhanh sản xuất trên quy mô lớn.

V — TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT — KỸ THUẬT CHO NÔNG NGHIỆP

Để tăng nhanh cơ sở vật chất — kỹ thuật cho nông nghiệp, phải kết hợp sử dụng lao động thủ công với phương tiện cơ giới, phát huy trách nhiệm và tính chủ động sáng tạo của các địa phương và các ngành trung ương.

Giải quyết tốt vấn đề nước, phân, giống, công cụ, phòng trừ sâu bệnh cho trồng trọt, vấn đề thức ăn, giống, phòng chống dịch bệnh và cơ sở chuồng trại cho chăn nuôi.

Tập trung cao sức của Nhà nước, của nhân dân và của quân đội để *phát triển nhanh thủy lợi.* Nhà nước và nhân dân cùng làm; kết hợp lao

Digitized by Google

động thủ công với cơ giới; kết hợp công trình to, vừa và nhỏ; làm đồng bộ từ công trình đầu mối đến kênh mương và xây dựng đồng ruộng, làm tập trung, dứt điểm và tổ chức quản lý tốt để phát huy nhanh hiệu quả.

Ngành thủy lợi cần tập trung lực lượng đẩy mạnh công tác khảo sát, thiết kế, thi công; phân cấp và tạo điều kiện cho tỉnh, huyện chủ động thiết kế, thi công các công trình ít phức tạp về kỹ thuật. Phải dành ưu tiên vật tư cho thủy lợi và quản lý chặt chẽ vật tư, tiền vốn theo định mức, đơn giá sát hợp. Phát động phong trào quần chúng sôi nổi kết hợp với chỉ đạo chặt chẽ về kinh tế và kỹ thuật.

Về phân bón, trước hết tăng nhanh phân chuồng, phát triển mạnh bèo hoa dâu, điền thanh và các loại phân xanh khác. Tận dụng mùn rác và phù sa để bồi dưỡng và cải tạo đất. Cung ứng than đá cho nông thôn làm chất đốt để trả lại rạ cho đồng ruộng và dùng rơm làm thức ăn cho trâu bò. Đẩy mạnh sản xuất vôi, lân, a-pa-tít nghiền và cố gắng tăng thêm phân đạm cho nông nghiệp.

Đẩy mạnh tốc độ cơ giới hóa nông nghiệp. Chú trọng cơ giới hóa trước các khâu làm đất, làm thủy lợi khai hoang, vận chuyển, thu hoạch, phơi sấy, chế biến, nhất là tập trung giải quyết *vấn đề sức kéo*. Trang bị máy nông nghiệp đồng bộ và cơ sở sửa chữa cho một số huyện để rút kinh nghiệm. Bảo đảm cung cấp điện cho nông nghiệp.

Giải quyết đủ công cụ thường và công cụ cải tiến có chất lượng tốt cho lao động làm thủy lợi, khai hoang, làm đất, vận chuyển, thu hoạch, chế biến; tăng nhanh xe bánh lốp do súc vật và người kéo. Phân công rõ giữa cơ khí trung ương và cơ khí địa phương, giữa cơ khí chung và cơ khí chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Bộ Lâm nghiệp, cung ứng đủ vật tư và có chính sách giá cả hợp lý để đẩy mạnh sản xuất các loại công cụ. Khuyến khích phát huy các sáng kiến cải tiến công cụ, kịp thời xác nhận và cho sản xuất hàng loạt những công cụ cải tiến tốt.

Giải quyết tốt vấn đề giống, trước hết là giống những cây, con chính, bảo đảm đến năm 1980 cung ứng đủ giống tốt cho các nông trường, hợp tác xã và nhân dân, loại bỏ những giống xấu.

Nhà nước chỉ đạo công tác giống, kết luận các loại giống thích hợp cho từng vùng, *xây dựng hệ thống giống quốc gia* từ trung ương tới cơ sở. Thực hiện phân cấp, phân công hợp lý giữa trung ương, địa phương và cơ sở trong việc sản xuất giống từng loại cây, từng loại con để sớm có đủ giống tốt cho sản xuất đại trà. Riêng về giống lợn, bên cạnh các cơ sở giống của Nhà nước và của tập thể, vẫn phải khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi lợn giống. Cố gắng đưa nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác giống, chú ý các khâu bình tuyển, lai tạo, sản xuất, bảo quản, ngăn ngừa giống thoái hóa và tạo ra những giống mới ổn định thích hợp với điều kiện nước ta.

Làm tốt công tác phòng chống sâu, bệnh, bảo vệ cây trồng và gia súc. Củng cố hệ thống bảo vệ cây trồng và

Digitized by Google

hệ thống thú y, mở rộng mạng lưới này đến hợp tác xã và nông trường. Phát triển công tác dự báo, theo dõi và kiểm dịch, nhất là đối với giống. Vận động nhân dân nghiêm túc thực hiện những quy chế, thể lệ và biện pháp bảo vệ sản xuất, phòng trừ dịch bệnh không gây hại cho người. Phát triển sản xuất thuốc, dụng cụ, từng bước mở rộng sử dụng cơ giới trên những vùng sản xuất tập trung lớn.

Giải quyết tốt vấn đề thức ăn để đưa chăn nuôi lên cân đối với trồng trọt và phát triển theo hướng sản xuất lớn. Ngoài việc hướng dẫn nông dân sử dụng tốt đất kinh tế phụ gia đình để sản xuất thức ăn gia súc, phải *kiên quyết dành 10 — 15% diện tích trồng trọt của các hợp tác xã để sản xuất thức ăn gia súc* và hình thành ở từng tỉnh, từng huyện những vùng chuyên sản xuất thức ăn gia súc. Quy hoạch lại và cải tạo sớm các đồng cỏ tự nhiên và xây dựng các đồng cỏ thâm canh ở các vùng chăn nuôi quan trọng. Tận dụng đất dưới tán rừng để trồng thức ăn và phát triển chăn nuôi. Phát triển sản xuất bột cá; tận dụng tốt phụ phẩm của trồng trọt. Phát triển hệ thống chế biến thức ăn gia súc ở các cấp, bao gồm cả các cơ sở chế biến thức ăn tổng hợp, cơ sở sơ chế rau, màu, ủ chua cỏ và thức ăn xanh.

Cần có kế hoạch và biện pháp cụ thể giải quyết tốt yêu cầu *phơi sấy, chế biến màu và các nông sản* khác bằng phương tiện thủ công, nửa cơ giới và cơ giới để bảo đảm phát triển mạnh hoa màu và cây công nghiệp. Trang bị công cụ sơ chế cho các đơn vị sản xuất, xây dựng các cơ sở chế biến màu, sản xuất thức ăn gia súc ở huyện và các xí nghiệp tinh chế ở tỉnh.

Chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, vật tư, nội thương, ngoại thương trong việc trang bị kỹ thuật và cung ứng vật tư kỹ thuật cho nông nghiệp lâm nghiệp và ngư nghiệp.

VI — ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

Các yêu cầu chính đối với công tác khoa học kỹ thuật là:

— Sớm xây dựng một nề nếp quản lý kỹ thuật phù hợp với phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa để bảo đảm đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trên diện rộng.

— Xác định những khâu kỹ thuật cụ thể đối với những cây con chủ yếu làm cơ sở cho việc xây dựng các quy trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn và định mức, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất một cách nhanh chóng và vững chắc, từng bước thực hiện cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, như thủy lợi hóa, cơ giới hoa, hóa học hóa, điện khí hóa và áp dụng những thành tựu mới về cách mạng sinh học.

— Xác định được nhanh chóng những căn cứ khoa học (tự nhiên, kinh tế, xã hội), để tổ chức lại nền sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của từng địa phương.

Digitized by Google

Ở miền Bắc, chú trọng các khâu kỹ thuật nhằm bảo đảm làm tốt mạ xuân và giải quyết cơ cấu của bộ giống lúa mùa để cho cả hai vụ lúa xuân và lúa mùa đều có năng suất cao và ổn định, đồng thời tạo điều kiện cho việc mở rộng vụ đông, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính ở đồng bằng. Ở miền Nam, chú trọng xác định cơ cấu các giống lúa, bố trí hợp lý các mùa, vụ sản xuất ở các vùng khác nhau, nhằm phát huy cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, tránh được những mặt không thuận lợi và tận dụng những mặt thuận lợi của khí hậu, thời tiết, thủy văn. Trên phạm vi cả nước, cần nghiên cứu giải quyết tốt việc nhân và sản xuất các giống cây lương thực (lúa, ngô, sắn, khoai lang, khoai tây); các loại cây công nghiệp quan trọng (như đậu tương, lạc, cọ dầu, sở, mía, bông, dâu tằm, cao-su, cà-phê, chè, thuốc lá, cây làm thuốc...). Đặc biệt chú trọng giải quyết giống ngô năng suất cao để phát triển chăn nuôi. Về giống con, chú trọng chọn lọc, lai tạo, nhân và sản xuất giống lợn, giống trâu bò lấy thịt và lấy sữa, giống gia cầm... Làm tốt hơn nữa việc nghiên cứu cải tạo đất chua, mặn, đất bạc màu, kỹ thuật thâm canh trên đất dốc, việc sản xuất và sử dụng các loại phân khoáng, phân hữu cơ, việc chế tạo và sử dụng các loại máy kéo và máy nông nghiệp, việc phòng chống sâu bệnh, chuột và dịch bệnh, việc phơi sấy, chế biến và bảo quản các loại nông sản, nhất là màu.

Củng cố và phát triển mạng lưới viện nghiên cứu chuyên đề và chuyên ngành với cơ sở thực nghiệm bố trí hợp lý ở từng vùng, gắn được việc nghiên cứu với việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Bố trí, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học kỹ thuật đi chuyên sâu vào từng cây, từng con, và bám sát từng vùng kinh tế. Thành lập Viện khoa học và kỹ thuật nông nghiệp Việt-nam.

Bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật cho cán bộ và nhân dân ở cơ sở, nhằm xây dựng những lực lượng lao động chuyên môn có khả năng nắm vững và thực hiện các biện pháp khoa học kỹ thuật trong các hợp tác xã, nông trường, lâm trường, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đưa kịp thời khoa học kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp vào các trường phổ thông và các lớp bổ túc văn hóa ở nông thôn. Động viên và tổ chức tốt lực lượng cán bộ giảng dạy và học sinh các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, tích cực tham gia nghiên cứu và thực nghiệm khoa học kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

VII — CỦNG CỐ, HOÀN THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NAM

Xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đồng nhất trong cả nước dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể để phát triển sản xuất nông

Digitized by Google

hệ thống thú y, mở rộng mạng lưới này đến hợp tác xã và nông trường. Phát triển công tác dự báo, theo dõi và kiểm dịch, nhất là đối với giống. Vận động nhân dân nghiêm túc thực hiện những quy chế, thể lệ và biện pháp bảo vệ sản xuất, phòng trừ dịch bệnh không gây hại cho người. Phát triển sản xuất thuốc, dụng cụ, từng bước mở rộng sử dụng cơ giới trên những vùng sản xuất tập trung lớn.

Giải quyết tốt vấn đề thức ăn để đưa chăn nuôi lên cân đối với trồng trọt và phát triển theo hướng sản xuất lớn. Ngoài việc hướng dẫn nông dân sử dụng tốt đất kinh tế phụ gia đình để sản xuất thức ăn gia súc, phải *kiên quyết dành 10 — 15% diện tích trồng trọt của các hợp tác xã để sản xuất thức ăn gia súc* và hình thành ở từng tỉnh, từng huyện những vùng chuyên sản xuất thức ăn gia súc. Quy hoạch lại và cải tạo sớm các đồng cỏ tự nhiên và xây dựng các đồng cỏ thâm canh ở các vùng chăn nuôi quan trọng. Tận dụng đất dưới tán rừng để trồng thức ăn và phát triển chăn nuôi. Phát triển sản xuất bột cá; tận dụng tốt phụ phẩm của trồng trọt. Phát triển hệ thống chế biến thức ăn gia súc ở các cấp, bao gồm cả các cơ sở chế biến thức ăn tổng hợp, cơ sở sơ chế rau, màu, ủ chua cỏ và thức ăn xanh.

Cần có kế hoạch và biện pháp cụ thể giải quyết tốt yêu cầu *phơi sấy, chế biến màu và các nông sản* khác bằng phương tiện thủ công, nửa cơ giới và cơ giới để bảo đảm phát triển mạnh hoa màu và cây công nghiệp. Trang bị công cụ sơ chế cho các đơn vị sản xuất, xây dựng các cơ sở chế biến màu, sản xuất thức ăn gia súc ở huyện và các xí nghiệp tinh chế ở tỉnh.

Chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, vật tư, nội thương, ngoại thương trong việc trang bị kỹ thuật và cung ứng vật tư kỹ thuật cho nông nghiệp lâm nghiệp và ngư nghiệp.

VI — ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

Các yêu cầu chính đối với công tác khoa học kỹ thuật là:

— Sớm xây dựng một nề nếp quản lý kỹ thuật phù hợp với phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa để bảo đảm đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trên diện rộng.

— Xác định những khâu kỹ thuật cụ thể đối với những cây con chủ yếu làm cơ sở cho việc xây dựng các quy trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn và định mức, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất một cách nhanh chóng và vững chắc, từng bước thực hiện cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, như thủy lợi hóa, cơ giới hoa, hóa học hóa, điện khí hóa và áp dụng những thành tựu mới về cách mạng sinh học.

— Xác định được nhanh chóng những căn cứ khoa học (tự nhiên, kinh tế, xã hội), để tổ chức lại nền sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của từng địa phương.

Digitized by Google

Ở miền Bắc, chú trọng các khâu kỹ thuật nhằm bảo đảm làm tốt mạ xuân và giải quyết cơ cấu của bộ giống lúa mùa để cho cả hai vụ lúa xuân và lúa mùa đều có năng suất cao và ổn định, đồng thời tạo điều kiện cho việc mở rộng vụ đông, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính ở đồng bằng. Ở miền Nam, chú trọng xác định cơ cấu các giống lúa, bố trí hợp lý các mùa, vụ sản xuất ở các vùng khác nhau, nhằm phát huy cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, tránh được những mặt không thuận lợi và tận dụng những mặt thuận lợi của khí hậu, thời tiết, thủy văn. Trên phạm vi cả nước, cần nghiên cứu giải quyết tốt việc nhân và sản xuất các giống cây lương thực (lúa, ngô, sắn, khoai lang, khoai tây); các loại cây công nghiệp quan trọng (như đậu tương, lạc, cọ dầu, sở, mía, bông, dâu tằm, cao-su, cà-phê, chè, thuốc lá, cây làm thuốc...). Đặc biệt chú trọng giải quyết giống ngô năng suất cao để phát triển chăn nuôi. Về giống con, chú trọng chọn lọc, lai tạo, nhân và sản xuất giống lợn, giống trâu bò lấy thịt và lấy sữa, giống gia cầm... Làm tốt hơn nữa việc nghiên cứu cải tạo đất chua, mặn, đất bạc màu, kỹ thuật thâm canh trên đất dốc, việc sản xuất và sử dụng các loại phân khoáng, phân hữu cơ, việc chế tạo và sử dụng các loại máy kéo và máy nông nghiệp, việc phòng chống sâu bệnh, chuột và dịch bệnh, việc phơi sấy, chế biến và bảo quản các loại nông sản, nhất là màu.

Củng cố và phát triển mạng lưới viện nghiên cứu chuyên đề và chuyên ngành với cơ sở thực nghiệm bố trí hợp lý ở từng vùng, gắn được việc nghiên cứu với việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Bố trí, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học kỹ thuật đi chuyên sâu vào từng cây, từng con, và bám sát từng vùng kinh tế. Thành lập Viện khoa học và kỹ thuật nông nghiệp Việt-nam.

Bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật cho cán bộ và nhân dân ở cơ sở, nhằm xây dựng những lực lượng lao động chuyên môn có khả năng nắm vững và thực hiện các biện pháp khoa học kỹ thuật trong các hợp tác xã, nông trường, lâm trường, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đưa kịp thời khoa học kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp vào các trường phổ thông và các lớp bổ túc văn hóa ở nông thôn. Động viên và tổ chức tốt lực lượng cán bộ giảng dạy và học sinh các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, tích cực tham gia nghiên cứu và thực nghiệm khoa học kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

VII — CỦNG CỐ, HOÀN THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NAM

Xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đồng nhất trong cả nước dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể để phát triển sản xuất nông

Digitized by Google

nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở tổ chức lại nền nông nghiệp trong phạm vi cả nước và trên địa bàn huyện mà tích cực củng cố và tăng cường hợp tác xã và nông trường, làm trường quốc doanh ở miền Bắc, tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp và đẩy mạnh xây dựng nông trường, làm trường quốc doanh ở miền Nam, hướng dẫn kinh tế gia đình nông dân, làm cho kinh tế quốc doanh, tập thể và gia đình hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển theo quy hoạch của từng vùng và kế hoạch của Nhà nước.

1 — *Củng cố hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc.*

Phải từ tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện mà *tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong từng hợp tác xã.*

Đưa các hợp tác xã đi vào chuyên canh và thâm canh theo quy hoạch và kế hoạch sản xuất của từng huyện, gắn trồng trọt với chăn nuôi, phát triển ngành nghề; tổ chức và phân công lại lao động theo hướng chuyên môn hóa để sử dụng tốt đất đai, sử dụng hết lao động và tăng năng suất lao động; xây dựng thêm cơ sở vật chất — kỹ thuật; thực hiện tốt quy trình sản xuất, các định mức kinh tế kỹ thuật, đưa công tác quản lý kinh tế và kỹ thuật vào nề nếp. Phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên trong sản xuất và phân phối, khắc phục tình trạng mệnh lệnh, độc đoán, quan liêu; khắc phục tình trạng phân tán, thực hiện việc quản lý tập trung thống nhất của ban quản trị hợp tác xã. Cải tiến chế độ quản lý tài vụ; thực hiện chế độ tài chính công khai, có thanh toán quyết toán hằng năm; ngăn ngừa và khắc phục tình trạng tham ô, lãng phí, chi tiêu không có nguyên tắc. Cải tiến công tác phân phối trong hợp tác xã nhằm khuyến khích mọi người tích cực lao động và không ngừng cải thiện đời sống của xã viên. Kết hợp chặt chẽ kinh tế tập thể và kinh tế gia đình. Phải đạt được kết quả: tăng nhanh sản lượng và chất lượng nông sản, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng tích lũy của hợp tác xã, tăng phần đóng góp cho Nhà nước và tăng thu nhập của xã viên từ kinh tế tập thể.

Từng tỉnh, từng huyện phải củng cố cho được các hợp tác xã yếu, kém, có kế hoạch đưa các hợp tác xã này lên ngang trình độ các hợp tác xã khá và tiên tiến hiện nay trong một thời gian ngắn.

Tăng cường cán bộ kinh tế và kỹ thuật cho hợp tác xã. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật một cách đồng bộ cho các hợp tác xã. Nhà nước cần bổ nhiệm *trưởng kế toán, trưởng kỹ thuật*, và quản lý chặt chẽ *chủ nhiệm hợp tác xã* để ổn định lâu dài đội ngũ cốt cán của hợp tác xã.

2 — *Củng cố và phát triển mạnh nông trường quốc doanh.*

Tích cực củng cố các nông trường quốc doanh đã có. Các nông trường phải sử dụng hết số đất đai được giao, thâm canh trên toàn bộ diện tích, thực hiện tốt hạch toán kinh tế, giao nộp đủ sản phẩm theo kế hoạch và có lãi.

Digitized by Google

Mở thêm nhiều nông trường. Các nông trường phải kết hợp chặt chẽ trồng trọt với chăn nuôi, nông nghiệp với lâm nghiệp, sản xuất với chế biến, đi đầu trong việc đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tổ chức tốt lao động, sử dụng cả công cụ thủ công, cải tiến và cơ giới, thực hiện tốt hạch toán kinh tế, kinh doanh với hiệu quả kinh tế cao.

3 — *Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam.*

Mục đích cải tạo xã hội chủ nghĩa là đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ bóc lột và nguồn gốc sinh ra bóc lột, tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn. Đó là nguyện vọng chung của nông dân, đồng thời cũng là yêu cầu bức thiết của việc tổ chức lại nền nông nghiệp và của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Phải kết hợp chặt chẽ cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp tư doanh; phải từ tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, xây dựng huyện thành cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp mà tiến hành hợp tác hóa ở cơ sở; phải kết hợp hợp tác hóa với thủy lợi hóa và từng bước cơ giới hóa nông nghiệp; phải có chủ trương, chính sách đúng, có tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, phát động phong trào quần chúng mạnh mẽ để bảo đảm vừa tiến hành hợp tác hóa tốt, vừa phát triển mạnh sản xuất.

Mỗi tỉnh phải xây dựng thí điểm một huyện và một vài hợp tác xã vào cuối năm 1977 và đầu năm 1978. Trên cơ sở làm tốt thí điểm mà mở rộng một cách tích cực và vững chắc việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, cố gắng hoàn thành về cơ bản việc xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền Nam trong vài năm đầu của những năm 80.

VIII — TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA

Đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phải coi trọng việc xây dựng đời sống tinh thần và văn hóa mới ở nông thôn.

Công tác tư tưởng và văn hóa phải được tăng cường để góp phần tạo ra phong trào cách mạng liên tục trong quần chúng nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ và chỉ tiêu về nông nghiệp do Đại hội Đảng đề ra, đồng thời xây dựng nền văn hóa mới và con người mới.

Công tác tư tưởng và văn hóa hiện nay phải làm tốt bốn nhiệm vụ sau đây: một là, thông qua phong trào cách mạng của quần chúng, ra sức giáo dục cho nông dân tư tưởng xã hội chủ nghĩa, hiểu rõ đường lối, chủ trương, nhiệm vụ, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có ý thức và năng lực làm chủ tập thể, tinh thần tự lực tự cường, tinh thần cách mạng tiên công trong sản xuất, tinh tổ chức kỷ luật, ý thức cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tốt các nghĩa vụ đối với Nhà

Digitized by Google

nước, v.v... chống tư tưởng của các giai cấp bóc lột và khắc phục những biểu hiện tiêu cực của người sản xuất nhỏ. Hai là, ra sức nâng cao trình độ văn hóa, trình độ khoa học kỹ thuật, sức khỏe và tay nghề của người lao động, nhằm nâng cao năng lực làm chủ tập thể và tăng năng suất lao động. Ba là, mở rộng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, truyền thanh, truyền hình, y tế, vệ sinh, thể dục thể thao, v.v... nhằm thỏa mãn từng bước những nhu cầu về văn hóa của nhân dân. Bốn là, tích cực đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ.

Việc xây dựng đời sống tinh thần và văn hóa mới ở nông thôn phải được tiến hành theo kế hoạch ở từng cơ sở và trên địa bàn huyện. Từ nay đến năm 1980, mỗi cơ sở, mỗi huyện tùy theo khả năng cố gắng xây dựng tương đối tốt các cơ sở vật chất sau đây: nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường phổ thông, trường bổ túc văn hóa, trường hoặc lớp dạy nghề, nhà truyền thống, câu lạc bộ, thư viện, trạm truyền thanh; các cơ sở hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, trạm y tế, nhà hộ sinh, bệnh viện, v.v... Việc xây dựng các cơ sở vật chất nói trên chủ yếu phải dựa vào lao động của hợp tác xã, của địa phương, ngân sách địa phương có đầu tư cần thiết

IX — XÂY DỰNG HUYỆN, TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Các hợp tác xã, các nông trường, lâm trường quốc doanh, các xí nghiệp công nghiệp, các cơ sở liên doanh trong huyện liên kết với nhau thành một cơ cấu sản xuất, làm cho huyện trở thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, trong đó từng xí nghiệp, nông trường, lâm trường và hợp tác xã là những đơn vị hạch toán kinh tế.

Tổ chức lại sản xuất và tổ chức đời sống trên địa bàn huyện một cách toàn diện nhằm giải quyết ngày càng tốt hơn các vấn đề ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, bảo vệ sức khỏe của nhân dân và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Phải thực hiện những biện pháp sau đây:

— Dựa vào quy hoạch, phân vùng kinh tế chung và điều kiện tài nguyên, đất đai, khí hậu, thời tiết và kinh nghiệm sản xuất của nhân dân từng huyện mà xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch cụ thể trên địa bàn huyện, từng vùng nhỏ và từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường; xây dựng phương án kinh tế, kỹ thuật bảo đảm phát huy tốt nhất sức lao động và các điều kiện sản xuất. Kết hợp quy hoạch sản xuất với quy hoạch dân cư, xây dựng nông thôn mới.

— Triển khai ngay việc đưa sản xuất đi vào chuyên canh theo từng vùng và nhanh chóng đưa chăn nuôi lên cân đối với trồng trọt

Digitized by Google

– Tổ chức và phân công lại lao động trên địa bàn huyện.

– Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cần thiết cho huyện ; đẩy mạnh công tác thủy lợi ; phát triển công nghiệp địa phương bao gồm các ngành nghề thủ công, tiểu công nghiệp có quan hệ đến sản xuất, chế biến, xây dựng và đời sống ở nông thôn, các cơ sở sản xuất nông cụ, vật liệu xây dựng, đồ mộc..., các cơ sở sản xuất thức ăn gia súc, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, trạm máy kéo và cơ sở sửa chữa cơ khí. Xây dựng hệ thống giao thông vận tải phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp, phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Xây dựng hệ thống kho, mạng lưới cung cấp vật tư kỹ thuật, hàng công nghiệp cho nhân dân và thu mua nông sản, lâm sản, hải sản ; xây dựng các trại giống cây, giống con, trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y và những trạm kỹ thuật khác... Xây dựng các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở và lao động kỹ thuật.

– Tăng cường lực lượng cán bộ một cách đồng bộ và ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho cấp huyện để trong vòng vài năm bộ máy cấp huyện có đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ mới.

X – VỀ KẾ HOẠCH HÓA VÀ CHÍNH SÁCH

1 – Phương pháp kế hoạch hóa phải vừa phát huy đầy đủ tính chủ động, sáng tạo của các cấp tỉnh, huyện, cơ sở, vừa bảo đảm sự quản lý tập trung của trung ương.

Phải xây dựng kế hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở hợp tác xã, nông trường, lâm trường, xí nghiệp và trên địa bàn huyện. Các huyện phải có kế hoạch từng năm, từng vụ và tiến tới có quy hoạch, kế hoạch dài hạn về sản xuất và tổ chức đời sống.

Cải tiến hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước để cho tỉnh, huyện và cơ sở sản xuất có quyền chủ động hơn trong việc tổ chức lại sản xuất, phân bố lại lao động, phát triển sản xuất, tổ chức công tác lưu thông phân phối và xây dựng đời sống vật chất và văn hóa trong địa phương.

2 – Soát lại hệ thống chính sách đòn bẩy kinh tế để có sự điều chỉnh, bổ sung cần thiết, nhằm khuyến khích phát triển sản xuất (thâm canh, tăng vụ, khai hoang, thủy lợi hóa, cơ giới hóa, tăng năng suất lao động...). Kết hợp đúng đắn kế hoạch hóa với vận dụng quy luật giá trị để bảo đảm hai yêu cầu cơ bản là tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật và thỏa mãn nhu cầu vật chất, văn hóa của nhân dân.

Các chính sách của Nhà nước phải bảo đảm sự nhất trí giữa lợi ích chung của toàn xã hội với lợi ích của từng đơn vị sản xuất và quyền lợi chính đáng của từng người lao động, xây dựng và phát triển quan hệ hợp lý giữa sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể.

Digitized by Google

PHẦN THỨ TƯ

TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC, LÀM TỐT CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ ĐỘNG VIÊN CAO ĐỘ SỨC MẠNH LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN

I – Bộ Chính trị dành thời gian thích đáng cho việc lãnh đạo nông, lâm, ngư nghiệp, Ban Bí thư tăng cường kiểm tra đôn đốc các ngành, các địa phương trong việc thực hiện các chủ trương của Trung ương.

Chính phủ tập trung chỉ đạo nông, lâm, ngư nghiệp, cụ thể hóa kịp thời hơn nữa đường lối, chủ trương của Đảng, biến đường lối, chủ trương của Đảng thành kế hoạch, pháp lệnh, thể chế, ban hành các chính sách cụ thể, tổ chức sự hiệp đồng giữa các ngành, các cấp, bảo đảm triển khai nhanh công việc, giải quyết kịp thời những yêu cầu vật chất cho sản xuất và những vấn đề mà địa phương và cơ sở đặt ra.

Tăng cường Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Hải sản, tăng cường Tổng cục Khai hoang, Tổng cục Trang bị kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp. Thành lập các tổng công ty, công ty hoặc xí nghiệp liên hợp đối với những cây, con đang phát triển lớn, chuyên môn hóa cao, sản xuất trên những địa bàn tập trung và có quy mô chế biến lớn.

Thành lập Ban cải tạo nông nghiệp miền Nam, với nhiệm vụ giúp Trung ương Đảng và Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng cấp huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam.

Các bộ, các tổng cục phải đưa nội dung phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp vào *chương trình hoạt động chính của ngành*.

Thực hiện *phân cấp quản lý và tạo điều kiện để phát huy đầy đủ vai trò của cấp tỉnh* trong việc xây dựng kinh tế địa phương thành cơ cấu công – nông nghiệp. Làm cho tỉnh chủ động trong việc bố trí kế hoạch, vừa bảo đảm nhu cầu của địa phương, vừa làm tròn nghĩa vụ do Trung ương giao cho, cùng với các bộ *xây dựng các huyện thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp*. Cải tiến và tăng cường công tác quản lý ở các đơn vị cơ sở.

2 – *Ra sức xây dựng củng cố các đảng bộ và chi bộ ở nông thôn.*

Qua việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và xây dựng, củng cố, tăng cường hợp tác xã mà nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, kiện toàn các cấp ủy, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí tốt cán bộ, nâng cao chất lượng của chi bộ và đảng bộ cơ sở về mọi mặt, tiếp tục nâng cao

Digitized by Google

chất lượng đảng viên, đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng.

Ở miền Nam, tinh tiên phong, tinh chiến đấu của chi bộ, đảng bộ cơ sở ở nông thôn phải thể hiện trong việc kiên quyết lãnh đạo nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức phát triển sản xuất theo đúng quy hoạch và kế hoạch và hăng hái làm nhiệm vụ với Nhà nước. Giáo dục sâu rộng về chủ nghĩa xã hội trong các đảng bộ ở miền Nam, xây dựng *tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* và nâng cao kiến thức chính trị, kinh tế, văn hóa, làm cho đảng viên đi đầu và có đủ sức lãnh đạo quần chúng trong phong trào hợp tác hóa và sản xuất nông nghiệp. Qua các phong trào này mà củng cố và tăng cường tổ chức cơ sở, rèn luyện cán bộ, đảng viên, xây dựng cốt cán trong quần chúng, tuyển chọn những người tiên tiến và kiên định để bồi dưỡng và bổ sung vào đội ngũ của Đảng.

3 — *Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ.*

Yêu cầu cấp bách hiện nay là tăng cường cán bộ có chất lượng cho huyện và chuẩn bị cán bộ quản lý và kỹ thuật cho hợp tác xã, kiên quyết giảm nhẹ biên chế hành chính ở trung ương, ở tỉnh, đưa một số cán bộ quân đội ra làm kinh tế, tăng cường cán bộ cho huyện, cho các hệ thống kinh doanh và các đơn vị trực tiếp sản xuất.

Sử dụng tốt cán bộ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ hiện có, nhất là số cán bộ có trình độ trên đại học và đại học, kể cả số cán bộ kinh tế, kỹ thuật đã làm việc dưới chế độ cũ ở miền Nam. Có chính sách khuyến khích cán bộ ngày càng chuyên sâu vào từng cây, từng con, từng ngành nghề, sẵn sàng đi tới những nơi sản xuất cần đến. Có chính sách thích đáng đối với cán bộ xã và cán bộ hợp tác xã.

Triển khai kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nhằm bảo đảm các yêu cầu về cải tạo nông nghiệp ở miền Nam, tăng cường hợp tác xã ở miền Bắc, phát triển nông trường quốc doanh, xây dựng huyện, v.v...

4 — *Phát động quần chúng.*

Dựa vào các chi bộ và đảng bộ cơ sở, các đoàn thể quần chúng như Nông hội, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn, các tổ chức kinh tế cơ sở, huy động tốt các cơ quan tuyên truyền của Đảng và Nhà nước, để tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân, phát động phong trào cách mạng liên tục của nông dân lao động và các tầng lớp nhân dân đi vào công cuộc cải tạo và xây dựng nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp với khí thế hào hùng của những người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh các phong trào thâm canh, tăng vụ, làm thủy lợi, làm phân bón, khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới, tiến quân vào khoa học kỹ thuật, hăng hái gia nhập hợp tác xã, v.v..

Phải thông qua phong trào cách mạng của quần chúng mà giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa,

Digitized by Google

phát huy lòng tự hào của nông dân lao động nước ta đã từng một lòng một dạ đi theo Đảng đánh thắng những đế quốc mạnh, xóa bỏ giai cấp địa chủ phong kiến. Làm cho mọi người nông dân lao động hiểu con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường xóa bỏ vĩnh viễn ách bóc lột giai cấp, đưa đất nước đến giàu mạnh, đưa nhân dân đến đời sống ấm no, hạnh phúc. Làm cho quần chúng đông đảo kiên định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, đoàn kết chặt chẽ, ủng hộ và thực hiện mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tỉnh táo đề phòng và kiên quyết đấu tranh chống lại mọi mưu mô và hành động chia rẽ dân tộc, chia rẽ lương, giáo, và phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

Giáo dục giai cấp công nhân về nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp và phát động phong trào công nhân phục vụ nông nghiệp

Phải có nhiều hình thức tổ chức và động viên phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, như việc mở hội nghị những người tích cực trên từng mặt sản xuất nông nghiệp, kịp thời tổng kết và nêu gương những điển hình tiên tiến, phát động và tổ chức quần chúng học tập và làm theo các điển hình ấy. Ở các tỉnh miền Nam, cần mở đại hội đại biểu nông hội để phát động nông dân thực hiện cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp. Tiếp tục mở các đại hội đại biểu nông dân tập thể ở miền Bắc để vận động các hợp tác xã nông nghiệp củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh sản xuất, chuẩn bị tiến tới đại hội đại biểu nông dân tập thể toàn quốc.

Tiềm lực của đất nước ta về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp rất to lớn, chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản nhưng khó khăn trước mắt cũng không ít. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hãy ra sức phấn đấu, đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phát triển vượt bậc, thực hiện đầy đủ những mục tiêu đã được Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra!

Thành công trên mặt trận nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp trong kế hoạch năm năm 1976 — 1980 hết sức quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết giành cho được những thắng lợi lớn, tạo điều kiện vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và cải thiện một bước đời sống của nhân dân ta.

Hãy kiên quyết tập trung lực lượng của cả nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát động phong trào quần chúng rộng lớn đi vào lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện thành công nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng nông thôn mới, con người mới xã hội chủ nghĩa!

Digitized by Google

ĐUỔI cổ bọn Nga hoàng thì không khó, chỉ vài ngày là đủ. Đuổi cổ bọn địa chủ cũng không khó lắm — chúng ta đã làm được việc này trong vài tháng; đuổi cổ bọn tư bản cũng không khó lắm. Nhưng, thủ tiêu các giai cấp thì vô cùng khó hơn; sự phân chia ra công nhân và nông dân vẫn còn tồn tại. Khi người nông dân cày cấy trên một mảnh đất và giữ làm của riêng số lúa thừa, nghĩa là số lúa mà chính anh ta cũng như đàn gia súc của anh ta không cần dùng đến, trong lúc mà tất cả những người khác đang không có cơm ăn, thì từ lúc đó anh nông dân này biến thành kẻ bóc lột. Giữ số lúa này càng nhiều bao nhiêu thì anh ta càng có lợi bấy nhiêu; mặc cho những người khác bị đói: « Bọn chúng nó càng đói bao nhiêu, lúa của ta càng bán đắt bấy nhiêu ». Tất cả mọi người đều phải làm việc theo một kế hoạch chung, trên một mảnh đất chung, trong những công xưởng và trong những nhà máy chung và theo một quy tắc chung. Điều đó liệu có dễ thực hiện không? Các đồng chí thấy rằng làn này cách giải quyết sẽ khó khăn hơn là khi phải đuổi cổ Nga hoàng, bọn địa chủ và bọn tư bản. Làn này, giai cấp vô sản cần phải huấn luyện lại, giáo dục lại một bộ phận trong nông dân, lôi kéo theo mình những người nào là nông dân lao động, để đập tan sức phản kháng của những nông dân giàu có đang làm giàu trên sự nghèo khổ của người khác. Vậy thì mục tiêu đấu tranh của giai cấp vô sản chưa đạt được khi chúng ta lật đổ Nga hoàng, đuổi cổ bọn địa chủ và bọn tư bản; và hoàn thành cuộc đấu tranh này, đó chính là nhiệm vụ của chế độ mà chúng ta gọi là chuyên chính vô sản ».

Lê-nin: Tuyển tập, *quyển 2, phần 2, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, trang 446 — 447.*

Digitized by Google

Thấu suốt và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng

VŨ-LẬP
Ủy viên trung ương Đảng
Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc trung ương

ĐẢNG ta đã vận dụng sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, định ra đường lối cách mạng đúng đắn đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đưa dân tộc ta lên ngang tầm vóc của thời đại. Đảng ta đã vũ trang cho toàn Đảng, toàn dân quan điểm đúng đắn để phát huy truyền thống đoàn kết, tương trợ, giữa các dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt-nam để cùng nhau xây dựng bảo vệ Tổ quốc giàu mạnh và nâng cao đời sống hạnh phúc chung. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã tổng kết việc thực hiện chính sách dân tộc trong những năm qua, đề ra nội dung cơ bản của chính sách dân tộc trong giai đoạn cách mạng mới cùng những biện pháp để thực hiện chính sách đó. Có nắm vững và thực hiện nghiêm chỉnh chính sách dân tộc mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra, chúng ta mới có thể tăng cường khối đoàn kết giữa các dân tộc trong nước, phát huy tinh thần cách mạng và năng lực sáng tạo của các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

QUAN ĐIỂM GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC CỦA ĐẢNG TA

Sự phân tích các khối cộng đồng người hình thành trong lịch sử và quy luật phát sinh, phát triển của dân tộc đã chứng minh rằng : dân tộc Việt-nam ta là một khối cộng đồng ổn định có lịch sử lâu đời. Trên bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, lãnh thổ Việt-nam và dân tộc Việt-nam gắn chặt với nhau. Dân tộc Việt-nam sống trên lãnh thổ Việt-nam. Lãnh thổ Việt-nam với quốc gia Việt-nam ra đời đã chứa đựng một dân tộc thống nhất. Dân tộc Việt-nam đã thành hình từ lâu trước khi chủ nghĩa tư bản nước ngoài xâm nhập vào Việt-nam và càng không

Digitized by Google

phải vì nhu cầu chống đế quốc xâm lược phương Tây mới có khối cộng đồng dân tộc Việt-nam, mà chính do yêu cầu đấu tranh chế ngự thiên nhiên, chống kẻ thù hung bạo đã thúc đẩy sự thành hình dân tộc và quốc gia thống nhất. Đây là một sự thật lịch sử, là sản phẩm của cuộc đấu tranh chống thiên nhiên, chống kẻ thù hung bạo từ buổi bình minh của lịch sử dựng nước. Dân tộc Việt-nam ta từ một khối cộng đồng nhỏ đến sự hòa hợp của nhiều khối cộng đồng lại để đi đến một nước Việt-nam thống nhất, một dân tộc có nền văn hiến lâu đời, có sức sống mãnh liệt trước hoàn cảnh khắc nghiệt của thiên nhiên và bao kẻ thù tàn bạo từ bên ngoài đến.

« Nước Việt-nam là một, dân tộc Việt-nam là một ». Đó là quan điểm cơ bản của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc ở nước ta.

Quan điểm đó khẳng định một thực tế khách quan: nước Việt-nam là một nước thống nhất. Dân tộc Việt-nam gồm có nhiều dân tộc anh em. Ngoài dân tộc số đông là người Kinh còn có trên 60 dân tộc ít người chiếm hơn 11% số dân cả nước, sống ở các vùng khác nhau. Hàng nghìn năm nay trên dất nước thân yêu của chúng ta, « các dân tộc anh em trong nước ta gắn bó ruột thịt với nhau, trên một lãnh thổ chung và trải qua một lịch sử lâu đời cùng nhau lao động và đấu tranh để xây dựng Tổ quốc tươi đẹp » (1), cùng chung một nguyện vọng, một ý chí, một tình cảm, một tâm hồn. Tuy có những nét riêng biệt về điều kiện sinh hoạt, tâm lý, tình cảm... nhưng tất cả các dân tộc anh em ở nước ta, đông người hay ít người, đều cùng chung một lãnh thổ, chung một nền kinh tế, có một tiếng nói phổ thông và một nền văn hóa chung, đoàn kết keo sơn, hòa hợp với nhau thành một khối cộng đồng ổn định từ trong lịch sử. Đặc trưng nổi bật của các dân tộc anh em ở nước ta là yêu nước và có tinh thần dân tộc rất cao.

Đảng ta cho rằng « đấu tranh giai cấp dù gay go quyết liệt đến đâu, sau này các giai cấp cũng sẽ mất đi nhưng các dân tộc sẽ còn và sẽ sống với nhau lâu dài, mãi mãi trên đất nước ta » (2). Quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình các dân tộc phát triển về mọi mặt, là quá trình làm cho các dân tộc càng thêm đoàn kết, gắn bó hòa hợp cùng nhau đi lên. Đó là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Quy luật của chủ nghĩa xã hội sẽ làm mất đi mặt lạc hậu nhưng không mất đi những di sản văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Những tinh hoa văn hóa có phong cách riêng của các dân tộc anh em sẽ được kết hợp hài hòa trong nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam. *Tôn trọng, bảo vệ tất cả các dân tộc, dù đó là một dân tộc chỉ có dăm ba trăm người; thật sự thương yêu, chú trọng đến điều kiện sinh hoạt, tâm lý, tình cảm các dân tộc ít người, tin tưởng ở tinh thần cách mạng và khả năng to lớn của các dân tộc đối với sự nghiệp cách mạng chung, đó là quan điểm cơ bản và đúng đắn của Đảng ta.*

Chỉ thấy mặt thống nhất của dân tộc, không thấy những đặc điểm của từng dân tộc ít người do điều kiện lịch sử của sự hình thành dân tộc ở nước ta, ngược lại, chỉ thấy đặc điểm của từng dân tộc mà không thấy mặt thống nhất của các dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt-nam... đều dẫn tới những hành động trái với quan điểm của Đảng ta.

Ở nước ta không có tình trạng dân tộc đông người thống trị các dân tộc ít người mà chỉ có giai cấp bóc lột thống trị nhân dân lao động, không

(1) Hồ-Chí-Minh: *Các dân tộc đoàn kết bình đẳng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 28.

(2) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 257.

Digitized by Google

kể là dân tộc đông người hay ít người. Bọn đế quốc và phong kiến đã duy trì tình trạng lạc hậu ở các vùng dân tộc để kìm hãm nhân dân lao động trong cuộc sống tối tăm. Cho nên giải phóng các dân tộc thoát khỏi ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc và giai cấp phong kiến, giành độc lập dân tộc, phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc, thực hiện triệt để quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đoàn kết chặt chẽ các dân tộc để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đó là phương hướng đúng đắn để giải quyết vấn đề dân tộc ở nước ta.

Qua các giai đoạn của cách mạng Việt-nam, *Đảng ta đã gắn chặt việc giải quyết vấn đề dân tộc với vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với đường lối, mục tiêu chung của cách mạng.* Muốn thoát khỏi cảnh tối tăm lạc hậu, bước vào cuộc sống ấm no, văn minh và hạnh phúc, các dân tộc, ít người cũng như đông người, chỉ có một con đường duy nhất là tất cả các dân tộc anh em trong đại gia đình dân tộc Việt-nam cùng nhau chung sức chung lòng đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Giải quyết vấn đề dân tộc là giải quyết mối quan hệ giữa các dân tộc, làm cho mọi dân tộc đều phát triển, đều làm chủ tập thể Tổ quốc Việt-nam. «Tất cả chúng ta là dân một nước, con một nhà. Miền ngược, miền xuôi là một khối thống nhất, không phân chia cách biệt; cả nước là một, cùng nhau làm chủ» (3).

Các dân tộc anh em trong đại gia đình dân tộc Việt-nam cùng nhau làm chủ tập thể Tổ quốc Việt-nam với nội dung làm chủ thật sự và đầy đủ nhất, cũng tức là các dân tộc anh em bình đẳng thật sự và đầy đủ nhất. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là biện pháp tốt nhất để củng cố khối đoàn kết dân tộc, xóa bỏ những vấn đề vướng mắc do lịch sử để lại giữa một số dân tộc anh em, giúp cho các dân tộc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt-nam càng thắng lợi, quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa càng được nâng cao, thì các dân tộc anh em ở nước ta càng được phát triển mạnh mẽ về mọi mặt kinh tế, văn hóa và nâng cao đời sống v.v...

Các dân tộc cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt-nam — Ngày nay là Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa — là quan điểm của Đảng ta từ trước tới nay trong việc giải quyết vấn đề dân tộc. Đó cũng là nội dung cơ bản của chính sách dân tộc của Đảng ta suốt trong các giai đoạn cách mạng Việt-nam.

Từ những quan điểm cơ bản đó, Đảng ta đã đề ra chính sách dân tộc phản ánh đúng quy luật phát triển của cách mạng Việt-nam và nguyện vọng sâu xa của nhân dân các dân tộc. Do đó, càng phát huy sự nhất trí về chính trị và tinh thần vốn có trong nhân dân các dân tộc từ sau Cách mạng tháng Tám và trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đã cổ vũ các dân tộc phát huy tính tích cực cách mạng của mình tham gia vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn vừa qua. Bằng công tác giáo dục, tổ chức và quản lý rộng lớn và hàng loạt chính sách chủ trương, biện pháp thích hợp áp dụng trên mọi lĩnh vực công tác, Đảng và Nhà nước ta đã huy động lực lượng quần chúng các dân tộc tích cực tham gia sản xuất chiến đấu thực hiện xuất sắc hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng, và tạo nên những chuyển biến tiến bộ chưa từng có trong lịch sử phát triển của dân tộc ta. Như Đại hội đại biểu

(3) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 394.

Digitized by Google

toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nhận định: « Trong những năm chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng bào *các dân tộc ít người* đã có những cống hiến vẻ vang vào sự nghiệp cách mạng chung. Những thành tích to lớn trong sản xuất và chiến đấu, sự tiến bộ về mọi mặt của các dân tộc ít người, tình đoàn kết ngày càng củng cố giữa các dân tộc là kết quả rực rỡ của chính sách dân tộc của Đảng » (4). Bức tranh khái quát về các dân tộc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa trong thời gian qua là : « Các thành phần dân tộc sống bình đẳng, đoàn kết, hòa hợp theo tinh thần của chủ nghĩa xã hội » (5).

TINH THẦN CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

Quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng. Phát huy quyền làm chủ tập thể là phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân lao động các dân tộc anh em trong đại gia đình dân tộc Việt-nam. Từ đường lối chung, Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra: « Nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là ra sức tăng cường khối đoàn kết không gì lay chuyển nổi giữa các dân tộc trong cả nước, phát huy tinh thần cách mạng và năng lực sáng tạo của các dân tộc ít người trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa » (6). Đây là một nhiệm vụ chính trị của Đảng ta nhằm giải quyết vấn đề dân tộc ở nước ta.

Nhiệm vụ của nền chuyên chính vô sản đòi hỏi các dân tộc phải đoàn kết chặt chẽ. Đoàn kết chống ngoại xâm là một việc khó nhưng nhờ có đường lối sáng suốt của Đảng và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chúng ta đã làm được. Ngày nay, đoàn kết để cùng nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, cũng không phải là việc đơn giản. « Làm cho các dân tộc có những phong tục tập quán khác nhau mà lại đoàn kết, thương yêu, hòa hợp được với nhau, mới thật khó, không đơn giản. Trong lịch sử, không giai cấp nào làm được việc này, chỉ có giai cấp công nhân và Đảng của nó mới làm được » (7).

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp giữa hai giai cấp vô sản và tư sản, giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Chúng ta phải tích cực xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải luôn luôn đề cao cảnh giác sẵn sàng bảo vệ những thành quả cách mạng đã giành được. Kẻ thù luôn luôn tìm cách kích động và dầu độc nhân dân bằng tàm lý dân tộc chủ nghĩa, khơi lại những mâu thuẫn giữa các dân tộc do chủ nghĩa đế quốc và giai cấp phong kiến gây nên trước đây. Hơn hai mươi năm qua trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, chúng đã nhằm vào các vùng dân tộc để phá rối hậu phương của ta, hòng làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc. Đối với các dân tộc ít người ở miền Nam, bọn Mỹ—ngụy đã dùng rất nhiều âm mưu thâm độc, thủ đoạn xảo quyệt, kích thích đầu óc

---

(4) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 164.

(5) Sách đã dẫn, trang 29.

(6) Sách đã dẫn, trang 164.

(7) Lê-Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 393.

Digitized by Google

dân tộc hẹp hòi, mua chuộc, mỵ dân, lợi dụng các tôn giáo để chia rẽ, đàn áp nhân dân các dân tộc. Từ sau ngày giải phóng đến nay, bọn phản động còn lén lút gây rối loạn ở một số vùng dân tộc, lợi dụng những khó khăn tạm thời trước mắt và những sơ hở thiếu sót của cán bộ ta trong việc chấp hành một số chính sách hòng chia rẽ đồng bào các dân tộc ít người, xuyên tạc chính sách dân tộc của Đảng. Chúng ta phải rất tỉnh táo trước những âm mưu và thủ đoạn chia rẽ dân tộc của địch, làm tốt chính sách dân tộc để tăng cường khối đoàn kết không gì lay chuyển nổi giữa các dân tộc ở nước ta trong giai đoạn mới của cách mạng.

Đoàn kết phải đi đôi với việc phát huy tinh thần cách mạng và năng lực sáng tạo của các dân tộc ít người. Yêu cầu của cách mạng nước ta đòi hỏi nhân dân ta phát huy rất cao tinh thần chủ động và trí sáng tạo. Quá trình cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội cũng là quá trình mà tinh thần cách mạng và năng lực sáng tạo của các dân tộc ít người được phát huy cao độ, khối đoàn kết vốn có giữa các dân tộc được tăng cường hơn bao giờ hết. Không có phong trào cách mạng của quần chúng trong các dân tộc ít người thì không thể thực hiện tốt chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng. Có nắm vững quan điểm về vấn đề dân tộc của Đảng, hiểu đúng vị trí, vai trò của các dân tộc trong sự nghiệp cách mạng chung, mới thấu hiểu và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, thật sự tin tưởng quần chúng các dân tộc, thấy được mặt mạnh, mặt yếu và phát huy mặt tốt, khắc phục mặt tiêu cực trong quần chúng ở từng vùng dân tộc.

Đoàn kết dân tộc, phát huy tinh thần cách mạng và năng lực sáng tạo của các dân tộc ít người là nhằm xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang phấn đấu xây dựng là xã hội trong đó nhân dân lao động vĩnh viễn thoát khỏi cảnh bị áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu để sống một cuộc đời no cơm, ấm áo, văn minh và hạnh phúc : mọi người đoàn kết thương yêu nhau và thật sự làm chủ đất nước mình. Bản chất xã hội đó đòi hỏi phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng dân tộc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ : « Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc ít người và dân tộc đông người ; đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp; làm cho tất cả các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, văn minh và hạnh phúc, đoàn kết, giúp nhau tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa » (8).

Vấn đề bình đẳng dân tộc được đặt ra ngay từ khi Đảng ta mới ra đời. Đảng ta luôn luôn coi việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là nội dung cơ bản của chính sách dân tộc. Chỉ có dựa trên nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc thì khối đoàn kết dân tộc mới được củng cố và tăng cường, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động các dân tộc mới được phát huy mạnh mẽ. Quyền bình đẳng dân tộc ở nước ta đã được thực hiện nhưng còn bị hạn chế vì trình độ phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc còn thấp. Chúng ta phấn đấu làm cho nhân dân các dân tộc làm chủ về mọi mặt, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới để các dân tộc bình đẳng hoàn toàn và thật sự. Thực hiện quyền bình đẳng dân tộc là một quá

(8) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 75.

Digitized by Google

trình phấn đấu lâu dài, tích cực, được nâng dần từng bước cùng với việc thực hiện đường lối chung, đường lối xây dựng kinh tế của Đảng. Nhân dân, cán bộ và đảng viên các dân tộc, đông người cũng như ít người, phải nêu cao quyết tâm hoàn thiện chế độ của chúng ta về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội thì mới thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Tinh thần tích cực của Đảng ta trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong giai đoạn mới là « tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa dân tộc ít người và dân tộc đông người » (9). Bình đẳng dân tộc là nội dung cơ bản của chính sách dân tộc, nhưng bình đẳng dân tộc không phải là mục đích cuối cùng, mà mục đích của việc thực hiện triệt để quyền bình đẳng dân tộc là « làm cho tất cả các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đoàn kết giúp nhau tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa » (10).

Có xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mới giải quyết được triệt để vấn đề dân tộc. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa càng được xây dựng và phát triển thì các dân tộc càng bình đẳng, đoàn kết, giúp nhau tiến bộ, cùng nhau làm chủ tập thể càng cao hơn và các dân tộc hòa hợp thành dân tộc xã hội chủ nghĩa Việt-nam càng nhanh hơn. Các dân tộc càng đoàn kết, càng bình đẳng, càng giúp nhau tiến bộ, cùng nhau làm chủ tập thể thì càng đẩy nhanh quá trình xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới, càng thúc đẩy quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta tiến nhanh, tiến mạnh hơn.

NHỮNG YÊU CẦU TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Trải qua những chặng đường cách mạng, các vùng dân tộc ở nước ta đã có những biến đổi căn bản và sâu sắc, nhưng trình độ phát triển kinh tế, văn hóa nói chung vẫn còn thấp hơn miền xuôi, đời sống đồng bào các dân tộc ít người còn có khó khăn, nhất là các dân tộc ở vùng cao và biên giới, các dân tộc ở dọc Trường-sơn và Tây-nguyên (*). Có *đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, ra sức phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc* thì mới khắc phục được sự chênh lệnh đó. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Để thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, vấn đề mấu chốt là đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc». Về nội dung phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc, báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu rất đầy đủ: « phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng các vùng kinh tế mới, các khu công nghiệp, mở mang giao thông vận tải và thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, khoa học, y tế, thể dục thể thao, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, v.v..., nhanh chóng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc ít người, đặc biệt chú trọng vùng cao và biên giới ».

---

(9) (10) Sách đã dẫn, trang 75.

(*) Hiện nay, cả nước ta còn gần 2 triệu đồng bào du canh du cư và du canh định cư

Digitized by Google

Phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc là yêu cầu cấp bách, là nhiệm vụ công tác dân tộc lớn nhất của Đảng và Nhà nước ta. Đó cũng là một trong những biện pháp có ý nghĩa quyết định để thực hiện thắng lợi chính sách dân tộc của Đảng.

Trong điều kiện cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, có nhiều thuận lợi nhưng cũng có những khó khăn không nhỏ, Đảng ta đặt vấn đề đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc là rất cần thiết. Nếu không thì không thể nào khắc phục được sự chênh lệch vốn có giữa các dân tộc ít người với dân tộc đông người, thậm chí còn mở rộng hơn nữa khoảng cách đó.

Việc phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc phải theo phương hướng nhiệm vụ kế hoạch chung của Nhà nước, đồng thời phải thích hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng vùng dân tộc. Nói chung những vấn đề cần được chú trọng giải quyết hiện nay là: xây dựng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; điều tra quy hoạch; tổ chức lại sản xuất, xây dựng các vùng kinh tế mới và định canh, định cư; xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, đặc biệt là các biện pháp kỹ thuật mới và giải quyết vấn đề cung cấp nông cụ thông thường; tiến hành công tác bình dân học vụ, bổ túc văn hóa và phát triển giáo dục phổ thông cùng với việc sử dụng hợp lý chữ dân tộc, vận động xây dựng nếp sống mới và sửa đổi phong tục tập quán lạc hậu; phát triển văn hóa nghệ thuật từng dân tộc đi đôi với việc phổ biến sâu rộng văn hóa nghệ thuật chung của cả nước, chăm lo sức khỏe nhân dân, v.v... Đối với từng dân tộc, cần chú ý giải quyết kịp thời những yêu cầu bức thiết trước mắt và vận dụng đường lối chính sách đúng đắn vào điều kiện cụ thể ở mỗi nơi. Chính sách dân tộc là một công tác rất bao trùm, rất toàn diện, nhưng rất cụ thể cần phải nghiên cứu tỉ mỉ và có kế hoạch thực hiện cụ thể.

Trong việc đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thì xây dựng huyện và cấp huyện ở miền núi và các vùng dân tộc là một vấn đề rất quan trọng. Thông qua khâu công tác này, chính sách dân tộc của Đảng sẽ được thể hiện một cách rất sinh động.

Đội ngũ cán bộ công tác ở miền núi và các vùng dân tộc bao gồm cán bộ người miền xuôi và cán bộ các dân tộc ít người. Việc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, phân bố lại lao động, bảo vệ quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội ở các vùng dân tộc.... đòi hỏi ngày càng nhiều cán bộ miền xuôi lên phục vụ tại các vùng dân tộc. Đó là yêu cầu của sự nghiệp cách mạng chung và cũng là vì sự tiến bộ của các dân tộc ít người. Nhưng như thế không có nghĩa là không cần có cán bộ dân tộc ít người. *Cán bộ các dân tộc ít người* có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tổ chức thực hiện chính sách dân tộc của Đảng. Thật vậy, chưa có một cuộc vận động quần chúng nào, một công tác cách mạng nào ở các vùng dân tộc mà không có cán bộ dân tộc ít người làm nòng cốt. Cũng không ít trường hợp chủ trương chính sách đúng nhưng vì thiếu cán bộ dân tộc ít người cho nên kết quả tổ chức thực hiện đã bị hạn chế. Vì thế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã quan tâm đến việc tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ dân tộc ít người. Cán bộ dân tộc ít người không chỉ tham gia công tác ở địa phương hoặc trong một lĩnh vực nào

(Xem tiếp trang 75)

Digitized by Google

PHÁT HUY BA THẾ MẠNH CỦA PHÚ-KHÁNH

NGUYỄN-XUÂN-HỮU
Ủy viên trung ương Đảng
Bí thư tỉnh ủy Phú-khánh

PHÚ-KHÁNH gồm hai tỉnh Phú-yên và Khánh-hòa hợp nhất lại, có diện tích gần 1 vạn ki-lô-mét vuông, dân số 1 triệu 82 nghìn người. Phú-khánh có ba thế mạnh về nông nghiệp, về nghề cá và muối, về nghề rừng. Phú-khánh có phần được thiên nhiên ưu đãi, nhưng ba thế mạnh đó chủ yếu là do sức người tạo nên. Cuộc chiến đấu để phát huy ba thế mạnh đó đang tiếp tục. Có những mặt của từng thế mạnh còn ở dạng tiềm năng, có những mặt đã trở thành hiện thực. Có những mặt mới chỉ thực hiện thành công ở một số điểm điển hình, có những mặt đã ở diện phổ biến trong toàn huyện, thị, toàn tỉnh. Thắng lợi đạt được trong hai năm qua cho thấy khả năng to lớn của Phú-khánh về ba thế mạnh đó. Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng bộ tỉnh Phú-khánh (từ 21-3 đến 26-3-1977) cũng đã đề ra nhiều biện pháp để tiếp tục phát huy ba thế mạnh đó.

BA THẾ MẠNH CỦA TỈNH PHÚ-KHÁNH

Về nông nghiệp, Phú-khánh có 25 vạn héc-ta đất có khả năng làm nông nghiệp, nhiều vùng chuyên canh lớn như cánh đồng lúa hàng vạn héc-ta ở Tuy-hòa, cánh đồng bông hàng nghìn héc-ta ở Tuy-an, những vùng chuối, vùng xoài, vùng dừa.... những cánh đồng cỏ để phát triển chăn nuôi. Lao động nông nghiệp có trên 30 vạn người chiếm 65% tổng số lao động. Máy móc nông nghiệp có khoảng 1.000 chiếc, trên 14.000 sức ngựa. Khí hậu nói chung thuận lợi cho trồng trọt quanh năm, nếu giải quyết được vấn đề tưới nước.

Nhưng, dưới thời Mỹ — ngụy, Phú-khánh mỗi năm phải nhập khẩu từ 5 đến 6 vạn tấn gạo. Bọn Mỹ-ngụy rút chạy khỏi Phú-khánh để lại gần 5 vạn héc-ta ruộng đất hoang hóa, gần chục vạn đồng bào ở nông thôn bị địch tập trung vào thành thị và

Digitized by Google

Digitized by Google

oạch đến năm 1980 sẽ có 90 nghìn ấn cá, 16 triệu lít nước mắm, 3.000 ấn hải sản đông lạnh xuất khẩu.

Phú-khánh có 5 khu vực ruộng nuối, nếu khai thác hết, mỗi năm có thể thu được từ 150 đến 200 nghìn tấn muối. Năm 1976, sản xuất 43 nghìn tấn muối; năm 1977, nâng lên 60 nghìn tấn. Đến năm 1980 chỉ tiêu phải đạt là 150 nghìn tấn.

Chúng tôi chủ trương phát triển đánh bắt, nuôi thủy sản ở các vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt, đây là hướng tích lũy quan trọng của tỉnh. Chúng tôi tiến hành xây dựng các bến cá quốc doanh của tỉnh và của huyện thật sự là đơn vị kinh doanh, hạch toán, là nơi cung cấp vật tư cho các tổ chức sản xuất, đảm bảo thu mua phần lớn sản phẩm hải sản, tăng nhanh lực lượng chế biến hải sản quốc doanh, thành lập đội tàu đánh cá quốc doanh, phát triển đánh cá khơi. Hiện nay, cả tỉnh mới có 2,5 vạn lao động đánh cá và làm muối, cần tăng thêm lao động cho ngành này. Đến cuối năm 1977, sẽ sử dụng một phần quan trọng diện tích ao đìa, hồ chứa, một phần sông cụt và đầm (như đầm Ô-loan, Thủy-triều, Nha-phu) vào nuôi trồng, phát triển nuôi cá nước lợ, nước ngọt. Diện tích ruộng muối được mở rộng, xây dựng quốc doanh sản xuất muối Hòn-khói, mở các cơ sở quốc doanh sản xuất muối ở huyện, thành lập các hợp tác xã làm muối...

Về nghề rừng, Phú-khánh có diện tích rừng 365 nghìn héc-ta với trữ lượng gỗ 39 triệu mét khối, có khả năng khai thác 18 triệu mét khối. Rừng có nhiều gỗ quý có giá trị xuất khẩu như gỗ cẩm lai, giáng hương... Chúng tôi đã tổ chức phong trào nhân dân trồng rừng, đưa diện tích rừng trồng từ 2.900 héc-ta năm 197. lên 8.200 héc-ta năm 1977. Năm 1977, khoanh nuôi rừng 15 [illegible] bồ rừng 6.9[illegible] héc-ta, khai thác 25 nghìn mét khố[illegible] củi, chế biến 16 nghìn mét khối trong đó có 2.500 mét khối ván sàn xuất khẩu. Chỉ tiêu đề ra cho năm 1980 là trồng 14.000 héc-ta rừng, khai thác 80 nghìn mét khối gỗ. Lực lượng lao động làm nghề rừng mới có 3.700 người trong đó khai thác gỗ chỉ có 260 người, cần tăng thêm lao động cho lâm nghiệp. Chúng tôi chủ trương phát triển nghề rừng theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, coi trọng tất cả các khâu trồng rừng, tu bổ, cải tạo, tái sinh, bảo vệ và khai thác rừng. Chúng tôi mở rộng các xưởng cưa xẻ Cam-ranh, Lương-sơn, Tuy-hòa. Các huyện cùng Ty lâm nghiệp tiến hành quy hoạch giao rừng và đất rừng cho các xã để quản lý rừng tốt hơn, ban hành nội quy bảo vệ rừng, xây dựng các cơ sở định canh, định cư của đồng bào các dân tộc ở miền núi theo hướng kết hợp sản xuất lâm nghiệp với sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi...

Ba thế mạnh về nông nghiệp, về nghề cá và muối, về nghề rừng có mối quan hệ khăng khít với nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Trong bước đi ban đầu của công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, giải quyết vấn đề lương thực có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Có lương thực đủ ăn và có phần dư trữ khá, mới thực hiện được phân bố lao động cho nghề cá, nghề rừng và các ngành kinh tế khác, mới xây dựng được các vùng sản xuất tập trung chuyên canh cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc trên quy mô lớn. Có một tỷ lệ lao động thích đáng cho nghề cá, làm muối, nghề rừng thì mới khai thác được nhiều «tiền rừng», «bạc biển». Với nguyên liệu từ ruộng đồng, từ rừng xanh, từ biển cả công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp [illegible] sản xuất được nhiều mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Công nghiệp [illegible] cho [illegible] nghề cá và nuôi, nghề rừng để phát triển, đồng thời tác động trở lại và tạo cơ sở ba thế mạnh đó, giải [illegible]

Digitized by Google

ba thế mạnh đó để sản xuất nhiều của cải vật chất cho xã hội. Công nghiệp – cùng với ba thế mạnh đó hợp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất.

Dựa theo quy hoạch phân vùng nông, lâm nghiệp, đến năm 1980, Phú-khánh sẽ có những vùng chuyên canh lớn: vùng lúa 50 nghìn héc-ta, sắn 30 nghìn héc-ta, ngô 30 nghìn héc-ta, bông 10 nghìn héc-ta, dừa 8 nghìn héc-ta, mía 5 nghìn héc-ta... Nằm dài trên 420 ki-lô-mét bờ biển, hầu hết các huyện, thị của Phú-khánh đều có nghề cá phát triển (Nha-trang 25.000 tấn/năm, Cam-ranh 15.000 tấn/năm, Khánh-ninh 11.000 tấn/năm, Đồng-xuân 9.000 tấn/năm, Tuy-an: 4.000 tấn/năm...). Cùng với việc xây dựng thành phố Nha-trang, thị xã Tuy-hòa và các thị trấn khác (Ba-ngòi, Diên-khánh, Ninh-hòa, Vạn-giã, Sông Cầu, La-hai, Chí-thạnh, Phú-lâm, Củng-sơn), thành những trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, những nơi phát triển công nghiệp phục vụ cho ba thế mạnh, Phú-khánh sẽ có nhiều điều kiện xây dựng những địa bàn huyện, thị có cơ cấu kinh tế nông—ngư—công nghiệp hoặc nông—lâm—công nghiệp, ngoài ra còn có khả năng phát triển công nghiệp du lịch.

Tóm lại, đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Phú-khánh phải giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và tích lũy bằng nghề biển, nghề rừng. Trên cơ sở phát huy ba thế mạnh, Phú-khánh xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, nhằm cùng một lúc làm hai nhiệm vụ vừa cơ bản vừa cấp bách là: *Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.*

LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHÁT HUY BA THẾ MẠNH CỦA PHÚ-KHÁNH?

Những thành tích về kinh tế đạt được trong hai năm qua ở Phú-khánh là to lớn nhưng chưa tương xứng với khả năng, thuận lợi và tiềm lực của địa phương. Nguyên nhân chính là do chúng tôi chưa phát động được một phong trào cách mạng của quần chúng với khí thế sôi nổi trong toàn tỉnh, với một tinh thần làm chủ tập thể cao, đi vào sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Nếu hàng chục vạn công nhân, nông dân, ngư dân, những người đã đổ nhiều mồ hôi, xương máu đi theo Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ, nay nhận thức rõ mình là những người làm chủ thật sự đất nước, thông qua Nhà nước của mình, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì phong trào cách mạng sẽ có những bước phát triển to lớn hơn nữa. Cho nên, để phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh, chúng tôi thấy nhiệm vụ đầu tiên là: *Tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.* Xuất phát từ quan điểm: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chúng tôi thấy cần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa xã hội, về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Quần chúng cần thấy rõ những thuận lợi, khó khăn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiền đồ rực rỡ của đất nước, của Phú-khánh sau những kế hoạch năm năm, cần hiểu và biết sử dụng quyền làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, để tự giác thực hiện nghĩa vụ lao động xây dựng Tổ quốc, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa... Cán bộ cần quan tâm đầy đủ tới quyền lợi, đời sống của quần chúng lao động, xác định rõ mục đích làm cách mạng là vì lợi ích của nhân dân, chấm dứt tệ hống hách, lạm

Digitized by Google

dụng, cửa quyền, thái độ vô trách nhiệm, bàng quan trước khó khăn thắc mắc của nhân dân, khắc phục tư tưởng cầu an, hòa bình, hưởng lạc, tính toán cá nhân, ngại khó, ngại khổ, ngại đi xuống cơ sở lăn lộn với phong trào; cần phải có thái độ xử lý thích đáng đối với những cán bộ vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể đòi hỏi phải xây dựng tốt hệ thống chuyên chính vô sản bao gồm tổ chức Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Trước mắt, cần gấp rút xây dựng chính quyền cách mạng các cấp từ tỉnh đến cơ sở, trước hết là ở cơ sở, đưa những phần tử ưu tú của quần chúng vào bộ máy chính quyền. Cần tổ chức những đợt cán bộ tự phê bình trước quần chúng, phát động tư tưởng làm chủ tập thể của quần chúng, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Cần đề cao cảnh giác, không một phút lơ là với âm mưu thâm độc của đế quốc, tích cực truy quét bọn phản động, kịp thời phát hiện và làm tan rã các tổ chức địch mới nhen nhóm, đập tan các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu chủ nghĩa xã hội, phát động quần chúng nêu cao tinh thần làm chủ xây dựng thôn, xã an toàn, huyện an toàn, tỉnh an toàn...

Để phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh, chúng tôi thấy cần tiến hành *cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, nhằm nhanh chóng xóa bỏ chế độ người bóc lột người, thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống nhân dân và góp phần tích lũy cho Nhà nước. Chúng tôi phấn đấu đến năm 1980 hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đối với ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp thì căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong hai năm 1977 — 1978. Chúng tôi thấy cần phải nắm vững phương châm kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng mà xây dựng là chủ yếu; trong khi tiến hành cải tạo, tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đối với nông nghiệp, chúng tôi một mặt tiến hành tích cực và khẩn trương công tác chuẩn bị: củng cố tổ chức cơ sở nhất là chi bộ và nông hội, kiện toàn cấp huyện, đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, và mặt khác tuyên truyền giải thích sâu rộng trong nông dân về con đường làm ăn tập thể và đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, giáo dục mục đích, ý nghĩa, nội dung của hợp tác hóa nông nghiệp, ngăn ngừa những lệch lạc, vạch trần những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của bọn phá hoại làm ảnh hưởng đến sản xuất và chăn nuôi. Chúng tôi chủ trương mỗi huyện làm thí điểm một vài hợp tác xã sản xuất nông nghiệp rồi sau đó mới mở rộng ra toàn huyện; củng cố 2 nông trường đã có, xây dựng thêm 2 nông trường mới ở Bến Khế, Sông Ba...

Đối với ngư nghiệp, chúng tôi xác lập rõ mối quan hệ giữa Nhà nước với ngư dân, giúp ngư dân thoát khỏi mọi sự bóc lột; tuyên truyền, giải thích đưa ngư dân vào con đường làm ăn tập thể, xây dựng các bến cá quốc doanh của tỉnh, huyện thật sự là đơn vị kinh doanh, hạch toán..., nhanh chóng cải tạo « nậu », « vựa », tổ chức lại những người mua bán cá. Chúng tôi tổ chức hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất theo từng ngành nghề, trước hết nhằm những ngành nghề lớn như giã cào, lưới đáng... thông qua tổ chức mà tiến hành giáo dục, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa xã hội và tiến hành cải tạo đồng bộ cả đánh bắt, chế biến và lưu thông phân phối cá, phát triển quốc doanh mạnh, trong hai năm, phát triển quốc

Digitized by Google

doanh sản xuất muối, và tổ chức hợp tác xã sản xuất muối.

Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng là cần thiết để phát huy ba thế mạnh. Muốn khuyến khích sản xuất, chúng tôi còn thấy cần phải thực hiện tốt một số chính sách kinh tế như: tín dụng, giá cả, cung cấp vật tư và lương thực, thuế... Đối với số cán bộ công nhân kỹ thuật ở vùng mới giải phóng, cần mạnh dạn sử dụng, tạo điều kiện cho họ tiến bộ, giáo dục họ góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh, chúng tôi cần *ra sức xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng trong giai đoạn mới*. Đảng bộ Phú-khánh có một số đặc điểm. Trải qua chiến tranh lâu dài ác liệt, đảng viên hy sinh nhiều, số người mới được kết nạp vào Đảng không bù kịp số người đã hy sinh; nhiều thôn, xã không có cơ sở Đảng. Hiện nay, tuy hầu hết các xã, phường mới giải phóng đều có chi bộ, nhưng số đông đảng viên không phải từ phong trào lên mà từ các nơi khác điều đến, chưa nắm chắc tình hình của địa phương. Tỷ lệ đảng viên hiện nay so với số dân nói chung còn thấp. Cán bộ thiếu, yếu, phân bố chưa cân đối giữa các ngành, các cấp, phần lớn tập trung ở tỉnh. Số đông cán bộ lãnh đạo chỉ đạo hiện nay trên 50 tuổi, sức khỏe yếu, cán bộ trẻ còn ít và chưa được bồi dưỡng...

Cho nên, chúng tôi chủ trương hết sức tăng cường công tác tư tưởng và chăm lo xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, đặc biệt ở xã, phường mới giải phóng. Trước mắt, chú trọng phát triển Đảng, coi công tác phát triển Đảng là nhiệm vụ thường xuyên của chi bộ. Qua phong trào cách mạng của quần chúng, phát hiện những người ưu tú đủ tiêu chuẩn, bồi dưỡng, giáo dục để kết nạp vào Đảng.

Công tác cán bộ cần được coi trọng: tăng cường cấp huyện, huyện ủy phải đủ sức lãnh đạo tổ chức lại sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân trong huyện; ra sức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, mạnh cả về số lượng và chất lượng, kiên quyết sắp xếp đưa cán bộ đi học các lớp lý luận và các lớp nghiệp vụ, gấp rút đào tạo bổ sung cán bộ mới, trẻ, xuất thân từ công nhân, nông dân lao động và trí thức xã hội chủ nghĩa, chú ý đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc ít người, cán bộ nữ, kiên quyết sắp xếp lại cho hợp lý những cán bộ mà phẩm chất chính trị và năng lực công tác không tương xứng với trách nhiệm... Trong hai năm tới, chúng tôi phấn đấu hoàn thành đào tạo cán bộ hợp tác hoa nông nghiệp và có cán bộ để phát triển kinh tế, văn hóa, mạnh dạn chọn số cán bộ đang học bổ túc văn hóa và nam nữ thanh niên xuất thân từ thành phần lao động, lý lịch rõ ràng, được rèn luyện trong phong trào, để đào tạo thành cán bộ...

Để phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh, để thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ tỉnh, chúng tôi thấy phải có một sự chuyển hướng mạnh mẽ về tư tưởng và nhận thức, thấy rõ tính chất gay go và phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay nhằm giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, đồng thời *coi trọng công tác tổ chức, thực tiễn, đi sâu vào công tác tổ chức quần chúng và quản lý, đề ra những biện pháp thực hiện đúng đắn sát với tình hình*. Trước hết làm tốt công tác vận động quần chúng, xây dựng thực lực chính trị ở cơ sở. Đây là biện pháp có ý nghĩa chiến lược quan

Digitized by Google

trọng để biến mọi đường lối, chủ trương của Đảng, mọi kế hoạch, chỉ tiêu đã đề ra thành hiện thực. Giáo dục cho quần chúng về quan điểm lao động: lao động với tư cách là người làm chủ đất nước, lao động vì lợi ích chung của xã hội «mình vì mọi người, mọi người vì mình»; lao động có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao. Từ đó, phát động quần chúng thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cán bộ tỉnh, huyện đi sát cơ sở, xây dựng đơn vị cơ sở, nâng cao tinh thần trách nhiệm, quan tâm đến đời sống của quần chúng. Một trong những kinh nghiệm của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ là khi gặp khó khăn, nơi nào bám chặt đường lối, chủ trương của Đảng, dựa vào quần chúng, nắm vững đơn vị cơ sở, tổ chức và động viên quần chúng phát huy tinh thần cách mạng tiến công, thì giành được thắng lợi. Đơn vị tiến công là cơ sở, là xã thôn, phường khóm. Xây dựng xã thôn, phường khóm chính là xây dựng nền tảng cho việc xây dựng địa bàn huyện. Lực lượng có khi thể tiến công mạnh hơn cả là nam nữ thanh niên. Thanh niên vừa là lực lượng quan trọng làm kinh tế để phát hay là thế mạnh vừa là lực lượng quân sự, chính trị, khoa học, kỹ thuật. Cho nên, *phải đầu tư vào xây dựng cơ sở*. Cần có sự nhất trí cao của toàn Đảng bộ, của các ngành để phát huy được sức mạnh tổng hợp, có những biện pháp tổng hợp, cùng nhau xây dựng các đơn vị cơ sở vững mạnh. Chúng tôi cần làm cho cơ sở luôn luôn ở tư thế tiến công, và dấy lên những phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, muốn phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh, chúng tôi phải làm tốt công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức. Cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhằm giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra trong mọi lĩnh vực. Kẻ thù còn nhiều âm mưu thâm độc. Chúng tôi cần phải luôn đề cao cảnh giác, quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công. Với đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng, với một công tác tổ chức thực hiện có hiệu lực, chúng tôi tin rằng có thể phát huy được sức mạnh «dời non, lấp biển» của quần chúng nhân dân trong tỉnh, đưa Phú-khánh tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC «KẾT HỢP QUẢN LÝ THEO NGÀNH VỚI QUẢN LÝ THEO ĐỊA PHƯƠNG VÀ VÙNG LÃNH THỔ» TRONG QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NGHỀ RỪNG

HOÀNG-BỬU-ĐÔN

TRONG sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, rừng và nghề rừng có vị trí và tác dụng rất quan trọng. Nghị quyết đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: «*Phát triển lâm nghiệp* theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Coi trọng tất cả các khâu: trồng rừng, tu bổ, bảo vệ rừng và khai thác rừng, phủ kín các đồi trọc và đồi cát ven biển trong khoảng vài ba kế hoạch 5 năm; xây dựng những khu rừng trồng tập trung cho nhu cầu công nghiệp và rừng cây đặc sản theo hướng chuyên môn hóa và thâm canh...». Nghị quyết còn vạch ra các nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể của nghề rừng trong kế hoạch 5 năm lần thứ 2, trong đó phải trồng mới 1,2 triệu ha và khai thác đạt sản lượng 3,5 triệu mét khối gỗ trong năm 1980.

Để thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu to lớn đó, cần có sự chuyển biến mạnh mẽ về tổ chức và quản lý nghề rừng. Quá trình xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế lâm nghiệp đòi hỏi phải vận dụng đúng nguyên tắc «kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ» vào hoàn cảnh và đặc điểm cụ thể của rừng và nghề rừng nước ta. Đây là một nguyên tắc có ý nghĩa và tầm quan trọng lớn lao. Có nắm vững nguyên tắc này thì mới phát huy được hiệu lực của hệ thống quản lý, kinh doanh lâm nghiệp, đồng thời phát huy đầy đủ năng lực to lớn của toàn dân, xây dựng và phát triển nghề rừng nước ta sớm *trở thành ngành kinh tế quan trọng*.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC «KẾT HỢP QUẢN LÝ THEO NGÀNH VỚI QUẢN LÝ THEO ĐỊA PHƯƠNG VÀ VÙNG LÃNH THỔ» ĐỐI VỚI NGÀNH LÂM NGHIỆP

Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ là một trong những nguyên tắc cơ bản của việc quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đối với ngành lâm nghiệp, *do những đặc điểm của*

Digitized by Google

rừng và sản xuất lâm nghiệp, nguyên tắc này càng có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt.

Rừng và đất rừng thuộc chế độ sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, kinh doanh để phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội. Trong phạm vi cả nước, rừng và đất rừng là một *thể thống nhất hoàn chỉnh* hình thành *lâm phận quốc gia*, cần được quản lý, kinh doanh theo quy hoạch và kế hoạch chung của Nhà nước nhằm đạt được những mục tiêu chung trước mắt và lâu dài của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nhưng, rừng và đất rừng lại được *phân bố trên từng địa phương và vùng lãnh thổ*, có những điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội khác nhau, yêu cầu phải có sự tham gia bảo vệ, xây dựng của toàn dân. Do đó, Nhà nước quy định trách nhiệm và quyền hạn của các địa phương trong việc quản lý rừng để mỗi địa phương có thể vận dụng phương hướng kinh doanh chung vào việc phát triển nghề rừng ở địa phương mình một cách chủ động, sáng tạo, nhằm phát huy khả năng tiềm tàng của địa phương, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nghề rừng của cả nước. Nếu không kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ thì không phát triển được nghề rừng phù hợp với điều kiện kinh tế – tự nhiên – xã hội của từng khu vực lãnh thổ và cũng không xây dựng được một cơ cấu sản xuất nghề rừng hợp lý trong cả nước.

Tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nghề rừng có khả năng thu hút ngày càng nhiều lao động, *thúc đẩy quá trình phân công lại lao động xã hội*. Quá trình này được thực hiện trước hết ở từng địa phương, đồng thời diễn ra trên quy mô cả nước, cho nên đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa trung ương và địa phương, giữa ngành và các cấp. Ở các địa phương có rừng, có huy động và tổ chức được đông đảo nhân dân tham gia bảo vệ và đẩy mạnh nghề rừng, thì mới tạo ra được nhiều ngành nghề, củng cố và phát triển hợp tác xã, nâng cao đời sống của xã viên, đồng thời tăng thêm sản phẩm của xã hội, phát triển mạnh mẽ kinh tế địa phương.

Khác với nông nghiệp và công nghiệp, nghề rừng có *chu kỳ sản xuất và tái sản xuất dài*; từ giai đoạn gây trồng rừng đến giai đoạn rừng thành thục đạt mục đích sử dụng là cả một quá trình bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng liên tục và lâu dài hàng chục, thậm chí cả trăm năm. Nghề rừng theo khái niệm rộng là quá trình sản xuất từ nuôi trồng, khai thác, chế biến những sản phẩm thu hoạch từ rừng thành những sản phẩm có giá trị sử dụng cao, cung cấp cho nhu cầu của nền kinh tế quốc dân. Trong cả quá trình sản xuất và tái sản xuất theo một chu trình khép kín và lâu dài đó, đòi hỏi có sự phân công hợp lý giữa trung ương và địa phương, có sự phân cấp hợp lý giữa ngành và cấp để vừa phát huy được mọi lực lượng sản xuất hiện có, vừa thực hiện nhanh chóng quá trình tập trung sản xuất, áp dụng kỹ thuật hiện đại nhằm từng bước đưa nghề rừng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Ngoài chức năng *cung cấp* những sản phẩm cần thiết cho công cuộc xây dựng kinh tế, tăng cường quốc phòng, nâng cao đời sống nhân dân, rừng còn có chức năng rất quan trọng là *phòng hộ*, bảo vệ môi trường và phục vụ nhu cầu văn hóa, xã hội. Yêu cầu này vừa đặt ra rất cụ thể cho từng địa phương đồng thời có liên quan đến nhiều vùng trong cả nước "ảnh hưởng đến sự sống còn của quốc gia, dân tộc". Vì vậy việc quy hoạch sử dụng rừng và đất rừng trước hết phải xuất phát từ yêu cầu toàn quốc, toàn diện, lâu dài và có quy hoạch, kế hoạch thống nhất trên phạm vi cả nước; đồng thời có quy hoạch, kế hoạch cụ thể phù hợp với yêu cầu

Digitized by Google

các khu đồn dân khi trở về làng cũ, gặp rất nhiều khó khăn, hơn 9 vạn đồng bào ở thành thị thất nghiệp. Cây bông là cây có truyền thống ở địa phương bị mất giống. Đàn bò hàng vạn con bị dịch bản giết phần lớn.

Trước tình hình như vậy, Tỉnh ủy chúng tôi đã đặc biệt quan tâm vấn đề sản xuất nông nghiệp mà trọng tâm là sản xuất lương thực, đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi, thâm canh, tăng vụ, phục hóa khai hoang, mở rộng diện tích, tăng cường chỉ đạo các huyện trọng điểm lúa và đẩy mạnh phát triển trồng màu. Năm 1976, đã khai hoang 12.500 héc-ta, đưa vào sản xuất 8.800 héc-ta, đưa diện tích gieo trồng lên 114.000 héc-ta, thu hút thêm 3 vạn người vào sản xuất nông nghiệp, trong đó có 12.500 lao động ở thị xã. Tổng sản lượng lương thực quy thóc thu được 243.000 tấn, tăng hơn năm 1975 34,2%. Trên diện tích lúa 2 vụ, năng suất bình quân toàn tỉnh là 5,5 tấn/ha/năm, có 7 xã đạt trên 7 tấn ha/năm. Như vậy, Phú-khánh đã giải quyết được một bước vấn đề lương thực, đời sống nhân dân ở một số vùng được cải thiện hơn trước.

Tuy còn nhiều khó khăn và nhược điểm nhưng Phú-khánh vẫn tiếp tục phát huy thế mạnh về nông nghiệp, phấn đấu đến năm 1980, đạt những chỉ tiêu sau đây: 135 nghìn héc-ta đất canh tác, 220 nghìn héc-ta đất gieo trồng, trong đó có 10 nghìn héc-ta bông; tổng sản lượng lương thực quy thóc là 520.000 tấn, bình quân mức ăn đầu người: 400 kg năm; 10 nghìn tấn bông; 400 nghìn lợn; 177 nghìn trâu bò. Chúng tôi chủ trương phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, cả trồng trọt và chăn nuôi, coi trọng cả 3 mặt: thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích, tập trung đầu tư và phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi, đẩy mạnh làm phân chuồng, phân xanh, phân bắc, nghiên cứu nhân giống bèo hoa dâu v.v... Xây dựng hệ thống giống cho toàn tỉnh, lấy Tuy-hòa làm trung tâm nghiên cứu chọn và cung cấp giống lúa có năng suất cao; Đồng-xuân làm trung tâm chọn giống dừa; Tuy-an làm trung tâm chọn giống bông. Về cây lương thực, coi trọng cả lúa và màu, tập trung phát triển cây sắn, ngô, khoai lang; phát triển cây có dầu nhất là cây dừa trên diện tích lớn; hình thành vùng đai rau quanh thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp. Về cây công nghiệp, đặc biệt coi trọng cây bông, hình thành các vùng cây ăn quả, chú ý phát triển cây thơm (dứa), cây mít. Về chăn nuôi, tận dụng và phát huy nguồn thức ăn gia súc tương đối dồi dào ở trong tỉnh (đồng cỏ, sắn, ngô, khoai, xác mắm, cá, cám, bèo...), phát triển mạnh chăn nuôi lợn và bò. Các khu kinh tế mới đã có sẽ được củng cố; mở thêm một số khu kinh tế mới khác; theo hướng kết hợp nông — lâm — công nghiệp, kết hợp nông trường với hợp tác xã, kết hợp khai hoang trồng rừng với định canh, định cư...

Về nghề cá và nghề muối, với bờ biển dài 420 ki-lô-mét, có nhiều cá vịnh, đầm đìa thuận lợi cho việc nuôi trồng hải sản, Phú-khánh có khả năng hằng năm đánh bắt từ 9 vạn đến 10 vạn tấn cá. Tàu thuyền có 8.778 chiếc (thuyền máy 6.305 chiếc). Phần lớn thuyền máy thuộc cỡ nhỏ từ 2 đến 10 sức ngựa (4 981 chiếc), cho nên chủ yếu đánh bắt cá ở trong lộng, không ra khơi xa được. Năm 1976, mặc dù có khó khăn về nhiên liệu, cả tỉnh đã đánh bắt được 53.400 tấn cá xuất khẩu 210 tấn cá tôm đông lạnh, sản xuất 12 triệu lít nước mắm. Năm 1977, chúng tôi phấn đấu nâng tổng sản lượng khai thác hải sản lên 65.000 tấn, chế biến 800 tấn tôm, cá, mực đông lạnh, 12,2 triệu lít nước mắm, 2.900 tấn cá khô, thu mua 4 vạn tấn hải sản (kể cả sản phẩm chế biến). Theo kế

Digitized by Google

hoạch đến năm 1980 sẽ có 90 nghìn tấn cá, 16 triệu lít nước mắm, 3.000 tấn hải sản đông lạnh xuất khẩu.

Phú-khánh có 5 khu vực ruộng muối, nếu khai thác hết, mỗi năm có thể thu được từ 150 đến 200 nghìn tấn muối. Năm 1976, sản xuất 43 nghìn tấn muối; năm 1977, nâng lên 60 nghìn tấn. Đến năm 1980 chỉ tiêu phải đạt là 150 nghìn tấn.

Chúng tôi chủ trương phát triển đánh bắt, nuôi thủy sản ở các vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt, đây là hướng tích lũy quan trọng của tỉnh. Chúng tôi tiến hành xây dựng các bến cá quốc doanh của tỉnh và của huyện thật sự là đơn vị kinh doanh, hạch toán, là nơi cung cấp vật tư cho các tổ chức sản xuất, đảm bảo thu mua phần lớn sản phẩm hải sản, tăng nhanh lực lượng chế biến hải sản quốc doanh, thành lập đội tàu đánh cá quốc doanh, phát triển đánh cá khơi. Hiện nay, cả tỉnh mới có 2,5 vạn lao động đánh cá và làm muối, cần tăng thêm lao động cho ngành này. Đến cuối năm 1977, sẽ sử dụng một phần quan trọng diện tích ao đìa, hồ chứa, một phần sông cụt và đầm (như đầm Ô-loan, Thủy-triều, Nha-phu) vào nuôi trồng, phát triển nuôi cá nước lợ, nước ngọt. Diện tích ruộng muối được mở rộng, xây dựng quốc doanh sản xuất muối Hòn-khói, mở các cơ sở quốc doanh sản xuất muối ở huyện, thành lập các hợp tác xã làm muối...

Về nghề rừng, Phú-khánh có diện tích rừng 365 nghìn héc-ta với trữ lượng gỗ 39 triệu mét khối, có khả năng khai thác 18 triệu mét khối. Rừng có nhiều gỗ quý có giá trị xuất khẩu như gỗ cẩm lai, giáng hương... Chúng tôi đã tổ chức phong trào nhân dân trồng rừng, đưa diện tích rừng trồng từ 2.900 héc-ta năm 1976 lên 8.200 héc-ta năm 1977. Năm 1977, khoanh nuôi rừng 15 nghìn héc-ta, tu bổ rừng 6.000 héc-ta, khai thác 35 nghìn mét khối gỗ tròn, 20 nghìn xi-te củi, chế biến 16 nghìn mét khối trong đó có 2.500 mét khối ván sàn xuất khẩu. Chỉ tiêu đề ra cho năm 1980 là trồng 14.000 héc-ta rừng, khai thác 80 nghìn mét khối gỗ. Lực lượng lao động làm nghề rừng mới có 3.700 người trong đó khai thác gỗ chỉ có 260 người, cần tăng thêm lao động cho lâm nghiệp. Chúng tôi chủ trương phát triển nghề rừng theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, coi trọng tất cả các khâu trồng rừng, tu bổ, cải tạo, tái sinh, bảo vệ và khai thác rừng. Chúng tôi mở rộng các xưởng cưa xẻ Cam-ranh, Lương-sơn, Tuy-hòa. Các huyện cùng Ty lâm nghiệp tiến hành quy hoạch giao rừng và đất rừng cho các xã để quản lý rừng tốt hơn, ban hành nội quy bảo vệ rừng, xây dựng các cơ sở định canh, định cư của đồng bào các dân tộc ở miền núi theo hướng kết hợp sản xuất lâm nghiệp với sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi...

Ba thế mạnh về nông nghiệp, về nghề cá và muối, về nghề rừng có mối quan hệ khăng khít với nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Trong bước đi ban đầu của công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, giải quyết vấn đề lương thực có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Có lương thực đủ ăn và có phần dự trữ khá, mới thực hiện được phân bố lao động cho nghề cá, nghề rừng và các ngành kinh tế khác, mới xây dựng được các vùng sản xuất tập trung chuyên canh cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc trên quy mô lớn. Có một tỷ lệ lao động thích đáng cho nghề cá, làm muối, nghề rừng thì mới khai thác được nhiều « tiền rừng », « bạc biển » Với nguyên liệu từ ruộng đồng, từ rừng xanh, từ biển cả, công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp mới sản xuất được nhiều mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Công nghiệp dựa vào ba thế mạnh của nông nghiệp, nghề cá và muối, nghề rừng để phát triển, đồng thời tác động trở lại và thúc đẩy ba thế mạnh đó, phát huy

Digitized by Google

ba thế mạnh đó để sản xuất nhiều của cải vật chất cho xã hội. Công nghiệp – cùng với ba thế mạnh đó hợp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất.

Dựa theo quy hoạch phân vùng nông, lâm nghiệp, đến năm 1980, Phú-khánh sẽ có những vùng chuyên canh lớn: vùng lúa 50 nghìn héc-ta, sắn 30 nghìn héc-ta, ngô 30 nghìn héc-ta, bông 10 nghìn héc-ta, dừa 8 nghìn héc-ta, mía 5 nghìn héc-ta... Nằm dài trên 420 ki-lô-mét bờ biển, hầu hết các huyện, thị của Phú-khánh đều có nghề cá phát triển (Nha-trang 25.000 tấn/năm, Cam-ranh 15.000 tấn/năm, Khánh-ninh 11.000 tấn/năm, Đồng-xuân 9.000 tấn/năm, Tuy-an: 4.000 tấn/năm...). Cùng với việc xây dựng thành phố Nha-trang, thị xã Tuy-hòa và các thị trấn khác (Ba-ngòi, Diên-khánh, Ninh-hòa, Vạn-giã, Sông Cầu, La-hai, Chí-thạnh, Phú-lâm, Củng-sơn), thành những trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, những nơi phát triển công nghiệp phục vụ cho ba thế mạnh. Phú-khánh sẽ có nhiều điều kiện xây dựng những địa bàn huyện, thị có cơ cấu kinh tế nông—ngư—công nghiệp hoặc nông—lâm—công nghiệp, ngoài ra còn có khả năng phát triển công nghiệp du lịch.

Tóm lại, đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Phú-khánh phải giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và tích lũy bằng nghề biển, nghề rừng. Trên cơ sở phát huy ba thế mạnh, Phú-khánh xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, nhằm cùng một lúc làm hai nhiệm vụ vừa cơ bản vừa cấp bách là: *Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.*

LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHÁT HUY BA THẾ MẠNH CỦA PHÚ-KHÁNH ?

Những thành tích về kinh tế đạt được trong hai năm qua ở Phú-khánh là to lớn nhưng chưa tương xứng với khả năng, thuận lợi và tiềm lực của địa phương. Nguyên nhân chính là do chúng tôi chưa phát động được một phong trào cách mạng của quần chúng với khí thế sôi nổi trong toàn tỉnh, với một tinh thần làm chủ tập thể cao, đi vào sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Nếu hàng chục vạn công nhân, nông dân, ngư dân, những người đã đổ nhiều mồ hôi, xương máu đi theo Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ, nay nhận thức rõ mình là những người làm chủ thật sự đất nước, thông qua Nhà nước của mình, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì phong trào cách mạng sẽ có những bước phát triển to lớn hơn nữa. Cho nên, để phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh, chúng tôi thấy nhiệm vụ đầu tiên là: *Tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.* Xuất phát từ quan điểm: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chúng tôi thấy cần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa xã hội, về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Quần chúng cần thấy rõ những thuận lợi, khó khăn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiền đồ rực rỡ của đất nước, của Phú-khánh sau những kế hoạch năm năm, cần hiểu và biết sử dụng quyền làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, để tự giác thực hiện nghĩa vụ lao động xây dựng Tổ quốc, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa... Cán bộ cần quan tâm đầy đủ tới quyền lợi, đời sống của quần chúng lao động, xác định rõ mục đích làm cách mạng là vì lợi ích của nhân dân, chấm dứt tệ hống hách, lạm

Digitized by Google

dụng, cửa quyền, thái độ vô trách nhiệm, bàng quan trước khó khăn thắc mắc của nhân dân, khắc phục tư tưởng cầu an, hòa bình, hưởng lạc, tính toán cá nhân, ngại khó, ngại khổ, ngại đi xuống cơ sở lăn lộn với phong trào; cần phải có thái độ xử lý thích đáng đối với những cán bộ vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể đòi hỏi phải xây dựng tốt hệ thống chuyên chính vô sản bao gồm tổ chức Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Trước mắt, cần gấp rút xây dựng chính quyền cách mạng các cấp từ tỉnh đến cơ sở, trước hết là ở cơ sở, đưa những phần tử ưu tú của quần chúng vào bộ máy chính quyền. Cần tổ chức những đợt cán bộ tự phê bình trước quần chúng, phát động tư tưởng làm chủ tập thể của quần chúng, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Cần đề cao cảnh giác, không một phút lơ là với âm mưu thâm độc của đế quốc, tích cực truy quét bọn phản động, kịp thời phát hiện và làm tan rã các tổ chức địch mới nhen nhóm, đập tan các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu chủ nghĩa xã hội, phát động quần chúng nêu cao tinh thần làm chủ xây dựng thôn, xã an toàn, huyện an toàn, tỉnh an toàn...

Để phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh, chúng tôi thấy cần tiến hành *cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, nhằm nhanh chóng xóa bỏ chế độ người bóc lột người, thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống nhân dân và góp phần tích lũy cho Nhà nước. Chúng tôi phấn đấu đến năm 1980 hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Đối với ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp thì căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong hai năm 1977 — 1978. Chúng tôi thấy cần phải nắm vững phương châm kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng mà xây dựng là chủ yếu; trong khi tiến hành cải tạo, tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đối với nông nghiệp, chúng tôi một mặt tiến hành tích cực và khẩn trương công tác chuẩn bị: củng cố tổ chức cơ sở nhất là chi bộ và nông hội, kiện toàn cấp huyện, đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, và mặt khác tuyên truyền giải thích sâu rộng trong nông dân về con đường làm ăn tập thể và đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, giáo dục mục đích, ý nghĩa, nội dung của hợp tác hóa nông nghiệp, ngăn ngừa những lệch lạc, vạch trần những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của bọn phá hoại làm ảnh hưởng đến sản xuất và chăn nuôi. Chúng tôi chủ trương mỗi huyện làm thí điểm một vài hợp tác xã sản xuất nông nghiệp rồi sau đó mới mở rộng ra toàn huyện; củng cố 2 nông trường đã có, xây dựng thêm 2 nông trường mới ở Bến Khế, Sông Ba...

Đối với ngư nghiệp, chúng tôi xác lập rõ mối quan hệ giữa Nhà nước với ngư dân, giúp ngư dân thoát khỏi mọi sự bóc lột: tuyên truyền, giải thích đưa ngư dân vào con đường làm ăn tập thể, xây dựng các bến cá quốc doanh của tỉnh, huyện thật sự là đơn vị kinh doanh, hạch toán..., nhanh chóng cải tạo « nậu », « vựa », tổ chức lại những người mua bán cá. Chúng tôi tổ chức hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất theo từng ngành nghề, trước hết nhằm những ngành nghề lớn như giã cào, lưới dặng..., thông qua tổ chức mà tiến hành giáo dục, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa xã hội và tiến hành cải tạo dồng bộ cả đánh bắt, chế biến và lưu thông phân phối cá, phát triển quốc doanh nuôi, trồng hải sản, phát triển quốc

Digitized by Google

doanh sản xuất muối, và tổ chức hợp tác xã sản xuất muối.

Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng là cần thiết để phát huy ba thế mạnh. Muốn khuyến khích sản xuất, chúng tôi còn thấy cần phải thực hiện tốt một số chính sách kinh tế như: tín dụng, giá cả, cung cấp vật tư và lương thực, thuế... Đối với số cán bộ công nhân kỹ thuật ở vùng mới giải phóng, cần mạnh dạn sử dụng, tạo điều kiện cho họ tiến bộ, giáo dục họ góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh, chúng tôi cần *ra sức xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng trong giai đoạn mới.* Đảng bộ Phú-khánh có một số đặc điểm. Trải qua chiến tranh lâu dài ác liệt, đảng viên hy sinh nhiều, số người mới được kết nạp vào Đảng không bù kịp số người đã hy sinh; nhiều thôn, xã không có cơ sở Đảng. Hiện nay, tuy hầu hết các xã, phường mới giải phóng đều có chi bộ, nhưng số đông đảng viên không phải từ phong trào lên mà từ các nơi khác điều đến, chưa nắm chắc tình hình của địa phương. Tỷ lệ đảng viên hiện nay so với số dân nói chung còn thấp. Cán bộ thiếu, yếu, phân bổ chưa cân đối giữa các ngành, các cấp, phần lớn tập trung ở tỉnh. Số đông cán bộ lãnh đạo chỉ đạo hiện nay trên 50 tuổi, sức khỏe yếu, cán bộ trẻ còn ít và chậm được bồi dưỡng...

Cho nên, chúng tôi chủ trương hết sức tăng cường công tác tư tưởng và chăm lo xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, đặc biệt ở xã, phường mới giải phóng. Trước mắt, chú trọng phát triển Đảng, coi công tác phát triển Đảng là nhiệm vụ thường xuyên của chi bộ. Qua phong trào cách mạng của quần chúng, phát hiện những người ưu tú đủ tiêu chuẩn, bồi dưỡng, giáo dục để kết nạp vào Đảng.

Công tác cán bộ cần được coi trọng: tăng cường cấp huyện, huyện ủy phải đủ sức lãnh đạo tổ chức lại sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân trong huyện; ra sức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, mạnh cả về số lượng và chất lượng, kiên quyết sắp xếp đưa cán bộ đi học các lớp lý luận và các lớp nghiệp vụ, gấp rút đào tạo bổ sung cán bộ mới, trẻ, xuất thân từ công nhân, nông dân lao động và trí thức xã hội chủ nghĩa, chú ý đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc ít người, cán bộ nữ, kiên quyết sắp xếp lại cho hợp lý những cán bộ mà phẩm chất chính trị và năng lực công tác không tương xứng với trách nhiệm... Trong hai năm tới, chúng tôi phấn đấu hoàn thành đào tạo cán bộ hợp tác hoa nông nghiệp và có cán bộ để phát triển kinh tế, văn hóa, mạnh dạn chọn số cán bộ đang học bổ túc văn hóa và nam nữ thanh niên xuất thân từ thành phần lao động, lý lịch rõ ràng, được rèn luyện trong phong trào, để đào tạo thành cán bộ...

Để phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh, để thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ tỉnh, chúng tôi thấy phải có một sự chuyển hướng mạnh mẽ về tư tưởng và nhận thức, thấy rõ tính chất gay go và phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay nhằm giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đồng thời *coi trọng công tác tổ chức, thực tiễn, đi sâu vào công tác tổ chức quần chúng và quản lý, đề ra những biện pháp thực hiện đúng đắn sát với tình hình.* Trước hết làm tốt công tác vận động quần chúng, xây dựng thực lực chính trị ở cơ sở. Đây là biện pháp có ý nghĩa chiến lược quan

Digitized by Google

trọng để biến mọi đường lối, chủ trương của Đảng, mọi kế hoạch, chỉ tiêu đã đề ra thành hiện thực. Giáo dục cho quần chúng về quan điểm lao động: lao động với tư cách là người làm chủ đất nước, lao động vì lợi ích chung của xã hội «mình vì mọi người, mọi người vì mình»; lao động có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao. Từ đó, phát động quần chúng thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cán bộ tỉnh, huyện đi sát cơ sở, xây dựng đơn vị cơ sở, nâng cao tinh thần trách nhiệm, quan tâm đến đời sống của quần chúng. Một trong những kinh nghiệm của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ là khi gặp khó khăn, nơi nào bám chặt đường lối, chủ trương của Đảng, dựa vào quần chúng, nắm vững đơn vị cơ sở, tổ chức và động viên quần chúng phát huy tinh thần cách mạng tiến công, thì giành được thắng lợi. Đơn vị tiến công là cơ sở, là xã thôn, phường khóm. Xây dựng xã thôn, phường khóm chính là xây dựng nền tảng cho việc xây dựng địa bàn huyện. Lực lượng có khi thể tiến công mạnh hơn cả là nam nữ thanh niên. Thanh niên vừa là lực lượng quan trọng làm kinh tế để phát huy ba thế mạnh vừa là lực lượng quân sự, chính trị, khoa học, kỹ thuật. Cho nên, *phải đầu tư vào xây dựng cơ sở*. Cần có sự nhất trí cao của toàn Đảng bộ, của các ngành để phát huy được sức mạnh tổng hợp, có những biện pháp tổng hợp, cùng nhau xây dựng các đơn vị cơ sở vững mạnh. Chúng tôi cần làm cho cơ sở luôn luôn ở tư thế tiến công, và dấy lên những phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, muốn phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh, chúng tôi phải làm tốt công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức. Cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhằm giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra trong mọi lĩnh vực. Kẻ thù còn nhiều âm mưu thâm độc. Chúng tôi cần phải luôn đề cao cảnh giác, quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công. Với đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng, với một công tác tổ chức thực tiễn có hiệu lực, chúng tôi tin rằng có thể phát huy được sức mạnh «đời non, lập biển» của quần chúng nhân dân trong tỉnh, đưa Phú-khánh tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC «KẾT HỢP QUẢN LÝ THEO NGÀNH VỚI QUẢN LÝ THEO ĐỊA PHƯƠNG VÀ VÙNG LÃNH THỔ» TRONG QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NGHỀ RỪNG

HOÀNG-BỬU-ĐÔN

TRONG sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, rừng và nghề rừng có vị trí và tác dụng rất quan trọng. Nghị quyết đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: «*Phát triển lâm nghiệp* theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Coi trọng tất cả các khâu: trồng rừng, tu bổ, bảo vệ rừng và khai thác rừng, phủ kín các đồi trọc và đồi cát ven biển trong khoảng vài ba kế hoạch 5 năm; xây dựng những khu rừng trồng tập trung cho nhu cầu công nghiệp và rừng cây đặc sản theo hướng chuyên môn hóa và thâm canh...». Nghị quyết còn vạch ra các nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể của nghề rừng trong kế hoạch 5 năm lần thứ 2, trong đó phải trồng mới 1,2 triệu ha và khai thác đạt sản lượng 3,5 triệu mét khối gỗ trong năm 1980.

Để thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu to lớn đó, cần có sự chuyển biến mạnh mẽ về tổ chức và quản lý nghề rừng. Quá trình xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế lâm nghiệp đòi hỏi phải vận dụng đúng nguyên tắc «kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ» vào hoàn cảnh và đặc điểm cụ thể của rừng và nghề rừng nước ta. Đây là một nguyên tắc có ý nghĩa và tầm quan trọng lớn lao. Có nắm vững nguyên tắc này thì mới phát huy được hiệu lực của hệ thống quản lý, kinh doanh lâm nghiệp, đồng thời phát huy đầy đủ năng lực to lớn của toàn dân, xây dựng và phát triển nghề rừng nước ta sớm *trở thành ngành kinh tế quan trọng*.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC «KẾT HỢP QUẢN LÝ THEO NGÀNH VỚI QUẢN LÝ THEO ĐỊA PHƯƠNG VÀ VÙNG LÃNH THỔ» ĐỐI VỚI NGÀNH LÂM NGHIỆP

Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ là một trong những nguyên tắc cơ bản của việc quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đối với ngành lâm nghiệp, *do những đặc điểm của*

Digitized by Google

rừng và sản xuất lâm nghiệp, nguyên tắc này càng có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt.

Rừng và đất rừng thuộc chế độ sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, kinh doanh để phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội. Trong phạm vi cả nước, rừng và đất rừng là một *thể thống nhất hoàn chỉnh* hình thành *lâm phận quốc gia*, cần được quản lý, kinh doanh theo quy hoạch và kế hoạch chung của Nhà nước nhằm đạt được những mục tiêu chung trước mắt và lâu dài của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nhưng, rừng và đất rừng lại được *phân bố trên từng địa phương và vùng lãnh thổ*, có những điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội khác nhau, yêu cầu phải có sự tham gia bảo vệ, xây dựng của toàn dân. Do đó, Nhà nước quy định trách nhiệm và quyền hạn của các địa phương trong việc quản lý rừng để mỗi địa phương có thể vận dụng phương hướng kinh doanh chung vào việc phát triển nghề rừng ở địa phương mình một cách chủ động, sáng tạo, nhằm phát huy khả năng tiềm tàng của địa phương, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nghề rừng của cả nước. Nếu không kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ thì không phát triển được nghề rừng phù hợp với điều kiện kinh tế — tự nhiên — xã hội của từng khu vực lãnh thổ và cũng không xây dựng được một cơ cấu sản xuất nghề rừng hợp lý trong cả nước.

Tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nghề rừng có khả năng thu hút ngày càng nhiều lao động, *thúc đẩy quá trình phân công lại lao động xã hội*. Quá trình này được thực hiện trước hết ở từng địa phương, đồng thời diễn ra trên quy mô cả nước, cho nên đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa trung ương và địa phương, giữa ngành và các cấp. Ở các địa phương có rừng, có huy động và tổ chức được đông đảo nhân dân tham gia bảo vệ và đẩy mạnh nghề rừng, thì mới tạo ra được nhiều ngành nghề, củng cố và phát triển hợp tác xã, nâng cao đời sống của xã viên, đồng thời tăng thêm sản phẩm của xã hội, phát triển mạnh mẽ kinh tế địa phương.

Khác với nông nghiệp và công nghiệp, nghề rừng có *chu kỳ sản xuất và tái sản xuất dài*; từ giai đoạn gây trồng rừng đến giai đoạn rừng thành thục đạt mục đích sử dụng là cả một quá trình bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng liên tục và lâu dài hàng chục, thậm chí cả trăm năm. Nghề rừng theo khái niệm rộng là quá trình sản xuất từ nuôi trồng, khai thác, chế biến những sản phẩm thu hoạch từ rừng thành những sản phẩm có giá trị sử dụng cao, cung cấp cho nhu cầu của nền kinh tế quốc dân. Trong cả quá trình sản xuất và tái sản xuất theo một chu trình khép kín và lâu dài đó, đòi hỏi có sự phân công hợp lý giữa trung ương và địa phương, có sự phân cấp hợp lý giữa ngành và cấp để vừa phát huy được mọi lực lượng sản xuất hiện có, vừa thực hiện nhanh chóng quá trình tập trung sản xuất, áp dụng kỹ thuật hiện đại nhằm từng bước đưa nghề rừng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Ngoài chức năng *cung cấp* những sản phẩm cần thiết cho công cuộc xây dựng kinh tế, tăng cường quốc phòng, nâng cao đời sống nhân dân, rừng còn có chức năng rất quan trọng là *phòng hộ*, bảo vệ môi trường và phục vụ nhu cầu văn hóa, xã hội. Yêu cầu này vừa đặt ra rất cụ thể cho từng địa phương đồng thời có liên quan đến nhiều vùng trong cả nước, « ảnh hưởng đến sự sống còn của quốc gia, dân tộc ». Vì vậy việc quy hoạch sử dụng rừng và đất rừng trước hết phải xuất phát từ yêu cầu *toàn quốc, toàn diện, lâu dài* và có quy hoạch, kế hoạch thống nhất trên phạm vi cả nước; đồng thời có quy hoạch, kế hoạch cụ thể phù hợp với yêu cầu,

Digitized by Google

đặc điểm của từng địa phương. Bất cứ một sự tùy tiện, phân tán, cục bộ nào trong công tác quản lý, sử dụng rừng đều có hại; ngược lại, một sự quản lý tập trung quan liêu, không sát với tình hình từng địa phương, không phát huy được tính chủ động sáng tạo và mọi khả năng tiềm tàng của các địa phương cũng gây nên những thiệt hại lớn.

Một điều cần chú ý nữa là tuy rừng thuộc chế độ sở hữu toàn dân, gắn liền với lợi ích cả nước, nhưng lại phân bố không đều mà phần lớn tập trung ở miền núi và trung du. Có kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ thì mới *điều phối được lợi ích của toàn xã hội*: vừa giải quyết được nhu cầu lâm sản của các vùng đồng bằng, khu công nghiệp, thành phố, thị xã tập trung đông dân, vừa thúc đẩy kinh tế miền núi và trung du phát triển mạnh mẽ, thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng.

Tóm lại, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ là một nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và quản lý nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa, cần quán triệt và vận dụng đúng đắn trong công tác tổ chức và quản lý nghề rừng.

NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA VIỆC VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC KẾT HỢP QUẢN LÝ THEO NGÀNH VỚI QUẢN LÝ THEO ĐỊA PHƯƠNG VÀ VÙNG LÃNH THỔ TRONG QUẢN LÝ NGHỀ RỪNG

Nhiệm vụ cơ bản lâu dài của nghề rừng nước ta là trên diện tích rừng và đất rừng được Nhà nước quy hoạch, phân bổ (diện tích này khoảng 15,6 triệu héc-ta, chiếm gần 50% lãnh thổ toàn quốc) phải trồng, tu bổ, tái sinh, nuôi dưỡng và bảo vệ, sớm xây dựng nguồn tài nguyên rừng giàu có với trữ lượng, sản lượng và phẩm chất cao làm cơ sở cho công nghiệp chế biến phát triển nhằm đáp ứng ngày càng nhiều lâm sản, đặc sản cho nhu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường quốc phòng, nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời phát huy đầy đủ chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường và mọi tiềm năng quý báu khác của rừng nhiệt đới.

Đây vừa là một nhiệm vụ kinh tế quan trọng vừa là công cuộc đấu tranh phòng chống thiên tai có quy mô rộng lớn, lâu dài, phức tạp. Nhiệm vụ này không phải do một ngành hay một số địa phương đảm nhiệm, mà là *trách nhiệm của toàn dân, do Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm*. Vì vậy, phải có kế hoạch và biện pháp huy động mọi lực lượng có thể huy động được vào sự nghiệp xây dựng và phát triển lâm nghiệp, với nhiều ngành nghề có trình độ chuyên môn hóa và liên hiệp hóa ngày càng cao, cơ cấu ngày càng hợp lý và không ngừng phát triển.

Xét theo quá trình tái sản xuất, kinh tế lâm nghiệp bao gồm toàn bộ các ngành từ nuôi trồng rừng, đến khai thác, chế biến, vận chuyển, phân phối gỗ và các loại lâm sản khác. Trong đó hai khâu *nuôi trồng rừng* (còn gọi là tạo rừng) *và chế biến lâm sản* được xem là hai khâu cơ bản nhất của sản xuất lâm nghiệp. Quản lý theo ngành phải được thực hiện thông suốt trong toàn bộ quá trình tái sản xuất đó, và tiến hành trong mọi đơn vị kinh tế thuộc ngành, không kể thuộc sở hữu nào (quốc doanh hay hợp tác xã v.v...). Có như

Digitized by Google

vậy, mới bảo đảm nghề rừng trong cả nước được xây dựng và phát triển theo một quy hoạch, kế hoạch thống nhất và toàn diện, thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung, chuyên môn hóa, hợp tác hóa và liên hợp hóa sản xuất trong nghề rừng. Tăng cường quản lý theo ngành đòi hỏi phải *tổ chức lại những ngành kinh tế kỹ thuật đó trong nghề rừng* để xóa bỏ tình trạng phân tán, cục bộ, hình thành những ngành kinh tế kỹ thuật thống nhất, phát triển theo quy hoạch chung của cả nước.

Nhưng mặt khác, các cấp chính quyền địa phương lại là người trực tiếp quản lý rừng và nghề rừng trên phạm vi lãnh thổ. Là người đại diện Nhà nước trung ương, các cấp chính quyền địa phương quản lý toàn bộ rừng và đất rừng ở địa phương, chỉ đạo xây dựng kinh tế lâm nghiệp địa phương theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và sự hướng dẫn của ngành chủ quản, đồng thời giám sát và tích cực giúp đỡ các cơ sở kinh tế lâm nghiệp trung ương đặt tại địa phương hoàn thành nhiệm vụ. Như vậy, chính quyền địa phương vừa đảm bảo kinh tế lâm nghiệp địa phương phát triển mạnh mẽ, vừa góp phần xây dựng kinh tế trung ương đặt tại lãnh thổ của mình, để đưa toàn bộ nghề rừng trên lãnh thổ của mình phát triển cân đối với các ngành khác, theo đúng quy hoạch kinh tế lãnh thổ, góp phần đắc lực xây dựng cơ cấu kinh tế lâm nghiệp chung của cả nước.

Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ thể hiện trước hết trong công tác *kế hoạch hóa*. Kế hoạch phát triển toàn ngành lâm nghiệp phải *bảo đảm tính cân đối tích cực, vững chắc trên quy mô cả nước, bố trí cơ cấu kinh tế hợp lý* để phát triển kinh tế lâm nghiệp trung ương và địa phương, quốc doanh và tập thể. Thông qua việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, chúng ta điều khiển được quá trình tái sản xuất mở rộng nghề rừng trong cả nước và ở từng địa phương; đẩy mạnh nuôi trồng rừng, đưa tốc độ tạo rừng vượt tốc độ khai thác rừng hằng năm; đồng thời đẩy mạnh khai thác, chế biến gỗ và lâm sản, đáp ứng được nhu cầu ngày càng lớn của xã hội. Như vậy là từ chủ động về nhu cầu mà đặt kế hoạch sản xuất; từ chủ động được kế hoạch sản xuất mà giải quyết nhu cầu; và cứ thế đưa nghề rừng phát triển không ngừng trên cơ sở những cân đối vững chắc, tiến bộ của cả nước và của từng địa phương.

Kết hợp kế hoạch hóa theo ngành với kế hoạch hóa theo địa phương và vùng lãnh thổ đòi hỏi trước hết ngành lâm nghiệp phải *xây dựng và quản lý thống nhất trong toàn ngành những chỉ tiêu chủ yếu của kinh tế lâm nghiệp*, về nuôi trồng rừng (trồng rừng tái sinh, tu bổ, cải tạo rừng), về công nghiệp rừng (khai thác, chế biến) cũng như về phân phối gỗ và lâm sản. Những chỉ tiêu này được phân bổ sát đúng với tình hình và khả năng của từng khu vực kinh tế lâm nghiệp trung ương và địa phương. Sau khi được Nhà nước phê duyệt, những chỉ tiêu này mang tính chất pháp lệnh: Bộ lâm nghiệp và các Ủy ban nhân dân tỉnh, mỗi bên chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp phần kinh tế do mình phụ trách theo đúng quyền hạn, trách nhiệm đã quy định, đồng thời phối hợp chặt với nhau, tổ chức chỉ đạo hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Để bảo đảm hoàn thành những chỉ tiêu pháp lệnh đó, phải bảo đảm những cân đối cần thiết về sức lao động, vật tư và tiền vốn cho cả kinh tế lâm nghiệp trung ương và kinh tế lâm nghiệp địa phương. Nguồn nhân, tài, vật lực được Nhà nước giao cho các địa phương để xây dựng và phát triển kinh tế lâm nghiệp phải được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Digitized by Google

Bộ lâm nghiệp phải quản lý thống nhất toàn ngành những chỉ tiêu chủ yếu như, danh mục các sản phẩm chủ yếu, năng suất lao động, giá thành và giá bán buôn xí nghiệp, tiền lương và lợi nhuận... Những chỉ tiêu này phải được xây dựng trên cơ sở những định mức, tiêu chuẩn chính xác có căn cứ kinh tế, kỹ thuật. Vì vậy, muốn thống nhất quản lý toàn ngành những chỉ tiêu tính toán chủ yếu đó, Bộ lâm nghiệp cần xây dựng chung cho ngành những định mức, tiêu chuẩn quan trọng về kinh tế kỹ thuật, định mức lao động, định mức tiêu hao vật tư kỹ thuật, nguyên liệu, vật liệu, tiêu chuẩn biên chế, tiêu chuẩn chế độ làm việc của máy móc thiết bị, tiêu chuẩn thời gian sản xuất v.v...

Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ trong công tác kế hoạch hóa nhằm mục đích *vừa xây dựng kinh tế lâm nghiệp trung ương, vừa phát triển kinh tế lâm nghiệp địa phương theo đúng cơ cấu kinh tế lâm nghiệp thống nhất trong cả nước.*

Cơ cấu kinh tế lâm nghiệp gồm kinh tế lâm nghiệp trung ương và kinh tế lâm nghiệp địa phương. Trong kinh tế lâm nghiệp trung ương, có các cơ sở quốc doanh Bộ lâm nghiệp trực tiếp tổ chức và quản lý. Dưới sự hướng dẫn của Bộ lâm nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách phần kinh tế lâm nghiệp địa phương, bao gồm các cơ sở quốc doanh lâm nghiệp địa phương và các hợp tác xã kinh doanh nghề rừng

Kinh tế lâm nghiệp quốc doanh phải giữ vai trò chủ đạo trên tất cả các khâu nuôi trồng rừng, khai thác, chế biến, phân phối gỗ và lâm sản. Quá trình tích tụ, tập trung, chuyên môn hóa và hợp tác hóa trong nghề rừng yêu cầu phải nhanh chóng xây dựng các ngành kinh tế kỹ thuật, hình thành sớm các tổ chức liên hiệp, các công ty chuyên doanh về giống và phục vụ trồng rừng; các công ty lâm nghiệp trung ương (theo khu kinh tế lâm nghiệp trọng yếu); các công ty xây dựng công trình; các công ty chuyên về chế biến và cung ứng gỗ, công ty kinh doanh lâm sản và đặc sản xuất khẩu nhằm phát huy thế mạnh của tài nguyên nhiệt đới...

Kinh tế lâm nghiệp tập thể bao gồm các hợp tác xã có kinh doanh về nghề rừng. Tùy theo tỷ trọng của nghề rừng trong cơ cấu kinh tế của mỗi hợp tác xã, có ba loại hình chủ yếu : hợp tác xã lâm — nông nghiệp, hợp tác xã nông—lâm nghiệp ở trung du và miền núi, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có kinh doanh trồng cây ở đồng bằng. Ngoài ra, còn có các loại hình hợp tác xã thủ công mỹ nghệ chế biến các mặt hàng lâm sản, đặc sản; hợp tác xã đồ mộc gia dụng, hợp tác xã vệ tinh của các xí nghiệp quốc doanh chế biến lâm sản v.v...

Kinh tế lâm nghiệp trung ương và địa phương, quốc doanh và tập thể là những bộ phận hợp thành của ngành lâm nghiệp, có mối quan hệ hữu cơ với nhau, với sự phân công, hợp tác chặt chẽ trong một cơ cấu thống nhất. Vì vậy, cần xây dựng một hệ thống các tổ chức thống nhất toàn ngành và được vận dụng cụ thể trong mỗi địa phương. Căn cứ tình hình hiện nay và phương hướng phát triển lâu dài của nghề rừng, sự phân công và phối hợp giữa ngành và địa phương trong việc tổ chức và quản lý các khâu của quá trình tái sản xuất mở rộng nghề rừng, về đại thể như sau:

— Ngành trực tiếp đảm nhận việc *nuôi trồng rừng* trên những địa bàn trọng yếu, khó khăn, đòi hỏi phải đầu tư lớn để sớm tạo ra những vùng nguyên liệu tập trung, phong phú và ổn định phục vụ cho những ngành kinh tế quan trọng của trung ương như vùng nguyên liệu giấy, sợi, vùng gỗ trụ mỏ, vùng gỗ lớn v.v.. Việc trồng rừng trên địa bàn rộng rãi và phát động phong trào nhân

Digitized by Google

dân trồng cây gây rừng do các cấp chính quyền địa phương phụ trách dưới sự hướng dẫn chung của ngành, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch trồng rừng của cả nước.

– Ngành thống nhất quản lý kế hoạch *khai thác, chế biến, phân phối gỗ, và các lâm sản chính*. Đối với những vùng tài nguyên rừng tập trung, diện tích lớn, có tầm quan trọng đối với việc cung cấp và phòng hộ chung cho cả nước và có liên quan đến nhiều tỉnh, phải đầu tư mở mang lâu dài, kỹ thuật phức tạp thì ngành trực tiếp tổ chức kinh doanh sản xuất, xây dựng thành các khu làm nghiệp quốc doanh trung ương có nhiệm vụ trồng rừng, khai thác, chế biến một phần lâm sản. Đồng thời ngành có nhiệm vụ chỉ đạo, giúp đỡ các địa phương tổ chức *xây dựng các khu lâm nghiệp* quốc doanh có quy mô vừa và nhỏ, gắn nhiều với cân đối kinh tế của địa phương. Ngành phải thống nhất quản lý công tác lưu thông cung ứng gỗ và các loại vật tư lâm sản, tạo điều kiện để gắn liền sản xuất và cung ứng, tạo điều kiện tập trung nhanh chóng các loại vật tư lâm sản đáp ứng được những nhu cầu quan trọng của cả nước.

Ngành thống nhất quản lý các *vật tư kỹ thuật trọng yếu* như các loại hạt giống trồng rừng chủ yếu, các máy móc thiết bị chuyên dùng để bố trí hợp lý theo nhu cầu của toàn ngành, đồng thời có phương hướng và tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, xây dựng những nguồn vật tư tại chỗ, những nguồn giống sẵn có ở địa phương v.v...

– Ngành thống nhất chỉ đạo *tiến bộ kỹ thuật* thông qua việc tổ chức nghiên cứu, đúc kết kinh nghiệm, xây dựng và ban hành các quy trình, quy phạm kỹ thuật, các định mức, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật; chỉ đạo các địa phương vận dụng các quy trình, quy phạm, định mức tiêu chuẩn ấy phù hợp với điều kiện cụ thể từng nơi và nghiên cứu giải quyết nhanh chóng những yêu cầu về khoa học kỹ thuật riêng của địa phương.

Rừng và đất rừng là tài sản của Nhà nước, là cơ sở cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của nghề rừng. Là thành viên của Hội đồng Chính phủ Bộ trưởng Bộ lâm nghiệp có nhiệm vụ *thống nhất quản lý rừng và đất rừng trong cả nước*; tổ chức bảo vệ, kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch và những biện pháp kinh tế kỹ thuật chung, nhằm thực hiện nhiệm vụ cơ bản và lâu dài của ngành lâm nghiệp xã hội chủ nghĩa. Ủy ban nhân dân các cấp quản lý tài nguyên rừng theo vị trí vừa là người đại diện của Chính phủ trung ương ở vùng lãnh thổ, vừa là người đại diện cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân địa phương. Dưới sự chỉ đạo của Bộ lâm nghiệp, các cấp chính quyền địa phương có trách nhiệm trực tiếp quản lý toàn bộ rừng và đất rừng ở địa phương, không phân biệt rừng và đất rừng ấy thuộc kinh tế trung ương, địa phương, quốc doanh hoặc tập thể. Không một cá nhân, tổ chức nào được xâm phạm trái phép tài sản rừng và đất rừng. Không một cơ quan, đơn vị nào được sử dụng rừng và đất rừng vào những mục đích khác ngoài quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước. Việc sử dụng rừng và đất rừng phải được cấp có thẩm quyền chuẩn y theo pháp lệnh bảo vệ rừng của Nhà nước.

Nhà nước có những chế độ, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm bảo vệ quản lý rừng của các tổ chức kinh doanh về rừng nhằm sử dụng tài nguyên rừng hợp lý, tiết kiệm và đạt hiệu quả kinh tế cao. Cần sử dụng tổng hợp các biện pháp giáo dục, pháp chế hành chính và nghiệp vụ kỹ thuật để bảo vệ tài nguyên rừng. Tổ chức kiểm lâm nhân dân là lực lượng nòng cốt, chuyên trách bảo vệ rừng được tổ chức thống nhất trong ngành lâm nghiệp có nhiệm vụ thi hành luật lệ bảo vệ rừng. Đồng thời xây dựng

Digitized by Google

các ban lâm nghiệp xã và các tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng, theo phương châm: *ở đâu có rừng là ở đó có lực lượng quần chúng bảo vệ.*

Việc giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã kinh doanh là một chủ trương lớn của Đảng và Chính phủ, nhằm đưa nghề rừng nhanh chóng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã là một bộ phận quan trọng của cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở. Làm tốt việc này sẽ tạo điều kiện sử dụng sức lao động dồi dào của hàng triệu đồng bào các dân tộc ở miền núi và trung du, của nhân dân từ miền xuôi đi xây dựng vùng kinh tế mới, thu hút một lực lượng lao động quan trọng của xã hội để thúc đẩy nghề rừng phát triển.

Đến nay, việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã kinh doanh đã bước đầu thực hiện có kết quả ở nhiều tỉnh trên miền Bắc. Nhưng nói chung việc triển khai còn chậm và chưa có biện pháp toàn diện. Nhiều hợp tác xã sau khi nhận đất, nhận rừng vẫn còn lúng túng trong phương hướng kinh doanh, biện pháp quản lý và cơ sở vật chất kỹ thuật cho nên kết quả sản xuất kinh doanh còn hạn chế.

Để công tác giao đất, giao rừng chóng được hoàn thành và thu được kết quả tốt, cần xác định rõ trách nhiệm của ngành và của cấp trong công tác này. Giao đất giao rừng cho các hợp tác xã kinh doanh không chỉ là trách nhiệm trực tiếp của Ủy ban nhân dân các tỉnh có rừng mà các ngành ở trung ương trước hết là lâm nghiệp, nông nghiệp, tài chính, ngân hàng, vật tư, lương thực v.v... cũng phải có trách nhiệm chỉ đạo, tham gia giải quyết nhiều mặt có liên quan. Việc trước tiên cần tiến hành là trên cơ sở quy hoạch nông — lâm nghiệp cả nước, cần bắt tay ngay xây dựng quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh và huyện, quy hoạch cho mỗi nông trường, lâm trường, hợp tác xã trong huyện. Trong từng hợp tác xã, lại phải tính toán diện tích cần giao cho phù hợp với khả năng lao động có thể dành cho nghề rừng và trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã. Ở miền Nam, khi chưa có hợp tác xã, tiến hành giao đất, giao rừng cho các xã và hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo việc tổ chức bảo vệ, trồng rừng theo kế hoạch và chế độ, thể lệ chung của ngành. Cần nghiên cứu để sớm ban hành chế độ về nghĩa vụ toàn dân bảo vệ rừng, trồng rừng và những quyền lợi thích đáng do chính công việc này đem lại.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP THIẾT CẦN TIẾN HÀNH TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NGHỀ RỪNG

Quy hoạch, phân vùng sản xuất lâm nghiệp, quy hoạch phát triển lâm nghiệp là tiền đề có ý nghĩa quyết định đối với phương hướng phát triển lâu dài, đồng thời là nhiệm vụ cấp bách trước mắt của ngành lâm nghiệp. Trên cơ sở quy hoạch, phân vùng sản xuất lâm nghiệp, nhanh chóng tiến tới ổn định diện tích rừng và đất rừng trên phạm vi cả nước và trong từng vùng lãnh thổ, từng địa phương tỉnh, huyện có ổn định được địa bàn sản xuất lâm nghiệp, mới xây dựng được quy hoạch phát triển kinh tế lâm nghiệp toàn diện, đồng thời mới có cơ sở để tiến hành việc phân công, phân cấp và phối hợp giữa ngành với cấp, giữa trung ương và

Digitized by Google

địa phương trong công tác quản lý rừng và nghề rừng.

Quy hoạch lâm nghiệp cả nước phải xuất phát từ những mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, những đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và phương hướng phát triển nghề rừng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Quy hoạch lâm nghiệp địa phương phải tuân theo phương hướng quy hoạch phát triển nghề rừng chung cả nước và phải phù hợp với đặc điểm tự nhiên – kinh tế – xã hội ở địa phương, và cân đối với sự phát triển của các ngành khác trên lãnh thổ.

Quy hoạch lâm nghiệp cả nước và quy hoạch lâm nghiệp địa phương hợp thành một thể thống nhất hoàn chỉnh. Đó là căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch lâm nghiệp cả nước và kế hoạch lâm nghiệp địa phương. Vì vậy, giữa ngành và cấp, phải có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc xây dựng quy hoạch.

Để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển nghề rừng cần cải tiến tổ chức, tăng cường bộ máy quản lý lâm nghiệp trong cả nước, và bộ máy quản lý lâm nghiệp địa phương. Bộ lâm nghiệp *kết hợp quản lý hành chính kinh tế và chỉ đạo quản lý sản xuất, kinh doanh* đối với toàn bộ nghề rừng. Sự quản lý kinh tế hành chính của Bộ tác động một cách cơ bản đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở trong toàn ngành, kể cả các đơn vị kinh tế thuộc địa phương. Lực lượng làm nghề rừng trong vùng có thể bao gồm cả quốc doanh lâm nghiệp trung ương và địa phương, bộ đội, hợp tác xã và một số đơn vị của các ngành khác. Trên cơ sở quy hoạch phân vùng sản xuất, phân rõ phạm vi và trách nhiệm mỗi liên hiệp công ty, liên hiệp xí nghiệp, mỗi đơn vị quân đội, lâm trường và hợp tác xã sẽ đi vào sản xuất, kinh doanh theo đúng hướng quy hoạch phát triển kinh tế lâm nghiệp của vùng lãnh thổ.

Bộ lâm nghiệp xây dựng và phát triển những liên hiệp xí nghiệp, công ty thuộc kinh tế trung ương, đủ sức làm nòng cốt, tập trung kỹ thuật, để phát triển các chuyên ngành kinh tế kỹ thuật trong sản xuất lâm nghiệp, xây dựng các khu kinh tế lâm nghiệp quan trọng, bảo đảm vững chắc những cân đối chủ yếu của kinh tế lâm nghiệp cả nước và phát huy tác dụng thúc đẩy, giúp đỡ kinh tế địa phương phát triển.

Trồng rừng và nuôi rừng là nhiệm vụ cấp bách số một của ngành lâm nghiệp. Nhiệm vụ phải trồng trong kế hoạch 5 năm (1976 – 1980) và những năm tiếp theo rất lớn. Song song với việc triển khai nhanh lực lượng trồng rừng, cần nhanh chóng giải quyết chủ động khâu giống, cây con và các vật tư kỹ thuật, khẩn trương chuẩn bị địa bàn trồng rừng. Xuất phát từ yêu cầu này cần có công ty giống và phục vụ trồng rừng với những xí nghiệp và các tổ chức cơ sở bên dưới, được bố trí trên những vùng quan trọng, đủ sức giải quyết những yêu cầu trong kỹ thuật trồng rừng, tạo điều kiện phát huy đầy đủ lực lượng lao động vốn rất dồi dào của ta trong công tác trồng rừng.

Trên những vùng tài nguyên tập trung trữ lượng lớn, cần có những tổ chức sản xuất, kinh doanh trực thuộc Bộ, đủ sức giải quyết được những nhiệm vụ to lớn mà từng địa phương chưa thể giải quyết được, nhằm đáp ứng được nhu cầu cả nước. Tùy tình hình cụ thể từng vùng, có các Công ty lâm nghiệp kinh doanh cả hai mặt tạo rừng và khai thác rừng, hoặc có các Công ty chuyên doanh về mặt công nghiệp rừng, hoặc có những hình thức liên hiệp sản xuất giữa các đơn vị kinh doanh các mặt phục vụ sản xuất của kinh tế lâm nghiệp trung ương để tác động một cách mạnh mẽ,

Digitized by Google

đồng bộ vào kinh tế địa phương và toàn bộ kinh tế lâm nghiệp trong vùng.

Do địa thế nước ta dài và sự phân bố tài nguyên rừng không đều trên các vùng lãnh thổ, để điều hòa được nhu cầu và khả năng trong cả nước và ở từng vùng, cần thành lập Công ty chế biến và cung ứng lâm sản tại mỗi vùng lãnh thổ lớn gồm nhiều tỉnh. Các công ty này là một kiểu liên hiệp xí nghiệp quốc doanh về cung ứng lâm sản có khả năng tập trung được phần lớn nguyên liệu trong vùng, nắm được các xí nghiệp xẻ quan trọng nhất để sử dụng hợp lý tài nguyên gỗ trong vùng phục vụ nhu cầu tại chỗ và thực hiện các kế hoạch điều động của Trung ương.

Để phát huy thế mạnh về đặc sản rừng nhiệt đới, đẩy mạnh xuất khẩu đặc sản rừng với giá trị ngày càng cao cần có Công ty chuyên lo kinh doanh mặt hàng xuất khẩu này. Công ty này cần phát triển nhanh về mặt kỹ thuật để làm nòng cốt phát triển lực lượng sản xuất lâm sản xuất khẩu.

Ở các tỉnh, *cần kiện toàn lâm nghiệp* đủ mạnh làm tròn chức năng là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh và là cơ quan chuyên ngành cấp dưới của Bộ lâm nghiệp. Cần nắm vững chức năng chính của mình là quản lý hành chính kinh tế, chứ không phải trực tiếp chỉ đạo tác nghiệp hoạt động kinh doanh của các xí nghiệp lâm nghiệp thuộc kinh tế địa phương. Về mặt quản lý rừng và đất rừng, cần chú trọng xây dựng và lãnh đạo hệ thống tổ chức kiểm lâm nhân dân trong tỉnh (chi cục và các hạt) hoạt động theo đúng chức năng và nhiệm vụ của nó. Về mặt sản xuất kinh doanh, để tránh tình trạng ty phải trực tiếp chỉ đạo quá nhiều đầu mối, dẫn đến tập trung quan liêu, trong cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh lâm nghiệp tỉnh cần hình thành và kiện toàn nhanh chóng hệ thống các đơn vị kinh doanh đủ sức tự chịu trách nhiệm, các tổ chức công ty, lâm trường, xí nghiệp lâm nghiệp... như xí nghiệp giống trồng rừng, công ty lâm nghiệp (hoạt động về cả hai mặt nuôi trồng và khai thác rừng), công ty chế biến và cung ứng vật tư lâm sản. Tổ chức sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp ở các tỉnh không thể máy móc rập khuôn theo ngành ở trung ương, nhưng *phải hình thành một hệ thống tổ chức kinh doanh lâm nghiệp hoàn chỉnh và đồng bộ*, cân đối với nhiệm vụ được trung ương giao, vừa đủ sức làm tròn nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế lâm nghiệp toàn diện ở địa phương, vừa phối hợp chặt chẽ với kinh tế trung ương trên vùng lãnh thổ theo đúng sự phân công của Bộ.

Ủy ban nhân dân các cấp, ngoài trách nhiệm đối với bộ phận kinh tế lâm nghiệp địa phương, còn có trách nhiệm đối với các cơ sở kinh tế trung ương đặt tại địa phương, như tham gia ý kiến vào quy hoạch và kế hoạch xây dựng, phát triển các cơ sở kinh tế lâm nghiệp trung ương đặt tại địa phương – nhất là trong những vấn đề có liên quan đến địa phương – kiểm tra các cơ sở này thi hành đầy đủ các chính sách, chế độ của Nhà nước và các quy định của chính quyền địa phương; không ngừng tăng cường những yếu tố vật chất thuộc kết cấu kinh tế hạ tầng phục vụ sự hoạt động của các cơ sở lâm nghiệp trung ương; chỉ đạo các đơn vị hành chính, kinh tế ở địa phương cung cấp kịp thời và đầy đủ nhân lực, vật tư do địa phương sản xuất theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hay theo hợp đồng kinh tế giữa đôi bên; tổ chức tốt việc quản lý rừng và đất rừng trên lãnh thổ, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân không kể thuộc quốc doanh lâm nghiệp địa phương hay trung ương.

Digitized by Google

Hiện nay trong hệ thống quản lý hành chính và kinh tế của Nhà nước; *cấp huyện* có vị trí rất trọng yếu. Tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện cần dựa vào quy hoạch sản xuất lâm nghiệp ở huyện, từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — lâm — công nghiệp; xây dựng các cơ quan quản lý lâm nghiệp cấp huyện phải gắn liền với việc xây dựng chính quyền cấp huyện thành một cấp Nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện. Để giúp Ủy ban nhân dân huyện thật sự quản lý được rừng và nghề rừng trong huyện, cần nhanh chóng hình thành bộ máy quản lý lâm nghiệp ở cấp huyện.

Nghị quyết 61/CP của Hội đồng Chính phủ quy định việc thành lập Ủy ban nông — lâm huyện tại những huyện có rừng và đất rừng. Ở những nơi này giữa sản xuất nông nghiệp lâm nghiệp, chăn nuôi có mối quan hệ rất mật thiết nhưng cho đến nay nhiều Ủy ban nông — lâm huyện vẫn chưa quan tâm đến lâm nghiệp, do đó rừng chưa được bảo vệ vững chắc, sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp đều gặp khó khăn. Tình hình này cần được giải quyết gấp. Theo quy hoạch chung về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, Ủy ban nông — lâm huyện cần chỉ đạo các hợp tác xã xây dựng quy hoạch sản xuất kết hợp chặt chẽ hai mặt nông nghiệp và lâm nghiệp. Trong Ủy ban nông — lâm huyện, cần phân công đồng chí chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm có năng lực đặc trách về lâm nghiệp; cần có phòng lâm nghiệp giúp việc chỉ đạo lâm nghiệp được kịp thời, sát đúng. Đồng thời có biện pháp tích cực để xây dựng và kiện toàn hạt kiểm lâm nhân dân huyện.

Về mặt sản xuất kinh doanh, sau khi quy hoạch sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và phương án giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã đã được cấp trên duyệt y, Ủy ban nhân dân huyện, thông qua Ủy ban nông — lâm, tổ chức việc giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã, chỉ đạo các hợp tác xã trồng, tu bổ, bảo vệ và khai thác rừng trên diện tích rừng và đất rừng được giao theo đúng quy hoạch, kế hoạch, đúng chế độ, thể lệ và chính sách của Nhà nước. Để thúc đẩy nghề rừng trong huyện, cần tổ chức các lâm trường cấp huyện, các trạm giống, hệ thống vườn ươm cây, các xí nghiệp cung ứng vật tư lâm nghiệp và tiêu thụ sản phẩm; các cơ sở phòng trừ sâu bệnh cho rừng, các tổ chức thiết kế rừng, v.v...

Không chỉ các huyện trung du, miền núi phải coi trọng đẩy mạnh sản xuất lâm nghiệp, các huyện đồng bằng và ven biển cũng cần chú trọng chỉ đạo phong trào trồng cây gây rừng, nhằm đáp ứng yêu cầu phòng hộ của địa phương và giải quyết tại chỗ một phần nhu cầu về gỗ, củi, lâm sản, đặc sản cho nhân dân, và góp phần tăng thu nhập cho hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Nghề rừng là một ngành kinh tế quan trọng, có quan hệ đến lợi ích của toàn dân, nhưng cũng là một nghề lao động nặng nhọc, hoạt động trong những điều kiện gian khổ, khó khăn. Vì vậy phải nghiên cứu giải quyết kịp thời và đúng đắn nhiều vấn đề về *chế độ, chính sách* nhằm khuyến khích hàng triệu người tình nguyện lên xây dựng và phát triển kinh tế lâm nghiệp ở miền núi, thu hút phần lớn lực lượng đồng bào xưa nay có tập quán đốt rừng làm nương rẫy đi vào trồng, tu bổ, bảo vệ rừng, xây dựng, phát triển nghề rừng. Trước mắt cần xây dựng một hệ thống chính sách nhằm cải thiện điều kiện sinh hoạt của những người làm nghề rừng như lương thực, nhà ở, phòng bệnh, chữa bệnh, học hành, vui chơi giải trí, nuôi dạy con cái, đi lại... phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Đồng thời nhanh chóng hình thành các điểm dân cư, các làng bản lâm nghiệp, chấm dứt tình trạng

Digitized by Google

du canh du cư góp phần nhanh chóng làm thay đổi bộ mặt của xã hội miền núi, thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng.

Đi đôi với việc thực hiện các chính sách nói trên cần tăng cường công tác đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ, bao gồm cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu triển khai tổ chức sản xuất và cơ cấu quản lý trên quy mô cả nước, đặc biệt cần gấp rút bổ sung cán bộ cho miền Nam và cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ cho hợp tác xã, cán bộ cho lực lượng quân đội xây dựng kinh tế lâm nghiệp, v.v...

★

NHIỆM vụ cách mạng cả nước ta trong giai đoạn mới đòi hỏi phải tổ chức lại nghề rừng, làm cho nghề rừng chuyển biến nhanh chóng và vững chắc, phát triển mạnh mẽ theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ để tổ chức lại nghề rừng, cải tiến một bước công tác quản lý theo phương hướng trên đây sẽ đẩy mạnh phát triển nghề rừng trên quy mô lớn, nhịp độ cao, đáp ứng những yêu cầu to lớn của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và nâng cao đời sống nhân dân, phát huy đầy đủ mọi tiềm năng của rừng nhiệt đới nước ta.

Digitized by Google

NGHIÊN CỨU

GIÁO DỤC THẨM MỸ trong cách mạng tư tưởng và văn hóa

LÊ-ANH-TRÀ

BÁO cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV có nêu rõ giáo dục thẩm mỹ là một vấn đề cần được « coi trọng đúng mức ». Giáo dục thẩm mỹ là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp giáo dục của chúng ta. Đó cũng là một lĩnh vực quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Con người thưởng thức cái đẹp, nhưng quan niệm về cái đẹp thì không giống nhau. Mỗi dân tộc, mỗi giai cấp có những cách thưởng thức khác nhau đối với cái đẹp. Cái khác nhau cơ bản là ở những sự quy định, những tiêu chuẩn thẩm mỹ có tính giai cấp. Quan điểm về cái đẹp của giai cấp bóc lột có thể nói là đối lập với quan điểm về cái đẹp của nhân dân lao động.

Dưới chế độ cũ, chỉ có bọn quyền quý, kẻ giàu sang mới có quyền thưởng thức cái đẹp, còn nhân dân lao động thì hầu như bị tước đoạt cái quyền ấy. Người dân lao động Việt-nam ta từ ngàn xưa có truyền thống yêu thích cái đẹp giản dị, thực chất, trang nhã : thích nghệ thuật, thích ca dao, tuồng, chèo, trồng hoa, trang hoàng nhà cửa, ăn mặc thanh lịch. Nhưng, trong cảnh nghèo nàn dưới thời thuộc Pháp, trong cảnh o ép của chế độ thực dân mới, bao nhiêu người đã chẳng còn thì giờ nghĩ đến cái đẹp, điều cốt tử của họ là làm ăn cật lực để kiếm sống, để nuôi gia đình, v.v... Dưới chế độ cũ, hưởng thụ cái đẹp là « đặc quyền, đặc lợi » của giai cấp bóc lột, của kẻ giàu sang.

Cách mạng đã đem lại cái đẹp cho nhân dân lao động. Chỉ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động mới thật sự có quyền thưởng thức cái đẹp. Cùng với sự phát triển của xã hội mới, của nền kinh tế mới, nhu cầu thẩm mỹ ngày càng được khẳng định ở thành thị cũng như ở nông thôn nước ta. Chúng ta thấy rất rõ điều đó khi nhìn qua cách sống của bà con ta ngày nay. Nhiều làng mạc trước kia bùn lầy nước đọng nay đã trở thành phong quang đẹp đẽ với những mái ngói đỏ tươi, những vườn cây xanh tốt. Cách ăn mặc của nhân dân, nhất

Digitized by Google

là của thanh niên nam nữ đẹp hơn nhiều. Việc mua sách, mua tranh, mua vé xem các buổi biểu diễn văn nghệ... đã trở thành một đòi hỏi bức thiết, ngay cả đối với các cháu thiếu nhi.

Cái đẹp của chúng ta ngày nay chính là một phương diện của cuộc sống cách mạng, của mọi tư tưởng, hành vi, sự kiện tiến bộ. Cái đẹp đã trở thành một phẩm chất không thể thiếu của mọi con người, sự vật, hiện tượng, ở mức phát triển hoàn thiện. Chúng ta đặt một yêu cầu thẩm mỹ cao đối với việc xây dựng con người mới. Con người mới phải phát triển toàn diện: thể chất, tinh thần, tình cảm, văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ. Thiếu phát triển về thẩm mỹ, con người chưa hoàn thiện được nhân cách của mình, và cũng chưa đạt được đỉnh cao của hành động sáng tạo — hành động theo quy luật của cái đẹp, của thẩm mỹ. Con người mới là con người hiểu biết cái đẹp, thưởng thức được nó, phân biệt và đánh giá được cái đẹp và cái xấu, và có khả năng sáng tạo cái đẹp ở mọi lĩnh vực: trong đấu tranh cách mạng, lao động sản xuất, quan hệ đối xử, trong hoạt động nghệ thuật. Do đó, con người có được khoái cảm thẩm mỹ; đó là niềm vui sướng, hạnh phúc tinh thần cao đẹp nhất. Mặt khác, con người phát triển về thẩm mỹ, bản thân mình cũng đẹp lên, đó là sự phát triển cân đối về thể chất, sự đẹp đẽ về đạo đức, tâm hồn, tính cách.

Khác với cái đẹp của các giai cấp bóc lột có tính chất cầu kỳ, phát triển theo chiều hẹp trong vòng khép kín và bế tắc, cái đẹp của quần chúng lao động vừa phát triển theo chiều cao của trí tuệ loài người, vừa theo chiều rộng của nhu cầu đại chúng và trên mọi lĩnh vực của cuộc sống. Cái đẹp mới có mục tiêu và tính chất rõ rệt là phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho nhân dân, cho tiến bộ xã hội. Cái đẹp có một **giá trị sử dụng** ngày càng được khẳng định, gắn chặt vào giá trị sử dụng tổng quát của mọi sản phẩm xã hội. Cái đẹp gắn liền với cái tiện, cái lợi. Trong những trường hợp nhu cầu kinh tế được thỏa mãn ở mức độ nào đó, giá trị sử dụng của cái đẹp đó có khuynh hướng vượt lên cả giá trị sử dụng vật chất, vì có lúc, cái đẹp được chuộng hơn cả cái bền, cái rẻ v.v... Nhưng ở đây không nên nhầm lẫn giữa giá trị cái đẹp chân chính, và những cái «đẹp» giả tạo, hình thức, đôi lúc lừa phỉnh và làm xao lãng giá trị thực chất của sự vật, sản phẩm.

Hiện nay, nhiều người thích sống cho có thẩm mỹ, nhưng chưa hiểu được thế nào là thẩm mỹ, là đẹp một cách đúng đắn. Có một số người bị ảnh hưởng của những cái đẹp hình thức, cầu kỳ của giai cấp tư sản, phong kiến, cho nên thích những lối sống kiểu cách, diêm dúa, không hợp với nếp sống đẹp giản dị, lành mạnh của chúng ta ngày nay. Có người luyến tiếc những cái «đẹp» cổ lỗ nay không còn hợp thời nữa, cho nên khi trang trí nhà cửa, họ thường kết hợp cổ kim một cách thiếu hài hòa, không ăn khớp, đôi khi lố lăng. Một số thanh niên chạy theo các «mốt thời trang»: ăn mặc hở hang, để tóc kỳ quặc (kiểu hip-pi). Ở đây không chỉ đơn thuần là ý thức thẩm mỹ, mà còn phần nào có vấn đề tư tưởng.

Một cuộc sống đẹp còn đòi hỏi con người đối xử với nhau phải có đạo đức, có văn hóa, nhưng hiện nay, trong các quan hệ xã hội, vẫn thường gặp những cách đối xử bất lịch sự (cả trong gia đình và ngoài xã hội) như không biết cách chào hỏi, xưng hô, nói năng thô tục... Về thị hiếu văn nghệ, nhiều người chưa biết thưởng thức, đánh giá đúng đắn một bài thơ, một tiểu thuyết, một tác phẩm sân khấu và điện ảnh, một bài nhạc hay một bức tranh... Có người chỉ thích những thủ thuật hình thức trong nghệ thuật, như câu văn bóng bẩy, nhạc giật «xập xuỳnh», giọng ca «mùi» hay

Digitized by Google

lối biểu diễn gây cười « rẻ tiền » trên sân khấu, các pha gây cấn có đấm đá ly kỳ trong phim v.v... còn nội dung tiến bộ hay lạc hậu thì không chú ý.

Đối với các vùng mới giải phóng ở miền Nam, lối sống Mỹ, văn hóa văn nghệ thực dân mới đã để lại những tàn dư độc hại. Một số người đã bị ảnh hưởng các loại sách báo, âm nhạc, tranh tượng, phim ảnh đồi trụy, một số người hầu như xa lạ với các giá trị nghệ thuật dân tộc chân chính, tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ của họ đã bị ngoại lai hóa và đồi trụy hóa. Tất nhiên, từ ngày giải phóng, do sự giáo dục cải tạo, họ cũng đã có những tiến bộ nhất định, nhưng những thị hiếu thẩm mỹ cũ vẫn còn dai dẳng, làm cho họ vẫn chạy theo các khuynh hướng hình thức và khó khăn tiếp thu văn nghệ cách mạng.

Những hạn chế và lệch lạc của trình độ thẩm mỹ kể trên gây nên những tai hại không phải nhỏ đến sự tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hóa, đến công cuộc xây dựng con người mới, cuộc sống mới và cản trở ngay sự tiến bộ của bản thân những người đó. Họ không thể hiểu được cái đẹp mới của đất nước, họ không ủng hộ hoặc hành động tích cực đối với cái tiến bộ, cái mới.

Tình hình đó, đặc biệt có hại đối với việc phát triển nền nghệ thuật của đất nước, vì công chúng là đối tượng phục vụ của nghệ thuật, họ là yếu tố khích lệ và thúc đẩy đối với sáng tạo nghệ thuật. Một quần chúng được giáo dục thẩm mỹ đúng đắn sẽ là mảnh đất tốt để các tác phẩm hay nảy nở và phát triển.

Trong chế độ ta, nhân dân lao động là người làm chủ tập thể mọi của cải vật chất và tinh thần của xã hội. Ngày nay ở nước ta, cái đẹp thuộc về nhân dân lao động. Nhân dân lao động không chỉ là người thưởng thức cái đẹp mà còn là người sáng tạo ra cái đẹp. Có quan điểm đúng về cái đẹp mới có thể có thái độ đúng trong khi thưởng thức cái đẹp, và nhất là mới có thể sáng tạo ra được cái đẹp chân chính.

Giáo dục thẩm mỹ có trách nhiệm làm cho quần chúng nhận thức được cái đẹp trong cuộc sống, có thị hiếu đúng, biết phân biệt cái gì là đẹp, cái gì là xấu trong tự nhiên và trong xã hội v.v... Giáo dục thẩm mỹ làm cho mọi người thấy được cái đẹp trong phong cảnh đất nước, trong lao động sản xuất, trong phẩm chất cao quý của người Việt-nam mới. Giáo dục thẩm mỹ, cũng đồng thời là giáo dục lòng yêu chân lý, yêu đạo đức, có thái độ lao động, lối sống đúng đắn.

Giáo dục thẩm mỹ làm cho mỗi người thấy được truyền thống thẩm mỹ, văn hóa, đạo đức của nhân dân ta đã hun đúc trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc như tính cần cù, nhẫn nại, chi khi quật cường, anh dũng, tính khiêm tốn, giản dị dịu dàng, tế nhị, sự hài hòa cân đối về các mặt tâm hồn, tình cảm và trí tuệ, trong cách sống, cư xử, ăn mặc... Giáo dục thẩm mỹ làm cho nhân dân ta tiếp xúc và làm chủ trong việc thưởng thức, đánh giá cái đẹp của mọi dân tộc trong nước và trên thế giới, và có những đóng góp vào những sự phát triển mới trong cái đẹp về đạo đức, tâm hồn, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa của thời đại mới.

Giáo dục thẩm mỹ xây dựng cho con người mới tri thức và năng lực làm chủ về mặt thẩm mỹ (và cũng là về mặt đạo đức), ở một khâu tinh vi và tế nhị nhất và cũng phức tạp nhất của năng lực và phẩm chất con người.

Đó là nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi sự nỗ lực không chỉ của ngành văn hóa, ngành giáo dục, mà còn có sự phối hợp của các ngành khác, các đoàn thể quần chúng, cũng như của nhiều cơ quan về kinh tế, chính trị

Digitized by Google

khác. Nếu mỹ học xâm nhập vào mọi lĩnh vực của cuộc sống, thì mọi lĩnh vực của cuộc sống đều có trách nhiệm xây dựng thẩm mỹ, xây dựng cái đẹp cho con người.

★

Mỹ học Mác — Lê-nin đã nêu được những quy luật, tiêu chuẩn, đặc điểm của sự phát triển của cái đẹp trong thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa, giúp chúng ta có được những quan điểm đúng đắn về thẩm mỹ cách mạng để hiểu cái đẹp trong đời sống (trong lao động sản xuất, trong chiến đấu chống quân thù, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội...) và trong văn học nghệ thuật để phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng.

Tuy vậy, chỉ riêng vấn đề học tập quan điểm mỹ học nói trên chưa phải là toàn bộ vấn đề giáo dục thẩm mỹ. Giáo dục thẩm mỹ bao gồm một nội dung tổng hợp, rộng lớn mà riêng vấn đề học tập lý luận, quan điểm thẩm mỹ chưa thể giải quyết được trọn vẹn.

Trình độ thẩm mỹ của một con người không chỉ là những quan niệm lý trí của người ấy về cái đẹp mà còn là vấn đề tình cảm, thị hiếu thẩm mỹ, vấn đề thưởng thức, cảm thụ và sáng tạo cái đẹp nữa.

Sự đánh giá thẩm mỹ là một năng lực toàn diện của con người, vận dụng tổng hợp lý trí, tình cảm, thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ và một chừng nào cả trực giác nữa.

Vì vậy, giáo dục thẩm mỹ là một công việc phức tạp đòi hỏi phải **giáo dục đồng bộ tình cảm, tâm hồn, trí tuệ và cả các cảm quan.** Việc giáo dục này chủ yếu là phải **tiến hành thông qua hình ảnh trực quan sinh động,** bằng con đường vận động tự nguyện tự giác, và bằng hoạt động thực tiễn. Chính nhờ đặc trưng này, giáo dục thẩm mỹ có khả năng đi sâu vào tâm tư tình cảm của mọi tầng lớp nhân dân, mọi lứa tuổi, có khả năng phát triển mạnh mẽ trong gia đình, ngoài xã hội, tiến hành cả trong lúc làm việc và cả thời gian nghỉ ngơi của quảng đại quần chúng...

Văn học, nghệ thuật là phương tiện chủ yếu của giáo dục thẩm mỹ, vì văn nghệ chính là những hình ảnh trực quan sinh động đẹp đẽ, kết quả của sáng tạo thẩm mỹ, phản ánh những phẩm chất thẩm mỹ cao đẹp của cuộc sống, xã hội và thiên nhiên, thông qua trí tuệ thẩm mỹ của những nhà văn, và nghệ sĩ. Nhưng văn học nghệ thuật cũng không phải là tất cả vấn đề giáo dục thẩm mỹ (về mặt phương pháp giáo dục và cả về mặt đối tượng giáo dục). Nếu giáo dục thẩm mỹ không chỉ là giáo dục con người biết cảm thụ cái đẹp trong văn nghệ và sáng tạo văn nghệ, mà còn là giáo dục con người cảm thụ cái đẹp và sáng tạo theo quy luật cái đẹp trong mọi lĩnh vực cuộc sống, thì về mặt phương tiện giáo dục thẩm mỹ, chúng ta còn sử dụng, ngoài văn nghệ, tất cả những hình ảnh, thẩm mỹ trong mọi lĩnh vực lao động, sản xuất, chiến đấu, quan hệ, trong mọi phẩm chất thẩm mỹ biểu hiện xưa và nay trong thiên nhiên và xã hội.

Trước thực tiễn phát triển các khoa học, khoa thẩm mỹ học càng ngày càng có một đối tượng nghiên cứu mở rộng. Bên cạnh nghệ thuật học, nghiên cứu các quy luật mỹ học trong mọi ngành nghệ thuật, mọi loại hình nghệ thuật, chúng ta có khoa mỹ học sản xuất, nghiên cứu các quy luật mỹ học trong mọi ngành công nghiệp, nông nghiệp, các ngành hoạt động sản xuất rất khác nhau; chúng ta còn nghiên cứu cái đẹp trong cuộc sống, trong nếp sống, trong các quan hệ xã hội khác nhau. Vì vậy phương tiện, biện pháp và chất liệu dùng trong giáo dục thẩm mỹ cũng đa dạng và phong phú.

Digitized by Google

Đó là vấn đề mà các cơ quan phụ trách về giáo dục thẩm mỹ cần phải nghiên cứu sâu, để đề ra những kế hoạch, chương trình giáo dục thẩm mỹ thích hợp với từng đối tượng, từng hoàn cảnh, môi trường xã hội.

Về phương châm chung, trong giáo dục thẩm mỹ cần kết hợp phê phán, chống cái xấu với xây dựng cái đẹp, lấy việc xây cái đẹp là chính.

Trước hết, cần có những biện pháp có tính chất giáo dục lý luận, đó là việc học tập mỹ học Mác — Lê-nin, mở những lớp, in những sách phổ thông, làm sao cho nhiều người hiểu được những quan điểm, lý luận về mỹ học Mác — Lê-nin, phân biệt và phê phán những quan điểm thẩm mỹ phong kiến, tư sản, biết được các quy luật về đặc trưng, nội dung, hình thức, ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật thuộc phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Nắm được lý luận, quan điểm này ở mức phổ thông là có cơ sở để tiến hành các biện pháp giáo dục trực quan sinh động và tự giác, và hoạt động thực tiễn.

Nguồn giáo dục trực quan lớn nhất chính là thiên nhiên và cuộc sống mới của chúng ta hiện nay. Những phẩm chất thẩm mỹ gắn liền với đạo đức của con người thể hiện ở các điển hình nhân vật các anh hùng, chiến sĩ chiến đấu dũng cảm trên các chiến trường, ở những con người lao động xuất sắc trong các nhà máy, công trường, nông trường, các hợp tác xã, ở những nhà khoa học kỹ thuật đứng tại mũi nhọn của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật.. Đó là những con người mới mang trong mình lý tưởng, lẽ sống xã hội chủ nghĩa, đạo đức và cái đẹp mới của thời đại. Chúng ta cần đem những hình ảnh sinh động và đẹp đẽ ấy giáo dục về cái đẹp của con người, của cuộc sống mới cho quần chúng lao động.

Cái đẹp về nội dung bao giờ cũng là quan trọng nhất, vì vậy xây dựng cho được ở mỗi con người phẩm chất cao quý nhất về đạo đức, niềm tin, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, lẽ sống của một con người chính là giải quyết khâu quyết định nhất trong lý tưởng thẩm mỹ, trong giáo dục thẩm mỹ.

Không chỉ ở Việt-nam, ở mọi nơi trên thế giới, cái đẹp chân chính có những biểu hiện muôn màu muôn vẻ. Vì vậy, cùng với việc làm chủ các vốn thẩm mỹ của đất nước, việc tìm hiểu học tập cái đẹp của nhân loại cũng rất cần thiết. Đây là việc làm tế nhị, nhất thiết không được chủ quan, phải xuất phát từ hiện thực cuộc sống.

Giáo dục thẩm mỹ có thuận lợi. Chúng ta có nhiều ngành như xuất bản, báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, phim ảnh để nêu lên những hình ảnh sinh động về các điển hình cái đẹp trong nước hay trên thế giới. Hồ Chủ tịch có sáng kiến cho xuất bản liên tục loại sách phổ thông về người tốt việc tốt nhằm mục đích giáo dục đạo đức mới và cả thẩm mỹ mới Với sự phát triển của các ngành giao thông, hàng không, hàng hải, du lịch, cần tổ chức nhiều cuộc đi tham quan các cơ sở điển hình về sản xuất, tổ chức đời sống tốt, các danh lam thắng cảnh những công trình xây dựng đẹp, cho quần chúng được gặp gỡ những anh hùng, chiến sĩ thi đua..

Dùng tác phẩm văn học, nghệ thuật để giáo dục thẩm mỹ cho quần chúng là biện pháp có hiệu quả cao. Muốn như vậy, cần phải có nhiều tác phẩm, công trình hay, có giá trị nghệ thuật cao về mọi loại hình nghệ thuật (văn, nhạc, họa, kịch, múa, điện ảnh, các loại hình sân khấu truyền thống, các loại hình sân khấu và âm nhạc mới, kiến trúc v v...)

Để giáo dục thẩm mỹ cho quảng đại quần chúng, việc phát động một

Digitized by Google

phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng rộng lớn là hết sức cần thiết. Với phong trào này, mọi người đều có thể tham gia thật sự vào những hoạt động nghệ thuật, vừa học tập, thưởng thức vừa sáng tác, biểu diễn... Thực tế đã cho thấy rằng từ phong trào nghệ thuật quần chúng, rất nhiều người đã được giáo dục thẩm mỹ tốt, và trở thành những nghệ sĩ thật sự, đóng góp phần sáng tạo vào lực lượng chuyên nghiệp, tăng cường đội ngũ văn nghệ sĩ của chúng ta.

Phong trào nếp sống mới có tác dụng giáo dục thẩm mỹ trong quan hệ xã hội, quan hệ đối xử, cách ăn mặc, ở, đi lại và vui chơi giải trí, trong tình bạn, tình yêu, quan hệ nam nữ... Cần dùng báo chí, đài, vô tuyến truyền hình để giáo dục, giới thiệu rộng rãi những mẫu mực về cái đẹp chân chính, trong các nếp sống để thanh niên yêu mến và tự hào với truyền thống giản dị, trang nhã của dân tộc, ghét cái lai căng cầu kỳ.

Đối với các cháu nhỏ, cũng phải đặt vấn đề giáo dục thẩm mỹ ngay từ lúc trẻ mới ra đời, trong các nhà mẫu giáo, nhà trẻ. Ngay trong việc sản xuất đồ chơi, trong cách nói năng, dạy bảo, tập hát, tập múa, phải chú ý để các cháu tiếp xúc thường xuyên với cái hay, cái đẹp.

Chúng ta cũng phải nghĩ đến việc xây dựng các kiểu đẹp về ăn mặc, trang sức, nhất là của lứa tuổi trẻ, thế nào cho vừa đẹp vừa tiện lợi, phù hợp với hoàn cảnh làm việc, lao động, sản xuất, phù hợp với những lúc vui chơi, giải trí, hội hè, v.v...

Việc sản xuất những vật phẩm công nghiệp kết hợp được tính tiện nghi và tính thẩm mỹ cao là mục tiêu của ngành mỹ học sản xuất. Không chỉ đối với các mỹ nghệ phẩm cần được sản xuất nhiều để có được một mức tiêu thụ phổ cập nhất định, mà các thứ đồ dùng khác như cái bàn, cái ghế, cái bình, cái chén, cái phích, vải vóc, các máy móc, xe cộ..., tất cả đều phải luôn luôn không ngừng phát triển về mặt thẩm mỹ, vừa đem lại hạnh phúc cho đời sống hằng ngày của con người, vừa nâng cao khiếu thẩm mỹ của người sử dụng.

Chúng ta cũng còn phải khuyến khích các ngành kinh tế khác vận dụng những tiêu chuẩn thẩm mỹ vào thiết kế công trình để cái có ích được luôn luôn gắn liền với cái đẹp, cái lịch sự, tạo nên một không khí chung, một môi trường sống chung đẹp đẽ cho mọi người có thể hưởng được.

Đối với các vùng mới giải phóng ở miền Nam, song song với việc xây dựng một thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh mới, cần quét sạch những tàn dư thẩm mỹ phản động của chủ nghĩa thực dân mới do Mỹ gieo rắc, thông qua các văn hóa phẩm đồi trụy còn lưu hành bất hợp pháp. Sự phát triển các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp quyền, đạo đức đều góp phần giáo dục thẩm mỹ cho con người. Giáo dục thẩm mỹ là một cuộc đấu tranh về hệ tư tưởng, một cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống thẩm mỹ, hai con đường về thẩm mỹ, một bên là xã hội chủ nghĩa, một bên là tư bản chủ nghĩa. Chúng ta phải làm cho quan điểm thẩm mỹ xã hội chủ nghĩa chiến thắng trong cuộc đấu tranh này. Chúng ta phải làm chủ trong việc giáo dục thẩm mỹ. Công tác giáo dục thẩm mỹ cần tiến hành một cách tự giác, khoa học, có kế hoạch phối hợp giữa các ngành, có sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của Đảng và Nhà nước.

Digitized by Google

Sinh hoạt Đảng

ĐOÀN KẾT

TRONG lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, đoàn kết luôn luôn là sức mạnh to lớn, là một trong những nhân tố tạo nên thắng lợi. Chế ngự thiên nhiên, khai phá đất đai, đánh thắng giặc ngoại, dân tộc ta đứng vững trước mọi thử thách hiểm nghèo, đó là nhờ quân, dân đoàn kết, trên, dưới một lòng. Phát huy truyền thống tốt đẹp đó của dân tộc, Đảng ta, từ khi ra đời, đã đặc biệt coi trọng việc xây dựng khối đoàn kết — đoàn kết nội bộ Đảng và đoàn kết toàn dân. Sự đoàn kết trong Đảng là hạt nhân của khối đoàn kết toàn dân. Muốn đoàn kết được toàn dân, trước tiên trong Đảng phải đoàn kết. Sự đoàn kết của Đảng ta được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đường lối chính trị và nguyên tắc tổ chức của Đảng. Sự đoàn kết đó còn dựa trên tình đồng chí yêu thương nhau một cách sâu sắc, chân thành giữa những người cộng sản. Tiêu biểu cho sự đoàn kết của Đảng ta là Hồ Chủ tịch. Suốt cả cuộc đời, Người không ngừng chăm lo xây dựng khối đoàn kết dân tộc, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Người đã nêu lên phương châm hành động có giá trị như chân lý vĩnh cửu:

« Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công »...

Người dặn lại trong Di chúc: « **Đoàn kết** là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình ».

Học tập Người, noi gương Người, toàn Đảng ta ngày càng siết chặt hàng ngũ, muôn người như một, chung sức chung lòng vì sự nghiệp chung. Biết bao đồng chí chúng ta, ngay cả trong những giờ phút hiểm nghèo nhất, đã sát vai nhau chiến đấu, nêu cao tình đồng chí thiêng liêng. Những chuyện nhường cơm, sẻ áo cho nhau trong nhà tù của đế quốc, những chuyện nhường thuận lợi cho đồng chí, nhận khó khăn về mình, giành nhau để được nhận phần hy sinh cao nhất trong những tình huống chiến đấu ác liệt, việc xóa bỏ những thành kiến, những điều bất hòa để thực lòng chung sức với nhau đấu tranh cho nghĩa lớn v.v... đối với rất đông cán bộ, đảng viên ta là những việc phổ biến. Sự gắn bó chặt chẽ về cả lý trí và tình cảm giữa những người cộng sản Việt-nam đã làm cho Đảng ta luôn luôn là một khối đoàn kết nhất trí, chưa hề có sự chia rẽ về tổ chức. Cũng do tấm lòng chân thành đoàn kết đối với đồng chí và bầu bạn khắp bốn phương mà Đảng ta được những

Digitized by Google

người cộng sản và những người tiến bộ khắp thế giới yêu mến, tin cậy.

Ngày nay, Đảng đã lãnh đạo chính quyền trong cả nước, sức mạnh đoàn kết của Đảng càng cần được phát huy. Bởi vì, có sự nhất trí cao, có tình thương yêu nhau sâu sắc trong đảng viên, Đảng ta mới đủ sức tập hợp được quanh mình hàng triệu, hàng triệu quần chúng tự giác đi vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, một cuộc cách mạng vĩ đại nhất nhưng cũng khó khăn nhất trong lịch sử. Là Đảng lãnh đạo chính quyền, vai trò và trách nhiệm của Đảng rất lớn. Giữa những công tác bề bộn, phức tạp, khó khăn của mọi mặt hoạt động trong xã hội, chỉ có giữ vững sự đoàn kết, nhất trí, Đảng ta mới phát huy được tốt đẹp và rộng khắp tác dụng lãnh đạo của mình.

Trong khi khẳng định **Đảng ta ngày càng có sự đoàn kết nhất trí cao, đoàn kết là nguồn sức mạnh quan trọng của Đảng ta**, chúng ta nhận rằng đây đó, vẫn còn gặp những điều chưa được hài lòng về mặt đoàn kết nội bộ. Tất nhiên, chúng ta hiểu rằng những sự khác nhau giữa các đảng viên về tính cách, về phong thái, về đời sống riêng, về trình độ, về kinh nghiệm công tác là chuyện bình thường, miễn là những sự khác nhau đó không ảnh hưởng gì lớn đến tình thương yêu, sự tin cậy giữa các đảng viên, không ảnh hưởng đến sự nhất trí của tổ chức Đảng. Thế nhưng, ở một số đơn vị, địa phương, có những đồng chí tuy cùng công tác, cùng sinh hoạt với nhau, nhưng vì lý do này hoặc vì lý do khác, sống với nhau một cách lạnh nhạt, « bằng mặt mà chẳng bằng lòng », không tin nhau, không phục nhau. Thấy đồng chí mình gặp khó khăn thì dửng dưng, không chút lo lắng xót thương, thấy đồng chí mình tiến bộ thì ghen ghét, kèn cựa, thậm chí tìm cách dìm nhau, hại nhau. Có cán bộ, đảng viên nói xấu, vu cáo đồng chí của mình. Có đồng chí lôi bè kéo cánh để có đủ « sức mạnh » đối lập lại với những người không ăn ý với mình. Có đồng chí do mang nặng đầu óc bản vị, cục bộ, địa phương, thường gây nên những xích mích, những va chạm trong tổ chức Đảng, trong cấp ủy, trong quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới v.v...

Tình trạng mất đoàn kết ở một số đơn vị, địa phương đó đã làm tổn thương nhất định đến sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Sức mạnh của tổ chức Đảng ở nơi đó bị phân tán, bị cuốn hút vào việc giải quyết những vấn đề nội bộ: kết quả là ở nơi đó, chủ trương, nghị quyết của Đảng không được thực hiện đến nơi đến chốn, thậm chí còn có thể bị bóp méo, xuyên tạc. Cảnh « trống đánh xuôi, kèn thổi ngược » thường không chỉ hạn chế trong một số ít người, mà còn lan rộng trong cấp ủy, trong tổ chức của Đảng và cả ngoài quần chúng; sự lộn xộn như vậy sẽ gây ra những tác hại to lớn không thể lường hết được. Tổ chức có thể vì thế mà suy yếu, lòng tin của quần chúng đối với đảng viên bị giảm sút, những phần tử xấu có cơ hội « đục nước béo cò »... Vì vậy, có thể nói gây ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ là **một tội ác**. Nó xúc phạm truyền thống tốt đẹp của Đảng, vi phạm nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của Đảng, làm tổn thương đến sức mạnh của Đảng.

Với trí tuệ tập thể của Đảng, Đảng ta đã đề ra được đường lối chính trị đúng đắn. Đường lối chính trị đúng đắn của Đảng là cơ sở vững chắc làm cho toàn Đảng gắn bó với nhau thành một khối trên dưới một lòng. Trong khi chấp hành đường lối của Đảng, các đảng viên có thể có những nhận thức và ý kiến khác nhau trên các mặt công tác cụ thể. Cần phải trải qua thảo luận dân chủ để đi đến nhất trí. Trong xã hội ta, và ngay cả trong Đảng ta, hằng ngày diễn ra

Digitized by Google

cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa tư tưởng vô sản và những tư tưởng không vô sản. Trong công tác cụ thể, do trình độ, nhận thức của cán bộ, đảng viên không đồng đều cho nên có thể có những ý kiến, chủ trương khác nhau. Song, những ý kiến khác nhau đó, nếu được tranh luận kỹ càng với tình đồng chí chân thành và cởi mở, thì nhất định sẽ làm sáng tỏ cái đúng, sẽ nâng cao trình độ của mọi người, chẳng những không hại đến đoàn kết nội bộ, mà ngược lại, càng làm cho khối đoàn kết đó thêm vững chắc

Vậy vì đâu mà có tình trạng mất đoàn kết ở nơi này nơi khác?

Trước hết phải nói đến những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân ở một số cán bộ, đảng viên như: tính toán nhỏ nhen, đầu óc địa vị, kèn cựa, tính đố kỵ, ghen ghét, đầu óc công thần, tự mãn, thói tranh công, đổ lỗi v v... « Chính những thói tệ này — chứ không phải sự khác nhau nghiêm trọng gì về quan điểm, về chủ trương công tác — nhiều khi lại là nguyên nhân chủ yếu gây nên những tình trạng mất đoàn kết nơi này, nơi kia trong Đảng » (1). Những người có những tư tưởng xấu đó, thường chạy theo danh vọng, địa vị, quyền lợi, quên mất lợi ích của Đảng, của tập thể, đi đến chỗ hiềm khích nhau, đố kỵ nhau Họ tự đánh giá mình quá cao, buông lỏng mình nhưng lại rất nghiêm khắc với người khác, xét nét người khác một cách rất chi li. Lòng đố kỵ, sự ghen ghét, những ham muốn cá nhân nhiều lúc làm cho họ thiếu cách nhìn khách quan, khoa học, thiếu lòng trung thực, quên mất tình đồng chí thiêng liêng, quên mất lẽ sống cao đẹp của người cộng sản.

Trước những sai lầm đó, việc đấu tranh tư tưởng bằng tự phê bình và phê bình là rất cần thiết. Bỏ qua những sai lầm đó hoặc xuê xoa với nó là tạo điều kiện cho nó ngày càng lan rộng, ngày càng trở nên nghiêm trọng. Song có những đồng chí do thiếu bình tĩnh cân nhắc hoặc có khi do những động cơ cá nhân chủ nghĩa, thiếu tình thương yêu đồng chí, thiếu ý thức trị bệnh cứu người, đã dùng những thủ đoạn thô bạo để đối phó lại. Cách giải quyết một sai lầm này bằng một sai lầm khác như vậy, không những không khắc phục được tình trạng mất đoàn kết mà còn làm cho nó nặng nề hơn. Cách làm như vậy là không đúng với đường lối giáo dục của Đảng ta Đảng ta coi việc đấu tranh tư tưởng là để đoàn kết tốt hơn, coi tự phê bình và phê bình là một phương pháp căn bản để tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Tất nhiên, khi xem xét tình trạng mất đoàn kết ở một nơi nào đó, chúng ta không cào bằng mọi khuyết điểm, mọi nguyên nhân gây nên tình trạng đó, không thể vì bên nào cũng có khuyết điểm để rồi « hòa cả làng ». Đối với từng đồng chí cũng như đối với từng tập thể, cần nghiêm khắc đánh giá đúng phần trách nhiệm của mình và tự giác đóng góp phần tích cực nhất để sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm, xây dựng khối đoàn kết tốt hơn.

Một nguyên nhân khác gây nên tình trạng mất đoàn kết là bệnh quan liêu Có những đồng chí phụ trách không tôn trọng dân chủ nội bộ, không thật sự lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên, cho là mình có chức, có quyền, muốn làm gì thì làm, thậm chí trở nên chuyên quyền, hách dịch, độc đoán. Tình trạng đó làm cho cán bộ, đảng viên thắc mắc, và gây những rối rắm trong tổ chức Các đồng chí phụ trách đó quên mất rằng dù cương vị công tác có khác nhau,

(1) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977. trang 204.

Digitized by Google

mọi đảng viên đều bình đẳng trước tổ chức của Đảng. Lối độc đoán, chuyên quyền, tác phong gia trưởng, sự đàn áp tư tưởng v.v... là hoàn toàn xa lạ trong sinh hoạt của Đảng ta. Càng có chức vụ, quyền hành, càng phải hết lòng thương yêu, tôn trọng cấp dưới và những người cộng sự. Trong Đảng ta, chế độ tập trung dân chủ không mâu thuẫn với việc tự do tư tưởng trong Đảng, không mâu thuẫn với việc phát huy đến mức cao nhất quyền làm chủ trí tuệ và sự sáng tạo của mọi cán bộ, đảng viên. Quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên có được phát huy, thì cán bộ, đảng viên mới phấn khởi, tin tưởng, khối đoàn kết nội bộ do đó được tăng cường, quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới được bảo đảm đúng mức.

Tình trạng mất đoàn kết có thể còn do những nguyên nhân khác như óc bảo thủ, bệnh hẹp hòi, thành kiến, v v... Song dù do nguyên nhân nào, để xảy ra tình trạng mất đoàn kết cũng là có tội đối với Đảng, với cách mạng.

Đảng ta là một ý chí, và chỉ một mà thôi. Mỗi tổ chức Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải coi việc giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là **nhiệm vụ thiêng liêng nhất** của mình. Nhiệm vụ đó đòi hỏi sự cố gắng về nhiều mặt của từng người, của mỗi tổ chức của Đảng. Ra sức tu dưỡng, rèn luyện, tránh mọi sự tính toán cá nhân, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, khắc phục kịp thời mọi thiếu sót, mọi sự hiểu lầm, đó là cách làm có hiệu quả để **ngăn chặn từ đầu** tình trạng mất đoàn kết. Không ngừng nâng cao trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên là việc làm thường xuyên cần thiết để **ngày càng tạo nên sự nhất trí cao** trong toàn Đảng. Ngoài ra, còn phải thường xuyên bồi dưỡng tình đoàn kết cộng sản, mà những nét tiêu biểu, như Đảng ta đã từng chỉ rõ, là «thái độ chân thành và cởi mở, sự thương yêu và tôn trọng lẫn nhau, đức khiêm tốn, sự quan tâm, thông cảm lẫn nhau, hết lòng giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ và cùng tiến bộ». (2)

Những việc làm đó, được tiến hành một cách đồng bộ, với tấm lòng chân thành của những người cộng sản, nhất định sẽ làm cho Đảng ta, trong giai đoạn mới của cách mạng, càng giữ vững và phát huy cao độ sức mạnh đoàn kết, thống nhất, xứng đáng với lòng mong đợi và lời dạy của Hồ Chủ tịch.

NGƯỜI XÂY DỰNG

---

(2) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 203.

Digitized by Google

TIỆP-KHẮC
ĐẨY MẠNH NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN THEO CHIỀU SÂU

THÀNH-NAM

VIỆC đẩy mạnh nông nghiệp phát triển theo chiều sâu, tổ chức các cơ cấu sản xuất nông – công nghiệp kết hợp, áp dụng phương pháp sản xuất công nghiệp và dây chuyền công nghệ trong các ngành trồng trọt và chăn nuôi là đặc điểm chính trong giai đoạn hiện nay ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa.

Nếu ở Bun-ga-ri, việc tập trung và chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp được thực hiện dưới hình thức APK, ở Cộng hòa dân chủ Đức dưới hình thức liên doanh, v.v.. thì Tiệp-khắc, với đặc điểm và kinh nghiệm riêng của mình, đã tìm ra hình thức và bước đi thích hợp. Đó là việc thành lập những tập đoàn hiệp tác và những xí nghiệp nông nghiệp liên hợp mà sự hợp tác được thực hiện trên quy mô từng phần hoặc toàn bộ dây chuyền sản xuất.

Là nước nằm ở cao nguyên Trung Âu với 80% lãnh thổ có độ cao từ 200 — 800 mét so với mực nước biển, đất dốc chiếm phần lớn diện tích trồng trọt, nước ngầm ở độ sâu tương đối lớn, Tiệp-khắc không có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp. Ruộng đất trồng trọt tương đối ít: 7 triệu héc ta, bình quân đầu người chỉ có gần 0,5 héc ta. Vì vậy, trước đây mặc dù Tiệp-khắc là nước có nền công nghiệp sớm phát triển, nông nghiệp vẫn ở tình trạng lạc hậu, sản xuất nhỏ, phân tán.

Ngày nay, sau hơn 30 năm phấn đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, nền nông nghiệp Tiệp-khắc đã được cải tạo hoàn toàn. Có thể nói đó *là nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa mà đặc trưng chủ yếu là có trình độ tập trung và chuyên môn hóa sản xuất cao.*

So với những năm trước chiến tranh thế giới thứ hai, ruộng đất trồng trọt của Tiệp-khắc hiện nay giảm 10% (do xây dựng nhà máy, làm đường giao thông và gây rừng), lao động nông nghiệp giảm gần 2/3 (từ hơn 3 triệu người giảm xuống còn hơn 1 triệu và dự kiến còn tiếp tục giảm nữa), nhưng giá trị sản lượng nông nghiệp năm 1975 so với năm 1936 tăng 40%, nếu tính theo đầu người thì tăng gấp 5,5 lần và tính trên mỗi 1 héc ta đất trồng trọt thì tăng gấp hơn 2 lần. Hiện nay, mỗi lao động nông nghiệp mỗi năm sản xuất hơn 9 tấn ngũ cốc, 1,5 tấn thịt, 4.500 quả trứng, 5.200 lít sữa.... Mỗi lao động này có thể nuôi được 14 người với mức tiêu dùng cao. Nếu tính theo đầu người, nông nghiệp Tiệp-khắc sản xuất lương thực nhiều hơn mức bình quân đầu người của thế giới về ngũ cốc là 1,5 lần,

Digitized by Google

khoai tây : 4 lần, sữa : 3 lần và trứng : khoảng 2,5 lần. Cũng tính theo đầu người, Tiệp-khắc đứng thứ 4 trên thế giới về sản xuất lúa mì (sau Ca-na-đa, Mỹ và Hung-ga-ri), đứng thứ 3 về sản xuất lúa mạch (sau Ca-na-đa và Cộng hòa dân chủ Đức), đứng thứ 4 về sản xuất thịt (sau Đan-mạch, Hung-ga-ri và Ca-na-đa), đứng thứ 7 về sản xuất sữa và trứng. Về nhu cầu thực phẩm tính theo đầu người, Tiệp-khắc được xếp vào số những nước có tiêu chuẩn thực phẩm cao nhất.

Sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp Tiệp-khắc không những là một trong những nhân tố bảo đảm sự phát triển ổn định của nền kinh tế nói chung mà còn là nhân tố bảo đảm sự vững mạnh về chính trị. Năm 1968, 20 năm sau khi chính quyền nhân dân được thành lập, tàn dư của giai cấp tư sản được sự giúp đỡ của các lực lượng phản cách mạng ngoài nước, đã tập hợp lực lượng, tiến công chủ nghĩa xã hội, gây nên tình trạng khủng hoảng trong xã hội. Trong khi ở nhiều lĩnh vực kinh tế khác, bọn phản động đã gây ra tình trạng hỗn loạn thì trong nông nghiệp, không một hợp tác xã nào tan vỡ. Mặc dù bọn phản động lôi kéo, những nông dân tập thể được chế độ xã hội chủ nghĩa bảo đảm một cuộc sống tốt đẹp, đã kiên quyết ủng hộ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ chế độ sở hữu tập thể của mình. Chính nhờ nông nghiệp đã đứng vững trong những giờ phút thử thách nghiêm trọng đối với chủ nghĩa xã hội mà chỉ vài năm sau, trong kế hoạch 5 năm lần thứ 5 (1971 — 1975), nông nghiệp Tiệp-khắc đã phát huy cao độ thế mạnh của mình, tạo nên bước ngoặt trong ngành trồng lúa mì, năm 1974 đạt vụ mùa kỷ lục : 10,6 triệu tấn ngũ cốc, chứng minh khả năng thực tế Tiệp-khắc có thể tự túc lương thực trong một thời gian ngắn. Cũng trong kế hoạch 5 năm lần thứ 5 này, sản lượng nông nghiệp hằng năm tăng 3,5%, cao hơn mức tăng ở các nước tư bản chủ nghĩa, kể cả các nước trong khối thị trường chung châu Âu (EEC). Trong thời gian này, Tiệp-khắc đã sản xuất được 47 triệu tấn lương thực, vượt 5 triệu tấn so với kế hoạch, thu mua thịt gia súc tăng 420.000 tấn, thịt gia cầm tăng 120.000 tấn, sữa tăng 640 triệu lít. Đó là kết quả của quá trình cải tạo nông nghiệp, đẩy mạnh nông nghiệp phát triển theo chiều sâu ở Tiệp-khắc.

★

Sau khi cơ bản hoàn thành hợp tác hóa vào năm 1959, nông nghiệp Tiệp-khắc bắt đầu bước vào quá trình tập trung và chuyên môn hóa. Điều đặc biệt đáng chú ý là, không phải đợi đến khi có đầy đủ cơ sở vật chất và kỹ thuật nền nông nghiệp Tiệp-khắc mới đi vào tập trung và chuyên môn hóa. Ngay từ năm 1960, sau khi chuyển phần lớn máy kéo và các loại máy nông nghiệp khác từ các trạm máy kéo ở huyện về, các hợp tác xã nông nghiệp đã bắt đầu giai đoạn thứ nhất của tập trung hóa với việc hợp nhất những hợp tác xã được thành lập trên quy mô xã thành những hợp tác xã lớn hơn. Đến năm 1970, 12.140 hợp tác xã với diện tích trung bình 300 héc ta, đã được hợp nhất thành 6.270 hợp tác xã với diện tích trung bình 640 héc ta.

Trong ngành chăn nuôi, các xí nghiệp quốc doanh nuôi lợn, gia cầm, được thành lập. Đến năm 1970 toàn Tiệp-khắc có khoảng 100 xí nghiệp lớn, chủ yếu là nuôi lợn và gà công nghiệp. Đồng thời một số xí nghiệp phục vụ cho nông nghiệp như thủy lợi, xây dựng, sản xuất thức ăn gia súc, sấy cỏ, v v..., cũng đi vào tập trung và chuyên môn hóa.

Tuy vậy, trong thời gian này trong từng hợp tác xã, kể cả các hợp tác xã đã được hợp nhất, chưa có sự thay đổi nhiều về quản lý và tổ chức sản

Digitized by Google

xuất, cơ cấu cây trồng vẫn là nhiều chủng loại, trình độ thâm canh chưa cao, sản lượng nông nghiệp tăng không đáng kể. Hoạt động của các xí nghiệp nông nghiệp liên hợp cũng còn tự phát, thiếu sự chỉ đạo thống nhất cho nên hiệu quả kinh tế chưa cao.

Bước ngoặt quan trọng trong quá trình tập trung và chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp được đánh dấu từ sau Đại hội lần thứ XIV của Đảng cộng sản Tiệp-khắc (5-1971) Đại hội đã đề ra đường lối phát triển kinh tế dựa trên hiệu quả sản xuất cao, tận dụng mọi khả năng sẵn có của nền kinh tế. Đường lối trên nhấn mạnh nhiệm vụ của nông nghiệp là tự túc lương thực và tiến tới tự túc các thực phẩm chủ yếu. Con đường dẫn đến mục đích đó là thực hiện cuộc cách mạng trong nông nghiệp, đưa nông nghiệp đi vào tập trung và chuyên môn hóa sản xuất ở mức độ cao hơn.

Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: hai quá trình tập trung và chuyên môn hóa phải được tiến hành đồng thời, liên tục, từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện tới hoàn thiện; quy mô và nhịp độ phải phù hợp với lực lượng sản xuất, trình độ quan hệ sản xuất và nhất là trình độ tổ chức và quản lý sản xuất ở các xí nghiệp nông nghiệp.

Nguyên tắc cơ bản trong việc tập trung và chuyên môn hóa sản xuất là tự nguyện, hợp lý và có hiệu quả kinh tế. Đồng thời phải xuất phát từ khả năng thực tế và phù hợp với kế hoạch kinh tế quốc dân. Việc tiếp tục tập trung và chuyên môn hóa trước hết phụ thuộc vào nguồn tài chính, vật tư và năng lực cần thiết ngay trong bản thân nông nghiệp.

Từ năm 1971, việc hợp nhất các xí nghiệp nông nghiệp diễn ra với nhịp độ nhanh. Trong thời gian 6 năm, từ 1971 đến 1976, hơn 4.000 hợp tác xã đã được hợp nhất thành 2.165 hợp tác xã. Hiện nay, mỗi huyện ở Tiệp-khắc có khoảng 20 hợp tác xã với diện tích trung bình hơn 2.000 héc ta. Các hợp tác xã thật sự đã trở thành những xí nghiệp nông nghiệp lớn với cơ sở vật chất kỹ thuật mạnh, có điều kiện thuận lợi để thực hiện chuyên môn hóa một cách có hiệu quả (hiện nay quá trình hợp nhất các hợp tác xã vẫn tiếp tục vì còn khoảng 700 hợp tác xã canh tác trên diện tích dưới 1.000 héc ta).

Song song với việc hợp nhất các hợp tác xã, một số nông trường quốc doanh cũng được hợp nhất: hơn 300 nông trường quốc doanh năm 1971 (với diện tích canh tác trung bình 4.800 héc ta) đến cuối năm 1975 đã hợp nhất thành 250 nông trường (với diện tích trung bình 5.700 héc ta), đồng thời, việc phân chia lại đất đai giữa các nông trường và hợp tác xã cũng tạo nên những đơn vị sản xuất liền hoàn về đất đai, tăng khả năng phát triển sản xuất lớn.

Trong giai đoạn này, các quan hệ hiệp tác và chuyên môn hóa sản xuất đã có chất lượng mới. Trong khu vực chăn nuôi, các xí nghiệp liên hợp tiếp tục được mở rộng và củng cố. Đến cuối năm 1975 số xí nghiệp chăn nuôi liên hợp giảm xuống còn 79 xí nghiệp. Các xí nghiệp nuôi lợn và gà được tập trung và mở rộng thành những xí nghiệp sản xuất lớn (trong số 79 xí nghiệp liên hợp có 32 xí nghiệp chăn nuôi lợn tập hợp 443 cơ sở chăn nuôi trước đây, 10 xí nghiệp nuôi gà hợp nhất từ 205 cơ sở cũ, 32 xí nghiệp sấy cỏ và sản xuất thức ăn gia súc hợp nhất 167 cơ sở cũ và 5 xí nghiệp chăn nuôi gia súc lớn hợp nhất từ 35 cơ sở cũ).

Năng suất lao động ở các xí nghiệp liên hợp nhờ tính ưu việt của sự phân công lao động mới và nhờ trang bị kỹ thuật được tăng cường, tăng từ 4 đến 8 lần so với năng suất trước đây của các hợp tác xã. Đóng góp của các xí nghiệp liên hợp về sản phẩm chăn nuôi bán ra thị trường ngày càng lớn: về trứng năm 1971 các xí nghiệp liên hợp mới đóng góp 22,1%, đầu năm

Digitized by Google

[illegible]

Như vậy *xí nghiệp nông nghiệp liên hợp* và *tập đoàn hiệp tác* là hai hình thức chủ yếu để thực hiện tập trung và chuyên môn hóa trong sản xuất nông nghiệp Tiệp-khắc. Xí nghiệp nông nghiệp liên hợp là đơn vị sản xuất có tư cách pháp nhân, các xí nghiệp thanh viên tham gia xí nghiệp liên hợp trở thành những bộ phận của nó. Hiện nay hình thức này được áp dụng phổ biến trong ngành chăn nuôi. Còn tập đoàn hiệp tác là

[illegible]

Ngoài ra ở Tiệp-khắc có lý [illegible] hợp toàn huyện được [illegible] điểm. Những [illegible] là có nhiều [illegible] trong các phương [illegible] sản xuất. Nhưng đó là [illegible] của công tác *quản lý*, [illegible] xí nghiệp hợp hình thức này [illegible] kết quả có thể thuyết phục [illegible] và cần đáng trên [illegible] đương làm thử.

Song song với quá trình tập trung [illegible] và chuyên môn hóa sản xuất, cơ sở vật chất và kỹ thuật của nông nghiệp được tăng cường không ngừng. Từ năm 1960 đến năm 1975, giá trị [illegible] phương tiện cơ bản trong nông nghiệp đã tăng từ 71 tỷ cu rôn lên [illegible] cu rôn. Nhờ tăng cường đầu tư, số [illegible] đơn vị máy kéo tính trên 1.000 héc-ta đất nông nghiệp đã tăng từ 13 năm 1960 lên 32,5 năm 1975, số máy gặt đập trong cùng thời gian đó đã tăng từ 2.6 lên 7,3. Các loại máy móc phục vụ việc gieo trồng và thu hoạch khoai tây, củ cải đường, lanh v.v... cũng tăng lên đáng kể. Nhiều loại máy kéo có công suất lớn, có loại tới 200 sức ngựa. Hiện nay trong ngành chăn nuôi, hầu hết các chuồng trại đã được cơ giới hóa. Các trại nuôi gà và lợn thật sự là những dây chuyền công nghệ hoàn chỉnh cần rất ít công nhân phục vụ (trung bình 1 xí nghiệp liên hợp nuôi gà hàng năm sản xuất khoảng

Digitized by Google

quả trứng chỉ có thể trong khoảng nghiệp chăn nuôi mới xuất khoảng 50 000 tấn hoàng 20 công khai. Trong trồng trọt, việc hợp tác xã trong khoảng cách của ông và thu nhập lợi tức đã 0%. Thu nhập lợi tức khoảng tây không [illegible] củ cải đường [illegible]

n cơ sở đã [illegible] và chuyên môn [illegible] nay, xuất phát từ [illegible] ương thực. Hội nghị lần thứ trung ương của [illegible] khác hẳn về [illegible] đã đề ra phương [illegible] giai đoạn tập trung và [illegible] hóa hiện nay. Nội dung [illegible] h: qua trình tập trung và [illegible] n hóa không thể tách rời [illegible] tế của nền kinh tế và [illegible] của các xí nghiệp [illegible] ung cũng không được tách rời [illegible] ước yêu cầu và [illegible] ông nghiệp. Các xí nghiệp [illegible] ghiệp hiện nay vẫn là [illegible] của cơ cấu tổ chức sản xuất, hoặc phá hay đổi dần cơ cấu sản xuất và tổ chức bên trong của xí nghiệp [illegible] trí của nó trong phân công lao động xã hội. Đồng thời, phải tiến hành liên tục của quá trình tái sản xuất xã hội với hiệu quả cao nhất trong nông nghiệp.

Đối với ngành trồng trọt, sẽ hình thành những vùng lớn chuyên trồng ngũ cốc, cây và một số loại cây khác, tiếp tục mở rộng quy mô các xí nghiệp và tăng cường chuyên môn hóa bằng các hình thức tập đoàn hiệp tác và xí nghiệp liên hợp. Việc chăm bón và bảo vệ cây trồng, sử dụng kỹ thuật chuyên môn, xây dựng những cơ sở chế biến thức ăn gia súc, tổ chức giao thông trong nông nghiệp, v.v... sẽ tiếp tục được thực hiện trên quy mô lớn.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 6, ngành chăn nuôi mà trọng tâm là chăn nuôi gia súc lớn, sẽ tiếp tục xây dựng [illegible]

Nông nghiệp Tiệp-khắc ngày nay [illegible] tế quốc dân. Tiệp-khắc là nước công nghiệp phát triển. Tiệp-khắc tham gia rất sâu vào phân công lao động quốc tế và vì thế rất nhạy cảm với những biến động trong nền kinh tế thế giới. Tiệp-khắc không những ở nền kinh tế hướng tư bản chủ nghĩa có gây trở ngại khó khăn cho kinh tế Tiệp-khắc. Để khắc phục những tác động tiêu cực này, nông nghiệp Tiệp-khắc bằng cách phát huy mọi khả năng, sẽ hạn chế nhập khẩu lương thực và thực phẩm, đồng thời tạo thêm những nguồn xuất khẩu mới. Trước đây, hàng năm Tiệp-khắc phải nhập khoảng một triệu tấn ngũ cốc. Năm 1976, do bị hạn hán, sản lượng ngũ cốc không đạt kế hoạch cho nên phải nhập thêm một khối lượng lớn ngũ cốc, chủ yếu dùng cho chăn nuôi (ngành chăn nuôi tiêu thụ khoảng 75% sản lượng ngũ cốc). Theo tính toán, trên diện tích trồng cỏ hiện nay, nếu Tiệp-khắc tăng năng suất thêm một tạ cỏ trên mỗi hec ta thì có thể tiết kiệm

Digitized by Google

1974 tăng lên 36,4%, về lợn thịt năm 1971 mới đóng góp 2%, đầu năm 1974 tăng lên 12,3%.

Trong khâu phục vụ sản xuất nông nghiệp, trình độ tập trung và chuyên môn hóa cũng tăng rõ rệt. Hiện nay gần 100 xí nghiệp xây dựng (tập hợp gần 3.200 đội xây dựng trước đây) đảm nhiệm việc xây dựng cho các xí nghiệp nông nghiệp. 46 xí nghiệp nông hóa (tập hợp 1.266 cơ sở nhỏ trước đây) đảm nhiệm việc cung cấp các loại phân bón và thuốc trừ sâu cho hầu hết các xí nghiệp nông nghiệp.

Trong ngành trồng trọt, do tính chất phức tạp của sản xuất và diện tích đất canh tác lớn cho nên các hình thức chuyên môn hóa mới được thực hiện bước đầu, thể hiện rõ nhất trong việc sử dụng máy bay để bón phân và phun thuốc trừ sâu bảo vệ cây trồng. Năm 1975 hơn 3 triệu héc ta đất trồng trọt đã được chăm sóc bằng máy bay, chiếm hơn 60% tổng số diện tích và dự kiến đến cuối kế hoạch 5 năm lần thứ 6 sẽ chiếm tới 95%. Một hình thức chuyên môn hóa phổ biến khác là việc sử dụng với mức độ tập trung cao các phương tiện cơ giới. Ví dụ, trong mùa thu hoạch, các máy gặt đập liên hợp, ô tô vận tải và các loại máy công cụ kèm theo được tập trung đến gặt ở những vùng lúa mì chín trước theo một kế hoạch thống nhất. Nhờ vậy lúa chín được thu hoạch ngay, thời gian thu hoạch rút ngắn và lúa đỡ bị hao hụt.

Như vậy *xí nghiệp nông nghiệp liên hợp* và *tập đoàn hiệp tác* là hai hình thức chủ yếu để thực hiện tập trung và chuyên môn hóa trong sản xuất nông nghiệp Tiệp-khắc. Xí nghiệp nông nghiệp liên hợp là đơn vị sản xuất có tư cách pháp nhân, các xí nghiệp thành viên tham gia xí nghiệp liên hợp trở thành những bộ phận của nó. Hiện nay hình thức này được áp dụng phổ biến trong ngành chăn nuôi. Còn tập đoàn hiệp tác là hình thức hợp tác trong đó các thành viên tham gia vẫn giữ nguyên tư cách độc lập của mình, và tùy theo điều kiện tự nhiên và kinh tế cụ thể mà lựa chọn các lĩnh vực hợp tác trên cơ sở hợp đồng giữa các xí nghiệp. Các xí nghiệp thành viên có thể thành lập các đội chuyên, hoạt động dưới sự điều khiển của *Hội đồng hiệp tác* do các xí nghiệp thành viên bầu ra. Hội đồng cũng đại diện cho quyền lợi của tập đoàn hiệp tác. Hình thức này hiện nay đang được áp dụng bước đầu trong ngành trồng trọt và cả trong ngành chăn nuôi.

Ngoài ra, ở Tiệp-khắc có 19 xí nghiệp liên hợp toàn huyện được thành lập làm thí điểm. Những xí nghiệp này có ưu điểm là có nhiều khả năng tập trung các phương tiện để phát triển sản xuất. Nhưng do tính chất phức tạp của công tác quản lý những xí nghiệp lớn, hình thức này chưa đạt kết quả có thể thuyết phục nhiều người và còn đang trên bước đường làm thử.

Song song với quá trình tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất, cơ sở vật chất và kỹ thuật của nông nghiệp được tăng cường không ngừng. Từ năm 1960 đến năm 1975, giá trị phương tiện cơ bản trong nông nghiệp đã tăng từ 71 tỷ cu ron lên 160 tỷ cu ron. Nhờ tăng cường đầu tư, số đơn vị máy kéo tính trên 1.000 héc ta đất nông nghiệp đã tăng từ 13 năm 1960 lên 32,5 năm 1975, số máy gặt đập trong cùng thời gian đó đã tăng từ 2,6 lên 7,3. Các loại máy móc phục vụ việc gieo trồng và thu hoạch khoai tây, củ cải đường, lanh v.v... cũng tăng lên đáng kể. Nhiều loại máy kéo có công suất lớn, có loại tới 200 sức ngựa. Hiện nay trong ngành chăn nuôi, hầu hết các chuồng trại đã được cơ giới hóa. Các trại nuôi gà và lợn thật sự là những dây chuyền công nghệ hoàn chỉnh cần rất ít công nhân phục vụ (trung bình 1 xí nghiệp liên hợp nuôi gà hàng năm sản xuất khoảng

Digitized by Google

80 triệu quả trứng chỉ có 50 công nhân, mỗi xí nghiệp chăn nuôi lợn hằng năm sản xuất khoảng 55.000 tấn thịt chỉ có khoảng 20 công nhân). Trong khu vực trồng trọt, tỷ lệ cơ giới hóa ở các hợp tác xã trong khâu làm đất, gieo trồng và thu hoạch ngũ cốc đã đạt 100%, thu hoạch ngô 81%, thu hoạch khoai tây khoảng 70%, thu hoạch củ cải đường 80%.

Trên cơ sở đánh giá tình hình tập trung và chuyên môn hóa nông nghiệp hiện nay, xuất phát từ nhiệm vụ tự túc lương thực, Hội nghị Ban chấp hành trung ương của Đảng cộng sản Tiệp-khắc bàn về nông nghiệp (10-1975) đã đề ra phương hướng chung cho giai đoạn tập trung và chuyên môn hóa hiện nay. Hội nghị nhấn mạnh: quá trình tập trung và chuyên môn hóa không thể vượt quá khả năng thực tế của nền kinh tế và sự chuẩn bị của các xí nghiệp nông nghiệp, nhưng cũng không được chậm trễ trước yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra cho nông nghiệp. Các xí nghiệp nông nghiệp hiện nay vẫn là đơn vị cơ sở của cơ cấu tổ chức sản xuất, song phải thay đổi dần cơ cấu sản xuất và tổ chức bên trong của nó cũng như vị trí của nó trong phân công lao động xã hội. Đồng thời, phải bảo đảm tính liên tục của quá trình tái sản xuất với hiệu quả cao nhất trong nông nghiệp.

Đối với ngành trồng trọt, sẽ hình thành những vùng liên hoàn chuyên trồng ngũ cốc, cỏ và từ một đến hai loại cây khác, tiếp tục mở rộng quy mô các xí nghiệp và tăng cường chuyên môn hóa bằng các hình thức tập đoàn hiệp tác và xí nghiệp liên hợp. Việc chăm bón và bảo vệ cây trồng, sử dụng kỹ thuật chuyên môn, xây dựng những cơ sở chế biến thức ăn gia súc, tổ chức giao thông trong nông nghiệp, v.v... sẽ tiếp tục được thực hiện trên quy mô lớn.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 6, ngành chăn nuôi mà trọng tâm là chăn nuôi gia súc lớn, sẽ tiếp tục xây dựng những tập đoàn hiệp tác chuyên nuôi một hoặc hai loại gia súc lớn. Việc phân vùng chuyên chăn nuôi cũng được thực hiện: chung quanh các đô thị chủ yếu nuôi bò sữa, vùng núi và trung du nuôi gia súc làm giống, các vùng khác nuôi gia súc lấy thịt. Về chăn nuôi lợn và gia cầm sẽ tiếp tục xây dựng những xí nghiệp liên hợp sản xuất lớn trên nguyên tắc vòng sản xuất khép kín với sự tham gia từng bước của công nghiệp chế biến đi tới cung cấp thành phẩm tận tay người tiêu dùng. Hình thức này cũng được áp dụng trong ngành trồng nho và các cây ăn quả khác, trồng và chế biến thuốc lá v.v... Các xí nghiệp nông nghiệp, các tổ chức thương nghiệp và ngành công nghiệp chế biến tham gia hình thức hợp tác này ký các hợp đồng dài hạn làm cơ sở cho hoạt động hợp tác, song các xí nghiệp vẫn giữ nguyên tư cách pháp nhân của mình.

Nông nghiệp Tiệp-khắc ngày nay đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tiệp-khắc là nước công nghiệp phát triển. Tiệp-khắc tham gia rất sâu vào phân công lao động quốc tế và vì thế rất nhạy cảm với những biến động trong nền kinh tế thế giới. Tình hình khủng hoảng ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa có gây những khó khăn cho kinh tế Tiệp-khắc. Để khắc phục những tác động tiêu cực này, nông nghiệp Tiệp-khắc bằng cách phát huy mọi khả năng, sẽ hạn chế nhập khẩu lương thực và thực phẩm, đồng thời tạo thêm những nguồn xuất khẩu mới. Trước đây, hằng năm Tiệp-khắc phải nhập khoảng một triệu tấn ngũ cốc. Năm 1976, do bị hạn hán, sản lượng ngũ cốc không đạt kế hoạch cho nên phải nhập thêm một khối lượng lớn ngũ cốc, chủ yếu dùng cho chăn nuôi (ngành chăn nuôi tiêu thụ khoảng 75% sản lượng ngũ cốc). Theo tính toán, trên diện tích trồng cỏ hiện nay, nếu Tiệp-khắc tăng năng suất thêm một tạ cỏ trên mỗi héc ta thì có thể tiết kiệm

Digitized by Google

được 10 vạn tấn ngũ cốc. Đây là năng lực tiềm tàng to lớn nhất trong nông nghiệp hiện nay. Đại hội lần thứ XV của Đảng cộng sản Tiệp-khắc đã đề ra nhiệm vụ cho kế hoạch 5 năm 1976 – 1980 là tạo nên bước ngoặt trong ngành trồng cỏ, phấn đấu đưa khối lượng bột cỏ sấy khô từ 60 vạn tấn hiện nay lên 1,6 đến 2 triệu tấn bột cỏ khô năm 1980. Lượng bột cỏ khô này có thể thay thế cho từ 80 vạn đến 1 triệu tấn ngũ cốc mà trước đây hằng năm Tiệp-khắc phải nhập của nước ngoài. Về mặt chỉ đạo thực hiện, bắt đầu từ kế hoạch 5 năm này, bột cỏ khô được ghi vào chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch. Đại hội cũng đề ra nhiệm vụ khôi phục địa vị truyền thống của ngành trồng củ cải đường và sản xuất đường, tăng thêm khối lượng đường xuất khẩu hàng năm của Tiệp-khắc.

Song song với việc xây dựng hệ thống quản lý mới, chất lượng công tác chỉ đạo được nâng cao từ các hợp tác xã, nông trường đến các phòng nông nghiệp huyện, tỉnh, các tổng công ty và Bộ nông nghiệp. Cách làm ăn theo lối cũ, tư tưởng địa phương cục bộ và tình trạng chậm trễ trong việc giải quyết những vấn đề đã chín muồi được khắc phục. Công tác quản lý được chuyển từ cách quản lý canh tác nhiều loại sản phẩm sang chuyên canh một loại sản phẩm (hiện nay mới có khoảng 15% tổng số xí nghiệp nông nghiệp chuyên sản xuất một loại sản phẩm). Nhiệm vụ chính của phòng nông nghiệp huyện là củng cố các xí nghiệp nông nghiệp liên hợp, phát triển sản xuất tập trung và chuyên môn hóa trong trồng trọt và chăn nuôi gia súc lớn trên địa bàn huyện. Ty nông nghiệp tỉnh đóng vai trò cấp quản lý toàn diện ở địa phương. Ty có nhiệm vụ chủ yếu là đề ra phương hướng chuyên môn hóa, nhất là trong ngành trồng trọt, và thực hiện phương hướng ấy thông qua kế hoạch; đề ra phương hướng đầu tư và cùng phối hợp với các ủy ban dân tộc và các cấp quản lý của ngành công nghiệp thực phẩm, bảo đảm sự hài hòa giữa việc phát triển nông nghiệp và sự phân bố năng lực sản xuất của ngành công nghiệp thực phẩm. Cấp quản lý trung gian là các tổng công ty, có nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu và áp dụng những quy trình công nghệ và các phương pháp sản xuất mới phù hợp với quá trình tập trung và chuyên môn hóa, phát triển các quan hệ hiệp tác và liên kết giữa các xí nghiệp nông nghiệp.

Đại hội lần thứ XV của Đảng cộng sản Tiệp-khắc (4-1976) đã đề ra nhiệm vụ to lớn cho nông nghiệp Tiệp-khắc trong kế hoạch 5 năm lần thứ 6 là: hằng năm sản xuất từ 10,5 đến 11 triệu tấn ngũ cốc, 9 triệu tấn củ cải đường, 4 triệu tấn khoai tây, tiến tới tự túc hoàn toàn về lương thực và thực phẩm. Đây không phải là nhiệm vụ riêng của ngành nông nghiệp mà là nhiệm vụ trung tâm của toàn xã hội. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ to lớn đó, trong kế hoạch 5 năm này, nông nghiệp Tiệp-khắc được đầu tư khoảng 27 tỷ cu ron máy móc và thiết bị, trong đó có 49.000 máy kéo, 10.000 máy gặt đập; mỗi héc ta đất canh tác được bón 268kg phân bón nguyên chất, xây dựng thêm hệ thống tưới và tiêu nước cho ít nhất là 360.000 ha đất trồng trọt, v.v...

Dưới ánh sáng của nghị quyết Đại hội lần thứ XV của Đảng cộng sản Tiệp-khắc, nông nghiệp Tiệp-khắc đang bước vào giai đoạn phát triển mới. Những thành tựu to lớn mà nền nông nghiệp Tiệp-khắc đạt được trong 30 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là tiền đề cơ bản để nông nghiệp Tiệp-khắc vươn lên những đỉnh cao mới.

Digitized by Google

Cuộc sống Ê-ti-ô-pi đang biến đổi

[illegible]

Ê-ti-ô-pi [illegible] đã có thời kỳ [illegible] người Á-rập. Từ thế kỷ XVI, Công giáo [illegible] Ê-ti-ô-pi [illegible] Công giáo. Ê-ti-ô-pi [illegible] Nhà nước A-bi-xi-ni đã [illegible] phát triển thành chiếm vương quốc nhỏ. Đến triều đại Mê-lê-nich II (1889 — 1913) mới thống nhất thành một vương quốc, gọi là Ê-ti-ô-pi. Năm 1896, nhân dân Ê-ti-ô-pi đã đánh bại quân xâm lược Ý, buộc Ý thừa nhận nền độc lập hoàn toàn. Nhưng Ý chiếm được tỉnh E-ri-tơ-ri-a làm thuộc địa của mình. Năm 1935, Ý lại tiến hành xâm lược và chiếm đóng toàn bộ nước Ê-ti-ô-pi. Đến những năm chiến tranh thế giới thứ hai, Ê-ti-ô-pi đã khôi phục được nền độc lập chính trị của mình. Nhưng thực tế lại lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc Anh, sau đó lệ thuộc vào đế quốc Mỹ.

[illegible]

[illegible] đế quốc Mỹ [illegible] mục đích chủ yếu là [illegible] nước ngoài, không cho nền kinh tế của Ê-ti-ô-pi

Nước Ê-ti-ô-pi quân chủ phản động theo đường lối đối ngoại thân Mỹ và thân I-xra-en. Đế quốc Mỹ coi thời kỳ đã dành cho Ê-ti-ô-pi một số tiền viện trợ hàng năm bằng một nửa tổng số viện trợ Mỹ cho toàn châu Phi.

Quan hệ ruộng đất trong cả nước trên chẳng những trói buộc quần chúng nông dân trong đói khổ lạc

Digitized by Google

tăm, mà còn kìm hãm sự phát triển của sản xuất nông nghiệp. Nền nông nghiệp Ê-ti-ô-pi có thời từng được coi là một trong những vựa lúa của châu Phi, có khả năng cung cấp lương thực cho tất cả các nước ở Cận Đông và vùng Địa-trung-hải. Nhưng đến nay, năng suất một héc-ta không đầy một tấn, cộng thêm nạn hạn hán 1973 – 1974, làm cho hàng chục vạn người và hàng triệu gia súc bị chết đói.

Trong lúc trên thế giới, ba dòng thác cách mạng đang diễn ra sôi sục, nhất là tại châu Á và châu Phi, phong trào giải phóng dân tộc đang thức tỉnh hàng trăm triệu người, lôi cuốn họ tham gia vào cuộc đấu tranh chống đế quốc, giải phóng xã hội và giải phóng giai cấp, thì tại Ê-ti-ô-pi, hằng ngày, đài phát thanh A-đi A-bê-ba lải nhải về sự tôn nghiêm của hoàng đế, về đức bệ hạ Xê-lát-xi-ê là ngôi vua họ Nê-guýt thứ 225 thuộc giòng giõi vua Xa-lô-mông, người sáng lập ra Nhà nước Do-thái cổ đại cách đây 3.000 năm. Trong điều kiện nhân dân bị áp bức và bóc lột rất thậm tệ, luận điệu tuyên truyền ngu dân đó không thể lừa bịp được nhiều người, nhất là những người tiến bộ và yêu nước chân chính. Làn sóng căm phẫn trong quần chúng từ ngấm ngầm cuối cùng đã bùng nổ. Trong hai chục năm qua, các cuộc đình công của công nhân, các cuộc nổi dậy của nông dân, biểu tình của sinh viên, và các cuộc đấu tranh khác đã tăng lên mạnh mẽ. *Đến đầu năm 1974, phong trào đấu tranh phát triển với quy mô cả nước.* Lúc này, trong quân đội đã hình thành một trung tâm lãnh đạo cách mạng, đó là Ủy ban phối hợp các lực lượng vũ trang, tập hợp các đại biểu của binh sĩ, sĩ quan, hạ sĩ quan yêu nước và tiến bộ. Trung tá Men-gít-stu Hai-lê Ma-ri-am, lúc đó cũng là một thành viên và kể từ tháng 6-1974 là Chủ tịch ủy ban này. Được sự ủng hộ của tất cả mọi giai cấp bị áp bức, mọi tầng lớp xã hội, Ủy ban phối hợp các lực lượng vũ trang đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh liên tục trong 7 tháng, lúc đầu đưa ra những khẩu hiệu đòi cải cách, đã lần lượt lật đổ hai chính phủ của hoàng tộc, cuối cùng đã lật đổ Xê-lát-xi-ê vào ngày 12-9-1974, đánh dấu một trong những ngày vĩ đại nhất trong lịch sử Ê-ti-ô-pi.

Nhân dân Ê-ti-ô-pi đã lật đổ triều đình phong kiến và xóa bỏ cơ sở kinh tế của nó là chế độ sở hữu ruộng đất đại địa chủ và quý tộc. Thay thế triều đình phong kiến cũ là Chính phủ quân sự lâm thời thuộc Hội đồng chấp chính quân sự lâm thời. Hai cơ quan này hiện nay do Trung tá Men-gít-stu Hai-lê Ma-ri-am đứng đầu. Nhà nước đã quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất, các xí nghiệp công nghiệp, ngân hàng, các công ty tư bản trong và ngoài nước. Các đoàn thể chính trị của các tầng lớp lao động được thành lập, như « Hội nông dân », Công đoàn toàn Ê-ti-ô-pi ; dân quân tự vệ hiện có nửa triệu người ; các mạng lưới y tế, giáo dục được chấn chỉnh và tăng cường. Trong các thành tựu của cách mạng, đáng chú ý nhất là cuộc cải cách ruộng đất tiến hành từ tháng 3-1975 đến tháng 6-1976. Luật cải cách ruộng đất quy định tất cả ruộng đất và rừng, bãi chăn nuôi đều thuộc « sở hữu toàn dân ». Ruộng đất đó trước mắt được chia cho nông dân không có hoặc thiếu ruộng, do nông dân tự mình canh tác trên số ruộng được chia, không được thuê mướn người làm, không được nhượng bán. Tất cả đất đai của đồn điền tư bản chủ nghĩa được chuyển thành nông trường quốc doanh. Khoảng 7 triệu nông dân đã được tổ chức vào nông hội. Tại miền Nam và miền Trung, hàng trăm hợp tác xã đã được thành lập.

Trong điều kiện rất thiếu các phương tiện thông tin, báo chí, chính quyền cách mạng đã phát động một chiến dịch nhằm nhanh chóng nâng

Digitized by Google

cao trình độ giác ngộ chính trị cho nông dân, tổ chức nông dân lại và đưa họ đi vào con đường cách mạng. Từ tháng giêng 1975, khoảng sáu vạn thanh niên nam nữ ở thủ đô đã được cử về các vùng nông thôn. Các đội công tác này hoạt động về rất nhiều mặt như mở lớp giảng dạy chính trị, xóa nạn mù chữ, thành lập Hội nông dân, xây dựng dân quân tự vệ, thành lập hợp tác xã, tổ chức nông dân lại để chống bọn phản cách mạng. Một trong những công việc quan trọng nhất của các đội công tác là giúp đỡ nông dân thực hiện cải cách ruộng đất

Tại các thành phố, chính quyền mới cũng đã thi hành nhiều biện pháp cải tạo như quốc hữu hóa đất và nhà cho thuê; quy định mỗi gia đình vào loại này chỉ được phép có một ngôi nhà, diện tích đất không vượt quá 500m^2; giảm bớt tiền thuê nhà cho các tầng lớp có thu nhập thấp; thanh lập các Ban quản lý khu phố và đưa tất cả những người sống ở thành phố vào « Hội thị dân ». Việc thanh lập Công đoàn toàn Ê-ti-ô-pi đánh dấu một bước tiến quan trọng của giai cấp công nhân Ê-ti-ô-pi và vai trò của nó trong cách mạng. Một trong những nét nổi bật của cách mạng Ê-ti-ô-pi là lực lượng cách mạng luôn nâng cao cảnh giác, mấy lần làm thất bại âm mưu đen tối của bọn phản cách mạng, tay sai của chủ nghĩa đế quốc, ẩn náu ngay trong cấp chính quyền cao nhất. Nhờ đó, bộ máy Nhà nước được củng cố.

Đi đôi với những thắng lợi đã đạt được, các nhà lãnh đạo cách mạng Ê-ti-ô-pi đã có gắng vạch ra cho mình những *cương lĩnh* chính trị đúng ngày càng rõ ràng hơn. Văn kiện quan trọng nhất của Hội đồng tối cao quân sự làm thời là « *Cương lĩnh cách mạng dân tộc dân chủ của Ê-ti-ô-pi* » được công bố ngày 20-4-1976. Cương lĩnh này đã đưa ra những mục tiêu cụ thể của công cuộc cải tạo xã hội, xác định vai trò và nhiệm vụ của các giai cấp đối với công cuộc cải tạo đó. Cương lĩnh xác định rằng « bản chất của xã hội Ê-ti-ô-pi là nửa phong kiến, nửa tư bản và những vấn đề của nó bắt nguồn từ chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản quan liêu... ». Trong xã hội Ê-ti-ô-pi có các « mâu thuẫn giữa nông dân và giai cấp phong kiến, giữa công nhân và tư bản, giữa quần chúng Ê-ti-ô-pi và chủ nghĩa đế quốc. Thêm vào đó là những mâu thuẫn ở bên trong các dân tộc, tôn giáo, chủng tộc..., mặc dù thuộc loại mâu thuẫn thứ yếu, nhưng cũng chờ được giải quyết ». Biện pháp thích hợp nhất để giải quyết các mâu thuẫn đó, theo cương lĩnh, là « bắt đầu bằng cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và sẽ giành được thắng lợi xuyên qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tiếp theo. Mục tiêu của cách mạng dân tộc dân chủ là giải phóng Ê-ti-ô-pi khỏi chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa đế quốc, đặt nền móng cho bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ». Cương lĩnh còn tuyên bố rằng « chủ nghĩa xã hội đã được tuyên bố như là nguyên tắc chỉ đạo của cách mạng và điều đó đã mở ra con đường tăng cường quan hệ với thế giới xã hội chủ nghĩa ». Cương lĩnh vạch rõ các mục tiêu và nội dung cụ thể của cách mạng như thủ tiêu quan hệ sản xuất phong kiến và đế quốc, xây dựng nền kinh tế dân tộc và độc lập theo một kế hoạch tập trung và thống nhất trên những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội; quốc hữu hóa ruộng đất không thu tiền, bảo đảm quyền sở hữu của nhân của nông dân

Digitized by Google

đồng thời phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc thoát khỏi ảnh hưởng của văn hóa nô dịch, phản động của chủ nghĩa đế quốc; giải quyết vấn đề dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tự quyết; xây dựng chính quyền nhân dân vững mạnh; thành lập mặt trận dân tộc thống nhất... Cuối cùng, cương lĩnh vạch rõ: « Điều duy nhất để đảm bảo cho thắng lợi cuối cùng là phải có một đảng vô sản chân chính... Chính phủ sẽ không ngừng giúp đỡ các nhóm cách mạng và những cá nhân đang đấu tranh để thành lập một đảng tiên phong như vậy ».

Tuy nhiên, trên con đường thực hiện cương lĩnh nói trên, cách mạng Ê-ti-ô-pi *đang phải khắc phục rất nhiều khó khăn* do những hoạt động phá hoại và gây rối của các giai cấp và thế lực vừa bị tước đoạt hết đặc quyền đặc lợi gây nên; chúng cấu kết với chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, cùng với các giới phản động nước ngoài đang tạo ra một « đám mây phản cách mạng bao phủ » ở khắp nơi trên đất nước Ê-ti-ô-pi rộng bao la. Đó là bọn bạch vệ vũ trang, bọn quý tộc, địa chủ phong kiến, giai cấp tư sản có tổ chức, những phần tử phản động giả danh cách mạng... Tất cả những bọn này đang tiến hành hàng loạt cuộc phá hoại kinh tế, giết hại cán bộ và nhân dân, nổi loạn vũ trang chống chính quyền trung ương và gây chia rẽ dân tộc. Trong tất cả những hoạt động tội ác đó, có bàn tay dẫm máu của CIA của đế quốc Mỹ và các tập đoàn tay sai của Mỹ ở vùng này.

Trước mắt, nhân dân Ê-ti-ô-pi đang phải giải quyết vấn đề lãnh thổ ở miền Đông và ở miền Bắc. Có thể nói đó là những khó khăn lớn của cách mạng Ê-ti-ô-pi hiện nay (1).

Sau hàng nghìn năm sống trong cảnh nô lệ tối tăm, *nhân dân Ê-ti-ô-pi đã thức tỉnh*. Đây là sự nổi dậy của cả một dân tộc đã từng có truyền thống chống chế độ phong kiến áp bức và chống đế quốc xâm lược, trước đây đã bảo vệ được nền độc lập chính trị của mình giữa một châu Phi bị đô hộ. Nhân dân Ê-ti-ô-pi chẳng những bước đầu có ý thức cách mạng, mà cũng đã bước đầu gắn bó với cách mạng. Hàng chục triệu nông dân và hàng triệu nhân dân thành phố và quần chúng công nhân, bắt đầu được hưởng những lợi ích của thành quả cách mạng. Có thể nói tuyệt đại đa số công nhân, nông dân và binh sĩ trong quân đội đều tích cực ủng hộ và tin tưởng vào cách mạng. Đó là nhân tố quyết định.

Một nhân tố quan trọng là cách mạng Ê-ti-ô-pi diễn ra trong điều kiện

---

(1) Tỉnh E-ri-tơ-ri-a có diện tích 119.000 ki-lô-mét vuông và trên 3 triệu dân, nằm kéo dài suốt bờ biển phía bắc của Ê-ti-ô-pi. Vốn là một tỉnh của Ê-ti-ô-pi, E-ri-tơ-ri-a bị Ý chiếm đóng (1896) rồi bị Anh chiếm đóng (1941). Trong thời kỳ chế độ phong kiến Xê-lát-xi-ê thống trị, phong trào đấu tranh ở E-ri-tơ-ri-a chống lại chính quyền phong kiến phản động trung ương, mang tính chất tiến bộ nhất định. Sau khi chính quyền phản động bị lật đổ, chính quyền mới ở Ê-ti-ô-pi đã có gắng giải quyết vấn đề E-ri-tơ-ri-a theo tinh thần đoàn kết dân tộc, tôn trọng quyền tự quyết. Nhưng do những nguyên nhân xuất phát từ phong trào ly khai, nhất là do âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ cùng bọn tay sai, vấn đề E-ri-tơ-ri-a chưa được giải quyết.

—Ô-ga-đen là một vùng gồm 3 tỉnh ở phía đông của Ê-ti-ô-pi, giáp Xô-ma-li, diện tích khoảng 1 phần 5 Ê-ti-ô-pi, có mấy chục vạn dân du mục gốc Xô-ma-li. Vụ tranh chấp Ô-ga-đen là một trong những vấn đề do lịch sử để lại. Chủ trương của Tổ chức thống nhất châu Phi là yêu cầu các nước châu Phi giữ nguyên đường biên giới hiện nay. Ê-ti-ô-pi muốn giải quyết vấn đề Ô-ga-đen theo nguyên tắc đó và trên tinh thần tôn trọng chủ quyền và độc lập của mỗi nước.

Digitized by Google

quốc tế thuận lợi của thời kỳ « sau Việt-nam ». Nó được toàn thể loài người tiến bộ đồng tình và ủng hộ. Nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa hết sức quan tâm, đồng tình và ủng hộ nhân dân Ê-ti-ô-pi về mọi mặt.

Một trong những thuận lợi cơ bản của cách mạng Ê-ti-ô-pi là *tinh thần kiên quyết và dũng cảm của các nhà lãnh đạo then chốt trong Ban lãnh đạo cách mạng Ê-ti-ô-pi*. Tinh thần đó là kết tinh của ý chí và nguyện vọng sâu xa của toàn thể dân tộc Ê-ti-ô-pi đang muốn vươn lên giải phóng khỏi mọi xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc, phong kiến, nhằm xây dựng một nước Ê-ti-ô-pi độc lập, hòa bình và tiến bộ xã hội, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Đúng như Chủ tịch Mengít-stu Hai-lê Ma-ri-am đã từng nói, quần chúng nhân dân lao động Ê-ti-ô-pi sẵn sàng chiến đấu đến cùng để bảo vệ thành quả của cách mạng và tạo ra một xã hội mới ở Ê-ti-ô-pi.

Nhân dân Việt-nam theo dõi quá trình cách mạng Ê-ti-ô-pi với cảm tình sâu sắc. Nhân dân ta coi mỗi thắng lợi của nhân dân Ê-ti-ô-pi trên bước đường đấu tranh gian khổ cũng là thắng lợi của chính mình. Nhân dân và chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam kiên quyết đứng bên cạnh nhân dân và chính phủ cách mạng Ê-ti-ô-pi, hết lòng, hết sức ủng hộ sự nghiệp giải phóng của nhân dân Ê-ti-ô-pi.

Thấu suốt và thực hiện tốt...

(Tiếp theo trang 36)

đó mà « trong tất cả các lĩnh vực công tác của Đảng, Nhà nước và đoàn thể, trước hết chú trọng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý kinh tế » (11).

Đảng ta đã đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ dân tộc ít người gắn bó với quần chúng, có phẩm chất tốt và có năng lực thực hiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt là trong đội ngũ cán bộ hoạt động ở miền núi và các vùng dân tộc Đảng ta đã kết hợp sử dụng cả cán bộ dân tộc đông người lẫn cán bộ các dân tộc ít người. Tuy nhiên, chúng ta còn phải khắc phục những nhược điểm, thiếu sót trong công tác đối với cán bộ dân tộc ít người. Cần nhất trí về phương hướng đào tạo, quan điểm đánh giá và tiêu chuẩn cán bộ dân tộc ; cần xây dựng quy hoạch cán bộ dân tộc từ địa phương đến các ngành trung ương, bổ sung chính sách, chế độ đối với cán bộ dân tộc ít người và cán bộ người miền xuôi hoạt động ở các vùng dân tộc để trong một thời gian ngắn đội ngũ cán bộ dân tộc có thể đáp ứng được nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới ; xây dựng cho từng dân tộc có những cán bộ cốt cán vững về chính trị, tuyệt đối trung thành với cách mạng và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, có năng lực lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện.

(11) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 165.

Digitized by Google

khoai tây : 4 lần, sữa : 3 lần và trứng : khoảng 2.5 lần. Cũng tính theo đầu người, Tiệp-khắc đứng thứ 4 trên thế giới về sản xuất lúa mì (sau Ca-na-đa, Mỹ và Hung-ga-ri), đứng thứ 3 về sản xuất lúa mạch (sau Ca-na-đa và Cộng hòa dân chủ Đức), đứng thứ 4 về sản xuất thịt (sau Đan-mạch, Hung-ga-ri và Ca-na-đa), đứng thứ 7 về sản xuất sữa và trứng. Về nhu cầu thực phẩm tính theo đầu người, Tiệp-khắc được xếp vào số những nước có tiêu chuẩn thực phẩm cao nhất.

Sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp Tiệp-khắc không những là một trong những nhân tố bảo đảm sự phát triển ổn định của nền kinh tế nói chung mà còn là nhân tố bảo đảm sự vững mạnh về chính trị. Năm 1968, 20 năm sau khi chính quyền nhân dân được thành lập, tàn dư của giai cấp tư sản được sự giúp đỡ của các lực lượng phản cách mạng ngoài nước, đã tập hợp lực lượng, tiến công chủ nghĩa xã hội, gây nên tình trạng khủng hoảng trong xã hội. Trong khi ở nhiều lĩnh vực kinh tế khác, bọn phản động đã gây ra tình trạng hỗn loạn thì trong nông nghiệp, không một hợp tác xã nào tan vỡ. Mặc dù bọn phản động lôi kéo, những nông dân tập thể được chế độ xã hội chủ nghĩa bảo đảm một cuộc sống tốt đẹp, đã kiên quyết ủng hộ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ chế độ sở hữu tập thể của mình. Chính nhờ nông nghiệp đã đứng vững trong những giờ phút thử thách nghiêm trọng đối với chủ nghĩa xã hội mà chỉ vài năm sau, trong kế hoạch 5 năm lần thứ 5 (1971 — 1975), nông nghiệp Tiệp-khắc đã phát huy cao độ thế mạnh của mình, tạo nên bước ngoặt trong ngành trồng lúa mì, năm 1974 đạt vụ mùa kỷ lục : 10,6 triệu tấn ngũ cốc, chứng minh khả năng thực tế Tiệp-khắc có thể tự túc lương thực trong một thời gian ngắn. Cũng trong kế hoạch 5 năm lần thứ 5 này, sản lượng nông nghiệp hằng năm tăng 3,5%, cao hơn mức tăng ở các nước tư bản chủ nghĩa, kể cả các nước trong khối thị trường chung châu Âu (EEC). Trong thời gian này, Tiệp-khắc đã sản xuất được 47 triệu tấn lương thực, vượt 5 triệu tấn so với kế hoạch, thu mua thịt gia súc tăng 420.000 tấn, thịt gia cầm tăng 120.000 tấn, sữa tăng 640 triệu lít. Đó là kết quả của quá trình cải tạo nông nghiệp, đẩy mạnh nông nghiệp phát triển theo chiều sâu ở Tiệp-khắc.

★

Sau khi cơ bản hoàn thành hợp tác hóa vào năm 1959, nông nghiệp Tiệp-khắc bắt đầu bước vào quá trình tập trung và chuyên môn hóa. Điều đặc biệt đáng chú ý là, không phải đợi đến khi có đầy đủ cơ sở vật chất và kỹ thuật nền nông nghiệp Tiệp-khắc mới đi vào tập trung và chuyên môn hóa. Ngay từ năm 1960, sau khi chuyển phần lớn máy kéo và các loại máy nông nghiệp khác từ các trạm máy kéo ở huyện về, các hợp tác xã nông nghiệp đã bắt đầu giai đoạn thứ nhất của tập trung hóa với việc hợp nhất những hợp tác xã được thành lập trên quy mô xã thành những hợp tác xã lớn hơn. Đến năm 1970, 12.140 hợp tác xã với diện tích trung bình 300 héc ta, đã được hợp nhất thành 6.270 hợp tác xã với diện tích trung bình 640 héc ta.

Trong ngành chăn nuôi, các xí nghiệp quốc doanh nuôi lợn, gia cầm, được thành lập. Đến năm 1970 toàn Tiệp-khắc có khoảng 100 xí nghiệp lớn, chủ yếu là nuôi lợn và gà công nghiệp. Đồng thời một số xí nghiệp phục vụ cho nông nghiệp như thủy lợi, xây dựng, sản xuất thức ăn gia súc, sấy cỏ, v v..., cũng đi vào tập trung và chuyên môn hóa.

Tuy vậy, trong thời gian này trong từng hợp tác xã, kể cả các hợp tác xã đã được hợp nhất, chưa có sự thay đổi nhiều về quản lý và tổ chức sản

Digitized by Google

xuất, cơ cấu cây trồng vẫn là nhiều chủng loại, trình độ thâm canh chưa cao, sản lượng nông nghiệp tăng không đáng kể. Hoạt động của các xí nghiệp nông nghiệp liên hợp cũng còn tự phát, thiếu sự chỉ đạo thống nhất cho nên hiệu quả kinh tế chưa cao.

Bước ngoặt quan trọng trong quá trình tập trung và chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp được đánh dấu từ sau Đại hội lần thứ XIV của Đảng cộng sản Tiệp-khắc (5-1971) Đại hội đã đề ra đường lối phát triển kinh tế dựa trên hiệu quả sản xuất cao, tận dụng mọi khả năng sẵn có của nền kinh tế. Đường lối trên nhấn mạnh nhiệm vụ của nông nghiệp là tự túc lương thực và tiến tới tự túc các thực phẩm chủ yếu. Con đường dẫn đến mục đích đó là thực hiện cuộc cách mạng trong nông nghiệp, đưa nông nghiệp đi vào tập trung và chuyên môn hóa sản xuất ở mức độ cao hơn.

Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: hai quá trình tập trung và chuyên môn hóa phải được tiến hành đồng thời, liên tục, từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện tới hoàn thiện; quy mô và nhịp độ phải phù hợp với lực lượng sản xuất, trình độ quan hệ sản xuất và nhất là trình độ tổ chức và quản lý sản xuất ở các xí nghiệp nông nghiệp.

Nguyên tắc cơ bản trong việc tập trung và chuyên môn hóa sản xuất là tự nguyện, hợp lý và có hiệu quả kinh tế. Đồng thời phải xuất phát từ khả năng thực tế và phù hợp với kế hoạch kinh tế quốc dân. Việc tiếp tục tập trung và chuyên môn hóa trước hết phụ thuộc vào nguồn tài chính, vật tư và năng lực cần thiết ngay trong bản thân nông nghiệp.

Từ năm 1971, việc hợp nhất các xí nghiệp nông nghiệp diễn ra với nhịp độ nhanh. Trong thời gian 6 năm, từ 1971 đến 1976, hơn 4.000 hợp tác xã đã được hợp nhất thành 2.105 hợp tác xã. Hiện nay, mỗi huyện ở Tiệp-khắc có khoảng 20 hợp tác xã với diện tích trung bình hơn 2.000 héc ta. Các hợp tác xã thật sự đã trở thành những xí nghiệp nông nghiệp lớn với cơ sở vật chất kỹ thuật mạnh, có điều kiện thuận lợi để thực hiện chuyên môn hóa một cách có hiệu quả (hiện nay quá trình hợp nhất các hợp tác xã vẫn tiếp tục vì còn khoảng 700 hợp tác xã canh tác trên diện tích dưới 1.000 héc ta).

Song song với việc hợp nhất các hợp tác xã, một số nông trường quốc doanh cũng được hợp nhất: hơn 300 nông trường quốc doanh năm 1971 (với diện tích canh tác trung bình 4.800 héc ta) đến cuối năm 1975 đã hợp nhất thành 250 nông trường (với diện tích trung bình 5.700 héc ta), đồng thời, việc phân chia lại đất đai giữa các nông trường và hợp tác xã cũng tạo nên những đơn vị sản xuất liên hoàn về đất đai, tăng khả năng phát triển sản xuất lớn.

Trong giai đoạn này, các quan hệ hiệp tác và chuyên môn hóa sản xuất đã có chất lượng mới. Trong khu vực chăn nuôi, các xí nghiệp liên hợp tiếp tục được mở rộng và củng cố. Đến cuối năm 1975 số xí nghiệp chăn nuôi liên hợp giảm xuống còn 79 xí nghiệp. Các xí nghiệp nuôi lợn và gà được tập trung và mở rộng thành những xí nghiệp sản xuất lớn (trong số 79 xí nghiệp liên hợp có 32 xí nghiệp chăn nuôi lợn tập hợp 443 cơ sở chăn nuôi trước đây, 10 xí nghiệp nuôi gà hợp nhất từ 205 cơ sở cũ, 32 xí nghiệp sấy cỏ và sản xuất thức ăn gia súc hợp nhất 167 cơ sở cũ và 5 xí nghiệp chăn nuôi gia súc lớn hợp nhất từ 35 cơ sở cũ).

Năng suất lao động ở các xí nghiệp liên hợp nhờ tính ưu việt của sự phân công lao động mới và nhờ trang bị kỹ thuật được tăng cường, tăng từ 4 đến 8 lần so với năng suất trước đây của các hợp tác xã. Đóng góp của các xí nghiệp liên hợp về sản phẩm chăn nuôi bán ra thị trường ngày càng lớn: về trứng năm 1971 các xí nghiệp liên hợp mới đóng góp 22,1%, đầu năm

Digitized by Google

1974 tăng lên 36,4%, về lợn thịt năm 1971 mới đóng góp 2%, đầu năm 1974 tăng lên 12,3%.

Trong khâu phục vụ sản xuất nông nghiệp, trình độ tập trung và chuyên môn hóa cũng tăng rõ rệt. Hiện nay gần 100 xí nghiệp xây dựng (tập hợp gần 3.200 đội xây dựng trước đây) đảm nhiệm việc xây dựng cho các xí nghiệp nông nghiệp. 46 xí nghiệp nông hóa (tập hợp 1.266 cơ sở nhỏ trước đây) đảm nhiệm việc cung cấp các loại phân bón và thuốc trừ sâu cho hầu hết các xí nghiệp nông nghiệp.

Trong ngành trồng trọt, do tính chất phức tạp của sản xuất và diện tích đất canh tác lớn cho nên các hình thức chuyên môn hóa mới được thực hiện bước đầu, thể hiện rõ nhất trong việc sử dụng máy bay để bón phân và phun thuốc trừ sâu bảo vệ cây trồng. Năm 1975 hơn 3 triệu héc ta đất trồng trọt đã được chăm sóc bằng máy bay, chiếm hơn 60% tổng số diện tích và dự kiến đến cuối kế hoạch 5 năm lần thứ 6 sẽ chiếm tới 95%. Một hình thức chuyên môn hóa phổ biến khác là việc sử dụng với mức độ tập trung cao các phương tiện cơ giới. Ví dụ, trong mùa thu hoạch, các máy gặt đập liên hợp, ô tô vận tải và các loại máy công cụ kèm theo được tập trung đến gặt ở những vùng lúa mì chín trước theo một kế hoạch thống nhất. Nhờ vậy lúa chín được thu hoạch ngay, thời gian thu hoạch rút ngắn và lúa đỡ bị hao hụt.

Như vậy *xí nghiệp nông nghiệp liên hợp* và *tập đoàn hiệp tác* là hai hình thức chủ yếu để thực hiện tập trung và chuyên môn hóa trong sản xuất nông nghiệp Tiệp-khắc. Xí nghiệp nông nghiệp liên hợp là đơn vị sản xuất có tư cách pháp nhân, các xí nghiệp thành viên tham gia xí nghiệp liên hợp trở thành những bộ phận của nó. Hiện nay hình thức này được áp dụng phổ biến trong ngành chăn nuôi. Còn tập đoàn hiệp tác là hình thức hợp tác trong đó các thành viên tham gia vẫn giữ nguyên tư cách độc lập của mình, và tùy theo điều kiện tự nhiên và kinh tế cụ thể mà lựa chọn các lĩnh vực hợp tác trên cơ sở hợp đồng giữa các xí nghiệp. Các xí nghiệp thành viên có thể thành lập các đội chuyên, hoạt động dưới sự điều khiển của *Hội đồng hiệp tác* do các xí nghiệp thành viên bầu ra. Hội đồng cũng đại diện cho quyền lợi của tập đoàn hiệp tác. Hình thức này hiện nay đang được áp dụng bước đầu trong ngành trồng trọt và cả trong ngành chăn nuôi.

Ngoài ra, ở Tiệp-khắc có 19 xí nghiệp liên hợp toàn huyện được thành lập làm thí điểm. Những xí nghiệp này có ưu điểm là có nhiều khả năng tập trung các phương tiện để phát triển sản xuất. Nhưng do tính chất phức tạp của công tác quản lý những xí nghiệp lớn, hình thức này chưa đạt kết quả có thể thuyết phục nhiều người và còn đang trên bước đường làm thử.

Song song với quá trình tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất, cơ sở vật chất và kỹ thuật của nông nghiệp được tăng cường không ngừng. Từ năm 1960 đến năm 1975, giá trị phương tiện cơ bản trong nông nghiệp đã tăng từ 71 tỷ cu ron lên 160 tỷ cu ron. Nhờ tăng cường đầu tư, số đơn vị máy kéo tính trên 1.000 héc ta đất nông nghiệp đã tăng từ 13 năm 1960 lên 32,5 năm 1975, số máy gặt đập trong cùng thời gian đó đã tăng từ 2,6 lên 7,3. Các loại máy móc phục vụ việc gieo trồng và thu hoạch khoai tây, củ cải đường, lanh v.v... cũng tăng lên đáng kể. Nhiều loại máy kéo có công suất lớn, có loại tới 200 sức ngựa. Hiện nay trong ngành chăn nuôi, hầu hết các chuồng trại đã được cơ giới hóa. Các trại nuôi gà và lợn thật sự là những dây chuyền công nghệ hoàn chỉnh cần rất ít công nhân phục vụ (trung bình 1 xí nghiệp liên hợp nuôi gà hằng năm sản xuất khoảng

Digitized by Google

80 triệu quả trứng chỉ có 50 công nhân, mỗi xí nghiệp chăn nuôi lợn hằng năm sản xuất khoảng 55.000 tấn thịt chỉ có khoảng 20 công nhân). Trong khu vực trồng trọt, tỷ lệ cơ giới hóa ở các hợp tác xã trong khâu làm đất, gieo trồng và thu hoạch ngũ cốc đã đạt 100%, thu hoạch ngô 81%, thu hoạch khoai tây khoảng 70%, thu hoạch củ cải đường 80%.

Trên cơ sở đánh giá tình hình tập trung và chuyên môn hóa nông nghiệp hiện nay, xuất phát từ nhiệm vụ tự túc lương thực, Hội nghị Ban chấp hành trung ương của Đảng cộng sản Tiệp-khắc bàn về nông nghiệp (10-1975) đã đề ra phương hướng chung cho giai đoạn tập trung và chuyên môn hóa hiện nay. Hội nghị nhấn mạnh: quá trình tập trung và chuyên môn hóa không thể vượt quá khả năng thực tế của nền kinh tế và sự chuẩn bị của các xí nghiệp nông nghiệp, nhưng cũng không được chậm trễ trước yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra cho nông nghiệp. Các xí nghiệp nông nghiệp hiện nay vẫn là đơn vị cơ sở của cơ cấu tổ chức sản xuất, song phải thay đổi dần cơ cấu sản xuất và tổ chức bên trong của nó cũng như vị trí của nó trong phân công lao động xã hội. Đồng thời, phải bảo đảm tính liên tục của quá trình tái sản xuất với hiệu quả cao nhất trong nông nghiệp.

Đối với ngành trồng trọt, sẽ hình thành những vùng liên hoàn chuyên trồng ngũ cốc, cỏ và từ một đến hai loại cây khác, tiếp tục mở rộng quy mô các xí nghiệp và tăng cường chuyên môn hóa bằng các hình thức tập đoàn hiệp tác và xí nghiệp liên hợp. Việc chăm bón và bảo vệ cây trồng, sử dụng kỹ thuật chuyên môn, xây dựng những cơ sở chế biến thức ăn gia súc, tổ chức giao thông trong nông nghiệp, v.v... sẽ tiếp tục được thực hiện trên quy mô lớn.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 6, ngành chăn nuôi mà trọng tâm là chăn nuôi gia súc lớn, sẽ tiếp tục xây dựng những tập đoàn hiệp tác chuyên nuôi một hoặc hai loại gia súc lớn. Việc phân vùng chuyên chăn nuôi cũng được thực hiện: chung quanh các đô thị chủ yếu nuôi bò sữa, vùng núi và trung du nuôi gia súc làm giống, các vùng khác nuôi gia súc lấy thịt. Về chăn nuôi lợn và gia cầm sẽ tiếp tục xây dựng những xí nghiệp liên hợp sản xuất lớn trên nguyên tắc vòng sản xuất khép kín với sự tham gia từng bước của công nghiệp chế biến đi tới cung cấp thành phẩm tận tay người tiêu dùng. Hình thức này cũng được áp dụng trong ngành trồng nho và các cây ăn quả khác, trồng và chế biến thuốc lá v.v... Các xí nghiệp nông nghiệp, các tổ chức thương nghiệp và ngành công nghiệp chế biến tham gia hình thức hợp tác này ký các hợp đồng dài hạn làm cơ sở cho hoạt động hợp tác, song các xí nghiệp vẫn giữ nguyên tư cách pháp nhân của mình.

Nông nghiệp Tiệp-khắc ngày nay đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tiệp-khắc là nước công nghiệp phát triển. Tiệp-khắc tham gia rất sâu vào phân công lao động quốc tế và vì thế rất nhạy cảm với những biến động trong nền kinh tế thế giới. Tình hình khủng hoảng ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa có gây những khó khăn cho kinh tế Tiệp-khắc. Để khắc phục những tác động tiêu cực này, nông nghiệp Tiệp-khắc bằng cách phát huy mọi khả năng, sẽ hạn chế nhập khẩu lương thực và thực phẩm, đồng thời tạo thêm những nguồn xuất khẩu mới. Trước đây, hằng năm Tiệp-khắc phải nhập khoảng một triệu tấn ngũ cốc. Năm 1976, do bị hạn hán, sản lượng ngũ cốc không đạt kế hoạch cho nên phải nhập thêm một khối lượng lớn ngũ cốc, chủ yếu dùng cho chăn nuôi (ngành chăn nuôi tiêu thụ khoảng 75% sản lượng ngũ cốc). Theo tính toán, trên diện tích trồng cỏ hiện nay, nếu Tiệp-khắc tăng năng suất thêm một tạ cỏ trên mỗi héc ta thì có thể tiết kiệm

Digitized by Google

được 10 vạn tấn ngũ cốc. Đây là năng lực tiềm tàng to lớn nhất trong nông nghiệp hiện nay. Đại hội lần thứ XV của Đảng cộng sản Tiệp-khắc đã đề ra nhiệm vụ cho kế hoạch 5 năm 1976 – 1980 là tạo nên bước ngoặt trong ngành trồng cỏ, phấn đấu đưa khối lượng bột cỏ sấy khô từ 60 vạn tấn hiện nay lên 1,6 đến 2 triệu tấn bột cỏ khô năm 1980. Lượng bột cỏ khô này có thể thay thế cho từ 80 vạn đến 1 triệu tấn ngũ cốc mà trước đây hằng năm Tiệp-khắc phải nhập của nước ngoài. Về mặt chỉ đạo thực hiện, bắt đầu từ kế hoạch 5 năm này, bột cỏ khô được ghi vào chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch. Đại hội cũng đề ra nhiệm vụ khôi phục địa vị truyền thống của ngành trồng củ cải đường và sản xuất đường, tăng thêm khối lượng đường xuất khẩu hàng năm của Tiệp-khắc.

Song song với việc xây dựng hệ thống quản lý mới, chất lượng công tác chỉ đạo được nâng cao từ các hợp tác xã, nông trường đến các phòng nông nghiệp huyện, tỉnh, các tổng công ty và Bộ nông nghiệp. Cách làm ăn theo lối cũ, tư tưởng địa phương cục bộ và tình trạng chậm trễ trong việc giải quyết những vấn đề đã chín muồi được khắc phục. Công tác quản lý được chuyển từ cách quản lý canh tác nhiều loại sản phẩm sang chuyên canh một loại sản phẩm (hiện nay mới có khoảng 15% tổng số xí nghiệp nông nghiệp chuyên sản xuất một loại sản phẩm). Nhiệm vụ chính của phòng nông nghiệp huyện là củng cố các xí nghiệp nông nghiệp liên hợp, phát triển sản xuất tập trung và chuyên môn hóa trong trồng trọt và chăn nuôi gia súc lớn trên địa bàn huyện. Ty nông nghiệp tỉnh đóng vai trò cấp quản lý toàn diện ở địa phương. Ty có nhiệm vụ chủ yếu là đề ra phương hướng chuyên môn hóa, nhất là trong ngành trồng trọt, và thực hiện phương hướng ấy thông qua kế hoạch; đề ra phương hướng đầu tư và cùng phối hợp với các ủy ban dân tộc và các cấp quản lý của ngành công nghiệp thực phẩm, bảo đảm sự hài hòa giữa việc phát triển nông nghiệp và sự phân bố năng lực sản xuất của ngành công nghiệp thực phẩm. Cấp quản lý trung gian là các tổng công ty, có nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu và áp dụng những quy trình công nghệ và các phương pháp sản xuất mới phù hợp với quá trình tập trung và chuyên môn hóa, phát triển các quan hệ hiệp tác và liên kết giữa các xí nghiệp nông nghiệp.

Đại hội lần thứ XV của Đảng cộng sản Tiệp-khắc (4-1976) đã đề ra nhiệm vụ to lớn cho nông nghiệp Tiệp-khắc trong kế hoạch 5 năm lần thứ 6 là: hằng năm sản xuất từ 10,5 đến 11 triệu tấn ngũ cốc, 9 triệu tấn củ cải đường, 4 triệu tấn khoai tây, tiến tới tự túc hoàn toàn về lương thực và thực phẩm. Đây không phải là nhiệm vụ riêng của ngành nông nghiệp mà là nhiệm vụ trung tâm của toàn xã hội. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ to lớn đó, trong kế hoạch 5 năm này, nông nghiệp Tiệp-khắc được đầu tư khoảng 27 tỷ cu ron máy móc và thiết bị, trong đó có 49.000 máy kéo, 10.000 máy gặt đập; mỗi héc ta đất canh tác được bón 268kg phân bón nguyên chất, xây dựng thêm hệ thống tưới và tiêu nước cho ít nhất là 360.000 ha đất trồng trọt, v.v...

Dưới ánh sáng của nghị quyết Đại hội lần thứ XV của Đảng cộng sản Tiệp-khắc, nông nghiệp Tiệp-khắc đang bước vào giai đoạn phát triển mới. Những thành tựu to lớn mà nền nông nghiệp Tiệp-khắc đạt được trong 30 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là tiền đề cơ bản để nông nghiệp Tiệp-khắc vươn lên những đỉnh cao mới.

Digitized by Google

Cách mạng Ê-ti-ô-pi đang tiến lên

ĐOÀN-TRẦN-CẢNH
và LÊ-TỊNH

Ê-TI-Ô-PI ở miền Đông châu Phi, có bờ biển dài hàng nghìn ki-lô-mét dọc theo biển Đỏ, diện tích 1.237.000 km^2 với 28 triệu dân, phần lớn là người lai giữa người châu Phi và người A-rập. Từ thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên, người Ê-ti-ô-pi đã lập nên một vương quốc lớn mạnh. Đến thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên, Ê-ti-ô-pi là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của châu Phi. Từ thế kỷ thứ 6, người A-rập xâm nhập và lập nên một Nhà nước mới, gọi là A-bi-xi-ni. Nhà nước A-bi-xi-ni cổ đại rất phức tạp, phân chia thành nhiều vương quốc nhỏ, đến triều đại Mê-lê-nich II (1889 — 1913) mới thống nhất thành một vương quốc, gọi là Ê-ti-ô-pi. Năm 1896, nhân dân Ê-ti-ô-pi đã đánh bại quân xâm lược Ý, buộc Ý thừa nhận nền độc lập hoàn toàn. Nhưng Ý chiếm được tỉnh E-ri-tơ-ri-a làm thuộc địa của mình. Năm 1935, Ý lại tiến hành xâm lược và chiếm đóng toàn bộ nước Ê-ti-ô-pi. Đến những năm chiến tranh thế giới thứ hai, Ê-ti-ô-pi đã khôi phục được nền độc lập chính trị của mình. Nhưng thực tế lại lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc Anh, sau đó lệ thuộc vào đế quốc Mỹ.

Là một nước phong kiến điển hình và lâu đời nhất ở châu Phi, Ê-ti-ô-pi duy trì chế độ bóc lột rất dã man của thời trung cổ cho đến thời gian gần đây. Khoảng 1.800 đại địa chủ chiếm đến 60% đất trồng trọt cả nước; 23% ruộng đất thuộc hoàng tộc, còn 22 triệu nông dân chỉ có 7% đất đai. Thực tế là địa chủ và quý tộc chiếm giữ hầu như toàn bộ ruộng đất trồng trọt trong cả nước.

Bên cạnh chế độ bóc lột phong kiến tàn bạo, trong những năm gần đây, đi đôi với sự xâm nhập của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân mới đứng đầu là Mỹ, giai cấp tư sản ra đời, chủ yếu là tư sản mại bản, nó cấu kết với tư bản lũng đoạn nước ngoài, khống chế nền kinh tế của Ê-ti-ô-pi.

Nước Ê-ti-ô-pi quân chủ phản động theo đường lối đối ngoại thân Mỹ và thân I-xra-en. Đế quốc Mỹ có thời kỳ đã dành cho Ê-ti-ô-pi một số tiền viện trợ hàng năm bằng một nửa tổng số viện trợ Mỹ cho toàn châu Phi.

Quan hệ ruộng đất trung cổ nói trên chẳng những trói buộc quần chúng nông dân trong đói khổ tối

Digitized by Google

tăm, mà còn kìm hãm sự phát triển của sản xuất nông nghiệp. Nền nông nghiệp Ê-ti-ô-pi có thời từng được coi là một trong những vựa lúa của châu Phi, có khả năng cung cấp lương thực cho tất cả các nước ở Cận Đông và vùng Địa-trung-hải. Nhưng đến nay, năng suất một héc-ta không đầy một tấn, cộng thêm nạn hạn hán 1973 – 1974, làm cho hàng chục vạn người và hàng triệu gia súc bị chết đói.

Trong lúc trên thế giới, ba dòng thác cách mạng đang diễn ra sôi sục, nhất là tại châu Á và châu Phi, phong trào giải phóng dân tộc đang thức tỉnh hàng trăm triệu người, lôi cuốn họ tham gia vào cuộc đấu tranh chống đế quốc, giải phóng xã hội và giải phóng giai cấp, thì tại Ê-ti-ô-pi, hằng ngày, đài phát thanh A-đi A-bê-ba lải nhải về sự tôn nghiêm của hoàng đế, về đức bệ hạ Xê-lát-xi-ê là ngôi vua họ Nê-guýt thứ 225 thuộc giòng giõi vua Xa-lô-mông, người sáng lập ra Nhà nước Do-thái cổ đại cách đây 3.000 năm. Trong điều kiện nhân dân bị áp bức và bóc lột rất thậm tệ, luận điệu tuyên truyền ngu dân đó không thể lừa bịp được nhiều người, nhất là những người tiến bộ và yêu nước chân chính. Làn sóng căm phẫn trong quần chúng từ ngấm ngầm cuối cùng đã bùng nổ. Trong hai chục năm qua, các cuộc đình công của công nhân, các cuộc nổi dậy của nông dân, biểu tình của sinh viên, và các cuộc đấu tranh khác đã tăng lên mạnh mẽ. *Đến đầu năm 1974, phong trào đấu tranh phát triển với quy mô cả nước.* Lúc này, trong quân đội đã hình thành một trung tâm lãnh đạo cách mạng, đó là Ủy ban phối hợp các lực lượng vũ trang, tập hợp các đại biểu của binh sĩ, sĩ quan, hạ sĩ quan yêu nước và tiến bộ. Trung tá Men-git-stu Hai-lê Ma-ri-am, lúc đó cũng là một thành viên và kể từ tháng 6-1974 là Chủ tịch ủy ban này. Được sự ủng hộ của tất cả mọi giai cấp bị áp bức, mọi tầng lớp xã hội, Ủy ban phối hợp các lực lượng vũ trang đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh liên tục trong 7 tháng, lúc đầu đưa ra những khẩu hiệu đòi cải cách, đã lần lượt lật đổ hai chính phủ của hoàng tộc, cuối cùng đã lật đổ Xê-lát-xi-ê vào ngày 12-9-1974, đánh dấu một trong những ngày vĩ đại nhất trong lịch sử Ê-ti-ô-pi.

Nhân dân Ê-ti-ô-pi đã lật đổ triều đình phong kiến và xóa bỏ cơ sở kinh tế của nó là chế độ sở hữu ruộng đất đại địa chủ và quý tộc. Thay thế triều đình phong kiến cũ là Chính phủ quân sự lâm thời thuộc Hội đồng chấp chính quân sự lâm thời. Hai cơ quan này hiện nay do Trung tá Men-git-stu Hai-lê Ma-ri-am đứng đầu. Nhà nước đã quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất, các xí nghiệp công nghiệp, ngân hàng, các công ty tư bản trong và ngoài nước. Các đoàn thể chính trị của các tầng lớp lao động được thành lập, như « Hội nông dân », Công đoàn toàn Ê-ti-ô-pi ; dân quân tự vệ hiện có nửa triệu người ; các mạng lưới y tế, giáo dục được chấn chỉnh và tăng cường. Trong các thành tựu của cách mạng, đáng chú ý nhất là cuộc cải cách ruộng đất tiến hành từ tháng 3-1975 đến tháng 6-1976. Luật cải cách ruộng đất quy định tất cả ruộng đất và rừng, bãi chăn nuôi đều thuộc « sở hữu toàn dân ». Ruộng đất đó trước mắt được chia cho nông dân không có hoặc thiếu ruộng, do nông dân tự mình canh tác trên số ruộng được chia, không được thuê mướn người làm, không được nhượng bán. Tất cả đất đai của đồn điền tư bản chủ nghĩa được chuyển thành nông trường quốc doanh. Khoảng 7 triệu nông dân đã được tổ chức vào nông hội. Tại miền Nam và miền Trung, hàng trăm hợp tác xã đã được thành lập.

Trong điều kiện rất thiếu các phương tiện thông tin, báo chí, chính quyền cách mạng đã phát động một chiến dịch nhằm nhanh chóng nâng

Digitized by Google

cao trình độ giác ngộ chính trị cho nông dân, tổ chức nông dân lại và đưa họ đi vào con đường cách mạng. Từ tháng giêng 1975, khoảng sáu vạn thanh niên nam nữ ở thủ đô đã được cử về các vùng nông thôn. Các đội công tác này hoạt động về rất nhiều mặt như mở lớp giảng dạy chính trị, xóa nạn mù chữ, thành lập Hội nông dân, xây dựng dân quân tự vệ, thành lập hợp tác xã, tổ chức nông dân lại để chống bọn phản cách mạng. Một trong những công việc quan trọng nhất của các đội công tác là giúp đỡ nông dân thực hiện cải cách ruộng đất

Tại các thành phố, chính quyền mới cũng đã thi hành nhiều biện pháp cải tạo như quốc hữu hóa đất và nhà cho thuê; quy định mỗi gia đình vào loại này chỉ được phép có một ngôi nhà, diện tích đất không vượt quá 500m^2; giảm bớt tiền thuê nhà cho các tầng lớp có thu nhập thấp; thành lập các Ban quản lý khu phố và đưa tất cả những người sống ở thành phố vào « Hội thị dân ». Việc thành lập Công đoàn toàn Ê-ti-ô-pi đánh dấu một bước tiến quan trọng của giai cấp công nhân Ê-ti-ô-pi và vai trò của nó trong cách mạng. Một trong những nét nổi bật của cách mạng Ê-ti-ô-pi là lực lượng cách mạng luôn nâng cao cảnh giác, mấy lần làm thất bại âm mưu đen tối của bọn phản cách mạng, tay sai của chủ nghĩa đế quốc, ẩn náu ngay trong cấp chính quyền cao nhất. Nhờ đó, bộ máy Nhà nước được củng cố.

Đi đôi với những thắng lợi đã đạt được, các nhà lãnh đạo cách mạng Ê-ti-ô-pi đã cố gắng vạch ra cho mình những cương lĩnh hành động ngày càng rõ ràng hơn. Văn kiện gần đây nhất của Hội đồng chấp chính quân sự lâm thời là « *Cương lĩnh cách mạng dân tộc dân chủ của Ê-ti-ô-pi* » được công bố ngày 20-4-1976. Cương lĩnh này đã đưa ra những mục tiêu cụ thể của công cuộc cải tạo xã hội, xác định vai trò và nhiệm vụ của các giai cấp đối với công cuộc cải tạo đó. Cương lĩnh xác định rằng « bản chất của xã hội Ê-ti-ô-pi là nửa phong kiến, nửa tư bản và những vấn đề của nó bắt nguồn từ chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản quan liêu... ». Trong xã hội Ê-ti-ô-pi có các « mâu thuẫn giữa nông dân và giai cấp phong kiến, giữa công nhân và tư bản, giữa quần chúng Ê-ti-ô-pi và chủ nghĩa đế quốc. Thêm vào đó là những mâu thuẫn ở bên trong các dân tộc, tôn giáo, chủng tộc..., mặc dù thuộc loại mâu thuẫn thứ yếu, nhưng cũng chờ được giải quyết ». Biện pháp thích hợp nhất để giải quyết các mâu thuẫn đó, theo cương lĩnh, là « bắt đầu bằng cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và sẽ giành được thắng lợi xuyên qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tiếp theo. Mục tiêu của cách mạng dân tộc dân chủ là giải phóng Ê-ti-ô-pi khỏi chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa đế quốc, đặt nền móng cho bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ». Cương lĩnh còn tuyên bố rằng « chủ nghĩa xã hội đã được tuyên bố như là nguyên tắc chỉ đạo của cách mạng và điều đó đã mở ra con đường tăng cường quan hệ với thế giới xã hội chủ nghĩa ». Cương lĩnh vạch rõ các mục tiêu và nội dung cụ thể của cách mạng như thủ tiêu quan hệ sản xuất phong kiến và đế quốc, xây dựng nền kinh tế dân tộc và độc lập theo một kế hoạch tập trung và thống nhất trên những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội; quốc hữu hóa ruộng đất nông thôn, bảo đảm quyền sở hữu cá nhân của nông dân

Digitized by Google

đồng thời phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc thoát khỏi ảnh hưởng của văn hóa nô dịch, phản động của chủ nghĩa đế quốc; giải quyết vấn đề dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tự quyết; xây dựng chính quyền nhân dân vững mạnh; thành lập mặt trận dân tộc thống nhất... Cuối cùng, cương lĩnh vạch rõ: « Điều duy nhất để đảm bảo cho thắng lợi cuối cùng là phải có một đảng vô sản chân chính... Chính phủ sẽ không ngừng giúp đỡ các nhóm cách mạng và những cá nhân đang đấu tranh để thành lập một đảng tiên phong như vậy ».

Tuy nhiên, trên con đường thực hiện cương lĩnh nói trên, cách mạng Ê-ti-ô-pi *đang phải khắc phục rất nhiều khó khăn* do những hoạt động phá hoại và gây rối của các giai cấp và thế lực vừa bị tước đoạt hết đặc quyền đặc lợi gây nên; chúng cấu kết với chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, cùng với các giới phản động nước ngoài đang tạo ra một « đám mây phản cách mạng bao phủ » ở khắp nơi trên đất nước Ê-ti-ô-pi rộng bao la. Đó là bọn bạch vệ vũ trang, bọn quý tộc, địa chủ phong kiến, giai cấp tư sản có tổ chức, những phần tử phản động giả danh cách mạng... Tất cả những bọn này đang tiến hành hàng loạt cuộc phá hoại kinh tế, giết hại cán bộ và nhân dân, nổi loạn vũ trang chống chính quyền trung ương và gây chia rẽ dân tộc. Trong tất cả những hoạt động tội ác đó, có bàn tay đẫm máu của CIA của đế quốc Mỹ và các tập đoàn tay sai của Mỹ ở vùng này.

Trước mắt, nhân dân Ê-ti-ô-pi đang phải giải quyết vấn đề lãnh thổ ở miền Đông và ở miền Bắc. Có thể nói đó là những khó khăn lớn của cách mạng Ê-ti-ô-pi hiện nay (1).

Sau hàng nghìn năm sống trong cảnh nô lệ tối tăm, *nhân dân Ê-ti-ô-pi đã thức tỉnh*. Đây là sự nổi dậy của cả một dân tộc đã từng có truyền thống chống chế độ phong kiến áp bức và chống đế quốc xâm lược, trước đây đã bảo vệ được nền độc lập chính trị của mình giữa một châu Phi bị đô hộ. Nhân dân Ê-ti-ô-pi chẳng những bước đầu có ý thức cách mạng, mà cũng đã bước đầu gắn bó với cách mạng. Hàng chục triệu nông dân và hàng triệu nhân dân thành phố và quần chúng công nhân, bắt đầu được hưởng những lợi ích của thành quả cách mạng. Có thể nói tuyệt đại đa số công nhân, nông dân và binh sĩ trong quân đội đều tích cực ủng hộ và tin tưởng vào cách mạng. Đó là nhân tố quyết định.

Một nhân tố quan trọng là cách mạng Ê-ti-ô-pi diễn ra trong điều kiện

---

(1) Tỉnh E-ri-tơ-ri-a có diện tích 119.000 ki-lô-mét vuông và trên 3 triệu dân, nằm kéo dài suốt bờ biển phía bắc của Ê-ti-ô-pi. Vốn là một tỉnh của Ê-ti-ô-pi, E-ri-tơ-ri-a bị Ý chiếm đóng (1896) rồi bị Anh chiếm đóng (1941). Trong thời kỳ chế độ phong kiến Xê-lát-xi-ê thống trị, phong trào đấu tranh ở E-ri-tơ-ri-a chống lại chính quyền phong kiến phản động trung ương, mang tính chất tiến bộ nhất định. Sau khi chính quyền phản động bị lật đổ, chính quyền mới ở Ê-ti-ô-pi đã cố gắng giải quyết vấn đề E-ri-tơ-ri-a theo tinh thần đoàn kết dân tộc, tôn trọng quyền tự quyết. Nhưng do những nguyên nhân xuất phát từ phong trào ly khai, nhất là do âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ cùng bọn tay sai, vấn đề E-ri-tơ-ri-a chưa được giải quyết.

—Ô-ga-đen là một vùng gồm 3 tỉnh ở phía đông của Ê-ti-ô-pi, giáp Xô-ma-li, diện tích khoảng 1 phần 5 Ê-ti-ô-pi, có mấy chục vạn dân du mục gốc Xô-ma-li. Vụ tranh chấp Ô-ga-đen là một trong những vấn đề do lịch sử để lại. Chủ trương của Tổ chức thống nhất châu Phi là yêu cầu các nước châu Phi giữ nguyên đường biên giới hiện nay. Ê-ti-ô-pi muốn giải quyết vấn đề Ô-ga-đen theo nguyên tắc đó và trên tinh thần tôn trọng chủ quyền và độc lập của mỗi nước.

Digitized by Google

quốc tế thuận lợi của thời kỳ « sau Việt-nam ». Nó được toàn thể loài người tiến bộ đồng tình và ủng hộ. Nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa hết sức quan tâm, đồng tình và ủng hộ nhân dân Ê-ti-ô-pi về mọi mặt.

Một trong những thuận lợi cơ bản của cách mạng Ê-ti-ô-pi là *tinh thần kiên quyết và dũng cảm của các nhà lãnh đạo then chốt trong Ban lãnh đạo cách mạng Ê-ti-ô-pi*. Tinh thần đó là kết tinh của ý chí và nguyện vọng sâu xa của toàn thể dân tộc Ê-ti-ô-pi đang muốn vươn lên giải phóng khỏi mọi xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc, phong kiến, nhằm xây dựng một nước Ê-ti-ô-pi độc lập, hòa bình và tiến bộ xã hội, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Đúng như Chủ tịch Men-gít-stu Hai-lê Ma-ri-am đã từng nói, quần chúng nhân dân lao động Ê-ti-ô-pi sẵn sàng chiến đấu đến cùng để bảo vệ thành quả của cách mạng và tạo ra một xã hội mới ở Ê-ti-ô-pi.

Nhân dân Việt-nam theo dõi quá trình cách mạng Ê-ti-ô-pi với cảm tình sâu sắc. Nhân dân ta coi mỗi thắng lợi của nhân dân Ê-ti-ô-pi trên bước đường dấu tranh gian khổ cũng là thắng lợi của chính mình. Nhân dân và chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam kiên quyết đứng bên cạnh nhân dân và chính phủ cách mạng Ê-ti-ô-pi, hết lòng, hết sức ủng hộ sự nghiệp giải phóng của nhân dân Ê-ti-ô-pi.

Thấu suốt và thực hiện tốt...

(Tiếp theo trang 36)

đó mà « trong tất cả các lĩnh vực công tác của Đảng, Nhà nước và đoàn thể, trước hết chú trọng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý kinh tế » (11).

Đảng ta đã đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ dân tộc ít người gắn bó với quần chúng, có phẩm chất tốt và có năng lực thực hiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt là trong đội ngũ cán bộ hoạt động ở miền núi và các vùng dân tộc Đảng ta đã kết hợp sử dụng cả cán bộ dân tộc đông người lẫn cán bộ các dân tộc ít người. Tuy nhiên, chúng ta còn phải khắc phục những nhược điểm, thiếu sót trong công tác đối với cán bộ dân tộc ít người. Cần nhất trí về phương hướng đào tạo, quan điểm đánh giá và tiêu chuẩn cán bộ dân tộc ; cần xây dựng quy hoạch cán bộ dân tộc từ địa phương đến các ngành trung ương, bổ sung chính sách, chế độ đối với cán bộ dân tộc ít người và cán bộ người miền xuôi hoạt động ở các vùng dân tộc để trong một thời gian ngắn đội ngũ cán bộ dân tộc có thể đáp ứng được nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới ; xây dựng cho từng dân tộc có những cán bộ cốt cán vững về chính trị, tuyệt đối trung thành với cách mạng và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, có năng lực lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện.

(11) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 165.

Digitized by Google

Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi liền với bảo vệ chủ nghĩa xã hội, vì thế « trong tình hình hiện nay, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội vẫn là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của Nhà nước ta, là một trong những công tác rất lớn ở những vùng mới giải phóng » (12). Nhiệm vụ đó đòi hỏi phải giáo dục quần chúng ý thức bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Chúng ta phải tiếp tục trấn áp bọn phản cách mạng hiện hành, đập tan những mưu mô ngóc đầu dậy của bọn phản động và những âm mưu chia rẽ dân tộc của chúng. Chỉ có làm tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc, tổ chức các phong trào cách mạng trong quần chúng, có những cán bộ dân tộc ít người vững vàng và chấp hành nghiêm chỉnh chính sách dân tộc và các chính sách khác của Đảng và Nhà nước thì mới bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ củng cố cơ sở chính trị, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội ở các vùng dân tộc.

★

MỘT trong những nội dung quan trọng của cuộc cách mạng về tư tưởng và văn hóa là giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa và ý thức làm chủ tập thể, chống tư tưởng tư sản và tàn dư của tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng và văn hóa thực dân mới ở miền Nam. Để thấu suốt và thực hiện tốt chính sách dân tộc, cần phải *khắc phục những tư tưởng có hại cho việc đoàn kết các dân tộc, trái với chính sách dân tộc của Đảng*. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ: « Trong Đảng cũng như trong nhân dân, phải tiếp tục phê phán, khắc phục những tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tâm lý kỳ thị dân tộc còn rơi rớt lại, những khuynh hướng biệt phái, chia rẽ dân tộc, trái với chính sách dân tộc của Đảng ».

Từ trước đến nay, Đảng ta luôn luôn chú trọng phê phán, khắc phục các loại tư tưởng không vô sản trên vấn đề dân tộc. Nhờ đó, quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta ngày càng được tình anh em, ngày càng tin cậy lẫn nhau, giúp đỡ nhau và tôn trọng nhau. Trong giai đoạn mới, yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng nước ta, yêu cầu của mục tiêu xây dựng nền văn hóa mới và con người mới đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đấu tranh nhằm quét sạch những tàn dư tư tưởng và nọc độc nói trên.

Việc khắc phục những tư tưởng có hại cho đoàn kết dân tộc, trái với chính sách dân tộc của Đảng phải gắn liền với việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa và ý thức làm chủ tập thể, giáo dục tinh thần bình đẳng dân tộc, các dân tộc đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa; và phải được tiến hành sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân từ miền xuôi đến miền núi, từ dân tộc đông người đến các dân tộc ít người, từ cơ sở đến các ngành ở trung ương, từ nội dung đơn giản đến sâu sắc và bằng những hình thức thích hợp với các đối tượng khác nhau. Thông qua việc tăng cường chuyên chính vô sản,

(12) Sách đã dẫn, trang 144.

Digitized by Google

phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xuất phát từ tình thương yêu nhau, kiên trì, quyết tâm, có phương pháp phân tích đúng đắn thì nhất định chúng ta sẽ thực hiện được nhiệm vụ công tác lâu dài và phức tạp đó.

TRÁCH NHIỆM CHUNG

Chính sách dân tộc là một bộ phận của đường lối chung của Đảng. Vấn đề dân tộc ở nước ta gắn liền với vấn đề căn cứ địa cách mạng và vấn đề miền núi. Chính sách dân tộc gắn liền với đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng ta. Nhiệm vụ giải quyết vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc không phải là nhiệm vụ riêng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc ít người, của miền núi hay của một cơ quan chuyên môn nào. « Chi bộ, đảng bộ cơ sở, các cấp ủy Đảng, các cơ quan chính quyền và đoàn thể phải thấu suốt và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng » (13). Đảng ta đã nhiều lần khẳng định: chính sách dân tộc là một chính sách lớn của Đảng, có liên quan đến hoạt động của tất cả các ngành, các cấp. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra những vấn đề có tính chất đường lối của chính sách dân tộc, nhưng điều quan trọng là phải *cụ thể hóa đường lối đó* cho thích hợp với mỗi vùng dân tộc.

Để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc, cần phải thấu suốt và cụ thể hóa chính sách dân tộc trên mọi lĩnh vực công tác, biến Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng thành chương trình hành động cụ thể của mỗi ngành, địa phương và cơ sở *làm cho đồng bào các dân tộc, đông người cũng như ít người, hiểu rõ rằng cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc của tất cả các dân tộc gắn liền với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả các dân tộc đều có khả năng và có nghĩa vụ đem hết sức mình đóng góp vào sự nghiệp vẻ vang ấy.*

(13) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 166.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ — Высокий подъём революционного движения масс — залог успешного претворения в жизнь решений IV—ого съезда партии.

Постановления второго пленума ЦК КПВ (IV-ого созыва).

ВУ ЛАП — Овладеть национальной политикой партии и хорошо претворить её в жизнь.

НГУЕН СУАН ХЫУ — Развивать три преимущества провинции фу кхань

ХОАНГ ЪЫУ ДОН — Применять принцип « сочетания отраслевого управления с местным и территориальным управлением » в процессе организации и управления лесным производством.

ИССЛЕДОВАНИЯ ☆ ЛЕ АНЬ ЧА — Эстетическое воспитание в идеолотической и культурной революции.

ПАРТИЙНАЯ ЖИЗИЬ ☆ СТРОИТЕЛЬ — Сплочённость.

ТХАНЬ НАМ — Чехословакия ускоряет интенсивное развитие сельского хозяйства.

ДОАН ЧАН КАНЬ и ЛЕ ТИНЬ — Революция эфиопии идёт вперёд.

目 录

社 論：必须掀起群众的轰轰烈烈的革命运动，才能胜利地落实党的四届代表大会的决议。

越南共产党第四届二中全会的决议。

武 立：贯彻执行党的民族政策。

阮春友：发挥富庆省的三个优势。

黃宝敦：在组织和管理林业的过程中运用“按专业管理和按地方及领土管理相结合”的原则。

研究：黎英茶：思想和文化革命中的审美教育。

党的生活：建設者：团结。

成 商：捷克斯洛伐克的农业向深度方向发展。

团陈最、黎並：埃塞俄比亚的革命在前进。

Digitized by Google

SOMMAIRE

Éditorial – Seul un mouvement révolutionnaire bouillonnant des masses peut assurer le succès de l'exécution des Résolutions du IV[e] Congrès du Parti

Résolution du II[e] Plénum du Comité Central du Parti (issu du IV[e] Congrès)

VŨ-LẬP – Bien assimiler et appliquer la politique des nationalités du Parti

NGUYỄN-XUÂN-HỮU – Mettre en oeuvre les trois positions avantageuses de la province de Phú-khánh

HOÀNG-BỬU-ĐÔN – Comment appliquer le principe de la « gestion verticale ou par branche en combinaison avec la gestion régionale et territoriale » au cours de l'organisation et de la gestion de la sylviculture

Études ★ *LÊ-ANH-TRÀ* – L'éducation esthétique dans la révolution idéologique et culturelle

La vie du Parti ★ *LE BÂTISSEUR* – Union

THÀNH-NAM – Tchécoslovaquie : promotion du développement de l'agriculture dans le sens de la culture intensive

ĐOÀN-TRẦN-CẢNH et *LÊ-TỊNH* – La révolution en Ethiopie va de l'avant

---

CONTENTS

Editorial – Only a seething revolutionary movement of the masses will make it possible to successfully implement the Resolution adopted at the Fourth National Congress of the Party

Resolution of the Second Plenum of the Party Central Committee (elected at the Fourth Congress)

VŨ-LẬP – Thoroughly grasp and correctly implement the Party's nationalities policy

NGUYỄN-XUÂN-HỮU – Develop the three strong points of Phu-khanh

HOÀNG-BỬU-ĐÔN – « Combine branch management with local and regional management » in the organization and management of forest exploitation

Study ★ *LÊ-ANH-TRÀ* – Aesthetic education in the ideological and cultural revolution

Party life ★ *CRITIC* – Unity

THÀNH-NAM – Czechoslovakia develops agriculture in depth

ĐOÀN-TRẦN-CẢNH and *LÊ-TỊNH* – The Ethiopian revolution is forging ahead

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 9
1977
NĂM THỨ XXIII (261)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

Xã luận — Phải có phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng mới thực hiện được thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng 1

Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) 9

VŨ-LẬP — Thấu suốt và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng 30

NGUYỄN-XUÂN-HỮU — Phát huy ba thế mạnh của Phú-khánh 37

HOÀNG-BỬU-ĐỒN — Vận dụng nguyên tắc « kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ » trong quá trình tổ chức và quản lý nghề rừng 44

Nghiên cứu ★ *LÊ-ANH-TRÀ* — Giáo dục thẩm mỹ trong cách mạng tư tưởng và văn hóa 55

Sinh hoạt Đảng ★ *NGƯỜI XÂY DỰNG* — Đoàn kết 61

THÀNH-NAM — Tiệp-khắc đẩy mạnh nông nghiệp phát triển theo chiều sâu 65

ĐOÀN-TRẦN-CẢNH và *LÊ-TỊNH* — Cách mạng Ê-ti-ô-pi đang tiến lên 71

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 0đ3

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

L2 1978

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

The University
of Michigan
Periodical
Reading Room

10

10.1977

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP — nhiệm vụ hàng đầu hiện nay

DƯỚI ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã bàn về nông nghiệp — một vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu hiện nay.

Hội nghị đã nhận định toàn diện tình hình nông nghiệp trong cả nước phân tích sâu sắc những ưu điểm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo nông nghiệp nhiều năm qua, chỉ ra phương hướng và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong những năm tới, đề ra những công tác lớn trước mắt, đồng thời vạch ra những biện pháp thiết thực nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo của Nhà nước đối với nông nghiệp.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần này soi sáng con đường phát triển nông nghiệp nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết này sẽ dẫn đến một sự phát triển vượt bậc về nông nghiệp (và cả về nghề rừng và nghề cá), tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

★

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, hơn hai mươi năm qua nhân dân ta đã giành được **những thành tựu cơ bản và to lớn** *trong sự nghiệp cải tạo và phát triển nông nghiệp.*

Việc tổ chức nông dân miền Bắc vào các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã được tiến hành nhanh gọn. Công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp đã đem lại những kết quả to lớn. Nó góp phần cùng với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở thành thị, xây dựng và củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng

Digitized by Google

các biện pháp kỹ thuật tiến bộ trong nông nghiệp, tạo ra năng suất lúa ngày càng tăng, bảo đảm về cơ bản nhu cầu lương thực của xã hội với số dân tăng gấp đôi, tuy còn có khó khăn về lương thực khi gặp thiên tai nặng. Nó làm thay đổi hẳn bộ mặt nông thôn, mà nét nổi bật là sự ra đời của giai cấp nông dân tập thể có trình độ chính trị, tư tưởng, văn hóa ngày càng cao, có đời sống vật chất và văn hóa được cải thiện từng bước. Nó là chỗ dựa vững chắc cho miền Bắc vừa chiến đấu thắng lợi chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vừa chi viện to lớn cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, góp phần quyết định vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại.

Nhân dân ta đã xây dựng được những cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu cho nông nghiệp, giải quyết được một số vấn đề về khoa học – kỹ thuật nông nghiệp, đưa những thành tựu đó vào sản xuất đại trà. Những cơ sở đã xây dựng được về thủy lợi, phân bón, giống, cơ khí nông nghiệp, các trạm trại kỹ thuật, các nông trường quốc doanh v.v... tuy chưa đủ để đưa nông nghiệp thoát hẳn tình trạng sản xuất nhỏ nhưng là cái vốn rất quý của chúng ta.

Từ ngày giải phóng, nông thôn các tỉnh miền Nam đã có những thay đổi quan trọng: tàn tích thực dân phong kiến về ruộng đất về cơ bản đã được xóa bỏ; phần lớn nông dân đã có ruộng; ở nhiều nơi nông dân đang được tổ chức lại dưới nhiều hình thức làm ăn tập thể; phong trào quần chúng làm thủy lợi, phục hóa, tăng vụ, khai hoang, v.v... sôi nổi và liên tục; chỉ trong thời gian ngắn, nông dân miền Nam đã sản xuất thêm hơn 1 triệu tấn lương thực.

Những thành tích to lớn đó, sở dĩ đạt được là do: Đảng ta có đường lối đúng đắn về hợp tác hóa và phát triển nông nghiệp; quần chúng nông dân ta rất cách mạng, một lòng tin tưởng ở sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta; cán bộ đảng viên nói chung và đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật, cán bộ quản lý đã tận tụy công tác.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo nông nghiệp, nhất là trong chỉ đạo tổ chức thực hiện, chúng ta cũng có những **khuyết điểm** *lớn.*

Những khuyết điểm ấy biểu hiện trên nhiều mặt: cả về mặt nhận thức đường lối, phương hướng, chủ trương phát triển nông nghiệp, tổ chức chỉ đạo nông nghiệp, lẫn các mặt công tác kế hoạch, chính sách, chế độ quản lý nông nghiệp, các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp và công tác chính trị tư tưởng trong nông thôn. Những điểm này đã được Nghị quyết của Trung ương Đảng phân tích sâu sắc, với thái độ khoa học và tinh thần phụ trách cao trước nhân dân.

Ở đây, cần nhấn mạnh mấy khuyết điểm sau:

Một là, nhận thức không đầy đủ vị trí cực kỳ quan trọng của nông nghiệp đối với sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa,

Digitized by Google

nhất là trong giai đoạn đầu. *Nước ta là nước nông nghiệp sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Do đó nông nghiệp có vị trí quan trọng không chỉ vì nó là ngành kinh tế cơ bản cung cấp cho xã hội những sản phẩm quý báu là lương thực và thực phẩm, mà còn là cơ sở để phát triển công nghiệp. Nhưng do ta chưa nhận thức rõ ngay từ đầu phải đem công nghiệp tác động vào nông nghiệp làm cho nông nghiệp và công nghiệp gắn bó với nhau thành một cơ cấu kinh tế thống nhất làm chỗ dựa để đưa nông nghiệp tiến lên, cho nên trong thực tế đã phần nào tách rời sự phát triển công nghiệp với nông nghiệp. Sự chỉ đạo của Đảng và của Nhà nước, của các cấp, các ngành cũng chưa tập trung sức đúng mức nhằm giải quyết kịp thời những vấn đề cấp thiết do yêu cầu phát triển nông nghiệp đề ra. Việc tập trung sức phát triển nông nghiệp đồng thời phát triển lâm nghiệp và ngư nghiệp chưa được coi là nhiệm vụ hàng đầu trong giai đoạn đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Nhận thức không đầy đủ về vấn đề vị trí của nông nghiệp đã có ảnh hưởng không tốt đối với toàn bộ công tác lãnh đạo và chỉ đạo nông nghiệp.*

Hai là, **chúng ta chậm nhận thức vấn đề đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.** *Chúng ta chậm thấy những bước đi cụ thể của nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cho nên ngay từ đầu việc cải tạo quan hệ sản xuất chưa kết hợp chặt chẽ với việc tăng cường lực lượng sản xuất, việc xây dựng hợp tác xã chưa kết hợp chặt chẽ với tổ chức lại sản xuất, việc phát triển nông nghiệp chưa gắn bó chặt chẽ với phát triển công nghiệp và lưu thông phân phối, cho nên đã duy trì quá lâu tình trạng hợp tác giản đơn, không phát huy được ưu thế của phân công và hiệp tác trong sản xuất và lao động. Đó cũng là chưa thấy rõ công cuộc cải tạo và phát triển nông nghiệp nước ta trên thực tế là xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, để tạo ra nền nông nghiệp mới, nông thôn mới và con người mới.*

Ba là, **chưa nắm vững những điều kiện thuận lợi để đưa nông nghiệp nước ta tiến lên.** *Chúng ta đã nắm không vững hai yếu tố cơ bản của nông nghiệp là đất đai (và cả rừng, biển) và sức lao động mà nước ta sẵn có và là chỗ mạnh của ta, để từ đó tiến hành quy hoạch phân vùng, tổ chức và phân công lại lao động trong cả nước, trong từng tỉnh, từng huyện nhằm kết hợp hai nguồn vốn quý đó lại để đưa nông nghiệp tiến lên phát triển toàn diện, tạo ra nhiều của cải cho xã hội, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Mặt khác không nhận rõ mối quan hệ giữa trung ương với địa phương và cơ sở trong việc tổ chức phát triển nông nghiệp do đặc điểm của việc*

Digitized by Google

đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, cho nên không chú trọng phát huy tiềm năng của bên dưới, nhất là chậm thấy vị trí quan trọng của cấp huyện đối với công cuộc cải tạo và phát triển nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn, cũng như đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Những thiếu sót nói trên có liên quan chặt chẽ với nhau và dẫn đến kết quả là hạn chế sự phát triển của nông nghiệp — một nhiệm vụ hàng đầu của kế hoạch 5 năm hiện nay của nước ta.

★

Sự nghiệp cải tạo và phát triển nông nghiệp ở nước ta có những **thuận lợi cơ bản và to lớn:** *ta có những kinh nghiệm thành công và không thành công của nông nghiệp miền Bắc trong hơn 20 năm qua: tiềm lực thâm canh ở hai miền còn rất lớn; trong điều kiện nước nhà đã thống nhất, ta có khả năng tăng diện tích canh tác nông nghiệp lên gấp đôi; ta có lực lượng lao động dồi dào ở nông thôn có thể phân bố lại để khai thác hết đất đai, tài nguyên trong cả nước và có một lực lượng quân đội quan trọng làm kinh tế. Ta có khả năng đẩy mạnh xuất khẩu nông sản để nhập khẩu máy móc trang bị cho nông nghiệp... nhờ có điều kiện quốc tế thuận lợi và ưu thế của nông nghiệp nhiệt đới.*

Mặt khác, ta có **những khó khăn rất lớn** *phải vượt qua. Trong khi dân số tăng nhanh, nhiều yếu tố sản xuất bị giảm sút sau một cuộc chiến tranh ác liệt kéo dài, việc sản xuất đủ lương thực, thực phẩm cho 50 triệu người và có một phần để dự trữ, là một nhiệm vụ rất cấp bách và khó khăn. Hậu quả chiến tranh trên mặt trận sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hết sức nặng nề. Phần lớn diện tích nông nghiệp thường bị thiên tai uy hiếp nặng, trong khi đó cơ sở vật chất — kỹ thuật đã xây dựng được chưa đủ sức chống đỡ. Ở miền Bắc, năng suất lao động trong các cơ sở kinh tế tập thể và quốc doanh đều thấp. Ở miền Nam, nông nghiệp còn là sản xuất cá thể, công thương nghiệp tư bản tư doanh chưa được cải tạo, gây trở ngại rất lớn cho việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đưa sản xuất vào quy hoạch, kế hoạch, và đưa khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp.*

Những khó khăn đó có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế chung của cả nước, đến đời sống nhân dân và đến toàn bộ công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Với những thuận lợi và khó khăn như trên, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, Hội nghị lần thứ 2 của Trung

Digitized by Google

ương Đảng đã đề ra **Phương hướng phát triển nông nghiệp** *của nước ta như sau :*

« Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước đối với nông nghiệp, tích cực xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, — cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt — nhằm đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ nguồn gốc sinh ra bóc lột, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng nông thôn mới, xây dựng con người mới, xã hội chủ nghĩa ».

Phương hướng đó phù hợp với tính quy luật của việc đưa nông nghiệp nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thật vậy, nếu như cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta bao gồm ba cuộc cách mạng được tiến hành đồng thời dưới tiền đề nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thì sự nghiệp cải tạo và phát triển nông nghiệp nước ta cũng không thể tiến hành ngoài đường lối chung đó, đồng thời nó đòi hỏi phải phát huy cao độ tính tự giác và tính tích cực của nông dân lao động nước ta. Chỉ có tập trung lực lượng của cả nước, của các cấp, các ngành đi vào phục vụ sự nghiệp vĩ đại này, thì mới bảo đảm hoàn thành thắng lợi sự nghiệp đó.

Phải củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam. Tổ chức lại sản xuất và lao động theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa, hiệp tác hóa và liên hiệp hóa, kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp và ngư nghiệp, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất.

Phải đưa khoa học, kỹ thuật hiện đại vào nông nghiệp, đẩy mạnh thủy lợi hóa và « cách mạng xanh », thực hiện từng bước cơ giới hóa, điện khí hóa và hóa học hóa ; đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyên canh trên quy mô lớn, tích cực khai hoang mở rộng diện tích, nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, bảo đảm đủ lương thực, thực phẩm cho xã hội, nguyên liệu nông sản cho công nghiệp, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Phải tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhằm bồi dưỡng ý thức làm chủ tập thể và nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nông dân, giúp nông dân dứt khoát chọn con đường làm ăn tập thể, khắc phục những mặt tiêu cực của sản xuất nhỏ, xóa bỏ sự chi phối của công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, quét sạch mọi tàn dư của chủ nghĩa thực dân và phong kiến. Ra sức nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật của nông dân, nâng cao năng lực làm chủ tập

Digitized by Google

thể của nông dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước làm cho nông dân có thể giữ vai trò tích cực chủ động, sáng tạo trong tổ chức và quản lý sản xuất nông nghiệp, trong việc xây dựng nông thôn mới và con người mới.

Với những nội dung cụ thể đó — những nội dung có tính chất phương hướng, thể hiện sự tiến bộ của Đảng trong việc nhận thức và nắm vững tính quy luật của sự phát triển nông nghiệp nước ta lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ba cuộc cách mạng trong nông nghiệp và nông thôn nói trên phải được tiến hành đồng thời, phù hợp với từng bước đi lên của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mối quan hệ hữu cơ giữa ba cuộc cách mạng ấy thể hiện mối quan hệ có tính quy luật giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng của xã hội. Chỉ có đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng, lấy cách mạng khoa học — kỹ thuật làm then chốt, chúng ta mới có thể đưa nền nông nghiệp nước ta tiến bước vững chắc lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

Trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế phải nắm vững **nhiệm vụ hàng đầu** *là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp,* **giải quyết cho được vấn đề lương thực thực phẩm**, *tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi để thực hiện cùng một lúc* **hai yêu cầu cơ bản và cấp bách** *là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.*

Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phải nhằm **ba mục tiêu:**

1 — Bảo đảm lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội và có lương thực dự trữ.

2 — Cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp.

3 — Tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu.

Đến năm 1980 **phải đạt và vượt các chỉ tiêu sau đây:**

— 21 triệu tấn lương thực.

— 16,5 triệu con lợn, 1 triệu tấn thịt hơi, trên 1 triệu tấn cá, 3,5 tỷ quả trứng, 22 — 25 vạn tấn đường.

— 98 vạn héc ta cây công nghiệp, cây ăn quả.

— 50 vạn héc ta chuyên sản xuất để xuất khẩu.

— Khai hoang 1 triệu héc ta, phục hóa 50 vạn héc ta.

— Trồng mới 1,2 triệu héc ta rừng, khai thác 3,5 triệu mét khối gỗ.

Digitized by Google

— *Đưa 1,8 triệu lao động đi mở mang vùng kinh tế mới.*

— *Đầu tư khoảng 5 tỷ đồng cho thủy lợi.*

— *50% diện tích gieo trồng được cày bừa bằng máy.*

— *Một lao động làm từ 1 đến 2 héc ta gieo trồng; tiến tới đạt bình quân 3 tấn thóc và 3 – 4 con lợn trên 1 héc ta gieo trồng.*

Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong giai đoạn mới, chúng ta cần nắm vững **những chủ trương và biện pháp lớn** *sau đây:*

1 — Hoàn thành công tác quy hoạch vùng nông, lâm nghiệp.

2 — Đẩy mạnh thâm canh tăng vụ trên toàn bộ diện tích canh tác.

3 — Mở thêm diện tích canh tác mới.

4 — Phân bố lại lao động và tăng năng suất lao động.

5 — Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp.

6 — Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật.

7 — Củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam.

8 — Tăng cường công tác tư tưởng và văn hóa.

9 — Xây dựng huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện.

10 – Cải tiến công tác kế hoạch hóa và ban hành những chính sách cần thiết cho việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

★

ĐỂ tạo ra một bước phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp, cần **tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo của Nhà nước đối với nông nghiệp.** *Đảng và Nhà nước nắm chặt hơn nữa vấn đề nông nghiệp và công tác nông thôn. Các cấp bộ Đảng và chính quyền, các bộ và các ngành tập trung lực lượng cao độ vào mặt trận sản xuất nông nghiệp. Vai trò lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ bảo đảm sự phối hợp hoạt động của các ngành, làm cho các ngành được kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ và tăng cường hiệp tác với nhau trong xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp. Công tác chỉ đạo thực hiện phải rất tập trung, dứt điểm, tránh dây dưa kéo dài. Giữa trung ương với địa phương và cơ sở có sự phân công, phân cấp hợp lý và xác định trách nhiệm cụ thể, rõ ràng.*

Digitized by Google

Cũng như việc quản lý kinh tế nói chung, việc quản lý nông nghiệp phải được tiến hành theo phương châm **kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.**

Ở trung ương, *Bộ nông nghiệp chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước về toàn bộ sản xuất nông nghiệp. Vì lẽ ấy, Bộ nông nghiệp sẽ được Nhà nước giao đầy đủ quyền hạn về quản lý thống nhất kế hoạch nông nghiệp cả nước. Bộ nông nghiệp được tăng cường về tổ chức và cán bộ, và xây dựng những tổ chức chuyên về từng cây, từng con, từng vùng kinh tế và từng mặt công tác.*

Ban nông nghiệp trung ương được kiện toàn để giúp Trung ương Đảng nghiên cứu chính sách, kiểm tra tình hình quản lý cán bộ nông nghiệp, tham gia cải tạo nông nghiệp miền Nam, cùng các Ban tổ chức, tuyên huấn, các đảng bộ địa phương phát động phong trào quần chúng đẩy mạnh ba cuộc cách mạng ở nông thôn.

Tất cả các ngành ở trung ương, tùy theo chức năng của từng ngành, đều phải góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp. Ủy ban kế hoạch Nhà nước và các Bộ công nghiệp, xây dựng, giao thông, vật tư, tài chính, ngân hàng, thương nghiệp, vật giá... phải coi việc phục vụ nông nghiệp là yêu cầu số một; có kế hoạch và biện pháp cụ thể về từng chuyên đề phục vụ nông nghiệp, nhất là bảo đảm hiệp đồng đúng thời gian, đúng kế hoạch.

Trong chỉ đạo thực hiện, **tỉnh** *có vai trò rất quan trọng, vì tỉnh là cấp có trách nhiệm cụ thể hóa đường lối chung vào hoàn cảnh địa phương, xây dựng kinh tế trong tỉnh thành cơ cấu công — nông nghiệp. Do đó cần mạnh dạn phân cấp cho tỉnh để tỉnh chủ động trong việc bố trí kế hoạch, vừa bảo đảm nhu cầu của địa phương, vừa làm tròn nghĩa vụ do Trung ương giao.*

Triển khai xây dựng các **huyện** *trong cả nước thành những đơn vị kinh tế nông — công nghiệp là khâu có ý nghĩa quyết định trong việc tổ chức, quản lý nông nghiệp. Các hợp tác xã, các nông trường, lâm trường quốc doanh, các xí nghiệp công nghiệp, các cơ sở liên doanh trong huyện liên kết với nhau thành một cơ cấu sản xuất, làm cho huyện trở thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, trong đó từng xí nghiệp, nông trường, lâm trường và hợp tác xã là những đơn vị hạch toán kinh tế. Tổ chức lại sản xuất và tổ chức đời sống trên địa bàn huyện một cách toàn diện nhằm giải quyết ngày càng tốt hơn các vấn đề ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, bảo vệ sức khỏe của nhân dân và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Phải làm cho huyện thật sự là một cấp kế hoạch toàn diện, đủ sức xây dựng và thực hiện mọi kế hoạch về sản xuất và đời sống trong huyện. Xây dựng huyện vững mạnh không chỉ*

Digitized by Google

là trách nhiệm của bản thân huyện mà còn là trách nhiệm của các ngành ở trung ương và của cấp tỉnh.

Để góp phần đẩy mạnh nông nghiệp, phải giải quyết tốt **các chính sách** *liên quan đến nông nghiệp như: chính sách giá mua nông sản, chính sách về nghĩa vụ của nông dân đối với Nhà nước, chính sách tín dụng, v.v... Các chính sách đòn bẩy phải bảo đảm đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, khai hoang mở rộng diện tích; đẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa, khuyến khích sản xuất và tăng năng suất lao động; phục vụ tốt đời sống nông thôn, mở rộng sự trao đổi giữa công nghiệp và nông nghiệp, làm cho công nghiệp và nông nghiệp thúc đẩy lẫn nhau cùng tiến lên sản xuất lớn. Mọi chính sách của Nhà nước đều phải thể hiện sự nhất trí giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích Nhà nước, giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài.*

Ngoài những chính sách đòn bẩy nói trên, chúng ta còn phải có chính sách đúng đắn về phát triển toàn diện **kinh tế miền núi**, *trong đó có chính sách định canh định cư đối với đồng bào các dân tộc ít người còn du canh du cư.*

Phải xây dựng, củng cố các đảng bộ và chi bộ nông thôn *để bảo đảm lãnh đạo phong trào hợp tác hóa và phát triển sản xuất nông nghiệp. Bằng sức mạnh tổng hợp của công tác tư tưởng và công tác tổ chức, và thông qua phong trào cách mạng vĩ đại này mà xây dựng các tổ chức đảng ở nông thôn và rèn luyện đảng viên. Phải làm cho các tổ chức Đảng ở nông thôn thật sự là hạt nhân lãnh đạo vững chắc trong đông đảo quần chúng nông dân. Phải làm cho các đảng viên ở nông thôn xứng đáng là chiến sĩ tiên phong của giai cấp công nhân, có giác ngộ về chủ nghĩa xã hội, có quyết tâm và năng lực dìu dắt nông dân lao động tiến lên con đường hợp tác hóa nông nghiệp, và đưa nông nghiệp nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.*

Việc **đào tạo và bố trí cán bộ đúng** *là một vấn đề rất quan trọng để bảo đảm giành thắng lợi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, cải tạo và xây dựng nông thôn. Điều cấp bách nhất hiện nay là tăng cường cán bộ cho cấp huyện và đào tạo cán bộ quản lý, nhất là chủ nhiệm và kế toán trưởng cho các hợp tác xã nông nghiệp. Phải kịp thời tăng cường cán bộ quản lý và cán bộ khoa học – kỹ thuật cho các tỉnh miền Nam.*

Cuối cùng là phải **phát động mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng**, *coi đó là một động lực có tác dụng quyết định đối với thắng lợi của sự nghiệp cải tạo và phát triển nông nghiệp. Phải có nhiều hình thức tổ chức và động viên phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Chỉ có sức mạnh vĩ đại của quần chúng nông dân và nhân dân lao động ở nông thôn, thấm nhuần tư tưởng làm chủ*

Digitized by Google

tập thể, hiểu rõ và quyết tâm phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ về nông nghiệp mà Đảng đã đề ra, mới là cái bảo đảm chắc chắn nhất cho thắng lợi của sự nghiệp vĩ đại ấy.

★

MẶT trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận quan trọng nhất hiện nay. Nhiệm vụ nông nghiệp là **nhiệm vụ hàng đầu trong những năm trước mắt.** *Sự nghiệp cải tạo và phát triển nông nghiệp là một cuộc đấu tranh cách mạng rộng lớn, sâu sắc về nhiều mặt: cả về kinh tế lẫn về chính trị, tư tưởng và văn hóa. Ý nghĩa vĩ đại của nó thể hiện tập trung ở chỗ: nó thấm nhuần những quan điểm chiến lược của Đảng về kết hợp công nghiệp với nông nghiệp trong một cơ cấu kinh tế thống nhất, về liên minh công nông trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, và có quan hệ rất lớn đến sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Một sự nghiệp vĩ đại như thế rõ ràng phải là sự nghiệp của toàn Đảng, của toàn thể bộ máy Nhà nước xã hội chủ nghĩa và của toàn dân ta.*

Trong sự nghiệp vĩ đại này, chúng ta phải làm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiến thắng, làm cho lực lượng sản xuất mới phát triển mạnh mẽ trên cơ sở kỹ thuật ngày càng tiến bộ, làm cho tư tưởng của giai cấp công nhân chiếm địa vị thống trị trong nông thôn nước ta. Phải đấu tranh khắc phục những khuyết điểm trong tổ chức quản lý, trong lề lối làm việc, chống cách nghĩ, cách làm theo lối sản xuất nhỏ, chống thái độ thiếu trách nhiệm, vô kỷ luật, và mọi hành động vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Với sự cố gắng phấn đấu của toàn Đảng, của toàn bộ Nhà nước xã hội chủ nghĩa và của toàn dân ta, nhất định chúng ta sẽ thực hiện thắng lợi nghị quyết của Trung ương Đảng về nông nghiệp, đưa nông nghiệp nước ta tiến lên mạnh mẽ, làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, và góp phần cải thiện hơn nữa đời sống của nhân dân ta.

Digitized by Google

NHÂN DÂN VIỆT-NAM
QUYẾT GÓP PHẦN XỨNG ĐÁNG HƠN NỮA VÀO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN THẾ GIỚI *

NGUYỄN-DUY-TRINH

Thưa ông Chủ tịch,

TÔI xin chân thành cảm ơn Đại hội đồng đã nhất trí chấp nhận nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là thành viên của Liên hợp quốc, cảm ơn ông Chủ tịch, và các vị đại biểu nhiều nước vừa phát biểu những lời tốt đẹp và nồng nhiệt đối với đất nước và nhân dân Việt-nam.

Tôi chân thành cảm ơn ông Tổng Thư ký đã cố gắng liên tục nhằm thúc đẩy sự giúp đỡ quốc tế cho công việc xây dựng lại ở Việt-nam.

Tôi nhiệt liệt chào mừng việc gia nhập Liên hợp quốc của nước Cộng hòa Gi-bu-ti và mong muốn giữa hai nước chúng ta sẽ có quan hệ hữu nghị và hợp tác.

Từ diễn đàn trọng thể này, tôi xin chuyển tới các đoàn đại biểu, chuyển tới các dân tộc trên thế giới tình hữu nghị và lời chào nhiệt liệt của 50 triệu người Việt-nam, của một dân tộc đã trải qua những cuộc chiến đấu lâu dài và cực kỳ ác liệt, chịu đựng những hy sinh và đau khổ không bờ bến để thực hiện nguyện vọng tha thiết và cao đẹp nhất, giành lấy điều quý báu và thiêng liêng nhất đối với mọi dân tộc và mọi con người trên hành tinh chúng ta ngày nay, là độc lập tự do của dân tộc, hòa bình và hạnh phúc của con người.

Nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, với một lịch sử dân tộc vẻ vang hơn bốn nghìn năm, đã ra đời cùng một năm với Liên hợp quốc từ cuộc chiến đấu chung chống chủ nghĩa phát-xít.

Lẽ ra, ngay từ năm 1945, nước Việt-nam đã có vị trí chính đáng tại Liên hợp quốc. Thế nhưng, bọn đế quốc xâm lược ngoan cố đã liên tục gieo tai họa chiến tranh trên đất nước

* Diễn văn đọc ngày 21-9-1977 tại Đại hội đồng Liên hợp quốc.

Digitized by Google

chúng tôi, đặc biệt nghiêm trọng là cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới đẫm máu nhất trong lịch sử.

Quyền dân tộc và quyền con người bị chà đạp vô cùng tàn bạo. Mấy thế hệ người Việt-nam đã phải sống dưới bom đạn. Mỗi gia đình Việt-nam cho đến mỗi người Việt-nam đều chịu tang tóc đau thương của chiến tranh. Hàng triệu người chết và bị tàn phế, hàng nghìn làng mạc, thị trấn bị phá trụi, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp bị phá hoại nghiêm trọng. Nguy hại hơn nữa là hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới đã xô đẩy một bộ phận nhân dân ở miền Nam nước chúng tôi vào con đường thất nghiệp, thất học, đồi trụy, tinh thần bị đầu độc, nhân phẩm bị giày xéo.

Đạp bằng mọi trở ngại, dân tộc chúng tôi đã vùng lên chiến đấu kiên cường và anh dũng. Giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nhân dân Việt-nam đã giành được thắng lợi lịch sử vĩ đại và hôm nay, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam có mặt tại đây trong cộng đồng quốc tế, với nền độc lập tự do hoàn toàn và lãnh thổ thống nhất trọn vẹn của mình.

Thắng lợi của Việt-nam đồng thời là thắng lợi của cuộc đấu tranh chung chống đế quốc, vì độc lập tự do, của nhân dân thế giới.

Thắng lợi của Việt-nam chứng minh chân lý sáng ngời của thời đại: một dân tộc dù nhỏ, song đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh kiên quyết theo một đường lối đúng đắn và được sự đồng tình ủng hộ của loài người tiến bộ, thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi kẻ xâm lược; không một thế lực phản động nào, dù lớn mạnh đến đâu, có thể ngăn cản các dân tộc giành độc lập tự do hòa bình và hạnh phúc. Đó là lẽ sống của các dân tộc, là mục tiêu của cộng đồng quốc tế chúng ta.

Mục tiêu đó nhất định được thực hiện khắp mọi nơi, theo xu thế tất yếu của lịch sử mở ra từ Cách mạng tháng Mười vĩ đại. Sáu mươi năm qua, nhất là từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, bức tranh toàn cảnh của thế giới đã thay đổi sâu sắc. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa lớn mạnh không ngừng, mở ra con đường đúng đắn cho nhân dân thế giới đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Phong trào giải phóng dân tộc tiến công mãnh liệt vào chủ nghĩa đế quốc thực dân và đã chiến thắng liên tiếp, làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và đang đưa chủ nghĩa thực dân mới đến thất bại hoàn toàn, góp phần to lớn vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới. Gần một trăm nước mới độc lập đang đẩy mạnh đấu tranh để củng cố chủ quyền dân tộc, giành vị trí ngày càng quan trọng trong đời sống chính trị quốc tế. Phong trào nhân dân lao động các nước đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, chống đàn áp phát-xít, đang phát triển trên quy mô rộng lớn, lật nhào nhiều chế độ độc tài tàn bạo.

Trước sức phát triển mạnh mẽ của ba dòng thác cách mạng trên đây, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới cùng các lực lượng phản động khác đang ra sức ngăn cản bước tiến của loài người. Chúng tăng cường quân sự, chuẩn bị chiến tranh, bao vây, phá hoại, chia rẽ các lực lượng cách mạng, lừa bịp nhân dân thế giới, duy trì các nước đang phát triển trong quỹ đạo của chúng. Nhưng chưa bao giờ nhân dân thế giới đứng trước những triển vọng tươi sáng như ngày nay. So sánh lực lượng đã thay đổi căn bản có lợi cho hòa bình và cách mạng, tạo ra khả năng thực tế ngăn ngừa chiến tranh thế giới mới và những điều kiện vô cùng thuận lợi cho các dân tộc tiến lên thực hiện các mục tiêu cao cả của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Thưa ông Chủ tịch,

Từ hai năm nay, một kỷ nguyên mới đã mở ra trên Tổ quốc chúng tôi, kỷ nguyên hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Nhiệm vụ hàng đầu của nhân dân Việt-nam, sau bao nhiêu năm chiến đấu gay go, gian khổ là dốc toàn lực vào sự nghiệp xây dựng đất nước, nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xóa bỏ tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, di sản nặng nề của hơn một trăm năm bị nước ngoài đô hộ và ba mươi năm chiến tranh vô cùng ác liệt. Để thực hiện yêu cầu bức thiết đó, nhân dân Việt-nam không có mong muốn nào thiết tha hơn là xây dựng cuộc sống mới trong hòa bình và kiên quyết không cho phép bất cứ thế lực phản động nào xâm phạm đến nền độc lập, tự do của mình.

Theo truyền thống đoàn kết và nhân ái của dân tộc, vì lợi ích lâu dài và cơ bản của đất nước, nhân dân Việt-nam đã thực hiện một chính sách khoan hồng chưa từng có trong lịch sử các cuộc chiến tranh là giáo dục, và trả quyền công dân cho tuyệt đại đa số những người trước đây đã làm công cụ cho bọn thực dân xâm lược, chống lại Tổ quốc.

Về đối ngoại, chính sách cơ bản của Việt-nam là hòa bình, hữu nghị và hợp tác quốc tế: thực hiện đường lối quốc tế độc lập tự chủ, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam ra sức tăng cường đoàn kết và hợp tác anh em với Liên-xô, Trung-quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, bảo vệ và phát triển mối quan hệ anh em thân thiết với hai nước láng giềng Lào và Cam-pu-chia, đoàn kết và hợp tác hữu nghị với các nước không liên kết, các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh, và các phong trào đấu tranh cho độc lập dân tộc, mở rộng quan hệ bình thường và hợp tác nhiều mặt với các nước khác không phân biệt chế độ chính trị, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Đối với các nước Đông—Nam Á, chúng tôi phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác theo chính sách bốn điểm được các nước đó và dư luận rộng rãi hoan nghênh. Đối với Mỹ, chúng tôi sẵn sàng thương lượng nhằm giải quyết thỏa đáng những vấn đề còn lại để bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Nhân dân Việt-nam kiên quyết đấu tranh cho những quyền chân chính của con người mà cơ bản là quyền độc lập của các dân tộc, những quyền kinh tế và xã hội của mọi người. Cuộc chiến tranh đẫm máu trước đây ở Việt-nam, các cuộc xâm lược xi-ô-nít chống các dân tộc A-rập, các chế độ phân biệt chủng tộc ở nam phần châu Phi và các cuộc chiếm đóng thực dân ở các nơi khác chứng tỏ hòa bình không thể tách rời việc tôn trọng những quyền cơ bản đó. Cộng đồng quốc tế chúng ta không bao giờ để bị lừa bịp bởi những kẻ đang lớn tiếng tự xưng bảo vệ nhân quyền nhưng lại là những kẻ gây chiến tranh xâm lược, chà đạp thô bạo những quyền thiêng liêng của các dân tộc và của con người.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam một lần nữa khẳng định sự ủng hộ kiên quyết của mình đối với cuộc đấu tranh của nhân dân A-rập và Pa-le-stin nhằm thu hồi các lãnh thổ A-rập bị chiếm đóng, giành các quyền dân tộc chính đáng của nhân dân Pa-le-stin kể cả quyền lập một Nhà nước Pa-le-stin dân chủ trên Tổ quốc của mình. Chúng tôi kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Dim-ba-bu-ê, Na-mi-bi-a, Nam Phi nhằm thủ tiêu các chế độ thuộc địa và phân biệt chủng tộc dã man ở nam phần châu Phi. Chúng tôi kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh cho độc lập và chủ quyền của nhân dân Síp, nhân dân Pu-éc-tô Ri-cô, các đảo bị «ủy trị» và các lãnh thổ chưa độc lập Đông Ti-mo, Tây Xa-ha-ra, v.v...

Digitized by Google

Chúng tôi kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Triều-tiên nhằm hòa bình tự chủ thống nhất đất nước, đòi rút hết ngay quân đội và trang bị quân sự nước ngoài ra khỏi Nam Triều-tiên. Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa giải phóng Đài-loan. Chúng tôi đòi rút bỏ các căn cứ quân sự Mỹ ở Guan-ta-na-mô, Đi-ê-gô Gác-xi-a và các nơi khác. Chúng tôi kịch liệt lên án sự đàn áp phát-xít ở Chi-lê.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam nguyện góp sức mình vào cuộc đấu tranh cho một trật tự kinh tế quốc tế mới theo những phương hướng đã được đề ra tại hội nghị cấp cao các nước không liên kết ở An-giê và Cô-lôm-bô.

Trong công cuộc xây dựng đất nước, nhân dân Việt-nam với sức lao động dồi dào và tài nguyên thiên nhiên phong phú, với sự ủng hộ và hợp tác quốc tế rộng rãi, chắc chắn sẽ vượt qua tình trạng tàn phá và nghèo nàn hiện nay, góp phần xứng đáng hơn nữa vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Nhân dịp này, thực hiện điều mong muốn thiết tha của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh trong Di chúc của Người, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành của Chính phủ và nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đối với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước không liên kết, các chính phủ, tổ chức, đoàn thể và cá nhân yêu chuộng hòa bình và công lý đã bền bỉ ủng hộ chúng tôi trong những năm dài thử thách quyết liệt của chiến tranh trước đây, cũng như trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng lại đất nước ngày nay. Chúng tôi cảm ơn các chính phủ, đoàn thể, nhân vật trong và ngoài Liên hợp quốc đã từng lên tiếng đòi chính phủ Mỹ đóng góp phần mình vào công cuộc đó. Nhân dịp đến nước Mỹ, tôi xin gửi lời chào hữu nghị nồng nhiệt đến nhân dân Mỹ, chân thành cảm ơn những người bạn Mỹ vì chính nghĩa đã và đang ủng hộ nhân dân Việt-nam.

Thưa ông Chủ tịch,

HƠN 30 năm trước đây, vừa thoát khỏi những tàn phá khủng khiếp của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai và những tội ác đẫm máu của chủ nghĩa phát-xít, nhân dân thế giới đặt nhiều hy vọng vào Liên hợp quốc. Chúng ta đánh giá cao những cố gắng to lớn và bền bỉ của các lực lượng hòa bình và công lý ở trong và ngoài Liên hợp quốc, nhưng do sức cản trở của các thế lực đế quốc thực dân ngoan cố, kết quả hoạt động của Liên hợp quốc chưa tương xứng với niềm hy vọng đó.

Ngày nay, biết bao biến đổi cực kỳ to lớn đã vẽ lại bản đồ thế giới. Những biến đổi đó chứng tỏ rằng những đế quốc mạnh nhất cũng không thể nào cản trở được các dân tộc kiên quyết đòi quyền sống độc lập, tự do, hạnh phúc và hòa bình.

Mấy chục năm qua, tuy chưa tham gia Liên hợp quốc, nước Việt-nam, bằng xương máu, đã góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, phù hợp với những mục tiêu của Liên hợp quốc. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam sẽ hợp tác chặt chẽ với các thành viên khác của Liên hợp quốc phấn đấu không mệt mỏi nhằm thực hiện các mục tiêu cao cả đó. Trong thời đại ngày nay, loài người đang tiến mạnh trong công cuộc cải tạo thiên nhiên và cải tạo xã hội. Chúng ta ra sức làm cho tổ chức của chúng ta có tiếng nói và sự đóng góp tích cực vào tiến trình của lịch sử, xứng đáng với lòng mong đợi của nhân dân toàn thế giới.

Xin cảm ơn sự chú ý của các vị.

Digitized by Google

QUYẾT TÂM ĐƯA NÔNG NGHIỆP TIẾN LÊN MỘT BƯỚC VƯỢT BẬC

VÕ-CHÍ-CÔNG

NHƯ chúng ta đã biết, sau Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Ban chấp hành trung ương đã dành hội nghị lần thứ hai trong nhiệm kỳ của mình để tập trung thảo luận và quyết định những vấn đề về nông nghiệp của nước ta. Hội nghị Trung ương lần này đã đánh giá tình hình nông nghiệp và sự lãnh đạo nông nghiệp trong thời gian qua một cách sâu sắc và toàn diện. Hội nghị nêu rõ những thắng lợi cơ bản và to lớn trên mặt trận nông nghiệp, đồng thời vạch ra những khuyết điểm, thiếu sót lớn trong việc lãnh đạo và chỉ đạo nông nghiệp. Hội nghị xác định rõ đường lối, phương hướng, chủ trương và biện pháp đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong sự gắn bó chặt chẽ giữa công nghiệp và nông nghiệp, nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ và mục tiêu của nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm thứ hai và những năm tiếp theo, trong điều kiện nước nhà đã thống nhất và cả nước đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội nghị cũng đã khẳng định trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế, phải nắm vững **nhiệm vụ hàng đầu** là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, **giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm,** tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi để thực hiện cùng một lúc **hai yêu cầu cơ bản và cấp bách** là xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Như vậy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng về nông nghiệp có một ý nghĩa lịch sử rất quan trọng. Để quán triệt tinh thần, nội dung nghị quyết và thực hiện cho đúng, chúng ta cần nắm vững một số vấn đề chủ yếu sau đây

I—PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP LÀ NHIỆM VỤ HÀNG ĐẦU HIỆN NAY

Như Mác đã từng chỉ rõ, chủ nghĩa xã hội chỉ ra đời trên cơ sở nền đại sản xuất công nghiệp. Và Lê-nin lại nhấn mạnh : « cơ sở vật chất của chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội chỉ có thể là đại công nghiệp cơ khí hóa, có khả năng cải tạo được cả nông nghiệp » (1).

Để xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta không có con đường nào khác ngoài con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Vì vậy Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định **công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm suốt cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.** Và để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết Đại hội Đảng cũng đã chỉ rõ là phải « *Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công — nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng...* ».

Đó là đường lối duy nhất đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta. Đường lối đó vừa thể hiện sự tôn trọng vai trò chủ đạo của công nghiệp, vì không có công nghiệp phát triển thì căn bản không thể tạo ra sản xuất lớn, lại vừa chỉ rõ muốn đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không thể một chiều phát triển công nghiệp, một chiều xây dựng công nghiệp nặng, vì rằng công nghiệp không thể nào phát triển được nếu thiếu những điều kiện tiên quyết do nông nghiệp tạo ra. Đó là vốn tích lũy, là lương thực, thực phẩm, là nguyên liệu nông sản, là sức lao động, là thị trường, tạo thành cơ sở cho việc phát triển công nghiệp. Mặt khác, việc thực hiện công nghiệp hóa nói riêng và xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung đều nhằm mục đích thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội; đây là một yêu cầu rất cơ bản, rất cấp bách của nước ta. Do đó, Đảng ta chủ trương: ngay từ đầu phải gấp rút **« tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp »**, đưa nông nghiệp tiến lên trong sự gắn bó chặt chẽ giữa công nghiệp và nông nghiệp, nhằm cải thiện một bước đời sống nhân dân, tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là một chủ trương rất đúng đắn.

Hiện nay cả nước ta đã độc lập, thống nhất, hòa bình và đi lên chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp phát triển nông nghiệp có những điều kiện thuận lợi rất cơ bản. Trước hết, ta có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cách mạng tiên phong chẳng những giàu kinh nghiệm chống đế quốc xâm lược, mà đã bước đầu tích lũy được kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa rất đúng đắn, phù hợp với điều kiện của nước ta. Nước ta có 50 triệu dân, có diện tích trên 32 vạn ki-lô-mét vuông, có tiềm năng kinh tế rất lớn và nhất là có điều kiện thiên nhiên thuận lợi cho việc phát triển nông, lâm, ngư nghiệp với nhịp độ cao. Dân tộc ta cần cù lao động, giàu óc sáng tạo; với sự giúp đỡ của các nước anh em và bạn bè trên thế giới, dân tộc ta chẳng những đã thu được thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, mà chắc chắn sẽ đạt được những thành công tốt đẹp trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, cần thấy rằng nước ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cơ

(1) V. Lê-nin: *Bàn về công nghiệp hóa*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1957, trang 151.

Digitized by Google

sở một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu, lại trải qua gần 30 năm chiến tranh chống ngoại xâm với những hậu quả rất nghiêm trọng. Sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam, trong suốt 30 năm dưới chế độ thực dân cũ và mới bị phá hoại ghê gớm, diện tích canh tác bị thu hẹp nhiều do hàng triệu héc-ta ruộng đất bỏ hoang hóa. Sản xuất nông nghiệp miền Bắc, với chế độ hợp tác hóa, tuy có phát triển một bước đáng kể, song tốc độ phát triển còn chậm chạp. Trong khi ấy thì số dân nước ta tăng gần gấp đôi. Cho nên chúng ta chưa đủ lương thực, thực phẩm bảo đảm nhu cầu tối thiểu để tái sản xuất sức lao động xã hội. Mặt khác cũng cần hiểu rằng, trước đây, nhân dân cả nước ta được bảo đảm nhu cầu ăn, một phần không nhỏ nhờ có nguồn lương thực nhập từ nước ngoài. Nhưng sau khi hòa bình được lập lại, nguồn lương thực nhập từ nước ngoài không có như trước, vì vậy chúng ta gặp rất nhiều khó khăn, và vấn đề lương thực, thực phẩm trở thành vấn đề kinh tế xã hội hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân ta. Thực tiễn đã chỉ rõ, có giải quyết nhanh chóng vấn đề này mới tạo được điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quy mô lớn. Hơn nữa, nước ta càng đi sâu vào đời sống công nghiệp thì nhu cầu về các loại thức ăn giàu chất dinh dưỡng, nhất là thịt, cá, trứng, sữa,... để tăng năng suất lao động, tăng sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện đời sống vật chất của nhân dân, tăng lên rất nhiều. Chúng ta chẳng những phải bảo đảm có đủ lương thực cho người, mà còn phải có một khối lượng lớn lương thực để chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhằm sớm đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất lớn đủ sức cung cấp thịt, trứng, sữa,... cho nhân dân. Do đó giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm của nước ta không chỉ là một yêu cầu cấp bách mà còn là một yêu cầu lâu dài của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Điểm thứ hai cần nhận rõ là, kinh tế nước ta về cơ bản vẫn còn là nền sản xuất nhỏ. Lao động thủ công chiếm tuyệt đại bộ phận lao động xã hội. Năng suất lao động xã hội còn quá thấp, sản xuất chưa đủ tiêu dùng. Công nghiệp nước ta, nhất là công nghiệp nặng, mới bước đầu xây dựng, chưa đủ khả năng trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp cũng như cho các ngành kinh tế khác.

Để bảo đảm thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, nhất thiết chúng ta phải xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhất là phải tạo ra trong một thời gian lịch sử tương đối ngắn, một hệ thống công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng đủ khả năng trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại cho các ngành kinh tế trong nước.

Trong lúc ngành công nghiệp nặng của chúng ta còn non yếu và đang trong quá trình hình thành như hiện nay, để trang bị kỹ thuật hiện đại cho các ngành kinh tế, nhất là cho nông nghiệp, chúng ta phải dựa vào những thiết bị, máy móc, vật tư kỹ thuật nhập khẩu từ các nước anh em và các nước có nền kinh tế phát triển, trên cơ sở mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế — kỹ thuật giữa nước ta với các nước đó.

Vì vậy, vấn đề đẩy mạnh xuất khẩu, tăng nhanh khối lượng hàng hóa xuất khẩu trở thành yêu cầu cấp bách của sự nghiệp phát triển kinh tế, tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Càng có giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn bao nhiêu, chúng ta càng có cơ sở để tăng nhanh khối lượng máy móc, thiết bị, vật tư kỹ thuật nhập khẩu bấy nhiêu. Và do đó, chúng ta càng có điều kiện để khắc phục có hiệu quả mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển sản xuất nhanh, mạnh, với tình trạng cơ sở

Digitized by Google

vật chất — kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu.

Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, muốn đáp ứng được yêu cầu xuất khẩu, đương nhiên chúng ta phải dựa vào việc xuất khẩu nông sản, lâm sản, hải sản là chủ yếu. Với nguồn tài nguyên về nông sản, lâm sản nhiệt đới phong phú và nguồn hải sản khá lớn, cùng với sức lao động dồi dào của nước ta hiện nay, chúng ta có điều kiện thuận lợi để tăng nhanh nguồn hàng nông sản, lâm sản, hải sản xuất khẩu. Chúng ta quyết phấn đấu để trong một thời gian ngắn có được nhiều nông sản, lâm sản, hải sản xuất khẩu với tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu của nước ta. Đây là nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược mà toàn Đảng, toàn dân ta có nhiệm vụ thực hiện và có điều kiện để thực hiện tốt.

Điểm thứ ba cần nhận rõ là, ở nước ta muốn phát triển mạnh các ngành công nghiệp thì một trong những điều kiện quan trọng là phải có cơ sở nguyên liệu. Nguyên liệu của công nghiệp, một phần dựa vào nông sản, lâm sản, hải sản, một phần dựa vào khoáng sản. Trong thời gian đầu của thời kỳ quá độ, do vốn đầu tư của ta chưa có nhiều, do công tác tìm kiếm, điều tra thăm dò tài nguyên cần có thời gian, cho nên việc khai thác khoáng sản để phát triển công nghiệp rõ ràng bị nhiều hạn chế; chúng ta chưa có điều kiện để tăng nhanh khối lượng nguyên liệu khoáng sản. Trái lại, đất đai của nước ta có thể khai phá để đưa vào sản xuất nông nghiệp còn tương đối lớn. Theo sự điều tra bước đầu, thì diện tích đất nông nghiệp của nước ta có thể mở rộng lên gấp đôi so với hiện nay. Đồng thời chúng ta có hàng chục triệu héc-ta rừng có thể khai thác và hàng chục triệu héc-ta đất rừng cần được trồng cây gây rừng. Chúng ta lại có bờ biển dài hơn 3.200 ki-lô-mét và có nguồn hải sản rất phong phú.

Như vậy là nếu chúng ta khéo tổ chức và sử dụng lực lượng lao động dồi dào hiện nay để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, chúng ta có thể tăng nhanh khối lượng các loại nông sản, lâm sản và hải sản rất phong phú của đất nước để tạo cơ sở nguyên liệu nhằm đẩy nhanh nhịp độ phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ. Và một khi nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp cùng với công nghiệp nhẹ phát triển mạnh, thì chúng trở thành cơ sở vững chắc để phát triển nhanh công nghiệp nặng.

Điểm thứ bốn cần nhận rõ là nước ta có hai nguồn vốn quý nhất: lao động và đất đai, cho phép tăng nhanh của cải vật chất của xã hội. Nhưng hiện nay việc phân bố dân cư và phân bố lao động ở từng vùng và trên phạm vi cả nước rất không hợp lý; nơi nhiều lao động thì ít ruộng đất, nơi nhiều ruộng đất thì thiếu lao động. Vùng đồng bằng mật độ số dân quá cao, trong khi đó vùng trung du và miền núi, nhất là các tỉnh Nam-bộ và Tây-nguyên dân cư thưa thớt, không đủ lao động để khai thác đất đai và phát triển sản xuất. Đã vậy, ở các tỉnh miền Nam, dưới chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ, số người không sản xuất và số người bị tách khỏi sản xuất nông nghiệp vào sống ở thành thị quá nhiều. Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, số người không có công ăn việc làm, hoặc chưa có việc làm ổn định đến mấy triệu. Cho đến nay, tuy chúng ta đã cố gắng giải quyết một bước nạn thất nghiệp do Mỹ — ngụy để lại, bằng cách chuyển bớt một số người ở các thành phố, thị trấn đông dân về nông thôn tham gia sản xuất nông nghiệp hoặc thu hút vào làm các nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nhưng số người thất nghiệp vẫn còn nhiều.

Digitized by Google

Ở miền Bắc, một phần do bị chiến tranh phá hoại, một phần do phải tập trung sức người, sức của phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, cho nên việc phát triển kinh tế không thể tiến hành theo quy mô lớn, với nhịp độ cao. Do đó hiện nay lực lượng lao động miền Bắc chưa được thu hút hết vào các ngành sản xuất.

Tình hình trên cho thấy chỉ có thực hiện sự phân công lại lao động giữa các ngành và giữa các vùng lãnh thổ trong nước để kết hợp tốt sức lao động với đất đai, rừng, biển của ta, thì mới giải quyết được công việc làm cho nhân dân, mới sớm tạo ra được nhiều của cải cho xã hội.

Như vậy, trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay còn thấp kém, để nhanh chóng công nghiệp hóa nước nhà và tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải coi việc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu và phải tập trung cao độ lực lượng cả nước thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển vượt bậc trong sự kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp, dưới tiên đề ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý. Đó là bước đi đầu tiên hợp lý nhất trong hoàn cảnh nước ta, một nước tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế lạc hậu, lại bị chiến tranh xâm lược kéo dài hàng 30 năm tàn phá nặng nề.

Đồng chí Lê-Duẩn đã nói rất đúng rằng: « nếu không đếm xỉa đến tình trạng thấp kém của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ hiện nay, nếu không thấy sự ràng buộc tất yếu của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ đối với công nghiệp nặng, nếu triển khai công nghiệp nặng mà không nhằm đẩy mạnh nông nghiệp và công nghiệp nhẹ thì thực tế không những không phát triển được công nghiệp nặng, mà còn làm nghiêm trọng thêm tình trạng không cân đối vốn có của nền kinh tế, tạo thêm nhiều khó khăn và làm cản trở bước tiến lên của nền kinh tế quốc dân » (2). Cho nên chúng ta cần quán triệt vị trí hàng đầu của nhiệm vụ phát triển nông nghiệp để ra sức thực hiện cho đúng.

Có làm tốt nhiệm vụ đó, chúng ta mới thoát khỏi tình trạng lúng túng bị động về nạn thiếu ăn, mới giải quyết được vấn đề lương thực, thực phẩm là vấn đề vừa rất cấp bách vừa rất cơ bản trong đời sống của nhân dân.

Có làm tốt nhiệm vụ đó, chúng ta mới có thể tăng nhanh khối lượng hàng hóa xuất khẩu — điều kiện cơ bản để mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài, tranh thủ nhập khẩu thiết bị kỹ thuật hiện đại cần cho sự phát triển kinh tế nước ta.

Có làm tốt nhiệm vụ đó, chúng ta mới tạo ra được nguồn nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản phong phú để cung ứng cho sự phát triển công nghiệp; đồng thời mới có thể sử dụng một cách hợp lý lực lượng lao động dồi dào của nước ta vào việc khai thác những tiềm năng kinh tế sẵn có hiện nay để tăng nhanh của cải vật chất cho xã hội, tăng nhanh năng suất lao động xã hội, từ đó mới có thể vừa cải thiện từng bước đời sống của nhân dân, vừa tạo ra vốn tích lũy để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

II — NẮM VỮNG PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Căn cứ vào tình hình nông nghiệp nước ta hiện nay và trên cơ sở quán triệt đường lối chung và đường lối

(2) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 32.

Digitized by Google

xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra, Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng đã chỉ ra phương hướng cơ bản phát triển nông nghiệp trong giai đoạn cách mạng mới là « phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước đối với nông nghiệp, tích cực xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng — cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt — nhằm đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ nguồn gốc sinh ra bóc lột, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng nông thôn mới, xây dựng con người mới, xã hội chủ nghĩa ». Điều đó có nghĩa là cuộc đấu tranh giữa hai con đường ở nông thôn ta hiện nay chủ yếu là cuộc đấu tranh nhằm cải tạo nền nông nghiệp sản xuất nhỏ và xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vì một nền nông nghiệp có thể làm cơ sở cho sự phát triển công nghiệp (gồm cả công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ) và đáp ứng được nhu cầu đời sống của nhân dân như trên đã nói, phải là một nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tiến hành hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp mà dừng lại ở trình độ sản xuất nhỏ là không đúng. Với sản xuất nhỏ thì không sao có chủ nghĩa xã hội được. Bởi vậy trong phương hướng phát triển nông nghiệp lần này, Trung ương Đảng đã vạch ra nội dung cụ thể để đưa nông nghiệp tiến một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nội dung đó chỉ rõ quá trình xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta là quá trình phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, tích cực phân bố lại lao động giữa các vùng và trên từng địa bàn, kết hợp tổ chức và sử dụng hợp lý lao động với việc tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật cho nông nghiệp nhằm đưa nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng tập trung, thâm canh, chuyên canh trên cơ sở đẩy mạnh thủy lợi hóa, từng bước thực hiện cơ giới hóa, điện khí hóa, đẩy mạnh việc áp dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất ; là quá trình kết hợp công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, lấy huyện làm địa bàn để tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp.

Để thực hiện phương hướng phát triển nông nghiệp đó, chúng ta cần nắm vững và làm cho tốt mấy vấn đề sau đây.

I — Phát triển nông nghiệp toàn diện, lấy lương thực và thực phẩm làm trọng tâm. Nông nghiệp nước ta có rất nhiều khả năng để bảo đảm lương thực, thực phẩm cho người, thức ăn cho gia súc, gia cầm ; đồng thời có thể cung ứng nhiều loại nguyên liệu phong phú cho công nghiệp để giải quyết vấn đề mặc, vấn đề ở, và nhiều mặt hàng tiêu dùng cần thiết khác cho nhân dân.

Chúng ta chẳng những có thể bảo đảm có đủ chất bột, mà còn có thể đẩy mạnh phát triển các loại cây họ đậu, cây có dầu, cây làm đường để tăng thành phần thức ăn giàu chất dinh dưỡng cho người.

Về sản xuất chất bột, ngoài việc tăng diện tích, năng suất, sản lượng lúa nước là rất quan trọng, điều cần nhấn mạnh hiện nay là phải **kiên quyết tăng sản lượng màu một cách nhanh chóng.** Cần phấn đấu để đến cuối kế hoạch 5 năm thứ hai, đầu kế hoạch 5 năm thứ ba màu chiếm tỷ lệ 40 — 50% trong sản lượng lương thực. Đây là một phương hướng tất yếu để giải quyết vấn đề lương thực khi đi vào công nghiệp

Digitized by Google

hóa, nhất là trong điều kiện diện tích lúa của ta có hạn, khả năng phát triển màu còn rất lớn. Ở nhiều nước có công nghiệp và nông nghiệp phát triển cao, tỷ lệ màu trong lương thực chiếm trên 50%. Ở các tỉnh miền Bắc, phải nhanh chóng đưa vụ đông (trồng khoai tây) thành vụ chính, phổ biến, dành đất bãi dọc các con sông, nhất là bãi sông Hồng để trồng ngô chuyên canh. Đồng thời tích cực tăng sản lượng ngô, khoai lang, sắn, dong riềng một cách đáng kể, nhất là ở các tỉnh trung du, miền núi. Các tỉnh thuộc khu IV, khu V cũ và Tây-nguyên phải đẩy mạnh sản xuất sắn, khoai lang, ngô và có kế hoạch mở rộng diện tích trên từng vùng lớn để lập nhiều nông trường chuyên canh màu; đồng thời phát triển các loại cây có chất bột khác như cây dong riềng, cây khoai sọ, khoai từ, hoàng tinh, v.v... Các tỉnh Nam-bộ, ngoài việc phát triển các loại màu như ngô, khoai lang, sắn, v.v... phải đặc biệt mở rộng diện tích trồng cây cao lương, đưa lên thành một vụ chính. Có tăng sản lượng màu một cách vượt bậc, chúng ta mới bảo đảm được lương thực cho người, mới có cơ sở thức ăn để phát triển mạnh chăn nuôi cân đối với trồng trọt.

Để tăng nhanh sản lượng màu, ngoài việc phát động mọi gia đình, cơ quan sản xuất màu, chúng ta phải có quy hoạch, kế hoạch sản xuất màu tập trung thành từng vùng chuyên canh lớn, trong đó có cả nông trường quốc doanh và hợp tác xã. Đồng thời phân công cán bộ kỹ thuật đi sâu nghiên cứu để bảo đảm giống tốt và nắm chắc kỹ thuật trồng từng loại màu. Kiên quyết giải quyết cho được khâu thu hoạch, phơi sấy, chế biến và thu mua để đưa màu vào khẩu phần lương thực của người và biến màu thành nông sản hàng hóa lớn.

Về cây công nghiệp đã có ở từng vùng chuyên canh như: cao-su, cà-phê, chè, cây ăn quả, v.v.. thì đi đôi với việc tích cực mở rộng diện tích, cần tích cực chăm sóc cây, tăng cường công tác quản lý các đơn vị sản xuất ở những nơi đó để tăng năng suất các loại cây đã sản xuất tập trung. Nhanh chóng phát triển các loại cây dùng để giải quyết vấn đề mặc như cây bông, dâu tằm, cây làm sợi nhân tạo, nhất là phải nhanh chóng hình thành vùng sản xuất bông vải tập trung ở Thuận-hải, Phú-khánh, Cheo-reo, nam Bình-định, để chủ động giải quyết nguyên liệu cho công nghiệp dệt đang rất cần hiện nay.

2 — Phát triển chăn nuôi cân đối với trồng trọt, là một phương hướng sản xuất rất cơ bản của nền nông nghiệp nước ta. Chăn nuôi ở nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh chóng và toàn diện. Có phát triển chăn nuôi, chúng ta mới có thể cung cấp đủ thực phẩm bảo đảm nhu cầu dinh dưỡng cho người, cung cấp một số sản phẩm chăn nuôi khác có giá trị, rất cần thiết cho sản xuất và đời sống của nhân dân như: da, lông, dược liệu, v.v... Hơn nữa, có phát triển mạnh chăn nuôi, chúng ta mới có nhiều phân bón cho ngành trồng trọt để tăng năng suất và sản lượng cây trồng, mới có đủ sức kéo để bảo đảm cày bừa hết diện tích gieo trồng và kịp thời vụ. Ngược lại, trồng trọt có phát triển lên mới tạo được cơ sở thức ăn vững chắc để phát triển mạnh chăn nuôi, tăng thu nhập cho hợp tác xã và cho gia đình nông dân. Theo kinh nghiệm sản xuất của nhiều nước, càng tăng số lượng phân bón hóa học, thì càng cần phải tăng nguồn phân hữu cơ, vì có như vậy mới bảo đảm vừa tăng được năng suất cây trồng, vừa bồi dưỡng được độ màu mỡ của đất. Trong lúc chúng ta chưa có nhiều phân đạm hóa học, việc phát triển chăn nuôi để cung cấp phân bón lại càng trở nên hết sức quan trọng. Cùng với việc giải quyết những yếu tố thâm canh như thủy lợi, giống, v.v..., chúng ta cố gắng bảo đảm trên mỗi héc-ta

Digitized by Google

gieo trồng nuôi từ 3 con lợn trở lên để có 9 tấn phân chuồng thì nhất định sẽ giành được năng suất lúa từ 3 đến 4 tấn một héc-ta gieo trồng. Vì chăn nuôi có vị trí quan trọng như đã nói trên, mà hội nghị Trung ương lần này đã quyết định dành từ 10 đến 15% diện tích trồng trọt của hợp tác xã để phát triển cây làm thức ăn cho chăn nuôi; và lấy huyện làm địa bàn để thực hiện cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt, nhằm tổ chức và phát triển chăn nuôi, từng bước đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với việc đẩy mạnh chăn nuôi gia đình, chúng ta cần ra sức phát triển các cơ sở chăn nuôi tập thể và chăn nuôi quốc doanh. Các cơ sở chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, cũng như từng gia đình tiến hành chăn nuôi đều phải quán triệt quan điểm thâm canh trong chăn nuôi, kiên quyết khắc phục khuynh hướng chỉ coi trọng số lượng đầu con, mà xem nhẹ trọng lượng, chất lượng và năng suất trong chăn nuôi.

Ở các tỉnh miền Nam, trong lúc sản xuất nông nghiệp còn là sản xuất cá thể, việc đẩy mạnh chăn nuôi gia đình cần gắn liền với việc hướng dẫn chế biến và sử dụng phân chuồng. Phải phấn đấu mỗi hộ nông dân ít nhất nuôi cho được từ 2 con lợn trở lên; tổ chức các đội chuyên lo chế biến phân chuồng cho từng tập đoàn hoặc tổ đoàn kết sản xuất ở nông thôn. Tìm mọi cách sử dụng hết công suất các xí nghiệp thức ăn gia súc hiện có ở miền Nam, đồng thời xây dựng thêm những xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc mới, tiến tới mỗi huyện ít nhất có một cơ sở chế biến thức ăn gia súc.

Trong điều kiện nước ta, cần phát triển chăn nuôi toàn diện các loại gia súc nhỏ, gia súc lớn và gia cầm, kết hợp chăn nuôi lấy thịt với chăn nuôi lấy sữa, đặc biệt phát triển nhanh đàn trâu, bò sữa để cung cấp sữa trước hết cho trẻ em, người bệnh, người già và những người lao động ở môi trường độc hại.

Ở các tỉnh có rừng, cần kết hợp trồng rừng với phát triển chăn nuôi, tiến tới trên mỗi héc-ta rừng nuôi ít nhất một con gia súc có sừng ở những vùng có điều kiện. Chú ý phát triển nghề nuôi cá, tôm nước ngọt ở cả đồng bằng, trung du, miền núi và vùng ven biển để hằng năm có được hàng chục vạn tấn cá, tôm cung cấp cho nhân dân.

3 – Vừa thâm canh tăng vụ vừa mở rộng diện tích là một phương châm cơ bản để phát triển nông nghiệp nước ta hiện nay. Về lâu dài, thâm canh tăng vụ là hướng phát triển cơ bản của sản xuất nông nghiệp xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cố gắng phấn đấu làm cho mỗi đơn vị diện tích đất trồng trọt đạt được năng suất cao nhất. Chúng ta chẳng những thực hiện thâm canh tăng vụ trong ngành trồng trọt, mà còn phải thâm canh trong chăn nuôi. Bất cứ trồng cây gì, đều tìm cách áp dụng mọi biện pháp để đạt được năng suất tiên tiến. Nuôi bất cứ con gia súc, gia cầm gì, đều cố gắng bảo đảm tăng trọng lượng hằng tháng nhanh nhất, có được sản phẩm tốt nhất.

Khả năng thâm canh, tăng vụ trên toàn bộ diện tích đất canh tác đang có của nước ta còn rất lớn. Thâm canh tăng vụ là công việc làm tại chỗ có nhiều thuận lợi và mau đem lại kết quả. Ở đồng bằng Bắc-bộ, nếu thâm canh cao và đồng đều, chẳng những đưa được năng suất và sản lượng lúa lên cao, mà còn có thể mở thêm 30 – 40 vạn héc-ta vụ đông. Ở đồng bằng Nam-bộ có thể mở ít nhất 1 triệu héc-ta bằng tăng vụ. Ở nhiều địa phương khác cũng có những khả năng tương tự. Bởi vậy cần hoàn thành sớm quy hoạch tổng thể và cụ thể trên địa bàn từng huyện, xác định rõ phương hướng sản xuất của từng

Digitized by Google

hợp tác xã, nông trường, lâm trường để đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa và hiệp tác hóa, sử dụng tốt nhất mọi loại đất đai và mọi nguồn lao động. Trên cơ sở quy hoạch sản xuất và phương hướng sản xuất được xác định, chúng ta tìm mọi cách sử dụng loại giống tốt nhất, bảo đảm tưới tiêu chủ động, có chế độ, quy trình gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch thích hợp cho từng cây khác nhau, cho mỗi vùng khác nhau, nhằm giành năng suất cao, sản lượng nhiều. Trong cả nước hiện nay, hầu hết các địa phương đều có những điển hình sản xuất giỏi, năng suất cao. Về cây lúa, đã xuất hiện khá nhiều điển hình năng suất cao, có nơi đạt từ 4 đến 5 tấn/ha/vụ. Về cây ngô, cũng đã có nơi đạt 4 tấn/ha/vụ. Về một số cây khác, cũng đã xuất hiện ngày một nhiều điển hình có năng suất cao. Về chăn nuôi, đã có giống lợn được nuôi dưỡng với kỹ thuật chăn nuôi tốt, hằng tháng tăng trọng trên 15 kg. Cho nên cần đi sâu nghiên cứu tổng kết những kinh nghiệm tiên tiến đó để xác định cho được quy trình kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi khoa học cho từng cây, từng con và thích hợp với từng vùng khác nhau để áp dụng rộng rãi trong cả nước.

Số dân nước ta tương đối đông và tăng khá nhanh. Nhưng diện tích đất canh tác bình quân đầu người quá thấp. Trong 5 — 10 năm tới, với diện tích đất canh tác hiện có, dù có cố gắng thâm canh, tăng năng suất tốt cũng không bảo đảm nhu cầu về nông sản cho nhân dân và cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, vấn đề **mở rộng diện tích canh tác bằng khai hoang trở thành một nhiệm vụ rất cấp bách, rất cơ bản.** Theo sự tính toán bước đầu của công tác phân vùng nông, lâm nghiệp, đất có thể khai hoang đưa vào sản xuất nông nghiệp lên tới trên 5 triệu héc-ta, nghĩa là diện tích canh tác có thể tăng lên gấp đôi. Chúng ta phấn đấu trong vòng từ 7 đến 10 năm hoàn thành cho được việc khai hoang trên 5 triệu héc-ta đó thì mới bảo đảm được nhu cầu nông sản cho nhân dân với số dân khoảng 65 triệu người năm 1985. Như vậy, trong một thời gian ngắn, chúng ta mở ra một diện tích canh tác bằng diện tích canh tác mà dân tộc ta đã khai phá trong hàng mấy mươi thế kỷ.

Đây là một công cuộc có ý nghĩa cách mạng to lớn và cũng là một công việc có nhiều khó khăn. Đây không chỉ là việc tạo ra một vùng đất nông nghiệp mới, mà là việc xây dựng nên một cuộc sống mới về mọi mặt với những làng mạc mới, thị trấn mới cho hàng chục triệu người. Nếu không phát động được cao trào cách mạng của quần chúng nhân dân đi khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới như cao trào quần chúng nhân dân đi chống Mỹ, cứu nước trước đây, thì không thể nào hoàn thành được nhiệm vụ có tính chất lịch sử ấy.

Để làm tròn được nhiệm vụ này, nhất định phải có một nhận thức sâu sắc từ trong Đảng cho đến ngoài nhân dân ; và phải có một tổ chức chỉ đạo từ trung ương đến địa phương thật mạnh và có hiệu lực để huy động được các ngành, các cấp tham gia thực hiện một cách khẩn trương, đồng bộ. Đồng thời Nhà nước phải kịp thời có những biện pháp về chính sách, về tổ chức thích hợp, để huy động được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia thực hiện.

Quân đội nhân dân ta giờ đây đang hăng hái tham gia phát triển sản xuất nông nghiệp. Đó là một lực lượng có tổ chức, có kỷ luật cao, và gồm phần lớn những người trẻ, khỏe, có văn hóa, cho nên họ sẽ là lực lượng nòng cốt trong công tác khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới. Thanh niên đến tuổi lao động ở các địa phương phải là lực lượng xung kích đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Cần huy

Digitized by Google

động một lực lượng lao động lớn có kinh nghiệm sản xuất ở các tỉnh, nhất là ở đồng bằng Bắc-bộ để đưa vào xây dựng các vùng kinh tế mới ở miền Nam. Mặt khác cần gấp rút đào tạo, bồi dưỡng một lực lượng đông đảo cán bộ có phẩm chất tốt, có kinh nghiệm lãnh đạo, có sức khỏe để đưa vào mặt trận kinh tế mới này.

Ở các vùng kinh tế mới cần xây dựng những nông trường, những hợp tác xã chuyên kinh doanh một số loại cây, con, với kỹ thuật tiên tiến, để đạt được hiệu quả kinh tế cao. Trong việc tổ chức sản xuất ở đây, cần nắm vững phương hướng kết hợp ngay từ đầu sản xuất nông nghiệp với chế biến, bảo quản, lưu thông, để từng bước hình thành những đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Coi trọng việc tổ chức lao động theo hướng chuyên môn hóa, đồng thời gắng tập trung máy móc, công cụ, phương tiện và có biện pháp quản lý thích hợp, để đạt được năng suất lao động cao và đẩy nhanh tốc độ khai hoang. Các nông trường quốc doanh, kể cả nông trường quân đội phải là những đơn vị có tổ chức lao động hợp lý nhất, có năng suất lao động cao nhất, để làm nòng cốt trong công tác khai hoang.

Tóm lại, trong công tác xây dựng vùng kinh tế mới, muốn đạt kết quả tốt, phải thực hiện nghiêm túc những quy định sau: quy hoạch xác định phương hướng sản xuất đến đâu, khai hoang đến đó; khai hoang đến đâu trồng trọt, chăn nuôi đến đó; trồng trọt chăn nuôi đến đâu, phải thâm canh tăng năng suất, tăng vụ đến đó, v.v... Làm đúng như vậy, nhất định sẽ chấm dứt được tình trạng "cạo trọc rừng" để đất bị xói mòn; khai hoang rồi lại bỏ hoang.

4 — Kết hợp phát triển nông nghiệp với lâm nghiệp và ngư nghiệp. Ba ngành sản xuất trên đây tuy khác nhau, nhưng có quan hệ gắn bó với nhau, có những đặc điểm chung giống nhau. Rừng có tác dụng phòng hộ, bảo vệ nguồn nước, chắn gió, chắn cát bay, chống xói mòn, bảo vệ môi trường, góp phần quan trọng tăng năng suất trong sản xuất nông nghiệp. Rừng của ta không chỉ cho gỗ, mà còn cung cấp nhiều sản phẩm rất cần thiết về ăn, mặc, hàng tiêu dùng cho đời sống của nhân dân và nhiều sản phẩm có giá trị để xuất khẩu.

Cho nên phát triển nông nghiệp phải kết hợp chặt chẽ với phát triển lâm nghiệp. Sự kết hợp đó thể hiện ở sự kết hợp quy hoạch sản xuất nông nghiệp với quy hoạch trồng cây, gây rừng trên phạm vi toàn quốc cho đến từng cánh đồng, từng huyện, từng hợp tác xã để bảo vệ cho được những khu rừng đã có và tạo nên những dải rừng chắn gió, phòng hộ. Khi khai hoang ở các vùng có rừng, phải có quy hoạch và kế hoạch bảo vệ rừng, để có những dải rừng phòng hộ trên từng vùng xen kẽ với những cánh đồng sản xuất nông nghiệp. Ở những vùng đồi trọc, rừng kiệt, phải có biện pháp tích cực thu hút số lao động đang thiếu việc làm ở nông thôn đi vào trồng cây gây rừng, xanh hóa đồi trọc. Trong kinh doanh nông nghiệp, cần chú ý phát triển các loại cây dài ngày như cây cao-su, cây ăn quả, v.v... để vừa cung cấp nông sản, vừa có tác dụng như những khu rừng phòng hộ. Ở các hợp tác xã hoặc nông trường có rừng phải có kế hoạch dành lương thực, vốn, vật tư, lao động để kinh doanh nghề rừng, coi đó là một hướng kinh doanh chính. Các hợp tác xã miền núi, miền trung du và các lâm trường phải lấy kinh doanh rừng làm chính, đồng thời phải dành lực lượng để phát triển nông nghiệp. Trên cơ sở giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, chúng ta tiến tới kinh doanh trên một héc-ta rừng như kinh doanh trên một héc-ta ruộng. Muốn vậy, phải đầu tư vốn,

Digitized by Google

phải thâm canh, xen canh, lợi dụng tổng hợp tài nguyên rừng, nhằm đạt hiệu quả kinh tế lớn nhất.

Phát triển nông nghiệp còn phải kết hợp với phát triển nghề nuôi cá nước ngọt và nước lợ. Từ đồng bằng đến trung du, miền núi và vùng ven biển, chúng ta đang có một diện tích mặt nước rất lớn. Đó là sông, suối, ao, hồ, đầm, bàu và ruộng làm lúa nước... Chúng ta không được bỏ phí nguồn lợi này mà phải coi việc kinh doanh diện tích mặt nước này như kinh doanh trên đồng ruộng để sử dụng hợp lý sức lao động ở nông thôn nhằm sản xuất thêm của cải vật chất cho xã hội, tăng nguồn thức ăn cho người, cho gia súc và tăng thu nhập cho dân.

5 — Kết hợp phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ngay từ đầu để tiến lên xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện.

Trước đây trong một thời gian khá dài, trong chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, chúng ta không nhận rõ hợp tác hóa nông nghiệp là để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa trước hết là để củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, do đó phần nào đã **tách rời phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp**. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 của Trung ương Đảng (khóa III) đã xác định phải đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhưng vì chậm thấy huyện là đơn vị thích hợp nhất để tổ chức lại sản xuất, tổ chức lại lao động, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, nhằm đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cho nên chúng ta chưa thực hiện nghị quyết đó được bao nhiêu. Ngày nay, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương đã chỉ rõ một nền nông nghiệp thủ công, lạc hậu như nước ta không thể nào đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được nếu không có sự tác động **ngay từ đầu** của công nghiệp. Vì thế phải bằng mọi cách sớm làm cho nông nghiệp và công nghiệp kết hợp chặt chẽ với nhau thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, cùng phát triển nhịp nhàng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải tận dụng mọi khả năng hiện có để xây dựng nhanh công nghiệp và hướng công nghiệp tác động thẳng vào nông nghiệp, làm cho mỗi bước phát triển của công nghiệp đều có tác động trực tiếp đến nông nghiệp, nâng nông nghiệp cùng tiến lên. Hiện nay, trên mặt trận kinh tế, nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp **là nhiệm vụ hàng đầu**, do đó trong việc phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng cũng phải dành ưu tiên cho việc xây dựng các cơ sở phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Trong lúc công nghiệp của ta đang trong quá trình xây dựng, chúng ta phải tìm mọi cách để nhập thiết bị và vật tư cần thiết phục vụ sản xuất nông nghiệp. Có làm như vậy, mới đẩy mạnh được thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng và con gia súc; mới nâng cao tốc độ khai hoang mở thêm diện tích canh tác để khai thác hết đất đai nông nghiệp; mới tăng được năng suất lao động nông nghiệp, đưa một bộ phận lao động nông nghiệp sang phát triển các ngành kinh tế khác.

Quá trình đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là quá trình gắn bó công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu thống nhất diễn ra trong toàn bộ hệ thống kinh tế — xã hội, trong phạm vi cả nước và trên từng địa bàn, song địa bàn huyện là khâu quan trọng nhất. Bởi vì công nghiệp tác động vào nông nghiệp chủ yếu là đưa máy móc vào phục vụ sản

Digitized by Google

xuất nông nghiệp và chế biến các sản phẩm nông nghiệp. Do đó nó đòi hỏi nông nghiệp phải đi vào sản xuất tập trung, chuyên canh, quy mô lớn thì mới sử dụng hợp lý và hết công suất các máy móc của công nghiệp đưa đến. Mặt khác nông nghiệp có sản xuất tập trung, chuyên canh, quy mô lớn thì mới bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu cho các xí nghiệp công nghiệp chế biến. Do đó có lấy huyện làm địa bàn để tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa, hiệp tác hóa mới sử dụng hợp lý đất đai và sức lao động; và đặc biệt là mới kết hợp nông nghiệp với công nghiệp một cách có hiệu quả nhằm thúc đẩy lẫn nhau, phục vụ cho nhau, cùng phát triển lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nếu tổ chức sản xuất nông nghiệp mà dừng lại trong từng hợp tác xã hay nông trường như vừa qua thì không sao thoát được lối sản xuất nhỏ và tự túc hẹp hòi. Theo phương hướng mới, các hợp tác xã, các nông trường, các xí nghiệp công nghiệp trong huyện tuy là những đơn vị hạch toán kinh tế, nhưng sẽ được liên kết thành một cơ cấu sản xuất trên cơ sở phân công hợp tác ngày một rộng rãi, làm cho huyện trở thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp.

Điều cần ghi nhớ là chúng ta xuất phát từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, do đó trong xây dựng cơ sở công nghiệp cho huyện phải rất coi trọng việc phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Đấy chính là cơ sở đầu tiên và phổ cập để kết hợp nông nghiệp với công nghiệp một cách có lợi nhất. Mặt khác, việc xây dựng các cơ sở công nghiệp cho huyện lại phải căn cứ vào yêu cầu phát triển thực tế của sản xuất nông nghiệp huyện mà đề ra, chứ không thể dựa vào ý muốn chủ quan của lãnh đạo đề bày ra một cách hình thức, không sử dụng hết công suất, gây lãng phí. Bởi vậy việc xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp huyện đòi hỏi tổ chức lại sản xuất nông nghiệp cho phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa nông nghiệp; và con đường tiến lên của nó là phải kết hợp phát triển nông nghiệp với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cùng với từng bước xây dựng các cơ sở công nghiệp cần thiết.

III — TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT — KỸ THUẬT CHO NÔNG NGHIỆP

Sản xuất nông nghiệp của nước ta phát triển nhanh hay chậm, điều đó tùy thuộc một cách quyết định vào quy mô, tốc độ và trình độ xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật cho nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng nhiều của điều kiện thiên nhiên: thời tiết, khí hậu, đất nước; mà điều kiện thiên nhiên ở các vùng lại khác nhau. Nếu không nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật cho nông nghiệp, thì sản xuất không thể ổn định, không thể phát triển nhanh và có năng suất cao được.

— Trước hết, **công tác thủy lợi là biện pháp kỹ thuật hàng đầu.** Ở các tỉnh phía Bắc cần tiếp tục hoàn chỉnh thủy nông, thanh toán diện tích bị úng, tiến lên tưới tiêu chủ động và khoa học. Các tỉnh Trung-bộ thì lấy việc giữ nước để chống hạn là chủ yếu, đồng thời xây dựng một số công trình chống úng cho một số vùng cần thiết. Các tỉnh Nam-bộ, nhất là các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu-long cần kết hợp công tác thủy lợi với yêu cầu tăng vụ và khai hoang để mở rộng diện tích, phát triển hệ thống

Digitized by Google

kênh đập để vừa chống hạn, chống úng, vừa thau chua rửa mặn, nhằm tạo ra những cánh đồng lúa có năng suất cao, sản lượng nhiều và ổn định. Ở những vùng kinh tế mới, việc khai hoang mở rộng diện tích phải kết hợp chặt chẽ với công tác thủy lợi để bảo đảm nước cho cây trồng.

Phải gắn chặt việc quy hoạch sản xuất nông nghiệp với quy hoạch thủy lợi. Trong khi tiến hành công tác thủy lợi cần quán triệt phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm», «kết hợp thủy lợi hóa với hợp tác hóa nông nghiệp»; kết hợp xây dựng «công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi vừa với công trình thủy lợi nhỏ» và bảo đảm làm tập trung dứt điểm từng hệ thống công trình để phát huy hiệu quả nhanh. Cần đẩy mạnh và duy trì cao trào quần chúng làm thủy lợi ở các địa phương hiện nay, nhất là ở các tỉnh miền Nam.

Nhà nước sẽ dành một khối lượng lương thực, vật tư, phương tiện, thiết bị ưu tiên phục vụ cho công tác thủy lợi. Quyết tâm đó đòi hỏi ngành thủy lợi và các địa phương phải có kế hoạch cụ thể và có biện pháp tích cực để thực hiện tốt nhất kế hoạch thủy lợi đã đề ra.

— Về phân bón, một mặt Nhà nước sẽ cố gắng đẩy mạnh sản xuất trong nước và nhập khẩu một số loại phân hóa học cần thiết như phân đạm, phân lân, a-pa-tít nghiền, phân ka-li, v.v... Mặt khác các địa phương tổ chức nhân dân làm phân bón, phát triển mạnh các lò nung vôi, các xí nghiệp phân rác, đặc biệt là đẩy mạnh việc chế biến, sử dụng phân chuồng, phát triển mạnh phân xanh như bèo hoa dâu, điền thanh, tận dụng bùn ao hồ, nước phù sa ở các sông để tăng màu mỡ cho đồng ruộng. Ở các tỉnh miền Nam, phát động và hướng dẫn cho từng hộ nông dân làm phân chuồng, phân xanh một cách phổ biến, để tăng thêm lượng phân trên đơn vị diện tích gieo trồng.

Vấn đề cần chú ý hiện nay là xúc tiến nhanh chóng công tác điều tra thổ nhưỡng, nắm chắc thành phần các loại đất, để từ đó nghiên cứu và ban hành chế độ bón phân hợp lý cho từng cây trồng, trên từng đồng ruộng khác nhau. Có như vậy, chúng ta mới phát huy hết tác dụng của từng loại phân, để tăng năng suất cây trồng, đồng thời lại tiết kiệm được phân bón và thực hiện được việc cải tạo, bồi dưỡng đất.

— Thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp là con đường cơ bản nhất để đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn, là biện pháp kỹ thuật quan trọng nhất để tăng năng suất lao động nông nghiệp. Công nghiệp nước ta hiện nay còn yếu, chưa cung cấp đủ máy móc cho nông nghiệp. Trong khi đó, sức kéo trong nông nghiệp, nhất là ở các tỉnh miền Nam lại rất thiếu. Do đó việc cơ giới hóa nông nghiệp phải tiến hành từng bước và có trọng điểm; trước hết phải nhằm vào các khâu tốn nhiều sức lao động như làm đất, làm thủy lợi, vận chuyển, xay xát, phơi sấy, chế biến hoa màu, thức ăn cho chăn nuôi và các nông sản khác.

Trước mắt Nhà nước ta sẽ cố gắng nhập thêm máy móc nông nghiệp, nhất là máy kéo cỡ lớn; đồng thời tận dụng khả năng của lực lượng cơ khí trong nước để sản xuất thêm một số loại máy nông nghiệp, nhất là máy kéo nhỏ, cung cấp cho nông nghiệp. Nhưng dù sao khả năng nhập khẩu máy kéo trước mắt còn nhiều hạn chế.

Bởi vậy vấn đề đặt ra là phải tổ chức sử dụng hết số lượng và công suất của máy móc, trước hết là các loại máy kéo hiện có, để mở rộng diện tích làm bằng máy. Hiện nay, số máy kéo được sử dụng không quá 1/3 tổng số máy kéo hiện có và mỗi máy mỗi năm làm việc không quá 50 ngày. Nếu chúng ta tích cực đẩy mạnh

Digitized by Google

sản xuất phụ tùng thay thế, nhập khẩu thêm phụ tùng, đồng thời ra sức đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề để sử dụng và quản lý tốt, thì với số máy kéo hiện có, chúng ta có thể tăng diện tích làm đất bằng máy lên gấp đôi hiện nay. Đối với số máy kéo của tư nhân ở miền Nam, cần sớm có chính sách thích hợp để tổ chức lại và đưa vào phục vụ sản xuất có kết quả hơn, đồng thời chấm dứt tình trạng cho thuê máy quá đắt.

Đi đôi với tận dụng lực lượng máy nông nghiệp hiện có, ngành cơ khí cần đẩy mạnh sản xuất để trang bị đủ công cụ thường, công cụ cải tiến thích hợp cho từng loại lao động nông nghiệp; các địa phương cần đẩy mạnh chăn nuôi trâu bò cày kéo để bảo đảm có đủ sức kéo cho nông nghiệp.

— **Về giống**, trên cơ sở tiếp thụ những thành tựu của cuộc «cách mạng xanh» trên thế giới, dựa vào kinh nghiệm sử dụng các loại giống hiện có, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, lai tạo các loại giống cây, con có năng suất cao và chất lượng tốt, thích hợp với điều kiện nước ta. Trước mắt, xác định giống cho vụ mùa để đi vào ổn định, đồng thời hướng dẫn sử dụng rộng rãi giống mới cho các tỉnh miền Nam. Xây dựng càng sớm càng tốt hệ thống giống quốc gia và loại trừ các loại giống xấu. Nhà nước nắm chắc và bảo đảm cung cấp đủ giống tốt cho nhu cầu sản xuất của nhân dân, và có biện pháp khắc phục tình trạng tùy tiện trong việc sử dụng giống mới.

— **Hình thành sớm hệ thống mạng lưới chế biến thức ăn gia súc, gia cầm** để bảo đảm cho nhu cầu phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn. Các hợp tác xã dành 10 — 15% diện tích trồng trọt cho chăn nuôi, đồng thời các địa phương, các nông trường phải có quy hoạch và kế hoạch xây dựng các đồng cỏ, các vùng chuyên trồng cây thức ăn gia súc tập trung. Có làm như vậy thì mới sử dụng hết công suất của các xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc hiện có, nhất là ở các tỉnh miền Nam; đồng thời mới có điều kiện xây dựng thêm nhiều cơ sở chế biến thức ăn để đáp ứng yêu cầu phát triển chăn nuôi.

Để thực hiện thâm canh trong chăn nuôi, cần xúc tiến nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật và chế độ chăn nuôi thích hợp với từng loại con ở từng vùng khác nhau. Đồng thời từng bước thực hiện việc sản xuất các loại thức ăn theo phương pháp công nghiệp có đủ thành phần dinh dưỡng thích hợp với từng loại con khác nhau theo những mục tiêu chăn nuôi khác nhau như con lấy thịt, con lấy sữa, con lấy trứng, con giống, v.v...

— **Phát triển mạnh các cơ sở sản xuất thuốc thú y, thuốc trừ sâu bệnh** là một trong những biện pháp bảo đảm cho cây trồng và chăn nuôi phát triển và tăng năng suất. Hình thành sớm hệ thống tổ chức bảo vệ thực vật, bảo vệ chăn nuôi từ trung ương đến từng xã, từng hợp tác xã, và theo đó bảo đảm tương đối đủ thuốc chữa và phòng dịch bệnh, cùng những phương tiện cần thiết để hạn chế đến mức thấp nhất dịch bệnh, kịp thời dập tắt những ổ dịch xảy ra.

Việc bảo vệ cây trồng và chăn nuôi không chỉ dừng lại ở chỗ đề phòng hoặc chữa dịch bệnh, mà còn đòi hỏi phải tiến lên nghiên cứu để tạo ra các loại thuốc, các chất kích thích sự sinh trưởng của từng loại cây, con, góp phần tích cực vào việc tăng năng suất cây trồng và chăn nuôi.

Nghiên cứu khoa học — kỹ thuật là một trong những điều kiện không thể thiếu được để phát triển sản xuất và tăng năng suất trong nông nghiệp. Ngày nay khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Vì vậy, cần củng cố và xây dựng hệ thống các viện nghiên cứu khoa học —

Digitized by Google

kỹ thuật chuyên đề về nông nghiệp, về thủy lợi, về lâm nghiệp, về ngư nghiệp và thành lập sớm Viện khoa học nông nghiệp Việt-nam để kịp thời nghiên cứu giải quyết những vấn đề khoa học – kỹ thuật đặt ra trong kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp của nước ta hiện nay và sau này. Cần có sự phối hợp chặt chẽ chương trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật của các viện chuyên đề thuộc Bộ nông nghiệp và các Viện có liên quan đến nông nghiệp ở các ngành khác, để tập trung giải quyết dứt điểm từng vấn đề một, và có kế hoạch kịp thời phổ biến và ứng dụng vào sản xuất đại trà những kết quả nghiên cứu đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Chúng ta cần có những nhóm hoặc những chuyên gia đi sâu nghiên cứu từng cây, từng con chính mà nước ta đang có kế hoạch phát triển để vừa đóng góp vào việc phát triển kinh tế vừa góp phần vào sự nghiệp phát triển khoa học – kỹ thuật nông nghiệp của Tổ quốc.

IV – CỦNG CỐ, HOÀN THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NAM

Để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tất yếu chúng ta phải chăm lo củng cố hợp tác xã và nông trường quốc doanh ở miền Bắc và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam để tạo ra quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đồng nhất trong cả nước. Để thực hiện tốt việc này, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng chỉ rõ: phải dựa «trên cơ sở tổ chức lại nền nông nghiệp trong phạm vi cả nước và trên địa bàn huyện».

Trước đây, khi tổ chức sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc, chúng ta thường chỉ dừng lại ở hợp tác xã hay nông trường, ở quan hệ giữa kinh tế tập thể và kinh tế phụ của gia đình xã viên, do đó tình trạng sản xuất nhỏ chậm được khắc phục, lao động và đất đai không được sử dụng hợp lý, việc củng cố hợp tác xã gặp nhiều khó khăn.

Có kết hợp với xây dựng huyện và đứng trên địa bàn huyện, mới củng cố được hợp tác xã, mới tổ chức được sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là vì huyện là địa bàn liên kết công nghiệp với nông nghiệp, sở hữu toàn dân với sở hữu tập thể, Nhà nước với nông dân. Nếu hợp tác xã là tổ chức liên kết cá nhân với tập thể, thì huyện là khâu nối liền nông dân với công nhân và cả nước. Kết hợp xây dựng huyện với củng cố hợp tác xã chính là phát huy tác dụng viện trợ về mọi mặt của Nhà nước chuyên chính vô sản để cùng với sự nỗ lực vươn lên của nông dân tổ chức và quản lý trực tiếp nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Theo tinh thần đó, trong việc tăng cường củng cố hợp tác xã, phải bảo đảm sử dụng tư liệu sản xuất và lao động theo đúng yêu cầu của sản xuất chuyên canh, thâm canh trong quy hoạch thống nhất của vùng sản xuất và của huyện; bảo đảm bố trí cân đối lại các cơ sở vật chất – kỹ thuật và xây dựng các quy trình kỹ thuật; thực hiện sự cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi; xây dựng các tổ, đội lao động theo hướng chuyên môn hóa dần từng bước; kết hợp chặt chẽ việc

Digitized by Google

phát triển mạnh kinh tế tập thể với việc hướng dẫn kinh tế phụ gia đình. Tùy theo từng vùng mà ổn định quy mô hợp tác xã ở mức từ 300 đến 500 héc-ta ở đồng bằng và từ 1.000 đến 2.000 héc-ta ở trung du và miền núi. Mặt khác, tích cực đào tạo cán bộ cho hợp tác xã; tăng cường cơ quan quản lý hợp tác xã, thực hiện chủ trương Nhà nước bổ nhiệm trưởng kế toán, trưởng kỹ thuật và quản lý chặt chẽ chủ nhiệm hợp tác xã để ổn định lâu dài đội ngũ cán bộ cốt cán của hợp tác xã.

Từng tỉnh, từng huyện cần có kế hoạch củng cố cho được các hợp tác xã yếu kém để vài ba năm sau, tất cả các hợp tác xã ở miền Bắc đều đạt trình độ khá và tiên tiến.

— Nông nghiệp miền Nam có rất nhiều khả năng thực tế để thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích với quy mô lớn, phát triển sản xuất với nhịp độ cao. Nếu tổ chức tốt việc khai thác kinh doanh nông nghiệp ở đây thì sẽ đạt được những kết quả to lớn, chẳng những góp phần tích cực vào việc giải quyết những nhu cầu trong nước mà còn tạo ra nhiều loại nông sản hàng hóa có giá trị để xuất khẩu.

Nhưng do nông nghiệp miền Nam còn là nền nông nghiệp cá thể, cho nên sự phát triển sản xuất theo quy mô lớn còn nhiều hạn chế. Để tạo điều kiện đưa sản xuất nông nghiệp miền Nam tiến nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa theo quy hoạch và kế hoạch Nhà nước, một mặt chúng ta phải tập trung sức tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, mặt khác tích cực đẩy mạnh việc củng cố, xây dựng các nông trường, lâm trường quốc doanh, làm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp sớm được đồng nhất trong cả nước.

Vận dụng kinh nghiệm hợp tác hóa và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam phải gắn liền với việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, gắn liền với việc từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Đồng thời phải thực hiện đúng phương châm hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa và từng bước cơ giới hóa mà Đảng đã đề ra. Tiến hành hợp tác hóa ở miền Nam cần bảo đảm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, bảo đảm tăng năng suất cây, con, bảo đảm tăng thu nhập cho xã viên.

Trước mắt, ở nông thôn miền Nam đang thiếu rất nhiều cán bộ cơ sở, cán bộ huyện và tỉnh có trình độ văn hóa khá. Hơn nữa, phần lớn cán bộ lại chưa có kinh nghiệm chỉ đạo và quản lý sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn. Trong nông thôn, tầng lớp trung nông chiếm số đông và có vai trò quan trọng trong sản xuất. Cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng còn non yếu. Do đó chúng ta cần tiến hành khẩn trương hàng loạt công tác nhằm chuẩn bị và tạo điều kiện để công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam tiến hành được nhanh, gọn, vững chắc.

Để làm việc đó, cần tiến hành làm thử ở một số huyện, và trong mỗi huyện đó cần tổ chức làm thử ở một số hợp tác xã để rút kinh nghiệm. Mặt khác đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, động viên chính trị, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nông dân, làm cho mỗi người nông dân thấy rõ con đường làm ăn tập thể, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội là con đường đem lại ấm no, hạnh phúc, xóa bỏ nguồn gốc sinh ra bóc lột, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu. Đồng thời sớm có chính sách thích đáng để thu hút nông dân, nhất là trung nông vào hợp tác xã, và sử dụng kinh nghiệm và phương tiện của họ vào việc xây dựng hợp tác xã và phát triển sản xuất.

Trong khi tiến hành làm thử ở huyện và hợp tác xã, chúng ta cần dựa vào tổ chức Nông hội, Đoàn thanh

Digitized by Google

niên, Hội liên hiệp phụ nữ để phát động phong trào nông dân hăng hái tham gia xây dựng và củng cố các tập đoàn sản xuất, tổ vần công, đổi công, đội thủy lợi, đội làm phân bón, đội máy kéo, v.v... để giúp đỡ nhau sản xuất, giáo dục ý thức làm chủ tập thể cho quần chúng và tập dượt, rèn luyện cán bộ nhằm chuẩn bị đi vào thực hiện hợp tác hóa.

Vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của phong trào hợp tác hóa ở miền Nam là phải nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng cho được đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp cho các huyện và các hợp tác xã. Đội ngũ cán bộ đó phải gồm những người vừa trung thành đối với lợi ích của hợp tác xã và của xã viên, vừa có năng lực động viên, tổ chức quần chúng và biết quản lý sản xuất. Vấn đề thứ hai có tính quyết định nữa là làm cho cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến huyện và cơ sở đều xác định quan điểm dứt khoát đưa quần chúng đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp, và phải phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của mình, thực hiện đúng lời dạy của Hồ Chủ tịch: đảng viên đi trước, làng nước theo sau.

Trong sự nghiệp xây dựng nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa không thể xem nhẹ việc **xây dựng nông trường quốc doanh.** Hiện nay, trong điều kiện nước nhà thống nhất, trên cơ sở kinh nghiệm xây dựng nông trường ở miền Bắc, chúng ta có điều kiện để phát triển mạnh mẽ nông trường quốc doanh, làm cho nó có vị trí xứng đáng trong nền nông nghiệp nước ta.

Đối với các nông trường quốc doanh đã có (bao gồm cả nông trường do quân đội quản lý), kiên quyết tăng cường công tác quản lý và chỉ đạo kinh doanh để tiếp tục sử dụng thật tốt và sử dụng hết diện tích đất đã giao. Mặt khác chúng ta xúc tiến xây dựng nhiều nông trường mới nhằm nhanh chóng hình thành hệ thống nông trường lớn mạnh để bảo đảm cho Nhà nước nắm chắc trong tay một khối lượng lớn nông sản hàng hóa thuộc một số loại cây, con quan trọng nhất. Nông trường quốc doanh có nhiệm vụ đi đầu trong việc áp dụng những thành tựu khoa học — kỹ thuật tiên tiến, và thực hiện quản lý kinh doanh nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa. Do đó nông trường phải làm tốt nhiệm vụ này để phổ biến kinh nghiệm cho hợp tác xã.

Việc xây dựng các nông trường quốc doanh ngay từ đầu phải gắn liền với việc xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến, tiến tới liên kết với các hợp tác xã nông nghiệp để hình thành ở huyện đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, hoặc hình thành những xí nghiệp liên hiệp nông — công nghiệp hay xí nghiệp liên hiệp công — nông nghiệp trên những vùng chuyên canh quy mô lớn.

★

Như trên đã trình bày, nền nông nghiệp của nước ta hiện nay có nhiệm vụ rất nặng nề song tiền đồ của nó rất sáng sủa. Chúng ta phấn khởi đón nhận những nhiệm vụ đó và quyết tâm thực hiện cho kỳ được, vì nông nghiệp là ngành sản xuất ra sản phẩm quý báu nhất để nuôi sống dân tộc ta mà các ngành khác không thể sản xuất được: đó là lương thực và thực phẩm. Nông nghiệp nước ta còn là cơ sở để phát triển công nghiệp, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta, cho nên vì tương lai của Tổ quốc, chúng ta không được phép để nông nghiệp phát triển chậm.

Vì vậy, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ và mục tiêu nông nghiệp do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra, trước hết cần làm cho các cấp các ngành của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở, làm cho mọi

(Xem tiếp trang 54)

Digitized by Google

Tính tất yếu của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa

HÀ-HUY-GIÁP

NHÂN dân lao động là người làm nên lịch sử. Nhưng dưới chế độ cũ họ làm công việc đó một cách tự phát. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa nhân dân lao động làm nên lịch sử một cách tự giác, vì trong xã hội đó con người đã nhận thức được tính tất yếu của quy luật phát triển của xã hội loài người, tự giác vạch ra đường lối xây dựng xã hội mới. Cho nên xã hội xã hội chủ nghĩa là một chế độ xã hội biết phát huy cao độ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Chính vì lịch sử phải được tạo ra một cách tự giác, cho nên vai trò của ý thức con người lại càng quan trọng bội phần. Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: « Xây dựng chủ nghĩa xã hội không phải chỉ xây dựng một nền kinh tế mới, một xã hội mới mà còn xây dựng những con người mới xã hội chủ nghĩa, đem lại giá trị chân chính cho con người, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện, trở thành chủ thể có ý thức trong sự sáng tạo lịch sử » (1).

Con người mới xã hội chủ nghĩa — theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng — có bốn đặc trưng là làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản. Bốn đặc trưng ấy là một thể thống nhất tạo nên con người mới mà đặc trưng làm chủ tập thể là nét nổi bật nhất.

Con người vốn có tính xã hội. Tính xã hội của con người biểu hiện rõ nhất trong quá trình sản xuất. Khi tiến hành sản xuất, con người phải qua tập thể mà tác động vào thiên nhiên, đồng thời tác động lẫn nhau. Con người chỉ tiến hành sản xuất được bằng cách hợp tác với nhau, chẳng hạn chống lụt, đào kênh, khơi ngòi, v.v.... chứ không thể tiến hành riêng lẻ từng cá nhân được. C. Mác nói: « Muốn sản xuất được, người ta phải có những mối liên hệ và quan hệ nhất định với nhau, và chỉ có trong phạm vi những mối liên hệ và quan hệ xã hội đó thì mới có sự tác động của họ vào giới tự nhiên, tức sự sản xuất » (2).

---

(1) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 88.

(2) C. Mác: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập I, trang 94.

Digitized by Google

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể là phát huy phẩm chất của con người. Lịch sử tiến hóa nhân loại đã từng xuất hiện chế độ làm chủ tập thể ở trình độ thấp. Đó là chế độ làm chủ tập thể cộng đồng nguyên thủy được F. Ăng-ghen phản ánh như sau: ở đấy «không có quân đội, hiến binh, cũng không có cảnh sát, không có quý tộc, vua chúa, cũng không có tổng đốc, không có quan cai trị và cũng không có quan tòa, không có nhà tù, không có kiện cáo, thế mà mọi việc đều trôi chảy cả. Mọi sự xích mích và mọi sự tranh chấp đều do tập thể của những người có liên quan đến vấn đề, – tức là thị tộc hoặc bộ lạc, hoặc giữa các thị tộc với nhau, – tự giải quyết lấy» (3).

Ngày nay chúng ta xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nhưng so với chế độ làm chủ tập thể cộng đồng nguyên thủy thì chế độ làm chủ xã hội chủ nghĩa được xây dựng ở trình độ cao và phong phú hơn nhiều. Nội dung xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là «xây dựng nước ta thành một xã hội trong đó người chủ chân chính, tối cao là cộng đồng xã hội, là tập thể nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông. Nội dung của làm chủ tập thể là làm chủ toàn diện, là làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; là làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân; là làm chủ trong cả nước, trong từng địa phương và từng cơ sở; là trên cơ sở làm chủ đầy đủ của tập thể, của cộng đồng xã hội mà bảo đảm tự do cũng đầy đủ cho mọi người» (4).

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được bảo đảm và thực hiện đầy đủ khi nào nền chuyên chính vô sản được củng cố vững mạnh, khi liên minh công nông vững chắc và được thực hiện bằng Nhà nước vô sản dưới sự lãnh đạo của chính đảng của giai cấp công nhân, khi nhân dân có ý thức đầy đủ về quyền làm chủ của mình và có năng lực thực hiện quyền đó.

Làm chủ về chính trị biểu hiện ở chỗ mỗi người hiểu được rằng Nhà nước là của chúng ta, chính phủ là của dân, do dân và vì dân mà phục vụ, mà ban hành những chính sách, chế độ, pháp luật... nhằm bảo vệ quyền lợi cho nhân dân lao động. Trách nhiệm của mỗi người dân là bảo vệ Nhà nước của mình, nghiêm chỉnh thực hiện các nghĩa vụ do Nhà nước ban hành như nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội, v v... Mặt khác Nhà nước cần có biện pháp bảo đảm cho người dân được hưởng đầy đủ các quyền lợi công dân như quyền bầu cử, ứng cử, quyền làm việc và học hành và các quyền tự do dân chủ khác. Hồ Chủ tịch dạy rằng: «Công nhân, nông dân, trí thức cách mạng cần nhận rõ rằng: hiện nay nhân dân lao động ta là những người làm chủ nước ta, chứ không phải những người làm thuê cho giai cấp bóc lột như thời cũ nữa. Chúng ta có **quyền** và có **đủ điều kiện để tự tay mình** xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc **cho mình**. Nhân dân lao động là những **người chủ tập thể** của tất cả những của cải vật chất và văn hóa, đều **bình đẳng** về quyền lợi và nghĩa vụ» (5).

Làm chủ tập thể về chính trị còn biểu hiện ở thái độ và ý thức phê bình của nhân dân đối với các cấp chính quyền nhân dân từ trung ương đến cơ sở. Hồ Chủ tịch nói: «Chế độ của ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ, Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và

(3) F. Ăng-ghen: *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, trang 141.

(4) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 722.

(5) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập VI, trang 174.

Digitized by Google

phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân » (6).

Làm chủ tập thể về chính trị còn biểu hiện ở ý thức trách nhiệm về nghĩa vụ quốc tế, ủng hộ và giúp đỡ phong trào cách mạng các nước trên thế giới.

Xác lập quyền làm chủ về chính trị là tạo tiền đề căn bản nhất để xác lập quyền làm chủ về kinh tế. Làm chủ về kinh tế biểu hiện ở sự làm chủ các tư liệu sản xuất chủ yếu, ở sự bảo vệ của công, tiết kiệm nguyên liệu và vật liệu, giữ gìn và quản lý tốt những tư liệu sản xuất trong các cơ sở sản xuất quốc doanh và tập thể. Quản lý và phân phối lực lượng lao động, tổ chức và quản lý tốt sản xuất, thực hiện phân phối công bằng và hợp lý các sản phẩm xã hội theo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, ai có sức lao động mà không chịu làm thì không được hưởng. Đã là người chủ Nhà nước thì phải chăm lo việc nước như chăm lo việc nhà. Người công nhân phải yêu quý máy móc như yêu quý con mình, người nông dân phải yêu quý trâu bò của hợp tác xã như bản thân của mình. Mọi người phải biết giữ gìn của công, phải chăm lo việc tập thể như chăm lo việc gia đình.

Làm chủ về kinh tế là cơ sở để bảo đảm thực hiện các quyền làm chủ tập thể về chính trị và văn hóa. Một cuộc sống hạnh phúc không chỉ có ăn ngon, mặc đẹp, nhà cao, cửa rộng, mà còn phải thỏa mãn những nhu cầu về văn hóa nữa. Vì vậy, làm chủ về văn hóa là tạo cho mọi người cuộc sống tinh thần phong phú, phù hợp với mục đích cao quý của chủ nghĩa xã hội, thỏa mãn ngày càng cao, ngày càng đầy đủ những nhu cầu văn hóa của nhân dân, là biến mọi giá trị văn hóa và những công trình văn hóa nghệ thuật như thư viện, nhà bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu bóng, rạp hát, nhà triển lãm, khu di tích – thắng cảnh, v.v... thành tài sản của nhân dân. Trước cách mạng, những công trình văn hóa ấy phục vụ vui chơi, giải trí cho giai cấp thống trị, phục vụ cho một nhúm người thì nay nhằm phục vụ giải trí và học tập cho đông đảo nhân dân lao động. Đã là người chủ thì phải có trách nhiệm bảo vệ, sửa sang những công trình văn hóa ngày càng tốt đẹp hơn.

Nhân dân không chỉ là người biết thưởng thức nghệ thuật mà còn biết sáng tạo ra nghệ thuật. Vì vậy, làm chủ về văn hóa có nghĩa là tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp sáng tạo ra văn hóa nghệ thuật. Hồ Chủ tịch dạy rằng: « Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng không phải chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là người sáng tác nữa » (7).

Trên cơ sở làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xác lập quyền làm chủ xã hội. Làm chủ tập thể về xã hội là nắm chắc các quy luật tiến hóa của xã hội. Từ sau xã hội cộng đồng nguyên thủy tan rã, loài người đã trải qua các chế độ xã hội có giai cấp: xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến và xã hội tư bản chủ nghĩa. Đó là những xã hội phân chia thành giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột. Hai giai cấp đối lập ấy luôn luôn đấu tranh với nhau và cuộc đấu tranh ấy cuối cùng thường được kết thúc bằng cuộc cách mạng xã hội có tác dụng làm thay đổi bộ mặt xã hội cũ. Trong chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa có giai cấp công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội

(6) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập III, trang 46.

(7) Hồ-Chí-Minh : *Về văn hóa văn nghệ*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 38.

Digitized by Google

chủ nghĩa chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính đảng của nó. Những người lao động này ngày càng thống nhất về quyền lợi, về chí hướng, và trên con đường đi lên, nếu có những vấn đề mắc mứu thì sẽ được chủ động giải quyết bằng cách không ngừng cải thiện quan hệ sản xuất đi đôi với cải tiến kỹ thuật và nâng cao trình độ tư tưởng, văn hóa của mọi người.

Làm chủ tập thể về xã hội còn biểu hiện ở tinh thần luôn luôn gắn mình vào cộng đồng xã hội. C. Mác nói: « ...Bây giờ, chúng ta hãy rời hòn đảo chói lọi này của Rô-bin-xơn để đi vào thời Trung cổ mù tối của châu Âu. Ở đây, chúng ta không còn thấy con người độc lập nữa, mà thấy tất cả mọi người đều lệ thuộc lẫn nhau, nông nô và lãnh chúa, chư hầu và bá chủ phong kiến, người thường tục và thầy tu. Sự lệ thuộc đó của bản thân con người vừa đặc trưng cho quan hệ xã hội của sản xuất vật chất, vừa đặc trưng cho tất cả các lĩnh vực khác của đời sống dựa trên sự lệ thuộc đó. Và chính vì xã hội dựa trên sự lệ thuộc đó của bản thân con người, nên tất cả các quan hệ xã hội đều là những quan hệ giữa người và người » (8). Nhưng ở trong các chế độ xã hội cũ, tư hữu, quan hệ đó giữa người với người là quan hệ giữa chủ và tớ. Chỉ có trong chế độ xã hội chủ nghĩa, không còn giai cấp, quan hệ giữa người và người mới là quan hệ bình đẳng giữa những người làm chủ tập thể với nhau.

Ngoài đấu tranh xã hội, con người còn đấu tranh với thiên nhiên. Mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người liên hệ khăng khít với thiên nhiên. Loài vật chỉ biết lợi dụng giới tự nhiên, chứ không biết cải tạo tự nhiên. Con người chẳng những biết lợi dụng tự nhiên, mà còn biết cải tạo tự nhiên, bắt tự nhiên phải phục vụ cho mình.

Tự nhiên là người bạn tốt của con người, nuôi sống con người như Mác nói: « con người **sống** dựa vào tự nhiên. Như thế nghĩa là tự nhiên là **thân thể** của con người; để khỏi chết, con người phải ở trong quá trình giao dịch thường xuyên với thân thể đó » (9). Tuy nhiên, tự nhiên cũng sẽ trừng phạt con người nếu con người không tính đến những quy luật của nó.

Muốn làm chủ thiên nhiên con người phải hiểu biết khoa học và kỹ thuật. Trình độ khoa học, kỹ thuật càng cao, thì khả năng cải tạo, thống trị thiên nhiên càng lớn.

Trong thực tế, khi con người biết làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội thì con người cũng đã có điều kiện làm chủ bản thân rồi. Bởi vì khi người ta hiểu thấu vai trò quần chúng nhân dân làm nên lịch sử, thì người ta sẽ không còn công thần và địa vị, tức là người ta đã làm chủ bản thân. Cũng như vậy, khi người ta đã nắm được các quy luật mưa, gió, bão tố, sấm sét, v.v... thì người ta sẽ không còn mê tín dị đoan, tin những hiện tượng đó là do trời, hoặc ông thiên lôi nào đó sinh ra.

Làm chủ bản thân còn biểu hiện ở **tính mục đích**. Trước khi tiến hành một công việc gì con người đã xác định mục đích sẽ đạt được của công việc ấy. Và khi đã xác định được mục đích rồi thì dù gặp muôn nghìn trở ngại cũng cố phấn đấu vượt qua.

Làm chủ bản thân còn biểu hiện ở **tính kế hoạch** và **tính khoa học**. Đó cũng là ranh giới giữa con người và loài vật. Về điểm này, Mác phân tích rất sâu sắc: « ...con ong, với những ngăn tổ sáp của mình còn khéo

(8) C. Mác: *Tư bản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển I, tập I, trang 112.

(9) C. Mác: *Bản thảo kinh tế triết học năm 1884*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, trang 92.

Digitized by Google

hơn một nhà kiến trúc nhiều. Nhưng điều phân biệt trước tiên giữa một nhà kiến trúc tồi nhất và con ong giỏi nhất là nhà kiến trúc trước khi xây dựng từng ngăn trong tổ ong, thì đã xây dựng từng ngăn đó trong óc mình rồi. Kết quả mà cuối cùng lao động đạt được, trí tưởng tượng của người lao động đã quan niệm ra trước rồi » (10).

Làm chủ bản thân còn biểu hiện ở **tinh thần đấu tranh với bản thân**. Trong con người nhân dân lao động chúng ta có phần tốt, có phần xấu. Phần tốt do truyền thống của dân tộc ta để lại và do chế độ xã hội tốt đẹp của ta tạo nên. Dân tộc ta có truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất, có đạo đức mình vì mọi người, gắn làng với nước, nhà với nước, (thương người như thể thương thân, nước mất nhà tan, giặc đến nhà đàn bà cũng ra đánh), có tinh thần đoàn kết dân tộc (nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng). Truyền thống tốt đẹp này, được Đảng ta và Hồ Chủ tịch kế thừa và phát huy qua quá trình đấu tranh chống ngoại xâm và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chế độ xã hội chủ nghĩa cũng tạo ra cho nhân dân ta những phẩm chất mới rất tốt đẹp như tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần lao động, ý thức bảo vệ của công, chủ nghĩa quốc tế vô sản, v.v... Phần xấu do những chế độ tư hữu tài sản lâu đời để lại. Đó là chủ nghĩa cá nhân, dưới mọi biểu hiện của nó, đặc biệt là tư tưởng, tập quán của người sản xuất nhỏ và những tàn dư phong kiến như đầu óc gia trưởng, tự tư tự lợi, coi thường lợi ích chung, tự do tản mạn, không có tổ chức, kỷ luật, v.v... Những tệ hại ấy cùng với những tư tưởng và lối sống tư sản... cần được khắc phục một cách kiên quyết, khẩn trương và bền bỉ. Muốn làm chủ được bản thân, cần phải thực hiện tự phê bình và phê bình, ghép mình vào tổ chức, vào tập thể, vào kỷ luật. Đấu tranh với kẻ thù trong bản thân khó khăn, gian khổ hơn nhiều so với đấu tranh chống kẻ thù bên ngoài. Hồ Chủ tịch dạy rằng: « Muốn đánh thắng kẻ thù là **chủ nghĩa đế quốc**, muốn xây dựng thắng lợi **chủ nghĩa xã hội**, thì trước hết phải chiến thắng kẻ thù bên trong của mỗi chúng ta là **chủ nghĩa cá nhân** » (11).

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể thì đối với quyền tự do cá nhân ra sao? Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam nêu rõ: « Xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa tập thể và cá nhân là một nội dung rất quan trọng của việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ». Đó là một quan điểm rất đúng đắn, rất biện chứng của Đảng ta. Không có từng hạt cát họp lại thì không có bãi sa mạc, không có từng phân tử nước biển thì không có đại dương, không có từng con người thì không có xã hội. Từng cá nhân tốt họp lại thành xã hội tốt và ngược lại, một xã hội có chế độ ưu việt sẽ tạo điều kiện cho con người phát triển nhanh, toàn diện.

Có hai loại dân chủ: dân chủ tư sản và dân chủ vô sản. Nền dân chủ vô sản — nói theo cách nói của Lê-nin — là dân chủ gấp triệu lần so với dân chủ tư sản. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, tất cả tư liệu sản xuất đều nằm trong tay nhà tư bản, đồng tiền biến thành thượng đế thì làm sao có tự do và dân chủ thật sự. Lê-nin nói: « Thưa các ngài cá nhân chủ nghĩa tư sản, chúng tôi phải nói cho các ngài biết rằng những lời nói của các ngài về tự do tuyệt đối chẳng qua là một thứ giả dối mà thôi. Trong xã hội xây dựng trên quyền lực của

(10) C. Mác: *Tư bản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển I, tập 1, trang 247.

(11) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 138.

Digitized by Google

đồng tiền, trong xã hội mà quần chúng lao động phải ăn xin và một nhúm ít người giàu có thì ăn bám, quyết không thể có « tự do » thật sự và chân chính » (12).

Hơn một trăm năm trước đây, trong *Tuyên ngôn Đảng cộng sản*, Mác và Ăng-ghen đã vạch rõ, giai cấp tư sản « đã biến phẩm giá cá nhân của con người thành một giá trị trao đổi đơn thuần ; nó đã đem tự do buôn bán **độc nhất** và tàn nhẫn thay cho nhiều tự do đã giành được bằng một giá rất đắt. Tóm lại, giai cấp tư sản đã đem một sự bóc lột công nhiên, vô sỉ, trực tiếp, tàn nhẫn thay cho sự bóc lột được che đậy bằng những ảo tưởng tôn giáo và chính trị » (13). Vì vậy, cái gọi là tự do cá nhân trong chủ nghĩa tư bản có nghĩa là nhà tư sản tự do bóc lột, tự do làm giàu, còn giai cấp công nhân và nhân dân lao động thì tự do nghèo đói và tự do tăng sự nghèo đói. Mác và Ăng-ghen khẳng định trong chế độ tư sản « người lao động trở thành một người nghèo khổ và cảnh nghèo khổ còn tăng lên nhanh hơn là dân số và của cải » (14).

Có hai loại chuyên chính. Một là chuyên chính của các giai cấp bóc lột đối với những người lao động nghèo khổ. Hai là chuyên chính vô sản tức là chuyên chính của những người từ trước đến giờ bị áp bức bóc lột tức giai cấp vô sản đối với bọn « ngồi mát ăn bát vàng », tức là giai cấp bóc lột. Thông thường sau khi cách mạng đã thắng lợi, kẻ thù không bao giờ cam chịu thất bại. Chúng tìm mọi cách chống phá cách mạng, chống nhân dân. Đối với chúng không còn cách nào khác là phải dùng bạo lực cách mạng để trấn áp chúng. Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ : « Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, bạo lực vẫn còn cần thiết để bảo vệ Tổ quốc, chống ngoại xâm, để trấn áp sự phản kháng của giai cấp tư sản và các thế lực phản động khác đã bị đánh đổ, nhưng chưa bị tiêu diệt hoàn toàn, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động » (15).

Chủ nghĩa xã hội chỉ thủ tiêu quyền chiếm hữu tư nhân về các tư liệu sản xuất chủ yếu và cấm hẳn việc chiếm hữu những sản phẩm xã hội để nô dịch người lao động. Dưới chủ nghĩa xã hội các tư liệu sinh hoạt vẫn thuộc quyền sở hữu cá nhân của mỗi người. Mác và Ăng-ghen nói : « chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái quyền chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác » (16).

Chế độ xã hội chủ nghĩa còn tạo điều kiện cho con người được tự do phát triển toàn diện, và « sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người » (17).

Sự tự do phát triển của mỗi người, theo Mác và Ăng-ghen có hai ý : một là, Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi thành viên trong xã hội tự do phát triển về xu hướng : nghề nghiệp, sở trường và sở thích. Khi bàn về *Hệ tư tưởng Đức*, Mác và Ăng-ghen viết : « Trong xã hội cộng sản mỗi người không có một lĩnh vực hoạt động đặc thù mà có thể bồi dưỡng trong ngành nào mình ưa thích » (18)

---

(12) V. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, tập 10, trang 48.

(13) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 1, trang 31.

(14) Sách đã dẫn, trang 41.

(15) Lê-Duẩn : *Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 11.

(16) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 1, trang 45.

(17) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 81.

(18) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Hệ tư tưởng Đức*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, trang 28.

Digitized by Google

Hai là, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân phát triển về năng lực để có thể hoàn thành nhiệm vụ trong nền đại sản xuất. F. Ăng-ghen chỉ rõ: « Việc tiến hành sản xuất tập thể bằng lực lượng của toàn xã hội và sự phát triển mới của nền sản xuất do việc đó mang lại, sẽ cần đến những con người hoàn toàn mới và sẽ tạo nên những con người mới đó. Những con người như hiện nay thì không thể tiến hành sản xuất một cách công cộng được, vì mỗi một người đều bị phụ thuộc vào một ngành sản xuất nào đấy, bị cột chặt vào ngành sản xuất đó, bị ngành đó bóc lột, chỉ phát huy được **một** mặt của năng lực còn các mặt khác thì không phát huy được, và chỉ biết có **một** ngành hay một bộ phận của ngành nào đấy trong toàn bộ nền sản xuất. Ngay nền công nghiệp hiện nay cũng ngày càng tỏ ra không thể sử dụng những con người như thế. Vậy thì nền công nghiệp do toàn xã hội kinh doanh một cách tập thể và có kế hoạch lại càng cần có những con người có năng lực phát triển toàn diện, đủ sức tinh thông toàn bộ hệ thống sản xuất » (19). Một mẫu người như thế không thể tách rời tập thể mà mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân phải là quan hệ « môi răng ». Hồ Chủ tịch nói: « Tiền đồ cá nhân nằm trong tiền đồ tập thể. Không cố gắng làm cho tập thể sung sướng, vẻ vang thì cá nhân không thể sung sướng, vẻ vang được. Ví dụ: Trong một chuyến xe lửa đang chạy (chuyến xe lửa là một tập thể), có người nghĩ rằng: « Cứ đi thế này chậm, ta nhảy xuống chạy chắc nhanh hơn ». Thế là nguy hiểm » (20). Đó là một ví dụ rất sinh động, rất sâu sắc về mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân.

Tóm lại, muốn đưa xã hội tiến lên, đưa kinh tế phát triển nhanh, phải có con người xã hội chủ nghĩa. Đó là những con người bình thường được đào tạo, rèn luyện trong 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt. Chỉ có thông qua 3 cuộc cách mạng ấy, con người mới, xã hội chủ nghĩa mới hình thành, con người mới, xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng cơ bản đã nêu ở trên, trong đó đặc trưng **làm chủ tập thể** là đặc trưng nổi bật.

★

Với công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa, sản phẩm do cả tập thể xã hội sản xuất ra, sự sản xuất đã xã hội hóa, người sản xuất đã xã hội hoa, nhưng quyền sở hữu về sản phẩm xã hội hóa đó lại do cá nhân nhà tư bản chiếm đoạt vì nhà tư bản nắm tư liệu sản xuất. Tập thể người sản xuất thay vì làm chủ tập thể đối với các sản phẩm đó thì lại bị chi phối, bị nô lệ hóa và tha hóa bởi những sản phẩm do chính mình làm ra.

Ngày nay, với công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tư liệu sản xuất là sở hữu của xã hội, sản phẩm do tập thể xã hội làm ra thuộc về sở hữu của xã hội, của tập thể. Tập thể người sản xuất vừa là người sản xuất, vừa là người nắm quyền sở hữu và người quản lý. Lần đầu tiên, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được thực hiện. Ăng-ghen nói: « Những quy luật hành động xã hội của chính họ, từ trước đến giờ, hiện ra trước mắt họ như là những quy luật tự nhiên, xa lạ đối với họ và chi phối họ, thì từ nay sẽ được người ta đem vận dụng với một sự hiểu biết hoàn toàn, và do đó sẽ do người ta chi phối... Đó là bước nhảy vọt từ vương quốc tất yếu sang vương quốc tự do (21).

(19) F. Ăng-ghen: *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 26 — 27.

(20) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập IV, trang 78.

(21) F. Ăng-ghen: *Chống Đuy-rinh*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 483.

Digitized by Google

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ CÁCH MẠNG VIỆT-NAM *

ĐÀO-DUY-TÙNG

Thưa các đồng chí,

Thay mặt đoàn đại biểu Tạp chí Cộng sản, tôi gửi lời chào anh em đến Bộ biên tập tạp chí « Now Drogi », người chủ nhà mến khách, người có sáng kiến tổ chức cuộc hội nghị khoa học bổ ích này.

Tôi cũng xin gửi lời chào thân ái đến các đoàn đại biểu các tạp chí của các Đảng các nước xã hội chủ nghĩa anh em, những người đồng nghiệp thân thiết mà lần đầu tiên chúng tôi được gặp mặt đông đủ ở đây.

Thưa các đồng chí,

Những người cộng sản và nhân dân Việt-nam có tình cảm vô cùng sâu sắc và đặc biệt đối với Cách mạng tháng Mười. Trong những năm tháng sống đau khổ dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, hàng trăm chiến sĩ yêu nước Việt-nam đã bị kẻ thù chém giết, tù đày, bởi lý do rất đơn giản là họ tổ chức và tham gia kỷ niệm Cách mạng tháng Mười. Nhiều cán bộ, đảng viên của Đảng chúng tôi khi lên máy chém của kẻ thù vẫn hiên ngang hô vang khẩu hiệu: Liên bang xô viết muôn năm! Tinh thần Cách mạng tháng Mười bất diệt! Và năm nay, khi đã trở thành người làm chủ tập thể của đất nước, với niềm vui vô hạn, với lòng biết ơn sâu sắc, nhân dân cả nước chúng tôi đang tưng bừng chuẩn bị tổ chức kỷ niệm trọng thể lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười.

Tình cảm của nhân dân Việt-nam đối với Cách mạng tháng Mười bắt nguồn từ một trong những quy tắc của cuộc sống của dân tộc chúng tôi: sống có tình có nghĩa, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn. Chúng tôi phân biệt rất rõ hai thời kỳ trong lịch sử cách mạng Việt-nam. Trong thời kỳ trước khi Đảng cộng sản Việt-nam ra đời, chủ nghĩa Mác – Lê-nin và ảnh hưởng của Cách mạng

(*) Bài phát biểu tại Hội nghị khoa học quốc tế « Cách mạng tháng Mười và tính biện đại của nó » của đại biểu các tạp chí lý luận của các Đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa, họp tại Vác-sa-va từ ngày 12 đến ngày 14 tháng 9 năm 1977.

Digitized by Google

tháng Mười chưa tới Việt-nam, tuy nhân dân chúng tôi chiến đấu rất kiên cường, người trước ngã người sau tiến lên, nhưng những cuộc đấu tranh ấy — do chưa có đường lối đúng đắn — rốt cuộc đã thất bại và bị kẻ thù dìm trong biển máu. Chỉ đến khi Chủ tịch Hồ-Chí-Minh tiếp thụ được ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, tìm được chân lý của thời đại, nhân dân Việt-nam mới có được con đường đi đúng đắn. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin và ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đã chọc thủng lưới sắt của thực dân Pháp vào Việt-nam và kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt-nam. Sự kết hợp ấy đã dẫn tới sự thành lập Đảng cộng sản Việt-nam. Đó là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt-nam. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh của chúng tôi đã nói: « Những người cách mạng Việt-nam đã tiếp thu ảnh hưởng đầy sức sống của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Điều đó tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn ». Từ đó đến nay, trải qua gần nửa thế kỷ, đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười, nhân dân Việt-nam, dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản, đã viết nên những trang sử rất chói lọi: ba cao trào cách mạng trong 15 năm đấu tranh bất hợp pháp dẫn tới cuộc Cách mạng tháng Tám 1945, hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ, hai cuộc cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa và cuối cùng đã giành được thắng lợi vĩ đại: đất nước đã hoàn toàn độc lập, non sông thu về một mối, cả nước với 50 triệu người đang vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thưa các đồng chí,

60 năm qua, những nhà chính trị, nhà báo, nhà văn đã dùng biết bao giấy mực để nói về ý nghĩa và ảnh hưởng to lớn của Cách mạng tháng Mười, nhưng cũng chưa nói đủ và chắc cũng không bao giờ nói được đủ. Bởi vì cùng với cuộc sống đi lên của nhân loại, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười sẽ càng ngày càng sâu rộng. Chính vì thế mà cuộc hội nghị khoa học lần này với chủ đề « Cách mạng tháng Mười và tính hiện đại của nó » lại càng có ý nghĩa.

Theo sự đánh giá của Đảng chúng tôi, một trong những ý nghĩa quốc tế vĩ đại của Cách mạng tháng Mười là cuộc cách mạng đó đã nêu lên cho những người cách mạng trên thế giới một mẫu mực kiệt xuất về chiến lược và sách lược tiến hành cách mạng. Lê-nin và Đảng cộng sản Liên-xô (bôn-sê-vích) đã giải quyết thành công một loạt vấn đề có ý nghĩa quyết định trong cách mạng vô sản; xác lập và củng cố không ngừng quyền lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân: xây dựng một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân; xây dựng khối liên minh công nông vững chắc; kết hợp chặt chẽ và nhịp nhàng phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa và phong trào độc lập dân tộc; lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch; vận dụng tài tình và linh hoạt lý luận cách mạng bạo lực và khởi nghĩa giành chính quyền; thiết lập và củng cố nền chuyên chính vô sản.

Trong báo cáo này, chúng tôi xin trình bày với các đồng chí một trong những bài học của cách mạng Việt-nam, bài học về **giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa**, một bài học có quan hệ với nhiều vấn đề mà Cách mạng tháng Mười đã giải quyết, nhất là vấn đề: Đảng bôn-sê-vích đã kết hợp được tất cả các phong trào cách mạng như phong trào dân chủ đòi hòa bình, phong trào dân cày giành ruộng đất, phong trào cách mạng của các dân tộc bị áp bức đòi bình đẳng và phong trào xã hội chủ nghĩa của vô sản nhằm thiết lập chuyên chính vô sản thành

Digitized by Google

một làn sóng cách mạng duy nhất: chính làn sóng cách mạng ấy đã kết liễu số phận của chủ nghĩa tư bản ở Nga

Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, đó là đường lối của cách mạng Việt-nam, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng Việt-nam, là ngọn cờ bách chiến bách thắng của cách mạng Việt-nam trong gần nửa thế kỷ qua.

Thực chất của vấn đề giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa là vấn đề Đảng chúng tôi đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữa cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt-nam với các trào lưu cách mạng của thời đại.

Người đầu tiên kết hợp ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt-nam là Chủ tịch Hồ-Chí-Minh. Sau nhiều năm bôn ba nhiều nước trên thế giới, khảo nghiệm nhiều học thuyết, cuối cùng tiếp thu được ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, đến với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Người đã rút ra kết luận: « **Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường Cách mạng vô sản** »(1). Chính kết luận ấy, kết luận về sự kết hợp ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa đã chỉ ra cho nhân dân Việt-nam con đường đi đúng đắn; chính kết luận ấy đánh dấu sự bắt gặp của cách mạng Việt-nam với chân lý của thời đại, đưa sự tiến hóa của dân tộc Việt-nam vào chính giữa dòng thời đại. Và đây cũng là cái mốc đánh dấu sự kết thúc thời kỳ phong trào yêu nước theo lập trường tiểu tư sản và tư sản, chuyển sang thời kỳ phong trào yêu nước theo lập trường vô sản. Và cũng từ đấy giai cấp vô sản Việt-nam nắm độc quyền ngọn cờ dân tộc, ngọn cờ giải phóng dân tộc. Ngọn cờ ấy vì lẽ nằm trong tay giai cấp vô sản, là ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa.

Từ đó đến nay, Đảng chúng tôi luôn luôn kết hợp chặt chẽ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tuy sự kết hợp ấy biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau, tùy theo nhiệm vụ chiến lược của cách mạng trong từng thời kỳ.

Trong giai đoạn cả nước chỉ làm một nhiệm vụ chiến lược: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930 — 1954), chủ nghĩa xã hội chưa phải là mục tiêu trực tiếp, mới là triển vọng tiến lên. Nhưng chính sự lựa chọn đó về con đường phát triển, con đường làm cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, thể hiện trong cương lĩnh đầu tiên của Đảng, đã thật sự có ý nghĩa vạch thời đại trong lịch sử cách mạng Việt-nam. Trên mức độ lớn, nó quyết định trước **tính đúng đắn của toàn bộ đường lối chiến lược và sách lược của Đảng** (mọi vấn đề cơ bản về đường lối và phương pháp cách mạng dân tộc dân chủ trong giai đoạn này đều được Đảng xem xét và giải quyết một mặt không lẫn lộn với cách mạng xã hội chủ nghĩa, mặt khác không bao giờ tách rời triển vọng xã hội chủ nghĩa). Sự lựa chọn ấy quyết định ngay **tính chất** của cách mạng dân tộc dân chủ là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới (mới ở chỗ: do giai cấp vô sản lãnh đạo; trong quá trình phát triển, cuộc cách mạng ấy không chỉ giải quyết những nhiệm vụ phản đế, phản phong kiến, mà còn tạo tiền đề và điều kiện để tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, vì vậy, sự

(1) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 705.

Digitized by Google

kết thúc thắng lợi của nó cũng có nghĩa là sự mở đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa). Sự lựa chọn ấy cũng quyết định cả **động lực** và **lực lượng lãnh đạo của cách mạng** (giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính, lực lượng lãnh đạo là giai cấp vô sản). Ở đây, vận dụng lý luận của Lê-nin, Đảng chúng tôi đã giải quyết đúng vấn đề nông dân là nội dung chủ yếu của vấn đề dân tộc, và vấn đề ruộng đất là nội dung cơ bản của cách mạng dân chủ.

Trong **giai đoạn cả nước tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược** – cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (từ 7-1954 đến 30-4-1975), chủ nghĩa xã hội được xây dựng ở nửa phần đất nước với những thành tựu bước đầu, nó không những tác động như một sức mạnh lý tưởng mà còn như một sức mạnh tổ chức – vật chất, sức mạnh của một chế độ xã hội. Nếu xét riêng từng miền, sự kết hợp giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có những đặc điểm thể hiện khác nhau: miền Bắc đánh Mỹ bằng sức mạnh của chủ nghĩa xã hội và của cả độc lập dân tộc, miền Nam đánh Mỹ bằng sức mạnh của độc lập dân tộc và của cả chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn này, hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền có quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau. Trong quan hệ đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có tác dụng «quyết định nhất» đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt-nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà; cách mạng miền Nam có tác dụng «quyết định trực tiếp» đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. Vì muốn giải phóng miền Nam, phải xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; để xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phải đánh thắng giặc Mỹ ở miền Nam. Là hậu phương lớn của cả nước, miền Bắc dốc sức người sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam, miền Bắc mạnh không chỉ do chủ nghĩa xã hội đã thành chế độ mà còn do sức mạnh của độc lập dân tộc, của ý chí giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Còn miền Nam chiến đấu hy sinh chẳng những để giải phóng mình, mà còn để bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, thống nhất nước nhà rồi cùng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; sức mạnh của miền Nam vừa là sức mạnh tại chỗ, vừa là bắt nguồn từ ngay miền Bắc, căn cứ địa cách mạng của cả nước.

Chính nhờ kết hợp được độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội mà Đảng chúng tôi đã thức tỉnh được mạnh mẽ tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt-nam, động viên được lực lượng cách mạng hết sức to lớn của nông dân lao động cùng với lực lượng của giai cấp công nhân làm thành đội quân chủ lực hùng mạnh của cách mạng dân tộc dân chủ, đồng thời thu hút được mọi lực lượng yêu nước khác hình thành một mặt trận thống nhất dân tộc hết sức rộng rãi dựa trên cơ sở liên minh công nông. Chính nhờ vậy mà cuộc chiến tranh toàn dân toàn diện trong giai đoạn chống Mỹ, cứu nước, đã phát triển đến đỉnh cao nhất của nó, tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn.

Sức mạnh trên đây lại được nhân lên bội lần bởi lẽ Đảng chúng tôi đã biết kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thế giới, của cả thời đại. Nhờ có đường lối quốc tế đúng đắn, với việc giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, Đảng chúng tôi đã tranh thủ được sự ủng hộ rất to lớn về tinh thần và vật chất của các nước xã hội chủ nghĩa, của tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, tạo thành một mặt trận quốc tế rộng lớn chưa từng có ủng hộ Việt-nam chống đế quốc Mỹ xâm lược. Ở đây, chủ

Digitized by Google

nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản kết hợp chặt chẽ với nhau.

Trong giai đoạn hiện nay, khi cả nước đã được giải phóng, đất nước đã được thống nhất thì **độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thật sự đã là một**. Độc lập và thống nhất là điều kiện tiên quyết để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng chỉ có dựa trên cơ sở chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc mới vững bền, thống nhất mới ở trình độ cao. Chủ nghĩa xã hội và chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải quyết được triệt để vĩnh viễn vấn đề độc lập và thống nhất Tổ quốc, một vấn đề sống còn của dân tộc Việt-nam suốt mấy nghìn năm lịch sử. Có chủ nghĩa xã hội là có tất cả. Hiện nay, sự kết hợp giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đòi hỏi Đảng chúng tôi phải nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng — văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt) nhằm xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới, đồng thời luôn luôn kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng.

Thưa các đồng chí,

Việc giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài.

Trong « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản », Mác và Ăng-ghen đã nêu ra khẩu hiệu vĩ đại : « Vô sản toàn thế giới đoàn kết lại ! » để thực hiện mục tiêu cuối cùng là giải phóng toàn nhân loại. Nhưng để thực hiện mục tiêu này, Mác và Ăng-ghen vạch ra rằng giai cấp vô sản mỗi nước phải giành lấy chính quyền, phải tự mình trở thành dân tộc.

Khi chủ nghĩa tư bản trở thành chủ nghĩa đế quốc, thì giai cấp tư sản chẳng những là kẻ thù của giai cấp vô sản nước mình mà còn là kẻ thù của các dân tộc bị áp bức. Vì vậy cuộc đấu tranh để giải phóng giai cấp vô sản không thể không gắn với cuộc đấu tranh để giải phóng các dân tộc. Chính trong hoàn cảnh lịch sử đó đã xuất hiện khẩu hiệu của Lê-nin : « Vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại ! ». Đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư của Đảng chúng tôi đã nói về ý nghĩa vĩ đại của khẩu hiệu ấy : « Sức mạnh của khẩu hiệu chiến lược đó là ở chỗ nó chỉ ra rằng trong thời đại ngày nay sự nghiệp cách mạng đánh đổ chủ nghĩa tư bản và đưa loài người tiến lên chủ nghĩa xã hội, chỉ có thể giành được thắng lợi bằng sự kết hợp thành một trào lưu chung cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản tất cả các nước với cuộc đấu tranh của nhân dân các thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc ; rằng sự nghiệp giải phóng dân tộc giành độc lập và dân chủ của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc chỉ có thể đi đến thắng lợi triệt để khi nó trở thành bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới, hướng đúng vào xu thế phát triển tất yếu của xã hội loài người trong thời đại ngày nay là tiến lên chủ nghĩa xã hội » (2).

Hiện nay, hàng loạt nước thuộc địa cũ đã giành được độc lập với mức độ khác nhau. Trước mắt các nước đó có hai con đường : con đường tư bản chủ nghĩa và con đường bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời đại ngày nay không có điều kiện để các nước đó phát triển thành

(2) *Lê-Duẩn : Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập, tự do vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 20.

Digitized by Google

những nước tư bản chủ nghĩa độc lập như các nước tư bản phương Tây trước đây ; và nếu đi theo con đường đó thì sớm muộn cũng sẽ rơi vào ách thực dân mới của chủ nghĩa đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ. Để bảo vệ nền độc lập dân tộc, các nước dân tộc chủ nghĩa cần đi với các nước xã hội chủ nghĩa, dựa vào các nước xã hội chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Như vậy là trước đây chủ nghĩa dân tộc đi liền với chủ nghĩa tư bản, còn ngày nay độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Muốn đi con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa, điểm then chốt là các lực lượng lãnh đạo cách mạng phải đưa cách mạng nước mình đi theo con đường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Chủ nghĩa tư bản càng đi sâu vào giai đoạn tột cùng thối nát của nó, thì những vấn đề dân tộc và dân chủ không chỉ là vấn đề của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc mà còn là nhiệm vụ của các đảng cộng sản và công nhân ở chính ngay các nước tư bản chủ nghĩa phát triển trong cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Khi đã giành được chính quyền, giai cấp vô sản, người đại biểu cho lợi ích của dân tộc, người kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, có trách nhiệm đối với toàn bộ sự phát triển của dân tộc mình, đồng thời có trách nhiệm làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân các nước. Lê-nin đã căn dặn những người cộng sản chúng ta : « Chỉ có một chủ nghĩa quốc tế thật sự, duy nhất và độc nhất là : làm việc quên mình cho sự phát triển của phong trào cách mạng và cuộc đấu tranh cách mạng ở trong nước mình, ủng hộ (bằng sự tuyên truyền, bằng sự đồng tình, bằng một sự giúp đỡ vật chất) **chính cuộc đấu tranh ấy**, chính đường lối ấy và chỉ **đường lối ấy thôi**, trong **tất cả** các nước, không trừ một nước nào » (3). Việc kết hợp đúng đắn lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế đòi hỏi những người cộng sản phải không ngừng đấu tranh chống những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản.

Thực tiễn đấu tranh cách mạng ở tất cả các nước trên thế giới ngày nay đều chứng tỏ rằng **độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội không thể tách rời nhau là chân lý lớn của thời đại.** Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữa dân tộc và quốc tế chính là điều kiện rất quyết định để đưa phong trào cách mạng của mỗi nước, cũng như đưa cả ba trào lưu cách mạng của thời đại tiến lên.

Thưa các đồng chí,

60 năm sau Cách mạng tháng Mười, chịu sự tác động của Cách mạng tháng Mười, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới đã tiến lên với những bước khổng lồ.

Chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành hệ thống thế giới. Với những thành tựu to lớn về mọi mặt, hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày nay đã có một sức mạnh tổng hợp hơn hẳn lực lượng của chủ nghĩa đế quốc.

Bão táp cách mạng của phong trào giải phóng dân tộc đang làm rung chuyển châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh, có xu thế ngày càng gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đóng vai trò rất quan trọng trong việc đưa thế giới quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản ngày càng phát triển với quy mô ngày càng rộng lớn và tính tổ chức cao làm nổi bật năng lực cách mạng vô

(Xem tiếp trang 77)

(3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 24, trang 79.

Digitized by Google

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60

Cách mạng tháng Mười vĩ đại

NHỮNG TIẾN BỘ VƯỢT BẬC CỦA LIÊN-XÔ QUA CÁC KẾ HOẠCH 5 NĂM

MỖI bước tiến của nhân dân Liên-xô trên con đường xây dựng xã hội mới đều gắn chặt với việc đề ra và thực hiện các kế hoạch 5 năm. Các kế hoạch 5 năm là biểu hiện cụ thể của việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, một quy luật của chủ nghĩa xã hội.

Chỉ ít lâu sau khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi, trong khi cuộc can thiệp vũ trang của nước ngoài và nội chiến chưa chấm dứt, năm 1920, Lê-nin đã đề ra **kế hoạch điện khí hóa nước Nga** (Gô-en-rô) nổi tiếng. Đây không chỉ là kế hoạch nhằm phát triển năng lượng; đây chính là cương lĩnh phát triển nền kinh tế về nhiều mặt. Nhiệm vụ chính của kế hoạch này là: xây dựng lại nền kinh tế quốc dân, tạo nên một nền đại công nghiệp cơ khí — cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội. Kế hoạch Gô-en-rô dự kiến trong khoảng từ 10 đến 15 năm, tăng tổng sản lượng công nghiệp lên gấp đôi so với năm 1913 (năm trước chiến tranh). Từ cuối những năm 20, kế hoạch đó được cụ thể hóa bằng những kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế quốc dân. Và cũng từ đó, danh từ « kế hoạch 5 năm » dần dần trở thành quen thuộc đối với các dân tộc trên thế giới.

Kế hoạch 5 năm thứ nhất (1928 – 1932) được đề ra trên cơ sở chỉ thị của Đại hội lần thứ 15 Đảng cộng sản (b) Liên-xô họp năm 1927 và được Đại hội lần thứ 5 các xô-viết toàn Liên-xô thông qua năm 1929. Đại hội lần thứ 16 của Đảng cộng sản (b) Liên-xô họp năm 1930 lại có nghị quyết bổ sung một loạt nhiệm vụ cụ thể về sản xuất và xây dựng vào kế hoạch 5 năm thứ nhất. Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm thứ nhất là: **xây dựng xong nền tảng kinh tế xã hội chủ nghĩa, đày lùi hơn nữa các phần tử tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn, củng cố quốc phòng.**

Nhờ chủ nghĩa anh hùng của nhân dân xô-viết trong lao động, kế hoạch 5 năm thứ nhất đã được hoàn thành chỉ trong 4 năm 3 tháng. Liên-xô đã

Digitized by Google

có những bước tiến đáng kể về nhiều mặt. 1.500 xí nghiệp công nghiệp lớn của Nhà nước đã được đưa vào hoạt động, một loạt ngành công nghiệp mới đã được xây dựng, như các ngành công nghiệp máy kéo, ô-tô, máy cái và công cụ chính xác, nhôm, máy bay và hóa chất. Trong công nghiệp luyện kim đen, đã xây dựng được ngành luyện kim bằng sức điện, ngành sản xuất các hợp kim sắt và hợp kim siêu cứng, các loại thép có chất lượng tốt. Ngành dầu mỏ và các ngành công nghiệp nặng khác cũng đã được xây dựng lại một cách căn bản. Chỉ từ năm 1928 đến năm 1932, phần công nghiệp trong tổng sản lượng công, nông nghiệp đã tăng từ 51,5% lên 70,2%; phần nhóm «A» trong tổng sản lượng công nghiệp đã tăng từ 39,5% lên 53,4%; sản lượng của ngành chế tạo cơ khí và chế biến kim loại đã tăng gấp 4 lần.. Những phần tử tư bản chủ nghĩa « bị loại hẳn và vĩnh viễn ra khỏi công nghiệp »; nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa đã trở thành « hình thức duy nhất của nền công nghiệp ở Liên-xô » (1).

Nông nghiệp Liên-xô cũng đã có những chuyển biến căn bản. Số máy móc cung cấp cho nông nghiệp đã tăng gấp 5 lần, số máy kéo sử dụng lên tới 12 vạn cái với tổng công suất là 1,9 triệu sức ngựa. Cuối kế hoạch 5 năm thứ nhất, trên 60% nông hộ đã gia nhập nông trang tập thể. Liên-xô « **đã hoàn thành**, về căn bản, việc tập thể hóa những vùng chủ yếu », và trước mắt tuyệt đại đa số nông dân, nông trang tập thể « đã trở thành hình thức kinh tế thích đáng nhất » (2). Năm 1932, gần 78% diện tích gieo trồng đã thuộc về các nông trang tập thể, các nông trường quốc doanh và các cơ sở kinh doanh khác của Nhà nước; những tổ chức này cung cấp 84% số ngũ cốc hàng hóa trong nước.

Về mặt cải thiện đời sống của những người lao động, Liên-xô đã thu được « một thắng lợi vô cùng to lớn, mà không một nước tư sản nào có thể mơ tưởng tới được » là « xóa bỏ được nạn thất nghiệp » và « **xóa bỏ được cảnh cùng khốn và cảnh bần cùng ở nông thôn** » (3). Trình độ văn hóa của nhân dân đã được nâng lên một cách rõ rệt: so với năm học 1927 – 1928 số học sinh trong năm học 1932 – 1933 đã tăng gấp 3 lần trong các trường đại học, hơn 3 lần trong các trường kỹ thuật trung cấp và 2 lần trong các trường tiểu học.

Như vậy, sau kế hoạch 5 năm thứ nhất, như Sta-lin đã tổng kết: từ « một nước nông nghiệp », Liên-xô đã trở thành « một nước công nghiệp »; từ « một nước yếu và không được chuẩn bị về mặt quốc phòng », Liên-xô đã trở thành « một nước hùng cường về mặt khả năng quốc phòng, một nước sẵn sàng đối phó với tất cả mọi sự bất trắc, một nước có khả năng sản xuất hàng loạt tất cả những vũ khí quốc phòng hiện đại và dùng những vũ khí đó trang bị cho quân đội của mình trong trường hợp bị nước ngoài xâm lược » (4). Đồng thời, việc hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm thứ nhất cũng « bác bỏ lời khẳng định của các nhà chính trị tư sản và xã hội – dân chủ cho rằng kế hoạch 5 năm là một ảo tưởng, một sự mê sảng, một mộng tưởng không thể thực hiện được » (5).

Trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được, Đại hội lần thứ 17 Đảng cộng sản (b) Liên-xô họp năm 1934 đã thông qua **kế hoạch 5 năm thứ hai** (1933 – 1937). Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch này là: **tiêu diệt triệt để các phần tử tư bản chủ nghĩa,**

(1) J. I. Sta-lin: « Tổng kết kế hoạch 5 năm lần thứ nhất », *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, trang 572.

(2) J. I. Sta-lin: Sách đã dẫn, trang 586.

(3) J. I. Sta-lin: Sách đã dẫn, trang 588.

(4) J. I. Sta-lin: Sách đã dẫn, trang 573 — 574.

(5) J. I. Sta-lin: Sách đã dẫn, trang 603 — 604.

Digitized by Google

thủ tiêu hoàn toàn các nguyên nhân đẻ ra hiện tượng người bóc lột người, hoàn thành công cuộc cải tạo về mặt kỹ thuật toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Về mặt công nghiệp, kế hoạch 5 năm thứ hai đã được hoàn thành trong 4 năm 3 tháng. Số xí nghiệp lớn mới xây dựng trong kế hoạch 5 năm này là 4.500, so với 1.500 trong kế hoạch 5 năm trước. So với năm 1932, sản lượng công nghiệp tăng gấp 2,2 lần, trong đó sản lượng ngành chế tạo cơ khí tăng gấp 2,8 lần, sản lượng ngành công nghiệp hóa chất tăng gấp 3 lần. Phần công nghiệp trong tổng sản lượng công, nông nghiệp tăng từ 70,2% năm 1932 lên 77,4% năm 1937. 80% sản lượng công nghiệp là do các xí nghiệp mới xây dựng và các xí nghiệp được hoàn toàn xây dựng lại trong hai kế hoạch 5 năm thứ nhất và thứ hai bảo đảm. Năng suất lao động trong công nghiệp tăng 90%

Trong nông nghiệp, việc tập thể hóa đã hoàn thành, chế độ nông trang tập thể đã được xác lập. Cuối năm 1937, trên các cánh đồng, đã có 456.000 máy kéo và gần 129.000 máy gặt đập làm việc. So với năm 1932 sản lượng nông nghiệp tăng gấp 1,3 lần, trong đó ngũ cốc tăng gấp 1,7 lần, bông tăng gấp 2 lần. Diện tích gieo trồng năm 1937 lên tới 135,3 triệu ha.

Mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động được nâng cao. Sản xuất hàng tiêu dùng cho nhân dân tăng gấp 2 lần. Cuộc cách mạng văn hóa được tiếp tục thực hiện. Một tầng lớp đông đảo trí thức mới, xuất thân từ công nhân và nông dân, đã xuất hiện. Ngân sách Nhà nước dành cho công tác xã hội và văn hóa năm 1933: 5.839,9 triệu rúp, năm 1938: 35.202,5 triệu rúp.

Kết quả là, chỉ sau hai kế hoạch 5 năm, Liên-xô « đã thực hiện được chủ nghĩa xã hội, về căn bản » (6). Các phần tử tư bản chủ nghĩa đã hoàn toàn bị thủ tiêu ở thành thị và nông thôn; cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng xong về căn bản. Năm 1937 khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa đã bảo đảm: 99% thu nhập quốc dân, 99,8% sản lượng công nghiệp, 98,5% sản lượng nông nghiệp, 100% doanh số bán lẻ trong nước.

Kế hoạch 5 năm thứ ba (1938 – 1942) do Đại hội lần thứ 18 Đảng cộng sản (b) Liên-xô thông qua năm 1939 đánh dấu **một bước tiến quan trọng của Liên-xô trên con đường giải quyết nhiệm vụ kinh tế cơ bản: đuổi kịp và vượt các nước tư bản chủ nghĩa phát triển về mặt kinh tế.** Trong các nghị quyết của Đại hội Đảng có chỉ rõ: sau khi xây dựng xong về căn bản chủ nghĩa xã hội, Liên-xô đã bước vào thời kỳ hoàn thành việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và từng bước quá độ từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản. Với tình hình quốc tế phức tạp lúc đó, kế hoạch 5 năm thứ ba không chỉ quy định nâng cao sức mạnh của công nghiệp, củng cố chế độ nông trang tập thể, nâng cao phúc lợi vật chất của nhân dân, mà còn quy định tăng cường hơn nữa lực lượng quốc phòng, tạo ra những nguồn dự trữ lớn của Nhà nước.

Kế hoạch 5 năm thứ ba đã không được thực hiện trọn vẹn do cuộc chiến tranh xâm lược của phát-xít Đức nổ ra từ giữa năm 1941. Tuy nhiên, tới lúc này, sức mạnh kinh tế của Liên-xô đã đủ bảo đảm để Liên-xô đương đầu thắng lợi với bất cứ kẻ thù bên ngoài nào. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, Liên-xô đã đứng hàng đầu châu Âu và hàng thứ hai trên thế giới về tổng sản lượng công nghiệp. So với năm 1928, năm 1940, tổng sản lượng công nghiệp tăng gấp 6,5 lần, sản

(6) J.I. Sta-lin: « Bàn về dự án Hiến pháp Liên-xô », *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, trang 771.

Digitized by Google

xuất tư liệu sản xuất tăng gấp 10 lần, tổng sản lượng nông nghiệp tăng 32%. Cũng trong thời gian đó, số công nhân, viên chức làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân đã từ 11,4 triệu tăng lên 31,2 triệu. Vào cuối những năm 30, Liên-xô đã căn bản thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc 7 năm.

Trong những năm chiến tranh giữ nước vĩ đại, toàn bộ nền kinh tế quốc dân tập trung phục vụ cho nhu cầu của tiền tuyến, cho nhiệm vụ tiêu diệt bọn phát-xít xâm lược. Hồi ấy, ở các vùng hậu phương và ở các vùng được giải phóng khỏi sự chiếm đóng phát-xít, nhân dân lao động Liên-xô đã xây dựng được 3.500 xí nghiệp công nghiệp lớn mới và đã khôi phục được 7.500 xí nghiệp bị tàn phá.

Ngay sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, **kế hoạch 5 năm thứ tư** (1946 — 1950) đã được Xô-viết tối cao Liên-xô thông qua vào tháng 3-1946. Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch này là: **khôi phục các vùng bị tàn phá, đạt mức phát triển công nghiệp và nông nghiệp trước chiến tranh, rồi vượt xa mức ấy, và trên cơ sở đó, nâng cao phúc lợi vật chất của nhân dân Liên-xô.**

Những thiệt hại do chiến tranh xâm lược của phát-xít Hit-le gây ra trên đất Liên-xô thật là to lớn: 20 triệu người chết, 7 vạn làng bị thiêu hủy, 1.760 thành phố và thị trấn bị tàn phá, gần 32.000 xí nghiệp bị hủy diệt hoàn toàn hoặc từng phần, 65.000 km đường sắt bị phá hoại, 98.000 nông trang tập thể, gần 5.000 nông trường quốc doanh và trạm máy kéo bị cướp phá, hàng chục nghìn bệnh viện, trường trung học, đại học, trung học chuyên nghiệp và thư viện bị hủy hoại. Số thiệt hại về vật chất lên tới 679 tỉ rúp. Một tên thống soái Đức khi đó đã viết trong nhật ký của hắn là phải 25 năm, nước Nga mới có thể khôi phục được những vùng bị phát xít phá hoại.

Nhưng, với tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, bằng lao động quên mình, chỉ trong một thời gian ngắn nhân dân Liên-xô đã nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh và tiếp tục tiến lên. Cuối kế hoạch 5 năm thứ tư, sản lượng công nghiệp đã vượt mức trước chiến tranh 73% (so với 48% theo kế hoạch dự kiến). 6.200 xí nghiệp công nghiệp lớn được khôi phục và xây dựng mới.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của nông nghiệp được củng cố thêm một bước. Năm 1949, các nông trang tập thể, các trạm máy kéo và các nông trường quốc doanh đã nhận được một số lượng máy móc nông nghiệp nhiều hơn năm 1940 là 2,5 lần. Năm 1950, có phong trào hợp nhất nhiều nông trang tập thể nhỏ thành nông trang tập thể lớn.

Khoa học và kỹ thuật xô-viết đạt được những thành tựu lớn, có nhiều phát minh và sáng chế lớn. Nếu trong kế hoạch 5 năm thứ nhất, trung bình mỗi năm có thêm 42.500 cán bộ kỹ thuật cao cấp và 72.800 cán bộ kỹ thuật trung cấp ra trường, thì trong kế hoạch 5 năm thứ tư, trung bình mỗi năm có thêm 130.400 cán bộ kỹ thuật cao cấp và 255.700 cán bộ kỹ thuật trung cấp ra trường.

Nhiều biện pháp lớn đã được thực hiện nhằm nâng cao đời sống nhân dân. Trên 100 triệu mét vuông nhà ở đã được xây dựng ở các thành phố và khu công nhân; 2,7 triệu ngôi nhà đã được xây dựng ở các vùng nông thôn. Giá hàng thường dùng giảm nhiều. Năm 1947, chế độ tem phiếu đối với hàng thường dùng đã được xóa bỏ.

Đại hội lần thứ 19 Đảng cộng sản Liên-xô họp năm 1952 đã thông qua **kế hoạch 5 năm thứ năm** (1951 — 1955). Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch này là: **phát triển hơn nữa tất cả các ngành kinh tế quốc dân trên cơ sở ưu tiên phát triển công**

Digitized by Google

nghiệp nặng, tăng năng suất lao động xã hội với nhịp độ cao, cải tiến chất lượng và mặt hàng. Kế hoạch còn dự kiến một chương trình rộng lớn nhằm nâng cao mức sống của nhân dân.

Để hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm này, nhân dân xô-viết đã có những hình thức thi đua mới: thi đua tiết kiệm vật tư, thi đua giảm giá thành trên mỗi phần việc, thi đua tăng sản lượng trên mỗi diện tích sản xuất, v.v...

Kết quả là, trong lĩnh vực công nghiệp, kế hoạch 5 năm thứ năm đã được hoàn thành trong 4 năm 4 tháng. Năm 1955, tổng sản lượng công nghiệp tăng 85% so với năm 1950, tức tăng gấp 3,2 lần so với trước chiến tranh. Sản lượng ngành chế tạo cơ khí và chế biến kim loại tăng gấp 2,2 lần so với năm 1950; năng suất bình quân mỗi lao động trong công nghiệp tăng 49%. Trong công nghiệp đã hình thành những cơ sở để xây dựng một loạt ngành mới về chế tạo cơ khí, về năng lượng nguyên tử. Năm 1954, Liên-xô đã đưa vào hoạt động nhà máy điện nguyên tử đầu tiên trên thế giới. Nhiệm vụ tăng sản xuất vật phẩm tiêu dùng cũng được hoàn thành vượt mức. Nếu sự chênh lệch về nhịp độ phát triển giữa nhóm «A» và nhóm «B» trong kế hoạch 5 năm thứ tư là 36%, thì trong kế hoạch 5 năm thứ năm chỉ còn là 4%.

Nông nghiệp cũng thu được nhiều thành tựu mới. Diện tích gieo trồng đã từ 146,3 triệu héc-ta năm 1950 tăng lên gần 186 triệu héc-ta năm 1955. Việc khai hoang phục hóa, việc tăng cường cán bộ cho các nông trang tập thể, việc chú ý hơn nữa đến nguyên tắc khuyến khích bằng lợi ích vật chất, v.v... đã đưa tới kết quả: năm 1955, sản lượng nông nghiệp tăng 21% so với năm 1950.

Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân được cải thiện hơn nữa. Trong 5 năm, thu nhập quốc dân tăng 71%, tiền lương thực tế của công nhân, viên chức tăng 39%, thu nhập của lao động nông nghiệp bình quân tăng gấp 1,5 lần. Cuối kế hoạch 5 năm, số học sinh đại học đã lên tới gần 2 triệu, tức là gấp hơn 2 lần so với số học sinh đại học ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa châu Âu cộng lại.

Chỉ 10 năm sau chiến tranh, sức mạnh kinh tế của Liên-xô đã tiến bộ vượt bậc. Năm 1955, giá trị toàn bộ vốn cố định tăng gấp 2 lần, thu nhập quốc dân tăng gấp 2,8 lần so với năm 1940.

Đại hội lần thứ 20 Đảng cộng sản Liên-xô họp năm 1956 đã thông qua **kế hoạch 5 năm thứ sáu** (1956 – 1960). Nhiệm vụ kinh tế chủ yếu của kế hoạch này là: **trên cơ sở ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, trên cơ sở tiến bộ không ngừng về kỹ thuật và nâng cao năng suất lao động, bảo đảm cho sự phát triển hơn nữa của nền kinh tế quốc dân, đặc biệt của các ngành công nghiệp tiên tiến, cho sự phát triển của nền nông nghiệp, và trên cơ sở đó nâng cao một cách đáng kể phúc lợi vật chất của nhân dân.** Vốn đầu tư trong kế hoạch 5 năm thứ sáu lên tới 170,5 tỉ rúp, so với 91,1 tỉ rúp trong kế hoạch 5 năm thứ năm.

Việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm thứ sáu làm cho sức mạnh mọi mặt của Liên-xô tăng cường rõ rệt hơn nữa. Chỉ chưa đầy hai năm sau khi thực hiện kế hoạch này Liên-xô đã làm cho toàn thế giới khâm phục về kỳ công đưa vệ tinh nhân tạo đầu tiên của quả đất vào khoảng không vũ trụ. Năm 1958, tổng sản lượng công nghiệp tăng gấp 36 lần so với năm 1913, trong đó sản xuất tư liệu sản xuất tăng gấp 83 lần, sản lượng công nghiệp chế tạo máy móc và chế biến kim loại tăng gấp 240 lần. Năm 1958, Liên-xô đã sản xuất được gần 55 triệu tấn

Digitized by Google

thép, khai thác được 113 triệu tấn dầu mỏ, 496,1 triệu tấn than, sản xuất 233 tỉ ki-lô-oát giờ điện. Năm 1958, sản xuất hàng tiêu dùng đã tăng gấp gần 14 lần so với năm 1913, trong đó hàng cần thiết về văn hóa và đời sống hằng ngày tăng gấp hơn 45 lần. Năng suất lao động trong công nghiệp năm 1958 đã tăng gấp 10 lần so với năm 1913 và tăng gấp 2,6 lần so với năm 1940. Giờ làm việc trong ngày được giảm dần. Thu nhập thực tế của công nhân, viên chức năm 1958 so với năm 1940 tăng gấp gần 2 lần, còn thu nhập thực tế của nông dân bình quân tăng gấp hơn hai lần... Cuối những năm 50, chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi hoàn toàn và triệt để ở Liên-xô.

Đầu năm 1959, Đại hội lần thứ 21 Đảng cộng sản Liên-xô thông qua **kế hoạch 7 năm** (1959 — 1965) mở đầu cho một giai đoạn phát triển mới của Liên-xô : giai đoạn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển.

Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 7 năm là : **phát triển toàn diện lực lượng sản xuất và tất cả các ngành kinh tế, tăng cường đáng kể tiềm lực kinh tế của nước nhà, bảo đảm nâng cao không ngừng mức sống của nhân dân.** Nhà nước xô-viết đã dành cho kế hoạch 7 năm một số vốn đầu tư khổng lồ : 281 tỉ rúp, tức là nhiều hơn 22,2 tỉ rúp so với tổng số vốn đầu tư trong cả mấy chục năm (từ năm 1918 đến năm 1958). Việc phân phối vốn cũng được tính toán sao cho có thể nhanh chóng tạo ra những tiền đề cần thiết cho việc thay đổi căn bản cơ cấu sản xuất trong những năm tiếp sau. Các ngành và xí nghiệp hiện đại, có hiệu suất cao đã được đặc biệt chú ý phát triển. Tài nguyên phong phú của đất nước, nhất là ở các vùng phía đông, được khai thác mạnh mẽ.

Kết quả quan trọng nhất của kế hoạch 7 năm là sự phát triển và củng cố hơn nữa nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trên cơ sở tiến bộ khoa học — kỹ thuật. Chỉ sau 7 năm, số vốn cố định đã tăng gần gấp đôi so với số vốn cố định khi bước vào kế hoạch 7 năm. Thu nhập quốc dân được dùng vào tích lũy và tiêu dùng tăng 53% , sản lượng công nghiệp tăng 84%, sản lượng nông nghiệp tăng 15%. Nhiều mỏ mới như mỏ dầu, hơi đốt, quặng sắt, kim loại màu, nguyên liệu hóa học và các khoáng sản khác đã được thăm dò và đưa vào khai thác. Cơ sở năng lượng — nhiên liệu và luyện kim của nền kinh tế quốc dân đã được mở rộng. Các ngành cơ bản của công nghiệp nặng tăng lên rõ rệt, và việc sản xuất các hàng thực phẩm, những phương tiện sinh hoạt, văn hóa cũng tăng lên đáng kể. Năng suất lao động tăng 40% trong nền kinh tế quốc dân nói chung, 42% trong công nghiệp, 30% trong nông nghiệp, 53% trong ngành xây dựng. Một loạt biện pháp nhằm nâng cao mức sống của nhân dân đã được thi hành : nâng mức lương tối thiểu của công nhân, viên chức ; quy định chế độ trợ cấp cho nông dân tập thể ; nâng mức trợ cấp tối thiểu ; rút ngắn ngày lao động và tuần lao động ; cải tiến việc phục vụ nhân dân về các mặt y tế, văn hóa, sinh hoạt... Trong 7 năm, thu nhập thực tế bình quân mỗi lao động tăng 33%, riêng của nông dân tập thể tăng 49%. Doanh số bán lẻ tăng gấp 1,6 lần. Ở các thành phố và khu công nghiệp đã có thêm 558 triệu mét vuông nhà ở, và ở các nông trang tập thể đã có thêm 3,51 triệu ngôi nhà mới. Trong 7 năm, số lượng công nhân đã tăng 14 triệu người, còn số lượng chuyên gia và nhân viên đã tăng 7 triệu người.

Kế hoạch 5 năm thứ tám (1966 - 1970) do Đại hội lần thứ 23 Đảng cộng sản Liên-xô thông qua năm 1966, đã tạo thêm những điều kiện cần thiết để Liên-xô tiếp tục tiến lên mạnh mẽ. Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch này là : **trên cơ sở sử dụng những thành tựu của khoa học và kỹ thuật, trên cơ sở phát triển toàn**

Digitized by Google

bộ nền sản xuất theo hướng công nghiệp và nâng cao hiệu quả của nền sản xuất đó, bảo đảm cho sự phát triển đáng kể của công nghiệp, cho nhịp độ phát triển cao và vững chắc của nông nghiệp và cho sự nâng cao về căn bản mức sống của nhân dân.

Chỉ gần 2 năm sau khi kế hoạch này được thực hiện, đồng chí Bơ-rê-giơ-nép, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, đã có thể khẳng định trong bài nói tại lễ kỷ niệm lần thứ 50 Cách mạng tháng Mười : « Xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đã được xây dựng ở nước chúng ta... » (7). Cuối kế hoạch 5 năm thứ tám, nền kinh tế Liên-xô đã đạt tới những quy mô hoàn toàn mới. 44% vốn cố định trong toàn bộ nền kinh tế và 54% vốn cố định trong nông nghiệp được đổi mới. Năng suất lao động xã hội tăng 37% so với 29% trong 5 năm trước. Trong một ngày, các ngành kinh tế Liên-xô có thể cung cấp một lượng sản phẩm xã hội trị giá gần 2 tỉ rúp, nghĩa là 10 lần nhiều hơn số cung cấp trong một ngày vào thời kỳ cuối những năm 30. Trong 5 năm, thu nhập quốc dân tăng 41,5%, thu nhập thực tế theo đầu người tăng 33%.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được qua 8 kế hoạch 5 năm, bước vào những năm 70 Liên-xô bắt tay giải quyết về mặt thực tiễn nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản (8). **Kế hoạch 5 năm thứ chín** (1971 – 1975), do Đại hội lần thứ 24 Đảng cộng sản Liên-xô thông qua năm 1971, là một bước quan trọng trên con đường giải quyết nhiệm vụ này.

Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm thứ chín là : **bảo đảm nâng cao một cách đáng kể mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trên cơ sở phát triển nền sản xuất xã hội chủ nghĩa với nhịp độ cao, nâng cao hiệu quả của nền sản xuất đó và đẩy nhanh nhịp độ tăng năng suất lao động.** Trong kế hoạch này, Liên-xô đã đạt được những con số chưa từng có về sản lượng công nghiệp, về đầu tư cơ bản, về những khoản tài chính Nhà nước cấp để thực hiện những biện pháp mới nhằm nâng cao phúc lợi của nhân dân. Năm 1975, sản lượng công nghiệp so với năm 1970 đã tăng 43%. Liên-xô đã sản xuất 1.038 tỉ ki-lô-oát giờ điện, 701 triệu tấn than 491 triệu tấn dầu mỏ, 289 tỉ mét khối hơi đốt, 141 triệu tấn thép, 90 triệu tấn phân khoáng 122 triệu tấn xi-măng. Số loại sản phẩm quan trọng mà Liên-xô vượt lên hàng đầu thế giới về sản lượng, đã tăng thêm rõ rệt. Ngoài than, quặng sắt, xi-măng và một loạt sản phẩm khác, đã có thêm thép, dầu mỏ, phân khoáng. Nông nghiệp đã có sự chuyển biến căn bản theo hướng công nghiệp : tập trung hóa, chuyên môn hóa, cơ giới hóa và tự động hóa cao. So với kế hoạch 5 năm thứ tám, sản lượng nông nghiệp trung bình hằng năm trong kế hoạch này tăng 13%, mặc dù trong hai năm 1972 và 1975 Liên-xô bị hạn hán chưa từng thấy. Năng suất lao động tăng nhanh trong các ngành kinh tế quốc dân : 85% số tăng của công nghiệp, 78% số tăng của ngành xây dựng và 100% số tăng của nông nghiệp là do tăng năng suất lao động. Đó là kết quả của việc nâng cao trình độ chuyên môn của những người lao động và việc tăng mức trang bị kỹ thuật cho sản xuất. 9,3 triệu học sinh tốt nghiệp các trường kỹ thuật dạy nghề và hơn 9 triệu chuyên gia cao cấp và trung cấp đã đi vào công tác trong các ngành kinh tế quốc dân. Trong kế hoạch 5 năm

(7) L. I. Bê-rê-giơ-nép : *Đi theo con đường của Lê-nin*, nhà xuất bản Chính trị, Mạc-tư-khoa, tập 2, trang 92.

(8) Theo L. I. Bơ-rê-giơ-nép : « Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô tại Đại hội lần thứ 24 của Đảng », *Liên-xô trên con đường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 116 — 117.

Digitized by Google

thứ chín, khoảng 40% vốn cố định trong công nghiệp và 56% vốn cố định trong nông nghiệp đã được đổi mới. Số của cải dành cho việc nâng cao mức sống của nhân dân bằng số của cải dành cho mục đích ấy trong cả hai kế hoạch 5 năm trước cộng lại. Trong 5 năm, thu nhập thực tế theo đầu người trong dân cư đã tăng gần 1 phần 4. So với năm 1965 thì năm 1975, số gia đình mà mỗi thành viên có thu nhập từ 100 rúp trở lên một tháng đã tăng gấp 8,5 lần. Trong kế hoạch 5 năm thứ chín, 56 triệu người đã được cải thiện về điều kiện ở. Những khoản trả và ưu đãi lấy trong các quỹ xã hội đã tăng 40%.

Như vậy là, sau kế hoạch 5 năm thứ chín, Liên-xô **«đã tiến thêm một bước lớn mới trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, trong việc nâng cao mức sống của nhân dân, trong việc bảo đảm an ninh của đất nước»** (9).

Năm 1976, Đại hội lần thứ 25 Đảng cộng sản Liên-xô đã thông qua **kế hoạch 5 năm thứ mười** (1976 — 1980). Về các nhiệm vụ và phương hướng hoạt động kinh tế chủ yếu, kế hoạch 5 năm thứ mười gắn rất chặt với kế hoạch 5 năm thứ chín. Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch này là : **thực hiện triệt để đường lối nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trên cơ sở phát triển nền sản xuất xã hội một cách mạnh mẽ và cân đối, nâng cao hiệu suất của nó, tăng nhanh nhịp độ phát triển khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, cải thiện toàn diện chất lượng công tác trong tất cả các khâu kinh tế quốc dân.**

Công tác chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm này đã được tiến hành cùng một lúc với việc vạch ra những phương án làm điểm xuất phát cho sự phát triển kinh tế trong nước cho tới năm 1990. Nòng cốt chiến lược kinh tế của Đảng trong kế hoạch 5 năm thứ 10 lần kế hoạch dài hạn cho tới năm 1990 là : tiếp tục tăng cường sức mạnh kinh tế của đất nước, mở rộng và đổi mới về căn bản các vốn cố định, bảo đảm phát triển ngành công nghiệp nặng, nền tảng của kinh tế, một cách ổn định và cân xứng. Qua những số liệu đã tính toán, trong khoảng 15 năm từ năm 1976 đến năm 1990, Liên-xô sẽ có những dự trữ vật chất và tài chính khoảng gấp đôi so với 15 năm trước. Như vậy Liên-xô sẽ có những khả năng mới để giải quyết những nhiệm vụ kinh tế và xã hội chủ yếu do Cương lĩnh của Đảng và các đại hội của Đảng trong những năm gần đây nêu lên, **đặc biệt là nhiệm vụ nâng cao hơn nữa phúc lợi của nhân dân**, cải thiện điều kiện lao động và điều kiện sống của nhân dân, phát triển mạnh mẽ công tác y tế, giáo dục, văn hóa, phát triển tất cả những gì cần thiết cho việc xây dựng con người mới, cho việc hoàn thiện lối sống xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế Liên-xô hiện nay đã bước vào giai đoạn mà việc đáp ứng nhu cầu của nhân dân về hàng tiêu dùng có chất lượng cao cũng như việc áp dụng kỹ thuật và công nghệ mới nhất vào quá trình sản xuất, đã trở thành điều kiện để tiến lên. Cho nên, ngay trong kế hoạch 5 năm thứ mười, phần thu nhập quốc dân dành cho tiêu dùng hằng ngày sẽ tăng nhanh hơn phần dành cho tích lũy ; tới năm 1980, quỹ tiêu dùng sẽ có thêm một khoản tiền từ 71 tỉ đến 78 tỉ rúp, tức tăng từ 27% đến 29% so với năm 1975.

Tất nhiên, để giải quyết thành công những nhiệm vụ kinh tế và xã hội đã đề ra, điều kiện căn bản nhất vẫn là tăng nhanh năng suất lao động, nâng cao rõ rệt hiệu suất của toàn bộ

(9) L. I. Bơ-rê-giơ-nép : *Liên-xô trên con đường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 211.

Digitized by Google

nền kinh tế. Cho nên, kế hoạch 5 năm thứ mười còn là « kế hoạch hiệu suất và chất lượng ». Trong thời gian kế hoạch, khoảng 90% mức tăng sản lượng công nghiệp, 100% mức tăng sản lượng trong ngành nông nghiệp và trong ngành xây dựng sẽ là do tăng năng suất lao động mà có. Năm 1980, sản lượng công nghiệp sẽ tăng từ 35% đến 39% so với năm 1975, trong đó nhóm « A » sẽ tăng từ 38% đến 42%, nhóm « B » sẽ tăng từ 30% đến 32%. Về nông nghiệp, sản lượng trung bình hằng năm sẽ tăng từ 14% đến 17%. Thu nhập quốc dân sẽ đạt tới khoảng từ 449 tỉ tới 462 tỉ rúp năm 1980 so với 362 tỉ rúp năm 1975 (tức tăng từ 24% đến 28%). Lương trung bình của công nhân, viên chức tăng từ 16% đến 18%; thu nhập của nông dân tập thể tăng từ 24% đến 27%. Doanh số bán lẻ tăng từ 27% đến 29%...

Hiện nay, chỉ trong 2 ngày rưỡi, nền công nghiệp Liên-xô đã làm ra một sản lượng bằng sản lượng của cả năm 1913. Nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa với 2,41 triệu máy kéo, 70 vạn máy liên hợp gặt đập, 1.446 nghìn xe tải, 77 triệu tấn phân khoáng và nhiều phương tiện khác, năm 1976 đã cho một sản lượng kỷ lục về ngũ cốc: 223,8 triệu tấn. Thu nhập quốc dân của Liên-xô năm 1976 đã tăng gấp 65 lần so với thu nhập quốc dân của nước Nga trước cách mạng.

Như vậy là chỉ trong vòng 60 năm, trên cơ sở thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và sự thiết lập nền chuyên chính vô sản, nhờ phát huy tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, nhờ đề ra và thực hiện thắng lợi các kế hoạch 5 năm, đất nước xô-viết đã tiến những bước khá dài. Một xã hội kiểu mới, tốt đẹp đã xuất hiện ở Liên-xô. Liên-xô đã thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa đất nước và hiện đang xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản. Nếu năm 1922 phần của Liên-xô trong sản lượng công nghiệp thế giới là 1% thì hiện nay tỷ số đó đã là 20%. Từ một nước thua kém các nước tư bản chủ nghĩa phát triển ở châu Âu về tổng sản lượng công nghiệp, Liên-xô ngày nay đã bỏ xa các nước đó. Năm 1913, sản lượng công nghiệp của nước Nga Xa hoàng chỉ bằng 12,5% của Mỹ thì năm 1975 sản lượng công nghiệp của Liên-xô đã bằng trên 80% của Mỹ, và tới năm 1980, cuối kế hoạch 5 năm thứ mười, sẽ bằng 109% mức của Mỹ năm 1975. Hiện nay, Liên-xô đã vượt Mỹ về sản lượng một số sản phẩm quan trọng như: dầu mỏ, quặng sắt, quặng măng-gan, than cốc, thép, gang, ống thép, máy cắt kim loại, đầu máy xe lửa đi-ê-den mạnh, gỗ xẻ, xi-măng, cấu kiện bê-tông đúc sẵn, máy kéo, phân khoáng, bông, vải len, bơ, v.v... Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, Liên-xô cũng đã vươn lên hàng đầu. Liên-xô đã đi đầu trong việc chinh phục khoảng không vũ trụ, trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình, trong kỹ thuật về các dòng điện mạnh, trong việc thăm hiểm bắc cực, trong ngành vận tải đường biển. Liên-xô cũng đã vượt Mỹ trong việc sản xuất các máy bay siêu âm chở khách, trong việc sản xuất nhiều loại thiết bị thủy năng, trong việc tải điện cao thế trên một khoảng cách rất xa. Về trình độ văn hóa của nhân dân, Liên-xô hiện nay là nước đứng hàng đầu thế giới, với trên 3/4 số người làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân có trình độ đại học và trung học, với 37,5 triệu người lao động trí óc...

Đúng như đồng chí Bơ-rê-giơ-nép đã nhận định về đất nước xô-viết ngày nay khi kết thúc phần tổng kết kế hoạch 5 năm trong báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô tại Đại hội lần thứ 25 của Đảng: « Chưa bao giờ nước ta có một tiềm lực kinh tế và khoa học kỹ thuật hùng mạnh như thế. Chưa bao giờ chúng ta có một đạo quân to lớn

Digitized by Google

thứ chín, khoảng 40% vốn cố định trong công nghiệp và 56% vốn cố định trong nông nghiệp đã được đổi mới. Số của cải dành cho việc nâng cao mức sống của nhân dân bằng số của cải dành cho mục đích ấy trong cả hai kế hoạch 5 năm trước cộng lại. Trong 5 năm, thu nhập thực tế theo đầu người trong dân cư đã tăng gần 1 phần 4. So với năm 1965 thì năm 1975, số gia đình mà mỗi thành viên có thu nhập từ 100 rúp trở lên một tháng đã tăng gấp 8,5 lần. Trong kế hoạch 5 năm thứ chín, 56 triệu người đã được cải thiện về điều kiện ở. Những khoản trả và ưu đãi lấy trong các quỹ xã hội đã tăng 40%.

Như vậy là, sau kế hoạch 5 năm thứ chín, Liên-xô **«đã tiến thêm một bước lớn mới trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, trong việc nâng cao mức sống của nhân dân, trong việc bảo đảm an ninh của đất nước»** (9).

Năm 1976, Đại hội lần thứ 25 Đảng cộng sản Liên-xô đã thông qua **kế hoạch 5 năm thứ mười** (1976—1980). Về các nhiệm vụ và phương hướng hoạt động kinh tế chủ yếu, kế hoạch 5 năm thứ mười gắn rất chặt với kế hoạch 5 năm thứ chín. Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch này là: **thực hiện triệt để đường lối nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trên cơ sở phát triển nền sản xuất xã hội một cách mạnh mẽ và cân đối, nâng cao hiệu suất của nó, tăng nhanh nhịp độ phát triển khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, cải thiện toàn diện chất lượng công tác trong tất cả các khâu kinh tế quốc dân.**

Công tác chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm này đã được tiến hành cùng một lúc với việc vạch ra những phương án làm điểm xuất phát cho sự phát triển kinh tế trong nước cho tới năm 1990. Nòng cốt chiến lược kinh tế của Đảng trong kế hoạch 5 năm thứ 10 lẫn kế hoạch dài hạn cho tới năm 1990 là: tiếp tục tăng cường sức mạnh kinh tế của đất nước, mở rộng và đổi mới về căn bản các vốn cố định, bảo đảm phát triển ngành công nghiệp nặng, nền tảng của kinh tế, một cách ổn định và cân xứng. Qua những số liệu đã tính toán, trong khoảng 15 năm từ năm 1976 đến năm 1990, Liên-xô sẽ có những dự trữ vật chất và tài chính khoảng gấp đôi so với 15 năm trước. Như vậy Liên-xô sẽ có những khả năng mới để giải quyết những nhiệm vụ kinh tế và xã hội chủ yếu do Cương lĩnh của Đảng và các đại hội của Đảng trong những năm gần đây nêu lên, **đặc biệt là nhiệm vụ nâng cao hơn nữa phúc lợi của nhân dân**, cải thiện điều kiện lao động và điều kiện sống của nhân dân, phát triển mạnh mẽ công tác y tế, giáo dục, văn hóa, phát triển tất cả những gì cần thiết cho việc xây dựng con người mới, cho việc hoàn thiện lối sống xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế Liên-xô hiện nay đã bước vào giai đoạn mà việc đáp ứng nhu cầu của nhân dân về hàng tiêu dùng có chất lượng cao cũng như việc áp dụng kỹ thuật và công nghệ mới nhất vào quá trình sản xuất, đã trở thành điều kiện để tiến lên. Cho nên, ngay trong kế hoạch 5 năm thứ mười, phần thu nhập quốc dân dành cho tiêu dùng hằng ngày sẽ tăng nhanh hơn phần dành cho tích lũy; tới năm 1980, quỹ tiêu dùng sẽ có thêm một khoản tiền từ 71 tỉ đến 78 tỉ rúp, tức tăng từ 27% đến 29% so với năm 1975.

Tất nhiên, để giải quyết thành công những nhiệm vụ kinh tế và xã hội đã đề ra, điều kiện căn bản nhất vẫn là tăng nhanh năng suất lao động, nâng cao rõ rệt hiệu suất của toàn bộ

(9) L. I. Bơ-rê-giơ-nép: *Liên-xô trên con đường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 211.

Digitized by Google

nền kinh tế. Cho nên, kế hoạch 5 năm thứ mười còn là « kế hoạch hiệu suất và chất lượng ». Trong thời gian kế hoạch, khoảng 90% mức tăng sản lượng công nghiệp, 100% mức tăng sản lượng trong ngành nông nghiệp và trong ngành xây dựng sẽ là do tăng năng suất lao động mà có. Năm 1980, sản lượng công nghiệp sẽ tăng từ 35% đến 39% so với năm 1975, trong đó nhóm « A » sẽ tăng từ 38% đến 42%, nhóm « B » sẽ tăng từ 30% đến 32%. Về nông nghiệp, sản lượng trung bình hằng năm sẽ tăng từ 14% đến 17%. Thu nhập quốc dân sẽ đạt tới khoảng từ 449 tỉ tới 462 tỉ rúp năm 1980 so với 362 tỉ rúp năm 1975 (tức tăng từ 24% đến 28%). Lương trung bình của công nhân, viên chức tăng từ 16% đến 18%; thu nhập của nông dân tập thể tăng từ 24% đến 27%. Doanh số bán lẻ tăng từ 27% đến 29%...

Hiện nay, chỉ trong 2 ngày rưỡi, nền công nghiệp Liên-xô đã làm ra một sản lượng bằng sản lượng của cả năm 1913. Nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa với 2,41 triệu máy kéo, 70 vạn máy liên hợp gặt đập, 1.446 nghìn xe tải, 77 triệu tấn phân khoáng và nhiều phương tiện khác, năm 1976 đã cho một sản lượng kỷ lục về ngũ cốc: 223,8 triệu tấn. Thu nhập quốc dân của Liên-xô năm 1976 đã tăng gấp 65 lần so với thu nhập quốc dân của nước Nga trước cách mạng.

Như vậy là chỉ trong vòng 60 năm, trên cơ sở thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và sự thiết lập nền chuyên chính vô sản, nhờ phát huy tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, nhờ đề ra và thực hiện thắng lợi các kế hoạch 5 năm, đất nước xô-viết đã tiến những bước khá dài. Một xã hội kiểu mới, tốt đẹp đã xuất hiện ở Liên-xô. Liên-xô đã thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa đất nước và hiện đang xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản. Nếu năm 1922 phần của Liên-xô trong sản lượng công nghiệp thế giới là 1% thì hiện nay tỷ số đó đã là 20%. Từ một nước thua kém các nước tư bản chủ nghĩa phát triển ở châu Âu về tổng sản lượng công nghiệp, Liên-xô ngày nay đã bỏ xa các nước đó. Năm 1913, sản lượng công nghiệp của nước Nga Xa hoàng chỉ bằng 12,5% của Mỹ thì năm 1975 sản lượng công nghiệp của Liên-xô đã bằng trên 80% của Mỹ, và tới năm 1980, cuối kế hoạch 5 năm thứ mười, sẽ bằng 109% mức của Mỹ năm 1975. Hiện nay, Liên-xô đã vượt Mỹ về sản lượng một số sản phẩm quan trọng như: dầu mỏ, quặng sắt, quặng măng-gan, than cốc, thép, gang, ống thép, máy cắt kim loại, đầu máy xe lửa đi-ê-den mạnh, gỗ xẻ, xi-măng, cấu kiện bê-tông đúc sẵn, máy kéo, phân khoáng, bông, vải len, bơ, v.v... Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, Liên-xô cũng đã vươn lên hàng đầu. Liên-xô đã đi đầu trong việc chinh phục khoảng không vũ trụ, trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình, trong kỹ thuật về các dòng điện mạnh, trong việc thám hiểm bắc cực, trong ngành vận tải đường biển. Liên-xô cũng đã vượt Mỹ trong việc sản xuất các máy bay siêu âm chở khách, trong việc sản xuất nhiều loại thiết bị thủy năng, trong việc tải điện cao thế trên một khoảng cách rất xa. Về trình độ văn hóa của nhân dân, Liên-xô hiện nay là nước đứng hàng đầu thế giới, với trên 3/4 số người làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân có trình độ đại học và trung học, với 37,5 triệu người lao động trí óc...

Đúng như đồng chí Bơ-rê-giơ-nép đã nhận định về đất nước xô-viết ngày nay khi kết thúc phần tổng kết kế hoạch 5 năm trong báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô tại Đại hội lần thứ 25 của Đảng: « Chưa bao giờ nước ta có một tiềm lực kinh tế và khoa học kỹ thuật hùng mạnh như thế. Chưa bao giờ chúng ta có một đạo quân to lớn

Digitized by Google

gồm những cán bộ có trình độ cao như thế. Chưa bao giờ chúng ta dựa được vào một kinh nghiệm phong phú như thế về xây dựng kinh tế mà Đảng đã nhận thức và khái quát một cách sáng tạo» (10). Sức mạnh của Liên-xô chứng tỏ chủ nghĩa xã hội hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Nó làm cho uy tín của Liên-xô trên trường quốc tế cao hơn bao giờ hết. Nó góp phần to lớn và có hiệu quả vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

(10) L.I. Bơ-rê-giơ-nép : *Liên-xô trên con đường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 259.

QUYẾT TÂM ĐƯA NÔNG NGHIỆP TIẾN LÊN...

(Tiếp theo trang 31)

người từ trong Đảng cho đến quần chúng nhân dân, đều quán triệt đường lối, chủ trương và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp mà Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng đã quyết định. Trên cơ sở đó, tạo ra một sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức chỉ đạo, trong lề lối công tác, trong việc nâng cao tinh thần trách nhiệm và phát huy tinh thần hiệp tác xã hội chủ nghĩa, nhằm phục vụ kịp thời và có kết quả những yêu cầu trên mặt trận sản xuất nông nghiệp.

Sản xuất nông nghiệp đòi hỏi hợp đồng nhiều ngành, nhiều mặt, đồng thời phải có sự chỉ đạo tập trung của Đảng và Nhà nước mới mong giành được thắng lợi lớn. Cần sớm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiện toàn bộ máy quản lý của Nhà nước, xác định trách nhiệm cụ thể của các ngành, nhất là các ngành kinh tế, và các đoàn thể quần chúng, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để đưa nông nghiệp phát triển vượt bậc, bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ và mục tiêu mà Đảng ta đã đề ra.

Chúng ta cần khẩn trương kiện toàn bộ máy quản lý nông nghiệp của Nhà nước từ trung ương đến địa phương. Việc đầu tiên là tăng cường Bộ nông nghiệp về tổ chức và cán bộ để Bộ nông nghiệp có thể đảm đương tốt nhiệm vụ trực tiếp xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp, trực tiếp quản lý vật tư, tiền vốn được giao và bảo đảm trách nhiệm toàn bộ về sản xuất nông nghiệp trong cả nước trước Đảng và Nhà nước. Trong việc kiện toàn và xây dựng bộ máy quản lý và chỉ đạo nông nghiệp hiện nay, chúng ta coi trọng vai trò cấp tỉnh và cấp huyện. Song điều có ý nghĩa quyết định đối với việc chỉ đạo trực tiếp sản xuất nông nghiệp, là xây dựng từng bước cấp huyện, để huyện thật sự trở thành một cấp kế hoạch cơ bản đủ sức thực hiện mọi kế hoạch sản xuất, và có thể tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn để đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông thôn mới, con người mới, xã hội chủ nghĩa.

Trước mắt, chúng ta đang có nhiều khó khăn. Cần thấy hết những khó khăn để ra sức khắc phục ; mặt khác lại phải thấy rõ những thuận lợi để phát huy trong việc thực hiện nhiệm vụ nông nghiệp và đưa nông nghiệp tiến lên. Chúng ta tin tưởng rằng, với tinh thần cách mạng tiến công của đông đảo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ quân đội, với khả năng cách mạng to lớn của nhân dân cả nước ta, chúng ta nhất định dấy lên được một phong trào quần chúng thi đua lao động sản xuất, thực hiện thắng lợi Nghị quyết về nông nghiệp của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Digitized by Google

BÀI HỌC QUỲNH-LƯU

THANH-HÀ

QUỲNH-LƯU là một huyện của tỉnh Nghệ-tĩnh, có diện tích tự nhiên rộng 58.416 héc-ta (trong đó có 64,9% là đất đai vùng trung du — nửa đồi núi, 21,6% là đất đai vùng đồng bằng và 13,5% là đất đai miền biển), có gần 20 vạn dân với trên 6,5 vạn người lao động. Nhiều năm trước đây, Quỳnh-lưu vẫn chưa khai thác được nguồn đất đai phong phú và sức lao động dồi dào đó. Từ vài ba năm trở lại đây, nhất là từ năm 1974, Quỳnh-lưu lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động một cách cụ thể, cho nên đã có những chuyển biến nhanh và mạnh cả trong sản xuất, xây dựng và đời sống. Từ đó, Quỳnh-lưu bắt đầu đi lên nhanh, tuy bước đi chưa phải đã thật vững chắc về mọi mặt.

Làm rõ bài học Quỳnh-lưu cả về ưu điểm và khuyết điểm, không chỉ có tác dụng giúp cho Quỳnh-lưu đi lên chắc chắn và nhanh chóng hơn nữa, mà còn có ích cho các huyện khác và cho cả các ngành vốn có trách nhiệm giúp huyện tổ chức lại sản xuất, nhằm xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

I — LÀM CHỦ LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Quỳnh-lưu từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, gặp khó khăn lớn nhất là lao động sản xuất phần lớn còn làm bằng công cụ thủ công, công cụ cơ giới và máy móc hiện đại chưa có là bao. Nhưng Quỳnh-lưu lại có tài nguyên phong phú (chủ yếu là đất đai vùng đồng bằng, trung du — nửa đồi núi và miền biển) và lực lượng lao động dồi dào. Khai thác tốt tài nguyên và điều hành tốt sức lao động đó, thì sẽ tạo ra được những cơ sở vật chất cần thiết, nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển sản xuất, tổ chức tốt đời sống và tạo điều kiện thuận lợi đi dần vào sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trong việc tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Quỳnh-lưu đã có ý thức *làm chủ lực lượng lao động trên địa bàn huyện*, sử dụng lao động trên quy mô lớn để, trong hoàn cảnh lao động thủ công còn là chủ yếu, có thể xây dựng được những công trình lớn, rút ngắn thời gian thi công, đưa nhanh vào phục vụ sản xuất và đời sống.

Digitized by Google

Lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động, Quỳnh-lưu đã tiến hành tổ chức lại sản xuất ở từng hợp tác xã. Trước kia, mọi công việc lao động trong hợp tác xã đều khép kín trong đội sản xuất, cho nên khó thực hiện chuyên môn hóa lao động. Quy mô hợp tác xã lúc đó lại quá nhỏ bé (trên dưới 100 héc-ta), càng khó có thể tổ chức lại sản xuất một cách hợp lý. Mấy năm gần đây, các hợp tác xã ở Quỳnh-lưu đã có quy mô diện tích canh tác từ 300 – 500 héc ta. Lúc này, các hợp tác xã có điều kiện tổ chức các đội chuyên ngành và chuyên khâu hoạt động có hiệu lực.

Các hợp tác xã ở Quỳnh-lưu đã căn cứ vào tổng số ngày công nghĩa vụ (hằng năm mỗi người lao động trong độ tuổi lao động phải làm 30 ngày công) đóng góp cho Nhà nước, tổ chức ra đội « thủy lợi I » (còn gọi là đội 202) quanh năm chuyên đi xây dựng các công trình của Nhà nước. Cả huyện Quỳnh-lưu có 32 đội « thủy lợi I » như vậy, một năm bình quân mỗi đội viên làm 250 ngày trời trên các công trình xây dựng của Nhà nước. Lực lượng lao động chuyên môn hóa này được tổ chức chặt chẽ, lao động có kỷ luật và có kỹ thuật, kết hợp với lực lượng cơ giới hiện có trên các công trường Nhà nước, hình thành lực lượng sản xuất to lớn, có sức mạnh giải quyết nhanh, gọn, dứt điểm và hoàn thành tốt các công trình xây dựng của Nhà nước.

Ngoài đội này, ở mỗi hợp tác xã của Quỳnh-lưu còn tổ chức ra đội « thủy lợi II » (lúc đầu Quỳnh-lưu gọi là đội thanh niên tình nguyện xây dựng quê hương) do hợp tác xã nuôi. Các đội này vừa xây dựng các công trình của hợp tác xã, vừa xây dựng các công trình của huyện, khi cần thiết cũng có thể điều đi xây dựng các công trình của tỉnh. Huyện Quỳnh-lưu đã tổ chức được 31 đội « thủy lợi II » với trên 7.500 người. Lực lượng này trở thành lực lượng xung kích của đội quân lao động của huyện để xây dựng các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, làm đường giao thông trong huyện, khai hoang mở rộng diện tích, cải tạo đồng ruộng, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng theo quy hoạch của huyện.

Ở các hợp tác xã của huyện Quỳnh-lưu, ngoài đội trồng trọt ra (cả huyện có 360 đội), còn có các đội chuyên khâu như: đội thủy nông (cả huyện có 30 đội), đội làm đất (cả huyện có 62 đội), đội phân bón (cả huyện có 45 đội), đội giống và làm mạ (cả huyện có 27 đội), đội vận chuyển (cả huyện có 22 đội), đội xây dựng cơ bản (cả huyện có 31 đội thu hút 2.800 tay thợ lành nghề), đội trồng rừng (cả huyện có 30 đội), đội chăn nuôi trâu bò (cả huyện có 7 đội), đội chăn nuôi lợn tập thể, nuôi cá và nuôi vịt (cả huyện có 18 đội).

Trên cơ sở tổ chức lao động chuyên ngành và chuyên khâu như vậy, lực lượng lao động ở từng hợp tác xã và trên địa bàn huyện được phân công lại một cách hợp lý hơn. Hiện nay, số người lao động ở nông thôn Quỳnh-lưu làm trong ngành trồng trọt chỉ còn 43%, làm thủ công nghiệp (bao gồm cả làm muối, đánh bắt và chế biến cá biển) chiếm 36,5%, làm nghề rừng chiếm 9,4%, làm chăn nuôi chiếm 1,6%, làm nghĩa vụ dân công cho Nhà nước chiếm 4,5%, làm công tác phục vụ và gián tiếp sản xuất chiếm 5% tổng số người lao động trong huyện.

Nhờ tổ chức được các đội chuyên ngành, chuyên khâu và đi vào định mức công việc cụ thể, (cả huyện Quỳnh-lưu đã có tất cả 1.015 định mức công việc), các ban quản trị hợp tác xã ở Quỳnh-lưu có điều kiện thống nhất điều hành lao động trong toàn hợp tác xã. Điều này giúp cho hợp tác xã tiến hành có kết quả việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật và đẩy mạnh phát triển các ngành sản xuất

Digitized by Google

của mình. Hơn nữa, nó còn cho phép các hợp tác xã rút được nhiều người lao động đi xây dựng các công trình của huyện và tỉnh. Cũng vì lẽ đó, Quỳnh-lưu có thể điều hành lao động một cách có kết quả trên địa bàn huyện. Ví dụ: huyện có thể điều một lúc các đội làm đất của các hợp tác xã với trên 1.000 trâu cày, đưa ra vùng Hoàng-mai (bị hạn) tập trung làm đất trong một thời gian ngắn, giúp hợp tác xã Quỳnh-mai làm màu kịp thời vụ và trồng tỉa hết diện tích. Hoặc huyện có thể điều các đội xây dựng cơ bản của các hợp tác xã, tập trung 2.800 tay thợ giỏi, lên làm khu bệnh viện huyện, trong hai tháng xây cất xong 43 ngôi nhà gạch ngói với 172 gian phòng phục vụ khám và chữa bệnh cho dân; xây dựng một lúc 3 trường cấp III ở ba khu vực trong huyện, với 54 phòng học, đủ chỗ cho con em học tập...

Thực hiện việc điều hành lao động trên địa bàn huyện còn là một biện pháp tốt giúp cho Quỳnh-lưu giải quyết có kết quả tình trạng «nông nhàn» ở nông thôn, tạo cho người nông dân ở đây lúc nào cũng có công ăn việc làm.

Cách làm như trên của Quỳnh-lưu là đúng. Đấy cũng là một cách lao động có phân công theo quy mô lớn, thoát khỏi lối hiệp tác giản đơn của phương thức sản xuất nhỏ.

Quỳnh-lưu làm chủ được lực lượng lao động và thống nhất điều hành lao động trên địa bàn huyện có kết quả, chính là vì ở đây đã tạo ra được những tiền đề cần thiết cho nó. *Một là*, huyện có quy hoạch tổng thể (được cấp trên duyệt y), có chương trình kế hoạch và tiến độ thi công trên địa bàn toàn huyện. Trên cơ sở đó, đặt ra nhiệm vụ và chương trình cụ thể cho huyện và cho hợp tác xã, khiến cho huyện và hợp tác xã hoạt động ăn khớp với nhau. *Hai là*, lao động sản xuất phải đi vào tổ chức chuyên môn hóa, như: phải có tay nghề đồ ô nề thành thạo mới làm được ruộng muối; phải có đội chuyên làm đất, chuyên cấy... mới có lực lượng tập trung giải quyết dứt điểm và kịp thời vụ cho cả một vùng sản xuất lớn; hoặc phải có đội chuyên xây dựng có tay thợ giỏi mới xây dựng được những công trình lớn. *Ba là*, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho người nông dân, làm cho mọi người đề cao ý thức làm chủ tập thể, thoát khỏi tầm nhìn bó hẹp trong từng đội sản xuất và trong từng hợp tác xã đơn độc. *Bốn là*, có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và biết phát huy năng lực của đội ngũ đó. Thiếu yếu tố này sẽ gặp nhiều khó khăn trong tổ chức sản xuất và xây dựng, có khi hỏng việc, gây lãng phí lớn, thậm chí có thể gây tác hại nguy hiểm. *Năm là*, chăm lo tổ chức tốt đời sống nhân dân cả về vật chất lẫn văn hóa và tinh thần. *Sáu là*, có đội ngũ cán bộ nhất trí cao về đường lối, chủ trương, trên dưới hành động cùng một hướng.

Có những tiền đề cần thiết đó, Quỳnh-lưu mới làm chủ được lực lượng lao động và điều hành lao động trên địa bàn huyện, nhanh chóng xây dựng được nhiều cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống. Chỉ trong vòng vài ba năm gần đây, Quỳnh-lưu đã xây dựng được hàng loạt các cơ sở vật chất — kỹ thuật mới, như: hệ thống bệnh viện và trạm xá, hệ thống trường học từ cấp I đến cấp III xây cất bằng gạch ngói, mở thêm nhiều vùng khai hoang, làm thêm nhiều ruộng muối, làm nhiều đường giao thông nông thôn, hoàn chỉnh thủy nông trên địa bàn hàng nghìn héc ta, xây dựng nhà cửa cho các trạm trại.. Trong lúc chưa xin được gạo, tiền và vật tư cấp phát của Nhà nước, Quỳnh-lưu không ngồi chờ, mà vẫn phát động nhân dân đem sức lực của mình ra xây dựng. Trong khi điều hành lao động để tiến hành sản xuất và xây dựng

Digitized by Google

trên địa bàn huyện. Quỳnh-lưu có chú ý giải quyết một số chính sách về phân phối và đãi ngộ đối với người sản xuất ở nhà (ở hợp tác xã) và người đi xây dựng chung, cũng như giải quyết các vấn đề về quan hệ vay trả công điểm giữa các hợp tác xã. Hiện nay, sức lao động ở nông thôn ta còn dư thừa nhiều. Trong khi đó, vốn liếng của hợp tác xã hãy còn nghèo. Đưa lực lượng lao động của các hợp tác xã — cũng tức là lực lượng lao động của cả huyện, đi xây dựng những cơ sở vật chất — kỹ thuật mới phục vụ sản xuất và đời sống như Quỳnh-lưu đã làm là một cách tích lũy (bằng lao động sống) kinh tế nhất và có hiệu quả thiết thực. Tích lũy bằng cách này — bằng sức lao động dồi dào ở nông thôn — không tốn nhiều tiền của, không gây ảnh hưởng tiêu cực đối với đời sống của xã viên. Hơn nữa, chính những cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống do công sức lao động của từng hợp tác xã cũng như của cả huyện xây dựng nên sẽ trở lại phục vụ tốt hơn cho con người lao động.

Đương nhiên, những công trình phục vụ sản xuất và đời sống xây dựng bằng lao động của huyện đòi hỏi phải có sự giúp đỡ nhất định của Nhà nước về vật tư và tài chính. Về mặt này cần có sự ăn khớp giữa kế hoạch xây dựng của huyện với kế hoạch xây dựng chung của tỉnh và của trung ương. Cần tránh khuynh hướng rụt rè, không dám mạnh bạo phát động quần chúng tiến hành xây dựng các công trình cần thiết; song mặt khác việc xây dựng đó cũng không được vượt quá khả năng tài chính và vật tư của đất nước. Để tránh được hai khuynh hướng này, cần phát huy tính chủ động sáng tạo của huyện, mặt khác cấp trên cũng phải tham gia xét duyệt ngay từ đầu, trên cơ sở cân nhắc chu đáo khả năng của Nhà nước và yêu cầu của địa phương.

II — DÙNG SỨC MẠNH CỦA CẢ HUYỆN XÂY DỰNG NHANH CHÓNG CƠ SỞ VẬT CHẤT — KỸ THUẬT PHỤC VỤ SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG, GIÚP CÁC HỢP TÁC XÃ YẾU KÉM TIẾN LÊN ĐỒNG ĐỀU

Chiến tranh kết thúc, hầu hết các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống ở Quỳnh-lưu bị phá hoại nghiêm trọng. Các mặt sản xuất, ăn ở, học hành, chữa bệnh và đi lại của nhân dân trong huyện gặp rất nhiều khó khăn. Điều đó đòi hỏi Quỳnh-lưu phải khẩn trương khắc phục hậu quả chiến tranh, nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống, có nhiều đóng góp cho Nhà nước để cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Làm theo phương pháp cũ, tức là cứ để từng hợp tác xã tự lo liệu một cách đơn độc, đương nhiên sẽ diễn ra tình trạng chỉ các hợp tác xã tiên tiến hoặc không bị chiến tranh tàn phá nặng mới có sức vươn lên nhưng cũng phải mất nhiều năm phấn đấu mới thành công. Còn những hợp tác xã yếu kém, nhất là những hợp tác xã ở những nơi bị chiến tranh tàn phá có tính chất hủy diệt, thì rất khó hoặc không thể vươn lên nhanh chóng đuổi kịp các hợp tác xã khá.

Giải quyết mâu thuẫn này, Quỳnh-lưu dùng phương pháp *tập trung sức cả huyện* để nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống trên địa bàn huyện, trên từng vùng sản xuất và cho từng hợp tác xã, đưa phong trào

Digitized by Google

CÁN bộ và đảng viên..... phải gạt bỏ những thái độ sai lầm như: thỏa mãn với thành tích bước đầu, bảo thủ, tự mãn với những kinh nghiệm đã có.....

.....Hễ có đôi chút hiểu biết, đôi chút thành công thì tự cao tự đại, vênh vang kiêu ngạo, tự cho mình tài giỏi hơn người.

HỒ - CHÍ - MINH

hợp tác hóa và lao động sản xuất tiến lên đồng đều.

Ngày nay, Quỳnh-lưu có thể làm được như vậy và làm có kết quả, chính là do các hợp tác xã ở đây đã tổ chức lao động chuyên môn hóa theo ngành và theo khâu, bảo đảm cho huyện có điều kiện thực hiện điều hành lao động trên địa bàn huyện mà không ảnh hưởng đến kế hoạch lao động sản xuất của cơ sở. Ví dụ: việc khắc phục hậu quả chiến tranh ở vùng Hoàng-mai, nếu để các hợp tác xã ở vùng này tự lo liệu, thì không có đủ sức người, vật liệu, công cụ và trâu bò để làm và càng không có điều kiện làm nhanh trong một thời gian ngắn. Nhưng dùng sức của cả huyện, tập trung trên 16.000 người đem theo lương ăn, trâu bò, công cụ và vật liệu xây dựng... về làm khoảng 1 tháng, dùng hết trên 40 vạn ngày công, đã san lấp hàng nghìn hố bom, tháo gỡ hàng trăm quả bom chưa nổ, khôi phục hàng trăm héc ta ruộng hoang hóa, tu bổ hệ thống thủy lợi và làm lại cả nghìn ngôi nhà cho dân, giúp 8 hợp tác xã vùng này có nơi ăn, chốn ở và bắt tay vào sản xuất bình thường. Nó tạo cho Hoàng-mai — nơi bị chiến tranh dánh phá có tính chất hủy diệt, có khi thế phấn khởi vươn lên về mọi mặt, dẫy lùi bi quan và buồn tủi về dĩ vãng.

Cũng theo phương pháp điều hành như vậy, trong hơn 3 năm vừa rồi, Quỳnh-lưu đã xây dựng nhanh, gọn và dứt điểm hàng loạt những cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống trên địa bàn huyện: hoàn chỉnh thủy nông trên địa bàn 5.000 héc ta ruộng cấy lúa (trong đó mở rộng thêm 400 héc-ta ruộng làm 2 vụ lúa một năm). Đồng ruộng được cải tạo một bước, không còn « bờ cong ruộng méo », tạo điều kiện từng bước đưa cơ giới vào thuận tiện. Dùng sức cả huyện để lấn biển thì chỉ sau gần nửa năm đã xây dựng được 470 héc-ta ruộng muối, trong đó có 220 héc-ta đưa vào sản xuất, nâng diện tích ruộng muối xưa nay từ 270 héc-ta lên 490 héc-ta và đưa sản lượng muối từ 2,2 vạn tấn lên 4,5 vạn tấn/năm. Khai hoang thêm 2.200 héc-ta đất nửa đồi núi và trồng thêm 1.000 héc-ta thông trên đồi trọc. Xây dựng hệ thống lò vôi, gạch, ngói của các hợp tác xã và của quốc doanh huyện. Xây dựng hệ thống trường học bằng gạch ngói từ cấp I đến cấp III có đủ chỗ cho 5,5 vạn con em trong huyện học tập. Xây dựng khu bệnh viện huyện, bệnh viện đa khoa ở vùng kinh tế mới và các trạm xá xã, nghĩa trang liệt sĩ huyện, trường Đảng huyện, nhà văn hóa huyện, v.v... Toàn bộ các công trình xây dựng trên địa bàn huyện trong

Digitized by Google

hơn 3 năm qua trị giá trên 8.797.000 đồng (sau khi kiểm tra và nghiệm thu, Nhà nước trợ cấp cho 6.670.500 đồng) và dùng hết trên 6.822.000 ngày công. Các cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống do hợp tác xã tự xây dựng ở cơ sở trị giá khoảng 9 triệu đồng (trong đó Nhà nước trợ cấp cho 660 nghìn đồng). Tính về giá trị, có 63% tổng giá trị các công trình phục vụ cho sản xuất và 37% phục vụ đời sống. Tính về công lao động, có 73% số công làm các công trình phục vụ sản xuất và 27% số công làm các công trình phục vụ đời sống. Mỗi năm, mỗi người lao động (trong độ tuổi lao động) ở Quỳnh-lưu bình quân đã đóng góp 108 ngày công để xây dựng các công trình phục vụ sản xuất và đời sống. Trong đó, có 27 ngày công làm nghĩa vụ cho Nhà nước, 36 ngày công xây dựng trên địa bàn huyện và 45 ngày công lao động xây dựng trong hợp tác xã. Như vậy, ở đây người ta đã dùng khoảng 1 phần 3 số ngày công lao động hàng năm của xã viên để xây dựng các công trình phục vụ sản xuất và đời sống.

Những cơ sở vật chất — kỹ thuật đó đã góp phần đáng kể vào việc phát triển sản xuất, đưa tổng giá trị sản lượng hàng năm của Quỳnh-lưu từ 22,3 triệu đồng (năm 1965) tăng lên 43 triệu đồng (năm 1976). Thu nhập bình quân đầu người trong huyện từ kinh tế tập thể mỗi tháng được 13 đồng (nếu tính cả kinh tế phụ gia đình có thể tới 20 đồng). Đời sống vật chất của người dân Quỳnh-lưu bây giờ có được cải thiện hơn trước. Nhưng Quỳnh-lưu lại xây dựng được nhiều công trình văn hóa và phúc lợi công cộng như: bệnh viện, trường học, nhà trẻ, nhà hát, hồ bơi, v.v... trên địa bàn huyện và trong từng hợp tác xã, bảo đảm việc chữa bệnh cho nhân dân, học hành cho con em, chăm sóc trẻ nhỏ và mọi người được hưởng đời sống tinh thần và văn hóa khá hơn trong điều kiện kinh tế phát triển chưa cao. Điều đó nêu một bài học tốt về tổ chức đời sống toàn diện cho nhân dân ngay trong điều kiện lực lượng sản xuất còn thấp.

Dùng sức của cả huyện, điều hành lao động trên quy mô lớn, không những là một phương pháp tốt để xây dựng nhanh chóng các cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống mà đó cũng là một trong những phương pháp chỉ đạo có hiệu lực để đưa nhanh hợp tác xã kém vươn lên thành khá, thúc đẩy phong trào hợp tác hóa và lao động sản xuất trong huyện tiến lên đồng đều.

Kinh nghiệm Quỳnh-lưu cho thấy: trong nhiều trường hợp, hợp tác xã kém thường có cơ sở vật chất — kỹ thuật quá yếu kém, từ đó nảy sinh hàng loạt các mặt yếu kém khác. Nếu giải quyết tình trạng yếu kém về cơ sở vật chất bằng con đường bỏ mặc cho những hợp tác xã yếu kém tự làm lấy mọi việc như lâu nay, thì các hợp tác xã đó khó có thể phấn đấu nhanh chóng vươn lên đuổi kịp các hợp tác xã khá. Nhưng đem lực lượng của các hợp tác xã trong huyện đến giúp, như đối với hợp tác xã Quỳnh-thanh yếu kém về nhiều mặt, chỉ vài tháng đã có thể giải quyết các vấn đề cải tạo đồng ruộng, xây dựng đường sá, làm mương máng tưới tiêu, đặt máy bơm, xây dựng trường học, nhà kho, trạm xá, v.v... Liền sau đó, Quỳnh-thanh đã thoát ra khỏi tình trạng khó khăn về sản xuất để vươn lên có thu nhập khá, đời sống được cải thiện cả về vật chất và tinh thần, làm nghĩa vụ tốt đối với Nhà nước. Việc xây dựng cánh đồng muối Quỳnh phương cũng tương tự như vậy. Nếu cứ làm theo kiểu «cấp phát» như xưa và do hợp tác xã tự lo liệu lấy, chưa biết phải bao nhiêu năm mới xây dựng xong mấy trăm héc-ta ruộng muối. Tập trung lực lượng của toàn huyện gồm gần 2 vạn người, làm trên 3 triệu ngày công, tiêu dùng hàng

Digitized by Google

nghìn tấn vôi, trên 1 triệu viên sỏ, trên 16 vạn mét khối cát, hàng chục vạn cây nứa và hàng nghìn bương tre..., trong thời gian chưa đầy nửa năm đã xây dựng mới cho Quỳnh-phương 200 héc-ta ruộng muối đưa vào sản xuất, giúp cho trên 2.000 người lao động của hợp tác xã có việc làm (không còn chạy chợ như trước nữa), sản lượng muối của hợp tác xã tăng lên gấp bội.

Cách làm đó của Quỳnh-lưu có tác dụng giúp cho bản thân các hợp tác xã lâu nay yếu kém tăng thêm lực lượng vật chất để vươn lên theo kịp các hợp tác xã khá, đưa phong trào hợp tác hóa và lao động sản xuất của toàn huyện tiến lên đồng đều.

III — SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA HẠT NHÂN LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO QUỲNH-LƯU VÀ VAI TRÒ LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA QUẦN CHÚNG

Sau khi chiến tranh kết thúc, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đảng bộ Quỳnh-lưu đã bám sát tinh thần các nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ và của tỉnh ủy Nghệ-tĩnh, nhất là các nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 và 24 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa III, chỉ thị 208 của Ban bí thư trung ương Đảng và nghị quyết 61 của Hội đồng chính phủ, lãnh đạo nhân dân trong huyện đem chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu chống Mỹ, cứu nước chuyển vào lao động sản xuất trong hòa bình, nhằm nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và phát triển sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Hành động cách mạng đó của đảng bộ Quỳnh-lưu đã thu được kết quả, tuy mới là bước đầu, nhưng đã làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt sản xuất và đời sống của Quỳnh-lưu. Mới trong vòng vài ba năm gần đây, Quỳnh-lưu đã làm được những việc tưởng chừng không làm nổi.

Quỳnh-lưu làm được như vậy là do đảng bộ ở đây có cách nhìn đúng, biết phân tích và giải quyết vấn đề, tiếp thụ nghiêm túc và có tinh thần đấu tranh thực hiện sáng tạo các chủ trương của cấp trên, chịu khó học hỏi và áp dụng sát đúng vào hoàn cảnh địa phương những kinh nghiệm hay của các nơi. Cán bộ và đảng viên ở đây dám nghĩ, dám làm và làm lớn, dám chịu trách nhiệm trước quần chúng và lãnh đạo quần chúng ra hành động. Vì vậy, Quỳnh-lưu mới có phong trào cách mạng của quần chúng, mới nhanh chóng làm thay đổi được bộ mặt kinh tế và đời sống của mình. Nếu đảng bộ Quỳnh-lưu không hiểu biết gì về tài nguyên, đất đai, khí hậu, con người quê hương mình, và nếu không có phong cách lãnh đạo mới và nếp suy nghĩ mới như bây giờ, chắc chắn không dám làm mạnh, làm lớn và càng không dám lãnh đạo quần chúng ra hành động. Ngay những ngày chiến tranh vừa kết thúc, các cấp ủy Đảng (từ huyện đến xã) ở Quỳnh-lưu đã đi khảo sát suốt 13 ngày liền khắp các nơi trong huyện, tìm hiểu kỹ hơn về đất đai và tiềm năng kinh tế của địa phương. Qua đó, bàn biện pháp và phương hướng làm ăn cho từng vùng, tổ chức và lãnh đạo phong trào quần chúng « xuất quân ra biển » nhằm phát triển muối, cá, « tiến quân lên rừng » nhằm khai thác kinh tế đồi núi, và « nổi sóng thâm canh ở đồng bằng » nhằm đạt năng suất cây trồng cao.

Các cấp ủy Đảng ở Quỳnh-lưu có quyết tâm và nhất trí cao, vận dụng tương đối đúng đắn mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ. Trong chỉ đạo tổ chức thực hiện, biết nắm thời cơ, biết chọn khâu, chọn điểm và hành

Digitized by Google

động đúng lúc. Hình thức bố trí lực lượng lao động sản xuất cũng rất linh hoạt tùy tình hình cụ thể từng việc, từng nơi, từng lúc. Có công trình thì tổ chức và điều hành theo kiểu chiến dịch, lao động quân sự hóa như xây dựng đồng muối. Có công trình thì giao hẳn cho thanh niên đảm nhiệm như trồng cây gây rừng. Có loại công trình đòi hỏi kỹ thuật chuyên môn, như nghĩa trang liệt sĩ, thì giao cho đội kỹ thuật xây dựng của các hợp tác xã đảm nhiệm. Có công trình tập trung lớn nhưng có thể thi công theo đơn vị lẻ (như khu bệnh viện huyện) thì giao cho mỗi hợp tác xã xây cất và chịu trách nhiệm toàn bộ một hạng mục công trình. Có công trình (như nhà hát nhân dân) thì dùng hình thức lao động xã hội chủ nghĩa là chủ yếu để xây dựng... Nhờ cách tổ chức chỉ đạo thực hiện như vậy, cho nên Quỳnh-lưu xây dựng công trình nào cũng nhanh, gọn và làm dứt điểm từng việc, làm đúng kế hoạch, đưa vào sử dụng nhanh, đem lại lợi ích thiết thực, quần chúng phấn khởi và tin tưởng, qua đó phát động phong trào hành động cách mạng của quần chúng sôi nổi và liên tục.

Phong trào lao động, sản xuất và xây dựng ở Quỳnh-lưu còn cho thấy vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động được thể hiện rõ nét và có tác dụng to lớn. Ở Quỳnh-lưu, mọi chủ trương và việc làm nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và xây dựng nông thôn mới, đảng bộ đều nói rõ cho *dân hiểu* để *dân làm*. Ngay những lúc gặp đói kém lớn, đảng bộ chủ trương « vì đói nên càng phải lao động sản xuất nhiều hơn, không làm gì chỉ ngồi kêu đói sẽ còn đói mãi ». Khi mọi người đều hiểu như vậy, thì họ tự nguyện đi làm, không chỉ làm cho hợp tác xã nhà, mà còn làm giúp các hợp tác xã bạn, làm cho huyện và cho cả tỉnh nữa. Mấy năm gần đây, năm nào Quỳnh-lưu cũng huy động được nhiều người đi xây dựng các công trình chung của huyện, và nói chung những người được huy động đều vui vẻ và hăng hái đi làm, làm có trách nhiệm, có kỷ luật và đạt năng suất cao. Điều đó chứng minh rằng người dân Quỳnh-lưu đã có ý thức làm chủ tập thể rõ rệt. Nhờ vậy, khi Nhà nước giúp đỡ cho huyện *một*, Quỳnh-lưu có thể huy động thêm vốn liếng, vật tư của nhân dân làm ra gấp *ba*, thể hiện tốt phương châm kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là bí quyết để Quỳnh-lưu làm nhanh, làm gọn, làm dứt điểm không chỉ một mà hàng loạt những công trình xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, đưa nhanh vào phục vụ sản xuất và đời sống, qua đó tạo ra bước tiến nhanh về nhiều mặt.

IV — NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM LÀM GIẢM HIỆU QUẢ CỦA PHONG TRÀO QUỲNH-LƯU

Mấy năm gần đây, Quỳnh-lưu có một số mặt phát triển khá. Tuy nhiên, về *phương hướng sản xuất*, Quỳnh-lưu cần xem xét lại. Theo chúng tôi, tình hình phát triển kinh tế của Quỳnh-lưu trong mấy năm qua *chưa thể hiện đậm nét nhiệm vụ hàng đầu là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết tốt vấn đề lương thực và thực phẩm*, tạo điều kiện thuận lợi cho Quỳnh-lưu xây dựng thành một huyện kinh tế nông—lâm—ngư—công nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Giá trị tổng sản lượng của Quỳnh-lưu năm 1976 tăng gần gấp đôi năm 1965 (43 triệu đồng/22,3 triệu đồng). Nhưng xét về mặt các sản phẩm chủ

Digitized by Google

yếu hàng năm của Quỳnh-lưu, thì thấy chỉ có muối là tăng gấp đôi và vật liệu xây dựng là tăng nhiều nhất. Sản phẩm cá biển hầu như không tăng (năm 1965 đạt 5.010 tấn, năm 1976 cũng chỉ 5.199 tấn). Sản phẩm nông nghiệp, trong đó chủ yếu là lương thực, lại phát triển quá chậm chạp. Sản lượng lương thực (quy ra thóc) năm 1965 đạt 48.071 tấn; năm 1976 cũng chỉ đạt 49.827 tấn. Như vậy là hầu như giảm chân tại chỗ. Trong khi đó, mức tăng số dân bình quân hàng năm 3,5%. Vì vậy, mức lương thực bình quân đầu người ở Quỳnh-lưu ngày càng giảm sút nghiêm trọng. Năm 1965 bình quân đầu người đạt 309kg, từ năm 1972 đến 1975 tụt xuống khoảng 290kg, đến năm 1976 chỉ còn 285kg. Mức lương thực bình quân đầu người thấp như vậy, rõ ràng không đủ để Quỳnh-lưu tự túc tiêu dùng (bao gồm tiêu dùng cá nhân — tức là lương thực cho người, và tiêu dùng sản xuất — chủ yếu là thức ăn cho chăn nuôi gia súc và gia cầm). Điều này cắt nghĩa vì sao phong trào lao động sản xuất ở Quỳnh-lưu phát triển mạnh, sôi nổi và liên tục, nhưng đời sống vật chất của nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn, có lúc còn bị thiếu đói.

Trong vấn đề sản xuất lương thực, ở đây có khuyết điểm lớn về *màu*. Tổng sản lượng màu (quy ra thóc) ở Quỳnh-lưu năm 1976 cũng chỉ đạt 12.068 tấn, không bằng mức 12.878 tấn của năm 1965. Nghĩa là 12 năm qua, màu của Quỳnh-lưu không tăng mà còn có xu hướng giảm sút. Phải chăng ở đây không có điều kiện phát triển màu? Chính Quỳnh-lưu lại là một trong những huyện có nhiều điều kiện về diện tích và có ưu thế phát triển màu hơn các thứ cây khác. Hoàng-mai là một vùng trồng màu lớn. Vùng đất cát ven biển chiếm 13,5% diện tích trong huyện cũng thuận tiện cho phát triển màu chuyên canh và màu tăng vụ. Trong số 5.000 héc-ta đất làm 2 vụ lúa có thủy lợi chủ động cũng có thể khai thác một phần không nhỏ để làm thêm một vụ màu mùa đông. Mấy năm qua, Quỳnh-lưu lại vừa khai hoang thêm được hàng nghìn héc-ta đất trên vùng trung du cũng có thể trồng màu được khá nhiều. Quỳnh-lưu còn có khoảng 5.000 héc-ta đất vùng nửa đồi núi (tương đương với diện tích vùng lúa tập trung hiện nay của huyện) có thể khai phá trồng màu. Giá như kinh nghiệm truyền thống về điều hành lao động sản xuất trong từng hợp tác xã và trên địa bàn huyện của Quỳnh-lưu cũng được đem dùng để "tấn công" cả lên những đất đai có khả năng trồng màu rộng lớn đó, chắc chắn Quỳnh-lưu đã thoát khỏi tình trạng kém cỏi về màu, đưa tỷ trọng màu không phải chỉ lên 20 hay 30% mà có thể lên trên dưới 50% tổng sản lượng lương thực, và đưa sản lượng màu (quy ra thóc) lên hàng vạn tấn, do đó mà giải quyết vững chắc vấn đề lương thực. Tình trạng màu phát triển kém chẳng những đã gây khó khăn về lương thực cho người, mà còn kìm hãm sự phát triển chăn nuôi lợn và gia cầm, gây khó khăn lớn về sản xuất thực phẩm gốc động vật và làm mất cân đối nghiêm trọng giữa chăn nuôi và trồng trọt. Sự mất cân đối nghiêm trọng giữa chăn nuôi và trồng trọt ở Quỳnh-lưu hiện nay, nếu không được nhanh chóng khắc phục, sẽ là một đe dọa lớn cho việc thâm canh tăng năng suất cây trồng, nhất là khi đồng ruộng làm đất bằng cơ giới thì nó càng đòi hỏi nhiều phân chuồng.

Quỳnh-lưu có kinh nghiệm xây dựng nhanh, gọn, dứt điểm các cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống. Làm được như vậy, đương nhiên có mặt tốt của nó. Song cũng có một số trường hợp chất lượng công trình chưa tốt. Điều đó càng nhắc nhở chúng ta phải kết hợp tinh thần cách mạng với tinh khoa

Digitized by Google

học, nhiệt tình hăng hái xây dựng đất nước phải đi đôi với tính toán hiệu quả kinh tế và những hiểu biết về khoa học kỹ thuật.

Cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất ở Quỳnh-lưu xây dựng được nhiều, nhưng chưa tương xứng với yêu cầu và khả năng khai thác đất đai của huyện. Quỳnh-lưu có bỏ nhiều công sức làm thủy lợi. Nhưng đến nay, ở đây cũng chỉ mới bảo đảm gần 60% diện tích trồng trọt có nước tưới. Các cơ sở vật chất — kỹ thuật về phân bón và giống cây con ở Quỳnh-lưu còn quá yếu. Cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ khai thác đất vùng nửa đồi núi vừa kém vừa ít. Việc sử dụng đất đai khai phá ở vùng trung du chưa tốt.

Công tác quản lý kinh tế ở các hợp tác xã và trên địa bàn huyện đã tỏ ra không theo kịp sự phát triển của sản xuất. Công tác kế hoạch hóa, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế ở đây đều yếu. Việc sử dụng máy móc, vật tư, thiết bị trong xây dựng và sản xuất còn lãng phí nhiều. Hiệu quả đồng vốn và năng suất lao động xã hội do đó còn thấp.

Quỳnh-lưu có kinh nghiệm khá về mặt phát động và giáo dục chính trị tư tưởng cho quần chúng xông ra mặt trận lao động sản xuất. Nhưng cũng có lúc, có nơi chưa thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động (nguyên tắc phân phối cơ bản của chủ nghĩa xã hội) bảo đảm công bằng, hợp lý, khuyến khích người lao động giỏi và lao động có năng suất cao. Việc áp dụng biện pháp kinh tế và hành chính trong công tác quản lý còn yếu.

Đảng bộ Quỳnh-lưu, mấy năm qua, đã có bước trưởng thành lớn. Một số đảng bộ xã và chi bộ trước đây yếu kém, nay đã chuyển biến rõ rệt. Đội ngũ cán bộ, đảng viên ở đây (từ huyện đến cơ sở hợp tác xã) nói chung được rèn luyện và trưởng thành trong phong trào lao động, sản xuất và xây dựng của quần chúng. Tuy nhiên, trình độ văn hóa, chính trị, nghiệp vụ kỹ thuật của cán bộ, đảng viên ở đây hãy còn thấp so với yêu cầu tổ chức lại sản xuất trên quy mô lớn và xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — lâm — ngư — công nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Số cán bộ và đảng viên trung bình và yếu kém vẫn còn chiếm tỷ lệ không nhỏ. Việc tổ chức lại các chi bộ và bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ đảng viên cho phù hợp với quá trình tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đang còn nhiều lúng túng. Các tổ chức Nhà nước ở cấp huyện chưa được kiện toàn và tăng cường để đảm nhiệm chức năng quản lý của Nhà nước trên địa bàn huyện. Vai trò của các đoàn thể quần chúng chưa được phát huy đúng mức. Vì những lẽ đó, sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng (nhất là của huyện ủy) có phần bao biện, và chưa phải trong mọi trường hợp đều đã đạt được mức độ quần chúng hoàn toàn tự nguyện, vui lòng, do đó mà hạn chế việc phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

Các đồng chí Quỳnh-lưu là người thấm thía hơn ai hết về những khuyết điểm làm giảm hiệu quả của phong trào lao động, sản xuất và xây dựng của địa phương. Chắc chắn tới đây, các đồng chí Quỳnh-lưu sẽ có nhiều biện pháp kiên quyết và cách mạng, khắc phục có kết quả những khuyết điểm đó, làm cho phong trào Quỳnh-lưu phát triển nhanh, và chắc hơn nữa, để trở thành huyện mẫu của tỉnh Nghệ — Tĩnh và cống hiến cho các nơi khác những kinh nghiệm quý về tổ chức lại sản xuất trên quy mô lớn, có định hình sớm về sự kết hợp nông — lâm — ngư nghiệp với công nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

TRẦN-HỖ

NỀN kinh tế nước ta đang trong quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong khoảng hai mươi năm tới, vấn đề có tính chất quyết định để hình thành nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta là trang bị kỹ thuật, thực hiện cơ khí hóa toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Để thực hiện được điều đó, chúng ta đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công — nông nghiệp.

Chúng ta cần xây dựng một hệ thống công nghiệp nặng làm nền tảng cho nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp nặng bao gồm nhiều ngành trong đó công nghiệp cơ khí giữ vai trò then chốt, bởi vì công nghiệp cơ khí chế tạo công cụ sản xuất là cái có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xây dựng và phát triển kinh tế. Mác đã chỉ rõ: « Chỗ khác nhau giữa một thời đại kinh tế này với một thời đại kinh tế khác là phương pháp chế tạo, những tư liệu lao động dùng để chế tạo hơn là cái mà người ta chế tạo ra » (1). Công nghiệp cơ khí là then chốt trong hệ thống công nghiệp, có tác dụng trang bị kỹ thuật mới cho nền kinh tế quốc dân nước ta hiện nay cũng như lâu dài về sau này. Chính « máy móc, điểm xuất phát của cuộc cách mạng công nghiệp, thay người lao động dùng tay sử dụng một công cụ, bằng một cái máy làm việc cùng một lúc bằng nhiều dụng cụ giống nhau và do một động lực duy nhất làm cho chạy » (2). Đại công nghiệp cơ khí có thể nói là xương sống của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa. Do vậy, Lê-nin đã nói: « Cơ sở kinh tế duy nhất có thể có được của chủ nghĩa xã hội là đại công nghiệp cơ khí. Ai quên điều ấy, người đó không phải là người cộng sản » (3).

(1) C. Mác: *Tư bản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển I, tập I, trang 250.

(2) C. Mác: Sách đã dẫn, tập II, trang 89.

(3) V. Lê-nin: *Bàn về công nghiệp nặng và điện khí hóa cả nước*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, trang 219.

Digitized by Google

Công nghiệp cơ khí chế tạo các máy công cụ và những máy móc dùng cho mọi ngành của nền kinh tế quốc dân, tất cả các loại thiết bị lẻ và thiết bị toàn bộ, động lực và các máy móc điều khiển, máy điều tra chất lượng sản phẩm, các dụng cụ và dụng cụ gá lắp dùng cho ngành cơ khí, các ngành sản xuất vật chất khác và các ngành phục vụ đời sống vật chất và văn hóa. Ngày nay, công nghiệp cơ khí đã xâm nhập vào khắp các ngành sản xuất; từ những cái đinh vít, cho đến những mũi khoan khoan sâu vào lòng đất, những máy búa nặng hàng vạn tấn, từ những máy công cụ thông thường đến những máy móc dùng trong y tế, văn hóa, từ những phương tiện sử dụng trên mặt đất, đến những thiết bị dùng trong không gian vũ trụ... đều cần đến công nghiệp cơ khí. Rõ ràng, « chỉ có trong nền công nghiệp cơ khí thì con người mới lợi dụng được một cách đại quy mô những sản phẩm của lao động đã qua của mình, như lợi dụng những lực lượng tự nhiên, nghĩa là không phải trả tiền » (4). Công nghiệp cơ khí là « chiếc đũa thần » làm tăng thêm sự giàu có của đất nước, cho nên chúng ta không để lãng phí hoặc hư hỏng mà phải biết sử dụng và quản lý tốt máy móc.

Công nghiệp cơ khí là cơ sở để trang bị máy móc thiết bị kỹ thuật cho các ngành, cơ khí hóa nền kinh tế quốc dân, thúc đẩy tăng năng suất lao động xã hội và hiện đại hóa quốc phòng. Công nghiệp cơ khí còn là điều kiện vật chất để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xây dựng con người mới trong lao động sản xuất. Các hoạt động của máy móc, xét về mặt khách quan, thúc đẩy những người lao động có phong cách làm việc theo kiểu đại công nghiệp, tạo điều kiện xóa bỏ những tập quán cũ làm ăn tùy tiện theo kiểu sản xuất nhỏ, xây dựng tính tổ chức, tính kỷ luật trong lao động. Máy móc còn tạo điều kiện thúc đẩy sự hiệp tác trong lao động như một tất yếu kỹ thuật do chính tính chất của tư liệu lao động quy định. Việc xây dựng phong cách mới trong lao động sản xuất là cả một quá trình lâu dài và gian khổ. « Cái khó khăn chủ yếu... không phải là ở chỗ chế ra một bộ máy tự động... cái khó chính là ở chỗ giáo dục cho người ta có kỷ luật đầy đủ để bỏ được những thói quen vô quy tắc trong lao động và làm cho những thói quen đó đồng nhất với sự đều đặn không thay đổi được của máy tự động lớn » (5).

Công nghiệp cơ khí có vai trò quan trọng như vậy, cho nên Đảng ta đã nêu rõ: « Với vị trí then chốt trong hệ thống công nghiệp, **cơ khí** phải trở thành mối quan tâm hàng đầu trong toàn bộ kế hoạch phát triển kinh tế » (6). Ngành cơ khí phải được nhanh chóng xây dựng lớn mạnh để đủ sức cải tạo kỹ thuật và phát triển kỹ thuật trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân ở nước ta.

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, ngành cơ khí đã đạt được những thành tựu nhất định. Một mạng lưới cơ khí bao gồm cơ khí chung, cơ khí ngành và cơ khí địa phương đã hình thành. Các cơ sở sản xuất cơ khí đã phục vụ các ngành kinh tế phát triển. Trong chiến tranh ác liệt, chúng ta đã quyết tâm khắc phục khó khăn để bảo toàn lực lượng cơ khí, giữ vững sản xuất; sau chiến tranh, chúng ta đã nhanh chóng khôi phục và phát triển cơ khí, có một số tiến bộ về xây lắp, đưa được một số công trình mới vào sản xuất.

Hiện nay, chúng ta có nhiều mặt hàng mới, một số sản phẩm có giá trị

(4) C. Mác: *Tư bản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển I, tập II, trang 105.

(5) C. Mác: Sách đã dẫn, trang 152.

(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 68.

Digitized by Google

kinh tế cao, giá trị sản lượng cơ khí đạt và vượt mức trước chiến tranh. Chúng ta đã kết hợp khôi phục với cải tạo và mở rộng cơ sở cũ theo hướng phát triển kinh tế, đồng thời xây dựng các xí nghiệp mới để hình thành các cụm cơ khí, tạo điều kiện thực hiện chuyên môn hóa và hợp tác hóa giữa các xí nghiệp. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã tiếp thu và quản lý tốt các cơ sở cơ khí, bảo đảm duy trì được sản xuất, đồng thời tích cực tranh thủ thời cơ tạo điều kiện phát triển sản xuất. Sự phân bố sản xuất giữa các xí nghiệp cơ khí trong cả nước đã đem lại kết quả bước đầu trong việc sản xuất và lắp ráp máy kéo và máy công tác theo sau máy kéo, trong việc khôi phục đường sắt thống nhất, v.v... Chúng ta quy hoạch việc phát triển cơ khí, đề ra nội dung phát triển trong từng giai đoạn, đồng thời từng bước xây dựng đội ngũ công nhân và cán bộ cho ngành cơ khí.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng cơ khí, chúng ta đã bộc lộ những nhược điểm và thiếu sót. Cơ sở vật chất kỹ thuật của công nghiệp cơ khí còn quá yếu, thiết bị và phụ tùng thiếu, vật tư và năng lượng chưa bảo đảm đủ cho sản xuất, cơ cấu của ngành không đồng bộ, do đó trình độ cơ khí hóa của nền kinh tế quốc dân còn thấp. Lao động cơ khí còn quá ít, một bộ phận máy móc không được sử dụng, mà « máy không dùng vào lao động là cái máy vô ích » (7), hiệu quả của cơ khí hóa còn thấp. Dây chuyền sản xuất thiếu đồng bộ, cơ cấu của xí nghiệp không hoàn chỉnh, thiếu thiết bị chuyên dùng, năng lực sửa chữa còn yếu. Việc đầu tư vốn và xây dựng cơ bản của ngành cơ khí còn chậm, công nhân lành nghề thiếu, chất lượng sản phẩm thấp.

Để thực hiện nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải ra sức xây dựng hệ thống công nghiệp nặng, đặc biệt là **cơ khí** để làm nền tảng cho nền kinh tế quốc dân. Xây dựng và phát triển cơ khí là nhiệm vụ chiến lược hiện nay và phải trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu trong toàn bộ kế hoạch phát triển nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp cơ khí phải được xây dựng và phát triển nhanh chóng để phát huy vai trò chủ đạo của công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, tạo điều kiện và khả năng đáp ứng yêu cầu trang bị kỹ thuật ngày càng cao cho nền kinh tế quốc dân trong kế hoạch hiện nay cũng như sau này.

Việc trang bị cơ khí cho các ngành kinh tế quốc dân trực tiếp thúc đẩy nâng cao năng suất lao động của 22 triệu lao động nước ta, biến lao động thủ công (hiện nay chiếm khoảng 80% tổng số lao động) trở thành lao động cơ khí. Phát triển mạnh cơ khí là một trong những nhiệm vụ trọng yếu trong kế hoạch 5 năm này cũng như các kế hoạch sau. Vai trò của công nghiệp cơ khí đã được đồng chí Lê-Duẩn đặc biệt nhấn mạnh ở Hội nghị lần thứ 25 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa III). Đồng chí đã ví lao động cơ khí và lao động thủ công với người đi xe lửa hoặc ô-tô và người đi bộ; đi bộ chỉ được 4 — 5km một giờ, còn đi xe lửa hoặc ô-tô được 40 — 50km một giờ, nhanh gấp 10 lần. Hiện nay, 22 triệu lao động ở nước ta nuôi 50 triệu dân, nếu trong vòng 20 năm nữa 30 triệu lao động trở thành lao động cơ khí thì năng suất lao động của họ sẽ bằng năng suất của 300 triệu lao động thủ công hiện nay và lúc đó chỉ phải nuôi sống khoảng 70 triệu dân, cho nên đời sống nhân dân lúc đó sẽ khác hẳn so với hiện nay.

Trước hết, đối với **nông nghiệp**, chúng ta cần ra sức đẩy mạnh cơ

(7) C. Mác: *Tư bản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển I, tập I, trang 254.

Digitized by Google

khí hóa các khâu sản xuất, nhất là khâu làm đất, đó là biện pháp rất quan trọng để thực hiện thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất lao động, tăng sản lượng, đồng thời thúc đẩy quá trình đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nông nghiệp sản xuất lương thực và thực phẩm cho toàn xã hội. Việc tăng năng suất lao động trong nông nghiệp tác động trực tiếp đến đời sống của nhân dân, tạo điều kiện rút bớt lao động nông nghiệp sang làm công nghiệp và các ngành, nghề khác, do đó có ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cho nên, có đẩy mạnh được **cơ khí hóa nông nghiệp** thì mới tạo điều kiện đẩy mạnh được công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong kế hoạch 5 năm này, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập trung cao độ sức của cả nước, của các ngành, các cấp, tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp. Để phục vụ nông nghiệp phát triển, chúng ta đẩy mạnh tốc độ cơ giới hóa nông nghiệp. Chú trọng cơ giới hóa trước các khâu làm đất, làm thủy lợi, khai hoang, vận chuyển, thu hoạch, phơi, sấy, chế biến, nhất là tập trung giải quyết vấn đề sức kéo.

Chúng ta cần làm thử việc cơ khí hóa đồng bộ ở một số huyện vùng đồng bằng Bắc-bộ để rút kinh nghiệm, dần dần mở rộng ra các huyện khác trong cả nước. Việc cơ khí hóa đồng bộ đòi hỏi phải hoàn chỉnh thủy lợi, cải tạo và xây dựng đồng ruộng, quy hoạch các điểm dân cư, quy hoạch đường giao thông ở nông thôn. Trước mắt, hiệu quả của cơ khí hóa còn hạn chế, tuy nhiên chúng ta cần phải đứng trên lợi ích to lớn, lâu dài, toàn cục của nền kinh tế quốc dân mà thực hiện cơ khí hóa nông nghiệp kết hợp với phân bố lại lao động. Thông qua việc tiến hành cơ khí hóa nông nghiệp mà thực hiện kết hợp công nghiệp và nông nghiệp ngay từ đầu, xây dựng ngay từng bước cơ cấu công – nông nghiệp. Làm tốt việc cơ khí hóa nông nghiệp còn góp phần củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và tạo điều kiện để nông nghiệp làm tốt vai trò cơ sở cho công nghiệp phát triển.

Ngành cơ khí cần cung cấp cho nông nghiệp đủ công cụ thường và công cụ cải tiến với chất lượng tốt, cung cấp những máy kéo, máy công tác đi theo máy kéo, máy bơm, máy gặt đập và các loại máy nông nghiệp khác và bảo đảm phần lớn nhu cầu về các loại phụ tùng, về sửa chữa. Trong những năm tới, ngành cơ khí cần phấn đấu để sớm có năng lực chế tạo được máy móc, thiết bị làm đất, tuốt lúa, đập lúa trên sân, vận chuyển, chế biến và bảo quản nông sản; cần trang bị máy móc và công cụ để phục vụ việc tưới tiêu hợp lý và nạo vét kênh mương. Trước mắt, cần đẩy mạnh sản xuất các máy móc loại nhỏ, đặc biệt chú trọng sản xuất phụ tùng cho các loại máy móc và tổ chức tốt mạng lưới sửa chữa cho đến tận trạm cơ khí huyện.

Đối với **lâm nghiệp**, công nghiệp cơ khí cần cung cấp kịp thời những máy móc và công cụ trồng rừng, máy móc làm thêm đường lâm nghiệp, thiết bị khai thác gỗ, vận chuyển gỗ, chế biến, sấy, tẩm gỗ v.v... Lâm nghiệp phát triển nhanh chóng cũng tạo điều kiện vật chất cho sự phát triển của các ngành công nghiệp.

Đối với **ngư nghiệp**, công nghiệp cơ khí cần trang bị phương tiện máy móc cho việc đánh bắt, chế biến thủy sản. Cần đẩy mạnh sản xuất và cung cấp phụ tùng cho hàng vạn động cơ tàu cá nhỏ ở miền Nam, tăng nhanh khả năng sản xuất động cơ đi-ê-den nhỏ và đóng tàu cá nhỏ để trang bị rộng rãi cho các hợp tác xã nghề cá ở miền Bắc, đồng thời tích cực đóng tàu cỡ lớn. Cần cung cấp máy móc, thiết bị để xây dựng các cảng cá, bến cá, các kho lạnh, xây dựng cơ sở

Digitized by Google

đóng và sửa chữa tàu thuyền đánh bắt cá, trang bị đồng bộ các khâu hậu cần và chế biến để phát huy năng lực sản xuất, cung cấp phương tiện thiết bị thăm dò nguồn cá, tăng cường hệ thống thông tin liên lạc để chỉ huy nghề đánh cá; trang bị những tàu cỡ vừa và cỡ lớn để làm trạm nổi thu mua cá ngoài khơi. Được như vậy, ngư nghiệp có điều kiện tăng nhanh nguồn thực phẩm giàu chất đạm cho nhân dân, nguồn thức ăn cho gia súc và nguồn hàng xuất khẩu.

Đối với **công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng**, công nghiệp cơ khí cần vươn lên cung cấp máy móc và công cụ để xây dựng hàng loạt nhà máy mới sản xuất các mặt hàng cần thiết cho đời sống nhân dân như: vải, sợi, dồ da, giấy, đồ gỗ, sành, sứ, thủy tinh, đồ dùng gia đình, văn hóa phẩm, đồ chơi trẻ em, v.v... Công nghiệp thực phẩm cần được cung cấp máy móc để phát triển các xí nghiệp chế biến nông sản và thủy sản như: lương thực, nước mắm và nước chấm, thức ăn làm sẵn, các loại dầu thực vật, bia, nước ngọt, đường, rau quả xuất khẩu, chè, thuốc lá, v.v...

Đối với **các ngành công nghiệp nặng**, công nghiệp cơ khí lại càng có vai trò rất quan trọng.

Công nghiệp **điện** cần có thiết bị động lực do ngành cơ khí sản xuất. Ở nước ta, đến năm 1980, công nghiệp điện phải đạt 5 tỷ ki-lô-oát/giờ, điều đó đòi hỏi công nghiệp cơ khí khẩn trương sản xuất nhiều thiết bị động lực và các thiết bị khác để kịp thời trang bị cho các nhà máy điện vừa và lớn.

Để bảo đảm đưa sản lượng **than** lên 10 triệu tấn năm 1980, công nghiệp cơ khí cần cung cấp thiết bị máy khoan, máy xúc, máy sàng, v.v... cho những mỏ than có công suất từ 1 đến 2 triệu tấn/năm và cho các mỏ loại vừa và nhỏ.

Ngoài ra, việc thăm dò và khai thác dầu mỏ, khí đốt cũng cần nhiều thiết bị do công nghiệp cơ khí cung cấp.

Những thiết bị lò cao, máy nghiền quặng, máy cán thép và các máy móc thiết bị khác của công nghiệp **luyện kim** phần lớn là do ngành cơ khí sản xuất.

Công nghiệp **hóa chất** cần được công nghiệp cơ khí cung cấp những máy móc thiết bị cho việc sản xuất phân, thuốc trừ sâu, săm lốp ô-tô, gia công cao-su, gia công chất dẻo, và sản xuất hóa chất công nghiệp các loại.

Ngành **xây dựng** muốn nhanh chóng nâng cao trình độ cơ khí hóa trong việc sản xuất vật liệu xây dựng cũng như trong các khâu thi công, cần có sự tác động mạnh của công nghiệp cơ khí.

Trong những năm tới, ngành **giao thông vận tải** cần được phát triển mạnh mẽ đòi hỏi công nghiệp cơ khí cung cấp máy móc và thiết bị cho việc xây dựng cầu, đường, nạo vét luồng lạch, đóng ô-tô vận tải, tàu thủy đi ven biển và trên sông, cơ giới hóa khâu bốc xếp, v.v...

★

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định vị trí then chốt của công nghiệp cơ khí trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Để góp phần thực hiện nhiệm vụ đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong khoảng 20 năm, ngành cơ khí phải được xây dựng với nhịp độ nhanh, cơ cấu hoàn chỉnh và kỹ thuật hiện đại, có đủ các ngành chế tạo thiết bị chuyên môn hóa mà nền kinh

Digitized by Google

tế quốc dân yêu cầu như: chế tạo máy công cụ, động lực, xe hơi, máy kéo, thiết bị điện, đóng tàu, các ngành cơ khí chế tạo máy nông nghiệp, chế tạo máy cho công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm, chế tạo máy cho ngành xây dựng và thiết bị khai thác mỏ, cơ khí chính xác, quang học và điện tử, cơ khí nặng, cơ khí quốc phòng...

Ngành cơ khí cần được phát triển mạnh mẽ chẳng những nhằm đáp ứng nhu cầu hiện nay về trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân mà còn nhằm chuẩn bị điều kiện xây dựng cơ sở kỹ thuật hiện đại cho các kế hoạch sau này. Ngành cơ khí phải chế tạo được các loại thiết bị lẻ và thiết bị toàn bộ có công nghệ kỹ thuật tiên tiến, giải quyết được phần quan trọng nhu cầu trang bị cho quốc phòng và nhu cầu về hàng xuất khẩu.

Trong khoảng mười năm tới, chúng ta phải tạo ra được cơ cấu ban đầu của công nghiệp cơ khí sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, hình thành một bước các ngành chế tạo thiết bị chuyên môn hóa, có khả năng giải quyết được phần quan trọng yêu cầu về thiết bị lẻ và các loại thiết bị toàn bộ với quy mô vừa và nhỏ cho nền kinh tế quốc dân. Có phấn đấu được như vậy mới đủ sức trang bị cơ khí cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Trong kế hoạch 5 năm này, cần «phát huy năng lực sẵn có và xây dựng thêm nhiều cơ sở mới về **công nghiệp nặng**, đặc biệt là **cơ khí**, nhằm phục vụ trước hết cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ, chuẩn bị cho bước trang bị kỹ thuật trong thời kỳ tiếp theo» (8). Để đến năm 1980 có thể đưa sản lượng cơ khí tăng hai lần rưỡi so với năm 1975, chúng ta cần hoàn thành sớm việc quy hoạch xây dựng và sản xuất cơ khí trong cả nước, tận dụng và phát huy tốt năng lực tiềm tàng hiện có, xác định và ổn định phương hướng sản xuất cho từng xí nghiệp để sử dụng hết công suất và khai thác tiềm lực của từng xí nghiệp. Hiện nay, vấn đề cấp bách nhất là sắp xếp lại lực lượng cơ khí trong cả nước trên cơ sở chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất giữa cơ khí của các ngành, các địa phương và các xí nghiệp, bổ sung thiết bị hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất. Một mặt, chúng ta cần cải tạo và mở rộng các xí nghiệp cơ khí hiện có, đồng bộ hóa năng lực sản xuất của từng xí nghiệp và toàn ngành để phát huy tốt năng lực hiện có. Mặt khác, tập trung sức xây dựng mới một số xí nghiệp cơ khí quan trọng có tính chất then chốt để có đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu về trang bị kỹ thuật lớn hơn của nền kinh tế quốc dân trong kế hoạch sau, tạo nên sự chuyển biến rõ rệt về năng lực sản xuất và hoàn chỉnh một bước cơ cấu của ngành cơ khí. Chúng ta cần thực hiện tốt nhiệm vụ cải tạo các xí nghiệp cơ khí tư nhân ở miền Nam, kết hợp chặt chẽ cải tạo với sắp xếp và tăng cường lực lượng cơ khí ở miền Nam. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: «**Ngành cơ khí** phải được nhanh chóng xây dựng lớn mạnh. Hoàn thành sớm việc quy hoạch xây dựng và sản xuất cơ khí trong cả nước; đẩy mạnh chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất giữa cơ khí của các ngành và các địa phương. Sắp xếp, cải tạo và mở rộng những xí nghiệp hiện có; tập trung sức xây dựng một số xí nghiệp mới quan trọng. Cung ứng đủ công cụ thường và công cụ cải tiến với chất lượng tốt; bảo đảm phần lớn nhu cầu sửa chữa máy móc, thiết bị và nhu cầu phụ tùng của các ngành kinh tế; sản xuất nhiều máy công cụ, động cơ, máy kéo, bơm, máy móc nông nghiệp; lắp ráp xe vận tải, đóng tàu vận tải

(8) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí *Học tập* số 12-1976 trang 33.

Digitized by Google

biển, tàu đánh cá, tàu hút bùn, tuốc-bin thủy điện cỡ nhỏ ; sản xuất hàng loạt thiết bị toàn bộ cỡ vừa và nhỏ cho các nhà máy gạch, ngói, xi-măng, đường, chè, xay xát gạo... ; cung ứng một phần thiết bị lạnh, thiết bị mỏ, thiết bị điện, máy móc xây dựng. Bắt đầu xây dựng công nghiệp điện tử (9).

Cùng với việc xây dựng lực lượng cơ khí chung của Bộ cơ khí và luyện kim, chúng ta cần xây dựng lực lượng cơ khí của các địa phương và các ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng. Chúng ta cần phát triển nhanh lực lượng cơ khí của Bộ cơ khí và luyện kim là lực lượng chủ lực nòng cốt của ngành cơ khí, đồng thời tăng cường một cách hợp lý lực lượng cơ khí của ngành để đủ sức sản xuất một phần thiết bị chuyên dùng và phụ tùng thay thế, sắp xếp lại cơ khí địa phương theo quy hoạch chung. Lực lượng cơ khí của các tỉnh cần được xây dựng thành hệ thống từ tỉnh, huyện đến hợp tác xã, trước hết phục vụ cho các ngành kinh tế trong tỉnh, chủ yếu là phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, chế biến nông sản, chế biến thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, v.v...

Để góp phần vào việc xây dựng 500 huyện của nước ta thành những đơn vị kinh tế nông – công nghiệp, những địa bàn tổ chức lại sản xuất, ngành cơ khí cần trang bị cho các huyện có trạm cơ khí và hệ thống cơ khí vừa làm nhiệm vụ sản xuất công cụ thường, công cụ cải tiến, vừa sửa chữa công cụ sản xuất cho các hợp tác xã nông nghiệp và các cơ sở công nghiệp nhỏ ở huyện như : các cơ sở chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc, chế biến tinh dầu, khai thác vật liệu xây dựng, sản xuất một số hàng tiêu dùng với nguyên liệu tại chỗ, sản xuất hàng xuất khẩu...

Cần có sự phân công hợp tác giữa các xí nghiệp cơ khí ở các tỉnh trong từng vùng với cơ khí của các ngành trung ương, thực hiện tốt sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ khí, nửa cơ khí và thủ công. Trên cơ sở phân công chuyên môn hóa các xí nghiệp, chúng ta đẩy mạnh hợp tác hóa giữa cơ khí chung và cơ khí ngành, cơ khí quốc phòng và cơ khí dân dụng, cơ khí trung ương và cơ khí địa phương, cơ khí quốc doanh và cơ khí hợp tác xã, cơ khí chế tạo và cơ khí sửa chữa.

Để bảo đảm cho sự phát triển mạnh mẽ của ngành cơ khí nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, chúng ta cần có những biện pháp chủ yếu sau đây :

Một là, **giải quyết tốt vấn đề cung cấp vật tư và nguyên liệu.** Để tạo điều kiện cho các xí nghiệp ổn định sản xuất, cần cải tiến việc cung cấp vật tư, phát triển luyện kim, phát huy tốt công suất của các thiết bị hiện có, phấn đấu trong một thời gian ngắn đưa các xí nghiệp lên làm đủ hai ca trong ngày.

Hai là, **tập trung sức đẩy mạnh xây dựng cơ bản** nhằm tăng nhanh năng lực sản xuất mới, tăng nhanh nhịp độ phát triển cơ khí ở cả trung ương và địa phương. Coi trọng và làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, tăng cường lực lượng xây dựng và cơ khí hóa thi công để việc xây dựng xí nghiệp được nhanh, gọn, bảo đảm chất lượng công trình và đưa vào sản xuất đúng thời hạn.

Ba là, **mở rộng việc đào tạo và bồi dưỡng công nhân kỹ thuật cơ khí** để đáp ứng được yêu cầu về số lượng, cơ cấu ngành nghề và cả về chất lượng công nhân. Trên cơ sở quy hoạch ngành cơ khí, chúng ta cần sớm quy hoạch việc đào tạo và

(9) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí *Học tập*, số 12-1976, trang 35.

Digitized by Google

bồi dưỡng công nhân kỹ thuật, đầu tư một cách thích đáng cho công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ giáo viên dạy nghề giỏi, vừa áp dụng hình thức đào tạo tập trung, vừa áp dụng hình thức đào tạo tại chức, thực hiện sự kèm cặp của công nhân giỏi đối với công nhân còn yếu về tay nghề, giữa công nhân cũ và công nhân mới.

Bốn là, **tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật trong ngành cơ khí.** Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Trong cách mạng khoa học — kỹ thuật, cần nắm vững khâu trung tâm là cơ khí hóa ; kết hợp tốt cơ khí, nửa cơ khí với thủ công ; kết hợp quy mô lớn với quy mô vừa và quy mô nhỏ, tích cực xây dựng quy mô lớn và lấy quy mô lớn làm nòng cốt » (10). Trong nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chúng ta cần hết sức chú trọng xây dựng ngành cơ khí là ngành quan trọng nhất hiện nay thành một ngành vững mạnh, ra sức nâng cao trình độ thiết kế và công nghệ chế tạo để phát huy vai trò then chốt của ngành cơ khí trong hệ thống công nghiệp. Hiện nay, chú trọng vấn đề ứng dụng, tập trung vào công tác nghiên cứu về thiết kế ; đẩy mạnh nghiên cứu về công nghệ chế tạo và gia công.

Năm là, **cải tiến tổ chức quản lý.** Chúng ta cần kiên quyết thực hiện đúng và đầy đủ nghị quyết 19 — CP của Hội đồng Chính phủ trong việc tổ chức và chỉ đạo sản xuất của ngành cơ khí để không ngừng tăng năng suất lao động, đồng thời rất coi trọng nâng cao chất lượng sản phẩm cơ khí.

★

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nắm vững phương hướng nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ hai, phấn đấu xây dựng và phát triển ngành cơ khí ngày càng lớn mạnh với cơ cấu hoàn chỉnh và kỹ thuật hiện đại, chúng ta sẽ góp phần tích cực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

(10) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí *Học tập* số 12-1976, trang 30.

Digitized by Google

SỰ NGHIỆP CHÍNH NGHĨA CỦA NHÂN DÂN PA-LE-STIN NHẤT ĐỊNH THẮNG LỢI

LÊ-TOÀN-THƯ

TRONG thời kỳ trước và sau chiến tranh thế giới thứ nhất, vùng Trung Đông chủ yếu là nơi tranh chấp giữa hai đế quốc Pháp và Anh. Đến thời kỳ trước và sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ bắt đầu cạnh tranh mạnh mẽ để giành giật ảnh hưởng ở Trung Đông, nhằm bảo đảm quyền lợi về dầu lửa cho các tập đoàn tư bản Mỹ ở đó. Cũng trong thời kỳ đó, bọn lãnh đạo phong trào phục quốc Do-thái quốc tế, một mặt vẫn dựa vào đế quốc Anh để đẩy mạnh việc di dân về Pa-le-stin, mặt khác, ra sức dựa vào đế quốc Mỹ để gây sức ép với đế quốc Anh, đẩy nhanh việc thực hiện âm mưu của chúng. Hơn nữa, trong tổng số khoảng hơn 10 triệu người Do-thái trên thế giới lúc đó, thì hơn một nửa là ở Mỹ. Bọn đại tư bản Do-thái ở Mỹ lại có khả năng về tài chính để giúp đỡ cho phong trào phục quốc Do-thái. Bọn này có ảnh hưởng mạnh mẽ trong các tập đoàn tư bản Mỹ, do đó cũng có ảnh hưởng nhất định trong giới chính trị phản động Mỹ. Vì vậy, kể từ chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ là kẻ đỡ đầu chủ yếu cho phong trào phục quốc Do-thái. Đế quốc Mỹ đã thấy rõ, nếu một Nhà nước Do-thái được thiết lập ở Pa-le-stin, thì đó là một công cụ rất tốt để gây ảnh hưởng ở Trung Đông. Do đó, đế quốc Mỹ tìm mọi cách giúp đỡ bọn phục quốc Do-thái. Đến đầu năm 1947, bọn này đã xâm chiếm được những vùng tương đối rộng trong phạm vi lãnh thổ Pa-le-stin. Thực tế, một Nhà nước I-xra-en đã thành hình bên trong Nhà nước Pa-le-stin.

Trong những điều kiện trên, đế quốc Anh đưa vấn đề Pa-le-stin ra Liên hợp quốc. Liên hợp quốc ra quyết nghị chia đất Pa-le-stin làm hai: một Nhà nước Do-thái và một Nhà nước A-rập, thành phố Giê-ru-da-lem do Liên hợp quốc quản lý. Nhưng đế quốc Mỹ đã dung túng bọn phục quốc Do-thái ngăn chặn việc thực hiện nghị quyết đó, để cho chúng sử dụng hệ thống chính quyền và quân đội của chúng, tuyên bố thành lập Nhà nước I-xra-en và lấn chiếm thêm một khu vực đất đai thuộc phạm vi mà Liên hợp quốc dành cho Nhà nước A-rập Pa-le-stin. Nhân dân A-rập Pa-le-stin và các nước A-rập khác trong Liên đoàn các nước A-rập đã chống bọn bành trướng I-xra-en. Nhưng do hoàn

Digitized by Google

cảnh lịch sử và sự hạn chế về lực lượng, bọn bành trướng I-xra-en tạm thời giành phần thắng. Chúng chiếm toàn bộ lãnh thổ Pa-le-stin, làm cho gần 1 triệu người A-rập Pa-le-stin phải rời bỏ quê hương đến sinh sống và chiến đấu tại các nước A-rập khác.

Như vậy, *việc thành lập Nhà nước I-xra-en phản động năm 1947 trên mảnh đất quê hương của dân tộc Pa-le-stin, là kết quả của một quá trình di dân xâm lược, một quá trình thực dân hóa được tiến hành dưới sự chỉ đạo của các tập đoàn tư bản đế quốc và tư bản Do-thái.* Đó là một quá trình hoàn toàn nhân tạo, không có cơ sở lịch sử, không phù hợp với quy luật phát triển xã hội. Bọn tư bản đế quốc đã dùng tiền của và bạo lực, dựng lên một Nhà nước tay sai, nhằm tiêu diệt cả một dân tộc. Đó là một tội ác lớn trong lịch sử. Bọn bành trướng I-xra-en đưa ra luận điệu chúng thừa mệnh chúa Trời khôi phục lại Nhà nước I-xra-en cổ đại. Thực ra, bọn đại tư sản Do-thái không thừa mệnh chúa Trời nào ngoài đế quốc Mỹ, đức chúa đô-la của chúng.

★

Trung Đông là một trong những nơi tập trung nhiều mâu thuẫn trên thế giới. Vừa có mâu thuẫn giữa nhân dân các dân tộc bị áp bức với bọn đế quốc và tay sai; vừa có mâu thuẫn giữa hai hệ thống thế giới đối lập; vừa có mâu thuẫn giữa đế quốc và đế quốc... Sự vận động của các loại mâu thuẫn này, cùng với sự vận động của những mâu thuẫn trong lòng mỗi xã hội A-rập, cũng như sự tác động qua lại của các loại mâu thuẫn trên, đã làm cho tình hình Trung Đông luôn luôn sôi động trong suốt mấy chục năm qua. Đế quốc Mỹ, do bản chất của nó, tìm mọi cách phá hoại phong trào giải phóng của các dân tộc A-rập mà mũi nhọn là nhân dân Pa-le-stin. Chúng âm mưu khống chế nguồn dầu lửa Trung Đông và vùng kênh Xuy-ê, âm mưu bao vây hệ thống xã hội chủ nghĩa từ phía nam. Để thực hiện những âm mưu đó, đế quốc Mỹ đã sử dụng Nhà nước I-xra-en, con ngựa thành Tơ-roa được hiện đại hóa. Ngoài I-xra-en, đế quốc Mỹ đang ra sức tăng cường sức mạnh cho một số chế độ tay sai ở Trung Đông mà truyền thống chống phá cách mạng ở đây từng rất nổi tiếng. Nhân dân thế giới còn ghi nhớ, năm 1970, nhà cầm quyền Giooc-đa-ni đã phản bội lợi ích của các dân tộc A-rập, phản bội sự cam kết của các dân tộc A-rập đối với nhân dân Pa-le-stin, câu kết với chủ nghĩa đế quốc, tàn sát và đánh đuổi nhân dân Pa-le-stin sống trên đất Giooc-đa-ni, làm cho nhân dân Pa-le-stin mất một chỗ dựa chắc chắn nhất lúc đó. Đó là một tấn thảm kịch trong lịch sử quan hệ giữa các dân tộc A-rập.

Tại nước Li-băng dưới sự thống trị của bọn phản động, trong mấy năm nay cũng đã xảy ra nhiều vụ xung đột do bọn phản động Li-băng gây nên đánh vào lực lượng kháng chiến Pa-le-stin đóng trên đất Li-băng. Những cuộc xung đột đó đã biến thành chiến tranh thật sự kể từ tháng 4-1975 đến tháng 12-1976. Trong cuộc chiến tranh này, điều mà mọi người thấy rõ là bọn phản động Li-băng được sự ủng hộ của Mỹ và sự tiếp tay của bọn bành trướng I-xra-en. Cũng có những nước A-rập, dưới sự thống trị của bọn vua chúa hoặc tư sản phản động, tuy có mâu thuẫn với phong trào kháng chiến Pa-le-stin, thậm chí đã phát động chiến tranh hòng tiêu diệt họ, nhưng bề ngoài vẫn luôn luôn tuyên bố rằng Nhà nước I-xra-en là kẻ thù của các dân

Digitized by Google

tộc A-rập, vẫn giữ một ranh giới giữa các dân tộc A-rập với bọn bành trướng I-xra-en. Nhưng chưa có trường hợp nào một Nhà nước A-rập trực tiếp dựa vào bọn bành trướng I-xra-en, nhận vũ khí của chúng, được chúng dùng lực lượng quân sự chi viện trên biển và trên bộ để tiến công vào lực lượng kháng chiến Pa-le-stin như trường hợp bọn phản động Li-băng vừa qua.

Sau thắng lợi của nhân dân Việt-nam, nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ bị đảo lộn. So sánh lực lượng trên thế giới thay đổi có lợi cho các lực lượng chống đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tại khu vực Trung Đông, so sánh lực lượng cũng thay đổi có lợi cho nhân dân Pa-le-stin và nhân dân A-rập.

Đế quốc Mỹ tuy lâm vào thế bị động chiến lược, nhưng chúng rất ngoan cố, ra sức xoay chuyển lại tình thế, triển khai lại lực lượng, phản kích ở những nơi mà chúng còn có khả năng phản kích. Ở Trung Đông, quyền lợi ích kỷ của các tập đoàn tư bản Mỹ về dầu lửa đã bám rất sâu, và về lâu về dài, chúng vẫn bám vào đấy. Chúng lại có tay sai đắc lực là bọn bành trướng I-xra-en. Vì vậy *đế quốc Mỹ và tay sai đang tìm mọi mưu ma chước quỷ, nhằm thực hiện ý đồ đen tối của chúng, ra sức gieo rắc ảo tưởng trong nhân dân các dân tộc A-rập*, hòng làm cho họ từ bỏ việc ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Pa-le-stin, làm nhụt ý chí đấu tranh của nhân dân Pa-le-stin. Chúng ra sức thực hiện sự thỏa hiệp kiểu thất bại chủ nghĩa giữa nhân dân A-rập nói chung, nhân dân Pa-le-stin nói riêng với bọn bành trướng I-xra-en, nhằm bảo vệ Nhà nước I-xra-en phản động, đặt nhân dân các nước A-rập trong tình thế luôn luôn phải đối phó với nguy cơ bành trướng và xâm lược của I-xra-en.

★

Đế quốc Mỹ, bọn bành trướng I-xra-en cùng tất cả bọn tay sai phản động khác không thể tiêu diệt được nhân dân Pa-le-stin, *một dân tộc đã chiến đấu kiên cường hàng trăm năm nay cho nền độc lập tự chủ của mình*. Trước kia họ đấu tranh chống ách thống trị của đế quốc Thổ-nhĩ-kỳ (từ năm 1517). Đến đầu thế kỷ 19, đế quốc Anh, Pháp xâm chiếm châu Phi và Trung Đông, nhân dân A-rập lại chịu một cổ hai tròng, vừa bị đế quốc phong kiến Thổ-nhĩ-kỳ khống chế, vừa bị đế quốc tư bản phương Tây áp bức bóc lột. Riêng nhân dân Pa-le-stin vừa phải đấu tranh chống ách thống trị của đế quốc Anh, vừa phải đấu tranh chống phong trào phục quốc Do-thái, di dân Do-thái về Pa-le-stin.

Phong trào nhân dân Pa-le-stin đã từng phát triển tới đỉnh cao vào những năm 1936 – 1939, khi lực lượng du kích Pa-le-stin xuất hiện với con số từ 6.000 đến 1 vạn người. Quần chúng công nhân và nông dân đã tiến hành tổng bãi công và chống thu thuế. Trong thời kỳ này, phong trào đấu tranh của nhân dân Pa-le-stin mang hình thức một cuộc cách mạng thật sự. Đến đầu năm 1938, lực lượng nhân dân đã nổi lên kiểm soát nhiều vùng ở nông thôn và thành phố. Hàng nghìn người Pa-le-stin đã ngã xuống trước mũi súng của thực dân Anh. Mặt khác, đế quốc Anh đẩy mạnh việc đưa người Do-thái về Pa-le-stin.

Ngày nay, nhân dân Pa-le-stin kế thừa truyền thống đấu tranh lâu dài của dân tộc, đang tiến hành cuộc chiến đấu gian khổ nhất, nhằm giành lại quyền dân tộc thiêng liêng. Cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-stin là một trường hợp đặc biệt trong lịch sử,

Digitized by Google

vì bộ phận chủ yếu của họ phải sống ở ngoài lãnh thổ của mình để chiến đấu cho mục tiêu giải phóng dân tộc. Nhưng họ có sự lãnh đạo kiên quyết của « Tổ chức giải phóng Pa-le-stin », gọi tắt là PLO. PLO ra đời năm 1964, được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân Pa-le-stin. Mục tiêu của PLO là giải phóng đất đai bị bọn phản động I-xra-en chiếm đóng, thực hiện chủ quyền của nhân dân Pa-le-stin trên quê hương của mình. Cương lĩnh của PLO vạch rõ họ không nhằm thủ tiêu một dân tộc nào, mà là xây dựng trên đất nước Pa-le-stin một Nhà nước dân chủ, thực hiện nguyên tắc chính quyền tách khỏi tôn giáo, người A-rập và người Do-thái sống bình đẳng với nhau, thực hiện sự hòa hợp về mặt dân tộc, bảo đảm tự do tín ngưỡng.

PLO ngày nay là một tổ chức vững mạnh về chính trị, chặt chẽ về tổ chức và thống nhất về mục tiêu chiến đấu. Nhiều tổ chức chính trị khác nhau trước đây, nay đứng trong hàng ngũ của PLO. Trong các tổ chức ấy, có « Phong trào giải phóng dân tộc Pa-le-stin », gọi tắt là An Pha-ta, là một tổ chức chính trị vũ trang, có uy tín lớn nhất. An Pha-ta đã đấu tranh cho nền độc lập của dân tộc hơn 20 năm nay. Chủ tịch A-ra-phát đồng thời cũng là Chủ tịch của An Pha-ta. An Pha-ta là lực lượng nòng cốt của PLO. PLO là một trong những tổ chức đấu tranh giải phóng dân tộc lớn mạnh ở Trung Đông và trên thế giới. PLO chẳng những đã đấu tranh vũ trang hàng chục năm, mà mặt trận đấu tranh chính trị của nó cũng đang ngày càng mở rộng. Riêng tại vùng Tây sông Giooc-đan, nơi mà bọn I-xra-en đang thi hành chính sách thống trị thực dân đối với nhân dân A-rập, nhân dân Pa-le-stin đang triển khai cuộc đấu tranh chính trị hằng ngày chống lại chính quyền phản động I-xra-en, dưới nhiều hình thức như bãi công, bãi thị, bãi khóa, biểu tình, thị uy, tổng bãi công trong từng khu vực, thậm chí đặt chướng ngại vật ngoài đường phố, v.v... Chính quyền phản động I-xra-en bị uy hiếp ngay tại sào huyệt của chúng bởi sức đấu tranh mãnh liệt của quần chúng nhân dân A-rập.

Nhân dân Pa-le-stin đấu tranh cho chính mình và cũng đấu tranh cho toàn thế giới A-rập, nhất là những nước A-rập hiện đang bị I-xra-en chiếm đóng một phần lãnh thổ. Nhân dân các nước A-rập ủng hộ Pa-le-stin về mọi mặt, một phần là xuất phát từ truyền thống đoàn kết A-rập, xuất phát từ những cam kết vừa là tình cảm vừa là chiến lược. Một phần khác, sự ủng hộ đó cũng có đi có lại. Nếu không có cuộc chiến đấu ngoan cường của nhân dân Pa-le-stin thì bọn bành trướng I-xra-en được đế quốc Mỹ giúp sức, sẽ không bao giờ nhìn nhận những yêu cầu chính đáng của nhân dân A-rập là đòi thực hiện quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Pa-le-stin và đòi I-xra-en rút quân khỏi các vùng đất của các nước A-rập mà chúng chiếm đóng. Thậm chí, bọn bành trướng I-xra-en sẽ không chịu dừng lại ở đường biên giới hiện nay, một đường biên giới bành trướng, bất hợp pháp, đang được đế quốc Mỹ bảo vệ. Như vậy, về căn bản, cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-stin là nhất trí với lợi ích của các dân tộc A-rập. Nếu làm hại đến sự nghiệp của Pa-le-stin, trước sau sẽ làm hại cho sự nghiệp của toàn thế giới A-rập.

Do có đường lối chính trị đúng đắn và có chính nghĩa, sự nghiệp của nhân dân Pa-le-stin và nhân dân A-rập được toàn thể loài người đồng tình và ủng hộ. Trước hết, các nước xã hội chủ nghĩa đã dành cho nhân dân Pa-le-stin và nhân dân A-rập sự ủng hộ kiên quyết nhất. Nhân dân Pa-le-stin còn luôn luôn nhận được sự hiệp đồng chặt chẽ của các lực lượng đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là lực lượng giải phóng

Digitized by Google

dân tộc A-rập. Cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-stin đang phát triển mạnh mẽ về cả ba mặt: chính trị, quân sự, ngoại giao. Hiện nay có 105 nước công nhận PLO. PLO hiện có cơ quan đại diện tại trên 40 nước. Thực tế ngày càng chứng minh cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-stin gắn liền với sự ủng hộ và giúp đỡ của ba lực lượng vĩ đại của thời đại, trong đó, lực lượng giải phóng dân tộc A-rập đóng vai trò quan trọng trực tiếp. Bằng thực tiễn sinh động của mình cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-stin chứng thực chân lý của thời đại là độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội gắn liền với nhau. Tất cả những khuynh hướng đi ngược chân lý đó, sớm muộn sẽ thất bại. Sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Pa-le-stin nhất định thắng.

Cách mạng tháng Mười...

(Tiếp theo trang 44)

cùng to lớn của giai cấp công nhân đang cùng với các lực lượng dân chủ khác giáng những đòn tiến công mãnh liệt vào chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước và sớm muộn sẽ vĩnh viễn loại trừ chủ nghĩa tư bản ra khỏi đời sống xã hội.

Ba dòng thác trên đây hợp thành cao trào cách mạng vĩ đại của thời đại và đang ở thế tiến công, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ.

Nhân loại tiến bộ đang đứng trước thời cơ thuận lợi : thời cơ đẩy mạnh cách mạng tiến lên, thời cơ giữ vững hòa bình thế giới. Cuộc đấu tranh chống đế quốc gây chiến nhằm bảo vệ hòa bình thế giới là nhiệm vụ cấp bách của nhân dân thế giới. Cuộc đấu tranh nhằm tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc, giành giải phóng dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội cũng là yêu cầu không thể trì hoãn của nhân dân các nước. Hai cuộc đấu tranh đó quan hệ mật thiết với nhau và thúc đẩy lẫn nhau.

Dựa vào lực lượng của ba dòng thác cách mạng, vận dụng đúng đắn chiến lược tiến công, các lực lượng cách mạng trên thế giới nhất định sẽ đưa cao trào cách mạng lên một bước mới, giành những thắng lợi to lớn hơn nữa trong cuộc đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại.

Chúng ta, những người đại biểu cho các cơ quan lý luận và chính trị của các đảng lãnh đạo chính quyền, đang họp mặt ở đây để trao đổi những vấn đề lý luận chung quanh chủ đề « Cách mạng tháng Mười và tính hiện đại của nó » cũng không nhằm mục đích nào khác là góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại.

Chúc Hội nghị của chúng ta thành công rực rỡ.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

КОММЕНТАРИЙ — Развитие сельского хозяйства – первоочередная задача наших дней.

НГУЕН ЗЮИ ЧИНЬ — Вьетнамский народ преисполнен решимости внести еще более достойный вклад в революционное дело народов мира.

ВО ТИ КОНГ – Поднять сельское хозяйство на качественно новую ступень.

ХА ХЮИ ЗИАП – Социалистическая система коллективного хозяйствования — веление времени.

ДАО ЗЮИ ТУНГ – Октябрьская революция и Августовская революция во Вьетнаме.

★★★ Замечательные достижения Советского Союза в минувших пятилетках.

ТХАНЬ ХА — Из уроков уезда Куйньлыу.

ЧАН ХО — Роль машиностроения в ходе социалистической индустриализации Вьетнама

ЛЕ ТОАН ТХЫ — Справедливое дело Палестинского народа победит!

目　录

社　論：发展农业是当前的首要任务

阮维桢：越南人民决心为世界人民的革命事业作出更大的应有贡献

武志功：决心使农业飞跃发展

何绍甲：社会主义集体作主制度的必然性

陶维松：十月革命与越南革命

☆☆☆　苏联在各个五年计划中的飞跃发展

清　河：琼琉的经验

陈　互：我国社会主义工业化过程中机械工业的作用

黎全书：巴勒斯坦人民的正义事业必定胜利

Digitized by Google

SOMMAIRE

Éditorial – Développer l'agriculture – tâche de premier plan à l'heure actuelle

NGUYỄN-DUY-TRINH – Le peuple vietnamien est déterminé à apporter une contribution plus digne encore à la révolution mondiale

VÕ-CHÍ-CÔNG – Nous sommes déterminés à faire faire un bond à l'agriculture

HÀ-HUY-GIÁP – De la nécessité du régime de maitre collectif socialiste

ĐÀO-DUY-TÙNG – La Révolution d'Octobre et la Révolution vietnamienne

★★★ – Les réalisations hors de pair de l'Union Soviétique à travers les plans quinquennaux

THANH-HÀ – La leçon de Quỳnh-lưu

TRẦN-HỔ – Le rôle de l'industrie mécanique dans le processus de l'industrialisation socialiste de notre pays

LÊ-TOÀN-THƯ – La juste lutte du peuple palestinien vaincra

CONTENTS

Editorial – The development of agriculture : the foremost task at present

NGUYỄN-DUY-TRINH – The Vietnamese people are determined to contribute an even worthier part to the revolutionary cause of the people of the world

VÕ-CHÍ-CÔNG – We are resolved to take agriculture a big step forward

HÀ-HUY-GIÁP – The inevitable character of the regime of socialist collective mastery

ĐÀO-DUY-TÙNG – The October Revolution and the Vietnamese revolution

★★★ – The tremendous advance made by the Soviet Union in its five-year plans

THANH-HÀ – The lesson of Quynh luu

TRẦN-HỔ – The role played by the engineering industry in socialist industrialization in our country

LÊ-TOÀN-THƯ – The Palestinian people's just cause will certainly win victory

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 10
1977
NĂM THỨ XXIII (262)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

Xã luận — Phát triển nông nghiệp — nhiệm vụ hàng đầu hiện nay 1

NGUYỄN-DUY-TRINH — Nhân dân Việt-nam quyết góp phần xứng đáng hơn nữa vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới 11

VÕ-CHÍ-CÔNG — Quyết tâm đưa nông nghiệp tiến lên một bước vượt bậc 15

HÀ-HUY-GIÁP — Tính tất yếu của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa 32

ĐÀO-DUY-TÙNG — Cách mạng tháng Mười và Cách mạng Việt-nam 39

★★★ — Những tiến bộ vượt bậc của Liên-xô qua các kế hoạch 5 năm 45

THANH-HÀ — Bài học Quỳnh-lưu 55

TRẦN-HỔ — Vai trò của công nghiệp cơ khí trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta 65

LÊ-TOÀN-THƯ — Sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Pa-le-stin nhất định thắng lợi 73

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 0đ30

Digitized by Google

HX
9
.H68B

The University
of Michigan
Periodical
MAR 7 - Reading Room

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

v.23:
11
1977:
(XIV 11.1977)
uh.ns 263

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI, BƯỚC NGOẶT VĨ ĐẠI TRONG LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA LOÀI NGƯỜI

THÁNG 11 năm 1917, dưới sự lãnh đạo tài tình của Lê-nin vĩ đại, giai cấp công nhân và nhân dân Nga đã vùng lên đánh đổ chính quyền của giai cấp tư sản, lập nên Nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thành công đã đưa đến việc thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết (Liên-xô) năm 1922. Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, nhân dân một nước chiếm 1 phần 6 quả địa cầu đã trở nên những người làm chủ xã hội, làm chủ vận mệnh của mình.

Với Cách mạng tháng Mười, Lê-nin và những người cộng sản của đất nước xô-viết đã nêu lên cho những người cách mạng trên thế giới một mẫu mực về chiến lược và sách lược của cách mạng vô sản. Một loạt vấn đề có ý nghĩa quyết định trong cách mạng vô sản đã được giải quyết thành công, đó là: xác lập và củng cố không ngừng quyền lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân; xây dựng một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân; xây dựng khối liên minh công nông vững chắc; lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; vận dụng tài tình và linh hoạt lý luận cách mạng bạo lực và khởi nghĩa giành chính quyền (chuẩn bị lực lượng, sáng tạo và tranh thủ thời cơ dùng bạo lực cách mạng đập tan bạo lực phản cách mạng...); thiết lập và củng cố chuyên chính vô sản. Đặc biệt, Lê-nin và những người cộng sản Nga đã kết hợp sức mạnh của bốn phong trào cách mạng lớn: phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản; phong trào dân chủ của nông dân chống địa chủ, đòi chia ruộng đất; phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức; phong trào hòa bình chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa,

Digitized by Google

tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn. Chính sức mạnh tổng hợp ấy đã kết liễu số phận của chủ nghĩa tư bản ở Nga.

Từ khi được thành lập, Nhà nước chuyên chính vô sản ở Liên-xô đã tỏ ra có sức mạnh phi thường. Nó đã dập tan bọn phản cách mạng trong nước, đánh thắng cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc chủ nghĩa, và chưa đầy 30 năm sau lại đánh thắng hoàn toàn bọn phát-xít Đức – Ý – Nhật, chẳng những bảo vệ được đất nước xô-viết mà còn giải phóng được nhiều nước khác, cứu cả loài người khỏi họa phát-xít.

Nhà nước chuyên chính vô sản ở Liên-xô đã tỏ ra là một công cụ sắc bén trong việc xây dựng một xã hội mới, tốt đẹp.

Nước Nga trước cách mạng là nước tư bản chủ nghĩa lạc hậu. Với kế hoạch điện khí hóa (Gô-en-rô) nổi tiếng do Lê-nin đề ra năm 1920, và những kế hoạch 5 năm sau đó, nền kinh tế quốc dân Liên-xô đã được xây dựng lại từ gốc đến ngọn, nền đại công nghiệp cơ khí, cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, ngày càng phát triển.

Chỉ sau hai kế hoạch 5 năm (1928 – 1932, 1933 — 1937), Liên-xô **« đã thực hiện được chủ nghĩa xã hội, về căn bản »** (1), *đã từ một nước nông nghiệp trở thành một nước công nghiệp; nền công nghiệp đủ sức cải tạo về mặt kỹ thuật toàn bộ nền kinh tế quốc dân, và nền nông nghiệp được tập thể hóa toàn bộ.*

Kế hoạch 5 năm thứ ba (1938 – 1942) được thông qua năm 1939 đánh dấu việc Liên-xô bước vào thời kỳ hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội và quá độ lên chủ nghĩa cộng sản, đồng thời giải quyết nhiệm vụ kinh tế cơ bản: đuổi kịp và vượt các nước tư bản chủ nghĩa phát triển về mặt kinh tế. Nhưng cuộc chiến tranh xâm lược của phát-xít Đức nổ ra từ giữa năm 1941 đã cản trở việc thực hiện kế hoạch và gây ra những thiệt hại to lớn cho nhân dân Liên-xô (20 triệu người chết, hơn 1.700 thành thị bị tàn phá và hơn 3 vạn xí nghiệp bị hư hại).

Chiến tranh kết thúc, với ý thức lao động quên mình, với tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, nhân dân Liên-xô đã nhanh chóng hàn gắn được những vết thương chiến tranh, tiếp tục tiến lên nhanh chóng. Trải qua hai kế hoạch 5 năm mới (1951 – 1955, 1956 — 1960), **chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi hoàn toàn và triệt để ở Liên-xô.**

Đại hội lần thứ 21 của Đảng cộng sản Liên-xô thông qua kế hoạch 7 năm 1959 — 1965, mở đầu cho giai đoạn phát triển mới: xây dựng

---

(1) J. Sta-lin: « Bàn về dự án Hiến pháp Liên-xô », *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, trang 771.

Digitized by Google

xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Kết quả của việc thực hiện kế hoạch này là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa được phát triển và củng cố hơn nữa trên cơ sở những tiến bộ về khoa học – kỹ thuật.

Kế hoạch 5 năm thứ 8 (1966 – 1970) do Đại hội lần thứ 23 của Đảng cộng sản Liên-xô thông qua năm 1966 lại đưa Liên-xô tiến lên một bước mới. **« Xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đã được xây dựng »** *(2). Điều đó cho phép Liên-xô bắt tay giải quyết về mặt thực tiễn nhiệm vụ vĩ đại:* **xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản.**

Kế hoạch 5 năm thứ 9 (1971 – 1975) là một bước quan trọng trên con đường giải quyết nhiệm vụ này. Năm 1975, sản lượng công nghiệp của Liên-xô so với năm 1970 đã tăng 43%. Liên-xô đã sản xuất 1.038 tỷ ki-lô-oát giờ điện, 701 triệu tấn than, 491 triệu tấn dầu mỏ, 289 tỷ mét khối hơi đốt, 141 triệu tấn thép, 90 triệu tấn phân khoáng, 122 triệu tấn xi-măng, 220 triệu tấn lương thực. Thu nhập quốc dân đã đạt tới 362 tỷ rúp. Thu nhập thực tế theo đầu người của nhân dân tăng gần 1 phần 4 so với năm 1965. Liên-xô đứng đầu thế giới về xi-măng, than đá, quặng sắt, thép, phân khoáng và dầu mỏ.

Hiện nay nhân dân Liên-xô đang ra sức thực hiện kế hoạch 5 năm thứ 10 (1976 – 1980), đó là kế hoạch « hiệu suất và chất lượng ». Chỉ trong 2 ngày rưỡi, nền công nghiệp Liên-xô làm ra một sản lượng bằng sản lượng cả năm 1913. Chưa đầy 5 ngày, các ngành kinh tế có thể tạo ra số thu nhập quốc dân bằng cả năm 1928. Năm 1922, sản lượng công nghiệp của Liên-xô chiếm 1% sản lượng công nghiệp của thế giới, ngày nay đã chiếm 20%, bỏ xa các nước tư bản chủ nghĩa phát triển châu Âu. Năm 1922, sản lượng công nghiệp của Liên-xô chỉ bằng 3% của Mỹ, sau chiến tranh thế giới thứ hai, đã bằng 20%, năm 1975 – bằng 80% và năm 1980 sẽ bằng 109% mức năm 1975 của Mỹ. Liên-xô đã vượt Mỹ về nhiều sản phẩm quan trọng.

Như vậy là chỉ trong 60 năm, Liên-xô đã vượt một chặng đường mà chủ nghĩa tư bản phải trải qua hàng thế kỷ.

Chặng đường lịch sử đó đã đem lại những bài học có ý nghĩa phổ biến về xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô. Đó là: thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa, xác lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về các tư liệu sản xuất cơ bản; xóa bỏ ách áp bức dân tộc và xác lập sự bình đẳng giữa các dân tộc; phát triển kinh tế có kế hoạch nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và nâng cao mức sống của nhân dân lao động; cải tạo nông nghiệp;

---

(2) L.I. Bơ-rê-giơ-nép: *Đi theo con đường của Lê-nin*, nhà xuất bản Chính trị, Mạc-tư-khoa, tập 2, trang 92.

Digitized by Google

củng cố và phát triển Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; nêu cao tinh thần hy sinh phấn đấu, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn; bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội, chống kẻ thù trong và ngoài nước; đoàn kết giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong nước với giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước khác trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung, ủng hộ cách mạng thế giới.

★

CÁCH mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại có ý nghĩa lịch sử và ý nghĩa quốc tế to lớn. Nó mở ra con đường giải phóng cho cả loài người, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới. « Như mặt trời chói lọi, Cách mạng tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế » (3).

Dưới ảnh hưởng to lớn của Cách mạng tháng Mười, tình hình thế giới trong 60 năm qua đã có những biến chuyển vô cùng to lớn ngày càng có lợi cho chủ nghĩa xã hội, ngày càng đẩy chủ nghĩa tư bản lún sâu vào cuộc tổng khủng hoảng triền miên không có lối thoát. Ba dòng thác cách mạng trên thế giới dần dần hình thành và trở thành **« những lực lượng đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của lịch sử phát triển của xã hội loài người, đang thúc đẩy sự quá độ của thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội »** (4).

Từ chỗ chỉ có Liên-xô là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất nằm giữa vòng vây của thế giới tư bản chủ nghĩa, ngày nay có cả một hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa mà sự hình thành gắn liền với chiến thắng vĩ đại của Liên-xô trong cuộc chiến tranh chống phát-xít. Năm 1945, cách mạng Việt-nam thắng lợi, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông — Nam châu Á được thiết lập, và từ 1954, một nửa nước Việt-nam tiến lên chủ nghĩa xã hội. Những năm 1947 — 1948, một loạt nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu ra đời. Năm 1949, cách mạng Trung-quốc thành công, làm lệch hẳn cán cân lực lượng về phía chủ nghĩa xã hội. Tiếp đến là cách mạng Triều-tiên, cách mạng Cu-ba thành công, đưa đến sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Đông-

---

(3) Hồ-Chí-Minh : *Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1967, trang 5.

(4) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí *Học tập* số 12-1976, trang 137.

Digitized by Google

Bắc Á và ở châu Mỹ la-tinh. Với chiến thắng vĩ đại của nhân dân Việt-nam, nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia trong năm 1975, chủ nghĩa xã hội được mở rộng ở Đông-dương và tăng cường ảnh hưởng ở nhiều nơi khác trên thế giới. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước xã hội chủ nghĩa chỉ chiếm 20% sản lượng công nghiệp thế giới; năm 1960, tỷ lệ đó đã lên 30%, và năm 1975 – 41,8% So với các nước tư bản chủ nghĩa, các nước xã hội chủ nghĩa hơn hẳn về nhịp độ phát triển: từ năm 1950 đến 1975, nếu nhịp độ phát triển của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển trung bình hằng năm là 4,6%, thì nhịp độ phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa là hơn 10%. Ở các nước xã hội chủ nghĩa nền sản xuất phát triển cân đối, nhịp nhàng, không có khủng hoảng, không có thất nghiệp, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân không ngừng được nâng cao.

Hiện nay, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang ở thời kỳ phát triển mới, thời kỳ lực lượng sản xuất của chủ nghĩa xã hội gần ngang với lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản, thời kỳ phát triển hùng mạnh về quân sự và các mặt khác. Nếu tính cả sức mạnh của chế độ chính trị, chế độ kinh tế, của hệ tư tưởng thì « hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày nay đã có một sức mạnh tổng hợp hơn hẳn lực lượng của chủ nghĩa đế quốc... **ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người »** (5).

Đó là chỗ dựa vững chắc của phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Từ sau Cách mạng tháng Mười Nga, cách mạng các nước không còn nằm trong phạm trù của cách mạng tư sản, mà đã trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Vấn đề dân tộc được mở rộng thành vấn đề giải phóng nói chung của các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới. Ngay sau khi Cách mạng tháng Mười thành công, phong trào đấu tranh chống đế quốc ở một loạt nước như Trung-quốc, Ấn-độ, Thổ-nhĩ-kỳ, Áp-ga-ni-xtăng, Ai-cập, Xy-ri, Pa-ki-xtăng, I-rắc, Mông-cổ, In-đô-nê-xi-a, Việt-nam đã được đẩy mạnh với mức độ khác nhau. Ở Trung-quốc, Ấn-độ, Ba-tư, Việt-nam, đều thành lập những xô-viết công nông kiểu các xô-viết ở Nga. Chính Lê-nin đã nhìn thấy sức mạnh của cuộc đấu tranh đó. Người cho rằng nhân dân các nước phương Đông sẽ vùng dậy và tham gia đấu tranh một cách độc lập, tự mình sáng tạo ra cuộc sống mới và tham gia định đoạt vận mệnh của toàn thế giới. « Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ không phải chỉ là và chủ yếu là một cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cách mạng ở từng nước

(5) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí *Học tập* số 12-1976, trang 136.

Digitized by Google

chống lại giai cấp tư sản ở nước mình; không phải thế, đó sẽ là cuộc đấu tranh của tất cả các thuộc địa và tất cả những nước bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, của tất cả các nước phụ thuộc, chống lại chủ nghĩa đế quốc quốc tế» (6). *Chính trong hoàn cảnh đó, Lê-nin đã nêu ra khẩu hiệu nổi tiếng: «Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!».*

Khẩu hiệu đó chỉ ra rằng trong thời đại ngày nay, sự nghiệp đánh đổ chủ nghĩa tư bản và đưa loài người tiến lên chủ nghĩa xã hội chỉ có thể giành được thắng lợi bằng sự kết hợp cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản tất cả các nước với cuộc đấu tranh của nhân dân các thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc, rằng sự nghiệp giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc chỉ có thể đi tới thắng lợi triệt để khi nó trở thành bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới, hướng theo xu thế phát triển tất yếu của xã hội loài người trong thời đại ngày nay là tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc, được sự giúp đỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa, đã phát triển mạnh mẽ và giành được những thắng lợi to lớn. Tiếp theo chiến thắng Điện-biên-phủ của nhân dân Việt-nam, hàng loạt nước thuộc địa cũ đã giành được độc lập dân tộc với mức độ khác nhau, làm cho hệ thống thuộc địa cũ tan rã. Sau thắng lợi của nhân dân Việt-nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, chủ nghĩa thực dân mới đi vào giai đoạn sụp đổ không thể cứu vãn được.

«Bão táp cách mạng của phong trào giải phóng dân tộc làm rung chuyển châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh, lôi cuốn hơn hai nghìn triệu người ở hầu khắp các nước vốn là thuộc địa và phụ thuộc, đó là sự kiện lớn thứ hai của thời đại chúng ta sau sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới» (7).

Bão táp cách mạng đó đang tiếp tục lan rộng, tiến công mãnh liệt vào các vị trí của chủ nghĩa đế quốc, ngày càng thu hẹp phạm vi thống trị của nó. Bão táp đó đặc biệt sôi nổi ở miền Nam châu Phi, ở Trung Cận Đông, ở Đông — Nam Á. Trong thời đại hiện nay, không có điều kiện để các nước mới được giải phóng khỏi ách thực dân phát triển thành những nước tư bản chủ nghĩa độc lập như các nước phương Tây trước đây, mà nếu đi theo con đường đó thì sớm muộn cũng sẽ rơi vào ách thực dân mới của chủ nghĩa đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ. Đối với các nước đó, chỉ có một con đường là dựa vào các

---

(6) V. Lê-nin và J. Sta-lin: *Về cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 127.

(7) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí *Học tập* số 12-1976, trang 136.

Digitized by Google

nước xã hội chủ nghĩa, phát triển không qua chủ nghĩa tư bản, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm kim chỉ nam, lấy việc thành lập chính đảng mác-xít lê-ni-nít làm then chốt.

Cùng với bão táp của phong trào giải phóng dân tộc, « phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển với quy mô rộng lớn và tính tổ chức cao, làm nổi bật năng lực cách mạng vô cùng to lớn của giai cấp công nhân đang cùng với các lực lượng dân chủ khác giáng những đòn tiến công mãnh liệt vào chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước. Nhất định giai cấp công nhân sẽ đánh bại mọi thế lực phản động và sớm muộn sẽ vĩnh viễn loại trừ chủ nghĩa tư bản ra khỏi đời sống xã hội » (8).

Cách mạng tháng Mười đã nêu gương cách mạng cho công nhân và binh lính ở phương Tây, thúc đẩy họ đi vào con đường thật sự tự giải phóng khỏi ách áp bức của chủ nghĩa đế quốc và tai họa của chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Cuộc nổi dậy của công nhân và binh lính ở Áo — Hung và ở Đức, việc thành lập xô-viết đại biểu công nhân và binh lính ở nhiều nước, v.v... đã chứng tỏ điều đó. Nhưng do điều kiện so sánh lực lượng lúc bấy giờ, những cuộc cách mạng đó đã không thành công.

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, sau thời kỳ phát triển đặc biệt của kinh tế tư bản chủ nghĩa, đến cuối những năm 50 đầu những năm 60, mâu thuẫn trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, trong xã hội tư bản chủ nghĩa bộc lộ gay gắt, phong trào công nhân đã có bước phát triển mới. Từ năm 1968, phong trào này đã phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, mở đầu bằng cuộc tổng bãi công của công nhân Pháp, chỉ trong mấy ngày làm sụt đi rất nhiều số dự trữ mấy chục tỷ đô-la của giai cấp tư sản Pháp. Từ cuối những năm 60 đầu những năm 70, phong trào công nhân lại phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy, nhất là khi nó kết hợp với phong trào ủng hộ Việt nam chống Mỹ xâm lược. Phong trào diễn ra với quy mô to lớn với hình thức linh hoạt, kết hợp những yêu sách về kinh tế với những yêu sách về chính trị. Trong phong trào đó, các đảng vô sản đã có bước phát triển mới, dần dần trưởng thành và ngày càng thu hút được đông đảo lực lượng dân chủ, tiến bộ đấu tranh chống tư bản lũng đoạn Nhà nước. Trước cuộc đấu tranh đó, nguy cơ phát-xít hóa ở các nước tư bản chủ nghĩa bị đẩy lùi, khả năng tiến công của phong trào công nhân ngày càng tăng.

Trước mắt, phong trào công nhân có những khó khăn, vì chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cải lương, vì kẻ thù giai cấp có kinh

---

(8) Tạp chí đã dẫn, trang 136.

Digitized by Google

nghiệm thống trị, mua chuộc, lừa bịp, chia rẽ giai cấp công nhân, có những công cụ bạo lực để đàn áp nhân dân. Nhưng đứng về quan điểm chiến lược lâu dài mà nói, giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa là người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản, và chắc chắn là như vậy.

Ba dòng thác cách mạng đang phát triển đồng đều, mạnh mẽ, tiến công vào chủ nghĩa đế quốc, hướng vào bốn mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đó chính là hình thái tiến công của các lực lượng cách mạng ngày nay.

★

CÁCH mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga đã có ảnh hưởng to lớn đối với cách mạng Việt-nam.

Trước hết, nó đã tạo ra một chuyển biến tư tưởng trong các nhà cách mạng Việt-nam. Trong thời kỳ trước khi Đảng ta ra đời, nhân dân ta chiến đấu rất kiên cường, người trước ngã người sau tiến lên, nhưng do chưa có một đường lối đúng đắn, những cuộc đấu tranh ấy rốt cuộc đều bị thất bại và bị kẻ thù dìm trong biển máu. Chỉ đến khi Bác Hồ tiếp thụ được ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, tìm ra chân lý của thời đại, đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin thì nhân dân ta mới có được con đường đi đúng đắn. Sau Cách mạng tháng Mười, chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá vào Việt-nam, kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, dẫn tới sự thành lập Đảng cộng sản Đông-dương. Đó là một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt-nam, đánh dấu thời kỳ phong trào yêu nước theo lập trường tư sản và tiểu tư sản chuyển sang phong trào yêu nước theo lập trường vô sản. **« Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản »** (9), *kết luận ấy đánh dấu sự bắt gặp của cách mạng Việt-nam với chân lý của thời đại, và từ kết luận ấy, cách mạng nước ta bước vào chính giữa dòng của thời đại.*

Từ đó đến nay, trải qua gần nửa thế kỷ, đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã liên tiếp giành thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười, ngay từ đầu, Đảng ta đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ chủ nghĩa xã hội. Đảng ta, đứng vững trên lập trường chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ

(9) Hồ-Chí-Minh : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 705.

Digitized by Google

nghĩa xã hội, giữa cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta với các trào lưu cách mạng của thời đại. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã giải quyết thành công một loạt vấn đề quan trọng về chiến lược và sách lược của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã xác định đúng đắn con đường phát triển của cách mạng Việt-nam là làm cách mạng dân tộc dân chủ rồi tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đảng ta đã giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân — nội dung chủ yếu của vấn đề dân tộc — và vấn đề ruộng đất. Từ năm 1954, Đảng ta đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược tiến hành đồng thời ở hai miền nước ta. Đảng ta đã giải quyết thành công những vấn đề về phương pháp cách mạng và chiến tranh cách mạng. Đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười, vận dụng sáng tạo lý luận về chuyên chính vô sản của Lê-nin, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã xác định đúng đắn đường lối nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt), nhằm xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới, xã hội chủ nghĩa. Đảng ta coi công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đảng ta chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công — nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi.

Toàn bộ đường lối cách mạng của Đảng ta từ trước đến nay thể hiện sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, những kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười, của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Đi theo đường lối đó, nhân dân

Digitized by Google

ta đã viết nên những trang sử chói lọi: ba phong trào cách mạng (10) trong 15 năm đấu tranh bất hợp pháp dẫn đến cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945; hai cuộc kháng chiến thần thánh chống hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ; hai cuộc cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa; cuối cùng đã giành được thắng lợi vĩ đại: đất nước hoàn toàn độc lập, non sông thu về một mối, cả nước với 50 triệu người vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

★

NHỮNG người cộng sản và nhân dân Việt-nam có tình cảm sâu sắc đối với Cách mạng tháng Mười. Trong những năm tháng nhân dân ta sống đau khổ dưới ách thống trị của bọn thực dân, phong kiến, Liên-xô vĩ đại chính là ngọn cờ vẫy gọi nhân dân ta tiến lên, là nguồn hy vọng không bờ bến, là nguồn tin sắt đá của nhân dân ta vào sự tất thắng của cách mạng nước ta và cách mạng thế giới. Hàng trăm chiến sĩ yêu nước Việt-nam đã bị kẻ thù chém giết, từ đày chỉ vì họ tổ chức và tham gia kỷ niệm Cách mạng tháng Mười. Nhiều cán bộ, đảng viên khi lên máy chém của kẻ thù vẫn hiên ngang hô vang khẩu hiệu: « Liên bang xô-viết muôn năm! », « Tinh thần Cách mạng tháng Mười bất diệt! ». Những năm tháng phát-xít Đức dày xéo đất nước xô-viết, tàn sát nhân dân Liên-xô, nhân dân ta vô cùng đau xót, sôi sục căm thù bọn phát-xít, hô lớn khẩu hiệu « Ủng hộ Liên-xô! » và biến khẩu hiệu ấy thành hành động cách mạng. Và năm nay, sau khi đã giải phóng hoàn toàn đất nước, với niềm vui vô hạn trước sự phát triển lớn mạnh của Liên-xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước sự trưởng thành của phong trào cộng sản quốc tế, nhân dân ta lại tưng bừng kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười.

Nhân dân ta vô cùng biết ơn Lê-nin vĩ đại và Cách mạng tháng Mười đã chỉ cho nhân dân ta con đường dẫn đến thắng lợi cuối cùng, đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Nhân dân ta mãi mãi giữ tình cảm trong sáng đối với Cách mạng tháng Mười, đối với Liên-xô vĩ đại.

---

(10) Ba phong trào cách mạng này là: phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh, phong trào Mặt trận dân chủ 1936 - 1939; phong trào cách mạng 1940 – 1945.

Digitized by Google

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

LÊ-DUẨN

Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam

TRONG lịch sử thế giới, chưa có sự kiện nào có ảnh hưởng to lớn và sâu rộng đối với quá trình phát triển xã hội, đối với vận mệnh tất cả các dân tộc như thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Sự kiện vĩ đại nhất này đã mở đầu thời đại mới, thời đại loài người chuyển từ chế độ nô lệ tư bản chủ nghĩa, chế độ nô lệ cuối cùng trong lịch sử loài người, sang chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, từ kỷ nguyên của tất yếu sang kỷ nguyên của tự do. « Việc xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và các tàn tích của nó, việc thiết lập những cơ sở của chế độ cộng sản là nội dung của cái thời đại mới vừa mới bắt đầu của lịch sử thế giới » (1). Lê-nin đã xác định như thế địa vị lịch sử của Cách mạng tháng Mười.

Sự quá độ cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ Cách mạng tháng Mười diễn ra sáu mươi năm nay đã và đang lôi cuốn vào quỹ đạo của nó ngày càng nhiều nước và dân tộc. Việc chủ nghĩa xã hội ra khỏi phạm vi một nước, trở thành hệ thống thế giới và ngày càng mở rộng trên hành tinh chúng ta ; sự

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, tập 31, trang 483.

Digitized by Google

vùng dậy mãnh liệt của phong trào giải phóng dân tộc đưa đến sự sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc và sự ra đời của hàng loạt quốc gia dân tộc độc lập ; sự phát triển mạnh mẽ phong trào của giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa với nhiều hình thức phong phú đấu tranh vì dân chủ và chủ nghĩa xã hội; việc chủ nghĩa đế quốc ngày càng suy yếu và lún sâu vào tổng khủng hoảng không lối thoát ; sự thay đổi căn bản tình hình so sánh lực lượng theo hướng không ngừng củng cố và tăng cường vị trí và thế chiến lược tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới — trên đây là bức tranh toàn cảnh phản ánh những kết quả chủ yếu của quá trình phát triển thế giới từ sau Cách mạng tháng Mười.

Đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong đời sống toàn thể loài người, Cách mạng tháng Mười đã đặt giai cấp công nhân vào vị trí trung tâm của thời đại, đã thức tỉnh đông đảo quần chúng lao động và các dân tộc bị áp bức, bóc lột vùng dậy đấu tranh giành giải phóng giai cấp, giành độc lập dân tộc, giành tự do và phẩm giá con người, giành quyền làm chủ vận mệnh của mình. Trong số các dân tộc ấy có Việt-nam là một dân tộc lúc đó còn bị đế quốc và phong kiến thống trị. Giữa lúc phong trào cứu nước đang lâm vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối, tình hình đen tối tưởng không có lối ra, thì bỗng dội đến tiếng sấm của Cách mạng tháng Mười. Thế là, trên mảnh đất nóng bỏng này, chủ nghĩa Mác — Lê-nin — tư tưởng cách mạng nhất của thời đại — được ngọn gió tháng Mười thổi tới, kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước truyền thống đưa đến sự ra đời của Đảng cộng sản Việt-nam và làm bùng lên ngọn lửa cách mạng vĩ đại của công nông những năm 1930 — 1931, mở ra bước ngoặt căn bản trong lịch sử giải phóng dân tộc Việt-nam.

« Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản » (2), « chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ » (3). Người Việt-nam đầu tiên đi tới chân lý ấy là đồng chí Hồ-Chí-Minh. Theo lời Người kể, năm 1920, khi được đọc *Luận cương* của Lê-nin *về các vấn đề dân tộc và thuộc địa*, Người rất đỗi cảm động và vui mừng. Ngồi một mình trong phòng, Người bỗng nói to lên như nói trước quần chúng đông đảo: « Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường

(2) Hồ-Chí-Minh : *Mãi mãi đi theo con đường của Lê-nin vĩ đại*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 51.

(3) Hồ-Chí-Minh : *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 229.

Digitized by Google

giải phóng chúng ta!» (4). Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản, con đường của đồng chí Hồ-Chí-Minh tiêu biểu cho cả một thế hệ chiến sĩ cách mạng Việt-nam, là một bước tất yếu trong quá trình phát triển của cách mạng Việt-nam.

Đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đi vào con đường cách mạng vô sản, con đường chủ nghĩa xã hội, cơ sở để xác định phương hướng chiến lược ấy là việc Đảng cộng sản Việt-nam, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và của Cách mạng tháng Mười, nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa giải phóng dân tộc với giải phóng nhân dân lao động; là việc nhận thức và giải quyết đúng đắn sự thống nhất giữa sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân với nghĩa vụ dân tộc của nó.

Cống hiến vĩ đại của Các Mác là trên cơ sở phân tích kinh tế, đặc biệt phân tích phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, vạch ra quy luật phát triển của xã hội loài người, từ đó phát hiện vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân. Gắn liền với nền công nghiệp hiện đại, đại biểu cho phương thức sản xuất mới, giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất ở thời đại chúng ta, giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo tất cả các giai cấp, các tầng lớp lao động và các dân tộc bị áp bức bóc lột trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng và giành quyền làm chủ.

Có thể nói, ngày nay, sự nghiệp giải phóng dân tộc, độc lập, tiến bộ và phồn vinh của dân tộc; sự nghiệp giải phóng lao động và hạnh phúc của nhân dân; sự nghiệp giành dân chủ, bảo vệ tự do và phẩm giá con người, v.v... tóm lại, tất cả những vấn đề hệ trọng nhất trong vận mệnh của nhân dân, của các dân tộc và của con người đều được lịch sử trao vào tay giai cấp công nhân là giai cấp, do địa vị khách quan của nó và do nó có một chính đảng được trang bị bằng học thuyết duy nhất cách mạng và khoa học là chủ nghĩa Mác – Lê-nin, có khả năng đề ra các giải pháp đúng đắn cho các vấn đề, phù hợp với quy luật tiến hóa của xã hội.

Bất cứ giai cấp nào muốn nắm chính quyền cũng đều phải tự mình tiêu biểu được cho dân tộc. Trong thời đại ngày nay, người tiêu biểu cho dân tộc không ai khác ngoài giai cấp công nhân. Còn giai cấp tư sản, trong khi ở các nước tư bản đế quốc từ lâu đã mất gốc rễ dân tộc và thực tế đã đối lập với dân tộc, thì ở các nước vốn là thuộc địa hay phụ thuộc như Việt-nam, nhiều lắm là có một bộ phận đi vào chủ nghĩa dân tộc cải lương, mà con đường này rút cục không tránh khỏi đưa đất nước rơi vào tròng chủ nghĩa thực dân mới.

---

(4) Hồ-Chí-Minh: Sách đã dẫn trang 228.

Digitized by Google

Giai cấp công nhân mang bản chất quốc tế nhưng bao giờ cũng tồn tại ở từng nước. Cho nên « địa bàn trực tiếp của cuộc đấu tranh của họ là ở trong nước » (5) và « Tổ quốc, nghĩa là hoàn cảnh chính trị, văn hóa và xã hội là một nhân tố cực kỳ mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản » (6). Giai cấp công nhân mỗi nước vừa có quan hệ thống nhất về mục đích với giai cấp công nhân tất cả các nước, vừa gắn bó máu thịt với nhân dân lao động nước mình, với số phận của cả dân tộc. Phải lật đổ trước hết chủ nghĩa tư bản đang thống trị dân tộc mình, trong đó có bản thân mình, ngay trên đất nước mình, giai cấp công nhân mới có thể lật đổ được chủ nghĩa tư bản quốc tế, mới có thể tiến lên hoàn thành sứ mệnh lịch sử có tính chất toàn thế giới.

Vì vậy, ngay trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, C. Mác và F. Ăng-ghen đã chỉ rõ : « Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, cho nên do đấy họ vẫn còn tính chất dân tộc, tuy hoàn toàn không phải cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu » (7). Biện chứng của cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay là ở chỗ : giai cấp tư sản lấy cớ bảo vệ lợi ích dân tộc để áp đặt cho nhân dân những giải pháp có tính giai cấp đặc biệt hẹp hòi, tư sản, đi ngược hẳn lợi ích của dân tộc ; trái lại, giai cấp công nhân công khai đề nghị với đất nước Cương lĩnh giai cấp của mình, trong đó phản ánh đầy đủ lợi ích chân chính của dân tộc, những lợi ích này đồng thời biểu hiện lợi ích quốc tế của giai cấp công nhân.

Nhờ có đường lối chính trị kết hợp đúng đắn lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc, Đảng cộng sản Việt-nam, đảng của giai cấp công nhân Việt-nam, được thừa nhận một cách tuyệt đối là đội tiên phong chiến đấu và người lãnh đạo của cả dân tộc Việt-nam. Ngay từ khi ra đời, Đảng đã tập hợp được đại đa số nhân dân trong dân tộc, trước hết là nông dân, dưới ngọn cờ của mình – ngọn cờ độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong suốt nửa thế kỷ đấu tranh, Đảng không ngừng giương cao ngọn cờ đó. Khi cả nước ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong thời kỳ phải làm đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược : cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, và cả trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đã hoàn toàn giải phóng, Đảng cộng sản Việt-nam luôn luôn giữ vững

(5) C. Mác – F. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, trang 27.

(6) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1972, tập 15, trang 271.

(7) C. Mác – F. Ăng-ghen : *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 75.

Digitized by Google

và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, đó là cái bản chất nhất trong đường lối chiến lược của Đảng cộng sản Việt-nam. Đó là sức mạnh, là nguồn gốc thắng lợi của cách mạng Việt-nam. Với đường lối ấy, Đảng đã động viên và kết hợp được sức mạnh của chủ nghĩa xã hội với sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước vốn là truyền thống lâu đời của dân tộc; đã động viên và tập hợp được một cách vừa vững chắc vừa rộng rãi nhất mọi lực lượng cách mạng, mọi tầng lớp, mọi người Việt-nam yêu nước, tóm lại, mọi nguồn sinh lực của cả dân tộc vào cuộc đấu tranh. Với đường lối ấy, Đảng đã kết hợp được lợi ích cơ bản của dân tộc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với những mục tiêu nóng hổi của thời đại, nhờ đó cách mạng Việt-nam đã được tất cả các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình trên toàn thế giới hết lòng đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ

Đường lối kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì những lẽ nói trên, đã đem lại cho cách mạng Việt-nam sức tiến công cực kỳ to lớn. Đó là cơ sở làm nảy sinh những phương pháp cách mạng vừa kiên quyết, triệt để, vừa uyển chuyển, linh hoạt, những hình thức muôn màu muôn vẻ của sự kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, của chiến tranh cách mạng và khởi nghĩa quần chúng, của phong trào đấu tranh ở ba vùng chiến lược: thành thị, nông thôn đồng bằng và rừng núi, của đấu tranh bí mật với đấu tranh công khai, của đấu tranh không hợp pháp với đấu tranh nửa hợp pháp và hợp pháp, của đấu tranh quần chúng với hoạt động nghị trường, của đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, v.v...

Nhờ có sức mạnh tổng hợp to lớn cả trong nước lẫn ngoài nước do đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn tạo ra, dân tộc Việt-nam, dù đất không rộng, người không đông, đã có thể đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, mở đầu quá trình sụp đổ của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mở đầu quá trình phá sản không sao tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới.

Với thắng lợi hoàn toàn và triệt để của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cách mạng Việt-nam đi tiếp con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, và bây giờ là trên quy mô cả nước. Hiện nay, hơn bao giờ hết, sống trong Tổ quốc thân yêu khi non sông đã thu về một mối và sạch bóng quân xâm lược, nhân dân Việt-nam càng ý thức sâu sắc rằng độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội hoàn toàn là một. Yêu nước ngày nay là yêu chủ nghĩa xã hội, là đem hết nhiệt tình, sức lực, trí tuệ và tài năng để xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Độc lập và thống nhất là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước

Digitized by Google

tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, chủ nghĩa xã hội là con đường bảo đảm chắc chắn cho độc lập và thống nhất. Không thể nào nói đến độc lập và thống nhất trong thời đại ngày nay nếu không có chủ nghĩa xã hội, nếu không phải là độc lập và thống nhất trên cơ sở chủ nghĩa xã hội. Tiến lên chủ nghĩa xã hội và chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải quyết được một cách triệt để, vĩnh viễn vấn đề độc lập và thống nhất đất nước, một vấn đề sống còn của dân tộc Việt-nam trong suốt mấy nghìn năm nay.

Chỉ có độc lập dân tộc thật sự khi nhân dân có quyền làm chủ. Chủ nghĩa xã hội sở dĩ bảo đảm giải quyết được trọn vẹn vấn đề độc lập dân tộc bởi vì chủ nghĩa xã hội là một chế độ dân chủ đầy đủ nhất, cao nhất của nhân dân. Trong thời đại ngày nay, không có và không thể nào có một nền dân chủ thật sự và phổ biến cho mọi người lao động mà lại không phải là dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho dân chủ một cơ sở thực tế, một nội dung đầy đủ, toàn diện và triệt để nhất bằng cách xóa bỏ tận gốc tình trạng người bóc lột người, xác lập và không ngừng hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong mọi mặt của đời sống xã hội.

Dân chủ ở đây không phải giản đơn là quyền của từng công dân riêng lẻ, càng không phải là những quyền được ban bố từ bên trên mà chính nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thật sự làm chủ bằng một cơ cấu xã hội, một hệ thống các quan hệ tổ chức về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa. Chuyên chính vô sản về thực chất là quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nòng cốt là khối liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân thông qua Nhà nước, một Nhà nước do chính nhân dân lập ra và tự mình nắm quyền điều khiển. Đó là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, một nền dân chủ « triệu lần dân chủ hơn bất cứ chế độ dân chủ nào », một bước phát triển cao của dân chủ, phù hợp với dự kiến của Lê-nin khi Người nói: « nền dân chủ đầy đủ nhất **sẽ khác về chất** so với nền dân chủ không đầy đủ » (8), đó là « nền dân chủ « nguyên thủy » trên một nền tảng khác, cao hơn nhiều » (9) so với nền dân chủ tự phát ngây thơ của chế độ cộng sản nguyên thủy. Chế độ đó cũng chính là cái « cộng đồng chân chính » bảo đảm tự do và quyền làm chủ thật sự của mỗi cá nhân. Bởi vì như C. Mác và F. Ăng-ghen đã nói: « Chỉ có trong sự cộng đồng với những người khác, thì mỗi cá nhân mới có những phương tiện để phát triển toàn diện những năng khiếu của mình; chỉ có

(8), (9) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Việt, nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, tập 33, trang 323.

Digitized by Google

trong cộng đồng, mới có thể có tự do cá nhân ». (10)

Nền tảng của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một cơ cấu kinh tế hợp lý bảo đảm thỏa mãn ngày càng đầy đủ nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân trên cơ sở không ngừng phát triển sản xuất với trình độ kỹ thuật ngày càng cao. Không có cơ cấu kinh tế đó thì căn bản không thể có dân chủ căn bản không thể nói đến, quyền làm chủ tập thể. Cơ cấu kinh tế ấy ở Việt-nam là cơ cấu công – nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa mà Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đề ra và đang được toàn dân ra sức phấn đấu xây dựng. Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là chế độ làm chủ của nhân dân lao động mà giai cấp công nhân là người tiêu biểu, người lãnh đạo. Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa chỉ có thể là làm chủ trên lập trường giai cấp công nhân. Nếu trước kia, lập trường giai cấp công nhân là đấu tranh giải phóng dân tộc thì ngày nay là thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đem lại phồn vinh cho Tổ quốc, hạnh phúc cho đồng bào. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, chế độ làm chủ tập thể lấy liên minh công nông và liên minh giữa công nông với trí thức xã hội chủ nghĩa làm nòng cốt. Nông dân Việt-nam vốn yêu nước nồng nàn đã một lòng một dạ đi với công nhân suốt mấy chục năm qua, ngay từ khi có Đảng cộng sản. Đi với công nhân, nông dân đã có độc lập dân tộc và có ruộng. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và cùng với công nhân, nông dân trở thành người chủ tập thể toàn bộ đất nước và đời sống xã hội. Có xác lập được quyền làm chủ tập thể của công nhân và nông dân (và của trí thức gắn bó với công nông) mới có thể đưa nền kinh tế Việt-nam từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với cơ cấu công – nông nghiệp hiện đại. Ngược lại, có xây dựng được cơ cấu công – nông nghiệp sản xuất lớn hiện đại mới tạo ra được nền tảng vật chất để củng cố vững chắc khối liên minh công nông, củng cố vững chắc chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Cơ cấu công – nông nghiệp hiện đại ấy là một cơ cấu thống nhất cả nước bao gồm kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Chủ trương vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương là xuất phát từ yêu cầu khách quan, tất yếu của quá trình tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nó vừa bảo đảm tính tập trung thống nhất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa vừa phát huy cao độ tính chủ động sáng

(10) C. Mác — F. Ăng-ghen : *Phôi-ơ-bắc — sự đối lập giữa quan điểm duy vật chủ nghĩa và quan điểm duy tâm chủ nghĩa*, nhà xuất bản Sự thật Hà-nội, 1977, trang 134.

Digitized by Google

tạo của các địa phương, các cơ sở. Đó là cách đi tốt nhất để khai thác hết mọi khả năng tài nguyên đất nước cũng như mọi nguồn lao động xã hội, thực hiện sự phân công lại lao động xã hội đúng đắn và hợp lý nhất trên quy mô cả nước và từng địa phương, kết hợp tốt nhất lao động với đối tượng lao động, phát triển thêm ngành nghề, tăng nhanh năng suất lao động xã hội và bảo đảm thỏa mãn ngày càng đầy đủ nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân, từ những nhu cầu tiêu dùng chung thống nhất cả nước đến những nhu cầu muôn hình muôn vẻ của nhân dân các địa phương, phù hợp với khả năng tài nguyên, đặc điểm và tập quán của từng vùng. Xây dựng kinh tế trung ương đồng thời phát triển kinh tế địa phương là một biện pháp cơ bản để thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động vừa trong phạm vi cả nước vừa trong phạm vi từng địa phương, từng cơ sở.

Xuất phát từ một nước vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, Việt-nam phải tạo ra xã hội xã hội chủ nghĩa từ gốc đến ngọn; phải tạo ra cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới; phải tạo ra cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới; phải tạo ra cả đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần và văn hóa mới. Vì vậy, quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam là một quá trình biến đổi cách mạng liên tục, toàn diện, vô cùng sâu sắc và triệt để. Đó là quá trình kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, xây dựng với cải tạo, mà xây dựng là chủ yếu. Đó là quá trình nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt; thông qua ba cuộc cách mạng ấy từng bước hình thành chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới, xã hội chủ nghĩa. Ba cuộc cách mạng không tách rời nhau, không diễn ra một cách riêng rẽ, trái lại chúng được tiến hành đồng thời, gắn bó mật thiết với nhau. Cũng vậy, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, có mối quan hệ khăng khít và tác động qua lại lẫn nhau, trong đó mỗi mặt vừa là điều kiện lại vừa là kết quả của tất cả các mặt còn lại.

Sử dụng một cách đúng đắn, biện chứng tất cả những mối quan hệ và tác động qua lại trên đây giữa ba cuộc cách mạng, giữa chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới,

Digitized by Google

cho phép tạo ra một sức mạnh tổng hợp to lớn thúc đẩy nhanh chóng quá trình ra đời của xã hội mới nói chung cũng như từng bộ phận hợp thành của nó, thúc đẩy nhanh chóng quá trình tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua cả một giai đoạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản đầy đau khổ. Tiến lên bằng sức mạnh tổng hợp, đó có thể nói là một nét đặc sắc trong cách mạng Việt-nam, trong cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập dân tộc cũng như trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam.

Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ước mơ lâu đời của nhân dân lao động là vĩnh viễn thoát khỏi cảnh áp bức bóc lột, đói rét lầm than để sống một cuộc đời no cơm ấm áo, ngày mai được bảo đảm, một cuộc sống văn minh, hạnh phúc. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho đất nước một nền kinh tế hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến, quốc phòng hùng mạnh, để mãi mãi giữ vững độc lập tự do và không ngừng tiến bước trên con đường phồn vinh. Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới đem lại tự do chân chính cho con người, đó là sự làm chủ cao nhất, đầy đủ nhất : làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân.

Như vậy, độc lập dân tộc gắn liền khăng khít với hạnh phúc và quyền làm chủ của nhân dân. Độc lập dân tộc cũng như hạnh phúc và quyền làm chủ của nhân dân lại chỉ có được trên cơ sở chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là giải pháp duy nhất có thể có cho mọi vấn đề đặt ra trên con đường phát triển của xã hội và đất nước, đưa Tổ quốc Việt-nam tiến lên trong hàng ngũ các dân tộc tiên phong trong thời đại ngày nay. Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đã vạch ra đường lối chính trị và những mục tiêu cụ thể nhằm đáp ứng chính nhiệm vụ đó. Đường lối và những mục tiêu ấy thể hiện đúng nguyện vọng, lợi ích và ý chí của nhân dân, đang được toàn dân Việt-nam nỗ lực phấn đấu thực hiện và chắc chắn sẽ thực hiện thắng lợi, trước mắt nhằm hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ hai và trong vòng vài mươi năm sẽ hoàn thành về cơ bản công cuộc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

★

Sáu mươi năm thật chưa là bao đối với lịch sử một chế độ xã hội. Nhưng, ngay cả những lời tiên đoán lạc quan nhất và những ước mơ táo bạo nhất cách đây sáu mươi năm cũng còn thấp xa so với những gì mà chủ nghĩa xã hội thực tế đã đưa lại ở Liên-xô và trên toàn thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng của Lê-nin, nhân dân Liên-xô đã sáng tạo ra những thành tích tuyệt vời trên quê hương của Cách mạng tháng Mười và của Lê-nin vĩ đại. Nước

Digitized by Google

Nga lạc hậu xưa kia đã trở thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường có kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật phát triển vào bậc nhất thế giới, có cuộc sống thật sự hạnh phúc với những quan hệ xã hội và những con người đẹp nhất. Hiến pháp mới của Liên-xô đã long trọng ghi nhận những thành tựu lớn lao của đất nước Xô viết sau khi hoàn thành xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, và đánh dấu một thời kỳ mới của xã hội xô viết, thời kỳ Liên-xô khai phá con đường đi lên chủ nghĩa cộng sản. Với Cách mạng tháng Mười, với những chiến công lừng lẫy đánh thắng chủ nghĩa phát-xít trong chiến tranh thế giới thứ hai, với những kỳ tích vẻ vang trong lao động sáng tạo, nhân dân Liên-xô đã và đang tích cực giúp đỡ cho cách mạng các nước, góp phần rất quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, đã và đang có những cống hiến cực kỳ to lớn cho sự tiến bộ của toàn nhân loại.

Trong 30 năm qua, cùng với Liên-xô, tất cả các nước xã hội chủ nghĩa khác đều tiến lên rất nhanh trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Nhiều nước đã xây dựng xong những cơ sở của chủ nghĩa xã hội và bước vào thời kỳ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân ngày càng được hoàn thiện và phát huy tính ưu việt của nó. Sản xuất không ngừng phát triển với nhịp độ cao và ổn định. Cơ sở vật chất – kỹ thuật của chế độ mới ngày càng được tăng cường. Văn hóa, khoa học không ngừng vươn tới những đỉnh cao. Lực lượng quốc phòng hùng hậu. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Nền văn minh cộng sản đang hình thành ngày càng rõ nét trên một phần ba thế giới và không ngừng tỏa sáng trên toàn bộ hành tinh chúng ta. Ở đây, không còn chế độ người bóc lột người, không còn tình trạng phân biệt chủng tộc và áp bức dân tộc, không còn khủng hoảng kinh tế, không còn nạn thất nghiệp, nạn đói rét, nạn thất học, v.v... Ngày càng được khẳng định trong cuộc sống kiểu quan hệ xã hội hoàn toàn mới giữa người với người: dân chủ, bình đẳng, hợp tác, tương trợ trên tình đồng chí, tình bạn và tình anh em. Xã hội, cứ mỗi bước tiến lên lại tạo thêm những điều kiện ngày càng thuận lợi và đầy đủ cho sự phát triển tự do và toàn diện của nhân cách, cho việc nâng cao không ngừng hạnh phúc, phẩm giá và quyền làm chủ của con người.

Lịch sử toàn thế giới đang mỗi ngày một tô đậm thêm bức tranh tương phản giữa một bên là hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không ngừng phát triển và lớn mạnh với một bên là hệ thống đế quốc chủ nghĩa đầy rẫy những mâu thuẫn đối kháng, những tình trạng áp bức, bóc lột và bất công, một thế giới đã quá già cỗi và không tránh khỏi bị hoàn toàn sụp đổ.

Digitized by Google

Cùng với tất cả các lực lượng cách mạng đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội, hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Thực tiễn lịch sử thời đại ngày nay đồng thời mỗi ngày lại làm sáng tỏ thêm chân lý lớn: độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội gắn liền với nhau: Chân lý ấy hình thành từ Cách mạng tháng Mười và ngày càng được thể nghiệm vững chắc trong thời kỳ quá độ vĩ đại từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa thế giới, phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa, ba dòng thác lớn ấy đang tạo thành cao trào cách mạng sôi nổi trong thời đại chúng ta. Liên kết ba dòng thác đó thành một sức mạnh tổng hợp nhằm tiến công từ mọi phía, trên mọi phương diện, bằng mọi hình thức, đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến lên đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc vì những mục tiêu cao cả của thời đại chúng ta là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đó là cơ sở của chiến lược cách mạng thế giới, một chiến lược thật sự có hiệu lực, đã và đang được thực hiện với những thắng lợi cực kỳ to lớn từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Đó là biểu hiện sinh động của chủ nghĩa Mác – Lê-nin trong thời đại ngày nay, một học thuyết cách mạng đầy tính chiến đấu, tính khoa học và tính sáng tạo, đang biến thành những sức mạnh vật chất vĩ đại cải tạo lại toàn bộ thế giới.

Là một bộ phận gắn liền với cách mạng thế giới, luôn luôn được sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, quý báu, của cách mạng thế giới, cách mạng Việt-nam không ngừng tiến lên giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác vì sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt nửa thế kỷ đấu tranh của mình, với toàn bộ sự nghiệp đã được thực hiện và với toàn bộ kinh nghiệm đã trải qua, Đảng cộng sản Việt-nam hoàn toàn có thể tự hào là đảng của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trung thành trước sau như một với truyền thống đó, Đảng cộng sản chúng tôi quyết mãi mãi chấp hành đúng đắn tư tưởng sáng ngời của Lê-nin về chủ nghĩa quốc tế: làm hết sức mình cho cách mạng nước mình đồng thời ủng hộ bằng mọi cách cuộc đấu tranh cách mạng ở tất cả các nước.

Kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng cộng sản Việt-nam quyết làm tròn nghĩa vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế của mình, sát cánh với tất cả các đảng anh em, với mọi lực lượng cách mạng và tiến bộ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp vĩ đại có tính chất toàn thế giới đã được bắt đầu từ đại Cách mạng tháng Mười.

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 60 CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI

(Diễn văn của đồng chí **TRƯỜNG-CHINH** *đọc tại cuộc mít tinh ngày 5 - 11 - 1977)*

Thưa Chủ tịch Tôn-Đức-Thắng kính mến,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí và các bạn,

HÔM nay, cùng với nhân dân Liên-xô anh em và toàn thể loài người tiến bộ, chúng ta kỷ niệm trọng thể lần thứ 60 Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, cuộc cách mạng vĩ đại nhất đã vạch ra cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới con đường tự giải phóng và xây dựng cuộc sống tự do, hạnh phúc.

Trong những ngày hội lớn này, cùng nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân lao động toàn thế giới, nhân dân Việt-nam hướng về Liên-xô, quê hương của Lê-nin vĩ đại, quê hương Cách mạng tháng Mười, với lòng tin tưởng và biết ơn sâu sắc.

Lễ kỷ niệm trọng thể này đến vào lúc nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, đã hoàn thành độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà, và đang tích cực thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, Quốc hội, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và nhân dân Việt-nam, chúng ta gửi đến Ban chấp hành trung

Digitized by Google

ương Đảng cộng sản Liên-xô, Xô-viết tối cao, Chính phủ và toàn dân Liên-xô lời chúc mừng nhiệt liệt nhất, và chân thành chúc nhân dân Liên-xô giành được thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng đồng chí B.N. Sa-plin, Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết tại Việt-nam,

nhiệt liệt chào mừng Đoàn đại biểu Chính phủ Liên-xô do đồng chí S.D. Kích-nát-de, Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết Gru-di-a, làm trưởng đoàn, nhiệt liệt chào mừng Đoàn đại biểu Liên hiệp các hội hữu nghị và liên lạc văn hóa với nước ngoài, và Hội hữu nghị Xô – Việt, do đồng chí Thiếu tướng G.S. Ti-tốp, Chủ tịch Ban chấp hành trung ương Hội hữu nghị Xô – Việt, phi công vũ trụ, Anh hùng lao động Việt-nam, làm trưởng đoàn,

nhiệt liệt chào mừng các đồng chí chuyên gia Liên-xô đang công tác ở Việt-nam,

đã đến dự lễ kỷ niệm trọng thể này với chúng ta.

I

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Nước Nga vốn là một nước đất rộng, người đông, tài nguyên thiên nhiên phong phú. Nhưng dưới chế độ quân chủ chuyên chế, nước Nga lại là nước chậm phát triển bậc nhất châu Âu; nhân dân lao động và các dân tộc ở nước Nga phải sống một cuộc đời tối tăm, khổ cực. Cuối thế kỷ thứ 19, chủ nghĩa tư bản bắt đầu phát triển ở Nga. Giai cấp công nhân Nga lớn mạnh nhanh chóng và bị bóc lột hết sức nặng nề.

Nước Nga trở thành nơi tập trung những mâu thuẫn cơ bản như sau: mâu thuẫn giữa vô sản với tư bản, giữa nông dân với địa chủ, giữa các dân tộc trong nước với Nhà nước của Nga hoàng, giữa đế quốc với đế quốc.

Chủ nghĩa Mác được truyền bá vào nước Nga. Những nhóm mác-xít đầu tiên ra đời, V.I. Lê-nin tích cực hoạt động trong **Liên minh chiến đấu giải phóng giai cấp công nhân**, một trong những nhóm đó, và trở thành nhà mác-xít thiên tài, một người lãnh đạo lỗi lạc nhất của phong trào cách

Digitized by Google

mạng Nga và sau này của phong trào cộng sản quốc tế.

Sự phát triển của phong trào cách mạng Nga và cuộc đấu tranh của những người mác-xít cách mạng trong **Liên minh chiến đấu** đã dẫn đến việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản Nga, **Đảng công nhân xã hội dân chủ Nga**. Trong quá trình đấu tranh chống mọi tư tưởng tiểu tư sản, cơ hội và cải lương có ảnh hưởng sâu rộng trong giai cấp vô sản Nga, V.I. Lê-nin đã tích cực xây dựng đường lối cách mạng mác-xít của một đảng vô sản độc lập.

Năm 1903, tại Đại hội lần thứ II của **Đảng công nhân xã hội dân chủ Nga**, cuộc đấu tranh giữa số đông đại biểu theo Lê-nin với số ít đại biểu theo Mác-tốp đã dẫn đến chỗ phân liệt. **Đảng bôn-sê-vích Nga** (ngày nay là **Đảng cộng sản Liên-xô**) ra đời trên cơ sở đường lối chính trị và đường lối tổ chức đúng đắn của Lê-nin đã được đa số ở đại hội thông qua.

Tháng 12 năm 1905, cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên nổ ra ở Mát-xcơ-va và lan ra khắp nước. Tuy thất bại, cuộc khởi nghĩa đó đã được Lê-nin đánh giá rất cao: «Nếu không có cuộc «tổng diễn tập» năm 1905 đó thì có lẽ đã không thể có được những cuộc cách mạng năm 1917» (1).

Năm 1914, chiến tranh đế quốc bùng nổ. Nước Nga tham chiến bên phía Đồng minh chống đế quốc Đức. **Đảng bôn-sê-vích Nga**, do Lê-nin lãnh đạo, phân biệt chiến tranh chính nghĩa với chiến tranh phi nghĩa, vạch mặt bọn cơ hội và bọn xã hội sô-vanh đã ủng hộ chiến tranh phi nghĩa của bọn đế quốc nước chúng. Trái với bọn xã hội sô-vanh bảo vệ tổ quốc tư bản chủ nghĩa, V.I. Lê-nin nêu khẩu hiệu **«Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng»**.

Tháng 2 năm 1917, nhiều cuộc bãi công chính trị của giai cấp vô sản đã nổ ra ở Pê-tơ-rô-grát, dưới những khẩu hiệu «Bánh mì!», «Đả đảo chiến tranh!», «Đả đảo chế độ chuyên chế!» và đã dẫn đến cuộc khởi nghĩa thắng lợi, kết liễu chế độ Nga hoàng, thành lập các xô-viết công nông binh. Nhưng giai cấp tư sản và bọn phản động chiếm đa số trong nghị viện lập ra chính phủ lâm thời chống lại cách mạng. Do đó, ở nước Nga xuất hiện tình hình hai chính quyền song song tồn tại: chính quyền tư sản và chính quyền xô-viết.

Tháng 4 năm 1917, V.I. Lê-nin đề ra Luận cương tháng Tư nổi tiếng, vạch đường lối chuyển cách mạng dân chủ tư sản lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga. Tháng 7 năm 1917, Đại hội lần thứ VI của **Đảng bôn-sê-vích Nga** quyết định đấu tranh vũ trang giành chính quyền, thực hiện khẩu hiệu: **«Toàn bộ chính quyền về tay xô-viết!»**.

---

(1) Lê-nin *Toàn tập*, tập 29, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 353.

Digitized by Google

Nghệ thuật của **Đảng bôn-sê-vích Nga** để tập hợp quần chúng nhân dân đông đảo, thực hiện khẩu hiệu trên đây thật là tài tình, V.I. Lê-nin và những người cộng sản Nga đã kết hợp được bốn phong trào cách mạng lớn ở nước Nga lúc đó thành một sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa Nga đến thắng lợi vẻ vang: phong trào xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản; phong trào dân chủ của giai cấp nông dân chống giai cấp địa chủ, đòi ruộng đất; phong trào giải phóng của các dân tộc bị đế quốc Nga áp bức; phong trào chống chiến tranh đế quốc, đòi hòa bình.

Đêm 6 tháng 11 năm 1917 (tức đêm 24 tháng 10 năm 1917, theo lịch cũ nước Nga), tuần dương hạm Rạng-đông nổ súng lớn bắn vào Cung điện Mùa Đông ở Pê-tơ-rô-grát (2). Công nhân và binh sĩ cách mạng tràn vào Cung điện Mùa Đông bắt các bộ trưởng của chính phủ lâm thời Kê-ren-xky.

Ngày 7 tháng 11 năm 1917 (tức ngày 25 tháng 10 năm 1917), Đại hội Xô-viết lần thứ II tuyên bố chính quyền Nhà nước về tay Xô-viết công nông binh, bầu ra Chính phủ Xô-viết toàn nước Nga và tích cực xây dựng chính quyền xô-viết khắp các địa phương trong nước.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thành công.

Nhà nước Xô-viết thành lập.

Như tiếng sét xé tan mây mù đen tối đang bao phủ lên đời sống các dân tộc, Cách mạng tháng Mười mở ra cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, chẳng những ở nước Nga mà ở tất cả các nước, một chân trời mới hết sức huy hoàng!

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trong 60 năm qua, từ sau Cách mạng tháng Mười, thế giới đã có nhiều biến đổi sâu sắc.

Trong khi chủ nghĩa tư bản thế giới ngày càng khủng hoảng trầm trọng không thể cứu vãn được, thì chủ nghĩa xã hội phát triển không ngừng. Liên-xô lớn mạnh vượt bậc, với tiềm lực kinh tế và quân sự to lớn, đã cứu loài người khỏi họa phát-xít trong chiến tranh thế giới thứ hai, đạt những thành tích kỳ diệu trong lao động sản xuất, khoa học, kỹ thuật, văn hóa và xã hội...

Ngày nay, chỉ cần không đầy một tháng, Liên-xô đã sản xuất được một khối lượng sản phẩm xã hội bằng cả năm 1936. Tổng sản phẩm công nghiệp của Liên-xô tăng 225 lần so với năm 1917 và chiếm hơn 1 phần 5 sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Liên-xô đã vượt Mỹ và đứng đầu thế giới về nhiều chỉ tiêu sản phẩm,

(2) Ngày nay là Lê-nin-grát.

Digitized by Google

trong đó có những sản phẩm chủ yếu như: thép, dầu mỏ, than đá, xi-măng, v.v... (3).

Trong 60 năm qua, sản lượng nông nghiệp của Liên-xô tăng 4,4 lần. Cơ sở vật chất và kỹ thuật của nông nghiệp không ngừng phát triển.

Đặc biệt trong mười năm lại đây, với tốc độ phát triển cao, sức mạnh kinh tế của Liên-xô nói chung tăng gấp đôi so với 50 năm trước đó.

Với đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật ngày càng đông (hiện nay gồm 1,3 triệu người, bằng một phần tư của thế giới), Liên-xô đã chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao trong khoa học, kỹ thuật. Liên-xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất và cũng là nước đầu tiên mở đường cho con người đi vào vũ trụ.

Mức sống của nhân dân xô-viết không ngừng được cải thiện. So với năm 1913, thu nhập thực tế tính theo đầu người của công nhân tăng mười lần, của nông dân tăng 14 lần. Năm 1936 xây dựng được 14,9 triệu mét vuông nhà ở thì năm 1977 xây dựng được hơn 110 triệu mét vuông.

Liên-xô có 862 nghìn bác sĩ, chiếm một phần ba số bác sĩ trên thế giới và từ lâu nhân dân xô-viết đã được chữa bệnh không mất tiền.

Những tiến bộ về vật chất và tinh thần đó đã làm cho điều kiện sinh hoạt ở thành thị và nông thôn, điều kiện lao động chân tay và lao động trí óc ngày càng nhích lại gần nhau.

Liên-xô đã tiến những bước dài trong một thời gian tương đối ngắn và đúng như đồng chí L.I. Brê-giơ-nép đã nói tại Đại hội lần thứ 25 của Đảng cộng sản Liên-xô: «Sáu mươi năm, thời gian ngắn hơn tuổi thọ trung bình của một người, nhưng nước ta đã trải qua một chặng đường lịch sử dài bằng nhiều thế kỷ».

Ngày 7 tháng 10 vừa qua, Xô-viết Tối cao Liên-xô đã thông qua bản Hiến pháp mới, khẳng định những thành tựu đã đạt được trong sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển và vạch ra phương hướng tiến lên xã hội cộng sản chủ nghĩa không giai cấp. Theo Hiến pháp mới, Nhà nước Xô-viết bảo đảm cho công dân mình những quyền dân chủ rộng rãi nhất. Quyền tự do cao nhất của người dân xô-viết là làm chủ xã hội, làm chủ đất nước mình; ngoài ra, còn nhiều quyền lợi về chính trị, kinh tế, xã hội và cá nhân, như quyền có công ăn việc làm, quyền lựa chọn nghề nghiệp, quyền có nhà ở, quyền nghỉ ngơi, quyền được

(3) Theo Số liệu Liên-xô năm 1976:

	Liên-xô		Mỹ	
Thép	145	triệu tấn	121	triệu tấn
Dầu mỏ	520	—	400	—
Than đá	712	—	610	—
Xi-măng	124	—	71	—

Digitized by Google

bảo vệ sức khỏe, quyền được học tập, v.v...

Phấn khởi trước việc công bố Hiến pháp mới, nhân dân Liên-xô đang hăng hái thi đua lập thành tích mới chào mừng kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười và vững bước tiến lên chủ nghĩa cộng sản, ước mơ cao đẹp của loài người tiến bộ.

Sau chiến thắng vĩ đại của Liên-xô chống chủ nghĩa phát-xít, một loạt nước dân chủ nhân dân ra đời, bao gồm các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, Trung-quốc, Triều-tiên và Việt-nam.

Cách mạng Trung-quốc thắng lợi và sự xuất hiện của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, một nước gồm gần tám trăm triệu người, đã làm cho cán cân lực lượng trên thế giới nghiêng hẳn về phía cách mạng.

Cách mạng Cu-ba thắng lợi đã cắm ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội ở Tây bán cầu.

Chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành một hệ thống thế giới rộng một phần tư trái đất với số dân bằng một phần ba loài người. Phát huy tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, các nước xã hội chủ nghĩa đã tăng cường nhanh chóng sức mạnh chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học, kỹ thuật... Năm 1975, sản lượng công nghiệp của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa chiếm 41,8% sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Lực lượng quốc phòng của các nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh hơn bao giờ hết, và đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao.

Phong trào độc lập dân tộc ngày càng có tính chất sâu rộng đặc biệt, tiến công mạnh mẽ vào hậu phương của chủ nghĩa đế quốc. Gần một trăm nước thuộc địa cũ đã giành được độc lập ở mức độ khác nhau, đang tiếp tục đấu tranh để củng cố độc lập về chính trị, xây dựng dân chủ và tiếp tục hoàn thành độc lập về kinh tế. **Sự phát triển lô-gích từ độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội đã trở thành xu thế tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc trong điều kiện thế giới hiện nay.**

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng mang tính chất thống nhất và có tổ chức cao, với nội dung phong phú và hình thức linh hoạt. Nhiều cuộc bãi công liên tiếp lôi cuốn hàng triệu người và kéo dài ngày được kết hợp với hành động xuống đường biểu tình, chống nạn thất nghiệp, đòi công ăn việc làm, phản đối lạm phát, chống các chính sách kinh tế của bọn tư bản lũng đoạn Nhà nước.

Trước sự tiến công dồn dập từ nhiều phía của phong trào cách mạng thế giới và do sự phát triển của những mâu thuẫn bên trong của hệ thống tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa đế quốc tiếp tục lún

Digitized by Google

sâu vào cuộc tổng khủng hoảng. Thất bại của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt-nam đánh dấu một bước ngoặt đi xuống không cưỡng lại được của tên đế quốc đầu sỏ, kéo theo sự suy yếu của cả hệ thống đế quốc chủ nghĩa.

Bức tranh toàn cảnh của thế giới ngày nay là ba dòng thác cách mạng nói trên đang **tạo nên sức mạnh tổng hợp ở thế tiến công, đẩy lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới,** mặc dù các lực lượng phản động đang thực hiện nhiều âm mưu ngông cuồng và thâm độc hòng đàn áp phong trào cách mạng và lừa mỵ nhân dân.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Cách mạng tháng mười Nga là một cuộc cách mạng vĩ đại nhất, sâu sắc nhất trong lịch sử loài người từ trước đến nay. Nó đã xóa bỏ các giai cấp bóc lột, tư sản, địa chủ, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, biến giai cấp vô sản bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất trong xã hội thành giai cấp đứng đầu và làm chủ xã hội, giải phóng nhân dân lao động, đưa người lao động từ địa vị nô lệ lên làm chủ vận mệnh của mình; dập tan ách áp bức dân tộc, giải phóng các thuộc địa của Nga hoàng, tuyên bố các dân tộc lớn nhỏ đều bình đẳng và có quyền tự quyết; giải phóng phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng về mọi mặt; giải phóng tư tưởng con người khỏi mọi thành kiến phản động và lạc hậu do chế độ tư hữu tài sản và chế độ người bóc lột người sinh ra từ hàng nghìn năm.

Cách mạng tháng Mười thành công đã đẻ ra Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trong lịch sử loài người và biến chủ nghĩa xã hội từ ước mơ tốt đẹp thành hiện thực trong đời sống xã hội. Nó báo hiệu: quá trình cải tạo thế giới theo chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản đã bắt đầu.

Cách mạng tháng Mười thành công chứng minh những lời tiên đoán của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin về sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản là hoàn toàn đúng. Nó đập tan quan điểm của các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản về tính vĩnh cửu của chủ nghĩa tư bản, đồng thời làm phá sản lý luận hoang đường của bọn cơ hội, cải lương cho rằng chủ nghĩa tư bản sẽ dần dần biến chuyển thành chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng tháng Mười thành công xác nhận điều Lê-nin đã khẳng định: chủ nghĩa đế quốc là «giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản», là «đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản», chủ nghĩa đế quốc là «chủ nghĩa tư bản giãy chết». Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã đập tan luận điệu của Cao-xky và phe lũ trong quốc tế thứ II cho rằng chủ nghĩa đế quốc sẽ phát triển thành «chủ nghĩa siêu đế quốc»...

Digitized by Google

Cách mạng tháng Mười đã phá tung một mắt xích của sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa. Phân tích quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc, Lê-nin chỉ ra rằng trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, cách mạng có thể thành công trong một nước kém phát triển về mặt tư bản chủ nghĩa. Bằng thực tế sinh động của nước Nga, Cách mạng tháng Mười đã cải chính quan điểm cho rằng cách mạng vô sản chỉ có thể bắt đầu ở những nước phát triển về công nghiệp.

Cách mạng tháng Mười đã hoàn toàn xác nhận lý luận của Lê-nin về khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản trong vài nước, thậm chí trong một nước tư bản chủ nghĩa riêng biệt, trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản thế giới, và lý luận ấy đã thay thế cho luận điểm trước đây của những người mác-xít cho rằng chủ nghĩa xã hội chỉ có thể đồng thời thắng lợi trong số đông các nước tư bản chủ nghĩa.

Cách mạng tháng Mười đã mở ra một bước ngoặt căn bản trong lịch sử loài người, từ thế giới cũ sang thế giới mới, từ thế giới tư bản chủ nghĩa sang thế giới xã hội chủ nghĩa. Cách mạng tháng Mười như chim én mùa xuân báo hiệu giờ thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đã tới, giờ diệt vong của chủ nghĩa tư bản đã điểm. Cách mạng tháng Mười mở ra một thời đại mới, **thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.** Bắt đầu từ Cách mạng tháng Mười, số nước đi vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mỗi ngày một đông, cho đến khi tất cả các nước trên thế giới đều sẽ trở thành những nước xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Đó là một tất yếu khách quan của lịch sử loài người trong thời đại chúng ta.

Cách mạng tháng Mười đã đánh đổ chủ nghĩa đế quốc ở ngay « chính quốc », đồng thời đã đánh vào hậu phương của nó là các thuộc địa của Nga hoàng, mở ra thời kỳ vùng dậy không gì ngăn cản được của các dân tộc bị áp bức, giành độc lập, tự do, làm lay chuyển hậu phương rộng lớn của chủ nghĩa đế quốc thế giới.

Cách mạng tháng Mười thành công ở một nước lớn nằm từ châu Âu sang châu Á, cho nên nó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng cả phương Tây và phương Đông.

Cách mạng tháng Mười có ý nghĩa lịch sử và tính chất quốc tế vô cùng sâu rộng. Không một cuộc cách mạng nào trong thời đại ngày nay lại không chịu ảnh hưởng sâu xa của Cách mạng tháng Mười.

Digitized by Google

II

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Từ Cách mạng tháng Mười thành công, điều quan trọng đối với xã hội loài người là « băng đã tan, đường đã mở, lối đã vạch ra rồi » (4).

Nhân dân Việt-nam và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã và đang đi con đường Cách mạng tháng Mười, cho nên đã liên tiếp thắng lợi trong sự nghiệp giành chính quyền, giữ vững chính quyền cách mạng và xây dựng cuộc sống mới.

Nội dung và thực chất con đường Cách mạng tháng Mười là gì? Nói vắn tắt, đó là con đường cách mạng triệt để của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chế độ dân tộc nọ áp bức dân tộc kia, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, đánh đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội cộng sản theo hai giai đoạn: giai đoạn xã hội xã hội chủ nghĩa và giai đoạn xã hội cộng sản chủ nghĩa không giai cấp.

Cách mạng tháng Mười mang những nét cơ bản của Cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản:

Trước hết, Cách mạng tháng Mười là **cách mạng bạo lực**. Trong Cách mạng tháng Mười, quần chúng công nhân và nhân dân lao động nổi dậy, dùng bạo lực đánh đổ các giai cấp bóc lột, **đập tan bộ máy Nhà nước tư bản chủ nghĩa**, giành chính quyền về tay công nông, thành lập Nhà nước xô-viết, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản bắt đầu diễn ra ngay từ khi hai giai cấp đó mới ra đời. Để thực hiện mục tiêu tự giải phóng, giai cấp công nhân đã trải qua nhiều giai đoạn đấu tranh cách mạng, dùng nhiều hình thức và phương pháp khác nhau, khi bí mật lúc công khai, khi ngấm ngầm lúc bột phát, khi đấu tranh chính trị, lúc đấu tranh vũ trang, cuối cùng nhất định phải đi đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đánh đổ xã hội tư bản chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

« Vấn đề cơ bản của tất cả mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền » (5). Từ sau Cách mạng tháng Hai năm 1917, vấn đề đó đã được đặt ra như một mục tiêu trước mắt có ý nghĩa quyết định đối với giai cấp công nhân Nga. Nhưng giành chính quyền bằng cách nào?

---

(4) Lê-nin: *Toàn tập*, tập 33, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 71.

(5) Lê-nin: *Toàn tập*, tập 24, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, trang 536.

Digitized by Google

Sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 (cách mạng dân chủ tư sản), khi nước Nga có hai chính quyền song song tồn tại, V.I. Lê-nin đã tính đến khả năng giành chính quyền trong cả nước về tay công nông bằng phương pháp hòa bình và đã tranh thủ thực hiện khả năng « rất hiếm và rất quý » (6) đó. Nhưng bọn phản cách mạng đã chống lại một cách điên cuồng. Chính phủ lâm thời thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng. Rốt cuộc, giai cấp công nhân đã phải dùng đến bạo lực cách mạng để đè bẹp bạo lực phản cách mạng, giành toàn bộ chính quyền về tay Xô-viết.

Kinh nghiệm thực tế của Cách mạng tháng Mười cho thấy rằng: khi đối kháng giai cấp đã phát triển đến cực độ, khi kẻ thù của giai cấp công nhân không tự nguyện rút lui khỏi vũ đài chính trị, lại « đặt lưỡi lê vào chương trình nghị sự » (7), thì giai cấp công nhân, liên minh với các tầng lớp nhân dân bị áp bức, bóc lột, phải dùng bạo lực cách mạng giành chính quyền, thiết lập Nhà nước của mình, giữ vững chính quyền, trấn áp bọn phản cách mạng, đưa cách mạng tiến lên. Đó là một điều vô cùng cần thiết.

Dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền và bảo vệ chính quyền cách mạng, điều đó không phải do những người cộng sản và giai cấp công nhân thích dùng bạo lực, mà chính là do bản chất phản động và ngoan cố của các giai cấp bóc lột quyết định.

Chúng ta kiên quyết chống bạo lực phản cách mạng, nhưng tán thành bạo lực cách mạng vì lợi ích sống còn của nhân dân. Khi một chế độ xã hội mới ra đời, bạo lực cách mạng thường đóng vai trò quan trọng của một bà đỡ. Mặc dù đã phải dùng đến bạo lực cách mạng, Lê-nin và **Đảng bôn-sê-vích Nga** đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga tiến hành một cuộc cách mạng vĩ đại nhất, nhưng ít đổ máu nhất trong lịch sử.

Có hai khả năng để giành chính quyền về tay nhân dân: khả năng không hòa bình và khả năng hòa bình. Song muốn sử dụng khả năng hòa bình khi nó xuất hiện thì vấn đề cơ bản là **phải có thực lực**, phải chuẩn bị đầy đủ để ứng phó với khả năng không hòa bình, chứ không thể tin vào « thiện chí » và « thái độ biết điều » của các giai cấp bóc lột!

Sau khi đã giành được chính quyền trong Cách mạng tháng Mười, V.I. Lê-nin và **Đảng bôn-sê-vích Nga** đã thiết lập nền **chuyên chính vô sản** ở Nga dưới hình thức Nhà nước xô-viết. Ở nước Nga, nhiệm vụ chủ yếu của chuyên chính vô sản sau thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

---

(6) Lê-nin: *Toàn tập*, tập 25, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, trang 364.

(7) Lê-nin: *Toàn tập*, tập 9, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, trang 156.

Digitized by Google

— Trấn áp sự phản kháng của bọn tư bản và bọn địa chủ đã bị cách mạng lật đổ, đập tan những mưu mô, hành động của chúng chống lại Nhà nước xã hội chủ nghĩa nhằm khôi phục chính quyền của tư bản.

— Xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng lực lượng của tất cả những người lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, và chuẩn bị mọi điều kiện cho việc xóa bỏ các giai cấp.

— Vũ trang cho cách mạng, tổ chức quân đội cách mạng để đập tan những hành động gây chiến và xâm lược của bọn đế quốc.

— Ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai của chúng.

Chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo kiên quyết nhất của giai cấp công nhân đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; liên minh công nông là nền tảng vững chắc, đồng thời là «nguyên tắc cao nhất» của chuyên chính vô sản.

Về mặt **chính trị**, Nhà nước chuyên chính vô sản làm gì? Dùng bạo lực cách mạng để trấn áp bọn phản cách mạng, đồng thời bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, dựa trên cơ sở liên minh công nông; thực hiện những quyền dân chủ rộng rãi của nhân dân lao động; thường xuyên tăng cường, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo vệ mọi thành quả lao động của nhân dân, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Về mặt **kinh tế**, Nhà nước chuyên chính vô sản làm gì? Quốc hữu hóa những tư liệu sản xuất chủ yếu do các giai cấp bóc lột chiếm giữ, «tước đoạt lại những kẻ đi tước đoạt», cải tạo những người bóc lột theo chủ nghĩa xã hội, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm thỏa mãn yêu cầu về vật chất và văn hóa của nhân dân lao động, đến mức tối đa, trên cơ sở một nền khoa học, kỹ thuật cao.

Về mặt **văn hóa**, Nhà nước chuyên chính vô sản làm gì? Đánh đổ nền văn hóa phản động và lạc hậu của các giai cấp bóc lột, xóa bỏ tình trạng tối tăm, thiếu văn hóa do chế độ cũ để lại; xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, làm cho chủ nghĩa Mác – Lê-nin trở thành hệ tư tưởng của toàn dân và nhân dân lao động trở thành người chủ thật sự của văn hóa mới: vừa được hưởng thụ những thành tựu văn hóa mới, vừa sáng tạo ra mọi của cải văn hóa và tinh thần.

Trong các lĩnh vực trên đây, cái nào cũng có mặt **chống** và mặt **xây**; **chống** để **xây** và kết hợp với **xây**; **chống** đối với số ít người là

Digitized by Google

giai cấp bóc lột và những tàn tích của xã hội cũ đã bị lịch sử lên án; **xây** đối với số đông người là nhân dân lao động và những nhân tố tích cực đang phơi phới vươn lên. **Xây** là cơ bản và lâu dài.

Sau khi cách mạng thành công, các giai cấp bóc lột vừa bị đánh đổ, những phần tử bóc lột chưa được cải tạo thành những người lao động; chúng chưa từ bỏ âm mưu và hành động phục hồi địa vị thống trị cũ của chúng. Trong xã hội còn diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt để giải quyết dứt khoát vấn đề «ai thắng ai» giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, không thi hành chuyên chính vô sản thì không thể tiến lên chủ nghĩa xã hội được!

Hơn nữa, trong xã hội lực lượng sản xuất chưa phát triển đầy đủ, năng suất lao động chưa cao, của cải xã hội chưa dồi dào; chưa phải ai ai cũng có trình độ giác ngộ, ý thức chính trị và năng lực chuyên môn để làm hết khả năng cho xã hội; những tư tưởng và tác phong của xã hội cũ còn khá phổ biến trong nhân dân; Nhà nước còn phải thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

Vì vậy, sau khi giai cấp công nhân giành được chính quyền, Nhà nước phải là Nhà nước chuyên chính vô sản. Đường lối, chủ trương, chính sách của Nhà nước đó nhất định phải phù hợp với mục đích, lý tưởng và lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân. Nhà nước chuyên chính vô sản **có thể mang hình thức này hoặc hình thức khác,** chẳng hạn như Cộng hòa xô-viết, Cộng hòa nhân dân, Cộng hòa dân chủ, v.v... **nhưng thực chất chỉ là một: chuyên chính vô sản.** Chúng ta không lẫn lộn thực chất với hình thức của chính quyền Nhà nước đó.

Nhà nước chuyên chính vô sản là Nhà nước dân chủ nhất, dân chủ với số đông người là nhân dân lao động, và chuyên chính với số ít người là bọn phản cách mạng và bọn ăn bám, bóc lột. Nhà nước chuyên chính vô sản là Nhà nước cuối cùng trong lịch sử loài người. Vì nó dẫn đến xã hội cộng sản chủ nghĩa không giai cấp, một xã hội không cần đến Nhà nước nữa, Nhà nước sẽ tự tiêu vong, nếu trong nước chế độ cộng sản chủ nghĩa đã đủ chín muồi và hoàn cảnh cụ thể của thế giới cho phép.

Cách mạng tháng Mười không chỉ đánh đổ xã hội cũ mà còn **xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa,** hợp với quy luật phát triển khách quan của lịch sử và ước mơ chính đáng của loài người tiến bộ.

Việc xóa bỏ trật tự xã hội cũ thường dễ hơn việc sáng tạo ra một trật tự xã hội mới. Cách mạng tháng Mười là một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên thắng lợi ở một nước tiểu nông, lạc hậu, bị nội chiến và ngoại xâm

Digitized by Google

tàn phá nghiêm trọng và bị chủ nghĩa tư bản thế giới bao vây tứ phía. Nhưng nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa Mác, bất chấp mọi gian khổ, khó khăn, Đảng của Lê-nin đã lãnh đạo nhân dân tiến bước vững chắc trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta có thể nêu một số điểm cụ thể như dưới đây:

— **Xác lập quyền sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức: sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.** Quốc hữu hóa những tư liệu sản xuất chủ yếu do giai cấp tư sản chiếm đoạt; cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa nói chung bằng những biện pháp khác nhau; hợp tác hóa nông nghiệp. Thực hiện nguyên tắc «Làm việc theo khả năng, hưởng thụ theo lao động»; ai có sức lao động đều phải làm, có làm mới có ăn, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng.

— **Thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân.** Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, điện khí hóa toàn quốc, tạo điều kiện thiết thực để từng bước cơ giới hóa, điện khí hóa, tự động hóa trong công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, v.v... Vận dụng những thành tựu mới nhất về khoa học, kỹ thuật để thực hiện nền đại sản xuất cơ khí hóa; không ngừng tăng nhanh sức sản xuất xã hội.

— **Phát triển kinh tế có kế hoạch.** Chấm dứt chế độ sản xuất vô chính phủ và những hậu quả tai hại của nó (khủng hoảng, thất nghiệp...). Kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân; bảo đảm cho kinh tế phát triển cân đối, hài hòa. Lãnh đạo và quản lý kinh tế một cách có kế hoạch.

— **Tổ chức thi đua xã hội chủ nghĩa.** Xây dựng một kiểu tổ chức lao động mới, lao động liên hiệp xã hội chủ nghĩa, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, với khí thế thi đua tập thể xã hội chủ nghĩa. Đề đẩy mạnh phong trào thi đua, Nhà nước kết hợp khuyến khích lợi ích vật chất với giáo dục chính trị, động viên tinh thần.

— **Tiến hành cách mạng văn hóa.** Xóa nạn mù chữ, phổ cập giáo dục từng bước; ra sức đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề; ra sức phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, kỹ thuật; bồi dưỡng đạo đức xã hội chủ nghĩa; xây dựng con người mới, xã hội chủ nghĩa.

— **Xây dựng từng bước chủ nghĩa xã hội và quá độ lên chủ nghĩa cộng sản.** Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình phát triển từ thấp đến cao. Bắt đầu bằng xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, ngày nay Liên-xô đã xây dựng thành công xã hội xã hội

Digitized by Google

chủ nghĩa phát triển và đang quá độ lên chủ nghĩa cộng sản (8).

Đảng cộng sản Liên-xô luôn luôn giáo dục cho nhân dân Liên-xô **chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản.** Đây là một vấn đề thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội. Khi Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên mới thành lập, V.I. Lê-nin đã nói : « Giai cấp công nhân bôn-sê-vích ở Nga luôn luôn là giai cấp có tinh thần quốc tế chủ nghĩa, không phải trên lời nói mà bằng việc làm... chúng ta hãy tỏ ra rằng công nhân Nga biết làm việc một cách mạnh mẽ hơn nữa, biết chiến đấu và hy sinh với một tinh thần quên mình cao cả hơn nữa, khi vấn đề không phải chỉ là cách mạng Nga, mà là cách mạng công nhân quốc tế » (9).

Thật thế, Liên-xô đã và đang tăng cường sự ủng hộ và hợp tác giữa mình với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, giúp đỡ nhau xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, bảo vệ và phát triển hệ thống xã hội chủ nghĩa ; tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh nhằm hoàn thành độc lập về chính trị và giành độc lập về kinh tế của các nước « không liên kết » ; ủng hộ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước đế quốc chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên thế giới. Tóm lại, Liên-xô ra sức ủng hộ và giúp đỡ phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Một kinh nghiệm lớn của cách mạng Nga là : để tiến hành thắng lợi cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, phải **ra sức xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt.** Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin làm kim chỉ nam cho mọi hành động.

---

(8) Quá trình tiến lên chủ nghĩa cộng sản ở một nước xã hội chủ nghĩa là quá trình thực hiện những chuyển biến quan trọng dưới đây :

— Làm cho chế độ sở hữu toàn dân và chế độ sở hữu tập thể nhích lại gần nhau và biến dần chế độ sở hữu tập thể thành chế độ sở hữu toàn dân trong xã hội.

— Phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động trên cơ sở một nền khoa học, kỹ thuật hiện đại, tạo ra sự dồi dào cộng sản chủ nghĩa.

— Chuyển từ nguyên tắc « Làm việc theo khả năng, hưởng thụ theo lao động » sang nguyên tắc « Làm việc theo khả năng, hưởng thụ theo nhu cầu ».

— Xóa bỏ sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.

— Xóa bỏ sự khác biệt giữa lao động chân tay và lao động trí óc.

— Xây dựng con người phát triển toàn diện và có đạo đức cộng sản chủ nghĩa, v.v...

Nội dung những vấn đề trên đây không thuộc phạm vi bài nói này.

(9) Lê-nin : *Toàn tập*, tập 28, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 125.

Digitized by Google

Mục đích của Đảng là thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và mọi tàn tích phong kiến, xóa bỏ mọi áp bức, bóc lột, xây dựng cuộc sống mới hòa bình, tự do và hạnh phúc, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đường lối của Đảng là đường lối cách mạng triệt để: từ cách mạng dân chủ tư sản tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ chủ nghĩa xã hội tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Đó là một Đảng được tổ chức chặt chẽ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết, thống nhất, không chia rẽ, bè phái; đấu tranh trên hai mặt trận chống hữu khuynh và « tả » khuynh, không để cho bọn cơ hội, bọn cải lương lợi dụng tổ chức Đảng và phá hoại sự thống nhất của Đảng.

Sau khi đã giành được chính quyền, Đảng tăng cường sự lãnh đạo của mình đối với chính quyền Nhà nước từ trung ương đến các địa phương. Đảng học làm kinh tế và quản lý kinh tế, quản lý xã hội, phục vụ nhân dân vô điều kiện; chống quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, chuyên quyền.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trên đây là **những nét cơ bản trong đường lối Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại.** Học thuyết của V.I. Lê-nin về cách mạng xã hội chủ nghĩa là chân lý phổ biến, chẳng những đúng với nước Nga, với Liên-xô, mà còn đúng với Việt-nam và các nước khác trên thế giới.

Tiếng súng của Cách mạng tháng Mười đã thức tỉnh dân tộc Việt-nam. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, người cộng sản Việt-nam đầu tiên, trên đường học tập kinh nghiệm nước ngoài để về cứu nước, đã tìm đến chủ nghĩa Mác — Lê-nin và ánh sáng của Cách mạng tháng Mười. Người nói: « ...chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ » (10).

Đề cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I. Lê-nin là bó đuốc soi đường cho Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vượt qua tầm nhìn của những nhà cách mạng tiền bối ở Việt-nam để đạt tới chân lý của thời đại mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười.

Vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, được Cách mạng tháng Mười soi sáng, Chủ tịchHồ-Chí-Minh đã xây dựng đường lối cách mạng Việt-nam và sáng lập ra Đảng cộng sản Việt-nam, đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân Việt-nam. Từ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, với đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo, nhân dân Việt-nam đã đấu tranh kiên cường, bền bỉ,

(10) Hồ-Chí-Minh: **Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội**, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 231.

Digitized by Google

vượt qua muôn trùng khó khăn, gian khổ, giành thắng lợi vĩ đại trong Cách mạng tháng Tám (1945), trong hai cuộc kháng chiến lâu dài chống đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ, đi đến thắng lợi mùa Xuân 1975, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, xuất phát từ đặc điểm cơ bản của nước ta « từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa », Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc ta.

III

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Sáu mươi năm sau Cách mạng tháng Mười vĩ đại, biết bao đổi thay kỳ diệu đã diễn ra trên hành tinh chúng ta : Ra đời trong những loạt đại bác của chiến hạm Rạng-đông, thế giới mới phát triển và không ngừng lớn mạnh. Thế giới cũ hấp hối trong tiếng còi báo tử do chính các thủy thủ hạm đội của bọn đế quốc can thiệp kéo lên ở Hắc-hải, đang lao xuống hố diệt vong với một tốc độ ngày càng tăng. Những điều đoán trước của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin đang được thực hiện.

Năm nay, chúng ta kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười vĩ đại trong lúc nhân dân cả nước ta, từ Cao-lạng đến Minh-hải, đang **sôi nổi thi đua xã hội chủ nghĩa,** xây dựng lại Tổ quốc, thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ II (1976 – 1980) theo nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng ta.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta học tập tinh thần cách mạng triệt để của Cách mạng tháng Mười, học tập chủ nghĩa anh hùng cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân Liên-xô, quyết tâm phấn đấu biến nghị quyết của Đảng ta thành hiện thực.

Ngày nay, trên đất nước ta, hằng ngày hằng giờ những nhân tố tích cực đang nảy nở với quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ngày càng phát huy, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển và hoàn thiện, cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ngày một tăng cường, tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin ngày càng chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của toàn dân ta. Những con người mới đang hăng say lao động với lòng thiết tha yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Những đơn vị tiên

Digitized by Google

tiến đang xuất hiện ngày càng nhiều. Những điển hình tốt đang nảy nở trên mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Gần một năm qua, dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã phấn đấu bền bỉ, khắc phục khó khăn về thiên tai, về thiếu thốn nguyên liệu, vật tư, kỹ thuật, v.v... để thực hiện kế hoạch Nhà nước.

Trên các mặt sản xuất và xây dựng chúng ta đã đạt được một số thành tích, mà rõ nhất là tăng sản xuất lương thực, phát triển mạnh phong trào làm thủy lợi trong cả nước, đưa công tác khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới phát triển với quy mô và khối lượng lớn hơn những năm trước. Nói chung, các ngành công nghiệp giữ vững nhịp độ phát triển bình thường và bước đầu tập trung sức phục vụ nông nghiệp và thủy lợi. Công tác xuất khẩu có triển vọng đạt mức kế hoạch đã đề ra.

Những thắng lợi trên đây thể hiện quyết tâm rất cao của nhân dân ta và nói lên tính đúng đắn của nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng. Nhưng so với tiềm lực của nền kinh tế quốc dân thì những thắng lợi đó mới chỉ là cục bộ và bước đầu, chưa đáp ứng được yêu cầu về kinh tế của nước ta hiện nay.

Vì vậy, nhiệm vụ trước mắt của chúng ta còn rất nặng nề. Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương khóa IV của Đảng ta đã ra nghị quyết về « Tập trung cao độ lực lượng cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp ». Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phải ra sức thực hiện tốt nghị quyết quan trọng đó.

Hiện nay, cần thu hoạch tốt vụ mùa, đẩy mạnh sản xuất vụ đông để tăng thêm nguồn lương thực và thực phẩm vừa qua bị giảm sút do thiên tai gây nên; vận động, giáo dục nhân dân làm tròn nghĩa vụ bán nông sản phẩm cho Nhà nước, tích cực góp phần giải quyết những khó khăn về đời sống của đồng bào, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nguồn hàng xuất khẩu.

Mặt khác, phải ra sức phấn đấu để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất của các ngành điện, than, xi-măng, phân hóa học, vật liệu xây dựng...; đặc biệt là bảo đảm ổn định nguồn điện phục vụ sản xuất. Các ngành công nghiệp thực phẩm và công nghiệp nhẹ phải cố gắng khai thác nguyên liệu trong nước, tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, tận dụng phế liệu, phế phẩm. Cần chú trọng sử dụng khả năng tiềm tàng to lớn của thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp để đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng tiêu dùng phục vụ đời sống nhân dân.

Phải dồn vật liệu xây dựng, lực lượng thi công vào các công trình xây dựng cơ bản, nhất là các công trình trọng điểm, không

Digitized by Google

nền dàn đều các công trình để chậm cho việc hoàn thành kế hoạch và chậm đưa vào sử dụng.

Ngành giao thông vận tải cần khẩn trương khắc phục tình trạng mất cân đối hiện nay, đặc biệt trong việc tiếp nhận hàng nhập tại các hải cảng, để phục vụ tốt yêu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Các ngành lưu thông phân phối (cung ứng vật tư, thương nghiệp, giá cả, tài chính, ngân hàng) cần ra sức cải tiến công tác quản lý của mình để phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân.

Tất cả các ngành, các địa phương và từng cơ sở cần có biện pháp cụ thể và thiết thực để tận dụng lao động và đất đai là ưu thế của nền kinh tế nước ta, hướng vào việc bảo đảm hoàn thành kế hoạch Nhà nước.

Đi đôi với việc phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1977, cần tích cực chuẩn bị các mặt để bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1978 một cách tốt nhất, tạo ra sức bật mới để giành thắng lợi trong các năm còn lại của kế hoạch năm năm 1976 — 1980.

Trong khi ra sức xây dựng kinh tế, chúng ta phải chú ý đầy đủ đến việc **tăng cường, củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội.** Luôn luôn đề cao cảnh giác trước âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc và tay sai. Tiếp tục xây dựng quân đội nhân dân chính quy và hiện đại. Cùng với các lực lượng vũ trang nhân dân khác, quân đội nhân dân cần tăng cường rèn luyện, sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết bảo vệ Tổ quốc thân yêu; đồng thời, ra sức xây dựng kinh tế, làm thủy lợi, khai hoang, xây dựng nông trường quốc doanh; cung cấp một phần cán bộ cho các ngành, đặc biệt là cho nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng cơ bản. Các lực lượng an ninh phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng để kịp thời ngăn ngừa, phát hiện và trấn áp mọi hành động phá hoại của bọn phản động, ngăn ngừa và xử trí nghiêm minh mọi tội phạm, giữ gìn trật tự, trị an, bảo đảm sự nghiệp hòa bình xây dựng của nhân dân ta.

Chúng ta cần xúc tiến việc **xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.** Ở miền bắc, phải củng cố và cải tiến quản lý các xí nghiệp quốc doanh, các nông trường, lâm trường các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp; thực hiện chặt chẽ hạch toán kinh tế và kỷ luật lao động xã hội chủ nghĩa. Ở miền nam, phải đẩy mạnh việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp nhỏ. Cải tạo càng chậm, các yếu tố tiêu cực của chủ nghĩa tư bản càng phát triển và gây tác hại càng nhiều đối với nền kinh tế quốc dân. Song phải nghiêm chỉnh thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và

Digitized by Google

Nhà nước, và phải vận dụng kinh nghiệm cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền bắc vào hoàn cảnh miền nam một cách đúng đắn và thích hợp.

Cần đẩy mạnh công tác khoa học, kỹ thuật, phát huy tác dụng to lớn của khoa học, kỹ thuật, nhằm trực tiếp phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng. Xuất phát từ những điều kiện cụ thể và nhiệm vụ của từng ngành, từng đơn vị mà xây dựng và phát huy hiệu lực thực tế của công tác khoa học, kỹ thuật, không chờ đợi, không cầu toàn. Mạnh dạn sử dụng và sử dụng hợp lý số cán bộ khoa học, kỹ thuật vốn có; ra sức đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật mới một cách đồng bộ. Khuyến khích và tạo điều kiện đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Phương châm nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của ta hiện nay là chú trọng việc nghiên cứu ứng dụng nhằm đáp ứng những yêu cầu cấp thiết trước mắt, kết hợp với việc nghiên cứu cơ bản và lâu dài, từng bước xây dựng nền khoa học, kỹ thuật hiện đại của nước ta.

Về **công tác tư tưởng và văn hóa**, phải thường xuyên tuyên truyền, giải thích sâu rộng đường lối, chính sách và yêu cầu của công tác cách mạng trong quần chúng đông đảo, tạo nên tinh thần tích cực, tự giác của nhân dân ta trong mọi lĩnh vực hoạt động. Thường xuyên phổ biến sâu rộng những gương người tốt, việc tốt, đơn vị tốt trong phong trào thi đua tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật, bảo vệ của công, thực hành tiết kiệm, giữ gìn kỷ luật lao động, v.v... phổ biến những kinh nghiệm điển hình tốt cho các nơi cùng noi theo. Triệt để xóa bỏ mọi ảnh hưởng và tàn tích của văn hóa thực dân mới kiểu Mỹ. Đấu tranh không khoan nhượng chống những tư tưởng sai lầm, những biểu hiện tiêu cực, tham ô, lãng phí, quan liêu, công thần, địa vị, ngại khó, ngại khổ, hòa bình, hưởng lạc, hủ hóa..., thậm chí bị giai cấp bóc lột mua chuộc. Đồng thời, cần phê phán những tư tưởng và tác phong của người sản xuất nhỏ đang hằng ngày hằng giờ gặm nhấm sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Kiên quyết thực hiện cải cách giáo dục, xây dựng nếp sống mới và con người mới, xã hội chủ nghĩa.

Một vấn đề cần phải được đặt ra mạnh mẽ lúc này là xây dựng quan hệ đúng đắn giữa **Đảng lãnh đạo** cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, **nhân dân làm chủ** đất nước dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, dựa trên cơ sở liên minh công nông và **Nhà nước quản lý** kinh tế, **quản lý** xã hội, **quản lý** đời sống.

Phải tăng cường **xây dựng Đảng** về tư tưởng và tổ chức, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch: « Đảng ta là một đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần **đạo đức cách mạng**, thật

Digitized by Google

sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân». Kết nạp những người tốt xuất hiện trong phong trào thi đua lao động sản xuất, trong ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất.

Thông qua hoạt động của các cơ quan Nhà nước, nhất là các cơ quan dân cử, và các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc Việt-nam mà **phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động**, tạo ra phong trào quần chúng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, ra sức thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước, vì sự phồn vinh của đất nước và hạnh phúc của nhân dân.

Ra sức **xây dựng và tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản**, Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân. Các cơ quan của Nhà nước phải vừa phản ánh kịp thời nguyện vọng và ý chí của nhân dân, vừa là công cụ phục vụ nhân dân, chăm lo đến lợi ích của quần chúng. Cán bộ và nhân viên Nhà nước phải được đào tạo, chọn lọc, giáo dục và bồi dưỡng theo tinh thần hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, bảo vệ uy tín và phát huy hiệu lực của Nhà nước. Xúc tiến việc **xây dựng Hiến pháp**, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho Hiến pháp và pháp luật thấm nhuần trong nhân dân và được nghiêm chỉnh thi hành.

Là một bộ phận tích cực của lực lượng cách mạng thế giới, nhân dân ta ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, củng cố quốc phòng, đồng thời hăng hái ủng hộ và tham gia phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nước ta là một thành viên của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Chúng ta không ngừng giữ vững tình đoàn kết và hợp tác, giúp nhau với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và vun đắp cho mối quan hệ ấy ngày càng phát triển và củng cố. Kiên quyết thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại, chúng ta làm hết sức mình để đóng góp vào việc phục hồi và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu giữa các đảng cộng sản và công nhân và giữa các nước xã hội chủ nghĩa trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.

Chúng ta tiếp tục tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau

Digitized by Google

với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em trên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau. Đã từng chiến đấu hàng mấy chục năm liền chống bọn đế quốc xâm lược, trải qua muôn vàn hy sinh, gian khổ, vì độc lập, tự do, chúng ta hiểu rõ giá trị của những quyền thiêng liêng đó đối với mỗi dân tộc. Vì vậy, chúng ta luôn luôn tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các nước láng giềng và các nước khác, đồng thời kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của chúng ta.

Chúng ta hoàn toàn ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước Đông – Nam châu Á vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình và trung lập thật sự, không có căn cứ quân sự và quân đội của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước mình.

Chúng ta hoàn toàn ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa bành trướng Do-thái, vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta tích cực tham gia phong trào các nước không liên kết để góp phần công sức đấu tranh chống chính sách xâm lược và lũng đoạn của chủ nghĩa đế quốc, nhằm bảo vệ độc lập tự do, giành lại quyền làm chủ vĩnh viễn tài nguyên thiên nhiên của nước mình.

Chúng ta hoàn toàn ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa đang đấu tranh chống bọn tư bản lũng đoạn trong nước và nước ngoài giành quyền dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội, bảo vệ độc lập dân tộc và bảo vệ hòa bình thế giới, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội.

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta không tách rời sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Nhân dịp này, chúng ta chân thành cảm ơn Liên-xô, Trung-quốc, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên trái đất đã ủng hộ và giúp đỡ nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Làm tốt những việc nói trên, kết hợp với việc học tập những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và vận dụng có sáng tạo vào hoàn cảnh Việt-nam những nguyên lý ấy cũng như những kinh nghiệm quý báu của Cách mạng tháng Mười tức là chúng ta **kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười một cách xứng đáng và thiết thực nhất.**

Digitized by Google

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Sáu mươi năm từ Cách mạng tháng Mười đến nay chỉ là một thời gian ngắn trong lịch sử loài người, nhưng trong thời gian ấy biết bao sự kiện to lớn đã thay đổi bộ mặt của thế giới.

Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân các nước đang đứng trước những triển vọng vô cùng tốt đẹp. Sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng trên thế giới đang lay chuyển tận gốc xã hội tư bản chủ nghĩa suy tàn.

Sau những chiến thắng oanh liệt của nhân dân ta trong Cách mạng tháng Tám, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược, ngày nay nhân dân cả nước ta hăng hái xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa trong điều kiện thuận lợi mới của thế giới.

Cuộc chiến đấu trên trận địa xã hội chủ nghĩa đòi hỏi nhân dân ta phải tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ra sức khắc phục khó khăn, tạo ra những khả năng mới, hoàn thành tốt những nhiệm vụ nặng nề mới. Điều đó chẳng những quan hệ đến tự do, hạnh phúc của 50 triệu đồng bào ta, mà còn quan hệ đến sự phồn vinh và hùng cường của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, đến thắng lợi của phong trào đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Mười (1917) và Cách mạng tháng Tám (1945), toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy dấy lên cao trào thi đua xã hội chủ nghĩa, ra sức **thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết của Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành Trung ương Đảng.**

— Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại muôn năm!

— Chủ nghĩa Mác — Lê-nin bách chiến bách thắng muôn năm!

— Tình đoàn kết chiến đấu và hữu nghị vĩ đại giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Liên-xô muôn năm!

— Cuộc đấu tranh của nhân dân toàn thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội nhất định thắng lợi!

— Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam muôn năm!

— Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh muôn năm!

— Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta!

Digitized by Google

NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

TIẾN BƯỚC VỮNG CHẮC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

QUYẾT-THẮNG

DƯỚI sự lãnh đạo tài tình của Đảng nhân dân cách mạng Lào, một đảng Mác – Lê-nin dày dạn trong chiến đấu, nhân dân các dân tộc Lào anh em đã viết nên những trang sử huy hoàng, chẳng những đã giành được thắng lợi triệt để trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn tiến những bước dài trong công cuộc giải phóng những người lao động, cùng một lúc xóa bỏ ách thống trị thực dân kéo dài hơn 100 năm nay và chế độ phong kiến bao đời đè nặng lên nhân dân Lào.

Việc thành lập nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào mở ra kỷ nguyên mới vô cùng tươi sáng, kỷ nguyên xây dựng nước Lào hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi lịch sử vĩ đại này đánh dấu bước ngoặt hết sức to lớn trong đời sống mỗi người dân Lào, từ người nô lệ trở thành người chủ thật sự và vĩnh viễn của đất nước, và ngày càng làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, tự do xây dựng và bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc của mình.

Trước đây, cuộc chiến đấu thắng lợi của nhân dân Lào đã góp phần tích cực vào sự nghiệp giải phóng của nhân dân ba nước Đông-dương, vào việc mở rộng hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Ngày nay, mỗi bước tiến của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước là một đóng góp mới vào việc củng cố và tăng cường sức mạnh của các lực lượng cách mạng và hòa bình trên bán đảo Đông-dương, ở khu vực Đông – Nam châu Á và trên thế giới.

★

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, nhân dân Lào chuyển sang làm nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiển nhiên trở thành một thành viên mới trong hệ

Digitized by Google

thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Ở vào vị trí chiến lược hết sức trọng yếu, nước Lào cách mạng là một tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông—Nam châu Á. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trong hai năm qua nhân dân các dân tộc Lào liên tục giành được những thắng lợi trong đấu tranh bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng đất nước.

Đế quốc Mỹ bị thất bại nặng nề ở Đông-dương, trong hai năm qua, thông qua tổ chức tình báo CIA và thế lực phản động Lào còn lại, đã không ngừng tìm mọi cách phá hoại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Chúng sợ rằng sự tồn tại và lớn mạnh của nước Lào cách mạng sẽ phát huy ảnh hưởng tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội và góp phần đẩy lùi chủ nghĩa thực dân mới trong khu vực này của thế giới. Các thế lực đế quốc và phản động khác, cũng lo sợ như vậy, đang câu kết với nhau và với Mỹ chống lại cách mạng Lào dưới nhiều hình thức, tuy chúng có những lợi ích không hoàn toàn giống nhau.

Mục tiêu của Mỹ là nhằm làm suy yếu, rồi tiến lên lật đổ chế độ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Mỹ hy vọng, bằng cuộc phản kích tháng 10-1976 đưa bọn quân phiệt trở lại cầm quyền ở Thái-lan, có thể tiếp tục sử dụng đất Thái-lan như một bàn đạp để chống cách mạng Lào nói riêng và phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa ở bán đảo Đông-dương nói chung. Chính trên đất Thái-lan, Mỹ tập hợp, nuôi dưỡng, cung cấp tiền bạc, vũ khí và chỉ huy bọn phản động Lào lưu vong, câu kết với thế lực quân phiệt Thái-lan, tiến hành hàng trăm vụ khiêu khích ở biên giới Thái-lan — Lào, bao vây kinh tế Lào, xây dựng các bàn đạp cho bọn phản động Lào lưu vong để từ đó nhảy vẽ móc nối với các cơ sở phản động đã gài từ trước ở Lào, tiến hành các hoạt động gây rối, gián điệp, chiến tranh tâm lý, ám sát, gây bạo loạn... nhằm gây khó khăn hòng cản trở bước tiến của cách mạng Lào.

Tuy nhiên, với khí thế của người chiến thắng, nhân dân và các lực lượng quân sự, an ninh Lào đã không ngừng đề cao cảnh giác, đập tan hết âm mưu này đến âm mưu khác của địch, bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng. Không những thế, qua gần hai năm đấu tranh quyết liệt và toàn diện với kẻ thù, nhân dân các dân tộc Lào còn tăng cường các lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh của mình để bảo vệ công cuộc xây dựng đất nước.

Một khó khăn to lớn nữa của cách mạng Lào là những hậu quả hết sức nặng nề của chiến tranh kéo dài mấy chục năm làm cho nền kinh tế vốn đã lạc hậu, phụ thuộc lại càng kiệt quệ. Chính quyền cách mạng mới thành lập, đã phải lao vào công việc khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế để ổn định đời sống nhân dân các dân tộc.

Về nông nghiệp, do tinh thần phấn khởi lao động của nông dân, cộng thêm sức lao động được tăng cường vì có hàng vạn người bị địch cưỡng ép di cư trong chiến tranh, được chính quyền cách mạng giúp đỡ trở về làng cũ, cho nên sản xuất đã căn bản được khôi phục, với gần 4 vạn héc-ta đất khai hoang phục hóa, thêm 2 vạn héc-ta đất được tưới nước, hai vụ sản xuất liên tiếp được mùa.

Về công nghiệp, phần lớn các xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và tất cả những cơ sở công nghiệp phục vụ đều đã được phục hồi, hoạt động với mức độ khác nhau trong khi phải khắc phục rất nhiều khó khăn về nguyên liệu và nhiên liệu.

Chính quyền cách mạng cũng đã có những cố gắng rất lớn trong lĩnh vực lưu thông phân phối, bảo đảm tiếp tế để giữ vững đời sống cho hơn ba triệu dân ở thành thị và nông thôn trong cả nước.

Digitized by Google

Qua cuộc đấu tranh gay go trên mặt trận kinh tế, dựa vào lực lượng nhân dân và sự chi viện của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước bầu bạn khác, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào không những đã thu được những thành tích to lớn trong công cuộc khôi phục kinh tế mà còn đạt những tiến bộ quan trọng về mặt cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh ở các thành phố và bước đầu xây dựng thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa trong thương nghiệp, vận tải và một phần trong công nghiệp, nông nghiệp.

Trên mặt trận văn hóa, giáo dục, y tế, nhân dân các dân tộc Lào cũng ghi được những bước tiến bộ rất đáng phấn khởi. Việc xóa bỏ tệ nạn xã hội và văn hóa đồi trụy ở các thành phố đã làm cho bộ mặt của các thành phố Lào có những thay đổi rõ rệt, làm nổi lên phong cách dân tộc và tính chất quần chúng trong sinh hoạt văn hóa, văn nghệ. Phong trào học tập văn hóa rộng rãi trong quần chúng đã làm tăng thêm hàng chục vạn người biết chữ và được nâng cao trình độ; chất lượng giảng dạy, học tập trong ngành giáo dục phổ thông và đại học đã bước đầu được nâng lên theo phương hướng giáo dục mới; hàng chục vạn học sinh các cấp đã được đi học trong những khóa học đầu tiên dưới chính quyền cách mạng. Những cố gắng về y tế như mở rộng mạng lưới bệnh viện, bệnh xá, sản xuất thuốc dân tộc, hướng vào phục vụ nhân dân lao động, rất đáng chú ý; phong trào thể dục thể thao cũng đang có đà phát triển trong nhân dân. Tất cả những tiến bộ về văn hóa, giáo dục, y tế tuy là bước đầu, song đã làm nổi rõ tính ưu việt của chế độ Cộng hòa dân chủ nhân dân, khiến nhân dân các dân tộc Lào ngày càng tin tưởng và gắn bó với cách mạng.

Trong hai năm qua, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã hướng những nỗ lực lớn lao của toàn dân vào sự nghiệp khôi phục, cải tạo và xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, và công cuộc đấu tranh chống các âm mưu phá hoại của những tàn dư phản động Lào câu kết với bọn quân phiệt cực hữu Thái-lan, được CIA nuôi dưỡng và giật dây. Qua các phong trào đấu tranh chống phản cách mạng, xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, Đảng nhân dân cách mạng Lào có những biện pháp có hiệu quả xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng các cấp, giáo dục, phát động quần chúng, làm cho đường lối, chính sách của Đảng và chính quyền cách mạng ngày càng thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân, tạo điều kiện tập hợp đông đảo quần chúng vào các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ, trí thức..., rèn luyện nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ và bồi dưỡng, đào tạo những người tích cực trong quần chúng thành hàng nghìn cán bộ, đáp ứng đòi hỏi cấp bách của cách mạng. Đảng nhân dân cách mạng Lào còn thực hiện chủ trương củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, giáo dục, cải tạo trí thức, tổ chức học tập cho sư sãi... làm cho các tầng lớp rộng rãi trong nhân dân các dân tộc Lào ngày càng hiểu rõ và yêu mến chế độ mới.

Về mặt đối ngoại, mới chỉ trong hai năm, từ ngày thành lập đến nay, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã phát huy mạnh mẽ ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế, tranh thủ được viện trợ vật chất quan trọng của các nước xã hội chủ nghĩa và một số nước khác. Đồng thời, với đường lối đối ngoại chống đế quốc, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, uy tín của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày càng lên cao.

Những thắng lợi và tiến bộ mà nhân dân các dân tộc Lào đã đạt được nói lên sự lãnh đạo đúng đắn

Digitized by Google

của Đảng nhân dân cách mạng Lào và tính chất ưu việt của chế độ Cộng hòa dân chủ nhân dân. Trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhân dân các dân tộc Lào còn phải trải qua một quá trình đấu tranh lâu dài, phức tạp để khắc phục vô vàn khó khăn. Những khó khăn đó một phần do các thế lực đế quốc và phản động gây ra, một phần do chủ nghĩa thực dân mới và chiến tranh để lại, một phần do nước Lào đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế tiểu nông hết sức phân tán, lạc hậu, trình độ văn hóa của nhân dân các dân tộc, trình độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội của đội ngũ cán bộ cách mạng không thể nâng cao lên trong một thời gian ngắn được. Tuy nhiên, với truyền thống yêu nước, đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù trong lao động sản xuất của nhân dân các dân tộc Lào, với chế độ Cộng hòa dân chủ nhân dân ưu việt, với nguồn tài nguyên thiên nhiên rất phong phú và dồi dào, được sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhất là có đường lối, chính sách đối nội, đối ngoại đúng đắn, sáng tạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, nhân dân các dân tộc Lào nhất định sẽ xây dựng và bảo vệ thắng lợi nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, đưa nước Lào vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa.

★

Nhân dân và Đảng cộng sản Việt-nam rất vui mừng phấn khởi trước những thắng lợi và tiến bộ mới của nhân dân các dân tộc Lào anh em, những người bạn chiến đấu sống chết có nhau, trong mấy chục năm qua cùng chiến đấu và cùng thắng lợi, và đã cùng nhau xây dựng nên mối tình hữu nghị đặc biệt vĩ đại, trong sáng, thủy chung, mẫu mực và hiếm có, trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt này không những là một truyền thống quý báu, một nhân tố thắng lợi, mà còn là quy luật phát triển của cách mạng hai nước chúng ta.

Chúng ta rất vui mừng và tự hào nhận thấy mối quan hệ đặc biệt Việt-nam – Lào đã không ngừng phát triển và được củng cố thêm bền vững trong giai đoạn mới của cách mạng mỗi nước. Bản tuyên bố chung Việt-nam – Lào ngày 11-2-1976 và các hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật được ký kết giữa hai nước ngày 31-8-1976 đã được thực hiện một cách tốt đẹp. Cuộc đi thăm hữu nghị chính thức nước ta của Đoàn đại biểu Đảng và chính phủ Lào tháng 2-1976, cuộc đi thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tháng 7-1977 của Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta với việc ký kết những văn kiện quan trọng, nhất là bản Tuyên bố chung, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt-nam – Lào, Hiệp ước hoạch định biên giới giữa hai quốc gia Lào – Việt-nam, là những sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại, không những là nguồn cổ vũ to lớn đối với nhân dân hai nước mà còn đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ đặc biệt Việt-nam – Lào, mở ra triển vọng rất tốt đẹp và tạo những cơ sở pháp lý vững chắc cho các quan hệ hợp tác tương trợ toàn diện, cơ bản và lâu dài giữa hai dân tộc, bảo đảm cho sự phát triển thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

Nhân dân Việt-nam nguyện tiếp tục kề vai sát cánh với nhân dân các dân tộc Lào anh em, ra sức củng cố và tăng cường mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước, bảo vệ tình đoàn kết Việt – Lào như bảo vệ con ngươi của mắt mình, cùng nhân dân Lào anh em hợp tác giúp đỡ lẫn nhau một cách toàn diện, lâu dài trong sự

(Xem tiếp trang 77)

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 50 NGÀY THÀNH LẬP CÔNG XÃ QUẢNG-CHÂU

HỮU-NGHỊ

CÁCH đây 50 năm, ngày 11-12-1927, quần chúng công nông thành phố Quảng-châu đã nổi dậy giành chính quyền, thành lập Công xã Quảng-châu, một trong những hình thức chính quyền công nông đầu tiên của Trung-quốc.

Cuộc Cách mạng Tân hợi năm 1911 do Tôn-Trung-Sơn lãnh đạo đã lật đổ chế độ phong kiến nhà Thanh, lập ra Trung-hoa dân quốc. Nhưng không bao lâu, chính quyền lọt vào tay bọn phản động phong kiến quân phiệt, cuộc cách mạng thất bại. Tôn-Trung-Sơn, đại biểu cho phái dân chủ tư sản Trung-quốc, phải tiếp tục tìm con đường đấu tranh cho cách mạng Trung-quốc. Về sau, nhờ ảnh hưởng của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga, lại được Quốc tế cộng sản và Đảng cộng sản Trung-quốc giúp đỡ, Tôn-Trung-Sơn đi đến kết luận rằng phải dựa vào quần chúng công nông, đoàn kết với những người cộng sản mới có thể thực hiện được cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung-quốc. Tháng 3 năm 1923, Tôn-Trung-Sơn thành lập Chính phủ cách mạng Quảng-đông, đóng ở Quảng-châu, và định ra 3 chính sách lớn là đoàn kết với Liên-xô, đoàn kết với Đảng cộng sản Trung-quốc và giúp đỡ công nông. Quân cách mạng quốc dân do Tôn-Trung-Sơn thành lập lấy học sinh trường Hoàng-phố làm nòng cốt, là lực lượng vũ trang chủ yếu để tiến hành Bắc phạt, nhằm tiêu diệt các tập đoàn quân phiệt phong kiến ở phía Bắc. Cuộc chiến tranh Bắc phạt tiến hành nhanh chóng và giành được thắng lợi vĩ đại. Khoảng nửa cuối năm 1926, quân cách mạng quốc dân Quảng-đông đã chiếu thắng nhiều tập đoàn quân phiệt và chiếm được cả một vùng rộng lớn ở miền Đông Nam Trung-quốc bao gồm Quảng-đông, Hồ-nam, Hồ-bắc, Phúc-kiến, Triết-giang, Giang-tây, An-huy. Sau khi chiếm được Thượng-hải và Nam-kinh, quân Bắc phạt chuẩn bị tiến lên miền Hoa-bắc.

Những thắng lợi rực rỡ của chính phủ cách mạng Quảng-châu và của cuộc chiến tranh Bắc phạt đã thúc đẩy phong trào công nông khắp Trung-quốc. Quảng-đông trở thành vùng căn cứ cách mạng của cả nước. Quảng-châu trở thành điểm nóng của thời sự thế giới, được phong trào cách mạng thế giới và các tổ chức cách mạng quốc tế hết sức chú ý và giúp đỡ.

Trước những thắng lợi to lớn đó của phong trào cách mạng — kết quả của chính sách đoàn kết và hợp tác giữa Đảng cộng sản và Đảng quốc dân — bọn quân phiệt và bọn phản động trong Đảng quốc dân Trung

Digitized by Google

quốc, được bọn đế quốc tiếp tay, đã phản kích điên cuồng. Sau khi quân Bắc phạt chiếm Nam-kinh năm 1927, hạm đội của Mỹ, Nhật, Anh, Pháp... đã nổ súng vào thành phố Nam-kinh, giết và làm bị thương gần 2.000 người. Bọn đế quốc ra sức can thiệp vào Trung-quốc, giúp đỡ Tưởng-Giới-Thạch phản bội sự nghiệp cách mạng của nhân dân Trung-quốc. Ngày 12-4-1927, Tưởng-Giới-Thạch làm đảo chính phản cách mạng ở Thượng-hải thẳng tay đàn áp nhân dân. Tại Quảng-châu cũng như tại nhiều nơi khác, dưới ách thống trị tàn bạo của tập đoàn phản động Tưởng-Giới-Thạch, tình hình rất đen tối. Cách mạng đang chuyển sang một bước ngoặt. Tuy nhiên, Quảng-châu là căn cứ cũ của cách mạng Trung-quốc, là nơi xuất phát của quân đội cách mạng Bắc phạt. Truyền thống cách mạng của quần chúng công nông Quảng-châu không thể một lúc mà dập tắt được. Tỉnh ủy Quảng-đông của Đảng cộng sản Trung-quốc đã quyết định phát động khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Quyết định khởi nghĩa dựa trên những nhân tố như sau. *Một là*, quần chúng công nhân Quảng-châu trước đây đã được tổ chức tương đối chặt chẽ, là một lực lượng mạnh. Sau khi chính quyền về tay bọn phản động, tuy có bị đàn áp, nhưng các tổ chức công hội vẫn được duy trì và hoạt động bí mật. Quần chúng nông dân ngoại thành giác ngộ cách mạng. *Hai là*, về mặt lực lượng quân sự, Đảng cộng sản có trung đoàn huấn luyện do đồng chí Diệp-Kiếm-Anh chỉ huy vừa rút từ Vũ-hán về. Đảng còn nắm được trung đoàn cảnh vệ Quảng-châu sau khi nó được chấn chỉnh lại, và một bộ phận cảnh sát vũ trang của địch. *Ba là*, lúc đó các phe nhóm phản động trong Đảng quốc dân ở Quảng-đông tranh giành nhau về quyền lợi, mâu thuẫn nhau kịch liệt. Bên nổi bật là Trương Phát-Khuê đóng ở Quảng-châu phải [illegible] cho địch tạm thời lực lượng quân đội của chúng ra khỏi Quảng-châu để đối phó ở các nơi, nhằm bảo vệ trận địa Quảng-châu, làm cho Quảng-châu hầu như không có quân thường trực.

Trong tình hình đó, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng giành được thắng lợi và Công xã Quảng-châu được thành lập. Chính quyền Xô-viết công nông binh đã ban bố những chính sách mới. Các cuộc đại hội quần chúng được tổ chức và hô vang các khẩu hiệu: « Đả đảo chủ nghĩa đế quốc », « Đả đảo Đảng quốc dân phản cách mạng », « Đả đảo Trương Phát-Khuê, Đoàn-Kỳ-Thụy phản cách mạng », « Chính quyền về tay Xô viết công nông binh »...

Tuy nhiên, khi cách mạng đã thắng lợi, bọn phản động điên cuồng phản kích. Chúng điều động lực lượng các nơi về bao vây chính quyền cách mạng non trẻ. Đế quốc Anh, Mỹ nã súng từ chiến hạm vào thành phố và cho quân đổ bộ lên ngoại thành để tiếp tay cho bọn phản động. Mặc dù quân khởi nghĩa đã chiến đấu vô cùng anh dũng, nhưng do lực lượng so sánh quá chênh lệch, cho nên cuộc khởi nghĩa thất bại. Bọn phản động đã thẳng tay tàn sát quần chúng cách mạng, giết hại trên 8.000 người, bắt giam hàng loạt người khác, trong đó có một số cán bộ Việt nam.

Công xã Quảng-châu tuy thất bại nhưng đã có ý nghĩa lịch sử sâu sắc đối với cách mạng Trung-quốc. Cùng với cuộc khởi nghĩa Nam-xương do đồng chí Chu Ân-Lai... lãnh đạo và cuộc khởi nghĩa vụ gặt thu do đồng chí Mao Trạch-Đông lãnh đạo, khởi nghĩa Quảng-châu là cuộc thử nghiệm đầu tiên về việc thành lập chính quyền Xô viết công nông binh ở Trung-quốc. Khởi nghĩa Quảng-châu đã giáng một đòn quyết liệt vào tập đoàn phản cách mạng Tưởng-Giới-Thạch, đã [illegible]

Digitized by Google

với bọn đế quốc để thống trị Trung-quốc, thúc đẩy cuộc đấu tranh vũ trang cách mạng của nhân dân Trung-quốc tiến lên dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Công xã Quảng-châu đã nêu cao tinh thần dũng cảm hy sinh của các chiến sĩ cộng sản Trung-quốc kiên quyết chiến đấu cho dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nó chứng tỏ rằng giai cấp công nhân và nhân dân lao động Trung-quốc kiên quyết đấu tranh chống bọn phản cách mạng trong nước câu kết với chủ nghĩa đế quốc để áp bức bóc lột nhân dân.

Công xã Quảng-châu chứng tỏ rằng trong thời đại chúng ta, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại, cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phải do giai cấp công nhân và Đảng cộng sản lãnh đạo mới giành được thắng lợi.

Công xã Quảng-châu nêu cao tinh thần quốc tế vô sản cao cả. Nó chứng tỏ rằng Cách mạng trong mỗi nước là một bộ phận của cách mạng thế giới. Muốn giành được thắng lợi, cách mạng trong mỗi nước phải dựa vào sức mình là chính, đồng thời phải đoàn kết và phối hợp đấu tranh với lực lượng cách mạng trong tất cả các nước.

★

QUẢNG-CHÂU vốn là nơi quen thuộc đối với nhiều nhà cách mạng Việt-nam. Chính nơi đây đã ghi dấu nhiều hoạt động cách mạng hết sức quan trọng của Hồ Chủ tịch. Nhiều cán bộ cách mạng Việt-nam đã được Người đào tạo tại Quảng-châu. Các cán bộ đó cũng đã hoạt động tại đây. Những hoạt động đó đã được tiến hành với sự giúp đỡ tích cực của Quốc tế cộng sản, của Đảng cộng sản Trung-quốc và của Chính phủ cách mạng Quảng-châu.

Trước đó, cũng tại Quảng-châu đã vang lên tiếng bom của Phạm-Hồng-Thái, người thanh niên yêu nước Việt-nam, định giết tên toàn quyền Pháp ở Đông-dương là Méc-lanh khi hắn đến Sa-điện, một khu phố thuộc quyền cai trị của Pháp ở Quảng-châu.

Quảng-châu có mối quan hệ với nhiều nhà cách mạng Việt-nam như vậy, cho nên cuộc khởi nghĩa Quảng-châu nổ ra đã nhanh chóng vang dội đến Việt-nam, được các chiến sĩ cộng sản và nhân dân Việt-nam rất quan tâm và theo dõi với một mối cảm tình nồng thắm.

Công xã Quảng-châu đã nêu cho cách mạng Trung-quốc những bài học sâu sắc, đồng thời cũng đem lại cho các chiến sĩ cách mạng Việt-nam một sự cổ vũ mạnh mẽ và những kinh nghiệm quý. Máu của các chiến sĩ cách mạng Việt-nam đã hòa chung với máu của các chiến sĩ cách mạng Trung-quốc trong Công xã Quảng-châu. Những hạt giống hữu nghị cách mạng giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung-quốc được Hồ Chủ tịch và Đảng cộng sản Trung-quốc vun trồng từ những ngày ở Quảng-châu, đã được nhân lên với tiếng súng vang rền của khởi nghĩa Quảng-châu. Sau khi Đảng cộng sản Việt-nam ra đời năm 1930, ngày thành lập Công xã Quảng-châu được coi là một trong những ngày kỷ niệm của các chiến sĩ cách mạng Việt-nam ở trong và ngoài nhà tù. Nhiều cuộc kỷ niệm Công xã Quảng-châu đã biến thành những cuộc mít tinh, tuần hành, thị uy của quần chúng. Từ cuộc mít tinh đầu tiên ở Việt-nam để kỷ niệm Công xã Quảng-châu ngày 12-12-1929 đến tháng 12-1931, đã có hàng vạn công nhân và nông dân tham gia. Riêng ở Nghệ-tĩnh đã có trên 13.000 người tham gia. Thực dân Pháp và tay sai đã đàn áp dã man và đã bắn chết 45 người trong các cuộc mít tinh, biểu tình nói trên.

(Xem tiếp trang 71)

Digitized by Google

BÌNH LUẬN

Về cái gọi là «chiến dịch nhân quyền» của đế quốc Mỹ

VỪA mới bước vào Nhà trắng tổng thống Mỹ Gim-mi Ca-tơ đã tuyên bố « một trong những cơ sở của chính sách đối ngoại của Mỹ là cam kết bảo vệ nhân quyền », và « quyết tâm mở rộng chiến dịch nhân quyền trên khắp thế giới ». Phụ họa với Ca-tơ, các tập đoàn phản động Mỹ và báo chí của chúng la ó rằng ở nơi này, nơi kia trên thế giới có hiện tượng vi phạm nhân quyền. Chúng vu khống các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang đấu tranh đòi giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc « chà đạp nhân quyền »!

Nhân quyền là những quyền cơ bản của con người. Con người ở trong xã hội. Trong xã hội có giai cấp, không thể có con người đứng trên các giai cấp. Do đó, không thể nói đến con người chung chung, siêu giai cấp, và quyền của con người, tức nhân quyền chung chung, siêu giai cấp được.

Trên thế giới còn có bọn đế quốc đi xâm chiếm các thuộc địa, không thể có thứ « nhân quyền » chung cho tên thực dân đế quốc và người « dân bản xứ » ở thuộc địa. Nói về « nhân quyền », nhưng Ca-tơ không dám nói rõ đó là quyền của con người thuộc giai cấp bị bóc lột hay là quyền của con người thuộc giai cấp bóc lột; quyền của người dân thuộc địa hay là quyền của bọn thực dân đế quốc. Ca-tơ bỏ chung vào một rọ hai thứ nhân quyền căn bản khác nhau đó, đánh lộn trắng đen, hòng làm cho người ta mơ hồ, không phân biệt phải với trái, chính nghĩa với phi nghĩa, cách mạng với phản cách mạng.

Thực ra, thứ « nhân quyền » mà Ca tơ « cam kết bảo vệ » là « quyền » của bọn tư bản bóc lột giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa, là « quyền » của bọn đế quốc, bọn thực dân cũ và mới, xâm chiếm và nô dịch các thuộc địa. Cái cốt lõi của thứ « nhân quyền » này là quyền chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Nắm được quyền cơ bản này, giai cấp tư sản có đủ mọi quyền chi phối khác, quyền bóc lột, quyền phân phối, quyền chà đạp lên nhân phẩm và đạo lý của con người. Còn người lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa không có quyền nào khác ngoài « quyền » bán sức lao động và chịu đói rét. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, các quyền tự do, dân chủ, mặc dù được ghi trong các văn kiện của Nhà nước, chỉ là quyền trên giấy.

Digitized by Google

Người sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học là Các Mác đã từng phân tích thuyết nhân quyền của giai cấp tư sản và cho rằng « nhân tố cơ bản của nó là bảo vệ quyền tư hữu ». Giai cấp tư sản đã đem quyền tư hữu trình bày thành « nhân quyền ». Trên thực tế, theo quan điểm của giai cấp tư sản « nhân quyền » chỉ là « quyền tư hữu ».

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nhà máy, hầm mỏ, v.v... thuộc quyền sở hữu của giai cấp tư sản, còn giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác bị tước hết mọi phương tiện để kiếm sống. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chỉ có giai cấp tư sản mới có « nhân quyền », còn giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác trên thực tế là không có « nhân quyền ». Chỉ khi nào chế độ tư bản chủ nghĩa bị xóa bỏ, quyền chiếm hữu tư nhân về các tư liệu sản xuất chủ yếu bị thủ tiêu, chế độ xã hội chủ nghĩa được xây dựng, quyền sở hữu công cộng về các tư liệu sản xuất chủ yếu được xác định, thì người lao động mới thật sự có nhân quyền, tức là quyền làm chủ về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, tức là quyền làm chủ đất nước và làm chủ vận mệnh của mình.

Bọn tư bản Mỹ luôn mồm ba hoa về nhân quyền, nhưng chính ở nước Mỹ tình trạng vi phạm nhân quyền là nghiêm trọng nhất và tệ hại nhất trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Thật vậy, hiện nay ở Mỹ giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác bị bóc lột hết sức nặng nề. Đến ngay quyền có công ăn việc làm là quyền cơ bản nhất của con người mà nhiều người Mỹ cũng không có. Số người bị thất nghiệp lên tới 8 triệu, chiếm tỷ lệ hơn 7% lực lượng lao động ở Mỹ. Lạm phát, giá sinh hoạt không ngừng tăng lên đang đè nặng lên đời sống của những người lao động. Những người đấu tranh đòi quyền sống bị đàn áp, cầm tù, thậm chí giết chết. Chế độ phân biệt chủng tộc mà các tập đoàn tư bản thống trị Mỹ đã và đang thi hành là một bằng chứng về chà đạp thô bạo nhân quyền. Hơn hai thế kỷ nay, người da đen ở Mỹ sống trong máu và nước mắt. Tuyệt đại đa số người lao động da đen ở Mỹ phải chịu hai tầng áp bức về chủng tộc và về giai cấp. Cùng làm một việc như người da trắng, người lao động da đen chỉ được trả lương bằng nửa hoặc 1/3 lương của người da trắng. Trung bình cứ 4 người da đen có 3 người thất nghiệp. Trên 11 triệu người da đen phải sống chui rúc trong những khu nhà « ổ chuột ». Phần lớn người da đen không có quyền ứng cử và bầu cử. Người da đen không được học cùng một trường, ăn cùng một cửa hiệu, chữa bệnh cùng một bệnh viện, đi cùng một chiếc xe, giải trí cùng một nơi, thậm chí chết không được chôn cùng một nghĩa địa, v.v... với người da trắng. Số người da đen bị đế quốc Mỹ đẩy đi làm bia đỡ đạn cho chúng trong các cuộc chiến tranh xâm lược thường chiếm một tỷ lệ cao hơn so với người da trắng... Các tệ nạn xã hội như nghiện xì ke, ma túy, hiếp dâm, trộm cướp, bắn giết lẫn nhau, đầy dẫy trong xã hội Mỹ và ngày càng nghiêm trọng.

Không những chà đạp lên nhân quyền của nhân dân trong nước, đế quốc Mỹ còn dựa vào vũ khí và đô la chà đạp lên nhân quyền của nhân dân các nước khác để phục vụ cho chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng. Tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, đế quốc Mỹ đã từng dùng pháo đài bay B. 52 và các máy bay hiện đại khác, dội hàng chục triệu tấn bom, kể cả bom na-pan, tàn phá đất nước Việt-nam và giết hại không biết bao nhiêu người dân Việt-nam vô tội, dựng lên những chuồng cọp để giết dần giết mòn những người Việt-nam yêu nước, gây ra hàng loạt vụ thảm sát như vụ Sơn-mỹ, v.v... Đế quốc Mỹ đã và đang

Digitized by Google

dùng nhiều thủ đoạn cực kỳ dã man như ám sát, mua chuộc, lật đổ, gây sức ép, gây chia rẽ, hằn thù và chém giết lẫn nhau giữa dân tộc này với dân tộc khác, Mỹ can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của các nước khác. Chúng đang tiếp tay cho các thế lực phản động điên cuồng phá hoại phong trào đấu tranh đòi giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc đang sôi sục ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh.

Trái ngược với tình hình ở Mỹ và ở các nước tư bản chủ nghĩa khác, ở các nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động có quyền làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Tại các nước này, hiện tượng người bóc lột người đã bị xóa bỏ. Mối quan hệ mới giữa người và người đã hình thành, đó là quan hệ đồng chí, anh em. Trên cơ sở đó, lực lượng sản xuất không ngừng phát triển. Ở đây, quyền lao động được bảo đảm, mọi người đều có công ăn việc làm, không ai lo sợ bị thất nghiệp. Đời sống về mọi mặt của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Nhân phẩm, tài năng của người lao động được tôn trọng và không ngừng nảy nở. Mọi người chung sức xây dựng xã hội mới, tốt đẹp, đồng thời sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc. Để bảo vệ những thành quả cách mạng của mình, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa kiên quyết đấu tranh chống bọn phản cách mạng âm mưu khôi phục chế độ bóc lột cũ và bọn phản quốc làm tay sai cho nước ngoài.

Bọn đế quốc thường mua chuộc một số phần tử cặn bã trong các nước xã hội chủ nghĩa làm tay sai cho chúng. Khi bọn này bị nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa phát hiện và trừng trị thì chúng lấy cớ là «bảo vệ nhân quyền» để bênh vực bọn tay sai của chúng. Đó là sự can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của các nước khác.

Không phải ngẫu nhiên mà tổng thống Mỹ Gim-mi Ca-tơ coi việc bảo vệ «nhân quyền» là một trong những cơ sở chủ yếu của chính sách đối ngoại của Mỹ. Sau khi Mỹ bị thất bại hoàn toàn trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, cuộc khủng hoảng về mọi mặt kinh tế, tài chính và xã hội ở Mỹ trở nên vô cùng sâu sắc. Thất bại chưa từng có này đã làm cho chiến lược toàn cầu của Mỹ bị đảo lộn nghiêm trọng. Tình hình lực lượng đối sánh trên thế giới biến đổi sau thất bại của Mỹ ở Việt-nam buộc Ca-tơ phải xét duyệt lại chính sách đối ngoại của Mỹ. Ca-tơ cho rằng «việc Mỹ trước đây lấy lửa chọi với lửa đã thất bại ở Việt-nam là một sự nghèo nàn về tri thức và đạo lý». Vì vậy, Ca-tơ đề ra một chính sách đối ngoại mới «lấy nước để chống lửa». Trong khuôn khổ chính sách đối ngoại mới này, Ca-tơ phát động «chiến dịch nhân quyền» chĩa mũi nhọn chủ yếu vào các nước xã hội chủ nghĩa.

Đây là một bộ phận trong chiến lược toàn cầu mới của Mỹ. Thất bại trong mưu toan «ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản» bằng các chiến lược «trả đũa ào ạt» và «phản ứng linh hoạt», ngày nay đế quốc Mỹ lại mưu toan chống chủ nghĩa cộng sản với sự đe dọa bằng bom nơ tơ rôn và «tác động tinh thần» bằng «chiến dịch nhân quyền».

Với «chiến dịch nhân quyền», Ca-tơ hy vọng làm cho người ta hoài nghi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở các nước xã hội chủ nghĩa, từ đó mà hoài nghi cả tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Với «chiến dịch nhân quyền» Ca-tơ hy vọng về lâu dài thực hiện «diễn biến hòa bình» ở các nước xã hội chủ nghĩa, và trước mắt gây sức ép buộc các nước xã hội chủ nghĩa nhượng bộ trên những vấn đề cụ thể nào đó. Mặt khác Ca-tơ cũng dùng «chiến dịch nhân quyền» để đánh lạc hướng sự chú ý của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong nước, hòng làm cho họ lãng quên cuộc tổng khủng hoảng sâu sắc đang kéo dài ở Mỹ cũng như ở các

Digitized by Google

nước tư bản chủ nghĩa khác, hòng xoa dịu, thậm chí dập tắt cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống tư bản lũng đoạn, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Đối với các nước đang đấu tranh để đòi giải phóng dân tộc, giành chủ quyền về kinh tế thì Ca-tơ muốn dùng bộ mặt « nhân quyền » giả dối của mình để che đậy bộ mặt ăn cướp ghê tởm của chú Sam.

Thủ đoạn mới của nhà cầm quyền Mỹ rất xảo quyệt và thâm độc. Nhưng thủ đoạn đó cũng chỉ có thể lừa bịp được một số ít người nhẹ dạ nào đó. Còn tuyệt đại đa số nhân dân thế giới, đã biết rõ những việc làm của đế quốc Mỹ từ trước đến nay, không phải là những người mà Ca-tơ có thể « tác động tinh thần » một cách dễ dàng bằng « chiến dịch nhân quyền » của ông ta.

Mới thoạt nhìn thì hình như đế quốc Mỹ, với « chiến dịch nhân quyền », đang ở thế chiến lược chủ động tiến công! Nhưng xét cho kỹ thì nó đang ở thế bị động, lúng túng chống đỡ. Thật vậy, « chiến dịch nhân quyền » mà Ca-tơ phát động là sản phẩm của thế yếu, thế thất bại của đế quốc Mỹ trong thời kỳ « sau Việt-nam ».

Cách đây khoảng hai trăm năm, giai cấp tư sản, lúc đó là giai cấp đang lên, phất cao lá cờ nhân quyền để tập hợp quần chúng nghèo khổ nổi dậy chống bọn vua quan chuyên chế. Lá cờ nhân quyền hồi bấy giờ gieo vào lòng những người nghèo khổ một tia hy vọng và tập hợp được họ đứng dậy đánh đổ chế độ phong kiến. Nhưng chế độ tư bản chủ nghĩa vừa mới dựng lên, những người lao động nghèo khổ đã cảm thấy ngay là mình đã bị lừa dối vì họ bị giai cấp thống trị mới bóc lột nặng nề hơn. Họ lên tiếng đòi giai cấp tư sản thực hiện những lời hứa hẹn của họ về nhân quyền. Giai cấp tư sản đã trả lời bằng súng đạn. Từ đó diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt giữa giai cấp vô sản bán sức lao động hằng ngày để sống và giai cấp tư sản bóc lột và thống trị họ. Cũng từ đó giai cấp tư sản vứt bỏ vào sọt rác lá cờ nhân quyền mà họ đã từng trương lên để lôi kéo giai cấp công nhân và những người lao động khác.

Trải qua hai trăm năm, những người lao động trên thế giới đã chịu đựng đủ mọi thứ đau khổ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Đối với họ bộ mặt của giai cấp tư sản đã quá rõ. Tội ác của giai cấp tư sản trên thế giới đã quá nhiều. Những người lao động trên thế giới không ngừng đấu tranh chống ách tư bản. Tại nhiều nước họ đã giành thắng lợi. Một phần tư nhân loại và một phần ba trái đất đã thoát khỏi gông xiềng của chủ nghĩa tư bản.

Chủ nghĩa tư bản thế giới đang đi sâu vào thời kỳ ruỗng nát và giãy chết. Trong tình hình nguy ngập đó, người tự xưng là cứu tinh của chủ nghĩa tư bản quốc tế rút từ trong sọt rác của lịch sử lá cờ nhân quyền cũ rích của giai cấp tư sản phương Tây hai trăm năm trước và trương lên làm lá cờ hiệu triệu chống chủ nghĩa xã hội!

Nếu cách đây hai trăm năm lá cờ đó đã có tác dụng lừa bịp những người lao động nghèo khổ thì ngày nay nó không còn có tác dụng lừa bịp như xưa. Vì trải qua thể nghiệm bản thân hai trăm năm, nhân dân thế giới đã hiểu rõ giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Vì ngày nay chủ nghĩa xã hội đã ăn sâu vào trái tim và khối óc của hàng triệu hàng triệu người trên thế giới.

Ngày nay, không một người chân chính tiến bộ nào mà lại chịu đặt mình dưới lá cờ nhân quyền cũ rích của giai cấp tư sản!

« Chiến dịch nhân quyền » mà tổng thống Mỹ Ca-tơ phát động nhất định sẽ thất bại.

NGƯỜI BÌNH LUẬN

Digitized by Google

THÀNH TÍCH

THÀNH tích thì ai chẳng quý. Bởi vì thành tích biểu hiện kết quả của lao động dũng cảm, chiến đấu quên mình, học tập chăm chỉ, công tác cần mẫn của một người hay một tập thể. Phấn đấu để có nhiều thành tích cũng tức là phấn đấu để làm ra nhiều của cải vật chất và văn hóa cho xã hội, làm giàu cho đất nước, và nâng cao đời sống của nhân dân. Phấn đấu để có thành tích không phải đơn giản, dễ dàng, mà phải bỏ ra nhiều tâm sức, trí tuệ, vượt nhiều gian khổ, khó khăn. Phấn đấu để ngày càng có thêm thành tích, ngày càng cống hiến nhiều cho cách mạng, là yêu cầu của Đảng đối với mỗi chúng ta, là thước đo đạo đức, tài năng của mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta. Cả nước ta đang bước vào thời kỳ hào hùng nhất trong lịch sử dân tộc, đang ra sức phấn đấu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mỗi người chúng ta cần phát huy hơn nữa tinh thần cách mạng tiến công, khắc phục thái độ làm việc hời hợt, cẩm chừng, dũng cảm vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, lập nhiều thành tích xuất sắc. Nếu tất cả mọi người, mọi đơn vị đều cố gắng thi đua lập thành tích thì sự nghiệp cách mạng của chúng ta, dù khó khăn, gian khổ đến mấy, cũng sẽ thắng lợi vẻ vang. Chính vì thế mà chúng ta hết sức quý mến, trân trọng, cảm phục và noi theo những người đã lập nên thành tích. Đảng ta, Nhà nước ta luôn luôn khuyến khích động viên mọi người gắng sức để có nhiều thành tích. Những cá nhân và tập thể lập nhiều thành tích được biểu dương, khen thưởng; những cán bộ có nhiều thành tích được cất nhắc, đề bạt. Đó là điều cần thiết và hợp lý.

Trong thực tiễn có rất nhiều cá nhân và đơn vị nhận thức đúng vấn đề thành tích, có thái độ đúng mỗi khi lập được thành tích và ra sức phấn đấu để ngày càng có thêm nhiều thành tích với động cơ trong sáng, vô tư, đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp chung của cách mạng. Tuy nhiên, cũng có những người, những đơn vị không có nhận thức và hành động đúng đắn trong vấn đề này

Một số người đã có ít nhiều thành tích, công lao, nay quay ra kể công với cách mạng. Họ khoe khoang, tự phụ, tự cho mình là hay, là giỏi, là «công lao nhất mực» để rồi từ đó kèn cựa, so bì, đòi địa vị, đòi hưởng thụ. Không được thì bất mãn, oán trách Đảng, oán trách Nhà nước; thậm chí có khi tự đặt mình lên trên tập thể, ra ngoài kỷ luật, làm trái cả chính sách và nguyên tắc của Đảng và Nhà nước, gây mất đoàn kết nội bộ. Họ quên rằng có được thành tích trước hết là do cố gắng chung của tập thể,

Digitized by Google

phần đóng góp của mỗi người dù có lớn đến đâu cũng rất nhỏ bé so với những hy sinh to lớn của toàn dân, toàn Đảng. Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của nhân dân, của Đảng, hàng triệu đồng bào, đồng chí không tiếc mồ hôi, xương máu của mình, dám xả thân cho nghĩa lớn đâu phải vì muốn cách mạng trả công? Chúng ta không thể vì có chút ít thành tích mà sinh ra công thần, đòi hỏi cái này, cái khác.

Một số người, một số đơn vị khi đã có ít nhiều thành tích rồi thì sinh ra kiêu ngạo, tự mãn, lúc nào cũng say sưa với thành tích của mình, muốn nghỉ ngơi, dừng lại, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên hơn nữa. Họ không thấy rằng, họ có quyền tự hào với thành tích của mình, nhưng phải luôn luôn khiêm tốn, luôn luôn xác định rằng thành tích của mình dẫu sao cũng chỉ là kết quả bước đầu của cả quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài. Những nhiệm vụ vừa qua đã gay go, gian khổ, song trên bước đường tiến lên của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, những nhiệm vụ sắp tới còn gay go, gian khổ hơn nhiều. Những nhiệm vụ đó đòi hỏi toàn thể nhân dân ta, nhất là cán bộ, đảng viên chúng ta phải tiếp tục phấn đấu, hy sinh hơn nữa. Người đảng viên cộng sản không bao giờ được phép thỏa mãn với những gì mình đã đạt được. Nếu bằng lòng với những thành tích đã qua, quá say sưa với những cái đã đạt được, không tiếp tục vươn lên để hoàn thành tốt hơn nữa mọi nhiệm vụ thì như vậy là trượt cầu xuống dốc, và có thể dẫn tới thoái bộ, lạc hậu.

Đáng trách hơn nữa là có một số người do mang nặng chủ nghĩa cá nhân mà đã mắc *bệnh thành tích*. Họ làm việc gì cũng chỉ vì thành tích, lúc nào cũng nghĩ đến thành tích, chạy theo thành tích với những tính toán nhỏ nhen, những xoay xở vụ lợi. Vì thành tích, họ sẵn sàng làm dối, làm ẩu; họ gièm pha, nói xấu người khác, không muốn hợp tác và giúp đỡ người khác, thậm chí có khi gây khó khăn cho người khác, « chơi xấu », kìm hãm không muốn cho người khác có thành tích hơn mình. Họ rất thích những ai đề cao, ca ngợi họ; thích nghe người ta nói đến ưu điểm, thành tích của mình, không thích nghe nói về khuyết điểm của mình, rất sợ người khác phê bình. Nếu không che giấu được khuyết điểm, không lẩn tránh được phê bình thì họ « tìm » nguyên nhân khuyết điểm đó ở phía khách quan, ở người khác, ngành khác. Bằng mọi cách họ cố làm cho họ nổi bật lên giữa mọi người, cao hơn mọi người, mặc dù có khi bề ngoài họ làm ra vẻ nhún nhường, khiêm tốn. Cũng có khi họ đạt được một số kết quả thực tế nào đó, nhưng đằng sau thành tích đó, không phải là động cơ đúng đắn, không phải vì muốn đóng góp nhiều nhất cho sự nghiệp chung, mà chủ yếu là vì tiếng tăm, vì lợi ích riêng tư, cục bộ của cá nhân mình, của đơn vị mình.

Ở mức độ nặng hơn, những người mắc bệnh thành tích còn nặn ra cả « thành tích » bằng cách báo cáo gian dối, xuyên tạc sự thật. Trong nông nghiệp, không có năng suất và sản lượng lương thực cao, họ tìm cách « dựng lên » những năng suất và sản lượng lương thực cao, có khi rất cao: đến khi Nhà nước thu mua lương thực thì họ không có để bán, hoặc bán không đạt mức kế hoạch, đến lúc giáp hạt dân bị đói, họ đổ cho thiên tai và yêu cầu Trung ương chi viện. Trong công nghiệp, kế hoạch sản xuất không hoàn thành, họ bịa đặt ra là hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức; sản phẩm làm dở dang thì báo cáo là sản phẩm hoàn chỉnh; « mượn kế hoạch năm sau đắp vào kế hoạch năm trước », chỉ một khối lượng sản phẩm qua báo cáo của hai năm trở thành gấp đôi! Họ bày đặt ra đủ thứ, bố trí « khôn khéo » đủ điều để đánh

Digitized by Google

lừa cấp trên mỗi khi cấp trên về kiểm tra thực tế. Thành tích của họ rốt cuộc chỉ là « thành tích ma »! Chính vì vậy, trong thời gian qua đã có tình trạng có địa phương, đơn vị có tiếng là đạt nhiều thành tích, có khi là thành tích rất lớn, nhưng trong thực tế ở địa phương đó, đơn vị đó, sản xuất không lên, nhiệm vụ giao nộp sản phẩm cho Nhà nước không hoàn thành, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Đó là việc làm gian dối vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Hồ Chủ tịch dạy chúng ta : « Đảng ta là một đảng phấn đấu hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của giai cấp vô sản, chứ không vì lợi ích nào khác » (1). « Chúng ta vào Đảng là để hết lòng hết sức phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, làm tròn nhiệm vụ của người đảng viên » (2). Tính toán cho danh lợi cá nhân, làm việc chạy theo thành tích, bịa đặt ra « thành tích » để mưu cầu danh lợi cá nhân, đó không phải là tư cách của người đảng viên cộng sản, người cán bộ cách mạng. Tư cách người đảng viên cộng sản, người cán bộ cách mạng không cho phép chúng ta « làm thì lúo báo cáo thì hay », không trung thực với nhân dân, với Đảng. Trung thực với nhân dân, với Đảng, đó là phẩm chất không thể thiếu đối với người đảng viên cộng sản, người cán bộ cách mạng. Báo cáo không trung thực để được tiếng là có thành tích là việc làm rất có hại cho sự nghiệp cách mạng. Bởi vì báo cáo không trung thực tức là phản anh không đúng hiện thực khách quan, xuyên tạc tình hình sản xuất, đời sống, cũng như tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, không giúp cho cấp trên và những cơ quan có trách nhiệm đánh giá đúng tình hình thực tế để có cơ sở định ra những chủ trương và biện pháp công tác thích hợp

Đảng ta tiến hành công tác giáo dục kiên trì nhằm nâng cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng đạo đức cách mạng « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », trung thực, thẳng thắn, tôn trọng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chúng ta kiên quyết đấu tranh vạch mặt những kẻ bịa ra những « thành tích ma » để lừa dối Đảng, lừa dối Nhà nước và nhân dân.

Trong quá trình phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, cán bộ, đảng viên chúng ta nêu cao nhiệt tình cách mạng, ra sức thi đua, vượt mọi khó khăn, gian khổ, phấn đấu lập nhiều thành tích xuất sắc. Chúng ta cần bồi dưỡng nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa để có thái độ đúng khi có thành tích. Những cá nhân và đơn vị có thành tích cần khiêm tốn học tập và rèn luyện, tiếp tục nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, phấn đấu bền bỉ, quyết tâm lập thành tích mới to lớn hơn nữa. Chúng ta kiên quyết đấu tranh chống tệ gian dối về thành tích. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là những cán bộ phụ trách cần thấy hết trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân, luôn luôn nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, trung thực. Các cấp ủy Đảng, các cơ quan chính quyền cần tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, và thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra của mình. Qua kiểm tra mà đánh giá, xác minh đúng tình hình, biểu dương khen thưởng đúng mức những cá nhân và tập thể thật sự có thành tích, đồng thời xử lý thích đáng những trường hợp báo cáo láo, xuyên tạc sự thật.

NGƯỜI XÂY DỰNG

(1) Hồ-Chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, năm 1970, trang 139.
(2) Hồ-Chí-Minh : Sách đã dẫn, trang 148.

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 50 NGÀY THÀNH LẬP CÔNG XÃ QUẢNG-CHÂU

HỮU-NGHỊ

CÁCH đây 50 năm, ngày 11-12-1927, quần chúng công nông thành phố Quảng-châu đã nổi dậy giành chính quyền, thành lập Công xã Quảng-châu, một trong những hình thức chính quyền công nông đầu tiên của Trung-quốc.

Cuộc Cách mạng Tân hợi năm 1911 do Tôn-Trung-Sơn lãnh đạo đã lật đổ chế độ phong kiến nhà Thanh, lập ra Trung-hoa dân quốc. Nhưng không bao lâu, chính quyền lọt vào tay bọn phản động phong kiến quân phiệt, cuộc cách mạng thất bại. Tôn-Trung-Sơn, đại biểu cho phái dân chủ tư sản Trung-quốc, phải tiếp tục tìm con đường đấu tranh cho cách mạng Trung-quốc. Về sau, nhờ ảnh hưởng của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga, lại được Quốc tế cộng sản và Đảng cộng sản Trung-quốc giúp đỡ, Tôn-Trung-Sơn đi đến kết luận rằng phải dựa vào quần chúng công nông, đoàn kết với những người cộng sản mới có thể thực hiện được cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung-quốc. Tháng 3 năm 1923, Tôn-Trung-Sơn thành lập Chính phủ cách mạng Quảng-đông, đóng ở Quảng-châu, và định ra 3 chính sách lớn là đoàn kết với Liên-xô, đoàn kết với Đảng cộng sản Trung-quốc và giúp đỡ công nông. Quân cách mạng quốc dân do Tôn-Trung-Sơn thành lập lấy học sinh trường Hoàng-phố làm nòng cốt, là lực lượng vũ trang chủ yếu để tiến hành Bắc phạt, nhằm tiêu diệt các tập đoàn quân phiệt phong kiến ở phía Bắc. Cuộc chiến tranh Bắc phạt tiến hành nhanh chóng và giành được thắng lợi vĩ đại. Khoảng nửa cuối năm 1926, quân cách mạng quốc dân Quảng-đông đã chiến thắng nhiều tập đoàn quân phiệt và chiếm được cả một vùng rộng lớn ở miền Đông Nam Trung-quốc bao gồm Quảng-đông, Hồ-nam, Hồ-bắc, Phúc-kiến, Triết-giang, Giang-tây, An-huy. Sau khi chiếm được Thượng-hải và Nam-kinh, quân Bắc phạt chuẩn bị tiến lên miền Hoa-bắc.

Những thắng lợi rực rỡ của chính phủ cách mạng Quảng-châu và của cuộc chiến tranh Bắc phạt đã thúc đẩy phong trào công nông khắp Trung-quốc. Quảng-đông trở thành vùng căn cứ cách mạng của cả nước. Quảng-châu trở thành điểm nóng của thời sự thế giới, được phong trào cách mạng thế giới và các tổ chức cách mạng quốc tế hết sức chú ý và giúp đỡ.

Trước những thắng lợi to lớn đó của phong trào cách mạng — kết quả của chính sách đoàn kết và hợp tác giữa Đảng cộng sản và Đảng quốc dân — bọn quân phiệt và bọn phản động trong Đảng quốc dân Trung

Digitized by Google

quốc, được bọn đế quốc tiếp tay, đã phản kích điên cuồng. Sau khi quân Bắc phạt chiếm Nam-kinh tháng 3 năm 1927, hạm đội của Mỹ, Nhật, Anh, Pháp... đã nổ súng vào thành phố Nam-kinh, giết và làm bị thương gần 2.000 người. Bọn đế quốc ra sức can thiệp vào Trung-quốc, giúp đỡ Tưởng-Giới-Thạch phản bội sự nghiệp cách mạng của nhân dân Trung-quốc. Ngày 12-4-1927, Tưởng-Giới-Thạch làm đảo chính phản cách mạng ở Thượng-hải thẳng tay đàn áp nhân dân. Tại Quảng-châu cũng như tại nhiều nơi khác, dưới ách thống trị tàn bạo của tập đoàn phản động Tưởng-Giới-Thạch, tình hình rất đen tối. Cách mạng đang chuyển sang một bước ngoặt. Tuy nhiên, Quảng-châu là căn cứ cũ của cách mạng Trung-quốc, là nơi xuất phát của quân đội cách mạng Bắc phạt. Truyền thống cách mạng của quần chúng công nông Quảng-châu không thể một lúc mà dập tắt được. Tỉnh ủy Quảng-đông của Đảng cộng sản Trung-quốc đã quyết định phát động khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Quyết định khởi nghĩa dựa trên những nhân tố như sau. *Một là*, quần chúng công nhân Quảng-châu trước đây đã được tổ chức tương đối chặt chẽ, là một lực lượng mạnh. Sau khi chính quyền về tay bọn phản động, tuy có bị đàn áp, nhưng các tổ chức công hội vẫn được duy trì và hoạt động bí mật. Quần chúng nông dân ngoại thành giác ngộ cách mạng. *Hai là*, về mặt lực lượng quân sự, Đảng cộng sản có trung đoàn huấn luyện do đồng chí Diệp-Kiếm-Anh chỉ huy vừa rút từ Vũ-hán về. Đảng còn nắm được trung đoàn cảnh vệ Quảng-châu sau khi nó được chấn chỉnh lại, và một bộ phận cảnh sát vũ trang của địch. *Ba là*, lúc đó các phe nhóm phản động trong Đảng quốc dân ở Quảng-đông tranh giành nhau về quyền lợi, mâu thuẫn nhau kịch liệt. Đến nỗi, bọn Trương-Phát-Khuê đóng ở Quảng-châu phải cho điều toàn bộ lực lượng quân đội của chúng ra khỏi Quảng-châu để đối phó ở các nơi, nhằm bảo vệ trận địa Quảng-châu, làm cho Quảng-châu hầu như không có quân thường trực.

Trong tình hình đó, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng giành được thắng lợi và Công xã Quảng-châu được thành lập. Chính quyền xô-viết công nông binh đã ban bố những chính sách mới. Các cuộc đại hội quần chúng được tổ chức và hô vang các khẩu hiệu: « Đả đảo chủ nghĩa đế quốc », « Đả đảo Đảng quốc dân phản cách mạng », « Đả đảo Trương-Phát-Khuê, Đoàn-Kỳ-Thụy phản cách mạng », « Chính quyền về tay Xô-viết công nông binh »...

Tuy nhiên, khi cách mạng đã thắng lợi, bọn phản động điên cuồng phản kích. Chúng điều động lực lượng các nơi về bao vây chính quyền cách mạng non trẻ. Đế quốc Anh, Mỹ nã súng từ chiến hạm vào thành phố và cho quân đổ bộ lên ngoại thành để tiếp tay cho bọn phản động. Mặc dù quân khởi nghĩa đã chiến đấu vô cùng anh dũng, nhưng do lực lượng so sánh quá chênh lệch, cho nên cuộc khởi nghĩa thất bại. Bọn phản động đã thẳng tay tàn sát quần chúng cách mạng, giết hại trên 8.000 người, bắt giam hàng loạt người khác, trong đó có một số cán bộ Việt-nam.

Công xã Quảng-châu tuy thất bại nhưng đã có ý nghĩa lịch sử sâu sắc đối với cách mạng Trung-quốc. Cùng với cuộc khởi nghĩa Nam-xương do đồng chí Chu-Ân-Lai... lãnh đạo, và cuộc khởi nghĩa vụ gặt mùa Thu do đồng chí Mao-Trạch-Đông lãnh đạo, khởi nghĩa Quảng-châu là cuộc thí nghiệm đầu tiên về việc thành lập chính quyền xô viết công nông binh ở Trung-quốc. Khởi nghĩa Quảng-châu đã giáng một đòn quyết liệt vào tập đoàn phản cách mạng Tưởng-Giới-Thạch đại diện của các giai cấp đại địa chủ và tư sản mại bản câu kết

Digitized by Google

với bọn đế quốc để thống trị Trung-quốc, thúc đẩy cuộc đấu tranh vũ trang cách mạng của nhân dân Trung-quốc tiến lên dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Công xã Quảng-châu đã nêu cao tinh thần dũng cảm hy sinh của các chiến sĩ cộng sản Trung-quốc kiên quyết chiến đấu cho dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nó chứng tỏ rằng giai cấp công nhân và nhân dân lao động Trung-quốc kiên quyết đấu tranh chống bọn phản cách mạng trong nước câu kết với chủ nghĩa đế quốc để áp bức bóc lột nhân dân.

Công xã Quảng-châu chứng tỏ rằng trong thời đại chúng ta, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại, cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phải do giai cấp công nhân và Đảng cộng sản lãnh đạo mới giành được thắng lợi.

Công xã Quảng-châu nêu cao tinh thần quốc tế vô sản cao cả. Nó chứng tỏ rằng Cách mạng trong mỗi nước là một bộ phận của cách mạng thế giới. Muốn giành được thắng lợi, cách mạng trong mỗi nước phải dựa vào sức mình là chính, đồng thời phải đoàn kết và phối hợp đấu tranh với lực lượng cách mạng trong tất cả các nước.

★

QUẢNG-CHÂU vốn là nơi quen thuộc đối với nhiều nhà cách mạng Việt-nam. Chính nơi đây đã ghi dấu nhiều hoạt động cách mạng hết sức quan trọng của Hồ Chủ tịch. Nhiều cán bộ cách mạng Việt-nam đã được Người đào tạo tại Quảng-châu. Các cán bộ đó cũng đã hoạt động tại đây. Những hoạt động đó đã được tiến hành với sự giúp đỡ tích cực của Quốc tế cộng sản, của Đảng cộng sản Trung-quốc và của Chính phủ cách mạng Quảng-châu.

Trước đó, cũng tại Quảng-châu đã vang lên tiếng bom của Phạm-Hồng-Thái, người thanh niên yêu nước Việt-nam, định giết tên toàn quyền Pháp ở Đông-dương là Méc-lanh khi hắn đến Sa-điện, một khu phố thuộc quyền cai trị của Pháp ở Quảng-châu.

Quảng-châu có mối quan hệ với nhiều nhà cách mạng Việt-nam như vậy, cho nên cuộc khởi nghĩa Quảng-châu nổ ra đã nhanh chóng vang dội đến Việt-nam, được các chiến sĩ cộng sản và nhân dân Việt-nam rất quan tâm và theo dõi với một mối cảm tình nồng thắm.

Công xã Quảng-châu đã nêu cho cách mạng Trung-quốc những bài học sâu sắc, đồng thời cũng đem lại cho các chiến sĩ cách mạng Việt-nam một sự cổ vũ mạnh mẽ và những kinh nghiệm quý. Máu của các chiến sĩ cách mạng Việt-nam đã hòa chung với máu của các chiến sĩ cách mạng Trung-quốc trong Công xã Quảng-châu. Những hạt giống hữu nghị cách mạng giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung-quốc được Hồ Chủ tịch và Đảng cộng sản Trung-quốc vun trồng từ những ngày ở Quảng-châu, đã được nhân lên với tiếng súng vang rền của khởi nghĩa Quảng-châu. Sau khi Đảng cộng sản Việt-nam ra đời năm 1930, ngày thành lập Công xã Quảng-châu được coi là một trong những ngày kỷ niệm của các chiến sĩ cách mạng Việt-nam ở trong và ngoài nhà tù. Nhiều cuộc kỷ niệm Công xã Quảng-châu đã biến thành những cuộc mít tinh, tuần hành, thị uy của quần chúng. Từ cuộc mít tinh đầu tiên ở Việt-nam để kỷ niệm Công xã Quảng-châu ngày 12-12-1929 đến tháng 12-1931, đã có hàng vạn công nhân và nông dân tham gia. Riêng ở Nghệ-tĩnh đã có trên 13.000 người tham gia. Thực dân Pháp và tay sai đã đàn áp dã man và đã bắn chết 45 người trong các cuộc mít tinh, biểu tình nói trên.

(Xem tiếp trang 71)

Digitized by Google

BÌNH LUẬN

Về cái gọi là «chiến dịch nhân quyền» của đế quốc Mỹ

VỪA mới bước vào Nhà trắng tổng thống Mỹ Gim-mi Ca-tơ đã tuyên bố « một trong những cơ sở của chính sách đối ngoại của Mỹ là cam kết bảo vệ nhân quyền », và « quyết tâm mở rộng chiến dịch nhân quyền trên khắp thế giới ». Phụ họa với Ca-tơ, các tập đoàn phản động Mỹ và báo chí của chúng la ó rằng ở nơi này, nơi kia trên thế giới có hiện tượng vi phạm nhân quyền. Chúng vu khống các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang đấu tranh đòi giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc « chà đạp nhân quyền »!

Nhân quyền là những quyền cơ bản của con người. Con người ở trong xã hội. Trong xã hội có giai cấp, không thể có con người đứng trên các giai cấp. Do đó, không thể nói đến con người chung chung, siêu giai cấp, và quyền của con người, tức nhân quyền chung chung, siêu giai cấp được.

Trên thế giới còn có bọn đế quốc đi xâm chiếm các thuộc địa, không thể có thứ « nhân quyền » chung cho tên thực dân đế quốc và người « dân bản xứ » ở thuộc địa. Nói về « nhân quyền », nhưng Ca-tơ không dám nói rõ đó là quyền của con người thuộc giai cấp bị bóc lột hay là quyền của con người thuộc giai cấp bóc lột; quyền của người dân thuộc địa hay là quyền của bọn thực dân đế quốc. Ca-tơ bỏ chung vào một rọ hai thứ nhân quyền căn bản khác nhau đó, đánh lộn trắng đen, hòng làm cho người ta mơ hồ, không phân biệt phải với trái, chính nghĩa với phi nghĩa, cách mạng với phản cách mạng.

Thực ra, thứ « nhân quyền » mà Ca tơ « cam kết bảo vệ » là « quyền » của bọn tư bản bóc lột giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa, là « quyền » của bọn đế quốc, bọn thực dân cũ và mới, xâm chiếm và nô dịch các thuộc địa. Cái cốt lõi của thứ « nhân quyền » nay là quyền chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Nắm được quyền cơ bản này, giai cấp tư sản có đủ mọi quyền chi phối khác, quyền bóc lột, quyền phân phối, quyền chà đạp lên nhân phẩm và đạo lý của con người. Còn người lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa không có quyền nào khác ngoài « quyền » bán sức lao động và chịu đói rét. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, các quyền tự do, dân chủ, mặc dù được ghi trong các văn kiện của Nhà nước, chỉ là quyền trên giấy.

Digitized by Google

Người sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học là Các Mác đã từng phân tích thuyết nhân quyền của giai cấp tư sản và cho rằng « nhân tố cơ bản của nó là bảo vệ quyền tư hữu ». Giai cấp tư sản đã đem quyền tư hữu trình bày thành « nhân quyền ». Trên thực tế, theo quan điểm của giai cấp tư sản « nhân quyền » chỉ là « quyền tư hữu ».

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nhà máy, hầm mỏ, v.v... thuộc quyền sở hữu của giai cấp tư sản, còn giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác bị tước hết mọi phương tiện để kiếm sống. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chỉ có giai cấp tư sản mới có « nhân quyền », còn giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác trên thực tế là không có « nhân quyền ». Chỉ khi nào chế độ tư bản chủ nghĩa bị xóa bỏ, quyền chiếm hữu tư nhân về các tư liệu sản xuất chủ yếu bị thủ tiêu, chế độ xã hội chủ nghĩa được xây dựng, quyền sở hữu công cộng về các tư liệu sản xuất chủ yếu được xác định, thì người lao động mới thật sự có nhân quyền, tức là quyền làm chủ về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, tức là quyền làm chủ đất nước và làm chủ vận mệnh của mình.

Bọn tư bản Mỹ luôn mồm ba hoa về nhân quyền, nhưng chính ở nước Mỹ tình trạng vi phạm nhân quyền là nghiêm trọng nhất và tệ hại nhất trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Thật vậy, hiện nay ở Mỹ giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác bị bóc lột hết sức nặng nề. Đến ngay quyền có công ăn việc làm là quyền cơ bản nhất của con người mà nhiều người Mỹ cũng không có. Số người bị thất nghiệp lên tới 8 triệu, chiếm tỷ lệ hơn 7% lực lượng lao động ở Mỹ. Lạm phát, giá sinh hoạt không ngừng tăng lên đang đè nặng lên đời sống của những người lao động. Những người đấu tranh đòi quyền sống bị đàn áp, cầm tù, thậm chí giết chết. Chế độ phân biệt chủng tộc mà các tập đoàn tư bản thống trị Mỹ đã và đang thi hành là một bằng chứng về chà đạp thô bạo nhân quyền. Hơn hai thế kỷ nay, người da đen ở Mỹ sống trong máu và nước mắt. Tuyệt đại đa số người lao động da đen ở Mỹ phải chịu hai tầng áp bức về chủng tộc và về giai cấp. Cùng làm một việc như người da trắng, người lao động da đen chỉ được trả lương bằng nửa hoặc 1/3 lương của người da trắng. Trung bình cứ 4 người da đen có 3 người thất nghiệp. Trên 11 triệu người da đen phải sống chui rúc trong những khu nhà « ổ chuột ». Phần lớn người da đen không có quyền ứng cử và bầu cử. Người da đen không được học cùng một trường, ăn cùng một cửa hiệu, chữa bệnh cùng một bệnh viện, đi cùng một chiếc xe, giải trí cùng một nơi, thậm chí chết không được chôn cùng một nghĩa địa, v.v... với người da trắng. Số người da đen bị đế quốc Mỹ đẩy đi làm bia đỡ đạn cho chúng trong các cuộc chiến tranh xâm lược thường chiếm một tỷ lệ cao hơn so với người da trắng... Các tệ nạn xã hội như nghiện xì ke, ma túy, hiếp dâm, trộm cướp, bắn giết lẫn nhau, đầy dẫy trong xã hội Mỹ và ngày càng nghiêm trọng.

Không những chà đạp lên nhân quyền của nhân dân trong nước, đế quốc Mỹ còn dựa vào vũ khí và đô la chà đạp lên nhân quyền của nhân dân các nước khác để phục vụ cho chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng. Tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, đế quốc Mỹ đã từng dùng pháo đài bay B. 52 và các máy bay hiện đại khác, dội hàng chục triệu tấn bom, kể cả bom na-pan, tàn phá đất nước Việt-nam và giết hại không biết bao nhiêu người dân Việt-nam vô tội, dựng lên những chuồng cọp để giết dần giết mòn những người Việt-nam yêu nước, gây ra hàng loạt vụ thảm sát như vụ Sơn-mỹ, v.v... Đế quốc Mỹ đã và đang

Digitized by Google

dùng nhiều thủ đoạn cực kỳ dã man như ám sát, mua chuộc, lật đổ, gây sức ép, gây chia rẽ, hằn thù và chém giết lẫn nhau giữa dân tộc này với dân tộc khác, Mỹ can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của các nước khác. Chúng đang tiếp tay cho các thế lực phản động điên cuồng phá hoại phong trào đấu tranh đòi giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc đang sôi sục ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh.

Trái ngược với tình hình ở Mỹ và ở các nước tư bản chủ nghĩa khác, ở các nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động có quyền làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Tại các nước này, hiện tượng người bóc lột người đã bị xóa bỏ. Mối quan hệ mới giữa người và người đã hình thành, đó là quan hệ đồng chí, anh em. Trên cơ sở đó, lực lượng sản xuất không ngừng phát triển. Ở đây, quyền lao động được bảo đảm, mọi người đều có công ăn việc làm, không ai lo sợ bị thất nghiệp. Đời sống về mọi mặt của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Nhân phẩm, tài năng của người lao động được tôn trọng và không ngừng nảy nở. Mọi người chung sức xây dựng xã hội mới, tốt đẹp, đồng thời sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc. Để bảo vệ những thành quả cách mạng của mình, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa kiên quyết đấu tranh chống bọn phản cách mạng âm mưu khôi phục chế độ bóc lột cũ và bọn phản quốc làm tay sai cho nước ngoài.

Bọn đế quốc thường mua chuộc một số phần tử cặn bã trong các nước xã hội chủ nghĩa làm tay sai cho chúng. Khi bọn này bị nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa phát hiện và trừng trị thì chúng lấy cớ là «bảo vệ nhân quyền» để bênh vực bọn tay sai của chúng. Đó là sự can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của các nước khác.

Không phải ngẫu nhiên mà tổng thống Mỹ Gim-mi Ca-tơ coi việc bảo vệ «nhân quyền» là một trong những cơ sở chủ yếu của chính sách đối ngoại của Mỹ. Sau khi Mỹ bị thất bại hoàn toàn trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, cuộc khủng hoảng về mọi mặt kinh tế, tài chính và xã hội ở Mỹ trở nên vô cùng sâu sắc. Thất bại chưa từng có này đã làm cho chiến lược toàn cầu của Mỹ bị đảo lộn nghiêm trọng. Tình hình lực lượng đối sánh trên thế giới biến đổi sau thất bại của Mỹ ở Việt-nam buộc Ca-tơ phải xét duyệt lại chính sách đối ngoại của Mỹ. Ca-tơ cho rằng «việc Mỹ trước đây lấy lửa chọi với lửa đã thất bại ở Việt-nam là một sự nghèo nàn về tri thức và đạo lý». Vì vậy, Ca-tơ đề ra một chính sách đối ngoại mới «lấy nước để chống lửa». Trong khuôn khổ chính sách đối ngoại mới này, Ca-tơ phát động «chiến dịch nhân quyền» chĩa mũi nhọn chủ yếu vào các nước xã hội chủ nghĩa.

Đây là một bộ phận trong chiến lược toàn cầu mới của Mỹ. Thất bại trong mưu toan «ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản» bằng các chiến lược «trả đũa ào ạt» và «phản ứng linh hoạt», ngày nay đế quốc Mỹ lại mưu toan chống chủ nghĩa cộng sản với sự đe dọa bằng bom nơ tơ rôn và «tác động tinh thần» bằng «chiến dịch nhân quyền».

Với «chiến dịch nhân quyền», Ca-tơ hy vọng làm cho người ta hoài nghi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở các nước xã hội chủ nghĩa, từ đó mà hoài nghi cả tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Với «chiến dịch nhân quyền» Ca-tơ hy vọng về lâu dài thực hiện «diễn biến hòa bình» ở các nước xã hội chủ nghĩa, và trước mắt gây sức ép buộc các nước xã hội chủ nghĩa nhượng bộ trên những vấn đề cụ thể nào đó. Mặt khác Ca-tơ cũng dùng «chiến dịch nhân quyền» để đánh lạc hướng sự chú ý của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong nước, hòng làm cho họ lãng quên cuộc tổng khủng hoảng sâu sắc đang kéo dài ở Mỹ cũng như ở các

Digitized by Google

nước tư bản chủ nghĩa khác, hòng xoa dịu, thậm chí dập tắt cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống tư bản lũng đoạn, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Đối với các nước đang đấu tranh để đòi giải phóng dân tộc, giành chủ quyền về kinh tế thì Ca-tơ muốn dùng bộ mặt « nhân quyền » giả dối của mình để che đậy bộ mặt ăn cướp ghê tởm của chú Sam.

Thủ đoạn mới của nhà cầm quyền Mỹ rất xảo quyệt và thâm độc. Nhưng thủ đoạn đó cũng chỉ có thể lừa bịp được một số ít người nhẹ dạ nào đó. Còn tuyệt đại đa số nhân dân thế giới, đã biết rõ những việc làm của đế quốc Mỹ từ trước đến nay, không phải là những người mà Ca-tơ có thể « tác động tinh thần » một cách dễ dàng bằng « chiến dịch nhân quyền » của ông ta.

Mới thoạt nhìn thì hình như đế quốc Mỹ, với « chiến dịch nhân quyền », đang ở thế chiến lược chủ động tiến công! Nhưng xét cho kỹ thì nó đang ở thế bị động, lúng túng chống đỡ. Thật vậy, « chiến dịch nhân quyền » mà Ca-tơ phát động là sản phẩm của thế yếu, thế thất bại của đế quốc Mỹ trong thời kỳ « sau Việt-nam ».

Cách đây khoảng hai trăm năm, giai cấp tư sản, lúc đó là giai cấp đang lên, phất cao lá cờ nhân quyền để tập hợp quần chúng nghèo khổ nổi dậy chống bọn vua quan chuyên chế. Lá cờ nhân quyền hồi bấy giờ gieo vào lòng những người nghèo khổ một tia hy vọng và tập hợp được họ đứng dậy đánh đổ chế độ phong kiến. Nhưng chế độ tư bản chủ nghĩa vừa mới dựng lên, những người lao động nghèo khổ đã cảm thấy ngay là mình đã bị lừa dối vì họ bị giai cấp thống trị mới bóc lột nặng nề hơn. Họ lên tiếng đòi giai cấp tư sản thực hiện những lời hứa hẹn của họ về nhân quyền. Giai cấp tư sản đã trả lời bằng súng đạn. Từ đó diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt giữa giai cấp vô sản bán sức lao động hằng ngày để sống và giai cấp tư sản bóc lột và thống trị họ. Cũng từ đó giai cấp tư sản vứt bỏ vào sọt rác lá cờ nhân quyền mà họ đã từng trương lên để lôi kéo giai cấp công nhân và những người lao động khác.

Trải qua hai trăm năm, những người lao động trên thế giới đã chịu đựng đủ mọi thứ đau khổ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Đối với họ bộ mặt của giai cấp tư sản đã quá rõ. Tội ác của giai cấp tư sản trên thế giới đã quá nhiều. Những người lao động trên thế giới không ngừng đấu tranh chống ách tư bản. Tại nhiều nước họ đã giành thắng lợi. Một phần tư nhân loại và một phần ba trái đất đã thoát khỏi gông xiềng của chủ nghĩa tư bản.

Chủ nghĩa tư bản thế giới đang đi sâu vào thời kỳ ruỗng nát và giãy chết. Trong tình hình nguy ngập đó, người tự xưng là cứu tinh của chủ nghĩa tư bản quốc tế rút từ trong sọt rác của lịch sử lá cờ nhân quyền cũ rích của giai cấp tư sản phương Tây hai trăm năm trước và trương lên làm lá cờ hiệu triệu chống chủ nghĩa xã hội!

Nếu cách đây hai trăm năm lá cờ đó đã có tác dụng lừa bịp những người lao động nghèo khổ thì ngày nay nó không còn có tác dụng lừa bịp như xưa. Vì trải qua thể nghiệm bản thân hai trăm năm, nhân dân thế giới đã hiểu rõ giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Vì ngày nay chủ nghĩa xã hội đã ăn sâu vào trái tim và khối óc của hàng triệu hàng triệu người trên thế giới.

Ngày nay, không một người chân chính tiến bộ nào mà lại chịu đặt mình dưới lá cờ nhân quyền cũ rích của giai cấp tư sản!

« Chiến dịch nhân quyền » mà tổng thống Mỹ Ca-tơ phát động nhất định sẽ thất bại.

NGƯỜI BÌNH LUẬN

Digitized by Google

THÀNH TÍCH

THÀNH tích thì ai chẳng quý. Bởi vì thành tích biểu hiện kết quả của lao động dũng cảm, chiến đấu quên mình, học tập chăm chỉ, công tác cần mẫn của một người hay một tập thể. Phấn đấu để có nhiều thành tích cũng tức là phấn đấu để làm ra nhiều của cải vật chất và văn hóa cho xã hội, làm giàu cho đất nước, và nâng cao đời sống của nhân dân. Phấn đấu để có thành tích không phải đơn giản, dễ dàng, mà phải bỏ ra nhiều tâm sức, trí tuệ, vượt nhiều gian khổ, khó khăn. Phấn đấu để ngày càng có thêm thành tích, ngày càng cống hiến nhiều cho cách mạng, là yêu cầu của Đảng đối với mỗi chúng ta, là thước đo đạo đức, tài năng của mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta. Cả nước ta đang bước vào thời kỳ hào hùng nhất trong lịch sử dân tộc, đang ra sức phấn đấu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mỗi người chúng ta cần phát huy hơn nữa tinh thần cách mạng tiến công, khắc phục thái độ làm việc hời hợt, cầm chừng, dũng cảm vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, lập nhiều thành tích xuất sắc. Nếu tất cả mọi người, mọi đơn vị đều cố gắng thi đua lập thành tích thì sự nghiệp cách mạng của chúng ta, dù khó khăn, gian khổ đến mấy, cũng sẽ thắng lợi vẻ vang. Chính vì thế mà chúng ta hết sức quý mến, trân trọng, cảm phục và noi theo những người đã lập nên thành tích. Đảng ta, Nhà nước ta luôn luôn khuyến khích động viên mọi người gắng sức để có nhiều thành tích. Những cá nhân và tập thể lập nhiều thành tích được biểu dương, khen thưởng; những cán bộ có nhiều thành tích được cất nhắc, đề bạt. Đó là điều cần thiết và hợp lý.

Trong thực tiễn có rất nhiều cá nhân và đơn vị nhận thức đúng vấn đề thành tích, có thái độ đúng mỗi khi lập được thành tích và ra sức phấn đấu để ngày càng có thêm nhiều thành tích với động cơ trong sáng, vô tư, đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp chung của cách mạng. Tuy nhiên, cũng có những người, những đơn vị không có nhận thức và hành động đúng đắn trong vấn đề này

Một số người đã có ít nhiều thành tích, công lao, nay quay ra kể công với cách mạng. Họ khoe khoang, tự phụ, tự cho mình là hay, là giỏi, là «công lao nhất mực» để rồi từ đó kèn cựa, so bì, đòi địa vị, đòi hưởng thụ. Không được thì bất mãn, oán trách Đảng, oán trách Nhà nước; thậm chí có khi tự đặt mình lên trên tập thể, ra ngoài kỷ luật, làm trái cả chính sách và nguyên tắc của Đảng và Nhà nước, gây mất đoàn kết nội bộ. Họ quên rằng có được thành tích trước hết là do cố gắng chung của tập thể,

Digitized by Google

phần đóng góp của mỗi người dù có lớn đến đâu cũng rất nhỏ bé so với những hy sinh to lớn của toàn dân, toàn Đảng. Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của nhân dân, của Đảng, hàng triệu đồng bào, đồng chí không tiếc mồ hôi, xương máu của mình, dám xả thân cho nghĩa lớn đâu phải vì muốn cách mạng trả công? Chúng ta không thể vì có chút ít thành tích mà sinh ra công thần, đòi hỏi cái này, cái khác.

Một số người, một số đơn vị khi đã có ít nhiều thành tích rồi thì sinh ra kiêu ngạo, tự mãn, lúc nào cũng say sưa với thành tích của mình, muốn nghỉ ngơi, dừng lại, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên hơn nữa. Họ không thấy rằng, họ có quyền tự hào với thành tích của mình, nhưng phải luôn luôn khiêm tốn, luôn luôn xác định rằng thành tích của mình dẫu sao cũng chỉ là kết quả bước đầu của cả quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài. Những nhiệm vụ vừa qua đã gay go, gian khổ, song trên bước đường tiến lên của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, những nhiệm vụ sắp tới còn gay go, gian khổ hơn nhiều. Những nhiệm vụ đó đòi hỏi toàn thể nhân dân ta, nhất là cán bộ, đảng viên chúng ta phải tiếp tục phấn đấu, hy sinh hơn nữa. Người đảng viên cộng sản không bao giờ được phép thỏa mãn với những gì mình đã đạt được. Nếu bằng lòng với những thành tích đã qua, quá say sưa với những cái đã đạt được, không tiếp tục vươn lên để hoàn thành tốt hơn nữa mọi nhiệm vụ thì như vậy là trượt cầu xuống dốc, và có thể dẫn tới thoái bộ, lạc hậu.

Đáng trách hơn nữa là có một số người do mang nặng chủ nghĩa cá nhân mà đã mắc *bệnh thành tích*. Họ làm việc gì cũng chỉ vì thành tích, lúc nào cũng nghĩ đến thành tích, chạy theo thành tích với những tính toán nhỏ nhen, những xoay xở vụ lợi. Vì thành tích, họ sẵn sàng làm dối, làm ẩu; họ gièm pha, nói xấu người khác, không muốn hợp tác và giúp đỡ người khác, thậm chí có khi gây khó khăn cho người khác, « chơi xấu », kìm hãm không muốn cho người khác có thành tích hơn mình. Họ rất thích những ai đề cao, ca ngợi họ; thích nghe người ta nói đến ưu điểm, thành tích của mình, không thích nghe nói về khuyết điểm của mình, rất sợ người khác phê bình. Nếu không che giấu được khuyết điểm, không lẩn tránh được phê bình thì họ « tìm » nguyên nhân khuyết điểm đó ở phía khách quan, ở người khác, ngành khác. Bằng mọi cách họ cố làm cho họ nổi bật lên giữa mọi người, cao hơn mọi người, mặc dù có khi bề ngoài họ làm ra vẻ nhún nhường, khiêm tốn. Cũng có khi họ đạt được một số kết quả thực tế nào đó, nhưng đằng sau thành tích đó, không phải là động cơ đúng đắn, không phải vì muốn đóng góp nhiều nhất cho sự nghiệp chung, mà chủ yếu là vì tiếng tăm, vì lợi ích riêng tư, cục bộ của cá nhân mình, của đơn vị mình.

Ở mức độ nặng hơn, những người mắc bệnh thành tích còn nặn ra cả « thành tích » bằng cách báo cáo gian dối, xuyên tạc sự thật. Trong nông nghiệp, không có năng suất và sản lượng lương thực cao, họ tìm cách « dựng lên » những năng suất và sản lượng lương thực cao, có khi rất cao; đến khi Nhà nước thu mua lương thực thì họ không có để bán, hoặc bán không đạt mức kế hoạch, đến lúc giáp hạt dân bị đói, họ đổ cho thiên tai và yêu cầu Trung ương chi viện. Trong công nghiệp, kế hoạch sản xuất không hoàn thành, họ bịa đặt ra là hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức; sản phẩm làm dở dang thì báo cáo là sản phẩm hoàn chỉnh; « mượn kế hoạch năm sau đắp vào kế hoạch năm trước », chỉ một khối lượng sản phẩm qua báo cáo của hai năm trở thành gấp đôi! Họ bày đặt ra đủ thứ, bố trí « khôn khéo » đủ điều để đánh

Digitized by Google

lừa cấp trên mỗi khi cấp trên về kiểm tra thực tế. Thành tích của họ rốt cuộc chỉ là « thành tích ma »! Chính vì vậy, trong thời gian qua đã có tình trạng có địa phương, đơn vị có tiếng là đạt nhiều thành tích, có khi là thành tích rất lớn, nhưng trong thực tế ở địa phương đó, đơn vị đó, sản xuất không lên, nhiệm vụ giao nộp sản phẩm cho Nhà nước không hoàn thành, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Đó là việc làm gian dối vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Hồ Chủ tịch dạy chúng ta: « Đảng ta là một đảng phấn đấu hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của giai cấp vô sản, chứ không vì lợi ích nào khác » (1). « Chúng ta vào Đảng là để hết lòng hết sức phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, làm tròn nhiệm vụ của người đảng viên » (2). Tính toán cho danh lợi cá nhân, làm việc chạy theo thành tích, bịa đặt ra « thành tích » để mưu cầu danh lợi cá nhân, đó không phải là tư cách của người đảng viên cộng sản, người cán bộ cách mạng. Tư cách người đảng viên cộng sản, người cán bộ cách mạng không cho phép chúng ta « làm thì lào báo cáo thì hay », không trung thực với nhân dân, với Đảng. Trung thực với nhân dân, với Đảng, đó là phẩm chất không thể thiếu đối với người đảng viên cộng sản, người cán bộ cách mạng. Báo cáo không trung thực để được tiếng là có thành tích là việc làm rất có hại cho sự nghiệp cách mạng. Bởi vì báo cáo không trung thực tức là phản ánh không đúng hiện thực khách quan, xuyên tạc tình hình sản xuất, đời sống, cũng như tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, không giúp cho cấp trên và những cơ quan có trách nhiệm đánh giá đúng tình hình thực tế để có cơ sở định ra những chủ trương và biện pháp công tác thích hợp.

Đảng ta tiến hành công tác giáo dục kiên trì nhằm nâng cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng đạo đức cách mạng « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », trung thực, thẳng thắn, tôn trọng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chúng ta kiên quyết đấu tranh vạch mặt những kẻ bịa ra những « thành tích ma » để lừa dối Đảng, lừa dối Nhà nước và nhân dân.

Trong quá trình phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, cán bộ, đảng viên chúng ta nêu cao nhiệt tình cách mạng, ra sức thi đua, vượt mọi khó khăn, gian khổ, phấn đấu lập nhiều thành tích xuất sắc. Chúng ta căn bồi dưỡng nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa để có thái độ đúng khi có thành tích. Những cá nhân và đơn vị có thành tích cần khiêm tốn học tập và rèn luyện, tiếp tục nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, phấn đấu bền bỉ, quyết tâm lập thành tích mới to lớn hơn nữa. Chúng ta kiên quyết đấu tranh chống tệ gian dối về thành tích. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là những cán bộ phụ trách cần thấy hết trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân, luôn luôn nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, trung thực. Các cấp ủy Đảng, các cơ quan chính quyền cần tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, và thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra của mình. Qua kiểm tra mà đánh giá, xác minh đúng tình hình, biểu dương khen thưởng đúng mức những cá nhân và tập thể thật sự có thành tích, đồng thời xử lý thích đáng những trường hợp báo cáo láo, xuyên tạc sự thật.

NGƯỜI XÂY DỰNG

(1) Hồ-Chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, năm 1970, trang 139.
(2) Hồ-Chí-Minh : Sách đã dẫn, trang 148.

Digitized by Google

VỀ NHIỆM VỤ ĐẢNG VIÊN

LÀ chiến sĩ tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân, người đảng viên cộng sản phải hiểu rõ những nhiệm vụ của mình. Nhận thức đúng nhiệm vụ, người đảng viên mới có thể chủ động trong hoạt động cách mạng và hành động đúng trong bất cứ tình huống nào. Mặt khác, « năng lực lãnh đạo của Đảng, sức chiến đấu của Đảng, phụ thuộc một cách quyết định vào chất lượng đội ngũ **đảng viên** » (1). Người đảng viên có hiểu sâu, làm tốt nhiệm vụ của mình, mới góp sức cùng toàn Đảng làm cho nhiệm vụ chính trị và đường lối của Đảng được thực hiện thắng lợi, sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường.

Đảng ta, đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức, và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt-nam, ngay từ khi thành lập đã đòi hỏi đảng viên phải là những người thật sự giác ngộ lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, phải có phẩm chất đạo đức cách mạng và có trình độ, năng lực nhất định để lãnh đạo quần chúng. Đó là những yêu cầu cơ bản của Đảng đối với đảng viên.

Tuy nhiên, mỗi lần Đại hội toàn quốc của Đảng, xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Đảng ta lại bổ sung những yêu cầu về tư cách và nhiệm vụ đảng viên cho phù hợp. Bởi vì có như vậy thì người đảng viên mới phát huy được vai trò, tác dụng của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, và trong Đảng mới có sự hoạt động nhịp nhàng ăn khớp từ trên xuống dưới để cùng hướng tới những mục tiêu chung, làm cho Đảng « tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì như một người ».

Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước đang đặt ra trước Đảng ta, trước mỗi đảng viên chúng ta những nhiệm vụ mới hết sức nặng nề. Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, trong khi sửa đổi Điều lệ Đảng, đã bổ sung và sắp xếp lại các nhiệm vụ của đảng viên

★

Điều lệ Đảng do Đại hội lần thứ IV của Đảng thông qua đã quy định rõ những nhiệm vụ của đảng viên trong giai đoạn hiện nay:

(1) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 193.

Digitized by Google

Một là: Suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập và tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Đây là nhiệm vụ hàng đầu của đảng viên, thể hiện lý tưởng, lẽ sống, lòng trung thành của đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Hiện nay, những mục tiêu cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta đã được hoàn thành. Những thắng lợi đó là hết sức to lớn song vẫn chỉ là bước mở đầu để tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Người đảng viên không bao giờ được thỏa mãn với những gì mình đã làm được. Càng tự hào với những cống hiến đã có, người đảng viên càng phải tiếp tục phấn đấu mạnh hơn, có hiệu quả cao hơn trong giai đoạn mới của cách mạng. Ý chí suốt đời hy sinh phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi người đảng viên, trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng, « phải phấn đấu với nhiệt tình cách mạng và ý thức trách nhiệm cao nhất để thực hiện đúng và có hiệu quả đường lối, chính sách, các nghị quyết của Đảng và mọi nhiệm vụ Đảng giao cho, góp phần tích cực nhất vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa » (2).

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta. Chỉ có toàn tâm, toàn ý phấn đấu cho sự thắng lợi của đường lối đó, chúng ta mới làm cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa sớm được thực hiện. Điều đó đòi hỏi mỗi đảng viên « phải tích cực đấu tranh để thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Ra sức góp phần xây dựng lực lượng vũ trang và nền quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội » (3).

Đảng viên là người lãnh đạo quần chúng, người chiến sĩ xung kích trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Thái độ gương mẫu của đảng viên không những mang lại hiệu quả tốt cho công tác mà còn có tác dụng tích cực động viên, thúc đẩy quần chúng. Vì vậy, trong sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập, đảng viên phải luôn luôn dẫn đầu và nêu gương tốt cho quần chúng. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ: « Sự giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa — phẩm chất hàng đầu của người đảng viên — ngày nay phải được biểu hiện cụ thể, trực tiếp hằng ngày ở vai trò tiên phong của người đảng viên trong ba cuộc cách mạng. Đảng viên phải tiêu biểu cho con người mới, gương mẫu trong lao động, trong công tác và trong lối sống, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, có lập trường kiên định trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; luôn luôn giữ vững ý chí chiến đấu, nâng cao cảnh giác cách mạng đối với kẻ thù giai cấp; đấu tranh không khoan nhượng chống mọi hành vi đi ngược lại lợi ích của chủ nghĩa xã hội » (4).

Nhiệm vụ suốt đời hy sinh phấn đấu vì lý tưởng đòi hỏi người đảng viên ra sức khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân như công thần, tự mãn, cầu an, ngại khó, sợ hy sinh, đòi hưởng thụ, nghỉ ngơi, v.v... để vươn lên, vượt mọi khó khăn giành thắng lợi mới.

Hai là: Không ngừng học tập và rèn luyện để nâng cao giác ngộ chính

(2), (3) *Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam.*
(4) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 193.

Digitized by Google

trị, đạo đức cách mạng và năng lực công tác.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, những hiểu biết mới, những kinh nghiệm mới, những phương pháp công tác mới, nhất là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội là rất cần thiết đối với người đảng viên cộng sản. Thực tiễn cho thấy dù có nhiệt tình cách mạng cao nhưng với vốn hiểu biết nông cạn thì vẫn không thể hoàn thành được nhiệm vụ, thậm chí còn gây thiệt hại, có khi rất nghiêm trọng cho sự nghiệp cách mạng. Năng lực, trình độ, tri thức không phải tự nhiên mà có, mà phải học tập cần cù, bền bỉ mới có được.

Việc học tập của đảng viên từ lâu đã được coi là một vấn đề thuộc về tính Đảng, là thước đo phẩm chất của đảng viên, là một trong các nhiệm vụ đảng viên. Hiện nay, hơn lúc nào hết, việc học tập lại càng cần thiết. Để khỏi lạc hậu trước cuộc sống, bất lực trước những nhiệm vụ mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa, mỗi đảng viên phải cố gắng vượt mọi khó khăn để học tập – học tập một cách nghiêm túc và bền bỉ, nhanh chóng trang bị cho mình những kiến thức mới.

Về nội dung học tập, Điều lệ Đảng đã nêu rõ: « Mỗi đảng viên phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đường lối, chính sách của Đảng, học tập văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, đúc kết kinh nghiệm công tác: không ngừng nâng cao năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội ». Trước mắt, cần học tập để nắm vững Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, vì Nghị quyết của Đại hội là cương lĩnh phấn đấu của Đảng ta và nhân dân ta trong giai đoạn mới của cách mạng. « Mỗi cán bộ, đảng viên chẳng những phải quán triệt đường lối chung, mà còn phải hiểu quan điểm của Đảng đối với từng lĩnh vực hoạt động xã hội, từng ngành công tác, từng vấn đề của cuộc sống, nhất là quan điểm của Đảng về lĩnh vực mà mình hoạt động. Có như vậy, thì trước quá trình chuyển biến cách mạng sâu sắc trong giai đoạn cách mạng hiện nay, người đảng viên được vũ trang bằng những tư tưởng khoa học của Đảng mới có thể giữ được vai trò tiên phong của người cộng sản, mới có điều kiện để tham gia lãnh đạo tập thể của tổ chức Đảng, và mới có khả năng động viên, tổ chức quần chúng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, kịp thời giải đáp những vấn đề do quần chúng đề ra » (5).

Là người cộng sản, chúng ta không bao giờ quên rằng học tập phải đi đôi với tự rèn luyện – rèn luyện trong lao động, công tác, trong sinh hoạt Đảng và trong cuộc sống, để không ngừng bồi dưỡng và nâng cao phẩm chất, đạo đức. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, số đông đảng viên được Đảng và nhân dân tin cậy giao cho những trọng trách và tạo cho những điều kiện thuận tiện để làm việc, người đảng viên càng phải thường xuyên tự rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Có kiến thức, năng lực và phẩm chất, đạo đức cách mạng, cán bộ đảng viên chúng ta mới có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao phó, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng và của nhân dân.

Ba là: Luôn luôn thắt chặt mối liên hệ với quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, hết lòng, hết sức phục vụ quần chúng, đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, một cuộc cách mạng vĩ đại nhất, sâu sắc nhất, triệt để nhất trong

(5) *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 59.

Digitized by Google

lịch sử, mối liên hệ giữa Đảng, đảng viên với quần chúng càng phải được tăng cường hơn bao giờ hết. Nội dung chủ yếu của mối liên hệ đó trong giai đoạn hiện nay là không ngừng chăm lo xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, thật sự tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. *« Quyền làm chủ tập thể của nhân dân được nâng cao thì tính tích cực và trí sáng tạo của quần chúng càng dồi dào, phong trào cách mạng của quần chúng càng sôi nổi, rộng lớn »* (6).

Người đảng viên cần có nhận thức đầy đủ về vai trò to lớn của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng, khiêm tốn học tập quần chúng, đi sát quần chúng, lắng nghe ý kiến và tìm hiểu nguyện vọng, tâm tư của quần chúng để phản ánh với tổ chức Đảng, chủ động giải quyết trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình các nguyện vọng chính đáng của quần chúng. Bằng nhiệt tình cách mạng và vốn hiểu biết của mình, đảng viên phải phấn đấu quên mình vì lợi ích của quần chúng, với nhận thức đầy đủ rằng mình là người đầy tớ trung thành của quần chúng, có trách nhiệm trước quần chúng.

Quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động được thực hiện chủ yếu bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy mỗi đảng viên cần tham gia thiết thực vào việc xây dựng chính quyền, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật Nhà nước.

Người đảng viên phải ra sức tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cho quần chúng, thuyết phục, tổ chức, vận động quần chúng tự nguyện thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát triển ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, bệnh quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, chuyên quyền dễ nảy sinh và trở thành một nguy cơ phá hoại mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Nó làm cho đảng viên sa sút về phẩm chất, sai lầm trong công tác, gây phiền hà và thiệt hại cho quần chúng, ảnh hưởng rất xấu đến mối liên hệ tốt đẹp vốn có giữa Đảng và quần chúng, đến việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Vì vậy, các đảng viên phải kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của tệ quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, chuyên quyền, xa thực tế, xa quần chúng.

Bốn là : Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ; phục tùng nghiêm chỉnh kỷ luật của Đảng.

Xây dựng Đảng là công việc của toàn Đảng. Mỗi đảng viên, dù ở cương vị công tác nào, đều có trách nhiệm góp phần làm tốt công tác xây dựng Đảng.

Kinh nghiệm của Đảng ta trong những năm qua đã chỉ rõ muốn cho Đảng thật vững mạnh, phải xây dựng Đảng về cả ba mặt : chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Để góp phần xây dựng Đảng về mặt chính trị, mọi đảng viên cần toàn tâm toàn ý bảo vệ và chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, đóng góp ý kiến vào sự lãnh đạo chung của Đảng, của chi bộ, làm cho đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng ngày càng được hoàn thiện, được thấu suốt nhanh chóng trong quần chúng và được thực hiện thắng lợi.

Để góp phần xây dựng Đảng về mặt tư tưởng, người đảng viên cần không ngừng trau dồi nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, xây dựng lập

(6) *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 30—31.

Digitized by Google

trường, quan điểm, tư tưởng của giai cấp công nhân, đề cao tự phê bình và phê bình, góp phần củng cố sự đoàn kết, thống nhất của Đảng, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện sai trái với đường lối, quan điểm và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Để góp phần xây dựng Đảng về mặt tổ chức, người đảng viên cần tuân theo các quy tắc sinh hoạt Đảng, chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tuyệt đối phục tùng kỷ luật của Đảng, giữ gìn bí mật của Đảng, cảnh giác với mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch. Cần đấu tranh với mọi hành động trái với lợi ích chung của Đảng, trước hết là chống mọi biểu hiện thoái hóa, cơ hội và bè phái để bảo vệ sự thống nhất về đường lối chính trị và tổ chức, bảo vệ Đảng và bảo vệ uy tín của Đảng. Để cho Đảng không ngừng lớn mạnh, người đảng viên còn phải chăm lo công tác phát triển Đảng và đấu tranh chống những biểu hiện hữu khuynh không chịu đưa những phần tử thoái hóa biến chất, những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Năm là : Nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng.

Trung thành với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta không ngừng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, và chính sự kết hợp đúng đắn đó là một trong những nguyên nhân tạo nên thắng lợi to lớn của cách mạng Việt-nam. Ngày nay, là Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước, Đảng ta « tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa và mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản, giữ vững độc lập, tự chủ, ra sức làm tròn nhiệm vụ đối với dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân các nước » (7).

Mỗi đảng viên cần góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đồng thời có ý thức ấy trong việc phấn đấu làm tốt mọi nhiệm vụ công tác hằng ngày của mình cũng như trong việc trực tiếp làm các nhiệm vụ quốc tế khi có sự phân công của Đảng.

★

Năm nhiệm vụ đảng viên ghi trong Điều lệ Đảng phản ánh những yêu cầu cao của Đảng đối với đảng viên trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Phấn đấu để thực hiện tốt năm nhiệm vụ đó là trách nhiệm, đồng thời là vinh dự của mỗi đảng viên, chính thức cũng như dự bị.

Đương nhiên trên cơ sở những yêu cầu chung, đối với từng hoàn cảnh cụ thể, các tổ chức Đảng cần đề ra những yêu cầu phù hợp với nhiệm vụ mà đảng viên phải gánh vác, đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng, tạo điều kiện giúp đỡ đảng viên phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

---

(7) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 83.

Digitized by Google

XÂY DỰNG TỈNH HOÀNG-LIÊN-SƠN
TỪNG BƯỚC TIẾN LÊN SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NGUYỄN-NGỌC-CỪ

Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng
Bí thư Tỉnh ủy Hoàng-liên-sơn

TỈNH Hoàng-liên-sơn có diện tích khoảng 1.484.000 ha; trong đó có 795.000 ha rừng và đất rừng (chiếm 53,5% tổng diện tích) với trữ lượng gỗ, nứa khá lớn, 397.000 ha ruộng đất có thể trồng các loại cây lương thực (chiếm 27% tổng diện tích toàn tỉnh). Hoàng-liên-sơn rất giàu quặng quý: quặng a-pa-tít có khả năng khai thác với số lượng lớn; quặng kim loại màu và đen có thể khai thác hàng triệu tấn/năm. Địa hình của tỉnh bị chia cắt sâu, có độ dốc lớn, song cũng chính nhờ đó, khí hậu Hoàng-liên-sơn rất đa dạng. Hầu như không có bão lớn. Lượng mưa tương đối dồi dào, bình quân khoảng 2.000 mm/năm. Tỉnh chúng tôi có trên 30 dân tộc anh em với gần 700.000 dân, trong đó có gần 300.000 lao động. Nhân dân lao động trong tỉnh có truyền thống đoàn kết, có kinh nghiệm sản xuất trên vùng đồi núi, làm nương giỏi, khai thác rừng và mở đường qua núi rừng đều giỏi.

Tuy nhiên, chúng tôi có những khó khăn rất lớn, đó là cơ sở vật chất kỹ thuật còn nhỏ bé, nền kinh tế còn mang nặng tính chất sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp trong từng xã, thôn. Lao động phân bố rất không hợp lý: Văn-chấn, một vùng lúa nước nhỏ hẹp có đến 80.000 người, trong khi đó Than-uyên, dọc sông Hồng, đất đai nhiều thì lại thiếu lao động. Tình trạng du canh du cư còn nặng nề. Mặc dù chúng tôi đã đạt được nhiều thành tích trong công tác định canh định cư, hiện nay còn cả chục vạn đồng bào vùng cao du canh du cư.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Hồ Chủ tịch, nhân dân các dân tộc tỉnh chúng tôi cùng chiến đấu và xây dựng, đã đạt được những thành tích đáng tự hào trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Với sự cố gắng bền bỉ của toàn đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp đã được xây dựng và ngày càng mở rộng. 870 hợp tác xã sản xuất nông — lâm nghiệp đã thu hút 84,7% số hộ nông dân lao động toàn tỉnh (vùng thấp 95%, vùng cao 50%). Nhờ có hợp tác xã, tỉnh chúng

Digitized by Google

tôi đã khai phá được khoảng 10.000 héc-ta đất mới, do đó giữ vững được diện tích sản xuất lương thực, mặc dù đã phải dành nhiều diện tích ruộng lúa và nương màu cho việc xây dựng hồ chứa nước Thác-bà. Tính đến năm 1976 tỉnh chúng tôi có trên 85.900 ha với tổng sản lượng là 177.880 tấn lương thực (kể cả màu quy ra thóc). Tuy vậy, chúng tôi vẫn thiếu lương thực vì chưa coi trọng phát triển hoa màu. Thấy rõ khuyết điểm của mình, năm 1977 chúng tôi đã phấn đấu mở rộng diện tích màu, chủ yếu là ngô và sắn, thêm được trên 33.500 ha, tức là bằng gần 39% tổng diện tích trồng lương thực hiện nay.

Cho đến nay, chúng tôi đã xây dựng được 12 nông trường, 14 lâm trường với phương hướng chung là trồng cây công nghiệp, cây thuốc, cây ăn quả, trồng và khai thác rừng, chăn nuôi lợn, trâu bò ăn thịt và lấy sữa. Ngoài ra chúng tôi đã xây dựng được 7 trạm, trại giống cây trồng và con gia súc. Việc xây dựng những cơ sở quốc doanh này xuất phát từ quan điểm kết hợp kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể, lấy kinh tế quốc doanh làm nòng cốt để phát huy các thế mạnh của miền núi. Thực tế chứng minh rằng quan điểm đó là đúng. Chúng tôi đang xây dựng từng bước nhiều vùng sản xuất chuyên canh. Với phương hướng đúng đắn, một số ngành kinh tế miền núi đang phát triển thuận lợi và vững chắc. Đến nay, ở tỉnh chúng tôi diện tích trồng cây công nghiệp các loại là 15.365 ha, tăng 10,4% so với năm 1975, trong đó cây công nghiệp ngắn ngày là 3.640 ha, cây công nghiệp dài ngày là 11.625 ha (không kể cây công nghiệp làm nguyên liệu làm giấy, sợi). Hằng năm, Hoàng-liên-sơn cung cấp đều đặn cho các ngành công nghiệp trung ương trên 10.300 tấn búp chè tươi, gần 1.600 tấn dứa, 20 tấn hạt su hào giống, một số lượng ngày càng nhiều dược liệu quý như tam thất, đỗ trọng, bạch truật, v.v...

Mặc dù có khó khăn về nhiều mặt, từ cuối năm 1975 đến nay, đàn gia súc vẫn được giữ vững, một vài loại con có tăng một ít. Toàn tỉnh hiện có 112.000 con trâu, 21.000 con bò, 263.771 con lợn, 37.863 con ngựa. Điều cần nêu lên là chăn nuôi trong khu vực quốc doanh và tập thể còn rất yếu.

Nghề rừng mỗi năm đều có tiến bộ hơn trước. Với việc đẩy mạnh nghề rừng quốc doanh và thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, chúng tôi đã huy động được lực lượng toàn dân trồng rừng, bảo vệ rừng. Năm 1976 toàn tỉnh trồng được 6.594 ha, tuy chưa đạt chỉ tiêu Nhà nước (7.000 ha) nhưng đã tăng 32% so với năm 1975, trong đó quốc doanh trồng 4.394 ha, hợp tác xã và nhân dân trồng 2.244 ha. Cho đến nay, chúng tôi đã trồng được trên 30.000 ha rừng mỡ, bồ đề, thông, v.v... Hằng năm, chúng tôi cung cấp cho trung ương trên 94.000 m^3 gỗ tròn, trên 10 triệu cây nứa, tre, vầu, đủ gỗ bồ đề cho nhà máy diêm Thống nhất.

Mạng lưới giao thông được xây dựng, mở rộng đến những điểm sản xuất và dân cư, phục vụ việc xây dựng các vùng kinh tế mới, phục vụ việc khai thác nông sản, lâm sản và đời sống nhân dân. Trước đây, Hoàng-liên-sơn chỉ có con đường sắt Hà-nội — Lào-cai, đường bộ Hà-nội — Yên-bái và đường thủy sông Hồng chạy qua tỉnh. Tất cả các huyện về tỉnh chỉ có đường ngựa; từ các xã lên huyện hầu như chỉ có đường mòn. Từ năm 1965 đến năm 1976 tỉnh chúng tôi đã làm 1.225 km đường mới, trong đó có 467 km đường quốc lộ. Hiện nay tỉnh chúng tôi đã có đường ô tô về tới 213 xã (chiếm trên 64,5% số xã trong tỉnh).

Tỉnh chúng tôi đang từng bước xây dựng nền công nghiệp địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu khai thác các

Digitized by Google

nguồn nông sản và lâm sản trong tỉnh. Toàn tỉnh hiện có trên 100 cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp với trên 50 xí nghiệp và trên 40 cơ sở sản xuất gồm nhiều ngành. Trong những cơ sở này, có 3 xí nghiệp cơ khí với công suất 150 — 300 tấn/năm và 10 xưởng nông cụ huyện, bảo đảm về căn bản việc sản xuất nông cụ cho toàn tỉnh. Một ngành công nghiệp địa phương có nhiều triển vọng đang hình thành gồm các cơ sở chế biến nông sản và lâm sản phục vụ xuất khẩu và đời sống nhân dân. Ngành xây dựng cơ bản bước đầu phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu của địa phương về xây dựng xí nghiệp, cơ quan, nhà ở, đường trục của địa phương...

Song song với công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, các hoạt động văn hóa và xã hội cũng có những tiến bộ lớn. Về **giáo dục**, đến nay toàn tỉnh đã có 155.034 em học sinh học trong 309 trường cấp I, 151 trường cấp II và 19 trường cấp III. Như vậy, ở Hoàng-liên-sơn cứ 5 người dân đã có một người đi học. Sự nghiệp **y tế** cũng phát triển khá mạnh. Toàn tỉnh đã có 354 cơ sở phòng bệnh và chữa bệnh, trong đó có 25 bệnh viện, 25 bệnh xá, 4 cơ sở điều dưỡng và 300 trạm y tế hộ sinh xã; cứ 246 người dân có 1 giường bệnh.

Những thành tích trên đây là kết quả của một quá trình đấu tranh và lao động sáng tạo của nhân dân tỉnh chúng tôi, đánh dấu một bước trưởng thành của con người mới, xã hội chủ nghĩa của Hoàng-liên-sơn. Con người mới đó chung đúc từ 30 dân tộc anh em một lòng trung với nước, hiếu với dân, đoàn kết thương yêu nhau, có tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, ham học, ham tiến bộ. Tỉnh chúng tôi hiện có lực lượng cán bộ khoa học và kỹ thuật khá lớn gồm: 1.952 cán bộ có trình độ đại học và trên đại học; 6.039 cán bộ có trình độ trung cấp; 10.554 công nhân kỹ thuật. Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, nhân dân tỉnh chúng tôi đã từng nêu cao tinh thần « tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược », quyết tâm đóng góp đầy đủ sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Hàng chục nghìn con em Hoàng-liên-sơn lên đường đánh Mỹ đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trên quê hương mình, nhân dân và lực lượng vũ trang Hoàng-liên-sơn đã bắn rơi 106 máy bay Mỹ, trong đó có chiếc thứ 800 bị hạ trên miền Bắc. Những chiến công đó xứng đáng với 433 huân chương các loại mà Quốc hội, Chính phủ và Hồ Chủ tịch đã thưởng cho các tập thể và cá nhân trong tỉnh.

Đạt được những thành tựu trên đây, ngoài sự phấn đấu gian khổ của đảng bộ và nhân dân Hoàng-liên-sơn còn có sự đóng góp của đồng bào các tỉnh Hà-nam-ninh, Thái-bình và Hà-sơn-bình lên tham gia xây dựng kinh tế ở Hoàng-liên-sơn.

★

Trong quá trình phấn đấu thực hiện đường lối của Đảng, chúng tôi thu được một số kinh nghiệm sau đây:

1 — TIẾN HÀNH ĐỒNG THỜI BA CUỘC CÁCH MẠNG, TRONG ĐÓ CÁCH MẠNG KHOA HỌC — KỸ THUẬT LÀ THEN CHỐT

Năm 1960, công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp ở tỉnh chúng tôi căn bản hoàn thành. Từ đó quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn Hoàng-liên-sơn được giữ vững, ngày càng củng cố và hoàn thiện. Do đặc điểm của miền núi vùng cao và do điều kiện chung, quá trình xây dựng

Digitized by Google

và củng cố hợp tác xã ở địa phương chúng tôi đã phải trải qua ba thời kỳ: bậc thấp tiện canh tiện cư trong từng bản; bậc cao quy mô thôn; và bậc cao quy mô xã. Việc quản lý hợp tác xã đã phải đi từ quản lý đơn giản của kinh tế độc canh đến quản lý nhiều ngành nghề, đặc biệt là nghề trồng rừng, khai thác và chế biến nông sản và lâm sản.

Trong quá trình đưa nông dân miền núi vào làm ăn tập thể, chúng tôi đã kịp thời sử dụng sức mạnh của cao trào hợp tác hóa, tập trung đẩy phong trào toàn dân làm thủy lợi lên. Nhân dân đã hăng hái tự túc lương thực đi làm thủy lợi và đóng góp lương thực vào quỹ làm thủy lợi của tỉnh. Là một tỉnh miền núi làm thủy lợi trong khi đất nước còn nghèo, chúng tôi giữ nước tưới ruộng bậc thang và hoàn chỉnh các ruộng bậc thang đã có; đắp hồ loại vừa và nhỏ chứa nước tưới bằng phương pháp tự chảy. Chúng tôi đã gắn phong trào làm thủy lợi với cuộc vận động bảo vệ rừng, trồng cây trên đồi trọc, trồng cây ở rừng đầu nguồn, ở vùng hồ chứa nước, ở đỉnh đồi, để giữ nước, giữ ẩm cho đất. Kết quả là trong hai năm chúng tôi đã căn bản giải quyết được hạn hán cho ruộng lúa. Nhưng vì các công trình thủy nông phần lớn là loại nhỏ, tự chảy, cho nên chúng tôi phải củng cố và xây dựng mới hằng năm để khắc phục hậu quả của quá trình bồi đắp tự nhiên do mưa lũ.

Đi đôi với phong trào làm thủy lợi, là phong trào làm giao thông. Chúng tôi đã chú ý đưa giao thông đi trước một bước nhằm phục vụ phát triển kinh tế trước mắt và lâu dài, đem đến cho các dân tộc ánh sáng văn minh, củng cố lòng tin của mọi người đối với chế độ, đối với Đảng, bảo đảm kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Làm phân bón, bón phân cho ruộng thật sự là một phong trào cách mạng của quần chúng. Quần chúng làm phân bón ruộng là tăng thêm số người lao động và ngày công giờ công làm trên đồng ruộng, để có thu hoạch cao hơn. Phong trào làm phân và bón phân đã có tác dụng xóa bỏ thói quen lâu đời trồng cây chay ở miền núi trước đây, đồng thời còn cải tạo cách sống cũ, xây dựng cách sống mới.

Song song với phong trào làm phân bón, chúng tôi đã phát động phong trào xây dựng cơ sở vật chất của hợp tác xã như sân phơi, nhà kho tập thể..., và cải tiến công cụ, thay cày chìa vôi lưỡi bằng gỗ bằng cày 51, thay bừa răng gỗ bằng bừa sắt, dùng cào cỏ bằng sắt, dùng xe quệt, xe ba gác để giải phóng đôi vai, trang bị cho hợp tác xã các loại cơ khí nhỏ như máy tuốt lúa, máy xay xát, v.v...

Cuộc vận động thay đổi giống lúa mới có ý nghĩa cách mạng sâu sắc đối với miền núi chúng tôi. Trước đây ở tỉnh chúng tôi vụ chiêm cấy tới 33 loại giống, vụ mùa cấy tới 47 loại giống, hầu hết là loại giống đã thoái hóa, mang nhiều mầm mống gây sâu bệnh, năng suất rất thấp, bình quân đạt 1,5 tấn/héc-ta trong toàn tỉnh. Phải có hợp tác xã, có các công trình thủy lợi, có phong trào làm phân bón, thì mới có nhân tố xã hội và cơ sở vật chất để đưa giống lúa mới vào đồng ruộng; nhưng lại phải có hiểu biết về khoa học kỹ thuật, phải chiến thắng tư tưởng bảo thủ thì mới có thể đưa giống lúa mới vào một cách rộng rãi và có kết quả. Do những cố gắng nhiều mặt, đến năm 1964 chúng tôi đã thay đổi toàn bộ giống lúa mùa cũ bằng giống mới. Nhờ việc thay đổi giống, làm đúng thời vụ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiến bộ, đến năm 1976 năng suất lúa ruộng bình quân toàn tỉnh đã lên tới 4,7 tấn/héc-ta. Riêng ba huyện Bát-xát, Trấn-yên và Văn-yên, và trên 100 hợp tác xã đã đạt và vượt 5 tấn/héc-ta. Đời sống nhân dân bước đầu được ổn định.

Digitized by Google

Trong khi tập trung mọi cố gắng bảo đảm nhu cầu về lương thực, chúng tôi đồng thời phấn đấu thực hiện sự phân công lại lao động, thúc đẩy sản xuất phát triển toàn diện phù hợp với đặc điểm của miền núi. Các hợp tác xã tìm cách mở rộng ngành nghề, trước hết là trồng rừng và trồng cây công nghiệp, rồi đến chăn nuôi, và lập tổ rèn công cụ hoặc tổ chế biến nông sản và lâm sản nhằm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp.

Việc quản lý hợp tác xã cũng được coi trọng. Chúng tôi tập trung vào khâu đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là ban quản trị, trong đó chú ý ba khâu: quản lý sản xuất, quản lý lao động và quản lý phân phối; còn đối với đội phó và đội trưởng sản xuất thì chủ yếu bồi dưỡng về kỹ thuật trồng trọt. Để đào tạo cán bộ cho các huyện vùng cao, chúng tôi thành lập ở mỗi huyện một trường đào tạo cán bộ cơ sở về mọi mặt, từ học tập văn hóa, đến học tập quản lý, v.v...

Kết quả của những cố gắng của tỉnh chúng tôi trong thời gian qua thể hiện tập trung ở chỗ quan hệ sản xuất mới được giữ vững và củng cố, cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã được xây dựng bước đầu, sản xuất được đẩy mạnh và có phần phát triển khá, nhất là lâm nghiệp. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh chúng tôi tin tưởng ở con đường xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên chúng tôi còn nhiều nhược điểm, nhất là trình độ văn hóa thấp kém. Hiểu rõ điều đó, chúng tôi đang có nhiều biện pháp để nâng cao trình độ văn hóa của cán bộ và nhân dân.

II – NẮM VỮNG PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT HUY CÁC THẾ MẠNH CỦA MIỀN NÚI, TỪNG BƯỚC TIẾN LÊN SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Hoàng-liên-sơn có trách nhiệm nặng về trồng rừng đầu nguồn của sông lớn, cung cấp nhiều nguyên liệu lâm sản, một phần thực phẩm cho nhiều ngành kinh tế trung ương. Trước nhu cầu to lớn của sự nghiệp xây dựng đất nước, chúng tôi xác định quyết tâm đưa kinh tế lâm nghiệp lên thành một ngành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Với ý thức đó, trên cơ sở và song song với việc bảo đảm lương thực, chúng tôi vận động nhân dân trồng cây. Sự nghiệp này mới mẻ đối với cán bộ tỉnh chúng tôi. Mỗi nơi làm một cách, dần dần qua nhiều vấp váp, chúng tôi thấy rõ mối quan hệ giữa cây trồng, đất đai, khí hậu. Từ đó vấn đề chọn cây, chọn đất, quy hoạch phân vùng được lần lượt đặt ra ngày càng rõ hơn.

Chọn cây trồng là một việc làm rất mới, ban đầu chúng tôi dựa vào kinh nghiệm của nhân dân rồi từng bước đi vào khoa học. Nhờ đó chúng tôi khẳng định được rằng ở nơi có đồi bát úp và độ ẩm cao, thì cây thích hợp nhất là cây bồ đề và cây mỡ, với chu kỳ kinh tế 10 – 15 năm. Ở nơi cao trên 1.000m, quanh năm nhiệt độ thấp thì trồng các cây sa-mu, pơ-mu, túng-qua-sủ, chu kỳ kinh tế dài hơn nhiều. Ở nơi có dốc dưới 30° mà độ ẩm cao thì trồng cây công nghiệp như chè, trẩu, sở.. Trong quá trình tìm kiếm các loại cây thích hợp, chúng tôi đã tìm thấy nhiều cây trồng sinh trưởng ở địa phương như bồ đề, mỡ, túng-qua-sủ, chè, dứa, lê, mận, đào...; chúng tôi cũng đã tìm thấy nhiều cây trồng ở những

Digitized by Google

tỉnh khác có giá trị kinh tế cao như sở, trẩu, lai, v.v... Đó là những giống cây được coi là thích hợp với tỉnh chúng tôi.

Chúng tôi ngày càng nhận rõ rằng việc chọn cây trồng và trồng cây không chỉ phục vụ thủy lợi, phòng hộ, cải tạo đất, mà còn phục vụ tốt cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Từ nhận thức đó, chúng tôi đi sâu vào nghiên cứu cây trồng để rút ra những kết luận khoa học cần thiết trên nhiều mặt, thúc đẩy lâm nghiệp phát triển.

Để đưa nông nghiệp và lâm nghiệp tiến dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng tôi đã từng bước tiến hành quy hoạch phân vùng nông lâm nghiệp. Lúc đầu chúng tôi chỉ tiến hành quy hoạch việc trồng rừng trong từng hợp tác xã. Về sau thấy làm như vậy không thích hợp, chúng tôi tiến hành quy hoạch phân vùng trên phạm vi toàn tỉnh. Cách làm này đã tạo điều kiện tốt để kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và công nghiệp. Cho đến nay, dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của tỉnh, với sự cố gắng của hàng nghìn cán bộ khoa học và sự giúp đỡ của các ngành chuyên môn hữu quan, Hoàng-liên-sơn đã căn bản hoàn thành công tác quy hoạch phân vùng. Những khu vực chuyên canh tập trung, quy mô lớn đã định hình và được quy thành 5 vùng, từ đó tạo ra các thế để hình thành cơ cấu công — nông — lâm nghiệp:

1 — Vùng thực phẩm, gỗ trụ mỏ, cây đặc sản gồm các huyện Bản-thắng, Sa-pa, Bát-xát, Văn-bàn và 3 xã thuộc huyện Bảo-yên;

2 — Vùng chè, quế, trẩu, cây lương thực gồm các huyện Văn-chấn, Trạm-tấu, Trấn-yên, Lục-yên và Văn-yên, hai thị xã Yên-bái và Nghĩa lộ;

3 — Vùng nguyên liệu giấy sợi và cá hồ gồm hai huyện Lục-yên, Yên-bình và phần lớn huyện Bảo-yên;

4 — Vùng chăn nuôi trâu, bò sữa, thịt và trồng trẩu lấy dầu ăn gồm hai huyện Than-uyên và Mù-cang-chải.

5 — Vùng trồng rừng đầu nguồn, trồng trẩu và chè gồm 3 huyện Mường-khương, Bắc-hà, Xi-ma-cai.

Chúng tôi đã vận động xã viên lập thành những đội chuyên trồng rừng của 160 trong số 870 hợp tác xã. Những hợp tác xã này phải vừa tự túc lương thực vừa trồng và khai thác rừng. Kết quả trồng cây của những hợp tác xã này tuy không lớn, nhưng vững chắc. Ngoài các hợp tác xã trồng rừng, dần dần chúng tôi tiến tới lập những hợp tác xã chuyên trồng và khai thác cây công nghiệp và cây đặc sản (toàn tỉnh hiện có 43 hợp tác xã như thế). Khi đã có quy hoạch và có kinh nghiệm bước đầu rồi, chúng tôi huy động lực lượng xã viên trên địa bàn huyện chia thành nhiều đợt, mỗi đợt hàng trăm người, làm từ 3 đến 6 tháng theo chế độ giao khoán để hình thành những khu cây công nghiệp chuyên canh lớn. Riêng năm 1976 diện tích rừng do số lao động này trồng chiếm tới gần 29% tổng diện tích rừng quốc doanh trồng được trong năm. Ngoài ra chúng tôi áp dụng chế độ cho hợp tác xã vay vốn để trồng cây công nghiệp và trồng rừng. Chúng tôi xây dựng các lâm trường và các trạm lâm nghiệp quốc doanh, coi đó là nòng cốt của việc trồng rừng. Các lâm trường và trạm, trại được trang bị kỹ thuật trồng rừng hiện đại, được bố trí đóng chốt ở những nơi khó khăn nhất. Nhờ phát động toàn dân trồng cây, làm lâm nghiệp, cho đến nay chúng tôi đã trồng được trên 30.000 ha rừng. 30.000 ha rừng trồng cộng với trên 15.000 ha cây công nghiệp so với trên 300.000 ha rừng phải trồng và canh tác thì không lớn (nếu so với 795.000 ha đất rừng thì càng nhỏ bé hơn nữa), song nó khẳng định hướng đi của chúng tôi là đúng đắn. Những kinh nghiệm về khai thác các thế mạnh

Digitized by Google

của miền núi đang giúp chúng tôi từng bước tiến lên xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tạo ra một cơ cấu công — nông — lâm nghiệp phù hợp với điều kiện của tỉnh chúng tôi.

III — COI TRỌNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG VÀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ VÀ CỐT CÁN

Giáo dục tư tưởng cách mạng tiến công ngay từ đầu, liên tục, kiên trì, có mục đích, phương hướng rõ ràng.

Ở một tỉnh mới hợp nhất, tỉnh ủy chúng tôi rất coi trọng công tác tư tưởng, có ý thức ngay từ đầu, tạo ra và tăng cường sự nhất trí trong đảng bộ về các nhiệm vụ chính trị. Ngay sau khi hợp nhất, hội nghị Tỉnh ủy đã ra nghị quyết «*Về phương hướng nhiệm vụ của đảng bộ Hoàng-liên-sơn năm 1976*». Trên cơ sở học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 25 (khóa III) của Trung ương Đảng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, các đảng bộ trong toàn tỉnh nghiên cứu những nhiệm vụ lớn, trong đó có nhiệm vụ công tác vùng cao, đồng thời nghiên cứu nhiệm vụ cụ thể của từng ngành: công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, v.v...

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu học tập đi đôi với hành động cách mạng, kết hợp liên hệ kiểm điểm với sửa chữa khuyết điểm, nhược điểm. Chúng tôi kết hợp việc giáo dục thường xuyên theo kế hoạch dài hạn với việc tiến hành giáo dục tập trung từng đợt, có trọng điểm. Công tác giáo dục tư tưởng đã giúp cho cán bộ, đảng viên (và cả nhân dân) toàn tỉnh nắm vững được nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp, đặc biệt là ở vùng cao biên giới. Công tác giáo dục lý luận chính trị cơ bản cho cán bộ, đảng viên cũng được đẩy mạnh. Trên 20 đảng bộ ngành trực thuộc tỉnh ủy và một số huyện đã tổ chức giáo dục lý luận cho trên 8.000 đảng viên. Nhờ đó trong toàn đảng bộ chúng tôi có được một bầu không khí phấn khởi, tự hào, tin tưởng, đoàn kết nhất trí, mọi người cố gắng nêu cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần cách mạng tiến công, vươn lên trong lao động sản xuất và công tác, khắc phục một bước những biểu hiện tư tưởng hoài nghi, bi quan dao động, hữu khuynh trước những khó khăn tạm thời hoặc những biểu hiện mệt mỏi, muốn nghỉ ngơi, ngại khó, ngại đi cơ sở, lơ là mất cảnh giác.

Bồi dưỡng cán bộ cốt cán.

Nhờ hiểu rõ hơn vị trí của cấp huyện, tỉnh ủy chúng tôi tập trung sức lo kiện toàn cấp huyện. Tỉnh ủy cố gắng bồi dưỡng các đồng chí trong huyện ủy, trước hết là các đồng chí chủ chốt giúp cho các đồng chí này nắm vững và có năng lực thực hiện đường lối của Đảng đưa miền núi từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Về phần mình, huyện ủy trực tiếp bồi dưỡng các bí thư đảng ủy xã giúp bí thư đảng ủy nắm đường lối và nâng cao năng lực công tác, năng lực vận động tổ chức quần chúng.

Cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt, được giao nhiệm vụ, chức trách rõ ràng. Khi nhận xét, biểu dương ưu điểm của cán bộ, chúng tôi bao giờ cũng dựa trên công tác cụ thể, trên những nhiệm vụ cụ thể, cho nên tránh được những nhận xét chung chung. Khuyết điểm của cán bộ được uốn nắn kịp thời. Đối với những cán bộ bị hạn chế về năng lực chúng tôi

Digitized by Google

quyết định thay thế kịp thời. Chúng tôi lấy việc thật, người thật để giáo dục cán bộ và từng bước nâng cao họ lên. Chúng tôi lấy biểu dương cổ vũ làm chính, đồng thời chỉ ra những thiếu sót khuyết điểm của cán bộ để giúp họ khắc phục. Trong quá trình bồi dưỡng cán bộ, chúng tôi phát huy quyền làm chủ của cán bộ, để cho họ có thời gian suy nghĩ, phát biểu những ý nghĩ của mình. Do ngày trước bị nhiều tầng áp bức, đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và cán bộ vùng dân tộc nói riêng rất thiết tha với quyền làm chủ ; họ phản đối mọi biểu hiện quan liêu, mệnh lệnh, của một số cán bộ lãnh đạo. Vi phạm quyền làm chủ của cán bộ và nhân dân thì không thể có đoàn kết thật sự, làm hỏng việc và có khi còn để lại hậu quả không tốt. Tôn trọng quyền làm chủ tập thể của cán bộ và nhân dân thì phải thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ của Đảng và Chính phủ. Đồng bào, cán bộ sẵn sàng sẻ cơm, nhường áo, nhường ruộng nương, nhà cửa, đóng góp cả xương máu của mình cho cách mạng, đồng thời đòi hỏi những điều quy định của Nhà nước đối với miền núi phải được nghiêm chỉnh chấp hành. Có chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách và chế độ của Đảng và Nhà nước ở miền núi thì mới củng cố và tăng cường được lòng tin của cán bộ và đồng bào các dân tộc miền núi đối với Đảng và Chính phủ.

★

Thấu suốt tinh thần nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương (khóa bốn), xuất phát từ những đặc điểm, khả năng của địa phương, chúng tôi vạch ra nhiệm vụ cụ thể của tỉnh chúng tôi trong 5 năm 1976—1980 là :

Ra sức đẩy mạnh sản xuất lương thực (bao gồm lúa và các loại màu) bằng cách thâm canh tăng vụ và khai hoang, nhất là khai hoang, đất màu trồng ngô, sắn ; lúa nước chỉ có khoảng 29.000 ha (kể cả dự định khai hoang) cho nên phải tập trung phấn đấu thâm canh, đưa năng suất lúa hiện nay mới đạt 4,7 tấn lên 5 tấn một héc-ta. Phải phát triển mạnh hoa màu, đưa diện tích hoa màu từ 33.500 héc-ta hiện nay lên 52.000 héc-ta năm 1980, tăng 18.500 héc-ta, đưa tổng sản lượng lương thực quy thóc từ 197.000 tấn hiện nay lên 235.000 tấn năm 1980, tăng 38.000 tấn.

Về cây thực phẩm, phải xây dựng cho được những vành đai thực phẩm chung quanh các khu công nghiệp tập trung và các thị xã lớn. Phấn đấu đến năm 1980, sẽ hình thành một vùng rau tập trung với diện tích 1.600 héc-ta, và mở rộng các vùng rau trái vụ hiện nay ở Sa-pa, Mường-khương, Bắc-hà, bảo đảm sản xuất độ 2 vạn tấn/năm. Mặt khác, phấn đấu đến năm 1980 có được 2.000 héc-ta đậu tương (2 vụ) thuộc các huyện Mường-khương, Bắc-hà, Xi-ma-cai, Thanuyên để bảo đảm một sản lượng khoảng 1 vạn tấn/năm.

Về chăn nuôi, đưa đàn lợn từ 163.000 con hiện nay lên 346.000 con, bình quân hằng năm tăng 4,3% ; đàn trâu từ 112.000 con lên 170.000 con (trong số này có một phần trăm, là trâu sữa) ; đàn bò từ 21.000 con lên 43.000 con (trong số này có 2.000 con là bò sữa). Ngoài ra, đẩy mạnh chăn nuôi gia cầm lấy thịt, trứng, nuôi cá, ong và dê ở những nơi có điều kiện.

Về cây công nghiệp dài ngày : Cây chè quy hoạch là 23.000 héc-ta với sản lượng 120.000 tấn/năm ; phấn đấu đưa từ 5.500 héc-ta hiện nay lên 10.000 héc-ta năm 1980. Cây có dầu (trẩu, sở, lai) quy hoạch là 25.000 héc-ta với sản lượng định hình là 100.000 tấn hạt/năm ; sẽ đưa từ 4.000 héc-ta hiện nay lên 10.000 héc-ta năm 1980.

Về cây ăn quả (bao gồm dứa, chuối, cam, quýt, bưởi, táo, đào, mận, lê) đã

Digitized by Google

quy hoạch 4.000 héc-ta; phấn đấu đưa từ 1.500 héc-ta hiện nay lên 2.300 héc-ta vào năm 1980. Các loại cây đặc sản khác như: quế dự định trồng 10.000 héc-ta, phấn đấu đưa từ 1.800 héc-ta hiện nay lên 4.000 héc-ta năm 1980; thảo quả hiện nay có 1.000 héc-ta, sẽ đưa lên 2.000 héc-ta. Cây dược liệu và hạt rau giống: trong những năm tới trồng khoảng 1.500 héc-ta ở những vùng có điều kiện.

Về nghề rừng, dự kiến phân bố đất làm nghiệp là 795.000 héc-ta. Diện tích rừng phải trồng trong 15 năm tới là 425.000 héc-ta, bao gồm cây làm nguyên liệu cho công nghiệp sợi (61.500 héc-ta); cây làm nguyên liệu cho công nghiệp giấy (194.000 héc-ta); gỗ trụ mỏ (20.000 héc-ta); ngoài ra là gỗ cho xây dựng cơ bản, rừng phòng hộ đầu nguồn, v.v... Như vậy bình quân hằng năm phải trồng khoảng 28.000 héc-ta. Hiện nay đã trồng theo quy hoạch được khoảng 30.000 héc-ta. Chúng tôi phấn đấu đến năm 1980 sẽ trồng được khoảng 65.000 héc-ta rừng cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp giấy, sợi.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên đây, chúng tôi sẽ tiếp tục hoàn thiện công tác phân vùng, tiến lên thiết kế cụ thể các vùng chuyên canh, tạo cơ sở cho việc đặt kế hoạch ngắn hạn và dài hạn một cách chính xác và khoa học hơn; đẩy mạnh việc tổ chức lại sản xuất, tăng cường một bước công tác quản lý, kiện toàn và củng cố cấp huyện; quy vùng và lập kế hoạch tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên xây dựng các vùng kinh tế mới ở địa phương, tập trung mọi cố gắng làm thật tốt công tác định canh định cư đồng bào còn du canh du cư. Mặt khác phải thực hiện đoàn kết dân tộc, bình đẳng dân tộc, nâng cao trình độ mọi mặt nhất là trình độ văn hóa của đồng bào các dân tộc miền núi để từng bước đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

★

Với niềm phấn khởi và tự hào trước những thắng lợi đã đạt được, với tinh thần đoàn kết nhất trí, đảng bộ và nhân dân Hoàng-liên-sơn, nhận rõ nhiệm vụ của mình trong thời kỳ mới, quyết biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu trước đây thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động sản xuất, phấn đấu làm cho Hoàng-liên-sơn trở thành một tỉnh giàu đẹp, đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

KỶ NIỆM LẦN THỨ 50...

(Tiếp theo trang 50)

Ngày nay, chúng ta kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Công xã Quảng-châu trong khi cách mạng Việt-nam đã giành được thắng lợi vẻ vang, nước nhà đã hoàn toàn độc lập, thống nhất và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhớ lại Công xã Quảng-châu, chúng ta nhớ đến những chiến sĩ đã chiến đấu, hy sinh vì cách mạng, và càng thắt chặt "mối tình hữu nghị Việt — Hoa, vừa là đồng chí vừa là anh em" đã được xây đắp nên từ những ngày cách mạng còn gặp khó khăn, vì sống có nghĩa có tình là đạo lý của những người cộng sản Việt-nam, của nhân dân Việt-nam ta.

Digitized by Google

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

TRẦN - DƯƠNG

QUÁ trình xây dựng và phát triển Ngân hàng Nhà nước ta trong hai mươi sáu năm qua đã chứng minh rằng: tiền tệ, tín dụng, ngân hàng là những đòn bẩy quan trọng thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Là *trung tâm tiền mặt* của nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước có khả năng tập trung mọi nguồn tiền tệ trong nền kinh tế để đầu tư cho những nhu cầu thiết yếu nhất của sản xuất và đời sống, vạch ra kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trên cơ sở ấy, ngân hàng tác động đến việc mở rộng quan hệ hàng hóa — tiền tệ, quan hệ thị trường trong nước và quan hệ kinh tế với nước ngoài, thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung vốn trong nước, góp phần thực hiện vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Là *trung tâm tín dụng* của nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước thông qua việc đầu tư tín dụng, tham gia ngay từ đầu quá trình sản xuất và kinh doanh của từng xí nghiệp, từng đơn vị kinh tế; do đó có tác dụng *trực tiếp* phục vụ và thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển theo đúng kế hoạch Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước của ta ra đời trong điều kiện của một nền sản xuất nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu; hoạt động của ngân hàng có sự gắn bó mật thiết với nông nghiệp, với quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa nền nông nghiệp, và trong giai đoạn hiện nay, nó lại càng gắn bó chặt chẽ với quá trình quy hoạch lại nền sản xuất nông nghiệp, với quá trình xây dựng huyện thành một đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Thông qua việc đầu tư tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có thể giúp huyện xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, góp phần cải tạo nền sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ngân hàng sẽ giúp huyện *lập kế hoạch phát triển kinh tế địa phương, tính toán và huy động các nguồn vật tư, lao động, tiền vốn* để phát triển kinh tế với tốc độ cao, phù hợp với sự phát triển chung của nền sản xuất xã hội.

Như vậy, Ngân hàng Nhà nước có vai trò tích cực trong việc tổ chức lại nền sản xuất xã hội theo một cơ cấu kinh tế hợp lý, làm tăng nhanh nhịp độ phát triển kinh tế quốc dân và thu nhập quốc dân, bảo đảm thỏa mãn ngày càng tốt hơn những nhu cầu về vật chất và văn hóa của nhân dân lao

Digitized by Google

động. Thông qua các mặt hoạt động của mình, ngân hàng góp phần thực hiện việc phân bố lại lực lượng sản xuất, tổ chức lại nền sản xuất trên phạm vi toàn xã hội, trong từng ngành và từng đơn vị kinh tế. Rõ ràng, hoạt động của ngân hàng gắn với công tác cải tiến quản lý, gắn kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, gắn kinh tế của mỗi cơ sở với kinh tế của mỗi ngành hay mỗi vùng, gắn công nghiệp với nông nghiệp.

Toàn bộ hoạt động của các tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa đều được xác định theo phương hướng của kế hoạch phát triển kinh tế thống nhất của Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tham gia lập kế hoạch và bảo đảm cho kế hoạch phát triển kinh tế thống nhất của Nhà nước được thực hiện đầy đủ nhất. Vì Ngân hàng Nhà nước là trung tâm tiền mặt, trung tâm tín dụng và trung tâm thanh toán của nền kinh tế quốc dân, cho nên Ngân hàng Nhà nước là nơi tập trung các nghiệp vụ về quỹ và phát hành tiền tệ, thanh toán, tín dụng, là nơi thể hiện toàn bộ sự hoạt động của các tổ chức kinh tế trong quá trình hoàn thành các kế hoạch kinh tế. Vì vậy, Ngân hàng Nhà nước có khả năng tiến hành kiểm soát bằng đồng tiền các mặt năng suất, hiệu quả và chất lượng của hoạt động sản xuất và kinh doanh của các ngành kinh tế, thực chất là thực hiện sự kiểm soát đối với quá trình tái sản xuất xã hội, nhằm bảo đảm tính cân đối trong sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Với đặc điểm hoạt động như vậy, Ngân hàng Nhà nước *có khả năng và điều kiện tham gia xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân*, trở thành *tham mưu* đắc lực cho Đảng và Nhà nước trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam nêu rõ: « Nhiệm vụ cơ bản về *ngân hàng* là thông qua hoạt động tín dụng, tiền tệ mà tham gia xây dựng và thúc đẩy thực hiện kế hoạch kinh tế, cung ứng vốn tín dụng, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhằm thúc đẩy sản xuất và tăng cường hạch toán kinh tế ».

Để làm tốt vai trò trên đây của Ngân hàng Nhà nước, cần cải tiến mọi mặt hoạt động của ngân hàng, từ công tác tín dụng, tiền tệ, thanh toán đến tổ chức bộ máy, từ việc cải tiến chính sách, thể lệ, đến cải tiến tác phong và lề lối làm việc của cán bộ ngân hàng.

★

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng ghi rõ: « Phát triển mạnh tín dụng, bảo đảm vốn sản xuất, kinh doanh đối với khu vực kinh tế quốc doanh, mở rộng việc cho vay đối với kinh tế tập thể để phát triển sản xuất theo kế hoạch Nhà nước ». Để thực hiện nghị quyết trên đây, Ngân hàng Nhà nước sẽ *cải tiến và mở rộng đầu tư tín dụng*, mở rộng tới mức cao nhất mối quan hệ tín dụng giữa Ngân hàng Nhà nước với các đơn vị kinh tế, xí nghiệp và nhân dân.

Trước hết, cần khắc phục tư tưởng ỷ lại vào vốn cấp phát của ngân sách Nhà nước, không muốn mở rộng đầu tư tín dụng. Những người có tư tưởng trên đây cho rằng công tác tín dụng nên tham gia vào những đối tượng ngoài kế hoạch với nhu cầu về vốn không lớn. Họ coi nhẹ công tác tín dụng, đánh giá thấp vai trò và tác dụng của tín dụng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong quá trình đưa nền kinh tế từ phương thức sản xuất nhỏ lên phương thức sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Họ không hiểu rằng tín dụng là một quan hệ kinh tế, nó tồn tại và hoạt động theo những quy luật khách quan. Những

Digitized by Google

nguyên tắc của tín dụng xã hội chủ nghĩa bắt buộc những người đi vay (xí nghiệp, tổ chức kinh tế) phải tính toán chính xác các nhu cầu vốn để làm sao các chi phí bỏ ra phải mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực. Mặt khác, các nguyên tắc của tín dụng cũng đòi hỏi bản thân các tổ chức ngân hàng phải xét duyệt kỹ càng những đối tượng xin vay. Như vậy, chính quan hệ tín dụng đòi hỏi cả người đi vay lẫn người cho vay phải đề cao trách nhiệm đối với việc sử dụng tiền vốn, lao động, vật tư, từ đó củng cố chế độ hạch toán kinh tế. Chính công tác tín dụng tham gia vào việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, tăng năng lực kinh tế, đưa nhanh những thành tựu của công cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật vào sản xuất; nhờ đó, công tác tín dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Đồng thời, việc đầu tư tín dụng vào vốn lưu động có tác động đẩy nhanh tốc độ luân chuyển tiền vốn và luân chuyển vật tư, hàng hóa, bảo đảm vốn cho nhu cầu sản xuất và kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Tác động của tín dụng trong việc huy động khả năng lao động, vật tư, tiền vốn vào sản xuất là điều không thể thiếu được đối với nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, cũng cần khắc phục khuynh hướng tư tưởng muốn mở rộng tín dụng trong tất cả các lĩnh vực, các đối tượng.

Trong những năm tới, cần thực hiện tốt chủ trương của Hội đồng chính phủ về *cải tiến và mở rộng tín dụng ngân hàng*; bởi vì « cải tiến và mở rộng tín dụng ngân hàng là một khâu quan trọng trong cải tiến quản lý kinh tế, nhằm góp phần xóa bỏ từng bước phương thức quản lý bao cấp để chuyển sang thực hiện phương thức quản lý theo chế độ hạch toán kinh tế, nâng cao hiệu quả của sản xuất, kinh doanh, hiệu quả của tiền vốn » (1).

Cải tiến và mở rộng tín dụng không thể tách rời với việc cải tiến quản lý kinh tế nói chung, và cải tiến quản lý vốn nói riêng. Lâu nay, việc quản lý vốn và cung cấp vốn còn mang nặng tính chất « hành chính », « bao cấp ». Hiệu quả kinh tế của đồng vốn bỏ ra còn thấp, nhiều khi vốn lại bị hụt đi. Vì vậy, yêu cầu cải tiến quản lý vốn, cũng như cải tiến và mở rộng công tác tín dụng, trở nên cấp bách.

Việc cải tiến và mở rộng tín dụng trước hết phải chú trọng lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản. Tín dụng ngân hàng cùng với vốn của Ngân sách Nhà nước sẽ tham gia xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Công tác tín dụng sẽ được mở rộng trong tất cả các ngành, các xí nghiệp, các tổ chức kinh tế quốc doanh, bao gồm những chi phí xây dựng cơ bản trong kế hoạch cũng như ngoài kế hoạch, trên hạn ngạch cũng như dưới hạn ngạch.

Công tác tín dụng có thể tham gia vào những công trình có chi phí hàng chục triệu đồng với thời gian thu hồi vốn từ 15 đến 20 năm hoặc hơn nữa; có thể đầu tư cho một dự án kinh tế, cho việc cải tạo và quy hoạch lại sản xuất của cả một vùng.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, phong trào tổ chức lại sản xuất đang diễn ra ở nhiều địa phương, nhiều ngành. Thông qua đầu tư tín dụng cho xây dựng cơ bản, ngân hàng có thể góp phần vào việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, thành đơn vị kế hoạch. Ngân hàng sẽ đẩy mạnh hoạt động tín dụng phục vụ nông nghiệp, góp phần giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm, tạo nên nhiều nông sản cho xuất khẩu và nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm và công nghiệp nhẹ.

(1) Quyết định 32/CP ngày 11-2-1977 của Hội đồng Chính phủ.

Digitized by Google

Theo chủ trương mới, số vốn tín dụng đầu tư cho xây dựng cơ bản hàng năm sẽ chiếm gần 30% trong tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nền kinh tế quốc dân và tỷ lệ này sẽ tăng lên khi việc xây dựng cơ bản cho các ngành kinh tế và xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp hoàn chỉnh được đẩy mạnh.

Vì vậy, số lượng các xí nghiệp, các tổ chức kinh tế có quan hệ tín dụng với ngân hàng sẽ tăng lên, mức vốn tín dụng đầu tư cho từng công trình cũng như cho toàn bộ nền kinh tế sẽ tăng lên. Đây là điểm thay đổi quan trọng trong công tác tín dụng, là cái mốc đánh dấu sự phát triển mới của công tác tín dụng ở nước ta. Đây không chỉ là sự thay thế đơn thuần về nguồn vốn, từ vốn ngân sách cấp phát chuyển sang vốn tín dụng ngân hàng, mà chính là nội dung *cơ bản* của cuộc cải cách tín dụng hiện nay. Việc tín dụng tham gia đầu tư xây dựng cơ bản buộc các đơn vị kinh tế thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản phải tính toán thật chính xác những chi phí để đạt được hiệu quả kinh tế cao, nhằm tăng nhanh năng lực kinh tế của từng xí nghiệp, cũng như của toàn bộ nền kinh tế.

Đi đôi với việc tham gia xây dựng những tài sản cố định sản xuất mới, *ngân hàng tiếp tục đầu tư vốn cho những biện pháp cải tiến kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới, mở rộng sản xuất hàng tiêu dùng, v.v...*

Cùng với việc cải tiến và mở rộng đầu tư tín dụng vào vốn cố định, việc tín dụng tham gia vào vốn lưu động cũng được cải tiến và mở rộng: tỷ lệ vốn tín dụng tham gia vốn lưu động cũng tăng lên trong một số ngành và đơn vị kinh tế. Tín dụng tham gia vào vốn lưu động có tác dụng đẩy nhanh luân chuyển tiền vốn và luân chuyển vật tư, hàng hóa, bảo đảm đủ vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế khắc phục tình trạng vật tư, hàng hóa ứ đọng, lãng phí.... trên cơ sở đó, làm tăng nhanh khối lượng sản phẩm hàng hóa.

Trong thời gian tới, *ngân hàng cũng từng bước mở rộng tín dụng tiêu dùng*, nhằm giúp nhân dân có vốn để giải quyết những khó khăn trước mắt về xây dựng nhà ở và mua sắm các vật dụng gia đình.

Trong điều kiện hiện nay, khi quan hệ kinh tế giữa nước ta và các nước trên thế giới ngày càng mở rộng, chúng ta có thể và cần phải tranh thủ nguồn vốn của các nước để nhập vật tư kỹ thuật, thiết bị, máy móc tiên tiến để phát triển kinh tế trong nước. Cùng với vốn trong nước, vốn ngoại tệ phải được sử dụng có hiệu quả kinh tế cao. Chúng ta phải biết sử dụng vốn nước ngoài để phát triển sản xuất trong nước, từ đó tạo ra nhiều nguồn hàng xuất khẩu, mở rộng hơn nữa quan hệ kinh tế với nước ngoài. Song phải tính toán thật kỹ và sử dụng thật tiết kiệm vốn nước ngoài, để từ đó có nguồn ngoại tệ trả nợ.

Song song với việc cải tiến và mở rộng quan hệ tín dụng, *việc ổn định tiền tệ, củng cố sức mua của đồng tiền, củng cố và điều hòa lưu thông tiền tệ là nhiệm vụ rất cơ bản, cấp bách trong giai đoạn cách mạng hiện nay.* Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, tiền tệ là một trong những công cụ quan trọng của việc chỉ đạo có kế hoạch đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân, là công cụ tính toán và kiểm soát đối với sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu dùng sản phẩm xã hội, là công cụ quan trọng trong việc thực hiện chức năng tổ chức kinh tế của Nhà nước, củng cố chế độ hạch toán kinh tế. Sức mua của đồng tiền giảm sút, lưu thông tiền tệ không bình thường sẽ ảnh hưởng không tốt đến giá cả thị trường, đến sản xuất và đời sống nhân dân. Củng cố và nâng cao sức mua của đồng tiền là phục vụ đắc lực cho việc hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng mà Đại hội đại

Digitized by Google

biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đề ra.

Sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa là cơ sở của lưu thông tiền tệ. Lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ có quan hệ khăng khít với nhau; nhưng lưu thông tiền tệ có tính độc lập tương đối. Do đó, cần vận dụng sáng tạo quy luật lưu thông tiền tệ, nhằm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hàng hóa và tiền tệ trong từng lúc, từng nơi.

Ở miền Bắc nước ta, do phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được xác lập, nền kinh tế phát triển có kế hoạch, việc lưu thông hàng hóa có tổ chức; đó là cơ sở để ổn định tiền tệ và lưu thông tiền tệ. Tuy nhiên, cơ sở ấy bị hạn chế, do ảnh hưởng của chiến tranh, do chế độ quản lý kinh tế tài chính chưa được cải tiến đồng bộ, do sự hạn chế của nền sản xuất nhỏ.

Ở các tỉnh miền Nam, do công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa mới chỉ bắt đầu, thị trường tự do còn rất rộng, các quan hệ về hàng hóa, tiền tệ còn chịu sự tác động tự phát của quy luật giá trị và các quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, cần phải đẩy mạnh sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, xác lập phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó chúng ta mới ổn định được tiền tệ trong lưu thông, tăng được sức mua của đồng tiền.

Trong điều kiện hiện nay, nền kinh tế giữa hai miền còn tạm thời chưa đồng nhất, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa được thiết lập hoàn toàn ở các tỉnh miền Nam, do đó việc Nhà nước sử dụng đồng tiền còn bị hạn chế. Các giai cấp bóc lột tìm mọi cách dùng đồng tiền hoạt động đầu cơ tích trữ, ngăn cản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay thể hiện rõ nét nhất ở cuộc đấu tranh ổn định tiền tệ, củng cố sức mua của đồng tiền và đấu tranh để thống nhất tiền tệ trong cả nước.

Kết hợp với các hoạt động kinh tế tài chính khác, công tác tiền tệ phải bảo đảm kịp thời nhu cầu tiền mặt cần thiết cho sản xuất và lưu thông hàng hóa, thực hiện tốt việc tổ chức và điều hòa lưu thông tiền tệ theo kế hoạch trong phạm vi cả nước, trong từng khu vực và thời vụ, tổ chức tốt quan hệ tiền — hàng, tạo cơ sở cho việc ổn định và nâng cao sức mua của đồng tiền. Cần phát huy sức mạnh của đồng tiền, khai thác và tận dụng mọi nguồn vốn tiền tệ trong nước để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế quốc dân.

Phải thông qua tín dụng, sử dụng đồng tiền để tổ chức lao động, tổ chức sản xuất, gắn chặt người lao động với đối tượng lao động; khai thác đến mức cao nhất lực lượng lao động, đất đai và các tài nguyên phong phú khác của đất nước, nhằm tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội. Cần hết sức chú ý quản lý tiền tệ, đặc biệt là quản lý tiền mặt, đẩy mạnh công tác thanh toán không dùng tiền mặt, hạn chế việc giữ tiền quá mức trong quỹ các đơn vị, chú ý kiểm soát việc chuyển tiền và rút tiền mặt chi tiêu ở các tỉnh miền Nam; tìm mọi biện pháp đẩy mạnh công tác huy động nhân dân gửi tiền tiết kiệm.

Đặc điểm của phương thức hạch toán xã hội chủ nghĩa là chu chuyển tiền tệ trong nền kinh tế quốc dân được tiến hành một cách có tổ chức trên cơ sở các mối quan hệ tiền tệ, tín dụng, tài chính, thể hiện sự vận động của vật tư, hàng hóa của các tổ chức kinh tế theo kế hoạch thống nhất của Nhà nước. Do đó, việc chu chuyển tiền tệ qua các *hình thức thanh toán không dùng tiền mặt* của ngân hàng ngày càng tăng; nó chiếm phần rất lớn trong tổng mức chu chuyển tiền tệ của nền kinh tế quốc dân. Để thúc đẩy quá trình tái sản

Digitized by Google

xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Ngân hàng Nhà nước phải tổ chức tốt sự tuần hoàn vốn trong nền kinh tế giữa các xí nghiệp, tổ chức kinh tế với nhau thông qua hoạt động thanh toán. Hoạt động thanh toán phải gắn chặt với hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp tổ chức kinh tế, phục vụ quá trình sản xuất, kinh doanh ấy.

Thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, cũng như quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã chứng minh rằng: muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, không thể loại bỏ tiền tệ, hoặc làm suy yếu vai trò của tiền tệ. Nếu không sử dụng quan hệ hàng hóa, tiền tệ, thì không thể tổ chức và kế hoạch hóa một cách hợp lý sự phát triển của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, nói chung, của mỗi xí nghiệp, nói riêng. Là vật ngang giá của mọi hàng hóa, phục vụ cho toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội, tiền tệ trong chủ nghĩa xã hội là hình thức chung nhất, cần thiết nhất đối với việc tính toán chi phí lao động xã hội, đối với việc kế hoạch hóa và kiểm soát quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội, phù hợp với các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội.

★

Để thực hiện vai trò « đón bẩy » của tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, cần *xây dựng một hệ thống ngân hàng tập trung thống nhất*, bao quát các lĩnh vực sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu dùng.

Để thực hiện tốt mối quan hệ tín dụng giữa ngân hàng với các tổ chức kinh tế, làm cho ngân hàng có thể đi sâu vào từng loại hình xí nghiệp của những ngành kinh tế khác nhau, tổ chức hệ thống Ngân hàng Nhà nước phải được cải tiến bằng cách thành lập những ngân hàng chuyên nghiệp như: *Ngân hàng nông nghiệp, Ngân hàng công nghiệp, Ngân hàng thương nghiệp, Ngân hàng ngoại thương và Quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa.* Các ngân hàng chuyên nghiệp ấy đứng hẳn trong tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, chịu sự lãnh đạo và kiểm soát trực tiếp, toàn diện của Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước.

Trên cơ sở đi sâu nắm tình hình các ngành, các xí nghiệp thuộc đối tượng mình phục vụ, các ngân hàng chuyên nghiệp sẽ đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn của các tổ chức kinh tế nói trên, giúp các tổ chức ấy thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước. Các đơn vị ngân hàng ở huyện phải bám sát địa bàn huyện, gắn chặt mọi mặt hoạt động của mình với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế của huyện, góp phần xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Bám sát địa bàn huyện phục vụ cho việc phát triển kinh tế huyện là yêu cầu cấp bách đối với công tác ngân hàng hiện nay.

NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO TIẾN BƯỚC...

(Tiếp theo trang 47)

nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước.

Nhân dân Việt-nam xin chúc Đảng nhân dân cách mạng Lào và nhân dân Lào anh em tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng nước Lào hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và xã hội chủ nghĩa, củng cố vững chắc tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông — Nam châu Á.

Digitized by Google

СОДЕРКАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ – Октябрьская Революция – великий поворот в истории развития человечества.

ЛЕ ЗУАН – Октябрьская Революция и борьба вьетнамского народа за национальную независимость и социализм

ЧЫОНГ ТИНЬ – Празднование 60-й годовщины Великой Октябрьской Сопиалистической Революции

КУЕТ ТХАНГ–Лаосская Народно–Демократическая Республика уверенно идет по пути к социализму

ХЫУ НГИ – К 50-й годовщине «Кантонской Коммуны»

КОММЕНТАРИЙ ★ КОММЕНТАТОР – О так называемой «кампании о правах человека», проводимой американскими империалистами

ПАРТИЙНАЯ ЖИЗНЬ ★ «СТРОИТЕЛЬ» – Успехи

★★★ О обязанностях члена партии

НГУЕН НГОК КЫ – Постепенное продвижение провинции Хоангльеншон по пути к крупному социалистическому производству

ЧАН ЗЫОНГ – Повышать роль Государственного Банка в социалистическом строительстве во Вьетнаме

目　录

社　論：十月革命——人类发展史的伟大转折点

挙　旗：十月革命与越南人民争取民族独立和社会主义的斗争

长　征：纪念伟大的十月社会主义革命六十周年

决　胜：老挝人民民主共和国在社会主义道路上稳步前进

友　誼：纪念广州公社成立五十周年

評　論☆评论员：美帝的所谓“人权战役”

党的生活☆建设者：成绩

☆☆☆　：关于党员的任务

阮玉璋：黄连山省逐步走向社会主义大生产

陈　阳：在我国社会主义建设事业中，发挥国家银行的作用

Digitized by Google

SOMMAIRE

Éditorial — La Révolution d'Octobre — un grand tournant de l'histoire de l'humanité

LÊ-DUẨN — La Révolution d'Octobre et la lutte du peuple vietnamien pour l'indépendance nationale et le socialisme

TRƯỜNG-CHINH — Soixantième anniversaire de la Grande Révolution socialiste d'Octobre

QUYẾT-THẮNG — La République démocratique populaire Lao avance à pas sûrs sur la voie du socialisme

HỮU-NGHỊ — 50è anniversaire de la fondation de la Commune de Canton

Commentaire ★ *LE COMMENTATEUR* — A propos de la soi—disant « campagne pour les droits de l'homme » de l'impérialisme américain

La vie du Parti ★ *LE CENSEUR* — Performances

★★★ — Les obligations des membres du Parti

NGUYỄN-NGỌC-CỪ — Amener la province de Hoàng-liên-sơn progressivement à la grande production socialiste

TRẦN-DƯƠNG — Faire jouer le rôle de la Banque d'État dans l'édification du socialisme de notre pays

---

CONTENTS

Editorial — The October Revolution, the great turning — point in the history of the progress of mankind

LÊ-DUẨN — The October Revolution and the Vietnamese people's struggle for national independence and socialism

TRƯỜNG-CHINH — Marking the 60th anniversary of the Great October Socialist Revolution

QUYẾT-THẮNG — The People's Democratic Republic of Laos advances steadily on the road to socialism

HỮU-NGHỊ — Marking the 50th anniversary of the Canton Commune

Commentary ★ *COMMENTATOR* — On the so — called « human — rights campaign » of American imperialism

Party life ★ *CRITIC* — Achievements

★★★ — The duties of Party members

NGUYỄN-NGỌC-CỪ — The gradual advance of Hoàng-liên-sơn province to large — scale socialist production

TRẦN-DƯƠNG — To promote the role of the State Bank in socialist construction in our country

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 11
1977
NĂM THỨ XXIII (263)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

Xã luận — Cách mạng tháng Mười — bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của loài người 1

LÊ-DUẨN — Cách mạng tháng Mười với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 11

TRƯỜNG-CHINH — Kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại 22

QUYẾT-THẮNG — Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tiến bước vững chắc trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội 44

HỮU-NGHỊ — Kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Công xã Quảng-châu 48

Bình luận ★ *NGƯỜI BÌNH LUẬN* — Về cái gọi là «chiến dịch nhân quyền» của đế quốc Mỹ 51

Sinh hoạt Đảng ★ *NGƯỜI XÂY DỰNG* — Thành tích 55

★ ★ ★ — Về nhiệm vụ đảng viên 58

NGUYỄN-NGỌC-CỪ — Xây dựng tỉnh Hoàng-liên-sơn từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa 63

TRẦN-DƯƠNG — Phát huy vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta 72

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá: 0

Digitized by Google

HX
9
H68B

MAR 7 1978
The University of Michigan Periodical Reading Room

Tạp chí cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

12

12.1977

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Sự nghiệp xây dựng đất nước luôn luôn gắn liền với sự nghiệp bảo vệ đất nước. Có xây dựng đất nước phồn vinh mới có cơ sở để xây dựng lực lượng mạnh bảo vệ đất nước ; và ngược lại, có lực lượng mạnh mới bảo vệ được sự nghiệp xây dựng đất nước. Đó là một trong những quy luật phát triển của dân tộc Việt-nam ta từ xưa đến nay.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, sau khi làm Cách mạng tháng Tám thành công, giành lại được chủ quyền dân tộc, nhân dân ta đã rất coi trọng việc kết hợp nhiệm vụ xây dựng đất nước và tổ chức lực lượng bảo vệ Tổ quốc. Trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân ta vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Trong kháng chiến chống Mỹ, nhân dân ta vừa ra sức đánh giặc cứu nước, vừa đẩy mạnh sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Nhờ đó quân và dân ta có sức chiến đấu mãnh liệt, đập tan những đội quân xâm lược của đế quốc, kể cả đội quân xâm lược của tên đế quốc đầu sỏ, giành lại độc lập và thống nhất cho nước nhà và mở ra giai đoạn mới, giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước ta.

Bước vào giai đoạn mới, nhân dân ta tập trung lực lượng xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời ra sức xây dựng nền quốc phòng vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

Digitized by Google

Về nhiệm vụ của quân đội, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng viết : « Trong giai đoạn mới, các lực lượng vũ trang có hai nhiệm vụ : luôn luôn sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và tích cực làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế. »

Sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng xã hội chủ nghĩa là một bộ phận của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là sự vận dụng quy luật « dựng nước gắn liền với giữ nước » của dân tộc ta ; đồng thời lại là một « tất yếu khách quan » của thời đại hiện nay. Vì như Lê-nin đã phân tích, cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công trước ở một số nước trong khi vẫn còn hệ thống các nước đế quốc chủ nghĩa. Tình hình đó đã tạo ra một thực trạng : trên thế giới hệ thống xã hội xã hội chủ nghĩa và hệ thống đế quốc chủ nghĩa cùng tồn tại đối lập nhau, đấu tranh quyết liệt với nhau. Quá trình chủ nghĩa đế quốc bị đẩy lùi từng bước, bị đánh đổ từng bộ phận, rồi bị tiêu diệt hoàn toàn và chủ nghĩa xã hội giành thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới là cả một thời kỳ đấu tranh giai cấp rất quyết liệt. Vì vậy, các nước xã hội chủ nghĩa phải ra sức tổ chức lực lượng để bảo vệ sự nghiệp cách mạng của mình.

Sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Mười Nga, Lê-nin đã đề ra chủ trương « chúng ta tán thành « bảo vệ Tổ quốc », nhưng cuộc chiến tranh cứu nước mà chúng ta đang đi tới là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tính cách là Tổ quốc, bảo vệ nước Cộng hòa Xô viết, **một phân đội** *trong đạo quân thế giới của chủ nghĩa xã hội »* (1).

Chỉ trong khoảng thời gian 20 năm, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên là Liên-xô đã phải hai lần kháng chiến chống lại sự xâm lược vũ trang của các nước đế quốc. Và từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, nhân dân các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa cũng đã phải tiến hành nhiều cuộc đấu tranh phức tạp và quyết liệt trên nhiều mặt để bảo vệ chủ quyền và độc lập dân tộc, bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở nước mình, đánh bại mọi âm mưu và hành động khiêu khích, phá hoại, bao vây, đe dọa lật đổ, vũ trang xâm lược, v.v... Thực tế lịch sử đó đã chứng minh sự nhận định sáng suốt của Lê-nin, chứng minh tính tất yếu của việc « xây dựng nền quốc phòng xã hội chủ nghĩa », « bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tính cách là Tổ quốc ».

Hiện nay, nhân dân ta bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã được củng

---

(1) V. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật. Hà-nội. 1971. tập 27. trang 202.

Digitized by Google

cố và ngày càng trở nên hùng mạnh. Ba dòng thác cách mạng trên thế giới đang tiếp tục phát triển và đang ở thế tiến công vào chủ nghĩa đế quốc. So sánh lực lượng trên trường quốc tế ngày càng có lợi cho cách mạng. Tuy nhiên, các nước đế quốc chủ nghĩa còn nắm trong tay những lực lượng kinh tế và quân sự rất lớn, còn nhiều âm mưu và hành động khiêu khích, phá hoại, bao vây, kìm hãm, lật đổ, gây chiến. Chúng ra sức tìm mọi cách phản kích hòng ngăn chặn và đẩy lùi thế tiến công của phong trào cách mạng trên thế giới. Tuy đã bị suy yếu mọi mặt và buộc phải lùi một bước quan trọng về chiến lược sau thất bại ở Việt-nam và ở Đông-dương, đế quốc Mỹ vẫn giữ chính sách cơ bản chống lại các nước xã hội chủ nghĩa, chống lại phong trào giải phóng dân tộc, tiếp tục thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của chúng. Đế quốc Mỹ đẩy mạnh chạy đua vũ trang, ra sức củng cố các căn cứ quân sự của chúng trên thế giới, can thiệp ở nơi này, lật đổ ở nơi kia, tìm mọi cách tập hợp, giúp đỡ bọn tay sai, tổ chức những cuộc đảo chính phản động... để cố duy trì các vị trí của chúng.

Mặc dù đã bị thất bại liên tiếp, bè lũ đế quốc vẫn chưa từ bỏ âm mưu nhòm ngó nước ta. Một mặt, vì sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa đế quốc là dựa vào sự áp bức, bóc lột nhân dân lao động, xâm lược và nô dịch các dân tộc bằng hình thức thuộc địa kiểu cũ hay kiểu mới; chiến tranh xâm lược là thuộc tính của chủ nghĩa đế quốc. Mặt khác, nước ta vốn là một nước có nhiều tài nguyên phong phú, lại ở vào vị trí địa lý rất quan trọng ở Đông—Nam châu Á, nằm trên các đường giao thông thủy bộ từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, cho nên các thế lực xâm lược thường coi nước ta là một căn cứ xuất phát từ đất liền ra biển cả và sang bên kia đại dương, và một đầu cầu thuận lợi để từ bên kia đại dương tiến vào đất liền châu Á. Trong điều kiện thế giới ngày nay chúng lại càng chú ý đến vị trí chiến lược của nước ta. Hơn nữa, sự tồn tại và phát triển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là không có lợi cho chính sách xâm lược, phản động của chủ nghĩa đế quốc. Vì thế bè lũ đế quốc luôn luôn có mưu đồ ngăn chặn, kìm hãm, phá hoại sự nghiệp độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Cho nên xây dựng và củng cố quốc phòng phải được coi là một bộ phận quan trọng không thể thiếu được và không thể tách rời của sự nghiệp xây dựng đất nước ta, của toàn bộ công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Xuất phát từ những kinh nghiệm lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc, từ kinh nghiệm cách mạng thế giới và hoàn cảnh cụ thể của nước ta, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng đã đề ra « nhiệm vụ **củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội,** *bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng, đủ sức đập tan mọi cuộc tiến công của*

Digitized by Google

bọn gây chiến, bọn xâm lược và những hành động chống đối của bọn phản cách mạng» (2). *«Phải tích cực xây dựng nền* **quốc phòng toàn dân** *vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, có lực lượng thường trực mạnh, lực lượng hậu bị rộng rãi và được huấn luyện tốt, có quân đội nhân dân chính quy, hiện đại gồm các quân chủng, binh chủng cần thiết, có bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, có lực lượng dân quân tự vệ hùng hậu»* (3). *Đây không phải chỉ là một vấn đề cấp bách, đặt ra trước mắt chúng ta, mà còn là một vấn đề cơ bản, lâu dài, chẳng những nhằm bảo vệ vững chắc sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, mà còn vì sự nghiệp bảo vệ một cứ điểm của các phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ở Đông—Nam châu Á và thế giới, chẳng những vì sự nghiệp độc lập, thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta hiện nay, mà còn vì đời sống ấm no, hạnh phúc của muôn đời con cháu mai sau.*

★

MỤC đích xây dựng nền quốc phòng vững mạnh của ta trong giai đoạn mới là:

— Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền bất khả xâm phạm của dân tộc; bảo vệ toàn vẹn đất nước thiêng liêng của Tổ quốc, bao gồm cả vùng đất, vùng trời và vùng biển, từ biên giới đất liền đến hải đảo và thềm lục địa; bảo vệ quyền sống của nhân dân lao động, của toàn thể nhân dân các dân tộc cùng sống trên đất nước Việt-nam.

— Bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, bảo vệ Nhà nước chuyên chính vô sản, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo vệ công cuộc lao động sáng tạo của nhân dân ta.

— Bảo vệ hòa bình trong độc lập, tự do của dân tộc, bảo đảm cho nhân dân ta sống và lao động xây dựng Tổ quốc, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc trong nền hòa bình bền vững lâu dài.

Chúng ta phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và đập tan mọi âm mưu, hành động của bọn đế quốc và các thế lực

---

(2), (3) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 142 — 143.

Digitized by Google

phản động khác xâm phạm chủ quyền và đất nước ta. Nếu kẻ thù gây ra chiến tranh xâm lược thì chúng ta kiên quyết tiến hành và tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, đánh bại hoàn toàn mọi kẻ thù xâm lược trong bất cứ trường hợp nào, bất kể chúng dùng lực lượng như thế nào, sử dụng những loại vũ khí, kỹ thuật nào.

Nền quốc phòng của ta hoàn toàn khác hẳn nền quân sự của các nước đế quốc chủ nghĩa mà mục đích là bảo vệ Nhà nước tư sản, phục vụ chính sách gây chiến và xâm lược của các tập đoàn tư bản lũng đoạn cầm quyền.

Nền quốc phòng của ta ngày nay cũng khác với nền quốc phòng trong lịch sử của dân tộc ta ngày trước mà mục đích là bảo vệ độc lập dân tộc, một nền độc lập xây dựng trên cơ sở chế độ phong kiến hồi bấy giờ.

Nền quốc phòng của ta là công cụ sắc bén của chuyên chính vô sản, mang tính chất cách mạng của giai cấp vô sản, tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường của dân tộc, tinh thần yêu nước sâu sắc kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao quý của nhân dân ta. Đó là **nền quốc phòng toàn dân, toàn diện và hiện đại, nền quốc phòng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa độc lập, tự chủ.**

Sức mạnh quốc phòng của nhân dân ta là sức mạnh của đường lối chính trị, quân sự của Đảng, là sức mạnh toàn diện, tổng hợp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy mà sự nghiệp xây dựng quốc phòng gắn liền với quá trình nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt) thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên cả nước ta, đồng thời xây dựng nền quốc phòng xã hội chủ nghĩa vững mạnh của nhân dân ta.

Cách mạng về quan hệ sản xuất nhằm xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ sự đối kháng giai cấp, làm cho lực lượng sản xuất có điều kiện phát triển mạnh mẽ trong quan hệ sản xuất mới, tạo nên sự thống nhất về lợi ích kinh tế trong toàn dân, cơ sở của sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong cả nước. Nhờ đó chúng ta có thể phát huy cao độ tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, động viên một cách rộng rãi và tổ chức một cách khoa học lực lượng vật chất và tinh thần của nhân dân cả nước ta để xây dựng nước nhà, củng cố quốc phòng, bảo vệ đất nước.

Digitized by Google

Với kết quả cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật, nhân dân ta sẽ nâng cao được trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa nước nhà, từng bước trang bị lại toàn bộ nền kinh tế quốc dân trên cơ sở kỹ thuật hiện đại. Từ đó xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa độc lập, tự chủ và hiện đại, tương đối hoàn chỉnh với cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp hiện đại, giao thông vận tải hiện đại, có những vùng chiến lược quan trọng trên phạm vi cả nước tạo nên những khả năng phát triển ngày càng to lớn cho sản xuất, cho dân sinh và quốc phòng. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa tạo cơ sở vật chất cho quốc phòng hiện đại của Nhà nước xã hội chủ nghĩa độc lập, tự chủ của ta. Đó cũng là cơ sở để ta tổ chức tốt việc hợp tác với các nước anh em nhằm giải quyết những nhu cầu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời bình cũng như trong thời chiến.

Với nhiệm vụ cách mạng tư tưởng và văn hóa, chúng ta bồi dưỡng mạnh mẽ lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động sản xuất, xây dựng đất nước và củng cố quốc phòng, kết hợp nhuần nhuyễn lòng yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả. Chúng ta phấn đấu làm cho chủ nghĩa Mác–Lê-nin trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân cả nước ta, phát triển những giá trị tinh thần tiêu biểu của nền văn hóa dân tộc ta. Những kết quả của cách mạng tư tưởng và văn hóa sẽ làm cho nhân dân ta được nâng lên một bước về tinh thần cách mạng triệt để, về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, cũng như về kiến thức văn hóa, khoa học, kỹ thuật, biết vận dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và quản lý, nhằm không ngừng nâng cao năng suất lao động, tích cực góp phần xây dựng đất nước và củng cố quốc phòng.

Với sự tác động tổng hợp của ba cuộc cách mạng trong điều kiện chuyên chính vô sản, chế độ ta sẽ tạo nên những con người mới, con người Việt-nam xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện, có trình độ giác ngộ chính trị cao, có kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật cao, có sức khỏe dồi dào... Đó là **những con người lao động xã hội chủ nghĩa giỏi, đồng thời là những chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc kiên cường.**

Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta tập trung vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước. Làm như vậy cũng tức là xây dựng cơ sở để nâng cao sức mạnh quốc phòng, và vì thế sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội với sự nghiệp xây dựng quốc phòng là nhất trí. Tuy nhiên, không phải chỉ có sức mạnh kinh tế, chính trị là đủ bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng quốc phòng. Vì

Digitized by Google

quốc phòng còn có những yêu cầu riêng do nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đặt ra. Cho nên, chúng ta vừa ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa kết hợp các mặt xây dựng chủ nghĩa xã hội với việc xây dựng tiềm lực quốc phòng để có lực lượng dồi dào sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong thời bình, và khi cần có thể nhanh chóng huy động thành **sức mạnh tổng hợp to lớn của chiến tranh nhân dân** *bảo vệ Tổ quốc.*

Để có tiềm lực quốc phòng mạnh mẽ, chúng ta cần hết sức chăm lo bồi dưỡng những nhân tố hợp thành sức mạnh tổng hợp của quốc phòng như: bồi dưỡng lực lượng chính trị tinh thần — một nhân tố có tầm quan trọng quyết định trong sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước. Xây dựng lực lượng chính trị và tinh thần mạnh trước hết là xây dựng và củng cố bộ máy Nhà nước chuyên chính vô sản từ cấp trung ương đến cấp cơ sở trên phạm vi cả nước, chú trọng làm tốt ở những vùng mới giải phóng ở miền Nam, làm cho Nhà nước ta có đầy đủ sức mạnh hoàn thành nhiệm vụ của mình. Đồng thời, ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm quyền làm chủ đó được thực hiện đầy đủ trong các lĩnh vực; thực hiện chuyên chính đối với kẻ thù, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, kịp thời đập tan mọi mưu mô ngóc đầu dậy của chúng, trừng trị bọn phá hoại trật tự an ninh, trừng trị bọn gian thương đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường, v.v... Xây dựng lực lượng chính trị và tinh thần mạnh còn là giáo dục cho nhân dân thấm nhuần đường lối, nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra, giáo dục chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, giáo dục lòng yêu chế độ mới, yêu lao động, yêu khoa học, nâng cao ý thức tự lực tự cường, cảnh giác cách mạng, tinh thần yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chúng ta kiên quyết tẩy trừ những tư tưởng phản động của chủ nghĩa thực dân mới, quét sạch mọi tư tưởng phản nước hại dân, xóa bỏ lối sống đồi trụy, đồng thời kiên quyết khắc phục những tư tưởng tự do, tản mạn, cục bộ, địa phương, những tư tưởng và lề thói của người sản xuất nhỏ cùng với những tư tưởng phi vô sản khác, trái với yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở chế độ mới, chúng ta ra sức tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần của toàn dân, nâng sức mạnh chính trị và tinh thần của nhân dân ta lên một trình độ mới, tạo thành một động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó là một tiềm lực hùng mạnh của quốc phòng.

Kinh tế là một nhân tố có ý nghĩa quyết định tạo nên sức mạnh của đất nước. Vì vậy, việc tập trung sức lực xây dựng cơ sở vật chất và kỹ

Digitized by Google

thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là những vấn đề đặc biệt quan trọng. Có làm như vậy chúng ta mới từng bước khắc phục tình trạng lạc hậu của nền kinh tế nước ta, khắc phục sự phụ thuộc về kinh tế trước đây vào kinh tế đế quốc ở miền Nam, xóa bỏ những sự mất cân đối trong cơ cấu kinh tế, phân bố lại lao động, phân vùng kinh tế...; đồng thời chúng ta mới có cơ sở vững chắc để phát triển sản xuất, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng nói chung, xây dựng nền công nghiệp quốc phòng nói riêng, và có được một nền kinh tế thật sự vững mạnh, độc lập, tự chủ.

Chỉ có xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mới làm cho mọi người lao động được sống trong độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc, mới làm cho mỗi một người dân đều gắn bó thiết tha với chế độ xã hội mới, càng thêm quyết tâm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Có xây dựng được nền công nghiệp hiện đại mới có điều kiện để phát triển công nghiệp quốc phòng, sản xuất ra những phương tiện vật chất, kỹ thuật cần thiết để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ. Có xây dựng nền nông nghiệp hiện đại mới có đầy đủ lương thực, thực phẩm và những nguyên liệu cần thiết cho cả kinh tế và quốc phòng. Có xây dựng giao thông vận tải hiện đại mới tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh việc phát triển kinh tế, đồng thời làm cho quân đội ta có được khả năng cơ động cao. Có xây dựng các khu vực kinh tế quan trọng mới tạo được thế bố trí chiến lược tốt cả về kinh tế và quân sự để phát triển sản xuất và bảo vệ đất nước.

Trong quá trình xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng, chúng ta phải hết sức coi trọng cách mạng khoa học — kỹ thuật. Bởi vì khoa học ngày nay đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp; trong lĩnh vực quân sự, khoa học cũng trở nên một thành phần của lực lượng chiến đấu trực tiếp. Tiềm lực khoa học đã trở thành một yếu tố cơ bản, một động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế phát triển, tăng cường sức mạnh quốc phòng. Cho nên chúng ta phải ra sức đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học để đưa nền khoa học của ta tiến bằng trình độ tiên tiến của thế giới. Muốn vậy, chúng ta phải ra sức phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, tích cực nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, động viên quần chúng tiến quân vào khoa học, kỹ thuật, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, xây dựng khoa học nhằm phục vụ kinh tế và quốc phòng.

Dựa vào sức mạnh chính trị và tinh thần, tiềm lực kinh tế và khoa học của đất nước, chúng ta phải xây dựng một **tiềm lực quân sự** *đủ sức giữ vững hòa bình lâu dài cho Tổ quốc.*

Digitized by Google

Lực lượng vũ trang của ta trước đây chủ yếu làm nhiệm vụ chiến tranh giải phóng, giành lại độc lập cho dân tộc, nay phải được xây dựng thành **một đội quân làm hai nhiệm vụ lớn là sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất và xây dựng kinh tế là nhiệm vụ rất quan trọng.**

Lực lượng vũ trang nhân dân của ta phải được xây dựng thật hùng mạnh để làm tròn nhiệm vụ bảo vệ độc lập và chủ quyền của đất nước, bảo vệ Nhà nước chuyên chính vô sản, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng tiến hành thắng lợi chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nếu kẻ thù gây ra chiến tranh xâm lược nước ta.

Ngày nay hòa bình đã có trong cả nước, toàn dân ta tập trung vào nhiệm vụ xây dựng đất nước. Chúng ta phải xây dựng quân đội nhân dân (gồm bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương) có số lượng cần thiết, có chất lượng thật cao, trang bị cho quân đội những vũ khí và phương tiện chiến tranh ngày càng hiện đại, xây dựng cơ cấu tổ chức các binh chủng và quân chủng ngày càng hoàn chỉnh, phù hợp với yêu cầu mới, để tăng cường bảo vệ vùng trời, vùng biển và thềm lục địa của nước ta.

Chúng ta rất coi trọng xây dựng bộ đội chủ lực, đẩy mạnh việc chính quy hóa và hiện đại hóa, coi đây là một yêu cầu phát triển có tính quy luật để nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội ta. Đồng thời, chúng ta cũng rất chú trọng xây dựng bộ đội địa phương tỉnh, huyện, thực hiện việc chính quy hóa và hiện đại hóa bộ đội địa phương một cách thích hợp với khả năng và đặc điểm của địa phương. Chúng ta vừa có quân đội chính quy, hiện đại sẵn sàng cơ động trên cả nước, vừa có lực lượng vũ trang tại chỗ mạnh.

Lực lượng công an nhân dân vũ trang cần được tiếp tục xây dựng vững mạnh về mọi mặt, chính trị tư tưởng, tổ chức nghiệp vụ, khoa học, kỹ thuật để thật sự trở thành một công cụ chuyên chính sắc bén, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Nhà nước, cùng với quân đội nhân dân, lực lượng vũ trang quần chúng và các lực lượng công an khác giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, góp phần tích cực vào việc bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ đất nước.

Đi đôi với việc tăng cường xây dựng quân đội nhân dân, chúng ta phải hết sức chăm lo tăng cường lực lượng vũ trang quần chúng, phát triển dân quân tự vệ mạnh mẽ và vững chắc. Ra sức nâng cao chất lượng, phát triển số lượng thích hợp, tùy theo tình hình cụ thể từng địa phương. Dựa vào những đặc điểm tổ chức sản xuất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển ở nước ta mà tổ chức và huấn luyện thật tốt lực lượng vũ trang quần chúng, bảo đảm cho dân quân, tự vệ sẵn sàng chiến đấu cao. Chúng ta cũng ra sức chăm lo xây

Digitized by Google

dựng một lực lượng hậu bị mạnh, được tổ chức có quy củ, được huấn luyện tốt, chủ động đáp ứng yêu cầu mở rộng và bổ sung cho các quân chủng, binh chủng của quân đội thường trực cả về cán bộ, chiến sĩ và nhân viên kỹ thuật. Chúng ta phải thực hiện nghiêm chỉnh luật nghĩa vụ quân sự, phải giáo dục quân sự phổ cập cho toàn dân, phát triển thể thao quốc phòng v.v..., để chuẩn bị và tạo điều kiện cho nhân dân ta làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Quân đội ta vốn có nhiều thành tích chiến đấu và công tác, xứng đáng với lời khen của Hồ Chủ tịch kính yêu «Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng». Quân đội ta đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân đánh giá cao và tin cậy trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất. Quân đội nhân dân cần ra sức nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sức chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu, luôn luôn sát cánh với nhân dân, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm đất nước ta, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Nhiệm vụ xây dựng kinh tế là nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng của quân đội ta. Quân đội xây dựng kinh tế chẳng những vì tình hình trước mắt nước ta còn nghèo, lại vừa ra khỏi một cuộc chiến tranh ác liệt kéo dài, đời sống của nhân dân ta chưa được nâng cao, mà còn là vì chỉ có trên cơ sở đẩy mạnh công cuộc xây dựng kinh tế, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, chúng ta mới có được nền công nghiệp quốc phòng vững mạnh, xây dựng được lực lượng vũ trang thật sự chính quy, hiện đại, triển khai việc phòng thủ đất nước một cách toàn diện. Vì vậy, quân đội ta phải kiên quyết phấn đấu cùng toàn dân chống nghèo nàn và lạc hậu như trước đây đã kiên quyết hy sinh chiến đấu chống giặc ngoại xâm, ra sức thực hiện thật tốt nhiệm vụ xây dựng kinh tế, xây dựng nước ta giàu mạnh, văn minh, mang lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Quân đội ta phải là một lực lượng chiến đấu giỏi, đồng thời cũng là lực lượng xây dựng giỏi, một trường học lớn rèn luyện con người mới đối với các thế hệ thanh niên. Khi đã nhận rõ đường lối, nhiệm vụ, các chiến sĩ của quân đội ta sẽ hăng hái thực hiện tốt nhiệm vụ.

★

NHIỆM vụ xây dựng và củng cố quốc phòng là nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân và của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Digitized by Google

Toàn dân ta ra sức lao động sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội đồng thời sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Toàn quân ta sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đồng thời lao động sản xuất xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương và của Đảng ủy các cấp và dưới sự quản lý thống nhất của cơ quan chính quyền Nhà nước, quân và dân ta cùng nhau phối hợp chặt chẽ để xây dựng mỗi thành, mỗi tỉnh thành một đơn vị chiến lược, mỗi huyện thành một pháo đài, mỗi đơn vị sản xuất thành một đơn vị chiến đấu, nếu kẻ thù gây ra chiến tranh xâm lược nước ta. Đồng thời, mỗi thành, mỗi tỉnh, mỗi huyện, mỗi đơn vị sản xuất đó cũng thành những đơn vị giàu về kinh tế. Có như vậy, chúng ta mới thực hiện tốt nhiệm vụ lịch sử trọng đại là: xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc, và cả nước ta trở thành một trận địa bao la, vững chắc, sẵn sàng tiêu diệt những kẻ xâm lược.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng toàn dân vững mạnh, vấn đề có tầm quan trọng quyết định trước hết là **tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.** *Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân của Đảng sẽ đưa nhân dân ta đến những thắng lợi rực rỡ. Vì vậy, vấn đề quan trọng hàng đầu là làm cho đường lối chính trị, kinh tế, đường lối quân sự của Đảng và những nhiệm vụ cụ thể nhằm xây dựng và bảo vệ đất nước do Đảng đề ra, được thấm nhuần tới mỗi công dân nước ta, mỗi chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang của ta, và trở thành phương hướng hành động của mỗi người dân, mỗi chiến sĩ. Nhân dân ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, có nhiệt tình cách mạng xã hội chủ nghĩa sôi nổi, được rèn luyện trong quá trình đấu tranh cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Từ khi giành được chính quyền, nhân dân ta đã có nhiều kinh nghiệm vừa sản xuất, xây dựng, vừa chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân ta cũng đã góp nhiều công sức để xây dựng nên các lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng hùng mạnh như ngày nay. Việc xây dựng và củng cố nền quốc phòng vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa vốn là nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta. Thấm nhuần đường lối của Đảng và được tổ chức, chỉ đạo cụ thể, nhân dân ta sẽ hăng hái thực hiện tốt nhiệm vụ đó.*

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, ngoài việc tuyên truyền giáo dục phổ biến thật sâu rộng đường lối chính trị, kinh tế, đường lối quân sự của Đảng, các cấp ủy Đảng ở các địa phương và trong quân đội cần có những biện pháp tổ chức thiết thực để biến đường lối

Digitized by Google

chủ trương xây dựng và củng cố quốc phòng của Đảng thành hiện thực. Các cơ quan Nhà nước phải bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng bằng các pháp lệnh, chính sách, chế độ và những quy định cụ thể. Các đoàn thể quần chúng cần có kế hoạch kết hợp công tác của giới mình với nhiệm vụ quốc phòng, vận động quần chúng thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng.

★

NHÂN dân ta vốn thiết tha mong muốn có hòa bình lâu dài để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo nên cuộc sống ấm no hạnh phúc, củng cố nền độc lập, thống nhất vững chắc, tự chủ, tự cường của dân tộc và góp phần vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới. Nhưng còn chủ nghĩa đế quốc thì còn những âm mưu đe dọa, kìm hãm, khiêu khích, phá hoại và xâm lược. Cho nên, nhân dân ta phải nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ra sức tăng cường lực lượng bảo vệ Tổ quốc. Với tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu cao, và có xây dựng được một nền quốc phòng vững mạnh, chúng ta mới có thể giữ vững được hòa bình, bảo vệ được những thành quả cách mạng, bảo vệ được đời sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân ta.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, toàn dân, toàn quân và toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản của ta hãy thấy rõ trách nhiệm của mình, hăng hái tiến lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta.

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU VÌ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHẠM - HÙNG

ĐẠI hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã quyết định đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta. Đại hội đã quyết định phải phấn đấu hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng thời gian hai mươi năm. Đại hội cũng đã đề ra phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 – 1980) với những mục tiêu cụ thể và thiết thực. Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương Đảng về nông nghiệp đã đề ra 3 nhiệm vụ lớn của nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp là:

– bảo đảm lương thực và thực phẩm cho toàn xã hội,

– cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp,

– tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu.

Để thực hiện được những nhiệm vụ to lớn đó, Nhà nước ta phải tổ chức lại sản xuất, xây dựng nhiều cơ sở kinh tế mới và trang bị cơ sở vật chất – kỹ thuật cho mọi ngành kinh tế trong nước. Điều đó đòi hỏi Nhà nước phải nhập khẩu nhiều thiết bị, máy móc để trang bị cho các ngành kinh tế. Do đó, nhu cầu nhập khẩu trong kế hoạch 5 năm thứ hai tăng lên rất lớn; số ngoại tệ cần thiết cho nhập khẩu trong kế hoạch này ước tính gấp nhiều

Digitized by Google

lần số ngoại tệ dùng để nhập khẩu trong kế hoạch 5 năm thứ nhất. Các yêu cầu đó sẽ còn lớn hơn nhiều trong các kế hoạch sau, khi chúng ta tiến hành công cuộc công nghiệp hóa trên quy mô lớn. Tất cả các nguồn viện trợ và tín dụng của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước bầu bạn và các tổ chức quốc tế mới đáp ứng được một phần nhu cầu của kế hoạch 5 năm thứ hai. Vì vậy, muốn đáp ứng đầy đủ những nhu cầu nhập khẩu của kế hoạch 5 năm thứ hai, chỉ có một con đường là **tích cực phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu.**

Tuy nhiên, khối lượng hàng xuất khẩu của ta hiện nay còn quá nhỏ bé, hàng xuất khẩu còn manh mún, số lượng từng loại hàng còn ít, phẩm chất còn kém, nguồn hàng thường không ổn định. Cơ cấu hàng xuất khẩu của ta chưa phản ánh đúng tiềm năng kinh tế của đất nước, chưa phù hợp với yêu cầu và xu hướng phát triển của thị trường thế giới.

Các mặt hàng xuất khẩu của ta còn dựa vào một nền sản xuất nhỏ, phân tán, chưa phù hợp với tính chất và quy mô buôn bán của thị trường thế giới, và chưa tạo cho nước ta một vị trí xứng đáng trong thương mại quốc tế.

Trong điều kiện nước ta, xuất khẩu là vấn đề có tính chất then chốt trong công cuộc công nghiệp hóa nước nhà, là vấn đề có **ý nghĩa chiến lược** trong công cuộc xây dựng kinh tế, đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Có tạo ra được nhiều nguồn hàng để xuất khẩu, chúng ta mới có khả năng mở rộng nhập khẩu và nắm thế chủ động trong nhập khẩu. Đẩy mạnh xuất khẩu có tác dụng kích thích sản xuất, nâng cao trình độ kỹ thuật, thúc đẩy phân công lao động xã hội, góp phần làm cho các ngành, các địa phương phát triển mạnh mẽ và nhịp nhàng theo hướng tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tăng tích lũy vốn cho Nhà nước và cải thiện đời sống của nhân dân.

Từ trước đến nay, chúng ta nhận thức chưa đầy đủ vai trò và tác dụng của xuất khẩu đối với công cuộc xây dựng kinh tế của cả nước và đối với sự phát triển từng ngành kinh tế, từng địa phương và từng cơ sở sản xuất. Vì vậy, sản xuất để xuất khẩu chưa thành một trong những nhiệm vụ chính của các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất, và trong nền kinh tế của ta hiện nay, hầu như chưa có những cơ sở sản xuất quy mô lớn phục vụ xuất khẩu. Các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất cũng chưa biết phát huy tác dụng của xuất khẩu để phát triển ngành, địa phương và cơ sở mình. Phương hướng sản xuất của các xí nghiệp quốc doanh là nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước, ít chú ý sản xuất để xuất khẩu, chưa cung cấp được

Digitized by Google

nhiều hàng cho xuất khẩu, do đó gặp nhiều khó khăn trong việc trang bị kỹ thuật mới. Các chính sách kinh tế mà Nhà nước đã ban hành từ trước đến nay ít có tác dụng khuyến khích sản xuất và huy động nguồn hàng để đẩy mạnh xuất khẩu. Tổ chức kinh doanh và quản lý của các ngành, các địa phương chưa thích ứng với đặc điểm và yêu cầu sản xuất để xuất khẩu. Việc giáo dục cho người sản xuất và nhân dân có ý thức đối với xuất khẩu còn yếu. Chúng ta chưa gây cho nhân dân một nhận thức sâu sắc là trong tình hình hiện nay, phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu là con đường đưa nền kinh tế phát triển thuận lợi và mạnh mẽ; chúng ta cũng chưa làm cho mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi đơn vị kinh tế thấy rằng chỉ có đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, thì ngành mình, địa phương mình, đơn vị mình mới có điều kiện phát triển cả về sản xuất và trang bị mới.

Yêu cầu của công cuộc xây dựng kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của cách mạng nước ta đặt ra trước mắt chúng ta những vấn đề rất lớn và cấp bách. Con đường để giải quyết các yêu cầu đó chỉ có thể là phát huy mọi khả năng của nền kinh tế, tổ chức sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu. Phải đẩy mạnh xuất khẩu, xuất khẩu với khối lượng hàng hóa lớn, giá trị cao. Đó là một trong những yêu cầu quan trọng và cấp bách của nền kinh tế nước ta hiện nay. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: «Dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước, các ngành và các địa phương có trách nhiệm tham gia tích cực vào hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu». Trách nhiệm đó phải thể hiện trước hết ở chỗ tổ chức sản xuất, tạo nguồn hàng xuất khẩu.

Các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất tham gia vào việc đẩy mạnh xuất khẩu là để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, đồng thời để bảo đảm được nhu cầu nhập khẩu thiết bị kỹ thuật, nguyên liệu, vật tư cần thiết cho việc mở rộng sản xuất của mình. Đẩy mạnh xuất khẩu là vì lợi ích của sản xuất và xây dựng của cả nước và của từng ngành, từng địa phương. Đẩy mạnh xuất khẩu là nghĩa vụ của mọi ngành, mọi địa phương, mọi cơ sở sản xuất đối với sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Nhưng xuất khẩu là tổ chức lưu thông hàng hóa trên quy mô lớn. Muốn đẩy mạnh xuất khẩu, phải có khối lượng hàng hóa lớn. Hiện nay, chúng ta đang có thời cơ thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu, và có khả năng phát triển hàng xuất khẩu với khối lượng lớn.

Sau khi chiến thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ, đất nước ta đã hoàn toàn giải phóng và thống nhất, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam được cảm tình và có uy

Digitized by Google

tin lớn trên thế giới. Khắp năm châu, các nước đều mong muốn mở rộng quan hệ buôn bán với nước ta. Là một nước có 50 triệu dân, có tài nguyên phong phú, có nền nông nghiệp nhiệt đới khá đồi dào sản phẩm, nước ta sẽ có những bước phát triển nhanh về kinh tế và những quan hệ buôn bán rộng rãi với các nước trên thế giới. Chúng ta đang có thời cơ thuận lợi để mở rộng thị trường xuất khẩu. Thị trường thế giới đang đòi hỏi những sản phẩm của ta như: nông sản nhiệt đới, hải sản, khoáng sản... Yêu cầu đó của thị trường thế giới cho phép ta phát triển sản xuất hàng xuất khẩu với một khối lượng lớn mà không bị hạn chế về mặt tiêu thụ, miễn là những hàng hóa đó có phẩm chất tốt.

Vấn đề mấu chốt hiện nay là ta có thể tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu đáp ứng được yêu cầu của thị trường thế giới, tranh thủ được thời cơ đó không?

Xét về tiềm lực kinh tế, chúng ta có nhiều thuận lợi rất cơ bản. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Đó là tiềm lực khá lớn của nền nông nghiệp nhiệt đới. Chúng ta có thể mở thêm đất canh tác, trồng trọt nhiều vụ trong năm, phát triển sản xuất toàn diện và thực hiện chuyên canh trên quy mô lớn. Nước ta có một nguồn lợi lớn là hàng chục triệu héc-ta rừng và đất rừng, hơn 3.200km bờ biển và vùng biển rộng lớn với nguồn hải sản đồi dào có thể khai thác quanh năm.

Nước ta đã có một số cơ sở đầu tiên về công nghiệp nặng, một hệ thống công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm bước đầu phát triển. Nước ta lại có nguồn nhiên liệu và nhiều loại khoáng sản có thể làm cơ sở cho một nền công nghiệp hiện đại...

Quý hơn tất cả là nước ta có một lực lượng lao động 22 triệu người, một đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật hơn một triệu người và một lực lượng đáng kể bộ đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế ».

Ở đây, vấn đề chính là làm sao khai thác và phát huy được tiềm lực kinh tế đó, biến nó thành sản phẩm có giá trị cung ứng cho nhu cầu trong nước và để xuất khẩu.

★

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng có ghi rõ: « Tăng nhanh xuất khẩu bằng cách phát huy khả năng lớn của nông nghiệp, lâm nghiệp nhiệt đới, tận dụng khả năng của công nghiệp nhẹ, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp; đẩy mạnh khai thác một số hải sản và khoáng sản có trữ lượng khá, tiến tới xuất khẩu một số mặt hàng công nghiệp nặng ».

Trước hết, cần phát huy hết khả năng tiềm tàng của nông nghiệp, nhất là nông nghiệp nhiệt đới. Đây là lĩnh vực sản

Digitized by Google

xuất có hàng chục triệu lao động, có trên 5 triệu héc-ta đồng ruộng ở cả hai miền và hàng triệu héc-ta đất chưa khai hoang, phục hóa ở đồng bằng sông Cửu-long, miền đông Nam-bộ, Tây-nguyên và các tỉnh thượng du miền Bắc. Vấn đề chính hiện nay là phải nhanh chóng hoàn thành công tác phân vùng quy hoạch, xác định phương hướng sản xuất, xác định những công việc phải làm và những chỉ tiêu phải đạt trong từng thời gian, có kế hoạch đầu tư đúng, nhanh chóng tổ chức sản xuất và cải tiến công tác quản lý theo tinh thần các Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất lương thực nhằm bảo đảm nhu cầu tiêu dùng của xã hội và để tạo ra nguồn hàng nông sản xuất khẩu, cần phát triển sản xuất: lạc, vừng, đậu tương và các loại đậu khác, dứa, chuối, đay, cói, tơ tằm, thầu dầu, thuốc lá, các cây tinh dầu... là những loại cây mà nhân dân ta đã quen trồng; mặt khác, dựa vào các nông trường quốc doanh trung ương, nông trường địa phương và nông trường quân đội, dựa vào những vùng kinh tế mới và những vùng đất đã được điều tra và quy hoạch, xúc tiến việc phát triển và mở rộng trồng cà-phê, chè, ca-cao, hồ tiêu, cao-su, trẩu, sở, lai, các cây có múi như bưởi, cam, chanh. Cần nghiên cứu làm thêm vụ đông và trồng ở các vùng đất đai thích hợp các loại rau xuất khẩu, chủ yếu là bắp hoa, cà chua, dưa chuột, hành tây, tỏi; chú ý phát triển các loại nấm và mộc nhĩ, là những loại hàng dễ sản xuất và có giá trị cao. Cần phát triển chăn nuôi bò, lợn, gia cầm để xuất khẩu, đồng thời nghiên cứu gia công chăn nuôi với nước ngoài.

Ở các vùng đồng bằng, Nhà nước dựa chủ yếu vào các tổ chức kinh tế tập thể của nông dân, giúp đỡ các tổ chức này phát triển các cây lương thực và cây ngắn ngày là chính. Ở cao nguyên, các vùng đất đỏ và thượng du miền Bắc, Nhà nước dựa vào các nông trường quốc doanh để trồng cây dài ngày.

Theo phương hướng phát triển nói trên, sản lượng nông sản xuất khẩu có khả năng tăng lên nhanh chóng, và trong một thời gian không xa sẽ chiếm một tỷ lệ đáng kể trong cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta. Đến những năm 1980 – 1981, chúng ta cố gắng đưa mức sản xuất nông sản xuất khẩu tăng nhanh nhằm bảo đảm được nhu cầu nhập khẩu các tư liệu sản xuất chủ yếu cho nông nghiệp, và sau đó trong một thời gian ngắn, bảo đảm được nhu cầu nhập khẩu tư liệu sản xuất cho toàn bộ ngành nông nghiệp trong cả nước.

Cần có kế hoạch khai thác một cách tốt nhất tài nguyên **lâm nghiệp** để vừa bảo đảm nhu cầu trong nước, vừa có vật tư xuất khẩu. Rừng của ta bị địch tàn phá nhiều, do đó trữ lượng rừng hiện nay tuy không lớn lắm, nhưng

Digitized by Google

khai thác hàng triệu mét khối gỗ vẫn là khả năng thực tế. Gỗ của ta có nhiều loại quý, có giá trị cao, xuất khẩu gỗ có thể thu được nhiều ngoại tệ.

Đi đôi với việc khai thác lâm sản để bảo đảm nhu cầu trong nước, cần tổ chức khai thác và chế biến tốt các loại lâm sản có khối lượng xuất khẩu lớn. Mặt khác, dựa vào phân vùng nông nghiệp và lâm nghiệp, chúng ta có kế hoạch bảo vệ rừng và xúc tiến trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao như cây làm giấy, cây cho bột sơn; có kế hoạch khai thác hợp lý những loại gỗ quý như lát hoa, thông trắng, gỗ dầu, gỗ có màu sắc đặc biệt, những lâm sản nhiệt đới như quế, hồi, sa nhân, thảo quả, bả kích, cánh kiến trắng, cánh kiến đỏ. Đi đôi với kế hoạch khai thác gỗ, cần có kế hoạch xây dựng công nghiệp chế biến gỗ: gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ lạng, gỗ ép, ván sàn thành phẩm, đồ gỗ dùng trong gia đình..., để tăng giá trị xuất khẩu của gỗ; đồng thời phát triển công nghiệp chưng cất các loại tinh dầu. Chúng ta cố gắng phấn đấu tăng nhanh nguồn hàng lâm sản xuất khẩu để bảo đảm đến những năm 1980 – 1981 có thể đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị của ngành lâm nghiệp, góp phần tăng nhanh tích lũy vốn cho Nhà nước.

Hải sản là một nguồn lợi rất phong phú cần được tổ chức khai thác mạnh, vì nó có thể cho ngay những loại hàng xuất khẩu có giá trị cao như: các loại tôm, mực, cá, ngọc trai, đồi mồi.... là những mặt hàng mà thị trường thế giới đang đòi hỏi.

Cần tổ chức tốt việc đánh bắt, bảo quản và chế biến hải sản, đồng thời tiến hành nuôi các loại tôm, cá nước lợ, ngọc trai, đồi mồi trên quy mô lớn và theo phương pháp tiên tiến.

Dựa vào những điều kiện thiên nhiên vô cùng thuận lợi, chúng ta đẩy mạnh khai thác hải sản, biến hải sản sớm trở thành loại hàng xuất khẩu khối lượng lớn, không những bảo đảm các nhu cầu nhập khẩu các phương tiện đánh bắt, bảo quản, chế biến và nghiên cứu khoa học của ngành hải sản, mà còn góp phần tăng nhanh tích lũy vốn cho Nhà nước.

Dựa vào sức lao động dồi dào và bàn tay khéo léo của nhân dân, chúng ta ra sức **khôi phục và phát triển những nghề thủ công truyền thống**, đồng thời phát triển những nghề sử dụng nguyên liệu nhập khẩu trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế. Cần chú ý các hàng mỹ nghệ cũng như các hàng thông thường như mây tre đan, mành trúc, thảm dạ, thảm cói, thảm ngô, thảm len, gốm, sứ, sơn mài, khảm, chạm, bạc...

Đi đôi với việc phát triển nghề thủ công, cần tận dụng những khả năng của **tiểu công nghiệp và công nghiệp nhẹ** của nước ta (bao gồm cả công nghiệp chế biến), nhất là những khả năng của tiểu công nghiệp và công nghiệp nhẹ ở miền Nam. Cần tranh thủ làm gia

Digitized by Google

công với nước ngoài để có thêm nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

Cần nâng cao năng lực sản xuất của các cơ sở sẵn có để tranh thủ việc gia công xuất khẩu với nước ngoài, đồng thời gấp rút xây dựng một số cơ sở mới, hiện đại, có khả năng sản xuất những mặt hàng có phẩm chất tốt, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cao, với giá thành hạ, để giữ vững và mở rộng thị trường như: may mặc, giầy dép, cao-su, dụng cụ thể dục thể thao, lắp ráp điện tử... Về công nghiệp thực phẩm, chúng ta hết sức chú trọng phát triển công nghiệp rau quả đông lạnh, nước quả, đồ hộp xuất khẩu.

Đến những năm 1980 – 1981, chúng ta phấn đấu phát triển hàng công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm xuất khẩu theo phương hướng nói trên, nhằm bảo đảm nhu cầu nhập khẩu về nguyên liệu và phụ tùng cho bản thân ngành này, và sau đó có khả năng từng bước đổi mới trang bị và kỹ thuật cho các cơ sở trong ngành này.

Biết tổ chức sản xuất, chú trọng nâng cao trình độ kỹ thuật và mỹ thuật, nắm vững yêu cầu của thị trường và nhạy cảm với thị hiếu của khách hàng, chúng ta có thể mở rộng xuất khẩu các mặt hàng thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và công nghiệp nhẹ, vừa giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân, vừa tăng thu nhập quốc dân và tăng tích lũy vốn cho Nhà nước.

Mặt khác, cần thúc đẩy nhanh việc khai thác một số **tài nguyên khoáng sản có trữ lượng khá** (than, dầu khí, a-pa-tít, quặng nhôm), đồng thời nhanh chóng phát triển một số sản phẩm công nghiệp hóa chất và mặt hàng cơ khí có khả năng xuất khẩu.

Sản phẩm cơ khí là mặt hàng đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao. Ngành cơ khí của ta tuy còn ở bước đầu xây dựng, nhưng cũng phải cố gắng đi vào sản xuất để xuất khẩu, trước hết là xuất khẩu sản phẩm cơ khí tiêu dùng, từng bước tiến lên xuất khẩu thiết bị.

Những phương hướng phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu nói trên phải được thể hiện trong kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân dài hạn, cũng như trong kế hoạch kinh tế quốc dân hằng năm, đồng thời phải được quán triệt trong quy hoạch cũng như trong các chỉ tiêu sản xuất của từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở sản xuất, kể cả trong quy hoạch và nhiệm vụ của các lực lượng quân đội làm kinh tế.

★

Muốn có nguồn hàng xuất khẩu một cách vững chắc, Nhà nước phải **nhanh chóng phát triển kinh tế quốc doanh, đồng thời giúp đỡ các hợp tác xã tổ chức lại sản xuất theo quy mô lớn.**

Trong công nghiệp, việc cung cấp những hàng xuất khẩu chủ yếu (than, a-pa-tít, cờ-rô-mít, vải, gỗ, giấy) từ lâu vẫn do công nghiệp

Digitized by Google

quốc doanh bảo đảm, nhưng khối lượng hàng xuất khẩu chưa nhiều. Cần mở rộng các xí nghiệp quốc doanh hiện có và xây dựng thêm những xí nghiệp mới, để làm tăng nhanh hàng công nghiệp xuất khẩu. Cần mở rộng, phát triển và củng cố các hợp tác xã thủ công nghiệp để bảo đảm sản xuất hàng tốt, đáp ứng yêu cầu của thị trường và giữ tín nhiệm với khách hàng quốc tế. Riêng đối với các xí nghiệp tư doanh, việc giao nhiệm vụ sản xuất hàng xuất khẩu phải tiến hành song song với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa và đặt các xí nghiệp đó dưới sự quản lý của Nhà nước.

Trong nông nghiệp, phần lớn hàng xuất khẩu của ta dựa vào kinh tế tập thể ; nhưng do nông nghiệp chưa phân vùng, quy hoạch, quy mô các hợp tác xã lại quá nhỏ, sản xuất phân tán, chưa đi vào chuyên canh, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong các khâu sản xuất, cho nên sản phẩm hàng hóa xuất khẩu rất ít, phẩm chất lại chưa đạt yêu cầu. Cần giúp đỡ các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đi nhanh lên sản xuất quy mô lớn, chuyên canh theo quy hoạch, phân vùng của huyện, vừa sản xuất vừa chế biến. Đi đôi với việc tích cực giúp đỡ kinh tế tập thể, phải nhanh chóng phát triển nông trường quốc doanh, kể cả nông trường trung ương và nông trường địa phương, nông trường thuộc Bộ nông nghiệp quản lý và nông trường quân đội. Nếu không phát triển nông trường quốc doanh thì khó có điều kiện để thực hiện những chỉ tiêu nông sản xuất khẩu, nhất là những chỉ tiêu về các cây trồng dài ngày.

Phải phát huy đến mức cao nhất những cố gắng phát triển sản xuất trong nước, kết hợp với việc mở rộng hợp tác quốc tế. Do nền kinh tế của ta còn yếu, chưa đủ sức tự trang bị, cho nên để đẩy nhanh tốc độ xây dựng và phát triển kinh tế, chúng ta còn cần vốn và kỹ thuật nước ngoài. Nhưng chúng ta không thể chỉ đi vay vốn để nhập thiết bị, mà phải mở ra con đường hợp tác kinh tế : vay vốn trả bằng sản phẩm và cam kết cung cấp sản phẩm cho bên cho vay trong một thời gian hai bên thỏa thuận, hợp tác sản xuất chia sản phẩm, hợp doanh với nước ngoài. Mục đích của những hình thức hợp tác kinh tế nói trên là để phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời cũng nhằm tạo ra nguồn hàng xuất khẩu để trả nợ, tăng cường và mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Cần thông qua các hình thức thương mại quốc tế như : gia công, lắp ráp sản phẩm, v.v... để tăng nhanh khả năng xuất khẩu hàng hóa của ta. Trong điều kiện kinh tế của ta hiện nay, vận dụng những hình thức này là thích hợp, có lợi cho nền kinh tế quốc dân.

Xuất khẩu phải dựa trên cơ sở sản xuất phát triển và nền kinh tế quốc dân lớn mạnh ; sản xuất

Digitized by Google

càng phát triển thì khối lượng và kim ngạch hàng xuất khẩu càng tăng, đồng thời cơ cấu hàng xuất khẩu cũng hình thành theo sự lớn mạnh của nền kinh tế quốc dân. Vai trò của Bộ ngoại thương và Ủy ban kế hoạch Nhà nước trong việc đề ra kế hoạch xuất khẩu là nắm được những đặc điểm và ưu thế của nền kinh tế nước ta, kết hợp với những yêu cầu của thị trường thế giới, để gợi ý với các ngành và các địa phương xác định những nhiệm vụ và chỉ tiêu phát triển kinh tế một cách có lợi nhất.

Xuất khẩu là lưu thông hàng hóa quy mô lớn. Xuất khẩu lại là quan hệ giữa nước ta với các nước khác trên thế giới ; nó không chỉ có ảnh hưởng về mặt kinh tế, mà còn có ảnh hưởng về mặt chính trị và văn hóa. Qua các mặt hàng xuất khẩu, chúng ta giới thiệu với người nước ngoài tính ưu việt của chế độ của ta và trình độ văn hóa của dân tộc ta. Vì vậy, xuất khẩu phải được phát triển vững chắc, dựa trên cơ sở một nền sản xuất lớn ; hàng xuất khẩu phải có chất lượng tốt, đúng quy cách, tiêu chuẩn, trình bày có mỹ thuật, thu hút được cảm tình và tín nhiệm của khách hàng. Rõ ràng, vấn đề đặt ra là Nhà nước phải tổ chức lại nền sản xuất xã hội, xây dựng những cơ sở sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, dựa vào kinh tế quốc doanh là chủ yếu. Điều đó đòi hỏi có thời gian nhất định. Trong khi tích cực xây dựng các cơ sở sản xuất mới, cần hết sức phát huy khả năng của các cơ sở kinh tế đã có, dù đó là kinh tế quốc doanh hay là kinh tế tập thể, công tư hợp doanh, dù đó là kinh tế của trung ương hay là của địa phương để sớm tạo ra nguồn hàng xuất khẩu ngày càng nhiều, với phẩm chất tốt, giá trị cao.

Công tác xuất khẩu được phát triển vững chắc còn tùy thuộc vào một cơ cấu hàng hóa hợp lý. Cơ cấu hàng hóa đó dựa vào khả năng của nền kinh tế nước ta, kết hợp với yêu cầu và xu hướng phát triển của thị trường thế giới.

Nhiệm vụ xuất khẩu được đặt ra trước mắt chúng ta một cách cấp bách và khẩn trương. Chúng ta phải kịp thời bắt tay vào hành động, nắm vững khâu kế hoạch hóa, đẩy mạnh sản xuất theo hướng phân vùng chuyên canh và thâm canh, tạo cơ sở đẩy mạnh xuất khẩu, tạo khả năng nhập khẩu, để có điều kiện trang bị nhanh kỹ thuật hiện đại cho nền kinh tế quốc dân. Thời gian đang thúc bách chúng ta, cần thấy hết sức mạnh của thời gian và giá trị của thời gian ; mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi đơn vị kinh tế cơ sở, xí nghiệp hay hợp tác xã hãy tranh thủ thực hiện tốt nhiệm vụ « phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu vì sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ».

Digitized by Google

VỀ VẤN ĐỀ KINH TẾ MIỀN BIỂN VÀ KHOA HỌC VỀ BIỂN*

VÕ - NGUYÊN - GIÁP

Thưa các đồng chí,

Tôi rất phấn khởi đến dự hội nghị của các đồng chí. Thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, tôi hoan nghênh hội nghị khoa học về biển lần thứ nhất của các đồng chí.

Các đồng chí đề ra mục đích của hội nghị này là thông báo cho nhau những kết quả nghiên cứu khoa học về biển và đánh giá công tác nghiên cứu khoa học về biển trong thời gian vừa qua, bước đầu đề ra phương hướng và nhiệm vụ công tác nghiên cứu khoa học về biển trong thời gian tới. Đề ra mục đích yêu cầu như thế là đúng. Mặc dầu hội nghị được chuẩn bị trong thời gian ngắn và chắc chắn là có những thiếu sót, nhưng tôi nghĩ rằng tiến hành cuộc hội nghị này trong lúc này là hợp với nguyện vọng của các cán bộ khoa học về biển và cũng đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế nước nhà trong giai đoạn hiện nay.

Bước vào giai đoạn mới sau khi nước nhà đã được hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã làm chủ toàn bộ biển cả thì có một sự cần thiết cấp bách là phải nhanh chóng tập hợp lực lượng cán bộ khoa học và kỹ thuật nghiên cứu về biển của chúng ta để hiểu biết và sử dụng biển cả đó tốt hơn. Lần này đến đây, các đồng chí đều tỏ nguyện vọng làm sao tập hợp lực lượng lại, hướng vào

---

* Bài nói của đồng chí Võ-Nguyên-Giáp, Ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng, Phó thủ tướng tại Hội nghị khoa học về biển lần thứ nhất họp ở Nha-trang ngày 2 tháng 8 năm 1977.

Digitized by Google

những mục đích chung với những phương hướng hoạt động cụ thể và được phối hợp chặt chẽ hơn. Tôi thấy nguyện vọng đó chính đáng và là một xu hướng đúng cần được ủng hộ.

Hôm nay, đến thăm hội nghị, tôi muốn phát biểu với các đồng chí một số ý kiến, những ý kiến sơ bộ thôi, để góp vào cuộc trao đổi ý kiến của các đồng chí. Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học về biển, tôi không hiểu bằng các đồng chí, nhưng tôi muốn gặp các đồng chí làm công tác nghiên cứu về biển và muốn nói với các đồng chí một số điều mà tôi thấy là cần thiết phải nói.

BIỂN VÀ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Ý kiến thứ nhất tôi muốn nói với các đồng chí **là cần phải đánh giá cho đúng vai trò của biển đối với sự phát triển của đất nước chúng ta.**

Mấy hôm nay, trong báo cáo chung cũng như trong một số ý kiến phát biểu của các đồng chí đều có vấn đề đánh giá tiềm năng của Biển Đông của ta như thế nào? Có ý kiến đánh giá cao, có ý kiến đánh giá dè dặt, có ý kiến cho là vì chưa đủ căn cứ khoa học để đánh giá cho nên chưa nên kết luận là Biển Đông của ta có tiềm năng to lớn hay hạn chế. Tôi thấy các đồng chí tranh luận và phát biểu như thế cũng biểu hiện một thái độ khoa học. Nhưng tôi muốn nói rằng, dù những nguồn sinh vật, động vật ở Biển Đông của ta nhiều hay ít, giàu hay nghèo, nhưng bản thân việc chúng ta có được một Biển Đông như vậy, bản thân người Việt-nam chúng ta, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam chúng ta, có một biển cả mênh mông như vậy, với bờ biển trên 3.000 km chiều dài, với một vùng lãnh hải và thềm lục địa rộng lớn, bản thân sự việc đó, bản thân sự tồn tại của Biển Đông của ta đã có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong sự phát triển của đất nước ta về kinh tế cũng như về quốc phòng rồi. Do đó, muốn xây dựng nền kinh tế nước ta thì nhất định phải coi trọng biển và làm công tác khoa học kỹ thuật nhất thiết là phải coi trọng khoa học kỹ thuật về biển.

Các đồng chí có nghiên cứu về biển đều biết rằng, trong những năm gần đây có nhiều vấn đề đặt ra trên thế giới: vấn đề dân số, vấn đề lương thực thực phẩm, vấn đề năng lượng, vấn đề các tài nguyên thiên nhiên và nhiều vấn đề khác nữa. Xu hướng chung của các nước là ngày càng chú ý

Digitized by Google

đến biển nhiều hơn và coi trọng những tiềm năng ở biển và ở đại dương hơn. Trong điều kiện hiểu biết về các đại dương còn rất hạn chế, có nhiều ý kiến đã đánh giá: về nhiều mặt, tiềm lực của biển và đại dương lớn hơn trên đất liền. Biển và đại dương chiếm 71% bề mặt trái đất. Tổng trọng động vật biển gấp 6 lần tổng trọng động vật trên đất liền. Tổng trọng thực vật biển gấp 100 lần tổng trọng động vật trên đất liền. Đại dương khá giàu có về các nguyên tố và khoáng sản nằm ở thềm lục địa, ở lớp đáy đại dương và một phần hòa tan trong nước biển. Cho nên, xu hướng hiện nay và sắp tới của các nước chắc chắn là sẽ tìm hiểu và khai thác biển nhiều hơn.

Trên thế giới có những nước không có biển và đó là một điều thiệt thòi cho những nước đó. Có những nước bờ biển không dài lắm, nhưng ở đó kinh tế và khoa học kỹ thuật về biển cũng phát triển rất mạnh. Như Ba-lan chẳng hạn. Ba-lan có chừng 500km bờ biển, nhưng Ba-lan đã có một nền công nghiệp về hàng hải cực kỳ quan trọng, ngành đóng tàu phát triển rất mạnh. Sản xuất tàu đánh cá của Ba-lan có vị trí tiên tiến trên thế giới, đưa lại những nguồn lợi rất lớn cho đất nước.

Theo định nghĩa và cách phân chia địa lý hiện nay, thì trên thế giới có hơn 40 biển, trong đó Biển Đông của Việt-nam đứng vào hàng rất quan trọng. Nước ta ở trong vùng nhiệt đới, cho nên biển nước ta có những quy luật riêng của nó về nhiều mặt, về khí tượng thủy văn, về sinh vật, về tài nguyên khoáng sản v.v... Tuy nhiên, ta hiểu về biển của ta còn ít lắm.

Bây giờ chúng ta có những tài liệu tích lũy trong nhiều năm của Pháp để lại. Tôi có xem một số bài phân tích về Biển Đông của ta. Những tài liệu đó vẫn có những giá trị nhất định vì đã thu thập những số liệu trong một thời gian dài. Tuy nhiên, do phương hướng nghiên cứu chưa toàn diện, quan điểm và phương pháp nghiên cứu còn những hạn chế, cho nên những kết luận có nhiều điểm cần phải xem xét thêm. Nói chung, đó là những tài liệu cần tham khảo, nhưng giá trị không lớn lắm. Các công trình nghiên cứu về biển của ta, kết quả của sự hợp tác với một số nước xã hội chủ nghĩa anh em trong những năm qua, cũng có một giá trị nhất định, nhưng cũng còn hạn chế, có những vấn đề phải kiểm tra thêm. Trước đây việc nghiên cứu diễn ra chủ yếu ở vùng biển khơi. Thế mà biển của ta còn có cả vùng biển gần. Tôi không hiểu có phải là khoa học về biển nói chung chú trọng biển xa hơn biển gần hay không nhưng rõ ràng biển gần đối với chúng ta rất quan trọng nhưng lại chưa được nghiên cứu thích đáng.

Hiện nay, trong tài liệu các đồng chí đã xác định là ta có khoảng 1.600 loại cá, nhưng lúc đó mới phát hiện độ 700 hay 750

Digitized by Google

thôi. Tôi nghe một đồng chí tham gia việc nghiên cứu hồi đó nói là bờ biển ta quá gần núi; ở Trung-bộ, những con sông từ núi ra biển thường ngắn, đưa ra biển ít thức ăn cho cá, cho nên có thể nói là trữ lượng về cá vùng biển gần của ta hạn chế. Thế nhưng, ta thấy trong thực tế không phải đâu cũng như vậy. Ngay ở Phú-khánh đây cũng không phải như vậy. Chưa xét đến vấn đề trữ lượng, ta có ngay một nhận xét là hầu như nhiều thứ hải sản ngon đều ở biển gần, như cá thu, trai, vẹm, sò huyết v.v... Có nhiều thứ cá rất là lạ, hiếm như cá măng chẳng hạn. Về mặt trữ lượng, tôi nghĩ rằng nếu có được độ 10 vạn tấn trong một tỉnh như thế là nhiều. Tôi vừa đi Minh-hải, Tiền-giang, Kiến-giang về, tôi thấy trữ lượng như thế là nhiều. Bởi vì ngay ở một nước có độ 500 – 600km bờ biển thì cả biển gần, biển xa một năm thường cũng chỉ đánh bắt được độ 20 vạn tấn thôi. Về mặt thực vật, vùng biển của chúng ta cũng không phải nghèo đâu. Trong hội nghị này, trong một số báo cáo có đề cập đến vấn đề rong tảo. Các đồng chí đã phát hiện vùng biển ta có 638 loại, không biết tôi nhớ có đúng không, nhưng như thế là rất quan trọng. Có chừng ấy loại rong tảo mà lại có loại rong tảo có hàm lượng đạm rất cao, có a-ga, tức là loại hiện nay chỉ ở Việt-nam và vài nước nữa có thôi, ở nước khác chưa phát hiện, thế thì điều đó rất quan trọng rồi. Bây giờ, ta có những tài liệu nghiên cứu của thời Mỹ — Ngụy. Những tài liệu đó đánh giá trữ lượng cá ở vùng biển phía Nam là lớn. Tôi thấy thực tế là lớn thật.

Vùng biển của ta có một thềm lục địa giàu có và tương đối thuận lợi cho việc khai thác. Phần lớn diện tích thềm lục địa có độ sâu 40 đến 60 mét. Về trữ lượng dầu mỏ ở thềm lục địa của ta, vừa rồi các đồng chí nói là còn chưa xác định, sự chênh lệch của các con số còn rất lớn. Điều đó còn phải điều tra xác định thêm, nhưng đại thể là ta có dầu mỏ, và trữ lượng nếu không thật lớn thì cũng đáng để khai thác.

Như vậy, biển của ta tương đối giàu. Xét về phương diện khác, do vị trí quan trọng của nước ta, quan trọng về chiến lược, chiến lược kinh tế và chiến lược quân sự, cho nên việc nước ta có một vùng biển như Biển Đông là cực kỳ quan trọng. Trải qua bao nhiêu thế kỷ, bọn đế quốc nước ngoài bao giờ cũng lợi dụng đường biển để tiến hành xâm lược nước ta. Do đó, đứng về quốc phòng ta phải chú trọng đến biển. Biển Đông của ta có một vị trí hết sức quan trọng trong khu vực Đông — Nam Á. Nếu mà chúng ta đặt vấn đề bảo vệ chủ quyền độc lập của ta trên đất liền, trên biển với một vùng lãnh hải 200 hải lý, thì điều đó đặt ra rất nhiều vấn đề về mặt phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng ở vùng biển.

Digitized by Google

Vì vậy, tôi muốn nói lại với các đồng chí rằng bản thân sự kiện nước ta có một Biển Đông rộng lớn như vậy với một thềm lục địa, với những tài nguyên như vậy, với vị trí chiến lược như vậy, thì bản thân điều đó đã chứng tỏ vai trò quan trọng của biển ở nước ta rồi. Biển là một nguồn tiềm năng rất to lớn đối với nền kinh tế của nước ta. Biển đặt ra hàng loạt nhiệm vụ rất to lớn cho công tác khoa học và kỹ thuật, cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Đứng về đánh giá số lượng cụ thể thì loại thực vật này, hay loại động vật kia có thể là nhiều hay ít, khoáng sản này hay khoáng sản kia, năng lượng này hay năng lượng kia giàu hay nghèo. Nhưng dù như thế nào đi nữa thì việc nước ta có Biển Đông như vậy là một nguồn của cải cực kỳ to lớn. Cho nên, chúng ta phải hết sức coi trọng vấn đề xây dựng kinh tế miền biển và phải coi trọng khoa học về biển. **Một nước có bờ biển dài, thềm lục địa rộng như vậy, một nước mà trong số 38 tỉnh, thành phố, trong số 500 huyện có đến 17 tỉnh, 97 huyện có bờ biển thì nước đó muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, muốn tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, muốn trở nên một nước hùng mạnh về kinh tế và quốc phòng, nhất định phải coi trọng xây dựng kinh tế miền biển; nước đó cũng là nước mà khoa học và kỹ thuật về biển phải được phát triển hết sức mạnh mẽ.**

Nghe các đồng chí thảo luận về vấn đề biển ta có giàu hay không và giàu đến mức nào, tôi có suy nghĩ: phải chăng việc giàu hay nghèo của biển chúng ta sẽ quyết định thái độ coi trọng hay không coi trọng biển trong khi xây dựng đất nước ta? Nếu nghĩ rằng chỉ khi nào biển có thật giàu mới coi trọng, còn nếu biển không giàu lắm thì có thể ít chú trọng, nghĩ như vậy là một cách nghĩ rất sai, có hại. Vả chăng, sự giàu có hay nghèo nàn của biển cả, của đất đai, của thiên nhiên nói chung là một cái gì tương đối và phụ thuộc vào nhiều yếu tố và quan hệ, phụ thuộc vào năng lực chủ quan của con người. Một thiênnhiên dù hào phóng đến đâu, nhưng nếu con người không biết tìm hiểu, bồi dưỡng, sử dụng, khai thác cho hợp lý, thiên nhiên đó cũng có thể nghèo đi. Trái lại, nếu biển ta quả thực không phong phú lắm về tài nguyên, nhưng bằng lao động và khoa học, con người Việt-nam chúng ta có thể làm cho nó giàu có phong phú lên. Điều đó không còn là suy luận trừu tượng nữa, thực tiễn kinh tế thế giới và ngay ở nước ta đã chứng minh rõ rệt.

Tuy nhiên, trên cơ sở những tài liệu đã biết được thì có nhiều căn cứ để nói rằng biển chúng ta là loại biển giàu. Tôi thấy động vật, thực vật, khoáng sản, dầu khí v.v... của biển ta như thế là giàu, dù cho trữ lượng cụ thể bao nhiêu, cơ cấu phân tán hay tập trung là những vấn đề còn phải

Digitized by Google

điều tra và bàn bạc thêm. Tôi có xem một tài liệu của một tổ chức nghiên cứu kinh tế thế giới trong đó các nhà nghiên cứu về biển có đánh giá những vùng biển giàu tiềm lực về mọi mặt, (họ gọi là những vùng « upwelling » nghĩa là « vùng trù phú tột bậc », cũng có nghĩa là « vùng có mật độ cá rất lớn »). Những vùng biển ở Bắc Âu, ở ngoài khơi Pê-ru được đánh giá cao trước tiên. Vùng biển Việt-nam còn thiếu những yếu tố đầy đủ để kết luận thật dứt khoát, nhưng có rất nhiều khả năng đó là một vùng biển vào loại giàu có trên thế giới. Ý kiến đó tôi thấy ta cần coi trọng.

Trong hội nghị này, các đồng chí mong rằng Đảng và Chính phủ quan tâm đến vấn đề nghiên cứu biển nhiều hơn. Thực ra, thì Trung ương Đảng và Chính phủ rất coi trọng vấn đề này. Riêng tôi, từ khi được phân công theo dõi công tác khoa học và kỹ thuật, tôi rất sốt ruột làm sao tập hợp được lực lượng cán bộ nghiên cứu biển. Tôi thấy đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật về biển so với các ngành khác còn mỏng quá. Điều đó cũng có thể do trước đây ta chưa nhìn thấy hết tầm quan trọng của biển. Trong một thời gian dài chúng ta lo là lo chuyện trên đất liền. Như Bác Hồ nói : trước đây, ta chỉ có rừng, có đêm, bây giờ ta mới có ngày, có trời, có biển. Trước đây ta cũng còn chưa biết lúc nào ta làm chủ được Biển Đông. Cái đó có ảnh hưởng đến hướng đào tạo cán bộ của chúng ta trong thời gian qua. Cho nên, ngày nay trước nhiệm vụ to lớn như vậy, đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật về biển của ta chưa phải là mạnh. Tuy nhiên, tôi thấy qua hội nghị này có nhiều đồng chí có hứng thú và có khả năng nghiên cứu về biển. Có những công trình theo dõi hàng mấy chục năm về sinh vật biển, về vật lý biển v.v... Tôi có đọc một số bản đó và thấy là tốt. Đó là một điều đáng mừng. Nó chứng tỏ rằng, trong lúc lực lượng nghiên cứu còn có hạn, ta vẫn có thể phát động tất cả mọi khả năng của các cán bộ chúng ta để nghiên cứu về biển, phát động cả nhân dân lao động đang làm công tác về biển nữa và có thể đạt đến những kết quả đáng kể.

Dĩ nhiên, phải nhấn mạnh rằng trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật về biển, trong lĩnh vực hiểu biết và khai thác biển, chúng ta còn lạc hậu xa so với việc hiểu biết và khai thác đất liền. Hầu như **chúng ta mới chỉ biết làm nghề cá, nghề muối, hàng hải và làm những nghề đó một cách kinh nghiệm chủ nghĩa,** tuy rằng những kinh nghiệm tích lũy lâu đời đó của nhân dân lao động rất là quý báu. Chúng ta làm những nghề đó **với kỹ thuật thủ công và sự phụ thuộc vào thiên nhiên còn rất lớn.**

Vả chăng, cũng chẳng phải chỉ riêng Việt-nam chúng ta lạc hậu về mặt này. Sự lạc hậu đó có

Digitized by Google

tính chất thế giới. Nhìn chung, trên hành tinh của chúng ta, con người chinh phục biển chậm hơn chinh phục đất liền. Từ thời cổ đại, con người đã để ý đến sự giàu có của biển và đại dương, nhưng cho đến nay sự hiểu biết và khai thác biển và đại dương của con người vẫn còn rất hạn chế. Sự lạc hậu đó có lý do khách quan. Nói chung, chinh phục biển khó hơn chinh phục đất liền, nó đòi hỏi sự phát triển của văn minh, của lực lượng sản xuất phải đạt đến một trình độ nào đó. Tuy nhiên, sự lạc hậu đó còn do sai lầm của bản thân con người. Trong một thời gian lịch sử khá dài, con người đã coi nhẹ việc chinh phục biển, tuy điều kiện khoa học và kỹ thuật đã cho phép có thể tiến xa hơn. Chế độ tư bản chủ nghĩa phải chịu trách nhiệm về sự lạc hậu này. Cũng như thái độ đối xử với tiến bộ kỹ thuật, do động cơ lợi nhuận, chủ nghĩa tư bản trong một thời gian dài đã không đầu tư vào khai thác biển mà chỉ tập trung vào khai thác đất liền. Chỉ đến những năm gần đây do xuất hiện sự khủng hoảng về năng lượng và tài nguyên, ở trên thế giới mới có một chuyển hướng lớn trong việc tìm hiểu và sử dụng biển và đại dương. Sự chuyển hướng đó ở các nước tư bản chủ nghĩa xét cho cùng cũng vẫn do chính những nguyên nhân và động cơ đã làm cho khoa học và kỹ thuật về biển đã từng bị trì trệ trước đây mà thôi.

Như vậy, chúng ta cần phải nhanh chóng khắc phục sự lạc hậu trong việc hiểu biết biển cả để góp phần thúc đẩy việc khai thác tốt hơn những nguồn lợi mà biển cả sẽ đem lại cho đất nước ta. Điều đó cũng nằm trong xu hướng chung của nền khoa học và kỹ thuật của thế giới. Tuy nhiên, cần nhớ rằng, phương hướng, mục tiêu và cách làm của ta có nhiều điều không giống các nước khác trên thế giới, bởi vì trong việc tiến công vào biển cả, chúng ta cũng vẫn xuất phát từ những tiền đề kinh tế, xã hội và kỹ thuật không giống các nước đã có một nền sản xuất lớn hiện đại.

Đó là những điều tôi sẽ nói với các đồng chí ở dưới đây.

KHOA HỌC VỀ BIỂN VÀ KINH TẾ MIỀN BIỂN

Hội nghị của các đồng chí là Hội nghị khoa học về biển lần thứ nhất. Thật vậy, hiện nay đã có một khoa học về biển, mà đối tượng nghiên cứu là các sự vật và hiện tượng tồn tại ở biển và đại dương hoặc có liên quan đến biển và đại dương, là một khoa

Digitized by Google

học ứng dụng các phương pháp và kết quả của vật lý học, hóa học, sinh học và toán học v.v... để nghiên cứu một đối tượng đặc biệt trong không gian và thời gian là biển và đại dương. Ở hội nghị này đã hình thành bước đầu đội ngũ các cán bộ khoa học nghiên cứu về biển của nước ta. Đông nhất là sinh học biển, rồi đến vật lý biển, hóa học biển và địa chất biển.

Tôi thấy cái tên « Khoa học về biển » rất hay. Điều đó không phải chỉ vì việc làm cho trong sáng tiếng Việt. Cái từ « Khoa học về biển » nói rõ được đối tượng và nội dung nghiên cứu của khoa học này ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Biển dính liền với đại dương và muốn hiểu biển thì phải hiểu đại dương. Nhưng một mục đích của hiểu đại dương là nhằm để hiểu được đầy đủ hơn về biển. Chúng ta phải hết sức chú ý đến việc tìm hiểu và khai thác vùng biển của nước ta. Dĩ nhiên nói như thế không phải là chúng ta không tiến hành nghiên cứu đại dương cùng với các nước khác. Vả chăng, cái từ « biển » cũng có thể có nghĩa rộng của nó: Có biển gần, biển xa, lại có biển cả và như vậy có thể bao gồm cả đại dương. Vấn đề từ ngữ sau này ta sẽ bàn.

Chúng ta nghiên cứu khoa học về biển để làm gì? Chắc chắn rằng chúng ta không phải nghiên cứu để mà nghiên cứu, để thỏa mãn trí tò mò. Mặc dù các công trình của các đồng chí trình bày ở đây có nhiều điều bổ ích, nhưng tôi thấy hướng nghiên cứu còn phân tán, còn chưa rõ, có cái còn dừng lại ở sự mô tả, chưa đi sâu vào hướng ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Là một bộ phận của lực lượng khoa học và kỹ thuật, có nhiệm vụ tiến hành cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật ở nước ta, khoa học về biển cần phải phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống, phục vụ quốc phòng. Cho nên, trước khi đi vào khoa học, mà tôi cũng không có ý kiến gì nhiều, tôi muốn nói với các đồng chí rằng muốn xác định phương hướng nhiệm vụ của khoa học về biển thì phải suy nghĩ về phương hướng xây dựng nền kinh tế miền biển của nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa chúng ta.

Khoa học về biển đã được xác định và đã được thế giới công nhận như một khoa học rồi, nhưng **liệu có một nền kinh tế miền biển hay không?** Đại hội lần thứ tư của Đảng, khi đề ra phương hướng phát triển các ngành kinh tế quốc dân có ghi rõ trong Nghị quyết « Tiến hành phân vùng quy hoạch sản xuất để phát triển tất cả các vùng: đồng bằng, trung du, miền núi và **miền biển** ». Rõ ràng ở nước ta có kinh tế đồng bằng, kinh tế miền núi và kinh tế miền biển. Kinh tế miền núi không phải chỉ có làm rừng mà rộng hơn nhiều,

Digitized by Google

cũng như kinh tế miền biển không phải chỉ có đánh cá, tuy rằng nghề đánh cá là nghề cổ truyền mà trước mắt ta phải tập trung đẩy mạnh trong kế hoạch 5 năm hiện nay để tăng sản lượng thực phẩm cho nhân dân và để xuất khẩu.

Kinh tế miền biển là gì và phương hướng phát triển của nó ra sao? Vấn đề này đáng được suy nghĩ và thảo luận lắm và đối với những người làm khoa học về biển đó là một vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi vì đó chính là mục tiêu mà công tác nghiên cứu khoa học về biển phải hướng vào.

Đại hội lần thứ tư của Đảng ta đã đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của cách mạng nước ta. Đó là một đường lối Mác – Lê-nin hết sức đúng đắn và sáng tạo. Phương hướng phát triển của nền kinh tế miền biển phải xuất phát từ đường lối đó mà những nội dung cơ bản của nó là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, xây dựng nền kinh tế nước ta thành một cơ cấu công — nông nghiệp, kết hợp chặt chẽ kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế với quốc phòng v.v... Rồi lại phải vận dụng đường lối đó vào những điều kiện của miền biển, vào điều kiện thiên nhiên và địa lý của miền biển để tìm ra phương hướng phát triển kinh tế miền biển.

Tôi muốn phát biểu với các đồng chí một số ý kiến sơ bộ về cơ cấu kinh tế miền biển để thấy được một bước yêu cầu và phạm vi khoa học về biển ở nước ta. Căn cứ vào đường lối kinh tế của Đảng ta thì đó là một **cơ cấu phức hợp và đa dạng, gồm nhiều ngành nghề có những quan hệ nội tại gắn bó mật thiết với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển,** chứ không phải chỉ đơn thuần có nghề cá. Đồng thời cơ cấu đó lại gắn liền với toàn bộ nền kinh tế quốc dân của nước ta. Kinh tế miền biển trước hết có nghề cá, rồi còn có nông nghiệp, công nghiệp miền biển, có nghề hàng hải, có bến cảng, thương nghiệp nội địa và ngoại thương v.v..., có kinh tế biển trung ương và kinh tế biển địa phương. Nghị quyết Đại hội lần thứ tư của Đảng đã đề cập đến hoạt động nhiều mặt của nền kinh tế miền biển: «Đẩy mạnh đánh bắt, nuôi thủy sản ở các vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt. Tăng nhanh lực lượng đánh cá biển và chế biến hải sản của trung ương và của địa phương; tổ chức lại các lực lượng đánh cá, xây dựng ngành hải sản nước ta thành một ngành công nghiệp quan trọng». «Xây dựng công nghiệp bảo quản và chế biến thủy sản; tiến hành điều tra và nghiên

Digitized by Google

cứu khoa học để nắm chắc các nguồn thủy sản. Phát triển nghề muối và thực hiện từng bước cơ khí hóa việc làm muối ». Trong việc phát triển công nghiệp nặng và giao thông, Đại hội cũng đề ra cho ngành cơ khí « đóng tàu vận tải biển, tàu đánh cá, tàu hút bùn », « bảo đảm một tỷ lệ hợp lý giữa xây dựng đường sá, bến cảng, kho tàng với sản xuất và sửa chữa phương tiện bốc xếp và vận tải. Tăng cường cơ khí chế tạo và sửa chữa các phương tiện bốc xếp và vận tải ». « Phát triển nhanh đội tàu biển, xây dựng, mở rộng và quản lý tốt hệ thống cảng biển ».

Hiện nay, một vấn đề cấp bách trong nền kinh tế cả nước cũng như trong kinh tế miền biển là vấn đề tổ chức lại nền sản xuất xã hội. Một trong những vấn đề lớn nhất là phải bố trí lại lực lượng sản xuất, để làm sao phát huy cả tiềm năng của đất nước, trước hết là vấn đề phân bố lại lao động, bởi vì lực lượng sản xuất trước hết là lực lượng người lao động. Chúng ta có một lực lượng lao động rất dồi dào nhưng bố trí rất không hợp lý. Dân số có 50 triệu người thì phần lớn là tập trung ở đồng bằng Bắc-bộ với mật độ 900 — 1.000 người trên 1 ki-lô-mét vuông, ở đồng bằng sông Cửu-long là 500 — 600 người. Trong lúc đó, ở Tây-nguyên, ở Tây-bắc, Việt-bắc, ở rừng núi thì độ 10 — 20, 30 người trên 1 ki-lô-mét vuông. Vì vậy mà đất đai và lao động là hai nguồn cơ bản của của cải xã hội đã không kết hợp được tốt với nhau. Có một tài liệu của các nhà khoa học Liên-xô đã tổng kết là 80% của cải trong xã hội là lấy từ đất mà ra. Vì vậy, một nhiệm vụ quan trọng trong những năm tới là phải phân bố lại lao động, đưa lao động từ những nơi thừa đến nơi thiếu.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ tư của Đảng và sau đó của Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng, vấn đề đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp được coi là nhiệm vụ hàng đầu trong kế hoạch 5 năm hiện nay. Bởi vì chỉ giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm mới tạo cơ sở phát triển công nghiệp được. Phương hướng đó đòi hỏi hàng loạt biện pháp tổ chức thực hiện trong đó có biện pháp đưa gần 2 triệu lao động từ các vùng đồng bằng đi xây dựng các vùng kinh tế mới.

Phương hướng chủ yếu đưa dân đi là lên những vùng rừng núi hoặc những vùng có đất chưa khai phá. Nhưng nước ta còn có một vùng đất đai nữa rất giàu có là vùng ven biển, thềm lục địa và bản thân Biển Đông của nước ta. Thế có đưa dân ra đấy không, nhất định **sớm muộn rồi cũng phải đưa dân ra đấy**. Hôm vừa rồi, trong hội nghị sinh học ở thành phố Hồ-Chí-Minh có đồng chí phát biểu là rồi đây số dân trên thế giới sẽ tăng lên, có nhà quy hoạch thiết kế dự kiến là đến một

Digitized by Google

lúc nào đó phải làm nhà 1000 tầng hay là 2000 tầng, mà 1000 tầng dưới để ở còn 1000 tầng trên thì dành cho các công trình phục vụ hay ngược lại. Tôi thấy có lẽ trước lúc làm nhà mấy nghìn tầng thì phải nghiên cứu làm nhà ra biển, nghiên cứu lấn biển như thế nào, rồi sinh sống trên biển như thế nào. Các đồng chí đã đọc địa lý của Hà-lan thì biết là trong một thời gian bao nhiêu năm, Hà-lan đã mở rộng ra biển một diện tích bằng 1/3 lãnh thổ. Bây giờ ở nước ta, sông Hồng mỗi năm đưa ra biển một tổng trọng phù sa bao nhiêu, thế còn ở đồng bằng sông Cửu-long, ở Cà-mau mỗi năm lấn ra mấy trăm mét. Cái đó cũng là một vấn đề cần nghiên cứu.

Phát triển ra biển còn có vấn đề khác nữa. Ở tỉnh Quảng-bình cũ của tôi có trên 120 km bờ biển, nhưng chỉ có 40 km có dân ở, còn 80 km là bãi cát trống. 80 km đó có phải là không ở được không? Không phải. Nhưng vì ta chưa tạo ra những điều kiện để dân đến ở được. Những cồn cát trắng nếu có trồng cây, trồng phi lao, rồi trồng dừa, hay trồng dừa ngay thì dân sẽ đến ở được. Gần đây, tôi thấy có những chỗ trước đây dân chưa ra ở, nhưng qua mấy năm kháng chiến đã có dân và đã trồng dừa rất tốt. Hiện nay, khách đi qua ai cũng đứng lại những chỗ đó để nghỉ mát. Còn có những chỗ như làng Ngư-thủy, có đội pháo binh nữ mà ai cũng biết, thì làng đó ở sát biển. Trước kia, khoảng 1929, tôi có đi qua đây. Khánh-hòa hồi đó rất ít dừa, ít xoài dọc đường. Năm 1946, tôi lại đi qua đây thì cũng chưa thấy gì nhiều. Nhưng bây giờ thấy cây ăn quả rất nhiều dọc đường từ Nha-trang đi Cam-ranh, hay đi Diên-khánh. Gần đây, các đồng chí có được ăn hành Phan-rang không. Hành củ rất to đó là sản phẩm của đất cát đấy.

Như thế, vấn đề đưa dân ra ven biển là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Hiện nay, trong những hợp tác xã ở ven biển ngư dân có đông không? Chưa phải đông lắm. Tỷ lệ ngư dân còn ít lắm. Vừa rồi tôi đi thăm tỉnh Kiến-giang, ở phía Hà-tiên và Rạch-giá, thì thấy cá nhiều nhưng người đánh cá còn ít lắm. Tôi chưa nói đến vấn đề sống trên biển. Trong tương lai, với trình độ phát triển của sản xuất, của khoa học và kỹ thuật, ta phải nghĩ đến những diện tích nhân tạo trên mặt nước. Các đồng chí đã biết rằng, trong mấy chục năm gần đây, Nhật-bản xây dựng những đảo nhân tạo bằng sắt thép trên biển rất lớn, Nhật-bản thường nói là lãnh thổ của họ có thêm những ki-lô-mét vuông mới. Bây giờ trong điều kiện thực của ta, đã đặt ra vấn đề nghiên cứu xem ở những chỗ nào thì có thể làm nhà ra bãi cát, còn với độ sâu bao nhiêu thì có thể làm nhà trên biển được. Cái đó ở các nước khác, người ta đã làm rồi. Vấn đề đưa dân ra biển quan trọng vô cùng. Muốn phát triển kinh tế

Digitized by Google

miền biển thì càng phải đưa dân ra biển.

Trong tương lai, ở nước ta, miền biển sẽ có dân ở đông đúc vô cùng. Tôi nghĩ, không biết như thế có phải là mơ ước viển vông không. Không phải là viển vông đâu. Một nước có một miền biển như vậy, với thềm lục địa chỉ sâu độ 40 đến 50 mét như vậy thì khả năng đưa dân ra biển rất lớn. Trước hết, đưa dân ra ở bãi cát ven biển, đưa dân ra ở những nơi hiện có ít dân hoặc chưa có dân, rồi đưa dân ra các đảo như những đảo Hòn-tre, đảo Phú-quốc, những đảo ở vịnh Hạ-long v.v...

Như vậy, phân bố lại lao động không có nghĩa chỉ là đưa dân ở đồng bằng lên núi mà thôi. Bởi vì vua Hùng đã từng chia năm mươi con lên núi, năm mươi con xuống biển mà. Bây giờ, mình cũng một phần phải ra biển. Trước không ra, bây giờ phải ra. Trước ra ít, bây giờ phải ra nhiều hơn. Cần phải thực hiện lời nói của vua Hùng, lời nói đó đúng lắm.

Như vậy là phải bố trí lại lực lượng sản xuất, lực lượng lao động, đưa dân ra vùng ven biển, xây dựng kinh tế miền biển một cách toàn diện. Nền kinh tế miền biển có cơ cấu bên trong của nó, đồng thời là một bộ phận hữu cơ trong nền kinh tế quốc dân của cả nước và phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của cả nước. Thí dụ như ngành giao thông vận tải trên biển chẳng hạn, nó phục vụ các ngành kinh tế quốc dân đồng thời nó là một bộ phận của nền kinh tế miền biển.

Kinh tế miền biển vừa có kinh tế trung ương vừa có kinh tế địa phương. Kinh tế trung ương có những trung tâm công nghiệp và hải cảng lớn, những lực lượng hàng hải lớn, những công ty liên hiệp đánh cá lớn v.v... Đồng thời còn có kinh tế địa phương, chẳng hạn như ở tỉnh Phú-khánh này. Hôm qua, đồng chí Bảy Hữu, Bí thư tỉnh ủy có đề nghị làm sao cho khoa học – kỹ thuật phải làm ra cá ra tôm. Ý kiến đó rất đúng. Nếu các tỉnh có biển như Phú-khánh đây có 200 hoặc là 600 km bờ biển, (200km theo đường thẳng; 600km nếu tính đường mép nước quanh co theo các bầu, các vịnh nhỏ) mà không đặt kinh tế biển thành một bộ phận trong nền kinh tế thì như vậy là không biết làm kinh tế rồi. Tỉnh Phú-khánh, vùng rừng núi thì rộng lớn, đồng bằng thì hẹp, cho nên một phần dân phải đi khai hoang ở sau lưng Tuy-hòa, ở Đồng-cam, mặt khác phải ra khai thác ven biển. Nói biển gần thôi, chứ chưa nói biển xa. Như vậy là ở các tỉnh như tỉnh Phú-khánh cơ cấu kinh tế có thể có công – nông nghiệp, có lâm nghiệp, lại có ngư nghiệp; hay nói rộng hơn, có nghề biển. Chúng ta lại phải xây dựng 97 huyện ven biển (đó là chưa kể hai thành phố lớn) thành những huyện có nông – ngư nghiệp. Gần đây, các đồng chí nói các huyện ven biển ở Thanh-hóa đang tổ chức lại sản xuất. Nhiều

Digitized by Google

huyện đã phân bố lại lực lượng sản xuất, đưa thêm dân ra ven biển, rồi bố trí các hợp tác xã trước đây vốn hỗn hợp nhiều ngành nghề trở thành những hợp tác xã chuyên ngành. Có hợp tác xã đánh cá là chính, hợp tác xã làm muối, hợp tác xã thủ công, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã đóng và sửa thuyền là chính. Sau khi tổ chức lại như vậy, đẩy mạnh tiến bộ kỹ thuật, cải tiến công cụ, đưa dần cơ giới vào đã xuất hiện một số trại thí nghiệm của nghề biển. Đó là một hướng đi đúng, phù hợp với quy luật từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn ở nước ta.

Như vậy là kinh tế vùng biển từ đất liền mà phát triển ra, dựa vào vùng ven biển ở đất liền mà phát triển, mà vùng đất liền ven biển của ta thì có nhiều đặc điểm, phong phú, đa dạng, có chỗ là bãi cát, có chỗ là đất phù sa, có chỗ là đá v.v... Dựa vào các đặc điểm đó, chúng ta sẽ phát triển nghề biển một cách đa dạng.

Như vậy, bố trí lại sản xuất trong cả nước có một hướng là lên trung du, lên miền núi, một hướng là ra biển. Quá trình bố trí lại lực lượng sản xuất như vậy cũng là quá trình tổ chức lại quan hệ sản xuất. Cho nên cách mạng trong lực lượng sản xuất, trong khoa học và kỹ thuật, đều đi đôi với cách mạng trong quan hệ sản xuất. Thí dụ như nghề cá ở đây, muốn đẩy mạnh sản xuất, tất phải tổ chức ngư dân lại. Chứ còn cá thể như hiện nay thì khó có thể có sức mạnh để làm ăn lắm. Ở Hải-phòng, hiện đã tập hợp tất cả lại thành tập đoàn sản xuất, thành hợp tác xã ven biển, tổ chức lại những lực lượng đi ra biển, như thế mới có sức mạnh được và như thế cũng là kết hợp kinh tế với quốc phòng. Ở Hải-ninh, các đội thuyền đánh cá quốc doanh đều có hải đoàn tự vệ, do đó kết hợp được sản xuất trên biển và bảo vệ biển. Ở đây, rồi cũng phải làm như thế. Việc bảo vệ biển là nhiệm vụ của Hải quân nhưng Hải quân cũng phải đi con đường vừa đánh cá vừa bảo vệ đất nước mới có thể làm được. Bây giờ ở trong phạm vi vùng lãnh hải 200 hải lý của ta thường có tàu nước ngoài vào đánh cá trái phép, mà ta chưa kiểm soát chặt chẽ được. Cho nên kết hợp kinh tế với quốc phòng, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, xây dựng cơ cấu kinh tế miền biển hợp lý là những vấn đề rất cơ bản để phát triển kinh tế miền biển.

Vận dụng lý luận và quan điểm của Đảng ta về xây dựng cơ cấu công – nông nghiệp, chúng ta cần xét xem cơ cấu kinh tế miền biển nên như thế nào?

Kinh tế miền biển trước hết có **nghề đánh cá**. Nghề đánh cá là một nghề lâu đời cần phải ra sức đẩy mạnh. Cần phải đưa tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào nghề cá. Xét về trình độ kỹ thuật, chúng ta chưa vượt xa lắm nghề chài

Digitized by Google

lưới của ông cha ta. Cần phải cơ giới hóa nghề cá, tăng khả năng đi nhanh, đi xa trên biển, hiện đại hóa việc phát hiện, theo dõi đàn cá, cải tiến kỹ thuật đánh bắt bằng những công cụ và phương pháp hiện đại, giải quyết tốt hơn việc bảo quản và chế biến cá và các hải sản khác. Tuy nhiên dù việc đánh bắt cá có hiện đại đến đâu thì xét tính chất của nó, nghề cá vẫn là « săn bắt và hái lượm » những sản vật tự nhiên có trên biển mà thôi. So sánh với sự phát triển của nền kinh tế trên mặt đất, về một mặt nào đó, nghề cá đang còn dừng ở thời kỳ hái lượm và săn bắt thôi. Con hươu, con nai nó chạy thì anh săn bắn, bây giờ ở biển anh cũng làm như vậy. Thế cho nên từ đánh bắt phải tiến đến chăn nuôi và trồng trọt trên biển. Dĩ nhiên không phải như thế nghĩa là thôi không đánh bắt nữa.

Phải tìm cách nuôi cá, nuôi tất cả các loại hải sản quý. Ở Cô-tô đã nuôi trai lấy ngọc. Như thế là rất tốt. Phú-khánh có thể nuôi cá măng được không. Đó là loại cá quý để xuất khẩu. Phải nuôi thí nghiệm, rồi đi đến nuôi quy mô lớn. Ngành sinh học biển phải đi sâu thúc đẩy phương hướng kinh tế này. Trong một số báo cáo khoa học, các đồng chí nghiên cứu khá sâu về con cá này con cá kia, con này cái đầu nặng bao nhiêu, con mắt nó ra thế nào, rồi cá nục có mấy loại, lồng ngực rộng bao nhiêu v.v... Nghiên cứu như vậy cũng tốt, nhưng cần phải từ đặc điểm của từng vùng biển có những điều kiện vật lý, như nhiệt độ, độ mặn, ánh sáng chiếu xuống như thế nào, rồi áp suất sóng, thủy động lực dòng chảy như thế nào để kết luận xem những vùng nào nuôi được loại cá gì thích hợp nhất. Tôi chưa thấy những kết luận như thế trong các báo cáo. Có một vài báo cáo có chớm nở cái ý như vậy. Như thế cũng là bắt đầu tốt, ta nên hoan nghênh cái bắt đầu đó. Nuôi cá thì phải lo đến vấn đề cá ăn thứ gì đây. Không giải quyết vấn đề thức ăn thì không đẩy mạnh chăn nuôi được. Như ở Pê-ru là nơi có nhiều cá nhưng gần đây có chiều hướng cạn dần đi. Trước đây đi qua Lăng-cô ai cũng dừng lại mua sò huyết, bây giờ ở Lăng-cô rất ít sò huyết rồi, chỉ còn cái vịnh với vỏ sò hàng cây số. Vậy sò huyết đi đâu ? Phải nghiên cứu những hiện tượng đó. Cần phát triển nuôi tôm một cách rộng rãi hơn nữa. Còn nếu như chỉ đánh bắt tôm như bây giờ thì sẽ đến lúc hết tôm. Việc nuôi đồi mồi của ta, tôi cũng lấy làm lạ. Tôi ra ngoài Côn-đảo, thấy Ty thủy sản ở đó chỉ nuôi độ mấy chục con. Ngược lại ở đảo Thổ-chu thì có nhà tư nhân nuôi đến hàng vạn con.

Đã có chăn nuôi trên biển rồi, còn có thể có trồng trọt thực vật biển. Phải nghiên cứu trồng các loại rong tảo trong nước biển, trồng các cây chịu nước mặn như đước, sú, vẹt v.v... Hiện giờ, ở gần Hải-phòng đang có một cơ sở

Digitized by Google

thí nghiệm nuôi tảo. Điều đó rất quan trọng. Trong tương lai, các loại tảo sẽ là một nguồn cung cấp chất đạm rất quan trọng cho người. Bây giờ, loại rong ở vùng Phan-rang là loại rất tốt, nhưng cũng đã dần dần ít đi.

Như vậy là kinh tế miền biển trước hết có ngư nghiệp. Nhưng ngay nội dung của ngư nghiệp cũng đã dần dần phát triển rộng ra. Ngư nghiệp không phải chỉ là đánh cá mà còn bao gồm nuôi cá. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng cũng nói là phải : « phát triển mạnh nghề nuôi cá tôm trên các mặt nước ở cả đồng bằng, trung du, miền núi và ven biển ». Nghề với rong biển một cách tự nhiên cũng phải chuyển thành gây và trồng rong biển. Thế là xuất hiện nghề chăn nuôi và trồng trọt biển. Lĩnh vực hoạt động đó là ngư nghiệp hay nông nghiệp ? Và liệu có một nền nông nghiệp dưới nước không. Cái này dĩ nhiên còn phải thảo luận. Hiện nay, đã có một số nhà khoa học nước ngoài dùng khái niệm « nông nghiệp biển ».Dù sao, từ khai thác hải sản bằng cách đánh bắt tự nhiên phát triển thành chăn nuôi và trồng trọt thì quyền làm chủ của con người trên biển đã cao hơn. Ở đây có sự xâm nhập giữa ngư nghiệp và nông nghiệp, và việc khai thác, lấy từ biển cả thức ăn nuôi sống con người, đi theo đúng trình tự phát triển trên đất liền, từ săn bắt đến chăn nuôi, từ hái lượm đến trồng trọt. Phải chăng rồi đây, trên biển cả, có những vùng mà việc đánh bắt vẫn chiếm ưu thế, như ở vùng biển xa và ngoài đại dương, trong khi đó ở những vùng biển ven bờ việc chăn nuôi và trồng trọt sẽ là một xu hướng phát triển rất mạnh ? Ta phải suy nghĩ về vấn đề đó.

Kinh tế miền biển ngoài khu vực « nông nghiệp ở dưới nước » ra nhất thiết phải có **khu vực nông nghiệp** trên đất liền, **nông nghiệp ở mảnh đất ven biển và ở các đảo.** Bởi vì bao giờ chúng ta cũng phải dựa vào một mảnh đất liền để tiến công ra biển cả. Chắc chắn rằng không nên đặt vấn đề nông nghiệp các vùng đó phải bảo đảm cung cấp đủ lương thực cho miền biển. Cần phải tùy theo điều kiện tự nhiên mà đặt vấn đề trồng cây gì, nuôi con gì. Nơi nào có điều kiện thì trồng lúa. Có thể trồng cây nguyên liệu như cói, cây ăn quả, rau xanh v.v. . Do vị trí giao thông thuận lợi, nền nông nghiệp ven biển nên có tính hàng hóa cao, phục vụ thị trường trong nước và phục vụ xuất khẩu. Việc xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp, nếu trồng trọt và chăn nuôi ở ven biển thì sẽ giảm chi phí lưu thông rất nhiều. Nếu Phan-rang mà trồng hành tây để xuất khẩu thì rất tốt. Ở Hải-phòng có những cơ sở trồng cà chua và dưa chuột để xuất khẩu rất tốt. Cứ việc đưa thẳng lên tàu thôi. Chứ không phải trồng tận vùng trung du rồi phải chuyên chở xa, thiếu phương tiện, mà chở được

Digitized by Google

đến nơi thì đã dập nát đến một phần ba rồi.

Đã có ngành nông nghiệp trồng trọt ven biển thì ít nhiều cũng có ngành **lâm nghiệp ven biển**. Điều này nhiều khi chúng ta ít nghĩ tới, bởi vì từ lâu trong ý niệm của chúng ta, rừng bao giờ cũng đi với núi. Nhưng về nhiều phương diện, sản xuất và đời sống vùng biển đặc biệt là nghề trồng trọt không thể phát triển tốt được nếu thiếu nghề trồng rừng ven biển. Trong nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng đã có nêu phương hướng kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp ở ngay vùng bờ biển, chỉ ra yêu cầu phải phủ kín nhanh các đồi núi trọc và các bãi cát ven biển. Nếu chúng ta không chặn được bước tiến của các mũi cát đó, không tìm cách chắn gió thì các vị trí bàn dạp ven biển để tiến công ra ngoài biển cũng sẽ gặp khó khăn.

Biển là một địa bàn rất thuận lợi cho giao thông. Bởi vậy, ngay từ xa xưa, **nghề hàng hải** bao giờ cũng là thành phần đặc trưng của kinh tế miền biển. Nhiều dân tộc đã qua nghề hàng hải mà phát triển nhanh, tiến lên trình độ văn minh sớm hơn các dân tộc khác. Có hàng hải biển gần và hàng hải biển xa, hàng hải vượt đại dương. Đối với nước ta, trong giai đoạn hiện nay, hàng hải biển gần, hàng hải ven bờ quan trọng lắm. Các đồng chí đều biết một trong những nhân tố giúp cho Nhật-bản phát triển kinh tế và cạnh tranh được với các nước là do Nhật-bản là một hòn đảo. Cho nên Nhật-bản đã lợi dụng được giao thông ven biển, là lối giao thông rất tiện và rẻ tiền. Nước ta có bờ biển từ Nam chí Bắc, phải hết sức lợi dụng ưu thế này. Nước Việt-nam phải là một nước có ngành hàng hải phát triển mạnh, trước hết là hàng hải ven biển. Trong lịch sử, ông cha ta trước đây đã từng giỏi nghề đi biển. Thời Nguyễn-Huệ, các hạm đội và tàu thuyền vào Nam, ra Bắc, đi lại hết sức nhanh chóng. Vào lúc đó, ở Đông -- Nam Á, thậm chí ở châu Á, nghề hàng hải và thủy quân ta cũng đứng vào bậc nhất. Ngày nay, chúng ta phải nhanh chóng phát triển nghề này. Trước hết làm tốt ở vùng biển gần. Ít nhất ở các vùng ven biển, từ tỉnh này sang tỉnh kia, huyện này sang huyện kia, giao thông bằng thuyền bè, tàu thủy phải phát triển mạnh. Đồng thời ta cũng tiến lên vươn ra biển xa, vươn ra đại dương, góp phần của mình cùng với các nước nghiên cứu và khai thác đại dương.

Nghề hàng hải đòi hỏi một mạng lưới các cơ sở hạ tầng phát triển: các bến cảng, kho tàng, nơi trú đậu và sửa chữa, cung cấp nhiên liệu v.v... Như vậy cần phải có một ngành **xây dựng cơ bản của kinh tế miền biển**. Và người Việt-nam cũng phải tiến lên làm chủ khoa học và kỹ thuật xây dựng các công trình ven biển, xây dựng bến cảng, xây dựng các đê lăn biển, xây dựng các công trình sử

Digitized by Google

dụng năng lượng thủy triều v.v... Những trung tâm kinh tế, công nghiệp và thương mại phải mọc lên. Cảng Hải-phòng bây giờ mỗi năm năng lực thông qua khoảng vài triệu tấn, nhưng rồi đây phải mở rộng ra vài chục triệu tấn. Rồi cần có nhiều cảng nữa, ngoài Đà-nẵng, thành phố Hồ-Chí-Minh, v.v... Tất nhiên không thể ngay một lúc làm được tất cả, nhưng nếu không biết suy nghĩ như vậy thì không thể đẩy mạnh tốc độ công nghiệp hóa đất nước được.

Kinh tế miền biển không thể phát triển mạnh mẽ, nghề đánh cá và hàng hải không thể hiện đại hóa nhanh chóng nếu không được nền **đại công nghiệp cơ khí** trang bị cho những kỹ thuật mới. Nói một cách nghiêm túc hơn, việc chúng ta rồi đây có thể khai thác có hiệu quả hơn, tức là « thàm canh » vùng biển của chúng ta hoặc có thể vươn ra đến đại dương, trở thành một quốc gia có tư thế nhất định trên đại dương phụ thuộc một phần lớn vào khả năng của công nghiệp nặng của nước ta. Dĩ nhiên sẽ không có một nền công nghiệp biển biệt lập. Nhưng trong nền công nghiệp, cả công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm nhất định sẽ hình thành một bộ phận có quan hệ trực tiếp với kinh tế miền biển. Mối quan hệ này mật thiết đến mức có thể coi chúng là những thành phần bên trong của kinh tế miền biển. Ngay địa điểm đặt các xí nghiệp công nghiệp ấy cũng nên đặt ở ven biển. Chẳng hạn như công nghiệp chế biến và bảo quản hải sản thì rõ ràng là ngành gắn bó chặt chẽ với nghề đánh cá, là một khâu bên trong của quá trình làm ra và chế biến cá biển rồi. Đặc biệt quan trọng là công nghiệp cơ khí, công nghiệp đóng tàu, sản xuất và sửa chữa các phương tiện đi biển và làm nghề biển. Trước mắt, có việc sản xuất các phụ tùng cho mấy vạn chiếc tàu. Nếu ta làm được cái đó thì lập tức sẽ tăng năng lực sản xuất của kinh tế miền biển lên ngay.

Ngoài ra còn có **công nghiệp khai thác khoáng sản dầu khí, năng lượng ở biển.** Cái này có việc còn là xa xôi, bởi vì nói chung khai thác khoáng sản, trong nước biển, ở thềm lục địa khó hơn, đắt hơn trên đất liền, đòi hỏi một trình độ kỹ thuật cao hơn, đòi hỏi một số vốn lớn hơn. Chắc là hiện nay cái gì có thể khai thác ở trên đất liền được thì ta hãy làm trên đất liền đã. Tuy nhiên, việc khai thác dầu khí ngoài biển Việt-nam đã là chuyện trước mắt rồi. Vì vậy, trong hội nghị này có báo cáo về dầu khí biển, như vậy là tốt. Việc sử dụng năng lượng thủy triều ở bờ biển nước ta cũng phải được đặt ra nghiên cứu rồi. Độ chênh lệch thủy triều ở bờ biển nước ta chứa đựng một tiềm lực quan trọng về năng lượng là rất quý. Có thể có những kiểu máy điện thủy triều với các quy mô được không? Các đồng chí vật lý biển

Digitized by Google

của ta cần phải trả lời vấn đề này.

Nói đến kinh tế miền biển không thể không nói đến **đời sống nhân dân miền biển**. Phải nghiên cứu và giải quyết cái ăn, ở, mặc, đi lại và sức khỏe của nhân dân ta. Bữa ăn của người dân ở biển phải có cái khác trong đất liền. Phải làm sao nghiên cứu các vấn đề về đời sống ở ven biển thế nào cho tốt, ở đấy có cát, có gió biển. Ở ven biển thì đồng bào khỏe lắm, nhưng có nhiều nơi bị đau mắt hột. Mà ở biển thì gió biển tốt như vậy, ăn có nhiều chất đạm hơn cho nên tỷ lệ sinh đẻ cao lắm. Tôi có đi một nơi như ở Cô-tô, ở đó nhiều gia đình có độ 10 con. Thế thì vấn đề vệ sinh phòng bệnh, kế hoạch hóa sinh đẻ ở biển nên đặt ra như thế nào; việc mặc ở biển, qua các mùa, khi đi biển và lúc ở trên bờ nên như thế nào; rồi đi lại giao thông trên biển như thế nào. Tất cả những vấn đề đó đều không đơn giản chút nào, đều phải nghiên cứu.

Rồi đương nhiên, nghĩ đến biển chúng ta phải lo về **quốc phòng**. Hôm nay, ở hội nghị này, tôi không có ý nói nhiều với các đồng chí về vấn đề quốc phòng trên biển. Tôi chỉ muốn nói rằng tất cả những điều nói trên là xây dựng kinh tế miền biển cũng chính là cơ sở để xây dựng quốc phòng miền biển. Nếu chúng ta có một nền kinh tế miền biển, một nền khoa học và kỹ thuật để khai thác vùng biển thì chúng ta cũng có vấn đề quốc phòng ở vùng biển. Dĩ nhiên phải có một lực lượng vũ trang mạnh mẽ trên biển để bảo vệ đất nước ta. Một nước như nước ta, để bảo vệ vững chắc đất nước mình tuy chủ yếu phải có lục quân mạnh, nhưng nhất thiết cũng phải có Hải quân mạnh. Kẻ địch từ xưa vẫn thường xâm lược nước ta từ hướng biển; ngày nay, chúng vẫn đang từ hướng biển mà phá hoại ta. Sau này, nếu chiến tranh xâm lược xảy ra, hướng tiến công từ biển của chúng vẫn là hướng mà ta phải hết sức đề phòng. Với việc Chính phủ ta gần đây tuyên bố vùng lãnh hải đặc quyền kinh tế 200 hải lý, nhiệm vụ Hải quân bảo vệ chủ quyền của nước ta trên biển một cách có hiệu lực đã trở nên cấp bách rồi. Nhưng do sự hạn chế về mặt cơ sở trang bị vật chất kỹ thuật, Hải quân chúng ta hiện nay chủ yếu còn là một Hải quân ven biển. Cho nên, trong khi ra sức xây dựng từng bước một Hải quân mạnh, ta phải có cách tăng cường làm chủ trên biển, bảo vệ vững chắc vùng biển của nước ta. Một trong những cách thực tế và có hiệu quả nhất là kết hợp kinh tế với quốc phòng trên mặt biển. Thí dụ các hạm đội quân sự đồng thời làm đội đánh cá; ngược lại các đội tàu vận tải và đánh cá của ta ít nhiều đều làm nhiệm vụ quân sự; các lực lượng vũ trang trên biển đó không phải là không đáng gờm đối với những kẻ xâm phạm trái phép vùng lãnh hải của ta.

Digitized by Google

Trong hội nghị này, tôi nhắc lại là khoa học phải phục vụ đời sống, phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Do lịch sử nước ta luôn luôn chịu sự tác động của qui luật xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước và do vị trí bán đảo, do vai trò của biển trong đời sống mọi mặt của nước ta mà chúng ta phải ra sức xây dựng một nền kinh tế biển mạnh cũng như một lực lượng quân sự trên biển mạnh. Cũng do đó, nên khoa học và kỹ thuật về biển ở nước ta có một ý nghĩa hết sức quan trọng. **Tất cả các yếu tố đó, cả lực lượng kinh tế, lực lượng quân sự, lực lượng khoa học và kỹ thuật v.v... sẽ tạo thành sức mạnh trên biển của nhân dân ta, của đất nước ta.** Cho nên nhiệm vụ của các đồng chí rất nặng nề; bởi vì bước vào kỷ nguyên mới, sau bao thế kỷ đấu tranh, quyền làm chủ Biển Đông của nhân dân ta mới được đặt ra toàn diện và sâu sắc như ngày nay.

Nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa rồi đây phải là một nước giàu và mạnh cả trên đất liền và cả trên biển nữa. Chúng ta xây dựng sức mạnh trên biển của nước ta vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì cuộc sống hạnh phúc của nhân dân ta. Trong lĩnh vực này, con đường tiến lên cũng phải phù hợp với những điều kiện, đặc điểm của một nước từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chính trên cơ sở này mới có thể xây dựng kinh tế miền biển một cách nhanh chóng, mạnh mẽ và vững chắc. Đó cũng là con đường phát triển của nền khoa học và kỹ thuật về biển của nước ta.

ĐOÀN KẾT LỰC LƯỢNG KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VỀ BIỂN, RA SỨC PHẤN ĐẤU PHỤC VỤ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Bây giờ, tôi nói đến ý kiến thứ ba.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả đất nước ta, cũng như ở miền biển là một quá trình tổng hợp của ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Khoa học và kỹ thuật về biển cũng phải hoạt động theo những đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ chung của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta. Khoa học và kỹ thuật về biển phải gắn liền với quá trình phát triển kinh tế miền

Digitized by Google

biển nước ta, đi từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Khoa học và kỹ thuật về biển phải kết hợp những công trình khoa học đòi hỏi những phương tiện rất hiện đại mà ta đang có và có thể có thêm với những công trình khoa học đòi hỏi phương tiện đơn giản hơn. Chú trọng đến những kinh nghiệm tổng kết của những người tiền tiến trong nhân dân lao động. Thí dụ như có những anh hùng trồng phi lao, trồng dừa ở đất mặn thì nhà khoa học phải nghiên cứu kinh nghiệm của họ. Hoặc ở chỗ này nuôi trai rất tốt, có chỗ khác có kinh nghiệm nuôi tôm. Trong đồng bào ta có nhiều kinh nghiệm như vậy. Thế thì phải kết hợp với tất cả cái đó mới có thể làm được.

Cách mạng khoa học – kỹ thuật vận dụng vào kinh tế nhất thiết phải kết hợp những tiến bộ khoa học và kỹ thuật với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, tổ chức lại sản xuất và với cả cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa trong nhận thức và tư tưởng của con người, con người say sưa chinh phục biển cả và nắm quy luật của biển cả, làm chủ biển cả.

Khoa học về biển mà tôi nói đây là khoa học về biển theo nghĩa rộng, bao gồm cả những ngành khoa học – kỹ thuật mà đối tượng nghiên cứu là biển. Chúng ta cần xuất phát từ những mục tiêu kinh tế mà đặt vấn đề phát triển khoa học và kỹ thuật, xuất phát từ những mục tiêu kinh tế trước mắt và mục tiêu kinh tế lâu dài, chú trọng đến những xu hướng phát triển của khoa học ở trên thế giới mà đề ra phương hướng của khoa học và kỹ thuật về biển. Cần phải có phương hướng lâu dài, chứ không phải chỉ có nhiệm vụ trước mắt, phục vụ trước mắt. Phải xây dựng nghiên cứu cơ bản lâu dài nữa, nhưng phải chú trọng nghiên cứu trước mắt và ứng dụng được ngay, phục vụ đắc lực kế hoạch 5 năm lần thứ hai này.

Đứng về mặt nào mà nói, thì khoa học về biển là khoa học ứng dụng các phương pháp và kết quả của sinh học, vật lý, hóa học, địa chất, toán học vào việc nghiên cứu biển. Nảy sinh ra những ngành sinh học biển, vật lý biển, hóa học biển, địa chất biển v.v... Còn đứng về những ngành khoa học – kỹ thuật về biển mà nói thì có rất nhiều ngành khoa học – kỹ thuật, khoa học – kỹ thuật trong nghề cá, đánh bắt cá, nuôi cá và chế biến cá, khoa học – kỹ thuật trong khai thác các nguồn thực vật, trồng trọt và chế biến các nguồn thực vật đó. Trong nghiên cứu địa chất cần phải chú ý đến kiến tạo, đến thành phần, cấu trúc và bản chất các quá trình và hiện tượng địa chất ở biển để đi đến kết luận ở đâu có thể làm cái gì. Tôi nói thí dụ như cát có bao nhiêu loại. Cát ở Cam-ranh khác, ở Ba-đồn khác, ở vịnh Hạ-long khác. Trong

Digitized by Google

cát có nhiều chất đất hiếm. Ta phải nghiên cứu tất cả những cái đó. Những luồng gió cát ta làm thế nào để chặn lại. Thế rồi trên cát trồng cái gì. Rồi đến khoa học — kỹ thuật hàng hải, khoa học — kỹ thuật xây dựng cảng, đóng tàu. Rồi một ngành rất lớn, ngành mũi nhọn là khoa học — kỹ thuật khai thác dầu mỏ và khí đốt ở biển. Vấn đề này đã là vấn đề cấp bách rồi.

Kinh tế miền biển nhất định có liên quan đến tất cả những khoa học về động vật, thực vật ở trái đất và nói chung là với toàn bộ các khoa học về trái đất. Cho nên hôm nay hội nghị có mời các đồng chí ở các ngành không trực tiếp nghiên cứu biển đến dự là đúng. Một người Việt-nam, dù là sống trong đất liền, mà không biết là nước mình có biển, nhà khoa học mà không chú ý đến khoa học về biển thì không thể được. Ngược lại nghiên cứu biển ta cũng nhớ rằng ta ở trên đất liền và phải dựa vào đất liền mà nghiên cứu. Đội ngũ khoa học về biển có ngành sinh học tương đối đông, cả ngành sinh học cơ bản và sinh học ứng dụng. Sự phát triển của sinh học như thế là tốt. Bởi vì sinh học cho phép đưa ngay khoa học vào sản xuất mặc dù những phương tiện kỹ thuật còn rất nhiều hạn chế. Chẳng hạn nếu nghiên cứu ra những thực vật hay động vật có giá trị kinh tế cao và tìm ra những phương pháp chăn nuôi và trồng trọt tốt thì với một kỹ thuật còn chưa phải là cơ giới hóa, tự động hóa, điện tử hóa, chúng ta vẫn có thể tạo ra một năng suất lao động mới được. Khoa học đi vào sản xuất một mặt thông qua việc đổi mới các công cụ lao động, cơ giới hóa, tự động hóa, đó là một hướng rất quan trọng. Tuy nhiên đó không phải là hướng duy nhất. Còn một hướng nữa, hướng tác động vào đối tượng lao động, tác động vào đất đai, môi trường, tác động vào những cơ thể sống. Chẳng hạn, sinh học nghiên cứu giống cá, giống tôm, giống đặc sản, tìm ra cách nuôi thế nào; cái đó là trực tiếp đi vào sản xuất. Trong nông nghiệp của ta sinh học rất quan trọng; trong nghề biển, sinh học cũng rất là quan trọng.

Hiện nay và trong tương lai không xa, chúng ta là một nước xã hội chủ nghĩa lớn, hiện nay có 50 triệu dân, rồi đây có thể tăng lên tới 6, 7 chục triệu. Ta phải lo tính trước đi. Chúng ta phải phát triển kinh tế ở đồng bằng, nhưng còn phải phát triển lên miền núi, phát triển ở miền biển. Nước ta là một nước lớn như vậy mà có biển thì phải đẩy mạnh khoa học nghiên cứu về biển, đẩy mạnh mọi ngành kỹ thuật về biển và xa hơn nữa còn phải chú trọng đến nghiên cứu đại dương cùng các nước khác trên thế giới. Chúng ta cũng **có trách nhiệm và quyền lợi nghiên cứu và khai thác đại dương** chứ đại dương không phải là độc quyền của một nước nào. Đương

Digitized by Google

nhiên, chúng ta **phải dựa chắc vào ven biển, trước hết chú ý đến biển gần, rồi đến biển xa của ta, chú ý đến thềm lục địa của ta.** Nhưng rồi phải vươn ra đại dương. Ngay bây giờ, ta cũng phải nghĩ đến con đường phát triển lâu dài của kinh tế và khoa học về biển ở nước ta.

Tôi đã nói một số ý kiến về cách mạng khoa học – kỹ thuật trong việc phục vụ kinh tế miền biển. Tôi đồng ý với nguyện vọng của các đồng chí là **tập hợp lực lượng lại, xây dựng những trung tâm nghiên cứu về biển** cho cả nước, tổ chức hệ thống nghiên cứu về biển có phân công có phối hợp. Chẳng hạn giữa Viện nghiên cứu biển và Viện hải sản phân công phối hợp với nhau như thế nào. Nhất thiết phải phối hợp. Cho nên, hôm nọ, khi tôi mới đi công tác mấy tháng ở ngoài nước về thì được tin mở hội nghị này, tôi có nói với các đồng chí ở Bộ hải sản, là nên làm sao cùng tổ chức hội nghị này. Các anh ấy rất đồng ý và đã chọn những báo cáo tốt tại hội nghị này. Không những phải tổ chức những Viện ở trung ương mà còn phải tổ chức cả một mạng lưới nghiên cứu cho đến địa phương, đến cơ sở. Tôi nghĩ rằng các tỉnh nên có cơ sở nghiên cứu; các huyện cũng có tổ chức khoa học – kỹ thuật ở đó. Tôi đi các nước, thấy trong các hợp tác xã lớn, các nông trường đều có cơ sở nghiên cứu khoa học và kỹ thuật. Bây giờ có nơi đã hình thành những liên hiệp khoa học sản xuất. Các đồng chí chắc cũng đã có nghe nói. Cho nên, ta phải làm ngay từ bây giờ, đưa khoa học – kỹ thuật đến tận cơ sở, làm sao để kết hợp khoa học hiện đại nhất với việc tổng kết những kinh nghiệm, với khả năng sáng tạo của nhân dân lao động. Các đồng chí cũng biết rằng tất cả các sáng kiến phát minh không phải chỉ do các nhà bác học tìm ra mà thôi. Tôi không kể nhiều về vấn đề này.

Tôi chỉ nói một thí dụ. Như việc đánh cá của Hải quân, phải tìm ở đâu mới có bãi cá. Bản đồ về biển của ta hiện chưa chỉ rõ những bãi cá ở đâu. Thế thì chỉ có những người đánh cá rất lâu năm biết thôi. Nếu Hải quân có những người đánh cá lâu năm giúp đỡ thì có thể sản lượng tăng lên gấp đôi, gấp ba ngay. Chứ còn biển mênh mông thế này mà la cà đi tìm, đi soi thì biết đâu có cá. Mà đợi Viện khoa học biển của ta ở Nha-trang làm bản đồ để biết ở đâu và lúc nào có cá thì chắc còn lâu lắm.

Tôi đồng ý **tăng cường trang bị và thiết bị**, nhưng tôi nghĩ rằng để có những trang bị và thiết bị ta có hai cách làm. Một cách là đi thẳng vào cái hiện đại nhất, làm ở trung ương, trong đó có những cái không phải ở trong nước có thể làm được. Một cách nữa là phát động một cách rộng rãi phong trào đi sâu vào khoa học – kỹ thuật ở cơ sở để cải tiến

Digitized by Google

và đổi mới trang bị. Kết hợp cả hai cách đó mới có thể làm được. Nếu như bây giờ cứ đợi đủ vốn liếng, mà có vốn đi nữa muốn mua một cái tàu nghiên cứu cho đầy đủ thì phải đi thương lượng, phải ký kết, v.v... thì hết năm này qua năm kia rồi. Tất cả cái đó không phải chỉ chuyện mình có tiền hay không có tiền đâu, không phải tùy mình đâu.

Cần phải hết sức coi trọng việc **đào tạo cán bộ**. Trước khi đi vào đào tạo cán bộ thì kiểm kê lại đội ngũ cán bộ mà sử dụng cho đúng. Tôi không tán thành việc sử dụng bất hợp lý các cán bộ nghiên cứu của chúng ta ; nhưng bây giờ điều động cũng không phải dễ đâu, bởi vì còn chuyện cục bộ bản vị. Tôi nghĩ muốn giải quyết vấn đề này thì phải kiên quyết. Một đồng chí có trình độ trên đại học giỏi về nghiên cứu biển thì để đồng chí đó nghiên cứu, chứ đồng chí đó làm quản lý thì chưa chắc đã tốt. Nhiều nơi cứ tưởng như là phó tiến sĩ mà đi làm quản lý thì quản lý sẽ cao hơn. Không phải như vậy. Cần phải kiểm kê lại tất cả cán bộ. Tôi sẽ đề nghị Hội đồng Chính phủ ra một quyết định riêng về vấn đề này.

Cần có một chương trình đào tạo cán bộ một cách có hệ thống. Đào tạo cán bộ trên đại học tiến hành ở ngoài nước và cả ở trong nước. Đào tạo những cán bộ đại học và trung cấp. Trong các trường đại học, trong các trường trung cấp của ta. Các cán bộ đó sẽ phục vụ ở các cơ sở sản xuất, ở các Viện nghiên cứu về biển và ở các trường có nội dung giảng dạy về biển. Tôi rất mừng thấy có những cán bộ giảng dạy nhưng đã đi sâu nghiên cứu về biển. Rất mong các đồng chí tiếp tục nghiên cứu. Ngoài ra, sau khi giải phóng miền Nam chúng ta có thêm những cán bộ khoa học và kỹ thuật về biển đã làm việc dưới chế độ cũ. Cần phải hết sức trọng dụng những cán bộ đó, làm sao cho anh chị em phát huy tài năng và trí tuệ để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Về chương trình hành động cụ thể thì tôi nghĩ rằng cần có **một kế hoạch đề tài cấp Nhà nước** để phối hợp các lực lượng khoa học-kỹ thuật về biển vào những mục tiêu cấp bách. Hiện nay có một đề tài quan trọng là điều tra vùng biển Thuận-hải và Minh-hải. Sau hội nghị này, các đồng chí triển khai thảo luận đề tài đó là rất đúng. Nhưng rồi đây, với sự chỉ đạo của Ủy ban khoa học và kỹ thuật, cần làm chương trình nghiên cứu toàn diện hơn về những tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong những năm tới trong những ngành kinh tế biển, đối với toàn bộ Biển Đông và thềm lục địa của ta.

★

Hôm nay, tôi đến thăm hội nghị của các đồng chí, hoan

Digitized by Google

nghênh sự tập hợp lực lượng tại hội nghị này. Tôi muốn phát biểu một số ý kiến về tầm quan trọng của biển, sự ưu đãi mà thiên nhiên dành cho nước ta, về nền kinh tế miền biển, một bộ phận hữu cơ hết sức quan trọng trong nền kinh tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Đó cũng là cơ sở để đặt phương hướng nghiên cứu của các ngành khoa học – kỹ thuật về biển. Tôi muốn nhắc các đồng chí là cách mạng khoa học – kỹ thuật là công việc của cán bộ khoa học, kỹ thuật đồng thời của quần chúng nhân dân cho nên phải phát động một phong trào quần chúng đi vào khoa học và kỹ thuật một cách mạnh mẽ.

Đây là một công việc mới mẻ, bởi vì chúng ta mới đi những bước đầu trong khoa học về biển. Cho nên nếu như khi xác định những trọng điểm nghiên cứu, chúng ta chỉ làm những trọng điểm đó thôi thì khó phát hiện những khả năng mới. Trong lúc nắm những trọng điểm thì vẫn để một số đồng chí khác có một phạm vi nghiên cứu những đề tài về biển rộng rãi hơn. Trước mắt, nó có vẻ như là xa xôi, chưa thiết thực, nhưng cũng cần phải nghiên cứu. Không nên quá bó hẹp. Như vậy có một phạm vi nghiên cứu rộng rãi, đồng thời phải biết hướng vào những mũi nhọn quan trọng. Trước hết là sinh học biển và kỹ thuật đánh cá, kỹ thuật hàng hải phục vụ nghề cá và nghề đi biển. Khoa học và kỹ thuật phục vụ việc khai thác dầu khí ở biển cũng rất quan trọng và cấp bách.

Với tinh thần như vậy, tôi chúc hội nghị các đồng chí thành công tốt đẹp.

Digitized by Google

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TA KIÊN QUYẾT THỰC HIỆN THẮNG LỢI MỌI NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

VĂN - TIẾN - DŨNG

DÂN tộc ta đang sống những ngày sôi nổi đầy khí thế cách mạng, nhằm thực hiện thắng lợi đường lối mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra trong giai đoạn mới, **«giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất và làm nhiệm vụ chiến lược duy nhất là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội»** (1). Nhân dân ta đang phát huy những thế mạnh và khai thác mọi tiềm năng của đất nước đã thống nhất, nêu cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần lao động cần cù, trí thông minh, óc sáng tạo, truyền thống dũng cảm, kiên cường của dân tộc để xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Trong khi quyết định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, Đại hội đã chỉ rõ: **«Đi đôi với xây dựng đất nước về mọi mặt, phải ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho đất nước sẵn sàng đánh bại mọi cuộc tiến công của bọn xâm lược»**(2).

(1) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 16.

(2) Sách đã dẫn, trang 25.

Digitized by Google

Đại hội cũng đã xác định: « **Trong giai đoạn mới, các lực lượng vũ trang có hai nhiệm vụ luôn luôn sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và tích cực làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế** »(3).

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV đã chỉ rõ: « Đảng đánh giá rất cao chiến công của quân đội trong cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại vừa qua. Đảng tin chắc rằng quân đội mãi mãi xứng đáng là một đội quân đáng tin cậy trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, đồng thời là một đội quân xây dựng tài giỏi, một trường học lớn rèn luyện con người mới đối với các thế hệ thanh niên » (4)

★

Là công cụ bạo lực sắc bén của Đảng, do Đảng và Bác Hồ kính yêu tổ chức, lãnh đạo và giáo dục, các lực lượng vũ trang nhân dân ta luôn luôn lấy đường lối, nhiệm vụ cách mạng của Đảng làm mục tiêu chiến đấu của mình. Trong giai đoạn hiện nay, quân đội ta đồng thời làm hai nhiệm vụ nói trên chính là để thực hiện đường lối, nhiệm vụ cách mạng mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã vạch ra, vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Hai nhiệm vụ chính trị lớn mà Đảng giao cho lực lượng vũ trang nhân dân ta là xuất phát từ yêu cầu khách quan của tình hình nước ta hiện nay, phản ánh quan điểm đúng đắn của Đảng ta trong việc vận dụng quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước, quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới của nước ta. Phải bảo vệ vững chắc Tổ quốc để xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước giàu mạnh mới có cơ sở để củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta đẩy mạnh việc xây dựng quân đội nhân dân chính quy hiện đại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân hiện đại trong tình hình cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta còn nhỏ yếu. Đi đôi với nhiệm vụ thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc, quân đội ta phải tích cực xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội làm cho đất nước mau giàu mạnh, tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật ngày càng hiện đại cho việc củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội. Đương nhiên, muốn có quân đội mạnh, có nền quốc phòng mạnh, ta còn phải làm nhiều việc, coi trọng việc xây dựng và phát huy mọi nhân tố hợp thành sức mạnh của quân đội.

(3) Sách đã dẫn, trang 65— 66.

(4) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 143.

Digitized by Google

là tổ chức vũ trang cách mạng có kỷ luật nghiêm minh, có tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, có khả năng làm chủ khoa học — kỹ thuật hiện đại, có cơ sở vật chất — kỹ thuật nhất định, quân đội ta là một lực lượng chiến đấu mạnh để bảo vệ Tổ quốc và là một lực lượng lao động lớn có khả năng làm giàu cho đất nước.

Bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất, là chức năng cơ bản của quân đội nhân dân.

Lực lượng vũ trang ta cùng với toàn dân bảo vệ vững chắc độc lập tự do của Tổ quốc, chủ quyền của dân tộc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, thềm lục địa, biên giới, hải đảo; bảo vệ vững chắc Nhà nước chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo vệ sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, công cuộc lao động hòa bình xây dựng kinh tế, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc của nhân dân ta, giữ vững hòa bình lâu dài của Tổ quốc. Chúng ta sẵn sàng dập tan mọi âm mưu và hành động của bọn đế quốc và các thế lực phản động xâm phạm chủ quyền và lãnh thổ của ta, chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Đồng thời chúng ta sẵn sàng đánh bại chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc và tay sai nếu chúng gây ra đối với nước ta trên bất cứ quy mô nào, dưới bất cứ hình thức nào, bằng bất cứ loại vũ khí nào, trong bất cứ tình huống nào.

«Sau hàng năm chiến đấu bền bỉ đầy hy sinh, gian khổ, nhân dân ta chỉ có một nguyện vọng tha thiết là được sống trong hòa bình để xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước, và góp phần tích cực bảo vệ hòa bình ở Đông — Nam châu Á và trên thế giới. Nhân dân và quân đội ta kiên quyết không cho phép bọn đế quốc và bất cứ thế lực phản động nào xâm phạm đến chủ quyền của dân tộc, đến độc lập tự do của Tổ quốc.

Để làm tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, chúng ta cần **thấy hết những âm mưu đen tối trước mắt cũng như lâu dài của bọn đế quốc và các thế lực phản động trong và ngoài nước,** không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, trình độ sẵn sàng chiến đấu của bộ đội, có kế hoạch chuẩn bị chu đáo, cụ thể, toàn diện.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động không cam chịu khoanh tay trước sự phát triển của cách mạng Việt-nam. Chúng chưa từ bỏ những ý đồ xấu xa và những hành động gây tội ác đối với nước ta và nhân dân các nước Đông-dương. Chúng ra sức tìm mọi cách gây rối, phá hoại công cuộc xây dựng kinh tế hòng làm chậm bước tiến của nhân dân ta trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sau khi thất bại thảm hại ở Việt-nam, rõ ràng đế quốc Mỹ không thể làm mưa làm gió được nữa. Song, còn chủ nghĩa đế quốc thì còn có nguồn gốc của chiến tranh xâm lược. Bọn đế quốc vẫn tiếp tục chạy đua vũ trang, gây ra các cuộc xung đột vũ trang cục bộ, tăng cường chuẩn bị

Digitized by Google

chiến tranh, chia rẽ các lực lượng cách mạng, mưu toan chống lại phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc trên thế giới. Nếu một khi bọn đế quốc gây ra chiến tranh xâm lược đối với nước ta thì cuộc chiến tranh đó sẽ có quy mô lớn hơn, tính chất ác liệt hơn những cuộc chiến tranh trước; kẻ địch có thể sử dụng những phương tiện chiến tranh hiện đại nhất. Chúng ta cần chuẩn bị về mọi mặt cho đất nước, đặc biệt là về mặt xây dựng lực lượng vũ trang để chiến thắng quân thù. Phấn đấu nắm lấy những thành tựu và vươn lên đón trước những sự phát triển mới nhất của khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại, để chủ động bảo vệ đất nước trong mọi tình huống.

Chúng ta cần **nhận rõ vị trí của nước Việt-nam và sự phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta** để thấy hết những nội dung mới, những yêu cầu cao, những khả năng to lớn trong sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang, bảo vệ Tổ quốc.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là một tiền đồn bất khả xâm phạm của hệ thống xã hội chủ nghĩa, là nhân tố quan trọng của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ở Đông — Nam châu Á và trên thế giới. Nước ta có vùng đất dài và hẹp, nằm ở bờ biển Thái-bình-dương, trên một địa bàn cửa ngõ ở châu Á, có hàng nghìn hải đảo, có thềm lục địa rộng, có vùng biển gắn liền với các đường hàng hải quốc tế, có bầu trời bao la quan hệ về hàng không với nhiều nước. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đang làm biến đổi sâu sắc đất nước ta. Nhiều vùng kinh tế mới, nhiều cơ sở công nghiệp, nhiều khu công — nông nghiệp, nông — công nghiệp... đang thành hình và sẽ phát triển. Các cơ sở đó lại nằm ở những địa bàn chiến lược khác nhau: đồng bằng, rừng núi, biển cả, hải đảo, ngay trên biên giới, sâu trong nội địa...

Như vậy, vị trí của nước ta, sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta đòi hỏi công cuộc bảo vệ Tổ quốc phải được không ngừng phát triển một cách toàn diện. Mặt khác, những thành quả về mọi mặt của sự nghiệp xây dựng đất nước lại tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến các nhân tố tạo thành sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân, của nền quốc phòng toàn dân. Chúng ta nhất định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cũng nhất định đem hết sức lực và mọi khả năng để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu.

Chúng ta phải quán triệt đường lối của Đảng, **nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, ra sức xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa** để tạo nên một động lực to lớn, một sức mạnh vĩ đại trong sự nghiệp bảo vệ đất nước.

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, bất cứ lĩnh vực nào muốn có được những chuyển biến cách mạng vĩ đại, đều phải phát huy được quyền làm chủ tập thể của quần chúng, phải xây dựng được một cơ chế đúng đắn và ngày càng hoàn thiện phần

Digitized by Google

ánh quyền làm chủ tập thể đó. Lĩnh vực quân sự, lĩnh vực quốc phòng, một lĩnh vực liên quan trực tiếp đến vận mệnh của dân tộc, đến sự phát triển của cách mạng, tiêu biểu cho sức mạnh tổng hợp về mọi mặt của đất nước, càng phải quán triệt yêu cầu nói trên.

Nhân dân lao động không chỉ làm chủ trong sự nghiệp xây dựng đất nước, mà còn làm chủ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng khẳng định: «Làm chủ tập thể về chính trị đòi hỏi phải bảo vệ vững chắc chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đi đôi với xây dựng chủ nghĩa xã hội». Mỗi công dân, mỗi cán bộ, mỗi chiến sĩ lực lượng vũ trang đều có quyền lợi và nghĩa vụ làm chủ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, nêu cao tinh tích cực, chủ động, sáng tạo, ý thức cảnh giác, phát huy sức mạnh của các tổ chức, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước chuyên chính vô sản để bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta cần **quán triệt quan điểm quốc phòng toàn dân, quan điểm chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.**

Bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Đối với toàn bộ đất nước mà nói, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc là phải có nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Nền quốc phòng của ta ngày nay là nền quốc phòng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, độc lập, tự chủ, là nền quốc phòng toàn dân, toàn diện và hiện đại, gắn liền với sức mạnh ngày càng phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa hùng cường, với sức mạnh tiến công của cả ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Nền quốc phòng đó gồm có tiềm lực chính trị, tinh thần, tiềm lực kinh tế, khoa học — kỹ thuật và tiềm lực quân sự, có thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu trong thời bình và có kế hoạch nhanh chóng chuyển toàn bộ đất nước từ thời bình sang thời chiến nếu chiến tranh xảy ra. Đối với các lực lượng vũ trang mà nói, sẵn sàng chiến đấu là phải không ngừng nâng cao chất lượng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các đơn vị và cơ quan, của các quân chủng và binh chủng; là có kế hoạch và phương án tác chiến cụ thể, chu đáo, xây dựng thế trận, chuẩn bị chiến trường, chuẩn bị hậu cần... để có thể đập tan ngay, không chút chậm trễ mọi hành động xâm lược lớn hay nhỏ, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào.

Sức mạnh quốc phòng của ta thể hiện toàn bộ sức mạnh của đất nước và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nó là kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng ở nước ta, cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học—kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Nó là sản phẩm tổng hợp của quá trình xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa và con người mới xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh ấy nằm trong toàn bộ hệ thống của nền chuyên

Digitized by Google

chính vô sản, dựa vào lực lượng của toàn dân mà nòng cốt là khối liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân.

Quân đội nhân dân có trách nhiệm nặng nề và vẻ vang là luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, kịp thời đập tan mọi sự phản kháng của các lực lượng thù địch, bảo vệ chế độ, bảo vệ Tổ quốc. Đó là lực lượng tiêu biểu của sức mạnh quốc phòng, là lực lượng nòng cốt cho toàn dân đánh giặc giữ nước. Sức mạnh của quân đội nhân dân phải dựa chắc vào sức mạnh của nền quốc phòng, vào toàn bộ thế trận rộng khắp, vững chắc của chiến tranh nhân dân đã được chủ động triển khai. Lực lượng vũ trang nhân dân chỉ có thể nâng cao được trình độ sẵn sàng chiến đấu và phát huy hiệu lực chiến đấu cao nhất trên những nền tảng đó. Mặt khác lực lượng của toàn dân giữ nước nhất thiết phải có nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân, với chất lượng ngày càng cao, thì mới phát huy được cao độ sức mạnh của mình.

Xây dựng kinh tế là nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng, một nhiệm vụ thuộc về bản chất của quân đội nhân dân, của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Quân đội ta phải tích cực góp phần vào sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cùng toàn dân hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, nâng cao không ngừng đời sống của nhân dân. Đồng thời kết hợp với các ngành kinh tế của Nhà nước, cố gắng đáp ứng những nhu cầu cơ bản về cơ sở vật chất – kỹ thuật cho nền quốc phòng nói chung và cho quân đội nói riêng.

Quân đội ta cùng toàn dân tập trung cao độ vào mặt trận sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ khai hoang, kiến thiết đồng ruộng, xây dựng vùng kinh tế mới, thực hiện bằng được những chỉ tiêu về sản xuất lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, khai thác gỗ, trồng rừng, khai thác hải sản... Cần huy động một bộ phận tương đối lớn tích cực tham gia vào mặt trận xây dựng cơ bản, xây dựng những nhà máy, công trình thủy lợi, thủy điện, những nông trường, lâm trường, những thành phố, thị xã, thị trấn, những trường học, bệnh viện... nhất là ở những vùng kinh tế mới, những khu vực chiến lược quan trọng, xung yếu có ý nghĩa lớn về kinh tế và quốc phòng. Cần sử dụng một lực lượng lao động thích hợp, tích cực tham gia vào mặt trận giao thông vận tải, xây dựng mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường ống, đường thủy, củng cố, mở rộng, xây dựng thêm hệ thống các sân bay, bến cảng... đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng. Cần tiếp tục xây dựng những cơ sở công nghiệp quốc phòng để đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, của quân đội trong việc hoàn thành hai nhiệm vụ, đồng thời cùng với các xí nghiệp công nghiệp nhẹ của Nhà nước sản xuất một số mặt hàng tiêu dùng.

Về lâu dài, quân đội ta sẽ dần dần tập trung vào làm những ngành hợp

Digitized by Google

với sở trường của tổ chức quân đội, nhất là những ngành mũi nhọn, then chốt, những ngành gắn liền nhiều nhất với quốc phòng.

Chúng ta cần hiểu rằng quân đội xây dựng kinh tế không phải là để tự túc về kinh tế, cũng không phải là để xây dựng kinh tế riêng cho quân đội, mà là phát huy vai trò xung kích, sức mạnh về tổ chức và kỷ luật của quân đội để xây dựng nền kinh tế của cả nước, đặc biệt là những công trình quan trọng nhất, khó khăn nhất.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng kinh tế, chúng ta **phải quán triệt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta** mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra.

Quân đội ta làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế là góp phần đẩy nhanh quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, tăng cường trận địa của chủ nghĩa xã hội; ra sức xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; tích cực góp phần phân bố lại lao động trong cả nước và phân công lao động trong các ngành kinh tế quốc dân; chú trọng cả công nghiệp và nông nghiệp để xây dựng cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp; coi trọng cả kinh tế trung ương và kinh tế địa phương; kết hợp kinh tế với quốc phòng... Kế hoạch xây dựng kinh tế của quân đội là một bộ phận trong kế hoạch xây dựng nền kinh tế của cả nước. Quân đội ta phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi quy định, thể lệ, chính sách của Nhà nước, hoàn thành kế hoạch Nhà nước giao cho

Chúng ta cần **thấu suốt tầm quan trọng của việc quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế và mối quan hệ giữa nhiệm vụ xây dựng kinh tế với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ xây dựng quân đội.**

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã chỉ rõ: «Trong hoàn cảnh một nước nghèo lại vừa ra khỏi một cuộc chiến tranh ác liệt, kéo dài, thì các lực lượng vũ trang, ngoài nghĩa vụ luôn luôn sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, còn phải tích cực làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Chỉ có trên cơ sở đẩy mạnh công cuộc xây dựng kinh tế, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, chúng ta mới phát triển được công nghiệp quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang thật sự chính quy và hiện đại, triển khai việc phòng thủ đất nước một cách toàn diện» (5).

Trong quá trình xây dựng kinh tế, cán bộ, chiến sĩ ta được bồi dưỡng, rèn luyện những phẩm chất tốt đẹp của người lao động như: tinh thần khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ, tư tưởng làm chủ tập thể,

(5) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 143.

Digitized by Google

tình cảm gắn bó với quần chúng, với sản xuất và đời sống của nhân dân... Cán bộ, chiến sĩ ta còn được bồi dưỡng những kiến thức về kinh tế, về văn hóa và khoa học – kỹ thuật, được rèn luyện kỹ năng trong sản xuất. Đó cũng chính là những phẩm chất và năng lực cần thiết để làm tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta cần **nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, kiên quyết khắc phục mọi khó khăn, giải quyết thắng lợi những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn** để hoàn thành bằng được nhiệm vụ, kế hoạch, chỉ tiêu kinh tế mà Đảng và Nhà nước đã giao cho. Chúng ta kiên quyết làm, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, vừa học, vừa làm, không do dự, chần chừ, không ngại khó, ngại khổ, không ỷ lại, chờ đợi. Trên cơ sở nắm vững quy luật kinh tế, chúng ta phát huy thế mạnh của tổ chức quân sự, từng bước giải quyết vấn đề tổ chức lực lượng một cách thích hợp, cả với lực lượng chuyên làm kinh tế cũng như với lực lượng sẵn sàng chiến đấu; giải quyết vấn đề công cụ sản xuất và cơ sở vật chất – kỹ thuật, chú ý kết hợp cả công cụ thủ công, nửa hiện đại và hiện đại. Cần chú trọng nâng cao trí thức làm kinh tế cho cán bộ và chiến sĩ, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật, giải quyết tốt vấn đề quản lý kinh tế, quản lý kỷ luật, bảo đảm sản xuất có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất lao động ngày càng cao, có hiệu quả kinh tế ngày càng lớn, không lãng phí thời gian, sức lực của bộ đội, tiền của của nhân dân. Mọi thành quả lao động cần được quản lý chặt chẽ, được sử dụng đúng nguyên tắc, chính sách; chống tham ô, cục bộ, địa phương chủ nghĩa. Phải chăm lo đời sống tinh thần và vật chất của bộ đội. Phải học tập và tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành kinh tế quốc dân, khiêm tốn, đoàn kết với các cơ quan khác của Nhà nước, với các địa phương trên tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa.

Qua thực tiễn làm tốt hai nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng kinh tế, quân đội ta sẽ là một **trường học lớn** đào tạo nên những **con người mới** xã hội chủ nghĩa, những cán bộ và chiến sĩ ưu tú của quân đội nhân dân. Phần lớn thanh niên ta lần lượt trải qua trường học này để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước, và được rèn luyện thành những con người mới vừa chiến đấu giỏi, vừa sản xuất tốt. Đó cũng là thực hiện sự nghiệp « bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau » theo Di chúc của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại.

Hoàn thành tốt những nhiệm vụ trên đây trong giai đoạn mới, quân đội ta không chỉ là một công cụ bạo lực sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản mà còn là một tổ chức sản xuất, **một lực lượng lao động to lớn** làm ra của cải vật chất cho xã hội; không chỉ là những đơn vị chiến đấu và sản xuất mà còn là những cơ sở giáo dục và đào tạo con người mới. Đây là một sự phát triển mới trong chức năng và nhiệm vụ của quân đội ta thể hiện

Digitized by Google

một quan điểm mới, một bước phát triển mới về lý luận xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

★

Trước yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân đội trong giai đoạn mới, chúng ta phải **ra sức xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng quân đội nhân dân chính quy hiện đại, có chất lượng ngày càng cao.**

Sức mạnh của quân đội nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam phải phản ánh được những khả năng mới của dân tộc ta trong thời đại ngày nay, những khả năng rất to lớn và ngày càng phát triển trong công cuộc lao động vĩ đại của toàn dân ta để xây dựng đất nước. Vấn đề đặt ra là chúng ta cần phát huy cao độ tính năng động chủ quan để biến khả năng thành hiện thực, gắn chặt xây dựng quân đội với xây dựng đất nước.

Chúng ta cần thấy rõ xu thế phát triển tất yếu trong tương lai, đồng thời lại thấy hết tình hình thực tế trước mắt của đất nước ta, của quân đội ta để xác định đúng đắn phương hướng, mục tiêu lâu dài của việc xây dựng quân đội và giải quyết một cách sáng tạo những bước đi cụ thể, những phương pháp thích hợp nhằm đạt tới mục tiêu đó. Phải đi sâu vào thực tiễn, không ngừng nâng cao phẩm chất cách mạng, trau dồi kiến thức mới, rèn luyện năng lực mới để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng quân đội trong giai đoạn hiện nay.

Trước mắt, cán bộ và chiến sĩ ta đang ra sức phấn đấu để **tạo nên một sự chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt trong toàn quân, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng toàn diện của các lực lượng vũ trang ta trên cả nước**, của cả bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ, của cả cơ quan, nhà trường và đơn vị, của các quân chủng và binh chủng, của cấp trên và cấp dưới, của cả lực lượng thường trực và lực lượng hậu bị.

Vấn đề cơ bản đầu tiên của chất lượng bộ đội là **chất lượng chính trị**. Cần đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của quần chúng, phát huy bản chất và truyền thống tốt đẹp của quân đội ta, nâng cao ý chí chiến đấu và tinh thần trách nhiệm của cán bộ và chiến sĩ, của đảng viên và đoàn viên, trước hết là của đảng ủy và cán bộ chủ trì các cấp. Cần phát triển các nhân tố tích cực, kiên quyết khắc phục những hiện tượng tiêu cực, thỏa mãn dừng lại.

Chất lượng nói chung cũng như chất lượng chính trị nói riêng của bộ

Digitized by Google

đội chỉ có thể biến thành sức mạnh vật chất khi **tổ chức được xây dựng đúng đắn, khoa học và luôn luôn được củng cố vững mạnh.** Cần tiếp tục hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức của toàn quân, kiện toàn tổ chức của các lực lượng, từ cơ quan đến đơn vị, xác định rõ ràng chức trách, nhiệm vụ của từng bộ phận. Chú ý cải tiến chế độ và lề lối làm việc của các cấp, bảo đảm dân chủ, tập thể và tập trung thống nhất, làm việc theo nền nếp chính quy, có kế hoạch, có phân công cụ thể, có hiệp đồng chặt chẽ có đi sâu đi sát bộ đội, có kiểm tra đôn đốc thường xuyên.

Tổ chức chỉ có thể phát huy được sức mạnh khi có **kỷ luật tự giác và nghiêm minh.** Phải chú trọng giáo dục nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật cho cán bộ và chiến sĩ. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu. Cán bộ các cấp cần quản lý chặt chẽ bộ đội trong mọi hoạt động: sẵn sàng chiến đấu và lao động sản xuất, học tập, công tác và sinh hoạt... Kiên quyết khắc phục mọi hiện tượng tự do, vô kỷ luật, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, những hành động trái với bản chất của quân đội cách mạng.

Trong khi tích cực thực hiện các nhiệm vụ công tác trước mắt, chúng ta cần **tiến hành ngay những việc cơ bản, lâu dài** của công cuộc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo đảm trong một thời gian ngắn nhất đưa toàn bộ hoạt động của quân đội ta vào nền nếp chính quy vững chắc, vào đúng quỹ đạo của giai đoạn mới.

Toàn quân ta được Đảng và Chủ tịch Hồ-Chí-Minh dày công giáo dục, rèn luyện suốt hơn 30 năm qua, quyết phát huy truyền thống vẻ vang của mình, anh dũng tiến lên, xứng đáng với sự tin cậy và quan tâm của Đảng và nhân dân, kiên quyết hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ

Digitized by Google

NGHIÊN CỨU

SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ SẢN XUẤT TRONG NÔNG NGHIỆP

ĐƯỜNG-HỒNG-DẬT

TRONG sản xuất nông nghiệp, phần sản phẩm chúng ta lấy được chưa phải là toàn bộ những gì mà cây trồng và vật nuôi có thể cung cấp cho con người. Một phần khá lớn của những sản phẩm đó, thường là các phần rất quý, bị mất mát trong quá trình sản xuất, chuyên chở, bảo quản và chế biến. Nhiều công trình thống kê, tính toán của nhiều nhà khoa học cho thấy những mất mát này chiếm vào khoảng trên 34% tổng giá trị nông nghiệp hằng năm mà con người có thể thu được. Những mất mát này đang ngày càng tăng lên, và theo các dự báo khoa học đã được công bố thì đến năm 2000, giá trị nông sản bị mất mát (vào khoảng 400 tỷ đô la) sẽ lên đến 49% khả năng sản xuất của nông nghiệp. Chính vì vậy, bảo vệ tốt sản xuất, làm giảm những mất mát là một mặt quan trọng của quá trình phấn đấu tăng năng suất, tăng sản lượng trong nông nghiệp.

Những nguyên nhân gây ra thiệt hại cho con người trong sản xuất nông nghiệp có nhiều loại; hạn, úng, sâu, bệnh, cỏ dại, chuột, chim, thú v.v... Các loại nguyên nhân trên đây có thể sắp xếp thành hai nhóm: **các nguyên nhân không phải sinh vật** như hạn, úng, đất đai không thích hợp, v.v... và **các nguyên nhân có nguồn gốc sinh vật** như sâu, bệnh, cỏ dại, v.v,.. Những nguyên nhân này có thể gây ra những tác hại thông qua hai mặt tác động: — ăn mất một phần, hoặc hủy hoại một phần hay toàn bộ cây trồng, vật nuôi; — gây ra những điều kiện không thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi, làm đảo lộn các quá trình sinh lý bình thường trong cơ thể của chúng.

Mục tiêu của sản xuất nông nghiệp là lấy những sản phẩm cần thiết phục vụ cho đời sống và phát triển của xã hội loài người. Để thu về những khối lượng nông sản ngày càng tăng với phẩm chất ngày càng cao, con người đã tác động trên nhiều mặt và làm thay đổi thiên nhiên một cách sâu sắc. Trong các sinh quần tự nhiên, các loài sinh vật đều có

Digitized by Google

chỗ đứng của nó khá vững vàng, trong mối quan hệ nhiều mặt với các yếu tố môi trường chung quanh. Trong các sinh quần đó, đối với thiên nhiên, không có loài nào có ích và cũng không có loài nào gây hại. Mọi thứ, kể cả các loài sinh vật và các yếu tố không phải sinh vật, tồn tại trong những trạng thái cân bằng sinh thái học xác định. Trạng thái cân bằng đó, là một trạng thái cân bằng động, luôn thay đổi trong những phạm vi nhất định. Tuy nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên có khả năng tự điều hòa để luôn phù hợp với những thay đổi trong cân bằng sinh thái học. Sản xuất nông nghiệp đã làm thay đổi thiên nhiên một cách sâu sắc. Các hệ sinh thái tự nhiên dần dần được các hệ sinh thái do con người tạo ra thay thế trên những diện tích rộng lớn. Đồng ruộng, vườn cây, bãi chăn thả gia súc, ao cá, v.v... là những hệ sinh thái do con người tạo ra, trong đó các loài cây trồng, các con vật nuôi là những loài trung tâm. Trong các hệ sinh thái nông nghiệp này, loài trung tâm thường chiếm ưu thế tuyệt đối trên nhiều mặt, các loài sinh vật khác trong hệ sinh thái thường bị ức chế sâu sắc. Các hệ sinh thái nông nghiệp thường là đơn giản, ít thành phần, kém phong phú trong các mối quan hệ. Chính vì vậy mà các hệ sinh thái nông nghiệp thường kém bền vững hơn nhiều so với các hệ sinh thái tự nhiên. Mỗi tác động nhỏ từ bên ngoài, mỗi thay đổi từ bên trong đều có thể dẫn đến những thay đổi, những đảo lộn lớn trong các hệ sinh thái nông nghiệp, nhiều trường hợp dẫn đến sự phá vỡ hoàn toàn của hệ sinh thái. Để bảo đảm cho các hệ sinh thái nông nghiệp hoạt động và cho năng suất, con người phải thường xuyên tác động nhiều biện pháp khác nhau, nhằm xác lập và gìn giữ trạng thái cân bằng cho các hệ sinh thái đó. Các hệ sinh thái nông nghiệp kém bền vững ; khả năng tự điều hòa của chúng để phù hợp với những thay đổi trong cân bằng sinh thái học cũng kém. Vì vậy, các biện pháp kỹ thuật trong nông nghiệp không những chỉ nhằm cung cấp cho cây trồng, vật nuôi những chất liệu, những điều kiện để tạo nên năng suất có ích cho con người, mà còn phải tạo nên những sự cân bằng bảo đảm cho cây trồng, vật nuôi cho năng suất cao nhất, đồng thời giúp chúng tự điều hòa để phù hợp với những thay đổi có thể có trong trạng thái cân bằng sinh thái học. Những đảo lộn trong trạng thái cân bằng sinh thái học (trong mối quan hệ giữa sinh vật và các điều kiện sống) và cân bằng sinh vật học (các mối quan hệ giữa các loài sinh vật với nhau) của các hệ sinh thái nông nghiệp là nguyên nhân gây ra những mất mát trong sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, để khắc phục và hạn chế những mất mát này không thể chỉ loại trừ các yếu tố trực tiếp gây ra mất mát, mà điều khá quan trọng **là xác lập và giữ gìn những trạng thái cân bằng hợp nhất,** bảo đảm **cho cây trồng, vật nuôi cho năng suất và sản lượng cao nhất.**

Để thỏa mãn nhu cầu về các loại sản phẩm nông nghiệp ngày càng tăng, chúng ta ngày càng áp dụng nhiều biện pháp kỹ thuật và tổ chức sản xuất khác nhau nhằm thu về những khối lượng nông sản cao nhất trên từng đơn vị diện tích.

Với mục đích tăng năng suất, nhiều giống cây trồng và gia súc mới được tạo ra và đưa vào sản xuất. Các giống mới đó có khả năng cho năng suất cao, hoặc phẩm chất nông sản tốt. Một số giống kết hợp được cả hai đặc tính quý trên đây. Tuy nhiên, khi đưa vào sản xuất, các loại giống này thường cho năng suất và phẩm chất nông sản không ổn định. Để khắc phục tình trạng này, nhiều nhà khoa học đã đề khá nhiều công sức

Digitized by Google

vào việc tạo ra những giống cây trồng, gia súc vừa có khả năng cho năng suất cao, phẩm chất nông sản tốt vừa chống chịu được sâu bệnh và các điều kiện không thuận lợi khác. Nhưng cho đến nay, các công trình này chưa vượt qua được mâu thuẫn giữa các đặc điểm năng suất cao, phẩm chất tốt với chống chịu sâu bệnh. Khi đưa được đặc tính chống chịu sâu bệnh vào giống thì đặc tính cho năng suất cao và phẩm chất tốt giảm đi nhiều. Một số nhà khoa học cho rằng tình trạng trên đây là do kết quả tác động của quy luật cân bằng gien trong cơ thể sinh vật. Quy luật này nói rằng số lượng gien của các loài sinh vật là một con số ổn định, khi tăng số lượng các gien quyết định một đặc điểm nào đó, sẽ làm giảm số lượng gien quyết định các đặc điểm khác. Thực ra, các giống cho năng suất cao và phẩm chất tốt, không phải hoàn toàn không có khả năng chống chịu sâu bệnh, mà chúng thường dễ bị cảm nhiễm một số loại sâu bệnh nào đó, trong khi đối với một số loại sâu bệnh khác, chúng lại có khả năng chống chịu khá cao. Ngược lại, những giống có khả năng chống chịu sâu bệnh cao nhất cũng không bao giờ đạt đến mức không để cho một loại sâu bệnh nào gây hại. Để hạn chế mất mát, phát huy đến mức cao nhất đặc tính cho năng suất và phẩm chất của giống, cần nắm được đặc tính và khả năng chống chịu sâu bệnh của chúng, tìm mọi cách củng cố và tăng cường các đặc tính đó, mà không gây ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất và phẩm chất, đồng thời tạo nên những trạng thái cân bằng sinh thái học thích hợp và giúp cho giống phát huy các cơ chế tự điều hòa để phù hợp với những thay đổi trong cân bằng.

Trên con đường thâm canh, chúng ta ngày càng tăng số lượng và thành phần các loại phân bón cho cây, các loại thức ăn cho gia súc. Cây trồng, con gia súc chỉ có thể sử dụng tốt nhất, phát huy hiệu quả các loại phân bón và thức ăn cao nhất trong những điều kiện nhất định, trong sự cân bằng và hài hòa của chúng với các điều kiện, môi trường chung quanh và với các loại sinh vật khác trong hệ sinh thái. Mỗi loại giống cây trồng có một mức yêu cầu và mức chịu đựng đối với số lượng phân bón. Dưới mức yêu cầu hoặc trên mức chịu đựng đều làm cho cây phát triển không bình thường, quá trình sinh lý trong cây bị đảo lộn, dẫn đến năng suất thấp. Trong tình trạng sinh lý không bình thường đó, cây càng dễ bị sâu bệnh gây hại, mất mát sẽ trở nên nghiêm trọng thêm. Hiện nay, chúng ta chưa có nhiều phân bón, cho nên nói chung là cây thiếu phân. Tuy nhiên, ở nhiều nơi cũng có hiện tượng thừa phân đối với một số giống cây trồng. Thừa phân không những gây ra lãng phí, giảm hiệu quả của phân bón, mà còn làm tăng những mất mát trong việc thể hiện khả năng cho năng suất của giống cây, trong việc thúc đẩy quá trình gây hại của sâu bệnh. Mất cân đối giữa các loại phân bón: giữa các yếu tố dinh dưỡng N, P, K, giữa phân hữu cơ và phân vô cơ, cũng gây ra những đảo lộn trong các quá trình sinh lý của cây. Thời gian bón phân cũng tác động rất lớn đến sinh lý, sinh trưởng của cây, và toàn bộ sinh quần đồng ruộng. Vì vậy, dùng phân bón không đúng lúc có thể gây ra những mất mát khá lớn về năng suất.

Trên phương diện tạo điều kiện cho cây trồng và con vật nuôi phát huy khả năng cho năng suất có ích cho con người, chế độ nước cũng có những mặt tác động tương tự như phân bón. Thừa nước, thiếu nước, cung cấp nước không đúng lúc đều có thể gây ra nhiều diễn biến sinh lý, sinh hóa phức tạp trong cơ thể sống, gây ra những đảo lộn trong cân bằng sinh thái học của hệ sinh thái nông

Digitized by Google

nghiệp, dẫn đến những mất mát về năng suất cây trồng và con vật nuôi.

Khi tăng vụ và luân canh, chúng ta nhằm thu về số lượng sản phẩm cao nhất trên từng đơn vị diện tích. Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ở nước ta, khả năng này rất lớn. Giải quyết đúng, có thể tăng khối lượng nông sản lên rất nhiều lần. Hiệu quả của tăng vụ cần được tính toán cho những khoảng thời gian nhiều năm, vì trong một vài năm đầu thực hiện tăng vụ, có thể thu được khối lượng nông sản lớn, nhưng trong những năm về sau, những mất mát tăng lên, năng suất cứ giảm dần và cuối cùng có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực. Tăng vụ, luân canh nối tiếp khi được thực hiện sẽ làm cho đất đai còn rất ít thời gian để « nghỉ ngơi ». Chính trong thời gian nghỉ ngơi này, các quá trình khoáng hóa các chất hữu cơ trong đất xảy ra mạnh mẽ, các chất độc đối với cây trồng, vật nuôi bị hủy hoại và được rửa trôi, tập đoàn vi sinh vật có ích trong đất được phục hồi với số lượng, thành phần và khả năng hoạt động. Mặt khác, cây trồng có mặt hầu như liên tục trên một mảnh đất sẽ là nguồn thức ăn thường xuyên cho nhiều loại sinh vật gây hại, nhất là trong trường hợp lựa chọn các loại cây trồng để luân canh, tăng vụ không đúng hoặc tăng vụ trong thế độc canh. Các kết quả khoa học và thực tế sản xuất ở nhiều nơi cho thấy những hệ thống luân canh tăng vụ hợp lý, có cơ sở và căn cứ khoa học có thể khắc phục một cách có hiệu quả các mặt tiêu cực như sâu bệnh, chuột, cỏ dại...

Việc khai hoang, mở rộng diện tích làm thay đổi sâu sắc các điều kiện sinh thái trên những vùng rộng lớn. Chính vì vậy mà **« trong việc mở thêm diện tích mới, phải chú trọng đầy đủ việc bảo vệ môi trường »** (1). Khai hoang làm cho mối quan hệ giữa các loài sinh vật với nhau và giữa các loài sinh vật với các điều kiện trong môi trường sống có nhiều thay đổi. Một số loài sinh vật bị giảm nhiều về số lượng (cây, cỏ dại), một số loài sinh vật tăng lên (cây trồng cùng các loài ký sinh của nó, v.v...). Vị trí và vai trò của một số loài sinh vật trong sinh quần cũng có nhiều thay đổi. Một số loài sinh vật, ký sinh trước đây sinh sống trên các loài cây cỏi hoang dại chuyển sang gây hại cho các loài cây trồng. Các điều kiện sinh thái thay đổi cũng có thể trở thành thuận lợi và thúc đẩy sự phát sinh hàng loạt một số loài sinh vật nhất định. **Tất cả những điều trên đây cần được tính đến khi đưa các loài cây trồng đến những vùng khai hoang, mở thêm diện tích mới.**

Hình thành các vùng chuyên canh tạo điều kiện thuận lợi để tập trung sản xuất, tập trung và chuyên hóa các biện pháp kỹ thuật canh tác, các vật tư, kỹ thuật phục vụ cho thâm canh, do đó có nhiều điều kiện để tăng năng suất, tăng tổng sản lượng. Nhưng, vùng chuyên canh cũng tạo nên tình trạng tương đối đồng đều trên những diện tích rộng lớn : đồng đều về loại cây, về giống cây, về tình trạng sinh trưởng, về chế độ và kỹ thuật chăm sóc, v.v... Tình trạng đó là **điều kiện thuận lợi cho nhiều loài sâu bệnh phát sinh thành dịch và khi dịch sâu bệnh xuất hiện thì thường phát triển và diễn biến với nhịp độ nhanh.** Vùng chuyên canh còn ảnh hưởng sâu sắc đến tập đoàn vi sinh vật đất, đến quá trình tích lũy của một số loài sinh vật trong sinh quần. Vì vậy, cần phải tinh kỹ các biện pháp bảo vệ sản xuất.

Sâu, bệnh, cỏ dại, chuột là các loài sinh vật trực tiếp gây ra những mất mát trong sản xuất nông nghiệp. Chúng dùng cây làm thức ăn và gây ra những thiệt hại về năng suất.

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV).

Digitized by Google

Nhưng phần mất mát không chỉ là phần sản phẩm bị các loài sinh vật gây hại ăn mất, mà tác hại của chúng còn lớn hơn gấp nhiều lần. Nhiều cây bị sâu bệnh phá một phần rất nhỏ nhưng có thể bị chết vì các bộ phận và chức năng sinh lý cơ bản bị hủy hoại, hoặc hoàn toàn không còn khả năng cho năng suất vì bộ phận sinh sản bị phá hủy trong quá trình hình thành. Nhiều loại sâu bệnh còn để lại các chất độc, các chất bẩn tạp trong nông sản có thể gây độc cho người, cho gia súc. Các loài sinh vật gây hại không chỉ làm giảm năng suất và sản lượng mà còn làm giảm nhiều các chỉ tiêu về phẩm chất, về giá trị dinh dưỡng, về giá trị công nghiệp và hàng hóa của phần nông sản còn lại.

Trong các hoạt động nông nghiệp, sản xuất và bảo vệ sản xuất là hai mặt luôn gắn chặt với nhau. Mọi tác động của con người, mọi biện pháp kỹ thuật trồng trọt cũng như chăn nuôi đều không những chỉ nhằm làm cho cây trồng và vật nuôi phát huy đến mức cao nhất tiềm lực cho năng suất của giống, mà còn nhằm làm cho chúng sinh trưởng, phát triển một cách tốt đẹp nhất trong mối quan hệ nhiều mặt với các loài sinh vật khác và với các điều kiện cụ thể của các hệ sinh thái nông nghiệp. Bảo vệ sản xuất không những chỉ là ngăn chặn và loại bỏ những nguyên nhân gây hại trực tiếp cho cây trồng và gia súc mà còn góp phần tích cực trong việc phát huy hiệu quả của các nhóm biện pháp kỹ thuật canh tác khác (thủy lợi, phân bón, thời vụ, chăm sóc), phát huy khả năng cho năng suất của giống, nhằm đạt tới những năng suất cây trồng và gia súc cao nhất trong từng trường hợp cụ thể. Mặt khác, các tác động bảo vệ sản xuất không được để lại những hậu quả có hại cho các hệ sinh thái, không làm nhiễm độc môi trường. Như vậy, bảo vệ sản xuất trong nông nghiệp không thể chỉ xét đến các khía cạnh kinh tế mà còn phải chú ý đến các vấn đề vệ sinh và xã hội nữa.

Cho đến nay, do xuất phát từ những tính toán trên phương diện loại trừ và tiêu diệt các loài sinh vật gây hại, người ta đã tập trung sự chú ý vào việc sản xuất và sử dụng các chất hóa học. Phương pháp hóa học trong bảo vệ thực vật có một số ưu điểm: tác động nhanh, tiêu diệt các loại gây hại tương đối triệt để, dễ áp dụng trong sản xuất. Vì có những ưu điểm trên, cho nên thời gian gần đây, phương pháp này đã giữ vị trí chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp, và một số người cho rằng vấn đề bảo vệ cây như vậy là đã được giải quyết. Thế nhưng, cùng với việc dùng chất hóa học trong sản xuất, phương pháp này ngày càng bộc lộ nhiều mặt tiêu cực: tích lũy các chất độc trong thức ăn, nước uống, trong đất, trong ao hồ, sông suối, tiêu diệt nhiều loài sinh vật có ích, gây độc cho người và gia súc, phá vỡ cân bằng sinh vật học trong các hệ sinh thái, làm tăng tính chống chịu của nhiều loài sinh vật gây hại đối với các loại chất độc. Vì vậy, về sau này, nhiều trường hợp dùng thuốc hóa học không những không tiêu diệt được các loài gây hại, mà còn làm tăng tác hại của chúng lên, do thuốc tiêu diệt mất nhiều loài sinh vật có ích.

Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học cũng như kinh nghiệm của thực tế sản xuất cho thấy: những phương pháp bảo vệ sản xuất riêng lẻ, ngay cả những phương pháp hiệu nghiệm nhất cũng không thể bảo đảm kết quả lâu dài được. **Chỉ có thể bảo vệ sản xuất tốt bằng con đường tổng hợp nhiều phương pháp tác động trên nhiều hướng** trong suốt quá trình sinh trưởng và phát triển của cây, kể cả trong quá trình bảo quản, chuyên chở và chế biến. Hệ thống tổng hợp bảo vệ sản xuất, chủ yếu không phải là để tiêu diệt các loài gây hại, mà là điều khiển toàn

Digitized by Google

bộ hệ sinh thái nông nghiệp, nhằm đạt năng suất và sản lượng cao nhất, đồng thời không gây ra những nhiễm bẩn môi trường. Hệ thống đó bao gồm các yếu tố cơ bản sau đây:

1 — *Dùng các giống cây trồng và gia súc có khả năng cho năng suất cao, phẩm chất nông sản tốt, đồng thời có khả năng chống chịu được với sâu bệnh và các điều kiện không thuận lợi khác.* Cần lựa chọn các loại giống cây, giống gia súc phù hợp với điều kiện cụ thể ở mỗi địa phương, phù hợp với mỗi thời vụ gieo trồng. Một bộ giống bao gồm nhiều mức độ chống chịu khác nhau, có những yêu cầu khác nhau đối với điều kiện bên ngoài và với các biện pháp kỹ thuật canh tác có ý nghĩa rất lớn trong việc ngăn ngừa các trận dịch sâu bệnh. Bộ giống đó nếu được lựa chọn một cách cẩn thận, trên cơ sở phân tích đầy đủ các điều kiện sản xuất ở mỗi địa phương, được sắp xếp một cách hợp lý trên đồng ruộng với tỷ trọng thích hợp của mỗi giống, sẽ phát huy đầy đủ những điều kiện thuận lợi ở mỗi địa phương, đồng thời có những khả năng lớn để hạn chế những mất mát do sinh vật và các điều kiện không thuận lợi gây ra. Điều rất quan trọng là áp dụng chế độ canh tác phù hợp để có thể giữ vững các loại giống có năng suất cao trong sản xuất, không vì tránh sâu bệnh gây hại mà buộc phải dùng các giống có năng suất thấp thay cho các giống có năng suất cao.

2 — *Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến nhằm phát huy đến mức cao nhất khả năng cho năng suất của giống cây, đồng thời luôn luôn giữ vững trạng thái cân bằng và hài hòa của sự sinh trưởng và phát triển của cây với điều kiện sinh sống của chúng và với các loài sinh vật khác trong sinh quần đồng ruộng.* Ngoài ra, các biện pháp kỹ thuật canh tác có tác dụng hạn chế, tiêu diệt các loài sinh vật gây hại, cần được áp dụng một cách đầy đủ, kịp thời nhưng cần cân nhắc kỹ trong từng điều kiện cụ thể. Các biện pháp kỹ thuật canh tác không chỉ cung cấp thức ăn, nước uống và các điều kiện cần thiết cho cây sinh trưởng, phát triển, mà còn phải điều khiển toàn bộ quá trình đó trong mối quan hệ phức tạp giữa cây trồng với các loài sinh vật khác trong đồng ruộng, trong đó có nhiều loài sinh vật gây hại, luôn luôn chờ dịp thuận lợi để tiến công gây hại cho cây, và cả với các điều kiện khí hậu, thời tiết luôn luôn có những biến đổi, có thể thuận lợi, hoặc không thuận lợi cho cây.

3 — *Áp dụng nhiều biện pháp khác nhau để bảo vệ, phát huy các loài sinh vật có ích, các loài thiên địch của bệnh.* Vai trò của các loài sinh vật có ích trong tự nhiên trong việc ức chế, tiêu diệt các loài gây hại, giúp ta bảo vệ mùa màng, rất lớn. Nhiều rừng cây được các loài kiến, nhện, chim, thú bảo vệ. Nhiều ruộng lúa được ếch, nhái, cá, cua và nhiều loại nhện, côn trùng có ích khác bảo vệ một cách tích cực. Thực tế sản xuất cũng như nhiều công trình nghiên cứu khoa học cho thấy: nếu có những biện pháp tốt, để bảo vệ các loài sinh vật có ích, có thể không cần tiến hành dùng thuốc hóa học, cũng bảo vệ được cây trồng, chống sâu bệnh gây hại. Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới nước ta, với sinh quần rất phong phú gồm nhiều chủng loại khác nhau, khả năng này rất lớn. Có thể có rất nhiều biện pháp để bảo vệ và phát huy các loài sinh vật có ích như chọn cơ cấu cây trồng hợp lý, tạo điều kiện cho các loài thiên địch có thêm thức ăn và nơi trú ngụ, áp dụng chế độ luân canh hợp lý, tăng thêm các loại cây nguồn mật, thực hiện chế độ canh tác thích hợp, kể cả việc thu hoạch nông sản có chiếu cố đến tập tính và đời sống của các loài sinh vật có ích.

Digitized by Google

4 — *Dùng các biện pháp tiêu diệt các loài gây hại một cách tích cực và kịp thời* (bao gồm cả việc dùng thuốc hóa học, dùng các chế phẩm sinh vật và các biện pháp khác nhau) trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng và đầy đủ các mối quan hệ phong phú trong các hệ sinh thái nông nghiệp. Việc dùng các biện pháp diệt trừ phải dựa trên cơ sở dự tính, dự báo chính xác và nắm tình hình diễn biến của các loài gây hại trên đồng ruộng một cách kịp thời, cụ thể và thường xuyên. Có thể có nhiều biện pháp khác nhau để diệt trừ các loài gây hại, tuy nhiên các loài sinh vật sống trong các sinh quần đồng ruộng có rất nhiều mối quan hệ với nhau rất phong phú và hài hòa, vì vậy không thể dùng các biện pháp tác động một cách thô bạo và tùy tiện. Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, việc dùng các loại thuốc hóa học phải bảo đảm **bốn đúng**: đúng loại thuốc; đúng nồng độ liều lượng; đúng cách và đúng lúc; đúng chỗ cần phải dùng.

Những năm gần đây, chúng ta đã bắt đầu khảo nghiệm để mở rộng việc dùng ong mắt đỏ, vi khuẩn và nấm trong việc diệt trừ các loài sinh vật gây hại, và đã thu được kết quả khá tốt. Các biện pháp sinh vật học có ưu điểm hơn hóa học là không gây nguy hiểm cho người và gia súc, không làm nhiễm bẩn môi trường, nhưng do tác động chậm, hiệu quả không ổn định và tùy thuộc rất lớn vào điều kiện bên ngoài, cho nên phải sử dụng phương pháp này một cách khoa học trong hệ thống tổng hợp bảo vệ cây trồng.

Các loại bẫy bả, bẫy đèn, dùng vợt, ngắt và tiêu diệt các ổ trứng sâu, tỉa cành, cây bệnh, săn bắt chuột đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều cơ sở sản xuất và giữ vị trí khá quan trọng trong toàn bộ hệ thống các biện pháp bảo vệ cây. Những biện pháp này nếu được kết hợp chặt chẽ với việc nắm tình hình diễn biến của các loài gây hại, kịp thời phát hiện và xác định các ổ sâu bệnh khi chúng mới xuất hiện trên diện tích hẹp, có ý nghĩa rất lớn. Mặc dù các biện pháp này đòi hỏi công sức, nhưng có ưu điểm lớn là không làm nhiễm bẩn môi trường, không gây hại cho các sinh vật có ích.

Chúng ta đang xây dựng một nền sản xuất nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước. Việc giao lưu, trao đổi giống cây trồng, gia súc và các loại hàng hóa nông nghiệp giữa các vùng trong nước với nhau và giữa nước ta với nhiều nước trên thế giới ngày càng được mở rộng. Công tác kiểm dịch thực vật và động vật, một trong những nhóm biện pháp bảo vệ sản xuất quan trọng, cần được đẩy mạnh để kịp thời phát hiện và ngăn chặn sự truyền bá và lan rộng của nhiều loại sinh vật nguy hiểm, trong đó có nhiều loại trong nước ta chưa có, hoặc chỉ mới có ở vùng này, mà vùng khác chưa có.

Trong việc phấn đấu để thực hiện các mục tiêu đề ra cho nông nghiệp trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng và trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV), bảo vệ sản xuất, làm giảm những mất mát là một tiềm năng lớn. Bảo vệ sản xuất là một cuộc chiến đấu chống những kẻ thù và các nguyên nhân gây ra mất mát cho năng suất cây trồng và con vật nuôi. Cuộc chiến đấu này đòi hỏi phải có tổ chức lực lượng chặt chẽ, hoạt động theo sự chỉ đạo tập trung và thống nhất. Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) đã ghi: **«Làm tốt công tác phòng, chống sâu, bệnh, bảo vệ cây trồng và gia súc. Củng cố hệ thống bảo vệ cây trồng và hệ thống thú y, mở rộng mạng lưới này đến hợp tác xã và nông trường. Phát triển công tác dự báo, theo dõi và kiểm dịch, nhất là đối với giống».**

(Xem tiếp trang 77)

Digitized by Google

BƯỚC NHẢY VỌT LỊCH SỬ CỦA NHÂN DÂN MÔNG-CỔ

NGUYỄN-VĂN-HÀM

TRƯỚC đây, Mông-cổ là một trong những nước chậm phát triển nhất ở châu Á, có thể nói, Mông-cổ lạc hậu hàng thế kỷ so với trình độ của thế giới. Đồng chí Xê-đen-ban, Bí thư thứ nhất Đảng nhân dân cách mạng Mông-cổ đã nhận xét: trước cách mạng, Mông-cổ ở vào trình độ thời trung cổ của châu Âu. Mông-cổ không biết gì về thời kỳ cải cách hoặc thời kỳ phục hưng. Cả nền văn minh và cuộc cách mạng công nghiệp của thế giới đều không đụng chạm đến Mông-cổ.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại đã soi sáng con đường đấu tranh giải phóng đất nước cho nhân dân lao động Mông-cổ. Ngày 11-7-1921, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cổ, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Mông-cổ chống chế độ phong kiến và sự can thiệp của đế quốc đã giành được thắng lợi.

Vận dụng luận điểm nổi tiếng của Lê-nin về khả năng các nước chậm tiến đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội lần thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cổ (8-1924) đã quyết định đưa Mông-cổ tiến lên chủ nghĩa xã hội dựa vào sự giúp đỡ của Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Sự phân tích của Đại hội về con đường tiến lên của Mông-cổ là một cống hiến quan trọng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, một đóng góp quý báu vào thực tiễn cách mạng thế giới. Lần đầu tiên, luận điểm của Lê-nin về một nước lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội với sự giúp đỡ của một nước xã hội chủ nghĩa được thực hiện thành công ở Mông-cổ. Luận điểm của những nhà lý luận tư sản cho rằng giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là không thể thiếu được trong quá trình phát triển của tất cả các nước đã bị thực tế của Mông-cổ bác bỏ.

Ngày nay, nước Mông-cổ phong kiến, cực kỳ lạc hậu đã trở thành một nước thịnh vượng. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã chiến thắng hoàn toàn; các mặt kinh tế, xã hội, văn hóa đã được cải tạo sâu sắc, giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức nhân dân đã hình thành, toàn bộ nông

Digitized by Google

dân cả thể đã gia nhập hợp tác xã. Cả một thời đại lịch sử đã được thay thế. Nước Mông-cổ của những người chăn nuôi du mục cả thể bị đẩy lùi vào dĩ vãng. Một nước Mông-cổ xã hội chủ nghĩa có nền nông nghiệp, công nghiệp phát triển, nền văn hóa, giáo dục tiên tiến đã được xây dựng.

★

Qua quá trình cải tạo và xây dựng, nhân dân Mông-cổ đã hoàn thành giai đoạn cách mạng dân chủ (1921 — 1940) và từ năm 1941 bước vào xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội theo nghị quyết Đại hội lần thứ 10 của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cổ (3-1940). Nhưng chiến tranh thế giới thứ hai đã cản trở công việc đó. Từ những năm 60, Mông-cổ bước vào giai đoạn phát triển toàn diện để tiến tới hoàn thành công cuộc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Nhân dân Mông-cổ đã hoàn thành một kế hoạch 3 năm và 5 kế hoạch 5 năm và hiện nay đang ra sức thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm thứ 6 (1976 — 1980) do Đại hội lần thứ 17 của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cổ (6-1976) đề ra. Đại hội này là một cột mốc quan trọng trong lịch sử Mông-cổ. Đại hội đã vạch ra một loạt biện pháp nhằm xây dựng xong hoàn toàn xã hội xã hội chủ nghĩa ở Mông-cổ.

Căn cứ vào những điều kiện trong nước, Đảng nhân dân cách mạng Mông-cổ chủ trương phát triển nhanh hơn và nâng cao hiệu quả của sản xuất xã hội, tiếp tục phát triển mạnh ngành chăn nuôi, đẩy mạnh ngành trồng trọt, đồng thời xây dựng và phát triển nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Đó là ba ngành sản xuất lớn ở Mông-cổ.

Chăn nuôi là ngành kinh tế cổ truyền, được xem là bộ phận chủ yếu trong nền kinh tế Mông-cổ. Khí hậu Mông-cổ khắc nghiệt đã gây nhiều khó khăn cho ngành chăn nuôi. Để khắc phục tình trạng đó, Nhà nước Mông-cổ tích cực tiến hành hợp tác hóa chăn nuôi. Nhưng việc tách nông nô ra khỏi ảnh hưởng của bọn phong kiến và tách nhân dân ra khỏi ảnh hưởng của sư sãi là vấn đề hết sức phức tạp. Đảng nhân dân cách mạng Mông-cổ đã thực hiện nhiều biện pháp tích cực và đến cuối những năm 30, quan hệ sản xuất cũ bị xóa bỏ, toàn bộ đàn gia súc thuộc về Nhà nước và nhân dân lao động. Những người chăn nuôi nghe theo lời kêu gọi của Đảng, bắt đầu tổ chức hợp tác xã chăn nuôi và đến năm 1959, Mông-cổ hoàn thành việc hợp tác hóa chăn nuôi. Hiện nay cả nước có khoảng 24 triệu con gia súc, 259 hợp tác xã và 45 nông trường quốc doanh chuyên chăn nuôi và trồng trọt. Trung bình, mỗi hợp tác xã có 452 nghìn héc ta ruộng đất, đồng cỏ và 69 nghìn gia súc; mỗi nông trường quốc doanh có 11 nghìn héc ta ruộng đất và 36 nghìn gia súc.

Mông-cổ chú trọng đẩy mạnh cơ giới hóa ngành chăn nuôi. Đưa công nghiệp phục vụ chăn nuôi là nhân tố quan trọng để hạn chế và đi đến chấm dứt tính chất du mục trong chăn nuôi. Nhà nước đặc biệt quan tâm đến việc cung cấp máy, thiết bị và phương tiện kỹ thuật tiên tiến phục vụ chăn nuôi. Trung bình, mỗi hợp tác xã được trang bị 28 máy kéo, 15 ô tô và các phương tiện khác; mỗi nông trường có 240 máy kéo, 45 máy gặt đập, 33 ô-tô vận tải. Các hợp tác xã được các trại của Nhà nước cung cấp các loại giống mới, có năng suất cao. Các phương pháp tiên tiến được áp dụng ngày càng nhiều trong khâu thụ tinh, vắt sữa... Từ du mục, những người chăn nuôi Mông-cổ đã chuyển sang định cư. Mỗi hợp tác xã đều có thị trấn, ở đó có trạm phát điện, trường học với ký túc xá, bệnh viện, cửa hàng mậu dịch, trạm thú y,

Digitized by Google

trạm xe vận tải, máy kéo, xưởng sửa chữa... Mỗi đội sản xuất cũng có trung tâm với các cơ quan có nhà xây ổn định.

Việc phục vụ chăn nuôi được tập trung vào 3 khâu chính: thức ăn, nước uống và chuồng trại. Trong kế hoạch 5 năm thứ 6, ngành chăn nuôi sẽ tăng cường hơn nữa việc sản xuất thịt, sữa và các loại sản phẩm khác. Nhà nước sẽ xây dựng thêm 5 nông trường, 15 trại bò sữa (mỗi trại 400 con). Các biện pháp thủy lợi được chú trọng để có thể tưới thêm được 12 triệu héc-ta đồng cỏ, đưa diện tích đồng cỏ được tưới lên 65 triệu héc-ta. Các loại chuồng trại đủ ấm cho gia súc được tiếp tục xây dựng.

Để khuyến khích chăn nuôi, Nhà nước Mông-cổ định chế độ khen thưởng những người nuôi nhiều súc vật, bán nhiều thịt, nhiều lông cừu cho Nhà nước; nâng giá thu mua sản phẩm chăn nuôi; bán máy, nhiên liệu với giá rẻ; phát không các loại thuốc phòng bệnh, chữa bệnh súc vật cho các hợp tác xã.

Hiện nay, ngành chăn nuôi cung cấp phần lớn nguyên liệu cho công nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá trị hàng xuất khẩu. Việc hợp tác hóa đi đôi với cơ giới hóa chăn nuôi đã làm thay đổi bộ mặt của đất nước Mông-cổ. Mông-cổ là nước đứng đầu thế giới về mức tiêu thụ thịt (bình quân mỗi nhân khẩu tiêu thụ trên 150kg thịt một năm). Cũng nhờ hợp tác hóa và cơ giới hóa, ngành chăn nuôi đã giảm nhân lực, cung cấp nhiều nhất công cho ngành công nghiệp trẻ tuổi. Từ năm 1961 đến năm 1967, số lao động trong các hợp tác xã chăn nuôi giảm hơn 6 vạn nhưng số lượng đầu gia súc vẫn tăng và chất lượng gia súc vẫn được nâng cao.

Mông-cổ có nhiều điều kiện để phát triển chăn nuôi: 83% diện tích là đồng cỏ, đồi cỏ; nhân dân có kinh nghiệm chăn nuôi lâu đời. Vì vậy chăn nuôi vẫn là ngành kinh tế chủ yếu hiện nay ở Mông-cổ. Dự kiến, đến cuối năm 1980, loại gia súc lớn có sừng sẽ tăng từ 11 đến 13% so với năm 1975, cừu tăng từ 8 đến 10%, ngựa, lạc đà: 4 đến 5%, dê: 6 đến 9%. Hằng năm sản xuất thịt tăng trung bình là 24%, sữa: 26 đến 30%, lông: 6,5 đến 9%.

Trồng trọt là ngành mới đối với Mông-cổ. Trước kia, để có ngũ cốc, nhân dân phải đổi súc vật hoặc các sản phẩm chăn nuôi cho các nước láng giềng. Để giải quyết lương thực cho nhân dân và thức ăn cho gia súc, bắt đầu từ những năm 50, Mông-cổ chủ trương phát triển trồng trọt, gây phong trào tự túc lương thực, bắt đầu từ việc khai hoang, xây dựng nông trường, thành lập những vùng kinh tế mới chuyên trồng ngũ cốc và các cây thức ăn cho gia súc. Đến cuối năm 1975, đất trồng trọt của Mông-cổ đã lên đến 450 nghìn héc-ta. Năm 1976, đã khai hoang thêm 40 nghìn héc-ta, đạt 101,2% so với kế hoạch, thu hoạch được 340 nghìn tấn ngũ cốc. Nhiều khâu chủ yếu trong trồng trọt đã được cơ giới hóa.

Để phát triển mạnh ngành trồng trọt, trong kế hoạch 5 năm thứ 6 Mông-cổ sẽ khai hoang thêm 230 nghìn héc-ta. Nhà nước tăng 31% vốn đầu tư để củng cố, mở rộng cơ sở vật chất — kỹ thuật cho nông nghiệp.

Vấn đề cung cấp nước cho các thảo nguyên và các vùng cao, xa sông ngòi là đặc biệt quan trọng đối với Mông-cổ (Mông-cổ ở vào vùng cao trong lục địa châu Á. Trung bình mặt đất cao hơn mặt biển là 1.580 mét). Dự tính đến năm 1980, số ruộng được tưới nước sẽ tăng khoảng 2,5 đến 2,7 lần so với năm 1975. Công việc đồng áng tiến tới được cơ giới hóa hoàn toàn Nhà nước cung cấp thêm cho nông nghiệp 7,5 nghìn máy kéo, 2 nghìn máy gặt đập, 1,6 nghìn ô-tô vận tải, đưa 62 nghìn nam nữ thanh niên

Digitized by Google

có trình độ từ lớp 8 đến lớp 10 về nông thôn trực tiếp sản xuất.

Ngày nay, ngành trồng trọt của Mông-cổ không những sản xuất lương thực đủ dùng mà còn có dự trữ và xuất khẩu.

Xuất phát từ nhận thức: muốn có chủ nghĩa xã hội phải có công nghiệp, ngay từ Đại hội lần thứ III, Đảng nhân dân cách mạng Mông-cổ đã coi trọng việc phát triển công nghiệp, trước hết là những ngành cần thiết nhất cho đời sống như: điện, nước, vật liệu xây dựng và những ngành có sẵn nguyên liệu trong nước như: làm da, chế biến thực phẩm, dệt thảm, khai thác mỏ, v.v...

Trên một đất nước mà trước đây những quan hệ sản xuất phong kiến đè nặng lên đầu nhân dân lao động, xây dựng công nghiệp là vấn đề rất khó khăn. Trước năm 1921, Mông-cổ không có giai cấp công nhân, không có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, không có cơ sở năng lượng.

Thấm nhuần tư tưởng của Lê-nin về vai trò của điện khí hóa ngay từ năm 1921, Mông-cổ đã quyết định xây dựng ngành điện; đến năm 1923, trạm phát điện chạy máy hơi nước đầu tiên có công suất 60 kw được xây dựng và đưa vào sản xuất. Từ 1924 đến 1930 một số nhà máy điện, nhà máy gạch, chế biến gỗ, chế biến da và xí nghiệp thực phẩm đã được xây dựng. Từ sau năm 1930, tốc độ phát triển của công nghiệp tăng rất nhanh và vào những năm 40, nền công nghiệp trẻ tuổi đó trở thành ngành kinh tế độc lập. Ở một số địa phương đã có những trạm phát điện. Trong những năm 1960 — 1970, 35 — 40% vốn đầu tư vào công nghiệp dành cho ngành năng lượng. Các nhà máy điện Da-rơ-khan và Chôi-ban-san đã được xây dựng và đưa vào sản xuất.

Trong kế hoạch 5 năm thứ 4 (1966 — 1971) ngành năng lượng tăng đáng kể. Điều quan trọng là đường dây điện cao thế Đa-khơ-ran — U-lan Ba-to đã được xây dựng, cho phép lập một mạng lưới điện phục vụ các khu kinh tế ở trung tâm và miền Bắc, phục vụ một số nông trang tập thể và hợp tác xã nông nghiệp. Trong kế hoạch 5 năm thứ 5 (1971 — 1975) việc cơ khí hóa và điện khí hóa các ngành kinh tế quốc dân được mở rộng trong cả nước). Ở nông thôn đã có 3 nghìn trạm phát điện chạy bằng máy đi-ê-den. Điện được sử dụng cả trong các ngành vắt sữa, dệt thảm...

Ngành công nghiệp Mông-cổ đang trên đà phát triển mạnh. Năm 1940, giá trị sản lượng công nghiệp chỉ chiếm 16,5% giá trị tổng sản lượng công — nông nghiệp. Ngày nay, công nghiệp chiếm 56% giá trị tổng sản lượng công — nông nghiệp. Công nghiệp cung cấp 50% hàng tiêu dùng trong nước. Tỷ trọng công nghiệp trong thu nhập quốc dân là gần 25%, trong tổng sản phẩm xã hội: gần 40%, trong hàng xuất khẩu: 40%. Trong kế hoạch 5 năm thứ 5, các chỉ tiêu cơ bản của công nghiệp đã được hoàn thành vượt mức, sản lượng công nghiệp tăng 55% so với kế hoạch 5 năm thứ 4. Năm 1973, chỉ trong 6 phút, công nghiệp Mông-cổ đã sản xuất được một số lượng sản phẩm bằng cả năm 1922; sản lượng của một số xí nghiệp quy mô trung bình trong một năm cũng bằng sản lượng của toàn ngành công nghiệp Mông-cổ trong cả năm 1937: sản lượng điện của một ngày đã vượt sản lượng điện cả năm 1935.

Trong kế hoạch 5 năm này, Mông-cổ tiếp tục tăng cường lực lượng dự trữ của ngành công nghiệp, cải tiến chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất. Nhà nước đầu tư vào công nghiệp 5,4 tỷ tu-gơ-rich (*) (gấp 3 lần số vốn đầu tư trong kế hoạch 5 năm thứ 5), phần ưu tiên được dành cho các ngành nhiên liệu, khai khoáng, vật liệu xây dựng.

(*) Tiền Mông-cổ.

Digitized by Google

Dự kiến đến năm 1980, công nghiệp sẽ chiếm 44% tổng sản phẩm xã hội, hơn 30% thu nhập quốc dân. So với năm 1976, năng suất lao động trong công nghiệp sẽ tăng khoảng 34—38%, sản lượng điện và chất đốt tăng 1,8—1.9 lần, điện đạt 1.440 triệu ki-lô-oát/giờ, than đạt 4,5 — 4,9 triệu tấn

Thực hiện chủ trương đưa các cơ sở công nghiệp đến những nơi có nguyên liệu và người tiêu thụ, Mông-cổ xây dựng những khu công nghiệp mới, thay đổi sự bố trí lao động trong cả nước. Với chính sách phát triển công nghiệp, với sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, ngày nay ở Mông-cổ không những chỉ có những cánh đồng xanh tươi bát ngát với những căn lều trắng và những đàn gia súc lớn mà còn có những thành phố và trung tâm công nghiệp lớn như U-lan Ba-to, Đa-rơ-khan, Chôi-ban-san... với những xí nghiệp hiện đại thuộc nhiều ngành: nhiên liệu, điện lực, khai khoáng, hóa chất, vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ. Nhiều tổ hợp kinh tế mới đang ra đời. Đại công trình đồng—mô líp đen với thành phố trung tâm Éc-đe-nét, tượng trưng cho tình hữu nghị vĩ đại giữa Mông-cổ và Liên-xô, đang được xây dựng bằng lao động tập thể của công nhân Mông-cổ và Liên-xô. Giai cấp công nhân Mông-cổ ngày càng lớn mạnh về số lượng và chất lượng.

Trong khoảng 10 - 15 năm tới, nước Mông-cổ nông—công nghiệp hiện nay sẽ trở thành một nước công — nông nghiệp. Tương lai, Mông-cổ sẽ xây dựng đường dây tải điện cao thế từ Xi-bê-ri đến U-lan Ba-to. Đến năm 1990, ngành luyện kim màu sẽ sử dụng 3 tỷ ki-lô-oát giờ điện, bằng 30% sản lượng điện của cả nước. Việc sử dụng điện trong nông nghiệp sẽ tăng gấp 5 lần.

Các ngành khác như: giao thông vận tải, văn hóa giáo dục, y tế, thương nghiệp,... cũng phát triển mạnh.

Những thắng lợi to lớn kể trên không những mang lại cho nhân dân Mông-cổ sức mạnh, niềm tự hào và lòng tin mãnh liệt vào sức sống của dân tộc mình mà còn góp phần tăng cường lực lượng của hệ thống xã hội chủ nghĩa, cổ vũ các dân tộc kém phát triển, bị áp bức, đấu tranh giành độc lập, tự do. Đánh giá thắng lợi của nhân dân Mông-cổ, Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng nói: « Bằng lao động cần cù và sáng tạo, với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, được sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nhân dân Mông-cổ đã tiến một bước nhảy vọt lịch sử từ tình trạng lạc hậu của chế độ phong kiến tới chân trời tươi sáng của chủ nghĩa xã hội, biến một nước hầu như chỉ có một ngành kinh tế đơn thuần là chăn nuôi tự nhiên thành một nước xã hội chủ nghĩa nông — công nghiệp phát triển » (1).

(1) Bài phát biểu của Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng ngày 25-6-1973 tại cuộc mít-tinh ở U-lan Ba-to đón Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta sang thăm Mông-cổ.

Digitized by Google

NHỮNG MÂU THUẪN VÀ BẾ TẮC CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TRONG VIỆC CẢI CÁCH HỆ THỐNG TIỀN TỆ PHƯƠNG TÂY

PHAN-QUANG-TUỆ

Từ đầu những năm 70 lại đây, nhất là từ sau khi Mỹ thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, chủ nghĩa tư bản thế giới đã lún sâu vào thời kỳ tổng khủng hoảng gay gắt và toàn diện. Trải qua cuộc khủng hoảng kinh tế từ cuối năm 1973, đến nay các nước tư bản chủ nghĩa vẫn chưa bước sang giai đoạn phục hồi mạnh mẽ, trong khi đó nhiều dấu hiệu cho thấy nguy cơ của một cuộc khủng hoảng kinh tế mới đang hình thành. Nạn lạm phát ngày thêm nghiêm trọng, không phương cứu chữa. Cuộc khủng hoảng năng lượng và nguyên liệu gay gắt chưa từng thấy đang khoét sâu thêm những mâu thuẫn giữa các nước đang phát triển với các nước đế quốc chủ nghĩa phương Tây, cũng như giữa các nước đế quốc chủ nghĩa với nhau. Cuộc khủng hoảng tiền tệ kéo dài từ đầu những năm 60 đến nay làm cho hệ thống tiền tệ, thanh toán quốc tế của thế giới tư bản chủ nghĩa trở nên hỗn loạn và bế tắc chưa từng thấy. Những khó khăn về kinh tế, tài chính, tiền tệ đó đã dẫn hệ thống tư bản chủ nghĩa tới một cuộc khủng hoảng chính trị xã hội trầm trọng nhất từ trước đến nay.

Trong bối cảnh ấy, quỹ tiền tệ quốc tế, dưới sự đạo diễn của Oa-sinh-tơn, đang tiến hành một cuộc cải cách tiền tệ với hy vọng phục hồi lại cái « trật tự » đã bị phá vỡ trong toàn bộ hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa.

Tại hội nghị Kinh-xtơn (Gia-mai-ca) tháng 1-1976 Ủy ban lâm thời của Quỹ tiền tệ quốc tế đã đưa ra cái gọi là dề án cải cách tiền tệ mà hội nghị hằng năm của Quỹ tiền tệ quốc tế đã thông qua tại Ma-ni-la (Phi-lip-pin) trong tháng 10-1976. Đề án cải cách tiền tệ này đã đưa ra những biện pháp gì để hòng vá víu lại hệ thống tiền tệ phương Tây đã tả tơi trong cơn bão túp tiền tệ những năm gần đây ? Thực chất của cuộc cải cách tiền tệ này là gì ?

Trước hết, về vai trò của vàng, của « quyền rút vốn đặc biệt » (SDR) và của đồng đô-la Mỹ, có nhiều quan điểm chống đối nhau từ lâu giữa Mỹ và các nước Tây Âu, đứng đầu là Pháp.

Trước đây, khi dự trữ vàng của Mỹ còn chiếm tới 80% dự trữ vàng của thế giới tư bản chủ nghĩa, *Mỹ là nước tích cực bảo vệ vai trò của vàng*. Tại Brét-tơn Út Mỹ đã áp đặt cho thế giới tư bản chủ nghĩa một chế độ

Digitized by Google

tiền tệ lấy đô-la Mỹ làm cơ sở và cam kết đổi đô-la ra vàng cho cả thế giới. Chính nhờ có vàng bảo đảm, đồng đô-la Mỹ được thế giới tư bản chủ nghĩa coi như « ngang với vàng »; đế quốc Mỹ đã dùng « ngai vàng » đó để củng cố và đề cao địa vị của đồng đô-la Mỹ, và với đồng đô-la ấy Mỹ đã thực hiện chiến lược toàn cầu của nó.

Nhưng từ năm 1950 trở đi, cán cân thanh toán quốc tế của Mỹ càng bội chi bao nhiêu thì đô-la Mỹ càng tràn ngập thị trường tiền tệ phương Tây và do đó càng bị mất giá bấy nhiêu. Càng bị mất giá, đô-la Mỹ càng bị tung ra thị trường để săn vàng của Mỹ. Dự trữ vàng của Mỹ ngày một với đi nhanh chóng. « Ngai vàng » của đồng đô-la ngày càng lung lay và cuối cùng bị sụp đổ. Đến năm 1971 dự trữ vàng của Mỹ chỉ chiếm 31% dự trữ vàng của thế giới tư bản chủ nghĩa. Ngày 15-8-1971 Nich-xơn tuyên bố đình chỉ việc đổi đô-la ra vàng, thực tế là vỡ món nợ bằng vàng của thế giới tư bản chủ nghĩa. Tiếp sau đó Nich-xơn đã phá giá hai lần đồng đô-la so với vàng, nghĩa là giảm nội dung vàng của đồng đô-la, lần thứ nhất tháng 12-1971 giảm 7,89%, lần thứ hai tháng 2-1973 giảm thêm 10% nữa. *Từ đó quan điểm của Mỹ về vai trò của vàng bắt đầu thay đổi: Mỹ chủ trương « phi tiền tệ hóa » vai trò của vàng, loại trừ chức năng tiền tệ của vàng, biến vàng thành một loại hàng hóa thông thường như mọi thứ hàng hóa khác* (1).

Chủ trương « phi tiền tệ hóa » vai trò của vàng, Mỹ nhằm nhiều mục đích: trước hết là để *bảo vệ kho vàng của Mỹ* khỏi bị khánh kiệt. Từ 15-8-1971 không một ngân hàng trung ương của nước phương Tây nào có thể đòi Mỹ đổi đô-la ra vàng được nữa. Số vàng còn lại của Mỹ (trên 10 tỷ đô-la) được coi như dự trữ chiến lược tối thiểu. Nếu phục hồi lại chức năng tiền tệ của vàng, thì các nước khác vẫn có quyền đòi Mỹ phải thanh toán các khoản nợ nước ngoài bằng vàng và như vậy chẳng bao lâu kho vàng của Mỹ sẽ cạn. Mặt khác, « phi tiền tệ hóa » vai trò của vàng, *Mỹ muốn loại trừ một địch thủ rất lợi hại của đồng đô-la Mỹ*. Chừng nào còn có quan hệ giữa đô-la và vàng, thì khi vàng lên giá trên thị trường lập tức đồng đô-la bị mất giá mạnh, và đồng đô-la càng mất giá bao nhiêu thì vàng lại lên giá bấy nhiêu. Cắt đứt mối quan hệ giữa đô-la và vàng, coi vàng như một thứ hàng hóa thông thường khác, Mỹ muốn chứng minh rằng giá vàng trên thị trường hoàn toàn không liên quan gì tới sức mua của đồng đô-la Mỹ, mà chỉ là do quy luật cung cầu trên thị trường quyết định.

« Phi tiền tệ hóa » vai trò của vàng, Mỹ còn muốn tiếp tục duy trì *địa vị thống trị của đồng đô-la Mỹ trong hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa*. Trước đây dựa vào kho hàng hùng hậu của mình, Mỹ đã dựng lên chế độ tiền tệ trong đó đồng đô-la Mỹ đứng ra làm trung gian nối liền hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa với cơ sở vàng của nó (tiền tệ – đô-la – vàng). Ngày nay, kho vàng của Mỹ đã cạn, nhưng Mỹ biết rằng thế giới tư bản chủ nghĩa chưa thể bỏ qua được nền kinh tế và đồng đô-la Mỹ, cho nên Mỹ loại trừ vàng ra khỏi hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa, cắt đứt mọi quan hệ giữa đô-la và vàng, mặc nhiên dựng lên một chế độ tiền tệ mới, chế độ bản vị đô-la, trong đó, muốn hay không thì toàn bộ hệ thống tiền tệ thế giới tư bản chủ nghĩa cũng không thể đến với vàng được nữa và buộc phải lấy đồng đô-la Mỹ làm bản vị, làm thước

---

(1) Để giải thích vì sao Mỹ chủ trương « phi tiền tệ hóa » vai trò của vàng, tạp chí Pháp « Les Cahiers Français » số 177 tháng 7—9-1976, đưa ra những số liệu sau đây: năm 1949 Mỹ chiếm 80%, năm 1958—59%, 1971—31% và năm 1973 — 26% toàn bộ dự trữ vàng của các ngân hàng trung ương các nước tư bản chủ nghĩa. Nếu phục hồi lại vai trò tiền tệ của vàng thì dự trữ vàng của Mỹ sẽ còn bị giảm sút nghiêm trọng hơn nữa.

Digitized by Google

đo giá trị cho tất cả các đồng tiền tư bản chủ nghĩa khác (tiền tệ — đô-la). Như vậy, một khi tách rời khỏi vàng, hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa càng bị trói chặt hơn vào đồng đô-la Mỹ

Biết rõ ý đồ của Mỹ, các nước phương Tây, đứng đầu là Pháp và một số nước có nhiều dự trữ vàng, chống lại quan điểm của Mỹ. Từ thời kỳ còn Đờ-gôn, quan điểm của Pháp là hệ thống tiền tệ thế giới tư bản chủ nghĩa không nên dựa vào một đồng tiền của một nước nào, mà phải lấy vàng làm cơ sở, làm tiêu chuẩn giá trị. Các nước châu Âu khác, như Tây Đức chẳng hạn, tuy không dám chống lại quan điểm của Mỹ nhưng ủng hộ ngầm quan điểm của Pháp. Cuộc tranh chấp về vai trò của vàng kéo dài ở hết hội nghị này sang hội nghị khác, cho tới tháng 9-1973, tại hội nghị hằng năm của Quỹ tiền tệ quốc tế, Mỹ và Tây Âu mới đi đến một sự thỏa hiệp có tính toán: hai bên đã nhất trí về nguyên tắc là sẽ loại trừ dần vai trò của vàng và của đồng đô-la Mỹ để đưa SDR (« quyền rút vốn đặc biệt » — một đơn vị tiền tệ tín dụng do Quỹ tiền tệ phát hành từ năm 1970) lên làm phương tiện dự trữ, làm thước đo giá trị cho hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa. Mỹ đồng ý đưa SDR lên thay vàng nhằm mục đích loại trừ chức năng tiền tệ của vàng, một đối thủ lợi hại đối với đồng đô-la Mỹ. Còn SDR, mà báo chí phương Tây vẫn gọi là « vàng giấy », không đổi được ra vàng, mà cũng chưa được áp dụng rộng rãi trong thanh toán và dự trữ quốc tế, cho nên chưa phải là một đối thủ lợi hại đối với đô-la Mỹ. Các nước phương Tây ngược lại muốn đưa SDR lên nhằm mục đích duy nhất là để loại trừ dần đô-la Mỹ ra khỏi địa vị một đồng tiền chủ đạo của hệ thống tiền tệ thế giới tư bản chủ nghĩa.

Như vậy là trong cuộc tranh chấp giữa đô-la và vàng, nghiễm nhiên SDR được cả hai bên (Mỹ và Tây Âu) đưa lên địa vị làm phương tiện thanh toán và dự trữ quốc tế, làm thước đo giá trị cho tất cả các đồng tiền tư bản chủ nghĩa. Trên lý thuyết, một chế độ tiền tệ mới ra đời, đó là chế độ bản vị « vàng giấy » SDR.

Cuộc cải cách tiền tệ tư bản chủ nghĩa hiện nay đang đi theo hướng thỏa hiệp đó. Từ đó đến nay Quỹ tiền tệ quốc tế đã thi hành hàng loạt biện pháp như tuyên bố các nước hội viên không cần phải quy định nội dung vàng cho đồng tiền của họ nữa, hủy bỏ quy định phải đóng góp 25% cổ phần bằng vàng, mọi khoản giao dịch, thanh toán bằng vàng với Quỹ cũng đều chấm dứt. Số vàng các nước hội viên đã đóng góp vào Quỹ hiện nay có tới 150 triệu ông-xơ (một ông-xơ bằng 31,1 gam), Quỹ quyết định sẽ hoàn trả lại 1/6 (khoảng 25 triệu ông-xơ) cho các nước hội viên theo giá 42,22 đô-la một ông-xơ; đem bán đấu giá 1/6 khác theo giá thị trường. Từ tháng 6-1976 đến nay Quỹ tiền tệ quốc tế đã tiến hành 8 đợt bán đấu giá vàng và đầu năm nay đã tiến hành hoàn trả đợt đầu cho các nước hội viên.

Để chuẩn bị điều kiện đưa dần SDR lên địa vị chủ yếu trong hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa, từ tháng 6-1974 Quỹ tiền tệ quốc tế đã áp dụng một phương pháp tính toán mới để định ra giá trị cho SDR. Theo phương pháp tính toán này SDR không còn có nội dung vàng như trước đây nữa, giá trị SDR được xác định theo giá trị của một « cụm đồng tiền » bao gồm các đồng tiền của 16 nước chiếm tỷ lệ từ 1% trở lên toàn bộ xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ (bao gồm những khoản có quan hệ tới việc xuất khẩu hàng hóa) của thế giới tư bản chủ nghĩa trong thời gian từ 1968 đến 1972. Nội dung mới này của SDR được bắt đầu áp dụng kể từ 1-7-1971

Digitized by Google

và cũng từ đó, hằng ngày Quỹ tiền tệ quốc tế ấn định tỷ giá các đồng tiền của các nước hội viên qua SDR mới.

Một vấn đề quan trọng khác của cuộc cải cách tiền tệ tư bản chủ nghĩa hiện nay là *chế độ tỷ giá*. Cũng như về vấn đề vàng, về vấn đề chế độ tỷ giá có nhiều quan điểm chống đối nhau giữa Mỹ và các nước phương Tây. Như mọi người đã biết, một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ tiền tệ Brét-tơn Út, do Mỹ dựng lên sau chiến tranh thế giới thứ hai, là *chế độ tỷ giá cố định*. Suốt trong thời gian dài từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến 1971, chế độ tỷ giá cố định đã đưa đồng đô-la Mỹ lên địa vị một đồng tiền chúa tể, được coi như ngang với vàng, làm thước đo giá trị cho các đồng tiền khác. Thông qua chế độ tỷ giá cố định, đế quốc Mỹ đã buộc chặt sức mua các đồng tiền phương Tây vào dưới «ngai vàng» của đồng đô-la Mỹ: không một nước nào có quyền tự ý phá giá đồng tiền của mình để cạnh tranh xuất khẩu hàng hóa với Mỹ. Chế độ tỷ giá cố định còn đem lại cho Mỹ một đặc quyền mà không một nước hội viên nào của Quỹ tiền tệ quốc tế có được, đó là sự ổn định của đồng đô-la Mỹ trên các thị trường tiền tệ thế giới tư bản chủ nghĩa. Theo chế độ tỷ giá cố định, các nước hội viên phải can thiệp vào thị trường để giữ cho tỷ giá đồng tiền của mình so với đồng đô-la Mỹ không vượt quá giới hạn đã quy định (trên dưới 1% so với tỷ giá chính thức), do đó, chừng nào chế độ tỷ giá cố định còn có hiệu lực, chừng đó trên các thị trường tiền tệ, đồng đô-la Mỹ mặc nhiên không bị mất giá quá 1% so với đồng tiền các nước khác. Trong điều kiện đó, một điều không lấy gì làm ngạc nhiên là vì sao suốt hơn 1/4 thế kỷ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1971, đế quốc Mỹ đã tha hồ phát hành đô-la Mỹ ra nước ngoài để đầu tư, bành trướng thế lực kinh tế sang các nước khác, chi tiêu quân sự ở nước ngoài một cách bừa bãi, mặc cho nạn lạm phát trong nước tăng lên, tình trạng bội chi cán cân thanh toán với nước ngoài ngày một nghiêm trọng,... nhưng sức mua của đồng đô-la Mỹ so với các đồng tiền khác vẫn ổn định, không hề bị mất giá và phá giá. Rõ ràng là địa vị thống trị của đồng đô-la Mỹ đã được chế độ tỷ giá cố định củng cố vững chắc, chính vì vậy mà Mỹ chủ trương duy trì chế độ tỷ giá cố định trong thời gian đó.

Nhưng từ 1971 trở đi, thế lực kinh tế Mỹ và đồng đô-la Mỹ đã suy yếu rõ rệt, năng lực cạnh tranh của hàng hóa Mỹ trên thị trường thế giới ngày một giảm sút nghiêm trọng, quan điểm của Mỹ về vấn đề chế độ tỷ giá cũng thay đổi: Mỹ chủ trương *chế độ tỷ giá thả nổi*, nghĩa là để mặc cho sức mua của đồng tiền được tự do xác định tùy theo cung cầu trên thị trường. Hành động của Nich-xơn ngày 15-8-1971, tuyên bố đình chỉ việc đổi đô-la ra vàng, cắt đứt mối quan hệ giữa đô-la Mỹ với vàng, để mặc cho giá vàng trên thị trường tăng vọt lên so với đô-la Mỹ, về thực chất là một hành động thả nổi đồng đô-la Mỹ so với vàng (2). Tháng 5-1972 chủ tịch Ngân hàng dự trữ liên bang Mỹ, Bớc-

(2) Trước 15-8-1971 một đô-la Mỹ có nội dung vàng là 0,888671 gam vàng nguyên chất, hay nói cách khác là 35 đô-la Mỹ tương đương với một ông-xơ vàng (0,888671g × 35 = 31,1035 gam = 1 ông-xơ) vì vậy người ta thường gọi «giá vàng chính thức» của đồng đô-la Mỹ là 35 đô-la được 1 ông-xơ. Giá vàng trên thị trường tăng lên bao nhiêu, có nghĩa là giá trị của đô-la so với vàng giảm xuống bấy nhiêu. Ví dụ giá vàng tăng lên 70 đô-la/1 ông-xơ có nghĩa là nội dung vàng của đô-la trên thực tế đã giảm xuống 1/2 vì 1 đô-la Mỹ chỉ còn giá trị bằng 31,1035 : 70 = 0,444335 gam vàng nữa thôi. Vì vậy trước đây, khi giá vàng trên thị trường tăng lên quá 35 đô-la/1 ông-xơ, Mỹ phải tung dự trữ vàng ra thị trường bán để giữ cho giá vàng luôn luôn ở mức 35 đô-la/1 ông-xơ, nghĩa là giữ cho giá trị đô-la so với vàng khỏi bị giảm xuống.

Digitized by Google

xơ, và sau đó ít lâu cựu bộ trưởng tài chính Mỹ Sun-xơ, đưa ra đề án cải cách tiền tệ tư bản chủ nghĩa, cả hai đều cho rằng chế độ tỷ giá phải linh hoạt và được thay đổi luôn. Đến năm 1973, khi tất cả các đồng tiền phương Tây đều thả nổi đồng loạt, Oa-sinh-tơn hoàn toàn ủng hộ biện pháp thả nổi tiền tệ.

Trong khi đó, *các nước phương Tây, nhất là Pháp và Nhật, kiên quyết đòi phải phục hồi lại chế độ tỷ giá cố định.* Họ cho rằng trong tình hình khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng hiện nay, chế độ tỷ giá thả nổi càng làm cho hệ thống tiền tệ phương Tây thêm rối loạn và do đó càng làm cho khủng hoảng kinh tế thêm gay gắt. Họ thấy rõ rằng trên thực tế, những khoản chi tiêu đối ngoại khổng lồ của Mỹ để phục vụ cho chiến lược toàn cầu của Mỹ và chủ trương bành trướng kinh tế của tư bản lũng đoạn Mỹ, nhất định càng làm cho đồng đô-la Mỹ thường xuyên mất giá và do đó càng làm cho hàng xuất khẩu của Mỹ rẻ hơn, năng lực cạnh tranh của hàng hóa Mỹ sẽ mạnh hơn, và trong khi đó thì họ phải gánh chịu lấy những hậu quả hết sức nghiêm trọng về kinh tế cũng như về chính trị, xã hội trong nước họ.

Trước tình hình đó Quỹ tiền tệ quốc tế đã giải quyết vấn đề chế độ tỷ giá bằng những đề nghị chung chung mang nặng tính chất thỏa hiệp. Theo dự án sửa đổi và bổ sung điều lệ Quỹ tiền tệ quốc tế thì mỗi nước hội viên được quyền tự do hoặc thi hành chế độ tỷ giá thả nổi, hoặc ấn định giá trị cố định đồng tiền của mình bằng đơn vị SDR hay bằng một đơn vị tiền tệ của nước khác hoặc của một số nước khác, nhưng không được ấn định giá trị đồng tiền của mình bằng vàng. Dự án đó còn quy định thêm một điều kiện nữa là : khi « tình hình kinh tế thế giới cho phép », Quỹ tiền tệ quốc tế có thể khôi phục lại chế độ tỷ giá « ổn định nhưng có thể điều chỉnh được », với một đa số phiếu 85% chấp thuận

★

Sau nhiều năm tranh cãi nhau gay gắt, các nhà lý luận tiền tệ phương Tây mới đưa ra được một đề án cải cách chế độ tiền tệ thế giới như trên

Nội dung chủ yếu của cuộc cải cách tiền tệ lần này xoay quanh hai vấn đề : một là, *loại trừ vàng ra khỏi hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa* để đưa dần SDR lên thay vàng làm thước đo giá trị, phương tiện thanh toán và dự trữ quốc tế của hệ thống tiền tệ thế giới tư bản chủ nghĩa, hai là, *hợp pháp hóa chế độ tỷ giá thả nổi.*

Những biện pháp cải cách đó, về lý luận cũng như trên thực tiễn, có thể cứu vãn được hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa thoát khỏi tình trạng khủng hoảng triền miên và gay gắt hiện nay không ?

Trước hết, các nước tư bản chủ nghĩa có thể loại trừ vàng ra khỏi hệ thống tiền tệ thế giới tư bản chủ nghĩa được không ? Từ bỏ vàng, hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa sẽ đi đến đâu ? Thật ra ý đồ của chủ nghĩa tư bản muốn « phi tiền tệ hóa » vai trò vàng không phải chỉ mới có trong những năm gần đây, mà đã bắt đầu có từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời. Có thể nói rằng chủ nghĩa tư bản từ khi ra đời luôn luôn tìm mọi cách để vượt ra khỏi cái « trạm gác » của vàng : dùng lạm phát tiền giấy nhằm tạo điều kiện tái sản xuất mở rộng để nâng cao mức giá trị thặng dư cho các nhóm tư bản lũng đoạn, xóa bỏ chế độ bản vị vàng, rút vàng ra khỏi lưu thông tiền tệ trong nước, chủ trương không phải đổi tiền giấy ra tiền vàng nữa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự can thiệp của Nhà nước tư bản lũng đoạn vào nền kinh tế quốc dân. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay nhờ sự phát triển của cách mạng khoa học – kỹ

Digitized by Google

thuật, việc áp dụng máy tính điện tử trong các nghiệp vụ thanh toán của các ngân hàng ngày một rộng rãi, xu hướng « phi vật chất hóa » trong lưu thông thanh toán ngày một tăng lên, hình thái tiền tệ đã thay đổi từ tiền giấy sang hình thái « tiền điện tử » (3). Việc lưu thông thanh toán bằng tiền mặt ngày một giảm xuống, tỷ lệ thanh toán chuyển khoản, thông qua các tài khoản của ngân hàng ngày một tăng lên. (Hiện nay các khoản thanh toán qua tài khoản ngân hàng ở Mỹ đã chiếm trên 90%, ở Anh 80%, ở các nước châu Âu từ 60 đến 75% khối lượng lưu thông tiền tệ).

Trong khi đó vàng đã hoàn toàn bị rút ra khỏi lưu thông tiền tệ, nạn lạm phát trong các nước tư bản chủ nghĩa đã làm cho giá cả hàng hóa biểu hiện qua tiền giấy ngày một tăng vọt lên trong khi giá vàng chính thức do Nhà nước tư bản chủ nghĩa định ra lại quá thấp, tình hình đó đã gây một ấn tượng tưởng chừng như sự hình thành giá cả hàng hóa trong các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng tách rời khỏi cơ sở vàng, và vàng không còn làm chức năng thước đo giá trị nữa vì vàng đã mất hẳn mọi mối quan hệ với lưu thông hàng hóa trên thị trường tư bản chủ nghĩa.

Thật ra, luận điểm của Mác về chức năng của vàng làm thước đo giá trị trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện nay vẫn có sức sống mãnh liệt của nó. Mặc dù chủ nghĩa tư bản muốn « phi tiền tệ hóa » vai trò của vàng, « phi vật chất hóa » lưu thông tiền tệ bắt đầu từ việc phát hành tiền giấy, rút vàng khỏi lưu thông, sử dụng hình thức thanh toán qua các tài khoản ngân hàng, cho tới việc sử dụng « tiền điện tử » hiện nay, tất cả những việc đó đều chỉ là một quá trình thay đổi hình thái tiền tệ mà thôi. « Tiền giấy » hay « tiền điện tử » cũng vẫn nằm trong khái niệm « ký hiệu giá trị » mà Mác đã vạch ra. Bản thân chúng không có giá trị cho nên chúng không thể làm chức năng thước đo giá trị cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ; chúng được đưa vào lưu thông tiền tệ chỉ với tư cách là ký hiệu của một cái gì đó đứng đằng sau chúng, có nguyên giá trị — đó là vàng. Mác đã viết : « Ký hiệu giá trị — như giấy chẳng hạn — làm chức năng tiền tệ, là ký hiệu của số lượng vàng được biểu hiện bằng cái tên tiền tệ của nó, do đó là *ký hiệu của vàng* » (4).

Tuy chủ nghĩa tư bản đã rút vàng ra khỏi lưu thông, nhưng vàng vẫn tiếp tục làm chức năng thước đo giá trị, còn các loại tiền giấy, tiền « điện tử », vì bản thân chúng không có giá trị cho nên không thể làm chức năng thước đo giá trị, nhưng vẫn có thể làm phương tiện lưu thông. Do đó, dù có đưa ra những hình thái tiền tệ của giá trị khác nhau để thay thế vàng trong lưu thông, Nhà nước tư bản lũng đoạn vẫn không mảy may làm giảm được uy tín của vàng, không thể phủ nhận được vai trò của vàng trong hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa. « Không thể thủ tiêu được những phức tạp và mâu thuẫn phát sinh từ sự tồn tại của tiền tệ bằng cách thay đổi hình thái tiền tệ... cũng đúng là như vậy không thể thủ tiêu được bản thân tiền tệ chừng nào giá trị trao đổi vẫn còn là hình thái xã hội của các sản phẩm » (5).

Thực tế trong những năm gần đây cũng chứng tỏ rằng nền sản xuất hàng hóa của chủ nghĩa tư bản hiện nay chưa thể loại trừ được chức năng tiền tệ của vàng, coi vàng như « một di sản

---

(3) Trong nhiều nước phương Tây hiện nay đang lưu hành « thẻ tín dụng » một cách rộng rãi. Chỉ cần cho « thẻ tín dụng » vào máy tính điện tử, người cầm thẻ đã thanh toán mọi khoản hàng hóa, dịch vụ mà không cần dùng đến tiền giấy. Như vậy điện tử đã bắt đầu làm chức năng tiền tệ.

(4) Mác — « Góp phần phê phán chính trị kinh tế học », nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1971, trang 151.

(5) Mác — Ăng-ghen, tuyển tập, bản tiếng Nga, nhà xuất bản chính trị, văn hóa quốc gia — Mát-xcơ-va, 1962, tập 46, phần I, trang 87.

Digitized by Google

inan rợ», một thứ hàng hóa bình thường như đế quốc Mỹ mong muốn.

Trên thực tế vàng vẫn làm chức năng tiền tệ thế giới và làm phương tiện dự trữ của các Nhà nước cũng như của tư nhân: bất cứ lúc nào và ở đâu trong các nước tư bản chủ nghĩa, người ta vẫn có thể đem vàng đổi lấy bất cứ ngoại tệ nào mà người ta cần đến, hoặc để đổi lấy bất cứ loại hàng hóa nào cần thiết. Trong những năm gần đây, cuộc khủng hoảng tiền tệ và nạn lạm phát trong các nước tư bản chủ nghĩa trở nên nghiêm trọng, người ta ồ ạt tung các loại tiền giấy mất giá ra các thị trường để săn vàng. Giá vàng trên thị trường, biểu hiện bằng tiền giấy, từ 1968 đến cuối tháng 12-1974 đã tăng lên gần 5 lần (từ 41 đô-la một ông-xơ cuối năm 1968 lên đến 197,5 đô-la một ông-xơ cuối năm 1974).

Trên lý thuyết các Nhà nước tư bản lũng đoạn phương Tây đòi «phi tiền tệ hóa» vai trò của vàng, nhưng trong thực tế việc làm của họ vẫn cho thấy rằng họ vẫn sùng bái vàng, bo bo giữ lấy vàng trong dự trữ của họ. Chưa một ngân hàng trung ương của một nước phương Tây nào chịu bán vàng ra thị trường. Các đợt bán vàng vừa qua của Quỹ tiền tệ quốc tế nhằm mục đích làm giảm uy tín của vàng, nhưng kết quả ngược lại là vàng vẫn giữ nguyên sức hấp dẫn: khối lượng vàng các nước tư bản chủ nghĩa đặt mua trong các đợt Quỹ tiền tệ quốc tế bán vàng vẫn ở mức rất cao; trong khi mỗi đợt Quỹ chỉ bán ra 780.000 ông-xơ, nhưng tổng số vàng xin mua mỗi đợt lên tới 2 triệu ông-xơ, có lúc tới trên 4 triệu ông-xơ (đợt bán vàng ngày 27-10-1976). Các ngân hàng trung ương phương Tây, thông qua ngân hàng thanh toán quốc tế, đều tham gia vào việc mua vàng của Quỹ.

Mặc dù các nhà lý luận tư sản tìm cách phế truất vàng, vàng vẫn nghiễm nhiên giữ vững địa vị của nó trong hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa. Sự sùng bái vàng chính là đặc điểm của cái xã hội vốn được xây dựng trên cơ sở sức mạnh của kim tiền. Từ thế kỷ thứ 16 đến nay thế giới tư bản chủ nghĩa chỉ sản xuất được 80.000 tấn vàng, thế nhưng hơn một nửa số vàng đó đã được tích trữ, giấu kín trong các tầng hầm của các ngân hàng tư nhân và trong két của các nhà kim hoàn.

Báo chí phương Tây đều công khai thú nhận rằng trong tình hình kinh tế tiền tệ tư bản chủ nghĩa thiếu ổn định, cuộc khủng hoảng năng lượng và nguyên liệu ngày một gay gắt, tiền giấy trong các nước tư bản chủ nghĩa ngày một mất giá do lạm phát nghiêm trọng, vai trò vàng không những không hề bị giảm sút mà vàng còn trở thành nơi «ẩn náu an toàn» nhất trong các cơn bão táp chính trị, kinh tế và tiền tệ tư bản chủ nghĩa hiện nay. Báo Mỹ «Tuần lễ kinh doanh» thú nhận: «Bóng ma vàng, như hình ảnh người bố của Hăm-lét, cứ ám ảnh mãi trên đỉnh lũy của tài chính quốc tế. Hệ thống thanh toán quốc tế đã tách rời khỏi vàng, nhưng bóng ma ấy vẫn còn luôn luôn ám ảnh tâm trí của các nhà đàm phán tiền tệ».

Tuy vậy quá trình «phi tiền tệ hóa» chức năng của vàng trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp diễn, quá trình ngày càng tách rời khỏi cơ sở vàng của hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa vẫn tiếp diễn: từ chế độ bản vị vàng đến chế độ bản vị vàng — đô la sau chiến tranh thế giới thứ hai, rồi đến chế độ bản vị đô-la và chế độ bản vị SDR hiện nay, chế độ tiền tệ tư bản chủ nghĩa rõ ràng ngày một xa dần cơ sở vàng của nó. Nhưng lịch sử phát triển của hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa đã cho thấy rất rõ là quá trình tách rời khỏi vàng cũng chính là quá trình hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa ngày một mất giá, hỗn loạn và cuối cùng là

Digitized by Google

khủng hoảng triền miên không phương cứu chữa.

Còn chế độ tỷ giá thả nổi hiện nay liệu có cứu vãn nổi nguy cơ sụp đổ của hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa được không? Về vấn đề này, đề án cải cách của Quỹ tiền tệ tỏ ra bất lực và lúng túng khi đưa ra một công thức hết sức chung chung, lại mang tính chất thỏa hiệp và theo «ý muốn» của Mỹ, nhằm hợp pháp hóa chế độ tỷ giá thả nổi.

Về lý luận mà nói, một khi chế độ tiền tệ tư bản chủ nghĩa đã cắt đứt quan hệ với vàng rồi, giá trị của các đồng tiền tư bản chủ nghĩa không còn biểu hiện qua vàng nữa, mà được biểu hiện qua SDR, một loại «vàng giấy» như báo chí tư bản thường gọi, một đơn vị ghi sổ hoàn toàn không có vàng bảo đảm, thì chế độ tỷ giá của hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa, tức là phương pháp so sánh giá trị giữa các đồng tiền với nhau, về thực chất mà nói, đã là thả nổi, nghĩa là để mặc cho cung cầu của thị trường xác định lấy giá trị của các đồng tiền.

Nhưng tình hình tiền tệ tư bản chủ nghĩa trong những năm thả nổi đồng loạt vừa qua, từ 1973 lại đây, lại cho thấy rằng vấn đề tỷ giá thả nổi trên thực tế không đơn giản như vậy.

Trong bối cảnh hỗn loạn của tình hình kinh tế tiền tệ tư bản chủ nghĩa hiện nay, chế độ tỷ giá thả nổi mà Quỹ tiền tệ quốc tế thực tế đã hợp pháp hóa qua đề án cải cách tiền tệ của mình, đã dẫn tới những hậu quả hết sức nghiêm trọng làm gay gắt thêm những mâu thuẫn vốn đã hết sức căng thẳng trong các quan hệ kinh tế, thương mại, tiền tệ và chính trị giữa các tập đoàn tư bản lũng đoạn phương Tây với nhau nói chung và giữa các tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ với các tập đoàn tư bản lũng đoạn khác nói riêng. Trước đây, khi đế quốc Mỹ đang áp đặt một chế độ tỷ giá cố định nhằm củng cố địa vị bá chủ của đồng đô la Mỹ, báo chí tư bản chủ nghĩa phương Tây đã không ngớt lời lên án chế độ tỷ giá cố định đó là «man rợ», «thô bạo», «bất bình đẳng»... thì ngày nay, cũng các báo đó, lại đang lên án chế độ tỷ giá thả nổi hiện nay là «phá giá trá hình», «cạnh tranh một cách phi pháp», «chống lại sự phát triển kinh tế». Chế độ tỷ giá thả nổi hiện nay về thực chất là như thế nào?

Trước hết, thực tế tình hình tiền tệ tư bản chủ nghĩa từ năm 1973 lại đây cho thấy là nhiều nước phương Tây, đứng đầu là Mỹ, đã lợi dụng việc thả nổi đồng tiền của mình làm một biện pháp phá giá trá hình để cạnh tranh xuất khẩu. Mỹ đã dùng chế độ tỷ giá thả nổi làm một thứ vũ khí lợi hại để chống lại các nền kinh tế của các nước phương Tây có nhiều năng lực cạnh tranh xuất khẩu với Mỹ. Những con số sau đây chứng minh điều đó: từ cuối năm 1970 cho đến cuối năm 1975 đồng mác Tây Đức đã lên giá 53% so với đô-la Mỹ, yên Nhật lên giá 21,9% phơ-răng, Pháp lên giá 10,7%, chỉ riêng trong một năm từ cuối 1975 đến cuối năm 1976, đồng mác Tây Đức đã lên giá 10%, yên Nhật lên giá 4% so với đô-la Mỹ. Như vậy có nghĩa là trong 5 năm qua, đồng đô-la Mỹ chỉ chính thức bị phá giá 2 lần (như đã phân tích ở phần trên) 17,8%, nhưng trên thực tế, chế độ tỷ giá thả nổi đã làm cho đồng đô-la Mỹ phá giá tới 53% so với mác Tây Đức, 21,9% so với yên Nhật, và trong năm 1976 đồng đô-la tuy không chính thức phá giá lần nào, nhưng trên thực tế đã phá giá 10% so với đồng mác, 4% so với đồng yên, và như vậy cũng có nghĩa là giá hàng xuất khẩu của Mỹ sang Tây Đức hiện nay so với cuối năm 70 đã rẻ đi 53% (hơn một nửa!), sang Nhật rẻ đi gần 22%. Tạp chí Pháp «Ngân hàng» tháng 3-1976 đã nhận xét: «Sau một thời gian dài khăng khăng không chịu

Digitized by Google

hạ bệ đồng tiền của mình vì họ thấy đó là tượng trưng sức mạnh của họ, ngày nay người Mỹ đã tìm thấy những lợi thế của việc thường xuyên phá giá mà chế độ tỷ giá thả nổi đã đem lại cho họ... Thần tượng đô-la sau khi bị hạ xuống lại càng đáng sợ hơn là lúc còn đứng vững trên bệ đá của nó.»

Các nhà kinh tế tư bản chủ nghĩa trong mấy năm trước đây vẫn cho rằng với chế độ tỷ giá thả nổi có thể thiết lập được một chế độ tiền tệ ổn định lâu dài vì nó có mấy ưu điểm chủ yếu: một là, giảm bớt được nhu cầu dự trữ ngoại hối để chống nạn đầu cơ; hai là, giúp cho các nước nới tay hơn trong việc thi hành các chính sách kinh tế và tiền tệ trong nước; ba là, giúp cho thị trường tiền tệ tư bản chủ nghĩa có thể «tự điều chỉnh» tình trạng mất cân đối trong cán cân thanh toán của các nước, điều mà chế độ Brét-tơn Út tỏ ra bất lực không làm được.

Thực tế tình hình tiền tệ tư bản chủ nghĩa trong mấy năm qua rõ ràng là trái ngược với những lập luận có tính chất lý thuyết đó. Nhu cầu dự trữ ngoại hối của các nước không hề giảm đi chút nào, trái lại rất căng thẳng. Theo Xcốt Pác-đi, Phó chủ tịch ngân hàng dự trữ liên bang Niu Oóc, chỉ từ 1-8-1976 đến 31-10-1976 các ngân hàng trung ương phương Tây đã phải sử dụng tới 16 tỷ đô-la can thiệp vào thị trường ngoại hối để ổn định tiền tệ, nhưng nếu tính từ tháng 3-1973, lúc mà các đồng tiền phương Tây bắt đầu thả nổi hàng loạt, cho tới tháng 10-1976 các ngân hàng trung ương đã phải sử dụng tới 150 tỷ đô la để can thiệp vào thị trường chống nạn đầu cơ tiền tệ.

Chế độ tỷ giá thả nổi cũng không giúp gì cho các nước nới tay thi hành các chính sách kinh tế tiền tệ trong nước, trái lại càng làm cho quan hệ kinh tế tiền tệ giữa các nước tư bản chủ nghĩa càng thêm mâu thuẫn gay gắt.

Trong khi đối với Mỹ, nhập khẩu chỉ chiếm 7% tổng sản phẩm quốc dân, đồng đô-la mất giá chỉ có lợi cho xuất khẩu hàng hóa của Mỹ mà không gây thêm sức ép lạm phát ở trong nước; do sức mua trong nước của đồng đô-la tương đối hấp dẫn hơn so với các đồng tiền khác cho nên đồng đô-la có nhiều sức hút hơn, nguồn vốn ngắn hạn chạy nhiều vào các tài khoản tiền gửi ở Mỹ, cán cân thanh toán của Mỹ được cải thiện hơn. Ngược lại, đối với các nước châu Âu, nhập khẩu chiếm tới 20 hay 30% tổng sản phẩm quốc dân, thì khi đồng tiền của họ bị mất giá sẽ dẫn tới hậu quả là sức ép lạm phát ở trong nước đó tăng lên đữ dội hơn, sức mua trong nước của các đồng tiền đó giảm sút nhanh chóng theo tốc độ lạm phát, và do đó lại càng làm cho các đồng tiền đó mất giá đối ngoại mạnh hơn, với phản ứng dây chuyền mất giá — lạm phát — bội chi trong cán cân thanh toán, rồi lại mất giá — lạm phát — bội chi, v.v... nền kinh tế các nước này gặp những khó khăn rất lớn. Đó là trường hợp của Ý, Anh trong những năm vừa qua, và gần đây là trường hợp của Pháp.

Cũng với ý nghĩa đó, báo Pháp Phi-ga-rô ngày 30-4-1977 đã nhận xét: «Chế độ tiền tệ thả nổi hiện nay đúng là đã hoàn chỉnh một cơ chế nhằm phong tỏa sự phát triển kinh tế, cơ chế đó đã được dựng lên dần dần trong những năm 70 này.»

★

Rõ ràng là trong bối cảnh rối ren toàn diện hiện nay của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, những biện pháp cải cách tiền tệ tư bản chủ nghĩa mà Quỹ tiền tệ quốc tế đã thông qua trong hội nghị Kinh-xtơn (Gia-mai-ca)

Digitized by Google

tháng 1-1976 và hiện nay đang được xúc tiến, về thực chất chỉ là những biện pháp vá víu tạm thời, không những không thể cứu vãn được hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa thoát khỏi khủng hoảng triền miên, mà còn làm phát sinh thêm những khó khăn, mâu thuẫn mới gay gắt hơn trong các mối quan hệ kinh tế, thương mại, tiền tệ và thanh toán quốc tế giữa các nước tư bản chủ nghĩa, và từ đó càng thúc đẩy nhanh hơn cả thế giới tư bản chủ nghĩa lún sâu vào một thời kỳ tổng khủng hoảng toàn diện và không phương cứu chữa.

Sản xuất và bảo vệ sản xuất...

(Tiếp theo trang 62)

Trong mạng lưới bảo vệ cây và thú y tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực tiếp chiến đấu ở các xí nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp, các cơ sở sản xuất cần được đặc biệt coi trọng. Hoạt động của các đơn vị này bảo đảm cho công tác bảo vệ sản xuất được thực hiện kịp thời và rộng khắp trên toàn bộ mặt trận sản xuất nông nghiệp. Các trạm bảo vệ thực vật và thú y huyện là nơi tổ chức và quản lý mọi hoạt động của các đơn vị chiến đấu ở các cơ sở sản xuất, bồi dưỡng huấn luyện cán bộ cho cơ sở, thực hiện công tác dự tính, dự báo và kiểm dịch các giống cây, gia súc trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, trong việc xây dựng và củng cố cấp huyện, cần chú ý xây dựng và nâng cao chất lượng của trạm này.

Với mức độ mất mát hằng năm hiện nay trên 30% tổng sản lượng nông nghiệp, nếu làm tốt công tác bảo vệ sản xuất, chúng ta có thể làm tăng tổng sản lượng nông nghiệp lên 15 - 20%. Đây là một trong những tiềm năng cần được khai thác tốt để thực hiện các chỉ tiêu về nông nghiệp đã được đề ra trong các nghị quyết của Đảng. Đó là chưa nói đến sự cần thiết phải bảo vệ và giữ gìn những thành quả lao động của chúng ta trong nông nghiệp đang thường xuyên bị đe dọa hủy hoại bởi bao nhiêu kẻ thù trong thiên nhiên cùng với những điều kiện không thuận lợi khác.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ. Задачи защиты социалистического отечества на новом этапе

ФАМ ХУНГ. Развитие производства, увеличение экспорта во имя социалистической индустриализации.

ВО НГУЕН ЗИАП. Экономика прибрежных районов и океанография

ВАН ТИЕН ЗУНГ. Решимость наших народных вооруженных сил успешно выполнить все их задачи на новом этапе

ИССЛЕДОВАНИЕ. ★ ДЫОНГ ХОНГ ЗАТ — Производство и охрана производства в сельском хозяйстве

НГУЕН ВАН ХАМ. Исторический скачок монгольского народа

ФАН КУАНГ ТУЭ. Противоречия и безвыходное положение капитализма при проведении реформы валютной системы Запада

目　录

社　論：新阶段中保卫社会主义祖国的任务

范　雄：为社会主义工业化事业而发展生产、猛促出口

武元甲：关于沿海经济和海洋科学问题

文进勇：我国人民武装力量坚决胜利地完成自己在新阶段中的一切任务

研　究☆唐红逸：农业中的生产和保卫生产

阮文函：蒙古人民的历史性跃进

潘光赐：资本主义在西方货币系统改革中的矛盾和闭塞

Digitized by Google

SOMMAIRE

Éditorial – La défense de la patrie socialiste dans la nouvelle étape

PHẠM-HÙNG – Développer la production, intensifier l'exportation pour l'industrialisation socialiste du pays

VÕ-NGUYÊN-GIÁP – De l'économie des zones maritimes et des sciences de la mer

VĂN-TIẾN-DŨNG – Nos forces armées populaires sont résolues à mener à bien toutes leurs tâches dans la nouvelle étape

Études ★ *ĐƯỜNG-HỒNG-DẬT* – La production agricole et sa protection

NGUYỄN-VĂN-HÀM – Le bond historique du peuple de Mongolie

PHAN-QUANG-TUỆ – La réforme des systèmes monétaires occidentaux : contradictions et impasses du capitalisme

CONTENTS

Editorial – The task of defending the socialist fatherland in the new stage

PHẠM-HÙNG – To develop production and give a big boost to exports for sake of socialist industrialization

VÕ-NGUYÊN-GIÁP – Maritime economics and maritime science

VĂN-TIẾN-DŨNG – The people's armed forces are determined to fulfil all tasks in the new stage

Studies ★ *ĐƯỜNG-HỒNG-DẬT* – Production and the safeguarding of production in agriculture

NGUYỄN-VĂN-HÀM – The historic leap forward of the Mongolian people

PHAN-QUANG-TUỆ – The contradictions and impasses of capitalism in the reform of the Western monetary system

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 12
1977
NĂM THỨ XXIII (264)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

MỤC LỤC

Xã luận — Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới 1

PHẠM-HÙNG — Phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu vì sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa 13

VÕ-NGUYÊN-GIÁP — Về vấn đề kinh tế miền biển và khoa học về biển 22

VĂN-TIẾN-DŨNG — Lực lượng vũ trang nhân dân ta kiên quyết thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới 46

Nghiên cứu ★ *ĐƯỜNG-HỒNG-DẬT* — Sản xuất và bảo vệ sản xuất trong nông nghiệp 56

NGUYỄN-VĂN-HÀM — Bước nhảy vọt lịch sử của nhân dân Mông-cổ 63

PHAN-QUANG-TUỆ — Những mâu thuẫn và bế tắc của chủ nghĩa tư bản trong việc cải cách hệ thống tiền tệ phương Tây 68

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá: 0đ

Digitized by Google